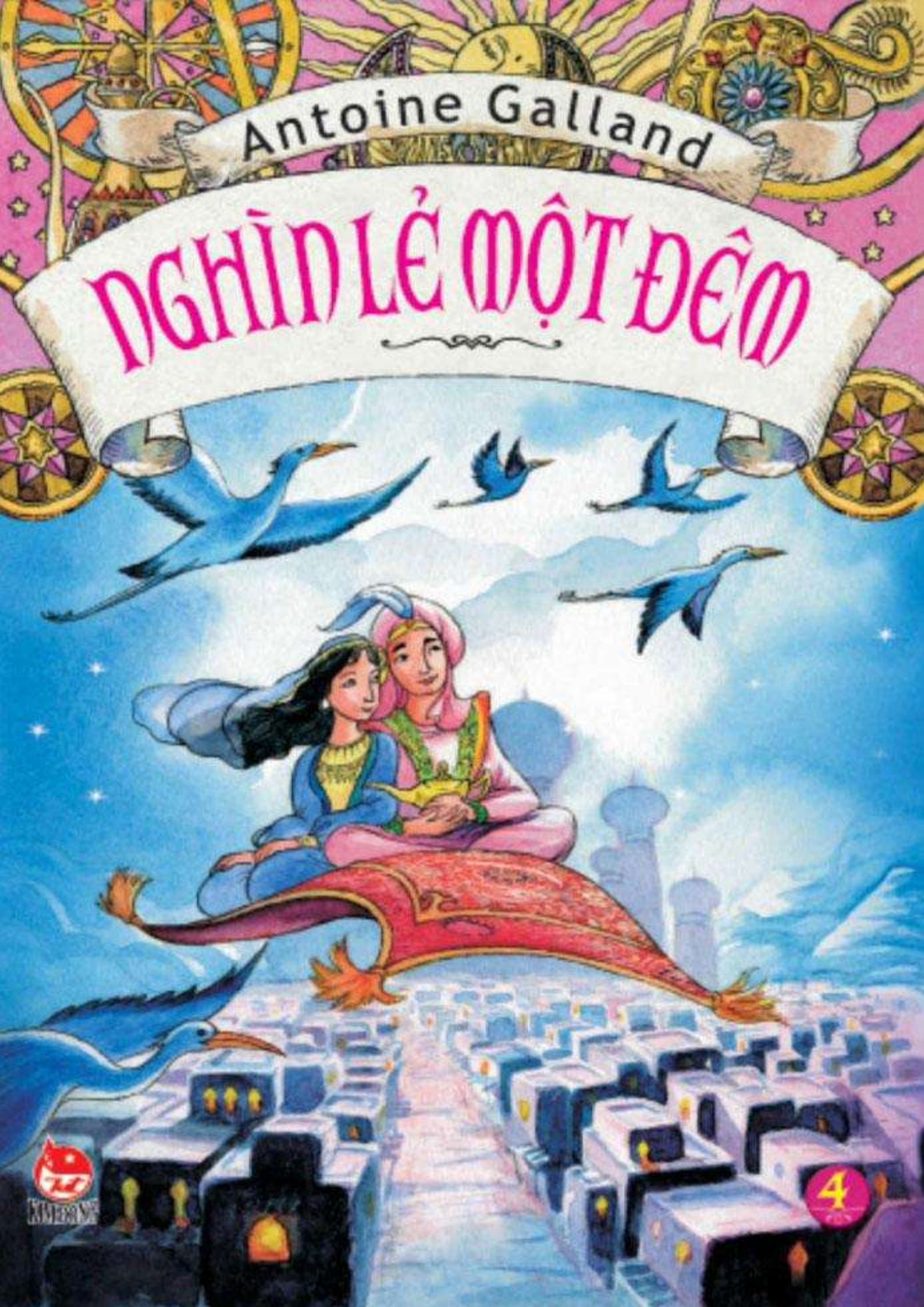


Antoine Galland

NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM

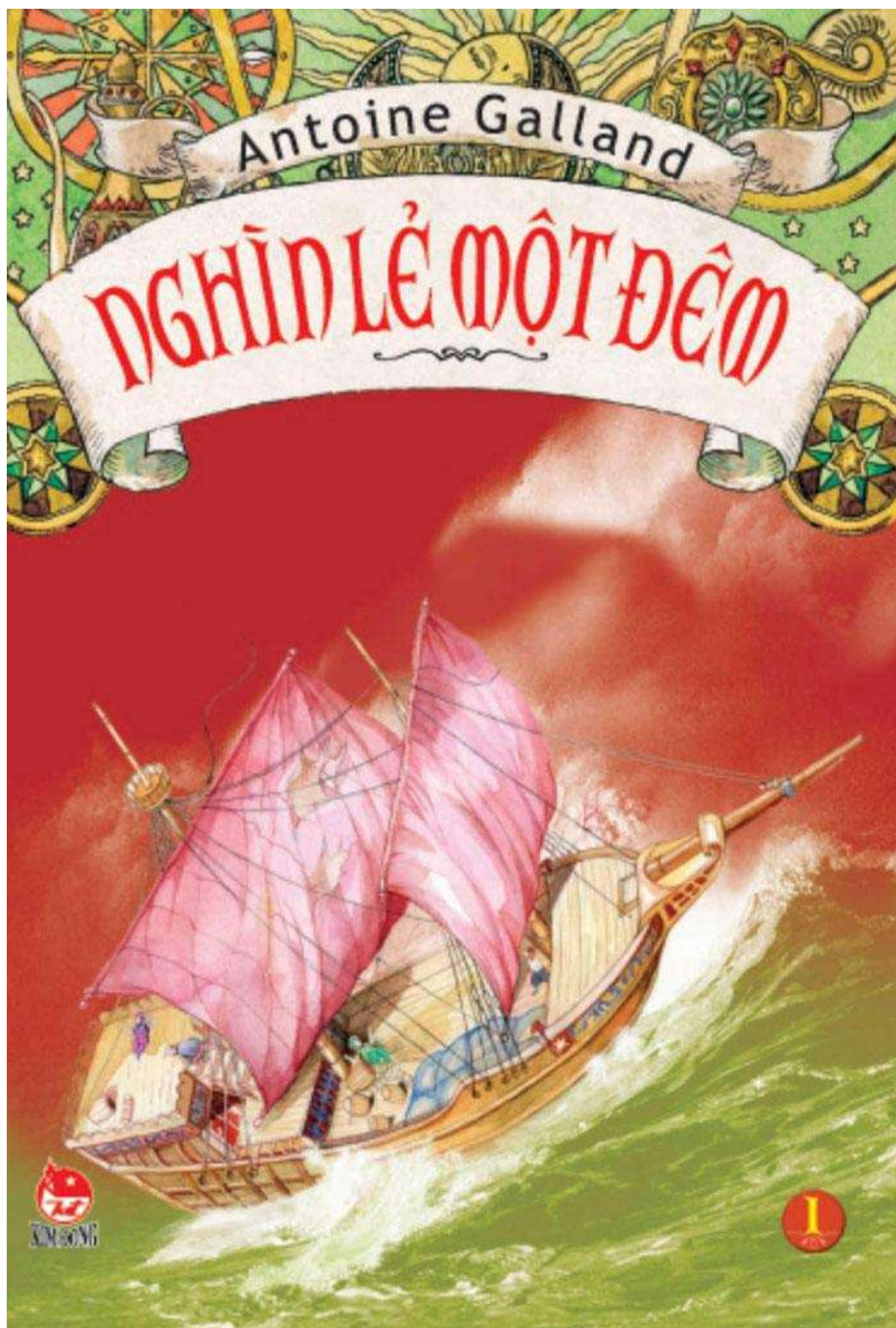


NGHÌN LỄ MỘT ĐÊM

Phan Quang *dịch và giới thiệu*

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

Tập I



ANTOINE GALLAND



NGHĨN LỄ MỘT ĐÊM



PHAN QUANG dịch và giới thiệu

1

(In lần thứ 30)

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

LỜI GIỚI THIỆU

I

Nghìn lẻ một đêm, tác phẩm vĩ đại bậc nhất của nền văn học Ả Rập, là một trong những công trình sáng tạo phong phú và hoàn mỹ của nền văn học thế giới.

Để tựa bản dịch tiếng Nga xuất bản năm 1929 ở Sankt Peterburg, Macxim Gorki viết: “Trong số các di tích tuyệt diệu của sáng tác truyền khẩu dân gian, các truyện cổ tích của nàng Sêhêrazát là di tích đồ sộ nhất.

Những truyện cổ tích này thể hiện với mức hoàn hảo kỳ diệu, xu hướng của nhân dân lao động muốn buông mình theo phép nhiệm màu của những ảo giác êm đẹp, theo sự kết hợp phóng khoáng của từ ngữ thể hiện sức mạnh vũ bão của trí tưởng tượng hoa mỹ của các dân tộc phương Đông – người Ả Rập, người Ba Tư, người Ấn Độ. Công trình dệt gấm bằng từ ngữ này xuất hiện từ thời tối cổ, những sợi tơ muôn màu của nó lan khắp bốn phương, phủ lên trái đất một tấm thảm từ ngữ đẹp lạ lùng.”^[1]

Truyện mở đầu tất cả các truyện, giải thích lý do ra đời của tất cả các truyện, cái khâu đầu tiên của sợi dây chuyền vàng xuyên qua mọi tình tiết, liên kết chúng lại thành một chuỗi ngọc tuyệt tác muôn vẻ muôn màu rồi vòng trở lại để làm thành đoạn kết thúc, là chuyện của một người con gái. Một người con gái tài sắc vẹn toàn, thông minh rất mực, đã không quản hiểm nguy dám hi sinh tám thân ngà ngọc của mình để cứu các bạn gái khỏi cảnh ô nhục và cái chết bi thương.

Ngày xưa có hai anh em cùng làm vua. Anh làm hoàng đế nước Đại Ba Tư choán một phần lớn trái đất. Em là vua nước Đại Táctari, chư hầu của anh. Một hôm, được lệnh của anh triệu về, em vội vã lên đường. Xa giá vừa ra khỏi kinh thành, đã nghỉ lại; nhà vua nhớ hoàng hậu, một mình lên trở lại cấm cung định tự tình với người vợ quý yêu một lần nữa. Nhưng hỡi ôi! Nhà vua không được gặp hoàng hậu như ở trong cảnh nhớ nhung thao thức mà lại thấy hoàng hậu đang ngủ say trong vòng tay một người đàn ông khác ngay trên giường ngự của mình. Nổi giận, nhà vua chém chết đôi gian phu dâm phụ, ném xác xuống hào rồi lặng lẽ trở lại hành cung và ra lệnh khởi hành. Vua tuyệt nhiên không hé răng cho bất cứ ai biết nỗi khổ riêng đang giày xé lòng mình.

Song cũng từ buổi tối bất hạnh ấy, một nỗi buồn ghê gớm xâm chiếm nhà vua và thường xuyên lộ ra nét mặt. Cảnh hoàng đế thân hành ra đón từ ngoài kinh thành, cảnh hội hè yến tiệc, nghi lễ linh đình cũng như sự săn sóc chân tình của vua anh đều không thể làm tiêu tan nỗi u uẩn.

Nhà vua tự cho mình là người đau khổ nhất trần gian. Nhưng một hôm tình cờ nhà vua bắt gặp hoàng hậu, chị dâu của mình, ngoại tình với một tên da đen trong khi hoàng đế mãi đi săn. Vua em thấy nhẹ hẫng người: “À, ra không phải chỉ có ta là người đau khổ duy nhất. Vinh hiển, phú quý, quyền uy chấn động thiên hạ đến như hoàng đế anh ta mà vẫn bị vợ lừa dối. Vậy thì việc gì ta phải tự giày vò cho khổ thân!”

Đến lượt vua anh, khi được tự mình chứng kiến hành động dâm ô của hoàng hậu, ông cũng vô cùng chán ngán. Hai anh em cùng một lúc từ bỏ ngai vàng, từ bỏ mọi phú quý vinh hoa trên trần thế. Hai anh em ra đi định tìm chốn ẩn thân đến trọn đời ở một nơi chân trời góc bể nào đó cho khuây khỏa nỗi buồn, cho nguôi đi vết nhục. Nhưng tình cờ – vẫn là sự tình cờ – hai vua bắt gặp một thần linh từ dưới đáy biển nổi lên, ghé vào bờ. Trên đầu thần đội một chiếc hòm thủy tinh khóa bằng bốn chiếc khóa. Để phòng ngừa vợ có thể không chung thủy, thần đã nhốt ả vào trong đó và giấu tận đáy đại dương, chỉ mở cho ra những khi nào mình cần yêu đương tình tự. Ấy thế mà người đàn bà đẹp này đã từng ngoại tình với những chín mươi tám người đàn ông khác. Mỗi người sau phút ái ân, phải để lại cho ả một chiếc nhẫn làm kỷ niệm. Và mĩa mai làm sao! Hai nhà vua, hai ông chồng đang buồn rầu ngao ngán về thế sự này lại chính là những kẻ bị ả ép buộc làm những tình nhân bất đắc dĩ thứ chín mươi chín và thứ một trăm.

Vậy ra đàn bà ở đâu cũng vậy và ai cũng như ai thôi. Không thể có cách nào đủ hiệu lực ngăn ngừa, để cho họ giữ vẹn lòng chung thủy với chồng. Chỉ còn một cách – hoàng đế nước Đại Ba Tư rút ra kết luận – là giết ngay người con gái vừa chung chăn gối, không để cho sống đến ngày hôm sau. Đó chính là cách trả thù đời, trả thù đám đàn bà, trả thù vợ của những ông chồng bị cầm sừng mà trong tay có quyền lực tối cao.

Từ buổi đó, một luật lệ mới được ban hành ở nước Đại Ba Tư. Một luật lệ vô cùng dã man, hết sức khắc nghiệt. Vua truyền cho tể tướng cứ mỗi đêm bắt vào cung một cô gái trinh để hầu hạ mình, rồi rạng sáng hôm sau, khi đêm vừa hết, thì ra lệnh giết chết cô gái ấy.

Thế là cứ mỗi đêm một cô gái trinh đi lấy chồng và sáng ra một người đàn bà thiệt mạng.

Cảnh tang tóc bao phủ khắp kinh thành. Cung đình tràn ngập máu. Nỗi đau đớn xé lòng mọi người mẹ, người cha, người yêu, người chồng chưa cưới. Giữa lúc ấy xuất hiện cứu tinh, nàng Sêhêrazát, con gái yêu của chính tể tướng, người chịu trách nhiệm thi hành lệnh tàn bạo của vua.

Sêhêrazát khẩn khoản xin cha dẫn mình vào cung hiến cho hoàng đế.

- Con điên hay sao? – Tể tướng kinh hoàng.

- Không, thưa cha, con hiểu rõ nỗi hiểm nghèo mà con sẽ phải trải qua. Nhưng nó không làm cho con kinh sợ. Nếu con có bỏ mình, cái chết sẽ quang vinh, nếu con thành công, con sẽ giúp cho đất nước một việc hệ trọng.

Sêhêrazát vào hầu hoàng đế, chỉ xin mỗi một đặc ân: cho phép em gái nhỏ của nàng được ngủ với chị “một đêm cuối cùng”. Vua đồng ý. Tảng sáng hôm sau, một giờ trước khi mặt trời mọc, cô em gái nhỏ được dẫn trước, liền gọi chị và khẩn khoản xin kể cho nghe “một trong những câu chuyện hay hay mà chị rất thành thạo”.

Tên vua độc ác, lúc xác thịt đã thỏa thuê, cũng muốn nghe một câu chuyện hay hay chờ trời sáng, để ra lệnh thi hành luật lệ dã man của hắn.

Nàng Sêhêrazát bắt đầu kể...

Trời sáng rồi mà chuyện hay còn dang dở. Nhà vua nửa cần đi thiết triều, nửa muốn nghe nốt, liền cho hoãn lệnh xử tử người con gái đến ngày hôm sau.

Một đêm nữa, rồi lại một đêm nữa... chuyện vẫn dở dang vào đoạn hay nhất, vừa lúc trời sáng và án tử hình lại phải hoãn.

Cứ thế một nghìn lẻ một đêm trôi qua.

Cứ thế, truyện này nối tiếp truyện kia, truyện sau lồng vào truyện trước. Truyện này chưa hết truyện khác đã bắt đầu dường như vô tận. Trước mắt chúng ta, hiện lên không biết bao nhiêu là nhân vật: từ hoàng đế, tể tướng, hoàng tử, vương tôn, nhà hiền triết, bậc tu hành, quan coi ngục, viên hoạn nô cho đến tên cướp biển, lão chủ nô, mù môi, đứa du thủ du thực, lão lái buôn, bác phó cạo, anh thợ may, người vác thuê, nhà hàng thịt, cô hầu gái, chú tiểu phu... Và phúc thần và phù thủy và ma quỷ và tiên nương... Khi là cảnh cung đình rực rỡ đèn hoa, long lẫy ngọc ngà châu báu, khi là cảnh dạt dào cướp miếng ăn của ma mà sống. Lúc chuyện xảy ra trong thế giới thần tiên, lúc ở nơi đầu đường xó chợ. Về tôn giáo, có những người theo đạo Hồi, có những người theo đạo Thiên Chúa, đạo Do Thái, lại có những người thờ thần Lửa... Về không gian, các chuyện xảy ra ở những nơi ngày nay được ghi trên bản đồ là Ấn Độ và Sori Lanca, Liên Xô và Trung Quốc, Giócđani và Iran và trước hết là Tây Á và Bắc Phi với Ai Cập, Irắc, Xyri. Tóm lại, khung cảnh rất rộng lớn, chủ đề thật đa dạng, tình tiết hết sức bất ngờ, ngôn ngữ vô cùng phong phú, nhân vật rất thực và cũng rất hư. Quả khó có cách nào diễn tả cho gầy gò nếu ta không trở lại mượn hình tượng Gorki đã dùng: ***“Những sợi tơ muôn màu của nó lan khắp bốn phương, phủ lên trái đất một tấm thảm từ ngữ đẹp lạ lùng.”***

Câu chuyện – hay đúng hơn là bộ sưu tập, là kho tàng những câu chuyện – mở đầu bằng những tình tiết gây ấn tượng không lấy gì làm tốt đẹp đối với

người phụ nữ, đối với đức hạnh của những người vợ. Những cái nút vừa thắt lại thì đã tháo ra ngay làm bật rõ phẩm chất cao quý của một người con gái, trí tuệ sáng ngời của chính người đàn bà, chứ không phải là người thuộc giới tính khác. Sêhêrazát nói với cha: “Nếu con có phải bỏ mình, cái chết của con sẽ quang vinh, nhưng nếu con thành công, con sẽ giúp cho đất nước một việc hệ trọng. “Toàn bộ tác phẩm mở đầu với hành động cực kỳ hung bạo, hơn cả sức vật của một tên vua – bởi ngay loài cầm thú con đực cũng không bao giờ cắn chết con cái vì làm như vậy là trái với tự nhiên, là tự mình diệt chủng – và kết thúc bằng một cử chỉ hoàn toàn hợp với tính người. Sau đêm một nghìn lẻ một, bạo chúa không những tha chết cho nàng Sêhêrazát mà còn hủy bỏ luật pháp dã man của mình, luật pháp đã không có dịp thi hành suốt một nghìn lẻ một đêm nhờ công của một người con gái. Độc giả lúc gấp sách lại, hay thính giả khi người kể ngừng lời – vì đây là những chuyện kể – hoàn toàn thỏa mãn, vừa thú vị về nội dung đặc sắc của các câu chuyện, vừa hài lòng về cách kết thúc hợp lý hợp tình, “có hậu.” Không ai còn nhớ đến các hoàng hậu kém đức hạnh nữa. Trong trí nhớ mỗi người hiện lên rõ đậm hình dáng một nàng Sêhêrazát cao quý, dũng cảm, thông minh, xinh đẹp tuyệt trần và chắc chắn là giọng kể cực kỳ quyến rũ.

Ngay từ đêm đầu, chúng ta đã thấy được nghệ thuật đặc sắc của những chuyện sẽ kể tiếp trong một nghìn đêm sau.

Theo các nhà nghiên cứu, *Nghìn lẻ một đêm* - ít ra là bản lưu truyền đến với chúng ta ngày nay – được định hình hẳn vào khoảng cuối thế kỷ 15 ở Ai Cập. Thời kỳ này cả nước Ai Cập đã hoàn toàn theo đạo Hồi. Thật ra, sự xuất hiện của nó còn ngược lên đến thời xa xưa, bắt nguồn từ những chuyện Ba Tư rất cổ và đã trải qua một thời kỳ tồn tại lâu dài trước khi được viết ra thành văn.

Ở đâu cũng vậy, các chuyện kể dân gian không bao giờ là công trình sáng tạo của một người và có hình dạng hoàn chỉnh ngay từ đầu hay trong một thời gian ngắn. Thông thường xoay quanh một chủ đề cơ bản, được quần chúng tham gia, thời gian nhào nặn, tình tiết của câu chuyện phong phú dần lên, có khi biến dạng đi, và tất nhiên sẽ thay đổi ít nhiều tùy theo địa điểm và thời gian, bố cục ngày càng chặt chẽ. Cho đến một lúc nào đấy, nó được những tài năng kiệt xuất chỉnh lý, định hình lần cuối rồi được nhân dân chấp nhận coi như dạng bản cuối cùng. Các truyện kể được tập hợp trong công trình đồ sộ với cái tên phổ cập toàn thế giới *Nghìn lẻ một đêm* có lẽ bắt nguồn từ truyền thống các truyện dân gian xuất xứ ở phương Đông – đế quốc của các hoàng đế A Rập. Xoay quanh những truyện này, một số truyện khác cổ hơn, có nguồn gốc Ấn Độ, Ba Tư hoặc Ấn – Âu được bổ sung vào. Một loại nữa là những câu chuyện lưu truyền, phản ánh sinh động xã hội Hồi giáo buổi sơ khai của thời trung cổ, tức là thời đại các hoàng đế Abaxít^[2] trong đó một phần quan trọng dành nói về những chuyện phiêu lưu trên biển cả của những thương nhân đầu tiên bắt đầu mở rộng buôn bán với nước ngoài bằng đường biển. Tất nhiên có nhiều truyện nội dung vay mượn từ kho tàng cổ tích các dân tộc khác. Đây là một hiện tượng thường thấy, nó cắt nghĩa vì sao nhiều truyện cổ của người Ấn Độ, của Tây Âu chẳng hạn có những điểm chung giống những truyện cổ ở Trung Quốc, ở Nam Á. “Vay mượn không phải bao giờ cũng là xuyên tạc, đôi khi việc vay mượn bổ sung cho truyện và làm cho nó đã hay càng hay hơn.”^[3]

Những người kể chuyện rong mang những chuyện đó đi kể khắp nơi. Trong quá trình ấy họ gọt đẽo cách diễn tả cho thích hợp và hấp dẫn người nghe. Người ta cho rằng chính những người Ai Cập kể chuyện rong thế kỷ 12 và 13 đã làm cho các truyện trong *Nghìn lẻ một đêm* thêm phong phú về nội dung, linh hoạt về hình thức và sáng sửa về từ ngữ. Ngôn ngữ dùng trong tập truyện này gần với tiếng nói của các tầng lớp bình dân A Rập hơn là ngôn ngữ kinh viện thời bấy giờ.

Cũng có thể *Nghìn lẻ một đêm* thành hình – với tư cách là một tác phẩm hoàn chỉnh – còn sớm hơn nữa. Theo R. Nicônson trong *Lịch sử văn học A Rập*, năm 956 một học giả A Rập tên là Masadi đã nhắc tới một cuốn sách

cổ của người Ba Tư nhan đề “Một nghìn truyện, thường được gọi là Nghìn lẻ một đêm, đó là chuyện một quốc vương và tể tướng cùng với tiểu thư và người hầu gái là nàng Sêhêrazát và Đinaczát”

Năm 988, Mohammed Ishaq, tác giả một tập thư mục những tác phẩm văn học A Rập và nước ngoài, nói đến việc người A Rập soạn lại tập truyện cổ Ba Tư đó. Ông viết: “Tác giả tập Truyện các tể tướng là Abdul AI Jahshiyari bắt tay soạn một cuốn sách trong đó ông chọn một nghìn truyện của người A Rập, người Ba Tư, người Hy Lạp và nhiều dân tộc khác, các truyện đều riêng biệt, không có quan hệ gì với nhau. Ông tập hợp một số người làm nghề kể lại, mời họ kể cho nghe rồi chọn những truyện hay nhất, những ngụ ngôn, cổ tích mà ông thích nhất. Là một người có tài, ông đúc những câu chuyện ấy lại thành bốn trăm tám mươi đêm, mỗi đêm là một truyện trọn vẹn dài trên dưới năm chục trang. Nhưng ông chết bất ngờ trước khi hoàn thành một nghìn truyện như dự định.”^[4]

Nghìn lẻ một đêm^[5] như ta đã biết hiện nay, lần đầu tiên được giới thiệu với châu Âu rồi từ đó phổ cập rộng khắp hầu như toàn thế giới là nhờ công lao của một học giả người Pháp Antoine Galland mà bản dịch từ khi ra đời cách đây gần ba thế kỷ đã mau chóng trở thành kinh điển.

Antoine Galland sinh năm 1646 tại một thị trấn nhỏ ở tỉnh Picardie, miền Bắc nước Pháp. Ông mồ côi cha từ sớm. Bà mẹ phải làm lưng vát và cho con ăn học. Mười bốn tuổi đã phải đi làm; một năm sau tìm đến Paris tiếp tục trau dồi kiến thức. Sau đó, giúp việc cho sứ thần Pháp ở Côngxtăngtinhôp (nay là Xtambun, thuộc Thổ Nhĩ Kỳ) nhờ vậy ông có điều kiện đi lại nhiều nước Tây Á. Trở về Paris, một hôm tình cờ đọc được một bản chép tay bảy truyện cổ A Rập, ông có ý định dịch và cho xuất bản. Sách sắp đưa in thì dịch giả được biết những truyện này thực ra rút từ “một pho đồ sộ gồm nhiều truyện tương tự chia thành nhiều tập để là **Nghìn lẻ một đêm**.”^[6]

Ông nhờ người tìm kiếm hộ, từ Xyri người ta chỉ gửi đến cho ông có bốn tập. Ông dịch ngay tập đầu tiên và cho xuất bản năm 1704.^[7] “Món quà nhỏ mọn” như lời ông viết trong thư gửi tặng hầu tước phu nhân O” lập tức được hoan nghênh nhiệt liệt. Thành công hết sức to lớn. Cùng với hầu tước phu nhân O, cả triều đình, nghị viện từ giai cấp tư sản cho đến các tầng lớp nghèo hèn, tóm lại là tất cả những ai biết đọc biết viết ở Pháp đều đổ xô vào tranh nhau tập sách.

Trong bốn năm, từ 1704 đến 1708, mười hai tập lần lượt ra đời. Năm 1709 Antoine Galland được một người bạn A Rập đến Paris trao thêm cho một số truyện nữa, ông lại dịch và cho in tiếp. Từ 1704 đến 1782, trong vòng bảy mươi tám năm, bản dịch của A. Galland được in lại hơn bảy mươi lần. Trong những điều kiện của thời bấy giờ, với phương tiện và kỹ thuật ấn loát thô sơ,

công nghiệp giấy chưa phát triển, tỉ lệ người biết đọc và biết viết cũng chưa cao, thành công ấy vượt quá mức tưởng tượng và sự mong ước của mọi người. Từ bản của Antoine Galland, *Nghìn lẻ một đêm* được dịch ra nhiều thứ tiếng và xuất bản ở nhiều nước châu Âu: Anh, Hà Lan, Đức, Italia, Tây Ban Nha và một số nước tại các châu lục khác.

Chỉ hai thế kỷ sau Antoine Galland, một bản dịch tiếng Pháp khác của *Nghìn lẻ một đêm* ra đời. Dịch giả là tiến sĩ J. J. C. Mardrus. Thật ra đây là một bản dịch theo quan niệm và phong cách hoàn toàn khác: Mardrus không bỏ sót một chi tiết nào, kể cả những đoạn rườm rà đậm màu dân tộc và tất cả những thơ rai rác trong các truyện. Người ta đã bàn cãi khá nhiều về hai bản dịch đó. Các nhà nghiên cứu văn học đều nhất trí đánh giá cao bản dịch của Antoine Galland. Người dịch đã cố tình lược bớt, để tránh cho những người đọc đỡ ngượng ngùng, một số chi tiết tả tỉ mỉ những cảnh sinh hoạt mà cho dù có in ra “cũng không cho biết thêm một điều gì mới mẻ về phong tục những người theo đạo Hồi” bởi vì những cảnh ấy “diễn tả con người đang sống theo những giây phút bản năng thấp hèn nhất mà bất cứ người sống ở vĩ tuyến nào cũng đều có” như lời nhận xét của E. Blochet trong tạp chí *Bách khoa* (Pháp) số tháng Giêng năm 1900. Tạp chí này nhận xét: “Bản dịch của Antoine Galland cho chúng ta một ý niệm rất trung thành về tính cách và lời văn của bộ *Nghìn lẻ một đêm* cũng như về sinh hoạt của người Ả Rập.”

Charles Nodier một nhà văn Pháp cũng chuyên viết truyện cổ tích đầu thế kỷ 19 đã đánh giá bản dịch của Antoine Galland như sau: “Bản dịch của Antoine Galland là một tác phẩm có thể coi là kinh điển trong thể loại văn học này, và nếu nó có phải chịu vài điều chê trách của những nhà Đông phương học nào đó mê tín sự trung thành với các nguyên tác, ấy là vì những vị này coi trọng lợi ích ngành học thuật chuộng màu sắc xa lạ của họ hơn là tinh thần của ngôn ngữ và những yêu cầu của nền văn học dân tộc chúng ta... Chúng tôi quả quyết rằng lẽ ra người ta phải thông cảm hơn với trí thông minh và sự tinh tế của Antoine Galland đã gạt bỏ ra khỏi các truyện xinh xắn ấy những hình tượng chói chang, nhiều chi tiết nhạt nhẽo, những sự trùng lặp vô bổ chỉ có thể làm giảm sút hứng thú trong một ngôn ngữ bóng bẩy nhưng chính xác, bất kỳ ở đâu cũng muốn kết hợp tính gợi cảm và tính chuẩn xác (là tiếng Pháp).”

Nhà văn Gaston Picard gần đây khi soát lại bản dịch của Galland để cho in lại (bản in năm 1962) sau khi trích dẫn ý kiến của tạp chí *Bách khoa* đã hóm hỉnh nhận xét thêm: Antoine Galland ý tứ hơn nhiều so với tiểu thư Sêhêrazát, người mới hôm qua đây còn là một trinh nữ. Ông sợ làm chối tai bạn đọc tuy không còn là thơ đại như Đinácát song cũng không có đôi tai ư nghe những chuyện sỗ sàng như đôi tai bạo chúa Saria. Khác với Mardrus, Antoine Galland không quan tâm dịch các vần thơ. Có lẽ ông không

muốn để người đọc phải sốt ruột.

Với những truyện hấp dẫn thế này, ai chẳng nóng lòng muốn biết kết cục rồi sẽ ra sao. Và chẳng, chẳng phải là chất thơ đã thấm đượm mọi dòng, mọi trang của truyện A Rập đó sao? Đây là văn học dân gian. Tuy đề tặng một hầu tước phu nhân, song thật ra Antoine Galland khi dịch đã nghĩ tới những độc giả bình thường, các tầng lớp đông đảo – và chính điều đó quyết định một phần rất lớn thành công của ông. Nhờ vậy, tập truyện mau chóng phổ cập rộng rãi tuy sau khi bị cắt xén, lược dịch và chọn lọc, vẫn còn dài tới gần hai nghìn trang.

Còn J. C. Mardrus thì xuất phát từ một quan điểm khác. Không phải ngẫu nhiên mà toàn bộ bản dịch của ông để tặng Stéphane Mallarmé và tập I để tặng Paul Valéry – hai nhà thơ bí hiểm. Vì những lẽ đó, một số nhà phê bình có xu hướng coi bản dịch của Mardrus nặng tính chất một công trình nghiên cứu phong tục hơn là một tác phẩm văn học. Và cũng chính vì lẽ đó Nhà xuất bản Kim Đồng lần này giới thiệu *Nghìn lẻ một đêm* qua bản dịch của Antoine Galland.

Nghìn lẻ một đêm không chỉ là một tập truyện cổ tích, đó là cả một thế giới. Thế giới người A Rập trong cuộc đời thực tại cũng như trong cảnh thần tiên ma quái, thế giới của đạo Hồi từ khi có sự thành văn và đạo Hồi qua các truyền thuyết dân gian. Người A Rập vẫn cho pho sách này là một tấm gương vĩ đại ai nấy có thể nhìn vào đây mà suy ngẫm, mà soi xét bản thân mình. ***Lời nói đầu*** trong nguyên bản viết:

“Chuyện người xưa là bài học cho người đời nay” và ca ngợi: “Vinh quang thay cho những ai đã góp chuyện người đời xưa để làm bài học cho người đời nay! Chính từ trong những bài học ấy, nay xin kể chuyện ***Nghìn lẻ một đêm*** với tất cả những điều màu nhiệm và những châm ngôn chứa đựng trong đó.”

Khó mà thưởng thức đầy đủ tác phẩm văn học dân gian của một dân tộc nếu không có những hiểu biết nhất định về lịch sử, triết lý và sinh hoạt của dân tộc ấy. Rất nhiều truyện trong ***Nghìn lẻ một đêm*** xoay quanh những chuyện xảy ra dưới triều đại của nhà vua có thực, nổi tiếng ở Bátđã vào cuối thế kỷ thứ 8 và đầu thế kỷ thứ 9, vua Harun An-Rasit (786-809). Mặt khác, mọi tiêu chuẩn về đạo đức, pháp lý... của người A Rập ngay cho đến bây giờ vẫn cơ bản dựa trên kinh Côran. Bởi vậy, chúng tôi xin được giới thiệu sơ qua với bạn đọc Việt Nam chúng ta một vài nét về thế giới A Rập và tổ chức chính trị – xã hội của một đế quốc A Rập xưa kia, về đạo Hồi và người sáng lập ra nó là Môhamét cùng với kinh Côran, Kinh Thánh tối thiêng liêng của tôn giáo này.

Đạo Hồi (Islam) ra đời vào thế kỷ thứ 7 tại Arabi, người sáng lập là Môhamét (hoặc Mahômét)^[8] người thuộc bộ lạc Caraxít. Môhamét sinh ra ở La Mécơ, thủ phủ nước Hếtgiado ở Arabi vào năm 570 (hoặc 580) và mất ở Mêđin ngày 8 tháng 6 năm 632.

Mô cô cha từ bé, lúc đầu Môhamét được ông nội nuôi, sau ở với chú. Lúc còn trẻ, chuyên giúp việc hướng dẫn các đoàn du hành sa mạc. Về sau vào làm công cho một người đàn bà góa giàu có, chủ một hiệu buôn ở La Mécơ tên là Khadigia. Người phụ nữ này kết hôn với Môhamét tuy bà lớn hơn ông nhiều tuổi. Nhờ đi đó đi đây nhiều, ông dần dần am tường giáo lý đạo Do Thái, đạo Cơ Đốc và ngày càng say mê việc tu hành. Ông thường lánh ở một nơi để suy ngẫm, đặc biệt về sự phán xét cuối cùng cũng như sự xuất hiện của các nhà tiên tri. Theo truyền thuyết, một hôm ông nghe có tiếng nói thiêng liêng từ trên trời vọng xuống giao sứ mệnh cho mình. Từ đó ông tự cho là đáng sứ giả như nhiều đáng khác xưa kia được Thượng đế^[9] tuyển chọn và giao cho sứ mệnh răn bảo dân lành lòng kính sợ đáng Ala và

hằng ngày phải chăm lo sửa mình để chuẩn bị cho ngày phán xét cuối cùng. Việc này xảy ra vào khoảng năm 610. Môhamét tự cho là được các thiên thần truyền đạt cho những lời phán bảo của Thượng đế để phổ cập trong nhân dân.

Lúc đầu số người tin theo ông rất ít. Đã thế một phần các tín đồ của ông bị dân thành La Mécơơ chống đối, buộc phải di cư sang Abyxini, một nước thời bấy giờ theo đạo Thiên Chúa.

Được nhân dân trấn Yathôrit tiếp thụ giáo lý của ông khuyến khích, Môhamét rời La Mécơơ đến đây ngày 16 tháng 7 năm 622. Yathôrit từ đây lấy tên là Mêđin (có nghĩa là Thành phố của Đấng tiên tri) và ngày hôm ấy, ngày 16 tháng 7 năm 622 trở thành ngày Nguyên đán của lịch Hồi giáo. Lịch này tính dựa theo sự chuyển động của mặt trăng, như âm lịch của ta.

Ở Mêđin, Môhamét chẳng mấy chốc trở thành không chỉ là “Đấng tiên tri” mà còn là một nhà chính trị nắm trong tay vận mệnh của thành phố này. Quyền lực của ông một mặt dựa vào số tín đồ đã cùng ông rời bỏ La Mécơơ đến và mặt khác vào số người địa phương tin theo đạo của ông ngày càng đông. Một cuộc chiến tranh xảy ra dai dẳng tám năm ròng, và kết thúc bằng thắng lợi của Môhamét. Ông khai hoàn về La Mécơơ năm 630.

Ngoài chiến thắng rực rỡ Bétơơ, Môhamét còn tiến hành nhiều cuộc chinh phục các nước khác, nhất là các nước ở Arabi, và tiến đánh Xiry, tạo tiền đề cho những cuộc chinh phạt lớn của người A Rập về sau, khi ông đã qua đời, để mở rộng đế quốc của họ.

Môhamét không bao giờ tự cho mình là người sáng tạo ra kinh Côran, nền tảng giáo lý đạo Hồi, cơ sở lập pháp và các mối quan hệ của người A Rập. Ông chỉ nhận mình là người phát hiện ra Kinh Thánh. Ngoài chức năng kỳ diệu đó ra, ông chỉ là một người như mọi người trần thế khác. Ông lấy bốn vợ chính thức – như kinh Côran cho phép – lại thêm cả một đoàn tì thiếp song vẫn không có con trai kế nghiệp. Sau khi Môhamét qua đời, những người kế vị ông tiếp tục các cuộc chiến tranh chinh phạt, lập nên một đế quốc rộng lớn trải từ bờ sông Ấn ở Tây Bắc Ấn Độ đến tận Đại Tây Dương men theo bờ Bắc Địa Trung Hải. Đạo Hồi cũng nhờ đó mà lan truyền rộng rãi. Được một thời gian đế quốc A Rập bị chia năm xẻ bảy song đạo Hồi vẫn giữ được tính thống nhất và tiếp tục phát triển. Ngoài các nước A Rập nay đông hơn một trăm triệu người, đạo Hồi còn thịnh hành ở nhiều vùng rộng lớn từ Indônêxia qua Pakistăng đến Tây Ban Nha, từ châu Phi da đen cho tới các nước Trung Á: Kazastang, Kiechghizi, Udobêkistăng, Taxikixtăng, Tuốcmêni và vùng Tân Cương của Trung Quốc.

Những lời giáo huấn của Môhamét được các học trò và tín đồ gần gũi nhất của ông ghi lại và lưu truyền qua các bản chép trên xương lạc đà, trên đá

hoặc trên lá cọ. Để tránh tình trạng có nhiều dị bản, vị calíp^[10] đầu tiên nối ngôi Môhamét là Abu Bêke (632-634) cho chỉnh lý và ban hành một bản kinh duy nhất. Đến thời hoàng đế Otman (644-656) một tiểu ban lại được lập ra có trách nhiệm chỉnh lý và xác định lần cuối cùng bản kinh chính thức. Như vậy, chỉ hai mươi năm sau ngày giáo chủ qua đời, Kinh Thánh của đạo Hồi đã không còn dị bản và cứ vậy được lưu truyền cho đến tận bây giờ.

Tuy vậy do đặc điểm lối viết chữ A Rập thường gây nhiều cách hiểu khác nhau về văn phạm, lại trải qua mười ba thế kỷ lưu truyền kể cả ở nhiều nước không nói tiếng A Rập, do đó khó tránh khỏi tình trạng nảy sinh nhiều điểm dị biệt. Để khắc phục nhược điểm đó, năm 1923 chính phủ Ai Cập cho ấn hành một bản kinh chính thức có chú thích rất đầy đủ nhằm tránh mọi cách hiểu không đúng và có những cách giải thích khác nhau.^[11]

Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận xét: Kinh Côran là hiện tượng rất đặc biệt. Jêxu Crít, người vẫn được coi là kẻ sáng lập đạo Thiên Chúa không để lại tác phẩm hoặc di huấn nào. Những cộng đồng Thiên Chúa giáo đầu tiên tách ra từ đạo Do Thái, thừa nhận Cựu ước vốn của đạo Do Thái và biến nó thành Kinh Thánh của mình. Còn Tân ước là một tập hợp nhiều văn phẩm khác nhau mãi đến cuối thế kỷ thứ tư sau Công nguyên mới thực sự định hình. Ngược lại, kinh của đạo Hồi là tác phẩm của một người, và chỉ hai mươi năm sau khi người đó qua đời, đã trở thành hoàn chỉnh. Đó là một điều hiếm thấy trong lịch sử các tôn giáo, nói lên thiên tài lỗi lạc của Môhamét.

Kinh Côran về thực chất là phản ánh các hoạt động tôn giáo của Môhamét với tư cách là một đấng “sứ giả”. Bởi vậy nội dung của nó rất phong phú và phong cách diễn đạt cũng không đồng nhất. Những đoạn ra đời sớm nhất và tương đối ngắn hơn cả mang nhiều chất thơ (kinh Côran vốn được viết bằng văn xuôi có vần). Một phần quan trọng gồm những truyện kể vay mượn từ những truyền thuyết Do Thái, Thiên Chúa giáo, nhất là truyền thuyết đã có trong Cựu ước. Và cuối cùng là những quy định nhằm tổ chức cộng đồng tín đồ ở Mêđin, đây cũng là cơ sở luật lệ Hồi giáo về pháp lý và về lễ nghi.

Đạo Hồi khẳng định sự tồn tại của một Thượng đế duy nhất (tiếng A Rập gọi là Ala) mà sứ giả cuối cùng là Môhamét. Có thiên đường và địa ngục, có phục sinh và phán xét cuối cùng, có thiên thần và ma quỷ. Tính thiêng liêng của kinh Côran là nguyên lý cơ bản của đạo Hồi. Về nghi tiết, tín đồ Hồi giáo phải cầu kinh năm lần mỗi ngày. Lúc cầu kinh, mặt hướng về La Mêchơ. Tín đồ phải ăn chay trong tháng ramadan (tháng chín theo lịch Hồi) và hành hương về La Mêchơ ít nhất một lần trong suốt đời người. Đạo Hồi không có thầy tu chuyên nghiệp. Chỉ có người rao giờ cầu kinh và những người chuyên trách một số việc tôn giáo và xã hội.

Về mặt xã hội, sự xuất hiện của đạo Hồi mang một số yếu tố tiên bộ vào

thời đó. Đạo Hồi chủ trương đoàn kết mọi người, trước hết là đoàn kết các dân tộc A Rập, bỏ tệ chôn người con gái đầu lòng mới đẻ, khuyến khích cứu giúp người nghèo, giải phóng người nô lệ. Lúc ra đời nó phù hợp với nguyện vọng của các tầng lớp nghèo hèn, nhờ vậy nhanh chóng lan truyền rộng rãi và trở thành chỗ dựa vững chắc cho chế độ chính trị thời bấy giờ. Đạo Hồi góp phần quyết định sự thành lập và bành trướng của đế quốc calíp từ thế kỷ 7 trở về sau.

IV

Một đặc điểm nổi bật và quán xuyến của *Nghìn lẻ một đêm* là cách dừng câu chuyện lại giữa chừng, báo trước sẽ hạ hồi phân giải. Câu chuyện này được lồng vào câu chuyện khác, cũng có khi tác giả tập hợp nhiều nhân vật tính chất rất khác nhau lại một nơi, rồi tạo nên tình huống buộc mỗi người phải kể một chuyện. Với cách này, truyện muốn kết thúc ở đâu cũng được, hoặc muốn kéo dài bao nhiêu cũng vẫn là hợp lý.

Đặc điểm ấy xuất phát từ một sự cần thiết sống còn: nàng Sêhêrazát phải ngừng câu chuyện của mình vào lúc trời sáng, ở đoạn hay nhất, hoặc hứa hẹn một chuyện khác sẽ còn hấp dẫn hơn nữa; nếu không, tên bạo chúa Saria sẽ thi hành quyết định tàn bạo của hắn và người kể chuyện sẽ không thể sống tới ngày hôm sau. Đó cũng là nghệ thuật độc đáo của người kể chuyện rong nhằm thu hút sự chú ý của thính giả, sao cho những người nghe không chán, không mệt, không bỏ ra về dờ chừng, và tới hôm sau sẽ còn đến nghe đông hơn hôm trước. Những lúc nàng Sêhêrazát ngừng lại và nói với bạo chúa Saria: “Tiếc thay trời đã sáng rồi mà phần còn lại là đoạn hay nhất trong câu chuyện...” hoặc: “Những chuyện vừa rồi hay thật đấy nhưng không thể nào so sánh được chuyện bệ hạ sắp nghe đây...” chính là lúc người kể chuyện thưa với thính giả đang chăm chú: “Đêm đã khuya lắm rồi xin cho phép dừng tại đây, đêm mai tôi xin kể nốt hần quý vị...” Lối ngắt chuyện này, có những bản thành văn sẽ ghi tóm tắt: “Muốn biết sự thể thế nào, xin xem hồi sau sẽ rõ”, (như trong các tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc).

Ngoài một số ít truyện riêng lẻ, *Nghìn lẻ một đêm* thường bao gồm những chuỗi gắn bó với nhau lồng ghép vào nhau. Một nhân vật kể một chuyện, nhân vật trong chuyện thứ hai này kể chuyện khác, rồi đến lượt nhân vật thuộc thế hệ thứ ba kể tiếp một chuyện khác nữa. Đó là trường hợp chuỗi truyện *Người đánh cá* gồm năm truyện. Thường gặp hơn là cách tạo nên tình huống buộc tất cả những nhân vật chính trong truyện phải lần lượt kể chuyện của mình hoặc một chuyện nào đó mà mình biết. Chuỗi *Chuyện ba khát si con vua và năm thiếu phụ ở thành cổ Bátđã* gồm bảy truyện, chuỗi *Chuyện chú gù* gồm mười hai truyện, chuỗi *Những chuyện vi hành* gồm bốn truyện v.v... thuộc vào trường hợp này. Cũng có khi một chuỗi nhiều truyện với nhân vật và kết cấu riêng biệt được tập hợp theo cùng một chủ đề. Năm chuyện tình, dang dở hoặc đoàn viên, bắt đầu với Chuyện Abu Hátxan... được A. Galland xếp liền nhau, chiếm tới hơn bốn trăm trang sách.

Đặc điểm thứ hai của *Nghìn lẻ một đêm* là sự chung sống, sự hoạt động xen kẽ và tác động qua lại giữa con người và thần linh. Bên cạnh những tình tiết sống quá, thực quá, thực tới mức tự nhiên chủ nghĩa, là sự tưởng tượng hết mực huyền hoặc, viển vông, tự do buông mình theo phép nhiệm màu của

ảo giác, như lời nhận xét chí lý của Macxim Gorki. Đây không phải là sự ngẫu nhiên. Quan điểm này của những người kể chuyện bắt nguồn từ thế giới quan của đạo Hồi. Nhân vật chính trong một chuyện chẳng đã nói rõ: “Hắn chàng đã biết, thừa hoàng tử, như đạo Hồi của chàng vẫn dạy, thế giới này có người ở, mà cũng có thần linh đó sao.”

Như đã nói ở trên, các truyện trong *Nghìn lẻ một đêm*, dưới dạng đang lưu truyền đến chúng ta ngày nay, được định hình lần cuối vào khoảng thế kỷ 15 ở Ai Cập, khi dân cả nước này đã theo đạo Hồi. Khuynh hướng ca ngợi quá mức đạo Hồi và đả phá các tôn giáo khác, nhất là chống tục thờ thần Lửa, bằng bạc khắp tập sách. Khi nào khuynh hướng này quá lộ liễu thì nó làm hại đến giá trị nghệ thuật, như trường hợp *Thiên tình sử của hoàng tử Camaranzaman*. Truyện mở đầu rất hay, tình tiết cực kỳ hấp dẫn, nhưng kết thúc lại gượng gạo vì tác giả muốn tất cả các nhân vật, tích cực cũng như phản diện, cuối cùng đều giác ngộ đạo Hồi.

Đặc điểm nổi bật thứ ba là vai trò của đồng tiền, thể hiện qua cách tính toán chi li của các nhân vật, cho dù đó là hoàng tử hay thần linh, thương gia hoặc công chúa, dù đang lâm vào cảnh ngộ đắm tàu hoặc lúc tình yêu tan vỡ, vẫn không quên được sức mạnh của đồng tiền. Sự giàu sang là động lực thúc đẩy con người coi thường đói khát, gian nguy, bất chấp cái chết vượt qua sa mạc và đại dương đi tìm của cải, hàng hóa, thị trường. Vì vậy, mặc dù đầy rẫy những ma quái và thần linh, những phép nhiệm màu xen những điều kỳ ảo, *Nghìn lẻ một đêm* rốt cuộc vẫn là một bức tranh toàn cảnh muôn vẻ muôn màu của thế giới Hồi giáo vào thời kỳ chế độ phong kiến tan rã và buổi sơ khai của chủ nghĩa tư bản. (Khẳng định điều này, chúng ta không quên là các truyện trong bộ sưu tập được hình thành vào những thời điểm khác nhau, truyện trước và truyện sau có khi ra đời cách nhau tới sáu thế kỷ, cho nên sự phản ánh nói trên cũng mang nhiều sắc thái rất khác biệt.)

Các truyện trong *Nghìn lẻ một đêm* miêu tả một cách sinh động, tài tình, với rất nhiều chi tiết cụ thể, cuộc sống xa hoa của vua chúa trong cung đình tráng lệ cũng như sinh hoạt của nhân dân; hội hè, đình đám, lễ cưới, đám tang, làm nghề thủ công, buôn bán. Thậm chí những chuyện riêng kín trong gia đình hoặc sự dạn dít trên bậc trong dậu cũng được miêu tả tỉ mỉ. Người đọc tìm thấy với một sự hứng thú mỹ cảm bất ngờ, những tư liệu chân thật phản ánh tình hình kinh tế – xã hội một thời; cách săn voi, hái tiêu, trảy dùa, đi biển... hết sức đa dạng. Có thể kể ra: hoàng đế, công chúa, hoàng tử, tể tướng, anh hề, bà vú nuôi, chị nô lệ trẻ, mục mai già, người đánh cá, trai đàn diêm, gái ăn chơi, anh lính về vườn được giao chân canh cổng, thợ bện thùng trở thành người trưởng giả... hầu như không thiếu một hạng người nào. Riêng chuỗi truyện mở đầu bằng *Chuyện chú gù*, ta đã gặp gần hai tá nhân vật chính thuộc hạng dân thường, thợ may, thợ cạo, anh hàng thịt,

người tiếp phẩm, thầy lang, thầy pháp, con ở, chú hề, kẻ ăn xin, tên cướp đường, mù lừa bịp, lão lái buôn, chú rao hàng. Nổi bật nhất trong lớp dân dã ấy là nhà buôn. Có thể nói nhân vật trung tâm của xã hội ở đây là thương nhân.

Có người thử xếp các truyện trong *Nghìn lẻ một đêm* thành từng loại: Truyện ma quái, truyện giang hồ hiệp sĩ, truyện phiêu lưu, truyện cung đình, truyện tình, truyện bọn ăn cắp và bịp bợm... Sự phân loại này khó tránh khỏi khiên cưỡng, vì các tình tiết và bối cảnh bện vào nhau chặt đến mức xếp một truyện vào bất cứ loại nào cũng đều có thể coi là thỏa đáng hoặc không thỏa đáng.

Những nhân tố gì làm nên sự hấp dẫn và giá trị bất hủ của *Nghìn lẻ một đêm*? Trước hết, cốt truyện ly kỳ, tình tiết bất ngờ, thể hiện một sức tưởng tượng phong phú đáng kinh ngạc với cái vốn thực tại rộng lớn lạ thường. Thiếu nhi thích xem để biết câu chuyện rồi sẽ ra sao. Người già tìm đọc không chỉ để sống lại tuổi thơ của mình mà còn để suy ngẫm về cuộc đời, về triết lý bao hàm trong truyện... Người đọc thuộc tầng lớp xã hội nào cũng thu thập được ít nhiều hiểu biết. Nói theo cách ngày nay, lượng thông tin của tác phẩm lớn, đối tượng gây hứng thú của nó rộng.

Song, nếu chỉ có thế thôi vẫn chưa đủ. Từng có một thời, bạn đọc nước ta hâm mộ những truyện đại loại như *Phong thân*, *Chinh đông chinh tây*... Nay không mấy ai nhắc đến những tên sách ấy nữa. Trước giải phóng ở miền Nam đầy rẫy một loại truyện với những chi tiết quái đản, tình huống hoang đường, nhân vật siêu nhiên. Nó cũng muốn bao hàm những tư tưởng nào đấy. Nó cũng từng được những người nào đó ưa chuộng và ca ngợi. Nhưng nói chung người ta đọc để giết thời giờ, loại sách ấy chắc chắn khó tồn tại với thời gian.

Thế mạnh của *Nghìn lẻ một đêm*, cái gốc làm nên giá trị bất hủ của nó chính là cội nguồn dân gian. Bất kỳ ở đâu, truyện dân gian khởi đầu là những truyện kể có nguồn gốc huyền thoại hoặc xuất phát từ cuộc đời thực, và đều có ý nghĩa đền bù cho cuộc sống trước mắt ở thế gian, nơi cơ cực bao giờ cũng nhiều hơn hạnh phúc. Con người muốn qua những truyện kể ấy, tạm thời thoát ra khỏi thực tại mình đang sống, để tìm tới một thế giới ước mơ, để trả thù cuộc đời đơn bạc. Nhưng tự ru mình trong thế giới ảo giác và tưởng tượng, con người vẫn là con người với những tình cảm thương ghét vui buồn, âu yếm và ghen tuông, hào hiệp và ti tiện, cao cả và thấp hèn. Con người dù luôn luôn bị ràng buộc trong các quan hệ xã hội, tóm lại là con người thực. Truyện dân gian thường đưa cuộc sống thực vào thế giới thần tiên, hoặc nói đúng hơn kéo níu cuộc sống thần tiên về trộn lẫn với thực tại đã được tái tạo bằng nghệ thuật.

Thần linh cần thiết cho cuộc sống thế gian, nơi con người thường vỡ mộng nhiều hơn là đạt được ước mơ, cho dù ước mơ ấy chẳng lấy gì cao xa cho lắm. Cần một tấm thảm bay để đưa ta đến gặp người yêu trong nháy mắt. Cần một quả táo thần để chữa bệnh cho nàng công chúa đang thập tử nhất sinh. Phải có một cây đèn thần thì chú bé lêu lổng con bác phó may mới lấy được nàng công chúa rồi nối ngôi vua. Con chim không biết nói thì lấy ai mách cho nhà vua biết tung tích những đứa con phiêu bạt do lỗi lầm của mình. Lại cần có những hung thần để trả hộ mỗi hận mà ta đành bó tay trong cuộc đời thực. Dễ hiểu là vì sao các truyện trong *Nghìn lẻ một đêm* có lắm hoàng tử đến vậy, đặt chân đến đâu cũng gặp hoàng tử. Điều đó không chỉ phản ánh một cách máy móc thực tế lịch sử là tình trạng phong kiến cát cứ, hoặc ngược lên xa hơn nữa, chế độ bộ lạc và thị tộc với không biết bao nhiêu là tù trưởng, tộc trưởng. Vị nào trong mắt người kể chuyện dân gian cũng đều là hoàng tử cả. Suy đến cùng, các hoàng tử trong *Nghìn lẻ một đêm* chung quy chỉ là những chàng trai giống như hoàng tử đã cùng cô Tấm của ta đi dự hội làng. Các công chúa và hoàng hậu xét đến cùng chỉ là những hình mẫu của ước vọng tuổi trẻ được nhân cách hóa mà thôi.

Chính nhờ nguồn gốc dân gian mà *Nghìn lẻ một đêm* chứa đựng tinh thần nhân văn đậm đà. Tước bỏ đi những hạn chế lịch sử biểu hiện qua các quan điểm tôn giáo, những phong tục cổ lỗ và một số chi tiết mô tả sự buông thả theo bản năng, ta sẽ nhìn thấy cái cốt tủy tinh túy của con người. Ước vọng tự do, tình yêu nam nữ, nghĩa vợ chồng, quan hệ huyết thống, cái ác phải trả nợ, cái thiện được đền bù, nhân tình thế thái... Người đọc có thể thấy ở đây câu trả lời cho nhiều vấn đề muôn thuở.

Tinh thần nhân văn khi thì lẫn dưới những chuyện ly kỳ, quái đản tưởng như không dính dáng đến con người, khi thì được các nhân vật nói thẳng ra lời, súc tích như những câu châm ngôn. Nói chính xác hơn, đó là những châm ngôn truyền tụng trong dân gian được thốt ra đúng chỗ từ miệng nhân vật. Các tầng lớp trên của xã hội: hoàng đế, tể tướng, hoàng tử, vương tôn được đề cao hết mức nhưng cũng không thiếu những kẻ lố bịch. Những người ở nấc cuối cùng của bậc thang tôn ti xã hội lại có khi được trình bày với tài năng xuất chúng và đức tính cao thượng. Một pháp quan được mọi người vì nể, một nhà buôn quen với sự tính toán tiền nong lại kém thông minh nhiều so với một đứa trẻ con (*Chuyện AU Côgia, nhà buôn ở Bátđà*) hoặc một người con gái (*Chuyện AU Baba...*). Bọn cướp còn phải cầu viện đến thần linh để giúp chúng giầu của. Ông chủ hiền lành, phúc hậu còn cần có vận may mới trở nên giàu có. Nhưng cô hầu gái trong chuyện *Bốn mươi tên cướp* thì không hề có sự trợ giúp của Thượng đế hoặc thánh thần. Chỉ với trí thông minh, sự bình tĩnh, lòng dũng cảm và nghĩa thầy tớ thủy chung, cô đã một mình tiêu diệt bốn mươi tên cướp.

Cứ mỗi lần gặp điều bất hạnh, ta lại nghe các nhân vật thốt lên: “Ấy là ý muốn tối cao của Thượng đế, chúng ta phải cúi đầu tuân phục, không được hé răng phản nản.” Nhưng trong hành động thực tế thì luôn luôn là sự nổi loạn trước những bất công xã hội. Theo luật pháp, nô lệ là vật sở hữu hoàn toàn và tuyệt đối của chủ nó. Đối với nô lệ “chỉ có cái chết là quyền tự do duy nhất không bị ai tước đoạt” Được làm ái phi cho một vua Ba Tư hùng cường là vinh dự và hạnh phúc to lớn. Nhưng không vì vậy mà người ta thôi không ao ước tự do và nghĩ về đất nước: “Bệ hạ lấy làm ngạc nhiên ư? Tình yêu đất nước cũng tự nhiên không kém nghĩa cha con, và đối với những ai chưa mất trí khôn đến mức không hiểu nổi giá trị của tự do, thì sự mất tự do là điều không thể nào chịu đựng nổi. Thể xác rất có thể bị lệ thuộc vào quyền uy của một ông chủ nắm trong tay vũ lực và quyền hành, nhưng ý chí không thể bị khuất phục, bao giờ nó cũng tự làm chủ lấy nó.” (Chuyện Bêđê hoàng tử nước Ba Tư và Gianba công chúa con vua thủy tề).

Hoàng đế Harun An-Rasit quyền uy chấn động thiên hạ, vừa có quyền sinh quyền sát đối với muôn dân, vừa là người đại diện Thượng đế cai quản phần hồn của tất cả các tín đồ. Ấy thế mà mặc dù quý trọng hết mức một cung phi, ban cho không biết bao nhiêu ân huệ và đặc quyền, vẫn không sao chiếm được trái tim của cô gái ấy. Trái tim này, oái oăm thay, lại trao cho một chàng trai trẻ thoát gặp ở đường phố (hoàng tử, cố nhiên). Bị cản trở bởi quyền uy, hai người yêu bị cách ly và đành phải chết gần như cùng một lúc vì khổ đau và thương nhớ. Giáo lý đạo Hồi buộc người đàn bà ra đường phải che mặt. Luật pháp trị tội rất nặng những người vợ không chung thủy. Kinh Côran khẳng định “cái gì đã thuộc về chủ nô thì cấm nô lệ động đến” nhưng dân chúng lại hết lòng ủng hộ luyện ái tự do. Khi hai người yêu bất hạnh qua đời, dân chúng tự động rước xác chàng trai đưa vào chôn chung một ngôi mộ với cô gái, mỉa mai sao ngôi mộ cực kỳ tráng lệ ấy lại do hoàng đế dựng sẵn, dành cho người mà mình không chiếm được trái tim! Đám tang ấy, “được cơ man là dân chúng, nam cũng như nữ, sang cũng như hèn” đưa đến tận mộ. Và câu chuyện kết thúc với câu: “Kể từ buổi đó tất cả dân chúng thành Bátđá cũng như những người theo đạo Hồi từ mọi nơi trên trái đất có dịp đến thành phố này đều hết sức trọng vọng ngôi mộ ấy và không ngừng đến đây cầu kinh.” (Chuyện Abuhátzan...). Đó là ước mong muôn thuở của những đôi trai gái bất hạnh, đành bằng lòng với kiếp sau làm cây liền cành, chim liền cánh. Đó là sự nổi loạn của trái tim chống bạo quyền. Vì tình yêu, một hoàng tử (xin hiểu là chàng trai) ở tận cùng nước Ba Tư lặn lội sang đến tận cùng nước Trung Hoa tìm cho được người mình ngày đêm thương nhớ. (Chuyện Camaranzaman...). Trong một xã hội đề cao hết mức đồng tiền, thật đáng lạ thấy một thương nhân đang làm ăn phát tài dám vì tình yêu mà bỏ hết mọi công việc buôn bán, bỏ mẹ và em gái, để chịu đựng mọi gian truân (Chuyện

Ganem...)). Trong bối cảnh của xã hội phong kiến hồi đó đang suy tàn, những câu chuyện ân tình này chẳng là gì khác một lời kêu gọi giải phóng phụ nữ, giải phóng con người.

Ý chí xông xáo, vượt hiểm nguy, làm việc cật lực để đạt giàu sang là một chủ đề thường được phát triển. Trước khi Corixtóp Côlông tìm ra châu Mỹ, người Ba Tư, người A Rập đã dám băng qua hoang mạc, đầm lầy, rừng rậm, núi cao, mở “con đường tơ lụa” “buôn bán với phương Đông”

Sau thành công của Majenlang và C. Côlông, việc vượt biển cả đi tìm của cải là một động lực thôi thúc rất mạnh tầng lớp thương nhân đang trỗi dậy trong xã hội thời bấy giờ. Tiêu biểu rõ rệt cho tinh thần ấy, và phản ánh hiện tượng lịch sử này, là chuỗi Chuyện Xinbát, người đi biển. Sau khi thuật lại cho một người khuân vác nghèo khổ đang thắc mắc vì sao Xinbát sống sung sướng hơn mình, người đi biển kết luận: “Thế nào, ông bạn, bạn có bao giờ nghe ai đã từng trải qua nhiều khổ ải bằng tôi không, hoặc có ai đã từng sống trong những tình huống gian nan dường ấy? Sau bao nhiêu việc làm, tôi hưởng thụ một cuộc sống dễ chịu và bình yên, chẳng phải là điều công bằng sao?” Một hoàng tử thất cơ lỡ vận, phải nương náu nhà một tiểu phu. Ông này hỏi chàng có biết một nghề nào khả dĩ kiếm sống qua ngày. “Tôi thạo môn này khoa nọ, rằng tôi là nhà ngữ pháp, nhà thơ v.v... và nhất là tôi viết chữ rất tốt.” – “Với tất cả những điều cậu vừa nói đó, – bác đáp, – ở xứ này sẽ không kiếm ra nổi một miếng bánh đâu: không có gì vô tích sự hơn là những hiểu biết đại loại như cậu vừa nói tới. Nếu cậu nghe lời khuyên của tôi thì cậu hãy mặc một chiếc áo cộc, và trông cậu cũng có vẻ cường tráng và sức khỏe tốt đây, cậu hãy đi vào khu rừng bên cạnh mà đốn củi, mang về bày ra chợ bán. Tôi đảm bảo là cậu sẽ thu được một món tiền nho nhỏ đủ sống mà không cần nhờ vả ai.” (*Chuyện khát sĩ thứ hai, con vua*).

Các tác phẩm bất hủ thường nói nhiều hơn lượng từ ngữ dùng để viết ra nó. C.Pauxtốpxki có lần nhận xét Ăngđécxen viết truyện cho trẻ em, người lớn đọc nhiều khi không hiểu nổi ý nghĩa thâm thúy. Càng có thể nói như vậy lắm về ***Nghìn lẻ một đêm***. Đằng sau những tình tiết khó tin, thấp thoáng nhân tình thế thái. *Chuyện người chột tỉnh giấc mơ* là một trường hợp đáng chú ý. Một chàng trai vì ngán ngẩm sự bạc bẽo của người đời, tỏ ý ước mơ được làm vua một ngày, chỉ để làm mỗi việc đơn giản là sai đánh đòn mấy lão giáo trưởng cứ hay thọc mũi vào chuyện nhà hàng xóm. Không ngờ hoàng đế trong một chuyến vi hành biết được ước mong hiền lành đó. Vua sai người đánh thuốc mê, đang đêm đưa chàng trai ấy về đặt lên giường ngủ của chính mình, rồi truyền lệnh cho cả triều đình ngày hôm sau hãy coi chàng như hoàng đế thật, và hãy thi hành mọi lệnh của chàng, bất chấp mọi sự ngông cuồng, “cho dù có vì thế mà ngân khố ta bị cạn sạch trong một ngày”. Người dân làm vua đúng một ngày. Nửa đêm hôm sau, chàng lại bị

đánh thuốc mê và đưa trở về nhà cũ của mình. Khi tỉnh dậy, buồn thay, chàng vẫn ngỡ mình là hoàng đế. Bệnh “say quyền lực” khiến cho chàng trai hiền lành, đáng mến ấy nói nhảm, rồi đi tới chỗ vác gậy đánh mẹ, bởi vì bà cụ không chịu tin anh chàng là vua, không chịu “tâu hoàng đế” mà chỉ gọi anh là “con trai yêu quý của mẹ”. Chàng say quyền lực đến nỗi hàng xóm phải xích tay chân chàng lại tống vào nhà thương điên. Ở đây người ta nhốt chàng vào cũi sắt mỗi ngày cho ăn một trận đòn “để cho cu cậu hết cái bệnh cuồng làm hoàng đế”. Hoàn cảnh làm thay đổi con người. Quyền hành phong kiến tuyệt đối và phú quý vinh hoa đã tha hóa nó. Đã đành các tác giả còn muốn mượn cốt truyện ly kỳ để mô tả cảnh sống cực kỳ xa hoa trong cung đình, và mua vui người đọc bằng nhiều tình tiết bất ngờ song tư duy thật của họ không giản đơn có thế.

Có bản dịch đã đổi tựa đề truyện ấy thành *Chuyện người làm vua một ngày*, làm như vậy theo chúng tôi là chưa thấu suốt “ý tại ngôn ngoại” của câu chuyện.

Xưa nay ***Nghìn lẻ một đêm*** thường được coi là một bộ truyện đọc để giải trí. Chắc chắn đó không phải là chủ ý của tác giả. Trong *Lời nói đầu*, sau khi chúc tụng Thượng đế chí nhân chí từ và cầu nguyện cho Sứ giả tối cao Môhamét, người sáng lập đạo Hồi, tác giả vô danh đã viết: “Vinh quang thay cho những ai đã góp chuyện đời xưa để làm bài học cho người đời nay! Chính từ trong những bài học ấy, xin kể chuyện ***Nghìn lẻ một đêm*** với tất cả những phép nhiệm màu, những châm ngôn chứa đựng trong đó”.

V

Ở nước ta, bản dịch *Nghìn lẻ một đêm* đầu tiên là bản của Đinh Thái Sơn, chủ nhiệm Nam Kỳ thư xã, ấn hành thành 24 tập, mỗi tập khoảng 50 trang, ra đời vào đầu thế kỷ, khoảng năm 1910 và những năm tiếp sau. Các tập đầu được in ở Nhà in Phát Toán, đường Dormay (d'Ormay) Sài Gòn; những tập cuối ở Nhà in Liên Hiệp (Union) đường Luyxiêng Môtxar (Lucien Mossard) cũng ở Sài Gòn. Bản dịch này mang tên *Già đàm dị sử*^[12] với phụ đề đóng trong ngoặc đơn: Chuyện A Rập một nghìn lẻ một đêm.

Năm 1918, Trần Thái Nguyên lại dịch đăng vào mục tiểu thuyết trên tờ báo hàng ngày *Nam Trung nhật báo*. Bản dịch này lấy đề là *Một ngàn lẻ một đêm*.

Ở Thư viện Quốc gia (Hà Nội) hiện nay có lưu trữ một bản dịch xuất bản khoảng năm 1930 trở về sau. Hiện còn tám tập, mỗi tập dày 16 hoặc 20 trang khổ nhỏ, nhan đề là *Sách giải trí – Một nghìn lẻ một đêm*. Đây là một bản phỏng dịch và tóm tắt khá sơ sài. Năm 1935, tuần báo *Hoàn cầu tân văn* của Nguyễn Háo Vĩnh, chủ nhà in Xưa Nay đường Bônar (Bônard) Sài Gòn, lại đăng một bản dịch khác, ký tên Dương Quang Nhiêu. Tên truyện vẫn là *Một ngàn lẻ một đêm*. Tuần báo đăng truyện này chỉ được ít lâu thì đình bản. Nhà in Xưa Nay trích một vài đoạn ngắn ra thành sách khổ nhỏ, chữ to, có minh họa dành cho trẻ em.

Ở Hà Nội, năm 1939, Nhà xuất bản Tân Dân ở phố Hàng Bông cho ra đời trên *Phổ thông bán nguyệt san*, tạp chí nửa tháng một kỳ, bản dịch của La Sơn, rồi sau đó của Hoàng Cầm. Mỗi tập dày 160 trang, đăng trọn một hoặc hai truyện, cách năm sáu tháng hay một năm ra một tập. Đề sách lần này là *Một nghìn lẻ một đêm*.

Tất cả các bản dịch nói trên đều dịch hoặc phỏng theo bản tiếng Pháp của Antoine Galland.

Năm 1943 trở về sau, Nhà xuất bản Tân Việt, Sài Gòn lần lượt phát hành bản dịch của Trần Văn Lai có chia thành từng đêm với đầu đề *Ngàn lẻ một đêm*. Tập I dày 184 trang với khổ 13x19 “từ chuyện mở đầu đến đêm thứ chín”. Trần Văn Lai dựa theo bản của J. C. Mácđrúytx. Mặc dù có ghi rõ ở đầu sách “dịch đầy đủ và cặn kẽ theo nguyên văn” nhưng người dịch “cũng phải loại bớt mấy đoạn văn khiêu dâm của các nam nữ nhân vật trong truyện” (trích Lời tựa).

Ở Hà Nội, từ 1952 và những năm tiếp sau, Nhà xuất bản Vĩnh Thịnh ở phố Lò Sũ cho in *Một nghìn một đêm lẻ*, bản dịch của Trần Duy Đức. Bản này cũng ghi: “dịch đầy đủ đúng nguyên bản A Rập” tuy vậy không những nó không tạo được không khí A Rập mà còn gây cho người đọc cảm giác

như đang xem những tiểu thuyết Trung Quốc cổ. Nàng Sêhêrazát trở thành nàng Giáng Nga, vua Harun An-Rasit là hoàng đế Hạ Luân An, tể tướng Giafa được mệnh danh là thừa tướng Giả Hoa, còn Mêrua là tổng binh Mạnh Lực, v.v...

Sau 1954, một số bản dịch phổ thông lại được xuất bản ở Sài Gòn. Tại miền Bắc, Nhà xuất bản Phổ thông, (Hà Nội) cho in *Một nghìn một đêm lẻ*, bản dịch của La Côn (1963). Đây là hai tập sách mỏng 130 trang khổ nhỏ. Gần đây hơn (1973) nhà xuất bản Kim Đồng cho xuất bản *Cây đèn thần* gồm hai truyện tóm tắt và có minh họa dành cho thiếu nhi: *Cây đèn thần*, *AU Baba và bốn mươi tên cướp* do Đỗ Đức Khang phỏng dịch.

Bản dịch của chúng tôi dựa vào bản in (ba tập do Nhà xuất bản Anh em Garniê (Librairie GARNIER FRERES, 6 Rue des Saints Pères, Paris) phát hành năm 1921.

Bản này hoàn toàn giống bản in năm 1881, là bản cổ nhất còn giữ được ở Việt Nam, do Nhà xuất bản Librairiedes Bibliophiles, 5 Rue Saint – Honoré, Paris phát hành.

Lại so sánh bản in năm 1921 với một bản khác cũng do Nhà xuất bản Anh em Garniê” được nhà văn Gaxtông Picar soát lại và để tựa” mới in năm 1962, chúng tôi thấy về cơ bản không có gì khác. Một đôi chỗ, G. Picar đã làm công việc biên tập, cụ thể là ngắt câu hoặc đặt lại các dấu chấm câu cho gãy gọn, sáng sủa, dễ đọc hơn. Có trường hợp, đã thay đổi một vài từ cổ hoặc chưa thật chuẩn xác để cho câu văn khỏi tối nghĩa.

Giọng văn kể chuyện đượm màu sắc Ả Rập với nhiều chi tiết cụ thể đôi khi trùng lặp. Chúng tôi cố gắng tôn trọng phong cách đó và bám sát nguyên bản mặc dù thoát nghe có hơi lạ tai, thậm chí không được trong sáng như ta hiểu ngày nay. Trừ một số ít trường hợp phải dịch thoát để khỏi tối nghĩa hoặc trở thành ngô nghê. Chúng tôi cũng có tước bớt một vài câu ngắn hoặc để lần đi một vài chi tiết xét ra quá sỗ sàng trong quan hệ nam nữ. Một đôi chỗ chúng tôi dựa vào các bản và tài liệu khác để chú thích thêm cho người đọc đỡ mất công tìm hiểu.

Một khó khăn lớn khi dịch là cách xưng hô. Phần lớn các truyện đều bắt đầu bằng “Tâu bệ hạ” vì nếu không phải là nàng Sêhêrazát đang kể cho vua Ba Tư Saria nghe thì cũng là lời của một nhân vật nào đó trong truyện kể cho một ông vua nào đấy cũng vừa mới được sáng tạo nên thưởng thức. Theo cách hiểu thông thường, đã “Tâu bệ hạ” thì phải xưng “thần” nhưng cứ nói năng như vậy qua suốt mấy chục truyện, sẽ khó tránh khỏi gò bó. Hơn nữa, xét cho cùng “bệ hạ” ở đây chẳng qua là công chúng đang nghe những người kể chuyện rong trình bày. Bởi vậy, trong bản dịch này, trừ một vài trường hợp, còn nói chung các ngôi thứ nhất đều xin được xưng “tôi” một cách

thoải mái. Thật ra, chỉ cần qua năm, sáu mươi dòng, người đọc sẽ quên bằng đi triều đình vua chúa, mà bị cuốn hút theo câu chuyện. Không ai còn nhớ đâu là bạo chúa, đâu là ái phi, chỉ còn có người kể chuyện tài hoa và những câu chuyện hấp dẫn.

PHAN QUANG
1981

NGHÌN LẼ MỘT ĐÊM

Sử ký triều đại Xatxaniên, triều đại những nhà vua nước Ba Tư cổ đã từng mở rộng biên cương sang đất Ấn Độ và những đảo lớn đảo nhỏ phụ thuộc nước này và đến tận xa mãi bên kia bờ sông Hằng cho tới nước Trung Hoa, chép rằng ngày xưa dòng họ hùng cường này có một nhà vua từng nổi danh một thời là đấng quân vương tuyệt vời. Muôn dân yêu quý Người về đức anh minh và tính thận trọng; các nước lân bang tôn kính Người về uy danh lỗi lạc, kiêng nể Người vì có đạo quân thiện chiến và kỷ luật nghiêm minh. Vua có hai hoàng tử: người con cả tên là Saria, xứng đáng được kế thừa ngôi báu của vua cha; người con thứ tên là Sadonăng tài đức cũng không thua kém anh ruột về mặt nào.

Sau một đời trị vì lâu dài và vinh hiển, nhà vua băng hà, hoàng tử Saria lên nối ngôi. Theo luật pháp nước nhà, Sadonăng không được chia quyền, đành phải sống như một người dân thường. Thế nhưng, không những chàng không ganh tị hạnh phúc của anh mà còn hết sức tìm cách để được lòng anh. Việc đó cũng chẳng có gì khó khăn lắm. Saria vốn yêu mến em trai, càng lấy làm hài lòng về thái độ đó và muốn chia sẻ sơn hà với em. Vua cắt đất phong cho chàng làm vua nước Đại Táctari. Sadonăng đi nhậm chức ngay và đóng đô ở Xamáccăng, thủ phủ của xứ này.

Đã mười năm qua kể từ khi hai vua xa cách. Bỗng một hôm thiết tha muốn gặp em trai, Saria quyết định cử một sứ bộ đi mời chàng về thăm mình. Vua chọn chính tể tướng của mình cầm đầu sứ bộ ấy. Vị đại thần này, có một đoàn tùy tùng xứng đáng với phẩm chất của ông đi theo, lập tức lên đường và rong ruổi khẩn trương. Khi ông đến gần Xamáccăng, vua Sadonăng được báo trước, liền cùng các đại thần ra ngoài kinh thành nghênh tiếp. Các quan đều ăn mặc rất long lanh để tỏ lòng kính trọng vị quan đầu triều của hoàng đế. Quốc vương Táctari vô cùng mừng rỡ đón tể tướng và trước hết hỏi thăm tin tức của vua anh. Tể tướng đáp xong, liền trình bày lý do chuyển đi sứ của mình.

Sadonăng rất lấy làm cảm động: “Ngài tể tướng công minh ạ – vua nói – hoàng đế anh ta ban cho ta vinh dự lớn quá, thật không có lời mời nào làm ta thú vị hơn. Nếu anh ta muốn gặp thì ta cũng hết sức nôn nóng muốn thăm người. Thời gian không làm phai nhạt chút nào tình thân yêu của anh em ta. Bờ cõi ta đang thanh bình. Ta chỉ cần mười ngày là kịp chuẩn bị lên đường cùng với ngài. Bởi vậy, không cần ngài phải vào kinh thành một thời gian quá ngắn như vậy. Ngài hãy dừng lại đây và cho dựng trại ở chốn này. Ta sẽ ra lệnh mang đến ngay cho ngài và những người tùy tùng rất nhiều hoa quả tươi.”

Lệnh đó được thi hành ngay tức khắc. Nhà vua vừa quay gót về đến

Xamácăng, tể tướng đã thấy có người đưa đến cho mình cơ man là thức ăn vật uống, kèm theo những cao lương mỹ vị và tặng phẩm rất quý báu.

Trong lúc đó, vua Sadonăng sửa soạn khởi hành. Ông xử lý những công việc cấp bách nhất, lập một hội đồng cai trị đất nước trong thời gian mình vắng mặt, và cử đứng đầu hội đồng ấy một vị đại thần mà vua hiểu rõ tài đức và hoàn toàn tín nhiệm. Sau mười ngày, đoàn hộ giá sửa soạn xong xuôi. Vua giã từ hoàng hậu, rời kinh đô vào buổi chiều cùng các quan đi hộ giá, tới nghỉ ở hành cung mà vua cho dựng sẵn bên cạnh trại của tể tướng. Vua đàm đạo với viên sứ thần đến tận nửa đêm. Lúc ấy, muốn gặp lại một lần nữa hoàng hậu mà vua rất yêu quý, vua một mình trở lại hoàng thành và đi thẳng đến hậu cung. Hoàng hậu không ngờ vua quay trở lại, vừa làm việc bất chính với một viên quan hầu mặt hạng trong nội phủ. Hai người nằm với nhau lâu lắm và bây giờ đang ngủ say sưa.

Vua rón rén đi vào, tưởng dành cho hoàng hậu – mà vua vẫn ngỡ là yêu mình tha thiết – sự bất ngờ lý thú được gặp chồng quay lại. Nhưng vua xiết bao kinh ngạc khi trông thấy, dưới ánh đèn không bao giờ tắt trong các cung vua phủ chúa, một người đàn ông được nàng ôm ấp trong đôi tay! Vua lặng người, không biết có nên tin vào mắt mình nữa hay không. Nhưng không còn nghi ngờ gì nữa! Vua tự bảo: “Quái lạ! Ta chưa ra khỏi hoàng cung, ta còn ở dưới chân thành Xamácăng, thế mà chúng nó đã dám làm nhục ta! A, con khốn nạn! Tội của mày không thể không bị trừng phạt. Là vua, ta phải trừng trị những điều vô đạo xảy ra trong nước, là người chồng bị xúc phạm, ta có quyền chính đáng được trả thù.

Trong cơn phẫn nộ, nhà vua đáng thương ấy rút gươm, tiến lại gần giường, và chém một nhát kết liễu cuộc đời hai tên gian phu dâm phụ đang say sưa giấc nồng. Sau đấy, vua túm xác từng tên một ném qua cửa sổ xuống chiếc hào sâu bao quanh hoàng cung.

Trả thù xong theo cách ấy, vua ra khỏi kinh thành cũng lặng lẽ như lúc vào, và trở lại hành cung. Vừa tới nơi, không hề cho ai biết việc mình vừa làm, vua ra lệnh nhổ trại lên đường. Mọi việc xong tức khắc.

Trời chưa sáng hẳn, xa giá đã lên đường trong tiếng trống tiếng chiêng inh ỏi, đưa lại niềm vui cho tất cả mọi người, trừ nhà vua. Vẫn băn khoăn về sự thất tiết của hoàng hậu, nhà vua suốt thời gian đi đường lúc nào cũng buồn rầu ảo não.

Gần tới kinh đô nước Ấn Độ, vua được hoàng đế thân hành dẫn toàn bộ triều đình ra nghênh tiếp. Vui mừng biết bao cho hai bậc quân vương được gặp lại nhau! Họ cùng xuống ngựa ôm hôn nhau, và sau khi biểu lộ tình cảm bằng những cử chỉ cực kỳ thân thiết, hai vua cùng lên ngựa sóng cương đi vào thành phố giữa tiếng hoan hô của thần dân vua anh đến tận cung điện

của hoàng đế qua một cái vườn chung, vốn dĩ rất tráng lệ và vẫn dùng làm nơi tổ chức các buổi hành lễ và liên hoan trong triều, nay càng lộng lẫy vì được sắm sanh thêm các đồ đạc mới.

Saria tạm biệt quốc vương Táctari để cho chàng có thời giờ tắm gội và thay đổi trang phục; nhưng chàng vừa ra khỏi nơi thay áo, hoàng đế đã quay trở lại. Hai anh em cùng ngồi lên một chiếc sập. Và trong khi các triều thần kính cẩn đứng ra xa, hai vua bắt đầu đàm đạo với nhau về những câu chuyện giữa những người anh em đã gắn bó vì tình thân còn hơn vì dòng máu, lại lâu ngày xa cách. Đến giờ cơm chiều, họ cùng nhau dùng bữa, ăn xong lại tiếp tục chuyện trò mãi đến khi Saria thấy đêm đã quá khuya, đành lui về cung cho em được nghỉ ngơi.

Chàng Sadonăng bất hạnh đi nằm. Nhưng nếu sự có mặt của vua anh có thể làm cho chàng tạm thời lãng quên phiền muộn, thì giờ đây nỗi niềm kia lại càng xốn xang trong dạ. Đáng lẽ cần phải nghỉ ngơi thì chàng lại nhớ đến những giày vò đau đớn nhất. Những việc làm thất tiết của hoàng hậu lại hiện lên rõ mồn một trong tâm trí, chàng không thể nào chịu nổi. Cuối cùng không sao chợp mắt, chàng trở dậy. Và vì trong lòng quá sầu muộn bởi những ý nghĩ bi ai, trên mặt chàng hiện lên vẻ buồn rầu khiến cho hoàng đế không thể nào không nhận thấy. Hoàng đế tự hỏi: “Quốc vương Táctari làm sao thế nhỉ? Ai đã có thể gây nên nỗi buồn lộ ra nét mặt ấy? Chú ấy có điều gì phàn nàn về sự đón tiếp của ta chăng? Không! Ta đã tiếp chú ấy như tiếp một đứa em thân yêu, về mặt này ta tự xét chẳng có gì đáng trách. Có lẽ chú ấy buồn vì xa nước nhà hoặc vì xa hoàng hậu chăng? Nếu đúng là chú ấy buồn vì chuyện đó, thì ta phải trao ngay những tặng phẩm dành cho chú, để chú ấy muốn lên đường trở về Xamaccăng lúc nào cũng được.” Nghĩ như vậy, ngay ngày hôm sau, hoàng đế sai đưa đến cho vua em nhiều tặng phẩm, gồm những sản vật hiếm có nhất, đắt tiền nhất, kỳ lạ nhất ở Ấn Độ. Mỗi ngày hoàng đế lại cho bày ra những trò vui mới để giải buồn cho vua em. Nhưng những hội hè thú vị nhất đã chẳng làm cho chàng vui lên được chút nào lại còn khơi sâu thêm những nỗi buồn phiền.

Một hôm Saria ra lệnh mở cuộc đi săn lớn cách kinh đô hai ngày đường, ở một nơi đặc biệt có nhiều hươu nai. Sadonăng xin hoàng đế miễn cho chàng khỏi phải đi theo, viện cớ sức khỏe chàng không cho phép tham dự cuộc săn. Hoàng đế không muốn ép, để cho chàng được tự do, và cùng với tất cả triều đình lên đường đi dự cuộc vui giải trí. Hoàng đế đi khỏi, quốc vương nước Đại Táctari còn lại một mình, lui về khép kín trong buồng riêng. Chàng ngồi cạnh một cửa sổ nhìn ra vườn. Vườn ngự uyển đẹp đẽ cùng với tiếng hót của muôn ngàn chim chóc nuôi trong đó hẳn đã đưa lại cho chàng niềm khoan khoái nếu chàng còn có khả năng cảm thụ. Nhưng vẫn không ngừng bị day dứt bởi nhớ lại hành vi xấu xa của hoàng hậu, chàng ít nhìn xuống vườn hơn

là ngược mắt lên trời để thở than cho số phận không may của mình.

Tuy nhiên, dù phiền muộn đến thế nào đi nữa, chàng vẫn không khỏi nhận thấy một điều làm cho chàng hết sức chú ý. Một cái cửa bí mật trong cung hoàng đế đột nhiên mở ra, và từ đó bước ra hai chục người đàn bà, đi chính giữa là hoàng hậu mà phong thái rất dễ phân biệt với những người khác. Hoàng hậu tướng quốc vương nước Đại Táctari cũng đã đi sẵn, liền xăm xăm bước tới tận cửa buồng riêng của chàng. Nhà vua vì tò mò muốn quan sát hoàng hậu, cho nên ngồi nép vào bên trong để vẫn có thể nhìn ra mà không bị người ngoài trông thấy. Chàng để ý thấy những người đi theo hoàng hậu bỏ các tấm mạng cho đến lúc bảy giờ vẫn che mặt họ và cởi chiếc áo dài mặc trùm lên những bộ quần áo ngắn. Chàng cực kỳ ngạc nhiên khi nhận ra trong số người mà chàng tưởng gồm toàn là phụ nữ ấy có mười tên đàn ông da đen, mỗi tên ôm ngay lấy một cô nhân tình. Hoàng hậu, về phần mình, cũng không chịu đứng lâu không có người tình. Nàng vỗ tay gọi: “Maxút! Maxút!” Lập tức một tên đàn ông da đen tụt từ trên cây cao xuống, vội vã chạy đến với nàng.

Vì ngượng ngùng, tôi không thể thuật lại những việc gì xảy ra giữa những người đàn bà và bọn da đen ấy, đó là một chi tiết chẳng đáng phải quan tâm. Chỉ cần nói rằng điều Sadonăng trông thấy đủ cho chàng nghĩ rằng anh trai chàng cũng đáng thương hại không kém gì chàng. Cuộc hoan lạc của đám người dâm loạn ấy kéo dài đến tận nửa đêm. Cả bọn cùng tắm chung trong một cái hồ rộng vốn là một nơi rất trang nhã trong vườn. Sau đó họ mặc lại quần áo và trở lại cung hoàng đế bằng cái cửa bí mật; còn tên Maxút, vốn từ bên ngoài trèo qua thành vào vườn, lại trở ra bằng lối ấy.

Tất cả việc đó diễn ra dưới mắt quốc vương nước Đại Táctari, gọi lên trong lòng chàng vô vàn suy nghĩ: “Thật ta đã nhầm to khi nghĩ rằng điều bất hạnh của ta là cá biệt. Đây chẳng qua cũng là số kiếp không thể nào tránh khỏi của tất cả mọi ông chồng, bởi vì ngay đến hoàng đế anh ta, chúa tể của bao nhiêu nước chư hầu, bậc đế vương vĩ đại nhất thế giới, cũng không tránh được. Đã vậy thì ta héo hon vì buồn khổ chẳng hóa ra hèn yếu lắm sao! Thôi thế từ nay ký ức về một điều bất hạnh thường tình như vậy không còn đáng khuấy động sự yên tĩnh của đời ta nữa.” Quả nhiên, ngay từ giờ phút ấy chàng hết buồn phiền. Giá mà không trông thấy cảnh diễn ra dưới cửa sổ chàng đã không thiết gì đến ăn uống, thì giờ đây chàng sai dọn bữa tối và ăn một bữa ăn ngon lành nhất kể từ hôm từ già Xamaccăng đến nay. Hơn thế chàng cảm thấy thú vị nữa khi nghe những lời ca, tiếng nhạc du dương hòa tấu trong bữa ăn.

Những ngày tiếp đó, Sadonăng rất vui vẻ. Khi được tin hoàng đế đi sẵn trở về, chàng ra đón và tươi tỉnh chúc tụng vua anh. Saria thoát tiên không chú ý

đến sự đổi thay đó ở em trai, nhà vua còn mãi nói chuyện tiếc rẻ cho em đã không đi theo mình dự cuộc săn. Và cũng chẳng chờ cho em kịp trả lời, vua đã vội khoe về số lớn những hươu nai và dã thú khác săn bắt được và kể lại những niềm vui thích trong chuyến đi săn. Sadonăng sau khi chăm chú lắng nghe, liền cắt lời. Vì không còn bận bịu bởi những nỗi u sầu vẫn ngăn trở không cho chàng biểu lộ hết trí thông minh, giờ đây chàng nói bao nhiêu chuyện hay ho thú vị.

Hoàng đế cứ nghĩ là sẽ gặp lại em trai vẫn trong trạng thái sầu não như lúc chia tay cho nên rất lấy làm hoan hỉ thấy em vui vẻ. Vua nói: “Chú ạ, anh cảm tạ trời đất đã làm cho chú có sự thay đổi đáng mừng trong thời gian anh đi vắng. Anh thực sự vui lòng về việc đó. Tuy nhiên anh có một thỉnh cầu đối với chú, và anh rất mong chú đáp ứng điều anh sắp nói đây.”

- Em còn có điều gì dám từ chối anh? – Quốc vương Táctari đáp. – Đối với Sadonăng này, vua anh hoàn toàn có mọi quyền lực. Xin anh nói ra, em đang nóng lòng muốn được biết anh cần gì ở em.

- Từ hôm chú đến triều đình ta, – Saria nói tiếp – anh thấy chú luôn luôn buồn bã. Anh đã tìm đủ mọi cách bày ra các trò giải trí mà không kết quả. Anh nghĩ chắc chú buồn vì xa nước nhà; có khi lại ngờ hẫng vì chú nhớ hoàng hậu ở Xamáccăng, một người mà chú đã chọn làm vợ thì chắc có sắc đẹp tuyệt trần, cho nên chú mới sinh ra tư lự. Không biết anh đoán có đúng không; song anh thú thật chính vì lý do đó mà không muốn gặng hỏi nhiều, e làm chú không bằng lòng. Tuy vậy, dù anh chẳng có góp phần gì vào đó, khi đi săn trở về thấy chú vui vẻ nhất đời, tinh thần đã hoàn toàn thoát khỏi cái ưu tư nó đã làm cho chú mất hết mọi vui tươi thường nhật. Chú hãy vui lòng cho anh rõ tại sao trước kia chú buồn như vậy, và do đâu bây giờ chú hết ưu tư?

Nghe hỏi, quốc vương Đại Táctari trầm ngâm một lát như để tìm cách trả lời. Cuối cùng, chàng đáp như sau: “Anh là hoàng đế, là chúa tể của em; nhưng em van anh hãy miễn cho em không phải đáp ứng điều anh hỏi.”

- Không, chú ạ. – Hoàng đế nói. – Chú phải đáp ứng, ta thích như vậy, xin chú chớ khước từ.

Không thể khước từ trước sự gặng hỏi của Saria, Sadonăng nói: “Nếu vậy thì, thưa anh, anh đã ra lệnh, em xin chiều ý anh.”

Thế rồi chàng thuật lại sự thất tiết của hoàng hậu Xamáccăng. Kể xong, chàng nói: “Đây là nguyên nhân khiến cho em từng buồn bã. Xin anh xét cho, thái độ em như vậy có sai lầm chăng.”

- Ôi em ơi! – Hoàng đế thốt lên, chứng tỏ nhà vua thông cảm xiết bao mối hận của nhà vua Táctari. – Câu chuyện chú vừa kể cho anh nghe mới đáng

ghê tởm làm sao. Và anh phải kiên nhẫn lắm mới nghe được tới cùng. Anh ngợi khen chú đã trừng trị những tên phản trắc láo xược dám xúc phạm mình như vậy. Không ai có thể trách cứ hành động của chú. Chú xử sự như vậy là công minh. Về phần anh, anh thú thật ở vào địa vị của chú, có lẽ anh không kiềm chế được như chú đâu. Có lẽ anh không bằng lòng chỉ giết chết một con đàn bà mà thôi; anh nghĩ rằng có thể anh phải xử tử hơn một nghìn đứa mới hả được cơn điên. Giờ anh không còn ngạc nhiên về sự buồn phiền của chú nữa. Nguyên nhân gây nên thật quá cay đắng, quá tủi nhục, làm sao mà tránh được ưu tư. Trời! Thật lạ lùng làm sao! Không, anh tin rằng không bao giờ có thể xảy ra cho ai cái chuyện như vừa xảy ra với chú. Nhưng rốt cuộc ta phải tạ ơn Thượng đế đã đưa lại cho chú niềm an ủi. Và bởi vì anh tin chắc nó có căn cứ, chú hãy vui lòng nói cho anh rõ nhờ đâu mà chú trở lại bình tâm? Mong chú hãy thật lòng giải bày tâm sự với anh.

Sadonăng thấy càng khó nghĩ đối với điều này hơn cả điều trước, bởi nó liên quan đến chính anh mình. Nhưng rồi chàng cũng đành nhượng bộ trước những lời khẩn khoản của hoàng đế Saria. Chàng tâu: “Vậy thì em sẽ tuân lời anh, vì anh đã khẳng khẳng muốn biết rõ. Em sợ rằng sự phục thù của em sẽ gây cho anh nhiều điều phiền não hơn cả em trước đây. Nhưng, mong anh rồi đây chỉ nên tự trách mình, vì chính anh đã buộc em phải nói ra một điều mà lẽ ra em muốn chôn vùi trong lãng quên vĩnh viễn.

- Điều chú vừa nói đó càng kích thích thêm sự tò mò của ta. – Saria ngắt lời. – Chú hãy mau mau nói ra điều bí mật ấy cho anh rõ, cho dù nó thế nào đi nữa!

Không thể khước từ được, quốc vương Táctari đành kể lại chi tiết tất cả những điều đã thấy về những tên da đen cải trang, về cách xử sự của hoàng hậu cùng các người hầu và không quên tên Maxút. Chàng nói tiếp: “Sau khi đã chứng kiến tất cả những việc xấu xa đó, em nghĩ rằng tất cả đàn bà đều một duộc như vậy thôi. Họ không thể nào cưỡng nổi dục vọng. Suy nghĩ như vậy làm em tỉnh ra. Sự bình thản về tâm hồn của một người đàn ông mà lại tùy thuộc vào đức hạnh của đàn bà thì thật là quá yếu kém. Ý kiến ấy dẫn em đi đến những suy tư khác, và cuối cùng em cho rằng không có cách nào tốt hơn là tự mình khuây khỏa. Cũng khó khăn đấy, nhưng cuối cùng em vượt qua được. Nếu anh tin lời em, xin hãy làm như em.”

Mặc dù lời khuyên ấy đúng đắn, hoàng đế vẫn không thể nghe theo. Nhà vua còn nổi giận: “Quái thật, chánh cung hoàng hậu nước Ấn Độ ta mà lại có thể sa đọa một cách bỉ ổi như vậy ư? Không, chú ơi, anh không thể nào tin điều chú nói nếu anh chưa được nhìn thấy tận mắt. Có thể là chú trông nhầm. Vả chẳng cái việc này cũng quan trọng nó đáng cho anh tự mình mắt thấy tai nghe rồi hẵng khẳng định.”

- Thừa anh, nếu anh muốn chứng kiến việc đó thì chẳng có gì quá khó khăn. Anh chỉ việc tổ chức một chuyến đi săn nữa, và khi hai anh em ta đều đi ra ngoài kinh thành cùng với các quan của hai triều, chúng ta sẽ nghỉ lại ở hành cung; và đêm đến riêng hai chúng ta sẽ trở lại buồng riêng của em. Em tin chắc rằng ngày hôm sau anh sẽ nhìn thấy việc em đã từng trông thấy.

Hoàng đế chấp nhận cái mẹo ấy, và lập tức truyền tổ chức một chuyến đi săn mới. Nội nhật hôm ấy, các hành cung đã được cất lên ở nơi quy định.

Ngày hôm sau, hai vua lên đường cùng với tất cả hai đoàn tùy giá. Họ đến nơi cần hạ trại và ở lại đấy cho đến tối. Lúc này, Saria triệu tể tướng đến. Không nói rõ ý định của mình, nhà vua ra lệnh cho tể tướng thay mình khi vắng mặt, và không được cho phép một ai ra khỏi trại dù bất cứ lý do gì.

Truyền lệnh xong, hoàng đế cùng quốc vương Đại Táctari lên ngựa trở lại kinh thành, đến cung điện của Sadonăng. Họ đi ngủ. Sáng hôm sau họ dậy thật sớm ngồi bên cạnh cửa sổ nơi mà quốc vương Táctari từng nhìn thấy cảnh bọn người da đen hành lạc. Hai người hưởng không khí mát lành vì lúc này mặt trời chưa mọc. Vừa trò chuyện thảnh thơi họ lại đưa mắt ngó về phía cánh cửa bí mật.

Cuối cùng cánh cửa ấy mở ra. Xin được kể lại vắn tắt trong mấy lời: hoàng hậu xuất hiện cùng với bọn người hầu cùng mười tên da đen cải trang và cất tiếng gọi Maxút. Những điều hoàng đế trông thấy đủ cho vua hoàn toàn tin chắc vào nỗi nhục nhã và sự bất hạnh của mình. “Trời đất ơi! – Vua kêu lên. – Bỉ ối làm sao! Kinh tởm biết bao! Vợ một bậc đế vương như ta đây lại có thể phạm điều xấu xa ấy? Sau việc này, còn có nhà vua nào dám khoe khoang rằng mình là người hoàn toàn hạnh phúc? Ôi em ơi! – Hoàng đế ôm chầm vua Táctari và nói tiếp: – Thôi hai anh em mình hãy từ bỏ cuộc đời này. Trên đời này mọi việc đều là giả dối; chẳng qua nịnh hót đấy rồi lại phản trắc đấy mà thôi. Chúng ta hãy từ bỏ hết sơn hà xã tắc, hãy từ bỏ tất cả phù hoa hào nhoáng quanh ta. Anh em ta hãy đi đến những đất nước xa lạ, hãy kéo lê cuộc đời tăm tối mà che giấu điều bất hạnh của chúng mình.”

Sadonăng không tán thành quyết định của hoàng đế, nhưng chàng không dám cưỡng lại trong khi Saria đang cơn nóng giận. Chàng đáp: “Thưa anh, ý em cũng không khác ý anh. Em sẵn sàng đi theo anh đến bất cứ nơi nào anh muốn. Nhưng xin anh hứa với em là chúng ta sẽ quay trở về nếu chúng ta gặp được một kẻ nào còn đau khổ hơn cả chúng ta.”

- Anh hứa với chú, – hoàng đế đáp – nhưng anh không tin có thể có một người nào đau khổ hơn anh em ta.

- Em không chia sẻ ý kiến của anh đâu. – Vua Táctari nói. – Hơn thế em còn nghĩ rằng chắc chúng ta rồi chẳng phải đi lâu lắm đâu.

Nói xong, hai người bí mật ra khỏi hoàng cung, rồi theo một con đường khác với con đường họ từ hoàng cung trở về hôm trước. Họ đi mãi đến tối mịt, cho tới khi không còn nhận ra đường nữa mới dừng chân ngủ đêm đầu tiên dưới gốc cây. Tỉnh mơ hôm sau họ tiếp tục đi cho đến khi tới một bãi cỏ đẹp bên bờ biển, ở đây rải rác có nhiều cây to bóng mát um tùm. Hai anh em ngồi cạnh một gốc cây để nghỉ chân, hóng mát và đàm đạo về sự thất tiết của các hoàng hậu.

Hai người trò chuyện chưa lâu, bỗng nghe từ phía biển, cũng khá gần bờ thoi, một tiếng động khủng khiếp cùng một tiếng thét kinh hồn làm cho họ vô cùng hoảng sợ. Thế là mặt biển mở ra, một cột đen rất lớn từ dưới nước đùn lên cao đến tận mây xanh. Cảnh tượng đó làm cho hai vua càng khủng khiếp. Hai anh em vội vàng đứng dậy leo lên một cây có vẻ dễ nấp kín nhất. Hai người vừa lên tới ngọn, đưa mắt nhìn về phía phát ra tiếng động, nơi mặt biển vừa mở ra, thì thấy cái cột đen ấy rẽ nước tiến vào bờ. Lúc đầu chưa nhận ra vật gì nhưng lát sau họ hiểu ra ngay.

Đây là một trong những hung thần tinh ranh, độc ác, kẻ thù không đội trời chung với loài người. Lão ta đen thui và xấu xí, hình dáng thật sự là một tên khổng lồ lêu đêu. Trên đầu lão đội một cái hòm lớn bằng thủy tinh được khóa chặt bởi bốn chiếc khóa thép ròng. Lão đội cái hòm ấy đi vào bãi cỏ và đặt xuống đúng ngay dưới gốc cây hai người đang nấp. Hai vua hiểu mình đang trải qua một tai ương ghê gớm và cho là sắp bị giết chết đến nơi. Lão hung thần ngồi xuống cạnh hòm, lấy bốn chiếc chìa khóa đeo ở thắt lưng ra mở khóa, rồi nhấc ra một người đàn bà ăn mặc rất sang trọng, dáng dấp đường bệ và sắc đẹp tuyệt trần. Con quỷ sứ để nàng ngồi xuống bên cạnh và nhìn nàng say đắm: “Phu nhân ơi, người đẹp tuyệt vời trong tất cả mọi người đẹp ơi, con người đáng yêu mà ta đã bắt cóc trong ngày cưới của nàng, và từ ngày ấy đến nay ta luôn luôn yêu quý, nàng hãy cho ta được ngủ một lúc bên cạnh nàng! Chính vì ta buồn ngủ cho nên mới định đến nơi đây nghỉ ngơi chốc lát.” Nói xong, lão gồng cái đầu to xù lên đui người đàn bà, duỗi đôi chân dài ra tận biển, rồi chẳng mấy chốc ngủ say, tiếng ngáy vang động cả bờ biển.

Người đàn bà tình cờ ngược mắt nhìn lên, trông thấy hai vua trên ngọn cây, liền ra hiệu bảo hai người nhẹ nhàng tụt xuống. Hai vua cực kỳ khiếp đảm khi thấy mình bị phát hiện. Cũng bằng cách ra hiệu, hai nhà vua xin người đàn bà miễn cho họ phải tuân theo. Nhưng ả ta sau khi nhẹ nhàng nhấc đầu lão hung thần khỏi chân mình đặt xuống đất, liền đứng lên nói với họ bằng một giọng nhỏ nhẹ nhưng thiết tha: “Hãy xuống đây; nhất thiết hai chàng phải xuống đây với em.” Họ muốn ra hiệu cho ả hiểu là họ sợ lão hung thần. Nhưng vô ích, ả vẫn tiếp tục nói với cái giọng ấy: “Hãy xuống đây, nếu hai chàng không chịu nghe lời em thì em sẽ đánh thức con quỷ này

dậy và chính em sẽ xui lão giết chết hai chàng.”

Câu nói ấy làm hai vua lo sợ quá, đành phải bắt đầu tụt xuống gốc cây một cách hết sức thận trọng để tránh làm lão hung thần thức giấc. Khi họ xuống đến đất rồi, ả cầm tay họ dẫn đến một nơi xa xa dưới hàng cây buộc họ phải làm điều dâm dăng. Họ khước từ, nhưng trước những lời dọa nạt và sợ bị lộ, họ đành phải vâng theo. Sau khi đạt được điều mong muốn, trông thấy mỗi chàng đeo một chiếc nhẫn ở ngón tay, người đàn bà liền hỏi xin. Vừa cầm trong tay hai chiếc nhẫn, ả tìm một cái hộp để trong túi đựng đồ trang sức, lấy ra một sợi dây có xâu nhiều chiếc nhẫn đủ kiểu, đưa cho họ xem: “Hai chàng có biết những vật này có ý nghĩa gì không?”

- Không. – Họ đáp. – Chắc nàng có thể cho chúng tôi hay.

- Đây là nhẫn của những người đàn ông đã từng ân ái với tôi. Đúng chín mươi tám chiếc. Tôi giữ để làm kỷ niệm. Tôi vừa xin hai chàng cho hai chiếc nhẫn kia, là để cho chẵn một trăm. Như vậy là – ả nói tiếp – đến ngày hôm nay tôi có đúng một trăm tình nhân, mặc cho sự phòng xa và mọi cách ngăn ngừa của lão hung thần xấu xí vẫn bám riết lấy tôi này. Mặc cho lão nhót tôi trong chiếc hòm thủy tinh, mặc cho lão giấu tôi dưới tận đáy biển, tất thảy đều vô ích mà thôi. Tôi vẫn có cách đánh lừa được lão. Các chàng thấy đấy, một khi người đàn bà có sẵn điều tình ý rồi, thì không có ông chồng hay người yêu nào có thể ngăn giữ không cho người ấy thực hiện bằng được tình ý của mình. Tốt hơn là đàn ông chớ nên trái ý đàn bà, có lẽ đó là cách tốt nhất cho đàn bà giữ được tiết hạnh.

Nói xong, người đàn bà xâu hai chiếc nhẫn vào cùng một chuỗi với những chiếc kia. Đoạn, ả lại trở về ngôi vào chỗ cũ, bệ đầu lão hung thần đặt gối trở lại lên đùi mình mà không làm cho lão thức giấc, rồi ra hiệu báo cho hai nhà vua hãy đi nơi khác.

Họ theo đường cũ quay trở về. Khi đã đi xa ngoài tầm mắt của người đàn bà và lão hung thần, Saria lên tiếng hỏi Sadonăng: “Này chú, chú nghĩ gì về chuyện vừa xảy ra? Lão hung thần có một người yêu khá chung thủy đấy chứ! Và chú có nhận thấy không, thật không có gì sánh nổi sự tai quái của đàn bà.”

- Thưa anh, có. – Quốc vương của nước Đại Táctari đáp. – Và anh hẳn cũng phải đồng ý với em rằng lão hung thần còn đáng thương hại và đau khổ hơn anh em ta. Bởi vậy chúng ta hãy quay trở về vì đã gặp được điều chúng ta đang tìm kiếm. Và chúng ta cũng chớ vì chuyện đó mà thôi không ăn ở với đàn bà. Về phần em, em biết cách làm sao giữ cho trọn niềm tin của mình. Lúc này đây em chưa muốn nói ra, nhưng một ngày kia anh sẽ nhận được tin tức về em, và em tin rằng anh sẽ noi gương em.

Hoàng đế tỏ ý đồng tình. Hai người tiếp tục đi cho tới hết đêm thứ ba kể

từ ngày xuất phát, thì trở về đến nơi hạ trại.

Tin hoàng đế trở về được lan truyền. Từ sáng sớm các triều thần đã tề tựu trước hành cung. Nhà vua cho mời vào, tiếp các quan với vẻ tươi cười hơn thường lệ, và ban thưởng cho tất cả mọi người. Sau đó, nói rằng mình không muốn đi xa nữa, vua truyền cho mọi người lên ngựa và trở về hoàng cung.

Vừa tới nơi, hoàng đế lập tức đến hậu cung, ra lệnh bắt trói hoàng hậu ngay trước mặt mình, rồi sai tể tướng mang đi xử giảo. Viên đại thần này thi hành lệnh vua mà cũng chẳng buồn hỏi xem hoàng hậu đã phạm tội gì. Nhà vua đang giận dữ không chỉ bằng lòng có thế. Vua tự tay chặt đầu tất cả những nàng hầu của hoàng hậu. Sau sự trừng phạt nghiêm khắc ấy, tin chắc rằng trên đời không có một người đàn bà nào là tiết hạnh và để ngăn ngừa không cho những người mà mình sẽ ăn nằm trong tương lai có cách gì thất tiết với mình, vua quyết định cứ mỗi đêm lấy một người làm vợ, rồi cho xử giảo người đàn bà ấy ngay sáng hôm sau. Đặt ra cái luật nghiệt ngã ấy rồi, hoàng đế thề sẽ thực hiện ngay lập tức sau khi em trai lên đường trở về nước.

Quốc vương Táctari chẳng bao lâu cũng từ biệt vua anh lên đường, mang theo nhiều tặng phẩm quý báu.

Sadonăng đi khỏi, Saria truyền cho tể tướng đưa đến cho mình con gái một viên đại tướng. Tể tướng tuân lệnh. Hoàng đế ăn nằm với nàng. Sáng hôm sau, khi giao nàng lại cho tể tướng để mang đi hành quyết, vua lại truyền cho ông phải tìm một người con gái khác cho đêm tới. Dù đau khổ đến đâu khi phải thực hiện những mệnh lệnh như vậy, tể tướng cũng bắt buộc phải thi hành nghĩa vụ của ông là nhắm mắt tuân theo mọi lời phán bảo của hoàng đế. Ông sai đưa đến cho vua một người con gái của một võ quan cấp dưới. Cô này sáng hôm sau bị xử giảo. Tiếp đó là ái nữ của một nhà giàu có trong kinh thành. Tóm lại, cứ mỗi tối có một người con gái trinh đi lấy chồng và mỗi sáng có một người vợ bị giết hại.

Tiếng đồn về hành động bất nhân vô tiền khoáng hậu ấy gây nên sự hoang mang trong khắp kinh thành. Đi đâu cũng chỉ còn nghe thấy tiếng kêu gào khóc lóc. Chỗ này là một người cha nước mắt đầm đìa, tuyệt vọng vì vừa mất đứa con. Nơi kia là bà mẹ thân yêu rên rỉ sợ con gái mình rồi cũng sẽ lâm vào cảnh ngộ ấy. Thế là thay vào những lời ca ngợi và tạ ơn mà hoàng đế vẫn nhận được từ trước đến giờ, nay chỉ có lời trăm họ nguyện rửa nhà vua.

Vị tể tướng, như đã nói ở trên, buộc lòng phải thi hành mọi điều bất công khủng khiếp. Ông có hai người con gái, cô đầu tên là Sêhêrazát^[13]; người con thứ hai là Đináczát^[14]. Cô em không kém chị về tài hoa đức hạnh; song người chị không những dũng cảm hơn tất cả nữ nhi, lại vô cùng thông minh và rất mực trí lự. Nàng đọc rất nhiều sách và có trí nhớ kỳ diệu đến nỗi

chẳng bao giờ quên bất cứ một điều gì đã đọc qua. Nàng hiểu biết thành thạo các môn triết học, y học, lịch sử và mỹ thuật. Nàng làm thơ hay hơn thơ của thi sĩ nổi tiếng nhất đương thời.

Ngoài ra, nàng lại có sắc đẹp tuyệt trần. Và sáng ngời trên tất cả những mặt tài hoa ấy, là đức hạnh kiên trinh.

Tể tướng yêu quý con gái nồng nhiệt, và nàng quả xứng đáng với tình thương yêu của cha. Một hôm, hai cha con đang trò chuyện, nàng bảo cha:

- Thừa phụ thân, con có một điều van xin cha, con thiết tha mong được cha cho phép.

- Cha sẽ không từ chối, – tể tướng đáp – miễn là yêu cầu của con chính đáng và phải chăng.

- Gọi là chính đáng thì không thể có điều nào chính đáng hơn. – Nàng Sêhêrazát nói. – Cha có thể xem xét qua nguyên do thúc đẩy con ngỏ lời khẩn cầu. Con có ý định ngăn chặn những hành động dã man mà hoàng đế đang gây ra cho mọi gia đình trong kinh thành. Con muốn xua tan nỗi lo âu chính đáng của biết bao bà mẹ đang lo sợ phải mất con gái một cách thảm thương.

- Con ạ, ý định của con rất đáng khen, nhưng cha thấy tai họa mà con muốn ngăn chặn ấy hình như không có cách gì ngăn chặn. Làm sao sức con có thể làm tròn được cơ chứ!

- Thừa phụ thân, – nàng Sêhêrazát lại nói – bởi vì qua sự môi giới của cha mà mỗi ngày hoàng đế cưới một người vợ mới, con van xin cha hãy vì tình thương con mà cho con được vinh dự nâng khăn sửa túi cho hoàng đế.

Tể tướng không thể nén kinh hoàng khi nghe câu nói đó. “Trời! – Ông giận dữ thốt lên. – Con mất trí rồi hay sao hở con gái? Con không biết là con vừa thỉnh cầu cha một điều cực kỳ nguy hiểm sao? Con đã biết rõ hoàng đế từng long trọng thề là chỉ ngủ một đêm với một người đàn bà rồi cho giết người ấy ngay sáng hôm sau. Ấy thế mà con lại muốn cha tâu xin Người lấy con sao? Con có nghĩ rằng sự nông nổi của con sẽ đưa con đến tai họa hay không?

- Vâng, thưa cha, con hiểu rõ tất cả mọi nguy hiểm con sẽ trải qua, – người con gái đức hạnh ấy đáp – nhưng nó không hề làm cho con sợ hãi. Nếu con chết, cái chết của con sẽ quang vinh. Nếu con thành đạt trong việc này, con sẽ giúp cho quê hương đất nước một công việc quan trọng.

- Không, không, cho dù con có nói thế nào đi nữa, con cũng chớ có nghĩ rằng cha sẽ bằng lòng cho con lao vào nỗi hiểm nghèo ghê gớm ấy. Rồi khi hoàng đế truyền cho cha sai người đâm lưỡi dao vào ngực con, than ôi, thế tất là cha sẽ phải tuân lệnh! Công việc ấy đau đớn xiết bao cho một người

cha! Ôi! Nếu con không sợ chết, thì ít ra con cũng phải sợ gây nên cho cha nỗi đau khổ cùng cực là thấy bàn tay mình phải nhuộm máu con gái chứ.

Sêhêrazát vẫn khẳng khái:

- Một lần nữa, con xin cha chấp thuận cho điều con thỉnh cầu, thưa cha!

- Sự cứng đầu cứng cổ của con làm cha nổi giận. Tại sao con cứ muốn tự mình lao vào chỗ chết như vậy? Ai không nhìn thấy trước một công việc nguy hiểm mà mình sắp dấn thân và rồi sẽ kết thúc ra sao ắt sẽ không thể nào thoát khỏi công việc ấy một cách tốt đẹp. Cha sợ rồi đây sẽ xảy ra cho con điều đã từng xảy ra cho con lừa trong câu chuyện ngụ ngôn ấy.

- Điều không may gì đã xảy ra cho con lừa ấy vậy, thưa cha? – Sêhêrazát hỏi.

Tể tướng đáp:

- Cha sẽ kể cho con nghe. Hãy lắng tai nghe đây!

CHUYỆN NGỰ NGÔN CON LỪA, CON BÒ VÀ NGƯỜI THỢ CÀY

Có một thương gia rất giàu có, ông ta có nhiều trang trại ở thôn quê, nuôi rất nhiều loại gia súc. Ông cùng vợ và con trai lui về một trang trại của mình, và tự trông nom việc làm ăn sinh lợi. Trời phú cho ông một cái khiếu là nghe hiểu được tiếng nói của súc vật, nhưng với một điều kiện là nghe xong không được thuật lại với ai, nếu không sẽ bỏ mạng. Bởi vậy dù ông biết hết nhưng chẳng bao giờ dám truyền lại cho ai hay những điều ông hằng nghe súc vật nói.

Trong một chuồng kia nhốt chung một con bò và một con lừa. Một hôm đang ngồi cạnh chuồng xem lũ nhỏ nô đùa, chợt ông nghe tiếng con bò bảo con lừa:

- Lừa ơi, trông thấy cậu nhàn hạ, công việc người ta buộc cậu làm chẳng có là bao, tớ càng thấy cậu hạnh phúc quá chừng. Có người lo kỳ cọ chải lông cho cậu, tắm rửa cho cậu, mang cho cậu ăn đại mạch đã được sàng lọc cẩn thận, lại cho cậu uống nước vừa mát vừa trong. Công việc nặng nhọc nhất của cậu là cho ông chủ cười mỗi khi ông chủ cần đi đó đi đây tí chút. Không có việc đó thì cả đời cậu sẽ trôi qua trong sự vô công rồi nghề.

Khác hẳn cách thức người ta đối xử với tớ. Cậu thoải mái đến đâu thì tớ khó nhọc đến đấy. Chưa quá nửa đêm người ta đã đóng ách vào cổ tớ. Rồi tớ nai lưng ra mà cày xới suốt ngày. Có hôm tớ mệt đến nỗi muốn quy ngay tại chỗ. Ấy là chưa kể lão thợ cày đi đằng sau lúc nào cũng lăm lăm cái roi chực quất vào mông tớ. Kéo cày nhiều quá cổ tớ cứ tứa máu ra. Sau khi phải làm lụng suốt ngày từ sáng tới chiều, tối về người ta ném cho tớ mớ cỏ khô mà cũng chẳng buồn nhặt bớt cát sạn và các thứ lãnh nhăng lẫn vào trong cỏ. Khốn khổ hơn nữa là sau khi ăn ba miếng cái thức ăn chẳng có gì ngon lành ấy, tớ buộc phải ngủ ngay trên cứt đái của mình. Cậu thấy đấy, tớ ganh tị số phận của cậu là phải quá đi chứ.

Lừa không ngắt lời bò, nó cứ để cho bò nói chán chê, xong đâu đấy mới bảo:

- Người ta bảo ngốc như bò chẳng ngoa chút nào. Cậu khờ quá, cậu để mặc cho người ta đối xử thế nào cũng được, chẳng bao giờ cậu quyết định được điều gì ra trò. Ấy thế mà cậu xem, cậu chịu đựng bao nhiêu nỗi bất công như vậy rốt cuộc được cái gì nào? Cậu làm chết xác vì sự thanh nhàn, vui thú và lợi lộc của những kẻ ăn ở không biết điều với cậu. Người ta sẽ không đối xử với cậu như vừa qua đâu nếu cậu có lòng dũng cảm cũng ngang bằng như thể lực của cậu vậy. Khi người ta dắt cậu buộc vào chuồng, tại sao cậu không cưỡng lại? Tại sao cậu không giơ sừng ra mà húc đại mấy

phát vào? Tại sao cậu không biết dậm chân để tỏ ý giận dữ? Và cuối cùng, tại sao cậu không biết be lên một cách khủng khiếp cho người ta sợ? Trời đã phú cho cậu khả năng khiến người khác kính trọng, thế mà cậu không biết dùng. Lúc nào người ta mang cỏ úa rơm ương vào thì chó có ăn, hãy đưa mũi ngửi rồi bỏ đấy! Nếu cậu làm theo lời khuyên của tớ thì đời cậu sẽ có sự thay đổi, và rồi cậu sẽ biết ơn tớ cho mà xem.

Tin lời lừa, bỏ ngỏ lời cảm ơn rồi rút: “Bạn lừa thân yêu ơi, mình sẽ không quên làm đúng những điều cậu dặn, rồi cậu sẽ thấy mình xử sự đúng đắn.”

Nói đến đây, hai con vật im. Thương gia nghe không bỏ sót một lời.

Hôm sau người thợ cày đến rất sớm, dắt con bò ra đóng vào cày và bắt làm công việc thường ngày. Không quên những lời khuyên của bạn lừa, hôm ấy bò tỏ ra rất hung dữ. Đến tối khi người thợ cày dắt trở về chuồng và muốn buộc nó vào chỗ cũ, con vật tinh quái không ngoan ngoãn đưa cổ ra cho người ta buộc mà lại còn tỏ vẻ bất kham, vừa giật lùi vừa be lên vừa chúi đầu chĩa đôi sừng nhọn ra như thể muốn húc vào người thợ cày nữa chứ. Nó làm đủ mọi thứ ranh ma mà chú bạn lừa đã bày cho. Sáng hôm sau người thợ cày đến định bắt bò đi làm thì trông thấy cái máng còn nguyên rơm cỏ, còn bò ta thì nằm xoài, duỗi thẳng cẳng và thở hổn hển một cách lạ lùng. Tưởng bò ốm, anh ta thương hại, cho là bắt con vật đi làm trong tình cảnh này thì bất nhân quá, liền quay trở lại báo cho thương gia rõ chuyện. Thương gia biết là những lời khuyên của lừa đã được bò làm theo. Để trừng trị cho thật đáng với tội, ông ta bảo người thợ cày: “chú đến lôi con lừa đóng vào cày, buộc nó phải cày thay cho bò và nhớ ốp nó phải làm cho khỏe vào.”

Thợ cày tuân lệnh. Suốt ngày hôm ấy con lừa buộc phải kéo cày; vì chưa quen việc nên lừa ta càng thêm mệt. Đã thế, nó bị quất nhiều roi đến nỗi về tới chuồng, không sao đứng vững được nữa.

Trong lúc ấy thì bò ta rất hài lòng. Nó chén hết mọi thứ trong máng rồi nghỉ ngơi suốt ngày. Bò ta thú vị là đã biết nghe lời khuyên của lừa. Nó cầu phước cho lừa về cái ơn ấy. Và khi con lừa đi làm về, bò ta không quên thốt lên mấy lời chúc tụng. Lừa không đáp một lời. Nó đang bực vì bị đối xử rất ư là tàn tệ. Nó tự nhủ:

- Ấy là do sự bất cẩn của ta cho nên mới đến nông nỗi này. Trước đây mọi điều tốt đẹp, ta muốn gì được nấy, lỗi tại ta cho nên mới dẫn đến tình cảnh thảm hại này; nếu không nghĩ ra được một kế gì đó để thoát khỏi cảnh này thì chết bỏ thân là cái chắc.

Nghĩ đến đây, lừa ta thấy mình kiệt sức đến nỗi lăn đùng ra bên cạnh máng thóc như sắp chết đến nơi.

Kể đến đây, tể tướng nói với Sêhêrazát:

- Con gái của cha ời, con đang xử sự y hệt con lừa ấy, con tự dẫn thân vào cái chết do sự bất cẩn của mình. Con hãy nghe lời cha, hãy nghỉ ngơi thoải mái, chớ có tự mang họa vào thân.

Nàng Sêhêrazát đáp:

- Thừa cha, tấm gương cha vừa nêu lên cho con thấy không đủ để làm thay đổi ý nguyện của con. Con sẽ không thôi làm phiền nhiều cha chừng nào cha chưa chịu cho con vào cung để được làm vợ hoàng đế.

Thấy con gái vẫn cứng đầu, tể tướng nói:

- Thôi được, bởi con cứ ngoan cố, cha buộc phải đối xử với con theo cách người thương gia mà cha vừa kể đối xử với vợ ông ta ít lâu sau đó. Câu chuyện là như thế này:

Biết rõ con lừa đang trong tình trạng thảm thương, nhà buôn ấy tò mò muốn rõ điều gì có thể xảy ra giữa nó với con bò. Vì vậy, ăn tối xong, nhân đêm có trăng, ông ta đưa vợ ra cùng ngồi chơi cạnh chuồng gia súc. Vừa tới nơi, đã nghe lừa đang nói với bò:

- Bạn cùng chuồng ời, xin bạn vui lòng nói cho tôi rõ, bạn định sẽ làm như thế nào sáng sớm mai, khi anh thợ cày mang cỏ đến cho bạn?

Bò đáp:

- Tôi sẽ làm như thế nào ư? Tôi sẽ tiếp tục làm y như cậu đã bày cho tôi. Trước hết tôi sẽ thụt lùi, rồi tôi sẽ chĩa sừng ra với lão ấy đúng hệt như hôm qua. Tôi sẽ giả ốm, tôi sẽ làm như sắp chết đến nơi.

- Xin bạn hãy cẩn thận chớ có làm như vậy! – Lừa ngắt lời bò. – Đó là cách đưa bạn tới chỗ chết, bởi vì bạn chiều, khi đi làm về tôi nghe vị thương gia ông chủ của chúng ta nói lộ ra một điều mà tôi đâm lo thay cho bạn.

- Ủa điều gì vậy? – Bò vội hỏi. – Xin làm ơn chớ có giấu tôi điều gì, bạn lừa thân mến ời!

- Ông chủ của chúng ta – lừa nói tiếp – đã bảo anh thợ cày những lời đáng buồn như sau: “Bởi con bò không chịu ăn và nó đứng không vững nữa, ta muốn ngày mai sẽ cho mổ thịt nó. Thịt nó sẽ chia cho người nghèo để làm phúc. Còn da nó có thể có ích, chú hãy mang giao cho thợ thuộc da. Vậy sáng mai chú chớ quên gọi đồ tể đến.” Đó là điều tôi muốn báo cho bạn hay – Lừa ta nói tiếp – Vì quan tâm đến những lời nói đó và vì tình bạn giữa hai chúng ta, tôi thấy cần báo tin cho bạn rõ và cho bạn lời khuyên mới. Trước hết, khi người ta mang rơm và cỏ đến cho bạn, bạn hãy đứng phắt dậy và ăn ngấu ăn nghiêng một cách rất thèm khát. Trông thấy vậy ông chủ sẽ tưởng bạn đã khỏi bệnh, may ra ông sẽ thu hồi cái lệnh mổ thịt bạn lại chẳng. Nếu bạn không làm theo cách tôi dặn thì coi như đời bạn thế là đi tong.

Những lời lẽ ấy mang lại đúng hiệu quả mà lừa ta chờ đợi. Con bò lo sợ đến nỗi kêu rống lên vì khiếp đảm. Vị thương gia đang chăm chú nghe hai con vật trò chuyện, phá lên cười, khiến cho người vợ ngồi bên rất đỗi ngạc nhiên. Thị hỏi chồng:

- Có điều gì vui mà chàng cười lớn vậy, xin nói cho em rõ, để em cùng vui với chàng!

- Minh ơi, hãy bằng lòng nghe tôi cười là đủ! – Thương gia đáp.

- Không, em muốn biết rõ tại sao chàng cười cơ.

- Tôi không thể làm thỏa sự mong muốn của mình. Chỉ nên biết rằng tôi cười về cái điều mà con lừa vừa nói với con bò. Hãy biết vậy thôi, còn nữa là điều bí mật mà tôi không được phép tiết lộ.

- Ai cấm chàng không được phép nói cho em biết? – Bà vợ một mực khẳng khái.

- Mình hãy biết rằng nếu tôi nói lộ ra, tôi sẽ mất mạng ngay tức khắc.

- Ông coi thường tôi quá, – bà vợ kêu lên – điều ông nói chẳng đúng sự thật. Nếu ông không chịu nói thật cho tôi nghe tại sao hôm nấy ông cười, nếu ông khước từ không cho tôi rõ con lừa đã nói gì với con bò, thì tôi thề có trời cao đất dày chứng giám, ông với tôi sẽ không còn vợ vợ chồng chồng gì với nhau nữa.

Nói đến đây, bà ta bỏ vào nhà, đến ngồi vào một xó rồi khóc như mưa như gió suốt đêm cho tới sáng. Ông chồng đành lên giường ngủ một mình. Sáng hôm sau, thấy vợ vẫn chưa hết than vãn, ông nói:

- Mình cứ rầu rĩ vậy thật chẳng biết điều chút nào. Việc không đáng cho mình phải làm như vậy. Đối với mình, có hệ trọng gì, việc biết hai con vật đã nói gì với nhau, trong khi đối với tôi, giữ điều bí mật còn hệ trọng hơn nhiều. Thôi, tôi xin mình đừng có nghĩ tới chuyện ấy nữa.

- Tôi cứ nghĩ, – bà vợ đáp – tôi cứ khóc, kỳ cho đến bao giờ ông thỏa mãn sự hiếu kỳ của tôi mới thôi.

- Nhưng tôi nói với mình thật nghiêm túc, nếu tôi nghe theo lời nài nỉ của mình, là tôi mất mạng đấy.

- Có xảy ra việc gì cũng mặc, tôi không chịu thôi đâu.

- Thế là chẳng còn cách nào làm cho mình nghe ra lẽ phải. Vì cứng đầu cứng cổ như vậy rồi mình sẽ buồn phiền mà chết mất thôi. Bởi vậy tôi sẽ gọi con cái lại, để cho chúng nó được niềm an ủi là nhìn thấy mẹ trước khi mẹ qua đời.

Thương gia cho gọi con cái đến, lại còn sai người đi mời bố mẹ đẻ của vợ đến nữa. Khi gia đình tụ họp đông đủ, ông kể cho mọi người nghe đầu đuôi

câu chuyện. Mọi người xúm lại khuyên giải người đàn bà rằng cứ khẳng khẳng cổ chấp là sai nhưng bà ta chẳng chịu nghe ai.

Mặc cho bố mẹ để giảng giải rằng điều bà muốn biết chẳng có gì hệ trọng, ngay đến cả quyền uy cũng như lý lẽ của hai bố mẹ để cũng chẳng mảy may tác động đến con gái. Còn lũ trẻ thấy mẹ cứ để ngoài tai mọi điều hay lẽ phải thì thi nhau khóc âm ỉ cả nhà. Ngay vị thương gia cũng rối trí, chẳng biết nên xử sự thế nào. Ngồi một mình bên cánh cửa, ông đã nghĩ tới chuyện có lẽ phải hy sinh mạng sống của mình đi để cứu lấy mạng người vợ mà ông hết mực thương yêu.

- May sao, con gái của bố ạ, – tể tướng nói tiếp với Sêhêrazát – vị thương gia ấy có nuôi năm chục con gà mái cùng một gà trống. Ông giao cho một con chó trông nom đàn gia cầm ấy. Trong lúc ông đang ngồi bên cửa trầm ngâm suy nghĩ về điều sẽ làm, chợt trông thấy con chó đang nói với con gà trống đang đập mái như sau: “Này gà trống kia ơi! Thương đế chẳng còn để cho mày sống bao lâu nữa đâu. Mày không biết xấu hổ về việc mày đang làm đấy hay sao?”

Gà trống ta quay lại kiêu hãnh trả lời:

- Tại sao hôm nay lại cấm tôi làm cái việc mọi ngày tôi vẫn làm cơ chứ?

- Ấy là tại mày chưa biết đấy thôi. Hôm nay ông chủ nhà ta đang có một việc buồn lớn. Vợ ông ta đang muốn ông ta tiết lộ một điều bí mật, mà để lộ ra ông ta sẽ mất mạng. Sự việc mới đến đấy. Nhưng rất đáng sợ là ông ta không đủ rắn rỏi trước sự cứng đầu cứng cổ của bà vợ bởi ông thương bà ta lắm, ông không chịu nổi những giọt nước mắt tuôn ra không ngớt của bà. Ông chủ chúng ta đến chết mất thôi. Cả nhà đang cuống lên vì chuyện đó. Chỉ độc có mày cứ như chửi vào nỗi buồn của tất cả chúng tao. Mày cứ nhớn nhơ rậm rịch với đám gà mái của mày.

Gà trống đáp lại những lời trách móc của chó như sau:

- Ông chủ nhà ta thật đoảng. Ông chỉ có mỗi một bà vợ mà không biết thu xếp cho ổn thỏa. Trong khi tôi có năm chục con mái mà đâu ra đấy. Ông ta hãy tỉnh trí lại, thì sẽ tìm ra cách thoát khỏi cơn bối rối ngay.

- Thế mày bảo ông ta nên làm như thế nào? – chó hỏi.

- Ông ta hãy đi vào buồng riêng của vợ, cài chặt then cửa lại rồi cầm gậy phang cho bà ấy đủ một trăm gậy. Tôi cảm chắc bà ta sẽ biết điều, và rồi chẳng còn dám thúc ép chồng nói cho nghe cái điều bí mật ấy nữa cho mà xem.

Vừa nghe lọt tai điều con gà trống nói, thương gia liền đứng phắt dậy. Ông vớ lấy một chiếc gậy to, đi tìm vợ dắt vào buồng, cài chặt then buồng lại, rồi giã cho bà một trận nên thân, đến nỗi bà ta phải van xin rồi rít:

- Thôi đủ rồi, đủ rồi, mình ơi, xin hãy tha cho em, em không dám đòi hỏi ở mình một điều gì nữa!

Nghe vậy, biết vợ đã bỏ được cái tính tò mò vô lối, ông chồng ngừng tay gậy. Ông mở cửa. Cả nhà ủa vào, mừng rỡ thấy người đàn bà đã khỏi được cái chứng cứng đầu. Ai cũng khen ngợi thương gia đã biết cách làm cho bà vợ trở nên biết điều. Con gái của bố à, con thật đáng được đối xử như mẹ vợ thương gia ấy.

- Thừa cha, – nàng Sêhêrazát đáp – xin cha chớ cho con là cứng đầu nếu con vẫn giữ ý kiến của mình. chuyện về người vợ vị thương gia ấy không lay chuyển nổi con đâu. Con còn có thể kể cho cha nghe nhiều chuyện khác để thuyết phục cha chớ nên cản trở ý đồ của con. Và chẳng, xin cha tha lỗi cho nếu con dám nói ra điều này. Xin cha đừng ngăn cản con vô ích. Nếu tình phụ tử ngăn không cho cha chấp thuận lời khẩn cầu của con, thì tự con sẽ đến tận xin thẳng với hoàng đế.

Cuối cùng đuối lý trước quyết tâm của con gái, tể tướng đành phải chiều ý con. Và mặc dù rất buồn phiền vì không thuyết phục được con thay đổi ý định tai hại, ông vẫn đến gặp Saria ngay lúc ấy để tâu rằng đêm tới, ông sẽ dẫn nàng Sêhêrazát vào hầu vua.

Hoàng đế hết sức ngạc nhiên về sự quên thân của tể tướng đối với mình: “Làm sao khanh có thể quyết định đưa chính con gái khanh đến hầu hạ ta?”

- Tâu bệ hạ, chính cháu tự nguyện hiến thân. – Tể tướng đáp. – Số phận đáng buồn đang chờ đợi cháu không hề làm cháu khiếp sợ. Cháu muốn được dựa mạn thuyền rồng một đêm dù có chết cũng cam lòng.

- Nhưng tể tướng ạ, – hoàng đế lại nói – khanh chớ hiểu nhầm! Sáng mai khi ta giao trả Sêhêrazát lại cho khanh, ta muốn khanh kết liễu đời nó. Nếu khanh không thi hành, ta sẽ xử tử khanh.

Tâu bệ hạ, – tể tướng đáp – lòng thần chắc chắn sẽ đau như đứt đoạn khi thần phải tuân lệnh. Song mặc cho tình cha con tha hồ van vãn, mặc cho thần là người cha, cánh tay của thần vẫn trung thành với bệ hạ.

Saria đồng ý sự hiến dâng của tể tướng và bảo ông cứ việc mang con gái vào cung lúc nào cũng được.

Tể tướng trở về báo tin ấy cho Sêhêrazát. Nàng hết sức mừng vui như thể đây là một tin tốt lành nhất trần đời. Nàng còn cảm ơn cha đã hết lòng giúp đỡ. Ông lặng người vì đau đớn. Để an ủi cha, nàng nói nàng mong ông sẽ không hối hận là đã gả con gái cho hoàng đế. Ngược lại có thể ông sẽ lấy đó làm điều vui từ nay cho đến trọn đời.

Nàng chỉ còn bận bịu mỗi việc là trang điểm để ra mắt hoàng đế. Song trước khi lên đường nàng gọi riêng Đinaczát ra bảo: “Em thân yêu của chị ơi,

chị cần có sự giúp sức của em trong một công việc hết sức quan trọng này, chị van em chớ có khước từ! Cha sẽ dẫn chị vào cung để làm vợ hoàng đế. Em chớ có hoảng hốt vì tin đó, mà hãy kiên nhẫn nghe chị nói đây! Khi nào chị đến trước nhà vua, chị sẽ khẩn cầu Người cho phép em được ngủ cùng với chị trong phòng tân hôn, để cho chị được sống với em một tối nữa. Nếu nhà vua đồng ý, mà chị hy vọng sẽ như vậy, thì em phải nhớ sáng sớm mai đánh thức chị dậy một giờ trước lúc mặt trời mọc. Em hãy nói như sau: “Chị ơi, nếu chị không ngủ, em van chị, trong khi chờ đợi trời sắp sáng tới nơi, chị hãy kể cho em nghe một trong những chuyện rất hay mà chị biết.” Lập tức chị sẽ kể cho em nghe một chuyện, và chị mong rằng bằng cách ấy có thể giải thoát nhân dân ta khỏi tình trạng hoang mang lo sợ hiện giờ.” Đinaczát trả lời: “Em sẵn sàng làm mọi việc chị cần đến em.”

Đã đến giờ đi ngủ, tể tướng dẫn Sêhêrazát đến hoàng cung và ra về ngay sau khi đưa nàng vào phòng riêng của nhà vua. Hoàng đế thấy chỉ còn riêng mình với nàng, liền ra lệnh ngay cho nàng cắt tấm mạng che mặt. Vua nhận ra nàng xinh đẹp đến nỗi thấy mình cũng say đắm. Thấy nàng đang đầm đìa nước mắt, vua hỏi căn cứ làm sao. Sêhêrazát đáp: “Tâu bệ hạ, thiếp có một đứa em gái thiếp yêu rất tha thiết cũng như em nó yêu thiếp vậy. Thiếp muốn được có em cùng ngủ đêm nay trong buồng này, để thiếp được trông thấy em và có dịp vĩnh biệt em một lần nữa. Chẳng hay bệ hạ có vui lòng ban cho thiếp niềm an ủi được bày tỏ với em gái một lần cuối tình cảm của thiếp với em chăng?”

Saria chấp thuận, cho người đi tìm Đinaczát. Nàng vội đến ngay. Hoàng đế ngủ với Sêhêrazát trên một chiếc sập rất cao, theo kiểu các nhà vua phương Đông. Còn Đinaczát thì nằm ở cái giường thấp hơn, kê bên sập.

Một giờ trước khi trời sáng, Đinaczát thức dậy và không quên làm theo điều chị căn dặn. Nàng nói: “Chị thân yêu của em ơi, nếu chị không ngủ, em van chị, trong khi chờ đợi trời sắp sáng tới nơi, chị hãy kể cho em nghe một trong những chuyện thú vị mà chị biết! Than ôi! Có lẽ đây là lần cuối cùng em được hưởng niềm vui ấy.”

Nàng Sêhêrazát không đáp lời em, mà tâu với nhà vua:

- Tâu bệ hạ, bệ hạ có vui lòng cho phép thiếp được làm thỏa lời cầu xin của em thiếp hay chăng?

- Rất vui lòng. – Hoàng đế đáp.

Thế là Sêhêrazát bảo em hãy lắng nghe. Rồi hướng vào hoàng đế Saria, nàng bắt đầu kể như sau:

ĐÊM ĐẦU TIÊN NHÀ BUÔN VÀ THẦN LINH

Tâu bệ hạ, ngày xưa có một thương gia rất giàu có. Đất đai, hàng hóa cũng như tiền bạc của ông nhiều vô số. Nhà ông có nhiều người làm thuê ở mướn. Thỉnh thoảng ông buộc phải có những chuyến đi xa để bàn tính chuyện làm ăn với bạn hàng. Một hôm công việc quan trọng khiến ông phải đi xa nhà. Ông lên ngựa, mang theo một chiếc hòm con đặt sau yên, trong đựng một ít bánh khô và trái chà là làm thức ăn đường. Vì ông sẽ phải đi ngang qua một sa mạc, ở đây chẳng có gì mà mua bán. Ông tới nơi cần tới mà không gặp trở ngại dọc đường. Giải quyết xong công việc, ông lên ngựa trở về.

Ngày đi đường thứ tư, ông cảm thấy quá mệt mỏi vì trời nắng chang chang, đất bị hun nóng. Trông thấy một lùm cây không xa đường cái, ông rẽ cương ghé lại đó, định nương bóng cây nghỉ ngơi chốc lát. Dưới gốc một cây hồ đào, có một cái giếng khơi nước trong leo lẻo. Ông xuống ngựa, buộc ngựa vào một cành cây rồi ngồi nghỉ dưới gốc cây hồ đào. Ông mở chiếc hòm, lấy bánh khô và quả chà là ra, vừa ăn vừa ném hạt chà là sang hai bên. Dùng xong bữa đạm bạc ấy, ông rửa mặt mũi chân tay rồi đọc kinh cầu nguyện.

Ông cầu kinh xong, người còn đang quỳ gối, chợt thấy hiện lên trước mắt một thần linh cao lớn dị thường, râu tóc trắng như cước, một thanh gươm cầm ở tay. Thần tiến đến gần và dữ tợn thét:

- Hãy đứng lên, để cho tao dùng thanh gươm này giết chết mày, như mày đã giết chết con trai tao!

Nói xong, thần gầm lên. Khiếp đảm vì bộ mặt gớm ghiếc cũng như tiếng thét của thần, thương gia run rẩy đáp:

- Hỡi ôi, chẳng hay tôi đã phạm tội gì đối với ngài đến nỗi phải chịu tội chết, kính thưa ngài?

- Tao muốn giết mày như mày đã giết con trai tao! - Thần linh nói.

- Lạy Thượng đế, làm sao tôi có thể giết chết con trai ngài? Nào tôi có biết cậu đâu, thậm chí chưa hề trông thấy cậu bao giờ?

- Có phải mày vừa đến ngồi ở đây không? – Thần hỏi, – Có phải mày đã mở hòm ra lấy bánh khô và quả chà là ăn rồi tung hạt sang hai bên không?

- Quả đúng như lời ngài nói, tôi không dám chối cãi.

- Chính vì làm như vậy đấy, mày đã giết chết con trai tao. – Thần nói. – Sự việc là thế này: trong khi mày ném hạt, con trai tao đi ngang qua, một hạt đã bắn vào mắt làm con trai tao chết. Vì vậy tao phải giết mày!

- Ôi lạy ngài, xin ngài tha thứ cho! – Nhà buôn kêu.

- Không có tha thứ gì sất, không thương xót gì sất. Sát nhân giả tử, chẳng đúng hay sao?

- Tôi đồng ý như vậy, – thương gia cãi – nhưng quả là tôi không có giết con trai ngài. Và giả dụ việc đó có xảy ra thật đi nữa thì cũng bởi vô tình mà thôi. Bởi vậy tôi van ngài hãy tha tội và cho tôi được sống!

- Không, không! – Thần linh vẫn khẳng khái. – Tao phải giết mày bởi vì mày đã hại con trai tao.

Nói đến đây, thần linh túm lấy cánh tay nhà buôn, giúi sấp xuống đất và giờ cao thanh gươm, chực chặt đầu.

Thương gia nước mắt đầm đìa vì thương vợ nhớ con, vừa kêu van mình vô tội, vừa lay lục hết sức thảm thiết. Tuy đã giờ cao gươm, thần linh vẫn kiên nhẫn lắng nghe thương gia nói hết câu nhưng vẫn không động lòng chút nào.

- Vô ích thôi! – Thần linh quát. – cho dù mày có khóc chảy máu mắt ra, tao cũng cứ giết mày, vì mày đã giết con trai tao.

- Thế nào, chẳng còn có gì làm động được lòng ngài sao? Ngài vẫn cứ khẳng khái muốn giết một con người vô tội sao? – Nhà buôn hỏi.

- Đúng thế, tao đã nhất quyết. – Thần linh đáp. Nói xong câu ấy...

Nàng Sêhêrazát kể đến đây thì nhìn ra ngoài thấy trời đã sáng tỏ. Biết hoàng đế cần dậy sớm để đọc kinh rồi đi thiết triều, nàng thôi không kể tiếp nữa.

Vừa lúc ấy, Đinaczát cất lời:

- Lay Thượng đế, chuyện chị kể mới tuyệt vời làm sao, thưa chị!

- Đoạn tiếp theo còn kỳ thú hơn. – Sêhêrazát đáp lời em. – Và em hẳn sẽ đồng ý với chị nếu như hoàng đế rủ lòng thương cho chị sống nốt ngày hôm nay để sáng mai cho phép chị kể nốt cho em nghe đoạn cuối.

Vua Saria từ nãy đến giờ cũng chăm chú nghe Sêhêrazát kể một cách thích thú, nghĩ thầm: “U, ta đợi đến ngày mai, để nghe nốt câu chuyện này rồi hãy sai giết chết con bé cũng không muộn.”

Thế là vua quyết định chưa cho đưa Sêhêrazát đi treo cổ ngay trong ngày hôm đó. Vua dậy đọc kinh rồi đi lo việc triều đình.

Trong thời gian ấy, tể tướng hết sức lo âu khắc khoải. Suốt đêm ông không hề chợp mắt, mà cứ thở vắn than dài, thương cho số phận con gái mà chính ông sẽ phải làm tên đao phủ. Lòng sầu não, khi vào chầu ông không dám nhìn thẳng vào mặt vua. Ông hết sức ngạc nhiên sung sướng khi thấy vua bước thẳng vào triều mà không đưa ra cái lệnh tử hình như ông đang chờ đợi.

Theo lệ thường, suốt ngày hoàng đế chăm lo việc triều chính.

Đến tối vua lại ngủ cùng nàng Sêhêrazát. Sáng hôm sau, trước khi mặt trời mọc, Đinaczát không quên thưa với chị:

- Chị thân yêu ơi, em van chị, nếu chị không ngủ thì trong khi chờ mặt trời sắp mọc tới nơi, chị hãy kể nốt cho em nghe phần cuối câu chuyện hôm qua!

Không chờ cho Sêhêrazát kịp ngỏ lời xin phép, hoàng đế nói: “Hãy kể nốt câu chuyện về thần linh và thương gia đi! Ta cũng tò mò muốn biết kết cục ra sao.”

Được lệnh, nàng Sêhêrazát liền cất lời và kể tiếp như sau:

ĐÊM THỨ HAI

Tâu bệ hạ, nhà buôn nhìn thấy hung thần sắp chặt đầu mình, liền kêu lên: “Làm ơn xin hãy ngừng tay, cho tôi được nói thêm một lời này. Xin ngài hãy gia hạn cho tôi được phép về vĩnh biệt vợ con và phân chia gia sản. Bởi vì tôi chưa kịp làm di chúc, để sau khi tôi qua đời khỏi xảy ra chuyện tranh giành kiện tụng lôi thôi. Xong đâu đấy, tôi xin trở lại nơi này chịu tội với ngài.”

- Nhưng ta sợ rằng nếu ta gia hạn cho mày, rồi mày sẽ không trở lại đây nữa. – Thần linh nói.

- Nếu ngài tin lời thề độc của tôi thì tôi xin thề có trời cao đất dày chứng giám rằng tôi sẽ trở lại đây không lỗi hẹn.

- Vậy mày cần bao nhiêu lâu? – Thần hỏi.

- Xin ngài cho một năm, có như vậy thì mới đủ thời gian cho tôi thu xếp mọi công việc, và cũng để khi chết tôi khỏi hối tiếc là mình chưa kịp hưởng hết mọi lạc thú trên đời này. Vậy tôi xin hứa là sang năm đúng vào ngày này, tôi sẽ xin trở lại dưới gốc cây này phó thân cho ngài muốn làm gì thì làm.

- Mày có dám xin Thượng đế chứng giám lời thề của mày hay không? – Thần linh hỏi.

- Có, tôi xin thề một lần nữa, và xin ngài hãy tin lời thề của tôi.

Đến đây, thần linh biến mất, để lại thương gia một mình bên bờ giếng.

Hoàn hồn, nhà buôn lên ngựa trở về. Lòng nửa mừng vì vừa thoát con hoạn nạn, nửa lo đứt ruột xé gan khi nghĩ tới lời thề của mình. Ông về tới nhà, cả nhà hết sức mừng vui ra nghênh đón. Nhưng ông không ôm hôn vợ con như thường lệ, mà lại òa khóc như gió như mưa. Cả nhà hiểu ngay, ông đang có việc gì lo lắng buồn phiền lắm đây. Bà vợ hỏi chồng can có gì buồn đau khóc lóc như vậy: “Cả gia đình đang hết sức mừng vui vì bố trở về nhưng cũng hết sức lo âu khi thấy thế này. Xin hãy nói cho biết, tại sao chàng buồn?”

- Hỡi ôi! Làm sao tôi có thể không đau buồn? Tôi chỉ còn có thể sống một năm nữa thôi.

Thế rồi ông thuật lại cho cả nhà nghe việc vừa xảy ra. Ông nói cho họ rõ là ông đã thề đúng một năm sau sẽ trở lại với thần linh để chịu tội chết.

Biết chuyện, cả nhà hết sức buồn bã. Bà vợ đập đầu bứt tóc, lớn tiếng kêu gào. Lũ con cũng kêu khóc âm ỉ, làm cho nhà buôn động lòng cũng khóc theo luôn. Tóm lại không có cảnh tượng nào buồn thảm hơn cảnh tượng ấy.

Ngay từ hôm sau, thương gia lo thu xếp công việc làm ăn. Ông quan tâm

đầu tiên tới việc trang trải các khoản nợ nần. Rồi ông mang của cải ra chia tặng bạn bè, bố thí cho kẻ nghèo, trả tự do cho những nô lệ, nam cũng như nữ, chia gia sản cho con cái. Đứa nào còn nhỏ tuổi thì cử người đỡ đầu. Trả lại đầy đủ của hồi môn cho vợ, lại còn cho thêm bà nhiều tài sản khác. Mọi việc làm đúng như luật định.

Một năm trôi qua, đã đến lúc phải lên đường. Nhà buôn thu xếp hành lý, mang theo cả tấm vải sẽ liệm mình, rồi vĩnh biệt vợ con. Thật không có cảnh tượng nào xúc động hơn. Cả nhà không ai nỡ để ông đi chết một mình. Tất cả mọi người đều muốn đi theo để được cùng chết với ông. Tuy nhiên, ông gắng gượng được và nói với gia đình: “Các con thân yêu ơi, bố phải vĩnh biệt các con vì tuân lệnh Thượng đế. Các con hãy noi gương bố, hãy tuân theo định mệnh. Hãy nghĩ rằng con người sinh ra ai chẳng một lần chết.”

Nói xong, mặc cho cả nhà than khóc, ông rút áo ra đi. Ông đến đúng nơi ông đã gặp thần linh một năm trước vào đúng ngày hẹn. Ông xuống ngựa, đến bên bờ giếng ngồi chờ vị thần, lòng buồn bã không thể nào tả xiết.

Trong khi ông đang buồn rầu chờ đợi, chợt có một cụ già cầm sợi dây buộc dắt một con hươu cái đến gần. Hai người chào nhau.

Cụ già cất tiếng hỏi:

- Người anh em, chẳng hay vì đâu người anh em tìm đến chốn hoang vắng, nơi chỉ có ma quái lảng vảng, còn người thì không được an toàn? Trông cây cối đẹp thế kia, người ta ngỡ là có người ở. Nhưng thật ra ở đây rất hoang vắng. Dừng chân ở đây lâu là nguy hiểm đấy, người anh em à.

Thương gia thỏa mãn sự hiếu kỳ của cụ già, nói cho cụ rõ đầu đuôi câu chuyện vì sao ông phải tới đây. Cụ già rất lấy làm kinh ngạc. Nghe xong, cụ cất lời:

- Thật là chuyện lạ kỳ! Ông đã bị ràng buộc bởi một lời thề với thần linh. Tôi muốn được chứng kiến cảnh hội ngộ giữa ông với vị thần ấy.

Nói xong, cụ ngồi xuống bên cạnh thương gia và hai người đàm đạo...

- Nhưng trời đã sáng tỏ rồi, – Sêhêrazát chợt ngừng lời kể và nói – thế mà đoạn còn tiếp mới thật là phần hay nhất của câu chuyện này.

Hoàng đế muốn nghe cho hết câu chuyện, liền cho nàng Sêhêrazát sống thêm một ngày nữa.

ĐÊM THỨ BA

Đêm tiếp sau, Đinaczát cất lời thưa với chị giống như hai đêm trước:

- Chị thân yêu ơi, em van chị, nếu chị không ngủ thì hãy kể cho em một trong những câu chuyện hay hay mà chị biết!

Nhưng hoàng đế nói Người muốn nghe tiếp câu chuyện về thương gia và thần linh. Bởi vậy nàng Sêhêrazát kể tiếp như sau^[15]:

- Tàu bè hạ, trong khi nhà buôn và cụ già dắt con hươu cái đang đàm đạo thì chợt có một cụ già khác đi tới, theo sau là hai con chó đen. Cụ đến gần chào hai người và hỏi họ làm gì ở chốn này. Cụ già dắt con hươu cái thuật lại câu chuyện giữa thương nhân và thần linh cùng lời thề của ông. Cụ nói thêm, hôm nay là ngày hẹn, nên cụ muốn ở lại đây chờ xem việc gì xảy ra.

Cụ già kia, thấy câu chuyện cũng đáng được biết lắm, liền quyết định cũng nán lại chờ xem. Cụ ngồi xuống cạnh hai người. Họ vừa nói lại chuyện trò, thì xuất hiện một cụ già thứ ba.

Ngỏ lời với hai cụ kia, cụ hỏi vì sao vị thương gia ngồi cùng với họ trông có vẻ buồn bã đến vậy. Được biết rõ đầu đuôi, cụ già mới tới cũng thấy câu chuyện thật quá kỳ lạ, và cũng muốn được chứng kiến việc gì sẽ xảy ra giữa thần linh và thương gia. Vì vậy cụ ngồi xuống cạnh những người khác.

Chẳng bao lâu, họ trông thấy giữa đồng hoang nổi lên một làn hơi mù mịt, như thể một cơn lốc cát đang bị gió cuốn lên. Làn hơi ấy tiến đến gần họ, tan đi và hiện ra vị thần. Không chào hỏi ai, vị thần cầm gươm tiến tới cạnh thương gia, túm tay ông và bảo:

- Hãy đứng lên, tao phải giết mày như mày đã giết con tao!

Hoảng sợ, thương gia cũng như bà cụ già đều cất tiếng khóc than.

Khi cụ già dắt con hươu cái trông thấy hung thần tóm lấy nhà buôn và sắp sửa giết chết ông ta không chút thương xót, cụ phục xuống dưới chân con quái vật ấy, hôn chân hấn và nói:

- Thưa vị đứng đầu các thần linh, tôi khẩn thiết van xin ngài hãy dịu bớt cơn thịnh nộ! Xin hãy vui lòng nghe tôi nói đây! Tôi sẽ kể hầu ngài câu chuyện của tôi và con hươu cái ngài trông thấy. Nếu ngài cho là câu chuyện ấy diệu kỳ và đáng ngạc nhiên hơn chuyện vị thương gia mà ngài đang định giết chết này, thì chẳng hay tôi có dám hy vọng rằng ngài sẽ giảm bớt một phần ba tội cho ông ta hay chăng?

Hung thần suy nghĩ một lát, cuối cùng đáp:

- Được, ta chấp thuận.

CHUYỆN CỤ GIÀ THỨ NHẤT VÀ CON HƯƠNG CÁI

Cụ già kể:

Tôi xin bắt đầu câu chuyện, mong các vị chú ý lắng nghe cho. Con hương cái mà các vị trông thấy kia vốn là em họ xa của tôi, hơn nữa vốn là vợ của tôi. Tôi cưới nàng khi nàng mới mười hai tuổi. Bởi vậy tôi có thể nói rằng lẽ ra nàng phải coi tôi như bố đẻ chứ không chỉ là người anh họ và người chồng mà thôi.

Chúng tôi chung sống với nhau ba mươi năm mà không có con. Mặc dù nàng không sinh nở, tôi vẫn hết mực thương yêu chiều chuộng, chỉ vì muốn có con mà tôi phải mua về một nữ nô lệ. Nó sinh cho tôi một đứa con trai, cháu kháu khỉnh vô cùng. Vì ganh tị, vợ tôi đâm ghét cả mẹ lẫn con người nô lệ ấy. Tiếc rằng khi tôi nhận ra điều đó thì đã quá muộn rồi.

Con tôi lớn lên, cháu được mười tuổi thì tôi có việc phải đi xa. Trước khi lên đường, tôi ký thác cả hai mẹ con cho vợ tôi mà tôi vẫn tin tưởng, nhờ nàng trông nom hộ trong thời gian tôi vắng nhà, chừng một năm. Thế mà ả đã thừa lúc tôi vắng nhà để thỏa mãn nỗi hăn học của mình, ả học phép phù thủy. Và khi nắm được đủ bùa phép để thực hiện mưu đồ ghê tởm của mình, ả dẫn con tôi đến một nơi vắng vẻ. Sau khi dùng phép yêu biến cháu thành một con bê, ả dắt về giao cho người trông nom trại chăn nuôi của tôi và ra lệnh phải nuôi cháu như nuôi bò. Chưa hả cơn điên, ả còn hóa thân người nữ nô lệ thành một con bò cái và cũng giao luôn cho người trông nom trại gia súc.

Sau chuyến đi trở về, tôi hỏi hai mẹ con cháu đâu, thì ả đáp như sau:

- Người nữ nô lệ đã qua đời, còn con trai ông thì đã hai tháng nay tôi không trông thấy, chả biết nó ra sao.

Tôi xúc động lắm trước cái chết của người nữ nô lệ. Còn về phần cháu thì chỉ mới biệt tích thôi, vì vậy vẫn còn hy vọng có thể tìm thấy nay mai. Thế nhưng tám tháng đã qua kể từ khi cháu bỏ ra đi mà vẫn không thấy cháu trở về nhà. Tết *Bairam*^[16] cũng vừa đến. Tôi bảo người trông trại chăn nuôi chọn mang đến cho tôi con bò cái béo nhất để mổ thịt dâng lễ và ăn tết. Anh ta vâng lời. Con bò cái anh ta dắt đến chính là nữ nô lệ, người mẹ đáng thương con trai tôi. Tôi cho trói con bò cái lại, nhưng khi tôi chuẩn bị đập chết thì nó rống lên những tiếng thảm thiết và tôi để ý thấy nước mắt nó chảy ròng ròng. Tôi cho là chuyện kỳ lạ và không hiểu sao trong lòng tôi lúc đó cũng đâm thương hại. Tôi không nỡ giết chết nó. Tôi sai giao trả cho người trông trại và bảo đưa tới một con bò khác.

Lúc ấy vợ tôi cũng có mặt. ả run lên khi thấy tôi tỏ lòng thương hại. Không muốn để thất bại mưu mô của mình, ả nói: “Ông ơi, ông làm sao thế?

Hãy mổ thịt con bò cái này đi. Trong chuồng không có con bò nào tốt hơn cũng như sạch sẽ hơn để làm đồ dâng lễ đâu.” Nể lời vợ, tôi liền tiến đến gần con bò cái, cố nén lòng thương. Tôi đã định đập chết thì con vật lại rống càng to hơn và nước mắt càng chảy nhiều hơn, khiến cho tôi một lần nữa lại chùn tay. Thế là tôi giao chiếc vỏ cho người chăn nuôi và bảo: “Hãy cầm lấy và đập chết nó đi; tiếng be và nước mắt của nó làm ta xé gan xé ruột.”

Người chăn trại, không hề thương xót như tôi, đập chết con bò cái, nhưng khi mổ thịt, thấy chỉ toàn xương, mặc dù hồi nãy ai cũng thấy con vật rất béo tốt.

Việc ấy làm cho tôi buồn phiền thật sự. Tôi bảo người chăn nuôi: “cho anh cả con đây. Hãy mang đi, anh muốn ăn hoặc bỏ thí ai tùy ý. Thay vào đó, nếu anh có một con bê nào thật béo, hãy dắt đến cho ta.”

Tôi không hỏi xem anh ta định làm gì với con bò cái. Sau khi anh ta mang đi được một chốc, anh ta trở lại dắt theo một con bê khá mập mạp. Mặc dù không biết đó chính là con trai mình, lòng tôi chợt xôn xang khi trông thấy con vật. Về phần con bê, vừa trông thấy tôi, nó đã lao bổ tới, đến nỗi giật đứt cả sợi dây. Nó phục xuống dưới chân tôi, rập đầu xuống đất, như thể nó muốn làm động lòng trắc ẩn của tôi, van xin chớ có giết nó hoặc muốn báo cho tôi biết nó chính là con tôi đẻ ra.

Lòng tôi xúc động khôn xiết và hết sức ngạc nhiên trước cảnh tượng ấy, còn xúc động hơn cả khi thấy những dòng nước mắt của con bò cái. Tôi cảm thấy thương xót vô cùng, hay đúng hơn có lẽ tình phụ tử đã trỗi dậy trong tôi chẳng, tôi bảo người chăn bò:

- Hãy mang con bê này về, nhớ chăm nom nó cẩn thận và đưa đến cho tôi ngay tức khắc một con bê khác!

Nghe tôi nói vậy, vợ tôi lại kêu lên:

- Mình làm sao thế, hử mình? Hãy nghe lời em, hãy giết thịt con bê này, chứ không phải con nào khác!

- Bà nó ơi, – tôi đáp – tôi sẽ không giết con bê ấy đâu. Tôi muốn tha cho nó, xin bà chớ có cản trở tôi!

Nhưng con mụ độc ác ấy có chịu nghe lời tôi đâu, ả thù ghét con trai tôi quá, đời nào lại chịu để tôi cứu sống cháu. ả khăng khăng đòi tôi phải giết nó, đến nỗi rốt cuộc tôi buộc phải chiều lòng. Tôi trói chặt con bê lại và cầm con dao...

Kể đến đây, nàng Sêhêrazát ngừng lại... Đêm hôm sau, nàng kể tiếp:

- Vậy là, tâu bệ hạ, cụ già dắt con hươu cái đang kể chuyện mình cho hung thần, hai cụ già kia và thương gia cùng nghe. Tôi đã cầm con dao, cụ già nói,

định thọc vào cổ chọc tiết con trai tôi, thì nó quay bộ mặt đầm đìa nước mắt nhìn tôi thảm thiết tới mức không làm sao tôi đưa dao lên nổi. Tôi đánh rơi con dao xuống đất và nói với vợ rằng tôi nhất quyết muốn giết một con bê khác chứ không phải con này. ả cố tìm mọi lời lẽ khiến tôi đổi ý. Nhưng mặc cho ả muốn nói gì thì nói, tôi vẫn không lay chuyển. Tuy nhiên, để làm yên lòng ả, tôi hứa sẽ dành con bê này mổ vào dịp tết *Bairam* sau.

Sáng hôm sau, người trông nom trại chăn nuôi đến tìm tôi, xin được nói chuyện riêng:

- Tôi mang đến cho ông một tin mà tôi hy vọng rồi ông sẽ biết ơn tôi. Tôi có một đứa con gái, cháu cũng có học được ít nhiều phép tiên. Hôm qua khi tôi dắt con bê mà ông không muốn giết thịt trở về chuồng, tôi để ý thấy cháu nhìn con bê mà cười, lát sau lại khóc. Tôi hỏi cháu tại sao cùng một lúc vừa khóc vừa cười. Cháu đáp: “Thưa cha, con bê cha vừa dắt về ấy là cậu con trai ông chủ nhà ta đây. Con cười vì thấy cậu hầy còn sống. Con khóc bởi vì nghĩ tới mẹ cậu ta hôm qua đã bị giết – bà cũng đã bị hóa thân thành một con bò cái. Những việc hóa thân đó là do phù phép của bà vợ ông chủ. Bà ấy ghét cay ghét đắng hai mẹ con cậu.” – Đây, cháu đã nói với tôi như vậy, và tôi xin đến để trình bày ông hay.

- Hỡi thần linh, – cụ già nói tiếp – ngài hãy tưởng tượng xem, sau khi nghe những lời ấy, tôi ngạc nhiên biết dường nào! Ngay lập tức tôi đi cùng người trông nom trại chăn nuôi đến gặp con gái anh ta để tự mình hỏi chuyện. Đến nơi, thoát tiên tôi vào chuồng có nhốt con trai tôi. Nó không thể đáp lại sự vuốt ve của tôi, nhưng trông vẻ nó trước những cử chỉ ấy, tôi tin chắc nó đúng là con trai tôi rồi.

Khi con gái người chăn nuôi đến, tôi hỏi:

- Cháu ơi, cháu có thể làm cho cậu con trai bác trở lại nguyên hình như trước hay không?

- Cháu có thể làm được. – Cô đáp.

- Nếu cháu làm được điều đó, bác sẽ cho cháu tất cả tài sản của bác.

Cô gái đáp:

- Bác là ông chủ của gia đình cháu, cháu biết gia đình cháu chịu ơn bác nhiều. Nhưng cháu xin thưa trước với bác rằng cháu chỉ có thể làm được việc đó với hai điều kiện: một là, xin cho phép cháu được lấy cậu làm chồng, hai là, cho phép cháu được trừng trị kẻ đã hóa thân cậu thành con bê.

- Về điều kiện thứ nhất, – tôi đáp – bác rất vui lòng chấp thuận. Hơn nữa bác còn hứa là sẽ cho cháu rất nhiều tài sản làm của riêng, ngoài phần bác dành cho con trai bác. Tóm lại cháu sẽ thấy bác đền ơn cháu hậu hĩnh đến thế nào. Còn về điều kiện liên quan đến vợ bác, bác cũng muốn chấp thuận

lắm. Một người đã đang tâm làm một tội ác tày trời như vậy thật đáng bị trừng trị. Bác giao cho cháu đấy, cháu muốn làm gì ả thì làm, bác chỉ xin cháu chớ có giết chết ả.

- Vậy cháu sẽ đối xử với mẹ như mẹ đã đối xử với con trai bác nhé?

Tôi nói:

- Bác đồng ý, nhưng trước hết cháu hãy trả lại nguyên hình cho con trai bác đã.

Thế là cô gái lấy một lọ nước đầy, đọc mấy câu thần chú gì đấy mà tôi nghe không rõ, rồi nói với con bê: “Này bê kia, nếu đáng Tạo hóa chúa tể của trời đất tạo ra mày dưới dạng hiện nay, thì mày hãy giữ nguyên dạng ấy! Nhược bằng mày vốn là người mà phải trở thành thế kia bởi bùa phép yêu ma, thì xin Thượng đế cho phép mày được trở lại nguyên hình.”

Nói xong, cô hắt nước vào thân con bê. Lập tức nó trở thành người.

- Con ơi, con trai yêu quý của bố ơi! – Tôi ôm choàng lấy cháu và thốt lên trong nỗi mừng vui không thể nào kiềm chế nổi. – chính Thượng đế đã cho cô thiếu nữ này đến để giải bùa yêu cho con, trả thù cho con và cho mẹ đẻ của con. Bố tin rằng vì mối ơn ấy, con sẽ ưng thuận lấy cô làm vợ, như bố đã từng hứa với cô.

Con trai tôi vui mừng chấp thuận. Trước khi hai cháu thành gia thất, cô gái đã hóa thân vợ tôi thành con hươu cái, chính con vật mà các ngài nhìn thấy ở đây. Tôi đã xin cho ả được mang hình này chứ không phải hình một con vật xấu xí, để gia đình đỡ khổ khi phải nhìn thấy hằng ngày. Nhưng rồi con tôi trở thành góa vợ, nó bỏ nhà đi chơi xa. Vì nhiều năm nay không được tin tức của cháu, tôi muốn đi tìm, may ra có ai biết được tăm hơi gì của cháu chẳng. Không muốn giao phó vợ tôi cho ai trông nom khi tôi vắng nhà, tôi đành dắt ả đi theo, đi đâu tôi cũng dắt theo. Đó là chuyện của tôi và của con hươu cái này.

Có phải đó là một câu chuyện lạ lùng nhất, kỳ diệu nhất hay không?

- Ta đồng ý với ông, – thần linh đáp – và vì vậy ta bằng lòng giảm nhẹ một phần ba tội cho thương gia này.

- Tâu bề hạ, – lời nàng Sêhêrazát – khi cụ già dắt con hươu cái kể xong câu chuyện của cụ thì cụ già có hai con chó đen nói với vị thần như sau: “Tôi xin kể hầu ngài câu chuyện đã xảy ra với tôi và hai con chó đen này. Tôi tin chắc rằng câu chuyện của tôi còn đáng ngạc nhiên hơn câu chuyện ngài vừa nghe kể. Nhưng sau khi tôi kể xong, chẳng hiểu ngài có vui lòng giảm bớt một phần ba tội nữa cho người buôn kia hay không?”

- Có. – Thần đáp. – Miễn là câu chuyện của cụ kỳ lạ hơn chuyện về con

hương cái.

Được lời, cụ già thứ hai hướng vào vị thần, bắt đầu kể như sau:

CHUYỆN CỤ GIÀ THỨ HAI VÀ HAI CON CHÓ ĐEN

Thừa vị thần đứng đầu các đấng thần linh, xin ngài biết cho rằng hai con chó đen mà ngài trông thấy kia và tôi là ba anh em trai. Tôi là em út. Cha chúng tôi qua đời để lại cho anh em chúng tôi mỗi người một nghìn đồng *xocanh*¹⁷. Với số vốn ấy, ba anh em tôi bắt tay làm cùng một nghề như nhau: buôn bán. Sau khi mở cửa hiệu được ít lâu, người anh cả của tôi, tức là một trong hai con chó đen mà ngài trông thấy kia, quyết định lên đường đi buôn ở nước ngoài. Với ý định ấy, anh bán hết tài sản của mình để mua những hàng hóa hợp với sở thích người nước ngoài.

Anh ra đi và vắng nhà một năm tròn. Vừa lúc ấy, có một người rách rưới đến trước cửa hiệu của tôi. Tôi ngỡ anh ta là người hành khất.

- Cầu Thượng đế giúp đỡ bạn! – Tôi nói.

- Cầu Thượng đế phù hộ cho cả bạn! – Người ấy đáp. – Lẽ nào bạn không nhận ra tôi?

Tôi nhìn anh ta và nhận ra:

- Ôi anh cả! – Tôi thốt lên và ôm choàng lấy anh. -Làm sao em có thể nhận ra anh trong tình cảnh này?

Tôi mời anh vào nhà, hỏi thăm sức khỏe và kết quả chuyến đi của anh.

- Chú hỏi chuyện đó làm gì! – Anh đáp. – Nhìn anh đây hẳn chú đã rõ. Thuật lại chi tiết những nông nỗi đã xảy ra cho anh một năm vừa qua và đưa anh đến tình cảnh này thì chỉ làm cho anh thêm buồn bã mà thôi.

Tôi đóng cửa hiệu ngay, rồi dẫn anh đi tắm và đưa cho anh những bộ quần áo đẹp nhất mà tôi có.

Kiểm tra sổ sách thu nhập, thấy vốn liếng mình đã tăng gấp đôi, có nghĩa là tôi có những hai nghìn *xocanh*, tôi liền chia cho anh tôi một nửa: “Anh ạ, với số vốn này, anh có thể không cần nghĩ tới số tiền mà anh đã thua lỗ vừa qua.”

Anh tôi vui mừng nhận một nghìn đồng *xocanh*, khôi phục việc làm ăn. Và chúng tôi lại sống cùng nhau thân thiết như ngày trước.

Ít lâu sau, ông anh thứ hai của tôi, tức là một trong hai con chó kia, cũng muốn bán tài sản của mình để đi buôn xa. Ông anh cả tôi và tôi đều hết sức khuyên can anh nên bỏ ý định ấy đi nhưng vô ích. Anh bán hết cơ ngơi, mua hàng hóa đưa ra nước ngoài. Anh nhập bọn cùng với một đoàn nhà buôn, rồi cùng lên đường. Một năm sau, anh trở về trong tình cảnh giống y như anh cả tôi lần trước. Tôi lại may mắn cho anh hai. Và bởi trong thời gian ấy tôi đã làm sinh lợi thêm được một nghìn *xocanh* nữa, tôi biếu anh luôn số tiền ấy.

Anh mở lại cửa hiệu và tiếp tục nghề buôn bán của mình như trước.

Một hôm, hai anh tôi đến tìm tôi rủ cùng với họ làm một chuyến đi buôn xa. Thoạt tiên tôi khước từ gợi ý ấy. Tôi nói: “Các anh đã đi buôn xa, các anh được cái gì nào? Ai bảo đảm rằng tôi sẽ may mắn hơn hai anh?”

Hai anh viện ra đủ mọi điều hấp dẫn để lôi kéo tôi, tôi vẫn không nghe theo ý định của họ. Nhưng họ nhiều lần rủ rê đến nỗi sau năm năm từ chối những lời nài nỉ cuối cùng tôi đành chịu thua. Nhưng đến khi chuẩn bị lên đường, bàn tới chuyện mua sắm hàng hóa, tôi mới vỡ lẽ ra rằng hai ông anh tôi đã tiêu pha hết gia sản; cả món tiền một nghìn *xocanh* mà tôi đã biếu mỗi người cũng không còn gì. Tôi tuyệt nhiên không trách móc lấy một lời. Ngược lại, vì lúc này vốn liếng của tôi đã lên tới sáu nghìn *xocanh*, tôi chia món tiền ấy ra làm đôi, đưa cho họ một nửa, và bảo: “Ta chỉ nên bỏ ra ba nghìn đồng thôi, còn ba nghìn ta giấu vào chỗ nào đó kín đáo, nhớ ra chuyến đi này không may mắn hơn hai chuyến trước của hai anh, thì ta còn có đồng vốn để trở về theo đuổi nghề cũ của chúng mình.”

Vậy là ba anh em tôi chia nhau ba nghìn *xocanh*, riêng tôi giữ lại chừng ấy nữa mang chôn vào góc nhà. Sau khi mua hàng hóa, chúng tôi thuê một chiếc tàu rồi giương buồm thuận gió lên đường. Sau hai tháng đi biển, chúng tôi đến một hải cảng. Chúng tôi ghé vào đây, bán được hàng với giá rất hời. Nhất là tôi, tôi bán được giá đến nỗi một đồng lãi thành mười đồng. Chúng tôi mua hàng hóa địa phương, định mang về trong nước bán. Vào lúc sẵn sàng lên tàu để nhổ neo trở về nước, thì tôi gặp trên bờ biển một người đàn bà rất xinh đẹp song ăn mặc thì khá tồi tàn. Nàng đến gần, hôn tay tôi, khẩn khoản xin tôi hãy lấy nàng làm vợ và cho nàng được cùng xuống tàu theo về nước. Tôi không muốn nghe theo lời cầu xin của nàng. Nhưng nàng khéo nói quá, nào là tôi chớ nên quan tâm đến vẻ nghèo túng bên ngoài, nào là rồi đây tôi sẽ hài lòng về đức hạnh của nàng, đến nỗi cuối cùng tôi đành chịu thua. Tôi đặt may cho nàng những áo quần thơm tất. Rồi sau khi cưới nàng với giấy tờ hôn thú hợp lệ tôi cho nàng lên tàu và chúng tôi nhổ neo.

Trong cuộc hành trình, tôi nhận ra người phụ nữ mà tôi lấy làm vợ có nhiều phẩm chất tốt đẹp đến nỗi mỗi ngày tôi mỗi yêu nàng hơn. Trong khi đó hai ông anh tôi, không buôn bán hời được hơn tôi, ganh tị sự làm ăn phát đạt của em và sinh lòng ghen ghét, đổ kị tới mức âm mưu hãm hại tôi. Một hôm, trong khi hai vợ chồng tôi đang ngủ say, họ đang tâm ném chúng tôi xuống biển.

Vợ tôi là một tiên nữ, và do đó có phép tiên. Các ngài hiểu là nàng không thể chết đuối. Về phần tôi, chắc chắn tôi đã bỏ mình nếu không được ai cứu giúp. Nhưng tôi vừa rơi xuống nước, nàng đã nâng tôi lên và đưa tôi tới một hòn đảo. Khi trời sáng, nàng bảo tôi: “Chàng ơi, chàng thấy đây, em cứu

chàng chính là đề tạ ơn chàng đã đối xử tốt với em. Xin chàng biết cho: em vốn là tiên nữ. Hôm thoát gặp chàng trên bờ biển lúc chàng sửa soạn xuống tàu, không hiểu sao em đã đem lòng ái mộ. Để thử lòng chàng, em đã hóa trang ăn mặc tồi tàn như chàng đã từng trông thấy. Chàng đã xử sự với em một cách hào phóng. Em hài lòng là nay có dịp để đền đáp ơn chàng. Nhưng em rất giận hai ông anh của chàng. Em không hài lòng chừng nào chưa giết chết họ.”

Tôi nghe tiên nữ nói với lòng khâm phục, và hết lời cảm tạ nàng. “Nhưng, thưa phu nhân, – tôi nói thêm – về chuyện hai ông anh của tôi, xin phu nhân hãy tha thứ cho họ. Cho dù họ rất có lỗi đối với tôi, nhưng tôi không tàn nhẫn tới mức muốn cho họ chết.” Tôi thuật lại cho nàng nghe tất cả những gì tôi đã làm cho hai ông anh, điều đó càng làm cho nàng thêm căm phẫn họ. Nàng thốt lên: “Nhất định tôi phải bay ngay tới chỗ hai tên phản trắc ấy và trả thù ngay tức khắc. Tôi sẽ nhấn chìm tàu của chúng và dìm chúng xuống tận đáy biển sâu.”

- Chớ chớ, phu nhân xinh đẹp ơi, xin phu nhân chớ làm như vậy. Xin nàng nguôi bớt cơn thịnh nộ. Xin phu nhân hãy nhớ rằng đó là hai ông anh tôi, tôi luôn luôn phải làm điều tốt lành cho họ.

Những lời nói ấy làm tiên nữ nguôi bớt cơn giận. Tôi vừa nói xong thì nàng đã hóa phép đưa tôi trở về nhà, đặt tôi xuống trên nóc mái bằng, rồi nàng biến mất. Tôi tụt xuống mở cửa vào nhà, và đào lấy ba nghìn *xocanh* cất giấu. Tôi đến cửa hiệu cũ của mình, mở cửa hiệu và tiếp đãi bạn bè hàng xóm vốn cũng là những nhà buôn đến chúc mừng tôi trở về. Khi tôi trở lại nhà riêng, thì trông thấy hai con chó đen. chúng chạy ra đón tôi với vẻ chịu lỗi. Tôi không hiểu điều đó có ý nghĩa gì nên rất lấy làm lạ. Nhưng tiên nữ xuất hiện ngay và nói cho tôi rõ: “chàng ơi, xin chàng chớ ngạc nhiên, khi thấy hai con chó này trong nhà. Chính là hai ông anh trai của chàng đó.”

Tôi run bắn người khi nghe lời đó, và hỏi nàng bởi phép thần nào mà họ nên nông nổi ấy. Nàng đáp: “Chính em làm đấy, hay đúng hơn một bạn tiên của em, mà em đã nhờ ra tay. Em cũng đã nhờ chị ấy nhấn chìm chiếc tàu. Chàng đã mất số hàng hóa trên tàu, nhưng rồi em sẽ đền bù cho. Về phần hai ông anh của chàng, em sẽ bắt họ phải sống mười năm dưới hình dạng này, lòng dạ họ quá chó má cho nên làm chó là đáng tội.” Sau khi cho tôi biết nơi để tìm đến nàng khi cần, nàng biến mất.

Đến nay, mười năm đã trôi qua. Tôi đang đi tìm tiên nữ. Đi ngang qua đây, trông thấy thương gia ngồi cùng cụ già dắt con hươu cái, tôi dừng lại với họ. Đây, câu chuyện của tôi là như vậy đấy, thưa đáng cai quản các vị thần linh! Ngài có thật đồng ý là nó lạ lùng không nào?

- Ta đồng ý. – Thần đáp. – Và vì vậy ta chấp thuận tha cho nhà buôn này

một phần ba nữa tội của anh ta.

Cụ già thứ hai vừa dứt lời thuật chuyện, thì cụ thứ ba cất tiếng. Cụ cũng có một lời cầu xin thần y như hai cụ trước, rằng nếu câu chuyện của cụ sẽ kể ra đây kỳ lạ hơn hai câu chuyện vừa rồi, thì mong thần tha thêm cho thương gia một phần ba tội nữa của ông ta. Vị thần cũng đồng ý và hứa như hai lần trước.

Cụ già thứ ba thuật chuyện của mình cho thần linh nghe. Tôi xin không thuật lại, vì chính tôi cũng không rõ. Nhưng tôi biết chắc chuyện này hay hơn hai chuyện trước rất nhiều bởi những tình tiết phong phú và diệu kỳ của nó, khiến cho thần linh cũng rất đỗi ngạc nhiên. Cụ vừa dứt lời kể, thì vị thần đã bảo với thương gia: “Ta đồng ý giảm nhẹ cho anh một phần ba tội nữa. Anh phải cảm ơn ba cụ đây rất nhiều, bởi không có ba cụ cứu giúp anh bằng những câu chuyện của các cụ, thì mạng sống của anh đã không còn.”

Nói xong, thần biến mất, điều làm cho ai nấy đều hài lòng.

Thương gia hết lời cảm tạ bà cụ già. Bà cụ cũng mừng cho ông tai qua nạn khỏi. Sau đó họ từ biệt nhau, mỗi người đi về một ngả. Thương gia trở về với vợ con, và sống cuộc sống bình yên cho tới lúc qua đời.

- Nhưng tâu bệ hạ, – nàng Sêhêrazát nói thêm – những chuyện em kể hầu bệ hạ từ trước tới nay dù cho hay ho đến bao nhiêu, cũng không thể so sánh với câu chuyện người đánh cá.

Thấy Sêhêrazát ngừng lời, Đinaczát vội nói:

- Chị ơi, hãy còn thì giờ, xin chị kể chuyện ông lão đánh cá đi, em chắc hoàng đế cho phép.

Vua Saria đồng ý. Thế là nàng Sêhêrazát tiếp tục kể như sau:

CHUYỆN NGƯỜI ĐÁNH CÁ

Ngày xưa có một lão đánh cá khá cao tuổi và nghèo túng đến nỗi không sao kiếm được đủ bữa để nuôi sống gia đình gồm một vợ và ba con.

Ngày nào lão cũng đi đánh cá từ sớm và cũng tự đặt ra cái lệ là ngày nào cũng chỉ buông lưới bốn lần mà thôi.

Một buổi sáng lão ra đi từ lúc còn ánh trăng. Đến bờ biển, lão cởi áo quần ngoài và buông lưới. Khi kéo lưới vào bờ, lúc đầu lão cảm thấy nặng tay. Những tưởng đánh được một mẻ khá, lão đã khắp khởi mừng thầm. Nhưng một lát sau, nhận ra không phải là cá mà chỉ là một bộ xương lừa nằm trong lưới, lão rất đổi buồn rầu vì mẻ lưới hẩm hiu.

Vá lại xong tấm lưới bị bộ xương lừa làm rách nhiều chỗ, lão đánh cá ngán ngấm vì một mẻ đánh đã rủi ro như vậy, buông lưới lần thứ hai. Kéo thấy nặng tay hơn lần trước, lão chắc mẩm lần này lưới sẽ đầy những cá. Nhưng cũng lại chỉ thu được một cái thùng lớn đựng đầy đá cuội và bùn. Vô cùng ngao ngán, lão đánh cá kêu lên, giọng đáng thương: “Hỡi số phận, xin thôi đừng ghét lão, thôi đừng hành hạ một con người đau khổ đang cầu khẩn mi buông tha! Lão từ nhà đến đây kiếm cá để sống, mi thì lại báo cái chết của lão! Lão chẳng có nghề ngỗng gì ngoài cái nghề này để kiếm ăn qua bữa. Mặc dù chăm chút biết bao đến nghề nghiệp của mình, lão vẫn không làm sao chu cấp nổi cho gia đình những nhu cầu thiết yếu nhất. Nhưng mà có lẽ lão đã nhầm khi kêu van số phận. Mi vốn thích làm tình làm tội những con người nhân hậu, mi vốn thích để các bậc vĩ nhân sống trong tối tăm trong lúc lại ưu đãi những kẻ độc ác; mi đề cao những đứa không hề có chút đức hạnh nào đáng cho người ta tin cậy.”

Dứt lời than vãn, lão hất tung cái thùng. Sau khi rửa sạch tấm lưới bám đầy bùn, lão buông lưới lần thứ ba. Nhưng lão chỉ kéo lên được đá, vỏ sò và rác rưởi. Không thể nào mô tả hết sự thất vọng của lão. Lão gần như trở thành người quần trí. Tuy vậy trời bắt đầu sáng, lão không quên đọc kinh như một người Hồi giáo ngoan đạo^[18] rồi khẩn thêm: “Hỡi Thượng đế, Người biết rằng mỗi ngày con chỉ buông lưới bốn lần mà thôi! Con đã ba lần tung lưới mà không thu được một chút kết quả nào. Chỉ còn một lần này nữa thôi; cầu xin Thượng đế giúp làm sao biến cả thuận lợi cho con, như xưa kia Người đã khiến trời yên biển lặng giúp cho Môido^[19] vậy.”

Cầu nguyện xong, ông lão đánh cá buông lưới lần thứ tư. Khi cho rằng chắc cá đã vào, lão kéo cái lưới lên cũng khá vất vả như những lần trước. Tuy vẫn không được con cá nào, nhưng lão nhặt được một cái lọ bằng đồng thau mà qua trọng lượng của nó, hình như có chứa đựng một thứ gì bên trong. Cái lọ nút kín, được niêm phong bằng chì và có mang một dấu ấn.

Điều đó làm lão vui lên, lão tự nhủ: “Ta sẽ mang cái lọ này đi bán cho thợ đúc đồng, được tiền ta sẽ đi mua một đầu lúa mì.”

Lão ngắm nghía cái lọ đủ mọi phía. Lão lắc lắc để xem thử những gì đựng bên trong có phát ra tiếng động hay không. Chẳng nghe thấy gì, lại thêm có cái dấu ấn trên nắp chì, làm cho lão nghĩ rằng chắc hẳn cái lọ chứa đựng một vật gì quý báu lắm. Để làm sáng tỏ, lão với lấy con dao, và chẳng khó khăn gì lắm, lão mở được cái nắp. Lão dốc ngược cái lọ song chẳng có gì rơi ra, điều làm cho lão hết sức ngạc nhiên. Lão đặt cái lọ xuống trước mặt, và trong khi lão đang chăm chú ngắm nghía, thì từ miệng lọ tuôn ra một luồng khói khá dày, buộc lão phải thụt lùi về phía sau vài ba bước.

Luồng khói ấy bốc lên cao tận mây xanh, trải dài trên mặt nước và ven bờ biển, tạo thành một đám mây và sương mù lớn. Cảnh tượng đó làm lão vô cùng ngạc nhiên. Khói tuôn ra hết lọ thì tụ tập lại và trở thành một vật rắn từ đó hình thành một vị thần cao lớn gấp đôi con người khổng lồ cao lớn nhất. Trông thấy con quái vật cao quá cỡ như vậy, lão đánh cá muốn co giò chạy. Nhưng quá luống cuống vì khiếp đảm, lão không sao nhấc nổi chân lên.

Thoạt tiên vị thần thốt lên: “Xalômông, hỡi Xalômông, đáng tiên tri vĩ đại của Thượng đế, xin tha thứ, xin tha thứ, không bao giờ con còn dám chống lại ý muốn của Người nữa. Con xin phục tùng mọi mệnh lệnh của Người.”

Nghe được mấy lời ông thần vừa thốt, lão đánh cá bình tĩnh trở lại và nói: “Này vị thần linh cao lớn kia ời, ngài nói gì vậy? Xalômông đáng tiên tri của Thượng đế qua đời hơn một nghìn tám trăm năm, và chúng ta hiện đang sống thời tận cùng các thế kỷ. Ngài hãy kể cho tôi nghe chuyện về ngài, nguyên do vì đâu ngài bị nhốt trong chiếc lọ này?”

Nghe hỏi, vị thần nhìn lão đánh cá một cách kiêu ngạo và trả lời: “Mày hãy nói với ta cho có lễ độ hơn; mày to gan quá đấy, sao dám gọi ta là thần linh cao lớn?”

Lão cãi:

- Phải chăng tôi sẽ nói với ngài lễ độ hơn, nếu tôi gọi ngài là một con cú gặp may?

- Tao bảo mày phải ăn nói cho lễ độ hơn trước khi tao giết chết mày.

- Ồ hay! Sao ngài lại giết tôi? – Lão vặn lại. – Tôi vừa giải thoát cho ngài, ngài đã quên rồi ư?

- Không, ta nhớ, nhưng điều đó cũng không ngăn trở việc ta giết mày. Ta chỉ có một ân huệ để ban cho mày mà thôi.

- Ân huệ gì vậy? – Lão đánh cá hỏi.

- Ấy là cho phép mày lựa chọn cách mày muốn chết như thế nào.

- Nhưng tôi đã làm điều gì xúc phạm đến ngài? – Lão hỏi. – Thế ra ngài thưởng công cho cái việc tốt lành tôi giúp ngài bằng cách ấy phải không?

- Ta không thể đối xử với mày bằng cách nào khác hơn. – Vị thần nói. – Mày không muốn tin thì hãy nghe cho thủng chuyện ta kể đây:

“Ta vốn là một vị thần linh nổi loạn chống lại quyền uy của Thượng đế. Tất cả các thần linh khác đều thừa nhận Xalômông vĩ đại, đáng tiên tri của Thượng đế, và đều thần phục Người, chỉ có Xaca và ta là những kẻ duy nhất không chịu hạ mình làm việc đó. Để trả thù, nhà vua hùng mạnh ấy sai Atxáp, con của Barakhia, tể tướng của Người, đến bắt ta. Lệnh đó được thực hiện. Atxáp đến bắt ta, cưỡng bức ta đến trước ngai vàng của chúa tể ông ta. Xalômông, con của Đavít, ra lệnh cho ta phải từ bỏ lối sống của mình, phải thừa nhận quyền lực của Người và phục tùng mệnh lệnh của Người. Ta ngạo nghễ từ chối không tuân theo. Ta thà chịu đựng mọi sự thù ghét của Người còn hơn là thề trung thành và thần phục, như Người buộc ta phải làm. Để trừng phạt ta, Người giam ta vào trong cái lọ này; và để ta không thể nào vượt ngục, Người tự tay đóng lên cái nắp bằng chì con ấn của Người có khắc tên Thượng đế. Xong đâu đấy, Người giao cái lọ cho một trong những thần linh chịu thuận phục và truyền cho hắn ném ta xuống biển. Lệnh ấy được thi hành mặc dù ta chẳng muốn chút nào. Trong thế kỷ tù đầy đầu tiên, ta thề nếu có ai giải thoát cho ta trước khi hết hạn một trăm năm, ta sẽ làm cho người đó trở nên giàu có, cho dù ngay cả khi người ấy qua đời. Nhưng một thế kỷ trôi qua, mà chẳng có ai làm giúp ta cái việc tốt lành ấy cả. Trong thế kỷ thứ hai, ta thề sẽ mở cửa tất cả các kho tàng trên trái đất giao cho bất kỳ người nào đem lại tự do cho ta. Nhưng ta vẫn không được may mắn gì hơn. Trong thế kỷ thứ ba, ta hứa sẽ làm cho người giải thoát ta trở thành một ông vua hùng mạnh. Hồn thiêng của ta sẽ luôn luôn ở bên cạnh người đó, và cứ mỗi ngày ta sẽ thỏa mãn cho người đó ba điều ước, cho dù những điều ước ấy như thế nào.

Nhưng thế kỷ này lại trôi qua giống như hai thế kỷ trước, còn ta vẫn cứ lâm vào tình trạng giam cầm. Cuối cùng, chán ngán, hay đúng hơn là điên tiết vì thấy mình bị tù đầy quá lâu, ta thề nếu từ đây ai giải thoát ta, ta sẽ giết chết không chút xót thương và sẽ không ban cho một ân huệ nào khác ngoài việc cho phép tự lựa chọn cách chết. Chính vì vậy mà ta cho phép mày tự chọn, xem mày muốn được ta giết bằng cách nào.”

Những lời của vị thần làm lão đánh cá rất lo âu.

- Khốn nạn thân tôi! – Lão kêu lên. – Sao tôi lại đến chốn này làm ơn cho một kẻ vong ân bội nghĩa? Xin ngài hãy xót thương, hãy nhận ra sự bất công của ngài, và hãy xóa bỏ lời thề quá ư vô lý. Hãy tha tội cho lão. Thượng đế sẽ đại xá cho ngài. Nếu ngài rộng lượng cho lão được sống, thì Thượng đế sẽ

che chở cho ngài tránh khỏi mọi mưu toan ám hại.

- Không, – vị thần nói – mày nhất định phải chết. Mày muốn được cái chết nào thì hãy chọn đi, để tao kết liễu đời mày.

Thấy vị thần khăng khăng muốn giết mình, lão đánh cá đau đớn vô cùng. Lão tiếc thương thân mình thì ít mà thương cho ba đứa con sẽ lâm vào cảnh khốn cùng sau khi mất bố thì nhiều. Lão cố gắng tìm cách làm cho vị thần bớt giận: “Ngài ôi! Xin ngài hãy nghĩ đến việc tôi vừa làm cho ngài mà đoái thương!”

- Thì ta đã chẳng bảo, chính vì việc làm của mày mà ta bắt buộc phải kết liễu đời mày đó sao.

- Thật là lạ lùng làm sao! – Lão đánh cá đáp. – Ai lại khăng khăng lấy oán báo ân đến mức ấy bao giờ. Tục ngữ có câu: người nào làm điều lành cho kẻ không đáng được hưởng thì bao giờ cũng bị đền đáp không hay. Thú thật, trước đây lão cho rằng câu tục ngữ đó sai. Không có gì xúc phạm lẽ phải và luật lệ xã hội hơn là câu nói đó. Thế mà giờ đây lão phải đau đớn mà nhận ra rằng nó quá ư đúng đắn.

Vị thần ngắt lời:

- Chớ để mất thời giờ, mọi lý lẽ đều không làm thay đổi chủ định của ta đâu. Hãy nói nhanh lên, mày muốn được ta giết chết bằng cách nào?

Sự bức bách làm nảy trí thông minh. Lão đánh cá nghĩ ra một mẹo. Lão nói với thần: “Vì không có cách nào tránh khỏi chết, thôi thì lão đành phục tùng ý Trời vậy. Nhưng trước khi chọn cách chết, lão cầu xin ngài, hãy vì uy danh vĩ đại của Thượng đế đã được khắc vào con ấn của đấng tiên tri Xalômông, con trai Đavít, mà trả lời thật thà cho lão biết câu lão hỏi ngài sau đây.”

Thấy mình lâm vào thế không thể khước từ lời cầu xin nhân danh Thượng đế, hung thần run sợ trong lòng. Hắn bảo lão đánh cá: “Nào, mày muốn hỏi gì ta thì hỏi nhanh lên!”

Được thần cho phép, lão đánh cá liền hỏi: “Lão muốn biết có đúng ngài đã ở trong cái lọ ấy không? Ngài có dám thề trước Thượng đế rằng quả đúng như vậy không?”

- Đúng, ta xin thề trước Thượng đế rằng ta đã ở trong cái lọ, điều đó hoàn toàn đúng sự thật.

- Thật thà mà nói lão không sao tin được lời ngài. Cái lọ một bàn chân của ngài thôi cũng không đủ lọt, làm sao có thể chứa đựng toàn bộ thân thể ngài cơ chứ!

- Nhưng ta thề độc với mày, đúng là với cái hình dạng như mày thấy ta

đây, ta đã ở trong ấy. Ta đã thề long trọng như vậy mà mày vẫn không tin ư?

- Vâng, đúng thế. – Lão nói. – Lão sẽ chẳng bao giờ tin đâu, trừ phi ngài cho lão tận mắt trông thấy.

Thế là thân thể hung thần tự nhiên tan ra, biến thành khói trải dài trên mặt nước và ven bờ biển rồi sau đó tụ tập lại và chui trở vào trong lọ một cách chậm rãi và đều đều cho đến khi không còn sót gì bên ngoài.

Từ trong lọ vọng ra tiếng nói với người đánh cá: “Thế nào, hỡi người đánh cá hay hoài nghi kia, giờ ta đã vào trong lọ, mày tin rồi chứ?”

Không trả lời, người đánh cá vớ lấy cái nắp chụp nhanh lên miệng rồi kêu to: “Này hung thần, giờ đến lượt mày van ta, và cho mày lựa chọn lấy, mày muốn ta cho mày chết bằng cách nào? Nhưng mà thôi, tốt hơn ta lại ném mày trở về biển ngay ở chỗ ta vừa vớt mày lên. Rồi ta sẽ làm một cái nhà trên bờ này. Ta sẽ luôn luôn ở đây để báo cho tất cả những người đánh cá nào đến đây buông lưới, rằng hãy chớ có vớt lên một hung thần độc ác như mày, kẻ đã thề sẽ giết chết người nào cứu vớt nó và cho nó trở lại tự do.”

Nghe những lời xúc phạm ấy, hung thần nổi xung, cố hết sức để thoát ra ngoài lọ nhưng không sao được vì bị cái dấu ấn của đấng tiên tri Xalômông, con vua Đavít cản trở.

Thấy người đánh cá có lợi thế hơn mình, hung thần đành nén lòng giấu cơn giận dữ. Hắn dụ giọng nói: “Hỡi người ngư phủ, bác hãy cẩn thận, chớ có làm điều bác vừa nói đây nhé. Những việc ta làm vừa rồi chẳng qua là để đùa chơi một tí thôi, bác chớ coi là thật.”

- Này hung thần, – lão đánh cá đáp, – cách đây một lát mày là đấng vĩ đại nhất nhưng bây giờ là kẻ bé nhỏ nhất trong tất cả các thần linh. Mày hãy biết rằng những lời lẽ giả dối của mày chẳng giúp ích gì cho mày đâu. Mày sẽ trở về với biển cả. Nếu mày đã từng ở dưới biển suốt thời gian dài như mày đã kể cho ta nghe, thì mày cũng có thể ở đây cho đến ngày tận thế. Ta đã nhận danh Thượng đế cầu xin mày chớ kết liễu đời ta, mày đã bác bỏ mọi lời cầu khẩn của ta, vậy thì giờ đến lượt ta sẽ đối xử với mày như mày đã đối xử với ta vậy.

Hung thần tìm hết cách làm động lòng người đánh cá: “Bác hãy mở cái nắp lọ, hãy trả tự do cho ta, ta van bác đấy. Ta xin hứa rằng ta sẽ làm hết sức mình cho bác hài lòng về ta.”

- Mày chỉ là một tên phản trắc! – Lão trả lời. – Ta sẽ đáng chết, nếu ta còn bất cẩn mà tin lời mày. Rồi mày cũng giết chết ta như ông vua Hy Lạp nào đó đã giết viên thầy thuốc Đubăng mà thôi. Đây là một câu chuyện mà ta muốn kể cho mày. Hãy nghe đây:

CHUYỆN NHÀ VUA HY LẠP VÀ THẦY THUỐC ĐUBĂNG

Ngày xưa, ở xứ Zuman thuộc nước Ba Tư, có một nhà vua, con dân của vua xứ ấy đều là người gốc Hy Lạp. Nhà vua bị bệnh phong. Các ngự y của vua đã hết lòng chạy chữa nhưng bệnh vẫn không khỏi. Khi các lương y trong triều đều chịu bó tay thì có một thầy thuốc rất tài giỏi có tên là Đubăng từ xứ khác đến.

Vị thầy thuốc này đã đọc hết các sách y học bằng tiếng Hy Lạp, Ba Tư, Thổ Nhĩ Kỳ, A Rập, Latinh, Xyri và Hêbơơ. Không những ông ta thuộc lòng y lý mà còn nắm rất vững được chất độc hại cũng như tính tốt lành của mọi thứ thảo mộc trên đời.

Được tin nhà vua mắc bệnh và các ngự y đã chịu bó tay, thầy thuốc này cố gắng ăn mặc thật đàng hoàng và tìm cách để được giới thiệu ra mắt vua.

- Tâu bệ hạ, – ông nói – tôi được biết rằng tất cả các vị lương y từng hầu hạ bệ hạ nay đều chịu bó tay không chữa nổi bệnh phong của ngài. Nếu bệ hạ cho phép kẻ này được làm việc ấy, thì tôi xin bảo đảm có thể chữa lành bệnh cho ngài mà không cần phải dùng một thứ thuốc nào trong uống hoặc ngoài xoa.

Nghe tâu, vua Hy Lạp rất mừng:

- Nếu ông tài giỏi đến mức như ông vừa nói thì ta hứa sẽ làm cho ông giàu có. Ngoài những của cải mà ta ban thưởng cho ông, ta sẽ coi ông là vị đệ nhất sủng thần của ta. Vậy ông bảo đảm có thể làm cho ta khỏi bệnh phong mà không cần phải dùng đến phép chữa nội khoa hoặc ngoại khoa?

- Đúng như vậy, tâu bệ hạ. Và tôi tin chắc là nhờ ơn trên phù hộ, tôi sẽ đạt thành, và ngay ngày mai thôi, sẽ thấy rõ công hiệu.

Thầy thuốc Đubăng lui về, thừa một chiếc gậy chơi cầu rồng ruột, bên trong chứa liều thuốc ông bào chế sẵn. Ông cũng làm một quả cầu theo cách của mình. Xong đâu đấy, ngay sáng hôm sau, vào ra mắt vua, phủ phục xuống đất, rồi mời vua lên ngựa ra bãi cầu. Thầy thuốc đưa gậy và cầu cho nhà vua và nói:

- Xin bệ hạ hãy cầm lấy và bắt đầu đánh cầu, đánh cho kỳ đến lúc bàn tay cũng như toàn thân ngài đều toát mồ hôi. Thuốc mà tôi để sẵn trong cán gậy đánh cầu này gặp hơi nóng bàn tay sẽ thấm vào cơ thể của ngài. Chừng nào bệ hạ đã thấy vã hết mồ hôi, ngài có thể ngừng chơi, vì thuốc đã công hiệu rồi đấy. Trở về cung, xin bệ hạ hãy tắm, hãy sai người kỳ cọ thật kỹ. Sau đấy xin mời ngài đi nghỉ. Sáng sớm mai, tỉnh giấc, ngài đã khỏi bệnh.

Nhà vua đón gậy, tung quả cầu rồi thúc ngựa đuổi theo đánh. Quả cầu

được các quan hầu cùng chơi đánh lại. Cứ thế hai bên chơi cầu hồi lâu, cho đến khi toàn thân nhà vua mồ hôi đầm đìa. Thuốc đựng trong cán gậy công hiệu đúng như thầy thuốc nói. Thế là vua trở về cung tắm rửa và nhất nhất thực hiện đúng tất cả mọi điều thầy thuốc dặn.

Sáng hôm sau, tỉnh dậy, vua cực kỳ ngạc nhiên và mừng rỡ thấy mình đã khỏi bệnh. Thân thể vua hoàn toàn lành mạnh, như thể chưa bao giờ mắc phải chứng bệnh quái ác ấy.

Mặc xong áo quần, vua đến ngay phòng thiết triều, ngồi lên ngai và trở cho quần thần trông thấy. Mọi người nôn nóng muốn xem kết quả của phương thuốc đã tề tựu từ sớm. Thấy nhà vua đã hoàn toàn khỏi bệnh, ai nấy đều hết sức vui mừng.

Vừa lúc ấy, thầy thuốc Đubăng bước vào, phủ phục trước ngai. Trông thấy, vua gọi đến gần, cho ngồi cạnh mình, giới thiệu ông với mọi người. Trước mặt quần thần, vua không tiếc lời khen ngợi ông. Không chỉ có vậy. Hôm ấy, để ăn mừng, vua thiết tiệc cả triều đình. Riêng thầy thuốc Đubăng, vua cho ngồi riêng cùng mâm với mình. Lúc bãi triều, vua ban cho thầy thuốc một chiếc áo rất đẹp giống như áo mà các vị đại thần vẫn mặc khi vào chầu, ngoài ra, còn cho thêm hai nghìn đồng *xocanh*. Tóm lại nhà vua không biết làm sao nói hết lòng biết ơn của mình đối với thầy thuốc, cho nên ngày nào cũng ban thưởng cho ông nhiều tặng phẩm mới.

Nhà vua ấy có một tể tướng tính tình bủn xỉn, hay ghen ghét. Lão có thể làm đủ mọi thứ để hãm hại người. Lão không sao chịu nổi khi thấy nhà vua ban thưởng cho thầy thuốc nhiều đến vậy.

Thấy vai vế của mình có nguy cơ bị viên thầy thuốc lấn át, lão quyết định tìm cách làm cho nhà vua nghi kỵ ông.

Để thực hiện mưu đồ ấy, lão đến xin được gặp riêng vua, nói có việc cực kỳ trọng xin được trình bày để vua tường. Vua hỏi có việc gì vậy, lão đáp:

- Tâu bệ hạ, thật là nguy hiểm cho một đấng quân vương nếu quá tin cậy một người mà ta chưa thử thách được lòng trung thành. Bệ hạ đã ban ơn rất hậu và khen ngợi viên thầy thuốc, nhưng ngài chưa biết rằng y là một kẻ phản bội cố tìm cách lọt vào triều đình để kiếm dịp ám hại bệ hạ.

- Ông nghe tin từ đâu mà dám tâu với ta điều vừa nói đó? Nên nhớ là ông đang tâu với ta, và ta đâu phải là người nhẹ dạ cả tin.

- Tâu bệ hạ, – tể tướng quả quyết – tôi hoàn toàn biết rõ điều tôi vừa được vinh hạnh trình bệ hạ. Xin bệ hạ chớ quá tin vào một kẻ nguy hiểm như vậy. Nếu bệ hạ chưa thấy ra, cúi mong ngài hãy sáng suốt. Bởi vì, tôi xin khấn khoản tâu trình một lần nữa, viên thầy thuốc ấy chính là kẻ đã ra đi từ nơi tận cùng của nước Hy Lạp quê hương của hắn để đến triều đình ta với ý đồ đen

tôi mà tôi vừa nói đó.

- Không, không, tể tướng à, – vua ngắt lời – ta tin chắc con người mà ông cho là xảo quyệt, là phản trắc ấy, là con người đạo đức nhất, cao thượng nhất trong tất cả mọi con người. Ông đã rõ ông ta đã chữa khỏi bệnh cho ta bằng cách thần diệu như thế nào rồi. Nếu ông ta muốn hãm hại ta thì tại sao ông ấy cứu sống ta? chỉ cần để mặc ta với cơn bệnh, thế nào ta cũng không qua khỏi; hồi ấy ta đã thấy hầu như chết đến nửa người rồi. Vậy thì ông chớ có xui ta nghi ngờ bất công nữa. Không những ta không nghe lời ông, mà ta báo trước cho ông biết là ngay từ hôm nay, ta sẽ ban cho thầy thuốc một món bổng lộc một nghìn đồng *xocanh* hằng tháng, được hưởng cho đến trọn đời. Cho dù ta có chia sẻ với ông ta mọi thứ của cải và ngay cả đất nước này nữa, cũng vẫn chưa đủ đền đáp những gì thầy thuốc đã làm cho ta. Ta thấy ra rồi đó, chính đức hạnh của ông ấy khiến cho ông đem lòng ghen ghét. Nhưng ông chớ có bao giờ quên những điều mà viên thượng thư nọ đã tâu với chúa công Xinbát của mình để can gián nhà vua chớ giết hại con trai.

Tể tướng nói:

- Xin bệ hạ xá tội cho nếu tôi mạo muội hỏi, vị thượng thư ấy đã nói gì với vua Xinbát để can gián ông ta chớ giết hại con trai của mình?

Nhà vua chấp thuận:

- Để can gián vua Xinbát chớ vì chuyện mẹ ghẻ con chồng mà đi tới một hành động có thể sẽ hối hận sau này, quan thượng thư ấy đã kể câu chuyện sau đây:

CHUYỆN ÔNG CHỒNG VÀ CON VỆT

Một người đàn ông nọ có một bà vợ xinh đẹp. Anh ta mê vợ say đắm đến mức không bao giờ muốn rời. Một hôm vì có công việc bức bách phải đi xa, anh ta đến nơi bán chim tìm mua một con vẹt. Con vẹt này không những có thể nói khá thạo tiếng người mà còn có cái khiếu đặc biệt là có thể thuật lại những điều nó trông thấy. Mang lồng chim về nhà, anh ta bảo vợ hãy đưa về buồng riêng và chú ý chăm sóc hộ con chim trong khi anh đi xa. Nói xong, anh lên đường.

Khi trở về, anh không quên hỏi con vẹt những gì đã xảy ra trong khi anh vắng nhà. Con chim nọ cho biết nhiều chuyện, khiến anh trách mắng vợ thậm tệ.

Chị vợ nghi có con đây tở gái nào phản mình chẳng. Nhưng tất cả đều thề là trung thành và cùng nhau đoán chắc rằng chính con vẹt đã ton hót những điều bậy bạ.

Biết rõ như vậy chị vợ nghĩ cách làm cho chồng hết nghi ngờ đồng thời cũng để trả thù con vẹt luôn thề. Và chị tìm được cách. Một hôm anh chồng có việc đi vắng một ngày. Chị vợ sai người ở gái mang lúa ra xay ngay dưới lồng chim, một người khác từ trên cao rưới nước xuống lồng làm như thể mưa, rồi một người thứ ba nữa dùng ngọn đèn sáng chiếu vào mắt vẹt. Những người ở nghe lời chủ, cùng nhau làm khéo léo công việc ấy gần suốt cả đêm.

Sáng hôm sau, người chồng trở về, hỏi chim vẹt đêm hôm qua ở nhà có chuyện gì không. Vẹt ta đáp:

- Thưa ông chủ, mưa to và sấm chớp suốt đêm làm cho tôi rất khó chịu. Thật không biết thưa ông rằng tôi đã chịu khổ sở vì chuyện ấy đến thế nào.

Anh chồng biết là đêm hôm qua trời không hề mưa. Anh quả quyết con vẹt nói dối chuyện này ắt nó cũng nói điều cho vợ anh lần trước. Bực mình, anh tóm con chim lôi ra khỏi chuồng quật mạnh xuống đất, đến nỗi vẹt ta chết thẳng cẳng.

Sau đó, được hàng xóm cho hay là con vẹt chẳng phải nói điều cho vợ anh đâu. Anh rất hối hận là đã giết chết con chim, nhưng hối hận thì chuyện cũng đã rồi.

Kể đến đây, nhà vua nói tiếp:

- Ông cũng vậy, ông tể tướng ạ, chỉ vì ghen ghét thầy thuốc Đubăng, người chẳng làm gì hại đến ông mà ông muốn cho ta giết ông ấy chứ gì? Ta sẽ chẳng làm đâu, để rồi sau này khỏi phải hối hận như anh chồng đã giết chết con vẹt kia.

Quá cay cú muốn làm hại thầy thuốc, tể tướng không chịu bỏ cuộc:

- Một con vẹt chết chẳng có gì quan trọng, tôi tin là anh chồng chẳng phải hối hận lâu. Nhưng tại sao việc lo kết tội sai một người vô tội lại khiến cho bệ hạ ngại ngùng tới mức không dám giết viên thầy thuốc? Riêng một việc có người tố cáo anh ta định ám hại bệ hạ, chỉ điều ấy thôi, chẳng đáng cho y chịu tội chết hay sao? Để gìn giữ an ninh cho đáng quân vương, thì một thoáng hoài nghi cũng đủ để trở thành một điều khẳng định: thà hi sinh người vô tội còn hơn là để cho hung thủ có cơ may thoát khỏi trừng trị. Tâu bệ hạ, không còn gì nghi ngờ nữa, tên thầy thuốc Đubăng quả thật muốn hãm hại ngài. Không phải là tôi đem lòng ghen ghét hấn ta đâu, mà chính lòng trung thành với bệ hạ buộc tôi phải tâu trình một việc hệ trọng đến vậy. Nếu điều tôi nói là sai, tôi xin chịu tội đúng theo cách xưa kia người ta trừng trị một tể tướng nọ.

Vua Hy Lạp tò mò hỏi:

- Vậy chứ tể tướng đã làm gì nên tội?

Tôi xin kể hầu bệ hạ, nếu ngài hạ cố lắng nghe cho.

CHUYỆN QUAN TẾ TƯỚNG BỊ TRỪNG TRỊ

Tể tướng kể:

- Ngày xưa, nhà vua nọ có một hoàng tử rất mê săn bắn. Vua cho phép con trai mình thỉnh thoảng được giải trí cách ấy, nhưng ra lệnh cho tể tướng bất kỳ lúc nào hoàng tử đi săn tể tướng cũng phải đi theo và để mắt trông chừng chàng.

Một hôm, trong một cuộc đi săn, hoàng tử say mê đuổi theo một con hươu, và nghĩ rằng tể tướng vẫn chạy theo mình.

Vì hăng máu, hoàng tử phóng ngựa chạy lâu và xa quá. Đến nỗi cuối cùng thấy còn lại mỗi một mình. Khi dừng lại, hoàng tử nhận ra mình đã nhầm đường, chàng muốn quay trở lại để tìm vị tể tướng đã không theo kịp, nhưng quanh quẩn một hồi, chàng bị lạc hẳn. Trong khi đang chạy quanh quẩn tìm đường, chàng chợt bắt gặp một thiếu phụ ăn mặc khá sang trọng đang khóc lóc thảm thiết.

Chàng gò cương dừng ngựa, hỏi thiếu phụ là ai, tại sao ngồi một mình chốn này, và có cần được giúp chăng.

Thiếu phụ đáp:

- Em là công chúa con vua một xứ thuộc Ấn Độ. Em đi dạo về nông thôn, nhưng nhớ ngủ quên, ngã xuống và con ngựa chạy mất, em đang không biết rồi ra sao đây.

Hoàng tử thương hại mời thiếu phụ lên ngựa ngồi sau lưng mình. Thiếu phụ nhận lời.

Lúc đi ngang qua một táp lều, thiếu phụ xin xuống ngựa một chốc có việc cần, hoàng tử dừng ngựa và cho thị xuống. Hoàng tử cũng xuống ngựa, cầm cương ở tay và tiến đến táp lều. Chàng ngạc nhiên biết bao khi nghe người đàn bà nói:

- Các con đâu, hãy mừng đi, mẹ dẫn về cho các con một chàng trai khôi ngô béo tốt đây này.

- Đâu, đâu hở mẹ? chúng con phải ăn thịt nó ngay, chúng con đang đói đây. – Nhiều tiếng nhao nhao trả lời người đàn bà.

Không cần nghe nhiều hơn, hoàng tử đã hiểu mình đang gặp tai họa lớn. Hóa ra thiếu phụ tự xưng là công chúa con một ông vua thuộc Ấn Độ ấy là một mục phù thủy. Mục thường la cà những nơi vắng vẻ, tìm trăm phương ngàn kế lừa bắt và ăn sống những người qua đường. Hoàng tử, chàng vội vàng nhảy tót ngay lên ngựa. Mục phù thủy xuất hiện ngay lúc đó. Thấy đã hỏng việc, thị vờ hỏi:

- Chớ sợ hãi! Anh là ai? Anh tìm gì? Hoàng tử đáp:

- Tôi đang bị lạc, tôi đang tìm đường.

- Nếu anh bị lạc, anh hãy cầu Thượng đế. Người sẽ giải thoát anh khỏi lúc khó khăn.

Thế là hoàng tử ngược mắt lên trời, khẩn: “Lạy Thượng đế tối thiêng liêng, xin hãy giải thoát cho con khỏi mù phù thủy này.”

Nghe câu khẩn, người đàn bà chui tạt vào lều, và hoàng tử vội vã thúc ngựa chạy.

May mắn làm sao, chàng tìm lại được đường, trở về cung an toàn lành lặn, và kể lại cho vua cha nỗi hiểm nghèo mình vừa trải qua do lỗi của viên tể tướng bất cẩn. Nhà vua nổi giận lôi đình, sai xử giảo tể tướng ngay tức khắc.

Kể xong, tể tướng nói tiếp với vua Hy Lạp:

- Tâu bệ hạ, xin trở lại chuyện thầy thuốc Đubăng. Nếu bệ hạ không dè chừng mà cứ một mực tin lão thì sẽ nguy to. Tôi được nguồn tin chắc chắn báo cho biết đó là một tên gián điệp được các kẻ thù của bệ hạ phái đến đây để tìm cách hại ngài. Lão đã chữa lành bệnh cho bệ hạ, ngài nói vậy ư? Ai dám bảo đảm chuyện đó? Có thể lão chỉ chữa bệnh bên ngoài nhưng thật ra là không. Biết đâu thứ thuốc ấy với thời gian sẽ chẳng có công dụng độc hại?

Nhà vua Hy Lạp, vốn cũng hơi trì độn, không đủ sáng suốt để nhận ra ác ý của tể tướng, cũng không đủ kiên quyết để giữ ý kiến ban đầu của mình. Lời tể tướng làm vua nao lòng.

- Tể tướng à, – vua nói – ông có lý đấy, có lẽ lão cố tình đến đây để hãm hại ta thật. Lão ta chỉ cần dùng đến một thứ hương liệu nào đó trong các loại thảo mộc của lão cũng đã đủ làm việc ấy. Vậy ta phải làm gì bây giờ?

Thấy nhà vua đã ngã theo ý mình, tể tướng nói:

- Tâu bệ hạ, phương sách tốt nhất để tinh thần bệ hạ được thanh thản, tính mạng bệ hạ được an khang, là ngay lập tức cho triệu lão đến, và khi lão vừa tới nơi, bệ hạ hãy ra lệnh chém đầu.

- Đúng thế, ta tin rằng chỉ có làm như vậy mới có thể phòng ngừa âm mưu của lão.

Nói xong, vua gọi một viên quan hầu, sai đi tìm thầy thuốc. Ông này không biết có chuyện gì, vội vã tới ngay hoàng cung. Vừa thấy mặt ông, vua hỏi:

- Mi có biết tại sao ta cho đòi mi đến đây hay không?

- Tâu bệ hạ không. Tôi đang chờ bệ hạ phán bảo.

- Ta đòi mi đến để sai giết chết mi cho khuất mắt ta.

Không thể nào diễn tả được sự ngạc nhiên của thầy thuốc Đubăng khi được nghe mình bị tội chết:

- Tâu bệ hạ, tại sao ngài hạ lệnh giết tôi? Tôi đã làm gì nên tội?

- Ta được nguồn tin chắc chắn cho biết mi là một tên gián điệp, mi được phái tới triều đình ta để mong ám hại ta. Để phòng ngừa, ta phải giết mi.

Quay lại phía đao phủ lúc ấy đang có mặt, vua phán:

- Hãy chém đầu nó, hãy giết chết tên khốn nạn đã luồn vào tận đây hòng hại ta!

Thầy thuốc hiểu ra chính những ân huệ, những của cải vua ban cho ông đã làm cho ông có nhiều kẻ thù, và ông vua yếu đuối đã tin nghe những lời xúc xiểm. Ông hối hận đã chữa khỏi bệnh phong cho vua, song hối hận giờ đây có ích gì.

- Vậy bệ hạ thưởng công cho tôi bằng cách ấy ư? Vua không muốn nghe nữa. Một lần nữa vua ra lệnh cho đao phủ khai đao. Thầy thuốc đành phải chuyển sang van xin:

- Hỡi ôi, tâu bệ hạ, xin bệ hạ hãy đoái thương cho tôi được sống. Thượng đế sẽ kéo dài tuổi thọ của ngài. Xin chớ bắt tôi phải chết, e rằng Thượng đế cũng sẽ bắt ngài phải chết theo.

Vua Hy Lạp đã không xót thương, còn quát:

- Không, không, tuyệt đối không, mi phải chết! Nếu không mi sẽ có cách tinh vi để hãm hại ta y như mi đã chữa cho ta khỏi bệnh vậy.

Thầy thuốc Đubăng nước mắt như mưa tiếc là mình đã làm ơn cho một kẻ bất nghĩa, và đành chịu chết. Đao phủ bịt mắt, trói tay ông và sắp sửa rút dao.

Các triều thần lúc ấy có mặt đều đem lòng thương hại, xúm lại xin tha cho thầy thuốc tội chết. Không những vua không lay chuyển, mà còn cất lời trách mắng họ nặng nề, đến nỗi không ai dám nói nữa.

Thầy thuốc bị bịt mắt, quỳ gối, sẵn sàng chờ lưỡi đao oan nghiệt nhưng vẫn cố gắng một lần cuối cùng:

- Bệ hạ đã bắt tôi phải chết thì ít ra ngài cũng cho tôi được phép quay về nhà sửa soạn phần mộ, vĩnh biệt gia đình, chia của làm phúc, và giao phó các cuốn sách thuốc quý của tôi cho những người biết cách sử dụng. Trong số sách ấy có một cuốn tôi muốn được tặng bệ hạ. Đó là một cuốn sách rất quý, rất đáng được cất giữ trong kho tàng của ngài.

- Cuốn sách mà mi nói đó quý ở chỗ nào? – Vua hỏi.

- Tâu bệ hạ, vì nó chứa đựng cơ man là điều kỳ lạ. Điều kỳ lạ nhất là sau

khi bệ hạ đã sai chém đầu tôi, nếu ngài chịu khó lật đến trang thứ sáu, tìm đọc dòng thứ ba trang bên trái, thì đầu tôi sẽ trả lời tất cả những câu bệ hạ hỏi.

Nhà vua tò mò muốn xem sự kỳ lạ đường ấy, liền cho hoãn việc hành quyết sang ngày hôm sau. Khi thầy thuốc được trở về nhà, có lính tráng theo kèm riết.

Thầy thuốc nhân dịp ấy xếp đặt công việc của mình. Tin đồn sắp xảy ra điều kỳ diệu sau khi thầy thuốc chết lan truyền rộng rãi. Tất cả văn võ bá quan trong triều kéo đến chật điện triều để được chứng kiến.

Chẳng mấy chốc thầy thuốc xuất hiện. Ông cầm ở tay một cuốn sách lớn và tiến tới sát chân vua. Ông bảo mang ra một cái chậu, lót một tấm vải lên trên, rồi đặt vào. Đưa sách cho vua, ông nói:

- Xin bệ hạ hãy cầm lấy cuốn sách này. Sau khi đầu tôi bị chặt, xin bệ hạ hãy sai mang đến đặt vào chậu, lên bìa cuốn sách này. Đặt đầu tôi vào đấy rồi, máu sẽ ngừng chảy. Bệ hạ sẽ mở sách và đầu của tôi sẽ trả lời những câu bệ hạ hỏi. Nhưng tâu bệ hạ, – ông nói thêm – cho phép tôi van xin lòng khoan dung của ngài. Nhân danh Thượng đế, tôi xin khiêu nại là tôi vô tội.

- Mi có van xin cũng vô ích thôi. – Vua đáp. – cho dù chỉ để nghe cái đầu của mi nói sau khi chết mà thôi, ta cũng đã muốn rằng mi phải chết.

Nói đến đây, vua đón nhận cuốn sách từ tay thầy thuốc và truyền cho đao phủ hãy làm phận sự.

Đao phủ khai đao một cách tài tình đến nỗi cái đầu rơi đúng vào chậu. Đầu được đặt ngay ngấn lên bìa cuốn sách, máu bỗng ngừng chảy. Thế là giữa sự kinh ngạc cực kỳ của nhà vua và tất cả những người chứng kiến, cái đầu mở mắt và cất lời:

- Tâu bệ hạ, xin hãy lật sách!

Nhà vua mở sách. Thấy các trang giấy dính vào nhau, để dễ lật, vua đưa ngón tay thấm nước bọt. Lật đến trang thứ sáu. Không thấy có chữ, vua hỏi:

- Thầy thuốc à, nào có thấy gì đâu? Cái đầu đáp:

- Xin hãy lật thêm mấy trang nữa!

Vua tiếp tục lật sách, mỗi lần lật một trang lại thấm nước bọt. Cho đến khi chất độc ở các trang sách thấm vào người, vua bỗng cảm thấy bị chấn động, mặt mũi tối sầm, rồi lăn đùng xuống dưới chân ngài, chân tay co quắp.

Khi thầy thuốc Đubăng, hay đúng hơn là cái đầu của ông ta thấy thuốc đã ngấm đủ và nhà vua chỉ còn sống chốc lát nữa mà thôi, liền thốt lên:

- Hỡi tên bạo chúa, những vua chúa nào lợi dụng quyền uy làm hại người vô tội đều bị trừng phạt như vậy đó. Sớm hay muộn, Thượng đế cũng sẽ

trừng phạt họ.

Cái đầu vừa dứt lời, nhà vua tắt thở, và cái đầu cũng hết luôn chút sống còn.

Người đánh cá kể câu chuyện về vua Hy Lạp và thầy thuốc Đubăng cho hung thần – mà ông vẫn nhốt chặt trong lọ – nghe đến đây thì nói tiếp:

- Nếu nhà vua Hy Lạp để cho thầy thuốc được sống, Thượng đế cũng để cho nhà vua được sống, nhưng vì vua đã bác mọi lời van xin nên Thượng đế đã trừng phạt. Mày cũng vậy, hỡi hung thần! Giá như vừa rồi mày chấp nhận cho điều ta cầu xin, thì giờ đây có lẽ ta sẽ thương hại cho tình cảnh của mày. Nhưng, bởi vì bất chấp cái ơn cực kỳ cao cả là ta đã giải thoát cho mày mà mày vẫn cứ một mực đòi giết ta, vậy thì đến lượt ta, ta cũng không chút xót thương. Ta sẽ cứ để cho mày bị nhốt trong lọ này. Ta ném mày xuống biển, để cho mày không được sống cho đến ngày tận thế. Đó chính là sự trả thù mà ta định đối xử với mày đấy, hung thần à.

- Hỡi người ngư phủ bạn thân thiết của ta ơi, – hung thần đáp – một lần nữa ta van xin bác chớ nên hành động tàn ác như vậy. Bác nên nghĩ rằng trả thù là không đôn hậu đâu, ngược lại lấy ân báo oán mới thật là đáng khen.

- Không, ta sẽ không giải thoát cho mày đâu. Lý lẽ quá nhiều rồi. Ta sắp tổng khứ mày xuống đáy biển đây. – Lão đánh cá nói.

- Bác ngư phủ ơi, – hung thần kêu lên – hãy gượng, cho ta nói thêm một lời: ta xin hứa sẽ không làm gì hại đến bác; hơn nữa, khác xa điều đó, ta sẽ còn bày cho bác một cách để mà trở nên cực kỳ giàu có nữa.

Niềm hy vọng thoát khỏi cảnh nghèo túng làm cho lão đánh cá xiêu xiêu. Lão nói:

- Ta có thể nghe, thử xem lời mày nói có thể lọt tai ta không. Hãy thề trước Thượng đế rằng mày sẽ giữ lấy lời thì ta sẽ mở cái lọ cho mày ra. Ta không tin mày to gan đến nỗi dám làm trái lời nguyên thiêng liêng trước Thượng đế.

Hung thần chịu thề, người đánh cá liền mở nắp lọ. Lập tức khói tuôn ra, và hung thần sau khi đã lấy lại nguyên hình vẫn theo như cách thức trước, việc đầu tiên là đưa chân đá tung cái lọ xuống biển. Hành động đó làm người đánh cá phát hoảng: “Này thần linh, thế là thế nào? Ngài không muốn giữ trọn lời thề lúc nãy hay sao? Lão có cần nhắc lại câu mà thầy thuốc Đubăng từng nói với nhà vua Hy Lạp xưa: “Hãy để cho tôi sống, Thượng đế sẽ kéo dài tuổi thọ của ngài”?”

Sự hoảng hốt của người đánh cá làm hung thần bật cười: “Không, lão ạ, lão hãy yên tâm. Ta hất cái lọ đi cho vui thôi và cũng để thử xem lão có phát hoảng lên hay không. Để cho lão tin chắc là ta muốn giữ trọn lời hứa, lão

hãy vác lưới đi theo ta.”

Vừa nói hung thần vừa đi lên trước. Người đánh cá vác lưới theo sau, trong bụng vẫn nửa tin nửa ngờ. Họ đi ngang qua ngoài rìa thành phố, trèo lên một ngọn núi rồi từ đấy đổ xuống một đồng bằng rộng dẫn tới một cái đầm lớn nằm lọt giữa bốn quả đồi.

Đến bờ đầm, hung thần bảo lão đánh cá: “Lão hãy buông lưới đi, rồi bắt lấy cá.” Người ngư phủ tin chắc mình sẽ đánh được cá bởi vì mắt nhìn thấy có vô số cá trong đầm. Song điều làm cho lão cực kỳ ngạc nhiên là các con cá bốn màu sắc khác nhau: trắng, đỏ, xanh, vàng. Lão tung lưới và bắt lên bốn con, mỗi con một màu. Chưa hề nhìn thấy những con cá như vậy bao giờ, lão ngấm ngấm không biết chán. Bụng nghĩ rằng sẽ có thể bán lấy một món tiền đáng kể đây, lão rất vui mừng. Hung thần nói: “Hãy mang những con cá này đến dâng hoàng đế, ngài sẽ cho lão nhiều tiền hơn số tiền lão kiếm được trong suốt cuộc đời. Ngày nào lão cũng có thể đến đánh cá ở đây, song ta báo cho biết trước, là mỗi ngày chỉ được buông lưới một lần thôi. Làm khác đi là mang họa vào thân đấy, lão cần nhớ kỹ. Đây là lời khuyên. Nếu thực hiện đúng thì lão sẽ thấy nó nhiệm màu.”

Nói xong, thần giậm chân, mặt đất liền nứt và khép lại ngay sau khi nuốt chửng thần.

Lão đánh cá nhất quyết thực hiện đúng mọi điều khuyên răn của thần linh, cho nên không buông lưới lần nữa. Lão trở lại kinh thành, khá bằng lòng với mẻ cá. Lão suy nghĩ miên man về những việc vừa xảy ra. Lão đi thẳng đến hoàng cung để dâng cá lên cho hoàng đế.

Bệ hạ thử tưởng tượng ^[20] sự ngạc nhiên của nhà vua khi nhìn thấy bốn con cá mà người ngư phủ hiến dâng. Người bắt từng con cá lên xem xét một cách chăm chú. Sau khi ngấm ngấm hồi lâu, nhà vua truyền cho tể tướng: “Khanh hãy mang những con cá này đến cho con đầu bếp khéo tay mà hoàng đế Hy Lạp gửi đến biếu ta. Ta nghĩ rằng những con cá đẹp mã như thế này chắc ăn sẽ ngon.”

Tể tướng thân hành mang cá đến đưa tận tay chị đầu bếp và dặn: “Đây là bốn con cá có người vừa mang đến dâng hoàng đế. Người ra lệnh cho mày nấu để Người dùng.”

Làm xong công việc được giao, tể tướng quay trở lại. Hoàng đế lại sai ông ta giao cho ông đánh cá bốn trăm đồng vàng. Vị đại thần làm ngay rất chu đáo. Lão đánh cá chưa bao giờ có một lúc trong tay một món tiền to như vậy, bằng hoàng trước niềm hạnh phúc, tưởng như mình đang trong giấc mơ. Nhưng lão hiểu ra ngay đây là thực chứ không phải trong mơ, lão có thể dùng món tiền này để chi dùng cho gia đình.

Xin trở lại người đầu bếp của nhà vua. Chị ta đang trong tình cảnh vô cùng bối rối. Thoạt tiên chị rửa sạch những con cá tể tướng vừa mang lại, bỏ vào chảo đã cho dầu và đặt lên lò để rán. Đến chừng cho rằng cá đã chín một mặt, chị lật sang mặt kia. Nhưng kỳ lạ biết bao! Vừa lật những con cá lại thì tường nhà bếp tự dưng mở ra. Từ đó bước ra một cô nương trẻ tuổi xinh đẹp tuyệt trần và hình dáng thanh tú. Nàng bận một chiếc áo xatanh hoa, kiêu Ai Cập, tai đeo hoa, ở cổ là một chuỗi ngọc, tay cầm một chiếc đũa bằng gỗ sim. Nàng đến cạnh cái chảo, và trước sự ngạc nhiên của chị đầu bếp đang đứng im như phỗng, nàng đưa đầu gậy gỗ vào đầu một con cá mà nói: “Này cá, này cá, mi có bốn phận phải không?” Cá không trả lời. Nàng nhắc lại câu hỏi. Thế là cùng một lúc bốn con cá ngẩng đầu lên và cùng nói rành mạch: “Vâng, vâng, nếu các ngài đếm thì chúng tôi đếm; nếu các ngài trả nợ của các ngài thì chúng tôi trả nợ của chúng tôi; nếu các ngài chạy trốn thì chúng tôi thắng và chúng tôi lấy làm hài lòng.” Bốn con cá nói xong, cô nương trẻ tuổi liền hất đổ cái chảo và quay lại chỗ bức tường mở ra lúc nãy. Tường khép lại ngay, trở lại nguyên hình cũ. Khi chị bếp khiếp đảm vì bấy nhiêu điều kỳ lạ, tỉnh ra khỏi nỗi kinh hoàng và đi nhặt những con cá rơi trên lửa, thì tất cả đều đã cháy, đen hơn cả than, không còn có thể dâng lên nhà vua được nữa. Chị ta hết sức đau khổ và bắt đầu lên tiếng khóc gào: “Than ôi! Thân tôi rồi sẽ ra sao? Dù tôi kể lại cho hoàng đế nghe những điều tôi vừa thấy, cảm chắc Người cũng chẳng tin nào, và cơn thịnh nộ của Người đối với tôi sẽ ghê gớm đến đâu!”

Chị ta đang rầu rĩ như vậy thì tể tướng bước vào, hỏi cá đã nấu xong chưa. Chị thuật lại tất cả những gì vừa xảy ra. Chúng ta cũng có thể hiểu được, câu chuyện ấy làm cho tể tướng ngạc nhiên đến chừng nào. Nhưng ông không hề tâu sự thật với hoàng đế mà lại bịa ra một lý do nào đó cũng lọt được tai Người. Đồng thời ông sai người đi gọi lão đánh cá đến ngay lập tức. Khi lão đến, ông bảo: “Này lão đánh cá kia, hãy mang đến cho ta bốn con cá khác giống như những con cá hôm qua lão mang đến đây, vì việc không may xảy ra làm cho những con cá hôm qua không dâng lên hoàng đế được.” Lão đánh cá không nói ra điều hung thần căn dặn nhưng để khỏi phải nộp cá ngay trong ngày hôm đó lão tả sự đường sá xa xôi và xin khất để sớm mai sẽ mang cá đến nộp đủ.

Lão đánh cá vội vã đi ngay trong đêm đến ven đầm. Lão tung lưới kéo lên và lại bắt được đúng bốn con cá, mỗi con một màu khác nhau, y hệt như lần trước. Lão liền quay trở về và mang đến ngay cho tể tướng, kịp thời hạn đã hứa. Vị đại thần nhận cá và cũng thân hành mang đến cho nhà bếp. Rồi một mình ông ở lại cùng chị bếp. Chị ta bắt đầu mổ cá ngay trước mặt tể tướng rồi đặt lên lò đúng như cách thức chị làm bốn con cá ngày hôm qua. Khi rán đã chín mặt này, chị lật để rán mặt kia, thì tường nhà bếp tự dưng lại mở ra,

và cũng chính cô nương ấy xuất hiện, tay cầm chiếc đũa. Nàng đến cạnh cái chảo, gõ vào một con cá và nói lên những lời y như ngày hôm trước; tất cả các con cá đều ngẩng đầu và trả lời đúng những câu đã nói.

Bốn con cá trả lời xong, cô nương trở lại dùng đũa hất đổ cái chảo, rồi lại trở về đúng chỗ bức tường vừa mở ra để cho nàng xuất hiện. Tể tướng chứng kiến tất cả những cảnh đó. “Kỳ dị quá, khác thường quá, không thể nào giấu hoàng đế được. – Ông nói. – Ta phải đến tận ngay cho Người rõ điều kỳ lạ này.” Nói xong ông đi tìm nhà vua ngay và kể lại cho vua nghe một cách trung thực câu chuyện vừa rồi.

Hoàng đế rất đổi ngạc nhiên, và nôn nóng muốn tự mắt mình thấy ngay điều kỳ diệu đó. Vì vậy, nhà vua sai đi tìm người đánh cá đến và phán:

“Này lão kia, lão có thể lại mang đến cho ta thêm bốn con cá bốn màu khác nhau nữa hay không?” Lão đánh cá tâu: “Nếu hoàng đế rộng lòng cho hạn trong ba ngày thì lão xin hứa sẽ làm vừa lòng Người.” Nhà vua chấp thuận. Lão lại đến cái đầm lần thứ ba và lần này cũng may mắn không kém hai lần trước. Ngay từ mẻ lưới đầu tiên, lão bắt được bốn con cá khác nhau. Lão không quên mang đến ngay lập tức cho hoàng đế. Nhà vua rất hài lòng vì không nghĩ là sớm có được cá đến thế, liền hạ lệnh ban cho lão thêm bốn trăm đồng vàng.

Vừa có cá, lập tức nhà vua sai mang đến ngay phòng làm việc của mình tất cả những thứ cần thiết cho việc nấu nướng. Hoàng đế và tể tướng đóng chặt cửa lại. Vị đại thần làm cá, cho vào chảo bắc lên bếp, rồi khi cá chín mặt này, tể tướng lật sang rán mặt kia. Thế là tường phòng làm việc nứt đôi. Nhưng lần này không phải là cô nương trẻ tuổi mà là một tên da đen bước ra. Tên da đen mặc quần áo nô lệ, người cực kỳ cao to, tay cầm một chiếc gậy lớn màu lục. Nó tiến đến cạnh cái chảo bắc trên bếp, đưa gậy gõ vào một con cá, và nói giọng dữ tợn: “Này cá, này cá, mi có làm bốn phạm không?” Nghe hỏi, các con cá cùng ngẩng đầu lên và đáp: “Vâng, vâng, chúng tôi đang làm bốn phạm. Nếu các ngài đếm thì chúng tôi cũng đếm; nếu các ngài trả nợ của các ngài thì chúng tôi trả nợ của chúng tôi; nếu các ngài chạy trốn thì chúng tôi thắng, và chúng tôi rất lấy làm hài lòng.”

Các con cá chưa nói dứt lời, tên da đen đã đánh đổ cái chảo giữa phòng làm việc, làm cho cá cháy thành than. Làm xong, nó ngạo nghễ rút lui, trở lại chỗ bức tường mở ra lúc nãy, và bức tường khép lại y nguyên như cũ. Nhà vua bảo tể tướng: “Sau khi đã nhìn thấy những việc vừa rồi, đầu óc ta không thể nào thanh thản được. chắc chắn những con cá này nói lên một điều gì đó dị thường mà ta muốn làm sáng tỏ.” Nhà vua sai người đi tìm lão đánh cá, người ta dẫn lão đến. Nhà vua nói: “Này lão đánh cá, những con cá ngươi mang đến gây cho ta lắm nỗi băn khoăn. Người bắt những con cá ấy ở đâu?”

- Tàu bệ hạ, thần đánh ở một cái đầm lợ giữa bốn quả đồi, phía bên kia quả núi mà ta thấy kia.

- Khanh có biết cái đầm ấy không? – Nhà vua quay hỏi tể tướng.

- Tàu bệ hạ, không. Thần cũng chưa hề nghe ai nói tới cái đầm đó bao giờ, mặc dù từ sáu mươi năm nay thần vẫn đi săn quanh vùng này và đã từng sang tận phía bên kia quả núi.

Hoàng đế hỏi từ hoàng cung đến cái đầm ấy bao xa. Lão đánh cá quả quyết đi bộ không quá ba tiếng đồng hồ. Nghe lời quyết đoán ấy, và vì hễ còn đủ sớm để có thể đến nơi ấy trước khi trời tối, nhà vua ra lệnh cho tất cả triều thần lên ngựa. Lão đánh cá làm nhiệm vụ dẫn đường.

Họ leo lên núi và khi đổ xuống sườn bên kia, mọi người hết sức ngạc nhiên thấy một cánh đồng rộng từ trước tới nay chưa từng có ai để ý. Cuối cùng họ đến tận cái đầm nằm giữa bốn quả đồi, đúng như người đánh cá đã thuật. Nước trong đầm trong leo lẻo đến nỗi có thể nhìn thấy rõ tất cả các con cá giống hệt như những con cá mà lão chài từng mang đến hoàng cung dâng vua.

Hoàng đế dừng lại bên bờ đầm. Sau một lúc say sưa ngắm đàn cá, nhà vua hỏi tất cả các quan thượng thư và tất cả triều thần, có lẽ nào chưa có ai trông thấy cái đầm chẳng cách thành phố bao xa này bao giờ.

Các quan đáp họ chưa từng nghe nói đến. Nhà vua phán: “Bởi tất cả các người đều bảo là chưa một ai từng nghe nói đến, và ta cũng ngạc nhiên không kém trước sự mới lạ này, ta quyết định sẽ không trở lại hoàng cung chừng nào chưa hiểu rõ vì sao cái đầm này có ở đây, và vì sao cá trong đầm lại có bốn màu.” Nói xong, nhà vua ra lệnh hạ trại. Lập tức hành cung của vua và các lều vải của triều thần được dựng ngay trên bờ đầm.

Chập tối, hoàng đế lui về hành cung, cho gọi riêng tể tướng đến bảo: “Khanh này, đầu óc ta bấn khoăn kỳ lạ. Cái đầm không biết từ đâu dời đến chốn này, tên da đen xuất hiện trong phòng làm việc của ta, những con cá biết nói mà chúng ta đã được nghe, tất cả những cái đó kích thích mạnh mẽ trí hiếu kỳ của ta đến nỗi ta không sao nén được lòng nôn nóng muốn biết cho tận tường. Ta sẽ một mình đi xa nơi hạ trại. Ta ra lệnh cho khanh hãy giữ kín không cho ai biết là ta vắng mặt. Khanh hãy cho họ lui về, bảo rằng ta hơi khó ở và không muốn tiếp ai. Những ngày sau đó, khanh cứ tiếp tục nói với họ như vậy cho đến khi trở về.”

Tể tướng trình bày nhiều lý lẽ, cố làm cho nhà vua thay đổi ý kiến. Ông nói đến những điều nguy hiểm, những nỗi gian lao nhà vua phải trải qua một cách vô ích. Nhưng mặc cho ông giở hết tài hùng biện, hoàng đế đã không thay đổi ý định của mình, còn chuẩn bị thực hiện ngay. Người mặc một bộ

áo quần thuận tiện cho việc đi bộ, mang theo một thanh gươm. Khi thấy mọi nơi trong trại đều yên tĩnh, vua ra đi một mình, không để cho bất cứ một ai tháp tùng. Nhà vua hướng theo quả đồi mà đi. Leo lên sườn đồi cũng chẳng khó nhọc bao nhiêu. Đường xuống càng dễ đi hơn. Và khi đã tới đồng bằng, nhà vua tiếp tục đi mãi cho tới khi mặt trời mọc. Trông thấy xa xa, trước mặt mình là một tòa nhà lớn, nhà vua mừng lắm, hy vọng rằng ở đây sẽ có thể biết rõ điều đang muốn biết. Đến gần, nhà vua nhận ra một cung điện tráng lệ, hay đúng hơn là một tòa lâu đài rất kiên cố, xây bằng cẩm thạch đen nhánh, mặt ngoài bọc thép mịn và nhẵn bóng như gương. Thú vị vì đi chưa bao lâu đã gặp một vật ít ra cũng xứng đáng với sự hiếu kỳ của mình, nhà vua dừng lại trước lâu đài và ngắm nghía rất chăm chú.

Tiếp đó nhà vua đến sát cái cổng có hai cánh cửa, một cánh bỏ ngỏ. Mặc dù có thể tự do bước vào, nhà vua vẫn nghĩ là nên gõ cửa. Nhà vua gõ một tiếng nhẹ nhẹ và chờ ít lâu. Không thấy ai ra, tưởng người ta chưa nghe, nhà vua lại gõ một tiếng nữa mạnh hơn, nhưng vẫn chẳng thấy chẳng nghe ai đến. Nhà vua lại đập mạnh hơn nữa, và lần này cũng chẳng hề có ai xuất hiện. Điều đó làm cho nhà vua cực kỳ kinh ngạc bởi vì không thể nghĩ một tòa lâu đài được chăm nom tốt như thế lại bị bỏ không có người ở. “Nếu không có ai – nhà vua tự nhủ – thì ta chẳng có gì mà sợ. Nếu có người thì ta đã có cách để mà tự vệ.”

Cuối cùng, hoàng đế bước vào. Đi ngang qua một tiền sảnh, nhà vua cất tiếng nói to: “Không ai có ở đây để tiếp một người khách lạ qua đường muốn xin ngụm nước hay sao?” Nhà vua nhắc lại câu đó hai ba lần. Nhưng mặc dù nhà vua nói khá to, vẫn không có tiếng trả lời. Sự im lặng càng làm cho nhà vua kinh lạ. Vua đi ngang qua một cái sân rất rộng và đưa mắt nhìn bốn phía thử xem có tìm được ai chẳng, nhưng vẫn tịnh không trông thấy một bóng người.

Không thấy có ai ở sân, hoàng đế bước vào căn phòng rộng. Ở đây các tấm thảm trải đều bằng lụa quý, các bọc gỗ và sập đều bọc vải La Mécơ, rèm cửa thì may bằng vải Ấn Độ loại đắt tiền nhất, dát vàng và bạc. Nhà vua bước tiếp sang một phòng khách tuyệt diệu. Chính giữa phòng là một bể nước lớn có bốn con sư tử bằng vàng rờn, mỗi con châu một góc. Miệng các con sư tử phun nước. Nước rơi xuống chẳng khác gì kim cương và ngọc quý. Cảnh tượng ấy hòa hợp nhịp nhàng với một tia nước vọt ra từ trung tâm bể, và phun lên cao cho tới khi chạm một cái vòm trang trí hoa văn theo lối A Rập.

Bao quanh lâu đài từ ba phía là một khoảng vườn mà những bồn hoa, những hồ nước, những lùm cây và cơ man là vật trang hoàng đua nhau tô điểm. Điều cuối cùng làm cho chốn ấy trở thành tuyệt vời là muôn vàn chim

chóc cất tiếng hót vang lừng không gian những khúc hát du dương. Đàn chim phải thường xuyên sống ở nơi này vì đã có những tấm lưới căng bên trên cây cối và trên cả lâu đài, không cho chúng bay đi.

Nhà vua thơ thẩn đi dạo hồi lâu từ gian này sang gian khác, gian nào cũng đều rộng lớn, cũng đều tráng lệ. Khi đã thấm mệt, nhà vua ngồi nghỉ ở một phòng làm việc trông trông ra vườn. Vua miên man suy nghĩ về những vật đã nhìn và đang nhìn thấy, thì đột nhiên một giọng than vãn và những tiếng rên rỉ ai oán đập vào tai. Nhà vua nghe rành mạch những lời buồn thảm: “Hỡi định mệnh! Mi đã không cho ta hưởng thụ lâu dài một cuộc đời hạnh phúc, mi đã biến ta trở thành một con người bất hạnh nhất trần gian, thì xin thôi đừng hành hạ ta nữa! Hãy cho ta chết nhanh lên để chấm dứt những nỗi đau khổ này! Hỡi ôi! Làm sao ta vẫn còn sống đây sau khi đã trải qua bao nhiêu khổ ải?”

Hoàng đế xúc động vì những lời than thở đáng thương, liền đứng dậy và đi về hướng tiếng nói phát ra. Đến trước cửa một căn phòng rộng, nhà vua vén rèm nhìn vào và trông thấy một chàng trai trẻ khôi ngô ăn mặc rất sang trọng ngồi trên một chiếc ngai hơi cao hơn mặt đất. Mặt chàng ảo não. Nhà vua đến gần và chào. Chàng trai trẻ đáp lễ bằng cách cúi đầu rất thấp song không đứng lên: “Thưa ngài, – chàng nói với nhà vua – tôi biết rằng lẽ ra tôi phải đứng lên hầu ngài với tất cả nghi lễ xứng đáng với cương vị ngài, nhưng vì vấp phải một trở ngại quá ư to lớn cho nên không thể làm được, mong ngài miễn lỗi cho.”

- Thưa ngài, – nhà vua đáp – tôi rất biết ơn những lời tốt đẹp của ngài đối với tôi. Còn về việc ngài không tiện đứng lên, cho dù bởi nguyên nhân thế nào đi nữa xin ngài chớ có bận tâm. Bị lôi cuốn bởi những lời than thở của ngài, xúc động sâu sắc trước nỗi khổ ải của ngài, tôi đến đây mong được giúp đỡ ngài. Nếu Thượng đế cho tôi được phép làm nhẹ bớt sự đau đớn của ngài, thì tôi nguyện mang hết sức lực của mình ra làm cho bằng được. Tôi mong ngài hãy vui lòng kể cho tôi nghe những điều bất hạnh của ngài. Nhưng trước hết hãy cho tôi rõ cái đầm ở gần đây trong đó cá có bốn màu sắc khác nhau ý nghĩa ra làm sao? Tòa lâu đài này là thế nào? Tại sao ngài lại ở đây và vì đâu ngài chỉ có một mình?”

Đáng lẽ trả lời những câu hỏi đó, chàng trai trẻ lại khóc lóc thảm thiết: “Định mệnh mới trớ trêu làm sao! Nó thích hạ xuống thấp những người mà nó từng đưa lên cao. Đâu là những người được hưởng thụ một cách thanh bình hạnh phúc nó ban cho, đâu là những người mà cuộc sống luôn luôn yên lành và trong sáng?”

Cảm thương tình cảnh chàng trai trẻ, nhà vua khấn khoản yêu cầu chàng nói rõ cái gì đã làm cho chàng đau khổ sâu sắc dường ấy. “Than ôi! – chàng

trai trẻ đáp. – Làm sao tôi có thể không đau buồn? Làm sao đôi mắt tôi có thể không là những suối lệ chẳng bao giờ khô cạn?” Nói đến đây, chàng vén áo lên để nhà vua trông thấy chàng chỉ là người từ đầu đến thắt lưng, còn từ nửa người trở xuống là bằng cảm thạch đen.

Hoàng đế hết sức kinh ngạc khi nhìn thấy tình cảnh đáng thương của chàng trai trẻ. Nhà vua nói: “Điều ngài vừa cho thấy làm tôi kinh sợ và kích thích sự hiếu kỳ của tôi. Tôi nóng lòng muốn biết câu chuyện của ngài mà tôi tin là rất kỳ lạ; và tôi tin chắc rằng cái đằm và những con cá kia đều dính líu vào. Bởi vậy xin ngài hãy kể cho tôi nghe. Ngài sẽ cảm thấy như được an ủi phần nào, vì những người đau khổ bao giờ cũng cảm thấy nhẹ nhõm hơn khi thổ lộ những điều đau khổ của mình với người khác.”

- Tôi không muốn khước từ không làm thỏa mãn điều mong muốn của ngài, – chàng trai trẻ đáp – mặc dù không thể thuật lại chuyện này mà không làm khuấy động những nỗi đau như dao cắt. Nhưng xin báo trước để ngài chuẩn bị đôi tai, bộ óc và cả đôi mắt nữa, bởi vì những điều ngài sắp nghe đây sẽ vượt xa tất cả những gì mà trí tưởng tượng con người có thể hình dung là dị thường nhất.

CHUYỆN NHÀ VUA TRẺ NƯỚC CÁC ĐẢO ĐEN

Chàng trai trẻ nói tiếp:

- Thưa ngài, xin ngài biết cho cho rằng phụ thân tôi tên là Mátmút, vốn là quốc vương của nước này. Đây là vương quốc Các Đảo Đen. Sở dĩ có tên gọi ấy là do bốn ngọn núi nhỏ trong vùng, những ngọn núi này trước đây vốn là những hòn đảo. Và thành phố mà phụ thân tôi đóng kinh đô chính là nơi mà ngày nay là cái đầm ngài đã trông thấy đây. Đoạn tiếp câu chuyện sau đây của tôi sẽ cho ngài rõ về tất cả những sự biến thiên đã xảy ra ở chốn này.

Phụ vương tôi qua đời năm bảy mươi tuổi. Tôi vừa lên nối ngôi thì lấy vợ. Người bạn đời tôi chọn để cùng chia sẻ hạnh phúc ngài vàng là cô em họ của tôi. Tôi có đủ lý do để hài lòng về tình cảm của nàng đối với mình. Về phần tôi, tôi cũng yêu thương nàng rất mực. Bởi vậy có thể nói không có gì sánh được hạnh phúc cuộc tình duyên kéo dài suốt năm năm của chúng tôi. Cuối thời gian ấy, tôi nhận ra hoàng hậu – em họ của tôi không còn thích tôi như trước nữa.

Một hôm, sau bữa ăn trưa, trong khi nàng đang đi tắm, tôi cảm thấy buồn ngủ và đặt mình xuống một chiếc sập. Hai trong số những nữ tì của nàng lúc ấy có mặt trong phòng, đến ngồi đằng đầu tôi một ả, đằng chân tôi một ả, chúng cầm quạt vừa quạt cho bớt nực vừa để xua ruồi khỏi quấy rầy giấc ngủ của tôi. Tưởng tôi đang ngủ say, chúng thì thầm nói chuyện với nhau; nhưng tôi chỉ nhắm mắt thôi, không bỏ qua một lời nào trong câu chuyện của chúng. ả này bảo ả kia: “Có phải đúng là hoàng hậu đã mắc sai lầm to khi không yêu một đảng quân vương đáng yêu như đức vua chúng ta?”

- Đúng như vậy. – ả kia đáp. – Về phần tôi, tôi chẳng hiểu ra thế nào cả. Tôi không hiểu tại sao đêm nào hoàng hậu cũng bỏ đi ra khỏi nhà để đức vua ngủ một mình. Chẳng lẽ ngài không hay biết việc đó sao?

- Hừm! Chị thử xem làm sao đức vua có thể hay biết được cơ chứ? Tôi nào hoàng hậu cũng pha vào nước uống của ngài một thứ dược thảo có tác dụng làm cho ngài ngủ mê mết đến nỗi hoàng hậu có đủ thời gian muốn đi đâu thì đi, làm gì thì làm, đến rạng sáng mới quay trở về nằm cạnh ngài. Lúc ấy bà mới đánh thức ngài dậy bằng cách cho ngài ngửi một thứ hương hoa gì đấy.

Xin ngài hãy tưởng tượng sự ngạc nhiên của tôi khi nghe những lời nói ấy, và cái cảm giác mà những lời nói của các nữ tì gợi lên trong tôi. Tuy vậy, cho dù xúc động đến đâu, tôi cũng có đủ bản lĩnh để che giấu. Tôi làm như vừa tỉnh giấc và không hề nghe biết điều gì.

Hoàng hậu tắm xong trở về, chúng tôi ăn tối với nhau. Trước khi đi ngủ, nàng tự tay đưa cho tôi cốc nước đầy tôi vẫn quen dùng. Nhưng tôi không

đưa lên miệng uống mà đến gần một cửa sổ đã mở sẵn và khéo léo hất nước đi, không để cho nàng trông thấy. Sau đây tôi đưa trả cái cốc đã cạn tận đáy cho nàng, để cho nàng khỏi ngờ rằng tôi chưa uống hết.

Chúng tôi đi nằm. Chỉ một lát sau, tưởng tôi đã ngủ say, mặc dù tôi vẫn còn thức, nàng đứng lên không cần giữ gìn ý tứ và nói khá to: “Hãy ngủ đi, và mong sao mãi mãi mày chẳng tỉnh dậy bao giờ!” Nàng nhanh nhẹn mặc quần áo và bước ra khỏi buồng.

Hoàng hậu của tôi vừa đi khỏi, lập tức tôi trở dậy mặc vội áo quần, cầm thanh gươm và bám sát đến nỗi chỉ lát sau tôi đã nghe tiếng chân nàng bước đi phía trước. Thế là tôi rập theo bước chân nàng và cố bước rất khẽ, để nàng không nghe tiếng động. Nàng đi qua nhiều cửa, những cánh cửa này tự mở ra khi nàng đọc câu thần chú gì đấy. Cái cửa mở ra sau cùng là cửa thông ra vườn. Tôi dừng lại ở cửa này để nàng khỏi trông thấy khi nàng đi qua một bồn hoa. Tôi cố hết sức dõi theo nàng qua đêm tối, và nhận thấy nàng đi vào một khu rừng nhỏ ở đáy các lối đi đều có những bờ giậu khá dày chạy dọc theo hai bên. Tôi vào khu rừng bằng một lối đi khá dài, tôi nhìn thấy nàng đang đi dạo cùng một người đàn ông.

Tôi lắng tai chăm chú nghe lời chuyện trò của họ. Sau đây là những điều tôi nghe được: “Em không đáng, – hoàng hậu nói với nhân tình – em không đáng để cho anh trách móc tại sao không đến sớm hơn. Anh biết rõ lý do rồi đấy. Nhưng nếu như tất cả những hành động của em từ trước đến giờ vẫn chưa đủ để cho anh tin tấm lòng thành thật của em, thì em sẵn sàng làm những việc to tát nhất. Anh chỉ việc ra lệnh. Anh rõ quyền lực của em rồi đó. Nếu anh muốn em sẽ biến cái thành phố này thành những đồng hoang tàn kinh tởm chỉ có chó sói, cú và quạ ở, ngay bây giờ đây, trước khi mặt trời mọc. Anh có muốn em cho dời tất cả gạch đá của những bức thành xây dựng kiên cố này sang bên kia núi Côcador? Anh chỉ cần ra lệnh một tiếng, tất cả chốn này sẽ thay đổi hình dạng ngay tức khắc.”

Hoàng hậu nói xong những lời ấy vừa lúc nàng và tên nhân tình đến cuối lối đi. Vừa lúc ngang qua trước mặt tôi, hai người quay lại để rẽ sang lối khác. Tôi đã rút gươm ra sẵn, và vì tên nhân tình đã ở ngay phía bên tôi, tôi chém một nhát vào cổ nó, quật nó ngã lăn ra đất. Tưởng nó đã chết, tôi bỏ đi ngay không để cho hoàng hậu trông thấy. Tôi không muốn giết nàng bởi vì nàng có họ hàng với tôi.

Mặc dù tên nhân tình bị chém một nhát tử thương, nàng vẫn dùng ma thuật giữ cho nó không chết hẳn, tuy vẫn còn sống nhưng là sống trong tình trạng có thể gọi là sống dở chết dở. Khi băng qua vườn để trở về cung, tôi nghe rõ tiếng hoàng hậu khóc lóc và kêu gào. Hiểu được mức độ đau khổ của nàng qua những lời gào khóc ấy, tôi tự lấy làm hài lòng là đã không giết

chết nàng.

Về đến cung, tôi đi nằm. Bằng lòng vì đã trừng trị được tên bạo gan dám xúc phạm mình, tôi ngủ thiếp đi ngay. Sáng hôm sau thức giấc, tôi thấy hoàng hậu đã nằm bên cạnh.

Tôi không rõ là nàng ngủ hay thức, nhưng tôi cứ lặng lẽ dậy và sang phòng riêng thay áo. Sau đấy, tôi đi ngự việc triều đình. Khi trở về, tôi thấy hoàng hậu ăn mặc đại tang, đầu tóc rối bù bị giật đứt từng mảng. Nàng thưa với tôi: “Tâu bệ hạ, thiếp đến cầu xin bệ hạ chớ lấy làm lạ khi nhìn thấy thiếp trong thảm trạng này. Chả là thiếp vừa cùng một lúc nhận được ba tin buồn, đó chính là nguyên nhân gây nên nỗi đau đớn sâu sắc của thiếp. Những gì bệ hạ nhìn thấy ở đây mới chỉ là những biểu hiện yếu ớt lộ ra bên ngoài.

- Ừa, những tin buồn gì vậy, hoàng hậu? – Tôi hỏi.

- Tin mẫu hậu thiếp qua đời, tin phụ vương thiếp hy sinh trong một trận chiến đấu, và tin một đứa em trai của thiếp ngã xuống vực thẳm.

Tôi cũng chẳng thêm bực mình về việc nàng bịa ra những lời dối trá để che giấu nguyên nhân thực làm nàng đau khổ. Tôi nghĩ có lẽ nàng không ngờ rằng chính tôi đã giết nhân tình nàng. Tôi đáp:

- Hậu ạ, không những ta không chê trách mà ta còn quả quyết với hậu là ta có bốn phần chia sẻ nỗi đau khổ của nàng. Làm sao có thể không xúc động trước một tổn thất lớn lao như vậy? Hậu cứ khóc đi; nước mắt vốn là biểu hiện chân thật bản chất tuyệt diệu của nàng. Dù sao ta cũng mong thời gian và lý trí sẽ có thể xoa dịu dần những nỗi buồn đau của hậu.

Nàng lui về phòng riêng, và suốt một năm ròng không hề gìn giữ, chỉ một mực khóc lóc và thở than. Hết thời gian ấy, nàng xin phép tôi cho xây lăng mộ của nàng ngay trong hoàng thành, bảo rằng nàng muốn sống trong nhà mồ cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay. Tôi đồng ý, nàng sai xây dựng một tòa lâu đài nguy nga, trên nóc có vòm cao, mà ở đây ta có thể trông thấy được, và đặt tên là Cung Nước Mắt.

Cung xây dựng xong, nàng cho đưa tên nhân tình đến ở. Ra hán đã được nàng cho chuyển đến một nơi nào đó ngay trong đêm bị tôi chém trọng thương. Nhờ những thứ thuốc gì đấy, nàng giữ được cho hán sống sót tới lúc bấy giờ. Sau khi hán đã đến ở trong cung, ngày nào nàng cũng vẫn tự mình tiếp tục mang thuốc đến đưa cho hán uống.

Tuy nhiên, với tất cả bùa phép ma quỷ ấy, nàng vẫn không thể nào chữa cho tên khốn nạn ấy lành hẳn. Không những hán không thể đi lại hoặc ngồi lên được mà vẫn còn cấm khẩu, chỉ có mỗi đôi mắt là sáng mà thôi. Mặc dù hoàng hậu chỉ còn mỗi một an ủi là được đến nhìn thấy hán và nói với hán

tất cả những điều gì âu yếm nhất, đắm say nhất mà mối tình điên dại của nàng có thể khơi gợi, nàng vẫn chịu khó đến thăm nom khá lâu, đều đặn một ngày hai lần. Tôi rõ tất cả những chuyện đó nhưng vờ làm như không hay biết gì cả.

Một hôm, vì tò mò tôi đến Cung Nước Mắt để xem cô ả làm trò gì. Ở đấy, nấp vào một nơi không ai trông thấy, tôi lắng nghe nàng nói với tình nhân những lời như sau: “Em cực kỳ buồn khổ thấy anh vẫn trong tình cảnh này, tự em cũng cảm thấy đau đớn xé ruột xé gan như chính mình đang chịu những nỗi đau của anh. Nhưng, hồi chàng yêu quý của lòng em, em vẫn nói chuyện với anh hoài mà anh vẫn không hề đáp lời cho em lấy một tiếng. Anh còn giữ im lặng cho đến bao giờ? Anh hãy nói lên chỉ một tiếng thôi! Hồi ôi! Những giờ phút êm đềm nhất của đời em chính là những giờ phút em ngồi đây để chia sẻ nỗi đau đớn của anh. Em không thể sống xa anh, và em muốn thà được luôn luôn nhìn thấy anh hơn là làm chủ cả thế gian này.”

Nàng vừa nói vừa nức nở than. Nghe đến đây tôi không chịu được nữa, liền bước ra khỏi chỗ nấp, tiến đến gần nàng mà bảo: “Thưa bà, bà khóc than như vậy là đủ lắm rồi. Đã đến lúc cần chấm dứt một nỗi đau khổ nó làm nhục cả hai ta. Bà đã quên mất hết nghĩa vụ của bà đối với tôi và đối với cả bản thân bà nữa.”

- Tâu bệ hạ, – nàng đáp – nếu bệ hạ còn có chút gì quý trọng thiếp hay đúng hơn, còn chút gì thương hại thiếp thì cầu xin ngài chớ có ép buộc thiếp! Xin bệ hạ hãy để mặc thiếp với những nỗi buồn đau có thể làm thiếp chết được! Thời gian không thể nào khuây khỏa nỗi thiếp đâu.

Thấy lời nói của mình đã không làm cho nàng hiểu ra bốn phận, lại còn kích thích thêm sự điên cuồng, tôi thôi không nói nữa và lui về. Nàng tiếp tục ngày nào cũng đến thăm tình nhân và suốt hai năm ròng rã, đắm đuối trong nỗi tuyệt vọng như vậy.

Tôi lại đến Cung Nước Mắt một lần nữa trong khi nàng đang có mặt ở đấy. Tôi lại nấp ở một nơi và lại nghe nàng nói với người yêu: “Đã ba năm rồi chàng không nói với em một lời nào, đã ba năm rồi chàng không đáp lại nỗi lòng của em qua bao lời em nói năng và than thở, ấy là tại chàng vô tình hay chàng khinh bỉ? Hồi năm mớ! Phải chăng mi đã hủy hoại tình yêu đương cuồng nhiệt của chàng đối với ta ngày trước? Phải chăng mi đã khép kín đôi mắt đã từng nhìn ta âu yếm biết bao, đôi mắt đã từng là tất cả niềm vui của ta? Hay là năm mớ ơi, hãy nói cho ta rõ bằng sự kỳ diệu nào mà mi trở thành nơi gìn giữ vật báu hiếm hoi chưa từng có bao giờ?”

Thưa ngài, xin thú thật tôi quá bất bình vì những lời nói đó. Bởi vì, rốt cuộc, tên tình nhân yêu quý ấy, con người được thờ phụng đó không phải như ngài có thể tưởng tượng ra đâu. Đây là một tên thổ dân da đen, sinh

quán ở vùng này. Vâng, tôi quá bất bình về những lời nói của nàng đến nỗi tôi đột ngột xuất hiện, và đến lượt tôi cũng gọi đến năm mồ ấy. Tôi thét lên: “Hỡi năm mồ, sao mi không chôn vùi con quái vật làm thiên nhiên kinh tởm này? Hay đúng hơn sao mi không thiêu sống luôn cả thằng nhân tình lẩn con nhân ngãi khốn kiếp này?”

Tôi chưa dứt lời thì hoàng hậu đang ngồi cạnh tên da đen, vụt đứng lên như một con điên: “A, tên độc ác kia, – nàng bảo tôi – chính mày là kẻ đã gây cho ta đau khổ. Đừng tưởng là ta không biết. Ta giả vờ như vậy quá lâu rồi. Chính bàn tay dã man của mày đã làm cho người yêu của ta trở thành thảm hại như thế kia. Thế mà mày lại còn đang tâm đến đây xỉ vả một kẻ yêu đương đang trong cơn tuyệt vọng!”

- Đúng, chính là ta, – tôi nổi nóng ngắt lời nàng -chính ta đã trừng phạt con quỷ sứ này xứng đáng với tội của nó. Lẽ ra ta phải xử sự với mày y như đối với nó. Ta tiếc là đã không giết mày, để cho mày còn sống mà lạm dụng quá lâu lòng tốt của ta.

Vừa nói tôi vừa rút gươm giơ lên định trị tội ả. Nhưng ả nhìn cử chỉ của tôi một cách thản nhiên: “Hãy bớt cơn thịnh nộ!”, ả nói với nụ cười chế giễu. Đồng thời ả lăm bắm những gì tôi không nghe rõ rồi nói thêm: “Bằng phép thần của ta, ta truyền cho mày lập tức biến thành nửa đá nửa người.” Thế là thừa ngài, tôi biến thành như ngài trông thấy đấy, chết giữa những người sống và sống giữa những người chết... Sau khi mục phù thủy độc ác, nó không xứng đáng được gọi là hoàng hậu, biến hình tôi và hóa phép chuyển tôi sang một căn phòng khác, ả phá hoại kinh đô của tôi vốn rất phồn vinh và đông đúc. ả hủy diệt nhà cửa, quảng trường, chợ búa và biến thành phố thành cái đầm và cánh đồng hoang vu mà ngài đã trông thấy. Những con cá bốn màu trong đầm là dân cư thuộc bốn tôn giáo khác nhau ở kinh đô tôi xưa. Những con màu trắng vốn là những người theo đạo Hồi; những con màu đỏ là những người Ba Tư thờ thần Lửa; những con màu xanh là tín đồ Cơ Đốc; còn những con màu vàng là dân Do Thái. Bốn quả đồi vốn là bốn hòn đảo mà vương quốc này mang tên. Tôi biết những điều đó qua con mục phù thủy. ả chưa hả giận còn đích thân nói cho tôi rõ hậu quả cơn điên của ả. Chưa hết đâu, ả không giới hạn sự giận dữ và việc tiêu diệt vương quốc tôi và hóa thân tôi. Ngày nào ả cũng đến quất lên đôi vai trần của tôi một trăm roi gân bò, làm cho người tôi chảy máu đầm đìa. Xong hình phạt ấy, ả phủ lên người tôi một tấm vải thô bằng da dê, rồi quàng thêm một tấm áo thêu mà ngài trông thấy đây, không phải để làm vinh hạnh cho tôi đâu mà chính là để mỉa mai tôi đấy.

Kể đến đây, quốc vương trẻ nước Các Đảo Đen không cầm được nước mắt. Hoàng đế cũng cảm thấy thương xót đến nỗi không thốt lên được một

lời an ủi. Lát sau, nhà vua trẻ đưa hai tay lên trời và kêu lên: “Hỡi Đấng sáng tạo muôn loài, con xin thần phục mọi sự phán xét và quyết định của Người! Con kiên nhẫn chịu đựng mọi nỗi khổ đau vì ý muốn của Người là như vậy. Song con hy vọng rằng sự từ bi vô lượng của Người sẽ chiêu cố những nỗi khổ đau của con.”

Hoàng đế cảm động vì câu chuyện quá lạ lùng. Nôn nóng muốn trả thù cho quốc vương trẻ, vua nói với chàng: “Xin ngài hãy cho tôi biết rõ con mù phù thủy khôn nạn ấy ở đâu, và tên tình nhân vô lại chưa chết hẳn ấy được chôn ở chôn nào?”

- Thừa ngài, – quốc vương đáp – như tôi đã nói với ngài, tên tình nhân ở lại Cung Nước Mắt, trong một ngôi mộ xây theo kiểu cổ mái vòm cao và cung ấy thông với ngôi nhà này về phía cửa ra vào. Về phần con mù phù thủy, tôi không thể nói đích xác với ngài ở đâu, nhưng ngày nào cũng vậy, mặt trời mọc là ả đến thăm tình nhân sau khi đã giáng xuống tôi một trận đòn đấm máu mà tôi đã kể với ngài. Mà ngài đã rõ là tôi không có tư cách gì tự vệ trước sự quá ư tàn bạo như vậy, ả mang đến cho hẳn thang thuốc, đó là thức ăn độc nhất giữ cho hẳn còn sống đến nay. Rồi ả không ngớt lời ta thán về sự lạng cam của hẳn từ khi hẳn bị chém trọng thương cho đến giờ.

- Thừa quốc vương, – hoàng đế nói – không tình cảnh nào có thể đáng thương hơn tình cảnh ngài, và cũng không có ai xúc động sâu sắc bằng tôi trước đau khổ của ngài. Chưa bao giờ một chuyện kỳ lạ như vậy xảy ra cho bất kỳ ai. Những tác gia muốn thuật lại câu chuyện của ngài sẽ được lợi thế là kể một câu chuyện lạ lùng vượt xa tất cả những gì đã được ghi chép tự cổ chí kim. Chỉ còn thiếu một điều: ấy là sự báo thù mà ngài đáng được hưởng. Tôi sẽ nhất quyết làm bất cứ việc gì để vì ngài mà thực hiện cho bằng được sự trả oán.

Thế là sau khi nói rõ mình là ai, vì sao mình đến lâu đài này, hoàng đế nghĩ ra được một cách báo thù cho nhà vua trẻ. Hoàng đế nói cho chàng hay và bàn bạc với chàng, hai người thỏa thuận với nhau về cách thức cần làm để đi đến thành công và dự định ngày hôm sau sẽ thực hiện. Lúc ấy đêm đã khuya lắm rồi, hoàng đế nghỉ ngơi một chốc. Còn quốc vương trẻ thì như thường lệ vẫn thao thức (vì chàng không hề ngủ được từ khi bị phép ma đến giờ), nhưng cũng có ít nhiều hy vọng là có thể mau chóng được giải thoát khỏi cảnh khổ ải này.

Ngày hôm sau hoàng đế thức dậy khi trời vừa sáng. Để bắt đầu thực hiện ý đồ của mình, vua cởi áo khoác ngoài giấu ở một nơi cho khỏi vương, rồi đi đến Cung Nước Mắt. Cung này được chiếu sáng bởi cơ man là nến trắng. Một mùi thơm ngát tỏa ra từ những lư trầm bằng vàng rỗng chạm trổ công phu và xếp thành hàng lối khá đẹp mắt. Trông thấy cái giường tên da đen

nằm, vua liền rút gươm chém chết tên khốn nạn ấy không có gì là trở ngại, rồi lôi xác hắn ra sân, ném xuống một cái giếng. Làm xong công việc ấy, vua đến nằm bên giường của tên da đen, đặt thanh gươm bên cạnh, dưới chân đắp, và nằm đấy chờ thực hiện nốt dự kiến của mình.

Mụ phù thủy chẳng mấy chốc đã đến. Việc chăm lo đầu tiên của ả là đi đến gian buồng nhà vua nước Các Đảo Đen ở. ả lột áo chồng và quất lên vai chàng một trăm roi gân bò với một sự dã man không gì sánh nổi. Mặc cho nhà vua tội nghiệp kêu la vang dội cả lâu đài và hết lời nài nỉ xin van ả thương tình, ả chỉ ngừng tay sau khi đã đánh đủ một trăm roi. “Mày đã không thương hại người yêu của ta – ả nói – thì cũng chớ có chờ mong ta thương hại mày.” Sau khi đánh chồng đủ một trăm roi gân bò, mụ phù thủy khoác lên mình chàng chiếc áo vải thô lông dê và phủ tấm thêu lên trên nữa. Sau đó ả đi sang Cung Nước Mắt. Vừa bước chân vào, ả đã kêu khóc, thở than và kể lể. Khi đến cái giường mà ả tưởng tình nhân của ả vẫn còn nằm đấy như mọi khi, ả than vãn: “Độc ác biết bao, sao lại đang tâm phá tan hạnh phúc của một người yêu dịu hiền và say đắm như tôi thể này! Hỡi tên vua độc ác, mi trách ta quá ư vô nhân đạo mỗi lần ta cho mi chịu hậu quả của mối hận thù này, phải chăng sự tàn bạo của mi chưa vượt quá sự tàn bạo của ta ư? Than ôi! – ả nói tiếp với hoàng đế mà ả tưởng là tên da đen. – Hỡi mặt trời của em, hỡi cuộc sống của em, chàng cứ yên lặng mãi hay sao? Chàng định để cho em đến chết mà vẫn không được hưởng niềm an ủi chỉ bằng một câu nói rằng chàng vẫn yêu em? chàng yêu quý ời, em van chàng, hãy nói với em dù chỉ một tiếng thôi!”

Lúc ấy, hoàng đế làm như vừa tỉnh dậy sau một giấc ngủ say, và giả giọng người da đen, trang trọng đáp lời hoàng hậu: “Sức mạnh và quyền uy chỉ có ở Thượng đế, ở Đấng tối thiêng liêng mà thôi.” Nghe câu nói đó, mụ phù thủy bị bất ngờ, thét lên một tiếng biểu lộ sự mừng rỡ vô biên. “Ôi chàng thân yêu, em không nhầm chứ? Có phải đúng là em vừa được nghe tiếng chàng, có phải đúng là chàng vừa nói chuyện với em?”

- Con khốn nạn! – Nhà vua tiếp. – Mi tưởng là mi đáng cho ta nói chuyện cùng hay sao?

- Kia, tại sao chàng lại trách mắng em như vậy?

- Những tiếng kêu gào, khóc lóc rên xiết của chồng mi, mà ngày nào mi cũng đối xử hèn hạ và dã man, không cho ta được chớp mắt một chút nào, ngày cũng như đêm. Giá mi giải phép ma cho nó thì ta bình phục và nói được ra lời từ lâu rồi. Đó chính là nguyên nhân làm cho ta câm lặng, và khiến cho mi hằng thở than.

- Vậy thì, – con mụ phù thủy nói – để cho chàng yên tĩnh, em sẵn sàng làm tất cả những gì chàng ra lệnh. Chàng có muốn em cho nó trở lại nguyên

hình?

- Có, – hoàng đế đáp – và mi hãy giải thoát cho nó nhanh lên, để cho ta đỡ phải khó chịu vì những tiếng kêu gào của nó.

Mụ phù thủy lập tức ra khỏi Cung Nước Mắt. Ắ lấy một chén nước, đọc mấy câu phù chú làm cho nước trong chén sôi lên như đun trên bếp lửa. Sau đó ắ sang bên buồng có nhà vua chồng ắ, đổ chén nước lên người chàng và nói: “Nếu Đấng tạo ra muôn loài đã nặn ra mày dưới hình dạng hiện nay, hoặc là nếu Thượng đế giận ghét mày, thì mày không thể thay đổi. Nhược bằng mày mang hình dạng này là do chịu phép thần của ta, thì hãy trở lại hình dạng tự nhiên, hãy trở về nguyên dạng của mày như trước.” Ắ vừa nói xong những lời ấy thì quốc vương lấy được lại nguyên hình như cũ, thoải mái đứng lên, mừng vui quá sức tưởng tượng, và tạ ơn Thượng đế. Mụ phù thủy lại nói: “Đi đi, hãy rời khỏi lâu đài ngay và chớ có trở lại, nếu không thì mất mạng đấy.”

Quốc vương trẻ, vì tình thế bức bách, đành bỏ đi không đáp, đến nấp ở một nơi xa xa, nóng lòng chờ đợi kết quả của ý đồ mà hoàng đế đã khởi đầu một cách thuận lợi.

Trong lúc đó, mụ phù thủy trở về Cung Nước Mắt. Tưởng là vẫn nói với tên da đen, vừa bước vào mụ đã khoe: “Anh thân yêu ơi, em đã làm xong việc anh truyền. Giờ đây không có gì ngăn cản anh ngồi lên để thỏa lòng mong ước của em từ bấy lâu nay.”

Nhà vua tiếp tục giả giọng người da đen: “Điều mi vừa làm đấy – nhà vua nói giọng gay gắt – chưa đủ chữa khỏi cho ta; nó mới giảm bớt một phần đau đớn mà thôi, phải cắt con từ cội rễ kia.”

- Chàng da đen bé bỏng đáng yêu của em ơi, – ắ lại nói – chàng nói cắt con đau từ cội rễ nghĩa là thế nào?

- Khốn nạn, mi không hiểu rằng ta muốn nói đến cái kinh thành này cùng với dân cư của nó, đến bốn hòn đảo mà mi đã hủy hoại vì ma thuật của mi đó sao? Ngày nào cũng như ngày nào, đến nửa đêm, các con cá không quên ngóc đầu lên khỏi đầm, đòi báo thù mi. Đó là nguyên nhân chính làm cho ta chậm bình phục. Hãy mau mau đi lập lại nguyên hình cho mọi vật. Khi trở về, ta sẽ đưa tay ra, mi sẽ giúp nâng ta dậy.

Mụ phù thủy tràn trề hy vọng khi nghe những lời nói đó, mừng rỡ thốt lên: “Ôi tình yêu của em, linh hồn của em, anh sẽ khỏe mạnh ngay lập tức bởi vì em sẽ thực hiện ngay điều anh dạy bảo.” Quả nhiên ắ đi ra ngay, và đến bờ đầm, ắ vục một ít nước trong lòng bàn tay, niệm một câu thần chú. Mụ phù thủy vừa đọc mấy câu về những con cá và cái đầm thì thành phố liền tái hiện ngay tức khắc. Các con cá lại trở thành đàn ông, đàn bà và trẻ con. Người

Hồi giáo, Thiên chúa giáo, Ba Tư và Do Thái, dân tự do hoặc dân nô lệ mỗi người lấy lại hình dạng tự nhiên của mình. Nhà cửa và hiệu buôn lập tức lại đông nghịt người. Mọi vật đều trở lại trạng thái như trước khi bị phép ma. Đoàn tùy tùng đông đảo của hoàng đế, mà nơi hạ trại là quảng trường lớn nhất, rất đỗi ngạc nhiên bỗng thấy mình ở giữa một thành phố lớn, xinh đẹp và đông đúc.

Mụ phù thủy làm xong sự đổi thay kỳ diệu ấy, vội vã trở về Cung Nước Mắt để hưởng thụ kết quả việc làm của mình. Vừa bước vào, ả đã thốt lên: “chàng trai thân yêu của em ơi, em đến để cùng anh vui mừng về việc anh phục hồi sức khỏe, em đã làm xong tất cả những việc anh muốn em làm, nào hãy ngồi lên và đưa tay đây cho em nâng.”

- Hãy xích lại gần đây hơn chút nữa! – Nhà vua vẫn bắt chước giọng người da đen.

Ả xích lại gần.

- Chưa đủ, hãy xích lại gần thêm chút nữa!

Ả vâng lời. Vừa lúc ấy hoàng đế vùng dậy, đột ngột nắm cánh tay ả và không để cho ả kịp hoàn hồn, đưa một nhát gươm xả đôi con ác phụ. Thân nó nửa đổ xuống bên này, nửa gục xuống bên kia. Làm xong việc đó, nhà vua bỏ mặc xác chết đấy và đi ra khỏi Cung Nước Mắt tìm quốc vương trẻ nước Các Đảo Đen đang nóng lòng chờ đợi: “Quốc vương ơi, – nhà vua vừa nói vừa ôm hôn chàng – hãy vui lên đi, ngài chẳng phải lo sợ gì nữa, kẻ thù độc ác của ngài không còn nữa.”

Lòng chan chứa ơn sâu, quốc vương trẻ hết lời cảm tạ hoàng đế đã giúp chàng một việc cực kỳ hệ trọng, chàng chúc hoàng đế sống lâu muôn tuổi và hưởng thụ mọi vinh hoa. Hoàng đế bảo chàng:

- Từ nay ngài có thể sống bình yên trong kinh đô ngài, trừ phi ngài muốn đến thăm kinh đô tôi cũng không xa quý quốc là bao. Tôi sẽ vui mừng được tiếp đón ngài, ở đây ngài cũng sẽ được tôn sùng và kính trọng như chính ở nước ngài vậy.

Tâu hoàng đế hùng cường mà tôi chịu ơn sâu, – quốc vương đáp – ngài tưởng rằng ở đây gần kinh đô ngài lắm sao?

- Vâng, tôi tin như vậy, không quá bốn hay năm giờ đi đường.

- Phải đi mất một năm tròn. – Quốc vương trẻ nói. – Tôi biết bệ hạ từ kinh đô quý quốc đến đây trong một khoảng thời gian ngắn như ngài nói, ấy là vì lúc đó kinh đô tôi còn bị phép ma. Từ khi nó được trở lại như cũ thì tình hình đã thay đổi nhiều. Điều đó cũng không ngăn cản tôi theo hầu bệ hạ, cho dù đến nơi tận cùng của trái đất. Bệ hạ là người giải thoát tôi. Để trọn đời bày tỏ lòng biết ơn bệ hạ, tôi xin từ bỏ không chút luyến tiếc vương quốc tôi để

theo hầu ngài.

Hoàng đế hết sức ngạc nhiên khi nghe nói mình đã đi xa nước nhà đến thế, và không hiểu nổi làm sao sự tình lại xảy ra như vậy. Nhưng quốc vương trẻ nước Các Đảo Đen khéo thuyết phục, làm cho hoàng đế hết hoài nghi. “Không hề gì, – hoàng đế nói – cho dù trở về cố quốc có vất vả gian lao đến bao nhiêu, tôi cũng được đền bù bằng việc đã giúp được ngài và được nhận ngài làm con trai. Bởi ngài đã cho tôi cái vinh hạnh là tự nguyện đi theo tôi và cũng bởi tôi không có con, cho nên tôi xin coi ngài như con. Từ giờ phút này tôi nhận ngài là người thừa kế và sẽ nối ngôi tôi.”

Hoàng đế và quốc vương trẻ nước Các Đảo Đen ôm hôn nhau thân thiết, kết thúc câu chuyện. Sau đó quốc vương trẻ chỉ còn nghĩ tới việc chuẩn bị lên đường. Sau ba tuần, mọi việc sửa soạn xong xuôi. Trước sự luyến tiếc của cả triều đình và thần dân, quốc vương tự tay truyền lại ngôi báu cho một người bà con gần trong hoàng tộc. Cuối cùng hoàng đế và quốc vương trẻ lên đường cùng một trăm lạc đà chở những của cải không thể nào ước lượng nổi, lấy từ các kho tàng của nhà vua, có năm chục kỵ sĩ khôi ngô, trang bị đầy đủ, cưỡi ngựa hộ tống. Cuộc hành trình thuận lợi. Hoàng đế đã cho sứ giả đi báo trước tin mình sẽ về nước chậm và nguyên nhân gây nên sự chậm trễ đó. Khi đoàn tới gần kinh thành, các đại thần chủ chốt mà nhà vua để lại trong thành ra đón và tâu rằng không có gì thay đổi trong nước suốt thời gian dài vua vắng mặt. Đông đảo dân chúng cũng đổ ra nhiệt liệt hoan nghênh hoàng đế và mở hội mừng kéo dài nhiều ngày.

Ngày hôm sau khi trở về đến kinh thành, hoàng đế thuật lại cho tất cả triều thần đến chầu nghe những sự việc đã làm cho vua phải vắng mặt lâu ngày trái với ý định của mình. Tiếp đó hoàng đế tuyên bố nhận quốc vương nước Các Đảo Đen, người đã vui lòng từ bỏ một vương quốc lớn để đi theo hoàng đế, làm con nuôi của mình. Cuối cùng, để thừa nhận lòng trung thành của các quan, nhà vua ân thưởng rộng rãi cho mỗi người tùy theo phẩm chất của họ trong triều.

Về phần ông lão đánh cá, vì lão là nguyên nhân đầu tiên dẫn đến sự giải thoát quốc vương trẻ, hoàng đế ban thưởng cho nhiều của cải, làm cho lão và gia đình sống hạnh phúc đến trọn đời.

CHUYỆN BA KHẮT SĨ CON VUA VÀ NĂM THIẾU PHỤ Ở THÀNH CỔ BÁTĐA

Tâu bộ hạ, – nàng Sêhêrazát kể – dưới triều hoàng đế Harun An-Rasít^[21] ở thành phố Bátđã, nơi Người đóng đô, có một gã khuân vác thuê. Tuy nghề nghiệp thấp hèn và nặng nhọc nhưng một hôm, khi gã đang đứng ở một quảng trường với một cái sọt thừa để sẵn bên cạnh, chờ xem có ai cần đến công việc của mình, thì một thiếu phụ vóc người xinh đẹp, khoác một tấm mạng bằng xatanh, đến gần. Bà duyên dáng nói với gã: “Này nghe đây, anh khuân vác ơi, hãy cầm lấy sọt của anh đi và đi theo tôi!” Gã khuân vác thú vị vì mấy lời ngắn ngủi thốt ra một cách đáng yêu ấy, lập tức cầm cái sọt đội lên đầu và đi theo nàng, vừa đi vừa lẩm bầm: “Ôi hạnh phúc! Ôi ngày gặp gỡ may mắn làm sao!”

Thoạt tiên thiếu phụ dừng lại trước một tòa nhà và gõ cửa. Một ông già đạo Thiên chúa có bộ râu bạc dài, vẻ đáng kính, ra mở cổng. Thiếu phụ đặt tiền vào tay cụ mà chẳng nói chẳng rằng. Nhưng cụ già đã hiểu nàng cần gì, quay ngay trở vào, và lát sau mang ra một chiếc vò lớn chứa một loại rượu tuyệt ngon. Thiếu phụ bảo gã khuân vác: “Hãy đỡ lấy cái vò và cho vào sọt của anh!” Xong đâu đấy, nàng truyền cho gã đi theo. Gã tiếp tục lẩm bầm: “Ôi ngày khoái trá! Ôi ngày bất ngờ và thú vị!”

Thiếu phụ dừng lại trước cửa hiệu một người bán hoa quả. Nàng chọn nhiều quả táo, mơ, đào, chanh, cam, sim, rau thơm, hoa huệ, hoa nhài cùng nhiều loại hoa và rau thơm khác. Nàng bảo gã khuân vác bỏ tất cả những thứ đó vào sọt và đi theo nàng.

Ngang qua một quầy hàng thịt, nàng cho cân hai mươi năm cân^[22] thịt loại ngon nhất có ở quầy. Gã khuân vác theo lệnh nàng lại xếp vào sọt. Đến một cửa hiệu khác nàng mua hạt phong diêm, rau mùi, dưa chuột, rau hậu bội và nhiều rau xanh khác, tất cả ngâm vào dấm. Đến một cửa hiệu khác nữa, mua lạc, hạnh nhân, hạt dẻ, hạt ba đậu, hạnh đào và nhiều loại hoa quả tương tự. Đến một hiệu tiếp theo, lại mua đủ loại mứt hạnh đào. Gã khuân vác xếp tất cả những thứ đó vào sọt. Thấy cái sọt đầy, gã nói: “Thưa bà, lẽ ra bà nên cho tôi biết trước là sẽ mua bấy nhiêu hàng, có lẽ tôi đã dắt theo một con ngựa hay một con lạc đà để cho nó thò. Bà mà còn mua thêm ít nữa thôi là tôi xin chịu không thể nào nhấc nổi cái sọt này đâu đấy!” Nghe câu nói đùa, người đàn bà chỉ cười và truyền cho gã tiếp tục đi theo.

Nàng vào hiệu một người bán gia vị mua đủ loại nước hoa, đinh hương, nhục đậu khấu, hồ tiêu, gừng, một miếng long diên hương lớn với nhiều loại tạp hóa Ấn Độ khác. Thế là đầy hẵn cái sọt. Nhưng nàng vẫn bảo gã tiếp tục đi theo. Hai người cùng đi cho mãi tới khi đến một dinh thự tráng lệ, mặt

trước trang trí một hàng cột đẹp, còn cánh cửa thì bằng ngà voi. Họ dừng lại, người đàn bà gõ một tiếng nhẹ vào cổng.

Trong khi hai người chờ người trong nhà ra mở cửa, gã khuôn vác suy nghĩ miên man. Gã lấy làm ngạc nhiên sao một bà duyên dáng như bà này lại đi làm công việc của một người tiếp phẩm, bởi vì rốt cuộc gã cũng nhận ra được rằng đây không phải là một ả nô tì. Gã thấy bà ta có vẻ quý phái, không thể nghĩ là người đi ở. Hơn nữa còn có thể coi bà là nhân vật thuộc tầng lớp thượng lưu. Gã định hỏi để biết rõ địa vị của bà ta. Nhưng gã chưa kịp cất lời thì một thiếu phụ khác đã ra mở cửa, trông còn xinh đẹp hơn, làm cho gã rất đổi ngạc nhiên. Nói đúng hơn là gã xúc động choáng váng trước vẻ kiêu diễm lộng lẫy của nàng, đến nỗi tưởng có thể đánh rơi xuống đất cái sọt với tất cả những thứ đựng bên trong. Gã chưa từng trông thấy có ai xinh đẹp bằng con người đang đứng trước mặt gã lúc này bao giờ.

Người đàn bà dẫn gã đi theo nhận thấy sự bàng hoàng diễn ra trong lòng gã và hiểu rõ nguyên nhân. Điều đó làm nàng thấy vui vui, và thích thú quan sát thái độ của gã đến nỗi không để ý rằng cổng đã mở. “Kìa em, hãy vào đi chứ, em còn đợi gì? Em không nhận thấy anh chàng tội nghiệp này vác nặng đến không chịu nổi nữa hay sao?”

Nàng cùng với gã khuôn vác đi vào nhà. Người vừa ra mở cổng đóng cổng lại. Và ba người sau khi đi qua một tiền đình đẹp, băng qua một cái sân rộng chung quanh là hành lang có lan can chạy quanh thông với nhiều ngôi nhà tráng lệ. Cuối sân đặt một chiếc sập, có đệm sang trọng, chính giữa sập kê một chiếc ngai bằng hồ phách đặt trên bốn trụ gỗ mun khảm những viên kim cương và ngọc quý to lớn khác thường, và bọc bằng xatanh đỏ Ấn Độ thêu kim tuyến với nghệ thuật tài tình. Chính giữa sân có một bể nước, thành xây bằng cẩm thạch trắng, chứa đầy nước trong veo. Dòng nước cuộn cuộn tuôn xuống từ mõm một con sư tử đồng mạ vàng.

Gã khuôn vác tuy mang nặng vẫn ngắm nghía không biết chán các ngôi nhà lộng lẫy, đâu đâu cũng sạch sẽ tinh tươm. Nhưng điều đặc biệt làm cho gã chú ý là một thiếu phụ thứ ba trông còn đẹp hơn người thứ hai, đang ngồi trên chiếc ngai vàng vừa tả. Trông thấy hai nàng kia, nàng bước xuống và ra đón họ. Qua vẻ cung kính hai người kia dành cho nàng, gã đoán rằng người này hẳn là gia trưởng. Và quả thật gã không lầm. Người đàn bà ấy tên là Zôbêít. Người ra mở cửa là Xaphi. Còn Amin chính là tên của nàng vừa đi mua sắm về.

Zôbêít vừa tiến đến gần hai nàng vừa nói: “Các em không trông thấy anh chàng đang chết gục dưới cái sọt nặng đấy sao? Các em còn đợi gì mà không đỡ nó xuống?” Thế là Amin và Xaphi người bê đằng trước, kẻ đỡ phía sau nâng cái sọt lên. Zôbêít cũng hộ một tay. Ba người cùng nhấc sọt đặt xuống

đất. Họ bắt đầu dỡ hàng ra. Làm xong, nàng Amin yêu kiều lấy tiền trả công một cách hào phóng cho gã vác thuê.

Anh chàng rất hài lòng với số tiền thiếu phụ vừa đưa cho gã. Đáng lẽ cảm lấy cái sọt của mình và ra về, song gã không sao dứt mà đi được. Bất giác gã cảm thấy ngẩn ngơ muốn được ngắm nghía mãi ba con người xinh đẹp hiếm thấy và cả ba đều có vẻ khả ái. Chả là nàng Amin cũng vừa bỏ tấm mạng che mặt ra, và gã thấy nàng cũng đẹp không kém gì hai người kia. Điều gã không thể nào hiểu được là không trông thấy một người đàn ông nào trong nhà. Thế nhưng, phần lớn thức ăn mà gã vừa mang đến, cũng như các hoa quả khô và các loại bánh mứt khác nhau ấy thật ra chỉ hợp với những kẻ hay rượu và thích nhậu nhẹt mà thôi.

Thoạt tiên Zôbêít tưởng người vác thuê dừng lại để lấy hơi. Nhưng thấy gã nấn ná quá lâu, nàng hỏi: “Anh còn chờ gì? Trả công không vừa ý anh sao? Em à, – nàng quay sang nói với Amin – em hãy cho anh ấy thêm một ít nữa để anh ấy bằng lòng mà ra về.”

- Thưa bà, – gã khuân vác nói – đây không phải là nguyên nhân giữ chân tôi lại. Tôi đã được trả công quá hậu hĩnh rồi. Tôi biết rằng nấn ná lại đây lâu quá mức cần thiết là bất lịch sự, song tôi hy vọng bà sẽ rộng lượng khoan dung cho nếu tôi tỏ vẻ ngạc nhiên sao không thấy một người đàn ông nào ở cùng ba bà xinh đẹp hiếm thấy thế này. Một tập thể đàn bà không có đàn ông cũng buồn chán như một tập thể đàn ông không có đàn bà vậy.

Gã thêm thốt nhiều câu khá ý nhị nữa để chứng minh điều vừa nói. Gã lại không quên dẫn ra câu người ta hay nói ở Bátđà: không đủ bốn người thì bữa ăn kém ngon, để cuối cùng đi đến kết luận là, bởi vì các bà mới có ba người, nên cần có một người thứ tư nữa để ngồi cùng mâm cho có bạn.

Ba nàng phá lên cười khi nghe anh chàng khuân vác lý sự. Sau đó, Zôbêít nghiêm trang nói: “Anh bạn ạ, anh tò mò hơi quá mức rồi đấy. Tuy nhiên, mặc dù anh không đáng cho ta đi sâu vào chi tiết, ta cũng vui lòng cho anh rõ chúng ta là ba chị em. Chúng ta ăn ở kín đáo đến nỗi chẳng ai hay biết gì hết, bởi chúng ta có lý do quan trọng để mà sợ những kẻ tò mò. Một tác giả nổi tiếng mà ta từng đọc, đã nói: hãy giữ kín điều bí mật của người, đừng cho ai hay. Người nào đã để lộ cho kẻ khác biết thì không còn làm chủ điều bí mật của mình nữa. Nếu lòng người còn không chứa đựng nổi điều bí mật của người thì làm sao lòng của người mà người thổ lộ lại có thể chứa đựng nổi điều bí mật ấy?”

- Thưa các bà, – gã khuân vác đáp – chỉ nhìn hình dáng các bà, ngay từ đầu tôi đã nghĩ rằng đây là những con người cao quý hiếm có, và tôi thấy rõ tôi không nhầm. Mặc dù số phận chẳng cho tôi đủ của cải để vươn lên một nghề khác hơn nghề nghiệp hiện nay của mình, tôi vẫn không ngừng tìm đủ

mọi cách bồi bổ trí tuệ bằng việc đọc sách khoa học và lịch sử. Xin phép các bà cho tôi được nói rằng tôi cũng có đọc ở một tác giả khác một châm ngôn mà bao giờ tôi cũng thực hành một cách tốt đẹp: “chúng ta chỉ giữ bí mật đối với những kẻ mà mọi người đều thừa nhận là không kín tiếng, bởi họ sẽ phụ lòng tin của chúng ta. Nhưng chúng ta chẳng ngần ngại gì mà không cho những người khôn ngoan biết rõ sự thật, bởi chúng ta tin chắc rằng họ sẽ biết cách giữ kín tiếng. Điều bí mật để ở nhà tôi thì cũng an toàn không kém gì nó được cất vào một gian buồng mà chìa khóa đã đánh mất và cửa thì đã niêm phong.”

Zôbêít hiểu gã vác thuê này không phải không thông minh. Lại nghĩ rằng gã muốn được dự bữa tiệc mà ba người sắp dùng liền mỉm cười bảo gã: “Anh biết là chúng ta sửa soạn ăn tiệc, và anh cũng biết rằng chúng ta đã chi tiêu một món tiền lớn. chắc là sẽ không công bằng nếu anh cùng dự tiệc mà không có gì đóng góp vào.” Nàng Xaphi xinh đẹp ủng hộ ý kiến của bà chị: “Anh bạn ạ, anh chưa bao giờ nghe câu người ta thường nói thế này ư: Nếu bạn có mang đến một cái gì, thì bạn sẽ ở đây cùng với chúng tôi, nếu bạn chẳng mang gì đến, thì nên tay không mà lui về?”

Gã khuân vác, mặc dù mau mồm mau miệng, có lẽ đành phải bối rối rút lui, nếu không được nàng Amin bênh vực. Nàng nói với Zôbêít và Xaphi: “Hai chị thân yêu ơi, em xin hai chị cho phép anh này ở lại với chúng ta. Khỏi phải nói là anh ta sẽ làm chúng ta vui. Các chị đã thấy rõ anh ta có khả năng về mặt đó. Em xin quả quyết với các chị là, nếu anh ta không vui lòng, nhanh nhẹn và dũng cảm đi theo thì dễ chừng em đã không đủ sức mua sắm bấy nhiêu thứ trong thời gian ngắn như vậy. Hơn nữa, nếu em thuật lại tất cả những điều dí dỏm mà anh ta nói với em trong lúc đi đường, các chị sẽ đỡ ngạc nhiên vì sao em che chở cho anh ta.”

Nghe Amin nói, gã khuân vác mừng rơn. Gã quỳ gối và hôn đất dưới chân con người tốt bụng ấy, rồi vừa đứng lên vừa nói với nàng: “Thưa bà kính yêu, ngày hôm nay bà đã khởi đầu hạnh phúc của tôi. Giờ đây bà lại đưa nó lên tột đỉnh bằng một hành động rất hào hiệp, tôi không biết làm sao bày tỏ hết lòng biết ơn đối với bà. Hơn nữa, thưa các quý bà, – gã nói với cả ba chị em – các bà đã dành cho kẻ này một vinh dự lớn như vậy thì xin đừng nghĩ rằng tôi sẽ lạm dụng nó hoặc là tôi dám tự cho là một con người xứng đáng với vinh dự ấy. Không, tôi vẫn mãi mãi tự coi mình như là tên nô lệ hèn mọn nhất của các quý bà.”

Nói xong gã muốn trả lại số tiền vừa nhận. Nàng Zôbêít nghiêm trang truyền bảo gã hãy giữ lại: “Những gì tay chúng ta đã bỏ ra để thưởng công những kẻ làm giúp thì tay chúng ta sẽ không nhận trở lại. Nhưng anh bạn ạ, trong khi bằng lòng cho anh ở lại đây cùng chúng ta, ta báo trước cho anh

biết: không phải chỉ có mỗi một điều kiện là anh sẽ giữ bí mật như chúng ta đòi hỏi mà thôi đâu. Chúng ta còn muốn rằng anh phải xử sự theo đúng phép lịch sự và tính trung hậu nữa.”

Trong khi Zôbêít nói thì nàng Amin xinh đẹp cởi bộ cánh đi phố, buộc chéo tà áo dài vào thắt lưng để làm việc cho gọn, rồi bày bàn. Nàng dọn ra nhiều món ăn, đặt lên trên tủ đựng thức ăn nhiều chai rượu nho và các chén bằng vàng. Sau đấy, các bà ngồi vào bàn và cho gã khuân vác ngồi ở bên cạnh. Gã lấy làm hài lòng tốt độ vì cùng được dự tiệc với ba con người xinh đẹp khác thường.

Ăn được mấy miếng, nàng Amin tự mình rót rượu ra một cái chén rồi uống trước, đúng như phong tục của người A Rập. Sau đó, nàng rót tiếp cho các bà chị. Hai người này lần lượt cạn chén. Cuối cùng nàng rót chén thứ tư đưa cho gã khuân vác. Gã đỡ lấy, hôn tay Amin và trước khi uống, ca một bài đại ý nói rằng giống như ngọn gió đi qua những nơi thơm tho thì mang theo hương thơm ngào ngạt, chén rượu gã sắp uống đây, nhận từ bàn tay nàng, sẽ mang theo hương vị tuyệt vời hơn hẳn hương vị tự nhiên của nó. Bài hát ấy làm vui lòng các thiếu phụ. Họ cũng cất tiếng hát. Mọi người đều rất vui vẻ trong suốt bữa ăn kéo dài khá lâu và kèm theo đủ trò về thú vị.

Chẳng mấy chốc thì trời tối. Nàng Xaphi thay mặt ba thiếu phụ nói với gã khuân vác: “Hãy đứng lên và đi đi! Đã đến lúc anh phải ra về rồi đấy.” Gã khuân vác không làm sao đi cho dứt, đáp: “Ó kìa, thưa các bà, các bà truyền bảo tôi đi đâu giữa lúc người tôi đang trong tình trạng như thế này? Tôi say mềm vì chiêm ngưỡng các bà và vì uống quá nhiều rượu. Có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ tìm được đường mà về đến nhà. Xin các bà hãy cho tôi nghỉ đêm để tỉnh bớt rượu. Tôi nghỉ ở đâu cũng được, nhưng cũng cần phải có thời gian lâu lâu tôi mới có thể trở lại tỉnh táo như khi tôi bước chân vào dinh thự này. Ấy thế mà tôi còn e rằng tôi sẽ để lại nơi đây phần tinh anh nhất của mình.”

Một lần nữa, nàng Amin lại bênh gã khuân vác. Nàng nói: “Các chị ơi, anh ta nói có lý, em hiểu vì sao anh ta phải xin các chị điều đó. Anh đã làm cho chúng ta khá vui rồi đấy. Nếu các chị tin lời em, hay đúng hơn nếu các chị yêu em nhiều như em hằng tin tưởng, thì chúng ta nên giữ anh ta lại tối nay ở đây.”

- Em ạ, – nàng Zôbêít nói – các chị không nỡ từ chối em điều gì. Anh khuân vác này, – nàng quay sang nói với gã – chúng ta vui lòng thể theo yêu cầu của anh lần nữa. Nhưng ta đặt thêm một điều kiện mới. Cho dù mấy chị em ta có làm gì đi nữa trước mặt anh, hoặc là giữa chúng ta với nhau hoặc là đối với cái gì khác, anh cũng không được hề rằng hỏi tại sao. Bởi vì nếu anh hỏi về những việc hoàn toàn không dính dáng đến mình, anh có thể phải nghe những điều không vui tai đấy. Anh phải nhớ lấy, không được quá tò mò

tìm hiểu sâu nguyên nhân những hành động của chúng ta.

- Thừa bà, – gã vác thuê đáp – tôi xin hứa với bà, tôi sẽ tôn trọng điều kiện ấy một cách đúng đắn đến nỗi bà sẽ không có gì phải trách mắng chứ đừng nói chi trừng phạt sự tò mò của tôi. Trong dịp này lưới tôi sẽ bắt động, mắt tôi sẽ như một tấm gương không giữ lại tí gì những vật nó phản chiếu.

Vẻ mặt rất trang nghiêm, nàng Zôbêít lại nói: “Để cho anh thấy, điều ta đòi hỏi anh tuân theo không phải vừa mới đặt ra giữa anh và ba chị em ta, anh hãy đứng lên và ra đọc câu viết bên trên mặt trong của cửa ra vào!”

Gã vác thuê bước đến và đọc những chữ sau đây bằng đại tự dát vàng: “*Ai nói những điều không liên quan đến mình, sẽ phải nghe những điều không thú vị cho mình.*” Gã trở vào thưa với ba chị em: “Thưa các bà, tôi xin thề là các bà sẽ không nghe tôi nói tới một điều gì các bà quan tâm mà không liên quan đến tôi.”

Thỏa thuận xong, nàng Amin bày bữa ăn tối. Sau khi thắp nhiều cây nến pha trầm hương và dạ hương tỏa mùi thơm dễ chịu, làm cho căn phòng chan hòa ánh sáng, nàng đến ngồi vào bàn cùng với hai chị gái và gã vác thuê. Họ lại bắt đầu ăn uống, ca hát và ngâm thơ. Các nàng thích chuốc rượu cho gã say, lấy có là mừng sức khỏe gã. Chẳng ai ngại ngừng gì mà không nói đùa. Cuối cùng giữa lúc họ đang hết sức vui vẻ nhất trần đời thì nghe có tiếng gõ cửa.

Tất cả ba người đàn bà cùng đứng lên một lúc định ra mở cửa. Nhưng nàng Xaphi vốn chuyên lo công việc này, nhanh chân hơn cả. Còn hai nàng kia thấy đã có người đi bèn ngồi lại chờ Xaphi trở vào cho biết ai có việc gì mà đến nhà họ vào lúc muộn màng như vậy. Lát sau, Xaphi trở vào báo: “Chị và em ạ, có một cơ hội rất tốt cho chúng ta vui chơi thú vị đến hết đêm nay. Nếu chị cả và em Amin cùng chung suy nghĩ như em thì ta chớ nên bỏ lỡ dịp. Ngoài cửa nhà ta có ba khát sĩ^[23] – em nghĩ như vậy qua cách ăn mặc của họ. Nhưng điều chắc sẽ làm cho chị và em ngạc nhiên, là cả ba đều chột mắt bên phải và tóc, râu, lông mày của họ đều cạo trụi. Họ nói rằng họ vừa mới đến Bátđà, họ chưa từng đặt chân tới thành phố này bao giờ. Và bởi vì trời đã tối mà không biết trọ ở đâu, họ ngẫu nhiên gõ cửa nhà ta và yêu cầu chúng ta, vì Thượng đế, hãy làm phúc cho họ nghỉ lại. Họ xin vui lòng ở trong chuồng ngựa cũng được. Họ đều còn trẻ, trông cũng khá khôi ngô và còn có vẻ thông minh nữa là khác. Nhưng em không thể nào nhịn được cười khi nghĩ đến bộ mặt ngộ nghĩnh và giống nhau như đúc của họ.” Nói đến đây, Xaphi ngừng lời và phá ra cười ngặt nghẽo đến nỗi hai nàng kia và gã khuân vác cũng không nén được cười. “Chị cả và em gái này, – nàng Xaphi lại nói – chị và em có đồng ý cho họ vào nhà không? Với những người như em vừa tả, chắc chắn là chúng ta sẽ kết thúc hôm nay còn vui vẻ hơn cả lúc

mở đầu. Họ sẽ làm cho ta vui mà chúng ta cũng chẳng tốn kém gì, bởi họ chỉ xin nghỉ lại mỗi một đêm nay thôi, sáng ra là họ xin từ biệt chúng ta ngay.”

Zôbêít và Amin không đồng ý điều Xaphi đề nghị, Xaphi cũng đã hiểu rõ vì sao. Nhưng nàng tỏ ra thiết tha muốn đạt cho bằng được lời yêu cầu của mình, thành ra hai người kia không nỡ nào từ chối. Nàng Zôbêít bảo: “Thế thì em hãy ra gọi họ vào. Nhưng đừng quên báo trước cho họ biết là không được hỏi han những điều gì không liên quan đến họ, và chỉ cho họ đọc câu ghi sẵn bên trên cửa ra vào.”

Nghe chị nói vậy, Xaphi mừng rỡ chạy ra mở cửa. Một lát sau nàng trở lại cùng với ba khát sĩ.

Vừa vào tới nơi, ba chàng cúi gập người chào. Các thiếu phụ đứng lên nghênh tiếp và chúc mừng họ một cách lịch sự rằng ba chị em rất vui lòng được dịp giúp đỡ họ và góp phần làm cho họ chóng lại sức sau những nỗi mệt nhọc đường trường. Cuối cùng họ mời ba chàng cùng ngồi xuống. Cảnh cửa nhà lộng lẫy và vẻ phúc hậu của ba thiếu phụ làm cho ba khát sĩ đánh giá cao những bà chủ xinh đẹp. Nhưng trước khi ngồi vào chỗ, tình cờ trông thấy gã vác thuê ăn mặc trông gần giống với nhiều khát sĩ thuộc một dòng tu khác, không cạo râu và cạo lông mày, một chàng cất tiếng nói: “Hình như đây là một trong những đạo huynh A Rập chúng ta, thuộc phái chống đối.”

Gã vác thuê đã thiu thiu và đầu óc cũng đang nóng lên bởi hơi men, lấy làm bất bình về câu nói đó. Gã cứ ngồi yên vừa nhìn ba chàng khát sĩ một cách hóm hỉnh vừa nói: “Các bạn ngồi xuống và chớ có dính dáng vào những việc không phải của mình. Các bạn chưa đọc câu viết trên cửa ra vào sao? Chớ nên buộc người khác phải sống theo kiểu của các bạn, nhập gia phải tùy tục.”

- Ông bạn ơi, – chàng khát sĩ đáp – bạn chớ có nổi nóng. Chúng tôi rất lấy làm tiếc nếu có phần nào thiếu sót làm cho bạn bức mình. Ngược lại, chúng tôi sẵn sàng nghe các lời chỉ giáo của bạn.

Lời qua tiếng lại có thể còn kéo dài, nhưng các thiếu phụ đã xen vào, chấm dứt sự cãi cọ.

Khi các khát sĩ đã yên vị, các thiếu phụ mời họ ăn. Nàng Xaphi vui tính rất quan tâm chú ý rót rượu mời họ uống.

Ăn uống thỏa thuê xong, ba chàng khát sĩ nói với các bà rằng họ sẽ rất sung sướng được hòa nhạc hầu các bà, nếu các bà sẵn có nhạc cụ và vui lòng cho người mang ra. Nàng Xaphi xinh đẹp đứng lên đi tìm. Một lát sau nàng trở lại đưa cho ba chàng một chiếc sáo địa phương, một chiếc sáo Ba Tư và một cái trống xú Bát. Mỗi khát sĩ cầm thứ nhạc cụ mình thích và cả ba người bắt đầu hòa tấu một khúc nhạc. Các thiếu phụ đều thuộc lời ca của khúc nhạc

đó, lời ca rất vui nhộn, liền cất tiếng hát theo. Nhưng chốc chốc lại ngừng hát và phá lên cười vì lời ca ngộ nghĩnh.

Đang giữa cuộc vui, đúng vào lúc mọi người đang vui vẻ nhất thì có tiếng gõ cửa. Xaphi ngừng hát và chạy ra xem có việc gì. Nhưng, tâu bệ hạ, – kể đến đoạn này, nàng Sêhêrazát nói với vua Saria – bệ hạ hẳn muốn biết vì sao có người gõ cửa nhà các nàng khuya khoắt như vậy. Xin tâu rõ lý do: Hoàng đế Harun An-Rasít thường có thói quen vi hành vào ban đêm, để tự mình xét xem có thật là mọi sự trong kinh đô đều thanh bình hoặc là có việc quấy rối trật tự nào xảy ra chăng.

Đêm hôm ấy hoàng đế xuất hành sớm. Cùng đi có tể tướng Giafa^[24] và Mêrua – người đứng đầu các hoạn nô trong cung cấm. Cả ba đều cải trang thành những người buôn. Đi qua phố nhà ba thiếu phụ, nhà vua nghe tiếng đàn sáo, tiếng hát và tiếng cười liền truyền cho tể tướng: “Khanh hãy đến gõ cửa ngôi nhà người ta đang làm huyền não kia! Ta muốn vào đây xem cho rõ nguyên nhân.” Mặc cho tể tướng trình bày rằng đây chẳng qua là những người đàn bà đang chè chén đêm hôm, chắc hẳn hơi men đã làm cho họ nóng đầu, nhà vua không nên tự dung đến, biết đâu họ chẳng thốt ra những lời khiếm nhã bậy bạ. Vả chăng cũng chưa phải đã đến giờ cấm, không nên quấy rầy sự vui chơi của dân. “Mặc kệ, – nhà vua phán – hãy gõ cửa đi, ta ra lệnh cho người đó!”

Vậy là chính tể tướng Giafa đã đến gõ cửa nhà các thiếu phụ theo lệnh của hoàng đế, ngài không muốn cho ai nhận ra mình. Nàng Xaphi ra mở cửa, và tể tướng, qua ánh sáng cây nến nàng cầm ở tay, nhận ra đây là một người đàn bà tuyệt đẹp. Ông cúi chào rất thấp và nói lễ phép: “Thưa bà, chúng tôi là ba nhà buôn ở Mút-xun^[25] mới đến đây chừng mười hôm với nhiều hàng hóa đắt tiền mà chúng tôi đang gửi tại kho của một trại^[26], nơi chúng tôi tạm trú. Hôm nay, chúng tôi vừa đến thăm một nhà buôn trong thành phố đã có nhã ý mời chúng tôi đến chơi. Ông ta chiêu đãi chúng tôi và cũng nhân vui vì có chén rượu, ông ta cho mời một đoàn vũ nữ đến. Đêm đã khuya rồi, trong lúc nhạc công đang cử nhạc và các vũ nữ đang múa, anh em có làm ồn ào quá, lính tuần đi qua và gọi cửa. Một số người dự hội bị bắt. Chúng tôi may mắn thoát được nhờ vượt qua một bức tường. Nhưng, – tể tướng nói tiếp – bởi vì chúng tôi là người nơi khác đến, lại ít nhiều vừa có chén rượu, chúng tôi sợ gặp phải tốp lính tuần khác, hay gặp lại tốp lúc này cũng nên, trước khi tìm về được tới trại cách đây cũng khá xa. Mà dù cho chúng tôi có tới nơi được đi nữa thì cũng vô ích, vì cổng trại lúc này đã đóng, phải đến sáng sớm mai mới được mở cho dù có việc gì xảy ra. Chính vì vậy, thưa bà, đi ngang qua đây nghe tiếng đàn và tiếng hát, chúng tôi cho là gia đình ta chưa nghỉ, cho nên chúng tôi đánh bạo gõ cửa cầu xin bà cho phép tạm trú cho

đến sáng. Nếu quý bà thấy rằng chúng tôi đáng được tham gia cuộc vui cùng gia đình, thì chúng tôi xin cố gắng góp phần theo khả năng của mình để bù vào chỗ tại vì chúng tôi mà làm cuộc vui phải gián đoạn. Bằng không, chỉ xin bà cho chúng tôi nghỉ tạm qua đêm ở nhà ngoài cho đỡ dầm sương thôi cũng được.”

Trong lúc Giafa nói, nàng Xaphi xinh đẹp có đủ thời giờ quan sát tể tướng và hai người cùng đi, mà ông bảo cũng là nhà buôn như ông. Qua vẻ mặt của họ, nàng nghĩ đây chắc không phải là những người bình thường liền đáp rằng mình không phải chủ nhân; nếu họ vui lòng đợi cho một lát thì nàng sẽ trở lại cho biết ý kiến trả lời.

Xaphi vào trình bày lại với chị và em gái. Hai người do dự hồi lâu không biết nên quyết định như thế nào. Nhưng vốn là những người tốt bụng, và chẳng họ cũng đã vui lòng cho ba khát sĩ trọ rồi, bởi vậy ba nàng quyết định mời các vị khách vào.

Hoàng đế, tể tướng và viên đứng đầu các hoạn nô chào các thiếu phụ và các khát sĩ một cách rất lịch sự. Các nàng tưởng họ là nhà buôn nên tiếp đón cũng lịch sự không kém. Với tư cách là gia trưởng, nàng Zôbêít nói với họ bằng một giọng nghiêm trang thích hợp với nàng: “Xin chúc mừng các ngài! Song trước hết, xin các ngài chớ cho là đường đột nếu chúng tôi ngỏ lời yêu cầu các ngài một điều...”

- Điều gì vậy thưa bà? – Tể tướng hỏi. – Có ai lại dám khước từ một điều gì với các phu nhân xinh đẹp dường này?

Nàng Zôbêít nói tiếp:

- Ấy là chỉ nên có mắt mà không có lưỡi! Ấy là bất kỳ các ngài trông thấy gì cũng xin chớ hỏi để tìm rõ nguyên nhân. Và xin chớ có nói lên những điều gì không liên quan đến các ngài, bởi nếu làm như vậy các ngài sẽ phải nghe những điều không được vui tai.

- Thưa bà, chúng tôi xin vâng lời bà! – Tể tướng đáp – Chúng tôi không phải là quan tòa, cũng không phải là những người tò mò lắm điều. Chỉ lo việc có liên quan đến mình và không dính dáng gì tới những việc không liên quan, như thế cũng đã đủ cho chúng tôi lắm rồi.

Đến đây, mọi người cùng ngồi xuống, chuyện bắt đầu nở. Người ta tiếp tục uống rượu chúc mừng những người mới đến.

Trong khi tể tướng nói chuyện cùng các bà, hoàng đế không thể không thăm phục nhan sắc khác thường, sự duyên dáng, tính tình hòa nhã và trí thông minh của họ. Mặt khác, nhà vua cũng hết sức lấy làm lạ về ba chàng khát sĩ cùng chột một bên mắt phải như nhau. Có lẽ vua đã rất muốn tìm hiểu cho ra nhẽ các điều kỳ quặc đó, nhưng điều kiện mà các bà vừa đặt ra cho

nhà vua và những người cùng đi, ngăn không cho vua hỏi. Thêm vào đó, suy nghĩ về những đồ đạc sang trọng được xếp đặt ngăn nắp và sự sạch sẽ của tòa dinh thự này, nhà vua không thể không tin rằng chốn này chắc có thuật ma phép quỷ gì đây.

Câu chuyện chuyển sang kể chuyện giải trí và cách thức vui chơi. Các khát sĩ đứng lên múa một bài theo phong cách của họ, làm cho các thiếu phụ vốn đã cảm tình với ba chàng càng thêm ưa thích. Nhà vua và những người cùng đi cũng không khỏi nể vì.

Ba khát sĩ múa xong, nàng Zôbêít đứng dậy, vừa cầm tay Amin vừa nói:

- Em ơi, em hãy đứng lên. chắc các ngài đây sẽ không cho là không tốt việc chúng ta tự xử phạt mình. Sự có mặt của các ngài sẽ không ngăn trở chúng ta làm công việc chúng ta vẫn quen làm.

Hiểu ý chỉ, nàng Amin đứng lên thu dọn bát đĩa, bàn ăn, chai cốc và những nhạc cụ mà các khát sĩ vừa chơi.

Nàng Xaphi cũng không ngồi yên. Nàng quét nhà, xếp đặt lại đồ đạc vừa bị xáo trộn, gạt bắc nền và cho thêm trầm hương và long diên hương vào lò. Làm xong, nàng mời ba khát sĩ ngồi vào đầu này chiếc sập, mời nhà vua và những người cùng đi ngồi vào đầu kia. Còn gã khuân vác thì nàng bảo: “Anh hãy đứng lên và sẵn sàng giúp một tay vào việc chúng ta sắp làm đây. Một người như anh, coi như thể người nhà, không nên ngồi im chẳng động tay động chân gì.”

Gã khuân vác đã phân nào tỉnh rượu, nhanh nhẩu đứng lên, vén tà áo giắt vào thắt lưng và nói: “Tôi đã sẵn sàng, có việc gì phải làm xin bà chỉ bảo.”

- Được, – nàng Xaphi đáp – cứ chờ đấy khắc có việc! Anh chẳng phải đứng chơi lâu đâu.

Lát sau nàng Amin trở lại mang theo một chiếc ghế đặt xuống chính giữa phòng. Tiếp đó nàng đến một căn buồng, mở cửa và ra hiệu bảo gã khuân vác đến: “Lại đây giúp tôi một tay.” Gã làm theo và cùng nàng bước vào buồng. Trong chốc lát gã trở ra dẫn theo hai con chó cái đen, mỗi con có một chiếc xích buộc vào vòng cổ. Hai con chó cái có vẻ như đã từng nhiều lần bị đánh bằng roi vọt. Gã dắt chó tiến ra giữa phòng.

Lúc đó, nàng Zôbêít đang ngồi giữa ba khát sĩ và hoàng đế, liền đứng lên và trang trọng bước tới chỗ gã khuân vác. “Nào, – nàng vừa nói vừa buông tiếng thở dài – chúng ta hãy làm bổn phận.” Nàng xắn ống tay áo lên tận khuỷu và sau khi cầm lấy cái roi Xaphi đưa, nàng bảo gã khuân vác: “Anh đưa cho em Amin ta giữ một con chó, rồi dẫn con kia đến gần đây cho ta.”

Gã làm theo lệnh. Khi gã tiến đến gần Zôbêít, con chó cái gã đang dắt ở tay bắt đầu rít lên, ngược đầu hướng về Zôbêít, vẻ van lơn. Nhưng nàng

Zôbêit không quan tâm đến bộ điệu rầu rĩ của con chó đáng thương cũng như tiếng rít của nó vang khắp gian nhà. Nàng cầm roi đánh tới tấp vào mình nó cho đến khi mệt đứt hơi. Khi không còn đủ sức đánh nữa, nàng vứt chiếc roi ra đất, rồi cầm sợi xích từ tay gã khuân vác, nàng nâng hai chân trước con chó lên. Chó và người cùng khóc. Cuối cùng Zôbêit rút khăn tay lau nước mắt cho con chó cái, hôn nó, rồi trao lại đầu sợi xích cho gã khuân vác: “Hãy dẫn nó trở về chỗ anh vừa đón nó, và đưa con kia lại đây cho ta.”

Gã khuân vác dắt con chó bị đánh trở về buồng. Lúc trở ra, gã nhận con kia từ tay Amin và dẫn đến trao cho Zôbêit đang chờ. Nàng bảo gã:

“Anh hãy giữ nó như đã giữ con kia.” Rồi cầm lấy chiếc roi, nàng lại đánh nó như vừa đánh con chó lúc nãy. Sau đó, nàng lại khóc với nó, lại lau nước mắt cho nó, lại hôn nó và rồi lại trao cho gã khuân vác. Lần này, nàng Amin để mền tự mình dẫn con chó vào buồng, đỡ cho gã khỏi phải làm việc đó.

Ba chàng khát sĩ, nhà vua và những người cùng đi đều hết sức kinh ngạc về cuộc hành phạt vừa rồi. Họ không thể hiểu nổi làm sao nàng Zôbêit, sau khi đánh đập dữ dội hai con chó cái, những con vật bản thủ theo quan niệm của đạo Hồi, lại khóc ngay sau đấy cùng với chúng, lại lau nước mắt cho chúng. Trong thâm tâm, họ bất bình về việc đó, nhất là hoàng đế. Nôn nóng hơn tất cả mọi người, vua rất muốn hiểu rõ nguyên nhân vì đâu đưa đến hành động lạ lùng như vậy. Vua không ngớt ra hiệu bảo tể tướng phải hỏi cho ra nhẽ. Nhưng tể tướng quay đầu sang phía khác, làm ngơ cho đến khi bị những dấu hiệu lặp đi lặp lại nhiều lần thúc bách phải trả lời, ông đành ra hiệu trả lời rằng bây giờ không phải là lúc thỏa mãn tính hiếu kỳ.

Nàng Zôbêit đứng yên một chỗ ở chỗ cũ, chính giữa căn phòng, như để hồi sức sau con mệt nhọc vì đánh hai con chó. Xaphi nói với nàng: “chị gái thân yêu của em, xin chị vui lòng trở về chỗ cũ, để cho em đến lượt mình, em cũng được làm nhiệm vụ.”

- Được!

Nàng Zôbêit trả lời và đến chỗ ngồi ở chiếc ghế dài. Bên phải nàng là hoàng đế, tể tướng Giafa và Mêrua, bên trái nàng là ba chàng khát sĩ và gã vác thuê.

Sau khi Zôbêit trở về chỗ ngồi, mọi người đều im lặng một lúc. Cuối cùng nàng Xaphi ngồi lên chiếc ghế đặt chính giữa phòng và nói với Amin: “Em thân yêu của chị, xin em hãy đứng lên, em đã hiểu chị muốn nói gì rồi đấy.” Nàng Amin đứng lên và đi vào một căn buồng khác, không phải nơi nhốt hai con chó. Nàng trở lại tay cầm một cái túi bọc xatanh vàng thêu kim tuyến và lót lụa xanh. Nàng đến gần Xaphi, mở túi lấy ra một cây đàn trông giống như đàn tì bà, trao cho chị. Xaphi đỡ lấy so dây và bắt đầu gảy đàn. Rồi nàng vừa đàn vừa hát một bài nói về những nỗi đau khổ vì xa vắng, tài hoa đến nỗi

hoàng đế và tất cả mọi người đều say mê. Nàng vừa đàn vừa hát say sưa, hát xong nàng bảo nàng Amin đáng mến: “Em hãy cầm lấy cây đàn. Chị không đủ sức nữa, chị đứt hơi rồi. Em hãy thay chị hát hầu các ngài đây.”

- Rất vui lòng.

Amin đáp và tiến đến. Xaphi trao đàn và nhường chỗ ngồi cho em. Amin lướt qua mấy phím đàn xem dây đã chỉnh chưa, rồi vừa đàn vừa hát cũng hay như chị, về cùng một chủ đề ấy nhưng còn tha thiết hơn. Nàng xúc động, hay đúng hơn thấm thía ý nghĩa lời ca đến nỗi hát xong bài thì kiệt sức.

Zôbêít muốn bày tỏ với em sự hài lòng của mình: “Em ơi, em đã làm được những điều kỳ diệu. Rõ ràng em đau chính nỗi đau mà em đang diễn tả sống động.” Amin không kịp đáp lời khen ngợi thành thực ấy. Nàng cảm thấy nghẹt thở đến nỗi chỉ còn nghĩ tới chuyện rút cổ áo ra cho thoáng, để lộ cho mọi người thấy một bên ngực và vú, không phải trắng trẻo như một người đẹp tựa Amin đáng phải có, mà sần sùi những sẹo, làm cho ai trông thấy cũng gằn như phát tởm. Tuy vậy dường như nàng vẫn chưa thấy đỡ được chút nào, nàng ngã vật ra bất tỉnh nhân sự.

Trong khi Zôbêít và Xaphi lo cấp cứu em, thì một khát sĩ không cầm được, thốt lên: “Chúng ta thà ngủ đêm ngoài trời còn hơn là vào đây nếu biết trước rằng vào đây sẽ phải chứng kiến những cảnh tượng thế này.” Nhà vua nghe tiếng, đến gần chàng cùng hai khát sĩ kia và hỏi: “Tất cả những cái này là thế nào?” chàng khát sĩ vừa mới nói kia liền đáp: “Thưa tôn ông, chúng tôi cũng chẳng biết gì hơn tôn ông.”

- Thế nào? – Nhà vua hỏi tiếp. – Các ông không phải là người nhà sao? Và cũng không thể cho chúng tôi rõ về hai con chó đen, và người phụ nữ vừa ngất đi kia chắc đã từng bị ngược đãi phũ phàng lắm?

Các khát sĩ đáp:

- Thưa tôn ông, suốt đời chúng tôi chưa hề bước chân vào nhà này. Chúng tôi cũng mới tới đây trước các ngài ít lâu thôi.

Điều đó làm tăng thêm sự kinh ngạc của hoàng đế. “Có lẽ anh chàng đang ngồi với các ông kia có thể biết được phần nào chẳng.” Một khát sĩ ra hiệu bảo gã khuân vác đến gần, và hỏi có biết vì sao các con chó đen bị đánh, vì sao vú của Amin sứt sẹo hay không.” – Thưa tôn ông, – gã vác thuê đáp – tôi có thể thề trước Thượng đế là nếu quý ngài không biết tí gì về những chuyện đó, thì chúng ta đều chẳng ai hay biết hơn ai. Đúng tôi là người thành phố này, nhưng mãi đến hôm nay tôi mới bước chân vào đây lần đầu. Nếu quý ngài ngạc nhiên thấy tôi ở đây, thì tôi cũng ngạc nhiên không kém khi gặp được quý ngài. Điều còn làm cho tôi thêm lạ lùng, – gã nói tiếp – là không trông thấy một người đàn ông nào ở đây cùng với các bà ấy.”

Nhà vua, những người cùng đi và các khất sĩ vẫn tưởng rằng gã khuân vác là người nhà này, và tưởng có thể hỏi gã để rõ những điều họ muốn biết. Hoàng đế quyết tìm cách thỏa mãn sự tò mò của mình dù với bất kỳ giá nào, bèn bảo những người kia: “Các bạn nghe đây, chúng ta ở đây có những bảy người đàn ông mà chỉ đối phó với ba người đàn bà, chúng ta hãy buộc họ phải làm sáng tỏ những điều chúng ta muốn biết! Nếu họ không vui lòng, chúng ta có cách ép họ làm theo ý muốn của chúng ta.”

Tể tướng Giafa không đồng tình với ý kiến ấy. Ông trình bày cho nhà vua rõ những hậu quả của nó. Để không lộ tung tích cho các khất sĩ biết đây là hoàng đế, ông vẫn nói với nhà vua như nói với một nhà buôn: “Thưa ông anh, tôi van ngài, chúng ta phải giữ tín nhiệm của chúng ta chứ! Ông anh đã biết rõ điều kiện mà các bà đây đặt ra khi vui lòng cho chúng ta vào nghỉ nhờ mà chúng ta đã chấp thuận. Người ta sẽ nói thế nào khi chúng ta làm trái những điều đã thỏa thuận? Chúng ta sẽ càng đáng trách hơn nữa, nếu nhờ xảy ra một việc gì không may. Ít có khả năng là các bà buộc chúng ta phải có lời hứa mà lại không có cách làm cho chúng ta phải hối hận nếu chúng ta không giữ lời hứa của mình.”

Nói đến đây, tể tướng kéo riêng nhà vua ra một nơi và nói nhỏ: “Tâu bệ hạ, đêm cũng sắp tàn rồi, xin bệ hạ kiên nhẫn một chút! Sáng sớm mai, thần sẽ đến bắt các bà này dẫn đến trước ngai vàng, bệ hạ sẽ biết rõ tất cả những gì ngài muốn họ nói cho biết.”

Mặc dù lời khuyên ấy rất khôn ngoan, hoàng đế vẫn muốn bác bỏ. Nhà vua bắt tể tướng phải câm miệng và nói rằng mình đòi làm sáng tỏ ngay tức khắc điều muốn biết.

Vấn đề chỉ còn là ai sẽ nói đây. Nhà vua cố ép các khất sĩ lên tiếng trước, nhưng họ đều xin lỗi. Cuối cùng mọi người thỏa thuận với nhau nên để gã khuân vác làm việc đó. Gã đang chuẩn bị nêu lên câu hỏi tai hại thì Zôbêít, sau khi cấp cứu Amin khỏi cơn bất tỉnh, đến gần. Nghe họ bàn bạc với nhau to tiếng và sôi nổi, nàng liền hỏi: “Thưa, các quý ngài nói chuyện gì đây? Các ngài phản đối điều gì?”

Thế là gã khuân vác cất lời: “Thưa bà, – gã nói – các tôn ông đây muốn yêu cầu bà giải thích cho rõ, tại sao sau khi đánh đập hai con chó cái, bà lại khóc với chúng, và do đâu mà bà vừa ngắt đi lúc này vú đầy những sẹo? Thưa bà, đây là những điều tôi được ủy thác thay mặt các ngài đáng kính ở đây hỏi bà.”

Nghe những lời đó, nàng Zôbêít quay về phía nhà vua, những người cùng đi và ba khất sĩ. Vẻ kiêu kỳ hiện lên nét mặt, nàng hỏi: “Thưa quý ngài, có phải quý ngài ủy thác cho anh chàng này yêu cầu tôi điều đó?” Tất cả đều trả lời đúng, trừ tể tướng Giafa vẫn nín lặng. Nghe lời xác nhận ấy, Zôbêít nói

với họ một giọng chứng tỏ nàng bị xúc phạm sâu sắc: “Trước khi đồng ý nhận tiếp các ngài theo yêu cầu của các ngài, và để phòng ngừa mọi chuyện các ngài có thể làm cho chúng tôi không bằng lòng bởi chúng tôi toàn là đàn bà, chúng tôi chẳng đã đặt điều kiện là các ngài không được nói đến những gì không có liên quan tới mình, để tránh cho các ngài khỏi phải nghe những điều không vừa ý hay sao? Thế mà sau khi các ngài đã được đón tiếp và hậu đãi một cách tốt đẹp nhất theo khả năng của chúng tôi, các ngài lại không giữ lời đã hứa. Đúng là điều đó xảy ra một phần tại chúng tôi quá dễ dãi, nhưng đây cũng chính là điều không thể tha thứ cho các ngài, như vậy là không đúng đắn.”

Nói xong, nàng giẫm mạnh chân và vỗ tay ba lần, miệng gọi: “Hãy đến đây nhanh lên! Lập tức một cánh cửa mở ra, và bảy tên nô lệ da đen vạm vỡ, khỏe mạnh, tay cầm gươm tiến vào, mỗi tên tóm lấy một trong bảy người đàn ông, quật ngã xuống đất, kéo ra giữa phòng, chuẩn bị chặt đầu họ.

Cũng dễ hình dung được nỗi khủng khiếp của hoàng đế. Hối hận vì không nghe theo lời khuyên của tể tướng thì cũng đã quá muộn rồi. Trong khi nhà vua đáng thương, Giafa, Mêrua, gã vác thuê và các khát sĩ sắp chịu chết để trả giá cho sự tò mò thô lỗ của họ, thì tên nô lệ hỏi Zôbêít và hai em nàng: “Thưa các bà chủ cao sang, quyền uy và đáng kính, các bà lệnh cho chúng tôi được chặt đầu họ chứ?”

- Hãy khoan! – Nàng Zôbêít nói. – Hãy chờ ta hỏi họ đã!

- Thưa bà, – gã khuân vác hoảng hốt ngắt lời – nhân danh Thượng đế, xin bà chớ bắt tôi chết vì tội những kẻ khác gây nên! Tôi vô tội, chính họ mới là thủ phạm. Than ôi! – Gã vừa khóc vừa nói. – chúng ta vui đùa thú vị biết bao! Những khát sĩ chợt kia là nguyên nhân đưa đến tai vạ này. Đến thành phố cũng phải đổ nát điêu tàn mất thôi vì những con người hãm tài như vậy. Thưa bà, tôi van bà chớ lẫn lộn người đầu với kẻ cuối! Xin bà nghĩ cho rằng tha thứ cho một kẻ khốn khổ như tôi, không có ai cứu giúp, sẽ đẹp đẻ hơn là dùng quyền uy mà trị tội, hơn là dùng tôi làm vật hy sinh cho mối thù hận của bà!

Zôbêít, mặc dù đang giận, cũng không nên được cười thầm những lời than vãn của gã vác thuê. Nhưng không thêm để ý đến gã, nàng hỏi những người kia một lần nữa: “Hãy trả lời, hãy cho tôi biết các ngài là ai, nếu không các ngài chỉ còn sống được một chốc nữa mà thôi. Tôi không thể nào tin rằng các ngài là những người tử tế, các ngài không thể là những người quyền thế hoặc có uy tín ở nước các ngài cho dù đó là nước nào. Nếu không, các ngài đã biết tự kiềm chế và biết kính trọng chúng tôi hơn.”

Hoàng đế bản tính nóng nảy, còn đau khổ rất nhiều hơn tất cả những người kia, khi thấy tính mạng mình tùy thuộc vào mệnh lệnh của một người

đàn bà bị xúc phạm và bất bình một cách chính đáng. Lúc thấy nàng muốn biết rõ mấy người là ai, nhà vua ít nhiều có hy vọng vì nghĩ rằng một khi đã biết rõ địa vị của họ rồi, chắc hẳn nàng sẽ chẳng giết nào. Vì vậy, nhà vua rĩ tai tẻ tướng đang nằm sát bên cạnh mình, bảo nên nói rõ ngay chính ta là hoàng đế đây. Nhưng tẻ tướng vốn thận trọng và khôn ngoan, muốn cứu vớt danh dự của nhà vua. Ông không muốn lan truyền rộng rãi điều sỉ nhục lớn mà tự nhà vua chuốc lấy, chỉ trả lời: “Chúng tôi chỉ là những người bình thường.” Nhưng đến khi, để vâng lệnh hoàng đế, ông định trả lời thì Zôbêít không cho ông còn thì giờ nữa. Nàng đã quay sang ba khát sĩ, và trông thấy cả ba đều chột mắt, nàng hỏi họ có phải là ba anh em không.

Một chàng trả lời thay cho cả ba: “Thưa bà, không, chúng tôi không phải là anh em theo huyết thống, chúng tôi chỉ là anh em với tư cách là khát sĩ, tức là đồng đạo tự nguyện cùng tuân theo một lối sống như nhau.”

Zôbêít hỏi riêng một chàng:

- Có phải anh chột mắt từ lúc mới sinh?

- Thưa bà không, – chàng đáp – tôi bị chột vì một việc xảy ra hết sức kỳ lạ, mà nếu được ghi chép lại chắc chắn không một ai không cho là bổ ích. Sau câu chuyện không may ấy, tôi cho cạo râu và lông mày và mặc bộ quần áo này, tôi tự nguyện làm khát sĩ.

Zôbêít lại hỏi hai chàng kia câu hỏi trên. Họ cũng trả lời như người đầu. Chàng trả lời sau rốt còn nói thêm: “Thưa bà, để bà hiểu cho rằng chúng tôi không phải là những người tầm thường, may mà bà có sự nể vì hơn đối với chúng tôi chẳng, xin thưa để bà rõ rằng cả ba chúng tôi đều là hoàng tử. Mặc dù chúng tôi không hề quen biết nhau trước tối hôm qua, chúng tôi vẫn đủ thì giờ giới thiệu cho nhau rõ thân thế mình. Tôi xin mạo muội thưa để bà rõ là phụ vương chúng tôi cũng là những người có ít nhiều danh tiếng trên thế gian này.”

Nghe đến đây, nàng Zôbêít bốt giận. Nàng bảo các tên nô lệ: “Hãy nói tay cho họ một tí, nhưng chúng mày cứ đứng ở đây. Những người nào chịu kể cho chúng ta nghe chuyện về họ và nguyên nhân khiến họ vào nhà này, thì chúng mày đừng động đến, để cho họ được tùy ý muốn đi đâu thì đi. Nhưng chớ có tha cho kẻ nào khước từ không chịu tuân theo lời ta.”

Gã khuân vác khi hiểu rằng chỉ cần có việc nói chuyện của mình là có thể thoát khỏi một nỗi hiểm nghèo nghiêm trọng, liền cất tiếng trước tiên. Gã nói:

- Thưa bà, bà đã rõ chuyện của tôi và nguyên nhân đưa tôi đến đây rồi. Thế cho nên chuyện tôi sắp kể ra đây rất chóng vánh. Bà em gái của bà hiện có mặt kia, sáng nay gặp tôi ở quảng trường, vốn chuyên nghề khuân vác, tôi

đang ở đó xem có ai thuê mướn để kiếm sống qua ngày. Tôi đã đi theo bà đến một hàng bán rượu, một hàng bán rau, một hàng bán cam và chanh rồi đến một hàng bán hạnh đào, hạnh nhân, hạt dẻ và nhiều loại quả khác; sau lại đến một nhà làm mút kẹo và bán gia vị, từ đó đội cái sọt trên đầu nặng ơ là nặng, tôi đến thẳng nhà bà. Và các bà đã có lòng tốt cho phép tôi ở lại cho tới bây giờ. Đó là một cái ơn mà mãi mãi tôi không bao giờ quên. Chuyện của tôi vắn vẹn có thể.

Gã khuân vác nói xong, nàng Zôbêít hài lòng bảo gã: “Thôi chạy đi, đi đi cho khuất mắt, đừng để chúng ta nhìn thấy mày nữa!”

- Thưa bà, – gã khuân vác đáp – tôi xin bà cho phép tôi được tiếp tục ở lại đây. Sẽ không công bằng nếu sau khi đã cho những người khác niềm thích thú được nghe kể chuyện về tôi, tôi lại không được phép nghe họ kể chuyện về họ.

Vừa nói gã vừa ngồi xuống phía cuối chiếc sập, rất sung sướng thấy mình thoát được một mối tai họa vừa làm cho gã một phen hú vía. Sau gã, một trong ba khát sĩ cất lời. Hướng vào Zôbêít là người chị cả trong ba thiếu phụ, và là người ra lệnh bắt chàng nói, chàng bắt đầu kể chuyện về mình như sau:

CHUYỆN KHẮT SĨ THỨ NHẤT, CON VUA

Thưa bà, để bà rõ sao tôi chợt mất con mắt bên phải, và bởi lý do gì làm tôi nhập dòng khất sĩ, tôi xin thưa rằng tôi là con vua. Phụ vương tôi có một người anh cũng trị vì như Người ở một nước láng giềng. Bác tôi có hai người con, một hoàng tử và một công chúa. Hoàng tử và tôi cùng xấp xỉ tuổi nhau.

Khi tôi đã trưởng thành và được vua cha cho phép tự do xử sự, hằng năm tôi thường sang bên bác tôi, lưu lại triều đình của Người một vài tháng, rồi lại trở về sống bên cạnh cha tôi. Những cuộc viếng thăm ấy tạo cơ hội cho hoàng tử anh tôi và tôi gần bó với nhau bằng một tình bạn thăm thiết đặc biệt. Lần cuối cùng gặp tôi, hoàng tử tiếp tôi với những biểu hiện thân ái nhất chưa từng có. Một hôm, để chiêu đãi tôi, anh chuẩn bị cẩn thận khác thường. Chúng tôi ăn uống rất lâu, và khi đã mãn tiệc, anh bảo: “Chú ạ, chú sẽ không bao giờ đoán ra được từ chuyện chú sang đây lần trước cho đến nay tôi bận việc gì. Đã một năm nay, từ khi chú ra về, tôi cho một số lớn thợ thực hiện một ý đồ mà tôi hằng suy nghĩ. Tôi đã cho xây xong một lâu đài, nay đã có thể ở được. Thăm nơi đó, chú sẽ thấy thích cho mà xem. Song chú phải thề trước với tôi là sẽ giữ bí mật và phải trung thành. Đó là hai điều tôi đòi hỏi ở chú.

Tình bạn và tình họ hàng giữa chúng tôi xưa nay không cho phép tôi từ chối anh tôi điều gì. Vì vậy không chút do dự tôi thề đúng như anh mong muốn. Thế là anh bảo tôi: “Chú chờ đây một lát, tôi trở lại ngay.” Quả nhiên, anh không chậm trễ, chỉ một lát sau tôi đã thấy anh trở lại cùng một phụ nữ hết sức xinh đẹp, ăn mặc lộng lẫy. Anh tôi không cho tôi biết người phụ nữ ấy là ai, và tôi cũng nghĩ mình không có nhiệm vụ hỏi han về điểm đó.

Cùng người phụ nữ chúng tôi lại ngồi vào bàn tiệc, trò chuyện không đâu vào đâu và uống cạn những cốc rượu đầy chúc mừng sức khỏe lẫn nhau. Sau đó hoàng tử nói với tôi: “Chú ạ, chúng ta không nên để mất thời giờ, chú hãy vui lòng giúp tôi đưa phu nhân đây đi về phía nọ, đến một nơi chú trông thấy một ngôi mộ có vòm cao mới xây. Chú sẽ nhận ra dễ thôi. Cửa mộ đã mở sẵn. Hai người hãy vào trong đó chờ tôi. Tôi sẽ đến ngay.”

Trung thành với lời thề, tôi không muốn biết thêm. Tôi đưa tay ra cho người phụ nữ vịn, và theo những lời chỉ dẫn của hoàng tử anh tôi, tôi đưa nàng đi trôi chảy dưới ánh trăng, không lạc đường. Vừa đến ngôi mộ, chúng tôi đã thấy hoàng tử xuất hiện ngay phía sau. Anh mang theo một bình con đầy nước, một cái cốc và một túi nhỏ đựng vôi.

Anh dùng cốc phá cái ngạch rộng ở chính giữa ngôi mộ, dỡ ra từng phiến đá một và xếp một góc.

Dặt hết đá, anh đào đất và tôi thấy hiện ra một cánh cửa nắp: anh nâng

cánh cửa lên, tôi thoáng nhìn thấy dưới đó phần trên của một cầu thang xây bằng gạch. Lúc đó anh họ tôi quay sang nói với người phụ nữ: “Thưa phu nhân, đó là lối dẫn tới nơi tôi đã nói với phu nhân.” Nghe câu nói đó, người phụ nữ tiến đến và bước xuống cầu thang. Hoàng tử chuẩn bị đi theo, nhưng trước khi đi, anh quay sang bảo tôi: “chú ạ, tôi vô cùng biết ơn chú về việc chú vừa giúp. Xin cảm ơn! Vĩnh biệt.”

- Anh thân mến! – Tôi kêu lên. – Thế là thế nào?

- Thôi đủ rồi! – Anh đáp. – chú có thể theo con đường vừa đến đây mà trở về.

Tôi không thể nào hỏi thêm hoàng tử anh họ tôi một điều gì khác, và đành phải cáo từ. Trên đường về hoàng cung, tôi cảm thấy hơi rệu bốc lên đầu. Tuy vậy tôi cũng về đến buồng riêng và đi nằm. Sáng hôm sau, thức dậy, suy nghĩ về những điều đã xảy ra đêm trước, và nhớ lại mọi chi tiết của một câu chuyện phiêu lưu rất kỳ quặc, tôi ngỡ đây là một giấc mộng. Nghĩ như vậy, tôi cho người hỏi xem anh họ tôi đã tiếp khách chưa. Người ta cho biết đêm qua anh không ngủ ở nhà, không rõ anh đi đâu, mọi người đang rất lo lắng. Thế là tôi hiểu sự kỳ lạ về ngôi mộ đúng là sự thật quá hiển nhiên đi rồi. Tôi rất buồn. Và tránh không để ai trông thấy, tôi bí mật đến nghĩa địa công cộng, ở đây có vô vàn ngôi mộ giống như tôi đã thấy. Tôi để suốt cả ngày hôm ấy xem xét hết cái này đến cái khác, nhưng không thể nào nhận ra đúng cái tôi tìm. Suốt bốn ngày ròng rã, tôi tìm kiếm vô ích như vậy.

Cần phải nói rằng, trong thời gian ấy, bác tôi đi vắng. Người đi săn từ nhiều hôm trước, chờ đợi lâu sốt ruột quá, tôi nhờ các quan trong triều khi nào Người trở về xin lỗi hộ cho tôi, rồi tôi từ giã cung của vua bác để trở về triều đình cha tôi. Ít khi tôi vắng nhà lâu như vậy. Các quan trong triều bác tôi rất lo âu, không biết hoàng tử ra sao. Nhưng để khỏi vi phạm lời thề giữ bí mật cho anh, tôi không dám làm cho họ thôi băn khoăn, tôi không hé răng với họ một tí gì về những điều mình biết. Tôi về đến kinh đô của phụ vương. Nhưng trái với lệ thường, vừa đến cổng hoàng cung, tôi thấy một đội cảnh vệ lớn xúm đến bao vây, ngay khi tôi định bước vào thành. Tôi hỏi lý do, viên quan trả lời: “Thưa hoàng tử, quân đội đã phò tể tướng lên trị vì thay phụ vương ngài hiện nay không còn nữa. Theo lệnh tân vương, tôi xin bắt giữ ngài.”

Đến đây, bọn cảnh vệ túm lấy tôi và dẫn tôi đến trước mặt tên ác vương.

Thưa bà, xin bà hãy hình dung sự ngạc nhiên và nỗi đau khổ của tôi lúc bấy giờ. Tên tể tướng phiến loạn ấy từ lâu vốn nung nấu một mối hận thù sâu sắc đối với tôi. Nguyên nhân là thế này: Hồi còn niên thiếu, tôi thích bắn cung. Một hôm đứng trên một sân thượng trong cung, tôi tập bắn. Nhưng mũi tên không trúng con chim mà vô tình lại trúng vào mắt viên tể tướng lúc

ấy đang đứng hóng mát trên sân thượng nhà ông ta, làm ông ta hóng mát. Khi được biết điều không may ấy, tôi vội cho người đến xin lỗi và tự tôi cũng thân hành đến chịu lỗi. Nhưng hắn vẫn căm thù sâu sắc, hễ có dịp là lộ ra. Khi tôi sa vào tay hắn rồi, thì mỗi hận thù của hắn bật ra một cách dã man.

Thoạt nhìn thấy tôi, hắn xông đến như một thằng điên. Thọc ngón tay vào mắt phải tôi, hắn móc mắt tôi. Đây là căn nguyên vì sao mà tôi trở nên chột mắt.

Nhưng tên tiếm quyền không hạn chế sự độc ác của hắn ở đây. Hắn sai nhốt tôi vào một cái hòm và ra lệnh cho đao phủ cứ như vậy mang tôi đi thật xa ra ngoài hoàng cung, chặt đầu rồi vứt xác cho điều tha quạ mổ.

Tên đao phủ cùng đi với một người nữa cưỡi ngựa mang theo cái hòm, họ dừng lại giữa một cánh đồng để thi hành mệnh lệnh của tên vua tàn bạo. Nhưng tôi van xin và kêu khóc dữ quá, làm gã động lòng. “Hãy đi đi! – Gã bảo tôi. – Hãy đi nhanh ra khỏi nước này và coi chừng chớ có bao giờ quay trở lại! Nếu trở lại, anh không những có thể chết mà còn gây nên cái chết cho tôi.” Tôi cảm tạ anh về cái ơn to lớn ấy. Và khi chỉ còn lại một mình, tôi tự an ủi là tuy mình có bị mất đi một mắt thật đấy, nhưng lại tránh được một tai họa còn lớn lao hơn.

Trong tình cảnh của tôi lúc ấy, tôi không thể đi được nhiều đường đất. Ban ngày tôi ẩn nấp vào những nơi vắng vẻ, ban đêm mới ra đi cho đến chừng nào còn hơi sức. Cuối cùng tôi cũng đến được nước của bác tôi.

Tôi kể chi tiết cho bác tôi nghe nguyên nhân bị thảm khiến tôi quay trở lại và tình cảnh đáng buồn của tôi lúc ấy. “Than ôi! – Bác tôi kêu lên. – Mất một đứa con trai còn chưa đủ ư? Sao ta lại phải nghe tin một người em thân yêu qua đời và phải trông thấy một đứa cháu trong tình trạng thảm thương thế này!” Người tỏ ra rất lo âu vì không nhận được tin tức gì về hoàng tử. Người cha đau khổ ấy nói chuyện với tôi mà nước mắt như mưa. Sự đau buồn của Người khiến tôi không sao chịu nổi. Dù có thể với hoàng tử anh họ tôi như thế nào, tôi vẫn thấy không thể còn giữ im lặng được nữa. Tôi kể cho bác tôi nghe tất cả những điều tôi được biết.

Nghe tôi nói, nhà vua như cũng được an ủi ít nhiều. Khi tôi nói xong, Người bảo: “Cháu ạ, chuyện cháu kể đưa lại cho bác ít nhiều hy vọng. Bác có biết là anh cháu cho xây cái lăng ấy, và bác cũng biết đại khái nó ở vào chỗ nào. Cộng với những điều cháu còn nhớ, bác tin rằng chúng ta sẽ tìm ra được. Nhưng, bởi vì anh cháu bí mật làm việc đó và yêu cầu cháu giữ kín, cho nên ý kiến bác là chỉ có hai chúng ta đi tìm chỗ đó thôi, để tránh chuyện vỡ lở ồn ào.” Còn một lý do nữa mà Người không nói ra, vì sao Người không muốn cho thiên hạ biết chuyện. Đây là một lý do rất quan trọng, phần

tiếp sau của câu chuyện tôi đang kể đây sẽ cho bà thấy rõ.

Hai bác cháu tôi đều cải trang, và ra khỏi hoàng cung bằng một cửa ngách phía sau vườn, thông ra cánh đồng. Chúng tôi may mắn tìm được nơi cần tìm. Tôi nhận ra cái lãng, và càng lấy làm sung sướng bởi vì đã từng tìm kiếm nó mất bao công mà không thấy. Chúng tôi đi vào lãng và tìm được ra cái nắp bằng sắt chẹn lối xuống cầu thang, chúng tôi nâng nó lên rất khó nhọc bởi vì hoàng tử đã dùng võ và nước mà tôi từng nói đến, trát kỹ từ bên trong. Nhưng cuối cùng rồi chúng tôi cũng nhấc cánh cửa lên được. Bác tôi xuống trước. Tôi đi theo Người, chúng tôi bước xuống chừng năm mươi bậc. Xuống hết cầu thang, chúng tôi vào một gian giống như phòng đợi, dày đặc khói và hơi hám. Khói làm cho ánh sáng tỏa ra từ một chùm đèn treo rất đẹp lu mờ hẳn đi.

Từ phòng đợi ấy, chúng tôi sang một căn phòng khá rộng, có những cột lớn và được nhiều chùm đèn treo khác chiếu sáng. Chính giữa phòng là một cái thùng chứa; ở một góc thùng có xếp nhiều thức ăn dự trữ. chúng tôi ngạc nhiên không hề thấy bóng người. Trước mặt có một cái bục khá cao, phải trèo mấy bậc mới lên tới, và trên bục hình như có đặt một cái giường khá rộng buông rèm kín mít. Nhà vua bước lên, mở màn và trông thấy hoàng tử và người phụ nữ ngủ với nhau, nhưng thân thể đã bị đốt cháy thành than, như thể có ai ném họ vào một lò lửa lớn rồi lôi ra kịp trước khi bị thiêu hủy hoàn toàn.

Điều làm cho tôi ngạc nhiên hơn hết là trước cảnh tượng kinh tởm ấy, bác tôi đã không tỏ ra buồn đau khi trông thấy con trai trong tình trạng thảm thương. Ngược lại bác còn nhổ nước bọt vào mặt anh ta, và nói giọng bất bình: “Sự trừng phạt trên thế gian này là như thế đó; nhưng sự trừng phạt ở thế giới bên kia còn sẽ kéo dài vĩnh viễn.” Chưa vừa lòng với câu nói ấy, nhà vua còn rút dép cầm tay đập mạnh vào má con trai.

Thưa bà, tôi không thể nào diễn tả nổi sự kinh ngạc của tôi khi thấy bác tôi ngược đãi hoàng tử như vậy sau khi anh đã qua đời.

“Tâu bệ hạ, – tôi nói – cho dù cảnh tang tóc này có gây nên đau đớn đến đâu, cháu cũng cố nén để xin bệ hạ cho biết anh cháu đã phạm tội gì đến nỗi bệ hạ đối xử như vậy đối với thi hài anh?”

- Cháu ơi, bác có thể nói với cháu là con trai bác không xứng đáng được mang tên gọi đó. Nó yêu em gái nó từ tuổi thơ ngây và được em gái nó cũng yêu trở lại. Bác đã không phản đối mối tình thân mật khi nó vừa nảy nở, bác không ngờ hết điều xấu có thể xảy ra. Ai mà có thể dự kiến được điều đó? Mối tình ấy tăng lên cùng với tuổi và đạt tới một điểm mà bác lo sợ có thể xảy ra hậu quả không hay. Trong phạm vi quyền lực của bác, bác đã tìm cách ngăn ngừa. Không chỉ bằng lòng gọi riêng anh con ra và rầy la gay gắt,

bác còn vạch cho nó thấy sự kinh tởm của mối tình mà nó đang say đắm và vết nhục muôn đời mà nó bắt gia đình ta phải chịu, nếu nó cứ nhắm mắt lao theo những tình cảm tội lỗi. Bác lại nói những điều đó với con gái bác rồi bắt nó phải cầm cung không cho liên hệ với anh trai nó. Nhưng con khôn nạn đã ăn phải bả độc rồi, cho nên tất cả những trở lực mà bác thận trọng tạo ra để ngăn cách mối tình của chúng chỉ càng kích thích thêm chúng lao vào con đường tội lỗi mà thôi.

Con trai bác tin chắc là em gái nó đối với nó vẫn như trước đây. Việc có xây lăng cho mình, nó cho sửa soạn một chỗ ở dưới đất, với niềm hy vọng là một ngày kia sẽ có dịp bắt cô người yêu tội lỗi của mình và đưa đến đấy. Nó đã chọn thời gian bác đi vắng để dùng vũ lực xông vào nơi cấm cung em gái nó, và đây là một chuyện mà danh dự của bác không cho phép bác công bố. Sau một hành động đáng chê trách như vậy, hai đứa đã cùng nhau đến ẩn ở chốn này. Như cháu đã thấy, nó đã chuẩn bị nhiều thức ăn, để cùng nhau hưởng thụ mối tình đáng khinh bỉ đang làm tất cả mọi người ghê tởm. Nhưng Thượng đế không muốn để cho sự bỉ ổi ấy xảy ra. Thượng đế đã trừng phạt đúng đắn cả hai.

Kể đến đây, nhà vua bật khóc như mưa, và tôi cũng khóc với Người.

Lát sau, Người ngược mắt nhìn tôi: “Nhưng, cháu thân yêu ơi, – bác tôi vừa nói vừa ôm hôn tôi – nếu bác có mất đi một đứa con trai không xứng đáng, thì bác sung sướng tìm được ở cháu một người tốt hơn để thay thế nó.” Những điều suy nghĩ của bác tôi về cái chết buồn thảm của hoàng tử và công chúa làm cho chúng tôi một lần nữa đầm đìa nước mắt.

Chúng tôi leo lên cầu thang cũ và cuối cùng ra khỏi chốn chết chóc ấy. Chúng tôi hạ cánh cửa nắp bằng sắt xuống, lấy đất và những vật liệu dùng để xây dựng ngôi mộ, lấp kín lại như cũ, để cố gắng che giấu hậu quả khủng khiếp mà cơn thịnh nộ của Thượng đế đã đưa lại.

Chúng tôi trở về cung. Không một ai hay biết là chúng tôi vừa vắng mặt. Nhưng chưa được bao lâu thì bỗng nghe ồn ào tiếng kèn đồng, tiếng thanh la, trống trận cùng những khí cụ chiến chinh khác. Một đám bụi dày tủa đặc không trung, làm cho chúng tôi hiểu ngay ra được đó là tiếng gì, nó báo hiệu một đạo quân ghê gớm đang tiến đến gần. Đó chính là đạo quân của viên tướng đã phế truất cha tôi và chiếm đoạt quốc gia của Người, nó đang dẫn muôn vàn binh mã tiến đến đây, hòng chiếm đoạt cả quốc gia của bác tôi nữa.

Nhà vua lúc bấy giờ chỉ có đội cận vệ bình thường, không thể kháng cự bấy nhiêu kẻ thù. Chúng nó vây thành, và chẳng khó khăn gì mà không làm chủ thành phố bởi vì các cổng thành đều để ngỏ không kháng cự. Chúng cũng chẳng tốn công sức bao nhiêu khi tiến vào hoàng cung. Bác tôi chống

cự nhưng bị giết chết sau khi đã gây cho địch nhiều thiệt hại. Về phần tôi, tôi cũng chiến đấu một thời gian, nhưng nhận thấy cần phải lùi bước trước sức mạnh, tôi đành phải nghĩ tới chuyện thoát thân. Tôi may mắn thoát được nhờ chạy vào những lối ngoặt, và đến được nhà một võ quan mà tôi biết rõ lòng trung thành.

Bị đau khổ giày vò và số mệnh đầy đọa, tôi đành phải nhờ tới một cái mẹo nó là phương sách cuối cùng giúp cho tôi bảo toàn tính mạng. Tôi cho cạo râu và lông mày, rồi sau khi mặc áo quần khất sĩ, tôi thoát ra khỏi thành phố mà không bị ai nhận diện. Sau đó tôi rời vương quốc của bác tôi một cách dễ dàng qua những nẻo đường hẻo lánh. Tôi tránh không đi qua các thành phố cho đến khi tới được bờ cõi của Đấng thống lĩnh hùng mạnh của mọi tín đồ, hoàng đế Harun An-Rasít quang vinh và nổi tiếng thì tôi mới hết sợ. Tôi tự hỏi nên làm gì bây giờ và đi tới quyết định là sẽ đến Bátđá phủ phục dưới chân vị đế vương vĩ đại ấy, người mà đâu đâu người ta cũng đều ca ngợi lòng khoan dung độ lượng. Tôi tự nhủ: “Người sẽ cảm động khi ta kể lại một câu chuyện kỳ lạ của ta. Có lẽ Người sẽ đem lòng thương hại một hoàng tử tội nghiệp và ta sẽ không đến nỗi uổng công cầu khẩn sự giúp đỡ của Người.”

Sau một chuyến đi kéo dài nhiều tháng, hôm nay tôi đến trước cổng thành phố này. Tôi vào thành vào lúc xế chiều. Đang dừng chân chốc lát cho tĩnh trí và để suy nghĩ xem đi về hướng nào, thì chàng khất sĩ bên cạnh tôi đây cũng vừa đến như một khách du. Anh chào tôi, tôi đáp lễ. Trong lúc chúng tôi đang nói thì chàng khất sĩ thứ ba mà các vị thấy kia chợt đến. Anh ta chào chúng tôi và cho biết anh cũng là người xứ khác vừa mới đến Bátđá. Vì cùng một dòng tu, chúng tôi kết bạn và quyết định sẽ không rời nhau.

Lúc ấy đêm đã muộn rồi, chúng tôi không biết trọ ở đâu trong một thành phố chưa quen thuộc và cũng chưa một ai từng đặt chân đến bao giờ. Nhưng số phận may mắn đưa chúng tôi đến trước cửa nhà quý bà, chúng tôi đánh bạo gõ cửa và được tiếp đón với biết bao nhân từ và độ lượng mà chúng tôi không biết nói thế nào để cảm ơn. Thừa bà, – chàng nói tiếp – đây là câu chuyện mà bà truyền cho tôi thuật lại. Vì sao tôi bị chột mắt bên phải, do đâu râu và lông mày tôi đều được cạo nhẵn và tại sao lúc này tôi có mặt tại nhà bà.

- Được, – Zôbêit nói – chúng ta hài lòng, giờ anh muốn đi đâu thì tùy.

Chàng khất sĩ xin lỗi và xin phép ở lại để được nghe chuyện về hai bạn đồng đạo mà chàng nói là không thể nào bỏ lại, và chuyện về ba vị khác trong buổi gặp mặt hôm nay.

Mọi người, đặc biệt là hoàng đế, đều cho chuyện của khất sĩ thứ nhất là kỳ lạ. Sự có mặt của những tên nô lệ đang cầm gươm cũng không ngăn được

nhà vua rĩ tai tể tướng: “Từ khi có trí khôn, ta đã nghe rất nhiều chuyện, song chưa bao giờ nghe được một chuyện nào có thể sánh với chuyện chàng khát sĩ kia.”

Trong khi nhà vua nói như vậy thì chàng khát sĩ thứ hai cất lời, nói với Zôbêít.

CHUYỆN KHẮT SĨ THỨ HAI, CON VUA

Thưa bà, tuân lệnh bà, để trình bày bà rõ do một sự kiện kỳ lạ nào mà tôi trở nên chột mắt bên phải, xin cho tôi được thuật lại câu chuyện về cả cuộc đời tôi.

Tôi vừa hết tuổi ấu thơ thì vua cha tôi – vì, như bà sẽ rõ, tôi sinh ra vốn là hoàng tử, nhận thấy tôi rất thông minh cho nên không hề tiếc sức nâng cao trí lực của tôi. Cha tôi cho triệu từ khắp nơi trong nước đến ở cùng tôi tất cả những ai thông thạo nhất về khoa học, văn chương và nghệ thuật. Tôi chưa thật đọc thông viết thạo đã thuộc lòng toàn bộ kinh Côran, cuốn sách tuyệt diệu chứa đựng cơ sở các giáo huấn và mọi quy tắc của tôn giáo ta. Và để am tường kinh thánh đến nơi đến chốn, tôi đọc các tác phẩm của những tác giả được hoan nghênh nhất và làm sáng tỏ thêm thánh kinh bằng những bài nghiên cứu của mình. Ngoài sách vở, tôi còn học hỏi những lời truyền miệng mà những con người vĩ đại cùng thời với Đấng tiên tri của chúng ta đã nghe được và lưu truyền hậu thế. Không thỏa mãn là không còn có gì liên quan đến tôn giáo ta mà mình chưa am hiểu, tôi đặc biệt nghiên cứu môn lịch sử, đi sâu vào văn học, đọc thơ và làm thơ. Tôi say mê môn địa lý, khoa sử biên niên, cách vận dụng nhuần nhị ngôn ngữ, đồng thời không vì vậy mà lơ là các môn võ nghệ cần thiết cho một hoàng tử.

Nhưng, một môn tôi rất yêu thích và thành công hơn cả là môn viết chữ Ả Rập chúng ta. Tôi học hành tiến bộ nhanh đến nỗi vượt cả các nhà thư pháp bậc thầy có tên tuổi nhất ở vương quốc chúng tôi lúc bấy giờ.

Sự nổi tiếng đưa lại cho tôi quá nhiều vinh dự hơn phần tôi đáng được hưởng. Không những tiếng đồn về tài năng của tôi lan truyền trong các miền thuộc đất nước của vua cha tôi mà còn lan sang tận bên triều đình nước Ấn Độ. Nhà vua hùng mạnh của nước này hiếu kỳ muốn được gặp tôi, liền sai sứ thần mang theo nhiều tặng phẩm đến nói với cha tôi. Phụ vương tôi rất lấy làm hài lòng về thái độ ấy bởi nhiều lẽ. Người cho rằng không có gì thích hợp hơn cho một hoàng tử vào tuổi tôi được đến triều đình các nước ngoài. Hơn nữa Người vốn mong muốn gây dựng tình hữu nghị với hoàng đế Ấn Độ. Vì vậy tôi lên đường cùng sứ thần nhưng với ít tùy tùng thôi, bởi vì đường xá xa xôi diệu vợi và đầy trở ngại khó khăn.

Chúng tôi đi được một tháng thì một hôm bỗng trông thấy đằng xa bụi cát cuộn lên tựa một đám mây lớn. Dưới đám mây ấy chẳng bao lâu xuất hiện năm chục kỵ sĩ vũ trang đầy đủ. Đây là những tên cướp đang phi nước đại về phía chúng tôi.

Chúng tôi chỉ có mười con ngựa chở hành lý và những quà tặng của cha tôi mà tôi sẽ dâng lên hoàng đế nước Ấn Độ. Đoàn chúng tôi lại ít người, vì

vậy chắc bà đã rõ bọn cướp không ngần ngại gì mà không xông đến. Không có điều kiện dùng vũ lực đối phó, chúng tôi đành nói cho bọn cướp rõ rằng chúng tôi là sứ thần của hoàng đế Ấn Độ, hy vọng bọn chúng vì kính nể Người mà không dám giở trò gì. Chúng tôi nghĩ như vậy may ra có thể cứu được đoàn và sinh mạng chúng tôi. Nhưng bọn cướp trả lời hỗn xược: “Sao các người lại muốn cho bọn ta kính sợ hoàng đế chúa tể của các người nhỉ? Bọn ta không phải là thần dân của lão, thậm chí cũng không ở trên đất đai của lão nữa.”

Dứt lời, chúng vây chặt và tiến công chúng tôi. Tôi cố gắng kháng cự thật lâu. Nhưng nhận ra mình đã bị thương và nhìn thấy sứ thần, các gia nhân của ông cũng như đoàn tùy tùng của tôi đều bị giết hại, tôi liền lợi dụng sức tàn của con ngựa cũng đã bị thương nặng, để chạy trốn. Tôi thúc ngựa chạy bừa chừng nào nó còn mang nổi tôi. Nhưng đột nhiên nó khụy xuống và lăn ra chết thẳng cẳng vì quá mệt và mất quá nhiều máu. Tôi mau chóng bỏ ngựa. Ngoái nhìn lại thấy không có ai đuổi theo, tôi hiểu rằng bọn cướp không muốn rời xa những của cải chúng vừa cướp được.

Thế là, thưa bà, bỗng chốc tôi trở thành đơn độc, bị thương, không được ai cứu giúp, ở một xứ sở hoàn toàn xa lạ. Tôi không dám đi đường cái, sợ lại rơi vào tay bọn cướp. Sau khi băng bó vết thương cũng không lấy gì làm nguy hiểm, tôi đi bộ suốt ngày hôm ấy và đến chân một quả núi. Nhìn thấy ở lưng chừng núi có một cửa hang, tôi vào đấy và ngủ đêm khá bình yên, sau khi ăn mấy trái cây hái dọc đường. Hôm sau và những ngày tiếp sau nữa, tôi tiếp tục đi mà không tìm được chỗ nào để dừng chân. Nhưng chừng một tháng, tôi đến được một thành phố lớn rất đông dân, có nhiều con sông chảy qua. Ở đây, hầu như mùa xuân là bất tận.

Cảnh vật đẹp mắt làm cho tôi vui lên một chút. Tạm thời tôi lãng quên nỗi buồn da diết khi thấy thân phận mình ra nông nổi này. Mặt mũi tay chân tôi đều đen sạm vì nắng cháy. Giày dép đã hỏng vì đi bộ lâu, tôi phải đi chân đất. Thêm nữa, quần áo đều rách tươm như xơ mướp.

Tôi vào thành phố để thăm dò xem thử mình đang ở xứ nào. Tôi hỏi một bác thợ may đang làm việc ở cửa hiệu. Thấy tôi còn trẻ và có một vẻ gì đó khác với hình dạng bên ngoài, bác bảo tôi ngồi xuống cạnh bác. Rồi bác hỏi tôi là ai, từ đâu đến và tại sao lại đến đây. Tôi thuật lại không chút giấu giếm những điều đã xảy ra cho mình. Và tôi cũng chẳng do dự gì mà không nói rõ địa vị của tôi.

Bác thợ may chăm chú nghe. Tôi vừa dứt lời, đáng lẽ đem lại cho tôi niềm an ủi, bác lại làm tăng thêm nỗi buồn lo. Bác nói: “Cậu hãy chú ý chớ có tâm sự với ai điều cậu vừa cho tôi biết, bởi vì nhà vua trị vì xứ này là kẻ thù không đội trời chung với phụ vương cậu đấy. Có thể nhà vua sẽ tìm cách

hăm hại cậu nếu biết cậu đã đến thành phố này.”

Tôi không chút nghi ngờ tấm lòng thành thật của bác thợ may, khi bác nói cho tôi rõ tên nhà vua. Nhưng bởi vì mối hiềm thù giữa vua cha tôi với ông ta không có liên quan gì đến cảnh ngộ của tôi, thưa bà, tốt hơn là tôi sẽ không nói gì về chuyện ấy.

Tôi cảm ơn bác thợ may về lời khuyên của bác và nói thêm rằng tôi hoàn toàn làm theo lời bác dặn. Tôi sẽ không bao giờ quên niềm hân hoan được gặp bác. Thấy chắc là tôi đang đói, bác sai dọn cho tôi ăn và còn cho tôi được nghỉ lại ở nhà nữa, tôi nhận lời.

Mấy ngày sau, thấy tôi đã hơi lại sức sau chuyến đi lâu dài và vất vả, và biết là phân đông các ông hoàng theo đạo Hồi ta đều có học một môn nghệ thuật hay một nghề nghiệp nào đó, phòng những lúc gặp vận không may thì dùng tới nếu cần, bác hỏi tôi có biết được một nghề nào khả dĩ kiếm sống qua ngày mà chẳng cần nhờ vả ai hay không. Tôi đáp tôi thạo khoa này môn nọ, rằng tôi là nhà ngữ pháp, là nhà thơ v.v... và nhất là tôi viết chữ rất tốt. “Với tất cả những điều cậu vừa nói đó, – bác đáp – ở xứ này cậu sẽ không kiếm ra nổi một mẩu bánh bỏ vào mồm đâu. Không có gì vô tích sự hơn là những hiểu biết đại loại như cậu vừa nói tới. Nếu cậu chịu nghe lời khuyên của tôi, thì cậu hãy mặc một chiếc áo cộc. Trông cậu cũng có vẻ cường tráng và có sức khỏe tốt, cậu hãy đi vào khu rừng bên cạnh nhà đồn củi, mang về bày ra chợ bán, tôi đảm bảo rằng cậu sẽ thu được một món tiền nho nhỏ đủ sống qua ngày mà chẳng cần nhờ vả ai. Bằng cách ấy, cậu có thể chờ đến lúc trời nhìn lại mà xua tan cái đám mây vận hạn nó đang phá ngang hạnh phúc cuộc đời cậu, buộc cậu phải giấu giếm dòng dõi của mình. Tôi lo việc xoay cho cậu một sợi thừng và một cái rìu.”

Vì sợ người ta nhận ra và vì cũng cần phải sống, tôi đành đồng ý làm việc đó mặc dù nó thấp hèn và vất vả.

Ngay ngày hôm sau, bác thợ may sắm cho tôi một cái rìu và một sợi dây cùng một chiếc áo cộc. Bác lại gửi gắm tôi cho những người dân nghèo chuyên kiếm sống bằng nghề đồn củi, yêu cầu họ cho tôi theo cùng. Họ đưa tôi vào rừng. Ngay hôm đầu, tôi đã trở về, đầu đội một bó củi lớn, bán lấy được nửa đồng tiền vàng địa phương. Mặc dù rừng không xa lắm nhưng ở thành phố này củi không phải là không đắt bởi ít ai chịu khó cất công đi làm nghề đồn củi. Chỉ một thời gian ngắn, tôi kiếm được nhiều tiền đủ hoàn lại cho bác thợ may món tiền bác đã ứng trước cho.

Tôi sinh sống bằng cách ấy hơn một năm thì một hôm, tôi đi vào rừng sớm hơn thường lệ. Tôi đến một nơi khá đẹp mắt và bắt đầu chặt củi. Nhân bứt một cái rễ cây, tôi chợt nhận ra một cái vòng sắt buộc vào một cánh cửa nắp cũng làm bằng cùng thứ kim loại ấy. Tôi liền gỡ hết đất phủ lên trên và

nâng cánh cửa lên. Trông thấy một chiếc cầu thang, tôi vác rìu bước xuống.

Xuống đến chân cầu thang, tôi thấy mình ở trong một cung điện lớn sáng sủa như thể đang ở trên mặt đất vào nơi trống trải nhất, điều này làm cho tôi rất khâm phục. Tôi đang đi trong một hành lang có những hàng cột bằng đá hoa vân, chân cột và đầu cột làm bằng vàng khối, thì trông thấy một người đàn bà bước tới. Dáng điệu nàng cao quý, ung dung và xinh đẹp kỳ lạ đến nỗi tôi không thiết ngắm nghía vật gì khác nữa ngoài việc dán mắt nhìn nàng mà thôi.

Để tránh cho người đẹp khỏi mất công bước đến tận chỗ mình, tôi vội vàng tiến lên để gặp nàng. Và trong khi tôi cúi chào rất thấp, nàng hỏi: “Chàng là ai? Là người trần hay là thần thánh?”

- Thưa bà, tôi là người trần, tôi chẳng có quan hệ gì với thần thánh cả.

- Tại làm sao chàng đến được nơi đây? – Nàng hỏi tiếp, miệng thở dài não nuột. – Tôi ở chốn này đã hai mươi lăm năm, mà suốt thời gian ấy tôi chưa hề trông thấy một người trần nào, trừ có chàng lần này là một.

Sắc đẹp lộng lẫy, sự dịu dàng và vẻ trung hậu trong cách nàng đón tiếp giúp cho tôi đủ can đảm để trả lời: “Thưa bà, trước khi tôi được vinh hạnh giải đáp mỗi băn khoăn của bà, xin cho phép tôi thưa với bà rằng tôi vô cùng vui thú trước sự kỳ ngộ này. Đây là một cơ hội giúp tôi khuây khỏa nỗi buồn đau của mình và có lẽ là một cơ hội để làm cho bà được sung sướng hơn trong chuỗi ngày đang sống.” Tôi kể qua cho nàng biết, do một tai nạn không may như thế nào mà một hoàng tử như tôi lại đến nỗi lâm vào cảnh này, và sự tình cờ ra làm sao lại dẫn đến cho tôi khám phá được lối vào cái nhà tù trắng lệt nhưng chắc là buồn chán, để được gặp nàng.”

- Than ôi, thưa hoàng tử, – nàng lại thở dài – chàng nói rất có lý khi cho rằng cái nhà tù sang trọng và xa hoa này đúng là một nơi trú ngụ rất chán chường. Khi người ta buộc phải sống ở một nơi trái với ý muốn của mình thì những chốn hoa lệ nhất cũng chẳng ai thích thú. Chàng đã từng bao giờ nghe danh vua Epitimarút vĩ đại, chúa đảo Gổ Mun chưa nhỉ? Sở dĩ có cái tên gọi đó là vì hòn đảo này sản sinh rất nhiều loại gỗ quý ấy. Tôi là công chúa con của Người. Vua cha tôi đã gả tôi cho một hoàng tử có họ hàng xa xôi với tôi. Nhưng ngay đêm tân hôn, giữa lúc triều đình và cả kinh thành vương quốc đảo Gổ Mun đang tung bừng mở hội mừng thì một hung thần đã bắt cóc tôi trước khi tôi được gặp mặt chồng. Lúc ấy tôi ngất đi, hoàn toàn bất tỉnh nhân sự. Khi tỉnh dậy đã thấy mình ở trong lâu đài này. Một thời gian dài không có gì có thể an ủi nổi tôi. Nhưng rồi thời gian và sự cần thiết bắt buộc, tôi cũng phải quen dần và cam chịu sự có mặt của lão hung thần. Như đã nói với chàng, đã hai mươi lăm năm tôi sống ở chốn này. Có thể nói tôi có đầy đủ tất cả những gì cần thiết cho cuộc sống, tất cả những gì đủ làm vừa lòng một

công chúa chỉ thích chung diện và điểm trang như tôi.

Cứ mười ngày một lần, – công chúa nói tiếp – lão hung thần đến ở với tôi một đêm, lão không ở lâu hơn vì theo lời lão, lão đã có vợ. Nếu vợ lão biết được lão không chung thủy thì sẽ nổi cơn ghen. Tuy vậy, nếu tôi cần gặp lão, bất kể ngày hay đêm, tôi chỉ cần động đến một lá bùa đặt ở cửa buồng là lão hiện ra ngay tức khắc. Lão vừa đến cách đây bốn ngày, như vậy còn sáu ngày nữa tôi mới lại gặp lão. Do đó chàng có thể ở lại đây năm ngày để làm bạn với tôi nếu chàng vui lòng. Tôi sẽ xin hầu hạ xứng đáng với phẩm giá và địa vị của chàng.

Tôi tự cho mình quá ư hạnh phúc, chưa cầu xin đã được toại nguyện, thì còn lẽ nào lại đi khước từ một lời mời mọc ân cần đến vậy. Công chúa đưa tôi vào một buồng tắm cực kỳ sạch sẽ, đầy đủ tiện nghi và vô cùng sang trọng. Khi tôi tắm xong thì ở chỗ tôi để quần áo đã thấy có sẵn một bộ khác rất đắt tiền. Tôi mặc bộ này không phải vì nó quý báu mà chính là để cho xứng đáng hơn với nàng. Chúng tôi cùng ngồi xuống một cái sân trải một tấm thảm sang trọng có để sẵn những chiếc gối tựa bọc gấm hoa Ấn Độ loại đẹp nhất. Một lát sau, nàng dọn lên bàn nhiều món ăn ngon. Chúng tôi cùng dùng bữa, và suốt ngày hôm ấy sống với nhau rất thú vị. Đêm đến, tôi chung chăn gối cùng nàng. Ngày hôm sau vì muốn tìm mọi cách làm cho tôi vui, trong bữa ăn nàng mang ra một chai rượu lâu năm loại ngon chưa từng có, và chiều lòng tôi, nàng cũng uống cùng tôi mấy chén. Khi hơi men rượu quý đã bốc lên đầu, tôi bảo nàng: “Công chúa xinh đẹp ơi, nàng bị chôn sống ở đây quá lâu rồi. Nàng hãy đi theo tôi, hãy lên hưởng ánh sáng mặt trời thật, mà nàng đã bị cấm không nhìn thấy từ bao năm nay. Hãy bỏ lại đây thứ ánh sáng giả dối của chốn này.”

- Thừa hoàng tử, – nàng mỉm cười đáp – xin chàng đừng nói thế. Em chẳng thiết gì ánh sáng ban ngày đẹp đẽ nhất trần gian, miễn là cứ mười ngày chàng sống với em chín ngày và nhường ngày thứ mười cho lão hung thần.

- Thừa công chúa, tôi biết vì sợ lão hung thần nên nàng nói ra như vậy. Còn tôi, tôi chẳng sợ gì lão ấy đâu. Tôi có thể đập nát vụn cái bùa yêu mang những dòng chữ loằng ngoằng của lão kia. Lão cứ đến đây, tôi chờ lão. Lão có dũng mãnh, có ghê gớm bao nhiêu tôi cũng quyết cho lão biết sức mạnh của cánh tay này. Tôi sẽ tiêu diệt cả bọn hung thần ác quỷ ở trên đời, bắt đầu từ lão.

Công chúa biết rõ hậu quả của việc đó cho nên van xin tôi chớ có động đến cái bùa. Nàng nói: “Chàng làm như vậy sẽ mang lại cái chết cho cả đôi ta. Em biết rõ bọn hung thần hơn chàng nhiều.” Hơi men ngấm không cho tôi nhận thức được lời khuyên có lý của công chúa. Tôi co chân đạp mạnh vào

cái bùa, làm nó vỡ tan tành nhiều mảnh.

Cái bùa vừa bị đập vỡ, lập tức cả tòa lâu đài rung chuyển, tưởng chừng sắp đổ tới nơi, phát ra những tiếng ầm ầm khủng khiếp tựa sấm rền kèm theo nhiều tia chớp dồn dập trong bóng tối mịt mù. Tiếng ầm ầm kinh khủng đó làm tan ngay hơi men và cho tôi thấy rõ, nhưng quá muộn mất rồi, sai lầm vừa mắc phải. Tôi kêu lên: “Thế là thế nào, thưa công chúa?” Nàng hốt hoảng trả lời, không nghĩ tới tai họa sẽ xảy đến cho bản thân mình: “Hỡi ôi! chàng sẽ chết mất thôi nếu chàng không chạy trốn ngay đi.”

Tôi làm theo lời khuyên của nàng, và khiếp đảm quá đến nỗi bỏ quên lại chiếc rìu và đôi dép. Tôi vừa ra được đến cầu thang mà tôi xuống hôm trước, thì tòa lâu đài yêu quái mở ra để lão hung thần vào. Lão giận dữ hỏi công chúa: “Cô làm sao thế và tại sao phải gọi đến ta?”

Công chúa đáp: “Một cơn đau tim buộc em phải đi tìm chai rượu mà ngài trông thấy đây: em đã uống vài ba chén, chẳng may một bước hụt chân khiến em ngã vào chiếc bùa làm nó vỡ. Chẳng có chuyện gì khác đâu.”

Nghe câu trả lời ấy, lão hung thần giận dữ bảo nàng: “Cô là một con vô liêm sỉ, một đứa nói dối. Thế chiếc rìu và đôi dép kia tại sao lại ở đây?”

- Bây giờ em trông thấy những thứ ấy là lần đầu. Có lẽ ngài đến đây dừng mãin quá cho nên gió đã cuốn hút những vật đó vào theo mà ngài không để ý chăng?

Lão thần chỉ đáp lại bằng những lời chửi rủa và những cú đấm đá mà tôi nghe được tiếng. Tôi không đủ cứng cỏi để nghe tiếng kêu khóc thảm thương của nàng công chúa bị ngược đãi một cách rất hung bạo. Tôi đã trút bỏ bộ quần áo của mình mà hôm trước sau khi tắm xong tôi mang ra để ở cầu thang. Thế là tôi lên khỏi cái chốn ấy, lòng đau đớn và thương xót hơn bởi chính mình là kẻ vừa gây nên tai họa lớn. Qua việc hy sinh nàng công chúa xinh đẹp nhất thế gian cho một tên hung thần dã man đang trong cơn giận dữ, tôi đã tự biến thành một kẻ sát nhân và đứa bội bạc xấu xa nhất của loài người.

Tôi tự bảo, đúng là nàng bị cầm tù từ hai mươi lăm năm nay. Nhưng trừ việc thiếu tự do ra, nàng có cần gì hơn nữa để mà sung sướng đâu! Sự nóng nảy của tôi kết liễu hạnh phúc của nàng, và phò mặc nàng cho sự hung ác của một con quỷ không biết xót thương. Tôi hạ cánh cửa nắp xuống, phủ kín đất và trở về thành phố với một bó củi đội trên đầu mà tôi cũng chẳng hiểu làm sao mà kiếm ra được nữa, vì mệt mỏi, buồn bã, hoang mang.

Bác thợ may chủ nhà tôi trở rất vui mừng thấy tôi trở về. Bác nói: “Cậu vắng mặt lâu quá làm cho tôi rất lo âu bởi cái điều bí mật liên quan đến dòng dõi nhà cậu mà cậu đã từng tâm sự với tôi. Tôi chẳng biết nên nghĩ thế nào,

chỉ lo có người nào nhận diện được cậu chẳng. Thật là tạ ơn Thượng đế, cậu đã trở về!” Tôi cảm ơn sự quan tâm và tình thân ái của bác, nhưng tôi không cho bác biết một tí gì về điều đã xảy ra. Tôi cũng không nói rõ lý do vì sao tôi trở về không có rìu và dép. Tôi lui về phòng riêng và một nghìn lần tự trách mình đã dại dột quá chừng. Tôi tự nhủ: “Thật không có gì sánh được hạnh phúc của công chúa và của ta nếu lúc ấy ta biết tự kiềm chế mà không đập vỡ cái bùa yêu.”

Trong khi tôi đang thả mình theo những ý nghĩ buồn nản ấy, bác thợ may bước vào và bảo: “Có một cụ già không quen vừa mới đến, mang theo cái rìu và đôi dép của cậu, cụ bảo rằng bắt được giữa đường. Các bạn tiểu phu của cậu chỉ cho cụ biết là cậu ở đây. Cậu ra mà gặp, ông lão muốn giao cho cậu tận tay.”

Nghe nói, tôi biến sắc, toàn thân run lẩy bẩy. Bác thợ may vừa hỏi vì sao thì cửa buồng đã mở ra. Cụ già không đủ kiên nhẫn chờ đợi, đã hiện ra trước mắt chúng tôi với chiếc rìu và đôi dép. Đây chính là lão hung thần đã bắt cóc nàng công chúa xinh đẹp đảo Gổ Mun. Lão hóa thân thành cụ già, sau khi đối xử với nàng một cách cực kỳ tàn bạo. Lão nói: “Ta là thần, cháu ngoại Eborlit, chúa tể các thần linh. Có phải đây là chiếc rìu của mày? Có phải kia là đôi dép của mày?”

Lão hung thần hỏi mà chẳng thêm đợi tôi trả lời. Và chẳng tôi cũng chẳng trả lời nổi vì bộ mặt khủng khiếp của lão đã làm cho tôi thất đờm. Lão chụp lấy ngang thắt lưng tôi, cặp tôi ra khỏi buồng, rồi bay vút lên không trung, mang tôi lên tới trời xanh, mạnh và nhanh đến nỗi tôi chỉ biết là mình lên cao khi nhận ra con đường vào rừng mà lão đưa tôi đi chỉ trong khoảnh khắc. Rồi lão lao xuống mặt đất cũng mạnh và cũng nhanh như lúc bay lên. Lão giậm chân xuống đất, mặt đất nứt ra cho lão chui vào. Thế là tôi thấy mình đã ở trong tòa lâu đài yêu quái, trước mặt tôi là nàng công chúa xinh đẹp của đảo Gổ Mun. Nhưng than ôi! Cảnh tượng đau lòng làm sao! Điều tôi trông thấy như một mũi dùi xuyên suốt quả tim tôi. Nàng công chúa ấy thân thể trần truồng và đầm máu, nằm sõng xoài trên mặt đất, dờ chết dờ sống, đôi má đầm đìa nước mắt.

- Đồ dối trá! – Lão chỉ tôi mà bảo nàng. – Có phải là tình nhân của mày đây không?

Nàng ngược đôi mắt sâu thẳm nhìn tôi và trả lời buồn bã: “Tôi không biết anh này. Đây là lần đầu tiên tôi gặp còn chưa bao giờ tôi trông thấy anh ta.”

- Thế nào? – Lão hung thần lại nói. – Nó là nguyên nhân đưa mày vào tình cảnh như thế kia. Vậy mà mày còn dám nói rằng mày không biết nó?

- Nếu quả thật là tôi không quen biết anh ta, tại sao ngài lại muốn tôi nói dối để đưa anh ta vào chỗ chết?

- Thế thì, nếu mày chưa hề trông thấy nó bao giờ, mày hãy cầm thanh gươm này và cắt đầu nó cho ta.

- Than ôi! – Công chúa đáp. – Làm sao tôi có thể làm điều như ngài vừa đòi hỏi? Tôi kiệt lực đến không nhấc nổi cánh tay. Và cho dù có nhấc nổi, làm sao tôi có đủ can đảm giết hại một người chưa từng quen biết, một kẻ vô tội?

Lão hung thần liền bảo:

- Sự từ chối ấy làm cho tao biết rõ tất cả tội ác của mày.

Rồi quay sang tôi, lão hỏi tiếp: “Còn mày, mày biết nó chứ?”

Tôi sẽ là con người bội bạc và đều cáng nhất thế gian, nếu không giữ trọn được thủy chung đối với nàng như nàng đã giữ trọn đối với tôi, kẻ đã gây nên tai họa cho nàng. Bởi vậy tôi trả lời lão hung thần: “Làm sao tôi có thể biết được, bây giờ tôi mới trông thấy bà ta là lần đầu?”

- Nếu quả như vậy, thì mày hãy cầm lấy thanh gươm này và chặt đầu nó. Bằng cái giá ấy, tao mới cho mày được tự do, và tao mới tin rằng cho đến lúc này mày chưa bao giờ trông thấy nó, như lời mày vừa nói ra.

- Rất vui lòng. – Tôi đáp.

Tôi đỡ lấy thanh gươm từ tay lão.

Thưa bà, xin bà chớ vội nghĩ rằng tôi đến gần công chúa đảo Gổ Mun là để làm kẻ thực hiện ý đồ dã man của lão hung thần. Tôi làm như vậy chỉ để, bằng cử chỉ của mình và trong phạm vi có thể, tỏ cho nàng hiểu rằng nếu nàng đã dám kiên quyết hy sinh tính mạng vì tình yêu đối với tôi thì tôi cũng không khước từ sự xả thân vì tình yêu đối với nàng. Công chúa hiểu ý định của tôi. Mặc dù đang đau đớn và buồn bã, qua một cái nhìn đầy ý nghĩa, nàng tỏ cho tôi hiểu rằng nàng vui lòng chết và lấy làm hài lòng thấy tôi cũng sẵn sàng vì nàng mà hy sinh.

Thế là tôi lùi lại, ném thanh gươm xuống đất và bảo lão hung thần: “Tôi đòi đòi sẽ đáng chê trách trước con mắt của thế gian nếu tôi hèn nhát đi sát hại một con người không những là chưa từng quen biết mà còn là một người đàn bà ở trong tình trạng sắp sửa lìa đời như người mà tôi đang thấy kia. Ngài muốn làm gì tôi thì làm bởi vì tôi đã thuộc quyền sinh sát của ngài. Nhưng tôi không thể nào tuân theo mệnh lệnh dã man của ngài.”

- Ta thấy rõ – lão thần nói – cả hai chúng mày thách thức ta, chúng mày nhục mạ sự ghen tuông của ta. Nhưng hãy xem cách ta xử sự đây, cả hai chúng mày sẽ hiểu rõ ta có thể làm được những gì. – Nói đến đây, con quái vật cầm thanh gươm chặt đứt một bàn tay của công chúa, nàng chỉ còn đủ thời giờ đưa bàn tay kia ra hiệu để nói với tôi lời vĩnh biệt muôn đời. Bởi vì

nàng đã mất quá nhiều máu và lần này lại mất máu nữa không thể nào sống thêm một vài khoảnh khắc sau hành động cực kỳ hung bạo ấy. Cảnh tượng đó làm cho tôi ngất đi.

Tỉnh dậy, tôi bảo lão hung thần, sao lão cứ dọa dè, không cho tôi chết ngay đi: “Ngài hãy đánh đi, tôi sẵn sàng nhận đòn chí mạng, tôi chờ đợi ngài làm việc đó như một điều làm phúc lớn cho tôi.” Nhưng đã không ưng cho, lão còn nói: “Đây, các bậc thần linh đối xử với những con đàn bà mà họ nghi ngờ lòng thủy chung theo cách ấy đây. Nó đã tiếp mảy ở đây. Nếu ta biết chắc rằng quả thật nó đã gây cho ta một nhục mạ lớn hơn nữa thì ta đã giết chết mảy lúc này rồi. Nhưng ta tạm bằng lòng hóa kiếp mảy thành chó, thành lừa, thành sư tử hay là thành chim. Hãy chọn lấy một kiếp! Ta muốn cho phép mảy được tự do lựa chọn.”

Những lời đó gây cho tôi ít nhiều hy vọng là có thể lay chuyển được lão. “Hỡi thần linh! – Tôi nói. – Hãy dẹp bớt cơn thịnh nộ của ngài. Ngài đã không muốn kết liễu đời tôi, đã cho tôi sống thì xin ngài làm ơn cho tôi một cách hào hiệp hơn. Tôi sẽ mãi mãi ghi nhớ sự đại xá của ngài nếu ngài tha thứ cho tôi, cũng như con người tốt bụng nhất trần gian đã tha thứ cho một kẻ láng giềng vốn nuôi lòng ghen ghét đối với mình cho đến chết.”

Lão hung thần hỏi việc gì đã xảy ra giữa hai người hàng xóm ấy. Lão nói rằng lão đủ kiên nhẫn để nghe hết câu chuyện. Sau đây là cách thức mà tôi đã kể cho lão nghe. Thưa bà, tôi nghĩ rằng bà sẽ không phật ý nếu tôi cũng thuật lại hầu bà câu chuyện ấy hôm nay:

CHUYỆN KẺ GHEN GHÉT VÀ NGƯỜI BỊ GHEN GHÉT

Trong một thành phố khá lớn nọ, có hai người nhà ở xế cửa nhau. Một người nuôi một mối ghen ghét đến nỗi người bị ghen ghét đành phải dọn nhà đi xa. Ông chắc rằng chỉ tại ở gần nhau cho nên mới bị hàng xóm của mình thù ghét, ông đã hết sức lấy lòng mà vẫn không làm sao cho gã giảm bớt hẳn thù được chút nào. Ông bán nhà cùng với ít đồ đạc của mình và đến kinh thành tậu một mảnh đất nhỏ cách phố xá chừng nửa dặm đường. Ngôi nhà khá đầy đủ tiện nghi, có một mảnh vườn đẹp và một cái sân rộng vừa phải. Trong sân có một bể chứa nước sâu đã lâu ngày không dùng chứa nước.

Con người tốt bụng mua được chỗ nhà đất ấy rồi, liền đi tu để sống một cuộc đời ẩn dật. Ông cho xây thêm nhiều phòng tu ở trong nhà. Chỉ ít lâu sau nhà ông đã trở thành một cộng đồng đông đảo tu sĩ. Đức độ của ông chẳng bao lâu nổi tiếng và do đó thu hút khá đông thiên hạ, cả những dân thường cũng như các quan chức trong thành phố đến thăm. Tóm lại, mọi người đều hết sức quý trọng và yêu mến ông. Nhiều người từ xa đến xin ông cầu nguyện cho. Tất cả những ai được gặp ông trở về đều đồn đại về những phước lành mà họ tin là được trời ban cho thông qua vị tu sĩ.

Danh vọng lớn của ông ta truyền về đến tận thành phố quê hương nơi mà ông đã rời bỏ, làm cho con người hay ghen ghét kia quá đổi buồn rầu. Đến mức gã phải bỏ cửa bỏ nhà và công việc làm ăn ra đi với quyết tâm tìm cách giết hại người hàng xóm cũ cho bằng được. Nhằm mục đích đó, gã đến tu viện của các ẩn sĩ và được vị trưởng trước đây vốn là hàng xóm của gã, tiếp đón một cách cực kỳ thân ái. Gã hay ghen ghét nói với ông rằng gã đến đây để bàn với ông một việc hệ trọng, chỉ có thể nói chuyện riêng với mỗi mình ông ta mà thôi. Gã nói thêm: “Để không cho ai có thể nghe được câu chuyện giữa chúng ta, tôi xin ngài, chúng ta hãy cùng đi dạo trong sân. Và vì trời cũng sắp tối rồi, xin ngài hãy ra lệnh cho các tu sĩ của ngài trở về buồng riêng của họ.”

Vị trưởng tu sĩ làm theo lời gã yêu cầu. Khi gã hay ghen ghét chỉ còn lại một mình với con người tốt bụng ấy, gã vừa đi sổng đôi với ông trong sân vừa bắt đầu nói huyền thuyên cho đến khi đến bên bờ cái bể chứa, thì xô nhào ông xuống đáy. Chẳng có ai hay biết gì về hành động độc ác ấy. Làm xong, gã chạy vội ra cửa tu viện và thoát ra ngoài không để ai trông thấy. Gã trở về nhà, hí hửng với chuyến đi, tin chắc rằng người mình ghen ghét không còn sống trên đời này nữa. Nhưng gã đã nhầm to.

Cái bể chứa ấy vốn có tiên và thần ở. Họ có mặt đúng lúc để cứu vị trưởng các tu sĩ. Họ đón lấy ông và đỡ ông ta xuống đáy bể một cách nhẹ nhàng đến

nỗi ông ta chẳng cảm thấy đau đớn chút nào. Ông có cảm giác về một chuyện gì đó phi thường trong khi ngã lẽ ra đã làm cho ông thiệt mạng, song ông không nhìn rõ mà cũng chẳng nghe thấy gì.

Tuy vậy, lát sau ông nghe có tiếng nói: “Các bạn có biết con người mà chúng ta vừa cứu giúp ấy là ai không?” Nhiều tiếng khác trả lời không biết, giọng nói đầu tiên lại đáp: Tôi sẽ cho các bạn hay. Người này với lòng nhân từ rộng lớn nhất thế gian, đã rời bỏ thành phố ông đang sống đến đây ở, với niềm hy vọng có thể chữa cho một người hàng xóm khỏi cái bệnh ghen ghét mình. Ông ta được mọi người đồng tình quý trọng đến nỗi gã hay ghen ghét kia không chịu nổi, đã tìm đến đây với ý định giết hại ông. Việc đó hẳn đã xảy ra nếu không gặp chúng ta cứu giúp con người tốt bụng, mà tiếng tăm vang động đến nỗi hoàng đế đang ngự thành phố bên cạnh ngày mai sẽ đến thăm, để nhờ ông cầu nguyện cho công chúa.” Một giọng khác hỏi tại sao công chúa lại phải cần đến tu sĩ cầu nguyện cho. Giọng đầu tiên đáp: “Các bạn không biết rằng nàng bị thần Maimun, con trai của Đimđin, ám vì nó phải lòng nàng ư? Nhưng tôi biết cách mà vị trưởng các tu sĩ tốt bụng này sẽ dùng để chữa cho nàng rồi. Việc dễ dàng thôi, tôi xin nói để các bạn rõ. Trong tu viện của ông có một con mèo đen, cuối đuôi nó có một đốm trắng chỉ lớn bằng đồng hào. Ông ta chỉ cần bứt bảy sợi lông từ cái đốm trắng ấy, đốt lên và dùng khói xông đầu cho công chúa. Lập tức nàng sẽ lành hẳn bệnh và thoát khỏi sự ám ảnh của thần Maimun con trai của Đimđin. Lão ấy sẽ không bao giờ dám bén mảng đến gần nàng một lần thứ hai nữa.”

Vị trưởng các tu sĩ không để sót một lời qua lại nào giữa các vị thần tiên. Sau khi nói xong câu chuyện ấy, các vị thần tiên lặng im cho đến sáng. Ngày hôm sau, trời bắt đầu sáng. Nhờ trông rõ được mọi vật, ông nhận ra một cái lỗ và từ đó thoát ra khỏi bể chứa và đi ra ngoài chẳng khó nhọc gì vì nó đã hỏng ở nhiều nơi.

Các tu sĩ đang đi tìm ông, rất vui mừng thấy ông trở về. Ông kể vắn tắt về hành động độc ác của người khách mà ông đã tiếp đón niềm nở ngày hôm trước, rồi trở về buồng riêng. Con mèo đen mà ông nghe nói đêm hôm trước qua câu chuyện giữa các vị thần tiên chỉ lát sau đã đến cọ vào người ông như thường lệ. Ông bứt bảy sợi lông ở cái đốm trắng cuối đuôi của nó, để riêng ra một nơi phòng khi cần đến.

Mặt trời vừa mọc chưa bao lâu thì xa giá hoàng đế đã đến trước tu viện. Người không muốn từ nan bất cứ một việc gì có thể mong chóng chữa khỏi bệnh cho công chúa. Vua ra lệnh đội bảo vệ dừng lại trước cửa, rồi cùng với các quan đại thần tùy giá bước vào. Các tu sĩ tiếp đón nhà vua hết sức kính trọng. Hoàng đế gọi riêng vị trưởng tu sĩ ra và nói: “Chắc tiên sinh đã rõ lý do gì đưa ta đến đây.”

- Tâu bệ hạ, có. – Tu sĩ trả lời khiêm tốn. – Nếu tôi không nhầm, căn bệnh của công chúa là nguyên nhân khiến cho tôi được cái vinh hạnh mà mình không xứng đáng là nghênh tiếp bệ hạ.

- Đúng như vậy. – Hoàng đế đáp. – Tiên sinh sẽ làm cho ta sống lại nếu như qua những lời cầu nguyện của mình, tiên sinh có thể giúp cho con gái ta khỏi bệnh, điều mà ta hy vọng là tiên sinh có thể thực hiện được.

- Tâu bệ hạ, – con người tốt bụng nói – nếu bệ hạ vui lòng cho mời công chúa lại đây, tôi mong rằng với sự cứu giúp và ơn cao cả của Thượng đế, công chúa sẽ hoàn toàn khỏi bệnh trở về.

Nhà vua rất đổi vui mừng, lập tức sai đi tìm con gái. Lát sau công chúa đến cùng một đoàn tùy tùng đông gồm các nữ tì và quan hoạn. Nàng đeo mạng không để cho ai nhìn rõ mặt. Vị trưởng các tu sĩ cho đốt một lò than trên đầu công chúa. Khi ông vừa đặt lên than hồng bảy sợi lông mèo thì lập tức thần Maimun con trai của Đimđin thét lên một tiếng dữ tợn và xuất khỏi công chúa mà chẳng hề ai trông thấy gì cả.

Thoạt tiên là đưa tay vén tấm mạng che mặt để xem mình đang ở đâu, nàng kêu lên: “Ta ở đâu thế này? Ai đưa ta đến đây?”

Nghe câu đó, hoàng đế không nén được mừng vui. Người ôm con gái, hôn lên mắt con. Người cũng hôn tay vị trưởng tu sĩ và nói với các quan đi theo: “Các khanh hãy cho ta biết cảm tưởng! Người đã chữa cho con gái ta khỏi bệnh như thế này đáng được ban thưởng gì?” Các quan đều trả lời ông đáng được kết hôn cùng công chúa. “Điều đó hợp ý ta, – hoàng đế nói tiếp – và ta nhận người này là con rể ta từ giờ phút này.”

Ít lâu sau tể tướng qua đời. Hoàng đế cử tu sĩ lên thay. Rồi hoàng đế cũng băng hà mà không có con trai nối nghiệp. Các giáo phái và dân quân trong nước họp mặt lại nhất trí tuyên bố thừa nhận tể tướng mới lên ngôi hoàng đế.

Vị tu sĩ tốt bụng nối ngôi vua thay bố vợ. Một hôm khi đang cùng với cả triều đình ngự giá trên đường thì chợt trông thấy người vẫn ghen ghét mình lẫn trong đám đông dân chúng bên đường. Vua gọi một thượng thư tùy giá và khê bảo: “Khanh hãy đến và dẫn người kia lại đây cho ta, chú ý chớ làm cho anh ta kinh hãi.” Quan thượng thư tuân lệnh. Khi người hay ghen ghét được đưa đến, hoàng đế bảo y: “Anh bạn ơi, tôi rất sung sướng được gặp lại bạn.” Rồi nói với một quan khác: “Hãy lập tức trao cho người này một nghìn đồng vàng lấy ở kho vàng của ta. Ngoài ra hãy cấp cho anh ta hai mươi gánh hàng hóa quý nhất trong kho ta. Và hãy cử một đội bảo vệ đủ mạnh để dẫn đường và hộ tống anh về tận nhà.”

Sau khi giao cho ông quan nhiệm vụ ấy, hoàng đế từ biệt gã hay ghen ghét và tiếp tục cuộc tuần du. Khi tôi^[27] đã kể cho lão hung thần vừa giết hại

nàng công chúa đảo Gổ Mun nghe hết câu chuyện ấy, tôi liền rút ra câu kết luận: “Hồi thần linh, – tôi nói – ngài thấy rằng vị hoàng đế hay làm việc lành ấy không chỉ vui lòng quên việc mình đã từng bị gã hay ghen ghét kia làm cho suýt thiệt mạng, mà còn đối đãi tử tế và cho gã trở về với tất cả lòng độ lượng mà ngài vừa nghe.” Tóm lại, tôi đem hết tài hùng biện ra van lảo hầy noi theo một tấm gương tốt đẹp như vậy để tha tội cho tôi. Nhưng tôi vẫn không sao lay chuyển được lão.

- Tất cả những gì ta có thể làm được cho mày, – lão bảo tôi – ấy là không giết chết mày. Nhưng chớ có vội mừng là ta sẽ để cho mày trở về an toàn nguyên vẹn. Ta phải cho mày thấy pháp thuật của ta có thể làm được những gì.

Dứt lời, lão tóm lấy tôi một cách hung bạo, mang tôi xuyên qua vòm cao của tòa lâu đài dưới đất. Đất mở ra cho lão bay qua. Lão đưa tôi lên cao vút đến nỗi nhìn thấy quả đất giống như một vàng mây trắng nhỏ. Từ độ cao ấy, lão lao xuống mặt đất nhanh như chớp giạt và đặt chân lên đỉnh một ngọn núi.

Ở đây lão nhặt một nắm đất, đọc hay đúng hơn là lầm bầm mấy câu thần chú tôi không hiểu gì cả, rồi ném đất vào tôi: “Hãy từ bỏ mặt người, – lão nói – và hãy mang mặt khi.” Lão biến mất ngay, để lại mỗi mình tôi, cô đơn, người hóa thành khi, nặng trĩu đau buồn, ở một xứ xa lạ không rõ ở gần hay xa đất nước của vua cha.

Tôi từ núi cao đi dần xuống và vào một xứ đồng đất bằng phẳng. Sau một tháng thì đi tận cùng xứ ấy, tới sát bờ biển. Biển lúc bấy giờ đang lặng. Tôi nhận ra một chiếc tàu cách bờ chừng nửa dặm. Không để lỡ mất thời cơ tốt như vậy, tôi bẻ một cành cây to, kéo xuống biển và cuời lên, chân bên này chân bên kia, mỗi tay cầm một chiếc gậy làm chèo.

Bơi bằng cách ấy, tôi tiến đến phía chiếc tàu. Khi tôi đã đến khá gần để người trên tàu có thể nhận rõ, các thủy thủ và khách tập trung trên sàn tàu đều cho là một cảnh tượng kỳ dị. Mọi người đều nhìn tôi rất thán phục. Trong lúc đó tôi đến được sát mạn tàu. Bám vào một sợi dây, tôi leo lên tới sàn tàu. Nhưng bởi vì không thể nói ra lời, tôi lâm vào một tình trạng bối rối khủng khiếp. Quả vậy, mỗi nguy hiểm tôi đang trải qua lúc này cũng không kém ghê gớm như khi còn thuộc quyền sinh sát của lão hung thần. Các nhà buôn vốn mê tín và hay nghĩ ngợi xa xôi, họ tin rằng cho tôi lên tàu, tôi có thể mang tai họa đến cho tàu bè của họ. Bởi vậy, một người nói: “Tôi sẽ cho nó một chùy chết tươi.” Một người khác: “Tôi muốn cho nó một mũi tên xuyên suốt qua người.” Một người nữa: “Phải ném nó xuống bể.” Một người nào đó có lẽ đã làm được điều họ nói nếu tôi không níu lấy áo thuyền trưởng và phủ phục dưới chân ông ta. Tôi nắm lấy áo ông theo bộ điệu một người

đang cầu khẩn. Xúc động sâu sắc trước cử chỉ và nước mắt rờn rờn của tôi, ông ta nhận che chở tôi. Ông nói sẽ làm cho kẻ nào định gây hại cho tôi sẽ phải hối hận. Ông ta còn vuốt ve tôi rất lâu. Về phía mình, bởi vì không nói được ra lời, tôi đành tìm cách để qua cử chỉ, biểu lộ lòng biết ơn.

Sau đợt biển lặng, gió nổi lên không mạnh nhưng kéo dài. Suốt năm mươi ngày gió không đổi hướng, giúp chúng tôi cập bến thuận lợi một thành phố đẹp rất đông dân và buôn bán sầm uất. Tàu neo lại đây. Thành phố ấy rất quan trọng vì chính là kinh đô của một quốc gia hùng mạnh.

Chiếc tàu của chúng tôi nhanh chóng bị vô số những chiếc thuyền con đến vây quanh. Những chiếc thuyền này chở đầy những người, hoặc đến chào mừng bạn bè thân thuộc mới tới, hoặc đến hỏi thăm tin tức những người ở các nơi tàu vừa rời bến. Cũng có nhiều người đến chỉ để xem một chiếc tàu từ xa mới đến cho thỏa sự tò mò mà thôi.

Trong số người này có mấy ông quan muốn nhân danh hoàng đế nói chuyện với các nhà buôn trên tàu. Các nhà buôn đến ra mắt. Một quan nói: “Hoàng đế chúng tôi giao cho chúng tôi nhiệm vụ biểu lộ lòng vui mừng của Người trước việc các vị đến đây. Người mong các vị vui lòng viết lên cuộn giấy mỗi người vài ba dòng chữ.

Để các vị hiểu ý định của hoàng thượng, tôi xin trình bày thêm là Người có một tể tướng vừa rất có năng lực xử lý các công việc vừa viết chữ cực kỳ hoàn hảo. Vị đại thần ấy vừa qua đời cách đây mấy ngày. Hoàng đế chúng tôi rất buồn, và bởi vì không bao giờ Người nhìn nét bút của tể tướng mà không khâm phục, cho nên Người long trọng thề rằng chỉ trao chức tể tướng cho vị nào viết chữ cũng đẹp như chữ cố tể tướng mà thôi. Nhiều người đã dâng trình nét bút của mình, nhưng cho đến nay chưa có một ai trong đất nước chúng tôi được coi là xứng đáng giữ cương vị tể tướng.”

Các nhà buôn trên tàu, vị nào tự xét bút mình đủ đẹp để có thể nhòe ngó địa vị cao sang ấy, đều lần lượt viết ra những gì họ muốn nói. Khi họ viết xong, tôi tiến lên và nhắc cuộn giấy từ tay người đang cầm. Mọi người, đặc biệt là các nhà buôn vừa mới viết chữ, ngỡ rằng tôi muốn xé rách hoặc ném xuống bể liền kêu toáng lên. Song họ yên tâm ngay khi thấy tôi cầm cuộn giấy khá chững chạc và ra hiệu tỏ ý muốn đến lượt mình cũng được viết. Điều đó làm cho họ đổi lo âu thành thán phục. Tuy vậy, bởi vì chưa bao giờ ai trông thấy khi biết viết chữ, và không thể nào tin là tôi lại giỏi hơn những người khác, cho nên họ muốn giật lấy cuộn giấy khỏi tay tôi. May sao thuyền trưởng lại bênh vực: “Các ngài cứ mặc nó, cứ để cho nó viết! Nếu nó chỉ bôi bẩn giấy, tôi hứa với các ngài sẽ trừng phạt nó ngay tức khắc. Nếu ngược lại, nó viết tốt, điều mà tôi hy vọng, bởi vì suốt đời tôi chưa bao giờ trông thấy một con khỉ khéo léo hơn, tài giỏi hơn hoặc am hiểu việc đời hơn

con này, tôi tuyên bố nhận nó làm con nuôi. Tôi có một đứa con trai, nhưng xét ra không được thông minh bằng con khỉ này.”

Thấy không có ai phản đối ý kiến của thuyền trưởng, tôi cầm bút và chỉ buông xuống sau khi viết xong sáu kiểu chữ A Rập vẫn thường dùng. Mỗi kiểu chữ viết hàm chứa nội dung một bài thơ hai câu hoặc thơ tứ tuyệt vừa mới nghĩ ra để ca ngợi đức vua. Nét chữ của tôi không những làm lu mờ nét chữ các nhà buôn, mà tôi còn dám nói rằng cho đến lúc bấy giờ ở nước này chưa ai được nhìn thấy có những chữ viết tốt đến như vậy bao giờ.

Tôi viết xong, các quan cầm cuộn giấy và mang về dâng lên hoàng đế.

Nhà vua không để ý gì đến các chữ viết khác. Người chỉ xem nét bút của tôi và rất lấy làm vừa lòng. Người phán bảo các quan: “Hãy lấy con ngựa đẹp nhất, yên cương sang trọng nhất trong chuồng ngựa của ta, và mang theo một chiếc áo gấm lông lấy nhất để mặc cho người đã viết sáu kiểu chữ này, rồi đón ông ta đến đây cho ta.”

Nghe lệnh của hoàng đế, các quan bật cười. Nhà vua nổi giận vì sự phạm thượng đó, định trị tội thì họ vội tâu: “Xin bệ hạ tha tội cho chúng tôi. Những chữ viết này không phải do người mà do một con khỉ viết ra.”

- Các người nói thế nào? – Hoàng đế thốt lên. – Những nét chữ tài hoa này lại không phải do bàn tay một con người viết sao?

- Tâu bệ hạ không. – Một quan đáp. – Chúng tôi xin quả quyết với bệ hạ rằng đây là nét bút của một con khỉ, nó viết những dòng này ngay trước mắt chúng tôi.

Hoàng đế thấy có sự quá lạ lùng cho nên tò mò muốn gặp tôi. Người phán: “Các người cứ việc làm như lời ta bảo. Hãy mau chóng đón về đây cho ta con khỉ hiếm thấy thế này.”

Các quan trở lại chiếc tàu và trình bày lệnh đó với thuyền trưởng. Ông này đáp rằng hoàng đế là chúa tể, lệnh của Người phải được tuân theo. Lập tức họ mặc cho tôi chiếc áo gấm rất sang trọng, cho tôi lên bờ rồi đặt tôi ngồi lên yên con ngựa của hoàng đế và đưa tôi vào cung. Ở đây nhà vua đang cùng với một số đông triều thần mà nhà vua vừa cho triệu đến để tăng thêm vinh hạnh cho tôi, đang chờ đợi.

Cuộc đi bắt đầu. Từ hải cảng qua các phố xá, các quảng trường công cộng, sau các cửa sổ cho đến trên sân thượng các lầu đài và nhà cửa đều đầy ắp cơ man là người cả nam lẫn nữ, có trẻ có già. Họ từ khắp nơi trong thành phố, tò mò đổ xô về xem mặt tôi, bởi vì có lời đồn đại rất nhanh rằng hoàng đế vừa chọn một con khỉ làm tể tướng. Trên đường đến hoàng cung, tôi làm cho đám dân chúng ấy không ngớt xôn xao và ngạc nhiên, vì cái cảnh tượng họ trông thấy trước mắt quả mới lạ quá chừng.

Nhà vua đang ngồi trên ngai vàng, chung quanh có các triều thần. Tôi vái ba vái. Vái xong, tôi quỳ xuống hôn mặt đất trước mặt Người. Sau đó tôi lại ngồi lên theo lối ngồi của loài khỉ. Tất cả cử tọa không ngớt ngợi khen tôi. Không ai hiểu làm sao một con khỉ lại có thể biết làm mọi lễ tiết đối với bậc hoàng đế. Hoàng đế lại càng ngạc nhiên hơn bất cứ ai. Tóm lại buổi lễ triều kiến có lẽ sẽ đầy đủ trọn vẹn nếu tôi có thể kèm theo các cử chỉ của mình những lời chúc tụng. Nhưng loài khỉ chẳng biết nói bao giờ, và cái ưu thế từng được làm người cũng chẳng cho tôi được có thêm chút nào cái đặc ân đó.

Hoàng đế truyền bãi triều. Còn lại cùng với Người chỉ có viên chỉ huy đội quan hoạn, một tên nô lệ nhỏ rất trẻ, và tôi. Nhà vua rời phòng thiết triều sang hậu cung và truyền dọn thức ăn. Nhà vua ngồi vào bàn và ra hiệu bảo tôi tiến đến gần và cùng ăn với Người. Để biểu lộ sự tuân phục, tôi hôn mặt đất, đứng lên ngồi vào bàn. Tôi ăn rất lễ phép và khiêm tốn.

Trước khi người ta thu dọn bàn ăn, tôi chợt trông thấy một cái bàn viết, tôi ra hiệu bảo mang lại. Người ta đưa đến, tôi tựa vào đấy viết lên một quả đào mấy câu thơ vừa sáng tác để nói lên lòng biết ơn đối với hoàng đế. Đọc xong bài thơ viết lên quả đào tôi đưa dâng, hoàng đế càng ngạc nhiên hơn. Bàn ăn thu dọn xong, quân hầu mang đến một loại nước uống đặc biệt. Nhà vua sai rót cho tôi một cốc. Tôi uống, rồi lại viết lên trên cốc những câu thơ khác diễn tả tình cảnh của mình sau khi trải qua bao bước gian truân. Hoàng đế xem xong nói: “Một con người nào có khả năng làm được như thế này, thì còn tài hoa hơn cả những bậc vĩ nhân tài hoa nhất.”

Nhà vua sai mang ra một bộ quân cờ và ra hiệu hỏi tôi có biết đánh cờ và có muốn chơi với Người hay không. Tôi hôn mặt đất, rồi đặt tay lên đầu tỏ ý là sẵn sàng nhận vinh dự đó. Nhà vua thắng tôi ván đầu. Song tôi được ván thứ hai và ván thứ ba. Nhận thấy điều đó làm cho nhà vua hơi có vẻ không vui, để an ủi Người, tôi làm một bài thơ tứ tuyệt dâng lên. Qua thơ, tôi nói với Người rằng hai đạo quân hùng mạnh chiến đấu rất hăng say suốt cả ngày, nhưng đến tối, họ giảng hòa và cùng nhau nghỉ qua đêm một cách yên tĩnh trên chiến trường.

Bấy nhiêu điều vượt qua tất cả những gì mà hoàng đế từng trông thấy hay từng nghe nói về sự khéo léo và trí thông minh của loài khỉ. Người không muốn chỉ có một mình chứng kiến những sự kỳ diệu ấy. Người có một công chúa vẫn được gọi tên là Người Đẹp. Vua bảo viên đứng đầu các quan hoạn chuyên hầu hạ công chúa, lúc ấy có mặt ở đấy: “Hãy đi mời công chúa đến đây, ta muốn cho con gái ta được cùng thưởng thức điều thú vị này.”

Viên đứng đầu các quan hoạn ra đi và lát sau mời công chúa đến. Nàng để mặt trần không che mạng. Song vừa bước chân vào buồng, nàng đã vội kéo

tắm mạng xuống, che mặt và nói với hoàng đế: “Tâu bệ hạ, có lẽ bệ hạ sợ ý chẳng? Con rất ngạc nhiên thấy Người cho gọi con đến ra mắt trước sự có mặt của những người đàn ông xa lạ.”

- Con bảo sao, chính con vô ý thì có, con gái ta ạ! -Nhà vua đáp. – Ở đây chỉ có tên nô lệ nhỏ, viên quan hoạn thầy dạy của con, và cha là những người được tự do nhìn thấy mặt con. Ấy thế mà con lại kéo mạng che mặt, và làm như thể cha đã phạm trọng tội khi cho gọi con đến đây.

- Tâu bệ hạ, – công chúa lại nói – bệ hạ sẽ rõ là con không nhầm. Con khi mà Người trông thấy kia tuy mang hình khi, nhưng chính là một hoàng tử trẻ tuổi, con trai quốc vương một nước lớn. Chàng bị hóa thành khi do phép yêu ma. Một thần linh, cháu ngoại của Eborít, đã làm nên cái trò quái ác này sau khi đã tàn nhẫn giết hại công chúa đảo Gổ Mun, con gái vua Epiritimarút.

Nghe nói, hoàng đế ngạc nhiên quay về phía tôi. Vua không ra hiệu nữa mà cất lời hỏi tôi điều công chúa vừa nói có đúng hay không. Vì không thốt được ra lời, tôi đành đặt tay lên đầu để chứng tỏ rằng công chúa đã nói sự thật. Vua liền hỏi:

- Làm sao con có thể biết hoàng tử đây bị phép yêu bắt hóa thân thành khi?

Công chúa Người Đẹp đáp:

- Tâu bệ hạ, chắc Người còn nhớ thời con hết tuổi ấu thơ, có một bà cụ trông nom con. Đó là một pháp sư rất tài giỏi. Bà ta đã truyền cho con bảy chục phép thần, nhờ đó con có thể trong nháy mắt dời thủ đô của bệ hạ ra đặt chính giữa đại dương mãi bên kia dãy núi Côcadơ. Nhờ phép thần đó, chỉ nhìn qua mặt, con đã có thể biết được kẻ nào bị ma làm, con còn có thể biết rõ họ là ai và đã bị kẻ nào hóa kiếp. Bởi vậy, xin bệ hạ chớ có ngạc nhiên khi thấy con đã nhận ra ngay vị hoàng tử trẻ này, mặc dù phép yêu đã buộc chàng không thể giữ nguyên hình dạng như trời sinh khi được đến châu bệ hạ.

- Con ạ, thật cha không ngờ con tài giỏi đến vậy.

- Tâu bệ hạ, đó là những điều kỳ diệu, biết được thì cũng tốt, nhưng con vẫn nghĩ rằng con không nên lấy đó mà khoe khoang.

- Nếu quả như vậy, – vua lại nói – thì con có cách giải phép yêu cho hoàng tử này chứ?

- Tâu bệ hạ vâng, con có thể làm cho chàng trở lại nguyên hình như cũ.

- Vậy thì con hãy trả lại nguyên hình cho chàng đi!- Hoàng đế ngắt lời. – Con sẽ làm cho cha vui thích không gì bằng, bởi vì cha muốn phong cho chàng làm tể tướng và cho phép chàng kết hôn với con.

Công chúa đáp:

- Tâu bệ hạ, con sẵn sàng tuân theo tất cả những gì bệ hạ phán bảo.

Công chúa Người Đẹp trở về buồng riêng và mang ra một thanh đao trên lưỡi có khắc những chữ Do Thái cổ. Tiếp đó, nàng mời hoàng đế, viên đứng đầu các quan hoạn, tên nô lệ nhỏ và tôi cùng đến một cái sân sau ở trong cung, nàng mời chúng tôi dừng lại trong hành lang chạy quanh sân, còn nàng tiến ra giữa sân, vạch một vòng tròn lớn, và vẽ vào đấy nhiều chữ A Rập và Ai Cập cổ.

Khi đã vẽ xong và sửa sang cái hình tròn cho hợp ý muốn của mình, nàng bước vào đứng chính giữa vòng rồi niệm chú và đọc nhiều đoạn kinh Côran. Tự dung trời đất tối sầm lại như đang đêm và như thể cả guồng máy tạo hóa sắp tan tành. Chúng tôi hết sức kinh hoàng. Nỗi kinh hoàng ấy càng tăng thêm khi đột nhiên thấy hiện lên lão hung thần, cháu ngoại Eborít, xuất hiện dưới dạng một con sư tử to kinh khủng.

Công chúa trông thấy con quái vật ấy liền lên tiếng mắng: “Đồ chó má, đáng lẽ phải bò lên trước mặt ta, mà lại dám hiện lên dưới hình dáng ghê tởm này. Mày tưởng có thể dọa nạt ta ư?”

- Thế còn mày, – sư tử đáp – sao mày không sợ làm trái điều giao ước đã được xác nhận bằng một lời thề long trọng giữa chúng ta, là sẽ không bên nào gây thiệt hại cho bên nào?

- A đồ súc sinh, – công chúa nói – chính ta phải trách mày như vậy mới phải!

Con sư tử thô bạo ngắt lời nàng:

- Mày sẽ phải trả giá về việc phiến ta cắt công đến nơi đây!

Vừa nói, nó vừa há to cái mõm khủng khiếp và tiến tới định vồ công chúa. Nhưng nàng đã thủ thế, nhảy lùi một bước, và kịp nhổ một sợi tóc, niệm vài ba tiếng biến nó thành một thanh gươm sắc bén, chém ngang con sư tử, xẻ thân nó ra thành hai mảnh.

Hai mảnh xác sư tử biến mất, chỉ còn lại cái đầu. Đầu sư tử biến thành một con bọ cạp lớn. Lập tức công chúa hóa thành rắn, quần nhau kịch liệt với bọ cạp. Bọ cạp kém thế, đành biến thành một con ó và vỗ cánh bay đi. Nhưng con rắn đã kịp hóa thành một con ó đen khỏe hơn và đuổi theo. Cả hai con ó biến khỏi tầm mắt chúng tôi.

Một lát sau, mặt đất trước mặt chúng tôi mở ra và một con mèo khoang trời lên, lông lá bù xù, miệng gào khủng khiếp, một con sói đen đuổi theo con mèo rất sát. Cặp bách quá, mèo liền biến thành một con sâu nằm bên cạnh một quả lựu tình cờ vừa rụng từ cây lựu trồng bên bờ lạch nước hẹp

nhưng khá sâu. Con sâu nhanh chóng đục thủng quả lựu và chui vào bên trong. Quả lựu phồng lên, to bằng một quả bí bay bổng lên mái hành lang, lăn mấy vòng rồi rơi xuống sân và vỡ ra thành nhiều mảnh.

Trong thời gian ấy, chó sói đã lại hóa thành một con gà trống, sà xuống mổ cắp hạt lựu và nuốt chửng hết hạt này đến hạt khác. Khi không còn hạt nào nữa, nó dang rộng đôi cánh ầm ỉ chạy đến gần chỗ chúng tôi, như thể muốn hỏi xem còn sót hạt nào nữa chẳng. Còn sót một hạt bên bờ lạch nước. Gà trống trông thấy, chạy vội đến, song lúc nó vươn đầu sắp mổ thì hạt lựu đã lăn xuống lạch và biến thành một con cá con. Gà trống lao theo xuống lạch và biến thành một con cá măng đuổi sát con cá nhỏ. Hai con cá quần nhau hai tiếng đồng hồ liền dưới nước. Chúng tôi chẳng biết chúng ra sao rồi thì bỗng nghe những tiếng kêu ghê rợn làm cho mọi người run lên. Một lát sau, thấy hung thần và công chúa hiện ra, cả hai đều bốc lửa, hai người há miệng phun lửa vào nhau rồi lại xông vào đánh giáp lá cà. Thế là hai ngọn lửa càng bốc lớn và phả ra một làn khói dày nóng rực. Lửa phụt lên khá cao. Chúng tôi sợ nó đốt cháy mất cung điện. Trong nháy mắt, chúng tôi lại càng lo hơn nữa vì tên hung thần vừa thoát ra được khỏi tay công chúa, chạy xộc đến tận hành lang nơi mấy người đang đứng xem và phun ra hàng cuộn lửa. Chúng tôi có lẽ đã chết sạch rồi nếu công chúa không kịp chạy đến hét to, buộc hung thần phải lùi xa để giữ thế thủ. Tuy nhiên, công chúa dù đã vội vã hết sức vẫn không sao kịp cứu hoàng đế khỏi bị cháy mất bộ râu và bỏng mặt. Viên đứng đầu các quan hoạn chết ngạt và cháy thành than trong nháy mắt. Còn tôi, một tia lửa bén vào mắt bên phải làm cho tôi hóa thành chột. Hoàng đế và tôi đang chờ chết thì nghe tiếng kêu: “Thắng rồi! Thắng rồi!”

Thế là bỗng nhiên công chúa hiện nguyên hình và bước đến. Còn lão hung thần đã cháy còn một đồng tro.

Công chúa tiến đến gần chúng tôi. Không đề mắt thì giờ, nàng gọi lấy một cốc nước. Tên nô lệ trẻ không bị thương tích gì vì ngọn lửa, mang nước lại. Nàng nâng cốc nước, niệm mấy câu thần chú, rồi đổ vào tôi và nói: “Nếu ngươi bị hóa thành khỉ vì phép yêu, thì hãy đổi dạng và trở lại thành người như trước.” Nàng vừa nói xong, tôi đã trở lại thành người, toàn vẹn như trước khi bị hóa thân, chỉ khác có mỗi một điều là mắt bị chột.

Tôi định cất lời cảm tạ công chúa nhưng nàng không để cho tôi có đủ thời giờ. Nàng thưa với vua cha: “Tâu bệ hạ con đã chiến thắng hung thần, như bệ hạ vừa trông thấy. Nhưng đây là một chiến thắng phải trả giá đắt. Con chẳng còn sống được bao lâu nữa, và cha chẳng có được niềm vui trông thấy con thành gia thất như cha suy tính đâu. Lửa đã bén vào người con qua trận chiến đấu dữ dội vừa rồi. Con cảm thấy lửa đang thiêu đốt con dần dần. Điều đó hẳn không xảy ra nếu hồi nãy con nhìn thấy hạt lựu cuối cùng và mổ nuốt nó như đã nuốt các hạt khác khi con hóa thành gà trống. Hạt lựu ấy là nơi ẩn

náu cuối cùng của tên hung thần. Làm được như vậy thì con đã thắng trọn vẹn mà không gặp nguy hiểm gì. Sai lầm đó buộc con phải dùng đến lửa và chiến đấu với thứ vũ khí ghê gớm này, như con đã chiến đấu ở giữa đất và trời, trước mặt cha. Bất chấp sức mạnh của yêu thuật đáng sợ và kinh nghiệm của lão, con đã cho tên hung thần ấy thấy là con hơn hẳn nó. Con đã chiến thắng. Con đã biến nó thành tro bụi. Nhưng con không thể thoát được cái chết đang đến gần.”

Hoàng đế nghe công chúa Người Đẹp thuật lại trận đánh. Khi nàng dứt lời, hoàng đế nói, giọng biểu lộ nỗi đau đớn sâu sắc: “Con ơi, con thấy rõ tình cảnh của cha đây. Hỡi ôi! Cha ngạc nhiên sao mình còn sống! Viên hoạn nô thầy học của con đã chết. Hoàng tử mà con giải được bùa yêu thì đã mất đi một con mắt.” Vua không thể nói thêm được nữa, nước mắt và tiếng thở dài làm vua nghẹn lời. Công chúa và tôi cực kỳ xúc động trước nỗi buồn của hoàng đế. Chúng tôi cùng khóc với Người.

Trong lúc ai nấy đều vô cùng buồn bã thì công chúa bỗng thét lên: “Tôi cháy đây! Tôi cháy đây!” Nàng cảm thấy ngọn lửa ngấm ngấm cuối cùng đã đốt cháy hết thân thể. Nàng lớn tiếng kêu: “Tôi cháy đây!” rồi ngã ra chết, chấm dứt những cơn đau đớn không thể nào chịu đựng nổi. Ngọn lửa thật là mạnh mẽ kỳ lạ. Chẳng mấy chốc nàng đã hóa thành tro, giống hệt như lão hung thần.

Thưa bà, tôi sẽ không nói lại rằng tôi đã xúc động sâu sắc đến mức nào trước cảnh tượng tang tóc ấy. Thà tôi cam làm kẻ khờ hay làm chó suốt đời, còn hơn là nhìn thấy ân nhân của mình thiệt mạng một cách đau đớn đến vậy. Về phần hoàng đế, người buồn bã quá mức tưởng tượng. Người vừa kêu khóc thảm thiết vừa đâm mạnh vào đầu vào ngực cho đến khi gục xuống và ngất đi vì tuyệt vọng, làm cho tôi đâm lo, e tính mạng của Người có thể lâm nguy chẳng.

Trong lúc ấy các hoạn nô và quan hầu nghe tiếng hoàng đế kêu khóc, đều chạy bỏ đến nhà vua, tôi không cần phải kể lễ dài dòng về việc vừa xảy ra. Hai đồng tro tàn vốn là thi thể của công chúa và của hung thần, đủ để cho họ hiểu. Hoàng đế không đứng vững nữa, phải tì lên các quan hầu lê bước trở về hậu cung.

Khi tiếng đồn về sự kiện bi thảm ấy vượt ra cung cấm và lan khắp thành phố, mọi người đều thương tiếc cho công chúa Người Đẹp bất hạnh và thông cảm với nỗi đau buồn của vua cha. Người ta để tang suốt bảy ngày, tổ chức nhiều buổi tang lễ. Tro tàn của hung thần bị tung ra theo gió, còn tro tàn của công chúa thì được thu và cất giữ trong một lọ quý đặt trong một cái lăng đẹp xây ngay tại chỗ thu nhặt tro tàn.

Nỗi buồn mất con làm hoàng đế sinh bệnh và ốm liệt giường suốt một

tháng rằm. Chưa bình phục hẳn, Người đã cho gọi tôi đến và bảo: “Hoàng tử hãy nghe lệnh của ta đây, và phải thi hành nếu không sẽ mất mạng.” Tôi quả quyết rằng tôi sẽ xin triệt để tuân lệnh của Người. Nhà vua nói tiếp: “Từ trước tới nay ta vẫn sống trong hạnh phúc toàn vẹn và chưa bao giờ bị bất kỳ một tai họa nào khuấy động. Hoàng tử đến làm tan vỡ niềm vui ta đang hưởng. Con gái ta qua đời. Thầy dạy con ta thiệt mạng. Ta còn sống được đây cũng là chuyện may mắn diệu kỳ. Chính ngươi là nguyên nhân gây nên tất cả những tai họa đó, những tai họa mà ta không bao giờ có thể quên. Bởi vậy, ta cho phép hoàng tử ra đi êm thấm, nhưng hãy đi biệt xứ. Có lẽ ta cũng đến chết mất nếu ngươi còn có mặt ở đây, vì ta tin chắc sự có mặt của ngươi mang theo tai họa. Đó là tất cả những gì ta truyền cho ngươi. Hãy đi đi, và chú ý, chớ có bao giờ xuất hiện trên đất nước này. Dù lòng của ta có quý trọng ngươi đến đâu cũng không thể ngăn cánh tay ta trừng phạt ngươi.”

Tôi định phân trần, nhưng nhà vua đã cắt ngang bằng những lời giận dữ. Thế là tôi đành từ giã cung điện của Người mà ra đi.

Bị tất cả mọi người ghét bỏ, bị xua đuổi, bị bỏ rơi và không biết thân phận mình rồi sẽ ra sao, trước khi ra khỏi kinh thành, tôi vào một nhà tắm, cho cạo râu và gọt lông mày, rồi mặc áo quần khất sĩ. Tôi cất bước ra đi, lòng khóc than cho nỗi khốn cùng của mình thì ít mà xót thương cái chết của hai công chúa xinh đẹp do mình gây nên thì nhiều. Tôi đi qua nhiều nước mà không để cho ai nhận ra mặt. Cuối cùng tôi quyết định đến Bátđá, với niềm hy vọng là sẽ xin triều yết Đấng thống lĩnh các tín đồ và khêu gợi lòng thương của Người bằng cách kể lại câu chuyện quá đổi lạ lùng. Tôi vừa đến kinh thành này tối nay. Người đầu tiên mà tôi gặp khi mới đến, là khất sĩ đồng đạo của tôi kia, người vừa kể câu chuyện hầu bà trước tôi. Thừa bà, bà đã hiểu rõ câu chuyện rồi đó: tại sao tôi được vinh hạnh có mặt tại nhà bà.”

Khi khất sĩ thứ hai kể xong câu chuyện về mình, nàng Zôbêít bảo: “Được rồi. Anh hãy đi đi, muốn đi đâu tùy ý, ta cho phép đó.” Nhưng khất sĩ không đi mà cũng yêu cầu thiếu phụ vui lòng cho chàng được ở lại như đã đồng ý cho khất sĩ trước, rồi chàng đến ngồi xuống bên cạnh người này.

Chàng khất sĩ thứ ba, thấy đến lượt mình phải nói, cũng như hai người trước, liền hướng về nàng Zôbêít và kể chuyện theo cách sau đây:

CHUYỆN KHẮT SĨ THỨ BA, CON VUA

Thưa bà rất đáng kính, chuyện tôi sắp kể đây khác xa những chuyện bà vừa mới nghe. Hai hoàng tử nói trước tôi mỗi người mất một con mắt do hậu quả đơn thuần của số phận họ. Còn tôi mất một con mắt là chỉ tại lỗi lầm của mình, tự mình gây nên tội và tự mình rước lấy tai họa vào thân, như bà sẽ rõ qua câu chuyện sau đây.

Tôi tên là Agíp, con của quốc vương Cátxíp. Sau khi cha tôi qua đời, tôi làm chủ tất cả đất nước của Người. Tôi đóng đô ngay trong kinh thành trước đây phụ vương tôi vẫn ở. Thành phố ấy nằm trên bờ biển. Nó có một bến tàu vào loại đẹp nhất và an toàn nhất. Nó có một công xưởng khá lớn đủ cung cấp thiết bị cho một trăm năm mươi chiến hạm luôn luôn sẵn sàng chiến đấu khi cần, và đủ để trang bị cho năm chục tàu chở hàng cùng chừng ấy tàu nhẹ để đi dạo mát và vui chơi trên mặt nước.

Vương quốc tôi còn gồm nhiều thành phố đẹp trên đất liền và nhiều hải đảo lớn hầu hết ở không quá xa tầm mắt của thủ đô.

Sau khi lên ngôi, tôi đi thăm các tỉnh. Sau đây tôi cho vũ trang hạm đội chuẩn bị đi tuần du các đảo. Tôi muốn, bằng sự có mặt của mình, hòa hợp nhân tâm trăm họ và động viên họ làm bốn phận người dân. Đi thăm các hải đảo về được ít lâu, tôi lại trở ra. Những chuyến đi đi về về ấy giúp tôi làm quen ít nhiều với nghề hàng hải và khiến tôi say mê đến nỗi tôi nhất định sẽ đi thám hiểm những nơi xa xôi ngoài hải phận của mình. Vì mục đích đó, tôi cho chuẩn bị chỉ mười chiếc tàu thoi, rồi xuống tàu và cho giương buồm khởi hành.

Chuyến đi của chúng tôi thuận lợi suốt bốn mươi ngày liền. Nhưng đến đêm thứ bốn mươi một, gió bắt đầu thổi ngược chiều rất dữ dội. Một cơn bão lớn nổi lên tưởng chừng như sắp nhận chìm chúng tôi. Tuy nhiên, đến tảng sáng, gió cũng dịu lại, mây tan dần, mặt trời lộ ra làm cho thời tiết trở lại tốt. Chúng tôi ghé vào một hòn đảo, nghỉ lại hai ngày để lấy sức. Xong đâu đấy, chúng tôi lại ra khơi. Sau mười ngày lênh đênh trên biển, chúng tôi bắt đầu hy vọng trông thấy đất liền. Bởi vì cơn bão vừa qua đã làm cho tôi thay đổi ý định. Tôi đã ra lệnh cho quay trở về. Tôi chợt nhận ra người hoa tiêu lạc phương hướng, không biết tàu hiện đang ở vào đâu. Đúng như vậy, vào ngày thứ mười một thủy thủ được lệnh leo lên một ngọn cột buồm chính để nhận đường, báo xuống rằng bên phải cũng như bên trái chỉ có biển và biển đến tận chân mây, nhưng trước mặt, phía mũi con tàu, có một mảng đen lớn.

Nghe báo cáo, người hoa tiêu biến sắc. Một tay giật khăn đội đầu ném xuống sàn tàu, một tay dấm vào mặt, ông kêu lên: “Ồi! chúng ta nguy mất rồi, tàu bệ hạ! Không một ai trong chúng ta có thể thoát được tai họa này.

Với tất cả kinh nghiệm của mình, tôi cũng không đủ sức bảo vệ bệ hạ.” Y vừa nói vừa khóc òa lên như một kẻ biết chắc mình không có cách nào tránh khỏi chết. Nỗi tuyệt vọng của y gieo rắc sự kinh hãi trong cả con tàu.

Tôi hỏi do đâu y tuyệt vọng như vậy. Y đáp: “Than ôi tàu bệ hạ, cơn bão hôm trước đã làm cho chúng ta đi lạc quá xa, đến mức là nội trưa mai, chúng ta sẽ đến gần cái mảng đen ấy. Đó chẳng gì khác hơn là một quả núi, và quả núi đen ấy chính là một mỏ nam châm. Ngay từ lúc này đây nam châm đã bắt đầu hút cả hạm đội của bệ hạ, bởi vì trong cấu trúc của các con tàu có nhiều đinh và vật bằng sắt. Ngày mai, khi chúng ta chỉ còn một khoảng cách nào đó, sức hút của nam châm sẽ mãnh liệt đến nỗi hút nhỏ tất cả đinh đóng trên các tàu. Đinh sẽ bay tới bám vào núi. Tàu bè sẽ tan rã và chìm xuống bể. Vì nam châm có đặc tính hút sắt và qua sức hút đó, mỗi ngày ngọn núi càng mạnh hơn lên. Ở phía ngọn núi ấy quay về phía biển phủ đầy những chiếc đinh của không biết bao nhiêu là tàu bè đã vì nó mà lâm nạn. Ngọn núi ấy, – người hoa tiêu nói tiếp – lại rất hiểm trở. Trên đỉnh núi có một tháp hình vòm bằng đồng nguyên chất đặt trên những chiếc cột cũng bằng kim loại ấy. Trên ngọn tháp ngất ngểu một con ngựa bằng đồng. Trên mình ngựa là một kỵ sĩ ngực che một tấm chì có khắc những chữ yểm bùa. Tàu bệ hạ, theo truyền thuyết thì cái tượng ấy là nguyên nhân chính gây nên tổn hại cho không biết bao nhiêu tàu bè, làm thiệt không biết bao nhiêu nhân mạng chết đuối ở chỗ này. Nó đang và sẽ vẫn là tai họa chết người cho tất cả những ai không may đến gần nó, cho tới lúc nào pho tượng ấy bị lật nhào.”

Người hoa tiêu nói xong lại khóc. Nước mắt của y làm cho tất cả thủy thủ trên tàu đều sa lệ. Bản thân tôi không tin là tôi sắp đến ngày tận số. Tuy vậy, mỗi người vẫn nghĩ tới cách bảo toàn tính mạng của mình bằng một cách thức nào đấy. Trong nỗi phân vân không biết chuyện gì rồi sẽ xảy ra, họ đều viết di chúc nói rõ rằng những ai sống sót sẽ được thừa kế tài sản của những kẻ đã qua đời.

Sáng hôm sau, chúng tôi nhìn thấy rất rõ quả núi đen, khiến cho những chuyện người ta kể về nó càng trở nên ghê gớm hơn cả lúc mới nghe. Đến trưa, chúng tôi tới khá gần. Đã bắt đầu thấy được điều người hoa tiêu nói hôm trước. Chúng tôi nhìn thấy những chiếc đinh và các vật khác bằng sắt bay về phía núi và chịu sức hút, cắm sâu vào núi, phát ra những tiếng ghê rợn. Các con tàu tan rã và chìm xuống đáy biển. Ở chỗ ấy, nước sâu đến nỗi ròng dây dò cũng không sao chạm tới đáy. Cả đội quân của tôi đều chết đuối. Do được Thượng đế đoái thương, tôi thoát chết. Tôi bám được vào một tấm ván và dạt vào chân núi. May mắn cho tôi là nơi tôi dạt vào có những bậc thang có thể trèo lên đỉnh núi mà không bị đau đớn gì lắm.

Trông thấy những bậc thang ấy, tôi rất mừng. Tôi tạ ơn Thượng đế (bởi vì

bên phải bên trái, ngoài chỗ này ra không đâu có một nơi khả dĩ đặt được bàn chân để thoát chết). Tôi bắt đầu leo lên các bậc thang rất hẹp, thẳng đứng và khó đi đến nỗi chỉ cần gió thổi mạnh hơn một ít có thể tôi đã ngã lộn đầu xuống biển rồi. Cuối cùng tôi cũng leo được lên đến trên cao mà không xảy ra tai nạn gì. Tôi bước vào trong cái tháp hình vòm và quỳ xuống tạ ơn trời đất.

Tôi ngủ qua đêm dưới cái vòm ấy. Trong chiêm bao, một cụ già đáng kính hiện ra trước mắt tôi và bảo:

- Agíp hãy nghe đây. Khi nào con thức dậy, hãy đào đất ở dưới chân. Con sẽ tìm thấy một cái cung bằng đồng và ba mũi tên bằng chì được làm ra để giải thoát cho loài người khỏi biết bao khổ hạnh đang đe dọa họ. Con nhắm vào bức tượng mà phóng ba mũi tên ấy. Viên kỵ sĩ sẽ nhào xuống biển. Con ngựa nhào xuống bên cạnh con. Con sẽ chôn nó đúng vào chỗ con vừa đào lấy cung tên. Làm xong việc đó biển sẽ trương ra và dâng lên tận chân cái tháp, cao ngang ngọn núi. Khi biển đã dâng lên tới đấy rồi, con sẽ thấy một chiếc xuồng nhỏ cập bờ. Trên xuồng chỉ có độc một người mà con đã bắt đở lộn nhào. Con hãy xuống xuồng đi cùng với nó và nhớ chớ có đọc đến tên Thượng đế. Cứ để mặc cho nó đưa con đi. Nó sẽ đưa con đi trong mười ngày vào một biển khác. Ở đấy con sẽ tìm được phương tiện để trở về nhà an toàn trót lọt, miễn là, như ta đã bảo, con chớ có đọc đến tên Thượng đế trong suốt cuộc hành trình.”

Cụ già nói với tôi như vậy. Vừa tỉnh giấc tôi vội đứng lên, hết sức vui mừng với những điều mộng báo. Tôi làm ngay điều cụ già dặn. Tôi đào lấy chiếc cung và các mũi tên lên, rồi nhắm bức tượng bắn. Đến mũi tên thứ ba, tượng nhào xuống biển, con ngựa ngã xuống cạnh tôi. Tôi chôn nó vào chỗ đã đào lấy chiếc cung và các mũi tên. Trong khoảng thời gian ấy biển bắt đầu trương lên từ từ. Khi mặt biển dâng lên đến chân cái tháp cao hình vòm, ngang ngọn núi, tôi thấy đằng xa, trên mặt biển có một cái xuồng tiến về phía mình. Tôi tạ ơn Thượng đế khi thấy mọi việc xảy ra khớp với những điều nghe trong mộng. Chiếc xuồng cập bờ. Tôi nhìn thấy người bằng đồng giống hệt cụ già trong mộng đã nói. Tôi bước xuống xuồng và tránh không đọc tên Thượng đế hoặc thốt ra một lời nào khác. Tôi ngồi xuống. Con người bằng đồng chèo xuồng ra xa quả núi. Nó chèo liên tục cho đến ngày thứ chín. Nhiều hòn đảo hiện ra làm cho tôi tin chắc mình sắp thoát sự hiểm nghèo. Nỗi mừng vui thái quá làm tôi quên bằng điều cảm đoán. Tôi thốt lên: “Nhờ ơn Thượng đế! Cảm tạ Thượng đế!”

Tôi chưa dứt lời thì chiếc xuồng đã chìm xuống đáy biển cùng với con người bằng đồng. Tôi nổi trên mặt nước. Suốt ngày hôm đó, tôi cố bơi về phía bờ mà tôi cho là gần hơn cả. Tiếp đó là một đêm tối om. Tôi không còn biết mình đang ở đâu cho nên cứ bơi bừa. Cuối cùng kiệt sức, tôi không còn

hy vọng thoát chết thì gió bỗng thổi mạnh lên. Một con sóng cao tựa quả núi hất tôi lên một bãi cát rồi rút ra, để tôi nằm lại đó. Tôi vội vàng chạy sâu hơn vào đất liền tránh một con sóng khác có thể vào cuốn mình ra chẳng. Việc đầu tiên của tôi là cởi quần áo, vắt kiệt nước rồi trải ra mặt cát còn giữ hơi nóng mặt trời ban ngày, để hong cho khô.

Ngày hôm sau, nắng làm cho áo quần tôi chẳng mấy chốc khô hẳn. Tôi mặc áo và đi sâu vào trong đảo để tìm xem mình đang ở đâu. Đi chưa được bao lâu tôi nhận ra là mình đang ở trên một đảo hoang nhỏ khá đẹp mắt, có nhiều loại cây ăn quả và cây dại. Nhưng đảo cách đất liền khá xa. Điều này làm giảm đi rất nhiều nỗi mừng vừa thoát được nạn đắm tàu. Tuy nhiên, tôi lại phó thác vào Thượng đế, tin rằng Người sẽ định đoạt số phận mình, khi nhìn thấy một chiếc tàu nhỏ giương buồm từ đất liền nhằm vào hòn đảo tôi đang ở, chạy hết tốc lực.

Tin chắc rằng thế nào chiếc tàu cũng sẽ đến buồm neo ở đây, và chưa biết rõ những người đi trên đó là bạn hay là thù, tôi nghĩ mình chưa nên ra mặt ngay. Tôi trèo lên một cây khá rậm rạp, từ đây có thể tha hồ quan sát họ mà không sợ xảy ra việc gì. Chiếc tàu ghé vào một eo nhỏ. Mười tên nô lệ lên bờ mang theo một cái thùng và các dụng cụ đào đất. Họ đi vào chính giữa đảo. Tôi nhìn thấy họ dừng lại và cuốc xới một lát. Qua cử chỉ của họ, tôi đoán họ đang nâng một cánh cửa nắp lên. Sau đó họ trở lại chiếc tàu, bốc dỡ nhiều thức ăn và giường ghế, rồi mỗi tên vác một thứ đến chỗ chúng vừa cuốc và đi lọt xuống. Tôi hiểu rằng ở đây có một cái hầm ngầm. Tôi nhìn thấy họ trở lại chiếc tàu một lần nữa, rồi lát sau lên bờ với một cụ già dẫn theo một thiếu niên mười bốn, mười lăm tuổi trông rất khôi ngô. Và khi họ trở lên và đóng cửa nắp lại, phủ kín đất rồi đi về phía eo biển, nơi chiếc tàu buồm neo, tôi nhận ra chàng thiếu niên không cùng đi với họ. Từ đây tôi kết luận là chàng ở lại dưới hầm ngầm. Ý nghĩ đó làm cho tôi cực kỳ kinh ngạc.

Cụ già và các tên nô lệ xuống tàu. Tàu giương buồm lên đường trở về đất liền. Khi con tàu đã đi xa, các thủy thủ không thể nhìn thấy mình được nữa, tôi vội tụt xuống gốc cây và vội vàng đến nơi vừa trông thấy họ cuốc. Tôi đào bới cho tới khi tìm được phiến đá vuông rộng mỗi bề chừng hai, ba bộ. Tôi lật lên và thấy nó che lối xuống một cầu thang cũng xây bằng đá. Tôi bước xuống và thấy mình ở trong một căn phòng rộng rãi thắm, có kê một chiếc sập. Trên sập trải một tấm thảm khác và có những chiếc gối tựa bọc vải đắt tiền. Chàng thiếu niên ngồi ở đây tay cầm chiếc quạt. Tôi nhận rõ những vật ấy, cũng như những trái cây và các lọ hoa để bên cạnh chàng, nhờ ánh sáng của hai cây nến chiếu rọi.

Chàng thiếu niên hoảng hốt khi nhìn thấy tôi. Nhưng để làm yên lòng chàng, vừa bước vào tôi đã nói: “Thưa ngài, cho dù ngài là ai, cũng xin đừng

sợ hãi. Một nhà vua và hoàng tử như tôi đây không thể gây nên cho ngài bất cứ điều xúc phạm nào. Ngược lại, có lẽ chính vận may của ngài đã xui khiến tôi có mặt ở nơi đây để cứu ngài ra khỏi nắm mồ, mà hình như người ta đã chôn sống ngài vì những lý do tôi không rõ. Nhưng, điều làm tôi bối rối và không thể nào hiểu nổi (bởi vì xin nói với ngài: Tôi đã chứng kiến tất cả những gì xảy ra từ khi ngài đến hòn đảo này) là hình như ngài vui lòng để cho chôn sống nơi đây mà không hề kháng cự.”

Yên tâm vì lời ấy, chàng thiếu niên tươi cười mời tôi ngồi xuống bên cạnh. Tôi ngồi xuống, chàng liền nói: “Thưa hoàng tử, tôi xin nói để ngài rõ một điều sẽ làm cho ngài ngạc nhiên vì sự đặc biệt của nó. Cha tôi là một nhà buôn vàng ngọc rất giàu có, nhờ sức lao động và tài tháo vát trong nghề nghiệp. Người có một số đông nô lệ và những người giúp việc. Họ đi lại bằng đường biển trên những chiếc tàu của cha tôi để giữ mối liên lạc với các triều đình mà cha tôi cung cấp các đồ châu báu họ cần.

Cha tôi lập gia đình đã lâu mà chưa có con. Một hôm, người được báo mộng rằng sẽ sinh hạ một đứa con trai nhưng nó sẽ không sống được lâu. Điều đó làm cha tôi rất buồn khi tỉnh giấc. Mấy hôm sau, mẹ tôi cho biết là đã có thai, và tính ra thời gian mình thụ thai trùng hợp với ngày cha tôi được báo mộng. Sau chín tháng mẹ tôi sinh ra tôi. Cả gia đình rất đổi mừng vui. Cha tôi theo dõi sát giờ tôi ra đời và đi bói các nhà chiêm tinh. Họ nói: “Con trai cụ sẽ sống không gặp tai nạn gì cho đến năm mười lăm tuổi. Đến tuổi ấy, cậu sẽ phải trải qua một nỗi hiểm nguy có thể hại đến tính mạng và có lẽ cũng khó mà qua được. Tuy vậy, nếu nhờ ơn trên mà cậu qua khỏi cái hạn này, thì cậu sẽ sống rất lâu. Bởi vì đến thời gian đó – họ nói thêm – bức tượng kỳ sĩ bằng đồng trên đỉnh núi nam châm sẽ bị hoàng tử Agíp, con vua Cátxíp bắn đổ nhào xuống bể. Các ngôi sao chiếu mệnh chỉ rằng năm mươi ngày sau, con trai cụ sẽ bị chính hoàng tử ấy giết chết.”

Vì lời tiên đoán ấy phù hợp với điềm mộng của cha tôi, người xúc động và buồn bã vô cùng. Tuy vậy Người vẫn không lơ là việc giáo dục tôi thật chu đáo cho đến năm này đây, là năm tôi mười lăm tuổi. Hôm qua, cha tôi được tin tượng kỳ sĩ bằng đồng đã bị hoàng tử mà tôi vừa gọi tên ấy hất nhào xuống biển mười hôm trước. Tin ấy làm cho Người rơi không biết bao nhiêu nước mắt. Người hoảng hốt đến nỗi không còn ai nhận ra được cha tôi như lúc ngày thường nữa.

Dựa vào lời tiên đoán của các nhà chiêm tinh, cha tôi tìm cách đánh lừa ngôi sao chiếu mệnh của tôi, để cứu cho tôi khỏi bị giết chết. Từ lâu, Người đã cẩn thận cho xây sẵn nơi ở này, phòng khi được tin bức tượng bị lật nhào thì sẽ đưa tôi đến ẩn cho qua năm mươi ngày. Bởi vậy, khi nghe tin bức tượng đó đổ cách đây mười ngày, Người vội vàng đưa tôi đến ẩn náu nơi

đây, và hứa bốn mươi ngày nữa sẽ trở lại đón. Về phần tôi, – chàng thiếu niên nói tiếp – tôi chẳng tin hoàng tử Agíp lại đến tìm tôi mãi ở dưới lòng đất tại một hòn đảo hoang vu thế này. Thưa ngài, đây là tất cả những điều tôi thưa cùng ngài.”

Trong khi con trai nhà buôn bán vàng ngọc kể chuyện cậu ta, tôi giấu thầm các nhà chiêm tinh đã tiên đoán là tôi sẽ giết cậu. Tôi tin chắc lời tiên đoán ấy sẽ không bao giờ thành hiện thực. Bởi vì chàng vừa dứt lời, tôi đã sôi nổi nói ngay:

- Thưa ngài thân mến, xin ngài hãy tin tưởng ở lòng nhân từ của Thượng đế và chớ nên sợ hãi điều gì. Ngài hãy cho rằng chuyện ấy chỉ là một món nợ phải trả và từ giờ phút này ngài đã trả xong. Tôi rất sung sướng, sau khi đắm tàu, được có mặt đúng lúc ở đây để bảo vệ ngài chống những kẻ muốn hại ngài. Tôi sẽ không rời xa ngài suốt bốn mươi ngày sắp tới mà những lời tiên đoán của bọn bói toán đã làm cho ngài lo lắng. Trong thời gian ấy, tôi sẽ đỡ dần ngài mọi công việc tôi có thể làm. Sau đó, tôi sẽ lợi dụng dịp tốt để trở về đất liền trên chiếc tàu của ngài, nếu được thân sinh ngài và ngài cho phép. Khi đã về đến nước nhà, tôi sẽ không quên ơn ngài. Tôi sẽ xin cố gắng tỏ rõ lòng biết ơn một cách xứng đáng.”

Những lời nói của tôi làm con nhà buôn vàng ngọc yên tâm và tin cậy. Tôi tránh không nói chính mình là hoàng tử Agíp mà chàng đã sợ và rất lưu ý giữ gìn để không gây cho chàng chút ngờ vực nào. Chúng tôi hàn huyên cho đến tận đêm về nhiều chuyện. Tôi nhận thấy chàng thiếu niên khá thông minh. Chúng tôi cùng ăn những thức ăn trữ sẵn trong hầm. Chàng mang theo nhiều thức ăn đến nỗi giá có thêm nhiều khách khứa nữa chứ không phải mỗi mình tôi, bốn mươi ngày sau vẫn chưa ăn hết. Dùng bữa tối xong, chúng tôi tiếp tục chuyện trò một lúc rồi đi ngủ.

Sáng hôm sau khi chàng vừa tỉnh dậy, tôi đã mang đến một chậu nước. Chàng rửa mặt, tôi đi làm thức ăn và dọn ra khi đến bữa. Sau bữa ăn, tôi nghĩ ra một trò chơi gì đấy để giải trí không chỉ trong ngày hôm ấy mà cả những ngày hôm sau. Tôi sửa soạn bữa chiều cũng giống như làm bữa ăn sáng. Chúng tôi ăn rồi đi ngủ y như ngày hôm trước.

Thời gian làm cho chúng tôi thân nhau. Tôi nhận thấy chàng rất mến tôi. Về phần mình, tôi cũng mến yêu chàng nồng nhiệt đến nỗi nhiều lần tôi tự bảo những nhà chiêm tinh đã tiên đoán với cha chàng rằng con trai cụ sẽ bị chết vì bàn tay tôi quả là những tên bịp bợm. Làm sao tôi có thể phạm một hành động độc ác như vậy. Tóm lại thưa bà, chúng tôi đã sống ba mươi chín ngày hết sức dễ chịu trong cái hầm ngầm dưới đất.

Ngày thứ bốn mươi đến. Sáng sớm vừa tỉnh dậy, chàng thiếu niên đã nói với tôi, giọng sôi nổi như không nén được nỗi mừng vui: “Thưa hoàng tử,

hôm nay thế là đến ngày thứ bốn mươi rồi mà tôi chưa chết, đó là nhờ ơn Thượng đế và nhờ có ngài làm bạn. Chẳng bao lâu nữa, cha tôi sẽ không quên cảm tạ ngài và cung cấp cho ngài đủ phương tiện và tiện nghi cần thiết để ngài trở về quý quốc. Nhưng trong khi chờ đợi, – chàng nói thêm – tôi xin ngài vui lòng đem giúp tôi ít nước nóng và cho vào cái bồn tắm tôi có mang theo. Tôi muốn tắm rửa toàn thân và thay áo quần để đón cha tôi cho đàng hoàng.”

Tôi đặt nước lên bếp và chờ cho nước ấm, tôi cho vào đầy cái bồn, tôi tự tay tắm rửa kỳ cọ cho chàng. Tắm xong, chàng lên nằm trên chiếc giường mà tôi đã sắp sẵn. Tôi đắp chăn cho chàng. Sau khi nghỉ ngơi và ngủ một chốc, chàng nói: “Thưa hoàng tử, xin ngài vui lòng mang lại đây giúp tôi một quả dưa hấu và đường, tôi muốn ăn một ít cho mát.”

Tôi chọn quả tốt nhất trong số dưa hấu còn lại, đặt lên một cái đĩa, và vì không thấy có dao để bẻ, tôi hỏi chàng có biết dao để đâu không, chàng đáp: “Có một con, để ở cái đầu cột phía trên đầu chỗ tôi kia.” Quả nhiên tôi nhìn thấy một con dao. Nhưng bởi quá vội vàng thành ra khi cầm được con dao trong tay thì chân lại vướng vào chăn, tôi ngã xuống và không may đè lên người chàng thiếu niên. Lưỡi dao đâm thọc vào tim chàng, chàng chết ngay lúc ấy.

Trông thấy cảnh tượng đó, tôi thét lên những tiếng khủng khiếp. Tôi tự đâm vào đầu, vào mặt, vào ngực mình. Tôi xé toạc áo quần và lăn lộn ra đất, đau đớn và hối hận không thể nào tả xiết. “Than ôi! – Tôi kêu lên. – chỉ còn mấy giờ nữa thôi là chàng thoát khỏi cơn hiểm nghèo khiến chàng phải đi tìm nơi ẩn náu. Và trong khi chính ta cũng tin rằng nỗi nguy hiểm đã qua rồi thì ta lại trở thành kẻ sát hại chàng, làm cho lời tiên đoán biến thành sự thật. Nhưng, hỡi Thượng đế, – tôi ngẩng đầu đưa hai tay lên trời và nói tiếp – xin Người hãy tha tội cho con, nếu con đã là thủ phạm gây nên cái chết của chàng thì xin Thượng đế chớ để cho con sống lâu hơn nữa.”

Sau tai họa vừa xảy ra, có lẽ tôi đã đón nhận cái chết không chút sợ hãi. Nhưng điều dữ cũng như điều lành không bao giờ đến với ta như mong ước. Tuy vậy nghĩ rằng những giọt nước mắt và nỗi đau của mình cũng chẳng làm cho chàng thiếu niên sống lại được nào. Mà bốn mươi ngày lại sắp sửa trôi qua, tôi có thể bị thân phụ chàng bắt giữ. Tôi liền ra khỏi cái hầm ngầm và leo lên khỏi cầu thang. Tôi hạ phiến đá lớn lấp lối đi vào rồi phủ đất lên trên.

Làm vừa xong công việc đó, nhìn ra biển về phía đất liền, tôi trông thấy chiếc tàu đến đón chàng thiếu niên. Tôi suy nghĩ xem nên làm gì đây, rồi tự nhủ: “Nếu ta lộ mặt, chắc chắn cụ già sẽ cho bọn nô lệ bắt và giết chết ngay khi ông cụ nhìn thấy tình trạng con trai. Cho dù ta có biện bạch thế nào chẳng nữa cũng không thể làm cho ông cụ tin là ta vô tội. Chỉ bằng tránh mặt

đi, còn hơn là đưa thân ra mà chịu mỗi cãm hờn của ông cụ.”

Gần hầm ngầm có một *cây* to cành lá rậm rịt, tôi thấy có thể nấp ở đây được. Tôi trèo lên, và vừa loay hoay tìm được chỗ nấp sao cho khỏi bị trông thấy, thì chiếc tàu đã cập bến đúng vào chỗ nó từng ghé hôm nọ. Cụ già cùng bọn nô lệ lên bờ ngay, và đi về phía hầm ngầm với bộ điệu chứng tỏ họ có ít nhiều hy vọng. Nhưng khi trông thấy đất vừa mới xới lên, tất cả đều biến sắc, đặc biệt là cụ già. Họ nâng phiến đá lên rồi chui xuống. Họ gọi tên chàng thiếu niên. Không có tiếng đáp. Nỗi lo sợ của họ càng tăng thêm. Họ tìm kiếm và trông thấy chàng nằm dài trên giường, lưỡi dao cãm vào đúng giữa tim, bởi vì tôi đã không có đủ can đảm rút dao ra. Trước cảnh tượng ấy, họ thét lên những tiếng đau đớn. Những tiếng kêu ấy làm khuấy động cả những nỗi đau đớn của chính tôi. Cụ già ngã xuống bất tỉnh nhân sự. Để cho cụ được ra chỗ thoáng, bọn nô lệ bế cụ lên đưa ra khỏi hầm và đặt nằm xuống ngay dưới gốc cây tôi đang nấp.

Mặc dù được chăm sóc như vậy, người cha tội nghiệp vẫn mê man một lúc khá lâu, và nhiều khi đã làm cho bọn nô lệ tưởng cụ già khó lòng qua khỏi.

Tuy nhiên, rồi ông cụ cũng hồi tỉnh sau cơn ngất khá lâu. Thế là bọn nô lệ đưa thi hài con trai ông cụ được mặc những bộ áo quần đẹp nhất ra. Đào mộ xong, họ hạ huyệt. Cụ già đầm đìa nước mắt, có hai tên nô lệ dìu, ném xuống một vài nắm đất đầu tiên, sau đó bọn nô lệ lấp kín huyệt.

Làm xong công việc ấy, họ mang bàn ghế và thức ăn còn lại dưới hầm ngầm lên và xếp xuống tàu. Sau đó cụ già không đứng vững nữa vì đau đớn quá, được đặt lên một cái cang tạm và khiêng xuống tàu. Tàu giương buồm rời đảo và chẳng bao lâu đi khuất ngoài tầm mắt tôi.

Trên hoang đảo, chỉ còn lại một mình tôi. Đêm đến tôi xuống ngủ trong cái hầm không bị lấp. Ban ngày tôi đi lang thang quanh đảo. Khi nào thấy mệt thì dừng lại ở những chỗ sạch sẽ nhất để nghỉ ngơi.

Tôi sống cuộc đời chán chường ấy suốt một tháng. Sau thời gian ấy tôi nhận thấy biển co lại khá nhiều và hòn đảo thì vươn rộng thêm ra. Hình như đất liền nhích gần lại. Đúng như vậy, nước rút đến nỗi giữa đất liền và tôi chỉ còn một khoảng biển hẹp. Tôi lội qua vào đất liền, nước chỉ ngập đến nửa ống chân. Đi bộ trên bãi cát rất lâu, tôi rất mệt. Cuối cùng đến được một nơi đất rắn hơn, và đi cách bờ biển khá xa thì trông thấy tí tap đằng trước mặt hình như có một đám lửa lớn. Điều đó làm cho tôi vui lên một chút. Tôi tự bảo: may ra ta có thể gặp được người nào, không có lẽ lửa tự nó cháy lên. Nhưng càng đến gần tôi càng vỡ nhẽ là mình nhầm. Chỉ lát sau nữa, cái mà tôi cho là đám lửa ấy kỳ thực là một tòa lâu đài bằng đồng đỏ, ánh nắng rọi vào làm cho từ xa nom như bốc lửa.

Tôi dừng lại gần tòa lầu đài ấy và ngồi xuống, vừa để ngắm nghía cấu trúc tuyệt đẹp của nó vừa để lấy lại đôi chút hơi sức. Tôi chưa kịp quan sát thật kỹ lưỡng cho đáng với ngôi nhà tráng lệ thì chợt trông thấy mười chàng trẻ tuổi tuấn tú và có vẻ như vừa đi dạo mát trở về. Nhưng điều tôi cho là khá kỳ cục, là tất cả đều bị chợt mắt bên phải. Họ đi theo một cụ già cao lớn và có vẻ đáng kính.

Tôi ngạc nhiên lạ lùng sao lại gặp bấy nhiêu người chợt cùng một lúc và cùng mắt đúng một bên mắt. Trong lúc tôi đang cố suy nghĩ, chuyện gì xảy ra làm cho họ tập hợp lại một nơi, thì họ đã đến gần và tỏ vẻ vui mừng được gặp tôi. Sau những lời chào hỏi ban đầu, họ hỏi tôi vì sao đến đây. Tôi đáp câu chuyện của tôi khá dài dòng, nếu các vị vui lòng ngồi xuống tôi xin thỏa mãn điều các vị muốn biết. Họ ngồi xuống. Tôi kể cho họ nghe những việc đã xảy ra cho tôi từ ngày từ giã đất nước mình cho đến lúc bây giờ. Họ đều rất lấy làm ngạc nhiên về những chuyện đó.

Khi tôi kể xong, các ngài trẻ tuổi ấy mời tôi cùng họ vào trong lầu đài. Tôi nhận lời. Chúng tôi đi qua vô số là sảnh ngoài, phòng đợi, phòng riêng và phòng làm việc đồ đạc đều rất sạch sẽ, rồi đến một phòng khách lớn. Ở đây có mười chiếc bục nhỏ màu xanh tách biệt kê thành vòng tròn, vừa dùng để ngồi nghỉ ban ngày vừa để ngủ đêm. Chính giữa vòng tròn ấy là một chiếc bục thứ mười một, cùng màu sắc nhưng thấp hơn. Cụ già tôi đã nói đến ngồi lên chiếc bục ở giữa, còn các ngài trẻ tuổi ngồi những chiếc bục chung quanh.

Vì mỗi chiếc bục chỉ ngồi được một người, một chàng trẻ tuổi liền bảo tôi: “Bạn hãy ngồi xuống tâm tâm chính giữa, và chớ có hỏi han về bất cứ những gì có liên quan đến chúng tôi. Chớ có hỏi vì sao tất cả chúng tôi đều chợt mắt bên phải. Bạn hãy bằng lòng chỉ nhìn xem thôi, không nên tò mò hơn nữa.”

Cụ già không ngồi yên lâu. Cụ đứng dậy và đi ra. Chỉ lát sau trở lại mang bữa cơm chiều cho mười chàng trẻ tuổi. Cụ chia khẩu phần riêng cho từng người. Cụ cũng đưa cho tôi một suất. Tôi bắt chước những người khác lặng lẽ ăn một mình. Đến cuối bữa ăn thì chính cụ già ấy mang cho mỗi người một cốc rượu. Mọi người cho câu chuyện của tôi kỳ lạ đến nỗi sau khi ăn xong, họ bắt tôi thuật lại lần nữa. Câu chuyện về tôi trở thành đầu đề bàn luận suốt cả phần lớn đêm ấy. Chợt nhớ ra đêm đã về khuya, một chàng bảo cụ già: “Bác thấy đã đến lúc đi ngủ, thế mà bác chưa đưa cho chúng tôi những thứ cần thiết để chúng tôi làm phận sự.” Nghe nói, cụ già liền đứng dậy đi vào một căn buồng rồi lần lượt mang ra mười cái chậu, tất cả đều phủ vải xanh. Cụ già đặt trước mặt mỗi chàng một cái chậu và một cây đuốc.

Họ mở chậu ra, bên trong đựng tro, than, bột và bồ hóng. Họ trộn lẫn

những thứ ấy lại với nhau, rồi bắt đầu chà lên bôi nhọ nhem mặt mũi cho đến lúc nhìn phát khiếp. Sau khi bôi đen mặt mũi như vậy rồi, họ bắt đầu khóc lóc và vừa đầm đầu đầm ngực vừa luôn miệng kêu than: “Đây là kết quả của sự ăn không ngồi rồi và chơi bời trác táng của chúng tôi!”

Thưa bà, xin bà hãy hình dung sự bức bối của tôi suốt thời gian ấy. Biết bao nhiêu lần tôi đã định phá tan sự im lặng mà các ngài ấy buộc tôi phải giữ, để cất lời hỏi họ. Suốt đêm hôm ấy, tôi không thể nào ngủ được.

Ngày hôm sau vừa tỉnh giấc, khi chúng tôi ra ngoài trời để hít thở không khí, tôi hỏi họ: “Thưa quý ngài, tôi tuyên bố là tôi không chấp nhận cái luật lệ các ngài đề ra cho tôi hôm qua. Tôi không tuân thủ nó nữa đâu. Các ngài đều là những con người khôn ngoan và thông minh rất mực, điều đó đã rõ, ấy thế nhưng tôi lại trông thấy các ngài có những hành động mà trừ những kẻ mất trí ra, không ai có thể làm. Cho dù có tai họa nào xảy đến với tôi chẳng nữa tôi cũng không thể cảm lòng không hỏi vì sao các ngài lại đi bôi tro, than và bôi hóng lên mặt, và sau nữa, vì sao tất cả các ngài chỉ có mỗi một con mắt? Chắc hẳn có một điều gì đó rất kỳ lạ gây nên. Bởi vậy tôi van các ngài hãy vui lòng nói cho tôi rõ!”

Đáp lại những lời van nài khẩn thiết như vậy, họ chỉ một mực nói là những điều tôi hỏi chẳng có quan hệ gì với tôi. Tôi chẳng có chút lợi ích gì ở đây và hãy nghỉ yên. Ban ngày chúng tôi chuyện trò về những việc không đâu, rồi đêm đêm, sau khi ăn tối riêng rẽ, cụ già lại mang các chậu xanh đến, các chàng trẻ tuổi lại bôi mặt lọ lem, lại tự đầm mình mà kêu than: “Đây là kết quả của sự ăn không ngồi rồi và chơi bời trác táng của chúng tôi!” Ngày hôm sau và những ngày hôm sau nữa họ vẫn làm những hành động đó.

Cuối cùng không kìm nổi sự hiếu kỳ nữa, tôi yêu cầu họ một cách rất nghiêm chỉnh hoặc là nói cho tôi biết hoặc là chỉ cho tôi con đường để cho tôi có thể trở về nước nhà. Bởi vì tôi không thể nào ở lại với họ lâu hơn nữa, để tôi nào cũng phải chứng kiến một cảnh tượng lạ lùng như vậy mà không được phép tìm hiểu căn nguyên.

Thay mặt tất cả, một ngài trả lời tôi: “Xin ngài chớ ngạc nhiên về thái độ của chúng tôi đối với ngài. Nếu cho đến tận bây giờ chúng tôi chưa vâng theo những yêu cầu của ngài, chẳng qua là vì tình thân hữu và để tránh cho ngài nỗi buồn sẽ phải lâm vào tình trạng như chúng tôi đây thôi. Nếu ngài muốn nếm qua cái số phận khốn khổ như số phận chúng tôi, xin ngài cứ việc nói ra, chúng tôi sẵn sàng làm thỏa những điều ngài mong muốn.” Tôi nói với họ rằng tôi quyết tâm chịu đựng đủ mọi điều. Ngài trai trẻ lại nói: “Một lần nữa chúng tôi khuyên ngài nên kiềm chế bớt sự tò mò, nó sẽ làm cho ngài thiệt mất con mắt bên phải đây.”

- Không hề gì, – tôi đáp – tôi xin tuyên bố rằng nếu điều không may ấy xảy ra cho tôi, tôi sẽ không đổ tại các ngài gây nên, mà nhận là lỗi chỉ tại ở chính mình mà thôi.

Chàng lại cho tôi biết rằng, sau này nếu tôi đã bị mất đi một mắt, tôi sẽ không thể hy vọng được ở lại đây cùng với họ, giả dụ rằng tôi muốn như vậy, bởi vì họ đã đủ về số lượng rồi, không thể tăng thêm hơn nữa. Tôi đáp tôi sẽ lấy làm thích thú nếu được không bao giờ phải xa rời những con người trung hậu như họ. Nhưng nếu bắt buộc phải chia tay thì tôi cũng sẵn sàng phục tùng với bất cứ giá nào, tôi cũng mong họ đáp ứng cho điều tôi thỉnh cầu.

Mười ngài trai trẻ thấy lòng tôi không lay chuyển, liền bắt một con cừu, cắt tiết. Sau khi lột da, họ đưa cho tôi con dao họ vừa dùng và nói: “Ngài hãy cầm lấy con dao này, nó sẽ giúp ích cho ngài vào những dịp mà chúng tôi sắp nói để ngài rõ đây. Ngài sẽ khoác tấm da này lên người và chúng tôi sẽ khâu ngài trong đó. Sau đấy chúng tôi để ngài lại đây và bỏ đi. Lúc ấy một con chim rất to mà người ta gọi là đại bàng sẽ xuất hiện trên không. Tưởng ngài là một con cừu, nó sẽ sà xuống cắp và tha ngài lên tận chín tầng mây. Nhưng ngài đừng vì thế mà kinh hãi. Nó sẽ bay trở lại mặt đất và đặt ngài xuống đỉnh một ngọn núi. Vừa chạm đất, ngài hãy dùng dao rạch đứt da cừu và chui ra. Con đại bàng vừa trông thấy ngài, sẽ sợ hãi bay đi nơi khác, để cho ngài tự do. Ngài đừng dừng lại mà cứ đi mãi cho đến khi thấy một tòa lâu đài lớn kỳ diệu, phủ toàn vàng gấm, ngọc bích và các loại đá quý khác. Ngài hãy đến trước cái cổng thường xuyên bỏ ngỏ và cứ mạnh dạn bước vào. Tất cả chúng tôi có mặt ở đây, ai cũng đều đã từng ở trong lâu đài ấy cả. Chúng tôi không nói với ngài là đã trông thấy những gì hoặc điều gì đã xảy ra cho chúng tôi: tự ngài khắc biết. Điều chúng tôi có thể thừa với ngài là

mỗi chúng tôi đều phải trả giá bằng con mắt bên phải. Cái hình phạt mà ngài từng chứng kiến ở đây là một việc chúng tôi buộc phải làm vì đã từng sống trong lâu đài ấy. Chuyện về từng người, chúng tôi ai cũng đầy rẫy những sự phiêu lưu kỳ lạ, mỗi người có thể chép thành một cuốn sách dày. Nhưng giờ đây chúng tôi không thể nói được nhiều hơn nữa.

Thưa bà, một trong số mười người chột mắt nói xong những điều mà tôi vừa thuật lại hầu bà, tôi liền chui luôn vào tấm da cừu, tay cầm con dao họ vừa đưa cho. Các ngài ấy vui lòng khâu kín tấm da lại, họ để tôi ở lại chỗ trống và trở vào phòng khách. Con đại bàng mà họ đã nói đến chẳng mấy chốc xuất hiện. Nó bổ nhào xuống, cắp tôi vào giữa các móng như cắp một con cừu rồi mang tôi lên đỉnh một ngọn núi cao.

Lúc cảm thấy chạm đất, tôi dùng con dao rạch đứt tấm da và chui ra. Con đại bàng vừa trông thấy người đã vội cất cánh bay đi. Con đại bàng ấy là một con chim trắng to lớn kỳ dị. Nói về sức lực thì nó khỏe đến mức có thể nhấc bổng cả một con voi từ dưới đồng bằng đưa lên tận núi cao để ăn thịt. Nôn nóng muốn chóng đến được tòa lâu đài, tôi không để mất một chút thì giờ. Tôi đi vội vã đến nỗi chỉ sau chưa đến nửa ngày đường đã tới nơi. Có thể nói là tôi thấy tòa lâu đài thực tế còn đẹp hơn cả người ta mô tả.

Cổng lớn để ngỏ. Tôi đi qua một cái sân vuông rộng chung quanh có chín mươi chín cửa ra vào làm bằng gỗ đàn hương và gỗ trầm và một cửa nữa bằng vàng không kể những cửa dẫn vào các cầu thang tráng lệ đưa lên những căn buồng trên gác hoặc những căn buồng khác nữa mà tôi chưa nhìn thấy. Trăm cánh cửa tôi vừa nói ấy đưa tới các khu vườn hoặc các nhà kho chứa đầy của quý, hoặc là đến những nơi xếp đầy rẫy những vật xem thật lạ lùng.

Thấy trước mặt có một cửa mở sẵn, tôi liền bước qua, đi vào một phòng khách. Trong phòng đã ngồi sẵn bốn mươi thiếu phụ xinh đẹp tuyệt trần quá mức tưởng tượng. Họ ăn mặc lộng lẫy. Thoạt trông thấy tôi, tất cả đều đứng lên. Không đợi tôi chào hỏi, họ tỏ ra rất vui và nói: “chàng trai quý mến, xin chúc mừng chàng, xin chúc mừng chàng.” Rồi một nàng cất lời nói thay cho tất cả: “Đã lâu lắm chúng em chờ đợi một chàng trai giống như chàng. Dáng điệu của chàng đủ cho chúng em thấy chàng có mọi phẩm cách chúng em mong ước. Chúng em hy vọng chàng không coi sự có mặt của chúng em là khó chịu và không xứng đáng với chàng.” Mặc dù tôi nhiều lần thoái thác, họ vẫn ép tôi ngồi xuống một chỗ hơi cao hơn chỗ họ ngồi. Khi tôi tỏ ý việc đó làm tôi phiền lòng thì họ nói: “Đây là chỗ dành cho chàng. Lúc này đây chàng là đức vua, là ông chủ, là người phán xét chúng em. Còn chúng em là những nô lệ sẵn sàng nhận lệnh của chàng.”

Thưa bà, không có gì trên đời làm cho tôi ngạc nhiên bằng thái độ hăng hái và nồng nhiệt của những cô gái xinh đẹp ấy muốn phục vụ tôi đủ mọi

việc. Một nàng mang nước nóng đến rửa chân cho tôi. Một cô khác rót nước hoa vào tay tôi. Những người này đưa đến đủ mọi thứ cần thiết cho tôi thay áo quần. Những người nọ lo dọn cho tôi một bữa lót dạ tuyệt vời. Những người khác thì tiến đến, cốc cầm tay, sẵn sàng rót cho tôi một thứ rượu kỳ thú. Tất cả những công việc đó được làm nhịp nhàng với một trật tự và sự phối hợp khéo léo, với những phong thái làm cho tôi say mê. Tôi uống rượu và ăn quả. Sau đó tất cả những thiếu phụ đến ngồi quanh xin tôi thuật lại cho nghe chuyện đi của tôi. Tôi kể chi tiết cho họ những việc đã xảy ra. Câu chuyện kéo dài cho đến tối. Chuyện kể xong, một vài người ngồi gần tôi nhất trong số bốn mươi thiếu phụ ấy ở lại cùng tôi chuyện trò, còn những người khác thấy trời đã tối, đứng dậy đi tìm nến. Họ mang đến rất nhiều cây nến và ánh nến thay thế một cách kỳ diệu ánh sáng ban ngày. Các chân đèn được bày biện cân đối quá mức mong ước.

Những nàng khác dọn ra bàn những trái cây khô, mứt và các món nhắm rượu, và mang xếp sẵn vào tủ rượu nhiều loại rượu vang và rượu ngọt, những người khác nữa thì mang nhạc cụ ra. Khi mọi việc đâu vào đấy, họ mời tôi ngồi vào bàn. Các nàng cũng cùng ngồi với tôi. Chúng tôi ăn uống khá lâu. Những người đàn sáo và ca sĩ đứng lên trình bày một bản hợp tấu êm dịu. Những cô khác bắt đầu trình diễn một loại vũ đạo. Họ nhảy múa từng đôi, hết cặp này đến cặp khác, một cách duyên dáng nhất trần đời.

Quá nửa đêm thì những tiết mục liên hoan ấy chấm dứt. Lúc ấy thiếu phụ cất lời nói với tôi: “chàng đã mệt vì chuyến đi đường hôm nay. Đã đến lúc mời chàng đi nghỉ. Buồng riêng của chàng đã sắp sẵn. Nhưng trước khi vào, xin chàng hãy chọn trong tất cả chúng em đây người nào chàng thích hơn cả để vào cùng ngủ với chàng.” Tôi đáp rằng tôi sẽ không lựa chọn như họ gợi ý. Tất cả các nàng đều xinh đẹp, tài hoa, đều xứng đáng cho tôi kính trọng và hầu hạ. Tôi sẽ không khiếm nhã tới mức chuộng người này hơn người kia.

Thiếu phụ ấy lại nói tiếp: “chúng em rất tin ở sự thẳng thắn của chàng, chúng em thấy rõ vì sợ chúng em sinh lòng ghen tuông với nhau cho nên chàng giữ ý. Nhưng mong rằng chàng chớ vì thế mà không lựa chọn. chúng em xin thề trước đề chàng rõ là hạnh phúc của người mà chàng lựa chọn sẽ không làm cho ai ganh tị, bởi vì chúng em đã thỏa thuận với nhau, hết người này đến lượt người khác ngày nào cũng có một người trong bọn chúng em được hưởng hạnh phúc. Sau bốn mươi ngày thì lặp lại từ đầu. Vậy nên chàng hãy tự do lựa chọn và chớ để phí thì giờ nghỉ ngơi mà chàng đang cần.”

Tôi đành phải nhượng bộ những lời khẩn khoản của họ. Tôi đưa tay cho thiếu phụ vừa nói thay tất cả chị em, nàng cầm tay tôi và người ta đưa chúng tôi vào căn buồng tráng lệ. Họ để hai chúng tôi ở đấy. Các thiếu phụ khác lui về buồng riêng của mình.

Sáng hôm sau, tôi vừa mặc quần áo, thì ba mươi chín thiếu phụ khác đã vào buồng. Tất cả đều ăn vận khác ngày hôm trước. Họ chào và hỏi thăm sức khỏe tôi. Sau đó họ dẫn tôi vào buồng tắm, tự tay tắm rửa cho tôi. Mặc dù tôi không đồng ý, họ vẫn giúp tôi đủ mọi việc cần thiết. Khi tôi tắm xong, họ mặc cho tôi bộ quần áo khác còn đẹp đẽ hơn bộ mặc hôm qua.

Suốt ngày, hầu như chúng tôi chỉ ngồi ở bàn ăn. Đến giờ đi ngủ, các nàng lại yêu cầu tôi chọn một người để làm bạn. Thừa bà, để bà đỡ chán tai vì nghe lặp đi lặp lại một chuyện ấy, tôi xin nói tóm tắt là tôi sống một năm rông rã cùng bốn mươi thiếu nữ ấy, mỗi đêm ngủ với một người. Trong suốt thời gian ấy, cuộc đời nhung lụa không bị một nỗi buồn phiền nhỏ nhất nào làm cho gián đoạn.

Cuối năm (không có gì làm cho tôi bất ngờ hơn) một buổi sáng, bốn mươi thiếu phụ ấy, đáng lẽ đến thăm và hỏi thăm sức khỏe của tôi như thường lệ, lại bước vào phòng, hai má người nào cũng đầm đìa nước mắt. Họ lần lượt đến ôm hôn tôi và âu yếm nói: “Vĩnh biệt, hoàng tử thân yêu, vĩnh biệt! Chúng em phải xa chàng thôi.”

Nước mắt các nàng làm tôi cảm động. Tôi van nài họ hãy cho tôi biết căn nguyên của nỗi buồn và của sự biệt ly mà họ vừa nói: “Nhân danh Thượng đế, các cô em xinh đẹp của ta ơi, hãy cho ta biết, ta có thể an ủi hoặc giúp ích được chút gì cho các cô em hay không?” Họ không trả lời thẳng mà lại nói: “Giá mà chúng em chưa bao giờ được trông thấy hoặc được quen biết chàng! Trước chàng, nhiều chàng trai đã hạ cố đến thăm chúng em. Nhưng không một ai có được cái duyên dáng, sự dịu hiền, tính vui vẻ và tư cách như chàng.” Nói xong họ lại khóc thảm thiết. Tôi lại hỏi: “Các cô em xinh đẹp của ta ơi, ta van các cô em chớ để cho ta âu sầu hơn nữa! Hãy cho ta biết vì sao các cô em đau buồn?”

- Hỡi ơi! – Họ đáp. – Còn có căn nguyên nào có thể làm cho chúng em buồn bã ngoài sự bắt buộc phải xa lìa chàng? Có lẽ chúng em sẽ chẳng bao giờ còn được gặp lại chàng nữa đâu! Tuy nhiên, nếu chàng muốn và nếu chàng vì chúng em mà có đủ nghị lực tự chủ bản thân thì cũng không phải là không có dịp gặp lại nhau lần nữa.

- Các cô em ơi, – tôi đáp – tôi chẳng hiểu tí gì về điều các cô em vừa nói. Xin các cô em hãy nói rõ ràng hơn!

Một nàng trả lời:

- Vậy thì, để làm vừa lòng chàng, chúng em xin thưa rõ: chúng em đều là công chúa, con vua. Chúng em cùng sống chung ở đây với niềm lạc thú mà chàng thấy đấy. Nhưng cứ hết mỗi năm, chúng em lại bắt buộc phải vắng mặt bốn mươi ngày để làm những phận sự cần thiết mà chúng em không được phép nói rõ. Sau đó chúng em trở lại lâu đài này. Hôm qua vừa hết

năm. Hôm nay chúng em phải từ giã chàng. Đó là nguyên nhân làm cho chúng em buồn bã. Trước khi đi, chúng em để lại cho chàng mọi thứ chìa khóa, đặc biệt là chìa khóa một trăm cánh cửa, để giúp chàng có cách thỏa mãn sự hiếu kỳ và làm dịu bớt nỗi cô đơn trong thời gian vắng chúng em. Nhưng, vì hạnh phúc của chàng và lợi ích đặc biệt của tất cả chúng ta, chúng em cần dặn chàng chớ có nên mở cánh cửa bằng vàng. Nếu chàng mở cánh cửa ấy ra, chúng em sẽ chẳng bao giờ được gặp lại chàng, chính nỗi lo về chuyện ấy đang làm cho chúng em càng thêm đau khổ. Chúng em hy vọng lời khuyên của chúng em sẽ có ích cho chàng. Nó quyết định sự yên tĩnh và hạnh phúc đời chàng. Xin chàng chú ý cho, nếu chàng chẳng giữ được sự hiếu kỳ không đúng đắn, chàng sẽ tự gây hại lớn cho mình. Bởi vậy chúng em van chàng chớ có phạm sai lầm ấy để cho chúng em được niềm an ủi rồi sẽ gặp lại chàng ở đây sau bốn mươi ngày xa cách. Chúng em ra đi có thể mang theo mình cái chìa khóa mở cánh cửa bằng vàng. Song làm như vậy sẽ là một điều xúc phạm đối với một hoàng tử như chàng, sẽ là hoài nghi tính kín đáo và sự biết kiềm chế của chàng.

Thưa bà, lời các công chúa xinh đẹp gây cho tôi một nỗi đau buồn thật sự. Tôi không quên bày tỏ với họ rằng sự vắng mặt của họ sẽ gây cho tôi nhiều ưu phiền. Tôi cảm ơn những lời khuyên bảo tốt lành của họ. Tôi quả quyết với họ rằng tôi sẽ chú ý lời khuyên bảo. Tôi còn có thể làm những việc còn khó khăn hơn thế nhiều để được cái hạnh phúc là sẽ sống những ngày còn lại của đời mình với những người đàn bà có phẩm cách hiếm thấy như họ.

Phút chia tay thật là lưu luyến. Tôi ôm hôn các nàng hết người này đến người khác. Sau đó họ ra đi để một mình tôi ở lại trên tòa lâu đài.

Niềm lạc thú được sống cùng với họ, thức ăn ngon, các buổi hòa nhạc, các trò vui làm tôi bận rộn suốt cả năm đến nỗi không còn thì giờ, cũng không có chút ham thích nào đi xem những điều kỳ thú có thể có trong lâu đài huyền ảo này. Tôi cũng không để ý đến cả bao nhiêu đồ vật tuyệt tác trông thấy hằng ngày, vì quá say mê sắc đẹp của các nàng và vì quá vui thích khi thấy các nàng chỉ có mỗi một điều chăm lo duy nhất là tìm cách làm đẹp lòng tôi. Tôi buồn rầu sâu sắc khi họ ra đi. Và mặc dù họ vắng mặt chỉ có bốn mươi ngày, tôi cảm thấy như sắp phải trải qua một thế kỷ không có các nàng. Tôi thề hứa sẽ không quên lời khuyên bảo quan trọng của họ, sẽ không mở cánh cửa bằng vàng. Nhưng bởi vì chỉ trừ việc đó mà thôi, còn ra tôi được phép thỏa mãn sự tò mò, tôi liền cầm lấy cái chìa khóa thứ nhất trong những chìa khóa dùng để mở các cánh cửa đã được sắp xếp theo thứ tự.

Mở cửa thứ nhất, tôi đi vào một vườn cây ăn quả mà tôi nghĩ rằng trong khắp vũ trụ không có nơi nào có thể so sánh bằng.

Tôi cũng không chắc cái vườn ngọc uyển ở chốn thiên đường mà đạo Hồi

chúng ta vẫn hứa hẹn cho con người khi sang thế giới bên kia có thể hơn được thế này hay không. Tính đối xứng, vẻ sạch sẽ, cách sắp xếp các cây trồng, sự phong phú và đa dạng của hàng nghìn loại quả tươi tốt xinh đẹp chưa hề biết đến bao giờ làm cho tôi rất thích mắt.

Thưa bà, tôi không thể bỏ qua không thừa để bà chú ý cho rằng cái vườn cây tuyệt diệu này được tưới nước theo một cách đặc biệt. Các mương nhỏ đào khéo léo và cân xứng, dẫn nước tưới dồi dào cho rễ những cây cần trở lá đậm hoa. Các mương khác dẫn lượng nước ít hơn cho những cây đã đậu quả. Các mương khác nữa tưới với lượng nước còn ít hơn nữa cho những cây quả đang độ lớn. Còn những cây quả đã lớn đủ rồi, chỉ còn chờ chín thì nước tưới chỉ vừa vắn đủ thôi. Thế nhưng những trái cây này vẫn lớn hơn rất nhiều so với những quả thường thấy trong vườn chúng ta. Và cuối cùng, các con mương khác dẫn nước cho những cây quả đã chín vừa đủ độ ẩm cần thiết để giữ lại trên cây mà không làm nẫu quả vì quá mọng.

Tôi quan sát và ngắm nghía không biết chán nơi đẹp như vậy. Có lẽ tôi sẽ không chịu ra khỏi vườn, đầu óc tràn đầy những điều kỳ diệu. Tôi mở cánh cửa tiếp theo.

Lần này không phải là một vườn quả mà là một vườn hoa, cũng không kém phần đặc biệt. Bên trong mỗi bồn hoa rộng được tưới nước không phải theo cách vừa rồi mà còn công phu hơn nhiều để giữ cho mỗi loại hoa không phải hút nhiều lượng nước quá mức cần thiết. Hoa hồng, hoa nhài, hoa huệ, hoa thủy tiên, hoa dạ lan, hoa mẫu đơn, hoa uất kim, hoa mao hương, hoa cẩm chướng... Cơ man loại hoa mà giá ở vào những nơi khác thì chỉ nở theo mùa. Nhưng ở đây tất cả cùng nở rộ một lúc. Thật không có gì sáng khoái hơn hít thở không khí trong vườn này.

Tôi mở cánh cửa thứ ba, thấy một nhà nuôi chim rất rộng. Nền nhà lát cẩm thạch đủ các loại màu, loại đá quý nhất, hiếm nhất. Lồng chim làm bằng gỗ đàn hương và trầm hương. Trong lồng nhốt cơ man là chim họa mi, chim kim oanh, chim bạch yến, chim sơn ca và các loại khác có tiếng hót du dương hơn mà cả đời tôi chưa bao giờ nghe nói đến tên. Các lọ đựng thức ăn, nước uống cho chim đều bằng đá hoa vân và bằng mã não quý nhất.

Ngoài ra, nhà nuôi chim rất sạch sẽ. Chỉ nhìn kích thước ngôi nhà, tôi nghĩ cần phải có không ít hơn một trăm người chăm nom thì mới giữ cho nó luôn luôn được tinh tươm thế này. Tuy không hề thấy bóng người ở nơi đây cũng như trong các khu mà tôi đến thăm, trong vườn tuyệt không có một ngọn cỏ dại hay một vật thừa nhỏ nhặt nào làm chướng mắt người xem.

Mặt trời đã lặn. Tôi ra khỏi nhà, lòng còn say mê bởi tiếng líu lo của muôn hoa và chim chóc lúc ấy đang tranh nhau tìm chỗ đậu thuận tiện nhất để nghỉ đêm. Tôi trở về buồng riêng và định bụng sẽ mở tất cả các cánh cửa trong

những ngày tới, trừ cửa thứ một trăm.

Ngày hôm sau, tôi đi mở cánh cửa thứ tư. Nếu những gì trông thấy ngày hôm trước có thể gây cho tôi sự ngạc nhiên, thì những vật thấy hôm nay làm cho tôi mê mẩn. Tôi đặt chân vào một cái sân rộng trước một tòa nhà kiến trúc tuyệt diệu, mà tôi sẽ không miêu tả lại hầu bà để tránh sự dài dòng. Tòa nhà ấy có bốn mươi cửa luôn luôn mở rộng, mỗi cửa dẫn tới một kho tàng. Trong số đó có nhiều kho tàng có giá trị lớn hơn kho tàng các vương quốc lớn nhất. Kho đầu tiên chứa những đồng ngọc. Điều khó tin là những viên quý nhất lớn bằng quả trứng bồ câu trở lên lại nhiều hơn những viên cỡ bình thường. Trong kho tàng thứ hai, có kim cương, ngọc hồng và ngọc tía. Trong kho thứ ba, ngọc bích. Trong kho thứ tư, vàng bạc nén. Trong kho thứ năm, tiền đồng. Trong kho thứ sáu, bạc nén. Hai kho tiếp đó là tiền các loại. Các kho khác chứa ngọc tía, ngọc xanh, ngọc vàng, ngọc mắt mèo, ngọc lam, ngọc vân và tất cả các loại đá quý khác mà ta biết, không kể vân thạch, mã não trắng, mã não đỏ. Còn sân hồ thì xếp cả một kho đầy, không phải chỉ có cảnh thôi mà là cả những cây san hô nguyên vẹn.

Ngạc nhiên và khâm phục, tôi thốt lên, sau khi xem tất cả những vật báu đó: “Không, tất cả các kho tàng của tất cả các vua chúa trong vũ trụ tập trung lại một nơi, cũng không sánh được những kho báu này. Hạnh phúc thay cho ta được làm chủ tất cả của cải này cùng với bao nhiêu năng công chúa yêu kiều!”

Thưa bà, tôi sẽ không dừng lại để kể chi tiết với bà tất cả những đồ vật hiếm có và quý báu khác mà tôi trông thấy những ngày tiếp sau. Tôi chỉ nói rằng cần đến không ít hơn ba mươi chín ngày mới mở hết chín mươi chín cái cửa và ngắm nghía tất cả những gì bày ra trước mắt. Chỉ còn lại mỗi một cánh cửa thứ một trăm, cấm không được mở nữa mà thôi.

Đã đến ngày thứ bốn mươi kể từ hôm các công chúa kiêu diễm ra đi. Ngày hôm ấy nếu tôi có đủ nghị lực cần phải có để tự kiềm chế thì bây giờ tôi đã là con người sung sướng nhất trong tất cả loài người, chứ không phải là con người khốn khổ nhất. Còn một ngày nữa thôi là các công chúa trở lại. Niềm vui được gặp lại họ đáng ra phải hãm bớt sự tò mò của tôi. Nhưng do một sự yếu đuối mà tôi không bao giờ thôi hối hận, tôi đã sa vào sự quyến rũ của quỷ sứ nó không cho tôi yên ổn được một chút nào, nó buộc tôi tự dần thân vào con đường khổ ải mà rồi mình sẽ phải trải qua. Tôi đã mở cánh cửa tai hại mà tôi đã hứa là sẽ không mở.

Vừa mới đưa chân định bước vào thì một mùi hương khá dễ chịu nhưng không hợp với tạng người tôi, làm cho tôi ngã xuống bất tỉnh. Tuy nhiên, tôi tỉnh dậy được. Đáng lẽ hiểu ra sự cảnh cáo ấy mà đóng cửa lại và không bao giờ còn ham muốn thỏa mãn sự tò mò của mình nữa, thì tôi lại vẫn cứ bước

vào, sau khi đợi một lát cho khí trời làm loãng bớt mùi hương ấy đi một chút. Tôi không còn bị khó chịu vì cái mùi ấy nữa.

Đây là một nơi rộng rãi, mái có vòm tròn và nền rải rác những củ nghệ. Nhiều cây đuốc bằng vàng khối cắm nền tỏa sáng dậy mùi trầm hương và xạ hương. Ánh sáng được tăng thêm bởi ánh sáng những ngọn nến bằng vàng và bằng bạc mà dầu đốt được làm bằng nhiều loại hương trầm.

Giữa một số khá nhiều đồ đặc thu hút sự chú ý của tôi, tôi nhận thấy một con ngựa đen đẹp nhất, hoàn hảo nhất chưa ai từng thấy trên đời này. Tôi xích lại gần để ngắm nghía cho rõ hơn. Nó mang bộ yên cương bằng vàng khối, chạm trổ công phu. Máng thức ăn của nó một bên chứa lúa mạch đã xát vỏ và hạt vừng, một bên chứa nước hoa hồng. Tôi nắm dây cương kéo nó ra ngoài trời để xem cho rõ. Tôi trèo lên lưng và muốn thúc nó đi. Nó không nhúc nhích. Tôi cầm chiếc roi mềm nhặt được trong chuồng ngựa trắng lệ để đánh nó. Vừa cảm thấy ngọn roi chạm vào mình, nó đã cất tiếng hí ghê rợn. Rồi xòe đôi cánh lúc này tôi không nhìn thấy, nó bay bỗng lên trời cao tít tắp. Tôi chỉ còn nghĩ tới chuyện bám thật chắc vào con vật. Mặc dù khiếp đảm, tôi cưỡi ngựa cũng không đến nỗi tồi. Nó bay quay trở lại mặt đất, hạ xuống mái bằng một tòa lâu đài, vó chưa chạm đến đất nó đã tung mạnh, hất tôi ngã nhào ra đằng sau. Rồi nó đưa đuôi của nó chọc thủng mắt bên phải của tôi.

Tôi trở nên chột mắt bằng cách như vậy đấy thưa bà. Tôi mới nhớ lại rất rõ điều mà mười chàng trai trẻ đã nói trước với tôi. Con ngựa lại bay lên không trung và biến mất. Tôi đứng dậy, rất buồn rầu vì tai họa tự mình gây nên. Tôi đi trên mái bằng, một tay bưng con mắt rất đau đớn tôi tụt xuống và thấy mình ở trong một phòng khách có mười chiếc bục xếp thành vòng tròn, ở giữa là một chiếc tháp hơn. Tôi hiểu ra ngay, đây chính là tòa lâu đài nơi con đại bàng đã đến và cắp tôi đi dạo nó.

Mười ngài trai trẻ chột mắt không có trong phòng khách. Tôi chờ, lát sau họ đến đông đủ cùng với cụ già. Họ không tỏ ra ngạc nhiên chút nào khi gặp lại tôi và thấy tôi đã chột mất một mắt. Họ nói: “Chúng tôi rất tiếc là không thể chúc mừng ngài trở về theo cách chúng tôi mong ước. Nhưng chúng tôi không phải là nguyên nhân gây nên tai họa cho ngài.”

- Tôi sẽ sai nếu dám trách móc các ngài về chuyện đó. – Tôi đáp. – Chính tôi đã tự chuốc lấy tai họa vào thân. Tôi xin nhận tất cả lỗi về phần mình.

- Nếu niềm an ủi của những người đau khổ là có được những kẻ giống mình, – họ lại nói – thì gương của chúng tôi đây có thể an ủi ngài được một phần nào. Những gì xảy ra cho ngài cũng đã từng xảy ra cho chúng tôi. Chúng tôi đã thưởng thức đủ mọi điều hoan lạc trong suốt một năm ròng. Có lẽ chúng tôi đã tiếp tục hưởng hạnh phúc ấy nếu không tò mò mở cánh cửa

bằng vàng trong khi vắng mặt các nàng công chúa. Ngài đã không khôn ngoan hơn chúng tôi. Ngài đã chịu cùng hình phạt như chúng tôi. Chúng tôi rất muốn nhận ngài ở lại đây để cùng nhau thi hành cái hình phạt mà chúng tôi không rõ sẽ kéo dài bao lâu nữa. Nhưng ngài đã biết rõ những lý do không cho phép chúng tôi làm như vậy. Bởi vậy ngài hãy đi đi, hãy đến triều đình ở Bátđã. Ngài sẽ tìm thấy ở đấy Đấng thống lĩnh sẽ quyết định số phận của ngài.

Họ chỉ cho tôi đường đi, và tôi từ giã họ. Dọc đường, tôi cho cạo râu và chân mày, và mặc áo quần khất sĩ. Tôi đi bộ lâu lắm rồi. Cuối cùng đến thành phố này. Tôi gặp ở cổng thành các khất sĩ đồng đạo của tôi kia, cả ba anh em đều rất ngạc nhiên thấy cùng chợt mắt bên phải. Nhưng chúng tôi không có đủ thời giờ để nói với nhau về cái điều bất hạnh chung ấy. Thưa bà chúng tôi chỉ có đủ thời giờ đến đây nài xin sự giúp đỡ được trú qua đêm, mà bà đã thuận cho một cách hào hiệp.”

Chàng khất sĩ thứ ba kể chuyện mình xong, nàng Zôbêít nói với chàng cùng hai đồng đạo: “Hãy đi đi, cả ba người đều được tự do, các ngài muốn đi đâu thì đi.” Nhưng một trong ba chàng đáp: “Thưa bà, xin bà thứ lỗi cho sự tò mò của chúng tôi và cho phép chúng tôi được nghe chuyện mà quý ông đây chưa kể.”

Lúc ấy thiếu phụ liền quay về phía hoàng đế, tể tướng Giafa và Mêrua mà nàng vẫn chưa biết là ai. Nàng bảo: “Đến lượt các ngài kể chuyện về mình, hãy nói đi.”

Tể tướng Giafa bao giờ cũng là người phát ngôn, trả lời nàng Zôbêít:

- Thưa bà, tuân lệnh bà, chúng tôi xin lặp lại những điều đã nói trước khi vào quý xá. Chúng tôi là những nhà buôn ở Mút-xun, chúng tôi đến Bátđã để dạm bán hàng hóa hiện đang cất ở trong kho một cái trại mà chúng tôi trọ. Hôm nay chúng tôi cùng nhiều bạn đồng nghiệp ăn tối ở nhà một người buôn trong thành phố này. Ông ta sau khi chiêu đãi chúng tôi những món ăn thịnh soạn và các loại rượu tuyệt vời, đã cho gọi vũ công và vũ nữ, ca sĩ và nhạc công đến. Tiếng ồn ào do chúng tôi gây nên làm lính tuần tra kéo đến và bắt đi một số người trong đám tiệc. Về phần chúng tôi, may mắn chạy thoát. Nhưng bởi đã quá muộn, cổng vào trại đã đóng, chúng tôi không biết về đâu. Tình cờ đi ngang qua phố này, chúng tôi nghe nhà ta đang có tiếng vui chơi. Việc đó làm chúng tôi quyết định gõ cửa. Thưa bà, đấy là điều chúng tôi phải thuật lại theo lệnh bà.

Nghe xong những lời đó, Zôbêít có vẻ do dự chưa biết nên xử trí thế nào. Các khất sĩ nhận thấy, liền xin nàng hãy đối xử tốt với ba nhà buôn ở Mút-xun như đã đối xử với ba chàng. Nàng nói: “Đã thế thì ta đồng ý, ta muốn rằng tất cả các người đều chịu ơn ta như nhau. Ta tha cho các người

nhưng với điều kiện là tất cả các người ra khỏi nhà này ngay, rồi ai muốn đi đâu tùy ý.”

Zôbêít ra lệnh đó với một giọng buộc mọi người phải tuân theo. Hoàng đế, tể tướng, Mêrua, ba khất sĩ và gã khuân vác liền ra đi mà không cãi lại, bởi sự có mặt của bảy tên nô lệ vũ trang buộc họ phải nể vì. Khi họ đã ra khỏi nhà và cổng đã đóng lại rồi, hoàng đế hỏi các khất sĩ mà không để lộ mình là ai: “Các ngài là người lạ mà mới đến thành phố này, bây giờ trời lại chưa sáng, vậy các ngài định đi về hướng nào?”

- Thưa ngài, – họ đáp – đây là điều đang làm cho chúng tôi băn khoăn.

- Mời các ngài đi theo chúng tôi! – Hoàng đế nói. -Chúng tôi sẽ giúp các ngài thoát khỏi khó khăn.

Nói xong, nhà vua dặn riêng tể tướng: “Hãy đưa họ về nhà tể tướng, và sáng sớm mai dẫn họ đến cho ta. Ta muốn sao chép câu chuyện của họ. Những chuyện ấy đáng được chép vào sử biên niên của triều đại ta.”

Tể tướng Giafa dẫn theo ba khất sĩ. Gã khuân vác về nhà, còn hoàng đế có Mêrua đi theo, trở lại hoàng cung. Người đi nằm nhưng không thể nào chợp mắt, đầu óc vẫn còn bị khuấy động bởi bao nhiêu chuyện dị kỳ vừa thấy và nghe. Điều nhà vua băn khoăn nhất muốn biết Zôbêít là ai. Vì đâu nàng ngược đãi hai con chó đen? Vì sao ngực Amin lại sứt sẹo? Cho đến sáng nhà vua vẫn còn loay hoay với những ý nghĩ ấy trong đầu. Người trở dậy, đến triều đường và ra lệnh thiết triều.

Hoàng đế ngồi lên ngai vàng. Lát sau tể tướng đến và chúc tụng nhà vua như thường lệ. Hoàng đế phán: “Tể tướng à, những công việc chúng ta xử lý hôm nay không có gì cấp bách lắm. Việc của ba người thiếu phụ và hai con chó đen kia còn khẩn thiết hơn nhiều. Đầu óc ta chưa thanh thản chừng nào ta chưa được biết đầy đủ về bấy nhiêu chuyện đã làm cho ta kinh ngạc. Khanh hãy đi đi, hãy triệu các bà ấy đến đây, đồng thời dẫn cả ba khất sĩ đến! Hãy đi ngay và nhớ rằng ta đang nóng lòng chờ đợi khanh trở về.”

Tể tướng đã biết rõ tính tình cương nghị và nóng nảy của nhà vua, vội vàng tuân lệnh. Ông đến nhà các thiếu phụ, trình bày với họ một cách thẳng thắn lệnh dẫn họ đến ra mắt hoàng đế mà không nói gì về những việc đã xảy ra tại nhà ba người đêm hôm trước. Ba thiếu phụ đeo mạng vào và đi theo tể tướng. Ông tạt qua nhà gọi ba khất sĩ. Ba chàng đã được báo rằng họ đã gặp hoàng đế và được nói chuyện với Người mà không hay.

Tể tướng dẫn tất cả vào cung. Ông làm xong nhiệm vụ được giao rất nhanh chóng, khiến hoàng đế hài lòng. Để giữ lễ tiết trước các quan trong triều đang có mặt lúc đó, nhà vua cho phép ba thiếu phụ đứng sau bức rèm che của cửa gian buồng dẫn tới hậu cung, và cho ba khất sĩ đứng cạnh mình.

Ba chàng không dám thất lễ khi được biết mình đang ở trước mặt ai.

Các thiếu phụ yên vị. Hoàng đế quay về phía họ và nói: “Thưa các bà, khi ta nói cho các bà biết rằng đêm hôm qua ta cải trang làm nhà buôn, đã đến nhà các bà, chắc sẽ làm cho các bà lo sợ. Có thể các bà nghĩ rằng vì đã xúc phạm đến ta cho nên ta cho triệu các bà tới đây để trả hận. Các bà hãy yên tâm. Hãy tin rằng ta đã quên những việc đã xảy ra. Hơn nữa ta còn hài lòng về cách xử sự của các bà. Ta sẽ nhớ mãi thái độ ôn hòa của các bà khi chúng ta nhã làm điều thô lỗ. Hôm qua ta là nhà buôn ở Mútxun. Nhưng bây giờ ta là Harun An-Rasít, vị hoàng đế thứ năm của triều đại Abátxít quang vinh, đang trị vì thay Đấng tiên tri vĩ đại của chúng ta^[28]. Tại sao mỗi bà sau khi đánh đập hành hạ hai con chó đen lại khóc lóc cùng với chúng? Ta cũng muốn biết tại sao ngực một bà lại đầy những vết sẹo?”

Mặc dù hoàng đế nói những lời vừa rồi rất rành mạch và ba thiếu phụ đều đã nghe rõ, tể tướng Giafa vẻ trịnh trọng vẫn không quên nhắc lại đầy đủ, theo đúng nghi thức trong triều.

Hoàng đế nói xong, Zôbêít tuân lệnh. Để thỏa mãn điều người đòi hỏi, nàng trình bày câu chuyện của nàng như sau:

CHUYỆN NÀNG ZÔBÊÍT

Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, chuyện tôi sắp kể hầu bộ hạ đây là một trong những chuyện kỳ lạ nhất chưa bao giờ ai nghe nói tới. Hai con chó cái đen và tôi là ba chị em sinh cùng cha mẹ, và tôi sẽ kể do tai biến kỳ quặc như thế nào mà họ bị hóa thành chó cái.

Hai người đàn bà cùng sông với tôi và hiện đang có mặt ở đây, cũng là những em gái tôi nhưng cùng cha khác mẹ.

Cô ngực đầy vết sẹo tên là Amin, cô kia là Xaphi, còn tôi là Zôbêít.

Sau khi cha tôi qua đời, gia tài người để lại được chia đều cho chúng tôi. Hai cô này, sau khi lĩnh phần của mình rồi, liền từ giã tôi, trở về sống với mẹ đẻ. Hai người chị kia và tôi ở cùng với mẹ tôi. Sau đấy mẹ tôi qua đời, để lại cho chúng tôi mỗi người một nghìn đồng *xocanh*.

Chúng tôi lĩnh phần của mình xong thì hai chị tôi – tôi là em út – thành gia thất. Các chị đi theo chồng, để tôi ở lại một mình. Lấy nhau được ít lâu, người chồng chị cả bán tất cả tài sản và đồ đạc, rồi mang số tiền anh ta có cộng với số vốn riêng của chị tôi, hai người sang ở bên châu Phi. Ở đấy, chồng chị tôi tiêu pha xài phí vào rượu chè, trai gái hết nhẫn tài sản của anh ta và cả vốn liếng chị tôi mang theo. Tiếp đó, thấy mình trở thành khánh kiệt, anh ta kiếm ra một cái cớ để bỏ vợ và đuổi chị tôi đi.

Chị tôi trở lại Bátđá, không khỏi trải qua bao nhiêu khổ ải do một cuộc hành trình xa xôi như vậy gây nên. Chị tôi đến ẩn náu ở nhà tôi trong tình trạng thảm thương đến mức có thể làm xúc động những tấm lòng sắt đá nhất. Tôi đón chị với tất cả tình thương yêu mà chị tôi có thể trông chờ. Tôi hỏi làm sao chị lâm vào tình cảnh khốn đốn như vậy. Chị tôi vừa khóc vừa kể cho tôi nghe tính hạnh xấu xa của chồng và cách anh ta đối xử tồi tệ với chị. Tôi cũng xúc động về điều không may của chị. Hai chị em cùng khóc với nhau. Sau đó, tôi dẫn chị tôi đi tắm rửa, đưa quần áo sạch của tôi cho chị tôi thay và nói: “chị ạ, chị là chị cả, em coi chị như mẹ. Trong thời gian chị đi xa, em đã dùng số tiền ít ỏi được chia làm việc chăn tằm kéo tơ, và cũng được trời ngó lại. Chị hãy coi tất cả tài sản của em đây như là của chị, chị muốn dùng vào việc gì thì dùng.” Hai chị em tôi chung sống thuận hòa với nhau trong nhiều tháng, chúng tôi thường nói chuyện về người chị hai của tôi và đều ngạc nhiên sao không nhận được tin tức gì của chị ấy. Chợt một hôm, chị ấy trở về, cũng trong tình cảnh giống y như chị cả chúng tôi lần trước, chồng chị ấy cũng đối xử tàn tệ với chị ấy như vậy, và tôi đón tiếp chị ấy cũng thân yêu nồng hậu như đối xử với chị cả trước đây.

Ít lâu sau, hai chị tôi ngỏ ý muốn đi lấy chồng, viện cớ không muốn để cho tôi phải tốn kém. Tôi đáp: “Nếu các chị không có lý do nào khác hơn là

sợ tốn kém cho em, thì các chị có thể yên tâm mà ở lại đây. Gia sản của em đủ cung ứng cho cả ba chị em ta sống một cuộc đời xứng đáng.” Tôi nói thêm: “Nhưng em e rằng hai chị thực sự lạ. Muốn đi bước nữa. Nếu quả như vậy, thú thật em rất lấy làm lạ. Sau kinh nghiệm chẳng vui vẻ gì về mặt chồng con, sao hai chị còn có thể nghĩ tới việc đó một lần nữa nhỉ? Các chị biết rằng khó tìm được một ông chồng trung hậu hoàn toàn. Các chị hãy nghe lời em, chúng ta hãy tiếp tục cùng sống với nhau một cách âm êm nhất.” Tất cả những gì tôi nói ra với họ đều vô ích. Họ đã quyết tâm tái giá và thực hiện ý định ấy.

Nhưng mấy tháng sau, hai chị tôi trở lại tìm tôi. Hai chị hết lời xin lỗi vì đã không nghe theo lời khuyên của tôi. Họ nói: “Em là em út, nhưng em khôn ngoan hơn các chị. Nếu em vui lòng nhận cho hai chị vào nhà em một lần nữa và coi hai chị như nô tì, thì hai chị sẽ không phạm lại một sai lầm như vậy nữa đâu.”

- Các chị thân yêu ơi, – tôi đáp – từ lần cách xa hai chị vừa rồi cho đến nay, lòng em đối với các chị chẳng có gì thay đổi. Các chị hãy trở lại, hãy cùng chung hưởng với em những gì em có!

Tôi ôm hôn họ và chúng tôi lại sống với nhau như những ngày trước.

Ở với nhau được một năm hoàn toàn hòa thuận, thì tôi nảy ra ý muốn làm một chuyến đi biển. Tôi muốn thử bước vào con đường thương mại xem sao. Bởi vì nhờ trời vốn liếng của tôi cũng đã khá lên. Nhằm mục đích đó, tôi cùng hai chị đến Banxôra^[29] mua một chiếc tàu với đầy đủ trang bị, xếp đầy hàng hóa đưa từ Bátđá tới. Chúng tôi lên đường thuận buồm xuôi gió, chẳng mấy chốc đã ra khỏi vịnh Ba Tư. Ra khơi chúng tôi cho tàu chạy về phía Ấn Độ. Sau hai mươi ngày thì trông thấy đất. Đây là một ngọn núi khá cao, dưới chân núi là một thành phố từ ngoài nhìn vào rất đẹp. Được gió, chúng tôi đến bến cảng khá sớm. Tàu buông neo tại đây.

Tôi không đủ kiên nhẫn chờ hai chị tôi kịp sửa soạn để cùng đi. Tôi lên bờ một mình, đi thẳng vào thành phố. Tôi trông thấy một số đông người ngồi và những người khác đứng, tay mỗi người đều cầm một cái gậy. Diện mạo họ xấu xí đến nỗi tôi phát khiếp. Tuy vậy, nhận thấy họ đều đứng yên không nhúc nhích, tôi đến gần và nhận ra tất cả đều đã hóa đá.

Tôi vào trong thành và đi qua nhiều phố xá, đó đây gặp nhiều người trong những tư thế khác nhau, song tất cả đều không cử động bởi đều đã hóa đá. Ở khu phố các nhà buôn, phần lớn các cửa hiệu đều đóng cửa, tôi nhìn thấy mọi người cũng đều thành đá. Nhìn lên các ống khói không thấy có khói bay ra tôi suy ra rằng, ở trong nhà cũng như ở ngoài, mọi vật đều đã biến thành đá cả rồi.

Đến một quảng trường rộng ở chính giữa thành phố, tôi thấy một cái cổng lớn dát những tấm vàng ròng, hai cánh để ngỏ. Phía trước có một tấm rèm bằng lụa rủ xuống. Trên cửa có một ngọn đèn treo. Sau khi nhìn kỹ ngôi nhà, tôi tin chắc đây là cung điện của nhà vua trị vì nước này. Nhưng rất ngạc nhiên vì không gặp một người còn sống nào, tôi đến tận nơi, may ra có gặp được ai chăng. Tôi nâng bức rèm và điều tôi càng ngạc nhiên hơn là ở dưới tiền đình, cũng chỉ có mấy người gác cổng hay vệ sĩ kẻ đứng, người ngồi hoặc nửa nằm nửa ngồi, nhưng đều đã hóa đá.

Tôi đi qua một cái sân rộng có đông người. Kẻ này có vẻ đang đi, người kia hình như đang lại, tuy nhiên ai nấy đều đứng yên không nhúc nhích, bởi vì họ cũng đều đã hóa đá cả rồi như tất cả những ai tôi đã gặp. Tôi đi sang một cái sân thứ hai, rồi thứ ba, đâu đâu cũng đều một cảnh vắng vẻ và im lìm khủng khiếp ấy.

Đến cái sân thứ tư, tôi thấy đằng trước có một tòa nhà rất đẹp, tám lưới chẳng cửa sổ đúc bằng vàng ròng. Tôi đoán rằng đó là cung của hoàng hậu. Tôi bước vào trong một căn buồng, có nhiều hoạn nô da đen đã hóa đá. Tôi lại sang tiếp một căn buồng khác, đồ đạc rất sang trọng, ở đây một người đàn bà cũng hóa đá. Tôi nhận ra đúng là hoàng hậu, nhờ ở chiếc mũ miện bằng vàng đội trên đầu và một chuỗi ngọc hạt rất tròn và cỡ đều to hơn quả dẻ đeo ở cổ. Tôi nhìn kỹ, thật khó có những viên ngọc nào đẹp hơn.

Tôi ngắm nghía một lúc những cửa và sự tráng lệ của căn buồng ấy, nhất là tấm thảm trải nhà, cái gối tựa và chiếc sập bọc vải Ấn Độ nền vàng, thêu hình người và hình súc vật bằng ngân tuyến, rất công phu.

Từ căn buồng của hoàng hậu hóa đá, tôi sang nhiều căn phòng khác và những căn buồng sạch sẽ, sang trọng dẫn tới một gian nhà rộng khác thường, ở đây có một chiếc ngai bằng vàng khối đặt trên bệ cao mấy bậc và khảm bằng mấy viên hồng ngọc lớn. Bên trên ngai là một chiếc giường phủ vải rất sang, nệm ngọc sáng chói. Điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả là một thứ ánh sáng long lanh tỏa ra từ trên chiếc giường ấy. Tò mò muốn biết cái gì phát sáng như vậy, tôi leo lên, thò đầu nhìn và thấy một chiếc giá con đặt một viên kim cương lớn bằng quả trứng đà điểu, hoàn hảo đến mức không nhận ra một tí vết nào. Nó sáng chói đến mức mắt tôi không chịu nổi khi nhìn thẳng vào viên ngọc. Ở đầu giường, mỗi bên có thắp một cây đuốc sáng không rõ dùng để làm gì. Tuy vậy quang cảnh đó làm cho tôi suy ra rằng hẳn còn có người nào còn sống trong cung điện đẹp đẽ này, bởi vì không thể tin là các ngọn đuốc lại tự nó thắp sáng lên được. Nhiều nét đặc biệt khác làm tôi dừng chân lại ở căn phòng mà riêng viên kim cương vừa nói đã làm cho nó trở thành vô giá.

Vì tất cả các cửa đều để ngỏ hoặc chỉ cần đẩy nhẹ là mở ra, tôi đi qua

nhieu căn buồng khác cùng đẹp như vậy. Tôi đến tận các nhà bếp và những nơi xếp bàn ghế, chứa đầy vô số của cải. Tôi mãi mê xem xét tất cả những điều kỳ diệu ấy đến nỗi quên khuấy cả công việc của bản thân mình. Tôi chẳng còn nghĩ gì đến con tàu và các chị tôi, mà chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn sự tò mò của mình: Trong khi đó, trời tối dần làm tôi chợt nhớ ra đến lúc phải trở về. Tôi muốn trở lại bằng con đường mới đến, nhưng không dễ gì tìm ra được. Tôi lạc lối trong các căn phòng. Khi trở lại được gian nhà rộng có chiếc ngai, cái giường, viên kim cương lớn và các ngọn đuốc thấp sáng, tôi quyết định nghỉ đêm ở đó, sáng hôm sau sẽ trở về tàu sớm. Tôi lên giường nằm không khỏi lo sợ thấy có mỗi một mình giữa một nơi vắng lặng đến thế này. Có lẽ chính nỗi lo ấy làm cho tôi không sao ngủ được.

Vào khoảng nửa đêm, tôi nghe như có tiếng người nào đọc kinh Côran với cái giọng đúng như giọng chúng ta vẫn quen dùng trong các đền thờ đạo Hồi ta. Điều đó làm cho tôi mừng rỡ. Tôi trở dậy ngay, rồi cầm một cây đuốc soi đường, tôi đi từ phòng này sang phòng khác, về phía có tiếng cầu kinh. Tôi dừng lại trước cửa một căn phòng mà tôi tin chắc là tiếng cầu kinh từ trong đó vọng ra. Đặt cây đuốc xuống đất, tôi nhìn qua một khe hở, thấy căn phòng giống như một nơi giảng kinh. Quả vậy, ở trong ấy cũng có, như trong các đền của chúng ta, một cái khám để tín đồ hướng vào mà đọc kinh, nhiều ngọn đèn treo thấp sáng và hai chân đèn cắm những cây nến trắng lớn cũng đang cháy sáng.

Tôi cũng nhìn thấy một tấm thảm nhỏ trải sẵn, theo cách như chúng ta vẫn trải để ngồi lên cầu kinh. Một người đàn ông trẻ ngồi lên tấm thảm ấy, chăm chú đọc cuốn kinh Côran đặt trên một chiếc giá nhỏ trước mặt. Thấy vậy, lòng tràn trề khâm phục, tôi tự hỏi làm sao lại có mỗi một người còn sống trong một thành phố mà tất cả các sinh vật đều đã hóa đá, chắc hẳn có một chuyện gì rất kỳ diệu ở đây.

Cánh cửa chỉ cần đẩy nhẹ là mở ra. Tôi bước vào đứng giữa cái khám xường to: “Ngợi ca Thượng đế đã ban cho chúng con thuận buồm xuôi gió! Xin Người hãy ban phúc lành, hãy che chở cho chúng con như vậy cho đến khi chúng con trở về tới nước nhà! Xin Thượng đế hãy nghe và hãy thỏa lời cầu nguyện của chúng con.”

Chàng trẻ tuổi ngược nhìn tôi và nói: “Thưa bà, xin bà hãy cho tôi biết bà là ai và việc gì đưa bà đến thành phố ảm đạm này? Để đáp lại, tôi sẽ thưa để bà rõ tôi là ai, việc gì đã xảy ra cho tôi, căn nguyên vì sao thành phố này bị lâm vào tình trạng như bà trông thấy đây, và tại sao chỉ còn mỗi mình tôi an toàn vô sự qua một cơn tàn phá kinh khủng như thế này.”

Tôi kể vắn tắt tôi từ đâu đến, điều gì thôi thúc tôi làm chuyến đi này và đã cập bến thuận lợi ra sao, sau hai mươi ngày trên biển. Nói xong, tôi xin

chàng vui lòng thực hiện lời hứa. Tôi nói rõ là mình hết sức xúc động trước cảnh bi thảm gặp trên mọi nẻo đường vừa qua.

Chàng liền nói: “Thưa bà quý mến, xin bà vui lòng chờ cho một lát.”

Nói xong, chàng gấp cuốn kinh Côran, cho vào một cái túi quý và đặt vào trong khám. Nhân thời gian ấy, tôi cẩn thận ngắm chàng và thấy chàng có duyên và xinh đẹp đến nỗi trong lòng tôi cuộn lên những cảm xúc chưa từng thấy bao giờ. Chàng mời tôi ngồi xuống bên cạnh. Trước khi chàng cất lời, tôi không thể nào cầm lòng không nói với chàng với thái độ biểu lộ những tình cảm mà chàng gợi lên trong tôi: “Hỡi chàng trai kính mến, không ai có thể nôn nóng hơn tôi muốn được sáng tỏ về biết bao nhiêu điều kỳ lạ đập vào mắt, kể từ khi tôi đặt chân vào thành phố của chàng. Tôi mong sự hiếu kỳ của tôi sớm được thỏa mãn. Chàng hãy nói đi. Tôi van chàng hãy cho tôi biết nhờ sự thần kỳ nào mà chàng còn sống sót giữa bao nhiêu người chết một cách dị thường.”

- Thưa bà, – chàng trẻ tuổi đáp – qua lời cầu nguyện của bà vừa rồi, tôi rõ là bà đã biết đến đáng Thượng đế chân chính. Bà sắp nghe đây một câu chuyện biểu hiện oai phong và quyền lực của Người. Tôi xin nói, thành phố này là thủ đô của một vương quốc hùng mạnh mà vua cha tôi mang tên. Nhà vua, tất cả triều thần và dân cư thành phố này cũng như cả nước này đều thờ thần Lửa và thần Nácđun, nguyên là chúa tể của những con quỷ khổng lồ chống lại Thượng đế.

Mặc dù sinh ra từ cha mẹ theo tà giáo, tôi may mắn hồi còn thơ ấu có thầy dạy là một bà Hồi giáo ngoan đạo. Bà thuộc lòng kinh Côran và giảng kinh rất giỏi. Bà thường bảo tôi: “Hoàng tử ạ, chỉ có một Thượng đế chân chính mà thôi. Hoàng tử nhớ không được thừa nhận và tôn thờ những đáng khác.” Bà dạy tôi đọc chữ A Rập. Cuốn sách tập đọc đầu tiên của tôi là cuốn kinh Côran. Khi tôi bắt đầu có trí khôn, bà giảng cho tôi mọi điều trong cuốn tuyệt tác ấy. Bà dạy tôi nắm vững tinh thần giáo lý, mà không để cho cha tôi và mọi người hay biết. Bà đã qua đời, nhưng cũng kịp dạy cho tôi tất cả những gì cần thiết để tôi có thể hoàn toàn tin tưởng vào chân lý của đạo Hồi. Sau khi bà mất, tôi vẫn thường xuyên giữ được lòng tin về những điều bà dạy bảo. Tôi rất khinh ghét tà thần Nácđun và tục tôn thờ thần Lửa.

Cách đây ba năm mấy tháng, bỗng dưng có một tiếng rao âm âm vang động khắp thành phố, nhưng rất rành mạch, không một người dân nào không nghe rõ: “Hỡi nhân dân, hãy từ bỏ sự thờ phụng Nácđun và thần Lửa, hãy tôn thờ Thượng đế bác ái duy nhất nhân từ!

Tiếng rao đó vang lên suốt ba năm liền, nhưng không một ai quy theo chính đạo. Thế là đến ngày cuối cùng của năm thứ ba, bốn giờ sáng, tất cả dân cư không loại trừ ai trong giây lát đều hóa đá, mỗi người trong tư thế

mình đang làm lúc đó. Vua cha tôi cùng chịu chung số phận ấy. Người bị biến thành một tảng đá đen hiện còn ở một nơi trong cung này. Mẹ tôi cũng chịu chung số kiếp tương tự.

Tôi là người độc nhất Thượng đế tha cho khỏi sự trừng phạt ghê gớm. Từ hôm ấy, tôi tiếp tục tôn thờ Thượng đế nhiệt tâm hơn bao giờ hết. Thưa bà xinh đẹp của tôi, tôi tin chắc rằng Người đưa bà đến đây là để an ủi tôi, bởi vì xin thú thật nỗi cô đơn thật là đáng chán.”

Tất cả câu chuyện ấy, và đặc biệt những lời cuối cùng làm cho tôi càng cảm thấy tình cảm nồng nhiệt đối với chàng. Tôi nói: “Thưa hoàng tử, không nên hoài nghi gì nữa, chính Đấng tối cao run rủi cho tôi đến hải cảng của chàng và tạo cơ hội giúp chàng rời xa một nơi tang tóc. Chiếc tàu mà tôi vừa rời để lại đây có thể chứng tỏ cho chàng thấy tôi cũng có ít nhiều địa vị ở Bátđã. Tôi còn để lại ở đây nhiều tài sản lớn. Tôi xin đường đột hiến chàng một nơi tạm trú cho đến khi Đấng thống lĩnh hùng mạnh các tín đồ, vị đại diện của Đấng tiên tri vĩ đại^[30] nhận ra chàng và ban cho mọi vinh dự mà chàng xứng đáng được hưởng. Nhà vua nổi tiếng ấy ngự ở Bátđã. Một khi Người được tin chàng đã đến kinh đô, lập tức Người sẽ tỏ cho chàng thấy, không một ai cầu xin sự ủng hộ của Người mà không thỏa được mong ước. Làm sao chàng có thể ở lâu hơn nữa trong một thành phố mà mọi vật đều làm cho chàng không sao chịu đựng nổi? Chiếc tàu của tôi là để hầu hạ chàng, chàng tuyệt đối có quyền sử dụng nó.”

Hoàng tử nhận lời, suốt phần đêm còn lại chúng tôi trò chuyện với nhau về việc xuống tàu.

Trời vừa tảng sáng, chúng tôi ra khỏi hoàng cung đi đến bến cảng. Ở đây các chị tôi, viên thuyền trưởng và bọn nô lệ đang rất lo lắng cho tôi. Sau khi giới thiệu các chị tôi với hoàng tử, tôi kể cho các chị nghe điều gì đã cản trở tôi hôm trước không kịp về tàu, sự gặp gỡ hoàng tử, câu chuyện của chàng và nguyên nhân gây tai họa cho một thành phố đẹp như vậy.

Các thủy thủ mất nhiều ngày để bốc dỡ những hàng hóa tôi đưa đến. Rồi họ lại mất nhiều ngày để xếp lên tàu ngọc ngà, vàng bạc, tất cả những gì quý báu nhất trong cung điện. Chúng tôi đành bỏ lại bàn ghế và vô số đồ dùng bằng vàng bạc vì không thể nào mang đi hết. Có lẽ cần phải có nhiều chuyến tàu nữa thì mới có thể chở về Bátđã tất cả những của cải chúng tôi trông thấy ở đây.

Sau khi xếp lên tàu những đồ vật muốn mang theo, chúng tôi lấy thêm thức ăn và nước ngọt cần thiết cho cuộc hành trình, về thức ăn, vẫn còn lại nhiều thứ mang đi từ Banxôra. Cuối cùng, chúng tôi khởi hành với cơn gió thuận lợi như mong ước.

Hoàng tử, các chị tôi và tôi sống với nhau thoải mái. Nhưng than ôi! Sự thuận hòa kéo dài chẳng được bao lâu. Hai chị tôi đâm ghen tị khi nhận thấy giữa hoàng tử và tôi có sự thông cảm. Một hôm các chị tôi hỏi tôi một cách tinh quái rằng chừng nào về đến Bátđã, chúng tôi sẽ làm gì hoàng tử.

Tôi biết rõ các chị hỏi câu ấy là để thăm dò tình cảm của tôi. Vì vậy, làm như câu chuyện đang nói là chuyện bông đùa, tôi đáp tôi sẽ cưới hoàng tử làm chồng. Tiếp đó quay sang phía chàng, tôi nói: “Thưa hoàng tử, tôi xin chàng hãy đồng ý. Bao giờ chúng ta tới Bátđã, ý định của tôi là hiến dâng cho chàng, tôi nguyện trở thành một kẻ nô lệ rất hèn mọn của chàng, để hầu hạ chàng và coi chàng như người chủ tuyệt đối của mình.”

- Thưa bà, – hoàng tử đáp – tôi không biết có phải bà nói đùa không, nhưng về phần tôi, tôi xin tuyên bố rất nghiêm chỉnh trước mặt các bà chị của bà đây, rằng từ lúc này tôi vui lòng nhận lời, không phải để coi bà như một kẻ nô tì mà là phu nhân của tôi, bà chúa của tôi. Tôi xin hứa sẽ không làm trở ngại đến các hoạt động của bà.

Nghe câu nói đó, mặt các chị tôi biến sắc. Tôi cảm nhận từ giờ phút ấy, tình cảm các chị đối với tôi không còn được như trước nữa.

Chúng tôi đang ở trong vịnh Ba Tư và gần đến Banxôra. Với cơn gió vẫn thuận, tôi hy vọng ngày hôm sau chúng tôi sẽ tới cảng này. Nhưng ngay đêm hôm đó, các chị tôi đã đang tâm ném tôi xuống biển khi tôi đang ngủ. Họ cũng làm như vậy đối với hoàng tử. Chàng bị chết đuối. Còn tôi, may thay, hay đúng hơn là nhờ có sự thần kỳ, tôi bơi được ít lâu thì chân chạm đất. Tôi tiến về một đám đen đen mà trong đêm tối mịt mù, tôi đoán là một cù lao. Quả nhiên tôi lên được bờ. Sáng ra, tôi nhận rõ tôi đang ở trên một hoang đảo nhỏ cách Banxôra chừng hai mươi hải lý. Tôi hong khô áo quần dưới nắng. Trên đường đi, trông thấy có nhiều loại trái cây và có cả nước ngọt nữa, tôi hy vọng ít nhiều là có thể sống sót.

Tôi đang ngồi nghỉ ở bóng râm thì chợt trông thấy một con rắn có cánh, khá to và dài, bò tới phía tôi, mình lão đảo, lưỡi thè ra. Tôi đoán chắc nó đang gặp phải việc gì nguy hiểm. Tôi đứng lên và thấy nó bị một con rắn to hơn đuổi theo cắn lấy đuôi, và đang cố sức để nuốt chửng nó. Vì thương hại, tôi thành ra bạo gan. Nhặt một hòn đá tình cờ thấy bên cạnh, tôi ráng hết sức ném vào đầu con rắn to. Hòn đá đập nát đầu nó. Con rắn nhỏ thấy mình được tự do, liền giương cánh bay đi. Tôi nhìn theo hồi lâu như nhìn một vật kỳ lạ. Khi không còn trông thấy nữa tôi mới ngồi xuống bóng râm ở một chỗ khác và ngủ thiếp đi.

Xin bệ hạ hãy tưởng tượng nỗi ngạc nhiên của tôi lúc tỉnh dậy, thấy bên cạnh mình có một người đàn bà da đen nét mặt sắc sảo và đáng mến, tay rồng sợi dây buộc cổ hai con chó cái cũng màu đen. Tôi đứng phắt dậy và

hỏi người đàn bà ấy là ai. Bà ta đáp: “Ta là con rắn vừa được cô giải thoát khỏi kẻ thù hung bạo của ta cách đây không lâu. Ta nghĩ rằng không có cách nào đền đáp cô tốt hơn bằng hành động ta vừa mới làm. Ta biết rõ sự phản bội của hai chị cô. Để trả thù cho cô, khi vừa mới được tự do nhờ có cô cứu giúp, ta đã gọi ngay các bạn bè của ta, cũng đều là thần tiên đến. Chúng ta đã chuyển tất cả hàng hóa trên tàu cất vào các kho của cô ở Bátđà. Sau đấy đánh chìm tàu. Hai con chó cái đen ấy là chị của cô, mà ta bắt phải hóa thành kiếp chó. Nhưng sự trừng phạt này chưa đủ. Ta muốn rằng cô sẽ đối xử với chúng theo cách mà ta sẽ nói sau đây.”

Nói đến đây, bà tiên cắp chặt tôi vào một bên nách, bên kia cắp hai con chó cái, bà đưa chúng tôi bay trở về nhà ở Bátđà. Đến đây tôi trông thấy tất cả của cải chở trên tàu đã được xếp vào kho. Trước khi từ giã, bà tiên giao cho tôi hai con chó cái và bảo: “Nhân danh Đấng có quyền uy tối thiêng liêng, ta truyền cho cô mỗi đêm phải đánh mỗi chị cô một trăm roi để trừng phạt chúng về tội chúng gây ra cho bản thân cô và cho hoàng tử trẻ đã bị chúng làm chết đuối. Nếu không làm đúng lời ta dặn, cô cũng sẽ bị hóa thành chó như chúng.” Tôi bắt buộc phải hứa là sẽ thực hiện đúng mệnh lệnh của bà.

Từ buổi ấy, tối nào tôi cũng phải lấy làm tiếc mà đối xử với hai chị tôi theo cách bệ hạ từng chứng kiến. Bằng nước mắt của mình, tôi muốn tỏ cho các chị tôi thấy tôi làm một phận sự tàn ác mà lòng xiết bao đau đớn. Bệ hạ đã thấy rõ tôi đáng thương hơn đáng trách. Nếu còn có điều gì có liên quan đến tôi mà bệ hạ muốn biết rõ hơn thì em Amin tới đây sẽ làm sáng tỏ qua câu chuyện về cô ấy.

Sau khi đã lắng nghe hết câu chuyện của nàng Zôbêít với lòng mến phục, hoàng đế thông qua lời tể tướng, truyền cho nàng Amin hãy vui lòng cho biết vì sao người nàng đầy vết sẹo. Và nàng Amin, hướng về phía hoàng đế, bắt đầu kể câu chuyện về nàng như sau:

CHUYỆN NÀNG AMIN

Tâu Đẳng thống lĩnh các tín đồ, để khỏi phải nhắc lại những điều mà bề hạ đã rõ qua câu chuyện chị tôi vừa kể, tôi nói ngay rằng mẹ tôi sau khi tậu một cái nhà để sống riêng biệt cho qua những ngày góa bụa đã gả tôi cho một trong những người thừa kế giàu có nhất thành phố này. Tôi được mang theo làm của hồi môn tất cả tài sản mà thân phụ tôi để lại cho tôi.

Lấy nhau chưa được một năm thì chồng tôi mất, để lại cho tôi toàn bộ gia tài trị giá tới chín mươi chín nghìn đồng *xocanh*. Lợi tức của riêng số tiền ấy cũng đã thừa đủ cho tôi sống một cách khá đàng hoàng, tuy nhiên, sáu tháng tang chồng vừa đoạn, tôi cho sắm mười bộ áo quần lông lấy khác nhau, tốn tới một nghìn đồng *xocanh* một bộ. Đến cuối năm thì tôi bắt đầu chung diện.

Một hôm, tôi ở nhà một mình, đang bận công việc trong gia đình thì được báo có một bà cụ muốn nói chuyện với tôi. Tôi cho mời vào. Đây là một người tuổi đã khá cao. Bà cụ cúi hôn mặt đất để chào tôi, rồi vắn quỳ mà nói: “Thưa bà, xin bà tha thứ cho tôi dám đường đột đến quấy rầy bà. Chính vì tin chắc vào lòng nhân hậu của bà cho nên tôi mới dám tự tiện như vậy. Thưa bà đáng kính, tôi xin nói rằng tôi có một đứa con gái mồ côi bố, hôm nay cháu lấy chồng, cháu và tôi đều là người nơi khác đến. Chúng tôi không hề quen biết ai trong thành phố này. Điều đó làm cho chúng tôi bối rối, bởi vì chúng tôi muốn tỏ cho họ hàng đông đúc bên thông gia của tôi thấy rằng chúng tôi không phải loại người khổ rách áo ôm mà cũng có ít nhiều địa vị trong xã hội. Thưa bà nhân hậu, chính vì vậy mà nếu bà có lòng tốt cho chúng tôi được vinh hạnh đón tiếp bà trong lễ cưới của cháu, chúng tôi sẽ còn đội ơn bà. Có thể qua việc đó mà tỏ cho các bà họ hàng ở quê ra biết rằng, chúng tôi ở đây không phải bị coi như những kẻ cùng khổ, khi họ thấy một con người cao sang như bà lại hạ cố cho chúng tôi một vinh hạnh lớn lao. Nếu bà khước từ lời cầu xin của tôi thì than ôi! chúng tôi tủi nhục vô cùng, bởi vì không còn biết trông cậy vào đâu được nữa.”

Bà cụ tội nghiệp vừa nói vừa khóc, làm cho tôi đâm thương hại. Tôi nói: “Mẹ ạ, mẹ chớ có buồn. Tôi sẵn sàng vui lòng giúp mẹ điều mẹ nhờ. Mẹ hãy cho biết phải đi đến đâu, tôi cần có thời gian để mặc cho nó sạch sẽ một chút thôi.” Nghe tôi nói như vậy, bà cụ mừng rơn. Bà hôn chân tôi nhanh chóng đến nỗi không thể nào ngăn kịp. “Thưa bà nhân hậu, – cụ vừa nói vừa đứng lên – Thượng đế sẽ ban thưởng cho bà bởi lòng vàng bà đối với tôi. Thượng đế sẽ làm mãn nguyện bà như bà đã làm mãn nguyện chúng tôi. Giờ chưa đến lúc phiền đến bà. Tôi nay mời bà đi theo tôi lúc nào tôi đến rước. Xin tạm biệt bà.”

Bà cụ vừa đi khỏi, tôi mặc bộ áo quần thích nhất, đeo một chuỗi ngọc lớn, vòng tay, nhẫn và một đôi hoa tai kim cương thuần khiết nhất, long lanh

nhất. Tôi linh cảm thấy điều gì đó sắp xảy ra.

Trời vừa tối, bà cụ đã trở lại nhà tôi, vẻ mặt rất hớn hờ. Bà hôn tay tôi và nói: “Thưa bà quý mến, các bà có họ hàng với con rể tôi cũng đều là những phu nhân có danh vọng ở thành phố này. Họ đã tề tựu đông đủ. Lúc nào bà thấy tiện, xin mời bà đi. Tôi sẵn sàng dẫn đường hầu bà.” Bà cụ và tôi đi ngay. Bà cụ đi trước, tôi theo sau cùng với nhiều nữ tì ăn mặc sạch sẽ. Chúng tôi đến một phố khá rộng, vừa mới quét dọn và tưới nước, và dừng lại trước một cổng lớn có nhiều đèn lồng soi sáng dòng chữ lớn sau đây được thếp vàng: *Đây là nơi trú ngụ vĩnh viễn của các lạc thú và mừng vui.*

Bà cụ gõ cửa. Có người ra mở ngay.

Người ta dẫn tôi vào một gian phòng lớn ở mé cuối sân, ở đây tôi được một phụ nữ trẻ tuổi sắc đẹp vô song ra tiếp. Sau khi ôm hôn tôi và mời tôi ngồi xuống cạnh nàng, trên một chiếc sập có đặt chiếc ngai bằng gỗ quý nam kim cương, nàng nói:

- Thưa bà, người ta mời bà đến đây để dự lễ cưới, nhưng tôi hy vọng rằng lễ cưới này sẽ khác hẳn lễ cưới mà bà hình dung. Tôi có một ông anh khôi ngô tuấn tú và tài giỏi hơn tất cả mọi người. Anh tôi quá say mê sắc đẹp của bà. Anh tôi sẽ rất đau khổ nếu không được bà đoái thương. Anh tôi biết rõ địa vị của bà trong xã hội. Tôi có thể quả quyết rằng địa vị của anh tôi không phải là không xứng đáng để kết bạn với bà. Thưa bà, nếu những lời cầu xin của tôi có chút ảnh hưởng nào thì tôi xin góp lời cùng với anh trai tôi mà van bà đừng từ chối lời cầu hôn của anh tôi!

Từ khi chồng tôi qua đời, tôi chưa bao giờ có ý nghĩ tái giá. Nhưng tôi không đủ sức khước từ lời cầu xin của một con người xinh đẹp dường này. Tôi im lặng và đỏ mặt. Nàng hiểu tôi đã bằng lòng liền vỗ tay ra hiệu. Một cánh cửa lập tức mở ra. Một chàng trai trẻ bước vào, vẻ đường bệ và duyên dáng đến nỗi tôi tự cho mình rất may mắn mới chinh phục được một chàng trai hay như vậy. Chàng ngồi xuống cạnh tôi. Qua lời trò chuyện, tôi nhận thấy phẩm giá của chàng còn cao hơn nhiều so với những gì cô em gái chàng vừa nói với tôi.

Khi nhận thấy hai chúng tôi đã bằng lòng nhau, nàng vỗ tay một lần nữa. Một pháp quan bước vào làm giấy giá thú, ký tên rồi bảo bốn người làm chứng đi theo cùng ký vào. Điều duy nhất mà người chồng mới đòi hỏi ở tôi là không được cho bất cứ một người đàn ông nào ngoài chồng được nhìn thấy mặt hay trò chuyện với tôi. Chàng thề rằng, chỉ cần thực hiện một điều kiện ấy thôi, tôi sẽ có đầy đủ lý do để hài lòng về chàng. Cuộc hôn nhân của hai chúng tôi tiến hành và kết thúc theo cách ấy. Hóa ra tôi lại là vai chính của đám cưới mà chỉ có mình tôi được mời đến dự.

Một tháng sau lễ cưới, vì cần một loại vải, tôi xin phép chồng tôi ra phố để

mua. Được chàng cho phép, tôi chọn bà cụ mà tôi đã nói đến, vốn là người nhà, và hai ả nô tì của tôi cùng đi.

Đi đến phố các nhà buôn, bà cụ thưa với tôi: “Thưa bà chủ, biết bà cần mua một tấm lụa, tôi xin đưa bà đến nhà một người buôn trẻ. Anh ta có đủ loại hàng, bà đỡ phải mất công đi hiệu này qua hiệu khác. Tôi xin quả quyết rằng bà sẽ tìm thấy ở hiệu anh ta những thứ không nơi nào có.” Tôi để mặc cho bà già dẫn đi, vào cửa hiệu của một nhà buôn trẻ, người trông cũng khôi ngô. Tôi ngồi xuống và sai bà cụ bảo anh ta cho xem những thứ lụa tốt nhất anh ta có. Bà cụ muốn tự tôi hỏi lấy, nhưng tôi nói cho bà rõ, tôi không được nói chuyện với một người đàn ông nào khác ngoài chồng mình, tôi không được phép làm trái điều đó.

Gã nhà buôn đưa cho tôi xem nhiều loại vải. Tôi thấy một loại vừa ý hơn cả, liền sai hỏi xem anh ta định giá bao nhiêu. Gã trả lời bà cụ: “Tôi không bán nó lấy vàng, lấy bạc. Tôi sẽ xin dâng làm quà tặng nếu nàng vui lòng cho tôi hôn một cái lên má.”

Tôi truyền cho bà cụ bảo gã rằng, gã nói như vậy là xác xược quá lắm đấy. Nhưng bà cụ không vâng lệnh mà lại nói rằng điều gã nhà buôn đòi hỏi ấy thật ra có quan trọng gì lắm đâu, chỉ việc đưa má ra thôi, thế là xong một việc. Tôi thích được tấm lụa quá cho nên cũng quá nhẹ dạ nghe theo lời khuyên của bà già. Bà cụ và hai ả nô tì đứng ra đằng trước che để khỏi ai trông thấy và tôi bỏ tấm mạng che mặt ra. Nhưng gã nhà buôn không hôn mà lại cắn vào má tôi đến bật máu.

Tôi đau đớn và kinh ngạc quá đến nỗi ngã xuống ngất đi hồi lâu, đủ thời giờ cho gã nhà buôn đóng cửa hiệu và chạy trốn. Tôi tỉnh lại thấy má đầm đìa những máu. Bà cụ và hai ả nô tì đã chú ý kéo tấm mạng che vết thương để bà con chạy lại không nhìn thấy mà chỉ cho là chẳng qua tôi bị một cơn choáng mặt thôi.

Bà cụ đi theo tôi hết sức lo lắng về việc xảy ra, cố gắng trấn an tôi. “Thưa bà chủ, – bà nói – xin bà tha thứ cho, chính già này là kẻ gây nên tai họa ấy. Già đưa bà đến nhà gã buôn ấy, bởi vì gã là người cùng quê với già. Già có bao giờ ngờ được hắn ta dám cả gan làm việc độc ác như vậy. Nhưng xin bà chớ buồn, và đừng để mất thì giờ. Chúng ta hãy trở về nhà ngay. Già sẽ cho bà một thứ thuốc chữa khỏi hoàn toàn nội trong ba ngày, không để lại một dấu vết nhỏ nào.” Cơn ngất làm tôi yếu đến nỗi gần như không bước đi nổi nữa. Tuy vậy tôi cũng về được nhà. Nhưng vừa tới buồng riêng, tôi lại ngã xuống ngất đi một lần nữa. Trong thời gian ấy, bà cụ đắp thuốc cho tôi hồi tỉnh và lên giường nằm.

Đêm đến, chồng tôi về, chàng nhận thấy đầu tôi trộm kín liền hỏi tôi làm sao vậy. Tôi đáp tôi bị cơn nhức đầu, hy vọng chàng chỉ hỏi đến thế thôi.

Nhưng chàng cầm một cây nến soi và khi nhìn thấy má tôi bị thương, chàng lại hỏi: “Do đâu có vết thương này?” Mặc dù tội của tôi không lấy gì làm to lắm tôi vẫn không thể nào dám thú thật. Tôi cho rằng thú nhận việc ấy với chồng là không biết giữ lễ. Tôi đáp, trong khi chàng cho phép đi mua vải, một người vác gỗ đi qua sát vào người tôi trong một phố khá chật hẹp, đến nỗi một cây cào xây xát mặt, nhưng không có gì đáng ngại.

Cái lý lẽ ấy làm chồng tôi nổi giận. Chàng nói:

- Hành động ấy không thể nào không nghiêm trị. Sáng mai, ta sẽ ra lệnh cho cảnh sát trưởng bắt tất cả bọn khuân vác vô lại ấy và cho treo cổ tất cả.

Sợ chính mình là nguyên nhân gây nên cái chết của bao người vô tội, tôi nói với chàng:

- Thưa chàng, em sẽ rất không vui lòng nếu điều bất công ấy xảy ra. Xin chàng chớ có làm. Em sẽ không đáng được tha thứ nếu tại mình gây ra tai họa đó.

- Vậy thì bà hãy trả lời thành thật cho tôi rõ, – chàng lại nói – vì sao có vết thương trên má bà?

Tôi đáp rằng ấy là do sự vô ý của một người bán chổi cười trên lưng một con lừa. Gã đi sau tôi, đầu quay sang phía khác, con lừa của gã xô vào người tôi mạnh quá làm tôi ngã xuống đập má vào một mảnh chai. Chồng tôi liền nói: “Nếu quả đúng như vậy thì sáng mai mặt trời chưa mọc, tể tướng Giafa đã được thông báo về sự hỗn láo này. Ông ta sẽ cho xử tử tất cả bọn bán chổi.”

- Nhân danh Thượng đế, – tôi ngắt lời chàng – em van chàng hãy tha thứ cho họ; họ không phải là thủ phạm đâu!

- Thế là thế nào, thưa bà? – chồng tôi thét. – Tôi nên tin lời nào? Bà hãy nói đi, ta muốn nghe sự thật từ miệng bà!

- Thưa ngài, em bị con chổng mặt và ngã xuống; sự việc có như vậy thôi.

Nghe đến đây, chồng tôi không còn kiên nhẫn được nữa, chàng thét lên: “A, những lời dối trá làm ta mất quá nhiều thời giờ rồi!” Chàng vỗ tay, ba tên nô lệ bước vào. “Chúng mày hãy lôi nó ra khỏi giường, – chàng nói – và căng ra chính giữa!” Bọn nô lệ thi hành mệnh lệnh. Trong khi một tên giữ đầu một tên giữ chân tôi, chàng sai tên thứ ba đi lấy một thanh gươm. Khi nó đưa đến, chàng bảo: “Chém đi! Hãy chặt người nó ra làm hai đoạn, rồi mang xác nó ném xuống sông Tigơ làm mồi cho cá! Đây là sự trừng phạt của ta đối với những kẻ được ta tin yêu nhưng lại bội bạc.” Thấy tên nô lệ do dự chưa vâng lệnh ngay, chàng nói tiếp: “Hãy chém đi chứ, tại sao mày dừng lại? Mày chờ đợi gì?”

- Thừa bà, – tên nô lệ lúc ấy liền bảo tôi – bà chỉ còn sống được giây lát nữa thôi. Bà hãy xem còn muốn được làm điều gì trước khi chết không?

Tôi xin được nói một lời. Lời yêu cầu ấy được chấp thuận. Tôi ngẩng đầu, âu yếm nhìn chồng và nói với chàng: “Than ôi! Cảnh ngộ em mới bị thảm làm sao! Em phải chết trong những ngày đẹp nhất của đời mình!” Tôi muốn nói nữa, nhưng nước mắt và hơi nấc làm tôi nghẹn lời. Điều đó không làm chồng tôi xúc động. Trái lại chàng còn mắng mỏ, tôi nghĩ có nói thêm nữa cũng vô ích thôi. Tôi đành chuyển sang cầu khẩn. Nhưng chàng vẫn không nghe, và truyền cho tên nô lệ cứ thi hành phận sự. Vừa lúc ấy bà cụ vốn là vú nuôi của chồng tôi chạy vào. Bà phủ phục dưới chân chàng và cố gắng khuyên giải: “Con ơi, xin con hãy nể công già đã nuôi nấng và dạy dỗ con, hãy vì già mà tha tội cho nàng. Con hãy nhớ sát nhân giả tử. Con sẽ làm hủy hoại thanh danh con và mất sự kính trọng của mọi người đối với con. Người ta sẽ chẳng ngần ngại gì mà chẳng nói vào nói ra về một cơn nóng giận gây nên cuộc đổ máu này!”

Bà cụ nói những lời đó với giọng hết sức xúc động, kèm theo nước mắt rờn rờn, gây ấn tượng mạnh mẽ đến chồng tôi. Chàng bảo vú già:

- Đã vậy thì, vì nể u, ta tha cho nó sống. Nhưng ta muốn rằng nó sẽ mang những dấu vết khiến nó đời đời phải nhớ tới tội lỗi của mình.

Nói đến đây, chàng truyền cho một tên nô lệ cầm một chiếc roi xếp, lấy toàn lực quất vào hai bên sườn và trên ngực tôi không biết bao nhiêu roi. Chiếc roi ấy bóc da bóc thịt tôi đến nỗi tôi mê man bất tỉnh. Sau đấy, trong cơn giận dữ, chàng lại sai chính những tên nô lệ ấy mang tôi đến vút vào một ngôi nhà. May ở đây có bà cụ hết lòng chăm sóc chạy chữa cho tôi. Tôi nằm liệt giường bốn tháng. Cuối cùng tôi khỏi, nhưng những vết sẹo mà bộ hạ nhìn thấy hôm qua vẫn còn lại từ bấy đến giờ ngoài ý muốn của tôi.

Vừa đi lại và ra khỏi nhà được, tôi muốn trở về nhà chồng cũ. Nhưng đến nơi, tôi chỉ nhìn thấy một bãi đất trống. Chồng tôi trong cơn giận, không chỉ bằng lòng sai người triệt hạ nó mà còn san bằng tất cả dãy phố có nhà tôi. Sự cường bạo chưa từng thấy thật đấy, song tôi biết kiện ai? Người gây ra chuyện đã tính trước nên đã giấu tên, tôi không có cách gì biết rõ. Vả chăng, cho dù tôi có biết, thì tôi cũng phải thấy rằng, cách thức đối xử ấy chẳng phải bắt nguồn từ một quyền lực tuyệt đối đó sao? Làm sao tôi dám đi thưa kiện?

Buồn bã, trong tay không còn có gì, tôi đành trở về với chị gái Zôbêít thân yêu của tôi, người mà bộ hạ vừa nghe thuật chuyện. Tôi kể cho chị tôi nghe chuyện mình bị hắt hủi. Chị tiếp đón tôi với tấm lòng nhân hậu và nói: “Cuộc đời là như thế đấy, thông thường nó tước đoạt của ta tài sản, bạn bè hoặc người yêu, hoặc tất cả những thứ đó cùng một lúc.”

Đồng thời để chứng minh điều vừa nói, chị kể cho tôi nghe về cái chết của

hoàng tử trẻ do sự ghen tuông của hai người chị ruột của chị gây nên. Chị lại kể cho tôi nghe tiếp chuyện hai người này bị hóa kiếp thành chó như thế nào. Sau khi hết lời an ủi vỗ về tôi, chị giới thiệu chị gái tôi cũng đã về đây ở với chị từ sau khi mẹ tôi qua đời.

Thế là, sau khi tạ ơn Thượng đế đã cho chị em chúng tôi đoàn tụ, chúng tôi quyết định ở vậy cùng nhau, từ nay không bao giờ xa nhau. Chúng tôi sống cuộc đời thanh bình như vậy đã lâu. Vì tôi được giao việc chi tiêu trong gia đình, tôi lấy làm thích thú tự mình đi mua sắm những thức ăn vật dụng cần thiết. Hôm qua, đi mua hàng, tôi nhờ một gã khuân vác đầu óc thông minh và tính tình dễ mến, đưa về nhà. Chúng tôi giữ anh lại chuyện vãn cho vui. Vào chập tối có ba khát sĩ đến xin chúng tôi cho nghỉ nhờ đến sáng hôm sau. Chúng tôi tiếp họ với một điều kiện mà họ chấp thuận. Sau khi được mời dùng bữa, họ mừng chúng tôi một bản hòa tấu theo cách của họ, thì chợt nghe tiếng gõ cửa. Đây là ba nhà buôn ở Mút-xun, người nào trông cũng rất chững chạc. Họ cũng yêu cầu chúng tôi một điều như các khát sĩ. Chúng tôi cũng đồng ý với cùng điều kiện ấy. Nhưng không một ai chịu tôn trọng điều kiện cả. Tuy nhiên. Mặc dù chúng tôi có đủ tư cách cũng như quyền lực trừng phạt họ về việc đó, chúng tôi chỉ đòi hỏi họ kể cho nghe chuyện về đời mình. Chúng tôi cũng chỉ hạn chế sự trả thù vào cái việc là sau đây mời họ ra khỏi nhà, không cho phép họ được nghỉ nhờ cho đến sáng như họ yêu cầu lúc mới đến mà thôi.”

Hoàng đế Harun An-Rasít rất hài lòng về việc mình đã rõ cả những điều muốn biết. Vua công khai bày tỏ sự thích thú đối với những chuyện vừa nghe kể.

Sự hiếu kỳ đã được thỏa mãn, hoàng đế muốn tỏ rõ quyền uy và lòng hào hiệp của mình đối với ba khát sĩ hoàng tử và sự nhân từ đối với ba thiếu phụ. Không thông qua vai trò của tể tướng như thường lệ, vua tự mình truyền với nàng Zôbêít: “Thưa bà, bà tiên mà thoát đầu bà phải tuân theo một luật lệ khát khe, bà tiên ấy có nói cho bà rõ chỗ ở hay là có hứa hẹn sẽ lại gặp bà để khôi phục nguyên hình cho hai con chó cái kia không?”

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – nàng Zôbêít đáp – tôi quên chưa tâu bẩm rõ là bà tiên ấy có trao cho tôi một nắm tóc nhỏ. Bà dặn rằng một ngày nào đó có thể tôi sẽ cần đến sự có mặt của bà. Lúc ấy tôi chỉ cần đốt cháy hai sợi tóc là bà sẽ đến ngay tức khắc, cho dù bà đang ở bên kia dãy núi Côcador.

- Mớ tóc ấy đâu rồi, thưa bà? – Hoàng đế lại hỏi.

Nàng đáp, từ dạo ấy nàng vẫn chú ý luôn luôn mang theo bên người. Quả vậy, nàng lấy mớ tóc ra, rồi hè tấm rèm cửa che giữa nàng và vua, nàng đưa cho Người. Hoàng đế nói: “Thế thì chúng ta hãy mời bà tiên đến đây. Bà làm việc đó lúc này đúng hơn lúc nào hết. Ta muốn như vậy.”

Nàng Zôbêít đồng ý. Người ta mang lửa đến. Nàng bỏ vào đó cả món tóc. Lập tức cung điện rung chuyển. Bà tiên hiện ra trước mặt hoàng đế dưới dạng một người đàn bà ăn mặc tuyệt đẹp. “Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – bà tiên nói – tôi sẵn sàng tuân lệnh bệ hạ. Bà vừa gọi tôi đến đây từng giúp tôi một việc quan trọng. Để biểu lộ lòng biết ơn, tôi đã trả thù hộ bà ta về sự bất nghĩa của hai chị gái bằng cách hóa kiếp chúng thành chó. Nhưng nếu bệ hạ muốn, tôi sẽ trả lại nguyên hình cho họ.”

- Hỡi tiên nữ xinh đẹp, – hoàng đế nói – bà sẽ làm cho ta hết sức vui lòng. Bà hãy ban cho họ cái ơn ấy. Tiếp đây ta sẽ kiếm cách an ủi họ sau một thời gian bị trừng phạt quá nặng nề. Nhưng trước hết, ta còn có một điều nữa yêu cầu bà, hãy giúp cho người đàn bà bị một ông chồng không rõ tính danh đối xử hết sức thô bạo kia. Vì bà tinh thông mọi sự, chắc bà không thể không biết việc này. Xin bà hãy vui lòng nói cho ta rõ tên đứa dã man nào đã không những cho nô lệ đánh đập nàng một cách tàn bạo mà còn tước đoạt rất bất công tất cả tài sản của nàng. Ta lấy làm lạ sao một hành động bất công, vô nhân đạo, xúc phạm đến uy danh ta như vậy mà ta không hề hay biết.

Bà tiên đáp:

- Để làm vui lòng bệ hạ, tôi sẽ cho hai con chó cái trở lại nguyên hình. Tôi sẽ chữa cho người đàn bà này khỏi hằn các vết sẹo, không còn cái gì tỏ ra là nàng đã từng bị đánh đập bao giờ. Sau đây tôi sẽ tâu bệ hạ rõ tên họ kẻ nào đã hành hạ nàng như thế.

Hoàng đế cho người đến nhà nàng Zôbêít tìm hai con chó cái. Khi chúng được dẫn tới, theo yêu cầu của bà tiên, người ta mang đến một cốc nước đầy. Bà niệm những lời không ai nghe rõ, rồi đổ nước lên người nàng Amin và lên hai con chó cái. Hai con chó biến thành hai người phụ nữ xinh đẹp khác thường. Các vết sẹo trên người nàng Amin cũng biến mất. Tiếp đó, bà tiên tâu cùng hoàng đế: “Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, bây giờ chỉ còn có việc nói để bệ hạ rõ ai là ông chồng mà bệ hạ muốn tìm. Người đó rất gần gũi với bệ hạ, bởi vì đó chính là thái tử Amanh, con trai cả của bệ hạ, anh trai của hoàng tử Amun. Vì say mê đắm đuối người đàn bà này khi được nghe truyền tụng về sắc đẹp của nàng, chàng đã kiếm ra một cái cơ đánh lừa nàng đến nhà và cưới nàng làm vợ. Về trận đòn chàng sai đánh nàng, ít nhiều chàng cũng đáng được tha thứ. Vợ chàng đã hơi quá dễ tính, và những lời nàng đưa ra để biện bạch lại có thể làm cho người ta nghĩ rằng nàng đã sai lầm nặng hơn là sự thực. Đây là tất cả những gì tôi có thể nói để thỏa mãn sự hiếu kỳ của bệ hạ.”

Nói đến đây, bà tiên chào hoàng đế rồi biến mất.

Nhà vua vô cùng khâm phục và hài lòng về những biến đổi vừa xảy ra nhờ có mình. Vua liền có những cử chỉ mà muôn đời về sau người ta vẫn còn

nhắc đến. Thoạt tiên, vua cho gọi hoàng tử Amanh đến và bảo là Người đã rõ đám cưới bí mật của chàng, vua nói cho chàng rõ nguyên nhân gây nên vết thương trên má nàng Amin.

Hoàng tử không chờ vua cha phán bảo, chàng xin nhận lại vợ ngay tức khắc.

Sau đấy, hoàng đế tuyên bố nhận Zôbêít làm vợ. Vua lại gợi ý ba chị em kia nên lấy ba khất sĩ con vua. Họ rất biết ơn và nhận cưới ba nàng. Hoàng đế ban cho mỗi chàng một tòa lâu đài tráng lệ trong thành phố Bátđã và cất nhắc họ lên giữ những trách nhiệm cao sang trong nước. Vua cho họ tham dự các công việc cơ mật của triều đình. Viên đệ nhất pháp quan thành phố Bátđã được triệu đến cùng với những người làm chứng, lập các giấy giá thú. Và hoàng đế Harun An-Rasít trứ danh, người mang lại hạnh phúc cho bấy nhiêu người đã trải qua những bước gian truân không sao tưởng tượng nổi, được mọi người vô cùng ca ngợi và hàm ơn.

CHUYỆN XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Nàng Sêhêrazát kể:

- Tàu bệ hạ, vẫn dưới triều đại hoàng đế Harun An-Rasít, ở Bátđã có một người khuân vác già tên là Hinhát.

Một hôm thời tiết oi nồng, lão vác một kiện hàng rất nặng đưa từ đầu này đến đầu kia thành phố, đã thấm mệt mà đường thì vẫn còn xa. Lão đến một phố gió thổi mát rượi, vừa hè tưới nước hoa hồng. Không thể ước mong được chỗ nào dễ chịu hơn để mà nghỉ ngơi và lấy lại sức, lão đặt kiện hàng xuống đất rồi ngồi lên trên, ngay cạnh một tòa nhà lớn. Trong chốc lát, lão lấy làm thú vị là đã dừng lại nghỉ chân ở chỗ này. Không khí ngào ngạt hương trầm tỏa ra từ các cửa sổ tòa dinh thự, quyện với mùi thơm của nước hoa hồng. Ngoài những thứ đó, lão còn nghe thấy trong nhà vang lên tiếng hòa nhạc. Thêm vào đó là tiếng hát du dương của rất nhiều chim họa mi cùng nhiều loại chim chóc khác đặc sản vùng Bátđã. Nhạc điệu êm đềm quyện với khói thơm của nhiều loại thịt bốc lên, làm cho lão đoán chắc trong nhà đang có yến tiệc và liên hoan. Lão muốn biết ai ở tòa nhà này. Lão chưa rõ lắm bởi vì ít khi có dịp đi qua đây. Để thỏa tính tò mò, lão đến gần mấy người đầy tớ ăn mặc rất đẹp đứng ở cổng và hỏi một người: chủ nhân của dinh thự này tên là gì. “Ồ kìa! – Người đầy tớ đáp. – Bác sống ở Bátđã mà không biết rằng đây là nhà ngài Xinbát người đi biển, nhà hàng hải nổi tiếng đã đi khắp bốn biển năm châu đó ư?”

Lão khuân vác đã từng nghe nói đến tài sản giàu có của Xinbát. Lão không khỏi ganh tị một con người mà điều kiện sống sung sướng trái ngược hẳn với hoàn cảnh thảm thương của lão. Đầu óc cay cú vì những suy nghĩ ấy, lão ngược mắt nhìn trời và nói khá to để cho mọi người có thể nghe được: “Hỡi Đấng tạo hóa thiêng liêng, xin hãy nhìn sự khác biệt giữa Xinbát và tôi đây. Ngày nào tôi cũng chịu đựng muôn nghìn gian lao khổ cực, thế mà vất vả lắm mới nuôi sống được bản thân và gia đình bằng bánh mì đen nướng không nổi, trong khi ngài Xinbát may mắn kia thì tiêu phí vô vàn của cải và sống một cuộc đời nhung lụa. Ông ta đã làm gì để được cuộc đời êm đềm như vậy? Tôi đã làm gì để chịu cảnh khốn khổ thế này?”

Nói xong giẫm chân xuống đất thành thịch như thể một con người hoàn toàn mất trí vì khổ đau và tuyệt vọng.

Hinhát đang mải mê với những ý nghĩ sầu não ấy, thì một người hầu từ trong dinh ra, đến nắm cánh tay lão và nói: “Mời bác đi theo tôi vào đây. Ngài Xinbát chủ tôi muốn nói chuyện với bác.”

Hinhát không khỏi kinh ngạc về lời mời mọc đó. Sau những điều lão vừa thốt ra, lão có lý do để sợ rằng Xinbát sai mời lão vào nhà nhằm gây chuyện

lôi thôi gì chẳng. Bởi vậy lão muốn thoái thác, viện cớ là không thể bỏ hàng lại giữa phố mà đi. Nhưng người hầu của Xinbát quả quyết với lão rằng sẽ có người trông nom hộ. Anh ta hồi thúc lão và buộc lòng lão phải chiều theo.

Người hầu đưa lão vào một gian phòng lớn. Ở đây đã có khá đông người ngồi quanh một bàn tiệc dọn đầy các loại thức ăn ngon. Ở chỗ ngồi danh dự là một nhân vật sang trọng, quắc thước, có bộ râu dài đáng kính. Sau ông là đám gia nhân tơi tở lảng xảng hầu hạ. Nhân vật ấy chính là Xinbát. Lão khuân vác càng thêm bồi rối khi trông thấy toàn là người sang trọng với cỗ bàn linh đình. Lão vừa vái chào vừa run.

Xinbát bảo lão đến gần, mời lão ngồi xuống bên phải mình. Ông tự tay lấy thức ăn mời lão ăn và rót mời lão uống một thứ rượu hảo hạng xếp đầy trong tử rượu.

Cuối bữa khi nhận thấy khách khứa đã no say, Xinbát liền cất lời nói với Hinbát. Ông gọi lão khuân vác là “người anh em” theo phong tục của người A Rập khi nói chuyện thân mật với nhau. Ông hỏi lão người ở đâu, tên họ là chi và làm nghề nghiệp gì.

- Thưa ngài, tôi tên là Hinbát.

- Ta rất sung sướng được gặp người anh em. Ta tin rằng tất cả các vị có mặt ở đây hôm nay cũng đều vui thích về việc đó. Song ta muốn được nghe người anh em lặp lại câu vừa nói lúc nãy ở ngoài đường.

Nghe vậy, Hinbát vô cùng bồi rối. Lão cúi đầu đáp:

- Thưa ngài, tôi xin thú thật là vì quá mệt nhọc cho nên có phát bần, lỡ lời bật ra mấy câu không được đúng đắn. Mong ngài hãy lượng tình tha thứ cho.

- Ô, xin người anh em chớ nghĩ rằng ta bắt công đến mức còn để bụng cái việc ấy! – Xinbát đáp. – Ta thông cảm với tình cảnh của bạn. Ta không những không trách móc mà còn phân nân cho bạn nữa.

Nhưng ta cần làm cho bạn thoát khỏi một sai lầm. Ta cho là hình như bạn cho rằng ta tạo nên được tất cả mọi tiện nghi và cuộc sống nhàn hạ mà bạn trông thấy đây không chút gian nan vất vả, không tốn sức lao động. Bạn chớ có nhầm. Ta chỉ đạt đến hoàn cảnh sung túc như ngày nay sau khi đã phải trải qua bao nhiêu năm tháng chịu đựng tất cả những nỗi khó nhọc về thể xác cũng như về tinh thần quá sức tưởng tượng của con người. Vâng, thưa các ngài, – ông nói với toàn thể khách dự tiệc – tôi có thể quả quyết với các ngài rằng những nỗi khó nhọc ấy kỳ lạ quá mức, đến nỗi có thể làm cho những kẻ hám của cải giàu sang nhất cũng phải tiêu tan cái ý muốn tai hại là vượt biển tìm vàng. Có lẽ các ngài chỉ được nghe một cách mơ hồ về những cuộc phiêu lưu quái dị và những nỗi hiểm nghèo tôi đã trải qua trên khắp bốn biển năm châu trong bảy chuyến đi của mình. Hôm nay gặp dịp tốt, tôi xin thuật lại

trung thực để các ngài nghe. Tôi nghĩ các ngài sẽ không đến nỗi phải chán tai.

Vì Xinbát muốn kể chuyện của mình, đặc biệt cho lão khuân vác nghe, cho nên trước khi bắt đầu, ông truyền cho gia nhân mang kiệu hàng của lão để lại ở giữa phố đến nơi lão có trách nhiệm phải đưa đến. Tiếp đó, ông kể chuyện mình bằng những lời lẽ như sau:

CHUYẾN ĐI ĐẦU TIÊN CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Tôi thừa hưởng của gia đình tôi nhiều tài sản đáng kể. Nhưng tôi đã tiêu phí mất phần lớn qua các cuộc chơi cờ bạc trác táng suốt thanh niên. May sao tôi kịp tỉnh ra khỏi sự mê muội.

Suy nghĩ về những hành động của mình, tôi nhận ra rằng của cải giàu sang có thể tiêu tan, rồi chẳng mấy chốc mà cạn hết vốn liếng, nếu cứ kiểu làm ăn tồi như tôi hồi đó. Tôi còn nghĩ rằng, trong cuộc sống không nề nếp, tôi đã phung phí bấy bả thời gian, vật quý báu nhất trên đời. Tôi còn hiểu ra, nghèo khó trong lúc tuổi tác già nua là điều tồi tệ và thảm thương nhất trong mọi điều khổ cực. Tôi nhớ lại những lời của Đấng Xalômông vĩ đại mà có lần tôi được nghe cha tôi dạy: “Thà chui vào nhà mồ còn đỡ chán hơn là sống trong cảnh nghèo khó.” Thấm thía tất những điều suy ngẫm đó, tôi thu vén những gì gia tài của mình còn lại, đưa ra chợ bán đấu giá tất cả. Sau đó, tôi kết bạn với mấy nhà buôn đường biển. Tôi hỏi ý kiến những người mà tôi cho là có thể giúp được mình những lời khuyên nhủ tốt. Cuối cùng, tôi quyết định làm cho số tiền bạc còn lại của mình sinh lợi. Một khi đã định bụng, tôi thực hiện ngay, không chút chậm trễ.

Tôi đến Banxôra, ở đây tôi cùng nhiều nhà buôn đáp xuống một chiếc tàu cùng nhau góp tiền thuê chung.

Chúng tôi giương buồm, lên đường đi về vùng đông Ấn Độ qua vịnh Ba Tư. Vịnh này nằm ở giữa, bên phải là bờ biển xứ A Rập Hạnh Phúc, bên trái là bờ biển nước Ba Tư. Chỗ rộng nhất theo ý kiến chung, ước chừng bảy mươi hải lý. Ra khỏi vịnh ấy là vào biển của xứ Lơ Văng, cũng gọi là biển Ấn Độ, rộng bao la. Bờ biển phía bên này là duyên hải nước Abxini. Muốn đến quần đảo Vác-vác thì phải đi bốn nghìn năm trăm hải lý. Lúc đầu tôi khó chịu vì cái chứng người ta gọi là say sóng. Nhưng sức khỏe tôi bình phục ngay. Và từ đó trở đi, không bao giờ tôi còn bị say sóng nữa.

Dọc đường, chúng tôi ghé vào nhiều đảo để mua bán và đổi chác hàng hóa. Một hôm, tàu chúng tôi đang giương buồm chạy thì gió lặng làm tàu dừng lại trước một hòn đảo nhỏ chỉ cao là mặt nước, có màu xanh tươi phủ trông giống như một bãi cỏ. Thuyền trưởng cho hạ buồm ghé tàu vào hòn đảo, và cho phép những người đi tàu được lên bờ. Tôi cùng một số người lên đảo.

Nhưng, trong lúc chúng tôi đang mải mê ăn uống vui chơi và nghỉ ngơi cho đỡ mệt vì sóng biển, thì hòn đảo đột nhiên rung động làm mọi người bị chao đảo mạnh.

Người ở lại trên tàu trông thấy kêu lên gọi chúng tôi hãy mau mau lên tàu,

không thì sẽ chết mất. Vì cái mà chúng tôi tưởng là hòn đảo ấy thật ra là lưng một con cá voi. Những người nhanh chân nhất xô lên xuống. Những người khác nhảy xuống biển bơi. Còn tôi, tôi đang còn ở trên đảo, hay nói cho đúng hơn là trên lưng con cá voi ấy thì nó đã ngụp xuống biển. Tôi chỉ kịp có đủ thời gian bám vào một mảnh gỗ đưa từ dưới tàu lên để làm củi đun. Trong thời gian ấy, viên thuyền trưởng sau khi đã đón lên tàu những người trong chiếc xuống và vớt thêm được mấy người nữa đang bơi, muốn lợi dụng cơn gió mạnh và thuận chiều vừa mới nổi lên, liền ra lệnh giương buồm. Tôi mất hết hy vọng có thể kịp bơi tới chiếc tàu.

Thế là tôi bị dập vùi trong sóng biển, khi thì xô sang bên này, khi thì dạt sang phía kia, suốt ngày hôm ấy và cả đêm tiếp theo. Tôi giành với sóng để sống sót. Sáng hôm sau, tôi kiệt sức. Đã tuyệt vọng tưởng không thể nào thoát chết thì may mắn làm sao, một ngọn sóng xô tôi dạt lên một hòn đảo. Bờ biển cao và hiểm trở. Có lẽ tôi đã phải khó khăn lắm mới lên được tới bờ nếu không nhờ có mấy cái rễ cây, mà hình như số phận đã dành ra đấy để cứu vớt tôi, giúp cho tôi có chỗ bám víu. Tôi nằm dài ra mặt đất, và cứ như vậy gần như chết dở cho đến khi trời sáng hẳn và mặt trời lên.

Mặc dù người rất yếu mệt do phải vật lộn với sóng biển và trong bụng không có một chút gì kể từ ngày hôm trước, tôi vẫn cố lê đi tìm vài ngọn cỏ có thể ăn được. Tôi tìm được vài ba thứ, và may mắn gặp một con suối nước rất ngọt, góp phần làm cho tôi lại sức.

Sức khỏe trở lại rồi, tôi bước đi trên đảo, không theo đường sá nhất định nào. Tôi đi vào một đường đồng bằng đẹp và thấy một con ngựa đang gặm cỏ. Tôi bước về phía ấy, vừa sợ vừa mừng, bởi vì không rõ mình đến đấy để chuốc lấy cái chết vào thân hay là sẽ tìm được một cơ hội bảo toàn tính mệnh. Đến gần, tôi nhận rõ đấy là một con ngựa cái, buộc vào một cái cọc. Vẻ đẹp của nó làm cho tôi chú ý. Song trong khi đang ngắm, tôi nghe có tiếng đàn ông nói đâu đây, dường như ở dưới mặt đất. Một lát sau người ấy xuất hiện, tiến tới phía tôi và hỏi tôi là ai. Tôi kể lại chuyện không may của mình. Người ấy liền cầm tay tôi dắt vào trong một cái hang ở đấy có nhiều người khác nữa. Họ đều ngạc nhiên lúc trông thấy tôi, chẳng kém gì tôi kinh lạ khi trông thấy họ.

Tôi ăn mấy thức ăn do những người đó đưa cho. Tôi hỏi họ làm gì ở nơi có vẻ hoang vắng thế này. Họ đáp họ là những người chăn ngựa của vua Miragio^[31] chúa tể đảo này. Mỗi năm cứ vào mùa này, họ quen lệ đưa các ngựa cái của vua đến đây và buộc vào cọc theo cách tôi vừa trông thấy kia để chờ một con hải mã từ dưới biển lên phủ. Sau khi phủ, hải mã thường ăn thịt ngựa cái. Nhưng bằng cách la hét thật to, họ sẽ đuổi nó trở về biển cả. Con ngựa cái thụ thai sẽ được đưa về nhà. Ngựa con do chúng đẻ ra, gọi là ngựa

biển, sẽ để dành riêng cho nhà vua dùng. Họ nói thêm rằng họ định qua ngày hôm sau sẽ trở về. Nếu tôi đến chậm một ngày chắc chắn là tôi sẽ bỏ mạng ở đây, bởi vì dân cư ở rất xa, và tôi không thể nào tìm đến được tới nơi nếu không có người dẫn đường.

Trong khi họ đang nói chuyện với tôi như vậy, thì con hải mã từ biển lên. Đúng như lời họ nói, nó phủ lên con ngựa cái và sau đấy chuẩn bị ăn thịt con này. Nhưng nghe thấy những tiếng âm ỉ do những người chăn ngựa gây nên, hải mã phải bỏ môi trở xuống biển.

Ngày hôm sau, những người đó trên đường trở về thủ phủ của hòn đảo, mang theo đoàn ngựa cái. Tôi đi theo họ. Vừa đến nơi, tôi được gọi vào châu vua Miragior. Vua hỏi tôi là ai và do đâu tôi đến được vương quốc này. Sau khi nghe tôi trình bày tường tận, nhà vua tỏ lời chia buồn với tôi về điều bất hạnh. Người ra lệnh cho triều thần săn sóc tôi và cung cấp cho tôi tất cả những thứ gì cần thiết. Mệnh lệnh của vua được thực hiện chu đáo. Tôi chỉ còn biết ca ngợi lòng hào hiệp của nhà vua và sự nghiêm túc của bầy tôi. Người trong việc thi hành mệnh lệnh.

Vì là nhà buôn, tôi năng lui tới chỗ những người cùng nghề. Tôi đặc biệt tìm kiếm những khách nước ngoài ở đây, vừa để hỏi thăm tin tức về Bátđã, vừa để tìm một người nào khả dĩ cùng mình sau đây trở về kinh thành ấy. Kinh đô của nhà vua Miragior nằm trên bờ biển và có một hải cảng đẹp, ngày nào cũng có tàu buôn của nhiều nước trên thế giới tới cập bến. Tôi cũng giao du với các nhà bác học Ấn Độ và được chuyện trò với họ. Tuy vậy, những việc ấy không cản trở tôi đến châu vua đều đặn, hoặc là thăm viếng các thống đốc và các tiểu vương, chư hầu của vua Miragior thường có dịp gần gũi với Người. Họ hỏi rất nhiều về đất nước tôi. Về phần mình, muốn hiểu biết phong tục và luật pháp nước họ, tôi hỏi họ tất cả những gì mà tôi cho là đáng tìm hiểu.

Dưới quyền vua Miragior có một hòn đảo tên là Cátxen. Người quả quyết với tôi rằng đêm nào ở đấy cũng nghe có tiếng trống đồng, làm cho các thủy thủ đồn rằng thần Đêgian^[32] sống ở chốn này. Tôi nảy ra ý muốn chứng kiến điều kỳ lạ ấy. Trong một chuyến đi đến đấy, tôi nhìn thấy những con cá dài từ một trăm đến hai trăm cánh tay^[33]. Chúng làm cho con người kinh hãi nhiều hơn là gây hại vì chúng nhát tới mức ta chỉ cần gõ vào tấm ván cho có tiếng động là chúng đã trốn chạy. Tôi còn trông thấy, những con cá khác chỉ dài bằng một cánh tay thôi, nhưng đầu trông giống như đầu con cú vọ.

Một hôm trên đường về, tôi đang đứng ở cảng, vừa lúc một chiếc tàu cập bến. Buông neo xong, người ta bắt đầu bốc dỡ hàng hóa. Các nhà buôn chủ hàng cho chuyển các thứ của mình về kho. Đưa mắt nhìn một vài kiện hàng và những chữ viết bên trên, xem thử những thứ đó là của ai, tôi chợt thấy tên

tôi. Sau khi xem xét kỹ tôi không nghi ngờ gì nữa, đây chính là những kiện hàng tôi đã xếp lên tàu khi khởi hành ở Banxôra. Tôi còn nhận ra cả viên thuyền trưởng. Bởi tôi nghĩ rằng chắc ông cho là tôi đã chết, cho nên khi tôi đến gần và hỏi ông những kiện hàng trông thấy kia thuộc về ai, ông ta liền đáp: “Trước đây trên tàu chúng tôi có một nhà buôn ở Bátđà tên là Xinbát. Một hôm chúng tôi đến gần một nơi trông như hòn đảo. Ông ta cùng với nhiều hành khách lên chơi trên cái nơi tưởng là hòn đảo ấy, kỳ thực là một con cá voi khổng lồ đang ngủ là mặt nước. Nó vừa cảm thấy hơi nóng do lửa người ta đốt trên lưng nó để nấu ăn thì cự mình và lặn ngay xuống biển. Phần lớn những người đang ở trên lưng nó đều chết đuối. Ông Xinbát đáng thương cũng nằm trong số đó. Những kiện hàng kia là của ông ta. Tôi định bán đi, chờ đến bao giờ có dịp gặp một người trong gia đình ông ta thì sẽ trao lại cả vốn lẫn lãi.”

- Thừa thuyền trưởng, – tôi liền nói – chính tôi là Xinbát đây. Người ông tưởng là đã chết nhưng thật ra là không phải. Những kiện hàng kia chính là tài sản và hàng hóa của tôi.

Thuyền trưởng nghe tôi nói vậy liền thốt lên: “Trời đất! Biết tin ai bây giờ? Con người thật không đáng tin nữa. Chính mắt tôi trông thấy Xinbát chết đuối, các hành khách trên tàu đều nhìn thấy như tôi, thế mà ông dám bảo chính ông là Xinbát? Cả gan làm sao! Nhìn bề ngoài, ông có vẻ một con người thật thà. Ấy thế mà ông lại trí trá khủng khiếp. Ông định chiếm đoạt những của cải không thuộc quyền sở hữu của mình ư?”

- Xin ông hãy kiên nhẫn! – Tôi đáp lời thuyền trưởng – Xin hãy vui lòng nghe những điều tôi thưa với ông đây!

- Nào, ông muốn nói gì nào? Hãy nói đi, tôi xin nghe đây!

Tôi liền thuật lại tôi thoát chết bằng cách nào, tôi đã gặp những người chăn ngựa của vua Miragior và được họ đưa về triều đình ra sao.

Vừa nghe tôi nói, thuyền trưởng đã có vẻ nao núng. Chỉ lát sau, ông đã tin hẳn tôi không phải là một kẻ lừa đảo bởi vì có nhiều người cùng đi trên tàu ông cũng đến và đều nhận ra tôi. Họ chúc mừng và tỏ lòng vui thích được gặp lại. Cuối cùng, chính thuyền trưởng cũng nhận ra, ông bá lấy cổ tôi: “Tạ ơn Thượng đế đã cho ông may mắn thoát được một cơn hiểm nghèo to lớn như vậy! Tôi không có cách nào biểu lộ lòng vui mừng vô hạn được gặp lại ông. Tài sản của ông kia, ông hãy nhận lấy! Nó thuộc quyền ông, ông muốn làm gì xin hãy tùy ý.”

Tôi cảm ơn, ca ngợi sự trung hậu của thuyền trưởng. Để thừa nhận đức tính ấy, tôi xin ông nhận một vài thứ hàng hóa tôi biếu, song ông từ chối.

Tôi chọn những thứ quý nhất trong các kiện hàng của tôi, mang dâng tặng

vua Miragior. Nhà vua vốn biết chuyện không may xảy đến cho tôi, liền hỏi tôi tìm đâu ra những vật hiếm như vậy. Tôi thuật lại do sự tình cờ như thế nào mà tôi thu hồi được của cải đã mất. Nhà vua cũng mừng cho tôi. Vua nhận tặng phẩm đồng thời cho lại tôi nhiều món quà có giá trị hơn nữa. Sau đó, tôi từ giã nhà vua và trở lại chiếc tàu cũ. Trước khi xuống tàu, tôi đổi những hàng hóa còn lại lấy hàng địa phương như trầm hương, đàn hương, long não, nhục đậu khấu, đinh hương, hồ tiêu và gừng. Tàu đi qua nhiều hòn đảo nữa, cuối cùng cập bến Banxôra. Tôi về thành phố này với hàng hóa trị giá khoảng một trăm nghìn đồng *xocanh*.

Gia đình tôi ra đón. Tôi gặp lại người nhà, mừng vui hết sức, với tất cả tình cảm mãnh liệt và chân thành. Tôi mua nhiều nô lệ nam và nữ, tậu ruộng đất tốt và cho xây một ngôi nhà lớn. Tôi yên cư như vậy đó, định bụng sẽ quên tất cả những khổ ải đã trải qua, và hưởng thụ mọi niềm lạc thú ở đời cho đến già.

Xinbát ngừng lời ở đây, và truyền cho các nhạc công tiếp tục cuộc hòa nhạc mà ông đã làm gián đoạn khi kể lại câu chuyện của mình. Mọi người lại uống rượu và ăn cho đến chiều. Đến lúc chia tay, Xinbát sai mang đến một cái túi đựng một trăm đồng *xocanh* đưa cho lão khuân vác và nói:

- Hinhát, bạn hãy cầm lấy, trở về nhà! Sáng mai xin trở lại đây nghe tôi kể nốt phần tiếp những cuộc phiêu bạt của tôi.

Lão khuân vác ra về, hết sức bối rối về vinh dự và món quà vừa nhận được. Lão thuật lại cho gia đình nghe. Vợ và các con lão đều cảm tạ Thượng đế đã ban cho điều tốt lành thông qua Xinbát.

Ngày hôm sau, Hinhát ăn vận sạch sẽ hơn hôm trước, trở lại nhà người đi biển hào phóng. Ông tươi cười tiếp đón lão với muôn nghìn cử chỉ thân ái. Các khách được mời đến đông đủ. Bàn tiệc dọn ra, mọi người ăn uống rất lâu. Tiệc tan, Xinbát lại cất lời thưa với tất cả: “Thưa quý ngài, xin quý ngài vui lòng nghe tiếp câu chuyện về những sự không may trong chuyến đi biển thứ hai của tôi. Nó còn xứng đáng với sự chú ý của quý vị hơn cả chuyến đi đầu.” Mọi người im lặng, Xinbát bắt đầu kể như sau:

CHUYẾN ĐI THỨ HAI CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Sau chuyến đi đầu tiên, tôi đã quyết định sẽ sống bình yên những ngày còn lại của đời mình ở Bátđã, như tôi đã được vinh dự thừa với các vị hôm qua. Nhưng chẳng bao lâu tôi đâm chán cuộc đời ăn không ngồi rồi. Sự ham muốn đi xa và buôn bán đường biển lại xâm chiếm lòng tôi. Tôi tìm mua những hàng hóa hợp với hướng buôn bán của mình, rồi lên đường một lần nữa cùng với các nhà buôn khác mà tôi quen biết và đã hiểu rõ tấm lòng ngay thật. Chúng tôi xuống một chiếc tàu tốt phó thác số phận mình cho Thượng đế, chúng tôi bắt đầu chuyến đi.

Chúng tôi đi từ đảo này sang đảo khác và làm những cuộc đổi chác rất có lợi. Một hôm, tàu chúng tôi ghé vào một hòn đảo đầy cây ăn quả nhưng hoang vu. Chúng tôi đi hóng mát ở các bãi cỏ và men theo các con suối chảy qua bãi, mà không hề thấy một ngôi nhà hoặc một bóng người nào.

Trong lúc bọn chúng tôi người này hái hoa giải trí, người kia trảy quả làm vui, tôi lấy thức ăn và rượu nho mang theo. Tôi bày ra cạnh một dòng nước chảy giữa những cây to tỏa bóng mát. Ăn xong một bữa khá ngon lành, tôi buồn ngủ rũ cả người. Tôi không biết mình đã ngủ bao lâu, khi tỉnh dậy thì không còn chiếc tàu đậu ở bên nữa.

Rất ngạc nhiên, tôi đứng dậy nhìn khắp tứ phía. Chẳng còn thấy một nhà buôn nào lúc nãy cùng tôi lên hòn đảo này. Chỉ thấy xa xa thấp thoáng một con tàu giương buồm chạy, nhưng xa đến nỗi chỉ lát sau đã mất hút ngoài tầm mắt tôi.

Quý vị hãy tưởng tượng những ý nghĩ của tôi khi lâm vào một tình thế đáng buồn như vậy. Tôi tưởng có thể chết được vì đau khổ. Tôi thét lên những tiếng kinh khủng. Tôi bò lăn ra đất. Tôi nằm rất lâu như vậy, đầu óc thần thờ một mớ bòng bong những ý nghĩ chán ngán. Tôi trăm lần tự trách mình sao không chịu bằng lòng với chuyến đi đầu nó đáng làm cho tôi mãi mãi không còn ham muốn đi chuyến khác nữa. Nhưng mọi tiếc rẻ đều vô ích. Sự hối hận của tôi bấy giờ thật đã quá muộn màng.

Cuối cùng đành tuân theo ý Thượng đế vậy. Chẳng biết số phận mình rồi sẽ ra sao, tôi trèo lên một ngọn cây cao nhìn khắp bốn phía để xem thử có phát hiện được cái gì đưa lại chút hy vọng nào chẳng. Nhìn ra phía biển, chỉ thấy có nước và trời. Nhưng nhìn về phía đất thấy có một vật gì trắng trắng. Tôi tụt xuống đất, thu góp những thức ăn còn lại, rồi đi về phía cái vật trắng ấy, vì nó ở quá xa cho nên tôi chưa nhận được rõ vật gì.

Đến một khoảng cách phải chăng, tôi nhận ra đấy là một cái khối hình cầu và to kỳ lạ. Tôi đến gần, sờ thấy nó nhẵn thín. Tôi đi vòng, xem có lối vào

nào không nhưng chẳng thấy. Tôi đồ chừng không thể nào trèo lên được bởi vì nó trơn tuột. Chu vi của nó vào khoảng năm mươi bộ.

Lúc ấy mặt trời đã sắp lặn. Không gian đột nhiên tối sầm lại như một đám mây dày bao phủ. Nhưng nếu tôi ngạc nhiên vì bóng tối ấy, thì lại càng kinh hoàng hơn nhiều khi nhận ra sở dĩ có bóng tối ấy là do một con chim to lớn dị kỳ đang sải cánh bay về phía tôi. Tôi chợt nhớ đến chuyện một loài chim gọi là đại bàng mà tôi thường nghe các thủy thủ nói tới. Và tôi hiểu ra cái khối hình cầu to mà tôi vừa ngắm nghía ấy chắc hẳn là trứng của con chim này. Quả nhiên nó sà xuống và phủ lên trên như để ấp. Trông thấy nó đến, tôi vội nép thật sát vào quả trứng, thành ra ngay trước mặt tôi là một chân của con chim, chân to bằng cả một thân cây cổ thụ. Tôi tháo tám vải vốn dùng để quấn làm chiếc khăn đội đầu, buộc mình thật chặt vào cái chân đó, với hy vọng là ngày hôm sau khi con chim lại cất cánh, nó sẽ đưa tôi ra khỏi hoang đảo này.

Đúng như vậy. Sau một đêm trong tư thế đó, trời vừa sáng chim đã bay bổng lên đưa tôi vút lên cao đến nỗi không nhìn thấy mặt đất. Sau đấy đột nhiên nó lao xuống rất nhanh, làm cho tôi gần như mê man. Khi con đại bàng hạ cánh và lao xuống đất, tôi mau chóng rút nút buộc khăn tách mình ra khỏi chân nó. Vừa xong, nó đã mổ một con rắn thật dài, cắn lấy và bay vút đi luôn.

Nơi con chim để tôi lại, là một thung lũng rất sâu, bốn bề bao bọc núi cao đến nỗi đỉnh khuất trong mây. Núi non quá hiểm trở thành ra không có một lối nào có thể vượt được. Đây lại là một sự lúng túng mới cho tôi. So sánh chỗ này với cái hoang đảo mà tôi vừa rời khỏi, tôi thấy chẳng được lợi gì hơn trong sự đánh đổi này.

Đi trong thung lũng ấy, tôi nhận thấy nó rải rác những kim cương, nhiều viên to một cách kỳ lạ. Tôi ngắm những thứ đó thật thích mắt. Song chỉ lát sau tôi trông thấy đằng xa những vật làm giảm bớt rất nhiều niềm vui thích ấy, và không thể nhìn mà không khiếp đảm. Đây là một bầy ngòn ngòn những con rắn to và dài đến mức không con nào không đủ sức nuốt chửng cả một con voi. Ban ngày, chúng nó về hang để lẫn trốn chim đại bàng, kẻ thù của chúng, chỉ đêm tối mới bò ra.

Suốt ngày tôi đi thất thủ trong thung lũng, thỉnh thoảng nghỉ ngơi ở những chỗ thuận tiện nhất. Tuy nhiên mặt trời sắp lặn. Tôi vội rút vào cái hang mà tôi cho là an toàn. Lối vào đã thấp lại hẹp, tôi còn lăn phiến đá khá lớn lấp lại, không để cho rắn chui lọt, nhưng lại không quá khít để có thể cho chút ánh sáng. Tôi ăn một phần thức ăn mang theo trong tiếng động của những con rắn bắt đầu xuất hiện. Tiếng rít ghê tởm của chúng gây cho tôi nỗi kinh hoàng không bờ bến. Và như các vị có thể hiểu, làm sao tôi có thể ngủ

yên đêm ấy. Sáng ra, các con rắn bỏ đi. Tôi run rẩy ra khỏi hang. Tôi có thể nói rằng bước chân giẫm lên kim cương mà lòng không hề có chút ham muốn. Cuối cùng tôi ngồi xuống nghỉ lấy hơi. Mặc dù lo âu, nhưng vì suốt đêm qua không chợp mắt, tôi ngủ thiếp đi sau khi dùng thêm một bữa nữa với những thức ăn mang theo. Tôi vừa chập đi thì một vật gì rơi xuống cạnh gây nên tiếng động mạnh làm tôi tỉnh giấc, đó là một tảng thịt tươi lớn. Cùng lúc ấy tôi nhìn thấy nhiều tảng thịt khác lăn từ trên đỉnh núi xuống ở nhiều chỗ khác nhau.

Xưa nay, tôi vẫn cho rằng qua là câu chuyện kể cho vui tai những điều mà nhiều lần được nghe các thủy thủ và những người khác nói về thung lũng kim cương. Và về chuyện một số nhà buôn tháo vát tìm cách lấy những viên ngọc quý ấy. Giờ tôi biết là họ nói đúng sự thật. Quả vậy, các nhà buôn ấy đến gần thung lũng này trong thời gian các chim ưng có con. Họ xả thịt, ném từng tảng lớn xuống thung lũng. Thịt rơi vào chỗ nào có kim cương thì kim cương dính vào. Chim ưng ở xứ này khỏe hơn nhiều so với những nơi khác. Chúng bỏ nhào xuống những tảng thịt ấy, cắp mang về tổ trên đỉnh núi cao để làm mồi cho chim con. Thế là các nhà buôn chạy đến gần các tổ chim vừa chạy vừa la hét, xua chúng phải lánh đi để cho họ nhặt những viên kim cương dính vào tảng thịt. Họ phải dùng đến mẹo ấy, bởi vì không còn có cách nào khác để lấy kim cương từ dưới thung lũng sâu như vực thẳm không có lối nào xuống được.

Cho đến lúc ấy, tôi vẫn ngỡ là không thể có cách nào thoát ra khỏi cái thung lũng mà tôi đã coi như là mồ chôn mình. Nhưng tôi thay đổi ý kiến. Những điều vừa trông thấy gợi cho tôi nghĩ ra một cách để bảo toàn tính mạng.

Tôi bắt đầu nhặt những viên kim cương to nhất, bỏ đầy túi da vẫn dùng để đựng thức ăn mang theo. Sau đó tôi lấy tảng thịt trông có vẻ dài nhất buộc chặt xung quanh người bằng tám vải vắn cuộn làm khăn đội đầu. Trong hình dạng đó, tôi nằm sấp xuống đất, cái túi da buộc chặt vào thắt lưng sao cho không thể nào rơi được.

Tôi vừa mới nằm xuống trong tư thế ấy thì đàn chim ưng bay đến. Mỗi con cắp một tảng thịt mang đi. Con khỏe nhất cắp tôi cùng với tám thịt cuộn quanh người, bay bổng lên tận tổ của nó trên đỉnh núi cao. Lúc ấy, các nhà buôn la hét to lên để cho chim sợ hãi. Khi con chim bắt buộc phải bỏ mồi lại rồi, một người chạy đến gần. Anh ta hốt hoảng khi trông thấy tôi. Tuy vậy, anh trấn tĩnh lại. Không hỏi do đâu tôi có mặt ở đây, anh lại bắt đầu sùng sộ, nói tại sao tôi chiếm đoạt tài sản của anh ta. Tôi đáp: “Bạn sẽ nói chuyện có tình cảm với tôi hơn nếu bạn biết rõ tôi hơn. Bạn hãy yên trí. Tôi có đủ số kim cương cho bạn và cho cả tôi nhiều hơn tất cả số của các nhà buôn kia

cộng lại. Nếu họ có được viên nào thì cũng chỉ do ngẫu nhiên thôi, còn những viên tôi mang trong cái túi mà bạn trông thấy đây là do tự tôi đã chọn lấy được dưới thung lũng.” Vừa nói tôi vừa đưa cho anh ta xem.

Tôi chưa dứt lời thì những nhà buôn khác cũng xúm đến. Họ rất ngạc nhiên trông thấy tôi và càng ngạc nhiên hơn khi nghe tôi kể chuyện. Họ không những khen cái mẹo tôi nghĩ ra để tự cứu mình mà còn khâm phục hành động táo bạo quá mức mà tôi đã dám làm.

Họ đưa tôi về nơi họ cùng ở chung với nhau. Đến đây, tôi mở cái túi ra trước mặt họ. Mọi người đều kinh ngạc về cỡ lớn của các viên kim cương. Họ thú thật ở tất cả các triều đình mà họ đã từng được đến, chưa bao giờ họ trông thấy có một viên kim cương nào lớn gần bằng cỡ này.

Tôi yêu cầu nhà buôn chủ cái tổ chim ung mà tôi được mang đến (bởi vì mỗi người đều có tổ riêng của mình), tha hồ chọn lấy phần của ông, muốn bao nhiêu lấy bấy nhiêu. Ông ta chỉ cần một viên thôi, mà lại lấy trong số những viên không lớn lắm. Khi tôi giục ông ta hãy lấy thêm, đừng sợ làm tôi thiệt, ông ta đáp: “Không, tôi rất thỏa mãn với viên này rồi. Nó khá quý giá đủ cho tôi từ nay về sau đỡ phải vất vả, đỡ phải lặn lội chân trời góc bể hồng kiếm ra một cái vốn nho nhỏ.”

Tôi ngủ lại đêm ấy với các nhà buôn. Tôi lại kể một lần nữa câu chuyện của mình để thỏa mãn những người chưa được nghe. Tôi không làm sao kiềm chế được nỗi vui mừng khi nghĩ rằng mình đã thoát khỏi những nỗi gian nguy vừa kể hầu quý vị. Tôi cảm thấy như mình vừa trải qua một giấc mơ. Tôi tin là không còn có gì phải sợ hãi nữa.

Các nhà buôn ném thịt xuống thung lũng đã nhiều ngày rồi. Ai nấy đều có vẻ bằng lòng với số kim cương mình kiếm được. Vì vậy ngày hôm sau tất cả chúng tôi cùng lên đường. Chúng tôi đi qua các ngọn núi cao có những con rắn dài kỳ lạ, mà chúng tôi may mắn tránh được. Chúng tôi đến cái cảng đầu tiên, từ đấy sang đảo Rôha, nơi mọc thứ cây mà người ta chiết xuất chất long não. Có cây to và sum suê đến mức một trăm người có thể dễ dàng nấp dưới bóng nó. Nhựa để làm long não tiết ra từ một cái hốc ở phần trên của thân cây, chảy vào một cái bình rồi đông lại. Đó là thứ mà ta gọi là long não. Lấy hết nhựa, cây sẽ khô đi và chết.

Trên hòn đảo ấy có tê giác. Đó là những con vật bé hơn con voi nhưng lớn hơn con trâu. Nó có một cái sừng trên mũi, sừng dài bằng một cánh tay. Cái sừng ấy rất cứng và có ngấn ở giữa. Trên sừng có những vệt trắng giống hình mặt người. Tê giác đánh nhau với voi, lấy sừng chọc thủng bụng voi. Nó có thể nhấc bổng cả con voi đội lên đầu. Nhưng vì máu và mỡ voi chảy xuống làm mù mắt nó, nó ngã ra đất, thế là – điều này chắc sẽ làm cho các vị ngạc nhiên – chim đại bàng đến, giơ móng quắp nhấc bổng cả đôi, đưa về cho con

nó ăn thịt.

Tôi sẽ không nói thêm nhiều điều đặc sắc khác nữa của hòn đảo ấy, sợ làm quý vị chán tai. Ở đó, tôi đổi một vài viên kim cương lấy nhiều hàng hóa tốt. Từ đây, qua nhiều thành phố buôn bán trên đất liền, chúng tôi đến Banxôra, từ đó trở về Bátđa.

Trước hết, tôi bố thí rộng rãi cho những người nghèo. Rồi tôi hưởng thụ xứng đáng phần lớn còn lại của những của cải vô hạn mà tôi đã mang về nhờ kiếm được sau khi trải qua xiết bao khổ ải.

Xinbát thuật lại chuyến đi thứ hai của ông như vậy đây. Ông sai đưa cho Hinhát một trăm đồng *xocanh* nữa và mời lão ngày hôm sau đến nghe kể tiếp chuyến đi thứ ba.

Khách khứa ra về. Ngày hôm sau vào đúng giờ hẹn đến đông đủ, kể cả lão khuân vác hầu như đã quên đi cảnh nghèo đói trước đây của mình. Mọi người lại ngồi vào bàn tiệc. Và sau bữa ăn, Xinbát xin mọi người hãy lắng nghe để ông thuật lại chi tiết về chuyến đi thứ ba của ông:

CHUYẾN ĐI THỨ BA CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Chẳng mấy chốc cuộc sống êm đềm làm tôi lãng quên những nỗi hiểm nghèo đã trải qua qua hai chuyến đi. Bởi đang tuổi tráng niên, tôi đam chán cảnh sống an nhàn. Say sưa nghĩ tới những gian nguy mới mà mình sẽ phải đương đầu, tôi rời Bátđá với nhiều sản vật địa phương đắt tiền mà tôi cho mua và chuyển đến Banxôra. Ở đây tôi lại xuống tàu cùng nhiều nhà buôn khác. Chúng tôi tiến hành một chuyến đi biển dài. Trên đường, tàu cập bến nhiều hải cảng để mua bán một số hàng hóa lớn.

Một hôm đang đi giữa biển khơi, chúng tôi bị một cơn bão dữ dội làm mất phương hướng. Bão kéo dài nhiều ngày. Gió đẩy dạt tàu chúng tôi đến trước cảng của một hòn đảo. Viên thuyền trưởng hết sức mong sao có thể tránh không phải ghé vào đây, song chúng tôi bắt buộc phải vào buông neo ở cảng. Khi buồm đã cuốn lại rồi, viên thuyền trưởng bảo: “Đảo này và các đảo lân cận có một giống người dã man mình đầy lông lá. Chúng sẽ đến tấn công chúng ta. Mặc dù chúng lùn tịt, song chúng ta không được kháng cự một chút nào, bởi chúng đông như châu chấu. Nên nhớ nếu chúng ta làm chết một đứa thì tất cả bọn chúng sẽ đổ xô đến làm thịt sạch chúng ta.”

Lời viên thuyền trưởng làm cho tất cả mọi người trên tàu hết sức lo lắng. Chẳng mấy chốc chúng tôi được biết những điều ông nói quả đúng sự thật. Chúng tôi thấy xuất hiện một đám đông không thể nào kể xiết những tên man rợ xấu xí, mình mẩy mọc đầy lông màu hung và chỉ cao chừng hai bộ. Chúng nhảy xuống biển bơi. Chỉ một lát sau đã vây quanh chiếc tàu của chúng tôi. Chúng vừa tiến đến gần vừa nói nhưng chúng tôi không hiểu được tiếng của chúng. Chúng bám lấy mạn tàu và các dây dợ rồi từ mọi phía leo lên tới sàn tàu, khéo léo và thoăn thoắt như thể chân không cần chạm vào đầu cả.

Chúng tôi nhìn chúng làm việc đó với một nỗi kinh hoàng chắc các vị có thể tưởng tượng được. Không ai dám chống cự hoặc nói lên một lời nào hòng làm chúng thay đổi ý định, mà chúng tôi ngờ là sẽ tai hại cho mình. Quả nhiên chúng mở buồm ra, cắt dây neo chứ không buồn kéo neo lên nữa, và sau khi cho tàu ghé sát vào bờ, chúng đuổi tất cả chúng tôi lên cạn. Sau đó chúng mang tàu đến một hòn đảo khác, nơi chúng ở. Tất cả mọi người đi biển bao giờ cũng chú ý tránh hòn đảo chúng tôi ghé vào lúc đó. Dừng lại chôn ấy rất nguy hiểm bởi lý do mà quý vị vừa nghe. Nhưng chúng tôi không có cách nào khác, đành phải kiên nhẫn chịu đựng điều không may của mình.

Chúng tôi đi xa dần bờ biển, và vừa đi vừa tìm hái vài thứ quả và lá ăn để

cô kéo dài giây phút cuối cùng của cuộc đời. Bởi chúng tôi đều tin chắc sẽ lâm vào một cái chết không thể nào tránh khỏi. Đang đi, chúng tôi trông thấy đằng xa có một tòa nhà lớn, liền rào bước về phía đó. Đây là một tòa lâu đài rất cao xây dựng khéo léo. Một cái cửa có hai cánh bằng gỗ mun mở ra ngay khi chúng tôi vừa đưa tay đẩy. Chúng tôi bước vào sân. Trước mắt hiện ra một gian nhà rộng. Phía trước có căn trống một bên là một đồng xương người, bên kia vô số những cái xiên dùng để quay thịt. Chúng tôi run lên khi nhìn thấy cảnh tượng đó. Nhưng vì đi bộ lâu đã quá mệt mỏi, chân cứ khụy xuống. Chúng tôi ngã lăn ra đất, kinh hoàng khủng khiếp, và nằm đờ ra như vậy rất lâu.

Mặt trời lặn. Trong lúc chúng tôi đang ở trạng thái thảm thương đó, thì cửa gian nhà ầm ầm mở ra. Ngay lúc ấy xuất hiện bộ mặt gớm ghiếc của một tên da đen cao bằng một cây cọ lớn. Nó chỉ có một mắt ở chính giữa trán, đồ hùng hực như than hồng. Những chiếc răng cửa rất dài và rất nhọn thò ra ngoài cái miệng rộng không kém gì một cái mõm ngựa. Môi dưới của nó xệ xuống tận ngực. Hai tai giống như hai tai voi phủ kín cả vai. Móng tay thì nhọn sắc và dài như thể móng của những con chim to nhất. Nhìn thấy một tên khổng lồ khủng khiếp như vậy, chúng tôi ngất đi và cùng nằm im như chết.

Cuối cùng tỉnh lại, chúng tôi trông thấy con quái vật ngồi dưới mái nhà ngoài. Nó giương mỗi con mắt độc nhất ngắm nghía chúng tôi. Khi đã xem xét chán, nó tiến đến gần chúng tôi và đưa tay tóm lấy gáy nhấc bổng người tôi lên lật đi lật lại như một anh đồ tể sờ nắn cái sỏ cừu. Sau khi nhìn kỹ thấy tôi gầy gò quá, người chỉ có da bọc xương, nó buông tôi ra. Nó lần lượt tóm những người khác và cùng xem xét theo cách ấy. Viên thuyền trưởng là người béo tốt hơn tất cả bọn. Một tay nó tóm lấy ông một cách nhẹ nhàng như cầm một con chim sẻ, tay kia nó lấy cái xiên xuyên suốt qua người ông ta. Rồi nó đốt to lửa lên, quay chín thuyền trưởng và đưa vào nhà trong ăn tối. Ăn xong nó lại trở ra nhà ngoài nằm ngủ, cất tiếng ngáy ầm ầm như sấm cho đến sáng hôm sau. Về phần chúng tôi, không ai có thể nghỉ ngơi được một chút, suốt đêm lo âu sợ hãi đến tột độ. Trời sáng, tên khổng lồ thức dậy đứng lên đi ra, bỏ chúng tôi lại trong tòa lâu đài.

Khi cho rằng nó đã đi xa, chúng tôi phá tan sự im lặng kéo dài cả đêm. Và như thể đua nhau, chúng tôi kêu khóc than vãn vang dậy cả lâu đài. Mặc dù chúng tôi khá đông và chỉ có mỗi một kẻ thù, lúc đầu chúng tôi cũng chưa nảy ra ý nghĩ tìm cách giết chết nó để thoát thân. Việc này khó thực hiện thật đấy nhưng vẫn là việc đương nhiên cần phải làm.

Chúng tôi bàn bạc nhiều cách song không quyết định được cách nào và đành phó thác số phận cho Thượng đế định đoạt. Suốt ngày chúng tôi đi

quanh đảo kiếm rau quả để ăn như ngày hôm trước, chiều đến, chúng tôi cố tìm một chỗ ngủ để che sương nhưng không tìm được, đành phải trở lại tòa lâu đài.

Tên không lồ lại trở về. Nó lại chén một người nữa trong bọn chúng tôi, sau đó nó lại lặn ra ngủ và ngáy ầm ầm cho tới sáng. Rồi nó lại bỏ ra đi để chúng tôi lại đầy y như ngày hôm trước. Hoàn cảnh chúng tôi tệ hại quá, đến nỗi nhiều bạn tôi đã định thà nhảy ào xuống biển trầm mình còn hơn là chờ đợi một cái chết kỳ cục.

Những người đó khuyến khích bạn bè cùng làm theo lời họ. Nhưng một người trong bọn tôi cất lời. Anh ta nói: “Chúng ta không được phép tự sát. Và giả dụ là nếu có phải chết chẳng nữa, phải là hợp lý hơn không, nếu chúng ta nghĩ cách thoát khỏi tên man rợ này. Nó đang bắt chúng ta chết dần một cách khôn khéo.”

Trong trí tôi chợt nảy ra một dự kiến. Tôi liền trao đổi với các bạn tôi. Họ đều tán thành. Tôi liền nói với cả bọn: “Anh em ơi, các anh em đều biết ở ven biển có nhiều gỗ. Nếu anh em nghe lời tôi, chúng ta hãy làm nhiều chiếc bè có thể chở chúng ta. Làm xong sẽ để lại ở bờ, lúc nào cần đến thì dùng. Trong thời gian ấy, chúng ta sẽ thực hiện ý đồ mà tôi đã đề nghị với anh em để giải thoát chúng ta khỏi tay tên khổng lồ. Nếu việc đó thành công, chúng ta có thể chờ cho đến khi có một chiếc tàu nào đến đưa chúng ta ra khỏi hòn đảo tai họa này. Ngược lại nếu thất bại, chúng ta mau mau xuống bè và bơi ra giữa biển. Tôi đồng ý rằng, dấn thân cho sóng dữ trên những chiếc bè mong manh như vậy, có thể có nguy cơ bỏ mạng. Song dù phải chết đi chẳng nữa, vùi thân dưới đáy biển chẳng nhẹ nhàng hơn là bị nhốt vào trong bụng con quỷ đã ăn thịt mất hai anh em trong bọn chúng mình hay sao?

Ý kiến của tôi được tán thưởng, chúng tôi bắt tay làm ngay những chiếc bè mỗi chiếc có thể chở được ba người.

Cuối ngày hôm ấy, chúng tôi lại trở về tòa lâu đài. Một lát sau tên khổng lồ lại đến. Chúng tôi đành phải chịu nhìn nó quay chín một người bạn nữa. Nhưng cuối cùng, chúng tôi trả thù tên khổng lồ như thế này. Sau khi ăn xong bữa tối đáng ghê tởm, nó nằm ngửa ra ngủ. Chúng tôi vừa nghe nó ngáy như thường lệ, thì chín người bạo dạn nhất trong bọn chúng tôi và tôi mỗi người lấy một cái xiên, cho đầu nhọn vào lửa nung đỏ lên, rồi sau đó nhắt tề nhắm vào chọc vỡ mắt nó ra.

Tên không lồ đau đớn hét lên một tiếng khủng khiếp. Nó vùng dậy, quờ tay ra bốn phía hòng tóm được một người nào đó trong bọn chúng tôi để bóp chết cho hả cơn điên. Nhưng chúng tôi đã kịp chạy ra xa và nằm xuống đất vào những chỗ mà chân tay nó không thể với tới. Sau khi bắt chúng tôi không được, nó dò dẫm tìm cửa ra, vừa đi vừa hét lên những tiếng ghê rợn.

Chúng tôi lập tức rời khỏi lâu đài, đi đến bờ biển, nơi để những chiếc bè. Chúng tôi hạ thủy, rồi chờ cho trời sáng là nhảy lên bè, trong trường hợp tên khổng lồ được một tên đồng loại nào dẫn đường tới đây. Nhưng chúng tôi lại có ý định nếu nó không xuất hiện sau khi mặt trời mọc, và nếu không còn nghe những tiếng nó gào thét nữa, điều chúng tỏ nó đã bỏ mạng, thì trong trường hợp này chúng tôi sẽ trở lại đảo chứ không mạo hiểm đi bằng bè. Nhưng trời vừa mới sáng, chúng tôi đã trông thấy tên kẻ thù hung ác có hai tên khổng lồ to gần bằng nó đi theo dẫn đường, và trước nó còn có một số khá đông những tên khác bước vội vàng.

Trông thấy cảnh đó, chúng tôi không trù trù nữa. Tất cả nhảy vội xuống bè, và chèo lấy chèo để ra xa bờ. Bọn khổng lồ nhìn thấy, liền nhặt những hòn đá lớn chạy đến, lội xuống nước đến ngập nửa người rồi ném theo chúng tôi. Chúng ném khéo đến nỗi, trừ chiếc bè của tôi, tất cả những chiếc khác đều vỡ tan, làm cho không một người nào trên đó thoát khỏi chết đuối. Về phần tôi và hai người bạn đồng hành, chúng tôi chèo cật lực cho nên ra xa hơn cả, ngoài tầm ném đá của chúng. Ra khỏi, chúng tôi trở thành đồ chơi của gió và sóng, khi bị xô sang bên này, lúc thì bị dạt sang phía kia. Suốt ngày hôm ấy và đêm tiếp theo, chúng tôi sống trong sự đau khổ phân vân, không biết số phận mình rồi sẽ ra sao. Nhưng ngày hôm sau, chúng tôi may mắn dạt vào một hòn đảo và hết sức vui mừng là thoát chết. Ở đây có nhiều loại quả rất ngon, giúp cho chúng tôi lấy lại sức khỏe.

Chiều đến, chúng tôi đang ngủ ở bờ biển thì bị đánh thức dậy bởi tiếng rít của một con rắn dài bằng cả một cây cọ. Khi bò trên mặt đất vảy của nó chạm vào nhau và phát ra tiếng rít. Con rắn đã đến rất gần và đớp được một người bạn của tôi, mặc cho anh ta la hét và cố gắng để thoát, nó quấy anh ta mấy cái rất dữ rồi quật xuống đất và nuốt chửng. Anh bạn còn lại và tôi chạy trốn. Chạy đã khá xa, chúng tôi vẫn còn nghe được một thứ tiếng động mà chúng tôi đoán rằng đấy là tiếng con rắn nhả xương anh bạn đáng thương vừa bị nó ăn thịt.

Quả nhiên, sáng hôm sau chúng tôi ghé rón nhìn thấy đồng xương. “Hỡi Thượng đế! – Tôi kêu lên. – Sao chúng tôi phải trải qua lắm tai ương thế này? Hôm qua chúng tôi vừa mừng thoát được sự hung ác của một tên khổng lồ và cơn giận dữ của sóng nước, thì hôm nay đã lại sa vào một nỗi hiểm nghèo không kém phần ghê gớm!”

Trong khi lang thang, chúng tôi trông thấy một cây cổ thụ rất cao, và dự định đêm tối sẽ leo lên đấy ngủ cho an toàn. Chúng tôi lại đi tìm quả dại để ăn như ngày hôm trước. Tối đến chúng tôi leo lên cây. Chẳng mấy chốc nghe tiếng con rắn, nó vừa bò vừa rít đến tận gốc cây chúng tôi nấp. Nó cất cao mình lên dọc thân cây, bắt gặp anh bạn tôi ở chỗ thấp hơn tôi, nó đớp lấy

nuốt chửng và bỏ đi luôn.

Tôi ngồi trên cây cho đến sáng mới dám tụt xuống, sống dờ chết dờ. Thật vậy, tôi không thể trông chờ một số phận nào khác với số phận hai người bạn đồng hành. Ý nghĩ ấy làm tôi sợ run lên, tôi bước lên mấy bước toan nhảy xuống biển. Song bởi vì con người bao giờ cũng muốn sống thêm được lúc nào hay lúc ấy, tôi gượng lại không làm hành động tuyệt vọng và phó thác số phận mình cho Thượng đế định đoạt.

Tuy vậy, tôi vẫn nhặt nhanh một số lớn những mảnh gỗ nhỏ, dây dợ và gai khô. Tôi bó thành nhiều bó, xếp thành một vòng tròn lớn quanh thân cây và buộc chặt lại. Làm xong, đến chập tối tôi tự nhốt vào giữa vòng tròn, với niềm an ủi đáng buồn là mình đã không bỏ qua bất cứ một việc gì có thể làm để hòng thoát khỏi số phận tai ác đang đe dọa. Con rắn lại đến và bò quanh gốc cây, tìm cách ăn thịt tôi. Nhưng nó không làm được bởi bị cản vì cái lũy tôi tạo nên. Cho tới sáng nó cứ quanh quẩn giống như một con mèo chạy quanh một con chuột nấp ở một nơi không thể chui vào. Cuối cùng sáng ra, nó bỏ đi. Tuy vậy tôi không dám ra khỏi thành lũy của mình trước khi mặt trời mọc hẳn.

Quá mệt mỏi vì những công việc đã làm và quá đau khổ vì chịu đựng cái hơi thở hôi thối của con rắn, tôi nghĩ rằng thà chết đi còn dễ chịu hơn là phải chịu sự kinh khủng này. Tôi rời gốc cây và chạy thẳng ra bờ biển định đâm đầu xuống nước.

Thượng đế thương hại cho sự tuyệt vọng của tôi. Đúng vào lúc sắp đâm đầu xuống biển, tôi chợt nhận thấy một chiếc tàu ở cách bờ khá xa. Tôi ráng hết sức kêu và tháo tấm vải khăn đội đầu ra vẫy. Việc đó không phải là vô ích. Người trên tàu nhìn thấy tôi. Thuyền trưởng cho đưa xuống vào cứu. Khi tôi lên được trên tàu, các nhà buôn và thủy thủ đều vồn vã hỏi do đâu tôi dạt lên hoang đảo. Sau khi tôi thuật lại tất cả những gì đã xảy ra, những người lâu năm nhất cho biết họ đã nhiều lần nghe nói đến những tên khổng lồ sống trên hòn đảo. Người ta quả quyết với họ rằng đây là những kẻ ăn thịt người, chúng có thể ăn sống cũng như ăn thịt người đã quay chín. Còn về rắn thì họ nói thêm rằng trên các đảo ấy có rất nhiều. Ban ngày chúng ẩn kín, đến tối mới bò ra. Sau khi vui mừng thấy tôi thoát khỏi bấy nhiêu hiểm nghèo, họ biết tôi đang đói, liền sốt sắng đãi tôi những món ăn ngon nhất. Thấy áo quần tôi rách như xơ mướp, viên thuyền trưởng hào hiệp cho tôi một bộ.

Chúng tôi đi biển một thời gian. Tàu ghé qua nhiều hòn đảo. Cuối cùng đến đảo Xalahát, nơi người ta khai thác đàn hương, một thứ gỗ rất cần dùng trong y học.

Chúng tôi vào cảng và thả neo ở đó. Các nhà buôn bắt đầu dỡ hàng của họ

mang đi bán hoặc đổi chác. Trong thời gian ấy, viên thuyền trưởng gọi tôi đến và bảo: “Người anh em ạ, trong kho tôi có nhiều hàng của một nhà buôn trước đây có đi một thời gian trên tàu của tôi. Vì nhà buôn ấy đã qua đời, tôi muốn cho bán đi lấy lãi trao lại cho những kẻ thừa kế ông ta, may ra sau này có lúc nào gặp được.” Các kiện hàng đó xếp ở trên tàu. Ông chỉ cho tôi thấy và nói: “Kia là những hàng hóa tôi vừa nói đến. Tôi mong người anh em vui lòng nhận bán hộ. Bạn sẽ được hưởng một phần lãi do công lao vất vả của bạn.” Tôi nhận lời và cảm ơn ông đã cho cơ hội để đỡ phải ăn không ngồi rồi.

Thư ký của tàu ghi sổ tất cả hàng hóa và tên chủ hàng. Anh ta hỏi viên thuyền trưởng những hàng giao cho tôi bán nên ghi tên của ai, ông trả lời: “Hãy ghi tên Xinbát, người đi biển.” Tôi không thể không xúc động khi nghe nói đến tên mình. Nhìn kỹ thuyền trưởng tôi nhận ra chính ông là người, trong chuyến đi thứ hai của tôi, đã bỏ rơi tôi trên hòn đảo khi tôi ngủ quên bên bờ suối, ông đã cho tàu nhỏ neo mà không chờ đợi hoặc cho người tìm kiếm tôi. Lúc đầu tôi không nhận ra, bởi vì người ông đã đổi khác nhiều kể từ lần tôi gặp.

Về phần ông ta, vì tưởng tôi đã chết cho nên không có gì đáng ngạc nhiên là ông không nhận ngay ra tôi. Tôi hỏi ông: “Thưa thuyền trưởng, có phải nhà buôn chủ những kiện hàng tên là Xinbát?”

- Vâng, tên ông ta đúng là như vậy. Ông ta vốn là người Bátđá. Ông xuống tàu tôi ở Banxôra. Một hôm, chúng tôi ghé vào một hòn đảo để lấy nước ngọt và nghỉ ngơi, tôi không hiểu đã nhầm lẫn thế nào mà cho tàu chạy, không để ý rằng ông ta chưa trở lại tàu cùng với những người khác. Mãi bốn giờ sau, các nhà buôn và tôi mới nhận ra điều đó. Lúc ấy, gió thổi từ đằng lái tới và gió thổi mạnh đến nỗi chúng tôi không thể nào cho tàu quay vòng trở lại đón ông ta.

- Ông tưởng người ấy chết rồi sao? – Tôi lại hỏi.

- Chắc chắn như vậy. – Thuyền trưởng đáp.

- Nếu vậy thì, thưa thuyền trưởng, xin ông hãy mở to mắt và nhận ra anh chàng Xinbát mà ông đã bỏ rơi trên hoang đảo. Hôm ấy, tôi ngủ quên bên bờ một con suối, và khi thức dậy thì không còn trông thấy một ai trong đoàn cùng đi trên tàu.

Nghe nói như vậy, thuyền trưởng chăm chăm nhìn tôi.

Sau khi quan sát thật chăm chú, cuối cùng ông nhận ra:

- Tạ ơn Thượng đế! – Ông kêu lên và ôm choàng lấy tôi. – Tôi rất vui lòng là định mệnh đã sửa chữa sai lầm cho mình. Kia là hàng hóa của ông, tôi vẫn luôn luôn chú ý gìn giữ. Bất cứ cập bến cảng nào tôi cũng đều làm cho nó

sinh lợi thêm. Giờ tôi xin trả lại ông với tất cả tiền lãi thu được.

Tôi nhận lại hàng và tỏ lòng biết ơn sâu sắc thuyền trưởng.

Từ đảo Xalahát chúng tôi sang một đảo khác. Ở đây tôi mua đinh hương, quế và nhiều mặt hàng tạp hóa khác.

Lúc rời đảo này, chúng tôi nhìn thấy một con rùa lớn ngang dọc mỗi bề đến hai mươi cánh tay. Chúng tôi cũng thấy có một con cá tương tự như con bò. Nó có sữa, và da thì rắn đến mức người ta thường dùng để làm khiên. Tôi cũng thấy một con cá khác nữa hình dạng và màu sắc giống như con lạc đà.

Sau một chuyến đi dài, cuối cùng tôi về đến cảng Banxôra. Từ đó tôi trở về thành phố Bátđá với rất nhiều của cải, nhiều đến mức tôi cũng không rõ số lượng bao nhiêu. Tôi lại dành một phần đáng kể làm phúc cho những người nghèo, rồi tậu rất nhiều đất đai rộng lớn thêm vào chỗ đã tậu từ trước.

Xinbát chấm dứt ở đây câu chuyện về chuyến đi thứ ba của ông. Ông lại sai đưa biếu Hinbát một trăm đồng *xocanh* khác, và mời lão sáng mai lại đến ăn cơm và nghe kể về chuyến đi thứ tư.

Hinbát cùng mọi khách khứa ra về. Hôm sau họ trở lại. Đến cuối bữa ăn, Xinbát lại cất lời kể tiếp về những bước đường phiêu lưu trên biển của ông.

CHUYẾN ĐI THỨ TƯ CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Những cuộc vui chơi giải trí sau chuyến đi thứ ba không có đủ sức hấp dẫn để ngăn tôi thôi không đi xa nữa. Tôi lại để mình bị cuốn hút vào sự say mê buôn bán và ngắm nhìn những điều mới lạ. Tôi sắp xếp công việc gia đình, rồi cho mua những thứ hàng hóa liệu có thể bán được ở những nơi mình sẽ đến, và lên đường.

Tôi sang Ba Tư, đi qua nhiều tỉnh của nước này, đến một hải cảng, rồi từ đây đáp xuống tàu bể. Tàu giương buồm, trên đường đi ghé qua nhiều cảng thuộc đất liền và một số đảo phương Đông. Bỗng một hôm, trong một chặng đi dài, một cơn gió xoáy nổi lên buộc thuyền trưởng phải cho hạ buồm và ra những mệnh lệnh cần thiết để đề phòng bất trắc. Nhưng mọi sự thận trọng đều vô ích. Hệ thống thừng chèo, bánh lái đã trục trặc. Các cánh buồm đã bị cuồng phong xé tả tơi. Con tàu không điều khiển được nữa, xô vào đá ngầm và vỡ tan, làm một số đông nhà buôn cùng thủy thủ chết đuối, hàng hóa mất sạch.

Cùng với nhiều thủy thủ và nhà buôn khác, tôi may mắn bám được vào một tấm ván. Một dòng nước đẩy chúng tôi dạt vào một hòn đảo. Chúng tôi tìm được quả dại và nước ngọt ăn uống cho lại sức. Đêm đến, chúng tôi nghỉ ngay tại nơi sóng vừa dạt lên. Chưa ai quyết định được là cần phải làm gì vì chưa hoàn hồn, sau những điều bất hạnh vừa xảy ra.

Ngày hôm sau, mặt trời vừa mọc, chúng tôi đã rời bờ biển đi sâu vào trong đảo. Thấy có nhà cửa, chúng tôi tìm đến. Bọn người da đen, rất đông, vây quanh chúng tôi. Và làm như thể chia phần với nhau, chúng phân chúng tôi ra thành những toán nhỏ đưa về nhà.

Tôi và năm người bạn được dẫn về cùng một nơi. Thoạt tiên, chúng bảo chúng tôi ngồi xuống và ra hiệu mời chúng tôi ăn một thứ rau. Các bạn tôi không suy nghĩ về việc những người mời không cùng ăn với mình, chỉ biết nghe theo con đói đang thôi thúc, liền ăn ngấu nghiến ngay. Về phần tôi, linh cảm thấy có một sự lừa bịp nào đó, tôi không động đến thức ăn. Như vậy thật may cho tôi, vì chỉ một lát sau, tôi nhận thấy tâm trí các bạn tôi rối loạn. Họ trò chuyện với tôi mà tôi không hiểu được họ đang nói những gì.

Sau đó, bọn da đen cho chúng tôi ăn cơm, thổi với dầu dừa. Các bạn tôi, giờ đây không còn lý trí nữa, ăn rất nhiều. Tôi cùng ăn nhưng rất ít thôi. Thì ra bọn da đen trước hết cho bọn chúng tôi ăn thứ lá ấy để làm rối loạn trí khôn và do đó để khỏi buồn phiền vì biết trước số phận đáng thương của mình, rồi sau đấy mới cho chúng tôi ăn cơm để vỗ béo. Bọn này là những tên ăn thịt người. Ý đồ của chúng là vỗ cho chúng tôi béo lên để ăn thịt. Các bạn

tôi đã mất hết trí khôn, họ không rõ số phận của mình rồi sẽ ra sao, cho nên quả có béo lên thật.

Vì tôi còn giữ được đầu óc minh mẫn, chắc các vị có thể hiểu được là không những tôi không béo lên mà còn gầy đi so với lúc trước. Cái chết luôn luôn ám ảnh làm cho mọi thức ăn vào người tôi đều trở thành thuốc độc. Tôi đâm ra dờ dẩn, cái chứng bệnh này đã cứu sống tôi bởi những tên da đen sau khi đã đập chết và ăn thịt hết các bạn tôi thì ngừng lại. Thấy tôi khô khan, gầy đét, đau yếu, chúng hoãn việc giết thịt tôi vào một dịp khác.

Trong thời gian ấy, tôi được tự do hơn. Hầu như chúng không còn chú ý đến hành động của tôi. Nhờ vậy một hôm, tôi có cơ hội rời xa chỗ ở của bọn da đen và tìm cách chạy trốn. Một lão già trông thấy tôi đi xa, nghi ngờ ý định của tôi, ráng hết sức gọi tôi quay trở lại. Nhưng tôi vờ không nghe và đi nhanh hơn, chẳng mấy chốc khuất tầm mắt nhìn của lão. Những tên da đen khác đều đã đi vắng, thông thường đến tối chúng mới về.

Bởi vậy tin rằng là khi chúng biết tôi bỏ trốn chúng cũng không có thì giờ đuổi theo, tôi đi một mạch cho đến tối chỉ dừng lại để nghỉ ngơi chút ít và kịp ăn mấy miếng thức ăn mang theo, rồi lại lên đường ngay. Tôi đi liền bảy ngày qua những nơi không có người ở. Tôi sống nhờ những quả dừa, vừa làm thức ăn vừa làm thuốc uống.

Ngày thứ tám, tôi đến gần bờ biển, và đột nhiên trông thấy nhiều người màu da trắng như mình. Họ đang mải mê hái hồ tiêu là loại cây mọc rất nhiều ở vùng này. Tôi thấy việc của họ có vẻ là điềm lành, nên chẳng ngần ngại gì mà không đến gần và tìm cách bắt chuyện. Những người hái hồ tiêu đi về phía tôi. Vừa trông thấy tôi, họ hỏi bằng tiếng A Rập tôi là ai, từ đâu đến. Sung sướng được nghe tiếng nói giống mình, tôi vui lòng thỏa mãn hiếu kỳ của họ. Tôi thuật lại cho họ nghe đầu đuôi câu chuyện tôi đắm tàu và trôi dạt đến đảo này, rồi sa vào tay bọn người da đen ra sao. Họ hỏi: “Nhưng những tên da đen ấy ăn thịt người kia mà. Nhờ sự thần kỳ nào mà bạn thoát được?” Tôi kể cho họ đúng như các vị vừa nghe, và họ kinh ngạc vô cùng.

Tôi ở lại với họ, chờ cho đến khi họ hái đủ số hồ tiêu cần thiết. Sau đó họ cho cùng xuống chiếc tàu đã đưa họ đến đây, về đảo của họ. Họ giới thiệu tôi với quốc vương họ, một nhà vua tốt. Nhà vua lắng nghe câu chuyện phiêu lưu của tôi từ đầu đến cuối và rất lấy làm lạ. Sau đó, vua sai ban cho tôi áo quần và truyền cho triều đình và dân chúng phải chăm sóc tôi.

Hòn đảo tôi ở rất đông dân và có nhiều sản vật. Việc buôn bán ở kinh đô khá thịnh vượng. Nơi trú ngụ dễ chịu ấy bắt đầu an ủi niềm bất hạnh của tôi. Lòng tốt của nhà vua hào hiệp làm cho tôi hài lòng. Quả vậy, đối với nhà vua, thì không có ai hơn tôi. Nhờ vậy trong triều đình cũng như ngoài phố xá không một người nào không tìm dịp để làm vui lòng tôi. Chẳng bao lâu, tôi

được xem như một người sinh trưởng ở thành phố này chứ không phải một người xứ khác đến ngụ cư.

Tôi nhận xét một điều mà tôi cho là kỳ lạ. Mọi người, kể cả nhà vua, đi ngựa đều không có yên cương. Một hôm tôi mạo muội hỏi nhà vua vì sao không dùng những thứ tiện nghi đó. Nhà vua đáp ở nước ông chưa hề biết dùng những thứ tôi vừa nói tới bao giờ.

Tôi liền đến nhà một người thợ, vẽ kiểu và đặt làm một cái cốt yên ngựa bằng gỗ. Xong xuôi, tôi tự tay nhồi đệm và bọc da rồi trang trí bằng một tấm vải thêu kim tuyến. Sau đó, tôi lại đến nhà một người thợ sắt ra kiểu cho anh ta làm cho một cái hàm thiếc đóng ngựa, cùng một đôi bàn đạp đặt chân nữa.

Khi mọi việc đã hoàn hảo, tôi mang tất cả đến dâng nhà vua và thắng thử vào một con ngựa của ông. Nhà vua cười lên, rất vừa ý về sáng chế ấy. Vua ban thưởng cho tôi nhiều của cải để biểu lộ sự hài lòng. Tôi cũng không khước từ mà còn nhận làm nhiều bộ yên cương khác cho các vị thượng thư và quan chức chính trong triều. Họ biểu lại tôi nhiều tặng phẩm, làm cho tôi chẳng mấy chốc mà giàu có. Tôi cũng làm giúp yên cho cả một số người có danh vọng trong thành phố, khiến tôi nổi tiếng và được tất cả mọi người trọng thị.

Tôi đến chầu nhà vua rất đều đặn. Bởi vậy một hôm nhà vua bảo tôi: “Xinbát à, ta mến ông, và ta biết tất cả những người dân của ta quen biết ông đều noi gương ta. Ta có một điều muốn nói với ông và ông phải thuận theo điều ta sắp nói đó.”

- Tâu bệ hạ, không có điều gì mà tôi không sẵn sàng làm để vừa lòng bệ hạ, người có uy quyền tuyệt đối. – Tôi đáp.

- Ta muốn cưới vợ cho ông, – nhà vua nói tiếp – để cho cuộc hôn nhân ấy giữ chân ông ở lại nước ta, để cho ông không nghĩ tới chuyện trở về đất nước mình nữa.

Tôi không dám cưỡng lại ý muốn của nhà vua. Ông gả cho tôi một công nương cao quý, xinh đẹp, khôn ngoan và giàu có. Sau lễ cưới, tôi đến ở nhà nàng. Hai chúng tôi cùng sống với nhau một thời gian hoàn toàn hòa thuận. Tuy nhiên, tôi không quá hài lòng về hoàn cảnh mới của mình. Ý định của tôi vẫn là hễ có dịp là sẽ thoát về Bátđã, ở đấy cơ ngơi của tôi rất to lớn, không thể bỗng chốc tôi quên lãng được.

Tôi đang nuôi những ý nghĩ đó, thì vợ một người láng giềng tôi rất thân, lâm bệnh và qua đời. Tôi đến nhà an ủi, thấy ông ta hết sức buồn bã. Tôi đến gần và nói: “cầu Thượng đế giữ gìn cho bác được sống lâu.”

- Than ôi! Làm sao tôi có thể hưởng điều phúc bác chúc mừng? Tôi chỉ còn sống được một giờ đồng hồ nữa thôi.

- Ô, xin bác chớ có suy nghĩ bi thương như vậy. Tôi mong điều đó không xảy ra. Tôi tin bác còn sống với tôi lâu dài.

- Tôi xin chúc bác sống lâu! – Ông ta nói. – Còn về phần tôi, thế là hết, tôi xin báo để bác biết người ta sẽ chôn tôi cùng với nhà tôi trong ngày hôm nay. Tục lệ của ông cha chúng tôi đặt ra từ xa xưa và truyền lại trên đảo này là như vậy, nhất thiết không ai được làm sai. Vợ chết thì chôn sống chồng, chồng chết chôn sống vợ. Không còn gì có thể cứu sống tôi, tất cả mọi người đều phải tuân theo luật pháp.

Trong lúc ông nói cho tôi biết cái phong tục dã man lạ lùng làm cho tôi kinh hoàng, thì bà con, bạn bè và hàng xóm lũ lượt đến dự lễ tang. Người ta liệm cho thi hài người đàn bà những quần áo sang trọng nhất như trong ngày cưới và tô điểm cho bà đủ mọi đồ trang sức. Tiếp đó, người ta đặt thi hài vào một chiếc quan tài mở nắp, rồi cả đám tang lên đường. Người chồng đi theo ngay sau thi hài vợ, dẫn đầu đám tang. Người ta lên ngọn một núi cao, và khi đến nơi, nâng tảng đá lớn che khuất một cái giếng sâu, rồi hạ thi hài xuống cùng với quần áo và đồ trang sức. Sau đó người chồng ôm hôn bà con bạn bè, rồi để yên cho người ta đặt vào một chiếc quan tài khác, cùng một vò nước và bảy chiếc bánh nhỏ ở bên cạnh. Người ta lại hạ ông ta xuống giếng, đúng như cách thức vừa hạ huyệt người vợ. Ngọn núi chạy dài, làm thành bờ của biển, và cái giếng thì rất sâu. Buổi lễ kết thúc, tảng đá lại được lấp lên miệng giếng như cũ.

Thưa các vị, không cần nói các vị cũng hiểu rằng tôi hết sức buồn rầu khi chứng kiến đám ma ấy. Tất cả những người khác dự lễ hầu như không tỏ vẻ vì xúc động, bởi lẽ họ đã quá quen nhìn thấy cảnh tượng ấy rồi. Tôi không cầm được, phải tâu với nhà vua điều suy nghĩ của mình: “Tâu bệ hạ, tôi hết sức ngạc nhiên về phong tục lạ lùng ở quý quốc là đi chôn người sống cùng với người chết. Tôi đã đi nhiều nơi, đã giao du với đủ hạng người ở vô số nước khác nhau, thế mà chưa bao giờ nghe nói đến một luật pháp khắt khe như vậy.”

- Biết làm sao được, ông Xinbát, – nhà vua đáp – đó là luật pháp chung, bản thân ta cũng phải tuân theo. Nếu hoàng hậu của ta qua đời trước thì ta cũng bị chôn sống theo nàng.

- Nhưng, tâu bệ hạ, tôi có được phép hỏi bệ hạ rằng người nước ngoài có bắt buộc phải tuân theo tục lệ ấy không?

- Có chứ, – vua trả lời và mỉm cười, hiểu ý vì sao tôi lại hỏi câu đó – nếu họ lấy vợ ở đảo này thì vẫn không được ngoại trừ.

Tôi buồn bã trở về nhà với câu trả lời đó. Sự lo sợ về nỗi vợ tôi sẽ chết trước và người ta sẽ chôn sống tôi cùng với nàng, gợi lên trong tôi nhiều suy nghĩ vừa xót xa vừa tủi nhục. Tuy nhiên, có cách nào tránh được? Thôi đành

phải kiên nhẫn và phó thác thân phận mình vào ý muốn của Thượng đế. Tôi run lên mỗi lần nhà tôi hơi se mình. Và than ôi! chẳng mấy chốc tôi lâm vào cơn khủng khiếp thật sự: nàng ốm nặng và qua đời sau mấy ngày lâm bệnh.

Các vị thử tưởng tượng nỗi đau khổ của tôi. Bị chôn sống thì có gì kém thảm khốc hơn bị kẻ ăn thịt người nuốt chửng! Ấy thế mà vẫn phải chịu cảnh ấy thôi. Nhà vua cùng với tất cả triều đình muốn tham gia đưa đám cho thêm phần trọng thể. Những người danh giá nhất trong thành phố cũng cho tôi vinh dự được họ đến dự lễ chôn tôi.

Khi mọi việc đã chuẩn bị xong, người ta đặt thi hài vợ tôi vào một chiếc quan tài cùng với tất cả đồ trang sức và những áo quần đẹp nhất của nàng. Cuộc đưa tang bắt đầu. Là diễn viên thứ hai của tấn bi kịch thảm thương, tôi bước đi ngay sau quan tài vợ tôi, đầm đìa nước mắt, xót xa cho số phận khốn khổ của mình. Trước khi đến ngọn núi, tôi thủ tác động vào tinh thần những người đến dự xem sao. Trước hết tôi tâu với nhà vua, rồi sau đó nói với tất cả mọi người chung quanh. Tôi cúi rạp người xuống tận đất trước mặt họ để hôn gấu áo của họ, tôi van họ đoái thương: “Xin các ngài hãy xét cho tôi là người nước ngoài, tôi không đáng chịu một luật pháp khắt khe như vậy! Tôi còn có một vợ nữa và con cái ở nước tôi.”

Tôi nói những lời ấy với vẻ xúc động. Nhưng vô ích, không một ai mủi lòng. Ngược lại người ta còn vội vã hạ thi hài vợ tôi xuống giếng, rồi lát sau ròng tôi xuống trong một chiếc quan tài mở nắp khác cùng một vò nước và bảy chiếc bánh. Cuối cùng cái buổi lễ tai hại cho tôi ấy kết thúc. Người ta xếp lại tảng đá lấp lên miệng giếng, bắt chấp sự đau đớn cùng cực và những tiếng kêu gào thảm thiết của tôi.

Trong lúc từ từ ròng xuống, nhờ có chút ánh sáng từ bên trên chiếu rọi, tôi nhận được hình thể các nơi dưới đáy mộ. Đó là một cái hang rất rộng và có thể sâu khoảng năm mươi cánh tay. Một mùi hôi thối không thể nào chịu nổi xông lên từ cơ man xác chết. Hình như tôi còn nghe được tiếng một vài người trong số mới bị chôn sống gần đây thở những hơi cuối cùng. Khi xuống tới nơi tôi mau chóng bước ra khỏi quan tài, tay bịt mũi. Tôi nằm dài ra đất, và cứ như vậy mà khóc một hồi lâu. Rồi suy nghĩ về số phận của mình, tôi nói: “Đúng là Thượng đế định đoạt chúng ta theo ý của Người. Song, hỡi Xinhbát đáng thương, phải chăng tại lỗi ở mây, cho nên mây mới phải lâm vào cái chết kỳ quặc thế này? Giá mà trời cho mây chết quách đi trong trận đắm tàu mà mây đã sống sót! Thì mây đã không phải lìa đời một cách chậm chạp và ghê gớm thế này. Nhưng chính mây đã gây nên cái chết do sự bủn xỉn đáng nguyên rủa của mây. A, khốn nạn, tại sao mây không ở lại nhà, để mà hưởng thụ một cách bình yên thành quả những công việc lao động của mây từ trước?”

Đây là những lời than vãn vô vọng tôi làm vang động cả hang. Tôi đập đầu đâm bụng vì tức giận và tuyệt vọng. Tôi hoàn toàn mê mẩn trong những ý nghĩ bi thương.

Tuy nhiên, có nên nói với quý vị chăng? Là dù khôn khổ đến đâu, lòng yêu cuộc sống vẫn còn ở trong tôi. Nó vẫn thôi thúc tôi cố kéo dài ngày sống chứ không tìm cách chết ngay đi cho nhẹ tội. Vừa đưa tay bịt mũi, tôi vừa dò dẫm bước đi tìm lấy bánh mì và nước để trong quan tài mà ăn cho qua cơn đói khát.

Mặc dù trong hang tối như bưng đến mức không phân biệt được ngày đêm, tôi vẫn trở lại được chiếc quan tài của mình. Hình như cái hang rộng hơn và chứa nhiều xác chết hơn tôi tưởng lúc đầu. Tôi sống mấy ngày bằng bánh mỳ và nước của mình, nhưng cuối cùng ăn uống hết, tôi đành chờ chết.

Tôi chỉ còn chờ đợi cái chết nữa thôi, thì chợt nghe có tiếng nâng tảng đá. Người ta hạ xuống một xác chết và một người sống. Người chết là một người đàn ông. Có những quyết định tuyệt cùng vào những lúc tuyệt cùng nhất, cũng là điều tự nhiên thôi. Trong lúc người ta hạ người đàn bà xuống, tôi đến bên cạnh quan tài bà ta, và khi nhận thấy ở trên đã lấp kín miệng giếng rồi tôi cầm một ống xương to và quật hai ba cái thật mạnh vào đầu người đàn bà tội nghiệp. Bà ta ngất đi, hay đúng hơn là bị tôi giết chết. Nhờ có hành động vô nhân đạo ấy mà tôi chiếm được bánh mì và nước trong quan tài của bà, cho nên có đủ thức ăn để sống thêm mấy ngày nữa. Cuối thời gian đó, người ta lại hạ xuống một phụ nữ chết và một người đàn ông sống. Tôi lại giết người đàn ông bằng cách ấy, và may mắn cho tôi dạo ấy trong thành phố có nhiều người chết, tôi không phải thiếu hụt lương thực nhờ thực hiện cái phương sách nói trên.

Một hôm tôi vừa giết chết một người đàn bà, thì nghe có tiếng thở và bước chân. Tôi tiến đến phía phát ra tiếng động. Nghe tiếng thở mạnh hơn, rồi hình như trông thấy một vật gì đang chạy trốn. Tôi đi theo cái thứ bóng ấy, thỉnh thoảng nó đứng lại rồi vừa thở vừa chạy trốn mỗi khi tôi tiến đến gần. Tôi theo nó rất lâu và đi rất xa, cuối cùng trông thấy một đốm sáng như ngôi sao. Tôi tiếp tục đi về ánh sáng ấy, lúc ẩn lúc hiện, do có những vật cản che. Nhưng lần nào tôi cũng tìm lại được, và cuối cùng tôi phát hiện ra ánh sáng ấy lọt qua từ một lỗ trống trong núi đá. Lỗ khá rộng, con người có thể chui lọt.

Phát hiện ra chỗ đó rồi, tôi đứng lại một lúc chờ lắng dịu bớt nỗi xúc động rồi tiến tới chỗ lỗ trống. Tôi chui qua và thấy mình đứng trên bờ biển. Các vị thần tượng tượng nổi vui mừng tột độ của tôi. Phải khó khăn lắm, tôi mới tin được rằng không phải là cõi mộng. Khi đã biết chắc đây là cuộc đời thực khi mọi giác quan đã trở lại bình thường, tôi hiểu ra cái vật tôi nghe thở phì phò

mà tôi đã đi theo, là một con vật từ dưới biển lên. Nó có thói quen chui vào hang để ăn thịt xác chết.

Tôi quan sát ngọn núi và nhận thấy nó nằm ở giữa thành phố và biển, không có một con đường nào thông thương từ biển vào thành, bởi vì núi hiểm trở đến nỗi thiên nhiên cũng không tạo nổi thành đường. Tôi quỳ xuống bờ biển cảm tạ Thượng đế. Sau đó tôi quay vào hang lấy bánh mì và mang ra ăn dưới ánh sáng ban ngày. Bữa ăn ngon lành nhất kể từ khi tôi bị chôn sống trong chôn tôi tắm đến nay.

Tôi còn quay vào hang lần nữa, mò mẫm thu nhặt trong các quan tài tất cả các loại kim cương, châu báu, vòng tay bằng vàng và tất cả các loại vải vóc đẹp tìm thấy được. Tôi mang tất cả những thứ đó ra bờ biển. Tôi gói thành nhiều kiện và buộc cẩn thận bằng những sợi dây thừng người ta dùng để ròng quan tài xuống, thứ ấy trong hang có rất nhiều. Tôi để những kiện đó trên bờ biển, chờ dịp tốt. Không sợ mưa làm hỏng, bởi vì dạo ấy không phải là mùa mưa.

Hai ba ngày sau tôi trông thấy một chiếc tàu vừa ra khỏi cảng và đi qua khá gần nơi tôi đang đứng. Tôi lột chiếc khăn đội đầu làm hiệu và ráng hết sức gọi to cho người trên tàu nghe được, cho thả xuống vào đón. Các thủy thủ hỏi vì sao không may ở chốn này. Tôi đáp tôi vừa thoát một trận đắm tàu hai hôm trước cùng với các hàng hóa họ trông thấy kia. May mắn cho tôi, họ không để ý nơi tôi đang đứng, bằng lòng với câu trả lời ấy và cho tôi đi theo cùng với các kiện hàng.

Khi tôi lên được trên tàu, viên thuyền trưởng rất vui vì việc cứu giúp được tôi. Ông đang bận chỉ huy con tàu cho nên cũng bằng lòng với câu chuyện đắm tàu của tôi bịa đặt. Tôi đưa biếu ông một vài viên ngọc nhưng ông không nhận.

Chúng tôi đi ngang qua trước nhiều hòn đảo, trong số đó có đảo Chuông, cách đảo Xêrêndíp^[34] mười ngày tàu buồm với sức gió đều đặn bình thường. Ở đây cũng cách đảo Kêla đúng mười ngày đường biển. Chúng tôi ghé vào đảo này. Ở đây có những mỏ chì, mica^[35] và long não rất tốt.

Chúa đảo Kêla là một ông vua giàu có và hùng cường. Uy quyền ông lan tới toàn đảo chuông. Đảo này rộng đến hai ngày đường tàu biển, dân cư thì còn dã man đến mức vẫn ăn thịt người. Sau khi mua bán nhiều hàng hóa, chúng tôi lại lên đường và cập bến nhiều hòn đảo khác. Cuối cùng tôi yên lành về đến Bátđá với không biết bao nhiêu là của cải, xin không kể chi tiết làm nhảm tai quý vị. Để tạ ơn Thượng đế và bao nhiêu ân huệ Người ban cho tôi, tôi làm nhiều điều phúc. Nào là sửa sang đền chùa, nào là giúp đỡ những người nghèo khó. Tôi hoàn toàn sống với họ hàng bè bạn, cùng với họ vui chơi, chè chén thỏa thuê.

Đến đây, Xinbát kết thúc câu chuyện về chuyến đi thứ tư của ông. Những người nghe càng thấy thú vị hơn cả ba chuyến đi đầu. Ông lại biếu Hinbát một trăm đồng *xocanh* nữa, và mời lão cùng tất cả mọi người ngày hôm sau, cũng vào giờ này, đến nhà ông dùng bữa và nghe kể chi tiết về chuyến đi thứ năm của ông.

Hinbát và các khách khứa cáo từ ra về. Ngày hôm sau, khi đã tề tựu đông đủ, họ lại ngồi vào bàn ăn. Bữa ăn kéo dài không kém các bữa ăn trước. Đến cuối bữa, Xinbát lại bắt đầu kể về chuyến đi thứ năm của mình như sau:

CHUYẾN ĐI THỨ NĂM CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Các niềm lạc thú có đủ sức hấp dẫn để xóa nhòa khỏi ký ức tôi tất cả những nỗi vất vả gian lao mà tôi đã chịu đựng. Nhưng nó không thể làm cho tôi bỏ được lòng say mê những chuyến đi mới. Bởi vậy tôi mua hàng hóa, cho đóng gói và chất lên rồi tự mình đưa đến hải cảng gần nhất. Ở đây, để khỏi phụ thuộc vào một viên thuyền trưởng và để có một chiếc tàu do chính mình chỉ huy, tôi dành thời giờ cho đóng một chiếc tàu và trang bị nó bằng tiền riêng của mình. Tàu đóng xong, tôi cho bốc hàng hóa lên. Nhưng vì vẫn chưa hết trọng tải của nó, tôi nhận chở kèm nhiều nhà buôn thuộc nhiều nước khác nhau cùng với hàng hóa của họ.

Vừa bắt đầu có gió thuận, chúng tôi cho kéo buồm ra khơi. Sau một chuyến đi dài, nơi đầu tiên tàu cập bến là một hoang đảo. chúng tôi thấy ở đây trứng một con chim đại bàng to bằng cái mà các vị từng nghe tôi kể. Trong trứng có một con đại bàng con gần nở. Cái mỏ của nó đã bắt đầu thò ra ngoài.

Các nhà buôn cùng đi một chuyến tàu và cùng lên bộ với tôi, vác rìu bổ vỡ quả trứng, khoét một lỗ lồi con chim con ra xẻ thành nhiều mảnh đưa lên bếp quay chín. Tôi đã nghiêm chỉnh cảnh cáo họ chớ có đụng vào cái trứng, song họ chẳng chịu nghe.

Họ vừa ăn xong bữa tiệc tự tay làm thì ở trên trời, cách chúng tôi khá xa, hiện ra hai đám mây lớn. Viên thuyền trưởng tôi thuê để chỉ huy con tàu, vốn có kinh nghiệm, liền kêu lên rằng, đây chính là chim bố và chim mẹ con đại bàng con. Ông ta thúc chúng tôi xuống tàu thật nhanh để tránh tai họa mà ông thấy trước, chúng tôi vội vã nghe theo lời khuyên của ông, gấp rút giương buồm tháo chạy.

Trong lúc đó, hai con đại bàng đã đến gần, vừa bay vừa kêu lên những tiếng dữ tợn. Khi trông thấy quả trứng bị đập vỡ, không còn con của chúng trong đó nữa, chúng bay trở lại hướng cũ và biến mất. Đột nhiên, một lát sau, hai con chim quay trở lại. Chúng tôi nhận thấy mỗi con chim quặp ở chân một hòn đá hết sức to. Khi bay đúng bên trên con tàu chúng tôi, một con buông đá xuống, nhưng nhờ người lái khéo kéo quật chiếc tàu sang một bên, hòn đá không trúng đích mà rơi xuống biển, làm xô mặt nước biển. Rủi cho chúng tôi, con chim kia ném hòn đá đúng vào giữa chiếc tàu, làm tàu vỡ tan thành hàng nghìn mảnh. Các thủy thủ và nhà buôn đều bị giập nát ngay hoặc chìm ngấm. Chính tôi cũng bị chìm, nhưng khi nhồi lên mặt nước, tôi may mắn bám được một mảnh tàu vỡ. Như vậy, bám chắc vào mảnh gỗ, khi thì bơi bằng tay này, khi bằng tay kia, tôi lựa theo luồng gió và dòng nước, may

sao dòng nước cũng thuận lợi cho tôi. Cuối cùng tôi đến được một hòn đảo, bờ biển hiểm trở. Tuy nhiên, tôi vẫn vượt qua được khó khăn này, lên được đất và thoát chết. Tôi ngồi lên bãi cỏ nghỉ một chốc cho đỡ mệt, sau đó đứng dậy đi sâu vào đảo xem xét địa hình. Tưởng chừng như đây là một cái vườn tuyệt diệu. Đâu đâu cũng thấy cây cối, cây thì trĩu quả, cây thì nở hoa. Các con suối nước ngọt trong veo uốn khúc rất đẹp mắt. Quả ăn thấy rất ngon và nước thì càng uống càng thấy thích.

Đêm đến, tôi ngủ trên bãi cỏ, ở một nơi khá thoải mái. Nhưng không ngủ yên giấc được một giờ. Giấc ngủ chập chờn bởi nỗi lo sợ thấy chỉ có mỗi một mình ở nơi hoang vắng quá. Thế là tôi để cả phần lớn đêm ấy đau buồn cho thân phận. Tôi tự trách mình quá đại dốt, sao không chịu ở nhà mà lao vào chuyến đi cuối cùng này. Những suy nghĩ đến tối đến nỗi tôi bắt đầu nảy ra ý muốn hủy hoại thể xác. Nhưng may sao trời cũng vừa sáng. Ánh sáng ban ngày làm tiêu tan nỗi tuyệt vọng. Tôi đứng lên đi giữa hàng cây, lòng vẫn bồn chồn.

Đi khá sâu vào trong đảo một ít, tôi gặp một lão già có vẻ rất hom hem. Lão ta ngồi bên bờ một con suối. Thoạt tiên, tôi nghĩ đây chắc là một người cũng bị đắm tàu như tôi. Tôi đến gần chào, lão ta chỉ gật đầu không đáp mà chỉ ra hiệu bảo tôi cũng lão lên vai đưa sang bên kia suối, đưa tay làm hiệu cho tôi rõ, sang bên ấy để hái trái cây.

Tôi ngỡ lão ta cần tôi giúp đỡ thật. Bởi vậy tôi cũng lão lên lưng và lội qua suối. Đến nơi, tôi bảo: “Cụ xuống đi” và cúi người để cho lão dễ xuống. Nhưng lão già ấy mà tôi ngỡ là kiệt lực, không tụt xuống đất (mỗi lần nghĩ lại chuyện này tôi vẫn còn bật cười) lại nhẹ nhàng đưa hai chân kẹp lấy cổ tôi – da chân lão ta giống hết da bò cái – rồi cứ vậy ngồi vắt vẻo trên vai tôi. Chân lão kẹp cổ tôi chặt đến nỗi tôi tưởng như bị bóp nghẹt. Lúc ấy tôi khiếp quá, liền ngã xuống và ngất đi.

Mặc cho tôi bất tỉnh nhân sự, lão già quái ác ấy vẫn bám riết lấy cổ tôi. Lão chỉ hơi nới chân ra một ít để cho tôi hồi tỉnh lại, rồi lão ta tì một chân vào bụng tôi, chân kia đập mạnh vào mạng mỡ, buộc tôi phải đứng lên. Tôi đứng được lên, lão bắt tôi đi dưới các cây. Mỗi lần gặp quả, lão ra hiệu đứng lại cho lão hái ăn. Suốt ngày, lão không rời tôi ra. Đến lúc tôi muốn ngủ, lão nằm cùng, nhưng hai chân vẫn ghì riết lấy cổ tôi. Sáng nào lão cũng không quên đánh thức tôi dậy và đưa chân thúc vào người tôi, bắt kiểu lão đi. Các vị thử tưởng tượng nỗi cực nhục của tôi phải mang cái gánh nặng ấy trên vai mà không tài nào gỡ ra được.

Một hôm tôi bắt gặp trên đường nhiều quả bầu khô rụng từ cây xuống. Tôi nhặt một quả khá to, rồi sau khi lau rửa sạch sẽ, tôi vắt vào trong đó nước nhiều chùm nho, loại quả sẵn có trên đảo, đi đến đâu cũng gặp. Khi đã vắt

đầy quả bầu rồi, tôi để ở một nơi. Nhiều ngày sau tôi khéo léo dẫn lão già đến đó. Đến nơi, tôi bê quả bầu đưa lên miệng uống thứ rượu nho rất ngon, nó cũng làm cho tôi tạm khuây khỏa được một chốc nỗi buồn chết người. Rượu làm cho tôi phấn chấn hẳn lên.

Tôi còn thấy hứng thú đến nỗi cất tiếng hát và nhảy nhót trong khi đi.

Lão già nhận thấy hiệu quả của thứ nước ấy đối với tôi. Lão cũng thấy tôi công lão có vẻ nhẹ nhõm hơn thường lệ liền ra hiệu bảo tôi đưa cho lão uống. Tôi đưa quả bầu cho lão. Lão đón lấy và bởi vì thứ nước ngọt đọng trong bầu có vẻ ngon, lão nốc một hơi cạn đến giọt cuối cùng. Cũng còn khá nhiều, đủ làm cho lão say. Và lão say thật. Chẳng mấy chốc hơi rượu bốc lên đầu, lão bắt đầu hát ê a theo lối của lão và lão đảo trên vai tôi. Vì lắc lư quá mạnh, lão nôn thốc nôn tháo những thứ trong dạ dày ra. Đôi chân lão đảo ra dần dần. Đến khi thấy lão không ghi chặt được nữa, tôi hất lão xuống đất. Lão nằm thẳng cẳng, không cựa quậy. Thế là tôi vác một hòn đá rất to đập vỡ đầu lão.

Tôi cảm thấy rất vui mừng được giải thoát vĩnh viễn khỏi lão già chết tiệt ấy, rồi đi về phía bờ biển. Ở đây tôi gặp nhiều người từ một con tàu vừa ghé vào lấy nước ngọt và kiếm chất tươi. Họ cực kỳ ngạc nhiên lúc gặp tôi và được nghe đầu đuôi câu chuyện. Họ bảo tôi: “Bạn đã sa vào tay lão già người biển. Bạn là người đầu tiên không bị lão chẹt chết. Lão không bao giờ bỏ những người lão bắt được mà không bóp chết đâu. Lão đã làm cho hòn đảo này nổi tiếng về số người chết về tay lão. Các thủy thủ và nhà buôn xuống đảo này chỉ dám đi sâu vào lúc đã họp thành đoàn đông người cùng đi.”

Sau khi cho biết những điều đó, họ cho tôi đi theo về tàu. Thuyền trưởng cũng vui lòng nhận tôi khi nghe thuật tất cả những điều đã xảy ra. Tàu lại giương buồm. Sau mấy ngày đường, chúng tôi cập bến một thành phố lớn, nhà cửa xây bằng đá tốt.

Một nhà buôn trên tàu có cảm tình với tôi, cho đi theo đến một nơi dành làm chỗ nghỉ cho nhà buôn nước ngoài. Ông ta đưa cho tôi một cái bị lớn, sau đó ông gửi tôi cho một vài người trong thành phố cũng mang một cái bị như tôi, và yêu cầu họ cho tôi cùng đi theo lấy quả dừa: “Bác hãy đi đi! – Ông bảo tôi. – Hãy đi theo họ, thấy họ làm thế nào cứ làm theo thế ấy! Nhớ chớ có rời xa họ mà nguy hiểm đến tính mạng đấy.”

Ông ta cho tôi thức ăn trong ngày, rồi tôi đi cùng với những người ấy.

Chúng tôi đến một rừng lớn có những cây cực cao và rất thẳng, thân cây thì nhẵn nhụi đến mức không thể nào bám vào để leo lên hái quả ở trên ngọn được. Đây là những cây dừa. Chúng tôi muốn hái quả dừa cho vào bị. Vừa vào đến rừng, chúng tôi trông thấy khá nhiều những con khỉ to và khỉ nhỏ.

chúng bỏ chạy khi thấy có người rồi leo tót lên tận các ngọn cây một cách nhanh nhẹn lạ kỳ. Những người buôn cùng đi với tôi nhặt đá và ráng hết sức ném lên lũ khỉ trên các ngọn cây. Tôi làm theo họ. Các con khỉ bị lừa bởi cái mẹo của chúng tôi. Chúng hùng hổ hái các quả dừa và ném trở lại. Cử chỉ của chúng biểu thị sự giận dữ và thù địch rõ rệt. Chúng tôi nhặt các quả dừa cho vào bị và thỉnh thoảng lại ném đá khiêu khích khỉ. Bằng cái mẹo đó, chúng tôi nhặt dừa đầy bị. Ngoài ra thì không thể có cách nào hái được.

Khi đã nhặt đầy bị rồi, chúng tôi trở về thành phố. Nhà buôn ban sáng bảo tôi vào rừng trả tôi tiền mua toàn bộ số dừa tôi mang về. Ông bảo tôi: “Bác cứ tiếp tục ngày nào cũng đi làm như vậy cho đến lúc nào kiếm đủ tiền để trở về nhà.” Tôi cảm ơn ông ta về lời khuyên nhủ tốt lành. Chẳng bao lâu tôi thu nhặt được một đồng dừa lớn, nhờ đó cũng thu được một số tiền đáng kể.

Chiếc tàu đưa tôi đến đây lên đường cùng với các nhà buôn, chở đầy những quả dừa họ mua được. Tôi chờ một chiếc tàu khác đến, chiếc này cũng cập bến cảng của thành phố để mua cùng loại hàng ấy. Tôi cho chuyển xuống tàu tất cả dừa thuộc về tôi. Khi con tàu chuẩn bị khởi hành, tôi đến cáo từ nhà buôn mà tôi rất chịu ơn. Ông ta chưa thể xuống tàu cùng với tôi bởi vì còn nhiều công việc chưa thu xếp xong.

Chúng tôi giương buồm, lên đường đi về một hòn đảo có rất nhiều cây hồ tiêu. Từ đó chúng tôi sang đảo Cômari^[36] ở đây có loại gỗ trầm hương tốt nhất. Dân cư tự có luật lệ khắt khe là cấm uống rượu; họ không dung thứ một nơi trác táng nào. Tôi đôi dừa lấy hồ tiêu và trầm hương ở hai đảo ấy, rồi cùng với các nhà buôn khác đến nơi mò ngọc trai. Tôi thuê thợ lặn mò ngọc. Họ lấy được cho tôi một số lớn những viên ngọc trai rất to và rất hoàn chỉnh. Tôi vui vẻ lên đường, tiếp tục ra khơi trên một chiếc tàu đưa tôi thuận buồm xuôi gió đến Banxôra. Từ đây tôi trở về Bátđa, bán hồ tiêu, trầm hương và ngọc được rất nhiều tiền. Tôi dùng một phần mười số tiền thu được làm của làm phúc. Rồi cũng như sau các chuyến đi trước, tôi tìm đủ mọi thứ vui chơi giải trí cho bỏ những nỗi nhọc nhằn trải qua.

Nói đến đây, Xinbát sai đưa biếu Hinhbát một trăm đồng *xocanh*. Lão cùng khách khứa ra về. Ngày hôm sau, vẫn những vị khách đó đến nhà ông Xinbát giàu có. Sau khi thết đãi họ y như những lần trước, ông yêu cầu mọi người chú ý nghe ông kể về chuyến đi thứ sáu của ông, mà tôi xin thuật lại như sau:

CHUYẾN ĐI THỨ SÁU CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Thưa các vị, chắc các vị khó hiểu vì sao sau năm lần đắm tàu và trải qua biết bao nhiêu nguy hiểm, tôi chưa chịu thôi mà vẫn cứ dấn thân vào nơi gian khổ để tìm kiếm những điều bất hạnh mới. Chính tôi cũng lấy làm ngạc nhiên mỗi lần nghĩ đến điều đó. Có lẽ tại ngôi sao chiếu mệnh của tôi nó cứ lôi cuốn tôi vào con đường ấy. Dù sao đi nữa, sau một năm nghỉ ngơi, tôi chuẩn bị làm một chuyến đi thứ sáu, bất chấp những lời khẩn cầu của bà con, bè bạn, họ tìm đủ mọi cách để giữ chân tôi ở nhà.

Không đi đường biển qua vịnh Ba Tư, một lần nữa tôi lại đi đường bộ qua nhiều tỉnh của nước này và của nước Ấn Độ^[37] đến một hải cảng. Từ đây tôi xuống một chiếc tàu tốt, mà viên thuyền trưởng quyết tâm làm một chuyến đi dài. Trên thực tế, chuyến đi ấy dài thật, đồng thời cũng rất không may. Thuyền trưởng và hoa tiêu đều lạc đường. Cuối cùng họ cũng nhận ra được tàu đang ở đâu. Nhưng hành khách chúng tôi chẳng có gì để mà vui mừng về chuyện ấy.

Một hôm, chúng tôi cực kỳ ngạc nhiên thấy viên thuyền trưởng kêu thét lên và rời bỏ vị trí của mình. Ông ta giật khăn đội đầu ném xuống đất, bứt râu và đập đầu như thể một con người mất trí vì tuyệt vọng.

Chúng tôi hỏi vì sao ông buồn bực như vậy. Ông ta đáp: “Tôi xin báo tin với các bạn rằng chúng ta đang ở vào một nơi nguy hiểm nhất giữa biển cả. Một dòng nước rất mạnh đang cuốn con tàu đi, và tất cả chúng ta sẽ bỏ mạng trong vòng một khắc nữa. Các bạn hãy cầu Thượng đế giải thoát cho chúng ta khỏi tai ương. Chúng ta không có cách nào thoát khỏi chết đâu, trừ khi được Thượng đế đoái thương.”

Nói xong, ông ra lệnh cuốn buồm. Nhưng các dây đứt trong khi vận hành. Con tàu bị luồng nước cuốn, không có cách nào tránh được, đến chân một hòn núi không có lối lên. Tàu xô vào đá vỡ tan. Tuy vậy chúng tôi vẫn kịp thoát thân và có đủ thời giờ để chuyển một tí thực phẩm và những hàng hóa quý nhất lên bờ.

Làm xong những công việc đó, viên thuyền trưởng bảo chúng tôi: “Thượng đế vừa làm điều Người muốn. Mỗi chúng ta có thể đào huyết chôn mình ở đây. Hãy nói lời vĩnh biệt nhau, bởi vì chúng ta đang ở vào một nơi tử địa. Không một ai trước chúng ta bị dạt vào đây có thể về được tới nhà.” Câu nói của ông làm tất cả chúng tôi buồn bã đến chết người, chúng tôi ôm hôn nhau, nước mắt ròng ròng. Ai nấy đều than vãn cho số phận khốn khổ của mình. Dãy núi mà chúng tôi đang đứng ở dưới chân ấy làm thành bờ của một hòn đảo rất dài và rộng. Đoạn bờ biển ấy phủ đầy những mảnh vỡ của

các con tàu đắm. Nhìn vô số những bộ xương người nằm rải rác khắp nơi đến kinh tởm, chúng tôi biết nơi đây đã làm bỏ mạng không biết bao nhiêu người. Và cũng thật khó tin được cái số lượng nhiều không kể xiết hàng hóa và của cải phơi ra trước mắt chúng tôi kia. Tất cả những vật ấy chỉ càng làm tăng thêm vẻ hoang vắng của chốn này. Khác với tất cả mọi nơi khác, sông đổ về biển. Ở đây thì ngược lại, một con sông nước ngọt lớn từ biển chảy sâu vào bờ qua một cái hang tối tăm, miệng hang cực kỳ cao và rộng. Điều đáng chú ý nhất ở nơi này là đá ở hòn núi đều là thạch anh, hồng ngọc hoặc các loại đá quý khác. Một con suối tuôn ra biển một loại nhựa thông hay dầu gì đấy, mà cá ăn vào thì nhả ra hồ phách.

Hồ phách bị sóng đánh dạt vào bờ la liệt đầy bãi biển. Cây mọc ở đây phần lớn là cây gỗ trầm hương; chất lượng của nó không hề thua kém loại trầm hương nổi tiếng ở đảo Cômari.

Còn một chi tiết cuối cùng về cái chốn ấy, mà người ta có thể gọi là một cái vực không đáy, là không bao giờ một vật gì đã rơi vào đấy có thể trở ra, không bao giờ tàu bè có thể nào thoát ra được, tàu nào bị gió đẩy vào, thì sức gió và luồng nước sẽ đẩy nó xô vào đá. Còn nếu chiếc tàu nào lọt vào nơi đó khi gió từ đất liền thổi ra, và lẽ ra nhờ vậy đáng ra có thể giúp cho nó rời xa chốn này, thì ngọn núi cao đã cản hết gió và tạo nên cơn lạng, để cho luồng nước lại cuốn nó vào bờ rồi xô vào đá, khiến nó vỡ tan như chiếc tàu của chúng tôi vừa lâm nạn. Tệ hại hơn nữa, là không có cách gì trèo lên đỉnh núi và ra thoát đi nơi khác bằng bất cứ một lối nào.

Chúng tôi ở lại trên bờ biển như những con người mất trí và chờ đợi cái chết từng ngày. Chúng tôi bắt đầu chia đều lương thực. Như vậy kẻ nào sẽ sống lâu hơn những kẻ khác ít nhiều là tùy thuộc vào tính tình và cách sử dụng thức ăn của người đó.

Những kẻ chết đầu tiên được những người khác chôn cất. Riêng về tôi, tôi dự lễ tống táng tất cả bạn đường. Xin các vị chớ lấy làm ngạc nhiên, bởi vì ngoài việc sử dụng dè sẻn hơn họ khẩu phần được chia, tôi còn giữ riêng được một ít thức ăn nữa mà không cho bạn bè biết. Tuy nhiên, khi chôn người bạn cuối cùng, tôi còn quá ít lương thực đến nỗi tôi biết rằng mình cũng chẳng còn được sống bao lâu nữa. Tôi tự đào sẵn lấy huyết của mình, định bụng sẽ nằm vào đấy, bởi vì chẳng có ai còn sống để chôn tôi nữa. Xin thú thật với các vị rằng trong khi làm công việc này, tôi không khỏi ân hận rằng chính mình đã gây nên cái chết của mình. Tôi không khỏi hối tiếc là đã thực hiện chuyến đi này. Không chỉ có hối hận suông, tôi còn cắn tay đến chảy cả máu và thiếu chút nữa thì đã tự sát để được chết sớm hơn.

Nhưng Thượng đế còn thương đến tôi, run rủi tôi đi đến gần con sông, nơi nước chảy mất hút vào cửa hang. Đến đây, sau khi hết sức chăm chú xem xét

con sông, tôi tự bảo: “Con sông này chui vào đất ở chỗ này, tất phải thoát ra ở một nơi nào đó. Nếu ta làm một chiếc bè, ngồi lên trên và thử cho trôi theo dòng nước, ta sẽ đến một nơi có người ở, hoặc là ta sẽ chết. Nếu ta chết, ta làm cái việc là đổi thay cách chết mà thôi. Ngược lại, nếu ta thoát khỏi cái nơi tai họa này, không những ta tránh được số phận đáng buồn của các bạn ta, mà biết đâu chẳng tìm được một cơ hội mới để làm giàu? Biết đâu vận may chẳng chờ ta qua khỏi cơn vận hạn thật khủng khiếp này, để đền bù xứng đáng cho những thiệt hại do nạn đắm tàu gây nên?”

Sau khi luận lý như vậy, tôi không ngần ngại bắt tay ngay vào việc làm bè. Tôi làm một chiếc bè bằng những tấm gỗ tốt và các sợi dây thừng to, ở đây tha hồ mà chọn. Tôi buộc chặt kết thành một chiếc tàu con khá vững chắc. Làm xong, tôi xếp lên đấy mấy kiện hồng ngọc, bích ngọc, hổ phách, đá thạch anh và vài vốc quý. Xếp cho cân bằng và buộc chặt lại những thứ đó xong xuôi đâu đấy, tôi lên bè cùng hai chiếc chèo con mà tôi không quên làm sẵn. Rồi để mặc cho dòng nước cuốn đi, phó thác thân phận mình cho Thượng đế.

Vừa lọt vào hang, tôi không còn thấy tí ánh sáng nào nữa, và cứ để cho dòng nước cuốn đi mà chẳng rõ sẽ về đâu. Tôi lênh đênh mấy ngày trong cảnh mịt mù này, chẳng bao giờ thấy được một tia ánh sáng. Một lần, vòm hang quá thấp đến nỗi đầu tôi chạm phải suýt bị thương. Tôi phải hết sức chú ý để tránh vấp lại điều nguy hiểm đó. Trong thời gian ấy, tôi ăn những thức ăn còn lại đương nhiên với lượng chỉ đủ cầm hơi. Nhưng dù sống thanh đạm đến bao nhiêu, cuối cùng rồi lương thực cũng cạn. Thế là không thể cưỡng được nữa, một giấc ngủ nhẹ nhàng xâm chiếm lấy người tôi. Tôi không thể nói với các vị tôi ngủ bao lâu. Nhưng khi tỉnh dậy, ngạc nhiên thấy mình đang ở giữa một đồng bằng rộng, bên bờ một con sông. Một đám những người da đen xúm xít chung quanh, chiếc bè của tôi đã được buộc vào bờ. Vừa trông thấy người, tôi cố đứng lên chào. Họ đáp lời tôi, nhưng tôi không hiểu được tiếng của họ. Lúc ấy tôi cảm thấy vui mừng quá sức, đến nỗi không rõ có nên tin thật là mình đang thức hay không. Biết chắc không phải là đang mơ, tôi thốt lên lời và đọc mấy vần thơ A Rập: “Hãy cầu khẩn Đấng tối thiêng liêng! Người sẽ đến cứu giúp mi. Chẳng cần phải chăm lo việc gì khác. Hãy nhắm mắt lại! Trong khi mi ngủ, Thượng đế sẽ đổi số phận mi từ khốn khó trở thành hạnh phúc.”

Một người da đen hiểu được tiếng A Rập, nghe tôi đọc như vậy, liền tiến lên và nói: “Người anh em ơi, bạn chớ ngạc nhiên là đã gặp chúng tôi. Chúng tôi sống trong cánh đồng mà bạn thấy đấy. Hôm nay chúng tôi đến dẫn nước con sông chảy từ quả núi kia vào ruộng để tưới cho đồng ruộng. Nhận thấy dòng nước cuốn theo một vật gì, chúng tôi vội chạy lại xem thì ra chiếc bè này. Một người trong bọn chúng tôi bơi ra kéo vào bờ. Chúng tôi

giữ lại và buộc vào như bạn thấy đây, chờ cho bạn tỉnh giấc. Xin bạn hãy kể cho nghe câu chuyện của bạn chắc là kỳ lạ lắm. Xin hãy cho chúng tôi biết tại sao bạn lại lên đèn trên dòng nước này, bạn từ đâu đến?”

Tôi bảo họ trước hết xin cho tôi ăn, rồi tôi sẽ thỏa mãn sự hiếu kỳ của họ.

Họ đưa cho tôi nhiều món ăn. Khi đỡ đói rồi, tôi thuật lại đầy đủ tất cả những việc xảy ra. Họ nghe và có vẻ thán phục. Tôi vừa thuật xong, họ đã nói thông qua người phiên dịch. “Thật là một câu chuyện diệu kỳ nhất. Bạn nên thân hành đến tâu để nhà vua rõ. Câu chuyện kỳ lạ thế đấy, không nên để cho người khác trình với nhà vua ngoài chính người đã sống trong cuộc.” Tôi đáp tôi sẵn sàng làm tất cả những gì họ muốn.

Những người da đen liền đi tìm ngựa. Lát sau một con ngựa được dẫn đến. Họ cho tôi cưỡi lên. Một số đi trước dẫn đường. Những người khác khỏe mạnh hơn, khiêng nguyên cả chiếc bè cùng với các kiện hàng đi theo sau.

Chúng tôi cùng đi cho tới thành phố Xêrêndíp. Hóa ra tôi đang ở trên hòn đảo này. Những người da đen trình tôi lên quốc vương của họ. Tôi tiến đến gần chiếc ngai nhà vua đang ngồi, và làm lễ chào theo tục lệ người ta vẫn chào các ông vua Ấn Độ, tức là phủ phục xuống chân vua và hôn đất dưới chân Người.

Nhà vua cho đỡ tôi đứng lên, tiếp đón rất lịch sự, lại còn mời tôi đến ngồi bên cạnh. Trước tiên vua hỏi tôi tên họ là gì. Tôi đáp tôi tên là Xinbát, biệt hiệu *Người đi biển*, bởi vì tôi đi lại nhiều chuyến trên các biển. Tôi nói thêm tôi là công dân thành phố Bátđã. Nhà vua lại hỏi: “Nhưng làm sao ông đến được đất nước của ta? Ông đến bằng đường nào?”

Không giấu giếm chút gì, tôi thuật lại với nhà vua câu chuyện mà các vị vừa nghe. Nhà vua vừa ngạc nhiên vừa thú vị, liền truyền cho chép lại câu chuyện ấy bằng chữ vàng để giữ lại trong lưu trữ quốc gia. Sau đó người ta mang cái bè và mở các kiện hàng ra trước mắt nhà vua. Vua ngắm nghía số gỗ trầm hương và hổ phách, đặc biệt là các viên hồng ngọc và bích ngọc, bởi vì trong kho tàng của Người, không có những viên nào đẹp sánh bằng.

Trông thấy nhà vua thích thú ngắm nghía những viên ngọc đó, thấy vua xem xét kỹ từng viên đặc biệt nhất, tôi quỳ xuống và mạo muội nói: “Tâu bệ hạ, không riêng gì cá nhân tôi thuộc quyền bệ hạ, mà tất cả hàng hóa trên chiếc bè này đều thuộc quyền Người. Tôi kính xin bệ hạ tùy ý sử dụng tài sản của Người.”

Nhà vua mỉm cười đáp: “Xinbát ạ, ta hoàn toàn không ham muốn cũng không lấy của ông một chút gì trong các thứ Thượng đế đã ban cho ông. Không những thế, ta còn muốn tặng thêm của cải cho ông. Ta không muốn ông từ giã nước ta mà không mang theo những vật biểu hiện sự hào phóng

của nước này.”

Tôi chỉ còn biết đáp lại những lời đó bằng cách chúc tụng nhà vua phồn vinh và ca ngợi lòng nhân từ độ lượng của Người. Vua giao cho một ông quan săn sóc tôi và củ người hầu hạ tôi, chi phí do nhà vua trả. Viên quan thực hiện đúng đắn mọi mệnh lệnh. Ông dẫn tôi về nơi ở và cho chuyển đến đây tất cả các kiện hàng trên cái bè của tôi.

Ngày nào cũng vậy, đến một giờ nhất định, tôi vào chầu vua. Thời gian còn lại tôi đi xem phố xá, và tất cả những gì hợp với tính hiếu kỳ của mình.

Đảo Xêrendíp nằm ngay dưới đường hoàng đạo, bởi vậy ngày và đêm ở đây bao giờ cũng dài đúng mười hai giờ. Đảo rộng tám mươi paraxăng^[38] chiều dài và tám mươi paraxăng chiều rộng. Thủ đô nằm vào cuối một thung lũng đẹp hình thành bởi một ngọn núi ở chính giữa đảo, và có lẽ đây cũng là ngọn núi cao nhất thế giới. Quả vậy, đi ngoài biển cách ba ngày đường đã có thể trông thấy nó. Trong núi có hồng ngọc, nhiều loại khoáng sản. Phần lớn đá ở đây thuộc loại sa thạch, tức là một thứ đá có chứa kim loại, hiếm nhất là cây bá hương và cây dừa. Dọc bờ biển và ở các cửa sông, dân làm nghề mò ngọc trai. Một vài thung lũng có cả kim cương.

Vì sùng tín, tôi cũng có làm một chuyến đi chơi lên núi, thăm nơi tương truyền Adam ngày xưa bị đày ải sau khi bị đuổi khỏi thiên đường xuống hạ giới. Tôi còn tò mò leo lên đến tận đỉnh núi.

Trở lại thành phố, tôi xin vua cho phép trở về xứ sở. Nhà vua chuẩn y với thái độ rất lịch sự và rất đáng kính. Vua buộc tôi phải nhận một tặng phẩm đắt tiền lấy từ kho tàng của Người. Và khi tôi đến chào từ biệt, vua còn giao thêm một tặng phẩm có giá trị hơn nhiều, kèm một bức thư gửi Đấng thống lĩnh các tín đồ, hoàng đế của chúng ta. Vua nói: “Ta nhờ ông dâng món quà mọn và bức thư này của ta lên hoàng đế Harun An-Rasít, và chuyển đến Người tình hữu nghị của ta.” Tôi kính cẩn nhận tặng phẩm và bức thư, và hứa với nhà vua là sẽ thực hiện đầy đủ các mệnh lệnh mà Người hạ cố giao phó. Trước khi tôi xuống tàu, nhà vua cho triệu viên thuyền trưởng và các nhà buôn cùng đi chuyến ấy, truyền cho họ phải hết sức quan tâm đến tôi.

Bức thư của vua Xêrendíp viết trên một tấm da của một con thú gì đó rất quý và rất hiếm, màu của nó hơi ngả sang màu vàng. Chữ viết màu xanh da trời. Nội dung bằng tiếng Ấn Độ như sau:

” Quốc vương Ấn Độ – người có nghìn thớt voi đi trước mặt, sống trong cung mãi lợp bang mười vạn viên hồng ngọc, và ở trong kho tàng hai vạn vòng hoa nạm kim cương, kính gửi hoàng đế Harun An-Rasít:

“Mặc dù tặng phẩm chúng tôi gửi đến bệ hạ không đáng bao nhiêu, mong bệ hạ lấy tư cách anh em bè bạn mà vui lòng nhận lấy, để chiếu cố tình hữu

ngợi xuất phát từ đáy lòng tôi đối với Ngài, mà món quà này là một biểu hiện. Tôi mong Ngài cho phép tôi được hưởng tình hữu nghị của Ngài. Tôi tự xét mình xứng đáng với điều đó bởi vì tôi cùng ngang địa vị với Ngài. Với tư cách là người anh em, tôi cầu xin bệ hạ chấp thuận! Kính chào.”

Tặng phẩm bao gồm: thứ nhất, một chiếc lọ làm bằng nguyên một viên hồng ngọc, được khoét rỗng và được chạm trổ, cao nửa bộ và dày bằng một ngón tay, đựng đầy những viên ngọc rất tròn, viên nào cũng nặng đúng nửa *drasmo*.^[39] Thứ hai, một tấm da rắn vảy to bằng những đồng tiền vàng bình thường, nó có đặc tính là ai ngủ trên đó thì tránh được bệnh tật. Thứ ba, năm vạn *drasmo* gỗ trầm hương loại tốt nhất cùng ba mươi viên long não to bằng củ lạc. Và cuối cùng, những vật đó được gửi kèm một nữ nô lệ có sắc đẹp quyến rũ, mặc áo quần kết đầy châu báu.

Tàu nhỏ neo. Sau một chuyến đi dài ngày thuận buồm xuôi gió, chúng tôi cập bến Banxôra. Từ đây tôi trở về Bátđa. Việc đầu tiên của tôi sau khi trở về tới nơi là làm tròn nhiệm vụ được giao phó.

Tôi mang bức thư của quốc vương Xêrêndíp đến trước cung Đấng thống lĩnh các tín đồ, theo sau là người nữ nô lệ xinh đẹp và những người trong gia đình tôi mang các tặng phẩm mà tôi được ký thác. Tôi trình bày lý do đưa tôi đến và lập tức được dẫn vào ngai hoàng đế. Tôi quỳ lạy, chúc tụng Người và dâng bức thư của quốc vương Xêrêndíp.

Hoàng đế hỏi tôi có đúng là nhà vua ấy hùng mạnh và giàu có như mô tả trong bức thư không. Tôi lại quỳ xuống lạy rồi đứng lên: “Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, tôi có thể quả quyết rằng nhà vua đã không nói quá đi về của cải và oai danh của Người, tôi đã từng được chứng kiến. Không có gì có thể gọi lên lòng khâm phục sâu sắc hơn là vẻ tráng lệ của cung điện nhà vua ấy. Mỗi lần nhà vua muốn xuất hiện trước công chúng, người ta sắp sẵn một cái ngai lên lưng voi. Nhà vua ngự trên đó, và đi giữa hai hàng người gồm các quan thượng thư, các cận thần và các quan chức khác trong triều đình. Trước nhà vua, cũng cưỡi trên lưng voi, một võ quan cầm ở tay một chiếc giáo bằng vàng. Phía sau ngài là một võ quan khác đứng, cầm một chiếc trượng bằng vàng, bên trên có một viên bích ngọc dài chừng độ nửa bộ và dày một lóng tay. Trước mặt nhà vua là cả đội vệ binh một nghìn người, trang phục bằng dạ vàng và lụa, cưỡi trên những con voi bạch rất sang trọng.

Trong khi nhà vua đi tuần du, viên sĩ quan ngồi trên lưng voi đứng trước thỉnh thoảng lớn tiếng xưng lên: “Đây là Đấng thiên tử vĩ đại, là hoàng đế nước Ấn Độ hùng cường và đáng kính phục sống trong cung điện lợp bằng trăm nghìn viên hồng ngọc, và có hai vạn vòng hoa bằng kim cương. Đây là Đấng thiên tử vĩ đại hơn cả vua Xêrêma^[40], vĩ đại hơn cả vua Miragio^[41].

Lời tung hô vừa dứt, viên võ quan đứng sau ngai nhà vua lại hô tiếp:

“Đấng thiên tử hết sức hùng cường và hết sức vĩ đại ấy rồi phải qua đời, phải qua đời, phải qua đời.” Viên võ quan đứng trước tiếp lời, và hô luôn: “Ngợi ca Đấng hằng sống, Đấng không bao giờ chết.”

Ngài quốc vương Xêrêđíp rất công minh, đến nỗi ở thủ đô cũng như trong cả nước không cần có pháp quan. Dân chúng ở đây không cần quan tòa. Họ hiểu biết pháp luật và tự mình tôn trọng đúng đắn pháp luật, và không bao giờ lơ là nghĩa vụ của mình. Bởi vậy, ở nước họ các tòa án và các pháp quan đều vô ích.”

Hoàng đế rất bằng lòng về những điều tôi vừa trình bày. Người phán: “Sự anh minh của quốc vương Xêrêđíp biểu lộ trong bức thư của ông. Và theo như những lời người vừa nói, thì phải nhận rằng sự anh minh của nhà vua kia xứng đáng với thần dân nước ấy, và thần dân nước ấy thật xứng đáng với sự anh minh của nhà vua kia.” Nói xong, hoàng đế cho tôi lui chầu và ban thưởng cho tôi rất hậu.

Đến đây Xinbát ngừng lời, những người nghe ra về. Nhưng trước đó, Hinhát được ông biếu một trăm đồng *xocanh*. Ngày hôm sau, họ lại đến nhà Xinbát. Ông thuật cho họ nghe về chuyến đi thứ bảy và là chuyến đi cuối cùng của ông qua những lời sau đây:

CHUYẾN ĐI THỨ BẦY VÀ LÀ CHUYẾN ĐI CUỐI CÙNG CỦA XINBÁT NGƯỜI ĐI BIỂN

Sau chuyến đi thứ sáu trở về, tôi bỏ hẳn ý định đi bất cứ một chuyến nào nữa. Ngoài việc mình đã đến cái tuổi chỉ muốn được nghỉ ngơi, tôi còn tự hứa với mình là sẽ không bao giờ dấn thân vào những nỗi hiểm nguy như đã bao lần từng trải. Bởi vậy, tôi chỉ nghĩ đến việc sống an nhàn những ngày còn lại của đời mình.

Một hôm, tôi đang đãi tiệc một số bạn bè, thì một tên người nhà vào báo cho biết có một vị quan của hoàng đế muốn gặp tôi. Tôi vội vàng đứng lên khỏi bàn tiệc, ra đón. Viên quan nói: “Hoàng đế sai tôi đến báo cho ngài biết Người muốn nói chuyện với ngài.” Tôi theo viên quan vào hoàng cung trình diện hoàng đế. Tôi quỳ lạy dưới chân Người. Nhà vua phán: “Xinbát à, ta cần đến ông; ông phải giúp ta một việc. Ông hãy mang thư phúc đáp và các tặng phẩm của ta đến cho quốc vương Xêrendíp. Ta muốn đáp lại thái độ lịch sự của quốc vương đối với ta.”

Mệnh lệnh của hoàng đế là tiếng sét đối với tôi. Tôi đáp: “Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, tôi sẵn sàng thực hiện mọi mệnh lệnh của Người. Nhưng tôi cúi xin bệ hạ xét cho. Tôi đã chán chường vì biết bao nỗi gian lao phải chịu đựng. Hơn nữa, tôi đã có lời nguyện là sẽ không bao giờ rời khỏi Bátđá nữa.” Tôi thưa dịp thuật lại cho nhà vua nghe đầy đủ chi tiết về các chuyến phiêu lưu của tôi. Hoàng đế kiên nhẫn nghe cho kỳ hết.

Tôi vừa dứt lời, vua liền phán: “Ta nhận rằng những điều ông vừa kể quả là những hiện tượng hết sức lạ kỳ. Mặc dù vậy, không nên bởi những việc đó mà ông không vì ta thực hiện chuyến đi ta yêu cầu. Chỉ cần đến đảo Xêrendíp làm tròn sứ mệnh ta giao phó thôi. Sau đây, ông có thể tùy tiện trở về. Nhưng phải đi tới nơi, bởi chắc ông cũng thấy rằng chừng nào ta chưa đáp lễ quốc vương đảo ấy, thì vẫn còn là chưa đúng phép lịch sự và không xứng với tư thế của ta.”

Thấy hoàng đế nhất quyết đòi tôi phải làm việc đó, tôi đành tỏ ra sẵn sàng tuân lệnh. Hoàng đế rất vui, sai ban cho tôi một nghìn đồng *xocanh* để làm chi phí đi đường.

Tôi chuẩn bị mất ít ngày. Sau khi nhận được các tặng phẩm của hoàng đế và một bức thư tự tay Người viết, tôi khởi hành ngay, đi về Banxôra. Từ đây tôi xuống tàu biển. Chuyến đi của tôi rất thuận buồm xuôi gió. Đến đảo Xêrendíp, tôi trình bày với các quan sứ mệnh tôi được giao, và yêu cầu họ cho phép tôi được vào triều yết kiến quốc vương ngay. Họ không chút chậm trễ. Người ta dẫn tôi vào hoàng cung rất trọng thể. Tôi quỳ xuống vái chào nhà vua đúng như tục lệ.

Nhà vua nhận ra tôi ngay, và tỏ vẻ đặc biệt vui mừng được gặp lại: “A, ông Xinbát, xin chào mừng ông. Ta cam đoan với ông là từ ngày ông ra đi, ta luôn luôn nghĩ tới ông. Tạ ơn ngày hôm nay, ngày chúng ta được gặp lại nhau lần nữa.”

Tôi chúc tụng nhà vua. Sau khi cảm ơn lòng nhân hậu của Người, tôi dâng trình bức thư và tặng phẩm của hoàng đế. Nhà vua tỏ ý rất hài lòng tiếp nhận.

Hoàng đế gửi tặng nhà vua một bộ giường ngủ hoàn chỉnh phủ dạ vàng, ước giá một nghìn *xơcanh*, năm mươi chiếc áo bằng một loại vải rất đắt tiền; một trăm chiếc khác may bằng vải trắng loại tốt nhất của Cairô, Xuyê, Cufa và Aléchzandri^[42]; một chiếc giường khác màu tía, cùng một chiếc nữa theo một kiểu dáng khác; một chiếc bình bằng mã não rộng miệng, dày một ngón tay và rộng nửa bộ, đáy bình chạm nổi một người đàn ông một chân quỳ xuống đất, tay giương chiếc cung đã lắp tên, sẵn sàng bắn vào một con sư tử; và cuối cùng là một chiếc bàn sang trọng tương truyền lưu lại từ đời vua Xalômông vĩ đại.

Bức thư của hoàng đế Harun An-Rasít lời lẽ như sau:

Nhân danh Đấng dẫn đường cao cả, xin gửi đến hoàng đế hùng cường và hạnh phúc lời chào của Harun An-Rasít, người được Thượng đế cho phép nói ngời các đấng tổ tiên vinh hiển của chúng tôi!

“Chúng tôi rất vui mừng nhận được thư bệ hạ. Xin gửi đến bệ hạ bức thư này từ triều đình chúng tôi, vườn thượng uyển của các trí tuệ cao siêu. Chúng tôi hy vọng nó được bệ hạ ngự lãm, và qua đó mà hiểu rõ và tán thành ý nguyện tốt lành của chúng tôi. Kính chào.”

Quốc vương đảo Xêrendíp rất vui lòng thấy hoàng đế đáp lại mối tình hữu nghị của mình. Ít lâu sau buổi triều kiến ấy, tôi lại xin vào chầu vua để cáo biệt. Nhưng xin nhiều lần mà vẫn chưa được nhà vua chấp thuận. Cuối cùng tôi cũng được phép. Nhà vua trước khi cho lui, còn ban cho tặng phẩm có giá trị. Tôi xuống tàu ngay với ý định đi thẳng về Bátđã.

Nhưng tôi không được may mắn đi đến nơi về đến chốn như mình mong ước. Thượng đế lại định đoạt theo cách khác hẳn.

Ba hoặc bốn ngày sau khi khởi hành, chúng tôi bị bọn cướp biển tấn công. Chúng chẳng khó khăn gì mà không chiếm được tàu chúng tôi, bởi trên tàu hoàn toàn không chuẩn bị đối phó. Mấy người trên tàu muốn kháng cự, họ bị giết chết. Còn về phần tôi và tất cả những người thân trọng không chống lại ý bọn cướp biển, chúng tôi bị bắt làm nô lệ.

Sau khi bọn cướp đoạt hết và lột áo quần chúng tôi, rồi cho mặc những bộ đồ xấu xí, chúng đưa chúng tôi đến bán ở một hòn đảo rất xa.

Tôi sa vào tay một người buôn giàu. Ông ta mua xong liền dẫn tôi về nhà, cho ăn mặc đúng như nô lệ. Mấy hôm sau, vì chưa thật rõ tôi là ai ông ta hỏi tôi có biết nghề nghiệp gì không. Không để lộ rõ tung tích tôi đáp tôi không phải là dân thợ, mà là một người buôn bán chuyên nghiệp, bọn cướp biển đã tước đoạt mất tất cả những gì tôi có. “Nhưng – ông ta lại hỏi – anh hãy cho ta biết, anh có biết bắn cung chứ?” Tôi đáp đây là một trong những môn tôi đã luyện tập thời còn trai trẻ, và từ bấy tôi vẫn chưa quên.

Thế là ông ta đưa cho tôi một bộ cung tên, rồi cho tôi cưỡi lên voi ngồi sau lưng ông, dẫn vào một khu rừng rất rộng cách xa thành phố chừng mấy giờ đường, chúng tôi đi thật sâu vào rừng. Đến lúc dừng lại, ông ta bảo tôi xuống voi. Tiếp đó, trỏ một cây cao, ông ta bảo: “chú hãy lên ngọn cây này, hễ thấy voi đi thì bắn. Trong rừng này voi nhiều vô số. Nếu bắn ngã được một con nào, về báo tin cho ta biết.” Nói xong, ông ta để thức ăn lại cho tôi rồi lên đường trở về thành phố. Còn tôi ở lại ngồi rình suốt cả đêm trên ngọn cây.

Suốt đêm không thấy có con voi nào. Nhưng ngày hôm sau, mặt trời vừa mọc, thấy xuất hiện một đàn voi khá lớn. Tôi bắn nhiều mũi, và cuối cùng một con trúng tên ngã xuống. Các con khác bỏ đi ngay, nhờ vậy tôi được thoải mái về báo ông chủ biết kết quả vừa đạt. Hay tin, ông khao tôi một bữa ngon lành, khen ngợi tài thiện xạ và vỗ về tôi. Xong, chúng tôi cùng đi vào rừng đào một cái hố chôn con voi vừa bị bắn chết. Ông chủ có ý định sẽ trở lại đây sau khi xác con vật đã thối rữa, để lấy ngà đưa đi bán.

Tôi tiếp tục cuộc săn bắn như vậy trong hai tháng. Không ngày nào không giết chết một con voi. Không phải ngày nào cũng phục trên cùng một cây ấy, khi thì ở cây này khi chuyển sang cây khác. Một buổi sáng, tôi đang chờ đàn voi đến thì hết sức ngạc nhiên thấy chúng không đi băng qua rừng ngang trước mặt tôi như thường lệ, mà đứng dừng lại và xông thẳng đến phía tôi với một tiếng ào ào kinh khủng. Đàn voi đông đến nỗi mặt đất kín đặc những voi và rung lên dưới bước chân chúng. Trước cảnh tượng kỳ lạ ấy, tôi sửng sốt và khiếp đảm đến nỗi cung tên tuột khỏi tay rơi xuống đất. Tôi lo sợ không phải không có lý do. Đàn voi sau khi nhìn tôi một lát, một con lớn nhất giờ vùi ôm quàng lấy gốc cây, lắc mạnh, nhổ bật rễ và quật ngã ra đất. Tôi lăn xuống cùng với cây, nhưng con voi đưa vòi ra đỡ, nhắc bổng tôi đặt lên lưng nó. Tôi ngồi trên đó táng đờm kinh hồn, vai vẫn còn mang túi tên. Con voi ấy dẫn đàn đưa tôi đến một nơi, bỏ tôi xuống đất rồi tất cả bỏ đi.

Các vị thử hình dung tình cảnh của tôi lúc đó. Tôi tưởng như mình ngủ mê chứ không phải thức. Cuối cùng, sau khi nằm dài ra một lúc tại chỗ, không thấy còn có voi nữa, tôi đứng lên và nhận ra đây là một quả đồi khá dài và khá rộng, phủ đầy xương voi và ngà voi. Tôi xin thú thật những điều trông

thấy làm cho tôi suy nghĩ rất nhiều. Tôi khâm phục bản năng của những con vật ấy. Không nghĩ ngờ gì nữa, đây chính là nghĩa địa của voi. Chúng đưa tôi đến nhằm chỉ cho tôi biết để tôi thôi không giết hại chúng nữa, bởi vì tôi giết chúng chẳng qua cũng chỉ để lấy ngà mà thôi. Tôi không nán lại trên quả đồi, mà quay trở lại ngay thành phố. Sau khi đi bộ suốt một ngày một đêm, tôi về đến nhà chủ tôi. Dọc đường đi không gặp một con voi nào. Điều đó làm tôi nghĩ rằng chúng đã vào sâu hơn nữa trong rừng, tránh để cho con đường dẫn tôi đến quả đồi có trở ngại.

Ông chủ vừa trông thấy tôi liền kêu lên: “Ôi! Xinbát tội nghiệp ời, ta rất đau khổ khi biết việc gì đã xảy ra với chú. Ta đã đi vào rừng, trông thấy một cây to vừa bị nhổ bật rễ, dưới đất có cung tên. Sau khi tìm chú mãi không thấy, ta đã tưởng không bao giờ còn được gặp lại chú nữa. Nào, chú hãy thuật lại cho ta nghe điều gì đã xảy ra. Nhờ đâu chú may mắn còn sống sót?”

Tôi thỏa mãn sự hiếu kỳ của ông. Ngày hôm sau cả hai chúng tôi đi đến quả đồi. Ông cực kỳ vui mừng nhận thấy những điều tôi nói là đúng sự thật. Chúng tôi chất cất lực rất nhiều ngà lên lưng con voi chở chúng tôi đến đây. Trên đường về, ông chủ bảo tôi: “Người anh em ạ – ta gọi là người anh em bởi vì ta không muốn đối xử với chú như nô lệ nữa – ta cầu mong sau sự phát hiện của chú nó sẽ làm cho ta giàu có, Thượng đế ban cho chú đủ mọi thứ của cải và phồn vinh. Ta tuyên bố trước Thượng đế rằng ta trả lại tự do cho chú. Ta đã giấu chú không cho chú biết điều chú sắp nghe đây.

Các con voi trong rừng hằng năm vẫn làm cho chúng ta thiệt mất cơ man là nô lệ được sai đi lấy ngà. Dù chúng ta dặn dò chúng thế nào đi nữa, sớm hay muộn rồi chúng cũng bị những con vật tinh khôn ấy làm thiệt mạng. Thượng đế đã giải thoát chú khỏi sự hung tợn của voi và Người chỉ ban phúc ấy cho chú mà thôi. Điều đó chứng tỏ Thượng đế đã thương chú, và còn cần có chú trên trần thế này để chú làm những việc tốt lành. Chú mang lại cho ta một mối lợi không thể tưởng tượng. Từ trước tới nay chúng ta chỉ có thể lấy được ngà voi bằng cách hy sinh tính mạng nô lệ. Bây giờ thế là cả thành phố sẽ giàu lên nhờ chú. Chú chớ tưởng là ta cho rằng trả tự do cho chú như vậy đã đủ thưởng công chú rồi. Ta có thể biếu chú thêm nhiều của cải đáng kể nữa. Ta có thể mời cả thành phố gây dựng cơ đồ cho chú, nhưng ta muốn chỉ riêng mình ta được vinh dự ấy mà thôi.

Nghe những lời nói chí tình ấy, tôi đáp: “Thưa chủ nhân, cầu Thượng đế giữ gìn ngài! Riêng việc trả lại tự do cho tôi cũng đủ đền công tôi rồi. Để thưởng cho tôi chút công lao mà tôi được vinh hạnh đưa lại cho ngài và cho thành phố ngài, tôi xin phép ngài cho tôi được trở về xứ sở.”

- Được lắm! – Ông ta đáp. – Gió mùa sắp đưa tàu bè tới đây ăn ngà voi. Lúc ấy, ta sẽ gửi chú về và sẽ cho chú các thứ để đưa về nhà.

Tôi lại cảm ơn ông lần nữa về việc trả lại tự do và những dự định tốt lành đối với tôi. Tôi ở lại nhà ông đợi gió mùa. Trong thời gian ấy chúng tôi tiếp tục đi lấy ngà voi ở quả đồi, nhiều chuyến đến nỗi các kho của ông ta đầy ắp. Tất cả các nhà buôn bán ngà voi đều làm như vậy bởi không thể giấu lâu không cho họ biết sự phát hiện của tôi.

Cuối cùng các tàu buôn đến. Ông chủ của tôi tự mình chọn chiếc tàu sẽ đi, rồi cho xếp lên đến một nửa tàu số ngà voi dành cho tôi. Ông cũng không quên cho đưa xuống tàu nhiều thức ăn, nước uống cần cho chuyến đi. Hơn nữa, ông còn buộc tôi dự những buổi chiêu đãi đất tiền và nhận những sản vật lạ của địa phương. Tôi hết lời cảm ơn lòng tốt của ông, rồi xuống tàu.

Chúng tôi nhổ neo, và bởi những trường hợp khiến cho tôi được trả tự do kỳ lạ quá, đầu óc tôi lúc nào cũng không hết bàng hoàng.

Chúng tôi dừng lại ở một vài hòn đảo để lấy các thức ăn tươi. Chiếc tàu trước đây xuất phát từ một cảng thuộc đất liền nước Ấn Độ, chúng tôi lại về cập bến ấy. Ở đây để tránh những nỗi nguy hiểm trên đường cho đến Banxôra, tôi cho bốc hết số ngà voi của mình, quyết tâm tiếp tục chuyến trở về bằng đường bộ. Tôi bán ngà voi được một số tiền rất lớn, mua nhiều vật hiếm để làm tặng phẩm. Khi đoàn của tôi chuẩn bị xong xuôi, tôi nhập vào một đoàn rất đông các nhà buôn. Đường đi rất lâu dài, trải qua nhiều gian khổ nhưng tôi kiên nhẫn chịu đựng khi nghĩ rằng thế là không còn sợ những cơn bão táp cướp biển, rắn độc và tất cả những cơn hiểm nghèo tôi đã từng trải qua trên biển cả.

Mọi nỗi gian lao ấy rồi cũng qua. Tôi về Bátđa êm đẹp. Trước hết, tôi đến châu hoàng đế để tường trình về chuyến đi sứ của tôi. Nhà vua nói chuyến đi của tôi quá lâu làm cho Người lo lắng. Tuy vậy Người bao giờ cũng vẫn hy vọng Thượng đế sẽ không bỏ tôi. Khi tôi thuật lại câu chuyện về các con voi, Người tỏ ra hết sức kinh ngạc. Có lẽ Người đã không tin là chuyện có thật nếu không biết rõ sự trung thực của tôi từ trước. Người thấy chuyện ấy và các câu chuyện khác mà tôi thuật lại khá kỳ lạ, liền giao cho một viên quan ghi chép lại bằng chữ vàng vào biên niên sử để gìn giữ trong kho tàng của Người.

Tôi ra về, rất hài lòng về vinh dự và những tặng phẩm Người ban cho. Sau đó tôi hoàn toàn dành cuộc sống của mình cho gia đình, bà con và bè bạn.

Xinbát kết thúc câu chuyện kể về chuyến đi thứ bảy và là chuyến đi cuối cùng của ông như vậy đấy. Hướng về Hinbát, ông nói thêm: “Thế nào ông bạn, bạn có bao giờ nghe ai đã từng trải qua nhiều khổ ải bằng tôi không, hoặc có ai đã từng sống trong những tình huống gian nan dường ấy? Sau bấy nhiêu việc làm, tôi hưởng thụ một cuộc sống dễ chịu và bình yên, chẳng phải là điều công bằng sao?”

Ông nói xong, Hinbát tiến đến gần, hôn tay ông và đáp: “Thưa ngài, phải nhận rằng ngài đã trải qua nhiều nỗi gian truân khủng khiếp. Nỗi vất vả của tôi không thể so sánh với nỗi vất vả của ngài. Nếu nó có làm cho tôi mệt nhọc trong chốc lát thì tôi cũng còn được an ủi bằng món lợi nhỏ thu được sau đây. Không những ngài đáng hưởng thụ một cuộc sống an nhàn, mà ngài còn xứng đáng với tất cả những của cải ngài có, bởi vì ngài biết cách sử dụng tiền của hào phóng xiết bao. Xin ngài cứ tiếp tục sống trong niềm vui cho đến trọn đời.”

Xinbát lại sai biểu lão một trăm đồng *xocanh*. Ông nhận lão vào số bạn bè của mình, bảo lão hãy thôi nghề khuân vác, và từ nay tiếp tục đến ăn cơm tại nhà ông để cho lão có lý do mà trọn đời nhớ tới Xinbát người đi biển.

CHUYỆN BA QUA TÁO

Nàng Sêhêrazát nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, thiếp từng có dịp hầu bệ hạ chuyện về một chuyện vi hành của hoàng đế Harun An-Rasít. Hôm nay xin được kể về một chuyến vi hành khác của vị hoàng đế ấy:

Một hôm hoàng đế báo cho tể tướng Giafa biết đêm sau ông cần có mặt ở hoàng cung: “Tể tướng à, – vua nói -ta muốn đi một vòng quanh kinh thành để thị sát về những điều người ta vẫn tâu với ta, đặc biệt là để xem trăm dân có hài lòng về công việc của các quan tư pháp của ta hay không. Nếu có điều gì dân phàn nàn, thì ta sẽ cách chức họ và cử những nhân viên khác có thể làm tốt hơn bốn phần của mình. Ngược lại, nếu dân khen ngợi, thì ta sẽ ban thưởng đích đáng cho họ.”

Đến giờ hẹn, tể tướng có mặt tại hoàng cung. Nhà vua, tể tướng và Mêrua, viên chỉ huy các quan hoạn cùng cải trang để chẳng ai có thể nhận ra họ, và cùng ra khỏi cấm thành.

Họ đi qua nhiều quảng trường, chợ búa rồi vào một phố hẹp. Dưới ánh trăng, họ trông thấy một cụ già cao lớn, râu tóc bạc trắng, đầu đội một mớ lưới đánh cá. Một tay cụ mang một cái sọt đan bằng lá cọ, tay kia cầm cái gậy. “Trông cụ già kia thấy rõ không phải là một người giàu có. Chúng ta hãy đến gần và hỏi thử xem gia sản lão ta ra sao!”

- Cụ già ơi, – tể tướng hỏi – cụ là ai?

- Bẩm quan lớn, tôi làm nghề đánh cá, nhưng là người đói khổ nhất, cùng cực nhất trong số những người làm nghề này. Tôi ra khỏi nhà từ giữa trưa để đi đánh cá nhưng cho đến lúc này đây, tôi vẫn không hề đánh được một con mụ nào. Ấy thế mà tôi còn có vợ và cả một đàn con, biết lấy gì nuôi chúng nó.

Cảm động, hoàng đế bảo cụ:

- Lão có dám quay trở lại, và tung lưới một lần nữa không? Bất cứ lão đánh được cái gì, ta cũng trả cho lão một trăm *xocanh*.

Nghe nói vậy, lão đánh cá quên hết nỗi nhọc nhằn suốt ngày, nhận lời ngay. Cùng với hoàng đế, tể tướng và Mêrua, lão quay lại bên bờ sông Tigơ, vừa đi vừa tự nhủ: Trông các vị quan lớn này cũng có vẻ phúc hậu đây. Chắc họ sẽ trả công cho nỗi vất vả của ta. Cho dù họ chỉ trả một phần trăm số tiền họ hứa thôi, ta cũng đủ sung sướng lắm rồi.

Bốn người đến bên bờ sông Tigơ. Lão ngư phủ tung lưới, và lát sau kéo lên được một cái hòm đóng kín và khá nặng. Hoàng đế sai tể tướng trả ngay cho lão đánh cá một trăm *xocanh*. Theo lệnh vua, Mêrua vác cái hòm lên vai,

và bốn người vợ vã trở về cung. Hoàng đế nóng lòng muốn biết có gì ở trong hòm.

Đến cung chiếc hòm được cạy nắp, bên trong hòm là một cái sọt lớn đan bằng lá cọ. Nắp sọt được buộc bằng một sợi len màu đỏ. Để thỏa mãn sự nôn nóng của hoàng đế, người ta không kịp tháo sợi dây mà dùng dao cắt đứt, rồi lấy ra một vật bọc trong một tấm thảm xấu xí có chằng thừng bên ngoài.

Sau khi tháo sợi thừng và mở gói thảm, mọi người kinh hoàng nhìn thấy thi thể một người phụ nữ da trắng như tuyết đã bị chặt ra thành nhiều khúc.

Hoàng đế vô cùng kinh ngạc trước cảnh tượng khủng khiếp ấy. Nhưng nỗi ngạc nhiên chuyển ngay thành cơn thịnh nộ. Hoàng đế quát mắt nhìn tể tướng:

- A, tên khốn nạn, người chăm sóc trăm dân của ta như vậy hay sao? Người cai trị thế nào mà để có người dám giết hại con dân của ta ném xuống sông Tigơ để đến ngày phán xét cuối cùng những hồn ma ấy sẽ đến đòi ta trả hận? Nếu người không mau chóng tìm cho ra thủ phạm đã giết hại người phụ nữ này và mang nó ra xử tội chết, thì ta sẽ có Thượng đế chứng giám, ta sẽ treo cổ người cùng với bốn mươi người trong dòng họ người.

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – tể tướng kêu – xin tâu bệ hạ cho tôi có đủ thời gian để mở các cuộc khám xét!

- Ta cho người ba ngày để làm chuyện đó. Người muốn làm thế nào thì làm! – Hoàng đế đáp.

Tể tướng trở về nhà, lòng rối như tơ vò. “Than ôi! -Ông tự nhủ. – Làm sao trong một kinh thành rộng lớn và đông dân như Bátđã này, ta có thể moi từ dưới đất lên một tên sát nhân đã phạm tội ác chắc không có người chứng kiến, và giờ đây chắc đã trốn chạy khỏi kinh thành? Một người nào khác chứ không phải ta có thể đã cho lời ra khỏi ngực tôi một tên khốn nạn nào đấy và trừng trị để làm hài lòng hoàng đế. Nhưng ta không muốn để lương tâm ta cắn rứt về việc sai trái đó. Ta thà chịu chết còn hơn là thoát nạn bằng cách ấy.”

Ông ra lệnh cho các quan cảnh sát truy nã thủ phạm. Các viên này cũng lo lắng không kém gì tể tướng, vội cho lính tráng bỏ về các nơi tìm kiếm. Nhưng mọi cố gắng của họ đều không mang lại kết quả. Như đáy bể mò kim, tìm đâu ra kẻ sát nhân bây giờ? Thế là tể tướng biết chắc rằng nếu không có trời phù hộ, thì mạng sống của ông đến đây là chấm dứt.

Quả nhiên vậy, đến ngày thứ ba, một viên quan thư lại theo lệnh vua đến nhà vị tể tướng khốn khổ ấy và lệnh cho ông ta phải đi theo. Tể tướng tuân lệnh, đáp lời hỏi của hoàng đế: “Tên sát nhân đâu?” tể tướng đành phải tâu, nước mắt đầm đìa: “Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, tôi chưa tìm ra ai có thể

cung cấp cho mảy may tin tức.”

Hoàng đế lại nổi trận lôi đình, mắng mỏ ông một trận nên thân, rồi ra lệnh treo cổ tể tướng cùng bốn mươi người trong dòng họ ông ngay trước cổng hoàng thành.

Trong khi người ta dựng các cột treo và đi lùng bắt bốn mươi người thuộc dòng họ tể tướng tại các nhà riêng của họ, theo lệnh hoàng đế, một người mang loa đi rao khắp các phố phường:

- Ai muốn xem xử giao tể tướng Giafa cùng bốn mươi người thuộc dòng họ ông, xin mời tề tựu trước cổng hoàng thành.

Khi mọi việc sửa soạn xong xuôi, một số đông lính cấm vệ dẫn tể tướng cùng bốn mươi người trong dòng họ ông đến dưới chân các cọc dành cho mỗi người. Các sợi dây thòng lọng được quàng vào cổ họ. Dân chúng đến xem đầy quảng trường. Không ai nhìn quang cảnh ấy mà không rơi nước mắt. Bởi tể tướng Giafa cũng như những người trong dòng họ ông xưa nay vốn được dân chúng ái mộ và trọng vọng vì sự công bằng, lượng hào phóng và tính liêm khiết. Không riêng ở kinh thành Bátđã mà khắp cả nước đều yêu kính họ.

Nhưng chẳng có gì ngăn chặn được việc thi hành mệnh lệnh. Không ai dám trái ý của vị quân vương quá ư nghiêm khắc. Người ta sắp kết liễu cuộc đời của bấy nhiêu người trung hậu, thì chợt một chàng trai trẻ khôi ngô ăn mặc chỉnh tề rẽ đám lính canh, chạy đến gần tể tướng, hôn tay ông và nói: “Thưa ngài tể tướng, vị đứng đầu các thượng thư của triều đình, người bên vực những kẻ nghèo hèn, ngài không đáng phải chịu trọng tội này. Xin ngài hãy lui về và hãy để cho tôi được chịu tội chết về vụ án mạng người đàn bà ấy! chính tôi là kẻ giết người ấy và tôi đáng bị trừng trị.”

Mặc dù những lời nói ấy mang lại nhiều vui thích cho tể tướng, nhưng ông không khỏi thương hại cho chàng trai trẻ. Chàng không có vẻ gì là bộ dạng sát nhân, hơn nữa vẻ mặt còn có dáng hấp dẫn là khác. Ông định há miệng trả lời thì một cụ già khá cao tuổi rẽ đám lính canh, chạy vào và nói:

- Thưa ngài, xin ngài chớ có nghe những lời chàng trai trẻ này nói! Không phải ai khác ngoài tôi là kẻ sát nhân đã giết người đàn bà tìm thấy xác trong chiếc hòm. Chỉ có tôi mới đáng phải đền tội. Nhân danh Thượng đế, tôi van ngài chớ trừng trị kẻ vô tội thay cho hung thủ!

- Thưa ngài, – chàng trai trẻ lại nói với tể tướng – tôi xin thề chính tôi là kẻ đã phạm hành động dã man ấy, và tính không hề có ai là tòng phạm.

- Con ơi, – cụ già ngắt lời chàng – chính sự tuyệt vọng đã đưa con đến đây, con muốn kết liễu sớm cuộc đời. Nhưng ta sống đã quá lâu rồi, ta đáng từ già cuộc đời này hơn con. Vậy hãy để cho ta chết thay con! Thưa ngài, –

cụ già quay lại nói với tể tướng – tôi nhắc lại rằng chính tôi là kẻ sát nhân, xin ngài hãy xử tử tôi, đừng chân chừ nữa!

Sự phản bác nhau giữa chàng trai trẻ và cụ già buộc tể tướng phải xin phép viên quan chịu trách nhiệm trông nom việc hành quyết, hãy cho ông ta được dẫn cả hai người đến trước hoàng đế. Viên quan này rất vui lòng chấp thuận.

Đến trước mặt nhà vua, tể tướng phủ phục hôn mặt đất bảy lần và tâu như sau: “Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, thần xin đưa đến bệ hạ cụ già và chàng trai trẻ này, người nào cũng khẳng nhận mình là thủ phạm duy nhất và giết hại dã man người đàn bà rồi ném xác xuống dòng sông Tigrơ. Chàng trai trẻ nói là chính anh ta, song cụ già thì bảo ngược lại.”

Hoàng đế truyền cho tể tướng:

- Đã vậy thì cho treo cổ cả hai tên!

- Nhưng tâu bệ hạ, – tể tướng đáp – chỉ có một kẻ sát nhân mà xử cả hai thì bất công.

Nghe vậy, chàng trai trẻ nói: “Tôi xin thề, nhân danh Thượng đế tối thiêng liêng, rằng chính tôi đã giết người phụ nữ, chặt ra làm nhiều khúc và ném xuống sông Tigrơ cách đây bốn ngày. Tôi không muốn bị xử phạt vì đã nói sai sự thật trong ngày phán xét cuối cùng, bởi vậy chính tôi là kẻ đáng bị trừng trị.”

Ngạc nhiên về lời thề, hoàng đế tin anh chàng nói thật, nhất là khi không thấy cụ già đáp lại điều gì. Bởi vậy, quay về phía chàng trai, hoàng đế hỏi:

- Tên khốn nạn kia, căn cứ gì mà phạm tội ác ghê tởm ấy, và vì lý do gì mà đến đây xin chịu tội chết?

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – chàng trai đáp -câu chuyện giữa tôi và người phụ nữ ấy nếu được chép ra hẳn sẽ rất bổ ích cho người đời.

- Vậy người hãy kể ta nghe, ta ra lệnh cho người đó! -Hoàng đế phán.

Tuân lệnh vua, chàng trai trẻ bắt đầu câu chuyện như sau:

CHUYỆN NGƯỜI ĐÀN BÀ BỊ THẨM SÁT VÀ CHÀNG TRAI CHỒNG CỦA NÀNG

Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, xin bệ hạ hiểu cho rằng người đàn bà bị giết hại vốn là vợ tôi. Nàng là con gái của cụ già kia, cụ cũng có họ hàng xa với tôi. Nàng mới lên mười hai cụ đã gả cho tôi, đến nay thẩm thoát đã mười một năm. Tôi đã có với nàng ba đứa con hiện nay đều sống cả. Và tôi phải công bằng mà nói rằng nàng chưa bao giờ làm điều gì khiến cho tôi không hài lòng. Vợ tôi ngoan, có đức hạnh và hết sức chú ý chiều chuộng chồng, về phần tôi, tôi hết mực thương yêu nàng. Tôi thường sẵn đón để đáp ứng mọi mong ước của nàng chứ không hề làm trái ý nàng bao giờ.

Cách đây chừng hai tháng, vợ tôi lâm bệnh. Tôi hết sức chăm nom, không hề tiếc điều gì không làm để cho nàng chóng bình phục. Sau một tháng, nàng thấy trong người có khá hơn, và muốn được đi tắm. Trước khi ra khỏi nhà, nàng nói với tôi: “Nhà ơi, em muốn ăn táo. Nhà sẽ làm cho em cực kỳ thích thú nếu được ăn thứ đó. Đã lâu lắm, em thèm ăn thứ đó. Em xin thú thật là nếu không được như ý e sẽ xảy ra điều gì không hay chẳng.”

- Rất vui lòng. – Tôi đáp. – Tôi sẽ làm hết sức để mình được vui lòng.

Tôi đi khắp các chợ búa, các quán hàng lụng mua táo, nếu tìm thấy thì một quả phải trả một đồng vàng tôi cũng không tiếc. Thế nhưng vất vả mà vẫn không tìm ra, tôi trở về nhà rất buồn bã. Về phần vợ tôi, từ nhà tắm về, không thấy có táo, nàng buồn tới mức đêm ấy không sao ngủ được. Sáng hôm sau, tôi dậy thật sớm đến các vườn tìm mua, song cũng chẳng có kết quả gì hơn hôm trước. Tôi chỉ gặp được một cụ già làm vườn. Cụ nói cho rằng vất vả bao nhiêu cũng vô ích thôi, không bói đâu ra táo ngoài vườn ngự uyển của hoàng đế ở tận thành phố Banxôra.

Vì tôi yêu vợ tha thiết và không muốn để cho nàng trách rằng tôi đã không cố gắng làm hài lòng nàng, tôi vội thay bộ áo quần đi đường. Sau khi nói qua cho vợ rõ, tôi tắt bật khởi hành đi Banxôra. Tôi đi khần trương tới mức là chỉ mười lăm hôm sau, tôi đã trở về. Tôi mang theo ba quả táo, mỗi quả mua đúng một đồng vàng. Trong vườn ngự uyển chỉ có ba quả, và người làm vườn không muốn nhường cho với giá hạ hơn. Vừa đến nơi, tôi đã đưa táo cho vợ tôi, nhưng con thèm ăn của nàng đã qua rồi. Nàng chỉ có cầm lấy và đặt ngay sang một bên. Trong khi đó nàng vẫn ôm, và tôi không còn biết kiếm thuốc gì cho nàng bình phục.

Ít ngày sau khi tôi đi Banxôra trở về, vào lúc đang ngồi trong cửa hiệu của mình, là một nơi bán hàng tư lự đủ các loại, thì tôi thấy một tên nô lệ da đen to lớn, mặt mũi hung tợn bước vào, tay cầm một quả táo mà tôi nhận ra đúng là một trong ba quả tôi mang từ Banxôra về. Không còn gì nghi ngờ, vì

không thể có một quả táo nào khác tại thành phố Bátđã cũng như các vùng lân cận. Tôi gọi tên nô lệ:

- Này anh bạn, anh lấy đâu ra quả táo này vậy? Hấn mỉm cười trả lời:

- Đây là quà của người tình tôi. Hôm nay tôi tới thăm nàng, thấy nàng cũng hơi khó ở. Thấy ba quả táo bên cạnh, tôi hỏi làm sao có được những thứ này, nàng đáp đây là anh chàng ngổ, đức ông chồng của nàng đã bỏ ra đúng mười lăm ngày đi đường mang về cho nàng dùng. chúng tôi đã cùng nhau dùng bữa nhẹ. Trước khi chia tay, tôi đã cầm theo quả này.

Lời tên nô lệ làm cho tôi điên tiết. Tôi đứng phắt dậy, đóng cửa hiệu, chạy vội về nhà và xộc thẳng lên buồng vợ tôi. Trước hết tôi nhìn các quả táo. Trông thấy chỉ có hai quả, tôi hỏi quả thứ ba đâu. Thế là vợ tôi quay đầu nhìn về phía để ba quả táo, thấy chỉ còn có hai, nàng lạnh lùng đáp: “Nhà ạ, tôi cũng chẳng biết nó ở đâu rồi.”

Qua câu trả lời ấy, chẳng khó khăn gì, tôi có thể hiểu điều tên nô lệ da đen nói là có thực. Con ghen làm tôi phát khùng, tôi rút con dao vẫn cài ở thắt lưng đâm vào cổ họng con đàn bà khốn nạn. Sau đó tôi chặt đầu, xả thây nó ra làm nhiều mảnh, tôi gói lại cho vào một cái sọt có nắp, khâu miệng lại bằng một sợi len đỏ, bỏ vào một cái hòm, rồi tôi vác lên vai chờ cho trời tối ném xuống sông Tigrơ.

Hai đứa con bé của tôi lúc ấy đã đi ngủ, cháu lớn đã đi đâu không có nhà. Khi tôi trở về, tôi bắt gặp cháu đang ngồi bên cửa khóc như mưa. Tôi hỏi tại sao khóc, cháu đáp: “Bố ơi, sáng nay con lấy một quả táo mà mẹ con không hay. Con giữ quả táo khá lâu, nhưng khi con còn mãi chơi với hai em ngoài phố, chợt một tên nô lệ cao lớn đi ngang qua giật khỏi tay con rồi đi mất. Con đã chạy theo xin lại, con nói rõ đây là quả táo của mẹ con, bố đã phải đi mười lăm ngày ròng rã để mang về cho mẹ, nhưng nó vẫn không chịu trả. Con chạy theo đòi, nó còn quay lại đánh con, rồi bỏ chạy qua nhiều lối phố quanh co mất hút, con không sao theo kịp. Từ lúc ấy, con đi lang thang ngoài phố đợi bố về để xin bố chớ có nói gì cho mẹ biết, sợ làm cho mẹ ốm nặng thêm chẳng.”

Nói đến đây, cháu càng khóc lớn.

Lời cháu khiến tôi đau buồn không thể nào tả nổi. Tôi nhận ra tội ác của tôi kỳ cục biết bao nhiêu. Nhưng hối hận thì đã quá muộn rồi. Tại sao mình lại tin lời dối trá của một tên nô lệ khốn khiếp, theo lời con tôi kể, thì đúng hẳn đã bịa điều tai hại mà tôi tin là có thực. Giữa lúc ấy thì chú họ tôi tức cụ già đây đến để thăm con gái. Nhưng con gái cụ đã không còn. Tôi thuật lại đầu đuôi cho cụ nghe, không giấu giếm điều gì. Và cũng không chờ cho cụ lên án, tôi tự kết tội tôi là tên sát nhân khốn nạn nhất trần đời. Tuy nhiên, cụ đã không nổi mắng mỏ tôi, lại còn khóc như tôi. Hai chúng tôi cùng nhau

khóc suốt ba ngày liền. Cụ khóc đứa con gái yêu quý, còn tôi, tôi khóc người vợ mến thương đã bị tôi giết hại một cách độc ác chỉ vì tin theo những lời dối trá của một tên nô lệ. Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, đây là tất cả lời thú tội chân thành của tôi. Giờ bệ hạ đã biết rõ mọi chi tiết, tôi khúm núm cúi xin ngài hãy ra lệnh gia hình. Cho dù hình phạt có nghiêm khắc đến đâu tôi vẫn không dám kêu van mà vẫn cho là còn quá nhẹ.

Hoàng đế cực kỳ ngạc nhiên về những điều chàng trai vừa kể. Nhưng đáng minh quân ấy cho rằng gã đáng được tha hơn là đáng tội, liền cất lời bênh gã: “Hành động của chàng trai này đáng được Thượng đế tha thứ và người đời chiêm chước. Tên nô lệ độc ác kia mới chính là nguyên nhân duy nhất gây nên vụ giết người này, hẳn mới đúng là kẻ đáng bị trừng trị. Vì vậy, – vua quay lại truyền cho tể tướng – ta hạn cho người ba ngày phải tìm ra nó. Nội nhật ba ngày mà người không tìm ra thủ phạm, ta sẽ bắt người chịu tội thay.”

Tể tướng Giafa khốn khổ tưởng đã tai qua nạn khỏi, hết sức buồn rầu trước lệnh mới của hoàng đế. Nhưng quá hiểu rõ tính tình nhà vua, ông gạt nước mắt trở về nhà riêng mà không dám cãi, bụng tin chắc mình chỉ còn sống đúng ba ngày nữa thôi. Tin chắc rằng không thể nào dò ra tung tích tên nô lệ, ông cũng chẳng buồn cho truy nã. Ông nghĩ: “Trong một thành phố đông đúc như Bátđá, với không biết cơ man nào là nô lệ da đen, làm sao có thể nhận diện được tên tội phạm. Trừ phi Thượng đế chỉ ra cho ta thấy như đã từng chỉ ra kẻ giết người, ta không còn cách gì thoát chết.”

Ông để hai ngày sống với gia đình. Cả nhà quây quần khóc than oán trách lệnh quá nghiêm của hoàng đế. Ngày thứ ba, tể tướng chuẩn bị chịu chết một cách dửng dưng như một vị thượng thư thanh liêm suốt đời không có gì đáng chê trách. Ông sai gọi các pháp quan và những người làm chứng đến cùng ký tên chứng nhận lúc ông làm di chúc. Sau đó, ông ôm hôn vĩnh biệt vợ và các con. Cả nhà khóc như mưa. Chưa bao giờ có cảnh tượng nào xúc động hơn.

Cuối cùng một viên quan từ triều đình ra báo rằng hoàng đế sốt ruột vì không được tin tức gì về ông cũng như về tên nô lệ mà hoàng đế cho truy nã.

Anh ta nói thêm: “Tôi được lệnh dẫn ngài đến trước ngai vàng.”

Vị tể tướng âu sầu sẵn sàng đi theo viên quan. Nhưng vừa lúc ông sắp đi ra, người ta mang đến cho ông đứa con gái út lên năm hoặc sáu gì đấy. Những người giúp việc trong nhà đã đưa cháu đến để cho ông được nhìn thấy con gái một lần cuối cùng.

Tể tướng vốn rất yêu quý cô con gái út này. Ông xin viên quan hãy cho ông được dừng chân giây lát. Ông đến gần bế con gái lên hôn mãi. Đang hôn con, chợt nhận thấy dưới áo cháu cộm lên một vật gì đó có mùi thơm, ông hỏi: “Con yêu của bố, con có vật gì trong người vậy?”

- Thừa cha yêu quý, đây là một quả táo có ghi dấu hiệu của hoàng đế. Tên nô lệ Rihan đã bán cho con lấy hai đồng vàng.

Nghe đến hai từ quả táo và nô lệ, tể tướng Giafa thét lên một tiếng ngạc nhiên và vui mừng lẫn lộn. Ông cho tay vào dưới áo con lấy quả táo ra. Ông cho gọi tên nô lệ ấy cũng đứng gần đấy. Khi nó đến gần, ông hỏi:

- Tên vô lại kia, mày lấy quả táo này ở đâu?

- Thừa ngài, – tên nô lệ đáp – tôi xin thề là tôi không hề trộm của ngài cũng như không dám hái trộm trong vườn ngự uyển. Chả là hôm nọ, đi qua một phố có ba bốn đứa trẻ đang chơi, thấy một đứa cầm quả này ở tay, tôi giật lấy. Thằng bé chạy theo nói rằng quả táo không phải của nó mà là của mẹ nó, rằng bố nó để làm vừa lòng mẹ nó đã phải cất công một chuyến đi xa và mang về ba quả. Đây chỉ là một quả nó lấy mà mẹ nó không hay biết. Nó van tôi trả lại nhưng tôi không nghe, tôi mang về nhà và bán cho tiểu thư đây lấy hai đồng *xocanh*. Đây, tất cả câu chuyện chỉ có thế, thưa ngài.

Tể tướng Giafa vẫn chưa hết bàng hoàng về hành động bất lương của một tên nô lệ đã có thể gây nên cái chết của một người đàn bà vô tội và suýt nữa là cái chết của chính ông cùng nhiều người trong dòng họ ông. Ông dẫn tên nô lệ cùng đi; đến trước hoàng đế, ông thuật lại cho nhà vua nghe đầy đủ chi tiết tất cả những điều tên nô lệ nói và cả sự ngẫu nhiên nhờ đó ông tìm ra thủ phạm.

Chưa bao giờ hoàng đế kinh ngạc đến vậy. Không thể nhin được vua cất tiếng cười sang sảng. Cuối cùng trở lại vẻ trang nghiêm, ông bảo tể tướng rằng, bởi tên nô lệ đã gây nên biết bao nhiêu điều rối loạn trị an, nó phải chịu tội xứng đáng để làm gương. Tể tướng đáp:

- Tâu bệ hạ, thần không dám trái ý nhưng tội của y không phải là không thể tha thứ. Thần biết một chuyện còn đáng ngạc nhiên hơn về một vị tể tướng kinh thành Cairô tên là Nuarêđin Ali cùng Bêrêđin Hátxan ở thành phố Banxôra. Nếu bệ hạ thích nghe những chuyện tương tự, thần sẵn sàng thuật hầu bệ hạ. Nếu bệ hạ thấy nó kỳ lạ hơn câu chuyện mà thần có dịp thuật lại vừa rồi, thì xin người hãy tha tội cho tên nô lệ.

- Ta muốn nghe lắm, – hoàng đế đáp – nhưng ông sẽ phải làm một việc khó khăn đấy. Ta không tin là ông có thể cứu mạng tên nô lệ, bởi vì chuyện về ba quả táo đã thật là đặc biệt rồi.

Tể tướng Giafa liền cất lời kể như sau:

CHUYỆN NUARÊTĐIN ALI VÀ BÊRÊTĐIN HÁTXAN

Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, ngày xưa ở nước Ai Cập có một nhà vua công minh, độ lượng, thương người và tính tình thoải mái. Những đức tính ấy làm cho các nước lân bang rất nể vì. Vua thương yêu những người nghèo khó, bảo vệ những vị tài cao học rộng. Ai có tài đều được cất nhắc lên giữ những trọng trách trong triều.

Vị tể tướng của nhà vua là một người thận trọng, khôn ngoan, sâu sắc, tinh thông tất cả những môn văn chương cũng như khoa học. Tể tướng có hai người con trai đều tuấn tú khôi ngô và đều rất giống cha trên mọi mặt. Người con cả được gọi là Sêmsétđin Môhamét còn Nuarêđin Ali là tên người con thứ. Đặc biệt người con thứ là một chàng trai hội đủ mọi đức tính trên đời.

Tể tướng qua đời, nhà vua cho triệu hai chàng trai đến và phong cho hai chàng làm chức thượng thư. Vua nói:

- Ta hết sức buồn vì việc phụ thân các anh từ trần. Lòng ta cũng thương tiếc ông chẳng khác gì các anh thương tiếc thân sinh các anh. Ta muốn chứng tỏ cho các anh thấy tình cảm của ta. Ta biết rằng hai anh hiện đang chung sống với nhau và cùng hết lòng thương yêu đoàn kết lẫn nhau, cho nên ta phong cho hai người cùng một phẩm chất như nhau. Hãy đi làm nhiệm vụ, và hãy cố noi gương phụ thân các anh!

Hai vị tân thượng thư tạ ơn nhà vua rồi lui về nhà và cùng nhau lo tổ chức tang lễ của cha.

Sau một tháng cử tang, họ ra khỏi nhà, cùng nhau vào triều và cùng nhau lần đầu tiên tham dự công việc triều chính. Từ hôm ấy trở đi, ngày nào hai chàng cũng vào triều yết.

Cứ mỗi lần nhà vua đi săn, thì một trong hai chàng được cử tháp tùng và cứ lần lượt thay nhau hưởng vinh dự ấy.

Một hôm, sau bữa ăn tối, hai anh em ngồi nói chuyện với nhau. (Hôm ấy là buổi tối mà sáng hôm sau người anh sẽ tháp tùng nhà vua trong một chuyến đi săn.) Người anh cả nói với người em trai:

- Chú hai à, cả chú với anh đều chưa lập gia đình, mà hai anh em ta lại rất đoàn kết thương yêu nhau. Anh vừa nảy ra một ý thế này: Hai anh em ta hãy kết hôn với hai chị em một gia đình nào đó môn đăng hộ đối với nhà ta và sẽ tổ chức cưới cùng một lúc. Chú nghĩ thế nào về ý kiến ấy của anh?

Nuarêđin Ali đáp:

- Em nghĩ rằng ý nghĩ của anh thật vô cùng đặc sắc. Nó rất phù hợp với tình thân thiết giữa hai anh em ta. Không thể có ý kiến nào hay hơn. Về phần

mình, tất cả những việc gì có thể làm vui lòng anh, thì em đều sẵn sàng thực hiện.

- Ô, như thế chưa phải là hết đâu, – Sêmsétđin Môhamét nói tiếp – trí tưởng tượng của anh còn đi xa hơn nữa. Nói giả dụ hai người vợ của chúng ta cùng thụ thai trong đêm tân hôn, sau đó cùng sinh nở một ngày, chú sinh con trai còn anh sinh con gái, thì chúng ta sẽ cho các cháu kết hôn khi chúng nó đến tuổi trưởng thành.

- Ôi, phải nhận là dự kiến của anh thật là diệu kỳ! Cuộc hôn phối ấy sẽ càng thắt chặt thêm tình thương yêu giữa hai anh em chúng ta. Bởi vậy em hoàn toàn tán thành. – Nuarétđin Ali thốt lên. – Nhưng, anh cả ơi, nếu chuyện đó xảy ra thật, thì anh nghĩ con trai em sẽ phải tặng cô dâu một lễ vật như thế nào?

- Có khó khăn gì chuyện ấy. Anh tin rằng ngoài những lễ vật thông thường như mọi đám cưới khác, chắc chú sẽ không ngại ngần nhân danh chú rể mà tặng cho con dâu chú không dưới ba nghìn đồng *xocanh*, ba khu đất và ba tên nô lệ.

- Điều ấy thì em hoàn toàn nhất trí. Bởi chẳng phải chúng ta vừa là anh em ruột thịt vừa là bạn đồng liêu cũng một phẩm chất như nhau sao? Tuy nhiên trong câu chuyện vừa rồi, chưa biết anh em ta người nào có lý hơn người nào. Em nghĩ, có phải là đàn ông vốn đáng trọng hơn đàn bà không, và như vậy đáng ra anh phải cho con gái anh một khoản hồi môn lớn mới phải chứ. Cứ như lời anh thì em thấy anh đúng là một người chỉ muốn được lợi trên lưng người khác.

Mặc dù Nuarétđin Ali vừa nói vừa cười, người anh cả vốn không phải là người thông minh cho lắm, lấy lời nói đó làm phật lòng. Tự dung, anh nổi đóa lên:

- Khốn nạn cho con trai chú, sao chú dám cả gan cho là nó đáng giá hơn con gái ta? Ta lấy làm ngạc nhiên sao chú lại cho là con trai chú xứng đáng cưới con gái ta nhỉ? Hơn nữa, có lẽ chú đã mất trí phán xét rồi hay sao mà cho rằng chú với ta là đồng liêu. Này con người cả gan kia, sau chuyện xác láo ấy thì đừng có tư tưởng rằng ta chịu hạ cố gả con gái ta cho con trai chú cho dù chú có tặng cho nó nhiều của cải hơn là cả gia sản của chú.

Câu chuyện cãi cọ đáng buồn cười giữa hai anh em về đám cưới của những đứa con chưa ra đời, ấy thế mà đâm ra rắc rối. Sêmsétđin Môhamét tức giận đi đến chỗ nạt nộ:

- Giá mà sáng mai ta không phải theo hầu nhà vua đi săn, thì ta đã cho chú một trận nên thân. Nhưng khi ta trở về, ta sẽ cho chú mày biết, làm sao một đứa em lại dám nói với ông anh cả những lời hỗn xược như chú vừa thốt ra

cơ chứ.

Nói đến đây, Sêmsétđin Môhamét trở về phòng riêng nghỉ và Nuarétđin Ali cũng trở về phòng của mình.

Sáng hôm sau, Sêmsétđin Môhamét dậy thật sớm để vào cung theo hầu nhà vua đi săn. Đoàn săn đi ngược lên mạn trên thành phố Cairô, về vùng các kim tự tháp.

Về phần Nuarétđin Ali, chàng trần trọc suốt đêm. Suy nghĩ lại, chàng nhận ra rằng mình không thể nào sống chung lâu hơn nữa đối với một ông anh trai đã đối xử với chàng một cách kiêu ngạo như vậy và đi đến một quyết định. Chàng sai thắt một con la, mang theo một cái túi đựng đầy châu báu cùng một ít thức ăn rồi lên đường. Chàng chỉ bảo cho người nhà biết là chàng có việc đi vài ba hôm, và chỉ muốn đi một mình.

Ra khỏi thành phố Cairô, chàng băng qua sa mạc đi về hướng nước Arabi. Nhưng giữa đường con la gục chết, chàng phải đi bộ tiếp. May mắn sao gặp một người cưỡi ngựa đi về Banxôra, cho chàng ngồi ghé sau lưng. Đến Banxôra, Nuarétđin Ali cảm tạ con người tốt bụng đã giúp đỡ chàng rồi xuống ngựa.

Chàng đang đi qua các phố, chưa biết nên nghỉ lại ở đâu thì chợt trông thấy một vị quan lớn, theo sau có một số đông tùy tùng, đang đi tới. Nhân dân trong phố ai trông thấy ông cũng đều đứng lại cúi chào rất thấp và chờ cho ông đi khỏi mới tiếp tục công việc của mình. Nuarétđin Ali bắt chước làm y như họ. Vị quan lớn ấy chính là tể tướng nước Banxôra đang đi thị sát tình hình để giữ an ninh trật tự trong thành phố.

Tình cờ ông đưa mắt nhìn và trông thấy chàng trai. Trông vẻ mặt chàng khả ái, nhân đi ngang qua chỗ chàng đang đứng và thấy chàng đang mặc áo quần đi đường, ông dừng lại hỏi chàng là ai và từ đâu đến.

Nuarétđin Ali thưa:

- Bẩm ngài, tôi vốn là người Ai Cập, sinh ở Cairô. Vì có chuyện buồn phiền chính đáng do một người bà con của tôi gây nên, tôi quyết định đi chu du khắp thiên hạ, và thà chết chứ chẳng bao giờ trở về quê cũ nữa.

Vị tể tướng là một cụ già đường bệ. Nghe chàng trai nói vậy, ông bảo:

- Này con trai của ta ơi, con chớ nên thực hiện lời con vừa nói đó. Trong thiên hạ này đầy rẫy những khổ đau. Con chưa lường hết những điều rồi con phải chịu đựng. Tốt hơn là con hãy đi theo ta, ta sẽ giúp cho con quên hết nỗi buồn khiến con đã phải ra đi xa xứ.

Nuarétđin Ali liền đi theo vị tể tướng nước Banxôra về nhà. Chẳng bao lâu ông phát hiện ra những đức tính tốt đẹp của chàng. Bởi vậy nhân một hôm

ngồi nói chuyện riêng, ông bảo chàng:

- Con ạ, như con thấy đấy, ta đã già lắm rồi, chắc trời chẳng còn cho ta sống bao lâu nữa. Ta chỉ có một đứa con gái độc nhất. Em cũng xinh gái không kém gì con đẹp trai, và cũng vừa đến tuổi lập gia đình. Rất nhiều nhà có quyền thế trong triều đình xin ta gả em cho con trai họ, nhưng ta vẫn chưa dứt khoát nhận lời ai. Ta quý con, ta thấy con cũng có thể môn đăng hộ đối với gia đình. Con khá hơn những người đã đến xin hỏi em, bởi vậy ta sẵn sàng coi con như là rể của ta. Nếu con vui lòng nhận lời thì ta sẽ trình với nhà vua là ta quyết định cho con gái ta được lấy con làm chồng. Ta sẽ cầu xin Người cho phép con sẽ kế vị ta trong chức vụ đại tể tướng nước Banxôra. Mặt khác, ta cũng cảm thấy già nua lắm rồi, không những ta giao cho con mọi tài sản của ta, mà còn chuyển cho con trách nhiệm trông nom việc chính sự của nước này nữa.

Vị tể tướng vừa nói xong những lời đầy lòng tốt và độ lượng như trên, Nuarétđin Ali liền phủ phục xuống dưới chân ông. Với những lời sẽ xuất phát từ lòng cảm kích sâu sắc, chàng thưa rằng chàng sẵn sàng thực hiện bất cứ điều gì ông muốn. Thế là tể tướng gọi tất cả gia nhân trong nhà lại truyền bảo họ trang hoàng dinh thự và sửa soạn một bữa tiệc lớn. Tiếp đó ông cho mời tất cả các vị quyền quý trong triều cũng như trong toàn thành phố đến.

Khi mọi người đã tề tựu đông đủ và chờ cho Nuarétđin Ali có thời gian tỏ rõ mọi phẩm cách tốt đẹp của chàng trước quan khách, ông lựa lời nói với mọi người để sao cho cả những vị từng ngỏ lời cầu hôn con gái ông mà không được khỏi phải mất lòng, bằng những lời lẽ sau đây:

- Thưa quý ngài, hôm nay tôi rất hài lòng được thưa với quý ngài một điều bí mật cho tới nay tôi chưa hề ngỏ với ai. Tôi có một người anh họ là đại tể tướng vua nước Ai Cập cũng giống như tôi đây được vinh dự là bề tôi của vua Banxôra ta vậy. Ông anh tôi có một cậu con trai, ông không muốn cho con lấy vợ bên nước ấy, mà đưa sang đây xin được kết hôn với con gái tôi, để cho hai chi trong dòng họ nhờ vậy càng thêm gần gũi. Đứa cháu ấy là chàng trai mà hôm nay tôi vinh dự giới thiệu với quý ngài đây. Tôi mong quý ngài dành cho chúng tôi vinh dự là cùng tham dự lễ thành hôn của hai cháu, mà tôi quyết định tổ chức ngay trong hôm nay.

Tất cả các nhà quyền quý có mặt hôm ấy ai cũng thấy rằng việc vị đại tể tướng chọn đứa cháu họ chứ không phải đám nào khác để gả con gái là việc làm phải, họ đều đáp rằng ông xử sự như vậy là đúng lắm. Họ sẵn sàng tham dự để làm chứng cho cuộc hôn nhân này. Cầu Thượng đế cho hai cháu được sinh nhiều con cái và sống hòa thuận với nhau bách niên giai lão.

Quan khách ngỏ lời chúc tụng xong, mọi người cùng nhau ngồi vào bàn tiệc. Chén chú chén anh kéo dài suốt buổi. Tiệc tan, thức ăn tráng miệng

được mang ra; theo phong tục ở đây ai muốn mang thứ gì về nhà thì xin cứ việc. Vừa lúc ấy các pháp quan bước vào, bản hôn ước cầm tay. Mọi người dự tiệc cùng ký vào làm chứng rồi ai nấy về nhà.

Khi khách khứa đã ra về, chỉ còn lại những người trong nhà, tể tướng hỏi những người được giao việc tắm cho chàng rể đã sẵn sàng chưa. Họ dẫn Nuarétđin Ali vào phòng tắm, ở đây đã để sẵn các bộ áo quần mới và nhiều thứ đồ dùng khác, thứ nào cũng sạch sẽ tinh tươm. Được các gia nhân tắm rửa kỳ cọ xong, chàng muốn dùng lại bộ quần áo của mình nhưng họ ngăn lại và đưa cho chàng những bộ đồ mới toanh. Ăn vận xong xuôi, xúc nước hoa tuyệt hảo, chàng trai tìm đến chào bố vợ. Ông rất vui lòng thấy chàng quả thật tuấn tú khôi ngô. Ông cho chàng ngồi xuống bên cạnh và bảo:

- Con ạ, con đã có dịp nói cho cha rõ con là ai và phẩm tước của con bên triều đình Ai Cập. Con cũng đã nói là vì có chuyện cãi cọ với anh trai con cho nên con đã bỏ nước ra đi. Cha mong con hãy tin cậy cha hoàn toàn và kể hết cho cha nghe nội dung câu chuyện cãi cọ ấy. Con phải hoàn toàn tin cậy ở cha và không được giấu cha điều gì.

Nuarétđin Ali thuật lại với tể tướng câu chuyện đã xảy ra với Sêmsétđin Môhamét buổi tối hôm ấy. Nghe xong, vị đại tể tướng không nhin được cười:

- Thật là chuyện kỳ cục ở trên đời! – Ông nói. – Có thật là chuyện bất hòa giữa con và anh trai con lại chỉ vì một cái đám cưới vừa mới tưởng tượng nên? Cha thật không hài lòng vì con bất hòa với anh cả chỉ vì một chuyện nhỏ nhặt không đâu như vậy. Tuy nhiên cha cũng thấy anh con đã sai mà xúc phạm đến con trong khi con chỉ nói đùa cho vui. Dù sao cha cũng tạ ơn trời đất là nhờ có sự bất hòa ấy mà cha có được một người con rể như con. Nhưng thôi, – cụ già nói tiếp – đêm đã khuya rồi, đã đến lúc con đi nghỉ. Vợ con đang chờ con đấy. Sáng mai cha sẽ đưa con vào ra mắt nhà vua. Cha hy vọng là cả hai cha con ta đều sẽ hài lòng vì thái độ tiếp đón của vua.

Nuarétđin Ali tạm biệt cha về phòng riêng của vợ.

Kể đến đây, tể tướng Giafa tâu với hoàng đế Harun An-Rasít:

- Điều kỳ lạ là ngay trong hôm đám cưới ở Banxôra, thì tại Cairô, Sêmsétđin Môhamét cũng làm lễ thành hôn.

Chi tiết về đám cưới ấy như sau:

Sau khi Nuarétđin Ali bỏ nhà đi với ý định sẽ không bao giờ trở lại nữa thì Sêmsétđin Môhamét mãi bận tháp tùng nhà vua Ai Cập đi săn. Cuộc săn kéo dài một tháng, vì nhà vua vốn là người say mê săn bắn; ông thường bỏ hoàng cung đi săn cả tháng. Xa giá vừa về đến nhà, Sêmsétđin Môhamét vội đến phòng riêng của Nuarétđin Ali. Chàng cực kỳ ngạc nhiên khi nghe nói em

chàng viện lý do đi chơi vài ba bữa, đã cưới la ra đi ngay trong hôm nhà vua bắt đầu đi săn và tính ra đã tròn một tháng; từ bấy đến nay không ai gặp chàng ở đâu.

Sêmsétđin Môhamét rất buồn phiền, chàng tin rằng chính những điều chàng thốt ra đã khiến cho chú em giận nhà bỏ xứ ra đi. Chàng cử người đi tìm, đến Đamát và sang tận Alép, song lúc này Nuarétđin Ali lại đang ở Banxôra. Khi người nhà trở về báo tin là không tìm thấy, chàng lại sai đi tìm theo hướng khác. Trong khi chờ đợi, chàng quyết định lấy vợ.

Chàng kết hôn với con gái một vị đại thần vào loại quyền quý nhất Cairô đúng vào hôm em trai làm lễ thành hôn với con gái đại tể tướng ở Banxôra.

Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, không phải chỉ có thế mà thôi, còn nhiều chuyện ly kỳ khác xảy ra. – Lời tể tướng Giafa nói với hoàng đế Harun An-Rasít, – Sau chín tháng, bà vợ của Sêmsétđin Môhamét sinh tại Cairô một đứa con gái, trong cùng một ngày ấy bà vợ của Nuarétđin Ali cho ra đời tại Banxôra một cậu con trai. Cháu được đặt tên là Bêrétđin Hátxan. Vị tể tướng Banxôra hết sức vui mừng về chuyện ấy. Ông bố thí làm phúc rất rộng rãi cho người nghèo, và cho tổ chức hội tiệc linh đình để mừng việc con gái mình sinh được cháu trai.

Sau đấy, để tỏ với con rể là ông rất lấy làm mãn nguyện, ông vào cung khúm núm tâu với vua xin cho con rể ông được nối tiếp chức vụ của mình, để cho ông – như lời tể tướng tâu với nhà vua – có được niềm an ủi trước khi qua đời là dù không có con trai vẫn có được người con nối nghiệp.

Nhà vua vốn hài lòng khi Nuarétđin Ali được đưa vào trình diện sau lễ cưới, và sau đấy lúc nào cũng chỉ nghe người ta nói nhiều điều tốt lành về chàng trai, sẵn sàng chấp nhận lời cầu xin của vị lão thần. Vua sai mang phẩm phục tể tướng ra mặc cho chàng ngay trước mặt mình.

Đến hôm sau, niềm vui của vị tể tướng già thật lên đến cực điểm khi nhìn thấy chàng con rể thay mình điều hành công việc triều đình một cách suôn sẻ. Nuarétđin Ali làm nhiệm vụ hoàn hảo đến mức tưởng như chàng đã làm công việc ấy suốt đời rồi. Tiếp đấy, chàng đều chăm lo mọi việc trong triều mỗi lần vị tể tướng vì tuổi tác già hoặc ốm đau không thể chủ trì được. Cụ già ấy qua đời bốn năm sau ngày cưới của con gái, trong lòng hết sức hoan hỉ vì thấy dòng họ có người nối nghiệp xuất sắc.

Nuarétđin Ali tổ chức lễ tang hết sức trọng thị.

Đến khi chú bé Bêrétđin Hátxan lên bảy, chàng rước một gia sư cực kỳ xuất sắc giao cho việc chăm lo học vấn của con trai. Chàng sớm nhận ra con trai mình thông minh, sâu sắc, có khả năng tiếp thu được mọi điều thầy giáo quan tâm dạy bảo.

Chỉ hai năm sau ngày giao phó chú bé cho vị gia sư, cậu đã đọc thông viết thạo và thuộc lòng kinh Côran. Nuarétđin Ali lại vờ nhiều thầy giỏi khác về cùng lo sự học vấn của chú bé. Cậu học hành tấn tới đến mức năm lên mười hai thì hầu như không cần có thầy giáo kèm cặp nữa. Không ai nhìn thấy cậu mà không tiếc lời ngợi khen.

Cho đến lúc bảy giờ, Nuarétđin Ali chỉ nghĩ tới việc học hành của con, cho nên chưa cho cậu tiếp xúc với đời. Lần này chàng dẫn con vào triều để cho con được vinh dự lạy chào nhà vua. Cậu được vua tiếp đón ân cần niềm nở. Ra đường phố, bất kỳ ai nhìn thấy cậu cũng không thể cầm lòng không ngợi khen. Nhiều người thốt lên những lời tán phục và đều cầu nguyện cho cậu được mọi điều tốt đẹp.

Nuarétđin Ali có chủ định đào tạo con trai nối chí mình, vì vậy đã không tiếc sức và không bỏ qua một việc gì tốt mà không làm. Chàng sớm cho con trai tham dự việc triều chính, và giao cho cậu được tham gia xử lý những việc khó khăn phức tạp nhất nhằm cho cậu sớm làm quen. Tóm lại chàng không bỏ qua một việc gì không làm vì sự thăng tiến của đứa con trai xiết bao quý mến.

Nuarétđin Ali đã bắt đầu nhìn thấy kết quả những cố gắng của mình thì chợt bị một cơn bệnh hiểm nghèo quật ngã. Căn bệnh dữ dội đến mức chàng cảm thấy rõ rệt rằng những ngày cuối cùng của cuộc đời mình không còn xa nữa. Chàng chuẩn bị để ra đi sao cho xứng đáng với một cuộc đời trung hậu. Trong lúc lâm chung, chàng không thôi nghĩ đến cậu con trai mà chàng yêu quý vô cùng. Chàng cho gọi Bêrétđin Hátxan đến bên giường bệnh và bảo:

- Con ơi, con thấy đấy, trong cuộc đời này không có gì vĩnh cửu, chỉ có nơi mà cha sắp đến là vĩnh hằng mà thôi. Ngay từ bây giờ con phải sẵn sàng để rồi mai đây đến cái nơi mà cha sắp đến. Con phải chuẩn bị sao cho lúc ra đi vào cõi vĩnh hằng không có gì phải nuối tiếc, không để lại việc gì mà lương tâm có thể trách móc là mình đã chưa làm tròn mọi bổn phận, là mình đã chưa thật sự sống đúng như một con người trung hậu phải sống. Nên sống như thế nào, việc đó các thầy giáo của con đã dạy cho con; những sách vở mà con được đọc cũng đã chỉ cho con rõ. Cha chỉ muốn căn dặn con đôi điều mà con cần phải hiểu và phải làm cho bằng được vì lợi ích của con. Mọi người đều cần phải hiểu rõ nguồn gốc của mình; con sẽ không thể nào hiểu nổi điều đó nếu con chưa rõ cha con là ai. Cha sắp nói cho con biết đây.

Cha sinh ra trên đất nước Ai Cập, thân sinh ra cha, tức là tổ phụ của con là đại tể tướng của nhà vua nước ấy. Chính cha đây cũng từng có vinh dự làm một thượng thư của nhà vua ấy cùng thời với bác ruột của con, mà cha tin là hiện nay vẫn còn đang sống. Tên bác là Sêmsétđin Môhamét. Cha buộc lòng phải rời xa bác để đến đất nước này và làm nên chức vị mà cha vẫn giữ cho

đến giờ phút này. Nhưng tất cả những chuyện ấy con sẽ tường tận khi đọc cuốn sổ tay mà cha sắp trao cho con đây.

Nói đến đây, Nuarétđin Ali lôi cuốn sổ mà tự tay chàng ghi chép và luôn luôn mang theo bên mình đưa cho Bêrétđin Hátxan và nói thêm:

- Con hãy cầm lấy, lúc nào rỗi rãi hãy đọc! Cuốn sổ này ghi chép nhiều chuyện, kể cả ngày cha lấy vợ và ngày con ra đời. Đây là những điều chắc chắn có ích cho con sau này, cho nên con phải giữ gìn cuốn sổ cẩn thận không được xa rời!

Bêrétđin Hátxan vô cùng đau đớn thấy bệnh tình của cha trầm trọng đến mức vậy, và hết sức xúc động bởi những điều cha vừa trời trăng. Cậu đưa tay đỡ lấy cuốn sổ. Nước mắt rùng rùng, cậu hứa với cha là sẽ không bao giờ rời xa cuốn sổ.

Lúc ấy, Nuarétđin Ali trông vẻ yếu đến mức tưởng chàng sắp trút hơi thở cuối cùng. Nhưng chàng hồi lại được và nói tiếp như sau:

- Con ơi, câu châm ngôn đầu tiên mà cha muốn dạy cho con, là không nên giao thiệp với bất cứ hạng người nào. Cách sống an toàn nhất là hãy sống trước hết với nội tâm của mình và chớ nên thổ lộ một cách quá dễ dàng.

Châm ngôn thứ hai là chớ có bao giờ dùng bạo lực với bất kỳ ai, bởi vì làm như vậy rồi thì sớm hay muộn mọi người cũng sẽ nổi lên chống đối con. Con hãy đối xử với cuộc đời như đối với một người chủ nợ mà con rất cần ở người đó sự ôn hòa, lòng bác ái và lượng khoan dung.

Châm ngôn thứ ba là con hãy giữ im lặng khi có người nhục mạ con. Phương ngôn đã dạy, lúc gặp tai ương cứ ngậm miệng lại thì khắc tai qua nạn khỏi. Chính lúc này là lúc con phải đặc biệt thực hành theo câu phương ngôn ấy. Chắc con đã biết một nhà thơ lớn của chúng ta từng viết, sự im lặng là vật trang sức và là cái bảo mạng của con người; đừng bao giờ quá nhiều lời vì lời nói sẽ là trận mưa giông làm hỏng hết mọi mùa màng. Người ta không bao giờ phải hối hận là vì đã im lặng, ngược lại người ta thường bực mình vì chuyện mình đã trót nói ra.

Châm ngôn thứ tư, là chớ có bao giờ rượu chè. Say sưa là cội nguồn của mọi thói xấu.

Châm ngôn thứ năm là phải hết sức dè sẻn. Nếu con không phung phí tài sản thì con sẽ có thứ để sử dụng khi cần đến tiền. Tuy không nên xài sang quá cũng không nên hà tiện quá. Con không có nhiều của cải lắm nhưng nếu con biết cách chi tiêu thì con sẽ có nhiều bè bạn, ngược lại con có thể rất đổi giàu sang mà không biết cách sử dụng tiền bạc thì mọi người sẽ xa lánh con, sẽ bỏ rơi con.

Nói tóm lại, cho đến lúc trút hơi thở cuối cùng, Nuarétđin Ali vẫn không

thôi dạy bảo con. Sau khi chàng qua đời, lễ tang chàng được tiến hành rất trọng thể.

Kể đến đây nàng Sêhêrazát lại nói với vua Saria:

- Tâu bệ hạ, tể tướng Giafa thấy hoàng đế có vẻ thú vị khi nghe chuyện về chàng Nuarétđin Ali, nên ông kể tiếp câu chuyện.

- Vâng, lễ tang tể tướng Nuarétđin Ali được tiến hành hết sức trọng thể, Bêrétđin Hátxan, thường được gọi là Bêrétđin Hátxan người Banxôra, bởi chàng sinh ra và lớn lên ở thành phố ấy, vô cùng thương tiếc cha. Đáng lẽ chỉ cư tang một tháng như phong tục bắt buộc, chàng lại lui về phòng riêng than khóc cha suốt hai tháng liền, không gặp bất kỳ ai, thậm chí không vào triều đình làm bổn phận mà quốc vương Banxôra đã giao phó. Nhà vua cho đây là biểu thị sự thiếu tôn trọng triều đình và thiếu tôn trọng ngay cả vua, liền nổi trận lôi đình. Trong cơn nóng giận, vua sai triệu vị tân tể tướng đến – bởi vua đã cử một người khác giữ chức vị này ngay sau khi được tin Nuarétđin Ali qua đời – sai ông đến nhà người vừa quá cố tịch thu nhà cửa đất đai và mọi tài sản, không để cho Bêrétđin Hátxan bất cứ một thứ gì, hơn nữa còn ra lệnh bắt giam cậu.

Vị tể tướng có rất đông lính tráng đi theo, vội vàng lên đường thi hành mệnh lệnh. Một trong những gia nhân của Bêrétđin Hátxan, tình cờ đang đi giữa đám đông, nghe tin đó vội vàng về cấp báo với chủ. Y trông thấy chủ vẫn đang ngồi ủ rũ ở hành lang ngôi nhà. Y vội phục xuống dưới đất, hôn gấu áo của chủ, và không nói ra hơi:

- Thưa ngài, xin ngài hãy thoát thân ngay, xin hãy chạy trốn ngay!

- Có việc gì vậy? – Bêrétđin Hátxan ngừng đầu lên hỏi. – Anh mang lại cho ta tin tức gì vậy?

- Thưa ngài, xin ngài chớ để mất thời giờ. Nhà vua đang nổi cơn thịnh nộ ghê gớm vì ngài. Người ta đang đến tịch thu gia sản của ngài và còn định bắt giam ngài nữa đây.

Lời nói của người giúp việc trung thành vốn rất thương yêu chàng khiến Bêrétđin Hátxan hết sức phân vân.

- Nhưng ít ra ta cũng phải vào nhà lấy mang theo một ít tiền bạc châu báu chứ?

- Không đâu, thưa ngài, tể tướng sẽ có mặt tại đây ngay tức khắc. Ngài hãy đi ngay, hãy chạy trốn ngay khỏi nơi này!

Bêrétđin vội vàng đứng lên, xỏ chân vào dép, vắt một thân áo lên che mặt rồi chạy trốn mà cũng chưa rõ nên đi về hướng nào để thoát khỏi tai nạn tày đình này. Y nghĩ đầu tiên nảy ra trong đầu chàng là phải mau chóng đến cho được một cổng thành qua đó để thoát ra ngoài thành phố. Rồi chàng chạy tiếp một thôi đến tận nghĩa địa công cộng.

Lúc này trời cũng sắp tối, chàng nảy ra ý nên trốn qua đêm trong ngôi nhà mộ của cha chàng. Đây là một phần mộ có vòm mái cao, trông cũng khá nghi vệ, mà Nuarétđin Ali đã cho xây dựng khi còn sống. Đi nửa đường chàng gặp một người Do Thái khá giàu có, chuyên làm nghề cho vay lãi và buôn bán. Lão ta vừa trở về. Trông thấy Bêrétđin Hátxan lão dừng lại và cúi chào cung kính.

Lão Do Thái ấy tên là Isắc. Sau khi kính cẩn cúi chào và hôn tay Bêrétđin Hátxan, lão hỏi chàng:

- Thưa ngài, tôi xin mạn phép hỏi ngài đi đâu vào giờ này một mình và trông ngài thần sắc dường như không được bình tĩnh lắm? Có chuyện gì làm ngài buồn phiền chăng?

- Vâng, tôi vừa chộp mắt thì thấy cha tôi hiện về. -Bêrétđin đáp. – Trông ánh mắt Người rất nghiêm nghị, dường như Người đang có chuyện gì không hài lòng về tôi. Tôi hoảng hốt choàng dậy, vội chạy đến đây cầu nguyện.

Lão Do Thái cũng như tất cả mọi người chưa ai biết vì sao Bêrétđin Hátxan lại phải vội vã đi ra ngoài thành vào lúc này. Lão nói:

- Thưa ngài, vị tể tướng vừa quá cố, phụ thân của ngài và là chủ nhân của kẻ này, đã đặt mua nhiều hàng hóa hiện nay đang chở trên các con tàu sắp cập bến cảng thành phố ta. Những hàng hóa ấy nay là của ngài. Tôi cúi xin ngài hãy cho tôi được ưu tiên mua lại những thứ ấy, chứ đừng có chọn thương nhân nào khác! Tôi có đủ khả năng mua bằng tiền mặt tất cả hàng hóa chở trên các con tàu ấy. Để mở đầu, nếu ngài đồng ý nhượng cho tôi hàng hóa trên con tàu đầu tiên cập bến an toàn, thì tôi xin giao ngài một nghìn đồng *xocanh* mà tôi có sẵn trong hầu bao của tôi đây, coi như số tiền trả trước, hàng hóa nhận sau.

Vừa nói, lão vừa rút từ dưới áo khoác ra một túi tiền lớn có đóng dấu niêm phong của lão.

Bêrétđin Hátxan trong tình trạng thảm thương lúc ấy, bị đuổi ra khỏi nhà và trong túi không có lấy một đồng xu nhỏ, coi đề nghị của lão Do Thái như là một ân huệ trời cho. Chàng vui vẻ nhận lời. Lão Do Thái hỏi lại:

- Vậy là thưa ngài, ngài thuận bán cho tôi với giá một nghìn đồng *xocanh* tất cả hàng hóa chở trên chiếc tàu đầu tiên trong đội tàu của ngài sắp cập bến cảng?

- Vâng, tôi thuận bán cho ngài với giá một nghìn đồng *xocanh*. Việc ấy coi như thỏa thuận xong.

Lão Do Thái liền giao cho chàng cái túi đựng một nghìn đồng tiền vàng, và yêu cầu chàng kiểm lại. Bêrétđin Hátxan bảo khỏi cần, chàng tin ở lão. Lão Do Thái lại nói:

- Đã vậy thì, thưa ngài, xin ngài vui lòng viết cho mấy chữ làm bằng về cái thương vụ mà chúng ta vừa thực hiện.

Vừa nói, lão vừa rút cái cặp da lão vẫn đeo thường xuyên ở thắt lưng ra, lấy một tờ giấy và một cái bút ấn vào tay chàng. Trong khi lão đưa lọ mực đã mở nắp sẵn sàng, Bêrétđin Hátxan chắm vào lọ mực và viết mấy dòng sau:

Tôi viết tờ giấy này để làm bằng rang tôi, Bêrétđin Hátxan người Banxôra, đã thuận bán cho ông Do Thái hắc, với giá một nghìn đồng xocanh tất cả hàng hóa chở trên chiếc tàu đầu tiên của tôi sắp cập bến cảng này. Tiền tôi đã nhận đủ.

Ký: Bêrétđin Hátxan người Banxôra.

Viết xong chàng trao tờ giấy cho lão Do Thái, lão cẩn thận cho vào cặp rồi cảm ơn chàng và đi.

Trong khi người Do Thái đi vào thành phố thì Bêrétđin Hátxan đến nhà mộ của cha. Đến nơi, chàng phục xuống trước mộ, đầm đìa nước mắt khóc than cho số phận của mình. “Hỡi ơi, hỡi Bêrétđin bất hạnh, rồi đây thân phận mi sẽ ra sao? Mi biết tìm ở đâu một nơi trú ngụ trước sự bất công của nhà vua đã hành tội mi như vậy? Mi vừa mất người cha thân yêu, chừng ấy chưa đủ đau khổ hay sao? Mà giờ đây còn phải mang theo một tai ương thế này?”

Chàng quỳ mọp rất lâu nhưng rồi cũng gượng đứng lên. Nỗi đau đớn lúc này còn dữ dội hơn, chàng tiếp tục khóc lóc thở than cho tới lúc kiệt sức, gục đầu lên phần mộ và nằm vật ra đất, ngủ thiếp đi.

Chàng vừa chập mắt thì một thần linh vốn trú ngụ trong nghĩa địa ban ngày, cứ đêm đến thì rời nghĩa địa ra đi như thường lệ, chợt nhìn thấy chàng trai trong phần mộ của Nuarétđin Ali. Thần bước vào, và vì Bêrétđin Hátxan nằm ngửa, thần choáng váng trước vẻ đẹp của chàng.

Thần linh đứng chăm chú ngắm chàng hồi lâu rồi thầm nghĩ:

- Trông con người đẹp dễ dàng này, hẳn đây là một thiên thần hạ giới, mà Thượng đế phái xuống để làm cho nhân loại phải đảo điên vì sắc đẹp của chàng.

Sau khi ngắm nghía chán chê, thần bay vút lên không trung và tình cờ gặp một tiên nữ. Chào hỏi nhau xong, thần linh bảo tiên nữ:

- Tôi mời bạn cùng tôi xuống nghĩa trang, tôi sẽ chỉ cho bạn xem một con người tuyệt hảo, rồi bạn cũng sẽ thán phục không khác gì tôi cho mà xem.

Tiên nữ đồng ý. Hai thần bay xuống nghĩa trang, cùng đi vào mộ. Thần linh chỉ chàng Bêrétđin Hátxan cho tiên nữ thấy, và nói:

- Đây, bạn xem, bạn đã bao giờ được nhìn thấy một chàng trai tuấn tú khôi ngô dường này?

Tiên nữ chăm chú ngắm nghía hồi lâu rồi quay lại nói với thần linh:

- Tôi công nhận là con người này thật xinh trai. Nhưng tôi vừa trông thấy tại Cairô một con người kỳ diệu hơn, nếu bạn muốn rõ, tôi sẵn lòng kể cho bạn nghe.

- Xin sẵn sàng. Tiên nữ nói:

- Tôi xin kể từ đầu câu chuyện, số là quốc vương Ai Cập có một vị thượng thư tên là Sêmsétđin Môhamét. Ông ta có một ái nữ vào khoảng mười chín đôi mươi. Đây là một con người xinh tươi nhất, hoàn hảo nhất chưa bao giờ có ai được nhìn thấy trên đời này. Nhà vua nghe đồn đại về sắc đẹp có một không hai của cô gái ấy, gần đây cho mời tể tướng đến và bảo: “Ta nghe nói ông có một người con gái đến tuổi gả chồng. Ta muốn lấy cô ấy, ông có vui lòng gả cho ta hay không?” Vị thượng thư không hề đợi chờ một lời cầu hôn như vậy, cũng hơi bối rối. Đáng lẽ ra phải vui vẻ nhận lời y như tất cả mọi người trong tình huống ấy phải làm, thì ông lại đáp như sau: “Tâu bệ hạ, tôi không xứng đáng với vinh dự bệ hạ muốn ban cho. Tôi vô cùng khúm núm cúi xin bệ hạ cho được phép không đồng ý với Người, mong bệ hạ thể tất cho. Hẳn bệ hạ cũng có biết rằng tôi còn có một chú em tên là Nuarétđin Ali, chú ấy từng một thời có vinh dự làm bề tôi của bệ hạ y như tôi đây. Hai anh em chúng tôi trước đây vẫn sống với nhau rất hòa thuận. Một hôm, vì một cuộc cãi cọ không đâu, chú ấy bỏ nhà ra đi biệt tăm. Tôi tuyệt nhiên không được tin tức gì về chú ấy cho mãi gần đây, cách đây đúng bốn ngày, tôi được tin chú ấy vừa qua đời ở Banxôra trên cương vị tể tướng của vua xứ ấy. Chú để lại một cháu trai. Trước đây anh em tôi có lời nguyện ước với nhau là giả dụ một bên sinh con trai, một bên sinh con gái thì cho hai cháu kết hôn với nhau, tôi tin rằng lúc qua đời chú ấy cũng muốn lời nguyện ước ấy được thành sự thật. Về phần mình tôi cũng muốn thực hiện lời ước, và vì vậy cúi xin bệ hạ gia ân. Trong triều ta còn bao nhiêu vị đại thần có con gái đến tuổi lấy chồng như cháu nhà tôi, xin bệ hạ hãy hạ cố ban ơn cho họ.”

Nhà vua Ai Cập rất lấy làm bất bình về lời nói của Sêmsétđin Môhamét.

Bị chạm lòng tự ái vì sự cả gan của vị thượng thư, nhà vua nổi nóng đến mức không kiềm chế được. Vua nói:

- Ra ông dám dèn đáp tấm lòng tốt của ta đã hạ cố muốn cầu thân với ông bằng cách ấy đây. Ta sẽ trừng phạt ông về cái tội dám cho là có ai xứng đáng hơn ta trong câu chuyện cưới xin này. Đã thế thì ta nguyện rằng con gái ông không được phép có một ông chồng nào khác ngoài tên nô lệ xấu xí nhất, hèn hạ nhất của ta.

Nói xong, vua đuổi viên thượng thư ra. Ông này ra về nhà vô cùng hoang mang và tủi nhục.

Đúng vào ngày hôm nay đây, – tiên nữ kể tiếp – vua Ai Cập cho gọi một tên coi ngựa của vua đến, tên này vừa gù lưng vừa vẹo ngực, trông xấu xí đến kinh hồn. Sau khi buộc Sêmsétđin Môhamét phải đồng ý với ý kiến của mình, vua đã sai các pháp quan lập hôn thú và cho những người làm chứng ký tên ngay trước mặt mình. Mọi công việc chuẩn bị cho cái đám cưới kỳ cục ấy đã hoàn tất. Tất cả các nô lệ trong cung của nhà vua Ai Cập vào lúc này đang xếp hàng tề tựu trước cổng nhà tắm. Mỗi người một tay cầm một ngọn đuốc. Tất cả chờ cho tên coi ngựa đang ở trong nhà tắm tắm xong ra để rước đến nhà cô dâu, cô cũng đã được tắm rửa và trang điểm xong xuôi đâu vào đấy. Vào lúc tôi rời khỏi Cairô một chốc trước đây, các bà đang tụ tập sẵn để chờ rước cô dâu đến nơi tiến hành hôn lễ rồi đến phòng tân hôn, ở đó cô dâu đang chờ tên coi ngựa gù lưng đến. Tôi đã trông thấy cô dâu, tôi phải nói với bạn rằng không thể nhìn mà không đem lòng thán phục về sắc đẹp vô song của cô.

Tiên nữ dứt lời, thần linh đáp:

- Bạn nói gì thì nói, tôi không thể nào tin được rằng nhan sắc của cô gái ấy lại trội hơn vẻ xinh đẹp của chàng này.

- Tôi chẳng hơi sức đâu tranh luận với bạn. – Tiên nữ đáp. – Tôi chỉ muốn là chàng trai trẻ này đáng được kết hôn với cô gái kia hơn là tên coi ngựa gù lưng vẹo ngực. Tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ làm được một công việc xứng đáng với quyền uy của chúng ta, nếu bạn và tôi cùng mang chàng trai trẻ này đánh tráo vào chỗ tên coi ngựa. Làm như vậy cũng là cách chúng ta phản kháng hành động bất công của nhà vua Ai Cập.

- Bạn có lý đấy. Thật tôi không biết nói thế nào cho bạn rõ hết tôi thú vị đến thế nào về ý kiến của bạn. Để trả thù nhà vua Ai Cập, chúng ta hãy đánh tráo chú rể, tôi đồng ý. Chúng ta hãy tìm cách an ủi một người cha đang buồn phiền. Hãy trả lại cho ông người con gái mà ông ngỡ là đang hết sức khốn khổ mà thực tế sẽ lại hoàn toàn hạnh phúc. Tôi sẽ không tiếc sức mình để làm việc ấy, tôi tin là bạn cũng nghĩ như tôi. Tôi xin nhận việc mang chàng đến Cairô mà không làm cho chàng thức giấc. Sau khi thực hiện được ý đồ của chúng ta rồi, tôi dành cho bạn quyền mang anh chàng ấy đi khỏi Cairô.

Khi hai thần thỏa thuận xong với nhau về mọi việc cần làm, tiên nữ nhẹ nhàng nâng bổng Bêrétđin Hátxan, đưa chàng bay lên không trung với một tốc độ không thể nào tưởng tượng nổi, rồi đặt chàng xuống một ngôi nhà chung nằm bên cạnh nhà tắm công cộng, nơi mà từ đó chú chăn ngựa lưng gù sắp bước ra để cho bọn nô lệ rước đi. Vừa lúc ấy Bêrétđin Hátxan tỉnh giấc, và cực kỳ ngạc nhiên thấy mình đang ở một thành phố lạ lẫm. Chàng muốn cao giọng hỏi đây là nơi đâu thì thần linh kịp hích nhẹ vào vai ra hiệu

cho chàng hãy ngậm miệng lại. Tiếp đó, thần đặt vào tay chàng một cây đuốc và bảo:

- Anh hãy trà trộn vào đám đông mà anh thấy đang đứng trước cổng nhà tắm kia. Anh hãy đi cùng với họ đến nơi sắp diễn ra lễ thành hôn kia. Chú rể là một anh chàng lưng gù mà anh sẽ dễ dàng nhận diện. Khi đi vào nhà anh nhớ đi bên phải hắn ta. Và ngay từ lúc này đây, anh hãy mở cái túi anh đeo trong người lấy tiền ra chia cho các nhạc công, vũ công và vũ nữ đang điều hành kia. Lúc nào vào được trong phòng cưới rồi, anh chớ nên quên phát tiền cho cả những người hầu đang đứng quanh cô dâu nữa, khi họ bước đến đón anh. Nhưng mỗi lần anh cho tay vào túi lấy tiền thì phải lấy ra cả vốc, không cần phải dè sẻn gì sất. Hãy làm đúng những điều ta vừa dặn với thái độ hết sức bình tĩnh, đừng hoảng, chớ có tỏ ra ngạc nhiên về bất cứ điều gì, chớ có sợ hãi bất kỳ ai, hãy tin là anh được thần linh phù hộ.

Anh chàng Bêrétđin Hátxan trẻ tuổi đã nắm chắc là sẽ phải làm những việc gì, tiến tới trước cổng nhà tắm. Việc đầu tiên là châm cây đuốc đang cầm vào cây đuốc cháy của tên nô lệ. Rồi trà trộn vào đám đông, làm như thể mình là một gia nhân của một vị đại thần nào đó, cùng cả đoàn người đi theo tên gù lúc ấy cũng vừa ở nhà tắm ra; y chễm chệ cười trên lưng một con ngựa lấy từ trại ngựa của chính nhà vua.

Bêrétđin Hátxan đi sát vào đoàn nhạc công, vũ công và vũ nữ đang điều hành tiếp ngay sau tên gù. Thỉnh thoảng anh lại cho tay vào túi lấy hàng vốc *xocanh* ra chia cho họ. Anh làm việc đó với một vẻ duyên dáng tuyệt vời nhưng thái độ thì vô cùng khiêm tốn. Người nào nhận được tiền cũng quay lại nhìn anh, và ai cũng thấy đây quả là một chàng trai dung mạo tuấn tú vô song, ai đã nhìn thấy anh thì cứ nhìn chăm chăm như không còn muốn quay mặt đi đâu nữa.

Cuối cùng đoàn người cũng đến được nhà quan thượng thư Sêmsétđin Môhamét, ông tuyệt nhiên không hề nghĩ là cậu cháu họ lúc này đang ở ngay bên cạnh mình như vậy. Để tránh lộn xộn, những người canh cổng ngăn những người cầm đuốc lại, chỉ cho phép các nhạc công vào nhà. Nhưng các nhạc công nói rằng nhất định họ không nhúc nhích nếu không cho Bêrétđin Hátxan cùng đi với họ. Họ bảo: “Vị này đâu có phải là gia nô, các anh cứ nhìn khắc rõ. Đây chắc hẳn là một vị du khách nước ngoài vừa mới đến, ông ta hiếu kỳ muốn xem trong thành phố ta tổ chức lễ thành hôn như thế nào đó thôi”. Vừa nói, họ vừa đẩy chàng vào giữa bọn rồi cùng vào trong nhà, mặc cho những người canh cổng phản đối. Họ lấy cây đuốc chàng đang cầm ở tay đưa cho một người nào đấy vừa gặp, dẫn chàng vào trong phòng làm lễ cưới rồi đưa chàng đến ngồi bên phải chú gù; lúc này chú đã sỗ sàng ngồi tót lên một chiếc ngai chạm trổ thật tinh xảo và sơn son thếp vàng, ngay bên cạnh

tiểu thư con gái quan thượng thư.

Nàng ăn mặc và trang điểm hết sức lộng lẫy nhưng nét mặt thì lộ rõ ưu phiền, đúng hơn là một nỗi đau sâu xa từ trong tâm khảm. Bất kỳ ai cũng chẳng khó khăn gì mà không nhận ra nguyên cớ nỗi buồn của nàng khi nhìn thấy một tuyệt thế giai nhân thế kia lại buộc phải đi lấy một ông chồng dị dạng dường này. Chiếc ngai mà cô dâu chú rể trông không khác gì đôi đũa lệch ấy đang ngồi, được đặt trên một bục cao. Hai bên, trên những hàng ghế kê thấp hơn, là phu nhân của các vị thượng thư, đại thần, võ tướng của triều đình cùng với nhiều bà mệnh phụ có vai vế trong thành phố, họ cứ theo phẩm trật trên dưới mà ngồi. Tất cả mọi người đều ăn mặc cực kỳ sang trọng, mỗi người cầm một ngọn nến trong tay.

Lúc Bêrétđin Hátxan vừa bước vào phòng, tất cả các bà đều quay lại nhìn. Trông thấy vóc dạc, dáng điệu cũng như vẻ mặt xinh trai của chàng, các bà cứ ngó chăm chăm không chán mắt. Khi chàng đã ngồi xuống ghế, các bà lần lượt đến bên chàng để nhìn cho rõ hơn, và không một bà nào khi trở về chỗ ngồi của mình mà không cảm thấy trong lòng một chút gì xáo động.

Sự tương phản giữa chàng Bêrétđin Hátxan khôi ngô với anh chàng coi ngựa lưng gù xấu xí đến kinh người, không khỏi gây nên nhiều tiếng xì xào trong cử tọa. Nhiều bà thốt lên: “Đúng ra là phải dành cô dâu xinh đẹp này cho chàng trai kia, chứ không phải cho tên gù xấu xí.” Không ngừng lại ở đấy, các bà còn dám ca cẩm về chuyện vua đã lạm dụng quyền lực tuyệt đối của mình mà đi đến buộc cái đẹp vào cái xấu thành một đôi cộc cạch như thế này. Các bà còn nguyên rủa tên gù làm cho hấn mất bình tĩnh, khiến tất cả những người có mặt tại buổi lễ đều lấy thế làm thích thú. Họ ồ lên lớn tiếng chế nhạo hấn đến nỗi làm gián đoạn bản nhạc đang tấu lên mừng buổi lễ. Cuối cùng rồi các nhạc công vẫn hòa tấu tiếp cho kết thúc bản nhạc dở dang; đây là lúc những người phụ nữ lo việc mặc áo cho cô dâu tiến đến gần nàng.

Theo phong tục, cô dâu phải thay đổi trang phục bảy lần. Cứ mỗi lần cô phải đứng lên bước tới đi lui trước mặt chàng rể, song nàng không buồn đưa mắt nhìn chú gù. Ngược lại nàng lại lượn lờ trước mặt Bêrétđin Hátxan để khoe với chàng bộ cánh mới của mình. Mỗi lần như vậy, nhớ lời dặn của thần linh, chàng lại thò tay vào túi lấy ra những vốc tiền vàng phân phát cho các bà theo hầu cô dâu. Không quên các nhạc công và vũ nữ, mỗi lần như vậy chàng lại vung tiền ra tặng cả cho những người này. Họ xô đẩy nhau, tranh nhau nhặt các đồng tiền vàng. Cảnh tượng ấy trông đến vui mắt. Mỗi lần nhặt được tiền họ lại quay về phía Bêrétđin ra hiệu cảm ơn, đồng thời cũng để bày tỏ với chàng là họ muốn chàng mới phải là chú rể chứ không phải là tên gù xấu xí kia. Các bà quây quần quanh cô dâu cũng đều nói như vậy mà chẳng chút quan tâm đến việc tên gù có nghe được hay không; hơn

nữa các bà còn tìm dịp chơi khăm hấn, khiến cho những người ngồi xem cũng không nhịn được cười.

Khi lễ thay trang phục kết thúc, các nhạc công ngừng tấu nhạc để ra về. Họ ra hiệu bảo Bê-rét-đin Hát-xan ở lại. Tiếp sau đội nhạc, các bà phù dâu cũng như tất cả những ai không phải là người trong nhà đều lần lượt ra về. Cô dâu vào phòng riêng thay áo, chỉ có các cô hầu theo vào để giúp việc. Trong phòng lớn lúc này chỉ còn lại chú coi ngựa gù lưng, Bê-rét-đin Hát-xan vì đã làm cho hấn bị lép vế, hấn nhìn chàng trừng trừng và nói:

- Còn anh kia, anh chờ đợi cái gì? Sao anh không ra về như những người khác? Hãy ra đi!

Bê-rét-đin Hát-xan cũng hơi bối rối bởi chẳng còn lý do gì để mà nán ná. Chàng đành bước ra. Nhưng chàng chưa tới hành lang thì thần linh và tiên nữ đã cùng xuất hiện:

- Anh đi đâu vậy? Cứ ở lại. Chú gù không còn ở trong phòng nữa, hấn ta vừa đi ra ngoài có việc riêng. Anh hãy trở vào phòng cưới rồi đi tiếp sang phòng cô dâu. Khi giáp mặt riêng nàng, anh hãy mạnh dạn nói rằng anh mới đúng là chồng nàng; vừa rồi chẳng qua là chuyện nhà vua muốn bày đặt ra để trêu chú gù cho vui đấy thôi. Để trả công cho chú gù ấy, anh đã sai soạn cho hấn một đĩa kem để hấn xoi trong chuồng ngựa của hấn rồi. Anh nghĩ ra được điều gì thì nói điều ấy, miễn làm sao cho nàng tin được thì thôi. Với bộ mã của anh, việc ấy chẳng có gì khó khăn đâu, cô nàng sẽ lấy làm thích thú. Trong thời gian ấy, hai chúng ta sẽ có cách giữ không cho chú gù vào với vợ anh; cô dâu ấy là vợ của anh, không phải là vợ của hấn đâu.

Đúng là trong khi thần linh và tiên nữ đang khích lệ Bê-rét-đin như vậy thì chú gù có việc đi ra ngoài thật. Thần linh bèn hóa thân thành một con mèo đen to tướng, xộc vào nơi chú gù đang đứng và bắt đầu gào lên một cách dữ tợn. Chú gù vỗ tay, quát đuổi con mèo đi nơi khác. Nhưng con vật không những không chịu đi, lại còn đứng thẳng chân lên rồi giương đôi mắt sáng rực như hai hòn lửa nhìn chằm chằm vào chú gù và càng gào to hơn nữa. Thân mình nó mỗi lúc một phình lên tới mức lớn gần bằng một con lừa con. Chú gù hoảng quá, định mở miệng kêu cứu, nhưng vì quá khiếp đảm, miệng thì mở to mà không sao thốt lên được một âm thanh nào. Thần linh còn làm già; con lừa con còn tiếp tục lớn thêm thành một con trâu mộng, và cất tiếng hét: “Thằng gù xấu xí kia!” Nghe tiếng quát, gù ta hãi quá ngã lăn ra đất. Hấn vội vàng túm vạt áo trùm lên che mặt để khỏi nhìn thấy con vật khủng khiếp, rồi vừa run cầm cập vừa nói lắp bắp:

- Trăm lạy nghìn lạy ngài trâu mộng, ngài dạy gì con ạ?

- Khốn nạn thân mày! – Thần linh đáp. – Sao mày to gan dám cưới người tình của tao làm vợ?

- Ôi, tâu lạy ngài trâu, xin ngài tha tội cho, bởi tôi ngu dốt nên mới phạm tội mà không biết. Tôi đâu có được biết bà ấy có người tình là ngài trâu mộng. Bây giờ ngài cần gì xin cứ dạy, tôi xin thực hiện mọi lệnh lệnh của ngài.

- Mày đáng chết! Ta bảo cho biết, nếu từ bây giờ cho đến khi mặt trời mọc mà mày dám bước ra khỏi nơi đây hoặc mày dám mở miệng nói một lời, ta sẽ đập tan cái sọ dừa của mày ngay tức khắc. Đến sáng mai ta sẽ cho mày ra khỏi nơi này nhưng không được quay đầu nhìn lại; và nếu mày dám cả gan tìm cách trở lại đây thì mày toi mạng.

Nói đến đây, thần linh lại hóa thân thành người.

Thần nắm lấy chân chú gù cầm ngược đầu xuống đất, bắt hấn tựa lưng vào tường trông cây chuối và dọa:

- Từ giờ cho đến khi mặt trời mọc mà mày dám nhúc nhích, thì như ta đã nói, ta sẽ nắm lấy chân mày và đập đầu mày vào tường cho vỡ tan ra!

Trở lại với Bêrétđin Hátxan. Được cả thần linh và tiên nữ khích lệ, chàng trở vào phòng lễ và chui tọt vào buồng tân hôn của cô dâu, ngồi yên đấy chờ. Lát sau, một bà già dẫn cô dâu đến. Nhưng chỉ tới cửa bà dừng lại, rồi cũng chẳng buồn nhìn bên trong xem có đúng là chú rể gù lưng vẹo ngực hay là một người nào khác, bà chúc chú rể làm tốt phận sự của mình, rồi đẩy cô dâu vào buồng, cứ thế khép cửa lui ra.

Cô tiểu thư cực kỳ kinh ngạc khi nhìn thấy không phải chú gù mà là chàng Bêrétđin Hátxan chính công trong dáng vẻ cực kỳ duyên dáng.

- Thế nào, anh bạn thân mến – cô dâu hỏi – đến giờ này mà anh vẫn còn ở đây ư? Hẳn anh là bạn thân của chồng tôi?

- Không thưa bà, vị thế của tôi đâu phải đặt ngang hàng với tên gù đáng tởm ấy.

- Nhưng bạn không thấy là bạn đang nói xấu chồng tôi sao?

- Tên gù ấy mà là chồng của bà ư, thưa bà? Sao bà cứ giữ mãi cái ý tưởng ấy? Thôi xin bà chớ có nhầm lẫn nữa! Sao lại có chuyện một tuyệt thế giai nhân thế này lại đánh bạn với một tên khốn nạn nhất trần gian thế ấy! chính tôi đây mới là con người có diễm hạnh được kết hôn với nàng. Chẳng qua là nhà vua muốn trêu phụ thân nàng cho nên mới bày ra chuyện này cho vui, kỳ thực Người đã chọn tôi để kết hôn với nàng. Hồi nãy nàng chẳng đã để ý thấy các bà mệnh phụ, các nhạc công, vũ nữ và ngay cả những người hầu gái của nàng nữa, đều lấy làm thích thú về tán trò ấy hay sao? chúng tôi đã đuổi thằng gù ấy về chuồng ngựa của hấn, giờ đây hấn đang húp cháo trong ấy. Nàng hãy tin rằng chẳng bao giờ hấn còn xuất hiện trước đôi mắt đẹp của nàng nữa!

Nghe nói vậy, nàng tiểu thư con gái thượng thư chốc lát trước đây vừa bước vào phòng tân hôn với cái mặt méo xệch bỗng trở nên tươi như hoa, làm cho nàng càng thêm xinh đẹp, Bêrétđin vừa nhìn thấy đã ngẩn ngơ.

- Quả thật em không hề chờ đợi một sự bất ngờ kỳ thú thế này. Ấy thế mà em tưởng số phận bắt em rồi phải đau khổ đến trọn đời. Nhưng hạnh phúc của em bây giờ càng to lớn hơn, bởi em được kết bạn cùng một người như chàng, một người xứng đáng với tình yêu của em.

Nói đến đây thì cô cũng vừa cởi xong y phục và lên giường nằm. Về phần mình Bêrétđin Hátxan vô cùng thú vị sắp được làm chủ một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần, vội cởi bỏ áo ngoài để cùng đi ngủ. Chàng vắt áo lên một chiếc ghế, bên trên túi tiền vàng vẫn còn đầy ắp do phép lạ của thần linh, mặc dù đã lấy bớt đi bao nhiêu vóc. Chàng bỏ khăn đội đầu ra để dùng chiếc mũ đội lúc ngủ mà người ta đã chuẩn bị sẵn cho chú rể.

Khi hai vợ chồng đã ngủ say, tiên nữ bảo thần linh hãy làm tiếp cái việc mà hai vị đã cùng nhau sắp đặt lúc đầu hôm: “chúng ta chớ để cho người ta bắt gặp, bạn hãy mang anh chàng đi cho thật nhẹ nhàng, chớ làm anh ta tỉnh giấc.”

Thần linh vào phòng cô dâu chú rể, lúc này hai người đang ngủ say như chết, nhắc bổng Bêrétđin Hátxan vẫn đang áo lót quần đùi, rồi bay vút lên không trung đưa chàng đến tận kinh thành Đamát nước Xyri. Họ đến nơi đúng vào giờ các vị trưởng giáo lớn tiếng rao nhắc nhân dân cầu kinh buổi sáng. Thần linh nhẹ nhàng đặt Bêrétđin xuống ngay cạnh cổng thành, rồi cùng tiên nữ biến đi.

Đến sáng, cổng thành mở. Lúc ấy có rất đông người đang chờ đến giờ mở cổng để ra ngoài thành phố, mọi người ai cũng ngạc nhiên nhìn thấy một chàng trai quần đùi áo lót đang nằm dài ra đất ngủ say sưa. Ai đó nói:

- Anh chàng vội ra khỏi nhà tình nhân đến nỗi không kịp mặc quần áo.

Một người khác lại bảo:

- Đây các bạn xem, con người ta dễ gặp bất trắc là thế đấy. Có thể anh chàng này thức khuya để uống rượu với bạn bè. Chắc là có quá chén cho nên khi có việc cần đi ra ngoài, cu cậu không tìm được lối vào nữa, rồi lần được tới đây thì buồn ngủ quá nên lăn ra đất mà ngủ.

Mỗi người nói mỗi cách, chẳng ai rõ thực hư thế nào.

Vừa lúc ấy một làn gió nhẹ thổi làm tung vạt áo lót của Bêrétđin, để lộ mảng ngực trắng đẹp đến nỗi nhiều người phải thốt lên thán phục. Tiếng người trò chuyện làm Bêrétđin Hátxan tỉnh giấc. Chàng cực kỳ ngạc nhiên thấy mình đang nằm ở chân một cổng thành xa lạ suốt đời chưa hề đặt chân tới bao giờ, chung quanh có bao nhiêu là người xúm xít nhìn và trầm trồ.

Chàng nói:

- Thưa quý ngài, xin quý ngài cho tôi biết tôi đang ở đâu đây, và quý ngài cần gì ở tôi?

Một người trong đám đông cất lời đáp:

- Chàng trai trẻ à, cổng thành vừa mở, chúng tôi đi ra và nhìn thấy anh nằm ở đây, ăn mặc như thế đây cho nên dừng lại ngó. Anh đã ngủ qua đêm ở đây sao? Vậy ra anh không biết chỗ này là một trong các cổng chính của kinh thành Đamát?

- Ở cổng thành Đamát? Bác không trêu tôi đấy chứ? Đêm hôm qua tôi ngủ ở Cairô cơ mà!

Nghe vậy, một vài người tỏ ý thương hại, tiếc cho một chàng trai trẻ thế này mà mất trí. Họ bỏ đi.

Một cụ già bảo Bêrétđin Hátxan:

- Con ơi, con nói năng chẳng có suy nghĩ gì sất. Nếu sáng nay con đang có mặt ở Đamát thì làm gì có chuyện đêm hôm qua con đi ngủ ở Cairô được. Không thể có chuyện ấy.

Cụ già nói xong, tất cả mọi người đều phá lên cười: “Đây là một thằng điên! Đây là một thằng điên!”

Tuy nhiên cũng có người thương hại vì thấy chàng còn trẻ quá. Một người nói:

- Con à, hẳn là con đang trí mất rồi cho nên chưa kịp suy nghĩ điều con vừa nói. Làm sao một con người có thể ban ngày ở Banxôra, tối lên giường ngủ tại Cairô và sáng mai thức dậy tại Đamát? Có lẽ con còn ngái ngủ, hãy tỉnh dậy đi!

- Điều tôi vừa nói ra, sự thật đúng là như thế. Đúng là tối hôm qua tôi làm lễ cưới vợ tại Cairô mà.

Những người lúc nãy phá ra cười nay còn cười lớn hơn. Còn cụ già thì bảo:

- Chắc con nằm mơ, và bây giờ nhớ lại giấc mơ ấy. Chàng Bêrétđin thì cứ một mực:

- Tôi biết rõ tôi đang nói những gì. Làm sao tôi có thể mơ được? Tối hôm qua người ta còn dẫn vợ chưa cưới của tôi đến, tôi đã chứng kiến lễ bầy lần thay trang phục của nàng, và tôi còn nhìn thấy một tên gù kinh tởm mà người ta muốn bắt nàng lấy làm chồng nữa! Xin các ngài vui lòng cho tôi biết chiếc áo ngoài cũng như cái khăn đội đầu cùng với túi tiền của tôi ở đâu mất rồi?

Mặc cho chàng quả quyết những điều vừa nói ra kia là sự thật, mọi người nghe chỉ có cười, đến nỗi chàng cũng đâm ra bối rối không biết việc gì xảy ra. Cuối cùng chàng đứng dậy đi vào thành phố, nhiều người đi theo và kêu to: “Một thằng điên! Một thằng điên!” Nghe vậy, nhiều người trong phố thò đầu ra cửa sổ, những người khác mở cửa ra nhìn, cũng có một số đi theo đám đông và cùng với họ hét tướng lên: “Một thằng điên! Một thằng điên!”, mà cũng chẳng biết thực hư thế nào.

Chàng trai trẻ quá bối rối, nhân vừa đến trước cửa một người làm bánh ngọt vừa mở cửa hiệu, chàng chạy tạt vào trong nhà nấp để tránh những tiếng hò la của đám đông.

Người chủ hiệu bánh ngọt ấy xưa kia vốn là đầu lĩnh một toán cướp chuyên đi chặn đường các đoàn lữ hành để cướp tài sản. Mặc dù từ khi đến định cư ở Đamát, không ai có thể phàn nàn về ông bất cứ việc gì nhưng ai biết rõ quá khứ ông đều nể sợ. Bởi vậy chỉ cần ông nhìn trừng trừng vào đám đông thì mọi người liền đi hết. Còn lại mình Bêrétđin, ông hỏi chàng là ai và có việc gì đến Đamát. Bêrétđin Hátxan thuật lại hết, không giấu giếm một điều gì, từ dòng dõi của mình, cái chết của người cha, chuyện chàng ra khỏi Banxôra ra làm sao, cho đến chuyện tối hôm trước chàng đến cầu kinh rồi ngủ thiếp đi bên nhà mộ của cha, thế mà khi tỉnh dậy lại thấy mình đang ở Cairô và đang cưới vợ ở đấy. Cuối cùng chàng hết sức kinh ngạc thấy sáng nay mình lại đang ở Đamát – quả thật mọi sự như mớ bòng bong, chàng chẳng hiểu ra làm sao cả.

Người chủ hiệu bánh ngọt bảo:

- Chuyện của anh thật kỳ lạ, nhưng anh hãy nghe lời ta khuyên, chớ có kể lại với bất kỳ ai những chuyện ấy. Anh hãy chờ cho đến khi trời đoái thương nhìn lại và cất bớt cho anh những nỗi ưu phiền. Trong khi chờ đợi, anh có thể ở lại đây với ta. Ta không có con, nếu anh đồng ý ta sẽ nhận anh là con trai ta. Khi đã được ta nhận làm con nuôi rồi, anh có thể đi lại tự do trong thành phố này mà không còn phải sợ những lời trêu chọc của bọn ăn không ngồi rồi nữa.

Thật ra nhận làm con nuôi một người làm bánh ngọt thì cũng chẳng vinh dự mấy cho con trai một vị thượng thư, nhưng trong nước bí này, Bêrétđin thấy đây là một dịp may chứ chẳng còn phương sách nào khác. Người chủ hiệu bánh ngọt lấy áo quần cho chàng mặc, mời mấy người làm chứng rồi đưa chàng đến pháp quan, tuyên bố chàng là con nuôi của ông. Từ đó, Bêrétđin ở lại trong nhà ông ông dưới cái tên đơn giản là Hátxan, và bắt đầu học nghề làm bánh ngọt.

Trong khi những chuyện trên diễn ra ở Đamát, thì ở Cairô, tiểu thư con gái thượng thư Sêmsêđin Môhamét tỉnh giấc sau đêm tân hôn. Không thấy

Bêrêđđin nằm bên cạnh, nàng tưởng chàng đi ra ngoài có việc riêng mà không muốn làm kinh động giấc ngủ của nàng, và chắc chàng sẽ trở lại đây ngay. Nàng vẫn đang chờ chồng thì vừa lúc ấy thượng thư Sêmsêđđin Môhamét đến gõ cửa.

Ông già vô cùng tủi nhục vì bị nhà vua chơi khăm một vố quá đau, định đến đây thở than cùng con gái. Nghe tiếng ông gọi nàng vội vàng ra mở cửa. Nàng cúi hôn tay cha với dáng vẻ cực kỳ hài lòng, làm cho ông già hết sức ngạc nhiên. Ông đang chờ đợi con gái trong tình trạng khóc than hoặc ít ra cũng âu sầu như ông. Ông nổi nóng:

- Con khôn nạn, mặt mũi mày như thế kia ư? Sau cái chuyện động trời ấy, mà mày có thể giương giương bộ mặt thỏa mãn thế sao?

Thấy cha nổi giận trước thái độ vui vẻ của mình, tiểu thư vội nói:

- Thưa cha, xin cha chớ vội mắng con tội nghiệp. Không phải con phải kết hôn với thằng gù mà con ghét cay ghét đắng ấy đâu. Mọi người trêu chọc làm cho nó quá lúng túng bỏ chạy mất rồi, nhường cho một chàng trai trẻ, chàng ấy mới đúng là chồng của con.

- Mày hót lên chuyện gì thế, hử? Thế đêm hôm qua cái thằng gù ấy chẳng ngủ với mày sao?

- Không thưa cha, con chẳng ngủ với ai khác chàng trai mà con nói với cha, một chàng trai có đôi mắt to với hàng lông mi đen nhánh.

Nghe đến đây, vị thượng thư không đủ kiên nhẫn nữa và càng điên tiết:

- Con độc ác kia, mày muốn cho ta đến mất trí vì những câu chuyện vớ vẩn của mày hay sao?

- Không, thưa cha, chính cha đang làm cho con đến mất trí vì cha không chịu tin lời con.

- Thế có thật là thằng gù...

- Xin cha để mặc xác thằng gù, thằng gù khôn khổ khôn nạn! – Nàng ngắt lời cha. – Sao cứ bắt con nghe mãi chuyện thằng gù? Con xin thưa lại một lần nữa rằng, thưa cha, đêm hôm qua con không ngủ với thằng gù mà ăn ở với ông chồng xinh đẹp mà con vừa nói với cha, chắc chàng cũng đang ở quanh đây đây thôi.

Sêmsêđđin Môhamét bước ra ngoài định tìm chàng rể nhưng ông cực kỳ kinh ngạc bắt gặp thằng gù đang trồng cây chuối, hai chân giương thẳng lên trời, vẫn đứng như trong tư thế mà thần linh đặt hẳn xuống tối hôm qua. Ông hỏi:

- Có việc gì thế? Ai bắt mày phải đứng kỳ cục thế này? Tên gù nhận ra thượng thư liền đáp:

- A, chính là ngài thượng thư đây, ngài bắt tôi phải cưới tình nhân của một con trâu mộng, nhân tình nhân ngài của một hung thần? Tôi chả dại gì mà mắc lừa ngài lần nữa đâu!

Sêmsétđin Môhamét cho là anh chàng này nói quá khó nghe, ông bảo hắn ta đứng lại đằng hoàng đi. Tên gù đáp:

- Tôi chẳng dám, trừ phi mà mặt trời đã mọc rồi. Tôi xin ông biết rằng tôi hôm qua tôi vừa ra đến đây thì hiện lên một con mèo đen, nó cứ lớn tướng lên mãi thành một con trâu mộng. Tôi chưa quên những lời nó dặn. Bởi vậy xin ông cứ đi làm công việc của ông, để mặc xác tôi ở đây.

Vị thượng thư không đi mà túm lấy cẳng chân tên gù, dựng hắn đứng thẳng người. Đứng lên được trên đôi chân rồi, tên gù ba chân bốn cẳng chạy mất tăm, không dám quay đầu nhìn lại.

Hắn đến thẳng hoàng cung, xin ra mắt nhà vua và thuật lại cho quốc vương Ai Cập nghe mình đã bị hung thần đối xử tệ hại như thế nào. Quốc vương rất lấy làm thích thú khi nghe chuyện.

Sêmsétđin Môhamét trở lại phòng con gái, vừa ngạc nhiên vừa phân vân hết sức.

- Này con gái, con có thể kể đầy đủ chi tiết cho cha nghe rõ đầu đuôi câu chuyện đang làm cho cha rối tung rối bời.

- Thưa cha, con không có gì để kể nhiều hơn những điều con vừa trình cha lúc nãy. Nhưng mà, cha hãy nhìn kia, áo khăn của chồng con đang còn vắt ở chiếc ghế kia, cha hẳn sáng tỏ.

Vừa nói nàng vừa cầm áo và chiếc khăn đưa thượng thư. Ông đỡ lấy, ngẫm nghĩ cẩn thận: “Cái khăn này, nếu hiện nay không phải là thứ thời thượng ở Mút-xun thì ta đã cho phải là khăn đội đầu của một vị thượng thư nào đó.” Chợt nhận ra ở giữa lần vải lót khăn một vật gì cứng cứng, ông lấy kéo tháo chỉ và rút ra tập giấy. Đây là cuốn sổ tay mà lúc lâm chung Nu-arétđin Ali đã đưa cho con trai, chàng giấu vào khăn đội đầu cho dễ cất giữ.

Mở cuốn sổ, Sêmsétđin Môhamét nhận ra nét bút của em trai, với dòng chữ đề: *Dành cho con trai Bê-rétđin Hát-xan*. Trước khi ông kịp suy nghĩ gì thêm thì tiểu thư đã đưa tiếp cho ông túi tiền mà cô thấy để dưới áo. Mở ra ông thấy đầy ắp những đồng *xocanh* vàng (mặc dù Bê-rétđin Hát-xan đã rất hào phóng tặng thưởng cho mọi người, nhưng nhờ có phép của thần linh và tiên nữ, cái túi lúc nào cũng đầy ắp). Trên túi có đề: “Túi đựng một nghìn đồng *xocanh* của ông Do Thái tên là Isắc”. Lại còn có tấm biên lai mà người Do Thái đã viết để giao cho Bê-rétđin Hát-xan trước khi chia tay chàng:

Túi tiền này giao cho ông Bê-rétđin Hát-xan để trả tiền mua số hàng chở

trên chiếc tàu sẽ cập bến cảng đầu tiên trong đoàn tàu của ngài Nuarétđin AU, thân sinh vừa quá cố của ông Bêrétđin Hátxan.

Đọc xong mấy dòng chữ ấy, Sêmsétđin Môhamét ngã xuống bất tỉnh. Cô con gái và những người hầu vội vàng xúm đến cứu giúp. Khi tỉnh dậy ông nói với con gái:

- Con ơi, con chớ lấy làm lạ tại sao sau khi đọc xong mấy dòng chữ ấy, cha lại xúc động đến nỗi ngất đi. Nguyên nhân lạ lắm, chắc là con khó tin. Người chồng đã ăn nằm với con chính là anh họ của con, con trai của Nuarétđin Ali. Một nghìn đồng *xocanh* trong túi này gọi cha nhớ đến câu chuyện cãi cộ giữa hai anh em cha trước đây, nó chính là món quà ngày cưới của chồng con tặng con đây. Tạ ơn Thượng đế, qua việc này chúng ta đủ thấy quyền lực vạn năng của Người!

Ông đọc đi đọc lại mảnh giấy, hôn nét chữ của Nuarétđin Ali nhiều lần, lần nào cũng không cầm được nước mắt: “Ta không thể nhìn nét bút này mà không ám áp trong lòng. Đây chính là Nuarétđin em trai ta thân về làm lành với ta đây.”

Ông đọc cuốn sổ tay từ đầu đến cuối. Trong đó ghi rõ ngày người em trai đến Banxôra, lễ cưới của chàng, ngày sinh của Bêrétđin Hátxan. Sau khi đối chiếu những ngày tháng ấy với ngày ông lấy vợ và ngày sinh con gái thấy trùng khớp với nhau, ông cực kỳ thán phục. Nhất là khi nghĩ chàng rể của ông chính là con trai Nuarétđin Ali, ông không thể nào nén được mừng vui. Ông vội cầm cuốn sổ và cái biên lai đến trình với hoàng đế, nhà vua sẵn sàng quên hết nỗi bất bình đối với ông. Nghe thuật lại đầu đuôi câu chuyện, vua cũng lấy làm thú vị quá, thành ra truyền cho ghi chép lại đầy đủ mọi chi tiết để lưu truyền hậu thế.

Tuy nhiên có một điều Sêmsétđin Môhamét không sao hiểu nổi là vì đâu chàng rể biến mất. Lúc nào ông cũng hy vọng chàng trở về để được ôm hôn. Ông cho người dò la, tìm kiếm khắp thành phố Cairô suốt bảy ngày liền mà vẫn không tìm ra tăm hơi. Ông đâm ra lo lắng: “Câu chuyện lạ kỳ thật, từ xưa tới nay chưa bao giờ có ai gặp một chuyện tương tự thế này.”

Trong nỗi băn khoăn chưa hiểu rồi đây có việc gì nữa sẽ xảy ra, ông cảm thấy mình có bổn phận phải ghi chép lại bằng văn bản tình trạng ngôi nhà của ông lúc này, lại mô tả đám cưới cô dâu diễn ra như thế nào, phòng cưới cũng như buồng riêng của cô dâu được trang hoàng bày biện ra sao. Ông cũng gói chiếc khăn đội đầu cùng với túi tiền và cái áo ngoài của Bêrétđin Hátxan để lại cho vào hòm khóa chặt.

Ít lâu sau, cô con gái cho biết là đã thụ thai. Và quả vậy, chín tháng sau nàng cho ra đời một cháu trai kháu khỉnh. Người ta thuê cho cháu một vú em cùng với bao nhiêu người hầu kẻ hạ khác. Chú được ông ngoại đặt tên là

Agíp (có nghĩa là diệu kỳ).

Đến khi chú Agíp lên bảy, thượng thư Sêmsétđin Môhamét thôi không mời gia sư nữa, mà gửi chú đến theo học một ông thầy rất nổi tiếng trong khu phố. Hai người nô lệ được giao trách nhiệm hằng ngày đưa chú bé đến lớp và đón trở về nhà. Chú chơi với bạn bè cùng lứa tuổi. Nhưng vì địa vị của gia đình chú cao hơn hẳn gia đình các học sinh kia, bọn này thỏa thuận với nhau là không nên mách thầy giáo. Thành ra nhiều lỗi của Agíp được bỏ qua, trong khi vào trường học tương tự thì các bạn khác đã bị thầy xử phạt nghiêm khắc. Sự chiều chuộng mù quáng ấy làm hỏng cậu bé. Chú trở lên kiêu ngạo, hỗn láo, lúc nào chú cũng muốn bạn bè chịu đựng mình, còn mình thì không bao giờ chịu đựng tí gì vì bạn bè. Bất kỳ ở đâu chú cũng muốn mình nổi trội lên; giả sử có bạn nào cả gan không nghe theo chú thì chú chửi mắng bạn đủ điều, thậm chí đánh đập bạn nữa. Chú làm tội làm tình cả lớp đến nỗi các bạn không chịu đựng nổi nữa, cuối cùng phải cùng nhau trình với thầy giáo. Lúc đầu thầy khuyên các cháu hãy kiên nhẫn. Nhưng thấy xử sự như vậy chỉ tổ làm cho Agíp hỗn láo thêm, mà bản thân thầy cũng đã quá mệt mỏi những chuyện chú gây nên rồi, thầy liền bảo cả lớp:

- Các con ạ, thầy thấy đúng Agíp là một cậu bé hỗn láo, thầy muốn bày cho các con một cách khiến cho nó buồn tủi rồi không dám bắt nạt các con nữa. Thầy còn tin là nó không dám đến lớp học nữa là khác. Ngày mai, khi nó đến học và các con muốn chơi chung với nhau, các con hãy xếp hàng vòng quanh nó và một con nào đó hãy nói to như sau: “Chúng ta đồng ý chơi chung với nhau nhưng với một điều kiện là người nào tham dự cuộc chơi này cũng phải nói rõ tên mình và tên bố mẹ mình. Người nào không nói ra được đầy đủ như vậy thì chúng ta sẽ coi người ấy là con hoang, và đã là con hoang thì không thể chơi chung với chúng ta.”

Nghe thầy giáo dạy như vậy, cả lớp cùng vui vẻ ra về.

Sáng hôm sau, khi cả lớp tề tựu đông đủ, các học sinh không quên làm điều thầy giáo bày cho hôm qua. Chúng dàn thành vòng tròn, cho Agíp vào giữa, rồi một bạn nói: “Chúng ta hãy cùng nhau chơi đi, nhưng với một điều kiện là bạn nào không nói rõ tên mình, tên mẹ và tên cha mình thì không được phép chơi.” Tất cả đều đồng ý, cả Agíp. Thế là cậu bé dẫn trò lần lượt hỏi từng bạn một. Bạn nào cũng trả lời đầy đủ, rõ ràng. Đến lượt Agíp, chú nói: “Tôi tên là Agíp, mẹ tôi là tiểu thư Người Đẹp còn cha tôi là Sêmsétđin Môhamét, thượng thư của triều đình.”

Nghe vậy cả bọn trẻ con cùng kêu lên:

- Này Agíp, cậu nói gì lạ vậy? Đây không phải là tên của cha cậu, đây là tên ông ngoại cậu.

- Trời bắt tội cả bọn chúng mày! Chúng mày cả gan bảo thượng thư Sêmsétđin Môhamét không phải là cha đẻ của ta sao?

Cả lớp đều phá ra cười:

- Không phải đâu, không phải đâu, ông ta chỉ là ông ngoại cậu, cậu không được phép cùng chơi với bọn mình. Bọn mình cũng chẳng muốn đến gần cậu nữa đâu.

Nói xong, cả bọn kéo nhau đi, vừa đi vừa cười nhạo Agíp. Chú này tủi thân đến bật khóc.

Thầy giáo vừa chăm chú theo dõi tất cả chuyện vừa xảy ra, đến đây thì bước vào nói với Agíp:

- Hóa ra cho đến nay con vẫn chưa biết thượng thư Sêmsétđin Môhamét không phải là cha đẻ của con? Ngài là ông ngoại con, là thân sinh ra mẹ con, tiểu thư Người Đẹp. Tất cả chúng ta cũng như con, không ai biết tên cha đẻ của con. Chúng ta chỉ biết chuyện nhà vua bắt mẹ con phải lấy một thằng gù lưng làm nghề chăn ngựa của Người, nhưng mẹ con lại ngủ với một vị thần linh nào đó rồi sinh ra con. Bởi vậy con không nên đối xử với bạn bè cao ngạo như con đã làm từ trước tới nay.

Phật lòng bởi sự chế nhạo của bạn bè, Agíp dùng dùng bỏ học ra về, vừa đi vừa khóc. Trước hết chú vào phòng riêng của mẹ. Giật mình thấy con buồn bã như vậy, tiểu thư Người Đẹp vội vàng hỏi han căn nguyên, chú bé càng khóc già. Chờ cho mẹ gắng hỏi nhiều lần, chú mới mở miệng:

- Mẹ ơi, nhân danh Thượng đế, xin mẹ hãy nói cho con rõ cha con là ai?

- Cha con là thượng thư Sêmsétđin Môhamét, ngày nào cũng đến hôn con đó thôi.

- Ừ, mẹ không nói đúng sự thật, đấy không phải là cha của con mà là cha của mẹ. Con là con của cha nào?

Nghe con nói như vậy, tiểu thư Người Đẹp nghĩ đến ngày cưới, tiếp đó là cảnh góa bụa lâu ngày, buồn rơi nước mắt. Bà càng tiếc thương một người chồng đáng yêu như Bêrétđin Hátxan.

Trong khi hai mẹ con đang khóc như vậy thì thượng thư Sêmsétđin Môhamét bước vào. Thấy cảnh ấy, ông hỏi vì sao hai mẹ con cùng khóc. Tiểu thư thuật lại chuyện cậu con trai Agíp bị bạn bè chế nhạo ở lớp học như thế nào. Tin ấy làm cho ông hơi choáng váng, hóa ra từ trước tới nay vẫn có lời bàn tán về danh dự gia đình ông. Bị giày vò bởi ý nghĩ ấy, ông đến cung vua, phủ phục xuống đất và khúm núm xin vua cho phép được làm một chuyến đi về phía đông, đặc biệt là đến thành phố Banxôra để tìm một người cháu họ tên là Bêrétđin Hátxan. Ông nói ông không thể nào chịu đựng lâu

hơn nữa lời bàn tán rằng tiểu thư Người Đẹp con gái ông đã ăn nằm với ma quỷ mà đẻ con.

Nhà vua thông cảm với nỗi phiền muộn của Sêmsétđin Môhamét. Vua đồng ý cho ông đi tìm con rể. Hơn thế, vua còn cho ông mang theo một bức thư của vua lời lẽ khiêm tốn giới thiệu thượng thư của mình và yêu cầu các vị vương hầu những nơi Sêmsétđin Môhamét sẽ đến, trong trường hợp ông tìm được Bêrétđin thì xin vui lòng đưa giúp chàng về Cairô.

Sêmsétđin Môhamét không tìm được lời lẽ xứng đáng để cảm tạ tấm lòng tốt của nhà vua. Ông chỉ biết tuôn nước mắt vái lạy vua xin phép ra về. Vua chúc ông được mọi sự tốt lành.

Về đến nhà, thượng thư nghĩ ngay tới chuyện sửa soạn lên đường. Công việc chuẩn bị được tiến hành khẩn trương, chỉ sau bốn ngày là cả nhà khởi hành. Cùng đi với thượng thư có con gái – tiểu thư Người Đẹp và đứa cháu ngoại Agíp.

Họ đi suốt mười chín ngày liền không dừng lại bất kỳ chỗ nào. Đến ngày thứ hai mươi, họ đến một bãi cỏ rộng và đẹp không mấy xa công thành Đamát. Thượng thư cho đoàn dừng chân, lập trại bên bờ một con sông chảy qua thành phố, làm cho phong cảnh nơi đây càng thêm tuyệt vời.

Thượng thư Sêmsétđin Môhamét nói ông muốn lưu lại đây nghỉ hai ngày, đến ngày thứ ba sẽ tiếp tục lên đường. Trong thời gian nghỉ ngơi, cho phép người nhà được vào thành Đamát chơi. Tất cả đoàn tùy tùng ai cũng muốn được vào thành, người thì muốn xem tận mắt một thành phố được ngưỡng vọng vì từng nghe nói tới với bao lời tốt đẹp, người thì muốn được vào thành để tranh thủ bán những hàng hóa mà họ mang theo từ Cairô và mua vài lụa cũng như những hàng hóa quý hiếm của xứ này. Tiểu thư Người Đẹp muốn cho con trai cũng được đi dạo chơi trong thành phố trứ danh, liền giao cho viên hoạn nô là người trông nom cậu bé dẫn vào thành phố, và dặn phải hết sức chú ý đến cậu, chớ có để xảy ra việc gì không hay.

Cậu bé Agíp được đánh bộ áo quần thật đẹp, đi theo viên hoạn nô, người này thủ trong tay một cái gậy to tướng. Hai người vừa vào trong phố thì nhiều người xúm lại ngắm nghía cậu bé, vì ai cũng thấy cậu xinh thật là xinh. Có những người thò đầu ra cửa sổ, cũng có những người mở cổng ra khỏi nhà để được ngắm cậu bé cho gần. Những người gặp trên đường phố không chỉ đứng lại nhìn cậu mà còn đi theo một đoạn để ngắm nghía cho thỏa thích. Ai ai cũng ca ngợi chú bé, ai ai cũng ngỏ lời mừng cho gia đình nào sinh ra được cậu con trai khôi ngô như vậy.

Viên hoạn nô và chú bé tình cờ đi đến hiệu bánh ngọt thì nhiều người xúm xít quá, buộc họ phải dừng lại. Người chủ hiệu bánh nhận Bêrétđin Hátxan làm con nuôi, coi là người thừa kế của hiệu cũng như mọi tài sản khác của

ông. Như vậy là Bêrétđin đã trở thành chủ hiệu. Chàng làm cái nghề làm bánh ngọt hết sức khéo léo, cả kinh thành Đamát này hầu như không ai không biết tiếng hiệu bánh ngọt của chàng. Thấy mọi người đang xúm xít ngắm nghía chú bé, chàng cũng đưa mắt nhìn. Vừa trông thấy Agíp, tự nhiên không hiểu sao trong lòng chàng cảm thấy lay động. Dĩ nhiên chàng cũng như mọi người khác đều ngẩn ngơ trước vẻ đẹp của cậu bé, nhưng sự bối rối cũng như nỗi xúc động của chàng còn vì nguyên nhân khác, ấy là mãnh lực của dòng máu. Rồi bỏ công việc đang làm, chàng đến gần và ân cần nói với Agíp:

- Cậu công tử nhỏ ơi, sao mà tôi thấy quý cậu thế! Mời cậu vui lòng ghé vào trong cửa hiệu, nếm thử một thức gì tự tay tôi làm ra, để cho tôi còn được ngắm nghía cậu thỏa thuê hơn một chút.

Chàng nói một cách dịu dàng và đầy xúc động nghe tưởng như chàng đang rung rung nước mắt. Cậu bé Agíp cũng động lòng. Cậu nói với viên hoạn nô:

- Ông chủ này có khuôn mặt nhìn thích quá, và giọng nói ông thì mới dịu dàng làm sao! Tôi muốn vào trong hiệu, chúng ta cùng ăn thử bánh ngọt ông làm xem sao.

Viên hoạn nô nói:

- Đến chuyện ấy nữa ư? Ai lại con trai một vị thượng thư như cậu lại vào ăn quà trong hiệu bánh ngọt bao giờ? Làm sao tôi có thể đồng ý với cậu!

Bêrétđin Hátxan nghe vậy liền thốt lên:

- Ôi, cậu công tử nhỏ bé của tôi! Sao người ta lại nỡ giao con cho một con người đồi xữ khắt khe với cậu như vậy để trông nom cậu bao giờ?

Rồi quay lại viên hoạn nô, chàng van vãn:

- Nay ông bạn thân mến ơi, xin bạn chớ khước từ không cho phép công tử được vào trong hiệu theo lời mời của tôi. Xin bạn chớ làm cho cậu ấy không vui. Bạn hãy làm ơn cùng cậu bước vào trong hiệu tôi, qua việc đó tôi càng thấy rõ tuy da ông bạn có hơi đen một chút nhưng lòng dạ bạn thì trắng tựa bạc ròng. Ông bạn hãy biết là tôi nắm được bí quyết làm cho da con người từ đen hóa trắng cơ đấy.

Viên hoạn nô cười, hỏi ngay bí quyết ấy là như thế nào.

- Tôi sẽ nói cho bạn rõ ngay. – Bêrétđin đáp.

Thế là chàng đọc luôn mấy vần thơ ca ngợi những hoạn nô da đen, nói rằng chính nhờ có họ cho nên danh dự các bậc vua chúa mới giữ được vẹn toàn. Viên hoạn nô khoái chí vì mấy vần thơ, liền đồng ý cho Agíp vào trong hiệu và y cũng bước vào theo. Bêrétđin Hátxan hết sức hài lòng bởi lời mời

của mình được chấp nhận, làm tiếp công việc bỏ dở.

- Tôi đang dở tay mẻ bánh nướng nhân kem, thế nào cũng mời cậu và bạn nếm thử món bánh tôi làm. – Chàng vừa làm vừa nói. – Tôi quả quyết là rồi hai người sẽ thấy tuyệt vời bởi vì tôi làm bánh khéo lắm. Chẳng là ngày xưa bà thân mẫu tôi là bậc nội trợ giỏi nhất về món này đã dạy cho tôi cách làm.

Nói dứt lời, chàng lôi một mẻ bánh từ trong lò ra, rắc thêm hạt lựu và đường lên trên rồi mang đến mời Agíp và viên hoạn nô. Hai người ăn, ai cũng nắc nỏm khen ngon.

Trong khi đó, Bêrétđin Hátxan chăm chú nhìn Agíp. Thấy chú bé có những nét hao hao giống người vợ yêu quý mà chàng đã phải cách xa một cách thật tàn nhẫn, chàng xúc động khiến vài giọt nước mắt lăn trên má. Chàng định chờ chú bé ăn xong thì hỏi chú về mục đích chuyến đi của gia đình cậu đến Đamát, nhưng chưa kịp thì viên hoạn nô đã sốt ruột kéo chú ra đường ép chú trở về trại. Bêrétđin không chỉ bằng lòng đứng ngó, chàng nhanh chóng đóng cửa hiệu và đi theo. Chú bé và viên hoạn nô chưa tới cổng thành, chàng đã theo kịp. Viên hoạn nô rất ngạc nhiên thấy chàng lẽo đẽo theo sau. Y nổi nóng:

- Anh chàng này đến là khó chịu. Anh cần gì?

- Ông bạn thân mến ơi, – Bêrétđin nói – xin bạn chớ phật lòng. Tôi sợ có chút việc cần phải ra ngoài thành phố.

Câu nói không làm viên hoạn nô yên tâm, y quay ra cự nự với Agíp:

- Tôi chẳng đã bảo mà. Cậu gây ra chuyện này đấy. Rồi tôi sẽ ân hận vì quá dễ dãi. Sao lúc này tôi lại không đủ khôn ngoan để ngăn không cho cậu vào trong cửa hiệu của anh ta nhỉ?

- Có thể là anh ta có việc phải ra ngoài thành phố thật. – Agíp nói. – Đường cái quan thì ai mà chẳng được phép đi.

Hai người dắt tay nhau tiếp tục đi không ngoái đầu nhìn lại. Khi đến gần lều trại của thượng thư, họ quay lại nhìn xem Bêrétđin Hátxan có còn theo sau hay không. Quay lại thấy Bêrétđin vẫn theo bèn gót, mà lúc này đã sắp về tới nhà, Agíp chợt tái mặt đi rồi đỏ mặt lên, trong lòng rất lo lắng. Cậu sợ ông ngoại biết việc cậu vào ăn bánh ngọt trong hiệu. Cậu liền cúi nhặt một hòn đá dưới chân ném vào người Bêrétđin Hátxan rồi co giò cùng viên hoạn nô chạy thật nhanh vào trong lều. Hòn đá ném trúng trán Bêrétđin làm máu chảy ròng ròng xuống mặt. Thấy vậy, viên hoạn nô còn kịp quay lại bảo chàng chớ có phản nản về việc này, mọi sự chẳng qua tại chàng gây nên mà thôi.

Bêrétđin quay trở vào thành phố, tay túm vạt tạp dề mà chàng đã không kịp cởi lúc ra khỏi cửa hiệu, giữ chặt vết thương cho cầm máu. chàng tự bảo: “Ta đã sai lầm khi bỏ cửa hiệu mà đi theo chú bé này. Chú xử sự với ta như vậy hẳn là do chú nghĩ ta có âm mưu muốn ám hại chú chăng.” Về đến nhà, chàng nhờ băng bó vết thương và tự an ủi rằng trên đời này còn cơ man là người gặp những điều bất hạnh khôn khổ hơn mình nhiều.

Bêrétđin tiếp tục làm nghề làm bánh ngọt tại Đamát trong khi bác chàng, thượng thư Sêmsétđin Môhamét tiếp tục lên đường sau hai ngày nghỉ. Ông từ thành phố này tiếp tục đến Alép. Ông dừng chân nghỉ ở Alép hai ngày. Rồi vượt sông ơphát, ông đi vào vùng Lưỡng Hà. Sau khi qua các thành phố

Mácđin, Mút-xun, Xengiêra, Đia-bêkia và nhiều thị trấn khác, cuối cùng ông đến Banxôra.

Việc đầu tiên khi ông đến nơi là xin triều yết quốc vương xứ này. Biết rõ tước vị của ông, vua Banxôra đồng ý tiếp ngay. Vua ân cần hỏi ông việc gì đưa ông đến tận nơi đây. Ông đáp:

- Tâu bệ hạ, tôi đến đây với mục đích tìm chú em tôi tên là Nuarétđin Ali, chú ấy từng có vinh dự một thời được phụng sự bệ hạ.

Quốc vương Banxôra đáp:

- Ông Nuarétđin qua đời khá lâu. Về phần con trai của ông ấy thì ta chỉ có thể nói với ông là khoảng hai tháng sau khi cha mất, bỗng dưng cậu biến đi đâu mất tăm, mặc dù ta đã cho người tìm kiếm song tự bấy đến nay không hề có người nào gặp cậu ở đâu. Nhưng mẹ của cậu ấy, cũng là con gái một vị thượng thư, hiện đang còn sống.

Sêmsétđin Môhamét xin phép nhà vua được đến thăm bà và đón bà về Ai Cập. Vua chấp thuận. Thượng thư không muốn lùi việc ấy sang ngày mai mà hỏi thăm nhà rồi cùng con gái và cháu ngoại đến thăm bà ngay trong hôm ấy.

Bà quả phụ Nuarétđin Ali từ ngày chồng qua đời vẫn sống trong dinh cơ cũ của hai ông bà. Đó là một ngôi nhà khang trang, được xây dựng công phu với hàng cột trang trí rất đẹp bằng cẩm thạch. Nhưng Sêmsétđin chẳng có bụng dạ nào nhìn ngắm kiến trúc ngôi nhà. Tới nơi, ông hôn cánh cửa ra vào và tấm biển khắc tên họ người em. Sau đó ông yêu cầu được gặp người em dâu. Những người giúp việc cho biết bà đang ở trong ngôi nhà nhỏ có mái vòm xây chính giữa cái sân rộng. Bà quả phụ sau khi chờ đợi rất lâu không thấy con trai trở về, đã cho xây nên ngôi nhà nhỏ này mà bà coi như phần mộ của con và bà hầu như để phần lớn thời gian, ban ngày cũng như ban đêm, ở trong ngôi nhà ấy.

Lúc này bà đang vào trong ấy để tưởng niệm người con trai. Thượng thư Sêmsétđin Môhamét gặp, thấy rõ bà đang trong tình trạng vô cùng buồn bã. Ông chào hỏi, ngỏ lời chúc tụng và xin bà hãy thôi than khóc để cho ông được nói chuyện. Ông tự giới thiệu là anh chồng của bà, và nói rõ lý do vì sao ông phải từ Cairô đi đến tận Banxôra.

Ông thuật tỉ mỉ cho bà nghe những điều xảy ra trong đêm làm lễ cưới con gái ông cũng như sự ngạc nhiên của ông khi bắt gặp cuốn sổ tay khô trong khăn đội đầu của Bêrétđin. Tiếp đó ông giới thiệu với bà chú bé Agíp và tiểu thư Người Đẹp.

Bà quả phụ Nuarétđin Ali thoát tiên vẫn ngồi mà tiếp khách, như một bà già không còn thiết gì trên đời nữa. Sau khi nghe chuyện, bà hiểu rằng như vậy là cậu con trai quý mến vẫn còn sống, bà vội đứng lên mừng rỡ đón tiếp,

ôm hôn con dâu và cháu nội. Nhìn thấy nét mặt của cậu hao hao giống Bêrétđin, bà lại tuôn nước mắt, nhưng những giọt nước mắt lần này khác xa những giọt nước mắt bà tuôn từ ngày cậu con trai ra đi đến nay. Bà cứ ôm chặt lấy đứa cháu nội, và cậu cũng tỏ rõ tình cảm quý mến đối với bà. Cuối cùng thượng thư Sêmsétđin Môhamét nói:

- Thừa bà, đã đến lúc nên lau nước mắt và quên đi mọi nỗi tiếc thương, bà cần sửa soạn để lên đường đi Ai Cập cùng chúng tôi. Quốc vương Banxôra đã chấp thuận cho chúng tôi đón bà cùng đi, tôi tin rằng bà cũng đồng ý. Tôi hy vọng rằng cuối cùng chúng ta sẽ gặp lại con trai bà, cháu cũng là cháu họ của tôi. Và nếu điều ấy xảy ra thì câu chuyện của gia đình chúng ta đáng được ghi chép lại để lưu truyền hậu thế.

Bà quả phụ rất hài lòng về lời mời. Ngay tức khắc bà sai người nhà chuẩn bị việc lên đường. Trong thời gian ấy, thượng thư Sêmsétđin Môhamét trở lại xin yết kiến quốc vương một lần nữa để cáo biệt. Quốc vương ban thưởng hậu hĩnh cho ông, đồng thời nhờ ông mang một món quà có giá trị về tặng quốc vương Ai Cập. Xong đâu đấy, đoàn rời Banxôra lên đường trở lại Đamát.

Đến gần thành phố, ông lại cho hạ trại ngay vào chỗ đã nghỉ lại lần trước. Ông cho mọi người biết ông sẽ lưu lại đây ba ngày, để cho đoàn tùy tùng nghỉ cho lại sức và để cho ông có đủ thời giờ đi chọn mua những thứ quý hiếm và độc đáo nhất để về làm quà dâng quốc vương Ai Cập.

Trong khi ông mải mua những vải vóc đắt tiền nhất mà các thương nhân mang tới bán tại trại, chú bé Agíp nói với viên hoạn nô, chú muốn vào thành phố xem những thứ lần trước chưa kịp xem, luôn thể để hỏi thăm tin tức về người chủ hiệu bánh đã bị chú ném đá toác trán hôm nào. Viên hoạn nô đồng ý, vào xin phép tiểu thư Người Đẹp, rồi dắt chú vào trong thành.

Hai người vào thành bằng cổng chính, tức là cổng dẫn thẳng đến hoàng cung, và cũng là cổng gần nơi hạ trại nhất. Sau khi thăm thú nhiều nơi, chú bé và hoạn nô lại đi qua cửa hiệu bán bánh ngọt. Chàng Bêrétđin cũng đang mải mê làm bánh nướng như lần trước. Sêmsétđin Agíp nói:

- Xin chào ông. Xin ông hãy nhìn tôi, ông có nhớ là đã gặp tôi một lần?

Bêrétđin Hátxan ngược mắt nhìn và nhận ra ngay. Lòng chàng bỗng dưng lại xúc động mạnh y như lần trước (ôi lạ thay tình phụ tử!) chàng ngăn người không thốt nên lời. Lát sau mới nói:

- Cậu công tử bé nhỏ của tôi ơi, mời cậu quá bước vào hiệu của tôi một lần nữa cùng với thầy phụ giáo của cậu! Mời hai vị hãy dùng một ít bánh ngọt nhân kem. Tôi xin cậu hãy bỏ quá cho điều tôi đã làm phiền cậu lần trước khi cứ lẻo đẻo đi theo cậu. Tôi cũng không hiểu cái gì xui tôi thế, tôi

không làm chủ được mình, như cậu có sức gì thu hút tôi ấy.

Agíp ngạc nhiên về những điều Bêrétđin vừa nói. Cậu đáp:

- Ông có hơi quá lời đấy. Tôi chỉ muốn vào hiệu ông lần này nếu ông chịu thề rằng sau khi tôi ra về ông không đi theo chúng tôi. Nếu ông giữ lời thì ngày mai tôi sẽ đến thăm ông nữa, trong khi ông ngoại tôi còn bận việc chọn mua quà để dâng quốc vương Ai Cập.

- Công tử ơi, tôi sẽ làm tất cả những gì công tử truyền.

Agíp cùng viên hoạn nô bước vào hiệu bánh.

Bêrétđin mời họ ăn bánh ngọt cũng thơm cũng ngon như bánh mời lần trước. Agíp nói:

- Mời ông lại đây, ông ngồi xuống và cùng ăn bánh với chúng tôi.

Bêrétđin đến ngồi cạnh và muốn hôn Agíp, nhưng cậu đẩy ra và nói:

- Ông hãy ngồi yên. Tình cảm của ông hơi nồng nhiệt quá đấy. Ông chỉ nên nhìn và nói chuyện với tôi thôi.

Bêrétđin vâng lời và cất giọng hát một bài chàng vừa ngẫu hứng sáng tác để ca ngợi Agíp. Chàng không ăn mà chỉ làm mỗi việc phục vụ khách. Sau khi hai người dùng bánh xong, chàng mang nước cho họ rửa tay rồi đưa một chiếc khăn trắng cho họ lau. Tiếp đó chàng lấy một chiếc bình sứ ra pha nước ngọt, bỏ một ít tuyết thật sạch vào cho mát và mời:

- Mời cậu dùng đi. Đây là nước ướp hoa hồng. Cậu không thể tìm đâu trong thành phố nước uống ngon hơn thứ này.

Chú bé uống rất thích thú. Bêrétđin đỡ chiếc bình từ tay cậu đưa cho viên hoạn nô, y nốc một hơi cạn không còn một giọt.

No say rồi, Agíp và viên hoạn nô cảm ơn người chủ hiệu bánh rồi lật đật ra về, vì lúc ấy cũng đã khá muộn.

Về đến nơi, hai người vào luôn lều của các bà. Bà nội Agíp hoan hỉ thấy cháu trở về, và hễ mỗi lần nhìn thấy cháu là nhớ đến con trai, bà không thể hôn cháu mà không tuôn nước mắt. Bà nói:

- Ôi, cháu nội của bà ơi, giá mà bà có thể hôn cả cha cháu nữa thì niềm vui của bà trọn vẹn đến đâu.

Đến bữa ăn, mọi người ngồi vào bàn, Agíp được ngồi bên cạnh bà nội. Bà hỏi han về chuyến đi chơi của cháu. Cho rằng cháu đi lâu như vậy hẳn đói lắm, bà cho cậu một miếng bánh nướng nhân kem mà bà vừa tự tay làm lấy. Bánh quả thật ngon, trong nhà nhiều người vẫn khen bánh bà làm còn ngon hơn bánh mua ở hiệu tốt nhất về. Bà cũng lấy bánh mời cả viên hoạn nô. Nhưng hai người ăn đã quá nhiều bánh ngọt ở hiệu của Bêrétđin, thành ra

không ai nuốt nổi một miếng nào.

Agíp chỉ chạm vào miếng bánh, và làm như không hợp khẩu vị của mình, để lại nguyên cả đĩa. Viên hoạn nô – tên là Saban – cũng bắt chước làm theo. Bà nội nhìn thấy liền thốt lên:

- Sao, cháu của bà, cháu chê bánh tự tay bà nội làm ra ư? Cháu hãy biết rằng trên đời này không có ai biết làm bánh nướng nhân kem ngon như bà đâu, trừ có bố Bêrétđin của cháu, mà bà đã dạy cho cách thức làm.

- Bà nội ơi, bà không biết đấy thôi, trong thành phố có một người chủ hiệu bánh làm bánh nướng nhân kem còn giỏi hơn bà nhiều, chúng cháu vừa được ăn bánh ông ta làm chiều nay, cháu thấy đúng là ngon hơn bánh bà làm.

Nghe cậu bé nói, bà quả phụ trừng mắt nhìn viên hoạn nô quát:

- Này Saban, vậy ra chúng ta phó thác cháu nội ta cho mày để mày đưa cậu ta ra phố ăn quà như bọn trẻ con đầu đường xó chợ?

- Thưa bà, – viên hoạn nô lúng túng – đúng là chúng con có vào hiệu bánh và có nói đôi ba lời với ông chủ hiệu, nhưng chúng con không có ăn.

- Xin lỗi, – Agíp ngắt lời y – chúng cháu có vào trong hiệu và có ăn bánh ngọt ở đấy.

Bà cụ điên tiết, dùng dùng bỏ cơm đứng dậy đến thẳng lều riêng của thượng thư, thuật lại câu chuyện, lại còn nói quá lời một chút về chuyện viên hoạn nô nói dối để chạy lỗi.

Sêmsétđin Môhamét bản tính vốn nóng nảy, vừa nghe đã nổi trận lôi đình. Ông đến ngay lều của các bà, mắng viên hoạn nô:

- Tên khốn nạn, mày dám lạm dụng sự tin cậy của ta hả?

Viên hoạn nô vẫn khẳng khẳng cho là mình không ăn bánh. Chú bé Agíp thì cứ một mực:

- Ông ngoại ơi, cháu quả quyết với ông ngoại là chúng cháu đều có ăn, ăn thật nhiều, ăn no đến nỗi bây giờ chẳng thiết ăn tối nữa. Dùng bánh xong, ông chủ hiệu còn cho cháu uống nước ngọt đựng trong chiếc bình sứ thật đẹp nữa.

Thượng thư quay lại nhìn viên hoạn nô:

- Thế nào, đến thế mà mày còn dám nói là không ăn bánh trong hiệu?

Trót đâm lao phải theo lao, viên hoạn nô thì không có chuyện ấy. Thượng thư liền nói:

- Mày là một tên nói dối, ta tin cháu ta hơn tin mày. Tuy nhiên nếu mày ăn hết được chiếc bánh trên bàn kia, thì ta cho là mày đã nói thật.

Saban đã no đến tận cổ, nhưng cũng đành lấy một chiếc bánh cho vào

mồm. Y phải bỏ ra ngay vì lợm giọng buồn nôn. Đã thế y vẫn tiếp tục nói dối, rằng tôi hôm qua y trót ăn hơi nhiều, thành ra bây giờ bụng vẫn còn no. Bực mình vì viên hoạn nô cứ khẳng khẳng dối trá, thượng thư quát bảo y nằm sấp xuống đất và sai đánh đòn. Không chịu nổi đòn đau, Saban đành thú nhận: “Vâng, đúng là chúng con có vào một hiệu ăn bánh ngọt nhân kem, bánh ở đây một trăm lần ngon hơn chiếc bánh trên bàn kia.”

Bà quả phụ cho rằng viên hoạn nô giận bà, bởi vì bà mà y phải chịu đòn, cho nên khen bánh ăn trong hiệu và chê bai bánh của bà. Bà nói:

- Ta không thể nào tin là bánh của lão chủ hiệu nào đó lại có thể ngon hơn bánh ta làm. Ta muốn làm sáng tỏ điểm này. Mà đã biết chỗ rồi đấy, mà hãy đi ngay đến đó mua một cái bánh nướng nhân kem mang về cho ta xem!

Bà sai đưa tiền cho viên hoạn nô và bảo đi ngay.

Đến hiệu, Saban nói với chủ hiệu:

- Này ông chủ hiệu bánh ơi, tiền đây, ông bán cho tôi một cái bánh nướng nhân kem, một bà trong đoàn chúng tôi đòi nếm thử.

Sẵn một mẻ bánh vừa mới ra lò, Bêrétđin chọn cái ngon nhất đưa cho Saban:

- Bạn hãy cầm lấy và mang về, tôi bảo đảm tuyệt vời. Tôi quả quyết với bạn rằng trên đời này không ai có thể làm bánh ngon hơn loại bánh này, trừ có mẹ tôi, chắc bà ấy hiện nay cũng còn sống.

Saban lật đật mang bánh về trại, đưa cho quả phụ Nuarétđin Ali. Bà cũng vội vàng đón lấy, bẻ ra ăn. Nhưng vừa cho miếng bánh vào mồm bà đã hét lên một tiếng rồi ngất đi. Thượng thư Sêmsétđin Môhamét lúc ấy cũng đang có mặt, rất lấy làm ngạc nhiên trước sự tình này.

Ông sai đắp nước lã vào mặt và cấp cứu bà. Vừa tỉnh dậy, bà thốt lên ngay:

- Lạy trời, chính Bêrétđin Hátxan, đứa con quý yêu của tôi chứ không phải ai khác đã làm ra chiếc bánh này!

Nghe bà thốt lên như vậy, thượng thư Sêmsétđin Môhamét cũng vui khắp khởi. Nhưng suy nghĩ lại, sợ niềm vui không căn cứ, bởi lời quả quyết của bà có thể không đúng, ông hỏi lại:

- Nhưng, thưa bà, tại sao bà nghĩ vậy? Hóa ra trên đời này không thể có một người thợ bánh nào có thể làm bánh ngọt giỏi hơn con trai của bà hay sao?

- Tôi đồng ý có thể nhiều người làm bánh ngọt giỏi hơn tôi. Nhưng thứ bánh tôi làm có một vị rất đặc biệt mà ngoài con trai tôi không ai có thể biết được bí quyết.

Bà sôi nổi nói tiếp:

- Thừa anh cả, xin anh và mọi người hãy vui mừng lên đi, cuối cùng chúng ta đã tìm được điều chúng ta hằng mong ước lâu nay!

- Xin bà hãy bình tĩnh, – thượng thư nói – chúng ta sẽ rõ thực hư ngay tức khắc. Bây giờ chúng ta chỉ việc mời anh chàng làm bánh ngọt đến đây. Hẳn bà cũng như con gái tôi có thể nhận ra ngay nếu người ấy quả là Bêrétđin Hátxan. Hai mẹ con nên nấp một chỗ, sao cho có thể nhìn thấy rõ anh ta mà không để cho anh ta trông thấy. Bởi tôi không muốn người Đamát biết gia đình ta đang ở đây. Chúng ta hãy cố nén cho đến khi về tới Cairô. Tôi hứa là sẽ dành cho mọi người một sự bất ngờ thật thú vị.

Nói xong, ông trở về lều của mình, cho gọi năm mươi gia nhân đến và bảo:

- Mỗi anh hãy cầm một chiếc gậy và đi theo Saban. Hắn sẽ dẫn các anh đến một cửa hiệu bánh ngọt trong thành phố. Đến nơi, các anh hãy đập phá hết đồ đạc trong nhà. Nếu chủ hiệu hỏi nguyên nhân, các anh hỏi lại có phải chính ông ta là người làm ra cái bánh ngọt có người vừa đến mua mang đi hay không. Nếu ông ta trả lời đúng, thì các anh hãy bắt lấy ông ta và trói lại rồi đưa về đây. Nhớ là không được đánh đập hoặc làm gì đau ông ta. Thôi đi đi, chớ để mất thời giờ!

Lệnh của thượng thư được thi hành chóng vánh. Tốp gia nhân được viên hoạn nô dẫn đường áp vào hiệu bánh của Bêrétđin Hátxan và ra tay đập phá. Nồi niêu xoong chảo lộn tung phèo, mứt bánh vung vãi khắp nhà.

Bêrétđin Hátxan hoảng hốt:

- Các bác ơi, làm sao các bác đối xử với tôi như vậy? Có chuyện gì? Tôi đã làm gì nên tội?

- Có phải anh đã làm ra cái bánh nướng nhân kem vừa bán cho ông đây không?

- Vâng, chính tôi. Thế thì đã làm sao nào? Tôi thách có người nào làm bánh ngon hơn bánh hiệu tôi đây.

Bọn gia nhân của thượng thư không buồn đáp mà tiếp tục đập phá, đến cái lò nướng bánh cũng bị đập vỡ toang. Hàng phố nghe ồn ào chạy đến ngạc nhiên hỏi căn cứ gì mà năm mươi người đàn ông tay gậy tay côn gây nên chuyện xáo động này. Bêrétđin Hátxan một lần nữa lại hỏi bọn gia nhân:

- Xin các ông làm ơn cho biết tôi đã phạm tội ác gì đến nỗi bị các ông đập phá tan hoang nhà cửa như vậy?

- Có phải ông là người làm bánh bán cho ông quan hoạn này?

- Vâng, vâng chính tôi. Tôi bảo đảm là bánh ngon. Tôi không đáng để các

ông đòi xử thế này.

Chẳng buồn đáp lại, bọn gia nhân túm lấy chàng giật cái khăn chàng đang đội trên đầu xuống trói quặt tay lại sau lưng, rồi lôi xềnh xệch ra ngoài cửa hiệu, dẫn đi.

Dân chúng đang tụ tập để xem, cảm cảnh cho Bêrétđin, muốn bênh vực chàng. Họ định chống lại bọn gia nhân của thượng thư Sêmsétđin Môhamét thì xuất hiện nhiều võ quan do vị thống đốc phái đến, ngăn dân chúng lại để cho bọn gia nhân giải Bêrétđin đi. Chả là thượng thư đã kịp báo cho viên thống đốc hay ý định của mình và yêu cầu giúp đỡ. Viên thống đốc này là người thay mặt quốc vương Ai Cập cai trị cả nước Xyri cho nên không đại gì làm trái ý thượng thư của chính quốc vương mình. Bởi thế mặc cho Bêrétđin khóc lóc kêu la, mặc cho anh hỏi những người bắt anh rằng họ đã tìm thấy cái gì trong bánh, chẳng ai buồn trả lời. Cuối cùng về đến trại, nhưng mọi người còn phải chờ thượng thư đang đi gặp thống đốc trở về.

Vừa về tới trại, Sêmsétđin Môhamét đã hỏi người chủ hiệu bánh đâu. Gia nhân dẫn Bêrétđin Hátxan vào trình diện. Chàng van vãn, nước mắt rờn rờn:

- Bẩm quan lớn, xin ngài làm ơn cho biết tôi đã dám làm gì xúc phạm đến ngài?

- A, tên kia, có phải chính anh đã làm ra cái bánh ngọt bán cho người nhà mang về cho ta?

- Xin thú nhận là chính tôi đã làm. Việc ấy thì có gì nên tội?

- Ta phải trừng trị anh cho thật đáng tội. Sao anh lại dám làm cho ta một cái bánh tội tệ đến như vậy?

- Ôi trời cao đất dày ơi, tôi vừa nghe gì thế? Ai lại phải tội chết chỉ vì một cái bánh tội tệ bao giờ?

- Có, tội anh đáng chết, đừng hòng ta nương tay! -Thượng thư đáp.

Trong khi hai người nói qua nói lại, thì hai người đàn bà nấp trong nhà chăm chú quan sát. Cũng chẳng khó khăn gì mà không nhận ra chàng, cho dù thời gian cách xa đã khá lâu. Họ mừng vui đến nỗi ngất xỉu. Khi tỉnh dậy, hai người những muốn chạy bỏ ra ôm quàng lấy Bêrétđin, nhưng nhớ lời thượng thư dặn dò là không được lộ mặt họ đành kìm nén tình mẫu tử cũng như nghĩa vợ chồng lại.

Thượng thư quyết định khởi hành ngay tối hôm ấy. Mọi người vội cuốn lều trại và chuẩn bị xe cộ để kịp lên đường. Ông sai bỏ Bêrétđin vào trong một chiếc thùng đầy kín nắp, xếp lên lưng một con lạc đà. Đoàn đi một mạch suốt đêm hôm ấy và cả ngày hôm sau không nghỉ, đến chập tối mới dừng chân. Bêrétđin được đưa ra khỏi thùng và cho ăn uống. Suốt cuộc hành trình

hai mươi ngày, chàng đều được đối xử như vậy.

Đến Cairô, thượng thư cho hạ trại nghỉ bên ngoài thành phố. Ông sai dẫn Bêrétđin đến, rồi cho gọi một người thợ mộc và cố tình bảo trước mặt Bêrétđin:

- Anh hãy tìm gỗ đóng nhanh cho ta một cái giá treo cổ!

- Ngài định làm gì với cái giá ấy, thưa ngài? – Bêrétđin Hátzan hỏi.

- Ấy là để treo cổ chú mày vào đấy rồi cho rong đi khắp các phố phường, để cho ai ai cũng được nhìn thấy một anh chàng thợ làm bánh ngọt chẳng đúng đắn chút nào, đã cả gan làm bánh nướng mà không chịu cho hạt tiêu vào.

- Trời cao đất dày ời, – Bêrétđin thốt lên với dáng điệu buồn cười tới mức suýt nữa vị thượng thư không giữ nổi vẻ trang nghiêm – ra chỉ vì cái tội không cho hạt tiêu vào bánh ngọt mà tôi phải chịu một cái chết đau đớn và nhục nhã thế này?

(Đến hoàng đế Harun An-Rasít, con người lúc nào cũng trang trọng, cũng đạo mạo đến thế mà cũng chẳng nhịn được cười khi nghe tể tướng Giafa kể đến đây).

- Làm sao thế nhỉ? – Bêrétđin lại tiếp tục than vãn. -Làm sao người ta đập phá tan hoang nhà cửa của tôi, người ta mang nhốt tôi trong một cái thùng, người ta sắp đưa tôi đi treo cổ, mà tất cả chuyện đó chỉ vì tôi không cho hạt tiêu vào bánh ngọt? Hỡi Thượng đế, có bao giờ Người nghe một chuyện tương tự thế này chưa? Có phải là hành vi của những người Hồi giáo đây chăng?

Vừa than, anh chàng vừa khóc lóc thảm thiết.

Đến khi người thợ mộc chở giá treo cổ đến, chàng lại càng gào ai oán hơn:

- Trời cao đất dày ời, sao bắt tôi phải chết nhục nhã đau đớn thế này? Mà tôi có tội gì cơ chứ? Tôi không trộm cắp, tôi không giết người, tôi không chối đạo. Tôi chỉ có mỗi cái tội là không cho hạt tiêu vào trong bánh ngọt!

Khi đó đêm cũng đã khuya, thượng thư Sêmsétđin Môhamét sai bỏ Bêrétđin vào thùng và bảo chàng:

- Hãy ở lại trong ấy cho đến sáng mai. Trời chưa sáng thì ta chưa vội cho anh chết đâu.

Cái thùng được xếp lên lưng con lạc đà vẫn chở hàng từ Đamát về tới đây. Hàng hóa đồ lễ lại được chất lên lạc đà. Thượng thư cưỡi ngựa dẫn đầu đoàn, nhưng ông lại cho con lạc đà chở người cháu đi trước ông.

Qua nhiều phố xá lúc này còn vắng vẻ vì mọi người còn đang ngủ, đoàn về thẳng dinh cơ của thượng thư. Ông cho hạ cái thùng xuống nhưng cấm

không ai được mở ra cho đến khi có lệnh của ông.

Trong thời gian gia nhân dỡ hàng hóa từ trên lưng các con lạc đà xuống, thượng thư cho mời bà mẹ Bêrétđin và con gái mình đến và nói với con gái:

- Tạ ơn Thượng đế đã cho chúng ta niềm hạnh phúc tìm lại được chồng con! Hänn con còn nhớ rõ cách trang hoàng phòng ngủ của con hồi tiến hành lễ thành hôn. Con hãy cho bày biện lại y hệt như trong đêm tân hôn. Nếu con không nhớ hết, thì hãy xem thêm những điều cha ghi trong cuốn sổ tay. Cha đi lo nốt các việc khác.

Tiểu thư Người Đẹp vui mừng đi thực hiện mệnh lệnh của cha. Nàng cho bày biện mọi thứ đúng hệt như hôm Bêrétđin Hátxan bước vào đây theo sau chú chăn ngựa lưng gù. Chiếc ngai dành cho cô dâu chú rể được bê vào kê lên bục, nến được thắp sáng choang. Xong đâu đấy thượng thư bước vào đặt chiếc áo, cái khăn và túi tiền của Bêrétđin lên chiếc ghế. Rồi ông bảo con gái:

- Giờ con hãy cởi áo lên giường nằm. Lúc nào Bêrétđin vào, con hãy phàn nàn sao chàng đi ra ngoài lâu thế, khiến khi con tỉnh giấc không rõ chàng đâu. Con hãy giục chồng con đi ngủ trở lại.

Nói xong, ông ra khỏi phòng, để cho con gái được thoải mái. Ông cũng lệnh cho tất cả gia nhân hãy đi nơi khác, chỉ để lại vài người hầu. Ông lại sai người mở thùng nhốt Bêrétđin Hátxan, mặc áo lót quần đùi cho anh mà đừng làm anh thức giấc, rồi mang đặt anh trở lại phòng cưới cách sao cho anh tỉnh dậy ngay nhưng chưa kịp tỉnh táo hơn.

Bêrétđin tỉnh giấc đi đi lại lại trong phòng cưới, mọi đồ đạc trong phòng đều gợi chàng nhớ lại buổi tối tiến hành hôn lễ. Chàng ngạc nhiên nhận ra đây đúng là căn phòng nơi chàng gặp chú giám mã lưng gù. Chàng ngạc nhiên khi nhìn sang một phòng khác cửa mở sẵn, chàng nhận ra áo và khăn của mình, đúng vào nơi mà chàng đã để vào tối tân hôn. “Trời đất! – chàng giục mắt thốt lên. – Tôi mê hay tỉnh đây?”

Tiểu thư Người Đẹp lúc ấy đang thích thú quan sát, liền vén bức màn che giường, thò đầu ra nói dịu dàng:

- Chàng ơi, chàng đứng làm gì ngoài cửa thế? Vào ngủ lại đi chứ! chàng đi ra ngoài đã lâu lắm rồi. Tỉnh dậy không thấy chàng bên cạnh, em rất ngạc nhiên và cứ trông chàng mãi.

Bêrétđin Hátxan bàng hoàng nhận ra người đàn bà xinh đẹp nói chuyện với mình kia đúng là người mà chàng nhớ là đã từng ăn nằm cùng.

Chàng bước vào phòng. Nhưng đầu óc còn ngổn ngang biết bao nhiêu điều xảy ra gần mười năm về trước, chàng không lên giường mà đến chiếc ghế nơi chàng để cái áo và chiếc khăn đội đầu. Sau khi chăm chú ngắm

nghĩa những thứ ấy, chàng thốt lên:

- Trời đất, thật tôi không thể nào hiểu nổi!

Thích thú trước sự bối rối của Bêrêđin, tiểu thư lại giục:

- Kìa, chàng vào ngủ đi chứ! Có điều gì làm chàng thú vị đấy?

Bêrêđin Hátxan tiến đến gần người phụ nữ và hỏi:

- Thưa bà, xin bà làm ơn cho tôi biết tôi ở bên cạnh bà đã lâu chưa?

- Chàng hỏi lạ nhỉ. Thế chẳng phải chàng vừa nằm bên cạnh em rồi dậy đi ra ngoài đó sao? Hẳn là chàng đang đãng trí.

- Thưa bà, – Bêrêđin nói – đúng là tôi nhớ có nằm bên cạnh bà. Nhưng tôi cũng nhớ là đã từng sống gần mười năm ở Đamát. Nếu tôi vừa ngủ với bà đêm nay thì tôi đã không phải sống xa bà trong một thời gian lâu đến vậy. Hai điều trái ngược nhau. Xin bà vui lòng nói cho tôi rõ tôi nên nghĩ thế nào đây? Đám cưới của tôi là một giấc mộng, hay chỉ là giấc mộng thời gian tôi sống cách xa bà?

- Vâng đúng rồi đây, – tiểu thư đáp – đúng là chàng đã mơ là mình đã từng có thời sống ở Đamát.

- Nếu quả vậy thì không có gì buồn cười bằng. -Bêrêđin cười phá lên. – Tôi tin là bà sẽ thấy giấc mộng ngộ nghĩnh lắm. Xin bà thử tưởng tượng xem, bỗng nhiên tôi thấy mình nằm ngay trước cổng thành Đamát, người mặc độc áo lót quần đùi y như lúc này đây, rồi tôi đi vào thành phố giữa tiếng hò la chế nhạo của đám đông đi theo; rồi tôi trốn vào nhà một ông làm bánh ngọt, ông nhận tôi làm con nuôi; rồi ông truyền nghề cho tôi và để lại cho tôi mọi tài sản sau khi qua đời; rồi tôi thay ông đứng ra trông nom cửa hiệu... Tóm lại, thưa bà, đã xảy ra không biết bao nhiêu sự việc kể ra thì quá dài dòng. Tất cả những gì tôi có thể nói gọn với bà là may mà tỉnh dậy kịp, nếu không tôi đã bị mang đi treo cổ rồi.

Tiểu thư vờ ngạc nhiên:

- Vì tội gì mới được chứ? Tại sao người ta đối xử với chàng tàn ác như vậy? Hẳn là chàng có phạm một tội ác gì ghê gớm lắm.

- Đâu có chỉ vì một việc lạ lùng nhất, buồn cười nhất. Tất cả tội ác của tôi là đã bán một chiếc bánh ngọt không cho hạt tiêu vào trong ấy.

Tiểu thư Người Đẹp cười như nắc nẻ:

- Ô, nếu quả đúng như vậy thì người ta quá ư bất công đối với chàng nhỉ.

- Đâu phải chỉ có thế mà thôi, thưa bà. Vì cái bánh ngọt trời đánh thánh vật mà bảo tôi không cho hạt tiêu vào ấy, người ta đã kéo đến đập phá tan hoang cửa hiệu của tôi, người ta trói giật cánh khuỷu tôi lại rồi nhốt tôi trong

cái thùng chật chội tới mức đến bây giờ tôi vẫn còn cảm thấy khó chịu. Cuối cùng người ta gọi thợ mộc đến đặt anh ấy đóng một cái giá để treo cổ tôi lên. Nhưng tạ ơn trời đất, tất cả những chuyện ấy chỉ là trong giấc mộng mà thôi.

Suốt đêm hôm ấy Bêrétđin Hátxan không sao ngủ yên. Tỉnh thoảng chàng lại thảng thốt tự hỏi mình đang tỉnh hay là đang trong mơ. Chàng không dám tin ở hạnh phúc. Để được yên tâm, chàng vén màn ngắm nhìn căn phòng. “Ta không thể nào nhầm được. – Chàng tự bảo. – Chính đây là căn phòng ta đã từng bước vào cùng tên chăn ngựa, rồi ta đã ngủ với người phụ nữ định dành cho nó.”

Tới sáng, chàng vẫn chưa hết phân vân, lo lắng thì nghe tiếng gõ cửa. Thượng thư Sêmsétđin Môhamét bước vào và cất tiếng chào buổi sáng.

Bêrétđin Hátxan vô cùng kinh ngạc khi thấy đột ngột xuất hiện con người mà chàng quen biết lắm, nhưng lần này không phải là đáng điệu ghê gớm của ông quan tòa đã ra lệnh xử tử chàng, chàng kêu lên:

- Vậy ra ngài đây, thưa ngài! Ngài đã đối xử tàn tệ với tôi, ngài đã buộc tôi phải chết theo cách mà bây giờ nghĩ lại tôi còn kinh sợ, chỉ vì một chiếc bánh ngọt nhân kem mà tôi không bỏ hạt tiêu vào!

Thượng thư cười ồ. Rồi để cho chàng thôi lo lắng, ông bắt đầu thuật lại nhờ có một vị thần linh (ông đã tin là có bàn tay của thần linh ngay khi nghe tên gù kể lại) mà chàng đã lấy được con gái ông thay cho tên gù. Ông nói chính nhờ có cuốn sổ tay do Nuarétđin Ali ghi chép mà ông đã phát hiện ra chàng đúng là cháu họ mình, rồi việc ông rời thành phố Cairô đi tìm cháu v.v... và v.v... Cuối cùng ông âu yếm ôm hôn chàng và nói:

- Cháu à, cháu tha lỗi cho bác về những điều phiền muộn bác đã gây nên cho cháu từ khi nhận ra cháu đến nay. Bác muốn đưa cháu về đến nhà trước khi nói cho cháu rõ hạnh phúc của cháu, để cháu thấy càng phải trải qua bao nhiêu khổ đau thì hạnh phúc sau đấy càng to lớn bấy nhiêu. Giờ cháu hãy quên đi mọi chuyện ưu phiền. Hãy vui lên vì được gặp lại những người thân yêu nhất của cháu. Trong khi cháu chỉnh đốn trang phục, bác sẽ đi báo tin cho mẹ cháu rõ, mẹ cháu đang hết sức nôn nóng được ôm cháu vào lòng. Bác cũng đưa con trai cháu cùng đến, đưa con mà cháu đã từng gặp ở Đamát, mà tuy chưa biết rõ, cháu đã cảm thấy thương yêu nó đến thế nào.

Không có đủ thời gian để diễn tả nỗi mừng vui của Bêrétđin Hátxan khi gặp lại mẹ và con trai. Ba người quần quýt nhau. Bà kể cho Bêrétđin nghe bà buồn phiền như thế nào trong thời gian đằng đẳng vắng chàng. Còn chú bé Agíp thì không còn đẩy cha ra nữa khi cha muốn ôm cậu như hồi ở Đamát, mà ngược lại còn muốn được cha âu yếm nhiều hơn. Bêrétđin Hátxan thì không biết cách nào bày tỏ hết với mẹ cùng con trai sự xúc động và tình cảm của chàng.

Trong thời gian ấy, thượng thư Sêmsêđin Môhamét vào triều tâu với quốc vương Ai Cập về thành công của chuyến đi. Vua Ai Cập thấy câu chuyện kỳ thú quá liền sai người ghi lại để lưu giữ trong thư khố của vương triều.

Trở về đến nhà, thượng thư cho bày đại tiệc, cả gia đình vui vẻ suốt ngày với nhau.

Kể đến đây, tể tướng Giafa tâu cùng hoàng đế Harun An-Rasít:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, đây là tất cả câu chuyện về Bêrêđin Hátxan.

Hoàng đế thấy câu chuyện cũng khá hay, liền xá tội chết cho nô lệ Riban. Còn chàng trai, để an ủi chàng ta vì chuyện mất đi một người vợ xiết bao yêu quý, vua cho chàng được kết hôn cùng một nô tì trong cung, lại còn ban cho nhiều ân huệ khác nữa.

- Nhưng, tâu bệ hạ, – nàng Sêhêrazát nói thêm khi thấy vầng đông vừa rạng – cho dù chuyện em kể vừa rồi có hay đến đâu đi nữa, cũng chưa bằng câu chuyện em sắp kể hầu bệ hạ đây. Nếu bệ hạ vui lòng nghe chuyện trong đêm tới, thì em tin khi nghe xong, bệ hạ sẽ đồng tình với em.

Vua Saria đứng lên, trong lòng phân vân chưa biết nên thế nào. Vua nghĩ bụng: “Con cung nữ này kể nhiều chuyện đến là hay, mà chuyện nào cũng dài. Một khi nó đã bắt đầu kể rồi thì không làm sao không nghe cho đến hết câu chuyện được. Ta không biết có nên cho hành hình nó ngay hôm nay hay không. Nhưng thôi, chẳng việc gì phải vội vàng. Có thể là chuyện nó kể đêm nay sẽ hay hơn tất cả những chuyện nó đã kể từ trước tới giờ. Tội gì bỏ qua điều thú vị ấy. Chờ cho đến khi nó kể xong chuyện, ta sẽ ra lệnh hành hình cũng không muộn.”

Đêm hôm sau, cô em Đinaczát không quên đánh thức chị dậy khi trời chưa sáng. Được phép của vua Saria, nàng Sêhêrazát lại bắt đầu kể như sau:



NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM



TẬP 1

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng. ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

276 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

ĐT: (08) 3 930 3447 - Fax: (08) 3 930 5867

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản : PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo : NGUYỄN HUY THẮNG

Biên tập : NGUYỄN SÔNG THAO

Trình bày : NGUYỄN KIM ĐIẾP

Chế bản: NGUYỄN THANH SƠN

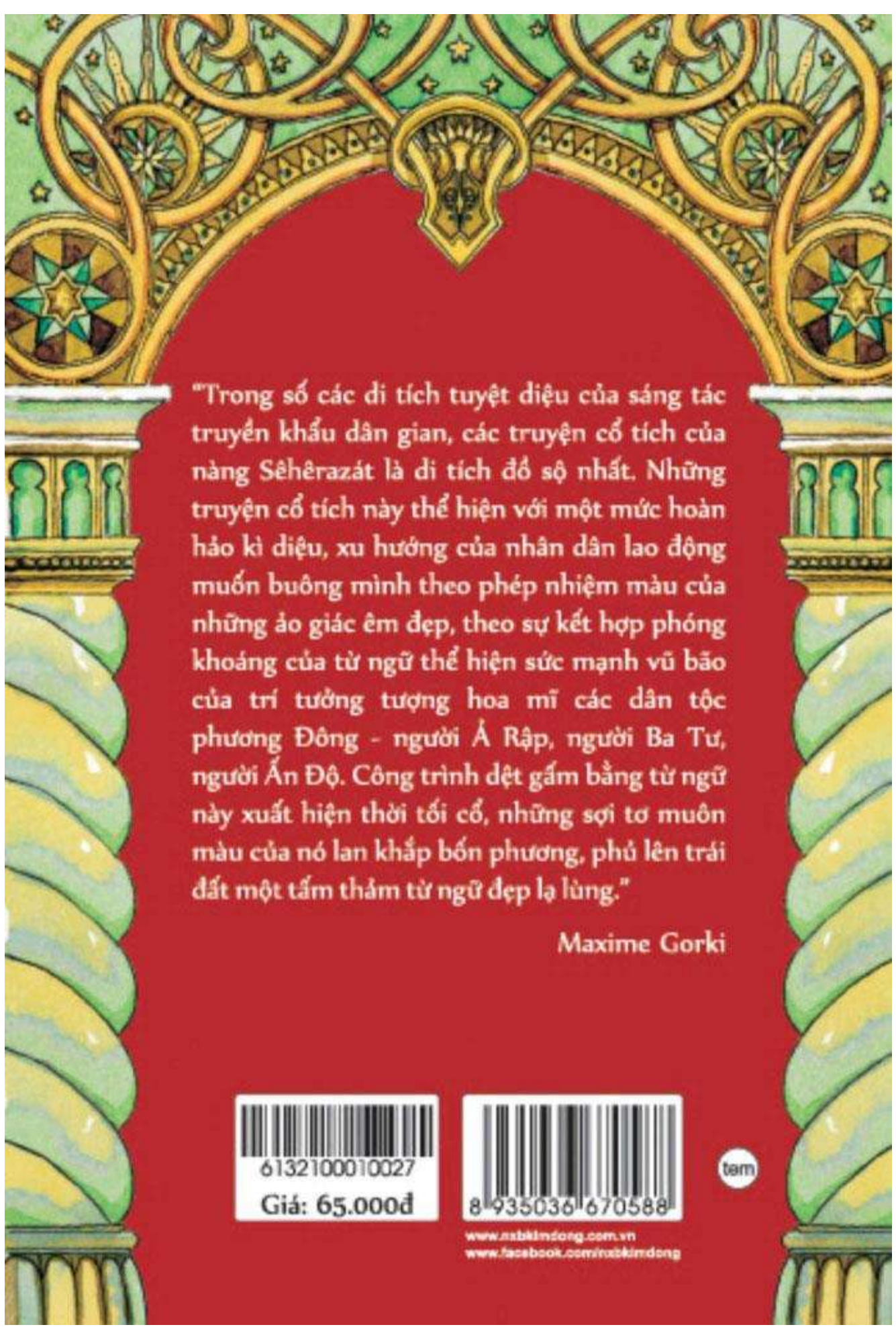
Sửa bài : HƯƠNG LAN

In 1.000 bản - Khổ 13 cm x 19 cm - Tại Công ty TNHH một thành viên In và Văn Hóa Phẩm

Đăng ký kế hoạch xuất bản số: 05-2013/CXB/755-170/KĐ cấp ngày 18/12/2012

Quyết định xuất bản số: 283/QĐKĐ kí ngày 9/8/2013

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2013.



"Trong số các di tích tuyệt diệu của sáng tác truyền khẩu dân gian, các truyện cổ tích của nàng Sêhêrazát là di tích đồ sộ nhất. Những truyện cổ tích này thể hiện với một mức hoàn hảo kì diệu, xu hướng của nhân dân lao động muốn buông mình theo phép nhiệm màu của những ảo giác êm đẹp, theo sự kết hợp phóng khoáng của từ ngữ thể hiện sức mạnh vũ bão của trí tưởng tượng hoa mĩ các dân tộc phương Đông - người Ả Rập, người Ba Tư, người Ấn Độ. Công trình dệt gấm bằng từ ngữ này xuất hiện thời tối cổ, những sợi tơ muôn màu của nó lan khắp bốn phương, phủ lên trái đất một tấm thảm từ ngữ đẹp lạ lùng."

Maxime Gorki



6132100010027

Giá: 65.000đ

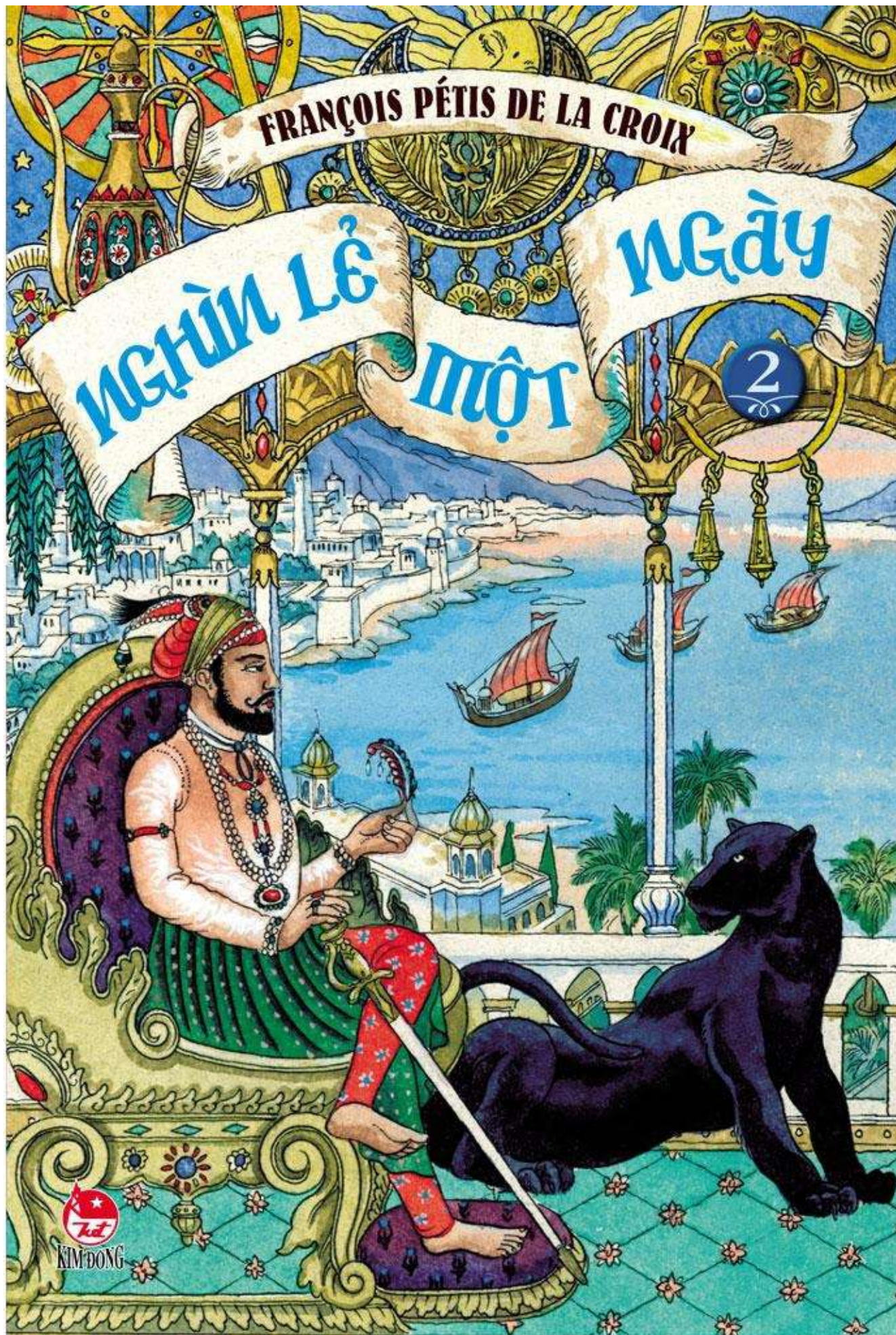


8-935036-670588

www.nxbkimdong.com.vn
www.facebook.com/nxbkimdong

tern

Tập II



FRANÇOIS PÉTIS DE LA CROIX



NGHÌN LỄ MỘT NGÀY

TRUYỆN CỔ BA TƯ



PHAN QUANG dịch và giới thiệu

2

(In lần thứ 10)

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

CHUYỆN QUỐC VƯƠNG BÊRÊĐĐIN-LÔLÔ VÀ TỂ TƯỚNG ATANMUC – PHẦN TIẾP

Kể xong câu chuyện về cuộc đời mình, hoàng thân Sêypen Muluc nói với quốc vương Đamat:

- Tâu bệ hạ, đây là điều ngài muốn biết. Giờ ngài hãy phán xét, tôi có phải là người được hạnh phúc hoàn hảo hay không. Hiện nay, tôi vẫn si mê công chúa Bêđy-an-Giêman hơn bao giờ. Tôi luôn luôn tự bảo mình thật kỳ cục, sao lại đam mê một người phụ nữ không còn sống trên đời, thế nhưng không làm sao xóa nhòa hình ảnh của nàng, nàng vẫn ngự trị mãi mãi trong trái tim tôi.

Quốc vương Bêrêđđin không sao hiểu một mối tình lạ lùng đến vậy. Vua hỏi hoàng thân còn giữ chân dung công chúa Bêđy-an-Giêman hay không. Hoàng thân đáp:

- Tâu bệ hạ tôi luôn luôn mang theo người.

Vừa nói hoàng thân vừa lấy từ túi áo ra bức chân dung đưa vua xem. Vua ca ngợi vẻ đẹp nàng công chúa:

- Con gái vua Saban thật là một công chúa xinh tươi. Ta hiểu tại sao đại đế Xalomon thời xưa rất mực yêu quý nàng; nhưng tình yêu của ngài ta thấy quá dị thường.

Lúc này Tể tướng Ưu phiên mới cất lời nói:

- Qua các câu chuyện về cuộc đời hoàng thân Sêypen Muluc, tâu bệ hạ, hẳn ngài đã thấy tất cả mọi người ai cũng có nỗi buồn phiền riêng. Không có ai sinh ra trên đời này có thể hưởng hạnh phúc trọn vẹn.

- Ta vẫn chưa tin lời ông nói, – nhà vua đáp – ta nhìn người đời với đôi mắt lạc quan hơn. Ta tin trên thế gian vẫn có những người mà cuộc đời không hề bị xáo động bởi bất cứ phiền muộn nào.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM LẼ CHÍN

Quốc vương Đamat khát khao muốn rõ trên đời này có những người sung sướng trọn vẹn hay không. Vua bảo hoàng thân Sêypen Muluc:

- Ông hãy thả bộ dạo chơi trong kinh thành, hãy đi ngang qua các phố có cửa hiệu những người thợ thủ công! Ông để ý xem, thấy người nào vui vẻ nhất, hãy đưa về gặp ta!

Hoàng thân Sêypen Muluc tuân lệnh. Vài giờ sau, ông quay trở về cung vua, gặp quốc vương Bêrêđin-Lôlô. Nhà vua hỏi:

- Thế nào, ông đã làm xong việc ta truyền?

- Tâu bệ hạ, – hoàng thân đáp, – tôi đã đi ngang qua nhiều cửa hiệu. Tôi đã nhìn thấy nhiều thợ thủ công các nghề khác nhau vừa làm việc vừa ca hát, trông ai nấy có vẻ khá hài lòng với số phận của mình. Tôi để ý một anh thợ dệt trẻ tuổi tên là Malek, anh ta luôn cười đùa sảng khoái với bạn bè. Tôi dừng lại hỏi chuyện anh ta: “Này anh bạn, trông anh vui vẻ nhỉ! – Tính tôi xưa nay vẫn vậy, anh đáp, tôi chẳng nghĩ tới chuyện buồn phiền làm gì.” Tôi hỏi những người hàng xóm xung quanh, có đúng anh chàng này tính tình dễ chịu vậy sao. Họ đều đáp, anh ta chỉ có việc cười đùa từ sáng đến tối. Thế là tôi bảo anh chàng trẻ tuổi hãy theo ta về hoàng cung. Anh ấy hiện đang chờ ở bên ngoài. Hoàng thượng có muốn tôi cho anh ta vào yết kiến ngài tại đây?

Nhà vua đáp:

- Ông cho anh ta vào! Ta muốn nói chuyện với anh ấy ngay nơi đây.

Hoàng thân Sêypen Muluc bước ra, chỉ lát sau quay trở lại cùng một chàng trai mặt mũi sáng sủa, giới thiệu với vua. Người thợ dệt quý xuống lạy chào quốc vương. Nhà vua bảo:

- Hãy đứng lên, Malek! Anh hãy nói thành thật ta nghe, có phải anh thật sự hài lòng về cuộc sống hay không? Người ta bảo anh suốt ngày vừa làm việc vừa cười đùa ca hát. Có vẻ như anh là người hạnh phúc nhất trong tất cả thần dân của ta. Anh hãy nói ta nghe, có thật anh hoàn toàn bằng lòng về cuộc sống của mình? Đây là một điều quan trọng ta cần biết, anh phải nói thành thật, không được phép giấu giếm ta chút gì.

Người thợ dệt đứng lên thưa:

Tâu hoàng thượng, cầu chúc người vạn thọ vô cương! Cầu mong cuộc đời ngài luôn luôn đầy lạc thú! Nhưng cúi mong ngài cho phép kẻ nô lệ này khỏi phải làm việc ngài vừa truyền. Kẻ này biết, không được phép nói không đúng sự thật với bậc quân vương. Nhưng cũng phải thừa nhận có những sự thật người ta không dám nói rõ với ai. Tôi chỉ có thể tâu hoàng thượng, người ta nghĩ không đúng về tôi. Cho dù tôi luôn luôn cười vui ca hát, có lẽ

tôi là người bất hạnh nhất thế gian. Xin hoàng thượng bằng lòng với lời thú nhận ấy, xin ngài đừng buộc tôi phải kể chi tiết những nỗi bất hạnh đã xảy ra trong đời kẻ này!

Nhà vua lại hỏi:

- Tại sao anh sợ không dám kể ta nghe những câu chuyện về đời anh? Những câu chuyện ấy có gì không làm vinh hạnh cho anh sao?

- Tâu bệ hạ, những câu chuyện của đời tôi có thể làm vinh hạnh cho một vị hoàng tử vĩ đại nhất, – người thợ dệt đáp – nhưng tôi đã quyết định giữ kín, không nói ra với bất kỳ ai.

- Malek à, anh nói vậy càng kích thích thêm sự hiếu kỳ của ta. – Nhà vua nói. – Ta truyền lệnh cho anh phải kể hết ta nghe!

Người thợ dệt không dám trái lệnh vua, anh liền bắt đầu kể câu chuyện về cuộc đời mình như sau:

CHUYỆN CHÀNG MALEK VÀ CÔNG CHÚA THIRIN

Tôi là con trai độc nhất một thương gia giàu có ở thành phố Surat. Chỉ một thời gian ngắn sau khi cha tôi qua đời, tôi đã làm tiêu tán gần hết gia sản khổng lồ do người để lại cho con. Còn lại một ít, tôi tiếp tục hoang phí luôn với nhóm bạn bè của mình, chợt một hôm một người nước ngoài ghé qua Surat để đến đảo Xêrêndíp tình cờ có mặt tại một bữa tiệc tôi chiêu đãi bạn bè. Hôm ấy câu chuyện xoay quanh chuyện đi du hành. Những người này ngợi ca sự cần thiết và những điều lý thú khi được đi đó đi đây. Những người khác thì kể ra muôn vàn hiểm nguy khó tránh trên đường rong ruổi. Những điều thú vị họ nói ra khiến tôi cũng muốn đi du lịch xem sao, nhưng các khó khăn trở ngại được những vị thực khách mô tả, qua các chuyến đi của họ lại làm tôi ngại ngần không dám quyết.

Chờ mọi người nói xong, tôi cất lời:

- Nghe kể về lạc thú của các chuyến đi xa, ai cũng muốn ra đi, nhưng hình dung các hiểm nguy người lữ hành thường gặp trên đường lại làm ta cụt hứng, không dám bước ra khỏi nhà nữa. Giá được đi từ đầu trời đến cuối đất mà không phải gặp gian lao khổ ải nào, thì ngay sáng sớm mai tôi lên đường già từ thành phố Surat này.

Mọi người phá ra cười vui vẻ. Riêng người ngoại quốc lại nói:

- Thừa ngài, nếu quả ngài có ý định muốn đi chơi xa, song chỉ vì gian lao mà chưa quyết, nếu ngài đồng ý, tôi sẵn sàng bày cho ngài một cách tha hồ đi khắp mọi nơi mà chẳng lo trở ngại nào.

Tôi nghĩ ông ta nói đùa. Nhưng sau bữa tiệc, ông mời tôi ra một nơi và nói riêng, sáng sớm mai, ông sẽ đến nhà tôi, chỉ cho tôi xem một điều khá đặc biệt.

Quả như lời, ngày hôm sau ông đến nhà tôi:

- Tôi muốn giữ lời đã hứa với ngài. Nhưng phải chuẩn bị vài hôm nữa ngài mới thấy cụ thể kết quả lời tôi hứa. Hôm nay, tôi bắt tay làm công việc. Xin ngài sai người nhà đi tìm thuê một người thợ mộc. Khi trở về, cả hai người ấy cần mang theo một số gỗ đã xẻ sẵn thành tấm.

Mọi việc được thi hành chóng vánh.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI

Khi người thợ mộc cùng người nhà của tôi mang các tấm ván trở về, ông khách lạ bảo anh thợ mộc đóng giúp một cái hòm dài sáu bộ và rộng bốn bộ^[43]. Trong khi anh thợ mộc bắt tay vào việc thì người khách lạ cũng chẳng ngồi không. Ông hì hục sản xuất các bộ phận khác của cái máy, đại thể như ốc vít và lò xo. Hai người làm việc suốt cả ngày hôm ấy. Chiều tối, xong công việc, tôi cho anh thợ mộc ra về. Ngày hôm sau, vị khách nước ngoài lại lui cui lắp các ốc vít, lò xo và hoàn thiện sản phẩm.

Đến ngày thứ ba công trình hoàn tất. Chúng tôi cho phủ lên cái hòm gỗ ấy một tấm thảm Ba Tư, rồi mang về quê. Tôi cùng người khách lạ cùng theo về dưới ấy. Đến nơi, ông bảo tôi:

- Ngài hãy cho tất cả mọi người nhà quay trở về, chỉ để hai chúng ta lại đây thôi. Tôi không muốn cho bất kỳ ai khác ngoài hai ta được nhìn thấy công trình này.

Tôi truyền cho tất cả gia nhân hãy trở về nhà, mình tôi ở lại cùng người khách nước ngoài. Tôi đang nóng lòng muốn rõ ông ta định làm gì với cái hòm gỗ này thì ông ta đã bước vào trong ấy. Và cái hòm tự nó bốc lên không trung, rẽ không khí bay đi với tốc độ khó tưởng tượng, trong chớp lát đã xa khỏi tầm mắt tôi, song lát sau lại đã thấy cái hòm bay về đổ xuống đất.

Tôi cực kỳ ngạc nhiên trước chuyện kỳ lạ thế này. Người khách nước ngoài bước ra khỏi cái hòm và nói:

- Ngài thấy đấy, đúng là một cỗ xe nhẹ nhàng. Bây giờ hân ngài đã tin chắc đi du hành với chiếc xe này, không còn sợ bọn vô lại chặn lại với cướp bóc dọc đường. Đây chính là phương tiện tôi muốn tặng, để ngài dùng đi đó đi đây một cách an toàn. Tôi biếu không ngài đấy. Ngài sẽ dùng nó chừng nào muốn đi du lịch nước ngoài. Xin ngài chớ nghĩ có phép thần thông biến hoá gì trong vật ngài thấy kia. Chẳng cần phải niệm thần chú hay yểm bùa yêu để cho cái hòm này bay lên trời. Sở dĩ nó bay được là do quy luật chuyển động. Tôi là người thông thạo cơ học, tôi còn biết làm nhiều máy móc kỳ lạ hơn cái máy này nhiều.

Tôi cảm tạ người khách nước ngoài đã biếu cho một vật hiếm. Để tỏ lòng biết ơn, tôi trao cho ông một cái túi đựng đầy tiền *xocanh* vàng, và nói với ông:

- Xin ngài vui lòng cho biết, làm cách nào cho cái hòm này chuyển động?

- Ngài sẽ thấy ngay đây. – Ông đáp.

Nói xong, ông mời tôi cùng ông vào bên trong cái hòm. Ông chạm tay vào một cái lò xo, cái hòm bay lên, sau đó ông bày cho tôi cách điều khiển nó

thật an toàn:

- Quay cái vít này, ông sẽ đi sang phải, vặn cái vít kia ông sẽ rẽ sang trái; chạm vào cái lò xo này cái hòm sẽ bay lên, động vào cái lò xo kia cái hòm khắc hạ xuống.

Tôi muốn tự tay mình điều khiển thử. Quả nhiên rất dễ dàng, tôi muốn bay lên, hạ xuống, đi nhanh, đi chậm thế nào cũng được. Sau khi bay lượn mấy vòng trên không trung, chúng tôi cho nó quay trở lại nhà tôi và đỗ xuống sau vườn. Cái hòm đáp xuống khá nhẹ nhàng, bởi cái thảm phủ bên trên đã được bỏ đi, để lộ trên thành hòm những cái lỗ cho không khí thông vào cũng như để từ trong nhìn ra ngoài.

Chúng tôi về nhà trước cả bọn người nhà, khiến họ hết sức ngạc nhiên. Tôi sai mang cái hòm vào phòng riêng của tôi, giữ nó cẩn thận như giữ một kho báu. Người khách nước ngoài ra đi, cả ông và tôi hai người đều hài lòng.

Tôi tiếp tục chơi bởi hoang phí với bạn bè cho đến khi hết sạch trơn gia tài cha tôi để lại. Tôi bắt đầu vay mượn, giật tạm mỗi nơi một ít, chẳng bao lâu nợ nần như chúa chổm. Khi người thành phố Surat hay tin tôi đã khánh kiệt, tôi chẳng còn chút tín nhiệm nào nữa, chẳng ai đồng ý cho tôi vay thêm, trong khi các chủ nợ ngày nào cũng cứ đến thôi thúc tôi trả các món nợ vay trước. Thấy mình chẳng còn nguồn sinh sống nào khác, có nghĩa chẳng mấy chốc rồi tự chuốc vào mình nhục mạ và ưu phiền, tôi nhớ đến cái hòm của mình. Một đêm, tôi tự tay kéo cái hòm từ phòng riêng ra vườn, cho vào đấy một ít thực phẩm và số tiền ít ỏi còn lại trong nhà, rồi bước vào bên trong. Tôi bật cái lò xo điều khiển cho nó bay lên, chẳng mấy chốc rồi xa thành phố Surat cùng các chủ nợ của mình, chẳng còn lo lính tráng hay mõ toà mai kia săn tìm nữa.

Trong đêm tối, tôi cho cái hòm bay với tốc độ nhanh nhất, tưởng chừng nhanh hơn gió. Rạng sáng, tôi ngó qua cái lỗ để biết mình đang ở đâu. Nhìn xuống thấy toàn núi cao vực sâu, cánh đồng khô cằn, sa mạc khủng khiếp. Nhìn về hướng nào cũng chẳng nom thấy có nhà ở. Tôi tiếp tục bay trên không trung cả ngày hôm ấy và đêm hôm sau nữa. Sáng hôm sau tôi thấy mình đang bay qua một khu rừng rậm, cạnh khu rừng có một thành phố khá đẹp, liền với một cánh đồng rộng bát ngát.

Tôi cho cái hòm dừng lại để ngắm thành phố, cũng như toà lâu đài tráng lệ ở cuối cánh đồng. Rất muốn biết mình đang ở đâu, tôi đang suy nghĩ cách làm sao tìm hiểu, chợt nhìn thấy một nông dân đang làm việc trên cánh đồng. Tôi cho cái hòm đáp xuống giữa khu rừng, giấu cái hòm trong ấy, rồi đi ra cánh đồng hỏi người nông dân đang làm việc, thành phố này tên là gì. Ông đáp:

- Chàng trai à, tôi thấy rõ anh là người nước ngoài, bởi anh không biết

thành phố này tên gọi là Gazna. Quốc vương Bahaman, một vị anh quân rất công minh và dũng cảm, hiện trị vì nơi đây.

- Vậy ai sống trong toà lâu đài tráng lệ nhìn thấy cuối cánh đồng kia? – Tôi hỏi.

- Ấy là toà lâu đài quốc vương Gazna cho xây dựng để nhốt nàng công chúa Thirin con gái nhà vua. Theo số tử vi của nàng, công chúa sẽ bị một người đàn ông quyến rũ và lừa gạt. Để phòng ngừa điều ô nhục ấy, nhà vua cho xây dựng nên toà lâu đài này, toàn bằng đá cẩm thạch, chung quanh có hào rộng đầy nước sâu. Khoá lâu đài làm bằng thép mua tận Trung Hoa, đích thân nhà vua giữ chùm chìa khoá, ngoài ra lại còn một đội lính đông đảo ngày đêm tuần tra canh gác chung quanh toà lâu đài, không cho bất cứ một người đàn ông nào bén mảng tới. Mỗi tuần nhà vua đến thăm con gái một lần, sau đó trở về sống ở hoàng cung trong thành phố Gazna. Ở trong lâu đài cùng nàng công chúa Thirin chỉ có bà quản mẫu cùng mấy tên nô tỳ giúp việc.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI MỘT

Tôi cảm ơn người nông dân đã cho biết những điều trên rồi quay gót đi vào thành phố. Vừa tới nơi, đã nghe có tiếng vó ngựa dồn dập. Ngay sau đó xuất hiện nhiều kỵ mã ăn mặc sang trọng cưỡi trên những con tuấn mã yên cương huy hoàng. Chính giữa đoàn kỵ sĩ ấy, một người cao lớn đáng điệu uy nghi, đầu đội vương miện vàng, áo hoàng bào có đính nhiều hạt kim cương lấp lánh, tôi đoán đây chắc hẳn nhà vua xứ Gazna đang đi thăm con gái. Vào trong thành phố, hỏi mấy người dân, tôi biết mình đã đoán không sai.

Sau khi dạo một vòng quanh thành phố, thoả mãn chừng nào lòng hiếu kỳ của mình, tôi nghĩ đến cái hòm. Cho dù đã giấu ở một nơi kín đáo, vẫn không khỏi cảm thấy lo âu. Tôi vội vàng ra khỏi thành phố, và chỉ yên tâm trở lại khi nhìn thấy chiếc hòm gỗ còn nguyên vẹn.

Thanh thản trở lại, tôi ăn uống rất ngon lành số thực phẩm mang theo, rồi quyết định ngủ qua đêm trong khu rừng này. Hy vọng đêm nay sẽ ngủ ngon, bởi không còn phải lo âu chút nào về những người chủ nợ. Tuy nhiên, tôi không sao yên giấc. Những điều người nông dân nói cho nghe ban ngày cứ ám ảnh đầu óc. Tôi tự hỏi: “Quái thật, tại sao nhà vua Bahaman lại lo âu về một điều huyền hoặc như thế? Có cần thiết không, phải xây cả một lâu đài để nhốt con gái? Để nàng sống trong hoàng cung chưa đủ an toàn hay sao? Nếu các nhà coi số tử vi đã nhìn thấy ngôi sao chiếu mệnh của nàng mắc vào cung ấy rồi, thiên tào đã định cô nàng đi theo ai đấy, tránh làm sao khỏi? Con người cho dù cẩn trọng đến đâu vẫn khó tránh khỏi một điều mà duyên số đã tiền định. Nếu quả nàng công chúa Thirin phải lòng một anh chàng nào đó, thì phòng ngừa thế nào rồi cũng tốn công vô ích mà thôi.”

Cứ suy nghĩ mãi về nàng công chúa Thirin, tôi hình dung hẳn nàng xinh đẹp tuyệt thế vô song, đẹp hơn tất cả bao nhiêu người đàn bà khá xinh đẹp tôi đã gặp tại thành phố Surat hoặc thành phố Gioa, các nàng ấy đã góp phần đáng kể làm cho gia tài tôi mau khánh kiệt. Tôi tự nhủ, phải tìm lối đáp xuống mái toà lâu đài ấy, phải tìm cách vào bằng được trong phòng cô công chúa ấy, biết đâu mình chẳng được nàng mê say? Biết đâu tôi chính là chàng trai mà các nhà xem số tử vi đã đồ trước sẽ quyến rũ được nàng?

Hồi ấy tôi còn trẻ, do đó ngổ ngáo lắm, và tôi cũng chẳng phải con người nhát gan. Quyết định táo tợn vậy rồi, tôi bắt tay thực hành ngay lập tức.

Tôi vào chiếc hòm, lái cho nó bay về hướng toà lâu đài. May sao hôm ấy, như thể để chiều lòng tôi, đêm tối dày đặc. Tôi bay qua đầu bọn lính được bố trí canh gác đông đảo bên ngoài các hào nước, không bị chúng phát hiện. Tôi đáp xuống mái lâu đài, ở một chỗ nhìn thấy gần nơi có ánh đèn hắt lên. Tôi ra khỏi hòm, bò đến bên một cửa sổ người ta mở hé sẵn để đón gió mát.

Nhìn vào, thấy một gian phòng bày biện đồ đạc cực kỳ sang trọng, công chúa Thirin đang nằm ngủ say sưa. Quả thật nàng vô cùng xinh đẹp, lời đồn đại chẳng chút sai ngoa, thậm chí đẹp hơn cả như tột hình dung trong đầu. Tôi tiến đến gần nàng hơn để ngắm nghía cho thoả. Thấy nàng quá xinh, không sao cầm lòng được, tôi liền quỳ xuống nâng một bàn tay nàng đưa lên môi hôn.

Nàng tỉnh giấc ngay. Nhìn thấy một người đàn ông trong tư thế đáng cho mình đề phòng, công chúa kinh hãi hét lên một tiếng rõ to. Bà quản mẫu đang ngủ phòng bên cạnh, giật mình chạy bổ sang.

- Bà Matpêke ơi, hãy cứu tôi với! Có... có một người đàn ông trong phòng. Bằng cách nào anh ta vào được phòng tôi? Hay bà là người đồng lõa?

- Tôi ư? – Bà quản mẫu phật ý. – Sao công chúa nữ nghi ngờ xúc phạm như vậy đến già này? Hơn nữa, cho dù tôi cố tình tạo điều kiện thuận lợi cho anh ta, thì làm sao vượt qua được đội lính canh gác vòng trong vòng ngoài? Công chúa biết rõ rồi đấy, muốn vào được tới đây phải qua hai mươi cánh cổng đúc bằng thép, cổng nào cũng niêm phong dấu ấn của hoàng thượng, và chỉ có ngài là người giữ chìa khóa thôi. Tôi thật lòng không hiểu làm sao chàng trai trẻ này đã vượt qua được bấy nhiêu trở ngại.

Trong khi công chúa và bà quản mẫu trao đổi với nhau như vậy, tôi tự đập óc suy nghĩ mình nên đối đáp như thế nào, và bỗng dung nảy ra ý, phải làm cách sao để cho hai người này tin chắc ta đây chính là Đấng tiên tri Mahomê. Tôi liền nói luôn:

- Công chúa Thirin à, cũng như bà quản mẫu Matpêke kia, chớ có ngạc nhiên tại sao ta vào được tới đây. Ta không thuộc những chàng trai dùng vàng bạc hoặc mưu đồ giả dối để đạt ước vọng. Ta không có ý định làm gì khiến công chúa phải lo tiếc hạnh bị xâm phạm, trong đầu óc ta chẳng bao giờ có ý nghĩ vô đạo đức. Ta chính là Đấng tiên tri Mahomê. Ta không thể ngồi nhìn quốc vương Bahaman cha nàng, chỉ nhằm phòng ngừa duyên số đắng cay của con gái, mà giam cầm nàng bao nhiêu lâu trong ngôi nhà tù này, để nàng phải bỏ mất những ngày xuân tươi đẹp. Công chúa, cũng như vua cha nàng, từ nay hãy yên tâm đi, hãy thanh thản đi, chớ nên lo lắng gì. Rồi đây nàng sẽ chỉ có hưởng vinh quang và hạnh phúc thôi, bởi nàng đã trở thành vợ của Đấng tiên tri Mahomê. Chừng nào tin về cuộc hôn nhân của nàng với Đấng tiên tri loan truyền ra khắp thế giới, thì tất cả mọi quân vương trên đời ai ai cũng kính sợ nhà vua bố vợ của Đấng tiên tri, và tất cả mọi nàng công chúa trên trần thế chẳng cô nào không ganh tị với duyên may của công chúa Thirin.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI HAI

Công chúa Thirin và bà quản mẫu phân vân đưa mắt nhìn nhau, như thể ngầm trao đổi nên nghĩ thế nào về những lời tôi vừa thốt. Riêng tôi, thú thật lúc ấy tôi cũng chưa tin lời nói của mình có tác động gì nhiều đến tâm tư của họ. Nhưng phụ nữ xưa nay bao giờ cũng sẵn lòng tin những gì kỳ diệu. Bà quản mẫu và công chúa tin luôn lời tôi nói. Họ nghĩ tôi đúng là giáo chủ Mahomê. Và đêm ấy tôi đã lạm dụng lòng tin ngây thơ của nàng công chúa. Sau khi trải qua gần hết đêm với nàng Thirin, trước khi trời rạng sáng, tôi ra khỏi toà lâu đài, không quên hứa đêm mai sẽ quay trở lại.

Tôi vội vã đến chỗ để cái hòm, chui tọt vào trong, cho nó bốc lên thật cao để khỏi bị bọn lính canh nhìn thấy. Tôi đáp xuống khu rừng, giấu cái hòm vào một chỗ kín đáo rồi đi vào thành phố. Tôi mua đủ thực phẩm dùng trong tám ngày, nhiều quần áo sang trọng, một chiếc khăn đội đầu may bằng vải tốt có những sợi sọc vàng sản xuất tận bên nước Ấn Độ, cùng nhiều loại nước hoa đắt tiền nhất để bôi lên tóc xức vào người. Tôi dùng hết số tiền còn lại sắm sanh những thứ đó, chẳng chút quan tâm sau này sẽ ra sao, làm như thể sau khi đã gặp một chuyện phiêu lưu kỳ diệu thế ấy, chẳng còn phải lo thiếu thốn thức gì.

Suốt ngày hôm ấy tôi ẩn trong khu rừng, chỉ có mỗi một việc chăm lo chải chuốt vuốt ve và xức nước hoa thơm lừng. Đêm vừa sập đến, tôi chui vào cái hòm, cho nó bay đến đáp xuống mái toà lâu đài của nàng công chúa Thirin. Lại theo cách hôm trước, tôi lọt vào phòng nàng. Công chúa lộ rõ nàng đang nôn nóng chờ tôi. Nàng bảo:

- Thưa Đấng Đại tiên tri! Em đã bắt đầu cảm thấy lo âu, e ngài đã quên mất cô vợ mới cưới của mình.

- Nàng công chúa yêu quý của ta, sao nàng lại nghĩ lẫn lộn vậy? Lời ta đã thốt, hẳn nàng phải tin ta sẽ yêu thương nàng đến trọn đời chứ?

- Nhưng, xin ngài cho em biết rõ, – nàng hỏi – sao trông ngài trẻ trung vậy? Từ trước đến nay em vẫn nghĩ Đấng tiên tri Mahomê phải là một cụ già đạo mạo cơ.

- Nàng nghĩ thế chẳng nhầm đâu, – tôi đáp – xưa nay người ta vẫn nhìn ta trong hình dạng ấy. Nhưng giả sử đêm hôm qua ta xuất hiện trước nàng với hình dạng như thỉnh thoảng ta vẫn xuất hiện trước những người ngoan đạo, thì nàng đã trông thấy ta là một cụ già có bộ râu bạc dài và cái đầu hói trán. Nhưng ta nghĩ chắc nàng thích nhìn thấy một người chồng trẻ trung, cho nên ta mới hiện lên dưới hình dáng một chàng trai.

- Bà quản mẫu xen vào câu chuyện giữa hai chúng tôi, khen tôi quả là một con người điển trai, nếu một cô gái nào đó muốn kiếm tấm chồng, gặp được

một chàng như tôi thì còn gì thú vị bằng.

Gần sáng tôi cẩn thận ra khỏi toà lâu đài, để khỏi lộ cho mọi người thấy Đấng tiên tri giả. Đêm hôm sau, tôi lần trở lại, tôi lại xử sự khéo léo như hai đêm hôm trước. Cả nàng công chúa Thirin và bà quản mẫu Matpêke chẳng ai thoáng chút nghi ngờ có sự bịp bợm trong vụ này. Đúng là công chúa qua mỗi đêm lại mỗi thích tôi hơn, nhờ vậy tôi nói ra bất cứ điều gì nàng cũng tin luôn, bởi khi đã thắm duyên nhau thì làm sao còn ngờ vực sự chân thành của người mình đang ôm ấp.

Mấy ngày sau, nhà vua xứ Gazna, theo sau vẫn có đoàn tùy tùng đầy đủ văn võ bá quan, đến thăm con gái. Thấy cổng nào cũng còn nguyên dấu niêm phong, vua nói với các vị thượng thư thấp tùng:

- Mọi việc đều tốt đẹp. Cửa giả vẫn còn nguyên khóa và nguyên niêm phong có dấu ấn của ta thế này, chẳng có gì phải lo cho con gái ta.

Nhà vua một mình lên phòng con gái. Trông thấy cha, cô nàng có vẻ lúng túng ngượng ngùng. Nhà vua nhìn thấy, hỏi nguyên do. Lời vua cha làm cho công chúa càng thêm bối rối. Thấy không có cách nào khác, cô đành thú nhận tất cả những việc xảy ra mấy đêm vừa rồi. Nhà vua càng kinh ngạc hơn.

- Tàu bệ hạ, – lời người thợ dệt nói tiếp với vua Bêrêđin – Lô lô thành Đamat – ngài có thể hình dung nỗi kinh lạ của nhà vua khi nghe nói mình đã trở thành nhạc phụ của Đấng Đại tiên tri Mahomêr từ lúc nào mình chưa hề hay biết.

Vua thốt lên:

- Thật chuyện kỳ dị! Này con gái ta, làm sao con cả tin đến vậy? Trời đất! Thật hoài công lo lắng phòng ngừa, chẳng sao giữ được tiết hạnh của Thirin, duyên phận của con là phải vậy chăng? Hẳn con đã để cho một tên vô lại nào quyến rũ và lừa dối mất rồi.

Nói xong vua bực bội bỏ ra khỏi phòng con gái. Vua thân hành đi khám xét lũng sục cả toà lâu đài, từ tầng trên xuống tầng dưới. Nhưng, mặc cho vua tha hồ tìm kiếm, chẳng hề thấy tung tích anh chàng săn gái ấy ở đâu, làm cho nhà vua càng thêm kinh ngạc. Vua tự hỏi: “Tên táo gan ấy lọt vào lâu đài bằng lối nào mới được chứ? Đây là điều ta không sao hiểu nổi.”

Nhà vua lớn tiếng gọi các vị đại thần và người tâm phúc. Nghe giọng vua hơi thất thanh, mọi người lo lắng chạy đến ngay.

- Tàu bệ hạ, có chuyện gì vừa xảy ra? – Tể tướng hỏi. – Trông ngài như đang băn khoăn suy nghĩ, trong ánh mắt ngài có thoáng vẻ âu lo.

Nhà vua thuật lại câu chuyện, và hỏi mọi người nghĩ sao về chuyện ấy. Tể

tướng là người lên tiếng đầu tiên. Ông nói, cho dù câu chuyện thoát nghe có vẻ như bịa đặt, song có thể chân thực lắm. Trên thế giới xưa nay có bao nhiêu vương triều vẫn quả quyết dòng dõi mình xuất phát từ thần linh, bởi vậy mối quan hệ giữa công chúa với giáo chủ Mahomét nếu đã xảy ra thì cũng đáng cho ta tin tưởng lắm.

Các đại thần khác, chắc do nể sợ tể tướng vừa cất lời, đều tỏ ra chia sẻ ý kiến của vị quan đứng đầu triều. Duy chỉ có mỗi một đại thần dám phản đối. Ông nói:

- Tôi lấy làm lạ sao những người hiểu biết có thể tin vào một chuyện khó tin như vậy. Các bậc thức giả làm sao có thể nghĩ, Đấng tiên tri của chúng ta ở trên thiên đường chung quanh có biết bao nhiêu tiên nữ xinh đẹp quây quần, lại xuống hạ giới tìm vợ? Tôi nghĩ chuyện này có gì bất minh, nếu bệ hạ nghe lời tôi, xin ngài hãy tìm hiểu sâu hơn nữa. Tôi chắc rồi ngài sẽ nhận ra tung tích tên khốn kiếp nào đó dám đội tên một thánh thần để làm mê hoặc công chúa.

Mặc dù nhà vua Bahaman bản tính cả tin, xưa nay ông vẫn cho tể tướng của mình là một người có trí phán đoán tốt, ông nói gì vua cũng nghe theo, hơn nữa lần này tất cả các đại thần đều cho trên thực tế công chúa đã có quan hệ với Đấng tiên tri Mahomét, vua vẫn bán tín bán nghi. Vua thấy cần làm sáng tỏ sự thật, nhưng làm một cách thận trọng, chỉ có mình vua đối thoại với đấng tiên tri, không có ai khác được dự. Vua liền quyết định cho các vị triều thần cùng đoàn tùy tùng quay trở lại kinh đô.

- Mời mọi người hãy trở về! Chỉ mình ta ở lại trong toà lâu đài này với con gái ta. Sáng sớm mai, mời tất cả quay trở lại đây!

Mọi người tuân lệnh. Trong khi chờ đợi đêm tới, nhà vua đặt ra với công chúa nhiều câu hỏi khác nữa. Vua hỏi Đấng tiên tri có cùng dùng bữa với công chúa không.

- Tâu bệ hạ không, – công chúa đáp – con đã đưa ra nhiều món thịt ngon cùng rượu ngọt dâng mời, ngài đều từ chối. Từ hôm ngài đến với con, chưa hề nhìn thấy ngài ăn bất cứ món nào.

- Con hãy kể lại đầu đuôi ta nghe một lần nữa, chớ nên quên chi tiết đặc biệt nào! – Nhà vua phán.

Công chúa lại thuật lại từ đầu, nhà vua chăm chú lắng nghe và cân nhắc từng điểm một.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI BA

Đêm đến. Vua Bahaman ngồi trên chiếc sập, cho đốt nến lên, rồi sai mang đến một cái bàn bằng cẩm thạch. Vua rút gương ra, đặt lên đấy sẵn sàng lấy máu rửa sạch danh dự hoàng triều nếu bị ai đó làm hoen ố. Ông rất nóng lòng chờ đợi, và trong thời gian chờ đợi căng thẳng, tâm trạng cũng khó tránh khỏi có lúc xao xuyến.

Đêm hôm ấy, do sự tình cờ, trời nổi cơn giông. Một tiếng sét nổ oàng, chớp giật sáng loè. Vua đi đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài, thấy bầu trời sáng rực, tưởng nhìn thấy đâu đâu cũng toàn là lửa cháy. Mặc dù mọi sự vẫn bình thường, quang cảnh ấy không khỏi làm cho nhà vua lo lắng. Vua nghĩ đây là điềm lạ. Có thể cơn giông này báo hiệu Đấng tiên tri giáng trần thật chăng? Những ánh chớp giật liên hồi kia có thể để soi đường cho Đấng tiên tri đi.

Nhà vua đang trong tâm trạng ấy thì tôi vô tư lần đến bên cửa sổ. Trông thấy tôi đột ngột xuất hiện, cơn giận của nhà vua tan biến, thay vào đó là lòng kính trọng và nỗi lo sợ. Vua đánh rơi thanh gương cẩm sẵn ở tay, quỳ mọp xuống đất, hôn hai chân tôi và thốt lên:

- Thưa Đấng tiên tri vĩ đại! Kẻ trần thế này là ai, người trần mắt thịt này đã làm nên công trạng gì mà được vinh dự là nhạc phụ của ngài?

Nghe lời ấy, tôi hiểu giữa nhà vua và công chúa đã có cuộc trò chuyện với nhau. Hóa ra bịp vị quốc vương xứ Gazna này cũng chẳng khó gì hơn đánh lừa nàng công chúa con gái cưng của ông. Tôi hài lòng, hóa ra mình không phải đối đầu với một con người cứng cỏi, có thể đặt ra cho Đấng tiên tri những câu hỏi làm ngài chẳng biết phải trả lời ra sao. Tôi quyết định ngay, có thể lợi dụng tính cách yếu đuối của nhà vua này. Tôi đỡ vua đứng lên và nói:

- Hỡi nhà vua! Ngài là người gắn bó nhất với đạo giáo ta trong tất cả các vị quân vương theo đạo Hồi. Đức tin ấy của ngài làm ta có cảm tình. Ta đã cầu xin đấng tối cao tháo bỏ cho duyên phận nàng công chúa cái hạn sẽ phải gặp điều không đẹp, như đã ghi sẵn vào sổ tử vi của nàng. Ta được Đấng tối cao chấp nhận với điều kiện nàng công chúa Thirin phải trở thành một trong số các phu nhân của ta. Ta đã thuận tình làm chồng nàng, để thưởng công ngài về tất cả những công đức hằng ngày của ngài.

Vua Bahaman càng bị mắc lõm. Vua tin tất cả mọi điều tôi nói. Hài lòng về cuộc hôn phối ấy, nhà vua một lần nữa sụp xuống dưới chân tôi bày tỏ lòng biết ơn sâu xa. Tôi nâng nhà vua đứng lên, ôm hôn, và khẳng định sẽ luôn che chở. Vua không còn tìm được lời lẽ nào hay ho hơn nữa để cảm tạ lòng tốt của tôi. Sau đấy, chắc vua nghĩ để tôi ở lại một mình với cô công chúa thì hay hơn, vua liền sang nghỉ tại một phòng khác.

Tôi ở với nàng công chúa một hồi lâu, nhưng luôn chú ý chớ ngủ quên để trời sáng không biết, rồi có người sẽ trông thấy cái hòm gỗ trên mái toà lâu đài. Bởi vậy, chưa sáng tôi đã vội lo ra khỏi phòng nàng công chúa và trở về với khu rừng của mình.

Sáng sớm hôm sau, các vị thượng thư và triều thần y hẹn đến lâu đài của công chúa. Họ hỏi nhà vua đã làm sáng tỏ điều cần biết hay chưa. Vua Bahaman đáp:

- Có, giờ ta biết chắc mọi sự rồi. Ta đã gặp đích thân Đấng Đại tiên tri. Ta đã trò chuyện với ngài. Ngài là chồng của con gái ta, không có gì thật hơn chuyện ấy.

Nghe vậy mọi người quay lại nhìn vị triều thần ngày hôm qua đã tỏ ý nghi ngờ, trách ông ta sao dám hoài nghi. Nhưng ông ta vẫn một mực kiên trì ý kiến của mình. Cho dù nhà vua nói thế nào đi chăng nữa, vẫn không sao thuyết phục được ông ta tin đức Mahomét thật là chồng của công chúa Thirin. Suýt nữa nhà vua nổi trận lôi đình với vị đại thần của mình. Và con người hay hoài nghi ấy bị cả triều đình ai cũng chê cười.

Có một chuyện nữa xảy ra ngay trong ngày hôm ấy, càng làm các triều thần vững tin hơn trong suy nghĩ của họ. Trên đường trở về kinh thành, đoàn vua quan bất chợt gặp một cơn giông giữa cánh đồng. Chớp giật sáng loè, sấm nổ liên hồi, tưởng như hôm nay đến ngày tận thế. Tình cờ con ngựa vị thượng thư có tính hoài nghi đang cưỡi bị một tia chớp loé vào mắt, giật mình chồm lên, hất ông quan ngã lăn kềnh, gãy luôn một chân. Mọi người coi đây là điềm trời trừng phạt ông ta. Nhà vua nói:

- Anh chàng khốn khổ, đây là hậu quả việc anh thiếu lòng tin. Anh không chịu nghe lời ta, cho nên bây giờ mới bị Đấng tiên tri trừng phạt.

Vị thượng thư ấy được đưa về nhà chạy chữa. Vừa tới kinh thành, vua Bahaman cho công bố ngay chiếu chỉ, truyền cho nhân dân cả nước chuẩn bị mở hội ăn mừng lễ thành hôn của công chúa Thirin lấy Đấng tiên tri Mahomét. Ngày hôm ấy, tôi vẫn đi lang thang trong thành phố như mọi hôm, nghe nhân dân đồn đại chuyện đám cưới của nàng công chúa cũng như chuyện vị thượng thư bị Đấng đại tiên tri phạt bắt ngã ngựa trên đường về. Chẳng hiểu sao nhân dân nước này cả tin và mê tín như vậy. Hội hè chè chén linh đình khắp nơi. Đi đến đâu cũng nghe tung hô: “Vạn tuế đức vua Bahaman, nhạc phụ của Đấng Đại tiên tri!”

Sẩm tối, tôi quay trở về khu rừng, và chẳng mấy chốc sau đã có mặt trong lâu đài của công chúa. Vừa tới nơi tôi đã bảo nàng:

- Công chúa xinh đẹp à, chắc nàng không rõ điều gì xảy ra giữa cánh đồng sáng hôm nay. Một triều thần, người đã tỏ ý nghi ngờ việc nàng kết hôn với

Đấng tiên tri Mahomê, gập cơn giông làm ngã ngựa và gãy chân. Ta không muốn trừng phạt y nặng nề hơn thế. Nhưng ta thề trước ngôi mộ của ta hiện ở thành phố Mêđin, từ nay trở đi, nếu có ai còn dám tỏ ý hoài nghi hạnh phúc của nàng, ta sẽ bắt người ấy mất mạng.

Sau khi ăn ở mấy tiếng đồng hồ với nàng công chúa, tôi lại về khu rừng.

Ngày hôm sau, vua Bahaman triệu tập toàn thể các vị thượng thư và mọi triều thần tề tựu đông đủ và phán:

- Hôm nay, tất cả chúng ta phải cùng đến để tạ lỗi ông thượng thư bị ngã gãy chân do kém đức tin với Đấng tiên tri Mahomê.

Nói xong, nhà vua lên ngựa. Tất cả triều thần theo sau. Đến nơi, nhà vua thân hành mở khoá cổng ra vào và tất cả các cửa khác trong nhà tự tay nhà vua đã khoá chặt và niêm phong ngày hôm trước. Cùng với tất cả triều thần, nhà vua đến thẳng phòng công chúa, nói với nàng:

- Công chúa Thirin à, hôm nay tất cả chúng ta đến đây nhờ công chúa nói giúp với Đấng tiên tri một tiếng, xin ngài tha tội cho viên thượng thư đã kém đức tin khiến ngài nổi giận.

- Tâu bệ hạ, con đã rõ ông ấy là ai. Chính ngài Mahomê đã cho con rõ.

Và nàng kể tiếp những lời tôi đã nói với nàng, rằng từ nay về sau, nếu có ai còn tỏ ý hoài nghi về cuộc hôn phối giữa nàng với Đấng tiên tri Mahomê, thì sẽ bị mất mạng, chính ngài đã long trọng cất lời thề như vậy.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI BỐN

Nghe vậy, vua Bahaman quay về phía toàn thể triều thần và bảo:

- Cho dù trước đây chúng ta có không tin những điều mắt thấy, bây giờ tai chúng ta nghe, vậy liệu đã đủ để các vị tin tưởng chắc chắn đức Mahomêl là phò mã của ta chưa? Các vị đã nghe rồi đấy, ngài đã cho con gái ta biết ngài đã gây nên cơn giông tố để trừng trị tên khốn khổ do kém đức tin.

Tất cả các vị thượng thư cũng như mọi triều thần có mặt ai cũng tin chắc như đinh đóng cột, công chúa đích thị là người vợ yêu của Đấng Đại tiên tri. Tất cả đều quỳ xuống, khúm núm khẩn cầu công chúa nói giúp cho một lời, xin ngài tha tội cho thượng thư. Công chúa Thirin vui vẻ nhận lời.

Trong thời gian ấy, tôi đã chén hết số thực phẩm mua để dành, trong túi cũng hết nhẫn chẳng còn đồng nào. Đấng Đại tiên tri đang điên đầu chưa biết sống bằng cách nào mấy ngày tới đây, thì chợt nảy ra một ý. Một đêm, tôi bảo nàng công chúa Thirin:

- Công chúa yêu quý của ta à, chúng ta quên mất chưa làm một thủ tục cần thiết trong cuộc hôn nhân giữa hai ta. Nàng chưa trao cho ta của hồi môn, và điều đó cũng làm cho ta hơi phiền lòng một chút đấy.

- Hôn phu yêu quý của em ời, xin chàng chớ bận tâm, – công chúa đáp – việc ấy sáng mai em chỉ cần nói với cha em một tiếng, người khác sẽ mang đến cho em mọi của cải trong kho tàng của người.

- Không, không, chớ cần nàng thừa với phụ vương, – tôi vội ngăn – ta chẳng mấy quan tâm các kho tàng, ta đâu có màng chi tiền bạc của cải trên đời. Chỉ cần nàng trao cho ta vài món nữ trang, ta chỉ cần có thế, coi như là đủ món hồi môn của nàng rồi.

Công chúa Thirin định trao cho tôi tất cả các nữ trang nàng có trên người để cho xứng đáng hồi môn lễ cưới Đại tiên tri, song tôi chỉ chọn lấy hai viên kim cương lớn, hôm sau mang về thành phố bán cho một nhà buôn kim hoàn ở Gazna. Bằng cách ấy, tôi đã thừa sức đóng tiếp vai trò Đấng Đại tiên tri Mahomêl.

Gần một tháng trôi qua, tôi thủ một cách dễ chịu vai Đấng Đại tiên tri chồng nàng công chúa, chợt xuất hiện tại kinh thành Gazna sứ thần của một nước lân bang. Sứ thần thay mặt nhà vua nước ấy đến cầu hôn công chúa Thirin làm hoàng hậu. Trong buổi hội kiến, sau khi nghe sứ thần trình bày, vua Bahaman nói:

- Ta rất không vui vì không thể chấp nhận lời quốc vương quý quốc nhờ ngài đến hỏi con gái ta về làm hoàng hậu nước ngài, bởi ta đã gả công chúa cho Đấng tiên tri Mahomêl từ trước rồi.

Nghe nói, sứ thần nghĩ ông vua này đã hoá điên mất, liền vội vã xin cáo từ trở về nước. Quốc vương nước ấy thoát nghe sứ thần tâu, cũng nghĩ vua Gazna đã hóa rồ. Nhưng ngẫm nghĩ, vua lại cho rằng qua sự từ hôn ấy quốc vương Bahaman tỏ ý khinh rẻ mình thì liền nổi giận. Ông đốc một đạo binh lớn, hùng dũng kéo vào nước Gazna hỏi tội.

Nhà vua ấy, danh vị là Caxem, vốn hùng mạnh hơn vua Bahaman nhiều. Hơn nữa, ông này lại quá chậm chạp trong việc động viên quân đội khi nghe tin nước ngoài gây hấn, nên không kịp đối phó. Sau mấy trận giao tranh thất bại, quân đội xứ Gazna đành chịu để cho quân đội vua Caxem tiến sát kinh thành, đóng quân trên cánh đồng ngay trước mặt lâu đài nàng công chúa Thirin. Ý định của vua Caxem là công thành Gazna ngay tức khắc, quyết tâm đánh bại vua Bahaman tại kinh thành của ông. Nhưng quân Caxem vừa kéo đến cánh đồng thì trời đã tối, hơn nữa binh sĩ cũng cần nghỉ ngơi. Bởi vậy vua Caxem truyền cho hạ trại, quyết định sẽ tiến đánh để hạ thành ngay sáng sớm hôm sau.

Trong thời gian ấy, vua Bahaman được tin cấp báo về số lượng đông đảo và tính thiện chiến của quân đội đối phương, bắt đầu run sợ. Vua hội tất cả các triều thần lại bàn bạc phương sách đối phó. Vị thượng thư gây chân lên tiếng:

- Tôi lấy làm ngạc nhiên sao bề hạ quá lo âu về chuyện vặt ấy. Có vị quân vương nào trên thế giới này, nói chỉ đến vua Caxem nhãi nhép kia, dám cả gan làm vị nhạc phụ của Đấng tiên tri Mahomét phải băn khoăn lo ngại? Tôi bề hạ, tôi thiết nghĩ ngài chỉ cần thưa với vị phò mã một tiếng. Hãy xin Đấng Đại tiên tri phù hộ, quân đội xâm lăng ắt sẽ bị đánh bại. Đây cũng là bổn phận của Đấng Đại tiên tri nữa, bởi chính do ngài kết hôn với công chúa cho nên quân thù mới có cơ gây hấn, khiến nhân dân nước ta không được yên vui.

Cho dù câu trên chỉ là một lời nói hàm ý nhạo, vua Bahaman vẫn cứ tin là thật. Vua gật gù:

- Ông nói chí lý. Đúng là ta phải ngỏ lời cầu xin đức Mahomét. Ta sẽ xin ngài đẩy lùi đội quân dũng mãnh kia. Ta tin lời khẩn cầu của ta không bị ngài khước từ.

Nói xong, vua đến ngay lâu đài tìm công chúa, nói với nàng:

- Con gái ta à, nội sáng sớm mai, khi trời vừa rạng, quân đội của vua Caxem sẽ nhất loạt tấn công. Ta e họ sẽ hạ được thành của ta mất. Ta đến đây cầu xin đức Mahomét giúp đỡ. Con hãy dùng tất cả ảnh hưởng của con đối với ngài, xin ngài hãy trợ giúp cha trong việc phòng thủ. Con và cha, cả hai chúng ta chung lòng chung sức để cầu khẩn ngài đồng ý giúp cho.

- Tâu bệ hạ, – công chúa đáp – chẳng khó khăn gì không xin được Đấng tiên tri giúp đỡ chúng ta. Quân xâm lược của vua Caxem nhất định sẽ bị đánh tan, và tất cả các bậc quân vương này sẽ lấy đó làm bài học để từ nay trở đi ai cũng phải kính trọng phụ vương.

- Nhưng, – nhà vua vẫn lo lắng – đêm đã khuya rồi, chưa thấy Đấng tiên tri xuất hiện. Hay là ngài đã bỏ cha con chúng ta?

- Không đâu, thưa phụ vương. Xin cha chớ nghĩ chàng sẽ bỏ chúng ta khi chúng ta cần đến chàng – công chúa trấn an vua. – Từ trên trời cao ngài đã nhìn thấy quân đội đối phương bố trí quân sĩ như thế nào, có thể ngài đã nghĩ ra cách gieo rắc kinh hoàng và làm rối loạn hàng ngũ quân thù.

Mà đây quả đúng là điều Mahomêđ định làm. Chẳng là, ngày hôm ấy, từ xa tôi đã để ý quan sát doanh trại quân vua Caxem, nhất là chú ý đại bản doanh nhà vua đóng ở nơi nào. Tôi tìm nhặt rất nhiều viên đá cuội, lớn có nhỏ có, xếp đầy cái hòm gỗ của tôi. Đến lúc nửa đêm, tôi cho cái hòm bay lên trời. Chẳng khó khăn gì không phân biệt rõ trại nhà vua đóng chính giữa các lều trại khác của quân sĩ. Đây là một cái lều rõ lớn, màu vàng, dựng theo hình có mái vòm cao, gác lên mười hai cái cột to bằng gỗ sơn son, chôn chặt xuống đất. Giữa các cột, có nhiều cành cây là dây buộc ràng níu với nhau. Trên nóc trại, có mở hai cái cửa sổ, một cái về hướng đông, một cái về hướng nam.

Tất cả quân sĩ chung quanh trại của vua đều đã ngủ say. Nhờ vậy tôi có thể cho cái hòm hạ xuống gần cửa sổ mà chẳng ai để ý. Nhìn vào, thấy vua Caxem đang ngủ trên một cái sập, đầu gối lên một cái gối vuông phủ lụa sa tanh. Tôi ném một viên đá lớn trúng đầu vua, làm ông bị thương khá nguy hiểm. Ông đau đớn thét lên, khiến các võ quan và quân cấm vệ thức giấc. Mọi người chạy đến, đã thấy đầu nhà vua đầm đìa máu me và nhà vua gần như bất tỉnh. Mọi người kêu toáng lên, báo động toàn thể doanh trại, chẳng ai rõ việc gì xảy ra. Có tin loan truyền nhà vua bị tử thương, mà chẳng rõ do bàn tay nào gây nên.

Trong thời gian mọi người lo lắng xục tìm bắt hung thủ, tôi cho chiếc hòm bay lên cao tít trên mây, và ném đá cuội xuống các lều trại của binh sĩ chung quanh. Một số lính tráng bị thương, kêu ầm lên có trận mưa toàn đá cuội lớn từ trên trời gieo xuống. Tin tức loan truyền khắp toàn quân. Để khẳng định thêm tin dữ ấy, tôi tiếp tục vãi đá xuống nữa. Thế là toàn thể đạo binh kinh hoàng. Từ quan đến lính, ai cũng tin Đấng Đại tiên tri đang nổi cơn thịnh nộ, gây nên cảnh này để cảnh báo. Chắc rồi tai ương giáng xuống đầu mọi người sẽ còn lớn nữa. Thế là đạo binh thù địch của vua Bahaman chỉ còn có việc tranh nhau tháo chạy, vừa chạy vừa than vãn: “Chết hết, sắp chết hết chúng ta rồi, Đấng Mahomêđ sắp tiêu diệt hết chúng ta.” Quân địch tháo chạy vội vàng đến mức bỏ lại lều trại và rất nhiều của cải cùng quân trang quân dụng.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI LĂM

Tảng sáng hôm sau, vua Bahaman cực kỳ ngạc nhiên không thấy quân địch tấn công, mà lại tháo chạy tan tác. Vua vội vàng cho đội quân tinh nhuệ nhất của mình đuổi theo và tha hồ tàn sát quân địch.

Vua Caxem bị thương, không thể chạy nhanh, bị bắt sống. Vua Bahaman hỏi:

- Tại sao đang yên lành mi lại cất quân tấn công ta, bất chấp mọi luật pháp và lễ phải trên đời?

Nhà vua chiến bại đáp:

- Ta vẫn ngỡ ông từ chối không chịu gả con gái cho ta vì khinh rẻ ta, cho nên phải trả mối hận ấy. Trước đây ta chẳng sao tin được Đấng Mahomét là rể của ông. Bây giờ thì ta tin chắc rồi, bởi chính ngài đã đánh ta bị thương, chính ngài đã phá tan tàn đạo binh của ta.

Vua Bahaman không truy đuổi quân thù nữa, quay trở lại kinh thành Gazna mang theo vua Caxem. Ông này qua đời ngay trong ngày vì vết thương quá nặng. Chiến lợi phẩm được chia đều, nhiều tới mức lính tráng người nào trở về cũng mang theo vô vàn của cải.

Tất cả mọi thánh đường trong thành phố đều làm lễ cầu nguyện, tạ ơn Đấng Đại tiên tri đã giúp nhà vua phá tan quân địch. Đêm hôm ấy, vua một mình đến phòng con gái. Ngài nói:

- Con à, cha đến đây để tạ ơn Đấng tiên tri. Như trong thư cha đã cho người mang tới trước, con hẳn biết rõ ngài đã làm những gì trợ giúp cha. Cha quá đổi cảm kích, muốn được ôm chân ngài bày tỏ ngay tức khắc lòng biết ơn sâu sắc.

Nhà vua được toại nguyện. Vừa lúc ấy, tôi từ cửa sổ vẫn đến cùng công chúa, bước vào phòng. Tôi tính trước thế nào nhà vua cũng sẽ tới đây. Trông thấy tôi, vua quỳ xuống đất, hôn mặt đất rồi thưa:

- Thưa Đấng Đại tiên tri! Tôi chẳng biết tìm lời lẽ nào để bày tỏ hết lòng biết ơn sâu xa của tôi đối với ngài. Hẳn ngài đã nhìn thấy tận đáy trái tim tôi sự tri ân ấy.

Tôi nâng nhà vua đứng dậy, hôn lên trán ông:

- Sao nhà vua lại nghĩ ta có thể bỏ mặc nhà vua trong cơn hoạn nạn? Ta đã trừng phạt tên vua Caxem kiêu ngạo, nó có ý định xâm lăng quốc gia của vua và bắt công chúa Thirin về làm nô tỳ trong hậu cung của nó. Từ nay nhà vua chẳng cần phải lo âu có một ai trên đời này dám gây hấn với quốc vương Gazna. Giả sử có tên nào bất kính, ta sẽ cho trút xuống đầu quân đội chúng một trận mưa lửa đốt cháy tất cả ra tro bụi trong nháy mắt.

Sau khi một lần nữa vỗ về vua Bahaman là tôi sẽ luôn che chở cho ông, tôi kể lại quân vua Caxem đã phải kinh hoàng tháo chạy khi thấy trận mưa toàn bằng đá cuội trút xuống đầu như thế nào. Nhà vua xứ Gazna cũng thuật lại y như vậy, do nhà vua chiến bại kể lại cho ông nghe. Rồi vua hỏi hã đi ra để cho tôi được tự do với nàng công chúa. Cũng như cha, nàng rất cảm kích về việc tôi cứu giúp phụ vương nàng, càng hết lòng chiều chuộng. Tôi say sưa quá, đến nỗi quên mất thời gian. Khi lần đến cái hòm thì trời đã rạng. Tuy nhiên, mọi người lúc này đều tin tôi đúng là đức Mahomê, cho dù bọn lính canh có nhìn thấy cái hòm gỗ của tôi bay trên đầu, họ cũng chẳng ngạc nhiên. Đến cả bản thân tôi, sau khi làm cho cả một đạo binh lớn tháo chạy tơi bời, có lúc tôi cũng nghĩ chính mình là Đại tiên tri Mahomê thật.

Quốc vương Caxem cho dù nhà vua thù địch, vẫn được xứ Gazna cho làm tang lễ trọng thị. Hai ngày sau khi chôn cất vua Caxem, vua Bahaman cho ban bố khắp đô thành, khuyến cáo dân chúng mở hội vui chơi, vừa để mừng chiến thắng vinh quang vừa để chính thức công nhận cuộc hôn nhân nàng công chúa Thirin se duyên cùng Đấng Đại tiên tri Mahomê.

Tôi nghĩ, nhân dân mở hội mừng ngày cưới của mình, thì mình cũng nên nghĩ ra một phép diệu kỳ nào đấy, cho xứng đáng với danh dự được tôn vinh.

Thế là tôi vào thành phố tìm mua diêm tiêu, hạt bông vải cùng một khẩu súng con để phát hoả. Tôi trộn lẫn diêm tiêu với hạt bông vải khô, rồi cả ngày lui cui chuẩn bị làm pháo hoa. Đúng giữa đêm hội, tôi cho chiếc hòm bay thật cao trên thành phố và phát lửa đốt một trận pháo hoa rực rỡ. Tôi chú ý cho cái hòm lên thật cao để mọi người bị ánh sáng pháo hoa làm loá mắt, chẳng ai có thể nhìn thấy chiếc hòm gỗ.

Hôm sau, trời vừa sáng tôi lại vào thành phố để thích thú lắng nghe nhân dân loan truyền ngợi ca đêm pháo hoa tuyệt vời. Nhiều người cho rằng Đấng Đại tiên tri cho đốt pháo trên trời mừng lễ cưới mình. Những người khác một mực quả quyết chính mắt mình trông thấy, rõ như ban ngày không thể nào nhầm lẫn, Đấng Đại tiên tri xuất hiện dưới dạng một cụ già với bộ râu dài trắng như tuyết giữa vầng pháo hoa đẹp tựa sao sa.

Những chuyện lan truyền trong dân chúng ấy khiến tôi khoái trá không sao tả xiết. Trong khi tôi đang sung sướng vì được bốc tận mây xanh thì chiếc hòm gỗ, chiếc hòm gỗ yêu quý của tôi cháy rụi trong rừng. Chắc hẳn một đốm lửa nào đấy của đốm pháo hoa rơi xuống rừng và cháy âm ỉ trong khi tôi vắng mặt đã thiêu mất nó. Khi tôi quay trở về, chỉ còn nhìn thấy một đống tro. Nỗi đau của tôi đến cùng cực. Một người đi xa trở về nhà, thấy cậu con trai độc nhất của mình bị đâm hàng ngàn nhát tử thương, đang nằm trong vũng máu, hẳn cũng đau đớn như tôi lúc ấy là cùng. Tiếng tôi kêu la khóc

lóc thảm thiết vang dội cả khu rừng. Tôi tự đập đầu giật tóc, xé rách áo quần của mình. Tôi không hiểu tại sao lúc ấy không đi đến mức tự kết liễu đời mình.

Nhưng tai hoạ đã xảy ra rồi, đành nào cũng phải đi đến một quyết định. Chỉ còn mỗi một cách, là đi nơi khác, may ra tìm kiếm được vận may. Thế là Đấng Đại tiên tri đành bỏ lại nàng công chúa Thirin xinh tươi và quốc vương Bahaman ở thành phố Gazna, để lê gót ra đi đến phương trời khác, cả hai cha con nhà vua đều ngẩn ngơ nuôi tiếc chẳng hiểu tại sao Đấng tiên tri không đoái hoài trở lại với mình.

Ba ngày sau, tôi gặp một đoàn thương nhân người Cairo sang đây buôn bán đang tổ chức thành đoàn lữ hành để cùng nhau trở về thành phố. Tôi lẻn vào đoàn, cùng đi với họ về thành phố vĩ đại ấy. Tôi học nghề thợ dệt kiếm sống qua ngày. Ở thành phố Cairo mấy năm, tôi rời sang thành phố Đamat này và vẫn hành nghề ấy. Bề ngoài mọi người nhìn thấy tôi có vẻ hài lòng lắm với số phận của mình, nhưng đây chỉ là bề ngoài sai lạc mà thôi. Thâm tâm tôi không sao quên được những ngày hạnh phúc từng được hưởng. Nàng công chúa Thirin thỉnh thoảng lại hiện lên trong ký ức. Tôi cố quên nàng đi để cuộc sống của mình được thanh thản, nhưng cố gắng bao nhiêu cũng vô ích, chỉ làm cho mình khổ thêm mà thôi.

- Muôn tâu bệ hạ, – người thợ dệt nói tiếp – đây là tất cả những gì hoàng thượng đòi kẻ này phải ngay thật tâu trình. Tôi hiểu bệ hạ không hài lòng sao tôi dám lừa dối công chúa Thirin và quốc vương Gazna, thỉnh thoảng tôi có nhận thấy ngài đã cau mặt chau mày vì những việc làm trái đạo đức ấy, khiến tôi run sợ lắm. Tuy nhiên, tâu bệ hạ, chính ngài đòi hỏi tôi phải nói cho thật chân thành, không được giấu giếm chút gì, vậy cúi xin bệ hạ rộng lòng thương tha tội cho về những điều sai trái đã trót làm.

CHUYỆN QUỐC VƯƠNG BÊRÊĐIN-LÔLÔ VÀ TÊ TƯỚNG ATANMUC – PHẦN TIẾP

Sau khi nghe hết câu chuyện, vua Bêrêđin cho người thợ dệt lui về. Vua nói với tể tướng và vị hoàng thân tin cẩn của mình:

- Câu chuyện về cuộc đời anh chàng thợ dệt này chẳng kém kỳ lạ chuyện của hai ông. Cho dù anh chàng ấy cũng như hai ông, không cảm thấy mình sung sướng, xin các vị chớ vội nghĩ ta chịu thua cuộc, và nhất trí với kết luận của hai ông, trên đời này không có ai được hạnh phúc hoàn toàn. Ta muốn lần lượt hỏi chuyện các võ quan, triều thần cũng như tất cả mọi người phục vụ trong nội cung ta về vấn đề ấy. Tể tướng hãy mời họ theo thứ tự đến gặp ta!

Tuân lệnh, trước hết tể tướng cho vời các võ quan. Nhà vua truyền cho những người từng trải qua chinh chiến hãy mạnh dạn nói rõ, trong đời mỗi người có điều thâm kín nào khiến họ thấy cuộc sống không thú vị lắm. Mọi người hãy thành thật, đừng sợ điều mình nói ra có thể mang lại hậu quả không hay!

Thế là các võ quan thi nhau tuôn ra bao nhiêu điều bức bối, khiến lòng họ hoàn toàn không được thanh thản. Người thú nhận mình nuôi quá nhiều tham vọng, người nói mình quá chặt bóp tiền tẩn trong cuộc sống. Có người thú thật mình luôn luôn ganh tị với các bạn cùng quân ngũ, sao họ được hưởng vinh quang nhiều hơn mình, giận người đời không đánh giá đúng các chiến công hiển hách của mình. Tóm lại, các vị quan võ thoải mái dốc bầu tâm sự cho nhà vua nghe. Không tìm ra ai là người hạnh phúc, vua bảo tể tướng ngày mai sẽ nghe tiếp các vị quan văn trong triều đình.

Đến lượt các quan văn. Chẳng có vị nào cảm thấy hài lòng về mình. Một ông nói, tôi cảm thấy uy danh lớn chẳng hiểu sao cứ giảm sút từng ngày. Một ông khác phàn nàn, hễ định làm việc gì là y như có người khác chực phá ngang, chẳng bao giờ đạt kết quả ưng ý. Một ông nữa: mình luôn phải tính toán cách ăn ở sao cho vừa lòng các kẻ thù của mình, thậm chí còn phải tìm cách vuốt ve họ. Một vị khác nữa lại kêu ca mình đã tiêu pha hết tài sản, sắp lâm vào cảnh khánh kiệt tới nơi.

Vua Bêrêđin-Lôlô vẫn chẳng sao tìm ra con người hạnh phúc trong tất cả văn võ bá quan của mình, liền quay về hỏi những người hầu hạ tại nội cung. Vua kiên nhẫn lắng nghe từng người kể chuyện. Câu kết luận của mỗi người chẳng mấy khác những điều các võ quan và triều thần đã nói. Người thì chuyện vợ cả nàng hầu, người thì lo lắng vì con cái. Người cho gia cảnh mình chưa sung túc lắm thì than thở sao số mình không được phú quý vinh hoa, người giàu sang thì phàn nàn sức khỏe quá tồi, hoặc ngày nào cũng có

chuyện xảy đến buộc phải luôn luôn lo nghĩ.

Mặc dù chưa vừa ý, quốc vương Bêrêđin-Lôô vẫn không chịu từ bỏ hy vọng rồi đây có thể gặp một con người cảm thấy hài lòng về bản thân. Vua nói với tể tướng:

- Chỉ cần ta gặp được mỗi một người như vậy thôi, bởi ông cứ khẳng khẳng không có bất kỳ ai hạnh phúc trên đời này.

- Vâng, tâu bệ hạ, – tể tướng đáp – giờ đây tôi vẫn tin ý mình là đúng. Tôi nghĩ bệ hạ sẽ tìm kiếm tổn công vô ích mà thôi.

- Ta vẫn chưa nhất trí với ông, – vua nói, – trong đầu ta vừa nảy ra một ý có thể tạo điều kiện giúp ta làm sáng tỏ.

Thế là vua truyền lệnh, cho bố cáo để mọi thần dân trong kinh thành được biết, bất cứ người nào cảm thấy hài lòng với số phận của mình, bất kỳ ai chưa hề gặp một điều không vui làm cuộc sống mình kém thanh thản, nội trong thời gian ba ngày, phải đến ra mắt triều đình. Hết hạn ba ngày, vẫn chưa thấy một người dân nào xuất hiện trước hoàng cung, coi như toàn thể nhân dân trong vương quốc ai ai cũng đồng tình với nhận định của tể tướng Atanmuc.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI SÁU

Vua Bêrêđin cực kỳ ngạc nhiên chẳng thấy ma nào chịu đến ra mắt mình như chiếu chỉ truyền. Vua thốt lên:

- Thật chẳng thể nào tin được! Làm sao cả kinh đô Đamat này, một thành phố rất rộng lớn, dân cư rất đông đúc lại không thể bói ra một con người hạnh phúc?

Tể tướng Atanmuc thưa:

- Muôn tâu bệ hạ, cho dù ngài có cho hỏi hết toàn thể mọi người thuộc mọi dân tộc trên trái đất này, ai ai cũng sẽ trả lời ngài họ cảm thấy mình bất hạnh.

- Đó là điều ta không sao tưởng tượng nổi. – Vua nói. – Dù ông khẳng định vậy, ta vẫn mong đất nước được thanh bình để ta có điều kiện đi du hành khắp nơi trên thế giới, để rồi xem giữa ông và ta, ai là người sai lầm.

Có một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Đúng vào thời gian ấy, các nước lân bang của xứ Đamat đều phái sứ thần đến xin cầu hòa, với những điều kiện có lợi cho vua Bêrêđin. Vua hội đồng đủ triều thần hỏi ý kiến, mọi người nhất trí cho ta cần tận dụng cơ hội này, chấp nhận các điều kiện ấy hay hơn bác bỏ. Vậy là hoà bình được tái lập giữa quốc vương Đamat với các kẻ thù truyền thống của ông. Hoà ước được ký kết và ban bố cho thần dân cả nước cùng rõ. Ít lâu sau, được rảnh rang, nhà vua nói với tể tướng:

- Bây giờ đất nước không còn chiến tranh, ta có thể đi du hành. Ý ta đã quyết. Chừng nào chưa tìm gặp được một con người hạnh phúc, ta nhất định chưa trở về kinh đô.

Tể tướng vẫn tìm cách khuyên can:

- Tâu bệ hạ, sao ngài tự chuốc lấy hiểm nguy vất vả đường trường làm gì? Sao ngài không nhận ra ngài đã tìm được người ngài muốn gặp? Ngài cứ suy ngẫm về bản thân là thấy ngay. Giờ đây, ngài không còn kẻ thù nào để phải lo đối phó, giờ đây muôn dân trong nước ai ai cũng tỏ lòng kính yêu ngài, giờ đây tất cả văn võ bá quan trong triều ai ai cũng tìm cách làm vui lòng hoàng thượng. Nếu ngài được vậy, mà còn cho mình chưa phải là con người hạnh phúc, thì làm sao có người nào khác trên đời này dám tự cho mình sung sướng?

- Cho dù hoà bình đã được thiết lập, – vua Bêrêđin-Lôlô nói – ta vẫn chưa cảm thấy mình là con người hoàn toàn hạnh phúc. Ta nói thật với ông, riêng một nỗi băn khoăn muốn rõ trên đời này liệu có người nào tự cảm thấy hài lòng về cuộc sống của mình hay không, đã khiến ta mất hết thanh thần, ngủ không sao yên giấc.

- Đã thế tại sao bệ hạ cứ một mực đòi tìm cho rõ điều mình muốn biết? Bệ hạ cứ yên tâm đi, sẽ chẳng bao giờ gặp được một con người như bệ hạ mong muốn, như thế có phải tốt hơn không?

Tể tướng Atanmuc rất mong nhà vua từ bỏ ý định của mình, nhưng không lay chuyển được ông. Một thời gian sau, vua giao phó việc triều chính cho một số triều thần tin cậy trông nom, rồi cùng với tể tướng Atanmuc, hoàng thân Sêypen Muluc và một số nô lệ theo hầu lên đường tìm người hạnh phúc.

Họ đến thành phố Batđa. Đường đi yên hàn vô sự. Tới nơi, ba người tạm trú tại một lữ quán dành riêng cho du khách đường xa. Họ xưng là những đại thương gia chuyên buôn ngọc, từ trước tới nay vẫn đi từ triều đình này sang triều đình khác để chào và bán hàng cho các bậc vua chúa. Quả họ cũng có mang theo nhiều châu báu, khiến ai nghe họ nói cũng tin. Bằng cách ấy, quốc vương Đamat được gặp mặt Đấng thống lĩnh các tín đồ mà không để hoàng đế rõ mình là ai. Ba người cùng nhau đi xem các thắng cảnh ở Batđa.

Một hôm, tình cờ gặp trên đường phố một thầy tu theo dòng khát thực đang lớn tiếng thao thao thuyết pháp với một số khá đông người vây quanh. Đến gần hơn, nghe khát sĩ ấy thuyết:

- Hồi những người anh em thân quý của tôi, thật là vô nghĩa, sao những người anh em suốt đời cứ lo toan vất vả để làm giàu? Một khi tử thần đã gõ cửa gọi chúng ta đi, cho dù lúc ấy người anh em có dâng cho thần tất cả tài sản của mình để xin được sống thêm vài ngày, tử thần bất nhân ấy sẽ chẳng buồn nghe lời người anh em van vãn. Hơn nữa, chắc những người anh em của tôi ai cũng phải nhận, có đúng là người ta càng giàu nổi lo càng lớn? Có phải những người anh em giàu có cứ canh cánh lo âu canh chừng bọn trộm cướp rình mò? Riêng chuyện tính toán sao giữ cho vẹn tài sản của mình, đã làm người anh em ăn không ngon ngủ không yên. Xin những người anh em hãy nhìn tôi đây! Tôi hoàn toàn không có tài sản, tôi chẳng bao giờ được chút tiện nghi, giữa sự thiếu thốn cùng cực này tôi vẫn cảm thấy mình hoàn toàn hạnh phúc.

Nghe khát sĩ thuyết, nhà vua kéo riêng tể tướng ra bảo:

- Cũng như ta, ông vừa nghe rõ những lời chàng khát sĩ kia nói. Ta không còn phải đi xa hơn nữa. Ta đã gặp được người ta cần tìm. Chàng khát sĩ kia chính là một người hài lòng về cuộc sống của mình.

Tể tướng nói:

- Tâu bệ hạ, chúng ta nên tìm cách lân la trò chuyện riêng với khát sĩ ấy. Hãy tìm cách khiến anh ta nói đúng ra tâm sự của mình, có thể thực tế không như điều anh ta vừa nói đâu.

- Ta đồng ý. – Nhà vua đáp. – Nhưng giả sử trong cuộc nói chuyện riêng,

rồi đây anh ta khẳng định hài lòng với mình, thì ông tin lời ta chứ?

- Vâng, tâu bệ hạ, – tể tướng đáp – lúc ấy tôi tin, và tôi xin thừa nhận mình đã sai lầm.

Ba người chú ý để mắt theo dõi anh khát sĩ. Anh chàng, sau khi nhận được một ít tiền làm phúc của những người đứng nghe, liền ngưng buổi thuyết pháp lui về nhà trọ, tại một nơi ở ngoại ô thành phố. Nhà vua cùng mấy tùy tùng bám sát. Dọc đường, họ tiếp cận anh chàng, ngỏ lời hỏi khát sĩ có vui lòng giải trí với cánh này một bữa hay không. Nhìn dáng họ, chàng khát sĩ nhận ra đây là những thương gia giàu có người nước ngoài, liền đáp không có lời mời nào làm chàng ta vui lòng hơn thế. Khát sĩ dẫn ba người về ngôi nhà nhỏ ở ngoại ô, thuê chung cùng với hai khát sĩ khác. Hai người kia, vừa nghe nói có người mời đánh chén, cũng tỏ ra hết sức mừng vui. Tể tướng lấy ra mấy đồng *xocanh* vàng, đặt vào tay khát sĩ và bảo:

- Anh hãy đi tìm mua những gì cần thiết để anh em ta vui chơi chè chén cả ngày hôm nay.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI BẢY

Anh chàng khát sĩ cầm tiền đi, hai tiếng đồng hồ sau, quay trở lại mang theo nhiều thịt, hoa quả cùng một bong bóng dê lớn chứa đầy rượu ngon. Thế là mọi người sà xuống, ngồi quanh cái bàn, bắt đầu đánh chén. Ăn xong là uống. Uống càng nhiều càng bốc. Chuyện trò càng về sau càng rôm rả. Nhất là ba chàng khát sĩ rất vui vẻ, vừa ăn uống vừa cười nói huyên thuyên. Nhà vua bảo riêng với tể tướng:

- Ta nghĩ chúng ta đã gặp những người cần tìm. Thôi, ông hãy nhận mình sai lầm đi!

- Chưa đâu, tâu bệ hạ, – tể tướng không chịu – chưa đến lúc ấy đâu. Về bên ngoài để đánh lừa chúng ta lắm.

Một khát sĩ nghe hai người nói chuyện, quay sang hỏi:

- Thưa, hai ngài định nói gì?

Nhà vua rút từ trong áo ra một túi đựng đầy *xocanh* vàng, đặt vào tay chàng khát sĩ gặp ngoài đường phố, và nói với anh chàng:

- Hỡi các bạn khát sĩ! Xin các bạn hãy nhận túi tiền này! Tôi muốn làm quà cho các bạn, với điều kiện các bạn vui lòng cởi mở tâm tình cho chúng tôi nghe. Ngồi trước mặt các bạn đây là ba thương gia liên kết làm ăn với nhau. Một đồng nghiệp của tôi cho rằng trên đời chẳng có ai hạnh phúc. Tôi thì khẳng định ngược lại. Hỡi này, ở ngoài phố, chúng tôi đã nghe bạn nói, tuy chẳng có mấy tài sản, bạn vẫn cảm thấy mình là con người hoàn toàn hạnh phúc. Xin bạn vui lòng cho biết chúng tôi nên nghĩ thế nào về lời nói trên của bạn? Đối với tôi, làm sáng tỏ điều này là hết sức quan trọng. Bạn sẽ làm cho tôi vô cùng thú vị nếu bạn chịu nói thật tâm tư.

Chàng khát sĩ nhận túi tiền, cảm ơn vua Bêrêđin-Lôlô và thưa:

- Thưa ngài, bởi ngài đã muốn vậy, tôi xin nói thật lòng. Tôi chẳng hạnh phúc chút nào đâu, cũng như hai anh bạn tôi kia. Nếu hỡi này ngài có nghe tôi khoe khoang mình là con người hạnh phúc tuyệt vời, xin chớ vội nghĩ tôi hài lòng với hoàn cảnh. Tôi nói tôi không màng của cải, ấy là nhằm gọi lòng thương xót của những người đang nghe tôi nói. Cuộc sống của các khát sĩ chúng tôi khốn khổ lắm, chẳng nên nhìn vào bề ngoài của họ để tìm thấy sự yên vui, cái mà mọi người ai cũng khát vọng hoài công vô ích. Tôi, cũng như vị đồng nghiệp của ngài, tôi tin trên đời này chẳng có ai hài lòng về cuộc sống của mình. Không bao giờ thoả mãn tâm lòng khao khát của người đời. Vừa đạt được một ước vọng mình đang ôm ấp, thì lại nảy sinh một ước vọng mới, khiến cho con người chẳng lúc nào được thanh thản.

Tể tướng Atanmuc rất hài lòng nghe chàng khát sĩ nói những lời vừa rồi.

Ông mong nhà vua chấp nhận thua cuộc và mau chóng trở về với đất nước của mình. Nhà vua cũng bắt đầu phân vân, có lẽ mình nghĩ không đúng. Sau khi từ biệt các khất sĩ, vua nói với hoàng thân Sêypen Muluc và tể tướng:

- Còn buổi chiều hôm nay, chúng ta nên đến cửa hàng bán giải khát *fiquaa*^[44] tìm hiểu nốt.

Trong quán chiều hôm ấy có rất đông khách. Họ là những người hàng ngày theo thói quen vẫn tụ tập nơi đây. Nhà vua, tể tướng và hoàng thân ngồi ghé vào một bàn, ở đây đã có hai vị khách trông cũng ra dáng người có vai vế nhất định trong xã hội, đang chuyện trò với nhau về những nỗi buồn khó tránh của cuộc đời. Một người nói:

- Không, chừng nào chúng ta còn sống trên đời, thì chớ vội nghĩ trời để cho chúng ta sống thanh thoi hạnh phúc. Sở dĩ trời không muốn đời chúng ta an nhàn lạc thú, hẳn là để sau này khi chết đi, những người nào vững đức tin sẽ càng cảm thấy được nhiều lạc thú hơn nơi cõi vĩnh hằng, như thánh nhân đã từng dạy.

- Tôi không hoàn toàn đồng ý với anh. – Người kia nói. – Tôi biết, phần đông người đời ai cũng có gặp bất hạnh, nhưng chẳng nhẽ tất cả mọi người đều bất hạnh cả hay sao? Tôi có biết một người đang sống một cuộc đời lạc thú, ngày nào cũng như ngày nào đối với ông ta đều là những ngày vui.

Tể tướng tham gia câu chuyện:

- Ô, vậy ai là con người hạnh phúc ấy, thưa hai vị? Ông ta ở nơi đâu trên thế giới này?

- Ở thành phố Astrakhan. – Người vừa nói cho biết. – Ông ta là quốc vương hiện đang trị vì ở kinh đô Astrakhan. Tôi không rõ nhà vua ấy còn thiếu gì nữa không, nhưng tôi thừa nhận trên đời chẳng có ai được thanh thản như ông ấy, tôi hằng tin cuộc đời ông chẳng có điều gì khuấy động cảnh yên vui. Tóm lại, một con người hài lòng về mình. Chẳng thế, mọi người chẳng gọi ông một cách đúng đắn là *Nhà vua không phiền não*.

Mấy lời trao đổi ấy tác động đến tâm trí nhà vua. Vừa ra khỏi quán giải khát, vua nói với tể tướng:

- Chúng ta phải lên đường đến Astrakhan thôi. Ta muốn gặp mặt *Nhà vua không phiền não*.

- Tôi cũng có mong muốn như bệ hạ. – Tể tướng đáp. – Tôi sẵn sàng theo ngài lên đường.

Thế là ba người cùng quyết định sẽ khởi hành ngay vào sáng sớm ngày hôm sau.

Khi về tới quán trọ, lại nghe có tin một đoàn thương gia người nước

Xiêcca hiện đang có mặt tại thành phố Batđa, sắp lên đường về nước trong dăm ba ngày nữa. Nhà vua quyết định lùi chuyến đi của mình ít hôm, sáp nhập với đoàn lữ hành đông đảo, để được an toàn hơn trên đường đi. Cùng với đoàn thương nhân ấy, ba người đến được nước Xiêcca bình yên vô sự. Họ đi tiếp đến thành phố Astrakhan, nơi quốc vương Hocmô, biệt danh *Nhà vua không phiền não*, đang đóng đô.

Cũng như lần trước, họ tìm nơi lưu trú tại quán trọ, và vẫn nhận là những nhà buôn kim hoàn. Thấy nơi đây dân chúng ai ai cũng có vẻ hớn hờ, khắp kinh thành đâu đâu cũng đang mở hội, nhà vua hỏi người chủ quán trọ, thành phố ta đang có sự kiện gì mà mọi người hội hè đông đúc thế. Chủ quán trả lời:

- Chắc hẳn các ngài chưa đặt chân tới thành phố này bao giờ kể từ ngày quốc vương Hocmô lên ngôi trị vì nơi đây, cho nên mới đặt ra câu hỏi ấy. Chẳng phải nhằm tôn vinh một trận vừa đánh thắng kẻ thù, hoặc để khánh chúc sự kiện trọng đại nào, mới có các cuộc vui chơi ấy. Ngày nào dân chúng kinh thành này cũng hội hè, sinh hoạt như vậy cho phù hợp với tính cách vui vẻ của quốc vương. Ngài là người lúc nào cũng thích cười đùa sảng khoái, chẳng thế người ta đã chẳng gọi ngài là *Nhà vua không phiền não*.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI TÁM

Chủ nhà trọ dứt lời, nhà vua nói riêng với tể tướng: – Mặc dù ông chủ nhà trọ vừa phác họa nên chân dung quốc vương Astrakhan là con người sáng khoái như ông cũng vừa nghe đây, ta chắc trong lòng ông chưa hẳn tin biệt danh ấy hoàn toàn thích hợp với nhà vua trị vì nước này.

- Đúng vậy, tâu bệ hạ, – tể tướng đáp – tôi chẳng dễ gì để cho mình bị lừa phỉnh vì dáng vẻ bên ngoài. Chẳng qua lại như trường hợp các chàng khát sĩ chúng ta từng gặp ở thành Batđa đó thôi.

- Ta nhất trí, ông không nhầm khi vẫn ngờ vực biệt danh người ta tặng cho vua Hocmô có thể không thật chuẩn xác. Cũng như ông, ta nghĩ làm sao một người gánh trên vai toàn bộ sơn hà xã tắc, lẽ nào không có việc phải lo nghĩ. Dù sao chúng ta cũng sắp rõ sự thật thôi. Ta có ý định ngày mai đi đến triều đình nhà vua ấy, tự giới thiệu, gây được cảm tình của ông, rồi tìm cách để ông cởi mở cho chúng ta thấy tận đáy tâm hồn.

- Tôi rất đồng tình, tâu bệ hạ. – Tể tướng nói. – Nhưng xin bệ hạ vui lòng hứa cho, trong trường hợp quốc vương Astrakhan nói thật với chúng ta ông cũng có nhiều điều phiền não riêng, thì ngài sẽ thôi, không tiếp tục tìm kiếm con người hạnh phúc nữa.

- Ta chấp nhận. – Vua Bêrêđin đáp. – Hơn thế, ta còn hứa trong trường hợp ấy, ta sẽ lên đường trở lại kinh thành Đamat ngay tức khắc.

- Nếu vậy chúng ta nên đến triều đình quốc vương Hocmô ngay đi! – Tể tướng nói. – Đến gần, chúng ta sẽ cùng chú ý quan sát mọi hành động của nhà vua, chớ nên để lọt ra ngoài mắt nhất cử nhất động của ông ấy.

Quyết định rồi, là thực hiện ngay. Ba người đến hoàng cung. Sau khi qua khỏi một sân rộng đông nghịt lính tráng, họ đến gian phòng đầu tiên, thấy nườm nượp ca sĩ và nhạc công. Từ đây, sang một gian phòng khác, lại thấy có nhiều người hầu nam và cung nữ, trang phục lịch sự, đang biểu diễn rất khéo léo nhịp nhàng nhiều vũ điệu đặc sắc.

Sau khi đứng đấy xem múa một lúc, nhà vua, tể tướng cùng vị hoàng thân đều muốn rõ có những gì trong gian phòng thứ ba. Họ len vào đám đông, đông tới mức họ dường như không rẽ được lối đi mà cứ để cho dòng người xô đẩy tới. Giữa phòng thứ ba này, có kê một chiếc bàn rộng, chung quanh ngồi chừng vài ba mươi thực khách. Đây là bữa tiệc hàng ngày nhà vua nước Xiêcca chiêu đãi các đại thần trong triều. Chẳng khó khăn gì phân biệt quốc vương giữa số người đang ngồi tại bàn tiệc. Ông ngồi ở chỗ danh dự, đầu đội chiếc vương miện bằng bạc khảm nhiều viên hoàng ngọc và hồng ngọc. Đây là một người trạc ba mươi tuổi, vẻ mặt rất tuấn tú khôi ngô, và luôn luôn tươi cười. Vua đang khích lệ các triều thần hãy uống nhiều rượu vào, và tự vua

cạn chén trước làm gương. Ông lại kể chuyện vui, lại cười sang sảng cùng mọi người. Nhà vua đúng là linh hồn của bữa tiệc.

Xong bữa, nhà vua ấy đứng lên, cùng các triều thần dự tiệc bước sang gian phòng đang có dàn ca sĩ và nhạc công múa hát. Nhà vua gần như ở hết ngày trong căn phòng ấy, vừa thưởng thức vừa tự mình tham gia đàn ca hát múa. Đến tối, vua Hocmô mới cho tất cả mọi người lui về, còn mình bước sang phòng dành riêng cho các cung nữ.

Chờ cho các ca sĩ và nhạc công ra về trước, quốc vương Đamat, tể tướng Atanmuc cùng hoàng thân Sêypen Muluc mới ra khỏi hoàng cung cùng một lúc với cơ man là dân thành phố hằng ngày vào cung xem chỉ vì hiếu kỳ.

Về tới nhà trọ, vua Bêrêđin nói:

- Phải thừa nhận quốc vương Astrakhan có vẻ một con người hạnh phúc. Ta không nhìn thấy bất cứ một điều gì cho phép nghi ngờ niềm vui của ông là không thực. Cuối cùng ta đã gặp được một con người hạnh phúc, và điều kỳ lạ hơn cả, đây lại là một bậc quân vương.

- Về phần mình, – hoàng thân Sêypen Muluc nói – tôi có cùng cảm tưởng như bề hạ. Không có dấu hiệu gì bên ngoài khiến ta suy nghĩ vua Hocmô có điều tâm tư thâm kín nào đấy tiềm ẩn trong lòng. Nếu phán đoán của tôi sai, thì nhà vua ấy quả là một người quá khéo che giấu tâm can.

Lúc này tể tướng mới lên tiếng:

- Hoàng thân đã rõ, che giấu tâm can là một nghệ thuật chẳng mấy ai lạ ở chốn triều đình. Riêng tôi, xin phép hoàng thượng cho tôi được miễn phán đoán. Có gì bảo đảm cho chúng ta dám chắc lòng nhà vua ấy trong lúc này biết đâu chẳng chôn giấu một phiền muộn sâu xa? Sao không nghĩ, bề ngoài càng tỏ ra vui vẻ như chúng ta nhìn thấy, thì trong tâm tư, nhà vua càng đau khổ hơn?

NGÀY THỨ MỘT TRĂM MƯỜI CHÍN

Ngày hôm sau, quốc vương Đamat, tể tướng Atanmuc và hoàng thân Sêypen Muluc trở lại hoàng cung, mỗi người mang theo một cái hộp đựng đầy ngọc báu. Họ nhờ người vào tàu, có ba thương gia chung vốn buôn ngọc vẫn đi chào bán ngọc ở các triều đình, từ kinh thành Batđa đến muốn xin gặp nhà vua. Vua Hocmô cho mời cả ba vị vào ngay. Ba vị thương gia mở các hộp, đưa trình vua xem những viên kim cương lớn nhất. Nhà vua thích thú xem ngọc, đặc biệt thốt lên khi nhìn thấy một viên to bằng quả trứng chim bồ câu: “Ồi, viên ngọc mới đẹp làm sao! Cả đời ta chưa từng nhìn thấy. Dường như thiên nhiên đã bắt tù hời tại viên kim cương này tất cả màu sắc rực rỡ nhất trên đời! Đây là nơi sản sinh ra vật lạ này?”

Tể tướng Atanmuc từng làm nghề buôn ngọc, đáp thay cho ba người:

- Tàu bệ hạ, chỉ có ở đảo Xêrêđíp mới tìm ra được loại kim cương độc đáo như thế này. Chúng tôi đã mua được viên này ở nước ấy. Đúng là trong tất cả các loại châu báu hiện có ở Xêrêđíp, duy viên này được mọi người nhất trí cho là quý hiếm nhất.

Thấy vua Hocmô cứ ngắm nghía không chán, vua Bêrêđin nói:

- Tàu bệ hạ, chúng tôi rất mừng thấy có một thứ làm cho ngài hài lòng. Chúng tôi khúm núm khẩn cầu xin bệ hạ cho phép được dâng tặng ngài vật mọn này. Xin bệ hạ vui lòng chấp nhận cho, nếu bị ngài khước từ, chúng tôi sẽ lấy làm tủi thân lắm.

Nhà vua Hocmô đồng ý nhận món quà. Vua ngỏ ý mời ba vị khách lưu lại một thời gian trong kinh đô mình, và mời ba người vào ở luôn trong cung điện của hoàng gia.

Ba người chuyển vào ở tại hoàng cung ngay trong ngày hôm ấy. Quốc vương Hocmô ban cho họ mấy căn nhà đẹp nhất và sai các quan văn hầu cận nhà vua đích thân phục dịch họ. Vua Hocmô tin đây là những thương gia có nhiều dịp đi lại các nước châu Á, nên quyết định đối xử với họ vô cùng trọng hậu, để sau này khi có dịp đến bán ngọc tại các triều đình khác, họ sẽ ca ngợi kinh thành Astrakhan. Ngày nào vua cũng sai ban tặng phẩm cho ba nhà buôn. Khi thì vua đích thân dẫn họ tham gia các cuộc săn bắn, khi thì mời họ dự buổi trình diễn nghệ thuật đặc sắc. Lại có lần vua mở một tiệc lớn chiêu đãi họ, có mặt tất cả các vị đại thần trong triều. Bất kỳ tổ chức lễ lạt gì, vua cũng dặn cho làm huy hoàng hơn bình thường một tí, khiến cho họ đến phải loá mắt ngơ ngàng trước sự giàu có phồn vinh của nước Xiêcca.

Quốc vương Bêrêđin cũng như tể tướng Atanmuc và hoàng thân Sêypen Muluc ít quan tâm đến các vinh dự ấy, mà chỉ để ý quan sát, không bỏ qua một động thái nào của nhà vua Hocmô. Ba vị cố chú ý xem có lúc nào quốc

vương này lộ ra đang phải che giấu một nỗi niềm nào đó trong lòng. Nhưng mặc cho họ tôn công dò xét, vẫn chưa thấy có dấu hiệu nào khả nghi. Một hôm, vua Bêrêđin nói với tể tướng:

- Ông Atanmuc à, nhìn xem cơ sự này, có lẽ nhà vua nước này đúng là một con người hạnh phúc, dư luận không sai ngoa.

- Vâng, tâu bệ hạ, – tể tướng đáp – mọi sự bên ngoài đều khiến ta phải nghĩ nhà vua là người sung sướng. Nhưng vẫn chưa chắc lắm đâu. Chúng ta chưa có dịp quan sát vua vào ban đêm. Biết đâu khi chúng ta tưởng nhà vua đang ngon giấc, thì ông lại trăn trở không yên vì một điều phiền muộn nào đó.

Nhưng làm sao chúng ta có thể đi sâu vào đời tư mà nhìn tận đáy tim gan người khác? – Nhà vua hỏi.

- Theo tôi nghĩ, bệ hạ nên tâm tình với nhà vua. Ngài nên nói thật mình là ai, tại sao mình đến tận nước Xiêcca này. Thấy ngài thật lòng như vậy, quốc vương Hocmô sẽ tin cậy rồi dốc hết tâm tư với ngài; biết đâu vua sẽ chẳng vén cho ngài thấy một điều bí mật vua vẫn cố che giấu mọi người.

Hoàng thân cũng tán đồng ý kiến của tể tướng. Quốc vương Bêrêđin liền quyết định sẽ nói chuyện với quốc vương Hocmô với cách sao để ông này chịu làm sáng tỏ vấn đề. Một hôm, ba nhà buôn kim hoàn đến gặp quốc vương nước Xiêcca xin được nói chuyện riêng. Vua Hocmô chấp nhận. Quốc vương Bêrêđin-Lôlô ngỏ lời nói với ông như sau:

- Tâu bệ hạ, chúng tôi đến cầu xin bệ hạ cho phép chúng tôi từ giã triều đình của ngài. Thời gian chúng tôi định lưu lại kinh thành quý quốc đã quá lâu. Chúng tôi đến cảm tạ ân sủng của ngài và xin ngài vui lòng cho chúng tôi được ra đi.

- Ta không cố ý lưu giữ các ngài nếu các ngài không muốn ở lại đây nữa. – Vua Hocmô nói. – Tuy nhiên, ta thú thật các ngài ra đi vội vàng quá đấy, khiến ta phiền lòng. Trước đây ta vẫn ngỡ ba vị sẽ còn ở chơi lâu hơn nữa. Có lẽ kinh thành này không có gì đủ thú vị để giữ chân các ngài chăng?

- Tâu bệ hạ, – vua Bêrêđin vội đáp – tôi xin nói có đất trời chứng giám, triều đình của ngài đối với tôi còn nhiều lạc thú hơn, dễ chịu hơn cả kinh đô của chính Đấng thống lĩnh các tín đồ. Hơn nữa, sự đón tiếp nồng hậu của ngài, mọi ân huệ ngài thường xuyên ban cho đủ làm chúng tôi vô cùng cảm kích. Tuy nhiên, có nhiều lý do quan trọng buộc chúng tôi phải trở về tổ quốc của mình. Bởi, tâu bệ hạ, chúng tôi không phải là những nhà buôn ngọc như ngài vẫn tưởng. Tôi cũng là một vị quân vương như ngài. Tôi đang trị vì xứ Đamat, còn hai vị mà ngài vẫn ngỡ là các vị đồng nghiệp của tôi đây, một là vị tể tướng của tôi, một là vị đại thần tin cậy nhất của tôi.

Quốc vương Astrakhan khá ngạc nhiên về lời nói thật ấy. Vua càng tin chắc hơn khi vua Bêrêđin thuật rõ nguyên nhân do đâu ba người ra đi khỏi kinh thành Đamat. Nghe xong, vua Hocmô cả cười và nói:

- Lạ nhỉ, tâu bệ hạ, vị tể tướng của ngài vẫn quả quyết trên đời không có người nào hoàn toàn hạnh phúc sao?

- Đúng vậy, – vua Bêrêđin đáp – và đây chính là điều ông ấy không thể thuyết phục tôi. Quả thực, tại vương quốc mình, tôi chưa tìm ra được một người hoàn toàn hài lòng với cuộc sống. Tôi đã tốn công vô ích đi kiếm tìm người tuyệt đối hạnh phúc ở nhiều xứ khác. Tại kinh thành Batđa tôi có gặp mấy người thoát trông có vẻ hoàn toàn thoải mái với số phận, song thực ra không phải vậy. Tìm kiếm mãi không thấy, tôi định lên đường trở về Đamat thì nghe có người nói, tại kinh đô Astrakhan đang trị vì một bậc quân vương được người đời tặng biệt danh là *Nhà vua không phiền não*, do tính cách lúc nào cũng tươi cười vui vẻ của người. Vì hiếu kỳ, tôi muốn được nhìn thấy ngài tận mắt, và quả nhiên tôi thấy ngài bước chân đến đâu mang theo niềm vui đến đó. Tâu bệ hạ, tôi muốn cầu xin ngài hãy cho biết, về bên ngoài ấy có phải hoàn toàn khớp sự thật chăng? Có đúng là ngài hoàn toàn lạc thú? Có phải tuyệt không có một nỗi ưu phiền nào khuấy động giấc ngủ thanh thản của ngài?

Quốc vương Hocmô lại phá ra cười trước câu hỏi ấy, và hỏi lại quốc vương Bêrêđin:

- Có thể nào bệ hạ bỏ mặc xã tắc của ngài để ruổi rong khắp thế giới tìm cho ra một con người hoàn toàn hạnh phúc?

- Hoàn toàn đúng như vậy, – vua Bêrêđin đáp – vì vậy mong bệ hạ cho tôi rõ tâm trạng thật của ngài. Đó là một ân sủng nữa, tôi cầu xin ở ngài, sau bấy nhiêu điều ngài đã làm cho tôi.

- Bởi ngài đã ngỏ lời hỏi tôi một cách nghiêm túc như vậy, – vua nước Xiêcca nói – và bởi ngài cho đây là một điều rất quan trọng muốn làm sáng tỏ, tôi xin trả lời: tể tướng của ngài đã có lý. Tôi chia sẻ ý kiến đó với ông. Tôi tin trên đời này không thể có một con người hạnh phúc. Về phần mình, tôi không phải là con người hạnh phúc, hay nói thật đúng hơn, tôi tự cho mình là nhà vua đau khổ nhất trên thế gian này. Niềm vui thường xuyên bộc lộ trên khuôn mặt tôi là niềm vui giả tạo. Đây là hệ quả của một sự nén lòng nặng nhọc nhưng cần thiết không được để cho thần dân của tôi thấy rõ sự phiền não đang đốt cháy tâm can tôi, và do phải luôn luôn kiềm chế, cho nên tôi càng cảm thấy khổ đau hơn.

Quốc vương xứ Đamat bày tỏ với quốc vương thành Astrakhan mình quá thực vô cùng ngạc nhiên khi biết điều ấy. Ông lại tỏ ra quá hiếu kỳ muốn biết rõ do đâu vua Hocmô phiền muộn, đến mức ông này phải hứa sẽ có dịp

cho ông rõ.

Trong thời gian ấy, niềm vui của cuộc sống thường ngày vẫn lan toả khắp kinh thành Astrakhan. Đêm nào dân chúng cũng mở hội hè lễ lạt, hội hè nào cũng đầy phấn khích tươi vui. Như thể nhân dân cả đô thành đua nhau làm cho quốc vương của mình vui vẻ, mỗi người tự cho là một vinh hạnh lớn nếu được vua tán thưởng trò vui mình bày ra. Về phần ông, càng ngày vua Hocmô càng tươi vui sáng khoái hơn, để bày tỏ lòng cảm kích trước tình cảm dân chúng. Tuy nhiên, cho dù nhà vua vẫn biết cách tự nén lòng và che dấu rất khéo mọi phiền muộn như bao giờ, quốc vương Bêrêđin-Lôlô, tể tướng Atanmuc và hoàng thân Sêypen Muluc, từ sau khi nghe được lời tâm sự, tưởng có thể nhìn thấy hé lộ trên khuôn mặt vua Hocmô điều phiền muộn chôn sâu trong lòng ông. Cả ba người đều náo nức chờ vua nước Xiêcca nói thật lòng mình như đã hứa. Nhà vua ấy quả nhiên thực hiện lời hứa theo cách sau đây.

Một đêm, chờ đến lúc trong hoàng cung hoàn toàn tĩnh lặng, vua sai một hoạn nô sang mời ba vị khách đến cung riêng dành cho các bà phụ nữ. Nhà vua không phiền nào đã chờ sẵn họ ở phòng đầu tiên. Vua nói với họ:

- Hôm nay tôi thực hiện lời hứa với các vị. Sau đây, các vị sẽ phán xét tôi có đúng là nhà vua bất hạnh nhất trên thế gian này hay không.

Nói xong, nhà vua cầm tay vua Bêrêđin đưa ông đi ngang qua hai phòng, đến cửa phòng thứ ba, bảo ông đứng đấy nhìn vào. Qua cánh cửa để ngỏ, vua Bêrêđin nhận thấy một phụ nhân rất xinh đẹp đang ngồi trên chiếc sập. Da nàng trắng hơn màu tuyết, đôi mắt nàng sáng tựa hai vàng dương. Nàng có vẻ đang tươi cười chăm chú nghe một cung nữ già kể một câu chuyện gì đấy. Vua Hocmô nói:

- Xin ngài hãy nhìn kỹ nàng công chúa đang ngồi trên sập kia! Có bao giờ ngài được nhìn thấy một con người xinh tươi dường ấy? Ngài hãy nói đi, có phải ngay trong cung của ngài cũng không thể có một nàng đẹp hoàn hảo đến thế?

Vua quay sang hỏi tiếp tể tướng và thượng thư:

- Đời hai vị đã bao giờ được nhìn thấy một giai nhân tuyệt thế như vậy chưa?

Chăm chú ngắm nhìn người phụ nữ, vua Bêrêđin công nhận nhan sắc của nàng quả có một không hai. Tể tướng Atanmuc tưởng thấy lại qua công chúa ấy nàng Zêlica của mình, còn hoàng thân cũng nghĩ, sắc đẹp công chúa này chẳng thua kém nhan sắc nàng Bêđy-an-Giêman. Quốc vương Astrakhan nói tiếp:

- Chính nàng công chúa khả ái này là nguyên nhân gây nên mọi phiền não

cho đời tôi, nàng là nỗi bất hạnh của tôi.

- Có phải công chúa không yêu ngài? Có phải nàng dửng dưng?... – Vua Bêrêđin hỏi.

- Không, chẳng phải thế, – vua Hocmô vội ngắt lời – tôi không có gì phàn nàn về điều ấy. Tôi yêu nàng, nàng cũng yêu tôi.

- Vậy tại sao nàng làm cho ngài phiền não? – Vua Bêrêđin lại hỏi.

- Ngài sẽ thấy ngay đây. Xin ba vị hãy đứng yên ngoài cửa và quan sát những gì sắp diễn ra.

Nói xong, vua bước vào phòng, bước đến gần nàng công chúa. Ôi, diệu kỳ làm sao, vua càng tới gần, nét mặt công chúa càng thay đổi. Khuôn mặt nàng da trắng như tuyết với đôi má hồng đào bỗng nhiên đổi màu tái xám chẳng khác nào da xác chết, vẻ tươi vui trên mặt tan biến dần, đôi mắt từ từ khép lại. Nhà vua ngồi lên sập, bên cạnh nàng, đưa đôi mắt vừa yêu đương đắm đuối vừa đau đớn sâu xa nhìn nàng và nói: “Ôi hỡi nàng công chúa của lòng ta, xin hãy mở mắt ra, xin hãy làm ơn mở mắt ra nhìn người chồng khốn khổ của nàng đây!” Công chúa không đáp, cũng không tỏ dấu hiệu có nghe lời vua nói. Có vẻ như nàng đã hoàn toàn bất tỉnh nhân sự.

Vua Hocmô không chịu nổi cảnh tượng ấy kéo dài, ngài đứng lên, ra khỏi phòng. Và cứ theo nhịp bước vua rời xa công chúa, nàng dần dần hồi tỉnh. Đôi mắt tan biến dần nỗi buồn vừa thoát hiện, càng trở nên long lanh đầy sức sống hơn trước, da mặt nàng lấy lại vẻ đẹp ban đầu, thậm chí nhìn nàng lúc này còn xinh tươi hấp dẫn hơn hồi nãy. Nhà vua, tể tướng và hoàng thân đang chăm chú quan sát hiện tượng ấy, ngạc nhiên không thể nào tả xiết.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI

Ba người vẫn dán mắt nhìn nàng công chúa, không sao hết bàng hoàng. Vua Hocmô hỏi:

- Thế nào, giờ đây các ngài đã thấy ở tôi con người hạnh phúc các ngài tìm kiếm chưa?

- Không, – quốc vương Bêrêđin đáp – giờ đây ngược lại chúng tôi tin chắc ngài là một bậc quân vương rất bất hạnh, điều kỳ diệu vừa diễn ra khiến chúng tôi không cách nào nghĩ khác. Nhưng tâu bệ hạ, tại sao công chúa bất tỉnh khi ngài bước tới gần, và điều thần kỳ nào làm nàng hồi tỉnh lúc ngài rời xa? Tôi có được phép cầu xin ngài thỏa mãn sự hiếu kỳ ấy?

- Tôi không chút ngạc nhiên nghe ngài hỏi vậy. – Vua Hocmô đáp. – Tôi chờ đợi câu hỏi ấy. Ngài ngạc nhiên nhìn thấy chuyện vừa rồi, song muốn để ngài tường tận như ngài muốn rõ, tôi phải thuật lại một câu chuyện khá dài. Mà đêm nay đã quá khuya rồi, xin mời ngài đi nghỉ! Sáng mai tôi sẽ kể ngài nghe.

Viên hoạn nô hồi nãy dẫn nhà vua, tể tướng và hoàng thân đến đây, lại đưa họ trở về các phòng riêng của mình.

Đêm hôm ấy, cả ba người không ai chợp mắt. Trước những điều vừa nhìn thấy, mỗi người cố tìm rõ nguyên do, nhưng chỉ làm đầu óc mất ngủ của mình thêm mệt mà thôi. Cuối cùng trời cũng sáng. Nhà vua, hoàng thân cùng tể tướng được mời đến phòng riêng của vua Hocmô. Nhà vua thuật lại câu chuyện về đời ông như sau:

CHUYỆN QUỐC VƯƠNG HOCMÔ, BIỆT DANH NHÀ VUA KHÔNG PHIÊN NẢO

Cách đây năm năm, tôi nảy ý muốn đi du lịch. Tôi xin phép phụ vương tôi, hồi ấy người đang tại vị, tôi xin khẩn khoản quá khiến người cuối cùng chấp nhận. Người cho lập một đoàn tùy tùng thật đông đảo, vừa để bảo đảm an toàn cho tôi, vừa để tôi xuất hiện tại nước ngoài một cách đàng hoàng, xứng đáng với vai vế của mình. Cha tôi sai mở kho tàng, xuất ra bao nhiêu tiền bạc chuẩn bị cho tôi, lại ban cho vô vàn ngọc ngà châu báu mang theo người. Phụ vương tôi dặn: “Một vị hoàng tử bất kỳ đi qua chốn nào, đều phải để lại ở đấy dấu ấn về sự huy hoàng và lòng hào hiệp của mình. Không thể hành xử như một người dân bình thường được. Ta muốn hoàng tử mỗi lần chỉ tiêu phải tiêu tiền vàng cả vốc. Dân chúng loá mắt vì tính tình phóng khoáng ấy, sẽ nghĩ hoàng tử có thêm cả những đức tính mà trời không phú cho chàng.”

Vậy là tôi rời kinh thành Astrakhan với một đoàn tùy tùng thật sang trọng. Chúng tôi vượt sông Vônga, qua sông Giaich rồi đi ven biển Caspi, đến thành phố Jengikun. Từ đấy chúng tôi đến Giun, rồi đến Caracu, từ đây đoàn đi tiếp sang thành phố Oтра. Tôi không quên lời phụ vương tôi dặn. Bất kỳ đến đâu, tôi cũng chỉ tiêu rất hào phóng. Tóm lại, tôi đáp lại một cách huy hoàng mỗi khi được người khác đón tiếp, tôi thường công hết sức trọng thị những việc nhỏ nhặt người ta làm giúp mình. Nhờ tiêu xài như vậy, tôi nổi tiếng là một hoàng tử trăm phần hoàn hảo.

Trong số các triều thần nước Xiêcca phụ vương phái đi theo giúp việc, có một vị làm nhiệm vụ sư phó của tôi, mà tôi đặc biệt quý trọng. Tên ông ấy là Huxêin. Đây là một người tài cao học rộng, nhưng điều có lẽ đặc biệt làm tôi hết sức thích ông, là ông bao giờ cũng thuận theo mọi ý muốn của tôi. Ông ta không xử sự như một ngài ngự sử lúc nào cũng chỉ xét nét, can ngăn. Tôi vừa ngỏ ý muốn, ông đã tận tụy chấp hành ngay, thậm chí có khi ông còn đón trước sở thích của tôi để tìm cách làm cho tôi vui lòng, không chờ phải nói ra. Tôi tin cậy ông tới mức không có điều riêng tư nào tôi chẳng tâm sự với ông.

Đến thành phố Oтра, một hôm tôi bảo ông:

- Ông Huxêin à, đi du hành theo kiểu vua chúa này, tôi chán ngấy. Tôi chẳng được hưởng những lạc thú mà người dân thường vẫn có nhân những chuyến đi chơi xa. Tôi đành bỏ qua không được xem bao nhiêu thứ, do vướng chân bởi tước vị cao quý nên không có cách sao thoả mãn sự hiếu kỳ. Tôi muốn người ta nhìn tôi như một người dân thường. Tôi muốn đi sâu tìm hiểu những hoàn cảnh khó khăn nhất, được nghe dân chúng nói ra ý nghĩ thật

của họ và được nhìn xem cuộc sống thường nhật của người dân. Như vậy không những thích thú hơn, mà nó có thể bổ ích cho tôi trên nhiều mặt.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI MỐT

Ông sư phó Huxêin dễ tính hoan nghênh ngay ý kiến của tôi. Ông nói:

- Ý định của ngài thật đáng ngợi khen. Ngài muốn thực hiện nó lúc nào tùy ngài. Thừa hoàng tử, ngài chỉ việc để cả đoàn tùy tùng của ngài ở lại đây, rồi hai chúng ta sẽ lên đường đến thành phố Carim giản đơn như hai du khách.

Tôi hết sức thú vị tính tình dễ dãi của ông phó sư. Tôi giao cho ông việc chuẩn bị hành trang để lên đường. Việc này cũng khá đơn giản, bởi chúng tôi chỉ cần có hai con ngựa. Chúng tôi lấy vàng bạc cùng ngọc ngà mang theo người, rồi lên ngựa từ già thành phố Otrá. Tôi truyền cho đoàn tùy tùng cứ ở yên đấy, chờ chúng tôi quay trở lại. Chúng tôi qua vùng Giaxac, đi sâu vào thảo nguyên Zagatai, rồi đến được thành phố Carim bình yên vô sự. Hồi bấy giờ vua Chit-Axêlan đang trị vì ở đấy, và hiện nay cũng vẫn còn ngự trị ở kinh đô Carim.

Chúng tôi trọ ở một quán dành cho du khách. Mọi người đều coi chúng tôi là những dân du lịch bình thường. Ngày hôm sau, chúng tôi đi xem thành phố, nhận thấy nhà cửa nơi đây đúng là tráng lệ như lời đồn. Thấy một toà nhà kiến trúc kỳ cục, chúng tôi dừng chân ngắm. Nó không giống như các dinh cơ to lớn thông thường, nghĩa là có ngôi nhà to nhất ở chính giữa, chung quanh có những hành lang nối với những nhà phụ nhỏ hơn. Đây chỉ là một khu đất rộng chung quanh có tường thấp vây kín. Chính giữa, cách nhau từng quãng đều đặn, là các chiếc tháp rất cao và rất hẹp.

Chúng tôi nảy ra ý muốn đi vào bên trong xem cho rõ. Đến gần các tháp, nghe như có tiếng người từ trong ấy vọng ra. Quả không nhầm. Trong các tháp có nhiều đàn ông, có điều chỉ nghe tiếng chứ không nhìn thấy người. Giọng ai cũng cao, người thì hát nghêu ngao, người thì cười sằng sặc. Chắc đây là nơi giữ những người điên, chúng tôi nghĩ. Và chẳng bao lâu những điều được nghe khiến chúng tôi tin mình đoán chẳng sai. Một người điên cất cao giọng ngâm những vần thơ bằng tiếng A Rập. Những câu thơ ngợi ca người tình yêu quý, một người tình đẹp đến tiên sa cá lặn, hơn cả các nàng tiên nữ trên thiên đàng.

“Hỡi nữ thủy thần mà ta yêu quý, hỡi đoá hoa uất kim đẹp nhất trần gian. Miệng nàng ngọt ngào tựa ly rượu. Khi nàng cười, răng nàng là hai hàng ngọc trai. Khi nàng nói, lời nàng là chuỗi ngọc xinh. Mái tóc vàng của nàng là nơi mặt trời ẩn hiện. Bàn tay nàng là cây cọ nhà danh họa Many dùng để trang hoàng cung điện hoàng đế Trung Hoa.”

Anh chàng còn dùng nhiều lời lẽ mặn nồng hơn nữa, nghe biết ngay đầu óc anh ta không được bình thường. Tôi hỏi vị sư phó của mình:

- Ông nghĩ sao về anh chàng ấy, thưa ông Huxêin?

- Đầu óc của anh chàng ấy bị thơ với thần làm hỏng mất rồi. – Ông đáp.

Chúng tôi nghe anh chàng ấy lập đi lập lại chừng ấy lời ngợi ca người yêu. Chán tai, chúng tôi đến gần một cái tháp khác. Từ tháp này lại nghe giọng hát của một anh chàng điên không trông thấy mặt:

“Hỡi giai nhân mà vàng thái dương đã mượn ánh sáng của nàng để soi rọi các cung điện cũng chiếu sáng như mọi túp lều tranh, xin nàng hãy hiểu cho tấm lòng anh! Ngày nào anh cũng ngợi ca chút nắng nàng gửi đến soi sáng phòng giam ảm đạm của anh. Hỡi ôi, em là kiến trúc sư, anh là ngôi nhà đổ nát. Anh là dòng sông không ngừng tuôn nước vào tình em. Em chính là ngọn nguồn của cuộc sống. Anh là con đường dẫn tới ngọn nguồn ấy.”

Một người điên khác, cùng nhốt chung trong cái tháp ấy, lại cất cao giọng hát náo nức, thở than sao người yêu chẳng đoái hoài gì đến mình, và ước mong thần chết chóng đến kết thúc mối tình bi thương. Ông Huxêin nói với tôi:

- Thưa hoàng tử, ngài có để ý mọi câu thơ và lời hát kia đều hàm ý tình yêu? Tất cả những người trong các tháp đều có vẻ những kẻ thất tình.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI HAI

Trong khi vị phó sư trao đổi với tôi như vậy thì một người dân địa phương tình cờ đứng bên cạnh nghe được, nói chen vào:

- Chẳng có gì lạ sao những người ấy ai cũng nói về tình yêu. Bởi ái tình chính là nguyên nhân gây nên nỗi khổ cũng như dẫn tới bệnh điên của họ. – Người ấy nói thêm: – Hai vị hỡi là những người chưa bao giờ đặt chân đến thành phố Carim này, nên các vị mới không biết tất cả các chàng trai ấy đều đổ bệnh điên sau khi nhìn mặt công chúa, con gái đức quốc vương chúng tôi.

Thấy chúng tôi tỏ ý vô cùng kinh ngạc, người ấy nói tiếp:

- Tôi biết tôi đang nói với các vị một chuyện rất khó tin, nhưng không có gì đúng sự thật hơn. Nếu không tin lời tôi, các vị cứ hỏi bất cứ người nào trong thành phố này, người ta đều khẳng định với các vị, nhan sắc nàng công chúa xứ Carim là tác nhân gây nên hệ quả lạ lùng đến những chàng trai bất hạnh ấy.

- Nàng công chúa ấy, – người dân kể tiếp – thỉnh thoảng chơi đánh cầu nơi sân chơi công cộng. Những lúc chơi cầu, nàng không đeo mạng và ai cũng có thể nhìn ngắm nàng. Nhưng khôn cho bất kỳ ai dùng chân ngắm dung nhan nàng, qua ánh mắt công chúa người ấy sẽ si mê ngay, một nỗi si mê vô cùng nguy hiểm. Những người này rồi trở nên trầm uất, và đi đến chết héo chết mòn vì không lấy được người mình yêu; những người khác mất luôn lý trí, trở thành những tên điên thực thụ. Những người phát điên vì nàng công chúa bị nhốt vào các chiếc tháp kia. Quốc vương chúng tôi đã cho xây nên chỉ dùng vào việc ấy. Nhà vua, thật ra không phải con người kém đức hạnh, chẳng hiểu sao không cấm con gái chớ có đưa khuôn mặt không đeo mạng phô ra trước mắt mọi người; hơn nữa dường như vua còn thích thú chơi trò bắt nhần ấy, và vui mừng vì mình sinh ra một người con nguy hại đến thế cho cánh nam nhi.

Trong thời gian người dân đang kể chuyện như trên, chúng tôi nhìn thấy một đám đông đang ủa theo một toán lính của nhà vua, dẫn hai chàng trẻ tuổi đi về hướng khu tháp cao. Tôi thốt lên:

- Có lẽ kia là những người điên người ta đưa đến giam vào tháp.

- Đúng đấy, – người dân đáp – hôm nay là ngày công chúa Rêzia Bêgum đi đánh cầu mà.

Người ấy vừa nói xong, tôi đột ngột bỏ đi. Ông Huxêin chạy theo, thấy tôi hấp tấp, ông hỏi hoàng tử đi đâu vội vàng thế. Tôi đáp:

- Đi xem công chúa chơi cầu. Tôi muốn nhìn thấy nàng ấy đẹp tới mức nào. Tôi không tin nhan sắc của nàng nguy hiểm dường ấy.

Nghe nói, vị sư phó của tôi rùng mình. Lần đầu tiên ông lên tiếng can ngăn tôi. Ông nói, trên khuôn mặt ông lộ vẻ vô cùng lo lắng:

- Thừa hoàng tử, xin ngài chớ ngã theo mong muốn ấy! Quý dữ nào xui khiến ngài như vậy? Sau tất cả những gì chúng ta nhìn thấy, sau bấy nhiêu lời người dân Carim vừa nói cho chúng ta hay, ngài vẫn ngổ ý mong muốn tai hại là nhìn thấy mặt công chúa Rêzia ư? Tôi van ngài, nhân danh Đấng thiêng liêng nhất đã sáng tạo ra muôn loài, xin ngài chớ nhìn vào đôi mắt công chúa ấy. Xin hoàng tử hãy biết sợ rồi đây phải chịu cảnh ngộ chung với những chàng trai khốn khổ mà người ta vừa kể chuyện cho chúng ta nghe!

Tôi không thể ngăn được cười khi nhìn thấy vẻ lo lắng đột ngột xuất hiện trên khuôn mặt vị sư phó.

- Ông quả chẳng phải là một người có lý trí chút nào! Sao ông có thể tin một nỗi lo âu lố bịch như vậy? Vậy ra ông nghĩ chỉ cần nhìn mặt một giai nhân tôi đã có thể trở thành một con người mất trí ư? Ông chẳng lạ gì trong cung phụ vương tôi có nhiều người đẹp cực kỳ, thế mà chẳng cô nào có thể đụng đến sợi lông chân của tôi đây. Tôi có lẽ là vị hoàng tử trong số các hoàng tử cùng lứa tuổi tôi ít xúc cảm về chuyện yêu đương nhất. Trong triều tôi đã nổi tiếng về chuyện ấy, mặc cho kẻ chê người khen. Xin ông chớ nghĩ tôi có thể từ cực đoan này nhảy ngay sang cực đoan khác! Ông chớ lo lắng gì về sự hiếu kỳ của tôi! Ông có thể tin lời tôi hứa, rồi tôi sẽ tha hồ ngắm nhìn nàng công chúa Rêzia Bêgum, cho dù nhan sắc của nàng đã tạo nên bấy nhiêu lời đồn thổi.

Vị sư phó của tôi không cãi, nhưng tôi nhận ra mặc cho tôi nói, không thể nào trấn an ông được. Trong lúc ấy tôi chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn hiếu kỳ của mình. Tôi hỏi người đầu tiên gặp trên đường: “Xin vui lòng chỉ cho biết con đường dẫn tới bãi chơi cầu.” Người tôi hỏi chuyện là một vị tu sĩ.^[45] Ông đáp:

- Chàng trai à, nếu anh muốn chơi cầu, hãy lui sang ngày mai. Hôm nay là ngày công chúa chơi môn giải trí ấy. Anh không nên đến sân cầu hôm nay, ta khuyên anh nên lánh xa chỗ ấy.

- Thừa thầy, – tôi đáp – tôi không có ý định tiêu khiển, tôi chỉ muốn nhìn mặt nàng công chúa.

Vị tu sĩ kêu to:

- Ôi, hỡi anh chàng khốn khổ! Anh chán sống rồi sao, hay là anh mất hết trí khôn rồi? Vậy ra chưa ai nói cho anh rõ hệ quả tai hại thế nào nếu nhờ nhìn vào ánh mắt công chúa Rêzia? Nếu anh đã biết, hẳn anh phải là con người to gan lắm, mới không biết sợ dung nhan sát nhân của nàng.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI BA

Tu sĩ còn nói thêm nhiều điều nữa. Ông cố sức thuyết phục tôi từ bỏ quyết định của mình. Thấy tôi vẫn khăng khăng một mực, ông nổi nóng quát:

- Thôi anh hãy xéo luôn cho, hãy đi đến chỗ chết, bởi anh đã không chịu nghe lời khuyên của ta!

Rồi vị tu sĩ đi được một lát, tôi nghe một người cầm loa đi rao to khắp các phố phường:

“Nhân danh lệnh đức vua, xin rao truyền cho bà con thiên hạ mọi người được rõ: Hôm nay công chúa Rêzia đi chơi cầu. Nếu người nào đại dốt đưa mắt nhìn công chúa, người ấy sẽ chịu trách nhiệm về căn bệnh sẽ xảy ra cho mình sau này.”

Càng đi đến gần sân cầu, tôi càng để ý thấy mọi người náo động. Nghe ời ời tiếng những người cha đang gọi con trai về nhà, hoặc tìm cách ngăn không cho các cậu tò mò đến xem mặt nàng công chúa Rêzia. Tôi càng cười cho những sự lo âu thái quá ấy, cũng như nỗi kinh hoàng lại hiện lên trên nét mặt ông Huxêin sư phó của tôi. Đến gần sân chơi cầu, tôi chỉ thấy toàn các ông già lom khom. Đã thế, các cụ đều đứng xa sân chơi. Các cụ cũng lo, cho dù lửa trong lòng mình đã lạnh giá như băng, biết đâu nhìn thẳng vào mặt nàng công chúa kia, có khi rồi bị người ta lôi cổ nhốt vào tháp dành cho những người điên. Chung quanh sân chơi cầu chẳng có mấy người xem. Ai cũng tránh không nhìn vào dung nhan xinh đẹp nhất mà tạo hoá đã sẵn đúc nên.

Riêng tôi cứ bạo dạn tiến vào, tôi bỏ ngoài tai lời mấy cụ già tốt bụng đang cất tiếng kêu to cố ngăn tôi lại vì thương hại. Tôi xăm xăm bước tới chỗ nàng công chúa. Nhưng chậm chân mất rồi. Nàng vừa rời khỏi sân chơi. Công chúa đã đeo lại tấm mạng che mặt. Tôi chỉ có thể nhìn thấy nàng từ đằng sau. Vóc dáng nàng trông có vẻ yếu kiều lắm. Nàng đã cùng hai nô tì tin cẩn nhất bước lên chiếc kiệu trở về cung, chung quanh có đội lính tráng đông đảo dẹp đường và theo hầu.

Tôi buồn rầu nói với vị sư phó của mình:

- Tôi thật không may sao! Giá nhanh chân hơn một chút, tôi đã có thể nhìn thấy mặt công chúa Rêzia rồi.

Vị sư phó không ngăn nổi niềm vui lộ trên mặt:

- Tạ ơn trời đất đã không để cho ngài nhìn thấy công chúa. Mặc dù ngài bảo đảm sẽ dừng dung khi nhìn thấy nàng, thú thật tôi không làm sao yên tâm được. Tôi rất vui khi hoàng tử đã không phải trải qua cơn thử thách.

- Ông chẳng có gì để vui mừng quá sớm, – tôi đáp – bởi cơn thử thách ấy

chỉ bị hoãn lại mà thôi. Tôi thề là sau hôm nay, lần đầu tiên công chúa đến đây chơi cầu, tôi sẽ cố nhìn thật kỹ vào, cho dù hôm ấy nàng còn nguy hiểm hơn cả hôm nay.

Tôi sống trong tâm trạng chờ đợi suốt một ngày. Hôm sau, dân chúng toàn thành phố được tin đức vua vừa ban bố, kể từ ngày hôm nay, công chúa Rêzia sẽ không công khai xuất hiện trước dân chúng để chơi cầu nữa; từ nay trở đi công chúa chẳng bao giờ đến chỗ có đàn ông mà không đeo mạng che mặt, đúng như luật lệ đạo Hồi bắt buộc. Đức vua đã quyết định như vậy sau những lời trách móc, can gián mạnh mẽ của quần thần.

Chiếu chỉ vừa ban bố của nhà vua làm tôi buồn bực bao nhiêu thì vị sự phỏ của tôi càng vui thích bấy nhiêu. Ông ta không che giấu được sự phấn khởi ra mặt:

- Ôi, hoàng tử của tôi! Thế là từ nay ngài thoát khỏi nguy hiểm rồi. Nàng công chúa từ nay không đưa mặt khi bước ra ngoài cung cấm nữa, nàng không còn có cơ hội làm hại đàn ông. Tôi thật lòng ngợi ca trời đất về việc ấy...

- Ông nhầm rồi, ông Huxêin à. – Tôi bực tức ngắt lời ông. – Ông chớ vội nghĩ tôi bỏ sự hiếu kỳ của mình! Cho dù rồi đây khó nhìn mặt nàng công chúa Rêzia đấy, nhưng không có nghĩa không thể nào có cách.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI BỐN

Tôi tính toán trong đầu nhiều cách, rồi quyết định làm theo cách như sau. Tôi mang theo một số vàng bạc châu báu, tìm đến gặp người làm vườn trong hoàng cung, đặt vào tay ông ta một túi tiền và bảo:

- Bố ơi, xin bố cầm lấy túi tiền này. Bên trong có năm trăm đồng *xocanh* vàng. Xin bố hãy cầm tạm, sau này con sẽ đưa bố nhiều món quà đáng giá hơn.

Người làm vườn là một cụ già tốt mã, có người vợ già cũng trạc tuổi. Cụ cầm túi tiền, mỉm cười nói với tôi:

- Chàng trai à, món quà của cậu khá lắm. Nhưng chắc cậu cho già này tiền chẳng để làm gì. Nào, già có thể làm gì giúp cậu được bây giờ?

- Tôi có một lời nhờ cụ. Xin cụ hãy để cho tôi vào trong vườn ngự uyển, và rồi đây có dịp được nhìn thấy nàng công chúa Rêzia trong khuôn viên hoàng cung, chỉ cần nhìn mỗi một lần thôi, bởi từ nay trở đi nàng không được phép ra ngoài cung cấm nữa!

Nghe nói vậy, cụ già làm vườn đột ngột trả lại cho tôi túi tiền:

- Hãy đi đi, hỡi chàng trai táo tợn! Anh không nghĩ tới hậu quả điều anh vừa đề nghị với già này. Nếu già cho anh cái trang mặc áo quần phụ nữ, và cho phép anh có mặt trong vườn này khi công chúa Rêzia Bêgum đi dạo chơi trong đó, già không sợ người ta phát hiện ra sao? Cánh hoạn nô chuyên lo việc theo hầu công chúa rất tinh anh, không điều gì thoát khỏi đôi mắt sắc sảo của họ, thoáng chút gì khác lạ đã khiến họ nghi ngờ. Vậy anh nên nghĩ đến nỗi nguy anh tính lao thân vào và kéo già này vào theo.

Lời cụ già làm vườn chẳng làm cho tôi nản chí. Tôi đưa trở lại túi tiền vào tay cụ và nói tiếp:

- Bố ơi, xin bố chớ từ chối giúp đỡ con! Con là một người nước ngoài mới đến, chẳng có ai ở đây là bà con thân thích hay bạn bè. Con cực kỳ mong ước được nhìn mặt nàng công chúa ấy. Con chỉ còn biết trông mong vào sự giúp đỡ của bố mà thôi. Bố khước từ không giúp, thì con đến chết mất vì buồn phiền.

Bà vợ người làm vườn đem lòng thương hại tôi, nói giúp vào, cả hai chúng tôi cùng năn nỉ. Ông già làm vườn có vẻ thuận tình. Nhưng trong lúc chúng tôi năn nỉ, cụ lại có vẻ mơ màng suy nghĩ. Tưởng cụ còn do dự, tôi vội dúi thêm mấy viên kim cương nữa vào tay, để cụ chóng xiêu lòng. Cụ nói:

- Chàng trai à, không cần đưa thêm mấy viên ngọc này làm chi. Vừa trông thấy anh, già đã có cảm tình. Hồi nãy già chưa đáp là còn mãi suy nghĩ xem có cách gì giúp anh, mà không để xảy ra nguy hiểm cho anh cũng như cho

bản thân già.

Tôi vội ôm hôn cụ già, và nài nỉ cụ vừa nghĩ ra kế gì, xin nói cho biết ngay, chớ để tôi phải nóng lòng chờ đợi lâu hơn. Cụ nói:

- Cậu phải bỏ bộ áo quần đang mặc trên người kia đi! Cậu hãy mặc cho giản dị đơn sơ vào! Tôi sẽ làm cho cậu giống hệt như một chú giúp việc làm vườn. Mái tóc vàng của cậu có thể làm cho cánh hoạn nô để ý và nghi ngờ. Bà xã nhà tôi và tôi sẽ cho cậu đeo một cái bong bóng để che tóc đi, rồi chúng tôi sẽ kiếm cách bôi lem nhem lên đấy như thể cậu mắc bệnh chốc đầu. Như vậy là tốt lắm, bởi trông cậu càng xấu càng ít bị người ta để ý. Chắc cậu không hài lòng khi tôi bảo cậu cải trang nhằm nhí như vậy. Tuy nhiên hẳn cậu không lấy chuyện ấy làm điều buồn nếu cậu thực lòng tha thiết muốn thực hiện ý đồ của mình, mà như lời cậu nói, ý đồ ấy chỉ là được một lần nhìn thấy mặt công chúa con gái đức vua. Dĩ nhiên, nếu cậu muốn công chúa thích, thì hình thức và trang điểm bên ngoài của cậu phải theo cách khác cơ, có thể mới có cái để mà hy vọng.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI LĂM

Tôi đồng ý sáng kiến của cụ làm vườn. Tôi để yên cho hai vợ chồng cụ hoá trang tôi thành một chú trai giúp việc trong vườn. Các cụ lấy một cái bong bóng chụp lên đầu tôi che mái tóc, rồi bôi gì lên đấy cho thật xấu xí để các tiểu thư ý nhị nhất cũng chẳng thấy ngại ngùng khi nhìn thẳng vào mặt tôi. Trong khi hai vợ chồng làm gần xong công việc hoá trang, vị sư phó của tôi vẫn đứng chờ bên ngoài, sốt ruột chẳng hiểu tôi làm gì lâu la trong vườn đến thế, bèn bước vào tìm. Ông nhìn tôi, cho dù đã cải trang ông vẫn nhận ra, và rất lấy làm lạ tại sao tự dưng tôi biến thành một chú trai bản thủ thế này.

Tôi không nén khỏi phì cười khi nhìn vẻ mặt thảng thốt của ông, làm cho ông cũng phá ra cười theo. Bộ áo quần giản dị, cái bong bóng chụp lên đầu làm cho tôi giống hệt một anh bị bệnh chốc đầu, chừng ấy đủ làm cho chúng tôi cười sảng khoái. Riêng cụ già làm vườn vẫn tỏ vẻ nghiêm trang, thậm chí còn thoáng chút lo lắng. Cụ hỏi tôi có đáng tin ông vừa đến này là người kín mồm kín miệng hay không. Để cụ yên tâm, tôi khẳng định có, và còn nói thêm đấy là ông anh trai của tôi. Cụ già nói:

- Thế là được, tôi hài lòng. Bây giờ có việc đưa cậu vào bên trong vườn ngự uyển. Còn ông anh trai cậu, bảo anh ta cứ về, thỉnh thoảng đến đây, tôi sẽ cho rõ tin tức về cậu.

Vị sư phó của tôi ra về. Lát sau, cụ già làm vườn cho tôi đi theo vào trong vườn của hoàng cung. Cụ trao vào tay tôi một cái thuổng, dạy tôi cách cầm thuổng, rồi chỉ cho tôi biết nên làm những việc gì. Trong khi tôi tập làm việc, một vài viên hoạn nô đi qua bên cạnh. Nhìn thấy tôi, ai cũng cho đây là một cậu bé đang bị bệnh lở lói trên đầu. Họ nói với nhau: “Đấy, chúng ta cần những người giúp việc trong vườn đại loại giống như chú này.” Nói xong, họ đi tiếp, khiến tôi rất hài lòng vì đã không gây nên chút ngờ vực nào.

Đến cuối ngày làm việc, cụ già làm vườn nghĩ đến lúc này chắc tôi đã thấm mệt, bảo tôi ngừng tay rồi đưa đến gần một cái bể xây bằng đá cẩm thạch chứa đầy nước trong veo. Ở đấy, có một tấm da trải trên bãi cỏ, bày sẵn các món rượu thịt. Lại thấy cả một cái bình đựng đầy rượu nho và một cây đàn nguyệt.

Hai chúng tôi ngồi lên tấm da, ăn uống ngon lành. Ăn xong, mới đụng đến cái bình. Uống gần cạn, cụ già chắc vì có hơi men nên tỏ ra sảng khoái hơn, cụ cầm chiếc đàn và bắt đầu chơi.

Tôi đã học chơi đàn từ nhỏ, quá thành thạo để đánh giá cao tài nghệ của cụ già làm vườn. Nhưng nhìn thấy cụ đánh đàn chỉ để mua vui cho chính mình thôi mà chơi say sưa quá, tôi không thể không ngỏ lời khen ngợi hay lắm,

hay lắm. Cụ có vẻ thú vị về lời khen của tôi, liền trao cây đàn vào tay và bảo tôi đánh đi: “Con trai à, con cũng nên chơi đàn một chút, xem thử con có làm nên trò vè gì với thứ đàn này không.”

Chẳng cần để cụ giục già nhiều hơn, tôi đón cây đàn, tấu mấy điệu nhạc cổ hay tài hoa nhất của đại tác giả Abdenmumen,^[46] lại còn hứng chí vừa đàn vừa hát. Cụ làm vườn thích lắm, cũng ngợi khen nồng nhiệt như tôi vừa khen cụ, làm cho tôi không khỏi xúc động ít nhiều, cho dù biết chắc mình chơi hay hơn hẳn cụ già.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI SÁU

Tôi tưởng lúc này chỉ có mỗi một khán giả đồng thời là người ngợi khen duy nhất là cụ già làm vườn. Không ngờ lúc ấy, quan tể tướng tình cờ đi dạo trong vườn, nghe giọng tôi hát cùng tiếng nhạc dặt dìu, lặng lẽ tiến đến gần. Ông đứng lắng nghe. Khi tôi ngừng đàn, ông xuất hiện và bắt chuyện. Trông thấy ông, tôi đứng lên và kính cẩn đi ra xa. Ông bảo:

- Chú kia, hãy đứng lại, tại sao chú tránh mặt ta?

- Bẩm cụ lớn, tôi không dám ở lại vì tự thấy mình không được phép được trước mặt các vị quyền quý như ngài.

- Không sao, chú trai à, chú cho ta biết chú là ai? – Tể tướng hỏi.

Tôi chưa đáp ngay, vì không biết nên trả lời thế nào, thì cụ làm vườn đã nói đỡ:

- Bẩm cụ lớn, cháu là chú bé con giúp việc cho già, chú làm vườn khá lắm, và già lấy làm may kiếm được một người như chú ấy để đỡ đàn.

Tể tướng bảo tôi hát thêm vài bài nữa. Tôi vừa hát vừa đệm đàn thật điệu nghệ khiến vị đại thần có vẻ rất thú vị. Ông thốt lên:

- Tất cả các nhạc công của đức vua ta cộng lại cũng không bằng chàng trai này.

Nói xong ông tiến đến gần tôi hơn, chăm chú nhìn lên đầu rồi hỏi:

- Nhưng đầu chú mày làm sao thế, hình như chú mày bị bệnh chốc đầu?

- Bẩm cụ lớn, thật đáng tiếc, – người làm vườn lại nói đỡ – đúng là chú bé khốn khổ ấy mắc phải bệnh chốc đầu.

- Thật đáng tiếc, – tể tướng nói – không bị chứng bệnh hay lây lan và khó coi ấy, ta có thể cho chú mày ra khỏi địa vị tôi tớ. Ta muốn có chú bên cạnh để thỉnh thoảng giải trí cho ta. Ta có thể làm cho chú trở thành giàu có, *đáng tiếc là chú bị chốc đầu.*

Nói xong, vị tể tướng bỏ đi. Sáng hôm sau, vào buổi chiều, ông tâu với nhà vua:

- Tâu bệ hạ, ngài chưa rõ trong vườn bệ hạ có cả một kho báu.

Và tể tướng kể cho nhà vua nghe câu chuyện xảy ra chiều hôm trước. Nghe trình, nhà vua ngó ý tự mình cũng muốn nghe tôi chơi nhạc và hát. Vua nói:

- Chiều hôm nay ta sẽ ra vườn ngự uyển xem chú chốc đầu ấy đàn hát. Hãy truyền cho các nhạc công trong nội phủ được biết để chuẩn bị một buổi hoà nhạc ngoài vườn! Nhớ sai mang bày sẵn thức ăn nhẹ ở vườn luôn.

Lệnh vua đã truyền. Ngay lập tức nhiều tấm thảm đẹp được mang đến trải xuống chỗ hôm qua cụ già làm vườn và tôi cùng ngồi. Các quan lo việc ngự thiện^[47] còn đẩy ra vườn mấy cái tủ rượu để nhiều bình chứa toàn rượu ngon. Trong khi đó dưới hai chiếc lọng xanh, người ta bày ra đủ món thịt thà, hoa quả. Mọi việc vừa xong, thì nhà vua từ trong cung bước ra vườn, theo sau có tể tướng cùng một số vị triều thần.

Vua vừa an tọa, và cho phép những người cùng đi được ngồi lên các tấm thảm, thì tôi đeo từ thắt lưng trở xuống một tấm khăn trắng và mang đến trước mặt vua một lẵng chứa đầy hoa tươi. Tôi đặt lẵng hoa dưới chân nhà vua và kính cẩn lui ra. Tôi để ý thấy vua chăm chú nhìn theo, và nhất là quan sát cái bong bóng xấu xí trên đầu tôi. Chẳng khó khăn gì vua không đoán ra tôi chính là nhân vật tể tướng đã nói đến. Vua phán:

- Này anh chốc đầu, anh làm công việc gì ở đây?

Ông cụ làm vườn, chủ nhân của tôi, đáp lời hộ, nói đây là chú giúp việc của mình, chú ấy giỏi công việc vườn tược lắm. Cụ già nói với nhà vua một cách tự tin như thể cụ đang nói lên sự thật.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI BẢY

Đức vua vẫn nhìn tôi chăm chăm. Vua hỏi ông già làm vườn:

- Có đúng là chú giúp việc của lão chơi đàn nguyệt khá lắm, và lại còn hát hay nữa?

- Tâu bệ hạ đúng vậy, – người làm vườn đáp – giọng ca chú ta khá mùi mẫn. Nghe chú hát, người ta chỉ nhớ giọng hát mà quên luôn người ngợm của chú.

- Ta muốn nghe qua, – nhà vua nói – thử xem tài nghệ của chú mày đến đâu.

Cùng theo hầu nhà vua hôm ấy có một số chú hề. Một tên hăn nghĩ nhà vua nói vậy để chế giễu tôi, liền bước tới nắm tay tôi, như thể mời cùng nhảy múa làm trò với hăn. Hăn anh chàng nghĩ tôi sẽ múa may lộn xộn, cộng thêm bộ dạng kỳ dị của tôi nữa, hăn sẽ làm cho mọi người được một mẻ cười khoái trá. Nhưng hăn đã nhầm. Tôi đưa cánh tay rắn chắc túm vai hăn ta, lắc cho mấy cái thật mạnh làm hăn lão đảo. Mọi người phá ra cười, nhưng không phải cười tôi mà cười chính anh hề ấy. Tiếp đấy, tôi tỏ cho mọi người thấy tôi nhảy múa đẹp hơn rất nhiều, không như hăn ngớ đâu. Nhà vua và tất cả những người có mặt ở đấy đều nồng nhiệt vỗ tay tán thưởng.

Người ta chú ý đến tôi hăn cũng tại tiếng đồn về người ngợm bên ngoài của tôi chẳng ra sao. Ai cũng lấy làm ngạc nhiên sao một anh chàng ai cũng nghĩ là khôn khổ khôn nạn, lại biết vũ đạo tài hoa đến thế. Chẳng hiểu sao, có người nào đó trao vào tay tôi đôi phách bằng ngà voi^[48]. Tôi vừa nhảy múa vừa nhịp phách, khéo léo nhịp nhàng uyển chuyển đến mức mọi người đều công nhận chưa từng gặp một vũ công nào điêu luyện đến vậy biểu diễn ở triều đình nước Carim này.

Sau khi nhảy múa hồi lâu, tôi cầm cây đàn nguyệt của cụ già làm vườn và bắt đầu vừa đàn vừa hát, còn hay hơn cả ngày hôm trước khi tôi diễn cho tể tướng xem. Tôi để ý vị đại thần càng về sau càng tỏ ra hài lòng, khi ông nhìn thấy trong ánh mắt của nhà vua sự thích thú rõ rệt. Người ta lại đưa đến cho tôi một cây đàn hạc, một cây đàn tì bà, một cây đàn thất huyền và một chiếc sáo trúc. Tôi lần lượt chơi bốn loại nhạc cụ ấy, đều khéo léo khiến nhà vua càng lấy làm thích thú.

Vua ra lệnh ban thưởng cho tôi một ngàn đồng *xocanh* vàng. Người ta mang túi tiền đến đặt trước mặt tôi. Tôi mở ngay cái túi ra, lấy tiền vàng trong ấy chia cho các nhạc công và ca sĩ có mặt. Tất cả mọi người trong triều đều ngạc nhiên về cử chỉ ấy. Mọi người xì xào: “Anh chàng này có tâm hồn cao thượng. Anh ta muốn bắt chước các vị quân vương. *Thật đáng tiếc là anh ta bị chốc đầu.*”

Nhà vua cũng ngạc nhiên không kém những người khác, hỏi tôi tại sao không giữ riêng cho mình món tiền thưởng. Tôi đáp, tôi chẳng nên có những của cải từng được vinh hạnh thuộc sở hữu của hoàng thượng, và tôi đã quá vinh hạnh được làm việc trong vườn ngự uyển hầu ngài rồi. Vua hài lòng về câu trả lời. Mọi người lại vỗ tay tán thưởng.

Tiếp đó nhà vua truyền mang thức ăn đến. Vua cùng các triều thần dùng thức ăn nhẹ và uống rượu. Sau đấy, là hoà nhạc. Hôm ấy cũng có nhiều giọng hát khá hay. Nhưng có lẽ nhà vua quá có ấn tượng về giọng hát của tôi nên xem chừng nghe không chăm chú lắm, như thể đang nghe những người hát tầm thường sau khi vừa thưởng thức xong một giọng ca tuyệt diệu.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI TÁM

Buổi hoà nhạc kết thúc, vua và các triều thần ra về. Người ta mang các tấm thảm đi, các tàn lọng cũng dỡ đi hết. Những người phục vụ cũng ra đi nốt. Chỉ còn lại cụ già làm vườn và tôi. Cụ nói:

- Hôm anh trao tặng vật cho tôi, tôi đã nghĩ anh không phải thuộc hạng người bình thường. Cách anh xử sự với món tiền thưởng của nhà vua hôm nay càng làm cho tôi vững tin thêm điều tôi suy nghĩ. Những người bình thường không ai có thể hành xử như anh.

Mặc dù cụ già dường như gợi ý để cho tôi nói rõ mình là ai, tôi vẫn cho giải bày tâm tình lúc này chưa phải lúc. Tôi chỉ nói, quả là gia cảnh của tôi cũng khấm khá, rồi chuyển sang nói chuyện khác. Tôi nói với cụ tôi rất nóng lòng muốn được nhìn tận mắt nàng công chúa nước Carim. Cụ đáp:

- Lạ nhỉ! Ta khá ngạc nhiên sao anh chưa được gặp. Ngày nào công chúa chẳng cùng với các cung nữ của mình dạo chơi trong vườn này. Nhưng than ôi! – Cụ làm vườn nói tiếp. – Rồi anh sẽ được nhìn thấy mặt công chúa thôi, và rồi ta sẽ hối tiếc sao lại dễ chiều lòng anh như vậy!

Lời cụ già tốt bụng không làm cho tôi sợ hãi, ngược lại càng kích thích thêm mong ước.

Ngày hôm sau nữa, tức là ngày thứ ba, sau khi làm việc được hồi lâu, tôi ngồi nghỉ bên gốc cây hoa hồng. Tôi vừa chơi đàn tì bà vừa trầm ngâm mơ tưởng, chợt một phu nhân mặt đeo mạng đột ngột xuất hiện trước mặt tôi, và bảo:

- Chàng trai trẻ kia, hãy để cây đàn của anh lại đó! Hãy đi hái hoa ngay để dâng con gái đức vua! Công chúa đang dạo chơi trong vườn. Đáng ra việc đó anh phải làm xong rồi chứ? Người ta không bảo trước cho anh rõ bổn phận của anh sao? Anh giúp việc làm vườn như vậy hả?

Tôi vội cúi hân mặt đất, thưa với phu nhân quả thật tôi chưa được rõ công chúa hiện đang dạo trong vườn; hơn nữa, cho dù có biết tôi cũng không dám mang bộ mặt này ra mắt công chúa.

Phu nhân ấy phá ra cười:

- Hoá ra anh mới bị một chút chốc đầu mà đã không dám ra mắt người khác? Ta chẳng thấy xấu hổ chút nào khi lưu giữ anh lại, và lát nữa ta sẽ đưa anh đến ra mắt công chúa. Nàng, cũng như mọi cung nữ đều biết rõ anh chốc đầu, mọi người đều biết như vậy, nhưng anh chẳng phải sợ làm họ kinh tởm đâu, ngược lại, họ sẽ thú vị đấy. Nhiều người khen ngợi tài năng của anh lắm. Vậy anh hãy mau mau đi hái hoa tươi, ta tin chắc công chúa Rêzia, mà ta vinh dự là quản mẫu của nàng, sẽ tiếp đón anh tử tế.

Tôi chẳng mong ước gì hơn điều bà quản mẫu vừa bảo. Tôi vội chạy về nhà cụ làm vườn, lấy một chiếc lẵng rồi mau chóng hái đầy hoa tươi. Sau đấy tôi để bà quản mẫu dẫn đến một ngôi nhà có mái vòm cao xây chính giữa vườn. Cũng như ngày hôm trước, tôi buộc một tấm vải trắng vào nửa dưới người, và hai tay nâng lẵng hoa tươi bước vào.

Công chúa đang ngồi trong một phòng khách tráng lệ, trên một chiếc ngai vàng, chung quanh có chừng hai, ba chục cung nữ người nào cũng xinh đẹp như người nào. Dường như người ta khéo lựa chọn để tạo nên một triều đình riêng xứng đáng với công chúa Rêzia. Quả thật những tiên nữ mà người ta vẫn hứa hẹn với những tín đồ Hồi giáo ngoan đạo nên cố giữ vững đức tin để rồi sau này lên thiên đường sẽ được gặp, chắc cũng chẳng thể nào xinh hơn các cô gái ở đây. Đặc biệt công chúa xinh đẹp quá mức tưởng tượng, nàng chói ngời giữa tất cả các cung nhân xinh đẹp kia, khiến tôi đứng ngây người như phỗng, mắt chăm chăm dán vào nàng, mồm thì há hốc.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM HAI MƯƠI CHÍN

Về bối rối và sự kinh ngạc của tôi, mọi người chẳng khó khăn gì không hiểu nguyên do đâu, khiến tất cả đều phá ra cười vui vẻ. Bọn cung nhân cứ ngật nga ngật nghẻo, tin chắc sắc đẹp của công chúa họ đã hút hết thần của tôi rồi. Họ nghĩ vậy không phải không căn cứ. Tôi không làm chủ được bản thân nữa, người cứ như ngẩn ngơ, quần trí, thậm chí có thể làm cho người khác nhìn vào tưởng tôi đã hóa điên mất. Mà quả thật, lúc này tôi gần như con người không có trí khôn. Bà quản mẫu, người dẫn tôi đến đây nhắc:

- Hãy tiến lên nào! Sao anh cứ đứng ngây như phỗng vậy? Hãy đưa hoa dâng công chúa đi!

Lời bà làm tôi hoàn hồn một ít. Tôi tiến đến gần ngai, tôi đặt lẵng hoa ở bậc cấp đầu, rồi tôi phủ phục, mặt úp sát xuống đất, cho đến khi nghe nàng công chúa bảo:

- Hãy đứng lên, chàng trai, hãy để chúng ta được nhìn rõ mặt anh với nào!

Tôi vâng lời nàng. Thế là tất cả đám đàn bà con gái có mặt ở đây đều nhìn thấy cái đầu trọc nhem nhuốc của tôi, hay đúng hơn là cái bong bóng phủ kín mái tóc, cho dù đã biết trước họ đều phá ra cười sằng sặc, vẫn làm tôi mất luôn chút ít tự tin mà bà quản mẫu vừa đưa lại cho khi ngỏ lời nhắc tôi dâng hoa. Và tất cả mọi người cứ thế cười ngật nghẻo không thôi.

Khi mọi người cười chán chê, công chúa sai người đưa cho tôi cây đàn tì bà, rồi truyền cho tôi hãy vừa hát vừa đàn:

- Hôm qua anh đã làm phụ vương ta thích thú. Ta không sao tin anh có thể vừa hát vừa đàn tì bà tuyệt diệu như lời người nói.

Thế là tôi so dây, rồi vừa tự đệm đàn vừa cất tiếng hát một điệu *uzzal*^[49] mấy vần thơ Ba Tư cổ:

*Ôi, thế là thôi, cái chết của anh không sao tránh khỏi được nữa rồi
Anh sẽ chết sau khi anh nhìn thấy nét tiên sa
Anh sẽ chết vì đờn đau nếu không được nàng đoái tương
Anh vẫn sẽ bỏ mình vì quá hạnh phúc nếu được nàng đoái thương.*

Chẳng khó khăn gì không hiểu ý tứ bài ca tôi vừa hát, và đáng ra lại có thêm một dịp nữa để mọi người cất tiếng cười chế nhạo, nhưng lần này không ai cười. Thay vì cười nhạo là những tràng vỗ tay khen ngợi. Đúng ra vì công chúa là người vỗ tay đầu tiên, cho nên thật khó hiểu ý nghĩa thật tràng vỗ tay của mọi người vừa rồi dành cho ai. Nhưng, một cung nữ khác đã nhắc chiếc đàn tì bà ra khỏi tay tôi, đặt vào đấy một chiếc trống con, rồi lần lượt tiếp theo là cây sáo trúc, chiếc đàn hạc, cây thất huyền cầm. Tôi đều biểu diễn xuất sắc các nhạc cụ ấy khiến mọi người lại nồng nhiệt vỗ tay khen

ngợi.

Lúc này công chúa lại nói:

- Chưa hết đâu, anh bạn à, ta còn nghe nói anh nhảy điệu luyện lắm, ta muốn xem thực hư ra sao.

Tôi bảo đưa cho tôi đôi phách. Tôi lại biểu diễn đúng vũ khúc đã trình bày chiều hôm trước, và cũng chẳng đến nổi kém. Tất cả các cung nữ lại ngợi khen: “Anh chàng nhảy có duyên đấy chứ” – một người nói. Người khác: “Giọng anh chàng nghe mượt mà lắm. Giá mà không bị bệnh chốc đầu, anh chàng có thể trở thành một ca sĩ có hạng.”

Trong khi các cung nữ luận bàn và khen ngợi tôi đủ thứ, nàng công chúa Rêzia vẫn chăm chăm nhìn tôi, lặng yên không thốt một lời. Rồi đột nhiên phá tan im lặng, nàng bước xuống ngai lui về cung riêng, miệng nói: *Đáng tiếc, thật đáng tiếc anh ta bị chốc đầu.*

Nàng vừa nói xong, bọn cung nữ bao giờ cũng hùa làm theo chủ, vừa lần lượt đi theo nàng, vừa đồng thanh nói vang cả gian phòng: *Thật đáng tiếc, thật rất đáng tiếc anh ta lại bị bệnh chốc đầu.*

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI

Tôi chẳng ở lâu trong gian phòng sang trọng sau khi mọi người lui ra. Tôi trở về ngôi nhà nhỏ của cụ làm vườn, và gặp ở đây vị sư phó của mình vừa đến hỏi thăm tin tức. Tôi nói:

- Ái chà, tôi vừa nhìn thấy công chúa Rêzia!

Vị sư phó cũng như cụ già làm vườn đều tái mặt. Cả hai cùng chăm chăm giương mắt nhìn sát vào mặt tôi. Họ lo nhìn thấy trên mặt có cái gì đó đáng sợ. Tôi thấy thế, liền nói luôn:

- Sao hai vị cứ nhìn chăm chăm vào mặt tôi như vậy? Xin chớ lo âu gì, tôi không phải là người điên. Tuy nhiên, nếu những anh chàng từng đam mê nàng công chúa ấy phải mang nhốt vào các tháp kín, thì tôi cũng xứng đáng được có một chỗ ngồi trong tháp ấy.

Tiếp đó tôi thuật lại cho hai người nghe tất cả những gì diễn ra trong phòng khách của công chúa vừa rồi. Tôi nói thêm tôi muốn ở lại lâu hơn nữa trong vườn ngự uyển dưới dạng cải trang này, để cố làm vui lòng công chúa Rêzia. Vị sư phó cũng như cụ già làm vườn đều tìm hết cách thuyết phục tôi nên bỏ ý định ấy đi. Nhưng tôi cảm vị sư phó không được nói gì thêm nữa, và tôi lại dùng quả cáp làm xiêu dạt cụ làm vườn, để cụ cho tôi tiếp tục đóng vai chú hài đồng giúp việc cuộc xới.

Ngày hôm sau, vào buổi chiều, tôi muốn nghỉ. Tôi đến cạnh một hồ nước, bờ hồ có phủ cỏ non và chung quanh hồ có nhiều cây to toả bóng mát. Tôi biết thỉnh thoảng công chúa vẫn ra tắm trong hồ nước này. Điều ấy cũng đáng khuấy động trí tưởng tượng của một chàng trai si tình lắm chứ. Trong đầu óc tôi hình dung trăm thứ dịu dàng một chàng trai đam mê có thể nghĩ ra. Nhìn xuống nước tôi chợt nhìn thấy hình ảnh mình phản chiếu trong ấy. Đã không thú vị, tôi còn thở dài buồn bã sao tự mình biến mình ra con người gớm ghiếc như thế này. Tôi thốt lên:

- Số phận trớ trêu sao, ai lại bắt tôi xuất hiện trước mắt nàng công chúa yêu kiều mà tôi say đắm với hình dạng thế này! Với bộ mặt kinh tởm này làm sao hy vọng gợi nên tình cảm tốt đẹp trong lòng nàng? Kỳ cục quá! – Tôi vừa nói vừa lột chiếc bong bóng bọt đầu. – Giá ta được giữ nguyên dạng như trời sinh ra ta để xuất hiện trước mắt công chúa Rêzia, thì nếu không gây được cảm tình, ít ra cũng không làm cho nàng ghê tởm.

Than thở cho số phận mình một lúc, tôi lại trùm cái mũ giả ấy lên đầu. Hai tay tôi đang điều chỉnh sửa sang cho ngay ngắn, bỗng xuất hiện một phụ nữ bước đến gần. Bà cất mạng che mặt, tôi nhận ra đấy là bà quản mẫu của công chúa. Bà nói với tôi:

- Anh chàng chốc đầu kia, ta tìm anh để nói cho anh biết anh còn hạnh phúc hơn một con người lành lặn nhiều. Mặc cho anh có cái đầu như thế, công chúa chủ của ta vẫn thích anh. Công chúa muốn tối nay ta lại đưa anh vào phòng riêng của nàng. Công chúa muốn nghe anh hát, xem anh múa nữa. Vậy tối hôm nay anh phải có mặt ở chỗ này, nhớ đấy nhé.

Bà quản mẫu chẳng cần phải nhắc tôi phải đến đúng giờ. Tôi chạy vội về gặp cụ làm vườn già, dĩ nhiên không với mục đích nói cho cụ hay vận may đang chờ đợi tôi, mà bảo cụ chớ có lo lắng gì cho tôi nếu đêm nay nhờ tôi không về nhà. Tiếp đó tôi trở lại nằm dài trên thảm cỏ, nơi bà quản mẫu bảo tôi chờ.

Dĩ nhiên tôi vô cùng sốt ruột đợi cái giờ phút ấy đến. Cuối cùng một viên hoạn nô cũng xuất hiện, bảo tôi đi theo. Y đưa tôi vào nội cung qua một cánh cửa bí mật mà y cầm chìa khóa, rồi đưa thẳng vào phòng nàng Rêzia.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI MỐT

Nàng công chúa ấy đang nằm dài trên chiếc sập, trong khi các người hầu xúm xít trên tấm thảm trải dưới đất, đang kể cho nàng nghe đủ thứ chuyện để mua vui. Mọi người vừa nhìn thấy tôi, đều đứng lên kêu to:

- Anh chàng chốc đầu kia rồi. Anh sẽ tiêu khiển cho chúng tôi tối nay.

Công chúa nói:

- Chàng trai à, tối hôm qua anh làm ta thú vị, ta muốn được xem anh biểu diễn thêm tối hôm nay nữa.

Nàng sai mang đến một chiếc đàn tì bà đã lên dây sẵn, truyền cho tôi hãy chơi đàn. Tôi vâng lời, vừa đàn vừa hát lên những lời ca ngẫu hứng do tình yêu khi nhìn thấy công chúa gợi nên. Người ta lại lần lượt mang ra để tôi biểu diễn với các nhạc cụ y như tối hôm qua, và tôi lại được mọi người vỗ tay tán thưởng.

Sau đó đến chuyện trình diễn các vũ khúc. Tôi muốn tỏ ra vũ đạo là môn nghệ thuật tôi thành thạo nhất. Tôi nhảy nhiều kiểu, biểu diễn nhiều động tác mạnh mẽ, đôi khi phải quay mình uốn éo, đến nỗi cái bong bóng đội đầu mà hồi nãy tôi chưa kịp buộc cho chặt, bung ra rơi luôn xuống đất.

Trước cảnh tượng ấy, bọn cung nữ đều kêu lên một tiếng rõ lớn, còn nàng công chúa tỏ ra rất giận dữ. Nàng bảo tôi:

- Anh chàng bạo gan kia, ta cứ ngỡ anh là một người không có mưu đồ xấu. Mặc dù anh từng mang lại niềm vui cho chúng ta, chớ có vì vậy mà hy vọng ta tha thứ cho tội táo gan của anh!

Nói xong, nàng lên tiếng gọi các hoạn nô. Chúng đến rất đông, đổ xô vào tôi, dẫn tôi ra khỏi phòng công chúa, đưa vào nhốt tại một căn buồng nhỏ, rồi sáng hôm sau dẫn đến tàu trình hoàng đế rõ cơ sự.

Nhìn thấy tôi, hoàng đế quát:

- Tên khốn kiếp kia, tại sao mày dám cải trang thành chú giúp việc làm vườn? Ý đồ của mày là gì? Mày định gây nên chuyện ô nhục trong nội cung của ta sao? Nhờ trời, sự phản trắc của mày đã bị phát hiện, mày phải chịu tội. Ta muốn cho mày biết thế nào là nhục. Mày sẽ bị giơ đi khắp thành phố, đi trước mày sẽ có một tên mõ cầm loa rao cho mọi người rõ tội ác của mày, sau đó mày sẽ bị xả thân thành trăm nghìn mảnh. Ta không cần hỏi mày là ai, dù mày sinh ra từ dòng giống nào cũng chẳng ích gì, cho dù người sinh ra mày là một nhà vua đi nữa, mày vẫn phải chết vì dám to gan lừa dối ta.

- Chưa phải chỉ có thế. – Vua nói tiếp. – Ta còn muốn trừng trị thêm một tên khác nữa. Lão làm vườn phải chịu chung hình phạt với tên này. Chắc hẳn lão ta đồng lõa với nó trong vụ này.

Tôi muốn xin tha tội cho ông già làm vườn, ông ta chẳng có tội tình gì trong việc cải trang của tôi, song chẳng ai chịu nghe. Chúng tôi sắp bị giao cho đao phủ đưa đi bắt chịu tội, thì bỗng vị tể tướng đến cấp báo với nhà vua:

- Tâu bệ hạ, tôi vừa nghe được một tin không hay. Quốc vương nước Gazna, cách đây mười tháng có cho sứ thần đến cầu hôn công chúa mà không được ngài chấp nhận, vừa liên minh với quốc vương nước Candaha. Hai nhà vua đã huy động tổng lực của họ, kéo quân đến xâm lăng bờ cõi nước ta. Đại quân của họ đã vượt qua sông Ôxut, hiện nay đang ở quãng giữa thành phố Xamacan và thành phố Bôcara.

Quốc vương nước Carim bàng hoàng được tin cấp báo, vua hỏi tể tướng:

- Ông Sham-en-Muluc à, ta phải tính sao đây trong tình huống này?

- Tâu bệ hạ, ý kiến của tôi là, – tể tướng đáp – chúng ta không được để mất thời gian, phải huy động ngay đội quân thường trực sẵn có trong tay, giao quyền chỉ huy cho một viên tướng đủ tài tiến quân về thành phố Xô-t, tìm cách cầm chân đội quân đối phương lại, chờ cho đến khi ta huy động đủ viện binh đến sẽ mở cuộc phản công đẩy lui quân địch. Đồng thời chúng ta phải cầu xin trời đất phù hộ cho đất nước chúng ta. Tất cả các thánh đường phải mở cửa và thường xuyên cầu nguyện. Xin bệ hạ hãy truyền cho tất cả nhân dân kinh thành Carim phải cùng thực hiện nhịn ăn và trai giới trong nhiều ngày! Hãy ban của cải làm phúc, tha tội tất cả tù nhân đang bị giam giữ, cho dù trước đây chúng phạm những tội ác gì! Tôi hy vọng các việc làm tốt lành chúng ta thực hiện sẽ khiến trời đất cảm tấm lòng thành và cứu giúp chúng ta.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI HAI

Bằng ý kiến ấy, tể tướng Sham-en-Muluc cứu cụ già làm vườn và tôi khỏi bị hành quyết. Nhà vua phán:

- Ông nói chí lý, phù hợp với ý ta. Vậy ông hãy truyền cho tất cả quân đội ta lên đường ngay tức khắc và ta giao cho ông quyền chỉ huy cánh quân ấy. Ta sẽ cho lệnh tổng động binh, và chẳng bao lâu ông sẽ mau chóng có đầy đủ viện binh để đánh lui quân thù. Trong khi chờ đợi, mọi tín đồ phải đến các thánh đường đọc kinh cầu nguyện. Những người nghèo khó phải được làm phúc. Các tù nhân được tháo mọi xiềng xích và trả lại tự do. Ta cũng tha tội luôn cho hai tên thủ phạm ta vừa có lệnh gia hình. Ta tha cho chúng khỏi phải chịu tội chết.

Nhờ cách ấy, tôi thoát khỏi một cái chết nhục nhã. Ra khỏi hoàng cung, tôi trở về quán trọ, nơi vị sư phó của tôi đang tuyệt vọng đợi chờ. Ông vừa đi gặp ông cụ làm vườn về, và đã hay tin những việc không may xảy đến cho tôi. Ông tỏ ra rất ngạc nhiên khi gặp lại tôi. Tôi thuật cho ông nghe mọi chuyện. Thấy tôi vẫn giữ ý định cứ ở lại kinh đô Carim, tìm cách khác để lọt được vào trong nội cung nhìn mặt nàng công chúa, cho dù đã xảy ra việc vừa rồi, vị sư phó phục xuống dưới chân tôi và nói trong nước mắt:

- Hoàng tử thân yêu ơi, xin chớ lạm dụng lòng tốt của trời đất. Trời đã cho anh thoát khỏi một nỗi hiểm nghèo mà tình yêu đã đẩy ngài đến, xin ngài chớ dẫn thân vào một cái chết nhục nhã khác. Hỡi ôi! Nếu phụ vương ngài hay được những chuyện vừa xảy ra, ngài sẽ buồn rầu biết bao! Nói đại, ai biết điều gì rồi đây có thể xảy ra cho đức phụ vương, mà chỉ vì hành động bất cẩn của ngài hoàng tử! Xin ngài hãy tin lời tôi, hãy quên công chúa xứ Carim này đi, nàng không đáng cho người nghĩ tới nữa. Nàng có thương xót gì đâu khi đưa ngài đến chỗ suýt mất mạng. Trong tình huống ấy, ngài phải chán cô ta thì mới hợp đạo lý hơn. Ngài nên suy nghĩ theo lý trí! Xin ngài hãy đoái thương những giọt nước mắt và nỗi đớn đau của kẻ đang nói với ngài! Chúng ta hãy đi xa cái thành phố chết chóc này! Ngài hãy nhớ, đức quốc vương của chúng ta đã cao tuổi lắm rồi, có lẽ vào lúc này đây ngài đang sẵn sàng đi về thế giới bên kia. Chỉ có hoàng tử mới mang lại được niềm an ủi cho muôn dân, ai ai cũng quý trọng ngài, ai ai cũng chờ đợi ngóng trông ngày ngài trở về với họ. Trước sự chờ mong của thần dân cả nước, ngài định đáp lại bằng cách xử sự như ngài vừa toan tính hay sao?

Vị sư phó làm cho tôi cũng mỉm lòng. Ông còn nói thêm nhiều điều nữa. Tôi vội đáp:

- Thôi, nói thế đủ rồi, ông Huxêin à. Xin ông chớ trách tôi sao yếu đuối. Tôi nghe lời ông. Chúng ta hãy ra đi. Vĩnh biệt nàng Rêzia! Vĩnh biệt nàng

công chúa quá bất nhân! Mong sao vì sự độc ác của nàng, và cũng như với thời gian, ta sẽ quên được nàng!

Tôi vừa nói đến đây, thì ông lão làm vườn bước vào quán trọ. Ông đến tìm bảo cho tôi biết ông đã bị đuổi khỏi công việc chăm sóc cây cối trong vườn ngự uyển. Tôi bảo ông:

- Bởi tại tôi nên ông mất việc làm, vậy tôi phải bù đắp thiệt hại cho ông. Ông hãy theo về đất nước tôi, tôi sẽ giao cho ông một việc làm sáng giá hơn nhiều công việc ông đang làm ở đây.

- Xin đa tạ ngài, – ông lão đáp – Tôi sinh ra ở vùng Zagatai, tôi muốn chết ở vùng Zagatai. Tôi sẽ trở về chốn làng quê đã sinh ra tôi, với số tiền tôi đã kiếm được và với món quà ngài ban cho, tôi sẽ sống an nhàn ở quê hương.

Để cho cuộc sống của cụ già càng được dễ dàng hơn nữa, tôi biếu cho ông thêm nhiều ngọc ngà châu báu. Ông lão lui về hết sức hài lòng.

Tôi ra đi khỏi thành phố Carim ngay trong ngày hôm ấy. Chúng tôi quay trở về thành phố Oтра, gặp lại đoàn tùy tùng đang hết sức sốt ruột, cho dù chuyến đi của tôi vừa rồi chẳng mấy lâu. Tuyên bố mình muốn trở về nước Xiêcca ngay. Những người gốc Xiêcca tháp tùng tôi đến đây hết sức vui mừng khi nghe tin ấy, bởi họ chẳng mong gì hơn được sớm gặp lại vợ con.

Tôi không nán lại thành phố Oтра quá sáu ngày. Chúng tôi lên đường, tức tắc trở về kinh đô Astrakhan. Giữa đường bỗng gặp phải một phái viên của cha tôi. Phụ vương tin cho tôi hay ngài đang bệnh nặng. Người nghĩ mình chẳng còn sống được bao lâu nữa. Nếu tôi muốn được nhìn thấy người và ôm hôn người lần cuối, thì chớ nên chậm trễ.

Tin ấy làm tôi vô cùng lo lắng. Tôi khẩn cấp trở về kinh đô. Nhưng hỡi ôi! Cho dù tôi vội vã đến bao nhiêu, kết quả vẫn đáng buồn. Tôi chỉ được nhìn cảnh làm tôi tan nát ruột gan, tôi chỉ được gặp phụ vương tôi lúc người sắp lâm chung. Tôi chạy vội đến bên giường bệnh, cầm một bàn tay của người đưa lên môi hôn, bàn tay người đầm nước mắt tôi rơi xuống: “Hỡi cha ơi! Sao cha sớm bỏ con khi con vừa trở lại? Sao con không thể chết đi trước cảnh tượng này?”

Câu than của tôi làm phụ vương tôi nhận ra và xúc động. Người ngược đôi mắt đã thất thần nhìn tôi, và cố gắng lấy hết chút sức tàn còn sót lại, người mở đôi vòng tay ôm tôi và nói: “Con ơi, vậy là con đã trở về. Cha chẳng còn mong gì hơn thế nữa! Cha hài lòng ra đi! Vĩnh biệt!”

Như thể thần chết cũng chỉ nán ná chờ cho cha tôi kịp nói lời vĩnh biệt khi tôi trở về, nói xong phụ vương tôi trút hơi thở cuối cùng.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI BA

Sau khi làm lễ tang trọng thể cho cha, tôi lên ngôi báu. Tôi cố gắng trị vì sao cho xứng đáng với sự đánh giá tốt lành và lòng kỳ vọng nhân dân đặt vào mình. Tôi may mắn thành công trong sứ mệnh ấy. Từ thời ấy cũng như cho đến bây giờ, dân chúng vẫn quý yêu tôi. Bởi lòng tôi chẳng có mong ước gì hơn được nhìn thấy nhân dân sống thanh bình hạnh phúc, ngày nào tôi cũng cố gắng sao cho mỗi ngày tôi trị vì đối với nhân dân là một ngày hội, ở đây mọi người cùng nhau thưởng thức. Chính vì vậy không chỉ tổ chức vui chơi trong triều đình mà mở rộng ra toàn kinh đô nữa. Chẳng có nước nào nhân dân sướng khoái hơn ở nước tôi. Tôi rất hài lòng về tình trạng ấy. Và để khỏi làm vẩn đục niềm vui của mọi người, tôi cố sức che dấu nỗi phiền ưu của riêng mình. Tôi tin chắc, nếu tôi không giữ được thái độ vui tươi như từ trước tới nay tôi vẫn có, nếu tôi không chôn cho chặt nỗi đau sâu xa của mình, thì tại kinh đô này sẽ không còn bầu không khí tươi vui hội hè nữa, thay vào đó là ưu phiền trùm toả khắp nơi.

Một thời gian sau khi lên ngôi, tôi cảm nhận mình vẫn chưa quên được nàng Rêzia. Quả thật, việc phụ vương tôi băng hà, quá bận rộn về lễ tang, và sau đó mãi mê chăm lo công việc đất nước, đã khiến tôi tạm thời không còn thời gian để nghĩ tới tình yêu của mình. Nhưng nó không vì vậy mà giảm đi, ngược lại còn nung nấu mạnh mẽ hơn. Tôi tâm sự với ông Huxêin về việc ấy. Ông khuyên:

- Tâu bệ hạ, bây giờ ngài đã là vị quân vương có đủ tư cách tìm người làm hoàng hậu một cách đàng hoàng, tôi nghĩ ngài nên phái một sứ thần sang nước Carim để cầu hôn công chúa nước ấy. Để vị quốc vương bên ấy dễ thuận tình, ngài nên hứa sẽ chi viện cho ông đủ sức đánh lui kẻ thù.

Tôi làm theo lời khuyên. Tôi còn phong chính ông Huxêin làm sứ thần đảm đương trọng trách ấy. Ông lên đường cùng một đoàn tùy tùng trọng thể, mang theo nhiều vật phẩm quý giá, cùng một bức thư gửi quốc vương trong đó tự tay tôi viết như sau:

Cầu xin Thượng đế phù hộ quốc vương nước Carim vạn thọ vô cương! Ngài là bậc quân vương được trời giao phó cho sứ mệnh cao cả nhất, chinh phục thế giới và trị vì đất nước rộng lớn hùng cường. Cầu mong quốc gia ngài đời đời thịnh vượng và chẳng bao giờ bị quân thù ganh tỵ dòm ngó biên cương!

Tôi xin ngài rõ cho, lòng tôi cầu mong được liên minh với ngài nếu ngài vui lòng cho công chúa Rêzia, con gái của ngài, được trở thành hôn thê chính thức của tôi. Và đương nhiên ngài vốn đã có đội quân bách chiến bách thắng của mình để đánh bại mọi quân thù nếu chúng dám cả gan gây hấn,

tôi xin sẵn sàng đặt toàn bộ quân đội nước Xiêcca và quân đội các nước đồng minh của tôi phục vụ ngài, trong trường hợp ngài cần đến.

Xin kính chào.

Tôi tưởng chẳng cần thưa để ngài rõ tôi nôn nóng chờ đợi hồi âm như thế nào, hẳn ngài đã có thể tự mình hình dung. Sau một thời gian bồn chồn, tôi gặp lại ông Huxêin làm xong nhiệm vụ trở về. Ông cho biết nhà vua nước Carim đã đón tiếp sứ bộ của ông rất nhiệt thành và trọng thị, song khuyên tôi nên từ bỏ hy vọng có thể cưới nàng Rêzia làm hoàng hậu.

- Tại sao? Tại sao ta phải từ bỏ hy vọng ấy? – Tôi bồn chồn hỏi.

- Tàu bệ hạ, – vị sư phó của tôi đáp – bởi nàng đã đính hôn với quốc vương nước Gazna. Nhà vua này đã đánh tan nhiều đạo quân của nước Carim ra nghênh chiến. Vua nước Carim, để giữ vẹn toàn lãnh thổ và lập lại hoà bình, đành nhận lời gả nàng công chúa ấy cho vua Gazna. Và bởi vua Gazna mang quân gây chiến cũng chỉ nhằm mục đích lấy được nàng công chúa Rêzia mà thôi, hai nhà vua ấy đã bắt tay hoà hiếu với nhau. Thành thử đã có sự thoả thuận, hai ngày sau khi tôi rời khỏi kinh đô Carim, sẽ làm lễ vu quy cho công chúa.

Suýt chút nữa thì tôi trở thành người mất trí khi nghe tin ấy. Tôi nói năng lảm nhảm đến nỗi ông Huxêin lo rằng tôi hoá điên mất. Không chỉ có buồn rầu, tôi đổ bệnh. Chẳng hiểu sao tôi gượng dậy được sau cơn bệnh, bởi trong thời gian đau yếu, đầu tôi lúc nào cũng bị ám ảnh một điều tưởng khó làm cho tôi bình phục.

Tuy nhiên, nếu sức khoẻ phục hồi, thì trái tim tôi luôn róm máu. Tôi không còn thanh thản nữa. Trong đầu óc tôi luôn luôn hiện diện hình ảnh công chúa Rezia. Đêm đêm, tôi tưởng tượng lúc này nàng đang nằm trong vòng tay ôm ấp của chồng, và thế là giấc ngủ của tôi chẳng bao giờ ngon giấc. Ông Huxêin hy vọng nếu gặp một người đẹp nào đó vừa ý, may ra người ấy có thể lấp vào chỗ trống trong lòng tôi, ông ra công tìm kiếm nhiều cung nữ thật xinh tươi. Cung tôi đầy tràn giai nhân từ tứ xứ đến. Hoài công vô ích! Ông sư phó của tôi đã hết lòng tìm kiếm người đẹp, không một cô nào có thể xóa nhòa trong tôi hình ảnh nàng Rêzia-Bêgum.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI TƯ

Trong thời gian ông Huxêin chạy vạy tìm kiếm cung nhân cho tôi như vậy, thì một hôm quan tể tướng đến báo cho tôi hay, ở ngoài cổng thành Astrakhan vừa xuất hiện những nhà tắm công cộng thật lộng lẫy. Ông nói:

- Nước trong bể tắm lúc nào cũng trong, các cột nhà xây bằng cẩm thạch quý, các bể thì rực rỡ vô cùng. Nhân dân cả kinh thành đổ về xem như xem hội. Điều kỳ lạ là chẳng ai nhìn thấy nhà tắm ấy được xây dựng nên lúc nào. Bỗng chốc thấy nó hiện lên hoàn hảo như vậy. Đây là tất cả những gì người ta được biết.

Nghe tâu, tôi cũng lấy làm lạ, tự mình muốn nhìn tận mắt một cảnh có thể do sự thần kỳ mà có. Tôi cùng với tể tướng vi hành đến nhà tắm ấy. Sau khi xem xong kiến trúc cũng như cách trang hoàng lộng lẫy, tôi càng ngạc nhiên hơn. Ngoài việc cái gì cũng sạch sẽ ngăn nắp, tôi để ý thấy các cậu phục vụ ở đây cậu nào cũng bảnh trai, ăn mặc tử tế, và điều kỳ lạ hơn nữa chú nào nom cũng giống hệt chú nào, chẳng sao phân biệt được ai với ai.

Chủ nhà tắm là một người đàn ông trạc năm mươi tuổi, mặt mũi sáng sủa, luôn luôn trông nom việc phục dịch cho được tốt. Sau khi tắm xong, khách được mời uống rượu ngọt thật tuyệt vời, ra về ai cũng mãn nguyện. Khi trở về triều, tôi nói chuyện với các triều thần về khu nhà tắm, hóa ra mọi người đều đã tới đây rồi. Tôi hỏi họ nghĩ thế nào về chuyện ấy. Không hài lòng về bất cứ câu trả lời nào, tôi sai đi mời người đã xây nên ngôi nhà ấy, định trò chuyện riêng với ông ta. Tôi sai ông Huxêin thay mặt tôi đến gặp người ấy, bảo đối xử với ông cho đàng hoàng, rồi tìm cách mời ông ấy đến gặp tôi.

Vị sư phó Huxêin thi hành lệnh vua thật miễn cưỡng. Chẳng mấy lâu sau, ông đã trở về cùng với người trông nom nhà tắm. Ông ấy phủ phục dưới chân tôi. Tôi đỡ ông đứng lên, chào hỏi lịch sự.

Ông khách thú vị về sự đón tiếp huy hoàng của nhà vua, bắt đầu lên tiếng ngợi ca, ông ta nói năng hùng biện tới mức làm cho tôi cũng như tất cả triều thần đều khâm phục. Tôi thích thú nghe ông ấy nói, tới mức quên khuấy đi lý do tại sao cho mời ông ta tới đây.

Tuy nhiên rồi cũng sức nhớ, tôi hỏi ông:

- Thừa vị đại triết gia, chẳng khó khăn gì nhận thấy ông đúng là một người học rộng biết nhiều, ta có một lời yêu cầu đối với ông. Xin ông vui lòng nói cho chân thành, chớ nên giấu giếm điều gì. Bằng cách nào ông xây dựng nên khu nhà tắm tuyệt vời như vậy? Làm sao ông cho dựng nên một công trình tráng lệ đến thế ngoài cổng kinh thành Astrakhan chẳng một ai để ý?

Ông đáp:

- Muốn tâu bệ hạ, tôi có bốn mươi tay thợ, tất cả đều khéo léo, đều thạo tay nghề, chẳng ai kém ai. Những người thợ ấy đều câm, nhưng lại nghe rõ những điều người ta bảo. Thậm chí khi muốn họ thực hiện công việc gì, chẳng cần đến lời nói. Vừa phác ra một cử chỉ, những thợ ấy đã hiểu ông chủ muốn họ làm gì. Ngài chỉ cần nhìn vào họ, họ có thể đọc được qua đôi mắt ngài, ngài muốn họ làm ra sao. Nếu bệ hạ muốn, có thể đòi họ đến đây, và nếu ngài ngỏ ý muốn họ làm việc gì, họ sẽ thực hiện xong ngay trong chốc lát.

Tôi quá muốn xem sự thật thế nào, chứ không bằng lòng chỉ nghe nói. Tôi sai đi tìm những người thợ ấy. Hóa ra đây chính là các cậu phục vụ trong nhà tắm. Ngạc nhiên sao họ giống nhau như đúc, tôi hỏi người chủ nhà tắm đây có phải là anh em ruột thịt hay không, ông đáp:

- Đúng vậy, tâu bệ hạ. Hơn nữa, tôi có thể quả quyết họ đều cùng một mẹ sinh ra. Bệ hạ cần sai bảo họ làm việc gì xin cứ truyền. Tuy nhiên, xin bệ hạ cho mọi người lui hết ra ngoài, chỉ có ngài và tôi chứng kiến cảnh ấy mà thôi.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI LĂM

Các triều thần nghe vị triết gia nói vậy, tất cả đều lui ra ngoài, không đợi tôi truyền. Chỉ còn lại người chủ nhà tắm và tôi cùng bốn chục chú nô lệ. Sau khi suy nghĩ nên truyền họ làm gì, tôi ngỏ ý muốn họ xây khu nhà tắm ngay tại hoàng cung.

Tôi vừa thăm ngỏ với họ ý muốn của mình, lập tức tất cả bốn chục người biến mất. Lát sau, họ quay trở lại mang theo đá cẩm thạch đủ màu sắc và tất cả những vật liệu cần thiết cho việc xây dựng. Rồi bắt tay vào việc. Tôi nhìn họ làm, chưa kịp chán mắt thì công việc đã hầu như xong. Trong khi những người này làm công việc với nhịp độ phi thường, mắt tôi không theo dõi kịp các động tác của họ, thì những người kia lại đi ra ngoài, tìm kiếm vật liệu và mang về ùn ùn, một cách cực kỳ nhanh chóng. Tóm lại, chỉ trong vòng mấy tiếng đồng hồ, khu nhà tắm đã xây xong. Không có ngôi nhà nào lộng lẫy hơn, hoàn hảo hơn. Nhà chính có mười hai cột đỡ bằng đá vân thạch, bóng lộn đến mức có thể soi gương. Nhiều vòi nước xả nước trong veo ào ào đổ vào các bể bằng cẩm thạch trắng.

Ngạc nhiên trước những điều trông thấy và về kiến thức của vị triết gia, tôi ngỏ lời nhờ ông giải thích cho nghe, bằng cách nào các sự việc diễn ra nhanh chóng như vậy. Ông đáp:

- Tôi bệ hạ, nếu giải thích hết thì dài dòng lắm. Tôi chỉ xin phép được tâu bệ hạ, tôi am tường ba mươi chín môn khoa học tất thảy.

Những lời nói ấy của vị bác học càng làm tôi ngạc nhiên thêm. Tôi muốn có một con người vĩ đại như vậy gần gũi bên cạnh mình. Tôi khuyến dụ ông, hỏi ông là người nước nào, quý tính quý danh là gì. Ông đáp:

- Tôi vốn là người gốc ở địa hạt Bocara. Tên tôi là Avixen. Nếu bệ hạ muốn nghe câu chuyện đời tôi, tôi sẵn sàng thuật lại hầu ngài.

Tôi nói tôi sẽ lấy làm thú vị lắm. Thế là ông bắt đầu kể như sau:

CHUYỆN NHÀ BÁC HỌC AVIXEN^[50]

Tôi sinh ra tại một thị trấn gọi là Absana. Tôi hầu như vừa lớn lên qua khỏi tuổi năm nôi, cha mẹ tôi đã gửi đến thành phố Bocara cho theo học các trường học ở đây. Bắt đầu tôi học kinh Côran. Vì cũng có năng khiếu về văn chương, năm lên mười tôi đã thuộc hết bộ thánh kinh ấy. Sau đấy tôi được dạy số học, đọc các tác phẩm của Oclit, rồi chuyển sang các môn toán học. Tôi cũng nghiên cứu triết học, y học và thần học.

Tôi đạt khá nhiều tiến bộ khi đi sâu vào các môn khoa học ấy, thành thử chỉ trong một thời gian ngắn tôi rất nổi tiếng. Chưa tới hai mươi tuổi, tên tuổi tôi đã lừng lẫy từ bờ vịnh Ba Tư đến cửa sông Ấn.

Một hôm cha tôi đến kinh đô Xamacan có công việc gì đấy, tôi theo ông đến thành phố ấy. Nhân vào tham quan trong triều, tôi gặp ở đây nhiều người quen, họ khen ngợi tôi không tiếc lời. Những lời khen ấy đến tai tể tướng, ông ngỏ ý muốn gặp riêng tôi. Sau buổi chuyện trò, ông mời tôi ở lại luôn kinh thành Xamacan để gần gũi với ông. Tôi đồng ý. Tôi có nhiều ảnh hưởng đối với tể tướng, tới mức ông không ra quyết định nào không tham khảo ý kiến của tôi.

Vị tể tướng ấy không thọ được lâu. Song ông qua đời, tôi không mất đi một người tôi rất yêu quý, mà sự nghiệp của tôi còn rực rỡ hơn. Quốc vương nước ấy quý tôi không khác gì quý vị đại thần quá cố. Tôi được giao nhiều quyền hành. Một thời gian sau, bởi sau khi vị tể tướng từ trần vẫn chưa có ai giữ trọng trách ấy, nhà vua ngỏ ý giao luôn cho tôi đảm nhiệm, tôi chấp nhận.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI SÁU

Tuy phải làm nhiệm vụ một vị đại thần đứng đầu triều, tôi vẫn cố sắp xếp thời gian để nghiên cứu. Nhưng cho dù rất ham học tập, cũng chỉ có thể thu xếp được có mấy tiếng đồng hồ một ngày. Vì vậy tôi quyết định từ bỏ công việc triều chính. Tôi năn nỉ mãi mới được quốc vương chấp nhận, bởi vua rất hài lòng với công vụ của tôi. Vua không cố ép để tôi phải giữ nguyên chức vụ, song ông nói chỉ bằng lòng cho tôi miễn nhiệm với điều kiện không rời khỏi triều đình vua để đi nơi khác.

Bản thân tôi cũng không muốn đi xa khỏi triều đình. Tôi vốn quý trọng nhà vua ấy, hơn nữa quá cảm kích bao nhiêu ân huệ vua ban, cho nên dù rất ham mê nghiên cứu, tôi vẫn không lui về cảnh sống cô đơn ẩn dật chỉ vùi đầu vào sách. Vậy là tôi vẫn ở lại triều đình, song nhường dinh tể tướng cho người kế vị. Tôi chuyển sang ở một ngôi nhà khác cũng trong khuôn viên hoàng cung, sống ở ngôi nhà ấy gần như một vị quan hưu trí. Tôi chia thời gian của mình thành hai phần: nghiên cứu và gặp gỡ đàm đạo với nhà vua.

Không chỉ đọc sách, tôi còn viết nhiều tác phẩm, một số bằng thơ, một số bằng văn xuôi. Tôi khác với một số các nhà bác học chẳng để lại lợi ích cho đời, chỉ biết đam mê đọc sách, nhồi nhét vào đầu đủ mọi thứ kiến thức để rồi chết đi mà không lưu lại cái gì khiến cho công chúng gặt hái thành quả nhờ những hiểu biết của mình. Cứ mỗi lần suy ngẫm được những điều sâu sắc thì tôi diễn giải ngay thành tác phẩm để chia sẻ với mọi người. Tôi đã trước tác gần một trăm cuốn sách đề cập nhiều môn học. Các tác phẩm ấy được người đời cho xứng đáng được gọi là *Những trước tác vinh quang*.

Tôi cũng có quan tâm, nghiên cứu môn hoá học và môn khoa học bí huyền, theo đó có thể cắt nghĩa mọi hiện tượng biến hoá trong tự nhiên. Hồi ấy tôi đã là một nhà pháp truyền danh tiếng. Chợt một hôm có sứ thần của vua Cubêtdin, quốc vương xứ Catga đột ngột đến kinh thành Xamacan. Người ta đàm đạo khá nhiều về chuyến đi sứ ấy. Người thì bảo sứ thần đến đề tuyên chiến với nước Xamacan, người thì cho sứ thần có sứ mệnh đề nghị nước Xamacan liên minh với nước Catga. Chẳng ai rõ sự thật.

Sứ thần được tiếp kiến. Sau khi trình quốc thư, ông làm mọi người khá ngạc nhiên khi tâm với vua Xamacan như sau:

- Tâm bề hạ, quốc vương Cubêtdin chúa tể của tôi, một hôm trong một bữa dùng cơm thân mật nói chuyện với một số đại thần về các bậc triết gia thời cổ. Vua hỏi họ, không biết trên đời này còn có ai thông thái như các bậc hiền triết Hipocrat hoặc Xôcrat thời cổ đại hay không. Một vị đại thần tâm, có nhiều thương gia nước ngoài vừa mới đến kinh đô Catga; họ là những người từng rong ruổi khắp năm châu bốn bể, có thể họ rõ ngày nay ở đâu có các

nhà thông thái. Thế là quốc vương chúng tôi cho mời các thương nhân ấy đến. Họ cho biết ở triều đình Xamacan hiện có hai vị triết gia lừng danh không ai không ngợi ca tài trí. Một vị quý danh là Avixen, vị kia là Fazen Asfahani. Các thương nhân nói hai vị hiền triết ấy am tường mọi bí quyết của tự nhiên, bản thân các thương gia ấy đã có dịp được nhìn thấy hai vị thực hiện nhiều việc lạ kỳ.

Các thương gia ấy ngợi ca ngài Avixen và ngài Fazen ấy không tiếc lời, quốc vương chúng tôi có ý muốn xin bệ hạ cho chúng tôi mời họ sang nước chúng tôi một thời gian. Quốc vương chúng tôi thiết tha muốn được gặp mặt cả hai vị cùng một lúc. Quốc vương chúng tôi xin bệ hạ vui lòng để hai vị ra đi. Đức vua nước tôi muốn được nghe các vị ấy trình bày và phán đoán xem các vị ấy hiểu biết sâu rộng đến đâu. Chả là quốc vương Cubêđin chúng tôi cũng là một nhà vua rất thông tuệ, ngài đã học qua tất cả các môn khoa học.

Sứ thần trình bày như vậy, quốc vương Xamacan liền cho người vờ cả ông Fazen và tôi cùng đến, và nói như sau:

- Đức vua nước Catga có nhã ý muốn đàm đạo với hai vị. Ta nghĩ không thể không đáp ứng mong muốn của quốc vương nước ấy.

Ông Fazen đáp ngay:

- Tâu bệ hạ, ngài cứ phán, nhiệm vụ chúng tôi là tuân hành. Về phần mình, ngài bảo cần làm gì, tôi làm theo như ý của ngài.

Thấy tôi vẫn lặng im, quốc vương hiểu tôi chẳng thích thú mấy việc ra đi, liền nói:

- Ông Avixen à, ta thấy ông không đáp. Hình như chuyến đi này khiến ông không thoải mái lắm?

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI BẢY

Tôi đáp quả thực tôi cảm thấy ngại ngùng không thích lắm công việc người khác đòi tôi phải làm. Nghe vậy Fazen Asfahani nói, nếu chúng tôi khước từ, quốc vương Cubêđin sẽ đi đến kết luận không hay, nhà vua ấy sẽ nghĩ chúng ta chẳng giỏi giang như người đời đồn đại. Hơn nữa các vị quân vương là người tạo nên danh vọng cho chúng ta. Nếu họ có ý làm hại, họ sẽ viết thư ra nước ngoài nói về chúng ta những điều bất lợi. Vì vậy để bảo toàn quang vinh, chúng ta nên tuân thủ ý muốn của quốc vương nước Catga.

Lời Fazen khiến tôi nổi nóng. Tôi bảo ông:

- Ông quả thực có một nỗi lo lắng bực bội với một triết gia. Này, tôi xin hỏi, làm sao các vị quân vương có thể làm hại một con người nắm vững các môn khoa học như tôi đây? Ông nên biết, sở dĩ tôi lưu lại triều đình này, bởi tôi quý đức vua. Không có tình thân hữu thể hiện dưới muôn vàn ân huệ của đức vua, thì tôi đã đến một nơi nào khác trên trái đất, sống trong sự độc lập hoàn toàn từ lâu lắm rồi. Đối với ông là người chưa cao hơn số mệnh, ông cần có sự bảo hộ của các vị quân vương, ông nên sang bên nước ấy ăn ở cho vừa lòng vua Candaha. Một khi nhà vua ấy chưa hài lòng về kiến thức của ông, ít ra cũng hài lòng về thái độ ông muốn làm vừa ý mình, chắc chắn ông ấy sẽ viết thư ra nước ngoài loan truyền những điều có lợi cho ông.

Tôi nhìn thấy rõ câu nói vừa rồi của tôi làm cho ánh mắt Fazen loé lên một cơn giận dữ, khó khăn lắm ông mới kiềm chế nổi. Quốc vương Xamacan cũng nhận thấy điều đó. Vua không muốn để cho lời qua tiếng lại giữa hai chúng tôi biến thành một cuộc tranh cãi, liền nói với tôi:

- Ông Avinxen à, ta mong ông chiều lòng mọi người. Đức vua nước Catga có mong muốn được gặp ông, là một người đầy tài năng, giỏi các môn khoa học và quý các bậc thông thái. Vua có sở nguyện được đàm đạo với ông. Nếu chúng ta cho sứ thần lui về với lời khước từ thì thật là không phải. Ta không dám chê trách lòng tự hào của ông, do những kiến thức hiếm có mang lại. Tuy nhiên, xin ông hãy suy nghĩ, các bậc quân vương cũng đáng để người khác có ít nhiều trọng thị đối với họ chứ. Ông hãy nghe lời ta, hãy sang bên triều đình vua Cubêđin. Ông sẽ lưu lại đây một thời gian rồi lại trở về đây với chúng ta, nếu ông còn giữ được những tình cảm tốt đẹp đối với ta như lời ông vừa biểu lộ.

- Tâu hoàng thượng đầy quyền uy, – tôi đáp lời vua Xamacan – bởi ngài đã ngỏ ý, muốn tôi đi đến nước Catga, như vậy sẽ làm vui lòng ngài, thì tôi đâu còn dám khước từ. Tôi sẵn sàng lên đường. Đối với tôi, ngài có đầy đủ quyền uy như đối với một nô lệ. Nếu ngài cần, tôi sẵn sàng xả thân.

Nhà vua tỏ ra cảm kích về sự trọng thị của tôi đối với ông. Vua sai ban

cho sứ thần nước Catga một chiếc áo thêu vàng, và khẳng định ông Fazen và tôi sẽ mau chóng lên đường ngày một ngày hai, nhờ sứ thần trở về tàu như vậy để quốc vương Cubêđin rõ.

Fazen Asfahani là một người trạc tuổi tôi. Đúng ông là một con người thông thái, tuy nhiên các thương gia khi giới thiệu với nhà vua xứ Catga, cũng có khen ông hơi quá lời. Mấy ngày trước khi chúng tôi cùng khởi hành, vị triết gia đến gặp tôi và nói:

- Thừa ngài Avixen lòng danh, người đời cho chúng ta là những nhà bác học hoàn hảo, tôi nghĩ chúng ta không nên du hành như những người bình thường. Chúng ta phải làm một việc gì đó khác thường. Ngài có muốn chúng ta cùng nhau thực hiện chuyến đi này đến nước Catga không cần ăn uống dọc đường hay không? Cho dù chuyến đi cũng hơi dài ngày đấy, tôi nghĩ điều tôi vừa đề nghị chẳng khó khăn gì đối với một bậc đại thông thái như ngài. Như vậy chúng ta chỉ cần chuẩn bị thực phẩm cho bọn người theo hầu đủ dùng trong suốt chuyến đi, còn chúng ta sẽ thực hiện nhịn ăn nhịn uống. Bọn người hầu ấy sẽ là những chứng nhân chuẩn xác nhất cho việc ấy. Khi đến kinh thành Catga, chúng sẽ loan truyền cho mọi người rõ, và sẽ mang lại vinh quang lớn cho chúng ta.

Ông Fazen sờ dĩ đề nghị với tôi như vậy vì ông ấy nắm được thuật luyện linh đan, mỗi ngày chỉ cần ngậm một viên linh đan, đủ nuôi sống hoàn toàn một con người to lớn khỏe mạnh. Nếu chuẩn bị và mang theo vừa đủ để dùng mỗi ngày một viên, thì chắc chắn không phải lo đói khát dọc đường. Ông Fazen nghĩ, tôi sẽ không thể không chấp nhận đề nghị của ông, bởi làm như vậy sẽ tỏ ra mình là người kém tài so với ông ấy. Vì vậy ông bảo sẽ chờ thêm năm hoặc sáu ngày sẽ lên đường. Tuy nhiên, tôi chẳng chút bối rối như ông ấy nghĩ, tôi đồng ý ngay sẽ cùng du hành theo cung cách ấy. Tôi luyện một loại thần dược cũng có khả năng nuôi sống con người giống hệt các viên linh đan của ông ta. Vậy là hai bên chẳng ai ngỏ cho người kia biết mình chuẩn bị thứ gì, chúng tôi già từ Xamacan lên đường tới Catga.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI TÁM

Ba bốn ngày đầu, chúng tôi đều đang hoang, chẳng ai cần ăn uống gì sất trong lúc đi đường. Thần dược của tôi cũng như linh đan của ông đều tỏ ra vô cùng hiệu nghiệm. Hai người, ai nấy đầy tự tin. Thỉnh thoảng tôi quan sát ông ta để xem người ông có dấu hiệu gì đổi khác hay không. Ông cũng hay nhìn ngó để ý đến tôi, bởi chính vì lý do ấy. Về phần mình, cơ thể tôi không suy nhược đi, mà còn tỏ ra mỗi ngày một cường tráng hơn. Nhưng ông bạn đại thông thái của tôi không được như vậy. Ông ta đánh rơi mất các linh đan. Người ông ta trở nên mơ màng, buồn bã, mặt mũi ông ta mỗi ngày một xanh tái, làm tôi hiểu sự tình không ổn rồi. Nhưng ông giấu nhem điều bất hạnh xảy ra, ông cố gắng kiên nhẫn chịu đựng, và vì vậy mỗi ngày một thêm suy nhược. Thấy tình cảnh ông thảm thương quá, tôi mời ông dùng thần dược của tôi, song ông khước từ. Ông thà chịu chết còn hơn phải thú nhận mình cần có sự cứu giúp của người khác.

Tôi hết sức xúc động trước việc ông Fazen qua đời. Tôi khóc thương ông thật lòng. Với sự trợ giúp của những người theo hầu, tôi an táng ông trên dãy núi Botom. Trong số những người giúp việc có một anh rất được ông Fazen tin cậy. Anh ta nói cho tôi biết sự phụ anh có luyện linh đan. Chúng tôi lục tìm các túi trong bộ quần áo ông mặc, không thấy đâu, chúng tôi nghĩ chắc ông đánh rơi mất dọc đường.

Sau khi làm lễ tang trọng thể cho ông Fazen, với những nghi thức tốt nhất có thể trong hoàn cảnh ấy, tôi mang tất cả số tiền bạc vua Xamacan đã ban cho ông Fazen và tôi để nuôi những người nô lệ theo hầu trong thời gian sẽ lưu lại kinh thành vua Catga, chia đều cho mọi người, sau đó tôi tuyên bố cho tất cả trở thành những người tự do. Tôi nói với họ:

- Các anh ai muốn đi đâu thì đi, tùy ý thích. Hãy để tôi lại một mình giữa vùng núi non này. Tôi không cần đến các anh nữa.

Những người giúp việc, một số đi về nước Tocarestan, một số khác sang xứ Fergan, những người còn lại vượt qua dãy núi Imaut, vào đất nước Tuockhen.

Chờ cho tất cả đi khỏi rồi, tôi nán lại hồi lâu bên ngôi mộ của Fazen Asfahani, vừa khóc thương cho số phận không may của nhà triết gia ấy, vừa chê trách ông đã quá khinh suất và kiêu căng. Tiếp đó tôi suy nghĩ nên làm gì bây giờ. Tôi không muốn tiếp tục đi về nước Catga nữa, cũng không trở lại Xamacan. Tôi quyết định một thân một mình đi chu du khắp thế giới. Tôi đi đến xứ Uzcun, từ đó sang thành phố Cogien, rồi từ đây thẳng theo con đường có sẵn quen thuộc với mọi người, sau nhiều ngày đường, tôi đến kinh đô nước Carim.

Tôi đang đi dạo thăm thành phố lớn ấy, chợt nghe tiếng ồn ào, rồi thấy nhân dân nhiều người có vẻ náo động. Những người buôn bán nhỏ và thợ thủ công đóng cửa hiệu, hoà vào dòng người đang nói chuyện ồn ào, như thể có một sự kiện trọng đại nào vừa xảy ra hoặc đang diễn ra ngay lúc này. Hoá ra nguyên nhân gây nên là do một người loan tin, anh này mỗi lần thành phố có sự kiện gì cần công bố cho toàn thể mọi người được rõ thì có nhiệm vụ vác loa đi rao khắp các phố phường. Hôm ấy, cứ cách chừng mười lăm phút, lại nghe tiếng người ấy rao một lần ở phố này hoặc phố nọ: *Hỡi những ai yêu thích các môn khoa học, xin thông báo để quý ngài được rõ, mai là ngày vào hang.*

Vừa nghe tiếng rao, tôi quyết định đi theo sát người loan tin, để có cuộc chuyện trò riêng với anh về cái hang ấy. Đến cuối ngày tôi mới tiếp cận được anh ta, lúc anh xong việc sắp trở về nhà. Tôi chào hỏi anh lịch sự, và xin anh vui lòng cho biết cái hang ngày mai các nhà thông thái sẽ vào trong ấy có cái gì.

Người loan tin nghe tôi là một nhà tu hành, liền đáp:

- Thừa thầy, ở bên ngoài thành phố này, về hướng biển Caspi, có một dãy núi gọi là Hồng Sơn, bởi quanh năm dãy núi ấy phủ toàn hoa hồng. Dưới chân dãy núi ấy có một cái hang khá rộng, từ ngoài có thể vào hang qua bốn cổng. Do chịu phép thần thông, bốn cánh cổng ấy tự mở ra và tự đóng lại vào một ngày đầu năm. Những người hiếu kỳ đến chờ ở cửa hang để vào ngay khi trời rạng sáng, lúc các ngôi sao trên bầu trời vừa tắt. Trong hang đá có vô vàn là sách và sách, ai muốn chọn cuốn nào mang về nhà đọc, tha hồ chọn. Có điều phải mang sách và ra khỏi hang nhanh nhanh lên, bởi chỉ sau khoảng mười lăm phút hoặc nửa giờ tính từ lúc cổng hang mở ra, thì nó sẽ tự động đóng lại. Nếu một nhà bác học nào đấy quá say sưa chọn sách, không để ý đến thời gian và cứ nấn ná trong hang – việc này thỉnh thoảng cũng có xảy ra – thì rồi sẽ chết đói trong ấy, bởi phải chờ đúng một năm sau cổng hang mới lại mở ra.

Theo như lưu truyền, – người loan tin nói tiếp – chính nhà hiền triết Sec Chêhabêđin^[51] đã cho đào nên cái hang này để chứa các kinh, sách của ông ấy – kể cả những cuốn do ông trước tác và những cuốn ông thu thập được từ khắp nơi trên thế giới. Suốt cả cuộc đời ông, nhất là những năm cuối đời, ông không tiếc công sức bỏ ra thu thập kinh, sách. Và kết quả công cuộc ấy là ông đã tích được hơn hai mươi ngàn cuốn sách riêng về cách luyện đá thành vàng, về các phương pháp tìm kiếm và phát hiện các kho tàng dưới đất. Lại có những cuốn sách dạy làm những việc kỳ diệu, như biến dạng một con người trở thành một con thú, hoặc là phá cho cây cỏ trở thành vật có hồn, nói tóm lại mọi bí quyết của đất trời đều được ghi chép lại trong một số

cuốn sách nào đó, đặc biệt trong những cuốn do chính Sec Chêhabêđin biên soạn.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BA MƯƠI CHÍN

Tôi chăm chú theo dõi những điều người loan tin trình bày. Người ấy còn cho biết thêm, để bảo đảm an toàn cho kho sách quý báu lưu trữ trong hang đá, nhà hiền triết Chêhabêđin đã yểm bùa bốn cánh cổng, vì vậy cho dù chỉ làm bằng gỗ trầm hương bình thường, không ai có cách nào mở ra hoặc phá vỡ, cho dù với tài năng hoặc sức lực nào.

- Sự thận trọng ấy xem chừng chẳng cần thiết lắm, – tôi nói – bởi tất cả mọi người ai cũng vào được trong hang và tự do chọn sách ra cơ mà, người ta có thể lấy đi hết. Tôi ngạc nhiên sao cho đến nay tình trạng ấy vẫn chưa xảy ra.

- Thầy rất có lý khi nghĩ vậy, thưa thầy, – người loan tin mỉm cười đáp – bởi tôi quên chưa thưa thầy rõ, những người lấy sách trong hang mang về nhà bắt buộc sang năm sau phải mang đến trả lại chỗ cũ. Quên việc ấy đi ắt gặp chuyện không hay đấy. Có những thần linh chuyên lo việc giữ gìn thư khố ấy. Người nào胆敢 trí quên thì sẽ bị các thần linh ấy quấy rầy không yên, thậm chí có một vài người có lòng tham lam muốn giữ sách làm của riêng, đã phải đền bằng mạng sống của mình.

Biết rõ tất cả những điều vừa nghe, tôi cảm ơn người loan tin và xin cáo từ. Rất hài lòng về những chi tiết trên, tôi nảy ra ý sáng mai sẽ đi vào trong hang sách cùng với những người hiếu kỳ ở thành phố. Hơn thế, tôi còn quyết định sẽ ở luôn trong hang sau khi mọi người ra khỏi, cho dù sau đó có việc gì xảy ra. Tôi đã am tường khá sâu pháp thuật, chẳng có gì phải lo ngại nếu gặp các thần linh.

Ngay lập tức tôi ra khỏi kinh thành Carim, đi theo hướng về bờ biển Caspi. Đến chân núi Hồng Sơn, tôi nhìn thấy bốn cái cổng làm bằng gỗ trầm hương đúng như anh loan tin cho biết, trên các cánh cổng có chạm hình các linh thú, đây chính là nơi bùa thần được yểm.

Tôi trèo lên núi, nằm nghỉ giữa sườn núi hồng toả hương thơm nhẹ nhẹ. Tôi nôn nóng muốn mau chóng được vào trong hang, thành thử đêm hôm ấy không sao ngủ yên giấc. Cuối cùng trời rạng sáng. Từ phía thành phố đã có rất đông người kéo ra. Nghe tiếng chân họ rậm rịch, tôi vội xuống núi, để mình khỏi là người cuối cùng lọt được vào hang.

Các ngôi sao trên trời vừa lặn, thì đột nhiên bốn cánh cổng ở bốn hướng của quả núi tự động mở ra, gây nên tiếng ầm ầm khủng khiếp. Mọi người ồ vào, toả đi khắp nơi trong hang đá, quả rất rộng, đúng như người loan tin hôm qua đã nói trước với tôi. Nói ở đây có vô vàn là sách và sách chẳng ngoa chút nào. Dọc trên các giá đóng bằng gỗ lô hội kê sát các thành hang, sách được xếp ngay ngắn, mỗi chiếc giá đều có nhãn ghi rõ giá này xếp sách

thuộc môn khoa học nào. Giữa các hàng sách xếp trên giá lộ nhiều chỗ trống, nhưng các nhà bác học mới vào đã mau chóng mang sách đã mượn trả lại và xếp vào các chỗ trống ấy. Đồng thời trên các giá lại xuất hiện những chỗ trống khác, bởi các nhà thông thái ấy lại chọn mượn những cuốn khác và vội vàng ra khỏi hang.

Một lát sau, tôi lại nghe tiếng chuyển động âm âm, đây là bốn cánh cổng đang tự động đóng lại. Lúc này chỉ còn mình tôi ở lại trong hang. Bởi hang sách được chiếu sáng từ các cổng, nay các cổng đóng chặt rồi, bên trong tối như mực, ngửa lòng bàn tay không nhìn thấy.

Giá là một người nào khác chứ không phải tôi hắt hết sức bối rối trong hoàn cảnh ấy. Nhưng tôi biết cách làm tan bóng tối. Tôi bắt đầu dùng pháp thuật bắt các thần linh trông nom hang sách này phục mình, sau đây tôi lệnh cho họ mang đèn nến đến, làm sao cho trong hang lúc nào cũng có ánh sáng đủ để đọc sách.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BỐN MƯƠI

Một khi các thần linh đã chịu khuất phục một người nào đó, họ nhất nhất vâng lời các mệnh lệnh người ấy truyền. Tất cả các thần giữ hang ra đi và trở về trong nháy mắt, mang theo đủ đèn để chiếu sáng mười cái hang chứ không chỉ một cái hang này, cho dù nó rất rộng. Tôi nghĩ các thần linh dường như đánh cắp hết tất cả đèn đóm ở kinh thành Carim mang về đây cho tôi. Chưa bao giờ trong hang có nhiều đèn sáng y như một đêm hội vừa mở để mừng sự có mặt của tôi trong hang đá. Đâu đâu cũng có đèn, đèn để đọc theo các giá sách, đèn treo trên mái vòm cao, ngược nhìn lên như thể bầu trời đầy sao. Tôi hài lòng được các thần linh phục vụ chu đáo.

Vậy là tôi vui đầu đọc nhiều cuốn sách khá kỳ lạ. Có những cuốn luận bàn những điều kỳ diệu của hoá học và các môn khoa học bí truyền, tuy nhiên văn phong quá bóng bẩy, ngôn từ quá rối rắm, đến nỗi các nhà thông thái từng xem những cuốn sách ấy không sao hiểu thấu hết nghĩa lý. Muốn thấu triệt nội dung, phải có sẵn trong đầu tất cả kiến thức như tôi đã có.

Tôi muốn ghi chép lại một vài đoạn trong sách. Tôi vừa ngỏ ý, các thần linh đã vội vàng mang đến đủ giấy bút, làm như họ đúng là những tên nô lệ tận tụy với chủ. Họ còn lo việc đi tìm thực phẩm mang vào hang cho tôi, khi thần được tôi mang theo đã cạn kiệt. Ngày nào các thần cũng mang vào hang cho tôi nhiều món ăn ngon cùng với rượu nho tuyệt vời của vùng Sira. Tôi chỉ có việc nói lên mình cần thứ gì, ngay tức khắc các thần cung ứng đủ. Tôi sống thật thoải mái trong hang đá ấy. Cũng có những cuốn sách chẳng mang lại điều gì mới mẻ, ngược lại, cũng có những cuốn hết sức bổ ích, qua những trang sách ấy tôi học được nhiều điều huyền bí của thiên nhiên. Tôi đọc sách suốt một năm ròng không hề chán.

Đến đầu năm sau, các cổng hang tự động mở ra như thường lệ. Những người hiếu kỳ lại đổ xô vào hang. Nhưng không một ai chờ đợi trong hang có nhiều đèn đóm sáng rực đến thế, cho nên ai nấy đều kinh hoàng. Mọi người vội vứt lại những cuốn sách mang đến trả rồi ba chân bốn cẳng chạy thoát ra ngoài. Tôi cũng có ý nên ra ngay cùng với họ. Cần nói rõ, trong thời gian một năm ở trong hang, tôi để cho tóc, râu, lông mày mọc tự nhiên, thành ra bộ dạng tôi trông rất kỳ cục, khiến những ai nhìn thấy không khỏi khiếp đảm. Nhiều người kêu lên: “Phù thủy Muc đấy, đích thị phù thủy Muc kia rồi!”

Phù thủy Muc vốn là một nhân vật xưa nay chuyên gây nên tai hoạ cho xứ sở này. Lão phù thủy ấy thường sử dụng pháp thuật cao cường để làm hại người đời. Nhân dân ai cũng kêu ca về lão. Nhà vua nước Carim nhiều lần huy động đến cả quân đội, nhưng chẳng sao bắt được lão. Lần nào lão cũng lẩn trốn giỏi như trạch, vì vậy chưa bao giờ phải chịu tội.

Nghe mọi người gọi mình là phù thủy, vì thiếu thận trọng, tôi định tìm cách giảng giải cho họ hiểu ra. Tôi nói với dân chúng:

- Hỡi những người anh em của tôi, các bạn nhầm rồi, tôi không phải lão phù thủy Muc các bạn đã nói đến đâu. Tôi tuyệt nhiên không có mảy may ý định gây thiệt hại cho các bạn.

Mọi người ngừng la hét nhưng chẳng ai tin lời tôi. Được một số người can đảm khích lệ, đám đông vây chặt tôi vào giữa, rồi nhất tề xông vào bắt giữ.

Lúc này, chỉ cần niệm một câu thần chú, tôi đã xô tất cả bọn người đồ nhào xuống đất và thoát khỏi tay họ ngay, nhưng tôi nghĩ chẳng cần kháng cự làm gì, để yên cho mọi người muốn làm gì thì làm. Họ càng tin tôi là phù thủy Muc. Sau khi trối nghiến tôi lại, họ dẫn tôi đến trình quan chánh án. Vừa nhìn thấy bộ dạng của tôi, viên quan đã phán ngay:

- Tên khốn kiếp kia, lần này mày đừng hòng thoát khỏi tội! Mày làm dơ dáy cuộc sống này từ lâu bởi những hành động ghê tởm của mày. – Phán xong, quan quay sang nói lại với viên giúp việc – Ngay tức khắc, hãy cho dẫn tên này đến quảng trường công cộng, nơi ta vẫn hành quyết những tên tội đồ nguy hiểm nhất!

Viên chánh án vừa ngừng lời, bọn lính đã tóm lấy tôi, dẫn đến một quảng trường khá rộng. Trong thời gian ấy, viên chánh án vào triều tâu với nhà vua, xin nhà vua cho ý kiến nên xử tên phù thủy bằng hình thức nào.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BỐN MƯƠI MỐT

Quốc vương nước Carim nghe tàu lão phù thủy Muc đã bị bắt và hiện đã bị áp giải đến quảng trường chờ hành quyết, liền lên kiệu đến tận nơi. Vừa mới đến, chỉ nhìn thấy bộ mặt tôi, vua đã truyền bắt tôi phải chịu chết trên giàn lửa. Vua chưa dứt lời, người ta đã mang tới một giàn hỏa thiêu đủ chỗ thiêu sống một lúc hai chục tên phù thủy. Công việc tiến hành nhanh chóng lắm, bởi nhân dân tự động mang củi gỗ tới góp nhiều không kể xiết. Ai ai cũng thích thú chờ đợi xem cảnh tôi bị thiêu đốt thành tro.

Tôi kiên nhẫn chờ cho người ta dẫn tới trối vào giàn hỏa thiêu. Nhưng khi lửa vừa châm, tôi niệm mấy câu thần chú làm đứt tung mọi dây dợ trối buộc. Tôi nhặt một thanh gỗ, hoá phép thành một cỗ xe chiến thắng và bước lên xe. Tôi cho cỗ xe bay lượn nhiều vòng trên không trung. Nhân dân kinh thành Carim xem cỗ xe của tôi bay lượn cũng thích thú y như họ được nhìn thấy cảnh tôi bị đốt cháy ra tro trên giàn lửa vậy. Tiếp đó tôi cất cao giọng nói với nhà vua nước Carim:

- Hỡi vua Clit-Arxolan kém công minh kia, người muốn hành quyết ta như giết chết một tên khốn kiếp, người nên biết ta không phải một lão phù thủy mà là một bậc hiền triết. Ta có khả năng làm nhiều điều kỳ diệu hơn rất nhiều những gì người đang được nhìn tận mắt.

Nói xong, tôi biến mất, khiến nhà vua cũng như toàn thể dân chúng có mặt ở đây, vô cùng kinh ngạc.

Sau việc xảy ra ấy, tôi du hành suốt mười năm liền. Tôi đã đến các thành phố Cairo và Batđa, đã đi nhiều vùng trên đất Ba Tư. Bất kỳ đến đâu, tôi cũng tạo nên hạnh phúc cho bạn bè. Sau khi chu du khắp thế giới, đến thành phố Astrakhan, tôi nảy ra ý muốn làm một việc gì đấy để người đời nói đến mình. Tôi ra ngoài kinh thành, tìm một nơi nhiều cây cối, chặt bốn mươi cành cây dài bằng nhau, rồi niệm câu thần chú biến bốn mươi cành cây ấy thành bốn mươi con người. Tôi sai chúng tạo dựng nên khu nhà tắm bên ngoài cổng đô thành như bệ hạ đã thấy. Tàu bệ hạ, bốn chục cành cây ấy chính là bốn chục tên hầu. Chính vì lẽ ấy tôi có lý do để hỏi nầy tàu với bệ hạ, tất cả đều cùng một mẹ sinh ra, bởi tất cả đều từ đất mọc lên.

CHUYỆN QUỐC VƯƠNG HOCMÔ, BIỆT DANH NHÀ VUA KHÔNG PHIÊN NẢO – PHẦN CUỐI

Avixen nói đến đây thì ngừng lời. Quá thú vị về những điều ông vừa kể, tôi thốt lên:

- Hỡi nhà đại thông thái, hạnh phúc xiết bao cho ai được kết bạn với ông! Sau những điều ông vừa cho nghe, ta nghĩ hẳn chẳng có việc gì ông không làm được. Giờ ta không ngạc nhiên nữa về việc bốn mươi chàng trai của ông đã làm nên, bởi chính ông sai khiến chúng làm. Ta cũng nghĩ nếu ta truyền cho chúng đưa về đây ngay cho ta công chúa nước Carim, nàng Rêzia, hẳn chúng vẫn có thể thực hiện nhiệm vụ rất khó khăn ấy.

- Chắc chắn thế! – Avixen đáp. – Nếu ngài muốn vậy, chúng sẽ bay về cung công chúa, bắt nàng ngay giữa đám đông cung nữ hầu hạ, đưa về đây trình ngài ngay chốc lát.

- Ta muốn! – Tôi hăng hái đáp. – Ôi, được vậy, thật ngài không thể làm việc gì khác khiến ta thích thú hơn.

- Rồi bệ hạ sẽ được hài lòng. – Avixen nói. – Hơn nữa bản thân tôi cũng vui mừng có cơ hội bắt được nhà vua nước Carim phải trả mỗi hận cho mình.

Nói xong, nhà đại thông thái đưa mắt nhìn một chú trai, ra hiệu bảo hãy đi đi. Tên nô lệ ấy biến mất gây nên một tiếng động lớn, và lát sau quay trở về cùng với nàng công chúa nước Carim.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BỐN MƯƠI HAI

Dĩ nhiên tôi không thể không nhận ra nàng Rêzia, cũng như không thể nén nổi niềm vui được gặp lại người mình xiết bao yêu dấu. Tuy nhiên, cho dù phần khởi bao nhiêu trước sự tái ngộ bất ngờ này, với cung cách nàng đột ngột xuất hiện vừa rồi, cũng khiến cho tôi chút ngần ngại. Tôi e đây chỉ là một bóng ma. Tôi chưa thể tin vào mắt mình. Tôi nói với nhà thông thái:

- Xin ông làm ơn, chớ đánh lừa ta nhé. Trước mắt ta là ảo ảnh về nàng Rêzia xinh đẹp, hay đây chính nàng công chúa nước Carim? Xin ông hãy nói thật đi, ta nên nghĩ sao bây giờ?

- Tâu bệ hạ, xin ngài chớ có ngại ngùng! – Ông đáp. – Đây chính là nàng công chúa Rêzia. Xin ngài hãy ngắm kỹ dung nhan nàng, xin ngài hãy vững tâm bày tỏ tình cảm với nàng!

Nghe Avixen nói vậy, tôi quỳ xuống dưới chân nàng Rêzia, và không để nàng kịp hoàn hồn, tôi thốt với nàng những lời như sau:

- Ôi, hỡi nàng công chúa của ta, ta đã mất hết hy vọng tưởng chẳng bao giờ còn được nhìn thấy lại dung nhan kiều diễm của nàng. Chính nhờ có nhà đại thông thái đây đã dùng phép thần thông giúp kiến tạo nên nỗi vui này. Việc bắt trộm nàng đến đây là hệ quả tài năng nhà bác học, hay nói đúng hơn, của mối tình say đắm ta vẫn dành cho nàng. Nàng hãy nhận kỹ người trước mặt nàng đây, người ấy chính là chàng trai đã xuất hiện trước nàng trong bộ áo quần chú giúp việc làm vườn. Nàng biết rõ, nàng đã đối xử tàn bạo với chú ấy ra sao khi phát hiện chú dám to gan cãi trang, và sau đó chú đã may mắn thoát khỏi cái chết gang tấc trong trường hợp nào. Cho dù nàng đối xử thật khắt khe với ta, ta vẫn không thể nào thôi yêu quý nàng. Sau khi đã rõ những điều vừa rồi, thưa bà hoàng của ta, bà cứ nổi trận lôi đình với kẻ bạo gan đã dám dùng bạo lực để chiếm hữu nàng. Nhưng xin nàng vui lòng, trước đó, hãy nhận ra kẻ bạo gan ấy chính là quốc vương bất hạnh nước Xiêcca, người đã từng cử sứ thần sang yết kiến phụ vương nàng để xin cầu hôn.

Các vị có thể hiểu, nếu tôi ngạc nhiên được gặp lại nàng công chúa Rêzia, thì nàng cũng bàng hoàng không kém, tự dung thấy mình bị bắt đến một nơi xa lạ. Tôi chờ đợi, không phải không có lý do, sẽ nghe nàng tuôn ra những lời xúc phạm khi nhận ra tôi là ai. Nhưng nàng lại đáp như sau:

- Trước đây, quả tôi có bất bình vì sự táo tợn của ngài, song bây giờ tôi lại có lý do để tha thứ cho ngài về sự táo tợn này. Tôi sắp phải thành hôn với một nhà vua mà tôi ghét cay ghét đắng; vì vậy làm sao tôi lại có thể bất bình khi bỗng dưng có người dùng vũ lực bắt tôi đi, nhờ vậy giúp cho tôi thoát một cuộc hôn nhân mình kinh tởm.

Tôi vội ngắt lời nàng:

- Nàng nói sao, thưa nàng công chúa Rêzia? Nàng vẫn chưa là vợ của nhà vua xứ Gazna sao?

- Chưa, tâu bệ hạ. – Nàng đáp. – Từ ngày sứ thần của ngài rời kinh đô Carim, đã xảy ra khá nhiều việc ngài chưa rõ, em xin trình bày tiếp để ngài hay. Sau khi quân đội vua Gazna liên minh với quân đội nước Candaha đánh bại quân của phụ vương em, hai quốc vương ấy định xua quân tiếp tục tiến về bao vây kinh đô nước Carim. Nhưng phụ vương em đã kịp phái một đại thần đến gặp họ và thoả thuận ký kết một hoà ước, theo đó điều khoản quan trọng nhất là em được mang sang gả ngay không chậm trễ cho quốc vương nước Gazna.

Vào đúng hôm phái đoàn của em chuẩn bị khởi hành đi Gazna, thì nhận được một tin báo: Quốc vương nước Candaha nghe đồn đại về nhan sắc em, cũng sinh lòng yêu quý và cũng có ý muốn xin cưới em về làm hoàng hậu. Vua Candaha đã nói thẳng điều ấy với vua Gazna. Hai nhà vua vì vậy bất hoà với nhau, dẫn đến xung đột và trong cuộc chiến này, quân đội của vua Candaha lại chiếm phần ưu thế.

Tin tức trên chẳng bao lâu sau được xác nhận. Một võ quan do nhà vua Candaha cấp tốc phái đến kinh thành Carim thông báo cho phụ vương em rõ: Ông ta đã chiến thắng hoàn toàn, vua Gazna đã tử trận, và ông ta có ý định lên làm vua luôn cả nước Gazna. Vị võ quan này đồng thời cũng chuyển lời vua Candaha xin em về làm hoàng hậu nước ấy. Phụ vương em không dám khước từ lời cầu hôn của một quân vương hùng mạnh dường ấy. Ngài đành chấp nhận và báo cho em rõ để tuân hành, mặc cho em không đồng tình vì em nghe người ta đồn đại không hay về nhà vua này, em rất ghét ông ta, cho dù viên võ quan đến cầu hôn cố tô vẽ cho chúa tể của mình.

Em đang chuẩn bị để sáng sớm mai, vĩnh biệt phụ vương em lên đường, đến sống với một người chồng em căm ghét. Lúc này em đang quây quần với các cung nữ, tâm tình với họ, rằng em thù ghét cuộc hôn nhân này lắm lắm thì đột nhiên một người đàn ông hiện ra tóm lấy người em và đưa em bay về chốn này trong nháy mắt.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BỐN MƯƠI BA

Tôi quá mừng hay tin nàng Rêzia chưa phải lấy chồng, nghe đến đây, lại không thể không ngắt lời nàng:

- Ôi, hỡi nàng công chúa của ta! Có đúng là nếu không có hành động bạo lực của ta như vừa rồi, nàng đã phải sa vào tay một quân vương nàng thù ghét? Đây quả là một tình tiết giảm nhẹ tội cho ta.

Đến lượt công chúa ngắt lời tôi:

- Nó không thể làm giảm nhẹ tội cho ngài, nhưng nó khiến cho em không còn lý do để có thể trách cứ ngài.

- Đã vậy thì, thưa công chúa, – tôi bảo nàng, – tôi van nàng hãy xá hết tội cho tôi đi, và hãy vui lòng nhận ngôi hoàng hậu nước Xiêcca mà tôi mang hiến dâng nàng cùng với trái tim của mình!

Tôi không muốn thuật lại những lời lẽ tôi nói thêm sau đó để thuyết phục nàng Rêzia thông cảm với tình yêu của tôi. Điều khiến tôi vô cùng cảm động là nàng ngỏ ý đồng tình kết hôn, với điều kiện tôi được phụ vương nàng chấp nhận.

Tôi hỏi ý kiến ông Avixen, ông khuyên:

- Ngài nên phái một sứ thần sang gặp quốc vương nước Carim báo tin cho nhà vua biết, công chúa con gái người hiện ra sao, đồng thời ngỏ lời xin cầu hôn. Còn mọi việc khác, để tôi lo.

Theo lời khuyên, tôi phái ông Huxêin một lần nữa cất công đi sứ sang triều đình nước Carim cùng nhiều tặng vật mới. Trong khi chờ đợi ông trở về, tôi thân hành dẫn công chúa Rêzia đến sống tạm ở trong một ngôi nhà đẹp nhất trong hoàng cung và truyền cho mọi người hầu hạ nàng đúng lễ, như thể nàng đã thực thụ là hoàng hậu của tôi rồi.

Còn đối với bậc triết gia^[52] Avixen mà tôi vô cùng hàm ơn, tôi mời ông ở lại triều đình, muốn sống theo cách nào tùy sở thích. Tôi nói:

- Ta không dám mời ông làm tể tướng vì chức vụ ấy không xứng với ông. Chúng ta hãy là bạn của nhau. Ông hãy chia sẻ quyền lực tối cao với ta. Ta không biết có cách nào hơn thế để bày tỏ lòng biết ơn về tất cả những việc ông đã làm giúp ta.

Avixen đáp, ông hết sức hài lòng và cảm ơn được tôi coi ông là một người bạn, đây là phần thưởng cao quý nhất, không thể có cách nào trả công ông cao hơn thế.

Trở lại chuyện đi sứ của ông Huxêin sang nước Carim. Tôi thấy cần nói rõ với hai vị tình hình ở đây lúc ông sang tới nơi.

Sau khi được tin công chúa bị bắt cóc, quốc vương nước ấy cho hội tất cả đại thần trong triều cũng như mời các vị lãnh chúa đang cai quản các lãnh địa trong toàn quốc về, cùng bàn bạc nên xử trí ra sao trong cảnh ngộ éo le này. Mọi người nhất trí nên nhờ cậy một nhà chiêm tinh học tài giỏi nước Shêhêrestan. Ông này tính toán và cho biết công chúa hiện đang có mặt trong cung của tôi. Thế là, một sứ giả được hoả tốc phái sang nước Candaha thông báo cho vua nước ấy biết rõ vừa xảy ra chuyện tày đình, và đề nghị vua nước ấy hãy cất quân phối hợp với quân của vua Carim kéo sang Astrakhan hỏi tội tôi về vụ bắt trộm công chúa. Được tin, vua Candaha bừng bừng nổi giận. Nôn nóng muốn báo thù, vua động binh ngay tức khắc. Vua thân chinh chỉ huy quân đội, đại quân đã vượt qua sông Nua và hiện đang nhanh chóng tiến về kinh thành Carim. Vừa lúc ấy quốc vương nước này hay tin sứ thần của tôi đến.

Vua Clit-Arxolan là một người bản tính hung bạo. Vua sai bắt trời và dẫn sứ thần Huxêin đến trước mặt. Nhà vua ấy giận dữ sỉ mắng:

- Ta đã đoán biết phái bộ mi đến đây nhằm mục đích gì. Có phải mi đến đây nhân danh chúa tể nham hiểm của mi báo cho ta rõ, con gái ta hiện đang bị y giam cầm bất chấp luật pháp và lẽ phải. Rồi vua của mi sẽ phải hối hận vì đã dám xúc phạm đến ta. Trong khi chờ đợi ta cho đốt cháy cả nước Xiêcca thành tro bụi, ta ra lệnh chặt đầu mi trước. Ta tiếc hôm nay chưa có dịp trị tội vua của mi, đã bất chấp thể thống các quân vương, dám làm nhục hoàng triều ta bằng cách thông qua pháp thuật của một tên phù thủy để bắt cóc công chúa.

Nói xong, vua sai dựng lên một đoạn đầu đài ngay trước đại điện ở hoàng cung, dẫn ông Huxêin lên đấy, rồi truyền cho nhân dân khắp kinh thành đến chứng kiến việc gia hình. Nhưng, vừa lúc tên đao phủ vung đao lên định chặt đầu ông Huxêin thì tự dưng ông ấy được nhắc bổng lên không trung và biến mất, khiến nhà vua cũng như toàn thể nhân dân đang đứng xem vô cùng kinh ngạc.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BỐN MƯƠI TƯ

Nhà vua nước Carim nghĩ, không ai khác người đã dùng phép thần bắt trộm đi con gái ông nay chính là thủ phạm vụ giải thoát sứ thần Huxêin. Vua càng điên tiết:

- Ít nhất cũng phải tìm bắt cho được bọn người Xiêcca đã đến nước ta cùng với viên sứ thần ấy, và giết chết tất cả bọn chúng cho ta!

Lính cấm vệ của vua cấp tốc chạy đến nơi sứ bộ của ông Huxêin nghỉ lại, nhưng không còn thấy một người nào. Tất cả đều đã được các chú trai của nhà bác học Avixen mang đi khỏi từ bao giờ.

Tôi cũng được biết những chuyện ấy một lát sau khi công chúa tới cung tôi. Lúc ấy ông Huxêin đột ngột xuất hiện tại triều đình và thuật lại cho tôi nghe tất cả mọi điều như trên. Ông thông báo tiếp, hai nhà vua nước Carim và nước Candaha đã liên minh với nhau, đang rầm rộ kéo quân vào xâm lăng bờ cõi nước Xiêcca. Ông vừa nói đến đây thì Avixen xen vào câu chuyện. Cả ba chúng tôi cùng nhau cười thích thú về vụ nhà thông thái vừa gây nên ở triều đình Carim. Tiếp đây bàn đến cuộc chiến sắp xảy ra. Ông Avixen nhận thấy, dù sao tôi cũng không khỏi có ít nhiều lo lắng, liền trách:

- Tâu bệ hạ, cứ sao ngài còn tỏ ra băn khoăn, khi đã có tôi bên cạnh ngài? Cho dù cả nước Ấn Độ, nước Trung Hoa và tất cả các bộ tộc người Mông Cổ liên minh với các kẻ thù của ngài, tôi cũng có cách đánh cho họ không còn mảnh giáp. Quân của quốc vương nước Carim và quốc vương Candaha mưu đồ tàn phá đất nước ngài ư? Không sao. Có tôi đây, tôi xin bảo vệ vững chắc biên cương của ngài. Xin bệ hạ hãy để việc ấy cho tôi lo, tôi sẽ có cách thực hiện tốt hơn các vị tướng lĩnh của ngài.

Tôi cảm ơn nhà thông thái về lời hứa hẹn ấy. Thấy mọi công việc đều suôn sẻ, tôi không còn lo âu nữa mà ngược lại chỉ náo nức mong sao quân đội hai nước ấy sớm kéo đến bờ sông Vonga.

Mong muốn của tôi mau chóng trở thành thực tế. Hai nhà vua xua lính hành quân hỏa tốc, chẳng bao lâu đã gần đến biên thù nước tôi. Đạo binh liên kết đi men theo bờ biển Caspi, vượt qua sông Giaxac ở vùng cửa khẩu, tiến sát bờ sông Giaich. Tin tức về một đạo hùng binh đang kéo đến xâm lăng bờ cõi, làm nhân dân thành Astrakhan náo động. Bởi tôi hoàn toàn tin tưởng vào Avixen và theo lời khuyên của ông, tôi chỉ ra lệnh động viên một đội quân không đông lắm, dân chúng thấy vậy e rằng, số quân sĩ ít ỏi ấy làm sao địch nổi một đạo binh xâm lăng hùng mạnh, mà tin đồn đại còn thổi phồng thêm là vô cùng đông đảo vô cùng tinh nhuệ. Dân tình xôn xao, như kinh thành Astrakhan sắp bị cướp phá sạch sành sanh và tất cả sắp trở thành tro bụi tới nơi.

Về phía địch, chúng cũng biết, chúng tôi huy động rất ít quân đội, vì vậy nghĩ chắc chúng tôi chưa dám đưa đội quân nhỏ ấy lên nghênh chiến. Quân địch tin tưởng có thể tiến thẳng vào kinh thành Astrakhan chẳng cần qua chiến đấu. Chúng hạ quyết tâm làm cỏ tận gốc cả vương quốc này, sau đó tha hồ tàn phá cướp bóc rồi chiến thắng trở về mang theo vô vàn của cải chiến lợi phẩm. Tuy nhiên tình hình thực tế chẳng bao lâu đánh tan sự ngộ nhận ấy, và hoàn toàn không dành cho chúng kết quả như chúng mong chờ.

Avixen giữ lời hứa. Ông quyết định sẽ chỉ dùng một bí quyết nào đấy để giải thoát quốc gia tôi khỏi hoạ xâm lăng. Hai chúng tôi thân chinh dẫn đầu quân đội, vượt qua sông Vonga, và cho hạ trại khi chỉ còn cách quân địch chừng hai dặm. Lúc này vị triết gia gieo rắc sự rối loạn trong hàng ngũ đối phương. Ông tạo nên một mối bất hoà giữa quốc vương Candaha và nhà vua nước Carim. Sự bất đồng mỗi lúc một trở nên nghiêm trọng hơn, đến nỗi hai đạo quân liên minh trở thành đối thủ thật sự. Chúng quay lại đánh lẫn nhau. Sau một trận chiến đẫm máu kéo dài, vua Candaha tử trận cùng với tất cả quân sĩ của mình. Quân vua Carim làm chủ chiến trường. Nhưng ông chẳng có gì để vui mừng nhiều trước thắng lợi. Qua trận chiến ác liệt, quân số của vua còn lại quá ít ỏi, không đủ sức chống trả khi quân đội chúng tôi bắt đầu mở cuộc tấn công. Chúng tôi cho quân bao vây bốn mặt. Không có cách nào khác, vua Carim đành bó tay đầu hàng. Tôi dẫn cho ông về kinh thành Astrakhan.

Nhà vua ấy khá hài lòng về cách tôi đối xử với ông ta. Tại kinh thành Astrakhan ông được nghênh tiếp với những lễ nghi trọng thể nhất. Tôi chẳng từ nan bất cứ việc gì để xoa dịu mối hận thù trong lòng nhà vua. Nhưng, rốt cuộc, sự đóng góp quan trọng hơn cả, có lẽ là những điều công chúa kể lại cho vua cha mình rõ. Nàng nói rất chi tiết về sự ưu ái của tôi, về mối quan tâm của tôi làm sao cho nàng ngày nào cũng có cách tiêu khiển, nhất là nàng đề cao thái độ kính trọng tôi trước sau vẫn dành cho nàng. Nhà vua rất cảm kích về thái độ kiềm chế của tôi, và cuối cùng thuận tình cho công chúa con gái ông thành hôn với tôi.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BỐN MƯƠI LĂM

Giờ đây chỉ còn có chuyện hội hè, khánh chúc, mừng vui. Lễ hội huy hoàng được tổ chức để mừng hôn lễ quốc vương cưới nàng công chúa. Cả kinh thành sống trong niềm hoan lạc suốt một năm ròng, hay nói đúng hơn, lễ hội vui chơi kéo dài từ hồi ấy cho đến tận bây giờ.

Vua Clit-Arxolan, mà hôn lễ của con gái làm cho ông được khuây khoả phần nào trước sự thất trận, mang quân trở về đất nước mình. Trước khi từ giã, vua có nhiều dịp trò chuyện với nhà thông thái Avixen, giờ đây không bị ông coi là một tay phù thủy nữa. Nhà vua không những xá lỗi cho Avixen đã gây nên vụ bắt trộm công chúa cho tôi, mà còn hài lòng được kết thân với một người bạn như vị triết gia ấy. Tình hình ấy khiến cho nàng Rêzia được hoàn toàn thanh thản trong cuộc sống mới.

Sau lễ thành hôn, công chúa Rêzia không còn phải giữ vẻ cao ngạo thường ngày, thú thật từ lâu nàng đã có cảm tình với tôi. Tình yêu mỗi ngày một sâu đậm. Hai chúng tôi sống cuộc sống hài hoà trọn vẹn. Đột nhiên, người từng mang lại cho chúng tôi bao nhiêu niềm hạnh, nay trở thành kẻ gây cho chúng tôi cuộc sống bi thương.

Mặc dù nắm được bấy nhiêu môn khoa học thông tuệ, các kiến thức ấy vẫn không thể giúp ngăn nhà thông thái phải lòng nàng Rêzia, và mỗi tình định mệnh ấy rồi sẽ mang lại bất hạnh cho cả đời tôi. Để bày tỏ lòng trọng vọng, tôi đồng ý để ông hằng ngày được tiếp xúc với hoàng hậu. Các cuộc đàm đạo giữa ông với nàng làm tăng thêm nỗi đam mê trong lòng ông. Không làm chủ được mình, một hôm ông tỏ tình. Nàng Rêzia cảm thấy rất bị xúc phạm. Tuy nhiên nàng cũng ngại, không muốn làm phật ý một người có pháp thuật cao cường. Nàng chỉ buồn rầu nói với ông như sau:

- Ông Avixen à, xin ông hãy bình tĩnh trở lại, xin ông hãy vượt qua những cảm xúc như vừa bày tỏ! Như vậy sẽ có lợi cho cả ông và cho tôi. Xin ông hãy nghĩ đến tình bạn, hãy nghĩ đến sự tôn trọng chồng tôi từ trước tới nay đối với ông! Có lẽ ông nên lựa chọn một người đẹp khác để bày tỏ tình yêu thì hơn. Nhà vua rất yêu quý tôi, tôi cũng yêu thương nhà vua lắm lắm. Xin làm ơn, xin ông hãy thôi, chớ nên làm xáo động một cuộc hôn nhân do chính tay ông xây đắp nên!

Sự dịu dàng mềm mỏng của nàng công chúa đối với vị đại triết gia chỉ làm tăng thêm sự táo bạo của ông. Ông vẫn tiếp tục bày tỏ tình yêu, vẫn thôi thúc nàng Rêzia phải đáp lại tình cảm của mình, đến nỗi nàng mất hết kiên nhẫn. Nàng gọi ông là một người hỗn láo, nàng lên tiếng chê trách ông với thái độ quá kiêu căng quá khinh bỉ, khiến ông bị chạm tự ái. Ông Avixen bản tính vốn người nóng nảy. Tình yêu biến thành thù hận. Từ một người si tình tha

thiết, ông trở nên một kẻ ghen tuông điên cuồng. Ông đưa mắt nhìn nàng Rêzia đầy doạ dẫm, và nói:

- Này, cô vô ơn bội nghĩa kia, chớ nghĩ cô có thể khinh thường tấm lòng ta mà không bị trừng phạt xứng đáng! Rồi cô sẽ nhớ đời việc khước từ tình yêu của ta! Ta sẽ cho cô thấm đòn ở điểm nhạy cảm nhất. Cô bảo cô yêu nhà vua chồng cô lắm lắm? Vậy ta sẽ trừng phạt cô ngay chỗ ấy.

Nói xong, ông ta hà hơi vào nàng công chúa và sau khi niệm mấy câu thần chú, ông biến mất luôn.

Hoàng hậu của tôi kinh hoàng nghe lời doạ nạt, song không cảm thấy có sự thay đổi nào trong người. Nàng nghĩ chắc Avixen chỉ có ý làm nàng kinh hãi. Chỉ sau mấy lần ngất đi đồng thời mất hết tri giác mỗi khi tôi đến gần, nàng mới nhận ra vị thông thái ấy đã đặt vào mình một cảnh ngộ, mà các vị đã có dịp tận mắt chứng kiến đêm hôm qua. Phép thần của Avixen làm cho cuộc đời tôi không còn có sự thanh thản. Tuy nhiên, cho dù cảm thấy vô cùng bất hạnh, tôi vẫn tạ ơn trời đất, ông ta đã không bắt mất nàng Rêzia của tôi.

CHUYỆN QUỐC VƯƠNG BÊRÊĐĐIN-LÔLÔ, TÊ TƯỚNG VÀ HOÀNG THÂN – PHẦN TIẾP

Kể đến đây, quốc vương xứ Astrakhan ngừng lời. Vua Bêrêđđin ngỏ lời cảm tạ, và khẳng định không ai không xúc động thật lòng trước cơ sự này. Hai vị quân vương chia tay nhau. Mấy hôm sau, quốc vương Bêrêđđin cùng tể tướng Atanmuc và hoàng thân Sêypen Muluc lên đường trở lại kinh thành Đamat.

Tình trạng lạ kỳ của hoàng hậu xứ Astrakhan thường quanh đi quẩn lại trong các câu chuyện họ trò chuyện với nhau dọc đường. Một hôm, nhân lúc đang trao đổi về chuyện ấy, hoàng thân Sêypen Muluc nói:

- Tâu bệ hạ, quả thực hoàng hậu Rêzia là một giai nhân tuyệt mỹ, không thể có người đàn bà nào trên đời này hấp dẫn hơn. Tuy nhiên – ông mỉm cười nói tiếp – cả ba chúng ta đều đã ngất ngàng đến chán mắt, mà như tôi thấy, chẳng có ai trong chúng ta trở thành người mất trí cả. Chắc chắn hình ảnh nàng Bêđy-an-Giêman thường trực hiện diện trong con tim, đã giúp tôi tránh khỏi nỗi bất hạnh ấy.

- Tôi cũng ở vào trường hợp chẳng khác chi ông – tể tướng Atanmuc nói – vì vậy chẳng phải là chuyện lạ, tại sao tôi không trở thành người điên. Hình ảnh nàng Zêlica đã khắc quá sâu vào tâm khảm, khiến tôi trở nên vô cảm trước mọi giai nhân khác trên đời. Điều đáng để hai chúng ta ngạc nhiên, là thái độ dửng dưng của hoàng thượng. Cho dù con tim người không phải bận bịu vì hình ảnh một nàng công chúa nào, hoàng thượng đâu có bị chấn động trước vẻ kiều diễm vô song của nàng Rêzia.

- Các ông nhầm to rồi. – Lúc này vua Bêrêđđin-Lôlô mới lên tiếng. – Các ông vẫn ngỡ ta là một người hờ hững chuyện yêu đương, bởi chưa bao giờ nhìn thấy ta yêu quý một cô gái nào. Để khỏi ngộ nhận, ta sẽ nói hai ông rõ, ta cũng đã từng yêu đương say đắm chẳng khác hai ông, và chính mối tình tan vỡ ấy đã làm cho ta luôn luôn cảm thấy mình không hạnh phúc. Tuy nhiên, trong tim ta không khắc ghi hình ảnh một nàng công chúa, mà đây chỉ là một người đàn bà địa vị xã hội bình thường. Ta sẽ kể hai ông nghe câu chuyện. Trước đây ta chưa hề có ý định tâm tình nỗi ấy với bất kỳ ai; nhưng các ông đã tạo ra một cơ hội ta không thể bỏ qua không thuật lại mối tình đầu để các ông rõ.

CHUYỆN NGƯỜI ĐẸP ARUYA

Vua Bêrêđin-Lôlô kể tiếp:

Cách đây mấy năm, ở kinh thành Đamat có một thương nhân cao tuổi tên là Banu. Ông ta có một ngôi nhà nghỉ khá đẹp ở thôn quê không mấy xa thành phố, hai kho hàng chứa đủ các loại vải vóc tơ lụa quý sản xuất bên Ấn Độ, và một người vợ trẻ. Về sắc đẹp, thiếu phụ này có thể sánh ngang nhan sắc bà hoàng hậu xứ Astrakhan.

Banu là một người thích giao du rộng. Ông ta tiêu xài không tiếc của, và thường lấy làm tự hào về tính hào phóng của mình. Ông không chỉ đãi đằng bè bạn, ai cần tiền ông đều sẵn sàng cho vay mượn. Người nào có việc cần giúp đỡ, là có Banu. Tóm lại, dường như ông cảm thấy không hài lòng nếu mỗi ngày không giúp được ai một việc gì đó. Vì ông ta quá rộng tay như vậy, công việc kinh doanh ngày một kém đi. Ông cũng nhận ra mình gặp khó khăn, song vẫn không sao thay đổi được tính nết. Công việc làm ăn mỗi ngày mỗi thêm tồi tệ, đến chỗ phải bán đứt ngôi nhà nghỉ ở thôn quê, rồi chẳng bao lâu sau đó, trở thành người bị khánh kiệt hoàn toàn.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BỐN MƯƠI SÁU

Thấy mình sắp lâm vào cảnh quần bách, ông nhờ đến bạn bè. Chẳng một ai giúp đỡ. Bạn bè bỏ ông đi hết. Ông tưởng những người ông cho vay mượn sẽ trả nợ lại cho ông. Nhưng một số chối mình chưa vay mượn ai bao giờ, những người nhận có vay thì không có cách gì trả nợ. Quá buồn bực, thương nhân Banu lâm bệnh nặng.

Trên giường bệnh, một hôm tình cờ ông sực nhớ có cho một vị tiền sĩ quen biết vay một nghìn đồng *xocanh* vàng. Ông vội gọi vợ đến bảo:

- Em Aruya thân mến ơi, chưa có gì đến nỗi tuyệt vọng. Anh vừa sực nhớ thêm một con nợ mà anh quên khuấy mất. Anh có cho một người bạn mượn tạm một nghìn đồng *xocanh*. Đây chính là tiền sĩ Đanitmen. Anh tin ông này không đến nỗi bội tín như những người khác. Anh không đủ sức tự mình đi, vậy em hãy giúp anh, hãy đến gặp ông ấy, xin ông trả lại cho anh số tiền một nghìn đồng *xocanh* anh cho ông ấy giật tạm hôm nào.

Aruya vội lấy tấm mạng che mặt, đến ngay nhà ông Đanitmen. Người nhà dẫn nàng vào phòng của viên phó chánh án. Ông lịch sự mời nàng ngồi, hỏi có việc gì đến. Nàng Aruya cất tấm mạng che mặt và đáp:

- Thưa ngài tiền sĩ, em là vợ của thương nhân Banu. Trước hết em xin chúc ngài an khang, hạnh phúc. Em có việc muốn thưa là chồng em xin ngài vui lòng trả lại cho số tiền một nghìn đồng vàng ngài có lần mượn tạm.

Nàng nói mấy lời trên với vẻ duyên dáng và giọng nói dịu dàng. Anh chàng Đanitmen là người luôn bốc lửa bên trong, cứ dán mắt vào khuôn mặt người đẹp. Rồi làm bộ cười tình, y đáp:

- Ôi, em đúng là tiên nữ giáng trần! Anh sẽ đưa ngay cho em số tiền ấy, không phải như món anh nợ của chồng em, mà như chút quà anh tặng riêng cho em đã quá bộ đến nhà anh. Mới nhìn thấy khuôn mặt của em, anh tưởng như mình đã mất hết ba hồn bảy vía. Em làm anh trở thành người sung sướng nhất trần đời. Xin em vui lòng đáp lại những tình cảm em gợi nên trong lòng anh. Chồng em quá già, làm sao đáp ứng được lửa lòng của em. Nếu em đồng ý để anh yêu, anh sẽ biếu em không chỉ một nghìn đồng mà những hai nghìn đồng *xocanh* vàng. Anh xin thề, rồi suốt đời anh sẽ là kẻ nô lệ của em.

Vừa nói năng nhõ nhăng như vậy, anh chàng có máu dê vừa xích sát người đẹp và đưa đôi tay muốn ôm nàng vào lòng. Nhưng người thiếu phụ mạnh mẽ đẩy vị tiền sĩ ra xa, và nghiêm mặt nói:

- Đồ hỗn láo, hãy dừng lại! Chớ có tán tỉnh vô ích! Cho dù ông có quyền sở hữu tất cả của cải ở nước Ai Cập và mang dâng hết cho ta, đừng hòng làm

ta thiếu chung thủy với chồng. Xin ông hãy giao đây cho tôi một nghìn đồng *xocanh* ông nợ chồng tôi, và hãy thôi chớ mất thời giờ ép uống một người chẳng bao giờ chịu làm ông ưng ý đâu!

Vị tiến sĩ Đanitmen quá thông minh để hiểu thái độ của người đẹp qua những lời vừa nghe. Chả còn hy vọng mua chuộc nàng được nữa và bản tính vốn người thô bạo, y lộ bộ mặt thật của mình. Lấy giọng giận dữ, y bảo nàng Aruya:

- Cô hẳn là người tráo trở lắm mới dám vác mặt đến nhà ta đòi tiền. Ta chẳng có nợ nần gì chồng cô sất! Lão điên già ấy làm tan gia bại sản vì cái tính kỳ cục vung tiền qua cửa sổ. Ta chẳng có điên mà góp phần giúp lão xây dựng lại cơ ngơi.

Nói xong, y đẩy Aruya ra khỏi phòng, may mà chưa đến mức đánh đập nàng.

Thiếu phụ trở về nhà, nước mắt đầm đìa nói với chồng:

- Minh ơi, anh chàng tiến sĩ Đanitmen ấy chẳng thật thà gì hơn những con nợ khác của mình. Y dám quả quyết với em chẳng hề nợ nần anh.

- Ôi, tên bội bạc! – Người buôn già than – Có thể nào hắn bỏ ta trong tình cảnh này? Nói bỏ ư, không phải. Hắn dám tráo trở nói chưa bao giờ vay mượn của ta. Tên khốn nạn! Trước đây lúc nào hắn cũng ra vẻ một con người đàng hoàng, hồi nó hỏi vay anh một nghìn đồng *xocanh*, anh tưởng nêu nó ngỏ lời, anh có thể giao cho nó luôn toàn bộ sản nghiệp của mình. Biết tin vào ai lúc này? Ta biết làm gì đây? Ta có nên để yên cho hắn lật lọng hay không? Không đâu. Phải làm cho ra nhẽ. Em hãy đến xin gặp quan chánh án. Ông ta là một con người nghiêm nghị, xưa nay vẫn là kẻ thù không đội trời chung với những sự tráo trở bất công. Minh hãy kể cho quan chánh án nghe tất cả sự đều cáng của tên tiến sĩ ấy. Anh tin quan sẽ thương hại cảnh ngộ của anh và mang lại sự công bằng cho chúng ta.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BỐN MƯƠI BẢY

Người vợ trẻ của thương nhân vội vã đến dinh quan chánh án. Nàng bước vào gian phòng nơi vị quan tòa ấy vẫn tiếp dân, ngồi ở một nơi cách biệt những người khác. Dáng người xinh đẹp và bộ dạng kiêu sa của nàng khiến quan chánh án để ý ngay. Quan xưa nay vốn là một người yêu chuộng phái đẹp. Nhìn thấy nàng Aruya, quan ra hiệu cho nàng tiến lại gần, rồi thân hành dẫn luôn sang phòng làm việc riêng của mình. Quan ép nàng ngồi xuống chiếc trường kỷ, và bảo nàng hãy cất tấm mạng che mặt đi.

Vừa nhìn thấy dung nhan người đẹp, quan chánh án đã mất hết hồn vía, chẳng khác nào vị quan phó của mình. Quan cất lời nồng nhiệt tán:

- Ôi, hỡi tấm mía ngọt ngào, hỡi đoá hoa hồng trong vườn ngự uyển, hãy nói cho anh biết em có việc gì cần phải đến tận đây! Em hãy tin đi, anh sẽ đáp ứng mọi điều như em mong muốn.

Nàng liền thuật lại cho ông nghe sự bội tín của tay Đanitmen, và khúm núm yêu cầu quan lớn hãy dùng quyền uy can thiệp, buộc vị tiền sĩ ấy trả lại cho thương gia chồng nàng số tiền ông còn nợ. Quan chánh án ngắt lời:

- Trả lại số tiền vay của người khác, đúng quá đi chứ! – Quan chánh án vừa nói vừa cảm thấy ngọn lửa trong người mỗi lúc mỗi bốc cháy to hơn – Ta có cách buộc y phải làm việc ấy. Y sẽ trả lại cho em một nghìn đồng *xocanh*, nếu không ta cho róc thịt y ra. Nhưng, hỡi nàng tiên nữ giáng trần, – quan nói tiếp với giọng trai lơ – em hãy nghĩ đến trái tim anh nó như một con chim đã sa vào lưới đẹp của em rồi, em hãy ban ngay cho anh điều em đã khước từ viên phó ấy! Anh sẽ ngay tức khắc đặt vào tay em bốn nghìn đồng *xocanh* vàng.

Nghe những lời lẽ đều đặn ấy, nàng Aruya bật khóc như mưa:

- Trời đất ơi! Hóa ra trên đời này không còn một người đàn ông có đạo đức nào nữa ư! Làm sao tôi có thể tìm đâu ra một người thật sự có tấm lòng hào hiệp? Ngay những vị được giao nhiệm vụ cầm cân nảy mực mà không hề thấy ngượng tay khi phạm tội ác!

Quan chánh án cố lau nước mắt an ủi người thiếu phụ. Thấy lão quan dè dặt một mực đòi xin ân huệ, và đã biết mình quả quyết không đồng ý chuyện ấy thì chớ hòng lão giúp cho bất cứ việc gì, nàng đứng lên bước ra khỏi dinh quan chánh án, lòng đau như cắt.

Thấy vợ trở về với bộ mặt tiu nghỉu và đầm đìa nước mắt, thương gia Banu chưa cần nghe nói đã hiểu hết sự tình:

- Anh thấy rõ mình không hài lòng với quan chánh án. Chắc hẳn tay tiền sĩ Đanitmen ấy là bạn thân của ông quan lớn.

- Than ôi! – Nàng đáp – Em hoài công vô ích nài nỉ, ông không muốn giúp chúng ta. Chẳng còn chút hy vọng nào. Chúng ta sẽ ra sao đây?

Thương nhân già nói:

- Chắc phải kêu đến ngài thống đốc thành phố thôi. Anh từng bán chịu cho ngài bao nhiêu vải lụa, thậm chí ngài còn nợ chưa trả hết tiền cho anh. Giờ chúng ta phải đến gõ cửa ngài. Anh tin ngài sẽ dùng uy tín cứu giúp chúng ta trong cơn hoạn nạn.

Ngày hôm sau, nàng Aruya lại lấy tấm mạng che mặt, và đến dinh quan thống đốc, xin được gặp ngài. Người ta dẫn nàng vào phòng riêng quan lớn. Ngài đón tiếp nàng khá lịch sự, và yêu cầu nàng cất tấm mạng che mặt. Nàng Aruya đã có kinh nghiệm, để lộ khuôn mặt xinh đẹp của mình ra cho cánh đàn ông này nhìn ắt có chuyện không hay, thoát đầu nàng từ chối. Nhưng không có cách nào tránh được, quan thống đốc lịch thiệp nài nỉ quá khẩn khoản, nàng không thể không tuân lời.

Dung nhan kiều diễm của người thiếu phụ tác động đến tay tiền sĩ và quan chánh án như thế nào, thì ấn tượng hoàn toàn y như vậy đối với ngài thống đốc. Tuy đã khá cao tuổi song ngài là người bao nhiêu cô gái đẹp đã phải qua tay, nếu chẳng may ai để quan nhìn thấy mặt. Vừa nhìn thấy nàng Aruya không đeo mạng, ngài thống đốc đã nồng nhiệt thốt lên:

- Ôi, xinh đẹp làm sao! Duyên dáng làm sao! Nàng ơi, – ngài thống đốc nói tiếp – nàng hãy nói ngay cho ta rõ nàng là ai, nàng cần ta giúp đỡ việc gì?

- Bẩm ngài thống đốc, – nàng thưa – em là vợ của một thương gia tên là Banu, trước đây nhà em vẫn được vinh dự bán vải lụa hầu ngài.

- Ô, ai chứ ông Banu, ta còn lạ gì! – Quan thống đốc vội ngắt lời – Đây là một trong những người bạn ta đánh giá cao nhất và yêu quý nhất trên đời. Ông ấy thật hạnh phúc xiết bao được có một người vợ xinh đẹp dường này. Ông ấy thật đáng cho tất cả mọi người ganh tị!

- Ông ấy đáng cho mọi người thương hại thì đúng hơn. – Đến lượt thiếu phụ ngắt lời quan lớn. – Trình ngài thống đốc, ngài chưa rõ tình cảnh ông Banu tội nghiệp ấy hiện nay khôn khó đến mức nào.

Nàng trình bày tiếp để ngài thống đốc rõ công việc kinh doanh của chồng mình đã lụn bại, và nói lý do tại sao nàng phải thân đến gõ cửa dinh quan ngài.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BỐN MƯƠI TÁM

Hiểu rõ sự tình, ngài thống đốc nhanh nhẩu hứa sẽ dùng uy lực của mình buộc tiến sĩ Đanitmen phải trả lại số tiền nợ của thương gia Banu, nhưng ngài cũng chẳng hào hiệp gì hơn quan chánh án. Ngài bảo với thiếu phụ:

- Ta bảo hộ cho em. Ta sẽ hạ trát đòi viên phó án đến. Nếu y không tự nguyện trả lại số tiền một nghìn đồng *xocanh* đã vay, thì rồi y sẽ phải hối tiếc về chuyện ấy. Tóm lại, ta cam kết buộc y trả lại món nợ, miễn là ngay từ lúc này em phải bắt đầu trả ơn cho ta việc ta định làm, em nên biết giữa các vị quan to cỡ chúng ta, có cái lệ là việc trả nghĩa phải thực hiện trước lúc nhận được sự ban ơn.

Vì không muốn đáp ứng dục vọng của ngài thống đốc, người đẹp Aruya đành trở về nhà tay không, buồn rầu không thể nào tả xiết. Nàng than với chồng:

- Mình ơi, chẳng nên chờ đợi vào ai. Không có ai muốn chia sẻ những khó khăn chúng ta đang gặp hoặc bằng cách nào đó đoái tình cứu giúp chúng ta.

Lời than của vợ làm người thương gia cao tuổi đang ca cẩm về nhân tình thế thái càng thêm tuyệt vọng, ông không tiếc lời trách móc chửi bới bọn bạn cũ. Người vợ lại nói:

- Thôi mình ơi, trách móc lũ bất nghĩa ấy giờ phỏng được ích lợi gì? Than thở nhiều lúc này liệu có bớt được khó khăn hay không? Nên suy nghĩ cách làm sao đòi được tiền của chúng ta về. Em nghĩ trời đất vừa xui em nghĩ ra được một cách. Mình chớ nên vội hỏi ấy là cách gì, lúc này em chưa muốn nói ra cho mình rõ. Mình cứ việc tin chắc, với cách ấy rồi sẽ gây nên dư luận ồn ào, và nhờ vậy chúng ta sẽ có dịp trả thù tên tiến sĩ, tay chánh án và lão thống đốc.

Thương gia bảo vợ:

- Thôi, em muốn làm gì tùy em. Ta để cho em tự do hành xử.

Ngay lập tức, người thiếu phụ ra khỏi nhà, đi qua hai hoặc ba phố, đến một cửa hiệu chuyên đóng hòm gỗ. Chủ hiệu sẵn đón chào hỏi:

- Bà cần gì, thưa phu nhân khả ái?

- Thưa bác cả, tôi muốn đặt đóng ba cái hòm gỗ theo kích thước định sẵn.

Người chủ hiệu đưa nàng đi xem các loại hòm kích cỡ khác nhau. Nàng chọn mua ba chiếc hòm lớn, mỗi cái có thể chứa thoải mái một người đàn ông. Trả tiền xong, nàng cho chở luôn về nhà. Ngay sau đó, nàng trưng diện bộ quần áo đẹp nhất, lại mang vào người tất cả đồ trang sức chưa kịp bán hết để có cái sống qua ngày, và không quên xức nước hoa thơm lừng.

Trong bộ trang phục thật duyên dáng ấy, nàng tìm đến nhà tay tiến sĩ. Đến nơi, không chờ y phải yêu cầu, nàng cất luôn tấm mạng che mặt. Rồi với bộ điệu thật lả lơi khơi gợi, lúng liếng đôi mắt đưa tình, nàng nói:

- Thưa ngài phó chánh án, hôm nay em lại đến xin ngài trả cho chồng em món nợ một nghìn đồng *xơcanh* ngài mượn tạm hôm nào. Nếu ngài vì thương em mà trả lại số tiền ấy, em xin đền đáp ơn ngài.

- Cô em xinh đẹp ời, – y đáp – ta vẫn giữ nguyên tình cảm đã nói với mình. Ta có sẵn hai nghìn đồng *xơcanh* vàng trao ngay cho mình với những điều kiện như mình đã rõ.

- Ngài đã khẳng khăng không đổi ý, em đâu dám phụ lòng. Em sẵn sàng đền đáp cho thật vừa ý ngài. Em chờ ngài đêm hôm nay – vừa nói nàng vừa đưa bàn tay ra, anh chàng vội chộp lấy nâng lên môi hôn nồng nhiệt – ngài hãy trao cho em số tiền như đã hứa. Đúng mười giờ đêm nay, hãy đến nhà em gõ cửa, sẽ có một người hầu trung thành với em ra mở cổng đưa ngài lên phòng riêng của em, rồi chúng ta sẽ có dịp vui chơi với nhau cả đêm hôm nay.

Vậy là vượt quá xa mong ước, anh chàng phó chánh án sướng rơn lên, không làm chủ được mình nữa. Y bất ngờ ôm chầm người thiếu phụ. Nàng vội gỡ tay y ra. Nhìn sắc diện, biết chắc anh chàng này sẽ không thể vắng mặt cuộc hẹn hò, nàng bước ra khỏi nhà, đến thẳng dinh quan chánh án.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BỐN MƯƠI CHÍN

Được gặp riêng vị quan tòa, nàng nói luôn:

- Thưa ngài kính mến của em, sau khi từ biệt ngài trở về nhà, lòng em chẳng lúc nào thanh thản. Em cứ nhớ lại trong đầu những điều ngài ngỏ với em. Có vẻ như em cũng được ngài để mắt chút nào đó, và giờ đây chỉ còn tùy thuộc ở em thôi để hai ta trở thành một đôi bạn tình. Thân phận em là con nhà buôn bán, được làm tình nhân của một vị chánh án trẻ tuổi và khôi ngô tuấn tú như ngài, vinh dự cho em biết chừng nào. Quả thật em chưa bao giờ hình dung số phận mình có lúc may mắn như thế này.

Lời rào đón ấy đủ làm viên chánh án nức lòng. Y thốt lên:

- Đúng vậy, em yêu của anh, nếu em đồng tình, em sẽ là đệ nhất phu nhân trong dinh ta, em muốn gì ta đều chiều em hết cả. Em hãy bỏ lão chồng Banu già cỗi của em đi, và hãy đến đây sống cùng với ta!

- Thưa ngài, làm như vậy không tiện đâu, – nàng đáp – em không thể gây thêm cho chồng em nỗi phiền muộn ấy. Hơn nữa, xử sự cách ấy em sẽ mất hết danh tiếng. Em không muốn gây nên dư luận xì xào, em chỉ mong được tự do lui tới bí mật với ngài thôi.

- Nếu vậy ta biết gặp em ở nơi nào? – Viên chánh án hỏi.

- Ngay tại phòng riêng của em, – nàng đáp – chỗ ấy an toàn nhất. Chồng em ngủ ở phòng riêng, ông ấy quá già lại đau ốm liên miên, chúng ta chẳng có gì phải lo ngại. Ngay đêm nay, nếu ngài muốn, ngài có thể đến chỗ em. Ngài hãy có mặt trước cổng nhà em lúc mười một giờ. Ngài nên đi một mình, chớ cho ai theo hầu, em rất ngại nếu quan hệ giữa ngài với em lộ ra cho người khác biết.

Sự thận trọng của người thiếu phụ không những không làm viên chánh án ngờ vực, mà ngược lại càng làm cho y tin vận may của mình lớn lắm. Y vội nói, rất sung sướng được nàng bày tỏ tình cảm nồng hậu như vậy, và lại bắt đầu giờ thói sàm sỡ. Nàng Aruya khéo léo lẩn tránh mà không làm y phật ý. Y đành khẳng định sẽ có mặt trước cổng nhà nàng đúng mười một giờ đêm hôm nay. Tình hình đến đây, hai người chia tay, mỗi người mang theo một tâm trạng riêng.

Vậy là hai anh chàng đã sa vào cái lưới của người đẹp. Giờ còn phải làm sao câu được con cá to hơn là viên thống đốc. Hóa ra việc này cũng chẳng khó khăn mấy. Người thiếu phụ lại khéo léo ồm ồm như với hai tay kia, và con dê cụ này tin ngay tất cả mọi điều nàng bịa đặt. Hai bên thỏa thuận đúng nửa đêm, chàng sẽ có mặt trước cổng nhà nàng. Thậm chí chàng còn thề sẽ đến đấy một mình, để giữ cho kín đáo mọi điều, đúng với ý người đẹp mong

muốn.

- Lạy trời! Tạ ơn trời đất đã cứu giúp những người lâm cảnh khó khăn. Trời đất đã có mắt nhìn lại, xin trời đất thánh thần hiểu rõ tấm lòng trong trắng của con! Hãy giúp cho con đạt được ý nguyện! Hãy dẫn dắt con vượt qua mọi trở ngại, khó khăn!

Cầu nguyện xong, nàng Aruya cảm thấy yên tâm hơn, tin mình được thánh nhân phù hộ, liền đi ngay ra chợ mua nhiều thứ hoa quả, bánh mứt ngon mang về nhà. Nàng có một vú già giúp việc hết sức tin cẩn. Nàng nói thật cho vú nghe hết mọi sự, và dặn dò những việc cần làm. Tiếp đó nàng cùng vú già chuẩn bị một căn phòng lịch sự, bày biện đồ đạc. Trên một cái bàn sắp sẵn nhiều đĩa sứ đựng trái cây và bánh mứt. Giả sử hôm nay người đẹp chuẩn bị để đón tiếp tình nhân thật của mình, cũng chỉ chu đáo đến thế là cùng.

Nàng chờ đợi ba người ấy đến trong tâm trạng vô cùng thấp thỏm, chỉ lo cuối cùng họ không dám đến. Nhưng lo âu của nàng không có căn cứ. Năm được cơ hội tốt thế này, có anh chàng nào chịu bỏ lỡ. Trước hết tiến sĩ Đanitmen là người xăm xắm nhất, bởi y là kẻ sẽ đến sớm hơn cả. Đúng mười giờ đêm không sai một phút, có tiếng gõ nhẹ ở cổng. Bà vú già ra mở, mời vào và dẫn thẳng lên phòng riêng của bà chủ, vừa đi vừa thì thầm: “Xin ngài chú ý bước nhẹ cho, chớ gây tiếng động làm cụ chủ đang nghỉ tĩnh giấc.”

Nàng Aruya đã trang điểm thật lộng lẫy để tiếp khách. Đanitmen nhìn thấy, ngỡ nàng làm như vậy vì mình, càng thêm mê mẩn, vội thốt lên:

- Ôi, hỡi con chim phượng hoàng tuyệt diệu, sao anh được em mang lại hạnh phúc lớn dường này! Đây là số tiền hai nghìn đồng *xocanh* như anh đã hứa, – y vừa nói tiếp vừa ném lên mặt bàn túi tiền – chừng này chẳng đáng là bao so với những gì em mang lại cho anh.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM NĂM MƯƠI

Nàng Aruya nghe vậy mỉm cười, đưa bàn tay xinh đẹp cho viên phó chánh án hôn, mời y ngồi xuống ghế và nói:

- Thưa ngài tiến sĩ, xin ngài hãy bỏ khăn đội đầu và tháo dải thắt lưng ra cho thoải mái! Xin ngài cứ tự nhiên như ở nhà ngài!

Rồi quay lại bảo bà vú già:

- Vú Đalla ơi, nhờ vú giúp tôi tháo tấm khăn và cất cái mũ cho người tình của tôi được thoải mái chốc lát.

Vừa nói nàng tự tay tháo dải thắt lưng buộc quanh chiếc áo khoác ngoài của viên phó chánh án, trong khi bà vú già cất chiếc khăn đội đầu. Tiện thể hai bà cởi luôn chiếc áo mặc ngoài của vị tiến sĩ, ngài chỉ còn lại chiếc áo ngắn trên người, đầu thì để trần. Người đẹp lại nói tiếp:

- Giờ chúng ta hãy khởi đầu bằng uống với nhau một tí khai vị và dùng ít trái cây, em đã chuẩn bị sẵn mọi thứ để tiếp ngài.

Hai người tình cùng nhau ăn mút, uống rượu ngọt.

Suốt bữa ăn nhẹ, nàng Aruya không quên chuyện trò thật duyên dáng, toàn dùng lời lẽ tăng bốc hoặc úp mở gợi tình, làm anh chàng không còn đầu óc nào nữa. Nhưng vừa đến cuối bữa, chợt nghe tiếng động mạnh ở nhà ngoài. Aruya tỏ vẻ lo lắng, làm như không rõ việc gì xảy ra. Nàng bảo bà vú già:

- Vú chạy ra xem có ai đến nhà mà ồn ào vậy!

Bà vú già đi ra, lát sau quay trở lại hốt hoảng nói không ra hơi:

- Thôi chết chúng ta rồi, bà chủ ơi! Ông anh trai của bà vừa từ thành phố Cairo đến. Ông đang trò chuyện với cụ chủ, chốc nữa cụ sẽ dẫn ông sang đây thăm bà.

- Sao lại đến vào lúc này cơ chứ? – Nàng Aruya tỏ ra buồn bã và thất vọng. – Sao lại có người bỗng dưng đến quấy phá cuộc vui của ta như vậy? Nếu nhờ có người bắt gặp bà Banu đang trò chuyện với tình nhân trong phòng riêng, thì còn ra cái thể thống gì? Thân em rồi sẽ ra sao, nếu thiên hạ đồn đại em là người vợ không chung thủy, là mẹ đàn bà kém đức hạnh, thưa ngài?

- Cũng đáng lo thật đấy, thưa bà chủ! – Bà vú nuôi đệm thêm – Giờ chỉ còn cách mời ngài tiến sĩ nấp tạm vào một trong ba cái thùng mà cụ chủ vừa sai thừa sáng nay để chuẩn bị đóng hàng gửi đi Đamat. Ba cái thùng ấy hiện để trong phòng làm việc của bà. Cụ chủ giao cho tôi giữ chìa khóa các hòm ấy đây.

Lời khuyên của bà vú già nghe cũng phải. Tiến sĩ Đanitmen đồng ý sang phòng làm việc, chui vào một trong ba cái hòm lớn. Nàng Aruya tự tay khóa lại cẩn thận, vừa khóa vừa thì thầm bảo Đanitmen: “Chàng yêu quý của em ơi, chàng chớ sốt ruột nhé. Sau khi chồng và anh trai em vào thăm một chốc lui về, em sẽ vào với chàng ngay. Đêm nay, dù có trắc trở một chút, chúng ta sẽ càng hạnh phúc hơn với nhau.”

Lời hứa ngọt ngào của người yêu sớm trở lại giải thoát cho ra khỏi cái nhà tù chật chội làm chàng tiến sĩ tạm khuây nguôi nỗi bức mình. Anh chàng hoàn toàn không nghi ngờ mình đã sa vào cái bẫy người ta chăng ra, cứ ôm ấp ảo tưởng về cái hạnh phúc tuyệt vời, đêm nay rồi thế nào cũng sẽ đến.

Người đẹp Aruya để anh chàng lại trong phòng làm việc, trở về phòng riêng, ghé tai nói nhỏ với bà vú già:

- Một con mồi đã nằm gọn trong lưới, xem thử các con kia có thoát được hay không.

- Chúng ta sẽ biết ngay thôi, – bà vú đáp – bởi gần đến mười một giờ rồi. Tôi tin quan chánh án không chịu để lỡ hẹn.

Bà vú già có lý khi quả quyết vị quan tòa sẽ đến đúng giờ. Bà vừa nói xong, đã nghe tiếng gõ cổng, thậm chí lúc này vẫn chưa thật tới giờ hẹn. Bà vú ra mở cổng. Thấy một người đàn ông, bà hỏi tên gì. Người ấy thì thầm:

- Ta là quan chánh án. – Y đáp.

- Xin ngài nói khẽ cho. Chớ làm cụ chủ nhà tôi tỉnh giấc. Bà chủ tôi quý yêu ngài lắm, đã dẫn trước tôi mời ngài lên thẳng phòng riêng của bà. Xin mời ngài vui lòng theo, cho phép tôi đi trước dẫn đường.

Chỉ mới nghe thế thôi, viên chánh án đã thấy hưng hực trong người. Y lặng lẽ theo sau bà vú, bước vào phòng riêng nàng Aruya.

- Ôi nữ hoàng của ta, cuối cùng ta gặp lại được em! – Y thốt lên khi vừa thấy mặt Aruya. – Ta chờ đợi giây phút này nôn nao như có lửa đốt trong lòng. Thế là – y nói tiếp và quỳ xuống dưới chân nàng – ta đã đạt được đỉnh cao ước vọng. Trên đời này quả chẳng có ai được hạnh phúc như ta hôm nay!

Bà vợ trẻ vị thương nhân già cúi đỡ viên chánh án đứng lên, mời ngồi xuống chiếc ghế và lả lướt nói:

- Thưa ngài, em rất vui nghe ngài nói có chút tình cảm đối với em. Bởi ngài là người em quý trọng nhất trên đời, hay nói cho đúng hơn, ngài là người đàn ông đầu tiên em để ý tới. Vú già đây sẽ thưa để ngài rõ, từ khi được nhìn thấy và trò chuyện với ngài trở về, em cứ như ôm o gầy mồn. Lúc nào em cũng chỉ nói đến ngài. Vì quá nặng tình với ngài, em chẳng hề có

được một phút thanh thản.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM NĂM MƯỜI MỐT

Mấy lời của người đẹp làm cho ngài chánh án ta tưởng như đã lên tới cung mây:

- Ôi hỡi cây bách xinh tươi của anh, em đúng là tiên nữ giáng trần, lời em nói làm anh càng như con người mất trí. Xin em hãy mau chóng yêu anh đi, hãy yêu anh nhanh lên, hỡi nàng công chúa của anh, anh thú thực với em, anh không đủ hơi sức chờ đợi lâu hơn nữa!

- Em hết sức cảm kích nghe chàng nói quý yêu em, – nàng đáp – vậy là tình cảm em được đền đáp. Bởi chàng nôn nóng, em không muốn lần chân kéo dài thêm thời gian chờ đợi phút giây ân ái của chúng ta. Em đã chuẩn bị một bữa ăn nhẹ. Em muốn được trước đó uống với nhau vài ly rượu ngọt. Nhưng anh tỏ ra sốt ruột đến thế, em không thể không chiều lòng. Xin anh cởi bớt áo ngoài và bỏ khăn ra cho thoải mái, và nằm tạm xuống chiếc giường kia, để em chạy sang phòng bên xem ông già của em ngủ đã thật say chưa, rồi em quay trở lại với anh ngay.

Viên quan tòa mới nghe nói, tưởng đã đến lúc được người đẹp ôm luôn vào lòng, vội bỏ hết áo quần lên giường nằm. Vừa đặt mình xuống, nghe tiếng âm ỉ bên ngoài. Lát sau, nàng Aruya nhón nhác chạy vào, nói:

- Bẩm quan chánh án, ngài chưa rõ việc gì đang xảy ra. Chúng em có một lão đầy tớ già, không được em tin cậy vì hắn gắn bó với chồng em. Lão nhìn thấy ngài vào nhà, đã báo cho nhà em biết. Ông chồng em đã cho người mời bố mẹ em đến để chứng kiến sự thiếu chung thủy của em đối với chồng. Tất cả mọi người sắp tới nơi. Than ôi! Khốn nạn cho thân em biết chừng nào!

Dứt lời, nàng khóc như mưa, và vờ vệt khéo đến nỗi viên chánh án cũng hết sức ái ngại. Y bảo nàng:

- Hỡi thiên thần của anh, hãy khuây nguôi đi, chẳng có gì phải sợ hãi! Anh là chánh án, quan tòa to nhất thành phố này, anh có thể dùng quyền uy bắt bố mẹ em và chồng em phải im hơi lặng tiếng. Anh sẽ đe dọa tất cả mọi người, không cho phép làm ồn ào. Em hẳn phải tin, họ sợ lời đe dọa của ta chứ.

- Em hoàn toàn không nghi ngờ việc ấy, thưa ngài. – Nàng đáp. – Em không sợ chồng em thù hận, bố mẹ em trách mắng, không phải vậy. Em biết đã được ngài che chở, em sẽ không phải chịu hình phạt nào. Nhưng than ôi! Em sẽ bị coi là một người đàn bà kém đức hạnh, em sẽ trở thành nỗi khinh miệt của toàn thể gia đình. Có nỗi đau nào lớn hơn đối với một phụ nữ xưa nay chưa bị một ai thoáng chút nghi ngờ về tiết hạnh? Nói nghi ngờ, không đúng. Xưa nay em được tiếng là một người vợ tài đức vẹn toàn, em có thể quả quyết với ngài như vậy. Thế mà trong chốc lát nữa thôi, em mất hết danh thơm ấy.

Nàng vừa nói vừa lăn chã nước mắt giọt ngắn giọt dài, khéo léo đóng trò, làm cho viên chánh án mũi lòng thật sự.

- Hỡi người yêu của anh, anh hết sức xúc động về nỗi lo của em. Nhưng thôi, chớ nên khóc lóc làm chi, khóc cho lắm cũng chẳng được gì. Nếu điều không may xảy đến, thở than phỏng đem lại lợi ích gì?

Bà vú già Đalla ngắt lời viên chánh án:

- Bẩm ngài chánh án quyền uy và thưa bà chủ yêu kiều, xin hai vị hãy nghe tôi nói đây! Tôi có kinh nghiệm. Đây không phải lần đầu tôi gặp cảnh những người tình đang cơn bối rối. Hai vị chỉ nghĩ đến chuyện than vãn với nhau, còn già này lo tính chuyện giúp hai vị thoát cơn nguy biến. Nếu ngài chánh án đồng ý, chúng ta cùng nhau đánh lừa ngài thương gia Banu và hai cụ thân sinh của bà chủ.

- Bằng cách nào mới được chứ? – Vị quan tòa hỏi.

- Ngài chỉ có việc tạm lánh vào một chiếc thùng to trong phòng bà Aruya. Tôi tin chắc chẳng ai nghĩ tới chuyện hỏi bà chìa khóa thùng để đâu. – Bà vú già nói.

- Ta đồng ý ngay, – quan chánh án nhanh nhẩu – ta đồng ý tạm lánh vào trong cái thùng ấy một lúc, nếu hai người cùng cho nên làm như vậy.

Người thiếu phụ nói hết sức vui lòng, lại còn khẳng định với viên quan tòa, ngay sau khi ông chồng cùng với song thân mình vào phòng không thấy có gì khác và lui về, nàng sẽ lập tức đến đưa ngài ra khỏi cái thùng.

Tin lời hứa hẹn, hơn nữa vẫn đang nau náu đợi chờ giờ phút được sống riêng với người đẹp, quan chánh án đồng ý chui vào trốn trong một cái hòm y như viên phó của mình vừa rồi.

Giờ chỉ còn chờ có ngài thống đốc. Đúng nửa đêm, ngài thân hành đến trước cổng nhà nàng Aruya, không sai hẹn. Bà vú già Đalla lại theo cung cách cũ, dẫn ngài vào phòng riêng của bà chủ. Nàng Aruya cũng đón tiếp ngài chẳng kém ân cần nồng nhiệt như đối với hai vị khách kia. Ngài thống đốc bắt đầu giở thói mơn trớn người tình. Khi thấy ngài bắt đầu hơi quá đà, nàng liếc mắt ra hiệu cho bà vú già. Bà đi ra khỏi phòng.

Nhưng chỉ lát sau, nghe có tiếng người đập ầm ầm cái cổng thông ra đường phố, và bà vú già nhón nhác chạy xộc vào, hoảng hốt nói:

- Thật không may sao, thưa bà chủ. Đích thân ngài chánh án vừa vào nhà ta, anh giúp việc đã mời ngài vào gặp luôn cụ chủ.

- Trời ơi! Tội vạ tày đình đổ xuống đầu ta rồi! – Bà chủ vờ thốt lên, và quay lại bảo bà già – Vú chịu khó đi nhẹ nhàng ra lắng nghe ngài chánh nói gì với ông lão nhà tôi, sau đấy trở lại đây cho chúng tôi hay.

Bà vú già lại đi ra. Trong thời gian ấy, ngài thống đốc hỏi thiếu phụ:

- Vì lý do gì viên chánh án đến nhà vào giờ này? Ông Banu có dính vào chuyện gì bê bối hay không?

- Làm gì có chuyện ấy, – nàng Aruya đáp – bởi vậy bản thân em cũng lấy làm lạ chẳng khác ngài.

Lát sau, bà vú già quay trở lại:

- Thưa bà chủ, tôi đã chú ý lắng nghe mọi người trao đổi trong phòng cụ chủ, xem bàn chuyện gì. Đích thân quan chánh án vừa đến. Quan có ý định hỏi chuyện bà trước sự chứng kiến của tiến sĩ Đanitmen, ông này cũng vừa đến cùng một lúc với quan chánh án. Ông tiến sĩ quả quyết đã trả cho cụ chủ ta một nghìn đồng *xocanh* từ trước. Quan tể tướng được trình bẩm về vụ này, đã giao nhiệm vụ cho quan chánh án nội đêm nay phải làm sáng tỏ vụ việc, và sáng sớm mai trình tể tướng rõ.

Nghe đến đây, nàng Aruya lại phải cạy đến dòng nước mắt, van xin ngài thống đốc tạm lánh mặt:

- Em van quan lớn hãy thương em! Đích thân quan chánh án cùng với tiến sĩ Đanitmen và chồng em sắp vào đây. Ngài hãy tránh cho em nỗi nhục bị mọi người thấy mình là người đàn bà kém đức hạnh! Ngài hãy chiếu cố đến tình cảm em vẫn dành riêng cho ngài! Mời ngài quá bộ sang phòng em, và xin vui lòng cho em để ngài nấp tạm trong một chiếc thùng!

Thấy ngài thống đốc có vẻ ngại ngần trước việc ấy, người đẹp liền quỳ mọp xuống dưới chân, khóc lóc tha thiết van xin, cuối cùng cũng làm xiêu lòng quan lớn.

Vậy là ngài thống đốc chui tọt vào cái hòm thứ ba. Khóa trái cửa phòng, nàng Aruya sang tìm chồng kể hết cho chồng nghe đầu đuôi mọi sự. Hai vợ chồng thú vị chán chê về chuyện xảy ra, cuối cùng thương gia lo lắng hỏi vợ:

- Nhưng rồi đây mình định kết thúc câu chuyện bằng cách nào?

- Sáng mai mình sẽ rõ. – Nàng đáp. – Em đã hứa là sẽ trả thù một cách thật om sòm, mình cứ tin em sẽ giữ lời.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM NĂM MƯỜI HAI

Quả đúng như lời – quốc vương Bêrêđin-Lôlô kể tiếp cho tể tướng và hoàng thân nghe – sáng hôm sau nàng tìm cách lọt được vào gian phòng tôi vẫn tiếp dân chúng có việc kêu xin đến chầu. Thoạt trông thấy nàng, bộ dạng cao sang và thân hình kiều diễm của nàng khiến tôi chú ý. Tôi nói với tể tướng:

- Ông có nhìn thấy người phụ nữ duyên dáng kia không? Hãy cho phép nàng đến gần ngài ta hơn!

Tể tướng truyền lời mời. Nàng nhanh nhẹn rẽ đám đông, tiến tới quỳ trước ngài. Tôi hỏi:

- Nàng có việc gì đến tận đây? Hãy đứng lên và trình bày ta rõ!

Nàng vâng lời đứng dậy:

- Muôn tâu bệ hạ, cầu chúc ngài vạn thọ vô cương. Nếu hoàng thượng hạ cố cho phép, em xin thuật hầu ngài một câu chuyện hẳn sẽ làm ngài ngạc nhiên.

- Ta đồng ý, ta sẵn sàng nghe nàng trình bày. – Tôi đáp.

- Em là vợ một thương nhân tên là Banu. – Nàng bắt đầu nói. – Chồng em được vinh dự làm thần dân của bệ hạ, và sung sướng được sống tại kinh đô của ngài. Chồng em có cho ngài tiến sĩ Đanitmen vay một nghìn đồng *xocanh* vàng. Nay tiến sĩ quả quyết không vay. Em đã đến tận nhà quan phó chánh án ấy đòi nợ. Ông ấy đáp, ông không có vay mượn tiền của chồng em, nhưng nếu em bằng lòng thỏa mãn dục vọng của ông, thì ông ta cho em những hai nghìn đồng *xocanh*. Em lại sang dinh quan chánh án kêu về sự bội tín của tiến sĩ Đanitmen. Quan tuyên bố quan không xét để trả lại sự công bằng cho, trừ phi em đồng ý thỏa mãn nhu cầu của quan giống hệt như chuyện ngài tiến sĩ đã đòi hỏi. Hoang mang về sự kém đức độ của quan chánh án, em đột ngột bỏ về và đến kêu ở cửa ngài thống đốc thành phố Đamat, bởi ngài cũng có quen biết chồng em ít nhiều. Em van xin ngài hãy cứu giúp vợ chồng em. Nhưng ngài thống đốc chẳng mấy hào hiệp hơn hai vị kia, lại tìm đủ mọi cách quỵên rũ em.

Tôi không thể tin lời nàng Aruya trình bày. Tôi nghĩ người đàn bà bịa đặt ra chuyện này để nói xấu Đanitmen, viên chánh án cũng như viên thống đốc thành phố. Tôi phán:

- Không, ta làm sao tin được lời bà. Làm sao có thể ngờ một vị tiến sĩ lật lọng không trả một món nợ đã vay, làm sao tin được chuyện một người ta đã lựa chọn để mang lại sự công bằng cho dân chúng lại có thể đề nghị với nàng điều hỗn xược như vậy.

- Muôn tâu hoàng thượng anh minh, – vợ thương nhân Banu nói – nếu bệ hạ không tin lời em, cúi mong bệ hạ tin lời những người làm chứng đủ tư cách về những lời em vừa tâu trình ngài.

- Những người chứng ấy hiện ở đâu? – Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Tâu bệ hạ, họ đang ở nhà em, xin bệ hạ cho đòi họ đến, ngài sẽ không thể không tin lời những người làm chứng ấy.

Lập tức tôi sai quân cấm vệ đến nhà thương gia Banu. Họ giao cho toán quân lính ấy mang về ba chiếc hòm gỗ, bên trong chứa ba người tình. Quân cấm vệ mang ba cái hòm để trước mặt tôi, nàng Aruya nói:

- Tâu bệ hạ, ba người làm chứng ở bên trong.

Dứt lời, nàng lấy từ trong túi áo ra chùm chìa khóa, mở ba cái thùng gỗ. Hai vị có thể hình dung nổi kinh ngạc của tôi cũng như của cả triều đình khi nhìn thấy vị thống đốc, viên chánh án và tay tiến sĩ tất cả gần như không mặc áo quần, mặt tái xanh tái xám, chưa thể hoàn hồn vì không ngờ kết cục ra thế này. Thoạt tiên tôi không sao nén được cười, khiến tất cả mọi người cùng phá ra cười theo. Nhưng lấy lại ngay thái độ nghiêm trang, tôi hỏi tội ba người tình. Rồi tôi công khai lên án cả ba, buộc tiến sĩ Đanitmen trả lại cho thương nhân Banu bốn nghìn đồng *xơcanh* vàng; cách chức viên chánh án, và trao chức vụ thống đốc thành phố Đamat cho một vị đại thần khác trong triều.

Làm xong những việc ấy, tôi truyền cho người vợ của thương gia Banu hãy cắt tấm mạng che mặt đi: “Nàng hãy để cho mọi người nhìn thấy tận mắt những nét đẹp nguy hại đã làm điên đảo ba người kia và mang lại tai họa cho họ.”

NGÀY THỨ MỘT TRĂM NĂM MƯỜI BA

Vợ thương nhân Banu vâng lời. Nàng cất tấm mạng, để lộ cho tất cả mọi người nhìn thấy sắc đẹp tuyệt trần. Xúc động với sự kiện ấy, và nhất là do ngượng ngùng phải đưa khuôn mặt trần ra hồi lâu cho mọi người ngắm, càng làm cho nhan sắc của nàng thêm gợi cảm. Tôi chưa từng thấy một người đàn bà nào xinh đẹp bằng Aruya. Ngắm nghía dung nhan tuyệt vời của người đẹp, tôi không thể không thốt lên:

- Người thiếu phụ này quá xinh đẹp. Giờ ta mới hiểu ra vì sao cậu tiến sĩ, viên chánh án cũng như quan thống đốc phạm tội to như vậy!

Tôi không phải người duy nhất có ấn tượng mạnh. Cả triều đình rì rào tiếng ngợi ca. Tất cả mọi người có mặt ở đây đều dán mắt vào nàng, ai cũng ngắm nhìn không biết chán. Tôi ngỏ ý muốn nghe lại chi tiết tất cả câu chuyện, nàng trình bày đầy đủ với sự duyên dáng và đầy trí tuệ khiến mọi người thêm thán phục. Cả gian phòng rộng rộn lên lời khen ngợi. Những người có quen biết thương gia Banu đều cho ông ta có được một người vợ trẻ đẹp thế này thật quá diễm hạnh, cho dù công việc làm ăn đang gặp hồi khó khăn.

Thuật xong câu chuyện, nàng tạ ơn tôi một lần nữa rồi ra về. Nhưng than ôi! Nàng đi khuất rồi, hình ảnh nàng vẫn còn để lại trong tôi. Đôi mắt tôi dường như lúc nào cũng đang nhìn thấy nàng. Người đẹp Aruya hút hết hồn tôi rồi. Tôi không sao dứt hình ảnh nàng khỏi đầu óc. Thấy mình quá tương tư, không sao thanh thản được nữa, tôi cho người bí mật gọi thương nhân Banu đến gặp. Tôi cho ông vào phòng riêng. Khi còn lại có mình ông, tôi bảo như sau:

- Ông Banu này, hãy nghe đây! Ta biết do quá hào phóng ông đi đến chỗ khuyh gia bại sản. Ta biết ông đang buồn lắm vì không thể nào tiếp tục sống như phong cách trước đây. Ta quyết định tạo cho ông điều kiện để có thể tha hồ đãi đằng tiếp đón bạn bè y như những ngày trước. Ông có thể tiêu pha mạnh tay hơn nhiều, mà không ngại phải sa vào cảnh túng thiếu. Tóm lại, ta có thể ban cho ông vô vàn của cải, đổi lại, ông phải giúp ta một việc. Ta mê say người vợ của ông lắm. Ông hãy đuổi nàng đi, và bảo nàng đến đây với ta! Ta xin ông hãy vì ta mà chịu sự hy sinh ấy! Để tỏ lòng cảm ơn ông, ngoài vô vàn của cải ta ban cho, ông có thể chọn một cung nhân đẹp nhất trong hoàng cung. Ta có thể dẫn ông đi ngay vào cung riêng dành cho phụ nữ, ông nhìn thấy ai vừa ý, có thể lấy người ấy làm vợ.

- Muôn tâu bệ hạ, – thương nhân đáp – những của cải mà hoàng thượng hứa ban cho tôi, cho dù có nhiều có lớn đến bao nhiêu, không thể mua được vợ tôi. Đối với tôi, nàng Aruya quý giá hơn tất cả mọi của cải trên đời. Tâu

bệ hạ, xin ngài hãy lấy ngay lòng mình mà suy, ngài hẳn thấy tôi không thể lóa mắt trước số của cải ngài hứa ban cho. Tuy nhiên, cho dù tôi yêu nàng đến bao nhiêu, tôi vẫn coi việc nàng được hài lòng còn quan trọng hơn nhiều. Tôi sẽ gặp nàng, nói cho nàng rõ, nàng đã để lại tình cảm sâu đậm thế nào trong trái tim đức vua, và ngài muốn sở hữu được nàng, đã đề nghị như vừa rồi. Trong trường hợp nàng phản kích trước vinh quang được lọt vào mắt hoàng thượng mà để hé cho tôi thấy một thoáng nàng ngấm mong được tôi đuổi ra khỏi nhà; trong trường hợp ấy, tâu bệ hạ, tôi xin thề sẽ đuổi nàng đi ngay không do dự cho dù tôi vẫn hết sức quý yêu nàng; tôi sẽ hy sinh tất cả vì hạnh phúc của nàng, dù vẫn biết cuộc chia tay này vô cùng đau đớn cho tôi.

Ông nói ông sẽ thử làm hết sức mình. Rồi hoàng cung về nhà, thương nhân ấy kể lại cho vợ hay câu chuyện vừa rồi giữa tôi và ông. Kể xong, ông nói thêm:

- Hỡi Aruya, Aruya quý yêu của ta ơi, em đã làm cho đức vua say đắm, hãy tận dụng cơ may hiếm có này! Em hãy vào cung sống cùng đáng quân vương ấy, ngài trẻ tuổi, đẹp trai, khả ái, ngài đáng được kết đôi với em hơn ta. Vào sống với đức vua, đời em sẽ nhẹ nhàng sung sướng muôn vạn lần hơn em cứ mãi gắn bó với ta trong gia cảnh khốn khó này.

Thương gia già nói ra những lời trên mà không cảm được vài giọt nước mắt. Người vợ xúc động. Nàng đáp:

- Ôi chồng của em, ông Banu ơi! Mình ngỡ nói cho em biết, được làm bạn đức vua em mừng rỡ lắm sao? Mình nghĩ em quan tâm đến cuộc sống vinh quang giữa huy hoàng tráng lệ ư? Xin mình chớ hiểu nhầm! Mình nên nhớ, cho dù mình đang khốn khó như hiện nay, em vẫn muốn chung sống đời đời với mình hơn bất cứ vị quân vương nào trên đời.

Thương gia cảm động trước tấm lòng của vợ, ôm hôn nàng thấm thiết:

- Em đúng là con chim phượng hoàng của thế kỷ. Em đáng ca ngợi xiết bao! Em đáng đáp lại tình yêu của nhà vua hơn sống với anh. Một hôn thê khả ái thế này lại phải sống với một người chồng như anh là không công bằng chút nào. Tuổi tác anh đã vào buổi xế chiều, trong khi cuộc đời em mới bắt đầu hé nở. Anh chỉ là một kẻ đáng thương hại thôi, hãy bỏ anh đi, rồi cuộc sống của em sẽ tươi đẹp vạn phần. Chỉ vì đức hạnh, em gắn bó với một người chồng cao tuổi như anh như thế đã quá lâu rồi. Chớ nên khước từ tình yêu đức vua hiến dâng em. Em chớ nghĩ đến nỗi buồn của anh mà chi. Em hãy đồng ý đi, để anh tuyên bố đuổi vợ ra khỏi nhà, để cuộc sống của em được thú vị hơn bây giờ.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM NĂM MƯỜI TƯ

Thương nhân Banu càng ngổ ý muốn nhường vợ cho tôi, nàng Aruya càng cưỡng lại. Sau một cuộc giằng co dai dẳng, cuối cùng phần thắng thuộc về tình nghĩa vợ chồng. Người thương nhân già nói với vợ:

- Hỡi người vợ quý yêu của ta! Vậy em hãy ngự trị trong lòng anh, em hãy xử sự như ý muốn, nhưng anh biết trả lời sao đây với đức vua? Ngài đang chờ câu trả lời, và chắc chắn ngài tin mình sẽ được hài lòng. Nếu anh vào tâu em khước từ tình cảm của vua, không sợ hai ta sẽ phải chịu sấm sét hận thù của nhà vua hay sao? Em hãy nhớ đây là một quốc vương. Em hãy biết một quốc vương có thể làm mọi việc theo ý mình. Có thể rồi đây ngài sẽ dùng đến bạo lực để chiếm hữu em. Làm sao anh có thể chống chọi lại một tình địch hùng mạnh như nhà vua?

- Em hình dung rõ lắm chứ mối đe dọa đang treo lơ lửng trên đầu chúng ta. – Nàng đáp. – Anh không nên đến gặp vua nữa, không nên làm hoàng thượng nổi giận khi nghe em khước từ vinh dự ngài muốn ban cho. Anh hãy gom góp số tiền còn lại, chúng ta hãy mang theo những gì quý giá nhất, rồi cùng nhau mau chóng rời bỏ kinh thành Đamat! Chúng ta hãy cùng nhau trốn đi, hãy phó thác số mệnh cho trời, ắt trời đất thánh thần không bỏ chúng ta!

Thương nhân Banu chia sẻ ý kiến ấy, và hai vợ chồng cùng nhau thực hiện ngay không chậm trễ.

Ngay trong ngày hôm ấy, hai người trốn khỏi kinh thành Đamat, đi về phía thành phố Cairo. Tôi được biết những điều trên vào sáng hôm sau, khi sốt ruột quá, tôi sai một người thân tín đến nhà Banu xem cơ sự thế nào. Bà vú già Đalla không muốn đi theo bà chủ, được người tôi sai đến dẫn vào triều và trình cho tôi rõ mọi sự. Nếu tôi không làm chủ được đam mê, nếu tôi khẳng khẳng muốn đạt sở nguyện, bắt cho được nàng Aruya vào cung, việc ấy chẳng mấy khó khăn. Chỉ cần phái quân sĩ đuổi theo và bắt luôn cả hai vợ chồng. Nhưng xử sự như vậy bất công quá, hơn nữa tôi không phải con người muốn ép buộc tình yêu.

Vậy là tôi để cho vợ người thương nhân muốn trốn đi và sống ở đâu tùy thích. Chỉ còn lo tính cách sao chôn chặt mối tình. Nhưng cách nào cũng vô ích thôi. Cho dù tôi cố gắng hết sức mình, nàng Aruya vẫn luôn luôn hiện diện trong tâm trí tôi. Nhan sắc của nàng, tiết hạnh của nàng ngự trị trong trái tim tôi, khiến cho tôi đã hai mươi năm trời rờn rã trở nên vô cảm trước những cung nữ xinh đẹp nhất vẫn hầu hạ trong cung. Những trò tiêu khiển đặc sắc nhất cũng chẳng mấy bận tâm tôi.

Quốc vương Bêrêđin-Lôlô kể câu chuyện đời mình đến đây thì ngừng lời.

Tể tướng Atanmuc và hoàng thân Sêypen Muluc đều hỏi, nhà vua có biết sau đây nàng Aruya ra sao. Vua đáp không, chẳng có mảy may tin tức kể từ khi nàng rời khỏi thành Đamat. Hoàng thân mỉm cười nói:

- Chúng ta quả thật là những tình nhân kỳ cục. Quốc vương đâm phải lòng ngay một cô buôn bán nhỏ ngay từ lần đầu thoát gặp, cô ta lại chuộng ông chồng già hơn một nhà vua; dù không được nàng yêu lại, ngài vẫn áp ủ hình ảnh quý yêu ấy suốt hai mươi năm trời. Tôi thì đi yêu một người đàn bà thời thượng cổ, từ triều đại ngài Xalomon đại đế, còn tể tướng thì... Nhưng tôi nhầm mất rồi. Ngài tể tướng đã chung đụng quá nhiều với công chúa Zêlica, ngài quên sao được nàng cơ chứ.

Quốc vương Đamat không nén được cười khi nghe nhận xét của hoàng thân. Vua đang cả cười, chợt nhìn thấy một số đông lạc đà và ngựa đang gặm cỏ trên một bãi cỏ non. Lại thấy có nhiều lều trại được căng lên gần đấy. Trong trại nhiều người đàn ông cùng nhau ăn uống. Vua liền bảo với tể tướng và hoàng thân:

- Chúng ta hãy đi đến bãi cỏ kia xem những người ở đấy là ai, họ định đi về đâu!

Ba người thúc ngựa tiến đến gần các lều. Càng tới gần họ càng nhìn thấy thêm nhiều điều hay.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM NĂM MƯƠI LĂM

Đến gần bãi cỏ, có thể nhìn rõ hơn, ba người nhận ra đây là những lều trại lộng lẫy. Trong số ấy có một cái đẹp nhất, toàn lợp bằng vải vàng và lụa, trong lều này, giữa đám đông lố nhố có một người cao lớn khôi ngô, ăn mặc sang trọng. Ông đang ngồi xếp bằng trên một tấm thảm trải xuống đất. Lại thấy rất nhiều thức ăn đựng trong bát đĩa bằng vàng. Cạnh ông là một cái tủ xếp nhiều bình quý đựng rượu. Người đàn ông đáng kính trạc năm mươi tuổi đang dùng bữa một mình. Khoảng ba chục gia nhân ăn mặc lịch sự đứng hầu sau lưng; ở cửa ra vào hai tên nô lệ vũ trang đầy đủ đứng canh.

Quốc vương Bêrêđin và hai bạn đồng hành nhìn rõ ông ta, dĩ nhiên ông cũng nhận rõ ba người. Ông sai một người ra gặp hỏi ba vị là ai, đang đi về đâu. Quốc vương đáp:

- Anh bạn à, chúng ta là ba nhà buôn kim hoàn. Chúng ta từ kinh thành nước Xiêcca đến, và đang đi về kinh đô Batđa. Xin anh bạn vui lòng cho biết quý danh của ông chủ! Phải chăng đây là một vị quân vương hùng mạnh đang đi du ngoạn vì hiếu kỳ?

- Thưa ngài, không phải vậy, – người gia nhân đáp – ông chủ chúng tôi chẳng phải con vua cháu chúa, ông không tự hào về dòng dõi cao sang, ông tự hào về tấm lòng vĩ đại và hào hiệp. Tên ông là Abunphauari, được mệnh danh rất xác đáng là *Nhà du hành vĩ đại*. Ông xứng đáng là một hoàng tử, vì phong thái xử sự của ông giống hệt như các vị vua chúa. Bình thường ông sống ở thành phố Basra. Ở đây ông có cả một tòa dinh cơ xây toàn bằng đá cẩm thạch. Vị khách nào đến thăm cũng được ông đãi đằng trọng hậu, và chẳng ai ra về không cầm theo một tặng phẩm nào đây ông chủ tặng. Hầu như hằng ngày ông đều mở tiệc thết đãi các vị đại thần trong triều đình Basra. Quốc vương rất thích đàm đạo với ông. Vua thường hay mời ông vào tận trong hoàng cung, để nghe ông kể chuyện về những chuyến phiêu lưu của ông.

- Như vậy ông chủ của bạn hẳn đã trải qua nhiều chuyện lạ kỳ lắm.

- Không thể có những chuyện nào kỳ lạ hơn. – Người gia nhân đáp. – Nhưng nói đến cùng, một con người từng chu du khắp các vùng biển Ấn Độ, một người không có đảo nào trên bốn biển không thông thuộc, và được tự mắt trông thấy nhiều chuyện lạ kỳ, thì có chi là lạ.

Nói xong người gia nhân quay vào bẩm với ông chủ. Ông này biết các vị khách nước ngoài kia là những thương gia, vội đứng lên, ra khỏi lều nghênh đón.

Hai bên trao đổi những lời chúc tụng lẫn nhau. Sau đấy, ông Abunphauari khẩn khoản mời bằng được quốc vương Bêrêđin, tể tướng Atanmuc và

hoàng thân Seypen Muluc vào trại, ngồi xuống thăm và cùng dùng bữa với ông. Ba người nhận lời. Họ cùng nhau dùng những món ăn ngon và uống rượu ngọt rót trong những chiếc ly vàng khảm ngọc đỏ ngọc xanh, do các gia nhân dâng mời tận miệng.

Chuyện trò trong bữa ăn, Abunphauari tỏ ra là một con người đầy trí tuệ, làm ba vị khách thích thú. Đối đáp rất nhanh nhưng ý kiến nào của ông cũng đúng đắn, lời lẽ trang nhã. Quốc vương Bêrêđin hài lòng được gặp một người chuyện trò thú vị như vậy. Vua bày tỏ niềm vui của mình, và đề nghị hai đoàn cùng đi chung với nhau. Ông Abunphauari khá lễ độ nhận lời. Bốn người lại tiếp tục đàm đạo.

Trong thời gian ấy, gia nhân của ông Abunphauari chia nhau xếp lên lưng các con lạc đà những hàng hóa đã dỡ khỏi lưng các con vật cho chúng được nghỉ ngơi và găm cỏ chốc lát, và tháo dỡ các lều, chỉ trừ cái trại ông chủ đang ngồi tiếp khách. Ông thấy đã đến lúc phải lên đường, liền đứng dậy. Một gia nhân dắt đến một con ngựa rất đẹp mã. Ông lên yên, cùng ba vị thương gia giả hiệu sánh ngựa lên đường. Theo sau là đoàn tùy tùng đông đảo, gồm hơn hai trăm người vũ trang đại đao và cung nỏ. Với một đoàn du hành như vậy, chẳng dễ gì bọn cướp dám giở trò. Mọi người thông thả đi về thành phố Basra trong an toàn.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM NĂM MƯƠI SÁU

Ông Abunphauari ngày càng cảm thấy thân thiết hơn với nhà vua và hai vị đồng hành với vua, có lẽ vì thấy họ đáng mến, cũng có thể họ chú ý lắng nghe ông như nghe một vị phán truyền. Thấy họ lúc nào cũng muốn được ông trò chuyện, ông càng vui vẻ nói không ngừng lời. Ông bắt đầu thuật lại cho ba người nghe về các chuyến đi của mình.

- Rất ít người vào trạc tuổi tôi được đi lại nhiều như tôi. – Ông nói. – Tôi thông thuộc các vùng duyên hải nước Ấn Độ hơn cả quê hương mình. Tôi được nhìn thấy nhiều chuyện diệu kỳ tới mức không dám viết ra giấy, e người ta cho mình là một kẻ ba hoa dối trá. Những chuyện phiêu lưu tôi đã trải qua quá kỳ lạ, quá phi thường, đến nỗi những ai nghe tôi thuật lại hẳn không thể tin là có thật, nếu họ không biết rõ tôi là một người xưa nay vô cùng ghét những chuyện dối trá bịa đặt.

Những lời nói trên của ông Abunphauari càng làm cho quốc vương Đamat và hai vị đồng hành thêm hiếu kỳ. Họ thúc ép, nài nỉ, yêu cầu ông kể chuyện về mình, cuối cùng ông phải nhượng bộ. Ông nói:

- Vâng, thưa các ngài, tôi xin chiều ý, bởi quý vị tỏ ra hăng hái thích nghe. Tuy nhiên, xin quý vị nhớ cho điều tôi vừa nói: ấy là rồi các vị sẽ khó tin một phần thôi những điều tôi sẽ kể sau đây hầu các vị.

CÁC CUỘC PHIÊU LƯU KỲ THÚ CỦA ABUNPHAUARI, BIỆT DANH NGƯỜI DU HÀNH VĨ ĐẠI

CHUYẾN ĐI THỨ NHẤT

Tôi là con trai một thuyền trưởng thành phố Basra. Tên tôi là Abunphauari. Từ bé, cha tôi đã cho tôi đi theo các chuyến đi xa của người ở vùng biển Ấn Độ. Mới mười hai tuổi tôi đã thông thuộc một số đảo thuộc hải phận lục địa Ấn Độ rộng lớn. Cha tôi cũng kiếm được một ít tiền qua các chuyến đi ấy, đầu tư và thương mại, và chưa đến mười năm trở thành một trong những thương gia giàu có nhất thành phố Basra.

Một hôm cha tôi gọi tôi lên bảo:

- Con trai à, cha có một số công việc kinh doanh quan trọng cần thanh toán với một bạn hàng ở đảo Xêrêndíp. Cha quyết định phái con sang đây thay mặt cha hoàn tất công việc quyết toán.

Cho dù thoáng buồn vì sắp phải xa gia đình, tôi rất vui mừng được đến quốc gia nổi tiếng ấy, trên thực tế tôi cũng đã có ghé một lần nhưng hồi ấy còn quá nhỏ tuổi, chưa nhận thức hết mọi vẻ đẹp ở đây. Tôi phấn khởi nhận lời. Mấy hôm sau, tôi lên đường với sự dặn dò và các giấy tờ ủy nhiệm cần thiết của cha tôi. Tôi xuống một chiếc tàu chở hàng hóa sắp rời cảng Basra đến thành phố Surat của Ấn Độ rồi từ đây sẽ đi tiếp sang đảo Xêrêndíp.

Tàu chúng tôi băng ngang qua vịnh Basra, dài ba trăm hải lý, rộng năm mươi hải lý. Vịnh này khởi đầu từ phía đông mũi Arap Hạnh phúc, vòng theo hải phận nam nước Ba Tư, lối vịnh thông ra biển lớn gần thành phố Ormut. Chúng tôi ghé lại thành phố này mấy ngày, rồi đi thẳng ra biển Ba Tư, quay về hướng đông, trực chỉ cảng Surat. Cuộc hành trình thuận buồm xuôi gió. Đến Surat, con tàu dỡ số hàng hóa mang đến đây, rồi đi tiếp sang đảo Xêrêndíp dỡ nốt số hàng còn lại.

Con tàu may mắn cập bến an toàn. Suốt cả cuộc đi, nhờ trời, không xảy ra sự cố nào.

Việc đầu tiên khi tới nơi, là hỏi thăm nhà ông bạn hàng của cha tôi. Chẳng mấy khó khăn, vì hầu như không có người nào trong thành phố Xêrêndíp không biết ngài Habib. Ông là một trong những thương gia giàu có nhất đảo này, và là một con người trung hậu. Ông đón tiếp tôi thật thân tình, với tư cách một người bạn thân của cha tôi. Sau khi ôm hôn, ông nói ngay nhất định tôi phải nghỉ lại tại nhà riêng của ông, dứt khoát ông không đồng ý cho tôi đi trọ bất cứ một nơi nào khác. Tôi đành phải vâng ý ông.

Ông Habib rất thành thạo công việc kinh doanh, lại là một con người làm ăn sòng phẳng, thành ra việc thanh toán hoàn tất nhanh chóng sau có mấy ngày. Xong công việc, tôi được rảnh rang đi thăm thú các danh lam thắng cảnh trong thành phố, nhiều không kể xiết. Tôi nghiên cứu phong tục nhân dân xứ này, tìm hiểu các nghề nghiệp họ làm, và việc cai trị ở xứ này ra sao. Tóm lại, sau thời gian khoảng năm, sáu tuần lễ, việc thanh toán xong xuôi, lòng hiếu kỳ được thỏa mãn, tôi chuẩn bị trở về nước. May mắn không phải chờ đợi lâu. Có một chiếc tàu buôn mang hàng hóa từ thành phố Surat đến đây bán, xong việc đang chuẩn bị trở về bên ấy. Tôi định sẽ đáp chuyến tàu ấy.

Trước hôm tàu khởi hành một ngày, trên đường trở về nhà ngài Habib, vào khoảng giữa trưa, tôi gặp một phu nhân ăn mặc sang trọng, bộ dạng duyên dáng, theo sau có một tên nô lệ cấp theo mấy thứ hàng hóa gì đấy nàng vừa mua ở phố. Người đàn bà ấy đi ngang qua trước mặt tôi. Mặc dù nàng đeo một tấm mạng dày che mặt, tôi vẫn có ấn tượng mạnh mẽ về phong thái cao sang và bước đi kiêu diễm của nàng. Tôi dừng chân ngắm, càng ngắm nhìn càng thấy nàng đẹp hơn. Không cầm lòng được, tôi thốt lên:

- Ôi, con người khả ái làm sao. Chắc là cung phi sủng ái của nhà vua đây.

Nghe lời tôi thốt, nàng ngạc nhiên dừng bước, và nhìn tôi rất chăm chú, rồi tiếp tục bước đi không ngỏ một lời nào, cũng không để lộ ra thái độ hài lòng hay bất bình về xử sự của tôi. Về phần mình tôi suy nghĩ rất lung về sự việc ấy, trong người tự dưng nôn nao. Tôi sợ làm phu nhân ấy nổi giận, đồng thời cảm thấy dấy lên trong lòng một tình cảm lạ, chưa từng cảm thấy đối với bất kỳ ai.

Tôi còn mãi mê với những suy nghĩ ấy, chợt có một người nô lệ đến gần. Tôi nhận ra chính người đã đi theo phu nhân ấy, vì vậy càng cảm thấy băn khoăn. Tôi hỏi y:

- Bạn cần gì ở tôi, hờ anh bạn?

Người nô lệ kính cẩn đáp:

- Thưa ngài, tôi được lệnh mời ngài theo tôi đi đến một nơi tôi được vinh hạnh dẫn đường ngài.

- Nếu bà chủ của bạn truyền như vậy, – tôi xúc động đáp – tôi sẵn sàng tuân lệnh. Tôi rất vui lòng theo bạn, cho dù chưa biết số phận sẽ đưa đẩy tôi tới đâu.

- Bà chủ tôi không cho biết rõ chủ đích, – người nô lệ nói tiếp – nhưng nếu ngài làm theo yêu cầu của bà, tôi nghĩ rồi ngài sẽ chẳng có gì phải hối tiếc.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM NĂM MƯƠI BẢY

Câu nói của y làm tôi thêm vững tâm. Cho dù vẫn nhớ sáng mai mình đã phải lên đường, đáng ra nên lo việc chuẩn bị để khởi hành, tôi lại cứ bước theo người nô lệ, không mấy quan tâm sau đây việc gì sẽ xảy ra. Anh ta dẫn tôi qua nhiều phố xá quanh co, đến trước một tòa dinh cơ thoát trông đã thích mắt. Tôi theo anh bước vào trong nhà. Anh đưa tôi đến một gian phòng rộng, bày biện bàn ghế rất tráng lệ, mời tôi dùng chân nghỉ tạm ở đây chờ người đến gặp. Tôi chẳng còn đầu óc nào nhìn mọi thứ đồ đạc đắt tiền kia, giá vào lúc khác tôi đã ngắm nhìn thật kỹ lưỡng. Đầu óc tôi mãi nghĩ đến bà chủ ngôi nhà.

Trong khi tôi đang mơ màng suy nghĩ, nhiều cô gái bước vào làm sáng lên gian phòng vốn đã sang trọng; nhưng cho dù các cô ấy xinh tươi đến đâu, vẫn không thể sánh tày người tôi đang chờ đợi. Cuối cùng nàng xuất hiện. Tôi nhận ra ngay, qua vóc dạc và dáng đi. Lần này nàng không đeo mạng, do đó nhìn càng thêm lộng lẫy. Trang phục sang trọng và vừa vặn với thân hình, đồ nữ trang đắt tiền làm tôn thêm nhan sắc tự nhiên, vốn không cần những thứ ấy cũng hấp dẫn lắm rồi. Tôi bị choáng mắt thật sự. Nàng nhận ra thái độ và mỉm cười. Nàng đến ngồi lên một chiếc trường kỷ nhìn tựa tựa cái ngai nhỏ, còn những người hầu ngồi thành hàng hai bên.

Lúc này nàng dịu dàng ngỏ lời nói với tôi:

- Xin mời đến gần đây hơn ít nữa, thưa chàng trai trẻ! Giá một người khác chứ không phải tôi, hẳn đã lấy làm bất bình vì lời nhận xét thiếu lễ độ của chàng đối với tôi giữa một nơi công cộng. Tuy nhiên, nhìn ngài đủ thấy là một người nước ngoài mới đến đây, cho nên đáng được khoan dung ít nhiều. Có thể nói hình như trời đất xui khiến tôi làm điều tốt đẹp cho ngài. Nếu ngài cũng tỏ ra quyến luyến và chân thành đáp lại thịnh tình của tôi, ngài sẽ được đối xử theo cách tôi chưa từng đối xử với ai bao giờ.

Lời ấy nàng thốt ra với vẻ cao sang, làm tăng thêm ân huệ ban cho tôi. Vui mừng, tôi quỳ xuống trước mặt nàng và đáp:

- Hỡi bà hoàng! Chẳng hiểu tại tôi có nghe nhầm chẳng? Vận may nào khiến nàng hạ cố nâng đỡ một chàng trai chẳng có tài ba gì ngoài lòng ngưỡng mộ dung nhan nàng?

- Như vậy càng tốt, – nàng ngắt lời tôi – chàng càng thấy mình không xứng đáng được hưởng, thì càng tăng thêm giá trị ân huệ ban cho chàng. Mời chàng xích lại gần hơn chút nữa! Xin vui lòng cho biết, chàng là người nước nào, gia thế chàng ra sao, có việc gì khiến chàng đặt chân tới thành phố Xêrêndip?

Tôi thỏa mãn sự hiếu kỳ của nàng. Nhưng khi nghe nói, sáng mai tôi đã

phải đáp tàu trở về đất nước, nàng để lộ ra ít nhiều xúc động và ngắt lời tôi:

- Sao lại thế, hờ chàng Abunphauari, chàng định từ giã chúng tôi sớm vậy sao? Hòn đảo đẹp nhất vùng biển Ấn Độ này không còn gì đủ thú vị để giữ chân chàng lại lâu hơn ít nữa hay sao?

- Thưa nàng công chúa, – tôi đáp – thành phố Xêrenđip có đủ mọi điều thú vị đủ sức lôi cuốn những người còn khó tính hơn tôi nhiều. Tuy nhiên, cho dù kinh thành này có những bấy nhiêu danh lam thắng cảnh kỳ thú, tôi vẫn dễ dàng dứt áo ra đi, nếu hôm nay tôi không được hạnh ngộ một người thừa sức níu kéo bước chân tôi.

Cô gái mỉm cười hỏi tiếp:

- Như vậy ngài đồng ý từ bỏ ý định ra đi vội vàng?

- Qua những lời nàng vừa nói, – tôi đáp – tôi hiểu mình có thể hy vọng về một điều gì đó, do vậy làm sao tôi có thể suy nghĩ khác với gợi ý của nàng?

- Tình cảm của chàng làm tôi thêm thú vị, – nàng nói – tôi rất vui và không phải hối tiếc đã để chàng lọt vào mắt xanh.

Dứt lời, nàng mời tôi đến cùng ngồi lên chiếc trường kỷ bên cạnh nàng. Thấy tôi tỏ vẻ ngại ngùng, nàng nghiêm trang cho biết, sẽ rất phật lòng nếu tôi khước từ. Qua thái độ ấy, tôi ngầm hiểu mình chỉ còn có cách bày tỏ lòng ngưỡng mộ và nhất nhất tuân lệnh nàng như một người nô lệ tuân lệnh chủ.

Nàng cho biết nàng là tiểu thư Canzat, con gái quan tể tướng đầu triều của quốc vương Xêrenđip. Phụ thân nàng đã qua đời, do đó nàng toàn quyền định đoạt duyên phận của mình. Đã có không ít vị đại thần trong triều tỏ ý rắp ranh bắt sếp, song nàng chưa quyết định ưng thuận đám nào. Nàng thú thật, lời tôi buột miệng thốt ra khi nàng đi ngang qua trước mặt đã gây ấn tượng mạnh, khiến nàng dừng lại chăm chú nhìn người vừa nói, dáng vẻ của tôi làm nàng cảm thấy rung động. Tiểu thư cho biết thêm, thân sinh nàng làm quan đầu triều suốt bốn mươi năm ròng rã, cho nên tích lũy được khá nhiều tài sản, tôi có thể chia sẻ cùng nàng cả gia tài phụ thân nàng để lại.

Tôi bày tỏ lòng biết ơn với những lời lẽ âu yếm nhất, thuận phục nhất, nhưng tìm cách để nàng ngầm hiểu, tôi quý con người nàng hơn tất cả tài sản của nàng. Tiểu thư có vẻ vừa ý. Chúng tôi chuyển sang nói những vấn đề khác. Qua chuyện trò, tôi nhận ra trời đã phú cho nàng không chỉ hình dáng yêu kiều mà cả trí tuệ sắc sảo.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM NĂM MƯỜI TÁM

Câu chuyện giữa hai chúng tôi bị gián đoạn khi mười hai gia nhân bước vào phòng. Họ chuẩn bị một đại tiệc. Trong nháy mắt, một bữa tiệc thịnh soạn đã được bày biện xong, cùng với nhiều loại rượu tuyệt vời. Hương vị tỏa từ các món ăn cho thấy cách chế biến tài tình. Tiểu thư Canzat cầm tay tôi, đưa sang bàn ăn và mời tôi ngồi xuống ngay bên cạnh nàng.

Chúng tôi bắt đầu dùng bữa. Nàng tự tay lấy mời tôi những món ăn ngon lành nhất. Các loại rượu được dùng phù hợp với các món ăn. Rượu rót trong những chiếc ly bằng vàng sáng chói hoặc pha lê trong suốt. Tuy nhiên men rượu không làm tôi ngây ngất bằng ánh mắt giai nhân, nhất là khi nàng vừa cười cười vừa nâng ly rượu mời mọc, làm cho con tim tôi mỗi lúc mỗi xôn xao hơn.

Trong bữa ăn, nàng nói với tôi nhiều điều thú vị. Vốn có duyên ăn nói, mong muốn làm cho khách vui lòng càng tăng thêm sức hấp dẫn của phong thái nàng. Mỗi lần đưa mời một thứ rượu mới, nàng lại nhẹ nhàng: “Chàng Abunphauari ơi, xin chàng hãy thử nếm cùng em loại mỹ tửu này.” Vừa nói nàng vừa đưa ly lên nhấp một chút, đôi môi như đóa hoa hé nở của nàng làm rượu như càng ngon hơn. Tôi không thể không nồng nhiệt đón chiếc ly ở tay nàng, và cạn luôn chén độc được êm đềm của tình yêu.

Đến cuối bữa ăn, những người hầu gái của tiểu thư Canzat chia ra làm hai nhóm. Một nhóm vừa đàn vừa hát, nhóm kia nhảy múa theo điệu nhạc. Tất cả các cô cho dù đàn ca hay nhảy múa cũng đều biểu lộ tài nghệ điêu luyện tuyệt vời. Trong khi những người hầu ấy hát các khúc tình ca, đôi mắt tiểu thư và đôi mắt tôi gặp nhau, trao đổi những lời lặng câm vô cùng ý nhị. Sau khi những người hầu ca múa xong, tiểu thư ngỏ ý mình cũng muốn hát một bài. Nàng bảo mang đến một cái ly, rồi ly rượu cầm tay, đôi mắt vừa dịu dàng vừa cười cợt hướng về tôi, nàng cất lời hát một ca khúc, nội dung lời thơ đại ý như sau:

Ôi điệu kỳ sao chén rượu nồng

Hơi men dịu dàng

Hối thúc tim người thiếu nữ

Hãy mau chia sẻ ngọn lửa

Đang rực cháy trong tim chàng trai.

Tiệc xong, hương trầm được mang đến. Quế thơm thượng hảo hạng của đảo Xêrêndip từ một chiếc lư nhỏ bằng vàng nhẹ tỏa hương bàng bạc khắp gian phòng. Nước dùng để rửa tay sau bữa cũng là nước quế thơm. Tiệc tàn, mọi người quay quần thưởng thức đàn ca múa hát cho đến tối.

Thấy đêm đến, tôi ngỏ ý muốn cáo từ. Tiểu thư Canzat nói với thái độ không bằng lòng:

- Sao chàng lại vội nghĩ tới chuyện từ giã chúng em? Chàng vừa ngỏ ý sẽ không làm điều gì trái ý em, nên em hoàn toàn không chờ đợi vội nghe lời tạm biệt. Vậy ra sự đón tiếp ân cần của chúng em không đủ làm chàng thôi nghĩ tới chuyện vội ra về nữa sao? Đối với một người đàn ông vừa ngỏ ý mình đang say đắm, sự nôn nóng của chàng thật đáng lạ. Mọi người tình nhân đều chờ đợi đêm đến, riêng chàng lại sợ ban đêm.

- Thừa tiểu thư, nàng chưa thấu hết nỗi lòng của kẻ này. – Tôi vội thanh minh. – Nàng trách tôi chưa cảm kích về sự đón tiếp nhiệt thành, thật ra đó lại là điều làm êm ái lòng tôi nhất. Chẳng là tôi sợ mình quá lạm dụng lòng tốt của tiểu thư. Đáng ra nàng không nên trách tôi, ngược lại nàng hãy thương hại tôi đã phải khó khăn biết bao nhiêu mới thoát ra được lời xin cáo biệt.

- Chàng không nên cầu xin sự thương hại, lẽ ra chàng phải tự hiểu. Lẽ nào chàng buộc một người con gái phải thoát ra điều ấy?

- Ô, vậy là nàng đồng ý cho phép tôi lưu lại trong dinh cơ của nàng đêm nay?

- Sau những điều tôi vừa nói, chàng muốn tin sao thì tùy. Tôi cảm thấy cách xử sự của chàng quá ư lãnh đạm, dường như chưa thể hiện đúng những tình cảm nồng nhiệt trong tâm can chàng.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM NĂM MƯƠI CHÍN

Tôi vội nói, nàng sẽ xúc phạm tôi lắm lắm nếu cứ nghi ngờ tôi lãnh đạm. Tôi tiếp tục phân trần với những lời lẽ dịu dàng, mê say nhất. Tuy nhiên không thể không nói thật, trong lòng tôi lúc này đang có chút lo âu. Tôi thuật cho nàng rõ, khi vừa đặt chân đến kinh thành Xêrendip, tôi đã được người bạn hàng của phụ thân tôi đón tiếp thân tình như thế nào. Tôi nghĩ lúc này chắc ngài Habib đang lo lắng không hiểu tôi đi đâu suốt cả ngày, và đêm nay nếu tôi không trở về nhà, hẳn ngài còn lo lắng băn khoăn hơn.

Tiểu thư Canzat tin lời. Nàng chia sẻ với tôi sự cần thiết phải làm cho ngài Habib yên tâm. Song nàng dứt khoát không để cho tôi tự mình quay về thừa với ông ấy, cho dù tôi không tiếc lời thề thốt rồi sẽ trở lại đây ngay tức khắc. Nàng e ông Habib vốn là người thận trọng, sẽ ngăn cản không cho tôi tự do chạy theo tiếng nói của trái tim. Nàng chỉ đồng ý cho tôi báo tin bằng thư. Đã thế nàng lại cấm không được kể ra một chi tiết nào về những chuyện đã xảy ra với tôi trong ngày, càng không được nói rõ lúc này tôi đang ở đâu. Nàng nghi ngại tới mức muốn đọc từng câu cho tôi viết bức thư. Vì vậy, trong thư gửi ngài Habib, tôi chỉ nói có một công việc cực kỳ quan trọng buộc tôi phải hoãn chuyến khởi hành ngày mai, và tôi xin phép vắng mặt ít hôm nữa mới trở về nhà, xin ông chớ sốt ruột về chuyện ấy.

Sau khi cho người mang bức thư của tôi gửi ông Habib, và yên tâm về việc tôi đã hoãn chuyến đi, nàng dẫn tôi đi xem tất cả mọi nơi trong dinh cơ của nàng. Đâu đâu cũng nhìn thấy vẻ huy hoàng tráng lệ, thật xứng đáng dành một quan tể tướng đầu triều.

Sắp đến giờ đi nghỉ, tiểu thư thân hành dẫn tôi đến gian phòng dành riêng cho tôi, đây không phải là phòng ít sang trọng nhất trong dinh cơ này. Nàng để tôi lại đây và lui ra. Tiểu thư vừa quay gót, đã thấy nhiều người giúp việc bước vào, ai cũng xăm xăm lo hầu hạ tôi sao cho chu đáo. Họ mang đến cho tôi bộ đồ ngủ thật sạch sẽ, thật lịch sự rồi giúp tôi lên giường nghỉ.

Khi chỉ còn lại một mình, tôi lan man suy nghĩ về tình huống của mình hiện nay, và băng khuông tự hỏi: “Những chuyện này rồi sẽ đưa ta đi đến đâu? Đối với ta, đây quả là một duyên số sáng ngời. Ôi cơ ngơi mới sang trọng mới giàu có làm sao! Có nên mơ ước chẳng rồi ta sẽ làm chủ nó cùng một giai nhân xinh đẹp dường kia? Không đâu, không phải thế đâu, hỡi Abunphauari, tất cả những cảnh ấy người ấy đâu có để dành riêng cho anh! Chớ vội mừng. Số phận thường chẳng ra những cạm bẫy, hoặc là rồi tất cả sẽ tan biến đi giống như trong một cơn mộng, mọi tráng lệ huy hoàng làm cho anh say sưa rốt cuộc chỉ có trong giấc mơ.”

Những suy tư trên làm tôi thật sự băn khoăn. Nhưng rồi tôi lại tự trách

mình, sao quá lo xa vô căn cứ. Tiểu thư Canzat đánh lừa tôi phỏng có lợi ích gì cho nàng. Tôi không nên ngờ vực tâm lòng nhân hậu ấy. Bộ dạng mọi gia nhân nam cũng như nữ trong nhà này đều tỏ ra rất nghiêm túc rất tự nhiên trước việc này, và tôi nhiều lần quả có nhìn thấy qua ánh mắt nàng tình yêu say đắm. Như thế đấy, khi lo âu khi tin tưởng, suốt đêm lòng tôi như con thuyền chao đảo giữa hai cơn gió mạnh thổi ngược chiều. Suốt đêm hôm ấy, tôi không sao chợp mắt.

Cho đến khi trời sáng hẳn, tôi vẫn cứ trần trọc lan man với những suy tư của mình. Mặt trời rọi vào phòng, càng làm bật rõ hơn sự sang trọng của đồ đạc bên trong. Choáng ngợp trước cảnh tượng ấy, tôi cứ ngỡ như đây là một tòa lâu đài trong thần thoại. Tôi vừa đứng lên, những người hầu hôm qua giúp việc tôi, nghe tiếng bước chân đi lại trong phòng, đã bước vào mang theo nhiều bộ áo khác thật sang cho tôi thay. Tôi chọn một chiếc áo dài màu xanh lá cây có thêu hoa văn trang nhã bằng kim tuyến.

Tôi vừa thay trang phục xong, nàng Canzat được người nhà báo, tôi đã có thể tiếp khách được rồi, liền bước vào phòng, hỏi tôi đêm qua có được yên giấc không. Tôi đáp suốt đêm tôi chỉ mong cho trời chóng sáng để được gặp lại nàng. Nàng mỉm cười nói, bản thân nàng cũng chẳng mấy khác cho nên tin lời tôi vừa thốt ra là chân thành.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM SÁU MƯƠI

Tôi sống như vậy tám ngày trong dinh của tiểu thư Canzat, được đối xử trọng thị như một nhà vua. Tiểu thư tỏ ra rất quyến luyến tôi. Nàng không từ bất kỳ cử chỉ nào để bày tỏ tình cảm yêu thương cũng như sự quan tâm nàng dành cho tôi – trừ cái ân huệ cuối cùng các chàng trai vẫn đòi hỏi ở người mình yêu.

Một hôm, hai chúng tôi đang đi dạo trong vườn, thì tiểu thư Canzat nói với tôi như sau:

- Chàng Abunphauari à, em rất hài lòng anh đã yêu em. Tin tưởng điều ấy, cuối cùng em quyết định sẽ đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu của anh. Anh hãy cảm tạ thần ái tình đã bứt đi hộ anh các gai nhọn của đóa hoa hồng. Anh đã tự mất thấy em đối xử với anh như thế nào. Chẳng là gì, việc em giao phó tất cả gia tài điền sản của em cho anh, em còn phó thác cả tấm thân em cho anh nữa. Nếu anh thật lòng yêu em, chắc anh không nỡ chê tấm thân ấy. Sau tất cả những việc đó, nếu em ngỏ lời yêu cầu anh một điều, anh có từ nan hay không?

- Tại sao nàng lại nghĩ thế, thưa tiểu thư? – Tôi đáp với lòng biết ơn thật sự. – Sao nàng lại nói thế mà không sợ làm phật lòng tôi? Chỉ cần nàng ngỏ ý, thân trai này sẵn sàng hy sinh tất cả vì nàng.

- Điều em sắp đòi hỏi đây, – nàng nói tiếp – đồng thời cũng là một ân huệ nữa đối với chàng, không rõ chàng có dám chấp nhận không, nếu như chàng quả thật yêu em.

- Xin hãy nói rõ ra đi, thưa tiểu thư, – tôi thốt lên – xin đừng bắt tôi phải thấp thỏm đợi chờ lâu hơn nữa! Xin nàng hãy nói ra luôn!

- Điều ấy liên quan đến sự yên vui và danh dự của em. – Nàng nói. – Xin chàng hãy hứa, xin chàng hãy thề là mãi mãi sẽ yêu em. – Nàng thiết tha nói tiếp. – Để tránh nỗi buồn sau này rồi sẽ phải chia lìa mỗi đứa một phương, em xin chàng hãy thực hiện một điều cần thiết: chúng ta phải long trọng làm lễ hôn phối thiêng liêng.

Nếu những lời mở đầu của tiểu thư Canzat làm lòng tôi tràn trề hy vọng và niềm vui, thì câu sau cùng này gây tác động ngược lại. Trước đây tôi chưa bao giờ hình dung việc ấy. Bởi nàng theo đạo thờ Thần Lửa, [\[53\]](#) còn tôi là tín đồ Hồi giáo, tôi vẫn ngỡ nàng chỉ muốn hai chúng tôi có quan hệ thâm lén với nhau, sự khác biệt về tôn giáo làm sao cho phép chúng tôi có thể nghĩ khác. Bởi vậy, khi nghe nàng bộc lộ ý nghĩ thật, tôi bàng hoàng khôn xiết. Tôi rất bối rối. Mặt tôi tái đi rồi đỏ ửng, mắt tôi cúi nhìn xuống chân. Trên mặt tôi lúc này sự lo âu bối rối đã thế chỗ niềm vui thấp thỏm chốc lát trước đây.

Thái độ ấy không thoát khỏi đôi mắt của tiểu thư đang chăm chú quan sát. Nàng dễ dàng hiểu ý nghĩ của tôi. Nàng cất giọng nói đầy kiêu kỳ và khinh rẻ:

- Ta không ngờ đề nghị ấy của ta lại gây nên cho anh sự khó chịu nặng nề như vậy. Ta tưởng anh sẽ hớn hở mừng vui cơ, đâu phải hoang mang buồn bã thế này. Ta cảm thấy bị xúc phạm. Vậy ra, anh cho việc hôn nhân với ta là một điều làm anh mất danh dự sao?

- Thừa tiểu thư, – tôi vội chống chế – tôi hiểu tất cả giá trị cao sang khi nàng hạ cố cúi xuống nâng tôi lên ngang địa vị của nàng. Song trời đã an bài một trở lực không thể nào vượt qua. Nếu nàng thấy hiện lên trên mặt tôi vẻ hoang mang buồn bã, ấy là tự tôi đang ngậm than thân trách phận, sao mình không có may mắn được phép nhận lời nàng, nếu được vậy, sẽ làm cho đời tôi đạt tới đỉnh cao quang vinh và lạc thú.

- Trước đây ta chỉ ngỡ, – nàng nói tiếp – trở ngại lớn nhất cho hạnh phúc của anh là dòng dõi danh gia vọng tộc và tính tình cương nghị của ta. Thế mà ta đã vượt qua, ta đã hạ cố đưa tay với xuống anh, làm như vậy ta tưởng đã dỡ bỏ hết mọi khó khăn trở ngại. Không ngờ... Anh hãy nói cho ta rõ, trở ngại không thể vượt qua ấy là gì?

- Thừa tiểu thư, – tôi đáp – đây là tôn giáo của tôi. Tôi không dám vượt qua điều răn người Hồi giáo không được phép kết hôn với một phụ nữ không chịu tuân theo giáo lý đạo Hồi.

- Cũng như anh, ta cũng biết tôn trọng đạo giáo của ta chứ. – Nàng đáp. – Cho dù cho ta cả một vương quốc, ta cũng không đồng ý kết hôn với một người không cùng tôn giáo với ta. Cho nên ta đã tính, trước khi chính thức làm lễ thành hôn, anh phải từ bỏ cái ma giáo do Đấng tiên tri của anh đề xướng, và ép anh quy y theo đạo thờ Thần Lửa của chúng ta. Ta những mong rồi đây anh sẽ thờ Thần Lửa và Thần Mặt Trời, nói cách khác, anh sẽ khước từ tôn giáo của anh để theo đạo giáo của chúng ta. Thú thật, ta đã làm lễ dâng, thậm chí cầu xin Thần Mặt Trời hãy chấp nhận làm tín đồ của ngài một chàng trai được ta vô cùng quý yêu tới mức hiến dâng tất cả tài sản của mình. Nhưng anh không muốn cho ta được hơn anh ở mỗi chỗ ấy, anh đã coi rẻ cái vận may được làm bạn đời của ta, và như vậy giờ đây anh đã trở thành con người bội bạc nhất thế gian.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM SÁU MƯƠI MỐT

Những lời cuối cùng này cùng với giọng nói của tiểu thư Canzat khi thốt ra càng làm cho tôi thêm bối rối. Và sự bối rối ấy tôi không che giấu được, cứ hiển hiện trên nét mặt, khiến nàng càng thêm tức giận. Nàng không tiếc lời trách móc tôi, vừa trách vừa khóc, làm cho tim tôi như tan nát. Thật không có gì day dứt giằng xé tâm can hơn khi một chàng trai đồng thời vừa muốn bảo toàn tình yêu vừa muốn giữ vẹn đức tin của mình. Thiếu tí nữa tôi ngã lòng trước những giọt nước mắt của người con gái, thiếu tí nữa tôi có thể hy sinh tất cả để giữ vẹn tình yêu, nếu lúc ấy tôi không có đủ đức tin mạnh mẽ. Tôi nghĩ hẳn lúc này được Đấng tiên tri Mahomét truyền thêm sức mạnh cho. Tôi kiên quyết giữ trọn phận sự một tín đồ, đúng như các giáo lý của đạo tôi hằng bó buộc.

Tiểu thư Canzat rất ngạc nhiên, sao lòng trung thành với tôn giáo đủ sức khiến cho tôi khước từ chiếm đoạt bản thân nàng cũng như sở hữu cả cái gia sản đồ sộ sánh mấy kho tàng. Hẳn nàng từng được nghe kể về một số người theo theo đạo Hồi nào đó đã không kiên định được niềm tin giống như tôi. Thái độ kiên quyết của tôi làm nàng buồn bã lắm. Tuy nhiên, vẫn hy vọng rồi đây tôi sẽ nghĩ lại và cuối cùng sẽ chịu khuất phục, nàng chưa cho sự khước từ của tôi hôm nay đã là câu trả lời cuối cùng. Nàng nói:

- Sự bất công và thái độ quá cứng nhắc của anh có thể rồi làm cho ta mất hết kiên nhẫn. Ta lấy làm xấu hổ sao mình đã yếu đuối dừng chân lại để nhìn vào anh lúc đang đi trên phố. Tuy nhiên, ta tin rồi đây anh sẽ thay đổi ý kiến. Ta cho anh tám ngày để suy nghĩ và quyết định. Ta không muốn sau này anh sẽ trách ta không để cho anh đủ thời gian cân nhắc và kịp thoát khỏi ngộ nhận. Nhưng sau thời gian tám ngày ấy, nếu anh vẫn không chịu dứt khoát như ta đòi hỏi, nếu anh vẫn cứ tỏ ra không xứng đáng với tấm lòng của ta, thì ta báo để anh biết trước, nỗi hận thù của một người đàn bà bị xúc phạm rồi đây sẽ ghê gớm chừng nào.

Nói xong, nàng rũ áo quay đi, với thái độ đủ khiến cho tôi hiểu, nếu tôi cứ khẳng khái không chịu chối đạo để cưới nàng, thì nàng chẳng ngại ngần đi đến những hành động cực đoan. Tâm trạng tôi lúc này thật nát ngẫu như tương. Tôi sẽ chẳng có được một ngày hạnh phúc, nếu tôi không chịu từ bỏ đạo Hồi. Mà làm sao tôi có thể chối bỏ niềm tin của mình cơ chứ! Tôi thốt lên qua tiếng thở dài:

- Ôi, hỡi nàng Canzat đáng yêu, vậy là ta không còn có chút hy vọng nào với tay tới nàng nữa hay sao? Than ôi! Ta không còn hy vọng được kết hôn với nàng, nhưng ta lại không thể ép lòng thôi đừng yêu thương nàng nữa. Cho dù đôi ta rồi phải chia lìa, nàng vẫn vĩnh viễn ngự trị như một vị chúa tể trong trái tim ta.

Suốt tám ngày ròng tôi trở trần suy nghĩ. Tôi nuối tiếc cái hạnh phúc từng ước vọng và tưởng như đang ở tầm tay. Nhưng cho dù đau khổ đến bao nhiêu, tôi vẫn có đủ nghị lực để không thay đổi ý định của mình. Sau hạn định tám ngày, nàng Canzat nhận ra tôi vẫn trơ trơ, chưa sẵn sàng làm như nàng mong muốn, lại gia hạn thêm cho tám ngày nữa. Trong thời gian này, để tăng thêm sức mạnh, nàng không ngại ngần vận dụng tất cả những nét khả ái và khêu gợi nhất của nhan sắc mình, hy vọng làm cho tôi phải điên đảo.

Cuối cùng, thấy thời gian kéo quá dài vẫn vô hiệu quả, nàng cho người mời tôi đến gặp. Người nhà đưa tôi đến gian phòng rộng rãi nhất trong dinh cơ. Nàng đã chờ sẵn ở đấy với tất cả những người hầu gái. Lúc ấy nàng ngồi trên một chiếc ngai nhỏ, kê cao hơn mấy bậc. Trông nàng có dáng dấp một quan tòa nghiêm khắc chứ không phải thái độ một người tình đắm say.

Tôi vừa run vừa bước tới gần cái ngai nàng ngồi. Tôi biết, xem cơ sự này, người ta yêu cầu tôi phải tỏ rõ thái độ lần cuối đây. Mặc dù đã có đủ thời gian để suy nghĩ và chuẩn bị câu trả lời, lúc này tôi gần như người quẫn trí. Nàng cho tất cả những người ngoài cuộc lui ra hết khỏi phòng, và lấy lại vẻ dịu dàng, nàng nói với tôi:

- Thế nào rồi, hỡi chàng Abunphauari? Cuối cùng, chàng đã biết điều hơn chứ? Những ngày suy nghĩ vừa qua hẳn đã giúp cho con tim chàng trở lại xứng đáng với cảm tình của em?

Nàng ngỏ những lời trên với thái độ dễ thương tới mức tôi không sao chịu đựng nổi. Quá tiếc rẻ đánh mất một người tình kiêu diễm như vậy, tôi ngã vật xuống bất tỉnh nhân sự bên chân ngai.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM SÁU MƯƠI HAI

Tiểu thư Canzat không thể nhìn thấy tôi trong tình trạng ấy mà không thương tình. Nàng vội bước xuống, sẵn đón cứu đỡ. Hồi tỉnh, tôi vừa mở mắt ra đã nhận ra nàng. Thậm chí còn nhìn thấy một nét âu yếm trong sự chăm sóc của tiểu thư. Giọng yếu đuối, tôi nói với nàng:

- Xin tiểu thư chớ quan tâm nhiều đến một con người bất hạnh không xứng đáng với sự chăm sóc của nàng!

- Quả thật tôi nóng giận không phải không có lý, – nàng ngắt lời – nhưng mọi việc chỉ tùy thuộc ở anh. Nếu anh chân thành quay trở lại với tôi, tôi sẽ lấy thế làm sung sướng, cho dù tự trách mình sao quá ư yếu đuối. Hãy quên hết đi mọi thứ trên đời, hãy nhận lấy con người đang ở trước mặt anh đây, hãy nhận như một của quý báu nhất xứng đáng để anh yêu thương!

- Thừa tiểu thư, – giọng tôi vừa đau vừa tuyệt vọng – làm sao tôi có thể hưởng thụ tấm lòng tốt của nàng, với những điều kiện nàng đặt ra khắt khe như vậy?

- Vấn đề là được làm người bạn đời của tôi. Căn cứ gì, trước một duyên phận may mắn dường này anh cứ mãi suy nghĩ đắn đo đường ấy? Vậy anh muốn cho tôi tin, trên đời này còn có một cái gì khác thân thiết với anh hơn tôi?

- Đúng là nàng thân thiết với tôi hơn tất cả mọi thứ trên đời. – Tôi đáp. – Nhưng liệu tôi có còn xứng đáng với nàng nữa hay không, trong trường hợp tôi yếu đuối và hèn hạ tới mức làm vấy bẩn danh dự của mình, chối bỏ niềm tin thiêng liêng của mình...

- Hãy im mồm đi, đồ đểu! – Nàng ngắt lời tôi với thái độ cực kỳ giận dữ. – Chớ nên viện ra lý này lẽ nọ để che giấu sự thật là anh chưa bao giờ yêu ta. Anh không còn xứng đáng với lòng tốt của ta. Đáng ra ta phải tự lấy làm xấu hổ cứ thúc ép hoài một người bội bạc như anh. Ta không còn gì đắn đo nữa. Ta mặc thân anh với sự bội nghĩa của anh.

Giọng nói của nàng làm tôi run bắn lên. Dứt lời nàng im lặng hồi lâu. Rồi, với thái độ lạnh lùng không che giấu nổi cơn giận sâu xa, nàng phán:

- Abunphauari, từ nay anh không bao giờ được gặp mặt ta. Hãy chờ lệnh! Chẳng bao lâu nữa anh khắc rõ ta truyền ra sao về số phận của anh.

Nói xong, nàng bước vội ra khỏi căn phòng với vẻ xúc động chẳng mấy khác sự xúc động của tôi trong giây phút ấy. Nhưng thực ra nỗi lòng mỗi bên một khác.

Lúc này tôi hiểu ra, tình cảnh mình hiện nay rất đáng lo. Tuy giữa cơn say mê cuồng nhiệt có lúc tôi nghĩ, thì coi như mình chết vì nàng, có lúc do bản

tính tự nhiên tôi lại tính cách chạy trốn. Song, làm sao trốn khỏi nơi này? Tôi bị giam lỏng. Tất cả mệnh lệnh của bà chủ đều được mọi người tuân theo răm rắp. Bởi vậy, mặc cho tôi suy tính ra sao hoặc hành động thế nào, vẫn không cách nào thông tin cho ngài Habib chủ nhà tôi biết tôi gặp hiểm nguy như thế nào và hiện đang ở nơi nao trong thành phố.

Ngày nào tôi cũng chờ đợi người ta đến tuyên bố lời phán quyết. Nhưng chờ gần ba tuần lễ vẫn chưa nghe thấy ai đả động gì. Thấp thỏm chờ đợi một điều không may khi nó chưa đến còn khổ tâm hơn khi xảy ra nỗi bất hạnh thực sự. Tôi muốn chấm dứt sự thấp thỏm ấy rồi đến đâu thì đến.

Cuối cùng giờ phút tôi muốn làm sáng tỏ mọi việc đến. Một bữa sáng, tôi ngủ dậy sau một đêm đầy thắc thỏm lo âu như tất cả mọi đêm, vừa mặc xong áo quần, chợt thấy năm, sáu tên nô lệ của tiểu thư Canzat bước vào phòng. Họ dẫn theo một tốp người ăn mặc khác với những người dân trên đảo Xêrendip. Người trông có vẻ là trưởng toán chăm chú nhìn tôi hồi lâu không nói một câu. Sau đó, ông cất lời bảo tôi đi theo. Nghe giọng ông nói, tôi thừa hiểu không thể không vâng lời.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM SÁU MƯƠI BA

Chúng tôi đi ngang qua tòa dinh thự. Khi tới cổng, sắp sửa bước ra ngoài, tôi hỏi một người, họ định đưa tôi đi tới đâu. Người ấy đáp:

- Lát nữa anh khắc biết. Lúc này tuyệt đối cấm chúng tôi không được nói ra cho anh rõ.

Vậy là tôi đành đi theo tốp người ấy đến bến cảng, rồi lên tàu cùng với họ. Ngay lập tức, tàu nhổ neo, giương buồm ra khơi.

Khi tàu đã ra ngoài biển cả, người chủ tàu mới cho tôi biết họ là những người đến từ vương quốc Gôncông. Tiểu thư Canzat đã biểu tôi cho họ để làm nô lệ. Nàng đã dặn dò nhiều điều, quan trọng nhất là chẳng bao giờ cho tôi có thể tự do trở về bản xứ Basra. Ông ta không nói gì hơn, và cũng chẳng hỏi han gì thêm về tiểu thư ấy. Từ bấy, tôi suy ra chắc nàng muốn giấu không để lộ cho ông biết tình cảm yêu đuối nàng từng có đối với tôi và nỗi nhục bị tôi khước từ, cho nên đã đặt với ông điều kiện không được tìm hiểu lý do tại sao nàng đuổi tôi đi.

Cách trả thù của tiểu thư Canzat hóa ra như vậy. Tôi chẳng chút phàn nàn. Hình như tôi còn cho nàng xử sự như vậy là nhẹ tay so với tội của tôi đối với nàng. Tôi chờ đợi hình phạt nặng nề hơn thế. Tuy nhiên, nghĩ tới chuyện sẽ chẳng bao giờ được gặp lại thân sinh cũng như trở về cố quốc, tôi cảm thấy thân phận làm nô lệ thật không sao chịu đựng nổi. Những ngày đầu tôi buồn bã vô cùng. Tuy nhiên, biết làm sao được, đã lâm vào cảnh ngộ này thì phải tỏ ra thức thời, tôi cố gắng phục vụ ông chủ hết mực tận tụy. Ông ta là một con người tốt bụng và không phải không trí tuệ. Tôi không chỉ nhất nhất làm tới nơi tới chốn mọi việc ông truyền bảo, mà còn tìm cách đón trước ý muốn của ông để làm, cứ như thế dần dà tôi nhận ra ông mỗi lúc một hài lòng về tôi hơn.

Tàu chúng tôi vòng quanh đảo Xêrêndíp để đi vào vùng bắc vịnh Bengan. Đây là cái vịnh rộng lớn nhất châu Á. Hai nước Bengan cũng như Gôncông ở về cuối vịnh ấy. Chúng tôi sắp tiến vào bên trong vịnh, chợt một trận cuồng phong nổi lên, một trận cuồng phong dữ dội như chưa bao giờ xảy ra ở vùng biển này. Chúng tôi cần có hướng gió chính nam đẩy con tàu lên hướng bắc, thì cơn cuồng phong này lại thổi về hướng đông nam, ngược lại hành trình chúng tôi muốn đến nước Gôncông. Tàu hạ hết buồm, tìm cách đi vòng để lách gió, nhưng tài nghệ cao của các thủy thủ vẫn không ngăn được nguy cơ nếu cứ tiếp tục lèo lái cố bắt con tàu đi ngược gió thì có thể làm đắm tàu. Thuyền trưởng đành hạ lệnh thôi không chống chọi nữa, để mặc cho sóng gió dập dềnh đưa đến đâu thì đến.

Trận gió mạnh kéo dài suốt mười lăm ngày, cường độ lớn tới mức đẩy con

tàu của chúng tôi đi cách xa hành trình đã định những sáu trăm hải lý. Tàu trôi theo hướng gió, bỏ lại bên trái hai hòn đảo rất dài là đảo Xumatra và đảo Giava, rồi trôi tiếp đến vùng quần đảo Môluc ở phía nam Philippin. Vùng biển này hoàn toàn lạ lẫm với thủy thủ con tàu. May sao, gió dịu dần và đổi chiều với cường độ vừa phải, mang lại niềm vui cho toàn bộ thủy thủ và hành khách trên tàu. Tuy nhiên niềm vui chẳng kéo dài được bao lâu, bởi xảy ra một sự kiện lạ kỳ mà các vị nghe chắc khó tin là có thật.

Chúng tôi phần khởi tiếp tục cuộc hành trình, đã bắt đầu nhìn thấy phần đầu đảo Giava về mạn đông của đảo ấy, thì mọi người nhìn thấy cách con tàu không xa lắm, một người đàn ông hoàn toàn trần truồng đang ra sức chống đỡ với sóng nước để khỏi bị nhấn chìm. Y ôm chặt một tấm ván, nhờ thế người nổi trên mặt nước, và đưa tay ra hiệu xin chúng tôi cứu giúp. Vì lòng nhân ái, chúng tôi thả chiếc xuồng con đến vớt anh ta. Lòng nhân ái đáng quý thật, nhưng thú thật có khi cũng rất nguy hại, như trong trường hợp quý vị sắp nghe đây.

Vậy là chúng tôi vớt người đàn ông ấy lên xuồng rồi đưa lên tàu. Ông ta trạc bốn mươi tuổi. Thân hình khá dị dạng. Đầu to, mái tóc ngắn dày và xoắn tít, cái miệng cực kỳ rộng, khi mở ra để lộ những chiếc răng dài nhọn hoắt. Hai cánh tay gân guốc, đôi bàn tay rộng, các móng đều dài và cực nhọn. Không thể không nói đến đôi mắt giống hệt như mắt con hổ, mũi thì tẹt nhưng hai hốc mũi khá to. Bộ dạng của y làm mọi người hơi ngần ngại, trông đáng vẻ y dữ dằn, khiến chúng tôi đều từ lòng thương hại ban đầu chuyển ngay sang thành nỗi kinh dị.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM SÁU MƯƠI TƯ

Khi con người tôi vừa mô tả được dẫn tới trước mặt ông chủ của tôi – ông tên là Đêhaut – y nói với ông như sau:

- Thưa ngài, cảm ơn ngài đã cứu sống. Không có ngài, hẳn tôi đến chết mất.

- Đúng thế, – ông Đêhaut đáp – may mà kịp gặp chúng tôi, nếu không anh đã phải chết đuối.

Y mỉm cười:

- Sóng nước thì tôi chẳng sợ. Tôi có thể sống nhiều năm liền trong nước chẳng cảm thấy có chi bất tiện. Điều giày vò tôi nhiều hơn là cái đói. Cả một ngày trời vừa rồi tôi không có cái gì cho vào bụng. Đói với một người hấu đói như tôi, một ngày đã là quá dài. Bởi vậy xin ngài vui lòng bảo anh em có thức gì mang cho tôi ăn cho lại sức, vì tôi chịu đói cả một ngày trời rồi. Chẳng phải cầu kỳ đâu, các vị có sẵn thức gì cho tôi dùng thức ấy, thức gì tôi cũng chén được.

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau, ngạc nhiên trước những lời lẽ ấy. Chắc hẳn trải qua tai nạn hiểm nghèo, anh chàng này đầu óc có vẻ không được bình thường. Ông chủ tàu cũng nghĩ vậy. Nhìn bộ dạng anh chàng hấu đói, ông truyền mang ra các thứ thức ăn đủ làm no lòng sáu người đàn ông đang chờ bữa, và lấy mấy chiếc áo quần cho y mặc tạm.

- Quần áo, tôi chẳng cần, – y nói – tôi lúc nào cũng trần như nhộng thế này.

- Nhưng ông cũng nên nghĩ như vậy không được lịch sự lắm đối với chúng tôi chứ. – Ông chủ tàu nói.

- Hừm, – anh chàng cáu kỉnh – rồi các ông sẽ phải quen dần.

Câu trả lời ấy càng làm cho chúng tôi nghĩ anh chàng này hơi quẩn trí. Đang đói, anh chàng sốt ruột, soạn bữa ăn gì mà lâu la đến thế, y dậm chân xuống sàn tàu, y hằm hè trong họng, đôi mắt sát nhân của y long lên sòng sọc. Cuối cùng khay thức ăn được mang ra. Y sà ngay xuống ăn ngấu ăn nghiêng hết sạch trong một nháy mắt, dưới các đôi mắt ngỡ ngàng của tất cả chúng tôi, bởi bữa ấy như đã nói đủ làm no bụng sáu người đàn ông hấu đói.

Khi đã quét sạch sành sanh mọi thứ trên bàn ăn, với giọng đầy quyền uy, y ra lệnh mang thêm nữa. Ông Đêhaut muốn thử sức xem anh chàng này ngốn được đến đâu, truyền nhà bếp cứ mang ra. Lần này thức ăn cũng nhiều y như lần trước, và vẫn được y quét gọn trong khoảng thời gian không lâu hơn mâm trước. Tưởng đến mức ấy là vừa. Nhưng chúng tôi nhầm. Y đòi thêm một khay nữa. Một người giúp việc ông Đêhaut thấy thế lấy làm bất bình,

định gây sự với y. Nhưng y đã chú ý quan sát và đề phòng; ngay đòn trả miếng đầu tiên y đã tóm gọn người giúp việc đáng thương, dùng các móng tay nhọn hoắt xé xác anh ta ra. Mọi người rút gươm nhất tề xông vào hòng tạt. Ít nhất cũng nắm chục tay đao tay kiếm tuốt trần. Mọi người thi nhau xông vào định kết liễu đời con người man rợ ấy, và đều bàng hoàng nhận ra da của y còn rắn hơn kim cương, các mũi đao mũi kiếm đều gãy hoặc cùn mà chẳng sao chọc thủng được da y. Tuy không tỏ ra sợ đao đâm, nhưng y vẫn tự vệ. Y chop lấy một thủy thủ hăng hái nhất, bóp chết anh ta trước con mắt kinh hoàng của cả đoàn thủy thủ trên tàu.

Khi nhận ra đao kiếm không đâm thủng được người y, chúng tôi lại nhất tề xông vào, định quật ngã anh chàng và ném xuống biển. Nhưng chẳng sao động được đến sợi chân lông của y. Không những tay chân y rắn như thép, y còn biết dùng các móng tay nhọn hoắt bầu vào sàn tàu, và cứ thế trơ ra chẳng khác một ghềnh đá luôn đứng vững chãi trước muôn ngọn sóng xô vào. Đã không tỏ ra lo sợ trước thái độ của chúng tôi, y còn mỉm cười mỉa mai:

- Này các bạn, ta nói thật, các bạn xử sự như thế là nhầm rồi, tốt hơn nên tuân lệnh ta. Ta đã hạ gục nhiều bọn bất trị hơn các bạn nhiều. Ta tuyên bố nếu các bạn cứ nhất quyết cưỡng lại ý muốn của ta, thì ta sẽ cho tất cả các bạn mất mạng y như hai tên đồng nghiệp của các bạn vừa rồi.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM SÁU MƯƠI LĂM

Chúng tôi nghe lạnh xương sống. Chẳng ai dám kháng cự y nữa. Đành phải đi lấy thức ăn và ngoan ngoãn mang ra cho y mâm cỗ thứ ba. Y lại ngồi vào bàn ăn, có thể nói anh chàng này càng ăn càng như đói thêm chứ chẳng cảm thấy no bụng bao giờ.

Thấy rốt cuộc mọi người đều răm rắp tuân lệnh, y tỏ ra vui vẻ hơn. Y nói y rất tiếc bắt buộc phải đối xử với chúng tôi như vừa rồi, bởi y quý chúng tôi. Không được thủy thủ vớt lên khỏi biển mà cứ để y chơi vui thêm mấy tiếng đồng hồ nữa có thể y đã chết vì không tìm được cái gì cho vào bụng. Y mong rồi sẽ gặp được con tàu nào chở nhiều thực phẩm đi ngang qua, y sẽ nhảy sang con tàu ấy và để cho chúng tôi yên. Y vừa ăn ngồm ngoàm vừa nói cho biết vậy. Y còn cười cợt, nói đùa với những người chung quanh nữa chứ. Thật tình trông y cũng ngộ nghĩnh, mặc dù tình cảnh chúng tôi lúc này chẳng có gì để vui vẻ.

Sau mâm cỗ thứ tư, y ngừng lại. Và hai tiếng đồng hồ sau đấy, chưa thấy y đòi ăn uống gì thêm. Y chuyện trò với chúng tôi khá thân mật. Y hỏi từng người từ nước nào đến, phong tục tập quán nước ấy ra sao, và đã từng có những chuyện phiêu lưu thế nào. Chúng tôi hy vọng chừng ấy thức ăn nằm trong bụng lên men bốc lên đầu có thể làm cho y buồn ngủ. Ai nấy nôn nóng chờ đợi cái phút ấy đến, và ngằm hẹn với nhau, một khi y ngủ say sẽ nhất tề xúm lại nhấc bổng y ném xuống biển trước khi y kịp hoàn hồn. Đó là niềm hy vọng cuối cùng, bởi cho dù trên tàu có mang theo nhiều thực phẩm, song với cung cách như y từng dùng bữa vừa rồi, chẳng bao lâu mọi thực phẩm sẽ cạn kiệt. Nhưng hỡi ôi! Hy vọng của chúng tôi chỉ là sự hảo huyền. Anh chàng hung ác ấy, như thể ngằm đọc được ý nghĩ của chúng tôi, nói trước cho biết, y chẳng ngủ bao giờ. Y bảo nhờ ăn nhiều, số thức ăn thừa ra bù đắp cho nhu cầu của cơ thể cần có sự nghỉ ngơi để lấy lại sức như thông thường ở mọi người khác.

Chúng tôi đau đớn thừa nhận thực tế đáng buồn ấy. Đáp những điều y hỏi, mọi người cố tình nói năng dài dòng, kể lể những chuyện không đâu vào đâu làm cho y đến phát chán rồi buồn ngủ và chợp mắt, song chẳng có kết quả. Mọi người đều than thân trách phận. Ông chủ mất hết hy vọng có thể trở về đến nước Gôncông của ông. Đột nhiên thấy trời trên đầu chúng tôi tối sầm lại. Thoạt trông, ai cũng nghĩ chắc một cơn bão đang hình thành. Cũng là điều đáng vui, vì gặp bão đôi khi hy vọng sống sót còn nhiều hơn sống trong tình cảnh này. Hy vọng con tàu xô vào một tảng đá ngầm ở gần một hòn đảo nào, vỡ tan ra, cho chúng tôi bơi vào bờ, may ra có người còn sống sót và thoát khỏi bàn tay tên hung ác kia, bởi điều cảm chắc là sau khi chén hết mọi thực phẩm dự trữ trên tàu, anh chàng sẽ bắt từng người chúng tôi để đánh

chén dần.

Mong gặp một cơn bão lớn. Bão chưa đến, chúng tôi đã cầu trời cho con tàu đắm. Tuy nhiên, tất cả đều nhằm. Cái đám đen che khuất bầu trời mọi người tưởng là đám mây và hơi nước ấy, lại là một con chim đại bàng khổng lồ, loại chim gọi là *rokh* thỉnh thoảng vẫn xuất hiện trên không gian ở vùng biển này. Song con chim đang bay trên tàu chúng tôi là một con cực lớn, chưa ai từng nhìn thấy bao giờ. Con đại bàng ấy lao nhanh như chớp xuống con tàu, cắp lấy anh chàng độc ác đang ngồi chính giữa bọn chúng tôi và bay đi. Anh chàng bất ngờ, không kịp chuẩn bị đối phó. Ngay tất cả chúng tôi trên tàu, mãi một lát sau mới định thần hiểu ra chuyện ấy, khi con chim đã bay lượn trên không trung cùng với con mồi quắp trong móng vuốt của nó.

Chúng tôi chứng kiến một cuộc chiến kỳ lạ giữa con chim đại bàng và anh chàng hung tợn. Anh chàng sau phút bất thần, nhận ra mình đang bị con ác điều bắt, liền quyết định đánh trả. Lúc này hai tay anh ta được tự do. Lập tức y đưa các móng tay nhọn câu vào thân con chim xé nát, và đưa răng cắn vào bụng con quỷ có cánh, ăn hết lông và thịt của nó ở vùng bụng. Chắc con chim đau đớn lắm, nó kêu lên một tiếng vang dậy cả vùng trời, rồi dùng vuốt móc đôi mắt anh chàng. Không còn nhìn thấy gì nữa, anh chàng vẫn không chịu buông tay. Y thò tay vào ngực móc ra chén luôn quả tim con đại bàng. Con chim lấy hết sức tàn, đưa mỏ đập vỡ đầu y. Cả con vật và người cùng rơi xuống biển cả, không xa con tàu của chúng tôi.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM SÁU MƯƠI SÁU

Định mệnh đã dành số phận như vậy cho con người hung ác. Thấy cảnh tượng ấy, mọi người trên con tàu vui mừng khôn tả. Chúng tôi vừa mừng được thoát khỏi tay kẻ thù vừa thương cho con chim đã cứu mạng sống tất cả đoàn thủy thủ và hành khách trên tàu.

Chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình. Chuyện trò với nhau, không ai hiểu sao trên đời có giống người ngợm như anh chàng hung tợn ấy. Nhờ thuận buồm xuôi gió, sau nhiều ngày lênh đênh trên đại dương, chúng tôi nhìn thấy đất liền. Một thủy thủ trèo lên cột buồm quan sát. Tính toán tọa độ, thuyền trưởng biết con tàu lúc này đang ở phía tây đảo Giava. Từ vùng biển này, sắp đi vào eo Xông, nằm giữa mũi cuối của đảo Giava về phía tây và mũi cuối đảo Xumatra về mạn đông. Nơi đây không cách xa thành phố Bentam là mấy.

Mừng vui về phát hiện ấy, thuyền trưởng ra lệnh cho kéo thêm buồm. Và may mắn hơn nữa, gió đang thổi hướng nam đột nhiên chuyển qua hướng đông, rất thuận lợi cho con tàu đi vào eo biển. Nhờ có gió thuận, chẳng bao lâu chúng tôi cập được bến cảng Bentam.

Tàu mua thêm thực phẩm dự trữ. Cảng này chỉ cách thành phố Batavia^[54] chừng mười hoặc mười lăm hải lý, ông chủ tàu của chúng tôi vốn có công việc ở đây, liền hạ lệnh cho tàu trực chỉ Batavia. Tôi hết sức mừng có dịp thăm Batavia, vì đây là một thành phố đặc biệt, vô cùng tráng lệ. Riêng ở Batavia có thể xem đủ mọi kỳ quan như xem ở toàn đế quốc Trung Hoa. Ông chủ Đêhaut giải quyết xong công việc của ông, con tàu lại quay mũi trực chỉ về vương quốc Gôncong. Từ quần đảo Nam Dương, tàu sẽ phải đi gần một tháng trời rông rãi mới về đến nước ấy.

Nhà ông chủ của chúng tôi ở ngay kinh thành. Ở đây hầu như ai cũng biết và yêu mến ông ta. Bởi vậy việc ông đi xa trở về được nghênh đón đặc biệt nồng nhiệt. Đối với gia đình ông, khỏi phải nói. Bà vợ và cô con gái ông ôm hôn ông không biết chán, khiến con người từng trải quá mừng được gặp lại vợ con, cũng không cầm được vài giọt nước mắt xúc động.

Sau đó, ông giới thiệu tôi với vợ và con gái, như một nô lệ mà ông đặc biệt quý. Ông yêu cầu vợ và con gái vui lòng nhận tôi vào làm để sai bảo. Chẳng bao lâu, tôi được cả hai người phụ nữ ấy tin cậy. Việc gì phải qua tay tôi làm, hai bà ấy mới vừa ý. Những gia nhân khác trong nhà không những không ganh tị mà còn tỏ ra vui lòng thấy tôi được đối xử đặc biệt. Đúng là tôi xử sự rất chu đáo đối với tất cả mọi người, và thỉnh thoảng tôi lại tạo điều kiện cho họ được chủ thưởng công cho dù chưa đáng thưởng.

Ông Đêhaut thân thiết với tôi tới mức một hôm ông nói riêng với tôi như

sau:

- Anh Abunphauari à, – tôi đã cho ông biết tên thật cũng như không giấu giếm ông tôi là người gốc gác nước nào – anh thấy đấy, ta bao giờ cũng đối xử với anh khác những gia nhân khác. Ngay từ khi mới gặp anh, ta đã thấy có cảm tình, và ta đã làm hết sức để cho cuộc sống nô lệ của anh không đến nỗi quá nặng nhọc. Hôm nay ta muốn bày tỏ để anh thấy rõ thêm, ta quý anh như thế nào. Anh đã nhìn thấy con gái ta rồi đấy. Có lẽ cả kinh thành Gôncông này không có ai xinh hơn nó, ta muốn gả nó cho anh. Ta đã thử thăm dò tình cảm của nó, hình như anh cũng được nó có sẵn lòng thương.

Tôi choáng váng trước ý kiến đề xuất của ông chủ. Ông chẳng khó khăn gì khi nhận ra tôi không mấy vui lòng trước đề nghị ấy. Ông hỏi:

- Hóa ra ý kiến của ta lại làm cho anh buồn phiền hay sao? Được thừa kế toàn bộ gia sản của ta và lấy Facrinisa làm vợ không đáng cho một người đang làm nô lệ như anh ham muốn hay sao?

- Thưa ngài, – tôi đáp – vinh dự được làm con rể của ngài thật quá lớn đối với tôi giá như ngài cũng là tín đồ Hồi giáo...

- Nếu như anh chỉ phải trở ngại vì mỗi một điều ấy thôi, – ông ngắt lời tôi – thì chúng ta dễ thỏa thuận với nhau. Bởi ta đã quyết định sẽ quy theo đạo Hồi, và con gái ta cũng nghĩ muốn được như vậy. Mặc cho các vị thầy cúng nói đủ mọi điều tốt đẹp, ta không thể nào tiếp tục thờ phụng mãi các con bò. Ta đủ tri thức để nhận ra đó là sự mê tín đáng thương hại. Ta cảm thấy trên đời có một Đấng tối cao, thiêng liêng hơn mọi thần thánh. Vì vậy, con trai à, con hãy chấp nhận đề nghị của ta không nên ngại ngần, không nên chậm trễ!

NGÀY THỨ MỘT TRĂM SÁU MƯƠI BẢY

Mặc dù nàng Facrinisa rất đáng yêu và cuộc hôn phối này rất có lợi cho tôi; mặc dù về mặt tôn giáo tôi không còn lo bị ai chê trách nữa khi cưới con gái ông Đêhaut làm vợ, tôi vẫn cảm thấy ngại ngẩn. Sự ngại ngẩn ấy chỉ có thể do lòng thương nhớ tiểu thư Canzat gây nên. Tuy nhiên tôi đủ nghị lực để không lộ điều ấy cho ông chủ của tôi nhận thấy. Thấy tôi im lặng, không có lời gì phản bác, ông ngỡ tôi đồng ý, liền đi báo ngay tin vui cho vợ và cô con gái cùng rõ.

Tiếp đó tôi có cuộc trò chuyện riêng với Facrinisa. Nàng tỏ ra vui vẻ và hài lòng, thấy vậy tôi hiểu ngay tôi không đến nỗi không làm vừa ý nàng. Các vị có thể rõ hơn tâm trạng của cô gái ấy khi nghe những lời cô nói như sau:

- Anh Abunphauari ơi, em rất vui lòng khi phụ thân em đã chọn anh để cho em lấy làm chồng. Em tin hẳn anh đủ hào hiệp để vui lòng mang lại hạnh phúc cho em, cho dù có vì vậy làm tổn hại đến hạnh phúc của anh.

- Thưa cô Facrinisa, cô không nhầm. Không có việc gì tôi không cố hết sức làm để vui lòng cô.

- Hãy nghe em nói đây, – nàng nói tiếp – em có việc này muốn cậy đến anh. Em yêu con trai một thương gia thành phố Gôncong, chàng cũng yêu em tha thiết lắm. Chàng đã nhiều lần nhờ người đến ngỏ lời cầu hôn, nhưng lần nào phụ thân em cũng khước từ, do giữa hai gia đình có chuyện bất hòa đâu từ ngày xưa ngày xưa. Giờ anh cứ việc cưới em. Ngay hôm sau ngày cưới, anh hãy làm ra bộ nổi giận và đuổi em ra khỏi nhà. Sau đấy anh lại tỏ ý muốn nhận vợ trở lại, và anh sẽ chọn tình nhân của em làm *hula* cho em.

- Tôi hiểu ý cô. – Tôi đáp. – Cô muốn tôi cưới cô làm vợ để cô được sống với tình nhân của cô chứ gì. Được, thưa tiểu thư, cô sẽ vừa ý. Cho dù hết sức khó khăn cho tôi phải nhường một người vợ xinh đẹp như cô cho một vị khác, tôi tin mình sẽ đủ nghị lực để cố gắng làm tốt việc ấy. Nhưng rồi ngài Đêhaut sẽ nghĩ như thế nào, ngài sẽ nói như thế nào với tôi qua cách xử sự ấy? Cô biết tôi hàm ơn ngài nhiều lắm. Ngài sẽ ngạc nhiên về các hành vi của tôi. Chắc chắn rồi ngài sẽ trách tôi. Tôi biết đáp sao trước những lời trách móc ấy?

- Anh chớ nên lo ngại về chuyện ấy! – Nàng đáp. – Anh cứ mỗi một việc làm thật đúng đắn những lời em dặn, em hứa phụ thân em sẽ hài lòng về anh.

Tin vào lời hứa, tôi khẳng định với nàng tôi sẵn sàng làm mọi việc để bảo đảm thực hiện mối tình của nàng đối với chàng trai kia. Nàng cũng hài lòng lắm về lời quả quyết của tôi, liền thúc giục cha hãy mau mau tổ chức lễ thành hôn, do vậy hôn lễ cử hành chỉ mấy ngày sau đó. Trước khi làm lễ

cưới, nàng chối bỏ tôn giáo của mình và làm lễ quy theo đạo Hồi. Tất cả lợi ích tôi thu được từ đám cưới ấy, là khiến cho nàng chối từ đạo thờ linh vật và trở thành một tín đồ Hồi giáo sớm hơn dự định. Cho dù nàng rất khả ái, nhưng tôi là người rất tôn trọng chữ tín cho nên vui lòng hy sinh hạnh phúc được làm chồng thực thụ, chỉ coi nàng như một vật người ta ký gửi, để rồi trao trả lại vẫn còn trinh nguyên và toàn vẹn.

Tôi chẳng phải giữ vật ký gửi ấy quá lâu. Tôi phải làm theo lệnh của tiểu thư ấy theo cách như sau, để trao trả nàng cho đáng tình quân. Một ngày sau lễ thành hôn, tôi tuyên bố đuổi vợ ra khỏi nhà. Đúng như tôi đoán trước, ông Đêhaut rất ngạc nhiên. Ông thân hành đến nhà tôi – bởi hai vợ chồng chúng tôi ngay sau ngày cưới dọn đến sống tại một ngôi nhà riêng – hỏi tại làm sao tôi đuổi nàng Facrinisa đi. Tôi đáp, bởi tôi nhận ra nàng đang ôm ấp một mối tình khác trong con tim, tôi không thể lấy một người vợ trái với sở nguyện của nàng, vì vậy phải đuổi nàng đi. Ông Đêhaut cười tôi sao quá ư tệ nhị thể, và bảo rồi đây con gái ông sẽ yêu thương quyến luyến tôi cho mà xem. Tóm lại, ông khuyến khích tôi sắp tới nên nhận nàng trở lại làm vợ mình, tôi làm ra vẻ tin lời ông nói. Tôi thưa:

- Bây giờ con đi lên phố, tìm một chàng trai vui lòng nhận làm *hula*, tối nay con sẽ đưa anh chàng ấy về nhà cùng với viên phó chánh án để làm các thủ tục cần thiết. Sáng sớm mai, viên *hula* ấy sẽ tuyên bố đuổi nàng Facrinisa đi, con sẽ báo tin cha rõ, lúc ấy chúng ta sẽ lại tổ chức lễ thành hôn linh đình hơn.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM SÁU MƯƠI TÁM

Ông Đêhaut trở về nhà, khá hài lòng chứ không còn bức bối như khi thoát nghe tin tôi đuổi con gái ông ra khỏi nhà. Ông để tùy tôi tự ý lựa chọn người làm *hula*, và tiến hành nốt phần thủ tục sau đó. Vậy là tôi thân hành đến gặp người tình của cô Facrinisa, sau đó viên phó chánh án làm thủ tục thành hôn cho họ trước sự chứng kiến của tôi.

Hai vợ chồng mới chung sống với nhau đêm hôm ấy. Sáng hôm sau, vì anh chàng *hula* không chịu đuổi vợ đi, tôi tìm đến nhà ông Đêhaut, rồi làm ra vẻ buồn rầu đau đớn báo cho ông biết anh ta không chịu bỏ vợ, đúng như lời anh ta đã hứa với tôi ngày hôm trước là sẽ làm mọi việc theo như tôi mong muốn.

- Phải xem anh chàng *hula* ấy là kẻ nào. – Ông Đêhaut nói. – Nếu đây là một kẻ khố rách áo ôm, ta có đủ tiền bạc và danh vọng bắt nó trả lại con gái cho ta.

Vừa lúc ấy, viên phó chánh án đến, nói với ông:

- Thừa ngài Đêhaut, tôi đến báo cho ngài biết tay *hula* mà người con rể ông đã chọn, là con trai vị thương gia Ame. Như vậy, con gái ông phải bỏ người chồng đầu, bởi người chồng thứ hai tuyên bố sẽ không bao giờ nhường lại vợ mình cho người chồng cũ của cô ấy. Tôi biết ông Ame chưa bao giờ là bạn của ông, song tôi khuyên ông nên làm lành với ông ta để giữ cho cuộc hôn nhân này được suôn sẻ tốt đẹp. Ông hãy quên đi mối hận thù đối với ông Ame.

Viên phó chánh án không chỉ khuyến khích ông chủ tôi nên làm lành với gia đình ông con rể mới, y còn tự nguyện đích thân đến gặp ngài Ame và cố gắng hết sức trong phạm vi quyền lực của mình giúp hai ông thông gia giữ được hòa khí với nhau. Ông Đêhaut vốn là con người lịch lãm, biết không thể có cách nào khác cách người ta vừa gợi ý, ngỏ lời chấp thuận. Viên phó chánh án cũng tìm gặp thương gia Ame làm theo cung cách vừa rồi, vậy là hai gia đình hoàn toàn vui vẻ. Điều thú vị hơn cả, là ông chủ của tôi cho tôi là nạn nhân của vụ lập lại hòa khí giữa hai gia đình thông gia, sinh lòng thương hại cho tôi. Và để đền bù, ông biếu tôi một số tiền khá lớn, tuyên bố cho tôi trở thành người tự do và cho phép tôi được trở về Basra.

Như vậy đây, cô tiểu thư Facrinisa thoát khỏi một người chồng cô không mơ ước và đoàn tụ với người yêu. Khi thấy hạnh phúc của cô đã được bảo đảm, tôi rời thành phố Gôncong. Gặp mấy người cùng định đi về Surat, tôi theo họ về mạn bờ biển. Gặp một con tàu sắp nhỏ neo, chúng tôi cùng nhau lên tàu và thuận buồm xuôi gió về đến thành phố Surat. Giá như ngay hôm sau ngày cập bến, gặp được một chuyến tàu khởi hành đi Basra, hẳn tôi đã

nắm lấy ngay cơ hội ấy. Nhưng bởi chưa có con tàu nào sắp khởi hành, tôi đành phải lưu lại Surat chờ có chuyến.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM SÁU MƯƠI CHÍN

Thành phố Surat rất dễ chịu. Ở đây có nhiều cảnh vật đẹp và công trình kỳ thú, làm cho tôi không thấy bức mình phải chờ đợi tại đây. Tôi thường đến các nhà tắm công cộng, phần lớn rất đẹp và khách được phục vụ tốt hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Tôi cũng thơ thẩn dạo chơi ra vùng ngoại ô, hoặc la cà dọc theo phố xá đông đúc, hoặc thăm thú các công viên xanh tươi. Thành phố này có nhiều vườn hoa được trông nom chăm sóc cẩn thận, thường xuyên mở cửa để khách ai muốn đi dạo trong ấy cứ vào.

Một hôm, tôi đang dạo chơi trong một vườn hoa, chợt gặp một người đàn ông khá cao tuổi ở một lối rẽ, ông chào tôi rất lịch sự. Tôi vội đáp lễ, và chúng tôi bắt đầu nói chuyện. Ông này có vẻ cởi mở, chân thành, và vì vậy tôi cũng tỏ thái độ giống như ông. Ông nói ông là một người ngoại đạo, [\[55\]](#) ông có một chiếc tàu nhỏ đậu ở bến cảng Surat, năm nào ông cũng làm một chuyến chu du ngắn trên biển. Về phần mình, để tỏ ra mình cũng cởi mở không kém ông, tôi nói tôi là người theo đạo Hồi, và thuật lại cho ông nghe tất cả mọi chuyện từng xảy ra với mình.

Ông ta tỏ ra thông cảm với những nỗi bất hạnh của tôi lắm, khiến tôi hơi lấy làm lạ. Ông nói tiếp:

- Con trai à, hân hạnh lấy làm ngạc nhiên sao ta chia sẻ các nỗi buồn phiền với anh. Bản tính ta xưa nay vốn hay thương người, hơn nữa chẳng hiểu sao ta có nhiều cảm tình với anh cho dù anh không phải người cùng đạo giáo với ta. Ta rất xúc động trước những hiểm nghèo anh đã trải qua. Giả sử cụ thân sinh anh nghe kể lại những chuyện ấy, chắc cũng không thể nào xúc động hơn ta.

Người ta tỏ tình thân hữu với mình dĩ nhiên mình phải đáp lại, bản tính tự nhiên là như vậy. Nếu ông nói với tôi những lời đầy thông cảm, thì ông cũng hài lòng nghe những lời tốt đẹp tôi bày tỏ với ông. Ông già có vẻ rất thích thú. Ông thốt lên:

- Ôi, hỡi chàng trai! Ta rất hài lòng hôm nay cái gì xui khiến ta vào dạo chơi trong vườn này, nhờ vậy ta được làm quen với anh. Anh không thể ngờ ta cảm tình nồng hậu với anh đến mức nào. Càng chuyện trò, ta càng quý anh. Thôi chúng ta hãy trở vào trong phố, ta mời anh, hãy đến nhà ta nghỉ lại. Ta già rồi, giàu có, lại không có con, ta muốn coi anh là người kế thừa.

Nói đến đây ông mở rộng vòng tay, ôm hôn tôi thắm thiết như thể tôi đúng là con trai ông đẻ ra.

Tôi phải hết lời từ tạ ông về thịnh tình ấy. Ông già lại mời mọc ân cần, tôi lại lịch sự tạ từ. Kết cục của buổi chuyện trò, là chúng tôi cùng ra khỏi vườn hoa và cùng đi vào phố. Ông dẫn tôi đến nhà, nhà ông đúng là vào loại

những ngôi nhà đẹp nhất thành phố Surat này. Người gác cổng vừa mở cái cổng thông ra đường, tôi đã nhìn thấy ở chính giữa sân hai bồn hoa nở rộ các loại hoa tươi, ở giữa hai bồn là một lối đi đắp bằng vữa rắn trông đẹp tựa đá hoa. Theo lối đi ấy, vào ngôi nhà tiền sảnh. Thật ra đồ đạc trong nhà không phải tất cả đều thếp vàng dát bạc, song nhìn rất trang nhã. Thảm trải nhà cũng như bàn ghế chỉ bọc bằng vải in hoa, song các gian phòng đều trang hoàng ưa mắt. Các loại vải hoa ấy, nói cho đúng, rất đẹp và thâm mỹ cao, đều được sản xuất tận Maxulipatan hoặc các thị trấn vùng duyên hải Coromanden.

Thoạt tiên, ông già ép tôi xuống tắm cùng ông trong một cái ao rộng, thành xây bằng đá khá đẹp. Nước trong suốt và mát lạnh. Ông vẫn tắm nước ao này, vừa cho mát người vừa để thực hiện một nghi thức hằng ngày trong đạo giáo của ông. Tắm xong, người nhà giúp lau người và mang áo quần sạch đến cho chúng tôi thay. Tiếp đấy chúng tôi sang một căn phòng khác. Ông già và tôi cùng dùng bữa, có nhiều món thịt đựng trong các đĩa bằng sứ Trung Hoa và đĩa sơn mài Nhật Bản. Các món ăn dùng nhiều gia vị đắt tiền: nhục đậu khấu vùng eo biển Malacca, đinh hương vùng Macassa, quế thơm đảo Xêrendip... Sau khi ăn uống thả giàn, chúng tôi dùng rượu cất từ quả cọ, gọi là *tary*, ngon tuyệt vời.

Sau bữa ăn, ông già nói với tôi:

- Giờ ta có một điều tâm sự ngỏ riêng với anh, để anh thấy ta quý anh tới mức nào. Mười lăm ngày nữa ta sẽ cho tàu rời cảng, đến một hòn đảo nhỏ nằm nào ta cũng tới đó. Trên hòn đảo hoang vu ấy, không có người ở vì lắm thú dữ, có chừng hai trăm cái giếng sâu. Trong các giếng ấy chứa nhiều ngọc trai to một cách dị thường. Chỉ có mình ta biết điều đó thôi. Xưa kia có một vị thuyền trưởng, ta từng làm nô lệ cho ông, chỉ cho ta biết cách sao đến được chỗ ấy an toàn, bắt chấp vô vàn hồ dữ dường như sinh ra để giữ gìn các giếng ngọc ấy.

- Đúng là ngài thuyền trưởng đã làm rất đúng khi bày cho cụ cách thức, – tôi ngắt lời ông già – bởi loài hồ dữ có bao giờ để yên cho người lạ đến gần nơi sinh sống của chúng mà lấy ngọc.

- Dễ thôi. – Ông đáp. – Thật ra rất dễ xua hồ báo chạy đi. Chúng ta cứ đốt đuốc cho sáng và cầm đuốc lên đảo vào ban đêm. Hồ báo vốn sợ lửa, thấy ánh sáng chúng chạy trốn mất tăm.

Vậy anh và ta sẽ cùng nhau đi lấy thật nhiều ngọc trai ở các giếng ấy đưa về, mang ra các thành phố bán. Tất cả số tiền bán ngọc trai, cộng với một gia sản khá to ta để lại, anh sẽ là người thừa hưởng sau khi ta qua đời.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI

Để tôi vững tin những điều ông nói ra hoàn toàn đúng sự thật, ông già ấy đưa tôi sang phòng làm việc riêng của ông, trỏ cho tôi xem rất nhiều đồng *rupi* vàng và *rupi* bạc để thành đồng. Vô cùng nhiều. Ông bảo tôi:

- Đây nhé, có đáng chú ý không? Giờ anh hết ngại ngần phải đi theo ta rồi chứ?

- Tôi đáp tôi chẳng có chi ngại ngần, song yêu cầu ông cho phép tôi được viết thư báo cho phụ thân tôi hay tôi đã về đến thành phố Surat và lý do tại sao tôi chưa về nhà ngay. Ông già đồng ý. Thậm chí sau khi tôi viết thư xong, ông còn cầm lấy bảo sẽ cho người gửi bức thư đến tận tay cha tôi.

Tôi tin cậy nên nghỉ ngơi tại nhà ông Hyzum. – Tên ông già ngoại đạo ấy. – Ngày khởi hành đến, chúng tôi lên tàu rời cảng Surat. Tàu giương buồm, thuận gió thuận nước đi ba tuần lễ ròng, thì nhìn thấy một hòn đảo nhỏ hoang vu. Ông già bảo đây chính hòn đảo chúng tôi cần tới nơi.

Tàu neo cạnh đây, nhưng chúng tôi phải chờ đến đêm mới lên đảo. Ông già lệnh cho tất cả thủy thủ ở yên trên tàu, chỉ có ông và tôi lên bờ, tay cầm đuốc sáng, lại có nhiều đuốc khác mang theo bên người. Cũng có mang theo sẵn nhiều cái bị để đựng ngọc trai. Trang bị như vậy, hai người chúng tôi đi tìm các giếng. Cũng chẳng mất nhiều thời gian lắm, chúng tôi đã tìm được cái giếng sâu nhất. Ông già bảo tôi:

- Anh hãy xuống cái giếng này, ta tin dưới đáy có nhiều ngọc trai đẹp.

Xuống đến đáy giếng, tôi có cảm giác mình đi trên các đồng hầu. Tôi nhặt hầu cho vào đầy cái túi, móc vào sợi thừng cho ông già đứng trên giếng kéo lên. Ông già kéo lên, tách các con hầu ra, nhận thấy ngọc ở các con hầu này còn non, lại móc cái túi vào sợi thừng dòn trở xuống, và bảo:

- Ngọc giếng này chưa thể khai thác được. Hãy đổ trở lại, khóa đất lên trên, chờ cho ngọc lớn hơn ít nữa, sang năm chúng ta sẽ cùng nhau đến khai thác.

Tôi làm theo lời lão Hyzum. Ông già kéo tôi lên khỏi giếng. Chúng tôi lại tìm đến một cái giếng còn sâu hơn. Giếng này nằm khuất ven chân một ngọn núi cao chót vót chính giữa đảo. Ngọc trai ở đây đặc biệt đẹp. Tôi lấy cho ông già nhiều bị ngọc, cụ cứ nhả nha kéo lên từng bị một. Sau khi đã thấy vừa đủ sức mang của mình, lão già vừa cười vừa nói:

- Vĩnh biệt chàng trai! Cảm ơn anh đã giúp ta.

- Ồ, thưa cha, cha kéo cho con lên khỏi giếng đã chứ?

- Chỗ đáy giếng ấy hợp cho mày lắm, – lão già tráo trở nói – hãy nằm xuống đáy mà ngủ; mày hãy nằm trên đồng ngọc trai mà ngủ kỹ. Ta có lệ

năm nào cũng đưa đến đây một tên trẻ tuổi theo đạo Hồi giống như mày! Giờ mày chỉ có việc cầu nguyện Đấng tiên tri Mahomét của mày. Nếu quả thật ông ấy có lắm phép thần thông như mày hằng nghĩ, thì ông ấy chẳng bỏ rơi mày là người hết sức gắn bó với đạo giáo của lão.

Nói xong, lão rời cái giếng bước đi, để mặc cho tôi kêu la, khóc lóc, than thân trách phận:

- Ôi khốn nạn Abunphauari, trời lại bắt mi phải chịu thêm một tội mới. Mi đã làm gì nên tội đến nỗi chịu số phận thảm thương này? Ồ, nhưng có sao mi lại ca cẩm về một bất hạnh tự tay mi quàng vào mình? Tại sao mi không cảnh giác với lão già theo tà giáo ấy? Nếu như mi chịu để ý xét đoán hơn một ít, có phải đã thấy những lời nịnh nọt níu kéo quá mức của lão thật đáng ngờ? Giờ hối tiếc muộn mất rồi. Hẳn là nghiệp chướng đời mi chưa hết, có ước mơ khác đi cũng chẳng được nào. Những chuyện ấy có tùy thuộc ở mi đâu. Nếu trời đã đẩy mi xuống đáy vực thẳm, thì chỉ có trời mới đủ sức kéo mi lên khỏi đáy vực.

Suy nghĩ ấy làm tôi đỡ tuyệt vọng phần nào. Suốt đêm hôm ấy, tôi đi đi lại lại thăm dò đáy giếng, thấy nó có vẻ khá rộng. Tôi có cảm giác bước đi trên nhiều bộ xương người, từ đó suy ra, chắc trước tôi đã có nhiều chàng trai khác bỏ mạng ở chốn này. Tuy nhiên, điều ấy không làm tôi mất hết can đảm. Chắc nhờ có thần linh phù hộ, tôi mạnh dạn bước đến một cái cửa thông ra ngoài. Đến đây, nghe có tiếng ầm ầm khá lớn. Tôi chăm chú lắng tai nghe, và đoán có lẽ đây là tiếng nước chảy.

Phán đoán của tôi quả không sai. Đây là tiếng nước biển, theo sóng tung lên núi rồi lọt xuống giếng qua nhiều khe nứt trên sườn, và cùng đổ vào một chỗ này. Suy rộng hơn nữa, tôi nghĩ nước từ mọi nơi lọt xuống đây, hẳn phải có một cái cửa thoát ra đủ rộng cho nước chảy trở lại về biển chứ. Thế là tôi nhắm mắt lao vào cái chỗ mà tôi đồ là nơi thoát nước. Suýt nữa nước làm tôi chết ngạt. Tôi ngất đi, dòng nước đẩy tôi lao xuống biển qua một miệng hang có thể nhìn thấy từ trên đỉnh núi.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI MỐT

Hồi tỉnh sau cơn choáng, nhận ra nơi mình được ngọn nước từ đáy giếng chảy đưa ra biển rồi được sóng xô trở lại vào bãi cát, tôi quỳ xuống đọc kinh cầu nguyện tạ ơn Đấng tiên tri Mahomê (...).

Cảm thấy vững tin hơn sau lễ tạ, tôi đứng lên đi vòng quanh hòn đảo quan sát, song chú ý không đi quá xa bờ. Chẳng còn thấy đâu con tàu của lão Hyzum. Hẳn lão ta đã mau chóng giương buồm chạy thẳng về nhà rồi. Tôi lo bị hổ dữ vồ và ăn thịt song chẳng nhìn thấy bóng dáng một con. Đã thế lại còn vô cùng may mắn cho tôi: một chiếc tàu đang đi ngang qua ngoài biển, không mấy xa hòn đảo. Tôi tháo chiếc khăn đội đầu rũ ra thành tấm vải, tung lên cao vẫy báo hiệu cấp cứu. Một người đang đứng trên boong tàu nhìn thấy. Một chiếc xuồng con được thả xuống, cập bờ vớt tôi lên tàu.

Các vị thử tưởng tượng niềm vui của tôi khi nhận ra vị thuyền trưởng con tàu ấy là một người bạn rất thân thiết với cha tôi. Và tất cả mọi người trên tàu đều là người thành phố Basra. Tôi thuật lại tại sao tôi trôi dạt một mình trên hoang đảo, mọi người chăm chú lắng nghe. Ai cũng lên tiếng nguyên rủa lão già sao độc ác bắt nhân đến vậy. Tiếp đó, tôi hỏi thuyền trưởng về sức khỏe cha tôi. Ông đáp:

- Thân sinh anh rất mạnh khỏe. Trước khi rời thành phố Basra lên đường, tôi có đến thăm ông ấy.

Tiếp đó tôi hỏi ông về những người thân trong gia đình. Rồi mọi người trở lại bàn chuyện lão Hyzum. Tất cả nhất trí nên cho tàu ghé đảo, tìm các giếng lấy ngọc trai. Chúng tôi rất đông người, chẳng sợ bị hổ vồ. Sở dĩ lão già chỉ lên đảo vào ban đêm thôi, vì lão không muốn chia sẻ với bất kỳ ai kho báu.

Tàu neo lại một nơi ven đảo. Không cần chờ đêm tối, tất cả mọi người rời tàu lên bộ, mang theo vũ khí phòng, để đánh đuổi thú dữ trong trường hợp chúng dám xuất hiện và tấn công. Chúng tôi thay nhau xuống các giếng vớt ngọc trai, nhiều không thể nào kể xiết. Phải mất ba ngày ròng rã, tất cả mọi người xúm lại cạy trai lấy ngọc rồi chia nhau số ngọc ấy. Phần chia cho mỗi người nhiều tới mức ai cũng lấy làm hài lòng.

Tàu tiếp tục chuyển đi, dự định đến đảo Xêrendip bán vải hoa cát từ vùng Surat rồi mua quế thơm ở đảo ấy mang về. Cuộc hành trình đang vui vẻ, đột nhiên một cơn bão dữ dội nổi lên, đẩy con tàu ra khỏi lộ trình, bắt nó lang thang suốt sáu ngày không rõ trôi dạt về đâu. Sang ngày thứ bảy, thời tiết tốt trở lại, song cả thuyền trưởng lẫn hoa tiêu không ai có thể nhận ra chính xác tàu đang ở tọa độ nào lúc này. Mọi người lại có cảm tưởng như con tàu đang bị dòng nước cuốn đi. Các thủy thủ rất lấy làm lạ về hiện tượng ấy, không biết nên chèo chống thế nào, bởi cho dù mọi người cố gắng đến bao nhiêu,

con tàu vẫn bị dòng nước xiết lôi vùn vụt về phía một ngọn núi cao, mà chúng tôi nhận rõ ràng sau ngày trôi dạt thứ tám.

Quả núi ấy rất rộng, và có vẻ cao không thể nào lường. Dốc núi hiểm trở, nhưng điều lạ lùng nhất là hình như nó bằng thép mài nhẵn thín, bởi nhìn vào thấy sáng và bóng loáng. Một thủy thủ già thấy vậy trút một hơi thở dài và cất tiếng than:

- Chết tất cả chúng ta rồi! Tôi nhớ có lần nghe nói đến chỗ này. Vô cùng tai họa cho con tàu nào đến gần đây. Chừng đến sát chân núi, con tàu sẽ bị giữ chặt lại đấy như bởi phép thần, chẳng có cách sao gỡ ra cho thoát khỏi và trở lại ngoài khơi.

Lời người thủy thủ già khiến cả đoàn thủy thủ vô cùng buồn bã. “Ôi, ích gì nhặt được bấy nhiêu ngọc trai, nếu tất cả đều phải bỏ mạng nơi đây!” – “Ôi, làm sao cả đoàn thủy thủ, chẳng có lấy một ai sớm nhận thấy tai ương này?” Tưởng sắp đi vào cõi chết, người thì than khóc, kêu tên vợ con, người thì quỳ xuống sà tàu, cầu xin trời cứu giúp. Tôi buồn vì cảnh tượng thương tâm ấy hơn là lo sắp phải chết, tôi nói với thuyền trưởng:

- Thưa ngài, kêu van than thở một cách hèn nhát phỏng có ích gì? Về phần mình, có lẽ do bản tính tôi xưa nay vốn có ít nhiều can đảm, mặt khác hình như có thánh nhân phù trợ hay sao, thú thật tôi thấy chẳng mấy khiếp hoảng trước tai họa sắp tới. Nếu ngài nghe lời tôi, chừng nào con tàu cập sát quả núi, hai ta cố trèo lên tận đỉnh xem sao. Cả hai người cùng hợp sức, biết đâu chẳng có thể tìm ra một cách gì để thoát khỏi tai ương.

Thuyền trưởng cũng hốt hoảng không kém mọi người, nghe vậy đáp vì nể lời tôi, ông sẽ cố làm thử xem, tuy thật lòng ông không mấy tin có thể thoát chết. Trong thời gian ấy, con tàu đã vào sát chân núi. Thuyền trưởng và tôi xuống chiếc xuống con, chèo vào đất liền và bắt đầu leo lên quả núi ấy. Khó khăn vất vả hồi lâu, hai chúng tôi mới trèo lên đến ngọn.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI HAI

Trên đỉnh núi có một mái vòm màu xanh lá cây, khá rộng và rất cao. Đến gần hơn, chúng tôi nhận ra dưới mái vòm có một cái cột bằng thép cao chừng mười thước. Phía dưới chân cột thép có buộc bằng sợi dây xích vàng một cái trống con bằng gỗ lô hội và một chiếc dùi trống bằng gỗ trầm hương đỏ. Bên dưới trống có một cái bảng bằng gỗ mun tuyền, khắc mấy dòng chữ dát vàng nội dung như sau:

Nếu một con tàu nào bất hạnh bị hút đến chân quả núi này, nó không thể nào gỡ ra để tiếp tục ra khơi được nữa, trừ phi thực hành theo cách sau: Một người trong đoàn thủy thủ phải cầm dùi trống gióng lên ba tiếng trống. Sau tiếng trống thứ nhất, con tàu sẽ rời xa chân núi một tầm tên bắn; sau tiếng trống thứ hai, con tàu ra xa không nhìn thấy quả núi này nữa; sau tiếng trống thứ ba, con tàu sẽ trở lại đúng lộ trình mong muốn. Nhưng người gióng lên ba tiếng trống ấy phải vĩnh viễn ở lại chôn này, để cho những người khác được ra đi.

Đọc xong mấy dòng chữ ấy, mà hai chúng tôi đều nghĩ là một cái bùa thiêng, chúng tôi trở lại con tàu báo cho mọi người cùng biết tin ấy. Ai ai cũng mừng sắp có cơ may thoát nạn, song chẳng một ai chịu đứng ra chịu làm người đánh trống. Không một thủy thủ nào muốn bỏ mình cho những người khác sống. Thấy vậy tôi liền nói:

- Trong trường hợp không có một ai trong số các bạn muốn ở lại trên hòn đảo, vậy thì tôi xin là người đánh trống. Tôi chấp nhận hy sinh vì tất cả các bạn, với điều kiện là sau khi đi ra khỏi đây rồi trở về tới Basra, các bạn gặp thân sinh tôi, báo để cụ rõ tin tức về tôi, đồng thời trao trả trọn vẹn phần ngọc trai của tôi tận tay cụ.

Mọi người reo lên tán phục, và đồng thanh thề thốt trời đất sẽ đánh đắm tàu của họ, giả như họ không nhất nhất thực hiện đầy đủ những điều tôi yêu cầu. Viên thuyền trưởng cũng khẳng định, tôi có thể yên tâm về chuyện ấy, và ông quyết định tất cả sẽ trở về Basra ngay chứ không đi Xêrendíp nữa như dự kiến ban đầu. Ông tỏ ra vô cùng đau đớn để tôi làm vật hy sinh, nhưng tôi nhận ra thâm tâm ông vô cùng thích thú nhờ thế được tai qua nạn khỏi. Cuối cùng, tôi lần lượt ôm hôn tất cả mọi người trong đoàn thủy thủ, và ngỏ với từng người lời chào vĩnh quyết.

Họ lấy xuống đưa tôi trở lại đất liền. Một mình tôi leo lên đỉnh núi. Tôi tiến đến dưới cái mái vòm, cầm chiếc dùi trống và thông thả đánh trống. Sau tiếng trống thứ nhất, thấy con tàu của chúng tôi đã ra cách quả núi rất xa; sau tiếng trống thứ hai, tôi không trông thấy con tàu nữa. Tôi đánh nốt tiếng trống thứ ba. Sau đó, ngồi yên dưới mái vòm, tôi sẵn sàng chấp nhận hy sinh,

sẵn sàng chịu đựng số phận dành cho mình.

Lần này tôi vẫn không quên cầu nguyện Đấng tiên tri. Và như thể được ngài tiếp thêm cho nghị lực, tôi mạnh dạn đi sâu vào núi. Quả núi này chỉ rộng chừng hai dặm. Sau gần một giờ đi đường, tôi nhìn thấy một cụ già lom khom. Đầu cụ đã rụng hết tóc, bộ râu bạc rất dài, và đôi mắt đầy nhử. Cụ ngồi trên một tảng đá trước một ngôi nhà nhỏ làm bằng gỗ và tường làm bằng đất nện, tay chống một cái gậy. Tôi bước đến gần, kính cẩn cúi chào cụ, và cất lời xin cụ cho biết tại sao các con tàu khi đến gần quả núi này một tầm nào đó thì đều bị hút vào núi không có cách chi cưỡng lại, và ai là người yểm đạo bùa thiêng bày cách đưa con tàu trở lại biển khơi.

Nghe hỏi, cụ già cố đứng lên, tựa vào cây gậy, yếu ớt cúi đầu đáp lễ. Cụ cho biết sở dĩ các con tàu bị hút đến gần núi là do dòng nước cuốn. Về chiếc bùa thiêng đặt bên dưới cái trống cụ không rõ ai là người làm nên. Nhưng nếu tôi quá hiếu kỳ muốn rõ điều ấy, thì tôi cứ việc tiếp tục đi vào sâu hơn ít nữa. Tôi khắc gặp ông anh của cụ, lớn tuổi hơn cụ nhiều, may ra có thể giúp tôi làm sáng tỏ.

Tôi cáo từ cụ già, đi tiếp và quả nhiên chẳng bao lâu gặp một cụ già thứ hai. Cụ này có vẻ cường tráng hơn. Tóc cụ mới bắt đầu bạc, tưởng đây là con của lão trượng anh cả của cụ già kia thì đúng hơn là anh trai cụ. Tôi hỏi cụ già này, có rõ ai là tác giả tấm bùa yểm nơi cột thép, cụ đáp:

- Không, già không được rõ. Nếu có một người nào có thể giải đáp điều ngài vừa hỏi, có lẽ đây là ông anh cả của già. Ngài chỉ cần đi tiếp một quãng, khắc gặp ông anh trai của già này.

Tôi tiếp tục con đường, chẳng bao lâu nhìn thấy một người đàn ông đang cày ruộng. Tóc ông chưa có một sợi bạc, tôi chẳng sao hình dung được đây là anh trai cả của hai cụ già kia. Tôi ngỏ lời:

- Thừa cha, con vừa gặp hai cụ già chắc có ý muốn trêu con. Khi con hỏi các cụ có biết ai là tác giả của tấm bùa yểm ở chân cột thép không, các cụ đáp không rõ, song hai cụ nói cứ đi vào nữa khắc gặp ông anh cả của hai cụ có khả năng giải đáp điều con muốn rõ.

Ông già này nghe nói, mỉm cười đáp:

- Các chú ấy nói đúng sự thật đấy, con trai à. Hai chú ấy đều là em trai của lão.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI BA

Câu trả lời của cụ già làm tôi ngạc nhiên. Câu cụ nói tiếp càng khiến tôi kinh ngạc hơn nữa. Cụ nói:

- Người đòi gọi ba anh em già là *Ba ông lão trên núi cao*. Người đầu tiên con gặp trẻ hơn cả, chú ấy mới có năm mươi tuổi. Sở dĩ trông người chú ấy mệt mỏi, gầy mòn, lụ khụ như vậy bởi chú ấy lấy phải một người vợ kém đức hạnh và có những đứa con hay làm phiền lòng cha. Chú thứ hai bảy mươi lăm tuổi, trông chú ấy khá hơn một chút bởi chú có một bà vợ hiền và không có con. Còn về phần già, sở dĩ già còn cường tráng hơn hai chú em dù năm nay già đã hơn một trăm tuổi, bởi suốt đời già chưa bao giờ lấy vợ.

- Còn về cái bùa thiêng, – cụ nói tiếp – con muốn rõ ai là tác giả ư? Hồi còn ít tuổi, có lần già nghe nói cái bùa ấy do một đại pháp sư người Ấn Độ yểm. Già cũng chỉ biết có thế.

Tôi lại hỏi tiếp chỗ này có gần một nơi nào đông dân cư hay không. Cụ già đáp:

- Có. Con chỉ cần đi tiếp con đường đang đi, chẳng bao lâu nữa sẽ gặp một đồng bằng rộng. Về cuối cánh đồng là một quả núi khác. Dưới chân núi có hai con đường mòn. Con hãy theo đường mòn bên phải, nó sẽ đưa con đến một thành phố lớn, có một bến cảng rất đẹp. Con chú ý chớ đi theo con đường bên trái, nó sẽ dẫn con đến một khu rừng trong ấy có nhiều người độc ác lắm. Họ làm nghề sản xuất xà phòng, họ có cái tệ là nhờ có người nước ngoài nào lơ ngơ sa vào tay họ, là bị họ ném luôn vào bể làm xà phòng. Họ tin như vậy xà phòng họ làm ra sẽ tốt hơn. Mà quả cũng đúng là xà phòng họ làm ra thuộc loại tốt nhất trên thế giới.

Tôi cảm tạ cụ già đã dặn dò cẩn thận, và chú ý làm theo lời cụ. Sau khi qua khỏi đồng bằng, tôi đi theo con đường mòn bên phải, và quả nhiên đến được một thành phố khá lớn, dân cư đông đúc. Các phố xá nhà cửa đều đẹp, còn bến cảng san sát tàu bè. Tôi đoán đây là một trung tâm buôn bán to lắm, và quả tôi không nhầm. Tôi nhìn thấy có những con tàu to chở hồ tiêu đến từ các vương quốc Canara và Vixapura. Lại có những tàu khác chất đầy các bao đậu khấu mua từ nước Canano. Những tàu khác nữa thì chuyên vận tải quế thơm. Nơi đây dường như có mặt thương nhân từ mọi nước đến làm ăn.

Trong khi tôi còn mãi mê ngắm nhìn cái bến cảng, chợt có một người đàn ông đến gần. Hai chúng tôi chăm chú nhìn nhau, và cùng nhận ra nhau. Đây chính là ông Habib, đối tác của cha tôi ở Xêrendip. Chúng tôi ôm hôn nhau nhiều lần. Ông kêu lên:

- Làm sao có thể tin tôi gặp anh Abunphauari ở tận nơi này nhỉ? Có xảy ra chuyện gì bất trắc đến nỗi anh phải rời Xêrendip không từ biệt tôi, thậm chí

không buồn báo cho tôi biết ngày khởi hành? Và bây giờ thật sung sướng quá, bất ngờ quá bỗng được gặp lại anh nơi đây.

Tôi thuật cho ông Habib nghe chuyện về nàng Canzat, và những gì diễn ra tiếp theo sau câu chuyện ấy. Ông cho biết ông có một chiếc tàu đang cập bến cảng này. Ông mang quế sang đây bán; hàng đã bán hết; hy vọng nội trong hai mươi bốn giờ nữa, con tàu của ông có thể đi xa khỏi nơi này. Tôi nói rất mừng được gặp lại ông. Ông đưa tôi lên tàu. Ngay trong ngày hôm ấy, tàu giương buồm hướng về Xêrêndíp. Tôi rất hoan hỉ được trở lại hòn đảo ấy, vì sao, hẳn các vị đã rõ: nàng Canzat giữ phần lớn nhất trong niềm hoan hỉ của tôi.

Chuyến đi ấy, nhờ ngày nào cũng toàn gặp gió thuận, chúng tôi trở về đến đảo Xêrêndíp sau một chuyến đi chẳng mấy dài ngày.

Tôi cực kỳ nôn nóng muốn rõ tin tức về nàng Canzat mà tôi vẫn yêu, cho dù nàng đáng cho tôi trách móc nhiều về cách nàng đối xử với tôi ngày trước. Một sáng tôi ra khỏi nhà ông Habib, với ý định tìm cách làm sáng tỏ điều mình muốn biết bằng bất cứ giá nào, chợt một người nô lệ đón tôi ngang trên đường phố. Anh nói:

- Thưa ngài, ngài không nhận ra tôi sao?

- Quả thực tôi không nhớ anh là ai, cho dù nhìn nét mặt thấy quen quen. – Tôi đáp.

- Tôi thì tôi nhận ra ngài ngay. – Anh ta nói. – Ngài là người Hồi giáo chứ gì, tên ngài là Abunphauari, có phải không? Thời gian ngài lưu lại nhà tiểu thư Canzat, tôi có vinh dự giúp ngài một vài việc vặt. Hồi ấy cũng như hiện nay, tôi vẫn hầu hạ trong dinh tiểu thư. Chính tôi là người được tiểu thư phái đi tìm ông chủ Đêhaut đến để bắt ngài trao cho ông ấy. Tôi rất tiếc bị ép phải làm việc đó, mong ngài tin cho như vậy.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TƯ

Tôi mừng rơn nghe người nô lệ nói. Tôi tháo chiếc nhẫn ở ngón tay đưa biếu anh ta, và bảo:

- Anh bạn thân mến ơi, hãy nói ngay cho ta rõ, ta van anh đây, nàng tiểu thư ấy hiện nay ra sao? Cho dù nàng đối xử với ta hơi quá mạnh tay, ta vẫn cứ một dạ yêu nàng. Nàng có còn được như khi ta ra đi nữa hay không?

- Thừa ngài không, – anh nô lệ đáp – cuộc sống của tiểu thư đã thay đổi nhiều lắm kể từ hai tháng nay. Đức vua Xêrênđip muốn tiểu thư thành hôn với một vị đại thần cao tuổi trong triều, quan ấy say mê tiểu thư lắm. Cô không thể không tuân lệnh đức vua. Nay cô đã là gái có chồng.

Tin ấy làm tôi đau đớn, anh nô lệ nhận thấy cũng thương tình. Anh nói:

- Tôi rất buồn thấy lễ thành hôn của bà chủ tôi làm ngài phiền muộn đến vậy. Cũng do lỗi ở ngài nữa. Tại sao hồi ấy ngài không chịu chối bỏ Đảng tiên tri của ngài? Làm thế, có phải bây giờ ngài đã sở hữu người đàn bà xinh đẹp nhất thế gian với vô vàn của cải rồi không. Giá tôi được ở vào địa vị ngài, tôi không bắt người đẹp phải chờ đợi lâu la đến vậy. Ngay từ ngày đầu, từ giờ đầu, từ phút đầu, tôi quyết tâm ngay, làm mọi việc răm rắp đúng như ý tiểu thư Canzat. Có phải như vậy tránh được cho ngài, cũng như cho tiểu thư nữa, biết bao nhiêu điều phiền muộn rồi không! Bởi sau khi ngài ra đi, tiểu thư thương nhớ ngài đến đổ bệnh, suýt nữa tưởng không qua khỏi.

Tôi không rõ có nên thưa với tiểu thư ngài đang có mặt ở Xêrênđip hay không. – Anh nô lệ nói tiếp. – Một mặt tôi e biết tin, càng khiến cho tiểu thư thêm buồn, bởi vị đại thần cao niên ấy không làm sao giúp tiểu thư khuây nguôi được khỏi tình xưa. Mặt khác, nhìn thấy ngài đau khổ quá, tôi lại không nỡ để ngài mất hết điều hy vọng. Tôi hứa với ngài, nội nhật hôm nay bà chủ tôi sẽ rõ tôi vừa được gặp ngài. Tôi sẽ nhờ một cô hầu gái thưa với tiểu thư, là ngài hối tiếc cách xử sự ngày trước, và giá như hiện nay được bắt đầu lại, ngài sẽ không chần chừ vì nàng mà khước từ giáo lý của Đảng tiên tri Mahomét.

- Không, không nên thế, – tôi vội ngắt lời – anh chớ nên nói với tiểu thư điều ta không nghĩ trong đầu, và cũng không bao giờ ta nghĩ, sẽ cố chiếm hữu cho bằng được nàng với cái giá đó, cho dù việc ấy tùy thuộc ở ta chăng nữa. Anh chỉ nên nói với nàng, ta tuyệt vọng vì đã để mất nàng, và vì được biết hiện nay nàng không hạnh phúc lắm.

Người nô lệ sẽ thi hành đúng đắn những điều tôi nhờ vả. Anh còn nói thêm, anh tin chắc nàng Canzat sẽ thương hại và tìm cách làm vui bớt nỗi bất hạnh của tôi. Hơn thế, tiểu thư hiện có nhiều người hầu gái khôn ngoan sành sỏi lắm, thế nào họ chẳng nghĩ ra cách gì đó giúp cho tôi đỡ cô đơn sầu não.

Sau lần gặp và chuyện trò với người nô lệ, tâm trạng tôi rất khó tả, vừa đau đớn vừa mừng thầm xen kẽ vào nhau. Sự thay đổi trong cuộc đời nàng Canzat có làm cho tôi buồn thật đấy, song tôi lại thầm vui khi nghĩ nhờ vậy rồi tôi có dịp bí mật đi lại với nàng, và nàng sẽ chấp nhận mọi tình cảm của tôi. Tự ru mình trong ước mơ êm đềm ấy, ngày nào tôi cũng thấp thỏm chờ đợi người nô lệ đến nhà ông Habib tìm gặp tôi – tôi đã cẩn thận nói cho anh rõ chỗ ở của mình. Nhưng đợi chờ hoài vô ích. Một tháng ròng rã trôi qua, tôi vẫn không nhận tin tức gì về tiểu thư Canzat.

Tôi nghĩ hẳn người nô lệ không thật hiểu rõ tình cảm của bà chủ. Hoặc nàng thật lòng yêu vị đại thần nàng đã kết hôn, hoặc đức hạnh của một bà mệnh phụ phu nhân buộc nàng phải dập tắt mọi tình đầu. Nghĩ vậy, tôi buồn bã rời dinh cơ ông Habib, đến ở một ngôi nhà nghỉ khá đẹp ông mua từ trước cách kinh thành Xêrêndíp chưa tới một dặm đường.

Trong ngôi nhà nghỉ này, hằng ngày tôi chỉ có việc dạo chơi, và trong khi đi dạo mơ màng nghĩ đến người thương. Một hôm tình cờ đi xa nhà một ít, tôi men theo một con sông, và đến một ngôi chùa rất đẹp xây bên bờ sông. Sau khi ngắm nghía chán kiến trúc đặc sắc của ngôi chùa, một việc đang diễn ra gần đấy thu hút sự chú ý của tôi. Một nhà sư đang dựng bên bờ sông một cái lều nhỏ bằng lau sậy, và xếp vào bên trong nhiều củ gỗ. Tôi tiến đến gần, hỏi một nhà sư, các thầy đang làm gì vậy. Một nhà sư đáp:

- Hẳn ngài là người xứ khác lần đầu tiên đến Xêrêndíp, nên mới hỏi chúng tôi câu ấy. Vậy ra ngài chưa tường phong tục chúng tôi. Cái lều dựng lên kia để làm lễ hỏa táng. Nơi đây sẽ làm lễ hỏa thiêu người quá cố và cả vợ của người ấy. Người phụ nữ nào bằng lòng chịu chết và được hỏa táng cùng một lúc với chồng sẽ được vinh hiển đời đời. Vừa qua, một vị đại thần trong triều đình qua đời, chừng năm sáu giờ đồng hồ nữa, thi hài của vị ấy sẽ được hỏa thiêu tại đây, và phu nhân của vị ấy cũng muốn được hỏa thiêu cùng một lúc với chồng trên giàn lửa này.

Tuy cũng có nghe nói tục lệ ấy thực hành ở rất nhiều nơi trên thế giới, bản thân tôi chưa được nhìn thấy bao giờ, tôi quyết định lần này xem tận mắt. Tôi không khỏi thầm phàn nàn cho sự cuồng tín của những người này và chê trách các thầy tu. Nhớ lại hồi ở Surat, có lần tôi nghe nói có những nhà sư cố tình duy trì tục lệ dã man ấy nhằm quyên góp được nhiều tiền để sống sung sướng hơn.

Gần đến giờ hỏa táng, cánh đồng bên cạnh chùa càng có đông người hiếu kỳ đến xem. Phần lớn là người từ trong thành phố đổ ra, phần đông đi bộ, một số cưỡi ngựa. Cũng có nhiều người đến đây bằng cáng, đi trước cáng có một số gia nhân cầm cờ quạt hoặc thổi kèn. Rồi đích thân vị thống đốc thành phố Xêrêndíp đến. Ông cưỡi trên lưng một thớt voi lớn, ngồi chênh chếch trên

lưng voi có chiếc tàn che, cùng với mười, mười hai người nữa. Chỉ trong vòng hai, ba tiếng đồng hồ, đã tụ tập quanh ngôi chùa và cái lều mới dựng hơn ba vạn người. Không muốn bỏ lỡ cơ hội, tôi rẽ đám đông, cố chen lấn đến gần giàn hỏa thiêu hơn để nhìn cho thật rõ. Tôi đếm được khoảng hai chục nhà sư đang tụng kinh, mỗi người cầm một cuốn kinh ở tay, trông chờ người vợ xin được hỏa táng cùng chồng đến.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI LĂM

Khi người phụ nữ ấy đến, trời đã gần tối. Nàng cười trên lưng một con ngựa trắng tuyền, thẳng yên cương rất sang trọng, người nàng mang nhiều vòng tết bằng những bông hoa tươi. Ngựa nàng bước sau cổ quan tài, đặt trên một cái kiệu lộng lẫy do sáu người khiêng trên vai. Theo sau nàng, có mười hai người hầu gái, tất cả đều cười ngựa. Các cô xõa tóc dài, cổ mang vòng ngọc, tai đeo hoa tai tinh xảo. Người phụ nữ nào cũng đội trên đầu một chiếc miện vàng, có kết nhiều tấm bạc mỏng buông xuống che khuất một nửa khuôn mặt. Các cô không mặc áo ngoài, mà chỉ vận những tấm áo ngắn và chên, ống tay áo chỉ dài đến khuỷu tay. Đây là các nữ tỳ của người đàn bà sắp được hỏa thiêu. Theo sau họ, các nhạc công. Bà con, bè bạn của người vợ chịu hỏa thiêu đi sau rốt. Tất cả vừa đi vừa múa hát, bày tỏ niềm hân hoan được có một người bà con hoặc bạn hữu đức hạnh cao thượng đến vậy.

Hai nhà sư giúp người đàn bà xuống ngựa, và cầm tay dắt nàng đi đến tận bờ sông. Thi hài người chồng được mang tới. Người vợ tự tay tắm rửa cho chồng từ đầu đến chân, trước khi trao cho các nhà sư. Thi hài được các nhà sư rước vào trong lều cỏ, trên một chiếc ghế tết bằng rơm có trộn nhiều bột lưu huỳnh. Rồi nàng đứng lên, cứ để nguyên trang phục trên người, bước đến gần giàn lửa. Nàng đi vòng quanh giàn hỏa táng nhiều lần, mắt đăm đăm nhìn thi hài người quá cố. Tiếp đó, nàng lần lượt ôm hôn bà con, bạn hữu đến tiễn. Những người này ra về ngay tức khắc. Đến lượt những người hầu gái bước tới vừa khóc vừa ôm hôn bà chủ lần cuối cùng. Nàng tuyên bố trả lại quyền được làm người tự do cho họ, rồi tháo đồ trang sức đang mang trên mình phân phát tặng mọi người.

Khi nàng tháo bỏ các mảnh bạc vốn che khuất một nửa mặt, khiến cho tôi này giờ dù đứng rất gần vẫn không thể nhìn rõ dung nhan, tôi vô cùng sửng sốt. Đây chính là nàng Canzat. Nói thật, nếu trước mắt tôi bỗng chốc thấy tất cả mọi vật trên đời này lộn đầu xuống đất, tôi cũng không thể nào kinh ngạc hơn.

- Trời đất ơi! – Tôi thán kêu. – Ta có thể tin vào đôi mắt của mình không đây? Ta lóa mắt chăng? Đây chính là nàng Canzat, nàng Canzat sắp phải qua đời một cách dã man ư?

Tôi cố nghĩ là mình nhầm, tôi cố tình tự đánh lừa, nhưng không thể nào khác, tôi không thể không nhận ra đây đúng là nàng Canzat. Đau đớn quá, tôi không chịu đựng nổi nếu cứ tiếp tục đứng đây đưa mắt cho đến khi nhìn thấy nàng lìa đời. Tôi bỏ nàng lại đây, trong tay các nhà sư, và chen lấn để thoát ra ngoài đám đông. Các nhà sư khích lệ nàng hãy kiên định hòng hưởng hạnh phúc vĩnh hằng về sau, dẫn nàng vào trong lều cỏ và đưa cho nàng một bó đuốc để tự tay nàng châm giàn hỏa.

Tôi tìm đường quay trở về ngôi nhà nghỉ của ông Habib, đầu óc rối như mớ bòng bong. Tôi hoang mang, tôi ngơ ngẩn, tôi không biết mình nên làm gì bây giờ. Thỉnh thoảng quay lại nhìn về phía đang tiến hành lễ hỏa táng. Ánh lửa từ giàn thiêu hắt lên trời là lưỡi dao cắt nát con tim tôi.

Tôi về đến nhà. Thoạt gặp, ông Habib hỏi tôi có chuyện gì xảy ra đến nỗi làm tôi thất thần như vậy. Tôi vừa khóc vừa thuật lại. Ông nghe, cũng rơi nước mắt thương hại cho tôi. Ông nói:

- Tôi ngạc nhiên sao tiểu thư Canzat lại chịu hỏa thiêu theo một người chồng già ai cũng biết nàng không yêu.

Ngắt lời ông, tôi vội hỏi:

- Vậy ra nàng có quyền không chịu hỏa thiêu cũng được?

- Đúng vậy, – ông Habib đáp – không ai bắt buộc họ phải chết theo. Ngược lại, theo lệnh đức vua, vị thống đốc thành phố mỗi lần có người vợ xin được chết theo chồng đều cho mời từng người đến và đích thân ông hỏi tại sao có ý định ấy. Quan thống đốc cố thuyết phục các bà ấy từ bỏ ý định ban đầu của họ. Cuối cùng, chỉ những ai cứ khẳng khẳng nhất mực đòi chết theo chồng, mới được ông cho phép.

Như vậy là Canzat tự ý mình không muốn sống nữa. – Ông Habib nói tiếp. – Có thể nàng tin như tất cả các bà phụ nữ khác, tự nguyện chết theo chồng để tỏ lòng chung thủy sẽ đời đời vinh hiển nơi cõi vĩnh hằng. Mặt khác, các bà thường dễ bị mê hoặc trước sự tôn vinh thờ phụng của nhân dân đối với các vị tiết phụ chịu chết theo chồng như cung cách ấy. Trên thực tế nhân dân ở đây suy tôn các bà ấy lắm, người ta còn tạc tượng họ và thờ trong các chùa. Tóm lại, những bà qua đời theo lối ấy được kính như thần thánh, và có lẽ đây là điều khuyến khích họ khẳng khẳng đòi chết theo chồng không nề hà đau đớn gian nan.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI SÁU

Những nhận xét của ông Habib gợi trong lòng tôi nhiều suy tư khác nữa. Tôi hình dung nếu quả nàng Canzat yêu tôi tha thiết như tôi yêu nàng, nàng đã không tự thiêu nhanh chóng như vậy. Ít nhất trước đó nàng cũng cố một lần nữa đề nghị tôi kết hôn với những điều kiện nàng từng đề ra lần trước và tôi đã khước từ, như vậy đâu có mất gì. Đáng ra nàng nên thử thách tôi lần nữa, và khiến cho tôi lại phải bối rối chẳng biết đối đáp thế nào.

Tôi có khá nhiều lý do để tự an ủi về cái chết của nàng Canzat, dù không thể nghĩ đến nàng mà không đau khổ. Tôi nói với ông Habib:

- Thưa ngài, đáng ra tôi nên quên nàng Canzat ấy, tôi đã cố gắng hết sức song không thể vượt qua. Sau những gì đã xảy ra, tôi không còn bụng dạ nào lưu lại Xêrendíp lâu hơn nữa. Xin ngài vui lòng cho phép tôi rời khỏi nơi này, cho phép tôi được trở về Basra!

Không muốn ép buộc tôi, ông chủ nhà đồng ý. Ngày hôm sau chúng tôi rời ngôi nhà nghỉ trở vào thành phố. Việc đầu tiên của tôi khi đến nơi, là hỏi xem sắp tới có chuyến tàu nào khởi hành về vùng biển Ấn Độ hay không. Được biết có một tàu buôn từ Surat chở vải hoa sang đây bán, chắc chẳng bao lâu nữa tàu sẽ bán hết hàng. Tôi quyết định sẽ đáp con tàu này.

Trong khi chờ đợi ngày lên đường, tôi sống khá buồn rầu ở nhà ông Habib. Ông chủ cố làm cho tôi khuây bớt ưu phiền song không mấy kết quả. Ngày nào ông cũng nghĩ ra một cách mới cho tôi tiêu khiển. Không bữa ăn nào ông mời tôi mà không có đàn ca múa hát đi kèm.

Ông còn cho mời đến nhà những cô đào xinh đẹp nhất trong số các gánh hát phục vụ ở dinh quan thống đốc. Tại thành phố này, có lệ các gia đình có thể thuê các cô đào ấy về hát ở nhà riêng rồi trả cho họ một số tiền. Ông hy vọng sẽ có một cô nàng nào đầy đủ lợi lả để lọt vào mắt tôi, và rồi sẽ giúp cho tôi khuây khỏa dần hình ảnh nàng Canzat.

Trong một buổi chúng tôi đang nghe hát như vậy, có một người nô lệ đến nhà ông Habib và xin được gặp riêng tôi. Đây chính là anh nô lệ tôi gặp khi mới trở lại Xêrendíp lần vừa rồi. Anh chàng ấy đã hứa hẹn với tôi khá nhiều điều song chẳng hề thực hiện. Anh nói:

- Thưa ngài, nếu tôi không đến gặp ngài sớm hơn, xin ngài hiểu cho, ấy không phải lỗi tại tôi. Bà chủ cấm tôi được chuyện trò với ngài, và phận tôi đâu dám không tuân lệnh. Bà một mực giữ đúng tiết hạnh, bà không chỉ hài lòng chung thủy với một người chồng bà không yêu, hơn thế bà còn xin được tự thiêu để chết theo chồng, để được người đời rồi đây tôn vinh thờ phụng. Nhưng thôi, xin đừng nói đến chuyện ấy nữa. Hãy để cho bà ấy được hưởng hạnh phúc vô cùng tôn kém của bà. Xin trở lại lý do đưa tôi đến gặp

ngài hôm nay. Hiện tôi đang làm nô lệ cho một tiểu thư xinh đẹp không kém tiểu thư Canzat, lại có lòng yêu quý ngài hơn. Tôi được biết ngài chuẩn bị lên đường sang Surat nay mai. Trong khi chờ đợi, tôi xin phép được khuyên ngài hãy tận dụng cơ may.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI BẢY

Tôi ngạc nhiên hơn là thú vị về những lời người nô lệ cho biết. Tôi bảo anh ta:

- Anh bạn à, ta rất phiền lòng đành phải tỏ ra bạc bẽo với những tình cảm tốt lành bà chủ mới của anh đối với ta. Hình ảnh nàng Canzat lúc nào cũng hiện diện trong trái tim ta, ta chẳng còn bụng dạ nào nghĩ tới các cuộc phiêu lưu tình ái mới. Xin bà chủ của anh tha thứ cho ta. Bởi ta chưa được nhìn thấy bà bao giờ, hy vọng như thế sự vô cảm của ta không làm bà phật ý.

- Đúng là tôi chẳng bao giờ thành công trong việc mai mối. – Anh nô lệ nói tiếp. – Tuy nhiên, tôi tin chắc nếu ngài trò chuyện chốc lát với nàng tiểu thư này, ngài sẽ say mê cho mà xem, mặc cho lòng ngài tưởng nhớ nàng Canzat đến bao nhiêu.

- Anh nhầm rồi, – tôi đáp – anh chưa mấy quen đánh giá đúng tình cảm đích thực của những người đang yêu. Lần trước, anh cứ ngỡ bà chủ của anh vẫn còn yêu thương tôi ghê lắm và chỉ có mong ước được gặp lại tôi ngay, khi hay tin tôi đã trở lại Xêrendip...

- Tôi đáng để ngài trách nhiều lắm, – anh ngắt lời tôi – nhưng trong trường hợp này, tôi tin chắc tôi nghĩ đúng hơn những lần khác. Xin ngài hãy vui lòng cho phép tôi tới nay đến đây mời và đưa ngài đi.

- Không, không thể thế được. – Tôi thốt lên. – Tôi đã quá hiểu phụ nữ rồi, không thể đưa tiểu thư ấy ra làm vật thử thách. Rồi nàng sẽ buồn phiền đến bao nhiêu, nếu nhận ra trái tim tôi không thể thuộc về nàng.

Người nô lệ cứ quả quyết, tiểu thư này biết điều lắm, nàng chẳng cho việc tôi cứ trung thành với nàng Canzat là một tội lỗi nghiêm trọng đâu, tôi nhất quyết khước từ không chịu gặp người ấy.

Tôi nghĩ từ nay trở đi thôi chẳng bao giờ còn thấy mặt anh nô lệ kia cũng như nàng tiểu thư nọ nữa, không ngờ ngay tối hôm ấy anh ta quay trở lại, mang theo một bức thư trao tận tay tôi. Thư viết đại khái như sau:

Câu chuyện sáng nay giữa ngài với người nô lệ của tôi làm cho tôi vui thích hơn phiền lòng. Nó càng làm tăng thêm nỗi náo nức tôi vốn có, muốn được diện kiến với ngài. Nếu quả thực ngài quan tâm đến nàng Canzat đến mức như ngài bày tỏ, thì chẳng bao lâu nữa ngài cũng như tôi, hai ta đều thật sự hài lòng về nhau.

Mấy câu bí ẩn ấy làm tôi suy nghĩ, hay nói thật chính xác, có vẻ như được viết ra cho vui. Tuy nhiên, tôi vẫn không ngăn được ý muốn làm sáng tỏ chuyện này ngay tức khắc. Tôi đi theo người nô lệ. Anh đưa tôi đến một ngôi nhà nhỏ, vào một căn phòng đơn giản, để tôi lại đó và bảo chờ anh đi báo

cho phu nhân kia biết. Tôi không phải chờ đợi lâu. Nàng đến ngay. Các vị hãy hình dung thái độ của tôi khi nhận ra người bước vào. Đây chính là tiểu thư Canzat chứ không phải ai khác, nàng Canzat mà tôi những tưởng đã hóa thành tro bụi rồi.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI TÁM

Ba người đang nghe ông Abunphauari kể chuyện: quốc vương Bêrêđin-Lôlô, tể tướng Atanmuc và hoàng thân Sêypen Muluc đều cực kỳ kinh ngạc, không hiểu làm sao tiểu thư Canzat vẫn còn sống sau khi người ta đã làm lễ hỏa thiêu nàng. Nhìn thấy thái độ ba người, ông mỉm cười và kể nốt câu chuyện như sau:

Thoạt tiên tôi tưởng đây là một sự hiện hình. Hình dáng người đàn bà đối với tôi thân thiết nhất trên đời bỗng dung xuất hiện gây nên trong lòng tôi cơn chấn động mạnh chẳng khác khi nhìn thấy một bóng ma. Nhận thấy vẻ hoang mang của tôi, nàng không nhin được cười. Nàng nói:

- Chàng Abunphauari ơi, đâu phải em đòi gặp để nát chàng. Đây không phải là bóng ma của Canzat đâu, đây chính là Canzat. Thật ra, sự ngạc nhiên của chàng không phải vô căn cứ, ai chẳng phải kinh hoàng khi đột nhiên gặp lại một người tưởng đã qua đời. Nhưng xin chàng hãy yên tâm, em chưa bao giờ chết cả.

Nói xong, nàng kể lại đầu đuôi cho tôi rõ. Nàng đã mua chuộc được vị sư cả, bằng một số tiền khá lớn, nhờ nhà sư ấy cứu nàng thoát khỏi ngọn lửa theo cách sau:

- Vị sư cả sai một số môn đệ trung thành đào một con đường hầm bí mật. – Nàng kể tiếp. – Giàn hỏa táng được dựng lên ngay trên con đường hầm ấy. Sau khi châm đuốc, em cứ theo con đường hầm ấy mà thoát ra ngoài, thành ra chỉ có thi hài chồng em cháy ra tro. Đêm hôm ấy, sau khi tất cả những người xem đều ra về hết, đích thân vị sư cả ấy thân hành đưa em tới nếp nhà nhỏ này, em đã nhờ anh nô lệ thân tín giúp thuê sẵn cho từ trước.

- Nhưng, thưa tiểu thư, – tôi hỏi – có điều gì buộc nàng phải tạo nên lễ hỏa thiêu giả để đánh lừa nhân dân? Nàng làm bộ giả vờ quyết chết theo chồng như vậy nhằm mục đích gì? Có ai bắt buộc nàng phải chết đâu, hà tất phải tạo ra câu chuyện ấy.

- Không đơn giản thế, – nàng đáp – em rất cần làm những điều như đã làm, bởi em quyết tâm gắn kết số phận của em với số phận chàng. Em muốn khước từ đạo giáo của mình, rồi sang Basra quy theo đạo Hồi. Chắc là Đấng tiên tri đã xui khiến em như vậy. Muốn được tự do thực hiện ý đồ của mình, em không có cách nào khác ngoài cách như em đã làm. Bà con họ hàng tưởng em đã qua đời, em không có gì phải sợ hãi nữa, có thể ra khỏi kinh thành Xêrendip để giải thoát duyên em với duyên chàng. Đây là động cơ duy nhất của một hành động khiến chàng kinh ngạc, và có thể đã gây ngạc nhiên cho tất cả mọi người, bởi ai cũng biết em không yêu ông chồng già của em, sở dĩ em thành thân với ông do phải tuân lệnh đức vua. Nhiều người cho em

kiêu kỳ, em muốn làm một vị nữ anh hùng để rồi sẽ có được một bức tượng thờ trong chùa, cho nên mới nhất quyết tự thiêu cùng lúc với chồng. Song cái lý của em, hay đúng hơn tình yêu của em đối với chàng, đã khiến cho em nghĩ ra phương sách ấy, chứ không phải em muốn được làm một bà thánh.

- Vậy ra, thừa bà hoàng của tôi, vì Abunphauari này mà nàng nghĩ ra phương sách tài tình ấy? – Tôi hỏi. – Vậy ra, vì muốn được chung sống với Abunphauari, nàng quyết định rời khỏi kinh thành Xêrendip? Và càng vui mừng hơn nữa, như nàng vừa cho biết, nàng định rời đây quy theo đạo của Đấng tiên tri? Ôi, hỡi nàng Canzat! Lúc này đây nàng làm cho tôi trở thành con người hạnh phúc nhất thế gian!

Nói xong, tôi quỳ xuống ôm hôn nàng thắm thiết. Nàng nói:

- Hãy khoan, hỡi chàng Abunphauari, xin chàng đứng lên! Em không hiểu giờ đây có phải đã đến lúc chàng tự cho mình là con người hạnh phúc nhất thế gian chưa. Giờ đây, chàng không chinh phục được một con người vô vàn giàu có như ngày trước nữa. Than ôi! Em không còn có những tài sản để mang hiến dâng chàng cùng với trái tim của em. Em đã đưa phần lớn gia sản cho các nhà sư lo việc hỏa thiêu, ngài thống đốc thành phố đòi em phải nộp cho ông một số tiền khổng lồ mới chịu bán cho em cái giấy phép được tự hỏa thiêu cùng một lúc với ông chồng già.

Những lời nói vừa rồi của nàng tạo cơ hội cho tôi bày tỏ tình yêu đích thực của mình. Tôi âu yếm nhìn nàng và nói:

- Nàng chẳng công bằng chút nào, nàng Canzat xinh tươi ơi! Sao nàng nữ nghi ngờ tôi không có được những tình cảm trong sáng bằng nàng? Tôi nói có trời đất chứng giám, ngay khi nàng mời tôi đến dinh cơ tráng lệ của nàng, khi nàng bày ra trước mắt tôi bao nhiêu của cải châu báu của nàng, thì lúc ấy tôi cũng mơ được có mỗi nàng mà thôi.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM BẢY MƯƠI CHÍN

Tôi khẳng định sự vô tư, tôi thuyết phục nàng tin tôi yêu là yêu con người nàng chứ đâu phải yêu tài sản tiền bạc của nàng. Nàng cho biết, nàng đang mong như thế. Thật ra, không phải nàng đã khánh kiệt hoàn toàn, còn lại một số ngọc ngà đủ sức làm thành một khoản hồi môn xứng đáng. Tiếp đó, nàng xin thông cảm những điều phiền muộn từng gây nên cho tôi, bởi nàng sau đó đã phải chuộc tội bằng nỗi đau của chính nàng.

Chúng tôi thỏa thuận sẽ đi Basra trong thời gian sớm nhất có thể. Cũng chỉ phải đợi cơ may ấy có mấy ngày nữa thôi. Con tàu từ thành phố Surat đến, đã mau chóng bán hết số vải hoa mang theo, đã mua tại Xêrendip đủ các thứ hàng hóa cần thiết khác, và sẵn sàng nhổ neo.

Đến ngày ấy, tôi cáo biệt ông chủ nhà. Rồi tôi đến tìm nàng Canzat, đưa nàng ra bến cảng và cùng nàng xuống tàu vào buổi tối, theo hầu chỉ có vài người nô lệ tâm phúc, mang vác châu báu và các đồ nữ trang của nàng.

Con tàu chở chúng tôi đến thành phố Surat không gặp bất cứ trắc trở nào suốt cuộc hành trình. Chúng tôi đáp luôn một chuyến tàu buôn vừa từ Basra đến nay quay trở về. Và như thể có trời phù hộ cho, chúng tôi thuận buồm xuôi gió cập bến cảng Basra một cách vô cùng thuận lợi.

Không có gì so sánh được niềm vui của thân sinh tôi khi thấy tôi trở về. Sau khi chào hỏi và ôm hôn cha, tôi giới thiệu nàng Canzat. Tôi không cần nói kỹ thân thế của nàng, đáng vẻ sang trọng và nhan sắc thiên phú đủ nói lên hộ nàng. Thân sinh tôi đón tiếp nàng nồng nhiệt. Sau khi tôi thuật lại bấy nhiêu nỗi gian truân, người càng biểu lộ tình cảm sâu đậm của một người cha đối với con. Sau đó tôi kể tiếp các chuyện phiêu lưu tôi gặp trong chuyến đi dài vừa rồi. Cha tôi cho biết đã nhận đủ số ngọc trai tôi nhờ vị thuyền trưởng mang về.

Cha tôi và tôi đưa nàng Canzat đến gặp viên phó chánh án. Ông làm thủ tục cho nàng chối bỏ tôn giáo cũ trước sự có mặt của nhiều nhân chứng. Tiếp đó, ông hỏi nàng có bằng lòng làm vợ của tôi không. Nàng đáp, nàng chỉ mong được thế, vậy là viên quan tòa ấy chứng nhận lễ thành hôn. Để mừng hôn lễ, cha tôi cho mở một đại tiệc thật tung bừng, mời tất cả bà con bạn bè đến dự. Tiếp đó, lễ mừng kéo dài suốt mười lăm ngày trong gia đình tôi.

Chuyến đi đầu tiên của tôi là như vậy. Các vị đã nghe nhiều chuyện không mấy bình thường. Tôi còn có lắm chuyện khác nữa rồi đây kể hầu các vị. Ngày mai, tôi sẽ thuật lại chi tiết chuyến đi thứ hai của tôi. Rồi các vị sẽ thấy, chưa bao giờ xảy ra với bất kỳ ai những chuyện từng xảy ra cho tôi.

Nói đến đây, nhà du hành vĩ đại ngừng lời. Ông vừa muốn nghỉ lấy hơi vừa không muốn làm quá mệt những người nghe. Đoàn du hành vẫn tiếp tục

đi. Ngày hôm ấy, đoàn đi được một đôi đường xa hơn bình thường. Đến chân một quả núi, gặp một nơi thuận tiện để hạ trại, các lều trại lại được dựng lên. Mọi người hóng gió, nghỉ ngơi, và sáng hôm sau lại lên đường.

Quốc vương thành Đamat, tể tướng Atanmuc và hoàng thân Sêypen Muluc rất ham nghe tiếp câu chuyện về các chuyến đi của Abunphauari. Bản thân ông cũng thấy thích kể. Và câu chuyện được tiếp tục như sau:

CÁC CUỘC PHIÊU LƯU KỲ THÚ CỦA ABUNPHAUARI, BIỆT DANH NGƯỜI DU HÀNH VĨ ĐẠI (PHẦN TIẾP)

CHUYẾN ĐI THỨ HAI

Vậy là nàng Canzat thuộc về tôi. Hai chúng tôi quý yêu nhau, cuộc sống vô cùng hòa hợp. Chúng tôi không cầu xin gì hơn được kéo dài những ngày hạnh phúc trời cho chúng tôi hưởng. Nhưng than ôi! Người trần gian hay ngộ nhận, khi đã phong lưu những tưởng mình sẽ được phong lưu đời đời. Bình sinh cuộc sống chúng ta chen lẫn ngọt ngào và cay đắng, khi ta cảm thấy hạnh phúc lên đến đỉnh cao chính là lúc ta bắt đầu bước vào những ngày hoạn nạn nhất.

Mấy tháng sau lễ thành hôn của tôi, thân sinh tôi qua đời. Tôi và em trai tôi chia nhau gia tài cụt để lại. Em trai tôi, tên là Hua, muốn phần gia tài mình được hưởng chóng sinh lợi, muốn làm nghề thương mại. Chú ấy tậu một con tàu, đem tất cả vốn liếng của mình mua nhiều loại hàng hóa xếp đầy cả một con tàu ấy, đưa sang bán tại vương quốc Malaba. Tuy nhiên công việc kinh doanh chẳng lấy gì may mắn, tàu chú ấy bị đắm gần thành phố Ormut. Vốn liếng mất sạch, chỉ còn mình chú may sao sống sót.

Chú trở về gần như trên người không còn manh áo, tình trạng thật khốn cùng. Thương hại, tôi cho chú về nhà, cấp vốn cho đủ mua các thứ hàng hóa khác. Nhưng chuyến đi này chẳng may mắn hơn lần trước. Chẳng những không bù đắp được mất mát trước đây, tàu lại đắm. Một lần nữa mất sạch, chỉ còn sót lại tro mỗi cái thân chú. Chú lại tìm về Basra gặp tôi, thưa với anh tai họa lại ập lên đầu em lần nữa.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI

Thông cảm với bất hạnh của em trai, tôi không từ nan bất cứ điều gì để có thể an ủi chú. Tôi bảo với chú:

- Thôi, em trai à, em biết rồi đấy, trên đời này số ai giàu sang số ai nghèo khó, tất cả đều do tiền định. Em buồn phiền phỏng được ích gì? Đáng ra em nên thâm tạ trời đất đã cho em được sống đến hôm nay. Thôi, hãy bỏ việc buôn bán ấy đi, em hãy về đây sống với anh, em chẳng lo thiếu thốn thứ gì!

Chú thuận theo ý kiến của tôi. Chú chuyển về sống tại nhà tôi. Nhưng rồi nhàn cư vi bất thiện, ngày này qua ngày khác chú chỉ còn việc đi lang thang hoặc chơi bời đàn đúm cùng bè bạn. Về phần mình, tôi quá bận lo chăm bẵm nàng Canzat, tìm mọi cách bày ra cho nàng tiêu khiển. Tính tôi vốn thích tiêu pha, khoản lợi tức của tôi tuy khá lớn thật đấy song không sao đủ cung phụng cho lối sống quá phong lưu của hai vợ chồng. Sau mấy năm, tôi nhận ra gia sản mình đã vơi đi đáng kể. Sợ đến một lúc nào đó có thể trở nên quần bách, tôi tính cách phòng ngừa. Tôi quyết định liên doanh với một thương gia giàu có, cùng nhau sang buôn bán bên vương quốc Gôncông.

Thật khó khăn lắm mới thuyết phục được vợ tôi đồng ý cho tôi tiến hành một chuyến đi xa như vậy. Tuy nhiên, tôi nói mãi nàng cũng nghe ra, với hy vọng rồi đây khi tôi sẽ trở về Basra mang theo vô vàn của cải, lúc đó hai vợ chồng tha hồ hưởng những ngày còn lại chẳng có gì phải lo âu.

Vậy là tôi chung vốn làm ăn với một đồng nghiệp tôi biết là người trung hậu. Chúng tôi cất hàng hóa mang sang bán tại thành phố Surat, định bụng sau đấy lại mua tiếp các đặc sản ở Surat đưa sang đổi chác tại Gôncông. Ngày khởi hành, tôi gỡ vòng tay của nàng Canzat đầm đìa nước mắt, ôm hôn chú em trai và bảo:

- Em trai của anh ời, tạm biệt. Anh giao cho em việc chăm nom gia đình và quản lý công việc của anh. Em hãy cố gắng giữ gìn uy tín, cũng như dè sẻn số tài sản anh để lại nhà. Trên tất cả mọi sự, anh nhờ em trông nom chị, chị là người đức hạnh, không phải lo chi về mặt ấy. Cái chính là chú ý để chị khỏi bị những kẻ xấu xua nay vốn ghen ghét anh tìm cách làm hại. Tóm lại, anh ký thác chị dâu cho em, sao cho đến khi anh trở về, mọi sự đều nguyên lành tốt đẹp như ngày anh ra đi.

Nghe lời dặn dò, chú Hua khoe khoang mình là người xử sự lúc nào cũng đàng hoàng, tinh tế, và hứa sẽ cố gắng làm tốt mọi việc tôi giao phó. Chú còn nói thêm, do tình nghĩa anh em ruột thịt, chú chăm nom việc nhà của anh trai như chăm lo công việc của chính mình. Tin vào lời hứa của chú em, tôi yên tâm lên đường cùng với người bạn kinh doanh.

Tàu giương buồm, lên đường đến thành phố Surat bình yên vô sự. Chúng

tôi bán mọi thứ hàng hóa mang theo trên tàu, rồi lại mua các sản phẩm khác có thể rất ăn khách ở Gôncông để sang đây bán; rồi giương buồm ra khơi đi tiếp.

Tôi xin miễn không thuật lại những lần gặp gió to sóng lớn cũng như những ngày trời yên biển lặng trên đại dương; dù sao rốt cuộc cũng cập được bến cảng Gôncông sớm hơn cả thời gian mong đợi. Chúng tôi bán hàng, thu được một khoản lợi nhuận khá lớn. Ông bạn hàng của tôi là một người rất am tường các loại ngọc ngà châu báu, mà chúng tôi lại đang có mặt ở vương quốc Gôncông, xứ có những viên kim cương đẹp nhất trên đời, chúng tôi liền quyết định đưa phần lớn vốn liếng ra mua kim cương, với hy vọng về thành phố Batđa có thể bán lại với giá đắt gấp bốn lần giá mua vào. Hải lòng với số lãi đã thu được qua việc buôn bán các hàng hóa trước, và hy vọng với một khoản hời nữa thu được sau khi bán kim cương, chúng tôi chẳng có việc gì nán ná lâu ở Gôncông. Vậy là chẳng bao lâu sau khi xong công việc, chúng tôi lên đường trở về Basra.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI MỐT

Con tàu chạy hết tốc độ. Cũng như mọi hành khách trên tàu, chúng tôi hy vọng mau chóng trở về tới thành phố ước mơ. Thế nhưng, một đêm, một cơn bão cực kỳ dữ dội nổi lên. Mặc cho hoa tiêu và các thủy thủ ra sức vật lộn, cuối cùng đành chịu thua gió bão, chúng tôi để mặc cho sóng dữ đẩy con tàu đi lạc khá xa hải trình. Cuối cùng, sau nhiều ngày bị gió đập sóng vùi, con tàu xô vào một mỏm đá và vỡ tan không xa bờ một hoang đảo.

Tất cả thủy thủ đoàn đều thiệt mạng, trừ có ông bạn hàng của tôi và tôi. Nhờ xuống kịp chiếc xuồng cứu nạn, chúng tôi thoát khỏi chết chìm. Nhưng hỡi ôi! Một nỗi hiểm nghèo ghê gớm chẳng khác nào bão tố đang chờ đợi chúng tôi.

Chiếc xuồng con cập bờ, chúng tôi sắp lên đảo, chợt một con cá sấu to khủng khiếp lao đến chỗ chúng tôi. Con vật ghê sợ ấy chống lên hai chân trước, quẫy mạnh cái đuôi, đập chiếc xuồng cứu nạn tan ra hàng nghìn mảnh. Ông bạn tôi và tôi chưa kịp lên bờ, đều rơi tõm xuống nước. Ngay lúc ấy, con cá sấu há mõm đớp. Chúng ngoạm được ông bạn tôi, trong khi nó mãi bận nhai ngấu nghiến để nuốt cái mồi ấy, tôi thừa cơ bơi được vào bờ, ba chân bốn cẳng chạy sâu vào đảo trốn con cá sấu.

Thoạt tiên tôi gặp một con suối, nước suối nhìn trắng tựa sữa. Tôi uống, thấy ngon tuyệt vời, tưởng như đang uống nước trái cây ép loại thượng hảo hạng. Tiếp đó tôi hái một ít lá cây cỏ mọc bên bờ suối ăn, và cảm thấy ngon như dùng sơn hào hải vị. Thiên nhiên ở đây thật phong phú, đa dạng làm sao, cho nên mới sản sinh ra nhiều loại kỳ thú đến thế – tôi nghĩ. Mặc dù lúc này đã tan gia bại sản hoàn toàn, tôi vẫn thầm cảm tạ trời đất đã cho tôi dạt lên một hòn đảo không đến nỗi phải chết đói chết khát. Tuy nhiên tôi rất sợ gặp thú dữ, bởi vậy mặc dù rất buồn ngủ, vẫn không dám chợp mắt, chỉ sợ sơ ý làm mồi cho chúng.

Tôi đi sâu vào một khu rừng. Trong rừng toàn cây gỗ lô hội hoặc trầm hương quý. Đi khoảng ba trăm bước, gặp một bãi cỏ non, có rất nhiều hoa tươi đủ màu tỏa hương thơm ngát. Chính giữa bãi cỏ non ấy, mọc lên một cây cỏ thụ cao dễ đến cả trăm thước,^[56] vươn dài những cành cây vững chãi mang bộ lá um tùm, tạo nên một khoảng bóng râm rất rộng. Cạnh gốc cây, dưới một chiếc lều lợp bằng gấm thêu, một người đàn ông nằm có vẻ như đang ngủ trên một chiếc sập. Tay phải người đàn ông ấy đặt lên một cái hộp nhỏ bằng vàng. Bên cạnh ông, một con rồng lớn nằm cạnh, mõm nó ngậm một ngọn cỏ thơm, thỉnh thoảng lại đưa ngọn cỏ thơm vào mũi người đang ngủ.

Cảnh tượng ấy làm tôi khiếp đảm. Tôi tự bảo:

- Có ích gì cho ta thoát khỏi hàm cá sấu, để rồi bị con rồng này chồm đến vồ ăn thịt?

Không dám tiến đến gần chiếc lều nữa, tôi vội chạy lùi nấp sau bụi rậm, từ đây quan sát người đàn ông nằm nghỉ và con quái vật. Một lát sau, tôi thấy con rồng ra khỏi cái lều, bay bổng lên bầu trời rồi nhanh chóng biến mất khỏi tầm mắt tôi.

Con rồng đi khỏi, tôi cảm thấy yên tâm. Rất hiếu kỳ muốn biết người nằm nghỉ kia là ai, tôi hồi hộp tiến đến thăm cỏ, rồi lặn vào trong lều. Người nằm nghỉ ấy là một cụ già ước chừng một trăm hai mươi tuổi, trông hình dong tươi tốt tương như người vẫn còn sống, mặc dù cụ yên nghỉ đời đời nơi đây đã bao thế kỷ rồi. Tôi đứng yên ngắm dung nhan cụ hồi lâu, rồi gõ bàn tay cụ để lấy chiếc hộp bằng vàng. Mở hộp ra, thấy bên trong xếp nhiều tấm thiếp ghi những dòng chữ như sau:

Axep, con trai của Bakia, và là tế tướng của đại đế Xalomon, là cụ già nghỉ dưới cái lều này. Vị đại thần ấy, khi cảm thấy sắp phải từ giã cõi trần, đã chọn hòn đảo hoang này để cho quà thi hài của mình. Ngài cho dựng lên cái lều chính giữa bãi cỏ tươi này, tự tay viết những dòng chữ ấy, cho vào cái hộp bằng vàng, sau đó nằm lên sập và từ trần. Những người nào sau này đặt chân được tới đây cần phải biết, họ sẽ chẳng bao giờ còn nhìn lại được gia đình và cố quốc và rồi sẽ bỏ mạng nơi đây, trừ phi những người ấy có đủ dũng khí để trải qua những gian nan thử thách ghê gớm. Nếu những người ấy không biết sợ bất cứ điều gì, thì hãy mau mau đi về hướng tây. Đến chân một quả núi, họ sẽ nhìn thấy một cái hang. Hãy mạnh dạn đi sâu vào cái hang ấy, và chỉ dừng bước khi nào gặp một đồng cỏ non cực kỳ ngoạn mục. Chỉ có đi đến tận nơi ấy, họ mới sẽ đạt được cực đỉnh của ước mong.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI HAI

Sau khi đọc những dòng chữ trên, tôi kính cẩn hôn lên các tấm thiếp của ngài cổ tể tướng Axep, rồi quỳ xuống, ngược mắt lên trời cầu nguyện:

- Lạy Thượng đế, Người không muốn cho con phải bỏ mạng ở hòn đảo chết chóc này, Người đã chỉ cho con nhìn thấy lối ra! Lạy Đấng tiên tri của những người Hồi giáo, nhờ có Ngài nên con mới được Thượng đế đoái thương, xin Ngài hãy tiếp tục phù hộ cho con! Ngài đã lôi con từ đáy cái giếng sâu của lão Hyzum lên, xin Ngài chớ từ bỏ con khi con dấn thân vào những hiểm nguy mới!

Không để mất thời gian, tôi theo hướng tây bước tới. Chẳng bao lâu đến chân một quả núi. Tôi nhìn thấy quả có một cái miệng hang đen ngòm khiến bất kỳ ai trông thấy cũng không khỏi ngại ngần. Nhưng tôi quá tin vào các thiếp chữ của ngài Axep đến nỗi chẳng còn biết lo sợ là gì. Không ngần ngại, tôi mạnh dạn bước vào hang, nói là bước nhưng vừa đi vừa mò mẫm bởi trong hang tối đen như mực.

Lối đi trong hang theo chiều dốc đổ xuống, tôi cứ đi không nghỉ như vậy, sau chừng mười lăm, hai mươi tiếng đồng hồ cứ tụt dốc hoài, tôi đồ chừng có lẽ mình đã đi sâu xuống tận âm phủ. Cuối cùng, bóng tối tan dần. Tôi lại nhìn thấy ánh sáng mà tôi ngỡ đã vĩnh viễn mất đi. Trước mắt tôi là một đồng cỏ non, trong đồng mọc muôn loài hoa thơm trái quý chưa từng được nhìn thấy bao giờ.

Tôi đến gần các cây ấy hái mấy quả ăn, rồi nằm xuống nghỉ trên thảm cỏ non. Tôi ngủ thiếp đi một giấc ngủ rất sâu. Khi tỉnh dậy, mở choàng mắt, tôi ngạc nhiên nhìn thấy chung quanh có khoảng mười hai đến mười lăm vị hung thần đen đui, thân xác gầy nhom, những đôi mắt đều nẩy lửa. Tôi nhìn thấy mặt họ gần giống mặt người, nhưng một số vị chính giữa trán lại mọc lên một cái sừng và bên dưới có một cái đuôi giống đuôi chó, một số vị khác từ thắt lưng trở xuống lại nhìn giống như phần đuôi những con tắc kè. Một hung thần ồm ồm cất tiếng hỏi:

- Hỡi anh chàng con người trần thế kia, tại sao mày có mặt ở chốn âm ti này?

Tôi thuật cho họ nghe đầu đuôi câu chuyện. Một hung thần nói:

- Vậy mày hãy đến sống cùng bọn ta! Chúng ta chẳng làm hại mày đâu. Sau khi phục dịch chúng ta vài năm, để trả công, chúng ta sẽ mang mày đến bất kỳ nơi nào mày muốn đến.

Tôi vừa đáp tôi thuận tình, họ đã bảo luôn:

- Mày biết điều đấy. Mày không thuận tình, chúng ta cũng bắt mày phải đi

theo.

Nói xong, các hung thần cắp tôi vào nách, bay lên không trung, vượt qua muôn ngàn núi rừng và biển cả mới đến được nơi họ sống quây quần. Ở đây có vô số hang động. Cũng có những hung thần không sống trong hang mà chọn đầu ngọn suối hoặc dưới vực thẳm.

Tôi ở cả một năm trời cùng với các hung thần ấy, chỉ sống nhờ cây cỏ. Đối với các hung thần, bữa ăn thường ngày là các khúc xương người ta đã ăn hết phần thịt: đây là những món ăn tuyệt vời của họ. Tôi nhớ nhiều lần nghe họ vừa gặm các khúc xương vừa xuýt xoa thốt lên ngon quá, tuyệt quá. Các hung thần ấy còn chê bai loài người ngu dốt, sao lại thích ăn thịt hơn gặm xương. Để khỏi thiếu thực phẩm, một số trong bọn họ được giao việc chuyên đi mọi nơi lùng sục kiếm về cho đủ số xương dùng hằng ngày. Những thần này tìm kiếm xương từ khắp nơi trên thế giới, đặc biệt được ưa chuộng là xương ngựa xứ Tartari, món họ rất ham thưởng thức.

Sự ăn uống kham khổ, cũng như nỗi buồn phải làm nô lệ cho lũ hung thần không làm tôi đau khổ bằng khi thấy bọn chúng tỏ ý khinh miệt Thánh kinh Côran của Đấng Mahomêl nhà tiên tri chúng ta. Chúng cấm tôi không được đọc kinh cầu nguyện cũng như thực hành các nghi lễ hằng ngày. Biết mình không tuân lệnh chúng sẽ nguy hiểm lắm đấy, tôi vẫn tìm được cách thực hành lễ tiết tôn giáo trong vòng bí mật.

Một hôm, đang ngồi trong một cái hang mà tôi có nhiệm vụ phục dịch, trong lúc tôi âm thầm đọc nhẩm một vài vần thơ trong kinh Côran, chợt nghe trên không trung có nhiều lời ca và tiếng hát khá rõ ngời khen Thượng đế tối cao. Ngạc nhiên sao có chuyện lạ lùng, tôi vội ra khỏi hang xem có điều gì đang xảy ra. Tôi nhìn thấy có nhiều vị thần mặc đồ trắng và khoác bên ngoài các tấm áo choàng giống như áo tu sĩ thần học. Những vị thần này to lớn béo tốt, chứ không còm nhom như các hung thần kia. Hóa ra các hảo thần áo trắng vừa đánh nhau với các hung thần màu đen. Các thần áo trắng toàn thắng, lên tiếng ngời ca Thượng đế tối thiêng liêng. Một số hung thần đen đuôi bị bắt trời, một số khác vội vàng cao chạy xa bay.

Không chỉ bằng lòng ngắm cảnh tượng ấy, tôi hòa lời ngời ca của mình vào lời các hảo thần. Tôi cố gắng lấy hết hơi sức, gào thật to: “Trên đời này chẳng có thần linh nào ngoài Thượng đế, và Mahomêl là Đấng tiên tri của Ngài.”

Một nhóm thần vừa chiến thắng nghe tôi xướng như vậy, liền xúm quanh lại:

- Mày là ai? – Một thần hỏi. – Ai đã dạy cho mày lời ngời ca ấy? Chúng ta không ngờ có một tín đồ Hồi giáo ở chốn này. Mày từ đâu đến, và làm sao mày đến được tận đây?

Tôi đáp ứng sự hiếu kỳ của các vị thần ấy, họ dẫn tôi đến gặp vị có vẻ như là nhà vua của tất cả bọn họ. Vị thần này lại hỏi tôi những câu tương tự vừa rồi, tôi lại trả lời y chang như cũ. Thần hỏi tôi theo tôn giáo nào. Tôi vừa đáp tôi là người Hồi giáo, vị thần linh ấy đã thốt lên: “Hạnh phúc thay cho ai là tín đồ của Mahomê.” Rồi thần lại hỏi tôi tên họ là chi. Sau đó, thần ấy bảo:

- Anh Abunphauari này, ta rất hài lòng đã giải thoát anh khỏi bàn tay bọn hung thần vô đạo. Nếu không, một ngày nào đó bọn chúng sẽ hãm hại anh. Lúc này anh có thể tha hồ mừng vui, bởi anh đang được sống cùng các vị thần linh tất cả đều đã quy theo Hồi giáo, giống như anh.”

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI BA

Nhà vua của các vị hảo thần ấy tự nhiên có cảm tình với tôi. Thấy tôi am hiểu tường tận nhiều điều thuộc về giáo lý, cả những việc cần làm cũng như những điều cấm kỵ trong đạo Hồi, vua lập tôi làm giáo chủ. Như vậy, tôi trở thành người chăm lo mọi công việc thuộc về tôn giáo cho các thần. Những ngày tôi nhin ăn, các vị thần cùng nhin như tôi. Hằng ngày, tôi đọc kinh Côran cho họ nghe và thuyết giảng giáo lý cho họ. Dần dần tôi gây được lòng kính trọng của mọi thần, tôi có uy tín đến mức chẳng bao giờ họ làm việc gì không tham khảo ý kiến của tôi. Tất cả đều kính trọng các *fatua*^[57] tôi ban ra.

Một đêm, tôi nằm mơ thấy mình đang ở trong vườn thiêng *razua* ở thánh địa Mêđin, chợt nàng Canzat bước vào vườn. Bộ dạng nàng như người sắp chết tới nơi. Nàng tiến đến bên lăng mộ của Đấng tiên tri và cất lời cầu nguyện như sau:

- Hồi Đấng tiên tri Mahomê! Vì Người, con đã từ bỏ ma giáo của con để quy theo đạo của Người. Xin Người hãy rủ lòng thương một nữ tín đồ vốn thực hành đầy đủ mọi lời Người răn dạy! Xin Người hãy trả về cho con người chồng của con, con không sao chịu đựng sự thiếu vắng quá lâu ngày của chàng! Xin Người hãy cho chồng con được trở về Basra để bảo vệ trái tim người vợ đã hiến dâng trọn vẹn cho chàng, và đang bị một kẻ tình địch rắp tâm chiếm đoạt!

Những lời cầu nguyện ấy làm tôi choàng tỉnh giấc, lòng vô cùng bồn chồn. Tôi cảm thấy ở giấc mơ này một điềm chẳng lành. Tôi hình dung vợ tôi đang chống chọi trước một âm mưu buộc nàng phải mất tiết hạnh. Tôi không sao dứt khỏi đầu óc ý nghĩ ám ảnh ấy, và tự nhiên trở nên buồn rầu không thể nào tả xiết. Nhà vua các thần linh nhận thấy nỗi buồn lộ trên vẻ mặt tôi, liền hỏi:

- Ngài giáo chủ, ngài có việc gì không vui? Từ nhiều ngày nay, ta nhìn thấy đôi mắt ngài đầy vẻ u sầu. Phải chăng ngài buồn chán phải ở lâu chốn này?

- Tâu đức vua vĩ đại, – tôi đáp – tôi chịu ân huệ quá sâu của ngài. Tôi quá quý tình thân hữu các vị hảo thần tín đồ Hồi giáo dành cho tôi. Tôi không đến nỗi bất nghĩa để xin từ biệt ngài cùng các vị thần linh ấy. Nhưng tôi không dám giấu giếm ngài một nguyên nhân khác khiến cho cuộc sống của tôi không được bình yên.

Tôi thuật lại nhà vua nghe giấc mơ, và thú thật đây là nguyên nhân đích thực khiến tôi luôn ưu phiền. Nhà vua đáp:

- Ta làm sao nỡ chê trách ngài về việc ngài có được một phu nhân ngài

hằng quý yêu, hằng tưởng nhớ, hằng ước mong gần gũi. Ngài có biết từ đây về thành phố Basra quê hương của ngài mất bao nhiêu thời gian đi đường không? Chín mươi năm trời rông rãi, xin ngài hiểu cho. Nhưng Thượng đế đã cho phép chúng ta đủ phép thần thông coi những xứ sở xa xôi nhất cũng trở nên gần gũi. Bởi vậy cho dù vô cùng xa ngài, ta sẽ giao cho một thần linh nhiệm vụ đưa ngài trở về thành phố sinh quán của ngài, và rồi ngài sẽ được nhìn thấy tận mắt trên thực tế nàng Canzat ngài đã nhìn thấy trong giấc mơ.

Nói xong, nhà vua cầm tay dắt tôi đến bên bờ một biển, nước biển màu đỏ rực, chỉ cho tôi nhìn thấy một hòn đảo ngoài khơi, và hỏi:

- Ngài có nhìn rõ hòn đảo, trên đó có một ngọn núi đá đỉnh cao chạm tới mây xanh?

- Tàu bệ hạ, tôi có nhìn thấy. – Tôi đáp.

- Ngọn núi cao giống hệt một pháo đài ấy, rộng ở bên trong. Đó là nơi giam cầm các thần linh theo tà giáo sa vào tay ta, hoặc những kẻ nào không chịu khuất phục ý chí của ta.

Vua nhắc bổng tôi và bay đến hòn đảo ấy. Đến chân núi, thấy một cửa dày bằng thép khóa chặt. Vua ra lệnh mở cửa. Tôi theo vua bước vào trong, nhìn thấy vô vàn hung thần đang bị xiềng bằng xích sắt, trong đó tôi nhận ra có cả tên từng bắt tôi làm nô lệ cho nó.

Trong số tù nhân, có một hung thần tà giáo hết sức cao lớn, bộ mặt xấu xí khủng khiếp. Y không mang xiềng sắt như những hung thần khác. Tay chân y bị những chiếc vòng thép náu chặt vào vách đá, khiến y không thể cử động chút nào. Nhà vua thần linh hỏi y:

- Tên khốn kiếp, mày có nhớ mày đội ơn ta bao nhiêu lần không?

- Tàu đức vua vĩ đại, – hung thần đáp – tôi không quên tôi đội ơn ngài nhiều lần lắm lắm. Tôi một nghìn lần đáng xử tội thật nặng nề thật đau đớn, thế nhưng ngài đều ân xá cho tôi.

- Vậy lúc này đây, ta sẵn sàng cho mày được tự do lần nữa. – Nhà vua nói.

- Tàu bệ hạ, phúc đức của bệ hạ lần này không phải là lần đầu. Ngài đã nhiều lần cho kẻ này được tự do.

- Giờ ta cho mày được tự do lần nữa, – nhà vua nói – nhưng với điều kiện. Trước hết mày phải quy theo đạo Hồi, hai nữa, mày đưa vị tín đồ Hồi giáo này đến thành phố Basra. Ta muốn mày làm việc ấy trong thời gian ngắn nhất.

- Tàu bệ hạ, tôi sẽ đưa vị ấy đến tận nơi nội trong ba tiếng đồng hồ, – hung thần đáp – và tôi xin hứa sẽ nhất nhất tuân thủ mọi mệnh lệnh bệ hạ truyền.

Nhà vua quay lại nói với tôi:

- Ngài cần luôn luôn ghi nhớ trong lòng: hung thần này là một tên độc ác, xảo quyệt, phản trắc, đều cáng. Ta không dám tin vào các lời hứa hẹn của nó. Ta lại sợ rồi đây nó sẽ giở trò ra với ngài. Bởi vậy, ta truyền cho ngài một câu thần chú, khi ngài cưỡi trên lưng lão hung thần ấy, ngài phải luôn miệng niệm thần chú, ngài có thể tin chắc nó không dám giở trò gì ra hãm hại ngài.

Nói đến đây, nhà vua hạ giọng truyền cho tôi câu thần chú.

Sau khi tôi thuộc lòng câu thần chú, nhà vua ra lệnh tháo các vòng thép cho tên hung thần. Rồi tự tay nhà vua thần linh đặt tôi lên lưng nó, sau khi đã lấy vải bịt mắt tôi, bảo như vậy cho tôi đỡ sợ hãi khi sẽ nhìn thấy những gì trên đường đi. Tiếp đó, vua dặn dò tôi như sau:

- Abunphauari, để ngài đền đáp những việc ta đã làm cho ngài, ta chỉ yêu cầu ngài có một việc. Sau khi đã gặp gỡ gia đình ngài ở thành phố Basra, nhờ ngài nhân danh ta đến yết kiến Đấng thống lĩnh các tín đồ, hoàng đế Oma và Aly Ben Aly Talep, con rể của đức Mahomê. Ngài hãy trình với các vị ấy, dưới âm ti cũng có một quốc gia gồm các tín đồ Hồi giáo. Họ không bao giờ quên không đọc kinh *bismila* trước mỗi bữa ăn, không quên làm lễ tắm gội cũng như đọc các kinh khác của mọi tín đồ; và họ đang ngày đêm chiến đấu chống lại các hung thần vốn bài xích đạo Hồi.

Tôi thề sẽ thực hiện đầy đủ việc nhà vua thần linh yêu cầu. Rồi tôi ra khỏi cái hang đá, chễm chệ trên lưng lão hung thần. Nhà vua gọi với, dặn dò:

- Đây chàng trai trẻ, chàng chớ quên niệm câu thần chú! Tên hung thần này chỉ chịu thuận phục khi chàng niệm chú, nếu chàng quên không thực hiện lời ta dặn, thì ngài khắc gặp nguy cơ phải bỏ mình.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI TƯ

Nhà vua thần linh dẫn đi dẫn lại tôi điều ấy không phải không có lý do. Chẳng bao lâu tôi đã nhận ra hệ quả. Khi tôi vừa ngừng câu niệm trong chốc lát, tên hung thần liền gào lên những tiếng khủng khiếp, khi tôi niệm chú, lão im miệng ngay. Tôi nhận thấy hung thần khi thì bốc lên cao, khi thì sà xuống thấp, miệng lâu bầu thốt những điều kinh khủng, tưởng làm như vậy cho tôi sợ hoặc để tôi ngã lộn nhào. Nhưng, mặc cho lão làm gì thì làm, tôi vẫn ngồi vững chãi trên lưng lão.

Tuy nhiên, cho dù luôn luôn để tâm vào việc niệm thần chú nhằm bảo đảm an toàn cho mình, tôi vẫn không thể tự ngăn không chú ý đến một mớ lời lẽ hỗn độn nghe được từ trên không trung. Hơn thế, tôi còn tháo tấm khăn bịt mắt để thỏa mãn tính hiếu kỳ. Nhìn thấy rất nhiều thần linh, mỗi vị mang một dáng vẻ đặc biệt, đang đánh nhau loạn xạ giữa trời. Mãi nghe tiếng họ thét, mãi xem các đòn họ choảng nhau, tôi quên không niệm chú, lão hung thần lợi dụng cơ hội ấy, hất tung tôi xuống biển rồi xông vào tham gia cuộc chiến bát nháo với các thần linh kia.

May lúc ấy rơi xuống gần bờ, và vốn giỏi bơi lội, tôi vào được đất liền. Tôi hôn mặt đất ở đây nhiều lần, hết lòng tạ ơn trời đất đã cứu nạn cho. Tuy nhiên, nếu được cái vui không phải bỏ mình trong sóng dữ, thì lại chịu cái buồn thấy một thân một mình giữa sa mạc; và đau đớn hơn tất cả mọi điều, là không bao giờ còn có hy vọng gặp lại người vợ thân yêu cùng quê hương xứ sở.

Trong khi đang âu sầu như vậy, tôi bắt đầu oán trách vị cố tể tướng của đại đế Xalomon, có lẽ tại những tấm thiệp của ông cho nên mình lâm vào cảnh ngộ này. Bỗng nhìn thấy từ ngoài biển một con chim nhỏ đang bay về phía tôi. Tôi chưa bao giờ trông thấy một con chim kỳ lạ thế này: đầu xanh lam, đôi mắt đỏ, đôi cánh vàng và cái đuôi màu lá cây. Con chim sải cánh bay đến tận miệng tôi, và ghé cái mỏ xinh xinh của nó nhả vào mồm tôi một thứ nước mát rượi và ngọt ngào. Tiếp đó con chim nói với tôi:

- Hỡi chàng tín đồ Hồi giáo trẻ tuổi, chớ nên nản chí. Chàng được chọn để nêu gương cho những người cùng theo đạo với chàng. Chàng phải sống để sau này còn kể lại cho họ nghe các câu chuyện phiêu lưu của chàng, để mọi người lấy đó làm bài học.

- Hỡi chim con xinh xắn, – tôi ngạc nhiên thốt lên – hỡi chim con xinh xinh mang lại điều tốt lành, làm sao chim biết nói như người?

- Tôi là con chim của Đấng tiên tri Isaac,^[58] tôi được trao sứ mệnh trông nom vùng biển này hòng cứu giúp những người lâm nạn, đặc biệt các tín đồ Hồi giáo. Bởi vậy, xin ngài chớ nên phiền não, xin tự khuây nguôi, hãy tin

chắc Đấng tối cao vào giờ phán xét bao giờ cũng có tính đến những trăm luân mà người trần thế trung hậu phải chịu đựng trong cuộc sống của mình.

Sau khi nói xong những lời ấy, con chim chỉ đường cho tôi, quả quyết rằng cứ theo đường ấy đi tiếp, sẽ chẳng lo phải gặp dọc đường những nỗi rủi ro.

Tôi cứ theo con đường chim chỉ mà đi. Điều kỳ diệu hơn cả, tôi đi ròng rã bốn mươi ngày trời không cần ăn không cần uống; hẳn nhờ có nước thần con chim nhả vào mồm giúp cho tôi không cảm thấy đói khát. Cuối cùng, đặt chân tới một ngọn núi nằm chính giữa sa mạc. Leo lên tận đỉnh, tôi nhìn thấy ở đây có một tòa lâu đài khá đẹp xây toàn bằng đá hộc. Tòa lâu đài tuyệt nhiên không có cửa sổ, chỉ có mỗi một cái cổng bằng đồng, lại bị khóa chặt.

Tôi ngồi xuống nghỉ hóng mát cách cổng chừng hai bước chân, chợt tai tôi nghe một giọng nói ồm ồm:

- Này, con người trần thế kia, anh tới đây lúc này thật đúng lúc cho anh và cả cho ta đây.

Tôi quay mình về phía có giọng nói, thấy một hung thần ma giáo đang nằm trên mặt đất. Tên này còn cao lớn hơn, dị dạng hơn tên hung thần phản trắc đã hất tôi xuống biển. Nó có một cái vòi dài tựa vòi voi, mắt phải đỏ như lửa trong khi mắt trái xanh lè. Nó nói tiếp:

- Hãy đến cạnh ta, chớ nên sợ hãi!

Tôi phải vận dụng tất cả can đảm trong người để không co giò chạy trốn trước con quỷ sứ khủng khiếp. Tuy nhiên, cho dù bộ mặt của nó đáng tởm, tôi vẫn đủ bình tĩnh bước tới gần và nằm xuống bên cạnh. Nó tỏ vẻ mừng rỡ. Nó hỏi tôi:

- Chàng trai trẻ kia, anh theo đạo giáo nào?

- Đạo của Đấng tiên tri Mahomét. – Tôi đáp.

- Càng tốt! – Nó nói tiếp. – Ta đang cần có một người đúng như anh. Ta đang tính toán một công trình rất lớn ta không thể thực hiện một mình. Với sự cộng tác của anh, hy vọng có thể thành đạt. Anh có thể tin chắc, nếu ta đạt được điều ước mong, ta sẽ ban cho anh vô vàn quang vinh và của cải. Khi ta đã làm bá chủ tất cả mọi vương quốc trên trần gian, để tỏ lòng cảm ơn, ta sẽ cho anh một nước để làm vua.

- Tôi đồng ý giúp ông. – Tôi đáp. – Tôi không đòi hỏi phải có một nước để được làm vua, tất cả những gì tôi đòi hỏi, là nhờ ông sau đây đưa tôi đến thành phố Basra. Ông có hứa với tôi vậy không?

- Nhất trí. – Hung thần đáp. – Ta xin thề trước tất cả những gì thiêng liêng nhất của đạo giáo ta.

- Vậy giờ đây ông chỉ cần bảo trước cho tôi biết cần phải làm những gì, tôi sẽ cố gắng thực hiện sao cho tốt nhất. – Tôi bảo lão.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI LĂM

Tên hung thần mừng rỡ nghe tôi đồng ý làm giúp việc lão đang cần. Nhưng cảnh giác lão, sợ nó lại giở trò ma giáo gì chẳng, tôi không quên lầm rầm niệm câu thần chú. Trong lúc ấy, hung thần rút từ túi của nó ra một nắm viên đạn bằng chì đặt vào lòng bàn tay tôi, và bảo:

- Hãy cầm lấy những viên chì này! Anh chớ nên quên mỗi lần thấy ta ngã vật ra không hay biết trời đất gì nữa, thì anh hãy ném cho ta một viên!

- Tôi sẽ làm tất cả những gì ông truyền bảo, – tôi đáp – ông có thể tin lời tôi.

Hung thần yên tâm đứng lên, tôi cũng đứng lên theo, và hai chúng tôi tiến bước đến tòa lâu đài. Lão hung thần cũng cầm ở tay một nắm viên đạn chì y như tôi. Y ném mạnh một viên vào cái cổng bằng đồng, cánh cửa tự động mở ngay ra tức khắc.

Chúng tôi bước vào một cái sân lát đá vân thạch. Có hai con sủ tử nằm canh. Vừa trông thấy chúng tôi, chúng gầm lên. Lão hung thần ném cho mỗi con một viên đạn chì, chúng nằm yên không động đậy. Chúng tôi lại đi tiếp và lại gặp một cái cổng nữa cũng bằng đồng, khóa bởi một ống khóa bằng bạc. Một viên đạn vừa ném trúng cái khóa, nó đã rơi xuống, và cánh cổng đồng lại tự động mở ra ngay tức khắc. Trước mặt chúng tôi hiện ra một cái hang hết sức rộng, chính giữa hang có một con sông lớn cuộn cuộn chảy dòng nước đen sì, hai bên bờ phục hai con rồng to lớn dị thường.

Vừa nhắc thấy chúng tôi, hai con rồng giương cánh, rít lên những tiếng dữ tợn, và bắt đầu há miệng phun ra những ngọn lửa rần rật. Lão hung thần lại ném đạn vào, chúng nằm yên xuống đất, và thôi không gào rít nữa.

Chúng tôi lại đến tiếp một cái sân rộng khác. Cái sân này lát bằng những tấm bạc khối, và chung quanh có tường rào hình như xây bằng những viên gạch vàng ròn. Chính giữa sân là một mái đình có vòm cao bằng gỗ trầm hương đỏ, do sáu cái cột đúc bằng thép Trung Hoa đỡ mái. Dưới mái vòm, kê một chiếc sập rộng bằng vàng khối. Trên sập, đặt một cỗ quan tài làm bằng ngọc quý tỏa sáng long lanh làm tôi lóa cả mắt.

Chúng tôi vừa mon men đến gần, hai con quái vật thân giống mình sư tử song đầu và cánh lại là đầu và cánh chim ưng đang nằm canh cái vòm, định xông tới xé xác chúng tôi ra. Nhưng các viên đạn chì ném ra buộc chúng thụt lùi. Nhờ vậy chúng tôi có thể bước đến không gặp trở ngại, sát cỗ quan tài và nhìn vào bên trong.

Cỗ quan tài ngọc đựng thi hài một cụ già đáng kính, có vẻ như cụ vẫn còn đang thở. Thần chết bao giờ cũng làm biến dạng, khiến cho những con người

đẹp nhất lúc sống trên trần gian trở thành những cái xác khủng khiếp sau khi qua đời, dường như kiêng dè nhân vật đang yên nghỉ trước mắt chúng tôi.

Ngón tay cụ già đeo nhiều chiếc nhẫn, có một chiếc rất lớn trên mặt có khắc đại danh Thượng đế tối cao^[59]. Lão hung thần thò tay định tháo chiếc nhẫn ấy, thì ngay tức khắc từ mái đình sà xuống một con rắn thân dài có cánh, há miệng thổi vào mặt hung thần, làm lão ngã xuống bất tỉnh. Sức nhớ lời hung thần dặn, tôi ném một viên đạn chì vào người, lão bừng tỉnh ngay trong giây lát. Lão nói:

- Mày làm được việc lắm. Đây là tất cả những gì ta đòi hỏi ở mày. Chớ nên quên, mỗi lần ta cần lại ném cho ta một viên đạn chì như lúc này!

Nói xong, y lại thò tay cố tháo chiếc nhẫn lần nữa. Con rắn có cánh lại hà hơi, làm lão hung thần lại bất tỉnh. Với một viên đạn chì nữa, tôi lại giúp cho lão hồi tỉnh. Lão kêu to, bảo tôi:

- Hồi anh bạn tín đồ Hồi giáo, ta hàm ơn anh biết bao nhiêu! Anh nên biết thi hài quản trong cỗ quan tài này là Đấng tiên tri Xalomon. Ta muốn lấy được cái nhẫn của Người. Lấy được, ta sẽ làm bá chủ toàn thế giới, và đến lúc ấy thế nào ta cũng không quên công lao anh đã phò tá ta.

- Sao tự ông không dùng những viên đạn của ông để xua con rắn thần ấy đi? – Tôi hỏi lão.

- Những viên chì ấy chẳng có tác dụng gì đối với nó. Sau khi bất tỉnh, ta phải hồi sinh trở lại thì mới hy vọng thực hiện được ý đồ của ta.

Nói đến đây, hung thần lại cố gắng lần thứ ba, lão đã tháo chiếc nhẫn ra được một nửa đốt ngón tay của Đấng tiên tri tối thiêng liêng, nhưng lần này cũng lại bị chính con rắn ấy thổi hơi vào mặt khiến lão ngất xỉu lần thứ ba.

Tôi định làm tiếp công việc của mình. Tay tôi đã đưa lên cao, sắp tung viên đạn cứu lão, thì con rắn thần cất lời nói với tôi, lời lẽ như sau:

- Hồi chàng tín đồ Hồi giáo, xin chàng chớ nên cứu vớt lão hung thần kia lần nữa mà chi! Nó chính là một trong bảy tên hung thần ma giáo đã nổi loạn chống lại đức Xalomon, và đã bị Ngài bắt nhốt vào tận lòng sâu trái đất để trừng phạt tội bất kính của chúng. Lão chỉ lăm lăm đoạt cho được chiếc nhẫn mà lão hiểu rõ quyền lực của nó. Lão nằm chờ không biết bao lâu rồi ở chân quả núi nơi chàng gặp lão vừa rồi, mong có ai đến giúp lão chiếm đoạt chiếc nhẫn. Nhưng lão chẳng sao đạt được ý đồ, bởi có ta đây chăm lo việc giữ gìn chiếc nhẫn. Ta là một thần linh trung thành với Đấng tiên tri Xalomon, do đó riêng một mình ta đã có đủ sức mạnh đánh bại không chỉ tên hung thần ấy mà cả sáu tên bạn của lão hợp sức lại cùng. Vậy chàng hãy để yên cho lão nằm ở đây cho đến ngày tận thế. Chàng hãy mau mau đi khỏi nơi này. Chớ nên làm mất yên tĩnh chốn thiêng liêng. Nếu không nghe lời, ta buộc phải

tiêu diệt luôn cả chàng. Giá chàng không phải là một tín đồ thuộc đạo Đấng tiên tri Mahomét, ta đã cho chàng mất mạng từ lâu rồi.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI SÁU

Tôi đáp lại yêu cầu của vị thần trung thành với đại đế Xalomon bằng cách tuân thủ. Tôi quay gót trở lại nơi chân núi, lần này chẳng cần dùng tới các viên đạn chì để xua con rồng và các con sư tử tránh xa. Các con vật hung dữ vẫn còn nằm yên trong trạng thái y như khi lão hung thần ném viên đạn vào nó.

Tôi theo một con đường mòn dẫn đến một cánh đồng. Trước khi vào được cánh đồng ấy, phải đi ngang qua một cái hang, từ miệng hang lửa và khói không ngừng tuôn ra dữ dội. Tai tôi chợt nghe tiếng xiềng xích sắt loảng xoảng cùng với những tiếng kêu la, than khóc, rên xiết cực kỳ ảo não. Ở cửa hang ngự một con quái vật mà tôi không có đủ lời lẽ mô tả để các vị hình dung nó xấu xí đến thế nào. Tôi đồ chừng đây lại là một hung thần ma giáo, bởi trông nó giống hệt như những hung thần tôi đã gặp. Tên này bị xiềng chặt vào khối đá bởi những sợi xích sắt cỡ to.

Nó cất tiếng gọi tôi, nghe âm âm chẳng khác tiếng sấm rền:

- Hồi chàng trai trẻ kia, hãy dừng chân và nghe ta bảo đây! Mà là người xứ nào? Mà theo đạo giáo nào?

Tôi đáp tôi người thành phố Basra, đạo của tôi là đạo Hồi.

- Vậy tiên tri Mahomê có còn sống trên đời chăng? – Y hỏi.

- Ngài đã đổi nơi sống rồi. Trong cuộc đời trần thế, Ngài đã làm tròn sứ mệnh tuyệt vời. Bởi vậy Ngài đã bước ra khỏi thế giới trần tục để sang hưởng hạnh phúc vĩnh hằng trên chốn thiên đàng.

Y lại đặt ra cho tôi nhiều câu hỏi khác nữa:

- Những người theo Hồi giáo ngày nay có thường xuyên cầu nguyện hay không? Phong tục, đạo đức của họ có được tinh khiết chăng?

- Họ cầu nguyện thường xuyên. – Tôi đáp. – Nhưng than ôi! Không phải mọi người ai cũng nhất mực tuân theo những lời giáo huấn của đức Mahomê.

- Được, như vậy càng tốt. – Lão nói. – Vậy nước con suối Zemzem vẫn chảy đều đều chứ?

- Nó vẫn chảy đều đều. – Tôi đáp.

- Rồi đến ngày nó sẽ cạn kiệt. Và sự vô luân sẽ trở thành cái phổ biến. Rồi mọi tội ác sẽ tha hồ tái diễn. Sự ngoại tình sẽ xảy ra khắp nơi mọi chốn, chẳng ai buồn giữ vẹn lời thề, rồi con người sẽ ăn thịt lợn, người ta sẽ rượu chè bê tha nơi công cộng, rồi sẽ thấy phụ nữ cười nhong nhong trên mình ngựa.

- Ô, cái thời ấy đâu có xa xôi gì, – tôi đáp – ngày nay nhiều người vẫn sống theo cung cách ấy đấy thôi.

Tôi để ý thấy câu sau cùng này của tôi khiến lão hung thần vui mừng khôn xiết. Lão sôi nổi nói:

- Này, hỡi con người trần thế kia! Có thể nào con người nay phạm lỗi lầm tội lỗi đến thế? Mi mang lại cho ta tin tức quá tốt lành đấy. Đã đến lúc ta bỏ cảnh nô lệ tù đày để đến sống chung với con người trên trần thế. Này, chàng trai trẻ! Mi nên biết ta đây chính là quỷ Đêtgin.^[60] Ta sẽ lên trần thế để trút nỗi điên giận của ta vào loài người.

Nói đến đây, lão cố đập phá cái xiềng, cố bứt tung dây xích, cuối cùng tự lão cũng thoát ra khỏi xiềng xích trói buộc. Nhưng mới đến đây, lão chưa kịp làm gì thêm, đã có hai vị thần linh mặc áo xanh xuất hiện ngay tức khắc, bắt giữ lão lại. Một thần xiềng lão trở lại vào khối đá, thần kia cầm cây chùy thép đập vào đầu lão, và bảo:

- Hãy yên, mày hãy ở yên đấy! Mày phá xiềng lúc này quá sớm. Mày hãy chờ đấy đến khi được người ta tha và cho lên trên trần thế! Giờ khắc ấy chưa đến đâu.

Tôi lo âu nhìn cảnh tượng diễn ra trước mắt. Tôi vội lánh xa con quỷ sứ càng nhanh càng tốt. Tôi đi vào bên trong cánh đồng, lòng hết sức hoang mang, rồi bước theo một con đường hai bên trồng những hàng cây lô hội đẹp chưa từng thấy bao giờ. Con đường ấy dẫn tới tận con hào sâu bao quanh một tòa lâu đài nhìn thấy từ xa.

Tòa lâu đài ấy, tường xây bằng vàng và các lỗ châu mai khảm ngọc. Muốn vào phải đi qua một cái cổng bằng bạc, mà cái khóa bằng ngọc xanh. Sau khi kinh ngạc ngấm ngấm hồi lâu công trình tuyệt mỹ, tôi nảy ra lòng hiếu kỳ mạnh mẽ muốn nhìn thấy bên trong. Tôi tiến đến gần cổng hơn, và đọc được mấy dòng chữ sau đây đúc bằng vàng:

Người nào sau này sẽ tới đây và muốn mở cái cổng này, cần biết không có chìa khóa nào ngoài mấy lời sau: Trên đời không có thánh thần nào khác ngoài Thượng đế, và Mahomét là Đấng tiên tri của Thượng đế. Không có thánh thần nào khác ngoài Thượng đế, và Adam là người được Thượng đế lựa chọn. Không có thánh thần nào ngoài Thượng đế, và Ismael là nạn nhân của Thượng đế.

Quả nhiên, tôi vừa đọc xong mấy câu trên thì cổng tự động mở ra. Tôi biết kể thế nào với các vị nhĩ? Không có lời lẽ đủ sức mô tả quang cảnh hiện ra trước mắt tôi lúc ấy. Các vị hãy vận dụng tất cả trí tưởng tượng của mình để hình dung những gì sang trọng nhất, huy hoàng nhất, tráng lệ nhất; rồi các vị hãy nghĩ rằng những hình dung ấy còn rất xa mới đạt được như những gì tôi

trông thấy. Có một tòa lâu đài xây bằng một thứ kim loại màu xanh tôi chưa hề được biết. Nhưng cho dù chất liệu ấy có quý đến bao nhiêu, vẫn không thể sánh bằng sự tinh xảo do bàn tay chế tác xây dựng nên. Kiến trúc tòa lâu đài không giống với các công trình xây dựng của con người chúng ta, thoát nhìn biết ngay nó không thể do con người làm nên. Các gian phòng bày biện nào ghế, sập bọc toàn bằng vải thếp vàng và lụa. Trên tường có nhiều bức tranh thu hút rất lâu mắt tôi. Các bức tranh mô tả các cuộc chiến tranh mà Đấng tiên tri của chúng ta đã phải tiến hành nhằm thiết lập tôn giáo của Người, nhưng tất cả đều được sáng tạo với nghệ thuật cao siêu đến nỗi nhà danh họa Many nổi tiếng thế giới với bàn tay vàng của ông chắc cũng phải thực lòng thú nhận ông không thể nào vẽ gần được như thế.

Tôi đi qua nhiều gian phòng, và ngạc nhiên chẳng hề gặp một ai. Tôi bước vào một khu vườn rộng mênh mông, mà muốn mô tả cũng sẽ gặp khó khăn như khi mô tả tòa lâu đài. Các lối đi trong vườn dài tít tắp, hai bên trồng đủ loại cây ăn trái, lại có những bồn hoa trồng nhiều loại hoa người đời chúng ta chưa được thấy bao giờ, có những hồ nước thành hồ xây bằng vàng khối chứa nước trong leo lẻo. Tôi ngắm nhìn những thứ ấy không chán mắt. Trong khu vườn kỳ diệu ấy có đủ loài chim chóc lông cánh màu sắc rực rỡ khác thường đua nhau hát líu lo vang lừng không gian.

Tôi chợt gặp trên đường một kỵ sĩ không có râu cằm, trang phục đính đầy kim cương. Chiếc khăn đội đầu của người khảm nhiều viên hồng ngọc. Con ngựa người cưỡi màu hồng tươi, và cứ mỗi bước chân ngựa đi qua lại mọc lên ngay tức khắc những đóa hoa dấu chân ấy. Dáng vóc người đẹp hơn mặt trăng, từ đôi mắt người tỏa ra lung linh ánh sáng.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI BẢY

Nhìn dáng vẻ và trang phục của người kỵ sĩ, tôi thoát nghĩ đây hẳn là vị chủ nhân của tòa lâu đài. Tôi bắt đầu lo ngại người sẽ trách tôi sao dám tự tiện vào trong khuôn viên lâu đài, thì khi đi ngang qua trước mặt tôi, người dừng ngựa lại và bảo:

- Hỡi chàng trai trẻ, phải chăng anh là người thành phố Basra?

- Thừa vâng. – Tôi đáp.

- Xin hoan nghênh, – kỵ sĩ nói tiếp – ta biết thế nào chàng cũng phải đến đây. Nhưng, xin hãy nói cho ta biết, chàng đã ngắm cảnh vật chốn này, vậy chàng đã dùng những món ăn thường này ở đây chưa?

- Tôi đã nhìn thấy bao nhiêu cảnh vật kỳ thú đáng ngạc nhiên, – tôi nói – nhưng thức ăn của quý vị, tôi chưa được biết nó ra thế nào.

- Vậy hãy tiếp tục bước đi, chàng khắc gặp một người dẫn đường – ông nói tiếp – rồi chàng sẽ đạt tới đỉnh cao ước vọng.

Tôi tiếp tục dạo chơi, đưa mắt nhìn tứ phía. Không thể có gì làm chán mắt, cũng chẳng có lời nào thán phục cho cùng. Cuối cùng đến nơi có đặt cái khám thờ, phía trên khám có ghi dòng chữ: *Không có thánh thần nào ngoài Thượng đế, Mahomét là Đấng tiên tri của Người*. Trong khám có một người đàn ông đang quỳ. Đợi cho người ấy đọc kinh cầu nguyện xong, tôi vái chào. Người ấy đáp lễ, và nói:

- Hỡi tín đồ Hồi giáo trẻ tuổi! Hẳn chàng được Đấng Mahomét quý yêu lắm cho nên mới tới được nơi đây. Chàng có biết chàng đang ở nơi đâu không? Chàng nên biết đây là nơi nghỉ ngơi dành cho những người bà con và bạn hữu của Đấng tiên tri. Ở đây lạc thú vĩnh hằng chờ đón mọi người. Đã có rất đông bà con và bè bạn của Đấng tiên tri ở đây rồi, ta sẽ giới thiệu chàng với họ.

Thế là người đàn ông ấy dẫn tôi đến bờ một con sông chảy ngang qua khu vườn, nước sông nhìn giống sữa ngọt đang từ từ trôi. Hai bên bờ sông cơ man là người đang ngồi thưởng thức tiệc quanh những cái bàn xếp đầy các loại thức ăn. Họ là những *scherifs*, người thuộc dòng họ Mahomét và các *sahabas*, bạn đương thời và môn đệ của Đấng tiên tri.

Nhìn thấy tôi, mọi người chào hỏi rất lịch sự:

- Mời chàng ngồi xuống kia, hỡi chàng trai trẻ! Đấng tiên tri Mahomét đã có nhã ý cho chàng được nhìn tận mắt nơi dành riêng cho các môn đồ và hậu duệ của Người, chàng hãy ngồi xuống đây cùng uống loại rượu của chúng ta, cùng ăn các thức ăn của chúng ta.

Tôi ngồi xuống cạnh người dẫn đường. Ông ta đưa cho tôi một miếng

bánh mì ngon tuyệt vời, rồi tiếp tôi một món cá, và nói: “Chàng hãy ném thử món cá này, rồi hãy nói cho biết chàng có bao giờ ăn loại cá ngon hơn thế này chưa.” Quả là tôi chưa bao giờ được nếm món cá tuyệt vời đến thế. Tiếp đó, ông múc nước dưới sông mời tôi uống, tôi cảm thấy nước sông này có hương vị giống loại rượu nho kỳ thú nhất.

Sau bữa ăn, người dẫn đường đưa tôi đến một thảm cỏ non nơi có hơn một nghìn thiếu nữ đẹp tụ hội. Nhiều cô ca hát, nhiều cô chơi đàn, và nhiều cô khác nữa nắm tay nhau nhảy múa một điệu vũ vòng tròn. Trang phục các cô rất sang trọng, song nhan sắc các cô còn muôn vạn lần vượt trội tất cả ngọc ngà châu báu đeo trên người. Tôi thấy cô nào cũng xinh cô nào cũng đẹp. Không thể chọn một cô nào xinh đẹp hơn các cô khác. Và tất cả đều có vẻ thông minh, trong ánh mắt của họ, tuyệt nhiên không hề gợn một thoáng ganh tị nào. Người hướng dẫn bảo tôi:

- Trước mắt chàng là các tiên nữ *huaris*. Đây là những nàng tiên làm nên hạnh phúc của các *scherifs* và các *sahabas*. Chàng chỉ có thể ngắm nhìn họ từ xa, không được phép tới gần, bởi chàng chưa được tử thần đón ra khỏi nơi trần thế.

Tôi đưa mắt nhìn hồi lâu quang cảnh trên thảm cỏ ấy, rồi theo người dẫn đường đến một cái động ở cuối khu vườn. Ông nói:

- Thông thường tôi sống ở đây. Người kị sĩ không có râu cằm chính là nhà tiên tri Êly. Vị ấy ở cuối vườn kia. Tôi là nhà tiên tri Khêđê. Động này là nhà tôi. Nếu chàng thích, chàng có thể ở lại đây cùng với tôi. Chúng ta sẽ cùng nhau đọc kinh cầu nguyện, chúng ta sẽ cùng nhau thưởng thức các lạc thú cõi vĩnh hằng, ở trái đất không thể nào sánh được. Nơi đây quanh năm thời tiết không thay đổi. Chỗ nào khí hậu cũng ôn hòa, mùa nào cũng là mùa xuân vĩnh viễn. Nơi đây không có đêm tối, cảnh vật thường xuyên được rọi chiếu ánh sáng dịu mát và tinh khiết của ban ngày.

Nhận lời nhà tiên tri Khêđê, tôi ở lại làm bạn với ông mấy năm. Nhưng, cho dù nơi ấy vô vàn lạc thú, tôi vẫn chán. Lòng cứ tưởng nhớ khôn nguôi nàng Canzat, tôi hiểu ra mình còn nặng nợ trần gian. Đau đáu thương nhớ nàng, tôi không sao thanh thản. Tôi dù có sở hữu tất cả những tiên nữ xinh đẹp kia, vẫn chẳng bao giờ quên được nàng Canzat. Nhà tiên tri Khêđê nhận ra nỗi buồn của tôi. Ông bảo:

- Tôi thấy chàng muốn trở về Basra. Bởi mọi lạc thú trong khu vườn này chưa đủ mạnh để giữ chân chàng lại, ta sẽ làm cho chàng được thỏa ước nguyện ngay trong chốc lát.

Vừa nói, nhà tiên tri vừa ngược mắt nhìn lên trời. Thấy một đám mây đang bay ngang qua, ông bảo mây dừng lại, hỏi mây đang bay về đâu. Đám mây, hay đúng hơn là một thần linh đang cưỡi mây, hỏi lại:

- Trình dâng tiên tri vĩ đại, tôi đang cưỡi mây bay sang Trung Quốc, ngài có lệnh gì muốn truyền bảo?

- Thần sang bên ấy làm việc tốt lành hay định trừng phạt ai? – Nhà tiên tri lại hỏi.

- Thưa, định làm việc tốt lành.

- Vậy thần hãy tiếp tục cuộc hành trình, – nhà tiên tri Khêđê nói – ta chưa cần đến ông.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI TÁM

Lát sau, một đám mây khác bay qua. Nhà tiên tri lại hỏi y như lần trước. Đám mây trả lời đang đi tới Batđa làm việc thiện. Nhà tiên tri bảo:

- Nếu vậy, ta muốn thần làm giúp ta một việc. Thần hãy mang giúp tín đồ Hồi giáo này sang thành phố Basra, và hãy để chàng ngay trước cổng nhà chàng!

Thần cười mây đồng ý. Tôi vội cảm ơn nhà tiên tri Khêđe về tấm lòng phúc đức đối với mình, xin ông hãy luôn luôn cầu nguyện cho, rồi cùng vị thần ấy cười mây lên đường. Trước khi tôi khởi hành, nhà tiên tri còn dạy cho tôi một câu thần chú, khuyên tôi luôn miệng niệm dọc đường. Câu nguyện này sẽ giúp cho tôi, từ nay cho đến hết đời, ngăn không để các kẻ thù rắp ranh làm hại, tránh cơn thịnh nộ của các đấng quân vương, cũng như phòng ngừa tất cả mọi tai họa hiểm nghèo.

Dọc đường tôi đọc một trăm lần câu thần chú, chỉ để nhớ thuộc lòng chứ không phải vì nghi ngại vị thần linh đang mang tôi đi. Ông là một hảo thần, tôi sẽ sai nếu nghi ngờ lòng tốt của ông. Chỉ trong vòng thời gian ba, bốn tiếng đồng hồ, ông đã mang tôi về tới Basra, đến ngay trước cổng nhà tôi. Lúc này đang đêm. Tôi đập cửa. Một người nhà cầm cây nến ra mở cổng. Nhìn thấy mặt tôi, anh ta đóng sầm ngay cổng lại, hỏi tôi là ai, tôi có việc gì cần. Tôi bảo tôi là chủ ngôi nhà này, và lệnh cho anh hãy mau chóng mở cổng ra.

Nghe tôi bảo vậy, anh gia nhân đi tìm vợ tôi báo cho biết, và chính nàng Canzat thân hành ra mở cổng. Nhưng, trông thấy tôi, nàng đã không hề biểu lộ sôi nổi mừng vui như một người vợ gặp lại chồng đi xa lâu ngày trở về, lại còn thét lên một tiếng kinh sợ rồi lật đật quay trở vào bên trong. Tôi liền lớn tiếng:

- Sao? Tại sao Canzat hoảng hốt khi nhìn thấy ta? Tại sao nàng không nhận ra ta? Ta thay đổi đến thế hay sao? Hãy gọi chú Hua đến đây cho ta! – Tôi quát. – Ta muốn nói chuyện với chú ấy.

Chú Hua xuất hiện ngay cùng với một chàng trai tôi không quen. Chú đến gần tôi, chăm chú nhìn hồi lâu rồi nói không nhận ra tôi. Chú còn thêm:

- Anh Abunphauari không giống ông chút nào. Anh ấy đẹp trai lắm, còn ông quá xấu xí. Anh ấy béo tốt, còn ông gầy nhom chẳng khác một bộ xương. Thôi, ông chớ giả làm anh ấy nữa, ông không thể lừa dối chúng tôi đâu. Mặc dù chúng tôi xa cách anh đã bảy năm trời, chúng tôi làm sao quên được nét mặt anh ấy. Chúng tôi biết chắc anh đã bỏ mình trong chuyến đi sang nước Gôncông.

Tôi khá ngạc nhiên nghe những lời nói ấy. Tôi hiểu con người mình không thể không thay đổi, nhưng không thể hình dung thay đổi tới mức em trai không nhận ra mình. Tôi liền nói với vợ tôi – nàng yên tâm vì sự có mặt của chú Hua cùng các người nô lệ đang đứng nghe chuyện, đã quay trở lại bên công:

- Thế nào, hỡi em Canzat, em không nhận ra Abunphauari, người chồng em từng yêu quý xiết bao? Người chồng, mặc dù phải trải qua bao bất hạnh, vẫn luôn luôn một lòng một dạ nhớ yêu em! Ôi, số phận ta mới đáng thương hại làm sao? Ta đâu có ngờ được em đón tiếp như vậy ngày ta trở về! Ta còn sống trên trái đất này làm gì? Công lao ta nôn nóng chờ đợi xiết bao được nhìn lại em, nay được trả công thế này sao?

- Ông có giọng nói giống giọng của Abunphauari lắm. – Nàng Canzat đầy xúc động bảo tôi. – Mặc dù nét mặt ông hoàn toàn không giống anh ấy, tôi vẫn không thể nghe giọng ông nói mà không cảm thấy bồi hồi. Nhưng, nếu quả thật ông là chồng của tôi, hãy nói tôi rõ, tại sao ông thay đổi đến vậy so với ngày ông già từ thành phố Basra? Máy năm qua, ông lưu lạc những nơi đâu, những gì đã xảy ra trong đời ông, khiến cho con người ông thay đổi tới mức này?

Vậy là tôi thuật lại cho họ nghe về chuyến đi của tôi, không bỏ qua một chi tiết đặc biệt nào. Tôi kể xong, chàng trai trẻ ấy nói với tôi:

- Ông là một kẻ gian dối, ông bịa ra câu chuyện lô bịch ấy để gây trở ngại cho hạnh phúc của tôi. Nhưng ông nhầm rồi, ông chớ hy vọng có thể đạt được mưu đồ. Bởi tôi vừa làm lễ cưới nàng Canzat hôm nay, tôi sẽ là chồng của nàng.

Câu nói sau cùng này làm tôi giận điên lên. Tôi quắc mắt nhìn nàng Canzat và chú Hua. Hai người đều có vẻ lo lắng, buồn rầu. Tôi kêu to: “Làm sao có chuyện như thế nhỉ? Ta vẫn hằng tin nàng Canzat luôn luôn chung thủy giống như ta, làm sao nàng Canzat có thể có một người chồng nào khác ngoài ta?”

Tôi định nói tiếp nữa, song một nỗi xúc động đột ngột trào lên chẹn ngang họng, khiến tôi không sao thốt ra lời được nữa.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM TÁM MƯƠI CHÍN

Suốt đêm hôm ấy, chàng trai trẻ kia và tôi tranh cãi nhau. Tôi càng tìm cách chứng minh tôi chính là Abunphauari, anh chàng dường như càng tin chắc hơn điều ngược lại. Về phần nàng Canzat và chú Hua, hai người chỉ lặng im đưa mắt nhìn nhau, ánh mắt họ không giấu được vẻ hồ thẹn. Trời vừa sáng, cả bốn người chúng tôi kéo nhau đến dinh quan chánh án.

- Bẩm quan lớn, – chàng trai trẻ nói – ngày hôm qua ngài vừa làm thủ tục cho tôi kết hôn cùng nàng Canzat, nhưng cuộc hôn nhân không thực hiện được, bởi bị một con người xa lạ đang đứng trước mặt ngài đây đến quấy phá. Ông ta cứ khẳng khẳng bảo mình là chồng bà này, tên ông ta là Abunphauari.

Viên chánh án lắc đầu, nói ai chứ ông Abunphauari thì ông có quen, người này không giống ông kia chút nào. Rồi hỏi nàng Canzat:

- Thưa bà, bà nghĩ sao về người này? Bà có tin đó là ông Abunphauari chồng của bà hay không?

- Bẩm quan lớn, – nàng đáp – cứ như mắt tôi nhìn thì đây không phải là con người ông, cứ như tai tôi nghe thì đây lại là giọng của ông ấy.

Tôi vội thưa với quan chánh án:

- Hỡi vị quan tòa công minh của những người Hồi giáo, cúi xin ngài hãy chú ý nghe lời tôi thưa đây! Xin ngài chớ phán quyết vội vàng, e ngài có thể tuyên một bản án không công bằng! Nếu người tôi thay đổi, ấy có lẽ do hệ quả những chuyện xảy ra với tôi gần đây nhất. Do một thời gian tôi sống dưới âm ti, cho nên mới có sự thay đổi dường này.

- Ông nói chi lạ lùng vậy? – Viên chánh án kêu lên – Một người trần có thể sống dưới âm ti ư?

- Chắc chắn có. – Tôi đáp. – Nếu ngài vui lòng nghe, tôi xin thuật lại hầu ngài những việc đã xảy ra.

Chàng trai trẻ nghe đến đây, vội chen vào thưa với viên chánh án:

- Bẩm quan lớn, ông này đã có sẵn trong đầu một câu chuyện hoang đường. Rồi ông ấy sẽ nói ra với ngài đủ điều kỳ diệu, ngài chẳng thể nào tin ông ta được đâu.

- Hãy im đi, – đến lượt viên chánh án ngắt lời y – ta muốn nghe. Ông hãy nói đi, ta nghe. – Ông quay sang bảo tôi. – Bảo đảm ta sẽ xét xử công minh.

Tôi lại bắt đầu kể chuyện, từ khi từ giã thành phố Basra cho đến ngày trở về. Nghe xong, viên chánh án nhìn nàng Canzat, chú Hua và chàng trai trẻ:

- Ta thấy công việc này quá hệ trọng, ta không thể tự quyết định một

mình. Những chuyện ông này kể quá khác thường, có thể cho ông ấy dối trá, song biết đâu ông nói đúng sự thật. Đó chính là điều cần làm rõ. Tất cả bốn người phải sang tận thánh địa Mêđin, thưa với Aly Ben Aly Talep, con rể vị tiên tri Mahomê, và hoàng đế Oma, Đấng thống lĩnh các tín đồ. Việc này đáng trình để hai vị ấy biết, rồi tự các vị sẽ phán quyết gian ngay.

Quan chánh án quyết định vậy. Bốn chúng tôi: nàng Canzat, chú Hua, chàng trai trẻ và tôi, đành kéo nhau tới cung yết kiến Đấng thống lĩnh các tín đồ. Nghe tôi thuật xong câu chuyện, hoàng đế phán:

- Những điều ông vừa trình ta nghe quá ư đặc biệt, ta không thể nào tin. Ngay tức khắc chúng ta phải đến khu vườn của Đấng tiên tri, ta sẽ thân hành cùng đi với bốn người. Vị con rể của Đấng tiên tri sẽ phán quyết chúng ta nên nghĩ sao về câu chuyện kỳ lạ này.

Cùng với hoàng đế Oma, chúng tôi sang vườn *Rauzê*. Lúc ấy ngài Aly đang câu nguyện bên cạnh ngôi mộ của Đấng tiên tri Mahomê. Hoàng đế nói:

- Thưa ngài, ta đưa đến trình ngài một người vừa kể những chuyện hoang đường, khiến ta không biết thế nào tin.

Ngài Aly hỏi tôi tên gì. Vừa nghe đáp, tôi tên là Abunphauari, ngài đã sôi nổi thốt lên:

- Hỡi Đấng tiên tri của Thượng đế! Thưa nhạc phụ Mahomê của tôi! Ngài dạy đúng. Tôi bệ hạ, – ông quay sang nói với hoàng đế – xin ngài vui lòng cho phép tôi nghe hết câu chuyện của người này hăng. Ông ta không phải là một người nói dối, bởi đức Mahomê đã báo tin cho tôi về người ấy từ lâu. Ngài còn cho biết sẽ có một người tên là Abunphauari một ngày kia sẽ đến tận vườn *Rauzê*, và sẽ kể cho tôi nghe những câu chuyện rất chân thực mà rất lạ kỳ. Ngày ấy cuối cùng hôm nay đã đến, ông Abunphauari đây sắp đáp ứng hiếu kỳ của tôi.

Sau khi thốt lên như vậy, ngài xin Đấng thống lĩnh các tín đồ cho phép tôi được trình bày. Hoàng đế phán:

- Vậy hãy cho anh được kể hết ra, ta vui lòng nghe thêm lần nữa.

Thế là tôi bắt đầu kể về những ngày tôi sống dưới âm ti. Đặc biệt tôi nói nhiều về các vị thần linh theo Hồi giáo, và thưa lại lời vua các vị thần ấy nhờ tôi tâu với Đấng thống lĩnh các tín đồ và ngài con rể của Đấng tiên tri. Cả hai vị, hoàng đế Oma và ngài Aly đều thú vị về những lời tôi nói. Hai vị ôm hôn tôi, cho tôi là con người hạnh phúc nhất trong tất cả con người đang sống ở thế gian, bởi tôi chưa qua đời thế mà đã có thể nhìn thấy nơi yên nghỉ dành riêng cho các họ hàng và bè bạn của đức Mahomê sau khi họ bước sang cõi vĩnh hằng.

NGÀY THỨ MỘT TRĂM CHÍN MƯƠI

Kết quả chuyến đi của tôi đến thánh địa Mêđin là hoàng đế Oma tin chắc tôi đúng là Abunphauari. Vua đuổi chàng trai trẻ về, và quyết định trả lại cho tôi nàng Canzat. Tiếp đó, ngài sai xuất trong kho của ngài ra hai nghìn đồng *xocanh* vàng ban cho tôi, cùng với một trăm tên nô lệ và một trăm con lạc đà.

Tôi trở về thành phố Basra, tậu một dinh cơ tráng lệ. Tôi sống ở đây với nàng Canzat như một người tình luôn luôn chung thủy. Tôi không hề trách nàng sao không đủ kiên nhẫn chờ đợi tôi mà vội đi lấy chồng. Đúng là nàng tỏ ra rất hối tiếc về chuyện ấy, và tình cảnh nàng cũng đáng được thể tất cho. Trong thời gian tôi vắng nhà, chú Hua không biết cách quản lý tài sản tôi để lại, hay đúng hơn, chú đã tiêu pha hết sạch sành sanh, thành ra muốn tránh trước cảnh quẫn bách, hơn nữa, cũng muốn tìm cho nàng Canzat một số phận êm đềm hơn, chú đã bày vẽ cho nàng việc nên nhận lời làm vợ một người bạn giàu có của chú ấy.

Tôi cũng chẳng xử sự khắt khe với chú em làm chi. Tôi quên đi những chuyện đã qua, và mọi người trong gia đình cùng nhau sống thương yêu đầm ấm. Ngoài những của cải hoàng đế Oma đã ban cho, đủ để sống cuộc sống phong lưu nhàn hạ, tôi còn may mắn phát hiện ra một kho tàng giấu trong dinh cơ tôi vừa tậu. Nhờ vậy, tôi có một khoản lợi tức rất lớn, cho dù sống xa hoa đến mấy cũng chẳng bao giờ lo tiêu pha hết.

CHUYỆN QUỐC VƯƠNG BÊRÊĐĐIN-LÔLÔ, TÊ TƯỚNG VÀ HOÀNG THÂN – PHẦN CUỐI

Người du hành Abunphauari kể đến đây ngừng lời. Quốc vương Bêrêđđin-Lôlô và hai người bạn đồng hành của vua đều nhất trí chưa bao giờ họ nghe những chuyện phiêu lưu kỳ thú đến vậy. Quốc vương còn nói thêm:

- Nhưng, thưa ngài Abunphauari, sau bấy nhiêu gian nan và phiền não, giờ đây hẳn ngài hài lòng lắm, hẳn ngài được hưởng hạnh phúc trọn vẹn. Đã từ lâu, tôi tìm kiếm một con người thật sự cảm thấy mình hạnh phúc. Đến khi sắp tuyệt vọng không tìm đâu ra, thì may mắn được gặp ngài, điều đó càng làm tôi thêm thú vị các câu chuyện của ngài. Hai ông bạn của tôi đây cứ một mực cho là, bất cứ người nào trên đời vẫn luôn luôn thấy thiếu một cái gì đó để có đầy đủ lý do tự lấy làm hài lòng về mình. Phần tôi, xưa nay tôi vẫn quả quyết điều ngược lại. Tạ ơn trời đã chứng minh hai ông bạn của tôi nhầm. Bởi, sau tất cả những điều ngài vừa thuật lại cho nghe, hai ông bạn của tôi giờ đây chắc hẳn không còn gì để nghi ngờ được nữa, ngài là một người rất hạnh phúc.

- Xin lỗi ngài, – người du hành đáp – hai ông bạn của ngài nghi ngờ là đúng. Chính ngài mới là người nhầm lẫn, khi ngài ngỡ rằng tôi là một người hạnh phúc lắm lắm. Không đâu, có một chi tiết tôi cô tình không nhắc lại khi thuật chuyện hầu các vị, ngài nghe đây khắc rõ. Thật ra nàng Canzat phải lòng chàng trai trẻ vừa làm lễ kết hôn với nàng, người mà tôi đã gặp ngày tôi trở về. Nói cho công bằng, nàng là người biết giữ trọn tiết hạnh, cho nên chẳng bao giờ tìm cách nói chuyện riêng với chàng trai; tuy vậy lòng nàng vẫn nặng mối tơ vương. Hơn một lần, tôi bắt chột nàng trong tâm trạng ấy, và điều đó khiến tôi đau buốt tâm can như có một lưỡi dao nhọn thọc vào con tim. Bởi tôi vẫn yêu nàng tha thiết hơn bao giờ, mà đã yêu quý nhau thì phải tế nhị với nhau, các vị có thể hiểu tôi buồn bã đến thế nào khi thâm nhận ra mình không thật sự được nàng yêu quý; từ đó các vị có thể suy ra, đời tôi còn xa mới được coi là một cuộc đời có niềm vui hoàn hảo.

Quốc vương thành Đamat không biết đáp thế nào. Thái độ ấy khiến tể tướng và hoàng thân hiểu, vậy là họ đúng khi dám quả quyết trên đời chẳng bao giờ có người hưởng lạc thú hoàn toàn.

Sau nhiều ngày đường, đoàn lữ hành cuối cùng về tới thủ đô Batđa. Ngài Abunphauari có công việc ở đây, thành ra quốc vương, tể tướng và hoàng thân xin chia tay ông ở đây, để tiếp tục cuộc hành trình về kinh thành Đamat. Họ đến nơi bình yên vô sự.

Vị đại thần được giao phó nhiệm vụ trông nom công việc quốc gia trong thời gian nhà vua vắng mặt, đã làm rất tốt công việc trọng đại. Tuyệt nhiên

chẳng có một lời ta thán về ông. Quốc vương trọng thưởng ông về đức trung thành và sự mẫn cán ấy. Tiếp đó, vua nói với tể tướng và hoàng thân như sau:

- Xin hai vị hãy giữ lại những chức vụ của hai vị như ngày trước, khi chúng ta cùng nhau lên đường. Giờ đây, ta chia sẻ ý kiến với hai vị. Ta tin chắc không có người nào trên đời không có chuyện phiền lòng. Những người hạnh phúc nhất là những người có các chuyện phiền lòng để chịu đựng hơn. Từ nay, chúng ta hãy thanh thản về vấn đề ấy. Nếu ta chưa cảm thấy hoàn toàn sung sướng, hãy nhớ trên đời có những người khổ hơn ta.

- Hoàn toàn đúng vậy, muôn tâu bệ hạ. – Hoàng thân Sêypen Muluc đáp. – Chắc chắn trên đời có nhiều người khổ hơn, cho nên chúng ta chẳng cần có lòng dửng cảm ghê gớm cho lắm mới chịu đựng được những bất hạnh thông thường trong đời người. Phần tôi, tôi sẽ cố khuấy nguôi chuyện không lấy được làm vợ nàng Bêđy-an-Giêman xinh tươi thời thượng cổ. Và hoàng thượng cùng ngài tể tướng cũng vậy, – hoàng thân mỉm cười nói tiếp – hai ngài nên khuấy khỏa chuyện đã đánh mất đi những người yêu quý của mình. Hiện nay, giả sử các nàng ấy còn sống, nhan sắc các nàng hẳn không còn gây nên thảm họa cho quan chánh án thành phố cũng như cho chú hầu trong nội cung.

Đến đây, bà nhũ mẫu Xutlumêmê kết thúc câu chuyện về quốc vương thành Đamat và vị tể tướng của ông. Các nàng hầu của công chúa, theo thường lệ, lại nồng nhiệt vỗ tay tán thưởng. Mọi người ca ngợi lòng chung thủy của các đấng tình quân trong các câu chuyện họ vừa nghe. Trong khi công chúa, theo thói quen của nàng, lại cố tìm ra chỗ hở để chê bai lòng trung thành của các vị tình quân.

Thái độ của nàng chẳng làm nản lòng bà nhũ mẫu. Bà xin phép được kể tiếp những câu chuyện khác. Công chúa chấp thuận, ngày hôm sau bà nhũ mẫu bắt đầu kể một câu chuyện nữa như sau:

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI

Một hôm, hoàng đế Harun An Rasit đang ngồi với hoàng phi sủng ái nhất của người, nàng Xutanum, trong một căn phòng nhìn xuống sông Tigris. Từ đây có thể quan sát những người đi dạo trên bờ con sông ấy mà không để họ nhìn thấy mình. Vua và hoàng phi chợt để ý hai người bộ hành, một người khá trẻ, một cụ rất già. Vua và hoàng phi chăm chú quan sát người thanh niên và cụ già ấy, bởi không hiểu sao họ cứ cười ngặt nghẽo mãi không thôi. Bản tính hoàng đế vốn người rất hiếu kỳ, vua gọi một võ quan đến, giao nhiệm vụ mời ông già và chàng trai trẻ kia vào cung gặp hoàng đế.

Viên võ quan tuân lệnh, mời hai người vào chầu vua. Hoàng đế hỏi căn cớ gì khiến hai người cười ngặt nghẽo mãi không thôi. Cụ già cất lời đáp:

- Muôn tâu bệ hạ, già đang đi dạo với chàng trai này. Chàng kể cho già nghe một câu chuyện thú vị. Đến lượt mình, già lại kể một chuyện vui, chàng thấy thích thú quá phá ra cười, và cái cười của chàng lây sang cái cười của già, cả hai người không sao nín được

- Ta rất thích nghe các câu chuyện ấy, – hoàng đế phán – và chắc phụ nhân đây ý kiến cũng giống ta. Vậy cụ già hãy kể lại cho chúng ta nghe câu chuyện của cụ trước, sau đó đến lượt chàng trai.

Tuân lệnh vua, cụ già bắt đầu kể chuyện như sau:

CHUYỆN HAI ANH EM THẦN LINH: ĐI VÀ ĐÁI

Tại vùng phụ cận thành phố Maxulipatan thuộc vương quốc Gôncông nằm trên bờ biển Coromanden có một chị nông dân chăm lo làm lụng để nuôi nấng hai cô con gái khá xinh. Cô chị tên là Fatim vừa tròn mười bảy tuổi. Cô em là Cađi mới mười hai. Gia đình ấy sống trong một túp lều cách xa mọi xóm thôn, và sống dựa vào đôi bàn tay lao động. Nhà kề bên một ngọn suối, ba người trong gia đình dùng nguồn nước suối này giặt thuê quần áo cho một số người khá giả trong thành phố vốn quen đặt hàng cho họ. Thông thường, sau khi chị nông dân cùng hai cô con gái giặt giũ phơi phóng đâu vào đấy, họ còn chịu khó đi hái hoa tươi về ướp cho quần áo mới giặt càng thơm tho hơn.

Một hôm người mẹ vào một đồng cỏ hái hoa tươi. Mải mê công việc, chị không chú ý một con rắn độc nấp trong bụi hoa. Chị vô tình khê chạm tay vào nó. Con rắn mổ ngay một nhát vào tay chị. Chị hoảng hốt kêu thét lên, hai cô con gái vội chạy tới. Bàn tay người mẹ trong chốc lát đã sưng phù, nọc độc chỉ sau mười lăm phút đã theo các mạch máu chạy lên đầu và thấm vào lục phủ ngũ tạng của người đàn bà bất hạnh.

Người phụ nữ ấy, thấy mình đến lúc sắp phải lìa trần, không quên làm nhiệm vụ một bà mẹ hiền. Chị dặn dò các con gái như sau:

- Các con của mẹ ơi, mẹ rất buồn phải ra đi đúng giữa lúc các con đang cần có mẹ khuyên bảo đỡ đần. Mẹ sắp mất rồi. Điều an ủi mẹ phần nào là ơn trời, mẹ đã dạy dỗ các con thành những cô gái ngoan. Các con hãy luôn luôn giữ gìn đức hạnh, phải thực hiện đầy đủ mọi lời răn dạy của Đấng tiên tri Mahomê. Quan trọng hơn cả, các con không bao giờ được rời bỏ tôn giáo của chúng ta mà đi theo những kẻ vô đạo. Thôi thì các con có gì sống nấy, cố làm lụng kiếm chút ít để lần lữa qua ngày, như ba mẹ con ta vẫn làm từ trước tới nay, chớ nên làm việc xấu, hy vọng rồi trời đoái thương, sẽ có lúc nhìn lại. Mẹ căn dặn hai con phải luôn luôn hòa thuận với nhau, nếu có thể được, chớ nên bao giờ xa nhau, vì hạnh phúc của hai con là ở chỗ luôn luôn có chị có em. – Quay sang đứa con gái út chị nói tiếp – Con Cađi yêu quý của mẹ, con còn bé, con hãy luôn vâng lời chị, bao giờ chị cũng chỉ khuyên con điều hay việc tốt mà thôi.

Trời trắng đến đây, chị nông dân kiệt sức, cố gắng ôm hôn con, và qua đời trong vòng tay của hai cô con gái.

Hai cô khóc như mưa, kêu la ầm ĩ cả cánh đồng. Hai chị em than khóc mẹ đến khô cả nước mắt, rồi mệt quá cùng nhau ngồi ủ rũ, cho đến lúc không thể không cố gắng đứng lên làm những việc cuối cùng cho mẹ. Hai chị em lấy hai cái thùng vẫn dùng chăm chút mảnh vườn rau nhỏ sau nhà, cùng

nhau hì hục đào một cái hố cách nhà chừng năm mươi bước. Vất vả lắm hai cô mới mang được thi hài mẹ ra tới chỗ ấy, đặt xuống, lấp đất và phủ hoa tươi lên mộ.

Sau đó, quay trở về nhà, hai cô chẳng thiết ăn uống gì nữa, vật xuống giường ngủ thiếp đi sau một ngày mệt nhọc và đau buồn.

Ngày hôm sau, cô chị là người hiểu biết hơn, nói với em không thể không làm công việc thường ngày để kiếm sống. Chị bảo em tìm hai cái giỏ, lấy quần áo mẹ và chị vừa giặt xong ngày hôm trước bỏ vào, rồi hai chị em mỗi người đội một giỏ quần áo trên đầu, đi vào thành phố Maxulipatan định trả hàng giặt thuê cho các chủ.

Hai cô đi khỏi nhà chưa được một trăm bước, chợt gặp một ông già nhỏ bé thọt chân, ăn mặc khá sang trọng. Ông già chăm chăm ngắm hai cô. Ông có vẻ già đến trăm tuổi, tay chống gậy; nhờ có cái gậy ấy tuy tuổi rất cao, ông vẫn bước đi khá nhẹ nhàng.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI MỐT

Ông già thấy hai cô gái bắt mắt. Ông cố dịu lời hỏi:

- Các cô đi đâu vậy, hồi hai bé gái xinh tươi?

- Chúng cháu đi vào thành phố Maxulipatan. – Cô chị đáp.

- Tôi có thể hỏi, mong các cô chớ lấy thể phiến lòng, hai cô làm nghề nghiệp gì? Hai cô có gì cần được giúp đỡ hay không?

- Thưa ngài, – cô Fatim đáp – hồi ôi, chúng cháu chỉ là những người nhà quê và là những đứa con côi cút. Mẹ chúng cháu không may gặp nạn vừa mới mất hôm qua.

Cô nói mà không cầm được nước mắt. Ông già đáp:

- Ta tiếc không được gặp mẹ hai cô trước khi bà qua đời. Nếu gặp, ta đã bày cho bà một bài thuốc có thể chữa khỏi rắn cắn, hết nọc độc nội trong hai ngày. Các con ơi, ta rất xúc động trước nỗi buồn của hai con. Nếu hai con tin cậy vào ta, đồng ý để ta chăm nom cuộc đời cho các con, thì các con có thể coi ta như một người bố đẻ.

Ông chăm chăm nhìn cô Cadi và nói tiếp:

- Nhất là cô bé này. Không hiểu sao trong lòng ta cảm thấy thương yêu cô bé đến thế. Nếu hai cô đồng ý đi theo ta, ta hứa sẽ tạo cho các cô một cuộc sống giàu sang hơn thân phận các cô hiện nay nhiều. Rồi đây hai cô sẽ cảm tạ vận may đã xui khiến được gặp ta trên đường.

Nói xong, ông già lo lắng chờ đợi câu trả lời. Ông lo lắng là phải, bởi tuổi tác và bộ dạng lụ khụ của ông chẳng có gì hấp dẫn đối với hai cô gái trẻ, mong gì lời đề nghị của ông được chấp thuận. Tuy nhiên, cho dù cảm thấy không vui, cô Fatim đủ trí khôn để nhận ra, trong tình cảnh quẩn bách của hai chị em hiện nay, việc ông già nêu lên thật không đáng quan tâm lắm. Ông già nhận thấy cô gái có vẻ lo âu và lưỡng lự, liền nói tiếp:

- Con gái ơi, nếu con suy nghĩ kỹ về những hiểm nguy hai chị em sống thui thủi ở một nơi hẻo lánh xa dân cư thế này, hẳn con sẽ không còn lưỡng lự. Chẳng nơi nương tựa, các con nghĩ rồi đây các con thân cô thế cô, có thể tránh được mọi cạm bẫy độc ác và tinh ranh bọn người xấu vẫn chẳng ra để làm hại sự ngây thơ của các con sao? Cho dù các con đủ đức hạnh để không nghe những lời quyến rũ đường mật, làm sao các con có thể chống chọi mọi xúc phạm và tội ác của bọn họ cơ chứ? Các con chẳng có gì phải lo sợ khi về sống với một người như ta. Tuổi tác ta già nua thế này, các con chẳng có gì phải ngại ngùng, mặt khác nhờ cao tuổi ta lại có kinh nghiệm giúp các con chống đỡ khi có người mưu đồ làm điều xấu. Các con hãy bỏ công việc nặng nhọc đang làm ấy đi, chẳng đủ sống qua ngày đâu. Về nhà với ta,

không những có đủ mọi thứ cần thiết hằng ngày, hơn thế tương lai các con sẽ sáng sủa. Ta có thể nói hạnh phúc cuộc đời các con tùy thuộc vào chỗ các con có nhận lời như ta đề nghị hay không. Chẳng có cách nào tốt hơn thế cho các con đâu. Nếu mẹ các con còn sống, hẳn bà đã tin ngay lời ta. Các con về ngôi nhà ta giao cho ở, sẽ an toàn hơn nơi các con đang sống hiện nay.

Ông già nói quá khéo, cô Fatim bắt đầu xiêu xiêu. Cô đáp:

- Thừa ngài, cháu thì cháu tin phần lớn lời ngài. Cháu sẵn sàng làm theo những điều phúc đức ngài định dành cho cháu và em gái cháu. Nhưng ngài vừa nói ngài đặc biệt có cảm tình với em, điều ấy liên quan nhiều đến em gái cháu, nên cháu muốn hỏi ý kiến em trước khi trả lời ngài dứt khoát. Này, em Cađi ơi, em có sẵn sàng để ngài đây chăm lo cuộc sống cho em, em có đồng ý nhận ngài làm chồng? Chị tin ngài đây biết thế nào là điều phải, chẳng sợ ngài nữ lạm dụng sự non nớt của hai đứa con gái cô cút như em và chị, những đứa rồi đây chỉ biết dựa vào tấm lòng phúc hậu của ngài để có được yên vui.

- Không đâu, chị Fatim, – cô bé Cađi đỏ mặt và trả lời – ông ấy quá già và quá xấu.

Sự ngây thơ của em gái làm cho Fatim phiền lòng, bởi viễn cảnh ông già vừa phác họa nên làm cho cô xiêu trong dạ. Cô nói:

- Em gái ơi, đúng là em đang ở tuổi chưa biết suy nghĩ, cho nên em chưa biết cách đáp ứng lòng nhân hậu ngài đây vừa bày tỏ với em. Em không nên nói những lời khiếm nhã, ngược lại nên thấy, hạnh phúc của em là được vừa mắt ngài.

- Vâng, đúng vậy, – cô bé vừa khóc vừa đáp – quả đúng là phải cảm ơn tấm lòng nhân hậu của ngài, tuy nhiên, còn có nhận ra được thế là hạnh phúc hay không, em chẳng biết, em chỉ thấy làm sao thích thú được khi lúc nào cũng trông thấy một con người già nua xấu xí thế này lù lù trước mắt.

- Em không nên nói năng cách ấy. – Cô chị khuyên.

- Em chẳng biết nói năng cách nào khác. – Cô em cãi. – Nếu chị cho được ngài vừa lòng là một hạnh phúc, tại sao ngài không mê chị, là người xinh đẹp hơn hiểu biết hơn em? Ngài ấy hãy yêu chị đi, để xem chị có yêu ngài được hay không?

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI HAI

Những lời nói cộc cằn của cô bé làm ông già buồn. Ông thốt lên:

- Mọi người hãy nhìn xem số phận dành cho tôi! Mắt tôi từng trông thấy biết bao giai nhân tuyệt sắc nhất phương Đông, thế mà cho đến tuổi này, tìm tôi chưa từng rung động trước một người đẹp nào, ấy vậy mà hôm nay không hiểu sao tự dưng tôi lại đem lòng yêu thương một cô gái đang ghét đang hận tôi dường ấy! Tôi nhìn rõ số phận đen đui khủng khiếp đang chờ đợi mình. Thế nhưng số mệnh lại buộc tôi không thể không nghe theo tiếng lòng.

Mắt ông già đầm lệ khi ông thốt ra những lời trên. Cô Fatim, bản tính nhân hậu, đem lòng thương hại. Cô nói với ông già:

- Thưa ngài, xin ngài chớ buồn, nỗi đau của ngài không phải không có thuốc thang chạy chữa. Xin ngài chớ vội lo âu trước những câu thốt ra đầu tiên từ miệng một đứa bé chưa biết cái gì thích hợp với mình. Với thời gian, rồi em sẽ khôn lớn lên. Quả ngài không còn có ưu thế của tuổi trẻ, song cháu tin ngài là một con người trung hậu, tình yêu và sự chăm sóc của ngài cuối cùng sẽ làm em cháu xúc động. Hai chị em cháu muốn đi theo ngài, cháu xin hết lòng tận tụy giúp đỡ ngài.

- Nhưng, chị ơi, – cô bé buồn rầu ngắt lời chị – nếu ngài cứ quấy rầy em và ép buộc em phải yêu ngài, thì em sẽ bỏ trốn đi, và em không chịu trách nhiệm về chuyện ấy đâu, chị Fatim nhé.

- Không đâu, bé Cađi xinh xắn à, Cađi sẽ chẳng bị quấy rầy đâu, ta xin thề như vậy với em trước tất cả những gì thiêng liêng nhất trên trái đất này. – Ông già nói. – Ta sẽ chẳng ép buộc gì em sắt. Em sẽ là chủ nhân tuyệt đối của tất cả tài sản của ta. Nếu em muốn có một chiếc áo đẹp hoặc bất kỳ đồ trang sức nào, chỉ cần nói ra, em sẽ có ngay lập tức. Ta sẽ quan tâm thực hiện mọi ý muốn của em. Hơn nữa, nếu sự nhìn thấy ta khiến em phiền lòng, thì ta sẽ khuất mắt để em đỡ phải nhìn thấy ta, cho dù việc ấy làm cho ta đau lòng lắm lắm.

Lúc này, cô Fatim ngỏ lời nói với ông già:

- Cháu thấy, với những điều kiện ngài vừa bày tỏ, em gái cháu dường như đã sẵn sàng đi theo ngài. Vậy xin ngài vui lòng cho chị em cháu mang các thứ vừa giặt giũ này trả lại các nhà chủ, rồi chúng cháu sẽ quay trở lại đây ngay tìm ngài.

- Không, – ông già kêu lên – xin cô chớ bắt em gái cô phải đi xa tôi, tôi van cô đấy! Có thể do lý trí, cũng có thể do linh tính, tôi tin nếu hai cô bỏ tôi mà đi, tôi sẽ không bao giờ gặp lại nữa, và rồi tôi sẽ chết vì buồn tiếc mất thôi. Cô vừa nói cô sẽ quay trở lại đây ngay? Vậy thì cô hãy để em gái cô ở

lại đây với tôi! Cô sợ gì nào? Cô có thể tin...

- Không, không đâu, – bé Cađi vội vã ngắt lời – tôi không muốn ở lại một mình với ông, tôi muốn đi theo chị tôi cơ.

- Tại sao, hờ em Cađi? Tại sao em không ở lại đây với ngài? Chị sẽ quay trở lại đây ngay chốc lát mà. – Cô Fatim muốn lấy lòng ông già. – Em Cađi ơi, chị van em hãy chờ chị ở đây, em cần phải ở lại đây để an ủi ngài một chút, sau khi em thốt ra những lời không được lịch sự lắm về ngài như vừa rồi!

Cađi hết sức ngại ngùng không muốn ở lại một mình với ông già, nhưng không dám cưỡng lại ý chị gái, mà cô coi như một người mẹ thứ hai. Vậy là cô Fatim đỡ luôn cả cái giỏ áo quần của em gái và tiếp tục mang hai cái giỏ đi ra thành phố, không quên dặn ông già hãy gượng nhẹ đầu óc ngây dại của em thơ.

Fatim không quay lại ngay như đã hứa, mà đợi suốt cả ngày hôm ấy vẫn không trông thấy cô chị quay trở lại. Cađi lo âu không thể nào kể xiết. Đến khi trời sập tối, em mất hết kiên nhẫn, không tiếc lời trách móc ông già:

- Chính ngài là người mang tai họa đến cho nhà tôi. Giá không xui xẻo gặp ngài giữa đường, tôi đã đi cùng chị gái tôi ra thành phố. Nếu chẳng may có điều gì không hay xảy ra với chị, đã có tôi đỡ đàn chia sẻ, còn hơn ở lại đây với ngài.

Lời nói làm ông già buồn rầu thêm. Ông không biết nên đáp thế nào, sợ nói ra càng làm cho cô bé vốn đang hận ghét ông càng thêm bức bối. Ông cố gắng tìm đủ lời lẽ trấn an cô, nhưng càng nói càng làm cho cô bé thêm lo âu và căm ghét. Cô bảo ông hãy im mồm đi, rằng cô muốn đi ra thành phố Maxulipatan ngay lúc này để kiếm chị Fatim mặc cho đêm tối đen như mực và một trận mưa rào vừa ập xuống. Như vậy vừa để không phải ở qua đêm với ông già, vừa muốn tìm rõ tin tức về chị gái. Tuy nhiên, ông cũng làm cho cô thay đổi ý kiến, nói chắc hẳn chị Fatim tạm trú ở một nơi nào đó, vì thời tiết quá xấu chị không kịp trở lại, chắc hẳn khi trời vừa sáng ra chị Fatim sẽ về đến đây ngay với em. Ông già còn khuyên, cách hay nhất lúc này là nên trở về túp lều hai chị em, và đến sáng hôm sau, nếu chị Fatim vẫn chưa trở về, ông sẽ đi tìm chị khắp nơi khắp chốn.

Cho dù rất ghét ông già, những lý lẽ ấy Cađi nghe cũng phải, đành đồng ý. Hai người trở về túp lều, cùng dùng một bữa tối đạm bạc chỉ có mấy quả chà là đun với nước trong, rồi quay trở lại cùng nhau lo lắng những điều không may xảy đến trong ngày. Cô gái bé suốt đêm chỉ kêu khóc làm náo động cả lên, người tình già của cô cũng chẳng vui vẻ gì hơn. Trời vừa hửng sáng, hai người ra khỏi túp lều, cùng nhau ra thành phố Maxulipatan. Đến hỏi những nhà cô gái vẫn giao trả áo quần, đều được trả lời hôm qua không thấy cô

Fatim mang hàng tới trả. Không chỉ bằng lòng có vậy, hai người đi tìm cô chị ở từng đường phố một, hỏi thăm tin tức ở từng nhà một, nhưng mọi công sức của họ đều không đem lại câu trả lời.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI BA

Hai người đều rất lo không hiểu rõ số phận Fatim ra sao. Họ đều có một việc bất thường nào đó xảy ra thêm nữa với cô gái đáng thương. Cô em Cađi cứ than vãn sao mình không đi theo cùng chị gái, và trả lời hết sức cộc cằn mọi lời an ủi của ông già. Thâm tâm ông cũng đau đớn chẳng tìm được cách nào để cô bé bắt kham ấy nghe ra lẽ phải.

Hai người dành đến bảy, tám ngày đi tìm hỏi khắp thành phố và các làng xóm vùng phụ cận. Trong vòng bán kính tám dặm, không một tòa dinh cơ hay ngôi nhà nhỏ nào không được ông già và cô bé đến hỏi thăm tin tức về chị Fatim, nhưng đều không thấy tăm hơi người chị gái. Cuối cùng, không biết làm cách gì khác, hai người buồn bã quay trở lại túp lều. Ông già thấy Cađi ngày càng âu sầu buồn bã, cũng đau lòng lắm. Ông tìm lời nói với cô, nước mắt lưng tròng:

- Em bé Cađi ơi, em hãy nghỉ ngơi một lúc, chớ nên âu sầu triền miên vậy! Ta xin nói em rõ, em còn phải lo toan những việc khác. Em cần nhớ, sau khi mẹ em qua đời và chị em mất tích, còn mình em sẽ không được an toàn trong nếp nhà này. Ta sợ vẻ xinh xắn của em rồi làm cho bọn trẻ sẵn sàng tìm cách xúc phạm. Làm sao ta già yếu thế này, có thể bảo vệ được em trước sự mạnh động của bọn thanh niên ấy? Hơn nữa, ở đây em làm gì ra để ăn cho đủ bữa? Tuổi thơ non dại như em, bất kỳ ai cũng chưa thể kiếm sống một mình. Hơn nữa, số tiền ít ỏi ta mang theo người đã tiêu gần hết, mà ở đây cái gì cũng thiếu thốn. Em hãy suy nghĩ cho kỹ đi, em Cađi xinh tươi à, em hãy bằng lòng cho ta đưa em ra thành phố, ở đây ta có ngôi nhà ta vẫn ở thường xuyên. Trong nhà ta, thứ gì cũng đầy đủ, em có thể là chủ nhân của tất cả những thứ ấy và cả số phận của ta nữa.

Cụ già nói xong, lo lắng chờ xem cô thiếu nữ sẽ trả lời thế nào, và với cô bé cứng đầu ấy không phải không có lý do. Thấy Cađi vẫn im lặng, mãi nghĩ đến chuyện mất người chị gái nhiều hơn lo cho thân phận của mình, ông đành phải lựa lời nhắc lại lần nữa. Để ông phải năn nỉ đến hai chục lần, cô gái mới đồng ý đi theo ông, bảo tùy ông muốn đưa cô đến nơi nào cũng được.

Hai người rời túp lều lên đường. Trước khi đi, ông già còn cẩn thận lấy một hòn than ghi lên cửa nơi ông và em Cađi sẽ đến, để may ra chị Fatim quay lại nhà, sẽ biết chỗ để đi tìm hai người. Rồi khóa trái cửa lại, bỏ chìa khóa vào hộc một thân cây gần nhà, nơi ba mẹ con trước đây thường giấu chìa khóa.

Cái thành phố ông già định đưa Cađi đến chỉ cách chỗ này chừng ba ngày đường. Tuy nhiên một ông già một trăm tuổi và một cô gái mười hai tuổi làm

sao đi một mạch được, thành ra hai người phải mất đến bảy ngày mới tới nơi. Hai người cùng kiệt sức vì mệt và đói. Việc đầu tiên là ông già – tên ông là Đahi – sai người ra phố mua những thức ăn ngon lành nhất, và luôn miệng hối thúc người đi mua hãy nhanh nhanh lên. Sau khi ăn vào, cơn đói dịu đi, ông Đahi thân hành dẫn cô gái vào một căn phòng khá sạch sẽ để cô nghỉ lại đây, còn mình sang nghỉ tại một phòng khác.

Ngày hôm sau, ông già ra phố chọn mua những vải lụa đẹp nhất, nhờ người may mặc cho cô gái. Lại tậu cho cô một bà nô lệ già để đỡ đàn công việc hằng ngày, bà này là người rất thành thạo trong việc trang điểm các thiếu nữ. Cô Cadi thú vị thấy cuộc sống của mình đã thay đổi; cô không lạ tình cảm ông già đối với mình, song vẫn ngạc nhiên không rõ mình có cái gì để có được quyền lực tuyệt đối đối với ông già như thế. Thỉnh thoảng cô nghĩ, phận mình được như thế này phải chịu ơn sâu của người ấy, và trong thâm tâm cô rất biết ơn ông. Tuy nhiên những suy nghĩ ấy vẫn không làm cô bé cảm thấy giảm bớt ngại ngùng, khó chịu khi phải đối mặt với ông già. Ngoài những áo quần và đồ trang sức, ông già giữ vẹn lời đã hứa với hai chị em ngày trước. Ông rất tôn trọng cô, điều khiến cô rất mực hài lòng, mặc dù không vì thế nhận thấy có chút rung động nào đối với sự quyến luyến cũng như hình hài người đàn ông ấy.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI TƯ

Phải ba tháng trôi qua, cô Cađi mới khuây nguôi được chừng nào. Nỗi ám ảnh về việc mất người chị là vị đắng cay trộn lẫn sự ngọt ngào do điều kiện sống của cô hiện tại mang lại. Cô luôn luôn tự trách khi nhớ đến lời bà mẹ trăng trối lúc lâm chung, hai chị em chớ nên bao giờ xa nhau. Tuy nhiên nỗi đau mỗi ngày mỗi vơi đi một chút, ấy là lẽ thường tình do tác động của thời gian.

Một hôm, hơi mệt sau một cuộc dạo chơi, Cađi đi nghỉ sớm hơn thường lệ. Cô ngủ thiếp đi một giấc ngủ rất sâu. Trong cơn mơ, Cađi thấy một chàng trai hiện lên rõ mồn một trước mặt, gây ấn tượng sâu sắc đến đầu óc cô gái. Chàng trai ấy ăn mặc rất sang trọng, nét mặt và nhất là mái tóc vàng của chàng làm Cađi rất thích. Trong khi cô đang chăm chú ngắm chàng, thì chàng trai ấy ngỏ lời:

- A, em Cađi của anh, em đang nghĩ gì vậy? Em đã quên mất chị Fatim rồi sao? Em nghĩ đã có nhiều bộ quần áo đẹp của ông Đahi may cho rồi, không cần tìm đến chị gái nữa ư? Chắc không phải vậy. Ta bảo em biết, em chỉ có thể có được hạnh phúc bằng cách sang đảo Xumatra tìm kiếm chị gái mà thôi. Hãy nhìn kỹ anh đây, anh là người Định mệnh trao cho em lấy làm chồng.

Nói xong, chàng trai biến mất. Cađi bừng tỉnh giấc. Hình ảnh chàng trai vẫn rõ mồn một trong trí nhớ, làm cô nghĩ đây không phải là một giấc mơ mà là một sự hiện hình.

Những lời cái bóng ma đáng yêu ấy nói với cô trong mộng quá phù hợp với tình cảnh thực tế hằng ngày, khiến Cađi không thể không ngạc nhiên. Mặc dù cô đã khá lớn, đủ trí khôn để nghĩ trên đời không thể có một người giống hệt người cô thấy trong mộng, cô vẫn ghi nhớ mồn một nét mặt của chàng. Vậy là Cađi quyết định, đề sau này đỡ phải hối tiếc, phải nói ra chuyện ấy với ông già và xin đi đến đảo Xumatra, và dứt khoát phải thổ lộ ngay không chậm trễ ý định ấy cho ông già rõ.

Ông già ngạc nhiên nghe Cađi kể lại, ông thấy giấc mơ kỳ lạ quá, không nên xem đây chỉ là chuyện mộng mị bình thường. Ông nói với cô gái:

- Ta sẵn sàng dâng cả cuộc đời ta để làm hài lòng em. Ta đồng ý cùng em đi sang đảo Xumatra, cho dù có ít khả năng sang bên ấy sẽ biết rõ số phận chị gái em. Ta chịu tác động khi nghe kể về giấc mộng chẳng mấy khác em, bởi vậy ta cùng em đi sang đảo ấy không chỉ nhằm vui lòng em, còn để đáp ứng mong muốn của chính ta nữa.

Vậy là quá đủ cho cô gái dứt khoát quyết định lên đường đi Xumatra. Cô nôn nóng, đến mức gần như không để cho ông già kịp thời gian chuẩn bị. Cô

sốt ruột muốn gặp lại chị gái, ít nhất cũng biết ít nhiều tin tức về chị. Hai người nhất trí, trước hết nên quay trở lại túp lều, xem thử chị Fatim đã về ở đây chưa, biết đâu trong thời gian hai người đi vắng, chị lại trở về tìm em. Sau đây mới đến thành phố Maxulipatan, rồi từ đây đáp chuyến tàu thủy nào sẽ khởi hành đi sang đảo Xumatra sớm nhất.

Để dùng làm phương tiện đi đường, ông Đahi tìm mua ba con ngựa. Ông mang theo tất cả số tiền vàng có sẵn trong nhà, cùng một ít châu ngọc khâu vào lần vải bên trong chiếc thắt lưng ông vẫn thắt trên người. Tiền bạc còn lại, ông ký thác cho một người bạn già, và nhờ ông bạn nói lại với Fatim, trong trường hợp cô gái đến đây, xin cô yên tâm chờ ở thành phố này cho đến khi hai người trở về.

Vậy là khởi hành. Ông Đahi cưỡi con ngựa khỏe nhất, cho cô gái ngồi sau lưng mình; bà già giúp việc cưỡi con thứ hai, còn con thứ ba xếp tất cả hành lý của họ, do một người nô lệ da đen cầm cương dắt đi.

Với bộ sậu ấy, đoàn lữ hành bé nhỏ chỉ cần có hai ngày để trở lại nơi túp lều của hai chị em. Chìa khóa nhà vẫn còn nằm nguyên trong gốc cây nơi họ giấu; vào trong nhà, không thấy có sự thay đổi nào kể từ ngày họ ra đi, khiến có thể nghĩ chị Fatim chưa từng một lần trở lại. Quang cảnh ấy làm họ càng quyết tâm đi đảo Xumatra luôn. Ba người vội vã đến thành phố Maxulipatan. May sao biết tin có một chiếc tàu buôn từ cảng Dahem mang nhiều hàng hóa đến đây bán xong xuôi, chỉ sau hai ngày nữa tàu sẽ lại giương buồm trở về cảng ấy.

Ngay tức khắc, ông Đahi gặp chủ tàu thương lượng. Sau đây ông trở về báo tin cho cô gái biết. Hai người chọn mang theo những thứ tiện lợi và cần dùng trong một chuyến đi lâu ngày để lên tàu. Ba con ngựa không còn cần thiết nữa, mang bán đi.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI LĂM

Hai ngày sau, họ lên tàu. Thời tiết thuận lợi, tàu chạy khá nhanh. Cô gái trẻ ngạc nhiên chỉ nhìn thấy có trời và nước, nhưng mong ước gặp chị khiến cô không nao núng. Ông già tìm đủ mọi cách cho cô đỡ buồn. Khi ông kể chuyện vui, lúc khác ông lại nói những chuyện nghiêm túc trên đời, nhằm mục đích bồi bổ kiến thức cho cô gái.

Thấy cô rồi rãi, ông nghĩ không nên để lâu hơn nữa không nói thật cho cô biết ông là ai, có gì đặc biệt xảy ra trong số phận ông. Cô gái cũng biết tình cảm của ông già đối với mình có cái gì đó khác thường, nhưng cô nghĩ đây chẳng qua là tính chơi ngông của người già, hoặc do sự phù hợp tình cờ nào đó tạo nên. Bởi vậy cô khá ngạc nhiên, khi nghe ông già mở đầu câu chuyện như sau:

- Em nên biết, nhìn tôi già khăng và lom khom thế này, nhưng tôi là một con người bất tử, tôi không chết bao giờ.

Ông dừng lại, để chờ xem phản ứng trong tâm hồn cô gái ra sao sau khi nghe ông nói thật ra điều ấy. Ông dễ dàng nhận ra câu ông vừa nói khiến nàng có vẻ bối rối lắm. Thoạt tiên, cô cũng thoáng chút nghi ngờ, không biết ông có nói nghiêm túc không, nhưng rõ tính ông già xưa nay chẳng bao giờ báng bỏ ai hoặc bất cứ điều gì, cô tin ngay ông nói đúng sự thật. Cô liền bảo:

- Thưa ngài, em chịu ơn ngài rất nhiều. Nhờ có ngài em mới được sống sung túc thế này. Nhưng em nghĩ điều ngài vừa cho em rõ chẳng ích lợi gì mấy đối với ngài. Không biết em nói ra có làm ngài phật lòng hay không. Em nghĩ, già nua và tàn tật như ngài, sống cho lâu lắm phỏng được lợi ích gì?

- Cuộc sống đối với tôi quả là một gánh nặng, – ông già nói tiếp – và có thể tôi đã trách ông trời sao không cho tôi được giống như mọi người trên trần thế, nếu như từ trước tới nay con người tôi vẫn giống thế này. Nhưng, em Cađi à, tôi nói ra sẽ làm em ngạc nhiên nữa, đây chỉ là một hình dạng tạm thời và lạ lẫm của tôi mà thôi. Xưa kia tôi cũng có những nét khả ái khiến cho những người thuộc phái đẹp ưa nhìn chứ không làm cho họ phát khiếp như nhìn tôi lúc này; thêm vào những nét khả ái mà người đẹp quan tâm ấy, tôi lại có ưu thế là được hưởng một tuổi thanh xuân vĩnh viễn. Nước da tôi vốn trắng đẹp tựa sắc hoa nhài, nét mặt tôi luôn tươi tỉnh tựa đoá hoa hồng. Tóm lại, không chỉ trên khuôn mặt mà cả tất cả dáng vẻ người tôi, cái gì cũng toát ra những nét hấp dẫn.

- Vậy tại sao, – cô bé Cađi sốt ruột ngắt lời – tại sao ngài không biến dạng và mang luôn hình dạng đáng yêu ấy? Thay đổi như thế, chỉ có lợi hơn cho ngài mà thôi.

- Than ôi! – Ông Đahi thở dài – Đây chính là điều làm tôi đau khổ. Cũng như tôi luôn luôn đau khổ vì phải xuất hiện trước mắt em với khuôn mặt đáng kinh tởm này.

- Vậy điều bất hạnh ấy của ngài chẳng bao giờ chấm dứt hay sao?

- Chỉ tùy thuộc ở em để điều bất hạnh ấy chấm dứt. – Ông đáp. – Chỉ cần em yêu tôi thì điều bất hạnh ấy của tôi khắc chấm dứt ngay.

Cô gái ngây thơ đáp:

- Nếu chỉ cần có thế thì em sợ bộ dạng của ngài sẽ chẳng bao giờ thay đổi được. Nhưng, thưa ngài, – cô hỏi tiếp – làm sao em có thể tin những lời ngài vừa nói là đúng sự thật?

- Em chỉ cần nghe tôi kể tiếp sau đây, em thân yêu ạ, – ông đáp – em sẽ chẳng còn chút nghi ngờ về những gì tôi vừa nói.

- Tất cả những điều tôi vừa nói với em, – ông nói tiếp – đủ để em dễ dàng hiểu ra tôi không phải là một con người trần thế, tôi là một thần linh. Xưa kia, tôi có một người anh sinh đôi, cả hai chúng tôi đều khôi ngô tuấn tú như nhau, đều thông thái và đầy quyền năng như nhau. Tôi tên là Đahi. Anh trai tôi là Ađi. Tuy nhiên, cho dù chúng tôi là những thần linh, chúng tôi vẫn không thể không bị phụ thuộc bởi bùa phép vào quyền lực một thầy tu theo đạo Balamôn ở thành phố Vixapua. Nhờ tu luyện lâu ngày, ông ta có đủ pháp thuật cao cường để khống chế và ngự trị các thần linh chúng tôi. Ông ấy quý anh Ađi và tôi lắm. Để tỏ lòng tin cậy, ông giao cho hai anh em tôi nhiệm vụ canh phòng người tình của ông, mà ông không tin cậy lắm về đức chung thủy của bà.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI SÁU

Chúng tôi được giao hầu hạ ông tu sĩ Balamôn với nhiệm vụ ấy. Người tình của tu sĩ luôn luôn có anh Ađi và tôi đi kèm. Trong một thời gian khá dài, mọi việc diễn ra suôn sẻ. Giá bà ấy không đồng đánh và cứng đầu làm thay đổi tình hình thì hạnh phúc cho cả ba chúng tôi biết bao nhiêu! Bà luôn luôn giữ tiết hạnh người đàn bà có chồng, chúng tôi không hề nhận ra bà có ý tứ riêng tư đối với bất kỳ người đàn ông nào khác, thậm chí bà thường không thích điểm trang làm đẹp, chỉ thích sống sao cho thoải mái tự nhiên.

Thế rồi, một hôm bà trở nên mơ màng. Giữa những cuộc vui ông Canxu – ấy là tên vị tu sĩ Balamôn – bày ra để mua vui cho bà, bà cứ thờ dài thườn thượt. Thỉnh thoảng bà lại đưa mắt nhìn anh Ađi và tôi, như thể thầm mong chúng tôi thương hại cho về một điều phiền muộn bí ẩn nào đấy trong lòng bà. Dung nhan bà ngày càng kém sút, sức khỏe bà ngày càng gầy mòn. Anh Ađi và tôi đều ngạc nhiên trước sự thay đổi ấy. Chúng tôi nhìn nhau: “Quái! Bà ấy làm sao ấy nhỉ? Cái gì làm cho bà thay đổi không còn giống như con người xưa nay của bà?” Hỡi ôi, hỡi ấy chúng tôi đâu có biết, chính hai chúng tôi là nguyên nhân gây nên nỗi buồn sâu lắng ấy ở bà, và khiến chúng tôi lấy đó làm ngạc nhiên.

Hóa ra người đàn bà bất hạnh ấy, bởi luôn luôn nhìn thấy trước mắt hai chàng xinh trai, không thể không để ý đến, và sự quan tâm ấy rốt cuộc mang lại tai họa cho bà. Bà không thể tự ngăn lòng không yêu đương hai anh em chúng tôi. Và điều hấp dẫn nhất ở chúng tôi, theo như lời thú nhận sau này của bà, chính là mái tóc vàng xoắn thành nhiều lọn và rũ xuống trên bờ vai khỏe mạnh của chúng tôi.

Nghe đến đây, Cađi nhớ lại giấc mộng, ngạc nhiên nhìn ông già. Cô bé bắt đầu quan tâm hơn đến câu chuyện ông đang kể; trước đây chưa bao giờ cô để ý những lời ông nói.

- Anh trai tôi và tôi đều nhận thấy, – ông Đahi kể tiếp – thời gian không những không làm khuây khỏa bớt nỗi buồn ở người đàn bà, ngược lại dường như càng làm cho nó mạnh mẽ hơn lên. Chúng tôi cố tìm cách để bà nói thật nỗi lòng. Một hôm, vào lúc viên tu sĩ Balamôn mãi bận chủ trì một cuộc họp các tiên nữ đầu ở tận cùng xứ Đại Tartari, chỉ còn có hai anh em chúng tôi bên cạnh bà. Anh tôi hỏi:

- Thừa phụ nhân xinh đẹp, đã từ lâu anh em chúng tôi cùng nhận ra bà có một nỗi buồn bí ẩn, khiến bà không được thanh thản cho lắm. Chúng tôi cố tìm rõ nguyên nhân, may ra có thể phần nào giúp đỡ bà khắc phục nỗi buồn ấy, song chúng tôi chưa thể biết. Xin bà chớ giấu chúng tôi, để nếu hai anh em có thể làm một chút gì đó giúp bà đỡ ưu phiền, xin bà cứ nói thật ra, bà

hãy tin cậy ở sự miễn cưỡng của anh em chúng tôi lúc nào cũng muốn làm hài lòng bà.

Thật lòng, chúng tôi rất muốn bà thoát khỏi nỗi ưu phiền, được vậy chúng tôi hẳn hết sức vui, vì hai chúng tôi đều cảm thấy thân thiết với bà. Lời anh Adi làm cho bà vô cùng bối rối. Tuy nhiên, hình như từ lâu bà chờ đợi một cơ hội để cởi mở lòng riêng, bà không để lỡ mất dịp tốt này. Bà buồn rầu đáp:

- Anh Adi à, anh thật tốt bụng. Anh quan tâm nhiều đến một người đàn bà bất hạnh chẳng đáng để anh chăm sóc. Tôi van anh, xin anh hãy để yên cho tôi được ngâm ôm áp một nỗi đau không phương cứu chữa!

- Bà nói chi vậy, thưa phu nhân? – Đến lượt tôi ngạc nhiên thốt lên. – Nỗi đau của bà không phương cứu chữa ư? Nỗi đau gì vậy, thưa bà?

- Nỗi đau ấy chính là số phận khắc nghiệt của tôi. – Người đàn bà đáp. – Nếu có một phương thuốc có thể xoa dịu nó phần nào, ấy chính là tình thông cảm của hai anh đối với tôi.

- Thông cảm ư? – Tôi vội nói. – Chúng tôi sẵn sàng thông cảm hoàn toàn với bà. Nhưng đâu phải chỉ có thông cảm xương thôi. Chúng tôi sẽ chẳng hài lòng, nếu những sự chăm sóc của chúng tôi chưa đủ sức làm tan đi nét phiền muộn ở bà. Nếu bà cảm thấy đang bị một chứng bệnh nào đấy, xin bà hãy vững tin, chúng tôi là những thần linh có đủ phép thần thông biến hóa, có thể am tường mọi bí quyết của trời đất, đủ sức chữa lành mọi chứng bệnh về cơ thể con người. Hoặc giả, nói thí dụ, nếu vị tu sĩ đã đối xử với bà theo cách nào đó chưa xứng đáng với mối tình nồng nhiệt của bà đối với ông, khiến bà phải phiền muộn, thì bà đâu có lạ gì, chúng tôi vốn ít nhiều được ông tin cậy. Vậy, thưa phu nhân khả ái, xin bà hãy nói thật ra đi, bà hãy tin cậy ở chúng tôi, bà hãy cho chúng tôi biết cách để sử dụng tất cả sự tận tụy của mình hòng làm sao cho bà được hoàn toàn hạnh phúc!

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI BẢY

Bà Fazama – đây là tên bà ấy – liền đáp lời tôi như sau:

- Sức khỏe tôi không hề giảm sút. Ông Canxu cũng chẳng làm gì khiến tôi phải phiền lòng. Thế nhưng tôi vẫn đau khổ lắm. Nếu anh biết rõ, anh Đahi đáng yêu ơi, dù anh vẫn nói anh tận tụy với tôi, nhưng nếu anh biết rõ, chưa chắc anh đã sẵn sàng làm nhẹ nỗi ưu phiền của tôi.

- Ôi, thưa phu nhân! – Ông anh tôi kêu lên – Bà nói vậy không sợ xúc phạm tấm lòng của anh em chúng tôi sao? Bà cứ đưa chúng tôi ra thử thách đi, rồi bà sẽ đánh giá chúng tôi tốt đẹp hơn thế cho mà xem.

- Vậy nếu tôi nói, – bà đỏ mặt đáp – hai anh chính là nguyên nhân gây nên cho tôi căn bệnh đau đớn mà các anh đòi chữa trị, thì sao nào?

- Ai? Tôi ư? – Tôi bối rối hỏi lại, bởi chưa thật rõ lắm hàm ý của người đàn bà. – Vậy ra chúng tôi có làm một việc gì đấy đi ngược lại mong muốn đích thực của chúng tôi là luôn làm vui lòng bà?

- Tôi đã đi quá xa – bà ấy nói tiếp – để không thể không bộc bạch nốt cho hai anh rõ tất cả nỗi đau thâm kín của mình. Các anh đã ép tôi phải nói ra lời, thì xin biết cho, chính vẻ xinh trai của hai anh khiến cho tôi mất ăn mất ngủ. Tôi đã cố chống chọi chớ để cho tình yêu đối với hai anh ngày càng sâu đậm hơn. Bởi do phải tự nén lòng, cho nên đi đến chỗ người tôi trở nên âu sầu phiền não như hai anh thấy hôm nay.

Tiếp đó bà mô tả một cách sắc sảo và chân thành cuộc đấu tranh nội tâm ở bà quyết liệt như thế nào khi phải lòng chúng tôi, khiến hai chúng tôi đều ngạc nhiên và ít nhiều xúc động. Tôi nói:

- Có thể nào nỗi chăm lo giữ gìn hạnh phúc và yên vui, cũng như nghĩ đến tình nghĩa vị tu sĩ đối với bà, lại không đủ giúp bà vượt qua nỗi đam mê bà vừa bộc bạch? Bà có suy nghĩ đến hậu quả nếu bà cứ một mực lao vào cuộc tình ấy?

Cả hai người, anh trai tôi và tôi, cùng cố gắng thuyết phục bà hay vợ ông tu sĩ hãy tỉnh trí trở lại, hãy tỏ ra biết điều hơn ít nữa. Song muộn quá rồi, nỗi đau đã bén rễ quá sâu.

Bà Fazana im lặng nghe chúng tôi nói, không ngắt lời. Và sau lời tỏ tình với chúng tôi, như thể vừa trút bớt được một gánh nặng, trông bà có vẻ đỡ âu sầu phiền não hơn thường ngày một chút. Chắc không phải tại bà thoáng có một hy vọng nhỏ nhoi nào trước thái độ hai anh em tôi khi nghe lời tỏ tình. Chẳng qua đấy là điều tự nhiên, khi ta đau khổ vì người yêu, ta muốn người yêu thấu hiểu nỗi đau của ta, và rồi nỗi đau ấy sẽ tạm vơi bớt phần nào nếu ta nắm bắt được cơ hội để trút ra mà giải tỏa nỗi lòng.

Bà cảm thấy hơi yên tâm, vì dù sao chúng tôi cũng có tỏ ra ít nhiều xúc động trước tình yêu âm thầm dai dẳng của bà. Hy vọng một cái gì đấy sẽ xảy ra làm bà đỡ rầu rĩ một thời gian. Nhưng rồi chờ đợi mãi, thấy vẫn chẳng đạt được điều thầm mong ước, bà càng khát khao hơn và càng trở nên trầm uất hơn. Tình cảnh của chúng tôi lúc này khá lúng túng. Bởi ông Canxu lệnh cho chúng tôi không một lúc được rời bà nửa bước, vì vậy ngày nào chúng tôi cũng vẫn phải đưa thân ra chịu những trận trách móc hờn dỗi không nguôi của bà. Bà nói:

- Các anh đúng là những con người độc ác! Tại sao các anh cứ để cho tôi chết dần chết mòn một cách khốn nạn thế này, trong khi các anh hoàn toàn đủ khả năng làm cho tôi đang chán sống trở lại thành người yêu đời? Hóa ra lòng của các anh là sắt đá, các anh chẳng hề quan tâm giúp đỡ người đau khổ giảm nhẹ sầu tư. Hóa ra các anh thích thú làm cho tôi luôn phải đau khổ?

- Hỡi bà Fazana xinh tươi! – Tôi đáp. – Bà chờ đợi gì ở chúng tôi? Chúng tôi đâu có sung sướng gì trước một nỗi đau vô phương chạy chữa? Lẽ nào chúng tôi có thể phản bội vị tu sĩ đã ký thác bà cho chúng tôi trông nom? Lẽ nào bà có thể phản bội vị tu sĩ ấy sau tất cả những gì ông đã làm cho bà? Xưa kia, song thân bà đối xử với bà khá tàn nhẫn, ông tu sĩ ấy đã đến, và bà đã chấp nhận để ông giải thoát cho bà; rồi sau đấy chẳng mấy khó khăn bà đã làm nên hạnh phúc của ông ta? Bà hãy có đủ can đảm để cố gắng thoát khỏi một phút yếu đuối nó đang làm bà chao đảo.

Người đàn bà đau đớn cố nghe tôi nói cho hết, rồi mới thốt lên:

- Vậy ra các anh cho việc ấy là một tội ác ghê gớm lắm hay sao? Khi người ta đem lòng thầm yêu trộm nhớ hai chàng trai tuấn tú chẳng người phụ nữ nào trông thấy mà không phải lòng, là người ta phạm tội? Đã biết thế, tại sao ngày nào các anh cũng cứ phô bộ mặt của các anh ra trước mắt tôi? Nào, các anh hãy cho tôi biết, trên thế giới này, có dân tộc nào coi sự yếu đuối của tôi mà các anh chê bai, là không thể dung thứ? Tại sao các anh cứ nghĩ tôi bằng lòng chung sống mãi với một ông già tôi không yêu nhưng đành chịu đựng chỉ vì hàm ơn ông quá nhiều?

- Nhưng, thưa bà, – anh Ađi nói – giả sử sự yếu đuối của bà đáng được dung thứ phần nào và được đền đáp trở lại, có đáng trách không nếu bà để cho sự yếu đuối của mình đi quá xa? Sao bà bắt cả hai anh em chúng tôi phải cùng đền đáp sự yếu đuối của bà?

Bà Fazana đỏ mặt:

- Tôi thú thật, quả có một cái gì đó không được bình thường trong tình yêu của tôi, nhưng nào tôi đâu có làm chủ được bản thân? Trước mắt tôi, cả hai anh Ađi và Đahi đều xinh trai như nhau, đều có nhiều đức tính ngang nhau, tôi không sao chỉ yêu mỗi một người này mà bỏ phí người kia. Tôi chỉ có

được sự thanh thản chừng nào cả hai anh cùng đền đáp tình yêu nỗi nhớ của tôi.

- Sao vậy, thưa bà? – Tôi lại thốt lên. – Bà muốn cả hai chúng tôi đều đáp lại tình yêu của bà, thế bà nghĩ hai anh em tôi có thể quen dần một sự chia chác bí ối vậy sao?

- Tại sao không? – Bà đáp. – Hai anh em vẫn hết sức thương yêu nhau, không thể xảy ra ghen tuông giữa hai người. Tóm lại, – bà nói thêm – tôi đã nói rõ với hai anh rồi, bởi tại Duyên số cho nên tôi mới nghĩ làm như vậy. Thôi, hai anh chớ cưỡng lại nữa. Nếu các anh không chịu đem lòng thương hại một người đàn bà đau khổ vì các anh, thì tôi chẳng thiết kéo lê cuộc sống tương tư gầy mòn này làm chi nữa, tôi sẽ chết cho mà xem.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI TÁM

Lần nào bà chuyện trò với chúng tôi cũng nói năng theo cách ấy. Tình cảm của bà, tôi thú thật, cũng khá lạ lùng, và tôi không thể không thương hại sự trái nết cứng đầu cứng cổ của người đàn bà.

Một tối, chỉ có mình tôi với bà. Nhìn thấy bà còn âu sầu hơn mọi bữa nhiều, tôi hỏi bà lại có chuyện chi nữa mới xảy ra? Bà đáp:

- Anh là một con người độc ác! Anh lại còn hỏi tôi câu ấy ư? Còn có nguyên nhân nào khác nữa khiến tôi thân tàn ma dại thế này? Anh cứ tro tro như vậy không đủ làm tôi chết phiền ư?

- Thưa bà, – tôi đáp – cả anh trai tôi và tôi đều có lỗi với bà, lẽ nào bà chỉ trách có mình tôi?

- Chớ lẫn ông anh của anh vào chuyện này, – bà buồn rầu nói – anh ấy đã làm cho tôi thanh thản trở lại như tôi hằng chờ đợi rồi.

Thú thật tôi tưởng tai mình nghe không thủng. Tôi kêu lên:

- Bà nói anh Ađi đã đáp ứng yêu cầu của bà?

- Đúng. – Bà lạnh lùng đáp. – Có gì đâu, anh tỏ vẻ ngạc nhiên đến thế? Anh nghĩ tất cả mọi chàng trai trên đời đều có trái tim sắt đá như anh sao? Anh Ađi đã xúc động trước những giọt nước mắt của tôi; anh đã đáp lại tình yêu của tôi, anh đang có cuộc đời đầy lạc thú, giờ anh chỉ tiếc mỗi một nỗi sao mình đã chần chừ lâu đến vậy mới quyết định nổi.

- Vậy mà bà vẫn chưa thỏa mãn sao? – Tôi hơi điên đầu. – Bà vẫn muốn kéo cả tôi vào tròng nữa hay sao? Bà còn đòi chinh phục thêm một người khác? Dễ thường bà ngỡ tôi dễ bị cám dỗ như anh Ađi?

- Đúng vậy, anh Đahi thân yêu ơi, – bà vừa nói vừa đong đưa đôi mắt rừng rực lửa tình – đúng, em còn phải chinh phục được anh nữa mới đạt được lạc thú trọn vẹn trên đời. Hỡi ôi, em đã đau khổ héo hon bao nhiêu ngày tháng vì anh, em không đáng để anh đem lòng thương hại hay sao?

- Bà Fazana ạ, sau những gì tôi vừa nghe, tôi nghĩ bà chưa thật yêu anh Ađi của tôi, bởi bà còn muốn kéo thêm đứa em trai tội nghiệp của anh ấy nữa. – Tôi nói.

- Tôi yêu anh Ađi tha thiết, – bà đáp – tôi có thể một trăm lần đổi cuộc sống của tôi để làm hài lòng anh ấy. Và chính do tình yêu cùng cực của tôi đối với anh Ađi đã khiến cho tôi có thêm sức mạnh khi bày tỏ lòng yêu quý anh lúc này. Tôi đã có lần nói với hai anh: Hai anh quá giống nhau về tất cả mọi mặt, cho nên nhìn thấy anh nào tôi cũng đều thấy quyến rũ trong người y như nhau. Tình cảm của anh Ađi đối với tôi, cho dù sâu đậm thật đấy, vẫn chưa đủ làm nên hạnh phúc, nếu anh chưa cùng yêu tôi sâu đậm như anh ấy.

Tóm lại, anh Đahi yêu quý ời, em sẽ chết đây nếu anh không yêu em y đúng như em yêu anh. Nhẽ nào anh khó lay chuyển hơn anh Ađi? Nhẽ nào anh cảm thấy xấu hổ khi noi gương anh ấy? Thôi anh ời, anh đừng cưỡng lại nữa mà chi! Nếu không, em sẽ tự cầm con dao thọc vào con tim bất hạnh này ngay trước mắt anh, con tim anh chưa thấy hết giá trị để muốn cho nó trở thành sở hữu của mình.

Nói xong, bà lại tuôn nước mắt như mưa. Bà còn quỳ xuống dưới chân tôi, khẩn cầu với thái độ cuồng nhiệt nhất. Đến nỗi tôi lo, nếu mình không đáp ứng, nếu mình cứ chống lại đòi hỏi của bà, dễ có thể làm cho bà đi đến hành động cực đoan rồi bỏ mình chẳng. Khi một người đàn bà đẹp quỳ xuống trước mặt mình, khóc lóc van xin mình mỗi một điều ấy, làm sao mình cưỡng lại nổi cơ chứ? Biết nói thế nào thêm với cô bây giờ nhỉ. Tôi cũng yếu đuối y như ông anh trai của tôi. Sau này anh mới cho tôi rõ, bà đã áp dụng cùng chiến thuật như từng áp dụng với tôi để làm anh xiêu lòng. Vì chưa giành được ở một ai trong chúng tôi ân huệ cuối cùng, bà biết tìm ra phương sách để lần lượt ép hai anh em cùng phải yêu đương bà.

Vượt qua được sự kháng cự của chúng tôi, bà phục hồi nhan sắc và sinh lực trước đây trong thời gian rất ngắn. Đôi mắt bà càng thêm long lanh. Trái tim thôi thốn thức đã mang lại sức khỏe cho bà. Bà lấy lại vẻ hấp dẫn vốn có trong mọi hành động và cử chỉ thường ngày. Anh Ađi và tôi, cả hai anh em đều thú vị thấy bà chưa bao giờ đẹp đến vậy. Song cho dù bà xinh tươi, bà hoàn hảo thật đấy, chẳng vì vậy giữa anh em chúng tôi thoáng có chút ghen tuông. Trên thực tế, có thể người đàn bà ấy rồi đi đến chỗ phá tan sự thuận hòa giữa anh em tôi, nếu cuộc tình thâm vụng ấy không đi đến chỗ kết thúc một cách đáng buồn.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM SÁU MƯƠI CHÍN

Việc chúng tôi phản bội ông tu sĩ Balamôn tuy không đi xa đến mức tận cùng, thỉnh thoảng vẫn làm cho chúng tôi hối hận. Tuy nhiên, người tình chung của hai chúng tôi vốn rất khéo trong nghệ thuật chiều người, nắm được bí quyết làm cho chúng tôi dần dần ít cảm thấy ngại ngùng hơn trước hành động sai trái của mình, để thoải mái dần sâu hơn vào trò chơi tội lỗi. Thật ra, chúng tôi không chân thành yêu bà, chúng tôi chỉ bị bà kéo vào những cuộc chơi bời. Và vì quá tin người, chúng tôi lâm vào cái tai họa hiện đang làm cho em ngạc nhiên, em Cađi à.

Có một tên nô lệ da đen xấu khủng khiếp tên là Torgut vẫn hầu hạ tu sĩ. Công việc hằng ngày của y là chải bộ lông con ngựa nòi Tarta để cho bà Fazana cười mỗi khi bà cần dạo chơi hoặc đi hóng gió mát ngoài trời. Tên nô lệ dị dạng ấy cả gan tới mức dám ước mơ chim luôn bà chủ của mình. Y tìm cách tỏ tình với bà. Vì chẳng ai ngờ vực đến y, một hôm, nhân ông Canxu sai chúng tôi bận đi làm một việc khác, y đưa phu nhân đi dạo, không có hai chúng tôi đi kèm. Bà ngồi trên mình ngựa, tên nô lệ đi sát bên cạnh. Trời bắt tên gia nhân ấy mang hình dạng xấu xí, ngược lại, trời lại phú cho y trí thông minh hài hước. Y hay kể chuyện vui cho bà Fazana nghe, và bà cũng thích thú nghe các câu chuyện của y. Hôm ấy, y khoe với bà về các cô gái đẹp đã qua tay y. Bà cười:

- Vậy ra một người mặt mũi như anh, vẫn có nhiều may mắn đến thế, hờ anh Torgut?

- Tại sao không? – Y đáp. – Tôi cũng là một người đàn ông giống như mọi người đàn ông khác. Hơn thế, về cái chuyện ấy, tôi còn bỏ xa những người khác. Bởi vậy, tôi tính cả bà vào số những người đẹp sẽ bị tôi chinh phục.

Bà Fazana nghe vậy phá ra cười: bà ngỡ tên nô lệ nói chỉ để cho vui tai. Bà nói:

- Anh còn nhìn lên đến cả ta nữa ư? Ta rất vui được anh cho biết tin ấy. Vậy là từ nay, lúc nào ta cũng phải cảnh giác thận trọng trước một con người nguy hiểm như anh.

Torgut tiếp tục với giọng lưỡi cười cợt, bà vẫn đối đáp lại theo cách ấy, làm anh chàng tưởng bở, định lợi dụng cơ hội. Y chỉ cho bà nhìn thấy một bãi cỏ bên đường, và gợi ý hai người nên vào chỗ ấy ăn chơi một trận cho thỏa.

Nãy giờ bà vẫn ngỡ anh chàng này huyền thiên những chuyện kia cho vui chuyện dọc đường, nên chẳng e ngại khi nghe anh chàng nói câu ấy. Anh chàng được thể, đi xa hơn ít nữa, bà mới nhận thấy, hóa ra cu cậu không chỉ có ý nói vui đầu lưỡi. Bà chủ nổi giận, lấy giọng kiêu kỳ, đuổi cu cậu về, bảo

chỉ nên dành những lời lẽ ấy cho một cô nô tì nào nhan sắc tương xứng với cậu. Bà còn dọa sẽ mách với ông Canxu chuyện hỗn láo của anh chàng.

Lời trách mắng ấy đúng thôi, song không ngờ hậu quả không như bà Fazana chờ đợi. Anh chàng tuy xấu xí nhưng luôn tự tin. Y nghĩ bà chủ không muốn anh giúp bà việc ấy, hẳn tại bà đã có những đám bí mật khác phục vụ hay hơn. Cu cậu là một tên rất láu cá và am hiểu sâu sắc chuyện đời. Y biết ông tu sĩ Balamôn quá già, làm sao đáp ứng đầy đủ tình yêu luôn rực lửa của người đàn bà này. Với suy nghĩ như vậy, y quyết tâm rình mò để bắt cho được anh chàng tình nhân nào đấy may mắn được bà chủ chiếu cố hơn y. Cu cậu vốn thành thạo việc rình mò dò xét, chẳng khó khăn gì biết giữa chúng tôi với bà chủ có chuyện tư thông. Ghen tức đến phát điên lên, y vội báo cho tu sĩ Canxu biết, lại còn thêm thắt quá lời, khiến ông dùng dùng nổi cơn ghen.

Ông Canxu rất bức mình nghe tên nô lệ thậm thụt thừa gửi về chuyện ấy, muốn đích thân làm sáng tỏ sự việc. Một hôm, ông bịa ra chuyện sắp phải đi vắng những mấy ngày, nhờ vậy dễ dàng bắt chột anh Adi và tôi đang cùng tắm chung với bà chủ trong bồn tắm. Chúng tôi đã cẩn thận khóa chặt cửa nhà tắm lại và có các biện pháp phòng ngừa khác nữa. Song với pháp thuật cao cường của tu sĩ, những chuyện vặt chúng tôi bày ra ấy có ăn nhằm gì.

Ông vừa bước tới, mọi cửa thật cửa giả trong nhà đều tự động mở ra, và chúng tôi kinh hoàng thấy ông đột ngột xuất hiện như một vị quan tòa đáng sợ. Lúc ấy hai chúng tôi đang trần truồng như nhộng cho nên không thể quỳ mọp dưới chân ông, van xin tha tội. Chúng tôi vội lặn xuống nước để che giấu sự lo âu bối rối của mình. Nhưng dòng nước chỉ phủ khuất thân thể chúng tôi, làm sao che lấp được tội ác! Bà Fazana, mạnh bạo hơn hai anh em chúng tôi, quyết mở miệng để thanh minh, tạ lỗi. Hòng giảm nhẹ tội của mình, bà nói huyền thiên, khiến cho ông tu sĩ càng thêm điên giận. Ông hầm hầm nhìn ba chúng tôi, đôi mắt ông ánh lên sự hận thù sâu sắc:

- Đồ khốn kiếp! – Ông quát hai anh em chúng tôi. – Những hình phạt đau đớn nhất vẫn còn quá nhẹ nhàng đối với tội chúng mày. Nhưng bởi tư cách thần linh cho phép chúng mày không phải bỏ mạng như người trần, ta sẽ cho chúng mày một cuộc sống trăm lần thảm thương hơn được chết ngay, cho chúng mày nhớ đời.

- Còn mày, con dâm phụ kia, – ông quay sang mắng vợ – mày được ta đổi xử trọng hậu thế mà vẫn lằng nhằng, mày sẽ chịu phạt đúng tội!

Chẳng buồn nghe chúng tôi trình bày, ông bắt đầu niệm chú. Bỗng dưng, ghé góm quá, mặt đất rung lên, trời cao tối sầm, sầm chớp nổi âm âm, bão gió hú liên hồi, tưởng chừng ngày tận thế tới nơi.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI

Chúng tôi chịu đựng suốt hai tiếng đồng hồ trong tình trạng khủng khiếp ấy, đợi chờ hình phạt đến. Sau đấy, trời bỗng sáng trở lại, không khí lại trong lành. Nhưng hai anh em cực kỳ kinh ngạc, thấy không còn ở trong khu nhà tắm sang trọng, xây dựng giữa một dinh cơ tráng lệ, mà đang đứng như trời trồng giữa một cánh đồng mênh mông khô cằn. Hai anh em đã biến thành hai ông già dị dạng, tàn tật, già lụ khụ, giống như hình dạng tôi đang ngồi trước mặt em đây, em Cađi thân yêu à.

Ông tu sĩ Balamôn nói:

- Hai tên bất nghĩa kia! Từ nay trở đi chúng mày phải đeo đẳng mãi hình phạt này. Chúng mày không còn có quyền lực và tri thức của thần linh nữa. Chúng mày chỉ được sống thân phận như mọi người trần thế. Chúng mày chỉ có thể biết, chỉ có thể làm như mọi người trần thế thôi. Mọi quyền năng của chúng mày đã bị tước đoạt, trừ có việc chúng mày sẽ không phải chết, chúng mày sẽ sống đời đời như mọi thần linh.

Sau khi tuyên bản án ấy, ông Canxu muốn rõ tường tận sự ngoại tình của người vợ diễn ra trong hoàn cảnh nào. Chúng tôi thuật lại đầu đuôi sự việc: bà Fazana nhiều lần tìm cách tỏ tình ra sao, chúng tôi cố gắng thuyết phục bà thế nào, cuộc đấu tranh nội tâm khốc liệt của chúng tôi trước khi chịu bó tay đầu hàng, thủ đoạn người đàn bà dùng để cài bẫy đàn ông; và cuối cùng hai anh em đều tỏ ý vô cùng ân hận đã phản bội sự tin cậy của ông thầy.

Những điều vừa nghe khiến ông tu sĩ ngạc nhiên. Ông cũng hơi mỉm cười về sự hối hận chân thành của hai anh em tôi. Ông cho trong vụ này chúng tôi có lỗi là yếu đuối nhiều hơn tinh ranh. Vốn thân thiết với chúng tôi, thâm tâm ông cũng có cảm động. Ông nói:

- Các con ơi, phép thần thông của ta vừa rồi quá mãnh liệt, ta không thể thu hồi nó lại để trả cho hai con nguyên dạng ban đầu. Tuy nhiên ta có thể làm cho số phận các con bớt khắt khe đi một ít. Rồi các con sẽ khôi phục nguyên dạng ban đầu cùng với mọi tính năng ưu việt của các thần linh, chừng nào mỗi con gặp được một thiếu nữ tuổi dưới đôi mươi đem lòng yêu đương hai con thật sự.

- Ôi, thưa ngài! – Anh tôi kêu lên. – Làm sao chúng tôi có thể hy vọng vào một điều hảo huyền đến vậy? Trong bộ dạng của chúng tôi đây, làm sao kiếm được cô thiếu nữ nào ngó ngàng đến nỗi đem lòng thành thật yêu đương?

- Điều ấy rồi có thể xảy ra lắm, – tu sĩ Balamôn nói – hai anh hãy sống trong sự chờ đợi điều thần kỳ ấy. Hãy tin, chỉ bằng cách ấy thôi, các anh mới có thể lấy lại nguyên dạng và khôi phục các quyền năng ban đầu. Thôi, các

anh hãy đi đi, hãy gánh chịu số phận của mình. Muốn kiếm được những người thiếu nữ ấy, hai anh phải sống cách xa nhau, mỗi người một nơi.

Sau đấy, ông chỉ cho rõ nơi mỗi người chúng tôi phải sống thường ngày. Hai nơi cách nhau áng chừng đến sáu mươi dặm đường. Rồi ông trích từ kho tàng, lấy ra cho chúng tôi mỗi người năm mươi ngàn đồng *xocanh* vàng, để chúng tôi có điều kiện sống một cách đàng hoàng trong khi chờ đợi số phận đổi thay. Ông cũng hóa phép đổi những bộ đồ rách rưới trên người chúng tôi bằng quần áo sang trọng cho phù hợp với gia cảnh mới, sau đó ôm hôn chúng tôi, chia tay, chúc hai anh em nhanh chóng tới ngày chấm dứt bất hạnh.

Còn về bà Fazana, hận thù của ông vẫn không có gì có thể lay chuyển. Ông hóa phép biến hình bà thành một con ếch ương cái, sống trong một đầm lầy. Về tên nô lệ da đen Torgut, sau khi nhờ pháp thuật của mình, ông phát hiện ra y mách lẻo là để trả thù bà Fazana đã không đáp ứng sự dâm dăng của nó chứ đâu phải vì lòng tốt đối với ông, nên ông cũng bắt hóa luôn thành một con chẫu chuộc. Vậy là tên tố cáo và kẻ bị tố cáo, cả hai đều trở thành ếch nhái chung sống với nhau trong cùng một đầm lầy, để rồi suốt đời tha hồ nhìn thấy cực hình của nhau và nghe tiếng nhau kêu oà oạp suốt mọi đêm trường.

Giã từ ông tu sĩ, hai anh em tôi mỗi người tìm về một nơi đã định. Chúng tôi tuôn nước mắt chia tay nhau, chỉ mong tái ngộ sau khi hai người đều trở lại nguyên dạng ban đầu. Ngày ấy hẵn rất xa vời, nếu tính đến những điều kiện ràng buộc ông tu sĩ đề ra.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI MỐT

Vừa đến nơi định cư tại thành phố nọ, tôi nghĩ ngay tới chuyện phải làm sao để xén sổ tiền năm chục nghìn *xocanh* ông tu sĩ cho. Tôi biết, mình phải không thiếu tiền mới hy vọng mua chuộc lòng người để đạt tới cái ngày làm thay đổi hình dạng, như hai anh em tôi hằng mong ước. Tôi mang sổ tiền ấy kinh doanh thương mại, phần do tôi tự buôn bán, phần khác góp vốn các bạn hàng. Nhờ vậy tôi có đủ để sống ung dung ít ra ba hoặc bốn năm không phải thâm vào sổ vốn ban đầu.

Muốn làm cho lời tiên đoán của tu sĩ trở thành hiện thực, vấn đề là phải tìm cho ra một thiếu nữ đem lòng yêu thương tôi. Điều may mắn là, nơi thành phố tôi ở, phụ nữ không bị buộc phải ru rú trong phòng the như các xứ khác tại phương Đông, họ có được quyền tự do vừa phải. Ngày nào tôi cũng gặp gỡ các bà các cô, tôi tặng họ quà cáp. Cuộc vui nào có họ, chẳng vắng mặt tôi. Tóm lại, tôi làm đủ mọi cung cách hòng thay đổi ngôi sao hăm tài đang chiếu mệnh mình. Nhờ sống cởi mở theo lối ấy, tôi được mọi người quý mến. “Ồ, ông già này! Dường như ông sinh ra để đàn đúm vui chơi! Bây giờ, một chân đã bước xuống miệng lỗ vẫn còn điểm đàng như vậy, chẳng rõ khi còn trẻ, ông cụ ăn chơi đến thế nào!” Nhất là các bà, bà nào cũng ngợi ca tôi hết lời, nhiều bà lấy tôi nêu làm gương cho đức ông chồng. Chỉ có một vài người đàn ông bị vợ cản nhằn mới phẩm bình tính hạnh của tôi: “Ồi dào! Ông già ấy đến là điên. Ai lại tìm cách chơi bời vào cái tuổi không còn có thể hưởng thụ được gì.”

Về phần tôi, đã có chủ đích của mình, tôi phớt lờ mọi lời đàm tiếu, tôi cứ đường tôi tôi đi. Tuy nhiên, dù có bày ra trò trống gì, dù có cố gắng đến đâu để khơi gợi cảm tình của các cô gái trẻ, chẳng hề có ma nào chịu yêu thương tôi.

Thành phố tôi sống có nhiều thiếu nữ lắm, song tôi không hài lòng tự hạn chế giao du trong các phố phường, tôi còn đi xa về thôn quê. Trong vòng năm mươi dặm đường kính, chẳng có nơi nào thiếu đôi chân thọt của tôi nhiều lần sục sạo, song rốt cuộc vẫn hoài công. Rốt cuộc chẳng gặt hái được kết quả nào khác ngoài việc nhận ra ngày càng sâu sắc hơn một điều: chẳng có ma thiếu nữ nào chịu mê mình. Ý nghĩ ấy làm tôi hơi tuyệt vọng, dù sao tôi vẫn cố kiên trì.

Đã hai trăm năm trôi qua kể từ ngày tôi bắt đầu cuộc kiếm tìm vô vọng. Tôi làm cho tất cả mọi người biết tôi đều kinh ngạc. Chẳng ai hiểu làm sao tôi cứ sống mãi trên đời. Thành phố tôi ở ít nhất đã đến ba lần thay đổi lớp cư dân trẻ của nó. Khi tôi mới đến định cư, tôi đã già nua lợm khộm rồi, song những người tôi gặp hồi ấy đều đã qua đời hết, đến lượt con họ, cháu họ, tôi cũng đều có dịp đi đưa ma. Người ta rỉ tai nhau: “Ông già ấy là loại

người thế nào nhỉ? Chẳng bao giờ thấy ông yếu sức đi chút nào.” Những cụ già nhiều tuổi nhất đưa tay trở tôi, bảo các cháu nội ngoại của họ: “Các cháu hãy nhìn xem cụ già Đahi kia! Ông từng gặp cụ ấy khi ông còn trẻ, và lúc nào ông cũng chỉ nhìn thấy cụ ấy già nua lom khom như thế kia. Vậy mà hồi ông còn nhỏ tuổi, ông đã nghe cụ nội ông nói, cụ từng nhìn thấy ông già Đahi y hệt như hiện nay.” Người dân thường trong phố gọi tôi là “cụ già vĩnh cửu”; các bậc thức giả gọi tôi “nhà hiền triết nước Ấn Độ”, và bảo tôi sống còn dai hơn các nhà hiền triết Hy Lạp thời thượng cổ.

Cố gắng chán chẳng được cô thiếu nữ nào yêu, tôi chẳng biết nên xoay xở thế nào. Hôm tôi từ Maxulipatan định quay trở về thành phố nơi tôi vẫn sống, tình cờ gặp em và chị Fatim em dọc đường. Những lời tôi nói ra với em hôm ấy, hẳn đủ làm cho em hiểu, em Cađi thân yêu à, tôi rất mê say khi thoát nhìn thấy khuôn mặt của em. Nhưng than ôi! Đồng thời tôi cũng đau đón nhận ra em ghê sợ thế nào khi nhìn bộ mặt tôi.

Ông Đahi kể đến đây ngừng lời. Ông không cảm được giọt nước mắt đắng cay, chẳng phải do nhớ lại những bất hạnh ngày xưa, mà vì nhìn thấy thái độ ghét bỏ của người thiếu nữ ngày nay. Mũi lòng trước nỗi buồn của ông già, cô bé Cađi nghĩ mình cần an ủi ông. Cô nói:

- Ông Đahi hào hiệp ời! Em thương ông gặp nhiều bất hạnh quá! Trên đời thật ít người phải chịu lắm gian truân như ông. Giá như nghe người khác, chứ không phải ông thuật lại, có lẽ em chẳng dám tin. Em có thể làm gì đây để giúp ông vơi bớt nỗi buồn? Ông thấy đó, em rất hàm ơn ông về bao nhiêu việc ông làm cho em. Có thể ông sẽ lại nói, chỉ tùy thuộc ở em thôi để ông được trở về nguyên dạng ban đầu, nhưng em có làm chủ được trái tim của mình đâu?

- Than ôi! Hỡi em Cađi! – Ông già chua chát ngắt lời – Những lời em vừa nói ra là nhằm an ủi tôi phần nào ư? Không, nó chỉ làm cho tôi đau đón thêm chứ không vơi bớt.

- Đây là tất cả những gì em có thể làm. – Cađi đáp. – Nếu em nói thật, em không thể vượt qua lòng ghê sợ tự nhiên khi nhìn bộ mặt ông, xin ông chớ giận, bởi đây chẳng phải là bộ mặt thực vốn có của ông cơ mà, có phải vậy không ông?

- Than ôi! – Ông Đahi buông tiếng thở dài náo nuột. – Nó đã trở thành bộ mặt thực của tôi rồi, bởi tôi chẳng còn hy vọng khôi phục khuôn mặt vốn có ban đầu.

- Ông tu sĩ Balamôn đã quả quyết, điều ấy sớm muộn rồi cũng sẽ xảy ra cơ mà, ông chớ nên tuyệt vọng! – Cađi nói. – Ông hãy dũng cảm lên, ông sẽ vượt qua được sự yếu đuối ông cảm thấy đối với em. Ông sẽ được đền bù, thay vì một đứa con gái không xứng đáng với sự quan tâm chăm chút của

ông là em đây, bằng tình yêu tha thiết của một cô khác hẳn nồng với ông hơn, nhờ vậy ông sẽ khôi phục được bộ mặt khả ái ban đầu, bộ mặt ông luôn tiếc nuối.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI HAI

Cô bé Cađi thương hại ông già, bởi cô chẳng biết làm gì hơn để đỡ bớt gánh nặng ưu phiền của ông. Song cô gái không chỉ băn khoăn về nỗi lòng thương hại ấy. Cô có những trăn trở riêng. Không hiểu sao lòng cô không có được một lúc thanh thản kể từ sau khi cô có giấc mơ ấy. Cái bóng ma khả ái, với mái tóc bông vàng rủ xuống đôi vai khỏe mạnh, thỉnh thoảng hiện lên trong đầu óc cô, và nhiều khi làm cô không nén được tiếng thở dài. Những lời cô nghe chàng nói trong mộng như vẫn còn vang vọng: Em hãy nhìn kỹ anh đây, rồi em sẽ nhận ra đây là người Duyên trời dành cho em làm người bạn đời, những lời ấy ẩn chứa điều gì bí ẩn, dù không muốn vẫn buộc cô không thể không quan tâm.

Trong khi ấy, con tàu vẫn chạy. Trong vòng mười lăm ngày, tàu đi được khoảng năm trăm hải lý. Cuối cùng gió tự nhiên đổi hướng, rồi nổi lên một cơn bão, tuy không gây thiệt hại cho các hành khách, vẫn đẩy con tàu đi lạc xa hải trình. Suốt mấy ngày liền, con tàu chao đảo khi xô sang phải khi nghiêng về trái, chẳng đi theo một con đường định sẵn nào. Cuối cùng, con tàu dạt đến gần một hòn đảo từ rất xa đã nhìn thấy, song cả thuyền trưởng cũng như tất cả thuyền viên, không ai hiểu đây là đâu.

Tàu tiến đến gần bờ, mới nhận ra đây là một thành phố lớn, xây trên sườn núi, dáng vòng cung và thoải thoải từ thấp lên cao, nhờ vậy tạo thành một cảnh biển rất đẹp và rất thuận tiện. Lúc này biển vẫn động, đoàn thủy thủ dành cho người xuống chiếc xuồng cứu nạn, bơi vào bờ xin phép nhà cầm quyền địa phương cho tàu ghé vào tạm lánh bão.

Được phép, con tàu cập bến, mọi người đưa mắt nhìn bốn phía. Các công trình kiến trúc được sắp xếp theo hình trăng lưỡi liềm dọc theo sườn núi, có vẻ như luôn luôn dang rộng đôi tay mời mọc mọi người ghé vào một nơi né gió bão tuyệt vời. Nhà cửa ở đây xây dựng chuông sự vững bền nhiều hơn vẻ đẹp. Phần lớn giống những ngôi tháp cao, tường xây bằng đá tảng, mái lợp đồng đỏ. Trên đường phố nườm nượp dân chúng đi đi lại lại.

Tàu vừa thả neo, đã thấy cơ man những chiếc tàu nhỏ đến xúm quanh, rồi nhả ra cơ man là người và người cùng leo lên tàu. Mặt mũi, thân hình họ chẳng mấy khác chúng ta, có điều đôi mắt và cử chỉ của họ có cái gì bất thường bên trong, hay nói chính xác hơn, có cái gì lập dị khiến người ta khó nghĩ đây là những người bình thường như mọi người.

Trang phục họ mặc chẳng kém kỳ lạ phong cách hành xử của họ. Đàn ông mặc những tấm áo dài may bằng vải sợi bông, có in hình vẽ những con quỷ dữ đang phun lửa và nhiều con vật kỳ lạ khác bằng phẩm đỏ, phẩm xanh và vàng. Đầu họ đội những chiếc mũ nhọn, làm bằng bìa cứng cũng có nhiều

hình vẽ sắc sỡ.

Việc đầu tiên khi những người ấy lên tới được trên boong tàu, là bắt mọi hành khách ra xếp thành những hàng dài. Phần lớn hành khách không thích lối xử sự tùy tiện ấy, định không chịu làm theo. Nhưng những người từ trong thành phố đến không cho phép ai được làm trái tập tục của họ. Với thái độ kiêu kỳ và cứng rắn, họ buộc mọi người đi trên tàu phải làm theo, không được phản đối hoặc tranh cãi. Sau khi mọi người đã chịu đứng yên vào hàng, những người từ thành phố đến bắt đầu kiểm tra kỹ từng hành khách một. Họ ngó nghiêng, họ bắt quay người để cho họ nhìn trước ngấm sau như thể họ đang chọn mua người ở chợ bán nô lệ. Nhất là họ chú ý khám nghiệm bộ răng cùng mái tóc, thậm chí còn đếm để xem thử người này hoặc người kia có bao nhiêu nếp nhăn trên mặt.

Mọi hành khách hiểu mình đang lâm vào thế yếu, đành kiên nhẫn tuân theo, trong lòng ai cũng lo âu, không rõ cuộc khám nghiệm kỳ cục này rồi sẽ đi tới đâu. Thực tế diễn ra khác với những gì họ nghĩ. Có vẻ như những thủy thủ già được quan tâm nhất, và dường như những người già được ưu ái phần nào so với các hành khách trẻ. Giữa lúc ấy, xuất hiện ông già Đahi, cô Cadi cùng người nữ nô lệ già. Ba người ở mãi một căn buồng cuối tàu, cho nên lúc này chưa kịp ra xếp hàng.

Nhìn thấy họ, người cầm đầu nhóm kiểm tra – ông này là một đại thần trong triều đồng thời là chỉ huy đội quân cấm vệ của hoàng gia trên đảo – tỏ vẻ vô cùng mừng rỡ và thán phục như bắt được của. Ông đặc biệt nhìn chăm chăm vào bà nô lệ già. Chắc hẳn tự cho mình có vinh dự lắm mới được ăn ở với người đẹp này, ông quỳ gối trước mặt bà tỏ lòng yêu quý, và tuyên bố luôn sẽ đưa bà về sung vào đội nàng hầu của mình, rồi đây bà nô lệ già ông sẽ coi là người yêu được sủng ái nhất, chiều chuộng nhất. Bà nô lệ già đành vui lòng chấp thuận vinh hạnh ấy, thật ra giá bà có phản đối cũng hoài công vô ích thôi. Viên chỉ huy liền giao phó bà nô lệ già cho một người hầu tâm phúc, với nhiệm vụ trông nom thật cẩn thận, nếu để xảy ra sơ suất anh ta sẽ phải chịu mất đầu; điều quan trọng hơn hết thấy là chú ý ngăn chặn không cho phép bất kỳ ai được đưa mắt nhòm ngó hoặc ngỏ lời suồng sã với người đẹp này.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI BA

Ông già Đahi lịch lãm, ngạc nhiên trước khiêu thủy mỹ kỳ cục của những người dân trên đảo, tự bảo: “Chắc trên đảo này không có đàn bà, cho nên một mục nô lệ già khăng và xấu xí thế kia lại gây cho mọi người ấn tượng mạnh mẽ dường ấy.” Nghĩ vậy, ông càng lo lắng cho cô Cađi. Với nhan sắc của cô ấy, không khéo sẽ đưa đến những hậu quả vô cùng tai hại cho ông. Nhưng chẳng mấy chốc ông già nhận ra mình nhầm. Người tình trẻ tuổi của ông chẳng có nét nào ăn mắt những người trên đảo đến kiểm tra, nếu có điều đáng lo sợ, thì đây cũng không phải như ông suy nghĩ.

Văn viên chỉ huy mê say bà nô lệ già ấy, tình cờ đưa mắt nhìn thấy cô thiếu nữ xinh đẹp, ngạc nhiên sao con bé này ăn mặc sang trọng vậy, liền mắng:

- Mày xấu xí như lọ lem thế kia mà ăn mặc kiêu ấy, là không được đâu.

Nói xong, ông gọi một người hầu, truyền:

- Đưa con bé khó nhìn kia về khu nhà bếp của ta, rồi giao cho nó làm những công việc hèn hạ nhất!

Nghe tàn nhẫn quá, ông Cađi không khỏi rùng mình. Cô bé đang thơ ngây, non dại, đâu đã đến tuổi làm những công việc ấy. Cô đưa mắt nhìn ông Cađi như thể muốn van ông cứu giúp. Đọc thấy sự bất lực trong đôi mắt buồn bã của ông, cô tuôn nước mắt. Nhưng đối với những con người cứng rắn kia, nước mắt một cô thiếu nữ đâu có phải điều họ quan tâm.

Một nhóm gia nhân lời xềnh xệch Cađi đi, mặc cho cô kêu gào. Vị thần linh già nhìn cảnh tượng người mình yêu bị ngược đãi cũng đau đớn kêu la ầm ĩ. Những người trên đảo ngạc nhiên chăm chú nhìn ông. Họ thấy ông già xinh trai quá. Những nếp nhăn sâu trên khuôn mặt choắt, cái lưng còng đi dưới chiều dày năm tháng, đôi chân cùn cõn lại bên ngắn bên dài, bộ mặt nước da tái tái và đầy mụn, tóm lại tất cả những gì khiến cô bé Cađi kinh sợ, đều trở nên rất đáng hâm mộ đối với những người trên đảo. Lúc đầu mọi người chỉ lặng yên chiêm ngưỡng, bởi quá ngỡ ngàng không ai thốt nổi nên lời, rồi đột nhiên cùng phá ra reo mừng hoan hỉ. Không gian hỗn độn tiếng reo hò, ca ngợi, vỗ tay. Ngay cả viên chỉ huy, quên mất vẻ trịnh trọng cần thiết, cũng lớn tiếng khen ngợi và vỗ tay náo nhiệt như tất cả những người dưới quyền. Ông ta còn làm hơn thế. Ông tiến đến gần ông già Cađi, quỳ gối trước mặt ông, chiếc mũ bằng bìa cứng đặt xuống đất, và kính cẩn thưa:

- Kính thưa lão trượng phúc hậu, xin lão trượng vui lòng tha tội cho chúng tôi đã không kịp lạy chào lão trượng sớm hơn! Bởi, tôi xin thú thật, tôi bị choáng ngợp trước nhan sắc kiêu diễm của lão bà cùng đi với ngài, mãi lo việc đưa bà về nghỉ ở tư dinh, cho nên không kịp quán xuyến hết. Tuy nhiên,

cho dù tôi vô cùng khâm phục nhan sắc của lão bà, tôi không thể không thừa nhận vẻ mặt của ngài vượt trội hơn bà ấy nhiều nhiều lần. Xin phép ngài cho chúng tôi được rước ngài về cung nữ hoàng của chúng tôi. Tôi tin chắc vị nữ chúa hùng cường ấy sẽ hành xử đúng mức với một người xuất chúng như ngài. Trong hậu cung của bà, không có ông già nào đẹp bén gót chân của lão trượng đầu.

Viên chỉ huy còn muốn huyền thiên dài dòng nữa, song ông già Đahi đã đột ngột ngắt lời:

- Xin ông chớ thốt ra những lời không đúng lúc, tốt hơn ông hãy trả lại cho tôi cô gái trẻ!

- Ai cơ? Con bé khốn khổ ấy ư? – Viên chỉ huy ngạc nhiên. – Không, thưa lão trượng tươi đẹp như hoa, con bé ấy không xứng đáng với ngài đâu, ngài hãy nên chú ý làm vừa mắt bà nữ hoàng của chúng tôi, mà ngài sắp được hội kiến.

Nói đến đây, bản thân ông cùng viên phó của mình, hai người đỡ hai cánh tay ông già, dẫn ông đi, mặc cho ông không đồng ý, trình trọng đưa về hoàng cung.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI TƯ

Thấy mình bị cưỡng bức, ông Cađi rất lấy làm bất bình và đau khổ, cho là bị xúc phạm bởi người ta cứ chế giễu sự già nua và tật nguyên của ông. “Số phận tôi mới hẩm hiu sao! Ai có thể nghĩ, một vị thần linh đến nổi lâm vào cảnh bất lực và thân tàn ma dại thế này! Thật chẳng có gì bất hạnh hơn, khi mình tự dung trở thành một con rối trò hề trước con mắt những người trần thế!”

Ông già được đưa vào hoàng cung. Nữ hoàng Sêhêbanu thoát nhìn, đã quý mến, và tự dung cảm thấy trong lòng dâng trào tình yêu nồng nhiệt đối với người mới đến.

- Ôi, lão trượng diêu kỳ! Ngài từ nước nào đến? Vị thánh thần nào đã xui khiến ngài hạ cố đặt chân lên đảo này cho mọi người được chiêm ngưỡng? Không phải ngày nào thần dân đảo ta cũng được có hạnh phúc lớn lao chưa từng thấy như ngày hôm nay. Ta sẽ truyền lệnh cho toàn dân mở hội mừng vui để đón chào sự kiện hiếm thấy này.

Hướng về phía các đại thần có mặt trong triều, nữ hoàng nói tiếp:

- Xin các vị hãy cùng chia sẻ với ta những rung động dịu dàng tự đáy con tim! Xin hãy cùng nữ hoàng của các vị chào đón quang vinh này của tổ quốc chúng ta!

Bà chưa dứt lời, các vị đại thần đã hiểu thấu tâm can của nữ chúa, đều vội vàng chạy đến trước ông già Đahi, cúi lạy sát đất, mũ lật xuống cầm tay. Tất cả đều quý mọp hồi lâu như vậy, không nói năng, không cử động, tưởng chừng tất cả đều đã chết hết cả rồi. Bỗng nhiên, tất cả nhất tề đứng lên và đồng loạt tung hô:

- Vạn tuế, vạn vạn tuế vị lão trượng tươi đẹp không tiền khoáng hậu! Ngài đẹp tựa ánh sáng khi mặt trời xuất hiện đúng trên đường hoàng đạo! Vạn tuế, người sẽ là người tình sủng ái nhất của nữ hoàng Sêhêbanu chúng ta! Cầu xin vị thần hộ quốc, con đười ươi già mà đảo ta hằng thờ phụng, đoái nhìn và che chở lão trượng!

Sau cái nghi lễ bà nữ hoàng bày ra để nghênh đón, mà ông già chẳng mấy thích thú, viên trưởng hoạn nô thân hành dẫn ông già đến căn phòng đẹp nhất trong cung nữ hoàng. Các phòng trong cung này đều trải chiếu hoa. Ở xứ đảo này, không có gì lịch sự và tráng lệ hơn được trang hoàng bằng chiếu cói, có thể coi đây là cả một sự xa hoa. Tuy nhiên, ông già Đahi đang cầu nhàu, chẳng thấy cái gì đẹp, ông không buồn để mắt nhìn bất cứ đồ đạc nào, bởi càng nhìn những thứ trước mắt càng tăng thêm sự phiền muộn trong lòng.

Trong khi ông đang than thầm số phận, nữ hoàng Sêhêbanu bước vào, tiến đến gần, lời là:

- Xin chàng vui lòng thứ lỗi, ta để chàng một mình ở đây lâu quá!

- Vâng, cầu trời bà để cho tôi yên thân một mình suốt cả cuộc đời bà! – Ông già hăm hăm.

- Đồ bạc bẽo! Hóa ra ông đáp lại tình cảm của ta như thế ư? – Nữ hoàng nói.

- Xin bà làm ơn thôi chế giễu tôi! Bà hẳn tưởng tôi ngu ngốc lắm cho nên nghĩ về mặt mình làm đàn bà thích thú? Không, tôi thừa biết, nó chỉ mang lại kinh tởm cho mọi người, chứ làm sao gọi nên tình cảm yêu đương cho được! – Ông già nói tiếp.

- Chàng làm cho ta lấy làm lạ thật đấy, thưa chàng. – Nữ hoàng nói. – Nhẽ nào chàng không biết, có người đàn bà nào nhìn chàng mà chẳng rung động trong lòng? Làm sao không ngợi ca sự già nua cực độ biểu hiện ở mọi vẻ nét trên người chàng? Chẳng bao giờ có người đàn ông nào khác sánh được với chàng.

Tiếp đó, nữ hoàng nói một thôi một hồi về những nét đẹp đặc sắc bà quan sát thấy ở con người ông già. Bà thuyết say sưa, hùng hồn đến mức ông già không thể không tin bà nói những điều ấy một cách nghiêm chỉnh.

Sự quá nhiệt tình của nữ hoàng lại làm ông già Đahi nổi nóng. Ông chê bai bà có khiêu thẩm mỹ tồi, ông cự nự ông đâu phải thần dân của bà, cho nên bà không có quyền bắt ông làm nô lệ. Ông nói:

- Bà hãy trả lại cho tôi cô Cađi, rồi để yên cho hai chúng tôi rời khỏi nơi này!

- Ôi, con người dã man độc ác làm sao! – Nữ hoàng đau đớn thốt lên. – Sự tung hô của tất cả quần thần khi nghênh đón ông, tất cả mọi vinh dự ông được hưởng, vậy ra vẫn chưa đủ sức gọi lên trong ông chút trắc ẩn đối với một người đàn bà chẳng may đem lòng đam mê ông?

Nghe vậy, ông già không những không mủi lòng, còn nổi khùng, nói năng không gín giữ, thậm chí còn cho rằng bà chúa đảo này dường như mất trí đi rồi.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI LĂM

Cho dù mê ông già đến đâu, những lời nói ấy không thể không làm bà bất bình. Tuy nhiên, bà đủ nghị lực che giấu không để lộ ra mặt, và tiếp tục dùng lời lẽ âu yếm cố làm ông xúc động. Thấy ông già vẫn trơ trơ như đá, bà nữ hoàng quyết định không cố hạ mình nữa. Bà cho gọi viên chỉ huy đội cấm vệ đến và truyền:

- Ông Benbac, ông hãy cho người đuổi lão già này ra khỏi căn phòng trống lếch, và đưa nhốt ông ta vào tháp tối! Cho lão đến đây làm bạn với lão già kia, đã dám coi rẻ tình yêu của công chúa Muncara em gái ta. Để cho hai lão có đủ thời giờ hối tiếc sao đã quá tàn nhẫn, bất nhân!

Nói xong nữ hoàng kiêu hãnh bước ra khỏi phòng. Lệnh của bà được thi hành ngay tức khắc.

Ông già Đahi hài lòng vì bị bà đối xử khắc nghiệt còn hơn được tán tỉnh chuyện yêu đương. Ông vui lòng để lính áp giải đến tháp tối. Dù sao cũng có được niềm an ủi, trong tháp còn có một ông già khác, để làm bạn với nhau, để than thân khóc phận cho nhau nghe. Ông vô cùng kinh ngạc, khi bước vào cái tháp tối ấy và nhận ra người bạn tù của mình không ai khác ông anh Ađi bất hạnh.

Nhận ra nhau, hai vòng tay cùng mở rộng, hai ông già siết chặt nhau hồi lâu, bốn mắt đắm luyến, không thốt nên lời. Cuối cùng, cổ nén xúc động ông Đahi cất tiếng trước:

- Ôi, anh trai, làm sao tin được chúng ta có ngày gặp lại nhau! Nhưng hồi ôi! Gặp nhau ở chốn nào cơ chứ? Chúng ta có nên tạ ơn trời đất cho anh em mình tái ngộ? Nhưng dường như trời đất bắt tội chúng ta, cho tái ngộ để được chứng kiến thân phận đọa đày của nhau.

- Em trai của anh, – ông Ađi đáp – quả là thời gian không làm giảm bớt, chỉ làm tăng thêm nỗi đau của hai ta. Tuy nhiên, anh hy vọng chúng ta sắp hết vận hạn rồi. Thảm mỹ kỳ cục của dân chúng ở đây làm cho anh thấy lóe lên niềm hy vọng.

- Đối với tôi, tôi chẳng chút mơ hồ. – Ông Đahi nói. – Hai bà nữ hoàng ở đây e đã qua cái tuổi hạn định để có đủ quyền năng, nếu hai bà thật lòng yêu đương, giúp chúng ta khôi phục hình dạng ban đầu.

Hai anh em lần lượt kể cho nhau nghe, từ ngày chia tay, mỗi người đã làm những gì. Ông Đahi thuật lại, ông đã gặp cô Cađi trong hoàn cảnh nào, rồi những chuyện xảy ra tiếp sau đây cho đến ngày hôm nay, không bỏ sót một chi tiết. Ông vừa nói xong, ông Ađi tiếp lời:

- Những điều em vừa nói khiến cho anh càng tin thêm vào cảm tưởng của

mình, đúng hơn nó cho phép anh hy vọng, hạnh phúc sắp đến với chúng ta rồi đó. Thật vậy, em trai à, sắp đến lúc chúng ta lấy lại hình dạng tự nhiên và khôi phục quyền năng của thần linh, mà chúng ta bị tước đoạt đi trong bao năm. Rồi em sẽ tin hơn điều anh vừa nói, sau khi nghe anh kể cho chuyện này:

Anh theo lời dặn của tu sĩ Balamôn, – ông Adi kể tiếp – đến sống ở thành phố nọ. Anh mãi mê tìm kiếm một người con gái xinh đẹp nhưng dám yêu bộ mặt khủng khiếp của anh, vẫn chưa sao tìm được. Bỗng một hôm anh nằm mơ thấy một cô thôn nữ tuổi chừng mười bảy, mười tám nói với anh: *Anh cứ mong tìm kiếm được trong thành phố này một người thiếu nữ có thể đem lòng yêu anh, chẳng có đâu, anh. Nếu anh muốn sự thần kỳ ấy diễn ra, hãy đáp tàu vượt biển đến ngay đảo Xumatra. Hãy nhìn kỹ em đây, rồi có ngày anh sẽ chịu khuất phục trước đôi mắt em!*

Cô gái nhà quê ấy xinh đẹp tuyệt trần khiến anh vô cùng chấn động. Nhưng chẳng để cho anh kịp có thời giờ, cô thôn nữ biến luôn, và anh tỉnh giấc.

Giấc mộng ấy có vẻ bí ẩn lắm, anh không nghĩ đó là chuyện hão huyền, nên vội chuẩn bị lên đường đến đảo Xumatra. Anh tới một thành phố cảng, gặp chuyến tàu thủy đầu tiên khởi hành sang bên ấy, anh lên tàu luôn. Một con bão anh cho là chẳng tự nhiên chút nào, đẩy con tàu ra xa khỏi hành trình đã định, và cuối cùng trôi dạt vào hòn đảo này. Hôm ấy, nữ hoàng Sêhêbanu đi vắng, công chúa Muncara em gái bà đang trị vì thay chị. Khi nhân dân đảo ấy nhìn thấy anh, họ reo mừng hoan hỉ trước sự già nua xấu xí của anh, giống hệt như lúc dân chúng các nơi khác trên trái đất may mắn gặp một tiên ông đẹp tựa thiên thần vừa hạ thế.

Các quân sĩ của hoàng cung hớn hờ bắt anh về dâng nàng công chúa Muncara ấy. Cô không chút ngại ngùng trước vẻ già nua cộc đế của anh, lại đâm ra phải lòng anh ngay lập tức, đại thể cũng giống như cảnh nữ hoàng Sêhêbanu đam mê em. Thoạt đầu, anh cứ nghĩ người ta chế giễu mình, chắc hẳn những người dân trên đảo ấy dùng trò ấy tiêu khiển với nhau. Vì thế cho nên anh chỉ cười khi cô công chúa ấy tỏ tình. Nhưng cô nàng cứ lải nhải làm phiền anh quá, anh hiểu ra mình đã nhầm. Anh mất kiên nhẫn. Vì nóng giận, nàng công chúa càng ngổ với anh những lời âu yếm thì anh càng đáp lại với những lời lẽ cộc cằn.

Câu chuyện kết thúc chẳng mấy hay ho. Nàng công chúa nổi trận lôi đình, sai nhốt anh vào cái tháp tối này. Cô ta định cứ giam ở đây mãi kỳ cho đến lúc anh thay đổi ý kiến và bằng lòng đáp lại mối tình của cô nàng, cho đến lúc anh phải đến quỳ gối dưới chân cô nàng xin tha thứ cho cái tội phạm thượng. Nhưng anh chẳng sẵn sàng làm theo điều cô nàng chờ đợi, anh

chuẩn bị tinh thần chịu đựng lâu dài trong tháp này. Nhưng ít nhất hôm nay có điều an ủi anh được phần nào, ấy là gặp người em trai anh vô cùng quý mến. Sự có mặt của em giúp anh thêm sức chịu đựng những hình phạt nặng nề nhất.

Ông Ađi nói đến đây ngừng lời. Ông Đahi nói:

- Em rất để ý một chi tiết trong câu chuyện của anh. Em ngạc nhiên về cô thôn nữ anh gặp trong mộng cùng những lời cô ấy ngỏ với anh. Không thể không liên hệ giấc mộng ấy với giấc mộng cô Cađi gặp chàng trai tóc vàng.

- Điều ấy không chỉ kỳ diệu đối với em thôi, – ông Ađi nói tiếp – đối với anh cô thôn nữ thường xuyên hiện diện trong tâm trí. Anh nhớ rất kỹ hình ảnh cô gái, tưởng chừng như vừa gặp cô hôm qua.

Trong khi hai anh em Ađi và Đahi đang chuyện trò với nhau, viên chỉ huy đội cấm vệ của hoàng gia bước vào tháp tối, nói:

- Hai ông già thích chuyện trò kia, các ông hãy xem nữ hoàng và công chúa của chúng tôi đối xử nhân hậu thế nào với hai ông! Đáng nhẽ trừng phạt tội vô lễ, hai bà lại tha thứ cho hai ông. Hai bà không chỉ muốn quên đi những chuyện trong quá khứ, hai bà còn quyết định dành những quang vinh lớn nhất cho hai ông, là mở đại lễ cáo yết với thần thánh tổ tiên.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI SÁU

Viên chỉ huy tướng lấy lòng hai ông già khi báo tin vui ấy để hai ông rõ. Đã không biết ơn thì chớ, hai ông già nói năng với ông chẳng ra sao. Vì các ông không chịu ra khỏi tháp, viên chỉ huy đành sai lính cưỡng chế, lôi hai ông già đến ngôi chùa, mặc cho hai ông vùng vẫy.

Vị sư cả trụ trì cũng như tất cả các sư huynh, sư đệ trong chùa đều ra đứng sẵn ở cổng chùa nghênh đón hai vị khách quý. Các vị mặc những chiếc áo cà sa dệt bằng chiếu cói, dài đến chấm đất, đầu đội những chiếc mũ đủ màu sắc cũng làm bằng cói. Họ cùng lớn tiếng tụng kinh, hoan nghênh hai vị thánh sống vừa hạ cô đến đảo. Nội dung các câu kinh viết bằng văn vần, đại ý như sau:

Hai vị lão trượng diệu kỳ đã đặt gót chân lên tất cả các đảo xa đảo gần giữa đại dương mênh mông; hai vị đi đến đâu đều mang theo phúc lành làm muôn dân nô nức ngợi ca vẻ đẹp của hai vị; lần này hai vị hạ cố chọn quốc đảo của nữ hoàng Sêhêbanu ta làm nơi định cư, mặc cho tất cả các đảo lớn đảo nhỏ khác trên đại dương tỏ lòng ganh tị với đảo ta.

Cứ sau một khúc ca, tất cả các nhà sư lại hướng về hai ông già, cúi đầu làm lễ. Sau lễ tiết ban đầu ấy, các nhà sư rước hai vị lão trượng đến ngôi lên hai chiếc ngai phủ bằng chiếu cói đặt trên giàn cao vừa mới dựng, giữa tiếng hoan hô náo nhiệt của toàn dân trên đảo tụ hội về đây xem lễ. Dưới giàn, đặt bàn thờ, buộc sẵn một con dê đực và một con lợn con chờ lát nữa sẽ cắt tiết và thui qua lửa để dâng các vị thần linh cùng tiên tổ.

Hai ông già Ađi và Đahi khôn ngoan hiểu lúc này mình giờ trò chống đối chẳng được lợi ích gì, đành can rằng chịu đựng, không nói một lời. Hai vị lên ngôi chễm chệ trên hai cái ngai, lại còn đảo mắt nhìn quanh một lượt dân chúng dự hội. Hai ông để ý thấy tất cả mọi người đều dán mắt vào mình. Giữa đám đông, nhận ra bà nữ hoàng, công chúa Muncara cùng tất cả các vị đại thần trong triều cùng ngồi dự lễ trong một khu dành riêng, giống như trong nhà hát.

Hai con vật dùng vào lễ tế sinh được cắt tiết rồi mang thui tại chỗ. Người ta đốt không biết bao nhiêu hương trầm, lông ngựa, lông gà, giấy vụn cùng với phân bò phơi khô, khói xông mù mịt, khiến hai ông già đến chết ngạt mất, nếu họ không phải là những thần linh có quyền năng bất tử, nghĩa là chẳng bao giờ có gì làm họ phải lìa trần. Tuy nhiên, đám khói ấy không khói làm tất cả những người dự hội ho sặc sụa không thôi.

Sau lễ tế sinh, tất cả phụ nữ và con gái xúm đến quanh bàn thờ, bắt đầu nhảy múa theo nhịp các khúc hát.

Đột nhiên, một sự kiện lạ thường xảy ra khiến mọi người dự hội vô cùng

kinh ngạc. Tiếng ca tiếng hát ngưng bật. Các vũ nữ há hốc mồm đứng im như phỗng. Ấy là khi nữ hoàng Sêhêbanu và công chúa Muncara không cảm được lòng, liếc mắt đưa tình nhìn hai ông già, âu yếm chân thành tự đáy hai con tim. Ngay lập tức, phép thần kỳ diễn ra. Hai anh em Ađi và Cahì mất luôn dáng vẻ tàn tật và già nua lom khom, biến thành hai chàng trai khỏe mạnh rất đôi xinh trai. Hai người khôi phục nguyên dạng hai vị thần linh vốn có mấy trăm năm về trước.

Sự thay đổi kinh dị quá. Các nhà sư trong chùa kinh hoàng trước sự thay hình đổi dạng họ cho là điềm chẳng lành, vội vã bỏ đi. Tất cả những người đẹp vừa nhảy múa ca hát chung quanh bàn thờ, xô nhau chạy trốn, vừa chạy vừa run lẩy bẩy. Còn bà nữ hoàng và cô công chúa em gái, thấy những người mình vô cùng yêu thương giờ đã trở thành những vật xấu khủng khiếp, cùng nhau chán nản lui về cung.

Chẳng mấy chốc toàn bộ khu chùa vắng teo vắng ngắt. Chỉ còn lại hai ông già, lúc đầu hai ông chưa dám tin vào mắt mình. Nhưng nhờ mọi quyền năng của hai ông mặc nhiên đã được trả lại theo đúng những điều kiện vẫn ràng buộc họ trước đây, họ hiểu ra sở dĩ có sự thay hình đổi dạng này là do có hai người đàn bà chưa tới tuổi đôi mươi thật sự phải lòng sự già cỗi tật nguyên của hai vị; và rồi chính hai nàng ấy, sau khi thấy hai con người ốm o lụ khụ mình yêu dấu xiết bao bỗng biến thành hai chàng trai trẻ tuấn tú khôi ngô, thì chán chường quá, vội vàng bỏ chạy y như mọi người.

Trong khi hai ông già chưa hết mừng vui nhận ra đã khôi phục được những lợi thế dành riêng cho thần linh hai ông vốn có từ ngày xưa ngày xưa và bị tước đoạt bởi phép thần của tu sĩ Balamôn, họ chợt nhìn thấy xuất hiện đột ngột trước ngôi chùa đích thân ông già Canxu ấy. Theo sau ông có một cô gái. Ông Đahi thoát nhìn, nhận ra ngay đây là Fatim. Còn Ađi mừng rỡ thấy đây chính là cô thôn nữ ông từng gặp trong mộng. Ông kêu lên:

- Đây chính là nàng thôn nữ ta luôn ấp ủ hình ảnh trong con tim!

- Đúng vậy, anh Ađi à, – tu sĩ Balamôn đáp – đúng cô thôn nữ ấy. Chính để làm cho hạnh phúc của anh ngày hôm nay đạt tới điểm đỉnh, ta dẫn cô ấy đến đây với anh. Rốt cuộc, – tu sĩ nhìn hai thần linh và nói tiếp – các con ơi, rốt cuộc các con đã thoát khỏi tình cảnh gây nên do cơn thịnh nộ của ta năm nào. Ta rất tiếc hai con buộc phải sống trong tình cảnh ấy lâu dài đến vậy, nhưng chẳng có cách nào giúp cho hai con thoát được sớm hơn. Chính ta là người đã báo mộng khuyên hai con hãy đến đảo Xumatra; chính ta đã gây nên những cơn bão tố khiến tàu hai con phải trôi dạt vào đảo này, bởi ta biết trước những gì rồi sẽ xảy ra tiếp tại nơi đây.

- Còn anh Đahi, – tu sĩ nói thêm – con hãy mau mau đi tìm Cađi, để cho em vui mừng được gặp lại chị gái.

Ông Đahi lao ra ngoài nhanh như tia chớp. Ông vào bếp của viên chỉ huy đội cấm vệ hoàng gia, mang cô thiếu nữ đến chùa.

Hai chị em tràn trề âu yếm và mừng vui ôm chặt lấy nhau, hôn nhau không biết chán. Sau đấy cô chị vui lòng phó thác thân mình cho chàng Ađi xinh trai; còn cô em, rất thích thú thấy ông già Đahi nay chính là chàng trai có mái tóc vàng vẫn ám ảnh từ khi cô nhìn thấy chàng trong mộng, sẵn sàng mang lại hạnh phúc cho chàng. Tiếp đó, tu sĩ Canxu nói với hai thần linh:

- Vĩnh biệt, các con trai của ta! Các con không còn phải chịu khuất phục trước uy lực của ta nữa. Ta cho hai con trở thành những người tự do. Các con muốn đưa hai cô gái trẻ này đi đến đâu tùy ý thích. Bốn người hãy sống trong hòa thuận!

Nói xong, tu sĩ biến mất. Hai vị thần dẫn hai chị em gái đến định cư ở một hòn đảo dành riêng cho các thần linh.

Kể đến đây, ông già ngoài đường phố Batđa tâu với hoàng đế Harun An Rasit:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, đây chính là câu chuyện tôi đã kể cho chàng trai này nghe, và đã làm cho chúng tôi cùng nhau cười như nắc nẻ.

Hoàng đế Harun An Rasit và cung phi Xutanum đều tỏ ý thú vị về câu chuyện. Vua truyền cho chàng trai kể nốt câu chuyện của anh. Chàng trai bắt đầu kể như sau:

CHUYỆN VUA NARISATĐÔLÊ, QUỐC VƯƠNG XỨ MUXEN, CHÀNG ABĐÊRAMAN, THƯƠNG GIA THÀNH BATĐA VÀ NGƯỜI ĐẸP ZAINEP

Một thương gia trẻ ở thành Batđa tên Abđêraman, là người cực kỳ giàu có. Tài sản của chàng không để đâu cho hết, bởi vậy chàng sống sang trọng như một ông hoàng. Ngày nào chàng cũng đãi đằng các vị đại thần trong triều. Tất cả những người có máu mặt ở kinh thành cũng như các vị khách nước ngoài đến Batđa đều được chàng đón tiếp trọng hậu. Bản tính chàng thích làm vui lòng mọi người. Bất kỳ ai cần đến tiền nong, hoặc muốn vay dài hạn hoặc chỉ giật tạm ít ngày, đều được chàng đồng ý. Bất kỳ ai cũng có thể ngỏ lời nhờ vả chàng, không sợ bị từ chối. Kể cả những người đã được chàng giúp rất nhiều, khi cần vẫn chạy đến tìm chàng không chút ngại ngùng. Cả thành phố nức tiếng thái độ thương người và tính tình hào hiệp của chàng Abđêraman. Cộng với tấm lòng rộng mở, chàng có thân hình tráng kiện, vẻ mặt tuấn tú; tóm lại có thể gọi đây là một chàng trai hoàn chỉnh.

Một hôm, chàng đến giải khát tại một quán bán *fiquaa*. Thấy trong quán có một chàng trai người nước ngoài mặt mũi khôi ngô đang ngồi một mình ở một bàn riêng, Abđêraman đến ngồi ghé xuống cái bàn ấy. Hai chàng bắt chuyện với nhau. Thương gia Abđêraman thấy chàng trai người nước ngoài này khả ái lắm; ngược lại vị khách kia cũng có cảm tình nhiều với người bạn mới làm quen. Hai người đàm đạo và cùng lấy làm hài lòng về nhau, thành thử ngày hôm sau hai vị khách lại đến tìm gặp để cùng ngồi với nhau vẫn ở cái bàn ấy. Lại chuyện trò thân thiết và càng có cảm tình nồng hậu với nhau hơn, như thể giữa hai người đã có mối thâm giao từ trước.

Điều đáng buồn cho Abđêraman là vị khách nước ngoài kia cho biết ngày mai đã phải giã từ thành phố này trở về nơi sinh quán của mình, tại đô thành Muxen. Abđêraman nói:

- Thừa ngài, ít ra trước lúc chia tay nhau, ngài cũng vui lòng cho tôi được biết ngài là ai, nhờ may nay mai tôi có việc sang thành phố Muxen, tôi còn biết để tìm hỏi thăm sức khỏe ngài chứ.

- Ngài chỉ cần đi đến chỗ hoàng cung của quốc vương Muxen, sẽ trông thấy tôi luôn có mặt ở đó. Nếu ngài vào hoàng cung, thế nào tôi cũng nhận ra ngài ngay và sẽ tiếp đón ngài tử tế. Lúc ấy ngài khắc rõ tôi là ai, và nhân dịp ấy hai anh em ta sẽ gắn kết hơn nữa mối tình bằng hữu.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI BẢY

Chàng Abdêraman rất buồn về việc người bạn mới quen đã vội già từ. Chàng chỉ có mỗi điều tự an ủi là, do công việc làm ăn, thỉnh thoảng chàng vẫn sang thành phố Muxen, hy vọng lại có thể sớm gặp nhau bên đô thành ấy.

Quả vậy, có dịp đến Muxen, chàng thương gia trẻ tới ngay chỗ hẹn. Vào hoàng cung, gặp bất kỳ ai chàng cũng ngó thật kỹ, xem đây có phải người bạn hôm nào. Chợt nhận ra chàng trai ấy giữa một đám các vị đại thần trong triều đang xúm xít chung quanh, vị nào cũng có vẻ khúm na khúm núm. Abdêraman hiểu đây chính là quốc vương xứ Muxen, danh hiệu Narisatđôlê, chẳng phải ai khác.

Nhà vua cũng nhận ra chàng thương gia trẻ giữa đám đông. Vua vội bước xuống đón chào. Abdêraman phủ phục dưới chân vua, mặt úp sát đất, cho đến khi nhà vua thân hành đỡ dậy, ôm hôn, rồi cầm tay dắt về phòng làm việc riêng của mình.

Tất cả các đại thần đều tỏ vẻ ngạc nhiên trước sự đón tiếp quốc vương dành cho chàng nhà buôn trẻ tuổi. Họ hỏi nhau:

- Chàng trai người nước ngoài kia là ai thế nhỉ? Chắc đây phải là một vị hoàng tử, cho nên mới được hoàng thượng ta đối xử thân tình đến mức ấy.

Các vị quan to nhất trong triều, xưa nay vốn được nhà vua tin cậy, bắt đầu vừa sợ vừa ghét người khách mới đến, còn những quan chức vị thấp hơn, cần có chỗ dựa dẫm thì định bụng sẽ tìm cách lấy lòng chàng trai.

Trong khi đó, vua Narisatđôlê đóng chặt cửa phòng, chuyện trò riêng với chàng thương gia từ Batđa đến. Vua nói:

- Đúng thế, anh Abdêraman à, đúng là ta quý anh hơn tất cả các vị đại thần ta vừa bỏ lại đây để vào đây trò chuyện với anh. Ta quý anh hơn tất cả bọn họ không phải không có lý do. Làm sao ta rõ được, các vị ấy hành xử để lấy lòng ta vì lợi ích riêng hay vì tham vọng của mỗi người? Chắc hẳn khó tìm ra dù mỗi một người thôi trong số ấy thật lòng yêu quý ta. Đây là nỗi bất hạnh xưa nay của những người giữ chức trọng quyền cao. Họ không thể biết ai là người thành thật quý yêu mình. Bởi họ lúc nào cũng có thể ban phát ân huệ cho người khác, vì vậy họ chẳng thể nào phân biệt rõ người khác đối với mình, ai thật lòng ai giả dối. Riêng về tình cảm của anh, tôi thấy ở anh cả một tấm lòng chân thực, và tôi đánh giá cao điều ấy. Anh sẵn sàng làm bạn, sẵn sàng thân thiết với tôi khi chưa hề biết rõ tôi là ai. Tôi tự hào, lần này mình mới thật có được một người bạn.

Chàng thương nhân vội vàng bày tỏ với nhà vua tình bằng hữu và lòng

biết ơn về những lời khen ngợi vừa nghe. Quốc vương Muxen nói:

- Trong thời gian lưu lại Muxen, mời anh nghỉ ngay trong cung của tôi. Các quan quân vẫn hầu hạ tôi sẽ phục vụ anh chu đáo. Tôi sẽ quan tâm đến những ngày anh lưu lại đô thành này được vui vẻ thoải mái nhất.

Y như lời, nhà vua chú ý làm mọi cách để chàng thương gia cảm thấy sảng khoái trong những ngày lưu lại cung của vua. Khi vua mời chàng tham gia cuộc săn bắn, khi thì vua lại bày ra hòa nhạc hoặc đàn ca hát xướng. Hầu như ngày nào hai người cũng chén tạc chén thù với nhau.

Chàng thương gia người Batđa sống tại đô thành Muxen gần một năm theo cung cách ấy. Chợt một hôm nhận được tin khẩn báo từ Batđa sang cho biết, sự có mặt của chàng ở thành phố ấy lúc này vô cùng cần thiết để công việc kinh doanh không phải gặp khó khăn thêm. Chàng vội trình với vua Narisatđôlê, xin vua vui lòng cho phép mình được trở về quê nhà vì công việc khẩn. Nhà vua lấy làm tiếc song không thể không chấp thuận, và chàng thương gia ta đành phải tạm xa cuộc sống huy hoàng ở triều đình Muxen.

Vừa về đến Batđa, chàng Abdêraman tập trung tâm trí làm những công việc cần thiết để vực dậy hoạt động kinh doanh có phần bê trễ do ông chủ vắng mặt lâu ngày. Sau một thời gian ngắn, việc làm ăn của chàng trở lại xuôi chèo mát mái, thậm chí còn phát đạt hơn ngày trước. Chàng lại đãi đằng và giúp đỡ mọi người, lại tiêu pha còn hào phóng hơn xưa. Chàng mua thêm nhiều nô lệ về làm nàng hầu. Chàng thương gia trẻ tuổi của chúng ta vốn chuộng thú vui, trong nhà có các nàng hầu gần như thuộc đủ mọi quốc tịch.

Một hôm có một nhà buôn nô lệ mang đến bán một cô gái rất xinh. Cô sinh ra ở xứ Xiêcca, chưa đến mười tám tuổi, tên là Zainep. Cô gái quả là một tuyệt thế giai nhân, ít người sánh được. Abdêraman mua cô gái với giá sáu nghìn đồng *xocanh* vàng. Ấy thế nhưng giả dụ người bán có đòi tới mười nghìn, chàng cũng trả tiền luôn để mua ngay không chút lưỡng lự.

Cô gái ấy không chỉ tuyệt vời về nhan sắc. Đây là một người có học, tính tình lúc nào cũng hòa nhã dịu hiền, tâm hồn nhạy cảm, lại chân thực và có lòng chung thủy. Một con người tài sắc vẹn toàn như vậy chẳng bao lâu chinh phục hoàn toàn chàng thương gia trẻ. Abdêraman yêu nàng nồng nhiệt, và vô cùng hạnh phúc nhận ra nàng cũng tha thiết yêu chàng.

Trong khi chàng trai cô gái đắm say nhau đang cùng hưởng hạnh phúc trọn vẹn, chợt quốc vương xứ Muxen vì hành một mình tới thành phố Batđa và đến thẳng tư dinh chàng thương gia trẻ. Nhà vua bảo chàng:

- Anh Abdêraman à, tự nhiên tôi nảy ra cái ý, vì hành sang Batđa để thăm kinh thành và luôn thể tham quan triều đình đức hoàng đế; hay cho nói đúng hơn, tôi muốn sang đây thăm anh. Tôi đến ở luôn tại nhà anh. Tôi mong anh

vui lòng chấp thuận, y như tôi đã rất vui khi được anh đến ở trong hoàng cung mình hôm nào.

Chàng thương gia thành phố Batđa thấy mình được vinh hạnh to lớn quá, định phủ phục trước chân vua, bày tỏ lòng quý mến và lòng biết ơn vô hạn. Nhưng nhà vua kịp ngăn lại, đỡ chàng đứng lên và nói:

- Anh hãy dành sự kính trọng kia cho đức vua xứ Muxen! Hôm nay anh chỉ nên coi tôi như một người bạn sang thăm và lưu lại nhà chơi với anh mấy bữa. Hai ta hãy sống cho thoải mái. Chẳng có gì hơn một cuộc sống tự do. Thỉnh thoảng muốn hưởng thật đúng lạc thú của cuộc đời, tôi phải trốn ra ngoài hoàng cung thế này. Tôi thích đi du ngoạn một mình. Tôi thích hòa mình với những người dân thường. Thú thật với anh, những ngày tôi sống theo cách ấy lại là những ngày hạnh phúc nhất trong đời.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI TÁM

Tuân lệnh và để làm vui lòng nhà vua, chàng thương gia trẻ giữ thái độ thân mật. Hai người sống như hai người bạn cùng ngang địa vị xã hội. Ngày nào họ cũng bày ra những cuộc chơi. Và nhà vua Narisatđôlê quên hẳn mình là một vị quân vương, sống ở nhà chàng thương gia y hệt một người dân thường.

Một tối, hai anh em dùng bữa, chén chú chén anh với nhau toàn rượu ngon, câu chuyện xoay quanh vấn đề nhan sắc phụ nữ. Nhà vua khoe, trong hậu cung mình có một vài cung nhân xinh đẹp tuyệt trần, trên đời này có lẽ khó tìm ra người đẹp nào sánh tày nhan sắc các cô nàng ấy.

Chàng thương gia cảm thấy lòng mình bồn chồn khi nghe nhà vua nói vậy. Tình yêu tha thiết của chàng đối với nàng Zainep, thêm vào đây một chút hơi men bốc trong đầu, khiến chàng không dễ dàng đồng ý với quốc vương. Chàng thưa với vị khách:

- Tôi hoàn toàn tin anh có nhiều cung tần xinh đẹp lắm, nhưng tôi không nghĩ họ có thể vượt trội các nàng hầu của tôi. Tôi có nhiều nữ nô lệ ngắm hoài không chán mắt, và đặc biệt một cô bé người Xiêcca, dường như thiên nhiên đã đúc sẵn ở nàng công trình tuyệt tác nhất, không có ai sánh bằng.

- Thế có nghĩa anh mê cô gái ấy? – Nhà vua hỏi. – Chỉ nghe qua lời anh ca ngợi, tôi đã rõ ngay dạ anh mê say cô hầu ấy tới mức nào. Tuy nhiên, tôi vẫn không tin cô ấy đẹp vượt lên trên các cung tần của tôi.

- Cũng dễ làm cho anh tin chắc thôi. – Abdêraman nói lại.

Rồi chàng đưa tay vẫy một người giúp việc đến, rỉ tai: “Chú hãy đi bảo các nàng hầu của ta ăn mặc, trang điểm cho thật lộng lẫy vào, rồi bảo các cô tập trung ở gian phòng nọ, đèn đóm đốt thật sáng trưng vào, và cùng chờ ta ở đây.”

Người nhà vội chạy đi lo việc được sai. Chàng thương gia thành phố Batđa trở lại bàn ăn, nói với nhà vua:

- Rồi anh sẽ tự mình phán xét xem, tôi đúng hay sai khi khẳng định trong nhà riêng của tôi có những cô gái xinh đẹp nhất ở châu Á.

- Tôi cũng đang hiếu kỳ muốn kiểm tra thêm, có phải tình yêu đã khiến anh có cái nhìn thiên vị hay không. – Vua Narisatđôlê cười.

Hai người tiếp tục uống rượu và chuyện trò cho đến khi người nhà kia quay trở lại thưa với chủ, các nàng hầu đã điểm trang và tề tựu đông đủ ở căn phòng nọ. Chàng thương gia liền mời quốc vương đi sang một gian phòng vô cùng tráng lệ, ở đây chờ sẵn ba mươi nàng hầu cô nào cũng trẻ cũng đẹp, cũng xiêm y lộng lẫy và điểm trang đầy châu ngọc trên người. Tất

cả đang ngồi trên những chiếc sập đệm phủ lụa hồng thêu hoa bạc: người đàn, kẻ hát, người nhịp trống, chờ chủ nhân đến. Hai người bước vào, tất cả vội đứng lên kính cẩn lặng im. Abdêraman truyền họ ngồi xuống và cứ tiếp tục đàn ca múa hát.

Quốc vương Narisatđôlê tuy làm vua một nước hùng cường thật đấy, cũng phải thâm công nhận, trong hậu cung của mình không có những cô gái xinh đẹp dường này. Nhà vua lần lượt ngắm kỹ từng người, từ cô đánh đàn, cô gõ trống, cô múa đến cô hát, thấy cô nào cũng đẹp cô nào cũng xinh, cô nào cũng tươi như một loạt hoa hồng hé nở. Khi ngắm đến các ca sĩ, nhận ra một thiếu nữ cực kỳ lộng lẫy, vua liền quay lại hỏi chàng thương gia:

- Có phải đây là cô gái người Xiêcca anh nói với tôi hồi nãy?

- Đúng cô ấy, thưa anh. – Abdêraman đáp. – Anh thấy tôi có nói quá lời không? Anh đã từng bao giờ gặp một giai nhân tuyệt sắc thế này chưa?

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI CHÍN

Chàng thương gia chờ đợi nhà vua sẽ trả lời bằng một câu ca ngợi nàng Zainep, và như vậy là vinh dự lớn cho nàng. Nhưng chàng cực kỳ ngạc nhiên không thấy quốc vương bày tỏ ý kiến gì, về mặt lại tự dưng trở nên trang nghiêm và tư lự. Chàng nghĩ chắc trong thâm tâm, ông không vui bởi nhận ra có những nàng hầu ở một tư gia đẹp hơn các mỹ nữ trong cung vua. Lát sau, khi tiễn nhà vua trở về phòng riêng, chàng mới gạn hỏi:

- Thưa ngài, tôi thấy có lẽ hồi nãy tôi đánh giá quá cao nhan sắc nàng Zainep, có lẽ tôi đã khoe khoang hơi quá lời về nàng chăng?

Quốc vương vẫn không đáp, chỉ nói xin để vua lại một mình, vua đang cần được nghỉ ngơi. Chàng Abdêraman vội vàng lui ra, càng tin chắc nhà vua không vui vì thực tế diễn ra không đúng như lời ông từng quả quyết trong bữa ăn.

Sáng sớm hôm sau, vừa thức dậy, chàng thương gia lại đến chào, hỏi thăm sức khỏe vị khách quý. Hy vọng nhà vua lúc này vui vẻ hơn. Nhưng chàng ngạc nhiên thấy nhà vua còn buồn bã hơn cả tối hôm qua, khiến chàng vô cùng áy náy:

- Dường như ngài có điều gì không ổn, thưa ngài? Tại sao mắt ngài đượm vẻ ưu phiền? Đâu là nguyên nhân gây nên nỗi buồn ấy?

- Anh Abdêraman à, – nhà vua đáp – tôi trở về Muxen nội trong ngày hôm nay đây, mang theo mình nỗi buồn mà thời gian chỉ có làm tăng thêm thôi chứ không sao khuây khỏa. Anh hãy để cho tôi được lặng yên cáo biệt, chớ nên tìm hiểu vì sao tôi buồn!

- Không thể thế được, thưa ngài, – chàng thương gia đáp – xin ngài hãy nói cho tôi biết, xin ngài chớ giấu tôi, tôi van ngài! Phải chăng tôi có phạm điều gì thất thố? Hay là tôi đã quá lạm dụng đại lượng của một bậc quân vương và nhờ có cử chỉ nào xúc phạm đến ngài?

- Không đâu, nói có trời chứng giám, – vua Narisatđôlê đáp – tôi chẳng có mảy may phàn nàn về anh. Tôi chỉ phàn nàn cho thân tôi gặp số phận không may. Một lần nữa, tôi xin anh chớ hỏi rõ nguyên nhân làm chi!

Quốc vương càng muốn che giấu nguyên nhân gây nên nỗi buồn, chàng thương gia càng nài ép vua nói rõ. Nhà vua chuẩn bị khởi hành, và vẫn muốn giữ im lặng niềm riêng. Song bị chàng Abdêraman nài ép quá, vua đành bộc bạch như sau khi sắp bước chân ra khỏi nhà:

- Anh Abdêraman à, vậy tôi đành nói thật để anh hay. Tôi yêu, tôi mê nàng Zainep của anh lắm, tôi không sao có thể thanh thản sau khi nhìn thấy đôi mắt đẹp của cô gái. Tôi định ra đi không bộc bạch với anh điều ấy, song

anh cứ nài ép, vì tình bằng hữu với nhau, lẽ nào tôi lại giấu anh. Xin vĩnh biệt!

Nói xong, nhà vua bước ra khỏi nhà, lên đường trở về thành phố Muxen.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM TÁM MƯƠI

Lời vua Narisatđôlê làm chàng thương gia bàng hoàng kinh ngạc. Phải một lúc khá lâu sau, hoàn toàn tỉnh trí trở lại, chàng mới tự trách mình:

- Ôi, khốn nạn là ta! Tại sao ta lại mang nàng Zainep ra phô với quốc vương làm chi? Tại sao ta không nghĩ ra, nhà vua sau khi nhìn thấy nàng rồi sẽ đem lòng yêu quý? Bây giờ trở lại Muxen, rồi vua sẽ buồn phiền sẽ đau khổ, bởi trong cung của ông, cho dù có nhiều cung tần mỹ nữ thật đấy, chẳng tìm đâu ra một người đàn bà nào đẹp toàn diện tựa nàng Zainep. Ta có thể lấy tấm lòng mình ra nghiệm, đủ thấy: ai đã đem lòng yêu quý nàng, thì không còn có thể yêu ai khác được nữa. Thế là rồi đây suốt đời ta sẽ ân hận, sao mình nỡ gây nên điều bất hạnh cho một vị quân vương vĩ đại bởi các đức tính cá nhân của ông hơn bởi sự hùng cường của vương quốc. Tại ta, trong một phút ba hoa vô lối muốn khoe khoang người tình của mình, ta đã làm cho những ngày tháng từ nay trở đi của nhà vua ấy không được yên vui như ngày trước. Để đáp lại tình thân hữu một nhà vua đáng yêu đáng kính mang lại cho ta, ta lại đi cầm một ngọn dao găm đâm vào đúng quả tim ông ấy. Không, không xử sự như thế được! Hỡi vị quân vương thân quý của ta! Abdêraman này không thể nào để mặc ngài chìm trong tâm trạng bi thương do chính kẻ này gây nên! Không! Tôi sẵn lòng hy sinh vì ngài, tôi sẵn sàng nhường cho ngài nàng Zainep, tôi nhất quyết như thế.

Ngay sau khi quyết định, chàng gọi mấy người nhà tâm phúc lại bảo chuẩn bị cho mình một cái kiệu. Sau đó chàng cho mời nàng Zainep đến, và nói với nàng:

- Em không còn là của ta nữa. Từ nay em thuộc sở hữu của quốc vương xứ Muxen. Ngài chính là vị khách em nhìn thấy tối hôm qua đấy. Nhà vua ấy mê say em đến cuồng nhiệt. Ngài rất khả ái, vậy mong em chịu khó thuận tình để ta biểu em làm cung phi cho ngài.

Nàng hầu nghe nói vậy nước mắt tuôn ra như mưa. Nàng than:

- Ôi, lẽ nào chàng Abdêraman lại bỏ em, sau bấy nhiêu lời thề thốt sẽ yêu thương em đến trọn đời? Ôi, chàng bạc tình ơi, chàng không yêu em nữa, chắc hẳn trong tim chàng đã có hình bóng một giai nhân khác xinh đẹp hơn, hoàn hảo hơn. Vì vậy, anh mới đẩy em đi xa để đỡ ân hận nếu cứ nhìn thấy em trước mắt!

- Không, nàng Zainep kiêu diễm của anh ơi! – Chàng bùi ngùi đáp. – Không hề có người đẹp nào chiếm chỗ em ngự trong lòng ta; không phải ta không còn yêu em nữa, ta xin thề điều ấy trước lăng mộ Đấng tiên tri tại thành phố Mêđin!

- Nếu đã vậy, – nàng Zainep vội vã ngắt lời chàng – tại sao chúng ta lại

phải chia lìa?

- Lòng ta đau xót lắm, – chàng nói tiếp – nhưng ta không thể chịu được cảnh một đấng quân vương ta vô cùng thân quý, và ngài cũng hết sức quý trọng tình thân hữu của ta, gây mòn đau khổ vì thương nhớ nàng. Bởi quan tâm tới sự thanh thản của nhà vua, ta đành không nghĩ tới sự thanh thản của chính mình. Khi tính tới khoảng cách giữa địa vị của nhà vua ấy với địa vị của ta, ta không còn nề hà bất cứ sự hy sinh nào. Hơn nữa, ta nghĩ rồi đây nàng sẽ trở thành cung phi sủng ái của vua, ý nghĩ ấy, thú thật, cũng làm nhẹ đi được chừng nào nỗi đau của ta khi nhường nàng cho ngài. Vậy nàng yên lòng hãy sang Muxen hưởng thụ cuộc đời hạnh phúc; nàng hãy yên tâm đến với vua Narisatđôlê; nàng hãy mang niềm vui vô tận đến thay thế mối hận ngàn thu trong lòng nhà vua ấy!

Chàng thương gia trẻ thốt ra mấy lời trên, không cầm được nước mắt. Bởi vậy, chàng vội truyền cho mấy gia nhân có nhiệm vụ rước nàng sang kinh thành Muxen, hãy khởi hành chóng vánh lên, để nàng đi khỏi mắt chàng. Lúc này nàng cũng đã lại tuôn lệ, chàng sợ mình không còn đủ sức nhìn thấy nàng than khóc lúc chia tay. Mấy gia nhân mời nàng bước vào trong kiệu, cùng đi theo có một bà giúp việc cao niên, rồi vội vã đưa nàng sang kinh thành Muxen, đứng trên con đường vua Narisatđôlê đang rong ruổi vào lúc ấy.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM TÁM MƯƠI MỐT

Họ cố bước cho thật nhanh chân, nhưng làm sao một chiếc kiệu do mấy người khiêng có thể đuổi kịp một nhà vua trẻ đang cười trên lưng một con tuấn mã thuần giống A Rập. Vua tới kinh thành Muxen đã mấy ngày trước, kiệu rước nàng Zainep mới kịp đến nơi.

Kiệu nàng vừa tới, một gia nhân đi theo kiệu vội chạy vào hoàng cung, nhờ người tâu nhà vua Narisatđôlê rõ, chủ nhân của họ thương gia Abdêraman, gửi nàng hầu này đến dâng đức vua.

Làm sao tả hết sự ngạc nhiên cũng như lòng mừng vui của nhà vua khi hay tin ấy! Vua thốt lên:

- Hồi người bạn vô cùng hào hiệp của ta! Giả sử trước đây ta chưa thật vững tin anh là người bạn hoàn hảo nhất thế gian, bây giờ chẳng có gì để nghi ngờ được nữa, bởi anh coi trọng hạnh phúc của bạn hơn hạnh phúc của bản thân mình.

Vua sai người gọi viên trưởng hoạn nô đến, truyền y cho chuẩn bị và rước nàng sang ở căn hộ riêng biệt tiện nghi nhất, tráng lệ nhất trong hoàng cung. Nàng vừa kịp chuyển đến phòng riêng, nhà vua đã tới. Thấy trên khuôn mặt nàng lộ rõ ưu phiền sâu sắc, vua nói:

- Nàng Zainep xinh tươi à, chẳng khó khăn mấy để ta nhận ra trái tim em không chấp nhận sự hy sinh chàng Abdêraman hào hiệp đã chịu, khi cho người đưa nàng sang biểu ta. Ta thấy rõ nàng đến kinh thành Muxen với cái vẻ một nạn nhân sắp đi vào cõi chết, chứ không phải một nhan sắc kiêu sa làm cho một đấng quân vương phải quỳ gối trước nàng. Rõ ràng nàng đau khổ vì bỏ mất một chàng trai nàng yêu quý, hơn là sung sướng vì chinh phục được một nhà vua quý yêu nàng.

- Muôn tâu bệ hạ, – nàng đáp – nhẽ ra em phải ép tình cảm của em thuận theo số phận đã đưa đẩy em tới nơi này, nhẽ ra em phải vô cùng vui sướng được làm nên hạnh phúc của một đấng quân vương tuấn tú như ngài. Hơn thế, em sẵn sàng xa ngay, em sẵn sàng quên ngay kẻ bạc tình đã bỏ em, và dâng trọn vẹn trái tim em cho ngài. Giá em có thể ngay từ lúc này, để báo thù sự bội nghĩa của người ấy, chân thành yêu quý ngài như em từng yêu quý người ấy. Nhưng hỡi ôi! Bất hạnh thay cho em, lòng em vẫn luôn nghĩ tới kẻ bạc tình! Chừng nào em còn sống trên đời, hình ảnh người bạc tình ấy còn đậm mãi trong trái tim em, khiến đời em sẽ chẳng bao giờ có được sự yên vui.

Người nữ nô lệ xinh đẹp nói xong mấy lời ấy, tuôn nước mắt và nước nở hồi lâu, khiến nhà vua rất cảm động. Vua thốt lên:

- Hỡi nàng Zainep kiêu diễm! Xin nàng hãy bớt ưu sầu, ta van nàng đấy! Hãy cho ta được hy vọng rồi đây với thời gian và tình cảm của ta, sẽ có thể giúp nàng vượt qua nỗi ưu sầu ấy! Chớ làm cho ta mất đi nguồn hy vọng nhờ có nó ta đứng vững trên đời!

Nhà vua xứ Muxen không chỉ ngỏ những lời tha thiết như trên với cô nô tì xinh đẹp, vua còn quỳ gối thốt lên muôn vàn lời yêu đương khác. Vua tìm hết cách an ủi nàng nhưng không sao đạt được kết quả. Vua còn nhận ra, mình càng khuyên giải, nàng càng ỉu rĩ. Vì vậy vua lui về cung riêng. Tốt hơn là xa nàng Zainep, không nên làm đau đớn hơn vì sự có mặt của mình.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM TÁM MƯƠI HAI

Lại nói về chàng thương nhân trẻ thành Batđa. Sau khi nàng hầu xinh đẹp đi khỏi, chàng sa vào một nỗi buồn không có cách gì khuây khỏa. Chàng bày ra bao nhiêu trò vui để tiêu sầu, hình ảnh nàng Zainep vẫn cứ lớn vồn trong đầu, khiến chàng không sao tươi tỉnh được. Thỉnh thoảng chàng lại mình tự bảo mình:

- Ôi! Khốn khổ thân ta! Ta cảm thấy không sao sống được thiếu vắng nàng Zainep. Tại sao ta lại nhường nàng cho quốc vương xứ Muxen? Phải chăng đã vượt quá ranh giới của tình bằng hữu, khi mang một người mình hằng yêu quý làm quà biếu tặng bạn bè? Vua Narisatđôlê liệu có làm được như ta không? Chắc không đâu, ta tin ông không sao hiểu hết cái giá sự hy sinh của ta vì ông. Hẳn ông nghĩ, chẳng phải ta yêu nàng Zainep cho lắm, cho nên mới dễ dàng đưa nàng sang biếu ông, mà nào ông đã có ngổ lời cầu xin việc ấy? Đúng vậy, có bao giờ một người tình hạnh phúc và tinh tế chịu khước từ người tình của mình, chỉ vì lòng thương hại một người bạn? Thế mà ta lại yêu quý nàng Zainep như chưa từng có ai yêu quý ai đến thế. Ô, nhưng tại sao ta lại nghĩ lẫn thần thế nhỉ? Có ích chi, mình tự lên án mình? Cho dù lúc này nỗi đau của ta có lớn đến bao nhiêu, nếu có phải làm lại ta sẽ vẫn làm y như cũ. Vị quân vương ta vì ông hy sinh tình yêu của mình, hẳn hiểu cho lòng ta lắm. Nhà vua ấy xứng đáng hơn ta để có được nàng Zainep.

Tâm trạng chàng thương gia lúc này ngổn ngang như vậy. Chàng tuyệt vọng vì không còn có người đẹp bên cạnh, song chàng lại không hối tiếc đã nhường nàng cho nhà vua xứ Muxen. Suốt ba tháng trời, chàng sống trong tâm trạng rầu rĩ ngổn ngang.

Bỗng một hôm, quan tể tướng sai người đến bắt giam chàng. Người ta bảo có ai đó tố cáo chàng thương gia, trong một buổi chè chén, đã dám tuôn ra những lời bất kính đối với Đấng thống lĩnh các tín đồ. Mặc cho chàng khiêu nại, mình chưa bao giờ dám thốt ra một lời khinh mạn đối với đức hoàng đế, người ta vẫn cứ tống chàng vào nhà giam.

Hóa ra có hai vị đại thần trong triều, vốn mang lòng thù ghét chàng từ lâu mà chàng không hay biết, đã cùng nhau bịa ra lời vu khống ấy để làm hại chàng. Tin lời giả dối của họ, quan tể tướng ra lệnh tống giam. Lệnh còn truyền, nội trong ngày hôm ấy, tất cả tài sản của chàng bị tịch biên, toàn bộ dinh cơ chàng bị phá trụi. Về phần chàng, ngay ngày hôm sau sẽ bị dẫn tới đoạn đầu đài. Để thi hành lệnh ấy, một đài chém đầu đã được dựng lên phía trước hoàng cung.

Người quản trại giam đêm hôm ấy đến báo cho chàng thương gia biết mệnh lệnh của cấp trên. Ông nói với chàng:

- Thừa ngài Abdêraman, tôi rất thông cảm với tai họa của ngài. Tôi càng băn khoăn vì trước đây từng chịu ơn ngài. Đã hai lần ngài giúp đỡ tôi trong hai hoàn cảnh khác biệt, giờ đây là lúc tôi trả nghĩa ngài. Tôi nhất quyết trả lại tự do cho ngài. Cửa nhà tù đã rộng mở, xin ngài hãy đi ra ngoài! Ngày hãy mau mau chạy đi, hãy trốn đi khỏi cực hình đang chờ đợi!

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM TÁM MƯƠI BA

Nghe vậy, Abdêraman vô cùng mừng rỡ, ôm hôn người quản tù, cảm tạ tấm lòng hào hiệp của ông. Đột nhiên sức nghĩ lại, mình trốn thoát ắt sẽ nguy cho tính mạng người quản tù, chàng liền nói với ông:

- Ông chỉ nghĩ tới chuyện cứu mạng sống của tôi, ông không lo cho tính mạng của mình. Tôi không thể lạm dụng lòng hào hiệp của ông; để cho tôi sống mà ông phải chết, như vậy đâu là lẽ công bằng?

- Xin ngài chớ quá quan tâm điều gì rồi sẽ xảy ra cho tôi, – người quản trại giam đáp – ngài chỉ cần nói cho tôi biết ngài có phạm thượng hay ngài vô tội? Có bao giờ ngài nói đến đức hoàng đế với những lời lẽ thiếu kính trọng hay không? Ngài chớ giấu tôi điều gì, tôi cần biết rõ sự thật để tính cách xử sự sao cho phải.

- Tôi xin thề có trời đất chứng giám, – chàng Abdêraman nói – bất cứ lúc nào, hễ nói đến Đấng thống lĩnh các tín đồ, lời lẽ của tôi cũng vô cùng thành kính.

- Đã vậy, – người quản trại giam nói – tôi biết rõ tôi nên làm gì. Nếu ngài có tội, tôi sẽ cùng chạy trốn với ngài. Nhưng ngài không phạm tội, vậy tôi cứ ở lại đây; tôi sẽ cố gắng hết sức mình chứng minh ngài vô tội.

Abdêraman cảm ơn ông quản tù một lần nữa rồi ra khỏi nhà giam. Chàng đến nấu tại nhà một người bạn, ông này giấu chàng một nơi thật an toàn. Ngày hôm sau, tể tướng hay tin người tù đã trốn trại, cho người đòi viên quản nhà tù đến quát mắng:

- Đồ khốn kiếp! Mày làm bốn phận của mày như vậy ư? Ta giao cho mày một tên phạm trọng tội để mày canh giữ, mày lại để cho nó trốn thoát, hay đúng hơn mày thả cho nó được tự do. Nội trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, nếu không bắt lại được thủ phạm mày sẽ phải đền tội.

- Bẩm quan lớn, – người quản tù thưa – tôi sẵn sàng chịu chết vì ông Abdêraman. Xin thú thật với ngài, chính tay tôi thả chàng ấy. Tôi không thể nhìn thấy chàng mất mạng. Tôi đã tự tay mở cửa phòng giam, tôi đã khuyên chàng hãy mau mau chạy trốn. Nay tôi đã thú nhận hết lỗi của mình, tôi xin chịu chết vì con người trung hậu nhất thành phố Batđa ấy, tôi có thể nói một người chưa bao giờ phạm tội.

- Mày dựa vào những chứng cứ nào để dám khẳng định anh ta vô tội? – Tể tướng hỏi.

- Bẩm quan lớn, tôi dựa vào lời khai của chính chàng ta. – Ông quản tù đáp. – Ông Abdêraman là một người không bao giờ biết nói dối. Nhưng, bẩm lay quan lớn, – ông nói thêm – xin mạn phép ngài cho tôi được nói, ngài

hơi cả tin quá đấy. Ngài có thật biết rõ hai người đã tố cáo chàng thương gia trẻ tuổi kia là ai? Ngài có biết hai người ấy vốn ghen tuông, thù hận chàng trai? Ngài có tin họ thật thanh liêm không, chưa chi ngài đã cả tin những lời họ vu không. Xin ngài hãy cẩn thận, chớ nên mãi nghe những kẻ dối trá, xin ngài hãy sợ hãi khi làm đổ máu người vô tội! Bởi rồi đến một ngày kia, ngài sẽ phải trả lời những hành động ngài từng làm khi ngài được giao nắm quyền lực. Nếu ngài sử dụng tốt quyền lực ấy, ngài sẽ được thưởng công, nếu ngài lạm dụng nó, ngài sẽ bị trừng phạt.

Người quản tù thốt ra những lời trên với giọng nói kiên quyết, khiến tể tướng không khỏi ngạc nhiên, và làm ông phải suy nghĩ. Ông sai tạm giam người quản tù cho đến khi có lệnh mới, và quyết định sẽ làm tất cả những gì có thể, để tìm hiểu xem những người tố cáo kia có đáng tin cậy hay không. Tuy nhiên, bởi đã nhớ ra lệnh cào nhà cửa của bị cáo và tịch biên gia sản của anh ta, và không muốn bị mọi người chê cười làm việc kém thận trọng, ông vẫn truyền cho viên phó chánh án dẫn lính lùng sục vùng phụ cận thành phố Batđa để cố bắt lại chàng Abdêraman.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM TÁM MƯƠI TƯ

Trong khi viên phó chánh án huy động lính tráng tìm tòi, sự sáo khắp vùng nông thôn, chàng thương gia trẻ lại ung dung ở nhà người bạn của mình trong thành phố. Tuy nhiên, vẫn lo vụ việc này ngày càng rắc rối, đến một lúc nào đó, lính tráng của viên phó chánh án sẽ sờ đến ngôi nhà này, chàng quyết định trốn sang thành phố Muxen. Chàng tự bảo:

- Ta sẽ tìm được bên thành phố ấy một nơi trú ẩn an toàn. Chỉ cần ta tới được triều đình của vua Narisatđôlê, vị quân vương ấy sẽ có cách làm cho ta sớm quên đi tai họa của mình.

Khi hay tin bọn lính tráng lùng sục chán vùng nông thôn chẳng thu được kết quả, đã rút về thành phố Batđa, một đêm chàng ra khỏi nhà người bạn lên đường sang thành phố Muxen. Người bạn đã biếu cho một con ngựa tốt, chàng đi hồi hă, chẳng bao lâu tới được đô thành Muxen.

Chàng đến nhà trọ gửi con ngựa lại đây, rồi tất tả đi ngay đến hoàng cung. Tất cả các quan chức trong triều đều nhận ra chàng. Họ kháo nhau:

- Kia là chàng trai người nước ngoài được quốc vương chúng ta rất quý mến. Xin hoan nghênh chàng!

Tin đồn chàng Abdêraman đã trở lại đô thành Muxen, chẳng mấy chốc đến tai vua Narisatđôlê. Vua cho gọi viên quản ngân khố đến, rỉ tai truyền:

- Ông hãy đi gặp chàng Abdêraman, nói ta biếu chàng hai trăm đồng *xocanh*! Bảo anh ta dùng số vốn này làm vốn để buôn bán! Bảo hãy rời khỏi hoàng cung ta, sáu tháng nữa quay trở lại đây!

Viên quản ngân khố khẩn trương thi hành nhiệm vụ được giao. Abdêraman rất ngạc nhiên:

- Sao quốc vương Muxen lại đối xử thế này với một người vua từng hạ cố coi là bạn? Ta đã làm việc gì phật ý vua chăng? Than ôi, ta vẫn ngỡ nhà vua đối với ta vẫn còn những tình cảm y như ngày trước, và nhờ niềm tin ấy ta được an ủi ít nhiều trong cơn bất hạnh.

- Xin ông chớ buồn, – viên quản ngân khố nói – đức vua vẫn quý ông lắm. Nếu ngài chưa đón tiếp ông trọng thị hơn, hẳn ngài có những lý do riêng. Ông hãy cứ làm theo những việc ngài truyền, rồi ông sẽ chẳng phải hối tiếc.

Chàng thương gia người Batđa rời hoàng cung trở về quán trọ, băn khoăn không hiểu mình nên nghĩ thế nào về nhà vua xứ Muxen. Chàng tự nhủ:

- Với hai trăm đồng *xocanh*, vua muốn ta buôn bán cái gì cơ chứ? Làm sao kinh doanh to với một số vốn nhỏ ngần này? Giá như vua ban cho ta một nghìn đồng *xocanh*, may ra ta có thể hợp tác với một nhà buôn giàu có nào đó, và may ra mới hy vọng làm lại sự nghiệp từ đầu.

Chàng vẫn cố gắng làm mọi cách để đồng vốn nhỏ nhoi ấy sinh lợi. Tuy nhiên, thành công trong thương mại đâu chỉ tùy thuộc ở tài kinh doanh của thương nhân, vẫn cần có vận may nữa. Nếu định mệnh không cho phép, thì chẳng có cách sao làm giàu. Chàng Abdêraman cố gắng xoay xở đủ bề, đồng vốn ấy vẫn không sao sinh lợi, bỏ ra chừng nào thu về ngần ấy thôi. Thành thử sau sáu tháng, chàng chỉ còn lại có một trăm năm mươi đồng *xocanh*.

Chàng vẫn trở lại triều đình như đã được hẹn. Viên quản ngân khố lại được nhà vua sai đến gặp chàng. Ông hỏi chàng có còn đủ hai trăm đồng *xocanh* nữa hay không.

- Không, – chàng đáp – đã hụt mất một phần tư.

- Nếu vậy, tôi đưa thêm cho ngài năm mươi đồng *xocanh* nữa, vậy là vẫn tròn hai trăm, ngài hãy cố gắng dùng số vốn ấy kinh doanh đi, rồi sau sáu tháng, mời ngài quay lại đây!

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM TÁM MƯƠI LĂM

Nghe viên quản ngân khố nói, chàng thương nhân thành Batđa lần này lại ngạc nhiên không kém lần trước. Chàng tự hỏi:

- Nhà vua Narisatđôlê nghĩ thế nào ấy nhỉ? Có phải với số tiền này, vua cho đủ trả nghĩa ta? Có phải vua biếu ta số tiền này để trả giá việc ta hy sinh người đẹp yêu quý nhất trên đời cho vua? Sao vua không lấy làm hồ thẹn, khi chỉ biếu ta có năm mươi đồng *xocanh* bọ? Số tiền ban cho người khác chỉ chừng ấy, làm sao xứng đáng cử chỉ một bậc quân vương? Mặc dù vậy, ta vẫn sẽ làm đúng lời vua truyền. Sáu tháng nữa ta sẽ trở lại đây, và đây sẽ là lần cuối cùng, nếu nhà vua không đón tiếp ta cách khác.

Chàng lại đem số vốn nhỏ nhoi ấy đi mua hàng hóa. Lần này vận may mỉm cười với chàng, sau sáu tháng đã có trong tay ba trăm *xocanh*. Chàng lại không quên đến hoàng cung như được hẹn. Viên quản ngân khố lại tiếp chàng như lần trước, và hỏi:

- Ông có còn đủ hai trăm đồng *xocanh*?

- Tôi có gần ba trăm trong túi, – chàng trai đáp – lần này tôi buôn bán gặp may hơn.

- Nếu sự tình quả như vậy, tôi đưa ông vào gặp ngay đức vua. – Viên quản ngân khố nói. – Lần này chắc đức vua sẽ vui lòng tiếp đón ngài trọng thị.

Nói xong, ông cầm tay chàng Abdêraman, đưa đến thẳng phòng riêng vua Narisatđôlê.

Vừa nhắc thấy chàng thương gia, nhà vua ấy vội đứng lên, chạy đến ôm hôn bạn nhiều lần, và bảo:

- Ôi, anh bạn thân yêu của ta! Ta chắc anh không khỏi ngạc nhiên thấy ta đối xử với anh như hai lần vừa rồi. Nói cho đúng, anh xứng đáng để ta đón tiếp trọng thị hơn thế. Nhưng ta van anh, xin chớ trách ta! Anh lạ gì, điều bất hạnh vốn hay lây nhiễm. Trước đây ta có hỏi thăm một nhà buôn từ Batđa sang tin tức về anh, nhờ vậy ta biết tai họa đã ập xuống đầu anh. Ta không dám cho anh vào ẩn náu trong hoàng cung của ta, sợ ta cũng bị lây tai họa nốt, rồi đến khi anh đã tai qua nạn khỏi, ta chẳng có thể làm gì giúp đỡ được anh. Bây giờ, anh đã đến lúc bĩ cực thái lai, ta chẳng còn ngại ngần nữa bày tỏ tình thân hữu của ta đối với anh. Từ nay trở đi, mời anh nghỉ lại luôn trong triều đình, ta sẽ cố hết sức mình để anh khuây khỏa những nỗi buồn từng phải chịu đựng.

Quả nhiên, vua Narisatđôlê sai ban cho chàng thương gia một căn hộ thật sang trọng trong hoàng cung, và cử nhiều người đến hầu hạ chàng. Ngay từ hôm đầu tiên, hai người đã lại chén chú chén anh với nhau. Tối đến, nhà vua

nói với thương gia:

- Ta muốn trả lại bạn món nợ ta mắc khi bạn hy sinh người đẹp vì ta. Ta xin trả nợ giống y như cách bạn đã cho. Ta sẽ nhường cho bạn giai nhân ta yêu quý nhất; và ta sẽ cho người đưa đến cho ngay trong đêm hôm nay, với điều kiện bạn phải đồng ý cưới người ấy làm vợ.

- Tâu bệ hạ, – chàng Abdêraman đáp – tôi vô cùng cảm tạ tấm lòng đại lượng của ngài, nhưng xin ngài cho phép tôi được từ chối. Tôi không thể yêu ai khác ngoài nàng Zainep, cúi xin ngài chớ ép tôi!

- Mặc cho bạn yêu nàng Zainep của bạn đến bao nhiêu, – vua Narisatđôlê đáp – rồi lúc nào bạn nhìn thấy người đẹp ta gửi đến cho bạn, bạn sẽ yêu quý nàng ngay cho mà xem. Tất cả những gì ta yêu cầu bạn, là bạn hãy vui lòng chuyện trò với người ấy, nếu sau đó bạn vẫn thấy không có chút tình cảm nào, ta sẽ không ép bạn cưới nàng ấy nữa.

- Tâu bệ hạ, – chàng trai đáp – ngài đã dạy, tôi đâu dám không vâng lời. Tuy nhiên, xin ngài tin cho, cho dù cô ấy xinh đẹp đến bao nhiêu, lửa lòng tôi đã trót nguội lạnh mất rồi.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM TÁM MƯƠI SÁU

Abdêraman lui về phòng riêng. Chỉ một lát sau, viên trưởng hoạn nô của nhà vua đã bước vào, theo sau có một giai nhân đeo mạng che mặt. Y thưa:

- Bẩm ngài, đây là cô nương vị chúa tể của tôi sai tôi mang sang biểu ngài. Đây là người đẹp nhất trong tất cả cung phi của đức vua. Không có món quà nào quý giá hơn món quà này.

Nói xong, y cúi chào rất thấp, để người đẹp lại đây và lui ra.

Chàng thương gia trẻ thành Batđa chào rất lịch sự, mời cô nương ấy ngồi vào một chiếc sập lớn bọc gấm xanh thêu kim tuyến. Chờ nàng an tọa, chàng đến ngồi bên cạnh và nói:

- Thưa cô nương, mà tôi tin khuôn mặt đeo mạng của nàng hẳn giống như mặt trời đang bị vầng mây đen che phủ, tôi van nàng hãy nghe tôi nói đây! Tôi nghĩ chắc nàng lo, tôi tận dụng ngay tấm lòng hào hiệp của đức vua để mau chóng ràng buộc số phận nàng vào số phận tôi bằng sợi dây hôn phối thiêng liêng. Xin đừng sợ! Tôi không ép uống nàng đâu. Tôi quá quý quốc vương Narisatdôlê nên không đành lòng tước đoạt mắt của ngài người ngài yêu quý nhất. Hơn nữa, xin thú thật, lòng tôi không rung động trước người đẹp đức vua đã vì tôi mà chịu hy sinh. Và bởi khi nói ra những điều trên, tôi vẫn chưa được nhìn thấy dung nhan nàng, xin nàng hãy chớ coi những điều tôi thú nhận như một sự xúc phạm đến nàng.

Nói xong, chàng im lặng chờ xem người cung nữ này đối đáp thế nào, chợt nghe nàng phá ra cười lớn, rồi đưa tay cắt luôn tấm mạng. Chàng Abdêraman sững sờ nhận ra đây chính là nàng Zainep. Chàng kêu lên vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ:

- Ôi, bà hoàng của ta! Vậy ra ta được gặp lại nàng đây ư?

- Vâng, chính em đây, thưa chàng Abdêraman quý yêu, – nàng đáp – chính em Zainep trở về với chàng đây. Đức vua xứ Muxen đâu có thua kém chàng về lòng hào hiệp. Một khi đức vua nhận thấy em không sao có thể yêu người, không gì có thể làm lòng em lay chuyển, người liền thôi không theo đuổi em nữa. Người giữ em lại đây lâu đến vậy chỉ để chờ dịp trao lại nguyên vẹn tận tay chàng.

Suốt đêm hôm ấy người đẹp Zainep và thương gia vui mừng bày tỏ với nhau niềm vui tái ngộ, lại tái ngộ theo cách rất diệu kỳ. Sáng sớm hôm sau, vua Narisatdôlê thân hành đến phòng riêng hai người. Nàng và chàng đều vội vàng phủ phục dưới chân vua bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc. Vua lần lượt đỡ hai người đứng lên và nói:

- Hồi những tình nhân hạnh phúc, xin hai người hãy hưởng niềm vui tái

ngộ ngay trong triều đình của ta! Để gắn chặt hơn nữa hai con tim, ta sẽ truyền chuẩn bị tổ chức hôn lễ thật linh đình. Cho dù ta không có may mắn được yêu nàng Zainep, tình yêu của ta sẽ thể hiện bằng những việc tốt lành ta mang lại cho hai người.

Quả vậy, nhà vua không những hài lòng cho chàng Abdêraman và nàng Zainep khoản bổng lộc lớn hưởng thường xuyên, lại còn ban cho hai vạן mẫu đất không phải chịu thuế má. Điều vui mừng thêm nữa, chàng Abdêraman nhận được tin vui từ thành phố Batđa. Một trong hai người vu khống chàng, không chịu nổi day dứt vì hối hận, đã thú nhận với tể tướng. Có đủ bằng chứng, tể tướng ra lệnh gia hình người vu khống kia, tha tội cho viên quản nhà tù, và tuyên bố chàng thương gia vô tội.

Được tin ấy, chàng trở về thành phố Batđa gặp quan tể tướng. Ông sai trả lại cho chàng một phần tài sản bị tịch biên. Chàng mang tất cả số tài sản ấy biểu viên quản trại tù đã hào hiệp cứu mạng sống mình, rồi quay trở lại ngay đô thành Muxen. Tại đây, chàng cùng người yêu sống những ngày còn lại trong thanh bình và hạnh phúc.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM TÁM MƯƠI BẢY

Như vậy đây, chàng trai trẻ thuật lại hầu hoàng đế Harun An Rasit và cung phi Xutanum câu chuyện về chàng Abdêraman, vua Narisatđôlê cùng nàng Zainep. Hoàng đế khen ngợi lòng hào hiệp của chàng thương gia trẻ và nhà vua xứ Muxen, trong khi cung phi được sung ái bốc tận mây xanh đức kiên trinh của người đẹp xứ Xiêcca.

Cụ già hồi nãy vừa kể câu chuyện về hai anh em thần linh thấy vậy, liền ngỏ lời thưa với cung phi như sau:

- Kính tâu cung phi! Bởi bà thích nghe chuyện tiết hạnh của những người đàn bà chung thủy, xin cho phép tôi được thuật hầu bà câu chuyện về nàng Repxima. Tôi tin sẽ không đến nỗi làm chán tai bà.

Cung phi Xutanum tỏ ý thích nghe, hoàng đế liền truyền cho cụ già hãy kể câu chuyện ấy. Cụ già này vốn là người hay chuyện, không mong gì hơn thế, liền bắt đầu thuật lại như sau:

CHUYỆN NÀNG REPXIMA

Một nhà buôn thành Basra, tên là Đukin, về già liền ngừng hết mọi công việc kinh doanh để tập trung cho hoạt động từ thiện. Cả đời ông vốn là người hay dẫn đo, cho nên cũng chẳng phải giàu có lắm. Ông cùng một cô con gái độc nhất sống trong một ngôi nhà nhỏ ở cuối thành phố. Ông chăm lo nuôi dạy con trong lòng kính sợ Thượng đế và các lời răn của đạo giáo. Không chỉ những ngày cần nhịn ăn theo quy định của giáo lý đạo Hồi, mà hai cha con thỉnh thoảng vẫn tự nguyện thực hành trai giới để tự răn mình. Thời gian nhàn rỗi, họ đọc kinh Côran. Hai cha con hài lòng về số phận trời cho, không cảm thấy thiếu thốn thứ gì bởi họ chẳng hề ham muốn điều gì.

Dù nàng Repxima – ấy là tên cô gái – cố tránh tiếp xúc với nhiều người và không mấy quan tâm những việc xảy ra trong xã hội, chẳng bao lâu cô vẫn bị người ta cố tình kéo ra khỏi cuộc sống đơn lẻ. Tiếng đồn về đức hạnh của cô gái lan truyền rộng rãi, khiến không ít người tìm đến gặp cha nàng ngỏ lời cầu hôn cô con gái. Giá người ta còn nhìn được dung nhan của nàng, chắc hẳn số người đến cầu thân sẽ còn đông đảo hơn nữa, bởi trời cho cô gái ấy một nhan sắc tuyệt vời ngang với đạo đức mẫu mực của nàng.

Ông Đukin nghĩ gia đình mình thanh bạch, vẫn ước mong con gái được làm bạn đời một thương gia giàu có. Tuy nhiên cô gái sớm tỏ ra chán ghét hôn nhân đến nỗi người cha ngại không muốn thúc con nhiều, e ép buộc con nhiều quá trong chuyện gia thất biết đâu sẽ chẳng làm tổn hại đến tình cảm cha con. Về phần nàng Repxima, mỗi lần có đám nào đến dạm hỏi, nàng đều nói:

- Không đâu, thưa cha. Con chẳng muốn xa cha. Xin cha cho phép con được mãi mãi cùng cha chia sẻ cuộc đời thanh thản cha con ta đã tạo lập nên!

Vậy là hai cha con sống với nhau êm ấm trong nhiều năm. Nhưng rồi đến lúc người cha phải đi vào cõi vĩnh hằng, nàng Repxima bỗng chốc thấy mình cô cút không nơi nương tựa, đưa hai tay và ngửa mặt lên trời than và cầu nguyện: “Xin Thượng đế hãy nghe lời con cầu khẩn, xin Đấng tối cao hãy luôn luôn che chở con, xin hãy giúp con lánh xa mọi điều có thể xúc phạm sự thơ ngây của một đứa con gái nhỏ.”

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM TÁM MƯƠI TÁM

Sau khi cử hành lễ tang của ông Đukin, bà con họ hàng ai cũng bảo cô Repxima, nếu muốn được yên ổn, phải tính chuyện lấy chồng chứ không thể sống một thân một mình. Đồng thời, bà con giới thiệu với nàng một thương gia lớn tên là Temim. Ai cũng khen chàng trai này là người khôn ngoan, trung hậu. Thoạt tiên, Repxima không vui khi thấy mọi người cùng bảo mình nên làm ngược với ý nguyện từ trước tới nay. Nhưng sau đó, suy nghĩ lại, và nhất là sau khi cầu nguyện, nàng nghĩ trời đất hẳn cũng thông cảm và khuyên nàng nên đi lấy chồng, cuối cùng chấp thuận. Hôn lễ được cử hành ít lâu sau đó.

Nàng nhìn thấy rõ ở ông chồng những đức tính vẫn được người ta ngợi khen, hơn nữa chàng lại sẵn lòng yêu nàng tha thiết. Sau khi cưới, chàng Temim ngày càng yêu quý vợ hơn. Chàng nhận thấy vợ mình không những xinh tươi còn hội đủ mọi đức hạnh quý báu. Vì vậy chàng tự cho mình là con người hạnh phúc nhất trần gian. Nhưng than ôi! Những ngày vui ấy đâu có được lâu bền. Tất cả mọi người trên trần thế chúng ta đều phải luôn luôn ghi nhớ trong lòng: khi ta đạt đến đỉnh cao của hạnh phúc, ấy là lúc niềm vui sắp bắt đầu lui tàn.

Một năm sau ngày cưới, Temim có việc cần, không thể không làm một chuyến đi xa sang mãi tận vùng biển Ấn Độ. Chàng có một người em trai tên là Revendê, chàng muốn giao việc trông nom nhà cửa lại cho em. Liên cho gọi em trai đến và bảo:

- Em trai thân quý của anh, trong thời gian anh đi vắng, em hãy giúp anh chăm sóc chị Repxima và trông nom cơ ngơi này hộ anh. Anh chẳng cần nói nhiều hơn nữa, anh cứ suy bụng mình ra thì rõ, chắc chắn em sẽ hết lòng vì việc anh cậy nhờ. Lợi ích của anh đâu có khác gì lợi ích của em.

- Vâng, đúng vậy, thưa anh. Xin anh cứ yên tâm, – Revendê đáp – anh tin cậy em như thế là phải. Thật ra anh chẳng cần phải dặn dò. Tình anh em ruột thịt, làm sao em lại dám lơ là không chăm nom gia đình, tài sản của anh.

Tin vào lời chú em sẽ trông coi hộ mình mọi việc gia đình, chàng thương gia trẻ yên tâm đến bến cảng, đáp một chuyến tàu buôn sắp đi sang thành phố Surat. Ông anh vừa đi khỏi, chú em đã đến tận nhà hứa hẹn với chị dâu, mình sẽ hết lòng trông nom, giúp đỡ. Bà chị đối xử với em trai chồng rất tử tế. Điều bất hạnh là Revendê đâm ra phải lòng ngay chị dâu. Lúc đầu y cố che giấu tình cảm, song dần dần không thể làm chủ được bản thân, liền tìm dịp tỏ tình. Bà chị dâu rất giận tư cách của ông em chồng song vẫn lấy lời nhẹ nhàng khuyên bảo, từ nay trở đi chú không nên nói năng như vậy. Nàng chỉ cho Revendê rõ, cứ xử sự như vậy sẽ làm xúc phạm anh Temim nhiều

lắm, và những tình cảm tội lỗi của chú nhất định sẽ chẳng đi đến đâu.

Revendê thấy chị dâu nói năng nhẹ nhàng, tưởng vẫn còn có thể hy vọng, càng trở nên bạo gan hơn. Y tán tỉnh:

- Ôi, hỡi bà hoàng của tôi! Những lời chị vừa nói chẳng ích lợi mấy đối với tôi. Chị hãy lắng nghe tiếng lòng của tôi đây, chị hãy để yên cho tôi đỡ đàn! Rồi tôi sẽ đeo vào người một chiếc thắt lưng y như tên nô lệ, tôi sẽ là nô lệ của chị cho đến ngày tôi nhắm mắt xuôi tay. Chúng ta hãy ăn ở với nhau đi! Việc đi lại giữa hai ta chỉ có riêng hai ta biết, chẳng lo thiên hạ dị nghị.

Nàng Repxima không sao nén được giận:

- Đồ khốn kiếp, – chị quát – mày chỉ lo giấu cho nhem tội ác của mày trước thiên hạ, mày chỉ lo mỗi một nỗi bà con xóm giềng biết sẽ làm cho mày mất uy tín. Nhưng sao mày không nghĩ mày xử sự như vậy là xúc phạm đến ông anh trai của mình, xúc phạm đến cả trời đất; ông trời trên cao luôn nhìn thấy rõ tâm địa mày? Thôi, chớ có hòng, ta thà nghìn lần chịu chết, còn hơn đi vào con đường tội lỗi!

Giá một người khác không đến nỗi thô lỗ như Revendê, hẳn người ta đã suy nghĩ lại, và càng kính trọng hơn nàng Repxima. Nhưng anh chàng này thấy không cảm dỗ được liền tìm cách hăm hại bà chị dâu. Y rắp tâm hành động như sau: Một đêm, trong khi bà chị đang cầu nguyện, y cho một người đàn ông lén vào nhà Repxima, nấp tận trong phòng riêng của nàng. Ngay lúc ấy, chú em Revendê mang theo bốn người làm chứng y đã sắp đặt trước, phá cửa xông vào trước mặt bà chị dâu và la lối:

- Trời đất ơi, mù đàn bà khốn nạn này! Ta bắt quả tang mày đang ăn nằm với một người đàn ông! Vậy ra mày làm nhục anh trai tao đến vậy? Ta đã mang đủ mấy người làm chứng cùng đến kia, để cho mày không còn đường nào chối cãi. Đồ tráo trở, bề ngoài mày làm ra vẻ đức hạnh lắm, kỳ tình mày lại lén lút có những hành động bỉ ổi!

Anh chàng làm ầm ĩ cả lên, hàng xóm láng giềng tỉnh giấc, và vậy là vụ bê bối trở nên ồn ào, phố phường chẳng mấy ai không biết.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM TÁM MƯƠI CHÍN

Vậy là bằng thủ đoạn đê hèn ấy, Revendê vu vạ được cho bà chị dâu phạm tội ngoại tình. Không chỉ bằng lòng có thể, y cùng bốn người làm chứng cùng kéo đến gặp quan chánh án thành phố, trình báo mọi sự việc, xin quan lớn mình xét cho. Vị quan tòa ấy hỏi những người làm chứng, và căn cứ lời khai của họ, chúng khâu đồng tữ vậy là đủ, liền sai người đến nhà bắt nàng Repxima tống vào ngục, chờ đến sáng mai sẽ xem xét.

Lệnh của quan được thi hành. Ngày hôm sau, quan tuyên án chị này chịu hình phạt phải chôn sống bên cạnh đường cái quan. Hình phạt nghiêm khắc ấy được thực hiện ngay. Người ta lôi người đàn bà bị vu oan giá họa đến một nơi xa bên ngoài thành phố, cạnh đường cho mọi người qua lại đều nhìn thấy, đào một cái hố đặt nàng xuống đáy và vùi đất lên đến tận ngực, trước sự chứng kiến của nhiều người dân tò mò kéo đến xem. Xong, bỏ người đàn bà oan ức lại đấy và tất cả ra về.

Nhân dân thành phố ra xem cuộc xử tội ấy trở về, ý kiến bàn tán rất khác nhau. Một số người nói: “Đây là một sự vu khống! Mà ai xét xử lại tội vàng như thế? Bà ấy trước đây vẫn được tiếng là người khôn ngoan, đạo đức cơ mà.” Những người khác lại bảo: “Chớ nên bao giờ tin về bên ngoài của đàn bà! Mụ này chịu hình phạt như vậy là đúng.” Tóm lại, mỗi người bình luận tùy theo tính cách của mỗi người.

Vậy là nàng Repxima bị chôn sống ngay bên đường cái quan, theo cách như tội vừa kể. Nửa đêm hôm ấy, tình cờ có một tên ăn trộm người A Rập cưỡi ngựa đi ngang qua. Nàng nhìn thấy tội kêu:

- Hỡi người qua đường, cho dù người là ai, xin hãy mở rộng lòng thương, đưa tay cứu vớt tôi! Tôi bị chôn sống vô cùng oan ức. Nhân danh Thượng đế xin người hãy đem lòng thương hại, tôi sắp chết tới nơi! Xin hãy nói tay làm phúc, rồi đây trời sẽ trả công cho người!

Người A Rập ấy, dù chỉ là một tên ăn trộm, vẫn có lòng trắc ẩn. Y tự bảo thầm:

- Ta phải cứu sống người đàn bà bất hạnh này. Lương tâm ta chất chồng cả ngàn tội lỗi, nghĩa cử này hẳn sẽ làm Thượng đế tính đến, và sẽ xá bớt tội cho ta.

Nghĩ vậy, y xuống ngựa, tiến đến moi đất kéo nàng Repxima ra khỏi cái hố, rồi lên ngựa trở lại, còn cho nàng ngồi ghé sau lưng. Nàng hỏi:

- Thưa ngài, ngài định đưa em đi đâu?

- Tôi sẽ đưa chị về ở tạm cái lều của tôi, cách đây chẳng mấy xa. Chị sẽ được an toàn ở đây. Bà vợ tôi là một người tốt bụng nhất trên đời, bà ấy sẽ

đón tiếp chị tử tế.

Ngựa đi chẳng mấy chốc đã đến mấy túp lều vốn là nơi mấy người ăn trộm A Rập sống. Người cưỡi ngựa ghé vào một lều, gọi cửa. Một tên da đen ra mở ngay. Người ăn trộm dẫn nàng Repxima vào nhà, giới thiệu với vợ, nói rõ mình đã gặp người đàn bà này trong hoàn cảnh nào. Bà vợ người ăn trộm vốn là một phụ nữ bản chất tốt, vẫn trách ông chồng sao lại đi làm nghề ăn trộm, đón nàng Repxima khá tử tế. Bà bảo nàng kể lại cho nghe do đâu phải chịu hình phạt này. Nàng Repxima cố nén hơi thở dài, bình tĩnh thuật lại đầu đuôi, giọng nàng rầu rĩ tới mức mấy người nghe, nhất là vợ người ăn trộm, đều lấy làm cảm động. Bà rung rung nước mắt, thương hại bảo nàng:

- Người chị em xinh đẹp à, tôi rất thông cảm nỗi bất hạnh của chị. Chị có thể tin, tôi sẽ làm hết sức mình để giúp đỡ chị.

- Thưa bà chị phúc hậu, – nàng Repxima đáp – xin cảm tạ lòng nhân hậu của chị! Rõ ràng trời đất chưa muốn bỏ mặc thân em, cho nên mới run rủi cho em được gặp người tốt bụng như chị. Xin chị hãy cho phép em được nấu tại nhà! Xin chị chỉ cho em một góc xép nào đó, để em có thể ở đây suốt ngày cầu nguyện trời đất phù hộ gia đình ta!

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM CHÍN MƯƠI

Bà vợ người ăn trộm liền đưa nàng đến một căn phòng nhỏ, và bảo:

- Chị có thể ở đây và tha hồ cầu nguyện. Chẳng ai đến quấy rầy chị đâu.

Tìm được nơi ẩn náu này là một niềm an ủi rất lớn đối với nàng Repxima. Nàng không ngớt lời tạ ơn trời đất. Nhưng than ôi! Bất hạnh của nàng đâu phải đến đây đã chấm dứt. Nàng còn phải gặp nhiều hoạn nạn tai ương khác nữa.

Tên da đen sống trong lều người ăn trộm A Rập ấy, vốn được giao nhiệm vụ chải lông cho mấy con ngựa, đánh đàn gia súc đi ăn rồi đuổi chúng trở về chuồng, một hôm tự dưng nảy ra ý muốn tư tình với nàng Repxima. Y tự bảo: “Người đàn bà này xinh đẹp quá chừng. Giá ta được ăn nằm với nàng, thì đời ta sướng hơn tiên!”

Tên y là Calit, vốn có thân hình dị dạng, mặt mũi khó coi, thể nhưng y vẫn nuôi hy vọng có thể trở thành một người tình may mắn. Và cũng bởi vì ngày nào cũng nhìn thấy người đàn bà đẹp trước mắt, y không chịu nổi, cứ trông chờ có cơ hội thuận tiện để tìm cách tỏ tình với nàng. Một hôm, người ăn trộm A Rập cùng với bà vợ đều đi vắng, không có nhà. Calit mò vào phòng riêng của Repxima và nói với nàng:

- Đã lâu lắm tôi mới rình được lúc này để đến gặp riêng em, để nói với em tôi chết mê chết mệt vì em. Nếu em không thương tình nhìn lại và cứu vớt, e tôi đến chết mất thôi!

- Tên khốn kiếp! – Nàng mắng. – Mà nghĩ ta có thể chú ý đến mày? Ngay cho mày là người đàn ông đẹp đẽ xinh trai, khôi ngô tuấn tú nhất trên đời đi nữa, ta vẫn chẳng đoái hoài, hướng hồ bộ dạng xấu xa bẩn thỉu như mày? Cút ngay ra khỏi phòng ta! Ta không thể nhìn mặt mày mà không kinh tởm. Từ nay trở đi, nếu mày cứ giở với ta cái giọng ấy, ta sẽ báo cho ông chủ mày biết, ông ấy sẽ sửa cho mày một trận!

Người đàn bà thốt ra những lời trên với giọng cương quyết, khiến anh chàng hiểu ngay, chớ hòng chinh phục cái món xinh đẹp dường này. Anh chàng này vốn người độc ác không kém Revendê. Y định bụng báo thù người đàn bà hắt hủi mình, nhưng báo thù theo cách tàn bạo của y.

Người ăn trộm A Rập ấy có một đứa con đang tuổi nằm nôi. Cháu là nguồn vui to lớn nhất của hai vợ chồng. Một đêm, tên da đen chặt đầu cháu bé, rồi mang lưỡi dao đâm máu trẻ con ấy lên vào phòng, nhét xuống dưới giường nằm của Repxima lúc ấy đang ngủ say. Đã thế, y còn cố tình làm vương vãi các giọt máu của cháu bé từ cái nôi của cháu đến căn buồng người đàn bà vô tội. Rồi để cho mọi người đều nghi ngờ chính nàng đã làm hại đứa

bé, y còn tìm cách vấy máu lên chiếc áo nàng đang mặc trên mình.

Sáng hôm sau, vợ chồng người A Rập nhìn thấy con trong thảm cảnh ấy, thét lên những tiếng khủng khiếp. Hai người tự xé rách quần áo, lấy tro bắn bôi lên đầu và gào khóc mãi không thôi. Tên da đen nghe tiếng vội chạy đến, hỏi nguyên nhân vì đâu, làm như thể y không mảy may hay biết. Hai vợ chồng chỉ cho y thấy cái nôi đầm máu và chú bé đã qua đời. Tên nô lệ giả vờ làm như đau đớn cùng cực. Y cũng tự xé rách áo quần, y cũng kêu la thảm thiết, y luôn miệng gào to:

- Ôi, tai họa ghê gớm! Ôi, phản trắc kinh hồn! Làm sao biết được kẻ nào gây nên tội ác nhỉ? Giá lúc này đây, tôi nắm được cổ tên sát nhân ấy, tôi xé xác nó ra! Nhưng, – y nói thêm – hình như cũng có cách phát hiện ra hung thủ. Chúng ta chỉ lần theo dấu các vết máu này.

Chủ và tớ cùng lần theo vết máu, vào tới phòng riêng của nàng Repxima. Tên da đen lôi từ dưới giường ra con dao đưa ông chủ xem, lại còn chỉ cho ông nhìn những vết máu loang trên áo nàng Repxima. Rồi y lớn tiếng:

- Ôi, thưa ông chủ! Ông xem, con mụ khốn nạn này bày tỏ lòng biết ơn đối với ông như thế này đây!

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM CHÍN MƯƠI MỐT

Người A Rập kinh ngạc không thể nào tả xiết, khi nhận ra có đủ chứng cứ để ngờ nàng Repxima dám phạm một tội ác tày trời đến vậy. Ông thốt lên:

- A, người đàn bà khốn nạn! Chị bày tỏ lòng biết ơn người ta cho chị ăn náu trong nhà bằng cách ấy ư? Làm sao chị nỡ làm đổ máu con trai ta? Đứa bé vô tội này đã làm gì mà, đến nỗi mày giết hại nó khi nó còn đang nằm trong nôi? Thật đồ bất nhân độc ác! Ta làm ơn cho mày để rồi được mày trả ơn thế này ư?

Nói chưa hết lời, ông lại tuôn nước mắt như mưa, tuyệt vọng vô cùng. Tên Calit liền nói:

- Thừa ông chủ quý mến, sao ngài lại dùng những lời lẽ nhẹ nhàng như vậy với mẹ đàn bà khốn kiếp kia? Sao ngài chỉ bằng lòng trách mắng mẹ thôi? Ngài phải cầm lấy con dao găm đã làm đổ máu con trai ngài, đâm đúng trái tim con mẹ. Nếu ngài ngần ngại không muốn tự tay trả thù, xin để việc ấy cho tôi. Cho phép tôi được trừng trị con mẹ tay đã vấy máu trẻ em này!

Nói xong, tên da đen cầm cây dao găm, định xông tới đâm chết nàng Repxima. Nàng quá ngỡ ngàng, không hiểu tại sao người ta lại bảo nàng phạm một tội ác khủng khiếp đến thế, cứ ngăn người, miệng câm như thóc, không thốt nên lời.

Người đàn bà không còn đủ sức mở miệng thanh minh, tên nô lệ sắp đâm lưỡi dao vào ngực nàng, thì người A Rập giữ tay y lại.

- Ngài làm sao vậy? – Tên Calit nói với ông. – Sao ngài ngăn không cho tôi giết một mẹ đàn bà không biết thế nào là cái ơn được người khác cứu mang cho trong cơn hoạn nạn? Xin ngài chớ ngăn cản tôi, xin hãy để tôi làm cho mặt đất bớt đi một con quỷ dữ! Nếu ta không giết chết nó ngay, để nó được sống, rồi nó sẽ gây nên những tội ác khác.

Y vừa nói vừa giương cao lưỡi dao lần thứ hai, định đâm một nhát thật mạnh giết chết luôn nàng Repxima, thì lần thứ hai, lại bị người A Rập ngăn lại. Mặc dù đang cơn tuyệt vọng, mặc dù có đủ dấu hiệu để có thể nghi người đàn bà này, ông vẫn khó tin nàng là thủ phạm. Ông muốn nghe nàng nói thế nào trước sự việc này. Ông hỏi tại sao nàng nỡ giết chết cháu bé. Nàng đáp mình hoàn toàn không hay biết gì hết về chuyện này. Nói xong, nàng khóc thảm thiết, đến nỗi người ăn trộm cúi lòng. Tên da đen nhìn thấy thái độ ấy của ông, mặc dù đã hai lần bị ông ngăn lại, y vẫn lăm lăm muốn đâm chết nàng. Người A Rập khó chịu trước thái độ quá lăng xăng của y, liền lệnh cho y đi nơi khác. Ông nói:

- Đi đi, Calit! Sao chú hăng hái quá đáng vậy? Ta không muốn giết chết

người đàn bà này. Ta vẫn tin chị vô tội, dù có những chứng cứ để nghi ngờ.

Vợ người ăn trộm, cho dù vô cùng đau đớn trước cái chết của đứa con trai, vẫn không thể nào tin nàng Repxima có thể gây nên tội ác ấy. Chị nói với chồng:

- Tốt hơn là chúng ta đuổi người đàn bà này ra khỏi nhà, đừng làm gì chị ấy! Không nên giết chết người ta khi mình chưa thật chắc đây là thủ phạm.

Người A Rập đồng tình, và nói với nàng Repxima:

- Cho dù chị vô tội hay chị sát nhân, chúng ta cũng chẳng thể cho phép chị ở trong nhà này nữa. Mỗi lần vợ ta và ta nhìn thấy chị, sẽ lại nhớ đến cháu bé, làm sao chịu đựng nổi? Chị ra khỏi nhà ta ngay. Chị muốn đi đâu tìm nơi ẩn náu tùy ý. Chị hãy hài lòng về thái độ tự kiềm chế của ta. Đã không giết chết chị, ta sẽ còn cho chị một số tiền nhỏ để tạm sống qua ngày.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM CHÍN MƯƠI HAI

Nàng Repxima ngợi ca sự công bằng của người ăn trộm. Nàng nói trời đất quá công minh cho nên mới khiến cho ông không nghĩ nàng là thủ phạm. Tiếp đó, Repxima cảm tạ hai ông bà đã cứu mang cho những ngày vừa qua. Nhưng khi người ăn trộm đưa cho một cái túi đựng một trăm đồng *xocanh*, nàng không nhận mà nói:

- Xin ngài hãy giữ lấy số tiền của ngài! Tôi đã phó thác thân mình cho Định mệnh. Định mệnh sẽ quyết định cuộc đời tôi.

- Không, – người ăn trộm đáp – ta muốn chị phải cầm số tiền này. Rồi không phải vô ích cho chị đâu.

Nàng đành nhận số tiền, và sau khi xin vợ người ăn trộm chớ giận mình, nàng bước ra khỏi túp lều hai vợ chồng người A Rập.

Suốt ngày hôm ấy, nàng bước đi không nghỉ. Chập tối, đến trước cổng một thành phố không mấy xa bờ biển. Nàng gõ cửa một ngôi nhà nhỏ bên đường. Một bà cụ già ra mở cửa, hỏi nàng muốn gì.

- Thưa mẹ, – nàng Repxima nói với bà – con là một người xứ khác, con vừa đặt chân đến thành phố này, không quen biết ai ở đây. Con xin mẹ mở lòng nhân hậu cho con được nghỉ nhờ nhà mẹ tối nay.

Bà cụ già đồng ý, đưa nàng đến một căn phòng nhỏ. Nàng Repxima lấy trong túi ra một đồng *xocanh*, đặt vào tay bà chủ nhà và nói:

- Mẹ ơi, mẹ hãy cầm lấy, con nhờ mẹ chịu khó đi kiếm thức gì về hai mẹ con ta cùng ăn tối!

Bà cụ già đi ra, lát sau quay trở lại mang theo một ít quả chà là cùng bánh khô và nước ngọt. Hai mẹ con cùng ăn tối với nhau. Ăn xong, nàng Repxima kể những chuyện xảy ra trong đời mình cho bà cụ nghe, bà cảm động lắm. Sau đó hai người đi nghỉ.

Ngày hôm sau, người vợ của thương gia Temim ngỏ ý muốn được đi tắm. Bà cụ dẫn nàng đến nhà tắm. Trên đường đi, gặp một người đàn ông hai tay bị trói quặt đằng sau, có sợi dây tròng sẵn ở cổ. Một tay đao phủ dẫn người đàn ông ấy ra pháp trường, đằng sau có nhiều dân chúng chạy theo xem. Nàng Repxima hỏi người đàn ông này phạm tội ác gì. Có người cho biết người đàn ông ấy mắc một món nợ không trả được. Theo tục lệ của thành phố này, người nào vay nợ mà không trả được nợ, đều phải bị treo cổ. Nàng Repxima hỏi:

- Ông này nợ bao nhiêu?

- Ông ta nợ sáu mươi *xocanh*. – Một người dân đáp. – Nếu bà chịu trả hộ món nợ ấy, bà sẽ cứu ông ta khỏi chết.

- Rất sẵn lòng, – nàng Repxima vừa nói vừa rút túi tiền ra – tôi trả nợ cho ai bây giờ?

Người ta vội báo cho quan chánh án đang đi theo tội nhân ra pháp trường biết, có một bà nhận trả món nợ giúp người mắc nợ. Quan án cho mời người chủ nợ đến. Nàng Repxima đếm, trao đủ sáu mươi đồng *xocanh*. Người mắc nợ được trả tự do ngay tức khắc. Tất cả dân chúng có mặt, ai cũng ngợi ca tấm lòng hào hiệp của người phụ nữ, ai cũng muốn biết rõ nàng là ai. Thành ra, đáng lẽ đến nhà tắm công cộng như dự định, nàng đành cáo biệt vội bà cụ chủ nhà, hấp tấp ra khỏi thành phố, tránh sự hiếu kỳ của dân chúng.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM CHÍN MƯƠI BA

Trong thời gian ấy, người đàn ông vừa thoát chết đi tìm người đã làm ơn cho mình để cảm tạ. Người ta mách cho biết, người phụ nữ đã đi ra khỏi thành phố, người ấy liền hỏi nàng đi đường nào và cố đuổi theo cho kịp.

Đến bờ một cái giếng nước ngọt thì người đàn ông đuổi kịp nàng Repxima. Nàng đang dừng chân ngồi nghỉ một lát ở đấy. Anh cúi chào hết sức kính cẩn, và xin tự nguyện làm nô lệ cho nàng để bày tỏ lòng biết ơn. Nàng nói:

- Không, tôi không muốn ông phải trả giá đắt đến thế việc tôi làm giúp ông. Chẳng phải đây là ân huệ gì to tát lắm như ông nghĩ đâu. Không phải do thương yêu ông nên tôi cứu sống ông, ấy là vì tôi nghĩ đến lòng trắc ẩn của Đấng tối cao.

Trong khi nàng nói, người đàn ông chăm chú nhìn. Thấy nàng xinh đẹp quá chừng, anh ta bỗng đem lòng yêu quý. Anh tỏ tình với nàng ngay tức khắc. Nghĩ chẳng có lúc nào tốt hơn lúc này để giải bày lòng mình cho nàng thấy, anh ta quỳ xuống trước nàng Repxima và tuôn ra những lời đắm thắm vô cùng cuồng nhiệt. Nhưng người vợ chung thủy của thương gia Temim đã không thích thú thấy một người đàn ông cầu xin mình chút tình, lại dùng dùng nổi giận. Nàng đối xử với người đàn ông này nghiêm khắc không kém với tên da đen kia.

- Tên khốn nạn, – nàng mắng – mày đã biết giá không có ta, lúc này mày không còn sống trên đời này nữa, thân mày đã móc lên giá treo cổ rồi, thế mà mày còn hòng làm xúc phạm danh dự của ta. Mày còn dám láo xược tuôn ra những lời xằng bậy.

- Thừa phụ nhân xinh đẹp, – người đàn ông ấy nói – tôi nghĩ chẳng có gì xúc phạm đến danh dự bà, khi tôi giải bày tấm lòng yêu thương nồng cháy của tôi do thoát nhìn thấy bà mà có. Có gì xúc phạm lắm đâu, khi tôi chỉ nói về đẹp của bà làm cho tôi đắm say?

- Im mồm ngay, đồ vô lại! – Nàng Repxima quát. – Chớ nghĩ ta để lọt vào tai những lời mè� mỡ của mày. Mày đừng hòng che giấu động cơ xấu xa sau những lời đường mật, ta đã nhìn thấu rõ tâm can mày. Hãy cút đi ngay, chớ để ta phải hối tiếc tại sao đã làm phúc cho mày!

Thái độ của người thiếu phụ khiến người đàn ông hiểu, không có gì để hy vọng nữa ở nàng. Y đứng lên, không nói gì thêm, và lặng lẽ đi về phía bờ biển. Thấy một chiếc tàu vừa neo tạm ở đây cho đoàn thủy thủ ghé lên bộ giải lao. Đây là những nhà buôn thành phố Basra, sắp xuống tàu khởi hành làm một chuyến đi xa, về đảo Xêrendip. Anh chàng tiến đến gần, nói với người thuyền trưởng:

- Tôi có một con nô lệ cực kỳ xinh đẹp, tôi muốn bán nó đi vì nó không chịu để cho tôi yêu. Ông muốn mua, tôi bán rẻ cho. Nó đang ngồi nghỉ bên bờ cái giếng kia, cách đây có mấy bước chân. Tôi bán rẻ cho ngài, tôi chỉ đòi lấy ba trăm đồng *xocanh* thôi.

- Ta nhận mua theo giá ấy, – thuyền trưởng đáp – miễn là nó còn trẻ và đẹp đúng như lời anh nói.

Thỏa thuận giá cả với nhau xong, người đàn ông kia đưa viên thuyền trưởng đến bên cái giếng. Nàng Repxima sau khi hành lễ, đang quỳ đọc kinh. Viên thuyền trưởng vừa nhìn thấy mặt nàng, đã rút ra luôn ba trăm đồng *xocanh* đặt vào tay người đàn ông. Anh này dứt túi, quay gót trở lại, đi về phía thành phố.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM CHÍN MƯƠI TƯ

Người vừa bỏ tiền ra mua tiến đến gần nàng Repxima và nói với nàng:

- Hỡi người thiếu phụ nhan sắc tuyệt vời kia! Ta rất hài lòng về việc ta vừa làm. Mất ta từng trông thấy không biết bao nhiêu nữ nô lệ xinh đẹp, trong đời ta dễ đã mua bán tới một nghìn đứa, nhưng thú thật, ta chưa nhìn thấy ai có sắc đẹp hơn cô. Mất cô long lanh hơn ánh sáng mặt trời, thân hình cô vô cùng hấp dẫn.

Câu nói ấy làm nàng Repxima rất đổi ngạc nhiên. Nàng càng kinh ngạc hơn khi người đàn ông ấy chìa tay cho nàng cầm và nói tiếp:

- Thôi em ơi, hãy đi cùng ta, ta sẽ cho em sống với ta trong căn buồng đẹp nhất phía đầu lái của con tàu. Tàu ta sẽ ra khơi ngay trong chốc lát. Chúng ta hãy cùng nhau làm một chuyến đi xa, sang đảo Xêrêndíp. Chừng nào trở về thành phố Basra, em sẽ là chủ nhân ngôi nhà của ta và tất cả tài sản của ta. Bởi ta quyết định sẽ không bán lại em cho bất kỳ ai khác. Nếu ta mua lại em từ tay chàng trẻ tuổi ấy, mà em không muốn yêu, là để cho em trở thành người đàn bà hạnh phúc nhất trên đời. Ta sẽ yêu em, ta sẽ chiều em mà không bất cứ người tình nào có thể làm được thế đối với người yêu.

Nàng Repxima sốt ruột không muốn nghe hết những lời chối tai. Nàng bực bội ngắt lời viên thuyền trưởng:

- Ông nói gì lạ vậy? Tôi chưa bao giờ là người nô lệ. Tôi là một người tự do, chẳng ai có quyền mua bán tôi cả.

Vừa nói nàng vừa thẳng cánh hất bàn tay người đàn ông chìa ra.

Viên thuyền trưởng này vốn là một người thô bạo và tàn nhẫn. Y rất bực mình khi nàng đáp lại theo cách ấy những lời ngọt ngào của y. Y trở mặt ngay tức khắc, và nói với nàng Repxima với một giọng khác xa lúc nãy:

- Con bé này quá quái nhĩ! Mày dám nói với ông chủ của mày giọng lưởi ấy hay sao? Tao đã bỏ tiền ra mua mày, tao là chủ nhân của mày. Mày hài lòng hay mày phản đối, tao cũng mang mày đi khỏi nơi đây.

Nói xong, y đưa hai tay chộp lấy nàng, rồi mặc cho nàng giãy giụa kháng cự, y vẫn cặp nàng đi y như con chó sói cặp một con cừu non đi lạc bầy. Mặc cho người đàn bà gào la giằng xé, y bế bổng nàng xuống tàu, và trong chốc lát chiếc tàu giương buồm ra khơi.

Viên thuyền trưởng để yên cho nàng Repxima được mấy ngày. Rồi thấy cho dù y cố gắng chiều chuộng đến bao nhiêu, nàng vẫn cứ khăng khăng không lay chuyển, y bắt đầu sốt ruột. Y lệnh cho nàng phải chiều ý mình. Thuyền trưởng biết dụ ngọt không xong, chỉ còn cách giở trò hung bạo. Một hôm, hai người đang giằng co, người đàn ông cố tình cưỡng ép, người đàn bà

ra sức kháng cự; đột nhiên trời đang yên biển đang lặng bỗng nổi lên một cơn bão tố dữ dội bất thường. Gió mạnh đến mức quật gãy hết cột buồm, giật đứt mọi dây dợ, thổi tung các cánh buồm. Các thủy thủ không chống chọi nổi, đành bó tay bất lực, để mặc cho con tàu dật dờ trước sóng dữ. Cuối cùng, viên hoa tiêu cũng rời bỏ vị trí luôn. Y hô to cho mọi người cùng rõ:

- Hỡi các hành khách trên tàu! Những ai trong đời từng gây nên tội lỗi, hãy mau mau cầu nguyện xin trời đất xá bớt tội cho trước khi về thế giới bên kia! Hãy nhanh nhanh lên, không chậm trễ! Tất cả chúng ta sắp bỏ mạng tới nơi rồi.

Quả nhiên, bão táp mỗi lúc mỗi mạnh thêm, con tàu không chịu nổi gió to sóng cả, chìm luôn xuống đáy biển sâu.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM CHÍN MƯƠI LĂM

Tất cả mọi hành khách cũng như đoàn thủy thủ trên tàu đều mất mạng, trừ có hai người: nàng Repxima và viên thuyền trưởng. Họ bám được vào hai tấm ván, và được sóng đánh dạt vào bờ ở hai nơi cách xa nhau.

Vợ chàng thương gia Temim dạt vào bờ một hòn đảo khá đông dân cư, đặt dưới quyền cai trị của một nữ hoàng. Lúc xảy ra bão tố, tình cờ trên bờ đảo có đông người tụ tập. Nhìn thấy cảnh tượng, mặc dù sóng gió rất dữ, nàng Repxima vẫn ôm tấm ván nổi, nhẹ nhàng dạt vào bờ yên ổn như được ai dắt, mọi người chứng kiến đều cực kỳ ngạc nhiên, coi đây là một chuyện thần kỳ. Người ta vội xúm đến vây quanh nàng, thi nhau hỏi han. Nàng Repxima đành thực tình kể những chuyện không may của mình, và xin mọi người vui lòng cho nàng một nơi trú ngụ trên đảo, để nàng có thể sống bình yên những ngày còn lại. Những người dân đảo thấy nàng xinh đẹp quá chừng, nói năng rất mực thông minh và tỏ ra vô cùng đức hạnh, liền cho nàng một nơi tạm trú. Nàng Repxima sống ở đây mấy năm, hằng ngày chăm lo đọc kinh cầu nguyện.

Dân đảo hết sức kính phục cuộc sống khắc khổ của nàng. Mọi người một mực đồn đại về người phụ nữ từ xứ khác trôi dạt vào đây và về đức hạnh của nàng. Chẳng bao lâu, nàng được họ tin cậy coi như một bậc truyền giáo. Những ai sắp có một chuyến đi xa hoặc định bắt tay làm công việc hệ trọng nào đó, đều không quên đến xin trước ý kiến nàng, và sau đấy đạt được kết quả tốt như mong muốn. Tóm lại, nàng được tất cả mọi người dân trên đảo kính mến, coi chẳng khác một bà thánh. Nữ hoàng ngự trị đảo ấy cũng rất thân thiết và quý mến nàng Repxima. Nữ hoàng tin, nếu giao đất nước này cho người này cai quản, thì dân tình rồi sẽ được nhờ hơn, vì vậy bà tuyên bố nàng là người thừa kế của mình. Tất cả mọi người dân trên đảo đều hoan nghênh, cho đây là một quyết định sáng suốt.

Bà nữ hoàng ấy rất cao tuổi, chẳng bao lâu sau qua đời. Thoạt đầu nàng Repxima cố tạ từ, nhất quyết xin không nhận làm người đứng đầu đảo quốc. Song dân chúng ai ai cũng ép, và đúng là mọi người có lý. Nàng Repxima mang lại cuộc sống hạnh phúc cho mọi người dân, đến nỗi người ta trở lại ca ngợi cơn bão đã làm đắm tàu, nhờ có cơn bão ấy, dân chúng mới có được con người này làm bà vua.

Sau khi lên ngôi, nàng Repxima tập trung hết trí lực vào việc nước. Nàng chọn những người thanh liêm và nhìn xa trông rộng phong làm đại thần. Đặc biệt nàng rất chú ý luôn mang lại công bằng cho tất cả mọi người dân. Lúc nào rỗi rãi việc công, nàng lại đọc kinh cầu nguyện. Nàng chăm lo thực hiện phép nhin ăn đúng như giáo luật định. Càng được mọi người trọng vọng, nàng càng tỏ ra khiêm nhường kính sợ Đấng tối cao. Người nào trên đảo đau

ôm đều chạy đến với nàng, nhờ nàng cầu nguyện giúp cho dễ mau qua cơn bệnh hoạn.

Thấy nữ hoàng của mình làm nên lắm chuyện diệu kỳ, dân chúng trên đảo đều theo nhau bỏ tục thờ Thần Lửa, và lần lượt quy theo đạo Hồi. Nữ hoàng Repxima liền cho thiết lập các luật thánh, [\[61\]](#) xây dựng nhiều thánh đường trên nền những đền thờ ma giáo nay trở nên tàn phế.

Nữ hoàng cũng cho xây dựng nhiều nhà thương làm phúc dành cho những người nghèo khó, tạo lập các quán lưu trú để khách nước ngoài sau này đến đảo có nơi ghé chân. Nàng dùng những số tiền lớn chăm lo trang bị và vận hành các thiết chế công cộng ấy. Các nhà thương làm phúc trên đảo dần dần nổi tiếng, tới mức ngày càng có nhiều bệnh nhân từ đủ các nước trên thế giới kéo đến xin chữa. Họ còn nghe đồn nữ hoàng có nhiều phép lạ có thể giúp chữa lành mọi căn bệnh hiểm nghèo, thành ra càng lũ lượt đổ về đây, người đau ốm nào cũng muốn nhờ cậy nàng giúp cho, để qua khỏi ốm đau tật nguyền.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM CHÍN MƯƠI SÁU

Một hôm, quân hầu vào tâu với nàng Repxima, có sáu người nước ngoài vừa mới đến, xin được gặp nữ hoàng. Trong số sáu người ấy, có một người mù mắt, một người liệt nửa thân, người thứ ba phù thũng. Nàng truyền cho họ đến gặp mình ngay lập tức. Khi tiếp khách, nữ hoàng thường ngự trên một cái ngai lộng lẫy, bên tả có năm, sáu mươi nữ binh ăn mặc sang trọng, bên phải có tất cả các vị đại thần trong triều.

Nữ hoàng ngồi trên ngai cũng như tất cả các nữ binh và người hầu gái đều đeo mạng dày che mặt. Hai vị đại thần dẫn sáu người khách nước ngoài đến yết kiến. Tất cả phủ phục, úp mặt sát đất hồi lâu, chờ đến khi nữ hoàng truyền cho phép đứng lên. Nàng cất lời hỏi họ từ đâu đến, họ có gì cần đến nàng. Một người đứng ra thay mặt tất cả tâu như sau:

- Cầu chúc nữ hoàng vạn thọ vô cương! Tâu nữ hoàng, chúng tôi là những người dân vùng biển khốn khó, chúng tôi đến đây cậy nhờ nữ hoàng, xin bà hãy lấy lòng thành và phép thánh cầu xin Đấng tối cao tha tội cho chúng tôi!

- Ông hãy nói rõ ràng hơn nữa, – nữ hoàng đáp sau khi chăm chú nhìn kỹ từng người – ta chẳng có cách chi hữu hiệu giúp đỡ các người, trừ phi các người thành khẩn thuật lại công khai những việc mình đã làm, không được bỏ qua một chi tiết nào.

Một trong sáu người nước ngoài liền thưa:

- Tâu nữ hoàng, tôi vốn là một thương gia thành phố Basra. Trước đây tôi kết hôn cùng một cô gái tài sắc và đạo đức vô song. Nàng cực kỳ xinh đẹp, dịu hiền, hòa nhã và mộ đạo. Một hôm, có việc phải đi xa, tôi để nàng lại nhà, cho nàng tự do làm chủ cuộc đời. Tôi chỉ ngỏ lời cậy chú em tôi, là người mù đang đứng trước mặt nữ hoàng đây, hãy trông nom mọi công việc gia đình giúp tôi! Khi tôi trở về, chú em cho hay vợ tôi phạm lỗi, đánh mất tiết hạnh, đã bị xử hình phạt phải chôn sống. Sau sự việc không may ấy, chú ấy vì thương tôi, khóc lóc quá nhiều đi đến mù cả hai mắt. Muôn tâu nữ hoàng, đây là tất cả câu chuyện của tôi. Tôi khúm núm van xin nữ hoàng hãy giúp cho em tôi được sáng mắt trở lại! Chính vì mục đích ấy, hôm nay tôi đến đây quỳ lạy trước nữ hoàng. Tôi có đưa theo chú em của tôi cùng đến.

Nàng Repxima nhận ra ngay đây là thương gia Temim. Ông ta thì không thể nhận ra người vợ của mình. Ông đứng im chờ xem nữ hoàng phán bảo ra sao. Nhưng lúc ấy nàng quá kinh ngạc được gặp lại chồng, ghen ngào không thốt nên lời. Lát sau, cố lấy lại bình tĩnh, nàng hỏi:

- Có đúng là người đàn bà bị chôn sống ấy đã phản bội ông? Ông có tin như vậy không?

- Tôi không thể nào tin, – chàng Temim đáp – nhất là khi nghĩ đến đức hạnh của nhà tôi ngày trước. Nhưng than ôi! Tôi tin lời em trai tôi lắm, cho nên khó có thể nghi ngờ nàng vô tội.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM CHÍN MƯƠI BẢY

Thương gia thành Basra thừa đến đây, nữ hoàng ngắt lời:

- Thế đủ rồi. Ta biết rõ hơn ông, người vợ của ông chịu hình phạt đúng hay sai. Sáng mai ta sẽ nói cho nghe. Rồi sẽ xem em trai ông có được sáng mắt trở lại hay không.

Một người khác trong đoàn của ông Temim bước ra thưa:

- Tôi có một tên nô lệ da đen, tôi mua và nuôi dạy nó từ khi nó còn nhỏ tuổi. Mấy năm lại đây tự nhiên nó bị bại liệt, bán thân bất toại. Không thuốc thầy nào chữa chạy khỏi được. Tôi đưa nó đến đây kính nhờ nữ hoàng cầu nguyện, giúp xin Thượng đế đoái thương chữa lành cho nó!

Nghe tàu, nữ hoàng nhận ra ông vừa nói chính là người ăn trộm A Rập năm nao, và người bị bại liệt nửa người kia không ai khác tên da đen giúp việc từng hòng làm hại phẩm giá nàng, liền bảo:

- Thế là đủ. Ta biết rõ việc này. Sáng sớm mai sẽ quyết định.

Nàng quay sang hỏi tiếp người bị bệnh phù thũng:

- Còn anh, tại sao anh bị trọng bệnh?

- Tàu nữ hoàng, – người phù thũng đáp – tôi không rõ nguyên nhân tại đâu. Tôi nghĩ có lẽ tại một lần, cách đây mấy năm, tôi định dùng bạo lực ép duyên một cô nô lệ tôi mua được của một chàng trai mang đến bán cho bên bờ biển.

Nữ hoàng đưa mắt nhìn kỹ, và nhận ra đây chính là viên thuyền trưởng đã mua nàng với giá ba trăm đồng *xocanh*. Nhưng cũng như hai lần trước, nàng giả vờ chưa biết đây là ai, cứ để yên cho y nói tiếp:

- Vì vậy, tôi coi căn bệnh của tôi là do bị trời phạt.

- Còn tôi, – người nước ngoài thứ ba kêu lên – thỉnh thoảng tôi lên những cơn điên rất đau đớn. Tôi nghĩ đây là một hình phạt trời bắt tôi phải chịu, xứng đáng với tội lỗi của mình. Tôi chính là người đã bán cô nô lệ cho ông này mang xuống tàu. Bởi vậy tội của tôi còn to hơn tội của ông ta. Người bị bán ấy là một phụ nữ tự do từng cứu mạng sống cho tôi. Thế mà để tỏ lòng biết ơn, tôi lại đang tâm mang bán cho ông kia, bắt người ta phải chịu thân phận làm một nữ nô lệ.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM CHÍN MƯƠI TÁM

Nghe nói vậy, nàng Repxima nhận ra ngay, đây chính là chàng trai đã được nàng cho sáu mươi đồng *xocanh* dùng trả nợ, nhờ vậy y thoát khỏi hình phạt bị treo cổ. Nàng liền phán với tất cả sáu người nước ngoài như sau:

- Ta sẵn sàng cầu nguyện Thượng đế giúp các người. Ta sẽ cố gắng hết sức mình, những mong may ra có thể giúp các người đỡ đau khổ được phần nào. Bây giờ, tất cả mọi người hãy trở về nơi nghỉ, và đúng giờ này sáng mai, hãy trở lại đây! Người mù lòa và người bại liệt có thể khỏi bệnh được rồi, sau khi đã thành khẩn thú nhận những tội ác họ phạm. Ta biết rõ tất cả mọi chuyện của họ. Nhưng ta đòi hỏi họ phải thực sự thành khẩn, trong khi thuật chuyện không được thêm bớt bất kỳ một chi tiết nào; nếu làm sai họ sẽ phải hối hận. Ta sẽ không giúp đỡ họ, ngược lại còn trừng phạt thật nặng nề. Đối với những người khác, ta hứa ngay từ bây giờ ta sẽ cầu nguyện cho, bởi họ đã thú nhận đúng sự thật.

Sáu người nước ngoài cùng nhau trở về nhà trọ. Trong số ấy, bốn người đã khá hài lòng. Chỉ có chú em trai của chàng Temim và tên nô lệ da đen là vẫn âu sầu. Hai người này muốn thà suốt đời chịu tội nguyên khổ sở, còn hơn phải thú nhận công khai sự phản trắc và tính nết điên khùng của mình. Họ muốn che giấu nỗi nhục trước con mắt những người bị họ xúc phạm.

Đêm hôm ấy, hai người này không một ai chợp được mắt.

Tuy nhiên, sáng sớm hôm sau, không thể không đi theo những người khác đến châu nữ hoàng. Họ đến hoàng cung, cùng bước tới trước ngai vàng. Bà nữ hoàng vẫn ngự uy nghi trên ngai y như ngày hôm qua. Vừa nhìn thấy họ, nữ hoàng hỏi:

- Thế nào, người mù lòa và người bại liệt, hai anh đã sẵn sàng thú nhận hết hay chưa? Khốn cho những kẻ nào không thành khẩn nói đúng sự thật.

Tên da đen bước ra, vừa xấu hổ vừa kinh hoàng. Y biết đối trá lúc này chẳng ích chi, thà thú nhận tất cả những việc y đã làm ở nhà ông chủ A Rập hòng hãm hại nàng Repxima. Y thú nhận, vì quá đam mê người đẹp ấy, vì bị khước từ và khinh rẻ, y rắp ranh làm hại người đàn bà, cho nên mới đang tâm giết cháu bé con trai độc nhất của ông chủ người A Rập của mình.

NGÀY THỨ CHÍN TRĂM CHÍN MƯƠI CHÍN

Kể hết mọi chuyện, tên da đen nói:

- Xin thưa, đây là tội ác của tôi. Lạy trời chứng giám cho, tôi thật lòng hối hận!

- A, tên phản trắc! – Người A Rập nổi giận mắg. – Vậy ra mày đã giết đứa con trai độc nhất của ta? Muôn tâu nữ hoàng, – ông tâu với nàng Repxima – xin bà cho phép tôi chặt đầu nó ngay lúc này! Một tên khốn kiếp từng phạm một tội ác kinh khủng như nó vừa thú nhận, không đáng được sống!

- Không, – nữ hoàng đáp – ta không muốn ông giết chết nó.

- Tôi hiểu, tâu lệnh bà. – Người A Rập nói. – Bà không cho phép tôi giết nó là đúng lắm. Tốt hơn, để cho tên khốn nạn ấy chịu bại liệt, rồi thế nào nó cũng sẽ phải chết nay mai.

- Ông nhầm rồi, – nàng Repxima nói – không phải ta muốn để cho nó sống để nó chịu đau khổ. Bởi nó đã biết hối hận, chúng ta phải cầu xin Thượng đế cho nó được sống.

Nói xong, nàng bước xuống ngai quỳ lạy. Ngay lập tức, cơ thể tên da đen cử động được trở lại như bình thường.

Tất cả những người chứng kiến chuyện diệu kỳ ấy đều hết lời ngợi ca Thượng đế và ngợi ca nữ hoàng. Nàng lại lần lượt cầu nguyện cho người phù thủy và người mắc chứng điên, hai người này cũng khỏi bệnh ngay chốc lát. Thấy vậy, chàng Temim càng vững tin em trai mình sẽ được sáng mắt trở lại, liền bảo:

- Nay em Revendê ơi, giờ đến lượt em nói ra. Nữ hoàng chỉ chờ em thành khẩn thú nhận, bà sẽ ban phép thần chữa cho em khỏi tật mù lòa.

- Đúng thế, – nàng Repxima nói – hãy kể câu chuyện của anh ra, nhưng anh chú ý không được nói lên một điều gì không đúng sự thật. Bởi ta đã biết rõ tất cả mọi sự. Nếu anh dối trá bất cứ điều gì, sẽ bị trừng phạt ngay tức khắc.

Nghe lời bà phán, Revendê hiểu, nếu y cứ tiếp tục lặng câm hoặc y nói dối, sẽ bị trừng trị đáng tội ngay lập tức. Vì vậy, cố nén sự xấu hổ, y công khai thú nhận tất. Do thành khẩn hối hận về tội phản bội ông anh trai, lại còn ngờ người chị dâu mình đã thiệt mạng, y kể lại câu chuyện khá cảm động, và không một lần tìm cách thanh minh.

Chờ y thú nhận xong, nữ hoàng phán:

- Anh này khá thành khẩn, anh đã không dám nói ra điều gì không phù

hợp với sự thật.

Chàng Temim nghe nữ hoàng nói, mới vỡ ra chú em trai mình tráo trở tới mức nào, và người vợ của mình quả thật vô tội, liền hét lên một tiếng và ngã vật xuống ngất đi. Máy người hầu trong cung vội chạy đến cứu giúp. Khi hồi tỉnh, Temim chạy đến quỳ trước ngai nữ hoàng, thưa:

- Tâu lệnh bà, xin cho phép tôi được mang tên khốn nạn này về thành phố Basra! Tôi không muốn cầu xin cho nó khỏi mù lòa nữa. Tôi muốn đưa nó đến nơi vợ tôi bị chôn sống, rồi tự tay đập chết nó ở đó. Lệnh bà hẳn thấy, tội ác nó quá ghê tởm, không thể nào dung tha.

NGÀY THỨ MỘT NGHÌN

Nữ hoàng Repxima im lặng một lát không trả lời. Lúc này nàng đang thầm khóc sau tấm mạng che mặt, bởi quá xúc động trước tình cảnh của chồng. Sau khi lau khô nước mắt, nàng nói với chàng Temim như sau:

- Hỡi người thương gia thành phố Basra! Ta xin ông hãy vì ta, bớt cơn giận dữ! Em trai ông đúng là đã phạm một tội ác tày trời. Nhưng y đã công khai thú nhận tội lỗi và đã thành khẩn hối tiếc về tội ác của mình, xin ông hãy nhớ: hai anh em ông đều cùng chung một giọt máu mà ra, ông nên nghĩ tình máu mủ tha tội cho nó.

Thương gia Temim đáp:

- Lệnh bà đã truyền, tôi đâu dám trái. Lệnh bà muốn tôi tha tội cho nó, tôi xin sẵn sàng quên hết mọi sự, miễn là nó phải biết lấy việc vừa qua để sám hối, và từ nay trở về sau, không bao giờ được vu khống cho ai bất cứ điều gì.

Thương gia vừa ngỏ ý sẵn sàng tha tội cho Revendê, nữ hoàng Repxima liền bước xuống ngai, úp mặt xuống đất cầu nguyện, cầu xin Thượng đế đoái thương người bị mù lòa, cho y được sáng mắt trở lại. Lời khẩn cầu của nàng được đáp ứng, Revendê trở lại sáng mắt ngay.

Trước cảnh tượng ấy, tất cả mọi người lại hoan hô. Tất cả mọi người lại cất tiếng ngợi ca Thượng đế và ngợi ca nữ hoàng. Bà cho những người khách nước ngoài lui về nhà trọ, và phán:

- Mọi người hãy trở lại đây lần nữa vào sáng sớm mai! Các người sẽ nhìn thấy nhiều điều có thể làm các người còn kinh ngạc hơn cả hôm nay.

Ngày hôm sau, mọi người lại trở lại hoàng cung.

Nữ hoàng Repxima mời chàng Temim đến và ép chàng ngồi lên một chiếc ghế bành vàng bà đã sai kê sẵn, sát ngay bên cạnh ngai của mình. Rồi ngỏ lời nói với chàng như sau:

- Hỡi người thương gia thành Basra! Người đã phải trải qua biết bao khổ ải, đau thương. Ta thông cảm những bất hạnh của người lắm. Để cho người quên hết những điều ấy đi, ta quyết định cho người lấy làm vợ cô cung nữ xinh tươi nhất trong tất cả số cung nữ ở triều đình ta. Và nếu người muốn, các người có thể lưu lại sống luôn tại triều đình ta.

Đã không nhận lời bà nữ hoàng, chàng Temim lại tuôn nước mắt, và đáp:

- Tâu nữ hoàng, bà ban cho tôi nhiều ân huệ quá, tôi vô cùng biết ơn tấm lòng trời biển của bà. Tuy nhiên, cúi xin bà chớ bất bình, cho phép tôi được khước từ không nhận một cung nữ của bà làm người bạn đời. Chừng nào tôi còn sống, trong tâm trí tôi chẳng bao giờ có hình ảnh người đàn bà nào khác ngoài nàng Repxima của tôi. Tôi không sao khuây nguôi vì đã mất nàng. Tôi

nhất quyết mai đây sẽ trở về quê, để từ nay cho đến khi nhắm mắt lìa trần, tôi được than khóc nàng ở nơi nàng bị chôn sống một cách bất công.

NGÀY MỘT NGHÌN LẼ MỘT – NGÀY CUỐI CÙNG

Nàng Repxima vô cùng vui thích có một người chồng chung thủy. Hải lòng vì chàng Temim khước từ một cô cung nhân trẻ đẹp, nàng nói với chàng như sau:

- Vậy nếu ta cầu xin Thượng đế hãy cho người vợ ông xiết bao thương nhớ ấy hồi sinh, ông có muốn gặp lại nàng hay không? Nếu gặp lại, liệu ông có nhận ra nàng?

Vừa nói, nàng vừa đưa tay cất tấm mạng che mặt, và chàng Temim nhận ra luôn nàng Repxima xinh đẹp của mình.

Niềm vui của người chồng được gặp lại người vợ vô cùng yêu quý to lớn đến đâu cũng không sánh bằng sự kinh ngạc của người ăn trộm A Rập cùng tên nô lệ của ông, viên thuyền trưởng mắc chứng bệnh phù thũng và chàng trai thỉnh thoảng lên cơn điên, khi tất cả cùng nhận ra bà nữ hoàng đầy quyền uy chính là người đàn bà từng bị họ xúc phạm.

Nàng Repxima ôm hôn chàng Temim, và thuật lại đầy đủ câu chuyện của mình cho các vị đại thần trong triều cùng nghe, ai ai cũng ngợi ca.

Tiếp đó, nữ hoàng sai người đưa ra biểu người ăn trộm A Rập mười nghìn đồng *đuca* vàng, một chiếc áo gấm thêu, cùng một chiếc áo rất đẹp nữa gửi về tặng bà vợ ông; cho viên thuyền trưởng một nghìn đồng *đuca*, và cũng ngần ấy nữa cho chàng trai đã bán nàng làm nô lệ.

Xong đâu đấy, nàng đứng lên, bước xuống khỏi ngai, cầm tay chàng Temim đưa về phòng riêng của mình. Hai người quỳ xuống tạ ơn trời đất cuối cùng cho họ đoàn tụ.

Tiếp đó nàng nói với chồng:

- Luật pháp vương quốc này không cho phép em được truyền ngôi báu cho một người đàn ông. Ít ra, cũng xin mời chàng chung sống cùng em trong hoàng cung, cùng em chia sẻ cuộc sống yên vui. Rồi chúng ta sẽ tìm cho chú em trai chàng một công việc khiến chú ấy hài lòng.

Quả vậy, ít lâu sau Revendê được cử làm tể tướng của đảo. Anh làm rất tốt trách nhiệm của mình, được tất cả nhân dân trên đảo quý mến.

Cụ già kể cho hoàng đế Harun An Rasit và cung phi Xutanum nghe chuyện, đến đây ngừng lời. Nàng cung phi xinh tươi rất lấy làm thú vị. Và hoàng đế, để chứng tỏ mình khá hài lòng về câu chuyện này cũng như câu chuyện về hai anh em thần linh trước, liền sai viên quản lý kho tàng lấy ban thưởng cho cụ một nghìn đồng *xocanh* vàng. Chàng trai kể câu chuyện về quốc vương Narisatdôlê, thương gia Abđêraman và người đẹp Zainep cũng được ban thưởng một số tiền ngần ấy.

CHUYỆN NÀNG CÔNG CHÚA NƯỚC CASOMIA – PHẦN KẾT

Vậy là đã nghìn lẻ một ngày trôi qua, ngày nào bà nhũ mẫu Xutlumê mê cũng kể chuyện cho công chúa nước Casomia nghe, thì một hôm hoàng tử Farucru đột nhiên lâm bệnh nặng. Quốc vương Tugrun-Bây vốn vô cùng yêu quý con, cho vời tất cả những vị danh y tài giỏi nhất trong nước Industan đến chữa trị, nhưng bệnh không thuyên giảm. Tin không vui lan truyền khắp triều đình, mọi cuộc hội hè vui chơi đều ngưng lại. Công chúa Farucna không muốn nghe tiếp chuyện nữa. Quốc vương Tugrun-Bây ngưng mọi cuộc săn bắn. Mọi người chỉ âu lo mỗi một việc là sức khỏe của hoàng tử, e hoàng tử không may mệnh hệ nào.

Một hôm, nhà vua tìm đến gặp vị trưởng giáo trông nom đền thờ thần Kesaya, mà vua vẫn thỉnh thoảng đến thăm, nói với ông:

- Ngài trưởng giáo biết ta yêu quý con trai ta hơn quý mạng sống của chính mình. Các vị lương y đã tìm hết cách song đành bó tay, ta chẳng hy vọng gì ở thuốc thang của họ nữa, ta chỉ còn biết trông mong ngài cầu nguyện giúp cho hoàng tử. Ta mong, thông qua đạo cao đức trọng của ngài, Thượng đế sẽ thấu lời cầu nguyện mà đoái thương cho hoàng tử qua cơn bệnh hiểm nghèo.

Vị trưởng giáo đáp:

- Khi con người có lòng thành, thì không bao giờ nên tuyệt vọng, tâu bệ hạ. Tôi sẽ tham thiền nhập định suốt đêm nay để nguyện cầu, sáng mai tôi sẽ tâu hoàng thượng rõ thần Kesaya có chấp nhận lòng thành của ngài hay không.

Sáng hôm sau, vị trưởng giáo vào hoàng cung rất sớm. Nhà vua suốt đêm nôn nóng trông chờ kết quả, vội thân hành ra đón, và hỏi:

- Thưa vị trưởng giáo đáng kính, ngài có nguyện cầu được Thượng đế đoái thương cho sức khỏe của hoàng tử chăng?

- Tâu bệ hạ, có. Thần Kesaya đã chấp nhận lời nguyện và thần đã xin được Thượng đế rủ lòng thương hoàng tử.

Nghe đáp, nhà vua vui mừng hết đổi, vội dẫn vị trưởng giáo vào thẳng phòng riêng của hoàng tử Farucru. Tu sĩ ngồi lên đầu giường người bệnh, vẽ mặt huyền bí, niệm mấy lời thần chú. Ông niệm chưa xong, hoàng tử vốn câm khẩu từ mấy hôm nay, thét lên một tiếng và nói với vua cha:

- Tâu phụ vương, xin cha hãy yên lòng, con đã khỏi bệnh!

Nói xong hoàng tử đứng lên khỏi giường bệnh. Từ buổi sáng ấy, khắp

kinh thành nước Casomia, đâu đâu dân chúng cũng chỉ bàn luận về đức độ cao siêu của vị trưởng giáo mà thôi.

Công chúa Farucna hay tin ấy, muốn tự mình được gặp và chuyện trò cùng vị tu sĩ. Nàng mang theo một đoàn tùy tùng lớn gồm nhiều cung nhân và hoạn nô, thân hành đến đền thờ Kesaya xin yết kiến vị trưởng giáo, nhưng được trả lời cấm công chúa không được vào đền. Chạm lòng tự ái, công chúa về gặp vua cha phàn nàn. Nhà vua muốn biết rõ nguyên nhân tại sao. Vua thân hành đến đền, hỏi vị trưởng giáo sao gây trở ngại, không cho phép công chúa được vào yết kiến. Tu sĩ đáp:

- Tâu bệ hạ, nguyên nhân tại công chúa không chịu vâng theo ý chỉ Đấng tối cao. Công chúa ghét bỏ đàn ông, coi đàn ông toàn là kẻ thù của mình, và suốt ngày công chúa ăn không ngồi rồi. Trừ phi công chúa thay đổi tính tình, nếu không thần Kesaya vẫn cấm không cho tôi được gặp bà. Nhưng – tu sĩ nói tiếp – nếu công chúa sửa chữa lỗi lầm, thì tôi nguyện mang hết sức mình giúp mọi việc khi nào bà cần đến tôi.

Nhà vua chẳng biết đáp thế nào, quay trở về cung.

Mấy ngày sau, vua Tugrun-Bây lại đến thăm vị trưởng giáo. Ông nói với vua:

- Cuối cùng, tôi đã được thần Kesaya cho phép tiếp kiến công chúa. Tôi muốn giúp công chúa một lời nguyện, may ra giúp bà nhìn thấy con đường chính đạo chẳng.

Nhà vua mừng rỡ trở về báo tin vui cho công chúa. Ngay hôm sau đó, công chúa thân đến đền thờ, xin gặp vị trưởng giáo. Người gác đền mời công chúa vào, mời đến một gian phòng rộng, xin công chúa hãy vui lòng chờ cho chốc lát.

Trên tường gian phòng ấy có ba bức tranh, bức nào cũng vẽ một con hươu cái bị sa bẫy và một con hươu đực cố tìm cách giúp con cái thoát ra. Một bức khác, ở một chỗ riêng biệt, vẽ một con hươu đực mắc bẫy trong khi con hươu cái chỉ đứng giương mắt nhìn. Công chúa ngắm các bức tranh, và ngạc nhiên thốt lên:

- Trời đất! Ta nhìn thấy gì thế này? Hoàn toàn trái ngược những điều ta thấy trong con mộng. Ở đây ba con hươu đực đều tìm hết mọi cách cứu ba con hươu cái, trong khi một con cái lại đứng nhìn con đực lúng túng mắc trong bẫy. Ô, phải chăng từ trước tới nay ta đã nhầm khi xét đoán những người đàn ông? Dường như họ là những người trọng nghĩa hơn ta tưởng. Ta rất tiếc sao lâu nay mình bắt công với họ đến vậy!

Trong khi công chúa đang trầm ngâm suy tưởng, thì vị trưởng giáo dạo mạo bước vào. Công chúa định quỳ lạy, nhưng ông kịp đỡ nàng đứng lên,

mời ngồi lên một chiếc ghế, và bảo nàng:

- Thừa công chúa, phụ vương bà rất đau buồn phiền thấy tính tình bà ngược với tự nhiên và trái những điều Thượng đế tối cao hằng dạy. Bà đang bị quỷ dữ ám. Quỷ dữ xui bà thù ghét đàn ông. Tôi đã nguyện cầu thần Kesaya hãy đoái thương bà, song cho dù thần có quyền lực vạn năng, bà chớ nên nghĩ Ngài sẽ kéo bà lên khỏi vực thẳm mà tự thân bà đã lao xuống đấy, nếu bản thân bà không chịu cố gắng để thoát lên.

Nghe vậy công chúa sợ quá, tuôn nước mắt. Vị trưởng giáo nhìn thấy, liền nói tiếp:

- Con gái à, hãy lau khô nước mắt, ta hiểu lòng con bắt đầu sẵn sàng đổi thay. Ta hứa giúp con thoát khỏi bàn tay quỷ dữ, nếu con chịu làm đúng theo những lời khuyên của ta.

Công chúa Farucna hứa với vị trưởng giáo sẽ nhất nhất tuân theo những lời ông truyền bảo. Nàng hôn tay tu sĩ, rồi lui về hoàng cung.

Ngày hôm sau, công chúa lại đến đền thờ thần Kesaya. Khi chỉ có một mình với nàng, vị trưởng giáo bảo:

- Thừa công chúa, đêm hôm qua, thần Kesaya báo mộng cho ta hay: công chúa Farucna không còn bị Đấng tối cao từ bỏ nữa, bởi nàng đã thay đổi định kiến của mình về đàn ông. Nhưng nàng còn phải làm thêm một việc nữa, bởi đã được ghi vào Số mệnh. Nàng phải thương yêu một vị hoàng tử đang ngày đêm gầy mòn héo hon vì quá tương tư nàng.

Công chúa rất ngạc nhiên:

- Thừa, làm sao tôi có thể giúp hoàng tử đỡ được cơn đau ấy, tôi nào có biết chàng là ai?

- Thần Kesaya có báo cho ta biết, – trưởng giáo nói tiếp – chàng trai ấy là hoàng tử nước Ba Tư. Tên chàng là Farucsat. Đây là một chàng trai rất mực tuấn tú khôi ngô, thông minh đĩnh ngộ, ít có người nào trên đời này sánh bằng.

- Thừa thầy, – công chúa nói – con thật ngạc nhiên. Làm sao chàng hoàng tử chưa bao giờ nhìn thấy con lại đâm ra yêu thương con được?

- Ta sẽ nói con rõ sự tình xảy ra thế nào. – Trưởng giáo nói. – Bởi thần Kesaya đã dự kiến mọi câu con có thể hỏi ta, nên đã báo cho ta biết trước để trả lời. Theo lời thần dạy, hoàng tử Farucsat sở dĩ đem lòng tương tư con là sau khi trải qua một giấc mộng. Trong mộng, hoàng tử gặp con ở một bãi cỏ non. Thấy con rất đẹp xinh tươi, hoàng tử muốn đến để tỏ tình, nhưng con đột ngột bỏ đi. Con bảo mọi người đàn ông trên đời đều là những kẻ trá trở vô tình bạc nghĩa. Nỗi đau không được nói chuyện với con khiến chàng

hoàng tử tỉnh giấc. Từ bấy hình ảnh con chẳng lúc nào nhạt nhòa trong ký ức hoàng tử, ngược lại chàng luôn tưởng nhớ con. Cho dù chẳng có hy vọng được con đáp lại mối tình vô vọng, chàng hoàng tử ấy vẫn không thể nào quên con.

Nghe vị trưởng giáo nói vậy, công chúa Casomia buông một tiếng thở dài náo nuột, rồi ngược mắt lên trời và than:

- Trời ơi, nhẽ nào vị hoàng tử ấy lại có cùng một giấc mộng giống hệt như con! Thừa thầy trưởng giáo, thần Kesaya chưa nói hết với thầy. Con cũng có lần nằm mơ thấy, con gặp một chàng hoàng tử tại một bãi cỏ non có nhiều hoa tươi cỏ đẹp, chàng trai có ý định tỏ tình, con đã vội khước từ một cách rề rúng. Nhưng trong khi đối xử với chàng như vậy, con cảm thấy trong trái tim con bắt đầu xao xuyến, đây là lý do tại sao con vội vàng bỏ chạy, sợ chàng hoàng tử với vẻ hào hoa cùng những lời dịu ngọt của chàng, sẽ làm con đổi ý chẳng, rồi chàng sẽ thắng mọi hận con vẫn có trong lòng từ trước tới nay đối với đàn ông chẳng. Mọi hận ấy cũng bắt nguồn từ một giấc mơ, nhưng ngược hẳn ý các bức tranh thầy thấy trên tường kia. Giờ con đã nhận ra con sai lầm, giờ con đánh giá đàn ông tốt hơn, con tin họ có khả năng giữ tình chung thủy. Nếu quả thật duyên trời đã định con sẽ thành hôn với chàng hoàng tử nước Ba Tư, con thành tâm sẵn sàng tuân phục ý trời.

Vị trưởng lão rất hài lòng nghe công chúa thốt những lời như trên. Thừa lúc nàng đang hé mở tâm tình, ông nói thêm:

- Con à, đêm hôm nay thầy sẽ tham thiền nhập định suốt đêm trong đèn may ra cảm thông được với thần Kesaya, cầu xin ngài cho biết con cần phải làm gì hơn nữa để đạt được tuyệt đỉnh ước mơ của con. Sáng mai thầy sẽ nói cho con hay.

Công chúa Farucna rời đèn thờ ra về, trong lòng hết sức băn khoăn về chàng hoàng tử Farucsat. Nàng gọi lại cả trăm lần trong ký ức lần gặp gỡ trong mơ, khi chàng có ý định tỏ tình. Nàng càng cố hình dung khuôn mặt và dáng vẻ chàng, càng thấy chàng đáng yêu hơn trước. Cả ngày hôm ấy nàng đứng ngồi không yên, và suốt đêm tiếp theo không hề chợp mắt.

Trời vừa rạng sáng, công chúa đã vội lên đèn chờ được gặp vị trưởng giáo. Thoạt trông thấy công chúa, ông biết ngay tâm trạng nàng đang có sóng cồn. Không chờ vị trưởng giáo nói cho hay thần Kesaya dạy thế nào, nàng nôn nóng hỏi ngay:

- Thừa thầy, trời định đoạt duyên phận con ra sao? Thầy đã trình với thần con đã sẵn sàng tuân phục điều thần đòi con phải làm?

- Có, con gái à, – vị trưởng giáo đáp – thần có nói cho ta hay, nhưng trước hết thần yêu cầu con hãy long trọng thề con sẽ nhất nhất tuân theo mọi lời ta

truyền lại.

Công chúa vội cất lời thề trọng. Vị trưởng giáo nói:

- Đêm nay, con và thầy cùng đi. Thầy sẽ dẫn con đến tận quốc gia của vị hoàng tử đang tương tư con ấy. Rồi đây chàng sẽ trao cho con một vương miện còn cao quý hơn chiếc miện công chúa nước Casomia con đang đội trên đầu. Chắc hẳn con ngạc nhiên sao thầy bảo con làm một chuyến đi xa xôi, song thần Kesaya muốn vậy.

- Sao lại thế, thưa thầy? – Công chúa khá ngạc nhiên. – Lẽ nào thần dạy con, khi chưa được sự đồng ý của phụ vương, lại dám rời bỏ triều đình ra đi tìm một chàng hoàng tử chưa chính thức là hôn phu của mình?

- Ta không nói vậy, – trưởng lão đáp – quốc vương Tugrun-Bây sẽ biết chuyện con ra đi, thầy sẽ lo tiêu vãng chuyện ấy. Nhưng thần Kesaya muốn mọi việc sẽ diễn ra theo cách như thầy vừa nói, để cho con từ bỏ hẳn sự kiêu kỳ vốn có của con.

- Con thú thật với thầy con chẳng mấy thích hành xử theo cách ấy, song thần đã dạy, con sẵn sàng đi theo thầy, miễn là được phụ vương con cho phép.

- Ta chịu trách nhiệm về việc ấy, con hãy tin vào ta. Giờ con hãy trở về cung, chuẩn bị lên đường không chậm trễ.

Công chúa làm theo lời vị trưởng giáo dặn, trong khi ông đi tìm gặp nhà vua.

Ông vào hoàng cung vừa lúc vua Tugrun-Bây đang đàm đạo với bà nữ hầu của công chúa. Trông thấy vị trưởng giáo, vua nói:

- Mời ngài đến gần đây hơn ít nữa. Chúng tôi đang trao đổi một việc có liên hệ đến ngài. Chúng tôi đang nói đến sự thay đổi rất nhanh chóng trong tính tình con gái tôi, ngài đã làm nên sự thần kỳ ấy. Trước đây cháu rất kỵ đàn ông, ngài đã làm cho cháu bỏ được sự thù ghét ấy. Chỉ một buổi nói chuyện với ngài đã mang lại hiệu quả lớn hơn so với tất cả mọi câu chuyện của bà nữ hầu Xutlumêmê kể suốt một nghìn lẻ một ngày qua cộng lại.

- Tâu bệ hạ, – vị trưởng giáo đáp – tôi còn tiến xa hơn. Công chúa Farucna không chỉ không hận đàn ông nữa, thậm chí bà còn đang yêu hoàng tử nước Ba Tư.

Thế là vị trưởng giáo thuật lại tất cả những gì đã diễn ra giữa ông và công chúa cho vua và bà nữ hầu nghe, và nói thêm ý thần Kesaya muốn công chúa còn phải làm thêm một việc nữa. Sau khi suy nghĩ hồi lâu, vua Tugrun-Bây nói với vị trưởng lão:

- Thật lòng ta không muốn cho con gái ta đi du hành theo cung cách ấy,

nhưng nếu thần Kesaya đã truyền như vậy, thì ta sao dám làm trái ý thần. Hơn nữa, công chúa được đi dưới sự hướng đạo của ngài, ta không có gì phải lo âu.

Được nhà vua đồng ý, ngay tối hôm ấy, công chúa rời kinh thành nước Casomia, chỉ có bà nữ mẫu và vị trưởng giáo đi theo, bởi ông này nói thần Kesaya muốn như vậy.

Ba người cưỡi ngựa đi suốt đêm hôm ấy. Sáng sớm đến một bãi cỏ non, ở đây có cả ngàn loài hoa đang nở rộ rực rỡ và ngát hương. Bãi cỏ này nối liền một khu vườn, được ngăn cách bởi một bức tường thành xây bằng đá cẩm thạch. Cuối tường dựng lên một căn phòng bằng gỗ trầm hương đỏ, có chiếc ban công xây nhô ra ngoài. Dưới ban công ấy một dòng nước trong leo lẻo chảy qua, tuôn vào tưới mát bãi cỏ và các gốc hoa tươi. Thấy phong cảnh kỳ thú, ba người xuống ngựa, ngồi nghỉ bên bờ con suối.

Ba người đang thích thú ngắm cảnh vật tươi đẹp, bỗng nhiên vị trưởng giáo rung mình biến sắc, khuôn mặt xám ngắt như người sắp chết. Công chúa và bà nữ mẫu kinh hoàng, vội hỏi nguyên nhân. Vị trưởng giáo đưa đôi mắt đang in đậm vẻ lo lắng, nói:

- Thừa công chúa, quý dữ nào dẫn chúng ta tới chốn này? Căn phòng trên đầu chúng ta, bãi cỏ non này, bức tường thành này, tất cả cho ta biết đây chính là nơi cư trú của mục phù thủy ghê gớm Mêrepza. Nếu mục nhìn thấy chúng ta ở đây, chúng ta ắt mất mạng. Nói có trời chứng giám, ta lo là lo cho công chúa thôi, nếu chỉ có mình ta, ta đủ sức làm một hành động trọng đại, diệt con mục phù thủy ấy.

- Xin thầy hãy làm như không có con ở đây, – công chúa đáp – nếu Định mệnh muốn chúng ta bỏ mình ở chốn này, con sẽ tuân thủ mà chết một cách đàng hoàng, cho xứng đáng với dòng máu của con.

- Quyết tâm của công chúa khiến ta có thêm sức mạnh. – Vị trưởng giáo nói. – Ta sẽ lập một chiến công hiển hách hoặc ta sẽ bỏ mình. Hai người hãy ở lại nơi đây. Nếu sau một tiếng đồng hồ, ta không trở lại tìm, như vậy là dấu hiệu coi như ta đã thất bại.

Nói xong, vị trưởng giáo rút gươm cầm sẵn ở tay, bước vào khu vườn của mục phù thủy.

Ông đi khỏi, công chúa cũng như bà nữ mẫu vô cùng lo lắng. Công chúa Farucna nói:

- Hỡi vị trưởng giáo đáng thương, không biết rồi thầy sẽ ra sao? Ta e thầy đến phải bỏ mình mất.

Bà nữ mẫu an ủi:

- Xin công chúa chớ vội lo âu! Vị trưởng giáo đền thờ thần Kesaya lẽ nào chịu thất bại trước một mụ phù thủy? Cho dù có trải qua hiểm nguy to lớn đấy, rồi thầy sẽ thành công.

Quả nhiên, sau một tiếng đồng hồ, vị trưởng giáo quay trở lại, vừa cười vừa nói:

- Ôn Thượng đế tối cao, mụ phù thủy Mêrepza không còn có thể làm hại chúng ta nữa. Chỗ lạc thú này, mà phép ma của mụ đã biến thành một nơi chết chóc, nay trở thành chốn nghỉ ngơi tuyệt vời của chúng ta.

Nhưng đã đến lúc, thưa công chúa xinh tươi, công chúa cần rõ tôi là ai. Công chúa chớ cho tôi là tu sĩ, trưởng giáo đền thờ thần Kesaya thiêng liêng ở kinh đô nước Casomia nữa, xin hãy coi tôi là người bạn tâm phúc của hoàng tử nước Ba Tư. Tôi sẽ kể tóm tắt công chúa nghe chuyện của hoàng tử ấy và của tôi, sau đây chúng ta sẽ vào trong dinh cơ của mụ Mêrepza. Ở đây công chúa sẽ được đón tiếp trọng thị đúng với địa vị của bà, và chúng ta sẽ còn nhìn thấy nhiều điều kỳ thú đáng ngạc nhiên nữa.

Thưa công chúa, nhà vua vĩ đại hiện đang trị vì toàn bộ nước Ba Tư rộng lớn, mà kinh thành đóng ở Sira, có một hoàng tử duy nhất là người sẽ kế vị vua sau này, tên chàng là Farucsat.¹⁶²¹ Đây là một chàng trai tài đức vẹn toàn. Một hôm hoàng tử tự nhiên đổ bệnh. Nhà vua vốn vô cùng yêu quý con trai, hết sức lo âu. Vua cho vời nhiều vị lương y tài giỏi nhất kinh thành đến thăm bệnh. Họ đều quả quyết bệnh của hoàng tử là như vậy, chỉ có chàng mới hiểu rõ căn nguyên. Vua thúc ép hoàng tử, nhưng chàng không chịu hé răng. Vua liền cho gọi tôi đến và phán:

- Anh Ximoc à, ta biết con trai ta chẳng có điều gì giấu anh. Anh hãy cố tìm hiểu căn nguyên do đâu con ta ốm, rồi trình lại cho ta nghe đúng sự thật, chớ có ngại ngần chi!

- Tâu bệ hạ, – tôi đáp – hoàng tử đổ bệnh và ngày càng nặng bởi chàng cứ khư khư không chịu hé răng cho ai biết do đâu lâm bệnh. Tôi là người xưa nay hết sức quan tâm đến sự an khang của hoàng tử, lẽ nào sau khi dò hỏi được căn nguyên, tôi dám không tâu bệ hạ rõ ngay tức khắc.

- Vậy anh hãy vào trò chuyện ngay với hoàng tử, – nhà vua nói – ta nôn nóng đợi anh trở lại đây.

Tôi vội chạy vào cung riêng của hoàng tử. Trông thấy tôi, chàng lộ vẻ mừng vui, và ngỏ lời trách móc:

- Anh bạn thân mến của ta ơi, ta rất phàn nàn về anh. Từ ngày ta lâm bệnh, chẳng nhìn thấy anh đâu, sao anh chậm đến thăm ta vậy? Ta đã tiếp cả ngàn vị khách đến thăm hỏi tới mức chán chường, chỉ có chuyện trò với anh ta mới cảm thấy dễ chịu phần nào trong lúc đau yếu này.

- Thừa hoàng tử, tôi đi săn dài ngày, vừa mới trở về tới nơi. – Tôi đáp. – Nhưng ngài bị bệnh gì vậy, thừa hoàng tử? Tại sao ngài có vẻ không được vui? Sắc mặt ngài dường như không còn được tươi tắn như ngày thường.

Hoàng tử cho tất cả mọi người trong phòng lui ra ngoài rồi nói với tôi:

- Anh Ximoc à, anh biết đấy, xưa nay ta không hề giấu anh bất cứ điều gì. Không những ta không muốn giấu anh, ngược lại ta còn mong anh về để dốc bầu tâm sự. Anh có thể nào tin được hay không, ta lâm bệnh nặng thế này chỉ vì một giấc mơ, hử anh bạn?

- Trời đất! Ngài nói gì vậy? Một giấc mơ, một điều huyền tưởng lại có khả năng tác động sâu sắc đến thế một trí tuệ minh mẫn như ngài?

- Ta đã lường trước sự ngạc nhiên của anh. – Hoàng tử nói. – Nhưng ta thú nhận ta quá yếu đuối. Ta đã cố tình che giấu mọi người là do vậy, chỉ với anh ta mới dám tâm sự điều này. Anh hãy nghe ta kể đầu đuôi do đâu ta đổ bệnh. Một đêm, ta nằm mơ thấy mình đang đứng giữa một bãi cỏ non có nhiều hoa tươi rực rỡ. Chợt có một người con gái xinh đẹp hơn tiên nữ giáng trần bước tới, làm ta mê mẩn trước sắc đẹp của nàng. Không thể tự ngăn mình, ta quỳ xuống đất, tỏ lời thú nhận ta rất yêu nàng. Đã không chịu lắng nghe, cô gái bắt nhẫn ấy còn giũ áo bỏ đi, và nói với ta bằng một giọng khinh bạc: “Xin anh cứ đi đường anh, cánh đàn ông các anh đều là những con người bội bạc cả. Tôi đã nằm mơ thấy một con hươu cái làm hết sức mình cứu con hươu đực mắc bẫy, đến lượt nó mắc bẫy, thì con hươu đực lại bỏ mặc nó đấy mà đi. Từ đó, ta cho cánh đàn ông các anh tâm địa người nào cũng giống y như vậy. Ta cho họ đều là những người bội nghĩa, ta chẳng bao giờ yêu thương được họ.”

Hoàng tử kể tiếp:

- Ta muốn ngỏ lời bênh vực cánh nam nhi chúng ta, ta muốn làm cho nàng thôi chớ nên nhầm lẫn, song nàng đã bỏ đi xa. Ta đành kêu với: “Thưa tiên nữ, xin nàng hãy nói, chính con hươu cái đã bỏ con hươu đực mắc bẫy mà đi thì đúng hơn!”

Ta vừa nói được câu ấy thì nàng đã khuất bóng, và ta giật mình bừng tỉnh. Đây, anh bạn thân mến ơi, đây chính là giấc mơ định mệnh khiến ta mất hết sự thanh thản trong cuộc đời. Ta biết lý trí đòi hỏi ta phải xóa khỏi đầu óc mình những hình ảnh điên cuồng ấy, thật ngớ ngẩn nếu cứ nghĩ mãi trong đầu như vậy...

Tôi vội vàng ngắt lời hoàng tử:

- Không đâu, chớ nên để nhạt nhòa hình ảnh người con gái ấy khỏi đầu óc ngài, thừa hoàng tử! Tôi cũng tin như ngài về bóng dáng những người đáng yêu gặp trong mơ ấy. Đây không phải là những giấc mơ bình thường, đó là

điềm lành một vị thần linh có lòng tốt báo mộng cho ngài tiên cảm nhan sắc một nàng công chúa sau này chắc chắn sẽ trở thành hoàng hậu của ngài. Thừa hoàng tử, vậy chúng ta hãy nên cùng nhau đi du hành, chúng ta sẽ cùng nhau đi từ vương quốc này sang vương quốc khác tìm kiếm con người khả ái ấy của ngài. Tôi tin rồi chúng ta sẽ nhìn được tận mắt con người đúng như ngài đã nhìn thấy trong mơ. Tôi sẽ đến tàu ngay với hoàng thượng phụ vương ngài, cơn bệnh của hoàng tử chỉ do căn nguyên ngài muốn đi du ngoạn những nơi xa xôi, tôi tin hoàng thượng sẽ đồng ý cho phép ngài được đi xa như mong ước.

Hoàng tử Farucsat thú vị về lời khuyên của tôi, ôm hôn tôi tỏ ý đồng tình. Tôi trở lại tàu nhà vua rõ câu chuyện vừa rồi giữa hoàng tử và tôi. Tôi kể lại thật trung thực những điều hoàng tử cho tôi nghe, và trình bày thêm:

- Tàu bệ hạ, tôi không bài bác suy nghĩ của hoàng tử, ngược lại tôi tỏ ý đồng tình. Tôi nhận thấy, qua vẻ thông cảm của tôi hoàng tử như nhẹ người được khá nhiều. Để cho hoàng tử lành hẳn bệnh, cúi xin hoàng thượng cho phép chàng và tôi được đi du hành. Đây là cách giúp hoàng tử Farucsat dần dần khuây khỏa cơn buồn, rồi dần dần gột bỏ khỏi đầu óc chàng những ảo ảnh khiến chàng trầm uất suy tư.

Nhà vua chia sẻ với ý kiến của tôi. Vua ra lệnh chuẩn bị một đoàn tùy tùng đông đảo và trọng thể, có nhiều võ quan theo hầu, tháp tùng hoàng tử đi du ngoạn các nước. Thế là cùng với đoàn tùy tùng đông đảo ấy, hoàng tử Farucsat và tôi từ giã kinh đô Sira lên đường rong ruổi.

Sau nhiều chặng đường dài không ngơi nghỉ, chẳng theo lộ trình định sẵn nào, một hôm chúng tôi đến thành phố Gaznin. Nơi đây có một nhà vua cao tuổi đang trị vì. Ông yêu muôn dân và rất được thần dân trong nước quý trọng. Nhà vua sai quan chỉ huy đội cấm vệ đích thân lên đường nghênh đón hoàng tử Farucsat từ ngoài kinh thành, để bày tỏ nhà vua hết sức hài lòng được hoàng tử đến thăm quốc gia mình, đồng thời nhờ vị quan ấy tạ lỗi giúp, vua không thể thân chinh ra ngoài kinh thành nghênh đón chàng như vua mong muốn. Hoàng tử của tôi cảm tạ vị võ quan, và hỏi thăm sức khỏe nhà vua. Ông ấy đáp:

- Thừa hoàng tử, quốc vương chúng tôi vừa đổ bệnh vì buồn phiền. Cách đây mấy hôm vua mất người con trai duy nhất, một vị hoàng tử được rất nhiều người kỳ vọng. Và cho đến hôm nay, vua vẫn không sao bình phục hoàn toàn sức khỏe sau nỗi buồn sâu sắc ấy.

Chúng tôi ai nấy cùng cảm động, vội đến hoàng cung phân ưu cùng nhà vua. Vua đón tiếp đoàn chúng tôi vô cùng trọng thể. Thấy hoàng tử Farucsat hao hao giống con trai mình, vua không thể cầm lòng không tuôn nước mắt. Hoàng tử nói:

- Tâu bệ hạ, tại sao nhìn thấy tôi hoàng thượng lại khóc? Phải chăng vì kẻ bất hạnh này đến, khiến ngài xúc động nhớ lại một kỷ niệm buồn?

- Đúng vậy, thừa hoàng tử, – nhà vua đáp – hoàng tử có nhiều nét giống con trai tôi quá, khiến tôi không thể nén được nỗi đau. Nhưng tôi nhìn thấy ở ngài như một người con, trời phải đến để an ủi tôi trong tuổi già về nỗi vừa mất đi đứa con trai duy nhất. Hơn thế, tôi đã cảm thấy dấy lên trong lòng niềm thương yêu triu mến đối với ngài. Xin ngài hãy vui lòng lưu lại triều đình tôi! Mời ngài hãy giữ cương vị thái tử kế vị, và rồi đây sẽ lên nối ngôi tôi!

Hoàng tử Farucsat cảm tạ vị vua già. Chàng quyết định lưu lại một thời gian khá lâu tại kinh thành Gaznin, không phải để sau này lên làm vua nước này, mà vì thương quý nhà vua già nhiều hơn.

Ai cũng nhận thấy nỗi buồn của vị quốc vương lớn tuổi mỗi ngày vơi đi rõ rệt. Vua quý hoàng tử Farucsat, luôn luôn muốn có chàng bên cạnh, như thể vua không thể sống thiếu chàng. Một hôm hai người đang trò chuyện với nhau, hoàng tử Farucsat hỏi, hoàng tử quá cố xứ Gaznin qua đời do mắc bệnh gì. Vị vua già đáp:

- Hỡi ôi! Nguyên nhân dẫn đến cái chết của hoàng tử cũng khá dị thường. Chết vì tình yêu vô vọng. Câu chuyện định mệnh ấy như sau: Con trai ta nghe thiên hạ đồn đại về nhan sắc vô song của công chúa nước Casomia, đâm ra mê say nàng. Ta liền phái một sứ thần mang theo nhiều tặng phẩm vô giá đến kinh đô Casomia cầu hôn. Quốc vương nước Casomia đón tiếp sứ

thần của ta trọng thị, quả quyết cuộc hôn nhân này nếu trở thành hiện thực sẽ là vinh hạnh lớn cho hoàng triều ông, nhưng vua đã có lời thề trọng trước thần Kesaya, chẳng bao giờ ép duyên con gái, để cho nàng được tự do lựa chọn. Ấy thế mà công chúa nước ấy lại là người rất kỵ đàn ông. Nguyên nhân dẫn đến sự thù ghét của nàng là tại một giấc mộng. Một hôm, nàng nằm mơ thấy một con hươu cái chẳng may bị sa vào bẫy, con hươu đực chẳng làm gì cứu giúp lại bỏ mặc con cái đấy mà đi. Từ giấc mộng ấy, công chúa coi giới mày râu đều là những con quỷ cần phải lánh xa. Sứ thần trở về tâu ta rõ điều đó. Con trai tội nghiệp của ta hằng ôm ấp hy vọng chắc chắn mình có thể thành hôn với nàng công chúa nước Casomia, được tin ấy đột ngột sinh ra trầm uất, chẳng có thuốc thang nào chữa trị khỏi, đi đến qua đời.

Hoàng tử Farucsat nghe câu chuyện, trong lòng cuộn lên nhiều xúc động khó tả. Một mặt, chàng mừng vì giấc mơ của mình chẳng phải hoàn toàn ảo ảnh mà là chuyện có thực, mặt khác chàng lo biết đâu mình sẽ chẳng phải chịu chung số phận không may như hoàng tử xứ Gaznin. Nhà vua nhận ra vẻ bàng hoàng lộ trên nét mặt của chàng. Vua lo lắng hỏi:

- Con trai ta ơi, tại sao tự nhiên con có vẻ thảng thốt vậy? Ta thấy con như một người vừa bị thất thần.

Hoàng tử đáp:

- Tâu bệ hạ, tôi già từ đất nước tôi ra đi khắp bốn phương trời chỉ vì nàng công chúa bất nhân ấy.

Tiếp đó chàng kể cho vua nghe tất cả mọi sự xảy ra gần đây trong cuộc đời mình. Nghe xong nhà vua cao niên thở dài:

- Trời đất ơi! Tại sao cuộc sống của ta liên tiếp đầy phiền muộn? Ta đã chăm lo nuôi dạy cực kỳ chu đáo một đứa con trai, ta đã để mất nó, giờ ta bắt đầu được sự an ủi phần nào, thì lại nhận thấy điềm đáng cay đang tới. Số phận mới trở trêu sao! Hoàng tử Farucsat thân yêu ơi, con hãy cố nghị lực, chớ nên buông mình vào nỗi âu sầu, đâu có phải chẳng có cách nào vượt qua được sự thù ghét đàn ông của nàng công chúa nước Casomia? Hỡi ôi! Đúng là cơn bệnh của con ta trước đây không có thuốc đặc trị, song giá nó kiên nhẫn chờ đợi để kiểm tìm những phương sách khác, thì nó đâu đến nỗi phải lìa bỏ cõi trần.

Sau khi nói mấy lời trên, đem lại ít nhiều hy vọng trong lòng hoàng tử Farucsat, vua vội quay về điện thiết triều, nơi các vị đại thần đang chờ vua để bàn việc nước. Hoàng tử Farucsat quá nôn nóng muốn có người bày tỏ tâm tình, cũng lật đật trở về tìm gặp tôi, kể lại cho nghe câu chuyện vừa rồi giữa hai vị. Tôi nói:

- Thừa hoàng tử, hạnh phúc của ngài đã cầm chắc ở tay rồi, bởi đến lúc

này ta đã xác định được, nàng công chúa chúng ta cần tìm kiếm là ai. Nếu được quốc vương đồng tình, tôi xin một mình đến tận nước Casomia, tôi hứa sẽ đưa được người hoàng tử hằng yêu dấu ấy về đây cho ngài. Xin chớ hỏi tôi sẽ thực hiện bằng cách nào, chính tôi lúc này cũng chưa rõ lắm, khi cần tôi sẽ xin thêm lời khuyên.

Hoàng tử hài lòng về lời tôi hứa sẽ mang lại hạnh phúc cho chàng, ôm hôn tôi. Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi trò chuyện vui chơi thoải mái với nhau.

Sáng hôm sau, được vua Gaznin chấp thuận, tôi từ biệt hoàng tử của mình, một mình một ngựa, bảo kiếm đeo ở thắt lưng, lên đường đến vương quốc Casomia. Sau nhiều ngày đường, một hôm tôi đến bãi cỏ non rất đẹp này, nhưng ở về phía có thể nhìn rõ tòa lâu đài bên trong bức tường thành, nơi lát nữa tôi sẽ mời công chúa đến. Thấy cảnh vật quá đẹp, tôi xuống ngựa, ngồi nghỉ dưới bóng mát một cây cổ thụ, bên cạnh dòng suối mà tôi đã không thể cầm lòng không uống thật nhiều nước mát để giải khát. Sau đấy, ngồi xuống bãi cỏ, tôi ngủ thiếp đi.

Khi tỉnh giấc, tôi trông thấy năm, sáu con hươu cái màu trắng, lưng có tấm vải phủ may bằng lụa sa tanh, chân đeo vòng vàng. Mấy con hươu cái ấy sấn đến gần, tôi bắt đầu vuốt ve chúng, thì nhận thấy con nào cũng rơi nước mắt. Tôi rất ngạc nhiên, chưa biết nên hiểu thế nào về chuyện ấy, thì đưa mắt nhìn về tòa lâu đài, tôi thấy một thiếu phụ trẻ đẹp đứng ở cửa sổ, ra hiệu mời tôi đến gần. Thế là để mặc con ngựa gặm cỏ trong bãi, tôi tiến lên gặp người thiếu phụ, mặc cho các con hươu cái dường như muốn ngăn cản, con thì ngọm vạt áo tôi kéo lại, con thì đứng chặn ngang trên lối đi.

Cho dù ngạc nhiên trước hành động ấy cũng như lấy làm lạ về những giọt nước mắt của các con hươu cái, lúc bấy giờ tôi chẳng nghĩ ngợi gì thêm. Thấy người thiếu phụ trẻ đẹp quá, tôi quên hết thận trọng, xăm xăm bước đến cổng và đi vào tòa lâu đài. Đến gần thiếu phụ, tôi nhận ra nàng còn xinh đẹp hơn nhiều so với khi thoát nhìn thấy từ xa. Nàng đón tôi nồng nhiệt, cầm tay dẫn tôi vào một căn phòng tráng lệ, mời tôi ngồi xuống một chiếc sập. Sau những lời chào hỏi, người nhà của nàng mang ra nhiều trái cây đựng trong một cái đĩa sứ Trung Hoa. Thiếu phụ chọn một quả đẹp nhất đưa mời tôi. Tôi vừa đưa lên miệng ăn thử một miếng thì đột nhiên nàng đổi nét mặt và nói câu sau: **“Này, anh chàng nước ngoài to gan kia, mày hãy nhận lấy hình phạt giống tất cả những ai y như mày đã táo gan đặt chân đến lâu đài của bà Mêrepza này! Hãy bỏ hình dáng tự nhiên của mày, hãy mang dạng một con hươu đực, hãy mất khả năng nói nên lời, nhưng vẫn giữ nguyên mọi cảm xúc của con người, để cho mày càng thấm thía hơn nỗi bất hạnh!”**

Người đàn bà ấy vừa dứt lời, tôi đã thấy mình trở thành một con hươu

đực. Vừa lúc ấy có người mang đến một tấm phủ lưng bằng sa tanh xanh, người đàn bà ấy tự tay phủ lên mình tôi. Sau đấy tôi được dẫn đến một vườn thú, ở đấy đã có khoảng hơn hai trăm con hươu đực khác rồi, đúng ra đấy là hơn hai trăm người đàn ông bất hạnh bị số phận đưa chân đến chốn này, và giống như tôi, đều bị mụ phù thủy Mêrepza hóa phép bắt đội lột thú vật.

Khi có thời giờ suy nghĩ sâu thêm về chuyện không may xảy đến, tôi ít lo cho thân mình hơn là lo cho chàng hoàng tử đáng thương Farucsat. Lúc nào tôi cũng trần trối: “Hỡi ôi! Chàng hoàng tử thân quý của ta rồi sẽ ra sao? Làm sao mình chàng thực hiện được điều sẽ mang lại hạnh phúc cho chàng? Hoàng tử chờ ta đưa nàng công chúa chàng thầm yêu trộm nhớ trở về, song chàng chẳng bao giờ còn nhìn thấy ta!” Suy nghĩ ấy luôn ám ảnh tôi, làm cho tôi buồn không thể nào tả xiết.

Một hôm, tôi thấy bước vào vườn thú khoảng từ tám đến mười người phụ nữ, trong số ấy có một nàng xinh đẹp tuyệt trần, qua trang phục sang trọng của nàng, thấy rõ đây là bà chủ. Bên cạnh nàng có một bà đứng tuổi hơn, chắc là người được giao nhiệm vụ giúp đỡ dìu dắt cô gái. Thỉnh thoảng nàng quay lại nói với bà ấy: “Thật ra, lòng tôi thương hại tất cả những con người bất hạnh này! Ôi, sao chị Mêrepza của tôi bất nhân độc ác đến thế! Trời phú cho hai chị em tính tình hoàn toàn khác biệt. Chị gái tôi chỉ một mực lo gây chuyện đau khổ cho loài người, dường như chị học pháp thuật chỉ nhằm làm những việc vô nhân. Tôi cũng học được đôi ba phép thần, song chỉ dùng vào mục đích tốt lành. Đời tôi chỉ lo làm việc thiện. Lúc này, tôi muốn làm một việc tốt nữa, trong khi chị gái tôi đi vắng.”

Nói xong, nàng quay gót vào trong lâu đài.

Tình cờ người đàn bà đứng tuổi ấy chọn tôi, dắt tôi vào trong lâu đài gặp cô chủ. Cô sai một người trong đoàn tùy tùng đi hái một loại thảo dược nào đấy ngoài đồng. Người ấy vội vàng thực hiện, lát sau trở lại cầm trên tay một nắm lá cây. Nàng thiếu phụ nhận nắm lá, tự tay tách lấy một nửa, ép thành nước, đưa cho tôi uống. Tôi nuốt xong, nàng nói như sau: **“Hỡi chàng trai trẻ, hãy từ bỏ hình dạng con hươu, hãy lấy lại hình hài tự nhiên của chàng!”** Thế là tôi trở lại nguyên dạng một người đàn ông y như ngày trước.

Tôi vội vàng quỳ xuống dưới chân thiếu phụ, ngỏ lời cảm tạ nàng. Nàng hỏi tên họ là gì, tôi từ đầu đến, nguyên nhân nào khiến tôi đến tận nước Casomia này. Tôi trả lời đầy đủ, không giấu giếm điều gì.

Tôi trình bày xong, nàng nói:

- Tôi là con gái một vị hoàng thân trong triều đình nước Casomia, nơi chàng đang định đến. Tên tôi là quận chúa Gunna. Người đã biến dạng chàng thành con hươu đực là chị gái tôi, chị tên là Mêrepza. Đây là một phù thủy pháp thuật rất cao cường. Không có bất kỳ ai ngoài tôi ra có thể giải

được phép yêu của chị để cứu chàng. Nhưng dù tôi là em gái chị, nếu biết rõ chuyện này chắc chị tôi không tha thứ cho tôi. Nhưng cho dù rồi có xảy ra điều gì với tôi đi nữa, tôi vẫn không hối tiếc đã giúp chàng lấy lại hình người. Hơn nữa, tôi còn muốn chàng hàm ơn tôi hơn. Tôi muốn giúp hoàng tử bạn của chàng đạt được ước mơ hạnh phúc. Tôi biết rõ thật khó mang lại hạnh phúc cho hoàng tử, bởi để đạt được mục đích ấy, trước hết phải làm sao được công chúa Casomia tin cậy. Chàng có khả năng làm việc ấy, nếu chàng đến triều đình nước Casomia với tư cách một nhân vật thánh thiện tài cao đức trọng.

Nghe vậy, tôi thốt lên:

- Nàng muốn nói gì, thưa quận chúa? Làm sao tôi có thể nổi danh là một người tài cao đức trọng trong thời gian ngắn?

- Chàng chỉ có việc làm đầy đủ những lời tôi chỉ dẫn sau đây. – Nàng nói.

Nàng đứng lên đi sang phòng cất giữ quần áo, lát sau trở ra, tay cầm một chiếc áo chùng tu sĩ, một chiếc đai lưng, cùng một cái hộp nhỏ bằng gỗ mun. Nàng đưa cho tôi và bảo: “Đây là những thứ cần thiết để chàng thực hiện thành công ý định của chàng. Chàng hãy cầm lấy những thứ này, đi về kinh đô Casomia, cũng chẳng còn xa nơi này là mấy. Nhưng trước khi vào đô thành, chàng hãy dừng lại, hãy cởi bỏ hết áo quần đang mặc trên người, dùng thứ mỡ đựng trong cái hộp này xoa đều lên khắp thân thể, sau đấy mặc chiếc áo choàng tu sĩ vào, rồi thắt chiếc đai thần này ngang bụng. Sau đấy, mới đến cổng kinh thành. Những người lính gác trông thấy chàng sẽ hỏi: “Thưa ngài tu sĩ đáng kính, ngài từ đâu đến?” Chàng sẽ đáp: “Tôi từ một nơi tận cùng ở phương Tây hành hương đến nước Casomia để được bái yết thần Kesaya thiêng liêng.”

Chàng hẳn đã biết, – quận chúa nói tiếp – thần Kesaya là vị thần tối linh được nhân dân vương quốc ấy thờ phụng. Sau khi nghe nói chàng đến từ một nơi xa xôi như vậy chỉ vì mục đích bái yết thần Kesaya, những người lính gác sẽ kính cẩn dẫn chàng đến gặp quốc vương Tugrun-Bây. Quốc vương sẽ đưa chàng đến gặp vị đại trưởng giáo Aran, người trụ trì chính đền thờ thần Kesaya. Vị trưởng giáo ấy cùng các tu sĩ khác sẽ dẫn chàng tới đền thờ thần Kesaya. Đây là một ngôi đền uy nghi đẹp đẽ tuyệt vời, đẹp hơn tất cả mọi cung điện trên đời. Nhưng chung quanh đền có đào hào sâu, rộng chừng hai mươi thước, nước trong hào cứ sôi sùng sục mặc dù không thấy lửa đun. Qua khỏi hào sâu, sẽ gặp một bãi cấm đầy chông sắt nhọn hoắt và đã nung đỏ rực. Chính vì những trở ngại này chẳng ai bước chân vào được tận bên trong đền thờ. Lúc ấy, vị trưởng giáo Aran sẽ nói với chàng: “Hỡi con phượng hoàng của thế kỷ! Ngài từng trải qua biết bao gian lao khổ ải để tới được nơi đây viếng thần. Thần Kesaya tối thượng tối linh hiện ngự tại trong đền, bên

trong ngôi chính điện. Người trần thế chẳng ai nhìn được thần đâu. Ngài hãy dâng lễ và cầu nguyện thần ở tại chôn này, sau đó mời trở về quê hương bản quán.”

Ngài sẽ đáp, mục đích tôi đến tận đây là để được tận mắt bái yết thần Kesaya thiêng liêng. Lúc ấy vị đại trưởng giáo sẽ bảo ngài, muốn đạt mục đích ấy, phải vượt qua dòng nước sôi trong hào và bước lên bãi cấm đầy chông sắt nhọn kia. Chàng hãy reo lên một tiếng mừng vui, và mạnh dạn tiến bước. Thứ mỡ ngài đã bôi vào thân thể có đặc tính làm cho nước rắn lại chắc hơn cả đá tảng và không để chân chàng bị bỏng vì chông nhọn nung đỏ. Khi đã vào được trong đền rồi, ngài sẽ ở lại đây thờ phụng thần suốt cả một ngày, rồi quay trở lại gặp vị đại trưởng giáo Aran. Vị trưởng giáo ấy sẽ nhận chàng làm con nuôi.

Chàng sẽ sống với vị ấy mười bốn ngày. Đến ngày thứ mười lăm, trong khi vị trưởng giáo đang ngủ, chàng sẽ lấy thứ bột trắng mà tôi sắp đưa cho chàng đây, bôi vào mũi người ấy. Vị trưởng giáo ngủ thứ bột ấy sẽ qua đời, và quốc vương Tugrun-Bây sẽ phong chàng làm đại trưởng giáo thay thế vị Aran quá cố. Sau khi giữ cương vị ấy, chàng hãy đến thăm hoàng tử nước Casomia. Hoàng tử Farucru bị bệnh nặng đã lâu, các thầy thuốc đều chịu bó tay không sao chữa trị khỏi. Chàng niệm một câu thần chú, hoàng tử sẽ khỏi bệnh ngay tức khắc.

Uy danh chàng sẽ vang lừng khắp các dân tộc vùng Industan. Mọi người sẽ coi chàng như một vị thánh sống. Công chúa nước Casomia nghe danh, sẽ muốn được gặp chàng. Tôi không muốn nói gì thêm nữa. Từ đây, tùy thuộc vào tài năng khéo léo của chàng.

Tôi hứa sẽ nhất nhất làm theo những điều quận chúa Gunna vừa dặn. Nàng đưa thêm cho tôi một cái hộp khác trong đựng một thứ bột trắng, cùng một bức thư, trong thư ghi rõ câu thần chú tôi sẽ phải niệm để chữa lành bệnh cho hoàng tử nước Casomia. Nàng bảo tôi:

- Xin ngài hãy ra đi, thưa ngài! Tôi lo chị gái tôi sắp trở về rồi đấy. Than ôi! Việc chị tôi có thể làm hại đời tôi do đã phá bùa ma của chị, chưa hẳn là điều làm tôi băn khoăn nhất lúc này!

Tôi hiểu qua câu cuối cùng của nàng, có hàm chứa ý tứ ân cần nào đấy đối với mình, khiến tôi càng thêm cảm kích. Tôi cảm tạ nàng với lời lẽ nồng nhiệt nhất. Hẳn chúng tôi còn muốn nấn ná để có thêm thời gian trò chuyện với nhau, tuy mới lần đầu gặp gỡ đã ý hợp tâm đầu, tuy nhiên sợ phù thủy Mêrepza trở về bất chợt, chúng tôi đành tiếc rẻ chia tay nhau.

Vậy là tôi lên đường đến nước Casomia. Vừa đến kinh đô, tôi cởi bỏ hết quần áo đang mặc trên người, bôi lên toàn thân thứ mỡ chứa trong chiếc hộp bằng gỗ mun, sau đó vận áo tu sĩ và đeo chiếc đai thần ngang lưng. Đến

công thành, tôi được lính dẫn đến ra mắt nhà vua. Sau khi nghe rõ sự tình, quốc vương đích thân đưa tôi đến gặp vị đại trưởng giáo thờ thần Kesaya. Tôi băng qua hào nước sôi, tôi bước lên các mũi chông sắt nhọn mà chẳng hề thấy đớn đau. Cuối cùng, vào được trong đền, tôi thấy thần Kesaya ngự trong một cái khám. Như công chúa đã biết, đây chỉ là một bức tượng tạc bằng gỗ trầm hương. Đầu thần đội chiếc miện kết bằng hồng ngọc, đôi mắt thần là hai hốc rất lớn sáng long lanh, quanh lưng thần thắt cái đai bằng ngọc lam.

Tôi ở lại bên cạnh tượng thần Kesaya đến sáng hôm sau. Sau đó tôi ra gặp vị trưởng giáo, ông nhận tôi làm con nuôi và cho tôi ở bên cạnh mình. Cuối cùng sợ bỏ lỡ cơ hội tốt, nếu chần chừ rồi cuộc sẽ không đạt được kết quả sau bấy nhiêu gian lao khổ ải, tôi đành loại trừ vị trưởng giáo Aran theo cách nàng Gunna bày cho, và tôi trở thành vị trưởng giáo kế vị trông nom ngôi đền ấy. Sau đây, tôi chữa lành bệnh cho hoàng tử Farucru, uy danh tôi vang dậy như cồn, khiến công chúa ngỡ ý muốn tìm đến gặp. Công chúa đã rõ mọi việc tiếp theo, và chắc bà còn nhớ những ấn tượng mà các bức họa trên tường để lại trong tâm trí bà. Tôi đã quan sát bà rất kỹ trước khi gặp, và tôi hiểu những bức họa ấy đã làm cho bà suy nghĩ rất nhiều.

Chàng Ximoc nói tiếp:

- Đây, thưa công chúa yêu kiều, là tất cả những điều tôi nghĩ đã đến lúc không thể không trình công chúa rõ. Xin công chúa thứ lỗi cho, tôi đã phải dùng đến cái mẹo ấy nhằm giúp bà gạt bỏ định kiến không hay đối với các vị nam nhi, rồi dẫn đến một cuộc hôn phối giữa công chúa với chàng hoàng tử khả ái nhất trần gian.

Công chúa đỏ mặt khi nghe câu chuyện, thấy hóa ra mình bị đánh lừa. Tuy nhiên, tình cảm của nàng với hoàng tử nước Ba Tư quá sâu đậm, nàng không nỡ trách vị trưởng giáo giả đã bày đặt ra mọi chuyện ấy. Nàng nói với chàng Ximoc:

- Xin ông hãy kể nốt câu chuyện! Ông đã làm tiếp những gì với mục phù thủy?

- Sau khi từ giã nàng và bà nhũ mẫu, – chàng Ximoc nói tiếp – tôi đến tòa lâu đài. Thấy cổng mở toang, tôi mạnh dạn bước vào. Không nhìn thấy ai, chỉ nghe có tiếng than thở. Tôi lần theo tiếng than bước vào gian phòng chắc có người, và nhìn thấy trên chiếc sập, một người phụ nữ đang ngồi ủ rũ, đầu gục xuống đầu gối. Cổ nàng đeo gông, chân bị xiềng bằng xích sắt, hai cánh tay đút vào một cái túi da và trói chặt bằng thừng. Tôi thương hại, bước tới định cứu giúp người đàn bà đáng thương. Nghe tiếng động, nàng ngẩng đầu, và tôi nhận ra người đàn bà bất hạnh ấy chính là người đã giải thoát cho tôi khỏi phải đội lột hươu, nàng quận chúa Gunna kiều diễm.

Quá xúc động, tôi không sao nén nổi cơn giận:

- Ôi, hỡi quận chúa của tôi! Nàng làm sao đến nông nỗi này? Những kẻ đã man nào dám trói nàng vào xiềng xích?

- Chàng Ximoc thân quý của em ơi! – Nàng đáp. – Ma quỷ nào đưa lối dẫn đường chàng trở lại đây? Hỡi ôi! Rồi chàng sẽ trở thành nạn nhân của bà chị gái em mất thôi. Chị nhận ra em đã giải thoát cho chàng, và để trừng phạt, chị trói em vào xích sắt thế này đã lâu lắm rồi. Nhưng, điều làm em lo lắng hơn, là nỗi nguy đang chờ đợi chàng. Chàng hãy chạy đi, hãy trốn khỏi đôi tay độc ác của chị Mêrepza bắt nhân ấy!

- Sao lạ thế, hỡi bà hoàng của tôi? – Tôi đáp. – Chẳng nhẽ nàng khuyên tôi chạy trốn để nàng chịu mãi thảm cảnh này ư? Nàng nghĩ tôi có thể vong ân bạc nghĩa đến thế sao? Tôi thà chịu đựng trăm lần mối thù hận của chị gái nàng. Cho dù có phải chết tôi đâu sợ chi, miễn cứu được nàng ra khỏi tình cảnh đáng thương này. Xin nàng vui lòng cho tôi rõ, để giải thoát nàng, tôi phải làm những việc gì, nếu làm được, tôi xin cố gắng hết sức mình!

- Nếu chàng dũng cảm như vậy, tự do của em giờ tùy thuộc ở chàng. – Nàng đáp. – Chàng hãy ra vườn, đi về hướng tây, sẽ trông thấy bà chị em đang nằm ngủ trên bãi cỏ non có nhiều hoa tươi cỏ lạ. Đầu chị gối lên một cái túi bằng sa tanh, trong túi ấy đựng các chìa khóa mở xiềng xích em. Nếu chàng lấy được cái túi mà không làm chị thức giấc, chàng có thể giải thoát được em, ngược bằng chàng làm cho chị thức giấc, chắc chắn chàng bỏ mình về tay chị ấy. Không có chùm chìa khóa đó, với sức lực người trần, chẳng có cách nào phá tan xiềng xích đang trói buộc em đâu.

Tôi bảo nàng Gunna:

- Hãy để đây cho tôi, tôi sẽ mang chùm chìa khóa trở lại với nàng.

Tôi vội bước khỏi tòa lâu đài, ra vườn nhằm hướng tây tiến tới, quả nhiên nhìn thấy mũ phù thủy đang nằm ngủ trên bãi cỏ non. Tôi đứng phân vân hồi lâu, chưa biết nên xử sự thế nào. Sợ mũ phù thủy Mêrepza thức giấc, tôi đành rút thanh bảo kiếm chém một nhát chặt lìa đầu mũ. Vậy là tôi bắt con phù thủy đền tội, và mang túi chìa khóa trở lại lâu đài. Nàng Gunna đang sợ hãi chờ tin. Tôi kể lại cho nàng nghe câu chuyện, nàng vô cùng mừng vui. Sau đây, tôi lấy chùm chìa khóa ra khỏi cái túi, trả lại tự do cho nàng quận chúa của tôi.

- Thừa công chúa, – chàng Ximoc nói tiếp – ấy là cách tôi cho mũ phù thủy độc ác về thế giới bên kia. Bởi vậy, thưa công chúa, lúc này chúng ta đã có thể vào lâu đài, ở đây nàng Gunna chắc đang sẵn sàng đón tiếp chúng ta. Nàng sẽ mừng được gặp công chúa ở đây, còn hơn nỗi mừng chính nàng vừa được giải thoát.

Nói đến đây chàng trai đưa tay đỡ nàng công chúa vịn, dẫn nàng bước tới

tòa lâu đài. Quận chúa Gunna vội bước ra cổng nghênh đón. Nàng định quỳ xuống trước nàng công chúa con vua, song công chúa kịp đỡ nàng đứng lên và ôm hôn thăm thiết. Công chúa nói:

- Hỡi nàng Gunna xinh đẹp, ta rất vui được thấy chàng Ximoc dừng cảm và hào hiệp phục vụ nàng tận tình đến vậy. – Mỉm cười công chúa nói tiếp. – Quả là chàng chịu ơn sâu nghĩa nặng của quận chúa, vậy thì chàng chịu bỏ mình còn hơn nhìn nàng bị xích trong xiềng sắt.

- Thừa công chúa, – nàng Gunna cũng mỉm cười nói – bà thấy đấy, con hươu đực có bỏ mặc con hươu cái đâu, khi hươu cái cần được cứu giúp.

Sau khi chuyện trò một lúc, tất cả mọi người vào trong tòa lâu đài. Công chúa thấy quả thật tráng lệ. Sau đó, mọi người đi ra vườn thú. Có ở đây những hơn ba trăm con hươu đực. Nàng Gunna, em gái mù phù thủy, hóa phép trả lại nguyên hình cho tất cả các chàng trai, vẫn theo cung cách nàng khôi phục nguyên dạng ban đầu cho chàng Ximoc. Người nào lấy lại được hình người, cũng đều lần lượt đến quỳ cảm tạ ơn sâu người giải thoát cho mình. Phần lớn họ là những chàng trai tuấn tú khôi ngô.

Họ cho biết là người Tarta, người Trung Quốc, người nước Carim..., tóm lại hầu khắp châu Á nước nào cũng có người bị hóa phép nơi đây. Nhưng, cũng như hai nàng công chúa và quận chúa, chàng Ximoc kinh ngạc nhất khi nhận ra trong số các chàng trai vừa lấy lại nguyên hình người ấy, có cả hoàng tử Farucsat. Người bạn tâm tình của hoàng tử nước Ba Tư vội chạy đến phủ phục dưới chân hoàng tử:

- Ôi, hỡi hoàng tử quý yêu của tôi! Nhẽ nào tôi được gặp ngài nơi đây?

- Ôi, hỡi người bạn tâm tình của tôi, hóa ra lại là anh đấy ư, hỡi anh Ximoc? – Hoàng tử cũng vui mừng thảng thốt.

- Vâng, chính tôi đây, Ximoc đây, thừa hoàng tử. Điều vui mừng hơn nữa, là tôi đưa đến cho chàng nàng công chúa nước Casomia.

Nói đến đây, chàng Ximoc mời hoàng tử đến giới thiệu với công chúa Farucna. Chàng nhận ra đấy đúng là cô gái mình từng gặp trong mộng. Về phía mình, nàng công chúa cũng nhận ra đây chính là chàng hoàng tử mình vẫn giữ đậm hình ảnh nơi con tim, sau lần gặp gỡ trong mơ.

Trong khi hoàng tử nước Ba Tư cố bày tỏ tình cảm và niềm vui của mình được gặp công chúa nước Casomia, nàng Gunna đi vào vườn thú nơi có nhiều con hươu cái trắng, giúp chúng lấy lại nguyên dạng ban đầu. Đây đều là những tiểu thư và thiếu phụ xinh tươi khả ái, mà mù phù thủy độc ác đã hóa phép buộc họ mang hình thú. Nàng dẫn họ đến gặp công chúa Farucna. Nàng mời mỗi người thuật lại chuyện xảy ra cho mình. Tất cả các phụ nữ đều gặp lại người tình của mình trong số các chàng trai cũng bị bắt phải đội

lột thú giống y như họ. Một điều kỳ diệu nữa làm cho hạnh phúc nhiều người đạt được tốt đỉnh ước mơ, là các chàng kỵ sĩ từng cưỡi ngựa đến đây, nay lại tìm thấy ngựa của mình trong chuồng ngựa của mục phu thủy Mêrepza.

Vậy là, sau khi các chàng trai một lần nữa bày tỏ ơn sâu của họ đối với quận chúa Gunna, mỗi chàng dẫn người yêu của mình, cùng nhau trở về quê hương bản quán.

Còn lại trong tòa lâu đài lúc này chỉ có nàng công chúa Farucna, quận chúa Gunna, bà nhũ mẫu Xutlumêmê, hoàng tử nước Ba Tư và người bạn tâm tình của chàng. Họ lưu lại đây mấy ngày, sau đó cùng trở về kinh đô nước Gaznin. Để mừng cuộc tái ngộ của mọi người, nhà vua sai trang hoàng đẹp đẽ toàn bộ kinh thành, và cho nhân dân mở hội vui chơi tung bừng. Nhà vua chủ trì lễ thành hôn chàng hoàng tử nước Ba Tư kết duyên cùng nàng công chúa nước Casomia, chàng trai tâm tình Ximoc làm bạn với quận chúa Gunna. Trong thời gian cả nước đang tấp nập hội hè, quốc vương Gaznin muốn được nghe tất cả mọi chuyện. Chàng Ximoc bắt đầu kể lại đầu đuôi, bằng cách nào chàng gây được lòng tin cậy của công chúa Farucna. Tiếp đó, hoàng tử Farucsat cho mọi người rõ, chàng rơi vào tay mục phu thủy Mêrepza trong hoàn cảnh nào.

Ít lâu sau, quốc vương Gaznin lâm bệnh nặng. Khi thấy mình sắp đến lúc đi vào cõi vĩnh hằng, vua truyền ngôi báu cho hoàng tử Farucsat. Sau khi nhà vua băng hà, chàng lên ngôi vua trị vì nước Gaznin. Nhưng, vốn có nguyện vọng trở về nước Ba Tư, chàng lại truyền ngôi vua nước ấy cho người bạn tâm tình của mình là anh Ximoc. Việc truyền ngôi này được văn võ bá quan trong triều đình cũng như toàn thể nhân dân cả nước hoan nghênh.

Vậy là, sau khi có vua Ximoc cùng hoàng hậu Gunna lên ngôi giữ việc nước thay mình, hoàng tử Farucsat đưa công chúa nước Casomia trở về cố quốc Ba Tư. Chẳng bao lâu vua Ba Tư băng hà. Chàng lên ngôi báu thay phụ vương. Dường như nhà vua cao niên này chỉ còn đợi con trai trở về để mình được rảnh rang và đi xa mãi mãi.

PHỤ LỤC

NGUỒN GỐC CÁC TRUYỆN TRONG **NGHÌN LỄ MỘT NGÀY**

Chúng ta đã thấy, bộ **Nghìn lễ một ngày** không phải là bản dịch từ nguyên bản sách **Hezaryec** của tu sĩ Mocles ở thành phố Ispahan thuộc Nam Tur, như F.P. De La Croix khẳng định trong *Lời tựa*. Nhưng khi biên soạn bộ truyện ấy, tác giả đã bám sát các truyện cổ dân gian phương Đông.

Nguồn gốc xa xưa nhất, theo các nhà nghiên cứu, là một tác phẩm cổ bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ nhan đề **Al-Farage bad al-shidda**, có nghĩa **Niềm vui sau nỗi buồn**. Vào cuối thế kỷ XVII, nhiều bản chép tay của bộ sách ấy đã có ở Thư viện Hoàng gia Pháp. Đây là một bộ gồm bốn mươi hai truyện kể độc lập, chẳng liên hệ gì với nhau. Những người sưu tập và ghi chép lại thời xưa đã không sáng tạo thêm một câu chuyện dẫn, làm thành cái khung liên kết các truyện lại thành một tổng thể – dù rất lỏng lẻo – như cấu trúc các bộ **Nghìn lễ một đêm** và **Nghìn lễ một ngày** bằng tiếng Pháp.

Người đầu tiên tìm ra nguồn gốc bộ **Nghìn lễ một ngày** là nhà Đông phương học người Pháp thế kỷ XIX tên là A. Loiseleur-Deslongchamps (1805-1840). Theo ông, vào cuối thế kỷ XVII, tại Thư viện của vua Louis XIV có hai bản sách chép tay tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. (Nay được đánh số 377 và 382 – Phần Thổ Nhĩ Kỳ – kho lưu trữ Thư viện Quốc gia Pháp, Paris). F. P. De La Croix đã dựa vào một trong hai bản ấy để biên soạn phần lớn các truyện trong **Nghìn lễ một ngày**. Antoine Galland cũng đã căn cứ vào đây để trích một số truyện đưa vào tập VIII bộ truyện kể A Rập **Nghìn lễ một đêm**.

Một nhà nghiên cứu khác, H. Zotenberg (1888) còn đi đến chỗ xác định các truyện **Hoàng tử Alasman và chúa tể các thần linh, Côđadát và bốn mươi chín hoàng tử**, và **Chuyện nàng công chúa Đêriaba**^[63] trong tập VIII **Nghìn lễ một đêm** nói trên, là do F. P. De La Croix dịch từ các truyện số 6, 8 và 9 trong bộ **Al-farage bad al-shidda**. Nhà nghiên cứu A. Decourdemanche (1844-1915) đã dịch sát nguyên văn ba truyện khác trong bộ sách tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, và đã cho in vào tập **Mảnh lối đàn bà** của ông xuất bản tại Paris năm 1896.

Nhà Đông phương học người Ý Ettore Rossi tìm được bảy bản chép tay **Al-farage bad al-shidda** ở các thư viện lớn châu Âu (bốn bản ở Paris, một bản ở Munich, một bản ở Budapest và một ở Vatican). Ông xác định nguồn gốc **Truyện nàng Repxima** trong sách của F. P. De La Croix chính là truyện mang tên **Erveyye** trong bộ sách tiếng Thổ Nhĩ Kỳ.

Học giả người Đức Andreas Tietze đã nghiên cứu và dịch lại bộ **Al-farage bad al-shidda** ra tiếng Đức hiện đại.

Vấn đề đặt ra: tại sao *De La Croix ghi bộ sách của ông là truyện cổ Ba Tư trong khi dựa hầu hết vào các truyện tiếng Thổ Nhĩ Kỳ*? Ấy là bởi nhà bác học ấy có đầy đủ căn cứ để tin tất cả những truyện tiếng Thổ Nhĩ Kỳ ông sử dụng đều có nguồn gốc Ba Tư – nhà nghiên cứu Paul Sebag khẳng định.

Mặc dù chưa phát hiện một bản sách chép tay hoàn chỉnh nào bằng tiếng Ba Tư có đầu đề **Niềm vui sau nỗi buồn**, người ta đã tìm thấy ở Bảo tàng Anh British Museum, một bản chép tay tiếng Ba Tư cuối thế kỷ XVII, trong đó có chín truyện giống như các truyện trong bộ 42 truyện bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Thư viện thành phố Berlin lưu giữ một bản sách chép tay tiếng Ba Tư khác, trong đó cũng có sáu truyện đã có trong bộ **Al-farage bad al-shidda** tiếng Thổ Nhĩ Kỳ.

Tuy nhiên, **Niềm vui sau nỗi buồn** chỉ là nguồn gốc chính, chứ không phải duy nhất, của bộ **Nghìn lẻ một ngày** của F. P. De La Croix. Nhiều truyện kể cùng nội dung có các dị bản Ấn Độ, Ba Tư hoặc Ả Rập. Trong nhiều trường hợp, De La Croix đã phối hợp nhiều truyện có nguồn gốc khác nhau, hoặc rút một số tình tiết từ truyện này ghép và truyện khác để tạo nên câu chuyện của chính mình. Rõ ràng ông đã làm công việc sáng tác.

Ngày nay, các nhà Đông phương học có thể khẳng định: các truyện kể trong bộ **Nghìn lẻ một ngày** của De La Croix chủ yếu dựa trên các truyện kể bằng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Song các truyện này lại có cội nguồn Ba Tư, và các truyện Ba Tư phần lớn lại xuất phát từ những truyện có trước với nội dung tương tự bằng các thứ tiếng Ấn Độ. Đối chiếu các truyện trong **Nghìn lẻ một đêm** với dị bản của các truyện gốc, người ta đi đến kết luận: Các truyện được De La Croix giới thiệu với bạn đọc “do mình dịch” chính là những công trình sáng tạo, ở đó trí tưởng tượng của người viết đóng góp lớn vào thành công.

Tất cả các truyện trong bộ **Nghìn lẻ một ngày** đã được nhiều nhà nghiên cứu lần lượt sẫm soi, đối chiếu và xác lập đầy đủ nguồn gốc dân gian. Để đỡ dài dòng, chúng tôi xin trích giới thiệu dưới đây những tư liệu về một truyện, làm khung cho toàn bộ tập truyện cổ ấy: “Nàng công chúa nước Casomia.”

Truyện này được dựa vào truyện số 5 trong bộ sách tiếng Thổ Nhĩ Kỳ **Al-farage bad al-shidda**, có đầu đề “Farucsat, Farucru và Farucna”, hiện lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Pháp. Truyện này từng được một nhà Đông phương học khác tên là Maltor dịch từ tiếng Thổ ra tiếng Pháp từ năm 1742, tức 30 năm sau khi bộ **Nghìn lẻ một ngày** đến tay độc giả. Trong truyện này, có đoạn nàng công chúa nước Casomia tên là Farucna kể lại như sau:

“Ta nằm mơ thấy một người đi săn căng lưới bẫy thú trên đỉnh một ngọn

núi. Một con hươu đực mắc bẫy. Con hươu cái thấy con đực lúng túng trong cái lưới, liền cố hết sức mình giật rách các mắt lưới, giúp con hươu đực chạy thoát trước khi người thợ săn kịp đến. Ta nhìn thấy chính con hươu đực ấy được con hươu cái cứu thoát khỏi lưới đến ba lần liền. Đến khi con hươu cái sa vào lưới, con đực có ở đấy nhưng chỉ đứng nhìn, không làm gì cả, rốt cuộc con hươu cái bị người thợ săn giết chết. Từ giấc mơ ấy, ta cho rằng đàn ông không có lòng biết ơn cũng như thiếu tình chung thủy.”

De La Croix đã bám sát các tình tiết trên. Song ông sáng tạo thêm một nhân vật không có trong bất kỳ truyện kể nào trước đó: bà nữ mẫu của nàng công chúa. Ông đặt tên bà là Xutlumêmê, có nghĩa “bầu sữa”. Bà nữ mẫu này tự đề ra nghĩa vụ kể chuyện để chữa cho nàng công chúa lành khỏi mọi trường hận đối với các bậc mây râu. Với nhân vật này, chuyện công chúa Casomia trở thành truyện mở đầu, đồng thời là câu chuyện làm khung cho tất cả các truyện khác trong **Nghìn lẻ một ngày**. Ý tưởng của bà nữ mẫu là chủ đề chính và tiêu điểm dẫn dắt mọi tình tiết trong các truyện.

Nhà Đông phương học Ý T. Rossi cũng tìm thấy tại Thư viện Vatican truyện “Farucsat, Farucru và Farucna” khác tại một bản sách chép tay có đầy đủ các truyện của bộ **Niềm vui sau nỗi buồn**. Nội dung gần giống bản do Maltor dịch. Ông khẳng định: Các truyện gốc không có nhân vật bà nữ mẫu **Xutlumêmê**. Nhà nghiên cứu người Ý nhận xét thêm, De La Croix đã rất tài tình khi tách một câu chuyện trong bộ **Al-farage bad al-shidda** làm hai phần: phần đầu ngắn gọn, mang tính dẫn truyện, và phần kết dài hơn, có nhiều tình tiết hơn nhằm mở cái nút éo le trót thất lúc đầu thành một kết cục có hậu.

A. Loiseleur-Deslongchamps còn phát hiện ra được một truyện Ấn Độ khác, nói về một nàng công chúa đem lòng thù hận đàn ông chỉ vì một giấc mộng. Nhưng thay vì con hươu đực và con hươu cái trong truyện Ba Tư, đây là một con chim trống và một con chim mái. Truyện về nàng công chúa và hai con chim này rút từ một tập truyện kể Ấn Độ nhan đề **Touthi-Nâmet**, có nghĩa “**Cuốn sách của con Vẹt**.”

CÁC BẢN DỊCH CỔ NGHÌN LẼ MỘT NGÀY

- **Tiếng Pháp:** Như đã nói trong *Lời giới thiệu*, nguyên bản của F. P. De La Croix đã được in lại nhiều lần trong thế kỷ XVIII và XIX. Bản in mới nhất do Nhà xuất bản Phébus, Paris ấn hành năm 2003.
- **Tiếng Anh:** Bản dịch đầu tiên in tại London năm 1714. Đến cuối thế kỷ 19, có mười bản dịch tiếng Anh.
- **Tiếng Đức:** Bản dịch đầu tiên in tại Leipzig năm 1745. Có bảy bản.
- **Tiếng Ý:** Bản dịch đầu tiên in tại Venise, năm 1798. Có bảy bản.
- **Tiếng Hà Lan:** Bản dịch đầu tiên in tại Amsterdam năm 1739.
- **Tiếng Đan Mạch:** Bản dịch đầu tiên in năm 1745.
- **Tiếng Tây Ban Nha:** Hiện còn bản in năm 1876.
- **Tiếng Hy Lạp:** Bản dịch đầu tiên in năm 1762. Có năm bản.
- **Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ:** Bản dịch đầu tiên in năm 1873.
- **Tiếng Ba Tư:** Hiện còn bản in năm 1940 tại Teheran.

(Theo tư liệu của Paul Sebag)

PHAN QUANG TÁC PHẨM CHÍNH ĐÃ XUẤT BẢN

1. Sáng tác và biên khảo

Không khai	tập truyện ngắn	Nxb. Minh Đức, 1954.
Đất rừng	truyện vừa	Nxb. Xây dựng, 1955.
Hẹn cưới	tập truyện ngắn	Nxb. Thanh niên, 1956.
Mùa xuân	tập truyện ngắn	Nxb. Văn nghệ, 1956.
Săn cá voi	truyện thiếu nhi	Nxb. Kim Đồng, 1958.
Đất nước một dải	tập bút ký	Nxb. Thanh niên, 1975.
Lâm Đồng - Đà Lạt	tập bút ký	Nxb. Văn hóa, 1978.
Hạt lúa bông hoa	tập bút ký	Nxb. Tác phẩm mới, 1978.
Đồng bằng sông Cửu Long	tập bút ký	Nxb. Văn hóa, 1980.
Đồng bằng sông Cửu Long	bổ sung	Nxb. Cửu Long và Nxb. Cà Mau, 1985, Nxb. Văn học, 1989, Nxb. Trẻ, 2002, Nxb. Lao động (in lần thứ 5), 2013.
Một mình giữa đại dương	truyện thiếu nhi	Nxb. Kim Đồng, 1984, 1985, Nxb. Văn học, 1989, Nxb. Kim Đồng (trong <i>Tủ sách vàng - Tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi</i>), 1989, Nxb. Trẻ, 2000, Nxb. Văn hóa Thông tin (in lần thứ 6), 2008.

Chinh phục Hymalaya	truyện thiếu nhi	Nxb. Thuận Hóa, 1981, Nxb. Văn học, 1989, Nxb. Trẻ (in lần thứ 3), 2000.
Người và đất	tuyển bút ký	Nxb. Thuận Hóa, 1988.
Theo dòng thời cuộc	tập tiểu luận	Nxb. Văn hóa Thông tin, 1995.
Phan Quang tuyển tập	ba tập	Nxb. Văn học, 1999.
Quê hương	tập bút ký chọn lọc về Quảng Trị	Nxb. Trẻ, 2000.
Về diện mạo báo chí Việt Nam	tập tiểu luận và chân dung	Nxb. Chính trị quốc gia, 2001.
Những người tôi quý mến	tập chân dung	Nxb. Hội nhà văn, 2001.
Thơ thần Paris	tập du ký	Nxb. Văn học, 2002.
Bên mộ vua Tần	tập du ký	Nxb. Thuận Hóa, 2003.
Miền Trung ngày ấy chưa xa	tập bút ký	Nxb. Văn học, 2004.
Phác họa chân dung	tập chân dung	Nxb. Trẻ, 2004.
Du ký	tập du ký	Nxb. Văn học, 2005.
Nghề báo nghiệp văn	tập tiểu luận	Nxb. Thông tấn, 2005.
Thương nhớ vẫn còn	tập chân dung trong nước	Nxb. Văn học, 2006.
Phan Quang - Tuyển tập mười năm	1998-2008	Nxb. Văn học, 2008.

Thơ thần Paris	tập du ký, (bổ sung)	Nxb. Kim Đồng, 2010.
Bên mộ vua Tần	tập du ký, (bổ sung)	Nxb. Kim Đồng, 2010.
Chia tay trên sông	tập du ký	Nxb. Kim Đồng, 2010.
Thương nhớ vẫn còn	tập chân dung trong nước (bổ sung - hai tập)	Nxb. Văn học, 2011.
Cho đến khi già từ trần thế	tập chân dung nước ngoài	Nxb. Phụ nữ, 2011.
Xuân bao nhiêu tuổi	tập tạp văn	Nxb. Lao động, 2012.
Tầm nhìn	tập tiểu luận	Nxb. Lao động, 2013

(Và nhiều cuốn in chung với các tác giả khác)

2. Dịch và giới thiệu

Hoa lạ	tập truyện ngắn nhiều nước	Nxb. Thanh niên, 1957.
Hội chợ bán người	tập truyện ngắn nhiều nước	Nxb. Văn học, 1961.
Những ngôi sao ban ngày	tập bút ký Nga	Nxb. Văn học, 1963, ... (<i>in lần thứ 5</i>), 2010.
Nghìn lẻ một đêm	tập truyện cổ A Rập	1981, tái bản nhiều lần tại các nhà xuất bản: Văn học, Kim Đồng, Văn hóa Thông tin, Văn nghệ, Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh,... Nxb Kim Đồng <i>in lần thứ 30</i> , 2013.
Trở lại với đời	tiểu thuyết Bỉ	Nxb. Tác phẩm mới, 1988.

Ngàn lẻ một đêm	loại dành cho thiếu nhi, 15 tập	Nxb. Kim Đồng, 2003.
Ngàn lẻ một ngày	tập truyện cổ Ba Tư	Nxb. Kim Đồng, 2004, tái bản nhiều lần tại các nhà xuất bản: Kim Đồng, Văn học..., Nhà xuất bản Kim Đồng in lần thứ 10, 2013.
Mười hai sử thi huyền thoại	tập sử thi <i>chọn lọc, chú giải, bình luận</i>	Nxb. Văn học, 2005.
Sử thi huyền thoại Đông Tây	tập sử thi <i>chọn lọc, chú giải, bình luận</i> (bổ sung)	Nxb. Văn học, 2008.
Trà thư	tập tiểu luận Nhật Bản	Nxb. Văn học, 2009.
Cuốn sách về những trái ngược lớn mang tính triết học	Pháp	Nxb. Kim Đồng, 2011.
Chuyện anh chàng tinh quái và con ruồi ngu ngơ	truyện dân gian, (sách không bán, do Nhà nước tài trợ, cung cấp cho các trường trung học cơ sở miền núi, vùng sâu vùng xa)	Nxb. Kim Đồng, 2012.
Chuyện rừng châu Phi	truyện dân gian có minh họa, ba tập	Nxb. Phụ nữ, 2013.

(Và nhiều cuốn in chung với các dịch giả khác)



NGHÌN LỄ MỘT NGÀY



TẬP 2

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng. ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

276 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

ĐT: (08) 3 930 3447 - Fax: (08) 3 930 5867

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản : PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo : NGUYỄN HUY THẮNG

Biên tập : NGUYỄN SÔNG THAO

Trình bày : NGUYỄN KIM ĐIỆP

Chế bản: NGUYỄN THANH HƯỜNG

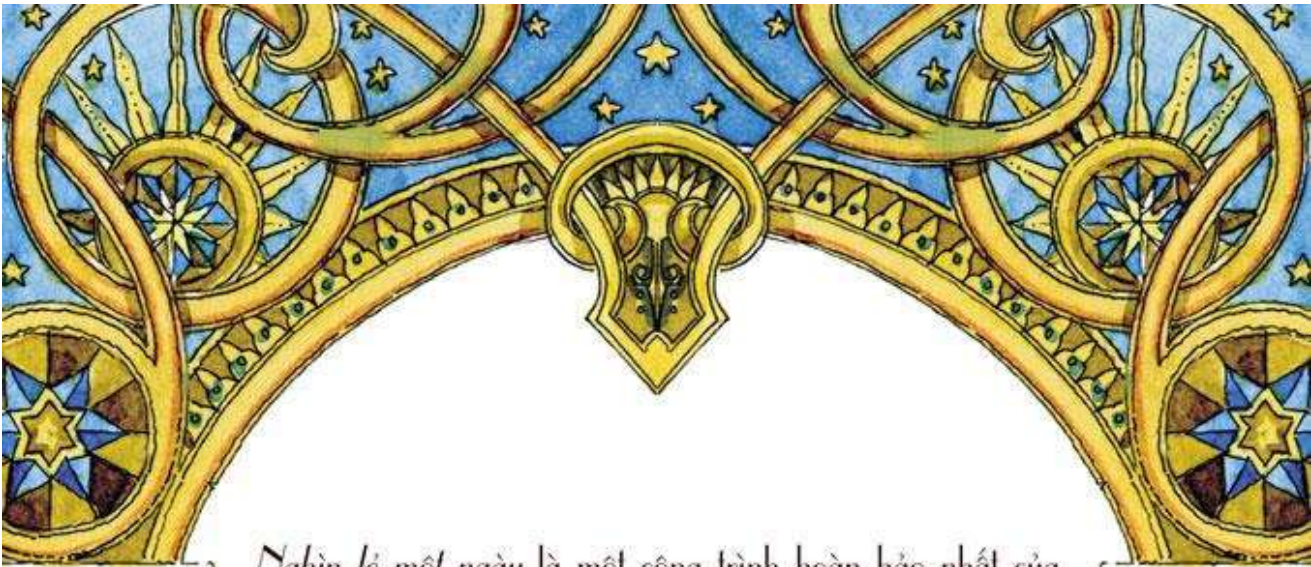
Sửa bài : HOÀI THU

In 1.000 bản - Khổ 13 cm x 19 cm - Tại Công ty TNHH một thành viên In và Văn Hóa Phẩm

Đăng ký kế hoạch xuất bản số: 05-2013/CXB/456-170/KĐ cấp ngày 18/12/2012

Quyết định xuất bản số: 280/QĐKĐ kí ngày 1/8/2013

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2013.



Nghìn lẻ một ngày là một công trình hoàn hảo nhất của nghệ thuật kể chuyện theo phong cách thế kỉ XVIII... Đọc giả nào chưa đọc bộ sách ấy, chưa thể nói mình đã thông hiểu mọi tuyệt tác của nền văn học Pháp.

PAUL SEEGAG

(Lời nói đầu *Nghìn lẻ một ngày*,
NXB Phébus, Paris 2003)

Phải chăng thời điểm của *Nghìn lẻ một ngày* cuối cùng đã trở lại?...

Bộ sách ấy xứng đáng giành lại chỗ của nó đã có, đúng như vào triều đại vua Louis XIV, sát cánh bên bộ *Nghìn lẻ một đêm* của François Pétil De La Croix có thể là nhà phiên dịch trung thành hơn, song lại là nhà văn không trau chuốt bằng.

PIERRE LEPAPE

(Báo *Thế giới ngày giao*,
10-2003)



8 935036 670632



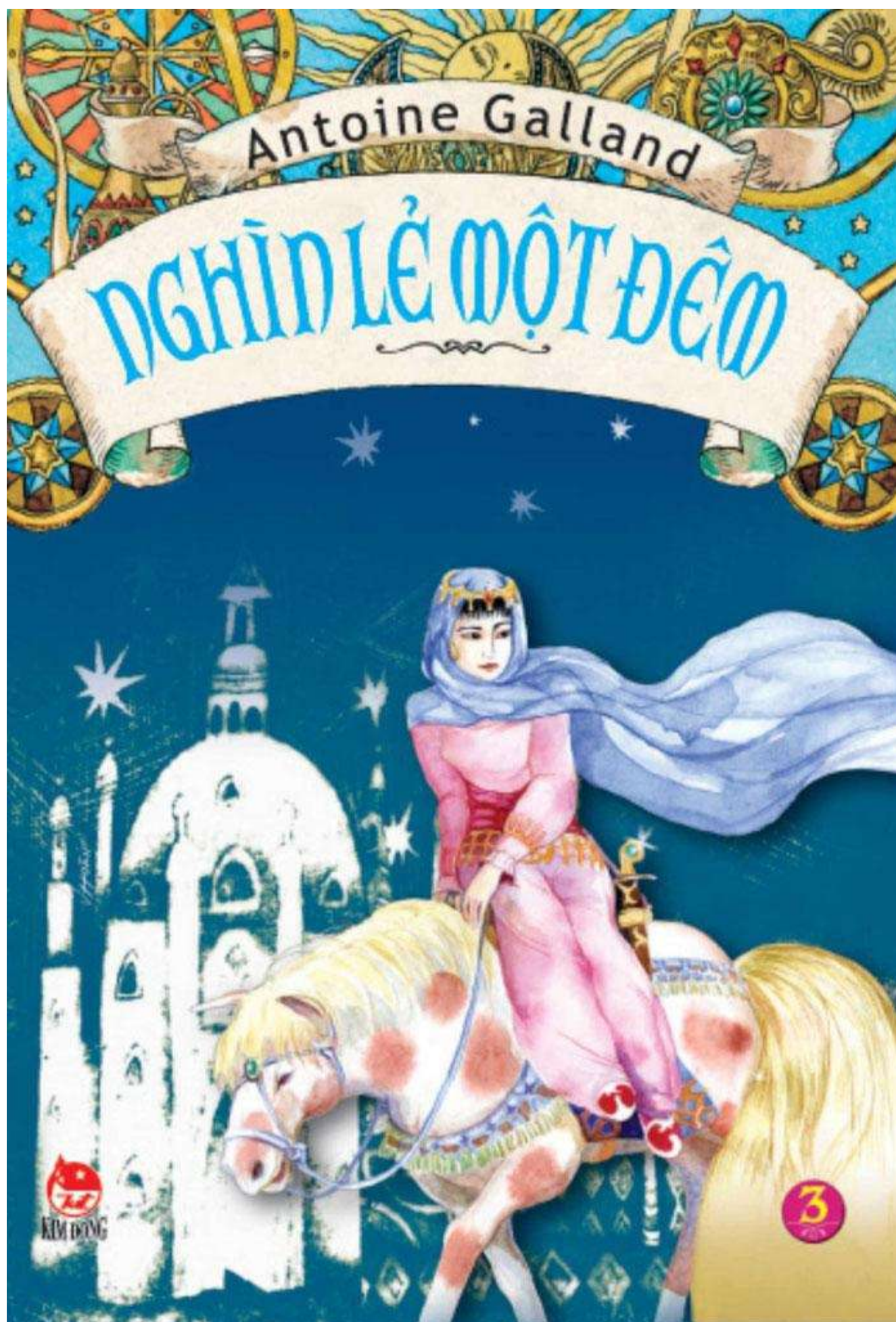
6132100010032

Giá: 70.000đ

tem

www.nxbkimdong.com.vn - www.facebook.com/nxbkimdong

Tập III



ANTOINE GALLAND



NGHÌN LỄ MỘT ĐÊM



PHAN QUANG dịch và giới thiệu

3

(In lần thứ 30)

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Dịch từ bản tiếng Pháp của Antoine Galland
LESMILLE ET UNE NUITS
LIBRAIRIE GARNIER FRÈRES, Paris, 1921
Có đối chiếu bản của
LIBRAIRIE DES BIBLIOPHILES, Paris, 1881
Bìa: **Vũ Xuân Hoàn**

NUARÊTĐIN VÀ NGƯỜI ĐẸP BA TỰ

Thành phố Banxôra từ xưa vốn là kinh đô một nước chư hầu của các hoàng đế A Rập. Nhà vua cai trị nước đó thời hoàng đế Harun An-Rasít trị vì tên là Zinobi. Hoàng đế và nhà vua này vốn là hai anh em con chú con bác ruột.

Vua Zinobi cho rằng không nên giao phó việc cai trị nước nhà cho chỉ một tể tướng. Bởi vậy vua chọn một lúc hai người cùng giữ chức vụ ấy. Một vị tên là Khacan, người kia là Xaoui.

Khacan là một con người hiền lành, cởi mở, phóng túng. Ông thích làm ơn cho những người có việc nhờ vả theo phạm vi quyền lực của mình, miễn là không gây hại tới trật tự công lí mà ông có bổn phận thực hành. Ở triều đình Banxôra, trong khắp thành phố cũng như toàn vương quốc, không ai không kính trọng ông. Không ai là không ca ngợi những đức tính của ông. Xaoui thì tính tình khác hẳn. Lão ta luôn luôn nhăn như bị và làm bực bội mọi người bất kể người ấy sang hay hèn. Thêm vào đó, đã không biết dùng của cải giàu có của mình để làm nên danh giá, lão ta lại hà tiện rán sành ra mỡ, đến nổi nhìn tiêu dùng cả những thứ cần thiết. Không một ai chịu đựng được lão. Bất cứ lúc nào cũng nghe người ta đọc nói những điều không hay về lão mà thôi. Điều làm cho lão càng đáng ghét hơn nữa là lão thù hận Khacan một cách sâu sắc, cho dù vị tể tướng kia làm việc tốt đến đâu cũng bị lão ta rêu rao thành xấu. Lão ta tìm đủ mọi cách để dèm pha.

Một hôm, sau buổi thiết triều, để bớt căng thẳng đầu óc vua chuyện trò thoải mái cùng hai vị tể tướng và nhiều vị đại thần khác. Dần dà nói đến chuyện những người đàn bà nô lệ mà người ta mua về trong nhà và đối xử gần như ngang hàng với những người vợ chính thức. Một vài người cho rằng chỉ cần mua được một nữ nô lệ xinh đẹp, duyên dáng là đủ an ủi mình về việc bắt buộc phải lấy những người vợ môn đăng hộ đối hoặc vì lợi ích gia đình. Những người vợ này không nhất thiết ai cũng có nhan sắc xinh đẹp và thân hình cân đối nở nang.

Những người khác trong đó có Khacan cho rằng nhan sắc và vẻ đẹp của thân hình chưa phải là thứ duy nhất người ta cần tìm kiếm ở một nữ nô lệ. Ngoài những thứ đó ra, nô lệ cần phải thông minh, khôn ngoan, khiêm nhường, dễ chịu và nếu có thể thì có kiến thức rộng về nhiều mặt nữa. Bởi vì, theo những người này, không có gì thích hợp hơn cho những người gánh vác quốc gia đại sự, sau một ngày bề bộn công việc trở về nhà riêng, có một người bạn gái để chuyện trò, như vậy vừa bổ ích, dễ chịu vừa được giải trí. Xét đến cùng – vẫn theo ý nguyện của những người này – nếu chỉ cần một nữ nô lệ để mà nhìn ngắm và thỏa mãn nhu cầu xác thịt, thì như vậy có khác chi súc vật.

Nhà vua đồng tình với phe này và ra lệnh cho Khacan cố tìm mua cho được một nữ nô lệ vừa hoàn hảo về nhan sắc, lại vừa có tất cả những đức tính tốt đẹp như nói ở trên, và trước hết, phải thông thái.

Xaoui, vốn rất ganh tị với vinh dự mà nhà vua ban cho Khacan, hơn nữa lão thuộc về phe có ý kiến ngược lại, liền nói:

- Tâu bệ hạ, thật khó mà tìm cho được một nữ nô lệ hoàn chỉnh mọi mặt như ngài vừa đòi hỏi. Giả dụ có tìm được và tôi cho là khó mà có được một người như vậy, thì giá một vạn đồng tiền vàng cũng còn rẻ.

- Xaoui à, – nhà vua đáp – hẳn ông cho số tiền ấy to quá đối với ông, nhưng đối với ta thì không.

Nói xong, vua truyền cho viên tổng quản ngân khố mang một vạn đồng tiền vàng tới nhà Khacan.

Khacan cho triệu ngay tất cả những người lái chuyên việc mua bán đàn bà, con gái nô lệ đến, và nhờ họ bao giờ tìm được một nữ nô lệ như ông mô tả, thì báo ngay cho ông biết. Các lái buôn, vừa để lấy lòng Khacan vừa vì lợi ích của chính họ, đều hứa là sẽ cố hết sức tìm được cho ông một người vừa ý. Từ đó ngày nào cũng có một nữ nô lệ được dẫn trình tể tướng, nhưng không một ai trọn vẹn, chẳng mắc chứng này thì bị tật khác.

Một hôm, rất sớm, Khacan định vào chầu vua ở hoàng cung thì một người lái đến, vẻ rất vội vã, nín thở báo ông lại và báo rằng tối qua vào lúc khuya khoắt có một nhà buôn Ba Tư mới tới, mang theo một nữ nô lệ cực kì xinh đẹp, ăn đứt tất cả những người mà y được thấy mặt từ trước tới nay. Rồi y dạm bán người nữ nô lệ này. Ngoài trí thông minh và kiến thức của cô ta, nhà buôn còn đảm bảo rằng người nữ nô lệ ấy có thể đấu trí với bất kì ai thông thái, minh mẫn nhất trên đời.

Rất vui mừng được biết tin ấy, và hi vọng có thể làm vua vui lòng, Khacan bảo y dẫn người nô lệ đến gặp ông ngay sau khi tan chầu.

Người lái có mặt đúng hẹn. Khacan thấy người nữ nô lệ này quả rất đẹp, liền đặt tên là Người Đẹp Ba Tư. Vốn cực kì thông minh và hiểu biết rộng, sau khi nói chuyện với nàng, ông nhận ra ngay có tìm kiếm thêm nữa cũng vô ích. Chẳng bao giờ có thể mua được một người nữ nô lệ nào khác vượt được người này về những đức tính mà nhà vua đòi hỏi. Ông hỏi người lái: nhà buôn Ba Tư đặt giá bao nhiêu.

- Thưa ngài, – người lái đáp – Ông ta là con người chỉ nói một lời. Ông ta quả quyết rằng mình chỉ có thể bán đúng giá một vạn đồng tiền vàng. Ông ta thề thốt với tôi rằng, không tính tới sự chăm sóc vất vả và thời gian nuôi dạy, riêng chi phí về thuê thầy dạy học để bồi dưỡng trí thông minh cũng như trau dồi nhan sắc, chi phí may mặc và ăn uống cho cô, cũng đã tốn hết ngần ấy

tiền rồi. Từ khi mua được người này thuở còn ấu thơ, vì xét cô ta sẽ xứng đáng với các bậc đế vương, ông đã không hề tiếc một thứ gì để chuẩn bị cho cô có cơ hội đạt tới địa vị cao sang ấy. Cô ta biết chơi đủ các loại nhạc cụ, biết hát, biết múa. Cô làm cả thơ. Không có cuốn sách nào cô chưa đọc qua. Chưa bao giờ nghe ai nói có một nữ nô lệ nào hiểu biết nhiều thứ trên đời bằng cô ta.

Tể tướng Khacan còn biết rõ giá trị của người nữ nô lệ hơn người lái, vì người này chỉ nghe nhà buôn kia nói lại mà thôi. Ông không muốn để chuyện mua bán kéo dài thêm nữa. Ông bảo người lái chỉ chỗ rồi sai một người nhà của mình đi mời nhà buôn Ba Tư đến. Khi người này tới, tể tướng Khacan nói:

- Không phải ta muốn mua người nữ nô lệ này cho ta, mà là, cho nhà vua. Ông phải để lại cho nhà vua với giá rẻ, rẻ hơn giá ông đặt.

Nhà buôn đáp:

- Thưa ngài, tôi rất lấy làm vinh dự được tặng không cho hoàng thượng, nếu những nhà buôn như loại tôi được phép làm như vậy. Tôi chỉ xin Người độc có số tiền mà tôi chi phí để đào tạo cô ta thành người như hiện nay. Điều đó có thể nói là hoàng thượng sẽ rất lấy làm hài lòng nếu mua được nữ nô lệ này.

Tể tướng không muốn mặc cả. Ông sai đếm đủ tiền trả cho nhà buôn. Ông này, trước khi ra về, thưa với tể tướng:

- Thưa ngài, vì cô nô lệ dành cho nhà vua, xin phép ngài cho tôi được thưa rằng cô ta đang hết sức mệt mỏi vì đã phải theo tôi làm một chuyến đi rất xa để tới đây. Mặc dù cô ta là một người nhan sắc có một không hai, trông cô sẽ còn khác nữa nếu ngài cho giữ lại ở nhà ngài chừng nửa tháng, chịu khó săn sóc cô ta chút ít. Sau thời gian ấy ngài mang vào trình diện với vua, tôi chắc cô ta sẽ làm cho ngài được vinh dự và danh giá; mà rồi ngài sẽ biết ơn tôi. Ngài thấy đấy, nắng gió đường dài đã làm da cô ta kém tươi đi một chút. Nhưng sau khi cho cô ta đi tắm vài ba bận và ăn mặc theo cách thích hợp, cô ta sẽ đổi khác và ngài thấy cô còn muôn phần xinh đẹp hơn.

Khacan cho lời khuyên của nhà buôn là phải và quyết làm theo. Ông cho Người Đẹp Ba Tư ở một căn buồng riêng, sát ngay cạnh buồng vợ ông. Ông yêu cầu bà hãy cho cô ăn cùng mâm, và đối xử như một phu nhân trong cung đình. Trước khi từ giã Người Đẹp Ba Tư, ông bảo nàng:

- Cô không thể có hạnh phúc nào lớn hơn cái tôi đã tạo cho cô đấy. Cô thử nghĩ xem: tôi mua cô để dâng hoàng thượng. Tôi hi vọng rằng nhà vua mua được cô sẽ hài lòng hơn tôi là người đã làm tròn nhiệm vụ được Người giao phó. Bởi vậy, tôi xin báo trước cho cô rõ rằng tôi có một cậu con trai lớn

không phải không thông minh, nhưng trẻ tuổi, tính khí ngang tàng và tháo vát, cô hãy chú ý giữ gìn khi nó đến gần.

Người Đẹp Ba Tư cảm ơn lời khuyên bảo của ông, hứa sẽ làm theo. Tể tướng liền lui về phòng riêng.

Nuarétđin, tên cậu con trai của tể tướng, vẫn thường ra vào tự do phòng riêng của mẹ, và thỉnh thoảng vẫn dùng cơm với bà. Chàng khôi ngô, trẻ tuổi, dễ chịu và mạnh bạo. Vốn cực kì thông minh và ăn nói lưu loát chàng có biệt tài là muốn điều gì thì thuyết phục người khác theo mình ngay. Vừa trông thấy Người Đẹp Ba Tư, mặc dù biết phụ thân mua nàng cho nhà vua, và chính tể tướng cũng đã bảo thẳng với chàng như vậy, ngay từ buổi gặp gỡ đầu tiên, chàng không hề có chút tự kiềm chế. Ngay từ giây phút đầu, chàng đã bị vẻ kiều diễm của nàng lôi cuốn. Sau khi nói chuyện với nàng, chàng dứt khoát sẽ tìm đủ mọi cách để phỗng tay trên nhà vua cho bằng được.

Về phía mình, Người Đẹp Ba Tư thấy Nuarétđin rất dễ thương: “Tể tướng đã cho ta một vinh dự rất lớn, khi ông mua ta để dâng quốc vương Banxôra, – nàng tự bảo – nhưng có lẽ ta sẽ tự cho mình hạnh phúc hơn, nếu ông bằng lòng gả ta cho con trai ông”.

Lợi dụng hoàn cảnh thuận lợi, Nuarétđin rất năng đến thăm Người Đẹp Ba Tư mà cậu đã say mê, để trò chuyện, vui đùa, cười cợt với nàng. Nếu bà mẹ không ngăn cản, để không bao giờ chàng chịu rời nàng.

- Con ạ, – bà bảo chàng – một chàng trai như con mà cứ lẩn quẩn trong buồng đàn bà thì chẳng ra làm sao cả. Thôi con hãy đi đi, hãy về phòng con và lo học hành để một ngày kia được xứng đáng nối nghiệp cha!

Vì đã lâu Người Đẹp Ba Tư chưa được tắm do phải đi đường xá xa xôi, cho nên tể tướng phu nhân sai người đun nước nóng ngay trong buồng tắm của dinh mình, rồi cho nhiều cô hầu đưa nàng đến tắm. Bà dặn chăm sóc nàng như chăm sóc chính bà vậy. Sau khi nàng tắm xong, phải mặc cho nàng một bộ quần áo thật đẹp, mà bà đã cho may sẵn. Bà rất quan tâm đến việc ấy để được lòng tể tướng, để tỏ cho chồng biết rằng mình rất chú ý tới bất cứ việc gì có thể làm cho ông vui lòng.

Ra khỏi phòng tắm, Người Đẹp Ba Tư trông xinh tươi gấp nghìn lần so với lúc Khacan mua về. Khi nàng đến chào, vợ tể tướng khó khăn lắm mới nhận ra người nữ nô lệ. Người Đẹp Ba Tư duyên dáng hôn tay bà và nói:

- Thưa bà, con không rõ khi con mặc bộ quần áo mới mà bà sai may cho con đây, bà nhìn con như thế nào. Các cô hầu của bà quả quyết với con rằng, nó hợp với con quá, đến nỗi họ không nhận ra con nữa. Chắc họ là những người nói nịnh. Con chỉ tin có lời bà mà thôi. Nếu lời họ nói là đúng sự thật, thì thưa bà, con có được như vậy chính là nhờ ơn bà.

- Con gái của ta à, – bà tể tướng vui mừng đáp – con chớ nên cho rằng những người hầu của ta nói nịnh con. Ta sành sỏi hơn chúng nó. Đừng nói tới bộ áo quần con mặc rất vừa vặn, mà từ phòng tắm ra, người con đẹp hơn hẳn trước đây nhiều, đến nỗi chính ta cũng không nhận ra con nữa. Nếu ta biết rằng việc tắm rửa mang lại lợi ích như vậy thì ta đã cùng đi với con, ta đã đến tuổi từ nay phải lo chăm sóc nhiều đến thân thể của mình hơn nữa.

- Thừa bà, con thật không xứng đáng với lời khen của bà, – cô gái đáp – con chẳng biết nói thế nào. Còn về việc tắm hơi, thật là tuyệt diệu. Nếu bà có ý định đi tắm, xin mời đi ngay. Những người hầu của bà hẳn cũng sẽ thừa với bà giống y như con.

Sực nhớ ra đã lâu mình chưa tắm, tể tướng phu nhân cũng muốn nhân dịp này mà tắm luôn, bà ngỏ ý với các cô hầu. Họ vội vàng sửa soạn mọi thứ cần thiết. Người Đẹp Ba Tư lui về phòng riêng của mình. Bà vợ tể tướng trước khi đi, cẩn thận sai hai nô tì nhỏ tuổi đến với nàng, với mệnh lệnh không được để cho Nuarétđin vào buồng nàng, nếu như chàng lần đến.

Trong khi tể tướng phu nhân mãi ở nhà tắm và Người Đẹp Ba Tư chỉ có một mình, Nuarétđin đến. Không thấy có mẹ trong buồng riêng của bà, chàng sang phòng Người Đẹp. Thấy hai nô tì ngồi cạnh ngoài phòng đợi, chàng hỏi phu nhân đâu. Chúng trả lời bà đi tắm. – “Thế Người Đẹp Ba Tư, cô ấy cũng đi tắm chứ?” – Chàng hỏi tiếp.

- Cô tắm xong đã trở về, hiện đang ở trong phòng. -Hai cô nô tì đáp – Nhưng chúng con được lệnh của phu nhân không để cho cậu vào phòng.

Phòng Người Đẹp Ba Tư chỉ ngăn bằng một bức màn, Nuarétđin bước tới định vào, hai nô tì đứng ra cản. Chàng tóm mỗi đứa một tay tổng ra ngoài phòng đợi, rồi khóa trái cửa buồng lại. Chúng chạy vội đến nhà tắm, vừa khóc vừa la báo cho tể tướng phu nhân biết Nuarétđin đã vào phòng Người Đẹp Ba Tư bất chấp chúng ngăn cản, và chúng bị chàng đuổi ra ngoài.

Nghe chuyện tày đình, tể tướng phu nhân buồn lo vô hạn. Bà bỏ tắm, vội mặc quần áo. Nhưng khi bà mặc xong và trở về chưa tới buồng Người Đẹp Ba Tư thì Nuarétđin đã từ trong ấy ra và bỏ trốn biệt. Người Đẹp Ba Tư tỏ ra rất ngạc nhiên thấy tể tướng phu nhân chạy xộc vào, nước mắt đầm đìa và trông thất thần như một người mất trí, liền hỏi:

- Thừa bà, con có được phép hỏi bà có việc gì buồn phiền vậy? Có phải việc không may đã xảy ra ở phòng tắm chẳng, mà bà vội bỏ về?

- Ô hay! – Tể tướng phu nhân kêu lên – Cô còn hỏi tôi với thái độ bình thản như vậy, sau khi thằng Nuarétđin nhà tôi đã vào phòng và ở lại một mình với cô ư? Có thể nào xảy ra một điều bất hạnh lớn hơn thế cho nó và cho tôi?

- Thừa bà, xin bà làm ơn cho con biết, – Người Đẹp Ba Tư đáp – có gì bất hạnh cho bà và cho cậu Nuarétđin trong việc cậu vừa làm?

- Có gì bất hạnh ư? chồng tôi chẳng đã nói với cô là mua cô về để dâng vua? Và chẳng đã dặn trước cô phải chú ý chớ để nó đến gần mình?

- Con đâu có quên, thừa bà. – Người Đẹp Ba Tư lại nói – Nhưng cậu Nuarétđin đến bảo con rằng tể tướng đã thay đổi ý kiến, ngài không mang con dâng vua như đã có ý định, mà ban cho cậu ấy. Thừa bà, con đã tin. Thân phận nô tì như con, từ thuở ấu thơ đã quen với luật lệ của kẻ nô lệ. Con làm sao có thể, và con cũng không được phép, cưỡng lại ý muốn của cậu. Con xin nói thêm rằng con vâng lời mà không lấy gì làm khó chịu, vì được gặp nhau luôn cho nên con cũng đem lòng mến cậu. Con chẳng tiếc mình không còn hi vọng được hầu vua nữa, và cảm thấy rất sung sướng nếu được suốt đời sống với Nuarétđin.

Nghe Người Đẹp Ba Tư nói như vậy, tể tướng phu nhân thốt lên:

- Ước gì Thượng đế cho điều con nói trở thành sự thật, ta cũng sẽ rất vui mừng. Nhưng hãy tin lời ta, Nuarétđin là thằng dối trá, nó đánh lừa con đấy. Không thể có chuyện cha nó cho, như lời nó nói đâu. Chao! Khốn nạn thân nó, khốn nạn thân ta! Và cha nó còn khốn nạn hơn nữa, bởi những hậu quả mà cả nhà ta đều lo sợ rồi sẽ xảy đến. Cho dù ta có khóc lóc kêu van đến đâu thì cũng chẳng xin nổi cha nó tha thứ cho nó đâu. Cha nó mà biết chuyện nó cưỡng bức con như vậy, thì sẽ giết chết nó cho mà xem.

Nói xong, bà càng khóc lóc sầu thảm hơn nữa, và những người hầu thấy đều lo cho tính mạng của Nuarétđin cùng khóc theo.

Một lát sau tể tướng Khacan đến. Ông cực kì kinh ngạc thấy vợ và những người hầu đầm đìa nước mắt, còn Người Đẹp Ba Tư thì hết sức âu sầu. Ông hỏi căn nguyên, mọi người không đáp mà chỉ càng khóc già. Sự im lặng ấy làm cho ông càng ngạc nhiên, ông nói với bà:

- Bà phải làm cho tôi biết rõ ngay tại sao bà khóc, và phải nói đúng sự thật.

Không thể không vâng lời, tể tướng phu nhân buồn rầu đáp:

- Vậy thì xin quan lớn hãy hứa là không giận dữ khi nghe hết câu chuyện sau đây. Thiếp xin quả quyết trước đây không phải lỗi ở thiếp.

Không đợi chồng đáp, bà nói tiếp:

- Trong khi thiếp cùng bọn con hầu đi tắm, thì cậu con trai của quan lớn đến, và lợi dụng lúc khốn khổ ấy để đánh lừa Người Đẹp Ba Tư – là ngài không đưa cô ấy dâng vua nữa mà ban cho cậu ấy. Thiếp xin miễn nói, sau sự dối trá ấy, nó đã làm những gì, hẳn ngài đã rõ. Đó chính là căn nguyên

làm cho thiếp vì sợ ngài, vì thương nó mà buồn lo. Thiếp lo không xin được ngài tha tội cho nó.

Không thể nào diễn tả nỗi sự lo âu của tể tướng sau khi nghe phu nhân thuật lại hành động láo xược của Nuaređin.

- Hỡi ôi! – Ông vừa nắm ngực, cắn tay vừa bứt râu mà thốt lên – Thăng con trai khốn nạn, thằng con trai không đáng sống, mày đã đẩy cha mày từ đỉnh cao danh vọng xuống vực sâu rồi đấy. Mày giết cha mày, và mày cũng giết luôn chính mày. Để trả thù cho sự xúc phạm bản thân Người như thế này, vua không chỉ bằng lòng chém đầu hai cha con mày mà thôi đâu.

Bà vợ cố an ủi chồng:

- Xin ngài chớ buồn phiền! Tôi sẽ bán bớt một ít ngọc ngà, cũng dễ có đủ một vạn đồng vàng, rồi ngài sẽ mua một con nô lệ khác đẹp hơn, xứng đáng hơn để dâng vua.

- Chao ôi! – Tể tướng đáp – Bà tưởng tôi lo buồn như vậy chỉ vì mất một vạn đồng vàng ư? Không phải vì mất số tiền đó, cho dù cả gia sản của ta, thì tôi cũng không lo như vậy. Đây là chuyện danh dự của tôi. Đối với tôi, danh dự quý báu hơn tất cả trên đời.

- Tuy nhiên, tôi thấy là việc gì có thể chuộc lại bằng tiền, thì cũng chẳng quan trọng lắm.

- Thế bà không biết Xaoui là kẻ thù không đội trời chung của tôi ư? Thế bà cho rằng, sau khi vỡ lở vụ này, lão chẳng xúc xiểm với vua về tôi ư? Rồi lão sẽ nói: “Muôn tâu bệ hạ, ngài lúc nào cũng nói tới lòng quý yêu và nhiệt thành của Khacan đối với ngài. Ông ta vừa cho thấy rõ ràng ông không đáng để bệ hạ tin cậy như vậy. Bệ hạ giao cho ông ta một vạn đồng để mua một nữ nô lệ. Thật ra ông ta đã làm xong công việc đầy vinh dự ấy. Chưa bao giờ có ai trông thấy một nữ nô lệ đẹp như thế. Nhưng đáng lẽ đem dâng hoàng thượng, ông ta lại mang cho con trai. Ông ta nói: “Con ơi, mày hãy nhận lấy con nô lệ này, ta cho con đấy, con xứng đáng được hưởng nó hơn nhà vua”. Rồi, với tính gian hùng vốn có của lão, lão ta sẽ tiếp: “Cậu con trai ông đã nhận nữ nô lệ ấy, và ngày nào cũng bù khú với nó. Sự tình đúng như lời tôi tâu bệ hạ, nếu ngài không tin, có thể tự mình làm sáng tỏ”. Bà thấy không, – tể tướng nói tiếp – sau những lời lẽ ấy, chẳng phải quân lính của vua có thể áp đến nhà ta bất cứ lúc nào và bắt con nô lệ đi sao? Sau chuyện đó, sẽ còn tiếp thêm bao nhiêu tai họa khác nữa chứ.

- Thừa đại nhân, – nghe chồng nói vậy, tể tướng phu nhân đáp – Xaoui đúng là một đứa vô cùng hiểm độc, nó có thể xuyên tạc vụ này như ngài vừa nói, nếu lão ta đánh hơi được. Nhưng, cũng như bất cứ người nào khác, làm sao lão biết chuyện xảy ra trong nhà ta? Giả dụ có ai nghi ngờ và nhà vua có

hỏi, thì sao ngài chẳng có thể tâu là, sau khi xem xét kĩ con nô lệ, nó chẳng đáng được dâng lên hoàng thượng, rằng tên lái buôn đã lừa dối ngài, con nô lệ ấy có vẻ đẹp vô song thật đấy, nhưng còn xa mới thông minh sắc sảo. Nhà vua sẽ tin lời ngài, và lão Xaoui kia sẽ bối rối vì đã không thành công trong âm mưu hiểm độc của lão, như bao lần trước lão đã cố tình dèm pha để hãm hại ngài. Vậy xin đại nhân hãy yên tâm và nếu ngài tin lời tôi thì xin hãy tìm ngay bọn lái, báo cho họ biết là ngài không hài lòng về Người Đẹp Ba Tư rồi giao cho họ tìm hộ ngài một con khác.

Lời khuyên ấy nghe cũng có lí, tể tướng Khacan bình tâm lại đôi chút và quyết làm theo, nhưng ông vẫn không bớt giận cậu con trai mình.

Suốt ngày hôm ấy, Nuarétđin không dám về nhà, chàng chẳng dám ần nấu ở nhà một người bạn cùng lứa tuổi vẫn hay lui tới, sợ tể tướng biết sai người đến tìm. chàng ra ngoại ô, ẩn ở một khu vườn chưa bao giờ đặt chân tới và ở đây không ai biết mặt chàng. Ngày nào, chàng cũng về nhà thật muộn, lúc biết chắc tể tướng đã đi nghỉ, rồi gọi bọn hầu gái của bà mẹ, mở cửa cho vào nhà âm thầm. Sáng hôm sau, chàng ra đi trước khi cha dậy. Suốt một tháng ròng, chàng buộc phải trốn tránh như thế, lòng buồn sâu sắc. Quả vậy, những cô hầu gái không hề nịnh nọt chàng, họ nói thẳng rằng tể tướng không hề nguôi giận, và ngài vẫn khẳng khẳng nói là hễ trông thấy mặt chàng đâu thì sẽ giết chết chàng ngay.

Gia nhân bàn tán xì xào, cho nên tể tướng phu nhân biết là Nuarétđin hôm nào cũng về nhà. Nhưng bà vẫn không dám xin chồng tha tội cho con trai. Cuối cùng, một hôm bà đánh bạo nói với tể tướng như sau:

- Thừa đại nhân, cho đến hôm nay thiếp chẳng dám tự tiện thưa chuyện với ngài chuyện thằng Nuarétđin. Xin ngài vui lòng cho thiếp được biết ngài định làm gì nó. Chưa có một con trai nào phạm tội đối với cha nó như thằng Nuarétđin. Nó đã làm mất vinh dự và niềm vui được dâng lên nhà vua một nữ nô lệ hoàn hảo như Người Đẹp Ba Tư, thiếp công nhận quả như vậy. Nhưng rốt cuộc, ý định của ngài là gì? Ngài nhất quyết muốn giết nó ư? Đáng lẽ ngài không nên có ý nghĩ ấy. Vì làm như vậy ngài sẽ mắc nhiều điều tệ hại khác trầm trọng hơn, mà có lẽ ngài chưa nghĩ tới. Ngài không sợ thiên hạ, vốn quỷ quái ranh ma, trong khi tìm hiểu xem con trai ngài lánh mặt ngài, sẽ rõ điều ngài muốn giấu hay sao? Nếu xảy ra cơ sự ấy thì ngài sẽ rơi vào bất hạnh còn lớn hơn nhiều.

- Bà nói nghe cũng khôn ngoan đấy. Nhưng tôi không thể nào chịu tha thứ cho nó được. Tôi phải cho nó một trận thật nhục nhã, thật đáng tội mới xong.

- Nó đã nhục nhã lắm rồi – bà vợ đáp – nếu ngài không chấp thuận làm đúng như điều thiếp vừa chợt nghĩ ra. Đêm nào con trai cũng về nhà sau khi ngài đi nghỉ. Nó ngủ đêm ở đây, rồi ra đi trước khi ngài dậy. Tối nay, xin

ngài hãy chờ tới khi nó về, ngài sẽ làm như muốn giết nó, lúc ấy tôi sẽ chạy đến van xin. Rồi làm như nê lời tôi mà tha cho nó, ngài buộc nó phải lấy Người Đẹp Ba Tư, với điều kiện gì, tùy ngài định đoạt. Nó yêu con bé ấy, và tôi biết Người Đẹp Ba Tư cũng không phải là không có cảm tình với nó.

Khacan đồng ý làm theo lời vợ khuyên. Vì vậy, tối hôm ấy, chờ gần đến giờ Nuarétđin trở về, ông nấp sau cánh cửa. Sau khi bọn người hầu mở cửa cho chàng vào, ông xông ra quật ngã và giẫm lên ngực con. Nuarétđin quay đầu nhìn thấy cha cầm lăm lăm một con dao ở tay, sắp giết chết mình.

Vừa lúc ấy, bà vợ tể tướng chạy đến, níu tay ông lại.

- Ngài định làm gì vậy, thưa ngài? – Bà kêu to.

- Bà buông tôi ra, tôi phải giết chết thằng con vô lại này.

- Chao ôi, xin ngài hãy giết thiếp đây thì hơn, thiếp không thể nào để bàn tay của ngài lại vấy dòng máu của chính ngài!

Thừa dịp đó, Nuarétđin ứa nước mắt thưa:

- Thưa cha, con van cha hãy thương con và tha tội cho con! Nhân danh Thượng đế, Đấng đang chờ tất cả chúng ta trong ngày phán xét cuối cùng, xin cha hãy tha thứ cho con!

Khacan để cho bà vợ giật con dao găm khỏi tay. Khi thấy ông đã buông dao, Nuarétđin vội quỳ mọp hôn chân cha để tỏ rõ mình hối hận đã xúc phạm đến người.

- Nuarétđin, – ông nói – anh hãy cảm tạ mẹ anh, vì nê mẹ anh cho nên ta mới tha cho anh. Ta còn muốn cho anh luôn cả Người Đẹp Ba Tư, với điều kiện là anh phải thề sẽ không coi nó như là nô lệ mà coi như là vợ anh, có nghĩa không bao giờ được bán, không bao giờ được đuổi nó đi. Nó thông minh, ngoan ngoãn và đức hạnh hơn anh gấp bội. Ta tin rằng nó sẽ kìm bớt những tính xốc nổi của tuổi trẻ có thể đưa anh đến chỗ chết.

Nuarétđin không thể ngờ được cha đối xử rộng lượng như vậy. Chàng hết lời cảm tạ, sẵn sàng thề như ông mong muốn. Cả hai người, chàng cũng như Người Đẹp Ba Tư đều rất sung sướng. Tể tướng cũng hài lòng vì cả hai người trông cũng vừa lứa xứng đôi.

Tể tướng Khacan không đợi vua nhắc nhở công việc đã giao, ông chú ý tâu trình luôn, và nói ra những khó khăn to lớn trong việc thỏa mãn đòi hỏi của Người. Tóm lại ông biết cách xử lý khéo léo đến nỗi rồi vua không nghĩ tới chuyện đó nữa. Tuy Xaoui cũng nghe phong thanh về câu chuyện xảy ra. Nhưng Khacan đang được lòng vua hơn lão nhiều, thành ra lão cũng chẳng dám dă động tới chuyện ấy.

Câu chuyện tể nhị ấy trôi qua được hơn một năm hết sức may mắn.

Một hôm, Khacan đang ở nhà tắm, có một công việc khẩn cấp buộc ông phải đi ra trong khi người còn nóng. Ngoài trời hôm đó rét hơn ngày thường, ông cảm lạnh, sung phổi, lên cơn sốt nằm liệt giường. Bệnh tình ngày càng trầm trọng. Thấy mình gần đất xa trời, ông nói với Nuarétđin vẫn luôn luôn châu chực bên giường bệnh:

- Con ạ, cha không biết cha có sử dụng tốt những của cải to lớn mà Thượng đế ban cho cha hay không. Con thấy đây, tiền của nhiều bao nhiêu cũng chẳng làm cho con người sống mãi được. Có một điều con phải thi hành lúc cha lâm chung, là hãy nhớ mãi lời con đã hứa với cha về Người Đẹp Ba Tư. Cha sẽ yên tâm nhắm mắt, vì tin tưởng con sẽ không quên lời hứa đó.

Đó là những lời trời trăng của Khacan. Lát sau ông trút hơi thở cuối cùng trước sự thương tiếc vô hạn của gia đình, tất cả triều đình cũng như toàn thành phố. Nhà vua mất đi một đại thần công minh, nhiệt thành và chung thủy. Cả thành phố khóc than một vị ân nhân hằng che chở trăm dân. Ở Banxôra từ trước tới nay chưa bao giờ có một tang lễ nào trọng thể như vậy. Các quan tể tướng, thượng thư cũng như hầu hết các vị đại thần trong triều đều nhiệt tình thay nhau lần lượt khiêng quan tài của ông tới tận huyệt. Tất cả mọi người sang hèn trong thành phố đều nước mắt rùng rùng tiễn ông tới nơi an nghỉ cuối cùng.

Nuarétđin buồn rầu, thương tiếc cha vô hạn. Rất lâu chàng đóng cửa không tiếp bất kì ai. Cuối cùng, một hôm chàng đồng ý để cho một trong những người bạn thân nhất vào thăm. Người bạn ấy tìm cách khuyên giải chàng. Thấy chàng để ý nghe, người bạn ấy nói, sau khi đã báo hiếu cha một cách trọn vẹn, hoàn toàn đáp ứng tất cả những đạo lí đòi hỏi, nay đến lúc chàng xuất hiện với đời cho xứng đáng với gia phong và danh giá của mình. Người bạn ấy nói:

- Ta sẽ phạm tội, sẽ làm ngược lại đạo lí của trời đất và luật pháp quốc gia nếu chúng ta không trả nghĩa cha mẹ cho xứng đáng với công ơn dưỡng dục, như vậy là bất hiếu. Nhưng, sau khi đã trả nghĩa và không ai chê trách điều gì, thì chúng ta bắt buộc phải trở lại cuộc sống bình thường trong xã hội như ta hằng mong sống trước kia. Vậy xin hãy lau nước mắt, hãy lấy lại niềm tươi trẻ từng mang đến niềm vui cho những nơi nào bạn có mặt!

Lời khuyên của bạn nghe rất đúng mức. Và có lẽ Nuarétđin đã tránh được những điều bất hạnh sẽ xảy đến cho mình nếu chàng làm theo một cách phải chăng, chàng dễ dàng tin lời bạn, và còn khao cả bạn nữa. Khi người ta muốn cáo từ, chàng mời ngày mai lại đến và hãy rủ thêm ba bốn người bạn nữa. Vô tình, chàng lập thành một nhóm sáu, bảy người cùng lứa tuổi, và để tất cả thời giờ vào tiệc tùng ăn chơi liên miên với họ. Hầu như không có

ngày nào chàng không biếu mỗi người một món quà trước khi tiễn họ ra về.

Đôi khi, để làm vừa lòng bạn bè, Nuarétđin cho gọi Người Đẹp Ba Tư đến. Nàng vâng lời để làm vừa lòng chàng, nhưng không đồng tình cách tiêu xài quá đáng như thế. Nàng nói thật suy nghĩ của mình:

- Thiếp chẳng nghi ngờ gì cụ lớn nhà ta qua đời có để lại cho chàng rất nhiều của cải. Nhưng số của cải đó có lớn đến bao nhiêu mà chàng cứ tiếp tục sống theo cách này thì của cải chẳng mấy lâu mà hết. Người ta thỉnh thoảng có thể tiếp đãi bạn bè, chơi bời với họ nhưng không thể làm thành lệ ngày nào cũng giống ngày nào, làm như vậy là sẽ sa chân vào con đường bần cùng. Vì danh giá và tiếng tăm của mình, chàng nên noi gương cụ lớn nhà đã quá cố, và cố gắng để đạt được chức vị từng mang lại cho gia đình ta biết bao danh giá.

Nghe Người Đẹp Ba Tư nói, Nuarétđin chỉ cười. Nàng dứt lời, chàng vẫn cười và đáp:

- Phụ thân ta xưa lúc nào cũng ép buộc ta sống trong nền nếp. Bây giờ ta sung sướng đã có được sự tự do mà ta từng biết bao ao ước. Một chàng trai vào tuổi ta cần biết tận hưởng những lạc thú của tuổi hoa niên.

Một việc nữa làm cho công việc nhà của Nuarétđin càng lộn xộn là chàng không bao giờ chịu để cho người quản gia tính toán với mình. Mỗi lần thấy người ấy vác cuốn sổ chi tiêu đến là chàng đuổi quày quạy:

- Thôi lui ra, ta tin cậy ở anh. Chỉ cần chú ý sao cho ta lúc nào cũng có thức chén ngon là được.

- Thừa ngài, ngài là ông chủ. – Người quản gia đáp. – Tuy nhiên, xin ngài cho tôi được phép nhắc ngài nhớ câu tục ngữ: “Ai tiêu xài lớn mà không tính sổ thì sẽ đi ăn mày lúc nào không biết”. Ngài không chi tiêu xài vô độ trong các bữa tiệc tùng, ngài lại còn phung phí quà cáp quá đáng. Dù kho tàng của ngài có lớn như núi, thì cũng không đủ cung phụng như vậy.

- Thôi anh đi đi! – Nuarétđin nhắc. – Ta chẳng cần những bài học của anh. Hãy tiếp tục cho ta chén ngon vào, còn ngoài ra đừng lo gì sất!

Trong khi đó bạn bè của Nuarétđin bao giờ cũng đến dự tiệc rất đều đặn, rất đúng giờ và chẳng bao giờ bỏ lỡ dịp lợi dụng sự dễ tính của chàng. Họ nịnh hót tán tỉnh, họ tăng bốc lên tận mây xanh mọi cử chỉ vô nghĩa nhất của chàng, nhất là họ không quên thói phóng tài sản của chàng – khen như vậy thế nào cũng có lợi cho họ. Một anh nói:

- Thừa ngài, hôm nọ tôi đi ngang qua thái ấp của ngài ở ngoài mạn kia, chao ôi, ngôi nhà mới tráng lệ, đồ đạc bên trong nhà mới sang trọng làm sao, còn khu vườn của nó thì thật là một chốn thiên đường đầy lạc thú.

- Ta rất vui vì thấy nó vừa ý bạn. – Nuarétđin đáp. – Nào đưa giấy bút lại đây, ta muốn từ nay không nghe nói tới cái thái ấp nữa. Từ nay trở đi nó là của bạn, ta biếu bạn đây.

Những người bạn khác vừa ngỏ lời ca tụng một ngôi nhà nào đó, một nhà tắm hoặc một trú quán dành cho những người nước ngoài thuộc tài sản của chàng mà cho dù những thứ ấy đang mang lại một nguồn lợi tức đáng kể, chàng cũng biếu họ luôn. Người Đẹp Ba Tư nhắc chàng làm như vậy là sai. Đã không nghe nàng, chàng tiếp tục phung phí tất cả những gì còn có trong tay, làm tiêu tan tất cả gia sản mà tổ tiên và vị tể tướng phụ thân chàng đã dành dụm, gìn giữ suốt bao đời mới có.

Vừa được đúng một năm. Một hôm, chàng đang ngồi trong phòng ăn thì có người đến gõ cửa. Hôm ấy, chàng cho bọn nô lệ lui hết ra ngoài, để đóng cửa lại vui chơi cùng với bạn bè cho thật thoải mái.

Một người bạn muốn đứng lên, nhưng Nuarétđin nhanh chân, đã tự mình ra mở cửa. Đây là người quản gia. Nuarétđin không muốn để bạn bè nghe, chàng ra ngoài và khép hờ cửa lại.

Người bạn vừa định đứng lên, trông thấy người quản gia, tò mò muốn biết anh ta nói gì với Nuarétđin, liền đến bên bức màn và lắng tai. Y nghe người quản gia bảo với Nuarétđin:

- Thưa ngài, xin ngài muôn vạn lần tha thứ cho tôi đã dám đến quấy rầy ngài giữa lúc ngài đang giải trí! Vì câu chuyện tôi muốn thưa với ngài hệ trọng quá, cho nên tôi đành phải mạo muội. Tôi vừa tính toán những món chi tiêu mới nhất, và nhận ra điều tôi thưa với ngài và sau đó đã nhiều lần nhắc lại, điều ấy nay đã đến. Có nghĩa là, thưa ngài, tôi không còn một đồng trinh nào nữa trong sổ tiền ngài giao cho để chi tiêu hầu ngài. Tất cả các vốn liếng khác của ngài đều đã cạn kiệt. Những người tá điền cũng như những ai phải trả lợi tức cho ngài đều cho tôi biết rành rọt, ngài đã chuyển vốn gốc sang tay những chủ khác. Do đó tôi không có quyền nhân danh ngài mà đòi họ nộp gì nữa cho ngài. Sổ sách đây, xin ngài xem xét kỹ lưỡng. Nếu ngài còn muốn dùng tiếp xin hãy ủy thác cho tôi những khoản tiền khác, bằng không, xin ngài cho phép tôi nghỉ việc.

Nuarétđin nghe nói sừng sốt đến nỗi không thốt lên được một lời nào.

Người bạn vừa nghe trộm được vội vàng trở vào nói lại cho bạn bè rõ. Y kết luận:

- Các bạn có nghe theo ý kiến tôi hay không thì xin tùy. Về phần mình, tôi tuyên bố hôm nay là ngày cuối cùng các bạn thấy tôi có mặt ở nhà Nuarétđin.

- Nếu quả như vậy thì, – những người khác đáp – cũng giống như bạn,

chúng tôi chẳng có việc gì làm ở nhà anh ta nữa. Từ nay, anh ta sẽ chẳng còn thấy mặt chúng tôi.

Vừa lúc ấy, Nuarétđin trở vào. Dù có làm ra bộ vui vẻ để mời các bạn đừng bỏ dở cuộc vui, chàng cũng không thể nào che giấu, thành ra mọi người đều nhận ra điều họ vừa nghe thấy là đúng sự thật. Chàng vừa ngồi xuống chỗ thì một người bạn đã đứng lên:

- Thưa ngài, – anh ta nói – tôi rất phiền lòng là không thể ở chơi với ngài lâu hơn nữa, xin ngài cho phép tôi được ra về.

- Có việc gì buộc bạn phải chia tay với chúng tôi sớm vậy? – Nuarétđin hỏi.

- Thưa ngài, hôm nay vợ tôi ở cũ, hẳn ngài cũng biết là trong những dịp như thế, sự có mặt của người chồng bao giờ cũng cần thiết.

Anh ta cúi chào rất thấp rồi ra đi. Lát sau, một thực khách khác viện một lý do khác và ra đi. Lần lượt hết người này đến người khác như vậy, cho đến khi không còn lại một ai trong số mười người bạn vừa vui vẻ chén chú chén anh với Nuarétđin.

Nuarétđin không chút nghi ngờ là các bạn mình đã nhất quyết không gặp chàng nữa. Chàng đến buồng riêng của Người Đẹp Ba Tư, nói với nàng điều viên quản lý vừa cho biết. Chàng tỏ ra thực sự hối hận mình đã để công việc gia đình đến nông nổi này.

- Thưa ngài, – Người Đẹp Ba Tư nói – xin ngài hãy cho phép thiếp được nói, tại vì từ trước đến nay ngài cứ khăng khăng làm theo ý riêng của mình, cho nên bây giờ cơ sự mới ra nông nổi này. Trước đây, thiếp đã không nhằm khi tiên đoán, rồi ngài sẽ đi tới cảnh ngộ đáng buồn như ngày nay cho mà xem. Điều làm cho thiếp phải phiền lòng hơn cả, là ngài không hình dung hết tất cả phiền hà nó mang lại. Mỗi lần thiếp muốn nói ra ý nghĩ của mình thì ngài lại bảo: hãy vui chơi với nhau, hãy lợi dụng thời gian tốt đẹp mà số phận dành cho ta khi vận ta còn đỏ, có lẽ rồi đây chẳng được may mắn như thế này đâu. Thiếp đã không nhằm khi thưa với ngài, rằng chính chúng ta là những tay thợ làm nên cuộc sống giàu sang của chính mình, nếu biết cách xử thế khôn ngoan. Vì ngài đã không muốn nghe, bắt đắc dĩ thiếp đành phải để ngài làm theo sở thích.

- Xin thú thật là tôi đã sai khi không chịu nghe lời khuyên nhủ vô cùng khôn ngoan của nàng. Nhưng nếu tôi đã chén hết tất cả của cải của mình, thì nàng vẫn chưa thấy ra một điều là tôi đã làm việc đó cùng một nhóm bạn bè cao quý mà tôi biết rõ từ lâu. Họ đều trung hậu, đầy lòng biết ơn, tôi tin rằng họ sẽ không bỏ rơi tôi.

- Thưa ngài, – Người Đẹp Ba Tư lại nói – nếu ngài không có nguồn lợi

nào khác ngoài sự biết ơn của bạn bè, thì xin hãy tin thiếp, niềm hi vọng của ngài không có gì vu vơ hơn. Rồi thời gian sẽ cho ngài thấy.

- Cô gái Ba Tư đáng yêu ơi, – Nuarétđin đáp – tôi lại nghĩ tốt hơn về sự trợ giúp của bạn bè đối với tôi. Ngày mai, tôi sẽ đi thăm tất cả, trước khi để họ quá bộ lại đến đây như thường lệ. Rồi nàng sẽ thấy tôi trở về với một món tiền kha khá, do họ góp nhau giúp đỡ tôi. Tôi sẽ thay đổi lối sống. Tôi nhất quyết như vậy, và sẽ tìm cách buôn bán để món tiền đó sinh lợi thêm.

Ngày hôm sau, Nuarétđin không quên tới nhà đủ mười người bạn, chả là họ cùng ở một đường phố với chàng. Chàng đập cửa ngôi nhà đầu tiên, cơ ngơi của một trong những người bạn giàu có nhất. Một nô tì ra, trước khi mở cửa, hỏi quý khách là ai.

- Hãy nói với chủ cô rằng, ta là Nuarétđin, con trai quan tể tướng đã quá cố Khacan.

Ả nô tì mở cửa mời vào một gian phòng, rồi sang phòng bên báo cho chủ rõ.

- Nuarétđin ư? – Người chủ nhà nói với giọng khinh khi khá to, đủ cho Nuarétđin nghe được và làm chàng rất kinh ngạc. – Mà hãy ra bảo ta không có nhà, và từ nay cứ mỗi lần ông ta đến, hãy đều trả lời như vậy!

Ả nô tì trở lại thưa với Nuarétđin, lúc này nó tưởng ông chủ có nhà, nhưng thật ra nó đã nhầm.

Nuarétđin hoang mang ra đi:

- A, thẳng đều, thẳng độc ác. Vừa hôm qua nó thề thốt rằng trong đám bạn bè của ta, nó là người tốt hơn cả, thế mà hôm nay nó đối xử với ta như vậy!

Chàng đến gõ cửa một người bạn thứ hai. Người này cũng sai người nhà trả lời giống như người bạn thứ nhất. Người bạn thứ ba cũng vậy, cho đến người thứ mười, tất cả đều đi vắng, mặc dù tất cả đều có nhà. Lúc này Nuarétđin mới tỉnh người, chàng nhận ra lỗi lầm không thể nào chữa được của mình là đã quá dễ dàng tin lời bạn, dễ dàng tin những lời thề thốt giả dối về tình nghĩa của họ khi chàng còn có tiền của để đãi đằng họ thật sang, ban ơn cho họ thật rộng. Nước mắt rung rung, chàng tự bảo: “Một người hạnh phúc như ta trước đây chẳng khác nào một cây trầu quả. Chừng nào trên cây còn có quả thì chung quanh còn có người đến hái. Khi hết quả thì mọi người đều bỏ đi, để trơ cây lại một mình”.

Chàng cố gắng gượng khi còn ở ngoài đường. Nhưng vừa về tới nhà, vẻ âu sầu hiện ra mặt, chàng đến tâm sự cùng Người Đẹp Ba Tư.

Vừa trông thấy, nàng đã biết ngay chàng không tìm được ở bạn bè sự giúp đỡ chàng hằng mong đợi. Nàng nói:

- Thế nào, thưa ngài? Bây giờ ngài hẳn đã tin điều thiếp đã thưa trước với ngài là đúng rồi chứ?

- Ôi, cô nàng thân yêu! Những điều nàng nói thật quá đúng. Không một đứa nào muốn nhận ra tôi, muốn gặp hoặc chuyện trò với tôi. Không bao giờ tôi có thể tin là những kẻ đã chịu ơn tôi to lớn, những người đã làm cho tôi khuyhnh gia bại sản vì giúp đỡ họ, lại đối xử với tôi tồi tệ như vậy. Tôi không còn tự chủ được nữa. Trong tình trạng thảm thương và tuyệt vọng hiện nay,

tôi e có thể làm một điều gì không xứng đáng với nàng, nếu nàng không khuyên bảo cho tôi biết nên làm gì bây giờ.

- Thưa ngài, – Người Đẹp Ba Tư nói – thiếp không thấy có phương sách nào hơn trước nỗi bất hạnh của ngài, là mang nô lệ và đồ đạc của ngài bán bớt đi để mà sống tạm, chờ cho đến khi Thượng đế đoái thương, mà hề cho ngài thấy một con đường khác để ra khỏi cảnh cùng cực này.

Phương thuốc thật cay đắng cho Nuarétđin. Nhưng trong cảnh ngộ này, chàng còn biết làm gì hơn? Trước hết chàng bán nô lệ, từ nay trở thành những miệng ăn vô ích, hơn nữa cũng quá tốn kém, chàng không kham nổi. Nhờ có số tiền ấy cũng tạm được một thời gian. Ăn hết rồi, chàng cho mang hết bàn ghế và đồ đạc trong nhà ra chợ. Những thứ này mặc dù rất quý và trước đây mua rất đắt tiền, nay chỉ bán được thấp hơn nhiều so với giá trị thực của nó. Tuy nhiên nhờ vậy cũng sống thêm được một thời gian nữa. Song cuối cùng món tiền này rồi cũng hết, chẳng biết đào đâu ra thêm nữa. Chàng nói cho Người Đẹp Ba Tư biết nỗi niềm đau đớn sâu xa của mình.

Nuarétđin không hề chờ đợi câu trả lời của cô gái khôn ngoan:

- Thưa ngài, – nàng nói – thiếp là một nô lệ của ngài, và ngài biết rằng quan lớn nhà ta xưa đã mua thiếp với giá một vạn đồng tiền vàng. Thiếp biết rằng từ dạo ấy tới nay giá trị của thiếp đã giảm, nhưng thiếp cũng biết rằng mang thiếp đi bán chàng vẫn được một khoản tiền không kém số tiền ấy nhiều lắm đâu. Xin ngài hãy nghe thiếp, xin đừng chần chừ nữa, hãy mang thiếp ra chợ bán! Số tiền ngài thu được sẽ khá lớn đấy, ngài sẽ mang đi lập nghiệp, buôn bán ở một thành phố không có ai quen biết. Bằng cách ấy ngài có thể kiếm sống, nếu không giàu có lắm ít ra cũng đủ làm cho ngài sung sướng và hài lòng.

- Ôi, Người Đẹp Ba Tư đáng yêu ơi! – Nuarétđin thốt lên. – Sao nàng lại có thể nảy ra ý kiến ấy nhỉ? Ta chưa biết tỏ rõ hết với nàng tình yêu của ta sao, mà nàng cho rằng ta có thể làm một việc hèn hạ đến thế? Làm sao ta có thể làm như nàng nói mà không trái lời thề với phụ thân ta? Ta đã thề không bao giờ mang bán nàng đi. Ta thà chết còn hơn là phụ lời thề ấy, còn hơn là xa cách nàng, người mà ta yêu hơn chính thân ta. Nàng khuyên ta một điều phi lí như vậy, chứng tỏ nàng chưa thật yêu ta.

- Thưa ngài, – Người Đẹp Ba Tư đáp – thiếp hoàn toàn tin chắc chàng yêu thiếp thiết tha, và chỉ có Thượng đế mới biết thiếp yêu chàng đến đâu. Thiếp quả hết sức phiền lòng phải thưa với chàng điều khiến chàng bức bối như vừa rồi. Thiếp chẳng dám cãi lại, mà chỉ xin chàng hãy nhớ cho, khi tình thế đã bức bách thì chẳng còn luật lệ nào ràng buộc ta được nữa. Tình yêu của thiếp đối với chàng không có gì sánh nổi. cho dù sau này thân phận thiếp có thuộc về ai chẳng nữa, thiếp vẫn không thôi yêu chàng. Thiếp sẽ sung sướng

vô cùng nếu một mai công việc làm ăn của chàng kham khá hơn như thiếp hằng hi vọng, để chàng có thể chuộc thiếp về trở lại với chàng. Tình thế hiện nay thật đau xót đối với chàng cũng như đối với thiếp, nhưng xét tới cùng, thiếp chẳng thấy còn cách nào khác giúp cho hai ta thoát khỏi cơn quần bách.

Nuarétđin biết sự thật đúng như lời Người Đẹp Ba Tư vừa giải bày. Chàng cũng chẳng còn nguồn lợi nào khác để khỏi sa vào cảnh nghèo đói. Chàng đành phải tính tới chuyện làm theo điều người đẹp vừa khuyên. Thế là chàng buộc phải dẫn nàng ra chợ chuyên mua bán nô lệ, trong lòng tiếc thương không thể nào tả xiết. chàng tìm gặp một người lái tên là Haji Hatxan, và bảo:

- Haji Hatxan à, đây là một nữ nô lệ ta muốn bán. Nhờ anh khảo giá xem bán được bao nhiêu.

Haji Hatxan đưa Nuarétđin cùng Người Đẹp Ba Tư vào trong một căn buồng, nàng vừa cắt tấm mạng che mặt, anh ta đã nói với Nuarétđin, giọng đầy thán phục:

- Thưa ngài, không biết có phải tôi nhầm chẳng? Có thể đây là một nữ nô lệ mà cụ lớn nhà ta đã quá cố, từng mua với giá một vạn đồng tiền vàng?

Nuarétđin đáp đích thị là nàng. Thế là Haji Hatxan hứa sẽ mang hết tài nghệ của mình ra để cho khách mua với giá cao nhất, nhờ vậy Nuarétđin hi vọng mình sẽ kiếm được một món tiền khá lớn.

Hai người ra khỏi, Haji Hatxan nhốt Người Đẹp Ba Tư lại trong buồng. Tiếp đó, anh đi tìm những người buôn, nhưng họ đang bận mua những nô lệ người Hy Lạp, người châu Phi, người Tácta cùng nhiều xứ khác. Anh đành ngồi chờ cho tới khi họ mua bán xong. Sau khi họ đã rảnh rang và tập trung lại hầu như đông đủ, anh cất lời nói với họ, vẻ mặt và điệu bộ tươi tỉnh:

- Thưa các ngài quý mến, không phải hễ vật gì tròn đều là trái phỉ, hễ vật gì dài là trái vả, không phải thịt nào cũng có màu đỏ và quả trứng nào cũng tươi. Tôi cũng muốn nói rằng, trong đời các ngài, các ngài từng mua bán không biết bao nhiêu là nữ nô lệ, nhưng chưa bao giờ một cô nào có thể mang ra so sánh với người tôi sắp giới thiệu với các ngài hôm nay đây. Con người tôi giới thiệu là hạt ngọc của các nữ nô lệ. Xin mời đi theo tôi, tôi sẽ trình các ngài xem. Tôi muốn các ngài cho biết giá gốc để tôi sẽ rao cho người ta mua đầu giá.

Những người buôn đi theo Haji Hatxan. Anh mở cửa căn buồng nhốt Người Đẹp Ba Tư. Trông thấy nàng, tất thấy đều ngạc nhiên, và cùng một tiếng, thỏa thuận ngay với nhau rằng không thể đặt giá dưới bốn nghìn đồng vàng. Họ ra khỏi, Haji Hatxan khóa trái buồng rồi lại ra theo, và lớn tiếng

rao ngay tại chỗ:

- Bán một người nữ nô lệ Ba Tư bốn ngàn đồng vàng trở lên đây!

Các nhà buôn đang bàn bạc với nhau nên đấu với giá nào, chợt tể tướng Xaoui xuất hiện. Nhìn thấy Nuarétđin, lão tự nhủ:

- Gã này hẳn mới bán được ít đồ đặc (vì lão cũng có nghe nói chuyện này), cho nên tới đây tìm mua một nữ nô lệ chẳng?

Lão bước tới, trong khi Haji Hatxan tiếp tục rao:

- Bốn ngàn đồng vàng trở lên cho một nữ nô lệ Ba Tư đây!

Giá đặt thật cao ấy khiến cho Xaoui nghĩ hẳn người nữ nô lệ này xinh đẹp vô cùng, và bỗng nảy ra ý muốn nhìn xem cho bằng được. Lão thúc ngựa thẳng tới gần Haji Hatxan, đang đứng quây quần giữa các nhà buôn và bảo anh:

- Hãy mở cửa ra, cho ta xem con nô lệ!

Theo tục lệ buôn bán người ở đây, không một ai được xem riêng, sau khi các nhà buôn đã cùng xem và cùng nhau ước định giá. Nhưng các nhà buôn không ai có gan nêu luật lệ của họ ra với tể tướng đầy quyền uy. Thế là Haji Hatxan buộc phải mở cửa buồng và ra hiệu bảo Người Đẹp Ba Tư đến gần, để cho Xaoui có thể nhìn thấy mà không phải xuống ngựa.

Xaoui vô cùng thán phục khi nhìn thấy một nữ nô lệ xinh đẹp tuyệt thế vô song. Lão đã từng có việc mua bán với người mới lái, cho nên chẳng lạ gì tên anh ta. Lão hỏi:

- Haji Hatxan à, phải chăng anh vừa rao đặt giá bốn ngàn đồng vàng con này đây?

- Thừa ngài vâng, – Haji Hatxan đáp – các nhà buôn đây vừa thỏa thuận, cách đây một lát, cho tôi rao đặt giá ấy. Tôi đang chờ các vị đây trả, ai trả tiếng cuối cùng giá cao nhất thì con nô lệ kia sẽ thuộc về người đó.

- Ta đồng ý trả bốn ngàn, nếu không ai trả cao hơn.

Vừa nói, lão vừa đưa mắt nhìn các nhà buôn, tỏ ý dọa không ai được đặt giá cao hẳn thế. Mọi người ai cũng sợ lão, cho nên chẳng ai dám hé miệng, ngay cả chuyện phàn nàn lão vi phạm tục lệ buôn bán cũng không ai dám kêu ca.

Chờ một lúc, thấy không có nhà buôn nào trả giá cao hơn, lão bảo Haji Hatxan:

- Này, anh còn chờ đợi gì? Hãy đi tìm người bán, và thỏa thuận với giá bốn ngàn đồng, hoặc hỏi anh ta có muốn gì khác!

Lão vẫn chưa biết người nữ nô lệ này của Nuarétđin.

Haji Hatxan đóng cửa buồng lại rồi thăm thì với chàng:

- Thưa ngài, tôi rất phiền lòng báo với ngài một cái tin không hay; con nữ nô lệ của ngài là phải bán với cái giá chẳng ra làm sao cả.

- Tại sao? – Nuarétđin hỏi.

- Thưa ngài, câu chuyện lúc đầu có vẻ thuận chiều. -Haji Hatxan nói tiếp.
– Các nhà buôn vừa nhìn thấy người nữ nô lệ, tất cả đều không do dự bảo tôi đi rao đặt giá bốn nghìn đồng trở lên. Tôi vừa rao giá ấy, thế là tể tướng Xaoui xuất hiện. Trông thấy ông ta, các nhà buôn ai cũng câm như thóc. Ấy thế mà tôi vẫn tưởng có thể đưa giá nâng lên ngang giá cụ lớn nhà đã mua trước đây. Xaoui chỉ muốn trả giá bốn nghìn đồng tiền vàng và thật bất đắc dĩ tôi mới phải trở lại nói với ông một điều phi lí như vậy. Người nữ nô lệ ấy là của ngài, nhưng tôi cũng chẳng khuyên ngài nên bán với giá ấy. Tại sao, thì ngài đã rõ, thưa ngài, và tất cả mọi người cũng đều biết rõ. Ngoài việc con nô lệ này đáng giá hơn rất nhiều, Xaoui lại là con người xấu, ông ta có thể nghĩ ra một cách gì đấy để quyt số tiền của ngài.

- Haji Hatxan à, – Nuarétđin đáp – xin cảm ơn lời khuyên của anh, và cũng xin anh chớ lo là ta sẽ đồng ý bán cho kẻ thù của gia đình ta. Ta đang rất cần tiền, nhưng thà chịu chết đói còn hơn là bán nàng cho lão ấy. Ta chỉ nhờ anh mỗi một việc. Anh thông thạo tục lệ và mảnh khoe, hãy bảo giúp ta nên làm thế nào để ngăn không cho lão mua.

- Thưa ngài, – Haji Hatxan đáp – không có gì dễ hơn. Ngài cứ làm bộ như giận cô nô lệ của ngài, và trót thế là sẽ mang nó ra chợ bán, nhưng thực tâm ngài không muốn như vậy, sở dĩ mang ra chợ là để giữ vẹn lời thề mà thôi. Như vậy là làm hài lòng mọi người, và Xaoui cũng chẳng bắt bẻ vào đâu được. Mời ngài hãy đến đây, trong khi tôi giao nó cho Xaoui, bởi vì phải được ngài đồng ý thì việc mua bán mới thành, ngài hãy bắt nó lại, đánh cho mấy cái tát rồi dẫn nó về nhà.

- Cảm ơn anh, – Nuarétđin đáp, – rồi anh xem, ta sẽ làm đúng như lời khuyên của anh.

Haji Hatxan trở lại căn buồng, mở cửa vào. Sau khi nói vắn tắt cho Người Đẹp Ba Tư biết, bảo chớ hoảng hốt về chuyện sẽ xảy ra, anh nắm tay nàng và dẫn ra cho tể tướng Xaoui vẫn đứng ngoài cửa:

- Thưa ngài, đây là con nô lệ, nó là của ngài, xin ngài hãy nhận lấy!

Haji Hatxan chưa dứt lời, Nuarétđin đã tóm lấy Người Đẹp Ba Tư, kéo lại, đánh một cái tát, và nói khá to để mọi người cùng nghe rõ:

- Con xác láo kia, mày hãy nhớ đòn, rồi trở về nhà ta. Tính dở hơi của mày buộc ta phải thế mang mày ra chợ, nhưng chẳng phải để bán mày. Ta còn cần đến mày. Còn lâu ta mới phải đi đến chỗ cùng cực này, chỉ khi nào

trong nhà không một chút gì nữa ta mới chịu bán mảy.

Hành động ấy của Nuarétđin làm cho tể tướng Xaoui điên tiết. Lão thét lớn:

- Thằng phóng đăng khốn nạn kia! Mày muốn làm cho người ta tưởng rằng trong nhà mày còn có gì khác để bán nữa chứ chưa phải bán đến con nô lệ này ư?

Vừa nói lão vừa thúc ngựa tới, định bắt Người Đẹp Ba Tư mang đi. Chạm tự ái, Nuarétđin buông nạng ra, bảo đợi rồi xông tới tóm lấy dây cương, đẩy con ngựa giật lùi hai ba bước và mắng:

- Lão già độc ác này, nếu không nể mặt tất cả các ngài hiện diện ở đây, tao đã cho mày về châu ông bà ông vải rồi.

Vì không được một ai thương, trái lại ai cũng ghét lão cho nên trong số tất cả những người có mặt lúc này, ai cũng hân hoan thấy Nuarétđin làm nhục lão. Mọi người đều ra hiệu bảo chàng cứ việc, muốn trả thù thế nào cứ trả, chẳng ai dại gì dính vào việc tranh chấp giữa hai người.

Xaoui cố gắng để Nuarétđin buông dây cương, nhưng vốn là một thanh niên trai trẻ khỏe mạnh, lại được vẻ mặt của mọi người đứng chung quanh khích lệ, Nuarétđin lôi lão xuống ngựa đánh cho một trận thật lực khiến lão nằm thượt ra đất, đầu đổ máu me đầm đìa. Mười tên nô lệ theo hầu Xaoui định rút gươm xông vào đánh Nuarétđin, nhưng các nhà buôn đứng ra cản. Họ bảo chúng:

- Các anh định làm gì thế vậy? Các anh không thấy nếu bên này là tể tướng thì bên kia là con trai tể tướng. Hãy để cho họ thanh toán mỗi thù giằng giữa họ với nhau. Có thể rồi mai đây họ sẽ dàn hòa. Nếu các anh giết chết Nuarétđin, các anh tưởng chủ các anh có thể che chở cho các anh chẳng phải tội hay sao?

Nuarétđin đánh tể tướng đến mệt thì thôi. Rồi để lão nằm giữa đường, chàng dắt Người Đẹp Ba Tư trở về nhà, giữa tiếng hoan hô của dân chúng ca ngợi chàng có gan làm việc tày đình.

Bị trận đòn như tử, Xaoui nhờ bọn người nhà nâng dậy, vát vả lấm mới đứng lên được. Lão rất nhục nhã thấy người lấm láp những bùn và máu. Được hai tên nô lệ xốc nách, lão ta cứ đứng như vậy thẳng tới hoàng cung, trước con mắt của mọi người, trong lòng hết sức hoang mang vì không có một ai tỏ lòng thương hại. Đến gần phòng riêng của nhà vua, lão bắt đầu kêu khóc, than vãn một cách thảm thương xin vua hãy minh xét và trả thù cho lão. Vua sai triệu lão vào, hỏi kẻ nào dám hành hạ lão ta ra nông nổi này.

Xaoui kêu:

- Tàu bệ hạ, chính vì tôi được bệ hạ đoái thương, và thỉnh thoảng được phép góp ý cùng Người cho nên mới bị người ta đối xử thế này đây.

- Thôi ông đừng nói dông dài, – vua ngắt lời – hãy cho ta biết sự việc diễn ra như thế nào, và ai là kẻ dám xúc phạm ông. Nếu người ấy sai, ta sẽ bắt tội đích đáng.

Xaoui cố tình thuật lại sao cho lẽ phải thuộc về mình:

- Tàu bệ hạ, tôi vừa mới đi tới chợ bán các nữ nô lệ để tìm mua một con nấu bếp mà tôi đang cần. Vừa mới tới nơi, tôi nghe có người rao bán một nữ nô lệ với giá bốn ngàn đồng vàng. Tôi bảo con nô lệ ấy đến, đây là con nô lệ xinh đẹp nhất chưa ai từng thấy bao giờ. Tôi ngắm nghía, hết sức hài lòng, và hỏi nó là của ai, thì mọi người cho biết ấy là người của Nuarétđin, con của tể tướng đã quá cố Khacan.

Tàu bệ hạ, hỡi Người còn nhớ, cách đây chừng hai ba năm, bệ hạ có giao cho ông ấy một vạn đồng vàng bảo tìm mua một người nữ nô lệ. Ông ta đã dùng số tiền ấy để mua con này đây. Nhưng đã không dâng Người, mà ông ấy còn cho là Người không xứng đáng được hưởng, cho nên mang con bé ấy cho con trai. Từ khi ông ta qua đời cậu con trai ăn chơi phá tán hết tài sản, chỉ còn lại một nữ nô lệ ấy, cuối cùng cũng phải mang đi bán nốt. Và quả là người ta nhân danh nó mà ra bán thật. Tôi gọi nó đến, không nói chuyện con nô lệ đã giảm giá, và cũng chẳng nhắc tới hành động gian trá của thân sinh nó xưa đối với hoàng thượng, tôi bảo nó một cách hiền hậu: “Nuarétđin à, ta nghe các con buôn đặt giá con nô lệ của anh bốn nghìn đồng vàng. Ta biết rằng, rồi ganh nhau họ có thể trả giá cao hơn, nhưng anh nên nghe lời ta, hãy bán cho ta với giá bốn nghìn đồng. Ta mua dâng hoàng thượng, Đấng chúa tể và là chủ nhân của tất cả chúng ta. Rồi ta sẽ tâu với hoàng thượng ban cho người sự tốt lành. Như thế còn có lợi gấp muôn vạn lần những gì các nhà buôn khác có thể trả cho anh”. Đáng lẽ trả lời tôi một cách hiền hậu như tôi đối xử với nó, tên lão xược ấy dám nhìn tôi một cách hợm hĩnh và nói:

“Lão già xấu xa kia, ta thà cho không con nô lệ này cho một người Do Thái hơn là bán cho mày”.

Tôi không chút nóng giận, bảo: “Nhưng Nuarétđin à, mặc dù thân tôi chẳng có gì đáng kể, anh nói vậy, không thấy xúc phạm tới vua sao, Người đã làm cho cha anh được như ngày xưa khi ngài còn sống, và cho tất cả chúng ta được như thế này”. Lời trách đó đáng lẽ làm nó tỉnh ra, thì ngược lại, càng làm cho nó thêm hùng hổ. Nó bỏ nhào vào tôi như một tên điên, chẳng kể gì đến tuổi tác cũng như địa vị của tôi, nó kéo tôi xuống ngựa, đánh đập chán thì thôi, làm cho tôi ra nông nổi như bệ hạ thấy đây. Cúi xin ngài minh xét chính vì lợi ích của ngài mà tôi phải chịu một sự lăng nhục ghê gớm dường này.

Nói đến đây, lão cúi đầu, và quay mặt đi để cho nước mắt tuôn như mưa.

Bị những lời lẽ đầy dối trá ấy kích động, nhà vua rất bất bình. Mặt đỏ bừng bừng, vua quay sang viên chỉ huy đội quân cấm vệ đang đứng hầu bên cạnh, phán:

- Hãy cho bốn mươi tên lính đến cướp phá và cào nhà Nuarétđin, rồi dẫn nó về đây cho ta cùng với con nô lệ ấy!

Viên chỉ huy đội cấm vệ chưa ra khỏi phòng của vua thì một viên quan hầu, nghe được vua ra lệnh đó, liền vội vàng chạy trước. Tên anh là Xanjia, xưa vốn là nô lệ của Khacan, được ông tiến cử vào hoàng cung và nhờ vậy leo dần lên chức vị như hiện nay.

Chiếu ơn chủ cũ và nhiệt tình với Nuarétđin, mà anh ta biết từ khi chàng mới ra đời, và vốn cũng rõ mối thù của Xaoui đối với gia đình Khacan, anh không thể nghe lệnh của nhà vua mà không run sợ. Xanjia nghĩ thầm: “Hành động của Nuarétđin chẳng đến nỗi hung bạo như lời Xaoui kể lại. Lão ta đã ton hót với vua. Nhất định vua sẽ sai xử tử Nuarétđin mà không để cho chàng kịp thanh minh”.

Anh ta cố chạy thật nhanh, kịp đến nhà Nuarétđin, để báo cho biết những gì xảy ra trong hoàng cung, và bảo chàng kịp thời cùng Người Đẹp Ba Tư tẩu thoát. Xanjia đâm cửa thành thành, đến nỗi Nuarétđin, đã lâu rồi không có đầy tớ, phải tự mình chạy ra mở cửa không chút chần chừ.

- Thừa ngài thân mến, – Xanjia nói – ngài ở Banxôra không còn yên ổn nữa đâu. Hãy tẩu thoát ngay không được chậm trễ một phút nào!

- Vì sao như vậy? – Nuarétđin hỏi – Có việc gì khẩn cấp buộc ta phải ra đi?

- Ngài phải đi ngay, và mang theo cả cô nô lệ của ngài, tôi xin nói với ngài như vậy. – Xanjia thúc giục, và kể lại vắn tắt việc vừa xảy ra – Xaoui đã tâu với vua việc vừa xảy ra giữa ngài với lão ấy theo cách lão ấy thêu dệt. Viên chỉ huy cấm vệ đang theo bèn gót tôi để tới đây bắt ngài cùng cô nô lệ. Ngài hãy cầm tạm bốn mươi đồng vàng này để tìm nơi ẩn náu. Giá như trong người có sẵn thì tôi đã đưa biếu ngài nhiều hơn. Xin ngài thứ lỗi cho, tôi không kịp nói nhiều hơn nữa, tôi phải đi ngay vì lợi ích của ngài và cũng của tôi nữa, sao cho viên chỉ huy quân cấm vệ không nhìn thấy tôi đang ở nhà ngài.

Xanjia chỉ kịp để cho Nuarétđin nói hai tiếng cảm ơn, rồi vội vã đi ngay.

Nuarétđin báo cho Người Đẹp Ba Tư biết phải khẩn cấp chạy trốn ngay tức khắc. Nàng chỉ kịp đeo tấm mạng vào mặt và hai người cùng thoát ra khỏi nhà. Họ may mắn ra được vùng ngoại ô không ai trông thấy, lại còn đến được cửa sông ophorat, cách thành phố cũng khá xa để kịp xuống một chiếc

tàu sắp sửa nhổ neo.

Quả vậy, họ vừa mới tới, viên thuyền trưởng đã bước lên sàn tàu, giữa các hành khách. Ông hỏi: “Tất cả hành khách đều có mặt ở đây cả rồi chứ? Có ai còn công việc gì, hoặc có quên lại gì ở thành phố hay không?”.

Mọi người trả lời đã có mặt đông đủ, thuyền trưởng muốn giương buồm vào lúc nào xin cứ việc. Nuarétđin vừa xuống tàu, vội hỏi tàu đi đâu, và rất hoan hỉ biết tàu đi Bátđá. Thuyền trưởng hạ lệnh nhổ neo, kéo buồm. Thế là con tàu rời Banxôra, rất thuận gió thuận nước.

Trong khi Nuarétđin cùng Người Đẹp Ba Tư tẩu thoát để tránh cơn thịnh nộ của vua, viên chỉ huy quân cấm vệ đến nhà Nuarétđin đập cửa. Không thấy ai ra mở cửa. Ông cho phá cửa. Thế là bọn lính ủa vào.

Chúng sục sạo khắp nơi khắp chốn, không chừa một góc nào, nhưng không ai tìm thấy Nuarétđin cũng như người nô lệ gái đâu. Viên chỉ huy quân cấm vệ sai lính hỏi, và tự mình cũng hỏi các người hàng xóm xem có trông thấy chàng ở đâu không. Vì ai cũng thương yêu Nuarétđin, cho dù họ có thấy, thì cũng chẳng ai nói điều gì hại cho chàng. Trong khi quân lính cướp bóc và cào bằng ngôi nhà, viên chỉ huy trở lại tâu vua.

- Phải tìm ra cho bằng được hai tên ấy dù chúng trốn ở đâu. Ta muốn bắt chúng. – Vua phán.

Viên chỉ huy quân cấm vệ lại tiếp tục sai lính đi lục soát, trong khi Xaoui được vua cho về một cách vẻ vang:

- Ông hãy về nghỉ, chớ bận khoăn gì về việc trừng phạt Nuarétđin. Tự ta sẽ trả thù hộ ông tội lỗi xược của nó.

Không từ một phương sách nào, vua còn cho những người đi rao khắp thành phố, rằng sẽ thưởng một nghìn đồng vàng cho ai bắt được Nuarétđin cùng người nô lệ gái của chàng và mang đến nộp. Ai cho phép chàng ăn náu sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng cho dù việc đó có làm nhanh chóng, chu tất tới đâu, cũng chẳng thể nào biết được tăm hơi Nuarétđin. Lão tể tướng Xaoui chỉ có được mỗi một điều an ủi là nhà vua bệnh mình.

Trong thời gian đó, Nuarétđin cùng Người Đẹp Ba Tư vẫn thuận buồm xuôi gió. Cuối cùng họ đến được Bátđá. Người thuyền trưởng vui vẻ nói với hành khách:

- Các vị thân mến, xin hãy vui mừng, kia là thành phố vĩ đại và diệu kì, nơi mà khắp chốn cùng trên thế gian người ta luôn luôn và không ngớt đổ về. Các vị sẽ tìm thấy ở đây dân cư đông đúc. Các vị sẽ không phải chịu đựng những trận rét kinh hồn vào mùa đông cũng như chẳng phải trải qua những cơn oi nồng ngạt thở của mùa hạ. Ở đây quanh năm các vị sẽ thấy toàn thời tiết mùa xuân, với hoa thơm quả ngọt mùa thu.

Khi tàu cập bến cách xa thành phố một ít, hành khách đều lên bộ, mỗi người tìm về nơi mình nghỉ trọ. Nuarétđin trả mất năm đồng tiền vàng đi tàu, rồi cùng người đẹp của mình lên bờ. Nhưng, cả đời chưa bao giờ đặt chân tới Bátđá, chàng không biết tìm nơi trọ ở đâu. Hai người cứ đi bộ rất lâu, men theo các khu vườn hai bên bờ sông Tigrơ, rồi lần theo một bức tường thành dài và đẹp. Đi hết tường, họ trông thấy một đường phố lát đá cắt ngang, từ đây nhìn vào thấy cổng của khu vườn, cạnh đấy có một giếng nước rất đẹp.

Cái cổng rất nguy nga, cánh cổng đóng chặt, nhưng dưới mái có kê hai bên hai chiếc ghế dài. Nuarétđin bảo Người Đẹp Ba Tư:

- Kia là một nơi khá thuận tiện. chúng ta đã ăn tạm trước khi lên bờ, tôi nghĩ rằng chúng ta có thể nghỉ đêm ở đây, rồi sáng mai sẽ đi kiếm nơi trọ. Nàng nghĩ sao?

- Thưa ngài, ngài đã biết rằng thiếp đồng ý tất cả những điều gì ngài muốn – Người Đẹp Ba Tư nói – chúng ta chẳng cần đi xa hơn nữa, nếu ngài thích như vậy.

Hai người đến giếng uống nước, rồi cùng ngồi lên một chiếc ghế dài, chuyện trò với nhau một hồi. Cuối cùng, buồn ngủ, họ ngủ luôn trong tiếng nước chảy rì rào.

Khu vườn này vốn là của hoàng đế. Chính giữa vườn có một cung lớn gọi là Cung Hội họa, được gọi như vậy bởi vật trang trí chính ở đây là những bức tranh vẽ theo phong cách Ba Tư, do nhiều họa sĩ người Ba Tư, được hoàng đế vời đến trang trí. Phòng khách lớn và tráng lệ của cung này có tám mươi cửa sổ, mỗi cửa có một đèn treo. Tám mươi bộ đèn treo ấy chỉ được thắp sáng hôm nào hoàng đế muốn đến nghỉ ngơi qua tối ở đây, vào những lúc bầu trời tĩnh không có một hơi gió thoảng. Lúc đó, cảnh đèn thắp sáng thật huy hoàng, ngồi ở phòng khách này có thể nhìn thấy nông thôn ở xa và một phần thành phố.

Khu vườn này chỉ có mỗi một người gác cổng. Đó là một viên quan võ về già, rất cao tuổi tên là Sêch Iborahim. Hoàng đế cho lão canh cổng này để thưởng công lao. Vua nhiều lần dặn dò lão chớ có bạ ai cũng cho vào trong vườn, nhất là không cho ai được dưng chân và ngồi lên hai chiếc trường kỉ đặt ở ngoài cổng, để cho hai chiếc ghế lúc nào cũng sạch sẽ. Phải phạt vạ những ai dám ngồi vào đấy.

Hôm ấy, người canh cổng có chút việc đi chưa kịp về. Cuối cùng lão về. Lúc đó trời cũng còn sáng để có thể trông thấy hai người nằm ngủ trên một chiếc trường kỉ, người nào cũng trùm tấm vải kín đầu tránh muỗi đốt. Sêch Iborahim nghĩ thầm: “Kia là những người làm trái nghiêm lệnh của hoàng đế. Ta phải cho chúng một bài học, để chúng biết tôn trọng Người”.

Lão nhẹ nhàng mở cửa, không gây tiếng động, và lát sau trở lại, tay áo xắn cao, cầm một chiếc gậy lớn. Lão định phang thật mạnh vào hai người, nhưng dừng lại được “Sêch Iborahim ơi, – lão tự nhủ – mi định đánh họ, mà mi không cân nhắc, biết đâu đấy chẳng phải là người nước ngoài, họ chưa biết trọ ở đâu và cũng chưa rõ lệnh của hoàng đế. Tốt hơn trước hết mi hãy hỏi họ là ai”. Lão cẩn thận giở tấm vải phủ đầu hai người, và cực kì thán phục nhìn thấy một chàng trai rất khôi ngô cùng một cô gái cực kì xinh đẹp. Lão liền kéo nhẹ chân đánh thức Nuarétđin dậy.

Nuarétđin ngẩng đầu, vừa trông thấy một cụ già có bộ râu bạc dài đứng dưới chân mình, liền nhồm dậy, quỳ lên đôi chân gấp lại, cầm tay cụ hôn và hỏi:

- Chào cụ, cầu xin Thượng đế phù hộ cụ! Cụ muốn gì chẳng?

- Chào cậu. – Sêch Iborahim đáp – Cậu là ai? Cậu từ đâu đến?

- Chúng tôi là những người nơi khác vừa mới đặt chân tới đây. – Nuarétđin đáp. – Chúng tôi muốn nghỉ đêm tại chỗ này cho tới sáng mai.

- Nằm ở đây không thoải mái đâu. – Sêch Iborahim nói – Hãy đến đây, hãy vào trong này, lão sẽ cho các người một nơi ngủ thuận tiện hơn. Với lại trời bây giờ cũng hãy còn sáng, các người sẽ được ngắm khu vườn rất đẹp.

- Khu vườn này là của cụ ư?

Sêch Iborahim mỉm cười đáp:

- Đó là gia tài ông cụ thân sinh ra lão để lại cho. Nào, mời các bạn vào, các bạn sẽ thấy thích cho mà xem.

Nuarétđin đứng lên, cảm ơn sự nhã nhặn của Sêch Iborahim rồi cùng Người Đẹp Ba Tư bước vào vườn. Sêch Iborahim đóng cổng lại, đi trước dẫn hai người tới một nơi mà chỉ nhìn thoáng qua, đã có thể thấy bao quát trong tầm mắt cách xếp đặt quy mô và vẻ đẹp của khu vườn.

Nuarétđin từng xem nhiều vườn đẹp ở Banxôra nhưng chưa bao giờ thấy một cái nào đẹp như thế này. Sau khi ngắm nghía hồi lâu và tản bộ một vài đoạn đường trong vườn, chàng quay lại hỏi người gác cổng vẫn đi theo họ tên là gì.

- Sêch Iborahim. – Lão đáp.

- Thừa cụ Sêch Iborahim, – chàng nói – phải thú nhận đây là một khu vườn kì diệu. Cầu Thượng đế phù hộ cho cụ được sống ở đây! Chúng tôi không còn cách nào cảm tạ được hết nhã ý của cụ đã cho chúng tôi xem một nơi đáng xem thế này. Vì vậy, phải có cách đền ơn cụ chứ. Đây là hai đồng vàng, xin cụ cầm lấy, nhờ cụ giúp kiểm xem có thức gì ăn, để chúng ta cùng vui chung với nhau.

Nhìn thấy hai đồng tiền vàng, Sêch Iborahim vốn rất thích thứ kim loại này, cười nụ dưới chòm râu. Lão cầm lấy, để Nuarétđin và Người Đẹp Ba Tư lại đây còn mình đi mua sắm, bởi vì lão sống độc thân. Lão vui mừng tự nhủ: “Đây thật là những con người tốt bụng, hồi nãy nếu ta ngược đãi họ và đánh đuổi họ đi thì có phải sai lầm biết mấy không?”.

Trong khi Sêch Iborahim đi kiếm thức ăn tối cho lão cũng như cho cả hai người, Nuarétđin và Người Đẹp Ba Tư tản bộ trong vườn, và tới tận Cung Hội họa xây chính giữa vườn. Thoạt tiên họ dừng lại để ngắm cách kiến trúc tuyệt tác, bề rộng và chiều cao của cung. Sau khi đi vòng quanh xem tất cả các mặt, họ theo một cầu thang lớn bằng cẩm thạch dẫn lên phòng khách chính, nhưng cửa phòng đóng chặt.

Hai người vừa quay xuống hết cầu thang thì vừa lúc ấy Sêch Iborahim trở về, mang theo thức ăn. Nuarétđin ngạc nhiên hỏi:

- Cự Sêch Iborahim, cự bảo khu vườn này là của cự?

- Tôi đã bảo, và bây giờ tôi vẫn bảo như vậy. – Lão già đáp – Tại sao cậu lại hỏi câu ấy?

- Cả cái cung điện tuyệt đẹp này cũng là của cự? -Nuarétđin lại hỏi.

Không chờ đợi câu hỏi này, Sêch Iborahim có vẻ hơi thảng thất. Lão nghĩ thầm: “Nếu ta bảo không phải, thì họ sẽ hỏi ngay, làm sao ta là chủ khu vườn mà lại không là chủ của ngôi nhà này”. Đã nhớ nhận quàng khu vườn là của mình lão đành nhận quàng luôn cả cái cung vậy.

- Cậu ạ, – lão đáp – khu vườn này mà không có cái cung kia thì trông làm sao được, tất cả hai cái đều là của lão cả đấy.

Nuarétđin liền hỏi:

- Nếu quả như vậy, thì cự đã vui lòng coi chúng tôi là khách của cự đêm nay, xin cự làm ơn cho chúng tôi được xem bên trong. Nhìn từ ngoài, đã biết chắc là bên trong lộng lẫy cực kì.

Sau khi đã nhận quàng nhận xiên như vừa rồi, mà từ chối không cho khách xem bên trong thì thật chẳng lịch sự chút nào.

Lão suy nghĩ, hôm nay hoàng đế không sai người đến báo trước như thường lệ, có nghĩa là tối nay Người sẽ không tới đây, lão có thể mời khách vào cung ăn tối và lão có thể cùng dự. Lão đặt những thức ăn vừa mang về ở bậc cấp cuối cùng của cầu thang, rồi trở về nơi ở, tìm chìa khóa. Lát sau lão mang đèn trở lại, mở cửa.

Nuarétđin và Người Đẹp Ba Tư bước vào trong phòng khách. Hai người thấy nó kì thú quá nên ngắm nghía mãi không chán vẻ đẹp và đồ đạc sang trọng bên trong. Quả vậy, không nói tới các bức tranh, các ghế ngồi đều lộng

lấy. Cùng với các bộ đèn treo, ở mỗi cửa sổ lại có một giá đỡ nến. Nuarétđin không thể nhìn các vật này mà không nhớ lại và tiếc cảnh huy hoàng mình từng sống.

Trong lúc ấy, Sêch Iborahim mang thức ăn lên bày ra một chiếc sập. Sau khi lão dọn xong, Nuarétđin, Người Đẹp Ba Tư và lão cùng ngồi xuống dùng bữa. Rửa tay xong, Nuarétđin mở một cửa sổ và gọi Người Đẹp Ba Tư: “Hãy đến đây cùng với anh xem cảnh đẹp và khu vườn dưới ánh trăng, thật không có gì đáng yêu hơn”. Nàng tới gần hai người thưởng thức cảnh đẹp, trong khi ông lão lo dọn dẹp thức ăn còn lại. Lão làm xong, tới cạnh Nuarétđin. Chàng hỏi lão có thứ gì uống để chàng được đãi lão hay không. Sêch Iborahim hỏi lại:

- Cậu muốn dùng thứ gì nào? Nước trái cây nhé? Lão có thứ ngon tuyệt, nhưng cậu biết đấy, người ta không dùng nước trái cây sau bữa ăn tối.

- Tôi biết lắm chứ. – Nuarétđin đáp. – Tôi có hỏi cụ nước trái cây đâu, mà là chất khác cơ. Tôi lấy làm lạ sao cụ lại không hiểu ra.

- Vậy là cậu muốn nói đến rượu nho chứ gì? – Sêch Iborahim đáp.

- Cụ đoán ra rồi đấy. – Nuarétđin nói. – Nếu cụ có sẵn, xin cụ vui lòng mang cho một chai. Cụ đã biết là sau khi dùng bữa tối, người ta uống thứ đó nhàn nhá cho tới lúc đi ngủ.

- Cầu Thượng đế giữ gìn cho lão, chớ có bao giờ cất giữ rượu trong nhà! Và lão cũng chẳng bao giờ đặt chân tới gần chôn nào có mùi rượu! Một con người như lão, từng hành hương về La Méchơ những bốn lần, lão đã từ bỏ rượu suốt đời.

- Ấy thế nhưng cụ sẽ làm cho chúng tôi rất vui lòng nếu cụ kiếm được thứ ấy cho. – Nuarétđin nói. – Nếu cụ đồng ý, thì tôi xin bày cho cụ một cách, không cần bước chân vào trong quán, cũng chẳng cần mó tay vào vật dụng đựng thứ nước đó, mà vẫn mua được rượu như thường.

- Với điều kiện ấy thì lão vui lòng giúp, – Sêch Iborahim nói – cậu hãy cho lão biết nên làm như thế nào.

Nuarétđin liền nói:

- Chúng tôi nhìn thấy trong vườn cụ có buộc một con lừa, chắc đó là lừa của cụ, lúc nào cụ cần thì sẽ dùng tới chứ gì. Đây, xin cụ cầm lấy hai đồng vàng này nữa, cụ hãy dắt con lừa mang theo hai cái sọt, rồi hãy đến cái quán rượu gần nhất, mà cũng chẳng phải đến tận nơi làm gì. Gặp bất kì một người qua đường nào đó, cụ cho họ một ít tiền, nhờ họ dắt con lừa tới quán, mua hộ cho hai vò rượu, bỏ vào mỗi sọt một vò, trả tiền hộ rồi đánh con lừa trả lại cho cụ. Cụ chỉ cần đánh con lừa về đến đây, chúng tôi sẽ tự tay lấy hai cái vò từ trong sọt ra. Như vậy, cụ chẳng phải động chân mó tay vào thứ nước vẫn

làm cho cụ ghê tởm.

Hai đồng tiền vàng vừa trông thấy có công hiệu rõ rệt tới đầu óc của Sêch Iborahim. Nuarétđin dứt lời, lão thốt lên:

- Ô, cậu thông minh thật. Không có cậu, chẳng bao giờ tôi nghĩ ra cách kiếm được rượu cho cậu mà mình không cần phải ngại ngùng.

Lão để hai người lại trong phòng khách và đi làm phần việc được giao, nhaoáng một cái là xong. Lão vừa trở về, Nuarétđin bước xuống, nhắc hai vò rượu ra khỏi các sọt, mang lên phòng.

Sêch Iborahim đem lưã trở về chỗ cũ. Khi lão quay lại, Nuarétđin nói:

- Cụ Sêch Iborahim ạ, chúng tôi chẳng biết làm sao cảm tạ được hết sự vất vả của cụ vì chúng tôi, nhưng vẫn còn thiếu một thứ.

- Thứ gì vậy? Già này có thể giúp các bạn được chẳng? – Lão hỏi lại.

- Không có li để uống rượu. Và nếu cụ có thể cho thêm ít trái cây nữa thì tuyệt quá. – Nuarétđin đáp.

- Cần gì bạn cứ nói, chẳng thiếu thứ gì các bạn cần đâu. – Sêch Iborahim đáp.

Lão xuống cầu thang và lát sau bung lên một cái bàn bày nhiều đĩa sứ đẹp đựng đủ loại quả, cùng các li vàng, li bạc tha hồ mà chọn. Sau khi hỏi có cần gì khác nữa không, lão lui ra, mặc dù hai người mời rất khẩn khoản, lão vẫn không chịu ở lại.

Nuarétđin và Người Đẹp Ba Tư ngồi vào bàn, bắt đầu uống mỗi người một ly. Họ thấy rượu rất ngon.

Nuarétđin bảo nàng:

- Thế nào, người đẹp của ta ơi? Có phải là nhờ vào sự tình cờ đưa đẩy đến một nơi thoải mái và xinh đẹp thế này, khiến chúng ta trở thành người hạnh phúc nhất trần gian không? Chúng ta hãy vui lên, hãy ăn cho饱 những bữa cực khổ lúc đi đường. Đối với ta, có hạnh phúc nào có thể lớn hơn thế này, khi có nàng một bên và bên kia là chén rượu?

Họ uống thỏa thuê, chuyện trò vui vẻ, thỉnh thoảng mỗi người lại hát một bài.

Giọng hát của hai người đều hay, đặc biệt là giọng của Người Đẹp Ba Tư, làm cho Sêch Iborahim chú ý. Lão đứng dưới bậc thềm, nghe một cách thú vị mà không để cho hai người trông thấy. Cuối cùng lão thò đầu qua cửa, nói với Nuarétđin mà lão tưởng đã say:

- Nào, hãy mạnh dạn lên nữa đi, thưa ngài! Lão rất hân hoan thấy các bạn vui vẻ như vậy.

Nuarétđin quay lại kêu lên:

- Chao, cụ Sêch Iborahim, cụ thật là một người tốt bụng, chúng tôi hàm ơn cụ xiết bao. chúng tôi chẳng dám mời cụ uống một chén, song mời cụ hãy cứ vào nhà. Nào, mời cụ đến gần đây, ít nhất cũng cho chúng tôi được vinh dự hầu chuyện cụ.

- Cứ hát đi, hát nữa đi! – Sêch Iborahim đáp. – Tôi nghe các bạn hát hay, thế là đủ thích rồi.

Nói xong, lão biến mất.

Người Đẹp Ba Tư để ý thấy Sêch Iborahim dừng lại ở bậc thềm, liền cho Nuarétđin biết và hỏi thêm:

- Chàng thấy ông cụ ghét rượu, nhưng nếu chàng làm theo lời thiếp thì thiếp sẽ ép cụ uống rượu bằng được cho mà xem.

- Thế ư? Cần làm những gì, nàng cứ bảo, ta sẽ làm theo. – Nuarétđin đáp.

- Chàng chỉ cần mời sao cho cụ chịu vào đây ngồi chơi với chúng ta. Lát sau, chàng sẽ rót rượu ra li và đưa mời ông cụ uống. Nếu cụ từ chối, chàng cứ việc uống đi rồi giả vờ ngủ, còn mọi việc khác để thiếp lo.

Hiểu ý Người Đẹp, Nuarétđin gọi Sêch Iborahim, lão lại hiện ra khung cửa. Chàng nói:

- Cụ Sêch Iborahim ạ, chúng tôi là khách của cụ. Cụ đã đón tiếp chúng tôi cực kì lịch sự, lẽ nào cụ nỡ từ chối chúng tôi mời ngồi chơi cho có bạn? Chúng tôi đâu dám ép cụ uống rượu, chỉ mời cụ bước vào đây chơi thôi.

Sêch Iborahim nghe bùi tai. Lão bước vào, ngồi xuống mé sập nơi gần cửa ra vào nhất. Nuarétđin nói:

- Cụ ngồi đấy chẳng thoải mái đâu, và chúng tôi lại không được vinh dự nhìn rõ cụ. Xin cụ xích gần lại, hãy ngồi cạnh phu nhân đây, nàng rất muốn như vậy.

- Ngài đã bảo vậy thì lão xin vâng. – Sêch Iborahim đáp

Lão tiến tới, và mỉm cười thích thú vì sắp được gần kề một tuyệt thế giai nhân, lão ngồi xuống hơi cách xa Người Đẹp Ba Tư một ít. Nuarétđin mời nàng hãy hát một bài để cảm ơn vinh dự Sêch Iborahim chịu ngồi chơi với hai người. Lão nghe bài hát đến say sưa mê mẩn. Người Đẹp hát xong, Nuarétđin rót một li rượu đầy nâng mời lão:

- Cụ Sêch Iborahim ạ, mời cụ hãy cạn chén này chúc sức khỏe chúng tôi.

Sêch Iborahim vội vàng thụt lùi, làm như thể chỉ thoáng nhìn thấy rượu thôi đã đủ khiến cho lão kinh tởm:

- Ô, thưa ngài, xin miễn thứ cho. Tôi đã thừa với ngài, tôi bỏ rượu đã lâu.

Nuarétđin liền nói:

- Cự đã nhất quyết không muốn uống mừng sức khỏe cho chúng tôi, vậy xin cự vui lòng cho tôi uống mừng sức khỏe cự vậy.

Trong khi Nuarétđin cạn chén, Người Đẹp Ba Tư bỏ đôi một quả táo, đưa cho lão một nửa:

- Cự không muốn uống rượu, nhưng tôi tin cự không nỡ khước từ không nếm quả táo này, táo ngon tuyệt.

Sêch Iborahim không thể từ chối một bàn tay đẹp đến vậy đưa mời. Nàng lại nói với lão đôi câu tình tứ nữa. Trong khi đó Nuarétđin ngả người trên sập vờ ngủ. Ngay lập tức, Người Đẹp Ba Tư xích sát người lão và nói thì thầm: “Cự có thấy không, lần nào chúng tôi uống rượu với nhau cũng đều như vậy cả, anh ta chưa uống được hai chén đã lặn ra ngủ để mặc tôi một mình. Nhưng tôi hi vọng lần này cự ngồi chơi với tôi cho có bạn trong khi anh ấy ngủ”.

Nàng lấy một cái li, rót đầy rượu, nâng lên mời Sêch Iborahim:

- Xin cự hãy cầm lấy, hãy uống mừng sức khỏe tôi, rồi tôi sẽ uống mừng sức khỏe cự.

Sêch Iborahim làm ra vẻ khó khăn, nhiều lần xin nàng hãy miễn cho. Nhưng nàng nài ép quá, cuối cùng nể lời khẩn khoản và say mê vẻ kiêu diễm của nàng, lão uống một hơi cạn.

Lão già vốn thích rượu. Song lão xấu hổ không dám uống trước mặt những người không quen. Lão vẫn lén lút đến quán rượu như nhiều người khác, và lúc này thật ra lão chẳng cần thận làm theo những điều Nuarétđin bày cho khi chàng nhờ lão đi mua rượu đâu. Lão đến thẳng nhà một người bán rượu rất quen chẳng chút khách khí. Chẳng là đêm hôm khuya khoắt, chẳng lo ai nhìn thấy, và như vậy lại đỡ phải trả món tiền công nhờ người mua hộ, nếu làm theo cách Nuarétđin bày.

Trong khi Sêch Iborahim cạn chén xong, đang ăn nốt nửa quả táo, thì Người Đẹp Ba Tư đã rót một chén nữa, lần này lão uống không từ tốn như chén đầu. Đến chén thứ ba, nàng vừa đưa lão đã cạn luôn, chẳng chút khách khí. Lão định uống chén thứ tư thì Nuarêđin thôi không giả vờ ngủ, chàng nhòm đây, nhìn lão cười ha hả:

- Này cụ Sêch Iborahim ơi, tôi bắt quả tang rồi đấy nhé, cụ vừa nói với tôi cụ đã từ rượu, thế mà cụ vẫn uống.

Sêch Iborahim không chờ đợi cơ sự này. Lão hơi đỏ mặt. Tuy nhiên, không vì vậy mà lão không cạn chén. Uống xong, lão nói:

- Thưa ngài, nếu việc tôi làm là có tội thì tội ấy không phải tại tôi mà tại phu nhân đây gây nên. Trước mặt con người xiết bao kiêu diễm thế này, làm sao có thể không khuất phục được cơ chứ?

Người Đẹp Ba Tư làm ra vẻ bênh lão:

- Cụ Sêch Iborahim ạ, cứ để mặc anh ta nói, chớ có ngại, mời cụ cứ tiếp tục uống và vui chơi.

Lát sau, Nuarêđin rót rượu cho chàng và Người Đẹp. Thấy chàng không rót rượu cho mình, Sêch Iborahim cầm cái chén đưa ra và nói:

- Còn tôi? Ngài tưởng tử lượng tôi không bằng ngài sao?

Nghe câu đó, Nuarêđin và Người Đẹp Ba Tư cùng phá lên cười. Nuarêđin rót rượu cho lão, rồi ba người cùng tiếp tục vui đùa, cười cợt và uống cho tới gần nửa đêm. Lúc này, Người Đẹp Ba Tư chợt nhận ra từ này đến giờ bàn rượu chỉ được thắp sáng bằng mỗi một cây nến thôi. Nàng tiên nói với lão già gác cổng:

- Cụ Sêch Iborahim này, cụ mang lại đây cho chúng tôi chỉ mỗi ngọn đèn, mà kia có bao nhiêu là nến tốt? Xin cụ hãy vui lòng đốt tất cả lên cho sáng sủa.

Rượu đã ngà ngà, và đang nói chuyện dở với Nuarêđin, lão không buồn giữ lễ nữa, lão đáp:

- Muốn sáng thì cô hãy tự đi mà thắp lấy, việc đó hợp với một người trẻ trung như cô. Nhưng chú ý chỉ nên thắp năm, sáu cây là đủ.

Người Đẹp Ba Tư đứng lên, lấy một cây nến châm vào ngọn đang cháy trên bàn, rồi lần lượt thắp sáng hết tám mươi cây nến, chứ không chỉ năm, sáu cây như lời Sêch Iborahim dặn.

Lát sau, trong khi lão đang mãi nói chuyện với Người Đẹp về một chuyện gì đó, Nuarêđin xin lão hãy thắp vài ba bộ đèn treo. Sêch Iborahim đáp:

- Cậu hăn lười biếng lắm, hoặc là không mạnh khỏe bằng lão, thì mới không tự mình thắp được. Nào, hãy đi mà thắp các bộ đèn treo nhưng chỉ

được thấp ba chùm thôi nhé.

Nuarétđin thấp không chỉ ba, mà là tất cả tám mươi bộ đèn treo, và mở hết cửa sổ ra. Sêch Iborahim mãi nói chuyện với Người Đẹp Ba Tư cũng chẳng có ý kiến gì. Lúc ấy hoàng đế Harun An-Rasít chưa đi nghỉ. Vua đang ngồi trong một phòng khách ở hoàng cung xây sát bờ sông Tigơ, mặt quay về hướng khu vườn có Cung Hội họa. Tình cờ mở cửa sổ, vua cực kì ngạc nhiên thấy Cung Hội họa sáng choang. Thậm chí vùng sáng ấy lúc đầu còn làm vua ngỡ có một đám cháy nào trong thành phố. Lúc ấy tể tướng Giafa đang hầu cạnh vua. Ông đang chờ vua đi nghỉ để ông còn được trở về nhà. Hoàng đế giận dữ hỏi:

- Này, ông tể tướng chênh mảng kia, hãy đến đây, hãy xích lại gần đây mà xem Cung Hội họa, và hãy nói cho ta biết tại sao vào giờ này khi không có ta ở đó, đèn lại thấp sáng như vậy.

Nghe nói, tể tướng đã bắt đầu run, ông sợ điều vua phán là đúng sự thật. Ông tới gần, và càng run lẩy bẩy khi thấy quả đúng như vậy. Tuy nhiên, phải tìm cho được một cái cớ gì để mau mau làm giảm bớt cơn thịnh nộ của Người. Ông nói dối:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, thần không thể tâu bệ hạ một điều khác, ngoài chuyện cách đây bốn hoặc năm ngày, Sêch Iborahim có đến gặp thần cho biết lão có ý định tập hợp các chức việc trong giáo đường của lão, để cử hành một lễ vẫn được Người cho phép cử hành trong thời buổi thịnh trị này. Thần hỏi lão có muốn được giúp đỡ gì về buổi lễ này không, lão nhờ thần xin Người cho phép được hội họp và làm lễ ngay trong Cung. Thần cho lão, bảo lão có thể làm việc đó, thần sẽ tâu bệ hạ xin phép cho lão nhưng thần đã quên khuấy mất, xin bệ hạ tha thứ cho. Có lẽ Sêch Iborahim chọn hôm nay để làm lễ, và chắc là trong giáo đường, lão muốn cho họ được thưởng thức cảnh đẹp cho nên đã cho đốt nến lên chằng.

- Giafa à, – hoàng đế nói, giọng đã có vẻ nguôi nguôi – theo như ông vừa nói, ông đã phạm một lúc ba tội không thể tha thứ: Một là, đã cho phép Sêch Iborahim cử hành buổi lễ trong cung của ta, một anh canh cổng bình thường đâu phải là một vị đại thần để được hưởng vinh dự lớn đến như vậy; hai là, đã không tâu cho ta rõ; và thứ ba là đã không hiểu rõ ý định thực của lão ấy. Quả vậy, ta tin lão gặp ông là có ý đồ xem có xin được món bổng lộc đỡ cho việc chi phí không. Ông đã không nghĩ tới điều đó cho nên lão trả thù bằng cách phung phí một món còn lớn hơn là thấp sáng tất cả đèn nến thế này. Và ta cho lão làm như vậy cũng chẳng phải sai.

Đại tể tướng Giafa nhẹ hẫng người khi thấy hoàng đế xoay câu chuyện sang giọng ấy. Ông vui mừng xin nhận về mình tất cả tội lỗi, và thẳng thắn thú nhận là mình đã sai khi không ban cho Sêch Iborahim một vài đồng vàng.

Hoàng đế mỉm cười nói tiếp:

- Cơ sự đã như vậy, thì phạt ông về những lỗi lầm đã mắc là sự công bằng. Nhưng hình phạt này cũng sẽ nhẹ nhàng thôi. Ấy là đêm hôm nay ông phải thức cùng ta, và cùng ta đến chơi với những người ấy, ta muốn gặp họ. Trong khi ta mặc áo quần như thể mình là một trưởng giả, ông hãy cùng Mêrua cải trang đi. Xong, hai người trở lại đây cùng với ta.

Tể tướng Giafa định nói là đêm đã khuya, có lẽ những người hội họp sẽ về trước khi vua tới, song hoàng đế trả lời là mình nhất quyết muốn xem. Bởi vì việc hội họp chẳng qua là do tể tướng vừa bịa ra, nên ông cực kì tuyệt vọng khi nghe vua nhất quyết đòi đi bằng được, nhưng đành phải vâng lời, đâu có được phép cãi lại vua.

Vậy là hoàng đế ra khỏi cung, ăn vận như trưởng giả, có tể tướng Giafa và trưởng hoạn nô Mêrua theo hầu. Ba người đi bộ qua các đường phố của Bátđã tới khu vườn. Cổng vườn mở toang, bởi Sêch Iborahim đã sợ ý không đóng khi đi mua rượu về. Hoàng đế hết sức bất bình về chuyện đó:

- Giafa à, – vua nói – cổng mở toang hoang vào giờ này có nghĩa là thế nào? Có phải là Sêch Iborahim vẫn có thói quen để ngỏ cổng ban đêm thế này sao? Ta hi vọng là chỉ vì bối rối với buổi lễ cho nên lão mới sợ ý lần này là một mà thôi.

Hoàng đế bước vào vườn, đến gần cung, nhưng không muốn vào phòng khách khi chưa biết có chuyện gì trong ấy. Vua hỏi ý kiến tể tướng xem có nên leo lên các cây cao ở gần đó để nhìn vào hay không. Nhưng nhìn vào cửa phòng khách, tể tướng thấy nó hé mở, liền báo cho nhà vua biết. Quả là Sêch Iborahim đã để hé như vậy, khi lão bị Nuarétđin và Người Đẹp Ba Tư khẩn khoản mời vào cho bằng được để cùng uống rượu với nhau.

Hoàng đế bỏ ý định trước, vua nhẹ nhàng bước lên phòng khách. Cửa phòng khách hé mở, có thể đứng ở ngoài nhìn vào trong mà không bị những người bên trong nom thấy. Vua cực kì ngạc nhiên khi thấy một phụ nhân xinh đẹp có một không hai đang ngồi cùng một chàng trai vào loại tuấn tú nhất, còn lão Sêch Iborahim thì chễm chệ ngồi uống rượu với họ. Lúc ấy Sêch Iborahim đang nâng li nói với Người Đẹp Ba Tư:

- Thừa cô nương xinh đẹp, một người sành rượu không bao giờ cạn chén mà trước khi uống không hát đôi ba câu. Xin cô nương vui lòng lắng nghe cho, bài tôi sắp hát đây là một trong những bài tình ca đẹp nhất.

Lão hát thật. Hoàng đế càng hết sức ngạc nhiên; cho đến lúc bấy giờ vua không biết lão già này nát rượu mà vẫn cho đây là một con người khôn ngoan, trịnh trọng, như bộ dạng hàng ngày của lão. Vua cẩn thận lùi xa, bước xuống mấy bậc thềm nói với tể tướng Giafa đang đứng ở đây:

- Hãy lên đây, và nhìn thử xem bên trong có phải là các chức sắc giáo đường hay không, như lời ông nói với ta.

Nghe giọng vua, tể tướng biết cơ sự rõ ràng không hay cho mình rồi. Ông bước lên, nhìn qua khe cửa, và run lên cho tính mạng của mình khi thấy cảnh tượng ba người nghênh ngang trong phòng khách của vua. Trở lại hết sức hoang mang, tể tướng không biết tâu với vua thế nào. Hoàng đế nói:

- Thật lộn xộn quá! Người ta dám cả gan đến vui chơi trong vườn và trong cung của ta. Lão Sêch Iborahim đã cho phép họ vào, lại cùng vui đùa với họ nữa chứ! Tuy nhiên ta nghĩ rằng thật khó có một chàng trai và một cô gái nào lại khôi ngô, xinh đẹp và xứng đôi vừa lứa hơn. Trước khi nổi cơn thịnh nộ, ta muốn biết rõ hơn họ là ai và đến đây nhân dịp gì.

Vua lại bước lên gần cửa để quan sát. Tể tướng đi theo, đứng đằng sau trong khi vua chăm chú nhìn. Cả vua và tể tướng cùng nghe Sêch Iborahim đang nói với Người Đẹp Ba Tư:

- Cô nương đáng yêu ơi, để cho niềm vui của chúng ta tối hôm nay được trọn vẹn, cô có ước mong một điều gì chẳng?

Người Đẹp Ba Tư đáp:

- Tôi nghĩ rằng mọi việc sẽ càng tốt đẹp hơn nếu cụ có một nhạc cụ nào đó mà tôi biết chơi, thì cụ vui lòng mang giúp lại đây cho tôi mượn.

- Cô có biết chơi đàn tì bà không, thưa cô nương? -Sêch Iborahim hỏi.

- Cụ mang đến đây, rồi cụ sẽ thấy. – Người Đẹp Ba Tư đáp.

Chẳng cần phải đi đâu xa, Sêch Iborahim lôi trong một cái tủ ra một cây tì bà đưa cho Người Đẹp Ba Tư. Nàng bắt đầu so dây. Hoàng đế liền quay lại nói với tể tướng Giafa:

- Giafa à, cô gái trẻ này sắp chơi đàn tì bà, nếu nó chơi hay ta sẽ tha tội cho nó, cũng như vì nó mà ta tha tội cho chàng trai. Còn ông thì ta không thể tha, mà cho treo cổ.

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – tể tướng Giafa đáp – nếu quả như vậy thì tôi cầu xin Thượng đế cho cô ấy chơi tồi.

- Tại sao vậy? – Hoàng đế hỏi.

- Vì được chết cùng lúc với người đẹp và tươi vui thế kia cũng được an ủi phần nào. – Tể tướng đáp.

Vốn thích những câu bông đùa, vua phá ra cười. Rồi quay về phía cửa mở hé, vua lắng nghe Người Đẹp Ba Tư chơi đàn.

Nàng bắt đầu dạo nhạc. Chỉ nghe qua mấy cung, hoàng đế đã biết ngay cô này là một tay chơi nhạc vào bậc thầy. Tiếp đó nàng vừa đàn vừa hát, giọng

hay tuyệt vời. Nàng trình bày đầy nghệ thuật và điêu luyện đến nỗi hoàng đế cũng phải say mê.

Người Đẹp hát xong. Hoàng đế xuống cầu thang. Tể tướng theo sau. Vua bảo ông:

- Đời ta chưa từng được nghe một người nào hát giọng hay và chơi đàn giỏi như vậy, Ixăc, người mà ta vẫn cho là người đánh đàn giỏi nhất thế gian, chắc cũng còn kém xa. Ta hài lòng đến nỗi muốn vào để nghe cô ấy đánh đàn trước mặt ta. Cái chính là ta nên vào bằng cách nào đây.

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – tể tướng Giafa nói – nếu ngài bước vào lúc này và Sêch Iborahim nhận ra ngài thì lão ta sẽ chết vì khiếp đảm.

- Đó chính là điều làm ta băn khoăn, – vua nói – ta không muốn gây nên cái chết của lão sau khi lão đã hầu hạ ta một thời gian dài như vậy. Ta vừa nảy ra một ý, có thể được việc. Ông hãy ở lại đây cùng Mêrua, và chờ ta ở đầu lối đi thứ nhất ở trong vườn.

Vì khu vườn ở sát bờ sông Tigrơ, hoàng đế đã cho xây một hồ đẹp, thông với sông, cá sông Tigrơ thường đến trú trong hồ. Những người đánh cá đều biết vậy và rất muốn đến đánh cá ở đây, nhưng hoàng đế đã ra lệnh cho Sêch Iborahim dút khoát cấm không cho một ngư phủ nào bén mảng tới. Tuy nhiên, đêm hôm đó, sau khi hoàng đế vào và vẫn để ngỏ cổng như cũ, thì một người đánh cá nhân cơ hội lẻn vào trong vườn, tới tận hồ nước. Anh ta buông lưới, sắp sửa kéo lên, thì hoàng đế đến. Thấy Sêch Iborahim chênh mảng không đóng cổng, vua biết ngay thế nào cũng có người vào trộm cá, cho nên muốn nhân đó thực hiện ý định của mình. Mặc dù vua đã cải trang, người đánh cá vẫn nhận ra được, anh ta vội quỳ mọp xuống dưới đất van xin tha tội, nói rằng vì quá nghèo đói cho nên trót làm càn. Vua đáp:

- Hãy đứng lên, chớ sợ gì cả! Và cứ kéo lưới đi, để ta xem có cá hay không!

Yên tâm, người đánh cá vội vàng làm theo lời vua phán, và kéo lên được năm, sáu con cá thật đẹp. Vua chọn hai con to nhất, sai bẻ cành cây xâu lại với nhau.

Tiếp đó vua bảo người đánh cá:

- Hãy đưa chiếc áo của anh cho ta mượn và hãy mặc áo của ta vào!

Việc đổi áo làm xong trong nháy mắt. Hoàng đế đã cải trang thành ngư phủ, từ đôi dép dưới chân cho tới chiếc khăn đội đầu. Vua bảo người đánh cá:

- Hãy cầm lấy lưới và đi chỗ khác làm tiếp công việc của mày!

Người đánh cá hớn hờ vì vận may. Anh ta vừa đi khỏi, hoàng đế xách hai

con cá trở lại tìm tể tướng Giafa và Mêrua. Vua đến trước mặt, Giafa chưa nhận ra:

- Mày định xin xỏ cái gì? Hãy đi đi! – Ông đuổi. Hoàng đế phá ra cười. Tể tướng lúc này mới nhận ra:

- Có thể nào chính bệ hạ đó ư, tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ? Tôi thật không nhận ra Người, xin miễn thứ cho tội bất kính. Bây giờ Người đã có thể vào trong phòng khách, mà không sợ Sêch Ibơrahim nhận ra nữa.

- Hai ông cứ đứng đây, – vua bảo tể tướng Giafa và Mêrua – trong khi ta đóng vai người đánh cá.

Hoàng đế bước lên, đập cửa phòng khách. Nuarétđin nghe, bảo cho Sêch Ibơrahim biết hình như có ai hỏi lão đấy.

Hoàng đế mở cửa, và chỉ bước một chân vào phòng khách đủ cho mọi người trông thấy thôi, vua nói:

- Cụ Sêch Ibơrahim ạ, tôi là Kêrim dân chài đây mà. Tôi vừa đánh được hai con cá rất ngon. Thấy cụ tiếp đãi bạn bè, tôi vào hỏi cụ có cần cá hay không.

Cả Nuarétđin lẫn Người Đẹp Ba Tư đều mừng rơn khi nghe nói có cá. Nàng nói:

- Cụ Sêch Ibơrahim ạ, xin cụ vui lòng cho anh ta vào để chúng tôi được xem cá của anh ta.

Sêch Ibơrahim không còn đủ minh mẫn để hỏi người đánh cá làm sao và từ đâu vào được tận đây. Lão chỉ còn nghĩ tới chuyện làm vui lòng Người Đẹp. Vất vả lắm lão mới xoay mình được về phía cửa. Vì đã quá chén, lão lấp bắp hỏi nhà vua, mà lão vẫn ngỡ là người chài:

- Hãy vào đây, thằng ăn trộm kia, hãy vào đây, cho chúng ta xem cá của mày!

Hoàng đế tiến lên, bắt chước rất khéo dạng điệu của người dân chài, đưa trình hai con cá.

- Mấy con cá ngon quá. – Người Đẹp Ba Tư nói. – Tôi sẵn lòng dùng nếu được nấu nướng cho thơm tất vào.

- Cô nương nói có lí. – Sêch Ibơrahim nói. – Cá còn sống như thế này thì mày bảo chúng ta dùng làm gì? Mày hãy đưa đi nấu rồi mang lại đây cho chúng ta, trong nhà bếp có đủ mọi thứ cần thiết đấy.

Hoàng đế trở lại nói với tể tướng Giafa:

- Giafa à, họ đón tiếp ta tử tế lắm, nhưng đòi ta phải nấu cá cơ.

- Xin ngài để tôi làm, chỉ một lát là xong ngay thôi mà. – Tể tướng nói.

- Ta muốn sắm vai của mình cho đến cùng, cho nên tự ta sẽ nấu lấy. Ta đã sắm thật đạt vai ngư phủ, thì ta cũng phải sắm được vai đầu bếp chứ. Thời còn trẻ, ta vẫn làm bếp mãi, ta nấu nướng không xoàng đâu.

Nói đến đây, vua đi xuống căn nhà nhỏ của Sêch Iborahim. Tể tướng và Mêrua đi theo.

Cả ba người cùng bắt tay vào việc, tuy căn bếp của nhà Sêch Iborahim không rộng nhưng có đủ sẵn mọi thứ họ cần, chẳng bao lâu họ nấu xong món cá. Hoàng đế mang đĩa cá lên, sau khi bày ra bàn, vua còn để trước mặt mỗi người một quả chanh, ai cần thì dùng. Ba người ăn ngon lành, đặc biệt là Nuarétđin và Người Đẹp Ba Tư. Trong khi đó hoàng đế vẫn kiên nhẫn đứng hầu.

Ăn xong, Nuarétđin nhìn hoàng đế nói:

- Bác đánh cá ạ, không thể có món cá nào ngon hơn thế này, bác đã làm cho chúng tôi hết sức hài lòng. Vừa nói chàng vừa cho tay vào túi người lôi ra túi tiền đựng ba mươi đồng vàng, phần còn lại trong số bốn mươi đồng mà Xanjia, quan hầu của Banxôra, đã cho trước khi chàng lên đường.

- Hãy cầm lấy, – chàng nói – giá mà có thì tôi còn trả cho bác nhiều hơn nữa, giá bác gặp tôi trước khi tôi tiêu tán gia tài điền sản, thì tôi đã giúp cho bác thoát khỏi cảnh nghèo. Tuy nhiên bác hãy vui lòng nhận lấy món tiền nhỏ, cứ coi như thế nó to lớn hơn thế này nhiều.

Hoàng đế đón lấy túi tiền, cảm ơn, và cảm thấy trong túi có vàng, vua nói với Nuarétđin:

- Thừa ngài, tôi không cảm tạ được hết tấm lòng hào hiệp của ngài. Gặp được những con người lịch sự như các vị thật là cả một niềm hạnh phúc. Tuy vậy trước khi lui về, tôi có một lời cầu xin, mong ngài chớ khước từ. Trông thấy cây đàn tì bà kia, tôi nghĩ thế nào cô nương đây cũng biết đàn. Nếu ngài nói giúp được, xin cô nương vui lòng cho nghe một khúc, thì tôi thật hân hạnh mà ra về, xưa nay tôi vốn mê nghe đàn tì bà.

- Người Đẹp Ba Tư à, – Nuarétđin liền nói ngay với nàng – xin nàng hãy ban cho tôi ân huệ ấy, mong nàng không chối từ.

Nàng cầm cây đàn, sau khi so dây, vừa hát vừa tự đệm đàn. Hát xong, nàng vẫn tiếp tục dạo nhạc, tài hoa đến nỗi hoàng đế mê mẩn.

Người Đẹp Ba Tư đàn dứt, hoàng đế kêu lên:

- Chao! – Giọng hát, tay đàn và nghệ thuật mới tuyệt diệu làm sao. Chưa bao giờ có ai hát hay hơn, chưa bao giờ có ai chơi đàn tì bà hay hơn thế. Chưa bao giờ có ai được nghe và xem cảnh tượng như thế này.

Vốn quen nếp biểu không những vật mình có cho bất cứ ai ngỏ lời ngời

khen, Nuarétđin liền nói:

- Bác chài ạ, tôi xem bác cũng là người sành sỏi đấy. Vì bác đã tỏ ý thích cô nương đây đến như vậy, thì tôi biểu bác, cô ta thuộc về bác rồi đấy. Vừa nói chàng vừa đứng lên cầm chiếc áo ngoài lúc nãy vừa cởi ra, định mặc vào và bỏ đi nơi khác để cho hoàng đế mà chàng vẫn cho là một ngư phủ, được làm chủ Người Đẹp Ba Tư.

Cực kì ngạc nhiên trước sự hào phóng của Nuarétđin, Người Đẹp ngăn chàng lại, âu yếm nhìn và nói:

- Ngài định đi đâu, thưa ngài? Hãy gượng, thiếp van ngài, xin mời ngài hãy yên vị, và hãy nghe thiếp đàn và hát khúc hát này!

Chàng làm theo lời nàng. Thế là tay nâng đàn, nước mắt rung rung, nàng ứng khẩu hát một bài ngụ ý trách móc chàng không yêu mình cho nên mới dễ dàng biểu không một cách tàn nhẫn như vậy cho Kêrim, một người dân chài – cũng như chàng, nàng không biết đấy là hoàng đế – Hát xong, nàng đẩy cây đàn sang bên rồi rút khăn che mặt, khóc nức nở.

Trước những lời trách móc ấy, Nuarétđin vẫn không nói năng. Thái độ lặng im của chàng chứng tỏ chàng không hối hận là đã biểu nàng cho người đánh cá. Nhưng hoàng đế ngạc nhiên vì những điều vừa nghe, liền hỏi lại:

- Thưa ngài, theo như tôi thấy đây, cô nương cực kì xinh đẹp, rất hiếm có, rất đáng thán phục, mà ngài hào hiệp biểu tôi, là nô lệ của ngài. Vậy ra ngài là chủ nhân?

- Đúng như vậy đó, Kêrim ạ, – Nuarétđin đáp – và rồi bác sẽ càng ngạc nhiên nhiều hơn nữa nếu biết rõ tất cả những điều không may xảy đến cho ta từ ngày có cô nương này đây.

- Ô, thế thì ngài làm ơn kể đi. – Hoàng đế vẫn đóng rất khéo vai ngư phủ. – Xin ngài hãy vui lòng cho tôi được nghe câu chuyện của ngài.

Nuarétđin vừa biểu nhà vua một thứ của cải quý báu hơn nhiều, chàng còn tiếc gì mà không vui lòng thỏa mãn lời cầu xin này. Chàng thuật lại, bắt đầu từ việc tể tướng cha chàng mua Người Đẹp Ba Tư để dâng vua Banxôra, và không bỏ qua một chi tiết nào về những việc đã xảy ra sau đó, cho đến khi chàng cùng nàng chạy đến Bátđá.

Chàng thuật xong, nhà vua hỏi:

- Vậy bây giờ ngài định đi đâu?

- Tôi đi đâu ư? – Nuarétđin đáp. – Tôi chỉ còn biết nhắm mắt đưa chân, tùy trời đất run rủi.

- Nếu ngài tin lời tôi, – hoàng đế nói – thì ngài chớ đi đâu nữa. Ngược lại, ngài nên trở về Banxôra. Tôi sẽ viết cho ngài một bức thư, ngài sẽ đưa cho

nhà vua, bảo là thư của tôi. Ngài sẽ thấy là sau khi đọc thư, vua sẽ đón tiếp ngài tử tế và chẳng ai dám nói ngài gì đâu.

- Bác Kêrim à, – Nuarétđin nói – điều bác nói với tôi thật quá đỗi lạ lùng. Có bao giờ một người đánh cá như bác lại thư từ đi lại với một nhà vua!

- Xin ngài chớ ngạc nhiên, – hoàng đế đáp – thuở nhỏ nhà vua ấy với tôi cùng học chung một thầy. Chúng tôi xưa nay vẫn là những người bạn chí cốt. Đúng là số phận chúng tôi không giống nhau. Trời cho ông ấy làm vua còn tôi là người đánh cá. Mặc dù kẻ sang người hèn, tình bạn giữa chúng tôi vẫn không giảm sút. Ông ta đã nhiều lần hết sức nồng nhiệt muốn giúp đỡ tôi thoát khỏi cảnh nghèo hèn. Đáp lại sự ân cần ấy tôi chỉ xin ông ta đừng chối từ bất cứ điều gì khi tôi có việc cần nhờ ông giúp đỡ bạn bè. Xin ngài cứ để mặc tôi làm. Rồi ngài sẽ thấy kết quả cho mà xem.

Nuarétđin chấp thuận điều hoàng đế muốn. Vì trong phòng khách có đủ những thứ cần thiết, vua biên ngay cho quốc vương Banxôra một bức thư. Phía trên bức thư, gần sát góc phải trang giấy vua ghi thêm dòng sau đây, chữ thật bé: *“Nhân danh Thượng đế bác ải vô cùng”*. Đó là câu ước lệ để nói rõ hoàng đế muốn tuyệt đối được tuân lệnh.

THƯ CỦA HOÀNG ĐẾ HARUN AN-RASÍT GỬI QUỐC VƯƠNG BANXÔRA

“Harun An-Rasít, con trai của Matđi, gửi thư này tới Môhamét Zinobi, em họ của tôi. Chừng nào Nuarétđin con trai tể tướng Khacan, người mang thư này tới đưa cho chú và chú đã đọc xong, ngay lập tức chú cởi áo hoàng bào ra, mặc cho người đỏ và mời người đỏ ngồi lên ngay vàng thay chú. Phải chấp hành ngay.

Chào vĩnh biệt”.

Hoàng đế viết xong, gấp lại và niêm phong bức thư, đưa cho Nuarétđin. Vua không cho chàng biết nội dung thư mà chỉ dặn:

- Hãy cầm lấy, và xuống tàu, đi ngay chuyến sắp khởi hành, hôm nào cũng có một chuyến nhỏ neo vào giờ này. Ngài sẽ ngủ đêm trên tàu.

Nuarétđin cầm thư lên rồi lên đường với ít tiền còn lại trong số tiền Xanjia cho hôm trước, trong khi Người Đẹp Ba Tư hết sức buồn bã về việc chàng ra đi, ngồi thu lu vào một góc sập và khóc như mưa.

Nuarétđin vừa ra khỏi phòng khách, thì Sêch Iborahim nãy giờ vẫn im lặng, đưa mắt nhìn hoàng đế, mà lão vẫn ngỡ là anh chàng Kêrim, và bảo:

- Hãy nghe đây, Kêrim, anh mang đến hai con cá chỉ đáng giá nhiều lắm là hai mươi lăm đồng tiền kẽm. Ấy thế mà người ta trả cho anh cả một túi tiền và một nữ nô lệ, anh nghĩ rằng tất cả cái đó là phần anh hết sao? Ta nói cho

anh biết, ta đòi chia một nửa con nô lệ. Còn về túi tiền, hãy đưa cho ta xem bên trong đựng gì, nếu là bạc, thì cho anh cầm lấy một đồng, nếu là vàng thì ta lấy hết và cho anh vài đồng kẽm hiện còn trong túi của ta kia.

Muốn hiểu rõ sự tình sắp xảy ra, ta cần nhớ trước khi bung món cá vào phòng khách, hoàng đế sai đại tể tướng Giafa mau mau trở lại hoàng cung, gọi bốn tên hầu mang một bộ trang phục của vua đến chờ ở phòng bên, đợi lúc nào vua vỗ tay ra hiệu thì mang vào. Tể tướng đã thi hành mệnh lệnh đó, lúc này đang cùng Mêrua và bốn tên hầu đứng chờ ở nơi quy định. vẫn đóng vai người đánh cá, hoàng đế mạnh dạn đáp lời Sêch Iborahim:

- Nay cụ Sêch Iborahim, tôi không biết có gì trong túi tiền, bất kì là bạc hay vàng, tôi đều vui lòng chia cho cụ một nửa, còn về người nô lệ, tôi muốn dành riêng cho mình thôi. Nếu cụ không bằng lòng điều kiện ấy thì cụ chẳng được gì sất.

Nổi giận về sự láo xược của một tên chài đối với mình, Sêch Iborahim vớ ngay một chiếc đĩa sứ trên bàn, ném vào đầu hoàng đế. Nhà vua chẳng khó khăn gì mà không tránh được vật do một người say rượu ném, cái đĩa va vào tường, vỡ tan. Ném hụt, Sêch Iborahim còn nổi nóng hơn, lão cầm một cây đèn sẵn trên bàn để soi đường, rồi đứng lên chân nam đá chân chiêu loạng choạng theo một cầu thang gạch, đi tìm cây gậy.

Thừa cơ, hoàng đế vỗ tay. Đại tể tướng Mêrua cùng bốn tên hầu đồng loạt bước vào. Trong nháy mắt những người hầu giúp vua cởi bộ quần áo dân chài và mặc hoàng bào vào. Họ chưa làm xong việc, đang còn xúm xít chung quanh nhà vua, lúc đó vừa ngự lên chiếc ngai có sẵn trong phòng khách, thì Sêch Iborahim bị món lợi thôi thúc bước vào, tay cầm một cái gậy tướng. Lão định nện cho tên chài một trận ra trò. Không thấy người chài đâu, chỉ thấy bộ quần áo của anh ta vút trên mặt đất, trong khi hoàng đế lại ngự trên ngai vàng, hai bên có tể tướng và Mêrua đứng hầu. Trước cảnh tượng đó lão đứng khựng lại, không biết mình đang thức hay đang ngủ. Thấy vẻ kinh ngạc của lão, hoàng đế phá ra cười:

- Nay Sêch Iborahim, lão cần gì? Lão tìm ai?

Lão già không nghi ngờ gì nữa, trước mặt mình chính là hoàng đế, vội vàng quỳ mọp, dập mặt cùng bộ râu dài xuống đất.

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – lão thốt lên – kẻ nô lệ hèn hạ này đã xúc phạm Người, cúi xin Người đại xá cho.

Lúc ấy bốn người hầu đã giúp vua mặc xong áo. Vua bước xuống ngai và nói:

- Hãy đứng lên, ta tha tội cho lão.

Hoàng đế quay lại nói với Người Đẹp Ba Tư. Lúc này nàng đang cố nén

nổi đau khi hiểu ra khu vườn và cung điện này thuộc về nhà vua, chứ không phải của Sêch Iborahim như lão nói dối, và chính nhà vua cũng đã cải trang thành người dân chài. Hoàng đế bảo nàng:

- Hỡi Người Đẹp Ba Tư, hãy đứng lên và đi theo ta! Sau những điều vừa thấy hân hạnh đã rõ ta là ai, hân hạnh vị ta không phải là không xứng đáng được Nuarétđin biểu không hân hạnh với lòng hào phóng chưa từng thấy. Ta đã đưa chàng sang Banxôra để làm vua bên ấy, rồi sẽ cho nàng trở về làm hoàng hậu chừng nào chuẩn bị xong những nghi thức cần thiết để làm lễ đăng quang cho chàng. Trong khi chờ đợi, ta cấp cho nàng một căn nhà trong hoàng cung, ở đó nàng sẽ được đối xử xứng đáng với danh vị hoàng hậu của nàng.

Những lời lẽ đó làm cho Người Đẹp Ba Tư yên lòng và vui mừng rõ rệt. Nàng đôi buồn làm vui khi được biết Nuarétđin mà nàng yêu tha thiết, vừa được cất nhắc lên một địa vị cao sang. Hoàng đế thực hiện lời hứa với nàng. Vua còn gửi gắm nàng cho hoàng hậu Zôbêit, sau khi nói cho hoàng hậu biết vua trọng dụng Nuarétđin như thế nào.

Chuyến trở về của Nuarétđin thuận lợi và nhanh chóng hơn mong ước của chàng. Đến Banxôra, chàng không hề gặp người quen hoặc bạn bè. Chàng vào thẳng hoàng cung, vừa lúc nhà vua đang cho triều yết. Chàng nâng cao bức thư, rẽ đám đông mà vào. Mọi người dạt ra nhường chỗ cho chàng dâng thư lên vua. Nhà vua đón nhận, mở ra đọc xong thì biến sắc. Vua hôn thư ba lần, và sắp thực hành mệnh lệnh của hoàng đế thì chợt nảy ra ý trao cho Xaoui, kẻ thù không đội trời chung của Nuarétđin, xem.

Xaoui đã nhận ra Nuarétđin và đang rất lo lắng tự hỏi không biết chàng trở về đây nhằm mục đích gì. Lão cũng hết sức kinh ngạc không kém nhà vua, khi biết rõ mệnh lệnh viết trong thư. Vì việc này ít nhiều cũng có liên quan đến lão, ngay tức khắc lão tìm cách để khỏi phải thi hành. Giả vờ như chưa xem được kĩ, lão đọc lại một lần nữa, và quay người sang một bên, như để có ánh sáng hơn. Thế là trong lúc mọi người chẳng ai để ý, lão khéo léo bút câu ghi chú ở góc trên của thư, nói rõ mệnh lệnh này của hoàng đế phải được tuyệt đối tuân phục, cho mẩu giấy vào mồm nhai và nuốt luôn. Sau khi làm xong công việc xấu xa ấy, Xaoui quay lại trả bức thư cho nhà vua, và nói thầm:

- Tâu bệ hạ, vậy ý đồ của Người thế nào?
- Thi hành mệnh lệnh của hoàng đế. – Vua đáp.
- Xin ngài chớ làm như vậy, – viên tể tướng gian thần lại nói – đúng là nét chữ hoàng đế nhưng thiếu câu ước lệ.

Lúc này nhà vua có đọc dòng ghi chú nhưng trong cơn thảng thốt, giờ

không thấy có nó nữa, vua ngỡ lúc nãy mình nhầm, Xaoui nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, chắc hoàng đế cho Nuarétđin bức thư này để tổng khứ nó đi cho khuất mắt, sau khi nghe nó khiếu nại về Người và tôi, nhưng Người không muốn bệ hạ thực hiện những điều viết trong thư. Hơn nữa, không thể nghĩ rằng hoàng đế viết bức thư này mà không có chiếu chỉ kèm theo, không có chiếu chỉ thì bức thư trở thành vô hiệu. Người ta không thể phé truất một đấng quân vương như Người chỉ bằng một bức thư. Đừng nói Nuarétđin, một kẻ khác cũng có thể làm như vậy với một bức thư giả mạo. Xưa nay chưa có ai làm như vậy bao giờ. Tâu bệ hạ, xin Người cứ yên trí theo lời tôi, tôi xin nhận mọi điều không hay có thể xảy đến.

Quốc vương Zinobi nghe lời, giao Nuarétđin cho Xaoui xử lý, lão sai bắt giải chàng về nhà. Vừa tới nơi, lão sai đánh đòn cho tới khi chàng gần chết, mới ném vào ngục trong tình trạng ấy. Chàng bị nhốt vào hầm sâu nhất. Người canh tù được lệnh chỉ cho chàng ăn bánh nhạt cùng nước lã.

Khi Nuarétđin, mình mẩy ê ẩm, tỉnh lại trong hầm tối, chàng kêu to, khóc than cho số phận khốn khổ của mình:

- Hồi lão chài, mi đã đánh lừa ta, sao mà ta dễ tin lời mi đến thế? Có thể nào ta phải chịu số phận độc ác thế này, sau khi đã làm cho mi bao nhiêu việc tốt lành? Tuy nhiên, ta vẫn cầu Thượng đế phù hộ mi, ta không thể tin mi có ý đồ độc địa, và ta kiên nhẫn chờ tai qua nạn khỏi.

Chàng Nuarétđin khổ não sống mười ngày liền trong tình cảnh đó, và lão tể tướng Xaoui lại không quên chính lão đã tổng giam chàng vào đây. Lão rất muốn bắt chàng chết một cách nhục nhã, nhưng lại không dám tự ý mình làm việc đó. Để thực hiện ý đồ xấu xa, lão sai nhiều nô lệ mang theo tặng phẩm đắt tiền rồi dẫn tới ra mắt nhà vua:

- Tâu bệ hạ, – lão hiềm độc nói – đây là những thứ vị tân vương muốn Người vui lòng nhận cho, sau khi ông ta đăng quang.

Nhà vua hiểu ý Xaoui định nói gì.

- Thế nào? – Vua hỏi lại. – Tên khốn nạn ấy còn sống ư?

- Tâu bệ hạ, tôi đâu có quyền ra lệnh giết một ai, đó là quyền của Người.

- Ông hãy sai chặt đầu nó, – vua đáp – ta cho phép.

Thừa dịp, Xaoui nói thêm:

- Tâu bệ hạ, tôi vô cùng đội ơn Người đã đối xử công minh. Nhưng, như Người đã biết, Nuarétđin đã nhục mạ tôi trước công chúng, cúi xin ngài cho phép tôi được ra lệnh hành quyết nó trước hoàng cung, và xin cho được rao báo khắp thành phố, để cho trăm dân biết tội nó xúc phạm tôi, nay đã bị trừng trị.

Nhà vua chấp thuận. Thế là nhiều sứ giả được phái đi làm bốn phận. Họ gieo rắc tin buồn khắp thành phố. Mọi người còn nhớ như in đạo đức cao dày của người cha, vì vậy ai cũng căm phẫn khi thấy người con sắp bị giết hại một cách nhục nhã do lòng độc ác và sự dèm pha của tể tướng Xaoui.

Lão này thân hành đến nhà giam, có hai mươi tên thủ túc đi theo. Nuarétđin bị giải tới. Lão sai đặt chàng lên một con ngựa dữ không yên cương. Vừa thấy mình bị giao phó vào tay kẻ thù, Nuarétđin nói:

- Lúc này mây trắng, mây lam dụng chức quyền, nhưng ta tin tưởng điều này ghi trong Kinh Thánh đạo ta: “Nếu người xét xử bất công thì chẳng bao lâu chính người cũng sẽ bị xét xử”.

Tể tướng Xaoui trong lòng cực kì hân hoan, đáp:

- Sao? Lúc này mà mây còn dám phỉ báng ta ư? Hãy đi đi, ta tha tội cho mây đó, rồi có ra sao cũng được, miễn là ta trông thấy mây bị chém đầu trước mắt toàn thành phố Banxôra. Mây hẳn cũng đã biết một câu khác trong Kinh Thánh chứ: “Có sá gì nếu ngày mai ta cũng sẽ chết y như cái chết của kẻ thù ta hôm nay”. Lão gian thần mặt sẫm đen sì vì độc ác và thù hận, chung quanh có một đám đông nô lệ tay thước tay đao, sai dẫn Nuarétđin đi trước, theo hướng về hoàng cung. Dân chúng căm phẫn, gần như sắp bỏ nhào vào đánh lão. Lúc này giá có một người nào đó khởi xướng, có lẽ mọi người sẽ xé xác lão. Đến trước hoàng cung, Xaoui giao Nuarétđin cho đao phủ giữ. Lão vào nơi làm việc của vua, mời nhà vua ra cùng ngắm cảnh đầu rơi máu chảy sắp diễn ra.

Quân cấm vệ của nhà vua và bọn nô lệ của tể tướng Xaoui vây quanh Nuarétđin, vất vả lắm mới tìm được dân chúng đang hết sức cố gắng, tuy không có kết quả, phá vòng vây để cứu chàng. Viên đao phủ tiến tới gần chàng và nói:

- Thưa ngài, xin ngài hãy tha thứ cho tôi tội chém ngài. Tôi chỉ là một tên nô lệ không thể không làm bốn phận của mình. Nếu ngài còn cần gì nữa thì xin ngài hãy sẵn sàng, nhà vua chắc sắp truyền cho tôi lệnh khai đao.

Chàng Nuarétđin buồn bã quay sang hai bên và hỏi:

- Trong giờ phút đau đớn này, có ai đủ từ tâm và vui lòng cho tôi một ngụm nước uống cho đỡ khát?

Lập tức người ta mang đến cả một vò nước, chuyển tay nhau đưa đến cho chàng. Trông thấy sự lãn chân, tể tướng Xaoui lúc ấy đứng ở cửa sổ phòng làm việc của vua, thét bảo đao phủ: “Mây còn chờ đợi gì? Hãy chém mau!”.

Nghe câu nói dã man, vô nhân đạo ấy, cả quảng trường ồ lên những tiếng la ó. Nhà vua cũng bất bình về việc lão dám qua mặt vua mà ra lệnh đó, trong khi chính vua đang ở đây, liền cất tiếng bảo hãy chờ. Còn một lí do

khác nữa, ấy là khi ngẩng đầu nhìn thấy con đường lớn trước quảng trường, chạy thẳng về hoàng cung, vua thấy một đội kỵ sĩ đang phi nước đại tới. Vua liền bảo Xaoui:

- Tể tướng, cái gì kia? Hãy nhìn xem!

Xaoui đã thoáng ngờ điều có thể xảy ra, càng thúc giục vua hãy ra lệnh cho đao phủ ra đao.

- Không, – nhà vua đáp – ta muốn biết những kỵ sĩ kia là ai hăng.

Đấy chính là đại tể tướng Giafa thân hành từ Bátđã đến cùng một đoàn tùy tùng, theo lệnh hoàng đế Harun An-Rasít.

Muốn rõ vì sao vị đại thần này tới Banxôra, ta cần biết rằng sau khi Nuarétđin cảm bức thư ra đi, hôm sau và cả ngày tiếp đó nữa hoàng đế vẫn quên bằng chuyện gửi tiếp theo chiếu chỉ, mà vua đã từng nói với Người Đẹp Ba Tư. Hôm ấy, vua đang ở trong cung riêng, gần cung dành cho các cung phi, chợt nghe một giọng hát rất hay. Vua dừng lại, thoảng nghe lời ca than vãn về sự biệt li, liền quay lại hỏi viên quan hoạn đang theo hầu, ai là người đàn bà trong cung này. Viên quan hoạn ấy đáp đó chính là vợ chàng trai trẻ mà Người vừa phái đi Banxôra, để làm vua nước ấy thay Môhamét Zinobi.

- Ôi tội nghiệp Nuarétđin, con trai của Khacan, – vua thốt lên – ta quên khuấy đi mất. Quân hầu đâu, hãy mời Giafa đến đây ngay lập tức!

Tể tướng đến, hoàng đế phán:

- Giafa à, ta đã quên không ban chiếu chỉ công nhận Nuarétđin làm vua xứ Banxôra. Không còn đủ thì giờ để xuống chiếu nữa, ông hãy lấy người, ngựa khăn trương đến ngay Banxôra. Nếu Nuarétđin không còn ở đấy nữa, người ta đã giết chàng rồi, thì ông hãy treo cổ ngay Xaoui. Nếu chàng chưa chết thì hãy đưa chàng về đây cùng với nhà vua và tể tướng xứ ấy.

Tể tướng Giafa chỉ còn kịp thời gian lên ngựa ra đi cùng với một số đông quan quân lấy từ dinh của ông. Ông đến Banxôra đúng vào lúc như ta vừa thấy. Ông vừa vào tới quảng trường, mọi người giãn ra lấy lối cho ông đi và kêu van ông hãy khoan hồng cho Nuarétđin. Ông vẫn để ngựa phi nước đại phóng thẳng vào hoàng cung, tận chân tam cấp, mới xuống ngựa.

Quốc vương Banxôra, nhận ra tể tướng của hoàng đế liền thân ra đón, mời vào cung. Tể tướng hỏi ngay Nuarétđin còn sống hay không, nếu chàng còn sống, xin cho mời lại đây. Nhà vua đáp chàng còn sống và truyền đưa chàng tới. Chàng được dẫn tới ngay, nhưng bị trói và cùm. Giafa sai mở trói, cho chàng được tự do, và sai bắt giữ tể tướng Xaoui và trói lão lại bằng chính sợi dây ấy.

Đại tể tướng Giafa chỉ ngủ lại một đêm ở Banxôra. Sáng hôm sau, ông lên đường, và thừa lệnh hoàng đế dẫn theo Xaoui, quốc vương Banxôra và Nuarétđin. Đến Bátđá, ông đưa họ ra mắt hoàng đế. Sau khi nghe tể tướng tâu trình về chuyến đi, đặc biệt về tình cảnh của Nuarétđin, cách thức chàng bị hành hạ do sự dèm pha và lòng thù hận của Xaoui, hoàng đế cho phép Nuarétđin được tự tay chặt đầu tể tướng Xaoui. Nhưng chàng đáp:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, cho dù con người độc ác kia đã gây cho tôi biết bao đau khổ, cũng như y từng cố gây nên cho phụ thân đã quá cố của tôi, tôi sẽ tự cho mình là một con người đáng chê trách nhất trên đời nếu để tay mình nhuộm máu lão.

Hoàng đế hiểu được tấm lòng hào hiệp của Nuarétđin, liền sai đao phủ hành quyết.

Hoàng đế muốn đưa Nuarétđin sang trị vì xứ Banxôra, nhưng chàng kêu xin vua miễn cho.

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – chàng nói – sau những việc đã xảy ra, thành phố Banxôra đối với tôi có mối hận quá lớn, cúi xin hoàng thượng vui lòng cho phép tôi được giữ vẹn lời thề là suốt đời không bao giờ đặt chân trở lại đây nữa. Nếu được Người hạ cố thì suốt đời tôi nguyện lấy làm vinh hạnh được hầu hạ cạnh Người.

Hoàng đế nhận chàng vào hàng ngũ những cận thần tin cẩn nhất, sai trả Người Đẹp Ba Tư cho chàng và ân thưởng cho nhiều của cải để họ cùng sống với nhau tới lúc đầu bạc, trong niềm hạnh phúc vô biên.

Còn về phần quốc vương Banxôra, hoàng đế chỉ nhận xét vua quá chênh mảng trong việc lựa chọn các đại thần, rồi lại cho trở về tiếp tục trị vì vương quốc của ông ta.

CHUYỆN BÊĐE, HOÀNG TỬ NƯỚC BA TƯ VÀ GIAUHA, CÔNG CHÚA CON VUA THỦY TÊ

Nước Ba Tư chiếm diện tích rộng mênh mông trên trái đất, rộng đến nỗi các quốc vương Ba Tư vẫn ngạo nghễ tự phong mình danh hiệu *Vua của các nhà vua*. Không kể những nước chư hầu mới bị chinh phục, đế quốc Ba Tư có bao nhiêu tỉnh thì có bấy nhiêu vị phó vương. Những ông này không chỉ nộp cống vật cho vị đại đế mà họ còn chịu thần phục mọi bề, chẳng khác gì các quan thống đốc tỉnh phục tùng quốc vương các nước khác vậy.

Thời xưa, có một nhà vua Ba Tư mở đầu triều đại mình bằng nhiều cuộc chinh phục lớn thắng lợi, rồi tiếp tục trị vì nhiều năm trong hạnh phúc và thanh bình.

Ông tự lấy làm hài lòng hơn tất cả mọi quân vương khác. Duy có mỗi một điều vua cho mình còn bất hạnh. Ấy là ông đã khá cao tuổi, thế mà trong bao nhiêu hoàng hậu và cung phi, không có một người nào sinh hạ được một hoàng tử để nối ngôi khi ông qua đời. Ông có những hơn một trăm bà, bà nào cũng được ở nhà riêng rộng rãi, có nhiều nô tì hầu hạ, nhiều hoạn nô canh phòng cẩn mật, ấy thế mà không một bà nào đáp ứng được lòng mong mỏi của nhà vua. Các quan còn cung tiến cho vua nhiều mỹ nữ từ những xứ xa xôi nhất gửi về. Hễ trông vừa mắt thì đất bao nhiêu vua cũng trả tiền mua chẳng buồn mặc cả, lại còn ban thưởng cho những nhà buôn nô lệ không biết bao là vinh dự, ân huệ và lời ngợi khen, để thu hút các nhà buôn khác cũng sẽ làm như vậy. Vua hi vọng cuối cùng rồi một bà phi nào đó sẽ sinh hạ được quý tử. Không có việc thiện nào mà vua không làm để động tới lòng trời. Vua bố thí những khoản tiền khổng lồ cho những người nghèo đói. Cúng tiến thật rộng rãi cho các vị tu hành. Lại lập nhiều giáo đường mới thật sang trọng trong khắp vương quốc, những mong các nhà tu hành sẽ cùng cầu nguyện cho mình đạt được điều ước vọng.

Một hôm, vua họp cả triều đình, có tất cả các sứ thần và những người nước ngoài có vai vế trong kinh thành cùng tham dự. Theo lệ cũ các tiên vương để lại, các cuộc hội họp này không chỉ bàn về quốc gia đại sự mà còn đàm đạo về khoa học, lịch sử, văn học, thi ca và tất cả những gì có thể làm cho tinh thần sáng khoái. Hôm đó, một viên hoạn nô vào báo có một nhà buôn từ một nước rất xa xôi đến có mang theo một nữ nô lệ. Ông ta muốn xin phép được dâng người con gái ấy lên nhà vua.

- Hãy cho người ấy vào và chỉ chỗ cho anh ta đợi! Vua truyền. – Ta sẽ hỏi chuyện sau khi bãi triều.

Người ta cho nhà buôn vào hoàng cung và cho ngồi ở một nơi y có thể thoải mái nhìn và nghe vua nói chuyện thân mật với những người thân cận.

Vua Ba Tư vốn có thói quen xử sự theo cách ấy với tất cả những người ngoại quốc xin triều yết. Vua cố ý xếp đặt như vậy để họ quen nhìn mặt vua, nghe vua nói chuyện hiền từ với người này, người khác, từ đó mà thêm lòng tự tin khi được tiếp xúc với vua chứ không vì ngỡ ngàng trước cảnh tráng lệ, uy nghiêm của chôn cung đình mà sợ hãi quá đến nỗi không thốt lên lời. Với các sứ thần, vua cũng đối xử như thế. Trước hết, vua mời họ dùng yến, rồi trong bữa ăn, ân cần hỏi thăm sức khỏe, hỏi về chuyến đi và những nét đặc sắc của đất nước họ. Thái độ đó làm cho họ tin cậy. Sau đấy vua mới cho vào bái yết chính thức.

Sau khi bãi triều, mọi người đã ra về, chỉ còn lại một mình nhà buôn. Ông này phủ phục trước ngai vàng, úp mặt xuống đất và chúc tụng vua vạn sự như ý. Chờ cho ông ta đứng lên, vua hỏi có đúng là ông ta đem theo một nữ nô lệ như vua vừa được nghe tâu, và người nô lệ ấy có thật xinh đẹp hay không.

- Tâu bệ hạ, – nhà buôn đáp – kể từ ngày người ta tìm kiếm giai nhân khắp nơi để mang về đây cung tiến, tôi tin chắc Người hẳn đã có nhiều cung phi xinh đẹp tuyệt trần. Nhưng tôi có thể quả quyết rằng nếu Người nhìn thấy nét mặt, thân hình cân đối cùng tất cả vẻ đẹp hoàn hảo và toàn bích của người nữ nô lệ này, thì Người sẽ thấy không một ai có thể sánh bằng.

- Vậy người ấy đâu rồi? – Vua hỏi. – Hãy đưa vào đây cho ta!

- Tâu bệ hạ, – nhà buôn đáp – hồi nãy tôi giao cho một viên quan hoạn trông giữ, Người có thể truyền cho vị ấy đưa vào.

Người nữ nô lệ được dẫn tới. Vừa trông thấy thân hình đẹp đẽ, nở nang của cô gái, nhà vua thích quá liền sang ngay một buồng riêng ở bên cạnh, chỉ cho phép nhà buôn cùng mấy viên hoạn nô theo vào. Người nữ nô lệ mang một tấm mạng che mặt bằng sa tanh đỏ có kẻ sọc. Nhà buôn kéo tấm mạng. Vua nhìn thấy một mỹ nhân đẹp hơn tất cả những cung phi mà mình có từ xưa tới nay. Ngay lập tức, vua đâm ra mê mẩn, liền hỏi ngay nhà buôn muốn bán lấy bao nhiêu tiền.

- Tâu bệ hạ, – nhà buôn đáp – tôi mua nó với giá một nghìn đồng vàng đã ba năm nay. Và kể từ khi lên đường tới triều đình của quý quốc, tôi đã phải tiêu pha thêm ngàn ấy nữa. Không dám nói chuyện mua bán với một đấng quân vương vĩ đại như bệ hạ, tôi chỉ cúi xin Người nhận cho như một món quà biếu, nếu nó vừa lòng Người.

- Ta cảm ơn ông lắm. – Vua Ba Tư đáp. – Nhưng ta không quen xử sự như vậy với các nhà buôn đã cật công từ những chôn xa xôi đến đây với mục đích làm cho ta vui lòng. Bởi vậy, ta sẽ trả cho ông mười nghìn đồng vàng. Ông bằng lòng chứ?

- Tàu bệ hạ, – nhà buôn đáp – nếu được Người nhận nó như quà biếu, tôi đã tự cho mình vô cùng hạnh phúc. Tuy nhiên, tôi đâu dám khước từ lòng hào hiệp rộng như trời bể của Người. Tôi xin loan truyền rộng rãi chuyện này ở nước tôi cũng như ở khắp mọi nơi tôi sẽ đi qua.

Số tiền trên được giao cho nhà buôn trước khi người ấy lui về, vua còn ban thưởng thêm cho ông ta một chiếc áo gấm vàng.

Vua cho người nữ nô lệ xinh đẹp ở trong một căn nhà sang trọng nhất sau căn nhà vua ở, lại phái đến nhiều bà già cùng vũ nữ để hầu hạ. Vua truyền đưa nàng đi tắm rồi cho mặc chiếc áo đẹp nhất. Lại còn sai mang đến những chuỗi ngọc ngà, kim cương, châu báu tuyệt đẹp, đắt tiền nhất để cho nàng lựa chọn, thứ gì vừa ý nhất thì cứ lấy mà trang điểm.

Các cung tần đã luống tuổi không có sự quan tâm nào khác là làm đẹp lòng vua. Hơn nữa tự các bà cũng hân hoan thán phục sắc đẹp của người nữ nô lệ. Vốn đã thông thạo công việc hầu hạ như thế, họ tâu với vua:

- Tàu bệ hạ, nếu Người kiên nhẫn chờ thì chỉ ba ngày thôi, chúng tôi nguyện sẽ dâng tới một con người đẹp hơn gấp bội, đến nỗi Người sẽ không nhận ra được cho mà xem.

Khó khăn lắm nhà vua mới chịu được sự chờ đợi lâu đến vậy. Vua nói:

- Ta đồng ý, miễn là các bà phải giữ đúng lời.

Kinh đô của nước Ba Tư hồi ấy lập trên một hòn đảo và hoàng cung rất tráng lệ được xây dựng ngay sát bờ biển. Cung của vua trông ra biển. Chỗ người nữ nô lệ xinh đẹp ở cũng vậy, và cách cung vua không xa. Còn thích thú hơn nữa, là sóng biển gần như vỗ ngay vào chân tường nhà nàng ở.

Ba ngày sau, người nữ nô lệ xinh đẹp được trang sức cực kì lộng lẫy, ngồi một mình trong phòng riêng, trên một chiếc sập kê dựa vào cửa sổ trông ra biển. Nhà vua được báo là đã có thể gặp nàng, liền bước vào. Nghe có tiếng chân người đi vào phòng, khác với tiếng chân quen thuộc của bọn đàn bà hầu hạ hàng ngày, người nữ nô lệ quay đầu lại xem ai. Nàng nhận ra ngay nhà vua. Nhưng, hoàn toàn không lộ vẻ ngạc nhiên, thậm chí cũng chẳng buồn đứng lên chào hỏi và tiếp đón, và làm như thể đây là một con người tuyệt nhiên chẳng dính dáng gì tới mình, nàng vẫn bình thản nhìn ra cửa sổ như trước.

Vua Ba Tư cực kì kinh ngạc. Sao một người nữ nô lệ xinh đẹp và trông có vẻ con nhà thế gia lại không hiểu biết chút gì về cách xử thế. Vua cho sở dĩ nàng có khiếm khuyết thế này là do ít được dạy dỗ, nhất là vì người ta đã không chú ý bày cho nàng biết thế nào là phong nhã hào hoa. Vua tiếp tục bước tới gần cửa sổ và mặc dù có sự lạnh nhạt trong thái độ tiếp đón vừa rồi, người nô lệ vẫn để cho vua tha hồ ngắm nghía, thậm chí vuốt ve, hôn hít.

Đang âu yếm, vua chợt dừng tay, ngắm nàng một cách say đắm và thốt lên:

- Hỡi nàng tiên xinh đẹp tuyệt trần của ta, hãy nói cho ta biết, ta van nàng, nàng từ đâu đến, ai là cha mẹ nàng, những người đã cho ra đời một tuyệt tác thiên nhiên kì lạ dường này? Ta yêu nàng và sẽ yêu nàng mãi mãi. Tình cảm của ta đối với nàng hiện nay chưa bao giờ ta thấy có đối với bất kỳ một người đàn bà nào khác. Ấy thế mà trong đời ta đã từng gặp và đang gặp không biết bao nhiêu là đàn bà. Chưa bao giờ ta thấy bấy nhiêu vẻ kiều diễm cùng một lúc hội tụ ở một con người như nàng, khiến cho ta đắm say, mê mẩn. Hỡi cô nàng yêu dấu, sao chẳng trả lời ta, sao chẳng biểu lộ cho ta thấy một dấu hiệu con con chứng tỏ nàng xúc động trước mối tình đắm say tột đỉnh của ta? Sao nàng chẳng buồn quay mặt lại để cho ta có thể nhìn đôi mắt, và để qua đôi mắt ta, nàng thấy rõ ta yêu nàng đến mức nào? Do đâu mà nàng có vẻ trang nghiêm, đúng hơn là có sự phiền muộn đang làm ta băn khoăn? Nàng nhớ quê hương, cha mẹ, bạn bè ư? Lạ chưa? Một nhà vua của nước Ba Tư đang quý yêu, đang say đắm nàng, nhà vua ấy không thể an ủi nàng, không thể thay thế mọi thứ khác trên đời chẳng?

Mặc cho vua Ba Tư bằng mọi cách thổ lộ tâm tình, mặc cho vua nói gì đi nữa để moi cho được một câu từ miệng nàng, người nữ nô lệ vẫn giữ thái độ dửng dưng kì lạ. Đôi mắt vẫn cúi xuống, chứ không ngược lên nhìn nhà vua, và tuyệt nhiên chẳng hề nói một lời.

Hài lòng vì đã tậu được một con người xinh đẹp, vua Ba Tư không nài ép nữa, hi vọng sự đối xử hậu hĩnh của mình rồi sẽ làm cho nàng thay đổi thái độ. Vua vỗ tay, lập tức các người hầu vào. Vua truyền dọn bữa ăn chiều. Khi thức ăn đã bày ra bàn, vua bảo người nữ nô lệ:

- Hỡi cô nàng thân yêu, hãy ngồi xích lại gần đây, hãy cùng ăn tối với ta!

Nàng rời khỏi chỗ đang ngồi, đến ngồi đối diện với vua. Vua lấy thức ăn mời nàng, và trước khi dùng món nào, vua cũng lại tự tay lấy mời nàng như vậy. Người nô lệ cũng ăn như vua, nhưng đôi mắt vẫn nhìn xuống. Nàng cũng không buồn đáp một lời khi vua hỏi các món ăn có hợp khẩu vị của nàng hay không.

Để thay đổi câu chuyện, vua hỏi nàng tên gì, nàng có hài lòng về áo quần đẹp đẽ và trang điểm ngọc ngà chẳng. Nhưng hỏi gì thì hỏi, nàng vẫn một mực lặng thinh, làm cho vua không biết nên nghĩ thế nào. Vua tự hỏi hay là nàng câm, nhưng rồi tự nhủ: “Lẽ nào Thượng đế đã tạo nên một con người xinh đẹp, hoàn chỉnh tuyệt diệu thế này, lại bắt chịu một tật nguyên nặng nề như vậy? Nếu thế thì đáng tiếc biết bao. Nhưng cho dù như vậy, ta cũng sẽ không thể không yêu nàng”.

Sau bữa ăn, nhà vua rửa tay ở một bên trong khi người nữ nô lệ rửa tay ở

phía bên kia. Nhà vua nhân dịp này hỏi những người hầu đang bưng chậu nước và dâng khăn mặt, có bao giờ nàng nói chuyện với họ hay không. Một người hầu cất lời, đáp:

- Tâu bệ hạ, chúng tôi chưa bao giờ trông thấy hoặc nghe nàng nói năng, lúc nào nàng cũng hoàn toàn lặng thinh như bây giờ. Chúng tôi đã hầu hạ lúc nàng vào nhà tắm. Chúng tôi đã chải tóc, vấn khăn, mặc áo cho nàng trong phòng riêng, nhưng chưa lần nào nàng mở miệng nói với chúng tôi một tiếng, đại thể như “Được đấy, ta hài lòng”. Chúng tôi hỏi: “Thưa cô nương, cô có cần gì nữa không ạ? Xin cô nương cứ sai bảo, cứ ra lệnh cho chúng tôi”. Nàng vẫn lặng thinh, chúng tôi không rõ ấy là do khinh khi, phiền muộn, ngớ ngẩn, hay là tại nàng câm. Chúng tôi không moi được một lời nào. Đó là tất cả những gì chúng tôi có thể tâu trình bệ hạ.

Nghe vậy, vua Ba Tư lại càng ngạc nhiên hơn trước. Vì cho là người nữ nô lệ đang có điều gì phiền muộn, vua cố làm cho nàng vui lên, liền cho tụ tập tất cả cung nữ lại. Họ đến. Những ai biết đàn sáo thì đánh đàn thổi sáo, những người khác thì múa hoặc hát hoặc vừa hát vừa múa. Tóm lại họ bày ra lắm trò vui để nhà vua giải trí. Chỉ có người nữ nô lệ là không tham dự các cuộc vui chơi ấy. Nàng vẫn ngồi yên ở chỗ cũ, mắt vẫn lạnh lùng nhìn xuống, khiến tất cả cung nữ cũng như nhà vua đều lấy làm kinh ngạc. Cuối cùng mọi người lui về phòng riêng, còn lại nhà vua một mình với người nữ nô lệ.

Sáng hôm sau, vua Ba Tư thức dậy, lấy làm hài lòng hơn tất cả mọi lần khác và vì vậy càng say đắm cô nữ nô lệ xinh tươi hơn cả hôm trước. Vua quyết định từ nay chỉ quyền luyện có một mình nàng thôi và thực hiện ngay ý định đó. Ngay ngày hôm ấy, vua cho phép tất cả các cung phi khác ra về, mang theo áo quần sang trọng, ngọc ngà, châu báu và đồ trang sức khác mà họ vẫn dùng. Mỗi người lại được ban thêm một món tiền lớn, và cho họ được tự do, ai muốn lấy chồng thì lấy. Vua chỉ giữ lại những cung tần và người hầu đứng tuổi giúp việc săn sóc người nữ nô lệ xinh tươi. Suốt một năm ròng, nàng không hề cho vua được chút an ủi là được nghe nàng ngỏ một lời. Mặc dù vậy, vua vẫn không xa nàng một bước, vẫn hết sức chiều chuộng, vẫn luôn luôn bày tỏ với nàng tình yêu cực kì mãnh liệt.

Một năm trôi qua. Một hôm, ngồi bên cạnh người đẹp nhà vua tâm sự với nàng, rằng tình yêu của mình cùng với thời gian đã không giảm mà ngày càng nồng nhiệt hơn. Vua nói:

- Hoàng hậu của ta ơi, ta không thể đoán nàng nghĩ gì về điều ta nói. Tuy nhiên không có gì đúng sự thật hơn khi ta thề rằng ta không ao ước gì khác kể từ ngày ta có được niềm hạnh phúc kết bạn cùng nàng. Tất cả vương quốc của ta rộng lớn như vậy, nhưng ta coi chỉ bằng hạt bụi, kể từ khi ta gặp nàng

và có thể nói với nàng rất nhiều lần rằng ta yêu nàng. Ta yêu nàng. Ta không muốn ép nàng phải tin những lời ta nói. Nhưng nàng có thể không chút hoài nghi về việc đó, sau khi, vì sắc đẹp của nàng, ta đã cho giải phóng phần lớn cung tần trong hoàng cung. Nàng có thể nhớ lại chứ? Đã một năm qua kể từ khi ta cho phép họ trở về nhà, ta không hề hối tiếc, lúc đang nói với nàng đây cũng như lúc ta cho họ ra về, và ta sẽ không bao giờ hối tiếc. Ta sẽ lấy làm thỏa mãn và hoàn toàn vui mừng nếu nàng nói một tiếng, để tỏ rằng nàng cũng có hiểu cho lòng ta được chừng nào. Nhưng làm sao nàng làm được như vậy? Vì nàng bị câm. Thương ôi! Ta chỉ lo điều ta vừa nghĩ đó là sự thật. Mà sao không lo sợ được, sau một năm ròng ngày nào ta cũng xin nàng hãy nói với ta một lời và lần nào nàng cũng vẫn lặng thinh, làm phiền lòng ta biết đến chừng nào! Nếu nàng không thể mang lại cho ta niềm an ủi đó, thì cầu trời ít ra nàng cũng cho ta một đứa con trai để nối ngôi sau khi ta qua đời. Càng ngày ta càng cảm thấy mình tới gần cõi thọ. Ngay từ giờ ta đã thấy cần có một hoàng tử giúp ta trông nom công việc trị nước. Trở lại điều mong muốn của ta được nghe nàng nói, có một cái gì đó khiến ta linh cảm rằng không phải nàng câm. Nàng hỏi, ta van nàng, hãy làm ơn đừng khẳng khái nữa, hãy nói với ta chỉ một lời thôi, sau đó thì dù có chết ta cũng cam lòng!

Người nữ nô lệ xinh đẹp xưa nay vẫn có thói quen im lặng, bỗng mỉm cười, và nhẹ nhàng cất tiếng nói:

- Tâu bệ hạ, thiếp quả có lỗi rất nhiều. Không riêng gì bệ hạ, thiếp đây cũng buồn tủi và lo lắng để chờ đợi cái giây phút ngày hôm nay. Xin tạ tội với bệ hạ vì đã để bệ hạ quá lo nghĩ về thiếp. Thiếp biết rõ tình cảm của bệ hạ đối với thiếp, muôn đời thiếp cũng không bao giờ đền đáp được.

Nhà vua, sung sướng liền cúi xuống nâng tay người nữ nô lệ xinh đẹp lên, rồi ôm chầm lấy nàng và ngắt lời nàng:

- Thôi, nàng đừng nói nữa! Ta chỉ biết yêu nàng mà không đòi nàng đền đáp.

Nhưng người nữ nô lệ xinh đẹp vẫn tiếp tục:

- Thiếp phải chờ đợi giây phút này mới báo tin mừng cho bệ hạ: nhờ hồng phúc của Người thời gian tới đây Thượng đế sẽ ban cho Người một hoàng tử để nối nghiệp. Nếu không có tin mừng này, có lẽ thiếp sẽ yên lặng suốt đời, sẽ sống cạnh Người như một chiếc bóng để rồi cam chịu bị sa thải như bao người khác. Hôm nay, thiếp đã có đủ sức cất tiếng nói vì thật ra thiếp cũng rất yêu bệ hạ.

- Trời ơi! Sao mãi đến bây giờ nàng mới cho ta được hưởng niềm hạnh phúc lớn lao mà ta tưởng chẳng bao giờ có được? Nàng sẽ cho ta một đứa con ư?

Nhà vua không còn làm chủ được mình nữa.

Trong niềm vui bông bột, vua Ba Tư không nói gì thêm với người nữ nô lệ xinh đẹp nữa. Vua đi ra, nhưng tỏ ý sẽ trở lại ngay tức khắc. Vì muốn trăm dân cùng chia sẻ niềm vui, vua nói cho các quan hầu biết và sai đi tìm tế tướng. Tế tướng đến, vua sai phân phát một vạn đồng vàng cho các giáo chức đạo Hồi, các nhà thương làm phúc và những người nghèo khó, để tạ ơn Thượng đế ý muốn của vua được thi hành ngay tức khắc. Truyền xong lệnh, vua Ba Tư trở lại bên cạnh người nữ nô lệ xinh đẹp và nói:

- Xin thứ lỗi cho ta vừa bỏ đi đột ngột; như vậy cũng là vì nàng. Nhưng ta sẽ nói rõ việc này vào một dịp khác. Giờ ta muốn nghe nói những chuyện quan trọng hơn nhiều. Hỡi cô nàng thân yêu, ta van nàng, hãy nói cho ta rõ, do đâu suốt một năm ròng, ngày nào nàng cũng trông thấy ta, cũng nghe ta nói, cũng cùng ăn, cùng ngủ với ta, mà vẫn khăng khăng không gì lay chuyển nổi, chẳng hề mở miệng nói với ta một lời, thậm chí không buồn tỏ cho ta thấy nàng hiểu hay không hiểu những lời ta nói với nàng? Ta không rõ nổi tại sao nàng có thể bắt mình phải làm như vậy, chắc hẳn là có nguyên nhân gì kì lạ lắm đây.

Để thỏa mãn sự hiếu kì của nhà vua, người nữ nô lệ xinh đẹp đáp:

- Tâu bệ hạ, phải đem thân làm nô lệ, xa quê hương xứ sở và không chút hi vọng một mai có thể trở về, trái tim tan nát vì mãi mãi xa cha mẹ đẻ, anh trai, bà con, bạn bè, đó chẳng phải là những nguyên do chính khiến cho thiếp giữ vẻ lặng thinh mà Người từng lấy làm lạ hay sao? Tình yêu xứ sở cũng tự nhiên không kém tình phụ tử. Và bất cứ ai đủ trí khôn để hiểu giá trị của tự do thì làm sao chịu đựng nổi khi thấy mình mất tự do. Thế xác có thể bị lệ thuộc quyền hành của một người chủ nắm trong tay sức mạnh và quyền uy, nhưng nghị lực không để người khác làm chủ, thì bao giờ cũng vẫn ỳ nguyên không suy suyển. Bệ hạ có thể nhìn thấy qua con người thiếp một tấm gương về điều đó. Thiếp đã không thể bắt chước vô vàn người đàn ông và đàn bà khốn khổ mà lòng yêu tự do đã khiến họ tìm tới cái chết bằng nghìn cách khác nhau. Chết đúng là một quyền tự do mà chẳng ai có thể cấm đoán họ. Giữ được không tự kết liễu cuộc đời mình đi, đối với thiếp đã là quá nhiều.

Vua Ba Tư đáp:

- Ta hoàn toàn tin những điều nàng vừa nói. Nhưng cho đến bây giờ ta vẫn cho rằng một con người kiêu diễm, mạnh mẽ, khôn ngoan và thông minh như nàng, do số phận không may buộc làm nô lệ, hẳn phải tự cho mình hạnh phúc khi gặp được người chủ là nhà vua ta chứ.

- Tâu bệ hạ, – người nữ nô lệ xinh đẹp nói – như thiếp vừa giải bày, cho dù người nô lệ ấy là ai, thì một ông vua cũng không làm chủ được tâm hồn của họ. Người vừa nói một kẻ nô lệ ở vào địa vị thấp hèn may mắn được một

đang quân vương để mắt tới và đem lòng thương yêu, như vậy là đã có thể tìm thấy hạnh phúc trong niềm bất hạnh của mình. Nhưng hạnh phúc nào cơ chứ? Người nô lệ ấy vẫn không thể quên mình bị tước đoạt khỏi vòng tay của cha mẹ đẻ và có thể, của một tình nhân mà mình nguyện sẽ yêu thương trọn đời. Hơn nữa, nếu người nữ nô lệ ấy không thua kém gì về địa vị xã hội nhà vua vừa bỏ tiền ra mua được mình, thì xin Người hãy tự suy xét lấy số phận, lòng phiến muộn và nỗi đau đớn của người ấy, cũng như những việc mà nàng đã có gan liều lĩnh!

Ngạc nhiên về những lời vừa nghe, vua Ba Tư hỏi lại:

- Nàng bảo sao, hỡi nàng? Qua những điều ta vừa nghe, phải chăng nàng cũng thuộc dòng dõi đế vương? Xin hãy vui lòng cho ta sáng tỏ về điểm ấy, xin chớ làm cho ta thêm sốt ruột. Xin hãy nói cho ta biết ai là thân phụ và thân mẫu đã có phúc sinh ra một con người kiêu diễm dường này. Ai là các anh, các chị, là bà con của nàng? Và trước hết nàng tên họ là chi?

Lúc này người nữ nô lệ mới nói:

- Tâu bệ hạ, tên thiếp là Gunna của biển,^[64] phụ thân đã quá cố là một trong những vua thủy tề hùng cường nhất. Cha thiếp qua đời, vương quốc của Người truyền lại cho anh trai thiếp tên là Xalêch^[65] và cho mẹ thiếp cùng trị vì. Bà vốn cũng là công chúa con gái một vua thủy tề khác cũng rất hùng cường. Cả gia đình đang sống yên ổn trong vương quốc thanh bình của mình thì chợt một kẻ thù ghen ghét hạnh phúc của vương triều Xalêch, cử một đạo binh rất mạnh tiến vào xâm chiếm kinh đô. Cả gia đình chỉ còn đủ thì giờ thoát thân cùng một số võ quan trung thành đến ẩn nấp ở một nơi kín đáo không có ai vào ra được.

Ở nơi ẩn náu này, anh trai thiếp vẫn không quên tìm cách đánh đuổi kẻ thù đang xâm chiếm nước nhà. Một hôm anh thiếp gọi riêng thiếp ra và bảo: “Em ơi, vận nước xảy ra chưa biết lành dữ thế nào. Anh có thể ngã xuống trong công cuộc mà anh đang theo đuổi để khôi phục nước nhà nhưng anh sẽ không buồn nếu điều không may ấy chỉ xảy ra cho anh chứ không cho em. Để phòng ngừa bất trắc và giữ cho em được bình yên vô sự, anh muốn gả chồng cho em trước khi anh khởi sự. Nhưng, trong cảnh ngộ gia đình ta hiện nay, anh không thấy có cách nào se duyên em với hoàng tử một nước thủy tề. Anh mong em vui lòng hiểu thấu lòng anh. Anh muốn cho em kết hôn cùng một hoàng tử trên mặt đất. Anh sẽ hết lòng chăm lo việc đó. Với nhan sắc của em, chắc chắn không có một nhà vua nào dù hùng mạnh tới đâu, mà không lấy làm hân hoan được cùng em chia sẻ ngai vàng”.

Những lời đó của anh trai thiếp đã làm cho thiếp nổi giận. Thiếp nói: “Anh ơi, về bên nội cũng như bên ngoại, anh em ta đều sinh ra từ dòng dõi các quốc vương và hoàng hậu thủy tề. Xưa nay em chẳng có chút liên hệ gì với

các nhà vua trên mặt đất. Từ ngày lớn lên, có đôi chút hiểu biết về nguồn gốc lâu đời và cao sang của dòng họ ta, em đã nguyện không bao giờ kết hôn với ai khác ngoài các hoàng tử thủy tề. Cảnh ngộ không may của chúng ta hôm nay không làm cho em thay đổi ý định. Nếu anh có bỏ mình trong khi thực hiện sứ mệnh thiêng liêng thì em sẵn sàng được chết với anh, còn hơn là làm theo một lời khuyên mà em không hề chờ đợi ở anh chút nào”.

Vẫn giữ ý định của mình, anh thiếp muốn giảng giải cho thiếp rõ trên mặt đất cũng có những nhà vua không kém gì các vua thủy tề. Điều đó càng làm cho thiếp giận hơn. Thiếp càng giận, anh thiếp càng nói năng nghiêm khắc, và cuối cùng là thiếp cho là mình bị lãng nhục. Hai anh em chia tay nhau, đều không hài lòng. Trong cơn buồn bực thiếp lao xuống đáy biển và tìm tới một hòn đảo gọi là đảo Mặt trăng.

Mặc dù do bực mình mà phải lánh đến hòn đảo vắng, thiếp vẫn hài lòng sống ở đây. Thiếp tìm đến những nơi vắng vẻ nhất. Tuy nhiên cẩn thận là thế mà vẫn không ngăn được một người có ít nhiều địa vị, có đông đầy tớ đi theo, một hôm xông vào nhà trong lúc thiếp đang ngủ. Ông ta bắt đưa thiếp về nhà ông ta.

Người đàn ông ấy tỏ ra yêu thiếp tha thiết. Ông không từ nan bất cứ việc gì để thuyết phục thiếp đáp lại mối tình đó. Thấy cách mềm mỏng không xong, ông ta nghĩ rằng dùng sức mạnh cưỡng ép thì được việc hơn. Nhưng thiếp đã làm cho ông ta hối hận về việc làm láo xược ấy, khiến ông ta nổi giận và quyết định đưa thiếp ra chợ bán cho một người lái buôn. Người này đã mang thiếp tới dâng hoàng thượng. Nhà buôn này là một con người khôn ngoan, hiền lành và nhân đạo. Thiếp luôn luôn ca ngợi cách cư xử tốt của ông đối với thiếp suốt dọc đường.

Còn về phần bộ hạ, – công chúa Gunna nói tiếp – nếu bộ hạ đã không có sự trọng thị mà thiếp rất hàm ơn, nếu Người không nhiều lần tỏ rõ tình yêu và sự chân thành mà thiếp không chút hoài nghi, nếu Người không vì thiếp cho đuổi hết bọn cung tần mỹ nữ về nhà thì – không dám giả dối đâu – thiếp đã không cùng sống với Người. Có thể ngay từ hôm đầu tiên, khi Người đến với thiếp trong căn phòng này thiếp đã lao xuống biển qua khung cửa sổ kia. Có thể thiếp đã tìm lại được ông anh trai, mẹ và họ hàng của thiếp. Có thể thiếp vẫn còn giữ ý định ấy và thực hiện nó, nếu sau một thời gian thiếp không hi vọng mình thụ thai. Nhưng, trong hoàn cảnh hiện nay, thiếp sẽ không làm như thế nữa. Quả vậy, cho dù thiếp có giải bày thế nào với anh trai và mẹ thiếp, thì anh và mẹ thiếp cũng sẽ không tin là thiếp đã làm nô lệ một nhà vua như bộ hạ. Không bao giờ anh và mẹ thiếp tha thứ cho thiếp tội đã bằng lòng cam chịu để mất danh dự. Như vậy là, tâu bộ hạ, dù cho một hoàng tử hay một công chúa sẽ ra đời thì đó vẫn là tín vật ràng buộc thiếp

mãi mãi với Người. Hi vọng Người sẽ không coi thiếp như một nô lệ, mà là một công chúa không đến nỗi không xứng đáng làm bạn với Người.

Công chúa Gunna kết thúc câu chuyện của mình bằng những lời lẽ như vậy. Nghe xong, vua Ba Tư thốt lên:

- Hỡi công chúa xinh đẹp, hỡi công chúa yêu kiều của ta, nhờ có lòng hiếu kì mà ta vừa nghe được những điều kì diệu khôn xiết, những điều kì thú dường nào! Nhưng trước hết xin cảm ơn nàng đã có lòng tốt và sự kiên nhẫn thủ thách tình yêu chân thành chung thủy của ta. Trước đây, ta vẫn nghĩ không thể nào còn yêu thiết tha hơn như ta đã yêu nàng. Sau khi được biết nàng là một công chúa vĩ đại ta càng yêu nàng nồng nhiệt hơn trước gấp nghìn lần. Công chúa ư? Sao lại nói vậy thưa bà? Bà không còn là công chúa nữa, bà đã là hoàng hậu của ta, hoàng hậu nước Ba Tư, như ta là quốc vương nước ấy vậy. Tước vị ấy của bà chẳng bao lâu nữa sẽ vang lừng khắp nước. Thưa bà, ngay từ ngày mai, cả kinh thành sẽ rõ tin. Sẽ có những hội hè chưa từng thấy bao giờ, để công bố nàng là chính cung hoàng hậu của ta. Điều này chắc đã xong từ lâu, nếu nàng cho ta biết sớm hơn, bởi vì ngay từ phút đầu tiên gặp gỡ, ta đã cảm thấy giống như lúc này đây, là yêu nàng mãi mãi và chỉ có mãi mãi yêu nàng.

Trong khi chờ đợi trả lại cho nàng những gì nàng xứng đáng được hưởng, và qua đó mà thỏa mãn đầy đủ mong muốn của chúng ta, xin hãy nói thêm cho ta rõ về quốc gia và dân chúng các nước thủy tề, mà ta chưa từng được biết. Đúng là ta cũng từng nghe nói tới những người sống dưới nước, nhưng vẫn nghĩ rằng đây chẳng qua là truyện cổ tích hay ngụ ngôn. Ấy thế mà hóa ra không có gì đúng sự thật hơn, sau những điều nàng vừa kể. Chúng có chắc chắn là con người nàng đây, công chúa một nước thủy tề đã vui lòng làm vợ ta. Về mặt ấy trên trái đất quả không một ai có thể tự hào hơn ta. Duy có một nỗi làm ta băn khoăn, xin nàng hãy vui lòng giúp làm sáng tỏ, ấy là không thể hiểu được sao các người có thể sống, làm việc và cử động ở dưới nước mà không bị chết đuối. Trần thế chúng ta cũng có nhiều người có tài ở lâu dưới nước, nhưng tùy theo sức lực và tài nghệ từng người, sau mấy phút buộc phải lên bờ nếu không sẽ chết đuối.

- Tâu bệ hạ, – hoàng hậu Gunna đáp – thiếp vui lòng thỏa mãn điều Người muốn biết. Người thủy tề chúng tôi đi lại dưới đáy biển như người trần đi trên mặt đất. Chúng tôi thở dưới nước như người ta thở trên không. Nước không làm chúng tôi ngạt như đối với người trần, mà nước đã góp phần vào sự sống của chúng tôi. Có một điều đáng chú ý, là đối với chúng tôi nước không làm ướt. Khi cần lên trên mặt đất, chúng tôi chẳng phải hong khô quần áo. Ngôn ngữ chúng tôi cũng vẫn là ngôn ngữ đã được dùng để viết nên Kinh Thánh và khắc lên dấu ấn của Đấng đại tiên tri Xalômông, con trai vua

Davít^[66].

Không thể bỏ qua mà không nói rằng nước dưới đáy biển không ngăn chúng tôi nhìn rõ mặt nhau. Chúng tôi vẫn mở mắt như bình thường mà chẳng thấy khó chịu chút nào. Mắt chúng tôi tốt, cho nên mặc dù biển rất sâu, dưới nước chúng tôi vẫn nhìn tỏ tường như trên mặt đất. Ban đêm cũng vậy. Đáy biển vẫn có mặt trăng soi sáng, các tinh tú đều không bị che lấp. Về các vương quốc thủy tề, vì biển rộng hơn nhiều so với mặt đất, cho nên ở dưới biển có nhiều quốc gia hơn, và các nước thủy tề đều rộng lớn hơn các quốc gia trên mặt đất. Nước được chia thành nhiều tỉnh, mỗi tỉnh có nhiều thành phố đông dân. Cuối cùng cũng có không biết cơ man là bộ tộc, với phong tục và tập quán khác nhau, giống hệt như trên mặt đất vậy.

Cung điện của các quốc vương và các hoàng tử thủy tề đều nguy nga lộng lẫy, được xây dựng bằng cẩm thạch đủ màu sắc và bằng thủy tinh hoặc bằng xà cừ, san hô và những vật liệu quý giá nhất vốn rất sẵn dưới biển. Vàng, bạc và các thứ châu báu dưới ấy dồi dào hơn trên mặt đất nhiều. Không nói tới ngọc trai, những viên ngọc trai to nhất trên mặt đất, thì ở các nước thủy tề người ta chẳng buồn ngó ngàng tới, chỉ các nhà trường giả học đòi làm sang mới chịu trang sức bằng các thứ ấy mà thôi.

Bởi vì người dưới thủy tề nhanh nhẹn đến kì diệu, muốn đi đến đâu là đến nơi đó ngay trong nháy mắt, cho nên chẳng cần có ngựa xe. Tuy nhiên, không nhà vua nào là không có những chuồng nuôi ngựa biển, nhưng ngựa thường chỉ để dùng trong các buổi hội hè, lễ chạp hoặc vui chơi của dân chúng. Người ta luyện ngựa để cưỡi chơi và phô bày tài nghệ trong các cuộc đua. Những người khác thì thắng ngựa vào trong các cỗ xe làm bằng xà cừ, được trang trí nhiều vỏ sò, vỏ ốc màu sắc rực rỡ. Các cỗ xe ấy không có mái, để cho mọi người nhìn rõ mặt vua mỗi lần vua muốn ra mắt trăm dân.

Các nhà vua tự điều khiển lấy cỗ xe của mình, không cần có người hầu. Xin khỏi nói tới ngàn vạn đặc điểm rất lạ lùng khác ở các vương quốc thủy tề, – hoàng hậu Gunna nói tiếp – chắc cũng có thể làm vui tai bệ hạ. Song xin phép bệ hạ cho lui việc đó lại vào một dịp rồi rỗi rãi khác, để cho phép thiếp lúc này được bày tỏ một việc trọng yếu hơn nhiều. Ấy là tâu bệ hạ, người thủy tề ở cũ khác hẳn người trên mặt đất. Thiếp lo những bà đỡ của nước ta sẽ không giúp cho thiếp được mẹ tròn con vuông. Hẳn bệ hạ cũng quan tâm đến việc ấy không kém gì thiếp. Nếu được bệ hạ cho phép, thiếp nghĩ rằng vì sự bình yên của thiếp lúc lâm bồn, xin cho được mời mẹ thiếp cùng các chị em họ của thiếp tới đây, đồng thời với ông anh trai thiếp, mà thiếp muốn anh em làm lành với nhau. Những người ấy sẽ hân hoan gặp lại thiếp, nhất là khi được biết thiếp hiện nay đã là hoàng hậu nước Ba Tư hùng cường. Cúi xin bệ hạ cho phép thiếp được làm việc đó. Gia đình thiếp cũng sẽ rất vui lòng được

đến chào bệ hạ. Thiếp có thể hứa trước rằng bệ hạ sẽ hài lòng khi đón tiếp họ.

- Thừa bà, – vua nước Ba Tư đáp – bà là người chủ, bà muốn làm gì xin tùy ý. Ta sẽ cố gắng đón tiếp gia đình bà với tất cả nghi thức xứng đáng. Nhưng ta muốn biết, bằng cách nào nàng báo tin cho họ biết và bao giờ họ có thể tới, để ta ra lệnh chuẩn bị đón tiếp cho trọng thể. Tự ta cũng sẽ thân hành đi đón nữa.

- Tâu bệ hạ, – hoàng hậu Gunna nói – chẳng cần những nghi thức ấy, vì họ sẽ có mặt ở đây trong chốc lát, và rồi tự bệ hạ sẽ thấy họ đến bằng cách nào. Xin mời bệ hạ hãy quá bộ sang phòng nhỏ và nhìn sang đây qua bức màn.

Vua nước Ba Tư bước sang căn phòng nhỏ. Hoàng hậu Gunna sai mang đến một cái hỏa lò đã cho đốt lửa cho người hầu lui ra rồi đóng cửa lại. Còn lại một mình, nàng lấy một miếng trầm hương đựng trong chiếc hộp, bỏ vào hỏa lò. Khói bốc lên, nàng đọc những câu thần chú lạ lẫm với vua nước Ba Tư đang chăm chú quan sát từ buồng bên. Nàng đọc chú chưa dứt lời thì mặt biển chợt cuộn sóng. Ngồi trong buồng, vua có thể qua bức màn nhìn rõ những việc diễn ra trên biển.

Cuối cùng mặt biển mở ra, và ngay sau đó xuất hiện một chàng trai trẻ cao lớn khôi ngô, có bộ ria mép màu xanh nước biển. Một phu nhân đã đứng tuổi nhưng dáng dấp đường bệ cũng trỗi lên sau chàng, cùng với năm thiếu phụ nhan sắc không hề thua kém hoàng hậu Gunna. Ngay lập tức hoàng hậu Gunna bước tới gần cửa sổ. Nàng nhận ra nhà vua anh trai của mình, mẫu hậu cũng như những người chị em họ. Những người mới xuất hiện cũng đã nhận ra nàng. Toán người này tiến tới như lướt trên mặt nước chứ không cần phải bước. Khi lên tới bờ, họ lần lượt nhảy một cách nhẹ nhàng qua cửa sổ nơi hoàng hậu Gunna đang đứng. Nàng hơi lùi về sau nhường chỗ cho họ lần lượt bước vào. Quốc vương Xalêch, thái hậu và những người chị em họ ôm hôn nàng, nước mắt rung rung.

Sau khi được hoàng hậu đón tiếp hết sức trọng vọng và đã ngồi yên trên sập, thái hậu cất lời:

- Con gái của ta ơi, – bà nói – mẹ rất vui mừng được gặp lại con sau một thời gian dài xa cách. Mẹ tin chắc anh con và các chị của con đây cũng nghĩ như mẹ. Con bỏ đi mà chẳng hề nói với ai một lời, khiến cho mẹ, anh và các chị con buồn phiền không thể nào tả xiết. Thật mẹ không thể nói với con là đã tuôn rơi bao nhiêu nước mắt. Mẹ và các anh, các chị con không hiểu có việc gì khác nữa đã khiến con bỏ đi một cách kì lạ ngoài câu chuyện va chạm nhỏ giữa hai anh em, như lời anh con cho mẹ biết. Lời anh con khuyên con hồi đó quả là có lợi cho việc con lập gia thất, trong cảnh ngộ gia đình ta lúc bấy giờ. Đáng lẽ ra con không nên giận dỗi trước một lời khuyên dù con

không vừa ý. Mẹ phải nói thật với con rằng, đáng ra con không nên xử sự như cách đó. Nhưng thôi, ta hãy gác chuyện ấy lại, gọi lại làm chỉ một câu chuyện khiến chúng ta buồn phiền; tất cả chúng ta cần quên đi. Con hãy kể cho chúng ta nghe những gì đã xảy ra với con từ ngày xa cách. Hiện nay con ra sao? Trước tất cả mọi sự, hãy cho mẹ, anh và các chị con đây biết con có được hài lòng hay không.

Hoàng hậu Gunna chạy đến quỳ dưới chân mẹ, rồi đứng lên hôn bàn tay bà và thưa:

- Thưa mẫu hậu, con đã phạm tội lớn, xin thú thật như vậy, và con cảm ơn mẹ đã từ tâm tha thứ cho con. Để vâng lời mẹ, điều con có thể thưa với mẹ là, thông thường ghét của nào trời trao của ấy. Bản thân con đã thử nghiệm rằng, điều mà con trước đây chống lại gay gắt tức là việc lấy chồng người trên mặt đất, thì chính số phận đã đưa đẩy con vào, mặc dù con không muốn.

Thế là nàng kể lại mọi việc, bắt đầu từ chuyện vì bức bội, nàng trôi lên khỏi biển để lên sống trên mặt đất cho tới việc nàng bị bán cho quốc vương Ba Tư làm nô lệ, và hiện đang ở trong cung nhà vua ấy. Vua thủy tề liền bảo nàng:

- Em ơi, tại em cho nên em mới phải chịu đựng bấy nhiêu điều xúc phạm. Em chỉ có thể tự trách mình mà thôi. Em có cách để tự giải thoát. Anh lấy làm ngạc nhiên sao em lại kiên nhẫn chịu làm nô lệ lâu đến như vậy. Thôi em hãy đứng lên, hãy cùng mẹ và anh trở về nước nhà, mà anh đã chiếm lại được từ tay kẻ thù hung bạo đã mang quân xâm lược trước đây.

Từ buồng bên, nghe những lời nói đó, vua nước Ba Tư vô cùng hoảng hốt. Vua tự nhủ:

- Chết rồi, và chắc chắn ta sẽ chết thôi, nếu hoàng hậu của ta, nàng Gunna của ta nghe theo lời khuyên ấy. Nếu nàng bị bắt đi, thì ta không thể nào sống được vì thiếu nàng!

Nhưng hoàng hậu Gunna không để cho vua phải lo sợ lâu. Nàng mỉm cười nói:

- Thưa anh, lời anh vừa nói càng cho em hiểu thêm lòng anh thương em chân thành xiết bao. Trước đây em không chịu được lời anh khuyên nên kết hôn với một hoàng tử trên trái đất. Bây giờ, thiếu chút nữa thì em đâm giận anh vì anh khuyên em hãy từ bỏ lời giao ước với Đấng hùng cường và nổi tiếng nhất trong các hoàng tử ở thế gian. Em không nói về lời giao ước của một nữ nô lệ với chủ của mình. Chúng ta dễ dàng hoàn lại thôi số tiền một vạn đồng vàng mà người chủ đó đã phải bỏ ra để mua em. Em muốn nói tới lời giao ước giữa vợ với chồng, lời giao ước của người vợ không có mấy may nguyên có để giận dỗi với chồng, một đấng quân vương ngoan đạo,

khôn ngoan, từ tốn, đã đem lòng yêu em đậm thắm nhất. Người đã có những biểu hiện sâu sắc của mối tình duy nhất đối với riêng em ngay từ hôm đầu tiên hạnh ngộ. Người đã cho các cung tần mỹ nữ ra về mà chỉ giữ lại có một mình em. Em là vợ của Người, và Người vừa mới tuyên bố em là hoàng hậu nước Ba Tư, có đầy đủ tư cách tham dự công việc triều chính, hơn nữa em nói là em đã thụ thai. Ôn trời, nếu em sinh hạ được một đứa con trai thì đây lại thêm một sợi dây nữa ràng buộc em với Người, không có gì chia cắt được.

Như vậy là, thưa anh, – hoàng hậu Gunna nói tiếp – em không thể làm theo lời anh khuyên. Mà xét những điều em vừa giải bày, chắc anh cũng thấy là không những em phải yêu vua nước Ba Tư như Người đang yêu em mà em còn phải ở lại đây sống suốt đời với Người vì lòng biết ơn hơn là bản phận. Em hi vọng rằng mẹ, anh và các chị sẽ chấp thuận ý định của em, không chê trách em về việc hôn nhân em đã lựa chọn, nó đem lại danh giá cả cho các đảng quân vương dưới thủy tề cũng như trên mặt đất. Xin mẹ, anh và các chị tha thứ cho em đã dám làm phiền mời các vị từ đáy biển sâu tới đây để cho em được vui sướng nhìn thấy mặt, sau một thời gian xa cách lâu ngày.

- Em ơi, – vua Xalêch đáp – sở dĩ anh khuyên em nên trở về nước, sau khi nghe thuật lại bấy nhiêu khổ ải em đã phải chịu đựng, làm anh cũng đau lòng, ấy là để chứng tỏ với em rằng mẹ, anh và các chị đây đều thương em vô hạn. Riêng anh lúc nào cũng hết sức quý trọng em. Đối với mẹ, các chị và anh đây, không có gì quan trọng hơn việc góp phần làm cho em được hạnh phúc. Cũng bởi những lẽ đó mà về phần anh, sau khi nghe em giải bày về quốc vương Ba Tư, người chồng mà em hàm ơn rất nhiều, anh chỉ có thể đồng tình với ý định hợp lý và cao cả của em. Anh chắc thái hậu, mẹ chúng ta cùng chung ý nghĩ với anh.

Thái hậu xác nhận những điều vua Xalêch vừa nói.

- Con gái của mẹ ơi, – bà nói với hoàng hậu Gunna -mẹ rất hân hoan thấy con hạnh phúc. Mẹ chẳng có gì nói thêm ngoài những điều anh trai con vừa bày tỏ. Nếu con không thật sự tỏ rõ lòng biết ơn đối với một đảng quân vương yêu con tha thiết như vậy, người đã ban cho con biết bao ân huệ lớn lao, thì chính mẹ đây sẽ là người đầu tiên trách con đấy.

Ngồi ở phòng bên, vua nước Ba Tư hồi nãy càng âu sầu bao nhiêu vì sợ mất hoàng hậu Gunna, thì bây giờ nghe nàng ngỏ ý dứt khoát không xa mình, vua càng mừng rỡ bấy nhiêu. Sau khi nghe những lời giải bày rành mạch như vậy, làm sao còn có thể nghi ngờ hoàng hậu không yêu mình. Bởi vậy vua càng thấy quý nàng gấp bội, và tự hứa sẽ tìm mọi cách, với quyền lực của mình, để chứng tỏ lòng biết ơn đối với nàng. Trong khi vua Ba Tư

đang tự mình suy tính với mình như vậy, thì hoàng hậu Gunna vỗ tay ra lệnh cho bốn người hầu sửa soạn tiệc rượu. Tiệc bày ra, nàng mời thái hậu, quốc vương và các chị em họ tới dùng. Nhưng tất cả mọi người đều có chung một ý nghĩ là mình đang có mặt mà không xin phép trước tronệ cung điện của một nhà vua hùng cường chưa quen biết. Ấy thế mà cùng nhau ngồi vào bàn ăn uống trong khi không có mặt chủ nhà thì thật là khiếm nhã quá. Họ cùng đỏ mặt. Sự xúc động ấy làm cho lửa lóe ra khỏi miệng và mũi, mắt họ cũng rực sáng lên.

Trông thấy cảnh tượng ấy, vua Ba Tư hết hồn vì không chút chờ đợi và cũng chẳng rõ nguyên nhân. Hoàng hậu Gunna thấu hiểu ý nghĩ của các người thân trong gia đình, liền đứng lên, nói sẽ trở lại ngay. Nàng sang phòng bên. Sự có mặt của nàng làm yên lòng vua Ba Tư.

- Tâu bệ hạ, – nàng nói – chắc bệ hạ hài lòng về điều em quyết định vừa rồi để đền đáp thịnh tình của Người. Thực ra, em hoàn toàn có thể nghe theo lời khuyên của anh trai em, và cùng với anh và mẹ trở về nước nhà. Nhưng em không thể nào ăn ở bội bạc với ngài, nếu như vậy thì tự em cũng chê trách mình.

- Ôi! Hoàng hậu của ta ời! – Vua Ba Tư thốt lên. – Xin đừng nói tới ơn nghĩa và thịnh tình. Nàng chẳng có gì phải hàm ơn ta, ngược lại chính ta mới đội ơn nàng nhiều, và chẳng bao giờ ta có thể tỏ rõ đầy đủ lòng biết ơn đối với nàng. Trước đây, ta không tin nàng yêu ta tới mức như nàng vừa giải bày, bởi vậy ta càng thêm xúc động.

- Ô, làm sao em có thể không yêu bệ hạ? – Hoàng hậu Gunna đáp. – Sau bao nhiêu vinh dự được bệ hạ ban cho, sau biết bao việc tốt lành bệ hạ đã làm vì em, sau vô vàn biểu hiện yêu đương mà thiếp không thể không xúc động, làm sao thiếp có thể không hết lòng yêu Người? Nhưng, tâu bệ hạ, – nàng nói tiếp – chúng ta hãy tạm gác câu chuyện ấy lại để cho em được chuyển đến tình thân hữu chân thành của thái hậu mẹ em và quốc vương anh trai em đối với Người. Mẹ em và anh trai em đang nôn nóng muốn được gặp bệ hạ để bày tỏ tình thân hữu ấy. Thậm chí em nghĩ là đã sơ suất làm cho anh trai và mẹ em bất bình, vì muốn mời các vị một tiệc rượu nhẹ trước khi các vị được yết kiến bệ hạ. Vậy, cúi xin bệ hạ hãy vui lòng bước sang phòng bên cho mẹ và anh em được làm quen.

- Thừa bà, – vua nước Ba Tư đáp – ta rất thích thú được chào những vị thân nhân của nàng, nhưng ánh lửa lóe ra khỏi mũi và miệng họ làm cho ta sợ.

- Tâu bệ hạ, – hoàng hậu cười đáp – xin bệ hạ chớ bận tâm, những ánh lửa lóe lên ấy không chứng tỏ gì khác niềm băn khoăn của họ tùy tiện dùng tiệc trong cung điện của Người. Xin bệ hạ hãy ban cho họ vinh dự được gặp mặt

và cùng dự tiệc với Người.

Yên tâm vì lời nói đó, vua nước Ba Tư đứng lên theo chân hoàng hậu bước vào phòng. Hoàng hậu giới thiệu vua với mẹ, anh trai và các chị họ. Những người này nhanh chóng phủ phục trước mặt vua. Vua nước Ba Tư vội vàng chạy lại nâng mọi người đứng lên và lần lượt ôm hôn từng người một. Sau khi mọi người an tọa, vua Xalêch cất lời:

- Tâu bệ hạ, – vua nói với vua Ba Tư – chúng tôi không biết cách nào tỏ rõ được hết với bệ hạ nỗi mừng vui thấy hoàng hậu Gunna, em gái tôi, trong bước không may lại được cái may chịu ơn che chở của một đấng quân vương hùng cường như ngài. Chúng tôi có thể thưa với ngài rằng em gái tôi xứng đáng được ngài nâng lên địa vị cao sang như hiện nay. Chúng tôi đã quá thương yêu, quý mến em, đến nỗi đã không chịu nhận lời gả em cho bất kỳ một vị hoàng tử dũng mãnh nào dưới thủy tề, các vị ấy đến cầu hôn khi em tôi chưa tới tuổi thành niên. Trời đã dành em tôi cho ngài, tâu bệ hạ, và chúng tôi không có cách nào cảm tạ đặc ân của ngài đối với em tôi hơn là chúc ngài sống lâu trăm tuổi với em tôi trong phần vinh và hạnh phúc.

Vua nước Ba Tư đáp:

- Đúng là trời đã dành nàng cho tôi, như lời ngài vừa dạy. Quả vậy, tình yêu nồng nhiệt của tôi đối với nàng cho thấy rõ là tôi chưa hề thực sự yêu ai trước khi gặp nàng. Tôi cũng không biết cách nào biểu lộ lòng biết ơn đối với thái hậu, với ngài, tâu bệ hạ, cũng như đối với tất cả bà con thân thuộc, đã hào hiệp cho tôi được kết thân. Tôi rất lấy làm vinh dự về cuộc hôn nhân này.

Nói xong, vua mời mọi người ngồi vào bàn, vừa cùng hoàng hậu Gunna cũng ngồi vào dự. Tiệc rượu tàn, vua Ba Tư còn đàm luận với họ cho tới khuya. Đến giờ nghỉ vua thân hành dẫn từng người về các phòng riêng mà vua đã truyền cho quân hầu sửa soạn.

Vua nước Ba Tư đãi đằng các vị khách quý bằng các hội hè triền miên. Trong dịp này, chẳng thiếu một thứ gì để chứng tỏ tâm cỡ lớn lao và quyền uy rực rỡ của mình. Vô tình vua giữ họ ở lại cho đến ngày hoàng hậu ở cũ. Thấy sắp đến ngày nàng mãn nguyệt khai hoa, vua ra lệnh sắm sanh mọi thứ không được để thiếu sót bất cứ một tí gì trong dịp trọng đại này. Cuối cùng hoàng hậu sinh một con trai, trước nỗi vui mừng của thái hậu là người thân hành đỡ đẻ. Thái hậu sai cuộn cậu vào những tã lót sang trọng và mang đến trình với vua nước Ba Tư.

Vua Ba Tư đón nhận món quà này với niềm vui khó tả. Nhìn khuôn mặt đầy đặn, xinh xắn của cậu con trai, vua thấy không có tên nào hợp với hoàng tử hơn là Bêđe^[67]. Để tạ ơn trời đất, vua lại sai bố thí nhiều của cải cho những người nghèo, đại xá tù phạm, trả lại tự do cho nhiều nô lệ của mình, nam cũng như nữ.

Vua sai cung tiến nhiều món tiền lớn đến các chức sắc đạo Hồi và các nhà tu hành, lại còn ân thưởng rộng rãi cho các quan văn võ trong triều và cả dân chúng nữa. Nhiều cuộc vui chơi, theo lệnh triều đình, được mở ra và kéo dài nhiều ngày khắp kinh thành.

Sau khi hoàng hậu Gunna hết tuần ở cũ, vua Ba Tư cùng hoàng hậu và vua Xalêch, thái hậu và các công chúa chị em họ của nàng đang ngồi nói chuyện trong phòng riêng của hoàng hậu, thì người vú nuôi bé hoàng tử Bêde vào. Vua Xalêch liền đứng dậy bước tới đón hoàng tử ôm vào lòng, rồi hôn hít vuốt ve rất âu yếm. Vua nâng hoàng tử lên cao, đùa chơi mấy vòng quanh phòng. Đột nhiên giữa cơn vui, vua lao ra một cửa sổ vẫn để ngỏ và ôm hoàng tử nhào luôn xuống biển.

Không chờ đợi sự tình ấy, vua Ba Tư thét lên một tiếng khủng khiếp. Vua nghĩ là sẽ không bao còn nhìn thấy hoàng tử con trai thân yêu của mình nữa, hoặc có được nhìn thấy lại thì cậu cũng đã chết đuối mất rồi. Buồn phiền và đau đớn vô cùng, suýt nữa thì vua qua đời.

- Tâu bệ hạ, – hoàng hậu Gunna vội nói, nét mặt và giọng nói của nàng đủ để làm vua yên lòng – xin bệ hạ chớ lo. Hoàng tử là con trai bệ hạ nhưng nó cũng là con của em. Em cũng thương yêu nó không kém Người. Em có hoảng hốt đâu, vì em nghĩ chẳng cần phải thế. Con trai chúng ta chẳng trải qua chút hiểm nguy nào. Lát nữa rồi bệ hạ sẽ thấy con xuất hiện trở lại với bác cháu, hoàn toàn bình yên vô sự. Con sinh ra bởi dòng máu của bệ hạ, song cũng là giọt máu của em, cho nên thừa hưởng được lợi thế của em, những người có thể vừa sống dưới thủy tề vừa sống trên mặt đất.

Thái hậu cùng các công chúa đều quả quyết với vua như vậy nhưng vẫn chưa đủ làm cho vua Ba Tư thôi khiếp đảm. Vua không thể nào hoàn toàn yên tâm trong suốt thời gian vắng hoàng tử Bêde.

Cuối cùng mặt biển cuộn sóng. Mọi người trông thấy vua Xalêch trôi lên khỏi mặt nước, tay ôm hoàng tử, rồi nâng hoàng tử lên cao, bay lướt qua cửa sổ mà trở vào phòng. Nhìn thấy hoàng tử vẫn tươi tỉnh như lúc này, trước khi bị mang theo xuống biển, vua Ba Tư cực kì hân hoan thán phục. Vua Xalêch hỏi:

- Tâu bệ hạ, Người có lo sợ lắm không, khi nhìn thấy tôi ôm cháu lao xuống biển?

- Ôi thưa quân vương, thật không thể nào diễn tả hết nỗi lo âu của tôi. Tôi đã tưởng mất cháu rồi. Ngài mang cháu trở về là làm cho tôi sống lại.

- Tâu bệ hạ, – vua Xalêch đáp- tôi cũng có nghĩ tới điều đó, nhưng chẳng có gì phải âu lo: Trước khi lặn xuống nước, tôi đã đọc cho cháu nghe những câu thần chú được khắc trên ấn của đại đế Xalômông, con trai Đavít. Đối với

tất cả các cháu sinh ra ở nước thủy tề, chúng tôi đều làm như vậy. Nhờ có câu thần chú đó, các cháu cũng như chúng tôi đều có phép đi lại trong nước, hơn hẳn những người sinh ra trên mặt đất. Qua những điều bệ hạ vừa nhìn thấy, ngài có thể nhận ra rằng hoàng tử ngay từ buổi sơ sinh, nhờ có dòng máu mẹ là hoàng hậu Gunna em gái tôi, cho nên cũng có phép đi lại trong nước. Suốt đời cháu sau này, lúc nào muốn, cháu đều có thể lặn xuống biển và đi chu du khắp các nước thủy tề mệnh mệnh dưới đáy biển.

Nói xong, vua Xalêch trao cháu bé lại cho người vú nuôi rồi mở một cái hòm mà vua vừa mang từ cung điện của mình lên trong thời gian ngắn ngủi vừa rồi. Trong hòm có ba trăm viên kim cương to bằng những quả trứng chim bồ câu, chừng ấy viên hồng ngọc cũng to một cách kì lạ, ba trăm cây bích ngọc dài chừng nửa bộ, cùng ba mươi chuỗi ngọc trai, mỗi chuỗi đúng mười viên. Nâng cái hòm dâng vua Ba Tư, vua Xalêch nói:

- Tâu bệ hạ, khi chúng tôi được hoàng hậu em gái tôi gọi, chúng tôi chưa rõ em đang ở nơi nào trên trái đất, và chưa biết em đã có vinh dự làm vợ một đấng quân vương hùng cường như ngài. Vì vậy, chúng tôi đã đến hai tay không. Bởi không có gì biểu lộ lòng cảm kích của chúng tôi đối với bệ hạ, xin ngài hãy vui lòng nhận món quà mọn này, gọi là để tạ ơn ngài đã dành cho em gái tôi những ân sủng đặc biệt, mà ngay cả chúng tôi cũng được thơm lây.

Không thể nào diễn tả được nỗi kinh ngạc của vua nước Ba Tư khi nhìn thấy bấy nhiêu châu báu dồn vào cả một cái hòm nhỏ như vậy. Vua thốt lên:

- Thừa quân vương, ngài gọi cái tặng phẩm vô giá Ngài định biểu tôi đây là một món quà nhỏ mọn ư? Được làm rể của gia đình ngài, tôi đã tự cho là vinh dự lắm rồi. Thừa bà, – vua quay sang nói tiếp với hoàng hậu Gunna - quân vương đây làm cho tôi bối rối quá chừng. Nếu không sợ ngài phạt ý thì tự tôi đã van ngài cho phép tôi không được nhận món quà này. Nhờ bà nói thêm với ngài, xin miễn cho.

- Tâu bệ hạ, – vua Xalêch nói tiếp – tôi không ngạc nhiên khi thấy ngài cho món quà mọn này quá khác thường. Tôi biết là trên trái đất, người ta không quen nhìn những châu báu đẹp và một lúc có nhiều như thế này. Nhưng nếu ngài biết cho, là tôi biết rõ nhiều cái mỏ, nơi khai thác những thứ châu báu này, và riêng tôi có thể đến lấy mang về một kho báu lớn hơn tất cả những gì các nhà vua trên mặt đất có thể có gộp lại, thì lúc ấy ngài hẳn sẽ lấy làm ngạc nhiên sao tôi lại cả gan dâng một món quà hèn mọn thế này. Bởi vậy, xin ngài chớ nhìn vào chỗ nhiều hay ít mà xin nghĩ tới tình thân hữu chân thành đã thúc giục tôi dâng; xin ngài đừng từ chối làm cho tôi tủi.

Thái độ trang nhã của Xalêch buộc vua nước Ba Tư đành phải nhận món quà, và nồng nhiệt cảm ơn nhà vua thủy tề cũng như thái hậu.

Mấy ngày sau, vua Xalêch nói với vua Ba Tư rằng, hoàng thái hậu, các công chúa cũng như bản thân vua không có một niềm thích thú nào lớn hơn là được suốt đời sống ở triều đình nước Ba Tư. Nhưng vì đi xa đất nước quá lâu, mà sự có mặt của họ trong nước là cần thiết, vậy xin nhà vua vui lòng cho phép họ được cáo từ. Vua Ba Tư từ tạ rằng mình rất phiền lòng vì không biết phép thần thông để thân hành xuống nước thủy tề đáp lễ, và nói thêm:

Nhưng, tin rằng ngài và các vị không quên hoàng hậu Gunna, và thỉnh thoảng sẽ viếng thăm nàng, tôi hi vọng sẽ còn có nhiều lần được gặp lại quân vương cùng thái hậu.

Không ít nước mắt tuôn rơi trong buổi biệt li. Vua Xalêch đi ra trước, còn hoàng thái hậu và các công chúa thì dùng dằng mãi mới dứt được vòng tay của hoàng hậu Gunna. Nàng không chịu để cho mẹ và các chị em họ ra về. Khi khách đã đi khuất, vua Ba Tư quay lại nói với hoàng hậu:

- Thưa bà, trước đây nếu có ai thuật lại cho ta nghe những điều kì diệu ta vừa chứng kiến, kể từ hôm những người thân thuộc trong gia đình bà cho ta vinh dự đến thăm nơi này, thì ta hẳn đã cho người đó lợi dụng lòng cả tin để bịa đặt những điều không có thật. Nhưng không thể chối những điều tự mắt ta nhìn thấy, bởi vậy ta không bao giờ thôi tạ ơn trời đất đã chọn ta chứ không phải vua nào khác để trao gửi nàng.

Cậu bé Bêđe được nuôi dạy trong hoàng cung dưới sự chăm nom của nhà vua và hoàng hậu nước Ba Tư. Hai người hài lòng thấy con trai mình hay ăn chóng lớn và ngày càng xinh trai thêm. Hoàng tử càng lớn lên tính tình càng tươi tỉnh, thái độ càng hòa nhã, đầu óc càng thông minh và trí xét đoán càng đúng đắn. Vua và hoàng hậu càng hài lòng hơn, vì vua Xalêch, hoàng thái hậu và các công chúa chị em họ với hoàng hậu Gunna cũng thường xuyên lui tới góp phần dạy dỗ cháu. Hoàng tử học viết và tập đọc chẳng mấy khó khăn, và cũng dễ dàng như khi người ta dạy cho cậu các môn khoa học không thể thiếu đối với một vị hoàng tử dòng dõi cao sang.

Khi hoàng tử Bêđe mười lăm tuổi, chàng biểu diễn các môn võ nghệ điêu luyện và uyển chuyển hơn cả các thầy dạy võ. Chàng lại rất đổi khôn ngoan và thông minh. Vua nước Ba Tư nhận ra ở con trai từ thuở chàng còn ấu thơ những đức tính rất cần thiết ấy cho một đáng quân vương. Cảm thấy mình ngày càng già nua, vua không muốn chờ đợi đến khi qua đời mới truyền ngôi báu. Vua đã dễ dàng thuyết phục được triều đình chấp nhận ý định của mình. Còn dân chúng thì rất mừng khi nghe tin vua thoái vị, truyền ngôi cho con trai, vì hoàng tử Bêđe rất xứng đáng trị vì trăm họ. Quả vậy, từ lâu hoàng tử đã có nhiều dịp ra mắt trước dân chúng. Mọi người đều nhận thấy chàng không có thái độ khinh bạc, kiêu kì đáng ghét như nhiều các hoàng tử khác, những vị này nhìn ai cũng bằng nửa con mắt, với vẻ ngạo mạn và khinh khi

không thể nào chịu nổi. Hoàng tử Bêde lúc nào cũng giữ thái độ lịch sự. Chàng lúc nào cũng trả lời mọi người với vẻ ân cần đặc biệt, và chẳng hề từ chối ai điều gì miễn là lời cầu xin kia đúng đắn.

Ngày làm lễ đăng quang cho tân vương được quyết định. Hôm đó, giữa các triều thần đông đủ hơn thường lệ vua Ba Tư đang ngự trên ngai, liền bước xuống, nâng chiếc vương miện đang đội trên đầu mình đặt lên đầu hoàng tử Bêde. Rồi sau khi giúp chàng ngồi lên ngai, vua hôn tay chàng để chứng tỏ mình đã giao cho chàng mọi uy phong và quyền lực. Tiếp đó vua tự đến đứng xếp vào hàng các tể tướng và thượng thư.

Lập tức, tể tướng, thượng thư và đại thần chính trong triều, theo phẩm trật của mỗi người, phủ phục dưới chân nhà vua mới, tuyên thệ trung thành. Tiếp đó, đại tể tướng trình nhiều công việc quan trọng. Tân vương phán xét rất công minh, khiến cho tất cả triều đình đều khâm phục. Về sau nữa, vua bãi chức nhiều quan thống đốc mắc tội tham ô, và cử nhiều vị khác vào chức vụ đó một cách sáng suốt, công bằng, khiến cho mọi người có mặt đều lớn tiếng hoan hô một cách thật lòng, không chút xu nịnh. Bãi triều, chàng cùng với vua cha đi thẳng tới cung của hoàng hậu Gunna. Vừa trông thấy chàng đội vương miện trên đầu, hoàng hậu vội chạy đến ôm hôn đầm thắm, và chúc chàng có một triều đại thịnh trị dài lâu.

Năm đầu tiên lên ngôi, vua Bêde chăm lo công việc nước nhà hết sức cần mẫn. Quan trọng hơn hết là xem công việc cai trị ra sao, và làm mọi việc để làm cho đời sống dân chúng ngày càng sung túc. Năm sau, vua giao công việc triều chính cho một hội đồng dưới sự giám sát của vua cha, rồi ra khỏi kinh thành, lấy cớ là để săn bắn vui chơi. Kì thực là vua đi tuần du tất cả các tỉnh trong cả nước nhằm xem có các vụ oan ức, lập lại trật tự kỉ cương ở các nơi. Vua còn thân hành đến tận chốn biên thùy, làm cho các nước láng giềng không còn nước nào dám manh tâm dòm ngó.

Phải mất trọn một năm ròng, nhà vua trẻ mới thực hiện xong ý muốn cao cả ấy. Vua trở về kinh thành chưa được bao lâu thì vua cha lâm bệnh hiểm nghèo. Ông hiểu ngay là mình không còn hi vọng bình phục. Phụ vương chờ đợi giờ phút cuối cùng của đời mình một cách thanh thản. Mỗi chăm lo duy nhất của Người là dặn dò các vị đại thần văn võ trong triều hãy trung thành với nhà vua trẻ như họ đã từng long trọng thề nguyện. Không một vị quan văn hoặc tướng võ nào không sẵn lòng lặp lại lời thề của mình như lần trước. Cuối cùng, nhà vua băng hà trước sự tiếc thương vô hạn của vua Bêde và hoàng hậu Gunna. Thi hài của vua được quản trong một cái lăng tráng lệ với những lễ nghi xứng đáng với uy danh của Người lúc sinh thời.

Lễ tang chấm dứt, vua Bêde liền thực hiện ngay phong tục của nước Ba Tư thời bấy giờ, là đóng cửa cư tang suốt một tháng ròng không nhìn mặt bất

cứ một ai. Giá cứ phó mình theo nỗi phiền muộn, và không nghĩ tới trách nhiệm làm vua của một nước lớn, thì có lẽ vua đã đóng cửa cư tang suốt cả đời. Được tin, hoàng thái hậu mẹ của hoàng hậu Gunna, vua Xalêch cùng các công chúa chị em họ của nàng, đều tới chia buồn và ngỏ lời khuyên giải.

Một tháng trôi qua, nhà vua không thể khước từ không tiếp đại tể tướng và các đại thần vẫn võ trong triều. Mọi người đều một lòng xin vua hãy bỏ áo tang, ra mắt dân chúng, và trông coi công việc triều chính như ngày trước. Thoạt tiên vua tỏ vẻ bực bội khi nghe lời tâu đó. Đại tể tướng buộc phải lên tiếng giải bày:

- Tâu bệ hạ, không cần phải nói bệ hạ cũng biết là chỉ có đàn bà mới ôm ấp đau thương và than khóc suốt đời. Dù cho chúng ta có khóc suốt cả đời mình đi chẳng nữa cũng không thể làm cho đáng tiên vương sống lại.

Cũng như mọi người trên trần thế, người ta không thể tránh khỏi cái chết. Nhưng chúng tôi không nói Người đã qua đời, bởi vì chúng tôi vẫn trông thấy Người qua hình ảnh bệ hạ. chính Người, khi lâm chung, cũng nghĩ như thế. Vậy xin bệ hạ hãy xử sự sao cho tiên vương không cho là Người đã nghĩ nhầm.

Vua Bêđe không thể nào bài bác bấy nhiêu lời khẩn khoản tha thiết. Ngay lập tức, vua cởi áo tang. Sau khi đã mặc hoàng bào và đội vương miện lên đầu, vua lại chăm lo công việc triều chính và các công việc của trăm dân với tất cả sự chuyên tâm như ngày phụ vương còn sống. Mọi người ngợi ca nhiệt liệt. Và bởi vua rất quan tâm thực hiện đầy đủ tất cả những chiếu chỉ và luật lệ mà các đấng vua trước từng ban hành, cho nên dân chúng ít người nhận thấy đã có sự đổi ngôi.

Sau khi thấy vua Bêđe đã trở lại công việc triều chính, vua Xalêch liền cùng với thái hậu và các công chúa trở về nước thủy tề. Một năm sau, một mình vua Xalêch trở lại, trước sự hân hoan của quốc vương Bêđe và hoàng hậu Gunna. Một hôm, sau bữa ăn, khi bàn đã dọn dẹp, quan hầu đã ra ngoài, ba người ngồi nói chuyện thoải mái với nhau.

Vô tình vua Xalêch tỏ lời khen ngợi vua cháu, và nói với hoàng hậu Gunna rằng mình hết sức hài lòng, thấy Bêđe trị vì đất nước một cách tài tình, làm cho uy danh của vua Ba Tư không những lan truyền sang các nước lân bang mà còn vang vọng tới những quốc gia xa xôi nhất. Vua Bêđe vốn không bao giờ chịu để người khác ca ngợi mình, nhưng vì lịch sự, không thể ngắt lời vua bác, bảo thôi đừng nói nữa, đành phải quay mặt đi, ghé đầu vào chiếc gối tựa, làm ra vẻ vừa ngủ thiếp đi.

Từ chỗ ca ngợi đức hạnh diệu kì và trí thông minh xuất chúng của vua Bêđe, vua Xalêch chuyển sang khen ngợi sự hoàn hảo của con người chàng vừa nói, trong tất cả các quốc gia trên mặt đất cũng như dưới thủy tề, chưa

từng có một ai có thể sánh với Bêđe. Đột nhiên vua thốt lên:

- Em ạ, cháu khôì ngô tuần tú như vậy đó, khiến cho anh càng ngạc nhiên sao em chưa nghĩ tới chuyện cưới hoàng hậu cho cháu. Nếu anh không nhầm, thì cháu đã hai mươi tuổi, mà đến tuổi này, ta không được phép để một hoàng tử như cháu đây chưa có chính cung. Nếu em chưa nghĩ tới thì hãy để cho anh tính chuyện dạm hỏi cho cháu một nàng công chúa thủy tề thật xứng đáng.

- Thừa anh, – hoàng hậu Gunna đáp – anh làm em sực nhớ tới chuyện mà xin thú thực cho đến nay em không nghĩ ra. Chính vì cháu chưa bao giờ tỏ ý muốn kết hôn, thành ra em cũng không chú ý tới việc đó. Em rất hài lòng là anh đã nhắc em. Em đồng tình, nên dạm hỏi cho cháu một công chúa con vua thủy tề. Xin anh hãy thu xếp cho một đám thật đẹp xinh, thật hoàn hảo, khiến cho cháu không thể khước từ.

Vua Xalêch liền hạ giọng nói thầm:

- Anh biết một đám này nhưng trước khi nói rõ công chúa ấy là ai, hãy xem cháu đã ngủ thật chưa. Anh sẽ cho em biết vì sao chúng ta phải cẩn thận như vậy.

Hoàng hậu Gunna quay lại, thấy vua Bêđe đang ngả người tựa vào gối, bà tin chắc vua đã ngủ say. Ấy thế nhưng thực ra lúc ấy vua Bêđe không những không ngủ say mà còn lắng tai nghe một cách chăm chú hơn nữa, để không bỏ sót bất cứ một lời nào của vua bác nói. Hoàng hậu bảo anh trai:

- Xin chớ ngại, anh có thể nói thoải mái, không sợ cháu nghe.

- Chưa nên để cho nhà vua biết được câu chuyện anh sắp nói với em đây. – Vua Xalêch nói tiếp. – Có nhiều chàng trai nghe nói đến tên nàng đã mê say mà trong trường hợp này ta không nên để như vậy. Thật thế, anh thấy có quá nhiều trở lực phải vượt qua, không phải về phần công chúa, như anh hi vọng, mà về phía phụ thân nàng. Anh chỉ cần nói công chúa Giauha^[68] và quốc vương Xamăngđan là em đủ rõ.

- Anh bảo sao, thưa anh? – Hoàng hậu Gunna hỏi lại – Thế ra công chúa Giauha vẫn chưa thành gia thất ư? Em nhớ, trước khi chia tay anh ít lâu, em có trông thấy cô ta, hồi cô ấy còn mới mười tám tháng mà đã xinh đẹp hết sức. Nếu càng lớn càng xinh, thì công chúa ấy hiện nay phải là một tuyệt thế giai nhân. Dù công chúa có lớn tuổi hơn nhà vua ta chút ít, cũng không vì thế mà chúng ta không cố gắng dạm hỏi cho vua một đám tuyệt vời như thế. chỉ còn có việc biết được các trở lực mà anh vừa nói tới là gì và cố gắng vượt qua.

- Em ạ, – vua Xalêch đáp – ấy là vua Xamăngđan là con người kiêu ngạo không ai chịu nổi. Vua tự cho mình cao quý hơn tất cả mọi quân vương, và

vì vậy chẳng có ai trên đời xứng đáng để cầu hôn con gái ông ta. Tuy nhiên, anh sẽ thân hành đến xin hỏi công chúa Giauha. Nếu ông khước từ chúng ta sẽ tính tới chuyện tìm đám khác. Như em thấy đây, chính vì vậy mà chưa nên để lộ cho cháu biết ý đồ của chúng mình. Hãy chờ cho đến khi được vua Xamăngđan chấp thuận, nhờ chàng đảm yêu công chúa Giauha mà việc cầu hôn của chúng ta lại không thành chẳng.

Hai anh em nói chuyện một lát nữa. Trước khi chia tay, vua và hoàng hậu thỏa thuận với nhau là vua Xalêch sẽ trở về ngay nước mình và đi ngỏ lời xin vua Xamăngđan gả công chúa Giauha cho quốc vương nước Ba Tư.

Tưởng vua Bêđe ngủ thật, trước khi lui về, hoàng hậu Gunna và vua Xalêch đánh thức chàng dậy. Vua Bêđe cũng làm ra vẻ như mình vừa thức dậy sau một giấc ngủ say. Thật ra chàng không để lọt một lời nào trong câu chuyện giữa mẹ và bác, và hình ảnh công chúa Giauha được họ mô tả bỗng dung gợi lên trong lòng chàng một tình cảm mới lạ. Chàng hình dung nhan sắc tuyệt vời của công chúa và lòng ước ao được kết hôn cùng nàng khiến chàng bồn chồn trằn trọc suốt đêm không sao chợp mắt.

Ngày hôm sau, vua Xalêch ngỏ ý từ biệt hoàng hậu Gunna và vua Bêđe. Nhà vua trẻ nước Ba Tư đã biết rõ bác mình vội vàng ra đi như vậy là để có thể mau chóng hỏi vợ cho mình, nhưng vẫn giả làm như không biết. Đã quá say mê công chúa Giauha, vua không thể nào kiên tâm chờ đợi. Vua định xin bác cho mình cùng đi nhưng vì không muốn để mẹ biết, chàng liền mời vua Xalêch nán lại để cùng chàng đi săn. Chàng muốn nhân cơ hội này sẽ nói riêng để vua bác rõ ý của mình.

Ngày hôm sau trong buổi đi săn, vua Bêđe nhiều lần đứng riêng với bác, nhưng không lần nào chàng dám mở miệng nói tới câu chuyện đã định bụng. Giữa lúc cuộc săn đang sôi nổi, nhân khi vua Xalêch đi tách biệt đến một nơi khác và chung quanh không có một võ quan nào theo hầu, vua Bêđe liền xuống ngựa cạnh một con suối. Sau khi buộc ngựa vào một gốc cây tỏa bóng mát rượi bên bờ suối, chàng ngả người xuống thăm cỏ, và nước mắt như mưa, chàng hết thở vắn lại than dài. Rất lâu chàng nằm như vậy, đầu óc tư lự và không nói một lời.

Trong thời gian ấy, vua Xalêch không thấy vua cháu đâu, rất lấy làm lo lắng, và lúc ấy chung quanh cũng chẳng có ai để hỏi tin. Vua liền tách ra khỏi những người đang mải săn, bỏ đi tìm, và một lát sau, trông thấy chàng đằng xa. Ngay từ hôm trước, và đặc biệt trong ngày hôm nay, vua đã để ý thấy cháu mình có vẻ ưu tư mơ màng, khác hẳn dáng vẻ vui tươi thường lệ. Chàng không trả lời ngay những câu người khác hỏi, và giá có trả lời thì cũng miễn cưỡng, nhưng vua Xalêch không mảy may nghĩ tới nguyên do thật gây nên sự thay đổi ấy. Tuy vậy, khi nhìn thấy chàng nằm thẫn thờ bên

bờ suối, vua đoán là chàng đã nghe lỏm được câu chuyện mình nói với hoàng hậu Gunna, và đã đâm ra si tình rồi. Vua Xalêch xuống ngựa cách vua Ba Tư một quãng xa. Sau khi buộc ngựa vào một gốc cây, vua nhẹ nhàng đi vòng, tới gần và nghe vua Bêđe đang thảng thốt những lời sau đây:

- Hỡi nàng công chúa đáng yêu của vương quốc Xamăngđan, ta chỉ mới thoáng nghe tả qua nhan sắc có một không hai của nàng. Ta cho nàng còn đẹp hơn rất nhiều, át cả nhan sắc của mọi nàng công chúa trên đời, như ánh sáng mặt trời lấn át mặt trăng và các vì tinh tú khác. Ngay từ hôm nay, ta sẽ tìm tới hiến dâng nàng trái tim ta, nó đã thuộc về nàng, và từ nay sẽ không bao giờ có một công chúa nào khác chiếm đoạt được nó nữa.

Vua Xalêch nghe đã đủ, bèn tiến tới gần hơn ít nữa để cho Bêđe thấy và nói với chàng:

- Theo như bác thấy, thì cháu đã nghe được câu chuyện mẹ cháu và bác nói với nhau tối hôm kia. Bác không có ý định để cháu nghe, bác và mẹ cháu tưởng cháu ngủ.

- Thừa bác thân yêu, – vua Bêđe đáp – cháu đã không để lọt một lời, và cháu đã chịu cái cảnh mà bác đã dự đoán và cháu không sao tránh nổi. Cháu đã cố lưu bác lại, định trình bác rõ tình yêu của cháu trước khi bác ra đi, nhưng vì xấu hổ cho tâm hồn yếu đuối của mình, cho nên cháu không dám hê răng. Đã vậy thì cháu xin bác, vì tình thân hữu của một quốc vương đã được vinh dự là đồng minh thân cận của bác, vì lòng thương hại đứa cháu, mà cho cháu gặp ngay nàng công chúa Giauha chứ đừng chờ sự chấp thuận của cha nàng, bằng không e cháu không thể sống tới ngày trông thấy mặt nàng.

Lời vua Ba Tư làm cho vua Xalêch rất đổi bối rối. Vua cố hết sức giải bày cho chàng rõ rất khó thỏa mãn điều chàng mong muốn. Vua không thể đưa chàng cùng đi, sự có mặt của chàng trong vương quốc của mình là rất cần thiết, đề phòng những điều bất trắc. Vua khuyên giải chàng hãy tạm nén tình cảm nồng cháy của mình cho đến khi có thể thu xếp xong mọi việc. Vua quả quyết là mình sẽ hết sức khản trương, chỉ năm ba bữa sẽ mau mắn trở lại đây cho chàng rõ sự tình. Vua Ba Tư vẫn không chịu nghe. Vua đáp:

- Bác tàn nhẫn quá, cháu thấy ra bác không thật thương cháu nhiều như cháu hằng nghĩ. Đây là lần đầu tiên trong đời cháu van xin bác, mà bác lại muốn để cháu chết chứ không chấp thuận cho?

Vua Xalêch đáp:

- Bác sẵn sàng chứng minh cho cháu thấy là bác không hề ngần ngại chút gì miễn được việc cho cháu. Nhưng bác không thể đưa cháu đi mà không nói trước cho mẹ cháu hay. Mẹ cháu sẽ nghĩ sao về bác và cả về cháu nữa. Bác

muốn được mẹ cháu đồng tình. Bác sẽ cùng góp lời xin phép mẹ cháu.

- Bác đã thấy trước là mẹ cháu chẳng bao giờ chịu cho cháu đi xa, – vua Ba Tư nói – và lời khuyên cháu như vừa rồi càng chứng tỏ bác không thương cháu. Nếu bác quá quý yêu cháu như cháu hằng nghĩ, thì ngay bây giờ, bác hãy cho cháu cùng trở về nước bác.

Trước sự nài ép của vua Ba Tư, vua Xalêch tháo một chiếc nhẫn đeo ở ngón tay của mình, trên những chiếc nhẫn này có khắc những câu chú giống như câu khắc trên dấu ấn của vua Xalômông, nhờ vậy nó có nhiều phép thuật thần kỳ. Vua đưa nhẫn cho chàng và nói:

- Hãy cầm lấy và đeo vào ngón tay, cháu sẽ không sợ rơi xuống đáy các đại dương.

Vua Bêde cầm chiếc nhẫn, đeo vào ngón tay. Vua Xalêch bảo: “Hãy làm như ta”. Nói xong hai người cùng bốc lên không trung và bay một cách nhẹ nhàng đến bờ biển rồi cùng lặn xuống nước.

Chẳng bao lâu họ về tới cung điện dưới thủy tề. Việc đầu tiên của vua Xalêch là dẫn cháu họ tới cung của thái hậu, giới thiệu với bà. Vua Ba Tư hôn tay bà ngoại. Bà cũng hết sức mừng rỡ hôn lại tay cháu. Bà nói:

- Bà chẳng cần phải hỏi cháu có khỏe hay không. Trông người cháu bà đủ rõ, và bà rất lấy làm mừng. Nhưng xin cháu cho bà hay mẹ cháu, hoàng hậu Gunna, có được mạnh khỏe hay chăng?

Vua Ba Tư không dám nói thật mình ra đi mà không xin phép mẹ, đành phải nói dối rằng hoàng hậu rất khỏe mạnh. Bà sai chàng chuyển lời chúc sức khỏe tới thái hậu Gunna. Tiếp đó, thái hậu giới thiệu chàng với các công chúa. Trong lúc vua Ba Tư chuyện trò với các công chúa, thái hậu sang phòng riêng cùng vua Xalêch. Vua cho bà biết, mới nghe tả qua nhan sắc của công chúa Giauha, vua Ba Tư đã say đắm. Vì không có cách nào khác, ông đành phải mang chàng theo và hiện đang tính cách hỏi vợ cho chàng.

Thật thà mà nói, vua Xalêch không có tội tình chi trong việc gây nên mối tình si của vua nước Ba Tư, tuy nhiên thái hậu vẫn rất bất bình. Bà trách vua đã không thận trọng khi nói chuyện về công chúa Giauha trước mặt chàng.

- Sự bất cẩn của con là không thể tha thứ được. Tính tình vua Xamăngđan thì ai cũng biết, con hi vọng rằng vua ấy sẽ có biệt nhãn đối với mình hơn nhiều nhà vua khác từng đến cầu hôn và từng bị ông ta khước từ một cách rất khinh khi hay sao?

- Thừa mẹ, – vua Xalêch đáp – con đã tâu với mẹ, con không muốn vua Bêde nghe được câu chuyện giữa con và em gái con về công chúa Giauha đâu. Nhưng việc đã lỡ rồi, bây giờ ta cần nghĩ đến mối tình say đắm của cháu. Nếu chúng ta đã dùng hết cách mà vẫn không thể cầu hôn được, thì

chắc cháu sẽ chết vì phiền muộn và đau đớn. Con luôn luôn nhớ là vô tình con đã gây nên chuyện này, vậy con xin cố gắng hết sức mình để chuộc lại lỗi lầm. Thưa mẹ, con hi vọng mẹ chấp thuận cho con được thân hành đi yết kiến vua Xamăngđan, mang theo lễ vật bằng ngọc ngà châu báu thật quý giá, để xin hỏi công chúa Giauha, cho vua nước Ba Tư cháu ngoại của mẹ. Con hi vọng rằng ông ta sẽ không từ chối mà sẽ đồng ý kết thân với một trong những nhà vua hùng cường nhất thế gian.

- Giá chúng ta không bị bắt buộc phải lép vế đi cầu hôn thì tốt hơn, – thái hậu đáp – vì chắc gì đạt được kết quả mong muốn. Nhưng bởi đây là việc có liên quan tới sự thanh thản tâm hồn và hạnh phúc của nhà vua cháu ngoại của ta, cho nên ta đành đồng ý vậy. Bởi con đã rõ tính tình của vua Xamăngđan, mẹ xin con trước hết hãy chú ý cư xử cho khéo léo. Hãy thưa chuyện với ông ta một cách thật kính trọng, với thái độ khiêm nhường, để ông ta khỏi phật ý.

Hoàng thái hậu tự tay sửa soạn món lễ vật gồm những kim cương, hồng ngọc, bích ngọc cùng nhiều chuỗi ngọc trai và bỏ tất cả vào một cái hòm thật sang trọng. Ngày hôm sau, vua Xalêch cáo biệt hoàng thái hậu cùng vua nước Ba Tư, rồi đi cùng đoàn tùy tùng lựa chọn trong số các võ quan và quân cận vệ của mình. Chẳng bao lâu đến kinh thành và cung điện của vua Xamăngđan. Nghe tin vua Xalêch tới, vua Xamăngđan mời vào triều yết kiến ngay không chút chậm trễ. Vừa trông thấy vua Xalêch, vua Xamăngđan đã đứng lên, còn vua Xalêch thì cố tình quên đi địa vị của mình, phủ phục trước ngai vàng, chúc vua Xamăngđan vạn sự như ý. Vua Xamăngđan vội vàng cúi nâng vua Xalêch dậy. Sau khi mời ngồi bên cạnh mình, vua ngỏ lời hoan nghênh, và hỏi vua Xalêch có việc gì phải cất công tới đây. Vua Xalêch đáp:

- Tâu bệ hạ, tôi vốn ngưỡng mộ uy danh ngài từ lâu, cho nên đến đây chỉ có mục đích là kính chào một đấng quân vương anh minh vĩ đại. Nếu ngài thấu hiểu được lòng tôi thì ngài sẽ thấy tôi luôn luôn nung nấu nỗi ước ao nồng cháy được chứng tỏ với ngài sự quyến luyến của mình.

Vừa nói, vua vừa đón hộp lễ vật từ tay một quan hầu đứng đằng sau, mở ra và dâng lên, xin vua Xamăngđan hạ cố nhận cho món quà mọn đó.

- Thưa quốc vương, – vua Xamăngđan đáp – ngài cho tôi một tặng phẩm hậu hĩnh dường này, chắc ngài cũng muốn thỉnh cầu một việc có tầm quan trọng tương đương. Nếu có việc gì thuộc quyền lực của mình thì tôi hết sức vui lòng vì ngài mà thực hiện. Ngài hãy nói lên, xin cứ tự nhiên cho biết tôi có thể giúp ngài được gì.

- Tâu bệ hạ, – vua Xalêch nói tiếp – đúng là tôi có một việc muốn cầu xin ngài ban ân cho, và nếu việc đó mà có thể tránh được thì tôi đã không dám

quấy rầy ngài. Việc này hoàn toàn tùy thuộc ở ngài vì chỉ riêng ngài mới có thể giúp được mà thôi. Vì vậy tôi mới khẩn khoản nài xin ngài, cúi mong ngài sẽ không khước từ.

- Nếu quả như vậy thì – vua Xamăngđan đáp – xin Ngài cứ cho biết. Nếu có thể nhận lời thì tôi không bao giờ từ nan.

Lúc này vua Xalêch mới nói:

- Tâu bệ hạ, tin tưởng được ngài vui lòng chấp thuận, tôi xin nói thật là tôi đến đây để cầu mong ngài ban cho tôi niềm vinh dự được kết thân với ngài, qua việc công chúa Giauha, người con gái đáng kính của ngài, để thắt chặt thêm sự hiểu biết vốn có từ lâu đời giữa hai vương quốc chúng ta.

Nghe đến đây, vua Xamăngđan đã phá lên cười, đến nỗi ngã hẳn người ra chiếc gối đang tựa, đẩy vế khinh khi đối với vua Xalêch. Rồi vua cất lời ngạo nghễ nói:

- Vua Xalêch à, ta vẫn nghĩ ông là một nhà vua biết điều, khôn ngoan, sáng suốt. Ngược lại, lời lẽ của ông vừa rồi cho thấy là ta đã nhầm. Xin ông hãy vui lòng nói cho ta biết, đầu óc ông có được bình thường hay không mà ông lại đến đây nói với ta một điều huyền hoặc như vừa rồi? Làm sao ông lại có thể nảy ra ý nghĩ mơ màng là xin một đấng quân vương vĩ đại hùng cường như ta đây gả con gái cho ông làm vợ? Lẽ ra trước hết ông phải suy xét đến khoảng cách giữa ta và ông để khỏi tới làm cho ta trong chốc lát mất hết sự trọng thị vẫn có đối với ông từ trước tới nay.

Vua Xalêch hết sức bị xúc phạm vì một câu trả lời lảng nhục như vậy, và phải cố nén giận để nói tiếp với thái độ cực kì từ tốn:

- Cầu mong Thượng đế thưởng công cho ngài thật xứng đáng với uy phong cao cả của ngài, và xin ngài cho tôi được phép thưa tiếp để ngài rõ, tôi không đến cầu hôn con gái ngài cho bản thân tôi. Nếu có việc ấy, thì đáng ra ngài hoặc công chúa không nên lấy làm phật lòng mới phải, tôi nghĩ nếu tôi cầu hôn cho mình thì đó thật là vinh dự lớn cho cả ngài lẫn công chúa. Bệ hạ hẳn biết rằng tôi cũng như ngài, là một vua thủy tề, rằng dòng dõi các đấng tiên vương tôi cũng lâu đời không kém bất kì một hoàng tộc nào khác, và vương quốc tôi đang trị vì cũng không kém thịnh vượng và hùng cường như vào thời các đấng tiên vương tôi ngày xưa đã trị vì. Nếu không bị ngài ngắt lời, thì hồi nãy tôi sẽ nói ngay để ngài rõ, là tôi xin đến cầu xin ngài không phải cho tôi, mà cho cháu họ tôi, nhà vua trẻ nước Ba Tư. Hẳn ngài đã rõ sự hùng cường và tầm cỡ lớn lao của đất nước ấy cũng như những đức tính tốt khác của cháu họ tôi. Mọi người đều thừa nhận công chúa Giauha là con người xinh đẹp nhất trên đời. Nhưng mọi người cũng đều nhất trí rằng nhà vua trẻ nước Ba Tư là nhà vua tuần tú khôi ngô nhất trên mặt đất cũng như dưới thủy tề. Về điểm này tuyệt nhiên không hề có ý kiến tranh cãi. Bởi vậy,

ân huệ mà tôi đến cầu xin ngài hôm nay chỉ càng làm quang vinh thêm cho ngài và cho công chúa Giauha. Ngài nên tin rằng nếu ngài chấp thuận sự hôn phối môn đăng hộ đối này thì ngài sẽ được bàn dân thiên hạ tán thành nhiệt liệt. Công chúa và vua nước Ba Tư rất xứng đôi vừa lứa với nhau. Không có một quốc vương hoặc hoàng tử nào trên đời này có thể tranh giành với nhà vua Ba Tư về mặt đó.

Nếu không vì quá tức giận thì vua Xamăngđan đã ngắt lời, không để cho vua Xalêch nói dài dòng như vậy. Vua Xalêch nói xong, vua Xamăngđan vẫn chưa bình tĩnh lại được, hồi lâu không thốt lên lời. Cuối cùng vua phun ra những lời chửi rủa không xứng đáng tí nào với một đấng quân vương.

- Đồ chó! – Vua thốt lên – Sao mày cả gan nói năng với ta như vậy? Sao mày dám bêu riếu con gái ta ngay trước mặt ta? Mày nghĩ rằng con trai đứa em gái của mày có thể sánh với con gái ta sao? Mày là ai hả? Cha mày là ai? Em gái mày là ai, và cháu họ mày là ai? Phải chăng cha mày là một con chó, do chó đẻ ra, cũng giống như mày? Quân đâu, hãy bắt giam tên lão xược này và chém đầu nó cho ta!

Quân hầu đang đứng châu quanh vua Xamăngđan lúc ấy vội vã thi hành lệnh vua. Nhưng vì đang thời tráng niên, nhanh nhẹn, sung sức, vua Xalêch thoát được trước khi họ kịp rút gươm ra khỏi vỏ. Vua chạy ra khỏi cổng hoàng cung, ở đây có một nghìn quan quân võ trang đầy đủ, vừa mới kéo tới. Số là hoàng thái hậu sau khi suy nghĩ kỹ, thấy con trai mình đem theo quá ít quân hầu. Linh cảm thấy vua Xamăngđan sẽ đón tiếp chẳng ra gì, bà đã cất cử một đạo binh và yêu cầu họ hãy kịp lên đường. Những người trong hoàng gia cảm đầu đội quân này hiểu rằng mình đến đúng lúc, khi trông thấy vua Xalêch chạy bỏ ra, theo sau là đám quân hầu không trật tự, và sau nữa có nhiều người đang đuổi riết. Khi vua chạy tới được với họ, tất cả cùng kêu lên:

- Tàu bè hạ, có việc gì xảy ra? Có chúng tôi đây sẵn sàng phục thù, xin Người cứ truyền lệnh.

Vua Xalêch kể tóm tắt cho mọi người nghe những việc vừa xảy ra, rồi thân hành dẫn đầu một toán quân lớn quay trở lại hoàng cung. Vì số ít võ quan và quân cấm vệ rượt theo đã tản mát, vua xộc thẳng đến cung vua Xamăngđan, bắt giữ luôn ông ta. Sau khi cất một toán quân vừa đủ để canh giữ vua Xamăngđan vua Xalêch tự mình đi hết phòng này sang phòng khác, tìm công chúa Giauha. Nhưng nghe động, nàng đã cùng một số người hầu lúc ấy có mặt bên cạnh, vội nhoi lên mặt biển chạy trốn đến ẩn náu ở một hoang đảo.

Khi sự tình xảy ra như vậy trong cung Xamăngđan, thì những quân hầu của vua Xalêch đã tâu thoát được lúc vua lâm nguy về cấp báo với hoàng thái hậu, khiến bà hết sức lo lắng. Nhà vua trẻ Bêđe, lúc ấy cũng có mặt, càng cực kì lo âu, vì tự cho mình là căn nguyên gây nên mọi tai họa. Vua không dám nhìn mặt bà ngoại, sau sự việc xảy ra cho vua Xalêch do mình gây nên. Trong khi thái hậu đang bận bịu phán truyền các mệnh lệnh cần thiết lúc tình hình khẩn cấp, vua lao lên khỏi đáy biển, và vì không biết nên đi đường nào để trở lại nước Ba Tư, vua lánh mình lên đứng hoang đảo, nơi công chúa Giauha đang ẩn náu.

Đang lúc hốt hoảng, vua đến ngồi nghỉ cạnh một gốc cây to giữa một lùm cây sum suê, để định thần thì chợt nghe có tiếng người. Bêđe lắng tai, nhưng vì quá xa nên không nghe rõ, chàng đứng lên nhẹ nhàng tiến tới gần nơi có người đang nói. Qua cành lá, chàng trông thấy một tuyệt thế giai nhân. Choáng ngợp trước sắc đẹp lộng lẫy, nhà vua trẻ dừng chân ngăm ngía, trong lòng hết sức thán phục, chàng tự nhủ:

- Hẳn đây là công chúa Giauha. Vì khiếp đảm nàng đã phải bỏ trốn khỏi hoàng cung của phụ vương. Nhược bằng đây không phải nàng mà là người khác thì công chúa ấy thật không đáng để ta yêu với tất cả tấm lòng tha thiết

như vậy.

Không ngần ngại nữa, chàng bước ra, tới gần công chúa và cúi mình thi lễ.

- Thưa cô nương, – chàng nói – tôi không làm sao cảm tạ hết trời đất đã run rủi cho mình hạnh ngộ một tuyệt thế giai nhân. Đối với tôi chẳng có hạnh phúc nào lớn lao hơn là được có dịp hầu hạ nàng. Thưa cô nương, xin hãy vui lòng nhận sự giúp đỡ của kẻ này, một người như cô nương không thể sống trong cảnh cô đơn.

- Thưa ngài, – công chúa Giauha buồn rầu đáp – một người như tôi lại lâm vào cảnh ngộ này, quả là điều quá kì lạ. Tôi là công chúa, con gái vua Xamăngđan, tên tôi là Giauha. Tôi đang ở phòng riêng, trong cung điện của Người, chợt nghe có tiếng ồn ào khủng khiếp. Người hầu đến cấp báo, không hiểu vì căn cứ gì, vua Xalêch đột nhập cung điện, bắt giữ cha tôi, sau khi đã đánh tan tác đội quân cấm vệ đang định chống cự. Tôi chỉ còn đủ thì giờ kịp chạy đến đây mong tìm nơi ẩn náu tránh sự bạo tàn.

Nghe công chúa nói, vua Bêđe hồi hận vì đã bỏ bà ngoại ra đi quá đột ngột, không chờ cho các tin tức vừa được cấp báo làm sáng tỏ hơn. Nhưng chàng lại mừng rỡ khi biết vua bác của mình đã bắt được vua Xamăngđan. Chắc để đổi lấy tự do, ông ta sẽ chẳng còn dám khước từ không chịu gả công chúa cho mình. Chàng nói:

- Thưa công chúa đáng yêu, nỗi đau đớn của nàng rất chính đáng, nhưng nhờ có sự bắt giữ phụ vương nàng mà nỗi đau ấy sẽ chấm dứt. Nàng sẽ đồng tình với điều tôi vừa nói nếu nàng biết cho rằng tôi là Bêđe, vua nước Ba Tư, và Xalêch chính là vua bác tôi. Xin quả quyết rằng bác tôi hoàn toàn không có dụng ý xâm phạm vương quốc của phụ thân nàng. Người chỉ có mỗi một mục đích là đến xin cho tôi được vinh hạnh làm con rể của cha nàng. Chỉ mới nghe truyền tụng về nhan sắc và duyên dáng của nàng, tôi đã yêu nàng tha thiết. Được gặp nhau ở đây, xin nàng nhận lấy trái tim tôi, và xin hãy tin cho rằng trái tim này sẽ mãi mãi chỉ rực cháy vì yêu riêng nàng mà thôi. Hi vọng nàng không khước từ. Xin hãy hiểu cho tấm lòng một nhà vua đã bỏn ba khỏi biên thùy của nước mình để hiến dâng trái tim nồng nhiệt, nhà vua ấy đáng được nàng chiếu cố lắm. Vậy xin nàng hãy vui lòng cho phép tôi được đưa nàng tới giới thiệu với bác tôi. Chỉ cần phụ vương nàng chấp thuận cho hai ta được kết hôn, thì bác tôi lập tức trả lại vương quốc toàn vẹn cho Người.

Lời tỏ tình của vua Bêđe không mang lại hiệu quả như chàng mong đợi. Vừa trông thấy chàng, nhìn bộ mặt khôi ngô, dáng người tuấn tú và cách ăn nói có duyên, công chúa đã thấy đây là một con người đáng được mình cảm mến. Nhưng khi vừa được biết, và do chính chàng nói ra, rằng con người này là căn nguyên gây nên chuyện phụ vương nàng bị ngược đãi, nàng phải hãi

hùng, đón đau thì nàng lập tức cho đây là một kẻ thù mình không được phép giao du. Vả chăng, cho dù nàng có sẵn sàng nhận lời kết hôn như chàng mong ước, thì nàng cũng thừa biết, một trong những lí do khiến vua Xamăngđan khước từ lời cầu hôn là Bêđê vốn xuất thân một nhà vua trên dương thế, mà về điểm này trước sau, nàng vẫn tuân phục hoàn toàn ý muốn của cha. Tuy nhiên, nàng cố giấu không để lộ rõ lòng thù hận của mình mà chỉ cố nghĩ ra một cách khéo léo thoát thân. Làm ra vẻ thích thú, công chúa đáp:

- Thừa ngài, ra ngài chính con trai hoàng hậu Gunna, lừng danh vì sắc đẹp tuyệt trần? Tôi rất mừng về chuyện đó, và rất hân hoan thấy chàng quả xứng đáng với bà. Phụ vương tôi thật đã không đúng khi khước từ không cho hai ta được kết thân. Chỉ cần Người trông thấy mặt chàng là Người sẽ có ý nghĩ khác thôi, không còn do dự nữa, và sẽ cho phép chúng ta được hạnh phúc sánh đôi.

Nói đến đây, nàng chìa tay cho vua, để tỏ tình thân mật.

Vua Bêđê tưởng mình đã đạt đến đỉnh cao hạnh phúc, chàng nắm lấy tay công chúa kính cẩn đưa lên định ghé môi hôn. Nhưng công chúa đã không để cho chàng kịp làm việc đó, nàng đẩy chàng ra. Và vì không có sẵn nước lã, nàng nhổ nước bọt vào mặt chàng và nói:

- Tên bạo gan kia, hãy từ bỏ hình người và mang hình một con chim trắng, chân đỏ, mỏ đỏ.

Nàng vừa dứt lời, vua Bêđê đã thấy mình hiện hình thành một con chim đúng y như vậy. Chàng vô cùng phiền muộn và ngạc nhiên. Công chúa quay lại bảo một người hầu gái:

- Hãy bắt lấy và mang đây nó lên Đảo Khô!

Đảo Khô là một núi đá lớn khủng khiếp, chẳng bao giờ có lấy một giọt nước.

Người hầu bắt con chim, nhưng khi đi thực hành lệnh công chúa truyền, lại đem lòng thương hại số phận hẩm hiu của nhà vua trẻ:

- Đáng tiếc sao, – người ấy tự nhủ – một hoàng tử cao quý thế này lại phải chết vì đói khát. Công chúa vốn tốt bụng và dịu hiền, sau khi nguôi cơn thịnh nộ, hẳn nàng sẽ lấy làm hối hận vì đã truyền một mệnh lệnh quá khắt khe. Chi bằng ta mang chàng tới một nơi, ở đó chàng có thể tạm sống một cách tốt đẹp hơn.

Nghĩ như vậy, người hầu gái của công chúa liền mang Bêđê đến một hòn đảo rất đông dân cư, và để chàng ở lại một vùng nông thôn xinh đẹp, và có nhiều loại cây ăn quả sum suê được tưới mát bởi nhiều khe suối nước trong leo lẻo.

Lại nói về chuyện vua Xalêch. Sau khi thân hành đi tìm công chúa Giauha và sai người lục lọi khắp nơi không thấy, vua truyền giam giữ Xamăngđan ngay trong cung điện của ông, có người canh gác chặt chẽ. Rồi sau khi ra những mệnh lệnh chặt chẽ giao cho quần thần tiếp tục cai trị nước này trong thời gian mình vắng mặt, vua quay trở về trình hoàng thái hậu rõ những việc đã làm. Vừa tới nơi, hỏi thăm cậu cháu trai đâu rồi, vua Xalêch hết sức ngạc nhiên và buồn bã hay tin chàng đã biến mất. Thái hậu nói:

- Vừa nghe cấp báo con lâm nạn trong cung điện của vua Xamăngđan, mẹ mãi lo lệnh truyền quân tới tiếp cứu và để trả thù cho con, khi quay lại thì chẳng thấy cháu đâu nữa. Có thể là cháu hoảng hốt nghe tin con lâm nạn, và sợ ở lại đây với chúng ta không được an toàn chăng?

Tin này làm cho vua Xalêch cực kì phiền muộn. Vua càng hối hận sao mình nhẹ dạ chiều theo ý muốn của Bêđe, mà không thưa trước với hoàng hậu Gunna. Vua sai người tìm kiếm khắp mọi nơi, nhưng cho dù mọi người có nhanh nhẹn, cần mẫn đến bao nhiêu, cũng không được mảy may tin tức. Thay vì vui mừng sắp thành đạt trong việc sắp xếp một vụ hôn nhân mà vua coi là công lao của chính mình, là nỗi buồn rầu cay đắng do sự biến bất ngờ này gây nên. Trong khi chờ đợi có thêm tin tức, cho dù là tin vui hay tin buồn, vua giao phó việc nước cho hoàng thái hậu chăm lo còn tự mình sang cai trị vương quốc của Xamăngđan. Ông này vẫn tiếp tục được canh giữ một cách nghiêm mật, tuy được đối xử tử tế.

Cùng ngày vua Xalêch lên đường sang nước Xamăngđan, thì hoàng hậu Gunna, mẹ vua Bêđe, đến thăm hoàng thái hậu. Thoạt tiên, bà chẳng lấy gì làm ngạc nhiên khi thấy tối rồi mà nhà vua vẫn chưa về. Bà nghĩ, việc ấy cũng đã từng xảy ra một đôi lần. Nhưng hôm sau, rồi nhiều hôm sau nữa. Vẫn không thấy vua trở về bà cực kì lo lắng. Nỗi lo âu này cũng dễ hiểu vì hoàng hậu xưa nay vốn hết sức thương con. Sự hoảng hốt của bà càng tăng thêm khi các võ quan và lính tráng cùng tham dự cuộc săn tìm kiếm mãi không thấy, đành trở về tàu không biết có xảy ra việc gì đáng lo cho vua Bêđe và vua Xalêch không. Hoặc giả hai người đã đến một nơi nào đó mà quan quân không thể đoán biết, vì mặc dù đã cố gắng hết sức, cũng chỉ có thể tìm thấy hai con ngựa, không sao biết được vân mòng về hai nhà vua.

Nghe tau, hoàng hậu cố giấu vẻ lo lắng và phiền muộn. Bà sai họ hãy trở lại cô tìm kiếm thêm. Thật ra trong lòng bà đã có chủ định: không nói cho ai biết, chỉ bảo bọn người hầu rằng mình muốn được ở riêng một mình, bà lao xuống biển muốn tìm hiểu xem vua Xalêch có mang theo vua Bêđe theo về dưới nước thủy tề hay không.

Hoàng thái hậu hết sức mừng vui gặp con gái, nhưng bà đã rõ nguyên cớ gì đưa hoàng hậu tới đây. Bà nói: Con gái của mẹ ạ, mẹ biết con đến đây

hôm nay chẳng phải chỉ để thăm mẹ.

- Con đến chỉ để dò hỏi tin tức về con trai của con, và những điều mẹ sẽ cho con hay đây chỉ càng làm tăng thêm nỗi lo âu của con cũng như của mẹ. Hôm trước mẹ rất vui mừng thấy cháu đến đây cùng với bác, nhưng khi được biết là cháu ra đi mà không xin phép con, mẹ hiểu là con phiền lòng về chuyện ấy lắm.

Rồi hoàng thái hậu kể tiếp cho con gái nghe, vua Xalêch đã hăng hái thân hành đi cầu hôn công chúa Giauha ra sao, mọi việc xảy ra thế nào cho tới đoạn vua Bêđe tự dung biến mất. Bà nói:

- Mẹ đã cho người đi tìm kiếm khắp mọi nơi. Bác cháu trước khi lên đường sang cai trị nước Xamăngđan, cũng đã làm như mẹ, nhưng cho tới bây giờ vẫn chưa có kết quả. Tuy vậy, vẫn hi vọng là chúng ta sẽ gặp lại cháu giữa lúc không ai chờ đợi chút nào.

Hoàng hậu Gunna đáng thương không chia sẻ niềm hi vọng này của mẹ, bà coi như vậy là đã mất đi đứa con trai thân yêu. Bà khóc lóc thảm thiết, cho rằng mọi tai họa đều do ông anh gây nên. Hoàng thái hậu cố sức khuyên giải bà gắng đừng để tự mình đổ ngã ngay trước nỗi đau thương. Bà nói:

- Đúng là anh con đáng ra không nên nói chuyện cầu hôn một cách bất cẩn như vậy, cũng như không bao giờ nên đưa cháu đi theo mà không cho mẹ cháu biết trước. Nhưng vì không có gì chắc chắn là nhà vua đã lâm nạn, con không được sao nhãng phút nào trong việc giữ gìn vẹn toàn vương quốc của con trai con. Vậy không được để mất thời giờ, hãy trở lại ngay kinh thành nước con. Sự có mặt của con ở đây lúc này là cần thiết. Con sẽ chẳng gặp nhiều khó khăn lắm đâu trong việc giữ gìn cho mọi sự đều được bình yên, miễn là đừng để lộ nhà vua mất tích mà chỉ ban bố rằng quốc vương đang viếng thăm bà ngoại và vua bác dưới thủy tề.

Lí lẽ quá xác đáng, hoàng hậu Gunna đành phải vâng lời. Bà cáo biệt thái hậu, trở về ngay cung điện trong kinh thành nước Ba Tư. Không ai biết là bà đã từng vắng mặt. Bà sai người gọi những võ quan mà bà đã phái đi tìm kiếm vua Bêđe trở về, bảo rằng đã biết rõ hiện nay vua đang ở đâu, và chẳng bao lâu nữa xa giá sẽ trở lại kinh thành. Bà lại cho loan truyền tin đó khắp thành phố, rồi cùng với tể tướng và các đại thần trông nom mọi công việc triều chính, bình thản như hồi vua Bêđe có mặt ở nhà vậy.

Lại nói về vua Bêđe, mà người hầu gái của công chúa Giauha mang đi đây trên hòn đảo. Nhà vua cực kì ngạc nhiên thấy mình đơn độc một bóng một hình dưới dạng con chim. Chàng càng thấy khôn khổ hơn nữa, vì không biết rõ vương quốc Ba Tư về hướng nào. Mà cho dù có biết được hướng và có đủ sức với đôi cánh yếu ớt này mạo hiểm vượt qua bao nhiêu biển cả để trở về nước, thì ở đó, với hình dạng không phải là quốc vương Ba Tư, thậm chí

không phải dưới dạng một con chim bình thường, chàng sẽ vẫn gặp những đau khổ và khó khăn y như ở đây thôi. Bởi vậy, đành ở lại trên đảo, sống nhờ một thứ thức ăn như mọi loài chim chóc, và đêm đêm thì đậu trên ngọn cây mà ngủ.

Mấy ngày sau, một nhà nông vốn rất có tài bẫy chim bằng lưới, đến nơi vua đang ở. Anh ta sung sướng thấy một con chim rất đẹp, anh ta chưa từng thấy, mặc dù làm nghề bẫy chim này đã lâu. Anh trở hết tài năng ra giăng bắt, và tóm sống được con chim. Hân hoan vì được món bở, vì nhìn dáng vóc hiếm có của nó, nhà nông ước tính ít ra nó cũng có giá trị hơn tất cả các con chim khác anh bắt được trước đây. Anh bỏ vào một cái lồng mang chim ra tỉnh. Vừa mới tới chợ, một trưởng giả ngăn anh ta lại hỏi muốn bán con chim lấy bao nhiêu tiền.

Không trả lời thẳng, nhà nông hỏi lại khách, định mua về làm gì.

- Anh bạn ơi, – trưởng giả đáp – anh còn muốn ta làm gì nữa: ngoài việc quay cho thật giòn rồi đánh chén?

- Nếu như vậy, hân ngài nghĩ chỉ cần thí cho tôi vài đồng kẽm là đã mua được con chim này. Tôi cho nó có giá trị to hơn nhiều, dù ngài có trả tôi đến một đồng vàng, tôi cũng chẳng bán đâu. Tôi đã nhiều tuổi rồi nhưng từ ngày biết suy nghĩ đến nay, chưa bao giờ trông thấy một con chim đẹp thế này. Tôi sẽ mang nó dâng vua, hoàng thượng sẽ biết rõ giá trị của nó hơn ngài.

Không dừng lại ở chợ, nhà nông đi thẳng đến hoàng cung. Lúc ấy vua đang ngự ở cửa sổ nhìn xuống quảng trường. Trông thấy con chim đẹp, vua sai một viên quan hoạn xuống mua. Viên quan đến cạnh nhà nông, hỏi muốn bán con chim ấy bao nhiêu tiền. Nhà nông đáp:

- Nếu ngài hỏi mua cho hoàng thượng thì tôi xin hiến không lấy tiền. Xin ngài vui lòng mang lên giúp.

Viên quan hoạn mang về cung vua, nhà vua thấy con chim kì lạ quá, liền sai mang mười đồng vàng xuống ban cho nhà nông, anh ta ra về rất đổi hài lòng. Sau đó vua sai bỏ chim vào một cái lồng thật lộng lẫy, thức ăn và nước uống cho chim đều đựng trong những cái lọ quý.

Lúc ấy nhà vua sắp lên ngựa đi săn, chưa có thời giờ xem kĩ con chim. Vừa trở về, vua ra lệnh mang lồng chim tới. Quân hầu mang lồng chim lại; để xem cho kĩ, vua mở lồng ra bắt giữ chim trong tay. Ngắm nghía con chim lồng đầy thán phục, vua hỏi quan hầu có nhìn thấy chim ăn hay không. Quan hầu đáp:

- Tâu bệ hạ, các lọ đựng thức ăn vẫn đầy nguyên, tôi để ý thấy nó không hề động tới một hạt.

Vua truyền bỏ vào lồng nhiều loại thức ăn khác, để cho chim muốn dùng

thức gì thì tha hồ lựa chọn.

Trong lúc vua truyền lệnh đó, thì bàn ăn đã bày. Các đĩa thức ăn vừa đặt xuống bàn thì con chim đã vỗ cánh, thoát khỏi tay vua đổ xuống bàn rồi dùng mỏ ăn bánh mì và thịt, lúc thì lấy món ở đĩa này, lúc thì mỏ ở đĩa khác. Vua cho là chuyện kì lạ quá, liền sai quan hoạn đi mời hoàng hậu tới cùng xem. Nhưng khi vừa trông thấy con chim, bà đã kéo mạng che mặt và muốn lui về phòng riêng. Ngạc nhiên trước cử chỉ ấy, nhất là vì lúc đó trong phòng chỉ có các hoạn nô và những người hầu gái, vua hỏi bà tại sao lại làm như vậy.

- Tâu bệ hạ, – hoàng hậu đáp – ngài sẽ hết sức ngạc nhiên nếu ngài biết đây không phải là một con chim mà là một người đàn ông.

Nhà vua càng kinh ngạc hơn trước:

- Thế nào, bà không định nói giỡn đấy chứ? Sao lại bảo con chim kia là một người?

- Tâu bệ hạ, không có gì đúng sự thật hơn điều tôi vừa nói. Xin quả quyết rằng đây chính là vua nước Ba Tư, tên Bêđe, con trai hoàng hậu Gunna nổi tiếng, bà vốn là công chúa con gái của một trong những nhà vua thủy tề lớn nhất. Chàng là cháu họ của vua Xalêch hiện là vua nổi nghiệp ở nước này và là cháu ngoại của hoàng thái hậu Farat, mẹ đẻ ra Gunna, con gái Xamăngđan, là người đã dùng yêu thuật bắt chàng biến thành dạng chim.

Để cho vua hết nghi ngờ, hoàng hậu kể lại đầu đuôi câu chuyện công chúa Giauha trả thù về việc vua Xalêch ngược đãi vua Xamăngđan, phụ vương của nàng.

Nhà vua sẵn lòng tin những điều hoàng hậu vừa kể, vì vốn biết bà là một trong những nhà pháp thuật cao cường nhất trên đời từ trước đến nay, không có việc gì xảy ra mà bà không biết. Bà đã từng báo trước cho vua hay những mưu đồ xấu của nhiều nước lân bang để kịp phòng bị. Thương hại chàng Bêđe, nhà vua xin hoàng hậu hãy giải ngay phép thần đã hóa chàng thành chim.

Hoàng hậu lấy làm vui thích chấp nhận lời yêu cầu. Bà đáp:

- Tâu bệ hạ, xin Người quá bộ sang bên phòng làm việc cùng với con chim, thiếp sẽ làm cho Người gặp gỡ ngay một đáng quân vương xứng đáng được Người ngưỡng mộ.

Con chim đã thôi không ăn để lắng nghe những lời qua lại giữa vua và hoàng hậu. Không đợi vua phải bắt, nó tự sang trước phòng làm việc, lát sau hoàng hậu cũng theo vào, tay cầm một cái lọ đựng đầy nước. Bà làm rầm đọc những câu thần chú khiến cho nước trong lọ sôi lên, rồi vốc nước vẩy vào chim mà nói:

- Bởi phép thần của những câu thần chú ta vừa niệm, nhân danh Đấng sáng tạo ra trời đất, Đấng hồi sinh những người chết và cai quản toàn vũ trụ, hãy bỏ hình chim và lấy lại hình dáng ban đầu mà Đấng tạo hóa đã tạo nên người.

Hoàng hậu vừa dứt lời, nhà vua không thấy chim đâu nữa mà hiện lên trước mặt mình là một hoàng tử xinh đẹp, cao lớn, khôi ngô. Thoạt tiên, vua Bêđe quỳ xuống tạ ơn sâu Thượng đế đã ban cho khôi phục nguyên hình của mình. Đứng lên, chàng cầm tay nhà vua để biểu lộ lòng hàm ơn sâu sắc. Nhà vua mừng rỡ ôm chặt chàng biểu lộ nỗi hân hoan được tương ngộ. Chàng cũng muốn cảm tạ hoàng hậu, nhưng bà đã lui về phòng riêng. Nhà vua mời chàng ngồi vào bàn dùng bữa với mình.

Sau bữa ăn, vua xin chàng hãy kể cho nghe chuyện công chúa Giauha vì sao lại vô nhân đạo tới mức hóa kiếp một hoàng tử đáng yêu dường này, bắt phải mang hình chim. Vua Ba Tư thỏa mãn sự hiếu kỳ của vua. Bất bình trước hành động của công chúa, nhà vua không thể không ngỏ lời chê trách:

- Đáng khen công chúa nước Xamãngđan đã không dừng dưng trước việc người ta ngược đãi phụ vương mình. Nhưng nàng đã trả thù quá đáng khi bắt một hoàng tử chẳng tội tình gì phải biến thành chim, đó là một việc chẳng bao giờ ai nghe lọt cho dù nàng thanh minh thế nào đi nữa. Nhưng thôi, chúng ta hãy gác chuyện ấy lại, xin cho biết tôi có thể làm gì để giúp ngài thêm nữa bây giờ.

- Tâu bệ hạ, – vua Bêđe đáp – Tôi đội ơn ngài quá lớn, lẽ ra từ nay tôi phải luôn luôn ở bên cạnh ngài để tỏ lòng tri ngộ. Nhưng vì một lần nữa ngài lại tỏ rõ lòng hào hiệp, vậy thì xin bệ hạ cấp cho một con tàu giúp đưa tôi trở lại nước Ba Tư, tôi sợ vì mình vắng mặt quá lâu, e có sự xảy ra lộn xộn. Tôi cũng sợ mẫu hậu, mà tôi đã không kịp thưa trước việc mình ra đi, vì quá lo lắng không biết rõ con còn sống hay đã chết, nhờ xảy ra chuyện gì không may chẳng.

Nhà vua chấp nhận điều Bêđe xin với thái độ cực kì lịch thiệp. Không chậm trễ, vua truyền sửa soạn tàu bè và sai chọn chiếc tàu buồm lớn nhất, khỏe nhất trong đội tàu đi biển hùng hậu của mình. Chẳng bao lâu đã chuẩn bị đầy đủ thủy thủ, quân lính cũng như những thức ăn và nước uống cần thiết, chờ cơn gió thuận, vua Bêđe xuống tàu, sau khi từ biệt nhà vua và cảm tạ người đã làm ơn cho mình không biết bao nhiêu việc tốt lành.

Thuận buồm xuôi gió, mười ngày liền, con tàu đi được khá nhiều đường. Sang ngày thứ mười một, gió hơi nghịch, rồi tăng dần lên mãi cuối cùng biến thành một cơn bão táp dữ dội. Không những con tàu bị dạt ra khỏi đường đi của mình mà còn bị lay động mạnh đến nỗi tất cả cột buồm đều gãy. Bị gió cuốn đi, tàu đâm vào một bãi cạn, vỡ tan.

Phần lớn đội thủy thủ rơi xuống biển, một số ỷ vào sức đôi tay cố bơi để thoát thân, những người khác bầu vúi vào mảnh gỗ hoặc tấm ván. Bêđe làm như những người này. Khi thì bị dòng nước cuốn đi, khi thì bị cơn sóng đẩy tới, trong khi chưa biết số phận mình sẽ ra sao thì chàng chợt nhận ra mình đã vào tới gần bờ, sát một thành phố trông có vẻ lớn. Lấy sức tàn bơi vào bờ, cuối cùng chàng vào được tới nơi thì lạng sóng. Chân chạm đất chàng liền bỏ tấm ván đã giúp mình thoát nạn.

Nhưng trong khi đang lội trong nước để cố lên cho được trên bãi, chàng rất kinh ngạc thấy từ nhiều phía chạy lại nhiều con súc vật nào ngựa, nào lạc đà, nào la, lừa, nào bò đực, bò cái, chúng đứng chặn không cho chàng đặt chân lên bờ. Vất vả hết sức vua Bêđe mới vượt qua được các con vật cứng đầu, cứng cổ. Khi lên tới bờ, chàng nấp vào một tảng đá để lấy lại sức và chờ quần áo được nắng hong khô. Khi nhà vua muốn tiến lên hơn nữa để vào trong thành phố, một lần nữa chàng lại bị những con vật ấy ngăn trở, như thể chúng cố bày tỏ cho chàng hiểu rằng sẽ nguy hiểm để chàng từ bỏ ý định của mình. Vào được trong thành phố, vua Bêđe thấy có nhiều phố xá đẹp và quang đãng, nhưng vô cùng ngạc nhiên vì không gặp một ai. Sự vắng lặng như tờ này khiến chàng suy nghĩ. Chắc hẳn không phải là vô cơ khi bao nhiêu con vật kia cố sức ngăn cản để cho chàng lánh đi nơi khác, chứ đừng đến chốn này.

Tuy nhiên đi sâu hơn ít nữa, chàng trông thấy có nhiều hiệu vẫn mở ra, hóa ra không phải thành phố tuyệt nhiên hoang vắng như chàng ngỡ lúc đầu. Thấy một cửa hiệu có một cụ già ngồi bán nhiều loại trái cây bày biện sạch sẽ, ngăn nắp, chàng tới gần cúi chào.

Cụ già đang mải làm việc, ngẩng đầu lên, trông thấy một chàng trai trẻ đáng bộ đường vệ, cụ tỏ vẻ hết sức ngạc nhiên. Cụ cất tiếng hỏi chàng từ nơi nào và có việc gì đến đây. Vua Bêđe trả lời vắn tắt. Cụ già hỏi dọc đường có gặp ai hay không. Nhà vua đáp:

- Cụ là người đầu tiên tôi trông thấy và tôi không sao hiểu nổi do đâu một thành phố đẹp đẽ, đàng hoàng thế này lại vắng teo như vậy.

- Mời anh hãy vào trong nhà, chớ đứng ngoài cửa, – cụ già đáp – e xảy ra điều gì không may cho anh chẳng. Có dịp tôi sẽ thỏa mãn sự hiếu kỳ của anh, tôi sẽ cho anh biết vì sao phải cẩn thận đề phòng như tôi vừa nói.

Vua Bêđe không đợi cụ già phải nhắc lần thứ hai.

Chàng bước vào và ngồi xuống cạnh cụ. Rồi khi nghe chàng kể qua chuyện không may vừa gặp, biết chàng đang đói, cụ đi lấy một ít thức ăn mang lại cho chàng để lấy lại sức. Mặc dù vua Bêđe xin cụ cho biết vì sao cụ cẩn thận bảo chàng hãy vào trong nhà, cụ già vẫn không chịu hề rằng, mãi cho đến khi vua ăn xong. Ấy chính là vì cụ sợ nói những điều đáng buồn e

làm cho chàng sợ mà không nuốt trôi. Quả vậy, khi thấy chàng thôi không ăn nữa, cụ mới bảo:

- Anh hãy tạ ơn Thượng đế đã cho anh đến được nhà tôi mà không gặp tai nạn.

- Ủa, tai nạn gì vậy? – Vua Bêđê sững sốt và lo sợ hỏi. Cụ già đáp:

- Anh cần phải biết rằng thành phố này tên gọi là thành phố Yêu Tinh, nó được cai trị không phải bởi một ông vua mà bởi một nữ hoàng. Nữ hoàng ấy là một người đàn bà cực kì xinh đẹp ít ai sánh bằng, đồng thời cũng là một con mụ phù thủy vô liêm sỉ và độc ác hơn tất cả mọi phù thủy trên thế gian. Anh sẽ tin chắc như vậy khi được biết rằng bao nhiêu những ngựa, lừa và súc vật khác mà anh vừa gặp lúc này là bấy nhiêu người đàn ông giống như anh và tôi, chính vì phép yêu của mụ mà bị hóa kiếp thành như thế đó. Biết bao nhiêu chàng trai trẻ như anh đã vào thành phố này, đều bị mụ cho lính tráng mai phục và giữ lại, ai không bằng lòng thì dùng vũ lực dẫn tới gặp mụ cho bằng được. Mụ đón tiếp cực kì lịch sự, mụ vuốt ve, mụ đãi đằng, mụ cho ở nhà thật sang, ăn ngon, mụ bày ra đủ mọi thứ để chàng trai ấy tin chắc là mụ yêu mình, mà việc đó thì nào có khó khăn gì. Sau chừng bốn mươi ngày, khi mụ đã tạm cho là đủ thì không một chàng trai nào không bị hóa kiếp thành một con thú hoặc một con chim. Anh có nói cho tôi nghe rằng nhiều súc vật đã cố tình ngăn không cho anh đặt chân lên bờ và đi vào trong thành phố. Ấy chính là vì không có cách nào khác bày tỏ cho anh hay tai ương đang chờ đợi anh, cho nên chúng làm như vậy, mong anh bỏ đi nơi khác.

Lời cụ già nói làm cho nhà vua trẻ nước Ba Tư buồn phiền khôn xiết. Chàng thốt lên:

- Hỡi ôi! Sao số phận tôi khốn khổ đến cùng cực thế này? Vừa mới được giải thoát khỏi một sự hóa kiếp vẫn còn làm cho tôi kinh tởm, thì lại sắp lâm vào một hoạn nạn khác đáng ghê rợn hơn.

Thế là chàng có dịp thuật lại đầy đủ chuyện của mình cho cụ già nghe, từ dòng dõi lá ngọc cành vàng cho tới mối tình say đắm đối với công chúa con vua thủy tề rồi đến sự tàn nhẫn của nàng đang tâm hóa kiếp chàng thành chim, đúng vào lúc chàng vừa mới trông thấy mặt và bắt đầu tỏ tình với người mình thầm yêu trộm nhớ.

Nhà vua lại kể đến chuyện mình may mắn gặp được một bà hoàng hậu giải phép ma cho, nay lại sắp sa vào tai họa còn to lớn hơn nữa. Cụ già muốn chàng yên tâm, liền nói:

- Cho dù những điều tôi nói với anh về mụ nữ hoàng phù thủy và sự độc địa của mụ là hoàn toàn có thật, anh cũng đừng vì vậy mà quá lo âu. Cả thành phố này có cảm tình với già này, cả nữ hoàng cũng không phải không

quen biết tôi, thậm chí có thể nói rằng bà cũng có vì nể tôi ít nhiều. Bởi vậy, thật là một điều may mắn lớn cho anh, đã ngỏ lời với tôi chứ không phải với một ai khác. Ở trong nhà này, anh sẽ được bình an. Nếu anh vui lòng thì tôi khuyên anh nên nghỉ lại đây, miễn là anh đừng đi đâu. Tôi bảo đảm sẽ không xảy ra bất cứ một việc gì khiến cho anh có thể phàn nàn rằng lão già này không có đủ thiện chí. Ở đây anh sẽ chẳng phải lo gì hết.

Vua Bêđe cảm tạ cụ già đã cho mình nương nấu lại nhiệt thành che chở. Chàng ngồi ở cửa hiệu, và chẳng bao lâu đáng điệu trẻ trung và vẻ khôi ngô của chàng khiến nhiều người qua đường lưu ý. Nhiều người còn dừng chân, ghé lại chúc mừng cụ già mua được ở đâu một tên nô lệ bảnh trai như vậy. Ai nấy cũng tỏ vẻ rất ngạc nhiên sao một chàng trai trẻ xinh đẹp dường này lại thoát được sự mai phục cẩn mật của nữ hoàng. Cụ già bảo họ:

- Xin các vị chớ cho đây là một tên nô lệ. Các ngài đều biết rằng tôi không giàu sang tới mức có thể mua được một gã xinh trai thế này đâu. Đây là cháu họ tôi, con trai một chú em tôi vừa qua đời. Vì không có con, tôi cho gọi cháu tới đây ở cho có bạn.

Mọi người đều mừng cho cụ già có được người cháu họ tới ở cho vui nhà, nhưng đồng thời cũng không thể tỏ ý lo chàng sẽ bị nữ hoàng bắt mất. Họ bảo cụ: Cụ đã biết quá rõ bà ấy rồi, sau bấy nhiêu tấm gương tày liếp, cụ hẳn hiểu là chàng đang trải qua một cơn nguy biến. Nếu nữ hoàng đối xử với cậu đây như từng đối xử với bao nhiêu chàng trai trẻ khác, thì rồi cụ sẽ khổ đến chừng nào.

- Xin đội ơn các vị – cụ già đáp – vì tình bằng hữu các vị đã quan tâm tới lợi ích của gia đình tôi. Nhưng tôi tin rằng sau bao nhiêu điều tốt đẹp cho tới nay nữ hoàng vẫn đối xử với tôi, chắc bà không nỡ gây cho tôi phiền muộn. Giả sử bà có nghe tin và hỏi chuyện, thì khi nghe tôi trình đây là đứa cháu họ chắc bà cũng sẽ nể tình.

Cụ già rất hân hoan nghe người ta ngợi khen nhà vua trẻ nước Ba Tư. Cụ mừng như thể chàng chính là con đẻ của cụ vậy. Chàng càng ở lâu, cụ càng hiểu càng quý mến chàng hơn. Chừng một tháng sau khi Bêđe đến ở nhà cụ, một hôm, như thường lệ chàng đang ngồi ở lối ra vào cửa hiệu thì nữ hoàng Labơ – đó là tên mục phù thủy – đi qua trước nhà cụ già với nghi vệ rất sang. Vừa nhắc thấy bóng quân cấm vệ đi mở đường, chàng đã vội đứng lên vào trong nhà, hỏi cụ già có việc gì vậy.

Cụ đáp:

- Nữ hoàng sắp đi qua, nhưng anh cứ ở lại đây, chớ có sợ hãi.

Quân cấm vệ của nữ hoàng mặc đồng phục màu đỏ chói, cưỡi ngựa xếp thành hàng bốn, gươm tuốt trần giương cao, tất cả đông đến cả nghìn người

đi qua.

Không một võ quan nào đi ngang qua trước hiệu mà không chào cụ già. Tiếp đó là một nghìn hoạn nô mặc áo gấm và cưỡi những con ngựa còn đẹp hơn đi qua; các viên chỉ huy cũng đều cúi chào cụ. Sau đó là bảy mươi thiếu nữ, cô nào cũng tươi đẹp như hoa, ăn mặc rất sang và đeo nhiều châu báu. Tay cầm giáo ngắn, các cô trình trọng bước đều. Hoàng hậu Labor cưỡi một con ngựa sáng chói kim cương, thắt một cái yên bằng vàng trên phủ một tấm vóc quý giá không biết bao nhiêu mà tính tế ngựa đi giữa bọn nữ binh. Các cô gái lần lượt chào cụ già. Nữ hoàng sững sốt trước vẻ tuấn tú của vua Bêđe, liền dừng chân đứng lại trước hiệu. Bà cất tiếng:

- Chào cụ Apđanla, xin cụ cho hay, có phải tên nô lệ tươi tỉnh đáng yêu này là của cụ? Cụ mua nó đã được lâu chưa?

Trước khi đáp lời nữ hoàng, cụ Apđanla quỳ mọp dưới đất rồi mới đứng lên thưa:

- Tâu lệnh bà, đó là cháu họ tôi, con một chú em trai vừa qua đời chưa được bao lâu. Vì không có con, tôi coi cháu như con trai và vừa cho gọi cháu về đây để an ủi tuổi già. Sau này, khi tôi qua đời, cháu sẽ thừa kế chút tài sản nhỏ mọn của tôi.

Nữ hoàng Labor chưa bao giờ trông thấy một chàng trai khôi ngô nào có thể sánh với vua Bêđe, bà bắt đầu cảm thấy mê say. Nghe cụ già đáp như vậy, bà cố nghĩ cách ép cụ nhường lại chàng trai cho mình.

- Thưa cụ, cụ có vui lòng biểu không nó cho tôi được chăng? – Nữ hoàng hỏi. – Tôi van cụ, xin chớ khước từ! Tôi xin thề có lửa và ánh sáng chứng giám, rằng tôi sẽ làm cho chàng trở nên vĩ đại, hùng cường, không một ai trên đời này có thể giàu có, cao sang hơn. Cho dù tôi có ý đồ làm hại tất cả nhân loại, thì chàng sẽ là người duy nhất mà tôi chừa ra. Tôi tin tưởng cụ sẽ chấp thuận điều tôi cầu xin, niềm tin ấy dựa trên tình thân hữu xưa nay cụ vẫn có đối với tôi, và sự trọng thị mà trước đây tôi từng có và bao giờ cũng vẫn có đối với cụ.

- Tâu lệnh bà, – cụ Apđanla lại đáp – tôi cực kì đội ơn bà về những ân huệ của bà đã ban cho và vinh dự bà muốn tác thành cho cháu. Nó thật không xứng đáng được sống cạnh một nữ hoàng vĩ đại như bà. Vậy tôi van bà, xin miễn cho!

- Cụ Apđanla ạ, – nữ hoàng nói – xưa nay tôi vẫn tự hào tưởng là mình được cụ quý mến nhiều hơn. Chưa bao giờ tôi có thể nghĩ là cụ đứng dưng trước những lời cầu xin của mình như vậy. Nhưng, một lần nữa, tôi xin thề có lửa và ánh sáng chứng giám, cũng như thay mặt tất cả những gì là thiêng liêng nhất trong tôn giáo tôi, rằng tôi sẽ không chịu bỏ qua việc này chừng

nào cụ chưa từ bỏ thái độ khăng khăng của cụ. Tôi rất hiểu điều đang làm cho cụ băn khoăn, nhưng xin hứa với cụ là không có chuyện gì khiến cụ phải hối hận là đã làm ơn cho nữ hoàng Labor.

Vì bản thân và cũng vì thương vua Bêđe, cụ Apđanla buồn phiền không thể nào tả xiết khi thấy mình lâm vào thế phải nhượng bộ nữ hoàng. Cụ đáp:

- Tôi lệnh bà, tôi không hề muốn để có điều chi khiến cho bà nghĩ không đúng về lòng kính trọng của già này đối với bà, cũng như về tấm lòng nhiệt thành của già trong mọi việc khả dĩ làm vui lòng lệnh bà. Tôi hoàn toàn tin tưởng vào lời hứa mà tôi chắc bà sẽ giữ trọn. Tôi chỉ xin bà hãy thư cho cháu vài ba bữa, đợi đến dịp sau, lúc nào bà lại đi ngang qua đây.

- Vậy thì dịp đó sẽ là ngày mai. – Nữ hoàng đáp, vừa nói bà vừa nghiêng đầu để chứng tỏ mình hàm ơn cụ, rồi tiếp tục đi về phía hoàng cung.

Khi nữ hoàng Labor với tất cả nghi vệ tiền hô hậu ủng đã đi khuất, cụ già nói với vua Bêđe:

- Con ơi, – cụ vẫn có thói quen gọi chàng là con để khỏi lộ khi có người ngoài – như con đã thấy đấy, ta không thể nào từ chối nữ hoàng điều bà ấy đòi hỏi một cách kiên trì như thế. Cưỡng lại nữa thì bà ấy sẽ đâm lòng thù ghét và dùng phép ma, hoặc công khai hoặc ngầm ngầm, làm hại con còn nặng nề hơn những chàng trai khác đã trót sa vào tay bà, như đã có lần ta đã từng kể cho con nghe. Ta có ít nhiều lí do để tin rằng bà sẽ đối xử với con, như bà hứa, ấy là vì đối với ta, bà vốn có một sự trọng thị đặc biệt. Qua thái độ của tất cả võ quan trong triều đối với ta lúc vừa rồi, hẳn con cũng đã nhận thấy. Bà ấy sẽ bị trời tru đất diệt nếu dám lừa dối ta. Nhưng bà cũng không thể lừa dối mà không bị trừng trị đâu, ta sẽ biết cách trả thù chuyện ấy.

Những lời trấn an có vẻ khá mơ hồ ấy, chẳng có hiệu quả nhiều lắm đối với vua Bêđe. Chàng nói:

- Sau khi đã được cụ kể cho nghe về những hành động tàn ác của nữ hoàng này, tôi không che giấu nỗi lo sợ phải đến gần bà. Có lẽ tôi đã có thể coi thường tất cả những điều cụ nói và để mình bị choáng ngợp trước cảnh huy hoàng mà bà đang sống, nếu chưa tự mình ném mùi khi trót sa vào tay một mụ phù thủy. Cảnh ngộ của tôi sau khi bị phép yêu của công chúa Giauha, mà dường như tôi chỉ được giải thoát để sa vào một tai ương khác, làm cho tôi càng nghĩ đến càng thêm kinh tởm.

- Con ơi, con chớ quá buồn phiền, – cụ già Apđanla lại an ủi – ta nhận là không nên quá tin tưởng vào những lời đường mật và ngay cả những lời thề thốt nữa của một nữ hoàng độc ác như Labor. Nhưng ta muốn con biết rằng bản lĩnh của bà ấy không thể sánh với ta đâu. Bà ấy biết rõ điều đó lắm. Chính vì vậy, chứ không phải vì một lí do nào khác, cho nên bà mới nể vì ta.

Cho dù bà có đếu cắng tới mức muốn hãm hại con, thì ta cũng có cách ngăn chặn không cho động đến một sợi lông chân con. Con hãy tin tưởng ở ta. Miễn là con nhất nhất làm đúng theo những lời ta dặn trước khi đi với bà ấy, thì ta bảo đảm không ai làm gì con được.

Nữ hoàng phù thủy không quên, ngay ngày hôm sau, trở lại trước cửa hiệu của cụ Apđanla với tất cả nghi vệ như lần trước. Cụ già đứng chờ về hết sức kính cẩn. Nữ hoàng dừng bước nói:

- Thừa cụ, qua việc tôi trở lại đây rất đúng giờ hẹn để xin phép nhắc cụ nhớ tới lời đã hứa, cụ thấy tôi nôn nóng như thế nào muốn được có chàng cháu họ của cụ gần gũi mình. Tôi biết cụ là người trọng chữ tín cho nên không bao giờ dám tin cụ thay đổi ý kiến.

Cụ Apđanla đã quỳ mọp xuống khi vừa trông thấy nữ hoàng tới. Cụ đứng lên thì bà dứt lời. Vì không muốn để ai nghe lọt những điều sẽ nói, cụ kính cẩn tiến tới gần sát con ngựa nữ hoàng đang cưỡi, và hạ giọng:

- Thừa nữ hoàng quyền uy, tôi tin chắc lệnh bà không cho là tôi làm khó dễ cho bà, bà hẳn đã hiểu lí do vì sao tôi phải làm như vậy. Hôm nay tôi vui lòng giao cháu cho bà, nhưng cúi xin bà hãy tạm quên đi tất cả mọi bí quyết của pháp thuật cao cường mà bà nắm chắc trong tay. Tôi coi cháu như con đẻ của tôi, và lệnh bà sẽ làm cho tôi tuyệt vọng, nếu bà xử sự với cháu khác điều bà đã hứa.

- Tôi xin hứa với cụ một lần nữa, – nữ hoàng đáp – và tôi nhắc lại lời thề hôm qua, rằng cụ và chàng sẽ hoàn toàn hài lòng. Tôi thấy cụ chưa thật biết rõ tôi lắm, – nữ hoàng nói thêm – vì xưa nay cụ chỉ gặp khi tôi đeo mạng, nhưng bởi vì tôi coi chàng cháu họ của cụ xứng đáng với tình thân của tôi cho nên tôi muốn cụ cũng thấy cho, không phải tôi không xứng đáng với tình thân của chàng.

Vừa nói bà vừa cắt tấm mạng để cho vua Bêđe lúc ấy vừa tiến gần Apđanla được nhìn thấy một khuôn mặt đẹp tuyệt vời. Song chàng cũng không lấy gì làm xúc động cho lắm. Chàng nghĩ thầm:

- Quả vậy, chỉ có nhan sắc thôi chưa đủ, đức hạnh phải hài hòa với nhan sắc thì con người mới hoàn hảo.

Trong khi vua Bêđe dán mắt vào nữ hoàng Labor mà suy nghĩ như vậy, thì cụ già Apđanla quay lại nắm tay chàng giới thiệu:

- Cháu nó đây, tâu lệnh bà, đây là cháu họ tôi, và cho phép cháu thỉnh thoảng về thăm bác.

Nữ hoàng lại hứa với cụ điều này nữa. Để tỏ lòng biết ơn, bà gọi mang tới một cái túi đựng một nghìn đồng vàng, đưa tặng cụ. Lúc đầu cụ tạ từ, nhưng nữ hoàng khấn khoản bằng được, cụ đành phải nhận. Nữ hoàng đã sai thẳng sẵn một con ngựa cũng sang trọng như con bà đang cưỡi, đưa đến cho vua Ba Tư. Quan hầu giao ngựa; khi chàng đặt chân lên bàn đạp, nữ hoàng hỏi cụ Apđanla:

- Tôi quên chưa hỏi cháu họ của cụ tên gì. Cụ đáp tên chàng là Bêđe, nữ

hoàng nói:

- Người ta đã nhầm đấy, đáng ra phải đặt tên là Sêmxơ^[69].

Vua Bêđe lên ngựa, muốn đi sau nữ hoàng. Nhưng bà ép chàng thúc ngựa tiến lên đi sóng đôi, ở phía bên trái của mình. Bà nhìn cụ Apđanla, và sau khi nghiêng mình chào, tiếp tục đi.

Đáng lẽ nhận thấy trên nét mặt dân chúng vẻ hài lòng chen lẫn kính trọng như thông thường khi họ gặp mặt nữ hoàng của mình, thì vua Bêđe ngược lại nhận thấy mọi người nhìn bà đầy khinh bỉ, thậm chí có nhiều người nguyên rửa nữa là khác. Những người này nói: “Con mù phù thủy đã tìm thêm được một người nữa để thi thố sự độc ác của nó đấy. Biết bao giờ trời mới giải thoát cho thế gian khỏi con ác phụ này”. Những người khác lại thốt lên: “Tội nghiệp cho anh chàng người nước ngoài kia. Cậu nhầm rồi, cậu đừng tưởng hạnh phúc của cậu rồi đây lâu bền lắm. Chẳng qua nó nâng cậu lên thật cao như vậy để khi cậu ngã xuống càng đau hơn.” Lời lẽ của dân chúng cho chàng hiểu thêm những điều cụ già Apđanla nói về nữ hoàng là đúng sự thật, nhưng thoát khỏi tai ương đâu phải tùy thuộc ở sức mình. chàng đành nhắm mắt đưa chân, phó mặc cho trời đất định đoạt số phận.

Về đến hoàng cung, nữ hoàng phù thủy xuống ngựa, nắm tay vua Bêđe cùng bước vào nhà, theo sau là các người hầu và viên chỉ huy các hoạn nô. Bà thân hành dẫn nhà vua đi xem các cung điện, ở đâu cũng thấy trang trí bằng vàng ròng, ngọc ngà cùng những bàn ghế, đồ đạc đặc biệt sang trọng. Vào phòng làm việc, bà dẫn vua tới một bao lơn, từ đây nhìn xuống một khu vườn đẹp như tiên cảnh. Vua Bêđe tỏ lời khen ngợi một cách thông minh, nhưng lại cố làm cho nữ hoàng tin chàng đúng là cháu họ cụ già Apđanla thật. Hai người chuyện trò về những việc băng quơ, cho đến khi quan hầu vào báo tiệc đã bày.

Nữ hoàng cùng vua Bêđe ngồi vào bàn tiệc. chiếc bàn ăn đúc bằng vàng ròng, các đĩa đựng thức ăn cũng làm bằng cùng một thứ kim loại. Hai người cùng ăn, và hầu như không dùng rượu cho tới lúc tráng miệng. Lúc này, nữ hoàng mới cầm một chiếc li vàng, rót đầy một thứ rượu nho tuyệt diệu, sau khi cạn chén mừng sức khỏe vua Bêđe bà lại rót đầy ngay li đó trao cho vua.

Vua Bêđe kính cẩn đón lấy, rồi cúi đầu thật thấp, chứng tỏ mình uống đây chính là để đáp lễ và chúc mừng sức khỏe của nữ hoàng.

Vừa lúc ấy, mười người hầu gái của nữ hoàng Labor cầm nhạc cụ bước vào, cùng nhau đàn hát nghe thật mê li. Vua Bêđe và nữ hoàng tiếp tục uống rượu trong tiếng nhạc cho tới đêm. Vì uống quá nhiều, hơi men bốc lên, hai bên cùng ngà ngà. Lửa tình bốc dậy, dần dà vua Bêđe quên khuấy mất nữ hoàng là phù thủy, mà chỉ thấy bên cạnh là một bà hoàng hậu đẹp nhất trần

gian. Đến chừng nữ hoàng thấy chàng đã say tới mức mình mong muốn, bà ra hiệu cho bọn hoạn nô và những người hầu gái lui ra. Họ tuân lệnh, thế là vua Bêđê cùng nữ hoàng đi nghỉ.

Ngày hôm sau, nữ hoàng và vua Bêđê thức dậy và cùng đi nhà tắm. Tắm xong, những cung nữ hầu hạ vua trao cho chàng đồ lót trắng nõn cùng một chiếc áo cực sang. Nữ hoàng mặc một chiếc áo còn lộng lẫy hơn chiếc bà mặc hôm trước, đến đón chàng về phòng riêng của mình. Tiệc ngon lại được bày ra, sau đó hai người dạo chơi thoải mái trong vườn và cùng dự nhiều trò giải trí khác.

Nữ hoàng Labor đối xử và đãi đằng vua Bêđê như vậy suốt bốn mươi ngày liền, như bà từng xử sự với tất cả các tình nhân khác trước đây. Đêm thứ bốn mươi, khi hai người đã đi nằm, tưởng vua Bêđê đã ngủ say, bà nhẹ nhàng trở dậy không gây tiếng động. Nhưng vua Bêđê còn thức, nhận ra bà có ý đồ gì, vua vờ ngủ, chờ bà ra tay. Nữ hoàng đứng lên mở một cái hòm lấy ra một cái hộp nhỏ đựng một thứ bột màu vàng. Bà lấy thứ bột đó rải thành một vệt ngang qua buồng. Lập tức vệt bột ấy hóa thành một con suối nước rất trong, làm cho vua Bêđê cực kì ngạc nhiên. Run lên vì khiếp đảm, vua càng cố làm ra vẻ ngủ say, để cho mục phụ thủy không nhận thấy mình đang thức. Nữ hoàng Labor lấy một cái vò múc nước trong con suối đó, đổ vào một cái chậu có sẵn bột. Bà nhào bột thật kĩ cuối cùng bỏ thêm nhiều thứ thuốc lấy ở những cái hộp khác nhau, làm thành một chiếc bánh ngọt, bỏ vào một cái liễn mở nắp. Trước đó, đã nhóm sẵn một bếp lửa rất to, bà cời than ra, đặt cái liễn lên. Trong khi chờ bánh chín, bà xếp các lọ vào hộp vừa lấy ra dùng vào chỗ cũ. Bà niệm mấy câu thần chú, con suối đang chảy giữa buồng biến mất. Bánh chín, nữ hoàng lấy mang sang để ở một phòng bên cạnh rồi sau đó trở lại nằm xuống ngủ cùng vua Bêđê. Vua giả vờ rất khéo khiến cho bà không mảy may nghi ngờ chàng trông thấy hành động của mình.

Bốn mươi ngày đêm lạc thú và hội hè làm cho vua Bêđê quên bằng mất cụ già Apđanla tốt bụng, người đã cho chàng nương tựa. Sau khi nhìn thấy những hành động của nữ hoàng Labor trong đêm, chàng chợt nhớ tới cụ và nghĩ cần xin cụ khuyên bảo nên đối phó thế nào.

Vừa tỉnh dậy, chàng đã bày tỏ với nữ hoàng lòng muốn về thăm ông bác, và xin bà cho phép. Nữ hoàng nói:

- Thế nào, chàng Bêđê thân yêu của ta, chàng đã thấy chán ta rồi ư, chàng không muốn làm bạn với một nữ hoàng yêu mình say đắm, trong một cung điện tráng lệ dường này hay sao?

- Tâu nữ hoàng cao quý, – vua Bêđê đáp – làm sao tôi có thể chán trước bao nhiêu vẻ yêu kiều và bấy nhiêu ân huệ mà bà đã hạ cố ban cho? Hoàn toàn không phải như vậy, thưa bà, tôi xin phép về thăm không phải chỉ để

cho bác tôi thấy tôi không quên cụ, mà còn đề thuật lại cho cụ hay bà đã ban ơn cho tôi cao quý đến thế nào. Tuy nhiên, cũng xin thú thật, một phần cũng còn có lí do này: bác tôi vốn rất thương tôi, đi bốn mươi ngày rồi không gặp, nếu nán nã nữa e bác tôi nghĩ rằng tôi không còn quý bác như xưa.

- Vậy thì chàng hãy đi đi, ta bằng lòng, – nữ hoàng đáp – nhưng hãy chóng vánh trở về. Xin chàng nhớ cho rằng Labor này không thể sống thiếu chàng.

Được nữ hoàng cấp cho một con ngựa yên cương lộng lẫy, vua Bêđe lên đường.

Cụ già Apđanla hân hoan gặp lại Bêđe. Không nghĩ tới tước vị của vua, cụ ôm hôn chàng thắm thiết. Vua cũng hôn lại cụ để cho không ai có thể nghi ngờ đây không phải là hai bác cháu gặp nhau. Khi đã ngồi xuống cạnh nhau, cụ già Apđanla hỏi:

- Thế nào, anh có được khỏe không? Và anh thấy mục phù thủy, con ngoại đạo ấy thế nào?

Vua Bêđe đáp:

- Cho tới hôm nay, có thể nói rằng mục đối đãi với tôi một cách trọng thể không thể nào tưởng tượng nổi. Mục hết sức sẵn đón, trọng thị, để cho tôi tin chắc mục yêu tôi tột bậc. Nhưng đêm hôm qua, tôi nhận ra một việc khiến cho tôi nghi ngờ tất cả mọi điều mục làm trước đây đều là giả dối. Vào lúc mục tưởng tôi đã ngủ say, mặc dù tôi vẫn còn thức, tôi thấy mục thận trọng dịch ra xa tôi, rồi đứng lên. Sự thận trọng đó của mục làm cho tôi không ngủ tiếp đi, mà còn cố gắng tỉnh táo quan sát, trong khi vẫn cứ giả vờ như mình đang ngủ say.

Vua kể lại khá chi tiết đã trông thấy nữ hoàng làm bánh như thế nào, rồi nói:

- Thú thật là cho đến hôm qua, hầu như tôi đã quên bằng mọi điều cụ dạy bảo về sự độc địa của mục đó. Nhưng hành động của mục đêm qua khiến cho tôi e mục không giữ nổi lời hứa cũng như mọi lời thề nguyện long trọng. Thế là tôi nghĩ ngay tới cụ, may sao mục lại đồng ý cho phép tôi được trở về thăm cụ, dễ dàng hơn tôi dự liệu.

- Anh đã không nhầm, – cụ già đáp với một nụ cười chứng tỏ cụ chưa bao giờ tin mục có thể hành động khác với cách mục đã làm – không có gì có thể làm cho con mục gian ngoan ấy hối cải. Anh đã nghi ngờ đúng lúc đấy, và anh nghĩ tới việc nhờ tôi thì thật không có gì tốt bằng. Tôi biết rõ chẳng bao giờ mục phù thủy ấy lưu các tình nhân lại quá bốn mươi ngày. Và đáng lẽ để cho người ta ra đi một cách lịch sự, bao giờ mục cũng hóa kiếp họ thành thú vật đến nỗi đầy rẫy cả rừng rú, vườn cây và đồng ruộng, cho nên ngay từ

hôm qua, ta đã tính cách sao cho anh không bị mù đối xử y như mù đã làm đối với các chàng trai khác. Trái đất cho con quỷ sứ này sống quá lâu rồi, đã đến lúc nó phải chịu tội.

Nói xong, cụ Apđanla đặt vào tay vua Bêđe hai chiếc bánh ngọt, bảo hãy giữ lấy để sử dụng theo cách cụ dặn sau đây: “Anh vừa nói với ta, đêm qua con mù phù thủy đã làm một chiếc bánh ngọt, – cụ nói tiếp – ấy là để mời anh ăn đấy, chắc chắn như vậy, nhưng anh chú ý chớ có động vào. Tuy nhiên, khi mù đưa cho thì cứ việc nhận. Rồi đáng lẽ ăn cái bánh đó, anh hãy cố làm sao ăn một trong hai chiếc bánh ta vừa giao cho anh, đừng để mù trông thấy. Sau khi tưởng rằng anh đã ăn phải bánh của mù, mù sẽ bắt đầu phù phép để biến anh thành một con vật nào đó. Mù sẽ không thành công đâu, cho nên đành phải làm như thể mình đùa để dọa anh sợ hãi tí chút, kì thực trong lòng mù đang vô cùng cay đắng, ngỡ là mình đã nhớ quên một phép nào đó trong khi làm bánh quý. Còn lại chiếc bánh kia, anh sẽ đưa tặng mù, và cố ép mù ăn cho bằng được. Mù sẽ ăn để chứng tỏ mình chẳng chút nghi ngờ, sau khi vừa xảy ra chuyện khiến anh có thể ngờ vực. Chừng nào mù nuốt xong chiếc bánh, anh hãy vục ít nước trong lòng bàn tay, vẩy vào mặt mù và nói: “Hãy từ bỏ hình dạng này, mà mang hình của con vật nào đó”. Sau đó, anh hãy dắt con vật ấy về đây, lúc ấy ta sẽ bảo cho biết nên làm gì thêm”.

Vua Bêđe hết lời cảm tạ cụ Apđanla đã quan tâm đầy đủ và tìm mọi cách để ngăn không cho mù phù thủy bắt chàng phải chịu phép yêu độc địa. Sau khi trò chuyện thêm ít lâu, chàng đã từ giã cụ trở lại hoàng cung. Tới nơi, chàng được biết mù phù thủy đang hết sức nôn nóng chờ chàng ở ngoài vườn. Chàng ra vườn tìm, vừa trông thấy Bêđe, nữ hoàng Labor vội vàng chạy tới nói:

- Chàng Bêđe thân yêu, quả người ta đã nói rất đúng rằng có xa nhau mới biết rõ yêu nhau nồng thắm tới mức nào. Từ lúc vắng bóng chàng, ta cứ đứng ngồi không yên, vừa xa nhau trong chốc lát mà tưởng như ngoài ba thu. Nếu chàng về chậm hơn ít nữa, có lẽ ta sẽ phải thân hành đi tìm.

- Tàu lệnh bà, – vua Bêđe đáp – xin quả quyết rằng tôi cũng nôn nao không kém, những muốn trở về ngay với bà. Nhưng không thể nào không trò chuyện chốc lát với ông bác vốn rất thương yêu tôi và đã lâu ngày không gặp, ông cụ còn muốn tôi lưu lại, nhưng tôi cố bứt mà đi theo tiếng gọi của tình yêu. Bác tôi bày cả một tiệc rượu, song tôi chỉ cầm có mỗi chiếc bánh, mang về tặng bà đây.

Vua Bêđe đã gói chiếc bánh vào một tấm khăn sạch sẽ mở ra đưa cho nữ hoàng và nói:

- Cái bánh ấy đây, tàu lệnh bà, cúi mong bà nhận cho.

- Ta vui lòng nhận. – Nữ hoàng cầm chiếc bánh và đáp – Vì quý chàng và ông bác của chàng, anh bạn thân yêu ơi, ta sẽ ăn một cách thích thú. Nhưng trước đó ta muốn, vì quý ta, chàng hãy ném thử tấm bánh này, mà ta đã làm trong khi chàng đi vắng.

Vua Bêđe kính cẩn đỡ chiếc bánh và đáp:

- Thừa nữ hoàng xinh tươi, bánh do tay bà làm ra thì hẳn là tuyệt vời, quả thật bà vừa ban cho tôi một ân huệ tôi không biết nói gì để tạ ơn.

Vua Bêđe nhanh nhẹn đánh tráo chiếc bánh ngọt của nữ hoàng lấy chiếc bánh do cụ Apđanla cho, rồi bẻ một miếng cho vào miệng.

- Ôi tâu nữ hoàng, – chàng vừa nhai vừa nói – chưa bao giờ tôi được ăn chiếc bánh ngọt nào ngon hơn.

Lúc ấy hai người đang đứng cạnh một vòi nước, mục phù thủy trông thấy vua đã nuốt hết miếng bánh và sắp sửa ăn miếng nữa, liền vục nước trong lòng bàn tay, vẩy vào mặt chàng và nói:

- Đồ khốn nạn, hãy từ bỏ hình người, và mang hình dạng một con ngựa xấu xí vừa chột vừa què!

Câu thần chú không mang lại hiệu quả. Mục phù thủy cực kì kinh ngạc thấy vua Bêđe vẫn giữ nguyên hình, chỉ tỏ ra khiếp đảm mà thôi. Thị đồ mặt biết đòn hiểm của mình đã đánh trượt.

- Chàng Bêđe thân yêu, – thị vội nói với chàng – chẳng hề chi đâu, xin hãy bình tĩnh. Ta chẳng muốn làm hại chàng đâu, chẳng qua là để thử xem chàng nghĩ thế nào về việc ấy. Chàng có thể cho ta là một mục đàn bà khốn nạn nhất, đáng nguyên rủa nhất trong giới đàn bà, nếu ta dám phạm một tội ác xấu xa như vậy, sau những lời thề thốt, nhất là sau bấy nhiêu biểu hiện yêu đương ta đối với chàng.

- Tâu nữ hoàng uy quyền, – vua Bêđe đáp – cho dù vẫn tin chắc bà đùa, tôi vẫn không tránh khỏi sự bất ngờ. Làm sao có thể không xúc động, trước những lời có thể gây nên một sự biến đổi kì lạ như thế. Nhưng, xin bà đừng nói chuyện ấy nữa, thưa bà, tôi đã ăn chiếc bánh của bà rồi, giờ xin bà vui lòng ném chiếc bánh của tôi.

Không có cách nào để tự thanh minh, nữ hoàng đành phải bẻ một miếng bánh cho vào miệng ăn để tỏ ra mình tin cậy vua Bêđe. Vừa nuốt khỏi cổ, thị tỏ vẻ bối rối và đứng yên không nhúc nhích. Không để lỡ mất cơ hội, vua Bêđe vục một ít nước trong bể, vẩy vào mặt mục rồi kêu to:

- Mục phù thủy khốn khiếp kia, hãy bỏ mặt người, và biến thành con ngựa cái!

Ngay lập tức, nữ hoàng Labor biến thành một con ngựa cái rất đẹp. Trong

con hoang mang thấy mình bị hóa kiếp, thì khóc như mưa. Con ngựa cái chúc đầu xuống tận chân vua Bêđê, như thể cầu xin lòng thương hại. Nhưng, cho dù có mũi lòng, giờ đây chàng cũng không đủ pháp thuật để sửa lại việc vừa làm. chàng dắt con ngựa đến cái chuồng ngựa trong hoàng cung giao cho một viên giám mã thắt dây cương vào, nhưng mọi dây cương viên giám mã đưa ra đều không vừa với con ngựa cái. Vua Bêđê liền sai thắt hai con ngựa khác, một con chàng cười, một con cho viên giám mã cười dắt theo con ngựa cái đến tận nhà cụ Apđanla.

Từ xa trông thấy vua Bêđê cùng con ngựa cái, cụ Apđanla biết chàng đã làm đúng những điều cụ căn dặn. Cụ vui mừng tự nhủ:

- Mụ phù thủy đáng nguyên rủa kia, Thượng đế đã trừng phạt mày đáng tội.

Vua Bêđê xuống ngựa, bước vào nhà ôm cụ Apđanla và cảm tạ cụ đã giúp cho biết bao nhiêu việc tốt lành. Vua thuật lại sự tình đã diễn biến như thế nào, và không tìm được dây cương nào có thể thắng được con ngựa. Cụ Apđanla tự tay thắt con ngựa cái.

Sau khi vua Bêđê cho viên giám mã cho hai con ngựa trở về hoàng cung, cụ bảo chàng:

- Tâu bệ hạ, Người không cần nán lại lâu hơn nữa ở thành phố này, hãy cưới con ngựa cái và trở về vương quốc của Người. Điều duy nhất tôi căn dặn, là bao giờ Người muốn bỏ con ngựa cái này đi, thì nhớ đừng giao nó cho ai cùng với dây cương.

Vua Bêđê hứa mình sẽ nhớ lời dặn, sau đó từ biệt cụ rồi lên đường.

Ra khỏi thành phố, vua Bêđê cưới ngựa đi ba ngày liền thì tới một thành phố lớn. Vừa đến vùng ngoại ô, chàng gặp một cụ già có vẻ đáng kính đang đi bộ tới một căn nhà nghỉ mát. Trông thấy chàng, cụ dừng chân lại hỏi:

- Thưa ngài, xin được hỏi ngài từ đâu đến?

Vua dừng lại để đáp lời, vì cụ già còn hỏi đôi ba câu nữa. Chợt một bà cụ xuất hiện và cũng đứng lại y như cụ già, rồi nhìn con ngựa cái vừa khóc nức nở vừa thở dài thườn thượt.

Vua Bêđê và cụ già ngừng câu chuyện đang nói, quay nhìn bà cụ. Chàng hỏi tại sao cụ khóc.

- Thưa ngài, – bà cụ đáp – ấy là tại vì con ngựa cái của ngài giống hệt như con ngựa cái của cậu con trai tôi, nó đã chết rồi, vì thương cháu nên tôi vẫn tiếc con ngựa cái ấy. Tôi van ngài, xin hãy bán con ngựa cái này cho tôi, đáng giá bao nhiêu tôi xin trả bấy nhiêu, đã thế, tôi còn rất đội ơn ngài.

- Bà cụ ạ, – vua Bêđê đáp – rất tiếc là không thể làm hài lòng cụ, con ngựa

cái của tôi không bán được.

- Ôi, thưa ngài, – bà cụ nài nỉ – xin đừng từ chối, nhân danh Thượng đế, tôi van ngài! Con trai tôi và tôi sẽ buồn đến chết mất, nếu ngài không làm ơn bán cho.

- Tôi sẽ vui lòng nhượng nó lại cho bà, bà cụ ạ, – vua Bêđe nói – nếu tôi có ý định bán con ngựa cái rất tốt này. Nhưng giả dụ như vậy đi nữa thì tôi cũng không nghĩ là cụ có thể trả cho tôi một nghìn đồng vàng, bởi vì tôi cho là nó đáng giá không kém ngàn ấy.

- Sao tôi lại không thể có một nghìn đồng vàng cơ chứ? – Bà cụ đáp – Ngài chỉ cần đồng ý bán, tôi sẽ đếm trả đủ tiền ngay cho ngài.

Thấy bà cụ ăn mặc khá tồi tàn, và nghĩ rằng bà không thể nào có một số tiền to như vậy, vua Bêđe muốn thử xem bà có nhất quyết mua không, liền nói:

- Cụ đưa tiền đây, con ngựa là của cụ.

Ngay lập tức bà cụ tháo một cái túi đeo quanh thắt lưng, đưa cho chàng và nói:

- Xin ngài vui lòng xuống ngựa, chúng ta cùng vui lòng đếm tiền, nếu còn thiếu tôi sẽ đi lấy thêm ngay, nhà tôi cũng không xa.

Trông thấy túi tiền, vua Bêđe cực kì ngạc nhiên:

- Cụ ơi, cụ không thấy là tôi nói vậy để lừa cụ ư? Tôi xin nhắc lại là tôi không bán con ngựa cái này.

Cụ già đứng chứng kiến cuộc trao đổi, liền cất lời:

- Con ạ, con cần biết một điều mà ta thấy là hẳn con chưa được rõ. Ấy là ở thành phố này cấm không ai được dối trá bất cứ điều gì; ai dối trá là bị xử tử. Như vậy, con không thể từ chối không nhận tiền của bà cụ và giao cho con ngựa cái của con cho bà cụ, vì cụ đã trả đúng số tiền con đòi. Thà rằng con lẳng lặng làm việc đó còn hơn là chuốc lấy một tai họa có thể xảy đến với con.

Vua Bêđe rất buồn vì tự dưng mắc vào một vòng rắc rối, đành nuôi tiếc xuống ngựa. Bà cụ vội vàng chộp lấy và cởi dây cương cho ngựa, rồi lập tức đưa lòng bàn tay vục một ít nước ở con suối bên đường vẩy vào nó, miệng nói:

- Con gái của mẹ, hãy bỏ hình thù và lấy lại nguyên hình người của con.

Sự biến đổi diễn ra ngay tức khắc. Trông thấy nữ hoàng hiện ra trước mặt, vua Bêđe ngất đi, và hẳn đã ngã lăn ra đất, nếu không có cụ già kịp đỡ.

Bà cụ vốn là mẹ của nữ hoàng Labơ, người đã dạy cho thị mọi yêu thuật,

mừng rỡ ôm hôn con gái, rồi huyết sáo trong nháy mắt hiện ra một thân linh xấu xí, mặt to thân lớn. Hung thần một tay túm vai vua Bêđe, tay kia ôm bà cụ và mũ phù thủy bay đi, chẳng bao lâu trở về cung điện của nữ hoàng Labor, trong thành phố Yêu Tinh.

Nữ hoàng tức giận như điên, mũ mắng nhiếc vua Bêđe không tiếc lời.

- Đồ phản trắc, – mũ nói – ra ông bác xấu xa của mày và mày trả ơn ta như vậy, sau bao nhiêu điều tốt đẹp ta làm cho các người. Ta sẽ cho chúng mày biết tay ngay.

Không nói thêm nữa, mũ vốc nước vào lòng bàn tay, vẩy lên mặt chàng mà nói:

- Hãy thoát khỏi hình người và mang hình một con cú xấu xí!

Câu chú hiệu nghiệm ngay tức khắc. Mũ liền sai một con hầu mang bỏ cú vào trong một cái lồng, không cho ăn uống gì cả.

Người hầu mang cái lồng đến, nhưng không tuân theo lời nữ hoàng, chỉ vẫn bỏ thức ăn và nước uống cho chim. Vốn là bạn của cụ già Apđanla, chỉ vội cho người mật báo để cụ biết, nữ hoàng vừa đối xử như thế nào với cháu họ cụ, mũ còn đang mưu đồ hãm hại cả hai người, để cho cụ kịp có cách ngăn cản không cho mũ phù thủy ra tay giết hại chàng và cũng để bảo toàn tính mạng của chính cụ nữa.

Cụ Apđanla thấy không còn có thể nhẹ tay với nữ hoàng Labor. Cụ huyết sáo, ngay lập tức một thân linh có bốn cánh xuất hiện, hỏi có việc gì cần sai bảo.

- Thần Chớp ạ, – cụ nói – (thần Chớp là tên của vị thần linh này) cần phải bảo toàn tính mệnh vua Bêđe, con trai hoàng hậu Gunna. Thần hãy kịp đến cung điện của mũ phù thủy, đưa người đàn bà được mũ giao giữ cái lồng chim đến kinh thành nước Ba Tư, để báo cho hoàng hậu Gunna biết con trai bà đang lâm nạn, cần kịp thời ứng cứu. Hãy chú ý khi xuất hiện đừng làm cho chị ấy quá sợ hãi, và nói với chị ấy rằng ta khuyên nên làm như vậy.

Thần Chớp biến mất và ngay tức khắc hiện ra trong cung mũ phù thủy. Báo cho người hầu gái biết xong, thần nâng chị lên không trung, đưa đến kinh đô nước Ba Tư, đặt chị xuống ngay trên sân thượng của phòng riêng hoàng hậu Gunna. Theo cầu thang đi xuống phòng, người hầu gái trông thấy hoàng hậu Gunna và thái hậu Farat, mẹ của bà, đang ngồi nói chuyện về nỗi buồn lo chung của hai mẹ con. Chị cúi lạy, thuật lại cho hai bà nghe đầu đuôi câu chuyện, và nói thêm rằng vua Bêđe đang cần được ứng cứu không chậm trễ.

Được tin, hoàng hậu Gunna vui mừng khôn tả, bà đứng lên ôm hôn người hầu gái tốt bụng để tỏ bà hàm ơn chị xiết bao. Ngay lập tức, bà truyền lệnh

nổi trống chiêng, đàn sáo để báo tin vua Ba Tư sắp trở về. Trở lại phòng riêng, bà nói với vua Xalêch, mà thái hậu Farat vừa dùng phép thần triệu đến.

- Thừa anh, nhà vua cháu họ của anh và cũng là con trai thân yêu của em hiện đang bị giam giữ ở thành phố Yêu Tinh, trong tay nữ hoàng Labor. Anh và em, chúng ta cần đi giải thoát cháu, không nên để chậm trễ chút nào.

Vua Xalêch truyền triệu quan quân thủy tề. Chẳng mấy chốc một đạo hùng binh trôi lên khỏi mặt nước biển. Vua còn kêu gọi các thần linh bạn bè tiếp sức, họ kéo thêm đến một đạo quân còn đông hơn đạo quân của chính nhà vua. Khi hai đạo quân đã gặp nhau, vua Xalêch, hoàng hậu Gunna, thái hậu Farat cùng các công chúa đi đầu, kéo quân xuất trận. Đến các nàng công chúa cũng muốn được tham gia cuộc tiêu phạt này. Tất cả bay bổng lên không trung và chẳng mấy chốc cùng hạ xuống hoàng cung trong thành phố Yêu Tinh. Nữ hoàng phù thủy, mẹ của mẹ và tất cả những kẻ tôn thờ thần Lửa đều bị tiêu diệt trong nháy mắt.

Hoàng hậu Gunna cho người hầu gái của nữ hoàng Labor, người đã đến báo tin cho bà biết, cùng đi với mình: Bà dặn trong lúc lộn xộn, chị chỉ có bốn phận làm mỗi một việc là tìm cái lồng chim mang đến cho bà. Lệnh ấy được tuân hành chu đáo. Bà bắt con cú ra khỏi lồng, sai mang nước lã tới, vẩy vào mình nó và nói:

- Con trai thân yêu của mẹ, hãy bỏ hình hài xa lạ này, và lấy lại hình người của con nguyên như trước!

Ngay lập tức, hoàng hậu Gunna không trông thấy con cú xấu xí nữa. Trước mắt bà hiện lên vua Bêde. Bà ôm con hôn, mừng vui khôn tả. Trong cơn xúc động, nước mắt bà tuôn như mưa, bà nghẹn ngào không sao thốt được nên lời. Bà cứ ôm chặt con, đến nỗi thái hậu phải giằng ra để hôn cháu. Rồi đến lượt vua Xalêch và các công chúa cô họ của chàng.

Công việc đầu tiên của hoàng hậu Gunna là sai người mời cụ già Apdanla. Chính nhờ có cụ, bà mới gặp lại được vua Ba Tư. Cụ đến, bà nói:

- Chúng tôi đội ơn cụ nhiều quá; xin sẵn sàng làm tất cả mọi việc để tỏ lòng tri ân. Cụ hãy nói cho biết cụ cần gì, tôi xin đáp ứng ngay tức khắc.

- Tâu hoàng hậu quyền uy, – cụ đáp – nếu người đàn bà mà tôi nhờ đến đưa tin cho bà thuận tình kết hôn với tôi, và nếu vua Ba Tư cũng chấp thuận cho tôi được hầu hạ, thì tôi xin nguyện suốt đời làm kẻ tôi tớ ở cạnh Người.

Hoàng hậu Gunna quay lại hỏi ý kiến người đàn bà lúc ấy cũng đang đứng gần. Chị đỏ mặt lên, chứng tỏ mình không khước từ. Thế là hoàng hậu nắm tay hai người đặt vào nhau. Vua Ba Tư và hoàng hậu đều đồng ý sẽ chăm lo công danh và hạnh phúc của hai vợ chồng.

Cũng nhân đám cưới này, vua Ba Tư ngỏ lời thưa với mẹ:

- Tâu mẫu hậu, – chàng mỉm cười nói – con rất hân hoan dự đám cưới mà mẹ vừa tác thành, nhưng còn một đám nữa chắc mẹ cũng cần nghĩ tới.

Thoạt tiên hoàng hậu Gunna chưa hiểu vua định nói tới đám cưới nào. Suy nghĩ một lúc, bà chợt nghĩ ra:

- Ý hẳn con muốn nói đám cưới của con chứ gì? Mẹ sẵn sàng chấp thuận.

Hướng về tất cả các quan quân thủy tề của vua Xalêch, cũng như quan quân của tất cả các thần linh khác đang có mặt, bà nói:

- Xin các vị hãy rong ruổi bốn biển năm châu, hãy tìm kiếm ở các cung điện thủy tề cũng như trên mặt đất, rồi trở lại cho ta hay ai là nàng công chúa xinh đẹp nhất, xứng đáng nhất với nhà vua trẻ con trai ta.

- Tâu mẫu hậu, – vua Bêđe đáp – chẳng cần phải vất vả như vậy. Hẳn mẹ biết con đã hiến dâng trái tim mình cho công chúa nước Xamăngđan, ngay khi mới nghe truyền tụng nhan sắc của nàng. Con đã được gặp công chúa, và con tuyệt nhiên không chút hối tiếc là đã trót dâng trọn trái tim con cho người đẹp ấy. Quả vậy, không thể nào tìm thấy bất cứ ở đâu, trên mặt đất hay dưới thủy tề, một công chúa nào có thể sánh với nàng. Đúng là sau khi nghe con tỏ tình, nàng có đối xử với con theo cách khá dễ làm nguôi lạnh tình cảm của mọi người đàm mê khác, trừ con. Nhưng nàng đáng được tha thứ. Sau khi phụ vương bị cầm giữ, nàng không thể đối xử với con nhẹ tay hơn thế, vì chính con là căn nguyên gây nên việc đó cho dù là vô tình. Biết đâu vua Xamăngđan chẳng đã thay đổi ý kiến, và công chúa bây giờ chắc không ghét bỏ con nữa. Nếu được vua cha chấp thuận, hẳn nàng sẽ vui lòng kết bạn với con.

- Con trai của mẹ ời, – hoàng hậu Gunna nói – nếu quả thật trên đời này chỉ công chúa Giauha là người duy nhất có thể mang lại hạnh phúc cho con, thì mẹ hoàn toàn không ngăn trở cuộc hôn phối ấy. Bác con hãy cho mời vua Xamăngđan tới đây. Chúng ta sẽ được biết xem lúc này nói chuyện với ông ấy có dễ hơn ngày trước chút nào chẳng.

Cho dù vua Xamăngđan trong thời gian bị cầm giữ có sự canh phòng cẩn mật thật, nhưng theo lệnh của vua Xalêch, ông vẫn được đối xử trọng vọng. Các võ quan canh giữ cũng giúp ông thuận tính lại dần dần. Vua Xalêch sai mang đến một cái hỏa lò. Vua ném vào lửa một thứ thuốc gì đó và niệm mấy câu thần chú.

Khói vừa bốc lên thì cả cung điện rung chuyển, vua Xamăngđan xuất hiện ngay tức khắc cùng với các võ quan canh giữ ông. Trông thấy ông, Bêđe vội vàng đến quỳ dưới chân. Ngẩng mình, chàng vẫn quỳ một chân mà thưa:

- Tâu bệ hạ, bây giờ không phải vua Xalêch khẩn cầu bệ hạ cho cháu họ là

vua Ba Tư được kết thân với con gái ngài. Đây chính vua Ba Tư tôi cúi xin bệ hạ ban cho ân huệ đó. Xin quả quyết là nếu ngài từ chối, không cho tôi được làm bạn với công chúa Giauha yêu kiều thì tôi không thể nào sống nổi. Chắc ngài chẳng nở lòng nào xử sự như vậy.

Vua Xamăngđan không chịu để vua Ba Tư quỳ lâu dưới chân mình. Vua ôm choàng, ép chàng đứng lên, và đáp:

- Tâu bệ hạ, tôi sẽ hết sức phiền lòng nếu mình gây nên cái chết của một đấng quân vương rất đáng trọng trọng như ngài. Nếu quả thật thiếu con gái tôi, tám thân ngàn vàng này có thể gặp chuyện không hay, thì tâu bệ hạ, con gái tôi thuộc về ngài rồi đó. Xưa nay bao giờ cũng vâng lời cha, tin rằng lần này cháu sẽ không chống lại ý tôi.

Nói xong, vua Xamăngđan nhờ một võ quan vốn được vua Xalêch cử đến hầu hạ ông, đi tìm công chúa Giauha, đưa lại đây ngay tức khắc.

Công chúa vẫn nương nấu ở nơi vua Ba Tư có lần từng gặp. Viên võ quan tìm thấy nàng ở đây. Chẳng mấy chốc, nàng đã xuất hiện cùng tất cả những người hầu. Vua Xamăngđan ôm hôn con và nói:

- Con gái của cha ơi, cha đã kiếm cho con một người chồng, người chồng ấy chính là quốc vương Ba Tư đang đứng kia. Người là đấng quân vương hoàn hảo nhất hiện nay trong trời đất. Người đã chọn con chứ không phải bất cứ một nàng công chúa nào khác. Vì vậy cha con ta đều phải nhận lời đề tỏ lòng biết ơn.

- Tâu bệ hạ, – công chúa Giauha đáp – Người đã biết là từ trước đến nay con nhất nhất tuân phục mọi ý muốn của Người. Bây giờ con cũng sẵn sàng vâng lệnh. Mong nhà vua nước Ba Tư bỏ quá cho con việc đã đối xử không tốt với Người. Con xin rằng, là đấng anh minh, Người sẽ hiểu cho con không thể có cách cư xử nào khác với bổn phận của mình.

Lễ cưới được tổ chức ngay trong cung điện tại thành phố Yêu Tinh, trọng thể hơn tất cả những hôn lễ mà nữ hoàng phù thủy từng cưới các chồng của mẹ. Các vị ấy đã lấy lại được nguyên hình ngay từ hôm mẹ bỏ mạng. Họ cùng đến tạ ơn vua Ba Tư, hoàng hậu Gunna và vua Xalêch; và được dịp họ cùng dự lễ cưới luôn. Tất cả những người từng bị nạn đều là hoàng tử con vua, hoặc thuộc dòng dõi danh gia thế phiệt.

Cuối cùng, vua Xalêch đưa vua Xamăngđan trở về vương quốc của ông và trao trả lại mọi quyền hành. Vua Ba Tư đã đạt được ước mong cao nhất, liền cùng hoàng hậu Gunna, thái hậu Farat và các công chúa lên đường trở về kinh đô. Thái hậu cùng các công chúa còn lưu lại Ba Tư cho tới ngày vua Xalêch đến rước họ trở lại nước thủy tề, nằm sâu dưới đáy đại dương.

CHUYỆN CHÀNG GANEM, CON TRAI CỦA ABU AIBU, KẸ NÔ LỆ CỦA TÌNH YÊU

Tâu bệ hạ, – lời nàng Sêhêrazát nói với vua Saria – ngày xưa ở Đamát, có một nhà buôn, nhờ tài tháo vát và sức lao động, đã thu góp được nhiều tài sản lớn và sống khá đàng hoàng. Abu Aibu là tên họ ông ta. Aibu sinh được một trai, một gái. Người con trai tên là Gan em, về sau được mệnh danh là *Kẻ nô lệ của tình yêu*. Chàng rất khôi ngô, tư chất vốn thông minh, lại được cha chăm lo đón những thầy giỏi về kèm cặp cho nên hiểu biết rộng. Còn người con gái được gọi là *Mê Hồn Nương*^[70] bởi vì nàng có sắc đẹp hoàn hảo đến nỗi không một ai trông thấy mà không đem lòng yêu dấu.

Abu Aibu qua đời, để lại của cải nhiều không kể xiết. Trong kho của ông, có đến một trăm kiện gấm vóc lụa là. Nhưng đấy cũng chỉ mới là phần nhỏ nhất trong tài sản của ông. Các kiện hàng đã đóng gói đầu vào đấy, và trên mỗi kiện đều có đề bằng chữ lớn: GỬI ĐI BÁTĐA.

Vào thời ấy, vua Môhamét, con của Xôliman, tục danh Zinobi, ngự ở thành phố Đamát, kinh đô nước Xyri. Hoàng đế Harun An-Rasít ngự ở Bátđá vốn thuộc dòng dõi Môhamét, đã phong cho ông làm vua chư hầu trị vì nước này.

Ít lâu sau khi Abu Aibu qua đời, Ganem bàn bạc với mẹ về công việc gia đình. Nhân nói đến các kiện hàng trong kho, chàng hỏi những chữ đề trên mỗi kiện ý nghĩa thế nào? Bà mẹ đáp:

- Con ạ cha con xưa khi thì đi tỉnh này lúc sang tỉnh nọ. Cha con có thói quen trước lúc khởi hành, đề lên mỗi kiện hàng tên thành phố dự định sẽ đến. Cha con đã sắp đặt mọi việc đầu vào đấy, sẵn sàng lên đường đi Bátđá thì không may...

Bà ghen ngào nói chẳng hết câu. Kỉ niệm quá đau thương về người chồng quá cố làm bà ghen ngào không thốt thêm được một lời nào. Bà bật khóc như mưa.

Ganem không thể cầm lòng khi nhìn thấy mẹ buồn phiền. Hai mẹ con lặng đi một chốc, nhưng cuối cùng chàng trấn tĩnh được. Chờ cho đến khi thấy mẹ đã có thể bình tâm nghe chuyện được rồi, chàng nói:

- Cha con đã có ý định gửi những hàng này đi Bátđá và đã không thể thực hiện ý đồ của Người, vậy thì con phải tiến hành chuyến đi đó. Con còn cho rằng đã đến lúc con cần đi gấp, sợ để lâu hàng hóa hỏng mất hoặc bỏ lỡ cơ hội bán được giá hời chẳng.

Vốn yêu con tha thiết, bà quả phụ Abu Aibu hoảng hốt khi nghe con quyết định như vậy. Bà nói:

- Con trai của mẹ ơi, mẹ khen ngợi con đã muốn theo gương cha con. Nhưng con nên nghĩ lại, con hãy còn quá trẻ, chưa có kinh nghiệm và tuyệt nhiên chưa quen những nỗi gian lao vất vả đường trường. Hơn nữa, con định bỏ mẹ một mình, để cho mẹ thêm một buồn phiền nữa bên cạnh nỗi đau đớn của mẹ hiện nay sao? Nên chẳng chúng ta bán những hàng hóa này cho các nhà buôn ngay tại Đamát này, và tạm bằng lòng với một món lãi phải chăng. Như thế có phải hơn là con phải dấn thân vào chốn hiểm nghèo hay không?

Bà viện nhiều lí lẽ xác đáng để phản bác ý đồ của Ganem, song chàng không chịu nghe. Lòng ham thích đi xa để qua đó bồi bổ kiến thức của mình thôi thúc chàng ra đi, mặc cho mẹ trách móc, van nài và khóc lóc nữa. Chàng ra chợ buôn nô lệ, chọn mua nhiều tên lực lưỡng và thuê một trăm con lạc đà. Sau khi sắm sanh đủ mọi thứ cần thiết, chàng lên đường cùng ngày với năm, sáu nhà buôn khác ở Đamát cũng đi Bátđá buôn bán.

Đoàn thương nhân này có các nô lệ tùy tùng và được nhiều hành khách khác cùng đến nhập bọn, hợp thành một đoàn lữ hành đông đến mức không còn phải lo sợ bọn Bêđoanh, tức những người A Rập không có nghề nghề gì khác hơn là sục sạo khắp nơi tìm dịp tấn công và cướp bóc các đoàn lữ hành không đủ sức đánh lại chúng. Họ chỉ phải chịu đựng những nỗi gian lao vất vả trên đường như thường lệ, mà rồi họ cũng dễ dàng quên đi ngay khi nhìn thấy Bátđá. Họ đã tới được thành phố này bình yên vô sự.

Họ đến nghỉ ở cái *khan*^[71] đẹp nhất và đông khách nhất thành phố. Ganem muốn được ở riêng ra để có đầy đủ tiện nghi hơn. Chàng không thuê phòng ở *khan*, mà chỉ kí gửi hàng hóa vào một cái kho ở đây cho an toàn, rồi đi tìm thuê riêng một ngôi nhà rất đẹp, đồ đạc sang trọng ở vùng phụ cận, giữa một khu vườn xinh xắn có nhiều vòi nước phun và nhiều cây cảnh.

Sau khi dọn đến ngôi nhà này được mấy hôm và đã hoàn toàn rũ hết phong sương của một chuyến đi dài chàng thương gia trẻ liền ăn mặc khá chỉnh tề và tới nơi các nhà buôn vẫn thường tụ hội để mua bán đồ đạc. Một tên nô lệ mang một kiện gồm nhiều tấm vải và lụa đẹp, đi theo.

Các nhà buôn tiếp Ganem rất lịch sự. Ông trưởng phường buôn, người mà Ganem tiếp xúc trước tiên, đón mua cả kiện, theo giá đã ghi sẵn trên mảnh giấy con buộc kèm từng tấm vải. Ganem tiếp tục việc thương mại một cách may mắn. Ngày nào chàng cũng bán hết số hàng hóa mang theo.

Chỉ còn lại mỗi một hòm, chàng đã cho xuất kho mang về nhà định đưa đi bán nốt, thì hôm ấy ra chợ, chàng thấy tất cả các cửa hiệu đều đóng cửa. Thấy việc khác thường, chàng tìm hỏi căn nguyên. Người ta cho biết một trong những nhà buôn lớn nhất, mà chàng cũng có quen ít nhiều, vừa mới qua đời. Theo đúng tục lệ tất cả các nhà buôn khác đều đi dự lễ an táng ông ta. Ganem hỏi thăm nhà thờ nơi người ta đọc kinh làm lễ trước khi đưa thi

hài vào phần mộ. Khi đã biết rõ, chàng cho tên nô lệ mang hàng trở lại, còn chàng đến nhà thờ.

Tới nơi, lễ cầu kinh chưa kết thúc. Buổi lễ diễn ra trong một gian phòng căng toàn xa tanh đen. Thi hài người chết được mang đi an táng. Thân nhân người quá cố cùng các nhà buôn trong đó có Ganem đi theo cho đến nghĩa trang riêng ở khá xa bên ngoài thành phố. Nghĩa trang này là một công trình xây bằng đá, có vòm cao trên mái, dành để quàn thi hài tất cả mọi thành viên trong gia đình. Bởi vì nó khá chật hẹp, người ta phải căng thêm những lều vải chung quanh để che nắng cho những người đến dự lễ. Mộ được mở để đưa thi hài vào, xong đóng lại như cũ. Tiếp đó, vị trưởng giáo và những người trông nom mộ chí ngồi thành vòng tròn trên các tấm thảm trải giữa lều chính, đọc các bài kinh cầu nguyện. Họ cũng đọc cả một số chương trong kinh Côran nói về tang lễ. Theo gương những người trông nom mộ chí, thân nhân người quá cố và các thương nhân ngồi thành vòng tròn đằng sau họ và cầu kinh.

Lễ xong, thì trời cũng gần tối. Ganem không ngờ lễ tang kéo dài lâu đến vậy, bắt đầu lo lắng. Mọi lo của chàng càng tăng thêm khi thấy người ta dọn một bữa cơm để cúng người vừa khuất, theo tục lệ thông thường ở Bátđá. Người ta còn cho chàng biết là các lều vải được căng lên đây không chỉ nhằm đỡ nắng mà còn để che sương, bởi vì đến sáng hôm sau, mọi người mới trở lại thành phố. Câu nói ấy làm Ganem phát hoảng, chàng tự nhủ: “Ta là người nước ngoài, và vẫn được tiếng là một thương gia giàu có. Bọn trộm cướp thế nào chẳng nhân lúc ta đi vắng để vào cướp bóc nhà ta. Ngay bọn nô lệ của ta cũng có thể bị một cơ hội tốt thế này lung lạc. Chúng chỉ có việc cuồn số tiền vàng ta bán hàng được và trốn đi, rồi còn biết tìm chúng ở nơi nào?”.

Hết sức băn khoăn với những ý nghĩ đó, chàng nuốt vội mấy miếng rồi khéo léo lẻn ra ngoài.

Chàng rảo bước vội vàng. Thông thường càng muốn đi nhanh càng tiến chậm, chàng nhằm đường này ra đường nọ và lạc trong đêm đen, đến nỗi gần nửa đêm mới về tới được cổng thành. Họa vô đơn chí, cổng thành đã đóng chặt. Sự trái khoáy gây thêm cho chàng một nỗi buồn phiền nữa. Không còn có cách nào hơn là tìm một nơi nghỉ cho tới sáng, chờ đến giờ mở cổng thành, chàng vào một nghĩa địa rộng, nghĩa địa này trải dài từ thành phố cho đến chỗ chàng vừa đến lúc nãy, và tới sát bức thành khá cao bao quanh một khu đất nhỏ nó vốn là nghĩa trang riêng của một gia đình nào đó. Ở đây có một cây cọ. Trong nghĩa địa còn có vô số những nhà mồ khác của tư nhân mà người trông nom không đóng cổng đúng giờ. Thấy cổng nghĩa trang trong đó có cây cọ còn để ngỏ, Ganem liền bước vào đóng cổng lại.

Chàng nằm xuống cỏ, cố ngủ, nhưng nỗi lo bỏ vắng nhà không cho chàng chợp mắt. Chàng đứng lên, rồi sau khi đi qua đi lại nhiều lần trước cổng, không hiểu sao chàng lại mở nó ra, và lập tức trông thấy đằng xa có ánh lửa hình như đang tiến đến phía mình. Cảnh tượng ấy làm chàng hoảng sợ. Chàng vội khép cánh cổng vốn chỉ cài bằng then, rồi vội vã leo lên ngọn cây cọ mà giữa lúc tâm thần thăng thất, chàng nghĩ là nơi ẩn nấp an toàn hơn cả.

Chàng vừa leo lên tới ngọn cây thì chỉ một loáng sau, qua ánh lửa vừa làm chàng sợ, Ganem trông thấy ba người đi vào nghĩa trang chàng đang ẩn nấp. Qua cách ăn mặc, Ganem nhận ra đó là những nô lệ. Một tên xách đèn đi trước. Hai tên khác theo sau, vai vác mặt cái hòm dài chừng năm, sáu bộ. Chúng đặt cái hòm xuống đất; một tên nô lệ bảo hai tên kia: “Anh em ơi, nếu anh em nghe lời tôi, chúng ta hãy bỏ cái hòm này lại đây rồi trở về thành phố thôi”.

- Không, không đâu, – một tên khác đáp – không thể thực hành mệnh lệnh của bà chủ chúng ta bằng cách ấy được. Rồi có thể chúng ta sẽ phải hối hận vì đã làm không đến nơi đến chốn. Chúng ta hãy đào đất chôn cái hòm này xuống, bởi vì lệnh bà đã truyền như vậy.

Hai tên nô lệ kia đồng tình. Chúng bắt đầu đào đất bằng những dụng cụ mang theo. Khi đã đào được một hố sâu, chúng hạ cái hòm xuống rồi lấp đất lại. Làm xong, chúng ra khỏi nghĩa trang trở về nhà.

Bám trên ngọn cây cọ, Ganem nghe rõ các câu bọn nô lệ nói với nhau. chàng không hiểu việc này là thế nào. Chàng đoán cái hòm kia hẳn phải đựng một vật gì quý lắm, chủ nhân của nó chắc có lí do khi cho mang giấu ở nghĩa trang này. Muốn làm sáng tỏ ngay lập tức điều suy nghĩ của mình, chàng tụt xuống khỏi cây cọ: Bọn nô lệ đã ra về, không có gì phải sợ hãi nữa. chàng bắt đầu moi cái hố, vừa bằng tay vừa bằng chân, vì vậy chẳng mấy chốc chiếc hòm đã lộ ra. Nhưng hòm bị khóa chặt bằng một ống khóa lớn. Ganem rất bức vì trở ngại mới này ngăn không cho chàng thỏa mãn tính hiếu kì.

Tuy nhiên, chàng không nản chí. Nhờ ánh bình minh bắt đầu rạng, chàng trông thấy trong nghĩa địa có nhiều viên đá cuội lớn. chàng chọn một viên to, đủ để đập vỡ ống khóa một cách dễ dàng.

Thế là lòng náo nức, chàng mở cái hòm ra, và ngạc nhiên không thể nào tả xiết bởi trong hòm không chứa đựng tiền bạc như chàng ngỡ, mà là một người đàn bà xinh đẹp vô song. Nhìn nét mặt tươi tắn, hồng hào của nàng, và thêm vào đó nhịp thở nhẹ và đều, chàng biết nàng vẫn còn sống. Nhưng điều kỳ lạ là, nếu nàng chỉ ngủ thì sao đã không bị đánh thức bởi tiếng động do chàng đập phá ống khóa gây nên. Nàng vận một bộ xiêm y lộng lẫy, đeo vòng tay và hoa tai bằng kim cương, cùng một chuỗi ngọc đẹp và to đến nỗi

chàng không nghi ngờ gì nữa, rằng đây là một mệnh phụ trong triều đình. Trước một tuyệt thế giai nhân như vậy, chàng không chỉ bị thôi thúc vì lòng thương hại và bản tính muốn cứu giúp những người lâm nạn, mà còn có một cái gì khác mãnh liệt hơn nữa. Lúc bấy giờ Ganem chưa phân định rõ, nhưng chàng vẫn cố hết sức tìm mọi cách cứu sống người thiếu phụ.

Trước hết, chàng đi đóng chặt cổng nghĩa địa, mà bọn nô lệ khi ra về đã để ngỏ. Sau đấy chàng trở lại, đưa hai tay bế xốc thiếu phụ ra khỏi chiếc hòm và đặt nàng nằm lên đồng đất chàng vừa moi ra. Người đàn bà vừa được đặt xuống đồng đất ở nơi thoáng khí, liền hắt hơi, và cố gắng ngoẹo đầu, để nôn tháo ra một thứ nước chứa đầy trong bụng. Rồi, đưa tay giụi mắt và hè nhìn, nàng kêu lên, giọng oanh hay đến nỗi làm Ganem mê mẩn: “Hoa Vườn, San Hô, Mía Ngọt, Thái Dương, Sao Mai, Lạc Thú, hãy thưa đi, chúng mày đâu cả rồi?”.

Đây là tên những nô tì vẫn quen hầu hạ nàng. Nàng lên tiếng gọi chúng và rất ngạc nhiên sao không có ai trả lời. Cuối cùng nàng mở hắt mắt. Thấy mình đang nằm trong nghĩa địa, nàng phát hoảng, càng gọi to hơn:

- Thế nào? Quý nhạp tràng chẳng? Hay là đã đến ngày phán xét? Sao vừa mới từ tối qua đến sáng nay đã có sự thay đổi kì lạ thế này?

Ganem không muốn để thiếu phụ kéo dài nỗi lo âu.

Chàng đến trước mặt nàng, và với thái độ cố tỏ ra hết sức kính trọng và đáng điệu cực kì đôn hậu, chàng nói với nàng:

- Thưa bà, tôi chỉ có thể biểu lộ dè dặt nỗi vui mừng là đã có mặt ở đây để giúp bà chút việc như tôi vừa làm, và để có thể tiếp tục dâng lên bà mọi sự cứu giúp mà bà cần đến trong lúc này.

Để thiếu phụ hoàn toàn tin cậy, thoát tiên chàng tự giới thiệu mình là ai, và do sự tình run rủi thế nào mà có mặt đứng lúc trong nghĩa địa này. Tiếp đó chàng kể lại chuyện ba tên nô lệ đến và cách thức chúng vùi cái hòm.

Thiếu phụ kéo mạng che mặt ngay lúc Ganem bắt đầu xuất hiện. Và rất xúc động vì chịu ơn chàng, nàng nói:

- Tạ ơn Thượng đế đã cho tôi gặp được một người trung hậu như ngài để cứu giúp tôi thoát nạn! Nhưng ngài đã ra tay làm phúc, thì xin chớ có để đỡ chừng. Ngài hãy làm ơn đi vào thành phố tìm một người đánh một con lừa đến đây và cho tôi được về nhà ngài vẫn trong cái hòm này. Bởi vì nếu tôi cùng đi bộ với ngài, trang phục của tôi khác hẳn cách ăn vận của các bà trong phố, có thể làm cho một kẻ nào đó để ý theo dõi. Đó là một điều cực kì hệ trọng mà tôi cần thưa trước để ngài rõ. Chừng nào về tới nhà của ngài rồi, tôi sẽ kể lại đầu đuôi câu chuyện, lúc ấy ngài khắc rõ tôi là ai. Tuy nhiên, xin hãy tin là ngài không làm ơn cho một đứa vong ân bội nghĩa.

Trước khi già từ thiếu phụ, chàng thương nhân trẻ lúi chiếc hòm ở dưới hồ lên, lấy đất lấp kín hồ, bế nàng đặt trở lại vào hòm và đẩy nắp lại. Chàng cố ý để khỏi làm lộ cho người khác thấy ổ khóa bị đập vỡ. Nhưng, sợ nàng bị ngạt thở, chàng không đóng chặt nắp mà chừa chỗ cho không khí lọt vào

Ra khỏi nghĩa địa, chàng cẩn thận khép cổng lại. Và vì cổng thành lúc ấy đã mở, chàng mượn được ngay một người dắt lừa thồ. Trở lại chỗ cũ, chàng giúp người dắt lừa đặt cái hòm ngang trên lưng con vật. Để tránh mọi sự ngờ vực, chàng nói thác đi là mình vừa đến đây đêm hôm qua, vì người dắt lừa thồ hàng vội trở về, cho nên đành phải dỡ cái hòm xuống để tạm ở nghĩa trang.

Từ ngày đến thành Bátđã, Ganem mãi lo công việc buôn bán, chưa từng biết đến mãnh lực của tình yêu, giờ đây bắt đầu nếm đòn. chàng không thể nào nhìn người thiếu phụ mà không cảm thấy ngây ngất. Thêm vào đó nỗi băn khoăn giày vò tâm hồn khi chàng bước đi theo người thồ hàng, cộng với nỗi lo xảy ra một cuộc biến cố dọc đường có thể làm sống mất con người chàng vừa chinh phục được, tất cả những điều đó khiến chàng nhận ra tình cảm của mình. Nỗi mừng vui của chàng lên tới tột đỉnh khi chiếc hòm được đưa về tới nhà bình yên vô sự, và được dỡ xuống khỏi lưng lừa. Chàng cho người dắt lừa ra về, sai một tên nô lệ đóng cổng lại rồi tự mình mở nắp hòm. Chàng giúp người đàn bà đứng lên, đưa tay dìu nàng về phòng, và tỏ ý thương cho nàng đã phải chịu đựng khổ ải trong một nơi giam hãm chật chội đến vậy. Nàng đáp:

- Nếu tôi có phải đau khổ, thì cũng đã được đền bù bởi sự giúp đỡ của ngài và nỗi mừng vui thấy mình đến được nơi an toàn.

Căn nhà của Ganem đồ đạc sang trọng thật đấy nhưng không thu hút sự chú ý của người thiếu phụ bằng dáng vóc và khuôn mặt khôi ngô của người vừa giải thoát mình, mà phong thái lễ độ và lịch sự khiến cho nàng càng hàm ơn sâu sắc. Nàng ngồi xuống chiếc sập, và để biểu lộ cho chàng thương nhân thấy rõ lòng biết ơn của mình, nàng cởi tấm mạng che mặt. Về phần chàng, Ganem cũng cảm thấy thấm thía ân huệ mà người thiếu phụ yêu kiều ban cho, khi nàng bỏ tấm mạng ra; hay đúng hơn, chàng cảm thấy mình đã say mê cuồng nhiệt, cho dù nàng có chịu ơn chàng đến đâu, chàng cũng thấy mình đã được trả công quá mức bằng đặc ân quá quý hóa vừa rồi.

Thiếu phụ thấu hiểu tâm trạng Ganem nhưng không lấy đó làm sợ hãi, vì chàng tỏ ra rất khiêm nhường. Đoán chừng nàng cần dùng bữa, và không muốn giao phó cho ai ngoài mình công việc tiếp đãi một người khách yêu kiều dường ấy, Ganem cùng một tên nô lệ ra đi, đến một nhà hàng đặt cơm. Rồi cửa hàng ăn, chàng sang một hiệu bán trái cây, chọn những quả đẹp nhất, ngon nhất. Chàng cũng tìm mua cho được rượu quý và bánh mì hảo

hạng như loại bánh vẫn được dùng trong hoàng cung.

Vừa về tới nhà, chàng tự tay xếp trái cây lên một cái mâm sứ thật đẹp, tự tay bung đến cho nàng:

- Thưa bà, trong khi chờ đợi một bữa mặn xứng đáng hơn với bà, xin hãy vui lòng chọn và ném thử vài trái cây này!

Chàng muốn đứng hầu, nhưng nàng nói nàng sẽ không động đến một tí gì nếu chàng không chịu ngồi xuống và cùng ăn. Chàng đành vâng lời. Sau khi dùng được vài miếng, Ganem để ý thấy tấm mạng che mặt mà thiếu phụ vừa đặt xuống chiếc sập, bên cạnh chỗ nàng ngồi, có thêu một dòng chữ vàng ở mép, chàng liền xin phép được xem. Thiếu phụ cầm tấm mạng đưa cho chàng ngay, và hỏi chàng có biết đọc không, chàng khiêm tốn đáp:

- Thưa bà, một thương nhân sẽ không thể làm tốt công việc kinh doanh của mình nếu không biết đọc biết viết ít nhiều.

- Nếu vậy thì xin ngài hãy đọc những dòng chữ trên tấm mạng này, – nàng nói tiếp – hơn nữa, đây là một cơ hội cho tôi được thuật lại để ngài nghe câu chuyện của mình.

Ganem gỡ tấm mạng và đọc thấy những chữ sau đây: “Thiếp thuộc về chàng và chàng thuộc về thiếp, hỡi vị nối dõi Thúc phụ Đáng tiên tri”.

Đã gọi là người nối dõi Thúc phụ Đáng tiên tri, thì không thể ai khác ngoài hoàng đế Harun An-Rasít thuở ấy đang trị vì, Người đứng là cháu nhiều đời của Apbu, chú của Môhamét^[72].

Khi hiểu được ý nghĩa của câu vừa đọc, Ganem buồn bã thốt lên:

- Hỡi ôi, thưa bà! Tôi vừa đưa cái sống đến cho bà, ấy vậy mà dòng chữ kia mang lại cho kẻ này cái chết! Tôi không hiểu hết mọi điều huyền bí, song nó đủ làm cho tôi rõ mình là con người bất hạnh nhất thế gian. Thưa bà, xin bà bỏ quá cho tôi đã dám đường đột thưa với bà điều vừa nói. Tôi không thể không hiến dâng bà trái tim của mình ngay khi thoát gặp. Bà cũng chẳng lạ, tôi không đủ sức tự mình nén được tình cảm, do đó sự căm giận của tôi chắc cũng được tha thứ phần nào. Tôi những mong làm xúc động trái tim bà bằng lòng kính trọng, sự chăm nom chiều chuộng, tính chuyên cần, niềm khuất phục, đức kiên trì, vừa mới nảy ra ý đồ tốt đẹp thì đã tan biến luôn mọi niềm ước vọng. Không dám chắc tôi chịu đựng được lâu một điều bất hạnh lớn dường này. Nhưng cho dù có việc gì xảy ra chăng nữa, tôi cũng được chút an ủi là chết trọn vẹn vì bà. Bà ơi, tôi van bà, xin hãy nói lên cho kẻ này được hoàn toàn sáng tỏ về số phận đáng buồn của mình!

Chàng không cầm được nước mắt khi thốt ra những lời đó. Thiếu phụ xúc động. Nàng đã không bực mình vì lời chàng vừa nói mà còn cảm thấy một niềm vui sâu kín, vì trái tim nàng bắt đầu bị lung lạc. Tuy nhiên, không để lộ

ra mặt, và làm như không để ý lắm những lời lẽ của Ganem, nàng đáp:

- Nếu tôi biết trước tấm mạng của tôi gây cho ngài bấy nhiêu điều không vui thì tôi cũng đã không đưa ngài xem, và tôi không nghĩ những điều sắp kể ngài nghe đây lại có thể khiến cho số phận của ngài đáng phàn nàn như ngài tưởng tượng.

Và nàng kể tiếp cho Ganem nghe đầu đuôi câu chuyện của mình như sau:

- Xin thưa ngài rõ, tên tôi là Ưu Tư^[73]. Tôi được đặt tên này từ khi mới lọt lòng, bởi vì người ta tiên đoán rằng một ngày kia tôi sẽ gây nên nhiều điều ưu tư, đau khổ cho những người khác. Chắc tên tôi không xa lạ đối với ngài, vì cả thành phố Bátđã này không ai không biết hoàng đế Harun An-Rasít, chúa tể của tôi và cũng là của ngài, có một người ái phi mang tên đó.

Từ thời thơ ấu, tôi đã được vào cung và được nuôi dạy chu đáo như lệ thường đối với mọi thiếu nữ sẽ ở lại đây làm cung nữ. Tôi học hành cũng khá về tất cả các môn người ta dạy bảo, và thêm nữa cũng có chút nhan sắc cho nên được hoàng đế hạ cố thương yêu, ban cho một căn nhà riêng ngay bên cạnh cung của Người. Không phải có mỗi một đặc ân đó. Hoàng đế còn chỉ định hai mươi người đàn bà hầu hạ tôi, cùng với chừng ấy hoạn nô. Từ bấy trở đi, Người còn ban thưởng cho tôi nhiều tặng vật giá trị đến nỗi tôi trở nên giàu có hơn bất cứ bà hoàng nào trên đời này. Nghe vậy, chắc ngài thừa biết là Zôbêít, hoàng hậu và cũng là người thân thích với hoàng đế, không khỏi nhìn hạnh phúc của tôi mà không đem lòng ghen tị. Mặc dù hoàng đế đã trọng vọng bà hết mực, bà vẫn tìm cơ hội hãm hại tôi.

Cho đến nay, tôi cố giữ gìn để không rơi vào cạm bẫy. Nhưng cuối cùng cũng đành phải sa vào mưu ma chước quỷ bởi lòng ghen tuông của bà ấy gây nên. Nếu không được gặp ngài, giờ đây chắc tôi đang chờ một cái chết không cách nào tránh khỏi. Tôi chắc bà ta đã mua chuộc được một tên nô tì của tôi. Con này tối hôm qua đã bỏ vào cốc nước chanh đưa mời tôi uống một thứ thuốc mê rất hiệu nghiệm. Ai uống phải thì mê man trong bảy, tám giờ liền, không có gì làm cho tỉnh giấc. Tôi có căn cứ để tin chắc như vậy, vì tính tôi vốn rất tỉnh ngủ, hơi có tiếng động nhỏ là thức giấc ngay.

Để thực hiện mưu đồ độc ác của mình, Zôbêít phải thừa lúc hoàng đế đi vắng. Chả là cách đây mấy hôm, Người thân chinh cầm quân đi chinh phạt vua mấy nước lân bang vừa liên minh với nhau để tuyên chiến với Người. Không có cơ hội ấy thì kẻ tình địch của tôi cho dù có điên giận đến đâu cũng không dám giở trò gì để ám hại tôi. Tôi không rõ bà ta sẽ làm cách nào giấu không cho hoàng đế biết hành vi của bà, nhưng ngài thấy đây, tôi đang hết sức cần được ngài giữ bí mật cho. Điều đó quyết định sự sống hoặc cái chết của tôi đây. Chừng nào hoàng đế còn ở xa thành phố Bátđã thì tuy sống ở nhà ngài, tôi cũng chưa đủ an toàn. Chính còn vì lợi ích của ngài nữa mà

ngài phải giữ kín chuyện vừa xảy ra cho tôi, nếu Zôbêít biết được, bà ta sẽ trừng trị ngài ngay về tội đã dám cứu mạng người bà sát hại.

Bao giờ hoàng đế trở về, tôi mới đỡ phải phòng thân hơn. Tôi sẽ tìm cách tin cho Người rõ những gì đã xảy ra, và tôi chắc chắn Người sẽ còn sốt sắng hơn cả tôi trong việc đền đáp công lao ngài đã cứu sống và trả tôi lại cho Người.

Nàng ái phi xinh đẹp của hoàng đế Harun An-Rasít vừa dứt lời, Ganem vội đáp:

- Thưa bà, tôi hết lòng đa tạ bà đã giúp làm sáng tỏ điều tôi vừa mạo muội yêu cầu. Xin hãy tin cho, rằng bà tuyệt đối an toàn ở chốn này. Tình cảm của tôi đối với bà buộc tôi phải kín đáo. Còn đối với bọn nô lệ, thú thật là chúng ta nên dè chừng, chúng có thể không trung thành với tôi nữa, nếu chẳng may chúng biết tôi hân hạnh gặp bà ở chỗ nào và do sự ngẫu nhiên ra sao xui khiến. Nhưng chắc chắn chúng không thể nào đoán ra được. Tôi còn dám quả quyết với bà, chúng sẽ chẳng tò mò dò hỏi chỗ nào đâu. Các chàng trai đi săn cô hầu xinh đẹp là chuyện bình thường, cho nên chúng chẳng mấy may lấy làm lạ khi thấy có bà ở đây, vì ngỡ rằng bà là một người do tôi vừa tậu về. Chúng còn tin rằng tôi có lí do để đưa bà về đây theo cách thức chúng vừa trông thấy. Bởi vậy, xin bà yên tâm và chắc chắn rằng bà sẽ được hầu hạ với tất cả lòng kính trọng mà một vị ái phi của hoàng đế vĩ đại như hoàng đế chúng ta đáng được hưởng.

Nhưng, thưa bà, cho dù Người có vĩ đại đến đâu, tôi cũng xin được phép thưa với bà rằng không có gì có thể làm cho tôi dứt bỏ những tình cảm mà tự đáy lòng, tôi đã hiến dâng bà. Tôi biết rõ, và sẽ không bao giờ quên rằng cái gì đã thuộc về chủ nhân thì cấm nô lệ không được đụng đến. Nhưng tôi yêu bà trước khi được bà cho biết là bà đã gắn bó với hoàng đế. Tự sức tôi không đủ chiến thắng mối tình nồng cháy tuy mới bắt đầu nảy nở song đã mang đầy đủ sức mãnh liệt của một tình yêu bền vững do từ lâu đã ý hợp tâm đầu.

Tôi cầu mong dang tình quân cao cả và quá ư may mắn của bà sẽ trả thù giúp bà về sự thâm hiểm của Zôbêít, bằng cách đón bà về sống cạnh Người, chừng nào bà được trở lại bên hoàng đế, mong bà hãy nhớ đến chàng Ganem bất hạnh nó cũng từng là một kẻ bị bà chinh phục không khác gì hoàng đế vậy. Nếu bà chỉ biết xúc động vì tình, thì cho dù hoàng đế chí tôn đến mấy, kẻ này cũng dám tin rằng Người không thể nào xóa nhòa hình ảnh tôi khỏi kí ức của bà. Tình yêu của Người đối với bà không thể nào nồng cháy hơn mối tình của tôi. Và cho dù có phải đi đến tận góc bể chân trời nào để trút hơi thở cuối cùng sau khi phải xa bà, trái tim kẻ này sẽ vẫn không ngừng nồng cháy yêu đương.

Ưu Tư nhận thấy quả là Ganem đang trải qua cơn đau đớn thực sự. Lòng

nàng rung động. Song, thấy nếu cứ tiếp tục trò chuyện theo cách này mình sẽ lúng túng, sẽ khó mà che giấu được tình cảm thật đối với chàng, nàng nói:

- Rõ ràng câu chuyện vừa rồi làm phiền lòng ngài quá rồi. Thôi chúng ta đừng nhắc đến nó nữa, mà hãy nói đến cái ơn sâu của ngài đối với tôi. Tôi không sao diễn tả hết nỗi vui mừng khi nghĩ rằng nếu không được ngài cứu giúp, giờ đây tôi đã không còn nhìn thấy ánh mặt trời.

May mắn sao cho cả hai người, vừa lúc ấy có tiếng gõ cửa. Ganem đứng dậy ra xem có việc gì. Đây chính là một tên nô lệ vào báo nhà hàng mang cơm đến. cẩn thận không muốn để cho tên nô lệ vào phòng của Ưu Tư, Ganem thân hành ra nhận những thứ nhà hàng mang tới và tự mình hầu bà khách xinh đẹp. Trong thâm tâm nàng cũng hài lòng về sự săn sóc ân cần ấy.

Xong bữa, Ganem lại tự tay dọn bàn, và sau khi mang tất cả ra ngoài cửa buồng trao cho bọn nô lệ, chàng trở lại nói với Ưu Tư:

- Giờ đây chắc bà cần được thoải mái. Xin tạm biệt. Sau khi bà nghỉ ngơi chốc lát, tôi sẽ xin có mặt ở đây ngay để bà sai bảo.

Nói xong, chàng ra đi, tìm mua hai người nữ tì. Ngoài ra, còn mua hai món hàng, một là gói áo quần vải tốt và gói kia gồm tất cả những đồ lễ dùng để trang điểm xứng đáng với một ái phi của hoàng đế. Chàng dẫn hai nữ tì về, giới thiệu với Ưu Tư:

- Thưa bà, một người như bà cần ít ra là hai nữ tì để hầu hạ, xin hãy vui lòng nhận cho tôi hai đứa này!

Ưu Tư cảm tạ mỗi quan tâm của Ganem. Nàng nói:

- Thưa ngài, ngài thật đúng là người chu đáo. Cách xử sự của ngài khiến cho tôi càng chịu ơn sâu. Mong rằng tôi sẽ không phải chết vong ân bội nghĩa. Mong trời phù hộ cho tôi chóng được đến lúc có thể đền đáp tấm lòng hào hiệp của ngài.

Hai nữ tì, theo lệnh của Ganem đã sang một căn buồng bên cạnh, chàng đến ngồi xuống chiếc sập cùng với Ưu Tư song không quá gần, để tỏ lòng kính trọng, chàng lái câu chuyện về mối tình say đắm của mình và thốt ra những lời lẽ rất cảm động về trở lực vô hình đang làm cho chàng không còn mấy may hi vọng:

- Tôi không dám mơ ước đến cả việc, bằng tình yêu của mình, khơi dậy một chút cảm thông nào đó trong trái tim mà bà đã dành riêng cho nhà vua hùng mạnh nhất thế gian. Than ôi! Trong niềm bất hạnh ấy, đối với tôi có lẽ là một điều an ủi, nếu tôi dám nghĩ rằng bà không đến nỗi dừng đứng trước những biểu hiện tình cảm nồng cháy của mình.

- Thưa ngài... – Ưu Tư đáp.

- Ấy chết, thưa bà, – Ganem vội ngắt lời nàng khi nghe hai tiếng ấy – đây là lần thứ hai bà ban cho tôi vinh dự được gọi là ngài. Hồi nãy vì có mặt lũ nữ tì cho nên tôi không dám nói rõ ý nghĩ của mình. Thưa bà, xin bà chớ gọi tôi bằng danh xưng ấy, nó không hợp với tôi đâu, xin bà cứ gọi tôi như một tên nô lệ của bà. Tôi hiện là nô lệ và sẽ mãi mãi là nô lệ của bà.

- Không, không đâu, – đến lượt Ưu Tư ngắt lời chàng – tôi không bao giờ dám đối xử như vậy với một người đã cứu sống mình. Tôi sẽ là một đứa bội nghĩa nếu tôi thốt ra hoặc làm một việc gì không thỏa đáng với ngài. Vậy thì, xin ngài hãy để cho tôi được hành động theo tiếng gọi của lòng biết ơn, xin chớ ép buộc tôi phải xử sự không đúng mực với ngài! Tôi sẽ chẳng bao giờ làm như vậy đâu. Tôi đã quá cảm kích vì phong thái lễ độ của ngài, không thể nào lạm dụng nữa, và xin thú thật không phải tôi đứng dưng trước sự chăm sóc của ngài. Tôi không thể nói với ngài nhiều hơn nữa, ngài đã thừa rõ vì sao tôi phải im lặng.

Ganem rất hân hạnh về lời tỏ tình đó, chàng mừng đến rơi nước mắt. Không tìm đủ lời lẽ nồng nhiệt để cảm ơn Ưu Tư, chàng đành phải nói lại là, nếu nàng hiểu rõ cần phải giữ lễ tiết đối với hoàng đế, thì cũng chẳng phải chàng không hay là: “Cái gì đã thuộc về chủ nhân thì cảm nô lệ động vào”.

Thấy trời sắp tối, Ganem đứng lên châm đèn. Chàng tự tay mang vào các thức ăn đủ dọn một tiệc nhẹ, theo đúng phong tục ở thành phố Bátđã là sau khi dùng một bữa cơm trưa thịnh soạn, lúc xế chiều người ta chỉ ăn vài trái cây, uống rượu nho và trò chuyện vui vẻ cho đến giờ đi ngủ.

Hai người ngồi vào bàn ăn, mở đầu bằng việc ca ngợi những trái cây đưa mời nhau. Rượu quá ngon vô tình thúc đẩy hai người cùng uống. Chưa được vài ba tuần thì họ tự nêu lên với nhau cái lệ là sau khi cạn chén nếu không hát một bài thì không uống tiếp chén sau. Ganem ngâm những câu thơ ngẫu hứng diễn tả sức mạnh tình yêu. Ưu Tư được chàng khích lệ cũng sáng tác và hát lên những bài gọi lại các biến cố vừa xảy ra cho mình, trong đó bao giờ cũng bao hàm những ý tứ khiến Ganem có thể hiểu là tốt đẹp đối với chàng. Trừ việc ấy ra, hai người đều giữ nghiêm ngặt tiết nghĩa của nàng đối với hoàng đế.

Bữa tiệc nhẹ kéo dài khá lâu. Đêm đã khuya mà hai người vẫn chưa hề nghĩ tới chuyện chia tay. Tuy nhiên, rồi Ganem cũng lui về một căn buồng khác, nhường Ưu Tư ở lại buồng nàng đang ở, để cho bọn nữ tì chàng vừa mua về bước vào hầu hạ.

Hai người sống theo cách đó trong nhiều ngày. Chàng thương gia trẻ chỉ ra khỏi nhà khi có công việc thật quan trọng, hơn nữa cũng chỉ đi vào lúc thiếu phụ nghỉ, vì chàng không thể bỏ qua một chốc lát nào có điều kiện mà không ở cạnh nàng. Chàng có mỗi một việc là chăm chút nàng ưu Tư thương

mến. Đến lượt nàng, xiêu xiêu trong dạ, tự thú thật mình cũng yêu chàng không kém. Tuy nhiên, dù say đắm nhau đến đâu, đạo vua tôi cũng ngăn không để hai người vượt quá những giới hạn mà đạo lí bắt buộc, và điều đó càng khiến cho tình yêu của họ càng mãnh liệt thêm.

Trong khi Ưu Tư được cứu thoát khỏi tay thần chết và đang sống quá ư là thoải mái trong nhà riêng của Ganem, thì tại cung điện hoàng đế Harun An-Rasít, Zôbêít không phải là không bối rối.

Ba tên nô lệ được giao thực hiện sự trả thù của nàng vừa mang cái hòm đi khỏi (chúng không hay biết trong hòm đựng cái gì và cũng chẳng chút tò mò tìm hiểu, bởi đã quen nhắm mắt thi hành mệnh lệnh) thì Zôbêít đã bị một nỗi lo âu ghê gớm giày vò. Hàng nghìn ý nghĩ phiền hà dần vất, không để nàng yên trong phút chốc. Trằn trọc thâu đêm, nàng chỉ suy tư đến cách làm sao che giấu được tội ác của mình. Nàng tự hỏi: “chồng ta yêu Ưu Tư hơn tất cả mọi ái phi của Người từ trước đến nay. Ta biết trả lời Người thế nào, nếu khi trở về, Người hỏi ta nó đâu rồi?” Đầu óc nàng nảy ra nhiều cách đối phó, nhưng nàng không bằng lòng, vì thực hiện phương sách nào cũng thấy đầy rẫy khó khăn. Nàng không sao quyết đoán nổi nên xử sự ra sao. Sống gần gũi với nàng có một bà cụ đã nuôi nấng nàng từ khi nàng còn tám bé. Rạng sáng hôm sau, Zôbêít cho mời bà đến. Sau khi thổ lộ với bà mọi điều bí mật, nàng nói:

- Mẹ thân yêu ơi, mẹ vẫn thường giúp con nhiều lời khuyên tốt. Nếu có đến một lúc nào con có việc thật cần sự giúp đỡ của mẹ, thì chính là lúc này đây. Tâm thần con đang bị xáo động ghê gớm. Mẹ hãy bảo con biết cách làm sao để cho hoàng đế vừa lòng, may ra con mới tỉnh trí lại được.

- Thừa nữ chúa kính yêu, – bà cụ đáp – đáng ra bà không nên tự gây cho mình nỗi bối rối này. Song, việc đã xảy ra rồi, thì đừng nói đến nữa. Giờ chỉ nên tính cách sao đánh lừa được Đấng thống lĩnh các tín đồ. Ý kiến của già là thế này: xin bà hãy sai đẽo gấp một khúc gỗ giống như thi hài. Ta sẽ lấy áo quần cũ cuộn lại cho vào chiếc quan tài rồi đem chôn ở một nơi nào đó trong hoàng cung. Sau đấy, không để mất thời giờ, xin bà hãy ra lệnh cho xây ngay một lăng bằng cẩm thạch có vòm cao ngay nơi phần mộ, rồi dựng bài vị phủ tấm dạ đen, chung quanh đặt những chân đèn lớn cẩm nền. Còn một việc nữa chớ nên quên, ấy là bà hãy để tang, rồi phát tang cho tất cả mọi người hầu của bà cũng như của chính Ưu Tư, cho các hoạn nô, và cuối cùng cho tất cả các quan chức trong cung. Đến khi hoàng đế trở về, trông thấy mọi người trong cung cấm, kể cả bà nữa đều để tang, nhất định Người sẽ hỏi nguyên do. Lúc ấy bà sẽ tâu là Ưu Tư chẳng may lâm bệnh qua đời đột ngột. Vì đạo nghĩa vua tôi đối với hoàng đế, bà đã cho phát tang và làm lễ mai táng. Bà sẽ tâu rằng bà đã cho xây một cái lăng, nói tóm lại, đã làm đủ mọi

nghi lễ cho ái phi của hoàng đế đúng như Người làm, giả sử Người có mặt lúc con người ấy lâm chung.

Bởi hoàng đế cực kì yêu quý Ưu Tư, chắc chắn Người sẽ đến khóc bên mộ cô ả. Cũng có thể Người sẽ không tin ả chết thực. Người có thể sẽ ngờ bà đã vì ghen tuông mà đuổi ả đi, và mọi việc tang chế này đều là trò giả, để đánh lừa, để Người không sai tìm kiếm ả nữa, ta phải nghĩ chuyện hoàng đế có thể cho dỡ mộ, mở nắp quan tài ra xem. Khi nhìn thấy một thi hài được mai táng, chắc chắn Người sẽ tin đích thị ả đã chết thật rồi. Người sẽ hài lòng về những việc bà đã làm và sẽ tỏ lòng biết ơn bà. Về chuyện cái khúc gỗ, hãy để già lo liệu, đích thân già sẽ nhờ một bác phó mộc ngoài phố thừa, bác ta sẽ chẳng rõ dùng nó vào việc gì. Còn bà, xin hãy truyền ngay cho con hầu gái của Ưu Tư đã cho chủ nó uống nước hôm qua, bảo đi báo tin cho tất cả bọn con hầu rõ, là nó vừa nhìn thấy quý phi nằm chết trên giường, để cho bọn chúng chỉ nghĩ đến việc than khóc mà không dám vào buồng. Con hầu ấy cũng phải nói thêm là đã trình bà rõ, và bà đã lệnh cho Mêrua lo việc mai táng.

Bà cụ già vừa dứt lời, Zôbêít liền mở tráp lấy ra một chiếc nhẫn kim cương đẹp, đeo vào ngón tay bà, rồi ôm hôn và mừng rỡ nói:

- Chao, mẹ ơi, con hàm ơn mẹ biết bao nhiêu! Con sẽ chẳng bao giờ có thể nghĩ ra phương sách xử lí tài tình đến vậy. Nhất định sẽ thành công. Con cảm thấy đã bắt đầu lấy lại được sự bình yên rồi đó. Vậy mẹ hãy đi lo việc thừa khúc gỗ, còn con truyền cho chúng nó làm những việc khác.

Khúc gỗ được thừa xong nhanh hơn mong ước của Zôbêít. Sau đó đích thân bà cụ mang vào buồng riêng của Ưu Tư, làm như thể khâm liệm người chết, rồi đặt vào một chiếc quan tài. Rồi Mêrua, chính viên trưởng hoạn nô cũng bị đánh lừa, cho mang linh cữu đi cùng với bài vị của Ưu Tư, chôn cất theo đúng nghi lễ vào nơi do Zôbêít chỉ định, giữa tiếng khóc của bọn hầu ái phi, chúng càng bị kích động bởi tiếng gào la than khóc thảm thiết nhất của chính đứa đã đánh thuốc mê cho nàng.

Ngay trong ngày hôm đó, Zôbêít cho triệu viên kiến trúc sư trông nom việc xây cất hoàng cung và các dinh thự khác của hoàng đế đến. Lệnh của hoàng hậu đầy quyền uy như vị chính cung của Đấng hoàng đế trị vì một nước lớn dường này, thì bao giờ chẳng được mọi người không nhất nhất tuân theo và thi hành đến nơi đến chốn. Chính Zôbêít cũng cùng tất cả người hầu của mình để tang. Việc này làm lan truyền khắp kinh thành tin ái phi Ưu Tư qua đời. Ganem là một trong số những người cuối cùng biết tin đó, vì như đã nói ở trên, chàng hầu như chẳng bước ra khỏi nhà. Tuy vậy, một hôm chàng cũng biết được tin.

- Thừa bà, chàng nói với ái phi xinh đẹp của hoàng đế – cả thành phố Bátđã tin là bà đã từ trần, và tôi chắc chính Zôbêít cũng tin như vậy. Tạ ơn Thượng đế đã cho tôi được cứu và trông thấy bà còn ở trên đời này. Ước gì nhân cơ hội có lời đồn đại này, bà vui lòng kết bạn với tôi rồi chúng ta cùng nhau đi khỏi chốn này. Than ôi sự xóc nổi êm đềm dẫn tôi đi xa đến tận đâu vậy? Tôi đã quên rằng bà sinh ra là để làm nên hạnh phúc cho vị hoàng đế hùng cường nhất thế gian, và chỉ có Harun An-Rasít là người xứng đáng với bà. Cho dù bà có thể vì kẻ này mà bỏ quên Người, cho dù bà vui lòng đi theo tôi, thì tôi có thể đồng ý được chăng? Không, tôi buộc phải luôn luôn ghi nhớ rằng “cái gì đã thuộc về chủ nhân thì cấm nô lệ động tới”.

Nàng Ưu Tư yêu kiều, mặc dù xúc động trước những tình cảm âu yếm của Ganem, vẫn tự kiềm chế được, và không trả lời thẳng. Nàng nói:

- Thừa ngài, chúng ta chẳng có cách gì ngăn Zôbêít thắng cuộc. Tôi chẳng lấy làm ngạc nhiên về cái trò ngụy tạo mà bà ta dùng để che giấu tội ác của mình. Nhưng hãy cứ để mặc bà ta làm, tôi tin là chẳng bao lâu nữa, đau khổ sẽ đến với bà ta ngay sau trận thắng ấy. Rồi hoàng đế sẽ trở về thủ đô, rồi chúng ta sẽ tìm được cách để bí mật báo tin cho Người rõ về tất cả chuyện gì

đã xảy ra. Mặc dù vậy, chúng ta càng phải cẩn thận hơn bao giờ hết, để con mụ ấy không biết được là tôi còn sống. Tôi đã thừa ngài rõ những hậu quả nếu việc này xảy ra.

Ba tháng sau, hoàng đế trở về Bátđà trong quang vinh, sau khi đã chiến thắng tất cả kẻ thù. Nóng lòng gặp lại Ưu Tư, lấy chiến công mới của mình mừng nàng, vua bước vội vào cung. Vua rất ngạc nhiên thấy tất cả các quan hầu mình để lại nhà, đều mặc áo tang. Bất giác vua rung mình, và nổi xúc động của nhà vua càng tăng thêm khi tới cung Zôbêít, thấy hoàng hậu cũng như tất cả cung nữ của bà đều mặc tang phục ra đón.

Vua bèn chôn hỏi vì sao để tang. Zôbêít đáp:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, em để tang Ưu Tư, nô lệ của Người, cô ấy qua đời đột ngột, không thuốc men nào chữa chạy kịp.

Bà muốn nói tiếp nhưng hoàng đế không để cho bà có đủ thời giờ. Vua xúc động đến nỗi hét lên một tiếng rồi ngã bất tỉnh trong tay tể tướng Giafa đang đi theo. Tuy nhiên vua hồi tỉnh ngay, và cất lời biểu lộ nỗi đau đớn đến cùng cực, vua hỏi nàng Ưu Tư thân yêu của mình được chôn cất nơi đâu. Zôbêít đáp:

- Muôn tâu, chính kẻ này đã tự mình trông nom tang lễ, và đã không tiếc một thứ gì để cho tang lễ thêm phần trọng thể. Em cho xây một cái lăng bằng cẩm thạch nơi an táng. Nếu bệ hạ muốn, xin được dẫn Người tới nơi.

Hoàng đế không muốn phiền Zôbêít, chỉ sai Mêrua dẫn đường. Và vua cứ vậy mà đi, nghĩa là mình hãy còn vận chiến bào. Trông thấy chiếc bài vị phủ tấm vải đen, có các ngọn nến cháy xung quanh và cái lăng sang trọng, vua ngạc nhiên sao Zôbêít lại làm ma cho kẻ tình địch của mình trọng thể đến vậy. Bản tính vốn đa nghi, vua đâu có tin tấm lòng hào hiệp của hoàng hậu. Vua nghĩ chưa chắc ái phi đã chết. Có lẽ Zôbêít nhân lúc vua đi vắng đã đuổi nàng khỏi hoàng cung, và lệnh cho những người áp giải phải đưa đi thật xa để không bao giờ có ai nghe nói đến nàng nữa. Vua không ngờ điều gì khác, vì không thể nghĩ rằng Zôbêít độc ác đến mức hãm hại cả tính mạng ái phi.

Để tự mình sáng tỏ sự thật, vua ra lệnh cất bài vị, dỡ mộ lên và mở nắp quan tài trước mặt mình. Nhưng, vừa nhìn thấy vải vóc khâm liệm khúc gỗ, vua không dám đi xa hơn. Vị hoàng đế ngoan đạo ấy sợ xúc phạm tín ngưỡng nên để cho người khác chạm vào thi hài kẻ quá cố, và nỗi lo ấy đã thắng tình yêu và tính tò mò. Không còn nghi ngờ gì nữa về cái chết của Ưu Tư, vua cho đóng quan tài, lấp huyệt lại và đặt chiếc bài vị về chỗ cũ.

Cho rằng mình có nghĩa vụ làm lễ trước phần mộ ái phi, hoàng đế sai triệu tập những người giúp việc đạo, các quan hầu trong cung và những người đọc kinh Côran, và trong khi chờ họ tập hợp đông đủ, vua ở lại trong lăng, nước

mắt tuôn lã chã rơi xuống đám đất che phủ thi hài người yêu. Khi tất cả mọi người được gọi đã tề tựu, vua đứng lên dẫn đầu, tất cả đứng thành hàng chung quanh, và cầu nguyện rất lâu, tiếp đó những người đọc kinh Côran tuyên đọc nhiều chương trong Kinh Thánh.

Trong vòng một tháng, ngày nào lễ tang cũng diễn ra như vậy vào sáng và chiều, và bao giờ cũng có đủ mặt hoàng đế, tể tướng Giafa và các đại thần. Mọi người kể cả vua đều mặc tang phục. Nhà vua suốt thời gian đó không ngồi thương khóc Ưu Tư, và không muốn nhìn ngó đến bất cứ một công việc nào khác.

Ngày cuối tháng, lễ cầu nguyện và đọc kinh Côran kéo dài từ buổi sớm cho đến rạng sáng ngày hôm sau. Khi mọi việc đã kết thúc, ai trở về nhà nấy, Harun An-Rasít mệt mỏi vì thức suốt đêm, lui về nghỉ ở buồng riêng. Vua thiếp đi trên chiếc sập giữa hai cung nữ, một người ngồi ở đằng đầu, một người ở đằng chân, chăm chú theo dõi trong sự im lặng hoàn toàn.

Người ngồi ở đằng đầu tên là Bình Minh^[74] thấy hoàng đế ngủ say liền thì thầm với bạn: Chị Sao Mai^[75] này, có nhiều tin tức hay lắm đấy. Đáng thống lĩnh các tín đồ, hoàng đế và là chủ nhân của chúng ta, lát nữa thức dậy sẽ rất mừng vui khi Người nghe điều tôi sẽ nói. Bà Ưu Tư chẳng chết đâu, bà đang sống hoàn toàn mạnh khỏe”.

- Trời đất! – Sao Mai mừng rỡ kêu lên – Có thể nào bà Ưu Tư đẹp đẽ xinh tươi không ai sánh nổi lại còn sống trên đời này?

Sao Mai thốt ra câu đó say sưa và lớn tiếng đến nỗi hoàng đế giật mình tỉnh giấc.

- Ôi, tâu bệ hạ, – nàng nói tiếp – xin bệ hạ tha thứ cho con không thể giữ yên nổi khi nghe tin bà Ưu Tư hãy còn sống, con quá mừng nên không thể giữ được miệng mồm.

- Hừ! Nếu quả thật chưa chết thì hiện nay nàng ra sao? – Hoàng đế hỏi.

- Tâu Đáng thống lĩnh các tín đồ, – Bình Minh đáp -hôm qua con vừa nhận được từ tay một người lạ mặt một tờ giấy không có chữ kí nhưng do chính tay bà Ưu Tư viết, kể cho nghe câu chuyện buồn thương của bà và truyền cho con tâu bệ hạ. Con định chờ bệ hạ nghỉ ngơi đôi chút rồi mới dám tâu, vì con nghĩ chắc bệ hạ cần nghỉ ngơi sau cơn mệt nhọc, và...

- Đưa cho ta, hãy đưa mảnh giấy ấy ngay cho ta! -Hoàng đế nóng nảy ngắt lời. – Mày lần chần chẳng đúng lúc chút nào.

Bình Minh vội dâng tờ giấy. Nhà vua nôn nóng mở ra xem. Trong thư, Ưu Tư thuật lại chi tiết những việc đã xảy ra, nhưng lại giải bày hơi quá dài dòng về những sự săn sóc của Ganem đối với mình. Hoàng đế, bản tính vốn

cả ghen, không xúc động trước sự vô nhân đạo của Zôbêít mà lại nhạy cảm hơn trước điều vua cho là sự không chung thủy của Ưu Tư đối với mình. Đọc thư xong, vua nói:

- A ra thế! Ra đã bốn tháng nay con gian dối ấy sống với một thằng buôn trẻ, thế mà nó còn dám to gan khoe khoang sự chăm chút của tên súc sinh với nó! Ta trở về Bátđã đã ba mươi ngày, thế mà nó đợi đến hôm nay mới cho ta biết tin tức. Đồ vong ân bội nghĩa! Trong lúc ta tốn bao nhiêu thời gian than khóc nó thì chính trong những ngày đó, nó phản bội ta. Nào, ta phải trả thù con bé thất tiết và một thằng nhóc bạo gan đã xúc phạm đến ta.

Dứt lời, vua đứng lên bước sang một căn phòng rộng, nơi vua thường ra mắt để tiếp kiến các vị đại thần trong triều. Cổng chính vừa mở, các triều thần vốn chờ đợi phút này, liền tiến vào. Tể tướng Giafa bước ra phủ phục trước ngai vàng, sau đấy đến túc trực cạnh chúa tể. Hoàng đế truyền, giọng nói buộc người nghe phải tuân theo ngay tức khắc:

- Tể tướng Giafa hãy nghe lệnh quan trọng ta sắp truyền đây. Ông hãy mang theo bốn trăm quân lấy trong đội cấm binh của ta. Trước hết hãy tìm hiểu xem, một tên nhà buôn người Đamát tên là Ganem, con của Abu Aibu hiện đang ở đâu. Khi đã rõ, ông sẽ đưa quân đến và cho triệt hạ đến tận móng ngôi nhà của hắn. Hãy bắt giữ Ganem trước và giải về đây cùng với Ưu Tư, tên nô tì của ta, kẻ đã sống từ bốn tháng nay trong ngôi nhà ấy. Ta muốn trừng phạt hắn để làm gương cho những kẻ cả gan dám phạm tội bất kính với ta.

Nghe mệnh lệnh cụ thể ấy, tể tướng để bàn tay lên đầu, cúi lạy rất thấp, ngụ ý ông thà mất đầu còn hơn là không tuân lệnh vua, rồi lui ra. Việc đầu tiên của ông là sai người đến gặp viên trưởng phường buôn vải và lựa nhập khẩu, hỏi thăm tin tức về Ganem, điều cần thiết đầu tiên là phải nắm chắc đường phố và ngôi nhà chàng ngụ. Viên quan được giao nhiệm vụ ấy trong chốc lát về trình với tể tướng là đã mấy tháng nay Ganem hầu như không ra ngoài. Không rõ việc gì đã giữ rịt chàng trong nhà, nếu chàng vẫn còn ngụ ở chỗ cũ. Viên quan ấy trình Giafa rõ nơi Ganem ở, và cả tên người đàn bà góa đã cho chàng mượn ngôi nhà.

Dựa vào những tin tức đáng tin cậy, tể tướng không để mất thời giờ, liền cùng với đội lính mà hoàng đế truyền cho ông điều động, lập tức lên đường. Ông gặp quan án sát, bảo ông này đi theo.

Rồi cùng một toán thợ nề, thợ mộc với đầy đủ dụng cụ cần thiết để triệt hạ một ngôi nhà, ông đến nơi Ganem ở. Vì ngôi nhà này biệt lập, ông bố trí lính vây xung quanh, đề phòng chàng buôn trẻ tẩu thoát.

Lúc ấy Ưu Tư và Ganem ăn cơm trưa xong. Thiếu phụ ngồi cạnh cửa sổ trông ra đường, nghe động nằng nhìn qua bức màn. Trông thấy tể tướng

cùng đoàn tùy tùng tiến tới, nàng biết là người ta hiện đang thù ghét Ganem hơn cả nàng. Như vậy là mảnh giấy nàng gửi đã tới nơi, song nàng không hề chờ đợi một sự đáp lại thế này. Nàng vẫn hi vọng hoàng đế xử sự theo cung cách khác cơ. Nàng không rõ nhà vua trở về tự bao giờ, và mặc dù biết bản tính vua vốn cả ghen, nàng vẫn chẳng lo lắng gì về mặt đó.

Tuy vậy, khi nhìn thấy tể tướng cùng đội lính, nàng run sợ không phải cho nàng mà thật ra, cho Ganem. Nàng tin chắc nàng có thể tự thanh minh, miễn là hoàng đế chịu để cho nàng giải bày. Đối với Ganem, mà nàng yêu quý vì ý hợp tâm đầu hơn là vì ơn nghĩa, nàng dự kiến là tình địch của chàng nổi giận có thể sẽ đòi gặp mặt, và rồi thấy chàng trẻ và đẹp trai, sẽ hãm hại chàng, sẵn ý nghĩ ấy trong đầu, nàng quay lại nói với chàng thương nhân trẻ:

“Ôi, Ganem ơi, chúng ta nguy đến nơi rồi, người ta đến bắt ngài và tôi đây...”.

Chàng vội nhìn qua bức màn, và cũng hoảng hốt khi trông thấy đội vệ binh của hoàng đế gươm tuốt trần, đi đầu là tể tướng cùng với quan án sát. Chàng ngây người như phỗng, không đủ sức thốt lên lời. Ái phi lại nói:

- Ganem ơi, không được để mất thời gian. Nếu quả thật ngài yêu tôi xin hãy mặc ngay áo quần một tên nô lệ, hãy lấy nhọ nồi bôi lên mặt lên tay, rồi đội mấy chiếc đĩa này lên đầu, người ta sẽ tưởng ngài là kẻ giúp việc hàng com và để cho ngài đi thoát. Nếu có ai hỏi chủ nhà ở đâu thì xin đừng ngần ngại, hãy đáp ngay là ông chủ đang ở trong nhà.

- Ôi bà ơi! – Đến lượt Ganem lo cho mình thì ít mà lo cho Ưu Tư thì nhiều. – Bà chỉ nghĩ đến tôi thôi. Than ôi! Rồi bà sẽ ra sao?

- Ngài không phải băn khoăn về chuyện đó, – nàng nói tiếp – đã có tôi lo. Còn về tất cả của cải ngài để lại trong căn nhà này, tôi sẽ trông nom. Tôi hi vọng một ngày kia hoàng đế nguôi cơn thịnh nộ, sẽ trả lại ngài đầy đủ. Song ngài phải tránh ngay lúc cơn sấm sét đang nổ ra. Những mệnh lệnh Người truyền ra trong lúc nóng giận bao giờ cũng tai hại chết người.

Chàng thương nhân trẻ buồn bã đến nỗi không biết nên quyết định thế nào, có lẽ chàng đã để cho lính nhà vua tóm được, nếu Ưu Tư không thúc giục chàng cải trang ngay. Hành tuân theo lời khẩn khoản của nàng, chàng mặc áo quần nô lệ, lấy nhọ nồi bôi mặt, vừa xong thì có tiếng đập cửa. Hai người chỉ còn kịp làm mỗi một việc là ôm hôn nhau thấm thiết. Cả hai đều lòng đau như cắt, đến nỗi không thể thốt lên một lời nào. Cảnh biệt ly diễn ra như thế đó. Cuối cùng Ganem đội mấy chiếc đĩa lên đầu và đi ra. Quả nhiên mọi người tưởng nhầm chàng là chú giúp việc nhà hàng com, chẳng ai buồn ngăn giữ. Ngược lại, tể tướng là người chàng gặp đầu tiên còn né ra một bên nhường lối cho chàng đi, ông không hề tưởng tượng nổi đây chính là con người mình đang truy nã. Những người đi sau tể tướng cũng tránh ra nhường

lỗi như ông, nhờ vậy càng giúp cho Ganem dễ dàng thoát được. Chàng vội vã ra ngoài cổng thành trốn đi.

Trong lúc chàng lẩn tránh thoát thì tể tướng Giafa bước vào buồng trong. Lúc ấy Ưu Tư đang ngồi trên chiếc sập. Căn buồng này có khá nhiều hòm xiềng chứa tư trang của Ganem và tiền bạc chàng bán hàng được. Vừa trông thấy tể tướng bước vào, Ưu Tư vội phủ phục dập đầu xuống đất, và cứ im trong tư thế đó như sẵn sàng chờ chết. Nàng nói:

- Bẩm ngài, tôi sẵn sàng tuân theo sắc chỉ của Đấng thống lĩnh các tín đồ trừng phạt. Kính xin ngài hãy tuyên đọc cho!

Giafa cũng phủ phục xuống đất kì cho đến lúc nàng đứng lên:

- Thưa bà, – ông nói – xin trời chứng giám cho, không một ai ở đây dám động đến lông chân bà. Tôi không có ý đồ gây nên việc nhỏ nhặt nào làm phật ý bà. Tôi chẳng nhận được lệnh nào khác là đến mời bà vui lòng cùng với tôi trở về cung. Cho phép tôi được hướng dẫn bà đi cùng với người buôn trẻ ngụ ở ngôi nhà này.

- Bẩm ngài, – ái phi đứng dậy nói – chúng ta đi thôi, tôi sẵn sàng theo ngài. Còn về người buôn trẻ đã cứu sống tôi, ông ta không có đây. Ông ta có việc về Đamát đã một tháng nay rồi và có nhờ tôi trông nom hộ những hòm xiềng ngài thấy kia cho đến khi ông ta trở lại. Xin ngài hãy vui lòng cho mang tất cả về cung, và ra lệnh cho người cất giữ cẩn thận, để cho tôi giữ được trọn lời hứa với ông ta, là sẽ hết lòng trông nom những thứ đó.

- Thưa bà, lệnh của bà sẽ được tuân theo. – Giafa đáp, và lập tức gọi những người khuân vác đến, sai mang hòm xiềng giao cho Mêrua giữ.

Những người khuân vác vừa đi khỏi, tể tướng rỉ tai quan án, giao cho ông nhiệm vụ triệt hạ ngôi nhà và trước đó hãy cho lùng xét Ganem mà ông nghi vẫn còn đang ẩn nấp đâu đây, mặc dù Ưu Tư nói vậy. Sau đó, ông ra đi, dẫn theo thiếu phụ cùng hai người hầu gái của nàng. Về phần bọn nô lệ của Ganem, chẳng ai để ý. Chúng trà trộn vào đám đông, rồi chẳng ai biết về sau chúng ra làm sao nữa.

Tể tướng Giafa vừa đi khỏi, thì thợ nề và thợ mộc bắt đầu triệt hạ ngôi nhà. Họ làm chu đáo đến nỗi chưa tới một giờ sau, ngôi nhà không còn chút dấu vết. Tuy nhiên, quan án không sao bắt được Ganem mặc dù đã cho lục soát kĩ lưỡng khắp mọi nơi. Ông sai trình tể tướng biết việc đó trước khi ông này về tới hoàng cung.

Vừa trông thấy tể tướng bước vào phòng làm việc Harun An-Rasít vội hỏi:

- Thế nào, ông đã thi hành mệnh lệnh của ta rồi chứ?

- Tâu bệ hạ, đã. – Giafa đáp. – Ngôi nhà Ganem bị triệt hạ hoàn toàn, và

thần dẫn Ưu Tư về đây ra mắt bề hạ. Ai phi hiện đang chờ ngoài cửa. Nếu bề hạ truyền, thần sẽ đưa bà vào. Còn tên buôn trẻ tuổi, không thể nào tìm thấy mặc dù đã lục xét khắp nơi. Bà Ưu Tư quả quyết hẳn ta đi Đamát đã một tháng nay.

Chưa bao giờ có một cơn thịnh nộ nào sánh được trận lôi đình của hoàng đế khi nghe tin Ganem trốn khỏi tay mình. Còn đối với ái phi, đã sẵn định kiến nàng không chung thủy, vua không muốn nhìn ngó đến hoặc chuyện trò cùng. Vua truyền cho viên chỉ huy các hoạn nô lúc ấy đang có mặt: “Mêrua hãy bắt con Ưu Tư dối trá, con Ưu Tư vong ân bội nghĩa đưa giam vào tháp tối cho ta!”. Cái tháp tối này được xây ngay trong nội phủ, và thường dùng làm nơi giam giữ những cung phi phạm lỗi khiến hoàng đế không hài lòng.

Mêrua vốn quen lắng lắng thi hành mọi mệnh lệnh của chúa tể, dù cho lệnh ấy hung bạo đến đâu, lần này lấy làm tiếc phải tuân theo. Ý biểu lộ nỗi đau xót của mình cho Ưu Tư thấy, nàng càng buồn phiền đau đớn vì vẫn nghĩ chắc hoàng đế không nỡ từ chối cho mình được giải bày. Nàng đành phải cúi đầu khuất phục số phận đáng buồn và đi theo Mêrua, viên quan này dẫn nàng vào tháp tối và để lại đó.

Trong lúc ấy, hoàng đế giận dữ cho phép tể tướng lui ra và chỉ nghe theo tiếng nói của ghen tuông, nhà vua tự tay viết một bức thư gửi quốc vương Xyri, em họ và cũng là chư hầu của mình, đang trị vì ở Đamát.

THƯ CỦA HOÀNG ĐẾ HARUN AN-RASÍT GỬI MÔHAMÉT ZINOBI – QUỐC VƯƠNG XYRI.

Em của anh,

Anh viết bức thư này để tin cho chủ biết, có một tên lái buôn thành Đamát tên là Ganem, con trai của Abu Aibu, đã quyến rũ con nô lệ đáng yêu nhất trong đám cung tần của anh, tên là Ưu Tư. Ý đã bỏ trốn. Ý muốn của anh là, sau khi nhận được thư này, chủ cho người truy nã và bắt giam Ganem ngay. Chừng nào bắt được, chủ hãy cho xích nó lại, và trong ba ngày liền mỗi ngày chủ cho đánh năm chục roi gân bò. Sau đó, cho dẫn nó điểu qua các phố, có một người đi trước rao: Đây là hình phạt nhẹ nhất trong các hình phạt mà Đấng thống lĩnh các tín đồ trừng trị kẻ dâm xúc phạm đến Người và quyến rũ nữ tì của Người. Làm xong việc đó, chủ hãy sai người áp giải cẩn thận nó đến đây cho anh. Chưa phải thế là xong. Anh muốn chủ cho cướp phá nhà của hắn, và sau khi triệt hạ, chủ hãy sai mang tất cả vật liệu ra ngoài thành phố, để giữa đồng. Ngoài ra, nếu nó còn bố, mẹ, chị em, vợ, con gái hay họ hàng thân thuộc khác, chủ hãy sai lột trần tất và cho điểu suốt ba ngày liền khắp thành phố, với lệnh nghiêm cấm không ai được cho chúng ăn náu, ai làm trái sẽ bị tử hình. Ta hi vọng chủ sẽ thi hành không chút chậm trễ những việc ta dặn trên đây “.

Viết xong thư, hoàng đế giao cho một sứ giả đi hỏa tốc, cùng với chim bồ câu để mau chóng trở về đưa tin cho vua biết những việc Môhamét Zinobi sẽ làm.

Chim bồ câu ở Bátđã có đặc điểm là cho dù chúng được mang đi xa tận đâu, hễ được thả ra là lại bay trở về chốn cũ, nhất là khi ở đấy có con của chúng. Người ta buộc vào dưới cánh chim một mẩu giấy cuộn lại, nhờ cách đó, mau chóng nhận được tin tức những nơi cần thiết.

Sứ giả của hoàng đế lặn lội suốt ngày đêm để đáp ứng lòng nôn nóng của chúa tể, và vừa đến Đamát là đi thẳng ngay vào hoàng cung. Vua Zinobi ngự trên ngai vàng để tiếp nhận thư của hoàng đế. Sứ giả dâng thư, Môhamét đón lấy, vừa nhận ra nét chữ, vội kính cẩn, đứng dậy hôn bức thư và đặt lên đầu mình, biểu lộ ý sẵn sàng thi hành mọi mệnh lệnh chứa đựng trong nội dung bức thư. Vua mở thư ra xem, và vừa đọc xong, lập tức bước xuống ngai cùng các đại thần lên ngựa đi ngay tức khắc. Vua lại truyền báo tin cho quan án sát biết, ông này vội vã đến ra mắt. Thế rồi cùng với tất cả đội vệ binh, vua đến thẳng nhà Ganem.

Từ khi chàng thương nhân rời khỏi Đamát, bà mẹ không hề nhận được một bức thư nào của con. Các nhà buôn khác cùng đi một chuyến với Ganem đã trở về. Họ cho biết con trai bà ở bên ấy hoàn toàn mạnh khỏe. Song vì chàng không chịu về nhà và cũng không buồn gửi thư từ tin tức gì cho mẹ, chừng ấy đủ khiến bà mẹ hiểu từ ấy cho rằng con mình đã chết. Bà tin chắc như vậy đến nỗi để tang con. Bà khóc Ganem y như thể mắt bà nhìn thấy chàng qua đời và tự tay mình đã vuốt mắt cho con. Chưa từng có bà mẹ nào đau khổ đến thế, và đáng lẽ tìm cách để khuây nguôi dần thì bà lại thích nuôi dưỡng nỗi buồn của mình. Bà cho xây chính giữa sân nhà một cái vòm cao, bên trong đặt một hình ảnh tượng trưng cậu con trai, và tự tay phủ lên đó một tấm dạ đen. Hầu như ngày nào cũng giống đêm nào, bà đều đến ngồi khóc dưới cái vòm ấy, làm như thể thi hài con trai bà được chôn cất ở đấy, và cô con gái xinh đẹp tên là Mê Hồn Nương cũng đến ngồi bên cạnh hòa nước mắt của mình vào nước mắt của mẹ.

Họ khóc thương như vậy một thời gian khá lâu, và hàng xóm láng giềng nghe tiếng khóc than, cũng đâm lòng thương hại. Hôm đó, chợt quốc vương Môhamét Zinobi đến đập cửa. Một người đầy tớ gái vừa mở cửa, vua đã xông xộc bước vào, hỏi Ganem, con trai Abu Aibu ở đâu.

Mặc dù chưa bao giờ được nhìn mặt vua, nhưng thấy đoàn tùy tùng, người ở gái cũng đoán ra được đây hẳn là một vị quan to trong triều Đamát. Cô đáp:

- Bẩm quan lớn, cậu Ganem mà quan lớn đòi đã qua đời. Bà chủ con, tức là mẹ cậu ấy, đang ngồi khóc than về việc đó.

Không tin lời người ở gái, vua sai lính lục xét khắp mọi góc ngách trong nhà, để tìm bắt được Ganem. Sau đó vua tiến đến gần ngôi mộ, trông thấy bà mẹ và người con gái ngồi trên một chiếc chiếu tầm thường, bên cạnh hình ảnh tượng trưng Ganem, mặt cả hai đầm đìa nước mắt. Hai người phụ nữ đáng thương kéo mạng che mặt ngay khi trông thấy một người đàn ông xuất hiện trước cửa.

Nhưng bà mẹ Ganem đã nhận ra quốc vương Đamát. Bà vội đứng lên, chạy đến phủ phục dưới chân vua. Vua nói:

- Bà mẹ à, ta tìm Ganem con trai bà. Nó có ở đây không?

- Ôi! Tâu bệ hạ, cháu không còn nữa đã từ lâu rồi. Ước gì tôi được ít ra tự tay chôn cất cháu, và được niềm an ủi là có nắm xương tàn của cháu trong nấm mồ này. Ôi, con ơi, con trai thân yêu của mẹ ơi...

Bà muốn nói tiếp, nhưng cơn đau dâng lên chẹn lấy cổ, bà không đủ sức nói lên lời.

Cảnh tượng đó làm Zinobi xúc động. Nhà vua bản chất vốn hiền từ, rất thông cảm nỗi đau khổ của những người bất hạnh. Vua nghĩ thầm: “Nếu chỉ có Ganem phạm tội, thì tại sao lại đi trừng phạt mẹ và em gái nó là những người chẳng có tội. Ôi! Hỡi Harun An-Rasít độc ác, người làm ta buồn bực biết bao, khi người buộc ta phải trả thù họ người, khi người buộc ta phải dày dọ những kẻ không mấy may xúc phạm đến người!”.

Bọn vệ binh được sai nhiệm vụ tìm bắt Ganem, trở lại tâu là chúng lùng sục nhưng không có kết quả. Vua cũng tin đúng là như vậy. Những lời than khóc của hai người đàn bà không cho phép vua ngờ vực. Nhà vua càng ngao ngán khi thấy mình phải thi hành mệnh lệnh của hoàng đế. Nhưng cho dù thâm tâm có thương hại đến đâu, vua cũng không dám trốn tránh bổn phận trả thù cho hoàng đế. Vua bảo bà mẹ của Ganem:

- Bà mẹ ơi, hãy cùng con gái bà đi ra khỏi mộ, ở trong ấy không an toàn đâu.

Hai người đi ra, và ngay lúc đó, để cho họ không bị lãng nhục, vua cởi chiếc áo ngoài khá rộng của mình, khoác lên hai mẹ con và dặn họ chớ có đi xa. Xong đâu đấy nhà vua ra lệnh cho phép nhân dân vào cướp phá. Bà mẹ và em gái của Ganem càng thêm khiếp đảm trước những tiếng hò la, vì không rõ nguyên cớ tại đâu ra nông nổi này. Người ta lấy mang đi những bàn ghế quý báu nhất, những hòm chứa đầy của cải, những tấm thảm Ba Tư và Ấn Độ đắt tiền, những kiện vải thêu kim tuyến và ngân tuyến, những đồ sứ, tóm lại là cướp đi tất cả, chỉ để lại ngôi nhà trơ mấy bức tường. Cảnh tượng ấy thật là hãi hùng cho hai người đàn bà khốn khổ, khi tự mắt chứng kiến tất cả tài sản của mình bị cướp bóc mà chẳng hiểu nguyên nhân tại đâu bị đối xử

độc ác thế này.

Sau khi ngôi nhà bị cướp phá sạch sành sanh, vua Môhamét truyền bảo quan án cho triệt hạ nhà cửa cùng với ngôi mộ. Trong khi lệnh ấy đang được thi hành thì vua trở về cung, mang theo Mê Hồn Nương cùng bà mẹ. Ở đây, vua nói rõ lệnh của hoàng đế, làm cho hai mẹ con càng đau khổ bội phần: Hoàng đế muốn ta ra lệnh lột trần hai mẹ con bà và đưa đi bêu ba ngày liền trước mặt dân chúng. Ta cực kì ái ngại khi phải thi hành mệnh lệnh độc ác nhục nhã này.

Vua nói những lời đó với vẻ mặt chứng tỏ thâm tâm vua thật sự đau đớn và ái ngại. Tuy không dám hành động theo tình cảm của mình vì sợ sẽ bị phế truất, vua vẫn tìm cách làm dịu bớt phần nào tính khắt khe của mệnh lệnh hoàng đế, bằng cách sai may cho bà mẹ Ganem và Mê Hồn Nương những chiếc áo lót xấu xí không tay, bằng vải thô dệt bằng lông ngựa.

Ngày hôm sau, hai nạn nhân của cơn thịnh nộ của hoàng đế bị lột hết quần áo, chỉ cho mặc áo bằng lông ngựa. Họ cũng bị lột cả khăn đội đầu, khiến cho mái tóc rối bù của họ xoa xuống. Mê Hồn Nương có mái tóc vàng vào loại đẹp nhất thế gian, rũ chằm đất. Hai mẹ con bị đi bêu riếu trong tình trạng đó. Theo sau là quan án cùng đội lính. Họ bị dong khắp thành phố. Dẫn đầu là một người thỉnh thoảng lại rao to: “Đây là hình phạt trừng trị những kẻ làm cho Đấng thống lĩnh các tín đồ nổi giận”.

Hai người đàn bà mặc tấm áo kì dị, chân và tay để trần, cố tình để tóc xoa xuống mặt để che giấu bớt nỗi hổ thẹn, bước đi như vậy qua các phố phường Đamát. Mọi người trông thấy đều sa nước mắt. Nhất là các bà, qua bức màn che cửa, biết hai mẹ con vô tội, và xúc động vì tuổi trẻ và sắc đẹp của Mê Hồn Nương, các bà thốt lên những tiếng kinh hoàng khi hai người đi ngang qua trước cửa sổ. Ngay cả trẻ con, hoảng sợ trước những tiếng kêu than và cảnh tượng bày ra trước mắt, cũng hòa tiếng khóc của chúng vào cảnh buồn thương chung, làm cho tình hình càng thêm nhốn nháo. Tóm lại, ngoại trừ trường hợp giặc nước ngoài tràn vào trong thành phố, gây nên cảnh máu lửa, còn chưa bao giờ cả thành phố Đamát lại nhốn nháo như lần này.

Cảnh tượng thương tâm ấy chấm dứt thì trời đã gần về tối. Hai mẹ con được đưa trở về cung vua Môhamét. Vì cả đời chưa bao giờ đi chân đất, họ mệt quá đến nỗi vừa về tới nơi đã gục xuống ngất đi hồi lâu. Hoàng hậu Đamát rất xúc động trước sự bất hạnh của họ. Mặc dù hoàng đế có lệnh cấm không ai được cứu giúp, bà vẫn sai một vài người hầu gái đến an ủi và cho hai mẹ con uống nhiều thứ nước giải khát cùng rượu nho để họ lấy lại sức.

Khi những người hầu tới nơi, hai mẹ con vẫn còn bất tỉnh nhân sự, tưởng như không thể nào cứu chữa nữa. Tuy nhiên, nhờ sự chăm sóc họ tỉnh lại dần. Bà mẹ Ganem vội tỏ lời cảm ơn lòng tốt của họ. Một người hầu của

hoàng hậu đáp:

- Bà mẹ ơi, chúng tôi thông cảm nỗi đau khổ của bà. Chủ nhân của chúng tôi, hoàng hậu nước Xyri, quả đã làm cho chúng tôi vui lòng khi sai chúng tôi đến giúp đỡ mẹ con bà. Chúng tôi có thể quả quyết với bà rằng hoàng hậu cũng như quốc vương, chia sẻ nỗi bất hạnh của bà.

Bà mẹ của Ganem nhờ những người hầu đa tạ hoàng hậu đã hết lòng cứu giúp hai mẹ con rồi hỏi:

- Bà ơi, vua không cho biết vì sao Đấng thống lĩnh các tín đồ bắt chúng tôi phải chịu đựng bấy nhiêu điều nhục nhã. Xin hãy làm ơn cho biết chúng tôi đã phạm những tội ác gì?

- Bà mẹ ạ, người hầu gái của hoàng hậu đáp – nguyên nhân gây nên tai họa của bà chính là cậu con trai Ganem của bà đấy. Cậu ta chưa phải đã qua đời như bà lầm tưởng đâu. Cậu ta bị tố cáo đã bắt cóc nàng Ưu Tư xinh đẹp, người được sủng ái nhất trong số các cung phi. Vì cậu ấy đã nhanh chân trốn thoát, cho nên cơn thịnh nộ của hoàng đế đổ xuống đầu hai mẹ con bà. Tất cả mọi người đều lên án sự hèn thù của hoàng đế, nhưng ai ai cũng sợ Người. Bà thấy đấy, ngay cả quốc vương Zinobi cũng không dám trái lệnh, sợ làm phật ý hoàng đế. Bởi vậy, tất cả những gì chúng tôi có thể làm được cho bà là tỏ lòng ưu ái và khuyên bà hãy cố gắng chịu đựng mà thôi.

- Tôi biết rõ con trai tôi lắm, – bà mẹ Ganem đáp – tôi dạy dỗ nó rất chu đáo trong niềm kính trọng đối với Đấng thống lĩnh các tín đồ. Nó không thể phạm tội ác người ta cáo buộc đâu. Tôi xin cam đoan về sự vô tội của nó. Vậy thì tôi sẽ không kêu khóc nữa, sẽ không than thân trách phận nữa, bởi vì tôi chịu đau khổ đấy chính là chịu thay cho nó, và vì nó chưa chết. Ôi, Ganem, Ganem con trai yêu quý của mẹ ơi, – bà nói tiếp, mừng vui chen lẫn thương yêu – có thể nào con còn sống ư? Mẹ không tiếc gì của cải nữa, và cho dù mệnh lệnh của hoàng đế có nghiêm khắc quá đáng đến mức nào, mẹ cũng sẽ bỏ qua, miễn là trời cho con trai mẹ còn sống. Mẹ chỉ còn thương cho con gái mẹ, mẹ đau đớn chỉ vì em phải khổ. Tuy vậy, mẹ tin nó là đứa em gái thảo hiền, đủ sức noi gương mẹ.

Nghe câu đó, Mê Hồn Nương, cho đến lúc bấy giờ tưởng như đang mê man, liền quay lại bá cổ mẹ và nói:

- Vâng, mẹ thân yêu ơi, con mãi mãi noi gương mẹ, dù cho vì tình thương của mẹ đối với anh con, mẹ có xử sự đến cách nào chăng nữa.

Hai mẹ con, cứ ôm nhau một cách xúc động khá lâu, hòa lẫn vào nhau tiếng thở than và những dòng nước mắt. Rất cảm kích trước cảnh tượng đó, các hầu gái của hoàng hậu tìm cách khuyên giải bà mẹ của Ganem nên ăn một chút gì. Bà cố nuốt một miếng cho họ vui lòng; Mê Hồn Nương cũng

làm như mẹ.

Vì lệnh của hoàng đế là phải bêu họ hàng thân thích của Ganem suốt ba ngày liền theo như cách chúng ta đã rõ. Ngày hôm sau mẹ con Mê Hôn Nương một lần nữa lại phải đi từ sáng cho đến chiều. Nhưng hôm ấy và ngày tiếp sau nữa, quang cảnh diễn ra khác hẳn.

Các đường phố lúc đầu nườm nượp người qua kẻ lại, dần dần trở nên vắng ngắt. Tất cả các nhà buôn, công phần về cảnh bà quả phụ và con gái của Abu Aibu bị hành hạ, đều đóng cửa hiệu lại, ở riết trong nhà, còn các bà không nhìn qua màn che cửa như hôm trước nữa mà lui về nhà sau. Không có một bóng người nào nơi công cộng mà hai người đàn bà bất hạnh bị điều qua, tưởng chừng như toàn thể nhân dân Đamát đã bỏ thành phố của họ mà đi nơi khác rồi.

Ngày thứ tư, quốc vương Môhamét Zinobi muốn thi hành đầy đủ các mệnh lệnh của hoàng đế mặc dù không đồng tình, sai người đi rao khắp các phố phường trong thành phố, lệnh nghiêm cấm mọi người dân Đamát cũng như người nước ngoài, bất kể địa vị như thế nào, không ai được cho mẹ và em gái Ganem trú ngụ, không ai được cấp cho họ một mẩu bánh, một giọt nước, nói tóm lại là không được giúp đỡ họ một tí gì hoặc có chút liên hệ nào với họ, ai không tuân theo sẽ bị tử hình, xác vứt cho chó ăn.

Sau khi những người rao truyền công bố lệnh, vua sai đuổi hai mẹ con ra khỏi cung, cho phép họ tự do muốn đi đâu thì đi. Tất cả mọi người vừa thoáng trông thấy họ đã vội lánh xa; lệnh vừa ban bố gây ấn tượng sâu sắc đến tinh thần dân chúng. Hai mẹ con nhận thấy người ta tránh mình, nhưng vì không hiểu rõ căn nguyên, hai người rất đỗi ngạc nhiên. Nỗi kinh hoàng của mẹ càng tăng lên khi vào một thành phố, nhận ra trong đám đông mấy người bạn rất thân, họ thấy những người bạn này cũng biến mất một cách vội vàng như những người khác. “Quái nhỉ! – Bà mẹ Ganem nói. – chúng ta mang theo bệnh dịch hạch hay sao thế này? Sự đối xử bất công và man rợ mà chúng ta là nạn nhân lại làm cho mẹ con ta trở lên đáng kinh tởm trước mắt bà con hàng phố hay sao? Thôi con ơi, chúng ta hãy nên rời khỏi Đamát, chớ nên sống nữa trong một thành phố mà ngay đến bạn bè cũng lấy làm kinh tởm chúng ta”.

Vừa nói, hai người đàn bà khốn khổ ấy vừa đi về một nơi ở cuối thành phố, và chui vào một táp lều đồ nát để nghỉ đêm. Trời vừa tối thì có mấy người theo đạo Hồi động lòng trắc ẩn, tìm gặp hai mẹ con. Họ mang cho một ít thức ăn, nhưng không dám lần chân để an ủi đôi lời sợ bị phát hiện và trừng phạt về tội bất tuân lệnh hoàng đế.

Trong thời gian ấy, vua Zinobi đã thả chim bồ câu báo tin cho Harun An-Rasít rõ mình đã thực hiện đầy đủ mệnh lệnh của hoàng đế. Vua tường trình

tất cả sự việc đã diễn ra, và xin hoàng đế cho biết Người muốn làm gì nữa về mẹ và em gái của Ganem. Chẳng bao lâu, cũng bằng đường chim đưa thư, vua nhận được phúc đáp của hoàng đế cho biết phải dời dời cấm hai mẹ con không được lai vãng ở Đamát. Lập tức, quốc vương Xyri sai người đến túp lều, bắt người mẹ và cô con gái, dẫn đi xa cách Đamát ba ngày đường rồi để lại đó, cấm họ từ nay không được lai vãng về thành phố.

Người của Zinobi làm tròn nhiệm vụ được giao, nhưng họ không nhất nhất tuân theo từng điểm một mệnh lệnh của Harun An-Rasít cũng như quốc vương của họ đã làm. Thương hai Mê Hồn Nương và bà mẹ, họ cho hai người một ít tiền lẻ để mua chút ít thức ăn sống qua ngày, và quàng vào cổ mỗi người một cái túi đựng thực phẩm.

Trong tình trạng thảm thương đó, hai mẹ con vào làng đầu tiên trông thấy. Các bà nhà nông xóm quanh họ. Mặc dù hai mẹ con ăn mặc tồi tàn, họ vẫn nhận ra đây là những người cũng có địa vị nào đó, liền hỏi vì sao phải lưu lạc thế này, vì sao phải vận những chiếc áo có vẻ không đúng như cách trang phục tự nhiên.

Hai mẹ con không đáp mà chỉ bật ra khóc, do đó càng làm tăng thêm sự hiếu kì của các bà nhà nông và khơi gợi lòng trắc ẩn của họ. Bà mẹ Ganem thuật lại cảnh đọa đầy mà hai mẹ con bà đã phải chịu. Các bà dân làng tốt bụng xúc động, cố tìm lời an ủi. Tuy đàm bạc, họ cũng cố gắng thuyết đãi hai mẹ con. Họ bảo hai người hãy cởi bỏ những chiếc áo dệt bằng lông ngựa mặc rất khó chịu, và thay những bộ quần áo họ cho, cùng với giày dép và khăn trùm đầu cho gọn tóc.

Sau khi cảm tạ các bà nông dân từ thiện, mẹ con Mê Hồn Nương từ già làng ấy và lần hồi đi về thành phố Aláp^[76]. Họ quen dần với việc nghỉ lại cạnh các giáo đường^[77] hoặc ngay bên trong giáo đường. Đêm, họ ngủ trên những chiếu trải sàn dưới đất, nếu không có chiếu thì nằm ngay trên mặt đất mà ngủ, hoặc ở những nơi công cộng vẫn dùng làm chỗ tạm trú cho khách qua đường. Thức ăn thì không thiếu. Họ thường đến được những nơi người ta phân phát bánh mì, cơm và các thức ăn khác cho tất cả khách qua đường nào muốn hỏi xin.

Cuối cùng họ đến được Alep, nhưng không dừng lại ở đây mà tiếp tục đi về phía sông Ophorát, sang sông vào miền Lưỡng Hà^[78] rồi băng qua miền này đến tận thành phố Mút-xun^[79]. Từ Mút-xun, mặc dù đã trải qua không biết bao khổ ải, họ vẫn cố đi cho tới được Bátđá. Đây chính là nơi hai mẹ con muốn tới, mong tìm gặp Ganem, mặc dù việc chàng có mặt ở kinh đô của hoàng đế là điều khó tin. Nhưng họ vẫn hi vọng, vì tìm được Ganem là điều tâm niệm của họ. Qua cơn gia biến, tình thương yêu của họ đối với chàng không giảm bớt mà còn tăng thêm. Hai mẹ con thường nói chuyện về

Ganem; gặp ai họ cũng hỏi thăm tin tức chàng.

Nhưng chúng ta hãy tạm gác chuyện Mê Hồn Nương và mẹ nàng ở đây, để trở lại nói về Ưu Tư.

Từ cái ngày xiết bao tai hại cho Ganem và cho nàng, Ưu Tư vẫn bị giam chặt trong tháp tối. Tuy nhiên, cho dù cảnh nhà tù có khó chịu đến đâu, nàng buồn vì phận mình thì ít mà lo lắng cho tai họa của Ganem thì nhiều, số phận bấp bênh của chàng làm nàng lo âu da diết. Hầu như không một phút nào nàng không lo nghĩ vì chàng.

Một hôm, hoàng đế đang tản bộ một mình trong thành nội – vua thường làm như vậy vì ông ta là nhà vua hiếu kì nhất thế gian; một đôi lần qua những chuyến dạo đêm ấy, vua biết được nhiều chuyện xảy ra trong cung, mà không có thì chẳng bao giờ ông hay biết – một hôm trong khi dạo chơi, hoàng đế đi qua cạnh tháp tối. Chợt như có tiếng người, vua dừng lại đến gần tháp hơn để lắng nghe cho rõ, và nghe rành mạch những lời sau đây (Ưu Tư trong lúc mải mê nghĩ tới Gan em, đã nói khá to): “Ôi Gan em! Hỡi Ganem bất hạnh quá chừng, giờ đây anh ở đâu? Số phận thảm thương đưa đẩy anh đến chân trời góc bể nào? Than ôi! Chính tôi là kẻ đã làm khổ anh! Sao anh không để cho tôi chết khôn chết khổ đi mà còn hào hiệp cứu giúp làm gì? Sự chăm nom săn sóc, lòng kính trọng của anh đối với tôi đưa lại cho anh kết quả đáng buồn làm sao! Đáng lẽ phải thưởng công anh thì Đấng thống lĩnh các tín đồ lại bắt tội anh, chỉ vì anh bao giờ cũng coi tôi như một người dành riêng để nâng khăn sửa túi cho Người; khiến anh mất hết tài sản và phải trốn tránh để bảo toàn mạng sống. Ôi, hoàng đế, hoàng đế dã man! Người sẽ nói sao để tự bào chữa khi Người và Ganem cùng bước ra trước Thượng đế trong ngày phán xét cuối cùng, khi các thiên thần sẽ chứng nhận sự thật cho anh trước mặt Người? Cho dù quyền uy của Người hiện nay lớn đến bao nhiêu, cho dù gần hết quả địa cầu run lên dưới quyền lực của Người, điều đó cũng không ngăn được sau này Người sẽ bị Thượng đế phán xét và trừng phạt vì sự tàn bạo bất công.

Ưu Tư chỉ nói đến đây rồi ngừng, vì nghẹn ngào không thể nào nói tiếp được nữa.

Cũng chẳng cần nhiều hơn để buộc hoàng đế phải suy nghĩ. Vua thấy rõ là, nếu những điều vừa nghe là đúng sự thật, thì ái phi của vua vô tội, và lệnh của vua trị tội Ganem và gia đình chàng quả có vội vàng. Để đi sâu vào một điều rất có quan hệ đến đức công minh mà vua vẫn lấy làm tự hào, vua vội vã trở về cung, sai Mêrua đến ngay tháp tối dẫn Ưu Tư tới gặp mình. Qua lệnh đó, và nhất là qua thái độ của hoàng đế, viên chỉ huy các hoạn nô đoán rằng vua muốn xá tội cho ái phi và gọi nàng trở lại với mình. Y mừng rơn, vì y thương Ưu Tư và rất thông cảm về việc nàng bị thất sủng. Y chạy ngay lập tức đến tháp tối; và nói với ái phi, giọng mừng rỡ:

- Thưa bà, xin bà vui lòng đi theo tôi. Tôi hi vọng là bà sẽ không phải trở lại cái tháp tối om khôn khổ này. Đấng thống lĩnh các tín đồ muốn nói chuyện với bà, tôi thấy đó là một triệu chứng tốt lành.

Ưu Tư đi theo Mêrua, y dẫn nàng vào buồng riêng của hoàng đế. Nàng phủ phục xuống đất và cứ quỳ vậy mà khóc như mưa.

- Ưu Tư này, – hoàng đế nói, nhưng không truyền cho nàng đứng lên – hình như nàng lên án ta tàn bạo và bất công. Vậy thì ai là kẻ đang trong tình trạng thâm cảm, mặc dù đã nể vì và tôn kính ta? Hãy nói đi, nàng biết bản tính ta nhân từ, ta thích minh oan cho những người oan ức.

Qua câu nói, ái phi biết là vua đã nghe được những lời nàng than thở, và lợi dụng cơ hội hiếm có để thanh minh cho Ganem của mình, nàng đáp:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, em khúm núm van xin bệ hạ hãy xá tội cho. Nhưng, kẻ mà Người muốn biết rõ sự vô tội và cảnh thâm cảm ấy không ai khác là Ganem, con trai bất hạnh của Abu Aibu, thương nhân thành Đamát. Chính anh ta đã cứu sống em và cho em tạm trú trong nhà. Em xin thú thật với ngài là thoát trông thấy em, có lẽ anh cũng đem lòng yêu mến và hi vọng rồi em sẽ thông cảm sự chăm sóc của anh ta. Em đoán như vậy khi thấy anh ta lộ vẻ sốt sắng đãi đằng và làm giúp em mọi việc mà em rất cần trong hoàn cảnh lúc bấy giờ. Nhưng, khi vừa được biết là em đã có vinh dự thuộc về bệ hạ, thì anh ta nói ngay với em: “Thưa bà, cái gì đã thuộc về chủ nhân thì cấm nô lệ động vào”. Từ lúc ấy trở đi, xử sự của anh ta đối với em không chút trái ngược với lời anh nói. Thế mà, tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, Người đối xử với anh ta nghiêm khắc như thế nào, Người đã rõ, và rồi Người sẽ phải trả lời trước tòa phán xét của Thượng đế.

Hoàng đế không chút giận Ưu Tư đã dám giải bày với mình thẳng thắn như vậy. Vua nói tiếp:

- Nhưng ta có thể tin những lời quả quyết của nàng về tư cách Ganem được chăng?

- Tâu bệ hạ, bệ hạ có thể tin. Thiếp không hề muốn giấu Người một mảy may sự thật. Để chứng minh cho Người thấy, thiếp thành khẩn, thiếp cần phải thú thực với bệ hạ một điều có lẽ làm Người không vừa ý, nhưng thiếp xin bệ hạ tha thứ trước cho.

Thế là Harun An-Rasít đáp:

- Được rồi, nàng cứ nói. Ta tha thứ cho nàng hết thảy, miễn là nàng không được che giấu ta điều gì.

- Vậy thì thiếp xin thưa là, sự chăm sóc đầy tôn kính của Ganem, cùng với những sự giúp đỡ của anh ta đối với thiếp, làm cho thiếp có cảm tình với anh. Thiếp còn đi xa hơn nữa. Bệ hạ đã biết rõ mãnh lực của ái tình. Thiếp cảm thấy trong trái tim bắt đầu nảy nở tình cảm vẩn vương. Anh ta nhận thấy điều đó. Ấy thế mà không tìm cách lợi dụng sự yếu đuối của thiếp và bất chấp mối tình nồng cháy của mình, anh ta luôn luôn giữ đúng bổn phận. Tất

cả những gì mà tình yêu đắm đuối buộc anh ta phải bật ra lời đó là câu mà thiếp đã tâu với bệ hạ: “Cái gì đã thuộc về chủ nhân thì cấm nô lệ không được động vào”.

Những câu nói ngây thơ ấy có lẽ đã làm người khác nổi xung, nhưng chính ra lại làm hoàng đế nguôi hấn cơn thịnh nộ. Vua truyền nàng đứng dậy, cho đến ngồi cạnh mình, và bảo: “Nàng hãy kể lại ta nghe câu chuyện của nàng từ đầu chí cuối”.

Thế là nàng làm việc đó đầy khôn khéo và thông minh. Nàng chỉ lướt qua những điểm có liên quan đến Zôbêít. Nàng nói kỹ hơn về những điều mình chịu ơn Ganem, về những chi phí tốn kém của anh ta vì nàng, và nhất là khen ngợi sự kín đáo của anh; đề qua đó mà tỏ cho hoàng đế để biết nàng bắt buộc phải ẩn náu ở nhà Ganem để tránh Zôbêít, và cuối cùng kết thúc với việc chàng thương nhân trẻ trốn đi, mà không chút che giấu là chính nàng đã buộc anh ta trốn để tránh sấm sét của hoàng đế.

Nàng vừa dứt lời, vua bảo:

- Ta tin tất cả những điều nàng vừa kể. Nhưng tại sao các người chậm cho ta biết tin tức như vậy? Sao phải chờ đến một tháng sau khi ta trở về mới cho ta hay nàng đang ở đâu?

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – Ưu Tư đáp – Ganem ít ra khỏi nhà, cho nên xin Người chớ lấy làm lạ sao chúng tôi không biết sớm hơn tin Người trở về. Hơn nữa, Ganem nhận việc chuyển mảnh giấy của em viết cho Bình Minh, song một thời gian dài vẫn không làm sao tìm được dịp thuận tiện để đưa tận tay cho nó.

- Thế là đủ, Ưu Tư à, – hoàng đế đáp – ta nhận lỗi và muốn sửa lỗi bằng cách ban ơn rộng rãi cho gã thương nhân trẻ thành Bátđã kia. Nàng thử xem, ta có thể làm gì cho nó? Nàng muốn gì cứ xin, ta sẽ đồng ý cho.

Nghe câu đó, ái phi phủ phục dưới chân hoàng đế, áp mặt xuống đất, rồi đứng dậy nói:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, thiếp xin vì Ganem tạ ơn hoàng đế, và khúm núm cúi xin Người hãy ban bố trong khắp nước rằng Người đại xá cho con trai Abu Aibu, và anh ta chỉ việc đến trình diện với Người.

- Ta sẽ còn làm nhiều hơn, – hoàng đế tiếp lời, – để thưởng công nó đã cứu sống nàng, để thừa nhận sự tôn kính của nó đối với ta, để đền bù những thiệt hại về tài sản của nó, và cuối cùng để sửa lỗi lầm của ta đối với gia đình nó, ta cho phép nàng lấy nó làm chồng.

Ưu Tư không thể tìm ra đủ lời lẽ để cảm tạ hoàng đế về sự hào hiệp của Người. Sau đó nàng lui về phòng riêng, nơi nàng vẫn ở trước khi xảy ra những sự biến đau khổ. Đồ đạc trong phòng vẫn y nguyên. Không ai động

đến một vật gì. Nhưng điều làm cho nàng vui nhất, là trông thấy các hòm xiềng và góí gấm của Ganem, mà Mêrua đã cẩn thận đưa cất vào đây.

Ngày hôm sau, Harun An-Rasít truyền tể tướng Giafa cho ban bố khắp tất cả các thành phố trong nước, là vua tha tội cho Ganem, con trai Abu Aibu. Nhưng sự ban bố ấy không có lợi ích gì, vì đã một thời gian dài trôi qua, không hề ai nghe nói đến chàng thương nhân trẻ ấy. Ưu Tư nghĩ là có lẽ chàng đã không sống nổi vì thiếu nàng. Nàng lo âu kinh khủng; nhưng vì những người yêu đương bao giờ cũng vẫn nuôi hi vọng, nàng tâu xin hoàng đế cho phép mình thân hành đi tìm kiếm Ganem. Được phép, nàng mở hòm riêng lấy một cái túi đựng một nghìn đồng vàng; rồi một sáng sớm, cưỡi một con la trắng yên cương lộng lẫy trong đàn lừa ngựa của hoàng đế, nàng rời hoàng cung lên đường. Hai tên hoạn nô da đen theo hầu hai bên, lúc nào tay cũng đặt lên lưng con la.

Nàng đi từ nhà thờ này đến nhà thờ khác, cung tiến tiền bạc cho những người tu đạo Hồi, xin họ cầu nguyện cho nàng hoàn tất một công việc hệ trọng, mà theo lời nàng có quan hệ đến số phận của hai con người. Suốt ngày, nàng đem cả nghìn đồng vàng làm phúc hết ở các nhà thờ rồi tới đến trở về cung.

Ngày hôm sau, nàng lại lấy túi tiền khác đựng một nghìn đồng vàng và vẫn theo cung cách như hôm trước, đi đến hiệu kim hoàn.

Nàng dừng lại trước cửa và không xuống la, sai một tên hoạn nô đi gọi người trưởng phường đến. Ông này vốn là một con người rất từ thiện, vẫn dùng hơn hai phần ba số thu nhập của mình để cứu giúp những người ngoại quốc thất cơ lỡ vận vì bệnh tật ốm đau hoặc do công việc làm ăn sa sút. Nghe gọi, ông ta đến ngay, nhìn thấy trang phục của Ưu Tư, ông biết đây là một mệnh phụ trong triều. Nàng đặt túi tiền vào tay ông nói:

- Tôi có việc nhờ ông, một người mà cả thành phố này đều ca ngợi lòng từ thiện. Nhờ ông chia số tiền này cho những người nước ngoài đáng thương ông đang cứu giúp, bởi vì tôi biết rõ là ông vẫn thường xuyên giúp đỡ những người ngoại quốc đến kêu xin tấm lòng bác ái của ông.

- Thừa bà, – người trưởng phường đáp – tôi hết sức vui mừng làm theo lệnh của bà. Nhưng nếu bà muốn tự tay làm phúc thì xin mời bà quá bộ đến nhà tôi, bà sẽ gặp ở đó hai người đàn bà đáng hưởng lòng từ thiện của bà. Tôi gặp họ hôm qua, khi họ vừa đến thành phố. Tình trạng họ rất thảm thương, và tôi cũng xúc động vì trông họ có vẻ là những người có vai vế ở đời. Qua những bộ áo quần rách tươm, mặc dù mặt mũi họ sạm đen vì nắng cháy, tôi vẫn nhận ra một vẻ cao sang thường không có ở những người nghèo vẫn được tôi giúp đỡ. Tôi đưa hai người về nhà, giao cho bà vợ tôi. Bà nhà tôi thoát trông cũng đồng ý ngay với sự phán đoán của tôi. Nhà tôi sai

người ở sửa soạn giường, còn bà ấy thì tự tay rửa mặt mũi và thay quần áo cho họ. Chúng tôi chưa biết họ là ai vì chúng tôi muốn để cho nghỉ ngơi tí chút, sợ hỏi han ngay e làm họ mệt chẳng.

Không hiểu sao, Ưu Tư nảy lòng hiếu kì muốn gặp hai người đàn bà ấy. Người trưởng phường định dẫn nàng về nhà, nhưng nàng không muốn làm phiền ông, mà chỉ xin ông cho một tên nô lệ đưa đường, về đến cửa, nàng xuống la đi theo tên nô lệ, y bước lên trước để báo tin cho chủ nhà lúc này đang ở trong buồng cùng Mê Hồn Nương và mẹ nàng vì hai người đàn bà mà ông trưởng phường nói đến chính là mẹ và em gái của Ganem.

Được tên nô lệ báo tin có một phu nhân trong triều đến nhà, vợ người trưởng phường định ra đón nhưng không kịp. Ưu Tư theo bèn gót tên nô lệ, đã bước vào. Bà vợ người trưởng phường quỳ xuống đất để tỏ lòng kính trọng đối với những ai là người của nhà vua. Ưu Tư đỡ bà bà đứng lên và nói:

- Bà ơi, xin bà hãy cho tôi được hỏi chuyện hai người đàn bà nước ngoài vừa mới đến Bátđã tối hôm qua.

- Thừa bà, họ chính là những người đang nằm trên hai chiếc giường nhỏ kê sát nhau mà bà nhìn thấy đó. – Vợ người trưởng phường đáp.

Ai phi vội tiến đến sát giường bà mẹ, chăm chú nhìn bà và nói:

- Bà ơi, tôi đến đây để giúp đỡ bà. Tôi cũng có chút địa vị trong thành phố này, tôi có thể giúp ích cho bà cũng như cô bạn đường của bà.

- Thừa bà, – bà mẹ Ganem đáp – nghe lời bà dạy, tôi thấy trời chưa nỡ bỏ chúng tôi. Ấy thế mà sau bấy nhiêu tai họa xảy đến, tôi đã có lần từng nghĩ như vậy.

Dứt lời, bà bật khóc như mưa, đến nỗi Ưu Tư và bà vợ người trưởng phường cũng không cầm được nước mắt.

Ái phi lau nước mắt, và bảo bà mẹ Ganem:

- Xin bà hãy vui lòng kể cho chúng tôi nghe những nỗi bất hạnh của bà. Ít có ai nghe chuyện bà mà sẵn sàng tìm đủ mọi cách để an ủi bà hơn chúng tôi.

- Thừa bà, – bà quả phụ Abu Aibu nói tiếp – một ái phi của Đấng thống lĩnh các tín đồ, một phu nhân tên là Ưu Tư, là người đã gây nên tai họa cho chúng tôi.

Nghe câu đó, ái phi tưởng như bị sét đánh, song cố giấu nỗi bối rối và xúc động của mình, để cho bà mẹ Ganem kể tiếp:

- Tôi là vợ góa của Abu Aibu, thương nhân ở thành phố Đamát. Trước đây tôi có một đứa con trai tên là Ganem, cháu sang Bátđã buôn bán và bị tố cáo là đã quyến rũ bà Ưu Tư ấy.

Hoàng đế lúng búng khắp nơi để xử tử; không tìm thấy, Người đã viết thư gửi quốc vương Đamát đòi ông ra lệnh cho dân vào cướp phá và triệt hạ nhà cửa của chúng tôi, lột truồng béu riều con gái tôi và tôi suốt ba ngày liền trước mắt thiên hạ, sau đó đuổi chúng tôi đi, cấm suốt đời không được trở lại nước Xyri. Nhưng cho dù, người ta đối xử với chúng tôi không còn có chút nhân tình, thì tôi vẫn có thể khuây khỏa được phần nào nếu con trai tôi còn sống và tôi vẫn mong được gặp cháu. Sung sướng biết bao nhiêu cho em gái cháu đây và cho tôi, nếu được nhìn thấy cháu Ganem. Được ôm hôn nó, chúng tôi sẽ quên hết, sẽ không tiếc chút tài sản đã mất, sẽ khuây khỏa mọi nỗi khổ đau chúng tôi đã vì nó mà chịu đựng.

Than ôi! Tôi tin tưởng chắc chắn cháu là vô tội, cho dù chính nó đã vô tình gây nên cho chúng tôi mọi khổ đau; tôi tin cháu cũng như em gái nó và tôi đây chẳng hề phạm tội gì xúc phạm tới hoàng đế.

Đến đây Ưu Tư ngắt lời bà:

- Không, chắc chắn là không. Anh ấy cũng như bà không hề phạm tội ác nào. Tôi có thể cam đoan với bà sự trong trắng của anh ấy, vì chính tôi là Ưu Tư đây, con người đáng để cho bà trách móc biết bao, con người vì định mệnh đã gây nên mọi tai họa cho bà. Chính tôi mới là người đáng để bà hỏi tội về cái chết của con trai bà, nếu quả thật chàng không còn trên đời này nữa.

Nhưng, nếu tôi đã gây nên cho bà đau khổ thì tôi cũng có thể làm cho bà khuây khỏa. Tôi đã thanh minh cho Ganem với hoàng đế. Người đã cho ban bố khắp các nước thuộc quyền Người rằng Người đại xá cho con trai Abu Aibu. Xin bà đừng chút nghi ngờ, rồi hoàng đế sẽ ban cho bà bao nhiêu điều tốt lành như đã gây nên cho bà bấy nhiêu tai họa. Gia đình bà hiện không còn bị hoàng đế giận ghét nữa. Người đang chờ gặp Ganem để thưởng công chàng đã cứu sống tôi bằng việc cho phép hai chúng tôi nên vợ nên chồng. Người đã cho phép chàng lấy tôi làm vợ. Bởi vậy, xin bà hãy coi tôi như con dâu bà, và xin phép bà cho tôi được mãi mãi yêu quý bà.

Nói đến đây, Ưu Tư cúi xuống ôm chặt bà mẹ Ganem hồi lâu, bà kinh ngạc không thốt lên lời. Rồi nàng buông bà ra là để chạy đến ôm hôn Mê Hôn Nương, cô này cũng đã ngồi dậy đưa hai tay ra đón nàng.

Sau khi biểu lộ với hai mẹ con bà quả phụ những tình cảm thân thiết như mình đã thật sự là vợ của Ganem, nàng ái phi yêu kiều của hoàng đế nói:

- Xin mẹ và em đừng buồn nữa. Của cải của Ganem để trong thành phố này chưa mất mà hiện được cất giữ trong cung, tại phòng riêng của tôi. Tôi biết tất cả của cải trên đời này cũng không thể an ủi được mẹ và em nếu không có Ganem. Tôi suy mình ra, cho nên mới dám nói như vậy. Đối với những tâm hồn cao cả, tình ruột thịt cũng có sức mạnh không kém gì tình

yêu nam nữ. Nhưng tại sao chúng ta lại không hi vọng gặp lại chàng? Chắc chắn chúng ta sẽ tìm thấy chàng. Niềm hạnh phúc lúc này được gặp mẹ và gặp em đưa lại cho tôi niềm tin và hi vọng đó. Có lẽ hôm nay là ngày gian khổ cuối cùng. Khổ tận cam lai, đây có lẽ là ngày khởi đầu thời kì hạnh phúc còn lớn lao hơn cả hồi mẹ và em sống với Ganem ở Đamát.

Ưu Tư đang định nói nữa, thì người trưởng phòng buôn kim hoàn đến.

- Thừa bà, – ông nói với nàng, – tôi vừa chứng kiến một cảnh cảm động. Đây là một chàng trai trẻ vừa được đưa đến bệnh viện Bátđá bằng lạc đà. Người ta phải dùng dây buộc chàng trên lưng con vật vì chàng không đủ sức ngồi vững. Người ta cởi chàng ra, sắp đưa vào bệnh viện thì tôi đi ngang qua đây. Tôi đến gần, quan sát kỹ và trông mặt anh ta hơi quen quen. Tôi có hỏi gia đình và quê quán anh ta, nhưng anh không đáp một câu mà chỉ khóc lóc và thở dài. Tôi lấy làm thương hại, và vốn quen nhìn các người ốm, tôi biết anh ta cần được chăm nom săn sóc khẩn cấp. Tôi không muốn để người ta đưa anh vào bệnh viện, vì tôi biết quá rõ ở đó trông nom người bệnh thế nào, cũng như năng lực của các thầy thuốc ra sao. Tôi sai bọn người nhà tôi mang anh ta về, đưa vào một phòng riêng, và đã truyền người nhà thay quần áo sạch cho anh và hầu hạ anh chu đáo như hầu hạ chính tôi vậy.

Ưu Tư giật mình khi nghe người buôn kim hoàn nói, nàng cảm thấy rộn lên trong lòng một nỗi xúc động, không rõ căn nguyên.

Nàng bảo:

- Xin ông hãy dẫn tôi đến phòng người bệnh ấy. Tôi muốn gặp anh ta.

Người trưởng phòng đưa nàng đi khỏi, bà mẹ Ganem nói với Mê Hồn Nương:

- Ôi, con ơi! Người nước ngoài đau yếu ấy dù có đau khổ đến đâu cũng không bằng anh con, nếu anh con còn sống!

Vào phòng người bệnh, ái phi của hoàng đế đến cạnh cái giường mà bọn nô lệ của người trưởng phòng vừa đặt chàng nằm. Nàng nhìn thấy một chàng trai trẻ mắt nhắm nghiền, mặt tái xanh hốc hác và đầm đìa nước mắt. Chăm chú quan sát, tim nàng đập mạnh, ngỡ nhận ra Ganem, nhưng ngay sau đó lại không dám tin vào mắt mình. Tuy có nhận ra một vài nét của Ganem trong con người nằm kia, nhưng bề ngoài người này lại khác biệt đến nỗi nàng không dám tin chính chàng đang ở trước mắt mình. Tuy nhiên, không cưỡng nổi ý muốn làm sáng tỏ, nàng hỏi giọng run run:

- Ganem, có phải chàng đấy không?

Hỏi xong, nàng ngừng lại chờ chàng trả lời. Thấy chàng có vẻ dừng dưng, nàng nói tiếp:

- Ôi! Ganem ơi, người em đang hỏi đây chẳng phải là chàng đâu. Trí tưởng tượng của em luôn luôn mang hình ảnh anh, đã làm cho em nhìn nhầm người lạ mặt này. Con trai Abu Aibu dù ốm nặng đến đâu, chắc hẳn đã nhận ngay ra giọng nói của Ưu Tư rồi.

Nghe hai tiếng Ưu Tư, Ganem – vì đây chính là chàng – mở hé mắt, quay đầu về phía người đang nói, và nhận ra ái phi của hoàng đế.

- A! Vậy là bà đây ư, thưa bà? Sao có được sự kì diệu dường này...

Chàng không nói được hết câu. Nỗi mừng vui quá đột ngột làm chàng ngất đi. Ưu Tư và ông trưởng phòng vội cấp cứu. Khi thấy chàng sắp hồi tỉnh, người trưởng phòng mời nàng ra ngoài, sợ để Ganem nhìn thấy, e con bệnh của chàng sẽ nặng thêm chẳng.

Chàng trẻ tuổi tỉnh lại, đưa mắt nhìn bốn phía. Không thấy người mình tìm, chàng thốt lên:

- Hỡi ưu Tư xinh đẹp, nàng ở đâu? Có phải đúng là nàng vừa ở trước mắt tôi hay chỉ là giấc mơ?

- Không, thưa ngài – người trưởng phòng nói – hoàn toàn không phải ngài mơ. Chính tôi vừa mời bà ấy ra ngoài. Ngài sẽ gặp bà ngay, chừng nào ngài đủ sức khỏe để nhìn bà. Giờ đây, ngài cần nghỉ ngơi và không nên để chuyện gì làm trở ngại đến việc đó. Số phận của ngài đã thay đổi, bởi vì hình như ngài chính là ông Ganem mà Đấng thống lĩnh các tín đồ đã cho ban bố khắp thành phố Bátđã rằng Người đại xá những gì xảy ra trong quá khứ. Bà vừa nói chuyện với ngài hồi nãy sẽ cho ngài rõ đây đủ hơn. Giờ ngài chỉ nên nghĩ tới chuyện làm sao chóng bình phục. Về phần tôi, tôi xin cố hết sức góp phần vào việc đó.

Nói xong, người trưởng phòng để Ganem nằm nghỉ. Ông đi sửa soạn các loại thuốc men mà ông cho là cần thiết để giúp chàng lấy lại sức lực bị kiệt quệ vì đói khát và gian lao.

Trong lúc đó, Ưu Tư trở lại phòng của Mê Hồn Nương và bà mẹ. Ở đây cũng xảy ra cảnh gần như vậy, vì khi được biết người nước ngoài ốm đau được người trưởng phòng đón về ấy chính là con trai mình, bà mẹ Ganem mừng vui đến nỗi cũng ngất đi. Vừa tỉnh lại nhờ sự săn sóc của Ưu Tư và vợ người trưởng phòng, bà muốn đứng lên đi gặp con ngay. Nhưng người trưởng phòng đến đúng lúc kịp để ngăn lại, nói rằng Ganem đang yếu và kiệt sức đến mức không thể không gây nguy hiểm cho tính mệnh của chàng, nếu đột ngột để chàng gặp mẹ và em gái xiết bao mong nhớ.

Ông không cần nói nhiều hơn để thuyết phục bà mẹ Ganem. Khi được biết là không thể nói chuyện với con mà không gây nguy hiểm cho chàng, bà thôi khản khoản đòi gặp con nữa. Bấy giờ Ưu Tư mới lên tiếng: chúng ta hãy tạ

ơn Thượng đế đã cho chúng ta sum họp. Giờ đây tôi trở về tàu hoàng đế tất cả những việc vừa rồi, sáng sớm mai sẽ trở lại gặp mẹ và em.

Nói xong, nàng hôn bà mẹ và cô em rồi ra đi. Vừa về đến hoàng cung, nàng nhờ Mêrua xin được gặp riêng hoàng đế. Yêu cầu của nàng được chấp nhận ngay tức khắc.

Nàng được đưa vào phòng riêng của hoàng đế. Vua đang ở một mình. Thoạt tiên nàng phủ phục, áp mặt xuống đất theo đúng lễ nghi. Vua bảo nàng đứng dậy, cho phép ngồi và hỏi nàng đã được tin tức gì của Ganem chưa. Nàng đáp:

- Tàu Đấng thống lĩnh các tín đồ, nhờ cố gắng hết sức, em đã tìm được chàng cùng với bà mẹ và cô em gái.

Hoàng đế hiếu kỳ muốn biết nàng đã làm thế nào để tìm thấy trong một thời gian ngắn như vậy. Nàng thỏa mãn sự hiếu kỳ của vua, và nói thêm nhiều điều tốt đẹp về bà mẹ Ganem và Mê Hôn Nương nữa, đến nỗi vua cũng muốn gặp hai mẹ con bà cùng với chàng thương nhân trẻ.

Nếu Harun An-Rasít thô bạo, nếu trong những cơn nóng giận vua thỉnh thoảng sa vào những hành động tàn nhẫn, thì bù lại, đó là ông vua công minh và hào hiệp nhất thế gian, một khi cơn giận dữ đã qua và được người khác chỉ ra sự bất công của mình. Bởi vậy, khi đã tin rằng mình xử phạt bất công Ganem và gia đình chàng, đối xử tàn tệ với họ trước công chúng, vua nhất quyết cũng minh oan cho họ trước mọi người. Vua bảo Ưu Tư:

- Ta rất vui lòng vì nàng đã thành công trong công việc tìm kiếm. Ta vui mừng vì nàng ít mà vì chính ta nhiều hơn. Ta giữ lời đã hứa. Nàng sẽ lấy Ganem, và ta tuyên bố từ giờ phút này, nàng không còn là nô lệ của ta nữa, nàng được tự do. Nàng hãy đến với anh chàng thương nhân trẻ. Chừng nào sức khỏe anh ta bình phục, hãy đưa anh ta cùng bà mẹ và cô em gái đến đây.

Ngày hôm sau, Ưu Tư không quên đến nhà người trưởng phường buôn kim hoàn rất sớm. Nàng sốt ruột muốn rõ tình trạng sức khỏe Ganem và báo cho mẹ và cô em gái biết những tin tức tốt lành. Người đầu tiên nàng gặp là viên trưởng phường, ông ta cho nàng rõ đêm qua Ganem ngủ rất tốt. Căn nguyên bệnh của chàng chỉ là sâu não, cắt bỏ được cơn rồi, chàng sẽ khỏi bệnh chóng thôi.

Quả vậy, người con trai của Abu Aibu đã thấy người dễ chịu hơn nhiều. Sự nghỉ ngơi cùng những thuốc men đã uống, và trên tất cả là tinh thần sáng khoái, đã gây được công hiệu tốt đến mức người trưởng phường thấy chàng có thể gặp mẹ, em gái và người yêu mà không sợ nguy hiểm nữa, miễn là cần có sự chuẩn bị. Ông lo, do chàng chưa biết mẹ và em gái đã ở Bátđa, sự gặp mặt bất thần có thể làm cho chàng quá xúc động vì ngạc nhiên và mừng

rõ. Cuối cùng họ thỏa thuận với nhau, Ưu Tư sẽ vào gặp Ganem trước, rồi nàng ra hiệu cho hai người đàn bà kia vào lúc nào thuận lợi.

Bàn bạc xong xuôi, viên trưởng phường báo cho người bệnh biết Ưu Tư đến. Chàng vui mừng được gặp người yêu, suýt nữa lại ngất đi. Nàng vừa tiến đến cạnh giường chàng vừa nói:

- Nay Ganem, anh đang gặp lại Ưu Tư của anh, mà anh tưởng đã mãi mãi mất đi rồi đấy.

- Ôi thưa bà, – chàng vội vã ngắt lời nàng – sự kỳ diệu nào đưa bà đến thăm tôi? Tôi vẫn tưởng bà đang ở trong hoàng cung. Hoàng đế chắc đã nghe bà phân trần. Bà đã xua tan nỗi ngờ vực của Người, và Người đã trở lại yêu quý bà như trước.

- Vâng hỡi Ganem thân yêu của em ơi, – Ưu Tư đáp – em đã thanh minh được với Đấng thống lĩnh các tín đồ, và để sửa chữa lỗi lầm đã gây đau khổ cho chàng, Người cho phép em kết hôn với chàng.

Câu nói cuối cùng làm cho Ganem mừng vui đến nỗi lặng đi không thốt nên lời, như thường gặp ở những người đang yêu. Nhưng cuối cùng chàng cũng thốt lên được:

- Ôi! Nàng Ưu Tư xinh đẹp ơi! Tôi có thể tin lời nàng vừa nói chứ? Tôi có thể tin rằng quả thật hoàng đế nhường nàng cho con trai của Abu Aibu?

- Không có gì có thể đúng sự thật hơn. – Nàng lại nói. – Hoàng đế trước đây đã sai truy nã chàng để xử tử, và trong cơn nóng giận đã bắt mẹ và em gái chàng phải chịu biết bao điều tủ nhục, giờ đang muốn gặp để thưởng công cho chàng đã tỏ lòng tôn kính Người, và không còn nghi ngờ gì nữa, Người sẽ ban ơn rộng rãi cho tất cả gia đình chàng.

Ganem hỏi hoàng đế đã đối xử với mẹ và em gái chàng như thế nào, Ưu Tư kể lại cho chàng rõ. Chàng không thể nghe mà không tuôn nước mắt, mặc dù đang vui mừng về tin được phép kết hôn với người yêu. Nhưng khi Ưu Tư cho biết hiện tại hai người đang ở Bátđã trong cùng một ngôi nhà, chàng nôn nóng muốn được gặp mẹ và em gái quá, đến nỗi ái phi không thể nán ná được nữa. Nàng lên tiếng gọi.

Hai người đã chực sẵn ở ngoài cửa, chỉ chờ đợi có phút này. Họ bước vào đến cạnh Ganem, ôm chàng và hôn nhiều bận. Biết bao nước mắt đã tuôn rơi trong giờ hạnh ngộ. Mặt Ganem đầm đìa nước mắt, cũng như mẹ và em gái chàng. Ưu Tư cũng khóc rất nhiều. Ngay đến vợ chồng người trưởng phường trước cảnh tượng ấy cũng không cầm được nước mắt, và không ngớt khâm phục trời đất sao khéo xui khiến, cho tái hồi đoàn tụ bốn con người từng bị số kiếp phân ly một cách tàn nhẫn.

Sau khi mọi người lau khô nước mắt, Ganem lại làm cho dòng lệ nhiều

người tuôn rơi, khi chàng thuật lại những điều đã phải chịu đựng kể từ hôm chàng già từ Ưu Tư cho đến khi người trưởng phường gặp và cho đưa chàng về nhà.

Chàng cho biết, trong khi trốn tránh ở một làng nhỏ, chàng lâm bệnh, một vài dân lành tốt bụng đã săn sóc chàng. Nhưng vì bệnh không thuyên giảm, một người dốt lạc đã nhận làm phúc đưa chàng đến nhà thương Bátđá. Ưu Tư cũng thuật lại nỗi buồn của mình lúc bị giam cầm, chuyện hoàng đế sau khi nghe nàng than thở trong tháp tối đã cho gọi nàng đến buồng riêng, và rồi nàng đã nói những gì để tự thanh minh. Cuối cùng, khi mọi người đã rõ tất cả những gì đã xảy ra cho nhau trong thời gian xa cách, Ưu Tư nói:

- Chúng ta hãy tạ ơn Thượng đế cho chúng ta sum họp và giờ đây chỉ nên nghĩ đến hạnh phúc đang chờ. Khi nào sức khỏe Ganem bình phục, chàng phải cùng với mẹ và em gái đến ra mắt hoàng đế. Nhưng, vì mẹ và em chưa được sấm sanh, tôi phải đi lo liệu việc này. Xin vui lòng chờ cho một lát.

Nói xong nàng đi ra, trở về hoàng cung và lát sau quay lại nhà người trưởng phường với túi tiền khác đựng một nghìn đồng vàng. Nàng đưa túi tiền nhờ ông mua hộ quần áo cho Mê Hồn Nương và bà mẹ. Người trưởng phường vốn có khiếu thẩm mỹ, chọn mua những vải vóc khá đẹp, và cho may gấp, càng xong sớm càng hay. Sau ba ngày áo quần sấm sửa xong. Và Ganem, thấy đã đủ sức đi, cũng lo chuẩn bị. Nhưng, đúng vào ngày chàng dự định đến lạy chào hoàng đế, trong lúc đang cùng với Mê Hồn Nương và mẹ sửa soạn, thì tể tướng Giafa đích thân đến gặp người trưởng phường.

Tể tướng đi ngựa, có một đội tùy tùng đông theo sau. Bước vào nhà, ông nói với Ganem:

- Thừa ngài, tôi đến đây theo lệnh Đấng thống lĩnh các tín đồ, vị chúa tể của tôi và của ngài. Mệnh lệnh tôi được giao thi hành hôm nay khác xa với lệnh mà tôi không muốn ngài nhớ lại. Tôi phải đưa ngài đến ra mắt hoàng đế đang chờ gặp ngài.

Ganem cúi đầu rất thấp, đáp lại lời chào của tể tướng rồi lên lưng một con ngựa lấy trong số ngựa của hoàng đế vừa đưa đến. Chàng đi ngựa rất duyên dáng.

Bà mẹ và cô em gái cũng được mời cưỡi hai con la của hoàng cung. Và trong khi Ưu Tư ngồi trên lưng một con lừa dẫn hai mẹ con vào cung bằng đường tắt, thì Giafa đưa Ganem theo con đường lớn, đến thẳng phòng thiết triều.

Hoàng đế đang ngự trên ngai, chung quanh có các đại thần, thượng thư, tướng lĩnh, thị vệ và sứ thần nhiều nước A Rập, Ba Tư, Ai Cập, Xyri và châu Phi dưới quyền đô hộ của Người, không kể những người nước ngoài khác.

Khi tể tướng dẫn Ganem vào tới chân ngai, chàng thương nhân trẻ phủ phục mặt áp xuống đất, rồi đứng lên đọc một bài chúc tụng bằng thơ, tuy vừa ứng khẩu sáng tác tại chỗ nhưng vẫn làm cho tất cả triều đình tán thưởng. Sau khi chàng chúc tụng xong, hoàng đế gọi chàng đến gần và nói: “Ta hài lòng gặp ngươi, và muốn tự ngươi kể cho ta nghe ngươi đã gặp ái phi của ta ở đâu và ngươi đã làm những gì cho nàng”.

Ganem tuân lệnh, và tỏ ra thành khẩn đến nỗi hoàng đế tin chắc tấm lòng chân thực của chàng. Hoàng đế sai ban cho chàng một tấm áo thật đẹp, theo như lệ thường đối với những người được vào triều yết. Sau đó, vua bảo chàng:

- Ganem à, ta muốn ngươi ở hẳn trong triều của ta.

- Tâu Đáng thống lĩnh các tín đồ, – chàng đáp – kẻ nô lệ không có ý muốn nào khác ý muốn của chủ nhân mình, người có quyền định đoạt tính mệnh và tài sản của nó.

Hoàng đế rất lấy làm hài lòng về câu trả lời của Ganem và ban thưởng cho chàng rất hậu. Tiếp đó hoàng đế bước xuống, Người lui về cung riêng, chỉ cho phép Ganem và tể tướng đi theo.

Biết Ưu Tư đã có mặt ở đây cùng với bà mẹ và cô con gái, vua truyền cho họ vào. Các bà cúi lạy vua.

Hoàng đế cho họ đứng lên, và sau khi ngắm nghía thật chăm chú, thấy Mê Hôn Nương rất đẹp, vua liền bảo:

- Ta rất lấy làm tiếc đã đôi xử quá tệ với nàng, cho nên ta phải sửa chữa sao cho vượt qua sự nhục mạ đối với một nhan sắc dường này. Ta lấy nàng làm vợ và bằng cách đó trừng phạt Zôbêit; chính nhờ vậy mà bà ta trở thành người đầu tiên đưa đến hạnh phúc cho nàng, như đã từng gây nên cho nàng bao nhiêu bất hạnh trong quá khứ. Không phải chỉ có thế, – vua quay về phía bà mẹ Ganem và nói tiếp – bà cũng còn trẻ, và ta tin rằng bà không chê làm bạn với tể tướng của ta. Ta gả bà cho Giafa, còn nàng Ưu Tư à, ta gả nàng cho Ganem. Hãy mời một pháp quan và những người làm chứng đến đây. Cần lập và kí ngay tức khắc bản hôn thú.

Ganem muốn trình bày với hoàng đế là em gái chàng, nếu được sung vào số ái phi của vua thì đã quá vinh dự rồi, nhưng hoàng đế muốn cưới Mê Hôn Nương làm vợ.

Vua thấy câu chuyện ấy quá kì lạ, liền truyền cho một sử quan lỗi lạc viết ra với đầy đủ mọi chi tiết như trên. Bản viết được lưu trữ trong văn khố, từ nguyên bản ấy, nhiều bản sao được đưa ra lưu truyền rộng rãi^[80].

CHUYỆN HOÀNG TỬ ZEIN ALASMAN VÀ CHÚA TÊ CÁC THẦN LINH

Tâu bệ hạ, ngày xưa ở Banxôra có một nhà vua cực kì giàu có. Vua được trăm họ mến yêu nhưng lại không có con. Điều đó làm vua rất đổi buồn phiền. Bằng những lễ vật rất đổi trọng thể, vua van vái tất cả các đấng thần linh trong nước hãy giúp cầu Trời cho vua có được một con trai nối dõi. Lời cầu của các thần linh có kết quả. Hoàng hậu thụ thai và sinh hạ mẹ tròn con vuông một hoàng tử, được đặt tên là Zein Alasman, có nghĩa là đẹp như tượng.

Vua truyền tập họp tất cả các nhà chiêm tinh học trong nước lại và lệnh cho họ lấy số tử vi của cậu bé. Qua việc xem sao, họ phát hiện rằng cậu sẽ sống lâu, sẽ dũng cảm, nhưng cậu cần có nghị lực để dũng mãnh đương đầu với các tai ương đe dọa. Điều tiên đoán ấy không làm cho vua mấy may kinh sợ. Vua nói: “Con trai ta không có gì đáng phàn nàn, bởi vì nó dũng cảm. Gặp gian khó là điều tốt cho các vị hoàng tử. Những sự ngang trái trau dồi đức độ của họ, giúp cho sau này họ trị vì được tốt hơn”. Vua ban thưởng cho các nhà chiêm tinh học rồi cho họ về.

Vua cho nuôi dạy hoàng tử hết sức công phu. Cậu vừa đến tuổi học, vua đã cho đón thầy về dạy. Tóm lại, vua đang mải mê lo chuyện rèn giũa con trở thành một hoàng tử tài đức vẹn toàn thì đột nhiên lâm một chứng bệnh nan y.

Tự mình thấy gần đất xa trời, vua sai gọi hoàng tử đến bên giường bệnh và dặn dò đủ mọi điều, nhất là chú ý làm sao cho dân yêu chứ đừng để dân sợ, chớ nên nghe những lời Xiêm ninh, và hãy suy nghĩ chín chắn lúc thưởng phạt, vì các nhà vua thường dễ bùi tai trước những lời xiêm ninh mà thưởng công cho những kẻ độc ác và trừng phạt những người vô tội.

Vua vừa qua đời, hoàng tử Zein liền cho phát tang. Hoàng tử chịu tang trong bảy ngày. Đến ngày thứ tám, hoàng tử lên ngôi, cho thay dấu ấn của vua cha, niêm phong quốc khố bằng ấn của chính mình, và bắt đầu hưởng lạc thú của người làm vua. Vua thích các triều thần nhất nhất tuân theo mọi ý muốn của mình, biến mỗi quan tâm duy nhất của họ là làm sao tỏ cho vua thấy rõ sự tuân phục và lòng hăng hái phục tùng. Tóm lại, vua quá ưa thích việc phô trương quyền lực đế vương. Vua chỉ thấy bốn phận của trăm dân đối với mình, mà không hề nghĩ đến bốn phận của mình đối với trăm dân. Vua chẳng bỏ mấy tâm lực để trị sao cho tốt. Vua say sưa tửu sắc, chơi bời cùng với những chàng trai ăn chơi được vua cất nhắc và giao nắm giữ những cương vị chủ chốt của quốc gia. Chẳng còn có lẽ luật nào sát. Bản tính vốn hào phóng, vua ban thưởng không hạn độ, thế là các cô gái cùng những kẻ

được sủng ái thì nhau vét cạn kho tàng, mà vua không hay biết.

Bấy giờ hoàng thái hậu còn sống. Bà là một con người khôn ngoan và thận trọng. Đã nhiều lần bà tìm cách ngăn chặn không có kết quả tính vung tiền qua cửa và lòng đam mê tử sắc của con bằng cách nói rõ, nếu vua không tỉnh ngộ mà thay đổi tính tình thì không những của cải sẽ tiêu tan mà trăm họ chán ghét, thậm chí có thể gây nên biến loạn làm sụp đổ ngai vàng và nguy hại đến tính mạng của chính nhà vua.

Chẳng bao lâu, điều bà tiên đoán xảy ra. Dân chúng bắt đầu ta thán triều đình, và những lời ta thán ấy hẳn không khỏi đưa đến một cuộc nổi loạn ở khắp nơi, nếu hoàng thái hậu không khôn ngoan dự kiến được. Hay tin các nơi rục rịch biến loạn, hoàng thái hậu báo cho vua biết, và cuối cùng vua cũng nghe ra. Vua liền giao phó công việc triều đình cho các vị lão thần tài giỏi, những vị này biết cách vỗ yên dân chúng.

Thấy bao nhiêu của cải của mình đã bay biến, Zein hối hận là đã không biết sử dụng những thứ đó cho tốt hơn. Vua đâm buồn phiền thê thiết, không gì có thể khuây nguôi. Một đêm vua nằm mơ thấy một cụ già đáng kính bước đến gần, vừa cười vừa bảo: “Này Zein, nên biết rằng chẳng có nỗi buồn nào không có niềm vui kế tiếp, và dĩ cực ắt thái lai. Nếu người muốn hết buồn phiền, hãy đứng lên, khởi hành sang Ai Cập, hãy đi đến Cairô. Một điềm phúc lớn đang chờ người ở đấy”.

Tỉnh dậy, vua xúc động vì giấc mơ. Vua thuật lại nghiêm trang cho hoàng thái hậu nghe, bà chỉ cười.

- Thế là con tin vào giấc mộng đẹp ấy và muốn sang Ai Cập?

- Sao lại không, thưa mẹ? – Zein đáp – Mẹ cho rằng mọi giấc mơ đều là hoang tưởng cả hay sao? Không, không, có những giấc mơ huyền bí. Các gia sư đã kể cho con nghe hàng nghìn chuyện khiến con không thể nào hoài nghi. Vả chẳng, cho dù chưa hoàn toàn tin chắc, con cũng không thể không nghe theo giấc mơ của con. Con thấy cụ già có một vẻ gì thật siêu nhiên. Cụ không giống những cụ già chỉ nhờ có tuổi tác mà trở thành đáng kính. Người cụ toát ra một vẻ gì rất thần thánh. Tóm lại, trông cụ giống hình tượng mà ta hằng thấy về Đấng tiên tri đại của chúng ta^[81]. Nếu mẹ muốn con nói rõ ý nghĩ thầm kín của con, thì con tin đây chính là Người, vì thương xót mà đến giải những nỗi ưu phiền của con. Cụ gây cho con một sự tin cậy hoàn toàn. Con tin vào những lời hứa hẹn của cụ, và con nhất quyết đi theo con đường cụ chỉ dẫn.

Hoàng thái hậu cố làm con thay đổi ý kiến nhưng vô hiệu. Vua ủy thác cho mẹ trông coi triều chính, rồi một hôm bí mật rời hoàng cung lên đường đi Cairô, kinh đô Ai Cập, mà không muốn để cho một ai tùy giá.

Sau rất nhiều gian truân, vua đến được thành phố nổi tiếng ấy, mà trên đời ít có nơi nào sánh kịp về quy mô cũng như về vẻ đẹp. Vừa xuống ngựa trước cửa một giáo đường, vua cảm thấy mệt mỏi quá chừng, liền nằm xuống nghỉ. Vừa thiếp đi, vua đã thấy chính cụ già mình đã gặp trong giấc mộng hiện lên bảo: “Này con ơi, ta rất bằng lòng về con. Con đã tin lời ta, con đã không quản ngại đường xá xa xôi, khó nhọc đến tận nơi đây. Nhưng hãy biết rằng, ta buộc con phải làm một cuộc hành trình xa xôi như vậy mới là chỉ để thử thách con thôi. Ta thấy con có dũng khí và quyết tâm. Con xứng đáng để ta cho con trở thành đáng vương giả giàu có và sung sướng nhất thế gian. Con hãy trở về Banxôra. Rồi con sẽ tìm thấy trong cung điện của con vô số của cải, chưa từng một nhà vua nào giàu có như con”.

Vua không hài lòng về giấc mộng ấy. “Than ôi, – vua tự nhủ khi tỉnh dậy – ta lầm lạc quá chừng. Cụ già mà ta ngỡ là Đáng tiên tri vĩ đại của chúng ta, hóa ra chỉ là sản phẩm đơn thuần của đầu óc mơ tưởng viển vông. Ta tưởng tượng quá nhiều cho nên không có gì đáng lạ khi gặp lại cụ một lần nữa trong mơ. Thôi ta hãy trở về Banxôra. Ở lâu hơn nơi đây làm gì? May mà ta đã không nói gì cho ai hay ngoài mẹ ta về mục đích của chuyến đi này. Trăm dân mà biết được thì ta đã trở thành trò cười cho họ rồi còn gì”.

Thế là vua liền trở về nước. Vua tới nơi, hoàng thái hậu hỏi có hài lòng về chuyến đi không, vua kể hết cho mẹ nghe. Vua tỏ ra quá buồn bực vì đã nhẹ dạ cả tin, đến nỗi hoàng thái hậu không những không trách mắng hoặc chế giễu làm cho vua buồn phiền thêm mà còn lựa lời an ủi.

Bà nói:

- Con ơi, thôi chớ buồn rầu làm chi. Nếu Thượng đế muốn cho con giàu thì con sẽ được giàu mà không phải vất vả gian lao. Con hãy nghỉ ngơi thanh thản, mẹ chỉ dặn dò con một điều là hãy sống có đạo đức. Con hãy khước từ những lạc thú của tửu sắc, của đàn ngọt hát hay. Hãy tránh những thú vui đó. Nó chẳng đã làm cho con suýt nguy hiểm đó sao. Con hãy chăm lo sao cho thần dân của con sung sướng. Làm nên hạnh phúc cho dân, là con bảo đảm hạnh phúc của chính con đấy.

Vua Zein thề từ nay sẽ nghe theo mọi lời khuyên của mẹ và của những đại thần khôn ngoan mà hoàng thái hậu đã chọn và cất cử để giúp trông coi triều chính. Nhưng ngay đêm đầu tiên trở về cung, vua đã thấy lần thứ ba ông già đến báo mộng: “Hỡi Zein đừng cảm! Giờ phần vinh cuối cùng đã đến. Sáng sớm mai, vừa tỉnh dậy, con hãy lấy ngay một cái cuốc và đào bới phòng làm việc của tiên vương, con sẽ tìm thấy một kho tàng lớn”.

Vừa tỉnh giấc, vua đã đứng lên, chạy tới phòng của hoàng thái hậu sôi nổi kể cho mẹ nghe giấc mộng vừa rồi. Bà mỉm cười:

- Con ơi, đó thật là một cụ già bướng bỉnh. Cụ chưa bằng lòng đã hai lần

lừa dối con. Thế mà con vẫn còn tin lời cụ nữa sao?

- Không, thưa mẹ, con không mấy may tin những lời cụ nói, nhưng con muốn thăm phòng làm việc của cha con cho vui.

Hoàng thái hậu bật cười:

- Ô, mẹ chẳng tin lời con tí nào. Nhưng thôi tùy con. Điều làm mẹ yên tâm là công việc này dù sao cũng chẳng vất vả như chuyến đi sang Ai Cập.

- Đã thế thì, thưa mẹ, – vua nói tiếp – con xin thú thật, giấc mộng thứ ba này lại làm cho con trở lại tin tưởng. Nó gắn liền với giấc mộng trước, chúng ta hãy xem xét kỹ những lời nói của cụ già. Thoạt tiên, cụ truyền bảo con sang Ai Cập. Ở đây cụ nói đã bảo con làm chuyến đi ấy để thử thách con. Tiếp đó cụ bảo: hãy trở về Banxôra, ở đây con sẽ tìm được những kho vàng. Đêm vừa rồi, cụ chỉ đích xác cho con chỗ để kho vàng. Con nghĩ rằng ba giấc mộng liên tục với nhau; không có gì mập mờ, không có chi tiết nào đáng băn khoăn. Nói cho cùng, đó có thể là hoang tưởng. Nhưng con thích thà làm một cuộc tìm kiếm vô ích còn hơn là để rồi suốt đời sẽ tự trách mình là biết đâu đã để lỡ một dịp làm giàu to vì cứng đầu không phải lúc.

Nói xong, vua ra khỏi phòng hoàng thái hậu, sai lấy một cái cốc, rồi tự mình đi vào phòng làm việc của vua cha đã quá cố. Vua ra tay cốc, và đỡ đến hơn một nửa gạch lát nền mà vẫn không hề thấy tí dấu vết của kho tàng. Lúc nghỉ tay, vua tự nhủ: “Không khéo mẹ ta lại có dịp chế giễu ta. Tuy nhiên, vua lấy lại can đảm và tiếp tục công việc. Không phí công. Đột nhiên, phát hiện ra một phiến đá trắng. Vua đỡ lên, thế là nhìn thấy một cái cửa được khóa bằng một ống khóa thép.

Vua dùng cốc đập vỡ khóa, mở cánh cửa và thấy hiện ra một cầu thang xây bằng cẩm thạch trắng. Vua liền đốt một ngọn nến và theo cầu thang ấy xuống một căn buồng lát bằng sứ Trung Quốc, còn tường và trần thì ốp thủy tinh. Nhưng vua đặc biệt chăm chú nhìn bốn cái bệ, trên mỗi bệ đặt mười chiếc vò bằng đá vân ban. Vua nghĩ chắc những chiếc vò này đựng rượu vang: “Chà, loại rượu hắc lâu năm lắm, và chắc là ngon tuyệt”. Vua đến gần một vò, mở nắp ra, ngạc nhiên và mừng rỡ thấy nó đựng đầy tiền vàng. Vua thăm suốt lượt bốn chục cái vò, thấy cái nào cũng đựng đầy tiền. Vua bốc một nắm, mang lên cho hoàng thái hậu xem.

Bà ngạc nhiên không thể tưởng tượng khi nghe con thuật lại những điều vừa trông thấy. Bà thốt lên:

- Con ơi, hãy chú ý đừng tiêu hoang phí những của cải đó như con đã từng phung phí kho tàng quốc gia. Chớ để cho các kẻ thù của con có dịp vui mừng.

- Không, thưa mẹ, lối sống của con từ nay sẽ chỉ làm cho mẹ hài lòng.

Hoàng thái hậu nhờ vua dẫn bà xuống căn hầm kỳ lạ mà chồng bà xưa kia đã xây dựng kín đáo đến mức chưa bao giờ bà từng nghe ai nói tới. Zêin dẫn bà đến phòng làm việc, giúp bà xuống cầu thang bằng cẩm thạch và đưa bà vào căn buồng có đặt các vò. Bà tò mò nhìn tất cả đồ vật, và chú ý ở một góc buồng có một vò nhỏ làm bằng cùng chất liệu với những cái khác. Vua chưa từng trông thấy cái vò này. Vua cầm lấy, mở ra, thấy bên trong có một chìa khóa bằng vàng. Hoàng thái hậu nói: “chiếc chìa khóa này hẳn cất giữ một kho tàng khác, con à. Chúng ta hãy tìm kiếm khắp nơi, may ra phát hiện được nơi để mở với chìa khóa này”. Hai mẹ con lục lọi căn phòng cực kì cẩn thận, và cuối cùng tìm thấy một lỗ khóa ở một ngách tường. Họ nghĩ rằng chiếc chìa khóa vàng là để dùng vào đây. Vua mở thử, lập tức một cánh cửa mở ra, để lộ một căn buồng khác, chính giữa đặt chín bệ tượng bằng vàng khối; trên tám bệ có tám tượng tạc nguyên trong một khối kim cương. Những tượng ấy lấp lánh đến nỗi cả căn buồng sáng rực. – “Trời đất, không biết cha con đã tìm đâu ra được những vật đẹp đẽ dường này”. – Vua nói.

Cái bệ thứ chín càng làm cho vua kinh ngạc vì bên trên có đặt một tấm sa tanh trắng viết những dòng chữ sau đây: “Hỡi con yêu quý của ta! Ta đã khó nhọc biết bao để có được tám tượng này. Nhưng dù tám tượng này rất đẹp, con hãy biết rằng trên đời còn có tượng thứ chín đẹp hơn. Riêng nó có giá trị hơn cả nghìn cái tượng giống như những cái con nhìn thấy ở đây. Nếu con muốn có tượng đó, hãy lên đường sang thành phố Cairô, bên Ai Cập. Ở đó có một nô lệ cũ của ta tên là Môbaréc. Con tìm hẳn chẳng khó khăn gì lắm. Bất kì người đầu tiên nào con gặp cũng có thể chỉ cho con biết chỗ ở của hắn. Con hãy gặp hắn và kể cho hắn nghe tất cả những gì đã xảy ra cho con. Hắn sẽ nhận ra con là con trai ta và sẽ dẫn con đến nơi có cái tượng kì diệu mà trời sẽ phù hộ cho con lấy được”.

Đọc xong những dòng chữ ấy, vua bảo mẹ:

- Con không muốn thiếu mất cái tượng thứ chín. Nó hẳn là một vật rất hiếm vì tất cả những tượng ở đây gộp lại cũng không quý bằng nó. Con sẽ sang thành phố Cairô vĩ đại. Mẹ ơi, mẹ không cưỡng lại ý con chứ?

- Không, con ơi, – hoàng thái hậu đáp – mẹ không cưỡng lại ý con. Hẳn con đang được Đấng đại tiên tri của chúng ta phù hộ. Người sẽ không để cho con gặp nguy hiểm trong chuyến đi này. Con hãy lên đường vào lúc nào tùy ý con. Trong thời gian con đi vắng, các đại thần và mẹ sẽ cai trị tốt đất nước của con.

Vua sai chuẩn bị đoàn tùy tùng, nhưng chỉ muốn mang theo một ít nô lệ mà thôi.

Không có biến cố gì xảy ra trên đường vua đến Cairô. Hỏi thăm tin tức về Môbaréc, người ta cho biết đây là một trong những công dân giàu có nhất

thành phố. Ông ta sống như một ông hoàng, cổng nhà ông ta luôn rộng mở, đặc biệt để đón những người nước ngoài. Zein sai đưa mình đến. Vua gõ cổng. Một tên nô lệ mở cổng và hỏi:

- Ngài muốn gì và ngài là ai?

- Tôi là một người nước ngoài. – Vua đáp. – Tôi từng nghe tiếng lòng hào hiệp của ngài Môbaréc, tôi đến đây xin trọ ở nhà ngài.

Tên nô lệ xin Zein chờ cho một lát, rồi vào thưa lại cho chủ hay. Ông này truyền mời người nước ngoài vào. Tên nô lệ ra thưa với Zein rằng khách được hoan nghênh.

Thế là Zein bước vào, đi qua một sân rộng đến một căn phòng trang hoàng long lẫy. Ở đây, Môbaréc đã chờ sẵn và tiếp vua rất lịch sự. Ông cảm ơn khách đã dành cho ông vinh dự đến nghỉ ở nhà ông. Đáp lễ xong, vua nói với Môbaréc:

- Tôi là con trai của quốc vương Banxôra đã quá cố, tên tôi là Zein Alasman.

Môbaréc đáp:

- Đức vua ấy xưa kia là chủ tôi, nhưng thưa ngài, tôi không hề biết người có con trai. Năm nay ngài bao nhiêu tuổi?

- Tôi hai mươi tuổi. – Zein đáp. – Ngài từ già triều đình cha tôi đã bao lâu rồi?

- Gần hai mươi năm. – Môbaréc đáp. – Nhưng làm sao ngài có thể làm cho tôi tin chắc rằng ngài là con trai của Người?

- Cha tôi có dưới căn phòng làm việc của Người một căn hầm bí mật trong đó tôi đã tìm thấy bốn mươi cái vò đựng đầy vàng. – Zein đáp.

- Còn có gì khác nữa không? – Môbaréc lại hỏi.

- Còn có chín bệ tượng bằng vàng khối, trên tám bệ có tám tượng bằng kim cương, và trên bệ thứ chín có một tấm sa tanh cho tôi biết rõ tôi cần phải làm những gì để có được tượng thứ chín quý hơn tất cả những cái kia gộp lại. Ngài biết rõ nơi cất pho tượng thứ chín ấy, vì trên tấm sa tanh có ghi rõ chính ngài là người sẽ dẫn tôi tới nơi.

Vua chưa dứt lời thì Môbaréc đã quỳ xuống đất và hôn tay vua nhiều lần. Ông kêu lên:

- Tạ ơn Thượng đế đã đưa ngài tới đây! Tôi nhận ngài đúng là con quốc vương Banxôra. Nếu ngài muốn tới nơi đặt bức tượng kì diệu ấy, tôi sẽ đưa ngài tới. Nhưng trước hết ngài hãy nghỉ ngơi ở đây vài ngày. Hôm nay tôi mở tiệc khoản đãi các vị đại gia ở Cairô. chúng tôi đã ngồi vào bàn thì được tin ngài đến. ngài có vui lòng hạ cố đến vui cùng chúng tôi không, thưa ngài?

- Tôi rất sung sướng được tham dự bữa tiệc quý của ngài. – Zein đáp.

Môbaréc liền dẫn vua tới một gian phòng có vòm cao, ở đây có đông đủ mọi người. Ông mời vua ngồi và bắt đầu quỳ mà tiếp đãi. Các vị tai to mặt lớn ở Cairô đều kinh ngạc. Họ thì thầm với nhau: “Quái, không biết anh chàng ngoại quốc này là ai mà Môbaréc tiếp đãi cực kì cung kính như vậy?”.

Mọi người ăn uống xong, Môbaréc lên tiếng:

- Thưa các quan, xin chớ ngạc nhiên sao tôi lại hầu hạ chàng trai ngoại quốc như vừa rồi. Xin các quan biết cho, chàng là con trai của quốc vương Banxôra, chủ của tôi. Cha chàng đã vét đến đồng tiền cuối cùng của Người để mua tôi. Người qua đời mà chưa kịp cho tôi được tự do. Như vậy tôi vẫn là nô lệ của Người, và bởi vậy tất cả tài sản của tôi về mặt pháp lí thuộc quyền cai quản của hoàng tử đây, người thừa kế duy nhất của Người.

Đến đây Zein ngắt lời ông:

- Hỡi Môbaréc, tôi xin nói rõ trước tất cả các vị ở đây rằng từ giờ phút này, tôi trả tự do cho ông. Tôi tách con người ông cùng với tất cả những gì ông sở hữu ra khỏi tài sản của tôi. Ngoài điều đó ra, ông xem tôi có cần cho thêm gì nữa hay không?

Nghe câu nói đó, Môbaréc cúi hôn mặt đất, và hết lời cảm tạ vua. Tiếp đó, rượu lại được bày ra. Mọi người uống rượu suốt ngày, và đến tối, những người dự tiệc được chia tặng phẩm, xong ra về.

Ngày hôm sau Zein nói với Môbaréc:

- Tôi nghỉ ngơi đủ rồi. Tôi không đến Cairô để sống trong lạc thú. Tôi muốn có được bức tượng thứ chín. Đã đến lúc chúng ta đi lấy nó về.

- Thưa ngài, – Môbaréc nói – tôi sẵn sàng tuân theo ý muốn của ngài, nhưng ngài chưa biết hết những nỗi hiểm nghèo sẽ phải trải qua để đoạt được của quý ấy.

- Dù hiểm nguy đến đâu, tôi cũng nhất quyết làm việc đó cho bằng được. Tôi sẽ chết hoặc đạt được ý muốn. Những gì xảy ra, ấy là do Trời xui khiến. Ông chỉ có việc đi theo tôi, và hãy có lòng cương nghị giống như tôi.

Thấy vua một mực lên đường, Môbaréc gọi đầy tớ truyền cho việc chuẩn bị. Tiếp đó nhà vua và Môbaréc khởi hành. Trên đường đi có cơ man của hay vật lạ. Đến một nơi phong cảnh kì thú, hai người xuống ngựa. Môbaréc bảo bọn đầy tớ đi theo: “Các người hãy ở đây trông nom cẩn thận đồ đạc cho đến khi chúng ta trở lại” Rồi ông nói với Zein: “Chúng ta hãy đi một mình, thưa ngài. chúng ta sắp đến nơi ghê gớm cất giữ bức tượng thứ chín. Ngài sắp cần đến dũng khí của ngài rồi đây”.

Chẳng bao lâu họ đến bờ một cái hồ rộng. Môbaréc ngồi xuống bên bờ và

nói với vua:

- Chúng ta phải vượt qua biển này.

- Kia, làm sao qua được? Không hề thấy có thuyền bè. Môbaréc đáp:

- Ngài sẽ thấy hiện ra trong chốc lát. Sẽ có một chiếc thuyền thần của Đấng chúa tể các thần linh đến rước chúng ta. Nhưng xin ngài nhớ kỹ cho điều tôi sẽ nói đây, ấy là phải hoàn toàn im lặng. Chớ nói gì với người chở thuyền. Mặt mũi anh ta có kì dị đến đâu! Ngài có nhận thấy một điều khác thường tới mức nào chẳng nữa, cũng xin ngài chớ có hề răng. Tôi xin báo trước, sau khi xuống thuyền nếu ngài mở miệng nói một lời, chiếc thuyền sẽ chìm ngay tức khắc.

- Tôi sẽ ngậm tăm. – Vua đáp. – Ông chỉ cần cho tôi biết trước tôi phải làm gì, tôi sẽ nhất nhất làm theo.

Đang nói như vậy, bỗng nhiên nhìn thấy trên hồ một chiếc thuyền làm bằng gỗ đàn hương đỏ, cột buồm bằng hổ phách đẹp, buộc một dải sa tanh. Trong thuyền chỉ có độc một người đầu giống như đầu voi và thân thì giống thân hổ. Thuyền đến gần vua và Môbaréc. Người chở thuyền dùng vòi và thân lần lượt cặp hai người bỏ xuống thuyền. Tiếp đó, con thuyền đưa họ sang bờ kia trong chốc lát. Người chở thuyền lại dùng vòi nhắc họ đặt lên bờ, rồi cùng thuyền biến mất ngay lập tức.

- Bây giờ chúng ta có thể mở miệng được rồi. -Môbaréc nói. – Hòn đảo chúng ta đang ở đây là của Đấng chúa tể các thần linh. Trên thế gian tuyệt không có nơi nào giống nơi này. Kia, ngài hãy xem, có nơi nào xinh đẹp hơn chẳng? Chắc hẳn đây là hình ảnh chân thực của chốn thiên đường mà Thượng đế dành cho những người ngoan đạo của Hồi giáo ta sau khi họ qua đời. Ngài hãy xem những cánh đồng đầy hoa thơm cỏ lạ. Hãy ngắm những cây đẹp trĩu đến tận đất quả trái ngọt ngào. Hãy thưởng thức tiếng ca du dương của hàng nghìn loài chim, mà ngoài đây ra không nơi nào có.

Zein ngắm nghía không biết chán những cảnh vật đẹp chung quanh, và càng đi sâu vào đảo càng thấy những cảnh đẹp mới.

Cuối cùng họ đến trước một tòa lâu đài bằng ngọc bích, chung quanh có hào rộng, trên bờ trồng cách quãng những cây to đến nỗi bóng cây che phủ toàn bộ lâu đài. Đối diện với cổng bằng vàng khối là một chiếc cầu làm bằng mỗi một cái vây cá, mặc dù nó dài không kém sáu thước và rộng ba thước. Ở đầu cầu có một đôi thần hộ pháp lớn khôn lường, tay cầm những quả chùy bằng thép Trung Quốc canh giữ. Môbaréc nói:

- Chớ nên đến gần hơn nữa, những vị thần kia sẽ xông tới giết chết chúng ta. Nếu không muốn cho họ ra tay thì chúng ta phải làm một lễ tế thần.

Vừa nói ông vừa rút ra một cái túi giấu dưới tà áo, trong túi có bốn tấm

vải mỏng màu xanh. Ông buộc một tấm quanh bụng và để một tấm sau lưng. Ông lại đưa hai tấm vải kia cho nhà vua. Vua cũng làm như vậy. Sau đó Môbaréc trải ra đất hai chiếc chiếu lớn, và trải quanh chiếu một ít ngọc quý cùng với xạ hương và hồ phách. Ông ngồi lên một chiếu. Vua ngồi lên chiếu kia.

Rồi Môbaréc nói với vua như sau:

- Thưa ngài, giờ đây tôi thỉnh Đấng chúa các thần linh ngự trong tòa lâu đài này hiện lên. Cầu mong sao Người đến với chúng ta mà không nổi cơn thịnh nộ. Tôi xin thú thật là tôi không phải không lo âu về thái độ Người sẽ tiếp đón chúng ta. Nếu Người không bằng lòng về việc Ngài đến đảo này, Người sẽ hiện lên với bộ mặt của một con quái vật khủng khiếp. Nếu Người bằng lòng ý đồ của ngài, Người sẽ hiện lên dưới dạng một người đàn ông tuấn tú. Chừng nào Người đến trước mặt chúng ta, ngài phải đứng lên chào mà không được bước ra ngoài chiếc chiếu, bởi vì nếu bước ra ngoài chiếu, cầm chắc ngài sẽ bỏ mạng. Ngài sẽ thưa với Người rằng: “Tâu Đấng chúa tể các thần linh, cha tôi vốn là tôi tớ của bộ hạ xưa kia, nay đã qua đời. Kính mong bộ hạ che chở kẻ này như đã từng che chở cha tôi xưa kia”. Nếu Người có hỏi ngài cần cầu xin ân huệ gì thì ngài cứ đáp: “Tâu bộ hạ, điều tôi khúm núm cầu xin bộ hạ ban cho, chính là cái tượng thứ chín ấy”.

Sau khi nói cho Zein biết rõ những điều trên, Môbaréc bắt đầu khấn vái. Lập tức sấm sét nổi lên làm họ lóa mắt, rồi bóng đen dày đặc trùm cả đảo. Tiếp đó là một tiếng thét khủng khiếp làm rung chuyển mặt đất như thể thể gian rung chuyển trong ngày phán xét cuối cùng.

Zein cảm thấy lo âu, vua bắt đầu nghĩ tiếng thét kia hẳn là điềm chẳng lành, thì Môbaréc vốn thông thạo hơn mỉm cười và bảo: “Xin ngài yên tâm, mọi việc đều tốt đẹp”. Quả nhiên, chỉ trong chốc lát, vị chúa tể các thần linh hiện ra dưới dạng một người đàn ông tuấn tú. Tuy nhiên trong dáng dấp của ông không phải là không để lộ ra một vẻ gì dữ tợn.

Vừa trông thấy ông, Zein vội nói lời chúc tụng đúng như Môbaréc dặn. chúa tể các thần linh mỉm cười đáp: “Này con, xưa kia ta yêu cha con, và cứ mỗi lần cha con đến đây châu, ta đều làm quà cho một cái tượng để mang về. Ta cũng có cảm tình với con không kém. Ta đã buộc cha con, mấy ngày trước lúc lâm chung, viết những dòng chữ mà con đã đọc trên tấm sa tanh trắng. Ta đã hứa với cha con sẽ che chở con, và sẽ cho con bức tượng thứ chín đẹp hơn tất cả những cái mà con đã có. Ta đã bắt đầu giữ lời hứa với cha con. chính ta là cụ già báo mộng cho con. Ta đã xui con phát hiện ra cái hầm giấu các vò và tượng. Ta đã góp phần khá nhiều cho những gì đã xảy đến với con, hay đúng hơn, ta là căn nguyên gây nên những việc đó. Ta biết vì sao con đến đây. Con sẽ có được điều con mong muốn. Cho dù ta không

hứa với cha con đi nữa, ta cũng vui lòng cho con cái tượng ấy. Nhưng trước hết, con hãy viện những gì thiêng liêng nhất để thề với ta là con sẽ trở lại hòn đảo này, mang theo một cô gái tròn mười lăm tuổi chưa từng biết đến đàn ông cũng như chưa bao giờ nghĩ đến chuyện yêu đương. Hơn nữa, người con gái ấy phải xinh đẹp tuyệt vời, và con cũng phải tự chủ đến mức không nảy ra ý nghĩ tự tình với nàng trong khi dẫn nàng đến đây”.

Zein đọc lời thề độc mà thần linh đòi hỏi: “Nhưng, tâu bệ hạ, – vua cất lời hỏi thêm – giả dụ con may mắn gặp được một người như bệ hạ mong muốn, làm sao con có thể biết người ấy đúng là người mình tìm?”

Chúa tể các thần linh mỉm cười:

- Ta biết là con sẽ nhầm lẫn, trong chuyện này, người trần tục các con không thể nhìn mặt mà bắt hình dong. Bởi vậy ta không tin tưởng nhiều ở con về mặt ấy. Ta sẽ cho con một tấm gương để con dễ xét đoán khi con gặp dịp may. Mỗi lần gặp một người con gái mười lăm tuổi và xinh đẹp tuyệt vời, con chỉ việc nhìn vào tấm gương, thì sẽ thấy hình ảnh người con gái ấy. Nếu người thiện nữ còn trinh bạch, hình ảnh của nàng sẽ trong sáng và rõ ràng. Ngược lại, nếu gương mờ đi, ấy là dấu hiệu chứng tỏ cô ta không phải lúc nào cũng trong trắng, hoặc ít ra cũng đã từng nghĩ tới chuyện gió trăng. Vậy thì con chớ có quên lời con đã thề với ta. Con hãy giữ lời như một kẻ trượng phu phải làm. Nếu không, ta sẽ giết chết con, cho dù ta có cảm tình với con đến bao nhiêu chăng nữa.

Một lần nữa, vua Zein Alasman lại thề thốt là mình sẽ giữ vẹn lời nguyên.

Thế là vị chúa tể các thần linh đặt vào tay vua một tấm gương mà bảo: “Này con, con có thể trở về lúc nào tùy thích. Đây là tấm gương sẽ giúp ích cho con”.

Zein và Môbaréc cáo từ chúa tể các thần linh và đi trở lại phía hồ. Người chèo thuyền đầu voi thân hồ đưa thuyền đến, và cho họ sang trở lại bờ bên kia, theo như lối cũ. Họ gặp đoàn tùy tùng, và cùng nhau trở về Cairô. Vua Zein nghỉ ngơi mấy ngày ở nhà Môbaréc, rồi bảo ông: “Chúng ta hãy đi Bátđá tìm cho chúa tể các thần linh một người thiện nữ”.

- Kia, chẳng phải chúng ta đang ở trong thành phố Cairô vĩ đại hay sao? – Môbaréc đáp. – chẳng có thể tìm được gái đẹp ở đây hay sao?

- Ông có lí, nhưng chúng ta làm thế nào biết được họ ở chốn nào?

- Xin ngài chớ lo về việc ấy, thưa ngài. – Môbaréc nói. – Tôi có quen một bà già rất khôn khéo, tôi muốn nhờ bà ta đảm đương việc ấy, chắc bà sẽ làm tốt thôi.

Quả nhiên, bà già khéo léo sắp xếp cho nhà vua gặp nhiều cô gái tuổi mười lăm tuyệt đẹp, nhưng mỗi lần nhìn họ xong, vua nhờ đến tấm gương

làm hòn đá thử vàng cho đạo đức của họ, thì lần nào tấm gương cũng mờ đi. Tất cả những cô gái con các vị quan trong triều cũng như mọi thiện nữ trong thành phố đến tuổi mười lăm đều lần lượt trải qua một lần kiểm tra như vậy mà không một lần nào tấm gương giữ được hình ảnh trong và rõ.

Khi nhận thấy không thể tìm được trinh nữ ở Cairô, họ sang Bátđã. Họ thuê một tòa nhà lộng lẫy ở một trong những khu phố đẹp nhất. Rồi họ bắt đầu mở yến tiệc đãi đàng. Ai cũng có thể đến dự được. Khi mọi người trong nhà đã ăn uống no nê, thức ăn còn lại được mang ra cho những người tu hành khổ hạnh, những người này nhờ vậy sống cũng tiềm tiệp.

Trong khu phố ấy có một trưởng giáo tên là Bubêkia Muezin. Đó là một con người kiêu ngạo, tự phụ và hay khoe khoang. Lão ghét những người giàu chỉ vì mỗi một lí do là lão nghèo. Sự cùng khổ làm cho lão sinh thù hận cảnh giàu sang của người khác. Lão nghe đồn về Zein Alasman và sự giàu có của ông. Chỉ có thể thôi đã đủ cho lão chống đối ông hoàng này. Lão đi xa đến mức, một ngày kia, sau buổi cầu kinh chiều, lão nói với dân chúng trong nhà thờ của lão như sau:

- Hỡi những người anh em! Tôi nghe nói trong khu phố chúng ta có một người ngoại quốc đến ở, ngày nào cũng tiêu hoang những số tiền lớn không biết bao nhiêu mà kể. Ai có thể đoán trước được. Biết đâu con người không quen biết ấy chẳng là một tên vô lại trộm cướp được rất nhiều của cải trong nước nó, rồi đến thành phố này chơi bời cho bổ. Xin các anh em hãy tỉnh táo. Nếu hoàng đế hay tin có một con người như loại ấy sống trong khu phố ta, e rằng Người sẽ trừng phạt chúng ta về tội không trình trước với Người. Về phần tôi, tôi xin tuyên bố với anh em là tôi không chịu trách nhiệm về vụ đó, nếu có xảy ra tai biến gì thì không phải lỗi tại tôi.

Dân chúng cả tin, liền đồng thanh bảo Bubêkia:

- Thưa ngài tiến sĩ, đây là việc của ngài. Ngài cứ đưa việc này ra trước hội đồng.

Thế là lão trưởng giáo hài lòng, trở về nhà bắt đầu làm một bản sớ tấu, chuẩn bị ngày hôm sau dâng lên hoàng đế.

Nhưng Môbaréc hôm ấy cũng đến cầu kinh, và cũng như mọi người khác, có nghe những lời nói của trưởng giáo. Ông liền lấy năm đồng *xocanh* gói vào chiếc khăn tay cùng một bọc nhiều tấm lụa đến nhà Bubêkia. Lão trưởng giáo sùng sộ hỏi ông muốn gì.

- Thưa tiến sĩ, – Môbaréc dịu dàng đáp, vừa nói vừa đặt tiền và lụa vào tay lão, – tôi là hàng xóm và kẻ tội tở của ngài. Hoàng tử Zein hiện ở trong khu phố này sai tôi đến. Hoàng tử nghe danh ngài, cho nên sai tôi đến thưa rằng Người muốn làm quen với ngài. Trong khi chờ đợi, xin ngài vui lòng nhận

cho chút quà mọn này.

Mừng quýnh, Bubêkia đáp lời Môbaréc:

- Thưa ngài, xin ngài hãy làm ơn xin lỗi hoàng tử hộ tôi. Tôi rất lấy làm xấu hổ là chưa kịp đến chào Người, nhưng tôi sẽ xin chuộc lỗi, ngay ngày mai tôi sẽ đến làm bổn phận của mình.

Quả nhiên, sáng hôm sau, sau buổi cầu kinh sớm, lão nói với dân chúng:

- Xin những người anh em hãy biết cho rằng không ai không có kẻ thù. Những người càng có nhiều của cải càng dễ bị ghen ghét. Người ngoại quốc mà tôi nói với anh em hôm qua tuyệt nhiên không phải là một con người xấu như một vài kẻ có ác ý muốn làm cho người ta tin như vậy. Đó là một hoàng tử trẻ tuổi đạo đức cao dày. chúng ta hãy chú ý chớ có tâu trình không đúng lên hoàng đế.

Bằng những lời lẽ đó, Bubêkia xóa ấn tượng lão đã gây nên trong đầu óc dân chúng tối hôm trước, rồi trở về nhà. Lão thắng bộ áo quần ngày lễ, đến thăm Zein, và được tiếp đãi khá nồng hậu. Sau khi chào hỏi xong, Bubêkia hỏi:

- Thưa ngài, ngài có ý định ở lâu tại Bátđã không ạ?

- Tôi sẽ ở lại đây, – Zein đáp, – cho đến bao giờ tìm được một thiện nữ đến tuổi mười lăm, xinh đẹp tuyệt trần và trong trắng tới mức chưa bao giờ biết tới đàn ông hay có mơ tưởng gì về chuyện ân ái.

- Ngài kiêu của thật hiếm đấy, – Bubêkia nói – và tôi sợ ngài tổn công vô ích thôi. Cũng may mà tôi biết được có một người con gái đức hạnh như vậy. Thân sinh cô ta xưa kia làm thượng thư, nhưng ông đã treo ấn từ quan và đã lâu lắm sống trong một ngôi nhà riêng biệt, chỉ chuyên lo việc giáo dục con gái. Thưa ngài, nếu ngài muốn, tôi sẽ đi hỏi cô ấy cho ngài, tôi tin rằng ông ta sẽ phần khởi có được chàng rể xuất thân cảnh vàng lá ngọc như ngài.

- Ấy chớ nên vội vàng thế! – Zein nói. – Tôi sẽ không cưới nàng làm vợ nếu tôi không biết trước nàng có hợp ý tôi không. Về nhan sắc tôi có thể tin tưởng ở ngài, còn về đức hạnh, ngài có những gì cam đoan với tôi?

- Vậy ngài cần được cam đoan như thế nào?

- Tôi cần nhìn mặt cô ta, và chẳng muốn gì hơn để quyết định

- Ngài thạo khoa xem tướng vậy ư? – Lão trưởng giáo mỉm cười. – Vậy thì ngài hãy cùng tôi đến nhà vị thân sinh ra cô, tôi sẽ xin ông ta cho ngài được nhìn cô một lát ngay trước mặt ông.

Muzein dẫn nhà vua đến dinh quan thượng thư. Ông này vừa biết rõ gia thế và ý đồ của Zein, liền cho gọi con gái đến và truyền cất tấm mạng che mặt. Chưa bao giờ quốc vương trẻ xứ Banxôra thấy một con người đẹp hoàn

hảo và kêu gọi đến thế. Vua rất đổi ngạc nhiên. Để thử xem đạo đức người con gái này có được như nhan sắc của nàng nay không, vua lấy chiếc gương ra soi. Hình ảnh của cô hiện lên rất trong và rất rõ.

Khi thấy cuối cùng mình đã tìm được con người mong muốn, vua xin phép thượng thư cho được kết hôn với nàng. Lập tức một pháp quan được mời đến. Người ta lập giá thú và làm lễ. Sau buổi lễ, vua mời thượng thư về nhà mình, đãi đằng thật hậu và biếu nhiều tặng phẩm. Sau đó, vua sai Môbaréc mang đến cho cô dâu cơ man là châu báu. Ông này dẫn nàng về, rồi lễ thành hôn được cử hành với những nghi thức xứng đáng với địa vị của Zein. Khi mọi người đã ra về, Môbaréc thưa với chủ:

- Chúng ta đừng ở lâu hơn nữa ở Bátđã. Hãy lên đường đi Cairô. Ngài có còn nhớ lời thề của ngài với chúa tể các thần linh chứ, thưa ngài?

- Chúng ta hãy lên đường. – Zein đáp. – Ta cần giữ trọn lời thề. Tuy nhiên, Môbaréc thân mến ă, ta xin thú thật nếu ta vâng lệnh chúa tể các thần linh thì cũng không phải là không tự kiểm chế. Người mà ta vừa cưới thật đáng yêu, và ta những muốn đưa nàng về Banxôra đưa lên ngôi chính cung hoàng hậu.

- Ấy thưa ngài, xin ngài chớ để cho dục vọng thắng thế. Hãy làm chủ tình cảm của mình. Cho dù ngài đau khổ đến đâu cũng phải giữ lời thề với chúa tể các thần linh.

- Vậy thì Môbaréc ơi, ông hãy chú ý giấu cô gái xinh đẹp ấy đi, đừng để bao giờ nàng đến trước mặt ta. Có lẽ ta đã nhìn nàng quá nhiều rồi đấy.

Môbaréc sai chuẩn bị lên đường. Họ trở về Cairô, rồi từ đó khởi hành đến hòn đảo của chúa tể các thần linh. Cô gái trước nay vẫn đi kiệu và từ hôm cưới đến giờ không được gặp mặt vua, đến đây liền hỏi Môbaréc:

- Chúng ta đang ở đâu? Đã sắp đến nước của chồng ta chưa?

- Thưa bà, – Môbaréc đáp – đã đến lúc bà cần hiểu rõ sự thật. Vua Zein cưới bà là chỉ nhằm mời bà rời cụ thân sinh đó thôi. Ngài xin thành hôn với bà không phải để cho bà trở thành hoàng hậu xứ Banxôra, mà chỉ để mang dâng lên chúa tể các thần linh, ông đòi cho được một thiếu nữ đức hạnh như bà.

Nghe câu nói đó, cô gái bật khóc thảm thiết, làm cho nhà vua và Môbaréc rất tủi lòng. Nàng nói với họ:

- Xin các ông hãy thương tôi. Tôi là một người nước ngoài. Các ông sẽ phải trả lời trước Thượng đế về sự phản bội đối với tôi.

Nàng khóc than cũng vô ích. Người ta vẫn dâng nàng lên chúa tể các thần linh. Sau khi chăm chú nhìn nàng, ông bảo Zein.

- Này hoàng tử, ta hài lòng về con. Cô gái con đưa đến cho ta đáng yêu và trong trắng, và ta vui lòng về sự tìm kiếm của con để giữ lời hứa với ta. Hãy trở về nước, xuống căn hầm ngầm có tám cái tượng, con sẽ thấy cái tượng thứ chín mà ta đã hứa cho con. Ta sẽ sai các thần linh của ta mang tượng đến đây.

Zein cảm ơn chúa tể rồi cùng Môbaréc trở về Cairô. Nhưng vua không ở lại đây lâu. Lòng nôn nóng được nhìn thấy bức tượng thứ chín thúc giục vua sớm lên đường. Lòng vua vẫn luôn nghĩ tới người con gái mình đã cưới làm vợ, và tự trách mình đã lừa dối nàng. Vua tự cho mình là căn nguyên và là thủ phạm gây nên tai họa cho nàng. Vua tự nhủ: “Than ôi! Ta đã cướp đoạt nàng khỏi sự thân yêu triu mến của phụ thân nàng và bắt làm vật hy sinh cho một đấng thần linh. Hỡi tuyệt thế giai nhân! Nàng đáng hưởng số phận tốt đẹp hơn thế nhiều”

Đăm chiêu với những ý nghĩ ấy, vua Zein về tới Banxôra. Trăm dân mừng vua trở về mở hội lớn. Vua vội đến trình với mẹ về chuyến đi, hoàng thái hậu vui mừng biết vua đã nhận được bức tượng thứ chín. “Nào con, ta hãy đi xem, có lẽ nó đã có dưới hầm rồi, bởi chúa tể các thần linh đã nói với con rằng con sẽ thấy bức tượng dưới đó”.

Nhà vua trẻ và hoàng thái hậu sốt ruột muốn nhìn thấy bức tượng kì diệu, vội đi xuống hầm ngầm và bước vào căn phòng để các tượng. Hai người xiết bao kinh ngạc nhìn thấy trên bục thứ chín không phải là một bức tượng kim cương mà là một người con gái xinh đẹp tuyệt trần. Nhà vua nhận ra đó chính là người mình đã đưa đến đảo, dâng các chúa tể thần linh. Nàng thưa với vua:

- Ngài hẳn hết sức ngạc nhiên khi thấy tôi ở đây. Ngài chờ đợi một vật gì quý báu hơn tôi, và tôi chắc lúc này ngài đang hối tiếc đã trái qua bao gian lao đến vậy, bởi chắc là ngài chờ đợi một phần thưởng tốt đẹp hơn thế này nhiều.

- Không, thưa nàng, – vua đáp – nói có trời chứng giám, tôi đã hơn một lần nghĩ tới chuyện thất hứa với chúa tể các thần linh để được giữ nàng. Một bức tượng bằng kim cương dù có quý đến bao chãng nữa, làm sao sánh được niềm vui có được nàng? Tôi yêu quý nàng hơn tất cả kim cương, hơn mọi của cải trên đời này.

Vua vừa dứt lời, một tiếng sét nổ rung chuyển cả căn hầm. Hoàng thái hậu kinh hoàng, nhưng chúa tể các thần linh đã hiện lên, và cất tiếng trấn yên bà:

- Ta là người che chở và yêu mến con trai bà. Ta muốn biết xem ở lứa tuổi này, chàng có khả năng thắng được dục vọng hay không. Ta biết rõ lắm, chàng đã bị xúc động trước vẻ kiều diễm của cô gái trẻ này, và không hoàn toàn giữ trọn lời thề là sẽ không ước mong được ăn ở với nàng. Tuy nhiên, ta

hiều rõ sự mềm yếu của bản tính con người, cho nên đã không méch lòng vì việc đó, mà còn lấy làm thú vị về sự tự kiềm chế của chàng. Đây là bức tượng thứ chín mà ta dành cho chàng, nó hiếm hơn, quý hơn mọi bức tượng khác. Nay Zein, con hãy sống hạnh phúc với người thiếu nữ này, nàng là vợ con đây, và nếu con muốn nàng luôn luôn trong trắng và thủy chung, thì hãy yêu nàng mãi mãi, và chỉ yêu mỗi một nàng mà thôi. Con chớ đem lòng yêu thương ai khác, thì ta sẽ bảo đảm cho con lòng chung thủy của nàng.

Dứt lời, chúa tể các thần linh biến mất. Và Zein, say mê người vợ trẻ, không chờ được đến ngày mai, lập tức phong nàng làm hoàng hậu xứ Banxôra. Hai vợ chồng đời đời chung thủy, đời đời yêu quý nhau, sống bách niên giai lão. [\[82\]](#)

Nàng Sêhêrazát kể xong chuyện hoàng tử Zein Alasman mà trời vẫn chưa sáng hẳn. Nàng xin vua Saria cho phép được kể thêm một chuyện nữa. Vua đồng ý, nàng liền kể tiếp chuyện sau đây:

CHUYỆN CÔ ĐA ĐẤT VÀ BỐN MƯƠI CHÍN HOÀNG TỬ

Những người viết sử vương quốc Diabêkia thuật lại rằng, ngày xưa, trị vì tại thành phố Haran có một nhà vua lỗi lạc và hùng cường. Vua thương dân, dân quý vua. Vua vốn là một con người rất đức độ. Tuy nhiên có một điều làm vẩn đục hạnh phúc của Người, ấy là mặc dù trong cung có cả nghìn cung tần mỹ nữ, vua vẫn không có con.

Vua thường xuyên cầu trời khấn phật cho được có một đứa con nối dõi. Một hôm vua đang ngủ thì chợt một con người đáng vẻ phúc hậu như một đấng tiên tri đến báo mộng:

- Tâm lòng thành kính của con đã thấu đến trời đất. Cuối cùng con sẽ được như sở nguyện. Lúc nào tỉnh giấc, con hãy dậy ngay. Hãy đọc kinh rồi phủ phục hai lần. Sau đó con đi ra vườn ngự uyển, gọi người làm vườn đến, bảo hái cho con một quả lựu. Con thích bao nhiêu hạt lựu thì cứ ăn hết bấy nhiêu. Con sẽ thấy ước nguyện của mình linh hiển.

Tỉnh giấc, nhớ lại giấc mộng, nhà vua tạ ơn trời đất và trở dậy ngay. Vua cầu linh, phủ phục đúng hai lần rồi đi ra vườn ngự. Vua sai gọi người làm vườn mang một quả lựu đến, bỏ ra, đếm đủ năm mươi hạt và ăn hết tất cả.

Sau sự việc ấy, tất cả năm mươi cung phi của vua đều thụ thai. Duy chỉ có một người, tên là Piruzê, là có vẻ như vóc dáng bề ngoài không thấy thay đổi. Vua đâm ra ghét bỏ bà này, muốn cho bà chết. Vua nói:

- Người đàn bà này không thụ thai, có nghĩa là trời đất không muốn cho thị được làm mẹ một hoàng tử. Ta phải trừ khử một con người đã bị thần linh ghét bỏ như vậy.

Vua định cho thực hành ý định của mình thì tể tướng can ngăn. Ông nói đàn bà mỗi người một vẻ, chẳng ai giống ai. Biết đâu Piruzê đã thụ thai rồi nhưng chúng ta chưa nhìn rõ đó thôi. Vua nói:

- Nếu thế thì cho nó được sống. Nhưng nó phải ra khỏi cung điện của ta. Ta không thể chịu đựng được một người như thị sống trong hoàng cung.

Tể tướng khuyên nhà vua hãy gửi cung phi này sang bên phủ của hoàng tử Xame, em họ nhà vua hiện đang cai quản một xứ khác.

Vua chấp thuận, cho người dẫn Piruzê sang bên ông hoàng, kèm theo một bức thư dặn ông này phải đối xử tử tế với cung phi. Nếu nàng quả có thai và sinh nở, thì phải cấp báo cho vua hay.

Piruzê vừa đến phủ của ông hoàng Xame thì mọi người đều nhận thấy đúng là nàng đang mang thai. Đủ tháng đủ ngày, nàng sinh hạ được một hoàng tử cực kì xinh đẹp. Ông hoàng Xame vội báo tin cho quốc vương

Haran rõ kèm theo lời chúc mừng nồng nhiệt. Nhà vua cũng rất đổi mừng vui. Tuy nhiên vua trả lời ông em họ như sau:

- Chú ạ, tất cả cung nữ của ta mỗi người đều sinh cho ta một hoàng tử, bởi vậy ở bên này các cháu đông quá. Ta nhờ chú nuôi hộ đứa con do Piruzê sinh ra. Hãy đặt tên cho nó là Côđadát (Con cầu tự). Khi nào ta cho gọi thì chú gửi cháu sang cho ta.

Ông hoàng Xame không hề tiếc một việc gì không làm để nuôi dạy đứa cháu họ trưởng thành. Hoàng tử học cưỡi ngựa, bắn cung cũng như tất cả các môn võ nghệ mà một hoàng tử con vua nhất thiết phải thành thạo. Đến năm mười tám tuổi chàng đã trở thành một chàng dũng sĩ xuất sắc, xứng đáng với dòng dõi của mình. Một hôm chàng thưa với mẹ:

- Mẹ ơi, con chán ở đây lắm rồi. Con muốn đạt vinh quang. Xin mẹ cho con có cơ hội để qua việc lập chiến công mà đạt tới quang vinh ấy. Một số nước lân bang chẳng đang quấy nhiễu biên cương vương quốc ta đó ư? Tại sao cha con chưa cho gọi con về? Lẽ nào cha con vẫn cứ coi con như thiếu niên? Đáng lẽ ra, vào lúc này con đã phải có mặt ở triều đình cha con rồi. Trong khi các anh em của con đều được chiến đấu dưới quyền của cha con, thì riêng con phải ăn không ngồi rồi ở đây.

- Con ơi, mẹ cũng nóng lòng không khác gì con, được trông thấy con vinh hiển. – Bà Piruzê nói. – Mẹ rất muốn con lập chiến công hiển hách trong trận mạc đánh bại các kẻ thù của cha con, nhưng con còn phải chờ có lệnh của cha con triệu, mới về được.

- Không, thưa mẹ, con chờ đợi lâu quá rồi. Con nôn nóng được bái yết cha con. Con muốn tự mình đến ra mắt như một người xa lạ và xin được phục vụ dưới quyền Người. Chắc là cha con sẽ chấp nhận. Con sẽ chỉ để lộ tung tích dòng dõi của mình chừng nào con đã đánh thắng dư trăm trận. Con muốn được cha con quý trọng vì chiến công của con trước khi được Người thừa nhận con là con đẻ của Người.

Piruzê chấp thuận. Sợ nhớ ra chú mình không đồng ý, một hôm hoàng tử làm như thể đi săn rồi bỏ đi luôn. Chàng ra đi, cưỡi trên mình một con tuần mã trắng, thắt dây cương và bàn đạp vàng, yên đệm bọc sa tanh xanh đính ngọc trai. Tay chàng cầm một thanh bảo kiếm mà cái đốc được làm bằng nguyên một khối kim cương, còn vỏ kiếm thì chuốt từ gỗ trầm hương nam hồng ngọc và bích ngọc. Vai chàng đeo cung tên. Trong bộ binh phục ấy, trông chàng thật khôi ngô dũng mãnh.

Chẳng bao lâu chàng tìm được cách ra mắt quốc vương Haran. Nhìn chàng thấy vẻ mặt tuấn tú, vóc dáng cao lớn, và có lẽ cũng do tình máu mủ dù vua chưa hay biết xui khiến, nhà vua đón tiếp chàng rất niềm nở. Vua hỏi chàng tên họ là chi và quê quán dòng dõi nơi đâu, Côđadát đáp:

- Tâu bệ hạ, tôi là con trai của một đại thần nước Ai Cập. Vì say mê được đi đó đi đây, tôi đã rời đất nước để chu du thiên hạ. Đi ngang qua quý quốc, được biết bệ hạ đang có chiến tranh với mấy nước láng giềng, tôi đến cúi xin được phục vụ dưới quyền sai khiến của bệ hạ.

Quốc vương vỗ về và cho chàng sung vào quân đội của mình.

Chẳng mấy chốc hoàng tử bộc lộ rõ tài năng xuất chúng. Các võ quan kính trọng chàng. Quân lính yêu quý chàng. Nhờ vừa tinh thông võ nghệ vừa giỏi cách ứng xử, chàng làm cho quốc vương hài lòng đến nỗi chẳng bao lâu thì chàng trở thành sủng thần của nhà vua. Tất cả các vị thượng thư cũng như các vị triều thần hàng ngày không một ai quên đến thăm chàng. Ai cũng muốn gây được cảm tình với chàng đến mức hầu như xao nhãng việc thăm viếng các hoàng tử khác. Các ông hoàng này không thể không buồn phiền khi nhận ra điều đó, và bởi họ nghĩ đây là một người nước ngoài xa lạ cho nên ai nấy đều đem lòng thù hận sâu sắc đối với chàng.

Trong khi đó thì quốc vương ngày càng yêu mến Côđadát. Hễ có dịp là vua tỏ rõ lòng quý trọng chàng. Vua muốn lúc nào cũng có chàng hầu bên cạnh. Vua khen chàng ăn nói thông minh, xử sự khôn ngoan. Vua tin cậy tài năng và đức độ của chàng đến mức giao phó cho chàng chỉ huy luôn các vị hoàng tử. Và mặc dù các chàng cùng trạc tuổi như nhau, thế là bỗng dưng hoàng tử Côđadát trở thành người có địa vị cao hơn mọi anh em khác.

Điều đó càng làm tăng thêm lòng thù hận của các hoàng tử. “Quái thật, – họ bảo nhau – phụ vương ta không chỉ bằng lòng ở chỗ thương yêu một người nước ngoài hơn cả các con trai mình. Người lại còn muốn hắt ta đứng lên đầu, lên cổ chỉ huy chúng ta nữa chứ. Còn chúng ta thì không được làm bất cứ việc gì khi chưa có phép của hắt”.

Một chàng nói:

- Chúng ta chỉ còn có mỗi một việc là kéo nhau đến tìm hắt và sát hại hắt thôi.

- Không, không, chớ nên làm vậy. – Một người khác ngăn. – Chúng ta giết chết hắt thì phụ vương hắt không bằng lòng. Người sẽ tuyên bố là chúng ta không đủ tư cách cai trị đất nước sau này. Chúng ta phải sát hại hắt một cách khôn ngoan hơn kia. Chỉ bằng chúng ta xin phép hắt đi săn. Khi ra khỏi kinh thành rồi, chúng ta sẽ cùng nhau sang hắt một thành phố khác, và lưu lại đấy một thời gian. Phụ vương sẽ sốt ruột khi thấy chúng ta lâu trở về. Đến khi không còn đủ kiên nhẫn nữa, Người sẽ sai trị tội hắt, hoặc ít ra cũng đuổi hắt ra khỏi triều đình, vì hắt đã dám cả gan cho phép chúng ta rời bỏ cung điện đi lâu đến vậy.

Tất cả các hoàng tử đều tán thành mưu mẹo ấy. Họ cùng nhau đến gặp

Côđadát xin được đi săn bắn vui chơi, và hứa sẽ trở về nội nhật trong ngày.

Hoàng tử con trai nàng Piruzê mắc bẫy. Chàng đồng ý cho phép các hoàng tử đi săn. Thế là họ ra đi và không trở về nữa.

Ba ngày trôi qua. Quốc vương chợt hỏi Côđadát:

- Các hoàng tử đi đâu cả? Đã lâu rồi ta không trông thấy ai.

Côđadát phủ phục xuống đất và thưa:

- Tâu bệ hạ, các vị đi săn đã ba ngày nay. Ấy thế mà các vị đã hứa với tôi là sẽ về nội nhật trong ngày.

Nhà vua lo lắng. Ngày hôm sau thấy các hoàng tử vẫn chưa trở về triều, nỗi lo của vua càng tăng thêm. Vua nổi cơn thịnh nộ:

- Tên ngoại quốc bất cần kia! – Vua quát. – Sao ngươi dám để các con ta đi xa mà không cùng đi với họ? Ngươi thi hành phận sự ta giao như thế ư? Hãy đi tìm các hoàng tử trở về ngay, nếu không thì ngươi mất đầu!

Lời vua phán làm hoàng tử Côđadát vô cùng kinh sợ. Chàng vội mặc binh phục, thắt yên cương, nhảy lên mình ngựa ra khỏi kinh thành.

Giống như một người mục đồng đánh lạc mất đàn gia súc mình được giao chăn dắt, chàng bỏ đi tìm các anh em trai khắp mọi chốn mọi nơi. Đến làng nào chàng cũng hỏi thăm có ai nhìn thấy họ ở đâu không. Không được tin tức, chàng vô cùng lo lắng và đau khổ: “Ôi những người anh em ruột thịt của ta! Anh em ở đâu rồi? Chẳng nhẽ anh em đã sa vào bẫy quân thù và bị bắt giữ hết rồi sao? Làm sao ta có thể trở về triều không có đông đủ anh em cùng trở về mà không làm cho vua cha tức giận?”

Côđadát hết sức ân hận là đã để cho các hoàng tử đi săn mà không cùng đi để trông nom họ. Sau mấy ngày tìm kiếm bỏ công vô ích, chàng tới một cánh đồng rộng mênh mông. Giữa cánh đồng có một tòa lâu đài xây bằng cẩm thạch đen. Chàng đến gần và nhận ra ngòi kề cửa sổ một phụ nữ nhan sắc đẹp tuyệt trần nhưng đầu tóc không chải, áo quần trễ nải và tả tơi. Trên nét mặt nàng lộ vẻ buồn rầu khôn tả. Trông thấy chàng kị sĩ, và chờ cho đến khi chàng đến đã khá gần để có thể nghe rõ lời mình, nàng cất lời nói như sau:

- Hỡi chàng trai trẻ, hãy mau lánh xa cái lâu đài chết chóc này. Nếu không, chàng sẽ gặp phải sức mạnh hung hãn của con quái vật sống ở tòa lâu đài này. Nó là một tên mọi khát máu người. Nó quen bắt sống tất cả những ai chẳng may đi qua cánh đồng gần nhà hắt, rồi mang về nhốt vào trong các hố sâu, chờ lần lượt bị hắt lôi ra ăn thịt.

Côđadát đáp:

- Thưa bà, xin vui lòng cho biết bà là ai, còn thì xin chớ lo lắng gì về các chuyện khác.

- Tôi là con gái một nhà quyền quý ở Cairô. – Người phụ nữ đáp. – Trên đường tới Bátđã, tôi đi ngang qua cánh đồng này. Chẳng may gặp tên mọi, nó sát hại tất cả gia nhân của tôi và bắt tôi đến nhốt nơi đây. Tôi không sợ phải chết, nhưng điều tệ hại hơn là tên mọi cưỡng ép tôi hiến thân cho nó. Nếu đến sáng mai mà tôi vẫn không cam chịu, chắc chắn nó sẽ dùng đến vũ lực để đạt cho bằng được dục vọng xấu xa. Chàng ơi, – người phụ nữ nói tiếp – xin chàng hãy đi đi, hãy mau mau lánh xa chốn này, tên mọi sắp trở về rồi đó. Nó vừa từ nhà đi ra để đuổi bắt những người khách bộ hành mà hần nhác thấy đằng xa. Chàng đừng để mất thời giờ, tôi sợ nếu chàng không chạy trốn ngay, e có khi chậm mất rồi đây.

Nàng nói chưa dứt lời, đã thấy tên mọi xuất hiện. Đó là một con người cao lớn ngoại cỡ và mặt mày vô cùng hung ác. Hần cưỡi trên mình một con ngựa khỏe thuộc nòi ngựa Tácta. Tay hần cầm một chiếc mã tấu vừa to vừa nặng, chỉ có hần mới sử dụng nổi thôi.

Trông thấy hần, hoàng tử Côđadát cũng ngạc nhiên sao trên đời có con người cao lớn đến vậy. Rồi chàng rút gươm thủ thế. Coi thường chàng nhỏ bé, tên mọi ra lệnh cho chàng hãy đầu hàng ngay, chớ nên chống cự. Nhưng Côđadát bình tĩnh tiến đến gần và quật mạnh vào đầu gối hần. Bị thương, tên mọi gầm lên một tiếng vang dội cả cánh đồng. Hần điên tiết, sùi bọt mép. Đứng thẳng người trên mình ngựa hần giương cây mã tấu khổng lồ định chém ngang người Côđadát. Đường mã tấu mạnh đến nỗi chắc là xong đời hoàng tử nếu chàng không nhanh chóng giật cương thúc con ngựa xoay mình, kịp thời tránh được. Cây mã tấu phát ra một tiếng rít trong không gian nghe đến kinh hồn. Thế là không để cho tên mọi kịp quay mã tấu chém nhát thứ hai, hoàng tử đưa kiếm phang một nhát vào cánh tay phải của hần, chặt đứt cánh tay. Cây mã tấu rơi xuống đất. Tên mọi mất thăng bằng ngã xuống đất đánh sầm. Hoàng tử vội nhảy xuống ngựa, nhào tới kết liễu đời tên ăn thịt người.

Người phụ nữ này giờ vừa theo dõi cuộc chiến vừa khấn nguyện trời đất phù trợ cho chàng hiệp sĩ, reo lên một tiếng mừng vui:

- Thừa hoàng tử, qua chiến công của chàng, em tin chắc chàng là một hoàng tử, xin hãy thực hiện tiếp chiến công của chàng. Tên mọi có mang chùm chìa khóa trong người nó. Đấy, chàng hãy cầm lấy và giải thoát cho em ra khỏi chốn này.

Hoàng tử lục các túi của tên mọi và tìm thấy rất nhiều chìa khóa. Chàng mở cổng chính, bước vào một cái sân rộng. Người phụ nữ chạy ra đón. Nàng muốn phục xuống chân chàng để bày tỏ lòng biết ơn được cứu sống nhưng hoàng tử ngăn lại. Nàng hết lời ca ngợi chàng như bậc anh hùng đệ nhất trần gian. Chàng tạ từ. Đến càng gần, Côđadát trông thấy người phụ nữ càng đẹp

hơn nhiều so với khi thoát nhin. Chàng lấy làm vui vì đã cứu được tính mạng của một bậc tuyệt thế giai nhân.

Lời trò chuyện của hai người bị ngắt đoạn bởi những tiếng kêu la rên xiết không rõ từ đâu đến.

Côđáđát ngạc nhiên:

- Tiếng gì vậy? Ở đâu ra những tiếng khóc than kia?

- Thưa ngài, – người đàn bà trở một cánh cửa thấp và đáp – tiếng rên la là từ nơi ấy phát ra. Tôi không rõ có bao nhiêu người khốn khổ sa vào tay tên mọi và bị nó xiềng xích dưới ấy. Cứ mỗi ngày, nó xuống lôi lên một người mang đi ăn thịt.

- Tôi hết sức mừng vui là nhờ giết chết tên mọi mà có điều kiện giải thoát thêm những người bất hạnh này. Bà hãy đi với tôi, hãy cùng với tôi chia sẻ nỗi vui giải thoát cho họ. Bà sẽ thấy chúng ta làm cho họ vui sướng đến thế nào.

Hai người đi xuống cái hầm nhốt người. Càng đến gần càng nghe rõ tiếng rên xiết của người bị giam giữ trong đó. Côđáđát rất xúc động. Chàng tra vội chìa vào ổ khóa để mở cánh cửa thành ra nhầm chìa, lại phải chọn tìm một cái khác. Những người bị giam giữ bên trong nghe tiếng khóa những tưởng đây là tên mọi vẫn thường ngày mang thức ăn đến cho họ đồng thời bắt đi một người để ăn thịt, nên càng khóc lóc thảm thiết hơn. Tiếng than khóc của họ từ hầm sâu nghe như từ dưới mồ vọng lên.

Trong lúc ấy, hoàng tử đã mở được khóa. Chàng theo một cầu thang dốc đứng, xuống một căn hầm rộng và khá sâu. Qua ánh sáng mờ mờ rọi từ lỗ thông hơi, chàng nhận ra trong hầm có đến hơn một trăm người bị trói tay vào những cái cọc.

- Hỡi những người khách bộ hành bất hạnh trở thành nạn nhân kia, xin các bạn chớ nghĩ rằng các bạn sắp chết. Hãy tạ ơn trời đất đi. Thượng đế đã run rủi cho tôi tới đây giải thoát các bạn. Tên mọi hung hãn đã bị tôi bắt đền tội rồi. Bây giờ tôi sắp phá vỡ xiềng xích cho các bạn đây.

Nghe nói, tất cả tù nhân đều reo lên kinh ngạc và mừng vui. Côđáđát và người phụ nữ tháo xiềng xích cho từng người, chẳng bao lâu tất cả đều được tự do. Họ cùng quỳ xuống tạ ơn Côđáđát rồi tất cả lục tục kéo nhau lên khỏi hầm.

Khi mọi người đã lên cả trên sàn, Côđáđát ngạc nhiên xiết bao khi nhận ra trong số những người vừa được chàng giải thoát có đông đủ những người anh em mà chàng ngỡ là đã mất.

- Ôi các hoàng tử, mắt tôi có nhầm chẳng? Có phải đúng là anh em đấy

chăng? Ôi, thật không có niềm vui nào lớn hơn niềm vui mà tôi sẽ mang về cho phụ vương các bạn! Người đang hết sức phiền vì không nhìn thấy các bạn. Nhưng, có thiếu mặt một ai không? Các bạn đông đủ cả đây chứ? Nếu chỉ thiếu một người thôi thì niềm vui của tôi cũng không thể nào trọn vẹn.

Đông đủ bốn mươi chín hoàng tử lần lượt đến ra mắt Côđadát. Chàng ôm hôn từng người, và một lần nữa nói cho họ biết nỗi lo âu của quốc vương. Mọi người đều cảm tạ chàng với những lời lẽ thốt tự đáy lòng, khiến cho những người tù khác nhìn thấy cảnh ấy không khỏi lấy làm xúc động.

Tiếp đó Côđadát cho mọi người đi viếng thăm lâu đài và thấy tòa nhà đầy rẫy của cải không thể nào đếm xuể: Vải lụa, thảm Ba Tư, vóc Trung Quốc cùng vô vàn của cải quý mà tên mọi đã cướp đoạt của các đoàn lữ hành thương nhân. Một phần của cải trong lâu đài vốn là tài sản của những người bị giam ở đây. Mỗi người đều nhận ra phần của cải của mình và ngỏ ý muốn xin lại Côđadát trả các kiện hàng cho từng người, lại còn phân phát cho họ nhiều thứ còn lại trong lâu đài.

Chàng lại hỏi:

- Các vị làm thế nào đây với bấy nhiêu hàng hóa? Ở đây ngựa lừa không có mà chúng ta lại đang ở giữa một cánh đồng hoang.

- Thưa ngài, – các thương nhân nói – tên mọi cướp hàng hóa cùng với lạc đà của chúng tôi. Chắc lạc đà còn nhốt trong chuồng.

- Có thể như vậy sao? Chúng ta phải làm sáng tỏ việc này.

Chàng cùng mọi người đến chuồng giữ súc vật. Không những có lạc đà của các thương nhân ở đây, mà còn đủ bốn mươi chín con ngựa của các hoàng tử con trai quốc vương Haran nữa. Các chàng vui mừng khôn xiết. Trông nom chuồng ngựa có mấy tên nô lệ. Trông thấy đoàn người, chúng chắc là tên mọi đã bị diệt rồi, vội đi tìm đường tháo thân. Chẳng ai nghĩ tới chuyện đuổi theo chúng làm gì.

Các nhà buôn tìm lại được lạc đà cùng hàng hóa cũng như sự tự do, xăm xắn lên đường. Trước khi đi, họ không quên cảm tạ một lần nữa hoàng tử Côđadát, vị ân nhân đã giải thoát họ.

Các thương gia đi hết rồi, hoàng tử hỏi người phụ nữ:

- Còn bà, bây giờ bà muốn về đâu, thưa bà? Bà đã có ý định đi về đâu trước khi sa vào tay tên mọi? Tôi sẽ đưa bà đến tận nơi nào bà muốn đến. Tôi tin là các hoàng tử đây cũng đồng ý với tôi điều ấy.

Các hoàng tử khác đều quả quyết rằng họ sẽ không rời bỏ nơi này chừng nào chưa giao trả được nàng cho gia đình hoặc người thân của nàng. Người phụ nữ đáp:

- Thừa các hoàng tử, quê hương xứ sở tôi cách đây xa xôi lắm. Tôi không thể nào dám lạm dụng tấm lòng hào hiệp của quý vị, để quý vị phải thân hành đến một chốn xa xôi diêu vợi như vậy. Hơn nữa, xin thú thực là tôi đã quyết rời bỏ quê hương để không bao giờ trở lại nữa.

Rồi hướng về hoàng tử Côđăđát, nàng nói tiếp:

- Hồi này tôi thừa với ngài tôi là con gái một nhà quyền quý. Sau cái ơn tái sinh ngài vừa mang lại, tôi thật là con người không phải nếu còn dám che giấu ngài sự thật. Tôi vốn là công chúa. Một tên thoán đạt đã giết hại phụ vương tôi để cướp ngôi vua. Vì muốn bảo toàn tính mạng, tôi không có con đường nào khác phải trốn chạy khỏi nước nhà.

Nghe vậy, hoàng tử Côđăđát và những người anh em của chàng đều yêu cầu nàng thuật lại cho nghe đầu đuôi câu chuyện. Các chàng hứa sẵn sàng làm đủ mọi việc để cho nàng được hạnh phúc. Sau khi cảm tạ tấm lòng hào hiệp của họ một lần nữa, người phụ nữ thấy không thể nào khước từ lời yêu cầu, liền kể lại như sau:

CHUYỆN NÀNG CÔNG CHÚA ĐÊRIABA

Thưa quý vị, ở một đảo nọ có một thành phố lớn gọi là Đêriaba. Trị vì lâu năm chốn ấy là một vị quốc vương hùng mạnh, oai phong và đức độ. Một điều duy nhất làm vẩn đục hạnh phúc của dân quân vương ấy là không có con trai nối dõi. Vua thành tâm khẩn cầu trời đất, song cũng chỉ đạt được một nửa ý nguyện của mình. Hoàng hậu thụ thai. Sau những tháng ngày mong đợi, bà sinh hạ được một người con gái. Tôi chính là nàng công chúa bất hạnh ấy. Tôi ra đời, phụ vương tôi vẫn phiền muộn và càng phiền muộn hơn trước, nhưng rồi cũng đành phải tâm phục ý trời. Người ra sức nuôi nấng dạy dỗ tôi. Và bởi vì không có con trai, cha tôi quyết định dạy cho tôi cách cai trị đất nước, để một mai khi phụ vương qua đời, tôi sẽ là người lên nối ngôi báu.

Một lần, trong một chuyến đi săn, người trông thấy một con lừa hoang. Vì mãi đuổi theo con vật, người xa dân đoàn săn. Và rồi vì hăng say quá, vua lạc đường, cho đến khi trời tối vẫn không tìm lại được đoàn tùy tùng của mình. Thế là vua xuống ngựa ngồi nghỉ ở ven cánh rừng nơi người vừa trông thấy con lừa chạy vào đó.

Trời tối hẳn thì vua trông thấy thấp thoáng trong rừng có ánh lửa. Vua nghĩ rằng chắc ở đó có làng mạc dân cư. Mừng vui vì nghĩ rằng mình có thể nghỉ nhờ qua đêm ở chỗ ấy, và rồi có thể sai một người nào đó đi tìm đoàn tùy tùng và báo tin cho họ biết để đến đón mình, vua liền hướng theo ánh lửa mà bước tới.

Chẳng mấy chốc vua nhận ra mình nhầm. Ánh sáng vừa trông thấy thật ra chỉ là ánh lửa từ đồng lửa đốt trong một tạp lều. Vua tiến đến gần cái lều và cực kì kinh ngạc nhìn thấy một người da đen cao lớn, nói đúng hơn là một người khổng lồ, đang ngồi trên một chiếc trường kỉ. Trước mắt lão là một vò rượu lớn. Lão đang lúi húi thui một con bò vừa giết thịt. Rồi lão xé thịt bò vừa ăn vừa nhấm nháp với rượu. Nhưng một điều thu hút sự chú ý của nhà vua là trong căn lều còn có mặt một người đàn bà xinh đẹp tuyệt trần nhưng vô cùng buồn bã. Tay nàng bị trói. Dưới chân nàng có một cháu bé trạc lên hai hoặc lên ba. Cháu dường như cũng thấu hiểu nỗi bất hạnh của mẹ cho nên không ngớt khóc gào.

Nhìn thấy cháu bé đáng thương quá, phụ vương tôi đã định xông vào căn lều giết chết lão khổng lồ. Nhưng biết rằng cuộc chiến đấu sẽ không cân sức vì lão to lớn khỏe mạnh hơn mình, Người kịp ngừng lại, chờ tìm dịp đánh đòn bất ngờ. Vừa lúc ấy, tên khổng lồ sau khi đã nốc cạn vò rượu và chén hết hơn một nửa con bò, quay lại phía người đàn bà và nói:

- Công chúa ơi, tại sao nàng cứ cứng đầu cứng cổ buộc ta phải đi đến chỗ

đôi xử thô bạo với nàng. Chỉ tùy ở nàng thôi, nàng có thể có đầy đủ hạnh phúc chỉ cần nàng yêu ta và chung thủy với ta thôi, ta sẽ còn đôi xử với nàng dịu dàng hết sức.

- Nay hỡi tên cuồng dâm đốn mạt kia, – người phụ nữ đáp – mi chớ có hòng thời gian sẽ làm cho ta bớt kinh tởm mi. Trước mắt ta lúc nào mi cũng mãi mãi là một con quái vật.

Nàng tiếp tục nặng lời xỉ vả, làm cho tên khổng lồ cuối cùng phải điên tiết. Hắn thét lên một cách dữ tợn:

- Thôi đủ rồi, im miệng đi! chính bởi vì mày khinh rẻ tấm lòng của ta cho nên buộc ta phải nổi giận. Bây giờ ta căm ghét mày tại bởi mày căm ghét ta. Chính vì thái độ ấy của mày mà giờ đây ta không còn chút ham muốn nào nữa. Trước đây ta thích được ăn nằm với mày bao nhiêu thì bây giờ ta càng muốn cho mày chóng chết bấy nhiêu.

Nói đến đây, lão một tay túm tóc người đàn bà, tay kia rút kiếm sắp ra tay chém lìa đầu nàng thì cha tôi kịp bắn một mũi tên xuyên qua người lão, làm thủng ruột. Lão lão đảo rồi ngã vật xuống đất bất tỉnh nhân sự.

Phụ vương tôi bước vào căn lều, cởi trói cho người phụ nữ, rồi hỏi nàng là ai và vì sao ra nông nỗi này.

- Thừa ngài, – nàng đáp – ở miền duyên hải có một số gia đình người Xaradan sinh sống. Chồng tôi chính là ông hoàng chủ sủng của họ. Còn tên da đen kia là một tùy tướng dưới quyền chồng tôi. Nó say mê tôi mãnh liệt nhưng lại biết cách che giấu dục vọng cho mãi đến khi tìm được cơ hội để thực hiện mưu đồ là bắt cóc tôi. Không hiểu làm sao bọn gian ngoan lại thường hay tìm được vận may như vậy. Số là một hôm tình cờ hắn bắt gặp tôi đang cùng với cháu ở một nơi vắng vẻ. Hắn bắt cóc cả hai mẹ con tôi. Và để cho chồng tôi không có cách gì tìm thấy được, hắn rời bỏ luôn vùng người Xaradan sinh sống và đưa chúng tôi đến khu rừng này. Hắn cầm giữ hai mẹ con tôi ở đây đã mấy ngày. Mặc dù số phận tôi thật long đong, tôi cũng được chút an ủi trong lòng là tên khổng lồ này cho dù hung dữ, hắn vẫn chưa đi đến chỗ hãm hiếp tôi. Hắn đã trăm lần dọa nạt là sẽ ra tay làm chuyện đó. Xin thú thực với ngài, hồi nãy tôi cố tình khích bác nó, ấy là tôi muốn được nó nổi khùng lên và giết tôi đi, để tôi có thể bảo toàn được danh tiết của mình. Đây, thừa ngài, – vợ ông hoàng người Xaradan nói tiếp -câu chuyện của tôi chỉ có thế. Tôi tin rằng ngài sẽ không phải hối tiếc vì biết đâu đã ra tay cứu giúp một con người không xứng đáng với cử chỉ hào hiệp của mình.

- Vâng, thừa bà, – cha tôi đáp – nỗi bất hạnh của bà làm tôi thật lòng xúc động. Nhưng ấy là bà nhờ có trời nhìn lại chứ không phải nhờ tôi mà qua cơn vận hạn. Ngày mai, sau khi trời sáng hẳn, chúng ta sẽ rời khỏi khu rừng

này tìm đường về thủ đô Đêriaba mà tôi là người chủ. Và, nếu bà đồng ý, thì xin bà cứ tạm lưu lại trong cung của tôi cho đến khi phu quân của bà đến đón bà về.

Người phụ nữ nhận lời. Thế là sáng sớm hôm sau nàng đi theo cha tôi. Vừa ra khỏi khu rừng thì gặp đoàn tùy tùng đang hết sức lo lắng vì đã tìm suốt đêm mà không thấy Người. Tất cả đều vừa mừng rỡ vừa ngạc nhiên khi nhìn thấy cùng đi với cha tôi còn có thêm một phu nhân xinh đẹp dường ấy. Cha tôi kể đầu đuôi câu chuyện cho mọi người cùng nghe. Sau đấy một võ quan mời người phụ nữ cùng ngồi lên ngựa với mình trong khi một võ quan khác được giao trông nom cháu bé.

Cả đoàn người đi như vậy mà trở về thành phố. Đến nơi, cha tôi sai cấp cho người phụ nữ một nơi ở và cử người chuyên lo nuôi nấng dạy dỗ cháu bé.

Người phụ nữ cũng không hấn thờ ơ trước sự quan tâm chăm sóc của cha tôi. Bà đã đáp lại cha tôi điều Người thăm mong ước.

Lúc đầu cũng tỏ ý băn khoăn sao đã lâu mà không được tin tức của chồng nhưng rồi dần dà dường như bà cũng khuây khỏa trước sự ân cần của cha tôi. Và tôi nghĩ rằng có vẻ như trong thâm tâm bà lấy làm mừng vui chứ không phải trách móc số phận đã run rủi mình đến cảnh ngộ này.

Với thời gian, cậu con trai của người phụ nữ ấy lớn dần. Cậu cũng khá tuấn tú khôi ngô, vốn thông minh, cậu biết cách lấy lòng cha tôi, làm cho cha tôi rất có cảm tình với cậu. Tất cả triều thần đều nhận ra điều đó và ai cũng cho rằng cậu ta xứng đáng kết hôn với tôi. Với ý nghĩ như vậy mọi người thậm coi cậu như là người rồi đây sẽ thừa kế ngai vàng. Ai ai cũng muốn quần quýt bên cậu, ai ai cũng tìm cách lấy lòng cậu. Anh chàng không phải không nhận ra điều đó và mừng thầm trong bụng. Cậu hi vọng rằng rồi đây cha tôi sẽ càng quý mến cậu hơn nữa, tới mức sẽ khước từ bất kì hoàng tử nào đến ngỏ ý cầu hôn tôi. Anh chàng còn đi quá trớn. Cậu cho rằng cha tôi quá chần chừ trong việc gả tôi cho cậu và to gan đến mức tự mình ngỏ ý cầu hôn. Đáng lẽ ra tay trừng phạt sự ngạo mạn của cậu, thì cha tôi chỉ nhẹ nhàng bảo cho chàng trẻ tuổi biết là ước vọng của Người còn xa rộng hơn kia; chàng chớ có nên tư hào đến chuyện cầu hôn công chúa nữa. Bị khước từ, anh chàng đem lòng oán hận. Anh chàng kiêu ngạo ấy bất bình như thể cậu xin hỏi con gái một nhà thường dân nào đấy mà bị khước từ chứ không phải cầu hôn công chúa quý của vua. Cũng có thể là cậu nghĩ rằng dòng dõi cậu cũng đáng môn đăng hộ đối với gia đình tôi chẳng.

Không ngừng lại ở chỗ oán hận, cậu còn tìm cách hãm hại phụ vương tôi. Với sự vong ơn bội nghĩa không có gì so sánh được, cậu xúi giục lôi kéo một số người vốn có chuyện bất mãn với cha tôi, kết thành bè cánh rồi tìm cách

hạ thủ Người và tự xưng vua.

Việc đầu tiên của cậu sau khi sát hại phụ vương tôi là cùng đám lâu la kéo đến nhà riêng tôi. Có thể ý định của cậu là giết tôi hoặc là ép buộc tôi phải lấy cậu. Nhưng tôi đã kịp trốn thoát. Trong thời gian anh chàng đang lo việc sát hại cha tôi thì vị tể tướng vốn trung thành với Người đã kịp thời chạy tới đưa tôi đi lánh tại nhà một người bạn. Rồi ông cho bí mật chuẩn bị một chiếc tàu, cho tôi rời đảo quốc cùng với bà sư phó của tôi, ông cũng theo lên tàu, thà cùng con gái vị quân vương của mình đi lánh nạn còn hơn là ở lại đảo và tuân phục kẻ tiếm quyền. Ý định của tể tướng là tìm đến một vương quốc bè bạn của cha tôi cầu xin sự giúp đỡ để tìm cách phục thù. Nhưng trời đất đã không phù hộ ý định tốt lành ấy. Một cơn bão dữ dội nổi lên. Mặc dù các thủy thủ đã cố hết sức chèo chống, cuối cùng chiếc tàu vẫn bị xô vào đá vỡ thành nhiều mảnh. Xin cho phép tôi được miễn tường thuật lại chi tiết cuộc đắm tàu cũng như thảm cảnh vị tể tướng, bà sư phó cùng tất cả những người đi trên con tàu ấy đã bỏ mạng như thế nào. Thật ra, lúc ấy tôi quá khiếp đảm cho nên cũng chưa lường hết nỗi long đong mà số phận dành cho mình. Tôi ngất đi. Rồi không rõ nhờ bám lấy được một mảnh vỡ của chiếc tàu hoặc là được thần linh phù hộ mà diệu kì làm sao, khi hồi tỉnh tôi lại thấy mình nằm trên bờ biển.

Những nỗi bất hạnh thường làm cho con người ta kém minh mẫn. Đáng lẽ phải tạ ơn Thượng đế đã cứu mình thoát nạn thì tôi lại ngược mắt lên oán trách ông trời sao không để cho tôi được chết đi luôn. Đáng lẽ nên khóc thương vị tể tướng và bà sư phó của mình, tôi lại đi ganh tị với số phận của họ. Dần dần trở nên quẩn trí, tôi muồn trầm mình. Tôi đã sắp lao người xuống biển thì chợt nghe sau lưng có tiếng người ngựa. Tôi quay đầu lại xem có việc gì, thì trông thấy một đoàn kỵ sĩ võ trang đang phóng ngựa tới. Đi giữa đoàn là một chàng kỵ sĩ cưỡi trên lưng một con ngựa nòi A Rập, mình mặc một chiếc áo thêu bạc và lưng thắt một dải lụa nam nhiều châu ngọc, đầu đội chiếc vương miện bằng vàng. Không vì trang phục khác người mà chỉ cần thoáng nhìn vẻ oai phong của chàng, tôi cũng biết ngay đây chính là vị hoàng tử chủ sủng của đoàn kỵ sĩ. Chàng là một con người cực kì tuấn tú khôi ngô. Chàng có vẻ cũng ngạc nhiên sao giữa chốn này lại có một người phụ nữ cô đơn. Một vài võ quan được lệnh tách ra khỏi đoàn để tiến lên hỏi tôi là ai. Tôi chỉ biết khóc ròng. Bởi bờ biển quặng này ngổn ngang những mảnh vỡ của con tàu mọi người chẳng khó khăn gì mà không đoán được có một con tàu vừa lâm nạn và tôi là người may mắn còn sống sót.

Quang cảnh hiện ra trước mắt và vẻ đau đớn cùng cực của tôi như càng kích thích sự hiếu kì của đoàn kỵ sĩ. Họ tranh nhau đặt ra với tôi nhiều câu hỏi. Họ quả quyết rằng chủ sủng của họ là một đẳng quân vương hào hiệp, rồi đây tôi sẽ tìm thấy nỗi khuây nguôi trong triều đình của chàng.

Sốt ruột muốn biết tôi là ai, hoàng tử không chờ các võ quan trở lại trình mà tự mình tiến đến. Chàng nhìn tôi chăm chú. Trông thấy tôi chỉ biết buồn bã khóc ròng, chàng cảm các võ quan không ai được hỏi gì thêm nữa làm tôi mệt. Rồi chàng ngỏ lời với tôi như sau:

- Thừa bà, xin bà bớt phiền não. Trời đất nổi cơn thịnh nộ chỉ là để thử thách ta thôi. Bà không nên buông mình trong tuyệt vọng. Xin bà hãy cứng cỏi hơn một chút. Định mệnh rất bất thường, số phận của bà rồi đây có thể đổi thay. Tôi dám quả quyết với bà là nỗi bất hạnh của bà đã diễn ra trên đất nước tôi thì tôi có thể làm cho nó vơi bớt. Tôi sẵn sàng hiến bà các cung điện của mình. Bà sẽ lưu lại đây cùng với mẫu hậu tôi. Người sẽ cố gắng tìm cách làm giảm nỗi đau của bà. Tuy chưa rõ bà là ai, tôi đã thấy thông cảm với nỗi đau đớn của bà.

Tôi tạ ơn nhà vua trẻ về tấm lòng nhân hậu của Người và chấp nhận lời đề nghị. Và để khỏi tỏ ra mình là con người không xứng đáng được hưởng ân huệ ấy, tôi thấy cần phải nói rõ mình là ai. Vì vậy tôi thuật lại cho mọi người nghe đầu đuôi câu chuyện, bắt đầu từ sự hỗn láo của anh chàng Xaradanh trẻ tuổi. Tôi chỉ cần đơn giản kể ra những nỗi bất hạnh của mình đã đủ làm cho hoàng tử và các võ quan thương cảm. Chờ tôi thuật xong đầu đuôi, hoàng tử khẳng định lại một lần nữa chàng chia sẻ những nỗi gian truân tôi vừa gặp phải. Sau đó, chàng rước tôi về cung, giới thiệu với mẹ chàng.

Tôi lại phải tuôn nước mắt mà thuật lại cho thái hậu nghe những nỗi truân chuyên của mình. Bà vô cùng xúc động và bày tỏ ngay với tôi sự thông cảm và tình thương yêu dịu hiền.

Về phần nhà vua, chàng say mê tôi đến nỗi chỉ ít lâu sau đã ngỏ lời cầu hôn. Chàng muốn phong tôi làm hoàng hậu ngay. Lúc đó tôi đang quá xúc động về những nỗi không may mình vừa trải, cho nên cũng không mấy rung động trước sự sẵn đón mặn nồng của chàng trai. Tuy nhiên vì lòng biết ơn, tôi không thể khước từ chàng niềm hạnh phúc mà chàng tha thiết cầu mong. Lễ thành hôn của chúng tôi được tổ chức ít lâu sau trong sự huy hoàng không thể nào tả xiết.

Trong khi mọi người đang mải mê và hoan hỉ mừng lễ thành hôn của quốc vương thì vua một nước lân bang từ lâu vốn thù địch với nước này động binh. Một đêm, thừa lúc tối trời hắc cho đổ bộ một số quân lớn lên đảo. Kẻ thù đáng kinh sợ ấy là vua nước Dăngghêba. Lợi dụng thế bất ngờ, hắc cho quân lính tàn sát dân trên đảo. Suýt nữa thì ngay cả tôi và chồng tôi cũng sa vào tay hắc, vì hắc đã cùng một cánh quân đột nhập vào trong cung cấm. May mắn sao chúng tôi kịp thoát được và chạy ra bờ biển. Tại đây chúng tôi nhảy lên một chiếc thuyền tình cờ bắt gặp. Suốt hai ngày đêm chúng tôi đề mặc cho sóng gió dập dờn, chẳng biết rằng thân phận mình rồi sẽ ra sao. Đến

ngày thứ ba thì trông thấy một con tàu đang giương hết buồm tiến đến.

Thoạt tiên chúng tôi mừng rỡ vì ngỡ rằng đây là một chiếc tàu buôn. Hi vọng là họ có thể vớt chúng tôi lên. Nhưng rồi chúng tôi cực kì kinh hoàng khi con tàu đến gần, thấy trên boong tàu xuất hiện mười hoặc mười hai tên hải tặc tay cầm vũ khí. Chúng cập mạn. Năm sáu tên nhảy xuống thuyền, trói nghiêng chồng tôi lại rồi đưa cả hai chúng tôi lên tàu của chúng. Lột chiếc mạng che mặt tôi, cả bọn đều sững sờ trước vẻ thanh xuân và nhan sắc của tôi. Thế là cả bọn không rút thăm trông chờ vận may như thường lệ, tên nào may mắn thì được hưởng, mà tên nào cũng quả quyết là tôi phải thuộc quyền sở hữu của nó. Chúng lớn tiếng cãi cọ, đi đến xô sát rồi cuối cùng đánh giết nhau thật sự. Chẳng bao lâu khắp sàn tàu ngổn ngang xác chết. Tất cả bọn lần lượt bỏ mạng, trừ mỗi một tên.

Tên này thấy mình đã hoàn toàn sở hữu được tôi, liền bảo:

- Đây cô em, cô đã là của ta rồi nhé. Ta sẽ đưa cô em về thành phố Cairô giao cho người bạn mà ta đã hứa là sẽ tìm và tặng cho một con nô lệ xinh thật là xinh.

Rồi nhìn chồng tôi, hắn nói:

- Nhưng trước hết, cô em hãy nói cho ta rõ anh chàng kia là ai? Quan hệ với cô thế nào? Là quan hệ máu mủ hay là quan hệ vợ chồng?

- Thừa ngài, – tôi đáp – người ấy là chồng tôi.

- Đã thế thì ta phải ra ơn phóng sinh cho nó, để cho nó không phải quá đau khổ khi nhìn thấy cô em trong vòng tay ôm ấp của bạn ta.

Nói xong hắn tóm lấy chồng tôi tay chân vẫn đang bị trói và quăng luôn xuống biển, mặc cho tôi cố hết sức nhưng chẳng làm sao ngăn lại được.

Trước hành động cực kì dã man ấy, tôi gào lên và định lao xuống biển chết theo chồng. Tên hải tặc kịp thời giữ lại. Thấy tôi chẳng thiết gì sống, hắn trói tôi vào cột buồm rồi cho con tàu ghé vào đất liền. Hắn lên bộ, dắt tôi theo đến một thành phố nhỏ. Tại đây hắn mua nhiều lạc đà, lều trại và nô lệ rồi lên đường đi thẳng tới Cairô với ý định là dứt khoát sẽ giao tôi cho người bạn của hắn để thanh toán cho xong một món nợ.

Chúng tôi đã đi nhiều ngày đường. Hôm qua vừa đến cánh đồng này thì gặp tên khổng lồ đen đui cao lêu đêu vằn cơ ngực trong lâu đài này, mà thoạt nhìn chúng tôi cứ ngỡ đó là một cái tháp chứ đâu phải con người. Nó rút mã tấu, ra lệnh cho tên hải tặc đầu hàng. Tên này cũng khá can đảm. Hắn cùng với bọn nô lệ đã thề trung thành với chủ ra sức kháng cự. Trận đánh diễn ra khá lâu, cuối cùng tên hải tặc cùng với những người nô lệ đều bị tên khổng lồ đánh gục.

Sau đó tên không lồ đưa tôi vào lâu đài. Hắn không quên mang xác tên hải tặc vào để đánh chén.

Sau bữa ăn khủng khiếp ấy, nhìn thấy tôi vẫn cứ khóc như mưa như gió, hắn bảo:

- Này bà trẻ kia, khóc lóc mà làm chi. Hãy sẵn sàng thỏa mãn thú vui của ta. Mà hãy tỏ ra biết điều. Thôi thì ta thư cho mày đến sáng mai để cho mày có đủ thời gian suy nghĩ. Rồi mày sẽ khuây nguôi thôi và sẽ cảm thấy hài lòng vì được ăn nằm với ta cho mà xem.

Nói xong, hắn dẫn tôi vào một căn buồng, bỏ lại đấy, rồi trở về phòng ngủ, sau khi đã cẩn thận khóa chặt mọi cửa ngõ ra vào. Sáng nay sở dĩ hắn mở cổng ra đường là vì vừa nhắc đằng xa có một đoàn lũ hành. Có lẽ họ đã kịp thoát thân vì khi hắn trở về chỉ đi có một mình. Sau đó thì bị ngài giết chết.

Nàng công chúa ngừng lại, Côđadát nói chàng xúc động sâu sắc trước những nỗi bất hạnh của nàng.

Chàng nói thêm:

- Thưa bà, bây giờ chỉ còn tùy thuộc ở bà nữa thôi. Nếu bà muốn sống trong thanh bình, các hoàng tử con trai quốc vương Haran đây sẽ tặng cho bà một nơi tạm trú trong triều đình phụ thân họ. Tôi mong bà hãy nhận lời. Rồi bà sẽ được quốc vương yêu mến, mọi người kính trọng. Và nếu bà không chê kẻ đã giải thoát cho bà thì tôi xin được cưới bà làm vợ trước sự chứng kiến của các vị hoàng tử đây. Họ là những người làm chứng cho cuộc hôn phối của hai ta.

Công chúa đồng tình. Thế là lễ thành hôn được tổ chức ngay ngày hôm ấy trong tòa lâu đài. Ở đây có sẵn thức ăn đồ uống dự trữ. Tên không lồ vốn có thói quen sau khi ăn thịt người xong thì động đến những thức này. Ngoài ra lại còn có vô số trái cây, loại nào cũng rất ngon rất ngọt, đã thế lại còn vô vàn là rượu nữa chứ. Họ cùng nhau ngồi vào bàn. Sau khi ăn uống no say, họ lấy tất cả những thức ăn đồ uống còn lại trong nhà mang theo, và cùng nhau lên đường trở về triều đình vua Haran. Họ đi trong nhiều ngày. Ngày đi, tôi thì tìm một nơi thoải mái hạ trại nghỉ. Khi chỉ còn cách thủ đô Haran chừng một ngày đường nữa thôi, họ dừng lại nghỉ chân và mang rượu ra uống với nhau.

Nhận thấy lúc này chẳng còn gì đáng ngại ngừng buộc mình phải giấu giếm tung tích nữa, Côđadát cất lời nói với mọi người như sau:

- Thưa các hoàng tử, tôi đã giấu không cho các bạn rõ tôi là ai, tính đến nay cũng khá lâu rồi. Nay xin nói rõ: Côđadát này chính là anh em ruột thịt với các bạn. Tôi cũng là con vua Haran như các anh em. Vương phi Piruze là

mẹ đẻ tôi. Hoàng thúc Xanari đã nuôi dạy tôi thành người. Thừa bà, – chàng quay lại nói tiếp với công chúa Đêriaba – tôi xin lỗi về chuyện đã không nói sớm cho bà rõ dòng dõi của mình. Điều đó giá được nói ra sớm hơn, có lẽ đã đỡ cho bà một vài cảm nghĩ không vui bởi chắc bà nghĩ cuộc hôn nhân của hai ta không được môn đăng hộ đối cho lắm.

- Không đâu, thưa ngài, - công chúa vội đáp – tình cảm của tôi đối với ngài đã có ngay từ buổi đầu gặp gỡ và với thời gian chỉ một ngày càng nồng ấm thêm mà thôi. Ngài chẳng cần nói rõ xuất thân mình là ai, tôi cũng đã cảm thấy mình hoàn toàn hạnh phúc.

Các hoàng tử đều ngỏ lời chúc mừng Côđadát. Tuy nhiên trong thâm tâm họ chẳng thích thú gì về chuyện ấy. Nỗi hận thù đối với một người anh em đáng yêu dường ấy, chỉ có vì vậy mà tăng thêm. Bởi vậy, ngay đêm hôm ấy, trong khi Côđadát và công chúa đang say giấc nồng, họ tụ tập nhau lại, kéo nhau ra một nơi để bàn bạc.

Những con người vong ơn bội nghĩa, những người anh em nặng lòng ganh tị ấy quên mất rằng không có chàng Côđadát dũng cảm con trai công chúa Piruzê thì mạng sống của họ đã không còn đến nay. Thế mà họ đang tâm đồng tình tìm cách ám hại ân nhân. Một tên độc ác nói:

- Chúng ta chẳng còn con đường nào khác để lựa chọn đâu. Phụ vương chúng ta ngày thường đã yêu mến anh chàng xa lạ này đến thế, nay lại biết chàng ta là con đẻ đích thực của mình nữa, thì chắc hẳn Người sẽ ân cần ủy lạo và càng không tiếc lời ngợi khen hẳn. Chắc hẳn Người sẽ tuyên bố hẳn là người nối dõi vương triều. Vua cha đã chẳng coi ra gì những người con trai khác là chúng ta đây thì sớm muộn rồi tất cả chúng ta đều sẽ buộc phải quỳ gối phủ phục dưới chân hẳn thôi.

Tên độc ác còn thêm thắt nhiều điều nữa gây tác động mạnh mẽ đến đầu óc những con người đang ganh ghét. Thế là cả bọn kéo nhau đi tìm Côđadát, lúc này đang ngủ say sưa. Chúng thì nhau đâm chàng hàng nghìn nhát dao. Rồi bỏ chàng bất tỉnh trong vòng tay người vợ, các anh chàng tiếp tục lên đường đi về thành phố Haran. Hôm sau thì tới nơi.

Sự trở về của đàn con khiến quốc vương Haran vô cùng mừng rỡ. Ông đã gần như tuyệt vọng không mong gì tìm lại được các hoàng tử. Ông hỏi họ vì sao chậm trở về như vậy. Các chàng chẳng đả động gì đến chuyện tên khổng lồ da đen và Côđadát, mà chỉ thưa rằng vì quá hiếu kì cho nên đã mãi mê ghé qua nhiều thành phố lân cận để thăm thú đó thôi.

Trong khi ấy, Côđadát đầm đìa máu me, trông không khác gì một người đã chết bị bỏ lại trong lều cùng người vợ. Nàng trông cũng thảm thương không kém chồng. Nàng gào kêu thê thảm, nàng bứt tóc xé tai; nước mắt nàng tuôn xuống ướt đầm thi thể chồng: “Hỡi ôi! Hỡi chàng Côđadát quý

yêu của em ơi! Có phải thật chàng đây chẳng, chàng -con người sắp lìa trần đó chẳng? Những cánh tay độc địa kia sao nỡ làm chàng ra nông nổi này? Có thể nào em tin nổi rằng chính những anh em ruột thịt của chàng đã gây ra cảnh này, những người anh em mà chàng đã dũng cảm cứu mạng? Không, đây không phải là anh em của chàng đâu, đây chính là những tên quỷ dữ đội lốt người đã sát hại chàng. Hỡi những tên khốn nạn kia, sao chúng mày lại lấy oán trả ân như vậy? Nhưng tại sao chàng lại quá tin vào những người anh em đến thế, hỡi chàng Côđadát tội nghiệp của em? chính em đây là người gây nên cái chết của chàng. Chàng đã muốn kết liên số phận của chàng với số phận của em. Mà số phận của em thì quá tồi tệ. Từ ngày ra khỏi cung của vua cha, em đã mang theo mình biết bao nhiêu tai ương, chính em đã đưa những tai ương ấy phủ lên số phận của chàng. Hỡi trời đất đã buộc tôi phải tha phương lặn lội, trời đất đã không muốn cho em lấy chồng, sao lại đi buộc em với ông chồng này? Thế là đã hai lần tôi mất chồng ngay khi vừa bắt đầu biết yêu chồng”.

Cứ như vậy mà công chúa Đêriaba than khóc người chồng bất hạnh, chàng thì vẫn mê man không hay biết gì. Tuy nhiên chàng chưa chết. Nhận thấy chàng còn thở, công chúa liền chạy vội đến một cụm dân cư mà nàng trông thấy giữa cánh đồng, tìm một thầy thuốc. Người ta chỉ nhà thầy cho nàng, và thầy lập tức đi theo. Nhưng khi hai người trở về đến trại thì không còn trông thấy Côđadát ở đây nữa. Hai người đồ rằng chắc đã thú đã kéo xác chàng đi ăn thịt mất rồi.

Công chúa Đêriaba lại bắt đầu lớn tiếng khóc gào thảm thiết. Viên thầy thuốc cũng lấy làm cảm động. Thầy không nỡ bỏ mặc mình nàng với căn lều trong tình trạng đáng thương ấy, liền khuyên bà nên trở lại cụm dân cư, và cho bà trú ngụ trong nhà mình.

Nàng đồng ý. Viên thầy thuốc đưa công chúa về nhà. Tuy chưa biết nàng là ai, ông chăm sóc và đối xử với nàng hết sức trọng thị. Lúc đầu ông cũng tìm cách khuyên giải nhưng vô ích, mọi lời khuyên giải chỉ càng làm cho nàng đau khổ thêm mà thôi. Một hôm ông bảo nàng:

- Thưa bà, xin bà hãy cho tôi biết căn kể mọi sự không hay đã xảy ra cho bà. Bà là ai, từ đâu đến, gia cảnh thế nào. May ra khi tôi đã am hiểu tận tường mọi điều phiền muộn của bà, có thể tôi giúp được bà lời khuyên tốt. Bà chỉ biết có việc than khóc, mà không hiểu rằng người ta có thể tìm được những phương thuốc hữu hiệu để chữa lành những đớn đau tuyệt vọng nhất.

Viên thầy thuốc nói năng khéo đến nỗi thuyết phục được công chúa. Nàng kể hết cho ông nghe những chuyện đã xảy ra. Khi nàng vừa dứt lời, ông nói:

- Thưa bà, sự tình đã đến nông nổi này, thì xin bà chớ phó mặc vào sự khóc than cho đau thương mất mát. Bà hãy cư xử như mọi người vợ phải làm

trong tình huống này. Ấy là phải tìm cách báo thù cho chồng. Tôi xin làm người hầu cận của bà nếu được bà cho phép. Chúng ta hãy cùng nhau đi đến triều đình vua Haran. Nhà vua ấy vốn là con người nhân hậu và công bằng. Bà chỉ cần mô tả thật chi tiết tất cả những điều mà hoàng tử Côđadát đã phải chịu đựng bởi bàn tay những người anh em của mình, tôi tin rằng nhà vua sẽ phân xử công bằng cho mà xem.

- Vâng, ông nói chí phải, – công chúa đáp – vâng, đúng là tôi phải tìm cách báo thù cho Côđadát. Và bởi ông vô cùng hào hiệp và sẵn lòng theo giúp đỡ tôi, thế thì chúng ta hãy lên đường ngay tức khắc.

Nàng vừa ngỏ lời đồng ý, thế là thầy thuốc sai chuẩn bị ngay hai con lạc đà. Hai người cưỡi lạc đà đến thành phố Haran. Họ tìm nơi nghỉ lại một nhà trọ vốn dành cho các đoàn lữ hành và tìm cách hỏi chuyện người chủ về những chuyện trong cung đình. Người chủ trọ đáp:

- Mọi người trong cung đang hết sức bối rối. Nhà vua có một người con trai vẫn sống bên cạnh ông như một người dung đã rất lâu rồi. Không ai hiểu vì sao chàng biệt tích. Hoàng tử ấy là do bà Piruzê sinh ra. Bà cũng cho người ra sức tìm tòi nhưng cho tới nay đều uổng công vô ích. Tất cả mọi người đều tiếc cho sự mất mát ấy, vì chàng là một chàng trai rất nhiều tài đức. Nhà vua còn có những bốn mươi chín người con khác nữa, sinh ra từ những người mẹ khác nhau. Tuy nhiên không một hoàng tử nào có đủ đức hạnh để làm cho nhà vua vợ được nỗi đau vì mất Côđadát. Tôi nói mất, vì chắc chàng không còn sống trên đời này nữa, nếu không, Người tìm kiếm đến như vậy, nếu chàng còn sống chắc hẳn đã được tìm ra.

Nghe người chủ trọ nói vậy, viên thầy thuốc cho rằng công chúa Đêriaba không có cách nào khác là phải tìm gặp cho được bà Piruzê. Nhưng việc này không phải không nguy hiểm và cần có sự chuẩn bị chu đáo. Ông sợ rằng các người con trai vua Haran biết nàng có mặt trong thành phố và đoán ra được ý định của nàng, thế nào họ cũng tìm cách bắt cóc trước khi nàng kịp nói chuyện với bà thân sinh ra Côđadát.

Viên thầy thuốc suy nghĩ rất nhiều. Ông hiểu rằng việc này không phải là không nguy hiểm cho chính mình. Bởi vậy ông bảo công chúa nên lưu lại trong nhà, để mình đi dò la, xem bằng con đường nào đến gặp được bà Piruze một cách an toàn.

Thế là ông vào thành phố và thân tha đi bộ về phía hoàng cung, làm như thể một con người hiếu kì đi xem cung điện. Chợt ông nhìn thấy một phu nhân cưỡi trên mình một con la trắng yên sang trọng. Theo sau có nhiều cô hầu cũng cưỡi la cùng nhiều người cận vệ và nô lệ da đen. Mọi người dân đều xếp hàng trật tự hai bên đường cho phu nhân đi qua và cũng để ngắm nhìn bà. Bà đi tới đâu thì mọi người đều phủ phục xuống đất chào.

Người thầy thuốc cũng bắt chước mọi người làm theo như vậy, rồi hỏi nhỏ một người bên cạnh đây, có phải hoàng hậu vợ vua không.

- Đúng đây, người anh em ạ, đây là một trong những người vợ của vua. Bà cũng là người được nhân dân tôn vinh nhất, quý yêu nhất, bởi bà chính là mẹ đẻ của hoàng tử Côđadát, mà hẳn người anh em có dịp nghe danh.

Thầy thuốc không cần biết gì hơn nữa. Ông đi theo bà Piruzê đến một thánh đường. Bà vào đây làm việc bố thí và dự lễ cầu nguyện mà vua Haran đã ra lệnh tiến hành để nhân dân cầu cho hoàng tử Côđadát chóng trở về. Cư dân trong thành vốn hết sức ái mộ hoàng tử, đến dự lễ rất đông, ai ai cũng đọc kinh cầu nguyện tiếp theo sau lời cầu của các thầy lễ. Thành ra thánh đường chật cứng những người.

Viên thầy thuốc rẽ đám đông, cố lần được đến cạnh những người cận vệ của hoàng hậu. Ông nghe hết những lời bà khấn. Khi bà trở ra, ông đến cạnh một người nô lệ và nói thầm vào tai:

- Người anh em ơi, tôi có một điều bí mật rất quan trọng muốn trình báo hoàng hậu. Người anh em xem có cách nào giúp tôi vào được trong cung của bà hay không.

Người nô lệ đáp:

- Nếu điều bí mật ấy liên quan tới hoàng tử Côđadát thì tôi dám quả quyết với người anh em rằng, bạn chắc chắn sẽ được hoàng hậu tiếp kiến. Còn nếu không phải chuyện ấy thì bạn chớ có nên cầu xin vô ích, vì lúc này hoàng hậu quá bận bịu về việc tìm kiếm hoàng tử đến nỗi bà không muốn nghe ai nói đến bất kì một việc gì khác.

- Tôi chỉ muốn nói với hoàng hậu về câu chuyện liên quan đến chàng hoàng tử quý yêu của bà mà thôi.

- Nếu quả đúng như vậy thì bạn chỉ có việc đi theo chúng tôi về đến cung. Bạn sẽ được hầu chuyện bà ngay sau đó.

Quả vậy, hoàng hậu Piruzê vừa về tới cung, tên nô lệ báo cho bà biết có một người lạ mặt muốn xin gặp bà để nói một điều rất quan trọng, và có liên quan đến hoàng tử Côđadát. Nghe nói, lập tức Piruzê nôn nóng muốn được gặp người lạ mặt ngay. Thầy thuốc được tên nô lệ dẫn vào phòng. Bà truyền cho mọi người lui ra, trừ có hai người hầu nữ mà bà thường không có việc gì là không cho hai người này biết rõ. Vừa trông thấy thầy thuốc, bà đã sẵn đón hỏi ông có tin tức gì về Côđadát muốn thông báo với bà không. Thầy thuốc phủ phục xuống đất rồi đứng lên thưa:

- Thưa bà, câu chuyện dài dòng lắm, và chắc sẽ làm bà ngạc nhiên.

Thế là ông thuật lại đầu đuôi mọi việc xảy ra giữa Côđadát với những

người anh em cùng cha khác mẹ của chàng. Bà lắng nghe rất chăm chú. Nhưng khi nghe đến chỗ hoàng tử bị sát hại, cũng như tất cả mọi bà mẹ khác, bà ngã ra trường kỉ ngất đi. Hai người hầu nữ vội vàng cấp cứu. Khi bà hồi tỉnh, thầy thuốc lại tiếp tục kể hết câu chuyện. Nghe nói xong, bà bảo:

- Ông hãy đi gặp ngay công chúa Đêriaba và nhân danh ta mà nói cho nàng rõ là chẳng bao lâu nữa nhà vua sẽ sớm công nhận nàng là con dâu của Người. Còn về phần ông, chắc chắn ông sẽ được hậu tạ.

Người thầy thuốc đi khỏi, bà Piruzê vẫn ngồi yên trên chiếc trường kỉ trong nỗi buồn đau không thể nào tả xiết. Nghĩ đến Côđadát, bà không sao cầm được nước mắt: “Ôi, hỡi con trai của ta, thế là ta không bao giờ còn nhìn thấy được con! Khi ta đồng ý cho con rời Xamari để về triều đình phụ thân con, ta có ngờ đâu rồi con sẽ phải lìa đời ở một nơi xa xôi với mẹ như thế này. Khốn khổ thân con, sao con lại rời mẹ mà ra đi. Hẳn là ở nhà con sẽ không đạt được lấy nhiều vinh quang, song con vẫn còn sống, con không làm cho mẹ tuôn bấy nhiêu nước mắt!”.

Nói xong, bà lại khóc như gió như mưa khiến hai người hầu cúi lòng cũng khóc theo. Trong khi ba người đang cùng nhau khóc lóc như vậy thì nhà vua chợt bước vào. Nhìn thấy cảnh tượng ấy, vua hỏi phải chăng bà Piruze đã nhận được tin tức không lành về hoàng tử Côđadát.

- Ôi, tâu bệ hạ, thế là xong, con trai thiếp không còn trên đời này nữa. Và đau đớn cho thiếp làm sao, thiếp lại không thể làm lễ tang cho nó trong thánh đường, vì theo như câu chuyện xảy ra thì có thể thi thể con đã bị thú dữ ăn thịt rồi.

Nói xong, bà thuật lại cho nhà vua nghe những điều viên thầy thuốc vừa rồi cho biết. Bà không quên nhấn mạnh cách thức dã man mà những người anh của Côđadát đã sát hại chàng. Không đợi cho bà kể xong, nhà vua đã nổi giận lôi đình. Vua nói:

- Hoàng hậu à, những tên khốn nạn làm cho hậu phải tuôn nước mắt và làm cho ta đau đớn xé lòng sẽ bị trừng phạt thích đáng.

Dứt lời, sắc mặt còn hầm hầm, vua đi thẳng đến phòng thiết triều. Nơi đây có đông đủ các triều thần và một số người dân có việc đến tâu trình đang chờ nhà vua xem xét. Nét mặt giận dữ của nhà vua làm cho mọi người kinh ngạc và lo lắng.

Vua ngồi lên ngai vàng và ra lệnh cho tể tướng đến:

- Này Hatxan, ta có một mệnh lệnh truyền cho ông. Là ngay tức khắc, điều một nghìn quân trong đội cận vệ của ta và cho bắt giữ ngay tất cả các hoàng tử con trai ta. Hãy nhốt chúng vào cái tháp vắng dành để nhốt bọn sát nhân. Lệnh của ta phải được thực hành xong ngay lập tức.

Nghe mệnh lệnh kì quặc ấy, mọi người không thể không run bắn người. Song tể tướng không đáp một lời mà chỉ đặt tay lên đầu, ấy là dấu hiệu nói ông sẵn sàng tuân lệnh. Và ngay lập tức, ông ra khỏi điện thiết triều để thi hành một mệnh lệnh mà trong lòng ông cũng lấy làm ngạc nhiên không kém những người khác. Trong lúc ấy, nhà vua cho tất cả mọi người có việc đến cầu xin hôm ấy lui về hết. Vua nói rằng nội trong một tháng, vua không nghe tâu trình bất cứ một việc gì. Vua đang ngồi trong điện thiết triều thì tể tướng đã mau mắn trở lại.

- Thế nào, tất cả con trai của ta đều đã bị nhốt trong tháp rồi chứ?
- Vâng, tâu bệ hạ, mệnh lệnh của Người đã được chấp hành.
- Chưa phải đã xong đâu. Ta còn một việc nữa giao cho ông.

Dứt lời, vua cùng tể tướng đi sang cung của hoàng hậu Piruzê, hỏi người quả phụ của Côđadát hiện đang trú ngụ nơi đâu. Các người hầu tâu lại cho vua rõ, bởi lúc này viên thầy thuốc đã không quên điều đó. Thế là vua quay lại bảo tể tướng:

- Ông hãy đến ngay nhà trọ nọ, và đưa về đây nàng công chúa đang tá túc trong ấy. Nhớ hãy đối xử với cô cho xứng với vị trí của cô ấy.

Không chút chậm trễ, tể tướng lên ngựa, rồi cùng với các thượng thư và triều thần khác đi đến ngôi nhà công chúa Đêriaba đang nghỉ, nói cho công chúa rõ mệnh lệnh của nhà vua. Người ta dắt đến một con la trắng có bộ yên cương bằng vàng nạm hồng ngọc và ngọc bích.

Công chúa ngồi lên mình la, và cùng với đoàn triều thần đi về hoàng cung. Viên thầy thuốc cũng được đi theo. Ông cưỡi lên lưng một con ngựa giống Tácta đẹp mã mà tể tướng vừa ban cho. Tất cả dân phố đổ ra đường hoặc chen chúc sau các cửa sổ để xem cảnh tượng trọng thể. Khi mọi người được rõ nàng công chúa đang được hộ tống với bao nghi thức oai nghiêm kia chính là vợ của hoàng tử Côđadát, thì lập tức tiếng hoan hô nổi lên vang dậy. Bởi chưa ai biết câu chuyện bi thảm của chàng, nếu không thì những tiếng mừng vui kia có thể đã trở thành lời than khóc đau đớn vì mọi người trong kinh thành ai ai cũng quý mến chàng.

Nhà vua đã đứng đợi sẵn trong cổng hoàng cung để đón nàng. Vua cầm tay nàng dắt vào phòng riêng của bà Piruzê. Một cảnh tượng đau lòng lại diễn ra ở đây. Làm sao quả phụ Côđadát lần đầu tiên được gặp bố mẹ chồng mà không khỏi đau đớn, cũng như hai bố mẹ gặp mặt con dâu trong tình huống này mà không động lòng nghĩ tới người con trai đã mất. Công chúa phủ phục dưới chân vua, đầm đìa nước mắt mãi không nói được lên lời. Bà Piruzê vô cùng đau đớn. Trước cảnh cảm động ấy, đến nhà vua cũng không cầm được nước mắt. Cả ba người lặng im hồi lâu, không ai mở miệng lên

lời. Rất lâu sau, công chúa Đêriaba cố trấn tĩnh, thuật lại câu chuyện về tòa lâu đài và nỗi bất hạnh của Côđadát. Nàng xin vua trừng phạt những kẻ gây nên tội ác.

- Đúng vậy, bọn sát nhân phải đền tội, – vua nói – song trước hết phải cho công bố tin hoàng tử Côđadát qua đời, thì việc hành quyết những tên phạm tội mới không kích động dân chúng. Và chẳng, cho dù chưa tìm được thi thể hoàng tử, chúng ta cũng không vì thế mà không làm lễ tang trọng thể cho chàng.

Vua truyền tể tướng cho xây dựng một ngôi nhà mộ có mái vòm cao ngay chính giữa cánh đồng không mấy xa thành phố. Đồng thời vua cấp cho công chúa mà vua chính thức công nhận là con dâu của mình, một căn nhà ngay trong hoàng cung.

Tể tướng Hatxan huy động nhiều thợ thuyền làm việc cật lực suốt ngày đêm. Chẳng bao lâu đã xây xong ngôi mộ có vòm cao. Người ta đặt vào trong mộ một hình nhân thay cho Côđadát. Công trình vừa hoàn thành, vua ra lệnh cầu kinh và định ngày làm tang lễ.

Đến ngày hôm ấy, dân tất cả thành phố đổ ra cánh đồng xem lễ. Lễ tang diễn ra theo nghi thức như sau:

Nhà vua, theo sau là tể tướng và các triều thần, đi bộ đến ngôi mộ. Tới nơi, vua vào bên trong và cùng với tất cả triều thần ngồi lên những tấm thảm lụa thêu hoa vàng. Tiếp đó một đội quân cận vệ cưỡi trên mình ngựa, đầu cúi mắt khép, tiến đến rồi lặng lẽ đi vòng quanh ngôi mộ hai vòng. Đến vòng thứ ba, tất cả dừng lại trước mộ, rồi lần lượt từng người lớn tiếng xướng lên câu sau: “Hỡi hoàng tử, giá như có thể dùng đao kiếm để làm vơi bớt nỗi đau của Người, giá như có thể dùng sức lực trí tuệ để làm cho Người sống lại thì chúng tôi đã không ngại ngần. Song, Đáng tối cao đã muốn vậy, và tử thần đã phải tuân phục ý Người”.

Xướng xong, đội quân rút lui nhường chỗ cho một trăm cụ già râu tóc bạc phơ, ai nấy đều cưỡi trên lưng những con la màu đen.

Đây là những ả nữ cô đơn suốt đời sống một mình trong các hang đá, không bao giờ để cho ai được nhìn thấy mặt. Họ chỉ xuất hiện trong lễ tang quốc vương Haran hoặc những hoàng tử con vua. Các cụ già đáng kính ấy đều đưa một tay giữ cuốn sách lớn đội trên đầu. Họ lặng lẽ điếu quanh ngôi mộ ba lần. Cuối cùng dừng lại trước cửa mộ, và một cụ xướng lên câu sau:

“Hỡi hoàng tử, chúng tôi biết làm gì cho chàng? Giá như có thể dùng lời nguyện cầu hoặc khoa học để làm cho chàng sống lại, thì chúng tôi không nề cợ chòm râu bạc của chúng tôi vào chân chàng, thì chúng tôi đã đọc lên những lời ai điếu. Nhưng Đáng tối cao đã đưa hoàng tử về nơi vĩnh hằng!”

Xong lời xướng, các cụ già rút lui. Lập tức năm mươi cô gái trẻ cực kì xinh đẹp tiến đến. Mỗi nàng cưỡi trên mình một con ngựa non màu trắng. Không ai đeo mạng, và người nào cũng mang bên mình một cái giỏ đựng đầy châu báu. Các cô diễu quanh ngôi mộ ba vòng. Khi dừng lại trước cửa mộ, cô gái trẻ nhất cất lời như sau: “Hỡi hoàng tử ngày xưa xinh đẹp biết bao! Chúng em có thể làm được gì để trợ giúp chàng? Nếu sự kiêu diễm của chúng em có thể làm cho chàng sống lại thì chúng em sẵn sàng tự làm nô lệ cho chàng. Nhưng chàng đâu còn thiết gì đến nhan sắc, chàng đâu còn cần đến chúng em!”

Các thiếu nữ rút lui thì nhà vua và các triều thần đứng dậy diễu quanh mộ ba vòng. Cuối cùng nhà vua cất lời: “Hỡi con trai thân yêu, hỡi nguồn ánh sáng của đôi mắt ta, thế là từ nay ta vĩnh viễn không còn có con!” Nói xong, vua khóc. Nước mắt người cha tuôn xuống mộ. Các triều thần cũng khóc. Tiếp đó người ta đóng cửa ngôi nhà mồ. Tất cả mọi người cùng quay trở về thành phố.

Ngày hôm sau, các cuộc cầu nguyện được tổ chức ở các nơi công cộng. Tang lễ kéo dài trong tám ngày liền. Đến ngày thứ chín, vua quyết định chém đầu tất cả các hoàng tử. Toàn thể nhân dân đều phẫn nộ trước những tội ác họ gây ra cho hoàng tử Côđadát, nóng lòng chờ đợi ngày họ đền tội.

Các giá chắt đầu đã bắt đầu được dựng lên. Nhưng cuộc hành quyết phải hoãn lại vì vừa được tin cấp báo các nước lân bang thù địch với vương quốc Haran trước đây đã từng nhiều lần chinh chiến với nước này, nay lại vừa khởi binh. Mà lần này quân sĩ của đối phương đông gấp bội các lần trước. Các đạo tiên phong chẳng còn cách xa kinh thành là mấy. Đã từ lâu có tin các nước này chuẩn bị gây hấn, tuy nhiên nước Haran chưa quan tâm nhiều đến việc phòng bị. Vì vậy tin địch tiến quân gây nên một sự hoang mang trong dân chúng. Đây lại là một lí do nữa để mọi người càng thêm thương tiếc Côđadát, bởi chính chàng là người những lần trước đây đã đánh toi bời các đạo quân xâm lược: “Ôi, giá mà hoàng tử Côđadát còn sống nhỉ! Được thế thì chúng ta chẳng có gì phải lo lắng với những kẻ gây chiến này”.

Tuy nhiên nhà vua tỏ ra không chút nao núng. Vua huy động một đội quân đáng kể. Và, không đợi cho kẻ địch đến tận chân thành mới nghênh chiến, vua dẫn đầu đoàn quân đi đón đánh chúng từ xa. Kẻ địch hay tin vua Haran dẫn quân đi đánh chặn đường, liền dừng lại ở cánh đồng và dàn quân thành thế trận.

Hai bên gặp nhau. Vua Haran ra lệnh thôi kèn thúc quân tiến đánh. Phía bên kia cũng nghênh chiến dũng mãnh. Biết bao máu xương đã đổ từ hai phía, nhưng trận chiến vẫn chưa phân thắng bại. Cuối cùng, có vẻ như ưu thế chuyển dần về phía kẻ địch, vì chúng đông hơn. Chúng sắp sửa kéo kín vòng

vây, dồn đạo quân của vua Haran vào giữa.

Vừa lúc ấy xuất hiện một đội kỵ binh hàng ngũ chỉnh tề tiến vào đồng bằng nơi chiến trận đang diễn ra ác liệt. Cả hai bên tham chiến đều phân vân, không rõ đạo quân kia sẽ đứng về phía nào. Nhưng chẳng bao lâu mọi sự ngã ngũ. Đội kỵ binh bất ngờ tiến đánh ngang sườn đạo quân địch, khiến cho hàng ngũ chúng rối loạn và dần dần theo nhau bỏ chạy tán loạn. Đội kỵ binh không ngừng lại mà thừa thắng đuổi theo, tiêu diệt gần như tất cả.

Vua Haran chăm chú quan sát diễn biến của trận tập kích. Vua rất khen ngợi tài thao lược và sự dũng cảm của các kỵ sĩ, nhờ có sự chi viện kịp thời của họ mà thế trận nghiêng phần thắng cuối cùng về phía nhà vua. Vua đặc biệt cảm phục tài năng của viên chỉ huy, người đã trực tiếp chiến đấu vô cùng oanh liệt. Rất nôn nóng muốn rõ vị anh hùng ấy là ai để bày tỏ lời cảm tạ, vua tiến về phía đoàn kỵ sĩ thì thấy vị tráng sĩ kia cũng vội vàng tiến ra nghênh đón. Hai người đến gần nhau. Vua Haran sửng sốt nhận ra người tráng sĩ dũng cảm vừa đến chỉ viện cho vua và giúp đánh tan đạo quân xâm lược ấy không ai khác hoàng tử Côđadát, đến nỗi hồi lâu vua không thốt nên lời.

- Thừa phụ vương, chắc hẳn phụ vương không thể nào không ngạc nhiên khi nhìn thấy một đứa con mà người đã tưởng không còn trên đời này. Nhưng Thượng đế đã bảo tồn con, để cho con còn dịp đánh tan kẻ xâm lăng phục vụ bệ hạ.

- Ôi, con trai của ta ơi, có thật đúng là Thượng đế đã trả con về với ta! Hồi ôi, ta đã tưởng không bao giờ có thể còn được nhìn thấy con.

Vừa nói, vua vừa mở rộng hai tay đón nhận con trai vào lòng. Hai cha con ôm nhau thắm thiết hồi lâu.

- Cha đã biết hết mọi chuyện, – vua Haran nói – cha đã biết những người anh em của con đã đền đáp bằng cách nào cái ơn con giải thoát họ khỏi bàn tay độc ác của tên khổng lồ. Nội ngày mai thôi, con sẽ được báo thù. Nhưng, con ạ, mẹ con đã khóc hết nước mắt vì con. Mẹ con hiện đang ở trong cung, nóng lòng chờ cha mang tin thắng trận trở về. Mẹ con sẽ sung sướng xiết bao khi hay tin chính nhờ con mà chúng ta thắng được trận này.

Côđadát hỏi:

- Thừa cha, do đâu cha biết được đầu đuôi mọi chuyện xảy ra trong lâu đài của tên khổng lồ? Có phải là một người anh em nào của con vì hối hận mà thú nhận với cha chăng?

- Không, chính công chúa Đêriaba đã thuật cho ta nghe tất cả mọi chuyện. Công chúa đã tìm đến được hoàng cung và van xin ta trả thù cho con.

Nghe tin vợ còn sống, Côđadát mừng vui khôn xiết. Chàng thốt lên:

- Cha con ta hãy về ngay với mẹ con. Con đang nóng lòng muốn lau nước mắt cho bà cũng như lau nước mắt cho Đêriaba.

Nhà vua trở về thành phố cùng với đạo quân của mình. Ông cho quân lui về các trại, rồi khai hoàn trở lại hoàng cung, theo sau có cơ man là dân chúng. Ai ai cũng cầu trời cho nhà vua sống lâu muôn tuổi. Ai ai cũng ngợi ca Côđadát lên đến mây xanh.

Hai người gặp bà Piruzê và người con dâu đang chờ vua trở về để chúc tụng. Hai bà xúc động không có lời nào tả nổi khi trông thấy đi cùng nhà vua có cả hoàng tử Côđadát. Đúng là tiếng cười hòa trong nước mắt. Sau nỗi xúc động tạm lắng, mọi người hỏi Côđadát do sự thần kì nào mà chàng còn sống.

Chàng đáp, một nông dân cười trên một con lừa tình cờ vào trong cái trại chàng đang nằm bất tỉnh nhân sự. Thấy chàng chỉ còn một mình và bị đâm nhiều nhát dao, ông ta buộc chàng lên lưng con lừa rồi đưa về nhà. Ông nhai lá thuốc rịt vào các vết thương, nhờ vậy chàng bình phục sau có mấy ngày.

- Sau khi bình phục, tôi tặng người nông dân tất cả châu báu mà tôi có trên người. Tôi đi dần về phía thành phố Haran. Dọc đường, được tin mấy nước lân bang đang tập trung quân đội tàn sát dân lành, tôi đi sâu vào các làng nói rõ tên tuổi của mình và cổ vũ nhân dân chiến đấu tự vệ. Tôi trang bị vũ khí cho nhiều thanh niên. Rồi dẫn đầu họ, tôi tiến về thành phố, vừa kịp đến chiến trường khi cuộc chiến giữa hai bên đang vào lúc quyết định.

Chàng kể xong, vua Haran nói:

- Chúng ta hãy cùng tạ ơn Thượng đế đã cho con được sống. Nhưng những tên phản trắc làm hại con sẽ phải đền tội hôm nay.

- Tâu bệ hạ, – chàng Côđadát thưa với vua cha. – cho dù những con người ấy có phản trắc và độc ác đi nữa, thì xin Người hãy nghĩ lại. Đó là những giọt máu của cha. Đó là những anh em với con. Con tha thứ cho họ và con cầu xin cha hãy ra ơn xá tội cho họ.

Tình cảm cao thượng của Côđadát làm vua Haran rơi nước mắt. Vua truyền cho tập trung dân chúng lại và tuyên bố chàng là hoàng tử kế thừa ngai vàng. Tiếp đó vua cho dẫn những hoàng tử bị giam đến, người nào cũng mang xiềng xích trên người. Hoàng tử Côđadát tự tay tháo xích cho họ và ôm hôn từng người, trong lòng cũng thanh thản như khi ôm hôn họ trong sân tòa lâu đài của tên khổng lồ. Nhân dân hết sức tán thưởng cử chỉ ấy và cùng cất tiếng hoan hô chàng như sấm dậy.

Viên thầy thuốc cũng được ban thưởng rất hậu về những việc ông đã làm cho công chúa Đêriaba.

Kể đến đây, nàng Sêhêrazát nói với vua Saria:

- Tâu bệ hạ, bệ hạ hân đã hài lòng khi nghe chuyện hoàng đế Harun An-Rasít, sau khi nghe chuyện về chàng Ganem, đã quên đi sự căm giận của mình, rồi không những tha tội mà còn gia ơn cho chàng, mẹ và em gái chàng. Em tin rằng Người sẽ còn thích thú hơn nữa khi nghe em kể chuyện con người chợt tỉnh giấc mơ.

Vừa nghe nhắc đến tên chuyện, vua Saria đã muốn nàng kể ngay. Nhưng khi ấy trời cũng vừa sáng. Bởi vậy vua cho hoãn việc hành quyết Sêhêrazát, để cho nàng sống thêm nhiều ngày và nhiều đêm nữa, để nàng có đủ thời gian kể cho vua nghe hết câu chuyện này.

CHUYỆN NGƯỜI CHỌT TỈNH GIÁC MƠ

Tâu bệ hạ, dưới triều đại hoàng đế Harun An-Rasít, ở Bátđã có một nhà buôn rất giàu, mà vợ thì đã già. Hai vợ chồng chỉ có một đứa con trai duy nhất tên là Abu Hatxan, tuổi chừng ba chục. Chàng được nuôi dạy cách xa cuộc sống phồn hoa.

Nhà buôn qua đời. Abu Hatxan trở thành người thừa kế duy nhất, bỗng dưng thấy mình sở hữu những tài sản lớn mà người cha đã suốt đời tích lũy bằng một cuộc sống cần kiệm và hết lòng vì công việc kinh doanh.

Người con trai có cách nhìn cuộc thế và có những ham muốn khác với cha, liền sử dụng những tài sản ấy theo một cách thức khác hẳn. Suốt tuổi thanh xuân của chàng, Abu Hatxan chỉ được bố cấp cho một số tiền vừa đủ sống hằng ngày. Chàng vẫn thường ham muốn cuộc sống chơi bời phóng túng của những bạn trai cùng lứa tuổi sẵn tiền. Bởi vậy, sau khi cha mất, chàng nhất quyết đến lượt mình cũng ăn chơi bằng cách tiêu pha cho xứng với món gia tài kếch xù mà vận may vừa mang lại.

Với ý định đó, chàng chia tài sản của mình ra làm hai phần: Một phần mua ruộng đất ở nông thôn và nhà cửa ở thành phố, lợi tức do phần này mang lại đủ cho chàng sống phong lưu. Chàng tự hứa sẽ không đụng tới món này mà thu được bao nhiêu thì tích lại bấy nhiêu. Còn phần nửa kia, gồm một số tiền mặt rất lớn, được dùng để bù đắp lại quãng đời mà chàng ngỡ đã bỏ phí đi do bị cha kìm chế cho đến ngày ông qua đời. Tuy nhiên chàng tự đặt ra một luật lệ cần thiết và tự hứa sẽ chẳng bao giờ vi phạm, là dứt khoát không tiêu ra ngoài món tiền dành riêng cho cuộc sống chơi bời.

Chẳng mấy chốc Abu Hatxan tụ tập được một nhóm cùng lứa tuổi và cùng địa vị xã hội. Chàng bày vẽ cách cho họ suốt ngày vui chơi thoải mái. Chàng không chỉ bằng lòng đãi đằng họ ban ngày cũng như ban đêm, mời họ dự những bữa tiệc linh đình tha hồ có rượu ngon và các món cao lương mỹ vị, mà còn mời ban nhạc cùng những danh ca nổi tiếng nhất đến đàn hát cho họ thưởng thức trong các bữa ăn. Nhóm trai trẻ ấy, thỉnh thoảng li rượu trên tay, cũng hòa tiếng hát của mình vào giọng hát của các ca sĩ, và cả bọn hòa tấu nhịp nhàng cùng với tất cả các thứ nhạc đệm. Những buổi vui chơi ấy thường kết thúc bằng vũ hội, trong đó được mời tới dự những vũ công, vũ nữ và người ngâm thơ ưu tú nhất thành phố Bátđã. Các buổi truy hoan ấy, được thay đổi hằng ngày vì những yêu cầu hoan lạc mới, làm cho Abu Hatxan tốn kém đến nỗi chàng không thể tiếp tục chơi bời theo cung cách ấy quá mười hai tháng. Vừa vặn một năm thì số tiền lớn chàng dành cho cuộc ăn chơi ấy đã vung hết qua cửa sổ.

Chàng thôi không mở tiệc nữa, thì bạn bè biến mất chẳng còn ai, dù chàng

đi đến đâu cũng không tìm gặp được họ. Quả vậy, vừa trông thấy chàng là họ lẫn trốn. Nếu tình cờ chàng bắt chộp được một người nào và muốn giữ lại thì anh ta viện ra nhiều cớ khác nhau để thoái thác luôn.

Abu Hatxan cay đắng nhiều vì thái độ lạ lùng của bạn hữu đã rời bỏ chàng một cách vô sỉ và vong ân sau bấy nhiêu lời thề thốt về tình bằng hữu keo sơn mà họ vẫn tỏ lộ với chàng, hơn là vì mất số tiền mà chàng đã tiêu pha không phải cách. Buồn bã, trầm ngâm, đầu cúi thấp, mặt đượm buồn da diết, chàng bước vào phòng riêng của mẹ và ngồi xuống một đầu ghế khá xa bà.

- Con làm sao thế? – Bà hỏi. – Do đâu con thay đổi tính tình và trở nên rầu rĩ khác thường đến vậy? Cho dù con có mất hết tất cả những gì con có trên đời cũng chẳng cần phải buồn đến như vậy. Mẹ biết con đã vung tiền qua cửa sổ. Từ khi con lao vào con đường chơi bời phóng túng thì mẹ đã biết rồi con cũng sẽ chẳng còn lại được bao nhiêu. Con là chủ các tài sản của con. Nếu mẹ chưa khuyên can lối sống buông thả của con, ấy là vì mẹ biết con đã khôn ngoan để dành riêng một nửa tài sản không động tới. Bởi thế, mẹ không hiểu cái gì làm con rầu rĩ như mẹ thấy hôm nay.

Nghe mẹ nói, Abu Hatxan sa nước mắt. Chàng than thở:

- Mẹ của con ơi, nhờ một kinh nghiệm đau xót, cuối cùng, con thấy rõ cảnh đói nghèo khó chịu đến đâu. Vâng, con cảm thấy sâu sắc rằng cũng như mặt trời lặn đưa chúng ta vào cảnh tối tăm, nghèo đói làm chúng ta quên hết những lời khen và những điều tốt đẹp người khác ban bố cho ta khi giàu có. Cái nghèo buộc chúng ta tìm cách đi lại sao cho đừng để ai trông thấy, và thui thủi sống những đêm dài máu tuôn thành nước mắt. Tóm lại, ai nghèo thì ngay bà con bạn bè cũng chỉ xem anh ta như một con người xa lạ mà thôi.

Thưa mẹ, mẹ đã biết từ một năm nay con tiêu pha như thế nào cho bạn bè con, con đã đãi đằng chúng nó sang trọng hết mức. Đến bây giờ, khi con không còn có đủ tiền tiếp tục tiêu xài như vậy nữa thì con nhận ra tất cả chúng nó đều bỏ con mà đi. Khi con nói con không còn cách tiếp tục tiêu xài, là con muốn hàm ý số tiền con đã dành riêng để dùng vào việc ấy. Còn về phần lợi tức của con, tạ ơn trời đất đã run rủi con bảo tồn được bằng lời thề không đụng đến nó cho việc tiêu pha hoang phí. Con đã giữ vẹn lời thề, và từ nay con sẽ biết cách sử dụng đúng đắn số tiền may sao còn lại với con. Nhưng, trước hết con muốn thử lòng các bạn bè của con, nếu chúng nó còn xứng đáng được gọi là bạn, xem chúng vô ơn bội nghĩa đến mức nào. Con muốn lần lượt gặp từng người trong bọn chúng. Sau khi trình bày cho chúng thấy rõ những việc con đã làm ngày trước vì quý trọng chúng, con sẽ van xin chúng nó gom góp một số tiền khả dĩ bằng cách đó, giúp vực con qua khỏi tình cảnh khốn cùng mà con lâm vào chỉ vì ham vui với chúng. Nhưng con thăm dò như vậy, như con đã thưa với mẹ, là chỉ nhằm thử lòng chúng nó

xem có còn chút tình xưa nghĩa cũ nào hay không mà thôi.

Bà mẹ nói:

- Con à, mẹ không có ý định khuyên con chớ thực hiện ý đồ của con. Nhưng mẹ có thể nói trước rằng hi vọng của con không có căn cứ. Hãy tin lời mẹ, cho dù con có làm gì đi nữa cũng vô ích mà thôi. Nếu mình không lo dành dụm thì chẳng có ai cứu giúp mình đâu. Mẹ thấy con chưa hiểu rõ các bạn của con. Đối với lứa tuổi con, người ta vẫn hay lạm dụng danh từ bạn, nhưng rồi con sẽ rõ. Cầu Thượng đế cho con sáng mắt ra, vì lợi ích của con!

- Thừa mẹ, con tin những điều mẹ vừa nói, và con sẽ chắc chắn dứt khoát nhận thân một điều có quan hệ thiết thân đến con, chỉ sau khi tự mình làm sáng tỏ sự hèn mạt và táng tận lương tâm của chúng nó.

Abu Hatxan ra đi ngay tức khắc. Chàng khéo chọn giờ sao cho gặp được các bạn hữu đang có mặt ở nhà. Chàng trình bày với họ tình cảnh khốn khổ của mình, và xin họ mở hầu bao bỏ ra một ít tiền thiết thực giúp đỡ chàng. Chàng còn hứa riêng với từng người là sẽ hoàn lại đầy đủ ngay, khi công việc làm ăn của mình kham khá. Chàng cũng không quên nói rõ chính vì họ một phần mà chàng lâm vào nông nổi này, để khích tấm lòng hào hiệp của họ. Chàng còn hé ra cho họ thấy niềm hi vọng một ngày kia sẽ có điều kiện trở lại đãi đằng, cho họ nhậu nhẹt ngon lành như trước.

Không một người bạn rượu nào của Abu Hatxan động lòng trắc ẩn trước những lời lẽ tha thiết chàng đưa ra để thuyết phục họ. Chàng còn buồn rầu nhận thấy thậm chí nhiều người còn quả quyết họ không quen biết chàng, và cũng không nhớ được đã từng gặp chàng lần nào hay không. Chàng trở về nhà lòng hết sức đau xót và oán hận: “Ôi mẹ ơi, – chàng thốt lên khi bước vào phòng bà – mẹ nói quả không sai, đó không phải bạn bè mà chỉ là một lũ đều cang vong ân bội nghĩa và độc ác không xứng đáng với tình bạn của con”.

- Thôi thế là xong. – Chàng nói tiếp. – Con chẳng cần đến tình bạn của chúng nữa. Con xin hứa với mẹ sẽ chẳng bao giờ thèm nhìn mặt chúng.

Abu Hatxan nhất quyết thực hiện lời hứa của mình. Chàng tìm đủ mọi cách phòng ngừa những cơ hội gặp lại bạn bè. Để tránh rơi vào vết xe cũ, chàng thề từ nay cho đến hết đời sẽ không mời bất cứ một người nào ở thành phố Bátđá dùng bữa với mình.

Khi chàng mở hòm lấy số lợi tức vẫn để dành, bỏ vào chỗ vừa mới tiêu pha phung phí hết. Chàng quyết định mỗi ngày chỉ rút ra một món tiền vừa phải, đủ để đãi một cách phải chăng mỗi một người thôi, cùng với chàng ăn tối. Chàng lại còn thề, con người ấy sẽ không phải là người ở Bátđá, mà là từ nơi khác vừa mới tới thành phố ngay trong ngày hôm ấy và chàng sẽ mời họ

rời khỏi nhà mình ra đi ngay sáng hôm sau, sau khi đã thết đãi chỉ mỗi một châu.

Theo dự tính ấy, sáng sáng Abu Hatxan thân hành đi mua thức ăn cần thiết cho bữa tiệc, và đến cuối ngày, tới ngồi ở một đầu cầu Bátđá. Và hễ trông thấy một người từ nơi khác đến bất kể sang hèn, chàng đều chào hỏi lịch sự rồi xin người ấy cho chàng được vinh hạnh mời dùng bữa và mời nghỉ lại ở nhà mình tới đầu tiên, khi khách vừa đặt chân tới thành phố này. Sau khi nói rõ luật lệ và điều kiện tự đặt ra, chàng đưa khách về nhà.

Bữa cơm Abu Hatxan mời không có gì thịnh soạn nhưng cũng đủ để làm hài lòng khách, nhất là về món rượu ngon thì không bao giờ thiếu. Bữa cơm kéo dài khá muộn và chàng cố ý không đàm đạo với khách về đại sự quốc gia, về việc gia đình hay thương mại như thói thường, mà chỉ nói những chuyện không đâu, nhẹ nhàng, phấn chấn. Bản tính vui, thích nói đùa và cũng khá nhộn, chàng biết cách xoay cho câu chuyện của mình đủ làm vui lòng những người rầu rĩ nhất.

Tiền đưa khách vào sáng sớm hôm sau, Abu Hatxan nói: “Cho dù ngài có đặt chân tới đâu, cầu xin Thượng đế không để cho ngài gặp chuyện buồn phiền. Hôm qua, khi mời ngài đến dùng cơm ở tệt xá, tôi đã thưa ngài rõ cái lệ tôi tự đặt ra cho mình. Bởi vậy xin ngài chớ phạt ý nếu tôi nói rằng chúng ta sẽ chẳng còn có dịp cùng nhau uống rượu, thậm chí chẳng còn gặp lại nhau ở nhà tôi hay bất cứ nơi nào khác. Tôi có những lí do để xử sự như vậy. Cầu Thượng đế phù hộ ngài”.

Abu Hatxan thực hành rất sát sao cái lệ ấy. Chàng không bao giờ nhìn ngó, không bao giờ lại nói chuyện với những người khách lạ chàng đã một lần tiếp đãi ở nhà. Gặp họ trong đường phố, ở các nơi công cộng hoặc tại các buổi hội họp đông người, chàng làm như không trông thấy họ, chàng còn quay đi để tránh họ đến gần và hỏi chuyện, tóm lại chàng hoàn toàn không giao thiệp với họ nữa.

Abu Hatxan xử thế như vậy được một thời gian thì một hôm, trong khi chàng đang ngồi như thường lệ ở đầu cầu, hoàng đế Harun An-Rasít xuất hiện, nhưng đã cải trang để không ai có thể nhận ra nhà vua. Mặc dù hoàng đế có đủ văn võ bá quan làm nhiệm vụ một cách miễn cưỡng, nhà vua vẫn tự mình tìm hiểu mọi việc. Vì vậy, như chúng ta đã thấy, vua thường cải trang dưới những dạng khác nhau, vi hành qua các phố ở Bátđá. Vua còn đi ra tận bên ngoài thành, và làm thành lệ là cứ vào ngày đầu tháng, vua đến một trong những con đường lớn từ đó người các nơi đổ về thành phố, khi thì đằng này, lúc thì phía kia. Hôm đó đúng vào ngày đầu tháng, vua cải trang thành một nhà buôn từ Mút-xun đến và vừa lên khỏi tàu ở bên phía bên kia cầu. Theo sau, có một tên nô lệ cao lớn lực lưỡng theo hầu.

Trong cách cải trang ấy, hoàng đế có vẽ đường bệ và đáng kính. Abu Hatxan ngỡ đây là một nhà buôn từ Mút-xun đến thật. Chàng đứng dậy nhã nhặn chào. Sau khi hôn tay vua, chàng nói: “Thưa ngài, xin chào mừng ngài vừa mới đến bình yên. Mong ngài cho tôi được vinh hạnh mời ngài quá bộ về nhà tôi dùng bữa cơm tối cùng tôi, và nghỉ lại đêm nay ở nhà, để may ra giữ được bớt nổi mệt nhọc lúc ngài đi đường”.

Và để vua khỏi từ chối, chàng trình bày vắn tắt cái lệ chàng tự đặt ra, là nếu có thể được, mỗi ngày cố gắng mời một người từ xứ khác đến về ăn nghỉ một đêm ở nhà mình, và cũng chỉ mỗi một đêm mà thôi. Hoàng đế thấy sở thích của anh chàng này có vẻ kì cục, liền nảy ra muốn tìm hiểu đến nơi đến chốn. Vẫn giữ tính cách của một nhà buôn, vua nói mình chỉ có thể đáp lại tấm thịnh tình không hề chờ đợi khi đặt chân đến Bát-đa bằng cách nhận lời mời. Xin chàng cứ việc dẫn đường, vua sẵn sàng đi theo.

Abu Hatxan không biết người khách tình cờ gặp cao quý hơn mình muôn vạn lần, cho nên vẫn xử sự như thể hoàng đế là người cùng vai đồng lứa. Chàng dẫn vua về nhà, rước vào một căn phòng đồ đạc khá sạch sẽ, và mời khách ngồi xuống chiếc ghế dài, vào nơi trang trọng nhất.

Cơm tối đã sẵn sàng, bàn ăn đã bày biện. Bà mẹ của Abu Hatxan vốn là một tay nội trợ cừ, dọn ra ba món: ở giữa, một con gà sống thien với bốn chú gà giò, bên này là món ngỗng béo và bên kia món hầm bò câu ra ràng. Chỉ có thể thôi, nhưng các loại thịt đều được chọn lọc kĩ và nấu rất ngon.

Abu Hatxan ngồi đối diện với khách. Hai người bắt đầu ăn ngon lành, ai thích dùng gì dùng nấy, không mời nhau và cũng không uống rượu, theo đúng phong tục địa phương. Hai người ăn xong, tên nô lệ của hoàng đế mang nước ra cho họ rửa, còn bà mẹ Abu Hatxan thì dọn bàn và bày thức tráng miệng gồm nhiều loại trái cây tùy theo mùa vụ, như đào, lê, táo và nhiều loại mứt hạnh nhân khô. Tối đến, nến được thắp sáng, sau đó Abu Hatxan mới cho mang rượu, bày li ra, và nhắc bà mẹ nhớ cho tên nô lệ ăn tối^[83].

Nhà buôn Mút-xun giả hiệu, tức nhà vua, cùng Abu Hatxan ngồi vào bàn ăn. Trước khi mời ăn trái cây, chủ lấy một cái ly, tự rót rượu cho mình trước, rồi cầm li rượu ở tay, chàng nói với hoàng đế mà vẫn là nhà buôn thành phố Mút-xun, như sau:

- Thưa ngài, ngài cũng biết như tôi rằng con gà sống không bao giờ ăn mà không gọi các gà mái đến cùng ăn với mình. Vậy nên tôi xin ngài hãy noi gương tôi. Tôi không rõ ngài nghĩ thế nào, chứ với tôi kẻ nào chê rượu và muốn làm ra vẻ người hiền thì người đó không phải là người hiền. Chúng ta hãy để mặc những loại người ấy cùng với vẻ âu sầu buồn bã của họ, và hãy tìm niềm vui nơi khác. Niềm vui đựng trong li rượu, và li rượu lại truyền niềm vui cho người cạn chén.

Trong khi Abu Hatxan uống, hoàng đế cầm cái li dành cho mình và nói:

- Vui quá, ấy thế mới gọi là trang hảo hán chứ. Tôi yêu phong thái vui vẻ của ngài, tôi chờ ngài cùng rót cho tôi ngần ấy rượu.

Cạn chén xong, Abu Hatxan rót đầy li rượu hoàng đế vừa chìa ra cho mình.

- Mời ngài nếm thử, – chàng nói – ngài sẽ thấy rượu ngon, thừa ngài.

- Tôi tin chắc như vậy, – hoàng đế tươi cười đáp -không lí nào một người như ngài lại không biết chọn những thứ hảo hạng.

Abu Hatxan lại nói trong khi nhà vua cạn chén:

- Chỉ cần nhìn ngài cũng đủ thấy ngài thuộc loại người từng trải và biết ăn chơi.

Tiếp đó, chàng đọc một bài thơ A Rập, đại ý nói: Nếu căn nhà của tôi có tri giác và ý thức được niềm vui được ngài hạ cố, nó đã quỳ xuống trước mặt ngài mà thốt lên: tôi thích thú làm sao, ôi hạnh phúc xiết bao cho tôi được vinh dự tiếp đón và mời cơm một người trung hậu, tươi vui như ngài. Tóm lại, thưa ngài, tôi hết sức vui mừng hôm nay được gặp một người cao quý như ngài.

Những điều thô lỗ của Abu Hatxan làm cho hoàng đế bản tính vốn thích bông đùa, lấy làm thú vị mà chuốc rượu cho chàng, bằng cách tự mình nhiều lần đòi rót thêm, và vua cũng cố tình muốn nhờ ma men mà tìm hiểu được tường tận hơn. Để đi sâu vào chuyện, vua hỏi chàng tên họ là chi, làm nghề nghiệp gì và sinh sống ra sao. Abu Hatxan đáp:

- Thưa ngài, tôi tên là Abu Hatxan. cha tôi nay đã quá cổ vốn là nhà buôn. Thuở sinh thời, tuy không phải vào hạng người giàu có nhất, ít ra cũng là một trong những người sông phong lưu ở Bátđã. Cha tôi qua đời để lại cho tôi một gia tài quá đủ cho tôi sống cuộc sống bình thường, không tham vọng, hợp với địa vị xã hội của mình. Gia thân đối với tôi rất nghiêm, và cho đến khi người mất, tôi phải sống phần lớn tuổi thanh xuân trong sự gò bó, do đó tôi đã muốn bù lại khoảng thời gian tươi đẹp mà tôi ngỡ là đã bỏ phí qua.

Tuy nhiên, tôi xử sự một cách khác, không giống thói thường, như mọi bạn thanh niên hằng xử sự. Anh em thường lao vào cuộc chơi không suy tính, và sống buông thả cho đến khi khánh kiệt, rồi sau đó phải kéo lay lắt như khổ sai những ngày còn lại đến hết đời.

Để khỏi lâm vào tai họa đó, tôi chia của cải của tôi làm hai phần: một phần bằng ruộng đất, nhà cửa và phần kia bằng tiền mặt. Tôi dùng tiền mặt vào những sự chi tiêu theo sở thích, và kiên quyết không động tới lợi tức của phần kia. Tôi tụ tập những bạn bè quen biết cùng lứa tuổi. Sẵn tiền mặt, tôi

tiêu không tiếc tay. Ngày nào tôi cũng khao chúng nó thật linh đình, sao cho các cuộc vui chơi của chúng tôi không thiếu một thứ gì. Nhưng ngày vui không dài. Qua một năm thì trong rương tôi không còn một đồng xu nào, và cùng lúc ấy tất cả bạn bè ăn chơi đều biến mất. Tôi tìm gặp từng người, tôi trình bày với họ tình cảnh khốn cùng của tôi, nhưng chẳng có ai giúp đỡ tôi một đồng xu nhỏ. Thế là tôi tuyệt giao với bọn người ấy, và tự giới hạn chỉ tiêu pha nội trong số lợi tức của mình, và cũng chẳng chơi với bạn bè nào khác ngoài người khách lạ đầu tiên mới đặt chân tới Bátđã mà tôi gặp mỗi ngày, với điều kiện chỉ thết đãi họ mỗi một hôm ấy mà thôi. Những gì còn lại, tôi đã thừa ngài rõ; và xin cảm tạ vận may đã cho tôi hôm nay được gặp gỡ một con người quý hóa như ngài.

Rất hài lòng về những điều mới biết, hoàng đế nói với Abu Hatxan:

- Tôi không tìm đủ lời lẽ để ngợi ca tính thận trọng của ngài. Trước khi dẫn thân vào cuộc đời phóng đảng, ngài đã xử sự khác hẳn thói thường các bạn trẻ. Tôi càng đánh giá cao hơn nữa thái độ của ngài giữ vẹn lời thề đối với bản thân như ngài đã thực hiện. Con đường ngài dẫn vào trước đây thật khá trơn trượt. Tôi hết sức khâm phục ngài, sau khi tiêu hết tiền mặt, đã giữ được không làm tiêu tan số lợi tức và có khi cả vốn liếng nữa của ngài. Xin nói thẳng với ngài điều tôi nghĩ, ngài là người dân làng chơi đầu tiên và cũng là người duy nhất từ xưa tới nay xử sự lạ như vậy. Tóm lại, xin thú thật tôi ganh tị hạnh phúc của ngài. Ngài là con người sung sướng nhất thế gian, vì mỗi ngày được đánh bạn với một người trung hậu có thể cùng chuyện trò thoải mái, để rồi người đó đi loan truyền khắp nơi về sự tiếp đãi nồng hậu của ngài. Ấy, nhưng cả ngài lẫn tôi đều quên không nhận thấy chúng ta đã nói chuyện quá lâu mà chưa uống. Nào, xin mời ngài hãy cạn chén của ngài đi, rồi sau đó xin rót cho tôi.

Hoàng đế và Abu Hatxan tiếp tục vừa chén tạc chén thù vừa nói chuyện lâu với nhau về nhiều điều rất lý thú.

Đêm đã khá muộn, hoàng đế vờ như mình rất mệt về chặng đường đi trong ngày, nói với Abu Hatxan là mình cần được nghỉ.

- Về phần tôi, – vua nói tiếp – tôi cũng chẳng muốn ngài phải mất công không chỉ vì quý tôi. Trước khi chúng ta chia tay nhau (vì có thể tôi sẽ từ giả ngài trước khi ngài ngủ dậy), tôi rất sung sướng được bày tỏ sự xúc động về cách cư xử trung hậu, về những món ăn ngon và sự hiếu khách của ngài đối với tôi. Điều duy nhất làm cho tôi băn khoăn, là không biết bằng cách nào biểu lộ lòng biết ơn của tôi đối với ngài. Xin ngài nói cho tôi rõ, ngài sẽ thấy tôi không phải là một kẻ vong ân. Chẳng nhẽ một người như ngài lại không có một công việc nào cần giải quyết, hoặc không có một nhu cầu, một mong ước nào cần thỏa mãn hay sao. Xin ngài hãy cởi mở tâm sự với tôi. Tuy tôi

chỉ là nhà buôn, tôi không phải là không có điều kiện, hoặc tự mình hoặc qua bạn bè, giải quyết công việc giúp ngài.

Nghe những lời ân cần của hoàng đế, mà Abu Hatxan vẫn ngỡ là nhà buôn, chàng đáp:

- Thưa ngài thân mến, tôi hoàn toàn tin chắc những gợi ý hào hiệp của ngài đối với tôi không phải là những lời đưa đẩy. Nhưng thật tình tôi không thể không quả quyết với ngài tôi chẳng hề có điều gì lo buồn, công việc gì phải giải quyết hay ước mong gì cần thực hiện sát, và tôi chẳng phải nhờ vả ai bất cứ điều gì. Như đã thưa với ngài, tôi chẳng có chút tham vọng nhỏ mọn nào và rất hài lòng về số phận của mình. Bởi vậy, tôi chỉ biết cảm tạ không những đề nghị quý hóa của ngài mà cả nhã ý của ngài đã vui lòng hạ cố đến dùng bữa cơm xoàng ở nhà tôi.

Tuy nhiên, xin thưa với ngài, có một việc cũng làm cho tôi phiền lòng đôi chút, tuy chưa đến mức phải bỏ ngủ biếng ăn. Ngài biết đấy, thành phố Bátđã chia thành nhiều khu phố và ở mỗi khu có một thánh đường và một trưởng giáo để hướng dẫn bà con trong khu phố đến tập hợp vào những giờ cầu kinh thường lệ.

Viên trưởng giáo ở đây là một lão già cao lớn mặt khô như hòn đá và giả dối chưa từng có trên đời. Trong hội đồng của hắc ta còn có bốn lão nữa, đều là hàng xóm của tôi, và đại thể cùng một giuộc như lão. Ngày nào các lão cũng hội họp đều đặn ở nhà viên trưởng giáo và trong các buổi họp ấy, các lão không từ một sự dèm pha, vu khống hoặc xỏ xiên nào không hướng vào tôi, cũng như vào những người khác trong khu phố, để chia rẽ, gây chuyện bất hòa giữa người này với người khác. Chúng lên mặt dọa người này nạt người kia. Tóm lại các lão muốn làm vương làm tướng, bắt ai cũng phải sống như các lão, mà chính các lão lại chưa biết cách sống cho nên người. Thật tình mà nói, tôi đau khổ thấy các lão cứ thọc mũi vào những việc khác ngoài cuốn kinh Côran của các lão, và không chịu để cho ai yên thân.

- Vậy là ý ngài hắc muốn tìm một cách nào đó ngăn chặn sự lộn xộn ấy chứ gì? – Hoàng đế hỏi.

- Đúng như vậy, – Abu Hatxan đáp – và điều duy nhất tôi muốn cầu xin Thượng đế là được thay Đấng thống lĩnh các tín đồ của chúng ta làm vua chỉ trong một ngày mà thôi.

- Ngài sẽ làm gì nếu được như vậy? – Hoàng đế hỏi.

- Tôi sẽ làm một việc để nêu gương, nó sẽ làm thỏa mãn mọi người trung thực. Tôi sẽ sai đánh một trăm roi vào gan bàn chân của mỗi lão già, và bốn trăm roi cho lão trưởng giáo, để dạy cho lão từ nay không được quấy rầy, làm phiền nhiễu hàng xóm láng giềng.

Hoàng đế thấy ý nghĩ của Abu Hatxan khá ngộ nghĩnh. Bản tính vốn thích những chuyện phiêu lưu kì lạ, vua nảy ra ý muốn nhân đây bày ra một chuyện đùa thật độc đáo. Vua nói:

- Điều mong muốn của ngài tôi rất thích, nhất là ở chỗ nó xuất phát từ tấm lòng ngay thẳng của một con người không chịu để tồn tại những sự xỏ xiên mà không bị trừng phạt. Tôi sẽ rất thích thú chờ xem kết quả, và không phải nó hoàn toàn không có khả năng trở thành hiện thực như ngài tưởng đâu. Tôi tin chắc hoàng đế sẵn sàng trao cho ngài tất cả quyền lực trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, nếu Người biết rõ thiện ý và cách thức ngài định sử dụng quyền lực đó. Tuy chỉ là một nhà buôn người xứ khác, tôi cũng có chút tư cách để góp phần nhỏ nhặt vào việc này.

- Tôi thấy rõ ngài chế giễu trí tưởng tượng điên rồ của tôi, – Abu Hatxan nói – và hoàng đế hẳn cũng sẽ làm như ngài nếu Người biết có kẻ suy nghĩ kì cục đến vậy. Điều may mắn nhất có thể xảy ra là hoàng đế sẽ bắt tôi tâu trình về lễ thói xử sự của lão trưởng giáo cùng các viên hội đồng của lão, rồi sai trị tội chúng.

- Tôi không dám chế giễu ngài. – Hoàng đế lại nói Xin trời đất bắt tội nếu tôi có ý nghĩ rồ dại như vậy đối với một người đã thết đãi tôi nồng hậu mặc dù chưa hề quen biết. Và tôi cũng xin quả quyết với ngài rằng hoàng đế sẽ không chế giễu ngài đâu. Nhưng mà thôi, hãy gác những chuyện ấy lại, gần nửa đêm rồi, chúng ta hãy đi nghỉ thôi.

- Vậy thì chúng ta hãy chấm dứt chuyện trò ở đây, tôi không muốn làm trở ngại đến sự nghỉ ngơi của ngài. – Abu Hatxan nói. – Nhưng trong chai hãy còn rượu, xin mời ngài hãy cạn chén, rồi chúng ta đi nghỉ. Điều duy nhất tôi dặn dò ngài, là sáng mai nếu ngài ra đi mà tôi chưa kịp dậy, xin đừng để ngõ cửa mà vui lòng khép lại cho.

Hoàng đế hứa sẽ thực hiện đầy đủ điều chủ nhân dặn.

Trong khi Abu Hatxan nói, hoàng đế cầm chai rượu và hai cái chén. Thoạt tiên vua rót rượu vào chén mình, và uống cạn cho Abu Hatxan rõ cử chỉ ấy là để cảm ơn chàng. Uống xong, vua khéo léo bỏ vào chén của chàng một dấm bột cầm sẵn ở tay và dốc luôn phần rượu còn lại trong chai vào chén mà nói:

- Suốt buổi tối hôm nay, ngài đã chịu phiền rót rượu mời tôi uống, giờ tôi làm thế này là để miễn cho ngài sự khó nhọc ấy lần cuối cùng, tôi xin ngài hãy đón chén rượu này từ tay tôi và vì tôi mà cạn chén.

Abu Hatxan đỡ chén rượu, và để tỏ cho khách thấy mình vui sướng xiết bao khi nhận vinh dự này, chàng uống cạn một hơi. Nhưng vừa đặt chén xuống bàn, chất bột đã ngấm vào người, chàng thiếp đi ngay, đầu gục xuống gối đến nỗi hoàng đế không nén được cười. Tên nô lệ đi theo, sau khi ăn

xong đã trở lại trước đó ít lâu, sẵn sàng đợi lệnh, hoàng đế phán: “Vác người này lên vai, và để ý nhớ ngôi nhà này, để đến khi nào ta ra lệnh thì mang nó trở lại”.

Hoàng đế có tên nô lệ vác Abu Hatxan đi theo, cố tình không khép cửa lại như chủ nhân căn dặn. Về hoàng cung, vua vào bằng một cổng bí mật, và cho tên nô lệ cùng đi tới phòng riêng của mình, ở đó bọn quan hầu đang chờ đợi. Vua phán:

- Hãy cởi áo quần người này ra và đặt nằm lên giường cho ta, ta sẽ cho các người biết rõ ý định của ta sau!

Bọn quan hầu cởi áo quần Abu Hatxan, mặc đồ ngủ của hoàng đế vào cho chàng theo như lệnh. Trong cung chưa một ai đi ngủ. Hoàng đế sai triệu tất cả quan hầu và cung nữ lại. Khi mọi người đủ mặt, vua nói:

- Ta muốn rằng tất cả những ai theo lệ túc trực lúc ta ngủ dậy, sáng sớm mai hãy có mặt bên cạnh người đang ngủ trên giường của ta kia. Khi người ấy thức dậy, mọi người hãy làm công việc như thường ngày đối với ta. Ta còn muốn rằng mọi người kính trọng người ấy như đối với chính ta, và nhất nhất phải tuân theo tất cả những gì người ấy ra lệnh. Không ai được từ chối điều gì người ấy đòi hỏi, không ai được cãi lại cho dù người ấy nói hoặc tỏ ý mong muốn điều gì. Trong mọi trường hợp cần tuân trình hay đáp lại, chớ nên quên cách xưng hô như khi nói với Đấng thống lĩnh các tín đồ. Tóm lại, ta yêu cầu đừng ai nghĩ tới nhân thân anh ta là ai trong suốt thời gian hầu hạ, mà phải nghĩ rằng người này quả đúng là ta, tức là Đấng thống lĩnh các tín đồ. Mọi người phải chú ý không được nói năng nhầm lẫn trong bất kì trường hợp nào.

Bọn quan hầu và thị nữ hiểu ngay là vua muốn đùa, đều cúi rạp người không đáp. Và từ lúc ấy ai nấy đều cố hết sức, theo uy quyền và bổn phận của mình, sắm thật tốt vai trò được giao.

Vừa đến cung, hoàng đế sai viên quan hầu vua thoát gặp đi triệu tể tướng Giafa. Đúng lúc này ông ta cũng vừa tới.

Vua phán:

- Nay Giafa, ta vời khanh đến, báo cho biết trước để khỏi ngạc nhiên, nếu sáng sớm mai, lúc vào chầu, khanh sẽ thấy người đang ngủ trên giường ta kia ngồi trên ngai vàng với lễ phục đại trào. Khanh hãy tuân với người ấy với đầy đủ lễ tiết và sự tôn kính như thường ngày đối với ta, và cũng xưng hô với người ấy như với Đấng thống lĩnh các tín đồ. Hãy lắng nghe và thi hành ngay tức khắc mọi điều người ấy truyền, như chính ta truyền vậy. Chắc chắn anh ta sẽ tỏ ra hào phóng và sai ông phân phát tiền của, hãy làm mọi việc người ấy truyền, cho dù có tiêu cạn tất cả kho tàng của ta cũng không sao.

Khanh nhớ báo tin cho các thượng thư và mọi quan chức ngoài nội phủ, sáng sớm mai trong buổi thiết triều, hãy giữ đối với người ấy mọi nghi tiết như đối với ta vậy, và hãy cố làm sao cho anh ta không nhận ra bất cứ một điều gì có thể quấy phá cuộc vui mà ta muốn xếp đặt. Thôi khanh hãy lui, ta không có lệnh gì truyền thêm nữa. Hãy thi hành những gì ta phán bảo.

Tể tướng ra khỏi, hoàng đế sang một phòng khác nghỉ, và ra lệnh cho trưởng hoạn nô Mêrua những việc cần làm nhằm thực hiện ước mơ của Abu Hatxan, và để xem chàng sử dụng như thế nào oai quyền của hoàng đế trong khoảng thời gian ngắn ngủi đúng như chàng mong ước. Vua dặn Mêrua đừng quên đánh thức mình dậy vào giờ thường lệ, trước khi đánh thức Abu Hatxan, vì vua muốn có mặt vào lúc chàng tỉnh giấc.

Mêrua không quên đánh thức hoàng đế dậy đúng giờ như Người căn dặn. Vào phòng Abu Hatxan đang ngủ, vua đến ngồi trong một căn phòng có bức màn che khuất để quan sát mà khỏi ai trông thấy.

Tất cả quan hầu và thị nữ có nhiệm vụ khi Abu Hatxan thức giấc, cùng một lúc bước vào. Mỗi người tùy theo cấp bậc đến túc trực ở chỗ thường lệ, im lặng như tờ, như thể chính hoàng đế sắp tỉnh giấc. Ai nấy sẵn sàng làm phần việc được giao.

Vàng đông đã rạng, đã đến lúc thức dậy để cầu kinh trước khi mặt trời mọc. Viên quan hầu đứng gần giường đưa một miếng bông nhỏ thấm dấm vào kẻ mũi Abu Hatxan. Lập tức chàng quay đầu, hắt hơi mà chưa mở mắt ra ngay, rồi khạc ra một ít đờm dãi. Quân hầu vội vàng đưa cái ống nhỏ bằng vàng hứng để khỏi rơi làm bẩn thảm. Đó chỉ là hậu quả bình thường của thứ thuốc mê hoàng đế cho uống tối hôm qua, loại thuốc này tùy liều lượng mà hết tác dụng lâu hay chóng.

Đặt đầu trở lại trên gối, Abu Hatxan mở mắt và trong ánh sáng ban ngày vừa rạng, chàng thấy mình đang nằm giữa một gian phòng rộng trang hoàng và đồ đạc lộng lẫy, trần trạm trở rất tinh vi, chung quanh bày biện những lọ lớn bằng vàng ròng, những màn che cửa, một tấm thảm dệt bằng kim tuyến. Quây quần bên mình lại có nhiều cung tần mỹ nữ trẻ măng và xinh đẹp tuyệt vời, một số người cầm nhạc cụ ở tay sẵn sàng cử nhạc, cùng những hoạn nô da đen ăn mặc sang trọng đứng hầu trong tư thế rất khiêm nhường. Nhìn xuống tấm chăn trải giường, chàng thấy nó bằng gấm đỏ thêu kim tuyến, dát ngọc, và trên một chiếc gối để kê, là chiếc mũ miện của hoàng đế.

Nhìn những đồ đạc rực rỡ, Abu Hatxan kinh ngạc và hoang mang không thể nào tả xiết. Chàng ngẫm những thứ đó như trong giấc mộng, một giấc mộng thật đối với chàng, và chàng không muốn tỉnh. Chàng tự nhủ: “Chà, chà, hóa ra ta làm hoàng đế thật ư?”. Và suy nghĩ thêm một chút, chàng tự bảo mình: – “Nhưng chớ nên nhầm, đây chỉ là giấc mộng, hệ quả của điều

mong ước tôi qua ta vừa nói với ông khách của ta thôi”. Rồi chàng lại nhắm mắt, như để ngủ tiếp.

Vừa lúc ấy, một tên hoạn nô tiến đến và kính cẩn thưa:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, xin Người chớ ngủ lại, đã đến lúc Người dậy cầu kinh, vầng đông đã rạng.

Những lời nói ấy làm Abu Hatxan càng kinh ngạc: “Ta đang thức hay là ta đang ngủ đây? Nhưng đúng là ta đang ngủ, – chàng vẫn nhắm mắt – không có gì đáng hoài nghi”.

Thấy chàng không đáp và tỏ ý chưa muốn dậy, lát sau tên hoạn nô vừa nãy lại nói:

- Xin Đấng thống lĩnh các tín đồ cho phép con nhắc lại là đã đến lúc Người cần thức dậy, trừ phi Người muốn để cho thời gian cầu kinh sáng trôi qua. Mặt trời sắp mọc, mà Người xưa nay chưa bao giờ bỏ một buổi cầu kinh nào.

“Hồi nãy ta nhầm, – Abu Hatxan tự nhủ – ta không ngủ, ta thức. Người ngủ không thể nào nghe được, còn ta, ta nghe rõ người khác nói cơ mà”.

Chàng lại mở mắt, và vì trời đã sáng hẳn, chàng càng nhìn thấy rõ rệt tất cả những vật lúc nãy còn nhìn thấy mơ hồ. Chàng nhòm dậy tươi tỉnh như một người chợt thấy ở vào vị thế cao sang hơn rất nhiều so với vai vế xã hội của mình. Hoàng đế quan sát từ chỗ nấp, rất lấy làm thú vị khi đọc được ý nghĩ của chàng. Vừa lúc ấy, các cung tần mỹ nữ nhất loạt phủ phục sát đất. Những người cầm nhạc cụ hòa tấu một bản nhạc chúc mừng du dương đến nỗi làm chàng mê mẩn ngẩn ngơ, không biết mình đang ở đâu và cần phải làm gì. Tuy nhiên, chàng trở lại ý nghĩ ban đầu, và vẫn còn phân vân: những điều đang thấy, đang nghe thấy là thực hay là mộng? chàng đưa tay che mắt và cúi đầu suy nghĩ: “Thế này là thế nào nhỉ? Ta đang ở đâu? Việc gì xảy ra cho ta? Cung điện này là nơi nào? Các quan hầu, lũ hoạn nô ăn mặc đẹp đẽ và sang trọng, các cung tần và nhạc nữ làm ta say mê kia, có ý nghĩa gì? Sao ta lại không thể phân biệt được mình đang tỉnh hay đang mơ?”.

Chàng buông tay mở mắt, và khi ngẩng đầu nhìn lên, thấy mặt trời đã đại những tia nắng đầu tiên qua cửa sổ vào căn phòng chàng đang nằm.

Vừa lúc ấy Mêrua, viên trưởng các hoạn nô, bước vào phủ phục trước Abu Hatxan rồi đứng dậy thưa:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, xin cho phép tôi thưa, Người không có thói quen dậy muộn như thế này, e giờ cầu kinh sáng trôi qua mất. Trừ khi đêm qua Người ngủ không yên giấc, ngọc thể bất an, còn không, đã đến lúc Người ra ngự lên ngai vàng để thiết triều theo thường lệ. Các vị tướng lĩnh, thống đốc các tỉnh và các đại thần trong triều đang chờ mở cổng đại điện, để

vào châu.

Lời Mêrua làm Abu Hatxan tin chắc không phải mình đang ngủ mê. Chàng càng phân vân và bối rối không biết nên làm những gì. Cuối cùng, chàng nhìn thẳng vào mắt Mêrua và hỏi, giọng nghiêm trang:

- Ông nói với ai? Và ai là người mà ông gọi là Đấng thống lĩnh các tín đồ? Tôi không quen biết ông. Có lẽ ông nhầm tôi với một người khác.

Giá là người khác, không phải Mêrua, thì hẳn đã bối rối trước câu hỏi đó. Nhưng đã được hoàng đế cho biết trước, y đóng rất khéo vai trò của mình. Y thốt lên:

- Tâu Đấng chúa tể muôn vàn tôn kính, hỡi Người hỏi vậy để thử lòng con. Người chẳng phải Đấng thống lĩnh các tín đồ, vị hoàng đế của thế giới từ đông sang tây, người đại diện trên đất này của Đấng tiên tri, sứ giả của Thượng đế dưới trần tục cũng như trên thiên đường đây ư?^[84] Mêrua kẻ nô lệ hèn mọn này không bao giờ quên là mình được vinh dự và hạnh phúc hầu hạ Người. Kẻ hèn mọn này sẽ là người bất hạnh nhất thế gian nếu bị Người ghét bỏ, và cúi xin Người hãy làm cho nó yên tâm. Con chỉ muốn tin rằng ấy là chỉ vì đêm qua, Người không được yên giấc lắm vì một cơn mộng không lành.

Nghe những lời đó, Abu Hatxan phá ra cười sảng sặc đến nỗi ngã người lên gối, làm hoàng đế thú vị có lẽ cũng phải bật cười theo nếu như không sợ kết thúc quá sớm tấn tuồng ngộ nghĩnh mà mình là người đạo diễn khi nó mới bắt đầu.

Abu Hatxan ngả người ra cười như vậy hồi lâu, rồi nhóm dậy hỏi một tên hoạn nô nhỏ, da cũng đen như Mêrua:

- Này, nghe đây, hãy nói ta là ai? Tên hoạn nô khúm núm đáp:

- Bệ hạ là Đấng thống lĩnh các tín đồ và là vị đại diện của Thượng đế ở trần gian.

- Mày nói dối, bé con đen như quạ. – Abu Hatxan nói.

Chàng gọi tiếp một cung nữ đứng gần nhất đến bên cạnh và đưa tay ra bảo:

- Hãy đến gần đây, cô gái xinh đẹp, nào hãy cắn đầu ngón tay của ta, để ta rõ là mình đang thức hay đang ngủ.

Cung nữ biết hoàng đế đang nhìn thấy tất cả những gì xảy ra trong phòng, vui sướng được dịp tỏ cho vua biết mình có khả năng đóng trò khi cần, giải trí vua. Bởi vậy, hết sức nghiêm chỉnh, nàng đến cạnh Abu Hatxan, và đỡ ngón tay chàng, nàng đưa răng khê cắn để cho chàng cảm thấy hơi đau.

Chàng vội vàng rút tay lại: “Không, ta không ngủ, ta không ngủ, chắc

chấn là như vậy. Bởi phép thần nào mà chỉ trong một đêm, ta biến thành hoàng đế? Đó quả là điều kì diệu và lạ lùng nhất thế gian”.

Chàng hỏi tiếp người cung nữ ấy:

- Chớ có lừa dối ta, ta van nài, nói có Trời chứng giám. Có thật đúng ta là Đấng thống lĩnh các tín đồ?

Cung nữ đáp:

- Người là Đấng thống lĩnh các tín đồ, điều đó thật đến nỗi chúng con, những kẻ nô lệ của Người, lấy làm ngạc nhiên sao Người lại muốn làm cho kẻ khác tin là không phải.

- Cô nói dối. – Abu Hatxan lại nói. – Ta biết rõ ta là ai.

Vừa lúc ấy viên trưởng các hoạn nô thấy Abu Hatxan muốn đứng dậy, liền đưa tay ra giúp chàng bước xuống khỏi giường, chàng vừa đứng lên, cả căn phòng vang lên tiếng đồng thanh chúc mừng của tất cả các quan hầu và cung tần mỹ nữ có mặt:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, cầu xin Thượng đế ban cho Người một ngày tốt lành.

Thế là Abu Hatxan thốt lên:

- Trời đất, kỳ diệu làm sao! Hôm qua ta là Abu Hatxan mà hôm nay ta là Đấng thống lĩnh các tín đồ. Thật ta không hiểu tí gì về sự đổi thay mau chóng và kì lạ đến thế này.

Các quan hầu lo việc mặc áo quần giúp chàng làm việc đó. Xong đâu đấy, tất cả quan hầu, hoạn nô và thị nữ xếp hàng đôi đến tận cửa thông sang điện thiết triều, và thế là Mêrua đi trước, Abu Hatxan theo sau. Một viên quan vén rèm và mở cửa. Mêrua bước vào điện và cứ đi trước cho đến tận chân ngai, rồi dừng lại giúp chàng bước lên bằng cách đỡ một bên nách, trong khi một quan hầu khác đỡ nách bên kia.

Abu Hatxan ngồi xuống ngai, giữa những tiếng hô mừng hạnh phúc và phồn vinh. Quay sang hai bên tả hữu, chàng thấy các võ quan và thị vệ đều xếp hàng ngay ngắn, trang nghiêm.

Trong khi ấy, hoàng đế đã ra khỏi chỗ nấp đứng vào lúc Abu Hatxan bước vào điện thiết triều. Vua sang một căn phòng khác từ đây có thể nhìn rõ bên trong đại điện. Đây là nơi vua thường ngồi để theo dõi công việc triều chính dưới quyền chủ tọa của tể tướng thay mặt vua mỗi khi vua se mình, không tiện tự mình chủ trì. Điều làm vua thú vị trước hết là thấy dáng dấp Abu Hatxan thay mình ngồi lên ngai vàng cũng trịnh trọng như chính hoàng đế thật vậy.

Abu Hatxan an tọa, thì tể tướng Giafa vừa mới đến, cũng phủ phục dưới

chân ngai rồi đứng lên tung hô:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, cầu xin Thượng đế ban cho Người mọi ân huệ trên cõi đời này, nhận Người vào thiên đường khi Người sang cõi sống bên kia, và ném xuống hỏa ngục mọi kẻ thù của Người.

Sau tất cả những gì xảy ra từ khi chàng thức dậy và sau khi nghe những lời tể tướng vừa chúc tụng, Abu Hatxan không hoài nghi gì nữa, cho mình đúng là hoàng đế, như chàng từng mong ước. Bởi vậy, không xem xét do đâu có sự thay đổi số phận một cách không ngờ đến thế, lập tức chàng nhất định sử dụng quyền lực. Chàng liền trang trọng nhìn thẳng vào tể tướng và hỏi ông có cần gì tâu hay không.

Tể tướng nói:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, các đại thần, thượng thư và quan chức khác được dự triều hiện đang ở ngoài cửa, và đang chờ lệnh của Người cho phép vào hầu như thường lệ.

Abu Hatxan truyền hãy mở cửa cho họ vào, thế là tể tướng quay lại viên thị vệ trưởng đang chờ lệnh bảo:

- Đấng thống lĩnh các tín đồ phán bảo ông hãy làm bốn phận.

Cửa mở, cùng một lúc các đại thần, thượng thư và tướng lĩnh chính của triều đình, tất cả đều mặc đại bào lông lầy, trật tự bước vào, tiến đến gần chân ngai và theo phẩm trật của mình, quỳ xuống đất và dập đầu vào tấm thảm dè chân, chúc tụng Abu Hatxan như chúc tụng chính hoàng đế vậy. Họ cùng gọi chàng là Đấng thống lĩnh các tín đồ, theo đúng lời dặn trước của tể tướng. Xong đâu đấy mọi người trở về chỗ của mình.

Lễ xong, khi mọi người đều về chỗ ấy, trong điện im lặng hoàn toàn.

Lúc này tể tướng vẫn đứng trước ngai vàng, bắt đầu tâu nhiều công việc theo trình tự những giấy tờ cầm trên tay. Các công việc thật ra cũng bình thường, không có gì rắc rối; tuy vậy cũng đủ để Abu Hatxan làm cho mọi người kể cả hoàng đế phải thán phục. Quả vậy, chàng chẳng bối rối trước một vấn đề nào. Chàng phán bảo đúng đắn về tất cả mọi việc; tùy theo chính kiến của mình, mà chấp nhận hoặc bác bỏ những điều các quan thỉnh nguyện.

Trước khi tể tướng chấm dứt bản tâu trình, Abu Hatxan chợt trông thấy viên quan tư pháp, mà chàng biết mặt, đang đứng trong hàng quan. Chàng ngắt lời tể tướng mà bảo:

- Hãy gượng, ta có lệnh cấp bách muốn truyền cho quan tư pháp.

Viên quan này không rời mắt khỏi Abu Hatxan và trông thấy vua nhìn mình một cách khác thường. Vừa nghe nhắc đến tên, ông đã vội vàng đứng

dậy, trang trọng bước đến ngai vàng và phủ phục dưới chân ngai.

Chờ cho y đứng lên, Abu Hatxan phán:

- Ông hãy lập tức đến khu nọ phố nọ; trong thánh đường ở phố ấy có viên trưởng giáo và bốn lão già râu bạc. Ông hãy cho bắt chúng và sai đánh mỗi lão một trăm roi gân bò, riêng lão trưởng giáo bốn trăm roi. Sau đó ông cho chúng ăn mặc rách rưới, mỗi tên cưỡi trên lưng một con lạc đà, mặt ngoảnh về đằng đuôi. Ông cho điều cái đoàn ấy đi qua tất cả các khu phố, theo sau một người cả tiếng rao: “Đây là hình phạt cho những kẻ hay thọc mũi vào những công việc chẳng dính dáng đến mình, cho những kẻ chỉ chăm lo gieo rắc sự bất hòa trong gia đình hàng xóm và gây cho họ đủ mọi điều khốn khổ”. Ta còn muốn ông hãy bắt chúng đổi đi khu phố khác, với lệnh cấm không được lai vãng chỗ vừa bị đuổi đi. Trong khi viên quan hầu của ông bắt chúng điểu như ta vừa nói, thì ông hãy trở về đây tâu trình ta rõ là đã thi hành lệnh như thế nào.

Viên quan tư pháp đặt bàn tay lên đầu tỏ ý y sẵn sàng thi hành lệnh vừa nhận, nếu không làm tròn việc đã giao thì ngay cả đầu y cũng sẽ không còn. Y phủ phục một lần nữa rồi mới đứng lên và đi ra.

Mệnh lệnh truyền xuống một cách đồng dục ấy làm cho hoàng đế rất đổi thú vị, nhất là qua việc đó vua biết Abu Hatxan không bỏ lỡ cơ hội trừng trị viên trưởng giáo và bốn lão già thuộc khu phố của chàng. Rõ ràng điều đầu tiên chàng nghĩ đến khi thấy mình trở thành hoàng đế, là trị tội họ.

Trong lúc ấy, tể tướng vẫn tiếp tục bản tấu trình công việc. Ông sắp làm xong thì viên quan tư pháp trở về phúc trình việc thi hành sứ mệnh được giao. Y tiến gần ngai, và sau lễ nghi thông thường là phủ phục, y nói:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, tôi đã tìm được tên trưởng giáo và bốn lão già trong thánh đường Người chỉ cho, và để chứng thực kẻ này đã thi hành đầy đủ mệnh lệnh hoàng đế truyền, đây là biên bản có nhiều vị chức sắc trong khu phố làm chứng và kí tên.

Vừa nói y vừa rút từ trong người ra một tờ giấy dâng lên vị hoàng đế giả.

Abu Hatxan cầm tờ biên bản, đọc từ đầu chí cuối, cả tên những người làm chứng mà chàng đều quen biết. Đọc xong, chàng mỉm cười bảo viên quan tư pháp: “Thế là tốt, ta hài lòng, ông đã làm vừa ý ta; hãy trở về chỗ”. Rồi chàng hể hả tự nhủ thầm: “Bọn chó chết cứ muốn dòm ngó vào công việc của ta, và cứ cho việc ta cho người nhà đãi đằng những người trung hậu là việc làm không tốt, nay chúng nó đáng bị trừng phạt và chịu tổn thương như vậy là phải”.

Hoàng đế vẫn quan sát, thấu hiểu ý nghĩ của chàng, và tự vua cũng cảm thấy một niềm vui khó tả khi thấy chàng xử lý công việc tron tru đến thế.

Abu Hatxan nói tiếp với tể tướng:

- Hãy bảo tổng quản kho xuất kho cho ông một túi đựng nghìn đồng tiền vàng, rồi đi đến khu phố ta vừa sai quan tư pháp đến, tặng cho bà mẹ một người nào đó tên là Abu Hatxan, tục danh “kẻ phóng đảng”. Con người ấy nổi tiếng trong khu phố dưới danh hiệu ấy; bất kì ai cũng có thể chỉ cho ông nhà anh ta. Ông hãy đi đi, và nhanh chóng trở lại đây!

Tể tướng Giafa đặt bàn tay lên đầu để tỏ ý mình tuân lệnh, và sau khi phủ phục, ông ra khỏi điện, đi gặp viên tổng quản ngân khố lấy tiền. Ông sai một tên nô lệ tùy tùng cầm túi tiền, rồi tìm đưa tận tay bà mẹ của Abu Hatxan. Gặp bà, ông chỉ nói hoàng đế sai tặng bà món quà này, mà không giải bày gì thêm. Bà nhận món tiền cực kì ngạc nhiên, không rõ căn nguyên gì khiến hoàng đế hào phóng với mình đến vậy. Bà đâu biết những việc gì vừa xảy ra trong cung.

Trong thời gian tể tướng vắng mặt, quan tư pháp tâu trình nhiều công việc thuộc phạm vi chức vụ của y. Công việc này kéo dài cho tới khi tể tướng trở về. Ông vừa về đến phòng thiết triều và tâu với Abu Hatxan là đã làm xong đầy đủ lệnh chàng giao, thì viên trưởng hoạn nô, tức Mêrua, hồi nãy trở lại cung sau khi đưa Abu Hatxan đến tận ngai, lại xuất hiện và ra hiệu cho các thượng thư, đại thần và tất cả quan chức biết là buổi chầu kết thúc, ai nấy có thể ra về. Thế là các quan lần lượt lui ra sau khi cúi lạy dưới chân ngai theo đúng thứ tự như lúc đến. Còn lại bên cạnh Abu Hatxan chỉ có các quan trong đội cận vệ của hoàng đế và một mình tể tướng.

Abu Hatxan không nán lại lâu trên ngai. Chàng bước xuống cũng như cách đã lên, tức là có Mêrua và một viên hoạn nô nữa xách hai nách. Chúng đưa chàng trở lại cung riêng, có tể tướng đi theo. Nhưng vừa được mấy bước, chàng tỏ ý muốn đi ngoài. Lập tức, người ta mở một căn buồng rất sạch sẽ lát toàn bằng cẩm thạch, không trải thảm, khác hẳn phòng ngủ hoặc mọi căn buồng khác thường trải thảm rất đắt tiền. Người ta đưa cho chàng một đôi giày bằng lụa thêu kim tuyến để dùng khi bước vào đây cho đỡ lạnh chân. Chàng cầm lấy, và vì không biết dùng nó làm gì, chàng dứt luôn vào ống tay áo vốn dĩ khá rộng.

Thường tình người ta hay buồn cười trước những sự việc nhỏ nhặt như vậy và suýt chút nữa thì cả tể tướng, Mêrua và tất cả các quan khác đều phá lên cười, làm hỏng tất cả cuộc vui, nhưng họ khựng lại được. Và tể tướng buộc phải giảng cho chàng biết là cần phải mang đôi hài lụa ấy trước khi vào buồng vệ sinh để khỏi lạnh chân.

Trong lúc Abu Hatxan ở trong buồng này, tể tướng đi tìm hoàng đế đã chuyển sang đứng ở một vị trí khác để tiếp tục quan sát Abu Hatxan mà không bị nhìn thấy. Tể tướng tâu vua rõ chuyện vừa xảy ra, khiến vua có

thêm một điều thích thú nữa.

Abu Hatxan ra khỏi buồng vệ sinh. Mêrua đi trước dẫn đường đưa chàng vào phòng trong, nơi đây cỗ đã bày. Cửa mở, nhiều hoạn nô chạy đi báo trước cho các nhạc nữ biết vị hoàng đế giả sắp tới nơi. Lập tức tiếng đàn, tiếng hát cùng hòa nhịp cất lên êm đềm trầm bổng. Abu Hatxan thấy mê li đến nỗi chàng vui mừng và thích thú tới mức hoàn toàn không biết nên nghĩ thế nào về những điều vừa mắt thấy tai nghe. Chàng tự bảo: “Nếu đây là trong mơ thì giấc mơ này quả thật dài. Song rõ ràng không phải trong mơ, ta cảm thấy người ta khỏe mạnh, miệng ta nói có lí, có lẽ, mắt ta nhìn thấy, chân ta bước đi, tai ta nghe tiếng. Thôi thì thế nào mặc lòng, ta phó mặc theo ý Thượng đế. Tuy nhiên, ta không thể không tin ta là Đấng thống lĩnh các tín đồ. Chỉ có Đấng thống lĩnh các tín đồ thì mới có thể sống trong cảnh huy hoàng như ta lúc này. Những chi tiết và thái độ cung kính mọi người đối với ta, những mệnh lệnh của ta đều được thi hành răm rắp, đó là những chứng cứ đầy đủ”.

Cuối cùng, Abu Hatxan tin hẳn mình chính là hoàng đế thống lĩnh các tín đồ, và chàng lấy điều đó làm mười phần chắc chắn khi thấy mình được đưa sang một phòng khách thật tráng lệ thật rộng rãi, bốn bề rực rỡ vàng son. Bảy toán nhạc nữ, người nào cũng xinh đẹp không kém người nào, xếp quanh phòng khách. Trên trần bảy bộ đèn treo có bảy nhánh mắc ở những chỗ khác nhau, sắc vàng và ánh sáng xanh dịu quyện vào nhau gây nên cảm giác kì ảo. Giữa phòng là một cái bàn trên bày bảy chiếc mâm bằng vàng khối đựng thức ăn thơm phức mùi gia vị. Đứng quanh chiếc bàn ấy là bảy thiếu phụ xinh đẹp tuyệt trần, xiêm y mỗi người một sắc. Mỗi người cầm sẵn ở tay một chiếc quạt, họ đứng trực để quạt mát cho vua khi Abu Hatxan ngồi vào bàn.

Nếu trên đời có con người nào mê li, ấy chính là Abu Hatxan khi bước chân vào căn phòng ấy. Cứ mỗi bước đi, chàng lại không thể không dừng, để ngắm nghía cho thỏa thích những vật kì diệu quanh mình. Chàng hết quay sang trái lại nhìn sang phải, làm cho hoàng đế đang cẩn thận quan sát, lấy làm cực kì thú vị. Cuối cùng chàng tiến đến chính giữa và ngồi vào bàn. Lập tức bảy thiếu phụ đứng vây quanh cùng phe phẩy quạt mát cho vị hoàng đế giả. Chàng lần lượt ngắm hết người này đến người khác, thán khen vẻ duyên dáng khi họ quạt, rồi mỉm cười nhã nhặn, bảo một người quạt cũng đủ mát rồi. Còn cho sáu người kia, ba người ngồi bên tả và ba người ngồi bên hữu cùng dùng bữa cho có bạn. Bàn ăn tròn, Abu Hatxan cho họ ngồi xung quanh để bất kì quay mặt về hướng nào, chàng cũng bắt gặp toàn những khuôn mặt khả ái và xinh tươi.

Sáu người đẹp tuân lệnh, ngồi vào bàn. Nhưng Abu Hatxan nhận thấy họ

không dám ăn vì kính nể chàng. Thành thử chàng có dịp gấp thức ăn cho họ, mời mọc thúc giục họ ăn, với những lời lẽ rất đối ân cần. Sau đó chàng hỏi tên. Từng nàng vội vã xưng danh. Tên các nàng là cô Bạch Ngọc, Miệng San Hô, Mặt Hằng Nga, Anh Thái Dương, Lạc Thú Đồi Mất, Trái Tim Mê Li. Chàng lại hỏi đến nàng thứ bảy đang cầm quạt, nàng xưng tên là Mía Ngọt. Lời chàng khen ngợi mỗi lần nghe một nàng xưng danh, nói lên trí thông minh rất mực, khiến cho hoàng đế đang quan sát không bỏ sót một cử chỉ nhỏ nhặt nào, càng tăng thêm sự vị nể vốn có đối với chàng.

Lúc thấy chàng thôi không ăn nữa, một người đẹp bảo các hoạn nô đứng hầu bàn: “Đáng thống lĩnh các tín đồ muốn sang buồng dùng các thức ăn tráng miệng, hãy mang nước rửa lại đây”. Các nàng đứng lên cùng một lúc, đón từ tay các hoạn nô đưa lại, nàng thì chậu vàng, nàng thì gáo bạc, nàng thì khăn lau, rồi cùng quỳ gối dâng lên Abu Hatxan đang ngồi để cho chàng rửa. Rửa tay xong, chàng đứng dậy, lập tức một hoạn nô vén rèm mở cửa, mời chàng bước sang một căn buồng khác.

Mêrua vẫn không rời Abu Hatxan nửa bước. Y đi trước dẫn chàng vào một phòng cũng rộng như căn phòng vừa rồi, nhưng trang trí bằng nhiều tác phẩm của các họa sĩ bậc thầy cùng những lọ vàng đỉnh bạc, thảm trải và bàn ghế quý giá nhất. Trong căn buồng này lại có bảy toán nhạc nữ khác, chứ không phải bảy toán vừa ở phòng bên, và bảy toán nhạc nữ này hay đúng hơn là bảy ban hợp xướng bắt đầu diễn tấu khi Abu Hatxan bước ra. Căn phòng cũng được trang trí bảy bộ đèn treo, và trên chiếc bàn đặt chính giữa đã bày sẵn bảy mâm vàng xếp đầy các loại trái cây đang mùa, những thứ đẹp mã nhất. Đứng châu quanh bàn là bảy người đẹp nữa, còn xinh tươi hơn bảy người trước, mỗi cô cầm một chiếc quạt ở tay. Quang cảnh này càng làm cho Abu Hatxan thán phục gấp bội phần. Chàng dừng lại không giấu nổi sự bất ngờ và niềm kinh ngạc. Cuối cùng chàng đến tận bàn, ngồi xuống, và sau khi đã ngắm nghía thỏa thuê bảy cô nương, hết người này đến người khác, với vẻ bối rối chứng tỏ mình đang không biết lựa chọn ai, chàng ra lệnh cho họ hãy bỏ quạt đi, đến ngồi vào bàn ăn cùng chàng, vì trời chẳng nóng nực gì lắm mà cần phải quạt.

Khi các thiếu phụ đã yên vị vào bên phải và bên trái Abu Hatxan, trước hết chàng muốn biết tên họ từng người. Mỗi cô ở đây đều có một cái tên gọi khác bảy cô ở phòng bên, nhưng tên cô nào cũng nói lên sự hoàn hảo về tâm hồn hoặc trí tuệ, và dễ dàng phân biệt, không trùng lẫn nhau, điều đó làm cho chàng cực kì thú vị. Chàng lần lượt mời các cô ăn trái cây bày ở các mâm vàng, vừa khen ngợi họ bằng những lời ý vị. Chàng đưa cho cô chuỗi Trái Tim ngồi bên phải mình một quả vải và nói:

- Xin nàng hãy vì tình yêu tôi mà ăn quả này, và hãy làm nhẹ bớt cái chuỗi tương tự mà nàng bắt tôi đeo kể từ khi tôi nhìn thấy nàng!

Đưa một trái nho cho cô Xúc Động Tâm Can, chàng nói:

- Hãy ăn quả nho này, và xin hãy làm cho tâm can tôi bớt bối rối vì xúc động và say mê cô!

Lần lượt như vậy đối với các người đẹp khác. Hoàng đế vốn đang quan tâm theo dõi mọi hành vi và ngôn ngữ của chàng, càng vui lòng nhận thấy mình đã khéo tìm được một con người giúp giải trí một cách dễ chịu dường này, và qua đó cũng cho vua thêm cơ hội để hiểu chàng hơn.

Khi đã ăn xong các loại trái cây bày ở các mâm, điều mà chàng vốn rất thích, Abu Hatxan đứng dậy. Lập tức Mêrua, vốn không bao giờ rời vua nửa bước, tiến lên trước dẫn đường đưa chàng vào một phòng thứ ba cũng bày biện và trang hoàng đẹp đẽ y hệt hai phòng kia.

Abu Hatxan trông thấy ở đây bảy ban đồng ca cùng bảy thiếu phụ khác ngồi quanh một chiếc bàn bày bảy mâm vàng, đựng đầy mứt có màu sắc và cách chế biến khác nhau. Sau khi đưa mắt nhìn mọi phía với niềm thán phục mới, chàng tiến đến bàn trong tiếng nhạc, tiếng ca của bảy ban hòa tấu. Âm nhạc ngừng bật khi chàng ngồi vào bàn. Theo lệnh chàng, bảy người đẹp đến ngồi hai bên và vì chàng không thể mời các nàng một cách lịch sự như đã từng làm với các cô nàng trước, chàng xin họ hãy tự chọn lấy những thứ mứt nào họ thích nhất. Chàng cũng hỏi tên họ, tên các thiếu phụ này cũng đa dạng, cũng nên thơ, và làm chàng thích thú không kém các nàng trước; riêng tên gọi đã đủ gợi lên cho chàng những câu chuyện tâm tình. Chàng nói những lời êm ái khiến cho họ cũng như hoàng đế đang theo dõi sát mọi việc xảy ra, rất lấy làm thích thú.

Sắp hết ngày, khi Abu Hatxan được mời vào phòng thứ tư. Cũng như các phòng kia, căn phòng này được trang hoàng bằng những đồ đạc long lẫy nhất, quý báu nhất. Ở đây cũng có bảy bộ đèn treo lớn, thấp nền sáng rực, làm cho căn phòng chan hòa ánh sáng kì diệu lạ lùng. Ba phòng kia không có cảnh này, bởi vì khi đó trời chưa tối, không cần thiết phải đốt nến. Abu Hatxan lại thấy ở đây bảy ban nữ đồng ca khác, vừa hát vừa ca còn vui vẻ hơn ở các phòng trước, và cũng gợi cho chàng niềm vui thú hơn. Chàng lại

thấy bảy thiếu phụ nữa đang đứng quanh một chiếc bàn, trên cũng bày bảy mâm vàng đựng đầy bánh kẹo, các mứt khô và các thức dùng để nhắm rượu: Nhưng một thứ Abu Hatxan nhận thấy có ở đây mà không có ở các phòng trước, là cái tủ đựng bảy bình lớn bằng bạc chứa thứ rượu nho tuyệt diệu, cạnh mỗi bình là một chiếc li thủy tinh chế tác rất tinh xảo. Cho đến lúc ấy, Abu Hatxan chỉ uống độc có nước, theo đúng tục lệ ở Bátđã. Tại thành phố này, bất cứ nhà dân thường, nơi quyền quý cũng như chốn triều đình, người ta ai cũng chỉ uống rượu vào buổi tối. Những ai uống rượu vào giờ khác đều bị xem như những kẻ phóng dăng, và sẽ không dám vác mặt đến đâu.

Tục lệ ấy hay ở chỗ, ban ngày ai cũng cần tỉnh táo để lo chuyện làm ăn. Và bởi vì mọi người chỉ uống rượu vào buổi tối, cho nên không bao giờ trông thấy có những kẻ say sưa gây chuyện lộn xộn ở đường phố giữa ban ngày.

Vậy là Abu Hatxan bước vào căn phòng này, và tiến tới cạnh chiếc bàn. Ngồi xuống rồi, chàng còn mất một thời gian nữa gần như mê mẩn để ngắm bảy thiếu phụ ngồi quanh, mà chàng thấy còn đẹp hơn tất cả mọi người đẹp gặp ở ba phòng trước, chàng muốn hỏi tên riêng từng người. Nhưng vì tiếng đàn ca nhất là tiếng trống đệm, đang rộn rã không để cho người khác nghe lời hỏi, chàng liền vỗ tay ra hiệu, căn phòng vụt trở lại im lặng như tờ.

Thế là, nắm tay người thiếu phụ đứng gần nhất phía bên phải, Abu Hatxan mời nàng ngồi, và sau khi đưa nàng một chiếc bánh, chàng hỏi tên.

- Tàu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – nàng đáp – tên em là Bó Ngọc.

- Không thể nào đặt cho nàng một cái tên thích hợp hơn, – Abu Hatxan nói tiếp – tuy vậy, dù không chê người đã đặt cho nàng tên ấy, ta vẫn thấy hai hàm răng đẹp của nàng đẹp ăn đứt tất cả mọi hạt ngọc trên thế gian này. Bó Ngọc à, tên nàng đã như vậy, thì xin hãy rót một li rượu và mang đến mời ta uống bằng bàn tay ngọc của cô.

Thiếu phụ lập tức đến tủ rượu rót mang tới một li rượu đầy, và duyên dáng dâng lên Abu Hatxan. Chàng đỡ chén rượu, say sưa nhìn người đẹp và nói:

- Bó Ngọc à, chúc sức khỏe nàng, xin nàng hãy tự rót cho mình ngân ấy và uống mừng sức khỏe ta.

Nàng vội chạy đến tủ rượu và trở lại, một chén cầm tay. Trước khi cạn, nàng hát một bài làm chàng hoan hỉ cả về nội dung mới mẻ cũng như giọng ca thật mùi. Cạn chén xong, Abu Hatxan chọn trong mâm một thứ chàng thích, đưa mời một thiếu phụ khác, mà chàng vừa cho ngồi kề. Được hỏi tên, nàng đáp nàng là Sao Mai. Chàng nói:

- Đôi mắt đẹp của nàng sáng trong và lấp lánh hơn cả ngôi sao nàng mang tên. Nào, hãy mời ta uống đi, nàng Sao Mai!

Người đẹp thực hiện lời truyền ấy ngay tức khắc, với vẻ kiêu diễm nhất trần đời. Chàng cũng xử sự như vậy với thiếu phụ thứ ba, tên là Anh Sáng Ban Ngày, và cứ thế cho đến người thứ bảy. Tất cả mọi người đẹp đều mời chàng uống rượu, làm cho hoàng đế cực kì hài lòng.

Sau khi Abu Hatxan uống đủ bảy chén do bảy người đẹp mời, nàng Bó Ngọc, tức người đầu tiên chàng hỏi chuyện, đến tú rót một li rượu đầy, bỏ vào đấy một nhúm bột cùng loại với thứ hoàng đế đã dùng cho Abu Hatxan tối hôm trước, và mang đến dâng chàng:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – nàng nói – vì ngọc thể của Người, xin hãy cầm chén rượu này và trước khi cạn, xin hãy vui lòng nghe em hát một bài, mà em dám tin sẽ làm Người vừa ý. Em vừa sáng tác hôm nay, chưa từng hát cho bất cứ ai nghe.

Abu Hatxan đỡ li rượu và đáp:

- Ta vui lòng nghe nàng hát, và với tư cách Đấng thống lĩnh các tín đồ, ta ra lệnh cho nàng hãy cất giọng vì cầm chắc một người đẹp như nàng chỉ có thể làm ra những bài rất mê li và đầy trí tuệ mà thôi.

Thiếu phụ ôm chiếc đàn tì bà, vừa dạo đàn vừa cất giọng hát đúng cung bậc, yêu kiều và giàu tình cảm đến nỗi làm cho Abu Hatxan gần như mê mẩn suốt từ đầu đến cuối. Thấy bài hát hay quá, chàng bảo nàng ca lại, và lần này nữa chàng thưởng thức cũng không kém say sưa như khi nghe lần đầu.

Người đẹp hát xong, Abu Hatxan muốn khen ngợi, nhưng trước khi cất lời, chàng cạn chén một hơi. Xong, quay sang thiếu phụ, định khen ngợi nàng, thì chất thuốc mê phát sinh công hiệu một cách đột ngột, khiến chàng chỉ còn có thể áp úng. Lập tức mắt nhắm tịt, chàng gục đầu xuống bàn như một người đờn ngủ, và thiếp đi say sưa giống hệt tối hôm trước, cũng vào khoảng giờ này, khi được hoàng đế cho uống cùng một thứ thuốc mê ấy. Một thiếu phụ ngồi gần kịp đón chiếc li, không để nó tuột khỏi tay chàng.

Hoàng đế, người bày ra cách giải trí không ngờ lại thành công hơn cả dự kiến, vị khán giả của màn chót vừa rồi cũng như của mọi màn khác do Abu Hatxan trình diễn, từ chỗ nấp bước ra phòng lớn. Vua rất hài lòng về việc mình đạo diễn khá thành công. Trước tiên, vua truyền cởi bộ trang phục hoàng đế mà chính vua sai mặc cho Abu Hatxan từ sáng, trả lại bộ áo quần chàng mặc cách đây hai mươi bốn tiếng đồng hồ, khi tên nô lệ vác chàng về hoàng cung. Vua sai gọi đúng người nô lệ ấy, và khi người đó tới trình diện, vua phán:

- Hãy mang người này trở về nhà của anh ta, đặt lên trường kỉ mà chớ gây tiếng động, và khi mày ra về, hãy chú ý để ngõ cống như cũ!

Tên nô lệ vác Abu Hatxan theo cái cống bí mật của hoàng cung ra ngoài,

đưa chàng về nhà, làm theo đúng lời dạy của hoàng đế, và trở lại tàu đã làm xong việc được giao. Vua nói:

- Abu Hatxan đã mong ước được làm vua trong một ngày thôi, để trừng trị viên giáo trưởng nhà thờ khu phố nó cùng bốn lão hội đồng khác mà nó không ưa. Ta đã cho nó điều kiện thỏa mãn ước mơ của mình, chắc hẳn nó hài lòng về vụ đó.

Abu Hatxan, được tên nô lệ đặt lên trên trường kỉ, ngủ mê mết đến hôm sau, mãi khi chất thuốc mê hết hiệu lực mới thức dậy. Lúc này đã khá muộn. Mở mắt, chàng rất lấy làm lạ sao đang ở trong nhà mình:

- Bó Ngọc, Sao Mai, Bình Minh, Miệng San Hô, Mặt Hăng Nga? Các cô ở đâu cả rồi? Đến đây, nào lại gần cả đây!

Chàng nhớ lại các cung nữ từng làm bạn với mình trong hoàng cung và chợt nghĩ ra tên ai thì gọi người ấy. Abu Hatxan gọi cất lực. Bà mẹ đang ở trong phòng riêng, nghe tiếng chạy sang, vừa bước vào vừa hỏi:

- Con làm sao thế, hờ con trai? Có việc gì xảy ra với con vậy?

Nghe câu hỏi, Abu Hatxan ngẩng đầu, kiêu kì và đầy khinh bỉ nhìn bà mẹ:

- Này bà già, bà gọi ai là con trai của bà, hử?

- Chính con chứ còn ai nữa? – Bà cụ trả lời rất dỗi dằn. – Chẳng phải anh là Abu Hatxan, con trai mẹ đây ư? Thật là điều kì cục nhất trần đời nếu con chóng quên điều đó đến vậy.

- Ta mà là con trai mẹ ư, hờ mẹ già gớm ghiếc kia? Mẹ không biết mẹ đang nói gì, mẹ là một con điên! Ta không phải anh chàng Abu Hatxan mà mẹ nói, ta là Đấng thống lĩnh các tín đồ.

- Hãy im đi, con! – Bà mẹ lại nói – Con chẳng khôn ngoan tí nào, nhớ có ai nghe được người ta sẽ bảo là con hóa điên mất rồi.

- Chính mẹ mới là con mẹ điên, còn ta chẳng điên như mẹ nói đâu. Ta nhắc lại cho mẹ nghe rằng ta là Đấng thống lĩnh các tín đồ, vị đại diện của Thượng đế ở cõi trần gian.

- Ôi con trai mẹ ơi! Có thể nào tai mẹ nghe con thốt ra những lời lẽ chứng tỏ con bị loạn trí nặng nề đến vậy? Ma quỷ nào ám con, để con thốt ra những lời rồ dại dường ấy? Cầu Thượng đế phù hộ cho con, cầu mong Người đẩy quỷ dữ ám con! Con là con trai Abu Hatxan của mẹ, và mẹ đây chính là mẹ của con mà.

Sau khi moi óc tìm đủ mọi lời lẽ và chứng cứ để làm cho con trai tỉnh trí lại và thấy mình đang lú lẫn, bà mẹ nói tiếp:

- Con chẳng thấy căn buồng con đang nằm đây chính là buồng của con, chứ không phải phòng trong cung điện xứng đáng hơn với Đấng thống lĩnh

các tín đồ, từ khi cất tiếng chào đời, con vẫn ở đây, không rời mẹ nửa bước đó sao? Con hãy ngẫm nghĩ về những lời con nói. Không nên tưởng tượng ra những điều sai lạc, không thể nào có được. Một lần nữa, con trai của mẹ ơi, hãy suy nghĩ cho chín chắn.

Abu Hatxan bình thản nghe những lời trách móc của mẹ, hai mắt cúi xuống và tay đỡ cằm, như thể một người đang tập trung suy nghĩ xem những điều mình mắt thấy tai nghe có phù hợp với thực tại không. Lát sau, như một người vừa tỉnh giấc ngủ nồng, nhưng vẫn còn nằm yên, chàng nói với mẹ:

- Con tin rằng mẹ nói có lí, có lẽ con là Abu Hatxan thật, mẹ đúng là mẹ của con, và con đang nằm trong bụng của mình. Một lần nữa, – chàng nói tiếp, trong khi đưa mắt nhìn chính mình và những đồ đạc chung quanh – tôi là Abu Hatxan, không nghi ngờ gì nữa, và không hiểu sao đầu óc tôi lại tin được một điều mơ màng như lúc này nhỉ.

Bà mẹ thật lòng tin con trai đã khỏi được cơn loạn trí mà bà cho là tại giấc mộng gây nên. Bà toan phá lên cười cùng với con và hỏi chàng về giấc mộng ấy, thì bỗng dưng chàng nhòm dậy nhìn chòng chọc vào bà:

- Con mù phù thủy, mù đồng cát già khom kia, mù không hiểu mù nói gì. Ta không phải là con trai mù, và mù đếch phải là mẹ ta. Mù nhầm rồi, và mù lại muốn cho ta tin như mù. Ta nói với mù rằng ta là Đấng thống lĩnh các tín đồ, còn mù thì cố làm cho ta tin điều ngược lại.

- Con ơi, mẹ van con, con hãy phó mình cho Thượng đế và chớ có nói năng như vậy, nếu không, tai vách mạch rừng, sẽ xảy ra cho con điều chẳng lành đấy. Thôi, chúng ta hãy nói chuyện khác. Để mẹ kể cho con nghe việc vừa xảy ra hôm qua, trong khu phố này, cho ông trưởng giáo ở nhà thờ và bốn vị hội đồng hàng xóm của chúng ta. Quan án sát sai bắt họ, và sau khi cho đánh mỗi người không biết bao nhiêu là roi gân bò trước sự chứng giám của quan, ngài còn cho người đi rao khắp phố rằng đây là hình phạt trừng trị những kẻ hay thọc mũi vào những công việc chẳng liên quan gì đến mình, những kẻ chỉ có mỗi một quan tâm là gieo rắc sự bất hòa trong nhà hàng xóm. Sau đó, quan sai điều họ đi khắp khu phố, cùng với lời rao báo như vậy, cấm chỉ họ từ nay trở đi tuyệt không bao giờ được đặt chân về khu phố ta nữa.

Bà mẹ Abu Hatxan không thể tưởng tượng rằng con trai mình cũng có góp phần vào biến cố bà đang kể. Bà cố tình thuật lại chuyện ấy, mà bà coi như là một cách làm để xóa nhòa ấn tượng quái đản đang ám ảnh con trai, khiến chàng tự cho mình là Đấng thống lĩnh các tín đồ.

Nhưng sự việc diễn ra khác hẳn. Câu chuyện ấy chẳng những không xua tan được ý nghĩ của chàng ngỡ mình là hoàng đế, mà còn nhắc nhở lại và khắc sâu thêm vào trí tưởng tượng của chàng rằng nó không phải huyền hoặc

mà là có thực.

Bởi vậy, vừa nghe xong câu chuyện, Abu Hatxan lại nói:

- Ta không còn là con trai mù, cũng không phải là Abu Hatxan, chắc chắn ta là Đấng thống lĩnh các tín đồ, không còn có gì đáng hoài nghi nữa sau khi nghe những điều chính miệng mù kể. Mù hãy biết rằng, chính do lệnh của ta mà giáo trưởng và bốn lão hội đồng bị trừng phạt theo cách mù vừa nói ta nghe đó. Vậy thì đích thực ta là Đấng thống lĩnh các tín đồ. Ta nói cho mù biết vậy. Và mù hãy thôi đi, chớ có bảo ta rằng đây chỉ là một giấc mơ. Ta không ngủ, hôm qua ta cũng tỉnh táo như giờ này đây, đang nói chuyện với mù. Ta hài lòng vì mù xác nhận những điều lão quan tư pháp đã tâu theo lệnh của ta, nghĩa là lệnh ta truyền đã được thi hành ngay tức khắc. Ta càng hài lòng vì viên lão trưởng và bốn lão hội đồng đều là những tên giả dối thực sự. Ta muốn biết kẻ nào đã đưa ta đến chốn này? Lạy trời! Điều chân thực là ta đích thực là Đấng thống lĩnh các tín đồ. Mọi lí lẽ của mù không thể thuyết phục ta tin điều ngược lại đâu.

Bà mẹ không thể suy đoán hay tưởng tượng do đâu cậu con trai lại quả quyết một cách dứt khoát và vững tâm rằng mình là hoàng đế. Nghe chàng nói những điều hết sức khó tin đối với bà song lại không phải vô căn cứ đối với Abu Hatxan, bà tin chắc con đã mất trí hẳn rồi.

Nghĩ vậy, bà liền nói:

- Con ơi! Cầu xin Thượng đế thương xót và cứu vớt con! Con ơi, thôi con đừng nói bậy bạ như vậy. Hãy phó mình cho Thượng đế và cầu xin Người đoái thương mà cho con nói năng như một người biết điều. Thiên hạ sẽ nghĩ gì nếu nghe con ăn nói lằng nhằng như vậy? Chẳng nhẽ con không biết rừng có mạch vách có tai hay sao?

Những lời khuyên răn tốt lành ấy đã không xoa dịu bớt sự bức bối Abu Hatxan, ngược lại còn làm cho chàng cay cú hơn. Chàng càng nổi nóng thêm đối với mẹ:

- Mù già, ta đã bảo mù hãy im miệng, nếu mù còn nói nữa, ta sẽ đứng dậy sửa cho mù một trận nên thân để mù nhớ đời. Ta là hoàng đế, là Đấng thống lĩnh các tín đồ, mù phải tin khi ta bảo mù như vậy.

Thế là bà mẹ hiền từ thấy con trai không những không tỉnh táo ra mà ngày càng mất trí thêm, liền vật mình vật mảy than khóc. Bà đưa tay vả mặt và đấm ngực mình, kêu la ngạc nhiên và đau khổ cho đứa con khôn ngoan bỗng dưng nổi chứng điên khùng.

Còn Abu Hatxan đáng lẽ dịu bớt và xúc động trước những lời than khóc của mẹ, thì ngược lại, càng không tự chủ được đến nỗi bỏ mất cả sự kính trọng tự nhiên đối với người đứt ruột đẻ ra mình. Chàng vùng dậy, vớ một

cây gậy vung lên và lao tới bà như một thằng cuồng, miệng quát hung bạo đến mức làm kinh hoàng bất kì người nào khác, nếu đây không phải bà mẹ đầy từ tâm:

- Mụ già khôn kiếp, mụ hãy nói ngay tức khắc ta là ai!

- Con ơi, – bà mẹ đáp, không những bà không khiếp sợ mà còn trù mến nhìn con – mẹ không tin là con bị Thượng đế ruồng bỏ tới mức làm cho không nhận được người nào đã đẻ ra mình, lại còn không biết chính mình là ai nữa. Mẹ không giả vờ đâu khi mẹ bảo rằng con chính là Abu Hatxan, con trai của mẹ. Con thật rất sai trái khi dám khoác cho mình một danh vị chỉ thuộc về hoàng đế Harun An-Rasít, Đấng chúa tể của con và mẹ, vào lúc Người vừa ban cho mẹ con ta bao nhiêu là của cải, với món quà Người gửi đến cho mẹ hôm qua. Quả vậy, con chưa biết rằng, hôm qua chính quan tể tướng Giafa thân hành đến gặp mẹ; đặt vào tay mẹ một túi tiền đựng một nghìn đồng vàng, và bảo mẹ hãy cầu nguyện cho Đấng thống lĩnh các tín đồ vì món quà này. Mà ân huệ ấy chính là phần cho con đây, chứ đâu phải cho mẹ là người sắp kẻ miệng lỗ?

Nghe đến đây, Abu Hatxan không tự chủ được nữa. Những chi tiết về việc hoàng đế ban thưởng mà mẹ vừa thuật lại, càng chứng tỏ chàng không lầm, càng làm cho chàng thêm tin chắc chính mình là vua, bởi vì tể tướng mang túi vàng đến biểu là do mệnh lệnh của chàng.

- Thế nào, hử? Con mụ phù thủy già kia, – chàng quát – mụ đã chịu tin chưa, khi ta nói với mụ rằng chính ta sai tể tướng Giafa mang cho mụ nghìn đồng tiền vàng ấy. Ông ta chẳng qua chỉ thừa hành mệnh lệnh của ta với tư cách là Đấng thống lĩnh các tín đồ mà thôi. Ấy thế mà đáng lẽ phải tin lời ta, thì mụ lại tìm cách làm cho ta điên tiết lên về những điều lộn xộn, lại cứ khăng khăng bảo ta là con trai mụ. Làm sao lại không trừng trị mụ về cái tội điều toa này cơ chứ!

Con điên giận làm chàng mất trí. Nói đến đây, sẵn chiếc gậy cầm tay, Abu Hatxan cứ vậy mà phang vào bà cụ. Bà mẹ đáng thương không ngờ con trai chuyển nhanh từ những lời nạt nộ sang hành động như vậy. Bị đánh đau, bà thất thanh kêu cứu. Trong lúc hàng xóm chưa kịp chạy tới, Abu Hatxan tiếp tục đánh mẹ, và cứ nện một gậy lại hỏi một câu: “Ta có phải Đấng thống lĩnh các tín đồ không nào?” Còn bà mẹ thì một mực trả lời: “Anh là con trai tôi”.

Con điên của Abu Hatxan bắt đầu dịu xuống được phần nào thì hàng xóm chạy đến, xộc vào buồng. Người đến được đầu tiên đứng chen vào giữa chàng và bà mẹ, giật chiếc gậy trên tay chàng và hỏi:

- Anh làm gì vậy, Abu Hatxan? Anh đã mất hết lòng kính sợ Thượng đế và mất hết trí khôn rồi sao? Có bao giờ một người con trai con nhà gia giáo như anh lại dám đánh mẹ? Anh không biết xấu hổ hay sao mà ngược đãi bà

cụ như vậy, bà cụ bao giờ cũng thương yêu anh rất mực.

Abu Hatxan vẫn còn giận dữ, nhìn người vừa nói không đáp, chàng đưa đôi mắt ngậy đại nhìn những người hàng xóm khác đang đứng quanh, và hỏi:

- Ai là anh chàng Abu Hatxan mà các người nói đó? Có phải chính là ta đây mà các người gọi bằng tên ấy chẳng?

Câu hỏi của chàng làm sững sốt những người hàng xóm. Người vừa nói chuyện với chàng thốt lên:

- Sao? Thế ra anh không nhận ra bà cụ kia, người đã nuôi dạy anh, người mà chúng tôi thấy vẫn sống cùng nhà với anh. Anh không nhận ra mẹ đẻ anh nữa sao?

- Các người là những thằng xác láo, ta không biết mụ ấy, cũng như không biết các người. Ta không muốn biết đến mụ ấy, ta không phải là Abu Hatxan, ta là Đấng thống lĩnh các tín đồ. Nếu các người không biết điều đó thì ta sẽ làm cho các người biết, và rồi đừng có trách ta.

Nghe Abu Hatxan nói đến đây, những người hàng xóm đều tin chắc chàng đã loạn óc thật rồi. Và để phòng ngừa chàng có những hành động quá đáng như đối với bà mẹ vừa rồi, họ túm lấy chàng và mặc cho chàng vùng vẫy trời gô lại cả chân và tay. Tuy đã đưa chàng đến tình cảnh không còn có thể làm hại ai được nữa, họ vẫn cho rằng không tiện để chàng ở một mình với bà cụ. Hai người hàng xóm tách ra khỏi bọn vội vã đi về phía nhà thương điên báo cho viên gác cổng biết việc gì vừa xảy ra. Anh này theo hai người hàng xóm đến ngay tại chỗ, lại dẫn thêm một toán người khác nữa, mang theo dây xích, còng tay và một cái roi gân bò.

Trông thấy họ đến, Abu Hatxan vốn không chờ đợi cảnh quan nha khủng khiếp dường ấy, cổ vùng vẫy định tháo thân nhưng viên gác cổng đã giằng lấy chiếc roi gân bò và quật thật lực mấy roi lên vai, buộc anh chàng phải tỏ ra biết điều. Trận đòn đau khiến Abu Hatxan đành chịu phép, để cho viên gác cổng và cánh người của nhà thương điên muốn làm gì thì làm. Họ xích chàng lại, còng tay, và sau khi làm xong những việc đó, lôi chàng ra khỏi nhà, đưa thẳng đến nhà thương điên. Abu Hatxan vừa ra tới đường đã thấy một đám đông vây quanh, người này tống cho chàng một đấm, kẻ khác vả một tát tai, những người khác nữa thì chửi mắng là đồ điên rồ, đồ ngu ngốc, tên kỳ cục. Trước những cách đối xử tàn tệ đó, chàng nói: “Chỉ có Thượng đế tối thượng mới biết thế nào là quang vinh và hùng mạnh. Ta đang tỉnh táo thì người ta lại muốn ta điên. Ta chịu sự nhục mạ cũng như mọi điều xúc phạm này chẳng qua là tại ý Người muốn vậy”.

Abu Hatxan được dẫn tới nhà thương điên bằng cách ấy. Người ta nhốt chàng vào một cái chuồng sắt và xích chặt vào đó. Trước khi giam chàng vào

buồng, viên gác cổng vốn quá thành thạo về cách hành hạ bệnh nhân, khảo chàng một châu năm chục roi gân bò liên lên vai và lưng, không thương xót. Và suốt ba tuần, ngày nào hắn cũng khảo chàng một bữa như vậy, lần nào cũng chỉ nói mỗi một câu: “Xem mày liệu có khôn ngoan trở lại hay không. Xem mày còn dám tự nhận là Đáng thống lĩnh các tín đồ nữa hay thôi”.

Abu Hatxan đáp:

- Tao chẳng cần những lời khuyên bảo của mày, tao không điên nhưng giả dụ tao có chẳng may trở thành điên khùng chẳng nữa, thì ấy chính tại bị mày hành hạ mà ra nông nổi ấy.

Bà mẹ Abu Hatxan ngày nào cũng đều đặn đến thăm con. Thấy con mỗi ngày một gầy yếu đi, và nghe chàng than vãn rên rỉ về những trận đòn đau, bà không cầm được nước mắt. Quả vậy, vai, lưng và hai bên sườn chàng bị đánh nát và tím bầm, khi nằm không biết nên quay về phía nào cho đỡ nhức. Trong thời gian bị giam giữ nơi khủng khiếp ấy, hơn một lần thân thể chàng đâm lại da non. Bà mẹ muốn chuyện trò với con để an ủi và thử dò xem chàng có còn mắc bệnh ảo tưởng tự cho là hoàng đế, Đáng thống lĩnh các tín đồ nữa hay không. Nhưng cứ mỗi lần bà mở miệng định nói với chàng đôi điều, thì lần nào cũng bị chàng hắt hủi một cách điên giận, khiến bà đành bỏ cuộc, trở về nhà, tuyệt vọng vì thấy con cứng đầu cứng cổ quá xá.

Những ấn tượng mạnh mẽ, sâu sắc mà Abu Hatxan giữ trong đầu óc mình, như thấy được mặc trang phục hoàng đế, được làm vua, được sử dụng quyền lực tối cao, được mọi người vâng lệnh và tuân phục như đối với hoàng đế thật, những ấn tượng làm cho chàng khi tỉnh giấc tin chắc mình đích thị là hoàng đế và làm chàng đeo đẳng mãi sự nhầm lẫn ấy, với thời gian rồi cũng dần dần mờ nhạt đi dù chàng không để ý. Thỉnh thoảng chàng tự hỏi. “Ừ, nếu ta là hoàng đế, là Đáng thống lĩnh các tín đồ thật, thì tại sao khi tỉnh dậy ở nhà, ta lại mặc trong người bộ quần áo bình thường? Tại sao ta không nhìn thấy châu chục quanh ta viên trưởng hoạn nô, cùng một lũ hoạn nô và bao nhiêu người đẹp? Tại sao tể tướng Giafa mà ta từng thấy phủ phục dưới chân, cùng bao nhiêu thượng thư, thống đốc và quần thần khác quây quần chung quanh, bỗng dưng bỏ ta mà đi hết? Nếu ta có chút uy quyền nào đối với họ thì có lẽ họ đã giải thoát ta ra khỏi tình trạng thảm thương này từ lâu rồi chứ. Tất cả những cái đó chỉ là một giấc mơ, và ta nên tin như vậy. Đúng là ta có ra lệnh cho viên quan tư pháp trừng trị tên giáo trưởng cùng bốn lão hội đồng của hắn. Ta có ra lệnh cho tể tướng Giafa mang biếu mẹ ta một nghìn đồng vàng, và các lệnh của ta đều được thi hành răm rắp. Chuyện đó day dứt ta mãi, và ta chẳng hiểu ra làm sao. Nhưng trên trời còn có biết bao nhiêu chuyện ta không hiểu và sẽ chẳng bao giờ hiểu nổi? Vậy thì ta hãy phó mình cho Thượng đế là đáng đại lượng đại giác vậy”.

Abu Hatxan đang suy nghĩ như vậy thì bà mẹ đến. Trông thấy chàng quá kiệt sức và hốc hác, bà càng khóc nhiều hơn mọi lần. Vừa nức nở bà vừa chào con bình thường. Abu Hatxan đáp lễ mẹ, trái với thói quen của chàng từ khi bị đưa vào nhà thương điên. Cho rằng đó là một triệu chứng tất, bà lau nước mắt và hỏi:

- Thế nào, con trai, con thấy trong người thế nào? Đầu óc con có tỉnh táo hay không? Con đã từ bỏ những mộng ảo và lời ăn tiếng nói ma quỷ xui khiến con chưa?

- Mẹ ơi, – Abu Hatxan đáp, vẻ rất bình thản và biểu lộ lòng hối hận vì đã xử sự không đúng đắn với mẹ – con đã nhận ra con lầm lạc. Xin mẹ hãy tha thứ cho tội ác gớm ghiếc của con, dù con đã nhớ phạm với mẹ. Con cũng xin bà con xóm giềng tha thứ, vì tội đã gây nên chuyện bê bối với bà con. Con bị ám ảnh bởi một giấc mơ, nhưng là một giấc mơ kì lạ và giống sự thật đến nỗi con không thể chắc chắn rằng, nếu nó xảy ra cho bất luận ai chứ không phải là con, thì người ấy cũng sẽ có những hành động kì cục hơn cả những gì con đã làm. Ngay giữa lúc còn đang nói với mẹ đây, con cũng vẫn còn hoang mang lắm, con vẫn khó ép mình phải tin cho được rằng đó là mơ, bởi vì thực và mơ, mơ và thực giống nhau quá. Dù sao đi nữa, con cho đó là mơ, và muốn mãi mãi tin rằng đó chỉ là một giấc mơ, một ảo ảnh.

Con cũng tin chắc con không phải là hoàng đế, là Đấng thống lĩnh các tín đồ mà là Abu Hatxan con trai của mẹ. Vâng, con là con trai của một bà mẹ bao giờ con cũng kính yêu, cho đến cái ngày mà mỗi lần nhớ lại con đều lấy làm xấu hổ là đang tâm đánh đập một bà mẹ con đang kính yêu và sẽ kính yêu trọn đời, đúng như phận làm con phải như vậy.

Bà mẹ nghe những lời lẽ khôn ngoan và đầy đạo lý ấy thì những giọt nước mắt đau khổ, xót thương và buồn phiền tuôn xuống biết bao ngày qua bỗng trở thành dòng lệ vui mừng, an ủi và thương yêu cậu con trai quý, mà bà tưởng đã mất đi và nay có trở lại. Bà sung sướng thốt lên:

- Ôi con, sau những chuyện vừa qua, mẹ bằng lòng và thỏa mãn xiết bao khi nghe con nói năng đúng mực như vậy. Thật còn vui hơn là mẹ đẻ ra con một lần thứ hai. Mẹ phải nói rõ con nghe suy nghĩ của mẹ về chuyện đã xảy ra cho con, và lưu ý con một điều mà con đã không dè chừng. Người khách lạ hôm nọ con rước về ăn tối cùng con, đã ra đi mà không đóng cửa lại như lời con căn dặn. Mẹ cho rằng đó là cơ hội để ma quỷ đột nhập vào ám hại, khiến cho con có cơn mê khủng khiếp như vừa qua. Bởi vậy, con à, con hãy tạ ơn Thượng đế đã giải thoát cho con. Hãy cầu xin Người giữ gìn cho con khỏi sa vào cạm bẫy của ma quỷ.

- Mẹ đã tìm ra nguồn cội căn bệnh của con rồi đó. – Abu Hatxan đáp – Đúng là đêm ấy mà con bị giấc mơ làm đảo lộn đầu óc. Thế mà con đã căn

dặn ông nhà buôn ấy hãy chú ý khép cửa lúc ra đi. Bây giờ con mới rõ ông ta đã không làm như thế. Bởi vậy, con cũng tin như mẹ rằng, quý dữ trông thấy cửa mở, đã vào gieo vào đầu óc con những điều huyền hoặc. Chắc hẳn là ở Mút-xun, nơi nhà buôn ấy sống, người ta không hiểu như chúng mình ở thành phố Bát-đà này rằng, đi ngủ mà không đóng cửa buồng lại, thì ma quỷ sẽ vào gây nên những cơn ác mộng quấy rầy ta suốt đêm.

Mẹ ơi, nhân danh Thượng đế, bởi vì chính nhờ Người mà con khỏi được cơn rồ dại, con van xin mẹ hiền từ hãy tìm cách cho con mau chóng nhất thoát ra khỏi cái địa ngục này. Xin mẹ hãy giải thoát con khỏi tay tên đồ tể chắc chắn nó sẽ đưa con đến cái chết nếu con còn ở đây lâu hơn nữa.

Bà mẹ Abu Hatxan được an ủi và cảm động thật sự về việc con trai khỏi chứng bệnh rồ dại cho mình là hoàng đế, lập tức chạy đi tìm viên gác cổng bệnh viện đã bắt chàng tới đây và hành hạ chàng cho đến lúc bấy giờ. Nghe bà quả quyết chàng đã trở lại khôn ngoan, anh ta đến xem xét và trả lại tự do ngay cho chàng trước mặt bà mẹ.

Abu Hatxan về nhà, nghỉ ngơi ăn uống nhiều ngày cho lại sức, vì ở nhà thương điên điều kiện sinh sống quá khổ cực. Nhưng vừa bắt đầu thấy hồi lại sức, và không còn đau đớn nhiều về những trận đòn ở nhà thương điên nữa, thì chàng đâm buồn vì tối tối không có bạn bè trò chuyện. Vì vậy, chẳng bao lâu chàng trở lại lối sống trước kia, nghĩa là cứ sáng sáng đi mua thức ăn đủ để chiêu khao một người khách mới.

Đúng vào hôm chàng bắt đầu theo trở lại tục lệ cũ của mình, tức là ra ngồi ở đầu cầu của thành phố Bát-đà lúc mặt trời lặn, chờ khi có khách lạ đầu tiên xuất hiện thì mời về nhà, hôm ấy là một ngày đầu tháng. Và như đã nói ở trên, hôm ấy là ngày hoàng đế cải trang vì hành ra thành phố, để tự mình quan sát xem có việc gì xảy ra ngoài khuôn nếp mà vua đã ban hành từ ngày lên ngôi báu đến nay hay không. Abu Hatxan vừa ngồi xuống một chiếc ghế dài xây tựa vào thành cầu chưa được bao lâu, thì đưa mắt nhìn sang đầu cầu bên kia, chàng trông thấy hoàng đế đi tới, lần này cũng cải trang thành nhà buôn thành phố Mút-xun, và theo sau vẫn có tên nô lệ giống y như lần trước. Tin chắc rằng mọi sự khổ ải phải chịu đựng thời gian qua do chính lão nhà buôn Mút-xun này lúc ra về đã không chịu khép cửa buồng chàng ngủ, chàng run lên vì tức giận. “cầu Thượng đế phù hộ cho ta! – chàng tự nhủ. – Kìa, nếu ta không nhầm, chính đây là lão phù thủy đã bỏ bùa cho ta hôm trước.”

Chàng vội tựa vào thành cầu, quay mặt ra sông, để khỏi nhìn thấy nhà buôn, chờ ông ta đi qua khỏi.

Hoàng đế vốn thích kéo dài hơn nữa niềm vui thú về vụ Abu Hatxan, đã chú ý cho hỏi và đã biết rõ chàng nói và làm gì sáng hôm sau, lúc được đưa trở về nhà và tỉnh dậy trong nhà mình, cũng như tất cả những gì đã xảy ra

cho chàng tiếp đó. Vua cảm thấy rất thú vị khi biết rõ mọi điều, kể cả việc chàng bị hành hạ trong nhà thương điên. Nhưng, vốn là một nhà vua hào hiệp và chuộng công lí, và nhận ra ở Abu Hatxan một tính cách khả dĩ giải trí cho mình lâu hơn nữa, vua tin rằng sau khi thôi không tự nhận là hoàng đế nữa, chàng sẽ trở lại lối sống ngày trước, Harun An- Rasít muốn tìm cách đưa chàng đến gần mình. Gặp ngày đầu tháng, vua cho bây giờ đúng là lúc nên cải trang thành nhà buôn như lần trước, để dễ thực hành điều mới dự định về số phận chàng.

Hoàng đế đã nhận ra Abu Hatxan gần như cùng một lúc với chàng trông thấy vua. Qua cử chỉ của chàng, vua hiểu chàng rất bất bình với mình và đang cố tình tránh mặt. Tới gần, vua quay người nhìn thẳng vào mặt chàng trai và nói:

- Hóa ra bạn đây ư, người anh em Abu Hatxan của tôi? Xin chào bạn. Xin bạn vui lòng cho tôi được ôm hôn bạn.

Abu Hatxan không nhìn mặt nhà buôn giả, sùng sộ đáp:

- Tôi thì tôi chẳng chào ông đâu. Tôi chẳng cần gì lời thăm nom hay cái hôn hít gì của ông cả. Xin ông hãy đi đường của ông, cho tôi nhờ!

- Thế nào, bạn không nhận ra tôi ư? – Vua lại nói. – Bạn không còn nhớ buổi tối chúng ta cùng đàm đạo với nhau ở nhà bạn, và bạn đã thết đãi tôi thật hào hiệp hay sao?

- Không, – Abu Hatxan vẫn giữ nguyên giọng – tôi không quen ông và tôi cũng chẳng biết ông muốn nói gì. Một lần nữa, xin ông hãy đi đường ông cho!

Hoàng đế không chút nao núng vì dáng điệu thô bạo của Abu Hatxan. Vua thừa biết chàng có tự đặt ra cho mình cái lệ tuyệt giao với người khách lạ đã một lần đả đàng. Abu Hatxan từng nói rõ ra như vậy, nhưng vua cố tình làm như không hay biết. Vua nói:

- Tôi không thể tin rằng bạn không nhận ra tôi. chúng ta xa nhau chưa bao lâu, có lẽ nào bạn lại quên tôi một cách dễ dàng đến vậy. Chắc hẳn có việc gì không may xảy đến với bạn, cho nên bạn đâm ra giận ghét tôi. Tuy nhiên, chắc hẳn bạn còn nhớ, tôi đã tỏ lòng biết ơn bằng những lời chúc mừng tốt đẹp. Hơn nữa, cái điều mà trong thâm tâm bạn mong ước ấy, tôi đã làm hết sức mình và kết quả cũng không phải là chẳng được cái gì, có phải thế không bạn?

Abu Hatxan đáp:

- Tôi không biết sức của ông như thế nào, và tôi hoàn toàn không muốn đưa sức ông ra thử thách, nhưng tôi biết những lời chúc mừng của ông đã đưa đến kết quả là làm cho tôi hóa dại. Nói có đất trời chứng giám, một lần

nữa xin ông hãy đi đường ông, chớ có làm cho tôi buồn phiền hơn nữa!

- Ôi người anh em Abu Hatxan của tôi, – hoàng đế cứ ôm hôn chàng và đáp – lẽ nào tôi chịu chia tay bạn theo cách này. May mắn sao, số phận run rủi cho tôi gặp bạn lần thứ hai. Vậy thì bạn hãy mời tôi về nhà bạn một lần thứ hai nữa, như bạn đã làm cách đây một tháng, để cho tôi được vinh dự lần nữa uống cùng bạn chén rượu.

Đó chính là điều làm cho Abu Hatxan càng khước từ mạnh mẽ hơn:

- Tôi thừa đủ nghị lực để ngăn mình không phải ngồi chung lần nữa với một con người mang theo mình điều bất hạnh như ông. Ông đã biết câu phương ngôn của ta rồi đấy: “Hãy vác trống lên vai và xéo ngay đi cho”. Ông hãy thực hành câu phương ngôn ấy đi. Làm sao lại cứ để người khác phải nhắc đi nhắc lại nhiều lần đến vậy nhỉ? cầu xin Thượng đế dẫn đường cho ông! Ông đã gây cho tôi xiết bao đau khổ rồi, tôi không muốn hứng chịu nhiều hơn nữa.

- Này anh bạn hiền Abu Hatxan của tôi ơi! – Hoàng đế lại ôm hôn chàng lần nữa – Bạn đối xử với tôi tàn nhẫn quá, tôi thật không ngờ. Tôi van bạn chớ có nói năng xúc phạm người anh em như vậy. Ngược lại, xin hãy tin vào tình bằng hữu của tôi. Xin bạn hãy vui lòng kể việc gì đã xảy ra với bạn cho tôi hay, tôi là kẻ đã cầu chúc toàn điều tốt lành cho bạn giờ đây cũng đang cầu chúc như vậy. Tôi mong có dịp làm cho bạn chuyện tốt lành để bù đắp những đau khổ mà bạn nói là do tôi gây nên, nếu quả thật là lỗi tại tôi.

Hoàng đế khấn khoản quá, Abu Hatxan đành chịu thua. Mời vua ngồi xuống cạnh mình, chàng nói:

- Sự hoài nghi và vẻ khăng khăng của ông làm tôi không sao chịu nổi. Điều tôi kể đây sẽ cho ông thấy rõ tôi phàn nàn về ông đúng hay sai.

Hoàng đế ngồi xuống bên cạnh, Abu Hatxan bắt đầu thuật lại đầu đuôi những chuyện xảy ra cho chàng, từ khi thức dậy trong hoàng cung cho đến lúc lần thứ hai thức giấc trong nhà mình. Chàng kể tất, như một giấc mơ đã thực sự xảy ra với cơ man là chi tiết mà hoàng đế cũng đã rõ như chàng, điều này chỉ càng tăng thêm sự thích thú của vua. Tiếp đó, chàng nói nhiều về ấn tượng mà giấc mộng để lại trong đầu óc mình, khiến chàng tự cho mình là hoàng đế, là Đấng thống lĩnh các tín đồ. Chàng nói thêm:

- Ấn tượng ấy đã khiến tôi phạm những điều kì cục nghiêm trọng đến mức bà con hàng xóm phải trối gô tôi lại như trối một thằng rồ và tống tôi vào nhà thương điên. Ở đây tôi bị đối xử độc ác, dã man, vô nhân đạo. Nhưng, điều ông sẽ lấy làm ngạc nhiên và có lẽ không chờ đợi, ấy là tất cả những chuyện xảy đến đều do lỗi tại ông mà ra. Chắc ông còn nhớ tôi đã có lời nhờ ông, hãy đóng cửa buồng tôi lại sau khi dùng xong bữa và ra về ông đã

không làm việc đó, ngược lại, ông đã để mở cửa toang hoang, khiến cho ma quỷ đột nhập vào phòng rồi nhét vào đầu tôi giấc mộng ấy. Giấc mộng có vẻ thú vị đối với tôi, nhưng lại gây nên biết bao đau khổ mà tôi rất phàn nàn. Sự chênh lệch của ông là căn nguyên khiến cho ông chịu trách nhiệm về tội ác tôi đã phạm. Đúng là tôi đã phạm một điều ghê tởm và bỉ ổi, không những dám giơ tay đánh mẹ mà suýt nữa tôi làm bà ta vong mạng. Sở dĩ tôi phạm tội đánh mẹ chỉ vì mỗi một nguyên nhân, mà mỗi lần nghĩ đến tôi lại lấy làm xấu hổ, ấy chỉ vì bà cụ cứ gọi tôi là con trai bà, đúng như thực tế, chứ bà không chịu thừa nhận tôi là Đấng thống lĩnh các tín đồ, như tôi tưởng làm và quả quyết.

Ông cũng chính là căn nguyên khiến cho tôi gây nên sự bê bối với bà con hàng xóm láng giềng, khi nghe tiếng mẹ tôi kêu, họ chạy đến và thấy tôi đang muốn giết bà cụ. Điều ấy đã không xảy ra nếu ông chịu khó đóng cửa buồng tôi lại lúc ra về, như tôi đã có lời nhờ vả. Cửa đóng thì tất nhiên họ đã không xộc vào nhà tôi mà không xin phép và họ đã không chứng kiến sự điên rồ của tôi, điều còn làm cho tôi buồn phiền hơn nữa. Tôi đã không bắt buộc phải đánh họ để tự vệ, và họ cũng đã không bị ép phải giã tôi ra trò, rồi trối gô lại và tống vào nhà thương điên, như họ đã làm. Tôi có thể quả quyết với ông rằng suốt thời gian tôi bị giam cầm trong cái hỏa ngục ấy, ngày nào người ta cũng không quên cho tôi ăn những trận roi gân bò thật lực.

Abu Hatxan kể một cách nóng nảy và giận dữ cho hoàng đế nghe những điều chàng phàn nàn. Vua biết rõ hơn chàng những gì đã xảy ra, thâm tâm vua rất hài lòng mình đã thành công trong việc nghĩ ra cách làm cho anh chàng rồ dại bây giờ vẫn chưa hết hẳn. Nhưng, câu chuyện được thuật lại một cách thật thà quá, vua không thể nghe hết mà không phá lên cười ha hả. Abu Hatxan vẫn ngỡ câu chuyện của mình đáng thương, ai nghe cũng phải lấy làm xúc động như chính chàng, cho nên rất bất bình khi thấy nhà buôn giả của thành phố Mút-xun phá ra cười.

- Ông chế giễu tôi hay sao mà lại cười vào mũi tôi thế? Hay là ông cho tôi giễu ông, trong khi tôi nói chuyện một cách rất nghiêm trang? Ông có muốn tôi đưa ra những bằng chứng cụ thể không? Này đây, tự ông hãy nhìn mà xem đây, sau đó ông sẽ bảo tôi, có phải tôi giễu hay không?

Vừa nói chàng vừa khom mình trật vai và ngực cho hoàng đế thấy những sẹo và vết thâm bầm mà những trận roi gân bò đã để lại.

Hoàng đế không thể nhìn những cái đó mà không kinh tởm. Vua thương hại chàng Abu Hatxan tội nghiệp, và cũng ái ngại vì trò đùa đi xa đến như vậy. Vua tỉnh ngộ, và nói rất nghiêm trang:

- Hãy đứng lên, người anh em thân mến ơi, tôi van bạn và chúng ta hãy cùng về nhà bạn đi, tôi còn muốn được cái may vui với bạn tối hôm nay nữa.

Ngày mai, nhờ Thượng đế, bạn sẽ thấy mọi việc xảy ra tốt đẹp nhất trần gian.

Mặc dù đã quyết định không tiếp lại lần thứ hai một người khách lạ trong nhà, trái với lời thề của mình, Abu Hatxan vẫn không cầm lòng được trước sự dỗ dành của hoàng đế, mà chàng vẫn cứ ngỡ là nhà buôn thành Mútxun. Chàng nói:

- Tôi bằng lòng, nhưng với một điều kiện là ông phải thề rồi sẽ thực hiện. Ấy là xin vui lòng đóng cửa lại khi ra khỏi nhà tôi, để cho ma quỷ không còn có thể vào và ám đầu óc tôi giống như lần trước nữa.

Nhà buôn giả thành Mútxun đồng ý nhận tất. Hai người cùng đứng lên và cùng đi vào phố. Để khích lệ hơn nữa Abu Hatxan, hoàng đế nói:

- Bạn hãy tin ở tôi, tôi không bao giờ nuốt lời, tôi xin lấy danh dự thề với bạn như vậy. Một lời tôi nói ra như đinh đóng cột, xin bạn chớ do dự nữa. Xin hãy tin cậy tôi, một người bao giờ cũng mong bạn được mọi sự tốt lành và phát đạt, mà rồi bạn sẽ thấy ngay kết quả cho mà xem.

- Tôi không đòi hỏi ở ông điều đó, – Abu Hatxan ngắt lời vua – tôi sẵn sàng nói chuyện chơi với ông, còn miễn cho ông mọi sự mong ước. Tôi xin ông chớ có mong ước, chúc tụng tôi một điều gì. Xin nhớ cho rằng mọi sự không may xảy ra cho tôi đến ngày hôm nay đều bắt nguồn, cùng với cái công không đóng, từ những lời ước mong và chúc tụng của ông đối với tôi lần trước đó.

Hoàng đế cười thâm trong bụng về trí tưởng tượng vẫn còn bị thương tổn của Abu Hatxan. Vua đáp:

- Thôi bạn đã muốn vậy thì tôi cũng xin chiều lòng.

Xin hứa sẽ chẳng bao giờ chúc tụng, ước mong gì cho bạn cả.

- Tôi rất vui nghe ông nói câu đó. Tôi chẳng đòi hỏi ở ông một điều gì khác; miễn ông giữ cho lời hứa, thế là tôi quá bằng lòng rồi. Còn mọi chuyện khác, tôi coi như ông chẳng bị ràng buộc gì sắt.

Abu Hatxan cùng hoàng đế, có tên nô lệ theo hầu, chuyện trò như vậy chẳng mấy chốc đã đến nơi. Trời vừa tối thì họ cũng vừa về tới nhà chàng. Abu Hatxan vội gọi mẹ mang đèn lên. Chàng mời hoàng đế ngồi vào trường kỷ rồi cũng tự đến ngồi bên cạnh. Lát sau cơm tối dọn lên chiếc bàn vừa được xích lại đủ chỗ hai người ngồi. Họ ăn chẳng khách khí gì. Xong bữa, bà mẹ dọn mâm, bày trái cây ra bàn, để rượu và chén bên cạnh con trai, rồi rút lui và không trở ra nữa.

Abu Hatxan bắt đầu rót rượu cho mình trước, rồi rót mời hoàng đế. Uống năm, sáu tuần, họ nói toàn những chuyện băng quơ. chừng thấy Abu Hatxan

ngà ngà, vua mới lái câu chuyện sang mục yêu đương, và hỏi chàng đã từng yêu bao giờ chưa.

- Ông anh ạ, – Abu Hatxan nói thân mật với khách như với người cùng vai cùng vế – tôi xưa nay chỉ xem tình yêu hay hôn nhân, tùy ý ông anh muốn gọi thế nào cũng được, là một thứ nợ nần mà tôi rất ngại phải đa mang. Cho đến bây giờ, thú thật tôi chỉ thích ngồi vào bàn thưởng thức các món ăn ngon và nhất là rượu tốt; tóm lại, chỉ chơi bời, chuyện vãn tâm phào với bạn bè.

Tuy nhiên, xin quả quyết để ông anh vui lòng rằng không phải tôi lãnh đạm với hôn nhân hay là không có khả năng ân ái, nếu gặp được một người đàn bà xinh đẹp và tươi vui như người tôi từng gặp trong mộng sau cái đêm tai hại mà tôi tiếp ông anh lần đầu tiên ấy, mà không may cho tôi, ông anh đã quên đóng cửa; một người đàn bà vui lòng dành các buổi tối uống rượu với tôi, một người biết hát biết đàn và trò chuyện duyên dáng, và cuối cùng chịu học cách làm vui và giải trí tôi. Được một người như vậy, tôi tin là tôi sẽ thay đổi thái độ thờ ơ với đàn bà thành một sự quyến luyến trọn vẹn, và chắc rằng tôi sẽ chung sống rất hạnh phúc cùng nàng. Nhưng, biết tìm đâu ra một giai nhân như tôi vừa mô tả cho ông anh nghe, ngoài hoàng cung của Đấng thống lĩnh các tín đồ, ngoài dinh quan tể tướng Giafa, hay nhà những đại thần quyền thế nhất triều đình, là những nơi không thiếu vàng bạc để có người đẹp? Bởi vậy, tôi thích làm bạn với rượu hơn, thú vui này vừa tốn ít tiền, mà mình lại chẳng thua kém những bậc cao sang.

Nói đến đây, chàng cầm chén tự rót rượu cho mình và bảo hoàng đế:

- Nào, ông anh hãy cầm lấy chén để tôi rót cho, chúng ta hãy cùng nhau tiếp tục thưởng thức niềm lạc thú đáng yêu này.

Hai người cạn chén xong, hoàng đế nói:

- Thật đáng tiếc cho một con người hào hoa như bạn vốn không thờ ơ với ái tình, lại đi sống một cuộc đời đơn chiếc và ảm đạm thế kia.

- Tôi chẳng khó khăn gì trong lựa chọn, – Abu Hatxan đáp – thà sống bình lặng như tôi trước mặt ông anh đây còn hơn là đánh bạn với một người đàn bà nhan sắc chưa chắc vừa lòng mình, đã thế còn có thể gây ra trăm nghìn điều phiền não do tính nết dở hơi và cái kính cũng nên.

Hai người đàm đạo rất lâu về chuyện ấy. Nắm được sở thích của Abu Hatxan, hoàng đế nói:

- Bạn hãy để cho tôi lo liệu. Bởi vì bạn thích giao du với những người đứng đắn, tôi muốn tìm được đúng nơi đúng chốn cho bạn, và bạn chẳng tốn kém gì đâu.

Ngay lúc ấy, vua cầm chai rượu cùng cái chén của Abu Hatxan, nhanh nhẹn bỏ vào chén một nhúm thuốc mà vua đã có lần dùng, và rót một châu. Đưa chén rượu cho chàng, vua nói tiếp:

- Nào, hãy cầm lấy, và hãy uống trước đi, mừng sức khỏe người đẹp sẽ làm nên hạnh phúc suốt đời bạn, và rồi bạn sẽ hài lòng cho mà xem.

Abu Hatxan vừa cười vừa đỡ chén rượu và gật đầu đáp:

- Ông anh đã muốn như vậy, thôi đến đâu thì đến. Chả nhẽ tôi lại dám khiếm nhã với một quý khách như ông anh, mà không nhận một lời mời nhỏ nhất thế này. Vậy thì tôi xin cạn chén mừng sức khỏe của người đẹp mà ông anh hứa hẹn cho tôi, mặc dù vốn yên thân thủ phận, tôi chẳng kỳ vọng gì nhiều ở lời hứa của ông anh đâu.

Abu Hatxan vừa cạn chén thì người bỗng thiếp đi ngay giống hệt như hai lần trước. Thế là hoàng đế thoải mái muốn làm gì thì làm. Vua liền bảo tên nô lệ theo hầu mang chàng về hoàng cung. Tên hầu vác chàng đi. Hoàng đế lần này không có ý định cho chàng trở về nhà ngay như lần trước, cho nên đóng cửa buồng lại sau khi ra.

Tên nô lệ vác chàng theo sau. Về tới cung, vua sai đặt Abu Hatxan nằm trên chiếc giường kỉ trong phòng khách thứ tư, nơi cách đây một tháng chàng đã ngủ thiếp đi, để cho vua sai mang trở lại nhà. Trước khi để chàng nằm, vua truyền mặc lại cho chàng vẫn bộ quần áo mà chàng đã bận cách đây một tháng để sắm vai hoàng đế. Việc ấy được thực hiện ngay trước mặt vua, tiếp đó vua cho ai nấy đi ngủ, và truyền lệnh cho các viên quan trông nom phòng

khách này, cũng như tất cả các nhạc công, cung nữ có mặt trong phòng khi Abu Hatxan cạn chén rượu từng khiến chàng mê đi cách đây một tháng, rằng hừng đông ngày mai, khi chàng tỉnh giấc, đều phải có mặt tại chỗ, không được thiếu một ai. Mọi người đều phải đóng cho thật tốt vai trò của mình.

Vua cũng đi nghỉ, sau khi dặn Mêrua nhớ đánh thức mình dậy trước khi có người đi vào căn buồng nhỏ, nơi lần trước vua đã nấp để xem.

Mêrua không quên thức hoàng đế dậy đúng vào giờ vua dặn. Vua mặc vội áo quần rồi tới ngay phòng khách, ở đây Abu Hatxan vẫn đang thiêm thiếp giấc nồng. Các thái giám, hoạn nô, cung nữ và nhạc công đã tề tựu ở ngoài cửa, chờ vua tới. Vua nói vắn tắt ý định của mình, rồi bước vào căn buồng con có màn rủ kín. Mêrua cũng như các thái giám, hoạn nô, cung nữ, nhạc công lần lượt vào, và xếp hàng hầu chung quanh chiếc trường kỉ nơi Abu Hatxan đang nằm. Mọi người cố ý đứng sao cho hoàng đế nhìn rõ và không bỏ sót một hành động nào của chàng.

Mọi việc bày biện xong, thì cũng vừa đến lúc đã thuốc mê. Abu Hatxan tỉnh dậy nhưng chưa mở mắt ngay. Chàng khạc một tí dãi, được người hầu hứng vào một cái ống nhỏ bằng vàng, y như lần trước. Vừa lúc ấy, bảy ban ca nhạc cùng cất cao giọng hát êm đềm, hòa trong tiếng đàn tiếng sáo nghe thật du dương.

Abu Hatxan cực kì ngạc nhiên nghe tiếng nhạc mê ly đến vậy. Chàng mở mắt và càng lạ lùng hơn nữa khi thấy các cung nữ và hoạn nô đứng quanh, người nào cũng có vẻ quen quen. Chàng thấy căn buồng mình đang nằm giống hệt căn buồng từng thấy trong giấc mơ từ trước, từ ánh sáng, bàn ghế cho đến cách trang hoàng đều không khác.

Âm nhạc ngừng, để cho hoàng đế quan sát tốt hơn thái độ người khách mới và nghe rõ lời khách sẽ nói trong cơn kinh ngạc. Các cung nữ cũng như Mêrua và các quan hầu đều im lặng như tờ, mỗi người đứng yên trong vị trí của mình, dáng điệu vô cùng kính cẩn.

- Than ôi! – Abu Hatxan cắn ngón tay và kêu lên, to đến nỗi hoàng đế nghe được một cách thú vị – Thế là ta lại rơi vào cùng một giấc mơ, cùng một ảo ảnh đúng như cách đây một tháng. Ta chỉ còn có việc chờ đợi những trận roi gân bò mới ở nhà thương điên và trong chuồng sắt nữa thôi! Lạy Thượng đế tối cao! Con xin phó thác số phận vào vòng tay thiêng liêng của Người! chính cái lão gian dối mà ta đã tiếp đãi ở nhà tối hôm qua, là nguyên do gây nên ảo ảnh này, cũng như những cực hình rồi đây ta phải chịu đựng. Tên phản trắc, tên bất tín ấy đã thề với ta sẽ đóng cửa buồng ta lại khi ra về, ấy thế mà hắn không chịu làm, khiến cho ma quỷ lại đột nhập và làm đảo lộn đầu óc ta bằng giấc mơ tai ác đây vua chúa ma quỷ thế này. Nay quỷ dữ, Thượng đế sẽ trừng phạt mày, và mày sẽ bị cả một núi đá đè lên!

Nói đến đây, Abu Hatxan khép mắt như đang cầu nguyện, lòng dạ hoang mang. Lát sau, chàng lại mở mắt nhìn mọi vật xung quanh, chàng lại thốt lên, lần này bất ngờ và miệng mỉm cười:

- Lạy Thượng đế, con xin phó thác mình trong tay Người, xin hãy giữ cho con khỏi sa vào tay quỷ dữ!

Lại nhắm mắt chàng nói tiếp:

- Ta biết giờ ta nên làm gì. Ta sẽ ngủ cho đến khi quỷ dữ bỏ ta mà trở về chỗ cũ của nó, cho dù có phải ngủ tới trưa.

Chẳng ai để cho chàng có thời giờ ngủ tiếp. Mê Hồn Nương, một trong các cung nữ chàng đã gặp lần trước, tiến đến gần, ngồi xuống mé trường kỉ, kính cẩn thưa:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, xin Người thứ lỗi cho em dám mạo phép nhắc rằng Người chớ nên ngủ lại nữa. Hãy cố gắng tỉnh giấc và ngồi lên, vì trời sắp rạng.

Nghe giọng nói ấy, Abu Hatxan đáp:

- Quỷ dữ hãy đi đi...

Rồi nhìn Mê Hồn Nương, chàng nói:

- Có phải cô vừa gọi ta là Đấng thống lĩnh các tín đồ đấy ư? Có lẽ cô nhầm ta với một người nào khác.

- Chính bề hạ em mới dám tâu bằng danh hiệu ấy, danh hiệu của đấng hoàng đế mà tất cả những ai theo đạo Hồi giáo trên thế giới này, mà em là một kẻ nô tì rất hèn mọn, chính Người là đấng em vừa được vinh dự tâu trình. Chắc Người muốn đùa, – nàng nói tiếp, giả vờ như không biết gì hết – trừ phi là do ấn tượng còn lại của một giấc mơ khó chịu. Nhưng nếu Người vui lòng mở mắt, thì sẽ hết ngại ngủ ngay, và Người sẽ thấy đang ngủ ở cung điện, chung quanh có các quan hầu và lũ nô tì chúng em sẵn sàng hầu hạ những công việc thường ngày. Mặt khác, xin Người chớ lấy làm ngạc nhiên sao lại tỉnh giấc ở phòng khách chứ không phải trong buồng ngủ. Tối hôm qua Người thiếp đi một cách đột ngột đến nỗi chúng em không muốn đánh thức Người dậy và rước Người về buồng, mà đành bằng lòng mời Người nghỉ trên chiếc trường kỉ này.

Mê Hồn Nương nói với Abu Hatxan nhiều chuyện khác nữa mà chàng thấy thật đến nỗi ngồi nhồm dậy. Chàng mở mắt và nhận ra nàng, cũng như nàng Bó Ngọc và bao nhiêu người đẹp khác mà chàng từng thấy mặt. Vừa lúc ấy, tất cả đều tiến đến gần, Mê Hồn Nương lại nói:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, vị đại diện Đấng tiên tri trên trần thế, xin Người cho phép chúng em mạo muội nhắc Người đến lúc cần dậy, trời đã

sáng kia rồi.

- Các cô là những kẻ quấy rầy đến khó chịu, – Abu Hatxan vừa dụi mắt vừa đáp – tôi không phải là Đấng thống lĩnh các tín đồ, tôi là Abu Hatxan, tôi biết chắc như vậy và các cô không thể nào làm cho tôi tin điều trái ngược đâu.

Mê Hồn Nương lại nói:

- Chúng em không biết anh chàng Abu Hatxan mà Người nói, chúng em không buồn biết đến hắn ta. Chúng em biết rõ Người là Đấng thống lĩnh các tín đồ. Người chẳng bao giờ có thể làm cho chúng em tin khác được.

Abu Hatxan đưa mắt nhìn xung quanh và gần như thú vị, đến ngần ngại khi thấy mình lại ở trong phòng khách, giống hệt nơi chàng đã có lần ở. Nhưng chàng vẫn cứ cho đây là một giấc mơ mà chàng từng có và vẫn còn sợ những hậu quả tai hại.

- Xin Thượng đế hãy rủ lòng thương xót con! – Chàng ngược mắt nhìn lên và thốt, lòng hoang mang không rõ mình đang ở chốn nào. – Con xin phó thác thân con vào vòng tay của Người! Với tất cả những gì con thấy đây, không nghi ngờ gì nữa, ma quỷ đã đột nhập vào buồng con và ám hại trí tưởng tượng của con bằng những hình ảnh này.

Nghe những lời nói vừa thốt ra đó, hoàng đế cười thỏa thích và phải cố giữ mới khỏi phá ra thành tiếng lớn.

Trong lúc ấy, Abu Hatxan đã lại nằm xuống và nhắm mắt trở lại. Mê Hồn Nương liền nói:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, theo bốn phận, chúng em đã tâu rằng trời đã sáng mà Người vẫn không dậy. Bởi vì Người phải xử lý việc triều chính quốc gia giao phó cho, vậy thì chúng em xin được sử dụng cách thức mà Người đã cho phép chúng em làm trong trường hợp thế này.

Vừa nói nàng vừa nắm lấy một cánh tay của chàng và gọi các cung nữ khác đến giúp, đưa chàng ra khỏi chỗ nằm. Các cung nữ gần như bế xốc chàng ra chính giữa phòng và đặt ngồi xuống đấy. Sau đó, họ nắm tay nhau nhảy múa chung quanh, trong khi tiếng trống, tiếng đàn cử lên vang trên đầu và hai bên tai.

Abu Hatxan thấy mình lâm vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan, không thể nào diễn tả được. “Phải chăng ta đúng là hoàng đế và thống lĩnh các tín đồ?” – Chàng tự hỏi. Cuối cùng trong tâm trạng phân vân ấy, chàng muốn nói một điều gì, nhưng tiếng nhạc át đi, không để ai nghe rõ. Chàng ra hiệu cho Bó Ngọc và Sao Mai đang nắm tay nhau múa quanh chàng, tỏ ý mình muốn nói. Lập tức hai cô ngừng điệu múa và khúc nhạc, và cùng tiến đến gần. Chàng hỏi họ khá ngây thơ:

- Các em đừng dối nhé, hãy nói thật đi, cho ta biết ta là ai?

Sao Mai đáp:

- Tàu Đấng thống lĩnh các tín đồ, Người muốn làm chúng em bất ngờ bằng câu hỏi đó, làm như chính Người không biết mình là Đấng thống lĩnh các tín đồ. Người là vị đại diện trên thế gian này của Đấng tiên tri, chúa tể cả thế giới này và thế giới bên kia, tức là cõi trần gian ta đang sống và nơi ta sẽ đến sau khi từ giã cõi đời. Nếu không phải như vậy, thì chắc hẳn một giấc mơ kì quái đã làm cho Người quên mất mình là ai. Chắc hẳn cũng có tác động của giấc mơ thật, bởi vì tối qua Người ngủ lâu hơn thường lệ. Tuy nhiên, nếu bệ hạ cho phép, em xin giúp Người nhớ lại những việc Người đã làm suốt ngày hôm qua.

Thế là nàng thuật lại cho chàng nghe từ đầu chí cuối chuyện chàng đi vào điện thiết triều, sai quan tư pháp trừng phạt giáo trưởng và bốn lão hội đồng, bảo tể tướng đích thân mang túi đựng nghìn đồng vàng cho mẹ một người mang tên là Abu Hatxan; cũng như những việc chàng làm trong cung, và những gì xảy ra khi chàng dùng bữa tối qua ba phòng khách, cho đến phòng thứ tư này. Nàng nói tiếp:

- Chính ở phòng khách này, sau khi cho chúng em được phép ngồi vào bàn hầu tiếp, được vinh dự ca hát và nâng rượu mời Người dùng. Người đã ngủ thiếp đi như chị Mê Hồn Nương vừa kể đó. Từ lúc ấy, khác với thói quen, Người đã ngủ một giấc thật say cho mãi tới khi trời sáng bạch. Chị Bó Ngọc, cũng như tất cả các nô tì và quan hầu có mặt ở đây có thể chứng thực điều đó. Vậy xin hoàng đế hãy chuẩn bị cầu kinh, kéo đến giờ rồi.

- Thôi thôi, – Abu Hatxan vừa nói vừa lắc đầu – các cô đến làm cho ta tin mất, nếu ta cứ nghe các cô dông dài. Còn ta thì ta nói các cô là những con diên, các cô đã mất hết trí nhớ cả rồi. Đó thật là điều rất đáng tiếc, bởi vì các cô đều xinh như mộng cả. Các cô nên biết rằng từ hôm trông thấy các cô, trở về nhà, ta đã hành hạ mẹ ta. Bà con đã tống ta vào nhà thương điên. Ta đã phải ở đấy suốt ba tuần lễ dù chẳng muốn tí nào, và ngày nào viên gác cổng cũng không quên cho ta một chậu năm chục roi gân bò. Thế mà các cô em lại cứ muốn cho rằng đấy là một giấc mộng ư? Các cô cứ giỡn hoài.

- Tàu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – Sao Mai lại nói – tất cả chúng em đều sẵn sàng thề rằng mọi điều Người vừa nói chỉ là một giấc mộng. Suốt ngày hôm qua Người có ra khỏi phòng khách này đâu; Người đã ngủ suốt đêm cho tới bây giờ.

Lời cô cung nữ quả quyết tất cả những điều cô ta nói là có thật, rằng chàng chưa ra khỏi phòng khách này từ khi vào đây. Một lần nữa chàng lại lâm vào tình trạng phân vân, không biết nên tin những điều đã xảy ra hay nên tin những điều đang nhìn thấy trước mắt. Chàng lặng người đi suy nghĩ một lúc:

“Trời đất ơi! – chàng tự hỏi – Ta là Abu Hatxan chẳng? Là Đấng thống lĩnh các tín đồ chẳng? Xin Thượng đế hãy soi sáng cho con, hãy cho con biết sự thật, con chẳng rõ nên tin đấng nào”.

Chàng trật vai mình ra, đưa cho các người đẹp xem những vết tím bầm và nói:

- Hãy nhìn đây, và hãy suy xét xem những vết sẹo này có thể tự đến trong cơn mơ hay trong giấc ngủ được chẳng? Về phần mình, tôi có thể quả quyết với các cô rằng nó có thật. Nỗi đau đớn mà lúc này đây tôi vẫn còn cảm thấy là một bảo đảm chắc chắn, không cho phép hoài nghi. Tuy nhiên, nếu những thứ này có thể tự đến trong lúc ngủ, thì thật là điều kì cục, lạ lùng nhất trần đời. Tôi quả quyết với các cô thật không thể nào hiểu nổi.

Trong tâm trạng nửa tin nửa ngờ, Abu Hatxan gọi một viên quan hầu đang đứng gần đến và bảo:

- Hãy lại gần đây, và hãy cắn vào tai ta, để ta xem thử ta đang ngủ hay đang thức.

Viên quan lại gần, cầm vành tai của chàng cắn một miếng thật đau đến nỗi Abu Hatxan thét lên khùng khiếp.

Nghe tiếng kêu ấy, tất cả các nhạc cụ cùng tấu lên một lúc, tất cả cung nữ và quan hầu cùng múa, cùng hát và cùng nhảy quanh Abu Hatxan, ồn ào đến nỗi gây nên tình trạng hưng phấn khiến chàng làm nghìn chuyện điên cuồng. Chàng cũng hát như mọi người, chàng xé rách chiếc áo hoàng bào đẹp đang mặc trên người, chàng ném xuống đất chiếc mũ đang đội trên đầu và mặc độc áo lót và quần cụt, chàng đột ngột đứng lên, sà vào giữa hai cung nữ, tay nắm tay hai cô, và bắt đầu múa, nhảy với những động tác uốn éo khôi hài, ngộ nghĩnh đến nỗi hoàng đế không còn có thể tự kiềm chế được nữa. Cái trò đùa của Abu Hatxan làm vua ngã người ra đằng sau mà cười sằng sặc, to đến nỗi át cả tiếng đàn tiếng trống. Vua cười như vậy rất lâu. Cuối cùng vua đứng dậy, kéo bức màn. Thế là vẫn cười sằng sặc vua thò đầu ra ngoài kêu lên:

- Abu Hatxan, Abu Hatxan! Người muốn làm cho ta chết cười hay sao đây?

Nghe tiếng hoàng đế, mọi người im bật, mọi tiếng động đều ngừng. Abu Hatxan cũng ngừng như mọi người và quay đầu nhìn về phía có tiếng người vừa thốt. Chàng nhận ra hoàng đế và đồng thời cũng nhận ra đó chính là nhà buôn thành phố Mút-xun. Không chút bối rối về chuyện đó, trái lại, chàng hiểu rõ lúc này đây mình đang thức, và tất cả những gì xảy đến với chàng đều rất thật, chứ không phải trong mơ. Chàng xoay chuyển thành chuyện đùa cho phù hợp với ý đồ của hoàng đế.

- Ha ha! – chàng thốt lên và bình tĩnh nhìn thẳng vào vua – Ra ngài đây, vị thương gia thành phố Mútxun! Thế nào, ngài phàn nàn rằng tôi làm cho ngài chết cười, trong khi chính vì ngài mà tôi đối xử tàn tệ với mẹ đẻ ra tôi, vì ngài mà người ta đối xử tàn tệ với tôi suốt cả một thời gian dài trong nhà thương điên. Ngài chính là người đã đối xử thật tàn tệ với vị giáo trưởng nhà thờ trong khu phố cùng bốn vị hội đồng hàng xóm của tôi; chuyện ấy không phải tại tôi, tôi không chịu trách nhiệm đâu nhé. Ngài là người đã gây ra cho tôi bao nỗi dằn vặt về tinh thần và bao cơn hoạn nạn! Tóm lại, có phải ngài là người gây nên mọi chuyện, còn tôi là nạn nhân không nào?

- Người có lí. – Hoàng đế vẫn cười mà đáp. – Nhưng để an ủi và bù đắp cho người mọi nỗi khổ đau mà người phải chịu, ta sẵn sàng, nói có Thượng đế chứng giám, sửa sai cho người; bằng cách nào, thì cho phép người được tự do lựa chọn.

Nói xong, vua bước ra khỏi buồng, đi vào phòng khách. Vua sai mang đến một trong những bộ quần áo đẹp nhất của mình và bảo cung nữ mặc cho Abu Hatxan. Xong đâu đấy, vua ôm hôn chàng và nói:

- Người là người anh em của ta, người thích điều gì hãy cứ xin, ta sẽ bằng lòng cho.

- Tàu Đấng thống lĩnh các tín đồ,- Abu Hatxan nói -xin bệ hạ cho biết Người đã làm thế nào để làm đảo lộn đầu óc tôi đến như vậy, và ý đồ của Người là gì. Đối với tôi lúc này đó là điều quan trọng hơn tất cả, để cho đầu óc tôi được trở lại bình thường.

Hoàng đế sẵn lòng thỏa mãn yêu cầu của Abu Hatxan.

- Trước hết, người phải biết rằng, – vua nói – ta thường cải trang vì hành luôn, đặc biệt là ban đêm, để tự tìm hiểu xem mọi việc trong thành phố Bátđà này có đầu vào đấy hay không. Và bởi vì ta cũng thích xem những gì xảy ra ở các vùng phụ cận, ta đã quyết định là hàng tháng, cứ vào ngày đầu tháng, ta sẽ đi một vòng quanh bên ngoài, khi đặng này, khi đặng kia, và bao giờ cũng trở vào thành phố qua cái cầu. Hôm người mời ta về ăn tối ở nhà người, chính là hôm ta vừa đi một vòng như vậy đó.

Trong khi trò chuyện, người cho ta biết điều mong ước duy nhất của người là được làm hoàng đế trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, để trị cho viên giáo trưởng nhà thờ và khu phố người cùng bốn lão hội đồng cố vấn của hắn trở lại thành người biết điều. Ta thấy nguyện vọng ấy có thể là một việc giải trí. Ý định đó khiến ta nghĩ ngay ra lập tức cách làm cho người thỏa mãn điều mong ước. Hôm ấy, ta mang sẵn trong mình thuốc mê, ai uống phải nó thì một thời gian khá lâu sau mới tỉnh lại được. Ta đã bỏ một liều thuốc vào chén rượu cuối cùng ta mời người uống, mà người không biết. Người thiếp đi ngay tức khắc, ta cho tên nô lệ vác người về cung; và khi ra

về, cố ý để ngỏ buồng người không đóng.

Chẳng cần phải nói cho người rõ những gì đã xảy ra cho người trong cung khi người vừa thức dậy và suốt ngày hôm đó. Buổi tối sau khi bọn cung nữ theo lệnh ta đãi đằng người thật hậu, một đứa lén bỏ một nhúm thuốc vào li đưa mời người, và người đã uống cạn. Người thiếp đi ngay tức khắc, ta lại sai vẫn tên nô lệ ấy đưa người trở về nhà, với lệnh cố tình bỏ ngỏ buồng người lúc quay ra. Người đã kể ta nghe những gì đã xảy ra cho người sáng hôm sau và những ngày tiếp đó.

Ta đã không dè người rồi sẽ phải đau khổ đến mức như người đã từng chịu thực sự. Nhưng, bởi ta đã giao ước với người rồi, ta sẽ làm đủ mọi việc để an ủi người, làm cho người quên đi mọi khổ ải. Vậy thì hãy xem ta có thể làm gì cho người vui lòng. Hãy mạnh dạn thỉnh cầu điều gì người mong muốn!

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – Abu Hatxan đáp – cho dù những đau khổ tôi phải trải qua có lớn đến đâu, kí ức tôi hoàn toàn không nhớ đến nữa, ngay từ lúc tôi được biết mọi sự xảy ra là do tôn ý của đấng quân vương và là chủ nhân^[85] của tôi. Còn về ân huệ mà Người hứa ban cho một cách hào hiệp, tôi hoàn toàn tin chắc không có gì làm thay đổi được lời hứa của Người. Tuy nhiên, tôi xưa nay vốn là người không tham lợi lộc, nay Người đã cho phép, chỉ xin Người một điều ân huệ là được thỉnh thoảng đến gần Người để có được niềm hạnh phúc được suốt đời chiêm ngưỡng ánh hào quang.

Lời nói của Abu Hatxan chứng tỏ mình không tham lợi lộc càng làm cho hoàng đế thêm quý chàng. Vua đáp:

- Ta hiểu cho người về điều thỉnh cầu ấy, ta chấp nhận. Cho phép người được vào trong cung lúc nào người muốn và được đến bất cứ nơi nào ta đang có mặt.

Cùng lúc, vua ban cho chàng một nơi ở trong hoàng cung, còn về khoản bổng lộc, vua nói sẽ không phải phiền đến các quan ngân khố, mà tự vua sẽ ban thưởng. Lập tức, vua sai viên quan trông nom kho tàng riêng của mình ban thưởng một trăm đồng vàng. Abu Hatxan trân trọng tạ ơn vua. Hoàng đế cũng từ giã chàng, đi thiết triều theo thường lệ.

Abu Hatxan nhân lúc đó về ngay nhà tin cho mẹ biết những việc vừa xảy ra, và cho bà hay vận may vừa đến với mình.

Chàng nói cho mẹ chàng biết tất cả những gì đã xảy ra không phải là trong mộng; rằng từng là hoàng đế thật và đã làm chức phận ấy suốt một ngày liền, cũng như từng nhận đủ mọi nghi thức đối với nhà vua. Bà không nên hoài nghi những điều chàng vừa nói, bởi vì nó được xác nhận bởi chính miệng

hoàng đế mà. Câu chuyện của Abu Hatxan chẳng bao lâu truyền bá rộng rãi khắp kinh thành Bátđã, nó còn lan tới các tỉnh lân cận, và từ đây truyền đi những vùng xa xôi hơn, với đầy đủ mọi chi tiết đặc biệt và ngộ nghĩnh của nó.

Đặc ân mới khiến Abu Hatxan đến châu vua cực kì cần mẫn. Bản tính vốn tươi tỉnh, đến đâu chàng liền mang niềm vui đến đó nhờ những câu nói hóm hỉnh và những chuyện cười cợt. Hoàng đế hầu như không thể thiếu chàng, không có trò giải trí nào vua bày ra mà không gọi chàng tới. Đôi khi vua dẫn chàng tới cả cung của hoàng hậu Zôbêít, mà vua đã kể cho nghe câu chuyện về chàng khiến cho hoàng hậu rất thích thú. Zôbêít thường thức chàng ít thôi, nhưng bà nhận xét rằng, cứ mỗi lần hoàng đế đưa chàng đến, chàng không rời mắt khỏi một nữ tì của bà tên là Nuzatun Aouađat^[86]. Bà quyết định nói cho hoàng đế rõ. Một hôm, bà thưa với vua:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, chắc hẳn Người không chú ý như em rằng lần nào Abu Hatxan theo hầu Người đến đây, nó đều không rời mắt khỏi Nuzatun Aouađat, và cứ làm cho con bé thẹn đỏ mặt lên. Không nghi ngờ gì nữa, đó là dấu hiệu chứng tỏ nó không ghét anh chàng. Bởi vậy nếu Người bằng lòng, chúng ta sẽ cho hai đứa nên đôi nên lứa.

Vua đáp:

- Hoàng hậu làm cho ta sực nhớ một việc đáng lẽ phải làm từ lâu. Ta biết rõ ý của Abu Hatxan về hôn nhân, do chính miệng cậu ta nói, và ta đã hứa sẽ cho cậu ta một cô vợ không chê vào đâu được. Ta rất vui lòng, hậu nói với ta về chuyện ấy, không hiểu làm sao mà ta lại quên khuấy đi mất. Nhưng cũng là dịp tốt để cho Abu Hatxan hành động theo sở thích bằng cách tự mình lựa chọn người yêu. Hơn nữa, con bé Nuzatun Aouađat cũng có vẻ quyến luyến anh chàng. Vậy chúng ta chớ có do dự gì nữa về đám hôn nhân. Cả hai đứa đang có mặt kia. Hỏi xem cô, cậu có thỏa thuận kết hôn với nhau thì hãy nói lên.

Abu Hatxan phủ phục dưới chân hoàng đế và hoàng hậu, tỏ lòng vô cùng cảm kích. Đứng dậy, chàng tâu:

- Tôi không thể tìm một người vợ nào xứng đáng hơn người hoàng đế và hoàng hậu ban cho. Nhưng tôi không dám hi vọng Nuzatun Aouađat cũng có lòng thương yêu tôi như tôi thương yêu nàng vậy.

Dứt lời chàng nhìn cô nô tì của hoàng hậu. Cô nàng đỏ mặt lên và kính cẩn không hề lời. Thái độ đó đủ chứng tỏ cô hoàn toàn sẵn sàng tuân theo ý muốn của hoàng đế và của Zôbêít, chủ nhân của mình.

Thế là đám ấy thành. Lễ cưới được tổ chức trong hoàng cung với nhiều

hội hè vui chơi kéo dài nhiều ngày. Để làm vui lòng hoàng đế, Zôbêít ban cho nô tì của mình nhiều tặng vật. Hoàng đế do trân trọng hoàng hậu, cũng làm như vậy đối với Abu Hatxan.

Cô dâu được rước về căn nhà hoàng đế đã ban cho Abu Hatxan từ trước, ở đây vị hôn phu đang sốt ruột chờ đợi. Lễ đón dâu cử hành trong tiếng đàn tiếng hát vang lừng của tất cả các nhạc công và ca sĩ ở cung đình đến góp vui.

Lễ lạc và vui chơi kéo dài nhiều ngày như thường lệ các dịp cưới xin, sau đó người ta để cho đôi vợ chồng mới cưới hưởng hạnh phúc trong yên tĩnh.

Hai vợ chồng mới say nhau như điên đảo. Họ sống hòa thuận đến mức ngoài những giờ chàng đi châu hoàng đế và nàng đi hầu hoàng hậu, còn không bao giờ họ rời nhau nửa bước. Quả là Nuzatun Aouadat có đủ những phẩm cách của một người đàn bà khả dĩ đem lại tình yêu và quyến luyến cho Abu Hatxan. Nàng đáp ứng yêu cầu mà chàng đã có lần nói với hoàng đế, tức là có khả năng nàng tiếp chuyện trong bữa ăn. Nhờ vậy, họ sống với nhau rất thú vị. Bàn ăn của họ lúc nào cũng được dọn sẵn sàng; bữa nào cũng toàn cao lương mỹ vị, do một nhà hàng được đặt nấu và mang tới. Tủ rượu lúc nào cũng xếp đầy rượu ngon, và được đặt sao cho vừa tầm tay của đôi vợ chồng lúc đang ngồi ở bàn tiệc. Ở đây, hàng ngày họ ngồi đối diện, trò chuyện thỏa thuê, thỉnh thoảng lại cất lên những chuỗi cười sảng khoái. Bữa cơm chiều đặc biệt vui. Họ chỉ dùng toàn những quả ngon, bánh ngọt và mứt hạnh nhân. Cứ uống một tuần rượu họ lại mời nhau hát những bài hát mới, phần nhiều được sáng tác ngẫu hứng do câu chuyện họ đang đàm đạo gợi nên. Đôi khi lời ca lại được đệm bằng đàn tì bà hoặc một nhạc cụ khác, mà vợ cũng như chồng đều biết sử dụng.

Abu Hatxan và Nuzatun Aouadat chè chén, vui chơi suốt một thời gian dài như vậy. Họ chẳng bao giờ lo lắng về việc tiêu pha. Nhà hàng đã ứng trước mọi khoản chi phí. Đến lúc thanh toán, họ trình với hai người một bản kê những khoản đã ứng. Số tiền thật lớn. Thêm vào đó, những món chi tiêu để may quần áo cưới toàn bằng vải lụa đắt tiền cho cả chú rể và cô dâu, cộng với ngọc ngà trang sức toàn loại quý báu cho nàng. Tính gộp tất cả các khoản, số tiền lớn đến mức hai vợ chồng chột nhận ra, tiếc là đã muộn, rằng tất cả tiền bạc mà hoàng đế và hoàng hậu ban thưởng cho nhân dịp lễ thành hôn của họ, chỉ vừa đủ để trang trải. Điều đó làm họ suy nghĩ rất lung về những việc đã xảy ra, nhưng cũng chẳng ích gì cho mối lo hiện tại!

Abu Hatxan nêu ra ý kiến là nên trả đủ cho nhà hàng, vợ chàng cũng đồng ý. Thế là họ gọi người chủ đến, trả sòng phẳng món nợ, và không để lộ những khó khăn sẽ xảy đến cho họ khi trang trải khoản này. Nhà hàng rất bằng lòng được trả những đồng tiền vàng mới toanh, còn sắc cạnh, cả hoàng

cung cũng chả tìm đâu thấy những đồng tiền đẹp thế này. Abu Hatxan và Nazatun Aouadat gần như vét tới những đồng cuối cùng của mình. Sau đó họ cùng ngồi im rất lâu, mắt nhìn xuống, bối rối vì mới sống chung với nhau có một năm mà đã ra nông nổi này.

Abu Hatxan còn nhớ rõ, khi nhận chàng vào cung, hoàng đế có hứa sẽ không để cho chàng thiếu thốn tí gì. Nhưng chàng tự thấy mình tiêu xài quá hoang phí số tiền hoàng đế đã ban cho rộng rãi, ngoài chuyện bản tính không quen xin xỏ, chàng còn không muốn tự mình chuốc lấy hổ thẹn khi phải trình với hoàng đế cách tiêu pha xả láng và nhu cầu về tiền nong hiện nay của mình. Mặt khác, khi được hoàng đế cho vào ở trong nội phủ, chàng đã để lại cho mẹ toàn bộ gia tài, bây giờ chàng không muốn về xin mẹ. Làm như vậy có khác nào thú nhận mình đã trở lại cuộc sống phóng đãng giống như đạo phụ thân chàng vừa mới qua đời.

Về phần mình, Nuzatun Aouadat nghĩ rằng việc hoàng hậu cho phép nàng kết hôn cũng như ban thưởng cho trọng hậu nhân dịp cưới đã là một phần thưởng quá đủ cho công sức hầu hạ cũng như sự quyến luyến của nàng rồi, cho nên tự thấy không có quyền hỏi xin nhiều hơn nữa.

Cuối cùng Abu Hatxan phá tan sự yên lặng. Nhìn Nuzatun Aouadat một cách rạng rỡ, chàng nói:

- Tôi thấy nàng cũng đang bối rối chẳng khác gì tôi. Chắc nàng cũng đang nghĩ xem có cách gì giúp chúng ta thoát khỏi cảnh ngộ đáng giận hiện nay, khi bỗng chốc bị hụt tiền tiêu mà không dự kiến trước. Tôi không rõ nàng nghĩ thế nào, chứ về phần tôi dù có gì xảy ra chẳng nữa, ý tôi là chúng ta không nên giảm bớt các khoản chi tiêu hàng ngày. Tôi nghĩ chắc nàng không phản đối điều đó. Mấu chốt là phải nghĩ cách kiếm ra tiền mà không phải hạ mình đi xin xỏ; tôi sẽ cầu hoàng đế và nàng thì xin bà Zôbêít. Tôi đã nghĩ ra rồi, nhưng muốn như vậy chúng ta phải giúp đỡ lẫn nhau.

Lời Abu Hatxan rất lọt tai vợ, đưa lại cho nàng ít nhiều hi vọng. Nàng đáp:

- Em cũng đang băn khoăn không kém chàng về chuyện ấy, sở dĩ em chưa nói ra vì chưa nghĩ được phương sách nào đó thôi. Xin thú thật, lời thoát chàng vừa cho biết làm em vui thú vô cùng. Nhưng, như chàng vừa nói, nếu chàng đã tìm ra phương kế và cần sự hỗ trợ của em, thì xin cứ cho biết, em xin cố gắng hết sức mình.

- Tôi vẫn tin là nàng sẽ tham gia vụ này, nó quan hệ tới nàng không kém gì tôi. Đây là cách tôi vừa nghĩ ra để có tiền tiêu trong lúc quần bách, ít nhất là một thời gian. Ấy là một trò nhỏ nhỏ chúng ta dùng để đánh lừa. Tôi lừa hoàng đế, còn nàng lừa hoàng hậu. Tôi tin nó sẽ giải trí các vị và chắc chắn mang lại lợi lộc cho chúng ta. Xin nói ngay trò đùa mà tôi vừa nghĩ ra: ấy là

cả nàng lẫn tôi, chúng ta giả vờ chết.

- Chúng ta đều chết cả hai ư? – Nuzatun Aouadat ngắt lời. – Em chịu thôi, chàng hãy chết đi một mình, nếu chàng thích; còn em, em chưa chán sống. Xin chàng miễn thứ cho em, em chưa có ý định chết sớm như vậy. Nếu không nghĩ ra cách nào khác ngoài cách vừa nói với em, thì xin chàng hãy thực hiện lấy một mình, còn em, xin quả quyết là em chẳng dính vào.

- Nàng thật là đàn bà, – Abu Hatxan nói tiếp – tôi muốn nói là nàng nhanh nhẩu quá, không để cho tôi kịp trình bày. Xin nàng hãy kiên nhẫn nghe tôi một chốc, sau đấy chắc là nàng cũng thích chết cùng kiểu như tôi chết vậy. Chắc nàng đã hiểu, tôi không nói chuyện chết thật, mà chết giả vờ.

- A, thế thì được, – Nazutun Aouadat lại ngắt lời chồng – gì chứ chết giả vờ thì em sẵn sàng chết theo chàng, chàng có thể tin tưởng ở em, chàng sẽ thấy em rất hăng hái theo gót chàng giả vờ từ giã cõi trần. Còn như chết thật sự, thì em nói thật, em cực kì ngại.

- Nếu vậy nàng sẽ được hài lòng. – Abu Hatxan nói tiếp – Thế này nhé: để thành công trong cái trò đùa tôi vừa nghĩ ra ấy, tôi sẽ giả chết. Ngay lập tức, nàng hãy lấy tấm vải khâm liệm tôi, làm y như tôi chết thực vậy. Nàng sẽ đặt tôi vào chính giữa nhà như tục lệ, khăn đội đầu đắp lên mặt và chân quay về hướng thành La Méchcơ, như sẵn sàng để người ta mang đi mai táng. Làm xong việc ấy đâu vào đấy, nàng sẽ kêu gào khóc lóc như có người chết thật, rồi xé áo bút tóc hoặc là giả vờ làm như vậy – nàng vừa xoa tóc vừa khóc mà tới gặp hoàng hậu. Bà sẽ muốn biết tại sao nàng khóc. Sau khi nàng vừa nức nở vừa bẩm báo với bà, chắc hẳn hoàng hậu sẽ thương hại và cho nàng một món tiền để giúp vào việc làm ma, cùng một tấm gấm để khâm liệm tôi và để may cho nàng một chiếc áo mới thay chiếc áo vừa bị xé rách. Chừng nào mang món tiền và tấm gấm ấy về nhà, tôi sẽ dậy. Nàng sẽ nằm vào chính giữa nhà thế chỗ tôi. Nàng sẽ làm giả người chết, còn tôi sau khi khâm liệm cho nàng xong, tôi chạy đến chỗ hoàng đế sắm vai trò như nàng vừa sắm trước mặt hoàng hậu. Tôi xin quả quyết rằng vua sẽ hào phóng đối với tôi chẳng kém gì hoàng hậu đối với nàng đâu.

Nghe Abu Hatxan trình bày xong dự kiến của mình, Nuzatun Aouadat nói:

- Em tin rằng trò đùa sẽ khá vui. Chắc hẳn vua và hoàng hậu sẽ tán thưởng. Bây giờ phải làm sao diễn trò cho tốt. Những gì thuộc phần em, xin chàng hãy để mặc em lo, em sẽ sắm vai của mình hay như chàng sắm vai của chàng vậy, rất hăng hái, rất cẩn trọng, vì em thấy rõ mỗi lợi chúng ta sẽ có nhờ trò đùa này. Chớ để mất thời giờ. Trong khi em đi tìm vải liệm, mình hãy cởi áo ngoài ra, chỉ mặc đồ lót; em sẽ biết cách khâm liệm. Chả là trong thời gian hầu hạ bà Zôbêít, mỗi lần có một nô tì nào bạn bè của em qua đời, bà lại sai em lo việc tổng táng.

Abu Hatxan làm ngay điều vợ bảo. Chàng nằm ngửa trên tấm vải liệm trải trên thảm lót nền nhà, ở chính giữa buồng, duỗi chân, vòng tay lại để vợ gói ghém như thể sắp bỏ vào quan tài đưa đi chôn. Cô vợ quay chân chàng về hướng thánh địa La Méchơ, rồi lấy một tấm sa thật mịn phủ lên mặt, trước khi đặt chiếc khăn đội đầu lên, để cho chàng có thể thở bình thường, không bị ngạt. Sau đó, nàng tháo khăn đội đầu của mình, xoa tóc rối tung, và nước mắt lưng tròng giả vờ bút tóc bút tai, vả vào má, đầm vào ngực thùm thụp. Cùng nhiều hành động khác biểu lộ sự đón đau cùng cực.

Với bộ dạng đó, nàng ra khỏi nhà, đi qua một cái sân khá rộng, đến tư cung của hoàng hậu Zôbêít.

Nuzatun Aouadat kêu gào thảm thiết đến nỗi Zôbêít ngồi trong cung cũng nghe tiếng. Bà truyền cho mấy nữ tì đang ở cạnh, ra xem từ đâu có tiếng ấy. Họ vén màn nhìn ra rồi trở lại bẩm, ấy chính là nàng Nuzatun Aouadat đang đi tới, bộ dạng thảm thương. Hoàng hậu sốt ruột không rõ việc gì xảy đến, lập tức đứng dậy, ra đón tận cửa phòng đợi của mình.

Cô vợ sắm vai trò của mình một cách tuyệt kỹ. Vừa trông thấy bóng hoàng hậu đang đứng chờ sau cánh cửa hè mở của phòng đợi, nàng vừa tiến tới vừa than khóc to hơn, tay bút tóc, đầm ngực mạnh hơn, rồi phục xuống chân bà và tuôn rơi nước mắt như mưa. Zôbêít ngạc nhiên thấy cô nữ tì của mình có chuyện gì buồn phiền lạ lùng vậy, liền hỏi làm sao thế, có việc gì không may vừa xảy đến chẳng.

Cô nữ tì giả vờ buồn khổ không trả lời mà còn nức nở hồi lâu, làm như thể cố lắm mới nén được đau thương, cuối cùng thốt lên những lời đứt đoạn vì nghẹn ngào:

- Hỡi ôi! Tâu hoàng hậu, chủ nhân tôn kính của em! Còn có tai họa nào to lớn và tang thương hơn con bất hạnh của em lúc này đây, khi em đến phủ phục dưới chân bà. Cầu mong Thượng đế phù hộ cho bà sống lâu muôn tuổi, sức khỏe dồi dào và thánhtáng năm năm lúc nào cũng hạnh phúc! Tâu bà, Abu Hatxan, chàng Abu Hatxan mà bà đoái thương, mà bà cùng Đấng thống lĩnh các tín đồ cho em được lấy làm chồng, không còn nữa.

Nói xong câu cuối, Nuzatun Aouadat càng khóc to hơn, tuôn nhiều nước mắt hơn và phục xuống dưới chân bà lần nữa. Hoàng hậu rất đổi ngạc nhiên trước tin ấy.

Bà kêu lên:

- Abu Hatxan chết rồi ư? Con người khỏe mạnh, khả ái và vui nhộn đến vậy! Thật ta không chờ nghe tin, một người như anh ta mất sớm đến vậy, một người hứa hẹn cuộc sống trường thọ, và xứng đáng được trường thọ lắm.

Bà cũng không tránh được tuôn nước mắt thương xót cho chàng. Những nàng hầu đang đi theo bà, cũng từng được nhiều phen thưởng thức lời pha trò vua nhện của Abu Hatxan trong những dịp chàng được phép tham dự các cuộc trò chuyện thân tình giữa vua và hoàng hậu, cũng sa nước mắt thương tiếc cho chàng.

Hoàng hậu Zôbêít, các người hầu cùng Nuzatun Aouadat đứng như vậy hồi lâu, khăn tay đầm nước mắt, than vãn cho cái chết giả vờ. Cuối cùng, hoàng hậu phá tan sự yên lặng. Bà bảo cô vợ góa giả:

- Con ác phụ này! Tại mày gây nên cái chết cho nó chứ gì? Tính khí đáng ghét của mày gây cho chồng mày quá nhiều phiền não, khiến nó không sống nổi chứ gì?

Nuzatun Aouadat tỏ vẻ rất buồn rầu vì lời trách của hoàng hậu.

Nàng kêu lên:

- Ôi tâu bà, sau cả thời gian có diễm phúc được hầu hạ bà, em chưa bao giờ biểu lộ điều gì khiến bà trách mắng về đức hạnh đối với người chồng mà em thương yêu đến thế. Nếu bà nghĩ như vậy thì quả em là người đàn bà đau khổ nhất trần gian. Em quý Abu Hatxan như một người đàn bà có thể quý người chồng yêu thương tha thiết. Em còn có thể thừa với bà không chút huênh hoang rằng em chiều chuộng hết mức, và chàng cũng yêu thương em không kém. Em tin chắc giá chàng còn sống, chàng đã hoàn toàn chứng thực điều đó cho em trước lệnh bà. Nhưng tâu bà, – nàng lại tuôn nhiều nước mắt hơn – số chàng là như thế và chỉ có số phận là căn nguyên duy nhất khiến chàng qua đời mà thôi.

Thật ra, hoàng hậu Zôbêít vẫn nhận thấy ở nữ tì của mình tính tình lúc nào cũng điềm đạm, dịu dàng, nhu mì, và thường làm bất cứ việc gì cũng nhiệt tình, như thể đây là sở thích chứ không phải làm vì bổn phận. Bởi vậy, bà chẳng ngần ngại gì mà không tin lời nàng. Bà liền truyền cho người giữ kho báu riêng của mình lấy một túi đựng năm trăm đồng tiền vàng và một tấm gấm để ban cho.

Lát sau, người giữ kho lại cùng túi tiền và tấm gấm giao cho Nuzatun Aouadat theo lệnh bà.

Nhận vật tặng đáng giá, nàng quỳ xuống dưới chân hoàng hậu và cảm tạ bằng những lời lẽ kính cẩn, mà trong lòng thì rất thỏa mãn vì đã thành công to. Hoàng hậu bảo:

- Thôi, hãy trở về, dùng bức gấm này làm tấm vải phủ lên quan tài chồng, và dùng số tiền này làm ma cho trọng thể, xứng đáng với nó. Sau đó, hãy kìm chế nỗi đau buồn, ta sẽ trông nom đến em.

Vừa ra khỏi tầm mắt của Zôbêít, Nuzatun Aouadat đã hớn hờ lau khô

nước mắt và chạy vội về báo cho Abu Hatxan rõ về vai trò rất đạt của mình.

Bước vào nhà, trông thấy chồng vẫn nằm nguyên trong tư thế cũ, tức là được khâm liệm, ở chính giữa buồng, nàng cất tiếng cười ha hả và vừa cười vừa nói:

- Mời chàng dậy và xem kết quả em đánh lừa bà Zôbêít. Bây giờ thì ta không chết đói nữa.

Abu Hatxan lóp ngóp vùng dậy, và cũng như vợ rất vui mừng khi nhìn thấy túi tiền và tấm gấm. Khoái chí vì đánh lừa được hoàng hậu, Nuzatun Aouadat không kìm được niềm vui. Nàng vừa cười vừa nói với chồng:

- Chưa chán đâu, em muốn bây giờ đến lượt em giả làm người chết, để thử xem chàng có đủ tài khéo léo moi của hoàng đế nhiều bằng phần em vừa moi của hoàng hậu hay không.

- Thật đúng là tài đàn bà, – Abu Hatxan – thiên hạ quả là có lí do khi nói rằng bao giờ họ cũng khoe khoang tài giỏi hơn đàn ông, kì thực họ chẳng làm được gì nên hồn nếu không có lời khuyên bảo của cánh nam nhi. Tôi là người bày ra cái trò này, chẳng lẽ tôi lại không đánh lừa được hoàng đế bằng nàng hay sao! Nhưng chúng ta chớ nên để mất thời giờ vì những lời dông dài vô ích. Nàng hãy giả làm người chết như tôi. Rồi nàng sẽ thấy tôi có thành công bằng nàng hay không.

Abu Hatxan lấy vải cuộn vợ lại, đặt nằm vào chỗ của chàng lúc nãy, quay chân nàng về phía thành La Méchơ. Chàng ra khỏi nhà, áo quần xộc xệch, khăn đội đầu dùm dỏ, như người đang có chuyện buồn thực sự. Trong tình trạng ấy, chàng đến với hoàng đế, lúc bấy giờ đang bàn chuyện cơ mật với tể tướng Giafa cùng mấy vị đại thần tâm phúc.

Chàng đến trước điện, viên quan canh cổng biết chàng vẫn được phép tự do ra vào cung cấm, liền mở cổng. Chàng bước vào, một tay đưa khăn che mặt để giấu những giọt nước mắt giả, tay kia nắm ngực thùm thụp, miệng kêu như thể đang cơn đau đớn lắm.

Hoàng đế vốn quen nhìn Abu Hatxan với khuôn mặt luôn luôn tươi cười, làm cho người khác cũng vui lây, rất ngạc nhiên thấy anh chàng xuất hiện trong tình trạng âu sầu dường ấy. Vua ngừng việc cơ mật đang bàn với các quan, để hỏi chàng do đâu đau khổ vậy.

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – Abu Hatxan vừa giọt vắn giọt dài vừa đáp – không thể có tai họa nào đau đớn hơn tai họa đang áp xuống đầu tôi đây. cầu xin Thượng đế phù hộ Người sống lâu trên ngai vàng đầy vinh quang! Nuzatun Aouadat, mà Người đoái thương cho phép tôi được lấy làm vợ, tưởng để cùng nhau sống đến lúc đầu bạc răng long, hỡi ôi...

Thốt lên như vậy rồi, Abu Hatxan giả bộ mình quá ghen ngào, không tài nào nói nên lời nữa, và òa ra khóc.

Hoàng đế hiểu, chàng đến báo tin vợ đã mất. Nhà vua tỏ ra cực kì xúc động.

- Xin Thượng đế hãy rủ lòng thương xót cô bé ấy! Vua nói với giọng bồi hồi thương cảm. – Nó là một nô tì tốt, hoàng hậu và ta ban cho người, cốt để cho người thỏa lòng mong ước. Quả thật nó đáng được sống lâu hơn.

Nước mắt bất giác rung rung, vua buộc phải lấy khăn tay thấm.

Nỗi đau khổ của Abu Hatxan và những giọt nước mắt của hoàng đế làm cho tể tướng Giafa và các vị đại thần cũng mũi lòng. Họ đều khóc cho Nuzatun Aouadat chẳng may bạc phận, trong khi nàng năm giả chết ở nhà thì đang hết sức sốt ruột không rõ chồng có làm nên chuyện hay không. Hoàng đế cũng có cùng ý nghĩ về anh chồng như hoàng hậu về cô vợ. Vua cho rằng chính chàng gây nên cái chết của cô:

- Đồ khốn nạn! – Vua nói, giọng bất bình – Có phải tại mày đối xử quá tàn tệ cho nên vợ mày chết hay không? Hừ, ta còn lạ gì? Lẽ ra, ít nhất mày cũng phải nể mặt hoàng hậu, người thương yêu nó hơn tất cả mọi nô tì khác của bà, và đã chịu dứt nó ra ban cho mày lấy làm vợ. Ấy thế mà mày tỏ lòng biết ơn hoàng hậu như vậy đó!

Abu Hatxan giả vờ khóc thảm thiết hơn:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, làm sao bệ hạ lại có thể thoáng có ý nghĩ rằng Abu Hatxan này mà Người đã ban cho biết bao ân huệ, của cải cùng bao nhiêu vinh dự mà kẻ này không bao giờ dám mơ ước, lại có thể vong ân bội nghĩa đến thế ư? Tôi yêu nàng Nuzatun Aouadat hôn thê của tôi vì đội ơn hoàng đế và còn vì biết bao nhiêu phẩm giá tốt đẹp khác của nàng. Đó là

nguyên nhân khiến kẻ này luôn luôn quyến luyến, triu mến thương yêu. Nhưng, tâu hoàng đế, số phận nàng như vậy. Thượng đế không muốn cho tôi được hưởng dài lâu hơn nữa hạnh phúc mà chính bệ hạ và hoàng hậu đã ban cho.

Tóm lại, Abu Hatxan giả bộ đau thương và phiền não giỏi đến mức hoàng đế, vốn chưa bao giờ nghe có chuyện hai vợ chồng bất hòa, đâm tin lời chàng vừa nói, và cho là chàng thật sự chân thành. Tiện thể có viên quan coi kho tàng ở đây, vua sai y vào kho lấy cho Abu Hatxan một túi đựng năm trăm đồng tiền vàng cùng một tấm gấm. Abu Hatxan vội quỳ xuống dưới chân vua để biểu lộ lòng cảm kích, và tạ ơn về tặng phẩm. Hoàng đế bảo chàng:

- Người hãy đi theo quan coi kho. Tấm gấm dùng để phủ quan tài cho người quá cố, còn số tiền để làm ma chay cho xứng đáng với người vợ người. Ta mong đợi người biểu lộ tình yêu đối với vợ người qua tang lễ này.

Abu Hatxan lạy chào mà không đáp, rồi lui ra. Chàng đi theo viên quan coi ngân khố. Và khi đã cầm được trong tay túi tiền cùng tấm gấm, chàng trở về nhà, tự lấy làm bằng lòng về việc mau chóng nghĩ ra cách kiếm tiền để vượt qua cơn khó khăn.

Nuzatun Aouadat rất mệt vì phải nằm bó giò lâu, không để cho chồng kịp nói. Vừa nghe tiếng chàng mở cửa, nàng đã vội chạy ra đón:

- Thế nào, – nàng nói – hoàng đế có dễ bị đánh lừa như hoàng hậu hay không?

Abu Hatxan đưa khoe vợ túi tiền và tấm gấm và nói đùa:

- Nàng coi đây, tôi sắm vai chàng trai âu sầu vì cái chết vờ của một bà vợ khỏe mạnh, cũng chẳng kém chi nàng than khóc hờ một đức ông chồng khỏe như vâm.

Tuy nhiên, Abu Hatxan biết trò bịp hai lần của vợ chồng mình không khỏi đưa lại những hậu quả. Bởi vậy, chàng cố cho vợ rõ trước tất cả những gì mà chàng nghĩ là có thể xảy đến, để hai người cùng làm cho ăn ý với nhau. Chàng nói thêm:

- Chúng ta càng lừa cho hoàng đế và hoàng hậu thêm phân vân, thì cuối cùng các vị càng thích thú. Có thể do hài lòng về việc giải trí đó mà ban thưởng thêm cho chúng ta chăng.

Ý kiến sau cùng này có sức nặng khích lệ họ đưa câu chuyện giả vờ này đi xa hết mức.

Mặc dù còn nhiều việc phải giải quyết với hội đồng cơ mật, hoàng đế sốt ruột muốn đến ngay cung hoàng hậu để chia buồn về việc cung nữ của bà

vừa qua đời. Abu Hatxan vừa lui về được một chốc thì vua đứng dậy, hoãn phiên họp vào một ngày khác. Tể tướng và các đại thần liền cáo từ vua và lui về.

Các quan đi khỏi, hoàng đế bảo Mêrua, viên trưởng các hoạn nô trong cung, là người không bao giờ rời vua nửa bước, và lúc nào cũng có mặt ở tất cả các cuộc hội đồng:

- Hãy đi theo ta, cùng ta đến chia buồn với hoàng hậu về cái chết của Nuzatun Aouadat, nữ tì của bà!

Họ cùng đến tư cung của Zôbêít. Đến trước cung, vua mở hè cánh cửa và trông thấy hoàng hậu đang ngồi trên trường kỉ, vẻ rất buồn rầu, hai mắt còn đầm lệ.

Vua bước vào tiến đến cạnh Zôbêít và nói:

- Hậu à, khỏi phải nói ta chân thành chia sẻ nỗi phiền muộn của hậu, bởi vì hậu chẳng còn lạ gì ta cùng thông cảm những gì làm hậu buồn phiền, cũng như cùng vui những gì làm hậu thích thú. Nhưng chúng ta đều là người trần, Thượng đế cho sống thì được sống, Thượng đế không muốn cho sống nữa thì phải chết thôi. Nuzatun Aouadat, nô tì trung thành của hậu, quả là có nhiều phẩm cách xứng đáng được hậu tin yêu, và ta rất tán thưởng việc hậu đãi nó sau khi nó qua đời. Tuy nhiên, xin hậu nhớ cho rằng, dù có tiếc thương đến đâu nó cũng không thể sống lại được nữa. Bởi vậy, nếu hậu nghe lời ta và thương yêu ta, thì xin hậu hãy khuây khỏa, hãy bảo trọng tấm thân ngàn vàng vì đó là tất cả hạnh phúc của ta.

Nếu hoàng hậu rung cảm trước tình cảm mặn nồng của vua qua lời khuyên giải ấy, thì bà rất đỗi ngạc nhiên nghe vua nói là Nuzatun Aouadat chết, điều mà bà không chút chờ đợi. Tin ấy làm bà kinh ngạc đến lặng người đi một chốc, bởi vì nó hoàn toàn trái ngược với tin bà vừa biết. Cuối cùng trấn tĩnh lại, bà đáp, giọng hẫ hẫ còn ngạc nhiên:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, em rất xúc động trước tình cảm đầm thắm Người dành cho em. Nhưng xin cho phép em được tâu rằng em không hiểu tí gì về tin Người nói đến cái chết của con nô tì của em. Nó hoàn toàn khỏe mạnh mà. Xin Thượng đế che chở cho Người và cho em! Nếu Người đang thấy em buồn, chính là bởi cái chết của Abu Hatxan, chồng nó, người được hoàng đế sủng ái, mà em cũng mến như Người mến nó, và nhờ có Người giới thiệu, thỉnh thoảng nó cũng đến mua vui cho cả em. Nhưng, tâu hoàng đế, em lấy làm lạ sao sau nhiều lần Người nói với em là Người rất thích có Abu Hatxan bên cạnh, thế mà nó vừa chết, Người đã tỏ ra dửng dưng và lãng quên nhanh đến vậy? Em càng ngạc nhiên hơn nữa khi thấy Người lại cho con nô tì của em chết chứ không phải là chồng nó.

Hoàng đế hoàn toàn tin chắc mình biết rõ cái chết của nô tì, và có căn cứ để tin như vậy lắm bởi chính vua mắt thấy tai nghe, liền phá ra cười và nhún vai khi nghe hoàng hậu nói. Vua quay lại hỏi viên hoạn nô:

- Mêrua, người nghĩ sao về ý kiến của hoàng hậu? Có đúng là các bà đôi khi có những sự đăng trí lạ kì? Bởi vì, nói gọn lại, chính người cũng vừa được mắt thấy tai nghe như lời ta đó thôi.

Rồi quay lại hoàng hậu, vua nói tiếp:

- Xin bà thôi đừng khóc cho Abu Hatxan nữa, nó khỏe mạnh mà. Xin hãy thương khóc con nô tì thân thiết của hậu vừa lúc này đây, chồng nó vừa đến cung ta, khóc lóc sầu não trông đến thương hại, báo cho ta biết vợ nó đã qua đời. Ta đã sai cho nó năm trăm đồng vàng và một tấm gấm để an ủi và giúp nó làm ma cho vợ. Lão Mêrua kia đã chứng kiến tất cả, y có thể tâu với hậu đúng hệt như lời ta nói.

Hoàng hậu không tin vua nói chuyện nghiêm trang mà cho là vua muốn trêu mình. Bà đáp:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, cho dù Người thích đùa cợt, em vẫn tâu với Người bây giờ không phải là lúc làm như vậy! Điều em vừa thưa là cực kì nghiêm chỉnh. Không có chuyện con nô tì của em mất, mà là Abu Hatxan, chồng nó, mà em đang thương hại, và em nghĩ Người cũng thương hại nó như em.

- Còn ta, thưa bà, – hoàng đế lại nói, giọng cực kì nghiêm trang – ta hoàn toàn không đùa cợt mà nói: bà nhầm rồi. Chính Nuzatun Aouadat mới chết, còn Abu Hatxan thì còn sống và rất khỏe mạnh.

Câu nói khô khan của hoàng đế chạm lòng tự ái của Zôbêít. Bà nghiêm giọng đáp:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, cầu xin Thượng đế chớ để bề hạ nhầm lẫn lâu như vậy! Bề hạ làm em nghĩ rằng, ngọc thể đang không được bình thường. Xin cho phép em được lặp lại một lần nữa rằng chính Abu Hatxan mới chết, còn Nuzatun Aouadat nô tì của em thì đang khỏe mạnh. Nó vừa ra khỏi đây chưa được hơn một giờ đồng hồ. Nó đến đây sầu não, điệu bộ thảm thương đến mức làm em sa nước mắt, cho dù chưa kịp nghe nó vừa nức nở vừa thưa việc gì xảy ra khiến nó buồn phiền. Tất cả bọn hầu ở đây đều cùng sa nước mắt như em, chúng nó có thể quả quyết và chứng thực với Người chuyện đó. Chúng nó cũng có thể tâu Người rằng em vừa ban cho con bé năm trăm đồng tiền vàng cùng một tấm gấm. Nỗi đau khổ mà Người nhận thấy ở mặt em khi Người vào đây là do cái chết của chồng nó cũng như do vẻ mặt thiếu não của nó gây nên. Em đang định đến chia buồn với Người, thì vừa lúc Người đến.

Nghe Zôbêit nói, hoàng đế phá ra cười ha hả:

- Thật đúng là một sự ngoan cố kì lạ, thừa bà. Còn tôi thì tôi xin nói – lấy lại nghiêm trang, vua tiếp – rằng chính Nuzatun Aouadat là người chết.

- Không, tâu hoàng đế, người chết chính là Abu Hatxan, – hoàng hậu cãi lại ngay lập tức, vẻ cũng không kém phần trang nghiêm – Người không thể làm cho em nhầm lẫn được đâu.

Hoàng đế nổi nóng. Vua ngồi xuống trường kỉ khá xa hoàng hậu, và bảo Mêrua:

- Người hãy đi xem thử ai là người mới chết, rồi về trình ta rõ ngay tức khắc. Mặc dù ta cảm chắc Nuzatun Aouadat vừa chết, ta thà dùng cách này hơn là cứ phân vân mãi về một điều ta đã hoàn toàn nắm vững.

Hoàng đế vừa dứt lời, Mêrua đã ra đi. Vua quay lại nói tiếp với Zôbêit:

- Lát nữa sẽ thấy, bà và tôi ai có lí.

- Em thì em tin rằng lẽ phải thuộc về em, rồi tự Người sẽ thấy chính Abu Hatxan mới là người chết, đúng như lời em nói.

- Còn ta, ta quả quyết người mới chết là Nuzatun Aouadat, đến mức đánh cược với hậu bất cứ thứ gì hậu muốn, rằng con bé ấy không còn nữa, còn Abu Hatxan vẫn khỏe mạnh.

- Xin Người đừng tưởng nói vậy thì em tin, em nhận lời đánh cược. – Hậu cãi lại – Em chắc chắn về cái chết của Abu Hatxan đến mức em có thể đặt cược thứ gì quý báu nhất mà Người muốn, đổi lấy bất cứ vật gì ít giá trị nhất cũng được. Người đã biết rõ em có những gì và em thích thứ gì hơn cả, vậy xin tùy Người cứ chọn đi và đề nghị. Em sẽ chấp nhận, cho dù kết quả đối với em thế nào chăng nữa.

Hoàng đế nghe vậy liền nói:

- Đã thế thì ta cược Vườn Ngự uyển của ta đổi lấy Cung Hội họa của bà, hai thứ cùng giá trị ngang nhau.

Zôbêit đáp:

- Cái chính không phải ở chỗ cái Vườn Ngự uyển của hoàng đế quý hơn Cung của em hay không, chúng ta không bàn về chuyện ấy. Cái chính là Người đã lựa chọn thứ em thích hơn cả, đổi lấy một thứ mà Người thích, em chấp nhận. Thế là chúng ta đồng ý đánh cược nhé. Xin Thượng đế chứng giám, em chẳng dám nuốt lời! Hoàng đế cũng thế như vậy, và hai người cùng im lặng, chờ Mêrua trở về xem sao.

Trong khi hoàng đế cùng hoàng hậu sôi nổi cãi nhau về việc giữa Abu Hatxan và Nuzatun Aouadat ai mới đúng là người chết, thì Abu Hatxan đã dự kiến được thế nào vua và hoàng hậu cũng tranh cãi về việc đó cho nên rất

chú ý theo dõi xem điều gì sẽ xảy ra. Đang ngồi bàn bạc với vợ trong nhà, nhìn qua bức màn thấy Mêrua từ xa đi lại, chàng vội bảo vợ hãy mau mau giả làm người chết một lần nữa, như đã thỏa thuận, và chớ để mất thời giờ.

Quả nhiên, thời gian gấp rút, tất cả những gì Abu Hatxan có thể kịp làm, là bọc vợ lại, đặt nằm xuống rồi phủ tấm gấm hoàng đế vừa ban cho lên trên. Sau đó chàng mở cửa, và mặt mày sầu não, khăn tay bung mắt, đến ngồi ở phía đầu người quá cố giả vờ.

Vừa xong, thì Mêrua đã bước vào nhà. Cảnh tang tóc vừa nhìn thấy đã làm cho y vui ngậm, khi nghĩ đến điều hoàng đế giao phó. Vừa trông thấy y, Abu Hatxan đã bước ra kính cẩn hôn tay y, rồi thở dài náo nuột:

- Thưa ngài, ngài đến thăm giữa lúc tôi đang hết sức đau buồn chưa từng có vì cái tang nhà tôi, Nuzatun Aouadat, người mà ngài đã từng hạ cố ban thưởng cho nhiều lần.

Nghe nói, Mêrua xúc động, và cũng không cầm được vài giọt nước mắt tiếc thương người quá cố. Y khẽ kéo tấm gấm phủ để xem mặt người chết, và đặt lại ngay sau khi nhìn thoáng qua:

- Trên trời chỉ có một Thượng đế mà thôi. – Y thở dài nói – Tất cả chúng ta đều phải tuân phục ý muốn của Người; đã là người trần thì chúng ta ai chẳng có lúc trở về cõi bên kia. Nuzatun Aouadat em gái hiền của ta ơi, số phận cô ngắn ngủi quá. cầu xin Thượng đế thương xót vong hồn cô!

Y quay lại phía Abu Hatxan, đang òa ra khóc, và nói tiếp:

- Chẳng phải không có lí do khi người ta bảo rằng đàn bà có những lúc đãng trí không thể nào tha thứ được. Hoàng hậu Zôbêít chủ nhân của ta thông minh như vậy đấy, thế mà cũng lâm vào trường hợp này. Bà muốn quả quyết với hoàng đế rằng chính anh chứ không phải vợ anh vừa mất, và hoàng đế đã tìm đủ mọi cách và hết sức nghiêm trang làm cho bà tin điều ngược lại. Thế mà vẫn không sao thuyết phục được bà. Ngài còn đưa tôi ra làm nhân chứng để xác nhận sự thật này, bởi vì, như anh đã biết, tôi có mặt lúc anh đến báo tin buồn cho hoàng đế. Mặc dù vậy cũng chẳng có kết quả gì hơn. Hai vị đều khẳng khẳng những điều trái ngược có lẽ chẳng bao giờ đi đến kết thúc, nếu hoàng đế không nghĩ ra cách sai tôi tới thăm anh để hiểu rõ sự thật hơn nữa, và lấy đó thuyết phục hoàng hậu. Nhưng tôi vẫn lo không thành công. Vì đàn bà mỗi khi đã có định kiến về một việc gì thì dù ta có tìm phương sách nào đi nữa cũng không thể làm cho họ bớt cố chấp mà nhìn nhận lẽ phải.

- Cầu mong Thượng đế phù hộ Đấng thống lĩnh các tín đồ luôn luôn sáng suốt, anh minh! – Abu Hatxan lại nói, nước mắt vẫn rơi lã chã và giọng vẫn nghẹn ngào – Ngài đã thấy tận mắt sự tình, tôi đâu dám tâu sai với hoàng đế.

Lạy Trời, giá mà tôi có được cái may là không phải đến báo với Người một tin buồn rất đau xót đến như vậy! Than ôi! Làm sao có thể diễn tả nỗi sự tổn thất không có gì bù đắp được này của tôi?

- Quả đúng như vậy, – Mêrua nói – ta có thể bảo đảm với bạn rằng ta cảm thông sâu sắc nỗi buồn của bạn. Nhưng xin hãy kiềm chế, chớ có bi thương quá đỗi. Rất tiếc là ta phải từ giã bạn để tâu lại với hoàng đế, nhưng xin chớ đưa linh cữu đi trước khi ta trở lại, vì ta muốn tham dự lễ mai táng và cầu nguyện cho cô em gái của ta.

Mêrua ra về, Abu Hatxan tiễn đến cổng, còn tạ từ là mình không đáng được vinh dự quan trường hoạn nô đến dự lễ tang. Sợ Mêrua nhớ có quay lại báo thêm điều gì, chàng đứng nhìn theo một lúc cho đến khi y đi khá xa mới trở vào nhà, tháo cho vợ những thứ đang cuộn chặt người nàng.

- Ấy thế là thêm một màn kịch mới nữa nhưng ta tin rằng đây chưa phải là màn cuối cùng. Chắc hẳn hoàng hậu chẳng chịu nghe lời Mêrua tâu trình đâu. Ngược lại bà có quá nhiều lí do vững chắc để không tin lời y. Vậy chúng ta phải chờ một sự kiện mới nữa.

Trong khi chàng nói, Nuzatun Aouadat đã kịp mặc lại áo quần, hai vợ chồng lại đến ngồi trên ghế dài, cạnh bức màn, để quan sát việc gì sẽ xảy ra.

Trong lúc ấy Mêrua về đến cung hoàng hậu. Vừa bước vào y vừa vỗ tay cười, như thể một người đang có tin vui muốn báo. Đương nhiên hoàng đế đang sốt ruột. Vua muốn mau chóng làm sáng tỏ vụ này; hơn nữa còn bị chạm tự ái bởi lời thách thức của hoàng hậu. Vì vậy, vừa trông thấy Mêrua, vua đã quát:

- Tên nô lệ khốn khổ! Bây giờ có phải lúc cười đâu? Sao mày im thin thít thế! Hãy mạnh dạn nói đi. Ai chết, thằng chồng hay con vợ nào?

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – Mêrua vội lấy lại vẻ nghiêm trang và đáp – quả là Nuzatun Aouadat chết, còn Abu Hatxan thì vẫn âu sầu như lúc này khi nó đến tâu Người.

Không để cho Mêrua kịp nói tiếp, hoàng đế ngắt lời: “Tin hay quá”, và cất tiếng cười ha hả.

- Một lát trước đây, – vua nói – hoàng hậu, chủ nhân của ngươi, còn sở hữu Cung Hội họa, bây giờ nó đã trở thành sở hữu của ta rồi. Lúc ngươi đi, chúng ta đã đánh cược cái Cung ấy đổi lấy cái Vườn Ngự uyển của ta. Thế là ngươi mang đến cho ta một điều thú vị lớn, ta sẽ nhớ trọng thưởng ngươi. Nhưng thôi, gác việc ấy lại, hãy kể cho nghe chi tiết những gì ngươi trông thấy.

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – Mêrua kể – vừa đến nhà Abu Hatxan,

tôi vào luôn phòng hăn ta, bỏ ngỏ. Tôi thấy hăn ta đang rất sầu não và than khóc người vợ vừa mới qua đời. Hăn ngồi ở đằng đầu người quá cố, thi hài đặt chính giữa nhà, chân quay về hướng thánh địa La Méchơ, và trên phủ tấm gấm mà hồi nãy Người vừa ban cho hăn. Sau khi ngỏ lời chia buồn tôi đến gần, nhắc tấm gấm ở phía đằng đầu và nhận ra đúng là Nuzatun Aouadat. Mặt cô ta phù lên nom khác hăn. Tôi cố sức khuyên giải Abu Hatxan. Trước khi ra về, tôi có dặn hăn ta rằng tôi muốn tham dự lễ mai táng, xin hãy chờ, chớ có mang thi hài đi trước khi tôi quay trở lại. Tôi bệ hạ, đây là tất cả những gì tôi có thể tường trình về việc thi hành lệnh truyền của Người.

Mêrua dứt lời, hoàng đế cười thỏa thuê:

- Ta có đòi hỏi người làm gì hơn thế đâu. Ta rất hài lòng về sự chuẩn xác của người.

Rồi quay về phía hoàng hậu, vua nói:

- Nào, thưa bà, bà có gì nói thêm về một thực tế hiển nhiên như vậy không? Bà đã tin rằng Nuzatun Aouadat vẫn còn sống và Abu Hatxan thì đã chết, hay là vẫn không chịu thừa nhận rằng bà đã thua cuộc? Hoàng hậu Zôbêít hoàn toàn không tin Mêrua nói đúng sự thật. Bà nói:

- Bệ hạ nghĩ rằng em tin lời tên nô lệ kia ư? Nó là một đứa xác lão không hiểu nổi điều mình nói ra. Em không đui mù cũng chẳng ngớ ngẩn. Chính mắt em nhìn thấy Nuzatun Aouadat cực kì ảo não. Chính em hỏi chuyện nó, và nghe rõ chính miệng nó nói chồng nó vừa qua đời.

- Tôi hoàng hậu, – Mêrua nói – tôi xin lấy những gì là thiêng liêng nhất trong đời tôi mà thề rằng Nuzatun Aouadat đã chết và Abu Hatxan còn sống.

- Mày nói dối, tên nô lệ hèn hạ đáng khinh kia! – Zôbêít giận dữ quát – Lát nữa ta sẽ làm cho mày trơ mắt ếch ra.

Lập tức bà vỗ tay gọi, bọn người hầu đến ngay rất đông. Bà bảo:

- Chúng mày hãy vào tất cả đây, và nói ta nghe sự thật. Ai là người vừa đến nói chuyện với ta lúc nãy, một chốc trước khi Đấng thống lĩnh các tín đồ tới? Tất cả cung nhân đều đáp ấy là cô Nuzatun Aouadat tội nghiệp đang rầu rĩ. Bà lại hỏi người giữ kho tàng của mình:

- Còn cô, ta đã ra lệnh cho cô làm gì trước khi nó ra về?

- Thưa bà, theo lệnh của bà truyền, em đã lấy cho Nuzatun Aouadat một cái túi đựng năm trăm đồng tiền vàng cùng một tấm gấm, và chị ấy đã nhận đủ mang đi.

Thế là hoàng hậu quay lại nói với Mêrua, về cực kì phần nộ:

- Thế nào, tên khốn nạn, tên nô lệ lếu láo, mày nói sao khi nghe những lời

vừa rồi? Bây giờ mày cho rằng ta nên tin ai, ta nên nghe mày hay nên nghe lời cô giữ kho của ta, của các cung nữ khác và của bản thân ta nữa?

Mêrua không thiếu lí lẽ cãi lại hoàng hậu. Nhưng sợ còn làm bà nổi nóng thêm nữa, y đành đánh con bài nhin, im thin thít, mặc dù với những chứng cứ y có được, trong lòng y vẫn quả quyết chính Nuzatun Aouadat mới đúng là người chết.

Trong khi hoàng hậu dồn dập truy Mêrua, hoàng đế lắng nghe những chứng cứ hai bên cùng đưa ra, bên nào cũng cho mình là phải. Vua vẫn tin điều trái ngược với hoàng hậu, vì không những tự mình đã nói chuyện với Abu Hatxan, mà còn vì có thêm những bằng chứng Mêrua vừa mang lại. Vua cười thích thú khi thấy bà nổi nóng đến vậy với viên trưởng hoạn nô. Vua nói với Zôbêít:

- Bà ạ, tôi lặp lại một lần nữa câu nói không biết của ai, rằng phụ nữ thỉnh thoảng có những cơn đặng trí. Xin phép bà cho tôi nói chính bà đang chứng minh câu nói đó là đúng. Mêrua vừa từ nhà Abu Hatxan đến đây ngay tức thì, nó tâu với bà là tự mắt nó trông thấy Nuzatun Aouadat chết nằm ở giữa nhà, còn Abu Hatxan sống ngồi bên cạnh người quá cố. Thế mà bất chấp bằng chứng của nó, bằng chứng không thể nào bài bác một cách thỏa đáng, bà vẫn một mực không tin. Đó là điều tôi không thể nào hiểu nổi.

Zôbêít vẫn không chịu:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – bà nói – xin bệ hạ tha thứ cho nếu em tỏ ý nghi ngờ Người. Em thấy rõ Người hiệp đồng với Mêrua cố làm cho em buồn bực đến mức không thể kiên nhẫn được nữa. Em nhận ra lời Mêrua tâu Người vừa rồi là một lời tâu đã được bàn trước, xin phép bệ hạ cho phép em cũng được cử một người nào đó của em đến nhà Abu Hatxan xem có đúng là em nhầm hay không.

Được hoàng đế đồng ý, hoàng hậu cử bà vú nuôi của mình đi làm nhiệm vụ quan trọng đó. Đó là một người đàn bà cao tuổi, đã từng sống với Zôbêít từ ngày bà còn thơ ấu, vừa lúc ấy cũng đang có mặt trong phòng cùng các cung nữ khác. Zôbêít nói với bà:

- Vú già ơi, vú hãy đến nhà Abu Hatxan, hay đúng hơn là đến nhà Nuzatun Aouadat, bởi vì Abu Hatxan đã chết. Vú đã thấy rồi đó, cuộc tranh cãi giữa tôi với Đấng thống lĩnh các tín đồ và Mêrua. Chẳng cần phải nói với vú nhiều hơn nữa. Vú hãy vì tôi làm sáng tỏ mọi sự, nếu vú mang tin tốt về, thì sẽ có tặng thưởng cho vú. Vú hãy đi nhanh lên, và trở lại đây ngay tức khắc!

Bà vú già ra đi. Hoàng đế lòng rất vui, vì đang khoái chí thấy hoàng hậu lâm vào cảnh bối rối, nhưng Mêrua lại cực kì buồn rầu thấy hoàng hậu nổi

trận lôi đình đối với mình ghê như vậy. Y muốn tìm cách làm cho bà nguôi giận, và làm sao cho cả hoàng đế cùng hoàng hậu đều hài lòng. Bởi vậy, y rất mừng khi thấy hoàng hậu quyết định sai bà vú già đến nhà Abu Hatxan. Y hoàn toàn tin chắc là lời vú về trình sẽ ăn khớp với lời tâu của y, và qua đó mà thanh minh cho y, làm cho y vẫn được lòng của hoàng hậu.

Trong thời gian ấy, Abu Hatxan vẫn ngồi canh vợ sau bức màn. Vừa trông thấy bà vú nuôi từ xa, chàng biết ngay rằng đó là một sứ giả của Zôbêít. Chàng vội gọi vợ, và chẳng mấy may cần phải tính toán xem nên làm gì, chàng nói:

- Kia, bà vú già của hoàng hậu đang đến tìm hiểu sự thật kia, bây giờ đến lượt tôi giả chết một lần nữa.

Mọi việc đã sắp đặt sẵn. Nuzatun Aouadat mau chóng cuộn vải vào người Abu Hatxan, ném tấm gấm Zôbêít vừa cho đắp lên, rồi đặt chiếc khăn đội đầu lên mặt chồng. Bà vú già sốt sắng vì nhiệm vụ, rào bước khá gấp. Vào trong nhà, bà trông thấy Nuzatun Aouadat ngồi ở đằng đầu Abu Hatxan, tóc rối bù, nước mắt rùng rùng, miệng khóc than, còn tay thì vả vào má và đầm ngực thùm thụp.

Bà đến gần người vợ góa hờ và nói, vẻ mặt rất buồn bã:

- Cô Nuzatun Aouadat thân mến, không phải già này đến đây để quấy rầy cô đang lúc cô đau khổ hoặc ngăn cản cô chớ nên khóc thương người chồng mà cô từng thương yêu biết mấy.

- Ô mẹ hiền của con ơi, – người vợ góa giả thảm thiết ngắt lời bà – mẹ thấy đấy, hôm nay con khốn khổ và bất hạnh biết chừng nào vì anh Abu Hatxan thân yêu của con không còn nữa, anh Abu Hatxan mà hoàng hậu Zôbêít, chủ nhân yêu quý của con cũng như mẹ, đã cùng Đấng thống lĩnh các tín đồ cho con được lấy làm chồng. Ôi Abu Hatxan anh ơi! Em đã làm gì khiến anh nỡ bỏ em ra đi đột ngột vậy? Có phải em bao giờ cũng chiều chuộng, cũng làm theo ý muốn của anh hơn là ý em sao? Than ôi! Thân phận con Nuzatun Aouadat đáng thương này rồi sẽ ra sao?

Bà vú già cực kì ngạc nhiên khi nhìn thấy cảnh trái ngược với điều viên trưởng hoạn nô tâu cùng hoàng đế.

Bà đưa hai tay lên trời mà kêu:

- Thằng mọi đen Mêrua kia thật đáng cho trời đánh thánh vật, bởi đã gây nên sự bất hòa nghiêm trọng giữa bà chủ hiền từ của ta với Đấng thống lĩnh các tín đồ, bằng một sự dối trá quá quắt. Con ạ, – bà nói với Nuzatun Aouadat – già phải nói thật cho con biết sự độc ác và trí trá của tên Mêrua xấu xa ấy, hắn đã cả gan quả quyết một cách vô liêm sỉ với chủ nhân chúng ta, rằng con đã qua đời còn Abu Hatxan thì còn sống!

- Hỡi ôi, thừa mẹ hiền từ của con, – Nuzatun Aouadat vội thốt lên – giá mà Trời cho được như vậy! Thì con đã không phải đau khổ như mẹ thấy đây, con đã không phải thương khóc một người chồng xiết bao yêu quý.

Nói xong những lời ấy, nàng khóc như mưa, và càng cất cao giọng than vãn, càng tỏ vẻ sầu não hơn nữa. Bà vú già xúc động vì những giọt nước mắt của người vợ, đến ngồi cạnh cô, và cũng tuôn nước mắt. Bất giác bà xích lại gần đầu của Abu Hatxan, và nhắc chiếc khăn lên một tí để lộ mặt cho bà nhận xem ai:

- Ôi cậu Abu Hatxan đáng thương! – Bà vội đắp mặt người chết lại ngay – Già cầu xin Thượng đế thương xót vong linh cậu. Thôi từ biệt, con gái yêu của già, giá được phép ngồi đây với con lâu hơn nữa, thì già rất vui lòng, nhưng già không thể nấn ná, bổn phận của già mau mau trở về giải thoát cho nữ chủ nhân của chúng ta khỏi nỗi âu lo phiền muộn mà thằng mọi đen xấu xa này đã gây nên bằng một sự dối trá vô liêm sỉ. Ai lại như nó, dám quả quyết và thề thốt rằng con đã qua đời.

Bà vú già vừa ra khỏi và khép cửa lại, Nuzatun Aouadat tin chắc bà không quay trở lại vì mãi vội về gặp hoàng hậu, liền lau nước mắt, tháo gỡ cho chồng vài vóc cuộn quanh người, rồi cả hai lại đến ngồi vào chỗ cũ trên trường kỉ, sát bức màn, bình thản chờ đợi trò đùa này kết thúc, và để sẵn sàng xoay sở, nếu có việc gì rối rắm nữa sẽ xảy ra.

Trong khi đó, mặc dù cao tuổi, bà vú già quay trở lại còn rảo bước nhanh hơn cả lúc tới đây. Nỗi vui được báo cho hoàng hậu tin hay, cộng với niềm hi vọng được trọng thưởng thúc đẩy bà đi nhanh. Bước vào phòng hoàng hậu, miệng thở không ra hơi, bà thật thà kể lại với Zôbêít tất cả những gì vừa thấy.

Zôbêít nghe người vú già thuật chuyện với niềm thích thú không che giấu. Bà vừa dứt lời, hoàng hậu đã nói, giọng đặc thẳng:

- Vậy thì vú hãy thuật lại đầu đuôi câu chuyện với Đấng thống lĩnh các tín đồ. Người đang coi chúng ta như những kẻ mất trí khôn, và qua đó làm như thể chúng ta là những người không ngoan đạo, không có lòng kính sợ Thượng đế chút nào. Vú cũng nên để cho tên nô lệ độc ác kia nghe nữa, nó đã láo xược dám bảo vệ một điều không có thực, một điều ta nắm chắc hơn nó nhiều.

Mêrua đang chờ đợi chuyến đi và lời tâu của bà vú sẽ thuận lợi cho mình, y rất buồn phiền khi thấy kết quả ngược lại. Hơn nữa, lòng tự ái của y bị chạm vì cơn thịnh nộ của hoàng hậu về một sự kiện mà y tự cho là mình đã nắm chắc mười mươi. Bởi vậy, y cũng mừng sẽ có dịp đôi co với bà vú, còn hơn là cãi lại Zôbêít mà y không dám vì sợ tội phạm thượng, chẳng nể nang gì, y bảo bà vú:

- Mụ già sún răng kia, mụ là một con nói dối, sự thật hoàn toàn không phải như lời mụ nói. Chính mắt ta vừa trông thấy Nuzatun Aouadat chết nằm thẳng cẳng giữa nhà.

- Chính mày mới nói dối, một tên nói dối vô liêm sỉ! – Bà vú sỉ vả lại – Sao mày dám ăn không nói có, chính tao đây vừa ra khỏi nhà Abu Hatxan, tao vừa thấy nó nằm chết giữa nhà, và tao cũng tạm biệt vợ nó hoàn toàn mạnh khỏe!

- Ta không phải là người dối trá, chính mụ mới là kẻ hòng làm cho chúng ta nhảm lẫn.

- Trước mặt hoàng đế và hoàng hậu mà mày dám cãi lại ta như vậy thì thật là mặt dày mày dạn, ta đây, người vừa được tận mắt nhìn thấy sự thật và vừa tận trình.

- Vú già ạ, tốt hơn là mụ nên câm miệng; mụ lắm câm rồi.

Zôbêit không chịu nổi sự bất kính của Mêrua, trước mặt bà mà dám sỉ vả bà vú nuôi của bà không chút nể vì. Bởi vậy, không để cho bà vú kịp đối đáp lời nhục mạ cay chua ấy, bà nói với hoàng đế.

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, em xin Người trừng trị tên hỗn xược này, không những nó dám láo với em và cả với Người nữa đây.

Quá giận và bức, bà ghen lời không thể nói nhiều hơn.

Hoàng đế nghe hai bên đối chất, thấy cũng khó xử trí thật. Vua suy nghĩ lung mà chẳng hiểu sao về những sự trái ngược, về phần mình, hoàng hậu cũng như Mêrua, bà vú già và mọi cung nhân khác đang có mặt lúc ấy, đều im lặng, không biết nên tin thế nào câu chuyện này. Cuối cùng hoàng đế cất lời, nói với hoàng hậu:

- Hậu à, ta thấy chúng ta đều là những người nói dối, trước hết là ta, rồi cả mày, Mêrua, cả vú nữa, vú già ạ; ít ra thì cũng không ai đáng tin hơn ai. Như vậy, chỉ có cách là chúng ta cùng đứng dậy và cùng đi đến tận nơi xem thực hư thế nào. Ta không thấy có cách nào khác để làm sáng tỏ những điều ngờ vực, mà đỡ mệt óc hơn.

Vừa nói hoàng đế vừa đứng dậy, hoàng hậu theo sau, Mêrua vội vã bước lên trước mở cửa. Y nói:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, tôi rất vui mừng được Người quyết định như vậy, và tôi sẽ mừng vui hơn nữa khi được chỉ cho vú già thấy không phải bà ấy lắm lắm – bởi vì từ ngữ này không may làm cho nữ chủ nhân hiền từ của thần không hài lòng – mà điều vú ấy tâu với hoàng đế không đúng sự thật.

Bà vú già không chịu thua:

- Cầm đi, đồ mặt đen như quạ, ở đây ngoài mày ra, chẳng có ai lắm cầm!

Hoàng hậu bị xúc phạm một cách sâu sắc, không chịu để cho y trở lại công kích bà vú nuôi của mình. Bà bênh vú:

- Tên nô lệ độc ác kia, cho mày nói gì thì nói, ta vẫn cho là vú già của ta nói sự thật, còn mày, ta coi mày như một tên nói dối.

- Tâu bà, – Mêrua đáp – nếu vú già thật quả quyết là Nuzatun Aouadat sống còn Abu Hatxan chết, thì vú hãy đánh cược với tôi, chắc vú chẳng dám đâu.

Bà vú đối đáp ngay:

- Ta dám lắm chứ, nào đánh cược! Thử xem mày có dám rút lui lời thách thức hay không?

Mêrua không rút lui, thế là họ đánh cược trước mặt hoàng đế và hoàng hậu, ai thua thì mất một tấm gấm vàng thêu hoa bạc, và người được cược tùy ý chọn.

Ngôi nhà hoàng đế và hoàng hậu tuy có hơi xa, nhưng đối diện với nơi vợ chồng Abu Hatxan ở. Vừa trông thấy hai người, có Mêrua đi trước và theo sau là bà vú già cùng cả một đám cung nhân, chàng vội báo cho vợ, rằng không nghi ngờ gì nữa, họ sắp được vinh dự đón tiếp vua cùng hoàng hậu đến thăm. Mặc dù đã được chồng cho biết trước việc này có thể xảy ra, nàng vẫn kinh sợ:

- Làm thế nào bây giờ? Chết chúng ta mất thôi!

- Chẳng chết đâu, – Abu Hatxan đáp, mặt tỉnh khô, – nàng đừng sợ, nàng đã quên điều tôi dặn rồi chẳng? Chúng ta chỉ có việc giả chết, cả nàng và tôi, như đã thỏa thuận, rồi nàng sẽ thấy mọi việc đều tốt lành. Họ đi rùng rình như vậy, ta kịp sửa soạn xong đâu vào đấy họ mới đến nhà.

Quả vậy, hai vợ chồng Abu Hatxan lấy vải cuộn vào mình cho chỉnh chu, nằm dài ra giữa nhà, bên cạnh nhau, mỗi người đắp một tấm gấm, rồi ung dung chờ đợi đoàn khách đến thăm.

Cuối cùng đoàn khách trừ danh tới nơi. Mêrua mở cửa, hoàng đế và hoàng hậu bước vào, theo sau đủ cả bọn người hầu. Trông thấy cảnh tang tóc bày ra trước mắt, mọi người đều rất ngạc nhiên và cùng đứng im như phỗng, chẳng biết nói thế nào trước hiện tượng lạ lùng này. Cuối cùng Zôbêít cất lời. Bà nói với hoàng đế:

- Than ôi! Cả hai đều chết cả! – Bà nhìn hoàng đế cùng Mêrua và nói tiếp – Các người cứ khẳng khẳng cố làm cho tôi tin là con nô tì thân thiết của tôi chết, và thế là nó chết thật, chắc hẳn do quá thương tiếc chồng.

Hoàng đế đáp:

- Đúng hơn bà nên nói Nuzatun Aouadat chết trước, rồi đến lượt Abu Hatxan chết theo, vì đau khổ do vợ qua đời. Như vậy, chúng ta nhất trí rằng bà đã thua cuộc, và cái Cung Hội họa của bà thế là đã thuộc đứt về ta.

Hoàng hậu hăng tiết vì câu nói của vua. Bà đáp:

- Còn em, em nói rằng bộ hạ đã thua cuộc, và Vườn Ngự uyển của Người thuộc về em, Abu Hatxan chết trước, bởi vì bà vú nuôi em đã tâu với Người cũng như với em, rằng nhìn thấy cô vợ còn sống đang than khóc ông chồng chết mà.

Hoàng đế và hoàng hậu tranh cãi, kéo theo Mêrua cùng bà vú già. Hai người này cũng đánh cuộc và người nào cũng muốn cho là mình được. Cuộc tranh cãi hăng lên. Viên trưởng hoạn nô và bà vú già sắp đi đến to tiếng nhục mạ lẫn nhau.

Cuối cùng suy nghĩ về tất cả những gì đã xảy ra, hoàng đế ngẫm thấy rằng hoàng hậu không kém lí lẽ hơn mình, khi khẳng định bà được cuộc. Phiền lòng vì không tìm ra được sự thật trong chuyện này, vua tiến tới gần hai người chết và ngồi xuống đằng đầu, cô suy nghĩ phương sách cho mình thắng cuộc hoàng hậu.

Lát sau vua thốt lên:

- Nói thật, ta thế có trời đất chứng giám, là ta sẽ thưởng một nghìn đồng tiền vàng cho người nào nói được với ta, trong hai kẻ nằm kia, ai là người chết trước?

Hoàng đế chưa dứt lời, đã nghe bên dưới tấm gấm đắp xác Abu Hatxan, một giọng kêu to:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, chính tôi là kẻ chết trước, xin bộ hạ hãy cho tôi một nghìn đồng vàng!

Cùng lúc ấy, vua thấy Abu Hatxan lồm cồm dậy phủ phục dưới chân mình. Cô vợ cũng hắt tung vãi liệm, lại còn trùm tấm gấm vào người cho hợp lễ, mới đến quỳ dưới chân Zôbêít. Bà giật mình thét lên một tiếng, làm cho những người chung quanh cũng khiếp đảm. Qua cơn sợ hãi, hoàng hậu vui mừng khôn xiết thấy người nô tì thân mến của mình sống lại, đứng vào lúc bà đang tuyệt vọng nhìn thấy cô nằm chết. Bà thốt lên:

- Ôi ranh con này, mày làm ta khổ biết bao vì thương tiếc mày. Nhưng thôi, ta sẵn lòng tha thứ hết, bởi vì mày đã không chết thực.

Hoàng đế không lấy gì làm xúc động lắm. Nghe tiếng nói của Abu Hatxan, vua không những không sợ hãi mà ngược lại cố nén cười, khi thấy hai vợ chồng đang cố bứt vãi quần quanh người, và Abu Hatxan còn dám mở miệng đòi một cách rất trang nghiêm một nghìn đồng vàng mà vua vừa hứa

cho người nào nói được cho vua hay trong hai vợ chồng, ai là kẻ chết trước.

- Sao đấy, Abu Hatxan, – vua không nhịn được cười – ra mày mưu mô làm cho ta chết cười đấy ư? Do đâu mày nảy ra ý định làm cho hoàng hậu và ta kinh ngạc, đúng vào lúc chúng ta không chút phòng ngừa này?

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, xin trình bày ngay với bệ hạ không dám giấu giếm điều gì. Người đã biết xưa nay tính tôi vốn thích chén rượu ngon. Cô vợ Người ban cho không những không làm giảm bớt chút nào ở tôi sở thích ấy, ngược lại, còn có thiên hướng làm cho nó tăng thêm. Với nếp ấy, Người dễ thấy rõ, cho dù chúng tôi có một kho vàng to như núi rộng như biển, cộng với tất cả kho vàng của bệ hạ nữa, thì rồi cũng chẳng bao lâu mà xài hết. Ấy chính là điều đã xảy ra với chúng tôi.

Từ ngày chung sống, chúng tôi không hề nương tay khi tiêu pha vào việc chè chén số tiền Người ban cho. Sáng nay sau khi tính toán với nhà hàng ăn, chúng tôi thấy trả hết các khoản nợ, thì trong tay không còn một đồng nào. Thế là suy nghĩ về quá khứ, trong đầu óc chúng tôi nảy ra bao nhiêu ý định. Trong tương lai rồi ta phải làm ăn sao cho khá hơn. Chúng tôi đã phác ra cả ngàn dự tính rồi lại bác bỏ đi ngay. Cuối cùng, quá xấu hổ thấy lâm vào tình cảnh khốn đốn và không dám tâu thật với hoàng đế, chúng tôi liền nghĩ cách bày ra chuyện lừa bịp nhỏ này để giải trí hoàng đế và may ra xin được cái gì đỡ dần qua ngày. Cúi mong bệ hạ rộng lượng tha thứ cho.

Vua và hoàng hậu đều bằng lòng về thái độ chân thành của Abu Hatxan. Không ai bức mình về việc đã xảy ra. Ngược lại, Zôbêít vốn coi chuyện này rất nghiêm chỉnh, thì đến lượt bà giờ cũng không nhịn được cười, khi nghĩ lại tất cả những gì Abu Hatxan đã tưởng tượng nên. Hoàng đế vẫn chưa thôi cười vì thấy suy nghĩ của chàng ngộ nghĩnh quá. Vua đứng lên bảo hai vợ chồng:

- Cả hai người hãy theo ta; ta muốn thưởng cho hai vợ chồng một nghìn đồng vàng mà ta đã hứa, vì nổi vui được thấy cả hai không người nào chết.

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – Zôbêít nói – xin người hãy thưởng riêng Abu Hatxan thôi. Người chỉ nợ có mình nó. Còn về vợ nó, đó là việc của em.

Ngay lúc đó, bà sai người coi kho riêng của mình, cũng đang đi theo, lấy một nghìn đồng vàng cho Nuzatun Aouađat để biểu lộ niềm vua thấy nàng còn sống.

Bằng cách đó, Abu Hatxan và người vợ thân yêu của chàng là Nuzatun Aouađat giữ được lâu lòng sủng ái của hoàng đế Harun An-Rasít và hoàng hậu Zôbêít; hai vợ chồng được ban thưởng hào phóng đủ trang trải mọi nhu cầu cho đến hết đời.



NGHÌN LẺ MỘT ĐÊM



TẬP 3

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng. ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

276 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

ĐT: (08) 3 930 3447 - Fax: (08) 3 930 5867

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản : PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo : NGUYỄN HUY THẮNG

Biên tập : NGUYỄN SÔNG THAO

Trình bày : NGUYỄN KIM ĐIẾP

Chế bản: NGUYỄN THANH SƠN

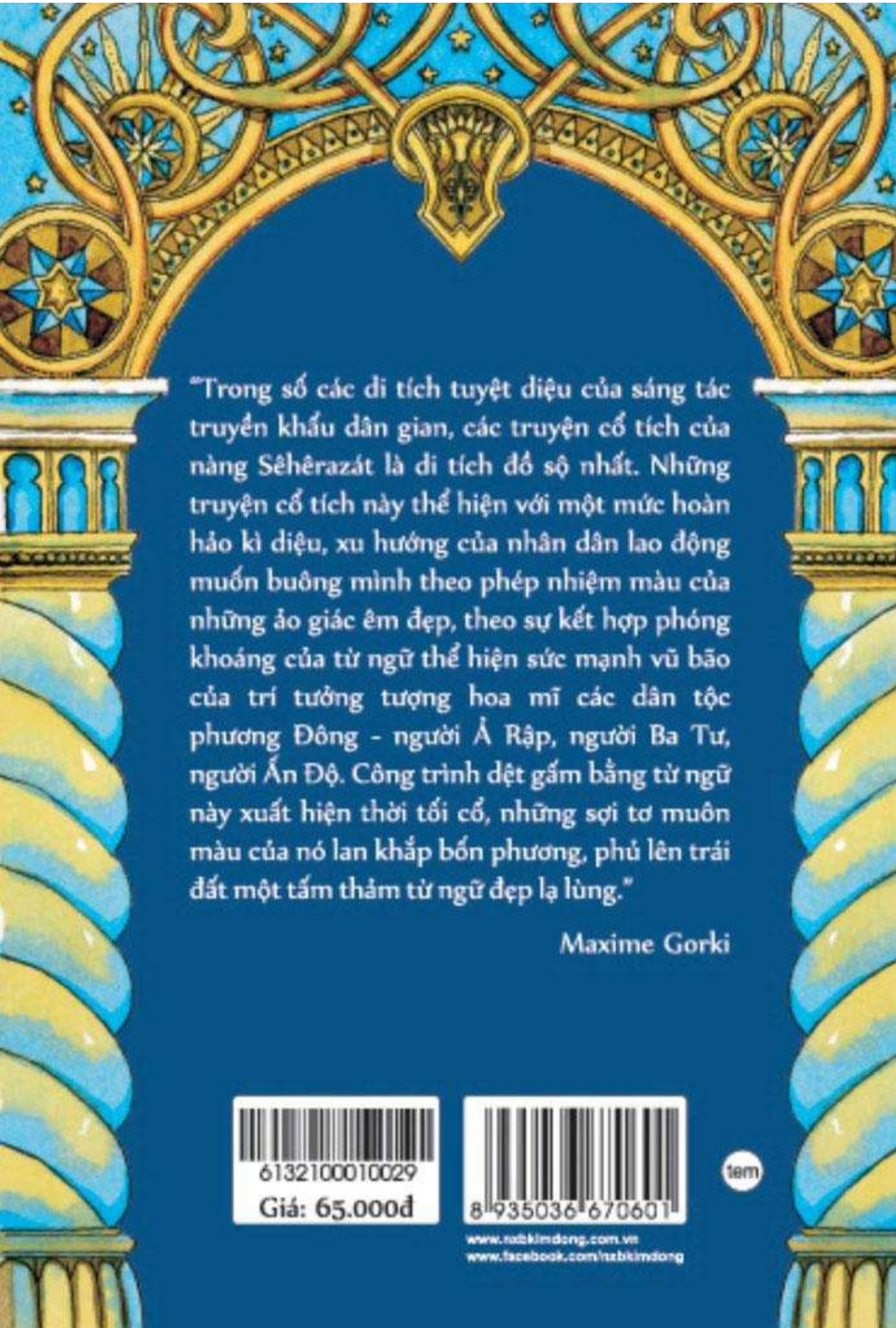
Sửa bài : ÁNH LY

In 1.000 bản - Khổ 13 cm x 19 cm - Tại Công ty TNHH một thành viên In và Văn Hóa Phẩm

Đăng ký kế hoạch xuất bản số: 05-2013/CXB/755-170/KĐ cấp ngày 18/12/2012

Quyết định xuất bản số: 283/QĐKĐ kí ngày 9/8/2013

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2013.



“Trong số các di tích tuyệt diệu của sáng tác truyền khẩu dân gian, các truyện cổ tích của nàng Sêhêrazát là di tích đồ sộ nhất. Những truyện cổ tích này thể hiện với một mức hoàn hảo kì diệu, xu hướng của nhân dân lao động muốn buông mình theo phép nhiệm màu của những ảo giác êm đẹp, theo sự kết hợp phóng khoáng của từ ngữ thể hiện sức mạnh vũ bão của trí tưởng tượng hoa mĩ các dân tộc phương Đông - người Ả Rập, người Ba Tư, người Ấn Độ. Công trình dệt gấm bằng từ ngữ này xuất hiện thời tối cổ, những sợi tơ muôn màu của nó lan khắp bốn phương, phủ lên trái đất một tấm thảm từ ngữ đẹp lạ lùng.”

Maxime Gorki



www.robkimdong.com.vn
www.facebook.com/robkimdong

tem

Tập IV

ANTOINE GALLAND



NGHÌN LỄ MỘT ĐÊM



PHAN QUANG dịch và giới thiệu

4

(In lần thứ 30)

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Dịch từ bản tiếng Pháp của Antoine Galland
LESMILLE ET UNE NUITS
LIBRAIRIE GARNIER FRÈRES, Paris, 1921
Có đối chiếu bản của
LIBRAIRIE DES BIBLIOPHILES, Paris, 1881
Bìa: **Vũ Xuân Hoàn**

ALÁTĐANH HAY CÂY ĐÈN KỲ DIỆU

Chuyện nàng Sêhêrazát kể:

- Tàu bệ hạ, tại kinh đô một nước thuộc Trung Quốc, rất giàu và rất rộng, giờ đây tôi quên mất tên, có một người thợ mang tên là Mutxtapha. Ông ta không có danh vị nào khác ngoài cái mà nghề nghiệp ông ta đưa lại. Mutxtapha là một người thợ may rất nghèo. Công việc làm ăn giặt gấu vá vai vẫn không đủ nuôi sống vợ và một đứa con trai tên là Alátđanh.

Được nuôi dạy theo lối gắp chằng hay chớ, chú mắc nhiều nếp xấu. Chú nghịch ngợm, bướng bỉnh, không vâng lời bố mẹ. Chú vừa mới lớn lên một chút, bố mẹ chú đã không giữ được chú ở nhà. Từ sáng sớm, chú đã bỏ nhà ra đi, chơi bời lêu lổng suốt ngày ở ngoài đường phố và các nơi công cộng với những đứa bé con du thủ du thực có khi còn ít tuổi hơn chú.

Khi chú đến tuổi học việc, bố chú chẳng có điều kiện cho chú theo học một nghề nào khác ngoài nghề nghiệp của mình, liền giữ chú ở quán may và bắt đầu bày cho chú cách cầm cây kim sợi chỉ. Nhưng lời lẽ dịu dàng không được, đe dọa roi vọt cũng không xong, ông bố chẳng còn cách gì giữ chân con được. Chú không chịu ngồi yên cần cù chăm chỉ với nghề, như ông ta mong muốn. Mutxtapha vừa quay lưng đi, Alátđanh đã lảng mất, và suốt cả ngày hôm ấy, chú không đặt chân trở về tiệm may nữa. Ông bố lại sửa cho một trận; nhưng Alátđanh vẫn tính nào tật ấy. Ông ta buộc phải để mặc cho chú tự do, muốn làm gì thì làm. Điều đó làm ông ta rất phiền lòng, và nỗi buồn không dạy bảo được con nên người khiến cho ông lâm bệnh nặng mấy tháng thì qua đời.

Bà mẹ Alátđanh thấy con không chịu theo nghiệp bố, liền đóng cửa quán may và bán hết đồ nghề để góp thêm vào số tiền ít ỏi bà kiếm được bằng nghề kéo sợi, cho hai mẹ con sống lần nữa qua ngày.

Chú bé Alátđanh, trước đây đến bố còn không bảo được thì giờ đây còn coi mẹ ra gì. Chú to gan đến mức dám đe dọa cả mẹ mỗi lần bị bà trách mắng, thành ra chú tha hồ chơi bời lêu lổng. Chú đàn đúm với lũ trẻ con cùng lứa tuổi và càng ham mê chơi bời với chúng hơn cả trước kia. Chú sống theo cách ấy mãi đến năm mười lăm tuổi, đầu óc chẳng mở mang về bất cứ một thứ gì, chẳng bao giờ suy nghĩ sau này mình sẽ ra sao.

Chú đang ở trong tình cảnh ấy, thì một hôm, trong khi chú đang cùng một lũ trẻ du thủ du thực nô đùa trên một đám đất rất rộng, có một người lạ mặt đi qua dừng chân lại và chăm chú nhìn chú.

Người lạ mặt ấy là một lão phù thủy cao tay, mà những tác giả chép câu chuyện này chỉ gọi là lão phù thủy người Phi. Chúng ta cũng sẽ gọi hắn như vậy. Mà gọi như vậy cũng phải thôi bởi vì quả thật hắn là người tận bên châu

Phi, vừa đặt chân đến đây mới có hai ngày trời.

Hoặc giả lão phù thủy người Phi vốn giỏi nghề xem tướng mặt, đã nhận ra khuôn mặt Alátđanh những nét gì tuyệt đối cần thiết cho sự thực hiện cái ý đồ đã khiến lão cất công đến tận đây chẳng. Cũng có thể là lão đã khôn khéo tìm hiểu trước về gia đình chú, để biết rõ chú là ai, người ngợm tính nét thể nào. Khi đã rõ điều muốn biết rồi, lão đến gần chú, kéo riêng chú ra cách bạn bè mấy bước rồi hỏi:

- Cháu ơi có phải bố cháu tên là Mutxtapha, thợ may không?
- Thưa ông vâng, nhưng bố cháu mất đã lâu rồi. -Alátđanh đáp.

Nghe câu đáp, lão phù thủy người Phi ôm chầm lấy Alátđanh, hôn chú nhiều lần, nước mắt rung rung và thở dài thườn thượt. Alátđanh thấy thế, liền hỏi tại sao lão khóc. Lão phù thủy người Phi kêu lên: “Ôi cháu ơi! Làm sao chú có thể cầm được nước mắt? chú là chú ruột cháu đây, bố cháu là anh của chú. Đã nhiều năm nay chú đi xa. Đúng vào lúc chú về đến đây hy vọng gặp lại bố cháu, để cho bố cháu vui lòng là chú đã trở về, thế mà cháu lại cho chú hay tin bố cháu đã qua đời! Thật đau xót làm sao, chú đã không đạt được niềm an ủi mà chú mong chờ. Nhưng có điều làm chú khuây khỏa được phần nào, ấy là khi nhìn cháu, chú nhận ra ngay nét mặt của bố cháu mà chú còn nhớ rõ. Chú thấy chú đã không nhầm khi đến hỏi chuyện cháu.”

Lão vừa thọc tay vào túi tiền vừa hỏi Alátđanh mẹ chú ở đâu. Alátđanh đáp, lão đặt vào tay chú một nắm tiền và bảo:

- Cháu ơi, cháu hãy về tìm mẹ cháu, nhớ nói là chú gửi lời chào. Cháu thưa với mẹ cháu là nếu thì giờ cho phép, sáng mai chú sẽ đến thăm để được nhìn lại nơi ông anh của chú đã sống một thời gian khá lâu và cũng là nơi ông vĩnh biệt cõi đời.

Lão phù thủy người Phi từ biệt đưa cháu hờ, và Alátđanh chạy vội về nhà, rất vui mừng với số tiền ông chú vừa cho. Vừa về tới nhà, chú hỏi mẹ:

- Mẹ ơi, xin mẹ cho biết, con có ai là chú không?
- Không con ạ, con chẳng có chú bên nội cũng như bên ngoại.

- Ấy thế mà con vừa gặp một người bảo là chú ruột bên nội của con cơ đấy, bởi vì cha con là anh cả của ông ta theo như lời ông ta quả quyết. Ông ta còn khóc và ôm hôn con nữa khi nghe con nói bố đã qua đời. Đây nhé, bằng chứng con nói thật – chú đưa ra khoe số tiền vừa nhận được – đây là món tiền chú ấy cho. Chú còn nhờ con chuyển lời chào mẹ, và nói với mẹ rằng nếu có thì giờ chú sẽ đến thăm mẹ và cũng để viếng ngôi nhà, nơi bố con đã sống và đã qua đời.

- Con ạ, – bà mẹ nói – đúng là cha con có một người em trai, nhưng chú

ấy mất đã lâu, và mẹ không bao giờ nghe bố con nói có một chú em nào khác.

Đến đây hai mẹ con không nhắc gì đến lão phù thủy người Phi nữa.

Ngày hôm sau, khi Alátđanh đang chơi với một lũ trẻ con khác ở một nơi khác trong thành phố, thì lão phù thủy lại tìm đến một lần nữa. Lão lại ôm hôn chú như ngày hôm trước, rồi đặt vào tay chú hai đồng tiền vàng và bảo:

- Cháu hãy mang tiền này về đưa cho mẹ cháu, nói rằng tối nay chú sẽ đến chơi. Mẹ cháu hãy đi mua thứ gì để chú cháu ta cùng ăn với nhau. Nhưng trước hết, cháu hãy nói cho chú biết nhà cháu ở đâu.

Alátđanh chỉ cho lão rõ nhà của mình, lão liền để chú đi.

Alátđanh mang hai đồng tiền vàng về đưa cho mẹ và nói cho bà rõ ý định của ông chú. Bà đi mua nhiều thức ăn ngon. Nhà không có đủ bát đĩa, bà phải sang hàng xóm mượn. Suốt ngày hôm ấy, bà lúi cúi rửa soạn bữa cơm chiều, và khi đã sắp xong đâu vào đấy, bà bảo Alátđanh:

- Con ạ, có thể chú con không biết nhà ta ở đâu, con hãy đi đón, hễ trông thấy thì đưa chú về.

Mặc dù Alátđanh đã chỉ cho lão phù thủy biết rõ nhà ở chỗ nào, chú vẫn rửa soạn đi đón. Vừa lúc ấy, có tiếng gõ cửa. Chú ra mở và thấy lão phù thủy. Lão bước vào, tay cắp nhiều chai rượu và trái cây để dùng trong bữa cơm chiều.

Lão trao tất cả những thứ ấy cho Alátđanh, rồi chào bà mẹ và yêu cầu bà chỉ cho biết ông anh Mutxtapha của lão trước đây ngồi ở chỗ nào trên ghế. Bà trở, lão lập tức quỳ xuống hôn chỗ ấy nhiều lần, nước mắt rung rung, miệng thì than thở: “Ôi! Hỡi anh tội nghiệp của em ơi, khổ thân cho em biết bao đã không về kịp để được ôm hôn anh một lần cuối cùng trước khi anh mất!”

Mặc cho bà mẹ Alátđanh mời mọc, lão nhất định chẳng chịu ngồi vào chỗ ấy. Lão nói: “Không, tôi không bao giờ dám thế đâu. Chị hãy vui lòng cho tôi ngồi ở chỗ đối diện này, để nếu không được cái sung sướng nhìn thấy mặt anh tôi còn sống, ông anh quyền huynh thế phụ cho cả một gia đình thân yêu của tôi, thì ít ra tôi cũng có thể nhìn vào đấy như thể anh tôi còn có mặt vậy.” Bà mẹ Alátđanh không nài thêm, để mặc cho lão muốn ngồi đâu tùy ý.

Khi đã yên vị vào cái chỗ lão tự chọn lấy rồi, lão phù thủy người Phi bắt đầu chuyện trò với bà mẹ Alátđanh. Lão nói:

- Thưa chị, xin chị chớ lấy làm lạ sao không hề trông thấy tôi kể từ ngày chị về làm bạn với ông anh đáng thương tiếc của tôi. Đã bốn mươi năm nay tôi ra đi khỏi mảnh đất quê hương tôi cũng như của ông anh đã quá cố của

tôi. Từ dạo ấy, sau khi đã chu du khắp các nước Ấn Độ, Ba Tư, A Rập, Xyri, Ai Cập, và cư trú tại nhiều thành phố đẹp nhất của những nước đó, tôi sang châu Phi và sống lâu nhất ở bên ấy. Cuối cùng – và đây cũng là điều tự nhiên cho tất cả mọi người, dù cách xa quê hương đến đâu cũng không thể không nhớ tới nơi chôn rau cắt rốn, không thể không nghĩ đến họ hàng thân thuộc và anh em cùng được nuôi dạy với mình, tôi nảy ra lòng mong muốn thiết tha được nhìn thấy lại quê hương, được ôm hôn ông anh thân yêu. Phải trở về lúc mình chưa quá già yếu và còn đủ dũng cảm để làm một chuyến đi xa xôi. Bởi vậy, tôi lao vào việc chuẩn bị rồi lên đường ngay.

Tôi sẽ không kể cho chị hay đã phải đi mất biết bao thời giờ, vượt qua biết bao trở ngại trên đường, chịu đựng biết bao gian lao khổ ải để tới được chốn này. Tôi chỉ xin nói rằng không có gì làm cho tôi tủi phận hơn, buồn bã hơn, so với tất cả các chuyến đi khác, bằng lúc được tin ông anh trai mà tôi luôn luôn yêu mến, với những tình cảm thật sự là anh em ruột thịt, đã qua đời.

Tôi nhận ra ngay những nét mặt của anh tôi trên khuôn mặt cháu. Nhờ đó tôi phân biệt được cháu ở giữa đám trẻ đang chơi đùa. Cháu có thể cho chị nghe tôi đã đón nhận tin buồn ông anh tôi mất như thế nào. Nhưng thôi, chúng ta hãy tạ ơn trời đất về điều này hơn hết thảy. Ấy là niềm an ủi tôi vẫn được thấy lại ông anh tôi qua những nét đặc sắc còn lưu lại trên khuôn mặt của cháu đây.

Nhận thấy bà mẹ Alátđanh xúc động khi nghe gọi đến vong linh chồng, lão phù thủy người Phi liền chuyển sang nói chuyện khác. Lão quay lại phía Alátđanh và hỏi chú tên gì. Chú đáp:

- Tên cháu là Alátđanh.

- Thế nào, Alátđanh? – Lão phù thủy nói tiếp. – Cháu hiện nay đang làm gì? cháu có biết nghề gì không?

Nghe hỏi, Alátđanh cúi gằm mặt và tỏ ra bối rối.

Nhưng bà mẹ đã đỡ lời:

- Alátđanh là một đứa vô tích sự. Khi bố cháu còn sống, bố cháu đã cố gắng hết sức mình để dạy nghề cho nó, thế mà không sao làm được. Từ khi bố cháu mất đi, mặc cho tôi nói gì thì nói, mặc cho tôi ngày nào cũng nhắc đi nhắc lại có bấy nhiêu điều, nó chẳng chịu làm nghề ngỗng gì ngoài cái việc đi lang thang đàn đúm suốt ngày với lũ trẻ con, mà như chú thấy đấy, có phải nó còn bé bỏng gì cho cam! Nếu chú không giúp chỉ ra được cho nó thấy điều đó để lấy làm xấu hổ mà tỉnh dần, thì tôi cho là chẳng bao giờ nó có thể nên người. Nó biết bố nó chẳng để lại một chút của cải nào, và tôi lại hụi kéo sợi từ sáng sớm tới đêm khuya vẫn không sao kiếm ra đủ ngày hai bữa. Nó cũng thấy đấy, chứ phải không đâu. Tôi đã định bụng hôm nào tổng khur nó

ra khỏi nhà, cho nó muốn tìm đâu ra cái ăn thì đi mà tự tìm lấy.

Bà mẹ nói xong tủi thân khóc nức nở. Lão phù thủy người Phi liền bảo Alátđanh:

- Như thế không tốt đâu, cháu ạ. Cháu phải nghĩ tới chuyện cố gắng lên và tự mình kiếm sống chứ. Nhân sinh bách nghệ, cháu hãy thử xem có nghề nào cháu thích hơn cả hay không? Có thể cháu không thú nghề của bố cháu và hợp với một nghề gì khác cũng nên. Cháu cứ nói thật với chú, chú chỉ muốn giúp đỡ cháu mà thôi.

Thấy Alátđanh chẳng nói chẳng rằng, lão tiếp:

- Nếu cháu ngại không muốn đi học nghề nhưng lại muốn có một cửa hiệu bán vải vóc, lụa là đắt tiền, thì cháu phải đứng ra quản lý lấy, rồi đến khi bán hết hàng, cháu lấy tiền ấy cất hàng khác về. Bằng cách đó cháu sẽ sống rất đàng hoàng, cháu hãy suy nghĩ cho kỹ, rồi thẳng thắn cho chú biết ý kiến cháu thế nào. Cháu sẽ thấy chú lúc nào cũng sẵn sàng giữ lời hứa với cháu.

Lời gợi ý ấy làm cho Alátđanh rất thú vị. Chú vốn không thích lao động chân tay, hơn nữa chú cũng đã có đủ trí khôn mà nhận thấy rằng những hiệu buôn loại ấy đều sạch sẽ và đông khách, còn các ông chủ hiệu thì ăn mặc sang trọng và rất được nể vì. Chú nói với lão phù thủy, mà chú tin là chú ruột của mình, rằng chú rất thích làm nghề buôn bán ấy hơn là nghề nào khác. Nếu được lão gây dựng cho thì chú sẽ nhớ ơn đến trọn đời.

Lão phù thủy nói:

- Cháu đã thích nghề buôn bán, vậy thì sáng sớm mai chú sẽ dẫn cháu đi may mặc cho nó chỉnh tề và sang trọng, giống hệt như một người chủ hiệu buôn lớn ở thành phố ta ấy. Rồi đến ngày kia, chúng ta sẽ tính tới chuyện mở một cửa hiệu đúng như cung cách mà chú hằng suy tính.

Bà mẹ Alátđanh, cho đến lúc bấy giờ vẫn chưa thật tin lão phù thủy là em chồng mình. Nhưng sau khi nghe bấy nhiêu điều mà lão hứa làm cho con trai mình, bà không còn nghi ngờ gì nữa. Bà cảm ơn lão về những ý định tốt lành. Sau khi khuyến khích Alátđanh hãy tỏ ra xứng đáng những điều hay ho như ông chú định gây dựng cho, bà soạn bữa cơm chiều. Suốt bữa ăn, câu chuyện vẫn chỉ xoay quanh mỗi một việc ấy, cho đến khi lão phù thủy thấy đêm đã khuya, liền cáo từ hai mẹ con ra về.

Sáng sớm hôm sau, lão phù thủy người Phi không quên trở lại nhà bà vợ góa của Mutxtapha thật may, như lão đã hứa. Lão dẫn Alátđanh đi và đưa chú vào một hiệu buôn lớn chuyên bán quần áo may sẵn bằng đủ loại vải cho đủ mọi lứa tuổi, người sang cũng như người hèn. Lão gọi mang ra những áo quần hợp với khổ người Alátđanh, rồi sau khi để riêng ra những bộ lão thích nhất và trả lại những bộ lão cho là không đẹp, lão nói với chú: “Cháu hãy

chọn trong số này bộ áo quần nào cháu thích hơn cả.” Thú vị về sự hào phóng của ông chú, Alátđanh chọn một bộ. Lão phù thủy liền mua cùng với mọi thứ kèm, và trả tiền toàn bộ không hề cò kè mặc cả.

Thắng bộ cánh sang trọng từ đầu đến chân, Alátđanh hết lời cảm ơn ông chú. Lão phù thủy lại hứa hẹn sẽ không rời bỏ chú, sẽ luôn luôn kèm chú bên mình. Đúng như vậy, lão dẫn chú đến những nơi đông đúc nhất trong kinh thành, đặc biệt là đến khu phố những hiệu buôn giàu có. Khi đi vào phố có những cửa hiệu bán các loại vải lụa đẹp đắt tiền nhất, mượt mà nhất, lão nói với Alátđanh:

- Chẳng bao lâu nữa cháu sẽ trở thành chủ hiệu như những người cháu thấy kia. Vậy cho nên cháu hãy đến chỗ họ buôn bán để cho họ biết cháu, đó cũng là việc nên làm.

Lão cho chú đi xem những nhà thờ đẹp nhất, lớn nhất. Lão dẫn chú vào những nhà trọ mà các nhà buôn nước ngoài thường nghỉ lại và đến những nơi trong hoàng thành mà dân chúng được phép tự do ra vào. Sau khi cùng nhau đi xem những cảnh đẹp nhất ở kinh đô, lão phù thủy đưa Alátđanh đến quán trọ mà lão thuê phòng, ở đây lão đã mời sẵn mấy nhà buôn lão mới làm quen từ hôm đến đây để thết đãi và đồng thời để giới thiệu đưa cháu hờ luôn thể.

Mãi đến tối bữa tiệc mới tàn. Alátđanh muốn cáo từ ông chú để trở về nhưng lão phù thủy không cho chú bé về một mình, lão thân hành đưa về tận nhà. Bà mẹ trông thấy con ăn mặc đẹp quá, hết sức mừng rỡ. Bà không tiếc lời ca ngợi lão phù thủy đã chi tiêu một món tiền lớn đến thế để sắm sanh cho con trai bà. Bà nói:

- Chú tốt bụng quá, tôi không biết làm sao cảm ơn hết tấm lòng hào hiệp của chú. Tôi biết rằng cháu chẳng xứng đáng với những việc tốt lành chú làm cho nó đâu. Nếu nó không biết tỏ ra hàm ơn và ăn ở sao cho xứng với ý đồ đẹp đẽ của chú, là gây dựng cho nó một cơ ngơi làm ăn quý báu thì nó thật không đáng làm người, về phần tôi, một lần nữa, tôi xin cảm ơn chú tận đáy lòng. Tôi xin chúc chú sống lâu để chứng kiến sự biết ơn của cháu, nó không có cách nào tỏ rõ lòng biết ơn hơn là cố ăn ở sao cho đúng các lời chú dạy bảo.

- Alátđanh là một thằng bé lành. – Lão phù thủy tiếp. – Cháu chịu nghe lời tôi, và tôi tin rằng chúng ta có thể dạy dỗ nó nên người. Duy chỉ có một điều tôi chưa bằng lòng ấy là ngày mai chưa thể thực hiện điều tôi đã hứa với cháu. Mai là thứ sáu, các hiệu buôn đều đóng cửa. Không thể nào tính đến chuyện thuê một gian hàng và sắm sanh hàng họ trong khi các nhà buôn người ta còn mải lo việc vui chơi. Bởi vậy, công việc đó đành phải lùi sang thứ bảy vậy. Nhưng sáng mai tôi sẽ đến đón cháu, cho cháu đi dạo trong các công viên mà giới thượng lưu thường lui tới. Chắc cháu chưa bao giờ được

xem những trò giải trí trong đó. Mỗi đến bây giờ cháu chỉ toàn chơi với trẻ con, cần để cho cháu giao du với người lớn.

Cuối cùng lão phù thủy người Phi cáo từ hai mẹ con ra về.

Alátđanh đang hết sức vui mừng vì ăn mặc đẹp, càng sung sướng hơn về chuyện sắp được đi dạo ra những vùng xa ngoài thành phố. Quả vậy, chưa bao giờ chú được đi xa ra bên ngoài các cổng thành, chưa bao giờ chú được đi đến những vùng phụ cận, phong cảnh vốn rất tươi đẹp và hữu tình.

Sáng hôm sau, Alátđanh thức dậy và mặc áo quần thật sớm, để sẵn sàng lên đường khi ông chú đến gọi. Sau khi chờ đợi một thời gian mà chú cho là rất lâu, sốt ruột quá, chú mở cửa và đứng ở bậc thềm ngóng xem có thấy lão đến không. Vừa trông thấy lão đằng xa, chú đã báo cho mẹ biết, rồi vừa xin phép mẹ vừa đóng cửa lại và chạy ra với lão.

Lão phù thủy xoa đầu chú rất thân mến và tươi cười bảo:

- Cháu thân yêu ơi, chúng ta hãy đi thôi, hôm nay chú muốn cho cháu xem nhiều cảnh vật rất ngoạn mục.

Lão dẫn chú đi qua một cái cổng lớn đến nhiều ngôi nhà to và lộng lẫy, hay đúng hơn là những lâu đài tráng lệ, nhà nào cũng có nhiều vườn tược rất đẹp có thể ra vào tự do. Cứ đến mỗi tòa lâu đài, lão lại hỏi Alátđanh có thấy đẹp không, và Alátđanh mỗi lần đến một lâu đài mới, lại vội nói: “Chú ơi, tòa nhà này còn đẹp hơn cả những tòa chúng ta vừa xem cơ đấy.”

Hai chú cháu cứ thế đi xa mãi về thôn quê. Lão phù thủy tinh ranh vốn muốn đi thật xa để thực hiện ý đồ lão đang nghiền ngẫm trong đầu, lão tìm dịp để đi sâu vào bên trong những khu vườn tươi tốt. Lão ngồi xuống cạnh một bể nước lớn hứng một dòng nước rất đẹp tuôn xuống từ mõm một con sư tử bằng đồng, và vờ làm ra vẻ mệt để ép Alátđanh ngồi nghỉ:

- Cháu ơi, – lão nói – chắc cháu cũng mệt như chú, chúng ta hãy nghỉ ở đây một chốc để lấy hơi, thế thì mới có thêm sức lực để tiếp tục cuộc du ngoạn của chúng ta chứ.

Hai người ngồi xuống, lão phù thủy người Phi mở chiếc khăn buộc ở thắt lưng lấy ra bánh ngọt và nhiều trái cây mang theo, đặt lên thành bể. Lão bẻ đôi một chiếc bánh cho Alátđanh một nửa, còn về trái cây thì lão để cho chú tha hồ chọn lấy quả nào thích nhất. Trong bữa ăn, lão dạy bảo đứa cháu hồ nhiều điều, khuyên cháu chớ nên chơi bời với lũ trẻ con nữa mà nên gần gũi những người khôn ngoan, thận trọng, nên lắng nghe ý kiến họ và học hỏi những điều họ trao đổi với nhau. Lão nói:

- Chẳng bao lâu nữa, cháu cũng sẽ là một người như bọn họ, và cháu không thể không sớm noi gương họ mà nói năng cho chừng chặc.

Sau khi dùng xong bữa ăn nhẹ, hai chú cháu đứng dậy và tiếp tục đi băng qua các khu vườn không có hàng rào mà chỉ có những hào nhỏ ngăn cách. Nhân dân thành phố này vốn tin cây lẫn nhau cho nên không cần rào giậu gì hơn để phòng chuyện mất mát có thể xảy ra làm thiệt hại lẫn nhau. Dần dà, lão phù thủy người Phi dẫn Alátđanh đi cách khu vườn một quãng khá xa, băng qua nhiều cánh đồng đến gần sát chân núi.

Alátđanh, từ thuở bé chưa bao giờ đi nhiều đường đất như vậy, bắt đầu thấy thấm mệt. Chú hỏi lão phù thủy:

- Chú ơi, chúng ta đi đâu thế này? Bao nhiêu vườn tược đều ở đằng sau ta cả rồi, trước mặt cháu chỉ thấy toàn là núi. Nếu chúng ta đi xa hơn nữa, cháu không biết rồi có đủ sức quay trở về được thành phố hay không.

- Hãy dừng cảm lên, cháu của chú ạ! – Lão chú hờ nói. – Chú muốn cho cháu xem một khu vườn đẹp hơn tất những khu vườn chúng ta vừa thấy. Chẳng còn xa nữa đâu, chỉ mấy bước nữa thôi. Khi đến nơi rồi, tự cháu sẽ nói cho chú biết, có phải đã tới gần như thế này rồi mà bỏ về không xem thì thật đáng tiếc hay không.

Alátđanh nghe cũng bùi tai. Thế là lão phù thủy dẫn chú đi càng xa hơn nữa, vừa đi vừa kể chuyện vui cho chú nghe để chú thấy đường đi bớt chán và đỡ mệt được phần nào.

Cuối cùng hai người đi đến quãng đất giữa hai quả núi không lấy gì làm cao và xấp xỉ như nhau, cách nhau bởi một thung lũng rất hẹp. Đây chính là nơi hệ trọng mà lão phù thủy người Phi muốn đưa Alátđanh đến để thực hiện một mưu đồ to lớn đã khiến lão phải cất công đi từ nơi tận cùng châu Phi đến đất Trung Hoa này.

Lão nói với Alátđanh:

- Thôi, ta không đi xa hơn nữa. Chú muốn cho cháu xem ở đây những điều kỳ lạ chưa một ai từng biết. Khi đã nhìn thấy rồi, cháu khắc cảm ơn chú đã cho cháu chứng kiến biết bao điều kỳ diệu mà trừ cháu ra, không có một ai trên đời này được trông thấy. Trong khi chú đánh lửa, cháu hãy đi nhặt lại đây mọi thứ củi khô nhỏ nhất mà cháu trông thấy để nhóm lửa.

Ở chỗ ấy có rất nhiều bụi bờ, chỉ một loáng Alátđanh đã thu nhặt được một đồng thừa đủ dùng, trong khi lão phù thủy đánh lửa. Lão châm lửa, khi củi cháy, lão ném vào đấy một loại hương trầm cầm sẵn ở tay. Một ngọn khói rất dày bốc lên cao. Lão niệm những câu thần chú Alátđanh nghe mà chẳng hiểu tí gì, làm cho ngọn khói chao đảo bên này bên kia.

Cùng lúc ấy, mặt đất khẽ rung và mở ra ngay chỗ trước mặt lão phù thủy và Alátđanh đang đứng, để lộ một phiến đá nằm ngang, rộng mỗi bề khoảng một bộ rưỡi và dày chừng một bộ, chính giữa có gắn một cái vòng bằng

đồng để nắm và nhắc lên. Khiếp đảm về những điều trông thấy, Alátđanh hoảng hốt muốn bỏ chạy.

Nhưng sự có mặt của chú cần thiết cho phép ma. Lão phù thủy giữ chú lại, mắng rât và cho chú một cái tát nên thân đến nỗi chú ngã lăn ra đất, hộc máu mồm, thiếu tí nữa thì gãy hết răng cửa. Chú bé Alátđanh đáng thương run lấy bầy, nước mắt chảy ròng ròng, vừa khóc vừa kêu:

- Chú ơi, cháu có tội gì mà chú nỡ đánh cháu đau như vậy?

- Tao có lý do để đánh mày. – Lão phù thủy đáp. – Tao là chú mày, lúc này đây cũng như bố mày, mày không được phép cãi lại bố. Nhưng thôi con ạ, – lão dịu giọng nói tiếp – con đừng sợ gì cả, chú chẳng đòi hỏi gì ở con, ngoài việc con phải làm theo lời chú thật đúng đắn, nếu con muốn được hưởng thụ xứng đáng tất cả những lợi ích to lớn mà chú muốn gây dựng cho con đây!

Những lời hứa hẹn tốt đẹp ấy làm giảm bớt phần nào nỗi sợ hãi và lòng giận hờn của Alátđanh. Khi thấy chú đã hoàn toàn trấn tĩnh, lão phù thủy nói tiếp:

- Cháu đã thấy rõ rồi đây những việc chú vừa làm bằng hương trầm và các câu thần chú. Bây giờ cháu nên biết rằng ở dưới phiến đá cháu nhìn thấy kia có giấu kho tàng để dành cho cháu. Nó sẽ làm cho cháu một ngày kia trở nên giàu có hơn tất cả những nhà vua vĩ đại nhất trên trần gian. Thật đúng vậy, vì trên đời này chỉ có cháu là được phép chạm vào phiến đá này và nhắc nó lên để đi vào mà thôi. Ngay cả chú đây cũng không được phép động vào phiến đá và bước chân vào kho tàng đã mở. Bởi vậy, cháu cần phải thực hiện đúng từng điểm một những điều chú sắp dặn đây, không được bỏ sót một chi tiết nào. Việc này hết sức hệ trọng đối với cháu cũng như đối với chú.

Vẫn chưa hết ngạc nhiên trước những điều mắt thấy tai nghe về các kho tàng mà lão phù thủy nói sẽ làm cho chú suốt đời sung sướng. Alátđanh quên ngay tất cả những chuyện bực mình vừa xảy ra:

- Thế thì cần phải làm những gì, hờ chú? chú hãy truyền, cháu sẵn sàng vâng lệnh. – Chú vừa nói vừa lóp ngóp đứng lên.

Lão phù thủy liền ôm hôn Alátđanh và nói:

- Cháu ơi, chú rất hài lòng là cháu đã nhất quyết như vậy. Cháu hãy đến đây, hãy tới gần hơn nữa, hãy cầm lấy cái vòng này và nhắc phiến đá lên.

- Nhưng, thưa chú, cháu làm sao đủ sức nhắc nổi lên, chú phải giúp cháu một tay.

- Không, cháu không cần có chú giúp sức. Nếu chú phụ giúp vào thì chú cháu ta sẽ chẳng làm được gì sất. Cháu phải tự mình nhắc nó lên. Khi nắm

cái vòng, cháu chỉ cần đọc tên bố cháu và tên ông nội cháu rồi kéo lên, cháu sẽ thấy chẳng nặng nhọc gì.

Alátđanh làm theo lời lão phù thủy, chú nhắc phiến đá lên một cách dễ dàng và đặt sang bên cạnh.

Phiến đá được nhắc lên, để lộ ra một cái hầm con sâu chừng ba bốn bộ, có một cái cửa nhỏ và các bậc thang để xuống sâu hơn nữa. Lão phù thủy liền bảo Alátđanh:

- Cháu ơi, cháu hãy thực hiện đúng đắn tất cả những điều chú dặn đây. Cháu hãy đi xuống cái hầm này. Khi xuống đến bậc thang cuối cùng, cháu sẽ trông thấy một cái cửa mở sẵn dẫn tới một chỗ có xây vòm bên trên và chia làm ba căn phòng lớn kế tiếp nhau. Ở phòng nào, cháu cũng sẽ thấy ở bên phải và bên trái có bốn chiếc vại bằng đồng to như những cái lẫm, chứa đầy vàng bạc, nhưng cháu chớ có động vào. Trước khi bước vào căn phòng thứ nhất, cháu hãy vén áo lên và buộc thật gọn vào quanh người. Khi đã vào được căn phòng thứ nhất thì hãy sang ngay phòng thứ hai không dừng lại, từ phòng thứ hai, hãy đi tiếp ngay sang phòng thứ ba, chớ có dừng dằng. Điều quan trọng hơn hết thảy là cháu hãy chú ý, chớ đi quá sát để khỏi chạm người vào vách cũng đừng để cho tà áo của cháu quệt vào, bởi vì nếu lỡ chạm vào vách cháu sẽ chết ngay tức khắc. Chính vì vậy mà chú dặn cháu hãy quần gọn áo quanh người.

Cuối căn phòng thứ ba, có một cửa dẫn sang một khu vườn trồng những cây đẹp, cây nào cũng trĩu quả. Cháu cứ thẳng trước mặt mà đi và băng qua khu vườn ấy theo một con đường dẫn đến một cầu thang có năm mươi bậc đưa lên sân thượng. Lên đến sân thượng rồi, cháu sẽ trông thấy trước mặt cháu có một cái khám, trong khám có một cây đèn thấp sáng. Cháu hãy cầm lấy cây đèn thổi tắt đi, sau khi đã ngắt chiếc bắc và đổ hết nước, cháu hãy ôm nó vào lòng và mang lên đây cho chú. Cháu đừng sợ làm bẩn áo, thứ nước trong đèn ấy không phải dầu đâu, khi đã đổ hết nước rồi thì cây đèn sẽ khô ngay. Nếu cháu thấy thích các quả ở trong vườn, cháu có thể hái bao nhiêu thì hái, mặc sức, điều này không cấm.

Nói xong, lão phù thủy người Phi rút ở ngón tay lão ra một chiếc nhẫn, đeo vào cho Alátđanh và bảo rằng đây là một thứ bùa hộ mệnh phòng những điều không may có thể xảy ra, miễn là cháu phải tuân theo đầy đủ những điều chú dặn. Cẩn dặn xong đầu đấy, hấn nói tiếp:

- Nào, cháu hãy mạnh dạn lên mà bước xuống, hai chú cháu ta đều sắp giàu có suốt đời rồi.

Alátđanh nhẹ nhàng nhảy vào chiếc hầm con và tụt xuống tận bậc thang cuối cùng. Chú trông ba căn phòng mà lão phù thủy đã tả. Chú đi qua hết sức thận trọng vì luôn luôn tâm niệm là sẽ chết nếu không chú ý nhất nhất làm

theo những lời dẫn dò. Chú đi băng qua khu vườn không dừng lại, trèo lên sân thượng, cầm lấy cây đèn đang cháy sáng trong cái khảm, ngắt chiếc bấc, đổ nước đi, và thấy cây đèn khô ráo đúng như lời lão phù thủy đã nói chú cho luôn vào lòng. Chú bước xuống khỏi sân thượng và dừng lại trong khu vườn để ngắm nghía các trái cây mà chú chỉ thoáng trông thấy khi đi qua.

Tất cả cây cối trong vườn này đều trĩu những quả kỳ lạ. Mỗi cây có những quả màu sắc khác nhau. Có những quả màu trắng, có những quả lấp lánh và trong suốt như pha lê; có những quả màu đỏ đậm nhạt không đều; có những quả màu lục, màu xanh, màu tím, màu ngà và nhiều màu sắc khác nữa. Những quả trắng ấy chính là ngọc trai, những quả sáng và trong suốt là kim cương, những quả màu đỏ thắm là xích ngọc, những quả đỏ nhạt hơn là hồng ngọc, những quả màu lục là bích ngọc, những quả màu xanh là lam ngọc, những quả màu tím là tử ngọc, những quả màu ngà là thạch ngọc, những quả khác cũng đại loại như vậy. Mỗi quả đều to và hoàn hảo chưa từng ai trông thấy trên đời này.

Alátđanh không hề biết tên gọi và giá trị của chúng, cho nên nhìn các quả ấy chẳng chút xúc động, vì không hợp với sở thích của chú như vải, nho và các loại quả khác rất ngon lành mà ở nước Trung Hoa đâu đâu cũng có. Hơn nữa, chú cũng chưa đến tuổi biết được giá cả các thứ đó. Chú nghĩ rằng đây chẳng qua là đồ thủy tinh pha màu và cũng chẳng có giá trị gì hơn thế. Tuy nhiên, màu sắc rực rỡ, vẻ đẹp và cỡ lớn kỳ lạ của mỗi quả gây cho chú lòng ham thích muốn hái đủ các thứ để chơi. Thế là cứ mỗi loại cùng màu chú lại hái nhiều quả, bỏ đầy hai túi áo và hai cái túi dùng để đựng tiền mới toanh mà lão phù thủy đã mua cho cùng với áo quần hần cho chú, để cho toàn bộ cánh đều là của mới. Và vì các túi áo đều đầy ắp, chú đeo luôn hai cái túi đựng tiền vào thắt lưng, mỗi bên một cái. Chú còn nhét cả vào trong thắt lưng, nó là một tấm lụa rộng quấn nhiều vòng quanh bụng, và chú ý nhét cẩn thận sao cho các quả khỏi rơi. Chú cũng không quên tuồn chặt quanh mình, vào giữa lần áo ngoài và áo lót nữa.

Mang theo bấy nhiêu của báu mà không hay biết, Alátđanh vội vàng trở lại con đường băng qua ba gian phòng để lão phù thủy người Phi khỏi phải chờ đợi lâu và sau khi đi ngang qua để trở về cũng thận trọng như lúc bước vào, chú trèo lên các bậc thang tới cửa miệng cái hầm con, ở đây lão phù thủy đang nóng lòng chờ đợi. Vừa trông thấy lão, Alátđanh nói:

- Chú ơi, xin chú hãy đưa tay đỡ cháu trèo lên! Lão phù thủy bảo:
- Cháu hãy đưa trước cây đèn cho chú, nó có thể làm cháu vương đầy.
- Xin chú miễn thứ, nó chẳng làm cháu vương đâu, -Alátđanh đáp – lên được rồi cháu sẽ đưa ngay cho chú.

Lão phù thủy khẳng khăng đòi Alátđanh phải giao chiếc đèn vào tay lão

trước khi lão kéo chú lên khỏi hầm, còn Alátđanh thì vì linh kinh với bấy nhiêu thứ quả chú nhét cùng với cây đèn, cứ một mực đòi ra khỏi hầm rồi mới chịu giao đèn cho lão. Thế là lão phù thủy thất vọng vì bị chú bé cự tuyệt, điên tiết lên, lão ném một ít hương thơm vào ngọn lửa mà lão chú ý giữ cho cháy suốt từ nãy đến giờ. Lão đọc xong hai câu thần chú, thì phiến đá dùng để lấp lối vào hầm tự động chạy về đúng chỗ cũ, đất lại phủ kín bên trên, giống y như khi lão phù thủy và Alátđanh vừa mới tới đây vậy.

Rõ ràng là lão phù thủy không phải là em trai của Mutxtapha thợ may như lão vẫn rêu rao, và do đó không phải là chú ruột Alátđanh. Lão đúng là người châu Phi, ra đời ở bên ấy, và bởi vì châu Phi là nơi người ta say mê ma thuật hơn bất cứ nơi nào khác, ngay từ khi còn trẻ lão học phù phép, và sau khoảng bốn mươi năm khổ công tu luyện và đọc hết sách vở dạy ma thuật, cuối cùng lão phát hiện ra được trên thế giới có một ngọn đèn kỳ diệu, nếu lão chiếm đoạt và trở thành chủ nhân của nó thì lão có quyền lực hơn bất kỳ bậc đế vương nào trong vũ trụ.

Nhờ một quả bầm dẫn mới nhất, lão biết được cây đèn ấy ở vào một nơi nào đó dưới đất chính giữa nước Trung Hoa, vào đúng địa điểm và trong bối cảnh như chúng ta vừa thấy. Tin chắc điều phát hiện của mình là đúng, lão bắt đầu đi từ chốn tận cùng của châu Phi, như chúng ta đã biết. Sau một chuyến đi lâu dài và gian khổ, lão đến được cái thành phố ở gần nơi cất giấu bảo vật. Nhưng, mặc dù cây đèn chắc chắn ở nơi lão đã biết, lão vẫn không được phép tự mình cầm lấy cũng như không được bước vào cái hầm ngầm giấu nó. Cần phải có một người khác đi xuống đấy, lấy cây đèn và đưa tận tay cho lão. Chính vì vậy lão phải tìm đến Alátđanh, một chú bé mà lão biết là cầu bơ cầu bắt và rất thích hợp để làm cái việc lão đang cần. Lão nhất quyết là khi đã nắm được cây đèn trong tay, sẽ làm phép xông hương và đọc mấy câu thần chú để làm hại chú, cho không còn một ai biết được hành tung của lão nữa. Cái bặt tai lão đánh Alátđanh, cũng như cái quyền uy mà lão tạo nên, chỉ nhằm mục đích là làm cho chú sợ hãi, chú sẽ giao ngay cho lão cây đèn thần trứ danh. Nhưng sự tình xảy ra trái với điều lão dự liệu. Cuối cùng lão phải hành động độc ác một cách vội vàng để giết hại chú bé Alátđanh đáng thương, bởi vì lão sợ nếu có tranh cãi với chú lâu hơn nữa, nhờ có kẻ nào đi tới, nghe được và sẽ làm lộ việc mà lão đang muốn giữ cho thật kín nhem.

Khi ấy mọi ước mơ to lớn và tốt đẹp của mình vĩnh viễn tan thành mây khói, lão phù thủy biết không có cách nào khác hơn là tìm đường trở về châu Phi. Và lão đi ngay trong ngày hôm ấy. Lão tìm đường vòng để khỏi phải trở về thành phố mà ban sáng lão đã cùng Alátđanh ra đi. Quả vậy, lão sợ có người trông thấy lão đi chơi cùng chú bé rồi trở về một mình, mà hỏi nguyên do chẳng.

Cứ sự tình này thì rồi sẽ chẳng bao giờ có ai nghe nói đến Alátđanh nữa. Nhưng, con người tưởng vĩnh viễn tiêu diệt được chú đã không chú ý là chính mình đã đeo vào ngón tay chú một chiếc nhẫn có thể dùng cứu nguy cho chú. Đúng như vậy, chiếc nhẫn ấy mà chú không may mắn biết rõ quyền lực lại là nguyên nhân cứu sống Alátđanh. Và cũng đáng ngạc nhiên là lão phù thủy cùng một lúc mất luôn hai thứ: chiếc nhẫn cùng với cây đèn thần, mà không tuyệt vọng đến nỗi phải quyên sinh. Nhưng bọn phù thủy vẫn quá quen với những việc không may và những sự kiện trái với những ước mong của chúng, cho nên chừng nào còn sống là chúng còn lao vào những chuyện hão huyền, những hy vọng viễn vông.

Alátđanh không ngờ ông chú hờ, sau bấy nhiêu lời đường mật và những việc làm tốt đẹp, lại có thể độc ác đến thế, cho nên rất đổi ngạc nhiên. Nỗi kinh ngạc của chú kể cũng dễ hiểu thôi song thật khó mà diễn tả nên lời. Khi thấy mình bị chôn sống, chú gọi ông chú hờ đến một nghìn lần, vừa gọi vừa kêu to lên rằng chú sẵn sàng đưa cây đèn cho lão. Nhưng mọi tiếng kêu của chú đều vô ích, không còn ai có thể nghe được. Thế là chú lâm vào cảnh tăm tối mịt mù.

Cuối cùng tạm ngừng than khóc, chú mò mẫm tụt xuống đến bậc cuối cùng của chiếc cầu thang trong hầm ngầm, để may ra thấy được ánh sáng ở khu vườn mà chú vừa đi qua chẳng. Nhưng bức tường lúc nãy được ma thuật mở ra thì bây giờ đã bị ma thuật đóng vào cho liền lại. Chú sờ soạng trước mặt, bên phải và bên trái nhiều lần, nhưng không sao tìm thấy cửa nữa. Chú kêu khóc, rồi ngồi xuống bậc thang trong hầm, chẳng chút hy vọng gì nhìn thấy ánh sáng nữa. Chú chắc chắn mình sắp chết đến nơi.

Alátđanh sống hai ngày trong tình cảnh ấy chẳng có lấy một miếng cơm hay một giọt nước. Cuối cùng đến ngày thứ ba, thấy không còn cách nào thoát chết, chú chấp hai tay lại đưa lên cao và hoàn toàn khuất phục trước ý trời, chú thốt lên: “Sức mạnh và quyền uy chỉ có ở Thượng đế tối cao vĩ đại.” Trong khi chấp tay vào nhau, chú vô tình miết vào chiếc nhẫn mà lão phù thủy người Phi đã đeo vào ngón tay, chú vẫn chưa hiểu rõ quyền lực. Lập tức một ông thần có bộ mặt to tướng và đôi mắt khủng khiếp như từ dưới đất chui lên sừng sững trước mặt chú, đầu chạm mái vòm cao. Thần nói với Alátđanh những lời sau đây:

- Ngài cần gì? Tôi xin sẵn sàng tuân lệnh. Tôi và tất cả nô lệ của chiếc nhẫn này đều là nô lệ của ngài cũng như của tất cả những ai đeo nó ở ngón tay.

Vào một lúc khác và trong một trường hợp khác, Alátđanh vốn chưa từng quen với những hiện hình kiểu ấy có thể đã khiếp đảm, không thốt được nên lời. Nhưng mãi lo âu cho số phận đang lâm nguy của mình, chú trả lời không

chút do dự:

- Cho dù ông là ai đi nữa, hãy đưa ta ra khỏi chốn này, nếu ông có đủ quyền lực làm điều ấy.

Chú chưa dứt lời, đất đã mở ra và chú thấy mình ở bên ngoài hầm ngầm, đứng vào nơi lão phù thủy đưa chú đến hôm trước.

Thoạt tiên, mắt Alátđanh không chịu nổi ánh sáng ban ngày. Lát sau, mắt chú mới quen dần. Nhìn ra chung quanh, chú rất ngạc nhiên thấy mặt đất không có chỗ hở, chú không hiểu được mình từ lòng đất chui ra được bằng lối nào. Chỉ có nhờ vào dấu cái bếp lửa đất từ hai hôm trước, chú mới mang máng nhận ra được cái hầm đại khái ở vào chỗ nào. Sau đấy, quay đầu nhìn lại, chú trông thấy thành phố nằm giữa các khu vườn bao bọc, và nhận ra con đường hôm nọ lão phù thủy đã dẫn chú đến.

Chú theo con đường đó đi ngược trở lại, vừa đi vừa cảm tạ Thượng đế đã cho mình sống lại mặc dù đã chắc mẩm chết mười mười. Chú lần vào thành phố, và vất vả lắm mới lê về được đến nhà. Vào được nhà mẹ đẻ, quá vui mừng vì gặp lại mẹ, cộng thêm nỗi gần ba ngày trời không được ăn, chú ngã lăn ngất đi một lát.

Bà mẹ tưởng chú bị lạc hay là đã chết, trông thấy con trong tình trạng ấy, vội tìm đủ mọi cách chạy chữa cho chú hồi tỉnh. Cuối cùng, chú tỉnh lại, và lời đầu tiên chú thốt lên là câu nói:

- Mẹ ơi, trước hết xin mẹ hãy cho con ăn, ba ngày nay con chẳng có một miếng gì vào bụng.

Bà mẹ mang những thứ có sẵn trong nhà ra để trước mặt con và nói:

- Con ơi, chớ có vội vàng, sẽ nguy hiểm đấy, con hãy ăn từng chút một và ăn thong thả. Trong lúc con đang đói như thế này, hãy giữ lấy hơi. Mẹ cũng không muốn con nói chuyện ngay với mẹ nữa. Bao giờ lại sức, con sẽ tha hồ kể cho mẹ nghe những gì đã xảy ra cho con. Trông thấy con là mẹ thỏa rồi, sau bấy nhiêu lo âu và chạy vạy ngược xuôi để tìm con; mẹ lo lắng kể từ hôm con ra đi khi thấy trời tối mà con vẫn không trở về.

Alátđanh nghe lời mẹ, ăn từ tốn từng ít một và uống có mức độ, ăn xong, chú nói:

- Mẹ ạ, con rất phàn nàn sao mẹ lại nhẹ dạ giao phó con vào một tay kẻ mang dã tâm hãm hại con, một kẻ mà, trong giờ phút con đang nói chuyện với mẹ đây, đang cầm chắc con không còn sống nữa, hẳn nhất quyết con đã chết rồi, thậm chí đã chết ngay trong ngày đầu. Ấy thế mà mẹ lại tin hẳn là chú con, và con cũng tin như mẹ mới khổ chứ. Làm sao chúng ta có thể nghĩ khác về một con người đã âu yếm, vỗ về con, cho con biết bao tiền của, lại còn hứa hẹn với con đủ điều lợi lộc? Thật ra, hẳn chỉ là một gã phản trắc,

một tên độc ác, một thằng bịp bợm. Hắn làm cho con bao nhiêu việc tốt và hứa hẹn với con bấy nhiêu điều là chỉ nhằm đi đến mục đích hãm hại con như con vừa nói mà mẹ cũng như con đều không thể nào đoán ra được tại sao. Về phần mình, con có thể quả quyết đã không hề gây nên cho lão bất cứ một điều gì đáng để cho lão đối xử như vậy. Qua câu chuyện con sẽ kể lại trung thực cho mẹ nghe, từ khi con từ già mẹ cho đến lúc lão thực hiện cái mưu đồ độc địa của lão, rồi mẹ khắc hiểu.

Alátđanh bắt đầu thuật lại tất cả những việc xảy ra cho chú cùng với lão phù thủy từ cái ngày thứ sáu lão đến tìm để đưa chú đi xem các tòa lâu đài và vườn tược ở ngoài thành phố, những gì đã xảy ra trên quãng đường cho đến các địa điểm nằm giữa hai quả núi, nơi lão phù thủy thực hành phép lạ kỳ của lão, bằng cách ném vào bếp lửa hương và đọc vài câu thần chú, mặt đất đã mở ra ngay tức khắc và để lộ lối đi xuống cái hầm con dẫn tới một kho tàng vô giá như thế nào. Chú không quên nhắc đến cái bạt tai của lão, rồi sau đó giảm bớt cơn giận dữ, lão đeo cho chú chiếc nhẫn, hứa hẹn rất nhiều điều khuyến khích chú đi xuống hầm ngầm. Chú không bỏ qua một tình tiết nào về những gì chú nhìn thấy khi đi ngang qua và quay trở lại ba gian phòng, trong khu vườn và trên sân thượng, nơi chú lấy được cây đèn kỳ diệu. Chú rút từ trong người ra khoe với mẹ cây đèn cùng các thứ quả trong suốt và nhiều màu sắc chú đã hái trong khu vườn khi quay trở ra với cùng hai túi đầy.

Chú đưa cho mẹ xem, nhưng bà chẳng chút lưu tâm. Ấy thế mà các quả ấy lại là những viên ngọc quý đang ánh lên rực rỡ như mặt trời dưới ánh sáng của ngọn đèn soi tỏ căn buồng. Nhưng bà mẹ Alátđanh vốn cũng chẳng hiểu biết gì về ngọc ngà hơn con trai. Bà được nuôi dạy trong hoàn cảnh rất nghèo hèn. Chồng bà chẳng giàu có gì để có thể cho bà những của quý ấy. Hơn nữa bà cũng chưa bao giờ trông thấy bất kỳ một người bà con hay hàng xóm nào đeo ngọc. Bởi vậy không có gì đáng ngạc nhiên khi bà coi những thứ ấy như những đồ vật chẳng có mấy chút giá trị, họa chăng chỉ làm vui mắt người ta nhờ những màu sắc khác nhau của chúng mà thôi. Thế là Alátđanh đành nhét tất cả vào đằng sau một chiếc gối đặt trên bộ phản chú đang ngồi.

Để kết thúc câu chuyện, chú kể tiếp cho mẹ nghe, sau khi trở ra lên đến miệng hầm và sắp sửa bước ra ngoài thì, vì chú không chịu đưa cây đèn cho lão phù thủy, lão ném một ít hương thơm vào đồng lửa mà lão vẫn giữ không cho tắt cho đến lúc bấy giờ và đọc mấy câu thần chú, thế là miệng hầm tự động đóng lại ngay tức khắc. Chú nghẹn ngào không thể nói thêm mà không rơi nước mắt lúc thuật lại cho mẹ nghe tình cảnh khôn đốn từ khi bỗng nhiên thấy mình bị chôn sống trong căn hầm ác hại cho đến lúc thoát ra được, hay cũng có thể nói là sống lại được nhờ chạm vào chiếc nhẫn thần. Kể đến đây,

chú nói với mẹ.

- Chẳng cần nói thêm nhiều hơn nữa những việc gì xảy ra sau đó, mẹ đã biết cả rồi. Tóm lại, đầu đuôi câu chuyện xảy ra với con và những nỗi hiểm nghèo mà con phải trải qua từ hôm con xa mẹ đến nay là như vậy đấy.

Bà mẹ Alátđanh kiên nhẫn lắng nghe mà không ngắt lời câu chuyện kỳ diệu và lạ lùng đồng thời cũng đáng lo âu nữa cho một người mẹ vẫn thương yêu con tha thiết bất chấp tính xấu của nó. Tuy vậy, đến những đoạn xúc động nhất, làm nổi bật sự đê hèn của lão phù thủy người Phi, bà không thể không để lộ ra mặt bà oán ghét lão ta đến chừng nào. Alátđanh vừa nói xong, bà đã không tiếc lời nguyên rủa tên bất lương ấy. Bà gọi lão nào là phản trắc, là xảo trá, là dã man, tên giết người, lừa dối, phù thủy, thù địch và là kẻ hủy diệt loài người.

- Đúng như vậy con ạ, – bà nói tiếp – đó là một tên phù thủy mà bọn phù thủy hết thầy đều là dòm bọ. Bằng những bùa ma phép quỷ, chúng toàn giao du với loài yêu quái. Tạ ơn Thượng đế đã không để cho sự độc ác của lão làm hại đến con! Con tạ ơn trời đất về cái phúc lành con vừa được hưởng. Nếu con không nhớ đến Thượng đế và cầu xin sự cứu vớt của Người, thì chắc chắn con đã không thể nào thoát nạn.

Bà còn nhiều điều nữa nguyên rủa lão phù thủy đã phản bội con trai bà, thì chợt nhớ ra Alátđanh, đã ba ngày rồi không chợp mắt, đang cần được nghỉ ngơi. Bà sửa soạn nơi cho chú nằm và một lát sau bà cũng đi ngủ luôn.

Alátđanh không hề được nghỉ ngơi suốt thời gian bị chôn sống trong cái hầm ngầm, cho nên đêm hôm ấy ngủ say như chết. Sáng hôm sau dậy thật muộn, vừa thức dậy câu đầu tiên chú nói với mẹ là chú đói lắm, và chú sẽ sướng tuyệt nếu bà có thức gì ăn. Bà mẹ đáp:

- Than ôi, con ơi, mẹ chẳng còn lấy một mẩu bánh cho con, tối hôm qua con đã ăn hết mọi thức ăn còn lại trong nhà rồi. Nhưng con hãy nén lòng chờ một tí, mẹ khắc có thứ mang về cho con. Nhà còn một ít sợi mẹ kéo được, mẹ sẽ mang bán đi mua bánh mì và một chút gì cho mẹ con ta ăn sáng.

- Mẹ ơi, mẹ hãy để dành số sợi ấy cho một bữa khác, – Alátđanh nói – và hãy đưa cây đèn con mang về hôm qua ra đây. Con sẽ đưa đi bán, với số tiền bán được chắc đủ cho mẹ con ta ăn lót lòng và ăn bữa sáng, may ra còn có thể đủ ăn buổi chiều nữa cũng nên.

Bà mẹ liền vào chỗ con nằm, lấy cây đèn đưa ra cho con và bảo:

- Đây, đèn của con đây, nhưng mà nó bẩn lắm, hãy đánh qua đi một chút, mẹ tin là sẽ bán được tiền hơn. Bà đi tìm nước và một ít cát để đánh bóng cây đèn. Nhưng bà vừa cọ sát cây đèn ấy, thì lập tức một ông thần góm ghiếc cao lớn như hộ pháp, hiện ra trước mắt hai mẹ con và cất giọng ồm ồm như sấm:

- Bà cần gì? Cùng với tất cả những nô lệ khác của cây đèn, tôi sẵn sàng tuân lệnh bà cũng như tuân lệnh bất cứ ai cầm cây đèn trong tay.

Bà mẹ Alátđanh không còn miệng lưỡi nào để trả lời. Trông thấy bộ mặt góm ghiếc và đặng đặng sát khí của ông thần, bà khiếp đảm đến nỗi vừa nghe thần nói mấy tiếng đầu, bà đã ngã vật ra bất tỉnh nhân sự.

Alátđanh đã từng gặp một sự hiện hình tương tự trong hầm ngầm. Không cần suy nghĩ cho mất thời giờ, chú cầm vội cây đèn, và thay lời mẹ, chú đáp giọng kiên quyết:

- Ta đang đói, hãy mang thứ gì lại đây cho ta ăn!

Thần đèn biến mất, và một lát sau trở lại, đội một chiếc mâm bạc lớn trên đầu, trên mâm có mười hai chiếc đĩa cũng bằng bạc đựng đầy những thức ăn tuyệt diệu, kèm sáu chiếc bánh mì trắng đặt trên đĩa, hai chai rượu ngon và hai chiếc ly bằng bạc cấp ở tay. Thần đặt tất cả xuống tấm phản, rồi biến ngay tức khắc.

Tất cả những việc đó xảy ra trong chốc lát, nhanh đến nỗi khi thần biến mất lần thứ hai, bà mẹ Alátđanh vẫn chưa hồi tỉnh. Alátđanh đắp một ít nước lạnh vào mặt bà nhưng chưa có kết quả, đang định làm thêm để cho bà tỉnh lại thì, hoặc là do tâm thần bà đang hồi trở lại dần dần hoặc là mùi thơm của các món ăn do thần đèn mang lại góp sức vào đấy phần nào, vì chính bà cũng đang đói, bà tỉnh dậy ngay. Alátđanh nói:

- Mẹ ơi, không hề gì đâu, mẹ hãy dậy và đến cùng ăn với con. Những món ăn này đủ làm cho mẹ an thần cũng như thỏa mãn cơn đói như bào của con. Chúng ta hãy ăn đi, chớ để nguội lạnh những thức ăn ngon thế này.

Bà mẹ Alátđanh cực kỳ ngạc nhiên khi trước mắt nhìn thấy chiếc mâm to, mười hai chiếc đĩa, sáu chiếc bánh, hai chai rượu và hai cái ly, và mũi người thấy mùi thơm quyến rũ tỏa lên từ những thức ăn ấy. Bà hỏi:

- Con ơi, ở đâu ra nhiều thế này, và chúng ta chịu ơn ai hào phóng như vậy? Hay là hoàng đế biết nỗi nghèo khổ của gia đình ta nên đoái thương chúng ta chăng?

- Mẹ ơi, chúng ta hãy ngồi vào mâm và ăn thôi! Alátđanh đáp. – Mẹ cũng đang đói như con; ăn xong rồi con sẽ xin thừa để mẹ rõ.

Hai mẹ con ngồi vào, càng ăn càng thấy ngon vì suốt đời họ chưa bao giờ có một mâm cỗ thịnh soạn như vậy. Vừa ăn, bà mẹ Alátđanh vừa ngẫm nghĩ và xuýt xoa ca ngợi chiếc mâm và các đĩa, mặc dù bà cũng không phân biệt được những thứ ấy làm bằng bạc hay làm bằng một chất gì khác, bởi vì chẳng mấy khi được nhìn thấy những đồ giống như vậy. Thật ra bà cũng chẳng biết giá trị là bao nhiêu. Điều bà ca ngợi nhất là nó mới toanh. Cậu con trai Alátđanh thì cũng chẳng hay biết gì hơn bà.

Hai mẹ con lúc đầu tưởng chỉ ăn lót dạ bình thường, nhưng mãi đến giờ ăn trưa vẫn chưa đứng dậy. Chả là những món ăn tuyệt diệu làm cho họ cảm thấy rất ngon miệng. Thức ăn còn nóng, họ nghĩ ra rằng thà chén luôn một mạch cả bữa sáng và bữa trưa còn hơn là chia làm hai bữa. Ấy thế mà ăn xong luôn cả hai bữa, phần còn lại cũng không những đủ để ăn tối mà còn có thể dành cho ngày hôm sau ăn hai bữa như vậy nữa.

Sau khi đã dọn mâm đĩa và cất số thức ăn chưa động đến, bà mẹ Alátđanh đến ngồi xuống tám phản bên cạnh con trai và nói:

- Mẹ sốt ruột chờ con kể cho mẹ nghe câu chuyện con vừa hứa với mẹ.

Alátđanh thuật lại đầy đủ những việc đã xảy ra giữa thần đèn và chú trong khoảng thời gian bà ngất đi cho đến khi bà tỉnh lại. Bà mẹ Alátđanh rất đổi ngạc nhiên về câu chuyện con vừa kể và về sự xuất hiện của thần đèn. Bà nói tiếp:

- Nhưng, con này, những chuyện về thần và thánh của con là thế nào nhỉ? Từ khi mẹ lọt lòng đến nay, chưa bao giờ mẹ nghe một người quen biết nào nói có trông thấy thần thánh cả. Tại làm sao cái lão hung thần gớm ghiếc ấy lại đến với mẹ? Tại sao lão nói với mẹ mà không nói với con, lão đã hiện lên với con một lần trong cái hầm ngầm giấu kho tàng rồi kia mà?

- Mẹ ơi, ông thần vừa hiện lên trước mặt mẹ không phải là ông thần đã hiện lên với con. Hai vị thần có giống nhau chừng nào về dáng vóc khổng lồ

nhưng họ hoàn toàn khác nhau về vẻ mặt và cách ăn mặc. Bởi vậy họ thuộc về những chủ nhân khác nhau. Mẹ còn nhớ không, ông thần hiện lên với con xưng là nô lệ của chiếc nhẫn con đeo ở ngón tay, còn ông thần hiện lên với mẹ lại xưng là nô lệ của cây đèn mẹ đang cầm. Nhưng con nghĩ là mẹ đã không nghe được hết vì, hình như ông ta vừa mở miệng nói, mẹ đã ngất xỉu đi rồi.

- Sao? Thế ra tại cây đèn của con cho mà lão hung thần chết tiệt ấy nói với mẹ chứ không nói với con à? Ôi! Con ơi, con hãy cắt nó đi khuất mắt cho mẹ nhờ, con muốn để nó ở đâu tùy ý, mẹ chẳng muốn động vào nó nữa. Theo mẹ tốt hơn là nên quăng hay bán đi còn hơn để có ngày chết khiếp vì chạm phải nó. Nếu con nghe lời mẹ thì con nên vất luôn cả chiếc nhẫn nữa. Không nên giao du với quỷ thần, chúng nó đều là yêu quái cả. Đáng tiên tri của chúng ta đã dạy như vậy sao?

- Mẹ ơi, xin mẹ cho phép, bây giờ con sẽ không bán nữa như con đã dự định làm lúc nãy, cây đèn này sẽ có ích cho mẹ con ta. Mẹ không thấy những thức ăn nó vừa mang lại cho chúng ta đó ư? Phải để cho nó tiếp tục cung đốn cho mẹ con ta sống chứ. Mẹ hẳn phải thấy như con rằng, chẳng phải không có lý do mà cái lão chú hờ độc địa của con lại chịu làm bao nhiêu việc khó khăn và chịu vất vả công đi xa vất vả như vậy, chỉ nhằm mục đích là chiếm bằng được cây đèn thần diệu này. Lão còn chuộng cây đèn này hơn tất cả vàng bạc lão biết rõ là giấu trong các gian phòng, như lão đã nói trước với con và chính mắt con cũng trông thấy. Lão biết rõ tác dụng và giá trị của cây đèn này lắm, cho nên mới không đòi hỏi một thứ gì khác trong cả một kho tàng quý báu như vậy.

Nhờ sự tình cờ mà mẹ con ta nhận ra được công dụng của nó, thì chúng ta hãy sử dụng sao cho có lợi cho nhà ta mà không ồn ào để khỏi làm cho hàng xóm sinh lòng ham muốn và ghen tị. Mẹ sợ các thần thánh đến thế, thì con sẵn sàng mang cây đèn đi cho khuất mắt mẹ và cất ở một nơi để có thể tìm lại khi cần. Còn về chiếc nhẫn, con không thể đang tâm vất nó đi, không có chiếc nhẫn ấy, mẹ đã không thể gặp lại con. Vậy mẹ cho phép con giữ lấy và luôn luôn trang trọng đeo ở ngón tay. Ai có thể nói trước một tai nạn hiểm nghèo nào xảy đến với con, mẹ lẫn con đều không thấy trước được, và biết đâu chiếc nhẫn này sẽ chẳng giải thoát cho con?

Lý lẽ Alátđanh nghe cũng xuôi tai, bà mẹ chẳng biết cãi lại thế nào. Bà nói:

- Con ơi, con muốn làm gì tùy ý. về phần mẹ, mẹ chẳng muốn dính dáng gì đến quỷ thần. Mẹ nói rõ với con là mẹ không chịu trách nhiệm, và từ nay mẹ chẳng bao giờ nói thêm với con về chuyện ấy nữa.

Ngày hôm sau, ăn xong bữa tối thì chẳng còn sót tí gì số thức ăn thần đèn

mang về. Hôm sau nữa, Alátđanh không chờ đến con đoi bụng thúc bách, chú lấy một chiếc đĩa bạc giấu dưới vạt áo rồi mang đi bán rất sớm.

Dọc đường gặp một lão Do Thái, chú kéo riêng lão ta ra một nơi, đưa cho xem cái đĩa và hỏi lão có muốn mua không.

Lão Do Thái tinh ranh và khôn khéo, cầm lấy chiếc đĩa xem xét và vừa thấy nó bằng bạc tốt, liền xăm xăm hỏi ngay Alátđanh định giá bao nhiêu, chú không hiểu rõ giá trị của nó và chưa bao giờ buôn bán loại hàng này, đành phải đáp rằng lão hẳn biết rõ chiếc đĩa này đáng giá bao nhiêu, và chú tin vào sự ngay thật của lão. Lão Do Thái bối rối trước sự khôn ngoan của Alátđanh. Phân vân không rõ chú có biết chiếc đĩa làm bằng gì và có rõ giá trị của nó hay không, lão móc ở túi tiền ra đưa cho chú một đồng tiền vàng – có giới lắm thì đồng tiền này cũng mới bằng một phần bảy mươi giá trị của cái đĩa.

Alátđanh vội vã đón lấy đồng tiền vàng, và khi đã nắm được ở trong tay rồi, chú bỏ đi hấp tấp đến nỗi lão Do Thái không bằng lòng với món lời quá mức vừa thu được qua chuyện mua bán ấy, tự lấy làm bực mình sao đã không nắm chắc Alátđanh không hay biết giá cả thứ hàng vừa bán, thành ra lão đã không mặc cả giá thấp hơn nữa. Suýt nữa lão đuổi theo chàng trai, hy vọng có thể bớt lại được chút ít nào trong đồng tiền vàng của lão. Nhưng Alátđanh chạy đã khá xa, lão có vất vả lắm cũng chưa chắc đã đuổi kịp.

Trên đường về, Alátđanh ghé vào một hiệu bánh mỳ, mua phần bánh cho cả hai mẹ con, chú đưa đồng tiền vàng ra và lấy lại tiền lẻ. Về đến nhà, chú đưa số tiền còn lại cho mẹ, bà ra chợ mua thêm những thức ăn cần thiết khác đủ cho hai mẹ con sống qua mấy ngày. Hai mẹ con tiếp tục sống theo lối ấy, nghĩa là Alátđanh lần lượt bán hết tất cả các đĩa cho đến cái thứ mười hai, vẫn theo cách thức chú bán chiếc đầu, mỗi khi trong nhà hết tiền tiêu. Lão Do Thái đã bỏ ra một đồng tiền vàng để mua chiếc đầu, không dám bớt giá, sợ mất món bở, lão đành mua tất cả cùng một giá ấy. Khi đã tiêu hết số tiền bán chiếc đĩa cuối cùng rồi, Alátđanh tìm đến cái mâm, nặng bằng mười cái đĩa cộng lại. Chú muốn mang đến bán cho bạn hàng quen thuộc của chú nhưng nặng quá không mang nổi. Chú buộc phải tìm lão Do Thái, sau khi xem xét trọng lượng của cái mâm, lập tức đếm trả mười đồng tiền vàng, và Alátđanh lấy thế làm mãn nguyện.

Chừng nào các đồng tiền vàng ấy hãy còn, thì nó được dùng trang trải các khoản tiêu pha hằng ngày trong gia đình. Trong thời gian ấy, Alátđanh quen với lối sống an nhàn. Từ hôm xảy ra cái chuyện rắc rối với lão phù thủy người Phi, chú thôi không chơi đùa với bọn trẻ con cùng lứa tuổi nữa. Suốt ngày chú đi dạo chơi hoặc trò chuyện với những người chú làm quen, một đôi khi chú dừng lại ở các hiệu buôn lớn, lắng nghe những người quyền quý

ghé qua hay hẹn hò ở đây trao đổi với nhau; và những câu chuyện ấy dần dần cũng giúp chú có ít nhiều hiểu biết về cuộc đời.

Khi đã tiêu sạch hết mười đồng vàng, Alátđanh phải nhờ đến cây đèn. Chú cầm đèn ở tay, tìm cái chỗ mẹ chú trước đây đã chạm vào, và nhận ra cái vết xây xát do cát gây nên, chú miết vào đấy và lập tức thần đèn đã hiện ra như lần trước xuất hiện trước mặt chú. Nhưng, vì Alátđanh miết nhẹ tay hơn mẹ, thần đèn nói với chú giọng dịu dàng hơn, vẫn những lời lẽ như lần trước:

- Ngài cần gì? Cùng với tất cả nô lệ khác của cây đèn, tôi sẵn sàng tuân lệnh ngài cũng như tuân lệnh những ai cầm cây đèn trên tay.

Alátđanh bảo:

- Ta đang đói, hãy mang lại cho ta thức ăn!

Thần đèn biến mất và chỉ lát sau lại xuất hiện, mang theo một mâm cỗ giống y như lần trước. Thần đặt mâm thức ăn xuống phản rồi biến ngay lập tức.

Bà mẹ Alátđanh biết trước ý định của con, liền bỏ ra ngoài làm một việc gì đấy, để khỏi có mặt trong nhà khi thần đèn xuất hiện. Lát sau bà trở vào, trông thấy bàn và chạn đầy ắp thức ăn, bà cũng ngạc nhiên về những tác dụng kỳ lạ của cây đèn không kém gì lần trước. Hai mẹ con ngồi vào bàn, và sau bữa ăn, vẫn còn lại đủ cho hai người sống thoải mái hai ngày sau đó.

Khi trông thấy trong nhà không có bánh mì hoặc thức ăn gì khác và cũng chẳng có tiền để mua, Alátđanh cầm một chiếc đĩa bạc đi tìm lão Do Thái quen biết để bán. Đường chú đi ngang qua trước cửa hiệu một nhà buôn vàng bạc, một cụ già đáng kính, lương thiện và rất ngay thẳng. Trông thấy chú cụ già gọi lại bảo chú vào nhà và nói:

- Con ơi, lão từng nhìn thấy con nhiều lần đi qua, mang theo vật gì như hôm nay đến gặp lão Do Thái nọ, rồi sau đó trở về không thấy vật ấy nữa, lão nghĩ rằng chắc con mang đến bán cho lão ta. Nhưng con chưa biết lão ta là một tên bịp và còn bịp bợm hơn mọi tên Do Thái khác. Không một ai đã một lần buôn bán với lão còn muốn quan hệ gì thêm với lão. Hơn nữa, điều lão nói với con đây là chỉ vì lợi ích của con. Nếu con vui lòng đưa cho lão xem cái vật con hiện đang mang theo trong người, và nếu con có ý định bán thì lão sẽ trả cho con thật đúng giá của nó, nếu vật đó hợp ý lão. Bằng không lão sẽ giới thiệu con với những nhà buôn khác, họ sẽ không lừa bịp con.

Hy vọng có thể bán được nhiều tiền hơn, Alátđanh lấy chiếc đĩa giấu trong vạt áo ra đưa cho cụ xem. Cụ nhìn biết ngay chiếc đĩa bằng bạc tốt, liền hỏi chú có phải đã từng bán những chiếc giống thế này cho lão Do Thái không, và được lão trả bao nhiêu tiền. Alátđanh ngập thơ đáp chú đã bán mười hai chiếc, mỗi chiếc chỉ được lão trả cho mỗi một đồng tiền vàng.

- Chao ôi! Tên kẻ cắp! – Cụ già thốt lên. – Con ạ, việc gì đã qua rồi thì thôi, chẳng cần phải nghĩ đến làm gì nữa, nhưng lão nói cho con rõ cái đĩa của con bằng thứ bạc tốt hơn cả những thứ bán trong cửa hiệu của lão đây, tên Do Thái đã bịp mắt của con không biết bao nhiêu là tiền.

Cụ già buồn đồ bạc lấy chiếc cân ra cân cái đĩa. Sau khi giảng giải cho Alátđanh biết thế nào là một nén bạc, một nén có bao nhiêu lạng và giá trị bao nhiêu tiền, cụ căn cứ vào trọng lượng của nó, nói cái đĩa đáng giá bảy mươi hai đồng vàng. Nói xong, cụ đếm ngay tiền mặt và bảo:

- Đây, cái đĩa của con giá trị đúng chừng này. Nếu con không tin, con có thể đi hỏi bất kỳ hàng bạc nào con muốn, nếu có ai bảo rằng nó đáng giá cao hơn thì lão hứa sẽ trả gấp đôi. Những người làm nghề bạc như lão đây mua bạc chỉ lấy công làm lãi, việc đó thì đến những người Do Thái ngay thật nhất cũng không chịu làm.

Alátđanh hết lời cảm ơn cụ hàng bạc đã có lời khuyên bảo giúp chú thu được một món hời rất lớn. Từ đây trở đi, chú chỉ bán cho cụ tất cả những đĩa bạc, cũng như chiếc mâm, cái này cũng vẫn được trả đúng giá tương xứng với trọng lượng của nó.

Mặc dù hai mẹ con Alátđanh có một nguồn tiền vô tận ở cây đèn, tiêu hết cần có bao nhiêu thì được bấy nhiêu, họ vẫn tiếp tục sống thanh đạm như trước, trừ những khi Alátđanh cần chi tiêu riêng để ăn mặc cho chừng chạc hoặc mua sắm những thứ cần thiết cho gia đình. Bà mẹ, về phần mình, cũng chỉ dám may mặc bằng món tiền bán số sợi bà kéo được. Với lối sống sinh hoạt phải chăng như vậy, cũng dễ tính ra được khoảng thời gian mà số tiền bán mười hai cái đĩa và chiếc mâm theo giá bán cho cụ già hàng bạc – nuôi họ được bao lâu. Họ sống như vậy trong mấy năm, chỉ thỉnh thoảng Alátđanh mới phải nhờ đến cây đèn.

Trong thời gian ấy, Alátđanh lớn lên vẫn không quên lui tới gặp gỡ thường xuyên những người giàu có ở các hiệu buôn dạ vàng, dạ bạc, lụa là, gấm vóc và kim hoàn lớn nhất, thỉnh thoảng bắt chuyện với họ. Dần dần cậu trở nên khôn ngoan và vô tình bắt chước kiểu cách của hạng người sang trọng. Đặc biệt chính tại các hiệu buôn đồ ngọc mà cậu vỡ lẽ ra mình đã hiểu sai về các thứ trái cây trong suốt hái trong khu vườn khi đi lấy cây đèn, đây không phải là thủy tinh màu mà chính là châu báu rất đắt tiền. Nhìn mãi người ta mua đi bán lại những thứ ấy trong các hiệu buôn, cậu biết được tên gọi và giá cả. Vì không hề thấy có những viên ngọc nào đẹp và to bằng những viên của mình, cậu hiểu rằng cậu sở hữu cả một kho tàng vô giá, chứ không phải là những cục thủy tinh mà cậu từng coi như những thứ vớ vẩn. Cậu cẩn thận không nói cho ai biết, kể cả mẹ đẻ, và rõ ràng sự kín tiếng của cậu đã giúp cho cậu vươn lên địa vị cao sang mà chúng ta sẽ thấy sau này.

Một hôm, đang đi dạo trong khu phố, Alátđanh nghe có lời rao to lệnh của hoàng đế truyền cho mọi nhà cửa quán xá đều phải đóng cửa, ai nấy đều phải ở trong nhà. Chờ cho đến sau khi công chúa Bađrunbuđua, con gái của vua, đi ngang qua phố để đến nơi tắm và tắm xong trở về.

Lời rao ấy làm Alátđanh nảy ra sự tò mò muốn nhìn công chúa tận mắt. Nhưng cậu chỉ có thể làm được việc đó bằng cách nấp vào một nhà quen rồi nhìn qua khe cửa. Mà cậu lại không bằng lòng như vậy, bởi vì công chúa theo phong tục sẽ phải mang mạng che mặt khi đến nhà tắm. Để thỏa mãn tính tò mò, cậu nghĩ ra một cách rất hay. Cậu đến nấp sau cửa nhà tắm, và tìm lối đứng thế nào có thể nhìn thẳng mặt công chúa khi nàng đi tới. Alátđanh không phải chờ lâu. Công chúa xuất hiện.

Cậu có thể nhìn rõ qua một khe cửa khá rộng mà không bị lộ. Một đám đông nàng hầu và hoạn nô quây quần hai bên và theo sau công chúa. Đến cách cửa nhà tắm chừng ba, bốn bước, nàng bỏ tấm mạng che mặt cho khỏi vướng, thành thử tạo điều kiện cho Alátđanh tha hồ nhìn ngắm cho thỏa thuê vì nàng đi thẳng về phía cậu đang nấp.

Cho đến lúc ấy, Alátđanh chưa bao giờ trông thấy mặt một người đàn bà nào không đeo mạng ngoài mẹ đẻ, bà đã già và nét mặt hồi trẻ cũng không xinh đẹp gì để cho cậu nghĩ rằng những người phụ nữ khác có thể đẹp hơn. Hẳn cậu cũng đã từng có lần được nghe nói có người nọ người kia xinh đẹp tuyệt trần, song cho dù có dùng lời lẽ đến thế nào chẳng nữa để ca ngợi sắc đẹp thì vẫn không bao giờ gây được ấn tượng mạnh mẽ như chính mắt nhìn thấy người đẹp.

Trông thấy công chúa Bađrunbuđua, Alátđanh mất ngay ý nghĩ vẫn cho rằng tất cả phụ nữ đều na ná giống như mẹ cậu. Cảm xúc của cậu khác hẳn, và tim cậu không thể không rung động trước sắc đẹp đang làm cậu say đắm. Quả vậy, công chúa là một người con gái có mái tóc đen đẹp nhất trần thế. Đôi mắt nàng to, không sâu, tinh nhanh và trong sáng. Cái nhìn dịu dàng và khiêm tốn. Mũi nàng cân xứng tuyệt vời. Miệng nàng nhỏ, môi đỏ như son và đều đặn trông thật đáng yêu. Tóm lại, mọi đường nét trên khuôn mặt nàng đều hết sức cân đối. Thêm vào nhan sắc ấy, thân hình nàng nở nang, dáng đi và điệu bộ oai vệ làm cho bất cứ ai thoát nhìn cũng đều phải đem lòng kính trọng.

Công chúa đã vào trong nhà tắm rồi, Alátđanh vẫn còn đứng ngẩn hồi lâu như mê mẩn, cố hình dung lại và khắc sâu vào tâm trí hình dáng một con người làm cậu đắm đuối và yêu dấu đến tận đáy lòng. Cuối cùng cậu chợt tỉnh, và hiểu rằng công chúa đã đi qua rồi, dù cho cậu cố đứng đây chờ nàng tắm xong trở ra cũng vô ích thôi, bởi lẽ nàng quay lưng lại phía cậu và sẽ đeo mạng che mặt, vì vậy cậu quyết định ra về.

Về nhà, Alátđanh không thể giấu không để lộ cho mẹ thấy nỗi băn khoăn tư lự của mình. Bà ngạc nhiên thấy con trai buồn bã và mơ màng trái với thói quen. Bà hỏi có việc gì xảy ra, hay là cậu khó ở chẳng. Nhưng Alátđanh không đáp lại một tiếng, cậu hờ hững buông mình xuống phản, và ngồi yên một chỗ, mê mải hình dung bóng dáng yêu kiều của công chúa Bađrunbuđua. Bà mẹ mải bận thôi cơm chiều cũng không gặng hỏi thêm. Cơm chín, bà dọn ra cạnh Alátđanh rồi cùng ngồi xuống cạnh phản. Thấy con không mấy may chú ý, bà nhắc con đi ăn, và cậu có vẻ như vất vả lắm mới quay lại được. Cậu ăn ít hơn hẳn so với lúc bình thường, mắt vẫn luôn luôn nhìn xuống và miệng vẫn câm như thóc, đến nỗi bà không thể nào cạy ra được một lời nào, mặc cho bà hỏi dồn để cố tìm hiểu vì sao có sự thay đổi khác thường như vậy.

Sau bữa cơm, bà mẹ lại muốn hỏi cho rõ vì đâu có nỗi buồn da diết đến thế nhưng cũng chẳng biết gì thêm. Alátđanh quyết định đi ngủ chứ không chịu hé răng ra cho mẹ hay biết một tí gì.

Chẳng cần biết rõ anh chàng Alátđanh cảm sắc đẹp và si về yêu kiều của công chúa Bađrunbuđua đêm hôm ấy đã ngủ nghê như thế nào, chúng ta chỉ cần chú ý là ngày hôm sau lúc ngồi trên bức phản đối diện với mẹ đang kéo sợi như thường lệ, cậu nói với bà:

- Mẹ ơi, con nói cho mẹ rõ, chứ không thể im lặng như từ hôm qua đến bây giờ. Sự im lặng của con chắc làm mẹ phiền lòng, con biết lắm. Hôm qua, con không ốm như mẹ tưởng đâu, và bây giờ cũng vậy. Nhưng con có thể nói với mẹ rằng điều con cảm thấy hôm qua và bây giờ cũng vẫn đang cảm thấy là một cái gì còn tệ hơn cả ốm đau. Con không rõ cái bệnh ấy là gì, song con tin rằng những điều mẹ sắp nghe đây sẽ làm cho mẹ rõ.

- Ở khu phố ta, – Alátđanh nói tiếp – không ai được biết, và bởi vậy mẹ không sao biết được là hôm qua công chúa Bađrunbuđua, con gái của hoàng đế, đi tắm sau bữa ăn trưa. Con biết được tin ấy khi đi dạo ngoài phố. Lệnh truyền cho dân chúng đóng các cửa hiệu và ai trở về nhà nấy để tỏ lòng kính trọng công chúa và để cho quang vắng các phố nòng sẽ đi tới nhà tắm. Lúc ấy con ở không xa nhà tắm, sự tò mò muốn nhìn tận mặt công chúa đã khiến con nảy ra cái ý đến nắp sau cửa ra vào, con nghĩ rằng chắc nòng sẽ cất tấm mạng che mặt khi sắp bước vào nhà tắm. Mẹ đã biết vị trí của cái cửa ra vào đấy, mẹ có thể hình dung là con sẽ tha hồ mà ngắm nòng nếu như sự việc xảy ra đúng như con dự tính. Quả nhiên, khi bước vào, nòng cất tấm mạng che mặt và con có được niềm hạnh phúc ngắm nghía thỏa thuê nòng công chúa yêu kiều ấy. Thừa mẹ, đây là nguyên nhân khiến cho con bần thần và im lặng cho đến bây giờ. Con yêu công chúa mãnh liệt lắm, không thể nào nói hết lời, mỗi tình nồng cháy và thiết tha, từng giờ từng phút càng thêm

nồng cháy, con nghĩ rằng nó chỉ được thỏa mãn chừng nào con lấy được nàng công chúa Bađrunbuđua đáng yêu, vì vậy con quyết định nhờ người hỏi xin hoàng đế gả nàng cho con.

Bà mẹ Alátđanh lắng nghe con trai khá chăm chú cho đến hết. Khi nghe con ngỏ ý muốn hỏi công chúa làm vợ, bà không nén khỏi phá lên cười làm cậu phải ngừng lại. Alátđanh muốn nói tiếp, nhưng bà lại ngắt lời:

- Này, con ơi, con mơ màng gì thế? Con hấn mất trí đi rồi, cho nên mới nói với mẹ những điều như vậy.

- Mẹ ạ, con có thể quả quyết với mẹ rằng con không mất trí, – Alátđanh đáp – con hoàn toàn minh mẫn. Con đã biết trước rằng mẹ trách mắng con là điên cuồng và lập dị. Mặc dù vậy nó vẫn không ngăn con nói với mẹ một lần nữa rằng con quyết tâm xin hoàng đế gả công chúa Bađrunbuđua cho con.

- Thật ra, mẹ không thể không nói rằng con đã hoàn toàn mất trí, con ạ. – Bà mẹ nói rất nghiêm trang. – Và cho dù con có muốn thực hiện quyết định ấy đi nữa, mẹ không rõ ai sẽ là người có gan đến gặp hoàng đế để thay con ngỏ lời cầu hôn công chúa.

- Mẹ chứ còn ai nữa? – Cậu con trai đáp không chút chần chừ.

- Mẹ ư? – Bà mẹ thốt lên vừa bất ngờ vừa kinh ngạc. -Mẹ đến gặp hoàng đế? Chao ôi, mẹ chẳng bao giờ dám dấn thân vào một việc như vậy. Con ơi, con là ai, mà dám cả gan tư tưởng đến con gái hoàng đế? Phải chăng con đã quên mất bố con là một người thợ may, loại hèn mọn nhất trong kinh đô của Người, và dòng dõi ông cha của mẹ con đây cũng chẳng chút cao sang hơn? Con có biết không, rằng các bậc hoàng đế không thèm gả con gái của mình cho ngay cả những hoàng tử mà không có hy vọng một ngày kia sẽ lên ngôi báu trị vì như họ.

- Mẹ ơi, con đã thưa với mẹ là con đã đoán trước tất cả những điều mẹ vừa nói. Cho dù mẹ có bảo gì đi nữa, con cũng chỉ đáp lại một lời ấy mà thôi. Mọi lời trách mắng của mẹ không làm con đổi ý. Con đã thưa với mẹ là con sẽ nhờ mẹ ra đi hỏi công chúa Bađrunbuđua cho con. Vì quý mẹ cho nên con mới nhờ mẹ giúp cho việc đó. Con van mẹ chớ có khước từ, trừ phi là mẹ muốn cho con chết chứ không muốn đẻ ra con một lần nữa.

Bà mẹ Alátđanh rất bối rối khi thấy con khẳng khẳng giữ mãi ý nghĩ chẳng biết điều chút nào.

- Con ơi, – bà lại nói – mẹ là mẹ con, mẹ đã đứt ruột đẻ ra con, nếu mẹ sẵn sàng làm việc đó thì cũng là điều hợp tình hợp lý đối với mẹ cũng như đối với con thôi. Giả như đây là chuyện đi hỏi con gái một gia đình nào hàng xóm với nhà ta, mà gia cảnh cũng giống nhà ta hoặc hơn kém chút ít, thì mẹ đã chẳng nề hà khó nhọc, mẹ sẽ hết lòng cố gắng và tìm đủ mọi cách lo liệu

cho con.

Đây là chưa nói, muốn đạt được kết quả, con phải có ít nhiều tài sản hay lợi tức, hoặc là biết một nghề nghiệp nào đó. Khi những kẻ nghèo khó như chúng ta muốn lập gia đình, điều đầu tiên phải nghĩ tới là lấy gì mà sống sau này. Ấy thế mà con chẳng suy nghĩ gì sất đến dòng dõi hèn hạ của mình, đến việc mình chẳng hề có tiếng tăm hoặc của cải, mà lại đi mơ ước tận đỉnh cao danh vọng, lại tính đến chuyện đi hỏi lấy con gái vua về làm vợ. Con gái của Người, mà chỉ cần phán một lời là đủ tống con xuống vực hay xéo nát thân con. Mẹ để riêng những việc có liên quan đến con, mặc cho con suy nghĩ lo liệu lấy, nếu con còn có chút trí khôn. Mẹ chỉ nói đến điều có liên quan đến mẹ. Làm sao con có thể nảy ra cái ý kỳ quặc là muốn cho mẹ đến gặp hoàng đế xin Người gả công chúa cho con? Nói giả dụ mẹ dám láo xược – chứ đừng nói là bạo gan – đến gặp hoàng đế để cầu xin một việc kỳ dị như vậy đi nữa, thì thử hỏi mẹ biết nhờ ai dẫn mẹ vào? Con có ý nghĩ là người đầu tiên mẹ nghĩ nhờ việc ấy sẽ cho mẹ là một con điên và đánh đuổi mẹ đi, mà như thế cũng chẳng phải oan ức gì! Lại giả dụ nữa, rằng mẹ không gặp khó khăn gì và vào được đến nơi hoàng đế thiết triều. Mẹ biết là người ta vẫn có thể vào được đến nơi để kêu van hoàng đế xét cho một nỗi oan ức nào đó và Người sẵn sàng minh xét. Mẹ cũng biết nữa rằng, khi có ai đến xin vua một ân huệ nào đó, Người vui lòng ban cho nếu xét thấy kẻ đó đã và đáng được hưởng. Nhưng con có thuộc vào trường hợp ấy không? Có phải con tin là con đáng được hưởng đặc ân mà con muốn mẹ cầu xin cho? Con có xứng đáng không? Con đã làm được việc gì cho hoàng đế hay cho nước nhà? Con đã có công lao về những mặt nào? Nếu con chưa hề làm gì để đáng hưởng đặc ân đó và hiện bây giờ con cũng không xứng đáng, vậy thì làm sao mẹ dám cả gan đi cầu xin cho con? Làm sao mẹ có thể mở miệng cầu với hoàng đế chuyện đó? Chỉ cần trông thấy hoàng thượng uy nghiêm với tất cả triều đình lộng lẫy là mẹ đã cảm như hén. Ngay đối với bố con xưa kia, mỗi lần muốn hỏi xin bố con một điều gì, mẹ cũng run cầm cập nữa là.

Còn một điều khác nữa mà con chưa nghĩ tới, là không bao giờ người ta đến gặp các bậc vua chúa để cầu xin một việc gì đó mà không có lễ vật cầm tay. Có lẽ vật ít ra cũng có cái lợi là, dù hoàng đế có từ chối không ban ân vì những lý do gì đó, Người cũng sẽ lắng nghe trình bày mà chẳng lấy làm khó chịu. Nhưng con thì có lẽ vật gì dâng lên hoàng đế nào? Mà cho dù con có biện được một lễ gì đáng cho hoàng thượng hạ cố chút nào, thì thử hỏi cái lễ vật ấy có xứng với lời cầu xin con định cầu lên hoàng đế hay không? Con ơi, hãy tỉnh trí lại. Con hãy hiểu rằng ước mơ của con không thể nào thực hiện được.

Alátđanh rất bình tĩnh lắng nghe tất cả những lời mẹ cố thuyết phục cậu từ bỏ ý đồ của mình. Sau khi suy nghĩ về những nhận xét của bà, cuối cùng cậu

đáp:

- Mẹ ạ, con nhận ra thật quá bạo gan cho nên mới dám có những ước mong cao xa như vậy. Và con cũng đã thiếu suy nghĩ khi quá nôn nóng và thiết tha nhờ mẹ đi gặp hoàng đế để hỏi công chúa cho con mà không lo trước những thứ cần thiết để mẹ được phép vào triều yết và được hoàng đế vui vẻ tiếp. Xin mẹ tha lỗi cho. Nhưng xin mẹ chớ ngạc nhiên sao con chưa tính toán hết tất cả những gì có thể giúp cho con toại nguyện. Mẹ không thể tưởng tượng được con yêu công chúa Bađrunbuđua đến mức nào, hay đúng hơn là con sủng ái nàng. Con vẫn nhất quyết giữ ý định là sẽ kết hôn cùng nàng cho bằng được. Đó là một điều con đã dứt khoát và quyết tâm. Con cảm ơn mẹ về những điều mẹ vừa chỉ bảo cho, con coi đó là bước cố gắng đầu tiên để đạt kết quả mà con quyết giành cho bằng được.

Mẹ bảo không có lễ vào triều yết vua mà không có lễ vật cầm tay, và con chẳng có gì xứng đáng để dâng lên hoàng đế ư? Con đồng ý với mẹ về cái chuyện lễ vật, thú thật là con đã không nghĩ tới. Còn về cái điểm mẹ nói con chẳng có gì đáng dâng lên vua, vậy thì những thứ con mang về hôm con thoát được một cái chết đã cầm chắc mười mươi, như mẹ đã biết đấy, liệu mẹ có cho là đủ làm thành một lễ vật sẽ khiến cho hoàng đế bằng lòng không? Con muốn nói đến những thứ con mang về trong hai cái túi và giắt trong người, mà cả hai mẹ con ta đều tưởng là những cục thủy tinh xanh đỏ. Bây giờ con đã hiểu ra và xin nói để mẹ rõ, mẹ ạ, đây là những châu ngọc vô giá chỉ đáng cho những bậc đế vương lớn nhất dùng mà thôi. Con biết rõ giá trị của nó nhờ hay lui tới các hiệu buôn vàng bạc, mẹ có thể tin lời con. Tất cả những châu ngọc mà con trông thấy ở các hiệu buôn vàng ngọc ở ta không thể so sánh với những viên ngọc của nhà ta cả về cỡ lớn cũng như về vẻ đẹp. Ấy thế mà họ lại đặt những giá cao quá sức tưởng tượng.

Thật ra, mẹ cũng như con chúng ta làm sao biết được những viên ngọc của chúng ta đáng giá bao nhiêu. Nhưng dù thế nào chăng nữa, dựa vào chút kinh nghiệm ít ỏi của con, con tin tưởng chắc chắn rằng lễ vật này chỉ có thể làm hoàng đế vui lòng. Mẹ có một chiếc bình sứ khá to và hình dáng thích hợp để đựng ngọc. Mẹ hãy lấy ra đây, chúng ta hãy xem sau khi xếp loại các viên ngọc theo màu sắc, trông sẽ đẹp như thế nào.

Bà mẹ Alátđanh đi tìm chiếc bình sứ, và Alátđanh lấy các viên ngọc đựng trong hai cái túi ra xếp vào bình. Dưới ánh sáng ban ngày, các viên ngọc khác màu sắc, ngời lên lấp lánh rực rỡ đến nỗi làm cho hai mẹ con gần như lóa mắt. Họ đều rất ngạc nhiên bởi vì trước đây chỉ nhìn từng viên dưới ánh sáng của ngọn đèn dầu. Đúng là Alátđanh đã từng nhìn thấy các viên ngọc ấy mắc lên cây như quả và cảnh tượng đó thật mê ly, song dạo ấy cậu còn là một đứa trẻ con, cậu chỉ nhìn những viên ngọc như là những đồ trang trí chỉ có thể dùng làm đồ chơi, và cậu hái về cũng chỉ nhằm thế thôi chứ chẳng hay

biết gì hơn nữa.

Sau khi ngắm nghía một lát vẻ đẹp của tặng phẩm ấy, Alátđanh nói với mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ không còn có thể thoái thác không đi gặp hoàng đế với cái cơ là không kiếm được lễ vật để dâng lên Người nữa nhé. Cái lễ vật này, theo ý con, sẽ làm cho mẹ được đón tiếp một cách tử tế nhất.

Bà mẹ Alátđanh tuy có nhận thấy lễ vật đẹp và rực rỡ thật, song vẫn không tin rằng nó đắt tiền đến mức con bà nói. Tuy nhiên, bà vẫn nghĩ là nó sẽ được chấp nhận, và biết là không thể cãi lại con ở điểm này.

Nhưng bà vẫn trở lại chuyện Alátđanh muốn bà nhận việc dâng lễ vật này mà tâu xin hoàng đế. Bà vẫn rất ngại ngùng về chuyện ấy:

- Con ơi, mẹ cũng đồng ý là lễ vật này sẽ có tác dụng, hoàng đế chắc sẽ nhìn mẹ với con mắt thiện cảm, nhưng con hãy miễn cho mẹ cái việc con đòi mẹ phải tâu xin Người, mẹ e rằng mẹ sẽ không đủ sức nói, mẹ sẽ im thin thít mất thôi. Như vậy, không những mẹ sẽ lúng túng mà còn mất không cả lễ vật, mà con cho là cực kỳ quý báu, và rồi mẹ trở về bối rối nói với con rằng con chẳng còn mấy may hy vọng nữa đâu. Mẹ đã nói với con, con phải tin chắc cơ sự sẽ diễn ra như vậy cho mà xem.

Nhưng, – bà nói tiếp – mẹ muốn cố ép mình phải chiều ý con, và cứ cho là mẹ có gan tâu xin việc con muốn mẹ làm đi nữa, thì chắc chắn mười mươi hoặc là hoàng đế sẽ chế giễu mẹ và đuổi mẹ như đuổi một con điên, hoặc là Người sẽ nổi cơn thịnh nộ thật sự, làm cho mẹ con ta đến phải tội mất thôi.

Bà mẹ Alátđanh còn nói với con thêm nhiều lý lẽ khác hòng làm cậu thay đổi ý kiến, song vẻ kiêu diễm của công chúa Bađrunbuđua đã khắc vào lòng cậu một ấn tượng quá ư mãnh liệt đến nỗi không có cách gì lay chuyển cậu. Alátđanh vẫn khẳng khái đòi mẹ làm việc cậu đã quyết. Và phần vì thương con, phần thì e con phần chí mà đại đột liều thân chẳng, bà đành cố vượt qua mọi ngại ngùng để chiều ý con trai.

Lúc ấy đã quá muộn, hết giờ vua thiết triều rồi, công việc đó đành gác sang hôm sau. Từ bấy cho đến hết ngày, hai mẹ con chẳng nói gì khác ngoài chuyện ấy. Alátđanh tìm đủ mọi cách làm cho mẹ giữ quyết tâm sẽ đi đến gặp hoàng đế. Mặc cho con trai trình bày đủ lý lẽ, bà vẫn không thể nào tin tưởng là mình có thể thành công trong việc này. Thật ra, phải nhận rằng bà có lý để nghi ngờ như vậy. Bà hỏi Alátđanh:

- Con ơi, nếu hoàng đế tiếp mẹ tử tế được như mẹ mong muốn, nếu Người bình tĩnh nghe hết lời mẹ trình bày đúng theo ý của con, sau buổi tiếp đón tốt đẹp ấy, nếu Người muốn hỏi xem của cải, tài sản và vương quốc của con ở đâu – bởi vì trước hết Người sẽ hỏi về những điều đó chứ không phải hỏi con

là người tốt xấu ra thế nào – mẹ nhắc lại, nếu hoàng đế hỏi mẹ như vậy, thì con bảo mẹ nên trả lời ra sao?

- Mẹ ơi, – Alátđanh đáp – xin mẹ chớ nên vội lo về một điều chưa chắc đã xảy ra. Trước hết, chúng ta hãy chờ xem hoàng đế sẽ tiếp mẹ như thế nào và sẽ trả lời điều mẹ cầu xin ra làm sao. Nếu đúng là Người muốn biết về những gì mẹ vừa nói với con đây, lúc ấy con sẽ tính đến câu trả lời. Và con tin tưởng là cây đèn, nhờ có nó mà mẹ con ta sống được mấy năm nay, sẽ không để cho con thiếu thốn thứ gì.

Bà mẹ Alátđanh chẳng còn biết đáp lại con thế nào. Bà nghĩ chắc là cây đèn cậu nói đến ấy còn có thể giúp cho mẹ con bà những điều kỳ diệu lớn lao hơn là mỗi một việc kiếm cho hai người đủ sống. Ý nghĩ đó khiến bà vui lòng, làm tiêu tan mọi khó khăn có thể khiến cho bà nản, không muốn đến tâu xin hoàng đế cho con trai cái việc đã hứa. Alátđanh hiểu thấu ý nghĩ của mẹ, liền bảo bà:

- Mẹ ơi, ít ra mẹ cũng cần nhớ là phải kín tiếng. Đó là điều quyết định sự thành công mà mẹ con ta trông chờ đây.

Hai mẹ con chia tay nhau đi nghỉ. Nhưng mỗi tình say đắm và những dự định to tát về một cuộc đời phú quý vinh hoa cứ quay cuồng trong đầu óc cậu con trai, không cho cậu ngủ bình yên như mong muốn. Tảng sáng cậu đã trở dậy và đánh thức mẹ, giục bà mặc áo quần thật nhanh vào và đến chực sẵn ở cổng hoàng cung để khi cổng mở là vào ngay cùng một lúc với tể tướng, các quan thượng thư, và tất cả các vị đại thần đến châu ở điện thiết triều, nơi hoàng đế bao giờ cũng đích thân tham dự.

Bà mẹ Alátđanh làm tất cả những gì con trai muốn. Bà mang theo cái bình sứ đựng ngọc làm lễ vật, bọc trong hai lần vải, một lần vải mịn màng, sạch sẽ, lần vải kia thô hơn, rồi buộc chéo bốn góc lại cho dễ xách.

Cuối cùng, bà ra đi, theo đường dẫn đến hoàng cung. Alátđanh rất lấy làm bằng lòng.

Khi bà tới cổng hoàng cung, thì quan tể tướng, có các quan thượng thư và các vị đại thần xuất sắc nhất trong triều đi theo, đã vào rồi. Rất đông dân chúng có việc muốn vào tới điện thiết triều, cổng mở, bà theo đám đông đi vào.

Đó là một đại sảnh rất đẹp vừa sâu vừa rộng, lối vào thênh thang và đẹp đẽ. Bà dừng lại và tìm chỗ đứng sao cho có thể nhìn thẳng vào hoàng đế cùng tể tướng và các đại thần châu hai bên tả hữu. Quan hầu lần lượt gọi tên những người đến kêu với vua, theo thứ tự các đơn họ đưa lên, và những công việc đó được tâu trình, bào chữa và phán xét cho đến giờ bãi triều theo như thường lệ.

Thế là hoàng đế đứng lên, truyền cho các quan ra về rồi đi vào tư cung, chỉ có tể tướng được theo vào. Các quan thượng thư và đại thần lui về. Tất cả dân chúng đến châu chực vì việc riêng cũng đã về, người thì vui mừng vì được kiện, người thì không bằng lòng về lời phán xét đối với mình, và người khác nữa thì hy vọng phiên sau sẽ được vua xét đến.

Bà mẹ Alátđanh trông thấy hoàng đế đứng lên lui về tư cung và mọi người đều ra về, bà hiểu rằng ngày hôm nay vua sẽ không trở ra nữa. Bởi vậy bà cũng quyết định trở về nhà. Alátđanh trông thấy mẹ về mà vẫn mang theo lễ vật định dâng lên hoàng đế, không biết chuyển đi đạt kết quả thế nào. Lo rằng mẹ mang tin buồn về chẳng, cậu không đủ sức mở miệng ra hỏi mẹ sự tình ra làm sao. Bà mẹ hiền từ chưa bao giờ đặt chân vào cung điện và cũng không hề hay biết tí gì về những công việc ở đấy, nói một cách rất thật thà, làm cho cậu con trai hết lo âu:

- Con ạ, mẹ đã nhìn thấy đức vua và mẹ chắc chắn là Người cũng nhìn thấy mẹ. Nhưng hình như Người quá bận với những kẻ ở hai bên tả hữu, ai cũng tranh nhau nói với Người, đến nỗi mẹ đâm thương hại không hiểu tại sao đức vua lại chịu vất vả và kiên nhẫn lắng nghe như vậy. Công việc cứ thế diễn ra rất lâu. Cuối cùng mẹ nghĩ chắc là đức vua mệt lắm bởi vì bất thần Người đứng lên và bỏ đi khá đột ngột, không muốn nghe những người sắp đến lượt trình bày. Việc đó làm cho mẹ khá thú vị. Quả vậy, mẹ cũng đã bắt đầu sốt ruột và hết sức mệt vì phải đứng lâu. Nhưng không hề gì, sáng mai mẹ nhất định trở lại. Có lẽ đức vua ngày mai sẽ không quá bận rộn như hôm nay.

Dù si tình đến bao nhiêu, Alátđanh cũng đành bằng lòng với lời phân trần của mẹ và đành phải kiên nhẫn thôi. Ít ra cậu cũng hài lòng thấy mẹ đã chịu được bước khó khăn nhất là dám đến trước mặt đức vua. Cậu hy vọng là theo gương những người đã tâu với vua trước mặt bà, bà cũng sẽ không do dự mà làm công việc được cậu ủy thác khi nào có cơ hội thuận tiện.

Ngày hôm sau, bà mẹ Alátđanh lại trở dậy rất sớm như hôm trước và lại mang cái lễ vật toàn châu báu đến hoàng cung. Nhưng việc làm của bà không được ích lợi gì. Cổng điện đóng kín. Người ta cho bà biết cứ hai ngày hoàng đế mới thiết triều một lần, như thế là ngày hôm sau bà lại phải đến nữa. Bà trở về nói cho con biết như vậy, và cậu con trai cũng đành phải cố kiên nhẫn thôi. Bà đi đến hoàng cung nhiều lần nữa, vào những ngày có thiết triều, chẳng có kết quả gì hơn. Có lẽ bà sẽ đến một trăm lần cũng đều vô ích như vậy nếu như hoàng đế không để ý thấy phiên triều nào bà cũng đứng đối diện với mình. Điều đáng lạ nữa là chỉ thấy những người có việc đến kêu với vua lần lượt theo thứ tự xếp hàng tiến lên trình bày, còn bà mẹ Alátđanh lại không làm như vậy.

Ngày hôm ấy, sau khi bãi triều và trở về hậu cung, hoàng đế bảo tể tướng:

- Ít lâu nay ta để ý thấy một người đàn bà phiên triều nào cũng đến rất đều đặn, mang theo một vật gì buộc trong tấm vải. Bà ta đứng suốt từ đầu cho đến lúc bãi triều và bao giờ cũng cố ý đứng trước mặt ta. Khanh có biết bà ta kêu xin việc gì không?

Tể tướng cũng chẳng rõ gì hơn hoàng đế, tuy vậy không muốn tỏ ra không biết.

- Tàu bệ hạ, – ông đáp – bệ hạ lạ gì bọn đàn bà thường hay kêu ca về những việc chẳng đâu vào đâu. Có lẽ thị này kêu lên hoàng thượng về việc bị người ta bán bột mì xấu cho hoặc là một việc nhỏ nhặt nào đại loại như vậy.

Hoàng đế không bằng lòng với câu trả lời ấy. Vua phán:

- Ngày thiết triều đầu tiên sắp tới đây, nếu người đàn bà ấy lại đến, khanh nhớ gọi lên để ta nghe thị nói.

Tể tướng không đáp mà chỉ hôn bàn tay và đặt lên đầu để tỏ ý rằng mình sẽ chịu mất đầu nếu dám quên lệnh đó.

Bà mẹ Alátđanh đã quá quen đến châu chực các buổi vua thiết triều, bà chẳng nề hà vất vả miễn là tỏ cho con trai thấy bà không từ nan một việc gì có thể làm được, để cho cậu vui lòng. Bởi vậy, bà lại vào cung vua ngày vua thiết triều, và lại đứng ở trước điện đối diện với hoàng đế như thói quen của bà. Tể tướng chưa kịp bắt đầu một việc gì thì vua đã nhìn thấy bà mẹ Alátđanh. Xúc động về sự kiên nhẫn của bà, vua truyền cho tể tướng:

- Trước hết mọi sự, để khanh khỏi quên mất, ta nhắc lại. Kia người đàn bà ta nói với khanh hôm nọ. Hãy gọi thị đến, chúng ta hãy bắt đầu nghe và giải quyết công việc của thị trước!

Lập tức tể tướng trở bà cho viên thị vệ trưởng đang đứng chờ lệnh, và sai gã xuống dẫn bà lên.

Viên thị vệ trưởng đến gần bà mẹ Alátđanh. Theo hiệu của gã, bà đi theo đến tận chân ngai vàng. Gã để bà lại đấy và lui về chỗ cũ bên cạnh tể tướng. Bà mẹ Alátđanh đã học được cách thức của bao nhiêu người có việc tâu với vua mà bà trông thấy. Bà quỳ lạy dập đầu xuống tám thảm phủ các bậc cấp dưới chân ngai và cứ phủ phục như vậy cho tới khi hoàng đế truyền bảo đứng lên. Bà đứng lên, hoàng đế liền phán:

- Bà già kia, đã lâu ta trông thấy bà cứ đến buổi triều là đến đứng ở lối đi lên điện từ đầu cho đến hết buổi. Bà đến đây có việc gì vậy?

Nghe lời phán hỏi, bà mẹ Alátđanh lại phủ phục một lần nữa rồi ngẩng lên đáp:

- Tàu lạy cửu trùng, trước khi trình bày với hoàng thượng nguyên do kỳ lạ

và hầu như khó tin nữa đã khiến con đến trước ngai vàng tôn kính, cúi xin tha thứ cho con cái tội đã dám cả gan, nếu không nói là hỗn xược, đến cầu xin bệ hạ việc này. Nó đặc biệt quá, nên con run sợ và xấu hổ không dám tâu lên hoàng đế.

Để cho bà được tự do giải bày, vua ra lệnh cho tất cả mọi người hãy lui ra ngoài điện, chỉ để lại một mình vua cùng tể tướng, sau đó bảo bà cứ việc tâu bày, không phải sợ hãi.

Bà mẹ Alátđanh chưa vừa lòng về thái độ của hoàng đế đã vui lòng miễn cho bà nỗi ngại ngùng phải nói ra trước đông người; bà còn lo nhà vua có thể nổi cơn thịnh nộ khi nghe lời cầu hôn bất ngờ. Bà nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, con muốn cầu xin bệ hạ để được yên tâm trước, là Người sẽ tha thứ và xá tội cho, nếu như lời yêu cầu của con có chút nào xúc phạm đến oai danh của Người.

- Dù việc đó là thế nào chăng nữa, – hoàng đế đáp -ngay từ giờ ta tha tội cho bà, bà sẽ không phải chịu bất cứ một tội vạ nào. Bà cứ bạo dạn nói đi.

Sau khi đã cẩn thận rào đón trước sau, đúng như mọi người đàn bà sợ nhà vua nổi cơn thịnh nộ khi phải tâu trình một việc tế nhị như vậy, bà kể lại trung thành chuyện Alátđanh nhìn trộm công chúa Badrunbudua trong trường hợp như thế nào, mối tình nồng nhiệt nảy ra do cái nhìn vụng trộm ấy, những lời cậu nói với bà về mối tình si và tất cả những điều bà giảng giải cho con trai để hy vọng cậu từ bỏ mối tình đắm đuối xúc phạm đến hoàng thượng cũng như xúc phạm đến công chúa.

- Nhưng, – bà nói tiếp – không những cháu đã không nghe ra và thừa nhận mình quá to gan mà lại còn cứng đầu cứng cổ, khăng khăng đến mức dọa sẽ liều thân nếu con không chịu đến tâu xin bệ hạ gả công chúa cho cháu. Thật đúng là sau khi dần vặt mình hết sức, con mới đành chiều theo ý cháu. Bởi vậy, một lần nữa xin dập đầu kêu bệ hạ mong Người tha tội không những cho con mà cả cho cháu đã dám có ý nghĩ táo tợn là tơ tưởng đến một bậc cao sang như công chúa.

Hoàng đế rất dịu dàng và nhân hậu lắng nghe bà, không chút tỏ vẻ giận dữ hay phần nộ, cũng chẳng chế giễu lời cầu hôn của bà. Nhưng, trước khi đáp lời bà già hiền hậu vua hỏi bà mang theo vật gì bọc trong vải. Lập tức bà lấy cái bình sứ bà đã đặt xuống chân ngai vàng trước khi quý lạy, mở ra và dâng lên hoàng đế.

Không thể nào diễn tả được sự ngạc nhiên và kinh lạ của nhà vua khi nhìn thấy đê đôn trong chiếc bình ấy bấy nhiêu châu ngọc, quá nhiều, quá quý báu, quá hoàn hảo, quá rực rỡ, viên nào cũng quá to mà vua chưa từng trông thấy bao giờ. Người khâm phục đến nỗi ngồi im sững sờ một lúc lâu. Cuối

cùng chột tỉnh, vua nhận lễ vật từ tay bà mẹ Alátđanh trao, và vui sướng thốt lên:

- Chao! Thật đẹp làm sao! Thật đẹp làm sao!

Sau khi ngắm nghía và mân mê từng viên một gần như hết lượt cả số ngọc ấy, vua quay sang tể tướng, chỉ cho ông xem chiếc bình và nói:

- Hãy xem đây, khanh có đồng ý là trên thế giới không ở đâu có vật quý báu hơn, hoàn hảo hơn thế này không?

Tể tướng cũng rất lấy làm thú vị. Hoàng đế nói tiếp:

- Nào, khanh nghĩ sao về món tặng phẩm này? Có phải nó xứng đáng với công chúa con gái ta; và có phải với cái giá này ta có thể gả nó cho người đến cầu hôn?

Những lời của vua làm cho tể tướng hết sức xúc động. Cách đây ít lâu, hoàng đế có để lộ cho ông biết ý định sẽ gả công chúa cho một người con trai của ông. Ông e rằng – và nỗi lo sợ này không phải là vô căn cứ – hoàng đế bị lóa mắt trước món lễ vật quá quý báu và quá kỳ lạ thế này, sẽ thay đổi ý kiến chẳng. Ông tiến đến gần rì tai vua:

- Tâu bệ hạ, không ai có thể nói là lễ vật này không xứng đáng với công chúa. Nhưng cúi xin bệ hạ thư cho thần ba tháng trước khi Người quyết định. Thần hy vọng rằng, trước khi hết hạn ấy thì con trai thần, mà bệ hạ đã có lần tỏ ý là có thể hạ cố, chắc sẽ dâng được lên Người một tặng vật có giá trị hơn tặng vật của Alátđanh, một kẻ bệ hạ chưa hề biết.

Mặc dù tin chắc tể tướng sẽ không thể nào tìm được cho con trai một tặng phẩm có giá trị như thế này để dạm hỏi công chúa, hoàng đế vẫn lắng nghe và chuẩn y lời thỉnh cầu đó. Bởi vậy, quay sang bà mẹ Alátđanh, Người nói:

- Bà già kia, bà hãy trở về nhà, và nói cho con trai bà biết là ta chấp nhận lời bà vừa xin cho nó, nhưng ta không thể cho công chúa thành gia thất trước khi sắm sanh đồ đạc trong nhà cho cháu, công việc này phải mất ba tháng mới xong. Vậy ba tháng nữa, bà hãy trở lại.

Bà mẹ Alátđanh trở về rất vui mừng vì nghĩ rằng với địa vị của mình, từ đầu vẫn tưởng như không thể nào gặp được hoàng đế, ấy thế mà lại nhận được một câu trả lời tốt đẹp, chứ không phải là một lời ruồng rẫy, nó sẽ làm cho bà vô cùng bối rối. Thấy mẹ trở về, Alátđanh chú ý hai điều làm cho cậu tin là bà mang về tin vui: một là, bà trở về sớm hơn thường lệ và hai là, nét mặt bà rạng rỡ.

- Thế nào, thưa mẹ? Con có nên hy vọng chẳng hay là phải chết vì tuyệt vọng?

Cất tấm mạng che mặt và ngồi xuống phản bên cạnh con trai, bà từ tốn

đáp:

- Con ơi! Để cho con đỡ phải sốt ruột, mẹ nói ngay rằng con không phải nghĩ đến chuyện chết. Ngược lại con có lý do để mà hài lòng.

Tiếp đó, bà kể cho Alátđanh nghe bằng cách nào bà được vua tiếp trước tất cả mọi người, do đâu bà được về sớm đến thế, những lời rào đón để khỏi làm phật ý hoàng đế trước khi cất lời cầu hôn công chúa Bađrunbuđua, và câu trả lời tốt đẹp từ miệng đức vua thốt ra. Bà nói thêm, theo như nhận xét của bà, qua những biểu hiện bên ngoài của hoàng đế, thì chính món lễ vật hơn tất cả mọi sự, đã có tác động mạnh mẽ khiến Người đi đến quyết định bà vừa nói tới:

- Mẹ đã ít hy vọng khi thấy tể tướng rỉ tai đức vua trước khi Người trả lời, mẹ chỉ lo ông ấy làm cho vua thay đổi ý định tốt lành đối với con.

Nghe tin, Alátđanh tự cho mình là con người hạnh phúc nhất thế gian. Cậu cảm ơn mẹ đã chịu đựng biết bao vất vả để đeo đuổi công việc này, mà kết cục tốt đẹp hết sức quan trọng cho sự thanh thản của tâm hồn cậu. Và mặc dù nôn nóng muốn được hưởng thụ ngay kết quả mối tình tha thiết, ba tháng đối với cậu thật là một thời gian vô cùng vô tận, song cậu vẫn sẵn sàng kiên nhẫn chờ đợi, tin vào lời hứa của nhà vua mà cậu nghĩ là như dao chém đá.

Trong khi cậu đếm không những từng giờ, từng ngày, từng tuần, mà cả từng khắc nữa, trông cho cái thời hạn ấy trôi qua, thì khoảng hai tháng sau, một tối bà mẹ muốn thắp đèn, chợt nhận ra trong nhà hết dầu. Bà đi mua, và khi ra tới phố, bà nhận thấy đâu đâu cũng đang như ngày hội. Quả vậy, các hiệu buôn mở cửa chứ không đóng cửa. Người ta tết lá, treo đèn, nhà nào cũng cố gắng trang hoàng thật đẹp, để tỏ rõ sự sốt sắng của mình. Hơn nữa, mọi người đều biểu lộ sự vui mừng hoan hỉ. Đường phố chật ních những quan hầu mặc lễ phục, cưỡi trên mình ngựa trắng yên cương lộng lẫy và có một đám đông lính bộ theo hầu, đi đi lại lại. Bà hỏi người chủ hiệu bán dầu có việc gì thế.

- Bà từ đâu đến vậy, hờ bà già? – Ông ta đáp – Bà không biết là đêm nay cậu ấm con trai tể tướng kết hôn cùng công chúa Bađrunbuđua, ái nữ của hoàng đế ư? Công chúa đi nhà tắm sắp về, và các quan mà bà trông thấy kia đang tập trung chờ rước công chúa đến hoàng cung để làm lễ đấy.

Bà mẹ Alátđanh không muốn hỏi gì thêm nữa. Bà vội vã trở về nhà thờ không ra hơi. Bà tìm con trai và thốt lên:

- Con ơi, việc của con hỏng mất rồi. Con cứ tin vào lời hứa tốt đẹp của đức vua, nhưng chẳng được gì đâu, con ạ.

Nghe nói, Alátđanh hoảng hốt:

- Mẹ ơi, đức vua không giữ lời hứa ở chỗ nào? Làm sao mẹ biết được?

- Tối nay, con trai tể tướng kết hôn cùng công chúa Bađrunbuđua ngay ở hoàng cung đấy.

Rồi bà kể cho con nghe do đâu bà biết được qua bao nhiêu sự việc không

còn gì có thể nghi ngờ.

Alátđanh ngăn người như vừa bị sét đánh. Bất cứ ai ở vào địa vị cậu cũng đều rầu rĩ. Nhưng một cơn ghen ngầm ngấm ngầm không để cho cậu ngồi lâu. Lập tức cậu nhớ tới cây đèn đã có ích xiết bao cho đến lúc này, và không cần nổi xung thốt ra những lời vô bổ đối với nhà vua, tể tướng hay là con trai ông ta, cậu chỉ nói:

- Mẹ ạ, con trai tể tướng đêm nay sẽ không sung sướng như hân ta chờ đợi đâu. Mẹ hãy đi sửa soạn bữa cơm tối, để con lui vào buồng riêng một lúc.

Bà mẹ biết con muốn sử dụng cây đèn để nếu có thể ngăn cản không cho đám cưới con trai tể tướng lấy công chúa đi đến kết cục hoàn toàn, và bà đã không nhầm.

Đúng như vậy, sau khi vào buồng riêng, Alátđanh cầm lấy cây đèn cậu mang vào đây cho khuất mắt mẹ sau lần bà quá khiếp đảm trước sự xuất hiện của thần đèn. Cậu cầm lấy cây đèn và miết đúng vào chỗ mọi lần. Ngay tức khắc thần đèn hiện ra:

- Ngài cần gì? Tôi cùng với mọi nô lệ khác của cây đèn, xin sẵn sàng tuân lệnh ngài cũng như của tất cả những ai cầm đèn ở tay.

- Hãy nghe đây, – Alátđanh nói – cho đến hôm nay người đã mang đến cho ta thức ăn mỗi khi ta cần, song bây giờ là một công việc có tầm quan trọng khác hẳn kia. Ta đã xin hoàng đế gả công chúa Bađrunbuđua cho ta. Vua đã hứa, và hẹn một thời hạn tối đa là ba tháng. Đáng lẽ phải giữ lời hứa, thì tối nay trước khi hết hạn, vua lại gả cho con trai tể tướng. Ta vừa được biết tin chắc chắn. Điều ta yêu cầu người là, chừng nào chú rể và cô dâu đi nằm, người hãy nhắc bổng cả cái giường ngủ của chúng lên và mang đến đây cho ta.

- Thừa chủ nhân, – thần đèn đáp – tôi xin tuân lệnh. Ngài có gì truyền bảo nữa không?

- Lúc này thì chẳng có gì thêm. – Alátđanh đáp. Lập tức thần đèn biến mất.

Alátđanh ra tìm mẹ và ăn cơm tối với bà, vẫn bình thản như mọi ngày. Ăn xong, cậu nói chuyện một lúc với mẹ về cái đám cưới của công chúa như nói về một chuyện không làm cho cậu quan tâm. Cậu trở về buồng riêng và để cho mẹ nghỉ ngơi thoải mái. Về phần mình, Alátđanh không ngủ mà chờ thần đèn thực hiện xong mệnh lệnh của cậu trở lại.

Trong thời gian đó, ở hoàng cung, mọi việc đều được chuẩn bị rất huy hoàng để làm lễ cưới cho công chúa.

Trời chưa tới hẩm, đêm hội đã bắt đầu. Khi mọi lễ tiết đều xong xuôi đâu

vào đây, cậu ấm con trai tể tướng, theo hiệu tên trưởng các hoạn nô của công chúa, khéo léo lánh đi. Cậu được gã dẫn vào cung của công chúa, đến tận căn buồng đặt chiếc giường cưới. Chú rể leo lên nằm trước. Một lát sau, hoàng hậu cùng các người hầu dẫn cô dâu đến. Nàng chống cự rất dữ, theo thói thường của cô dâu mới cưới. Hoàng hậu giúp nàng cởi áo và gần như dùng vũ lực đặt nàng lên giường, rồi sau khi hôn và chúc nàng ngủ ngon, cùng với tất cả người hầu, bà đi ra cuối cùng và khép cửa buồng lại.

Cánh cửa buồng vừa khép thì thần nô lệ trung thành của cây đèn, sẵn sàng thi hành mệnh lệnh của những ai cầm cây đèn ở tay, không để cho chú rể kịp đưa tay vuốt ve vợ, đã nhắc bổng chiếc giường với cả chú rể và cô dâu nằm ở trên trước sự kinh ngạc của hai người, rồi ngay tức khắc mang đến buồng của Alátđanh và đặt xuống.

Alátđanh đang nóng lòng chờ đợi giây phút ấy, cậu không chịu nổi cảnh chàng rể cứ nằm chung với cô dâu.

Cậu bảo thần đèn:

- Ngươi hãy tóm thằng chồng mới cưới này nhốt nó vào nhà tiêu. Sáng sớm mai, trước khi trời sáng một lúc, thì trở lại đây.

Thần đèn nhắc cậu ấm con quan tể tướng đang mặc áo cộc ra khỏi giường, đưa vào nơi Alátđanh dặn, để lại đấy sau khi phả vào người cậu một luồng hơi chạy suốt từ đầu đến chân, làm cậu tê dại và đứng yên không thể nào nhúc nhích.

Dù say mê công chúa tha thiết, khi còn lại một mình với nàng, Alátđanh vẫn không đông dài. Cậu chỉ nói:

- Xin chớ sợ hãi, hồi công chúa kính yêu, nàng rất an toàn ở đây. Cho dù tình yêu của tôi đối với sắc đẹp và đáng điệu yêu kiều của nàng có mãnh liệt đến đâu, tôi vẫn không bao giờ đi quá giới hạn của lòng kính trọng sâu sắc. Nếu tôi buộc phải hành động thế này, là không nhằm xúc phạm đến nàng mà chỉ để ngăn cản một kẻ tình địch bất công kết hôn với nàng, trái với lời hoàng đế phụ vương nàng đã hứa với tôi.

Không hề hay biết chút gì về những tình tiết ấy, công chúa chẳng chú ý nhiều những điều Alátđanh vừa nói. Hơn nữa, nàng cũng không còn hơi sức mở miệng đáp lời. Khiếp sợ và ngạc nhiên vì phải trải qua một việc quá ư kỳ lạ và bất thường, nàng ngẩn người đến nỗi Alátđanh gạn hỏi đến đâu nàng cũng không sao nói lên được một lời. Thế là cậu quyết định cởi áo, leo lên giường và vào nằm chỗ cậu ấm con trai tể tướng, sau khi cẩn thận đặt một thanh gươm vào chỗ giữa công chúa và mình, để tỏ ý là cậu thà chịu trừng phạt còn hơn là phạm đến danh tiết của nàng.

Hài lòng vì ngăn cản được tên tình địch không cho nó được hưởng hạnh

phúc chờ đợi, Alátđanh đêm hôm đó ngủ khá thanh thản. Công chúa Bađrunbuđua lại khác. Từ bé nàng chưa bao giờ phải trải qua một đêm đáng bực mình và khó chịu như đêm đó. Còn về phần cậu ấm con quan tể tướng: nếu ta suy nghĩ một chút về cái nơi và cách thức cậu bị thần đèn nhốt, ta sẽ hiểu ngay là chàng rể mới đêm hôm ấy còn rầu rĩ hơn nhiều.

Sáng hôm sau, Alátđanh không cần miết vào cây đèn để gọi thần đèn. Thần đèn đúng giờ hẹn, vừa vọt vào lúc cậu mặc áo xong.

- Tôi đây, ngài có điều gì cần truyền bảo? – Thần hỏi Alátđanh.

- Người hãy mang con trai tể tướng từ chỗ nó bị nhốt, đem về để lại trên chiếc giường này, rồi đưa trả cái giường về chỗ cũ của nó trong hoàng cung:

Thần đèn nhắc cậu ấm đang đứng yên như phỗng trở lại khi Alátđanh vừa cất thanh gươm. Thần đặt chàng rể mới bên cạnh công chúa và ngay lập tức mang chiếc giường cưới trả về căn buồng cũ trong cung vua. Công chúa và cậu ấm không trông thấy thần đèn khi thần làm những công việc đó, nếu không hình dạng góm ghiếc của thần có lẽ đã làm cho hai người chết khiếp. Họ cũng chẳng nghe thấy gì về những lời qua lại giữa Alátđanh và thần. Họ chỉ cảm thấy chiếc giường tự nhiên chuyển động và bay bổng từ chỗ này đến chỗ kia, và như vậy cũng đủ gây nên cho họ một nỗi khủng khiếp mà ta cũng dễ hình dung thôi.

Thần đèn đặt cái giường về chỗ cũ vừa đúng lúc hoàng đế muốn biết con gái mình đã trải qua đêm tân hôn như thế nào, bước vào buồng chào hỏi con. Cậu ấm con quan tể tướng đang còn tê cóng vì cái rét suốt đêm và chưa đủ thời giờ nằm cho người ấm lên một chút, vừa nghe tiếng mở cửa đã vội dậy và lảng sang phòng để áo, nơi cậu thay áo quần tối hôm qua.

Hoàng đế đến gần giường con gái, hôn lên trán chính giữa hai con mắt con như tục lệ, chào con rồi vừa mỉm cười vừa hỏi con thấy đêm vừa qua như thế nào. Nhưng ngẩng đầu lên nhìn con chăm chú hơn, vua cực kỳ ngạc nhiên thấy công chúa u buồn chứ không hề đỏ mặt lên xấu hổ hay là tỏ một dấu hiệu gì khác. Nàng chỉ nhìn cha một cái nhìn phiến muộn nhất, biểu lộ một mối sầu não vô biên hay một nỗi bất bình ghê gớm. Vua hỏi mấy câu nữa, nhưng không thể làm cho con gái mở miệng. Tưởng là vì ngượng ngùng cho nên nàng im lặng, vua liền bỏ đi ra.

Tuy nhiên vua vẫn không khỏi ngờ ngợ có một chuyện gì bất thường trong sự im lặng của con gái, vì vậy vua vội vã sang ngay cung hoàng hậu, thuật lại cho hoàng hậu nghe thái độ của công chúa khi tiếp đón cha.

Hoàng hậu đáp:

- Tâu bề hạ, xin bề hạ chớ ngạc nhiên, sau đêm tân hôn chẳng có cô dâu nào không có thái độ như vậy. Hai ba hôm sau sẽ khác; đến lúc đó con nó sẽ

tiếp đón phụ vương theo đúng lễ.

Hậu nói thêm:

- Tôi sẽ đến xem, nếu con cũng tiếp đón tôi như thế thì tôi nhảm.

Hoàng hậu mặc áo đi sang buồng công chúa, nàng vẫn chưa dậy. Hậu đến gần giường, hôn và chào hỏi con. Nhưng hậu ngạc nhiên làm sao: nàng không đáp. Chỉ thoáng nhìn con, hậu cũng có thể thấy nàng đang hết sức rầu rĩ, khiến hậu nghĩ rằng chắc có một việc gì xảy ra đây mà bà chưa rõ.

- Con ơi, – hậu nói – do đâu con không đáp những lời chào hỏi của mẹ? Con cư xử với mẹ như vậy hay sao? Và con tưởng là mẹ không biết điều gì có thể xảy ra trong trường hợp con hôm nay sao? Mẹ muốn tin là con không nghĩ như vậy. Vậy thì có chuyện gì đã xảy ra nào? Con hãy nói thật với mẹ, chớ để mẹ lo lắng lâu hơn.

Công chúa Bađrunbuđua phá tan sự im lặng bằng một cái thở dài náo ruột:

- Ôi mẹ rất kính yêu của con ơi, xin mẹ tha lỗi cho con đã không giữ được lễ đối với mẹ. Đầu óc con đang bị ám ảnh về những chuyện dị kỳ vừa xảy ra cho con đêm hôm qua. Con chưa định thần, chưa hết ngạc nhiên, kinh hãi, và con thật ra cũng không biết mình đang tỉnh hay đang mơ.

Thế rồi công chúa thuật lại cho hoàng hậu nghe một cách rành mạch: sau khi hai vợ chồng nằm xuống, lập tức chiếc giường bị nhấc bổng và chuyển đến một căn buồng tối tăm bẩn thỉu. Ở đây chồng bị đưa đi nơi khác để lại một mình nàng, không biết chồng ra làm sao. Rồi có một chàng trai trẻ đến nói với nàng mấy câu gì đấy mà vì khiếp đảm quá nàng không nghe rõ. Chàng nằm xuống bên cạnh, vào chỗ chồng nàng, sau khi đặt một thanh gươm vào chỗ giữa hai người. Rồi sáng hôm sau chồng nàng được trả lại, chiếc giường lại được đưa trở về chỗ cũ trong thời gian cũng ngắn như khi bị chuyển đi.

- Tất cả việc đó vừa mới diễn ra xong, – công chúa nói tiếp – thì phụ vương bước vào buồng con. Con đang sầu não đến nỗi không thể hề rằng đáp lại cha con một câu nào. Bởi vậy, con chắc phụ vương bất bình về thái độ của con đối với Người. Nhưng con hy vọng sẽ được tha thứ khi cha con biết rõ câu chuyện đáng buồn đã xảy ra và tình cảnh thảm thương của con ngay cả trong lúc này.

Hoàng hậu bình tĩnh lắng nghe tất cả những lời công chúa nói, nhưng bà chẳng muốn tin một chút nào.

- Con ạ, – bà nói – con không nói gì với phụ vương về những chuyện đó là phải. Con cũng chớ nên nói với ai. Nghe những lời con vừa kể người ta sẽ bảo con hóa điên mất rồi.

- Thừa mẹ, – công chúa đáp – con có thể quả quyết là con nói chuyện với mẹ rất tỉnh táo. Mẹ có thể hỏi chồng con, anh ta cũng sẽ nói y như vậy cho mà xem.

- Mẹ sẽ hỏi. Nhưng cho dù nó có nói như con, mẹ cũng sẽ không tin hơn. Thôi con hãy dậy đi, con đừng suy nghĩ về chuyện huyền hoặc ấy nữa. Thật đẹp chưa, nếu con cứ đem những chuyện mê sảng ấy mà làm rối các lễ tiết của đám cưới con đã được xếp đặt đâu vào đấy và sẽ còn kéo dài nhiều ngày ở nội phủ cũng như trong cả nước! Con không nghe thấy tiếng kèn đồng hòa cùng tiếng trống, tiếng chiêng đó sao? Tất cả những cái đó phải làm cho con vui mừng và thích thú lên chứ, phải làm cho con quên đi tất cả những chuyện vợ vắn con vừa nói với mẹ.

Hoàng hậu cất tiếng gọi những người hầu của công chúa, và sau khi thấy con gái dậy và bắt đầu trang điểm, bà đi sang cung của hoàng đế. Bà nói với vua quả là có một chuyện vợ vắn nào đấy đã ám ảnh đầu óc cô con gái, song chẳng hề gì. Bà cho gọi cậu ám con trai tể tướng đến hỏi cho rõ về những điều công chúa vừa nói. Nhưng cậu ta hiểu, được kết hôn cùng công chúa thật là một vinh hạnh lớn lao cho nên giấu biệt chuyện vừa xảy ra. Hoàng hậu nói:

- Con rể của ta ời, con hãy cho ta biết, có phải con cũng dở hơi như vợ của con không?

- Thừa mẫu hậu, – cậu ám đáp – con xin được phép thưa lại: mẫu hậu muốn hỏi con về chuyện gì?

- Thế là đủ, – hoàng hậu nói – ta không biết thêm nữa. Con khôn ngoan hơn nó.

Các cuộc vui chơi tiếp tục suốt ngày trong hoàng cung. Hoàng hậu không rời công chúa một bước, cố tìm mọi cách làm cho nàng vui và tham gia các cuộc vui chơi hát xướng. Nhưng công chúa quá xúc động về những điều đã xảy ra đêm hôm qua, lúc nào cũng có vẻ đăm chiêu. Con trai quan tể tướng cũng băn khoăn không kém. Nhưng vì hiếu danh, cu cậu phải che giấu nỗi băn khoăn của mình cho nên nhìn cậu, ai cũng nghĩ đúng là một người chồng hạnh phúc.

Alátđanh biết rõ những việc xảy ra trong cung, chắc là đôi vợ chồng mới cưới thế nào rồi cũng ăn nằm với nhau, cho dù có cái chuyện bức mình xảy ra đêm hôm trước. Cậu không muốn để cho họ được yên tĩnh. Bởi vậy, khi đêm mới về khuya, cậu đã lại nhờ đến cây đèn. Lập tức thần đèn lại xuất hiện và lại chào Alátđanh bằng câu nói như mọi lần, sẵn sàng chờ lệnh.

Alátđanh bảo:

- Con trai tể tướng và công chúa Badrunbudua đêm nay chắc sẽ lại ngủ

với nhau. Người hãy đi đi, hể lúc nào chúng nó đi nằm, người hãy mang chiếc giường lại đây cho ta y như đêm hôm qua!

Thần đèn làm theo lời Alátđanh cũng trung thành và đúng đắn như đêm hôm trước. Cậu ấm con trai tể tướng lại trải qua một đêm cũng lạnh lẽo và cũng khó chịu trong nhà tiêu; và công chúa cũng ngưng ngưng vì có Alátđanh nằm chung bên cạnh, giữa hai người đặt thanh gươm. Theo lệnh của Alátđanh, sáng hôm sau thần đèn lại xuất hiện; lại đưa trả ông chồng về bên cạnh cô vợ lại mang chiếc giường đôi có đôi vợ chồng mới cưới về đặt lại căn phòng cũ của hoàng cung. Hoàng đế, sau lần bị con gái đón tiếp lạnh nhạt, lo âu muốn biết con trải qua đêm thứ hai như thế nào và xem thử con sẽ đón tiếp mình có giống như lần vừa rồi không. Vua đến buồng con cũng sớm như hôm trước để tìm cho ra nhẽ. Con quan tể tướng xấu hổ và tủi nhục về cái đêm thứ hai này hơn cả đêm tân hôn, vừa nghe tiếng bước chân hoàng đế đến đã lật đặt chòm dậy chui vào buồng để áo.

Hoàng đế vừa chào con gái vừa đến gần giường, và sau khi hôn con như hôm trước, vua hỏi:

- Thế nào con gái của ta, sáng nay con có còn bực mình như sáng hôm qua không? Con có thể nói cho cha biết đêm hôm qua con ngủ thế nào?

Công chúa vẫn lặng im, và hoàng đế nhận thấy nàng còn có vẻ băn khoăn và sầu não hơn cả hôm đầu. Vua chắc là có chuyện gì bất thường đã xảy ra cho công chúa. Thế là thốt nhiên nổi giận vì con gái dám giấu mình, hoàng đế rút gươm ra và giận dữ nói:

- Con này, hoặc là con nói cho ta biết điều con giấu ta, hoặc là ta sẽ chặt đầu con ngay tức khắc.

Hốt hoảng vì giọng nói và lời đe dọa của vua cha đang nổi cơn thịnh nộ hơn cả nhìn thấy thanh gươm tuốt trần, công chúa đành phải cất lời:

- Lạy cha thân yêu, muôn tâu bệ hạ – nàng nói, nước mắt rung rung – xin cha thứ tội cho nếu con lỡ lại làm cha bực mình. Con hy vọng rằng sau khi nghe thuật lại đầy đủ câu chuyện đã làm cho con lâm vào cảnh thảm thương đêm hôm qua và đêm hôm kia, cha sẽ cảm cảnh mà đôi giận làm thương.

Sau lời dạo đầu làm cho hoàng đế bớt giận và dịu lại phần nào, nàng kể cho cha nghe trung thực tất cả những gì đã xảy ra trong hai đêm đáng bực bội. Về mặt đau xót của nàng khiến cho hoàng đế vốn yêu thương con rất mực, càng thêm xúc động. Công chúa kết thúc bằng những lời sau đây:

- Nếu bệ hạ còn có điểm nào nghi ngờ về những điều con vừa kể, xin người hãy hỏi chồng con, con tin chắc chàng sẽ chứng thực những gì con vừa tâu bệ hạ.

Hoàng đế hết sức buồn phiền, sao một chuyện kỳ lạ như vậy lại xảy ra cho

công chúa. Vua bảo nàng:

- Con ơi, con đã sai, sao hôm qua con không nói ngay cho cha rõ cái việc dị kỳ con vừa cho cha biết, nó cũng quan hệ đến cha không kém gì con. Cha tác thành con đâu để cho con chịu đau khổ, mà chính là để được nhìn thấy con sung sướng ung dung, để cho con tận hưởng hạnh phúc xứng đáng khi con thành thân với một người chồng mà cha cho là xứng đôi vừa lứa. Con hãy quên đi những điều bức dọc vừa kể với cha. Cha sẽ thu xếp để không còn xảy ra cho con những đêm đáng bức mình khó chịu đựng như những đêm vừa qua.

Trở về cung, vua cho triệu ngay tể tướng đến và hỏi:

- Khanh đã gặp con trai chưa, và cậu ta chẳng nói gì sao?

Tể tướng đáp là chưa gặp con trai mình, vua liền thuật lại những điều công chúa Bađrunbuđua vừa cho biết rồi nói thêm:

- Ta không chút nghi ngờ công chúa dám nói sai. Tuy nhiên, ta cũng muốn biết con trai khanh xác nhận chuyện đó thế nào. Vậy khanh hãy đi đi, hãy hỏi xem có sự ra sao?

Tể tướng vội vã đi tìm con trai, thuật lại với con những điều vua vừa cho biết, và dặn thêm là không được giấu giếm chút gì mà phải nói cho ông rõ có thật đúng như vậy hay không. Cậu đáp:

- Con đâu dám giấu cha điều gì. Thưa cha, tất cả những điều công chúa tâu với hoàng đế là đúng. Nhưng nàng không thể nói cho Người rõ những sự ngược đãi riêng phần con phải chịu. Cơ sự thế này đây, thưa cha: từ buổi kết hôn, con đã phải trải qua hai đêm khổ cực không thể tưởng tượng, và thật không có đủ lời lẽ để thuật lại đúng đắn và chi tiết cho cha nghe những nỗi khổ con đã phải chịu đựng. Con xin không nói đến nỗi khủng khiếp khi đang nằm trên giường tự dưng không hiểu làm sao bị nhấc bổng và đưa đi chuyển lại đến bốn lần. Xin cha hãy hình dung tình cảnh của con qua hai đêm ròng, mặc áo lót và đứng im như phỗng suốt đêm trong một thứ hổ xí chật hẹp, không thể nào nhấc chân ra khỏi hoặc làm một cử động nào, mặc dù nhìn chẳng nom thấy có vật gì ngăn trở.

Sau chuyện ấy rồi, con thiết nghĩ không phải trình bày dài dòng với cha về những nỗi đau khổ của con. Đúng là những chuyện xảy ra không hề làm cho con mất đi những tình cảm thương yêu, kính nể và hàm ơn đối với vợ con mà nàng xứng đáng. Tuy nhiên xin thành khẩn thú thực với cha rằng dù cái việc được làm phò mã lấy con gái vua có làm cho con thêm vinh dự và có tăm tiếng đến bao nhiêu, con vẫn muốn thà chết còn hơn là sống lâu hơn nữa với người vợ cao sang ấy; vì cô ta mà con phải chịu đựng những cách đối xử tàn tệ như thế. Con tin rằng công chúa có những ý nghĩ giống con, chắc nàng

cũng sẽ thừa nhận phải chia lìa nhau thì may ra nàng cũng như con mới có thể yên thân được. Bởi vậy, thừa cha, như cha đã thương con mà đưa lại cho con một vinh dự lớn lao đường ấy, xin cha hãy thương con mà tâu với hoàng đế cho hủy bỏ việc thành hôn của chúng con.

Dù tham vọng của tể tướng muốn cho con trai được làm phò mã có to lớn đến đâu, trước quyết tâm của cậu muốn ly hôn công chúa, ông biết rằng lúc này không nên khuyên cậu hãy nhẫn nhục thêm mấy ngày nữa để thử xem cái chuyện ngang trái kia có chấm dứt không. Ông trở lại cung hoàng đế, thật thà tâu với vua là ông đã gặp con trai, đúng là câu chuyện đã xảy như vậy. Không chờ vua phán bảo nên hủy bỏ việc thành hôn, mà xem ra vua đã quá sẵn sàng, ông xin phép cho con trai được rời hoàng cung trở về nhà, viện cớ rằng thật là không phải nếu chỉ vì cậu mà dám để cho công chúa phải chịu đựng thêm một sự hành hạ kinh khủng như vậy.

Tể tướng chẳng phải khó khăn gì mà không được chấp thuận. Vốn đã định bụng, hoàng đế lập tức hạ lệnh bãi bỏ mọi cuộc vui chơi ở hoàng cung và trong cả kinh thành. Hơn nữa vua còn sai phát lệnh đi khắp nước ngược hẳn với những lệnh vừa mới phát đi hôm trước. Thế là chỉ lát sau mọi cuộc vui chơi ở kinh đô và trong toàn vương quốc đều chấm dứt.

Sự thay đổi đột ngột không mấy ai chờ đợi ấy gây nên nhiều điều bàn tán khác nhau. Ai nấy hỏi nhau do đâu mà có chuyện trái khoáy ấy, và cũng chẳng có ai trả lời được, trừ mỗi việc là có trông thấy tể tướng từ giả hoàng cung trở về nhà riêng, chàng công tử theo sau, hai cha con dáng điệu đều rất âu sầu.

Chỉ có mỗi một mình Alátđanh biết rõ điều bí ẩn, và trong thâm tâm chàng rất thích thú về kết quả tốt đẹp mà cây đèn thần mang lại. Khi biết chắc kẻ tình địch của mình đã phải rời bỏ hoàng cung, và việc kết hôn giữa cậu ấm và công chúa hoàn toàn bị hủy bỏ rồi. Alátđanh thấy không cần phải miết vào cây đèn và gọi thần đèn xuất hiện nữa, để tránh làm phiền đến thần. Điều kỳ cục là cả hoàng đế cũng như tể tướng đều đã quên khuấy mất Alátđanh cùng với việc cầu hôn của chàng, nên không một ai thoáng có ý nghĩ là có bàn tay chàng dính líu vào chuyện phù phép dẫn tới sự phá ngang việc của công chúa lấy chồng.

Alátđanh chờ cho hết hạn ba tháng mà nhà vua đã định để cho phép chàng kết hôn với công chúa. Chàng cẩn thận tính từng ngày. Vừa hết hạn định, ngay sáng hôm sau chàng đã nhờ mẹ đến cung vua nhắc hoàng đế nhớ lại lời đã hứa.

Nghe lời con, bà mẹ Alátđanh lại đến hoàng cung, chực trước cửa điện thiết triều, vẫn đứng vào nơi đã đứng y như những lần trước. Hoàng đế thoáng thấy bà đã nhận ra ngay, đồng thời cũng nhớ lại việc bà cầu hôn và

thời hạn vua đã định. Lúc ấy tể tướng tâu về một việc khác. Vua ngắt lời:

- Tể tướng à, ta trông thấy bà già đã dâng ta một món lễ vật rất quý cách đây mấy tháng. Khanh hãy gọi bà đến đây, ta sẽ lại xét đến việc khanh đang trình bày sau khi đã hỏi chuyện bà.

Tể tướng đưa mắt nhìn ra cửa điện và cũng trông thấy bà mẹ Alátđanh, ông liền gọi viên thị vệ trưởng và trở bà, truyền cho y dẫn bà đến gần ngai vua. Bà mẹ Alátđanh bước đến chân ngai và phủ phục xuống như thường lệ. Chờ bà ngẩng lên, hoàng đế hỏi bà muốn gì. Bà đáp:

- Tâu bệ hạ, tôi đến thay mặt Alátđanh con trai tôi, xin phép được tâu rằng thời hạn ba tháng mà hoàng thượng định hôm tôi mạo muội đến cầu hôn công chúa nay đã hết, cầu mong bệ hạ vui lòng nhớ cho.

Khi nêu ra thời hạn ba tháng cho bà mẹ Alátđanh hôm tiếp bà lần đầu, vua những tưởng là sẽ không bao giờ còn nghe nói đến chuyện gả bán con gái cho một người mà chỉ riêng địa vị thấp hèn và sự nghèo khó của bà – bà mẹ Alátđanh đến gặp vua ăn mặc rất xoàng xĩnh – cũng đã đủ thấy là không môn đăng hộ đối rồi. Tuy nhiên, lời hứa bà nhắc lại làm cho vua bối rối. Vua không biết trả lời như thế nào. Vua hỏi ý kiến tể tướng và để lộ cho ông thấy nỗi bức mình nếu phải gả con gái cho một kẻ vô danh tiểu tốt, mà chắc là gia sản hẵn còn ít ỏi hơn gia sản người tầm thường nhất. Không chút do dự, tể tướng trình bày ý kiến của mình:

- Tâu bệ hạ, thần nghĩ là có một cách khôn khéo để tránh một cuộc hôn nhân quả không cân xứng mà Alátđanh cho dù có được bệ hạ biết đến, cũng chẳng dám phàn nàn. Ấy là thách cưới công chúa bằng một giá thật cao vào, đến nỗi hẵn ta có giàu đến đâu cũng không thể nào với tới. Đó sẽ là cách cho hẵn phải từ bỏ sự đeo đẳng to gan, nếu không gọi là táo tợn, mà có lẽ hẵn ta đã không suy nghĩ chín chắn trước khi lao vào.

Hoàng đế chấp thuận lời khuyên của tể tướng. Vua quay lại, và sau một lúc suy nghĩ, nói với bà mẹ Alátđanh:

- Bà già ạ, các đấng đế vương cần phải giữ đúng lời hứa của mình. Ta sẵn sàng giữ lời ta đã hứa và cho phép con trai bà được sánh đôi cùng công chúa. Nhưng ta không thể nhận lời nếu ta chưa biết rõ gả con ta cho bà thì nó sẽ được lợi lộc gì. Bà hãy về nói với con trai bà rằng ta sẽ thực hiện ngay lời hứa chừng nào cậu sai người mang đến cho ta bốn chục mâm lớn bằng vàng khối, xếp đầy những thứ giống như thứ cậu đã nhờ bà mang đến dâng ta dạo nọ, do bốn chục tên nô lệ da đen đội trên đầu, và bốn chục tên nô lệ da trắng trẻ đẹp và khôi ngô, ăn mặc lộng lẫy dẫn đường. Đây là những điều kiện để ta sẵn sàng gả con gái ta cho cậu. Thôi bà già hãy về đi, ta chờ bà trở lại mang theo lời đáp của con trai bà.

Bà mẹ Alátđanh lại phủ phục lạy vua một lần nữa rồi ra về. Vừa đi, bà vừa cười thầm cho sự điên cuồng của con trai:

- Thật vậy, nó đào đâu ra bấy nhiêu chiếc mâm vàng và số viên thủy tinh xanh đỏ lớn đến thế để xếp cho đầy? Hay nó trở lại cái hang ngầm dưới đất mà cửa đã bít lại rồi để hái trên cây? Và tất cả cái đám nô lệ bánh chọe mà nhà vua đòi, nó lấy ở đâu ra? Đây nhé, cu cậu quá bất cần rồi; chắc cu cậu chẳng hài lòng với chuyến đi sứ của già này.

Về đến nhà, đầu óc còn mãi suy nghĩ tới những điều ấy, bà bảo Alátđanh chẳng còn gì mà trông mong nữa.

- Con ơi, mẹ khuyên con chớ nên tơ tưởng đến việc kết hôn cùng công chúa Bađrunbuđua. Đúng là hoàng đế có tiếp mẹ rất nhân từ và mẹ tin là Người có lòng thương con thật, nhưng quan tể tướng, nếu mẹ không nhầm, đã làm cho vua thay đổi ý kiến, con nghe mẹ kể đây rồi con cũng sẽ nghĩ y như mẹ. Sau khi tâu với vua là thời hạn ba tháng đã hết rồi, hãy nhớ lấy lời hứa, mẹ nhận thấy nhà vua thềm thì một lúc với quan tể tướng rồi mới trả lời như thế này.

Bà mẹ Alátđanh thuật lại cho con trai nghe thật rành rọt tất cả những điều hoàng đế đã nói với bà và những điều kiện vua đặt ra để thách cưới. Cuối cùng, bà nói thêm:

- Con ơi, nhà vua đang chờ con trả lời đây, nhưng nói riêng giữa mẹ con ta, – bà mỉm cười – chắc vua sẽ còn phải chờ lâu.

- Không quá lâu như mẹ nghĩ đâu, mẹ ạ. Và cả nhà vua cũng nhầm, nếu Người cho rằng bằng cách thách cưới cao quá mức, Người sẽ làm cho con không thể nào nghĩ tới công chúa Bađrunbuđua nữa. Con chờ đợi những khó khăn còn lớn hơn nữa kia, hoặc là Người sẽ thách cưới nàng công chúa tuyệt thế vô song của con bằng một giá cao hơn thế nhiều. Nhưng bây giờ thì con

hài lòng. Những thứ vua đòi ấy chẳng đáng bao nhiêu so với khả năng của con có thể bỏ ra để lấy được công chúa. Mẹ hãy đi kiếm thức ăn gì đi, để yên cho con nghĩ tới việc đáp ứng những điều vua thách thức.

Bà mẹ Alátđanh vừa ra khỏi nhà đi mua thức ăn, Alátđanh lấy cây đèn thần và miết vào. Lập tức thần đèn hiện ra, và vẫn với những câu nói như chúng ta đã biết, hỏi chàng cần gì và ngỏ ý sẵn sàng chờ lệnh, Alátđanh bảo:

- Hoàng đế gả công chúa cho ta. Nhưng nhà vua đòi ta dẫn cưới bốn chục chiếc mâm lớn bằng vàng ròng thật nặng, xếp thật đầy những thứ quả trong khu vườn ta đã đến lấy cây đèn mà ngươi là nô lệ. Vua lại đòi ta phải có bốn chục tên nô lệ da đen đội những mâm vàng ấy và có bốn chục tên nô lệ da trắng trẻ đẹp, khôi ngô, ăn mặc sang trọng đi trước dẫn đường. Ngươi hãy đi đi và mang tặng vật ấy đến cho ta thật nhanh vào, để ta có thể đưa đến nhà vua trước giờ bãi triều.

Thần đèn đáp: lệnh của ngài sẽ được thi hành ngay tức khắc, và biến luôn.

Chỉ một loáng sau, thần lại xuất hiện ra cùng với bốn mươi tên nô lệ da đen, mỗi tên đội một chiếc mâm vàng nặng hai chục *mác*^[87] xếp đầy châu ngọc và kim cương, còn đẹp còn to hơn những loại đã dâng vua lần trước. Mỗi chiếc mâm được phủ một tấm khăn dệt bằng sợi bạc thêu hoa vàng. Đám nô lệ vừa da đen vừa da trắng với những chiếc mâm vàng ấy chiếm gần hết cả căn nhà vốn dĩ không lấy gì làm rộng với một chiếc sân con đấng trước và một mảnh vườn nhỏ đằng sau.

Thần đèn hỏi Alátđanh đã hài lòng chưa và chàng có truyền lệnh gì nữa không. Alátđanh đáp chàng không đòi hỏi gì hơn nữa, thế là thần đèn biến mất ngay.

Bà mẹ Alátđanh đi chợ về. Bước vào nhà, bà hết sức ngạc nhiên thấy bao nhiêu người và châu báu. Bỏ những thức ăn vừa mua về xuống, bà định cắt tấm mạng che mặt thì Alátđanh đã ngăn lại:

- Mẹ ơi, chớ nên để mất thời giờ. Trước khi hoàng đế bãi triều, mẹ cần trở lại hoàng cung, mang ngay theo tặng vật và món của hồi môn của công chúa Bađrunbuđua mà vua đã thách, để cho Người thấy rõ sự sốt sắng và chữ tín của con mà thấu hiểu tấm lòng thiết tha của con muốn được làm rể Người.

Không đợi mẹ trả lời, Alátđanh mở cửa thông ra đường phố và cho đám nô lệ lục tục kéo ra, cứ một tên da trắng kèm theo một tên da đen đội chiếc mâm vàng trên đầu. Bà mẹ đi sau rốt theo sau tên nô lệ da đen cuối cùng. Chàng đóng cửa lại và bình tĩnh trở về buồng riêng, hy vọng là hoàng đế sau khi nhận được lễ vật đúng như thách cưới, sẽ bằng lòng gả công chúa cho chàng.

Tên nô lệ da trắng đầu tiên vừa bước ra khỏi nhà Alátđanh đã làm cho tất

cả những người qua đường trông thấy đều phải dừng chân lại.

Trước khi tám chục nô lệ vừa da trắng vừa da đen ra hết khỏi nhà, phố xá đã đông nghịt những người từ mọi nơi chạy xô lại để xem cảnh tượng xiết bao đẹp mắt và khác thường, áo quần những tên nô lệ may bằng gấm vóc đắt tiền và đính nhiều châu báu đến nỗi những kẻ sành sỏi nhất cũng quả quyết là mỗi chiếc áo ấy giá đến những một nghìn đồng. Áo quần sang trọng và dĩ nhiên được cắt rất khéo, diện mạo tuấn tú khôi ngô, tầm vóc xinh đẹp và đều đặn của mỗi tên nô lệ, dáng đi sang trọng và khoảng cách nhau rất đều, cùng với ánh sáng lấp lánh tỏa ra từ những viên ngọc cực to dát lên những chiếc thắt lưng bằng vàng khối, và những phù hiệu, châu ngọc buộc trên mũ của chúng, mọi thứ đều đặc biệt mỹ quan, khiến cho tất cả người xem cực kỳ khâm phục. Họ ngấm nghĩa không biết chán và còn đưa mắt nhìn theo cho đến khi mắt hút mới thôi. Nhưng vì phố xá chật ních những người, cho nên ai đứng đâu đành phải ở yên nơi đấy.

Đám nô lệ mang lễ vật đó phải đi qua nhiều phố mới đến được hoàng cung, thành thử cả một phần khá lớn kinh thành bao gồm đủ hạng người giàu có sang hèn, được chứng kiến cảnh lộng lẫy mê hồn. Lính cấm vệ canh giữ hoàng cung vừa trông thấy cái đoàn kỳ diệu ấy từ xa đã vội vã xếp hàng, và khi tên đi đầu trong số tám chục tên nô lệ tới nơi, lính cấm vệ tưởng nhầm đây là một ông vua, vì trang phục của gã quá ư lộng lẫy và đắt tiền, liền tiến lên định hôn gấu áo của gã. Nhưng tên nô lệ được thần đèn chỉ bảo, vội ngăn lại và trình trọng nói với bọn lính:

- Chúng tôi chỉ là nô lệ, còn chủ nhân chúng tôi sẽ xuất hiện lúc nào xét thấy cần.

Tên nô lệ đi đầu và theo sau là cả bọn, tiến vào tận cái sân thứ hai rất rộng, nơi tất cả quân lính trong nội phủ đến xếp hàng tề chỉnh mỗi buổi nhà vua thiết triều.

Các võ quan đứng đầu các hàng quân, mặc rất sang trọng, nhưng đều bị lu mờ hẳn khi tám chục tên nô lệ mang lễ vật của Alátđanh tiến vào và xếp hàng ngay bên cạnh. Trong cung của hoàng đế cũng không có gì đẹp rực rỡ bằng, và tất cả vẻ cao sang của các quan đại thần đang quây quần quanh vua cũng đều chẳng có nghĩa lý gì trước cảnh tượng mới đang diễn ra trước mắt vua.

Nhà vua đã được báo tin trước về việc đoàn nô lệ diễu qua các phố và tiến vào hoàng cung, liền truyền cho mời vào. Bởi vậy khi đoàn nô lệ tới nơi, cổng điện đã mở sẵn, và chúng chia thành hai đoàn tả, hữu bước vào rất trật tự. Khi cả đoàn đã vào hết trong sân điện và xếp thành hình cánh cung trước ngai vàng, các nô lệ da đen liền hạ những chiếc mâm đội trên đầu, đặt xuống tám thảm để chân. Tất cả cùng một loạt khấu đầu xuống đất. Bọn nô lệ da

trắng cũng làm như vậy. Rồi tất cả đứng lên, những tên da đen nhanh nhẹn giở các tấm vải phủ chiếc mâm vàng để trước mình, sau đó cả bọn đứng im, tay chấp trước ngực, vẻ rất cung kính.

Trong thời gian ấy, bà mẹ Alátđanh đã tiến tới sát chân ngai, quỳ xuống và thưa:

- Tâu bệ hạ, Alátđanh con trai tôi không phải là không biết món lễ vật cháu dâng lên bệ hạ thật quá hèn mọn so với công chúa Bađrunbuđua. Tuy nhiên cháu vẫn hy vọng rằng bệ hạ vui lòng chấp nhận, và xin công chúa hiểu cho rằng cháu đã cố gắng thực hiện đúng với điều kiện bệ hạ đã đòi thương mà phán bảo.

Hoàng đế lúc ấy chẳng còn bụng dạ nào nghe lời chúc tụng của bà cụ. Và đưa mắt nhìn bốn chục chiếc mâm vàng xếp đầy ắp những châu ngọc long lanh nhất, rực rỡ nhất, quý giá nhất, chưa từng thấy trên đời, và tám chục tên nô lệ vừa tuần tú khôi ngô vừa ăn mặc sang trọng lộng lẫy như những ông hoàng, vua đã lác mắt đến ngẩn ngơ mê mẩn. Vua không đáp lời bà mẹ Alátđanh mà lại quay sang hỏi tể tướng, ông này cũng đang thảng thốt không hiểu người ta lấy từ đâu ra những bấy nhiêu ngọc ngà châu báu.

- Này, tể tướng! – Vua lớn tiếng hỏi – Ông nghĩ sao về con người này, cho dù đây là ai chẳng nữa, đã dâng lên ta một lễ vật quý báu và lạ thường dường này, mà cả ta cả ông đều chưa từng được biết? Ông có cho là nó không xứng đáng kết hôn với công chúa Bađrunbuđua con gái của ta nữa không?

Cho dù tể tướng có ganh tỵ và đau xót đến đâu khi trông thấy một tiêu tốt vô danh sắp trở thành phò mã chứ không phải là con trai mình, ông vẫn không dám nói khác. Rõ ràng là lễ vật của Alátđanh quá đủ để cho chàng được kết thân với nơi lá ngọc cành vàng. Bởi vậy, ông đành trả lời cho hợp ý với vua:

- Muôn tâu bệ hạ, không những thần không nghĩ kẻ đã dâng lên bệ hạ một lễ vật quý giá thế này không xứng đáng với ân huệ bệ hạ định ban cho, mà thần còn dám nói rằng kẻ đó đáng được hưởng nhiều hơn nữa, nếu như thần không tin chắc rằng ở trên đời này chẳng có kho tàng vật báu nào có thể mang ra so sánh với công chúa ta.

Các quan đại thần đang dự buổi triều đều vỗ tay tán đồng ý kiến của tể tướng.

Hoàng đế không chút đắn đo, và cũng không buồn nghĩ tới cả chuyện hỏi xem Alátđanh còn có những đức tính nào khác cần thiết cho một con người rắp ranh trở thành phò mã hay không, chỉ nhìn những của cải vô giá ấy và sự sốt sắng của Alátđanh đáp lời thách cưới mà chẳng chút nề hà là những điều kiện ấy cao quá mức, vua đã lóa mắt và dễ dàng tin rằng chàng hoàn toàn có

đầy đủ mọi điều như vua mong đợi. Bởi vậy, để cho mẹ Alátđanh hoàn toàn mãn nguyện, vua phán:

- Bà cụ à, bà hãy về bảo với con trai bà rằng ta đang nồng nhiệt chờ để chào đón và ôm hôn chàng. Ta cho phép chàng đến đây để được thành thân với công chúa, càng sớm bao nhiêu, ta càng vui lòng bấy nhiêu.

Bà mẹ Alátđanh khắp khởi mừng vui nghĩ đến thân phận hèn mọn của mình mà lại được nhìn thấy con trai đạt tới địa vị cao sang quá lòng mong ước. Bà vừa đi khỏi, vua đã ra lệnh bãi triều. Rồi bước xuống ngai vàng, vua sai các hoạn nô chuyên hầu hạ công chúa đến mang các mâm châu báu về cung của nàng, vua cũng sẽ thân hành đến tận nơi để ngắm nghía cho thỏa thích.

Lệnh đó được thi hành ngay tức khắc dưới sự đôn đốc của viên chỉ huy bọn quan hoạn trong cung.

Tám chục nô lệ da đen và da trắng cũng không bị bỏ quên. Chúng được vào hoàng cung, và lát sau, khi hoàng đế đã kể cho con gái nghe về sự sang trọng đẹp đẽ của chúng, vua sai dẫn chúng vào tận cung riêng của công chúa để cho nàng nhìn qua rèm cửa mà thấy rằng không những vua cha không nói quá lời mà có khi còn chưa diễn tả đúng thực trạng của bọn người nhà Alátđanh là khác.

Còn bà mẹ trong thời gian ấy đã về đến nhà, vẻ mặt rạng rỡ của bà báo trước cho con tin mừng:

- Con ơi, – bà nói – con tha hồ mà thích nhé. Con đã đạt được mọi điều mong ước mà mẹ không hề nghĩ tới, hử con còn nhớ mẹ đã nói với con những gì. Để con đỡ sốt ruột, mẹ nói ngay rằng, hoàng đế sau khi hỏi ý kiến triều đình, đã tuyên bố con xứng đáng được kết hôn cùng công chúa Bađrunbuđua. Người đang chờ để ôm hôn con và làm lễ cưới. Giờ con phải chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ ấy sao cho nó xứng đáng với lòng tin yêu của nhà vua đối với hai mẹ con ta. Sau bấy nhiêu chuyện kỳ diệu mà mẹ đã thấy con làm, mẹ tin chắc rồi sẽ chẳng thiếu một thứ gì. Mẹ không thể quên không nói với con rằng hoàng đế đang nóng lòng đợi con. Con chớ để mất thời giờ, hãy đến ngay với Người!

Khoái trá vì tin vui và đang mải tơ tưởng đến người yêu, Alátđanh không nói nhiều với mẹ. Chàng lui về phòng riêng. Cầm lấy cây đèn đã giúp chàng thực hiện mọi điều mong ước, chàng vừa chạm khẽ, thần đèn đã hiện ra ngay tức khắc và tỏ ý sẵn sàng chờ lệnh.

Alátđanh bảo:

- Thần đèn, ta gọi ngươi đến để sửa soạn cho ta tắm ngay; và khi tắm xong, ta muốn ngươi đã để sẵn cho ta một bộ y phục đắt tiền nhất, đẹp đẽ

nhất chưa bậc đế vương nào từng mặc.

Chàng chưa dứt lời, thần đèn đã hóa phép tàng hình, làm cho chàng cũng vô hình giống như thần, rồi đưa chàng đến một nhà tắm hoàn toàn xây bằng đá cẩm thạch quý nhiều màu sắc trông vô cùng đẹp mắt. Ở phòng khách rộng và rất sạch sẽ, có người giúp cởi quần áo cho chàng mà chàng không hề thấy người phục dịch. Từ phòng khách, chàng được mời sang buồng tắm nhiệt độ vừa phải, ở đây chàng được kỳ cọ và tắm rửa bằng nhiều thứ nước hoa. Sau khi đã qua nhiều buồng tắm, mỗi buồng có nhiệt độ khác nhau, chàng đi ra thì con người đã khác hẳn lúc mới vào. Da dẻ chàng tươi tắn, trắng trẻo, hồng hào, thân thể chàng nhẹ nhàng, khoan khoái hơn. Trở lại phòng khách, chàng không còn trông thấy bộ quần áo cũ của mình để ở đây nữa. Thần đèn đã cẩn thận thay vào đây bộ y phục mà chàng đòi hỏi.

Alátđanh kinh ngạc trước vẻ xa hoa của bộ quần áo sắp sẵn cho mình. Có thần đèn giúp, chàng vừa mặc vừa ngắm nghía từng chiếc, chiếc nào cũng đẹp cũng sang quá mức tưởng tượng, chàng mặc xong, thần đèn đưa trả chàng về căn buồng cũ ở nhà riêng như trước, rồi hỏi chàng có lệnh gì sai bảo nữa không.

- Có, – Alátđanh đáp. – Ta chờ người mang đến cho ta một con ngựa đẹp và thuần hơn con ngựa được quý trọng nhất trong đàn ngựa của vua. Yên cương đệm ngựa phải trị giá hơn một triệu đồng. Ta muốn người đưa đến hai chục tên nô lệ ăn mặc cũng sang trọng và gọn ghẽ như những tên đã mang dâng lễ vật, để đi hầu ở hai bên tả, hữu và đằng sau ta, cùng với hai chục tên khác tương tự để dàn hàng đôi đi trước. Người hãy đưa đến cho mẹ ta sáu nô tì để hầu hạ cụ, đứa nào cũng ăn mặc sang trọng ít ra không kém các nữ tì của công chúa Badrunbudua. Mỗi đứa mang theo một bộ y phục đầy đủ đẹp tốt và lộng lẫy như thứ dành cho hoàng hậu. Ta cũng cần mười túi tiền, mỗi túi đựng một nghìn đồng vàng. Đây là mệnh lệnh ta truyền, người hãy đi và thi hành nhanh lên!

Alátđanh vừa truyền lệnh xong, thần đèn biến mất và một lát sau xuất hiện cùng với con ngựa và bốn chục nô lệ, mười tên trong số này mỗi đứa cầm một túi đựng một nghìn đồng vàng, và sáu nữ tì mỗi người đội trên đầu một bộ quần áo khác nhau dành cho mẹ Alátđanh bọc trong một tấm vải dệt bằng bạc. Thần đèn trình tất cả lên Alátđanh.

Alátđanh cầm bốn túi tiền đưa cho mẹ, bảo bà giữ lấy để dùng riêng khi cần. Sáu túi còn lại giao cho các tên nô lệ giữ, để bóc từng năm mà tung ra cho dân chúng trong lúc đoàn đi qua các phố xá tới cung vua.

Chàng truyền cho sáu tên này cùng với những tên khác xếp thành hai hàng đi trước chàng, ba tên đi bên phải, ba tên đi bên trái. Cuối cùng, chàng giao sáu nữ tì cho mẹ, nói rằng đó là những người hầu riêng của bà, bà toàn

quyền sai bảo, và những bộ áo quần mà chúng đội trên đầu là để cho bà dùng. Sau khi sắp xếp xong mọi việc chàng cho thần đèn lui ra, nói rằng sẽ gọi đến khi nào cần, thế là thần biến mất ngay.

Alátđanh lúc này chỉ còn nghĩ tới việc đáp ứng mong muốn của nhà vua đang muốn gặp chàng, chàng sai một trong số bốn chục tên nô lệ – tôi không nói là đứa nào bảnh bao nhất vì tất cả bọn chúng đều bảnh bao như nhau – đến ngay hoàng cung để hỏi thị vệ trưởng xem thử lúc nào thì chàng được vinh dự đến phủ phục trước ngai vàng. Tên nô lệ nhanh nhẩu hoàn thành nhiệm vụ được giao, và trở về cho biết hoàng đế đang sốt ruột đợi chàng.

Không chậm trễ, Alátđanh lên ngựa và truyền lệnh khởi hành theo trình tự đã nói ở trên kia. Mặc dù suốt đời chưa cưỡi ngựa bao giờ, ngay lần đầu tiên chàng đã lên yên với phong thái ung dung đến nỗi kỵ sĩ giàu kinh nghiệm nhất cũng không thể cho đây là một người mới bước vào nghề. Trong chốc lát, phố xá đều hầu như chật ních những người xem, đông không thể nào đếm được. Và vang dậy những lời hoan hô, những lời trầm trồ ngợi ca và cảm tạ, đặc biệt là những khi sáu tên nô lệ mang các túi tiền vàng bốc từng nắm tiền tung ra tứ phía.

Tuy vậy, những lời hoan hô ấy không chỉ thốt ra từ những người đang chen lấn, xô đẩy và cúi xuống để nhặt tiền, mà còn từ miệng những kẻ có địa vị cao sang hơn đám bình dân. Họ không thể nén lòng không công khai ca ngợi một cách xứng đáng sự hào phóng của Alátđanh. Không chỉ những kẻ vẫn còn nhớ, là đã từng trông thấy Alátđanh chơi bời lêu lổng trong đường phố như một tên du thủ du thực khi đã khá lớn tuổi không nhận được ra chàng, mà ngay những người mới gặp chàng cách đây chưa lâu cũng khó nhận ra được, vì nét mặt chàng thay đổi quá nhiều. Đó là do cây đèn thần có đặc tính từng bước một làm cho những ai làm chủ nó thay đổi dần cho phù hợp với cương vị mới.

Lúc này người ta chú ý nhiều đến con người Alátđanh hơn là cảnh xa hoa long lẫy đang diễn ra quanh chàng, mà phần đông đã được trông thấy hồi nãy, khi đoàn nô lệ mang lễ vật tiến vào hoàng cung. Những người sành về ngựa thì rất ca ngợi con tuấn mã. Họ biết nhận đúng vẻ đẹp của nó mà không bị lóa mắt bởi bộ yên cương đắt tiền cũng như những kim cương và châu ngọc sáng chói dát lên trên đó. Khắp nơi đồn đại rằng hoàng đế đã gả công chúa Badrunbudua cho chàng. Phong thái chàng tỏ ra xứng đáng với việc đó quá thành ra không ai vì chuyện xuất thân hèn mọn của chàng mà tỏ ý ganh tị sao chàng giàu có và đạt tới địa vị cao sang như vậy.

Alátđanh tới hoàng cung. Ở đây đã bày biện đâu vào đấy để nghênh tiếp chàng. Vào đến cổng thứ hai, chàng muốn xuống ngựa theo đúng tục lệ như tể tướng, các vị tướng lĩnh và đại thần vẫn làm, song viên thị vệ trưởng theo

lệnh vua đã chực sẵn ở đây, ngăn không để chàng xuống ngựa và phò chàng đến tận điện thiết triều, tới đây mới giúp chàng hạ mã. Alátđanh muốn cưỡng lại, nhưng không thể được. Trong lúc ấy quân cấm vệ đã dàn thành hàng đôi trước điện. Thị vệ trưởng mời Alátđanh đứng sang bên phải, rồi mời chàng đi giữa hai hàng quân và rước chàng đến tận ngai vàng.

Trông thấy Alátđanh, hoàng đế ngạc nhiên về trang phục đất tiền và đẹp dễ của chàng, đến bản thân vua cũng chưa bao giờ ăn vận sang như vậy. Nhưng sự ngạc nhiên ấy vẫn chưa bằng sự kinh ngạc về vẻ mặt khôi ngô, tầm vóc cân đối và phong thái cao sang mà vua không hề chờ đợi, nó khác hẳn địa vị hèn kém của bà mẹ mỗi lần đến ra mắt trước ngai vàng. Tuy lạ lùng và kinh ngạc, vua vẫn đứng lên và xuống khỏi ngai vàng mấy bước khá nhanh để kịp đỡ không cho Alátđanh phủ phục, rồi ôm hôn chàng vô cùng thấm thiết. Sau nghi thức ấy, Alátđanh còn muốn quỳ lạy, song hoàng đế đã cầm tay, buộc chàng bước lên và đặt chàng ngồi vào giữa vua và tể tướng.

Lúc bấy giờ Alátđanh mới cất lời:

- Muôn tâu bệ hạ, kẻ hèn mọn này được hưởng những vinh dự vừa rồi là bởi lòng nhân từ và ý cao cả của bệ hạ muốn như vậy, song xin phép cho tôi được tâu là tôi sinh ra vốn là thần dân của bệ hạ. Tôi biết rõ địa vị cao sang và uy danh vinh hiển của Người, thật là một trời một vực so với sự xuất thân hèn mọn của tôi. Nếu có một điểm nào khiến cho tôi được nghênh tiếp nồng hậu như thế này, xin thú thật ấy chính là do tính táo bạo và sự tình cờ khi tôi mạo muội ngẩng đầu đưa mắt nhìn lên, và dâng tất cả tình cảm, ước vọng của mình lên công chúa thiêng liêng, người đã làm cho tôi thầm mong trộm nhớ. Xin bệ hạ hãy tha thứ cho kẻ bạo gan này, song tôi không thể nào che giấu là tôi sẽ chết vì đau khổ nếu không còn được có niềm hy vọng là ước mơ của mình sẽ thành hiện thực.

- Con của ta ơi, – hoàng đế ôm hôn chàng một lần nữa và đáp, – con sẽ làm cho ta buồn, nếu con đã có một khoảnh khắc nào nghi ngờ ta thất tín. Cuộc sống của con đối với ta từ nay quá quý báu, ta không để con chết mà không cho con môn thuốc chữa thuộc quyền hạn của ta. Được trông thấy con và nghe con nói, ta còn thú hơn tất cả mọi kho tàng của ta và của con gộp lại.

Dứt lời, vua đưa tay ra hiệu. Thế là vang lên tiếng sáo đàn. Ngay lúc đó hoàng đế dẫn Alátđanh bước sang một phòng khách tráng lệ đã bày sẵn một bữa tiệc linh đình. Hoàng đế ngồi tiếp riêng Alátđanh. Tể tướng và các đại thần trong triều, tùy theo phẩm trật của mình, phân ngồi theo hầu trong suốt bữa tiệc. Hoàng đế mắt không rời khỏi Alátđanh mà càng nhìn vua càng ưa thích. Vua đàm đạo với chàng về nhiều chuyện khác nhau. Alátđanh đối đáp rất khôn ngoan và thông thạo, làm cho hoàng đế càng tin chắc những ấn tượng tốt đẹp đầu tiên của mình đối với chàng là đúng.

Tiệc tan, vua cho triệu viên đệ nhất pháp quan trong kinh thành đến, ra lệnh cho ông lập và hoàn chỉnh ngay tức khắc khế ước kết hôn giữa công chúa Bađrunbuđua và Alátđanh. Trong thời gian đó, hoàng đế chuyện trò với Alátđanh trước mặt tể tướng và các triều thần. Những vị này đều lấy làm khâm phục tri thức vững chắc, cách ăn nói thông minh, hoạt bát cũng như những ý kiến tinh tường và tế nhị của chàng.

Khi pháp quan đã lập xong bản khế ước hợp thức về mọi mặt, hoàng đế hỏi Alátđanh xem chàng có muốn lưu lại hoàng cung để hoàn tất mọi nghi lễ thành hôn ngay trong ngày hôm nay không, chàng đáp:

- Tâu bệ hạ, mặc dù rất nóng lòng được thừa hưởng ngay tấm lòng nhân từ của bệ hạ đoái thương, tôi vẫn cúi xin bệ hạ hãy thư cho, để tôi kịp sai xây dựng một cung điện rực rỡ công chúa về cho thật xứng với phẩm cách của nàng. Xin bệ hạ hãy ban cho một nơi thích đáng ở trước điện của Người, để cho tôi được ở gần mà tới lui châu chực. Tôi sẽ xin cố gắng hết sức để cung điện chóng xây dựng xong.

- Con ơi, tùy con muốn cấm đâu thì cấm. Trước cung của ta có quá nhiều đất trống và ta cũng đã nghĩ tới chuyện nên xây dựng thêm ở đó. – Hoàng đế đáp. – Nhưng con nên nhớ là ta nóng lòng muốn được sớm hưởng niềm vui trông thấy các con thành vợ thành chồng.

Dứt lời, vua lại ôm hôn Alátđanh một lần nữa. Chàng xin cáo từ hoàng đế với phong thái xử sự lịch sự, cung kính, như thể chàng đã sinh ra và suốt đời đã ở chốn cung đình vậy.

Alátđanh lên ngựa trở về nhà, gia nhân theo hầu rất trật tự như khi đi, và dân chúng lại tụ tập lớn tiếng chúc chàng mọi điều hạnh phúc, mọi thứ phú quý vinh hoa. Về đến nhà, vừa đặt chân xuống đất chàng đã cầm lấy cây đèn và gọi thần đèn như mọi bận. Không để chủ phải chờ đợi, thần đèn hiện lên ngay, chờ lệnh.

Alátđanh nói:

- Thần à, ta rất vừa ý, cho tới nay ngươi đã thực hiện đầy đủ và nhanh chóng mọi việc ta truyền. Còn bây giờ, ngươi hãy nhanh chóng vì cây đèn chủ của ngươi mà, nếu có thể được, tỏ ra nhiệt thành và mẫn cán hơn nữa. Ta yêu cầu ngươi hãy xây dựng cho ta một cung điện xứng đáng để đón công chúa Bađrunbuđua vợ ta, chỉ cách một quãng vừa phải ngay trước cung của hoàng đế, trong thời gian ngắn nhất. Ta có thể cho ngươi được tự do lựa chọn vật liệu xây dựng, tức là chọn các loại vân ban thạch, mã não, lưu ly và đá hoa mịn màng nhất, màu sắc phong phú nhất, cũng như tự ý định đoạt về mọi mặt khác của công trình.

Nhưng ta muốn rằng, ở nơi cao nhất trong cung điện ấy, ngươi sẽ cho xây

lên một phòng khách có vòm mái cao, bốn mặt bằng nhau, mà tường hoa thì không bằng vật liệu gì khác hơn là vàng và bạc khối xen nhau; mỗi mặt có sáu cửa sổ, vị chỉ hai mươi bốn cửa tất cả; các bức màn che cửa đều được nam thật khéo léo và đối xứng bằng kim cương, ngọc đỏ và ngọc lam, sao cho thật đẹp, chưa từng ai trông thấy ở trên đời – trừ một bức, mà ta muốn làm dở dang. Ta cũng muốn rằng cung điện ấy có một cái sân ngoài, một sân trong, một khu vườn, nhưng trước hết phải có một nơi nào đó mà người sẽ cho ta biết sau, một kho tàng chứa đầy vàng và tiền bạc. Ta cũng muốn rằng trong cung điện có các nhà bếp, nhà ngang, kho chứa, kho cất đồ đạc có đủ bàn ghế quý giá để bày biện cho hợp với từng mùa và tương xứng với vẻ tráng lệ của nhà cửa; các chuồng ngựa nhốt đầy những tuần mã kèm theo giám mã và người chăn, và có đủ các bộ đồ đi săn nữa. Cũng cần phải có những gia nhân, tôi tớ, nô tì cần thiết để hầu hạ công chúa. Hẳn người đã hiểu rõ ý định của ta. Thôi đi đi, chừng nào làm xong thì trở lại.

Lúc Alátđanh giao xong cho thần đèn việc xây dựng hoàng cung theo như trí tưởng tượng của chàng, thì mặt trời vừa lặn. Tảng sáng ngày hôm sau, Alátđanh vừa mới dậy – suốt đêm chàng không ngủ yên giấc vì tơ tưởng đến công chúa – thì thần đèn đã xuất hiện trước mắt và nói:

- Thưa ngài, cung điện của ngài đã hoàn thành, xin mời ngài đến xem thử đã hợp ý ngài chưa.

Alátđanh vừa ngó ý sẵn lòng, thần đã mang chàng đi trong nháy mắt. Tòa lâu đài đẹp quá mức mong đợi.

Đâu đâu cũng quý giá, sạch sẽ và tráng lệ, với gia nhân và tôi tớ mỗi người ăn mặc đúng theo ngôi thứ và công việc được giao. Thần đèn cũng không quên đưa chàng đi xem kho tàng, coi đây là một việc trong những việc chủ yếu. Viên coi kho mở khóa. Alátđanh nhìn vào và trông thấy hàng đồng túi đựng tiền to nhỏ khác nhau xếp đặt có trật tự nom rất thích mắt. Lúc trở ra thần đèn quả quyết với chàng là viên coi kho này rất trung thành.

Tiếp đó thần dẫn chàng đi xem các chuồng ngựa, và chỉ cho chàng những con tuần mã đẹp nhất trần gian. Bọn chăn ngựa đang bận rộn chải lông cho chúng. Thần lại đưa chàng đi thăm tiếp các kho chứa đủ các loại thức ăn vật dụng cần thiết, cũng như yên cương, vật trang trí và thức ăn cho ngựa. Sau khi xem xét toàn bộ tòa lâu đài từ gian này sang gian khác, buồng nọ đến buồng kia, từ tầng trên xuống tầng dưới, và đặc biệt là cái phòng khách có hai mươi bốn cửa sổ, ở đấy vật gì cũng đắt tiền và sang trọng, tiện nghi đầy đủ quá mức tưởng tượng, Alátđanh bảo thần đèn:

- Thần à, ta rất hài lòng, thế này mà còn phàn nàn thì thật là không đúng. Duy có một điều ta chưa bảo người vì hôm qua ta chưa nghĩ ra, ấy là hãy trải một tấm thảm nhung đẹp nhất từ cửa buồng dành riêng cho công chúa trong

lâu đài này đến tận cung hoàng đế, để cho nàng bước lên trên đó mà đi.

- Tôi sẽ trở lại trong giây lát.

Nói xong thần đèn biến mất, và một lát sau Alátđanh ngạc nhiên thấy điều chàng mong muốn đã được thực hiện, mà cũng chẳng rõ là bằng cách nào. Thần đã lại hiện lên và mang Alátđanh trở về nhà chàng vào lúc người ta mở cổng hoàng cung.

Những người canh cổng trước kia khi nhìn ra phía lâu đài Alátđanh vừa xây vẫn chỉ thấy khoảng đất trống, thì nay đều rất đổi ngạc nhiên thấy khoảng đất ấy có tường thành vây quanh, và trước đó có một tấm thảm nhung trải dài đến tận cổng hoàng cung. Tể tướng vừa đến cổng, cũng kinh ngạc không kém mọi người. Ông là người đầu tiên đến tâu vua rõ việc xảy ra, nhưng lại muốn làm cho vua nghĩ rằng đấy chẳng qua là ảo thuật. Vua đáp:

- Tể tướng à, tại sao ông cứ muốn cho rằng đấy là ảo thuật nhỉ? Ông cũng biết rõ như ta đấy chính là tòa lâu đài Alátđanh đã xin phép ta dựng lên để đón công chúa con gái ta, và ta chuẩn y ngay trước mặt ông. Sau khi đã trông thấy những cửa cải quý giá qua các lễ vật chàng dâng ta, làm sao chúng ta lại đi ngạc nhiên về việc chàng xây dựng xong tòa lâu đài này trong thời gian ngắn nhỉ. Chẳng qua chàng muốn làm chúng ta ngạc nhiên và thấy rằng hễ cứ có tiền mặt thì người ta có thể thực hiện được ngay mọi điều kỳ diệu như kiểu ấy trong một sớm một chiều đó thôi. Thôi, hãy thú thật với ta đi. Vì có lần một chút ganh tị cho nên ông mới muốn gọi đó là trò ảo thuật chứ gì?

Vì đã đến giờ thiết triều, câu chuyện giữa vua và tể tướng dừng lại ở đây.

Khi Alátđanh về tới nhà và cho phép thần đèn lui ra, thì mẹ chàng đã dậy và đang bắt đầu thắp một trong những bộ cánh mà chàng đã sai mang đến cho bà. Tính quãng thời gian chắc hoàng đế đã xong công việc triều đình, Alátđanh sai đám nô tỳ do thần đèn cung tiến, rước mẹ đến cung vua. Chàng dặn mẹ tâu là bà tới để ở lại đấy chờ đến tối thì xin rước dâu. Bà ra đi. Mặc dù bà cũng như bọn nữ nô tỳ theo hầu đều ăn mặc như những bà hoàng, nhưng dân chúng ra xem không đông lắm vì họ đeo mạng che mặt và dùng áo choàng giản dị khoác lên trang phục lộng lẫy và đắt tiền. Còn về phần Alátđanh, chàng lên ngựa mang theo cây đèn thần giúp cho chàng đạt tới đỉnh cao của hạnh phúc, từ giã ngôi nhà của bố mẹ để không còn bao giờ trở về đấy nữa, rồi cờ dong trống mở đi đến dinh riêng của mình với những nghi thức cũng sang trọng như lần chàng đến ra mắt hoàng đế ngày hôm trước.

Lính canh cổng hoàng cung vừa trông thấy bà mẹ Alátđanh đi tới, đã vội vào báo với vua. Lập tức lệnh truyền cho các đội kèn, đội trống, tổ sáo, tổ đàn đã chờ sẵn ở nhiều nơi trên sân thượng của hoàng cung cử nhạc. Thế là trong nháy mắt không gian vang dậy tiếng trống chiêng, tiếng đàn sáo báo

tin vui cho cả kinh thành.

Các nhà buôn bắt đầu trang trí cửa hiệu của họ bằng những tấm thảm đẹp, gỏi tựa và lá cây, cũng như chuẩn bị sẵn đèn hoa để thắp vào đêm tối. Thợ thuyền tạm nghỉ việc. Dân chúng nô nức đổ về quảng trường nằm giữa cung điện nhà vua và lâu đài của Alátđanh. Lâu đài này lập tức làm mọi người trầm trồ khen ngợi, không phải vì ai nấy đã quen nhìn hoàng cung, mà chính vì cung vua không thể nào sánh nổi với lâu đài. Nhưng, điều làm cho mọi người lạ lùng nhất không sao hiểu nổi là do phép thần nào mà một tòa lâu đài tráng lệ như vậy lại mọc lên từ một nơi vừa ngày hôm trước không hề ai trông thấy có một vật liệu hay móng nền đào sẵn.

Đến hoàng cung, bà mẹ Alátđanh được đón tiếp trọng thể, rồi viên thị trưởng dẫn bà đến buồng riêng của công chúa Bađrunbuđua. Vừa trông thấy bà, công chúa đã chạy đến ôm hôn và mời bà ngồi lên sập của mình. Trong khi các người hầu trang điểm và đeo cho nàng những vòng ngọc quý nhất của Alátđanh tặng, công chúa sai dọn ra mời bà một tiệc rượu nhẹ tuyệt diệu. Hoàng đế, đến chơi với con gái trước khi nàng từ biệt để về nhà chồng, cũng tiếp bà rất trọng vọng. Bà mẹ Alátđanh đã nhiều lần được hầu chuyện vua trước đám đông, song chưa bao giờ vua nhìn thấy bà không đeo mạng che mặt như lúc bấy giờ. Mặc dù tuổi bà cũng khá cao, vẫn có thể nhận ra những nét chứng tỏ hồi còn trẻ bà cũng thuộc vào hạng người có ít nhiều nhan sắc. Hoàng đế xưa nay chỉ trông thấy bà ăn mặc giản dị, nếu không nói là tồi tàn, rất cảm phục khi trông thấy bà trong bộ cánh cũng sang trọng và đẹp đẽ không kém con gái mình. Điều đó càng làm cho vua suy nghĩ là Alátđanh đúng là con người thận trọng, khôn ngoan và sành sỏi mọi bề.

Tối đến, công chúa xin từ biệt cha. Buổi chia tay thật là lưu luyến, hai cha con rơi nước mắt ôm nhau chẳng nói nên lời. Cuối cùng công chúa ra đi, có bà mẹ Alátđanh cùng đi bên trái, theo sau là một trăm nữ tỳ ăn mặc lộng lẫy lạ thường. Tất cả các đội nhạc đã không ngừng tấu nhạc từ khi Alátđanh đến, tập trung lại và bắt đầu cuộc rước dâu. Đi tiếp sau nữa là một trăm thị vệ và một trăm hoạn nô xếp hàng đôi, do các võ quan dẫn đầu. Bốn trăm viên quan hầu trẻ của nhà vua, xếp hàng đôi đi ở hai bên, mỗi người cầm một ngọn đuốc. Ánh đuốc cộng với ánh đèn trong cung điện hoàng đế và lâu đài Alátđanh tỏa sáng rực rỡ không khác ban ngày.

Cùng với đám rước, công chúa bước đi trên tấm thảm trải từ hoàng cung đến dinh phò mã. Đám rước càng đến gần dinh, tiếng trống tiếng chiêng của đoàn nhạc công dần dần hòa cùng tiếng đàn, tiếng sáo của các đội nhạc ngồi trên các sân thượng lâu đài Alátđanh, tạo nên một nhạc điệu tuy lạ kỳ và hỗn độn thật đấy nhưng cũng làm tăng thêm niềm vui cho không chỉ đám đông dân chúng tụ tập ở quảng trường mà cho cả những người trong hai cung, trong cả kinh thành và cả những nơi xa xôi ở ngoại thành nữa.

Cuối cùng công chúa tới nơi. Alátđanh hết sức mừng rỡ chạy đến nghênh tiếp ngay trước cửa phòng dành riêng cho nàng. Bà mẹ đã cẩn thận trở để công chúa phân biệt được Alátđanh giữa đám đông kẻ hầu người hạ đang vây quanh. Nàng rất xúc động thấy chàng thật tuấn tú khôi ngô. Alátđanh tiến đến gần và chào rất kính cẩn:

- Thưa công chúa kính yêu, nếu kẻ này có phải chịu điều bất hạnh để công chúa bức mình vì đã tảo tợn dám cầu hôn một con người kiêu diễm, ái nữ của hoàng đế, thì xin cho kẻ này được mạo muội thưa rằng đây là lỗi tại đôi mắt xinh đẹp và đáng điệu yêu kiều của nàng chứ không phải ở kẻ này.

- Thưa phò mã, – giờ đây em được quyền gọi chàng như vậy, – em vâng lệnh vua cha, nhưng chỉ cần trông thấy chàng là em có thể nói rằng em vâng lời vua cha không một chút băn khoăn.

Thú vị vì câu trả lời đáng yêu và làm danh giá cho mình, Alátđanh không để cho công chúa đứng lâu hơn nữa sau khi vừa đi bộ một quãng đường – việc này nàng vốn không quen – chàng cầm bàn tay nàng đưa lên hôn rồi vui mừng dẫn nàng vào một phòng khách lớn được cơ man là nến chiếu sáng. Ở đây thần đèn đã cẩn thận cho bày sẵn một bữa tiệc thịnh soạn. Các đĩa đều đúc bằng vàng khối và đầy thịt tuyệt ngon. Các thứ mâm, khay, chai, cốc xếp đầy tử ăn cũng đều làm bằng vàng và chế tạo tinh xảo. Các vật bày biện và tất cả những thứ trang hoàng khác trong phòng khách đều hoàn toàn tương xứng với những đồ dùng quý báu ấy. Hân hoan thấy bấy nhiêu của cải dồn vào một nơi, công chúa nói với Alátđanh:

- Phò mã ơi, trước đây em cứ tưởng không có gì đẹp hơn cung của vua cha em. Nhưng chỉ nhìn riêng cái phòng khách này, em đủ thấy rằng em đã nhầm.

Alátđanh mời nàng ngồi vào chỗ dành cho nàng và đáp:

- Nàng quá khen đó thôi.

Công chúa Bađrunbuđua, Alátđanh và bà mẹ ngồi vào bàn tiệc, lập tức tiếng đàn sáo du dương gợi cảm cử lên, hòa với tiếng hát ngọt ngào của nhiều nữ ca sĩ. Tiếng ca tiếng nhạc ấy tiếp tục không ngừng cho mãi đến khi mãn tiệc. Công chúa hết sức say mê, nàng nói chưa bao giờ được nghe một buổi ca nhạc hay như vậy trong cung hoàng đế. Ấy là vì nàng không biết các người này đều là những nàng tiên đã được thần đèn tuyển lựa.

Khi tiệc đã tàn và các gia nhân vội vã thu dọn, thì một tốp vũ công và vũ nữ vào thay các tốp hát. Họ múa nhiều điệu vũ tượng trưng theo tục lệ nước này. Cuối cùng, một vũ công và một vũ nữ múa riêng một cách linh hoạt lạ kỳ, mỗi người đều mang hết tài sức ra trình diễn.

Đến nửa đêm, theo như tục lệ ở Trung Quốc thời ấy, Alátđanh đứng lên,

cầm tay công chúa để cùng múa một bài kết thúc lễ thành hôn của họ. Hai người múa rất khéo, làm cho ai nấy đều khâm phục. Múa xong, Alátđanh vẫn nắm tay công chúa đưa nàng vào phòng tân hôn đã bày biện sẵn. Các người hầu của công chúa giúp nàng thay áo. Gia nhân của Alátđanh cũng giúp chàng làm như vậy. Xong đâu đấy tất cả lui ra.

Đến đây kết thúc lễ mừng thành hôn của Alátđanh với công chúa Bađrunbuđua.

Sáng hôm sau, Alátđanh thức dậy, những người hầu phòng bước vào thay áo cho chàng. Họ mặc cho chàng một bộ áo quần khác bộ mặc hôm làm lễ cưới song cũng đắt tiền, cũng lộng lẫy không kém. Sau đó, chàng sai đưa đến một con ngựa trong đàn ngựa dành riêng cho mình. Chàng cưỡi lên, đi thẳng đến cung hoàng đế giữa một đám đông nô lệ quây quần, chia nhau phò đằng trước, phía sau và hai bên tả hữu.

Hoàng đế tiếp chàng cũng với đầy đủ mọi nghi thức như hôm đầu. Vua ôm hôn chàng, mời chàng ngồi xuống ngay vàng bên cạnh mình rồi sai bày tiệc.

Alátđanh nói:

- Tâu bệ hạ, hôm nay xin bệ hạ miễn cho con cái vinh dự ấy. Con đến đây kính mời hoàng thượng cùng với tể tướng và các quan lớn trong triều vui lòng sang bên cung của công chúa dự bữa cơm cùng chúng con.

Hoàng đế vui vẻ nhận lời. Vua đứng lên ngay, và bởi vì đường không xa, vua muốn đi bộ. Thế là vua rời hoàng cung, có Alátđanh đi bên phải, tể tướng đi bên trái, theo sau là các đại thần, và trước mặt là các thị vệ và quan chức chính trong nội phủ.

Càng đến gần lâu đài của Alátđanh, vua càng sửng sốt vì vẻ đẹp của nó. Vào đến trong dinh thì càng khác nữa. Trông thấy vật gì vua cũng kêu lên thán phục. Nhưng, khi theo lời mời của Alátđanh, vua lên tới phòng khách lớn có hai mươi bốn cửa sổ, trông thấy đồ vật trang hoàng và nhất là khi nhìn thấy các bức màn có gắn kim cương, hồng ngọc và ngọc bích, viên nào cũng hoàn hảo cũng cân xứng, và khi nghe Alátđanh nói rằng mặt ngoài cũng quý báu như vậy, thì vua ngạc nhiên đến nỗi đứng ngây người không nhúc nhích. Sau một lúc vua mới quay sang nói với tể tướng đứng ở bên cạnh.

- Có thể nào trong nước ta, ngay bên cạnh cung điện của ta lại có một tòa lâu đài tráng lệ dường này mà cho mãi đến bây giờ ta vẫn không hay biết.

Tể tướng tâu:

- Hẳn bệ hạ còn nhớ là mãi đến hôm kia Người mới cho phép Alátđanh, mà bệ hạ vừa chuẩn y làm phò mã, được xây dựng một dinh cơ đối diện với

hoàng cung. Cho đến tối hôm đó vẫn chưa có nhà cửa gì trên khoảng đất này, và sáng hôm qua tôi được vinh dự là kẻ đầu tiên tâu bệ hạ tòa lâu đài đó hoàn thành.

- Ta còn nhớ chứ, – vua đáp – nhưng ta không bao giờ nghĩ rằng lâu đài ấy sẽ là một kỳ quan trên thế giới như thế này. Tìm đâu ra được trong vũ trụ này những dãy tường hoa xây bằng vàng khối và bạc khối chứ không phải đá xanh hay đá hoa, và mảnh che cửa sổ thì dát đầy kim cương, ngọc hồng và ngọc bích? Trên đời này chưa bao giờ có ai nói đến một chuyện tương tự.

Hoàng đế tỏ ý muốn xem kỹ hai mươi bốn bức màn. Khi đếm, vua nhận ra chỉ có hai mươi ba chiếc dát ngọc quý như nhau, còn chiếc thứ hai mươi bốn không hoàn chỉnh. Vua ngạc nhiên nói với tể tướng, vị đại thần này luôn luôn không rời vua một bước.

- Ta lấy làm lạ sao một phòng khách rộng rãi dường này lại sót một chỗ không hoàn hảo. Ấy là do sơ suất, do chênh lệch hay là tại vì thợ không có đủ thời gian để hoàn thành nốt một công trình kiến trúc đẹp để xiết bao này?

Alátđanh đáp:

- Tàu bệ hạ, bức màn này bị bỏ dở không phải tại những lẽ như bệ hạ vừa nói, ấy là do lệnh của con cho nên bọn thợ đã làm dở dang như vậy. Con muốn nhường bệ hạ sự quang vinh hoàn tất phòng khách này và qua đó hoàn tất cả lâu đài. Cúi xin bệ hạ chuẩn y cho, để cho con được coi đó là một kỷ niệm về những ân huệ bệ hạ đã ban cho.

- Nếu con đã cố ý như vậy, – hoàng đế nói – thì ta rất lấy làm vui lòng. Ta sẽ truyền cho làm công việc ấy ngay bây giờ.

Quả như lời, vua cho vời những nhà buôn ngọc giàu có nhất và những thợ kim hoàn khéo tay nhất trong kinh thành đến ngay lập tức. Trong thời gian ấy, Alátđanh mời vua ra khỏi phòng khách xuống gian phòng chàng chiêu đãi công chúa Bađrunbuđua hôm tân hôn.

Một lát sau công chúa cũng đến. Nhìn vẻ mặt con vua vui mừng hiểu rằng nàng hết sức hài lòng về hôn nhân của mình. Ở đây đã bày sẵn hai bàn tiệc đầy những món ăn thịnh soạn, bát đĩa thủy đều bằng vàng.

Vua ngồi vào bàn thứ nhất cùng với công chúa, Alátđanh và tể tướng. Tất cả triều thần được mời ngồi vào chiếc bàn thứ hai khá dài. Hoàng đế thấy các món ăn nấu rất ngon, và thú thật là mình chưa bao giờ được dự một bữa ăn thỏa thích như vậy. Rượu cũng tuyệt vời.

Điều làm cho vua phục hơn nữa là bốn chiếc tủ lớn xếp đầy những chai, đĩa và chén bằng vàng khối có nam ngọc. Vua cũng say sưa về đội ca nhạc bố trí ngay trong phòng khách, trong khi các đội kèn đồng và chiêng trống thì được sắp xếp ở bên ngoài, cách một khoảng xa vừa phải, để nghe cho đỡ

chối tai.

Hoàng đế dự tiệc xong, quân hầu vào báo các nhà buôn ngọc và thợ kim hoàn đã đến. Vua trở lại phòng khách có hai mươi bốn cửa sổ và chỉ cho họ xem bức màn che cửa chưa hoàn thành: “Ta cho triệu các người đến đây – vua phán – để nhờ các người hoàn thành cho ta bức màn này sao cho giống hết những bức kia. Các người hãy xem xét cho kỹ và bắt tay làm ngay cho ta.”

Các nhà buôn ngọc và thợ kim hoàn chăm chú xem xét hai mươi ba bức màn, rồi sau khi đã trao đổi với nhau, để cho mỗi người được đóng góp hết ý kiến của mình, họ cùng đến gặp hoàng đế. Người thợ ngọc thường vẫn làm các công việc trong nội phủ thay mặt anh em, bước ra nói:

- Tâu bệ hạ, chúng tôi sẵn sàng mang tất cả tài nghệ và công sức để tuân lệnh bệ hạ, nhưng chúng tôi không thể nào có đủ bấy nhiêu châu ngọc quý để làm một công trình to lớn thế này.

- Ta có đủ và có thừa nữa là khác. – Vua nói – Các người hãy đến cung ta, ta sẽ bỏ ngọc ra cho các người lựa chọn.

Trở về cung, vua cho mang tất cả châu báu của mình tới. Các thợ lấy và mang đi một số rất lớn, đặc biệt là những viên trước là tặng phẩm của Alátđanh. Họ đem số đó ra dùng hết rồi còn quay trở lại nhiều lần để lấy thêm song một tháng trôi qua mà vẫn chưa làm xong một nửa công trình. Dùng hết ngọc của hoàng đế họ còn vay thêm ngọc của tể tướng, song tất cả những thứ đó giỏi lắm cũng chỉ làm xong một nửa bức màn.

Alátđanh biết nhà vua cố hết sức để làm cho bức màn giống hết các bức kia nhưng vô ích, và sẽ không bao giờ có thể hoàn thành, liền cho gọi các thợ kim hoàn đến, bảo họ không ngừng công việc mà còn tháo dỡ tất cả công trình đã làm, mang về trả lại cho hoàng đế tất cả châu ngọc của vua cũng như những thứ vay của tể tướng.

Công trình những người thợ kim hoàn làm suốt sáu tuần bị phá đi trong mấy tiếng đồng hồ. Họ ra về, để lại Alátđanh một mình trong phòng khách, chàng lấy cây đèn luôn luôn mang theo trong người ra, miết tay vào.

Lập tức thần đèn hiện lên. Alátđanh bảo:

- Thần à, trước đây ta truyền cho ngươi để lại một trong số hai mươi bốn cửa sổ ở phòng khách không hoàn chỉnh và ngươi đã thi hành lệnh của ta. Giờ đây ta gọi ngươi đến để nói cho ngươi biết là ta muốn chiếc màn cửa này cũng hoàn hảo như tất cả những chiếc kia.

Thần đèn biến mất. Alátđanh cũng ra khỏi phòng khách. Lát sau chàng trở lại thì trông thấy bức màn này đã làm xong, giống hết những chiếc kia.

Trong thời gian đó, các nhà buôn ngọc và thợ kim hoàn được đưa vào cung ra mắt hoàng đế. Viên thợ cả thay mặt cả nhóm nói:

- Tâu bệ hạ, suốt một thời gian dài chúng tôi đã mang tất cả tài nghệ ra để hoàn thành công trình bệ hạ giao phó. Hôm qua vào lúc đã khá muộn, Alátđanh buộc chúng tôi phải tháo dỡ tất cả những gì chúng tôi đã làm được và bảo chúng tôi mang trả lại bệ hạ và tể tướng số châu ngọc này.

Vua hỏi Alátđanh có cho họ rõ lý do không. Những người thợ đáp chàng không hề cho họ biết một tí gì, vua liền truyền lấy ngay lập tức một con ngựa. Ngựa được đưa đến, vua lên đi ngay, không có đoàn hộ giá nào khác số quân hầu cận chạy bộ theo. Đến dinh Alátđanh, tận chân cầu thang, vua mới xuống ngựa và không báo cho phò mã biết, đi thẳng lên phòng khách hai mươi bốn cửa sổ. Nhưng Alátđanh đã chực sẵn ở đấy và kịp nghênh tiếp vua ngay từ ngoài cửa.

Không để Alátđanh kịp hỏi sao vua không cho báo trước để chàng đến nỗi phải thất lễ, hoàng đế nói ngay:

- Con ạ, ta thân hành đến đây hỏi tại làm sao con lại muốn để cho lâu đài tráng lệ và kỳ lạ như dinh của con không hoàn hảo?

Alátđanh không nói thật là hoàng đế không đủ châu báu để dùng vào việc đó. Nhưng, để cho vua thấy rõ lâu đài của chàng không những hơn đứt cung điện của vua mà còn hơn hẳn mọi cung điện khác trên đời, bởi vì chính vua cũng không đủ sức hoàn thành một bộ phận nhỏ nhất nhất của nó, chàng đáp:

- Tâu bệ hạ, đúng là hôm trước, bệ hạ có trông thấy phòng khách này chưa hoàn hảo, nhưng giờ đây xin bệ hạ nhìn xem thử có khiếm khuyết chỗ nào.

Hoàng đế bước thẳng đến cái cửa sổ trước đây có bức màn làm dở. Khi nhận thấy bức màn này cũng chẳng khác gì các bức màn kia, vua tưởng là mình trông nhầm. Không những vua xem kỹ hai cửa sổ kề bên, mà còn lần lượt xem tất cả. Khi biết chắc chắn bức màn đã làm cho vua tốn mất bao thời gian, dùng bao công thợ vẫn chưa làm xong, nay đã hoàn thành trong một thời gian ngắn ngủi, vua liền ôm chầm lấy Alátđanh và hôn lên trán chàng, vào chỗ giữa hai con mắt. Vua kinh ngạc nói với chàng:

- Con ơi, con là ai mà làm nên bao điều kỳ lạ hầu như trong nháy mắt? Trên đời này con thật là độc nhất vô song, và càng hiểu con, ta càng thêm mến phục.

Alátđanh tỏ vẻ khiêm nhường trước những lời khen của vua, chàng trả lời như sau:

- Muôn tâu bệ hạ, thật là vạn hạnh cho con được bệ hạ đoái thương mà khen ngợi. Điều con có thể khẳng định là xin luôn luôn cố gắng để xứng đáng với tình thương cũng như lời khen của bệ hạ.

Hoàng đế trở về cung cũng đơn giản như khi đi, không cho Alátđanh được theo tiễn. Tể tướng đã chực sẵn ở hoàng cung. Tâm trí còn tràn trề khâm phục về điều kỳ diệu vừa trông thấy, vua kể lại say sưa đến nỗi tể tướng không những bớt hoài nghi mà càng tin chắc rằng tòa lâu đài chỉ là chuyện ma thuật, như ông đã thổ lộ với vua ngay hôm tòa nhà vừa xuất hiện. Tể tướng muốn lặp lại ý nghĩ đó của mình, song vua đã ngắt lời:

- Khanh ạ, ông đã từng nói với ta điều đó, rõ ràng là ông chưa muốn quên cái đám cưới dở dang giữa con gái ta và con trai ông.

Tể tướng thấy rõ vua đã có định kiến. Ông không muốn nói lại, mặc cho vua giữ ý kiến của mình. Như đã thành lệ, ngày nào cũng vậy, hễ thức dậy là hoàng đế đến ngay một căn buồng từ đây nhìn rõ toàn bộ dinh phò mã. Trong ngày, thế nào vua cũng đến nơi để ngắm nghía, trầm trồ khen ngợi.

Trong thời gian đó, Alátđanh không ở mãi trong nhà. Chàng chú ý mỗi tuần vài lần đi xem phố hoặc đến đọc kinh, hôm ở nhà thờ này hôm ở nhà thờ khác, thỉnh thoảng lại đến chào thăm tể tướng. Ông này vẫn thích đến chơi với chàng vào những ngày nhất định. Có khi chàng đến thăm các quan đại thần mà chàng vẫn thường mời đến dinh để đãi ngộ. Mỗi lần ra phố, chàng sai hai tên trong đám đông nô lệ theo hầu, hắt những nắm tiền vàng tung ra các phố xá và quảng trường, thưởng cho dân chúng thường tụ tập đông đảo những nơi chàng đi qua. Ngoài ra, chưa từng có một kẻ nghèo khó nào đến gõ cửa dinh quan phò mã mà ra về không hài lòng bởi sự hào phóng của chàng.

Alátđanh sắp xếp thời giờ sao cho tuần nào cũng đi săn được ít ra là một lần, khi thì ở quanh thành phố, khi thì đi xa hơn, và đi qua thôn nào chàng cũng đều tỏ ra rộng rãi như vậy. Tính tình hào phóng ấy làm cho dân chúng hết lời ca ngợi. Chàng không bao giờ nặng lời với một ai. Tóm lại, tuy không muốn làm lu mờ hoàng đế mà chàng chú ý đến châu đều đặn – ta có thể nói là nhờ phong thái đáng yêu và tính tình hào phóng – chàng được nhân dân rất quý mến, nhìn chung họ còn quý chàng hơn cả nhà vua.

Đi đôi với những đức tính tốt đẹp ấy chàng còn tỏ ra là người có tài năng và hết lòng vì lợi ích nước nhà.

Chàng có dịp tỏ rõ phẩm cách nhân một dịp giặc cướp nổi lên ở biên thúy. Vừa nghe tin hoàng đế cử binh đi tiêu phạt, chàng vội đến xin vua cho phép được cầm đạo binh ấy. Vua bằng lòng ngay. Vừa nắm quyền chỉ huy, chàng đã hành quân thần tốc đến nỗi hoàng đế nhận được tin báo tiếp cho biết giặc đã bị đánh bại, diệt trừ và dẹp xong, cùng một lúc với tin chàng đến nắm quyền chỉ huy quân đội. Chiến công đó làm cho tên tuổi của chàng vang dội khắp cả nước. Nhưng Alátđanh không vì vậy mà kiêu căng. Chiến thắng trở về, chàng vẫn là con người hiền dịu và đáng mến như bất cứ bao giờ.

Alátđanh sống và xử thế theo cách đó trong nhiều năm. Chợt một hôm, lão phù thủy – y đã trở về châu Phi và không ngờ chính y đã đưa lại cho chàng phương tiện để đạt địa vị cao sang ấy – sức nhớ tới chàng. Mặc dù tin chắc là Alátđanh đã bỏ mạng trong hang sâu, lão vẫn cứ nảy ra ý thử tìm hiểu chính xác xem cậu đã chết như thế nào. vốn là một tên có tài bấm độn, lão mang các dụng cụ ra phù phép. Nhìn kết quả, lão phát hiện ra rằng không phải Alátđanh đã chết trong hang sâu dưới mặt đất, mà trái lại, chàng đã thoát ra được và hiện đang sống huy hoàng trên mặt đất, cực kỳ giàu có, lấy con gái vua, được mọi người trọng vọng, kính mến.

Lão phù thủy nhờ pháp thuật vừa biết rõ Alátđanh đang ở vào địa vị rất cao sang, liền nổi cơn tức giận đến điên cuồng. Lão tự bảo:

- Thằng khốn nạn con lão thợ may ấy đã phát hiện ra điều bí mật và quyền năng của cây đèn. Ta tưởng nó chết mất giống rồi, hóa ra nó đang tọa hưởng kỳ thành kết quả công sức tu luyện của ta! Hoặc là ta ngăn không cho nó hưởng thụ, hoặc là ta chết!

Lão không phải mất nhiều thời giờ để suy nghĩ nên hành động như thế nào. Ngay sáng hôm sau, lão dắt con ngựa trong chuồng ra và khởi hành. Lão đi qua không biết bao nhiêu là đường đất. Từ thành phố này sang thành phố khác, hết tỉnh này đến tỉnh nọ, chỉ dừng chân cho ngựa lấy hơi, cuối cùng lão đến được Trung Quốc và tới kinh đô nước mà Alátđanh đang làm phò mã. Ghé một quán trọ, lão xuống ngựa vào hỏi thuê phòng trọ. Lão nghỉ lại một ngày một đêm ở đấy để lấy lại sức sau chuyến đi vất vả gian lao.

Ngày hôm sau, việc đầu tiên của lão phù thủy là tìm hiểu xem dân chúng mới nói những gì về Alátđanh. Lão đi dạo qua các phố xá rồi đi vào nơi nổi tiếng nhất, có nhiều kẻ quyền cao chức trọng lui tới, họ tụ họp ở đây để uống một loại rượu hâm nóng mà lão đã từng được nếm trong chuyến đi trước. Lão vừa ngồi yên chỗ đã có người rót và mang tới một bát rượu. Vừa uống lão vừa lắng tai nghe: lúc ấy người ta đang nói về dinh quan phò mã.

Uống xong bát rượu, lão đến gần một người đang nói chuyện, và chờ lúc thuận tiện, hỏi riêng người đó dinh phò mã như thế nào mà được ca ngợi như vậy.

- Bác từ đâu đến? – Người kia đáp. – chắc hẳn bác là người xứ khác mới đến đây cho nên mới chưa từng trông thấy hay nghe nói đến phò mã Alátđanh (từ ngày chàng kết hôn với công chúa Bađrunbuđua, mọi người đều gọi chàng bằng danh vị ấy). Tôi sẽ không nói với bác đây là một kỳ quan của thế giới, mà còn nói rằng đây là kỳ quan duy nhất của thế giới. Chưa từng có ai trông thấy bao giờ một cái gì vĩ đại, quý báu, huy hoàng như vậy. Chắc hẳn bác từ một nơi xa lắm đến đây, cho nên mới chưa nghe nói tới nó. Thật vậy, từ khi tòa lâu đài ấy được cất lên, cả quả đất đều trầm trồ. Bác hãy

đến mà xem, rồi bác sẽ thấy lời tôi nói đúng hay không đúng.

- Xin ông hãy bỏ qua cho về sự ngu dốt của tôi. – Lão phù thủy nói. – chả là tôi mới đến đây chiều hôm qua, và đúng là từ rất xa đến, tôi muốn nói từ nơi tận cùng của châu Phi, ở đây khi tôi ra đi thì tiếng tăm tòa lâu đài này chưa đồn tới. Và bởi vì tôi có việc cần kíp, dọc đường chỉ nghĩ tới chuyện đi sao cho chóng tới nơi, không ghé lại ở đâu và cũng chẳng làm quen với ai, cho nên chẳng rõ được những điều ông vừa cho biết. Nhưng thế nào tôi cũng phải đến xem. Hơn nữa tôi còn quá nôn nóng đến nỗi sẵn sàng đi ngay bây giờ để thỏa mãn tính hiếu kỳ của mình, nếu như ông vui lòng chỉ giúp đường cho.

Người nói chuyện với lão phù thủy vui lòng chỉ cho lão lối đi để tới xem dinh quan phò mã. Thế là lão đứng lên và đi ngay tức khắc. Tới nơi và xem xét kỹ tòa lâu đài ở cả bốn phía, lão càng không ngờ vực chút nào chính Alátđanh đã nhờ cây đèn thần xây cất nên. Chưa nói đến chuyện chàng ta, con một bác thợ may bình thường, không thể nào có đủ tiền của, lão còn biết rằng chỉ có những quỷ thần nô lệ của cây đèn – đã trượt khỏi tay của lão – mới có khả năng làm nên những chuyện kỳ diệu thế này. Ngâm đắng nuốt cay trước hạnh phúc và danh vọng của Alátđanh gần như không kém gì hạnh phúc và danh vọng của hoàng đế, lão phù thủy trở về quán trọ của mình.

Vấn đề là làm sao biết được cây đèn để ở đâu, hoặc là Alátđanh mang theo bên người, hoặc là chàng cất giấu ở một chỗ nào, đó là việc phải nhờ đến phép bảm độn. Vừa về tới nơi nghỉ trọ, lão đã giở bộ đồ nghề mà bất cứ đi đâu lão cũng mang theo. Bảm độn xong, lão biết được cây đèn vẫn để ở trong dinh của Alátđanh. Sự phát hiện ấy làm cho lão mừng rơn đến gần như không tự chủ nổi. “Ta sẽ có cây đèn thần; ta thách Alátđanh ngăn không cho ta lấy khỏi tay hắn, rồi ta sẽ đưa hắn trở về địa vị xuất thân hèn hạ như trước khi hắn vươn lên tới đỉnh cao sang thế này.”

Điều không may cho Alátđanh là trong thời gian ấy chàng đang làm một chuyến đi săn lâu tới tám ngày, và chàng mới đi được có ba hôm. Lão phù thủy biết được điều đó là nhờ mảnh khốe sau đây.

Sau cái quẻ bảm độn đã làm cho lão xiết bao vui mừng, lão đi tìm ngay người trông nom quán trọ, lấy cớ là muốn chuyện trò, và quả là lão có tài về môn tán tỉnh thật. Lão nói với người trông quán rằng lão vừa đi xem dinh quan phò mã; và sau khi đã nói quá lâu về những điều trông thấy mà lão cho là kỳ lạ và đáng chú ý nhất, lão nói tiếp:

- Tính hiếu kỳ của tôi còn đòi hỏi nhiều hơn cơ. Tôi sẽ hài lòng nếu chưa được nhìn thấy chủ nhân của một dinh cơ diệu kỳ dường ấy.

- Việc đó cũng chẳng có khó khăn gì đâu, – người trông nom quán trọ đáp – không ngày nào quan phò mã không đi ra phố. Nhưng đã ba hôm nay ngài

đi sẵn xa, cuộc sẵn này kéo dài đến tám ngày.

Lão phù thủy không cần biết nhiều hơn. Lão từ biệt người trông quán, và vừa đi vừa tự nhủ: “Đây là thời cơ hành động, ta không được để lỡ mất.”

Lão đến cửa hiệu của một người làm đèn và bán đèn:

- Bác cả ạ, tôi cần một tá đèn đồng, bác có đủ để bán cho tôi không?

Người bán đèn đáp hiện còn thiếu vài chiếc, nhưng nếu khách vui lòng nán cho đến sáng mai, ông ta sẽ giao đủ vào bất cứ lúc nào khách muốn. Lão phù thủy bằng lòng. Lão dặn các cây đèn phải sạch sẽ và bóng lộn, và hứa sẽ trả giá hời, rồi trở về quán trọ.

Ngày hôm sau, người bán đèn giao đủ một tá đèn. Lão phù thủy trả đủ số tiền người đó đòi, không bớt một xu. Lão cho tất cả vào một chiếc thùng mang theo sẵn, rồi cắp chiếc thùng bên nách, đi về phía tòa lâu đài của Alátđanh. Gần tới nơi, lão lớn tiếng rao:

- Ai có đèn cũ muốn đổi lấy đèn mới nào?

Lão vừa tới, thì lũ trẻ con chơi trên quảng trường nghe tiếng rao chạy vội đến vây quanh, rồi reo hò mà nhìn lão như một thằng điên.

Những người qua đường cũng cười cho sự ngốc nghếch của lão. Họ nói: “Lão này hẳn phải mất hết trí khôn cho nên mới mang đèn mới đi đổi lấy đèn cũ!”

Lão phù thủy người Phi chẳng quan tâm đến những tiếng reo hò của trẻ con cũng như tất cả những điều người ta có thể nói về lão. Lão tiếp tục rao:

- Ai có đèn cũ muốn đổi lấy đèn mới nào?

Lão cứ qua qua lại lại trước và quanh tòa lâu đài, và cứ rao mãi, đến nỗi công chúa Badrunbudua lúc ấy đang ngồi trong phòng khách hai mươi bốn cửa sổ, cũng nghe tiếng. Nhưng vì nàng không phân biệt rõ lời rao bởi những tiếng hò reo của lũ trẻ con đi theo mỗi lúc một đông hơn, nàng sai một ả nữ tì đứng gần nhất đi nghe cho rõ tiếng ồn ào ấy là gì.

Lát sau người nữ tì trở lại. ả vào phòng khách vừa đi vừa cười như nắc nẻ, đến nỗi công chúa trông thấy cũng không nhịn được cười.

- Con điên kia, mày có chịu nói ra cho ta rõ vì sao mày cười không nào?

- Thưa công chúa, ai mà có thể nhịn cười được, khi trông thấy một người điên tay cắp một chiếc thùng đựng đầy những cây đèn mới toanh, nhưng không rao bán mà lại đòi đổi lấy đèn cũ? Chính lũ trẻ con đang vây kín lão, hầu như không cho lão đi, và chế giễu lão cho nên mới sinh ra tiếng ồn ào như vậy.

Đến đây, một nữ tì khác nói chen vào:

- Nhân chuyện đèn cũ, không biết công chúa có để ý không, trên nóc cột kia của nhà ta có một chiếc. Ai là chủ của nó chắc sẽ không bất bình về việc đánh đổi nó lấy một chiếc đèn mới. Nếu công chúa bằng lòng, ta có thể mang ra thử xem lão kia có thật là điên không, ai lại đổi đèn mới lấy đèn cũ mà không đòi bù các thêm tí gì bao giờ.

Cây đèn mà ả nữ tì nói đến ấy chính là cây đèn kỳ diệu đã đưa Alátđanh lên tới địa vị cao sang hiện nay. Chàng đã để lên đây trước khi đi săn để khỏi đánh rơi mất, mỗi khi đi xa chàng vẫn làm như vậy. Nhưng các nữ tì, hoạn nô cho đến công chúa cũng không ai để ý. Ngoài thời gian đi săn, chàng luôn luôn mang theo mình. Chắc có người sẽ bảo Alátđanh cẩn thận như vậy là đúng, song ít ra chàng cũng phải cất kín cây đèn vào một nơi nào chứ. Đúng như vậy, nhưng thời buổi nào người ta chẳng phạm những sơ suất tương tự, bây giờ cũng vậy và mãi mãi sau này cũng thế thôi.

Công chúa Bađrunbuđua không biết cây đèn này quý báu vô cùng, nó quan hệ đến vận mệnh của Alátđanh cũng như bản thân nàng, không được ai đụng đến mà ngược lại phải giữ gìn cẩn thận, cho nên nàng cũng muốn đùa chơi. Nàng truyền cho một hoạn nô mang cây đèn xuống đổi. Viên hoạn nô tuân lệnh đi ra, và vừa ra ngoài dinh đã trông thấy lão phù thủy người Phi. Gã cất tiếng gọi. Lão phù thủy đến gần, viên hoạn nô chỉ cây đèn cũ mà nói: “Hãy đổi cho tôi một cây đèn mới lấy cây đèn này.”

Lão phù thủy biết chắc đây là cây đèn lão đang tìm kiếm. Không thể có một cây đèn nào khác trong lâu đài của Alátđanh, nơi mà tất cả đồ dùng đều bằng vàng hay bằng bạc. Lão nhanh nhẹn đỡ lấy, nhét sâu vào dưới áo rồi chìa cái sọt cho viên hoạn nô, bảo muốn lấy cây đèn mới nào thì lấy. Viên hoạn nô chọn lấy một chiếc rồi bỏ lão phù thủy ở đây, mang cây đèn mới lên cho công chúa Bađrunbuđua. Cuộc đổi chác vừa xong, lũ trẻ con đã cười reo ầm ĩ vang cả quảng trường, chúng vừa cười vừa chế giễu cái mà chúng cho là sự ngốc nghếch của lão phù thủy.

Lão cứ để mặc cho chúng tha hồ hò la. Lão không nán ná quanh dinh thự của Alátđanh nữa, mà lặng lẽ và kín đáo lảng dần, tức là chẳng kêu rao gì sất về chuyện đổi đèn mới lấy đèn cũ. Lão chẳng còn thiết những cây đèn nào khác ngoài chiếc đang mang trong người. Lũ trẻ thấy lão im lặng, cũng lảng xa dần và để yên cho lão đi.

Khi đã đi khá xa quảng trường nằm giữa hai tòa lâu đài, lão lẩn vào những đường phố vắng người qua lại nhất, và vì chẳng còn cần đến đèn đến sọt nữa, lão nhìn trước sau không thấy có ai, liền quang tất cả lại giữa phố, rồi chuồn sang một phố khác và bước gấp cho đến khi tới được cổng thành. Đi một mạch ra ngoài ô vốn cũng khá rộng, lão mua ít nhiều thức ăn rồi đi thẳng ra ngoài kinh thành. Đến nông thôn, lão rẽ ngang vào một nơi vắng vẻ

không có ai trông thấy, chờ đến lúc tìm được chỗ thuận tiện để thực hiện ý đồ đã đưa lão từ châu Phi đến. Lão cũng chẳng tiếc con ngựa đã bỏ lại nơi quán trọ. Lão cho rằng cái báu vật lão vừa chiếm đoạt quá đủ đền bù cho lão rồi. Suốt ngày hôm ấy lão ở yên chỗ đó, đợi cho đến đêm, vào lúc trời tối nhất. Lúc ấy lão mới lấy cây đèn từ dưới lần áo ra và miết vào tay. Theo lệnh gọi, thần đèn xuất hiện:

- Ngài cần gì? Cùng với các nô lệ khác của cây đèn, tôi sẵn sàng tuân lệnh ngài cũng như tuân lệnh tất cả những ai cầm đèn ở tay.

- Ta ra lệnh cho ngươi – lão phù thủy nói – ngay tức khắc hãy mang tòa lâu đài mà ngươi và các nô lệ khác của cây đèn đã xây cất lên trong thành phố này, y nguyên như vậy cùng với tất cả những người sống bên trong, chuyển đến châu Phi vào chỗ ấy chỗ ấy...

Không đáp, thần đèn chuyển lão phù thủy và toàn bộ lâu đài đến đúng vào nơi lão chỉ ở châu Phi, trong một thời gian rất ngắn.

Đến đây, chúng ta tạm để lão phù thủy cùng tòa lâu đài và công chúa Bađrunbuđua ở châu Phi, để nói về nỗi kinh ngạc của hoàng đế Trung Quốc.

Theo thường lệ, vừa ngủ dậy hoàng đế đã đến ngay cái buồng trống của mình để ngắm nhía tòa lâu đài của Alátđanh. Nhìn về phía vẫn quen nhìn, vua chỉ thấy một quãng đất trống giống hệt như dạo chưa xây dựng tòa nhà. Ngỡ mình nhầm, vua đưa tay giụi mắt.

Nhưng vẫn không trông thấy gì hơn mặc dù thời tiết lúc này rất tốt, bầu trời quang đãng và mặt trời cũng sắp mọc, cho nên mọi vật đều nhìn rất rõ. Vua nhìn từ cả hai cửa, ở bên phải và bên trái, mà vẫn chẳng trông thấy gì. Vua kinh ngạc đến nỗi đứng sững hồi lâu, mắt không rời phía tòa lâu đài giờ đây không còn nữa, cố nặn óc mà chẳng sao hiểu được, chẳng làm sao biết được do đâu một dinh cơ to lớn, lồ lộ như dinh của Alátđanh, mà từ ngày được xây cất theo phép của vua đến hôm qua hầu như không ngày nào nhà vua không trông thấy, ấy thế mà tự dưng tan biến đi mất không để lại chút dấu vết nào. “Ta không thể nhầm, – vua tự nhủ – tòa lâu đài trước đây ở vào chỗ kia. Nếu nó đổ sụp xuống thì ít ra vật liệu cũng hãy còn thành đồng. Nếu nó lún sâu vào lòng đất, thì ít ra cũng có thể nhìn thấy vết chur.”

Mặc dù chắc chắn tòa lâu đài không còn ở đấy nữa và chẳng biết nó biến mất bằng cách nào, vua vẫn nán chờ một lúc để xem thử có phải mình quáng mắt không. Cuối cùng vua đành bỏ đi, và trước khi đi khuất còn quay lại nhìn một lần nữa, rồi trở về phòng riêng và ra lệnh hỏa tốc triệu tể tướng đến. Trong khi chờ đợi, vua ngồi xuống, đầu óc trăm mối ngổn ngang, không biết nên xử trí thế nào.

Tể tướng vội vàng đến ngay. Ông đi học tốc đến nỗi cả ông và tất cả gia

nhân tùy tùng đi ngang qua dinh phò mã mà không ai kịp để ý rằng nó không còn ở chỗ cũ nữa. Ngay cả bọn lính canh cổng, lúc mở cổng hoàng thành, cũng không để ý điều đó.

Vừa tới nơi, tể tướng nói:

- Tàu bệ hạ, được lệnh đòi hỏa tốc, thần nghĩ chắc có một việc khẩn cấp lắm vừa xảy ra, bởi vì bệ hạ rõ hôm nay là ngày thiết triều và thế nào trong chốc lát nữa thôi thần cũng phải đến làm phận sự.

- Việc vừa xảy ra thật kỳ lạ, đúng như ông nói, rồi ông sẽ thấy. Hãy cho ta biết, dinh cơ Alátđanh đâu rồi?

- Dinh quan phò mã ư, tàu bệ hạ? – Tể tướng ngạc nhiên đáp – Thì thần vừa đi qua trước đó, và hình như nó vẫn ở nguyên chỗ cũ. Những công trình xây dựng kiên cố loại ấy không thể đổi chỗ dễ dàng như vậy.

- Ông hãy đi đến căn buồng kia mà nhìn xem, rồi trở lại đây cho ta hay có đấy hay không!

Tể tướng đi đến căn buồng trống, và nhận thấy đúng như hoàng đế vừa nói. Khi đã chắc chắn là tòa lâu đài của Alátđanh không còn ở chỗ cũ nữa và cũng chẳng để lại dấu vết nhỏ nào, tể tướng quay trở lại phòng của vua.

- Thế nào, ông có nhìn thấy tòa lâu đài không? – Hoàng đế hỏi.

- Tàu bệ hạ, bệ hạ chắc còn nhớ thần đã từng hân hạnh tàu với Người tòa lâu đài với những cửa cải bên trong đã từng làm cho bệ hạ khâm phục, chỉ là trò ma phép quỷ của một tên phù thủy, nhưng bệ hạ không buồn để ý đến lời thần.

Không có cách gì bác được điều tể tướng vừa nói, vua càng nổi cơn thịnh nộ, nhất là khi không thể không thừa nhận là mình đã nhầm:

- Tên dối trá, thằng súc sinh ấy đâu rồi, để cho ta ra lệnh chặt đầu!

- Tàu bệ hạ, cách đây mấy hôm, y có đến xin phép bệ hạ được vắng mặt. Ta hãy sai người tìm hỏi y dinh thự của y ở đâu rồi, không có lý gì y không biết rõ.

- Đối xử với nó như vậy thì quá khoan hồng, – vua nói – ông hãy sai ba chục kỵ binh của ta đi bắt và xích cổ nó lại giải về đây cho ta.

Tể tướng truyền lệnh của vua cho các kỵ sĩ, và ra lệnh cho viên võ quan những việc làm cần thiết phòng ngừa Alátđanh trốn mất. Đội kỵ binh lên đường, đến cách kinh thành khoảng năm, sáu dặm thì gặp Alátđanh đi săn trở về. Viên võ quan thưa hoàng đế nóng lòng muốn gặp phò mã, đã sai họ đến đón, trình chàng rõ và rước chàng mau chóng trở về.

Alátđanh không may mà gặp nạn nguyên có thực đưa đội cận vệ của hoàng đế tới đón chàng. Trên đường về chàng vẫn tiếp tục săn bắn ung dung.

Nhưng khi chỉ còn cách kinh thành chừng nửa dặm, đội cận vệ vây chặt chàng, rồi viên võ quan cất lời: “Thưa quan phò mã Alátđanh, chúng tôi lấy làm tiếc mà thưa với ngài rằng theo lệnh của hoàng đế, chúng tôi phải bắt và giải ngài về như một quốc tặc, xin ngài hãy thông cảm chúng tôi phải làm phận sự mà tha thứ cho.”

Alátđanh vẫn nghĩ mình vô tội, nghe lệnh hết sức ngạc nhiên, chàng hỏi viên võ quan có biết chàng bị kết tội gì không, song chỉ được trả lời là cả y và lính dưới quyền của y không ai hay biết gì sất.

Alátđanh thấy gia nhân của mình ít hơn nhiều so với đội lính, hơn nữa chúng cũng đang lảng xa dần, chàng liền ngồi xuống ngựa và nói:

- Ta đây, các người hãy thi hành mệnh lệnh được giao. Tuy nhiên ta có thể nói là ta không thấy mình mắc tội gì đối với hoàng đế cũng như đối với triều đình.

Bọn lính lấy sợi xích rất to, rất dài tròng vào cổ chàng rồi trói chặt hai tay vào thân, không cho cử động. Viên chỉ huy đi đầu hàng quân, một tên lính cưỡi ngựa cầm một đầu sợi xích đi bên cạnh, bắt Alátđanh phải đi bộ, và cứ như thế giải chàng về kinh thành.

Tốp kỵ binh vào đến ngoại ô, những người đầu tiên trông thấy Alátđanh bị giải như một tên trọng tội, đều tin chắc chàng bị đưa đi chặt đầu. Chàng vốn được mọi người yêu mến, cho nên dân chúng kẻ cầm gươm kẻ cầm giáo, những ai không có gươm giáo thì vác đá rượt theo bọn kỵ binh. Một vài tên lính đi cuối hàng quay trở lại làm ra vẻ muốn giải tán đám đông. Nhưng, chỉ một lát sau, người ùn ùn kéo đến đông đến nỗi bọn này phải vờ làm như không trông thấy, miễn làm sao về được đến hoàng cung mà không bị họ cướp mất Alátđanh là được.

Để đạt mục đích đó, tùy theo đường phố rộng hay hẹp, bọn lính dàn hàng ngang khi giãn ra, khi thì khép lại cho chặt hết lòng đường. Cứ như vậy, khi về đến quảng trường trước hoàng cung, chúng dàn thành hàng một quay mặt lại đám đông dân chúng vũ trang, cho đến khi võ quan cùng tên lính giải Alátđanh vào lọt được trong hoàng thành và bọn lính cầm vệ đã đóng cổng lại, không cho dân tràn vào.

Alátđanh bị giải đến trước mặt hoàng đế. Vua đang cùng với tể tướng đứng chờ trên bao lơn. Vừa trông thấy chàng vua liền truyền cho đao phủ đã được lệnh túc trực ở đây chặt đầu ngay tức khắc mà không buồn hỏi chàng một câu cho sáng tỏ ngọn nguồn.

Đao phủ túm lấy Alátđanh, tháo sợi xích tròng quanh cổ và quanh người chàng. Sau khi trải ra đất một tấm da từng nhuộm máu không biết bao nhiêu tội nhân y đã hành quyết, y bảo chàng quỳ xuống và lấy khăn bịt mắt. Xong

đầu đây, y rút gươm ra khỏi vỏ, lấy thế để chém, uớ! thử rồi vung gươm múa ba vòng, quay tít trên đầu, chờ vua ra lệnh là chặt lấy thủ cấp Alátđanh.

Vừa lúc ấy, tể tướng trông thấy đám đông dân chúng đã đẩy lùi được tốp kỵ binh và ủa vào chặt cả quảng trường, đang trèo lên hoàng thành ở nhiều nơi, và bắt đầu phá một chỗ làm lối vào. Ông kịp nói, trước khi vua ra hiệu cho đao phủ:

- Tàu bệ hạ, xin hãy nghĩ cho chín điều bệ hạ sắp làm. E rằng có nguy cơ hoàng cung bị tiến công, và nếu sự biến ấy xảy ra, kết quả sẽ rất tai hại.

- Hoàng cung của ta bị tiến công! Kẻ nào dám to gan như vậy?

- Xin hãy nhìn xuống tường hoàng thành và nhìn ra quảng trường, bệ hạ sẽ thấy sự thật.

Nhìn thấy quần chúng xúc động sôi sục, vua khiếp quá vội vàng hạ lệnh ngay cho đao phủ tra gươm vào vỏ, mở khăn bịt mắt cho Alátđanh và ân xá cho chàng. Vua cũng sai lính rao lớn hoàng đế tha tội cho phò mã, truyền cho mọi người ai về nhà nấy.

Thế là những người đã trèo lên tường thành chứng kiến cảnh vừa xảy ra, liền từ bỏ ý định của mình. Chẳng mấy chốc họ xuống hết, và sung sướng vì đã cứu được tính mạng của một con người họ yêu mến thực sự, họ loan truyền tin đó cho những kẻ đứng chung quanh. Tin truyền ra khắp đám đông trong quảng trường cộng với tiếng rao của bọn lính leo lên các chòi cao, giúp cho mọi người đều biết rõ. Tin hoàng đế ân xá Alátđanh làm quần chúng hạ vũ khí, ngừng tiếng ồn ào, và không ai bảo ai, mọi người lục tục trở về nhà.

Được tự do, Alátđanh ngẩng đầu nhìn lên và trông thấy hoàng đế.

- Muôn tàu bệ hạ, – chàng cất lời thăm thiết – cúi xin bệ hạ ban thêm cho một ân huệ nữa, là ngoài việc ân xá vừa rồi, xin cho biết tôi đã phạm tội gì?

- Tội của mày ư, tên khốn nạn! – Vua đáp – Mày không biết sao? Mày hãy lên đây, ta sẽ chỉ cho mày rõ.

Alátđanh lên tới nơi, hoàng đế bảo: “Hãy đi theo ta” rồi vua đi trước mà không thèm nhìn chàng. Vua dẫn chàng đến căn buồng trống, và khi đến trước cửa buồng, vua bảo: “Hãy vào đi, mày hẳn biết rõ dinh thự của mày ở chỗ nào. Hãy nhìn khắp nơi đi rồi nói cho ta biết nó ở đâu rồi.”

Alátđanh nhìn và không trông thấy gì cả.

Chàng nhận rõ đám đất nơi trước đây là tòa lâu đài của mình. Nhưng vì không biết nó đã biến mất như thế nào, hiện tượng bất thường và kỳ dị ấy làm cho chàng hoang mang và kinh ngạc đến nỗi không thể mở miệng trả lời vua một tiếng.

Sốt ruột, vua nhắc lại:

- Hãy nói đi nào, dinh thự của mày và con gái ta ở đâu rồi?

Bấy giờ Alátđanh mới lên tiếng:

- Tâu bệ hạ, xin thú thật là tôi đã nhận ra tòa lâu đài tôi cho xây cất nay không còn ở chỗ cũ nữa, nó đã biến mất và tôi cũng không thể tâu bệ hạ là hiện giờ nó ở chỗ nào, song tôi có thể quả quyết là kẻ này hoàn toàn chẳng dính líu gì đến sự kiện đó.

- Dinh cơ của mày ra sao, ta không cần biết. – Hoàng đế nói. – Con gái ta còn quý hơn một triệu lần. Ta muốn mày tìm ngay công chúa cho ta, nếu không ta sẽ chém đầu mày, và sẽ không ai có thể can ngăn ta không làm việc đó.

- Tâu bệ hạ, cúi xin bệ hạ cho tôi một thời hạn bốn mươi ngày, tôi xin cố hết sức mình. Hết thời hạn đó nếu không đạt được kết quả tôi xin thề sẽ mang đầu tôi đến đặt ngay dưới chân ngai vàng để tùy ý bệ hạ định đoạt.

Hoàng đế nói:

- Ta đồng ý cho bốn mươi ngày. Nhưng mày chớ có lạm dụng lòng tốt của ta mà hòng trốn tránh. Mày có trốn lên trời, ta cũng có cách tìm ra.

Alátđanh từ giã hoàng cung vô cùng tủi nhục. Dáng điệu của chàng trông thật đáng thương, chàng cúi đầu bước qua cái sân không dám ngược mắt nhìn lên. Các đại thần trong triều vốn là bè bạn của chàng và chưa từng có ai bị chàng làm phật ý, nay cũng không một người nào tiến đến gần để an ủi chàng và mời chàng về tạm trú tại nhà mình. Tất cả đều quay mặt đi để khỏi nhìn thấy chàng cũng như để chàng khỏi nhận ra họ.

Nhưng cho dù có ai đến gần chàng để nói lên một vài lời an ủi hoặc hứa giúp đỡ một điều gì, họ cũng không nhận ra Alátđanh nữa. Chàng không còn tự chủ, đầu óc chàng không còn minh mẫn. Điều đó càng lộ rõ khi chàng ra khỏi hoàng thành, chàng ngớ ngẩn vào hết nhà này tới nhà khác và hỏi tất cả những ai gặp trên đường xem có trông thấy lâu đài của chàng ở đâu không, có ai biết tin tức gì về dinh cơ của chàng thì xin cho chàng rõ với.

Những câu hỏi đó làm mọi người cho là Alátđanh đã mất trí. Một số người chỉ cười thôi, nhưng những kẻ biết điều hơn, hoặc đã từng có chút cảm tình hay từng giao thiệp với chàng, đều thực sự lấy làm thương hại. Chàng lang thang ba ngày liền trong thành phố, khi thì đi về hướng này, khi thì chạy sang hướng nọ, ai làm phúc cho được miếng gì thì ăn miếng ấy, mà chẳng biết nên xử trí ra làm sao.

Cuối cùng, không thể chịu nổi cảnh thân tàn ma dại ngay trong thành phố mà mình từng có một thời oanh liệt, chàng quyết định bỏ về nông thôn. Chàng tránh những con đường lớn, và sau khi đi băng qua nhiều cánh đồng với một tâm trạng hoang mang cực độ, cuối cùng vào chập tối chàng đến bên

bờ một con sông.

Một ý nghĩ tuyệt vọng nảy ra trong trí. Chàng tự hỏi: “Ta đi tìm dinh thự của ta ở đâu? Ở tỉnh nào, ở nước nào, ở nơi nào trên trái đất, ta có thể tìm tòa lâu đài cũng như nàng công chúa yêu quý của ta như nhà vua đã hỏi? Không bao giờ ta có thể đạt được kết quả, vậy thì tốt hơn là ta nên tự giải thoát khỏi bao nhiêu gian lao vất vả mà rút cuộc chẳng đi tới đâu, giải thoát khỏi những nỗi đau buồn cay đắng đang gặm nhấm người ta.”

Quyết định như vậy rồi, chàng sắp nhảy xuống sông. Nhưng vốn là một người Hồi giáo ngoan đạo, chàng tự thấy không thể quyền sinh khi chưa đọc kinh cầu nguyện. Để sửa soạn làm việc đó, chàng xuống sát mép nước định rửa mặt mũi chân tay, đúng theo tục lệ.

Nhưng vì bờ sông ấy khá dốc và trơn, chàng trượt chân và có lẽ đã lăn xuống nước nếu không kịp bám vào một tảng đá trồi khỏi mặt đất cao chừng hai bộ. May mắn cho chàng, ở ngón tay chàng vẫn còn đeo chiếc nhẫn mà lão phù thủy người Phi đã đưa cho, trước khi sai chàng xuống hang lấy cây đèn thần. Lúc tay chàng bấu vào hòn đá, chiếc nhẫn chạm vào khá mạnh. Lập tức thần nhẫn đã từng hiện lên dưới hang sâu sau khi lão phù thủy lấp hang chôn sống chàng, lại hiện ra trước mặt:

- Ngài cần gì? – Thần nhẫn hỏi. – Cùng với các nô lệ khác của nhẫn, tôi sẵn sàng tuân lệnh ngài cũng như tất cả những ai đeo nhẫn ở tay.

Sự xuất hiện thật quá bất ngờ đối với Alátđanh trong cơn tuyệt vọng, chàng vui mừng đáp:

- Hỡi thần, người hãy cứu sống ta một lần nữa bằng cách nói cho ta rõ tòa lâu đài của ta đâu rồi, hoặc là đưa nó trở về ngay chốn cũ của nó.

- Điều ngài đòi hỏi không thuộc quyền lực của tôi, -thần nhẫn đáp – tôi chỉ là nô lệ của cái nhẫn, ngài hãy hỏi nô lệ của cây đèn.

Alátđanh tiếp:

- Nếu vậy thì ta ra lệnh cho người hãy đưa ta tới nơi có lâu đài của ta, cho dù nó đang ở chốn nào trên mặt đất và hãy đặt ta bên dưới cửa sổ buồng công chúa Bađrunbuđua.

Chàng vừa dứt lời, thần nhẫn đã cắp chàng mang sang châu Phi, đến tòa lâu đài xây dựng giữa một bãi cỏ rộng không xa một thành phố lớn, và đặt chàng đúng ngay vào bên dưới cửa sổ buồng riêng của công chúa. Tất cả những việc đó xảy ra chỉ trong nháy mắt.

Mặc dù đêm tối mịt, Alátđanh vẫn nhận rõ dinh thự của mình và phòng riêng của công chúa. Nhưng vì đêm đã quá khuya và mọi vật trong lâu đài đều yên ắng, chàng lùi xa ra một ít, rồi ngồi dưới một gốc cây. Ở đây, lòng

trần trê hi vọng, suy nghĩ đến sự may mắn hoàn toàn do tình cờ mà có, chàng cảm thấy tâm hồn yên tĩnh hơn rất nhiều kể từ khi bị bắt giải đến trước hoàng đế và sau đó được tạm tha tội chết. Chàng vui mừng hồi lâu với những ý nghĩ ấy. Nhưng bởi vì đã năm, sáu ngày liền không chợp mắt, buồn ngủ quá không cưỡng được, chàng thiếp đi ngay dưới gốc cây.

Sáng hôm sau, trời vừa rạng, Alátđanh được đánh thức dậy một cách khoan khoái bởi tiếng hót líu lo của muôn ngàn chim chóc ngủ đêm trên cây mà chàng đang nằm dưới gốc và trên các cây cối khác rậm rịt trong vườn lâu đài. Đưa mắt nhìn tòa nhà tráng lệ, chàng cảm thấy một niềm vui không thể nào tả xiết, tưởng như mình sắp lại trở thành chủ nhân, và đồng thời cũng lại là chủ nhân của công chúa Bađrunbuđua yêu quý.

Chàng đứng lên và bước đến gần phòng riêng của công chúa. Chàng đi đi lại lại một lúc bên dưới cửa sổ, chờ cho trong nhà sáng hẳn và có người nhìn thấy chàng. Trong khi chờ đợi, chàng cố nghĩ xem do đâu xảy ra điều bất hạnh. Sau khi suy nghĩ lại kỹ càng, chàng không chút nghi ngờ gì nữa, bao nhiêu điều không may xảy ra chỉ vì chàng đã rời cây đèn. Chàng tự trách mình hờ hững và sơ suất, đáng ra không nên rời cây đèn bất cứ lúc nào. Điều làm cho chàng băn khoăn hơn nữa là không biết ai là kẻ ghen ghét hạnh phúc của mình. Hẳn chàng đã hiểu ra ngay nếu biết được, lúc này đây chàng và tòa lâu đài đang ở trên đất Phi châu. Song thần nhẫn không hề nói chàng rõ điều đó, vả lại chàng cũng không hỏi. Chỉ cần nhắc đến hai tiếng châu Phi thôi đã đủ để gợi lên trong ký ức Alátđanh lão phù thủy người Phi, kẻ thù không đội trời chung với chàng.

Công chúa Bađrunbuđua, từ khi bị lão phù thủy dùng ma thuật bắt cóc đưa sang châu Phi, sáng nào cũng thức dậy sớm hơn thường lệ. Cho đến lúc bấy giờ, ngày nào nàng cũng phải gặp mặt lão, bởi vì lão là chủ nhân tòa lâu đài. Song lần nào nàng cũng đối xử với lão rất tàn tệ đến nỗi lão chưa dám đến ở hẳn trong lâu đài.

Sáng hôm ấy, nàng vừa mặc áo xong thì một ả nô tì nhìn qua bức màn che cửa sổ, nhìn thấy Alátđanh, vội vàng chạy đến báo cho nàng biết. Công chúa không dám tin là thật, lật đặt đến bên cửa sổ và cũng nhìn thấy Alátđanh. Nàng vén bức màn. Nghe tiếng động Alátđanh ngược mắt nhận ra nàng và chào nàng với một vẻ mừng vui đến cực độ. Công chúa nói: “Để khỏi mất thời giờ, sẽ có người xuống mở cánh cửa bí mật, chàng hãy vào và lên đây.” Nói xong hạ bức màn xuống.

Cái cửa bí mật ở ngay phía dưới phòng của công chúa. Cửa mở, Alátđanh bước lên buồng nàng. Không thể nào diễn tả hết vui mừng của đôi vợ chồng tưởng đã vĩnh viễn biệt ly, nay lại tái ngộ. Họ ôm hôn nhau nhiều lần và bằng nhiều cử chỉ tỏ rõ tình cảm nồng nàn sau thời gian xa cách đáng buồn và thật bất ngờ. Sau những cái hôn đậm đà nước mắt, họ ngồi xuống ghế. Alátđanh bắt đầu nói:

- Công chúa ơi, trước khi nói đến chuyện gì khác, nàng hãy vì lợi ích của nàng, của phụ vương tôn kính và lợi ích của riêng tôi mà xin cho biết cây đèn cũ tôi để trên đầu cột trong phòng khách có hai mươi bốn cửa sổ trước khi đi sẵn, nay ra sao rồi.

- Chàng thân yêu ơi, – công chúa đáp – em đã ngờ ngợ rằng tai họa chung xảy đến cho hai ta là từ cây đèn ấy và điều làm cho em buồn khổ là chính tự em gây nên tai họa.

- Xin nàng chớ tự trách mình, gây nên mọi việc là tại tôi, lẽ ra tôi phải giữ gìn cây đèn cẩn thận hơn nữa thì mới phải. Thôi chúng ta hãy chỉ nên nghĩ tới cách bù đắp sự mất mát ấy, và vì vậy xin nàng hãy vui lòng kể cho tôi nghe sự việc đã xảy ra như thế nào, và cây đèn hiện rơi vào tay ai.

Công chúa Bađrunbuđua liền kể cho Alátđanh nghe đầu đuôi câu chuyện từ khi đổi cây đèn cũ lấy cây đèn mới – mà nàng sai mang đến cho chàng xem – cho đến đêm tiếp sau đó, nàng cảm thấy tòa lâu đài bị chuyển đi, rồi buổi sáng thức dậy thấy mình đã ở giữa châu Phi, mảnh đất xa lạ, mà sở dĩ nàng biết được là do chính miệng tên lừa bịp ấy nói ra sau khi đã dùng thuật yêu phép quỷ chuyển dịch tòa nhà.

Alátđanh ngắt lời nàng:

- Công chúa ơi, tôi hiểu ngay tên phản phúc ấy là ai rồi, khi nàng cho biết chúng ta đang ở trên đất Phi châu. Nhưng bây giờ không phải là lúc, là nơi

kể lại cho nàng nghe chi tiết hơn về những hành vi độc địa của hắn. Tôi chỉ xin nàng cho biết hắn đã làm gì cây đèn, và hiện nay cây đèn để ở đâu.

- Nó gói ghém rất cẩn thận và luôn luôn giắt theo người, – công chúa đáp – em có thể quả quyết như vậy bởi vì hắn đã từng lấy từ trong người hắn ra và mở gói ngay trước mắt em.

Alátđanh liền bảo:

- Công chúa ơi, xin nàng chớ phiền lòng sao tôi hỏi chi nhiều cho nàng thêm mệt. Những việc này rất hệ trọng đối với nàng cũng như đối với tôi. Điều đặc biệt quan trọng mà tôi muốn biết là tên độc ác và gian trá ấy đối xử với nàng thế nào.

- Từ hôm em đến đây, mỗi ngày hắn ta chỉ đến gặp em một lần, và em tin chắc là vì không hài lòng về những chuyện viếng thăm ấy cho nên hắn không quấy rầy em nhiều hơn nữa. Lần nào hắn ta cũng chỉ nói đi nói lại với em mỗi một chuyện là thôi đừng gần bó với chàng nữa mà nên lấy hắn làm chồng. Hắn muốn làm cho em tin rằng không còn hi vọng gặp lại chàng, rằng chàng không còn nữa, phụ vương em đã sai hành quyết chàng rồi. Để thanh minh, hắn nói thêm, chàng là một người vong ân bội nghĩa, mọi phú quý vinh hoa của chàng chẳng qua đều nhờ hắn, hắn còn nói bao nhiêu chuyện khác nữa mà em đều để ngoài tai.

Nhưng, bởi vì chỉ nhận được ở em những lời khóc lóc thở than, lần nào hắn cũng buộc phải ra về không hài lòng gì hơn lúc đến. Tuy nhiên, em cũng biết là hắn chờ cho em khuây khỏa bớt những nỗi buồn sâu sắc nhất, may ra sẽ thay đổi ý kiến, sau đó nếu em còn khăng khăng cự tuyệt hắn, hắn sẽ dùng đến lối vũ phu. Nhưng, hồi chàng thân yêu, chàng tới được đây làm cho mọi nỗi lo âu của em tan biến hết.

- Công chúa ơi, – Alátđanh ngắt lời – nàng nghĩ như vậy là rất tốt, và ta tưởng đã tìm ra được cách xử trí với kẻ thù của nàng và cũng là của ta. Nhưng để thực hiện được việc đó, ta cần phải lên thành phố. Đến trưa ta sẽ quay lại, lúc ấy ta sẽ nói cho nàng rõ ý định của ta và những việc nàng cần làm để cho ý định ấy đạt kết quả. Song cũng xin nói trước để nàng khỏi ngạc nhiên, là ta sẽ trở về trong một bộ quần áo khác, nàng hãy truyền để có người mở cánh cửa bí mật ngay cho ta khi nghe tiếng gõ.

Công chúa hứa với chàng là sẽ có người túc trực, sẵn sàng mở cửa ngay cho chàng.

Alátđanh rời phòng riêng của công chúa vẫn bằng cái cửa ngách ấy. Ra ngoài đường đưa mắt nhìn quanh, chàng trông thấy một nông dân đang đi ra đồng.

Người nông dân ở phía bên kia tòa lâu đài và đi cũng khá xa, Alátđanh rảo

bước, đuôi theo. Đuôi kịp, chàng đề nghị người đó đổi áo và nói thiết tha đến nỗi anh ta nhận lời. Hai người ghé vào thay áo ở bụi rậm rồi chia tay. Alátđanh trở về thành phố. Chàng đi vào thành phố chính thẳng đến cổng thành, rồi rẽ qua những đường phố đông đúc nhất tới một nơi có những phố phường riêng của mỗi loại nhà buôn và thợ thủ công. Đến phố hàng thuốc, chàng vào cửa hiệu to nhất, có nhiều mặt hàng nhất, hỏi chủ tiệm có bán một loại bột nọ hay không.

Người chủ hiệu thấy Alátđanh ăn mặc xoàng xĩnh, tưởng chàng nghèo, e không đủ tiền trả, đáp rằng có nhưng cũng khá đắt đấy. Biết gã cho là mình nghèo, Alátđanh rút túi tiền ra cho gã xem tiền vàng, rồi hỏi mua nửa cân loại bột ấy. Chủ hiệu cân xong, gói lại trao cho Alátđanh và đòi giá một đồng vàng. Alátđanh đặt đồng tiền vào tay lão, rồi chỉ nán lại trong phố một chốc lát vừa vắn đề ăn qua loa một thức gì đó rồi trở về ngay dinh cơ của mình. Đến cánh cửa bí mật, chàng không phải chờ đợi lâu, có người mở ngay, và chàng đi thẳng lên phòng riêng của công chúa:

- Nàng ơi, căm ghét tên cường đoạt ấy, chắc nàng sẽ không lấy gì làm vui mà thực hiện điều ta sẽ khuyên đây. Nhưng, cho phép ta được nói thật, giờ đây nàng phải giấu giếm tình cảm thật của mình, thậm chí phải nén lòng mà làm, nếu nàng muốn thoát khỏi bàn tay vũ phu của hắn, để cho phụ vương của nàng và cũng là chúa tể của ta, có hạnh phúc được gặp lại nàng.

Nếu nàng sẵn lòng nghe lời ta, – Alátđanh nói tiếp – thì ngay bây giờ, nàng hãy lấy bộ quần áo đẹp nhất ra mặc, rồi lúc nào lão phù thủy người Phi đến, nàng hãy cố gắng tiếp đãi cho thật nồng nhiệt, một cách tự nhiên, thoải mái, nét mặt thật hân hoan, để cho dù có thoáng lộ đôi chút buồn phiền, lão cũng tin rằng với thời gian, rồi nó sẽ tiêu tan. Trong câu chuyện, nàng hãy làm cho lão thấy rằng nàng đang cố gắng quên ta, và để cho lão càng tin chắc vào lòng chân thực của nàng, hãy mời lão đến cùng ăn tối, và nhớ nói thêm rằng, nàng sẽ rất vui thích được thưởng thức loại rượu ngon nhất của quê hương lão. Chắc chắn lão sẽ tạm biệt nàng để đi lấy rượu. Thế là trong thời gian chờ lão trở lại, khi bàn tiệc đã bày ra, nàng hãy bỏ gói bột này vào một chiếc ly giống hệt như chiếc nàng vẫn thường dùng rồi đặt trước một con hầu, bảo khi nào nàng ra một dấu hiệu đã giao hẹn trước với nó, thì hãy rót đầy rượu vào ly và mang đến cho nàng, chú ý không được để lẫn. Khi lão phù thủy trở lại và nàng cùng với lão đã ngồi vào bàn ăn, uống mấy lần tùy nàng xét định, lúc ấy nàng sẽ gọi cho mang ly rượu có pha bột ra, và đánh đổi ly rượu của nàng lấy ly của lão. Lão ta sẽ không dám từ chối một đặc ân lớn như vậy đâu. Lão sẽ uống kỳ cạn, không sót một giọt, và ly rượu vừa cạn, lão sẽ ngã vật ra ngay. Nếu nàng ghê không dám uống ly rượu của lão thì hãy làm giả bộ vờ như uống cũng được, chẳng có gì phải sợ. Tác dụng của thuốc nhanh đến nỗi lão ta không kịp suy nghĩ xem nàng có uống thật

hay không.

Alátđanh vừa dứt lời, công chúa nói:

- Xin thú thật là em phải hết sức dần lòng mới có thể tiếp đãi lão phù thủy theo cách chàng dặn, việc mà chính em cũng thấy là cần. Nhưng với một kẻ thù độc ác như hắn, còn có cách nào khác hơn. Vậy nên em sẽ làm tất cả những gì chàng bảo, bởi vì sự yên vui của em cũng như của chàng đều tùy thuộc vào đấy.

Bàn bạc xong đầu đuôi với công chúa, Alátđanh cáo từ ra ẩn nấu một nơi gần lâu đài chờ đến tối mới trở lại cạnh cái cửa bí mật.

Công chúa Bađrunbuđua, từ ngày phải xa cách không riêng Alátđanh, người chồng thân thương mà nàng yêu tha thiết ngay từ khi mới gặp và sau đó vẫn tiếp tục yêu xuất phát từ đáy lòng hơn là nghĩa vụ – mà còn phải xa cách vua cha nàng rất yêu quý và cũng rất quý yêu nàng – hoàn toàn không một lúc nào nghĩ tới chuyện điếm trang. Có thể nói nàng hầu như không đoái hoài tới lược gương, như thói thường của nữ giới, đặc biệt từ sau lần đầu tiên lão phù thủy châu Phi đến gặp nàng và bị các nữ tì nhận ra và cho nàng hay, chính lão là kẻ đã mang đèn mới đến đổi chiếc đèn cũ. Nàng ghê tởm lão vì sự đảo điên ghê gớm ấy. Nhưng đây là một dịp để trả thù một cách xứng đáng, mà chính nàng cũng không hề dám mơ ước, cho nên nàng quyết định làm theo lời Alátđanh.

Bởi vậy, chàng vừa đi khỏi, nàng bắt đầu trang điểm. Nàng sai bọn con hầu chải tóc vấn khăn thế nào cho đẹp nhất, rồi mặc bộ áo quần sang trọng nhất, thích hợp nhất với ý nghĩ của mình. Chiếc thắt lưng nàng thắt toàn bằng vàng lại nam những viên kim cương to nhất, đều nhất. Tương xứng với cái thắt lưng ấy nàng đeo một chuỗi hạt chỉ gồm mười ba viên ngọc, mỗi bên sáu viên cân xứng với viên chính giữa cực to cực quý, đến nỗi những hoàng hậu và những vương phi lớn nhất nếu có được một chuỗi gồm những hạt ngọc chỉ to bằng hai viên bé nhất trong chuỗi ngọc của công chúa thôi cũng đủ lấy làm hạnh phúc lắm rồi. Các vòng tay nam lẫn kim cương và hồng ngọc, cũng đều quý giá và cân xứng tuyệt vời với chiếc thắt lưng và chuỗi hạt.

Ăn mặc điếm trang đầu vào đấy, công chúa Bađrunbuđua soi gương, hỏi ý kiến những người hầu về toàn bộ bộ cánh của mình. Sau khi thấy không còn sót một thứ gì không làm cho lão phù thủy điên cuồng mê mẩn, nàng ngồi xuống chiếc sập chờ lão.

Lão phù thủy quả lại đến, đúng giờ thường lệ. Ngồi trong phòng khách hai mươi bốn cửa sổ, vừa trông thấy lão bước vào, công chúa đã vội đứng lên, xiêm y rực rỡ, nhan sắc tuyệt trần, và đưa tay chỉ chỗ danh dự mời lão ngồi rồi đến cùng ngồi bên cạnh lão – đây là một cử chỉ lịch thiệp đặc biệt nàng

chưa hề đối xử với lão bao giờ.

Choáng váng trước nhan sắc lộng lẫy của công chúa cũng như trước bao ngọc ngà châu báu mà nàng điểm trang, lão phù thủy cực kỳ kinh ngạc. Phong thái đường bệ và vẻ yêu kiều đặc biệt của nàng khi đón tiếp lão, ngược hẳn với thái độ cự tuyệt của nàng từ trước tới nay mỗi lần lão đến, làm cho lão đâm ra bối rối. Thoạt tiên lão muốn ngồi vào một góc sập. Nhưng công chúa không chịu an tọa chừng nào lão còn chưa ngồi vào nơi nàng muốn, lão đành vâng lời.

Khi lão phù thủy đã ngồi yên chỗ, công chúa muốn giúp lão thoát khỏi cơn bối rối, liền đưa mắt nhìn lão với cái liếc mắt đưa tình cốt làm cho lão thâm hiểu: đối với nàng, lão không còn khả ố như những lần gặp trước nữa. Rồi công chúa cất lời nói như sau:

- Có lẽ ngài lấy làm lạ tại sao hôm nay thái độ của em khác với mọi lần trước gặp ngài, nhưng ngài sẽ hiểu rõ một khi biết rằng bản tính em không thích sâu nảo, nhớ nhung, buồn phiền, lo lắng. Việc gì đã qua rồi thì em cố hết sức để không nghĩ ngợi đến nữa. Em đã suy nghĩ nhiều những điều ngài nói về số phận của Alátđanh. Em biết tính vua cha em lắm, cho nên em cũng tin như ngài rằng anh ta khó thoát khỏi búa rìu sấm sét của cha em. Đã thế thì dù em có cố tình than khóc suốt cả đời, nước mắt của em cũng không thể nào làm cho anh ấy sống lại được. Chính vì vậy mà sau khi đã đền đáp nghĩa cho chàng đến khi vĩnh quyết đúng với đạo vợ chồng, em thấy rằng phải tìm cách để tự mình khuây khỏa. Đó chính là nguyên nhân đưa đến sự thay đổi mà ngài trông thấy ở em hôm nay. Em đã quyết sẽ thôi không buồn nữa, và để giải hỷ mối sầu này, em xin mời ngài dự cơm tối với em. Tin chắc ngài sẽ không từ chối, em đã truyền cho gia nhân bày tiệc. Nhưng bởi vì nhà chỉ có rượu Trung Quốc mà em lại đang ở trên đất châu Phi, em nảy ra ý muốn được thưởng thức rượu đặc sản của địa phương, và em tin rằng nếu có thì ngài hẳn có thể cho tìm những thứ nào ngon nhất.

Lão phù thủy người Phi vẫn nghĩ rằng không thể nào mau chóng và dễ dàng được công chúa Bađrunbuđua đối xử thân tình đến thế, liền đáp là lão không tìm được lời lẽ nào xứng đáng để nói lên sự cảm kích trước lòng tốt của nàng. Và để tránh phải kéo dài một câu chuyện mà có lẽ lão sẽ không biết cách nào đối đáp lão vội quay sang nói về rượu châu Phi mà nàng vừa nhắc tới. Lão nói rằng trong tất cả những ưu thế mà châu Phi có thể tự hào, sản xuất rượu ngon là một trong những ưu thế lớn nhất, đặc biệt tại vùng nàng đang ở đây. Lão có một loại rượu cất đã bảy năm nay chưa hề đựng đến, dù không dám nói quá lời, đó là loại rượu ngon hơn tất cả mọi loại rượu tuyệt vời trên thế gian.

- Nếu công chúa vui lòng cho phép, – lão nói tiếp – tôi sẽ đi lấy hai chai

và trở lại ngay tức khắc.

- Em không dám phiền ngài. Có lẽ ngài nên sai một người nào đi lấy thì hơn.

- Tôi phải thân hành đi, – lão phù thủy nói – không một ai ngoài tôi biết chìa khóa kho để ở đâu, và cũng không một ai ngoài tôi ra biết cách mở khóa.

- Nếu quả như vậy thì xin ngài hãy đi đi, và xin trở lại nhanh nhanh cho. Ngài càng đi lâu em càng sốt ruột. Xin ngài nhớ cho rằng ngài trở lại lúc nào chúng ta vào tiệc ngay lúc ấy.

Lòng tràn trề hy vọng về cái lão ngớ là hạnh phúc, lão phù thủy người Phi không phải chạy mà bay đi lấy thứ rượu cất đã bảy năm của lão, và trở lại khá nhanh. Công chúa cũng thừa biết lão sẽ quay trở lại ngay, cho nên đã tự tay bỏ gói thuốc bột Alátđanh đưa vào một cái ly nạng vừa mới dùng và để riêng ra một chỗ. Nạng và lão phù thủy ngồi vào bàn ăn, mặt đối mặt, và nạng cố tình, để cho lão quay lưng về phía tử rượu. Vừa mời lão ăn những thứ ngon nhất, công chúa vừa hỏi: “Nếu ngài muốn, em sẽ truyền cho cử nhạc và ca hát. Song bởi vì chỉ có hai ta, em nghĩ rằng chúng ta nói chuyện với nhau có lẽ thích hơn!” Lão phù thủy cho rằng công chúa nghĩ như vậy thật là một đặc ân nữa đối với lão.

Ăn được mấy miếng, công chúa sai rót rượu. Nạng nâng cốc chúc sức khỏe lão phù thủy. Cạn chén xong, nạng nói:

- Ngài khen loại rượu này là phải lắm, chưa bao giờ em được uống thứ rượu tuyệt diệu thế này.

Sau khi tiếp tục ăn và uống vài ba tuần rượu nữa. Thấy lão phù thủy đã thật sự mê mẩn vì thái độ lịch sự và cách thù tiếp ân cần của mình, công chúa liền ra hiệu cho ả nô tì đang tiếp rượu, vừa lớn tiếng sai ả rót đầy ly của nạng và ly của khách. Kẻ hầu dâng rượu.

Khi lão phù thủy và nạng mỗi người cầm một ly, nạng nói:

- Em không hiểu theo phong tục của quý quốc, khi đã thật sự yêu nhau và cùng uống rượu với nhau như hai ta đây, thì người ta xử sự thế nào. Còn ở bên Trung Quốc quê em, đôi uyên ương phải cùng nhau đối chén và như vậy là uống để chúc mừng sức khỏe của nhau.

Vừa nói nạng vừa nâng ly rượu của mình đưa cho lão, đồng thời đưa tay kia ra chờ đón ly rượu lão trao.

Lão phù thủy người Phi vội vàng đổi ly rượu, lão càng chắc đây là dấu hiệu rõ ràng chứng tỏ lão đã hoàn toàn chinh phục được trái tim công chúa, và ý nghĩ đó làm cho lão sướng rơn. Trước khi cạn chén, lão nói, ly rượu

cầm ở tay:

- Thừa công chúa, người châu Phi chúng tôi quả là chưa được tinh tế bằng người Trung Quốc trong các chuyện yêu đương. Trong khi tiếp thụ một bài học chưa từng được biết, tôi cũng hiểu thêm là tôi thật thấm thìa sâu sắc đặc ân của nàng. Công chúa yêu kiều ơi, tôi sẽ không bao giờ quên rằng, uống rượu trong ly của nàng, kẻ này sẽ tìm lại được cuộc sống đã tưởng như tuyệt vọng, nếu nàng cứ đối xử với tôi như trước đây.

Công chúa Bađrunbuđua đã chán ngấy những lời tán tỉnh tràng giang đại hải của lão phù thủy, liền ngắt lời:

- Mời ngài hãy cạn chén, rồi sẽ nói tiếp những lời ngài muốn dạy bảo em.

Vừa nói nàng nâng ly rượu lên miệng và chỉ chạm đầu môi vào, trong lúc lão phù thủy, để tỏ ra nhanh nhẩu, đã nốc cạn một hơi cho đến giọt cuối cùng. uống xong, lão hơi ngửa đầu về phía sau để tỏ ra mình đã cạn chén, và đứng sững như vậy cho đến khi công chúa ly rượu vẫn chạm ở đầu môi, trông thấy đôi mắt lão trợn trừng và thân hình lão ngã vật ra bất tỉnh nhân sự.

Công chúa không cần truyền lệnh mở cánh cửa bí mật cho Alátđanh. Những người hầu của nàng, được mật báo từ trước, đã rải ra từng quãng một từ phòng khách xuống tận dưới chân cầu thang, thành thử lão vừa lăn kên xuống thì cánh cửa cũng vừa mở ra gần như ngay tức khắc.

Alátđanh đi lên và bước vào phòng khách, chàng ôm hôn công chúa vừa đứng dậy định ra đón chàng.

Thấy nàng tỏ ý mừng vui, chàng nói:

- Công chúa ơi, bây giờ chưa phải lúc, xin nàng vui lòng trở về buồng riêng và ra lệnh cho mọi người đi ra ngoài, trong khi tôi làm công việc đưa nàng trở về Trung Quốc, cũng nhanh chóng như lúc nàng bị đưa đến đây.

Đúng như vậy, khi công chúa cùng những người hầu và hoạn nô đi ra ngoài, Alátđanh đóng cửa lại đến gần xác lão phù thủy nằm chết thẳng cẳng, mở khuy áo lão và lấy ra cây đèn được gói ghém cẩn thận đúng như công chúa đã thấy. Chàng mở gói và miết mạnh tay vào đèn. Lập tức thần đèn hiện lên với lời chào hỏi thường lệ.

Alátđanh bảo:

- Ta gọi người đến đây để nhân danh cây đèn chủ của ngươi mà ngươi trông thấy đây, ra lệnh cho người ngay tức khắc hãy đưa tòa lâu đài này trở về đúng chỗ cũ của nó bên Trung Quốc.

Thần đèn khẽ cúi đầu tỏ ý tuân lệnh và biến mất. Quả nhiên việc di chuyển diễn ra. Mọi người chỉ cảm thấy hai lần bị lay động nhẹ, một lần lúc tòa lâu đài được nhấc bổng lên từ một nơi bên châu Phi, và một lần khi nó

được đặt xuống đất Trung Quốc, đối diện với hoàng cung, hai lần lay động cách nhau một thời gian rất ngắn.

Alátđanh đi xuống buồng riêng của công chúa, ôm hôn nàng và nói:

- Công chúa ơi, ta có thể quả quyết với nàng rằng niềm vui của nàng và của ta sáng sớm mai sẽ trọn vẹn.

Vì công chúa chưa ăn xong và Alátđanh thì đang đói, nàng liền sai mang từ phòng khách hai mươi bốn cửa sổ xuống những món ăn vừa dọn ra đây và hầu như chưa ai động vào. Hai vợ chồng cùng ăn và uống thứ rượu quý lâu năm của lão phù thủy. Sau đó chuyện trò vui vẻ rồi lui về buồng riêng.

Từ khi lâu đài Alátđanh biến mất và công chúa Bađrunbuđua bị bắt cóc, hoàng đế vua cha của nàng tưởng đã mất hẳn con, buồn không thể nào tả xiết. Hầu như ngày cũng như đêm vua không chợp mắt; và đáng lẽ tránh những thứ gì có thể gọi buồn, vua cha lại cố tình tìm những cái đó. Khác với trước kia, mỗi ngày vua chỉ đến căn phòng trống vào buổi sáng để ngắm nghĩa tòa lâu đài cho thỏa thích và không bao giờ lấy làm chán, bây giờ một ngày vua đến nhiều lần, mỗi lần lại khóc lóc đau khổ hơn, nuối tiếc hơn, vì không thể nhìn thấy lại cái mình xiết bao ưa thích, vì đã mất đi đứa con yêu quý nhất trên đời.

Đúng vào buổi sáng tòa lâu đài của Alátđanh được đưa trả về chỗ cũ, trời vừa rạng đông, hoàng đế đã đến căn phòng trống ấy. Lòng quá sầu não, lúc bước vào vua chỉ đưa đôi mắt buồn bã nhìn về phía quảng trường, ngỡ là sẽ lại nhìn thấy cảnh trống trải như mọi bận. Nhưng khi nhìn thấy khoảng trống ấy đã có vật gì che lấp, thoát tiên vua tưởng rằng đây là do sương mù gây nên. Vua nhìn chăm chú hơn, và nhận ra đây chính là dinh cơ của Alátđanh mà vua biết quá rõ, không thể nào nhầm lẫn được. Thế là, hết buồn phiền sầu não, lòng rạng rỡ mừng vui, vua vội bước trở về buồng riêng và truyền lệnh thẳng yên cương mang ngựa lại ngay cho mình. Ngựa được đưa đến, vua nhảy lên đi ngay, mà vẫn cảm thấy sao chậm đến được tới dinh Alátđanh vậy.

Đã đoán được điều sẽ xảy ra, Alátđanh thức dậy từ lúc tảng sáng. Vừa mặc xong bộ áo quần sang trọng nhất, chàng lên phòng khách hai mươi bốn cửa sổ, thì trông thấy hoàng đế đang đi ngựa tới. Chàng xuống thang, vừa kịp đón vua ngay ở chân cầu thang lớn và đỡ vua xuống ngựa. Vua nói:

- Alátđanh, ta chỉ có thể nói chuyện với ngươi sau khi ta gặp và ôm hôn con gái ta.

Alátđanh dẫn vua tới phòng riêng của công chúa Bađrunbuđua. Vừa thức dậy, công chúa đã được Alátđanh nhắc là nên nhớ nàng không còn trên đất châu Phi nữa mà đang ở Trung Quốc, ngay trong kinh thành của phụ vương

mình, sát ngay bên cạnh cung điện của người. Lúc ấy nàng cũng vừa mặc áo xong.

Hoàng đế ôm hôn con gái nhiều lần, mặt đầm đìa nước mắt mừng vui. Công chúa cũng không sao biểu lộ hết lòng hân hoan được gặp lại cha. Hoàng đế một lúc lâu không tài nào mở miệng nói nên lời, để tỏ cho con gái biết mình xúc động xiết bao được trông thấy nàng, sau khi đã bao lần than khóc tưởng nàng chắc chắn không còn sống nữa. Công chúa, về phần mình, cũng khóc như mưa vì vui mừng được gặp lại cha.

Cuối cùng, vua nói nên lời:

- Con ơi, cha muốn tin rằng vì vui mừng được gặp cha cho nên con có vẻ không thay đổi nhiều, như thế đã không xảy ra việc gì đáng bực. Tuy nhiên, cha tin chắc con đã phải đau khổ nhiều. Không thể nào bị chuyển đi cùng với cả tòa lâu đài, đột ngột như đã từng xảy ra với con, mà không phải hoảng hốt lo âu ghê gớm. Cha muốn con hãy thuật lại cho cha nghe mọi việc và không che giấu một điều gì.

Công chúa lấy làm vui lòng được thỏa mãn điều vua cha muốn biết.

- Tâu bệ hạ, – nàng đáp – nếu con có vẻ không thay đổi mấy ấy là nhờ con bắt đầu thở được từ sáng sớm hôm qua, khi trông thấy Alátđanh người chồng thân yêu và người giải thoát cho con, mà con vẫn khóc than cầm bằng như đã mất rồi. Và chính niềm hạnh phúc được ôm hôn cha hôm nay đã làm cho con gần lấy lại sức hoàn toàn như trước.

Tuy nhiên, tất cả mọi nỗi đau khổ của con thật ra chỉ tại con buộc phải xa lìa vua cha và người chồng thân yêu của mình. Con không chỉ thương nhớ chàng mà con e chàng phải chịu oai sấm sét mặc dù vô tội. Con không phải khổ nhiều vì tội hỗn xược của tên bắt cóc con, hấn chỉ nói những điều con không thích. Con có cách ngăn không cho hấn nói. Ngoài ra, con cũng chẳng bị bó buộc gì hơn lúc này đây. Còn về việc con bị bắt cóc. Alátđanh hoàn toàn không can dự, chính con đã gây nên, tuy rằng không phải tại lòng con muốn thế.

Để cho hoàng đế tin chắc những lời vừa nói là đúng sự thật, công chúa kể lại chi tiết từ việc lão phù thủy cải trang làm người đi buôn đôi đèn mới lấy đèn cũ, việc nàng vì không rõ bí mật và tầm quan trọng của cây đèn thần cho nên sai mang ra đổi lấy đèn mới cho vui; việc phải chuyển sang châu Phi cùng với lão phù thủy; lão này sau khi thành công trong việc làm táo bạo ấy, lần đầu tiên đến gặp nàng và đòi nàng lấy lão, thì bị hai người hầu gái và viên hoạn nô đã mang cây đèn xuống đổi nhận diện; cho đến cảnh đầy dọa nàng phải chịu đựng mãi tới khi Alátđanh đến; cách thức thực hiện để đoạt lại cây đèn lão phù thủy mang trong người; và hai vợ chồng, đặc biệt là nàng đã thành công như thế nào qua việc giả vờ ân cần với lão, mời lão ăn cơm tối

với mình rồi đánh tráo ly rượu.

- Còn những gì xảy ra sau đó, con xin nhường lời để Alátđanh tâu với cha.
- Nàng nói tiếp.

Alátđanh chẳng còn có gì nhiều để thuật lại cho vua nghe. Chàng nói:

- Khi cánh cửa bí mật mở ra, con lên tới phòng khách hai mươi bốn cửa sổ, đã thấy tên phản tặc bị thuốc độc ngấm vào nằm chết trên sập, và vì không tiện để công chúa ở lại đây lâu hơn, con đã mời nàng cùng bọn hầu gái và hoạn nô xuống phòng riêng. Con ở lại một mình, và sau khi lấy cây đèn trong người lão phù thủy, con lại dùng bí quyết lão ta đã dùng để cưỡng đoạt tòa lâu đài cùng công chúa. Con sai chuyển tòa lâu đài trả về chỗ cũ, và được vinh hạnh đưa công chúa về với bộ hạ, như ý nguyện của nàng. Con không dám mời bộ hạ nhưng nếu Người vui lòng quá bộ lên phòng khách, Người sẽ trông thấy lão phù thủy bị trừng trị đáng với tội trạng của lão.

Để hoàn toàn nắm chắc sự thật, hoàng đế đứng dậy, đi lên phòng khách. Khi trông thấy lão phù thủy người Phi nằm chết, mặt nhợt nhạt vì ngấm thuốc độc, vua lại ôm hôn Alátđanh rất âu yếm và nói với chàng:

- Con ơi, xin con chớ để bụng về những cách cha đã đối xử với con. Tình phụ tử buộc cha phải làm như vậy, con hãy tha thứ cho cha những việc làm hơi quá đáng.

- Tâu bộ hạ, con hoàn toàn không có điều gì dám phàn nàn về cách xử sự của bộ hạ. Người làm như vậy cũng phải thôi. Chính lão phù thủy, tên súc sinh, kẻ đốn mạt ấy mới là nguyên nhân duy nhất làm cho con bị thất sủng. Bao giờ bộ hạ rồi rỗi, con sẽ xin kể lại hầu Người một chuyện đều cang khác mà lão đã chơi khăm con, cũng không kém độc địa hơn chuyện vừa rồi, mà con thoát được đặc biệt nhờ ơn cao Thượng đế.

- Ta sẽ dành riêng một buổi cho chuyện đó, và cũng gần đây thôi. – Vua đáp – Giờ đây chúng ta hãy nghĩ tới chuyện mừng vui. Con hãy sai dọn cái vật góm ghiếc kia đi!

Alátđanh mang xác lão phù thủy đi, truyền đưa vạt ở bãi rác cho sói tha quạ mổ. Trong thời gian ấy, hoàng đế ra lệnh nổi trống chiêng đàn sáo báo tin vui chung, và cho ban bố hội lớn kéo dài mười ngày để mừng công chúa và phò mã trở về bình yên cùng với tòa lâu đài của họ.

- Tâu bộ hạ, – nàng Sêhêrazát nói tiếp – lần thứ hai Alátđanh thoát được một cơn hoạn nạn gần như khó tránh khỏi thiệt mạng, như vậy đấy. Nhưng đây cũng chưa phải là lần cuối cùng. Chàng còn phải lâm nạn một lần thứ ba nữa, xin thuật lại sau đây:

Số là lão phù thủy người Phi có một đứa em trai pháp thuật cao cường không kém lão. Hơn nữa, có thể nói là về mặt độc ác và thủ đoạn hại người

thì hẳn còn hơn đứt cả ông anh. Vì không phải lúc nào chúng cũng ở cùng với nhau trong một thành phố, và thường là khi tên này ở xứ đông thì lão kia ở xứ Đoài, cho nên năm nào chúng cũng dùng phép bấm dẫn để biết tên kia hiện đang ở nơi nào trên trái đất, tình cảnh ra làm sao và có gì cần giúp lẫn nhau hay không.

Ít lâu sau khi lão phù thủy bỏ mạng trong mưu đồ phá hoại hạnh phúc Alátđanh, tên em trai của lão lúc bấy giờ không có mặt tại châu Phi mà đang ở một xứ rất xa xôi. Từ một năm nay không biết tin tức của ông anh, lão muốn hiểu xem anh hiện đang ở nơi nào trên trái đất có khỏe mạnh không và đang làm gì. Hẳn mang các thứ đồ nghề ra, tính toán toán. Gieo quẻ đầu hẳn biết ông anh không còn sống trên đời này nữa.

Gieo quẻ thứ hai hẳn biết ông anh đã bị đầu độc và chết bất đắc kỳ tử. Gieo quẻ thứ ba hẳn biết đúng là chết tại chỗ nọ trong kinh thành nước này. Và cuối cùng hẳn biết được lão ta bị đầu độc bởi một người xuất thân hàn vi vừa lấy được nàng công chúa con vua làm vợ.

Sau khi bằng cách đó, biết được số phận đáng buồn của ông anh rồi. Hẳn không để mất thời giờ khóc lóc thở than, vì có làm như vậy cũng chẳng khiến cho anh sống lại được. Quyết trả thù cho anh, hẳn lập tức lấy ngựa lên đường sang Trung Quốc. Đi một mạch qua nào đồng bằng, nào núi non, nào sa mạc, không dừng chân ở bất cứ một nơi nào, chịu đựng không biết bao nhiêu là gian nan khổ ải, cuối cùng hẳn đến được đất Trung Quốc, rồi ít lâu sau vào tới kinh thành, đứng nơi mà quẻ bấm dẫn đã cho hẳn biết. Chắc chắn là không nhầm lẫn, hẳn dừng lại và tìm chỗ trọ.

Ngày hôm sau, lão phù thủy đi dạo ra phố không phải để ngắm cảnh đẹp – hẳn cũng chẳng thiết gì đến danh lam thắng cảnh – mà để bắt đầu thực hiện mưu đồ độc địa của mình. Hẳn đi đến những nơi đông đúc nhất và lắng tai nghe người ta đàm đạo.

Tại một nơi có đủ các trò chơi giải trí, những người này thì vui chơi, những người kia thì nói chuyện với nhau về nhân tình thế thái hoặc về công việc làm ăn, hẳn nghe người ta bàn tán về một người đàn bà sống ẩn dật tên là Phatim phép thuật nhiệm màu, đức độ vô song và có thể làm nên những điều kỳ diệu nữa là khác. Nghĩ rằng bà này có thể có ích ít nhiều cho mưu đồ của mình, hẳn gọi một người đang nói chuyện ra riêng một nơi và yêu cầu vui lòng nói rõ hơn cho hẳn nghe bà nữ thánh ấy là ai và bà ta làm nên những phép màu ra sao.

- Thế nào? Bác chưa bao giờ trông thấy hoặc nghe nói đến bà ấy ư? Cả thành phố này đều ngưỡng mộ sự chân tu khổ hạnh và tấm gương đạo đức của bà. Trừ ngày thứ hai và thứ sáu, bà không ra khỏi cái am nhỏ của mình. Còn những ngày khác ra phố bà ban không biết bao nhiêu là phép lành. Chưa

hề có một ai khổ sở vì cơn bệnh đau đầu mà không được chữa khỏi chỉ bằng cách nhờ bà đặt bàn tay lên trán.

Lão phù thủy không muốn biết nhiều hơn nữa về chuyện ấy; hắn chỉ hỏi thăm cái am tu của bà ở khu nào trong thành phố. Người kia chỉ cho. Thế là sau khi trù tính xong âm mưu đen tối của mình, hắn chờ đến hôm bà đi làm phúc đầu tiên kể từ khi hắn dò hỏi, hắn bám sát cho đến chiều tối, lúc bà trở về am. Nhận kỹ địa điểm rồi, hắn trở về quán trọ, nơi người ta vẫn đến uống rượu hâm nóng và cũng có thể nghỉ lại, đặc biệt vào những hôm thời tiết nóng nực, thì mọi người thích trải chiếu ra đất nằm hơn là ngủ trên giường.

Lão phù thủy sau khi trả cho chủ quán món tiền trọ chẳng đáng là bao, đến nửa đêm thức dậy ra khỏi quán và đi thẳng đến cái am của Phatim thánh nữ – khắp kinh thành này mọi người đều gọi bà bằng cái tên ấy. Cửa am chỉ cài then, hắn mở ra chẳng khó nhọc gì. Hắn nhẹ nhàng đóng cửa lại, đi vào và nhờ ánh trăng nhìn thấy Phatim đang nằm ngủ ngoài trời, trên một chiếc chiếu rách và dựa vào am tu. Hắn tiến đến gần, rút chiếc dao găm vẫn đeo bên người ra khỏi vỏ, rồi đánh thức bà dậy.

Bừng tỉnh, bà Phatim đáng thương rất ngạc nhiên thấy một người đàn ông sắp giết mình. Hắn dí lưỡi dao vào ngực bà, sẵn sàng đâm và dọa:

- Nếu mày kêu lên hoặc gây nên một tiếng động nhỏ thì tao giết. Hãy đứng lên, tao bảo làm gì làm nấy!

Bà Phatim vẫn mặc áo quần ngoài mà ngủ, vừa run vừa đứng dậy. Lão phù thủy nói:

- Chớ có sợ, tao chỉ cần chiếc áo của mày, hãy cởi ra đưa đây và mặc áo của tao vào!

Hai bên đổi áo cho nhau. Mặc xong chiếc áo của Phatim vào người, hắn bảo bà:

- Hãy tô mặt cho ta như mặt mày, làm sao cho giống và không phai màu!

Thấy bà vẫn còn run, để cho bà vững tay làm việc hắn truyền, lão phù thủy nói:

- Đừng sợ, nghe ta bảo đây: ta thề trước Thượng đế là ta sẽ để cho mày sống.

Bà Phatim đưa lão vào trong am, thắp đèn lên, rồi lấy một cái lọ đựng một thứ nước gì đó và một cái bút lông, bà phết lên mặt lão và quả quyết là màu sẽ không phai, màu da mặt hắn sẽ giống mặt bà như in. Bà lại đội lên đầu hắn chiếc khăn của mình, kèm theo một tấm mạng che mặt và bày cho hắn biết cách dùng để che mặt lúc đi ra phố. Cuối cùng sau khi quàng vào cổ hắn một chuỗi hạt to trĩu xuống tận rốn, bà đặt vào tay hắn chiếc gậy bà vẫn dùng,

rồi đưa cho hắn một chiếc gương soi.

- Đây, ngài xem, ngài sẽ thấy giống tôi như lột.

Lão phù thủy thấy vừa ý, nhưng hắn không giữ vẹn lời thề thốt long trọng với bà Phatim hiền hậu. Để người ta khỏi thấy vết máu đầm bằng dao, lão phù thủy bóp cổ bà, rồi khi thấy bà tắt thở, hắn cầm chân kéo xác bà đến cái giếng xây cạnh am và ném xuống đấy.

Sau khi phạm tội ác ghê tởm, lão phù thủy cải trang làm Phatim thánh nữ ngủ lại cho hết đêm hôm ấy ở trong am. Sáng hôm sau, vào khoảng một hai giờ sáng, mặc dù ngày hôm ấy không phải là ngày thánh nữ thường đi làm phúc, hắn vẫn cứ đi ra, tin chắc rằng chẳng có ai hỏi về việc đó, và nếu nhờ có ai hỏi thì hắn cũng đã nghĩ sẵn câu trả lời. Bởi vì một trong những việc đầu tiên của hắn khi mới đến kinh thành này là xem cho biết tòa lâu đài Alátđanh ở đâu, và hôm nay định diễn cái trò của hắn ở đấy, cho nên hắn đi thẳng về phía lâu đài.

Vừa trông thấy bà thánh, – ai cũng tưởng đấy là thánh nữ thật – mọi người ùn ùn kéo đến vây quanh. Người thì xin bà cầu nguyện cho, kẻ thì hôn tay bà, có những người hoặc là đang đau đầu hoặc là muốn phòng ngừa bệnh đó, cúi đầu trước mặt lão phù thủy để cho hắn đặt tay lên, hắn cũng cứ làm và lẩm bẩm vài câu trong miệng như thể đọc kinh. Hắn bắt chước khéo đến nỗi mọi người đều tin rằng đấy chính là bà thánh thật.

Sau khi dừng lại mấy lần để thỏa mãn những người muốn chữa bệnh đau đầu theo cách đó, cuối cùng hắn tới quảng trường trước lâu đài Alátđanh. Người tụ tập càng đông hơn, ai muốn đến gần hắn phải chen lấn ra trò mới vào được tới nơi. Những kẻ khỏe mạnh, nhanh nhẹn nhất chen vai thích cánh mà băng vào, gây nên những tiếng qua tiếng lại, ồn ào vang vọng đến tận phòng khách hai mươi bốn cửa sổ nơi công chúa Bađrunbuđua đang ngồi.

Nàng hỏi có việc gì ồn ào như vậy, không ai trả lời được. Nàng liền sai người ra xem rồi vào trình bày cho rõ. Một người hầu gái không bước ra khỏi phòng khách, chỉ nhìn qua bức màn, trở lại thưa rằng tiếng ồn ào ấy là do đám đông tụ tập quanh thánh nữ để xin bà chữa bệnh đau đầu bằng cách đặt tay lên trán.

Công chúa từ lâu đã nghe nói nhiều điều tốt lành về thánh nữ nhưng chưa hề trông thấy bà, tò mò muốn gặp mặt và hỏi chuyện. Cũng như bất cứ lúc nào nàng tỏ một mong muốn gì, viên trưởng hoạn nô có mặt ở đấy vội thưa: “Nếu công chúa cần, xin cứ truyền bảo, sẽ có cách mời bà lên.” Công chúa bằng lòng, lập tức gả ra lệnh cho bốn tên hoạn nô, xuống mời bà thánh giả hiệu lên phòng khách.

Khi bọn hoạn nô ra khỏi cổng lâu đài, và mọi người trông thấy chúng đi

thăng về phía lão phù thủy cải trang, thì đám đông giải tán. Lão phù thủy được rảnh rang, thấy các hoạn nô đến, liền tiến lên mấy bước, lòng khắp khởi mừng thầm là mưu đồ của mình đang tiến triển thuận chiều. Một hoạn nô bảo hấn:

- Thừa thánh nữ, công chúa tôi muốn gặp bà, mời bà hãy đi theo chúng tôi.

- Công chúa làm vinh hạnh cho già quá, – bà Phatim giả hiệu đáp – già sẵn sàng tuân lệnh.

Vừa nói hấn vừa theo mấy gã hoạn nô đi vào dinh quan phò mã.

Khi lão phù thủy nấp dưới chiếc áo chân tu để che đậy một tấm lòng quỷ dữ, bước vào phòng khách có hai mươi bốn cửa sổ và trông thấy công chúa, hấn rì rầm đọc một thôi kinh kệ và nói những lời dài dòng chúc tụng công chúa phúc lộc an khang, vạn sự như ý. Tiếp đó hấn mang tất cả mồm mép liến láu của một tên chuyên nghề lường gạt và dối trá để lèo công chúa, làm cho nàng tin rằng đây quả là một đáng đại đức chân tu. Việc đó cũng dễ thôi, bởi bản chất công chúa vốn tốt, nàng tin tưởng chắc chắn trên đời ai cũng tốt như mình, đặc biệt là những người đã lánh xa trần tục để đi ẩn dật mà tu hành.

Chờ cho Phatim giả hiệu đọc xong lời chúc tụng dông dài của hấn, công chúa nói:

- Mẹ ơi, xin cảm ơn những lời cầu nguyện tốt lành của mẹ, con tin tưởng lắm, và hy vọng là những lời của mẹ sẽ linh hiển. Xin mời mẹ hãy đến gần và ngồi xuống đây, bên cạnh con.

Phatim giả vờ cố tình là ra vẻ khiêm nhường. Công chúa lại nói:

- Mẹ ơi, con xin mẹ một điều. Mong mẹ ưng cho, chớ có khước từ. Ấy là mời mẹ ở lại hấn đây với con, để ban phước lành cho con, để cho con được noi gương sáng của mẹ mà phụng thờ Thượng đế.

Phatim giả hiệu liền nói:

- Thừa công chúa, xin công chúa chớ đòi hỏi già này làm một điều buộc phải xa rời và xao nhãng công việc tu hành cầu nguyện.

- Xin mẹ chớ băn khoăn, – công chúa tiếp – trong nhà này còn nhiều buồng không ai ở, mẹ sẽ chọn một buồng thích hợp với mẹ nhất, ở đấy mẹ sẽ tự do làm mọi việc tu hành y như ở trong am của mẹ vậy.

Lão phù thủy không có mục đích nào khác hơn là được vào trong lâu đài của Alátđanh, ở đây dưới sự chăm sóc và che chở của công chúa, hấn sẽ dễ dàng thực hiện mưu đồ ác độc của mình, còn hơn là phải đi đi về về từ am của hấn đến lâu đài và từ lâu đài trở về am.

Không chờ công chúa khẩn khoản hơn nữa, hấn đáp:

- Thừa công chúa, mặc dù một kẻ tu hành khốn khó và hèn mọn như già, đã quyết tâm xa lánh cuộc đời trần tục, lẩn tránh mọi phú quý vinh hoa, nhưng già cũng không dám cưỡng lại ý muốn và mệnh lệnh của một vị mô đạo thành tâm như công chúa.

Nghe câu nói đó, công chúa liền đứng lên thưa:

- Xin mẹ hãy đứng dậy đi theo con, con sẽ chỉ cho mẹ xem những căn buồng còn để trống tùy ý mẹ chọn.

Hấn đi theo công chúa Bađrunbuđua, và qua tất cả các căn phòng đến xem, phòng nào cũng rất sạch sẽ và bày biện rất sang trọng. Hấn chọn một căn kém sang hơn cả, và vờ vịt nói rằng căn buồng này đã quá tốt đối với hấn, hấn chịu ở đây chẳng qua để làm vui lòng công chúa mà thôi.

Công chúa muốn mời tên gian ngoan ấy trở lại phòng khách có hai mươi bốn cửa sổ dùng bữa với nàng. Nhưng hấn sợ đến khi ăn phải cất tấm mạng mà hấn vẫn luôn đeo trên mặt cho đến lúc bấy giờ, e công chúa sẽ nhận ra đây không phải là Phatim thánh nữ như nàng vẫn tưởng, cho nên khẩn khoản xin nàng miễn cho, nói rằng hấn quen ăn bánh mì với vài thứ quả khô, xin hãy cho phép hấn dùng bữa thanh đạm của mình trong căn buồng riêng. Hấn nài nỉ quá đến nỗi công chúa phải thuận tình.

- Mẹ ạ, xin tùy ý mẹ, mẹ hãy tự nhiên như ở am nhà, – nàng nói. – Con sẽ sai người mang thức ăn lại cho mẹ. Nhưng mẹ nhớ cho là con chờ mẹ dùng bữa xong xin mời mẹ đến đây ngay cho.

Công chúa đi ăn cơm. Khi một viên hoạn nô được công chúa sai đến báo cho nàng biết đã xong bữa, hấn vội vàng đến ngay. Công chúa nói:

- Mẹ ạ, con rất bằng lòng được có riêng một thánh nữ như mẹ để ban phước cho dinh cơ này. Nhân thế, xin hỏi mẹ thấy tòa lâu đài này thế nào? Nhưng, trước khi con dẫn mẹ đi xem kỹ từng buồng một, mẹ hãy cho biết ý kiến về phòng khách này.

Phatim giả, để đóng thật khéo vai trò của mình, cho đến lúc này vẫn luôn cúi đầu, ngay đến đưa mắt nhìn sang hai bên cũng không, nghe hỏi như vậy mới ngẩng đầu lên, nhìn từ đầu này tới đầu kia căn phòng, và sau khi xem xét cẩn thận, hấn đáp:

- Thừa công chúa, phòng khách này thật sự là tuyệt tác và đẹp đẽ vô song. Tuy nhiên theo ý của một kẻ sống cô đơn, không am hiểu thế nào là cái đẹp ở trên đời, thì hình như còn thiếu một vật.

- Vật gì vậy hờ mẹ? – Công chúa hỏi – Con van mẹ, mẹ hãy nói cho con biết! Riêng con, xưa nay con vẫn tưởng và vẫn nghe người ta nói là nhà này

chẳng thiếu một thứ gì, nếu quả là còn thiếu, con sẽ cho làm thêm ngay cho kỳ đủ.

- Xin công chúa hãy tha thứ cho già đã dám mạo muội nói bừa, – Phatim giả lại vờ vĩnh nói – ý kiến của già chẳng có gì quan trọng lắm đâu. Nhưng giả có một quả trứng chim đại bàng treo ở trên cao, vào chính giữa mái vòm kia, thì phòng khách của công chúa sẽ là có một không hai trong khắp bốn biển năm châu, và lâu đài của công chúa sẽ trở thành kỳ quan của vũ trụ.

- Mẹ ơi, con chim đại bàng ấy là chim gì vậy, và tìm đâu ra trứng của nó hở mẹ?

- Thưa công chúa, đó là một con chim to một cách kỳ lạ, nó vẫn đậu trên đỉnh cao nhất của dãy núi Cápca. Người đã xây nên tòa lâu đài này chắc hẳn có thể tìm được cho công chúa một quả trứng của con chim đó.

Công chúa cảm ơn Phatim giả về ý kiến hay ho của hấn, rồi tiếp tục chuyện trò với hấn về nhiều chuyện khác; nhưng trong đầu óc vẫn không sao quên được quả trứng chim đại bàng. Nàng định bụng sẽ nói lại với Alátđanh ngay sau khi chàng đi sẵn về. Chàng đi sẵn đã sáu ngày rồi, và lão phù thủy không phải là không biết điều đó, cho nên đã lợi dụng lúc chàng vắng mặt. Chàng trở về tối hôm ấy, vào lúc Phatim giả vừa từ biệt công chúa trở về buồng của hấn.

Về tới nhà, Alátđanh vào phòng riêng của công chúa, nàng cũng vừa về đây. Chàng chào và ôm hôn vợ, nhưng cảm thấy nàng hơi có vẻ lạnh lùng.

- Công chúa ơi, ta thấy công chúa không vui như bình thường. Phải chăng trong thời gian ta đi vắng, đã có việc gì xảy ra không đáng hài lòng, gây cho nàng phiền muộn hoặc bất bình? Xin nàng chớ giấu, ta sẽ làm đủ mọi cách trong phạm vi quyền lực mình cho phép, để xua tan nỗi không vui ấy.

- Chẳng có gì quan trọng đâu. – Công chúa đáp. – Tuy có một việc làm cho em vướng chút băn khoăn, không ngờ nó lại hiện lên nét mặt để chàng nhận thấy. Nhưng, bởi chàng đã nhận ra sắc mặt em có ít nhiều đổi khác mà hỏi, thì em cũng chẳng dám giấu chàng, dù nó chỉ là việc nhỏ nhặt. Từ trước tới nay, cũng như chàng, em vẫn tưởng -công chúa Bađrunbuđua nói tiếp – là lâu đài của chúng ta nguy nga nhất, tráng lệ nhất, hoàn hảo nhất trần đời. Ấy thế mà, em xin thưa một ý nghĩ vừa đến với em sau khi xem xét thật kỹ cái phòng khách có hai mươi bốn cửa sổ của chúng mình, chẳng rõ chàng có thấy như em không, rằng sẽ tuyệt vời hơn nữa nếu có được một quả trứng chim đại bàng treo chính giữa phòng, bên dưới vòm cao này?

- Công chúa ơi, chỉ cần nàng nói, phòng khách chúng ta còn thiếu một quả trứng chim đại bàng, là ta thấy ra đúng là có chỗ khiếm khuyết ấy thật, ta sẽ mau mau cho bù đắp vào chỗ thiếu. Qua việc này, nàng càng thấy rõ là vì

nàng, ta không hề từ nan bất cứ một việc gì.

Nói xong, Alátđanh cáo từ công chúa, trở về ngay phòng khách hai mươi bốn cửa sổ, lấy cây đèn – mà chàng thường xuyên mang theo trong người, bất cứ đi đâu, kể từ hôm xảy ra tai biến do sơ suất không mang theo. Chàng đưa tay miết vào. Thần đèn lập tức hiện lên. Alátđanh bảo:

- Thần à, dưới mái vòm cao này thiếu một quả trứng chim đại bàng, nhân danh cây đèn ta cầm ở tay, ta yêu cầu người hãy bù đắp chỗ thiếu sót ấy.

Alátđanh chưa dứt lời, thần đèn đã thét lên một tiếng ầm vang như sấm, rung chuyển cả phòng khách và làm cho Alátđanh loạng choạng, suýt nữa thì ngã lộn nhào:

- Thế nào, tên khốn nạn kia, – thần đèn nói với Alátđanh, giọng dữ tợn đến người bạo gan nhất nghe cũng phát khiếp – các bạn của ta và ta đã làm nên cho mày bấy nhiêu công danh phú quý, mày vẫn chưa cho là đủ hay sao, mà dám vô ơn bạc nghĩa đến cùng cực, dám đòi ta mang chủ của ta đến và treo cổ ngài lên dưới mái vòm này?

Riêng điều xúc phạm ấy đáng để cho cả vợ chồng mày cùng với tòa lâu đài này trở thành tro bụi. Cũng phúc cho mày, việc này không phải do mày gây nên, và đòi hỏi ấy không phải mày tự nghĩ ra. Ta nói cho mày biết, ai là kẻ đã thật sự gây nên điều xúc phạm ấy, đó chính là em trai lão phù thủy người Phi, kẻ thù của mày. Hắn đang ở trong dinh cơ của mày, cải trang dưới chiếc áo của Phatim thánh nữ mà nó đã giết hại. Chính hắn đã gợi ý cho vợ mày xui mày đòi hỏi ta làm điều khốn nạn mày vừa nói đó. Nó mưu toan giết mày đấy hãy liệu mà phòng thân.

Nói xong, thần đèn biến mất.

Alátđanh chú ý lời sau cùng của thần. Chàng từng nghe tiếng tăm Phatim thánh nữ, và cũng không phải là không biết bà biết cách chữa khỏi bệnh đau đầu như mọi người vẫn đồn đại. Trở lại phòng công chúa, chàng không đã động gì tới việc vừa xảy ra, chỉ ngồi xuống đưa tay bóp trán và nói rằng bỗng dưng bị một cơn đau đầu ghê gớm. Công chúa lập tức sai mời thánh nữ đến, và trong thời gian chờ người đi gọi, nàng kể cho Alátđanh nghe bà đến ở lâu đài này trong hoàn cảnh như thế nào và nàng mời bà ở riêng một căn buồng.

Phatim giả hiệu đến. Hắn vừa bước vào, Alátđanh đã nói: “Mẹ ơi, mời mẹ vào đây, con rất sung sướng được gặp mẹ. Chính nhờ vận may run rủi, cho nên con được gặp mẹ lúc này. Tin tưởng vào những lời cầu nguyện của mẹ, con xin mẹ cứu cho, và hy vọng mẹ sẽ không từ chối, như mẹ từng làm phúc cho biết bao nhiêu người!”

Nói xong, chàng đứng dậy cúi đầu. Phatim giả hiệu bước tới, bàn tay nắm

chặt chuôi chiếc dao găm giắt ở thắt lưng, dưới lần áo. Alátđanh theo dõi hết, chàng kịp giữ chặt tay không cho hắn rút dao, rồi dùng dao của mình đâm đúng vào tim nó, quật nó ngã xuống chết thảng cẳng giữa sàn nhà.

- Chàng thân yêu của em ơi, chàng làm gì thế? – Công chúa kinh ngạc kêu lên. – Chàng giết mất thánh nữ rồi.

- Không đâu công chúa ạ, – Alátđanh bình tĩnh đáp -không phải ta sát hại Phatim, mà là giết chết một tên súc sinh định ám hại ta nếu ta không biết trước mà phòng. Chính cái thằng độc ác nàng thấy đây, – chàng vừa nói vừa cắt tấm mạng che mặt lão phù thủy – đã bóp chết Phatim ấy thế mà nàng lại thương tiếc và trách ta sao đi giết hắn. Chính hắn đã ngụy trang dưới chiếc áo của bà Phatim thánh nữ để định hại ta. Và ta nói thêm để nàng biết, tên này chính là em trai lão phù thủy người Phi đã từng bắt cóc nàng lần trước đây.

Alátđanh thoát khỏi sự ám hại của hai anh em lão phù thủy như vậy đó.

Ít lâu sau, hoàng đế quá cao tuổi, qua đời. Vì vua không có con trai, công chúa Bađrunbuđua thừa kế ngai vàng và truyền lại ngôi báu cho chồng. Hai vợ chồng cùng trị vì nhiều năm và lưu danh thơm hậu thế.

NHỮNG CHUYỆN VI HÀNH CỦA HOÀNG ĐẾ HARUN AN-RASÍT

Tâu bệ hạ, – lời công chúa Sêhêrazát nói với vua Saria – chuyện này xảy ra trong một chuyến vi hành của hoàng đế Harun An-Rasít trú danh. Nhà vua ấy còn gặp rất nhiều chuyện khác, mà sau đây là một chuyện đáng để Người lưu ý nghe.

Như bệ hạ đã biết, và chính Người cũng từng trải qua, thỉnh thoảng chúng ta lại có những cơn vui xốc nổi kỳ lạ, dễ truyền sang những người bên cạnh, cũng như cũng dễ chia sẻ niềm vui của họ. Ngược lại, cũng có những lúc chúng ta tự nhiên âu sầu buồn bã, đến mức mình cũng không chịu đựng nổi mình. Giá lúc ấy có ai hỏi do đâu sinh ra nỗi buồn ấy thì không sao trả lời được mà dù có tự mình suy nghĩ đến bao nhiêu cũng chẳng dễ gì tìm ra nguyên cớ.

Một hôm, hoàng đế đang ở trong tâm trạng đó, thì chợt thấy Giafa, vị đại tể tướng trung thành được nhà vua sủng ái, đến ra mắt. Vị đại thần thấy nhà vua lúc nào cũng thích có người bên cạnh, đang ngồi một mình đó là điều hiếm thấy. Tối gần, ông thấy vua đang có vẻ hăm hăm. Vua không buồn ngẩng đầu lên, bởi vậy, ông đứng lại không thưa mà chờ cho tới lúc vua hạ cổ đưa mắt nhìn.

Cuối cùng, hoàng đế ngược mắt nhìn Giafa, nhưng lại quay mặt đi ngay, rồi vẫn ngồi im không nhúc nhích như trước.

Qua đôi mắt vua nhìn thẳng vào mình, tể tướng nhận thấy hoàng đế không có vẻ gì giận dữ, bèn cất lời:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, xin Người cho thần được hỏi có việc gì làm Người không vui? Xưa nay Người vẫn không bao giờ sầu não mà.

- Quả đúng như vậy, tể tướng ạ, – hoàng đế xoay mình lại đáp – xưa nay ta chẳng mấy khi buồn bực; và giá không có khanh, ta đã không nhận ra là ta đang buồn. Ta không muốn kéo dài tâm trạng này, khanh hãy làm cho ta vui lên nếu như khanh nghĩ ra được cách gì làm tiêu tan nỗi buồn này.

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – tể tướng Giafa nói – thần đến đây chỉ vì bổn phận, và xin được phép nhắc rằng Người có tự đề ra cái lệ thân hành đi tuần sát việc giữ gìn trật tự ở kinh đô và các vùng phụ cận, xem có được như Người mong muốn hay không. Hôm nay chính là ngày Người dự định làm việc đó. Đây cũng là cơ hội tốt nhất để xua tan những đám mây mù đang làm vẩn đục tính vui vẻ thường ngày của Người.

- Ta quên khuấy mất, – hoàng đế đáp – khanh làm cho ta nhớ lại đúng lúc quá. Vậy khanh hãy đi thay áo trong khi ta cũng đi cải trang.

Vua và tể tướng, mỗi người mặc một chiếc áo nhà buôn nước ngoài. Cải trang như vậy, họ ra khỏi hoàng cung bằng một lối bí mật thông ra cánh đồng. Họ đi quanh một phần thành phố, đến tận bờ sông Ophorát, cách cổng thành khá xa, mà chẳng gặp chuyện gì làm rối loạn trị an. Gặp chuyến đò đầu tiên, họ qua sông. Sau khi vòng hết phía bên kia kinh thành, hai người trở lại cái cầu nổi liền hai khu phố.

Qua khỏi cầu, họ gặp một người mù khá cao tuổi đang hành khất. Hoàng đế quay mặt đi nơi khác và đặt một đồng tiền vàng vào tay lão.

Ngay lập tức, lão mù nắm chặt tay, giữ nhà vua lại:

- Thưa ngài tốt bụng, cho dù ngài là ai, – lão nói – ngài đã vì Thượng đế mà làm phúc, thì xin ngài đừng khước từ ân huệ, đánh cho tôi một tát tai. Tôi đáng bị như vậy, hơn nữa còn đáng bị trừng phạt nặng hơn nhiều.

Nói đến đây, lão buông tay ra để vua tiện tát. Nhưng vẫn sợ vua bỏ qua không chịu đánh, lão túm chặt lấy áo. Ngạc nhiên vì lời van xin và hành động của lão mù, hoàng đế nói:

- Lão già à, ta không thể làm theo lời thỉnh cầu của lão. Đối xử như vậy với lão, mặc dù đó là ý muốn của lão thì có khác chi xóa bỏ việc ta vừa làm phúc.

Nói xong, vua cố dứt áo để bước đi.

Lão mù, vốn có kinh nghiệm từ lâu, biết người làm ơn thường không nỡ đánh, cố hết sức níu áo vua lại, và nói:

- Thưa ngài, xin hãy tha thứ cho tôi dám cả gan làm phiền ngài. Xin ngài hãy cho tôi một tát tai hoặc lấy lại đồng tiền ngài cho, vì tôi chỉ nhận của bố thí với điều kiện đó mà thôi, nếu không, có nghĩa tôi làm trái với lời tôi đã long trọng thề trước Thượng đế. Nếu ngài biết rõ căn nguyên, hẳn ngài sẽ đồng ý với tôi là hình phạt ấy hẳn còn nhẹ nhàng quá.

Hoàng đế không muốn để chậm trễ hơn nữa, đành phải làm theo sự đòi hỏi phiền hà của lão bằng cách đánh lão một tát khá nhẹ nhàng. Lão mù buông áo vua ra ngay, cảm ơn và cầu xin Thượng đế ban phúc lành cho vua. Hoàng đế cùng tể tướng lại đi tiếp, đi được mấy bước, vua bảo ông:

- Chắc phải có một căn nguyên nặng nề lắm khiến cho lão mù này xử sự như vậy với tất cả những người bố thí cho lão. Bởi vậy, ông hãy quay trở lại, nói cho lão rõ ta là ai, và bảo lão ngày mai phải có mặt tại hoàng cung sau giờ cầu kinh trưa, ta muốn hỏi chuyện lão.

Tể tướng quay trở lại, bố thí cho người mù. Sau khi đánh lão một tát tai, ông truyền lệnh rồi bước vội để theo cho kịp nhà vua.

Hai người vào trong kinh thành. Đi ngang một quảng trường, họ trông

thấy có đám đông vây quanh một chàng trai ăn mặc tử tế, đang cưỡi một con ngựa cái phóng như bay quanh quảng trường. Anh ta ra roi và thúc đỉnh vào hông ngựa liên hồi, hành hạ nó một cách độc ác khiến cho nó sùi cả bọt mép và chảy máu ròng ròng.

Ngạc nhiên vì sự dã man của chàng trai trẻ, hoàng đế dừng lại hỏi có ai biết vì sao anh ta hành hạ con ngựa cái của mình đến mức ấy. Ai cũng nói rằng không rõ, chỉ biết là đã ít lâu nay, hằng ngày, đúng vào giờ này, anh ta lại quần nó như vậy.

Hai người tiếp tục đi. Hoàng đế bảo tể tướng hãy để ý nhớ lấy quảng trường này, và chớ quên cho người gọi chàng trai trẻ ngày mai đến gặp vua, cùng một lúc với lão mù.

Trước khi về tới hoàng cung, vua và tể tướng đi qua một phố đã lâu ngày chưa đi. Chợt vua trông thấy một ngôi nhà mới xây cất, trông giống như dinh thự một vị đại thần trong triều, liền hỏi tể tướng có biết nhà của ai đây không. Ông trả lời là mình không biết nhưng xin đi hỏi người khác ngay.

Quả vậy, ông hỏi một người hàng xóm. Người này cho biết ngôi nhà của Côjia Hatxan, biệt danh là Anhaphan (Thợ bện thùng) vì ông ta vốn làm nghề ấy.

Người hàng xóm nói, được tự mắt nhìn thấy ông ta làm nghề đó trong hoàn cảnh nghèo túng lắm, chẳng biết do đâu mà được thần tài phù hộ, trở nên giàu sang, đến mức có đủ tiền bạc cho xây cất nên một ngôi nhà tráng lệ dường này.

Tể tướng chạy theo vua, râu lại điều vừa nghe được. Vua truyền:

- Ta muốn gặp anh chàng Côjia Hatxan thợ bện thùng ấy. Ông hãy tới bảo anh ta ngày mai phải có mặt ở hoàng cung, vào cùng giờ với hai người kia.

Tể tướng vội vàng thi hành lệnh hoàng đế truyền.

Ngày hôm sau, sau lễ cầu kinh trưa, hoàng đế lui vào cung riêng. Tể tướng liền dẫn ba nhân vật chúng ta vừa nói, tới trình diện.

Cả ba quỳ lạy dưới chân ngai. Sau khi họ đứng lên, hoàng đế hỏi lão mù tên họ là chi.

Lão đáp tên là Baba Apđanla. Hoàng đế nói:

- Baba Apđanla, cách đối xử của lão với ta hôm qua có vẻ lạ lùng quá, nếu không vì đôi ba điều cần cân nhắc, thì ta đã cấm lão từ nay không được gây cho công chúng một chuyện rắc rối như lão vẫn làm. Bởi vậy, ta cho đòi lão tới đây để nghe lão tỏ bày nguyên do gì buộc lão phải giữ một lời thề thô lỗ như vậy. Tùy theo lời lão giải bày, ta sẽ phán xét lão làm như vậy có đúng hay không, và xem có nên để cho lão tiếp tục làm một việc mà ta cho là nêu

gương rất xấu. Vậy thì lão hãy nói ta nghe, do đâu lão nảy ra ý nghĩ kỳ cục như vậy. Ta muốn biết thật đầy đủ, lão không được che giấu.

Lo sợ trước lời quở trách ấy, Baba Apđanla một lần nữa phủ phục, đập đầu xuống đất trước ngai vàng, rồi đứng lên vội vã tâu:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, tôi xin khúm núm khẩn cầu bệ hạ hãy tha tội cho hôm qua tôi đã dám cả gan đòi hỏi và ép Người làm một việc có vẻ như trái với lẽ phải. Tôi xin nhận tội. Song, vì hôm qua chưa được biết bệ hạ, cúi xin Người tha thứ cho, coi như tôi phạm lỗi lầm chỉ vì ngu dốt. Còn về việc Người cho tôi là hành động kỳ cục, xin thú thật, trước con mắt của người trần thì việc làm của tôi quả là như vậy. Nhưng với Thượng đế thì đó là sự trừng phạt còn quá nhẹ nhàng so với tội lỗi to lớn mà tôi đã phạm. Cho dù tất cả những người sống trên thế gian này lần lượt đánh cho tôi mỗi người một cái tát, thì tôi vẫn chưa trả hết tội. Qua câu chuyện tôi sắp kể đây theo lệnh Người truyền, Người sẽ rõ lỗi lầm to lớn ấy là gì, rồi Người sẽ phán xét, hình phạt như tôi vừa nói có đáng hay không.

CHUYỆN LÃO MÙ BABA APĐANLA

-Tàu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – Baba Apđanla nói tiếp – tôi sinh ra ở Bátđá. Cha mẹ tôi lần lượt qua đời cách nhau có mấy ngày, để lại cho tôi thừa hưởng một chút tài sản. Mặc dù còn ít tuổi, tôi vẫn không giống các chàng trai chỉ biết làm tiêu tan tài sản bố mẹ để lại qua những việc tiêu pha vô ích và chơi bời trác táng. Ngược lại, tôi không tiếc sức mình, để bằng tài khéo léo, tính thận trọng, lòng chịu đựng mọi nỗi vất vả gian lao, làm cho tài sản của mình tăng lên dần. Cuối cùng, tôi trở nên khá giả. Riêng mình tôi đã có tới tám mươi con lạc đà, dùng cho các nhà buôn thuê đi trong các chuyến lữ hành. Cứ mỗi chuyến dắt lạc đà chở thuê cho họ qua lại những nơi khác nhau trong đế quốc rộng lớn của Người, tôi lại thu được những khoản tiền lớn.

Giữa niềm hạnh phúc ấy, tôi vẫn luôn luôn hám của, muốn ngày mỗi giàu có hơn lên. Chợt một hôm tôi gặp một tu sĩ. Hôm ấy, tôi từ Banxôra trở về, lạc đà đi không tải, sau khi đã chở xong hàng hóa để cho xuống tàu sang An Độ. Gặp một bãi cỏ non khá xa nơi dân cư, tôi cho đoàn lạc đà nghỉ lại gặm cỏ. Tu sĩ đang đi bộ đến Banxôra. Ông ta tới gần tôi, ngồi nghỉ chân và nói chuyện. Tôi hỏi ông ta từ đâu đến và đi tới nơi nào. Ông ta cũng hỏi tôi cùng câu đó. Sau khi thỏa mãn sự hiếu kỳ của nhau, chúng tôi bỏ thức ăn của mỗi người mang theo ra, cùng ăn chung với nhau cho vui.

Trong bữa ăn, sau khi chuyện vãn người việc đầu đầu, tu sĩ nói với tôi, là ông ta biết ở một nơi không xa chỗ chúng tôi đang ngồi, có một kho tàng chứa của cải nhiều tới mức cho dù tám mươi con lạc đà của tôi có chở đầy những vàng bạc châu báu lấy ở đấy ra, vẫn có vẻ như chưa ai động tới một chút nào.

Tin vui ấy làm tôi ngạc nhiên, đồng thời cũng hoan hỉ nữa.

Mừng rỡ quá, tôi hầu như không còn làm chủ được mình. Không nghĩ rằng có thể bị người tu sĩ đánh lừa, tôi ôm choàng ông ta mà nói:

- Thừa ngài tu sĩ nhân từ, tôi biết ngài rất ít quan tâm tới của cải trên thế gian. Vậy, biết rõ kho tàng ấy thì ích lợi gì đối với ngài? Ngài chỉ có một mình, và cũng chỉ có thể mang theo được rất ít thôi. Xin ngài hãy chỉ cho tôi biết chỗ có kho tàng, tôi sẽ chở trên tám mươi con lạc đà của tôi, rồi sẽ biếu ngài một con, gọi là để tạ ơn ngài đã giúp và chỉ chỗ cho.

Quả thật là tôi bỏ ra ít quá, đúng như vậy. Song lúc đó nó đối với tôi đã là quá nhiều, bởi sự bủn xỉn cùng cực vừa xâm chiếm lòng tôi. So sánh một con lạc đà phải bỏ ra cho tu sĩ với phần còn lại, tôi thấy bảy mươi chín con còn lại của mình gần như chẳng có gì cả.

Tu sĩ thấy sự đam mê kỳ cục của tôi đối với của cải, nhưng ông không bực

mình vì lời gạ gẫm phi lý ấy. Không chút xúc động, ông nói với tôi:

- Người anh em ơi, hẳn là người anh em cũng tự thấy rằng phần anh định bỏ ra cho tôi chẳng tương xứng với điều tốt đẹp anh muốn tôi giúp anh. Đáng ra tôi có thể giữ điều bí mật và không nói chuyện về kho tàng cho anh rõ, nhưng tôi đã nói ra, chứng tỏ thiện ý tôi đã có và hiện cũng vẫn đang có. Tôi muốn làm ơn cho anh, khiến anh nhớ đến tôi suốt đời, bằng cách làm cho cả hai ta cùng trở nên giàu sang. Bởi vậy, tôi có một lời bàn đúng đắn hơn, công bằng hơn, anh xem có hợp với ý anh hay không. Anh vừa bảo là anh có tám mươi con lạc đà – tu sĩ nói tiếp – tôi sẵn sàng dẫn anh tới chỗ kho tàng. Anh và tôi chúng ta cùng chất lên lưng chúng vàng bạc châu báu đến chừng nào chúng không chở nổi thì thôi, với điều kiện là sau đấy, anh giao cho tôi một nửa, anh giữ lấy một nửa. Rồi chúng ta chia tay nhau, mỗi người theo con đường của mình, ai muốn đi đâu tùy thích. Anh thấy đấy, chia đôi như vậy là công bằng. Nếu anh có cho tôi bốn mươi con lạc đà là việc làm ơn, thì ngược lại, nhờ có tôi, rồi đây anh có thể mua một nghìn con lạc đà khác.

Tôi không thể không đồng tình là, điều kiện tu sĩ vừa nêu ra rất công bằng. Tuy nhiên, không hề tính tới số của cải đồ sộ mình sẽ có được nếu chấp nhận điều kiện ấy, tôi lại cho rằng phải bỏ ra bốn chục con lạc đà là một tổn thất quá lớn, nhất là khi suy tính rằng làm như vậy thì người tu sĩ này sẽ giàu đâu có kém gì ta. Tóm lại, đối với một việc tất, được người ta cho không hoàn toàn, mà thực tế tôi cũng chưa nhận được của trong tay, thế mà tôi đã tỏ ra vong ân bội nghĩa. Nhưng, chẳng có gì phải cân nhắc cả. Hoặc là chấp nhận điều kiện ấy, hoặc là sẽ phải ân hận suốt đời, là do lỗi lầm của mình mà bỏ mất cơ hội làm giàu to.

Ngay lúc đó, tôi lừa đàn lạc đà lại một nơi, rồi hai chúng tôi cùng lên đường. Đi được một chốc, chúng tôi đến một thung lũng khá rộng, nhưng lối vào thì hẹp.

Lạc đà của tôi chỉ vào được từng con một, nhưng nhờ bên trong cứ rộng dần ra, cả đàn vào có thể đứng mà không vướng nhau. Hai dãy núi khép lại thành hình cánh cung, tạo nên thung lũng ấy đều cao, hiểm trở và khó đi tới mức không sợ có bất kỳ ai trông thấy.

Đến được khoảng giữa hai dãy núi rồi, tu sĩ bảo tôi:

- Chúng ta chớ đi xa hơn nữa. Hãy cho lạc đà của anh dừng lại, bắt chúng nằm xuống để chúng ta dễ chất hàng lên lưng, anh làm xong thì tôi bắt đầu mở cửa kho tàng.

Làm xong điều tu sĩ bảo, tôi đến bên cạnh ông ta.

Tôi thấy ông ta một tay cầm chai hương liệu, một tay nhặt một ít củi khô

để nhóm lửa. Nhóm xong, ông ném vào lửa một ít hương liệu và đọc những câu thần chú tôi nghe không hiểu. Ngay lập tức một đám khói lớn bốc lên không trung. Ông tách làn khói ra, ngay lúc ấy tảng đá dựng đứng thật cao giữa hai quả núi, mặc dù không lộ vẻ gì là có lối đi vào, bỗng nứt ra thành một cái cửa rộng có hai cánh bằng đá.

Qua cửa này, chúng tôi nhìn thấy bên trong có một tòa lâu đài trắng lộng lẫy được xây dựng lên chắc là do thần thánh chứ không phải do bàn tay con người, bởi vì con người không thể nghĩ tới chứ chưa nói làm nên một công trình táo bạo và lạ lùng như vậy.

Nhưng, tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, nhận xét này mãi về sau tôi mới nghĩ ra, lúc ấy đầu óc tôi chẳng nghĩ gì cả. Tôi chẳng buồn ngắm nghía những cửa cái vô biên bày ra khắp nơi, cũng không nghĩ tới người ta đã dành dụm như thế nào để có được kho báu lớn thế này. Như một con ó lao xuống vồ mồi, tôi nhào vào đồng tiền vàng đầu tiên trông thấy được và bắt đầu hốt vào những cái túi đem theo, đến mức vừa đủ sức mang đi.

Túi nào cũng to, có lẽ tôi đã nhét đầy tất cả, nếu không nghĩ tới chuyện liệu sức lực đà có chở nổi hay không.

Tu sĩ cùng làm như tôi, nhưng tôi nhận thấy ông ta chú ý lấy ngọc nhiều hơn. Sau khi được ông ta cho biết tại sao như vậy, tôi theo gương ông, và chúng tôi hốt nhiều châu báu hơn là lấy tiền vàng. Cuối cùng, chúng tôi lấy ngọc và vàng đầy các túi, xếp lên lưng lạc đà. Chỉ còn có việc đóng cửa kho tàng lại và ra đi thôi.

Trước khi ra đi, tu sĩ trở lại trong kho tàng. Ở đây có nhiều cái lọ lớn bằng vàng chạm trổ đủ kiểu, cùng nhiều vật quý khác. Tôi quan sát thấy ông cho tay vào một cái lọ, lấy ra một cái hộp con làm bằng thứ gỗ mà tôi không biết. Sau khi cho tôi xem bên trong đựng một loại cao, ông ta cất cái hộp vào trong người.

Để đóng cửa kho tàng, tu sĩ lại phù phép giống như lúc cần mở. Sau khi ông đọc thần chú, cửa kho tàng đóng lại, và tảng đá liền lại y nguyên như lúc đầu.

Thế rồi chúng tôi cho đàn lạc đà chở hàng đứng dậy và tách ra làm hai đoàn. Tôi dẫn đoàn bốn mươi con dành cho mình, còn tu sĩ dẫn đoàn bốn mươi con tôi đã nhường cho ông ta.

Chúng tôi theo lối cũ lần lượt ra khỏi thung lũng, rồi cùng đi tới con đường cái nơi sẽ chia tay nhau, tu sĩ tiếp tục đi về Banxôra, còn tôi trở lại Bátđá. Để cảm tạ ông ta về một ân huệ lớn lao như vậy, tôi không tiếc lời ca ngợi, nhất là việc ông chọn tôi, chứ không phải một người nào khác để chia phần bấy nhiêu của cải. Chúng tôi mừng rỡ ôm hôn nhau. Sau khi chào vĩnh

biệt, chúng tôi chia tay, mỗi người đi một ngã.

Tôi vừa bước được mấy bước theo đàn lạc đà – chúng vẫn tiếp tục bước đi thong thả trên con đường tôi vừa dẫn chúng tới – thì con quỷ sứ của lòng vong ân bội nghĩa và của sự ghen tị nổi dậy trong lòng tôi. Tôi tiếc đã để mất bốn mươi con lạc đà, càng tiếc nhiều hơn nữa những của cải chất trên lưng chúng. Tôi tự nhủ: “Người đã đi tu thì còn cần gì những của cải đó, hơn nữa, ông ta lại chủ nhân của các kho tàng kia, ông ta muốn lấy bao nhiêu mà chẳng được.”

Như vậy đó, tôi tự nộp mình cho sự vong ân đen tối nhất, và quyết định ngay tức khắc là phải chiếm đoạt của ông ta bốn mươi con lạc đà cùng tất cả của cải trên lưng chúng.

Để thực hiện ý đồ của mình, tôi bắt đầu cho đàn lạc đà của tôi đứng lại. Sau đó tôi chạy theo người tu sĩ, vừa gọi thật to, tỏ cho ông ta biết tôi còn có điều muốn nói thêm, vừa đưa tay ra hiệu bảo hãy dừng đàn lạc đà của ông ta đứng lại chờ. Nghe tiếng tôi gọi, ông ta dừng lại. Đuổi kịp ông ta, tôi nói:

- Người anh em ơi, vừa từ biệt anh thì tôi chợt nhớ một điều trước đây chưa nghĩ ra, mà chắc anh cũng không nghĩ tới. Anh là một nhà tu hành đắc đạo, quen sống cuộc đời thanh thản, xa rời mọi công việc thế gian, và chẳng có mối quan tâm nào khác hơn là phụng thờ Thượng đế. Có lẽ anh chưa hiểu hết nỗi vất vả khi phải chăn dắt một đàn lạc đà đông đến thế này. Nếu anh tin lời tôi, anh chỉ nên dẫn đi ba mươi con thôi, như thế mà trông nom cho được cũng đã khó khăn lắm rồi. Anh có thể tin cậy ở tôi, tôi có kinh nghiệm về chuyện đó mà.

- Tôi nghĩ anh nói có lý, – tu sĩ đáp, thấy không thể bác được ý kiến tôi – xin thú nhận là tôi đã không nghĩ tới chuyện ấy. Tôi bắt đầu cảm thấy lo lắng về điều anh vừa cho biết. Vậy anh hãy chọn lấy mười con lạc đà anh thích, rồi đánh đi theo đàn của anh, cầu mong Thượng đế phù hộ anh!

Tôi chọn riêng mười con. Sau khi cho chúng quay đầu lại, tôi xua chúng đi theo cho kịp đàn. Tôi không ngờ lại dễ thuyết phục được vị tu sĩ như vậy. Điều đó càng làm cho lòng tham của tôi tăng lên. Tôi tự cho là sẽ chẳng khó khăn gì mà không kiếm thêm được mười con nữa.

Thật thế, đáng lẽ cảm ơn ông ta về món quà quý báu ông ta vừa tặng, tôi lại nói:

- Thưa anh, vì quan tâm đến sự thanh thản của anh, tôi không thể từ biệt anh mà không xin anh hãy suy nghĩ thêm một lần nữa rằng, dắt dẫn một đàn lạc đà ba mươi con thật là một công việc khó khăn vất vả, đặc biệt với một người như anh, chưa từng quen công việc ấy. Anh sẽ cảm thấy thoải mái hơn nhiều nếu anh vui lòng ban cho tôi một ân huệ nữa, giống như vừa rồi. Điều

tôi vừa nói ra đó, anh cũng thấy là xuất phát từ chỗ làm cho anh vui lòng hơn là vì lợi ích của tôi. Bởi vậy, anh hãy sẽ bớt gánh nặng đi bằng cách giao thêm cho tôi mười con lạc đà nữa. Đối với một người đã quen việc như tôi, chăn một trăm con lạc đà cũng chẳng khác gì chăn một con.

Lời lẽ trên có hiệu quả như tôi mong muốn. Tu sĩ nhường cho tôi không chút do dự mười con lạc đà tôi xin thêm. Thế là ông ta chỉ còn có hai mươi con, trong khi tôi làm chủ những sáu mươi con chở đầy hàng, trị giá hẳn vượt quá của cải của nhiều nhà vua. Sau việc đó, hẳn là tôi phải lấy làm hài lòng mới phải.

Nhưng, tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, giống như một người mắc bệnh khát nước, càng uống vào càng thấy khát, tôi càng thấy nung nấu trong mình lòng ham muốn chiếm đoạt luôn hai mươi con lạc đà còn lại của người tu sĩ.

Tôi khẩn cầu, tôi xin xỏ, tôi làm phiền nhiều đủ điều, để thuyết phục tu sĩ cho thêm mười trong số hai mươi con lạc đà còn lại. Ông ta vui lòng nhượng bộ. Khi tu sĩ chỉ còn lại mỗi mười con, tôi ôm chặt lấy ông ta, tôi hôn hít, tôi vuốt ve, tôi van nài ông ta chớ có từ chối, mà hãy hết lòng gia ơn cho tôi, để cho tôi vĩnh viễn biết ơn ông. Cuối cùng ông ta nghe theo cho tôi hết, khiến cho tôi vui mừng không thể nào tả xiết. Ông ta còn nói thêm:

- Người anh em của tôi à, xin anh hãy sử dụng tốt những của cải ấy, hãy luôn nhớ là Thượng đế đã cho ta của cải để trở nên giàu có thì Người có thể lấy lại những của cải ấy, nếu chúng ta không biết dùng để cứu giúp người túng thiếu. Trời sinh ra những người nghèo là để cho những người giàu làm phúc và qua việc làm phúc của mình, được thưởng một phần thưởng lớn hơn nữa, khi sang thế giới bên kia.

Tôi mù quáng tới mức không thể nào học được tí gì từ lời khuyên hệ trọng như vậy. Không hài lòng thấy mình làm chủ tám mươi con lạc đà, và biết chúng chở cả một kho châu báu không thể nào ước lượng nổi, khiến cho tôi trở thành con người giàu có nhất thế gian, tôi chợt nghĩ rằng cái hộp nhỏ đựng cao mà tu sĩ đã lấy và đưa cho tôi xem hẳn là một vật quý báu hơn tất cả của cải mà tôi nhờ ông ta mới có được.

Tôi tự nhủ: chỗ người tu sĩ lấy, cái hộp, cũng như sự quan tâm của ông ta cố lấy cho được vật đó, làm cho ta có thể tin rằng nó chứa đựng một điều gì huyền bí đây. Vì vậy tôi quyết làm sao có được cái hộp. Tôi đến ôm ông ta, chào từ biệt, rồi quay lại nói:

- Nhân thế, anh định làm gì với cái lọ cao nhỏ ấy? Tôi thấy nó chẳng có giá trị gì, chẳng đáng cho anh mang đi. Xin hãy làm quà cho tôi. Hơn nữa một tu sĩ như anh, khước từ mọi sự phù hoa trên đời, chẳng cần dùng tới cao làm gì.

Giá mà Thượng đế phù hộ cho ông ta không cho tôi cái hộp ấy! Nhưng, khi đã ham muốn rồi thì không tự chủ được nữa. vốn khỏe mạnh hơn tu sĩ, tôi đã tính chuyện dùng sức mạnh cướp đoạt cho bằng được, để thỏa mãn mình hoàn toàn, cho khỏi ai nói rằng ông ta có mang đi được một vật nhỏ nhất nào lấy trong kho tàng, bất chấp cái ơn to tát tôi chịu ông ta.

Đã không từ chối, tu sĩ còn lấy ngay chiếc hộp từ trong người, đưa cho tôi một cách hết sức nhã nhặn:

- Cái hộp ấy đây, xin anh hãy cầm lấy, xin biểu để anh vui lòng. Nếu tôi có thể làm gì hơn nữa cho anh, xin anh hãy cho biết, tôi sẵn lòng làm ngay.

Tôi cầm chiếc hộp, cảm ơn và nói với tu sĩ:

- Anh thật hảo tâm quá, anh làm ơn cho tôi hết việc này đến việc khác. Xin anh hãy vui lòng cho biết tác dụng đặc biệt của thứ cao này.

- Tác dụng của nó thật lạ lùng và kỳ diệu. – tu sĩ đáp. Nếu anh bôi một chút cao này lên chung quanh mắt và trên mí mắt bên trái, trước mắt anh sẽ hiện ra tất cả các kho tàng châu báu giấu trong lòng đất. Nhưng nếu anh bôi như vậy lên mắt phải, anh sẽ bị mù.

Tôi muốn tự mình thực nghiệm hiệu quả đáng thán phục ấy. Tôi đưa cái hộp cho tu sĩ và nói:

- Xin anh hãy cầm lấy và bôi thử cao này lên mắt trái của tôi, anh thạo việc đó hơn tôi. Tôi sốt ruột muốn thực hiện ngay cái điều mà tôi cho là khó tin.

Tu sĩ vui lòng làm, ông ta bảo tôi nhắm mắt lại rồi bôi cao lên mắt trái. Ông làm xong, tôi mở mắt và cảm thấy ông ta đã nói sự thật. Quả vậy, tôi nhìn thấy cơ man nào là kho vàng, chứa đầy những của cải nhiều và đa dạng đến nỗi không thể nào tả lại thật chi tiết.

Nhưng, vì phải đưa tay che mắt phải, và như vậy cũng mỗi, tôi yêu cầu tu sĩ hãy bôi cao lên mắt phải cho tôi luôn.

- Tôi sẵn sàng làm việc đó, – tu sĩ nói – nhưng anh cần phải nhớ cho rằng tôi đã nói trước với anh, nếu anh bôi lên mắt phải thì sẽ bị mù ngay tức khắc. Đặc tính của thứ cao này là như vậy, anh phải nhớ kỹ điều ấy.

Đã không tin người tu sĩ nói thật, tôi còn nghĩ rằng chắc có một điều huyền diệu chi đây mà ông ta muốn giấu mình. Mỉm cười, tôi nói:

- Thừa anh, tôi thấy rõ là anh muốn lừa tôi chơi. Một lọ cao mà lại có hai tác dụng trái ngược nhau như vậy thì quả là không tự nhiên chút nào.

- Sự thực là như vậy đó, – tu sĩ đáp, – thế có Thượng đế chứng giám: anh nên tin lời tôi, tôi không hề biết nói dối.

Tôi không muốn tin lời tu sĩ, dù ông ta nói rất đúng đắn. Lòng tham không

đáy muốn được ngắm nghía thỏa thích tất cả các kho báu trên thế gian, và sẽ còn được hưởng như vậy mỗi lần mình cần, khiến cho tôi gác ngoài tai mọi lời khuyên can của ông ta. Mà điều ấy lại quá đúng sự thật, như sau này tôi đau đớn nhận ra.

Vốn sẵn định kiến tôi còn đi tới chỗ cho rằng, nếu chất cao này boils lên mắt trái có đặc tính cho anh nhìn thấy được một kho tàng trên thế giới, thì boils lên mắt phải, biết đâu nó chẳng cho phép ta được sở hữu tất cả các kho tàng ấy. Vì nghĩ như vậy, tôi một mực thôi thúc tu sĩ hãy boils lên mắt phải, nhưng ông ta cứ khăng khăng từ chối.

- Người anh em ạ, – tu sĩ nói – sau khi làm giúp anh một việc lợi ích lớn như vừa rồi, tôi không thể nào đang tâm làm cho anh một điều tệ hại dường ấy. Anh hãy suy nghĩ xem, có điều bất hạnh nào lớn hơn là bị mù lòa. Xin anh chớ ép tôi phải làm cho anh một việc mà rồi anh sẽ hối hận suốt đời.

Tôi cứng đầu cứng cổ cho tới cùng.

- Thừa anh, – tôi nói với ông ta một cách cứng rắn -xin anh chớ nên suy nghĩ về tất cả những khó khăn mà tôi có thể sẽ gặp, như anh vừa nói với tôi. Cho đến bây giờ anh đã hào hiệp thỏa mãn tất cả những gì tôi xin, anh lại muốn để tôi chia tay anh mà không hài lòng vì một điều nhỏ nhặt thế sao? Nhân danh Thượng đế, xin anh hãy ban cho tôi một ân huệ cuối cùng. Dù cho việc gì xảy ra chẳng nữa, tôi cũng sẽ không trách anh, mọi lỗi lầm chỉ có tôi gánh chịu tất.

Tu sĩ tìm đủ mọi cách thoái thác, nhưng thấy tôi sắp giở trò thô bạo, ông nói:

- Anh đã nhất quyết như vậy, thôi thì đành phải chiều lòng anh.

Thế là ông ta lấy thứ cao tai hại ấy boils lên mắt phải mà tôi vẫn nhắm. Nhưng hỡi ôi! Khi tôi mở mắt ra thì cả hai con mắt đều chỉ thấy có bóng đen dày đặc. Tôi đã trở nên mù lòa như bề hạ thấy đây.

- Chao ôi! Lão tu sĩ khôn nạn! – Lúc ấy tôi thét lên -Điều anh nói trước với ta quả là đúng sự thật! Hỡi sự tò mò tai hại, hỡi lòng tham không đáy, chúng mi đã xô ta xuống vực thẳm bất hạnh đến thế nào? – Tôi nói thế. Bây giờ tôi biết rằng tự mình đâm xuống vực rồi, nhưng thưa ông anh thân mến, – tôi lại nói cùng tu sĩ – anh vốn bác ái và tốt bụng biết bao, sau bấy nhiêu điều kỳ diệu anh cho tôi rõ, chẳng nhẽ anh không có cách gì làm cho tôi sáng mắt trở lại ư?

- Đố khôn nạn! – Tu sĩ đáp lời tôi. – Mày không tránh khỏi tai họa, đó không phải tại ta. Mày có được những gì mày đáng hưởng, chính sự mù lòa của tâm hồn đã dẫn tới sự mù lòa của thể xác mày. Đúng là ta có biết được lắm sự huyền bí, mày đã có thể thấy được điều đó qua thời gian ngắn ngủi

gặp gỡ ta. Nhưng, ta chưa biết được điều huyền diệu có thể làm cho mắt mày sáng trở lại. Hãy cầu xin Thượng đế, chỉ có Thượng đế là Người đã ban cho mày những của cải mày không đáng được hưởng, và Người đã lấy lại. Rồi Người sẽ qua bàn tay của ta mà giao lại cho những ai không quá ngu muội như mày.

Tu sĩ không nói thêm với tôi nữa, và tôi cũng chẳng có gì để đáp lại. Ông ta để tôi lại một mình, hoang mang và đau khổ không thể nào tả nổi. Sau khi lửa đàn lạc đà tám mươi con của tôi lại, ông đuổi chúng đi tiếp về Banxôra.

Tôi van ông ta chớ có bỏ tôi đi trong tình trạng thảm thương ấy, và ít ra cũng giúp cho tôi đến khi gặp đoàn lũ hành đầu tiên. Nhưng tại ông ta như điếc trước những khẩn cầu và kêu khóc của tôi. Thế là mất đôi mắt và mất tất cả những gì tôi có trên đời. Có lẽ tôi đã chết vì buồn và vì đói, nếu ngày hôm sau không có một đoàn lũ hành từ Banxôra trở lại, rủ lòng thương, nhận mang tôi trở về Bátđa.

Từ một địa vị có thể sánh vai cùng các ông hoàng, nếu không phải bằng sức mạnh và quyền uy, thì ít ra cũng bằng của cải và sự huy hoàng, bỗng chốc trở thành trắng tay và phải đi ăn mày. Thế là tôi buộc phải hành khất như tôi vẫn làm từ bấy đến nay. Nhưng, để đền tội trước Thượng đế, đồng thời tôi tự đặt ra hình phạt là cầu xin bất cứ người nào đã có lòng thương mà bố thí, thì hãy đánh cho một cái tát.

Tàu Đấng thống lĩnh các tín đồ, đó là căn nguyên hôm qua đã làm cho Người lấy làm lạ và khiến Người bất bình, một lần nữa, cúi xin Người tha thứ cho. Với tư cách là kẻ nô lệ của Người, xin Người cho phép tôi được tiếp tục chịu hình phạt mà tôi đáng phải chịu. Nếu Người hạ cố phán xét hình phạt mà tôi tự đặt ra cho mình, tôi tin rằng Người thấy nó còn quá nhẹ, còn thấp hơn nhiều so với tội lỗi của tôi.

Khi người mù thuật lại xong câu chuyện của lão, hoàng đế phán:

- Baba Apđanla, tội của lão to thật đấy, nhưng Thượng đế đã cho lão thấy ra tội và tự mình chịu hình phạt trước mắt mọi người cho đến bây giờ. Thế là đủ. Từ nay trở đi, lão phải tự xử phạt lấy mình, phải luôn luôn cầu xin Thượng đế tha tội cho. Và để cho lão yên tâm sám hối, từ nay ta sẽ bố thí cho lão mỗi ngày bốn *drasmo* bạc bằng tiền riêng của ta, mà tể tướng đây sẽ giao cho. Như vậy, lão chớ vội về ngay, mà hãy chờ để tể tướng thực hiện mệnh lệnh.

Nghe lời hoàng đế phán, Baba Apđanla quỳ lạy Người, rồi đứng lên tạ ơn và cầu chúc nhà vua hạnh phúc và phồn vinh.

Hài lòng với câu chuyện của Baba Apđanla và tu sĩ, hoàng đế quay sang chàng trai trẻ đã hành hạ con ngựa cái, hỏi chàng tên họ là gì, như từng hỏi

lão mù. Chàng ta đáp tên là Xi đi Numan.

Thế là hoàng đế bảo:

- Xi đi Numan à, trong đời ta đã nhiều lần xem quần ngựa, và nhiều khi tự ta cũng làm việc đó, nhưng chưa bao giờ thấy ai làm tới mức dã man như anh hành hạ con ngựa cái của anh ngày hôm qua, trước mắt nhiều người xem. Họ rất bất bình về chuyện ấy. Ta cũng bực mình không kém, suýt nữa thì ta xuất đầu lộ diện, trái với ý muốn của mình, để chấm dứt chuyện lộn xộn đó.

Tuy nhiên, ta trông anh không có vẻ là một con người dã man, độc ác. Ta còn nghĩ rằng anh làm như vậy không phải là không có nguyên do. Ta còn biết hôm qua không phải là lần đầu, mà đã khá lâu rồi, ngày nào anh cũng hành hạ con ngựa cái của anh như vậy. Vì vậy ta sai đòi anh đến đây để nói cho ta rõ căn cứ vì đâu. Nhớ là phải nói đúng sự thật, không được giấu giếm điều gì.

Xi đi Numan hiểu ra ngay hoàng đế muốn gì ở mình. Nghĩ đến câu chuyện làm cho anh đau khổ, mặt anh ta biến sắc nhiều lần, và mặc dù cố trấn tĩnh, vẫn tỏ ra hết sức bối rối. Thế nhưng không thể không trình bày nguyên do với hoàng đế. Bởi vậy, trước khi cất lời, anh phủ phục trước ngai vàng. Sau khi đứng lên, anh định bắt đầu nói, nhưng vẫn như thất thần, không phải do sự uy nghiêm của hoàng đế mà lần đầu anh được ra mắt, mà bởi buồn rầu vì câu chuyện sắp phải kể ra.

Vốn rất nôn nóng đối với việc thực hiện những mệnh lệnh mình truyền, lần này hoàng đế vẫn không tỏ ra chút gì bực bội trước thái độ im lặng của Xi đi Numan. Vua thấy rõ, hoặc là anh ta sợ quá mà mở miệng không ra lời, hoặc là lo lắng vì giọng vua vừa truyền, hoặc nữa, trong câu chuyện sắp kể ra, có những điều anh muốn giấu đây.

Để anh ta yên tâm, hoàng đế nói:

- Xi đi Numan à, hãy bình tĩnh, hãy làm như anh đang nói với một người bạn xin được nghe câu chuyện của anh, chứ không phải tâu trình hoàng đế. Nếu trong câu chuyện, có điều gì làm cho anh đau khổ, hoặc anh nghĩ là có thể xúc phạm tới ta, thì ngay từ bây giờ ta tha tội trước cho anh. Vậy thì, anh chớ có lo âu về bất cứ điều gì, hãy nói với ta một cách cởi mở, chẳng cần che giấu, như nói với một người bạn thân nhất của anh vậy.

Yên tâm bởi câu nói vừa rồi của hoàng đế, Xi đi Numan cất lời:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, bất kỳ người nào được tới gần Người, được vào chôn uy nghiêm này cũng khó tránh khỏi run sợ. Tuy nhiên, tôi cảm thấy có đủ sức trấn tĩnh, để không vì nỗi run sợ ấy mà không mở miệng nói nên lời. Không dám cho mình là một con người hoàn hảo, tôi cũng

không xấu xa đến nỗi dám vi phạm luật lệ khiến Người quở trách, cho dù có thiện ý đến đâu, chắc tôi vẫn sẽ khó tránh khỏi phạm tội vì ngu muội. Trong trường hợp ấy, tôi không dám tin tưởng Người sẽ đại xá cho, mà ngược lại, còn tin là sẽ bị trừng phạt công minh nếu mình đáng chịu tội.

Xin thú thật, cách thức tôi hành hạ con ngựa cái của tôi ít lâu nay, như Người đã chứng kiến, là lạ lùng, độc ác và nêu gương rất xấu, nhưng hy vọng Người sẽ thấy việc đó có căn nguyên, Người sẽ thương hại tôi hơn là muốn trừng phạt. Nhưng tôi không dám giãi đầu quá dài dòng để Người phải chờ đợi. Sau đây là chuyện đã xảy ra:

CHUYỆN XỈDI NUMAN

-Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – Xỉdi Numan nói – tôi xin miễn tâu về dòng dõi của tôi, nó chẳng có gì rạng rỡ đáng để Người lưu ý. Còn về phần gia sản, ông cha tôi nhờ làm ăn cần kiệm, để lại cũng khá khá đủ cho tôi sống như một người lương thiện, không có tham vọng, cũng chẳng cần nhờ vả tới ai.

Trong hoàn cảnh đó, điều duy nhất tôi ước ao, để cho hạnh phúc của mình trọn vẹn, là kiếm được một người vợ đáng yêu, cho mình thương yêu hết lòng, và mong sao người đó cũng yêu thương mình thật sự để cùng nhau chia sẻ cuộc sống ấm êm. Nhưng Thượng đế đã không ban cho điều tôi mong ước. Ngược lại, đã cho tôi một người vợ, mà ngay hôm sau ngày cưới, đã thử thách lòng kiên nhẫn của tôi. Chẳng phải tôi mà bất kỳ ai ở vào địa vị này cũng không chịu đựng nổi.

Bởi vì, theo phong tục nước ta, đàn ông lấy vợ là cưới người đàn bà chưa hề trông thấy mặt cũng như chẳng quen biết gì. Bệ hạ chẳng lạ gì, một người chồng chẳng có gì đáng để phàn nàn khi nhìn thấy người vợ rơi vào nhà mình không đến nỗi xấu tới mức làm cho người ta kinh tởm, cũng không đui què mẻ sứt; ngược lại giá nàng có thêm chút đức hạnh, trí thông minh và ăn ở biết điều, như vậy cũng khá dĩ bù cho một vài khuyết tật nào đó về thể chất mà cô ta có thể có.

Lần đầu tiên nhìn thấy mặt vợ tôi không che mặt, khi cô ta được dẫn vào nhà sau hôn lễ thông thường tôi rất mừng là đã không bị người ta lừa dối khi tán dương sắc đẹp của thị. Tôi thấy cô ta vừa ý mình.

Ngày hôm sau tới tân hôn, người nhà dọn cho chúng tôi một bữa ăn trưa có nhiều món. Vào phòng ăn, không trông thấy vợ đâu, tôi cho gọi. Sau khi bắt tôi chờ khá lâu, thị mới đến. Tôi cố không lộ vẻ sốt ruột, hai vợ chồng ngồi vào mâm.

Tôi bắt đầu ăn cơm với một cái thìa như thường lệ. Vợ tôi ngược lại, không dùng thìa như tất cả mọi người vẫn dùng, lại rút từ trong túi áo ra một cái ống đựng một vật gì trông giống như cái ngoáy tai, rồi bắt đầu dùng cái vật đó khều từng hạt cơm một đưa lên miệng, bởi vì cái ngoáy tai thì chỉ có thể xúc từng hạt cơm một mà thôi.

Ngạc nhiên về cách ăn ấy, tôi bảo thị:

- Amin à, – Amin là tên thị – mình học được cách ăn cơm ấy ở nhà hay sao? Mình làm như vậy bởi vì mình ăn ít, hay là muốn đếm từng hạt để cho bữa nào cũng không ăn nhiều quá bữa nào? Nếu mình ăn như vậy là để tiết kiệm hoặc để dạy cho tôi chớ có tiêu hoang, thì xin chớ có lo lắng gì về chuyện ấy; tôi quả quyết là chẳng phải lo nhà ta sạt nghiệp vì miếng ăn đâu.

Nhờ ơn Thượng đế, nhà cũng đủ ngày hai bữa, chẳng phải nhịn thiếu thức gì. Amin thân yêu ạ, xin mình chớ có dè sẻn quá, hãy ăn như anh ăn đây.

Về mặt khả ái của tôi khi ngỏ những lời trách móc ấy đáng để cho thị đáp lại một lời nhã nhặn. Nhưng, đã không hề rằng nói một lời, thị vẫn tiếp tục ăn theo cách cũ. Để làm cho tôi phiền lòng hơn nữa, thỉnh thoảng thị mới khều một hạt cơm, và đáng lẽ dùng các món khác cùng với tôi, lâu lâu thị mới dám nhai một tí vụn bánh mì, bằng phần một con chim sâu ăn vậy.

Sự cứng đầu của thị làm cho tôi điên tiết. Tuy nhiên, để làm thị vui lòng và tha thứ cho thị, tôi nghĩ tại thị chưa quen dùng bữa cùng với đàn ông, càng chưa bao giờ ăn chung mâm với một ông chồng. Có lẽ tại người ta vẫn dạy con gái về nhà chồng ăn uống phải khoan thai nhỏ nhẹ; rồi do quá ngỡ ngàng mà thị làm quá mức đi chăng; hoặc là, nếu bây giờ không ăn, là để khi còn lại một mình sẽ ăn cho thoải mái. Vì nghĩ như vậy cho nên tôi không nói gì thêm nữa có thể làm cho thị lo buồn, cũng như không để lộ cho thị thấy mình có chút chi không hài lòng. Xong bữa, tôi từ giã với vẻ như hoàn toàn không có điều gì đáng bực mình, tôi để thị ở lại một mình và đi ra.

Đến bữa cơm chiều, lại vẫn như thế. Ngày hôm sau và trong tất cả những bữa chúng tôi ăn chung với nhau, thị đều xử sự theo một cách đó. Tôi thấy rõ không thể nào một người đàn bà có thể sống với tỷ tẹo thức ăn như vậy, chắc có điều gì bí ẩn đây mà tôi chưa biết. Điều đó khiến tôi làm bộ giả vờ. Tôi làm như không để ý tới những hành động của thị, với niềm hy vọng là lâu dần rồi thị sẽ quen sống với chồng theo như cách tôi mong muốn. Nhưng tôi chỉ hy vọng hão, và chẳng cần lâu la gì đã biết chắc như vậy.

Một đêm, Amin tưởng tôi ngủ say, thị nhẹ nhàng đứng dậy. Tôi trông thấy thị mặc quần áo thật cẩn thận, để khỏi gây tiếng động làm tôi thức giấc. Không hiểu có việc gì khiến thị bỏ dở giấc ngủ, tôi vờ ngủ thật say để dò xem thị định làm gì. Mặc áo quần xong, một lát sau thị ra khỏi buồng, cũng không hề gây nên một tiếng động nhỏ.

Thị vừa ra khỏi, tôi cũng trở dậy khoác chiếc áo lên vai. Nhìn xuống sân, qua cửa sổ tôi kịp trông thấy thị mở cổng thông với đường, và đi ra.

Tôi chạy vội ra cổng mà thị chỉ khép hờ. Dưới ánh trăng, tôi đi theo thị cho đến khi trông thấy thị đi vào một nghĩa địa không xa nhà chúng tôi. Tôi đi lần theo đường tới nghĩa địa, rất cẩn thận để thị khỏi trông thấy, và nhận ra Amin đang sánh bước cùng một con tinh.

Người hản chẳng còn lạ gì, những con tinh dù đực hay cái đều là loài yêu quái lang thang trong đồng vắng. Thông thường chúng ẩn náu trong các ngôi nhà đổ nát, chực có ai đi ngang qua thì vồ, giết chết để ăn thịt. Những khi không bắt được mồi, ban đêm chúng lần vào các nghĩa địa, quật các xác chết lên để ăn.

Tôi cực kỳ kinh hoàng khi trông thấy vợ tôi đi cùng một con tinh ấy. Chúng quật một ngôi mộ vừa mới chôn ban ngày. Con tinh kia xả cái thây ra thành nhiều mảnh, rồi nó và vợ tôi ngồi bên miệng hố, cùng ăn với nhau. Trong khi dùng một bữa ăn độc ác và vô nhân đạo đến thế, chúng vẫn chuyện trò thản nhiên như không. Nhưng tôi đứng quá xa, không nghe rõ chúng nói với nhau những gì, chắc hẳn cũng lạ lùng như bữa ăn của chúng, mà mỗi lần nghĩ lại tôi hãy còn rùng mình.

Sau khi dùng xong bữa ăn kinh tởm ấy, chúng ném cái xác xuống hố, lấp đất đi. Tôi để mặc chúng làm, vội vã trở về buồng ngủ của mình. Khi vào nhà, tôi chú ý để cánh cổng vẫn khép hờ như lúc này đi ra, rồi trở về buồng ngủ, lên giường nằm, giả vờ ngủ. Lát sau, Amin về. Vẫn không hề gây tiếng động, thị cởi áo quần rồi lại lên giường nằm với niềm vui, tôi nghĩ thế, đã làm xong việc của thị mà chồng chẳng hay biết tí gì.

Đầu óc bị ấn tượng sâu sắc về hành động quá dã man, quá bỉ ổi vừa chứng kiến, và kinh tởm thấy mình buộc phải nằm bên cạnh kẻ vừa làm việc đó, khiến cho tôi trần trọc hồi lâu. Cuối cùng tôi cũng ngủ được, nhưng là một giấc ngủ chập chờn, vừa nghe có tiếng rao gọi tín đồ đi cầu kinh lúc tảng sáng, tôi đã tỉnh dậy. Tôi mặc áo quần đi tới thánh đường.

Sau lễ cầu kinh, tôi ra khỏi thành phố và lang thang suốt cả buổi sáng trong các khu vườn, suy nghĩ phương sách buộc vợ tôi phải thay đổi lối sống của thị. Lúc đầu tôi cũng nghĩ tới chuyện cưỡng bức, nhưng rồi sau đó gạt đi, và định bụng chỉ dùng con đường mềm mỏng, để làm cho thị từ bỏ sự thích thú khôn nặn ấy đi. Suy nghĩ miên man, tôi bất giác quay trở về đến nhà, đúng vào giờ ăn trưa.

Vừa trông thấy tôi, Amin sai dọn cơm. Chúng tôi cùng ngồi vào bàn. Thấy thị vẫn tiếp tục ăn theo lối khều từng hạt cơm một, tôi cố hết sức từ tốn bảo thị:

- Amin à, mình đã thấy là ngày tiếp sau hôn lễ của chúng ta, tôi ngạc nhiên xiết bao khi thấy mình chỉ dùng có cơm, ăn quá ít và theo cách mà bất cứ ông chồng nào không phải tôi cũng lấy làm bất bình. Mình cũng đã thấy là tôi chỉ nói cho mình rõ tôi không vui vì việc ấy và mời mình hãy dùng các món thịt mà người nhà đã xào nấu nhiều cách khác nhau, cố cho hợp khẩu vị của mình. Từ hôm ấy, mình hẳn thấy bữa cơm của chúng ta lần nào cũng được nấu nướng như vậy, lại còn thay đổi vài món để cho đỡ nhàm. Thế nhưng mọi lời trách cứ của tôi đều vô ích. Cho đến hôm nay, mình vẫn giữ cách ăn giống như trước và vẫn làm phiền lòng tôi như cũ. Tôi đã im lặng, vì không muốn ép buộc mình. Tôi rất tiếc nếu điều tôi nói ra hôm nay có làm cho mình khó chịu, nhưng, Amin à, tôi van mình hãy nói cho tôi hay, những thứ thịt dọn ở đây chẳng ngon hơn thịt xác chết hay sao?

Tôi chưa nói xong thì Amin đã hiểu ra là hôm qua tôi đã theo dõi thị, thị liền nổi giận như điên, quá sức tưởng tượng. Mặt thị đỏ bừng như lửa, mắt gần như trời ra khỏi đầu, miệng thì sùi bọt dãi.

Cảnh tượng thật kinh khủng ấy làm cho tôi hoảng hốt. Tôi ngồi trơ như phỗng, không còn đủ sức tự vệ, chống lại sự độc ác thị đang suy tính để làm hại tôi. Trong cơn giận dữ điên cuồng ấy, thị tiện tay cầm một lọ nước, nhúng mấy ngón vào, làm bầm qua kẽ răng những tiếng tôi không nghe rõ, rồi hắt nước vào mặt tôi và nói giọng giận dữ:

- Đồ khốn nạn! Hãy chịu sự trừng phạt về tính tò mò của mày. Hãy biến thành chó!

Amin, mà tôi không hề biết là phù thủy, vừa nói dứt mấy lời ma quái ấy, thì đột nhiên tôi thấy mình đã hóa thành chó. Vừa kinh ngạc vừa bất ngờ, không hiểu sao mình có thể hóa thân một cách đột ngột như vậy, khiến cho tôi không kịp nghĩ tới chuyện chạy trốn, thế là thị có đủ thời giờ vác gậy hành hạ tôi. Thực tế, thị đánh tôi ác đến nỗi tôi không hiểu sao mình lại chẳng chết ngay tại chỗ. Tôi chạy ra sân, tưởng tránh được cơn điên của thị, nhưng thị vẫn tiếp tục đánh một cách điên cuồng như trước, cho dù tôi có khéo léo luôn lách đến đâu, thị vẫn nhanh tay hơn, cuối cùng tôi vẫn chịu ăn nhiều gậy nữa. Quá mệt vì đuổi theo tôi và thất vọng vì chưa giết chết được tôi như thị muốn, cuối cùng thị nghĩ ra một cách khác để hại tôi. Thị mở hé một cánh cửa thông ra đường, hòng kẹp chết khi tôi lao qua đó để thoát thân.

Mặc dù là chó, tôi vẫn đoán ra ý đồ độc địa của thị, những lúc nguy biến người ta thường nghĩ ra cách bảo toàn tính mạng, tôi quan sát thái độ và cử chỉ của thị, lựa lúc bất thần đánh lừa được thị và lao qua cửa khá nhanh, không để cho thị kịp làm việc độc ác. Tôi chạy thoát được tuy có bị chẹt cụt mất một mẩu đuôi.

Đau quá, tôi vừa sửa vừa kêu ăng ẳng và chạy dọc theo đường làm chó hàng phố đồ ra, đuổi cắn. Để tránh chúng đuổi riết, tôi lao vào quán của một người chuyên bán đầu, lưỡi và chân cừu, trốn ở đấy.

Người chủ lúc đầu thương hại, ông bênh vực tôi, ông xua đi nơi khác những con chó đang đuổi theo và chực xông vào quán của ông. Về phần tôi, việc lo lắng đầu tiên là chui vào một xó để cho những con chó kia không trông thấy. Tuy nhiên, tôi vẫn không tìm được ở đây nơi trú ẩn và sự che chở mình hy vọng. Ông chủ quán ấy là một người mê tín tới cùng cực, cho rằng chó là loại vật bản thiêu, nhờ có con chó nào chạy qua chạm vào áo quần, là họ giặt giũ đến chết mới thôi. Sau khi những con chó đuổi cắn tôi đã tản mát rồi, ngay trong ngày hôm đó, ông ta tìm đủ mọi cách xua tôi đi, nhưng tôi nấp thật kín, ông tìm không ra. Thế là đêm hôm ấy tôi ngủ lại trong quán, mặc cho ông chủ không bằng lòng. Tôi cần được nghỉ ngơi như vậy để lấy

lại sức sau khi bị Amin hành hạ.

Để khỏi làm bệ hạ chán tai với những chi tiết không quan trọng, tôi xin phép không nói nhiều về những suy nghĩ chán chường khi thấy mình bị hóa thân, chỉ xin kể là sáng hôm sau, người chủ quán đi mua hàng, đội trên đầu mang về nào đầu, nào lưỡi, nào chân cừ, sau khi ông mở cửa quán đang bày hàng ra bán, tôi bò ra khỏi xó của mình và định bỏ đi. Vừa lúc ấy rất nhiều chó trong hàng phố, bị mùi thịt cừ thu hút, tới chầu chực quanh quán, hy vọng ông chủ hiệu cho một miếng. Tôi lẫn vào trong đám ấy, cùng với chúng giương bộ mặt van nài.

Ông chủ quán, ít ra là tôi nghĩ vậy, chắc thấy rằng kể từ khi chạy nấp vào trong quán của ông, tôi chưa được ăn miếng nào, ông chú ý quang cho tôi nhiều lần hơn và những miếng to hơn những con chó khác.

Sau khi ông đã làm xong việc bố thí hào hiệp ấy, tôi định trở vào trong quán; vừa nhìn vừa vẫy đuôi cố làm cho ông biết tôi cầu xin ông ta ban thêm cho đặc ân ấy nữa, nhưng ông một mực không chịu, tay cầm lăm lăm cái gậy, vẻ mặt tàn nhẫn tới mức tôi đành phải lánh xa.

Đi qua mấy nhà, tôi dừng lại trước một cửa hiệu bán bánh mì. Ông chủ hiệu khác với người buôn đầu cừ lúc nào cũng buồn rười rượi, ông này trông có vẻ vui tươi dễ tính, và quả đúng như vậy thật. Ông ta đang ăn sáng. Mặc dù tôi trông không có vẻ đói ăn, ông vẫn ném cho một mẩu bánh. Trước khi vò miếng bánh, như mọi con chó vẫn thường làm, tôi nhìn ông ta gật đầu vẫy đuôi biểu lộ lòng biết ơn. Ông ta mỉm cười, như thể thú vị với cung cách lịch sự của tôi. Tôi không cần ăn. Tuy nhiên, để cho ông ta vui lòng, tôi vẫn ngọam mẩu bánh và nhai khá chậm, cho ông ta thấy tôi ăn chỉ vì kính trọng ông ta. Nhận ra tất cả những điều đó, ông chịu cho tôi ở lại trong hiệu. Tôi ngồi quay lưng ngó ra đường, để tỏ ý rằng lúc này tôi chẳng xin xỏ gì ngoài sự che chở của ông.

Ông ta chấp nhận điều đó, hơn nữa còn vuốt ve khiến cho tôi yên tâm vào trong nhà. Tôi bước vào với cung cách tỏ cho ông ta thấy, sở dĩ tôi dám làm như vậy là vì đã được phép của chủ nhà. Ông ta không cho điều tôi làm là xấu, ngược lại, còn chỉ cho một nơi nằm mà không làm vướng chân ông ta. Thế là tôi đến chiếm chỗ ấy và giữ luôn nơi đó trong suốt thời gian ở trong cửa hiệu ông.

Ở đó, lúc nào tôi cũng được đối xử tử tế. Chẳng có lúc nào ông ăn sáng, ăn trưa hoặc ăn tối mà tôi không được cho phần đầy đủ. Về phần mình, tôi quần quýt, tôi trung thành với ông ta hết mức để biểu lộ lòng biết ơn.

Mất tôi lúc nào cũng dán vào ông, ông ta vừa bước một bước là đã có tôi ở đằng sau, sẵn sàng đi theo. Tôi cũng làm như vậy những khi ông có thời giờ ra phố vì công việc. Càng thấy ông ta thú vị về chuyện tôi đi theo tôi càng cố

gắng theo sát; có khi, cần đi ra ngoài phố, chưa tỏ dấu hiệu gì để tôi có thể biết, ông đã gọi: “Con Vàng đâu.” Vàng là tên ông đặt cho tôi.

Nghe gọi, từ chỗ nằm tôi lao ra ngoài đường, tôi nhảy nhót, tôi quần vờn ngay trước cửa, và chỉ ngừng lại lúc ông bước ra. Từ bấy tôi theo sát chân ông, lúc đi đằng sau, lúc chạy lên trước, thỉnh thoảng quay lại nhìn để tỏ vẻ vui mừng.

Tôi ở trong hiệu ấy, chợt một hôm có một người đàn bà đến mua bánh. Trong lúc trả tiền bà ta để lẫn một đồng giả giữa những đồng tiền thật. Người bán bánh mì nhận ra, nhặt đồng tiền giả trả lại, đòi đồng khác.

Người đàn bà không chịu đổi, bảo đồng tiền ấy là tiền thật. Ông chủ của tôi thì cho là trái lại; trong lúc lời qua tiếng lại, ông ta bảo người đàn bà:

- Đồng tiền này giả, rõ quá mười mươi, đến mức tôi quả quyết là con chó của tôi kia, nó là một con vật đấy, nhưng nó cũng chẳng nhầm. Nào con Vàng đâu, hãy đến đây! – Ông ta lớn tiếng gọi tôi.

Nghe gọi, tôi nhẹ nhàng nhảy phốc lên quầy. Người chủ hiệu ném đồng tiền lên quầy, bảo:

- Mà xem có đồng nào giả không nào?

Tôi nhìn tất cả các đồng tiền, rồi đưa chân tách riêng đồng tiền giả ra khỏi đồng, và đưa mắt nhìn chủ, như chỉ cho ông ta thấy.

Ông chủ hiệu bánh mì tưởng gọi tôi ra làm chứng là để quả quyết mình phải, và cũng tưởng nói đùa thôi, cực kỳ ngạc nhiên thấy tôi lấy ra đồng tiền giả, không chút chần chừ. Người đàn bà, thấy quả đúng là đồng tiền giả không thể nói gì hơn, buộc phải trả một đồng khác. Bà ta vừa ra khỏi, ông chủ gọi những người hàng xóm lại, kể cho họ nghe chuyện vừa xảy ra, lại còn quá lời khen tài nghệ của tôi.

Các ông hàng xóm muốn làm thử. Tất cả các đồng tiền giả được họ trộn lẫn đồng tiền thật và trả cho tôi, không có đồng nào là tôi không tách ra được.

Về phần mình, người đàn bà cũng không quên thuật lại cho những người quen biết gặp trên đường nghe câu chuyện vừa xảy ra. Tiếng đồn đại về tài tôi phân biệt được tiền giả với tiền thật chẳng bao lâu lan truyền không những mấy nhà hàng xóm, mà cả khu phố, thậm chí dần dần lan khắp kinh thành nữa.

Thế là tôi phải bận bịu suốt ngày. Phải làm vui lòng những người khách đến mua bánh, tỏ cho họ thấy tôi làm được những gì. Mọi người kéo đến, cả những người ở khu phố xa xôi nhất trong kinh thành, để thử tài của tôi. Sự nổi tiếng ấy làm cho ông chủ làm ăn thêm khấm khá, có khi không đủ hàng

để bán. Ông ta nói thật với hàng xóm và bạn bè rằng đôi với ông ta, tôi đáng giá một kho vàng.

Chút tài mọn của tôi cũng làm nảy sinh những người ghen ghét. Người ta giương bẫy để bắt cóc tôi, buộc ông chủ phải để ý trông chừng. Một hôm, một người đàn bà, nghe tiếng đồn có chuyện mới lạ, cũng đến mua bánh như những người khác. Hồi ấy, chỗ nằm thông thường của tôi đã là trên quầy tiền. Bà ta ném lên đó sáu đồng bạc, trong số ấy có một đồng giả. Tôi tách đồng bạc giả ra khỏi các đồng khác rồi đặt chân lên đồng bạc ấy, tôi nhìn bà như thể để hỏi có phải đồng giả đây chẳng.

- Đúng đấy, – người đàn bà nhìn tôi và nói – đồng ấy là tiền giả, mày đã không nhầm.

Bà tiếp tục nhìn và ngắm nghía tôi hồi lâu, đầy thán phục, trong khi tôi cũng nhìn lại bà. Bà trả tiền mua bánh xong, trước khi ra khỏi cửa, bà ra hiệu bảo tôi đi theo đường cho chủ hiệu biết.

Tôi vẫn luôn chú ý tìm cách tự giải thoát cho mình ra khỏi một sự hóa thân kỳ cục. Tôi chú ý thấy người đàn bà xem xét tôi rất kỹ lưỡng. Tôi nghĩ hẳn bà ta có biết ít nhiều về sự bất hạnh và tình trạng khốn khổ của mình, và tôi đã không nhầm. Tuy nhiên, tôi vẫn để bà đi ra, chỉ nhìn theo thôi. Đi được vài ba bước, bà quay lại thấy tôi vẫn đứng im đưa mắt nhìn theo, bà lại ra hiệu bảo tôi đi với bà.

Thế là, chẳng suy nghĩ gì hơn nữa, thấy người chủ hiệu đang lo cạo lò chuẩn bị làm mẻ bánh khác, không chú ý đến mình, tôi nhảy xuống khỏi quầy, đi theo người đàn bà, và thấy bà có vẻ vui mừng về việc ấy.

Đi được một quãng thì về đến nhà. Bà mở cổng, sau khi bước vào, bà bảo tôi:

- Hãy vào đi, mày sẽ không phải hối hận vì đã đi theo ta.

Khi tôi đã vào, bà đóng cổng lại và dẫn tôi lên phòng của bà, ở đây có một người con gái rất đẹp đang thêu. Đó là con gái của người đàn bà đầy từ tâm đã đưa tôi về. Cô ta tài giỏi và thông thạo về pháp thuật, chẳng bao lâu tôi nhận ra điều đó.

Bà mẹ bảo cô:

- Con à, mẹ dẫn con chó trứ danh của ông chủ hiệu bánh mì về kia, nó biết phân biệt bạc giả với bạc thật. Con còn nhớ mẹ từng nói ý nghĩ của mẹ, khi lần đầu tiên nghe tiếng đồn; mẹ cho đây có thể là một con người bị hóa thành chó do một sự độc địa nào đó. Hôm nay mẹ cố tình đến mua bánh ở hiệu ấy. Mẹ đã tự mắt trông thấy đúng như lời người ta đồn, và mẹ đã khéo léo rủ con vật hiếm hoi, kỳ quan của kinh thành Bátđà ấy cùng về. Con nghĩ thế nào? Mẹ có nhầm chẳng?

- Mẹ chẳng nhầm đâu, thưa mẹ, – cô gái đáp – con sẽ làm cho mẹ thấy ngay bây giờ.

Cô gái đứng lên, cầm một vò đầy nước, nhúng tay vào, rồi vẩy vào tôi mà nói:

- Nếu mi sinh ra đã là chó, thì hãy cứ là chó; nhưng nếu mi sinh ra là người, thì bởi phép thần của nước này, hãy lấy lại hình người!

Lập tức, phép ma bị phá, tôi mất dạng chó và thấy mình trở lại nguyên hình người như dạo trước.

Vô cùng cảm kích trước ân huệ to lớn, tôi quỳ mọp dưới chân cô gái, hôn gấu áo của cô và nói:

- Thưa người đã giải thoát cho tôi, lòng tốt cực độ của cô đối với một người không quen biết khiến cho tôi xúc động không thể nào diễn tả, xin hãy cho biết tôi có thể làm những gì để tỏ lòng biết ơn không bờ bến. Xin cô hãy coi tôi như một kẻ nô lệ hoàn toàn lệ thuộc cô một cách chính đáng. Tôi không còn thuộc về tôi nữa, tôi là vật sở hữu của cô. Để cô hiểu sơ qua người mà cô sẽ thu dụng như nô lệ, xin cho tôi được kể lại vắn tắt câu chuyện của mình.

Thế là, sau khi tự giới thiệu, tôi thuật lại đám cưới tôi lấy Amin, người mà tôi lấy làm ưng ý và kiên nhẫn chịu đựng tính khí, lối sống kỳ cục, cũng như cách thị đối xử với tôi độc ác không thể nào chấp nhận nổi, tôi kết thúc câu chuyện bằng lời cảm ơn bà mẹ vừa mang lại cho tôi hạnh phúc không thể nào tả xiết.

- Ông Xiđi Numan à, – cô gái nói – thôi xin đừng nói tới chuyện ân huệ nữa. Đối với tôi, riêng việc biết rằng đã làm vui lòng cho một con người trung hậu như ông, đã là được trả ơn. Ta hãy nói chuyện về Amin, vợ ông. Tôi biết cô ta trước khi cô ta lấy ông. Trước đây, cũng như tôi biết cô ta là phù thủy, cô cũng chẳng lạ gì tôi có học được ít nhiều pháp thuật ấy, chả là chúng tôi thụ giáo cùng một sư mẫu mà. Chúng tôi vẫn thường gặp nhau khi đi tắm. Nhưng tính chúng tôi không hợp nhau. Tôi rất cố tránh những dịp phải quan hệ với cô ta, việc này càng dễ bởi vì cũng do tính nết không hợp nhau, tự cô ta cũng tìm cách lánh mặt tôi. Chính vì vậy tôi chẳng ngạc nhiên về sự độc ác của cô ta. Trở lại câu chuyện của ông, điều tôi vừa làm cho ông là chưa đủ, tôi còn muốn hoàn thành việc mới bắt đầu. Quả vậy, cởi bỏ phép ma đã trục xuất ông một cách bất nhân ra khỏi thế giới loài người là chưa đủ, ông còn phải trở về nhà, lấy lại quyền hành vốn có của ông và trừng trị cô ta đáng như cô phải chịu. Tôi muốn giúp cho ông thứ cần thiết. Ông hãy ở đây nói chuyện với mẹ tôi, tôi trở lại ngay.

Cô gái vừa giải thoát tôi sang một phòng bên.

Trong khi cô ở lại bên đó, tôi có thời giờ để một lần nữa nói lên lòng biết ơn sâu sắc đối với bà mẹ cũng như cô gái.

Bà bảo tôi:

- Như ông thấy đây, cháu nhà tôi cũng thành thạo về phép thuật chẳng kém gì Amin, nhưng cháu chỉ dùng làm việc thiện, ông sẽ lấy làm ngạc nhiên nếu biết hết những việc cháu làm gần như hàng ngày, với pháp thuật của mình. Chính vì vậy tôi mới để cho cháu làm và cho đến bây giờ tôi vẫn cho phép như vậy. Tôi sẽ cấm tiệt nếu nhận ra cháu có lạm dụng một chút nhỏ nhặt nào.

Bà mẹ bắt đầu kể một vài điều kỳ diệu mà bà chứng kiến, thì cô gái trở vào, tay cầm một chai nhỏ.

- Ông Xiđi Numan à, tôi vừa bấm độn biết rằng giờ này đây, Amin không có mặt ở nhà, nhưng cô ta sẽ trở về ngay. Tôi cũng được biết rằng cô ả làm ra vẻ lo âu lắm trước mặt những người nhà, hỏi sao ông đi đâu vắng lâu vậy. Cô ả nói dối rằng đang ăn cơm, ông chợt nhớ ra một việc gì cấp bách lắm phải đi ngay không chậm trễ. Khi đi ra, ông đã để ngỏ cửa, khiến cho một con chó vào nhà đến tận phòng ăn; cô ả đã vác gậy đánh đuổi. Vậy ông hãy trở về nhà ngay, không để mất thời giờ, cầm theo cái chai mà tôi cho ông đây. Tới nhà, ông hãy vào buồng chờ Amin, cô ả sẽ về ngay, ông không phải đợi lâu đâu. Chừng nào cô ả vừa về tới nơi, ông hãy xuống sân, mặt đối mặt với ả. Bất thần trông thấy ông giữa lúc không chút chờ đợi, cô ả sẽ giật mình quay người chạy trốn, lúc ấy ông phải cầm sẵn chai này, vẩy nước lên người ả, và mạnh bạo nói như sau: “Mày hãy nhận lấy sự trừng phạt về tính độc ác của mày.” Tôi không cần nói thêm gì nữa, ông khắc thấy hiệu quả.

Sau khi nữ ân nhân của tôi nói xong những lời đó, mà tôi cố ghi nhớ, vì không có gì cầm chân lại nữa, tôi xin phép cáo từ hai mẹ con cô, với mọi lời cảm tạ chân thành và tha thiết, nguyện sẽ suốt đời ghi nhớ ơn sâu. Tôi trở về nhà.

Mọi việc xảy ra đúng như dự kiến của nữ ân nhân tôi. Chẳng mấy chốc Amin trở về. ả vừa bước vào, tôi hiện ra trước mặt, tay cầm chai nước, sẵn sàng vẩy. ả thét lên một tiếng, quay lưng định chạy ra cổng. Tôi vẩy chai nước vào người và đọc câu mà cô phù thủy trẻ tuổi đã dạy cho. Ngay lập tức ả hóa thành một con ngựa cái, đó chính là con ngựa mà Người trông thấy ngày hôm qua.

Ngay tức khắc, trong lúc thị đang sừng sốt, tôi tóm lấy bờm, và mặc cho thị chống cự, tôi kéo thị vào chuồng ngựa. Tôi tròng vào cổ thị một sợi thừng, buộc chặt, rồi sau khi kể tội độc ác bất nhân của thị, tôi quất cho một trận roi ra trò, đánh mãi cho tới khi mệt quá mới thôi; rồi tôi tự hẹn ngày nào cũng trừng phạt thị một chầu đúng như thế.

Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, – Xiđi Numan nói thêm, kết thúc câu chuyện, – cầu mong bệ hạ không quở trách cách xử sự của tôi, mong Người cho rằng đối xử như vậy đối với một mục đàn bà thôi tha và độc địa thể kia cũng vẫn còn là nhẹ.

Thấy Xiđi Numan không còn có gì nói thêm nữa, hoàng đế phán:

- Chuyện của anh đặc biệt thật, và tội của vợ anh thật chẳng đáng tha thứ chút nào. Bởi vậy ta không quá chê trách anh vì đã trừng phạt thị như vậy cho đến hôm nay. Nhưng ta muốn anh suy nghĩ rằng, bị hóa thành súc vật đã là cực hình nặng nề xiết bao rồi. Ta muốn anh chỉ nên để cho thị bị trừng phạt đến mức ấy. Nếu không biết rằng bọn phù thủy nam cũng như nữ, đều cứng đầu cứng cổ và độc ác bất nhân không thể nào sửa chữa được, và không sợ rồi đây con mục ấy trả thù anh tàn bạo hơn nữa, thì ta đã ra lệnh cho anh hãy đến nói với cô gái đã bắt thị hóa thành ngựa, hãy xóa phép cho thị.

Vốn đầy từ tâm, sẵn lòng thương hại những kẻ đang đau khổ, sau khi truyền lệnh cho Xiđi Numan như vậy, vua quay sang nói với người thứ ba mà tể tướng Giafa vừa đưa tới. Vua nói:

- Côjia Hatxan à, hôm qua, đi ngang trước dinh cơ của anh, ta thấy nó trống lẽ quá, liền nảy ra ý tò mò muốn biết ngôi nhà ấy của ai. Ta được biết anh đã cho xây cất nên sau khi làm một nghề không kiếm đủ nuôi thân. Người ta cũng còn cho ta hay anh không hóm của, anh biết sử dụng vào việc thiện những của cải Thượng đế ban cho mình, và anh được bà con xóm giềng hết lời ca ngợi. Ta rất hài lòng và tin chắc con đường mà vận may cho anh được giàu sang hẳn lạ lùng lắm. Ta muốn nghe tự miệng anh kể lại, và chính vì vậy ta cho gọi anh đến hôm nay. Anh hãy thành thực thuật lại đầu đuôi cho ta nghe, để ta biết căn kẽ hơn mà cùng anh chia sẻ hạnh phúc.

Và để anh yên lòng, khỏi phải lo ngại ta hỏi thể này là có ý chi khác hoặc nhằm lợi ích riêng tư chẳng, ta tuyên bố hoàn toàn bảo hộ cho anh được bình yên hưởng phú quý.

Nghe lời quả quyết của hoàng đế, Côjia Hatxan phủ phục trước ngai vàng, dập đầu vào tấm thảm, rồi đứng lên tâu:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, giá một người nào khác, mà lương tâm không thanh thản không trong sáng, hẳn đã bối rối khi được lệnh Người đòi tới ra mắt trước ngai vàng. Nhưng, vì xưa nay đối với hoàng thượng, bao giờ tôi cũng hết mực cung kính tôn thờ và cũng chưa bao giờ dám làm việc gì trái lệnh hoặc chống lại luật pháp đến nỗi bị Người quở trách. Điều duy nhất làm cho tôi lo âu và run sợ là phải bước vào chốn triều đình vô cùng uy nghiêm lộng lẫy. Tuy nhiên, được nghe những lời hoàng đế phán bảo, tôi lấy làm yên tâm; tôi tin tự Người sẽ cho tôi đủ dũng khí và tin tưởng để đáp ứng đòi hỏi của Người. Qua việc Người vừa tuyên bố che chở cho, ngay khi còn

chưa rõ tôi có xứng đáng được như vậy hay không, tôi càng thấy rõ Người hào hiệp đến thế nào. Tôi tin rằng, sau khi nghe thuật lại đầu đuôi câu chuyện của mình, theo lệnh Người truyền, tôi càng được Người hạ cố vỗ về.

Sau khi chúc tụng như vậy để được hoàng đế rộng lòng thương và chú ý lắng nghe, Côjia Hatxan im lặng một lát nhớ lại sự việc, rồi bắt đầu giải bày như sau:

CHUYỆN THƯƠNG GIA HATXAN – THỢ BỆN THƯỜNG

-Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, để Người rõ đầy đủ hơn, bằng con đường nào đạt được hạnh phúc lớn lao mà tôi đang hưởng thụ hiện nay, trước hết xin bắt đầu kể về hai người bạn thân, công dân của chính kinh thành Bátđà này. Họ đều đang còn sống và có thể làm chứng cho những điều tôi sắp kể ra đây là đúng sự thật. Hai người bạn ấy chính là những người giúp tôi chịu ơn sâu của Thượng đế, Đấng tạo nên mọi tốt lành và đưa lại hạnh phúc cho tất cả mọi người trên thế gian.

Hai người bạn ấy tên là Xăđđi và Xăđ. Là một người rất giàu có, Xăđđi xưa nay vẫn nghĩ rằng trên đời này con người muốn sống hạnh phúc phải có nhiều của cải, để khỏi phụ thuộc vào bất kỳ ai. Xăđ lại nghĩ khác: ông ta thừa nhận đúng là phải có của cải đến mức đủ dùng trong cuộc sống, nhưng ông quả quyết chính đức hạnh mới làm nên hạnh phúc của người đời. Con người chỉ nên quan tâm tới của cải trên thế gian với mức đủ chi dùng những nhu cầu thiết yếu và có thể rộng tay làm phúc khi mình muốn. Xăđ thuộc về loại người này. Ông ta sống rất thanh thản, rất hài lòng với gia cảnh của mình. Mặc dù Xăđđi giàu có hơn Xăđ muôn vạn lần, tình bạn giữa hai người vẫn rất chân thành; người giàu có hơn không tự cho mình cao sang hơn bạn. Chẳng có điều gì ý kiến họ khác nhau, trừ mỗi một điểm nói trên. Còn tất cả mọi sự, họ đều suy nghĩ như nhau.

Một hôm, trong khi chuyện trò, lại vẫn xoay quanh một điểm ấy, – như sau này tôi được chính họ cho hay, -Xăđđi cho rằng những người nghèo khổ dĩ nhiên khó chỉ vì họ vốn sinh ra trong cảnh bần hàn, hoặc là, tuy sinh ra từ gia đình giàu có, họ đã phá tan đi hoặc bởi trác táng chơi bời, hoặc do một sự rủi ro bất ngờ cũng chẳng lấy gì làm lạ lòng cho lắm. Ông nói:

- Ý kiến của tôi là, những người ấy nghèo chỉ vì họ không thể dành dụm được một số tiền khá lớn làm vốn, rồi dùng tài tháo vát của mình qua việc làm ăn mà thoát cảnh cùng cực. Thậm chí tôi còn cho là nếu họ dành dụm được ít nhiều rồi biết cách sử dụng cho thỏa đáng số tiền dành dụm được ấy, thì chẳng những họ sẽ giàu, mà với thời gian, có khi còn giàu đến nứt đổ vỡ khác.

Xăđ không chấp nhận ý kiến của Xăđđi. Ông đáp:

- Tôi không cho rằng con đường để cho người nghèo trở thành giàu mà anh vừa nói, là chắc chắn như anh nghĩ. Suy nghĩ của anh mơ hồ lắm. Tôi có thể bác ý kiến của anh bằng nhiều lý do, nhưng như vậy nó sẽ dẫn chúng ta đi quá xa. Tôi cho rằng, ít ra là trên đại thể, một người nghèo trở nên giàu là nhờ cách khác chứ không phải chỉ bằng một số vốn. Thông thường nhờ sự

ngẫu nhiên, thì người ta mới có thể phát lên, giàu to một cách nhanh chóng lạ kỳ. Chứ với một số vốn nhỏ nhoi như bạn nói đó, thì dù có làm ăn cần cù, tiết kiệm hoặc buôn bán khéo léo đến bao nhiêu, cũng khó mà thành giàu sụ.

- Xất ạ, – Xấtđi đáp, tôi thấy là nếu cứ khăng khăng giữ ý kiến của mình và tranh cãi với bạn thì chẳng ích gì. Tôi muốn qua việc làm mà thuyết phục bạn. Chẳng hạn tôi sẽ biểu, hoàn toàn biểu không, một số tiền mà tôi cho là vừa phải, cho một người thợ thủ công nghèo từ đời ông đến đời cha, ngày nào kiếm chỉ đủ ăn ngày ấy, và rồi đến khi chết vẫn rách như lúc ra đời. Nếu tôi không thành công, lúc ấy chúng ta sẽ thử xem cách thức mà bạn nghĩ có đúng hơn cách của tôi chẳng.

Chừng vài ngày sau cuộc tranh cãi ấy, tình cờ hai người bạn trong lúc đi dạo mát, đi ngang qua khu phố nơi tôi vẫn làm nghề bện thùng. Nghề này tôi học của bố tôi, bố tôi học được ở ông tôi, và ông tôi lại học từ các cụ tăng tổ ngày xưa ngày xưa nữa. Nhìn đồ lè và quần áo tôi mặc, họ chẳng khó khăn gì mà không thấy tôi nghèo túng tới mức nào.

Sực nhớ tới lời giao hẹn của Xấtđi, Xất nói:

- Nếu bạn chưa quên lời giao ước, thì kia là con người bạn cần. – Ông trở tôi nói với bạn. – Tôi thấy anh ta làm nghề bện thùng từ lâu, và lúc nào cũng nghèo khổ như lúc nào. Đó là một con người đáng cho bạn ban bố lòng hào hiệp, để làm cuộc thử nghiệm mà bạn nói với tôi hôm nào.

- Tôi còn nhớ lắm chứ, – Xất đáp. – Tôi lãnh phần làm cuộc thử nghiệm như đã nói với anh, tôi chỉ chờ có cơ hội hai ta cùng đi với nhau, để anh tự mất chứng kiến. Nào, chúng ta hãy đến gặp anh chàng, xem anh ta có cần tiền thật không.

Hai người bạn tới gần tôi. Thấy họ có ý muốn nói chuyện với mình, tôi ngừng tay làm việc. Hai người cùng chào, cùng chúc tôi mọi sự bình yên như thường lệ.

Rồi Xấtđi cất lời, hỏi tôi tên là gì.

- Thừa ngài, – tôi đáp – tôi tên là Hatxan, do nghề nghiệp, bà con quen gọi là Hatxan Anhaphan (Thợ bện thùng).

- Hatxan ạ, – Xấtđi lại nói – nhất nghệ tinh nhất thân vinh, chẳng có nghề nào không nuôi sống được người ta. Tôi tin là nghề của anh đủ cho anh kiếm sống một cách thoải mái. Tôi lấy làm lạ, tại sao từ khi bắt đầu làm nghề cho đến nay, anh không dành dụm được ít nhiều, sao không mua một món gai kha khá để làm được nhiều việc hơn? Vừa anh làm, vừa thuê thêm người làm giúp, để cho nhà có thêm đồng ra đồng vào.

- Thừa ngài, – tôi đáp – ngài sẽ hết lấy làm lạ tại sao tôi không dành dụm và làm theo như cách của ngài dạy để trở nên giàu có, nếu ngài biết cho rằng,

làm đầu tắt mặt tối từ sáng tới chiều, may lắm tôi mới kiếm được đủ nuôi thân và nuôi gia đình, mà chỉ ăn có bánh mì và rau thôi đấy. Tôi có một vợ, năm con, chưa đứa nào đến tuổi có thể làm giúp bố được chút việc nhỏ nhất nào. Phải cho chúng ăn, phải may mặc cho chúng. Với lại trong việc gia đình, dù nhỏ bé đến đâu, cũng có trăm công nghìn việc cần thiết, không thể nào bỏ qua không chi tiêu được. Đã đành giá gạo không đắt, nhưng cũng phải có tiền để mua chứ. Bán được mớ thùng nào, thì mua gạo là khoản đầu tiên tôi dành ra; nếu không thì lấy đâu ra để có thể tiếp tục kiếm được tiền trang trải chi tiêu trong gia đình. Thưa ngài, ngài thấy đó, – tôi nói tiếp, – làm sao tôi có thể dành dụm, để mỗi ngày mỗi kham khá hơn. Chỉ cần ta hài lòng với số phận, Thượng đế ban cho ta chừng nào ta nhận chừng ấy. Phải tập cho nó quen đi, chớ nên đòi hỏi thứ gì ta không có, được thế thì rồi ta sẽ thấy mình chẳng thiếu thứ gì và chẳng cần phải xin xỏ ai.

Nghe tôi nói năng cặn kẽ như vậy, Xăđđi liền đáp:

- Hatxan à, tôi không còn ngạc nhiên như lúc nãy nữa. Tôi đã hiểu nguyên do vì sao anh phải yên phận thủ thường. Nhưng, nếu tôi biếu một túi đựng hai trăm đồng tiền vàng, anh có biết sử dụng món tiền đó cho tốt hay không. Anh có nghĩ rằng, với số tiền ấy, sau một thời gian ít ra anh cũng có thể giàu bằng những người làm ăn khá nhất trong nghề anh hay không?

- Thưa ngài, – tôi đáp – ngài có vẻ quá trung hậu, vì vậy tôi tin ngài không đưa tôi ra để làm trò đùa cợt, và việc ngài định cho tôi một số tiền là đúng đắn. Do đó, cho dù không dám khoe khoang tài giỏi, tôi vẫn quả quyết được với ngài là chỉ cần một món tiền ít hơn thế, cũng đủ cho tôi trong một thời gian không lâu, chẳng những giàu có lên bằng những người làm ăn kham khá nhất trong nghề, mà riêng một mình tôi còn giàu có bằng tất cả những người kia trong khắp kinh thành Bátđá rộng lớn và đông dân này cộng lại.

Ông Xăđđi hào hiệp tỏ cho tôi thấy ngay tức khắc là ông nói chuyện đúng đắn. Ông rút tiền mang trong người ra, đặt vào hai tay tôi mà nói:

- Anh hãy cầm lấy, túi tiền ấy đây, trong đó có đúng hai trăm đồng vàng không thiếu một chữ. Cầu xin Thượng đế ban phước lành cho anh, và chỉ cho anh biết cách sử dụng tốt món tiền này như tôi mong muốn! Xin anh hãy tin rằng, ông bạn xắt của tôi đây và tôi, chúng tôi rất sung sướng khi được biết rằng, món tiền này sẽ góp phần làm cho anh hạnh phúc hơn hiện nay.

Tàu Đấng thống lĩnh các tín đồ, khi nhận được túi tiền và cất trong người rồi, tôi mừng rỡ quá đỗi, tôi cảm kích không biết chừng nào, đến nỗi nghẹn ngào không thốt được nên lời. Tôi không biết làm gì ngoài việc đưa tay ra định cầm hôn gấu áo của ân nhân. Nhưng ông ta vội kéo áo bỏ đi, cùng với bạn tiếp tục cuộc dạo mát.

Khi họ đã đi xa, tôi làm tiếp công việc của mình. Ý nghĩ đầu tiên chợt đến

là cất vào đâu món tiền này cho được chắc chắn. Trong túp nhà nhỏ bé khốn khổ của tôi, chẳng có hòm, chẳng có cửa, cũng chẳng có một chỗ nào khả dĩ tin được là cất vào đấy thì không bị người khác cuồn đi.

Trong lúc đang phân vân, vì cũng như những người nghèo khổ khác, tôi vốn có thói quen kiếm được đồng tiền nào thì cài lên các nếp gấp chiếc khăn đội trên đầu, tôi liền bỏ dở công việc trở về nhà, viện cớ là cần khâu khăn lại. Rất cẩn thận để cho vợ và các con tôi không trông thấy, tôi lấy ra mười đồng vàng bỏ riêng để chi tiêu vào những việc cần kíp nhất, còn bao nhiêu tôi giấu trong lần vải bọc chiếc khăn.

Khoản chi tiêu đầu tiên của tôi, ngay ngày hôm ấy, là đi mua một món gai kha khá. Sau đó, vì đã lâu trong nhà không hề biết đến mùi thịt, tôi ra cửa hàng mua một miếng về ăn tối.

Trên đường về, tôi đang cầm miếng thịt ở tay, thì chợt một con chim cắt dói mồi từ trên trời bổ nhào xuống, định cướp miếng thịt khỏi tay tôi, giá tôi nắm không chặt thì đã bị nó cắp đi rồi.

Nhưng than ôi! Giá tôi buông miếng thịt ra cho nó thì tốt hơn biết bao, thì đã không phải mất túi tiền. Tôi càng kháng cự, nó càng cố cướp cho bằng được. Nó vẫn vỗ cánh, vẫn cặp chặt miếng thịt, lôi tôi hết chỗ này sang chỗ khác, nhưng khốn khổ thân tôi, trong khi cố giành giật với nó, chiếc khăn đội đầu rơi ra đất.

Thế là con cắt buông tôi ra, lao xuống chiếc khăn trước khi tôi kịp nhặt, cắp lấy và bay đi luôn. Tôi thét lên những tiếng khủng khiếp đến nỗi người lớn, đàn bà và trẻ con hàng xóm đều hoảng hốt, họ cùng cất tiếng hét thật to, nhằm buộc con chim buông cái khăn ra.

Thông thường bằng cách ấy, người ta có thể buộc những con chim háu ăn ấy buông những con mồi chúng bắt được, nhưng những tiếng la hét của chúng tôi hôm ấy không làm cho con cắt sợ, nó vẫn cặp chiếc khăn của tôi bay xa tít tắp, đến lúc mất hút vẫn chưa thấy nó buông ra. Như vậy là thôi, không cần phải vất vả chạy theo để hòng lấy lại chiếc khăn nữa.

Tôi trở về nhà, hết sức buồn bã vì mất chiếc khăn cùng số tiền. Thế là phải mua chiếc khăn khác, làm hao hụt thêm số tiền mười đồng vàng mà tôi đã để riêng.

Tôi đã dùng một phần mua gai, số còn lại không đủ giúp tôi thực hiện những hy vọng tốt đẹp mà tôi từng nuôi dưỡng.

Điều làm cho tôi phiền muộn hơn cả là ân nhân của tôi sẽ không lấy gì làm hài lòng khi thấy mình hào phóng không đúng chỗ, chắc ông chẳng tin tẹo nào, khi nghe tôi thuật lại điều không may xảy ra, và như vậy là tôi có phần trần cũng vô ích.

Chùng nào số tiền chưa tiêu hết thì gia đình nhỏ của tôi cũng dễ thở, nhưng chẳng bao lâu lại rơi vào tình trạng như trước, tôi bất lực không thể nào thoát khỏi cảnh bần cùng. Tuy nhiên, tôi vẫn không phàn nàn. Tôi tự nhủ: “Thượng đế muốn thử thách ta, Người cho ta tiền của giữa lúc ta ít chờ đợi nhất, rồi Người thu lại gần như ngay tức khắc, bởi vì ý Người muốn vậy, và mọi của cải là của Người. Tạ ơn Thượng đế, như ta vẫn tạ ơn Người về những ân huệ Người từng ban cho, được bao nhiêu ơn bấy nhiêu. Ta hoàn toàn tuân phục ý muốn của Người.”

Tôi suy nghĩ như vậy, nhưng vợ tôi, mà vì không cảm được lòng, tôi tâm sự cho biết mình để mất số tiền bao nhiêu và ở chốn nào, thì không có gì khuyên giải nổi. Trong lúc thăng thót, tôi cũng nói lộ ra cho hàng xóm biết là mất chiếc khăn, tôi mất luôn cả một trăm chín mươi đồng tiền vàng. Nhưng ai cũng biết tôi nghèo như thế nào, và không hiểu được với nghề nghiệp của mình, làm sao tôi có được món tiền to như vậy, họ chỉ cười, và trẻ con càng cười nhiều hơn.

Khoảng sáu tháng sau việc con chim cắt gây ra cho tôi điều bất hạnh như tôi vừa thuật hầu Người, thì hai người bạn lại đi qua gần khu phố nơi tôi ở. Xất chợt nhớ tới tôi, ông bảo Xăđi:

- Chúng ta đang ở không xa dãy phố có nhà của Hatxan Anhaphan. Hãy ghé qua đây thử xem hai trăm đồng vàng mà bạn cho gã có giúp được phần nào làm cho số phận gã khá hơn lần chúng ta gặp trước đây hay không.

- Phải đấy, – Xăđi đáp, và nói thêm – cách đây mấy hôm, tôi có nhớ tới gã, và lấy làm thích thú khi nghĩ rằng qua việc này anh sẽ thấy ý kiến của tôi là đúng. Anh sẽ nhìn thấy một sự thay đổi lớn ở gã. Tôi còn tin rằng chúng ta khó mà nhận ra gã đấy.

Lúc rẽ vào phố tôi, Xăđi vẫn nói chưa xong câu đó. Từ xa trông thấy tôi, Xất liền bảo bạn:

- Hình như việc anh cho là mình được cuộc có hơi sớm quá đấy. Hatxan Anhaphan kia, nhưng tôi trông anh ta chẳng thay đổi chút gì. Anh ta vẫn ăn mặc tồi tàn như lần chúng ta nói chuyện với nhau hôm trước. Tôi thấy chỉ mỗi một điểm khác, là chiếc khăn đội đầu của anh ta đỡ bẩn hơn. Anh xem có phải tôi nhầm không nào.

Đến gần, Xăđi nhìn thấy tôi và nhận ra Xất nói có lý ông ta không hiểu do đâu người tôi nom chẳng có thay đổi chút gì. Ông ngạc nhiên đến nỗi không phải ông, mà Xất là người cất lời hỏi đầu tiên.

- Thế nào, Hatxan? – Xất nói sau khi chào tôi như lệ thường – Chúng tôi chẳng hỏi công việc của anh ra thế nào. Từ lần trước hẳn là anh làm khá hơn, hai trăm đồng tiền vàng chắc cũng góp phần nào được chút gì chứ.

- Thưa các ngài, – tôi nói với cả hai – tôi rất buồn rầu mà thưa rằng mọi mong muốn và hy vọng của hai ngài cũng như của tôi không đạt được kết quả chúng ta chờ đợi. Các ngài hẳn khó tin sự việc kỳ lạ đã xảy ra với tôi. Tuy nhiên, tôi xin lấy danh dự mà quả quyết rằng các ngài cần tin là thật điều tôi sắp kể các ngài nghe đây.

Thế là tôi thuật lại sự việc với tất cả những chi tiết như tôi vừa được vinh dự trình bày với bề hạ.

Xãđi hoàn toàn không tin. Ông nói:

- Anh cứ đùa, hay là muốn đánh lừa chúng tôi? Điều anh vừa kể không thể nào tin được. Chim cắt chẳng bao giờ tha khăn đội đầu, chúng nó chỉ cắp những thứ gì ăn được mà thôi. Hẳn anh đã xử sự như tất cả những người thuộc hạng anh vẫn quen làm. Nếu lĩnh được số công xá khác thường, hoặc may mắn kiếm được món tiền to mà không chờ đợi, thế nào các anh cũng bỏ công việc, đi chơi bởi nhậu nhẹt; hể trong túi còn tiền thì cứ chén đầy vào, ăn hết rồi lại trở về cảnh túng bần, giặt gấu vá vai y như trước. Các anh cứ chịu mãi cảnh bần cùng, bởi vì các anh đáng phải chịu như vậy. Chính các anh tự tỏ ra không xứng đáng với những việc tốt lành người khác giúp cho.

- Thưa ngài, – tôi đáp – tôi chịu đựng những lời mắng mỏ ấy, và sẵn sàng chịu đựng những lời gay gắt hơn nữa của ngài. Nhưng tôi kiên nhẫn chịu đựng mà vẫn nghĩ rằng mình chẳng đáng tội chút nào. Xin ngài hãy đi hỏi bà con xem, ngài sẽ thấy là tôi không nói bậy.

- Xin thú thật tôi cũng chưa bao giờ nghe nói tới chuyện chim cắt cướp khăn đội đầu. Nhưng sự tình đã xảy ra như vậy, cũng như cơ man việc khác chưa bao giờ xảy ra, mà hằng ngày vẫn cứ xảy ra đầy thôi.

Xất bệnh tôi, ông kể cho Xãđi nghe bao nhiêu chuyện khác không kém kỳ lạ về chim cắt, một vài chuyện chính Xãđi cũng nghe khiến cho ông cuối cùng lại rút trong người ra một túi tiền. Ông đếm vào tay tôi hai trăm đồng tiền vàng, được chừng nào tôi giắt vào người chừng ấy, vì không có túi đựng. Đếm xong, Xãđi nói với tôi:

- Hatxan à, tôi muốn biếu anh hai trăm đồng tiền vàng nữa, nhưng lần này anh hãy chú ý cẩn thận, đừng để xảy ra việc mất mát như lần vừa rồi, và cố làm cho số tiền này sinh lợi cho anh.

Tôi cảm tạ ông đã làm ơn cho tôi một lần thứ hai, sau khi đã tỏ ra không xứng đáng với lòng tốt ấy vì đã để mất số tiền ông cho trước, và hứa sẽ cố gắng làm theo lời khuyên bảo của ông. Tôi định nói nữa, nhưng ông không để tôi có thời giờ. Ông từ biệt, tiếp tục đi dạo mát cùng với bạn.

Hai ông đi khỏi, tôi không làm tiếp công việc nữa, mà trở về nhà. Lúc ấy vợ con tôi đều đi vắng. Tôi lấy riêng mười đồng vàng, còn lại một trăm chín

mười đồng tôi gói vào một mảnh vải, buộc lại. Giờ phải tính chuyện cất cái gói này vào đâu cho chắc chắn. Sau khi suy nghĩ mãi, tôi cất nó vào trong một cái hũ lớn dùng đựng cám vẫn vớt trong một xó, mà tôi nghĩ chắc vợ và các con tôi chẳng mó tới làm gì. Lát sau vợ tôi về, vì trong nhà còn có ít gai thoi, không nói cho vợ tôi rõ chuyện về hai người bạn tôi chỉ bảo là tôi đi mua gai.

Tôi ra đi, nhưng trong khi tôi còn mãi lo chuyện mua gai, thì một người chuyên bán đá kỳ cho các bà dùng để tắm, đi ngang qua trước ngõ, rao có ai mua không. Vợ tôi hết đá kỳ, liền gọi người bán vào, hỏi anh ta có đồng ý đổi lấy cám không. Người bán đòi xem cám, vợ tôi chỉ cái hũ cùng với cám đựng bên trong.

Tôi trở về, vác một bó gai nặng, theo sau có năm người khuân vác nữa cũng mang như tôi. Tôi chất đầy gai cái gác xép trong nhà. Trả tiền thuê khuân vác xong, tôi ngồi nghỉ một lát cho đỡ mệt. Đưa mắt nhìn vào xó nhà, tôi không thấy cái hũ ở đó nữa.

Tôi không thể nào diễn tả để bệ hạ hình dung nỗi kinh ngạc và sự xúc động của tôi lúc đó. Tôi vội vã hỏi vợ tôi cái hũ đâu rồi, thì kể lại chuyện mua bán, coi như thể vừa được một món hời.

- Ôi! Con mụ khốn khổ kia, bà không biết mua bán như vậy bà đã làm hại tôi, hại đời bà và hại cả các con nữa. Bà tưởng cái hũ ấy chỉ có cám, nhưng cùng với cám bà cho không người bán đá kỳ một trăm chín mươi đồng tiền vàng mà ông Xắtđi, có người bạn của ông cùng đi, vừa biếu tôi lần thứ hai đấy.

Suýt nữa thì vợ tôi liều mình khi thấy do không biết, mình đã phạm một lỗi lầm lớn đến như vậy. Thị kêu la, thị đấm ngực, thị bứt tóc bứt tai, thị xé rách áo quần đang mặc.

- Chao ôi! Khốn nạn thân tôi, sau một lỗi lầm như vậy tôi còn đáng sống nữa chẳng? Tôi còn biết tìm người bán đá ấy ở đâu? Tôi không quen biết anh ta. Anh ta mới đi qua phố này là một. Xưa nay tôi đã hề thấy mặt anh đâu. Ôi ông ơi, ông nhầm to rồi, tại làm sao một việc quan trọng như vậy mà ông lại giấu, không cho vợ con được biết? Nếu ông nói cho tôi hay thì làm gì để xảy ra cơ sự này?

Tôi xin miễn tâu với bệ hạ những điều mà bà vợ tôi phun ra lúc đó vì quá đau đớn. Hẳn bệ hạ chẳng lạ gì, trong những cơn phiền muộn thế này, các bà có thể nói ra cả ngày không nghỉ. Tôi bảo vợ tôi:

- Thôi bà ơi, xin bà nguôi bớt đi cho, bà khóc la như vậy hàng xóm sẽ chạy đến đây. Chẳng cần phải nói cho họ rõ những điều không may xảy ra trong nhà. Đã không chia sẻ nỗi bất hạnh và an ủi chúng ta, họ còn cười cho

là khờ khạo. Tốt hơn cả là giấu nhem chuyện mất mát ấy đi, làm như không có chuyện gì xảy ra; chúng ta phải cúi đầu tuân phục ý muốn của Thượng đế. Ngược lại, còn phải tạ ơn Người đã lấy lại chỉ có một trăm chín mươi đồng trong số hai trăm đồng Người ban cho, tạ ơn Người đã hào hiệp để lại cho ta mười đồng, nhờ đó tôi mua được món hàng kia, nó sẽ đỡ đàn ta chút đỉnh.

Dù những điều tôi nói có phải chẳng đến đâu, vợ tôi lúc đầu cũng chẳng nghe ra. Nhưng thời gian là phương thuốc xoa dịu những nỗi đau đớn lớn nhất, tưởng như không thể nào chịu đựng nổi, cuối cùng rồi thì cũng đành chịu thua.

- Chúng ta sống bần hàn thật đấy, – tôi nói – đúng như vậy, nhưng thử hỏi có thứ gì những người giàu có mà ta không có? Họ và ta chẳng phải thở cùng bầu không khí ư? Họ và ta chẳng cùng được dùng chung ánh sáng và cùng được sưởi hơi nóng mặt trời sao? Dù họ có nhiều tiện nghi có thể làm cho chúng ta ham muốn, song lúc nhắm mắt thì giàu hay nghèo cũng đều xuôi tay tất. Nghĩ cho cùng, thêm vào sự kính thờ Thượng đế, mà ta chẳng có gì thua kém ai, thì những điều họ hơn ta cũng chẳng lấy gì làm ghê gớm cho lắm.

Tôi chẳng dám làm bệ hạ chán tai với những điều suy tư đạo lý. Vợ chồng chúng tôi an ủi nhau rồi lại tiếp tục công việc, đầu óc thư thái như thể chẳng có mất mát chút gì, sau hai lần mất đau như vậy.

Điều duy nhất làm cho tôi buồn, và tôi hằng nghĩ tới, là khi tự hỏi sẽ ăn làm sao nói làm sao với Xăđđi, khi ông ta tới hỏi tôi đã dùng số tiền hai trăm đồng vàng như thế nào, và gia sản của tôi có gia tăng được chút nào chẳng nhờ lòng hào hiệp của ông. Tôi thấy chẳng có cách nào khỏi bối rối, cho dù cũng như lần trước, điều bất hạnh xảy ra lần này không phải lỗi tại tôi. Hai người bạn để lâu hơn lần trước nhiều, mới trở lại hỏi thăm tin tức tôi. Xăđđi nhiều lần nhắc, nhưng Xăđđi bao giờ cũng lần khần. Ông nói:

- Chúng ta càng chậm đến, Hatxan càng giàu to và chúng ta sẽ thích thú hơn về chuyện đó.

Xăđđi thì lại không đồng ý là sự hào phóng của bạn mình có thể đưa lại kết quả tốt như vậy. Ông nói tiếp:

- Vậy ra anh vẫn cho rằng Hatxan lần này biết sử dụng tốt hơn món tiền anh biếu gã chẳng? Tôi khuyên anh chớ kỳ vọng quá lớn, e khi anh thấy điều ngược lại, thì nỗi buồn của anh càng to.

- Nhưng, – Xăđđi cãi – có phải ngày nào cũng có một con chim cắt cướp đi một chiếc khăn đội đầu? Hatxan đã bị một lần, thì lần này gã phải cẩn thận để tránh chứ.

- Tôi không nghi ngờ gì điều đó, – xăđđi nói – nhưng một tai biến khác mà

cả anh lẫn tôi không ai nghĩ tới, có thể xảy ra. Tôi nói lại một lần nữa: Xin chớ có vội mừng, xin đừng quá thiên về chuyện Hatxan được hạnh phúc hơn là chịu điều bất hạnh. Xin nói thật với anh điều tôi đang nghĩ và từ trước tới nay vẫn nghĩ, dù nó làm anh không hài lòng, là tôi linh cảm anh không đạt được kết quả. Rồi đây tôi sẽ thành công hơn anh trong việc chứng minh một người nghèo khó trở nên giàu sang bằng con đường khác hơn là nhờ tiền bạc.

Cuối cùng một hôm, Xắt đang ở chơi nhà Xắtđi, sau một hồi tranh cãi, Xắtđi nói:

- Thôi quá đủ rồi, tôi muốn làm sáng tỏ ngay trong ngày hôm nay. Đã đến giờ đi dạo mát, chúng ta chớ để mất thời gian, hãy đến xem, giữa hai chúng ta ai là người thắng cuộc.

Hai người bạn cùng đi, và tôi nhìn thấy họ từ xa.

Tôi rất xúc động, lúc đầu muốn bỏ công việc, chạy đi nấp một chỗ để cho họ khỏi nhìn thấy. Tôi vội chăm chú làm việc, như thể không nhìn thấy họ, và chỉ ngẩng đầu lên khi họ đã tới bên và cất lời chào. Không thể nào tránh không đáp lễ, nhưng tôi cúi đầu nhìn xuống ngay, và kể cho họ nghe chi tiết điều không may xảy đến cho mình. Chính vì vậy mà hôm nay họ thấy tôi vẫn nghèo khổ như khi họ gặp lần đầu. Kể xong, tôi nói thêm:

- Các ngài có thể cho rằng, đáng ra tôi phải giấu tiền vào nơi khác chứ không để trong cái hũ sẽ bị đưa ra đòi cho người ta mang đi nơi khác ngay trong ngày hôm ấy. Nhưng bao năm nay cái hũ vẫn nằm ở xó ấy, vẫn được dùng vào việc đó, và mỗi lần đầy cám, vợ tôi bán đi, thì cái hũ vẫn nằm nguyên tại chỗ ấy. Làm sao tôi đoán được, đúng vào ngày hôm đó có người bán đá kỳ đi qua, vợ tôi không có tiền, và sinh ra chuyện đổi chác như vậy? Các ngài cũng có thể nói tại sao tôi không báo trước cho vợ tôi biết. Nhưng tôi chẳng bao giờ tin là những người khôn ngoan như hai ngài lại khuyên tôi nên làm như vậy. Còn hỏi tại sao không cất vào nơi khác, thì tôi đã bảo, không thấy trong nhà có nơi nào chắc chắn hơn nơi đó. Thưa ngài, – tôi nói với Xắtđi – Thượng đế không muốn cho tôi giàu lên nhờ lòng hào hiệp của ngài. Tại sao ư? Đó là điều ta không được phép tìm hiểu. Thượng đế muốn tôi nghèo, chứ không được giàu. Tuy nhiên, tôi vẫn biết ơn ngài sâu sắc, vẫn cảm ơn ngài như thể tôi đã giàu lên thật, như ngài mong muốn.

Tôi dứt lời, Xắtđi nói:

- Hatxan à, cho dù tôi tin những lời vừa nói là đúng sự thật, chứ không phải là để che giấu tính ham chơi bởi trác táng, hoặc không biết cách dành dụm của anh, thì tôi vẫn không thể cứ làm thử mãi cái việc nó sẽ làm cho tôi đến sạt nghiệp mất. Tôi không tiếc bốn trăm đồng vàng đã bỏ ra để mong giúp anh thoát khỏi cảnh bần hàn, tôi làm như vậy vì Thượng đế, chứ không mong được anh đền ơn, hoặc để mình có niềm vui được làm việc tốt. Nếu có

một điểm nào có thể cho tôi hối hận, ấy là đã chọn anh chứ không phải chọn một người khác, người này có thể đã biết lợi dụng dịp tốt hơn anh.

Quay sang Xất, ông nói tiếp:

- Anh Xất à, qua những điều tôi vừa nói, anh đã thấy là tôi không cho anh đã hoàn toàn thắng cuộc. Tuy nhiên, anh có thể tự do làm cái việc mà anh suy tính từ lâu để bác bỏ ý kiến của tôi. Xin anh hãy cho tôi thấy có cách nào khác chẳng ngoài tiền bạc, khả dĩ làm cho một người nghèo trở thành giàu có, theo như chúng ta vẫn nghĩ. Để làm thử, xin anh đừng chọn ai khác ngoài Hatxan. Dù anh có cho anh ta thứ gì đi nữa, tôi vẫn chẳng thể nào tin là anh ta có thể giàu lên bằng thứ đó, hơn là bằng gậy dựng từ bốn trăm đồng tiền vàng của tôi.

Xất đang cầm một hòn chì trong tay, ông đưa cho bạn xem.

- Anh thấy tôi vừa nhặt được hòn chì này dưới đất, – ông nói – tôi sẽ cho Hatxan, rồi anh sẽ thấy hòn chì này có giá trị với anh ta như thế nào.

Xất đi phá ra cười, chế giễu:

- Một hòn chì? Nó không đáng giá hơn một đồng trinh, mà Hatxan thì làm gì được với một đồng trinh cơ chứ?

Xất đưa hòn chì cho tôi và bảo:

- Cứ để mặc Xất đi cười, anh cứ cầm lấy. Một ngày kia, anh sẽ thuật lại cho chúng tôi nghe sự may mắn mà hòn chì này mang lại cho anh.

Tôi nghĩ Xất nói đùa, và ông làm như vậy cho vui thôi. Tuy nhiên, tôi vẫn cầm lấy hòn chì, cảm ơn và để cho ông ta hài lòng, tôi bỏ luôn vào túi áo, như thể trân trọng một vật vừa được người ta cho. Hai người bạn từ giã tôi, tiếp tục cuộc dạo mát, còn tôi cặm cụi với công việc của mình.

Tối hôm ấy, lúc cởi áo sửa soạn đi ngủ, tôi tháo dây thắt lưng, thì hòn chì mà tôi không nghĩ tới từ lâu, rơi xuống đất. Tôi nhặt lên tiện tay nhét nó vào một chỗ nào đó.

Ngay đêm hôm ấy một người đánh cá hàng xóm của tôi trong khi đang vá lưới, nhận ra lưới thiếu một hòn chì. Trong nhà không có cái thay, mà cũng chẳng có thể đi mua ở đâu được vào giờ này, vì tất cả các cửa hiệu đều đã đóng cửa. Thế nhưng, muốn ngày hôm sau có cái ăn cho cả nhà, thì phải đánh cá vào khoảng hai giờ trước khi trời sáng. Anh ta buồn rầu nói cho vợ biết, và bảo vợ đi hỏi hàng xóm xem nhà nào có không.

Vâng lời chồng, người vợ đi gõ cửa hết nhà này sang nhà khác, cả dãy phố, nhưng không đâu có hòn chì. Ặ về nói lại với chồng. Anh kể tên nhiều nhà hàng xóm khác, hỏi đã đến tận nơi chưa. Ặ đáp đã đến tất cả rồi.

- Thế còn nhà Hatxan Anhaphan, tôi đánh cuộc là bà chưa tới! – Anh nói.

- Đúng như vậy, tôi chưa đi tới nhà ấy bởi vì quá xa. – Người vợ đáp. – Với lại, cho dù tôi có chịu khó tới nơi, mình nghĩ rằng sẽ xin được ư? Khi người ta không cần bất cứ một thứ gì cả, người ta mới nên tìm đến nhà ông ấy, tôi có kinh nghiệm như vậy.

- Mặc kệ, bà đúng là một kẻ lười biếng, tôi muốn bà tới nhà người ấy. – Người đánh cá nói – Bà đã đến nhà ông ta một trăm lần mà không hỏi mượn được thứ bà muốn, lần này bà có thể kiếm ra hòn chì mà tôi cần. Một lần nữa, tôi muốn bà hãy đến nhà ấy.

Vợ người đánh cá vừa cầu nhàu vừa đến đập cửa nhà tôi. Tôi đã ngủ được một giấc, giật mình thức dậy, hỏi ai muốn gì.

- Bác Hatxan Anhaphan à, – vợ người đánh cá cao giọng nói – nhà tôi cần một cục chì để sửa lại cái lưới; nếu may ra trong nhà có sẵn, bác cho ông nhà tôi xin.

Sực nhớ tới hòn chì ông Xất cho, mà tôi cũng vừa mới đánh rơi ra trước khi đi ngủ, tôi đáp là nhà có, xin chờ cho một lát, tôi sẽ bảo vợ tôi mang biếu một hòn.

Vợ tôi nghe tiếng động cũng vừa thức dậy, mò mẫm tìm cái hòn chì ở nơi tôi chỉ, hè cánh cửa đưa cho bà hàng xóm.

Hân hoan vì khỏi trở về tay không, vợ người đánh cá nói:

- Bà chị ạ, bà giúp đỡ vợ chồng tôi nhiều quá, tôi xin hứa và sẽ xin biếu bà tất cả cá bắt được trong mẻ lưới đầu tiên vào ngày mai. Xin quả quyết là chồng tôi cũng sẽ thuận làm như lời tôi nói.

Vui mừng vì có được hòn chì đang thiếu giữa lúc không mấy hy vọng, người đánh cá thuận theo lời hứa của bà vợ.

- Được đấy, bà làm như vậy là hợp ý tôi lắm.

Ông tiếp tục sửa cho xong tám lưới rồi đi đánh cá, hai giờ trước khi trời sáng, như thường lệ. Trong mẻ lưới đầu ông ta chỉ bắt được mỗi con cá, nhưng là một con cá lớn, to và dài bằng cả cánh tay. Ông ta buông nhiều mẻ nữa lần nào cũng có cá, nhưng trong số tất cả số cá đánh được ngày hôm ấy, chẳng có con nào to bằng con cá bắt được lần đầu.

Đánh cá xong trở về nhà, việc đầu tiên của ông ta là nghĩ tới tôi. Tôi ngạc nhiên hết sức khi, ngày hôm sau đang làm việc, chợt thấy ông ta mang con cá đến.

- Bác hàng xóm ạ, – người đánh cá nói – tối hôm qua nhà tôi có hứa với bác là sẽ đánh được con cá nào trong mẻ lưới đầu tiên thì mang đến biếu bác để cảm ơn bác đã giúp đỡ, và tôi thấy nhà tôi nói rất phải. Thượng đế sai tôi mang con cá này tới biếu bác, mong bác nhận cho. Giá mà Người ban cho tôi

một mẻ lưới đầy, thì tôi cũng đã mang tất cả tới biếu bác. Xin bác vui lòng nhận cho chừng này, của ít lòng nhiều.

- Bác hàng xóm ạ, – tôi đáp – một hòn chì thì đáng bao nhiêu mà bác cho tôi hậu hĩnh thế này. Hàng xóm láng giềng tôi lửa tất đèn có nhau, tôi giúp bác lúc này thì lúc khác bác giúp lại. Nếu không nghĩ rằng bác thật lòng cho, tôi đã không dám nhận, nhưng lại sợ làm như vậy phật lòng bác chẳng. Bởi vậy, bác đã cho thì tôi xin nhận, xin cảm ơn bác nhiều!

Sự lịch sự của chúng tôi đối với nhau chỉ đến đây. Tôi mang con cá đưa cho vợ.

- Bà hãy cầm lấy con cá bác chài bên cạnh vừa mang cho để cảm ơn việc ta biếu bác ấy hòn chì tối qua. Đây là tất cả những gì chúng ta có thể trông chờ ở hòn chì mà ông Xất biếu tôi ngày hôm qua, ông ta bảo nó sẽ mang lại hạnh phúc cho nhà ta cơ đấy.

Lúc ấy tôi mới kể lại cho vợ tôi nghe chuyện hai người bạn trở lại thăm và việc gì đã xảy ra giữa họ với tôi. Vợ tôi khắp khởi mừng được biểu con cá vừa dài vừa to thế này. Thị nói:

- Mình muốn tôi làm món gì bây giờ? Cái kẹp nướng của nhà chỉ nướng được con cá nhỏ, mà nhà thì chẳng có cái nồi nào đủ lớn để kho mặn cả con.

- Đó là công việc của bà, bà thích món gì bà làm món đấy; hoặc nướng, hoặc kho, tôi đều cho là được tất.

Nói xong, tôi trở về nơi làm việc.

Trong khi mổ cá, vợ tôi rút từ trong bộ lòng ra được một viên kim cương lớn, mà sau khi rửa sạch sẽ thì cho là viên ve chai. Thị cũng từng nghe nói đến kim cương thật đấy, nhưng cho dù có trông thấy hoặc sờ mó đến thứ ấy, cũng không đủ hiểu biết để phân biệt nó với ve chai. Thị mang cho đứa cháu bé nhất nhà tôi để nó làm đồ chơi. Mấy đứa lớn, anh chị nó, đều tranh nhau lần lượt cầm xem, trầm trồ khen là đẹp, viên bi đến là trong suốt và lấp la lấp lánh.

Buổi tối, nhà thấp đèn, lũ con tôi vẫn tiếp tục chuyền tay nhau chơi. Bà vợ tôi mang cây đèn đi đi lại lại trong khi làm món ăn, lũ trẻ nhận thấy, lúc đèn mang đi nơi khác, viên bi vẫn phát sáng, liền tranh nhau làm thử. Bị mấy đứa lớn giành mất, mấy đứa nhỏ khóc đòi, thế là lũ anh chị lại phải nhường cho em.

Một vật chẳng ra gì cũng có thể làm cho lũ trẻ con thích và giành giật lẫn nhau, nhưng việc đó vẫn thường xảy ra, cho nên cả vợ tôi và tôi đều chẳng ai để ý sao chúng nó làm âm ỉ cả nhà. Các cháu chỉ chịu yên khi mấy đứa lớn ngồi vào bàn ăn với hai vợ chồng tôi, còn lũ bé thì được vợ tôi phân cho, mỗi đứa một bát cháo cá.

Ăn xong, lũ trẻ lại xúm xít tranh nhau chơi đùa ồn ào như trước. Tôi gọi thằng lớn đến hỏi có việc gì la ầm nhà lên vậy. Nó nói:

- Bố ạ, có một mảnh chai vụn, khi nào chúng con ngồi quay lưng vào đèn, thì nó lại phát sáng.

Tôi bảo nó mang đến để tự mình làm thử. Thấy chuyện lạ lùng quá, tôi gọi vợ tôi hỏi của này ở đâu ra và là thứ gì đây. Vợ tôi đáp:

- Tôi chẳng rõ, đó là một mảnh chai tôi móc ra từ ruột con cá khi làm lòng.

Cũng như vợ tôi, tôi không nghĩ đó là vật gì khác mảnh chai. Tuy nhiên, tôi vẫn còn làm thử cách khác nữa. Tôi bảo vợ tôi giấu đèn đi, thì cái gọi là mảnh chai ấy phát sáng tới mức không cần đèn ngủ. Tôi sai tắt đèn, và đặt mảnh chai đó lên lò sưởi, thay cho đèn. Tôi nói:

- Đây là thêm một cái lợi nữa mà hòn chì của người bạn ông Xăđđi mang lại cho chúng ta; thế cũng đỡ được tiền mua dầu.

Khi lũ trẻ con thấy mảnh chai có thể thay cho đèn thì chuyện kỳ diệu ấy càng làm chúng reo hò lớn, đến nỗi các nhà hàng xóm cũng đều nghe tiếng.

Chúng ồn ào tới mức vợ tôi và tôi la mắng mãi chúng cũng chẳng chịu yên; đến khi đi nằm chúng còn chuyện trò một lúc khá lâu về sự kỳ diệu của mảnh chai rồi mới ngủ, lúc này trong nhà mới yên ắng.

Vợ tôi và tôi cũng đi nằm với lũ trẻ, và sáng hôm sau, chẳng nghĩ gì tới vật ấy nữa, tôi đi làm rất sớm theo lệ thường. Chẳng có gì lạ nếu chuyện đó xảy ra với tôi, một con người cả đời chỉ thấy chai lọ thủy tinh, chưa bao giờ nhìn thấy kim cương. Nếu có nhìn thấy chẳng nữa, thì cũng chẳng chú ý để biết giá trị của thứ ấy. Tôi xin phép được lưu ý Người là, giữa nhà chúng tôi và nhà hàng xóm chỉ cách nhau có một lớp tường rất mỏng hoặc vách ván. Ngôi nhà cạnh tôi là của một người Do Thái khá giàu, làm nghề buôn kim hoàn; căn buồng vợ chồng lão nằm sát ngay bên vách nhà tôi. Hai vợ chồng đã đi ngủ rồi, thì lũ trẻ nhà tôi làm ồn khiến họ thức giấc, hồi lâu mới ngủ lại được.

Ngày hôm sau, vợ lão Do Thái đến nhà tôi thay lời chồng và cả lời mụ nữa, phàn nàn với vợ tôi hôm qua vừa chập mắt đã phải mất giấc ngủ vì lũ trẻ làm ồn. Vợ tôi nói:

- Bà Rasen ạ, – Rasen là tên mụ vợ lão Do Thái – tôi rất tiếc việc đã xảy ra, xin có lời mong bà bỏ quá cho. Bà cũng biết trẻ con là như vậy đó, một chút chi cũng có thể làm cho chúng reo cười, chuyện chẳng đáng chúng vẫn có thể khóc được. Mời bà vào chơi, tôi trở bà xem vật đã khiến bà có lời phàn nàn.

Mụ Do Thái vào, vợ tôi cầm lấy viên kim cương, vì đó là kim cương thật, và độc đáo nữa là khác. Nó vẫn còn trên lò sưởi; vợ tôi cầm đưa cho mụ Do Thái xem và nói:

- Đây chính mảnh chai này đã gây nên chuyện ầm ĩ tối hôm qua làm phiền tới bà.

Trong khi mụ Do Thái, vốn sành sỏi mọi thứ châu báu và kim cương, ngắm nghía lòng đầy thán phục, thì vợ tôi kể cho nghe đã bắt được nó trong bụng con cá như thế nào, và sự tình đã xảy ra làm sao.

Vợ tôi kể xong, mụ Do Thái liền đưa trả lại và nói:

- Chị Aisach à, tôi cũng nghĩ như chị đây là một mảnh chai, nhưng nó đẹp hơn những mảnh chai thông thường. Tôi cũng có một viên na ná thế này, thỉnh thoảng vẫn đeo làm vật trang sức, nếu chị vui lòng bán thì tôi xin mua để cho có được một đôi giống nhau.

Lũ con tôi nghe nói tới chuyện bán đồ chơi của chúng, kêu âm lên không đồng ý, xin mẹ hãy giữ lại, khiến vợ tôi phải hứa chúng mới chịu yên cho.

Mụ Do Thái đành phải ra về, trước khi từ giã, bà vợ tôi tiến ra tận cửa, mụ nói thầm, dặn nếu có ý định bán mảnh chai ấy thì nhớ đừng có đưa cho ai xem trước khi tin cho mụ biết.

Từ sáng sớm, lão Do Thái đã đến cửa hiệu của lão, trong khu phố những người mua bán vàng bạc. Mụ vợ đến tìm lão, báo cho lão biết mình vừa tìm ra được một món hời. Mụ mô tả viên kim cương to, nặng, sáng và đẹp như thế nào, nhất là về đặc điểm của nó là phát ra ánh sáng ban đêm theo như lời vợ tôi nói lại; điều này cũng đáng tin bởi bà ấy vốn thật thà.

Lão Do Thái phái mụ vợ về, với mệnh lệnh là, lúc đầu trả giá ít thôi, bao nhiêu tùy mụ định, sau đó nếu thấy khó khăn thì cứ tăng dần, cuối cùng phải mua cho bằng được với bất kỳ giá nào.

Mụ Do Thái, theo lời chồng dặn, nói chuyện riêng với vợ tôi, không chờ cho vợ tôi ngỏ ý có thuận bán hay không, mụ hỏi có đồng ý nhượng lại với giá hai mươi đồng tiền vàng. Một mảnh chai mà mụ trả như vậy, quả là một món hời to. Vợ tôi nghĩ thế, nhưng không đáp thuận bán hay không. Thị chỉ nói với mụ Do Thái là phải hỏi ý kiến tôi trước đã.

Giữa lúc ấy thì cũng vừa lúc tôi tạm nghỉ tay về nhà ăn trưa. Hai bà đang đứng nói chuyện trước cửa nhà tôi. Vợ tôi ngăn tôi lại, hỏi tôi có thuận bán mảnh chai bắt được trong bụng con cá với giá hai mươi đồng tiền vàng hay không; bà hàng xóm đây muốn mua.

Tôi không trả lời ngay. Tôi đã nghĩ tới vẻ quả quyết của Xắt khi đưa cho tôi hòn chì, rằng nó sẽ làm cho tôi giàu có. Ấy thế mà mụ Do Thái lại ngỡ là tôi khinh số tiền quá nhỏ mọn cho nên không thèm trả lời.

- Bác hàng xóm ạ, vậy tôi trả bác năm mươi đồng, hẵn bác vừa lòng rồi chứ?

Thấy từ hai mươi đồng vàng, mụ Do Thái chỉ một tiếng nhảy vọt lên năm mươi đồng vàng, tôi càng làm già, tôi nói rằng bà trả như vậy thật quá xa giá tôi muốn bán.

- Thôi thì bác cầm lấy một trăm vậy, bác hàng xóm ạ. Một trăm đồng vàng, nhiều đấy chứ. Tôi không biết rồi nhà tôi có thuận giá ấy với tôi hay không.

Nghe mụ nói tăng lên như vậy, tôi liền nói tôi muốn bán với giá mười vạn đồng vàng.

- Tôi biết rõ là viên kim cương này trị giá còn hơn thế, nhưng để làm vui lòng bà cũng như ông nhà, vốn là bà con hàng xóm láng giềng với nhau cả,

tôi chỉ đặt giá ấy thôi, không kém một đồng; nếu hai ông bà không mua, thì chắc các nhà buôn kim hoàn khác sẽ còn trả giá cao hơn.

Mụ Do Thái càng làm cho tôi thêm nhất quyết, bởi mụ tỏ vẻ muốn mua cho bằng được. Mụ trả lên mãi, cho tới năm mươi nghìn đồng. Tôi vẫn lắc.

- Tôi không thể trả nhiều hơn nữa mà không được sự ưng thuận của nhà tôi. Đến tối nhà tôi mới về, xin bác làm ơn chờ cho đến lúc nhà tôi xem và nói chuyện với bác.

Tôi hứa với mụ sẽ chờ.

Đến chiều, lão Do Thái về nhà, được vợ cho biết chẳng ăn thua gì trong chuyện mua bán với tôi, và việc tôi bằng lòng chờ lão về xem.

Lão ngóng lúc tôi nghỉ tay để vào nhà.

- Ông bạn Hatxan ạ, – lão đến gần và nói với tôi – xin bác cho tôi xem viên kim cương mà vợ bác đã trả cho vợ tôi. Tôi mời lão vào nhà và đưa cho xem.

Vì trong nhà khá tối mà đèn chưa thắp, nhìn viên kim cương lấp lánh, rọi sáng cả bàn tay tôi đang cầm, lão biết ngay lời vợ lão nói đúng. Lão cầm lấy, xem xét hồi lâu và không ngớt thán phục.

- Bác ạ, theo như lời vợ tôi nói, đã trả bác năm vạn đồng mà bác chưa chịu bán, thôi thì để bác vui lòng, tôi trả thêm hai vạn nữa vậy.

- Bác ạ, – tôi đáp – chắc bác gái đã nói lại là tôi đặt giá mười vạn, hoặc là bác trả tôi đúng số tiền ấy, hoặc là viên kim cương vẫn thuộc về tôi, không có chuyện nửa vời.

Lão cò kè mặc cả nữa, với hy vọng là tôi chịu bớt cho lão ít nhiều, nhưng chẳng ăn thua. Sợ tôi đưa viên kim cương cho các nhà buôn kim hoàn khác xem, như tôi đã nói, lão không dám ra về mà chưa ngã giá xong.

Lão nói trong nhà chưa có đủ mười vạn đồng tiền vàng, nhưng nội nhật ngày mai lão sẽ giao cho tôi đủ số vào đúng giờ này. Thế là ngày hôm đó, lão sai mang sang tôi hai túi mỗi túi đựng một nghìn đồng đặt cọc, coi như việc mua bán thế là xong.

Ngày hôm sau, tôi không rõ lão Do Thái vay mượn của bạn bè hay chung lưng với các nhà buôn ngọc khác, dù sao lão vẫn mang trả cho tôi đủ mười vạn đồng vàng, đúng vào thời gian giao hẹn, và tôi trao viên kim cương cho lão.

Bán viên kim cương xong, thấy mình cực kỳ giàu có hơn mọi ước vọng, tôi tạ ơn Thượng đế đã hào hiệp đoái thương. Có lẽ tôi đã chạy tới quỳ xuống dưới chân ông Xất để tỏ lòng biết ơn, nếu tôi biết nhà ông ở đâu. Hẳn tôi cũng đã làm như vậy với Xăđđi, người tôi chịu ơn đầu tiên, mặc dù thiện

ý của ông đã không mang lại kết quả như ông mong muốn.

Tiếp đó tôi nghĩ tới chuyện sử dụng cho tốt số tiền to lớn này. Vợ tôi, chưa chi đâu óc đã huênh hoang, bảo hãy nên mua cho thị và lũ trẻ con áo quần thật đẹp, tậu một ngôi nhà lớn và sắm sanh đồ đạc thật đắt tiền vào.

Tôi đáp:

- Bà nó ơi, chúng ta không phải bắt đầu bằng kiểu tiêu pha như vậy. Bà cứ để việc đó tôi lo. Những thứ bà cần dần dà rồi sẽ có tất. Mặc dù tiền sinh ra để mà tiêu, ta vẫn phải tính như thế nào để có một cái vốn, có thể tiêu xài hoài mà không cạn. Tôi đang nghĩ chuyện đó, ngay ngày mai, tôi tính chuyện gây dựng cơ nghiệp.

Hôm sau, tôi dành cả ngày đi gặp một số khá đông những người làm cùng nghề, họ cũng đều túng thiếu như tôi cho đến lúc bấy giờ. Tôi ứng tiền trước, đặt họ làm các mặt hàng thùng chảo khác nhau, mỗi người tùy theo tay nghề của họ. Tôi hứa sẽ chẳng để họ phải chờ đợi, sẽ trả công khá và đúng hạn tùy theo số hàng họ mang đến giao cho tôi. Ngày hôm sau, tôi đi đặt cho những người chịu làm khoán cho tôi y như vậy. Từ dạo ấy, tất cả những người làm thùng chảo trong toàn kinh thành Bátđà tiếp tục làm ăn theo cách đó, rất hài lòng vì tôi giữ đúng lời đã hứa với họ.

Vì thợ thuyền đông, làm ra hàng hóa rất nhiều, tôi thuê kho ở nhiều nơi khác nhau. Ở mỗi kho tôi đặt một người đại lý thu nhận hàng cũng như để trông nom việc bán buôn hoặc bán lẻ. Chẳng bao lâu, qua cách làm ăn đó, tôi thu được một món lời đáng kể.

Tiếp đó, để tập trung về một nơi các kho phân tán, tôi mua một ngôi nhà lớn trên một mảnh đất rộng, nhưng đã đổ nát. Tôi cho triệt hạ ngôi nhà ấy, thay vào đó, xây cất một ngôi nhà mà Người thấy hôm qua.

Nhưng cho dù mặt ngoài nó trông bề thế vậy, bên trong gồm phần lớn là kho, chỉ có một ít căn buồng vừa đủ cho tôi và gia đình tôi ở.

Tôi rời bỏ ngôi nhà cũ kỹ, dọn về ngôi nhà mới này được ít lâu thì một hôm Xăđi và xát, đã lâu không hề nghĩ tới tôi, chợt nhớ đến. Một bữa cùng đi dạo mát, họ đi ngang qua phố tôi ở trước, và rất lấy làm lạ không thấy tôi ngồi miệt mài bên thùng, như từng thấy mọi lần. Họ hỏi thăm tôi ra sao rồi, còn sống hay đã chết.

Họ càng ngạc nhiên hơn khi biết người họ hỏi thăm ấy đã trở thành một nhà buôn lớn, bây giờ người ta không gọi tên cộc lốc là Hatxan như trước, mà là Cộjia Hatxan Anhaphan, có nghĩa là “thương gia Hatxan người bên thùng.” Vị thương gia ấy đã cho xây cất ở phố nọ, một ngôi nhà trông giống như dinh thự các quan to.

Hai người bạn đến phố ấy tìm tôi. Dọc đường, Xăđi không thể nào hiểu

nồi, tại sao một hòn chì Xất biểu tôi dạo nợ lại có thể là căn nguyên khiến cho tôi trở thành giàu có lớn vậy. Ông nói với Xất:

- Tôi hoàn toàn vui mừng ông đã tạo nên cơ nghiệp của Hatxan Anhaphan. Nhưng tôi không thể nào chấp thuận việc gã hai lần nói dối để rút cho được của tôi bốn trăm đồng vàng, chứ không phải chỉ có hai trăm. Bởi vì cho rằng gã trở nên giàu có to nhờ hòn chì anh biểu, là việc tôi không thể nào nghĩ tới; chẳng riêng gì tôi mà bất cứ ai cũng không thể nghĩ như vậy.

- Anh nghĩ thế, nhưng tôi lại cho khác. – Xất đáp. – Tôi không hiểu sao anh lại bắt công, cứ cho Hatxan là một kẻ điều toa. Xin phép anh cho tôi được nghĩ rằng anh ta nói thật, rằng anh ta chẳng hề tìm cách giấu giếm chúng ta chút gì, chính hòn chì tôi cho mới là căn nguyên làm nên hạnh phúc của anh ta. Điều này rồi chính Côjia Hatxan sẽ làm cho hai anh em ta cùng sáng tỏ.

Hai người bạn vừa đi đến phố tôi ở vừa nói chuyện ấy với nhau. Họ hỏi nhà tôi là cái nào, người ta chỉ cho. Hai người ngấm mặt trước và khó tin rằng đây là nhà của tôi. Họ gõ cửa, người canh cửa ra mở.

Xất đi sợ mình phạm điều bất lịch sự nếu vào nhầm nhà một vị đại thần nào chẳng, liền hỏi người canh cửa:

- Người ta chỉ cho tôi đây là nhà của Côjia Hatxan Anhaphan, anh cho biết chúng tôi có vào nhầm nhà chẳng?

- Không đâu, thưa ngài, ngài không nhầm. – Người canh cửa đáp và mở rộng cửa. – Chính ngôi nhà này đây, mời các ngài vào, ông chủ đang ở trong phòng, các ngài sẽ bảo một tên nô lệ nào đó vào báo với ông.

Người nhà vào báo có hai người bạn đến, tôi nhận ra họ ngay. Vừa trông thấy họ, tôi đã đứng vội lên, chạy tới cầm tà áo họ định ghé môi hôn. Họ ngăn lại, và tôi bắt đắc dĩ để cho họ ôm hôn mình vậy. Tôi mời họ ngồi lên một chiếc sập rộng, rồi chỉ cho họ xem một cái nữa nhỏ hơn, vừa bốn người ngồi, trông ra vườn. Tôi mời họ ngồi, họ lại muốn ép tôi ngồi vào chỗ trọng vọng nhất. Tôi nói:

- Thưa các ngài, tôi vẫn không quên mình là anh chàng Hatxan thợ bện thùng khôn khổ, giá không được các ngài làm ơn cho thì chẳng bao giờ được như ngày nay. Tôi đội ơn các ngài đến thế nào. Xin các ngài chớ làm cho tôi bối rối thêm.

Hai người ngồi vào chỗ dành cho khách, tôi ngồi đó đối diện.

Lúc này Xất đi mới ngỏ lời nói với tôi:

- Ông Côjia Hatxan ạ, tôi không thể nào diễn tả hết lòng vui sướng thấy ông đạt tới địa vị tôi hằng mong muốn, khi biểu ông hai trăm đồng tiền vàng

mà không một lời can đảm, lần trước cũng như lần sau. Tôi tin chắc, bốn trăm đồng của tôi đã giúp ông có được sự thay đổi kỳ diệu về gia sản này, và thật lòng tôi rất lấy làm thú vị về chuyện đó. Điều duy nhất làm cho tôi phiền lòng, là không rõ tại sao ông lại hai lần nói không đúng sự thật, khi kể lại những chuyện mất mát trong những trường hợp thật bất ngờ mà tôi đã thấy và bây giờ cũng vẫn thấy là khó tin. Có phải là lần thứ hai gặp chúng tôi, công việc làm ăn của ông chưa mang lại kết quả nhiều lắm, cho nên ông chưa muốn nói thật? Tôi nghĩ như vậy đó, và xin chờ ông xác nhận xem tôi nghĩ có đúng hay không.

Nghe Xăđi nói, Xăđi tỏ vẻ sốt ruột, nếu không nói là không hài lòng. Ông ta cứ lắc đầu và cúi nhìn xuống đất. Tuy nhiên, ông vẫn để cho bạn nói hết. Xăđi nói xong, ông mới lên tiếng:

- Anh Xăđi à, xin anh thứ lỗi cho là tôi không đợi ông Côjia trả lời anh xong mới lên tiếng. Tôi xin nói là tôi khâm phục lòng thật thà của anh khi anh vẫn cứ khẳng khẳng không chịu tin lời phân trần của ông Côjia hai lần trước. Tôi đã nói với anh, và bây giờ xin lặp lại, là nghe ông Côjia kể lại hai chuyện bất thường xảy ra, tôi đã tin ngay. Cho dù anh muốn nói gì thì nói, tôi vẫn cho những lời ông Côjia cho chúng ta biết là đúng sự thật. Nhưng chúng ta hãy để cho ông lên tiếng, rồi ông sẽ cho biết giữa hai chúng ta ai là người nghĩ đúng, ai nghĩ sai.

Sau khi hai ông bạn đã nói rõ ý kiến của họ như trên, đến lượt tôi thưa với cả hai người:

- Thưa các ngài, tôi sẽ xin im lặng mãi mãi chứ không làm sáng tỏ điều hai ngài đòi hỏi, nếu không sợ sự tranh cãi nhân việc của tôi, có thể làm phương hại đến tình bạn giữa hai ngài. Vậy thì hai ngài đã muốn, tôi xin trình bày, nhưng trước hết xin cho phép tôi được nói là cả hai lần trước, tôi đều đã nói chân thực, cũng như lúc này đây về những chuyện đã xảy ra cho tôi.

Thế là tôi thuật lại cho họ nghe đầy đủ từng điểm một, không bỏ quên một chi tiết nào, đúng như bộ hạ vừa nghe.

Mặc dù tôi phản kháng, Xăđi vẫn không thôi định kiến. Nghe tôi kể xong, ông nói:

- Ông Côjia Hatxan à, câu chuyện về con cá và hạt kim cương bắt được trong bụng của nó đối với tôi thật cũng khó tin như câu chuyện con chim cắt giết chiếc khăn đội đầu của ông cùng với chuyện cái hũ đựng cám đổi lấy đá kỳ. Dù thế nào đi nữa, ít ra tôi cũng tin chắc là hiện nay ông không còn nghèo túng như trước nữa mà là giàu có, đúng với mong ước của tôi khi giúp cho ông vốn để làm giàu, và tôi chân thành vui mừng về việc đó.

Vì lúc ấy cũng đã muộn, ông ta đứng lên định cáo từ và Xất cũng làm như thế. Tôi liền nói:

- Thưa ngài, cho phép tôi xin hai ngài một ân huệ, và rất mong không bị khước từ. Ấy là xin hai ngài cho tôi vinh dự được mời một bữa cơm thanh đạm, và mời hai ngài nghỉ đêm tại tệt xá, để sáng mai cho tôi được dịp rước các ngài đi thuyền về thăm một ngôi nhà nghỉ ở nông thôn, mà tôi đã mua để thỉnh thoảng về nghỉ mát, sau đó sẽ mời hai ngài trở về đây bằng đường bộ, trên hai con ngựa lấy trong đàn ngựa của tôi.

- Tôi đồng ý, nếu anh Xăđi không có việc gì gấp cả, và nếu cần phải có người đi với anh cho có bạn. – Xất đáp, và nói thêm – Vậy phải cử người tin cho gia đình anh và gia đình tôi biết, để mọi người khỏi phải trông.

Tôi cho gọi một tên nô lệ, trong khi hai người bạn dạo dò nó, tôi sai người đi làm bữa cơm chiều.

Trong khi chờ đợi, tôi mời hai ân nhân của tôi thăm ngôi nhà với tất cả những gì có trong đó, họ đều thấy thỏa đáng đối với cương vị của tôi. Tôi cũng gọi cả hai người là ân nhân, không phân biệt, bởi vì không có Xăđi thì Xất đã không cho tôi hòn chì, và không có Xất, hẳn Xăđi đã không tìm tôi biểu bốn trăm đồng vàng, mà tôi cho là nguồn gốc làm nên hạnh phúc của mình.

Tôi mời họ trở lại phòng khách, họ hỏi tôi khá nhiều về công việc làm ăn, nghe trả lời họ đều tỏ vẻ hài lòng về cung cách xử sự của tôi.

Cuối cùng, người nhà đến báo bữa cơm chiều đã dọn. Tôi mời họ sang phòng ăn. Hai người đều tấm tắc khen cách bài trí đèn nến trong đó, sự ngăn nắp sạch sẽ, cũng như tử rượu và các món ăn, mà họ cho là rất hợp khẩu vị. Trong bữa ăn, tôi cũng mời họ nghe ca nhạc. Sau bữa, lại có những vũ công và vũ nữ vào nhảy múa, cùng làm nhiều trò giải trí khác, để biểu lộ cho họ thấy tôi hàm ơn họ đến chừng nào.

Ngày hôm sau, vì đã thỏa thuận với Xăđi và Xất là nên đi thật sớm cho mát, chúng tôi ra bờ sông trước khi mặt trời mọc. Chúng tôi xuống một chiếc thuyền sạch sẽ có trái thắm, thuyền đã chờ sẵn. Nhờ có sáu tay chèo khỏe và thuận nước, đi chừng một giờ rưỡi thì đến ngôi nhà nghỉ mát của tôi ở nông thôn.

Vừa đặt chân lên bờ, hai người bạn đã dừng lại, không phải chỉ để ngắm mặt ngoài của ngôi nhà thôi mà còn để thán phục vị trí thuận tiện, cảnh quan đẹp, không chật lắm cũng không quá rộng, nhìn từ phía nào cũng thấy vui mắt. Tôi mời họ đi xem xét các buồng cùng mọi công trình phụ và tiện nghi, họ thấy ngôi nhà thật sáng sủa dễ thương.

Tiếp đó chúng tôi ra vườn. Điều họ thích hơn cả là một rừng cam và chanh

đu loại, cây nào cũng trĩu quả sai hoa, khiến cho không khí thơm ngát. Cây trồng thẳng hàng ngay lối, giữa các hàng cây lại có những con mương dẫn nước ngọt từ sông vào tưới. Mặc dù trời nắng to, bóng râm và hơi mát trong vườn, cũng như tiếng nước chảy rì rào, tiếng chim hót líu lo cùng muôn vàn điều thích thú khác khiến cho họ đi vài bước đã dừng lại, hoặc để cảm ơn tôi đã đưa họ về chơi một nơi tuyệt diệu, hoặc để khen tôi giỏi tậu được cơ ngơi này, hoặc tỏ nhiều lời ca ngợi lịch sự khác.

Tôi đưa họ đi xem hết khu trồng cam và chanh ấy, cũng khá rộng, từ đây tôi chỉ cho họ thấy rừng cây, đó là phần cuối của khu vườn bao quanh ngôi nhà nghỉ mát. Tôi dẫn họ tới tận một căn phòng, chung quanh trồng trái nhưng lại được một khóm cọ che, vừa để tỏa bóng mát vừa khỏi che khuất tầm nhìn, mời họ bước vào ngồi nghỉ trên một cái sập đã trải sẵn thảm và đặt gối tựa.

Hai cháu trai của tôi, được đưa về đây ở cùng với gia sư của chúng, sau khi chào khách đã xin phép được đi chơi trong rừng. Chúng đang tìm tổ chim thì chợt trông thấy trên một cây cổ thụ có một cái tổ chim. Chúng định trèo lên lấy nhưng vì không đủ sức leo lên tận ngọn, liền nhờ tên nô lệ mà tôi vẫn cho theo hầu không rời một bước lên lấy giúp chúng cái tổ chim.

Leo lên đến ngọn cây, tên nô lệ rất ngạc nhiên thấy tổ chim được làm trong một chiếc khăn đội đầu. Nó gỡ nguyên như vậy, xuống khoe với lũ trẻ nhà tôi, và nghĩ rằng hẳn tôi cùng vui lòng khi thấy vật này, liền giao cho cháu trai lớn, bảo mang đến tôi xem.

Tôi thấy nó từ xa, với vẻ mừng rỡ thông thường của lũ trẻ con khi bắt được một tổ chim. Cháu đưa tôi xem và nói:

- Bố ơi, cái tổ chim này làm bằng một cái khăn đội đầu.

Xãđi và Xất cùng lấy làm ngạc nhiên về chuyện lạ này không kém tôi. Nhưng tôi còn kinh ngạc hơn họ nhiều khi nhận ra đây chính là chiếc khăn của tôi bị con chim cắt cướp mang đi dạo nọ. Sau khi lật đi lật lại xem xét kỹ, tôi hỏi hai người bạn:

- Thưa hai ngài, hai ngài có còn nhớ được đây chính là chiếc khăn tôi đội, hôm hai ngài hạ cố tới gặp tôi hôm đầu tiên không?

- Tôi không nghĩ là anh Xãđi cũng như tôi để ý đến chuyện đó. Song tôi sẽ chẳng chút nghi ngờ nếu tìm thấy trong chiếc khăn này một trăm chín mươi đồng tiền vàng.

- Thưa ngài, – tôi đáp – xin ngài hãy tin chắc chính chiếc khăn ấy đây. Ngoài việc nhận ra chiếc khăn, tôi còn cảm thấy nó nặng hơn những chiếc khăn thông thường. Nếu ngài vui lòng cầm, ngài sẽ thấy như tôi.

Sau khi bắt hết chim con cho lũ trẻ, tôi đưa chiếc khăn cho Xất và Xãđi,

để thấy nó nặng như thế nào, Xăđđi nói:

- Tôi tin đây là chiếc khăn của ông, tuy nhiên tôi sẽ càng tin chắc hơn nữa nếu nhìn thấy được một trăm chín mươi đồng tiền vàng.

- Thưa các ngài, – tôi lấy lại chiếc khăn và nói tiếp – ít ra cũng xin các ngài biết cho, trước khi tôi mó tay vào, là không phải chiếc khăn này mới ở trên cây hôm qua. Có thể thấy rõ tổ chim được làm ngay trong khăn, không có bàn tay nào động vào, điều đó chứng tỏ nó đã có ở trên cây từ hôm con cắt đặt xuống đây, hoặc từ trên cao buông xuống và bị cành cây giữ lại không cho rơi xuống đất. Xin các ngài chớ lấy làm khó chịu, sao tôi lại xin lưu ý các ngài chi tiết như vậy, chả là tôi rất quan tâm tới việc để các ngài thôi nghi ngờ tôi là tên dối trá.

Xất phụ họa với tôi:

- Anh Xăđđi ạ, việc đó có liên quan tới anh, chứ không phải đến tôi, bởi vì từ trước tới nay tôi vẫn tin là ông Cỗjia Hatxan đây không nói sai.

Trong khi Xất nói, tôi tháo các lần vải bao quanh cái cốt chiếc khăn và lấy ra túi tiền, mà Xăđđi nhận đúng là túi tiền ông đã biếu tôi. Tôi dốc cái túi ra mặt thảm trước mặt họ và nói:

- Thưa ngài, món tiền ấy đây, xin ngài tự tay đếm xem còn đúng số không.

Xăđđi xếp lại thành hàng mười đồng, và đếm được một trăm chín mươi đồng chẵn. Không thể chối cãi một sự thật rành rành như vậy, Xăđđi liền nói:

- Ông Cỗjia Hatxan ạ, tôi chịu nhận là không phải một trăm chín mươi đồng tiền vàng này đã giúp cho ông trở nên giàu. Nhưng một trăm chín mươi đồng kia, mà ông bảo cất trong cái hũ đựng cám, có thể góp phần vào việc đó được chăng?

- Thưa ngài, – tôi đáp – tôi đã nói sự thật về số tiền sau cũng giống như số tiền trước, chẳng nhẽ ngài lại muốn tôi thay đổi ý kiến cũ để đi nói một điều khác, không đúng sự thật hay sao?

- Ông Cỗjia Hatxan ạ, – Xất bảo tôi – hãy để mặc Xăđđi với ý kiến của anh ấy. Tôi sẵn lòng đồng ý với anh ấy, khi anh ấy cho rằng ông chịu ơn anh về một nửa tài sản của ông hiện nay, nhờ có số tiền anh ta giúp ông mới làm nên. Miễn là anh thừa nhận phần nửa gia sản kia là nhờ hòn chì tôi cho ông mà có, và anh ấy không được hoài nghi chuyện bắt được viên kim cương trong bụng con cá.

- Anh Xất ạ, – Xăđđi lại nói – tôi xin làm theo ý anh, miễn là anh để cho tôi được tự do tin rằng người ta chỉ tích tụ được tiền bạc nhờ có tiền bạc mà thôi.

- Sao? Nếu tình cờ tôi nhặt được viên kim cương bán năm vạn đồng vàng,

anh vẫn cho rằng tôi tích được số vốn nhờ tiền bạc hay sao?

Cuộc tranh cãi chỉ đến đây. Chúng tôi vào nhà. Cơm trưa đã dọn, chúng tôi cùng ngồi vào bàn. Sau bữa cơm, tôi để lại hai người khách nghỉ ngơi trong nhà để tránh nắng gắt, trong khi tôi đi giao việc cho người làm. Sau đó trở về ngồi với họ, chúng tôi nói chuyện băng quơ chờ cho tới khi dịu nắng, lại ra vườn chơi mát cho tới lúc mặt trời gần lặn. Lúc này hai người bạn và tôi cùng lên ngựa, có một tên nô lệ theo hầu, trở về Bátđã dưới ánh trăng, đi khoảng hai giờ thì đến.

Tôi không rõ do làm ăn trễ nải thế nào mà bọn người nhà tôi để thiếu đại mạch cho ngựa. Các kho đều đã đóng cửa, với lại cũng quá xa để đi mua thứ đó vào lúc này.

Trong khi tìm tòi quanh xóm, một chú nô lệ của tôi mua được một hũ cám ở một quán nhỏ; nó đưa về nhà với điều kiện là sáng hôm sau mang hũ đến trả lại cho bà chủ quán – trong khi rải đều cám trong hũ vào máng cho ngựa ăn, nó chột hốt được một vật nặng gói trong một mảnh vải. Vẫn để nguyên cái gói vải như vậy, nó mang đến cho tôi, thưa rằng có lẽ đây là gói vải nó thường nghe tôi nói chuyện, khi thuật lại cho bạn bè nghe điều không may xảy ra. Rất mừng rỡ, tôi nói với các vị ân nhân của mình:

- Thưa các ngài, Thượng đế không muốn để các ngài chia tay tôi ra về mà trong lòng chưa hoàn toàn tin chắc sự thật tôi hằng quả quyết với các ngài. Đây là số tiền một trăm chín mươi đồng vàng nữa ngài đã cho tôi, – tôi quay sang nói với Xăđđi – nhìn mảnh vải này tôi nhận ra ngay.

Tôi mở gói vải, đếm tiền trước mặt họ. Sai mang chiếc hũ đến, tôi nhận thấy đó chính là cái hũ nhà. Tôi lại đưa cho vợ tôi xem, hỏi xem có nhận được hay không, và dặn chớ nói cho bà rõ chuyện vừa xảy ra. Vợ tôi nhận ngay ra đúng chiếc hũ ấy, và sai người đến nói cho tôi biết đây đúng là cái hũ bà đã mang đổi lấy đá kỳ đạo họ.

Bây giờ thì Xăđđi hết hoài nghi, ông nói với Xăđđi:

- Tôi chịu thua anh. Tôi thừa nhận rằng tiền không phải bao giờ cũng là một phương tiện chắc chắn để tích tụ tiền bạc và trở nên giàu có.

Đợi Xăđđi dứt lời, tôi nói:

- Thưa ngài, tôi không dám xin ngài lấy lại số tiền ba trăm tám mươi đồng mà hôm nay Thượng đế cho đưa về đây để ngài hết ngờ tôi không thành thực. Tôi tin chắc ngài đã không cho tôi với ý định là rồi sau này tôi sẽ trả lại ngài. Về phần mình, tôi không mong muốn hưởng món tiền này, bởi Thượng đế đã cho tôi hưởng nhiều thứ khác. Tôi hy vọng ngài đồng ý cho tôi được ngày mai mang phân phát cho những người nghèo, để rồi Thượng đế sẽ ban phước lành cho cả các ngài lẫn tôi.

Đêm hôm ấy, hai người bạn ngủ lại nhà tôi một tối nữa, và sáng hôm sau, từ biệt về nhà, rất hài lòng về sự đón tiếp, cũng như biết rõ tôi không hề lạm dụng hạnh phúc mà tôi được hưởng nhờ có họ giúp đỡ và ơn sâu của Thượng đế. Sau đó tôi không quên đến nhà riêng từng người để tạ ơn; và từ hôm ấy, rất làm vinh hạnh được họ coi là bạn bè, tôi thỉnh thoảng đến thăm họ.

Hoàng đế Hatxan An-Rasít lắng nghe Côjia Hatxan chăm chú tới mức không nhận ra ông đã dứt lời. Vua phán:

- Côjia Hatxan à, đã lâu lắm ta chưa được nghe một câu chuyện nào làm ta thú vị bằng chuyện này; qua đó thấy rõ Thượng đế mang lại cho anh hạnh phúc bằng con đường kỳ diệu như thế nào. Anh hãy tiếp tục tỏ lòng biết ơn Người bằng cách dùng của cải vào nhiều việc thiện. Ta cũng vui lòng nói cho anh biết, viên kim cương đã làm cho anh nên cơ nghiệp ấy hiện nằm trong kho báu của hoàng gia. Về phần mình, ta thú vị được biết nó trở thành vật báu của ta bằng con đường nào. Nhưng, vì trong tâm trí của Xăđi có thể còn chút nghi ngờ về sự độc đáo của viên kim cương mà ta cho là vật quý báu nhất, đáng xem nhất trong tất cả những gì ta có, ta muốn anh đưa ông ấy đến đây, cùng với cả Xăđi nữa, để viên quan coi giữ kho tàng của ta cho họ xem, qua đó cho Xăđi thấy rằng, chớ nên nghi ngờ gì nữa, tiền bạc không phải là cái vốn chắc chắn cho một người nghèo mau chóng trở nên giàu có với ít gian lao. Ta cũng muốn anh thuật lại câu chuyện vừa rồi cho viên quan coi giữ kho tàng của ta nghe, để ông ấy sai người chép lại và cất giữ bản văn ấy cùng với viên kim cương.

Nói đến đây, hoàng đế gật đầu, tỏ cho Côjia Hatxan, Xăđi Numan và Baba Apđanla biết mình hài lòng về họ. Ba người liền phủ phục trước ngai vàng, sau đó cùng lui về.

CHUYỆN ALI BABA VÀ BỐN MƯƠI TÊN CƯỚP

Trong một thành phố nọ thuộc nước Ba Tư, có hai anh em nhà kia. Người anh tên là Catxim, người em tên là Ali Baba. Cha họ chết đi, để lại ít của cải, được chia thành hai phần giống nhau; những tương số phận họ rồi cũng sẽ giống nhau, không ngờ sự tình cờ lại xui nên khác.

Catxim cưới vợ, người vợ này chẳng bao lâu sau khi kết hôn, được thừa kế một cửa hiệu hàng hoàng cùng một kho đầy hàng hóa tốt, lại thêm nhiều ruộng đất nữa, khiến cho gã trở thành một trong những thương nhân giàu có nhất thành phố.

Ali Baba, ngược lại, lấy một người vợ cũng nghèo như mình, ở nhà cửa tồi tàn. Để kiếm sống và nuôi con, anh ta chẳng có nghề ngỗng gì ngoài việc vào một khu rừng ở gần, chặt củi xếp lên lưng ba con lừa, đó là tất cả sản vật của anh, mang về phố bán.

Một hôm, Ali Baba vào rừng, chặt gần đủ củi cho ba con lừa thồ, thì chợt trông thấy có một đám bụi tung mù đang tiến thẳng về phía mình. Chăm chú nhìn, anh ta nhận ra đây là một toán người đang cưỡi ngựa phi nước đại tới.

Mặc dù trong vùng chẳng nghe nói đến trộm cướp bao giờ, Ali Baba vẫn nghi những người cưỡi ngựa kia có thể là bọn đạo tặc. Không kịp nghĩ tới mấy con lừa của mình sẽ còn hay mất, anh chỉ tính tới chuyện thoát thân. Anh trèo lên một cây to, thân cây này cách mặt đất không cao lắm phân thành nhiều cành sát nhau, chỉ để hở một chỗ rất hẹp. Anh ta ngồi vào giữa chỗ phân cành ấy, yên trí là không ai có thể trông thấy mình, cây này mọc cạnh một tảng đá cao hơn nhiều, cách biệt các khối đá chung quanh, và hiểm trở đến mức không ai có thể trèo lên đỉnh bằng bất cứ lối nào.

Các kỵ sĩ cao lớn, vạm vỡ, cưỡi những con ngựa tốt và được trang bị vũ khí đầy đủ, đến gần tảng đá thì xuống ngựa. Ali Baba đếm được bốn mươi người. Nhìn vẻ mặt và cách ăn mặc của họ, không nghi ngờ gì nữa, anh cho đây là những tên cướp. Anh không nhầm: quả vậy, đây là những tên cướp, nhưng chúng không gây chuyện ở quanh vùng mà đi cướp bóc thật xa và lấy nơi đây làm chỗ hẹn; những điều trông thấy xác nhận ý nghĩ ấy của anh.

Các kỵ sĩ tháo cương, buộc ngựa lại, lấy một túi đai mạch buộc trên lưng treo vào cổ mỗi con vật cho nó ăn, rồi mỗi tên vác một cái hòm của nó. Phần lớn các hòm trông nặng đến nỗi Ali Baba cho rằng đều chứa đầy vàng hoặc bạc.

Kỵ sĩ mà Ali Baba thấy có vẻ là tên cầm đầu cả bọn, cũng vác cái hòm của nó như những tên khác, tiến đến gần tảng đá, sát ngay gốc cây anh đang nấp. Sau khi vạch bụi bỏ đi mấy bước, hắn đọc rất rành mạch mấy tiếng: “Vùng ơi, hãy mở ra.” Tên cầm đầu bọn cướp vừa đọc xong, lập tức một cánh cửa

mở. Sau khi chờ cả bọn vào xong, hắn cũng vào và cánh cửa đóng lại.

Bọn cướp ở lại rất lâu đằng sau tảng đá. Ali Baba sợ nếu mình bỏ trốn chẳng may một tên hoặc cả bọn đi ra trông thấy thì chết, đành ngồi yên trên cây và kiên nhẫn chờ đợi. Tuy cũng có lúc anh nảy ra ý muốn đoạt hai con ngựa, cưới một con, dắt một con và xua ba con lừa chạy về phố, nhưng cứ phân vân sợ bị bắt, cuối cùng đành giữ đạo ăn chắc.

Cuối cùng, cánh cửa lại mở, bốn mươi tên cướp từ trong hang đi ra. Tên cầm đầu hồi nãy vào sau rốt, nay lại là người ra đầu tiên. Ali Baba trông thấy cả bọn lần lượt đi qua trước mặt tên đầu lĩnh, và tên này đọc:

“Vùng ơi, hãy đóng cửa lại,” thế là cánh cửa đóng lại ngay. Bọn cướp đến tháo dây ngựa của mình. Buộc chiếc hòm lên lưng, rồi lên yên. Khi tên đầu lĩnh thấy cả bọn đã sẵn sàng, hắn đi lên đầu đoàn, và bọn cướp bỏ đi theo con đường cũ.

Ali Baba chưa tụt xuống khỏi ngọn cây ngay, anh tự nhủ: “Biết đâu chúng chẳng quên một thứ gì và quay trở lại; ta sẽ bị chúng bắt được.” Đưa mắt nhìn theo đợi cho đến khi cả bọn đi mất hút, rồi chờ một hồi lâu nữa cho thật yên tâm, anh mới xuống, vẫn còn nhớ câu thần chú tên đầu lĩnh bọn cướp dùng để mở và đóng cánh cửa, anh tò mò muốn thử xem nếu mình đọc thì có được hiệu quả ấy hay không. Anh vạch bụi cây; nhận ra một cánh cửa khuất đằng sau. Anh đến trước cửa và đọc: “Vùng ơi, hãy mở ra,” thế là lập tức cánh cửa mở rộng. Ali Baba nghĩ mình sẽ bước vào một nơi tối tăm, anh ngạc nhiên thấy trước mắt mình là một cửa hang rộng rãi, sáng sủa, do tay người đào, bên trên vòm khá cao, có mở một lỗ thông hơi để lấy ánh sáng từ trên chiếu vào. Trong hang có nhiều thức ăn dự trữ, hàng đồng hàng hóa đắt tiền, lụa là, gấm vóc, những tấm thảm quý, và nhất là tiền vàng và tiền bạc đổ thành đống hoặc chứa trong những cái bị túi da xếp chồng lên nhau. Của cải tiền bạc nhiều đến mức anh nghĩ cái hang này được dùng làm sào huyệt của bọn cướp không phải từ nhiều năm mà có lẽ từ nhiều thế kỷ, hết bọn này đến bọn khác kế tục đến đây.

Không chút đắn đo, Ali Baba bước vào hang. Anh vừa vào khỏi, cánh cửa đóng lại ngay, nhưng anh không chút sợ hãi. Anh đã nắm được câu thần chú để mở cửa.

Anh không màng gì đến bạc mà chỉ chú ý đến tiền vàng, đặc biệt những thứ đựng sẵn trong các túi. Anh lấy nhiều túi, mang ra làm nhiều lần, tùy theo sức có thể mang nổi và vừa đủ cho ba con lừa thồ. Anh đi lừa ba con lừa đang tản mát trở về, đưa đến gần tảng đá, xếp các túi vàng lên, rồi lấy củi chất lên trên để che mắt mọi người. Xong đâu đấy, anh đến trước cửa, vừa đọc xong câu thần chú “Vùng ơi, hãy đóng cửa lại,” là cửa đã sập lại ngay, bởi vì mỗi lần có người vào thì cửa tự đóng, còn mỗi khi có người từ trong

hang ra thì cửa vẫn để ngỏ.

Làm xong, Ali Baba trở về thành phố. Đến nhà, anh đánh đàn lừa vào sân sau và đóng cổng lại thật cẩn thận. Anh dỡ ít củi xếp bên trên rồi mang các túi vàng vào nhà đặt trước mặt vợ lúc ấy đang ngồi trên một chiếc ghế dài.

Cô vợ nhắc thử các túi, thấy chứa đầy tiền, đâm nghi chồng vừa đi ăn trộm ở đâu đó về; vì vậy khi anh mang hết các túi vào nhà, chị không nhìn được nữa:

- Ali Baba này, sao anh khôn nạn đến mức... Ali Baba vội ngắt lời:

- Ấy, mình ơi, chớ có làm toáng lên vậy. Tôi không phải là đứa ăn trộm, trừ phi là trộm của quân kẻ trộm. Hãy lắng nghe tôi kể hết vận may, mình sẽ thôi nghĩ xấu về chồng.

Anh dốc các túi thành một đồng vàng lớn, làm cô vợ lóa cả mắt, xong anh kể lại câu chuyện từ đầu đến cuối, rồi dặn vợ, điều quan trọng hơn hết là phải giữ bí mật.

Người vợ qua cơn lo sợ, cùng với chồng vui mừng về vận may vừa đến. Chị muốn đếm từng đồng một tất cả đồng vàng trước mặt. Ali Baba nói:

- Mình ơi, mình chẳng khôn ngoan chút nào, mình định làm gì đây? Đến bao giờ mình mới đếm xong? Tôi ra đào một cái hố và chôn ngay đi, chúng ta không được để mất thời giờ.

- Giá mà chúng ta ang áng biết là có được bao nhiêu cũng thích. Tôi sang bên nhà hàng xóm mượn cái đầu, tôi sẽ đóng trong khi mình đào hầm.

- Mình ạ, – Ali Baba lại nói – việc mình làm chẳng có lợi ích gì đâu, nếu mình tin tôi thì nên nghỉ đi cho khỏe. Nhưng thôi, mình muốn làm gì thì cứ làm, có điều là phải giữ bí mật.

Để thỏa sự mong muốn của mình, vợ Ali Baba đến nhà Catxim, ông anh chồng, cách cũng chẳng xa.

Catxim không có nhà, chị đành hỏi vợ gã, xin cho mượn cái đầu một chốc. Người chị dâu hỏi muốn mượn đầu to hay đầu bé, vợ Ali Baba xin mượn cái bé thôi.

- Rất sẵn lòng, – người chị dâu nói – thím chờ cho một lát, tôi mang ra ngay.

Cái đầu được tìm thấy ngay, nhưng bà chị dâu xưa nay vẫn biết gia đình Ali Baba nghèo, tò mò muốn biết rõ cô em dâu hôm nay mượn đầu về đóng hạt gì, liền nghĩ ra cách bôi một ít mỡ bò vào bên dưới đáy. Trở lại đưa cái đầu cho vợ Ali Baba, xin lỗi để thím chờ lâu, vì tìm mãi mới thấy.

Vợ Ali Baba về nhà, để cái đầu lên đồng vàng, đóng và đồ sang chiếc ghế dài. Đóng xong, chị rất hài lòng vì được con số khá lớn, và mách với chồng

vừa lúc anh đào xong hố.

Trong khi Ali Baba chôn vàng, chị vợ muốn tỏ cho chị dâu biết mình mau mắn và đúng hẹn, liền mang trả chiếc đầu ngay, nhưng không để ý có một đồng vàng dính vào dưới đáy.

- Chị ạ, chị thấy là em chẳng giữ lâu cái đầu của chị làm gì; em mang trả chị đây, cảm ơn chị lắm.

Vợ Ali Baba vừa sắp lưng đi, người chị dâu đã nhìn vào đáy đầu, và cực kỳ ngạc nhiên khi thấy có một đồng tiền vàng dính ở đó:

- Quái thật! Ali Baba đong vàng bằng đầu! Thằng khố rách ấy đào đâu ra lắm vàng thế nhỉ?

Ông chồng vắng nhà, như chúng ta đã biết, gã đang trông năm cửa hiệu, chiều tối mới về. Sốt ruột muốn báo cho chồng hay một cái tin chắc chắn sẽ làm gã ngạc nhiên không kém mình, cô vợ thấy thời gian chờ đợi chồng về lâu bằng cả thế kỷ.

Catxim vừa bước vào nhà, cô vợ đã bảo:

- Anh Catxim à, anh tưởng anh giàu; anh nhầm rồi, Ali Baba muôn vạn lần giàu hơn, nó không đếm từng đồng vàng như anh, nó đong vàng bằng đầu.

Catxim hỏi câu nói khó hiểu đó có ý nghĩa gì, cô vợ thuật chuyện, và khoe mảnh của mình dùng để biết sự thật. Thị đưa cho chồng xem đồng tiền vàng dính vào đáy đầu. Đồng tiền vàng xưa đến mức gã không biết cả niên hiệu ông vua đúc trên đó.

Đã không vui mừng vì điều may mắn vừa giúp chú em thoát khỏi cảnh khốn cùng, Catxim thấy dậy lên trong lòng sự ganh tị ghê gớm.

Hầu như suốt đêm gã không chợp mắt. Sáng hôm sau, mặt trời chưa mọc gã đã đến nhà Ali Baba. Gã chẳng coi Ali Baba là em trai mình; gã đã quên mất tiếng em kể từ ngày lấy được người đàn bà góa giàu.

Trông thấy em, gã nói ngay:

- Này Ali Baba, các người làm ăn kín tiếng thật. Các người làm ra vẻ nghèo khổ, bần cùng rách rưới, ấy thế mà các người đong vàng bằng đầu.

- Thừa anh, – Ali Baba đáp – em chẳng rõ anh định nói gì với em. Xin anh giảng giải rõ hơn.

- Chú đừng vờ vĩnh nữa! – Catxim nói.

Và giờ đồng tiền vàng mà vợ gã đưa cho, gã nói tiếp:

- Chú có được bao nhiêu đồng giống hệt đồng này, mà bà nhà tôi tìm thấy dính vào đáy cái đầu cho vợ chú mượn hôm qua?

Nghe nói như vậy, Ali Baba biết hai vợ chồng Catxim đã rõ điều bí mật mà anh cố giữ (mà lại do sự cứng đầu của chính vợ anh gây nên nữa chứ). Nhưng đằng nào việc cũng đã xảy ra rồi, có hồi cũng chẳng sửa chữa được. Không để lộ cho ông anh thấy chút gì ngạc nhiên hoặc buồn bã, anh thú thật, và thuật lại cho ông anh nghe, do sự tình cờ thế nào mà phát hiện được sào huyệt của bọn cướp ở chỗ nọ. Anh ngỏ ý, nếu ông anh đồng lòng giữ bí mật, thì sẽ chia cho một phần kho tàng.

Catxim trả lời kiêu kỳ:

- Ta đồng ý như vậy, nhưng ta còn muốn biết chính xác kho tàng ấy ở đâu, dấu hiệu, đặc điểm, và nếu ta thích thì làm thế nào để tự ta vào được trong đó. Nếu không, ta sẽ tố giác chú mày với quan trên. Nếu chú mày từ chối, không những chú mày không hy vọng gì có thêm nữa, mà còn mất cả phần chú mày vừa chiếm được, trong khi ta lại được chia phần vì đã cáo giác chú mày.

Ali Baba, do bản chất tốt chứ không vì sợ hãi lời dọa dẫm láo xược của ông anh vô sỉ, nói cho gã biết đầy đủ những điều gã muốn biết, kể cả câu thần chú nhất định phải dùng đến, nếu ai muốn vào hang cũng như muốn từ đó ra ngoài.

Catxim không hỏi Ali Baba nhiều hơn. Gã từ giã em ra về, và quyết tâm phồng tay trên. Hy vọng một mình chiếm gọn cả kho tàng, sáng hôm sau gã lên đường thật sớm, trước khi trời rạng, cùng mười con la mang những hòm to tướng mà gã định sẽ chứa đầy vàng; lại còn tính toán, tùy theo số của cải sẽ thấy trong hang, chuyển sau nếu cần thì đưa đi nhiều súc vật hơn nữa để chở.

Theo con đường Ali Ba ba chỉ dẫn, gã đến gần tảng đá và nhận ra những dấu hiệu cùng cây cổ thụ mà Ali Baba đã ẩn nấp. Gã tìm được cái cửa và để mở ra gã niệm thần chú “Vùng ơi, hãy mở cửa ra.” Cửa mở, gã đi vào hang, lập tức cửa đóng lại. Xem xét cái hang, gã lóa mắt khi nhìn thấy quá nhiều của cải, hơn cả sự tưởng tượng của gã khi nghe Ali Baba thuật lại. Niềm thần phục càng tăng khi gã xem xét kỹ từng vật riêng biệt.

Vốn keo kiệt và tham lam của cải, hẳn gã sẽ dành suốt cả ngày để ngắm nghía bao nhiêu là vàng bạc tiền của nếu không chợt nhớ ra, mình đến đây cốt để lấy vàng thò nặng mười con la mang về chứ không phải chỉ để xem.

Gã liền lấy một số túi, sức bao nhiêu mang ra bấy nhiêu; ra tới cửa, đầu óc còn đang mải nghĩ làm sao mang được nhiều hơn nữa, gã đâm quên khuấy mất câu thần chú. Đáng lẽ phải nói: “Vùng ơi, hãy mở ra”, gã lại niệm: “Đại mạch ơi, hãy mở ra” và rất ngạc nhiên thấy cánh cửa không mở mà cứ đóng im ỉm. Gã gọi tên nhiều loại hạt khác, trừ tiếng vùng, và cửa vẫn không chịu mở ra cho.

Catxim không chờ đợi cơ sự này. Trong cơn nguy cấp, gã đâm kinh hoàng. Và càng cố đập óc để nhớ lại tiếng vừng, gã càng làm cho trí nhớ rối như mớ bòng bong. Chẳng mấy chốc cái tiếng ấy biến mất như cả đời gã chưa từng nghe nói đến nó bao giờ. Gã ném xuống đất những túi tiền vừa lấy, và sải bước đi đi lại lại dọc ngang trong hang đá. Bao nhiêu cửa cái đồ đồng dưới chân không còn làm gã động lòng mảy may.

Chúng ta hãy để cho Catxim khóc than cho số phận gã. Tên bất lương ấy chẳng đáng cho ta thương hại.

Đến trưa, bọn cướp trở lại cái hang; sắp tới nơi, chúng trông thấy đàn la của Catxim gần tảng đá con nào cũng mang hòm. Lo lắng về cảnh tượng mới lạ này, chúng cho ngựa phi nước đại đến, khiến lũ la, mà Catxim đã quên không buộc, sợ hãi chạy tán mác trong rừng, xa đến nỗi mắt hút không nhìn thấy nữa.

Bọn cướp không thềm đuổi theo các con la. Điều quan trọng hơn đối với chúng là tìm xem chúng thuộc về ai. Trong lúc vài ba tên lưng sục quanh tảng đá, tên đầu lĩnh cùng cả bọn xuống ngựa, tuốt kiếm cầm tay và đi thẳng tới trước cửa, đọc câu thần chú; cánh cửa liền mở ra.

Catxim ở trong hang nghe tiếng ngựa đến gần, biết chắc bọn cướp trở về, và mình sắp chết đến nơi. Quyết định làm điều may ra thì thoát thân được, gã chờ sẵn để khi cánh cửa vừa mở ra thì lao ra ngoài. Sau khi nghe được tiếng vừng mà gã đã quên khuấy mất và thấy cánh cửa vừa mở, gã lập tức lao ra đột ngột đến nỗi xô ngã cả tên đầu lĩnh. Nhưng gã không thể nào chạy thoát khỏi những tên cướp khác, tên nào cũng lăm lăm kiếm ở tay, và bị chúng giết chết ngay lập tức.

Điều quan tâm đầu tiên của bọn cướp sau khi giết chết Catxim là vào ngay trong hang: chúng thấy ở gần cửa hang những chiếc túi gã bắt đầu mang ra đây, định xếp lên các con la; chúng liền đưa trở về chỗ cũ mà không để ý nhận thấy thiếu phần Ali Baba đã lấy đi hôm trước. Họ họp nhau lại để bàn bạc về sự kiện vừa rồi, chúng hiểu ngay vì đâu Catxim không ra được ngoài hang, nhưng không làm sao sáng tỏ bằng cách nào gã vào được đến đây. Cũng có ý kiến gã có thể từ trên nóc hang tụt xuống, nhưng lỗ thông ánh sáng ở quá cao, và phía ngoài tảng đá quá hiểm trở, loại trừ khả năng có thể vào bằng con đường đó. Cả bọn đành chịu không làm sao lý giải được. Bọn chúng không thể tin là gã vào qua cửa trừ phi gã biết được câu thần chú. Bọn cướp chắc chắn là chỉ có bọn chúng mới biết điều bí mật. Ở chỗ này chúng đã nhầm vì không hay là Ali Baba tình cờ nghe trộm được, nên cũng là người biết rõ câu thần chú ấy.

Cho dù sự việc đã xảy ra cách nào chẳng nữa thì nó cũng quan hệ tới sự an toàn cho tài sản chung của cả bọn, lũ cướp thỏa thuận xả thân Catxim ra làm

bốn mảnh, đặt gần cửa ra vào phía trong hang mỗi bên hai mảnh, để làm khựng khiếp bất kỳ kẻ nào dám to gan làm một việc như thế nữa, trừ phi kẻ đó đến một thời gian rất lâu sau, khi mùi hôi thối của xác chết đã tiêu tan mất hết. Quyết định xong, chúng thực hiện ngay; và khi không còn việc gì cầm chân lại nữa, chúng lên ngựa đến những nơi các đoàn nhà buôn mang hàng hóa thường hay qua lại, để đón đường, đâm chém và cướp bóc như thường lệ.

Trong lúc ấy, vợ Catxim rất lo lắng thấy trời tối mịt rồi mà chồng chưa về. Thị hoảng hốt chạy đến nhà Ali Baba:

- Chú ơi, – thị nói – chắc chú cũng đã biết là anh Catxim của chú đi vào rừng có việc gì rồi. Trời tối đã lâu mà không thấy anh ấy về, tôi lo có việc gì không may xảy ra cho anh ấy chẳng.

Ali Baba không lạ gì về chuyến đi của ông anh, sau khi nghe những lời gã thốt ra hôm qua. Chính vì vậy anh cố tình không vào rừng hôm ấy để khỏi làm phiền đến gã. Không tỏ ý trách móc để khỏi xúc phạm đến bà chị dâu hoặc ông anh trai, nếu gã còn sống, anh bảo thị chớ nên quá hoảng hốt, chắc chắn Catxim nghĩ là không nên trở về nhà lúc đầu hôm đó thôi.

Vợ Catxim tin ngay, và càng dễ tin bởi vì thị biết chồng thị phải hành động bí mật là điều cực kỳ quan trọng. Thị trở về nhà, kiên nhẫn chờ đợi cho đến nửa đêm. Nhưng sau nửa đêm, thị càng hoảng hốt, càng đau khổ hơn, nhất là vì biết rõ mình không được phép khóc lóc kêu la ầm ĩ làm kinh động hàng xóm. Thế là, nếu lỗi lầm của thị là vô phương cứu chữa, thì thị lấy làm hối hận về tính tò mò rở dại của mình, vì sự ganh tị đáng chê trách, đã đi sâu vào chuyện làm ăn của em trai và em dâu. Thị khóc suốt đêm, vừa tảng sáng, chạy vội tới nhà báo tin cho em rõ bằng nước mắt hơn là lời nói.

Ali Baba không chờ chị dâu phải nhờ anh chịu khó đi tìm xem ông anh ra sao rồi. Anh vội thắng con lừa, rồi sau khi khuyên giải chị dâu chớ quá buồn phiền, anh đi thẳng vào rừng. Không gặp trên đường đi người anh hoặc đàn la, tới gần tảng đá, nhận thấy có vết máu gần cửa hang, anh biết đây là dấu hiệu không hay rồi.

Anh đến trước cửa hang, đọc câu thần chú; cửa mở, và quang cảnh đáng buồn hiện ra trước mắt: thi thể ông anh bị xẻ thành bốn mảnh vứt ở hai nơi.

Không chút do dự, quên đi cách đối xử tàn tệ của anh đối với mình, Ali Baba tính ngay tới chuyện làm lễ mai táng. Anh tìm trong hang những thứ có thể gói bốn mảnh thi thể, buộc lên lưng một con lừa rồi xếp củi lên trên để che mắt thế gian. Anh lại vội vã xếp lên lưng hai con lừa kia những túi đầy vàng, rồi cũng lại chắt củi lên, giống hệt như lần trước, xong đầu đầy, niệm thần chú đóng cửa hang lại và tìm đường trở về nhà. Anh chỉ đánh hai con lừa chở vàng vào nhà mình và sau khi giao cho vợ việc cất dỡ hàng, cũng

như khi nói vắn tắt về việc gì đã xảy ra cho Catxim, anh đánh con lừa kia sang nhà chị dâu.

Ali Baba gõ cửa, người ra mở cửa là Mocjian, một người ở gái lanh lợi, sáng ý và giàu mưu mẹo, có thể làm đến nơi đến chốn những công việc khó khăn nhất; xưa nay Ali Baba từng biết vậy. Vào trong sân, anh dỡ củi và hai túi kia xuống rồi gọi riêng Mocjian ra bảo:

- Mocjian à, điều đầu tiên ta yêu cầu ở cô là tuyệt đối giữ bí mật. Cô sẽ thấy nó cần thiết đến mức nào cho chủ của cô cũng như cho ta. Kia là thi hài chủ cô trong hai cái gói. Chúng ta cần phải chôn cất thi thể anh ấy như thể anh ấy qua đời một cách tự nhiên vậy. Cô hãy để ta bàn chuyện với chủ cô, và chú ý lắng nghe những điều ta nói.

Mocjian đi báo cho bà chủ hay. Ali Baba theo chân cô vào nhà. Người chị dâu nôn nóng hỏi:

- Thế nào chú? Chú có mang tin gì của anh về cho chị đây? Xem vẻ mặt chú thì chẳng phải là tin vui.

- Chị ạ, tôi không thể nói gì với chị nếu chị không hứa sẽ lắng nghe tôi từ đầu chí cuối mà không mở miệng nói một lời nào. Trong cơ sự này, điều quan trọng không kém đối với tôi, vì lợi ích của chị cũng như sự yên ổn của tôi, là phải hết sức bí mật.

- Ôi! – Người chị thốt lên, nhưng không cao giọng – Qua câu mở đầu này tôi biết là anh ấy không còn nữa, nhưng đồng thời tôi cũng nhận ra cần phải giữ bí mật như lời chú dặn. Thôi đành phải nén lòng vậy, chứ biết làm sao; chú nói đi, tôi nghe đây.

Ali Baba kể cho chị dâu nghe đầu đuôi câu chuyện cho tới khi lấy được xác Catxim về, rồi nói tiếp:

- Chị ạ, việc đã xảy ra quả là đau buồn cho chị, nhất là vào lúc chị không chờ đợi chút nào. Mặc dù điều bất hạnh chẳng có gì bù đắp được, nhưng nếu có điều gì khả dĩ an ủi chị chừng nào, ấy là tôi khuyên chị nên lấy tôi, để có thể gộp phần của cải của trời vừa cho tôi vào tài sản của chị; tôi bảo đảm là vợ tôi sẽ không ghen tuông, và hai người rồi sẽ sống hòa thuận. Nếu chị chấp nhận điều đó thì chúng ta phải nghĩ cách cho ông anh tôi có vẻ như qua đời một cách tự nhiên. Việc này chị có thể tin tưởng ở Mocjian; về phần mình, tôi sẽ hết sức góp phần cho được việc.

Đối với người vợ góa của Catxim, còn đám nào tốt hơn điều Ali Baba vừa đề nghị: Cùng với những tài sản người chồng cũ để lại, lấy được một người chồng mới giàu có hơn, thậm chí với kho tàng vừa phát hiện, còn có thể giàu nhiều hơn. Thị không khước từ, ngược lại còn cho đấy là một cái lý phải chẳng để mang lại những niềm an ủi. Thị lau khô nước mắt vừa tuôn lã chã

và nén những tiếng gào la thông thường của đàn bà khi chồng mất, chừng ấy đủ chứng tỏ cho Ali Baba biết thì chấp nhận lời anh cầu hôn.

Sau khi dặn dò Mocjian sắm thật tốt vai tuồng, anh để người vợ góa của Catxim lại đó, và đánh lừa về nhà mình.

Mocjian không chậm trễ; cô đi ra cùng một lúc với Ali Baba, đến nhà một thầy lang vẫn bốc thuốc trong vùng. Cô gõ cửa hỏi mua một thứ thuốc viên rất công hiệu dùng trong những căn bệnh hiểm nghèo. Thầy lang nhận tiền, giao thuốc, và hỏi ở nhà chủ cô ai là người ốm nặng vậy. Mocjian thờ dãi:

- Ôi! Chính là Catxim, ông chủ hiền từ của tôi, chứ còn ai nữa! chẳng biết ông ấy mắc bệnh gì, mà chẳng nói năng ăn uống được gì sất.

Nói xong, cô mang thuốc về nhà, mà thực tế Catxim không còn dùng được nữa.

Ngày hôm sau, lại chính Mocjian đến đập cửa vẫn nhà thầy lang ấy, và nước mắt lưng tròng, hỏi mua một loại thuốc nước mà người ta vẫn dùng cho những người ốm thập tử nhất sinh uống, nếu loại thuốc này mà không công hiệu, thế là biết chẳng hy vọng gì cứu chữa nữa.

- Chao ôi! – Cô buồn rầu nói khi nhận chai thuốc trong tay – Tôi e rằng thứ thuốc nước này rồi cũng chẳng công hiệu gì hơn loại thuốc viên hôm qua. Ôi! Tôi đến bỏ mất một ông chủ tốt bụng xiết bao!

Mặt khác, bà con làng xóm thấy suốt ngày hai vợ chồng Ali Baba nhiều lần qua lại nhà Catxim, vẻ mặt âu sầu. Bởi vậy tới đến chẳng ai ngạc nhiên khi nghe tiếng khóc than thảm thiết của vợ Catxim và nhất là của Mocjian, báo tin gã đã qua đời.

Ngày hôm sau, rất sớm, ngay khi trời vừa bắt đầu rạng, Mocjian vốn biết ở gần chợ có một người thợ chữa giày rất già bao giờ cũng mở hiệu đầu tiên, sớm hơn tất cả mọi người, liền đến tìm ông ta. Cô đến gần, cất tiếng chào, và cúi đầu giúi vào tay ông một đồng tiền vàng.

Baba Muxtafa, đó là tên thường gọi của ông thợ chữa giày, bản tính vui nhộn, bao giờ cũng tìm được một câu hóm hỉnh, nhìn kỹ đồng tiền, bởi vì trời chưa thật sáng tỏ, sau khi nhận ra đúng là vàng, liền nói:

- Quà mở hàng tốt đẹp làm sao! Nào, có việc gì nào? Thân già này sẵn sàng làm giúp.

- Cụ Baba Muxtafa ạ, cụ hãy cầm những thứ cần thiết để khâu, và nhanh chóng đi theo cháu, nhưng với một điều kiện là đến một nơi nào đó, cụ phải để cho cháu bịt mắt cụ lại.

Nghe vậy, Baba Muxtafa làm ra vẻ khó dễ:

- Ô! Ô! Cô lại muốn già này làm một việc gì trái với lương tâm hay danh

dự của già chăng?

Mocjian giúi thêm một đồng tiền vàng nữa vào tay ông và nói:

- Nói có trời chứng giám, cháu đâu dám đòi hỏi cụ làm việc gì trái với lương tâm. Xin cụ hãy đến đây, chớ sợ gì sất!

Baba Muxtafa đồng ý để cô dẫn đi, tới một nơi đã định, cô lấy khăn bịt mắt ông già lại rồi dắt đến phòng ông chủ vừa quá cố của mình; cô đưa thẳng ông vào phòng để xác chết, đã xếp bốn mảnh lại cho giống nguyên hình, rồi mới mở băng bịt mắt. Xong, cô nói:

- Cụ Baba Muxtafa, chính để khâu bốn mảnh kia lại với nhau mà cháu dẫn cụ tới đây. Xin cụ chớ để mất thời giờ, chừng nào cụ làm xong, cháu sẽ gửi cụ một đồng vàng nữa.

Baba Muxtafa khâu xong, Mocjian bịt mắt ông già ngay trong phòng, rồi sau khi trả cho ông đồng vàng thứ ba như đã hứa và dặn giữ bí mật, cô dẫn ông lão trở lại nơi bịt mắt lúc đến, mở khăn tay và để ông trở về. Cô còn cẩn thận đứng trông theo cho đến khi ông mất hút, để đề phòng ông lão nảy ra ý tò mò quay trở lại quan sát chính cô ta chăng.

Mocjian đã cho đun sẵn nước để rửa thi hài Catxim, bởi vậy khi Ali Baba đến, vừa lúc cô quay trở về, thì đã có thể lau rửa người, xúc nước hương và khâm liệm ông theo đúng phong tục. Người thợ mộc, theo lời đặt hàng của Ali Baba, cũng vừa mang quan tài đến.

Để thợ mộc không nhận thấy điều gì khác thường, Mocjian đón nhận chiếc quan tài ở cổng; sau khi trả tiền và cho người thợ trở về, giúp Ali Baba đặt thi hài và đóng nắp quan tài xong, cô ra giáo đường báo tin mọi việc đã sẵn sàng để làm lễ an táng. Người của giáo đường chuyên lo việc lau rửa thi thể và khâm liệm, xin được làm công việc của họ, nhưng cô trả lời mọi sự đã xong xuôi.

Mocjian vừa quay về đến nhà, đã thấy giáo trưởng và các chức việc khác của giáo đường tới nơi. Bốn người hàng xóm vác quan tài lên vai, và theo sau viên giáo trưởng vừa đi vừa cầu kinh, đưa ra nghĩa địa. Mocjian, với tư cách là con ở của người quá cố, để đầu trần, nước mắt đầm đìa và bứt tóc; sau nữa là Ali Baba cùng những người hàng xóm, những người này thỉnh thoảng lại tách ra để lên đời vai cho bốn người đang khiêng quan tài, cứ như vậy cho tới nghĩa địa.

Còn người vợ của Catxim, theo phong tục, ở lại nhà mà kêu la than khóc cùng bà con hàng xóm đến dự lễ tang, các bà cùng với người vợ góa lớn tiếng khóc than, làm buồn bã cả vùng.

Bằng cách đó, cái chết bất đắc kỳ tử của Catxim được che giấu và nguy trang khéo léo giữa bốn người: Ali Baba cùng vợ, người vợ góa của Catxim

và Mocjian, khiến cho không một ai trong thành phố hay biết chút gì mà thậm chí chẳng một ai gạn chút ngờ vực.

Ba bốn ngày sau khi chôn cất, Ali Baba chuyển số đồ đạc ít ỏi của mình cùng số tiền lấy được trong kho tàng của bọn cướp – tiền này chỉ chuyển vào ban đêm – sang nhà bà chị dâu góa, để ở đây luôn, và báo tin cho xóm giềng bè bạn biết mình lấy bà chị dâu. Và, bởi vì những đám cưới kiểu ấy không phải là chuyện lạ trong tục lệ đạo Hồi, chẳng ai lấy việc đó làm ngạc nhiên.

Còn về cái cửa hiệu của Catxim, Ali Baba vốn có một đứa con trai lâu nay vẫn cho học việc ở một nhà buôn lớn và vẫn được người này khen là đức hạnh tốt. Anh cho luôn cậu con trai cái cửa hiệu ấy và còn hứa nếu con tiếp tục ăn ở cho phải đạo, thì sẽ cưới cho một cô vợ thật ra trò, xứng đáng với địa vị của cậu.

Chúng ta hãy để Ali Baba yên hưởng những ngày đầu tiên trong vận may của anh, mà nói về bốn mươi tên cướp. Chúng trở lại hang ổ trong rừng cùng vào lúc đã thỏa thuận với nhau, và đều ngạc nhiên hơn nữa khi thấy số túi vàng giảm bớt. Tên đầu lĩnh nói:

- Thế là chúng ta đã bị phát giác, và sẽ chết tất nếu không phòng bị. Nếu chúng ta không mau mau tìm ra phương sách đối phó, thì vô tình chúng ta để mất bao nhiêu của cải mà tổ tiên chúng ta và chúng ta đã vất vả gian nan biết bao mới có được. Căn cứ vào tình trạng thiệt hại ở đây thì rõ ràng tên kẻ cắp đã bắt chột biết được câu thần chú để mở cửa hang, và may mắn sao chúng ta trở về đúng lúc nó sắp ra. Nhưng nó không phải chỉ có một mình, một tên khác nữa cũng biết câu thần chú. Xác của nó được đưa đi và kho tàng chúng ta giảm bớt là những bằng chứng không thể chối cãi, và bởi vì không có dấu hiệu gì cho thấy có hơn hai đứa nắm được điều bí mật, vậy thì sau khi giết được một tên, chúng ta phải sát hạ nốt tên kia. Các bạn nghĩ sao, hờ các trang hảo hán? Các bạn có đồng ý như kẻ này chẳng?

Ý kiến của tên đầu lĩnh được cả bọn cho là hợp lý, chúng đều tán thưởng và đi đến thỏa thuận là phải bỏ công chuyện khác để lo riêng vụ này, và sẽ chưa thôi chừng nào chưa làm xong dự định. Tên đầu lĩnh lại nói:

- Tôi hoàn toàn tin tưởng ở sự dũng cảm và lòng gan dạ của các bạn, nhưng trước tất cả mọi sự, cần có một người trong các bạn gan góc, lanh lợi và tháo vát, vào thành phố không mang theo vũ khí và hóa trang thành một du khách từ nơi khác đến. Người ấy phải giở hết tài tháo vát của mình ra để dò hỏi xem trong phố người ta có bàn tán về cái chết bất thường của người nào không? Người ấy chính là kẻ chúng ta đã trừng trị một cách đích đáng, và phải dò xem nhà nó ở đâu. Đó là điều quan trọng chúng ta cần biết trước tiên, để khỏi có hành động gì rồi làm chúng ta hối hận, khi xuất đầu lộ diện ở một nơi đã từ lâu không ai hay biết hành tung chúng ta, mà chúng ta lại rất

cần giữ nguyên tình trạng ấy vì lợi ích của mình. Nhưng, để khích lệ trang hảo hán trong số các bạn ở đây sẽ tình nguyện nhận làm việc ấy, và phòng ngừa vị đó nhầm lẫn báo với anh em một địa điểm sai có thể đưa đến nguy cơ tiêu diệt tất cả bọn, tôi xin cân nhắc xem trong trường hợp đó, vị ấy có nên tự ghép mình vào tội chết hay không.

Không chờ đợi cả bọn tỏ ý kiến, một tên cướp đứng ra nói:

- Tôi xin nhận và tôi lấy làm vinh quang xả thân vào chốn gian nguy để làm bốn phận. Nếu tôi làm không được việc, xin các bạn ít ra cũng nhớ cho là kẻ này không phải thiếu nhiệt tâm cũng như dũng khí, vì lợi ích chung của toàn đội.

Sau khi nhận lời khen nồng nhiệt của tên đầu lĩnh và của chúng bạn, tên cướp cải trang để không ai nhận được mặt. Từ giã đồng đội, nó ra đi trong đêm, và tính toán sao cho tới thành phố đúng vừa rạng sáng. Nó đến gần chợ, trông thấy chỉ một cái quán mở, ấy là quán của Baba Muxtafa.

Baba Muxtafa ngồi trên chiếc ghế xếp, tay cầm dùi sẵn sàng làm nghề. Tên cướp đến gần định cất tiếng chào, chợt nhận ra tuổi tác cao của lão, nó nói:

- Cụ già làm việc sớm thế. Lẽ nào cao tuổi như cụ mà mắt còn sáng vậy. Tôi e rằng khi trời sáng tỏ thì mắt cụ không còn đủ tốt để khâu nữa.

- Cho dù ngài là ai, – Baba Muxtafa đáp – đúng là ngài chưa biết rõ lão này. Tôi già thế này nhưng mắt tôi còn sáng lắm. Ngài không thể ngờ là cách đây chưa lâu, tôi đã khâu một xác chết ở một nơi còn kém sáng sửa hơn lúc này.

Tên cướp rất mừng là vừa tới nơi, nói chuyện với người đầu tiên, đã biết được điều khiến nó cất công đến tìm hiểu, mà không cần dò hỏi.

- Một xác chết ư? – Nó ngạc nhiên thốt lên. Và để khích ông già nói tiếp, nó lại hỏi: – Sao lại khâu một xác chết? Hẳn là cụ muốn nói khâu một tấm vải liệm người chết?

- Không, không, – Baba Muxtafa đáp – tôi biết tôi nói gì. Ngài muốn tôi mở miệng, nhưng ngài chẳng biết được gì thêm đâu.

Tên cướp không cần được giải thích sáng tỏ hơn nữa để tin chắc nó đã phát hiện được điều muốn tìm hiểu.

Nó rút ra một đồng tiền vàng đặt vào tay Baba Muxtafa và nói:

- Tôi chẳng muốn đi sâu vào điều bí mật của cụ làm gì mặc dù tôi có thể quả quyết với cụ là tôi sẽ chẳng cho ai biết nếu cụ tâm sự với tôi. Điều duy nhất tôi muốn nhờ cụ là hãy vui lòng cho tôi hay, hoặc dẫn tôi đến và chỉ cho tôi thấy ngôi nhà mà cụ đã khâu xác chết ấy.

Ông già nắm đồng tiền trong tay, sẵn sàng đưa trả lại:

- Cho dù có muốn thỏa mãn điều ngài nhờ, tôi xin quả quyết là không thể làm được, xin ngài hãy tin cho như vậy. Lý do là thế này: Người ta đưa tôi đến một chỗ bịt mắt tôi lại, mới dẫn tôi đến nhà; ở đây tôi làm xong việc người ta lại bịt mắt và đưa tôi về chỗ cũ. Ngài thấy rõ tại sao tôi không có cách nào giúp ngài.

- Ít ra cụ cũng còn nhớ mang máng con đường mà người ta bịt mắt cụ rồi dắt đi chứ. Xin cụ hãy đi với tôi, tôi sẽ bịt mắt cụ đúng chỗ ấy, rồi hai chúng ta cùng đi theo con đường và rẽ những khúc quanh mà cụ còn nhớ được. Và bởi vì việc làm giúp nào cũng đáng được thưởng công đấy, xin biểu cụ một đồng vàng nữa. Nào, xin cụ hãy giúp cho tôi việc tôi nhờ!

Vừa nói, nó vừa giúi một đồng tiền nữa vào tay cụ già.

Hai đồng tiền vàng hấp dẫn Baba Muxtafa. Lão lặng yên ngắm nghía hai đồng tiền trong lòng bàn tay, vừa cố nghĩ xem nên làm thế nào. Cuối cùng, lão rút hầu bao của mình ra, bỏ hai đồng vàng vào đấy, và nói với tên cướp:

- Tôi không thể nói dứt khoát với ngài rằng tôi nhớ chính xác con đường người ta dẫn tôi đi. Nhưng vì ngài đã muốn như vậy thì chúng ta cùng đi, tôi sẽ cố gắng hết sức nhớ lại xem.

Baba Muxtafa đứng lên, khiến tên kẻ cướp rất bằng lòng. Không cần đóng cửa quán bởi vì cũng chẳng có gì đáng giá để mà sợ mất, lão dẫn tên cướp đến chỗ lần trước Mocjian đã bịt mắt lão. Tới nơi, lão nói:

- Chính chỗ này đây, người ta bịt mắt tôi ở đây, rồi tôi quay về phía ngài đang đứng đây này.

Tên cướp đã sắp sẵn một chiếc khăn tay, liền bịt mắt lão lại, rồi cặp kẻ dắt lão đi bên cạnh, nửa để cho lão dẫn đường, nửa tự nó dẫn đường lão; đi cho đến nơi lão dừng lại và nói:

- Có lẽ lão đi không quá chỗ này.

Quả thật lão đang đứng trước cửa nhà Catxim, nơi hiện Ali Baba ở. Trước khi cất chiếc khăn bịt mắt lão, tên cướp nhanh nhẹn đưa viên phấn cầm sẵn ở tay, đánh dấu vào cửa. Sau khi tháo khăn, hỏi lão có biết nhà này của ai không. Baba Muxtafa nói lão không phải là người cùng khu phố, cho nên không thể trả lời.

Tên cướp không thể moi gì hơn nữa từ miệng của Baba Muxtafa, liền cảm ơn lão đã chịu khó vì mình. Cho lão trở lại quán của lão, nó tìm đường đông lên rừng, bụng tin chắc là sẽ được đồng bọn hoan nghênh.

Ít lâu sau khi tên cướp và Baba Muxtafa chia tay nhau, Mocjian ra khỏi nhà có việc gì đấy. Lúc trở lại, thấy dấu phấn mà tên cướp vừa vẽ lên cửa,

liền dừng lại để xem cho kỹ:

- Cái dấu ấy nghĩa là thế nào? – Cô tự hỏi – Có ai muốn làm hại chủ ta, hay là họ làm như vậy vì nghịch ngợm thôi? Dù với ý đồ nào đi nữa, thì ta cần tắc vô ấy nấy.

Cô liền lấy viên phấn, và bởi vì cửa mấy nhà liền đều giống hệt nhau, cô đánh dấu luôn mấy cái, vào cùng một nơi tương tự, rồi vào nhà mà chẳng nói gì với ông chủ hay bà chủ.

Trong thời gian đó, tên cướp vẫn tiếp tục đi, nó lên tới rừng và gặp đồng bọn rất sớm. Đến nơi, nó thuật lại chuyến đi thành công của mình, còn nói quá đi về sự may mắn là ngay từ phút đầu tiên đã gặp một con người cho biết sự việc đang điều tra, mà chắc chắn ngoài ông lão ra, chẳng còn ai có thể hay biết. Cả bọn lấy làm hài lòng. Sau khi khen ngợi sự nhanh nhẩu của nó, tên đầu lĩnh cất lời nói với cả bọn:

- Các bạn ạ, chúng ta không được để mất thời giờ. Hãy lên đường, vũ trang đầy đủ, nhưng lại làm sao cho người ta khỏi thấy là chúng ta mang theo vũ khí. Chúng ta lại phải vào trong thành phố từng nhóm một, kẻ trước người sau, để đừng gây nên sự ngờ vực. Nơi hẹn gặp nhau là ở quảng trường lớn. Một số anh em đứng mạn bên này, một số khác đứng phía bên kia. Trong lúc ấy, tôi sẽ cùng anh bạn vừa mang tin tốt lành về với chúng ta đây đi nhận dạng ngôi nhà, để quyết định xem nên ra tay cách nào là hay nhất.

Lời tên đầu lĩnh được cả bọn nhiệt liệt tán thưởng.

Chẳng mấy chốc cả bọn sẵn sàng lên đường, chúng đi thành từng tốp hai, ba tên một, đi cách nhau khá xa, và vào gọn trong thành phố chẳng để ai ngờ vực. Tên đầu lĩnh và tên buổi sáng đã tới đây, vào sau rốt. Tên này dẫn chỉ huy của nó tới phố có nhà của Ali Baba. Đến trước ngôi nhà có đánh dấu phấn của Mocjian, nó bảo chính là nhà này đây. Nhưng, tiếp tục đi một quãng nữa để khỏi bị nghi ngờ, tên đầu lĩnh để ý thấy ngôi nhà tiếp theo cũng được đánh dấu ở cửa, vào cùng một chỗ ấy. Nó liền chỉ cho tên dẫn đường thấy và hỏi, vậy là nhà này hay nhà kia. Tên đưa đường bối rối, không biết trả lời thế nào, nhất là khi cùng với tên đầu lĩnh, nó thấy những bốn, năm nhà liền đều có vạch phấn giống nhau. Nó thề rằng nó chỉ đánh dấu mỗi một mà thôi, và nói tiếp:

- Tôi không rõ ai là người đánh dấu các nhà kia mà giống hệt nhau như vậy. Thú thật là tôi hoang mang chẳng nhận ra được mình đã đánh dấu nhà nào.

Tên đầu lĩnh thấy mưu đồ của mình đã bị ung từ trong trứng, liền đến quảng trường, gặp một tên đồng bọn. Nó sai báo cho tất cả biết, cả đội đã vất vả một chuyến vô ích, giờ chỉ còn có việc đi tìm đường tháo lui thôi. Chính

nó rút trước, cả bọn lần lượt theo sau, vẫn với cung cách như lúc đến.

Khi cả bọn tập trung đông đủ trong rừng rồi, tên đầu lĩnh giải thích lý do tại sao nó ra lệnh rút lui. Lập tức, chúng đồng thanh tuyên bố tên dẫn đường đáng tội chết. Chính tên này cũng tự kết tội ấy, nói đáng lẽ nó phải chu đáo hơn, rồi mạnh bạo giương cổ ra để chịu chặt đầu.

Vì sự tồn vong của cả lũ, không thể để cho kẻ khác gây thiệt hại mà không trả thù, một tên cướp khác tự cho mình sẽ được việc hơn tên vừa bị xử phạt, nó bước ra xin được chọn đi làm bốn phần. Cả bọn cướp đồng ý.

Tên này lại đi vào thành phố, lại mua chuộc Baba Muxtafa như tên trước nó đã làm. Lão lại chịu để bịt mắt và dẫn nó tới nhà Ali Baba. Nó đánh dấu đỏ ở một nơi ít lộ liễu hơn, cho rằng như vậy sẽ dễ dàng phân biệt với nhà khác được đánh dấu bằng phấn trắng.

Nhưng một lát sau, Mocjian đi ra khỏi nhà y như hôm trước. Khi trở lại, cái dấu đỏ không thoát khỏi đôi mắt tinh tường của cô. Cô lại lập luận y như hôm trước, và lại không quên đánh dấu phấn đỏ tất cả các cửa nhà hàng xóm, vào cùng một chỗ như nhau.

Tên trộm trở lại với đồng bọn trong rừng, khoe khoang sự cẩn thận mà nó cho là không thể nhầm lẫn, để phân biệt nhà của Ali Baba với các nhà khác. Tên đầu lĩnh cùng với cả bọn đều nghĩ rằng lần này ắt thành công. Chúng lại trở về thành phố, với sự sắp đặt và cung cách đi đường giống hệt như lần trước, cũng mang theo vũ khí được che giấu cẩn thận, sẵn sàng thực hiện ý đồ chúng nghiền ngẫm. Tên đầu lĩnh cùng đưa dẫn đường lại đến thẳng phố có nhà Ali Baba.

Chúng cũng lại gặp trở ngại như lần trước. Tên đầu lĩnh rất bất bình, và tên dẫn đường cũng hoang mang không kém đưa bạn của nó đã làm công việc này lần trước.

Thế là tên trùm buộc phải rút lui cùng đồng bọn và cũng không kém bức mình. Tên dẫn đường, do đã phạm nhầm lẫn, lại tự nguyện giơ cổ ra chịu chém vì tội lỗi của mình.

Thấy toán lâu la của mình đã hụt mất hai tên dũng mãnh. Tên đầu lĩnh sợ nếu cứ tiếp tục dựa vào những đứa khác để dò xem đâu là ngôi nhà thật của Ali Baba, thì sẽ còn tiếp tục chịu tổn thất nữa. Gương của chúng cho nó thấy rõ bọn này chỉ giỏi tay gậy tay đao, còn dùng trí thông minh vào những trường hợp như thế này thì hoàn toàn bất lực. Nó đứng ra tự mình đảm đương công việc ấy. Nó vào thành phố và cùng sự giúp đỡ của Baba Muxtafa y như lão từng làm cho hai tên do thám trước, nó đến tận nơi nhưng không đại gì đánh dấu để sau này nhận dạng, mà quan sát thật kỹ lưỡng, không chỉ bằng lòng xem xét đến nơi đến chốn, nó còn đi qua đi lại trước cửa nhà nhiều lần cho đến khi không thể nào nhầm được nữa thì mới thôi.

Hài lòng vì chuyến đi, tên trùm bọn cướp trở lại rừng. Khi đã vào trong hang, nơi cả bọn đang chờ, nó nói:

- Các bạn, bây giờ thì chẳng còn gì có thể ngăn cản chúng ta trả thù tận gốc sự thiệt hại gây nên cho chúng ta. Tôi đã nắm chắc ngôi nhà kẻ thủ phạm mà chúng ta phải trả thù. Trên đường tôi đã suy nghĩ cách ra tay sao cho khéo léo, để không một ai còn có thể biết được nơi ẩn náu cũng như chốn cất giấu kho tàng của chúng ta. Đây là mục tiêu của chuyến ra quân này; làm khác đi thì chẳng những không có ích mà có thể còn tai hại cho chúng ta. Để đạt được mục đích ấy, – nó nói tiếp – đây là cách tôi nghĩ ra. Sau khi tôi trình bày xong nếu bạn nào nghĩ ra một phương sách tốt hơn xin cứ cho biết.

Thế là nó trình bày cách thức nó định làm. Được cả bọn đồng tình, nó liền sai chúng chia nhau về các thị trấn, các làng lân cận, thậm chí vào cả trong thành phố mua lừa cho đủ số lượng mười chín con, và ba mươi tám chiếc vại bằng da dùng để đựng dầu, một cái chứa đầy dầu, còn những cái khác để không.

Sau hai hoặc ba ngày, bọn cướp đã thu thập đủ các thứ đó. Vì các vại có hơi chật miệng cho việc thực hiện ý đồ của nó, tên đầu lĩnh sai nói ra một chút. Sau khi cả bọn lâu la mang theo vũ khí cần thiết, mỗi đứa vào trong một cái vại, mà không khâu lại chỗ vừa rạch ra để có không khí thở, lại đóng nắp các túi sao cho trông như có vẻ đựng đầy dầu. Để ngụy trang cho khéo hơn nữa, nó lấy dầu bôi lên bên ngoài những chiếc kia.

Mọi thứ được sắp đặt như vậy rồi, ba mươi bảy tên cướp được xếp trên lưng các con lừa, mỗi tên trong một cái vại cùng với cái vại đựng dầu. Tên đầu lĩnh đóng vai người dẫn đường, kéo nhau về thành phố. Chúng tính toán để đến nơi vào buổi tối, chừng một giờ sau khi mặt trời lặn, như đã bàn bạc với nhau. Tên đầu lĩnh đi thẳng tới nhà Ali Baba, với ý định gõ cửa và xin nghỉ nhờ lại ban đêm cùng với đàn lừa, nếu chủ nhà vui lòng cho phép. Nó vừa gõ cửa, đã thấy Ali Baba ra mở cổng. Anh vừa ra đây hóng mát sau bữa cơm chiều. Nó cho đàn lừa đứng lại, thưa với Ali Baba:

- Thưa ngài, tôi từ xa đến mang theo dầu mà ngài trông thấy kia để sáng mai đưa ra chợ bán. Vào giờ này quả thật tôi không biết trọ ở đâu. Nếu không phiền ngài nhiều quá, xin ngài vui lòng cho tôi được nghỉ nhờ một tối, tôi sẽ xin đội ơn ngài.

Mặc dù Ali Baba đã từng trông thấy người đang nói chuyện với mình ở trong rừng, thậm chí nghe cả giọng nói của hắn ta, nhưng làm sao anh có thể nhận ra được tên cầm đầu bốn mươi tên cướp hóa trang dưới dạng một người buôn dầu lương thiện?

- Xin vui lòng, – anh đáp – mời vào!

Nói xong, anh đứng tránh ra bên để tên đầu lĩnh đưa đàn lừa vào.

Đồng thời, Ali Baba gọi một người ở đến, ra lệnh, sau khi hàng được dỡ xuống rồi, không những cần lừa đàn lừa vào chuồng mà còn cho chúng ăn cỏ khô và đại mạch nữa. Anh lại chịu khó vào bếp bảo Mocjian mau mau làm cho người khách mới tới một bữa ăn chiều, và soạn cho ông ta chỗ nghỉ trong một căn buồng.

Ali Baba còn làm hơn nữa. Để tiếp đón khách thật ân cần, khi thấy tên đầu lĩnh đã dỡ hết hàng xuống, và đàn lừa được người nhà đánh vào chuồng như anh dặn, hắn ta đang tìm chỗ ngủ ngoài trời, anh liền đến mời hắn vào phòng khách, nói rằng mình không thể nào chịu để khách ngủ đêm ngoài sân. Tên trùm cướp hết lời từ tạ, lấy cớ là không dám phiền, nhưng kỳ thực là để được dễ dàng thực hiện mưu đồ của nó. Ali Baba mời mọc mãi, nó đành không thể không nhận lời.

Không chỉ bằng lòng ngồi tiếp chuyện kẻ đang mưu đồ giết hại mình cho đến khi Mocjian dọn bữa tối ra, Ali Baba còn ngồi nán lại tiếp tục nói những chuyện tưởng làm cho khách vui lòng, cho tới khi hắn ăn xong, anh mới giã từ:

- Xin ngài cứ tự nhiên như ở nhà! – Anh bảo nó – cần gì xin ngài cứ hỏi; bất cứ vật gì ở đây ngài đều có thể dùng.

Tên đầu lĩnh đứng lên cùng một lúc với Ali Baba và tiễn anh ra tận cửa. Trong khi anh vào bếp nói chuyện với Mocjian thì nó ra sân, viện cớ đến chuồng ngựa xem các con lừa của nó còn thiếu gì không.

Sau khi một lần nữa dặn dò Mocjian hãy hết sức chăm nom người khách, đừng để cho ông ta thiếu thốn thứ gì, Ali Baba nói thêm:

- Mocjian à, ta báo trước cho cô biết, sáng mai ta sẽ đi nhà tắm lúc trời chưa sáng. Vậy cô hãy soạn sẵn áo quần thay cho ta và đưa cho Apđanla giữ (Apđanla là tên người đầy tớ trai), rồi nấu cho ta một bát cháo thật ngon, để ta ăn khi đi tắm về.

Trong khi đó, tên trùm kẻ cướp thăm đàn lừa xong, đi ra lệnh cho người của nó nên làm những gì. Nó đi từ vai đầu tiên đến vai cuối và nói với từng đứa: “Khi nào từ căn buồng ta nghỉ, ta ném sỏi xuống, thì các bạn hãy lấy con dao mà các bạn mang theo, rạch chiếc vai từ trên xuống dưới, rồi bước ra ngoài, lập tức ta sẽ đến ngay với các bạn.”

Các con dao mà nó nói, đều nhọn và được mài rất sắc để dùng vào mục đích ấy.

Dặn dò xong, nó trở lại. Vừa đi ngang qua cửa nhà bếp, Mocjian vội cầm đèn dẫn nó vào phòng khách đã dọn dẹp, mời nghỉ lại đây, sau khi hỏi khách có còn cần thứ gì nữa hay không. Để khỏi bị ngờ vực, lát sau nó tắt đèn, và

cứ để nguyên quần áo đi nằm, tự hẹn sẽ dậy hành động sau một giấc ngủ ngắn.

Mocjian không quên những lời chủ dặn. Cô sửa soạn quần áo tắm cho chủ, giao cho Apđanla, anh này cũng chưa đi ngủ, rồi nhóm lửa nấu cháo. Cháo vừa sôi thì cây đèn vụt tắt. Trong nhà hết dầu, nến cũng không còn nốt. Cô lại cần có ánh sáng để hớt bọt cháo, liền phàn nàn với Apđanla.

- Sao cô ngốc quá thế? – Anh ta bảo. – Sao không ra lấy ít dầu ở một trong những cái vại ngoài sân?

Mocjian cảm ơn Apđanla về ý kiến ấy. Trong khi anh đi ngủ ngay cạnh phòng của Ali Baba để sáng mai theo chủ đi nhà tắm sớm, cô cầm cái bình đựng dầu ra sân. Vừa đi đến vại đầu tiên, thì nghe tiếng tên cướp nào trong ấy hỏi thì thào.

- Đã đến giờ chưa?

Dù tên cướp nói rất nhỏ, Mocjian vẫn nghe rành mạch, vì khi dỡ hàng trên lưng lừa xuống, tên đầu lĩnh không những mở nắp chiếc vại này mà còn mở tất cả ra để cho người của nó được thoáng hơn. Bọn này tuy không chết ngạt song vẫn tù túng khó chịu.

Bất kỳ một người ở nào khác, bất chợt thấy có người trong vại, chứ không phải dầu, đã làm âm ỉ lên và do đó có thể gây nên điều bất hạnh lớn. Nhưng Mocjian khôn ngoan hơn tất cả, cô hiểu ra ngay tức khắc cần phải nhem việc này. Ali Baba và cả gia đình, trong đó có cô đang trải qua một cơn nguy biến khẩn cấp, cần phải tìm phương sách đối phó mà không làm ồn ào. Vốn thông minh, cô hiểu nên làm những gì. Bình tĩnh lại ngay, không tỏ ra chút xúc động, cô giả giọng tên đầu lĩnh đáp:

- Chưa, nhưng sắp rồi.

Cô sang vại thứ hai, lại nghe câu hỏi đó, cứ thế cho đến cái vại cuối cùng, và cô lại vẫn trả lời như thế ấy.

Qua việc đó, Mocjian hiểu rằng ông chủ của mình tưởng cho một người buôn dầu trú ngụ, thật ra là để cho ba mươi tám tên cướp, kể cả tên đầu lĩnh vào nhà. Cô vội vàng múc dầu cho đầy cái bình của mình, trở lại nhà bếp rót vào đèn và châm lên, tiếp đó lấy một cái chảo lớn, trở ra sân, vục đầy dầu. Đặt cái chảo lên bếp, cô chất thật đầy củi vào đun, nghĩ rằng dầu càng chóng sôi mình càng mau chóng thực hiện được việc sẽ cứu sống cả nhà. Cuối cùng dầu sôi, Mocjian bùng ra, rót dầu đang sôi sùng sục vào từng vại một, giết chết tất cả bọn cướp, từ tên đầu tới tên cuối. Cả bọn ngoẻo không còn đứa nào.

Hành động dũng cảm ấy của Mocjian được thực hiện một cách im lìm, như dự định của cô. Làm xong, cô trở vào nhà bếp với chiếc chảo không, rồi

đóng cửa lại. Cô cúi bót củi, chỉ để lửa cháy lim rim, đủ hâm như nồi cháo nấu cho Ali Baba. Cô tắt đèn, dứt khoát không đi ngủ mà ngồi thật im ắng, nhìn ra cửa sổ trông xuống sân, chờ xem việc gì sẽ xảy ra.

Mocjian chờ chưa được một khắc thì tên đầu lĩnh bọn cướp thức giấc. Nó đứng lên, mở cửa sổ nhìn ra, thấy khắp nhà không còn ánh đèn lửa và hoàn toàn im ắng. Nó ném những viên sỏi xuống báo hiệu, nhiều viên rơi trúng các vại. Nghe tiếng dội lại nó biết chắc như vậy. Nhưng cố lắng tai, nó vẫn không nghe cũng như không thấy đồng bọn của nó động tĩnh gì. Đâm lo, nó lại ném sỏi lần thứ hai rồi lần thứ ba nữa. sỏi lại rơi trúng các vại, thế mà đồng bọn của nó vẫn im lặng như tờ, nó chẳng hiểu ra làm sao cả. Hoảng hốt, nó nhào xuống sân, cố đi hết sức nhẹ nhàng. Đến gần chiếc vại đầu tiên, nó định hỏi tên lâu la mà nó ngỡ còn sống, có phải đang ngủ say chăng, thì chợt ngửi mùi dầu sôi và mùi thịt cháy tỏa ra khỏi vại. Thế là nó hiểu đã thất bại âm mưu giết hại Ali Baba, cướp bóc của cải trong nhà, và nếu có thể thì mang theo luôn cả số vàng của chúng bị mất. Lần lượt đi qua tất cả các vại, nó đều thấy đồng bọn bị giết chết theo cùng một cách. Đến vại đựng dầu, nhìn thấy dầu sôi hắt đi, nó hiểu ra người ta đã làm thế nào diệt gọn cả lũ, bây giờ không còn ai để tiếp tay cho nó. Tuyệt vọng vì hỏng việc, tên trùm kẻ cướp lén qua ngõ sân thông ra vườn. Rồi vượt tường từ vườn này sang vườn khác, cu cậu chuồn thẳng.

Chờ một chốc không nghe có tiếng động, và cũng không trông thấy tên cướp quay lại, Mocjian biết nó đã trốn theo lối nào, vì cổng chính thông ra đường phố đã bị khóa chặt. Hài lòng, và rất vui mừng vì đã gìn giữ trọn vẹn sự bằng yên cho cả nhà, cô đi nằm và ngủ luôn.

Trong thời gian đó, Ali Baba dậy khi trời chưa sáng, cùng với người đầy tớ đến nhà tắm, hoàn toàn không hay biết gì về sự việc kỳ lạ vừa xảy ra trong nhà khi anh ngủ mà Mocjian chẳng hề cho biết. Cô cho rằng không thể để mất thì giờ khi cần đối phó với nỗi nguy hiểm, còn khi làm xong đầu đầy rồi thì lại chẳng cần phải làm mất giấc ngủ của ông chủ làm chi.

Tắm xong trở về nhà, thì mặt trời đã mọc, Ali Baba ngạc nhiên thấy các vại dầu vẫn y nguyên chỗ cũ, và người buôn dầu không đánh đàn lừa ra chợ, liền hỏi Mocjian.

Cô dẫn anh tới, mở từng chiếc vại cho anh thấy, để dễ kể lại rành mạch làm thế nào bảo toàn tính mạng cho cả nhà.

- Thừa ông chủ, xin Thượng đế phù hộ cho ông và cả gia đình ta! Ông sẽ hiểu rõ hơn điều ông muốn biết, khi nhìn thấy những gì tôi chỉ cho ông đây. Mời ông vui lòng đi theo tôi.

Ali Baba đi theo cô. Mocjian đóng cửa lại rồi dẫn anh tới vại thứ nhất:

- Xin ông hãy ghé mắt nhìn vào bên trong, – cô nói -xem có dầu hay không.

Ali Baba nhìn vào, trông thấy một con người trong vại, anh khủng khiếp nhảy thụt lùi và thét lên một tiếng lớn.

- Xin ông đừng sợ hãi, – Mocjian bảo anh – người ông trông thấy kia không còn có thể làm hại ông được nữa. Nó đã từng làm hại nhiều người, nhưng giờ nó không thể làm hại ông nữa hay hại bất cứ người nào khác. Nó chết rồi.

- Mocjian, – Ali Baba kêu lên – tất cả những chuyện cô cho ta thấy đây là thế nào? Hãy nói rõ đi!

- Tôi sẽ nói rõ, – Mocjian đáp – nhưng xin ông chớ tỏ vẻ ngạc nhiên quá, làm thu hút sự tò mò của hàng xóm, họ sẽ muốn biết một việc mà ông rất cần phải giữ cho nhẹm, xin mời ông hãy đi xem các vại khác hăng.

Ali Baba đi xem các vại, từ chiếc đầu tới chiếc cuối, và thấy dầu đựng trong chiếc cuối này vơi hẳn đi. Xem xong anh đứng im như phỗng, khi nhìn những cái vại, khi thì nhìn Mocjian mà không thốt ra được lời nào, bởi ngạc nhiên quá mức. Cuối cùng khi nói được ra lời, anh hỏi:

- Thế còn lão buôn dầu? Nó ra sao rồi?

- Lão ấy không phải nhà buôn, cũng giống như tôi đây không phải là nhà buôn vậy. Tôi sẽ nói rõ nó ra sao rồi. Nhưng ông vào trong nhà nghe chuyện tiện hơn. Đã đến lúc ông nên dùng một bát cháo nóng; ăn cháo sau khi tắm, có lợi cho sức khỏe.

Trong khi Ali Baba lên buồng mình, Mocjian vào nhà lấy bát cháo bung lên theo, nhưng anh không chịu ăn ngay mà nói:

- Ta đang nôn nóng muốn biết, cô hãy kể lại cho ta nghe đầy đủ chi tiết câu chuyện lạ lùng đến như vậy.

Vâng lời anh, Mocjian kể:

- Thừa ông, tối hôm qua, khi ông đã đi nghỉ, tôi chuẩn bị áo quần tắm cho ông, như ông vừa dặn, và giao cho Apđanla. Sau đó tôi nhóm lò hầm cháo, và trong khi hót bột thì ngọn đèn hết dầu, tắt phụt, mà trong nhà mình cũng chẳng còn một giọt nào. Tôi tìm các mẩu nến, cũng không có nốt. Apđanla thấy tôi bối rối, nhắc tôi ở ngoài sân có nhiều vại đựng dầu. Anh ta tưởng như vậy cũng giống như tôi và ông tưởng. Tôi xách chiếc bình chạy ra ngoài vại gần nhất. Nhưng vừa tới nơi, đã nghe có tiếng người nói: “Đến giờ chưa?” Tôi không sợ hãi, mà hiểu ngay ra thủ đoạn của lão nhà buôn giả hiệu, tôi không ngần ngại đáp: “Chưa, nhưng sắp rồi.” Tôi sang cái vại thứ hai, lại có tiếng người hỏi câu đó, và tôi lại trả lời y như lần trước. Tôi đi qua

hết các vại, đến đâu cũng vẫn câu hỏi ấy và vẫn được trả lời như vậy, mãi đến vại cuối cùng mới thấy có dầu thật. Tôi múc đầy bình. Khi nhận ra trong sân nhà có ba mươi bảy tên cướp đang chờ lệnh của trùm bọn chúng, mà ông ngỡ là nhà buôn và đón tiếp linh đình, đến mức đổ cửa đổ nhà ra thét đãi nó, tôi liền không để mất thời giờ.

Tôi mang bình dầu về thắp đèn lên, rồi lấy cái chảo to nhất nhà bếp, đưa ra vực đầy dầu. Tôi đặt chảo lên bếp đun, khi dầu đã sôi sùng sục, tôi mang ra rót vào các vại chứa quân ăn cướp, đủ để ngăn không cho chúng thực hiện ý đồ độc địa đã dẫn chúng tới đây. Mọi việc xong xuôi đâu vào đấy như dự định tôi trở lại bếp, tắt đèn. Trước khi đi ngủ tôi còn ngồi bình tĩnh nhìn qua cửa sổ ngóng xem lão buôn dầu giả sẽ hành động thế nào.

Một lát sau, tôi nghe nó ném sỏi từ cửa sổ xuống để ra hiệu, nhiều viên sỏi rơi chạm vào các vại. Nó ném lần thứ hai rồi một lần thứ ba nữa. Bởi không nghe thấy động tĩnh gì, nó xuống sân. Tôi thấy rõ nó đi từ vại này sang vại khác, rồi sau đó tôi quá mệt hút không nhìn thấy nữa. Tôi ngóng thêm ít lâu, nhưng không thấy nó trở lại, bèn nghĩ rằng do tuyệt vọng vì hồng việc, nó đã chuồn theo ngả thông ra vườn rồi. Thế là cho rằng cả nhà đã được bình an, tôi đi ngủ.

Đến đây, Mocjian nói tiếp:

- Đó là câu chuyện ông bảo tôi thuật lại, và tôi tin chắc đây là cái đuôi của một việc tôi để ý thấy vài ba ngày nay, mà tôi nghĩ chẳng cần thưa ông rõ. Ấy là một lần, vào lúc rất sớm; tôi ra phố về, nhận thấy cửa ra đường của nhà ta có một dấu phấn trắng, rồi hôm sau có một dấu phấn đỏ. Mỗi lần như vậy, tuy không rõ ai có ý đồ gì, tôi vẫn đánh dấu thêm vào cùng chỗ ấy ở cửa hai ba nhà hàng xóm nữa, phía trên cũng như phía dưới nhà ta. Nếu ông ráp nối việc đó với chuyện vừa xảy ra, ông sẽ thấy rằng tất cả mọi việc đều do bọn cướp trong rừng mưu đồ xếp đặt, mà không hiểu sao bọn chúng lại thiếu mặt hai tên. Dù sao đi nữa, bây giờ còn nhiều lắm cũng chỉ ba thằng. Những việc vừa xảy ra chứng tỏ chúng quyết diệt ông, và tốt hơn là ông nên phòng bị, chừng nào còn sót lại một tên trên đời. Về phần tôi, tôi sẽ không lơ là trông nom tính mệnh ông cho được bằng an, bốn phận của tôi là như vậy.

Mocjian kể xong, Ali Baba rất lấy làm cảm kích, liền nói:

- Ta chưa chết chừng nào chưa thưởng công xứng đáng cho cô. Cô đã cứu sống ta, và để bắt đầu tỏ lòng cảm ơn, ta cho cô được tự do kể từ giờ phút này, trong khi chờ đợi thực hiện đầy đủ hơn nữa điều ta đang suy tính. Ta cũng tin chắc như cô rằng chính bốn mươi tên cướp đã bày ra những cạm bẫy này để hại ta. Thượng đế đã qua tay cô cứu cho ta thoát khỏi. Ta hy vọng Người sẽ còn bảo hộ ta khỏi tội ác của chúng, và qua đó mà giải thoát cho loài người đỡ những hành vi tội lỗi đáng nguyên rủa của chúng. Công việc

chúng ta cần phải làm là chôn ngay những xác chết thối tha kia, sao cho thật bí mật, không để một ai nghi ngờ về số phận của chúng. Công việc này để ta cùng Apđanla lo liệu.

Vườn của Ali Baba rất rộng, ở phía cuối có nhiều cây to. Không chút chậm trễ, anh cùng người đầy tớ trai đào dưới hàng cây ấy một cái hố vừa đủ rộng và sâu để chôn bằng ấy cái xác chết khỏi các vạ, lấy vũ khí của chúng để riêng ra, rồi mang ra vườn xếp xuống hố. Sau khi vùi lại, họ san số đất còn thừa ra xung quanh để cho mặt đất bằng phẳng y như cũ, Ali Baba sai cất giấu cẩn thận các vạ cùng vũ khí. Còn đàn lừa, vì lúc ấy chưa cần dùng đến, anh cho người đầy tớ trai mang ra ngoài chợ bán dần.

Trong khi Ali Baba lo làm những việc ấy để cho mọi người khỏi thấy được tại sao anh trở nên giàu có trong một thời gian ngắn như vậy, tên đầu lĩnh bọn cướp trở lại rừng, buồn phiền không thể nào tả xiết. Trong niềm xúc động, hay đúng hơn là sự hoang mang về một thất bại sâu cay trái ngược với dự định, hắn vào đến trong hang mà vẫn chưa suy tính được, cũng như trong suốt cả thời gian đi đường, là nên làm gì hoặc không làm gì đây đối với Ali Baba.

Sự cô đơn trong hang thật khủng khiếp đối với hắn.

- Hồi các trang hảo hán, đồng đội của ta trong những chuyến ngang dọc giang hồ, các bạn đâu cả rồi? Ta có thể làm gì nếu thiếu các bạn? Phải chăng ta đã chọn lọc và tụ tập các bạn lại để rồi trông thấy các bạn bỏ mình cùng một lúc vì số phận tai ương và không chút xứng đáng với sự quả cảm của các bạn? Ta sẽ đỡ thương tiếc hơn, nếu các bạn bỏ mình trong trận mạc, gươm cầm tay, như những trang hảo hán. Đến bao giờ ta mới có thể đào tạo nên một toán tay chân như các bạn. Và dù muốn chẳng nữa, sao lại làm chuyện đó trong khi đang phơi bày bao nhiêu vàng, bạc và của cải cho một tên đã làm giàu một phần nhờ những thứ ấy? Ta chưa thể và chưa nên nghĩ đến chuyện ấy chừng nào chưa hạ sát được tên này. Điều mà ta đã không thể làm nên với sự trợ giúp hùng hậu của các bạn, ta sẽ tự làm lấy một mình. Đến bao giờ biết chắc kho tàng của ta không bị kẻ khác nhòm ngó nữa, ta mới cố làm sao để khi qua đời rồi không đến nỗi không có người thừa kế, để cho kho báu ấy được bảo toàn và tiếp tục tăng lên cùng với hậu thế.

Đã định bụng như vậy rồi, thì chẳng khó khăn gì mà không tìm ra cách thực hiện. Thế là lòng tràn trề hy vọng và thanh thản, hắn đi nằm và ngủ yên giấc suốt cả đêm.

Sáng hôm sau, tên đầu lĩnh thức dậy thật sớm, mặc bộ quần áo tươm tất, thích hợp với mưu đồ định thực hiện, đi vào thành phố, đến trọ trong một cái khan. Hắn chờ đợi việc xảy ra ở nhà Ali Baba đang làm ồn ào cả thành phố, vì vậy tìm người gác cổng chuyện trò, hỏi thăm có gì mới lạ xảy ra trong phố

xá hay không. Người này kể toàn những chuyện khác xa điều hần muốn biết.

Từ đó hần suy đoán ra lý do sở dĩ Ali Baba phải giữ kín nhem như vậy, là để khỏi loan truyền rộng rãi cho mọi người biết anh ta làm chủ kho vàng và biết cách thức để vào nơi cất giấu. Hơn nữa, anh ta cũng biết rằng chính vì chuyện ấy mà có người đang âm mưu hại anh ta. Điều đó càng làm cho hần cũng phải tính toán sao để trừ khử được anh trong vòng bí mật.

Tên đầu lĩnh tậu một con ngựa, dùng ngựa chở từ hang về nơi trọ nhiều loại vải lụa đẹp và đắt tiền, bằng cách đi lại nhiều lần với sự giữ gìn ý tứ để không cho ai biết rõ nơi lấy hàng. Khi xét thấy đã mang về tạm đủ, hần tìm thuê một cửa hiệu bày ra bán. Tìm được một nơi, nó hỏi thuê, rồi cho sắm đồ đạc và dọn đến ở. Hiệu buôn của hần đối diện với cửa hiệu trước đây thuộc về Catxim, và nay do con trai của Ali Baba cai quản chưa được bao lâu.

Tên đầu lĩnh kẻ cướp, đội tên là Cộjia Hutxanh^[88] với tư cách người mới dọn đến, không quên đi chào hỏi các ông chủ hiệu láng giềng, đúng như phong tục. Nhưng vì cậu con trai Ali Baba còn trẻ, khôi ngô, khá thông minh, và vì có nhiều dịp chuyện trò cho nên chẳng bao lâu hần kết thân với cậu hơn những người khác. Nó càng chăm lo lui tới và làm thân với người bạn mới quen này nhiều hơn nữa, nhất là ba, bốn hôm sau, khi hần nhận được ra chính Ali Baba đến thăm và trò chuyện với cậu, như anh thỉnh thoảng vẫn làm.

Hỏi ra, biết rằng đây chính là cha đẻ của cậu, hần càng thêm sẵn đón vuốt ve, quà cáp, đãi đằng, và có nhiều lần mời cậu ta ăn cơm nữa. Cậu con trai của Ali Baba không muốn chịu ơn Cộjia Hutxanh nhiều mà không đáp lại. Nhưng cửa hiệu của cậu chật chội, và cũng không có điều kiện thuận tiện để có thể tiếp đãi Cộjia Hutxanh như hần đã tiếp cậu, nếu để lâu hơn nữa mà không đáp lễ Cộjia Hutxanh.

Cậu đành nói thật với cha. Ali Baba cho rằng nếu chần chừ lâu hơn nữa mà không đáp lễ thì thật không tiện, và vui lòng nhận lấy việc thiết đãi khách giúp con.

Anh nói:

- Con ạ, mai là thứ sáu, là ngày mà các nhà buôn lớn như Cộjia Hutxanh và con đóng cửa hiệu nghỉ, con hãy rủ ông ta đi dạo chơi vào buổi chiều. Khi trở về, con hãy làm sao đưa ông đi ngang qua nhà ta và mời ông ta ghé vào. Như thế sẽ hay hơn là con ngỏ lời mời hần hoi. Ta sẽ bảo Mocjian lo sửa soạn bữa tối cho đâu vào đấy.

Chiều thứ sáu, con trai Ali Baba và Cộjia Hutxanh hẹn gặp nhau cùng một nơi, rồi cùng đi dạo mát. Trên đường về, cậu con trai cô tình đưa bạn qua phố có nhà của Ali Baba. Đến trước nhà, cậu dừng lại gõ cửa và bảo:

- Đây là nhà cha tôi. Ông cụ nghe tôi kể lại tình bạn mà ngài có lòng hạ cố kết thân với tôi, đã giao cho tôi bốn phần giới thiệu, để cha tôi cũng được hân hạnh làm quen với ngài. Tôi mong ngài vui lòng nhận lời cho một điều ấy nữa, sau bấy nhiêu điều ngài đã làm ơn cho tôi.

Mặc dù Côjia Hutxanh đã đạt được mục đích tự hấn đề ra, là vào nhà của Ali Baba và giết hại anh ta mà không làm nguy hại đến tính mạng của hấn và cũng chẳng gây chuyện ồn ào, hấn vẫn tạ từ, làm ra vẻ muốn xin cáo biệt. Nhưng lúc đó, người ở đã ra mở cổng, và cậu con trai đã nhã nhặn nắm tay hấn, bước vào trước và chèo kéo ép khách cùng vào. Thế là hấn làm như thế vì miễn cưỡng mà vào chơi vậy.

Ali Baba đón Côjia Hutxanh cởi mở và ân cần. Anh cảm ơn hấn về lòng tốt đối với cậu con trai mình.

- Ngài làm ơn cho cháu cũng chính là làm ơn cho tôi vậy. – Anh nói – Nhất là cháu còn trẻ dại, chưa quen giao thiệp với đời. Thật là ngài đã có lòng thương mà góp phần kèm cặp cháu.

Côjia Hutxanh hết lời đưa đẩy, hấn quả quyết với Ali Baba rằng, nếu cậu quý tử của anh chưa từng trải bằng một số vị cao niên nào đó, thì cậu lại có cái khiếu làm cho cậu trội hơn hấn bao nhiêu người khác từng trải với đời.

Sau vài ba câu trao đổi ngắn ngủi về những chuyện chẳng có liên quan gì đến ai, Côjia Hutxanh làm ra vẻ muốn cáo từ. Ali Baba vội ngăn lại:

- Ấy, ngài định đi đâu, thưa ngài? Xin ngài cho tôi hân hạnh được mời ngài dùng bữa tối với gia đình. Bữa của chúng tôi thật quá xoàng xĩnh đối với ngài. Mặc dù vậy, tôi mong ngài hãy vui lòng nhận lời, đáp lại cái thiện ý của tôi.

- Thưa ngài All Baba, – Côjia Hutxanh đáp – tôi hoàn toàn tin chắc vào thiện ý của ngài, và xin ngài chớ cho việc tôi ra về mà không nhận lời mời mọc ân cần của ngài là xuất phát từ sự khinh khi hoặc bất lịch sự mà chính vì một lý do mà ngài hấn sẽ đồng tình nếu ngài rõ.

- Lý do gì vậy, thưa ngài? Có thể hỏi ngài được chăng?

- Tôi có thể nói rõ thôi, – Côjia Hutxanh nói tiếp – ấy là bởi tôi không ăn được thịt hoặc các món có bỏ muối; ngài thấy như vậy là tôi phải kiêng khem thế nào khi cùng dùng bữa với ngài.

- Nếu chỉ vì một lý do ấy thôi, – Ali Baba nài – thì không nên vì thế mà ngài không cho tôi được hân hạnh hầu tiếp, trừ phi ngài thật lòng không muốn. Trước hết, trong bánh mì của nhà tôi không có muối, còn về món thịt và món hầm, xin hứa là sẽ không bỏ muối trong đĩa mời ngài, tôi ra lệnh ngay tức khắc cho người nhà. Vậy là xin mời ngài hãy ngồi lại, tôi trở về trong chốc lát thôi.

Ali Baba xuống bếp dẫn Mocjian chớ cho muối vào thịt mời khách, và làm thành vài món hầm nhật, thêm vào số món ăn anh đã dẫn làm từ trước.

Mocjian đã nấu nướng xong đâu vào đấy, không thể không bực mình về lệnh mới này. Cô nói thẳng với Ali Baba:

- Vị khách khó tính ấy là ai mà không chịu ăn muối? Bữa ăn chiều của ông thế là chẳng ngon lành gì nữa, nếu tôi phải dọn muộn hơn.

- Chớ có bực mình, Mocjian ạ, – Ali Baba nói – đây là một con người trung hậu. Cô hãy làm điều ta bảo.

Mocjian vâng lời, nhưng trong bụng không vui. Cô nảy ra sự tò mò muốn biết ông khách không ăn muối ấy là ai. Khi đã nấu nướng xong và Apđanla đã bày ra bàn, cô giúp anh ta bung thức ăn lên. Nhìn Côjia Hutexanh, cô nhận ra ngay đây chính là tên đầu lĩnh bọn cướp, mặc dù hắn đã nguy trang. Xem xét cẩn thận, cô thấy hắn mang theo một con dao găm giấu dưới tà áo. Cô tự bảo:

- Ta chẳng lấy gì làm ngạc nhiên sao tên vô lại này lại không chịu ăn muối cùng với chủ ta. Ông ta là kẻ thù không đội trời chung của hắn mà. Nó muốn giết hại ông nhưng ta sẽ ngăn không cho nó ra tay.

Khi đã cùng với Apđanla bày bàn xong. Mocjian nhân lúc mọi người đang ăn, đi chuẩn bị những thứ cần thiết để làm một việc thật táo bạo; vừa xong thì Apđanla xuống báo đã đến lúc mang trái cây ra. Cô mang trái cây lên, và trong khi Apđanla thu dọn bàn ăn, cô đưa trái cây mời khách. Tiếp đó, cô lại để lại bên cạnh Ali Baba một chiếc bàn nhỏ trên có rượu nho cùng ba cái chén. Bước ra khỏi phòng, cô kéo Apđanla theo, làm như thể gọi nhau đi ăn, để cho Ali Baba, theo phong tục, được tự do trò chuyện và chơi thoải mái với khách, cũng như mời khách uống rượu.

Thế là anh chàng Côjia Hutexanh giả hiệu hay đúng hơn là tên đầu lĩnh bọn cướp tưởng rằng cơ hội thuận tiện để hạ sát Ali Baba đã tới.

- Ta sẽ làm cho cả bố lẫn con mày cùng say túy lúy, -hắn tự nhủ – và thằng con, mà ta muốn để cho sống, lúc ấy cũng không thể ngăn ta thọc lưỡi dao găm vào tim bố nó; rồi ta sẽ theo ngõ sau mà chuồn như ta đã có lần làm, trong khi con nấu bếp và tên đầy tớ ăn chưa xong bữa hoặc đã ngủ kỹ trong bếp.

Nắm được mưu đồ của Côjia Hutexanh giả hiệu, Mocjian không đi ăn tối, và không để cho nó có đủ thời giờ thực hiện tội ác của nó. Cô vận một bộ đồ quần vũ nữ thật tinh tươm, đội chiếc khăn đúng kiểu và thắt một sợi thắt lưng bạc mạ vàng, đeo một con dao găm vỏ và chuôi dao đều bằng bạc, thêm vào đó còn mang một mặt người thật đẹp. Hóa trang như vậy rồi, cô bảo Apđanla:

- Apđanla này, hãy mang cái trống của anh ra đây, chúng ta sẽ mua vui cho vị khách của chủ ta và là bạn của cậu cả, như thỉnh thoảng chúng ta vẫn mua vui cho ông chủ ấy mà.

Apđanla mang trống ra, vừa chơi vừa bước vào phòng, đi trước Mocjian. Cô vào sau cúi đầu chào thật thấp, dáng điệu ung dung và cố tình để người ta nhìn ngắm, làm như thể chờ được phép trình diễn những gì có thể làm.

Apđanla thấy Ali Baba có ý muốn nói, liền thôi đánh trống.

- Hãy vào đi, Mocjian vào đi, – Ali Baba nói – ngài Côjia Hutxanh sẽ xem cô làm được những gì và sẽ nói cho chúng ta hay ý kiến của ngài. Ít ra, thưa ngài, – anh quay sang nói với tên nhà buôn giả hiệu – xin ngài chớ nghĩ là tôi bày ra chuyện tiêu xài tốn kém để mua vui cho ngài. Đây là cây nhà lá vườn, ngài thấy đó, chỉ là tên đầy tớ cùng với cô đầu bếp của gia đình trình diễn mà thôi. Tôi mong ngài sẽ không cho là quá dỡ.

Côjia Hutxanh không chờ đợi Ali Baba lại có tiết mục giải trí này sau bữa thiết đãi mình. Hẳn hiểu ngay, như vậy là không thể lợi dụng được dịp tốt nữa. Sự việc đã diễn ra thế này, âu là đành tự an ủi sẽ tìm được một dịp khác, bằng cách nuôi dưỡng tình bạn bè với cả hai cha con. Bởi vậy, mặc dù trong lòng không muốn Ali Baba bày trò này ra, nó vẫn làm ra vẻ như lấy làm cảm kích, và đành phải nói dối bời rằng cái gì ông chủ đã cho là hay thì chắc chắn hẳn cũng sẽ lấy làm thích thú.

Khi Apđanla thấy Ali Baba và Côjia Hutxanh thôi nói chuyện với nhau, anh tiếp tục đánh trống và cất giọng hát. Mocjian múa rất khéo, không thua kém gì những vũ nữ chuyên nghiệp, đến nỗi không những mấy người xem ở đây mà bất kỳ ở đâu khác cũng phải thán phục, có loại trừ chẳng là anh chàng Côjia Hutxanh giả hiệu đang chẳng còn bụng dạ nào chú ý đến trò vui.

Sau khi múa nhiều khúc cũng duyên dáng cũng mạnh mẽ như nhau, cuối cùng cô rút dao găm ra cầm ở tay, rồi bắt đầu múa một bài còn hay hơn các bài trước, với những cử chỉ uyển chuyển, những bước nhảy bất ngờ, những cố gắng kỳ diệu, khi thì giơ con dao ra phía trước như sắp đâm ai, khi thì quay dao trở lại như định thọc vào chính ngực mình.

Cuối cùng như thể hết hơi, cô giật cái trống khỏi tay Apđanla cầm bằng tay trái, trong khi tay phải vẫn nắm cây dao găm, cô lật ngược cái trống chia ra trước mặt Ali Baba, bắt chước cách các vũ công và vũ nữ chuyên nghiệp vẫn làm với khán giả để xin tiền thưởng.

Ali Baba ném một đồng tiền vàng vào trống của Mocjian. Cô lại chia cái trống sang con trai Ali Baba, cậu bắt chước bố cũng thưởng tiền. Côjia Hutxanh thấy cô sắp chia cái trống về phía mình, đã rút sẵn túi tiền chục thưởng; nó vừa cho tay vào túi thì Mocjian, với sự dũng cảm xứng đáng với

tính tình cứng rắn và sự gan dạ cô vẫn biểu lộ cho đến lúc bấy giờ, thọc lưỡi dao vào đúng tim nó, thật sâu, và chỉ rút ra khi tên cướp tắt thở.

Ali Baba và cậu con trai kinh hoàng trước cảnh tượng ấy, anh thét to lên một tiếng:

- Ôi con khốn nạn, – Ali Baba kêu – mày làm gì vậy? Để giết ta và cả gia đình ta hay sao?

- Không phải để giết ông, – Mocjian đáp – tôi làm như vậy là để cứu cho ông sống đây.

Vén tà áo của Côjia Hutexanh, cô trở cho Ali Baba thấy con dao găm của hấn, và nói tiếp:

- Ông thấy đấy, ông gặp một kẻ thù nguy hiểm thế nào. Hãy nhìn kỹ mặt hấn, ông sẽ nhận thấy lão buôn dầu giả hiệu và cũng chính là đầu sỏ của bốn mươi tên cướp ông không để ý hấn không chịu ăn muối cùng với ông ư? Ông còn cần gì thêm nữa để tin chắc âm mưu thâm độc của hấn? Chưa nhìn thấy hấn, tôi đã đâm nghi khi mới nghe ông nói cho hay có một người khách lạ lòng như vậy. Tôi chú ý nhìn kỹ hấn, và các ông rõ rồi đấy, sự nghi ngờ của tôi không phải là vô căn cứ.

Một lần nữa, biết ơn Mocjian đã cứu sống mình lần thứ hai, Ali Baba ôm cô hôn:

- Mocjian à, – anh nói – hôm ta trả lại tự do cho cô, ta đã hứa là không chỉ dừng lại ở đây, và chẳng bao lâu sẽ còn thưởng một mức cao hơn nữa. Cái ấy đã đến rồi. Ta cưới cô làm con dâu của ta.

Quay về phía cậu con trai, anh nói tiếp:

- Con ơi, cha tin rằng con là đứa con hiếu thảo, con không lấy làm lạ sao cha định cưới Mocjian cho con làm vợ, mà không hỏi trước ý kiến của con. Con cũng chịu ơn nó không kém gì cha. Con thấy đấy, Côjia Hutexanh kết bạn với con là nhằm giết hại cha một cách phản trắc. Nếu nó làm được việc ấy, thì hấn con không nghi ngờ gì nó không giết con nốt để trả thù. Hãy nên nghĩ thêm rằng, lấy Mocjian con sẽ lấy một người đảm đang cho nhà cha chừng nào cha còn sống, và là người sẽ làm ruộng cật cho gia đình suốt cả đời con.

Cậu con trai chẳng những không mảy may tỏ ra phật ý, mà còn nói rõ mình bằng lòng kết hôn, không chỉ vì để khỏi trái ý cha, mà chính mình cũng có cảm tình với cô gái ấy.

Tiếp đó, cả nhà Ali Baba lo chuyện chôn xác tên đầu lĩnh bên cạnh xác ba mươi bảy tên cướp kia; công việc ấy làm kín đáo đến nỗi nhiều năm sau người ta mới hay biết, khi không còn một ai quan tâm tới việc công bố câu

chuyện đáng ghi nhớ này.

Mấy tháng sau, Ali Baba làm đám cưới cho con trai lấy Mocjian rất trọng thể, chè chén linh đình, kèm theo các cuộc nhảy múa, diễn trò và vui chơi như phong tục đã định. Anh rất vui lòng thấy bạn bè và hàng xóm được mời, đều đến dự đông đủ. Tuy không ai rõ nguyên nhân thật của vụ hôn nhân nhưng ai cũng biết chắc phẩm chất tốt đẹp của Mocjian, cho nên đều hết lời ca ngợi lòng hào hiệp và sự tốt bụng của anh.

Sau lễ cưới, Ali Baba vốn đã tránh không quay trở lại cái hang kể từ lần cuối cùng, khi anh đến lấy xác của ông anh Catxim chở trên lưng lừa mang về với số vàng, vì sợ xấp mặt bọn cướp ở đây. Nay anh cũng tránh không đến, dù ba mươi tám tên cướp, kể cả tên đầu lĩnh, đã bị tiêu diệt, vì anh ngại còn hai tên nữa mà anh chưa rõ số phận ra sao, biết đâu đang còn sống.

Nhưng sau một năm thấy không có hiện tượng gì đáng lo lắng, anh muốn trở lại đây xem sao. Anh lên ngựa, đến gần cái hang, thấy tuyệt nhiên không có dấu chân người hay chân ngựa, đã cho là triệu chứng đáng mừng. Anh đặt chân xuống đất, buộc ngựa vào một nơi, rồi đến trước cửa hang, đọc câu thần chú mà anh vẫn chưa quên: “Vùng ơi, hãy mở cửa ra.” Cửa hang mở, anh bước vào. Nhìn quang cảnh trong hang, anh biết rằng kể từ khoảng thời gian tên buôn giả hiệu Cỗjia Hutexanh về thuê một cửa hàng trong phố cho đến nay không có người nào đặt chân vào hang. Như vậy là cả bọn bốn mươi tên cướp đã bị tiêu diệt hoàn toàn trong cùng một lúc. Không nghi ngờ gì nữa, anh là người duy nhất trên đời biết được câu thần chú để mở cửa hang, và như vậy cả một kho tàng này thuộc quyền sở hữu của anh. Hôm ấy có mang theo một cái hòm xách tay, anh lấy vàng vừa đủ sức chở của con ngựa và trở về thành phố.

Từ buổi ấy, Ali Baba cùng con trai, mà anh dẫn đến hang và bày cho câu thần chú để mở cửa, tiếp đến là những thế hệ sau của họ, được truyền khẩu câu đó, nối tiếp sử dụng nguồn của cải ấy một cách phải chăng.

Tất cả đều sống giàu sang và được cất nhắc lên những vai vế quan trọng nhất nhì trong thành phố.

CHUYỆN ALI COJIA, NHÀ BUÔN THÀNH BÁTĐA

-Tàu hoàng đế, – nàng Sêhêrazát kể – dưới triều đại hoàng đế Harun An-Rasít, ở thành phố Bátđá có một nhà buôn tên là All Côjia. Ông ta tuy không thuộc loại giàu có nhất, cũng chẳng phải hạng bần cùng. Vợ con không có, ông sống một mình trong ngôi nhà cha để lại. Vào thời gian đang sống thoải mái và bằng lòng về những công việc buôn bán của mình, thì ba đêm liền, ông có một giấc mộng giống nhau. Trong mộng, một ông cụ già đáng kính xuất hiện, nghiêm khắc nhìn ông và quở trách về việc ông chưa làm một chuyến hành hương về thánh địa La Mécơ.

Giấc mộng ấy xáo động sự yên tĩnh của All Côjia, làm cho ông rất bối rối. Vốn là một người Hồi giáo ngoan đạo, không phải ông không biết trong đời ai cũng bắt buộc phải hành hương về La Mécơ, ít nhất là một chuyến. Ngặt vì còn vướng ngôi nhà, đồ đạc và cửa hiệu chẳng biết phó thác cho ai, từ trước tới giờ ông vẫn cho đây là những khó khăn để tự cho phép mình chưa làm nghĩa vụ và thay vào đó bằng cách siêng năng bố thí và làm những việc phước khác. Nhưng, từ hôm nằm mộng, lương tâm thôi thúc quá mạnh, khiến ông lo có thể xảy ra điều gì bất hạnh chẳng, nên đi tới quyết định, thôi không nán ná chân chừ nữa.

Để có thể làm cuộc hành hương vào năm tới, Ali Côjia bắt đầu bán đồ đạc, tiếp đó bán nốt cửa hiệu cùng phần lớn hàng hóa trong đó, chỉ giữ lại những thứ có thể mang đi buôn bán tại La Mécơ; còn ngôi nhà thì cho một người thuê trọ. Mọi việc sắp đặt như vậy rồi, ông sẵn sàng nhập bọn lên đường bất cứ lúc nào có đoàn lữ hành rời Bátđá đi La Mécơ.^[89] Còn lại mỗi một việc phải làm là cất giấu số tiền một nghìn đồng vàng, mang theo thì có thể làm cho ông lúng túng trong khi hành hương, hơn nữa ông đã giắt theo đủ tiền ăn đường và để trang trải các khoản tiêu pha khác.

All Côjia liền chọn một cái vò lớn vừa phải, bỏ nghìn đồng vàng vào trong, rồi xếp đầy quả ôliu lên trên. Sau khi nút kỹ cái vò, ông mang đến nhà một người bạn cũng làm nghề buôn, và nói:

- Người anh em ạ, bạn đã biết là ít ngày nữa tôi sẽ lên đường hành hương về La Mécơ cùng với đoàn lữ hành. Xin bạn vui lòng cho tôi gửi vò ôliu này và giữ hộ cho đến khi tôi trở về.

Nhà buôn kia đáp nhả nhận:

- Chìa khóa nhà kho của tôi đây, xin bạn hãy cầm lấy, mời bạn thân hành mang cái vò của bạn vào, bạn thấy chỗ nào thuận tiện xin cứ để vào đấy. Tôi xin hứa là bạn để đâu sẽ lại thấy nguyên đầy khi bạn trở về.

Ngày khởi hành của đoàn lữ hành tới, All Côjia cuời lên lưng con lạc đà chở những hàng hóa mà ông đã chọn, nhập vào đoàn, và đến La Mécơ an

toàn vô sự.

Cùng với những người hành hương khác, ông viếng ngôi đền rất nổi tiếng, hằng năm được những người Hồi giáo từ khắp các quốc gia theo đạo này trên thế giới đến thăm, và thực hành đủ mọi lễ tiết quy định. Sau khi làm xong bốn phận của kẻ hành hương, ông mang bày hàng hóa của mình ra, định bán hoặc đổi chác.

Có hai nhà buôn đi qua; trông thấy hàng hóa của Ali Côtia quá đẹp, họ dừng lại ngắm nghía tuy không có nhu cầu mua. Thỏa mãn sự hiếu kỳ rồi, họ bỏ đi, một người nói với người kia: “Nếu vị thương nhân này biết được món tiền lãi sẽ kiếm được ở Cairô với số hàng hóa này, chắc hẳn ông ta sẽ mang hàng tới đó, ai lại dại đi bán ở đây, giá quá rẻ.”

All Côtia nghe được, và xưa nay cũng đã từng nghe nói không biết bao nhiêu lần về những điều kỳ thú bên Ai Cập, ông liền quyết định ngay tức khắc, nhân cơ hội này sang bên ấy một chuyến. Vậy là, sau khi đóng gói lại hòm hàng hóa của mình, ông không trở về Bátđã mà sáp nhập vào một đoàn lữ hành khác sắp sang Cairô, rồi lên đường đi Ai Cập.

Đến Cairô, ông thấy ngay không có gì phải hối tiếc về quyết định của mình. Công việc buôn bán ở đây tốt đẹp đến mức chỉ trong ít ngày ông đã bán hết hàng hóa, với số tiền lãi lớn quá mức mong đợi. Ông lại mua nhiều hàng hóa khác, với ý định mang về bán ở Đamát. Trong khi chờ đợi lập xong một đoàn lữ hành sẽ lên đường trong sáu tuần nữa, ông không chỉ bằng lòng đi xem những gì đáng thăm ở Cairô, mà còn đi viếng cả các kim tự tháp, và ngược dòng sông Nin một chặng khá xa, để xem các thành phố nổi tiếng nhất ở hai bên bờ.

Trong chuyến ghé Đamát, vì thành phố này nằm trên con đường của đoàn lữ hành đi Jerusalem, ông bạn nhà buôn thành phố Bátđã của chúng ta lợi dụng cơ hội ấy viếng ngôi đền vẫn được những người Hồi giáo xem là thiêng liêng nhất sau ngôi đền ở La Mécơ, và nhờ đó mà thành phố này cũng được gọi là Thành phố Thánh.

All Côtia thấy thành phố Đamát, với nguồn nước ngọt dồi dào, những thảm cỏ và vườn cây xanh tốt, đúng là một nơi tuyệt diệu, thực tế hơn hẳn những điều vẫn được mô tả trong sử sách mà ông từng được đọc. Ông nán lại đây một thời gian dài. Tuy vậy không quên mình là người Bátđã, cuối cùng ông lại lên đường. Đến thành phố Alép, ông dừng lại ít lâu, rồi từ đây, sau khi sang sông ơphơrát, ông theo đường tới Mút-xun, với ý định sẽ xuôi dòng sông Tigơ đến Bátđã để rút ngắn đường trở về.

Nhưng khi All Côtia đến Mút-xun thì các thương nhân người Ba Tư, mà ông đã đánh bạn từ khi cùng nhau rời Alép và rất cảm mến vì thái độ lịch sự và cách chuyện trò khả ái của họ, chẳng khó khăn gì không thuyết phục được

ông chớ nên chia tay, mà nên cùng nhau đi tiếp tới Sirazơ, từ Mút-xun có thể ghé thăm các thành phố Xuntani, Rây, Cam, Casam, Ixpaham, trước khi đến Sirazơ^[90]. Từ thành phố này ông còn vui chân theo bạn đi tới tận Ấn Độ, mới cùng nhau quay trở về Sirazơ.

Như vậy tính cả những thời gian lưu trú ở các thành phố, bảy năm trôi qua kể từ ngày All Cỗ-jia rời Bát-đa cho đến khi ông quyết định trở về. Suốt thời gian ấy, người bạn mà ông gửi cái vò ôliu nhờ giữ hộ, không hề nghĩ tới ông cũng như tới cái vò. Đúng khoảng thời gian ông lên đường cùng một đoàn lữ hành rời Sirazơ, thì một tối, người bạn thương nhân của ông ăn cơm cùng gia đình, vô tình nhắc tới quả ôliu. Bà vợ chợt tỏ ý thèm, nói rằng đã lâu lắm trong nhà không thấy loại trái cây đó. Ông chồng nói:

- Nhân nói chuyện ôliu, bà làm tôi sực nhớ đến Ali Cỗ-jia, cách đây bảy năm trước khi lên đường đi La Méc-cơ, ông ta có gửi cho tôi một cái vò ôliu, tự tay ông mang cất trong kho nhà ta, bảo sẽ lấy lại khi trở về. Nhưng từ chuyến đi ấy, bây giờ All Cỗ-jia ở đâu rồi nhỉ? Đúng là sau khi đoàn lữ hành trở về, có người nói với tôi ông ta sang bên Ai Cập. Hẳn ông ta đã chết rồi, bởi bao nhiêu năm không thấy trở về. Từ nay, chắc chúng ta có thể ăn ôliu, nếu nó còn tốt. Nào, hãy đưa cho tôi một cái đĩa với cây đèn, tôi đi lấy và chúng ta thử nếm xem.

- Thôi ông ơi, – bà vợ nói – nhân danh Thượng đế, xin ông chớ có phạm tội hành động đen tối như vậy. Ông bảo rằng đã bảy năm nay, All Cỗ-jia đi La Méc-cơ và không thấy trở về; nhưng người ta bảo ông ta đi Ai Cập, ông biết rằng từ Ai Cập, ông ta còn đi đến đâu nữa hay không? chỉ cần chưa có tin ông ta chết, vậy là ông ta có thể trở về ngày một ngày hai. Còn gì xấu hổ hơn cho ông và cả gia đình ta, nếu nay mai ông ta trở về và ông trả lại cái vò không còn nguyên vẹn như khi bạn ông mang đến gửi? Tôi xin nói rõ là tôi không thèm ăn ôliu nữa, và tôi sẽ không ăn. Sở dĩ tôi vừa nhắc đến, là để nói cho vui vậy thôi. Hơn nữa, ông tưởng rằng sau bấy nhiêu năm, những quả ôliu ấy vẫn còn tươi chắc? Nó đã thối và hỏng hết rồi. Và nếu All Cỗ-jia trở về, như linh tính tôi báo cho biết, và nhận ra ông đã động tay vào đấy thì ông ta nghĩ thế nào về tình bạn bè và tính thủy chung của ông? Thôi, ông ơi, xin ông hãy bỏ ý định ấy đi, tôi van ông đấy!

Bà vợ phải nói dài dòng như vậy vì thấy ông chồng lộ vẻ nhất quyết ra mặt. Quả vậy, không chịu nghe những lời khuyên đúng, ông cứ đứng dậy, cầm đèn và một cái đĩa, đi vào kho. Bà vợ liền bảo:

- Đã vậy thì ít ra ông hãy nhớ cho là tôi không dính dáng gì đến việc ông sắp làm, để sau này ông khỏi bảo là tại tôi gây nên, nếu như có lúc nào ông phải hối hận về chuyện này.

Người buôn vẫn bỏ lời vợ ngoài tai, và vẫn khẳng khái với ý định của

mình. Vào kho, ông sờ đến cái vò, mở nắp ra và nhận ra tất cả quả ôliu đều thối. Để thử xem quả xếp dưới có hỏng như những quả xếp ở bên trên không, ông trút ra đĩa; và lắc mạnh chiếc vò, một vài đồng vàng rơi đánh cạch.

Trông thấy những đồng tiền, người buôn dĩ nhiên háu của và kỹ tính, nhìn vào trong vò và nhận ra mình đã đổ hầu hết quả ôliu ra đĩa, còn lại toàn tiền vàng sáng chói. Lão ta trút ôliu trở lại vò, đập nắp và quay vào.

- Bà nó ạ, – lão nói với vợ – bà có lý, tất cả ôliu đã thối, tôi đã đập nắp lại sao cho All Côjia không nhận ra là mình có động vào, nếu một mai ông ta trở về.

- Giá ông nghe lời tôi mà đừng động vào, có phải tốt hơn không, cầu Thượng đế chớ để xảy ra chuyện gì không may cho ông!

Lão nhà buôn không chút xúc động về những lời lẽ vừa rồi của vợ, cũng như những câu trách móc của bà hồi nãy. Gần suốt cả đêm lão nghĩ cách chiếm đoạt số vàng của All Côjia và làm sao vẫn giữ được số tiền đó, trong trường hợp ông ta trở về và hỏi xin lại chiếc vò.

Sáng hôm sau, thật sớm, lão đi mua những quả ôliu vừa mới hái trong năm. Trở về nhà, lão vớt tất cả những quả thối trong vò của All Côjia đi, lấy hết vàng, cất giấu vào một nơi kín đáo, sau đó, xếp đầy vò những quả ôliu mới mua, đập nắp lại như cũ, và để nguyên vào chỗ All Côjia mang tới gửi.

Khoảng một tháng sau khi lão nhà buôn có hành động hèn hạ mà rồi lão phải trả giá đắt ấy, All Côjia về đến Bátđà sau một chuyến đi lâu ngày. Vì nhà đã cho thuê trước khi đi, ông mượn phòng nghỉ trọ ở một cái *khan*, trong khi chờ đợi báo tin cho người thuê nhà biết và để cho người đó có thời giờ tìm một nơi khác.

Ngay hôm sau, All Côjia tìm ông bạn nhà buôn của mình. Lão này ôm ông ta hôn và tỏ nỗi mừng thấy ông trở về sau khi vắng nhà lâu năm đến vậy, khiến cho lão đã bắt đầu mất hết hy vọng – nói theo lời lão – được gặp lại người bạn vàng.

Sau những lời chúc tụng lẫn nhau thường lệ trong một cuộc gặp gỡ như vậy, All Côjia xin lão lái buôn vui lòng cho xin lại cái vò đựng quả ôliu mà ông gửi nhờ trông giùm, đồng thời xin lỗi là đã mạo muội dám làm phiền bạn lâu như vậy. Lão nhà buôn đáp:

- Anh bạn thân mến All Côjia của tôi ơi, sao bạn lại xin lỗi, cái vò của bạn có làm bạn bị gì đến tôi đâu. Vào địa vị tôi trong một trường hợp ấy, hẳn tôi cũng phải nhờ đến bạn như bạn đã nhờ tôi đấy thôi. Đây, chìa khóa nhà kho của tôi, xin bạn hãy cầm lấy và vào lấy lại cái vò bạn để đâu thì nó vẫn còn nguyên ở đấy.

All Côjia vào kho của lão nhà buôn, lấy chiếc vò, và sau khi trả lại chìa

khóa và cảm ơn, ông trở về nơi ở trọ.

Mở nắp vò, thò tay vào đến tầm xếp nghìn đồng tiền vàng. Ông ngạc nhiên không thấy tiền. Tưởng mình nhầm, và để mau chóng thoát khỏi nỗi lo âu, ông vội lấy mấy cái đĩa và lọ vẫn mang theo để dùng khi đi đường, trút vội tất cả ôliu ra, vẫn không hề tìm thấy một đồng tiền vàng nào. Ông ngạc nhiên ngồi ngây như phỗng, rồi chấp tay đưa lên trời, kêu lên: “Có thể nào một người mà ta vẫn coi là bạn tốt lại lật lọng vô liêm sỉ đối với ta như vậy.”

Hoảng hốt vì sợ mất số tiền lớn dường ấy, All Côjia trở lại ngay nhà lão buôn:

- Ông bạn của tôi ơi, – ông bảo lão, – xin ông bạn chớ ngạc nhiên sao tôi quay trở lại ngay. Tôi nhận là tôi đã xin lại đúng cái vò mà tôi gửi nhờ trong kho của bạn, nhưng cùng với các quả ôliu, tôi có bỏ vào trong đó một nghìn đồng tiền vàng, mà nay không thấy. Có lẽ bạn đã có lần cần, và đã dùng số tiền ấy vào việc làm ăn chẳng? Nếu quả đúng như vậy thì bạn cứ dùng. Tôi xin bạn đỡ cho tôi khỏi băn khoăn, bằng cách viết cho tôi một biên nhận, rồi bạn sẽ hoàn lại cho tôi lúc nào bạn thấy thuận tiện.

Lão buôn vẫn chờ đợi All Côjia trở lại nói như vậy, cho nên đã nghĩ sẵn câu trả lời:

- Nay bạn All Côjia của tôi ơi, khi bạn mang cái vò ôliu đến gửi; tôi có động tay đến không? Tôi chẳng giao chìa khóa kho của tôi cho bạn là gì? Và chẳng phải là chính bạn thân hành mang vào cất rồi cũng chính tay bạn lấy lại, và chẳng phải là cái vò vẫn còn nguyên và đầy diêm y như cũ hay sao? Nếu bạn quả có để vàng trong đó, hẳn bạn đã lại tìm thấy. Bạn chỉ bảo với tôi là vò chỉ có đựng ôliu, và tôi đã tin lời bạn. Đó là tất cả những gì tôi biết. Bạn có muốn tin lời tôi hay không thì tùy, chứ tôi không hề động tay vào.

All Côjia cố tìm những lời lẽ mềm mỏng để thuyết phục lão nhà buôn nên nghĩ lại. Ông nói:

- Xưa nay tôi chỉ thích chuyện ôn hòa. Tôi sẽ rất tiếc phải đi tới những việc làm quá đáng, nó chẳng làm rạng rỡ gì danh giá của bạn trên đời, mà về phần tôi cũng sẽ rất khổ tâm nếu phải dùng tới. Bạn nên nhớ rằng những người buôn bán như cánh ta có khi phải từ bỏ mọi lợi ích để giữ tín nhiệm của mình. Một lần nữa, tôi hết sức phiền lòng nếu thái độ khăng khăng của bạn buộc tôi phải thừa vạ này với quan trên dù tôi vốn là người xưa nay thà chịu thiệt chút lợi của mình hơn là phải đưa nhau đến cửa quan.

- All Côjia, – lão nhà buôn đáp – ông nhận rằng có mang đến gửi ở nhà tôi một vò ôliu mà ông đã lấy lại, đã mang đi nơi khác, rồi ông trở lại đòi tôi một nghìn đồng tiền vàng? Ông có bảo cho tôi biết trước có vàng bên trong hay không? Tôi cũng không biết cả trong vò có ôliu hay không nữa, nào ông

có trở cho tôi xem đâu. Tôi ngạc nhiên sao ông không chỉ đòi tôi vàng, sao ông không đòi tôi cả châu báu hoặc kim cương. Xin ông nghe lời tôi! Hãy về đi, chớ làm người qua đường xúm xít trước cửa hiệu của tôi như vậy!

Một vài người qua đường đã dừng chân. Những lời sau cùng của lão nhà buôn thốt với giọng một người không còn giữ được bình tĩnh, chẳng những càng làm cho thêm đông người xúm lại, mà đến cả các nhà buôn lân cận cũng ra khỏi nhà, sang xem lão và All Côjia cãi nhau việc gì, để tìm cách dàn hòa. Sau khi All Côjia trình bày sự việc, những vị có vai vế nhất hỏi lão nhà buôn trả lời việc đó thế nào.

Lão nhà buôn nhận có giữ hộ All Côjia chiếc vò trong kho, nhưng chối không động tay vào. Lão thề rằng sở dĩ lão biết cái vò đựng ôliu cũng chỉ vì All Côjia bảo cho biết vậy. Lão xin mọi người làm chứng cho việc All Côjia đã đến tận nhà lão, gây nên cho lão điều xúc phạm và sỉ nhục này. All Côjia liền nắm cánh tay lão và nói:

- Điều xúc phạm ấy từ ông gây nên. Nhưng, vì ông đã xử sự xấu xa như vậy, tôi xin viện đến luật của Thượng đế. Thử xem ông có gan nói năng như thế trước mặt pháp quan hay không.

Khi đã có lời đòi hỏi như vậy thì tất cả những người Hồi giáo ngoan đạo đều phải tuân theo, trừ phi là muốn chống lại luật.

Lão nhà buôn không dám cả gan khước từ. Lão nói:

- Nào chúng ta hãy đi, đó cũng là điều tôi đòi hỏi. Thử xem giữa ông và tôi, ai là người sai trái.

All Côjia dẫn lão nhà buôn đến trước tòa án của pháp quan. Ông tố cáo lão đã chiếm đoạt của ông một nghìn đồng vàng gửi nhờ, qua cách trình bày như chúng ta đã biết. Pháp quan hỏi có người làm chứng hay không. Ông đáp ông đã không tính đến chuyện đó, vì vẫn tin rằng người mình ký thác là một ông bạn, mà cho đến lúc bấy giờ ông vẫn cho là một người trung hậu.

Để bào chữa, lão nhà buôn không nói gì khác hơn những điều lão nói với All Côjia trước mặt hàng phố.

Cuối cùng, lão quả quyết là sẵn sàng thề, không những lão đã không chiếm đoạt một nghìn đồng tiền vàng như người ta vu cho lão, mà cũng không biết gì về khoản tiền đó. Pháp quan buộc lão thề, sau đó cho về, trắng án.

Cực kỳ phiền muộn vì đã để mất toi số tiền lớn như vậy, All Côjia tuyên bố chống án. Ông nói với pháp quan rằng mình sẽ kêu lên hoàng đế Harun An-Rasít, và Người sẽ xử công bằng cho ông. Nhưng pháp quan không hề lấy làm lạ về sự chống án. Ông cho rằng đây là thái độ thường tình của những người thua kiện. Ông nghĩ mình đã làm tròn bổn phận khi xử trắng án

một bị cáo về tội chiếm đoạt, mà bên nguyên lại không dẫn được người làm chứng.

Trong khi lão buôn trở về nhà, hớn hờ vì tự dung có được một nghìn đồng vàng dễ dàng đến vậy, thì All Côjia đi làm một cái đơn khiếu nại, và hôm sau, chờ lúc hoàng đế đến giáo đường cầu kinh trưa trở về, ông đón ở một phố, hai tay dâng lá đơn quá đầu. Một viên quan vốn được giao chuyên trách việc thu đơn thỉnh nguyện của dân, đi trước hoàng đế, trông thấy liền tách ra khỏi hàng nhận đơn dâng lên nhà vua.

All Côjia biết hoàng đế có thói quen vừa về tới cung là xem ngay lá đơn thỉnh nguyện dâng lên kiêu ấy, bèn đi theo xa giá vào hoàng cung, chờ viên quan hồi nấy nhận tờ đơn quay trở ra. Viên quan báo cho ông biết, hoàng đế đã đọc đơn, và hẹn cho ông được vào triều yết ngay ngày mai. Sau khi hỏi tên lão nhà buôn, viên quan cũng cho người đến nhà báo cho lão biết sáng mai đúng vào giờ ấy phải có mặt.

Tối hôm ấy, hoàng đế cùng với tể tướng Giafa và Mêrua, viên trưởng các hoạn nô tất cả đều cải trang đi vòng quanh các phố. Như chúng ta đã biết hoàng đế có thói quen vẫn cải trang vi hành như vậy.

Qua một phố, nghe có tiếng ồn ào, vua rảo bước tới một cái cổng mở vào một cái sân; nhìn qua khe hở ở cổng, vua thấy chừng mười, mười hai em bé chưa đi ngủ, còn nô đùa dưới ánh trăng.

Tò mò muốn biết các em chơi trò gì, hoàng đế ngồi xuống một phiến đá kê sẵn ở cổng ra vào, và tiếp tục nhìn qua khe hở. Một em bé bộ dạng nhanh nhẹn và thông minh hơn tất cả, nói với cả bọn:

- Chúng ta hãy chơi trò pháp quan xử kiện. Ta đây là pháp quan. Hãy dẫn All Côjia và lão nhà buôn đã chiếm đoạt của ông ta một nghìn đồng tiền vàng vào đây cho ta.

Nghe nói, hoàng đế chợt nhớ tới lá đơn khiếu nại vừa nhận được sáng nay mà vua đã đọc, nên càng chú ý theo dõi hơn, để xem kết quả vụ xử kiện thế nào.

Vì vụ tranh chấp giữa All Côjia và lão nhà buôn vừa xảy ra, đang làm ồn ào cả thành Bátđã, ngay cả trẻ con cũng biết. Bọn trẻ vui vẻ nhận chơi trò đó, và đồng ý phân vai. Không có em nào phản đối em vừa tự nhận vai pháp quan. Khi em này đã ngồi vào chỗ với vẻ đường vệ của một vị quan tòa, một em khác đóng vai quan chức tòa án dẫn tới hai em nữa, và trình đây là All Côjia, còn người kia là nhà buôn bị All Côjia thưa kiện.

Thế là vị pháp quan giả kia lên tiếng trình trọng hỏi nhà buôn All Côjia giả:

- All Côjia, ông thưa kiện người buôn kia về việc gì?

Em đóng vai All Côjia giả chấp tay vái, trình bày cặn kẽ đầu đuôi. Kết luận, em xin quan lớn hãy dùng uy quyền của mình mà phán xét để em khỏi chịu sự thiệt thòi lớn như vậy.

Sau khi nghe em đóng vai All Côjia trình bày, em bé đóng vai pháp quan liền quay lại hỏi em đóng vai nhà buôn, tại sao không chịu trả cho All Côjia số tiền ông ta đòi.

Em bé đóng vai nhà buôn lại giải bày những lý lẽ mà chính lão đã thừa với vị pháp quan thực của thành phố Bátđã, và cũng thề thốt rằng điều mình nói là đúng sự thật.

- Chớ vội vàng thế, – em bé đóng vai pháp quan chặn lại – trước khi nghe lời thề của ông, ta rất muốn xem trong cái vò đựng ôliu. All Côjia, ông có mang theo cái vò tới không?

Được trả lời có, em nói tiếp:

- Vậy hãy đưa vào đây cho ta xem!

Em bé đóng vai All Côjia biến mất trong chốc lát, rồi quay lại làm ra vẻ đặt cái vò trước mặt pháp quan, và thừa đây chính là cái vò mình đã gửi cho bị cáo và đã lấy về. Không bỏ qua một thủ tục nào, pháp quan hỏi lão nhà buôn có nhận đúng cái vò ấy hay không. Lão ta im lặng, chứng tỏ là không thể phủ nhận. Em bé đóng vai pháp quan liền sai mở nắp. Em bé đóng vai pháp quan lại làm như đang nhìn vào trong đó và nói:

- Chà những quả ôliu ngon quá, để ta thử nếm xem. Em vò lấy một quả đưa vào miệng ăn, rồi khen:

- Ô liu ngon thật. Nhưng, – em nói tiếp – hình như những quả ôliu cất giữ lâu những bảy năm không thể nào ngon như thế này. Hãy đi mời những người chuyên buôn ôliu đến đây, để hỏi họ xem sao.

Hai em bé được dẫn ra, với tư cách là những người buôn ôliu.

- Các ông có phải là những người chuyên buôn bán ôliu không? – Pháp quan hỏi.

Được trả lời đây chính là nghề nghiệp của họ, em nói tiếp:

- Các ông hãy cho biết, trong tay những người thành thạo nhất, quả ôliu cất giữ bao lâu thì vẫn còn ăn được?

- Bẩm quan lớn, – các em đóng vai nhà buôn ôliu đáp – dù cố gắng như thế nào chăng nữa, thì sau ba năm ôliu cũng không ăn được nữa. Nó không còn có mùi vị gì, cũng không có màu sắc, chỉ đáng vứt đi thôi.

- Nếu quả đúng như vậy, – em đóng vai pháp quan truyền – các ông hãy xem cái vò kia và nói cho ta biết những quả ôliu trong đó giữ được bao lâu rồi.

Các em giả làm nhà buôn vờ xem xét và nếm ôliu, rồi thưa với quan những quả này mới hái, còn ngon lành lắm. Em đóng vai pháp quan liền nói:

- Các ông nhầm rồi, ông All Côtia bảo ôliu đó đã bảy năm nay cơ mà.

- Bẩm quan lớn, – các em đóng vai người buôn được gọi tới làm nhà chuyên môn thành thạo cái – chúng tôi chỉ có thể quả quyết là những quả ôliu này vừa mới hái trong năm, và chúng tôi xin bảo đảm là không một nhà buôn ôliu nào trong thành phố Bátđã này lại không chứng thực y như chúng tôi vừa nói.

Em bé đóng vai nhà buôn định mở miệng cãi, nhưng vị pháp quan giả không cho phép em nói:

- Im mồm đi, mày là một tên kẻ cắp! Bay đâu, hãy treo cổ nó lên cho ta!

Thế là các em bé chấm dứt trò chơi một cách cực kỳ vui vẻ, vừa vỗ tay vừa đồ xô tới em đóng vai kẻ phạm tội, làm như thể sắp mang đi treo cổ thật.

Không thể nào diễn tả hết nỗi khâm phục của hoàng đế Harun An-Rasít trước sự khôn ngoan và trí thông minh của em bé vừa phân xử một cách tài giỏi vụ kiện mà chính vua sẽ phải phán xét ngay sáng mai.

Không nhìn qua khe hở nữa, vua đứng lên hỏi tể tướng, cũng vừa chăm chú theo dõi như vua, có nghe những điều em bé phân xử hay không, và ông nghĩ gì về việc ấy.

Tể tướng đáp:

- Tâu Đấng thống lĩnh các tín đồ, thật không thể có ai ngạc nhiên bằng tôi, sao một em bé ít tuổi mà khôn ngoan dường ấy.

- Nhưng, – hoàng đế lại nói – ông có biết sáng mai chính ta cũng phải phân xử về vụ đó, mà chính lão Ali Côtia thật vừa dưng sớ khiếu nại hôm nay?

- Bệ hạ có nói cho tôi rõ. – Tể tướng đáp.

- Vậy, ông có nghĩ rằng ta nên có sự phán quyết nào khác hơn cách chúng ta vừa nghe hay không?

- Nếu sự tình cũng y như vậy, – tể tướng nói – thì tôi nghĩ rằng bệ hạ không có cách hỏi cung nào khác, cũng không thể tuyên án khác hơn.

- Khanh hãy chú ý ngôi nhà này, – hoàng đế bảo, – sáng mai hãy dẫn em bé này đến với ta, để cho em xử vụ ấy ngay trước mặt ta. Hãy cho đòi cả viên pháp quan đã xử trắng án cho lão buôn ăn cắp đến, để cho lão noi gương một em bé mà học cách làm bốn phận và tự sửa chữa sai lầm. Ta cũng muốn rằng ông dặn All Côtia nhớ mang vò ôliu của nó đến và tìm hai người buôn ôliu đến dự phiên tòa.

Hoàng đế ra mệnh lệnh đó trong khi tiếp tục đi vòng quanh các phố, hôm ấy chẳng còn gặp chuyện gì khác đáng chú ý nữa.

Ngày hôm sau, tể tướng Giafa đến ngôi nhà hoàng đế đã xem các em bé đóng trò chơi, hỏi chủ nhà. Ông chủ vừa đi vắng, bà vợ ra tiếp. Tể tướng hỏi bà có con không. Bà đáp mình có ba đứa con, và sai gọi đến ra mắt quan. Tể tướng liền hỏi:

- Các cháu, hôm qua trong lúc chơi đùa, cháu nào đóng vai pháp quan?

Em lớn nhất, và cũng là anh cả, đáp chính em. Vì không hỏi rõ tại sao tể tướng lại hỏi như vậy, em hơi biến sắc. Tể tướng bảo:

- Cháu hãy đi với bác, hoàng đế muốn gặp cháu.

Bà mẹ kinh hoàng khi thấy tể tướng muốn bắt con trai mình đi. Bà hỏi:

- Bẩm quan lớn, có phải hoàng đế muốn bắt con trai tôi chẳng?

Tể tướng vừa trấn an bà, vừa hứa sẽ đưa con trai bà trở về nội trong vòng một giờ, lúc ấy bà sẽ rõ vì sao hoàng đế cho gọi em bé vào, và bà sẽ lấy làm bằng lòng.

- Bẩm quan lớn, – bà mẹ lại nói, – nếu quả như vậy thì trước hết xin cho phép tôi mặc cho cháu một bộ quần áo tươm tót hơn để cháu xứng đáng ra mắt Đấng thống lĩnh các tín đồ.

Và không để mất thời giờ, bà lấy áo quần thay cho con ngay.

Tể tướng dẫn em bé bộ kiến hoàng đế đúng vào giờ hẹn All Côtia và lão buôn đến hầu kiến.

Thấy em bé hơi có vẻ lo lắng, hoàng đế thương tình. Vua bảo:

- Con hãy đến đây, đến gần ta! Có phải chính con hôm qua đã xử vụ All Côtia kiện lão buôn ăn cắp vàng của ông ta không? Ta đã xem và nghe con xử, ta rất hài lòng về con.

Không chút bối rối, em bé khiêm tốn nhận chính mình đã làm việc đó.

Hoàng đế lại bảo:

- Con ạ, hôm nay ta muốn con xem All Côtia thật thà hay lão buôn thật thà.

Thế là hoàng đế cầm tay em bé, bước ra ngồi trên ngai vàng. Sau khi cho em ngồi bên cạnh, vua cho đòi hai bên đương sự. Hai người được lính dẫn vào và xuống tên họ quỳ xuống, dập đầu vào tấm thảm dưới chân ngai. Chờ họ đứng lên, hoàng đế nói:

- Các người hãy trình bày lý lẽ của mình, em bé đây sẽ nghe và phân xử cho các người, nếu có thiếu sót điều gì ta bổ sung.

All Côjia và lão buôn lần lượt nói. Nhưng khi lão buôn đòi thẻ như lão đã làm trong phiên xử lần trước, em bé bảo rằng chưa đến lúc, việc trước tiên là phải xem xét cái vò ôliu đã.

Nghe nói, All Côjia liền đưa cái vò đến, đặt dưới chân hoàng đế và mở nắp. Hoàng đế nhìn các quả ôliu, lấy một quả ăn thử. Cái vò lại được chuyển cho các nhà buôn thành thạo được mời tới nếm. Sau khi xem xét, họ đều nói ôliu rất ngon, đúng là vừa mới hái trong năm nay. Còn em bé nói All Côjia thì quả quyết đã cho ôliu vào vò bảy năm nay rồi, trong khi các nhà buôn thành thạo đều trả lời giống như các em bé đóng giả đã nói, mà chúng ta đã nghe.

Đến đây, lão bị cáo thấy rõ hai nhà buôn ôliu vừa tuyên án kết tội mình, tuy vậy lão vẫn tỏ ra không muốn nói gì để tự biện bạch. Nhưng em bé đóng vai pháp quan lại giữ mồm không sai đưa lão treo cổ. Em nhìn hoàng đế mà thưa:

- Tàu Đấng thống lĩnh các tín đồ, đây không phải là trò chơi. Chỉ có Người mới có quyền kết tội tử hình một cách nghiêm chỉnh mà thôi, chứ không phải cháu; hôm qua chúng cháu chỉ làm cho vui.

Hiểu rõ dã tâm lão lái buôn, hoàng đế giao lão cho các quan tư pháp đưa đi xử tử. Bản án được thi hành sau khi lão khai ra nơi cất giấu một nghìn đồng vàng, số này được trả lại cho All Côjia. Cuối cùng, hoàng đế công minh và ngay thẳng, bảo viên pháp quan đã xử kiện lúc ấy cũng đang có mặt, rằng nên học hỏi trẻ con để thi hành chức vụ của mình một cách đúng đắn hơn nữa. Rồi vua ôm hôn em bé và cho trở về nhà cùng cái túi đựng một trăm đồng tiền vàng làm quà thưởng.

CHUYỆN CON NGỰA THẦN KỲ

-Tâu bệ hạ, – nàng Sêhêrazát lại kể – như Người đã rõ, từ những thời xa xưa, trong khắp nước Ba Tư, tết Nguyên đán, ngày mở đầu năm mới và mở đầu mùa xuân là một ngày hội trọng thể có truyền thống lâu đời. Ngay cả sau khi đạo Hồi chân chính của chúng ta đã được truyền bá vào nước ấy rồi, những phong tục và nghi lễ cũ vẫn tiếp tục tồn tại. Không nói đến các thành phố lớn, ngay các thành phố nhỏ thôi cũng cử hành ngày hội đó với những cuộc vui chơi kỳ lạ.

Nhưng những cuộc vui trong cung đình vượt xa tất cả bởi những cảnh tượng lạ lùng mới mẻ và muôn màu muôn vẻ của nó. Ngay người nước ngoài dân các nước lân bang đến từ những nước xa xôi nhất, cũng được thu hút tới dự hội, bởi những món tiền thưởng và ân huệ mà các nhà vua tặng cho những ai có sáng kiến và kỹ xảo tài giỏi. Nhờ thế không một nơi nào khác trên thế giới có thể so sánh với sự huy hoàng của những ngày hội đầu năm ở nước Ba Tư.

Vào một trong những ngày hội đó, sau khi những người khéo léo và tài hoa nhất nước cùng với những người ngoại quốc kéo về Sirazơ – kinh đô nước Ba Tư hồi bấy giờ – đã trình bày với vua và tất cả triều đình mọi điều mới lạ, vua liền hào phóng ban thưởng cho mọi người một cách công bằng, xứng đáng về những gì được coi là kỳ diệu nhất và hay ho nhất, khiến cho ai nấy đều hài lòng. Giữa lúc vua sắp cho chấm dứt ngày hội, và chuẩn bị lui về thì một gã thổ dân xuất hiện dưới chân ngai.

Gã dẫn tới một con ngựa làm bằng gỗ thẳng yên cương và trang hoàng lộng lẫy, được tô vẽ một cách tài tình đến mức thoạt nhìn qua ai cũng tưởng đấy là con ngựa thật.

Gã thổ dân phủ phục trước ngai vàng rồi đứng dậy trở con ngựa và nói với vua:

- Tâu bệ hạ, mặc dù tôi là người cuối cùng đến ra mắt bệ hạ trong cuộc đua tài này, tôi vẫn dám quả quyết với Người rằng, trong ngày hội hôm nay, Người chưa từng thấy một vật kỳ diệu và lạ lùng hơn con ngựa mà tôi cúi mong được Người hạ cố để mắt nhìn kia.

- Ta chẳng thấy ở con ngựa này có gì khác hơn là nghệ thuật và kỹ xảo của người thợ đã tạc nó giống y như con ngựa thật, và quả nhiên họ đã làm được như vậy. Nhưng nhiều người thợ khác chắc cũng có khả năng làm được một việc tương tự, thậm chí họ có thể còn tinh xảo hơn.

- Tâu bệ hạ, – gã thổ dân lại nói – chẳng phải vì cách chế tạo hoặc màu sắc tô vẽ bề ngoài giống như thật của nó mà tôi dám mong được bệ hạ đoái xem, mà điều kỳ diệu chính là ở cách sử dụng nó. Không một ai khác có thể làm

như tôi nhờ cái bí quyết mà tôi xin trình bệ hạ rõ: ấy là khi đã cưỡi lên lưng con ngựa này rồi, thì bất cứ một nơi nào trên trái đất dù xa xôi đến đâu mà tôi muốn bay tới, tôi đều có thể đến được ngay trong một thời gian rất ngắn. Tâu bệ hạ, đây là tôi nói tóm tắt về sự thần kỳ của con ngựa của tôi, một sự thần kỳ chưa ai từng nghe nói đến, và tôi có thể thực nghiệm ngay nếu Người ra lệnh.

Vua nước Ba Tư xưa nay vốn hiếu kỳ đối với tất cả những gì kỳ diệu. Sau biết bao nhiêu chuyện hay vật lạ đã thấy, đã tìm xem và muốn được xem, vua chưa bao giờ trông thấy hoặc nghe nói tới một vật lạ dường này. Vua liền bảo gã thổ dân, chỉ có sự thực nghiệm điều mà gã vừa nói tới mới có sức thuyết phục được vua; và vua sẵn sàng xem sự thật thế nào.

Gã thổ dân cho chân vào bàn đạp, leo lên lưng ngựa một cách nhẹ nhàng, và sau khi đã ngồi vững chắc trên yên, gã hỏi vua Ba Tư muốn phái gã tới đâu.

Cách Sirazơ ba dặm, có một quả núi. Đứng từ quảng trường trước cung điện mà vua hiện đang cùng quần chúng tụ tập, có thể nhìn thấy rất rõ. Vua trở ngọn núi ấy bảo gã thổ dân:

- Người trông thấy ngọn núi kia chứ, ta muốn người đi tới đó, khoảng cách tuy không xa nhưng cũng đủ cho ta xét xem, người từ đây đến đó trở về nhanh chóng thế nào. Vì ta không thể đưa mắt dõi theo tận đáy, người hãy mang về đây cho ta một ngọn lá hái từ cây mọc ở chân núi, coi như đây là bằng chứng người đã đến tận nơi.

Vua vừa dứt lời, gã thổ dân chỉ cần xoay một cái chột hơi nhô lên ở cổ con ngựa. Ngay lập tức, con ngựa vút lên không, mang theo người kỵ mã, nhanh như một tia chớp, và lên cao tới mức chẳng bao lâu những đôi mắt tinh tường nhất cũng không còn trông thấy. Vua, triều đình, cũng như tất cả những người được mục kích đang tụ tập ở quảng trường đều hết sức khâm phục và thốt lên những tiếng ngạc nhiên từ mọi phía.

Chưa đầy một khắc sau, mọi người đã thấy gã thổ dân bay trở về trên không, tay cầm ngọn lá cọ. Gã lượn trên quảng trường, cho ngựa uốn éo mấy vòng trước những tiếng hò hét vui mừng của nhân dân, rồi mới hạ xuống trước ngai vàng, đứng vào chỗ lúc nãy gã từ đó bay đi, một cách thật nhẹ nhàng êm ả. Xuống ngựa, gã tiến tới gần ngai vàng, quỳ xuống và đặt ngọn lá cọ dưới chân vua.

Đây kinh ngạc và khâm phục chứng kiến cảnh chưa từng có mà gã thổ dân vừa trình diễn, vua Ba Tư nảy ra lòng ham muốn được làm chủ con ngựa đó. Tin chắc rằng không gặp khó khăn gì trong việc thương lượng với người chủ, vì cho dù gã có đòi số tiền lớn đến bao nhiêu, vua cũng đồng ý trả, bởi nhà vua đã cảm chắc đây là vật quý báu nhất cần bổ sung cho kho tàng của

mình. Vua bảo gã:

- Thoạt nhìn vẻ ngoài của con ngựa, ta không hiểu hết giá trị của nó. Ta nhận là hồi nãy có xúc phạm tới anh, và để chứng tỏ lòng quý trọng của ta, ta sẵn sàng mua con ngựa nếu anh bằng lòng bán.

- Tâu bệ hạ, – gã thổ dân đáp – tôi xưa nay vẫn tin chắc, trong số các vị quân vương hiện nay đang trị vì trên trái đất, bệ hạ là người hơn ai hết có sự phán xét công minh đối với con ngựa của tôi, sau khi tôi trình bày để Người rõ do đâu nó được chú ý. Tôi cũng đã dự kiến không những Người chỉ bằng lòng xem và khen ngợi, mà có thể Người còn muốn trở thành người sở hữu nó, đúng như Người vừa ngỏ ý. Về phần mình, tâu bệ hạ, cho dù tôi biết rõ hơn ai hết giá trị của nó, và quyền sở hữu con ngựa này có thể làm cho tên tuổi tôi trở thành bất tử, tôi vẫn không dám bo bo giữ nó tới mức không thỏa mãn mong muốn cao cả của Người. Nhưng, khi ngỏ lời như vậy, tôi lại xin có lời nói thêm về điều kiện, mà thiếu nó, tôi sẽ không bao giờ để con ngựa chuyển sang tay người khác, một điều kiện mà e rằng bệ hạ không thể chấp thuận. Xin Người biết cho, – gã thổ dân nói tiếp – tôi đã không mua con ngựa này. Tôi chỉ có thể nhận từ tay người sáng chế ra nó bằng cách gả cho ông ta đứa con gái duy nhất của tôi, mà ông ta đòi lấy. Đồng thời, ông ta lại buộc tôi không được bán, mà chỉ có thể đổi chác theo cách nào tôi cho là thỏa đáng.

Gã thổ dân còn muốn nói tiếp, nhưng vừa nghe hai tiếng đổi chác, vua Ba Tư đã vội ngắt lời gã. Vua nói:

- Ta đồng ý đánh đổi với người tất cả những gì người đòi hỏi. Người biết rằng vương quốc ta rộng lớn, có nhiều thành phố to, mạnh, giàu có, đông dân. Ta cho người chọn lấy một nơi, người sẽ được toàn quyền làm chủ cho đến trọn đời.

Đối với cả triều đình Ba Tư có mặt lúc ấy, sự đổi chác ấy thật quá vương giả, song nó còn thấp so với đòi hỏi của tên thổ dân. Mắt gã còn nhìn lên mục tiêu cao quý hơn nhiều. Gã đáp lời vua:

- Tâu bệ hạ, tôi cực kỳ biết ơn Người về đề nghị đó, và không biết làm sao cảm tạ cho hết sự hào hiệp của Người. Tuy nhiên, cầu xin Người chớ coi là bị xúc phạm nếu tôi dám ngỏ ý rằng, tôi chỉ đồng ý trao con ngựa nếu Người đồng ý cho phép tôi được lấy công chúa con Người làm vợ, tôi chỉ bằng lòng nhường quyền sở hữu con ngựa với cái giá ấy mà thôi.

Các triều thần đang chầu quanh vua Ba Tư không thể nhịn được cười ha hả, khi nghe gã thổ dân đòi hỏi kỳ cục như vậy. Riêng hoàng tử Furu Sát, đông cung thái tử, người thừa kế ngai vàng, không thể nghe mà không bất bình. Nhà vua lại nghĩ khác. Vua cho là có thể hy sinh công chúa nước Ba Tư cho gã thổ dân, để thỏa mãn sự hiếu kỳ của mình. Tuy nhiên, vua còn

lượng lự đôi chút trước khi đi đến quyết định.

Thái tử Firu Sát thấy cha lượng lự chưa trả lời ngay tên thổ dân, lo rằng vua có thể đồng ý điều gã đòi hỏi, một việc mà chàng xem như làm sỉ nhục đến uy danh của hoàng gia, của công chúa và của chính chàng. Thái tử liền cất lời:

- Tâu bệ hạ, xin bệ hạ tha thứ cho con được hỏi tại sao bệ hạ có thể còn do dự, cân nhắc mà chưa khước từ ngay đòi hỏi láo xược của một tên vô danh tiểu tốt, một tên làm trò múa rối vô sỉ, lại để cho nó dám mơ tưởng rằng gia đình nó sắp được môn đăng hộ đối với một trong những đẳng quân vương hùng mạnh nhất thế gian này. Con xin bệ hạ hãy cân nhắc không chỉ vì trách nhiệm đối với chính mình, mà còn vì tình máu mủ và trách nhiệm đối với oai phong của các đẳng tiên vương ta nữa.

- Con ạ, – vua Ba Tư đáp, – ta vui lòng nghe lời con can gián và thông cảm mối quan tâm của con muốn giữ gìn uy danh của hoàng tộc. Nhưng con chưa hiểu hết sự kỳ diệu của con ngựa này, cũng như chưa thấy rằng gã thổ dân đến đề nghị ta đây, nếu bị từ chối có thể mang tới một nơi khác mà ở đó người ta không quá coi trọng danh dự. Và rồi đây ta sẽ lấy làm tuyệt vọng nếu một vị quân vương khác có thể khoe khoang là đã hào phóng hơn ta. Con làm cho ta mất niềm quang vinh được sở hữu con ngựa này, mà ta cho là vật đặc biệt đáng cho mọi người khắp thiên hạ thán phục.

Tuy nhiên, không phải ta có ý nói rằng ta đã đồng ý chấp nhận lời yêu cầu của nó. Có lẽ tự nó cũng chưa hiểu hết đòi hỏi của nó quá đáng; gạt riêng chuyện công chúa sang bên cạnh, ta có thể bằng lòng với một điều kiện khác hẳn. Nhưng, trước khi đi đến chỗ ngã ngũ, ta muốn tự con xem xét con ngựa; con hãy dùng thử, và cho ta biết cảm tưởng của mình. Ta tin rằng chủ của con ngựa đồng ý để cho con làm việc đó.

Thông thường ai đã mong ước điều gì thì hy vọng đạt được điều mình mong ước. Qua những lời nghe được ấy, gã thổ dân tưởng nhà vua chắc cũng có thể nhận lời đổi con gái lấy con ngựa; và hoàng thái tử, chẳng những không phản đối mà rồi còn có thể nói điều thuận lợi cho gã. Vì vậy, đã không ngần ngại trước ý kiến của nhà vua, gã còn tỏ vẻ vui mừng và sẵn sàng giúp thái tử lên ngựa, rồi sau đó sẽ nói cho thái tử rõ nên làm thế nào để điều khiển ngựa cho tốt.

Với một sự nhanh nhẹn diệu kỳ, hoàng thái tử Firu Sát vọt lên lưng ngựa mà không cần gã thổ dân giúp.

Vừa đặt chân vào bàn đạp, không chờ nghe ý kiến của tên thổ dân, chàng đã vịn cái chốt lúc nãy thấy gã vịn.

Lập tức, con ngựa vút lên không như một mũi tên bắn ra bởi một xạ thủ

dũng mãnh và tài hoa nhất. Trong chốc lát, nhà vua, cả triều đình và tất cả đám đông tập hợp trong quảng trường không nhìn thấy chàng đâu nữa.

Thái tử Furu Sát mất hút trong không trung. Trong lúc vua Ba Tư cố gắng một cách vô ích nhìn xem có còn thấy con không thì gã thổ dân hốt hoảng vì sự việc vừa xảy ra, vội chạy tới phủ phục trước ngai, xin vua hãy đoái nhìn và nghe gã nói:

- Tâu bệ hạ, chính mắt Người đã nhìn thấy thái tử, vì quá nhanh nhẩu, đã không để cho tôi chỉ dẫn những điều cần thiết để điều khiển con ngựa. Chỉ nhìn qua cách tôi làm, thái tử đã muốn tỏ ra không cần tôi chỉ dẫn cách bay lên không, không chịu nghe cách làm sao cho con ngựa quay trở về đúng nơi xuất phát. Bởi vậy, bệ hạ vốn quá công minh, sẽ không bắt tội tôi về điều bất hạnh có thể xảy đến cho thái tử.

Lời gã thổ dân làm vua Ba Tư rất phiền muộn. Vua hiểu nỗi hiểm nguy mà thái tử đang trải qua là không thể tránh khỏi, nếu quả thật đúng như lời gã thổ dân vừa nói, có một bí quyết khác để điều khiển con ngựa quay trở lại, không giống với cách làm cho nó bay lên.

Vua hỏi gã tại sao không gọi lại ngay khi thái tử vừa xuất phát. Gã đáp:

- Tâu bệ hạ, chính Người đã trông thấy con ngựa cùng thái tử vút lên không trung nhanh đến chừng nào. Lúc đầu, tôi kinh ngạc đến mức không thốt nên lời. Khi mở miệng ra nói được rồi, thì chàng đã đi xa không thể nghe tôi gọi nữa, mà cho dù có nghe được, làm sao lái được con ngựa quay trở về, một khi chàng không rõ bí quyết và cũng không đủ kiên nhẫn nghe tôi trình bày. Nhưng tâu bệ hạ, vẫn có thể hy vọng là trong con bổi rối, thái tử sẽ nhận ra một cái chốt khác, nếu vặn nó, thì con ngựa thôi bốc lên cao mà hạ dần xuống, rồi thái tử sẽ có thể dùng cương điều khiển cho nó đặt chân xuống một nơi mà chàng thấy thuận tiện.

Gác ngoài tai lời lẽ của gã thổ dân nghe cũng phần nào có lý, vua Ba Tư hoảng hốt trước tai nạn khó tránh của con trai. Vua nói:

- Ta tin rằng, và điều này rất không chắc chắn, là thái tử sẽ nhận ra cái chốt kia và sử dụng nó đúng như mày nói. Nhưng nếu con ngựa không đổ xuống đất mà rơi vào núi đá, hoặc cùng thái tử rơi xuống biển cả thì sao?

- Tâu bệ hạ, – gã thổ dân đáp – xin Người đừng lo ngại, tôi đảm bảo con ngựa bay qua biển không bao giờ hạ xuống, và bao giờ cũng đưa người cưỡi ngựa tới nơi người đó muốn đặt chân. Bệ hạ có thể tin chắc rằng, chỉ cần thái tử trông thấy cái chốt mà tôi nói, thế nào con ngựa của chàng cũng quay trở lại nơi chàng muốn. Chẳng lẽ chàng lại không biết hạ xuống một nơi có người để cứu giúp và nhận ra chàng là ai hay sao?

Nghe đến đây, vua Ba Tư nói:

- Cho dù thế nào chăng nữa, ta không thể tin vào lời bảo đảm của người. Người phải chịu trách nhiệm về tính mạng của con ta. Nếu trong hạn ba tháng, ta chưa thấy con trai ta trở về an toàn vô sự, hoặc chưa được tin chắc chắn là nó còn sống, thì ta sẽ lấy đầu người.

Vua ra lệnh giữ gã thổ dân, tống vào một nhà giam chật chội; sau đấy trở về hoàng cung, cực kỳ phiền muộn vì ngày tết Nguyên đán trọng thể biết bao trong khắp nước Ba Tư này lại kết thúc một cách đáng buồn như vậy cho nhà vua và cho cả triều đình.

Trong thời gian đó, thái tử Firu Sát bay vút lên không trung hết sức nhanh chóng, như tôi vừa kể. Chưa đầy một giờ sau, chàng đã lên cao tới mức không còn nhận ra vật gì dưới đất nữa: núi và thung lũng lúc này trông cũng chẳng khác gì đồng bằng. Lúc ấy chàng mới nghĩ tới chuyện trở về nơi xuất phát. Chàng tưởng, muốn vậy, chỉ cần quay ngược cái chót và gò cương quay đầu ngựa lại là đủ. Nhưng chàng cực kỳ kinh ngạc thấy con ngựa vẫn tiếp tục bốc lên với cùng tốc độ cũ. Chàng vịn đi vịn lại cái chót nhiều lần, đều vô ích. Chỉ đến lúc ấy chàng mới nhận ra sai lầm lớn của mình là không để cho gã thổ dân kịp chỉ dẫn những điều cần thiết để điều khiển con ngựa trước khi khởi hành. Lập tức, chàng nhận ra ngay nỗi hiểm nguy to lớn đang chờ đợi mình.

Tuy vậy, nỗi lo không làm cho chàng mất trí phán đoán.

Chàng tập trung suy nghĩ, cố sức quan sát cẩn thận từ đầu tới cổ con ngựa, và nhận ra có một cái chót khác, nhỏ hơn và ít lộ liễu hơn so với cái chót kia, bên cạnh tai phải của con ngựa. Chàng vịn cái chót này và tức khắc, chàng thấy mình đang hạ xuống, tuy vẫn tiếp tục đi theo con đường thẳng lúc bay lên, chỉ có điều không nhanh bằng. Đã nửa giờ rồi, đêm tối phủ xuống mặt đất dưới chỗ thái tử Firu Sát đang bay khi chàng vịn cái chót. Nhưng vì đang bay xuống, chẳng mấy chốc chính chàng cũng không nhìn thấy mặt trời nữa, cho tới khi lao vào đêm tối mịt mù. Như vậy, không thể nào chọn một chỗ đặt chân xuống đất cho thuận tiện. Chàng đành thả lỏng cương trên cổ ngựa và kiên nhẫn chờ cho đến lúc nó dừng lại bất kể đấy là một nơi có người ở, sa mạc, sông lớn hay biển cả.

Cuối cùng, con ngựa dừng lại và đặt chân chạm đất.

Đã quá nửa đêm, thái tử Firu Sát xuống ngựa, nhưng người rất mệt, bởi vì từ sáng sớm, khi ra khỏi hoàng cung cùng vua cha dự ngày hội cho đến bây giờ, chàng không ăn uống một miếng gì. Công việc đầu tiên của chàng, là trong đêm tối, cố nhận ra mình đang ở đâu.

Hóa ra, chàng đang đứng trên mái bằng của một cung điện lộng lẫy, chung quanh có lan can bằng cẩm thạch vừa ngang tầm tựa. Quan sát cái sân thượng, chàng nhận ra cầu thang đưa xuống dưới tầng dưới, cánh cửa lúc

này không đóng kín mà chỉ khép hờ.

Giá một người nào khác đã không dám cả gan bước xuống trong bóng đen bao phủ cầu thang, hơn nữa còn có thể gặp người, chưa rõ bạn hay thù. Thái tử Furu Sát không vì thế mà ngại ngần. Chàng tự bảo: “Ta không đến đây để làm hại cho ai, có lẽ những người đầu tiên ta gặp, không thấy ta cầm vũ khí ở tay, sẽ có lòng nhân đạo mà nghe ta nói trước khi định làm hại tính mạng ta.”

Chàng nhẹ nhàng mở rộng thêm cánh cửa mà không gây tiếng động, và cẩn thận xuống cầu thang, tránh bước hụt chân có thể gây lên tiếng động, làm người ta tỉnh giấc. Làm được việc đó, chàng đến nơi cầu thang quặt lại, và nhận ra có một cánh cửa mở vào một gian phòng rộng có ánh đèn.

Dừng lại trước cửa, thái tử lắng tai, không nghe động tĩnh nào ngoài những tiếng ngáy khác nhau của đông người đang ngủ. Chàng tiến mấy bước vào trong phòng. Nhờ ánh sáng của một ngọn đèn treo, chàng nhận ra những người ngủ đều là hoạn nô đen, mỗi tên có một thanh gươm tuốt trần đặt sẵn bên cạnh; điều đó làm chàng hiểu đây là đội bảo vệ cung riêng của một hoàng hậu hoặc công chúa. Và quả đúng như vậy, đây là cung của một nàng công chúa.

Buồng công chúa ngủ kê ngay căn phòng này. Nhờ cánh cửa để ngỏ và ngọn đèn thấp sáng choang, chàng có thể nhìn thấy qua bức màn che làm bằng một tấm lụa rất mỏng.

Thái tử Furu Sát tiến đến tận bức màn, chân bước thật nhẹ nhàng, để khỏi làm tỉnh giấc các hoạn nô.

Chàng mở cửa bước vào, và không dừng chân ngắm vẻ đẹp huy hoàng của căn phòng rất vương giả, điều này chẳng quan trọng mấy trong hoàn cảnh hiện nay, vì còn phải quan tâm tới những việc hệ trọng hơn nhiều.

Trong phòng có nhiều giường ngủ, một chiếc kê trên bục cao và những chiếc khác thấp hơn. Những người hầu của công chúa ngủ ở các giường thấp này, để làm bạn và để hầu hạ nàng khi cần tới, còn công chúa ngự trên chiếc giường cao.

Thấy rõ sự phân biệt đó, thái tử biết ngay nên chọn công chúa để ngỏ lời. Chàng tiến đến gần giường, cố không làm thức giấc nàng cũng như một người hầu nào. Đến gần, chàng nhận ra đây là một người đẹp đến kỳ lạ, đẹp đáng ngạc nhiên, đến nỗi chàng thấy xúc động và nồng cháy yêu đương ngay từ phút đầu.

Chàng ngẫm kêu:

“Trời đất! Phải chăng số mệnh dắt dẫn ta tới chốn này để làm cho ta mất tự do mà ta vẫn giữ gìn trọn vẹn cho đến bây giờ? Phải chăng ta sẽ trở thành

một tên nô lệ không thể tránh khỏi của tình yêu chừng nào nàng mở mắt, và đôi mắt ấy, đúng như ta mong đợi, sẽ càng làm rạng rỡ hơn vẻ yêu kiều và duyên dáng kỳ diệu của con người. Ta phải quyết định thôi, bởi vì không thể thoái lui mà không tự mình làm hại tính mạng của mình, sự cần thiết bức ta phải làm như vậy.”

Suy nghĩ về liên quan giữa tình cảnh hiện nay của mình và sắc đẹp của công chúa, thái tử Firu Sát liền quỳ hai gối xuống, cầm đầu ống tay áo công chúa buông thông, để lộ một cánh tay tròn và trắng như tuyết, kéo nhẹ nhẹ.

Công chúa mở mắt. Ngạc nhiên thấy trước mình có một chàng trai khôi ngô, tuấn tú, ăn mặc sang trọng, nàng lặng đi, tuy vậy không hề tỏ dấu hiệu khùng khiếp hay kinh hoàng.

Lợi dụng giây phút thuận lợi đó, thái tử rập đầu xuống tận thẳm, rồi ngẩng lên nói:

- Thưa công chúa đáng kính, do một chuyện lạ lùng và kỳ diệu chưa từng ai nghĩ tới, cho nên nàng mới thấy một hoàng tử, con trai quốc vương Ba Tư, đang quỳ gối cầu khẩn dưới chân mình. Sáng hôm qua, tôi còn ở bên cạnh vua cha tôi, tham dự cuộc vui chơi của một ngày hội trọng thể, thế mà bây giờ lại đang ở một xứ xa lạ, đang có nguy cơ mất mạng nếu nàng không hào hiệp đoái thương để cứu giúp và bảo vệ cho. Thưa công chúa yêu quý, tôi van xin nàng hãy che chở cho, và tin chắc là sẽ không bị khước từ. Tôi có đầy đủ căn cứ để dám tin như vậy, vì không thể một người xinh đẹp, duyên dáng và oai vệ dường này lại không có lòng nhân đạo.

Nàng công chúa mà thái tử Firu Sát đang ngỏ lời ấy chính là công chúa Bengan, con gái của vương quốc nước ấy. Nhà vua đã xây cất cho con gái cung điện này, không xa kinh đô mấy, và nàng vẫn thường về đây nghỉ ngơi cho cách biệt chốn thị thành. Sau khi lắng nghe chàng nói, với sự hiền từ quá mức chàng mong đợi, nàng ân cần đáp:

- Thưa hoàng tử, xin hãy yên tâm, không phải chàng đang ở trong một xứ dã man. Sự hiếu khách, lòng nhân đạo và phong cách lịch sự cũng trị vì ở vương quốc Bengan này không kém vương quốc Ba Tư. Không phải chỉ có riêng tôi là người đồng ý bảo vệ chàng theo lời chàng yêu cầu, chàng có thể tìm được tình nhân ái trong cung này cũng như trong cả vương quốc Bengan. Chàng có thể tin tưởng và trông cậy vào lời tôi nói.

Thái tử nước Ba Tư muốn ngỏ lời cảm tạ công chúa Bengan về sự chân thành và mối ân huệ nàng tỏ rõ với mình. Chàng đã cúi đầu thấp, định cất lời chúc tụng, nhưng nàng không thể để cho chàng kịp nói tiếp.

- Cho dù tôi rất nóng lòng mong muốn, – nàng nói – được biết do sự kỳ diệu thế nào mà chàng từ kinh đô nước Ba Tư đến tận đây trong thời gian

ngắn như thế, và bằng phép thần nào chàng có thể ra mắt tôi một cách bí mật, vượt qua được sự cảnh giác của đội bảo vệ, tuy nhiên, chắc chắn chàng đang cần được ăn uống, và tôi coi chàng như một người khách được hoan nghênh. Bởi vậy, tôi xin gác sự hiếu kỳ của mình đến sáng sớm mai, để cho các người của tôi đưa chàng đến một gian phòng, mời chàng dùng bữa, và chàng nghỉ ngơi ở đó đỡ mệt, cho tới chừng nào thấy có điều kiện thỏa mãn sự hiếu kỳ của tôi, cũng như tôi đã sẵn sàng để nghe chàng trình bày.

Những người hầu của công chúa đã thức giấc ngay từ những câu đầu tiên của thái tử. Họ cực kỳ ngạc nhiên thấy chàng quỳ cạnh giường công chúa; không hiểu làm sao chàng có thể vào tới đây mà không làm cho họ và bọn hoạn nô thức giấc. Vừa hiểu rõ ý định của công chúa, họ vội vàng dậy mặc áo, sẵn sàng thực hiện mọi lệnh của nàng. Cầm mỗi người một cây nến – rất nhiều đèn nến đang thấp sáng trung phòng của công chúa – họ chờ cho chàng cáo biệt nàng cực kỳ lễ độ, xong mới đi trước dẫn đến một căn phòng rất đẹp. Rồi những người này lo sửa soạn nơi nghỉ, những người kia chạy đi làm thức ăn.

Mặc dù giờ giấc trái khoáy, những người lo việc bếp núc không để cho thái tử phải chờ lâu. Họ mang đến rất nhiều loại thức ăn. Chàng chọn những món mình thích.

Khi chàng dùng đủ, họ thu dọn, để chàng ở lại nghỉ ngơi, sau khi trở cho chàng nhìn thấy những cái tủ đựng những thứ chàng có thể cần.

Công chúa nước Bengan, qua cuộc nói chuyện ngắn ngủi với thái tử, còn xúc động trước vẻ lịch thiệp, trí thông minh, sự lễ độ và những đức tính khác của chàng, chưa ngu lại được thì những người hầu đã quay trở về.

Nàng hỏi họ đã chăm sóc chàng chu đáo chưa, chàng có hài lòng không, chàng có thiếu gì chẳng, và nhất là họ nghĩ thế nào về hoàng tử ấy.

Những người hầu, sau khi đáp lời chủ về những câu hỏi trên, có ý kiến về điều cuối cùng như sau:

- Thưa công chúa, chúng tôi không rõ công chúa nghĩ như thế nào về chàng, về phần mình, chúng tôi sẽ rất sung sướng nếu đức vua bằng lòng cho công chúa làm bạn với một hoàng tử khả ái như vậy. Ở triều đình nước Bengan ta, không một ai có thể sánh được chàng, và chúng tôi cũng biết rằng trong các quốc gia lân bang với ta, cũng chẳng có ai xứng đáng với công chúa như chàng.

Lời tán tụng đó không phải không làm vừa lòng công chúa. Nhưng vì không muốn để lộ tình cảm của mình, nàng bảo họ im đi.

- Các cô đến là lắm điều. Hãy đi nghỉ, và để yên cho ta ngủ tiếp!

Sáng hôm sau, việc đầu tiên công chúa làm sau khi thức dậy là bắt đầu

trang điểm. Chưa bao giờ nàng tốn nhiều công sức như hôm ấy để nhìn vào gương mà ngắm nghía, chải chuốt, chưa bao giờ các người hầu lo việc điểm trang cho công chúa lại phải kiên trì làm đi làm lại mỗi một việc ấy kỳ cho tới lúc nàng lấy làm bằng lòng. Nàng tự nhủ:

- Ta không đến nỗi bị hoàng tử nước Ba Tư chê khi ta còn đang trong giấc ngủ, thì nay đã trang điểm rồi, chàng sẽ phải thấy ta khác nhiều.

Nàng cài lên mái tóc những viên kim cương lớn nhất, sáng nhất, rồi mang một chuỗi ngọc, những đôi vòng và một cái thắt lưng cũng đính ngọc đẹp nhất, tất cả đều đắt giá vô cùng. Còn chiếc áo nàng mặc thì may bằng thứ lụa đẹp nhất xứ Ấn Độ, chỉ dành riêng cho các vị vua, hoàng hậu, hoàng tử và công chúa dùng, màu sắc hài hòa với các vật trang sức. Sau đó, nàng lại soi gương, và hỏi đi hỏi lại những người hầu xem trang phục này còn thiếu thứ gì nữa không, rồi mới cho người sang xem hoàng tử nước Ba Tư đã ngủ dậy hay chưa; nếu chàng đã dậy và ăn mặc rồi, thế nào chàng cũng xin đến chào công chúa trước. Và nàng có lý do để tin như vậy.

Thái tử nước Ba Tư ban ngày trông còn khôi ngô tuấn tú hơn đêm qua, vì đã hoàn toàn lại sức sau một chuyến đi vất vả. Chàng vừa mặc quần áo xong, thì người hầu của công chúa mang đến lời chào của nàng.

Không chờ cho người hầu kịp thưa lại những điều công chúa dặn, thái tử vội hỏi công chúa đã sẵn sàng để cho phép chàng tới vấn an chưa. Nhưng, khi được rõ ý kiến của công chúa, chàng đáp:

- Công chúa là chủ nhân, tôi có mặt ở đây là chỉ để thi hành những mệnh lệnh của nàng.

Vừa hay tin thái tử nước Ba Tư đang chờ, công chúa nước Bengan vội tới ngay. Sau những lời chúc tụng lẫn nhau, hoàng tử thì muôn nghìn lần xin lỗi đã vô tình làm mất giấc của nàng, còn công chúa thì hỏi chàng có ngủ được không, và hiện nay thấy trong người thế nào, công chúa ngồi xuống chiếc trường kỷ, thái tử cũng ngồi cùng ghế nhưng cách xa một chút, để tỏ lòng kính trọng. Lúc ấy, công chúa cất lời nói:

- Thưa hoàng tử, lẽ ra tôi có thể tiếp chàng ngay trong gian phòng, nơi chàng thấy tôi đang ngủ tới qua. Nhưng vì ở đây viên trưởng hoạn nô của tôi được phép tự do ra vào, còn ở đây nó không bao giờ dám bước vào nếu chưa được phép. Tôi nôn nóng muốn rõ câu chuyện kỳ lạ, làm cho tôi có điểm phúc được gặp chàng, nên tôi xin đến để nghe chàng tại đây, là nơi mà cả chàng lẫn tôi không bao giờ bị kẻ khác làm gián đoạn câu chuyện. Vậy thì, tôi mong chàng hãy kể lại điều tôi yêu cầu.

Để làm hài lòng công chúa nước Bengan, thái tử Firu Sát bắt đầu thuật lại về ngày lễ Nguyên đán trọng thể trong khắp nước Ba Tư, cùng những cảnh

đáng gọi được hiểu kỳ, làm cho cả triều đình và toàn kinh đô Sirazơ vui thích. Tiếp đó, chàng kể đến chuyện con ngựa thần kỳ và mô tả con ngựa. Điều kỳ diệu mà gã thổ dân trình diện trước một cử tọa nổi tiếng như vậy, thuyết phục được công chúa rằng trên đời thật khó tưởng tượng ra một vật gì đáng ngạc nhiên hơn. Thái tử Nước Ba Tư nói tiếp:

- Thừa công chúa, xin nàng biết cho là phụ vương tôi xưa nay không ngại tiêu pha tốn kém để cho kho tàng của Người ngày càng có nhiều hơn những vật hiếm hoi và ngộ nghĩnh nhất mà Người biết được, nên rất say sưa muốn có thêm một con ngựa loại ấy. Quả như vậy, Người đã không ngần ngại hỏi gã thổ dân đòi bao nhiêu.

Câu trả lời của gã thật kỳ cục. Gã đáp không phải gã mua con ngựa, mà đánh đổi nó bằng người con gái duy nhất của gã. Và bởi vì đã trót hứa là chỉ có thể nhượng với điều kiện tương tự, gã chỉ đồng ý để lại cho Người với điều kiện là Người cho phép được lấy công chúa em gái tôi làm vợ.

Các vị triều đình đang châu quanh ngại vàng cha tôi lúc đó đều cất cao lời chế nhạo gã. Riêng phần mình, tôi cảm thấy bất bình tới mức không thể nào che giấu được, nhất là khi trông thấy cha tôi cân nhắc câu trả lời. Tuy nhiên, lời can gián của tôi không đủ sức làm cho Người từ bỏ hoàn toàn ý định hy sinh công chúa em gái tôi cho người đáng khinh như gã. Người tưởng tượng rằng tôi sẽ đồng tình, một khi cũng hiểu được như Người về giá trị của con ngựa, do tính chất độc đáo của nó. Với ý nghĩa đó, Người muốn tôi xem xét con ngựa, cưỡi lên nó và đi thử.

Để vui lòng vua cha, tôi lên ngựa. Vì đã được trông thấy gã thổ dân xoay một cái chốt khiến cho con ngựa bay lên, tôi đã làm như vậy và không hỏi thêm gã, thế là ngay tức khắc tôi được phóng lên trời nhanh như mũi tên bắn bởi cánh tay một xạ thủ khỏe mạnh nhất, giàu kinh nghiệm nhất.

Chẳng mấy chốc, tôi lên cao cách xa mặt đất đến nỗi không phân biệt được một vật gì dưới ấy nữa, và tưởng như mình sắp chạm tới vòm trời, e đụng vào đấy vỡ đầu. Thoạt đầu được phóng đi nhanh quá, tôi mất tự chủ hồi lâu, không nhận ra hết nỗi hiểm nghèo mình đang trải qua. Tôi muốn vặn ngược cái chốt lúc nãy, nhưng kết quả không như mong đợi. Cuối cùng nhận ra được một cái chốt khác, tôi vặn nó; nhờ thế con ngựa không tiếp tục bay lên nữa mà bắt đầu hạ xuống, chẳng mấy chốc trời tối mịt, không thể nào điều khiển cho nó hạ xuống một nơi không xảy ra nguy hiểm cho mình, tôi đành buông cương, và phó thác cho Thượng đế định đoạt số phận của tôi tùy theo ý của Người.

Cuối cùng con ngựa hạ xuống đất. Tôi xuống yên, và xem xét chỗ ấy, tôi thấy mình đang ở trên sân thượng tòa cung điện này. Tôi tìm thấy cửa cầu thang hè mở, tôi xuống mà không gây tiếng động, rồi một cánh cửa có ít

những ánh đèn mở ra trước mắt tôi. Tôi thò đầu nhìn vào thấy các hoạn nô đang ngủ, và sau một bức màn, có nhiều ánh sáng. Trong tình trạng bức bách lúc bấy giờ, mặc cho nỗi nguy hiểm không thể nào tránh khỏi nếu các hoạn nô thức giấc, tôi đành phải bạo dạn nếu không nói rằng to gan, nhẹ nhàng tiến lên vén bức màn.

Thưa công chúa, – hoàng tử nói tiếp – không cần kể thêm nữa nàng đã rõ. Tôi chỉ còn có việc cảm tạ sự hiền từ và lòng hào hiệp của công chúa, và xin nàng cho tôi biết bằng cách nào tôi có thể chứng tỏ lòng biết ơn của mình và làm vừa lòng công chúa, bởi vì theo luật lệ người đời, tôi hiện là nô lệ của nàng, do đó không thể hiến dâng nàng con người của tôi nữa mà chỉ còn có thể hiến dâng mỗi một trái tim của mình nữa mà thôi. Tôi biết nói sao, thưa công chúa? Trái tim ấy không còn thuộc về tôi nữa, nàng đã chiếm đoạt nó bằng vẻ yêu kiều. Tôi không những không muốn đòi lại trái tim của mình mà còn giao phó hẳn cho nàng. Tôi coi công chúa không những là chủ nhân của mọi ý chí mà còn của trái tim mình.

Những câu nói sau cùng của thái tử Firu Sát được nói ra với giọng nói và vẻ mặt khiến công chúa nước Bengan không mấy may nghi ngờ tác động gây nên do sự hấp dẫn của mình, đúng như nàng chờ đợi. Nàng không lấy làm xúc phạm vì lời tỏ tình hơi vội vã của thái tử nước Ba Tư. Mặt nàng đỏ ửng, khiến cho thái tử thấy càng xinh đẹp càng đáng yêu.

Khi thái tử Firu Sát dứt lời, công chúa nước Bengan nói:

- Thưa hoàng tử, chàng đã đưa đến cho tôi niềm thú vị hiếm có khi thuật lại những điều lạ lùng và kỳ diệu mà tôi vừa được nghe. Mặt khác, tôi cũng không thể không khựng khiếp khi nghe chàng kể chuyện bay vút tận mây xanh. Và dù chàng đang ngồi trước mặt tôi an toàn vô sự, tôi vẫn không hết lo sợ, mãi cho tới đoạn chàng kể tới con ngựa của gã thổ dân hạ xuống bình yên trên sân thượng của cung tôi. Việc đó có thể diễn ra ở hàng nghìn chỗ khác; nhưng tôi rất hài lòng về sự ngẫu nhiên đã cho tôi có cơ hội chứng tỏ với chàng rằng không ở đâu đón tiếp chàng thoải mái và đầy thích thú như ở nơi đây. Bởi vậy thưa hoàng tử, tôi tự cho mình rất bị xúc phạm nếu tin rằng ý kiến của chàng, nói chàng là nô lệ của tôi là một ý kiến nghiêm túc. Tôi cho rằng chàng nói như vậy vì lịch sự hơn là xuất phát từ tình cảm chân thành. Sự đón tiếp của tôi đối với chàng tối hôm qua hẳn đủ làm cho chàng thấy rõ ở đây, chàng cũng được tự do không kém gì ở giữa triều đình nước Ba Tư. Còn về trái tim của chàng, – công chúa nói thêm với giọng không có vẻ gì khước từ, vì tôi chắc không phải đợi đến bây giờ chàng mới sử dụng tới nó, và hẳn chàng đã trao cho một công chúa nào xứng đáng rồi, tôi sẽ rất không hài lòng nếu mình là cơ để cho chàng bỏ mất lòng chung thủy.

Thái tử Firu Sát muốn phản đối, và tỏ cho công chúa nước Bengan biết

rằng trái tim mình chưa có ai làm chủ cho đến khi từ giã nước Ba Tư, nhưng chàng vừa định cất lời thì một người hầu của công chúa, đã nhận được lệnh từ trước, vào mời hai người đi dùng bữa sáng.

Việc đó gỡ cho thái tử và công chúa khỏi bối rối vì một sự giải thích xét ra không cần thiết. Công chúa nước Bengan hoàn toàn tin chắc ở sự chân thành của thái tử. Về phía chàng, mặc dù công chúa không nói ra, qua lời lẽ và thái độ thuận chiều của nàng, chàng nghĩ là mình có thể vừa lòng với hạnh phúc.

Công chúa đứng lên mời thái tử, vừa lúc thái tử cũng đứng dậy như nàng. Nàng nói không có thói quen dùng bữa sáng sớm thế này, nhưng vì nghĩ rằng tối hôm qua, những người hầu của nàng hẳn đã mời chàng một bữa tối chẳng ra sao, cho nên nàng đã ra lệnh chuẩn bị bữa sáng sớm hơn thường lệ.

Vừa nói nàng vừa dẫn chàng qua một cánh cửa mà người hầu hồi nãy vẫn bỏ ngõ, sang một căn phòng rộng rãi, ở đây người ta đã bày sẵn nhiều món ăn tuyệt vời.

Họ ngồi vào bàn. Khi hai người đã yên vị, những người hầu của công chúa, rất đông, đều xinh đẹp và ăn mặc sang trọng, bắt đầu đàn múa hát vui cho tới hết bữa ăn. Cuộc hòa tấu nhẹ nhàng và được cử hành sao cho không làm trở ngại tới cuộc nói chuyện của thái tử và công chúa. Suốt bữa ăn, hai người dành nhiều thời giờ để chúc tụng và mời mọc nhau những món ngon lành nhất. Qua những thù tạc này, tình yêu giữa hai người càng mặn mà hơn cả tình yêu của đôi nam nữ sau một cuộc hẹn hò tay đôi định trước.

Cuối cùng thái tử và công chúa rời bàn ăn. Công chúa mời hoàng tử nước Ba Tư sang một căn phòng rộng và rộng rãi bởi sự kiến trúc và cách trang trí màu vàng và màu thanh thiên rất hài hòa, cùng những bàn ghế sang trọng. Họ ngồi xuống một trường kỷ, nhìn ra khu vườn đẹp mắt. Thái tử Firu Sát khen ngợi các loại hoa. Cây cối thì đa dạng, khác hẳn bên Ba Tư, nhưng vẫn đẹp không kém thực vật bên nước chàng, chàng nhân cơ hội này mà nói tiếp câu chuyện với công chúa:

- Thừa công chúa, trước đây tôi vẫn tưởng trên khắp thế giới chỉ nước Ba Tư là có những cung điện hùng vĩ và những vườn hoa đẹp mắt, xứng với oai phong các đấng quân vương. Bây giờ tôi thấy rõ ở đâu có những quốc vương vĩ đại, thì các vị đó đều biết xây dựng cung thất phù hợp với tầm vóc và quyền lực của mình. Nếu có sự khác biệt chẳng về cung cách kiến trúc và trang hoàng, thì lại có sự giống nhau về tầm cỡ lớn lao và vẻ huy hoàng tráng lệ.

- Thừa hoàng tử, – công chúa nước Bengan đáp, – vì chưa nhìn thấy cung điện ở nước Ba Tư, tôi không thể có ý kiến so sánh nó với cung của tôi để bày tỏ với chàng. Nhưng, cho dù chàng rất chân thực, tôi vẫn khó nghĩ rằng ý kiến của chàng là đúng, chắc hẳn chàng do nhã ý mà quá khen. Tuy tôi

không muốn hạ thấp giá trị cung điện của tôi trước mặt chàng, hẳn chàng có con mắt tinh tường và khiếu thẩm mỹ cao quý hơn để phán đoán, song xin quả quyết là tôi thấy cung điện của tôi rất tâm thường, nếu đem so sánh với cung điện của cha tôi, vô cùng lớn lao hơn, đẹp đẽ hơn, sang trọng hơn cái này. Chàng sẽ nói cho tôi hay chàng nghĩ như thế nào sau khi nhìn thấy nó. Bởi vì sự tình cờ đã run rủi chàng đến tận kinh đô nước này, tôi không nghĩ rằng chàng không muốn tới thăm và chào vua cha tôi, để cho Người có dịp được tiếp đón long trọng một hoàng tử có cương vị danh giá như chàng.

Với gợi ý mời hoàng tử nước Ba Tư tới thăm cung điện nước Bengan và chào vua cha mình, công chúa hy vọng rằng, nếu được như vậy, cha nàng nhìn thấy một hoàng tử tuấn tú, khôn ngoan và có nhiều đức tính tốt đẹp, có thể đi tới quyết định cho nàng kết hôn cùng chàng. Đã biết chắc chắn tình cảm của mình đối với chàng, và chàng thì hiển nhiên sẽ không từ chối cuộc hôn phối ấy, làm như thế thì nàng có thể tạ tội nguyên mà vẫn giữ được tư thế xứng đáng của một vị công chúa là lúc nào cũng chỉ biết tuân phục ý muốn của phụ vương, cha đặt đâu con xin ngồi đấy. Nhưng thái tử nước Ba Tư lại không đáp ứng điều đó như nàng mong muốn. Chàng nói:

- Thừa công chúa, theo như lời nàng nói, tôi hoàn toàn tin rằng cung điện của quốc vương Bengan vĩ đại hơn cung điện của nàng. Còn về lời nàng muốn tôi đến triều yết phụ vương, tôi thấy rằng đây không phải là một niềm vui mừng mà còn là một vinh hạnh lớn cho riêng tôi. Nhưng, thưa công chúa, xin nàng hãy suy xét cho, lẽ nào nàng khuyên tôi nên ra mắt một đảng quân vương oai nghi, vĩ đại dường ấy, với bộ dạng của một kẻ phiêu lưu, không có đoàn tùy tùng và phụ tá thích đáng với địa vị của mình?

- Thừa hoàng tử, – công chúa lại nói, – xin chàng đừng băn khoăn về việc đó. Chàng cứ việc ngỏ ý, tiền chẳng thiếu đâu, chàng muốn sắm đoàn tùy tùng thế nào, xin cứ tùy tiện, tôi xin cung ứng đầy đủ. Ở đây có rất nhiều nhà buôn người nước chàng, hoàng tử có thể chọn bao nhiêu người, mua bao nhiêu hàng tùy ý, đủ làm rạng rỡ cho chàng thì thôi.

Thái tử Furu Sát thấu hiểu ý nghĩ của công chúa nước Bengan, và điều đó càng làm cho chàng thêm say mê nàng. Nhưng, cho dù tình yêu có nồng nhiệt đến bao nhiêu, chàng cũng không thể lãng quên bổn phận.

Chàng đáp không chút chần chừ:

- Thừa công chúa, nhẽ ra tôi vui lòng nhận sự giúp đỡ của công chúa và không biết làm sao để cảm tạ cho xứng đáng. Nhưng nỗi lo âu của cha tôi thấy con biệt vô âm tín không cho phép tôi xử sự như vậy. Tôi sẽ không xứng đáng với tấm lòng hiền từ cũng như tình thương của Người, nếu tôi không trở về sớm nhất và đến ngay bên cạnh để cho Người hết lo âu. Tôi biết như vậy lắm. Trong khi tôi đang có hạnh phúc được đàm đạo với một

công chúa khả ái đường này, thì chắc chắn cha tôi đang trải qua những nỗi đau đớn sâu xa, và có lẽ đã mất hết hy vọng thấy con trở về. Mong công chúa anh minh hiểu cho tôi, tôi không thể vô ơn và không phạm tội, nếu không chịu trở về ngay để cứu cha tôi khỏi cái chết, mà chắc chắn sẽ xảy ra nếu tôi còn chần chừ nần ná. Sau việc đó rồi, thưa công chúa, – thái tử nói tiếp – nếu nàng xét thấy tôi xứng được mong ước trở thành hôn phu của nàng, vì cha tôi xưa nay vẫn nói cho tôi rõ Người không bao giờ cưỡng ép tôi trong việc hôn nhân, chắc chắn tôi sẽ chẳng khó khăn gì mà không xin được Người cho phép trở lại đây. Tôi sẽ trở lại không phải như một kẻ vô danh, mà với tư cách hoàng tử, thay mặt Người xin với quốc vương nước Bengan cho hai nước được kết liên, bằng cuộc hôn nhân của hai ta. Tôi tin chắc rằng tự cha tôi sẽ ngỏ ý ấy trước, khi nghe tôi trình bày tấm lòng hào hiệp mà nàng đã đón tiếp tôi trong bước không may.

Qua cung cách thái tử nước Ba Tư vừa giải bày, công chúa vốn là người biết điều, không nài chàng đến chào phụ vương mình nữa, hoặc đòi chàng làm việc gì khác trái với bốn phận và lương tâm. Nhưng, nàng băn khoăn sao chàng nghĩ tới chuyện ra đi nhanh chóng vậy. Nàng lo sợ rằng, chàng đã cáo biệt sớm đến thế thì một khi đã xa nhau, chàng sẽ quên nàng ngay, chứ không giữ được lời hứa sẽ quay trở lại. Để làm chàng thay đổi ý kiến, nàng bảo:

- Thừa hoàng tử, khi gợi ý chàng nên đến chào phụ vương tôi, quả thật tôi không hề có ý muốn làm ngược lại điều chàng vừa trình bày rất chính đáng, mà tôi không nghĩ ra. Nếu tôi có ý nghĩ ấy, thì tự mình đã trở thành tòng phạm của cái lỗi mà chàng có thể mắc phải. Nhưng tôi không thể nào tán thành ý kiến chàng muốn ra đi vội vã, như chàng vừa nói. Ít ra xin chàng hãy vui lòng ưng thuận cho một điều tôi yêu cầu, ấy là nên để thì giờ lấy lại sức. Và, bởi vì may mắn sao cho tôi, chàng đáp xuống vương quốc nước Bengan chứ không phải là giữa một sa mạc khô cằn hoặc trên đỉnh một ngọn núi cao hiểm trở không có đường xuống, vậy thì xin chàng hãy nghỉ lại đây một thời gian đủ để tôi mang tin chi tiết sang thông báo với triều đình nước Ba Tư.

Công chúa nước Bengan nói câu này nhằm mục đích giữ thái tử Firu Sát ở lại lâu hơn một ít, để rồi chàng sẽ đàm mê mình hơn. Nàng hy vọng qua việc đó sẽ trì hoãn việc chàng trở về nước Ba Tư, và rồi chàng sẽ đồng ý xuất hiện công khai và đến ra mắt quốc vương Bengan. Thái tử nước Ba Tư không lòng nào nỡ từ chối điều nàng yêu cầu, sau những sự đãi đằng và đón tiếp nồng hậu của nàng đối với chàng. Chàng đành nhận lời. Và nàng chỉ còn lo tới việc bày ra nhiều trò giải trí để cho những ngày lưu lại của chàng trở nên thoải mái.

Ấy thế là trong nhiều ngày liền, chỉ toàn có hội hè, nhảy múa, hòa nhạc, đại yến và tiểu yến, dạo chơi ở vườn hoa và săn bắn trong rừng cấm gần cung điện.

Trong khu rừng này có đủ các loại dã thú như hươu, nai, hoẵng và nhiều loại vật tương tự, đặc sản của nước Bengan mà sự săn bắt không nguy hiểm, có thể phù hợp với công chúa.

Sau mỗi chuyến săn, thái tử và công chúa lại gặp nhau tại một nơi đẹp mắt nào đấy trong rừng, ở đây người hầu đã trải sẵn một tấm thảm cùng nhiều chiếc gối, để họ ngồi nghỉ cho được thoải mái. Ở đây, tinh thần hết căng thẳng và thể chất dần trở lại bình thường sau những giờ hoạt động dòn dập, họ chuyện trò về mọi việc. Công chúa nước Bengan chú ý, hơn tất cả mọi điều, lái câu chuyện về tầm cỡ vĩ đại, sự hùng mạnh, và sự giàu có của vương quốc Ba Tư, để cho sau khi thái tử đáp lời, đến lượt nàng có dịp lại nói về nước Bengan và những lợi thế của nước mình, và từ đó, Cố làm cho

chàng yên tâm lưu lại. Nhưng nàng đã đạt được kết quả ngược với ý định của mình.

Quả vậy, thái tử nước Ba Tư, không hề nói quá xa, đã khéo léo mô tả sự hùng cường của vương quốc Ba Tư, về sự huy hoàng và phồn thịnh của nước ấy, về lực lượng quân sự, việc thương mại trên đường bộ và đường biển đến tận những nước rất xa xôi, mà một vài nước ngay cả chàng cũng chưa hề biết tới; về cơ man thành phố lớn, thành phố nào cũng đông dân cư như kinh thành, nơi chàng chọn làm chỗ ở có nhiều lầu đài, bàn ghế đầy đủ, sẵn sàng đón khách tùy theo thời tiết khác nhau, đến mức có thể lựa chọn để cho quanh năm lúc nào cũng là mùa xuân. Chàng chưa nói hết, công chúa đã thấy vương quốc mình thua kém nước Ba Tư về nhiều mặt. Đến nỗi sau khi kể xong, chàng yêu cầu đến lượt nàng hãy mô tả những lợi thế của vương quốc Bengan, thì nàng chần chừ đợi chàng giục giã nhiều lần mới chịu nói.

Vậy là công chúa nước Bengan bằng lòng yêu cầu của thái tử Furu Sát, nhưng nói bớt đi nhiều những lợi thế mà vương quốc Bengan thực sự trội hơn hẳn vương quốc Ba Tư. Nàng còn để lộ rõ nàng sẵn sàng theo chàng đi đến đâu và chàng cũng biết là nếu mình ngỏ ý nàng sẽ thuận tình. Nhưng chàng nghĩ chỉ nên làm việc đó chừng nào đã lưu lại đây một thời gian khá lâu, đủ để chứng minh cho công chúa thấy là nàng sai lầm nếu còn tỏ ý muốn giữ chàng ở lại nữa, ngăn cản chàng làm bốn phận cần thiết là trở về bên cạnh vua cha.

Suốt hai tháng liền, thái tử Furu Sát sống hoàn toàn tùy theo ý của công chúa nước Bengan. Chàng có mặt ở tất cả mọi cuộc giải trí mà nàng có thể nghĩ ra và tổ chức cho chàng dự, làm như thể chàng chẳng có việc gì trên đời khác hơn là sống cùng nàng theo lối đó. Nhưng, hết hạn ấy, chàng nghiêm chỉnh tuyên bố rằng chàng không làm nghĩa vụ của mình đã quá lâu rồi, xin cho phép chàng thực hiện điều đó, chàng nhắc lại lời hứa là sẽ trở lại ngay, cùng một phái đoàn xứng đáng với nàng và với chàng, để cầu hôn với quốc vương nước Bengan theo đúng nghi lễ.

- Thừa công chúa, – chàng nói tiếp – có lẽ nàng chưa thật tin lời tôi nói, có lẽ qua việc tôi xin phép cáo từ, nàng hẳn xếp tôi vào loại những con người giả dối rồi đây vừa xa mặt đã xa lòng. Vậy thì, để chứng tỏ nỗi đam mê chân thành và không che giấu của tôi, kẻ vẫn cho rằng cuộc đời của mình chỉ có thể hạnh phúc nếu được chung sống với một công chúa khả ái như nàng, để khỏi phải dài dòng, tôi xin phép ngỏ ý mong được nàng cùng đi theo. Mong nàng không cho lời yêu cầu của tôi là một sự xúc phạm.

Thái tử Furu Sát nhận thấy công chúa đỏ mặt khi nghe những lời sau cùng. Thấy nàng không tỏ dấu hiệu giận dữ, mà chỉ có vẻ lưỡng lự không biết nên quyết định thế nào, chàng nói tiếp:

- Thừa công chúa, về chuyện cha tôi có đồng ý hay không và Người sẽ đón tiếp công chúa như thế nào về sự hôn phối của chúng ta, tôi xin bảo đảm. Còn về phía vương quốc Bengan, qua những dấu hiệu thương yêu, thân mến, và quý trọng Người hằng có và đang có đối với con gái thì trừ phi Người là một vị khác hẳn người mà nàng vẫn mô tả cho tôi nghe, nghĩa là không quan tâm đến sự yên vui và hạnh phúc của con, còn thì tôi tin chắc Người sẽ rộng lượng đón tiếp sứ bộ mà phụ vương tôi phái đến xin chấp thuận đám cưới của hai ta.

Công chúa nước Bengan lặng im không đáp lời thái tử nước Ba Tư, nhưng sự im lặng và đôi mắt nhìn xuống của nàng đủ cho chàng thấy rõ, hơn tất cả mọi lời tuyên bố, rằng nàng không thấy khó chịu phải theo chàng sang Ba Tư, và như vậy là thuận tình. Khó khăn duy nhất mà nàng còn e ngại là thái tử nước Ba Tư chưa có đủ kinh nghiệm điều khiển con ngựa; nàng e rồi sẽ cũng gặp sự bối rối như lần chàng đi thử. Nhưng thái tử Furu Sát mau chóng giải thoát cho nàng khỏi nỗi lo âu ấy. Chàng thuyết phục nàng hãy tin cậy ở chàng. Sau những việc đã xảy ra, giờ chàng có thể thách gã thổ dân điều khiển con ngựa thạo hơn mình. Thế là nàng chỉ còn việc cùng với chàng tìm cách để ra đi được bí mật, sao cho không một người nào trong cung nảy sinh chút nghi ngờ.

Việc này thực hiện được. Ngay sáng hôm sau, trước khi trời sáng, khi cả cung điện còn chìm sâu trong giấc ngủ nồng, nàng theo thái tử lên sân thượng, chàng quay lại con ngựa về hướng nước Ba Tư, và đặt nó sao cho công chúa cũng lên yên được một cách dễ dàng.

Chàng lên ngựa trước, và sau khi công chúa đã ngồi sau lưng một cách thoải mái và ôm vòng lưng chàng cho thêm chắc chắn, chàng vận cái chốt như đã từng làm khi rời kinh đô nước Ba Tư. Thế là con ngựa đưa họ bay vút lên trời.

Con ngựa bay nhanh chóng như thường lệ. Thái tử Furu Sát điều khiển nó khoảng hai giờ rưỡi thì nhận ra kinh đô nước Ba Tư. Chàng không đỗ xuống quảng trường, nơi chàng xuất phát, cũng không phải trong cung của nhà vua, mà ở một khu nghỉ mát, cách thành phố không xa. Chàng dẫn công chúa vào căn phòng đẹp nhất, và nói với nàng: Để công chúa được đón tiếp theo đúng lễ nghi phù hợp với tước vị của nàng, chàng cần đi báo cho vua cha biết mình đã trở về, rồi sẽ quay lại với nàng ngay. Đồng thời, chàng ra lệnh cho người trông nom cung điện, lúc ấy đang có mặt, không được để nàng thiếu thốn một thứ gì.

Để công chúa lại trong phòng, thái tử Furu Sát lại sai người trông nom cung điện thả một con ngựa. Ngựa được dẫn tới, chàng lên yên; sau khi cho người trông nom cung điện trở lại với công chúa và ra lệnh, trước hết,

hãy mau chóng mời nàng dùng bữa sáng, chàng lên đường. Qua các nẻo đường và phố xá trong thành phố để vào hoàng cung, chàng được hoan hô nhiệt liệt. Dân chúng đổi buồn thành vui, vì sau khi chàng biến mất, không ai hy vọng chàng còn trở về.

Nhà vua đang thiết triều thì thái tử xuất hiện, giữa đông đủ triều thần đều mặc tang phục giống như nhà vua, kể từ hôm con ngựa đưa chàng đi mất. Vua ôm con hôn, lòng tràn đầy vui mừng và thương mến. Vua vội vã hỏi chàng về con ngựa của gã thổ dân đã ra sao.

Câu hỏi ấy tạo cơ hội để hoàng tử thuật lại cho vua nghe sự bối rối và nỗi hiểm nghèo mà mình trải qua sau khi con ngựa bốc lên không trung; chàng đã thoát khỏi thế nào và đến cung công chúa nước Bengan ra sao; sự đón tiếp nồng nhiệt của nàng đối với chàng; lý do buộc chàng phải lưu lại lâu hơn ý muốn; nhã ý của nàng; việc chàng thuyết phục được nàng nhận lời cùng chàng đến Ba Tư, lúc chàng hứa sẽ lấy nàng làm vợ.

Kết thúc câu chuyện, thái tử nói:

- Tâu bệ hạ, chắc bệ hạ không khước từ việc con đưa nàng cùng về kinh đô trên con ngựa của gã thổ dân? Hiện nàng còn đang đợi trong cung nghỉ mát của bệ hạ, nơi con để nàng ở lại. Nàng đang chờ con đến báo cho nàng biết là con không phải đã hứa suông.

Nói xong, thái tử định quỳ xuống trước hoàng đế để khẩn cầu, nhưng nhà vua đã ngăn lại, ôm hôn chàng một lần nữa và nói:

- Con ạ, không những ta đồng ý cho con rước nàng công chúa nước Bengan, ta còn muốn thân hành đến đón nàng về hoàng cung để cảm ơn nàng, và sẽ cho tổ chức lễ cưới ngay ngày hôm nay.

Nhà vua liền ra tiếp những mệnh lệnh về việc đón tiếp công chúa nước Bengan, và truyền cho mọi người cởi bỏ tang phục. Các cuộc vui chơi bắt đầu bằng tiếng hòa tấu thanh la, kèn trống cùng với các loại nhạc khí khác. Vua còn cho thả gã thổ dân khỏi nhà tù và đưa gã tới ra mắt mình.

Gã thổ dân được dẫn đến. Vua nói:

- Ta đã cho giữ ngươi lại, để buộc ngươi phải lấy mạng sống trả lời về sinh mạng của thái tử, cho dù mạng sống của ngươi không đáng bù đắp con thịnh nộ cũng như nỗi đau đớn của ta. Hãy tạ ơn Thượng đế đã cho ta tìm lại được con ta! Ngươi hãy đi đi, hãy lấy con ngựa của ngươi, và đừng có bao giờ xuất hiện ở đây nữa!

Vừa đi khuất mắt nhà vua nước Ba Tư, gã thổ dân, nhờ những người đến mở nhà giam giải thoát nói gã biết rằng thái tử Firu Sát đã trở về, mang theo công chúa trên con ngựa thần kỳ, nơi nàng đang chờ và cũng như việc nhà vua sắp đến đón về hoàng cung. Thế là gã không ngần ngại phồng tay trên cả

nhà vua lẫn thái tử.

Không để mất thời giờ, gã vội vã đến ngay cung nghỉ mát, nói với người trông nom cung rằng, quốc vương và thái tử nước Ba Tư phái gã đến mời công chúa lên lưng ngựa bay tới chỗ nhà vua, hiện đang chờ ở quảng trường trước hoàng cung, để đón tiếp nàng trước mặt cả triều đình và dân chúng kinh thành Sirazor.

Người trông nom cung điện vốn đã biết chuyện thổ dân bị vua cầm tù, bởi vậy càng dễ tin lời gã, khi thấy gã được tự do. Gã đến ra mắt công chúa nước Bengan.

Nàng vừa nghe nói gã được thái tử nước Ba Tư đặc phái tới đón về triều, thế là nàng đồng tình ngay vì tưởng nhầm đây là ý thái tử.

Hoan hỉ thấy thực hiện một cách quá dễ dàng mưu đồ độc ác của mình, gã thổ dân lên ngựa, nhờ người trông nom cung điện đỡ công chúa lên ngồi đằng sau. Gã vặn cái chốt, thế là con ngựa bay vút, đưa cả gã và nàng công chúa lên không trung.

Cùng lúc ấy, vua Ba Tư và cả triều đình mới ra khỏi hoàng thành. Vừa khi thái tử định bứt đi trước để báo cho công chúa chuẩn bị đón tiếp nhà vua thì gã thổ dân từ cung nghỉ mát bay trở lại, bay ngang qua kinh thành cùng với con mồi của mình để khiêu khích hoàng đế cùng thái tử và trả thù nhà vua về cách xử sự đối với gã, mà gã cho là không công bằng.

Trông thấy tên bắt cóc người, vua nước Ba Tư sững sốt đứng khựng lại. Nỗi phiền muộn của vua càng sâu cay bởi không có cách gì buộc gã phải hối hận về điều sỉ nhục gã gây ra cho vua trước con mắt thần dân. Nhà vua, cũng như tất cả triều thần và những người mục kích đều lên tiếng nguyên rửa gã sao dám láo xược và độc ác chưa từng thấy. Chẳng xúc động về những lời sỉ vả vang đến tận tai, gã thổ dân tiếp tục đường bay của gã, trong khi nhà vua trở về cung, cực kì rầu rĩ vì bị sỉ nhục và vì tự thấy mình bất lực, không có cách gì trừng trị tên thủ phạm. Thái tử Firu Sát cảm thấy vô cùng đau khổ khi mọi việc xảy ra trước mắt mình mà không có cách gì ngăn cản; chàng hiểu rằng, gã thổ dân bắt cóc công chúa nước Bengan người chàng yêu say đắm sẽ làm cho chàng không thể nào sống nổi vì thiếu nàng.

Trước sự bất ngờ ấy, chàng đứng sững chưa kịp quyết định nên nguyên rửa gã thổ dân hay phàn nàn cho số phận đáng thương của nàng công chúa, hoặc là xin nàng tha thứ cho mình về tội sơ xuất không biết cách bảo vệ con người đã phó thác thân phận vào tay mình, thì con ngựa thần đã đưa cả nàng và tên bắt cóc đi mất hút trong nháy mắt. Làm thế nào đây? Trở về cung phụ vương, tự nhốt vào phòng riêng để buông mình cho sầu não mà không có hành động nào truy nã gã thổ dân để giải thoát nàng công chúa cho xứng tội ư? Lòng hào hiệp, tình yêu và sự dũng cảm không cho phép chàng làm như

vậy. Thế là chàng tiếp tục đi đến cung nghỉ mát.

Trông thấy chàng đến, người trông nom cung điện biết mình vì cả tin mà để cho gã thổ dân đánh lừa, liền chạy ra quỳ xuống chân chàng, nước mắt lưng tròng, tự kết án và xin được nhận tội chết. Thái tử bảo:

- Hãy đứng lên, ta không đổ tội cho anh đã để công chúa bị bắt cóc, ta tự kết tội ta, vì đã suy nghĩ quá giản đơn. Chớ để mất thời giờ, hãy tìm cho ta một bộ quần áo giáo sĩ, và nhớ chớ nói là tìm cho ta dùng!

Cách cung nghỉ mát không xa, có một tu viện. Người bề trên của các giáo sĩ lại là bạn của người trông nom cung. Anh ta tìm người bề trên, giả vờ tâm sự về việc một vị quan cao cấp trong triều vừa bị thất sủng; anh ta chịu ơn vị quan này nhiều lắm, cho nên cố tìm cách đưa ông ta lẩn tránh khỏi cơn thịnh nộ của vua, nhờ vậy, chẳng khó khăn gì mà anh xin được bộ áo quần giáo sĩ mang về cho thái tử. Chàng cởi trang phục của mình, mặc áo quần giáo sĩ vào. Hóa trang như vậy rồi, tiện thể có sẵn hộp ngọc và kim cương định mang đến làm quà tặng công chúa, có thể dùng tạm làm tiền tiêu pha trong lúc đi đường, thái tử giắt vào người, ra khỏi cung nghỉ mát vào lúc chập tối, chưa biết đi theo hướng nào, nhưng quyết tâm không trở về chùng nào chưa tìm thấy công chúa và đưa nàng về cùng mình.

Thế là thái tử lên đường.

Chúng ta hãy trở lại với gã thổ dân. Gã điều khiển con ngựa thần kì, và ngay ngày hôm đó, hạ xuống khá sớm trong một khu rừng, gần kinh đô của vương quốc Casomia. Vì cảm thấy đói, và nghĩ là hẳn công chúa nước Bengan cũng cần ăn, gã xuống ngựa để nàng ngồi trên bãi cỏ, cạnh một con suối rất mát và rất trong.

Công chúa nước Bengan thấy mình bỗng chốc sa vào tay một tên bắt cóc vô liêm sỉ, sợ bị gã cưỡng bức, trong lúc vắng mặt gã, đã nghĩ tới chuyện trốn đi, tìm một nơi nương náu. Nhưng vì buổi sáng, khi đến cung nghỉ mát, nàng chỉ ăn tí chút, bây giờ nàng thấy yếu và mệt đến nỗi cho dù muốn thực hiện ý nghĩ ấy, cũng đành chịu bó tay. Vậy là nàng phải ở lại, quyết tâm tha chịu chết chứ nhất định không thất tiết. Bởi vậy, không chờ gã thổ dân mời đến lần thứ hai, nàng ăn ngay, và nhờ thế lấy lại ít nhiều sức lực, đủ đáp lại những lời sỗ sàng gã tuôn ra vào cuối bữa ăn. Trông thấy gã thổ dân, sau nhiều lời dọa nạt, định dùng lối cưỡng hiếp, nàng đứng lên để chống cự, vừa lớn tiếng kêu cứu. Nhờ những tiếng kêu ấy, trong chốc lát, một toán kỵ sĩ chạy đến vây quanh nàng cùng gã thổ dân. Ấy chính là quốc vương Casomia vừa cùng đoàn tùy tùng đi săn về ngang qua, may mắn sao cho công chúa nước Bengan, nghe được tiếng kêu của nàng liền chạy đến. Vua hỏi gã thổ dân là ai, gã muốn gì ở phu nhân đứng kia. Gã thổ dân trả lời mặt dày mày dạn rằng đây là vợ gã, không ai được phép hỏi han về việc cãi cộ giữa hai vợ

chồng người khác.

Công chúa tuy chưa biết rõ cương vị và danh hiệu của người vừa đến đúng lúc để giải thoát cho mình, vội cải chính ngay:

- Thưa ngài, – nàng nói – cho dù ngài là ai, mà trời đã phái đến cứu giúp tôi, xin hãy thương hại một nàng công chúa, và chớ nghe lời một tên gian trá. Xin Thượng đế giữ cho tôi khỏi làm vợ một tên hèn hạ và đáng khinh bỉ đến thế này! Đó là một tên phù thủy khả ố hôm nay vừa bắt cóc tôi khỏi tay thái tử nước Ba Tư, mà tôi đã đính hôn. Gã mang tôi đến đây trên con ngựa thần kỳ ngài trông thấy kia.

Công chúa không cần nhiều lời hơn để thuyết phục vua Casomia tin là mình nói thật. Sắc đẹp, vẻ vương giả và những dòng nước mắt đã nói thay nàng. Bất bình một cách chính đáng trước thái độ hỗn xược của gã thổ dân, vua ra lệnh vây bắt và chặt đầu gã thổ dân ngay tức khắc. Mệnh lệnh ấy được thi hành chẳng khó khăn gì, vì gã thổ dân làm vụ cưỡng đoạt ngay khi vừa ra khỏi nhà tù, trong tay không có thứ vũ khí nào để chống cự.

Được giải thoát khỏi sự hành hạ của gã thổ dân, công chúa nước Bengan lại sa vào tay một vụ khác, cũng không kém phần đau khổ cho nàng. Sau khi sai mang một con ngựa, nhà vua đưa nàng về hoàng cung, cho nàng ở một phòng tráng lệ nhất sau phòng của mình. Vua lại phái đến một số đông nô tì để săn sóc và hầu hạ nàng, cùng những hoạn nô làm nhiệm vụ bảo vệ. Vua thân hành dẫn công chúa đến tận gian phòng ấy, và không để cho nàng kịp mở lời cảm tạ mối ân huệ to lớn như nàng dự định, vua nói:

- Thưa công chúa, tôi chắc nàng đang cần sự nghỉ ngơi. Tôi để nàng được thoải mái. Sáng mai sẽ thuận tiện hơn để nàng thuật lại cho tôi nghe chi tiết về câu chuyện lạ lùng đã xảy đến với nàng.

Nói xong, vua lui ra.

Công chúa nước Bengan sung sướng không thể nào tả nổi thấy mình, trong một thời gian rất ngắn, đã được giải thoát khỏi sự hành hạ của một con người mà nàng chỉ có thể nhìn với sự kinh tởm. Nàng tin rằng vua nước Casomia sẽ tỏ rõ hết tấm lòng hào hiệp và đưa nàng trở về với thái tử nước Ba Tư, một khi nàng trình bày cho vua rõ mình đã thuộc về thái tử nước Ba Tư như thế nào, và cầu xin vua gia ân cho việc đó. Nhưng, thật còn lâu mới thấy được hy vọng của nàng biến thành sự thật.

Quả vậy, quốc vương Casomia đã ra lệnh báo tin vui bằng thanh la, trống lớn, kèn đồng và nhiều loại nhạc khí tấu nhạc mừng, làm vang lừng không chỉ hoàng cung mà cả thành phố. Rồi vua Casomia đến gặp công chúa hỏi thăm sức khỏe, và nói cho công chúa rõ, tiếng kèn tiếng trống đang vang dội kia là nhằm làm cho buổi lễ vua kết hôn với nàng thêm trọng thể. Nghe vậy,

nàng bị chấn động mãnh liệt đến nỗi ngã xuống ngất đi. Những người hầu lúc ấy có mặt, vội chạy tới cấp cứu. Nhà vua cũng góp sức làm cho nàng hồi tỉnh, nhưng nàng vẫn mê man một thời gian khá lâu.

Cuối cùng, nàng tỉnh lại. Không chịu phản bội lời hứa đính hôn cùng thái tử Furu Sát, và không nhận lời tham dự lễ cưới do vua Casomia tổ chức mà không buồn hỏi trước ý kiến của mình, nàng quyết định làm như thể bị mất trí sau cơn ngất. Từ lúc ấy, nàng bắt đầu nói lảm nhảm những điều kỳ cục ngay trước mặt nhà vua. Nàng chồm lên như sắp sửa xông vào cầu xé, làm cho quốc vương Casomia rất ngạc nhiên và buồn bực về chuyện xảy ra không đúng lúc chút nào. Thấy nàng không tỉnh trí trở lại, vua đành để nàng ở lại nơi các người hầu, và ra lệnh cho họ phải quan tâm hết sức chăm sóc nàng.

Ngày hôm đó, vua nhiều lần cho người hỏi thăm, và lần nào cũng được trả lời công chúa vẫn trong tình trạng ấy, thậm chí căn bệnh có phần tăng chứ không thuyên giảm. Buổi chiều, cơn bệnh có vẻ còn nặng hơn ban sáng.

Tối hôm ấy, vua nước Casomia không hưởng được hạnh phúc như mình mơ tưởng. Công chúa nước Bengan tiếp tục nói lảm nhảm và có các biểu hiện khác của một người mất trí không chỉ ngày hôm sau, mà còn những ngày sau nữa. Đến nước này quốc vương Casomia đành phải triệu tập các thầy thuốc trong cung lại, nói cho họ biết về cơn bệnh của công chúa. Vua hỏi ai có môn thuốc nào chữa khỏi bệnh giúp Người không.

Các ngự y, sau khi tham bác ý kiến của nhau, đồng thanh đáp rằng bệnh này có nhiều loại và có nhiều mức độ khác nhau, tùy theo tính chất của nó, có những loại chữa khỏi và có những loại nan y. Muốn biết công chúa mắc loại bệnh nào, cần phải để cho họ thăm con bệnh.

Quốc vương Casomia liền truyền cho các hoạn nô đưa họ đến phòng công chúa, mời họ kẻ trước người sau, lần lượt vào theo phẩm trật.

Công chúa đã dự kiến điều sẽ xảy ra. Nàng sợ, nếu để cho các thầy lang đến gần người và bắt mạch, thì kẻ ít kinh nghiệm nhất cũng có thể biết được nàng hoàn toàn khỏe mạnh và bệnh của nàng chỉ là bệnh giả vờ.

Bởi vậy, các thầy thuốc vừa xuất hiện, nàng đã lên cơn giận dữ dội, sẵn sàng cầu xé nếu họ đến gần, đến nỗi không một vị nào có đủ gan đưa đầu ra chịu báng.

Có những vị tự cho mình tài giỏi hơn những người khác, khoe khoang rằng chỉ cần nhìn mắt con bệnh đã biết ngay được người đó mắc bệnh gì, kê cho nàng nhiều loại thuốc. Nàng bằng lòng uống, chẳng làm khó dễ gì vì tự biết ốm hay không vào lúc nào là tùy mình; còn các loại thuốc kia chẳng có gì công phạt.

Thấy các ngự y không chữa khỏi bệnh cho công chúa, vua nước Casomia vội đến các danh y trong kinh thành, nhưng kiến thức khoa học, tài nghệ và kinh nghiệm của những vị này cũng chẳng hơn gì. Vua lại mời các thầy thuốc ở các thành phố khác trong vương quốc, đặc biệt những vị danh tiếng nhất. Các loại thuốc họ kê đơn cũng đều không công hiệu. Vua lại phái nhiều người sang các quốc gia, vương quốc và triều đình lân bang, mang theo những giấy tờ chẩn đoán hợp thủ tục phân phát cho những thầy thuốc danh tiếng nhất, với lời hứa sẽ chịu phí tổn đi đường cho những ai vui lòng đến kinh đô nước Casomia, và sẽ thưởng thật trọng hậu cho người nào chữa khỏi bệnh công chúa.

Nhiều vị danh y cất công đi. Nhưng không một ai có thể khoe khoang là mình may mắn hơn các thầy thuốc ở triều đình và vương quốc này; không có một ai có thể làm cho trí khôn nàng trở lại bình thường. Điều này đâu có thể tùy thuộc ở họ và ở tay nghề của họ, mà ở nghị lực của chính công chúa.

Trong khoảng thời gian ấy, thái tử Firu Sát, cải trang dưới dạng một giáo sĩ, rong ruổi qua nhiều nước và đến nhiều thành phố của các nước này. Không tính tới những nổi vất vả dọc đường, chàng chỉ lo con đường mình đi không biết có đúng hướng hay không, chỉ e chim ăn núi Bắc người tìm bể Đông mất thôi. Chú ý nghe ngóng tin tức những nơi đi qua, cuối cùng chàng đến một thành phố lớn của Ấn Độ, và nghe người ta đồn đại khá nhiều về một nàng công chúa nước Bengan tự nhiên phát điên đúng vào hôm quốc vương Casomia định tổ chức lễ cưới nàng. Nghe nói đến tên nàng công chúa nước Bengan, chàng nghĩ đây đúng là người mình đang tìm kiếm. Điều này càng đáng tin vì chàng biết ở triều đình nước Bengan không có công chúa nào khác ngoài người yêu của mình.

Tin vào lời đồn đại, chàng lên đường sang ngay Casomia, tới kinh đô nước đó. Đến nơi, chàng trọ tại một cái *khan*. Ngay hôm đó chàng được nghe chuyện nàng công chúa nước Bengan và cái chết khốn nạn của tên thổ dân bắt nàng đi trên con ngựa thần kỳ (thật đáng tội của gã). Chi tiết này càng làm cho chàng tin rằng, không có gì nhầm lẫn nữa, đây chính là nàng công chúa mình đang tìm. Chàng còn biết thêm cả sự tổn kém vô ích của quốc vương Casomia chỉ cho các thầy thuốc, mà không một ai chữa khỏi bệnh cho nàng.

Nắm vững mọi chi tiết ấy rồi, ngay sáng hôm sau, thái tử nước Ba Tư sắm một bộ quần áo lương y. Với trang phục ấy và bộ râu mà chàng để cho mọc dài trong lúc đi đường, chàng ra phố tự xưng là thầy thuốc. Nôn nóng muốn được gặp công chúa, chàng không chần chừ đến thẳng cung vua, xin gặp một vị quan. Người ta dẫn chàng đến trước quan trưởng văn phòng, chàng trình bày: có thể có người cho chàng đã bạo gan khi dám đến nhận chữa bệnh cho

công chúa, sau khi bao nhiêu vị danh y đã không thành công. Nhưng chàng hy vọng, với các môn thuốc gia truyền và kinh nghiệm của mình, có thể sẽ chữa khỏi, chứ không như các vị trước. Quan trưởng văn phòng ngỏ lời hoan nghênh, nói rằng quốc vương sẵn sàng tiếp kiến. Nếu chàng có thể làm cho vua hài lòng thấy công chúa bình phục như trước, thì chắc chắn sẽ được thưởng công trọng hậu, đúng với sự hào phóng của quốc vương chúa tể và chủ nhân của ông ta.

“Xin ngài hãy chờ cho một lát, – ông ta thêm – tôi xin quay trở lại ngay.”

Đã lâu không có một thầy thuốc nào đến ra mắt, quốc vương Casomia rất đau khổ, tưởng đã không còn hy vọng thấy công chúa lấy lại sức khỏe như khi mình thoát gặp và đồng thời cũng mất cả hy vọng cưới nàng làm vợ.

Bởi vậy, vua truyền cho quan trưởng văn phòng lập tức mời thầy thuốc vào.

Thái tử Ba Tư được đưa tới trình diện quốc vương nước Casomia dưới bộ áo quần cải trang. Nhà vua không để mất thời giờ với những lời lẽ dông dài, mà nói ngay rằng công chúa nước Bengan không chịu nổi các thầy lang, hề trông thấy mặt một vị nào là nàng lại lên cơn, khiến cho bệnh tình càng thêm trầm trọng. Vua sai người dẫn chàng đến một căn buồng phụ, từ đây có thể nhìn công chúa qua một bức màn, mà không để cho nàng nhìn thấy.

Thái tử Firu Sát lên căn buồng ấy, và nhận ra nàng công chúa đáng yêu của mình đang ngồi trể nải, nước mắt đầm đìa. Nàng đang lầm bầm hát một bài khúc than số phận bất hạnh khiến cho nàng có lẽ mãi mãi không còn gặp lại người thương xiết bao yêu dấu.

Xúc động trước tình trạng đáng buồn của công chúa thân yêu, thái tử không cần thêm có dấu hiệu khác cũng biết ngay căn bệnh này là bệnh già vờ, và chính tình yêu đối với chàng đã buộc nàng phải tự hãm mình trong cảnh sầu thương ấy. Chàng đi xuống, trình với nhà vua nguồn gốc chứng bệnh của công chúa không phải là nan y, và nói rằng để chữa lành bệnh, cần phải cho chàng nói chuyện riêng tay đôi với nàng. Còn về chứng nàng lên cơn mỗi khi trông thấy mặt thầy thuốc, chàng hy vọng nàng sẽ vui lòng tiếp và nghe chàng nói.

Vua sai mở cửa gian phòng của công chúa. Thái tử Firu Sát bước vào. Qua bộ áo quần chàng đang mặc, nàng tưởng đấy là một ông lang. Vừa trông thấy mặt, nàng đã chồm dậy như một con điên, cất lời đe dọa và chửi mắng. Điều đó vẫn không ngăn chàng tiến tới. Khi đã gần đủ cho nàng nghe tiếng, và cũng chỉ muốn để mình nàng nghe được mà thôi, chàng hạ giọng nói với vẻ kính trọng:

- Thừa công chúa, tôi không phải là thầy thuốc. Xin nàng hãy nhận ra thái

từ nước Ba Tư đến đây để giải thoát nàng.

Nghe giọng nói và nhìn những nét mặt, bất chấp bộ râu rậm rịt mà thái tử để mọc, công chúa nhận ra ngay, và yên tĩnh trở lại. Ngay lập tức mặt nàng lộ rõ niềm vui, dấu hiệu chứng tỏ người khác có thể nói chuyện được với nàng. Niềm vui được gặp lại người thân yêu làm nàng nghẹn lời, đủ thời giờ cho thái tử kể lại nỗi tuyệt vọng của mình khi tự mắt trông thấy gã thổ dân bắt cóc đưa nàng đi; quyết định của chàng từ lúc ấy từ bỏ tất cả mọi thứ trên đời để tìm cho bằng được nàng bất kỳ ở góc biển chân trời nào và giải thoát nàng khỏi tay tên gian trá; và cuối cùng, hạnh phúc làm sao, qua một chuyến đi phiên chán và vất vả, chàng sung sướng được gặp lại nàng trong cung điện của quốc vương Casomia.

Nói xong những điều đó với lời lẽ gọn nhất, chàng yêu cầu công chúa cho biết những gì đã xảy ra, kể từ khi nàng bị bắt cóc đến giờ phút hạnh phúc mà chàng đang được nói chuyện với nàng đây. Chàng cần rõ những chi tiết đó để có những biện pháp đúng đắn, nhằm không để nàng chịu đựng lâu hơn nữa sự thô lỗ của vua nước Casomia. Công chúa nước Bengan chẳng có gì nhiều để kể lẽ dài dòng.

Nàng chỉ thuật lại nàng được quốc vương Casomia giải thoát khỏi sự cưỡng hiếp của gã thổ dân ra sao, lúc vua đi săn trở về; nhưng ngay ngày hôm sau đã bị đối xử tàn bạo bằng việc vua tuyên bố ý định vội vàng muốn cưới nàng làm vợ, mà chẳng cần tới điều lịch sự tối thiểu là hỏi trước xem nàng có đồng ý hay không; thái độ hung bạo ấy của nhà vua khiến cho nàng không có cách nào khác hơn là giả vờ làm như người mất trí, coi đó là cách tốt nhất để giữ trọn trinh tiết với hoàng tử mà nàng đã giao phó trái tim và niềm tin; nàng thà chết chứ không bao giờ chịu hiến thân cho một ông vua mà nàng không thể nào yêu được.

Thấy công chúa không có gì để nói hơn nữa, thái tử nước Ba Tư liền hỏi, nàng có biết gì về con ngựa thần kỳ sau khi gã thổ dân chết hay không. Nàng đáp:

- Thiếp không rõ nhà vua đã ra những mệnh lệnh gì về con ngựa đó. Nhưng, sau những điều thiếp nói về nó, có thể tin là ông ta không cho nó là vật bỏ đi.

Tin rằng nhà vua nước Casomia đã cho cất giữ cẩn thận con ngựa, thái tử Firu Sát tin cho công chúa biết ý định của chàng dùng nó để đưa công chúa trở lại Ba Tư.

Sau khi thỏa thuận với nhau cách thực hiện ý đồ mà không gặp trở ngại, thái tử đặc biệt căn dặn nàng đừng chỉ có mặc áo lót như lúc này, mà sáng mai nên ăn vận trang hoàng để tiếp đón quốc vương Casomia một cách lịch sự chừng nào chàng dẫn nhà vua tới, nhưng không ép nàng phải nói chuyện

với nhà vua. Sau đó, thái tử lui về.

Quốc vương nước Casomia hết sức vui mừng nghe thái tử Ba Tư báo cho biết đã chữa cho bệnh của công chúa thuyên giảm khá nhiều sau buổi điều trị đầu tiên. Ngày hôm sau, vua coi chàng là danh y nhất thế gian, khi công chúa chịu đón tiếp vua với vẻ làm cho vua thấy bệnh đã thuyên giảm khá nhiều, đúng như lời chàng nói.

Trông thấy nàng trong tình trạng ấy, vua tỏ ra hoan hỷ về việc công chúa sắp lấy lại đầy đủ sức khỏe như trước đây. Và vua khuyến khích nàng hãy cộng tác với nhà danh y tài giỏi mà vua hoàn toàn tin cậy để cho ông có điều kiện hoàn tất việc điều trị đã mở đầu tốt đẹp. Nói xong, vua lui về ngay, không để nàng kịp ngỏ một lời.

Thái tử nước Ba Tư vừa theo nhà vua tới đây cũng lui ra khỏi buồng công chúa cùng một lúc. Tiễn vua ra về, chàng làm ra vẻ kính cẩn, đúng như một ông lang tâu với một nhà vua, xin phép hỏi vì sao một nàng công chúa nước Bengan lại ở một mình trong vương quốc Casomia, rất xa xứ sở của nàng, làm như thể công chúa chưa nói cho biết một điều gì về chuyện đó. Chàng hỏi vậy cốt hướng câu chuyện về con ngựa thần kỳ để nhà vua tự miệng nói ra, đã để nó ở đâu rồi.

Quốc vương Casomia không rõ thâm ý của thái tử, nên chẳng cần giữ gìn. Vua thuật lại cho chàng nghe gần như những điều công chúa đã nói. Con ngựa thần kỳ ấy, vua đã sai cho cất vào kho tàng, coi như một vật cực kỳ quý hiếm, mặc dù chưa biết cách sử dụng nó thế nào.

- Tâu bệ hạ, – ông thầy lang giả nói – điều bệ hạ vừa nói cho biết cung cấp cho tôi phương tiện để chữa khỏi hoàn toàn bệnh của công chúa. Vì nàng được con ngựa thần kỳ ấy mang đi, nàng đã bị phép ma ám ảnh ít nhiều, chỉ có thể chữa khỏi bệnh bằng cách xông những loại hương mà tôi biết. Nếu bệ hạ thích giới thiệu với toàn thể triều đình và dân chúng ở kinh kỳ một cảnh tượng thực sự lạ lùng, thì xin Người ngày mai hãy sai mang con ngựa tới quảng trường trước hoàng cung; rồi giao cho tôi thực hiện một việc mà tôi xin hứa, sẽ làm cho công chúa nước Bengan trở lại hoàn toàn minh mẫn và khỏe mạnh như chưa từng thấy, ngay trước mắt bệ hạ và toàn thể mọi người. Và để cho việc đó được thật huy hoàng, có lẽ nên cho công chúa ăn vận lộng lẫy và trang điểm những ngọc ngà quý báu nhất mà bệ hạ có.

Vua nước Casomia sẵn sàng làm những việc khó khăn hơn nhiều so với điều thái tử nước Ba Tư vừa nêu ra, để được hưởng thụ niềm vui như vua hằng mong ước, mà vua cho là sắp tới nơi.

Ngày hôm sau, rất sớm, con ngựa thần kỳ đã được vua truyền lệnh cho người mang tới đặt giữa quảng trường lớn trước hoàng cung. Chẳng mấy chốc, tiếng đồn đại khắp kinh thành, đây là sự chuẩn bị cho một sự kiện cực

kỳ phi thường sắp xảy ra, nhân dân từ các phố phường đổ về rất đông. Quan cấm vệ của nhà vua được bố trí canh gác để ngăn ngừa mọi sự mất trật tự và để chừa một khoảng trống lớn quanh con ngựa thần kỳ.

Quốc vương nước Casomia xuất hiện. Sau khi đã an tọa trên một giàn cao giữa các đại thần văn võ trong triều đình, công chúa nước Bengan được tất cả người hầu mà vua cất cử trông nom đi theo, tiến đến gần con ngựa thần kỳ. Những người hầu giúp nàng lên ngựa.

Sau khi nàng ngồi chắc trên yên ngựa, hai chân xỏ vào hai bàn đạp, tay cầm cương, vị thầy lang giả liền sai mang đến xếp chung quanh nhiều chảo đầy than cháy, rồi đi vòng quanh và ném vào đáy một thứ hương liệu làm tỏa mùi thơm ngào ngạt. Rồi, làm như thể tham thiền nhập định, mắt nhìn xuống, hai tay chấp trước ngực, chàng đi ba lần vòng quanh con ngựa, miệng lầm rầm như đọc thần chú. Các chảo than ngày càng bốc khói mù mịt với mùi hương ngào ngạt, dày đến nỗi che khuất cả nàng công chúa cùng con ngựa. Vừa lúc ấy chàng nhẹ nhàng phóc lên lưng ngựa, ngồi sau công chúa, tay xoay nhẹ cái chốt. Khi con ngựa vừa bốc lên không, mang theo chàng cùng công chúa, chàng nói to, rất rành mạch để nhà vua có thể nghe rõ: “Này quốc vương Casomia kia, khi nào người muốn lấy những nàng công chúa đến cầu xin người che chở, thì trước đó hãy nên học cách làm cho người ta thuận tình đã.”

Như vậy đó, thái tử nước Ba Tư tìm thấy lại và giải thoát được cho nàng công chúa nước Bengan. Cùng trong ngày ấy, chẳng bao lâu sau, chàng đưa nàng hạ xuống, không phải ở cung nghỉ mát mà trước phòng riêng của vua cha ở Sirazơ. Quốc vương Ba Tư không chậm trễ, cho tổ chức lễ cưới ngay, chừng nào mọi việc chuẩn bị xong xuôi đâu vào đấy, để cho hôn lễ được thật trọng thể thật huy hoàng. Vua coi đó là phần đóng góp của mình vào cuộc vui.

Sau khi đã qua đủ số ngày quy định cho những cuộc vui chơi, việc đầu tiên vua nước Ba Tư quan tâm là cử một sứ bộ trọng thể sang nước Bengan, để thuật lại với quốc vương nước này tất cả những gì xảy ra và xin vua chuẩn y cho việc thông hiếu giữa hai nước qua cuộc hôn nhân này. Vua nước Bengan, sau khi nghe rõ mọi điều, lấy làm vinh dự và vui thích mà chấp thuận.

CHUYỆN HOÀNG TỬ ATMÉT VÀ TIÊN NỮ PARI BANU HAY LÀ TÂM THẨM BAY

Tiếp theo câu chuyện về con ngựa thần kỳ, nàng Sêhêrazát kể tiếp chuyện về hoàng tử Atmét và tiên nữ Pari Banu như sau:

- Tâu bệ hạ, xưa kia có một trong các đấng tiên vương của bệ hạ từng trị vì nhiều năm ở nước Ấn Độ. Lúc về già, Người rất hài lòng thấy ba con trai có đầy đủ các đức tính của cha. Cùng sống trong hoàng cung, còn có một công chúa cháu họ của Người. Cô là niềm tự hào của cả triều đình.

Hoàng tử cả tên là Hutxanh, hoàng tử thứ hai tên là Ali, người trẻ nhất tên là Atmét, còn Nurunniha là tên nàng công chúa.^[91]

Công chúa Nurunniha là con gái người em họ của nhà vua, sinh thời từng được vua ban cho một thái ấp có nhiều lợi tức lớn. Vua này đã qua đời ít lâu sau khi lấy vợ để lại một công chúa thơ dại. Vốn thương yêu người em họ khi còn sống lúc nào cũng hết sức quý trọng mình, vua đảm nhiệm việc nuôi dạy cháu gái cùng với ba hoàng tử. Đã có khuôn mặt xinh tươi cùng dáng người cân đối, công chúa lại cực kỳ thông minh. Còn về đức hạnh thì nàng ăn đứt tất cả các công chúa cùng thời.

Nhà vua vẫn có ý định, chừng nào cháu đến tuổi lấy chồng, sẽ gả cho hoàng tử một nước lân bang, qua đó mà làm thông gia với quốc vương nước đó. Vua đang tính toán một cách nghiêm túc việc này thì bỗng nhận thấy cả ba con trai mình đều tỏ ra yêu nàng tha thiết.

Điều đó làm cho vua rất phiền lòng. Sự phiền muộn của vua không chỉ ở chỗ tình yêu của các hoàng tử ngăn cản, không cho mình thực hiện việc thông hiếu với nước lân bang như từng mong mỏi, mà hơn nữa, còn ở khó khăn đã nhìn thấy trước, là làm sao cho ba chàng thỏa thuận được với nhau, ít nhất cũng là hai người em thuận nhường cho anh cả.

Vua nói chuyện riêng với từng hoàng tử. Sau khi giải bày cho các con rõ không thể nào một nàng công chúa có thể làm vợ cả ba người, và nếu các chàng còn giữ nỗi đam mê thì sẽ gây nên nhiều điều rắc rối, vua hết lời khuyên can họ. Hoặc là để cho công chúa tự chọn, muốn lấy ai tùy nàng. Hoặc là cả ba chàng từ bỏ ý định của mình mà nghĩ tới những đám khác, vua sẽ cho phép họ tự do lựa chọn, rồi sau đó vua sẽ gả công chúa cho hoàng tử nước ngoài. Nhưng, khi thấy cả ba đều khăng khăng một mực, vua cho gọi cả ba chàng cùng đến một lúc và nói như sau:

- Các con ơi, cha đã không thể, vì lợi ích và sự yên vui của các con mà thuyết phục các con chớ nên nghĩ tới chuyện yêu công chúa cháu gái của cha và là em họ của các con. Vì không muốn sử dụng quyền lực để ép buộc, và

cha cũng chẳng thiên vị con nào, cha vừa nghĩ ra một cách khiến cho các con cùng hài lòng và bảo vệ được tình đoàn kết nhất thiết phải có giữa các con. Hãy nghe đây, và hãy cùng thực hiện lời cha nói.

Cha thấy nhân dịp này, các con nên đi xa, mỗi người theo một hướng riêng biệt đến một nước nào đó, và không gặp nhau ở dọc đường. Các con đã biết tính cha là hơn tất cả mọi sự, cha thích sưu tập những vật hiếm và của lạ. Vậy thì cha hứa sẽ gả cháu gái của cha cho con nào mang về được vật hiếm hoi kỳ lạ và độc đáo nhất. Như vậy, sự ngẫu nhiên sẽ cho phép các con tự mình phán xét về tính đặc biệt của những vật các con sẽ mang về. Sau khi so sánh chúng với nhau, các con sẽ chẳng khó khăn gì mà không nhường một cách công bằng cho người nào xứng đáng nhất. Về tiền tiêu pha dọc đường và dùng để mua vật lạ mà các con sẽ tìm thấy, cha sẽ cho mỗi con một số tiền ngang nhau, hợp với địa vị của các con. Tuy nhiên, không được dùng số tiền ấy sắm sanh xe ngựa tùy tùng. Vì nếu để lộ cho người ta biết các con là ai, thì các con sẽ không còn được tự do thực hiện mục đích của mình và cũng không có điều kiện quan sát những sự vật đáng chú ý, có ích cho chuyến đi của các con.

Ba hoàng tử xưa nay vốn tuân phục mọi ý muốn của vua cha, và chàng nào cũng nghĩ rằng vận may sẽ giúp cho mình lấy được nàng Nurunniha, đều ngỏ ý sẵn sàng vâng lệnh. Không chậm trễ, nhà vua truyền quan tổng quản ngân khố giao cho mỗi người một số tiền như đã hứa. Ngay hôm ấy, các hoàng tử cho phát lệnh chuẩn bị khởi hành. Họ xin cáo biệt trước vua cha, để sáng hôm sau có thể lên đường thật sớm.

Họ ra khỏi kinh thành cùng một cổng. Mỗi chàng cưỡi lên một con tuấn mã yên cương đầy đủ, và đều cải trang thành nhà buôn. Mỗi người chỉ có một võ quan tâm phúc theo hầu, cải trang thành đầy tớ. Ba người cùng đến nhà trạm đầu tiên, ở đây con đường sẽ rẽ làm ba ngã, để rồi mỗi người sẽ đi theo hướng của mình, tiếp tục cuộc hành trình. Tối hôm đó, đặt một bữa ăn chung để chia tay, họ thỏa thuận với nhau chuyến đi sẽ kéo dài trong một năm, và giao hẹn sẽ cùng trở về gặp nhau tại trú xá này. Ai về đầu tiên sẽ chờ hai người kia, kỳ cho đủ mặt mới cùng một lúc về kinh đô ra mắt cha, y như thể lúc ra đi vậy.

Sáng hôm sau, vừa tảng sáng, ba hoàng tử ôm hôn nhau, chúc nhau một chuyến đi may mắn, rồi cùng lên ngựa mỗi người đi theo một nẻo khác nhau, do họ tự mình lựa chọn.

Hoàng tử Hutexanh, người con cả, từng nghe nói nhiều đến đất đai rộng lớn, lực lượng hùng hậu, sự giàu có và phồn vinh của vương quốc Bixnagan, liền nhằm hướng biển Ấn Độ mà đi. Sau một cuộc đi dài chừng ba tháng, ghép với nhiều đoàn lữ hành khác nhau, khi thì băng qua sa mạc hoặc vùng

núi non cần cỗi, khi thì mượn đường qua những xứ đông dân cư, có văn hóa cao và phì nhiêu, cuối cùng chàng đến được Bixnagan, thủ phủ của vương quốc mang cùng tên ấy. Bixnagan là nơi các quốc vương nước này đóng đô.

Chàng trọ trong một cái *khan* dành riêng cho các thương nhân nước ngoài. Thành phố này có bốn khu chính. Mỗi khu đều có cửa hiệu của các nhà buôn bày bán đủ các thứ hàng. Ở giữa bốn khu phố này có tòa lâu đài, hay đúng hơn là cung điện của nhà vua, tọa lạc trên một vùng rất rộng ở trung tâm thành phố, bao bọc bởi ba lớp tường thành, và cứ cách hai dặm có một cổng ra vào.

Được biết như vậy, ngày hôm sau, chàng đến một trong bốn khu phố đó. Hoàng tử không thể nhìn xem khu phố mà không đem lòng thán phục. Nó rộng rãi, có nhiều đường ngang ngõ dọc; đường đi có vòm che nắng nhưng vẫn sáng sủa. Các cửa hiệu đều cùng một tầm cỡ và được bố trí cân xứng. Những hiệu bán cùng một mặt hàng không phân tán ra các nơi mà tập trung về cùng một dãy phố, lập thành phường. Những nhà làm nghề thủ công cũng như vậy.

Vô số các cửa hiệu, chứa đầy cùng một loại hàng, như các loại vải vóc đẹp nhất từ các vùng trong nước Ấn Độ, những tấm vải in màu rất tươi, có hình người, phong cảnh, cây cỏ, hoa lá; những loại lụa và gấm Ba Tư, gấm Trung Quốc hoặc từ nhiều nơi khác; hàng sứ Nhật Bản và sứ Trung Hoa; những tấm thảm to nhỏ đủ cỡ, tất cả cùng được bày ra khiến chàng cực kỳ ngạc nhiên, tưởng khó có thể tin vào mắt mình.

Nhưng, khi tới phường các hiệu buôn vàng bạc và ngọc ngà – vì hai ngành này thường chung một nhà buôn – chàng tưởng chừng mê mẩn khi nhìn thấy một khối lượng cực lớn những hàng mỹ nghệ bằng vàng và bằng bạc. Mắt chàng lóa đi trước ánh lấp lánh của ngọc trai, kim cương, hồng ngọc, tử ngọc, bích ngọc cùng nhiều loại đá quý khác. Đã ngạc nhiên vì bấy nhiêu của cải tập trung một nơi, chàng còn kinh ngạc hơn nhiều khi nghĩ đến sự giàu có của cả vương quốc nói chung, bằng chứng là trừ những người theo đạo Balamôn hoặc thờ các thần giáo khác vốn xa lánh mọi thứ phồn hoa trên đời, khắp cả nước không một người dân bản địa nào, nam hoặc nữ, mà không đeo ở cổ tay, vòng chân các chuỗi đính châu ngọc, những thứ này càng sáng chói hơn bởi vì nước da họ đen nhánh.

Một đặc điểm làm hoàng tử Hutexanh rất thán phục là nhìn thấy rất đông người bán hoa hồng. Họ chiếm số đông hơn cả trong các phố xá. Chàng cho rằng người bản địa hẳn thích loại hoa này lắm, vì không một người nào là không cần một bó ở tay hoặc đeo thành vòng ở trên đầu, không một nhà buôn nào không bày nhiều lọ hoa trong hiệu của mình, khiến cho tất cả khu phố, rộng đến như vậy đây, mà vẫn thơm nức mùi hoa.

Sau khi đi xem xét hết cả khu, đi từ phố này sang phố khác, lóa mắt bởi bao nhiêu là cửa cải, hoàng tử Hutxanh thấy đến lúc cần nghỉ. Chàng ngỏ ý đó với một nhà buôn. Người này rất lịch sự mời chàng vào ngồi ở cửa hiệu của mình. Chàng nhận lời. Ngồi trong hiệu buôn này chưa được bao lâu, bỗng chàng trông thấy xuất hiện một người rao hàng mang trên tay một tấm thảm rộng chừng sáu bộ, nói muốn bán đấu giá tấm thảm này, và đặt giá sàn từ ba mươi túi trở lên.^[92]

Chàng gọi người rao hàng vào cho xem tấm thảm và thấy giá ấy quá lớ, không những vì tấm thảm bé tẹo mà chất lượng cũng tồi. Sau khi xem xét kỹ, chàng bảo người rao hàng mình không thể hiểu được sao một tấm thảm trải nhà bé và chẳng lấy gì làm đẹp thế này, lại được đặt giá cao đến thế.

Tưởng hoàng tử Hutxanh là một nhà buôn, người rao hàng đáp:

- Thưa ngài, ngài cho rằng giá ấy quá cao, ngài hẳn sẽ ngạc nhiên nhiều nữa nếu biết rằng tôi được lệnh đòi cho được bốn mươi túi trở lên mới bán, và chỉ giao tấm thảm cho người nào trả đúng giá đó mà thôi.

- Như vậy là, – hoàng tử Hutxanh nói – nó còn có một mặt nào đó quý báu mà tôi chưa được biết.

- Ngài đoán đúng rồi đây, thưa ngài, – người rao hàng lại nói – rồi ngài sẽ cho giá cả ấy phải chăng, nếu ngài biết rằng, cứ ngồi lên trên tấm thảm ấy ta muốn đi đến đâu thì lập tức nó chở ta bay đến ngay trong chốc lát, mà không bao giờ bị một trở lực nào ngăn cản.

Câu nói của người rao hàng làm cho hoàng tử nghĩ ra, bởi mục đích chính trong chuyến đi này của chàng là tìm và mang về cho phụ vương một vật hiếm hoi đặc biệt chưa từng ai nghe nói tới bao giờ. Vậy thì chàng không thể kiếm đâu ra một vật nào khác có thể làm hài lòng Người hơn. Chàng bảo người rao hàng:

- Nếu quả thực tấm thảm đó có đặc tính như anh vừa nói, thì không những ta tin là bỏ ra bốn mươi túi tiền để mua nó cũng không lấy gì làm đắt, mà hơn nữa ta còn có thể bằng lòng mua ngay với giá ấy, lại còn thưởng thêm cho anh một món làm anh hài lòng.

- Thưa ngài, – người rao hàng đáp – tôi đã nói sự thật, và cũng dễ làm cho ngài tin chắc thôi. Chỉ cần ngài ngã giá bốn mươi túi, tôi sẽ làm thử cho ngài coi. Chắc ngài không mang theo sẵn bốn mươi túi trong người, để nhận đủ tiền, hẳn tôi cần phải đi cùng với ngài về cái *khan* ngài trọ. Vậy thì nếu được sự đồng ý của ông chủ đây, chúng ta xin phép sẽ lui ra sau cửa hiệu, tôi trải tấm thảm ra, ngài cùng tôi ngồi lên trên đó. Lúc ấy ngài và tôi cùng có điều ước là, được đến căn buồng ngài thuê; nếu chúng ta không được đưa đến đó ngay tức khắc thì coi như không có chuyện mua bán nữa, và ngài không còn

bị ràng buộc gì. Còn về khoản hoa hồng, vì đã có người bán trả công cho tôi rồi, tôi sẽ rất cảm kích mà đón nhận món tiền thưởng của ngài như một ân huệ ngài ban cho.

Thấy người rao hàng có vẻ nhiệt thành, hoàng tử đồng ý mua theo điều kiện vừa nói. Được phép của ông chủ, hai người lui vào nhà sau. Hoàng tử vừa tỏ ý muốn được về phòng riêng của mình ở trong *khan*, nhoáng một cái, chàng đã thấy mình ở trong căn phòng, mà vẫn ngồi trên tấm thảm. Vì không còn cần gì khác hơn nữa để chắc chắn về đặc tính của tấm thảm, chàng liền trả cho người rao hàng bốn mươi túi tiền vàng, lại còn thưởng riêng cho anh ta hai mươi đồng vàng nữa.

Như vậy đó, hoàng tử Hutexanh trở thành người sở hữu tấm thảm. Chàng cực kỳ mừng rỡ vì vừa mới tới Bixnaga chưa lâu, đã kiếm được một vật hiếm hoi dường ấy, nhờ đó, chắc chắn sẽ lấy được nàng Nurunniha. Quả vậy, chàng cho rằng không thể nào hai chú em của mình có thể mang về sau chuyến đi của họ một vật gì khả dĩ so sánh với tấm thảm mà chàng đã may mắn mua được. Chẳng lưu lại ở Bixnaga lâu hơn làm gì nữa, chàng có thể ngay ngày hôm đó, ngồi lên tấm thảm và trở lại nơi hẹn mà ba anh em đã thỏa thuận với nhau, nhưng như vậy thì chàng sẽ phải chờ ở đấy quá lâu. Vốn hiếu kỳ, muốn nhìn thấy tận mắt quốc vương Bixnaga và triều đình của ông ta, tìm hiểu lực lượng, luật pháp, phong tục, tôn giáo và hiện trạng của nước này, chàng định bụng để ra mấy tháng để thỏa mãn sự hiếu kỳ của mình.

Quốc vương Bixnaga có lệ, mỗi tuần một lần, tiếp xúc với các nhà buôn người ngoại quốc. Chính dưới danh nghĩa ấy mà hoàng tử Hutexanh, không muốn để lộ mình là ai, được gặp vua nhiều lần. Vốn là một người rất khôi ngô, cực kỳ thông minh và hết mực lịch sự (chính vì vậy mà chàng nổi bật giữa các thương nhân cùng vào yết kiến), chàng thường được quốc vương Bixnaga ngỏ lời nhiều lần hơn các nhà buôn khác để hỏi về vua nước Ấn Độ, về lực lượng quân sự, các nguồn tài nguyên và về chính phủ của đế quốc này.

Hoàng tử dành những ngày khác đi xem những gì đáng chú ý nhất trong thành phố và các vùng phụ cận.

Chàng có đến xem một ngôi đền thờ tượng thần, kiến trúc thật đặc biệt, mỗi bề rộng chừng mười *cánh tay*^[93] và cao mười lăm cánh. Vật đẹp nhất trong ngôi đền này là một tượng đúc bằng vàng khối, cao tày người thật, hai mắt là hai viên ngọc được gắn vào một cách tài tình, đến nỗi bất kỳ ai đứng ở đâu mà nhìn cũng đều tưởng như đôi mắt ấy đang ngó mình vậy.

Chàng còn đi xem một ngôi đền khác cũng đáng lấy làm lạ không kém. Ngôi đền này được xây cất trong một làng. Ở đây có khu đất bằng phẳng

rộng chừng mười mẫu, đúng là một khu vườn kỳ thú, trồng nhiều hoa hồng và các loại hoa khác rất đẹp mắt, chung quanh có tường cao ngang tầm tựa, chỉ nhằm ngăn không cho súc vật vào trong vườn. Giữa bãi đất bằng có một nền đắp cao bằng người, lát đá ghép với nhau một cách cẩn thận và tinh xảo đến nỗi thoạt nhìn tưởng như cả nền là một phiến đá nguyên. Ngôi đền có cái tháp, xây chính giữa nền đá, cao tới năm mươi cánh tay, nhờ thế, đứng cách xa nhiều dặm đã nhìn thấy tháp. Đền có chiều dài ba mươi cánh tay, rộng hai mươi cánh tay, xây bằng cẩm thạch đỏ cực kỳ nhẵn bóng. Tháp được trang trí ba hàng tranh, màu sắc tươi và đẹp. Ngôi đền nhan nhản những tranh vẽ, phù điêu, tượng gỗ; từ trên cao xuống sát đất, không chỗ nào không có trang trí tranh và tượng.

Sáng sáng, chiều chiều trong đền đều có cúng lễ; tiếp đó là các trò vui, hòa nhạc, nhảy múa, hát ca, yến tiệc.

Những người lo việc thờ phụng ngôi đền cũng như dân chúng cả vùng sống nhờ vào lễ vật của rất đông người hành hương từ mọi nơi xa xôi nhất trong vương quốc đến cầu khẩn và cúng tiến.

Hoàng tử Hutmah còn được chứng kiến một buổi lễ trọng thể vẫn cử hành hằng năm tại triều đình Bixgana. Tất cả các vị thống đốc tỉnh, chỉ huy các đồn trú, đốc lý và thẩm phán các thành phố và các nhà tu hành đạo Balamôn nổi tiếng về đạo pháp, đều buộc phải về dự đông đủ lễ này. Có những người ở xa đến nỗi phải đi mất bốn tháng trời mới tới kinh đô, dự xong phải mất bốn tháng đi đường nữa mới trở về đến nhà. Người tham dự lễ gồm không biết cơ man nào là dân bản địa, tụ tập trên một cánh đồng rộng, tạo nên một cảnh tượng lạ lùng, người đông nhìn đến hút tầm mắt.

Chính giữa đồng bằng ấy, có một quảng trường rất dài và rất rộng, bốn mặt có những giàn cao. Mặt chính là một khối nhà kiểu giàn giáo cao chín tầng, dựng trên bốn mươi cột, dành riêng cho nhà vua, triều đình, và các vị khách ngoại quốc mà vua cho triều yết mỗi tuần một lần. Bên trong có kê sẵn bàn ghế và được trang hoàng long lẫy. Phía bên ngoài vẽ tranh phong cảnh, có cầm thú, côn trùng, thậm chí vẽ cả ruồi và muỗi, tất cả đều to bằng thật. Ba mặt kia là những giàn cao ít ra bốn hoặc năm tầng, sơn vẽ đại thể như nhau. Những giàn này có cái đặc biệt là có thể cứ mỗi giờ một thì được cho quay quanh trục của nó, để người xem dù đứng một chỗ vẫn nhìn đủ các mặt và cách trang trí ở từng mặt một.

Hai bên quảng trường, cách nhau không xa mấy, xếp hàng một nghìn con voi mang bành đai rực rỡ, trên lưng mỗi con có một bành vuông bằng gỗ thếp vàng dành cho các nhạc công và kịch sĩ ngồi. Vòi voi, tai voi và cả mình voi đều được vẽ những hình thù cổ quái bằng châu sa và bột phấn đủ màu sắc.

Trong tất cả cảnh tượng ấy, điều làm cho hoàng tử Hutexanh khâm phục hơn cả là cảnh một con voi khỏe nhất trong tất cả đàn, nhưng bốn chân lại đứng chụm trên một cái cột chôn thẳng đứng, cao hơn mặt đất chừng hai bộ. Nó cứ đứng chông chênh như vậy rồi theo tiết tấu nhạc mà giờ vùi đánh nhịp. Lại có một con voi khác, cũng không kém to, đứng vắt vẻo trên đầu một cái xà gỗ gác ngang trên cái cọc cao chừng mười bộ; đầu kia xà treo một tảng đá lớn để làm đối trọng. Trước mặt nhà vua và triều đình, chú voi này chơi bập bênh theo điệu nhạc, khớp với nhịp của chú voi kia. Muốn cho con voi bước lên xà gỗ, những người dân, sau khi buộc chặt tảng đá vào đu xà, xúm nhau thật đông vít đầu kia xuống.

Hoàng tử Hutexanh còn có thể lưu lại lâu hơn nữa ở triều đình và vương quốc Bixnaga. Còn cơ man là những điều kỳ thú khác có thể giữ chân chàng một cách thú vị cho tới ngày cuối cùng của thời hạn một năm, mà các hoàng tử giao ước sẽ gặp lại nhau. Nhưng, vì đã hoàn toàn thỏa thuê với những gì mà mình thấy, (và từ khi chàng mua được tám thắm lại càng nung nấu thêm tình yêu cuồng nhiệt đối với Nurunniha), chàng cho rằng về gần nơi nàng ở hơn thì tâm trí mình mới được yên tĩnh hơn vì có vẻ gần gũi với hạnh phúc hơn.

Sau khi thanh toán đầy đủ với người quản lý *khan* số tiền thuê phòng, chàng hẹn người đó đến nhận chìa khóa sẽ treo ở trước cửa phòng, mà không nói rõ mình sẽ ra đi bằng cách nào. Chàng vào buồng, đóng cửa lại, để chìa khóa ở ngoài. Chàng trải tám thắm, rồi cùng viên võ quan theo hầu ngồi lên trên. Tập trung tâm trí lại vừa tỏ ý ước mong một cách nghiêm túc được trở về trú xá, nơi đã hẹn gặp hai hoàng tử em, chàng chợt thấy mình đã tới nơi. Chàng lưu lại đấy, vẫn dưới dạng cải trang thành nhà buôn, chờ hai em trai trở về.

Hoàng tử Ali, người em thứ hai của hoàng tử Hutexanh, vốn có ý định sang Ba Tư để thực hiện ý muốn của phụ vương. Sang ngày thứ ba kể từ khi chia tay nhau, chàng sáp nhập vào một đoàn lữ hành lên đường sang nước ấy. Sau một chuyến đi dài gần bốn tháng, cuối cùng chàng tới Sirazơ, hồi bấy giờ là kinh đô vương quốc Ba Tư. Dọc đường, chàng làm quen và kết bạn với một nhóm nhỏ các nhà buôn và tự xưng mình là người buôn kim hoàn, chàng trợ chung với họ trong cùng một cái *khan*.

Ngày hôm sau, trong khi các nhà buôn khác mải tháo dỡ các hòm hàng hóa của họ, thì hoàng tử Ali chỉ cần bỏ bớt hành trang cho thoải mái, thay áo quần rồi nhờ người dẫn tới khu phố bán ngọc ngà, hàng vàng hàng bạc, gấm vóc lụa là, cùng những thứ hàng hiếm nhất và quý nhất.

Khu phố này rất rộng, xây dựng kiên cố, trên có mái vòm đỡ bằng những cột trụ lớn. Các hiệu buôn dàn ra bốn chung quanh, dọc theo các tường, cả

bên trong lẫn bên ngoài tường, ở Sirazơ, người ta gọi khu này là chợ trời.

Thoạt tiên, hoàng tử Ali đi quanh một lượt. Chàng rất thán phục trước số lượng cực kỳ lớn những hàng hóa quý giá bày ra ở đây. Giữa đám đông những người đi đi lại lại cầm hàng trên tay, vừa đi vừa rao giá, chàng khá ngạc nhiên thấy một người cầm một cái ống bằng ngà voi dài chừng một bộ và chỉ nhỉnh hơn ngón tay cái một chút, thế mà đặt giá những bốn mươi túi tiền. Lúc đầu, chàng cho rằng cu cậu này có vẻ hơi lắm cảm. Để làm sáng tỏ, chàng ghé vào một hiệu buôn, trở người rao hàng và hỏi ông chủ hiệu:

- Thưa ngài, xin ngài vui lòng cho tôi rõ, chàng rao bán cái ống ngà voi kia với giá những bốn mươi túi tiền, có phải là đầu óc hấn ta không được bình thường lắm chăng?

- Thưa ngài, – người chủ hiệu đáp – trừ phi anh ta mới bị mất trí hôm qua, tôi có thể quả quyết với ngài đây là người rao hàng khôn ngoan nhất và được người ta thuê mướn nhiều nhất ở đây. Anh ta là người được tin cậy hơn cả khi có ai muốn nhờ bán một vật gì rất đắt tiền. Còn cái ống ngà voi mà anh ta rao bán những bốn mươi túi ấy, nhất định giá nó là như vậy, mà còn có thể cao hơn nữa là khác, do một đặc điểm nào đấy mà chúng ta chưa rõ. Anh ta sắp quay trở lại đây trong chốc lát. Chúng ta sẽ gọi anh ta vào, và mời ngài sẽ tự hỏi lấy cho rõ. Trong khi chờ đợi, xin mời ngài ngồi nghỉ tạm ở trường kỷ của tôi.

Hoàng tử Ali không từ chối lời mời lịch sự của nhà buôn. Lát sau, người rao hàng quay trở lại. Nghe nhà buôn gọi đúng tên, anh ta tiến đến gần. Trở vào chỗ hoàng tử Ali ngồi, nhà buôn bảo:

- Ngài đây có hỏi cậu có mất trí không, mà đòi tới ba mươi túi tiền một cái ống ngà voi xem ra chẳng có mấy giá trị. Cậu hãy trả lời ngài đi. Chính tôi cũng sẽ rất ngạc nhiên về giá cả đó, nếu không biết trước cậu vốn là một con người khôn ngoan.

Hướng về hoàng tử Ali, người rao hàng đáp:

- Thưa ngài, không phải ngài là người đầu tiên cho tôi là điên, vì chuyện cái ống bằng ngà voi này. Nhưng xin ngài hãy tự suy xét lấy sau khi tôi trình bày ngài nghe đặc tính của nó. Tôi hy vọng lúc ấy ngài cũng sẽ tham gia cuộc bán đấu giá như những người mà tôi đã đưa cho xem, lúc đầu họ cũng nghĩ không đúng về tôi y như ngài vừa rồi.

- Trước hết, thưa ngài, – người rao hàng đưa cái ống cho hoàng tử xem và nói tiếp – xin hãy chú ý cái ống này, mỗi đầu có gắn một tấm kính, mong ngài biết cho rằng hãy nhìn vào một đầu ống và trong lòng mình đang mong muốn được thấy bất kỳ ai, thì sẽ nhìn thấy người đó ngay tức khắc.

- Ta chịu bồi thường danh dự cho anh, – hoàng tử Ali nói – nếu anh giúp

ta thấy đúng như lời anh nói.

Vì đang cầm cái ống trên tay, chàng ngấm nghĩa hai đầu và nói:

- Để ta làm thử!

Người rao hàng chỉ dẫn. Hoàng tử vừa nhìn vào ống vừa nảy ra mong ước được thấy quốc vương Ấn Độ, thì liền trông thấy ngay cha mình đang hoàn toàn khỏe mạnh, ngồi trên ngai, giữa quần thần. Bởi vì sau nhà vua, không còn ai thân thiết với chàng hơn công chúa Nurunniha, tiếp đó chàng ngỏ lòng mong ước muốn thấy nàng, thế là lại nhìn thấy ngay công chúa đang đứng giữa đám người hầu. Hoàng tử Ali không cần có thêm bằng chứng gì nữa để tin chắc cái ống này là vật quý báu nhất thời bấy giờ, không riêng ở kinh đô Sirazơ mà trong khắp cả vũ trụ. Chàng nghĩ rằng, nếu bỏ qua cơ hội không mua, thì chẳng bao giờ còn có thể gặp được một của hiếm hoi như vậy để mang về sau chuyến đi của mình, cho dù chàng có lưu lại mười năm ở Sirazơ hoặc ở những nơi nào khác. Chàng bảo người rao hàng:

- Ta xin rút bỏ ý kiến không đúng của ta hồi nãy, cho rằng hình như anh không được minh mẫn lắm. Nhưng, ta nghĩ anh sẽ hài lòng với cách sửa sai của ta, nếu ta bằng lòng mua cái ống này. Ta sẽ không vui nếu có một người nào khác chứ không phải ta, mua được nó. Vậy anh hãy cho ta rõ, người bán định đúng giá là bao nhiêu. Như vậy, anh khỏi phải vất vả đi đi lại lại, tốn hơn sức rao nhiều hơn nữa, mà chỉ cần về chỗ ta ở, ta sẽ đếm trả cho anh đủ số tiền.

Người rao hàng thề rằng mình được lệnh bán với giá bốn mươi túi tiền; nếu chàng còn chút nghi ngờ, anh ta xin dẫn chàng đến gặp trực tiếp người bán. Hoàng tử tin lời, đưa anh ta đi theo. Về tới *khan* chàng trọ, chàng đếm giao đủ cho anh ta bốn mươi túi tiền bằng tiền tốt, và thế là chàng trở thành người chủ sở hữu cái ống bằng ngà voi.

Mua được vật ấy rồi, hoàng tử Ali cực kỳ vui sướng. Chàng tin chắc hai hoàng tử anh và em của mình không thể nào bắt gặp một vật quý báu như thế này; và như vậy hẳn công chúa Nurunniha sẽ là phần thưởng cho chuyến đi vất vả của mình. Chàng chỉ còn việc tìm hiểu về triều đình nước Ba Tư, mà không để lộ diện. Chàng đi xem những điều kỳ lạ nhất ở Sirazơ và các vùng phụ cận, trong khi chờ đợi có đoàn lữ hành để sáp nhập và lên đường trở lại Ấn Độ. Chàng vừa thỏa mãn sự hiếu kỳ của mình thì cũng vừa lúc có đoàn lữ hành chuẩn bị khởi hành. Hoàng tử liền cùng đoàn lên đường, chuyến đi không gặp bất trắc, trừ những ngày dài đằng đẵng và nổi mệt nhọc đường trường. Chàng may mắn về tới nơi hẹn, ở đây hoàng tử Hutmeh đã tới trước rồi. Hai anh em gặp nhau, cùng nán lại chờ hoàng tử Atmeh.

Hoàng tử Atmeh đã lên đường đi Xamacang. Cũng như hai ông anh, vừa mới tới nơi hôm trước, là hôm sau ra chợ trời ngay. Chàng vừa bước vào

chợ, đã gặp một người rao hàng đi tới, tay cầm một quả táo nhân tạo, và đặt giá ba mươi lăm túi tiền. Chàng giữ anh ta lại và bảo.

- Hãy đưa ta xem quả táo, và hãy nói cho ta biết, do đặc tính kỳ lạ nào mà nó được rao giá cao như thế?

Đặt quả táo vào tay cho chàng xem xét, người rao hàng thưa:

- Thưa ngài, nhìn bề ngoài thì quả táo này chẳng đáng giá bao nhiêu, nhưng xét về tính chất, cách dùng và tác dụng của nó cho lợi ích của con người, thì có thể nói rằng nó vô giá. Chấn chấn người nào sở hữu nó là sở hữu cả một kho tàng. Quả vậy, không một người ốm nào, cho dù bị bệnh tình nguy kịch đến đâu, như sốt kéo dài, sốt phát ban, viêm phổi, dịch hạch hoặc những bệnh khác đại loại, thậm chí đã thập tử nhất sinh, mà quả táo này không chữa khỏi. Người bệnh hoàn toàn phục hồi sức khỏe ngay tức khắc, như thể cả đời chưa từng ốm đau bao giờ. Hơn nữa, cách chữa lại hết sức giản đơn, tức là chỉ cần cho người bệnh ngửi quả táo.

Hoàng tử Atmét nói:

- Theo lời anh thì quả táo này thật có đặc tính diệu kỳ, có thể nó vô giá. Nhưng, một người thật thà như tôi, có thể tôi muốn mua đấy, thì biết căn cứ vào đâu để tin rằng lời giới thiệu của anh là không quá đáng?

- Thưa ngài, – người rao hàng đáp – cả thành phố Xamacăng đều biết và đều chứng thực việc này. Chẳng cần đi đâu xa, xin ngài hãy cứ hỏi các vị thương nhân tụ tập ở đây; ngài sẽ nghe họ nói thế nào. Hơn nữa, chắc ngài còn có thể được nhiều vị cho biết, họ đã không còn sống đến bây giờ nếu không được dùng môn thuốc ấy. Để ngài hiểu tường tận hơn, tôi xin nói thêm, đây là kết quả sau bao nhiêu đêm trường miệt mài nghiên cứu của một vị học giả rất nổi danh ở thành phố này. Suốt đời, ông ta chuyên tìm hiểu những đặc tính của thảo mộc, khoáng chất, và cuối cùng đã đi tới chỗ tổng hợp được cái quả mà ngài trông thấy đây. Nhờ vậy, ông đã chữa khỏi nhiều cơn bệnh kỳ lạ ở thành phố này, khiến cho tiếng tăm của ông trở nên bất hủ. Chẳng may ông qua đời đột ngột đến mức không kịp dùng môn thuốc thần của mình, để lại người vợ góa cùng một đàn con đông với rất ít tài sản. Cuối cùng, bà ta đành phải đi đến chỗ quyết định cho bán vật này đi để đỡ đàn gia đình mẹ góa con côi.

Trong khi người rao hàng trình bày cho hoàng tử Atmét nghe về những đặc tính của quả táo nhân tạo, thì có nhiều người dừng chân và tụ tập chung quanh để nghe, phần đông xác nhận anh ta nói đúng sự thật. Vừa lúc ấy, có một người cho biết, anh ta có một người bạn mắc một cơn bệnh hiểm nghèo hiện đang gần đất xa trời, đây là một cơ hội thuận lợi để làm thực nghiệm tác dụng của quả táo cho hoàng tử Atmét xem. Hoàng tử Atmét liền bảo người rao hàng, mình thuận mua với giá bốn mươi túi tiền, nếu anh ta cho người

bệnh kia ngủi quả táo và chữa lành cho người ấy.

Vốn đã được lệnh bán với giá ấy, người rao hàng đáp:

- Thưa ngài, chúng ta hãy cùng đi làm cuộc thực nghiệm, rồi quả táo sẽ thành vật sở hữu của ngài. Tôi rất tin tưởng như vậy vì chắc chắn lần này nó cũng sẽ có hiệu quả như bao nhiêu lần trước, nó đã đưa trở lại cuộc sống cho bao người từng bước chân vào ngưỡng cõi chết, bởi mắc phải những bệnh tưởng chừng vô phương cứu chữa.

Cuộc thực nghiệm thành công. Hoàng tử, sau khi trả đủ cho người rao hàng bốn mươi túi tiền mua quả táo nhân tạo, rất nôn nóng chờ đoàn lữ hành đầu tiên lên đường trở về đất nước Ấn Độ. Trong khi chờ đợi, chàng dùng thời giờ đi xem những gì đáng gọi sự hiếu kỳ nhất ở Xamacăng và các vùng phụ cận, nhất là ở thung lũng Xôđơ. Thung lũng này vẫn được người A Rập coi là một trong bốn cõi thiên đàng trong hạ giới, bởi vẻ đẹp của những đồng ruộng và vườn cây bao quanh các lâu đài, bởi vị ngon ngọt của đủ loại cây trái, cùng những lạc thú khác mà con người được hưởng ở đây vào mùa đẹp trời.

Hoàng tử Atmét không bỏ lỡ cơ hội theo đoàn lữ hành đầu tiên trở về Ấn Độ. Chàng vượt qua mọi nỗi gian lao của một chuyến đi dài, về tới được trú xá khỏe mạnh bình yên. Ở đây, hai hoàng tử Hutxanh và Ali cũng hoàn toàn sung sức, đang đợi chàng.

Hoàng tử Ali vừa về trước hoàng tử Atmét được ít lâu. Chàng có hỏi hoàng tử Hutxanh, người trở về đầu tiên và được biết anh đã trở về ngót ba tháng nay rồi, chàng ngạc nhiên:

- Vậy ra anh không phải đi xa lắm?

- Bây giờ thì chưa thể nói được với chú nơi ta đến. -Hoàng tử Hutxanh đáp. – Nhưng có thể khẳng định rằng ta phải bỏ mất hơn ba tháng mới đi được tới nơi.

- Nếu vậy thì anh chẳng lưu lại đó ít thời gian lắm sao?

- Hoàng tử Ali lại hỏi.

- Chú em ạ, chú nhầm rồi, – hoàng tử Hutxanh nói

- Anh lưu lại đấy chừng bốn, năm tháng, và tại anh không muốn lưu lại lâu hơn nữa đó thôi.

- Trừ phi là anh từ đó bay về đây, – hoàng tử Ali nói – còn không em không thể nào hiểu nổi, như vậy thì làm sao anh có thể về đây đã hơn ba tháng rồi, như lời anh vừa bảo.

- Anh đã nói sự thật. – Hoàng tử Hutxanh nói tiếp. – Đó là điều bí mật mà anh chỉ giải thích cho chú hay chừng nào hoàng tử Atmét cũng có mặt ở đây.

Lúc đó, anh sẽ cho hai chú biết vật hiếm mà anh mang về từ chuyến đi ấy. Về phần chú, anh không rõ chú mang về được thứ gì, hẳn là ít ỏi lắm, quá vậy, anh thấy hành trang của chú chẳng có gì nhiều nhận thêm.

- Còn anh, đức anh ạ, – hoàng tử Ali đáp – ngoài tấm thảm trông chẳng lấy gì làm đẹp để trên chiếc ghế anh ngồi kia, mà có vẻ như anh vừa tậu được, em nghĩ là em có thể nói với anh câu anh vừa bảo em đó. Nhưng, vì anh có vẻ muốn giữ bí mật vật quý hiếm mới mang về, xin anh vui lòng cho em cũng được làm như vậy về vật quý hiếm em đã mua.

Hoàng tử Hutexanh nói:

- Anh cho là vật hiếm anh mang về đây quý hiếm hơn tất cả mọi vật khác trên đời. Vì vậy anh chẳng khó dễ gì mà không đưa cho chú xem và chỉ cho chú rõ nó hiếm ở chỗ nào. Anh tin rồi chú sẽ đồng tình với anh. Tuy nhiên, nên đợi hoàng tử Atmét, em út của chúng ta, cùng có mặt ở đây thì tốt hơn. Lúc đó ba chúng ta sẽ cho nhau xem những vật báu mà vận may đưa tới cho mỗi người, một cách thoải mái và có tình có lý hơn.

Hoàng tử Ali không muốn tranh luận thêm với anh. Chàng tin rằng nếu đưa cái ông của mình ra khoe thì dù nó không hơn cũng không thể nào kém vật báu của ông anh. Vì vậy chàng thỏa thuận là nên chờ hoàng tử Atmét có mặt, rồi sẽ cùng nhau phô ra luôn một thể.

Khi hoàng tử Atmét về tới nơi, ba anh em thương mến ôm hôn và cùng chúc mừng hạnh phúc được gặp lại nhau ở đúng nơi từng chia tay nhau năm trước. Với tư cách là anh cả, hoàng tử Hutexanh cất lời nói:

- Các em ạ, chúng ta sẽ còn khối thời giờ để thuật cho nhau nghe những điều đặc biệt trong các chuyến đi của mỗi người. Giờ ta hãy nói tới việc quan trọng cần thiết hơn cả. Anh tin rằng các em cũng như anh, còn nhớ rõ mục đích khiến chúng ta phải ra đi. Vậy thì chúng ta chớ nên giấu nhau về báu vật chúng ta mang về. Chúng ta đưa cho nhau xem, rồi cùng nhau cân nhắc trước một cách công bằng, và xem thử rồi phụ vương chúng ta sẽ chuộng vật nào hơn cả.

- Đề nêu gương, – hoàng tử Hutexanh nói tiếp – anh xin nói rằng báu vật mà anh mang về sau chuyến đi đến vương quốc Bixnaga, là tấm thảm anh đang ngồi lên trên đây. Như các em thấy đây, trông nó bề ngoài chẳng có gì đẹp mã, nhưng khi nghe anh trình bày đặc tính của nó rồi, thì các em sẽ cực kỳ thán phục, bởi vì chưa từng nghe ai nói tới một vật như vậy bao giờ, và rồi các em sẽ đồng ý với anh thôi.

Quả vậy, trông nó như vậy đây, nhưng nếu ta ngồi lên trên thảm, y hệt như chúng ta đang ngồi ở chỗ này, và đồng thời nếu ta tỏ ý muốn đi tới một nơi, cho dù xa xôi cách trở tới bao nhiêu, ta cũng sẽ tới được nơi đó ngay tức

khắc. Anh đã làm thực nghiệm trước khi trả đủ bốn mươi túi tiền theo đúng giá của nó, mà chẳng tiếc rẻ gì. Sau khi đã thỏa mãn đầy đủ những điều muốn tìm hiểu về vương quốc Bixnaga, lúc trở về, anh đã chẳng dùng tới xe cộ gì khác ngoài tấm thảm kỳ diệu này, nó đã chở anh và cùng với chú hầu của anh về đây. Chú hầu có thể nói cho các em rõ đã đi mất bao nhiêu thời gian. Anh sẽ làm thực nghiệm cho hai em xem, chừng nào các em thấy thuận tiện. Bây giờ anh chờ đến lượt các em cho biết, có mang được báu vật gì về khá dĩ so sánh với tấm thảm của anh không?

Hoàng tử Hutxanh phô trương sự quý hiếm của tấm thảm mình đến đây là thôi. Hoàng tử Ali liền cất lời, nói với chàng như sau:

- Thưa anh, phải nhận rằng tấm thảm của anh là một trong những vật kỳ diệu nhất mà con người có thể tưởng tượng nên, nếu như nó có đặc tính đúng như anh vừa trình bày, mà riêng em chẳng chút nghi ngờ. Nhưng em xin thú thật rằng còn có nhiều vật khác nữa, em không dám nói hơn nhưng ít ra cũng kỳ diệu ngang tấm thảm, theo một cách khác. Để được anh đồng tình, em xin nói cái ống bằng ngà voi của em đây, trông bề ngoài cũng như tấm thảm của anh, chẳng có vẻ gì là một vật hiếm đáng cho ta chú ý nhiều lắm. Tuy nhiên, em đã phải mua nó không kém tiền tấm thảm của anh, và em cũng hài lòng về việc mua bán ấy chẳng khác gì anh. Người công minh như anh, chắc chắn sẽ đồng tình rằng em đã không bị đánh lừa, một khi anh biết rõ và thực nghiệm đặc tính của nó là cứ nhòm vào đầu ống, mà trong lòng ta lúc ấy muốn nhìn thấy ai, khắc sẽ trông thấy người đó ngay lập tức.

Đưa cái ống bằng ngà cho anh, hoàng tử Ali nói tiếp:

- Em không muốn anh chỉ tin lời em nói mà thôi, cái ống đây, xin anh thử nhìn xem có phải em muốn ép anh phải tin lời em hay không.

Hoàng tử Hutxanh đón cái ống ngà voi từ tay hoàng tử Ali. Muốn nhìn thấy công chúa Nurunniha và xem sức khỏe nàng hiện nay thế nào, chàng ghé mắt nhòm vào một đầu ống. Hai hoàng tử Ali và Atmét, đang dán mắt vào anh, đều cực kỳ ngạc nhiên thấy chàng đột ngột biến sắc, biểu lộ sự ngạc nhiên cực kỳ cùng nỗi buồn sâu sắc. Không để cho các em kịp hỏi, hoàng tử Hutxanh kêu lên:

- Các em ơi, thật uổng công cho ba anh em ta đã làm một chuyến đi vất vả đường này, với niềm hy vọng sẽ được thưởng công là mình sẽ kết hôn cùng nàng Nurunniha xinh đẹp. Nàng công chúa đáng yêu ấy không còn sống được bao lâu nữa. Anh vừa trông thấy nàng nằm trên giường bệnh, chung quanh các người hầu và bọn hoạn nô đang đầm đìa nước mắt, có vẻ như đang chờ nàng trút hơi thở cuối cùng. Đây, hai em hãy nhìn xem nàng trong tình trạng thảm thương ấy, và hãy cùng nhỏ nước mắt khóc nàng, giống như anh.

Hoàng tử Ali đón chiếc ống ngà từ tay hoàng tử Hutxanh và nhìn vào; chàng trao tiếp chiếc ống cho hoàng tử Atmét, để cùng được nhìn thấy cảnh tượng đáng buồn quan hệ đến cả ba người.

Sau khi đón cái ống ngà voi từ tay hoàng tử Ali, nhìn vào và trông thấy rõ công chúa Nurunniha sắp tới lúc từ già cõi trần, hoàng tử Atmét liền cất lời, thưa với hai anh:

- Thưa các anh, đúng là công chúa Nurunniha, niềm ước mơ của chúng ta, hiện đang trong tình trạng thập tử nhất sinh. Nhưng, theo như em biết, chỉ cần chúng ta đừng để mất thời gian, nếu về kịp vẫn còn có cách cứu nàng khỏi phút giây tai hại này.

Thế là hoàng tử Atmét rút từ túi áo mình ra quả táo nhân tạo, đưa cho hai ông anh xem, và nói:

- Quả táo hai anh thấy đây cũng tốn cho em bằng số tiền các anh đã dùng để mua tấm thảm hoặc cái ống bằng ngà trong chuyến đi của các anh. Hiện đang có cơ hội để các anh thấy đặc tính diệu kỳ của nó. Xin nói ngay để các anh khỏi chờ đợi, đặc tính ấy là đưa quả táo này cho một người bệnh ngủ, dù người đó đang hấp hối, bệnh cũng sẽ thuyên giảm ngay tức khắc. Em tin chắc như vậy vì đã tự mình làm thực nghiệm, và em có thể lại thử cho các anh thấy ngay hiệu quả, qua việc cứu chữa cho công chúa Nurunniha, nếu chúng ta cùng khẩn trương lên để kịp cứu sống nàng.

- Nếu quả như vậy thì, – hoàng tử Hutxanh nói – không có cách nào nhanh bằng cách dùng tấm thảm của anh để chở cả ba anh em ta đến ngay trong phòng riêng của công chúa. Chớ để mất thời giờ, hai em hãy xích lại và cùng ngồi lên trên tấm thảm y như anh đây. Nó đủ rộng để cho cả ba ta cùng ngồi thoải mái. Nhưng, trước tất cả mọi sự, hãy truyền cho mấy tên hầu hãy lên đường trở về ngay và bảo chúng tìm gặp anh em ta ở hoàng cung.

Lệnh vừa nói được truyền cho những người hầu.

Hoàng tử Ali và hoàng tử Atmét đến ngồi lên trên tấm thảm cùng với hoàng tử Hutxanh.

Vì cùng có một mối quan tâm như nhau, ba người cùng ngỏ ý muốn được đến buồng công chúa Nurunniha. Ước mong của họ được thực hiện nhanh chóng tới mức trong nháy mắt đã đến nơi muốn đến, mà chẳng ai nhận ra mình đã rời khỏi trú xá như thế nào.

Sự xuất hiện đột ngột, chẳng ai chờ đợi của ba hoàng tử làm cho những người hầu và hoạn nô của công chúa hoảng hốt, không rõ bằng phép thần nào mà ba chàng cùng hiện ra giữa bọn họ như vậy. Lúc đầu, chưa ai nhận ra ngay. Bọn hoạn nô tưởng như sắp phải bỏ nhào vào ba hoàng tử, mà họ coi như những người tự tiện đột nhập một nơi không ai được phép tới gần.

Nhưng chúng đã nhanh chóng nhận diện được các ông hoàng.

Hoàng tử Atmét vừa thấy mình ở trong phòng riêng của công chúa và thấy nàng sắp qua đời, vội đứng lên khỏi tấm thảm cùng một lúc với hai ông anh. Chàng tiến tới gần giường và đặt quả táo thần dưới mũi nàng.

Lát sau, công chúa mở mắt, quay đầu ra hai bên, nhìn những người đang vây quanh, rồi ngồi nhồm dậy đòi thay áo, vệ thoải mái và tỉnh táo y hệt như vừa tỉnh dậy sau một giấc ngủ dài. Những người hầu đều vui mừng nhận thấy, chính nhờ ba hoàng tử, đặc biệt là hoàng tử Atmét, cho nên nàng mau chóng và đột ngột bình phục sức khỏe như vậy. Vì nàng đòi đi thay áo, các hoàng tử đành bằng lòng bày tỏ vắn tắt với nàng niềm vui sướng được về đúng lúc, để góp phần, mỗi người theo cách của mình, đưa nàng thoát khỏi hiểm nghèo. Ba chàng nồng nhiệt chúc nàng mạnh khỏe sống lâu, sau đó cả ba cùng lui ra.

Trong khi công chúa thay áo, ba hoàng tử rời phòng nàng đến quỳ lạy trước ngai vàng chào vua. Nhà vua đã được viên trưởng hoạn nô của công chúa trình bày, các hoàng tử đã trở về mà không báo trước và đã chữa khỏi bệnh cho công chúa bằng cách nào. Vua ôm hôn các con vui mừng khôn xiết, bởi cùng một lúc vừa thấy họ trở về vừa hay tin công chúa mà vua quý như chính con gái đẻ của mình, đã bình phục sức khỏe một cách kỳ diệu, sau khi tất cả các thầy lang đều đã bó tay.

Sau những lời chào hỏi, chúc tụng lẫn nhau như thường lệ, từng hoàng tử trình lên vua báu vật họ mang về. Hoàng tử Hutexanh trình tám tấm, mà chàng đã cẩn thận mang theo khi ra khỏi buồng công chúa; hoàng tử Ali, chiếc ống bằng ngà voi; và hoàng tử Atmét, quả táo nhân tạo. Sau khi mỗi người giới thiệu đặc tính báu vật của mình dâng tận tay cha, họ cùng xin Người cho biết, vật nào quý hơn cả. Và làm như vậy cũng tức là tuyên bố gả nàng công chúa Nurunniha cho ai, như lời hứa của Người đã hứa năm trước.

Vua nước Ấn Độ, sau khi hiền từ lắng tai nghe các hoàng tử trình bày hết mọi đặc tính hay ho của những báu vật họ mang về mà không ngắt lời, mà chính vua cũng đã nhìn thấy rõ qua việc họ cùng chữa bệnh cho công chúa, im lặng hồi lâu, như thể đang suy nghĩ xem nên trả lời thế nào. Cuối cùng, vua cất tiếng, nói lên những lời khôn khéo sau đây:

- Các con à, nếu cha có thể làm một cách công minh, thì cha đã tuyên bố con nào được rồi. Nhưng, tự các con hãy xem xét cha có thể làm như vậy được hay chẳng. Hoàng tử Atmét à, đúng là công chúa cháu gái cha nhờ có quả táo nhân tạo con mang về mà lành bệnh; nhưng ta hỏi con, con có thể chữa bệnh cho em con được chẳng nếu trước đó không nhờ có cái ống ngà voi của hoàng tử Ali cho biết em con đang mắc bệnh hiểm nghèo, và nếu không có tám tấm của hoàng tử Hutexanh kịp đưa con về để cứu em con chóng vánh như vậy? Còn con, hoàng tử Ali à, nhờ có cái ống bằng ngà voi của con, ba anh em con mới được biết công chúa sắp qua đời, và như vậy, phải nhận rằng em con chịu ơn con nhiều lắm. Nhưng con cũng phải nhận rằng, biết như vậy cũng bằng vô ích thôi, nếu không có quả táo nhân tạo và tám tấm bay. Và cuối cùng, hoàng tử Hutexanh con cả của ta ơi, công chúa sẽ là một người vong ân bội nghĩa nếu không tỏ rõ lòng chịu ơn con vì tám tấm, nó rất cần thiết để cứu sống em. Nhưng, con cũng phải nhận rằng, nó sẽ chẳng có tác dụng gì vào chuyện ấy, nếu như không nhờ cái ống ngà voi của hoàng tử Ali cho biết rằng em con đang bị bệnh, và không có quả táo nhân tạo của hoàng tử Atmét để chữa cho em con lành. Như vậy là cả tám tấm bay, cái ống ngà voi và quả táo nhân tạo, không vật nào có tác dụng hơn vật nào mà ngược lại, đều có phần đóng góp bằng nhau, cho nên cha không thể gả công chúa Nurunniha cho bất cứ một người nào. Và tự các con cũng thấy đấy, kết quả duy nhất mà các con mang về sau chuyến đi, là vinh

hạnh được góp phần ngang nhau trong việc phục hồi sức khỏe cho công chúa.

Nếu quả đúng như vậy, – nhà vua nói tiếp – các con hẳn đều thấy rằng cha phải tìm một con đường khác để đi tới quyết định chọn một người nào đó trong ba con. Vì cũng còn lâu mới đến tới, cha muốn làm việc đó ngay bây giờ. Vậy thì các con hãy đi đi, hãy cầm lấy cung tên và đi ra ngoài thành phố, tới bãi quần ngựa. Cha cũng sửa soạn đi tới đó ngay; cha tuyên bố sẽ gả công chúa Nurunniha cho người nào trong các con bắn tên đi xa nhất.

Ngoài ra, cha không quên cảm ơn tất cả ba con nói chung và riêng từng con một, về những tặng phẩm mang về cho cha. Cha có rất nhiều báu vật, song không có một thứ nào có thể sánh với sự độc đáo của tấm thảm bay, cái ống ngà voi và quả táo nhân tạo. Ba vật này làm giàu thêm kho báu của cha, và sẽ cùng giữ vị trí hàng đầu. Cha sẽ giữ gìn trân trọng các vật đó không phải chỉ vì sự hiếm kỳ, mà còn vì tác dụng có lợi nhiều mặt của nó.

Ba hoàng tử chẳng có gì để thừa lại về quyết định vừa rồi của nhà vua. Khi họ bước ra khỏi cung, người ta đưa cho mỗi người một cái cung và một mũi tên. Các hoàng tử giao cung tên lại cho một trong số quan hầu của mình vừa tụ tập lại khi nghe tin họ đã trở về, rồi cùng nhau đến bãi quần ngựa, ở đây đã có một đám dân chúng theo xem, đông không thể nào kể xiết.

Nhà vua cũng không để mọi người phải chờ lâu. Vua vừa tới nơi, hoàng tử Hutexanh với tư cách con cả, cầm cung tên và bắt đầu. Kế đó là hoàng tử Ali, mũi tên của chàng bay xa hơn tên của hoàng tử Hutexanh. Hoàng tử Atmét bắn sau cùng, song mũi tên của chàng mất hút chẳng ai nhìn thấy đâu. Người ta xô tới, người ta tìm kiếm, nhưng cho dù cần mẫn đến mấy, và bản thân hoàng tử Atmét cũng chịu khó tìm nữa, vẫn không thấy mũi tên ở đâu, dù xa dù gần. Có thể nghĩ rằng chàng là người bắn đi xa nhất, và như vậy là xứng đáng được lấy công chúa Nurunniha. Tuy nhiên cần phải tìm cho thấy mũi tên thì mới coi như sự việc rõ ràng và chắc chắn. Chàng phân phó đến thế nào nhà vua vẫn một mực cho hoàng tử Ali thắng cuộc. Thế là nhà vua truyền cho chuẩn bị thật trọng thể, và ít lâu sau, lễ thành hôn được tổ chức hết mực huy hoàng.

Hoàng tử Hutexanh không dự lễ ấy. Vốn say mê công chúa Nurunniha rất chân thành, tha thiết chàng cảm thấy không đủ kiên nhẫn chịu đựng nỗi đau buồn thấy nàng thành thân với hoàng tử Ali, mà chàng cho là, so với mình, không xứng đáng hơn, cũng như không phải yêu nàng trọn vẹn hơn. Hơn nữa, chàng còn cảm thấy buồn chán đến nỗi rời bỏ triều đình, khước từ quyền thừa kế ngai vàng. Chàng bỏ đi tu theo một dòng tu có rất đông người theo, nổi tiếng về đạo đức mẫu mực, sống xa lánh cuộc đời.

Cùng một nguyên nhân giống như hoàng tử Hutexanh, hoàng tử Atmét

không dự lễ thành hôn của hoàng tử Ali và công chúa Nurunniha. Nhưng chàng không từ bỏ cuộc đời như người anh cả. Vì không làm sao hiểu nổi do đâu mũi tên chàng bắn đi mất tăm, chàng quyết định giấu người nhà, một mình đi tìm, để tự mình khỏi áy náy. Chàng tới nơi đã nhặt được hai mũi tên của hoàng tử Hutxanh và hoàng tử Ali bắn. Từ chỗ ấy, cứ nhằm phía trước mà đi, mắt chăm chú nhìn sang bên trái bên phải, chàng đi thật xa mà vẫn không tìm thấy, sắp tới lúc nghĩ rằng mình đến vát vả vô ích mà thôi. Tuy nhiên, mặc dù không muốn, chàng vẫn tiếp tục bước đi đến tận những lèn đá rất cao, mà muốn đi xa hơn nữa thì chỉ có thể đi vòng chứ không vượt qua núi được. Những núi đá hiểm trở này ở vào một nơi căn cỗi, cách nơi chàng bắt đầu ra đi chừng bốn dặm.

Tới gần dãy núi đá, hoàng tử Atmét chợt trông thấy một mũi tên. Nhặt lên, xem xét, chàng cực kỳ ngạc nhiên thấy đúng là mũi tên mình đã bắn. “Đúng nó đây rồi, -chàng nghĩ thầm – nhưng không riêng ta mà bất kỳ người nào sống trên đời này cũng không đủ sức bắn tên đi xa như vậy.” Vì thấy nó nằm ngang chứ không cắm mũi vào đất, chàng nghĩ hắn nó va vào đá và rồi bay trở lại. Chàng lại tự bảo: “Hắn có điều gì bí ẩn trong một việc kỳ dị thế này, và điều bí ẩn ấy chỉ có thể có lợi cho ta mà thôi. Số mệnh, sau khi làm cho ta đau khổ bằng cách tước đoạt mất một người mà ta hy vọng sẽ làm nên hạnh phúc cả đời mình, nay có lẽ dành một vật khác để an ủi ta chăng.”

Suy nghĩ như vậy rồi, vì dãy núi đá chỗ thì nhô ra chỗ thì thụt vào thành hẻm, hoàng tử liền đi sâu vào một trong những hẻm ấy. Đưa mắt nhìn các góc ngách, chợt chàng trông thấy một cánh cửa bằng sắt, có vẻ như không khóa. Chàng sợ cánh cửa đóng chặt, nhưng vừa đẩy, nó đã mở vào bên trong, để hiện ra một lối xuống thoải thoải, không có bậc cấp. Chàng theo đó đi xuống, tay vẫn cầm mũi tên. Chàng ngỡ mình sắp vào một nơi tối om, nhưng chẳng mấy chốc lại có ánh sáng, khác hẳn thứ ánh sáng ngoài trời. Đi chừng năm, sáu mươi bước vào một quãng rộng, chàng nhận thấy một tòa lâu đài tráng lệ, mà chàng cũng chẳng kịp có thời giờ để ngắm nghía cách kiến trúc rất đẹp. Quả vậy, vừa lúc ấy, một người đàn bà vẻ người và dáng đi đường bệ, đẹp đến mức những xiêm y sang trọng nàng đang mặc cùng những ngọc ngà châu báu đang đeo trên người cũng chẳng làm tôn thêm được một chút gì, bước ra tiền sảnh, theo sau là một đám đông phụ nữ cũng đẹp cũng sang đến khó phân biệt ai là bà chủ.

Vừa trông thấy người đàn bà, hoàng tử Atmét rào bước tới định làm lễ chào. Về phần nàng, thấy chàng bước tới, nàng vội cất cao giọng chào trước:

- Thừa hoàng tử Atmét, mời chàng tiến vào, chúng tôi xin nghênh tiếp.

Hoàng tử không khỏi kinh ngạc khi nghe gọi đúng tên mình ở một xứ chưa bao giờ mình nghe ai nói tới, tuy là ở sát bên kinh đô của phụ vương,

chàng không hiểu do đâu người đàn bà không quen này lại biết chàng. Cuối cùng, tới gần, chàng quỳ gối thi lễ rồi đứng lên nói:

- Thưa bà, tôi sợ mình đã thiếu cần trọng khi, vì hiếu kỳ, mà dấn bước vào một nơi chưa quen biết, xin hết lòng cảm tạ bà đã ngỏ lời hoan nghênh. Nhưng không rõ tôi có thiếu lịch sự hay không, khi dám hỏi do đâu bà biết tôi, mà bà vừa gọi đúng tên, trong khi mãi đến bây giờ tôi mới được biết bà, dù chúng ta ở khá gần nhau?

- Thưa hoàng tử, – người đàn bà đáp – xin mời chàng quá bộ vào phòng khách, để cho chàng cũng như tôi cùng được thoải mái hơn. Rồi tôi sẽ trả lời câu hỏi của chàng.

Nói xong, nàng tiến lên trước, dẫn chàng vào một phòng khách. Cách kiến trúc kỳ diệu, trần uốn thành vòm được trang trí bằng vàng và sơn màu thanh thiên, bàn ghế cực kỳ quý giá; tất cả những thứ đó đối với chàng mới mẻ và đáng phục đến nỗi chàng thốt lên là chưa bao giờ nhìn thấy một phòng khách đẹp thế này, và không sao tin được là có một nơi nào khác sánh bằng. Nàng nói:

- Tuy vậy, tôi xin thưa rằng đây là căn buồng kém nhất trong cung của tôi. Hẳn chàng sẽ đồng ý như vậy sau khi xem qua tất cả các phòng.

Nàng bước vào phòng khách, ngồi lên một trường kỷ, mời chàng ngồi xuống bên cạnh, rồi nói:

- Thưa hoàng tử, chàng ngạc nhiên sao tôi biết chàng mà chàng lại chưa biết tôi. Một khi chàng đã rõ tôi là ai thì sẽ không còn lấy làm lạ nữa. Hẳn chàng chẳng lạ chi một điều, mà tôn giáo của chàng hằng dạy bảo, ấy là trên thế gian này có người mà cũng có cả thần linh. Tôi là con gái của một trong những thần linh nổi tiếng và có pháp thuật cao cường nhất. Tên tôi là Pari Banu. Như vậy, hẳn chàng hết ngạc nhiên vì sao tôi biết chàng, phụ vương chàng, các hoàng tử và cả công chúa Nurunniha. Tôi biết rõ mối tình cũng như chuyến đi của chàng, mà tôi có thể thuật lại đúng mọi chi tiết, vì chính tôi đã sai người mang bán quả táo nhân tạo mà chàng mua được ở Xamacăng, cũng như tâm thảm bay mà hoàng tử Hutexanh tậu ở Bixnaga, cùng cái ống bằng ngà voi mà hoàng tử Ali mang về từ Sirazơ. Chừng ấy đủ để chàng hiểu rằng không có việc gì liên quan tới chàng mà tôi không hay biết. Duy có mỗi điều tôi nói thêm, là tôi thấy chàng xứng đáng với một số mệnh được hưởng hạnh phúc lớn hơn là kết hôn cùng công chúa Nurunniha. Để được như vậy, lúc chàng bắn mũi tên mà chàng đang cầm ở tay kia, tôi có mặt ở trường bắn. Biết trước nó không thể bay xa hơn mũi tên của hoàng tử Hutexanh bắn, tôi đã hất tung nó lên trời và đẩy nó bay tới tận núi đá, ở chỗ chàng vừa tìm lại được. Giờ chỉ còn tùy thuộc ở chàng có lợi dụng cơ hội đó để được hạnh phúc hơn hay không mà thôi.

Vì tiên nữ Pari Banu nói câu cuối này với một giọng khác hẳn, vừa nói vừa âu yếm nhìn hoàng tử Atmét rồi đỏ mặt ngó xuống, chàng chẳng khó khăn gì mà không hiểu được nàng nói đến hạnh phúc nào. Chàng nhận ra ngay, giờ đây công chúa Nurunniha không còn có thể thuộc về mình nữa, mà tiên nữ Pari Banu thì vô vàn hơn hẳn về nhan sắc, xiêm y, đồ trang sức cũng như trí thông minh siêu việt và của cải vô biên. Chỉ nhìn qua sự tráng lệ của cung điện này đã đủ rõ. Chàng cảm tạ cái lúc chợt nảy ra ý nghĩ đi tìm lại một lần thứ hai mũi tên đã bắn. Chợt cảm thấy dấy lên trong lòng tình cảm ấm nồng đối với người mới gặp, chàng nói:

- Tôi sẽ tự cho mình là người trần thế hạnh phúc nhất trên đời, nếu như suốt đời được làm kẻ nô lệ của bà, được mãi mãi ngắm dung nhan kiều diễm đang làm tôi mê mẩn. Xin hãy tha thứ cho tôi dám bạo gan ngỏ lời khẩn cầu ấy, và xin chớ khước từ không cho một hoàng tử tha thiết với bà như tôi được tiếp cận.

- Thừa hoàng tử, xưa nay tôi vẫn được cha mẹ cho phép hoàn toàn làm chủ mọi quyết định của mình. Vì vậy tôi không nhận hoàng tử tiếp cận gia đình tôi như một người nô lệ, mà như chủ nhân của con người tôi, của tất cả những gì tôi có và có thể có, nếu chàng đồng ý thề lấy tôi làm vợ. Tôi hy vọng chàng không cho rằng tôi là phụ nữ mà nói điều ấy ra trước, là thiếu tế nhị. Tôi đã nói là tôi được làm chủ mọi quyết định của mình. Xin nói thêm, các tiên nữ xử sự với đàn ông không giống như thái độ thương tình của đàn bà nơi trần giới, ở đó phụ nữ vốn không có thói quen tỏ tình trước, cho rằng làm như vậy là một điều đáng hổ thẹn. Các tiên nữ chúng tôi thì nghĩ thế nào tự mình nói ra trước thế ấy, và người ta phải biết ơn chúng tôi về việc đó.

Hoàng tử Atmét lặng yên không đáp lời tiên nữ vừa nói. Chàng nghĩ không có cách gì tỏ rõ lòng cảm kích sâu sắc của mình hơn là tiến tới hôn gấu áo nàng. Tiên nữ không để cho chàng kịp làm. Nàng chìa tay cho chàng hôn. Chàng liền nắm lấy, siết chặt và đặt môi lên. Tiên nữ hỏi:

- Hoàng tử Atmét, chàng có đồng ý thề, cũng như em thề không, là chúng ta sẽ thành hôn?

- Ôi! Thừa bà, – hoàng tử Atmét mừng rỡ nói – còn gì có thể làm cho tôi thích thú hơn việc đó. Vâng, hỡi bà hoàng của tôi, tôi xin thề hiến dâng trọn vẹn trái tim của tôi cho nàng.

- Nếu như vậy thì chàng là chồng em và em là vợ chàng. Trong tiên giới chúng tôi, các cuộc hôn nhân chỉ có vậy thôi, chẳng có nghi lễ gì khác. Nhưng nó dứt khoát và không bao giờ tan vỡ như ở dưới trần, dù ở dưới ấy, có thêm thật nhiều nghi thức rườm rà. Bây giờ, – nàng nói tiếp, – trong khi người ta sửa soạn tiệc cưới của chúng mình tối hôm nay, mà không thì có vẻ suốt ngày chưa uống ăn gì, xin mời chàng dùng tạm một bữa nhẹ. Sau đó

mời chàng đi xem thử ý kiến của em nói rằng căn phòng này là gian kém nhất trong nhà có đúng hay không.

Một vài người hầu của tiên nữ có mặt trong phòng khách lúc ấy, hiểu rõ ý muốn của chủ, liền đi ra, và lát sau trở lại mang vào một số món ăn nhẹ cùng rượu tuyệt vời.

Sau khi hoàng tử Atmét đã ăn uống vừa đủ rồi, tiên nữ Pari Banu dẫn chàng đi từ phòng này sang phòng khác, đâu đâu chàng cũng thấy kim cương, hồng ngọc, bích ngọc và đủ loại đá quý, được dùng cùng với ngọc trai, mã não, vân thạch, vân ban thạch và đủ loại cẩm thạch quý nhất, chưa nói tới bàn ghế, đồ đạc đắt tiền không thể nào ước lượng nổi, tất cả được sử dụng rộng rãi một cách kỳ lạ. Chàng thú thật chưa bao giờ được thấy một cảnh giống thế này.

Tiên nữ bảo chàng:

- Thừa hoàng tử, chàng ngợi ca quá đáng lâu đài của em, tuy nó cũng khá đẹp thật đấy, nhưng chàng sẽ nói như thế nào khi nhìn thấy cung điện của những vị đứng đầu các thần linh, nó đẹp hơn, rộng rãi hơn và huy hoàng hơn rất nhiều? Em cũng có thể mời chàng đi xem cảnh đẹp khu vườn của em. Nhưng xin để vào một dịp khác, trời sắp tối rồi, đã đến lúc chúng ta dùng bữa. Căn phòng tiên nữ Pari Banu mời chàng vào, đã bày sẵn tiệc, chính là gian cuối cùng chàng chưa xem trong lâu đài, nó không hề kém một phòng nào đã thấy. Vừa bước vào, chàng đã khâm phục ánh sáng của cơ man là đèn nến thoang thoang mùi trầm hương, đèn tuy nhiều đấy nhưng không làm rối mắt vì được sắp xếp cân đối, nhìn rất thích. Một tủ lớn đựng chén bát toàn bằng vàng, mà sự gia công chế tác còn quý hơn cả chất liệu.

Nhiều tốp nữ ca sĩ, cô nào cũng đẹp như tiên và ăn mặc rất sang trọng bắt đầu vừa hát vừa đàn, du dương trầm bổng như chàng chưa từng được nghe bao giờ. Hai người ngồi vào bàn. Tiên nữ Pari Banu chú ý đưa từng món ngon nhất, lần lượt giới thiệu tên gọi và mời chàng dùng. Còn hoàng tử thì chưa bao giờ nghe nói tới tên gọi, và thấy món nào cũng tuyệt diệu, cứ luôn miệng khen, cho rằng các món ăn của thần tiên quả hơn những thức vẫn dùng nơi trần thế. Đến khi dùng rượu, chàng cũng ngỏ ý như vậy. Rồi tới lúc tráng miệng, thì loại trái cây hoặc bánh ngọt nào cũng không chê vào đâu được.

Sau bữa ăn, tiên nữ Pari Banu và hoàng tử Atmét rời bàn tiệc, bàn được dọn đi ngay tức khắc. Hai người ngồi xuống trường kỷ đầy tiện nghi, lưng tựa vào những chiếc gối bọc lụa hoa màu sắc rực rỡ, được thêu tay một cách cực kỳ tinh xảo. Lập tức một số rất đông thần linh và tiên nữ ủa vào phòng và bắt đầu một cuộc khiêu vũ kỳ lạ nhất. Họ cứ tiếp tục mãi như vậy cho tới khi tiên nữ Pari Banu cùng hoàng tử Atmét đứng lên. Thế là, vẫn tiếp tục

nhảy múa, họ ra khỏi phòng, đi trước đôi vợ chồng mới cưới, đưa tới tận nơi sẽ động phòng hoa chúc. Họ xếp thành hai hàng trước cửa, để cho đôi vợ chồng mới cưới đi qua giữa mà vào buồng, sau đó họ rút lui để cho chàng rể và cô dâu nghỉ.

Lễ cưới lại tiếp tục ngày hôm sau, hay đúng hơn, những ngày tiếp sau hôm cưới là một lễ hội kéo dài liên miên, trong đó luôn luôn thay đổi món ăn các buổi yến tiệc, chương trình hòa nhạc, nhảy múa, diễn tuồng, trò chơi mỗi lần mỗi khác và mỗi kỳ lạ đến nỗi hoàng tử Atmét, cho dù có sống cả nghìn năm trong cuộc đời trần thế, cũng không thể nào tưởng tượng được hết ý định của tiên nữ không chỉ là biểu lộ với hoàng tử tình yêu chân thành và nồng nhiệt của mình. Nàng còn muốn qua đó cho chàng thấy rằng, chẳng có thể mong ước gì hơn thế này ở triều đình của phụ vương chàng cũng như bất cứ nơi nào trên trái đất, ấy là chưa nói tới sắc đẹp và vẻ kiêu diễm của chính nàng. Vậy thì chàng sẽ chẳng có thể tìm ở đâu điều gì có thể so sánh với hạnh phúc chàng được hưởng bên cạnh nàng, do đó sẽ gắn bó trọn vẹn và không bao giờ rời xa nàng. Nàng thành công trong ý đồ đó. Tình yêu của hoàng tử không hề giảm bớt sau khi lấy được nàng. Ngược lại, nó tăng lên tới mức cho dù nàng có thôi không yêu chàng nữa, thì chàng cũng không thể bớt yêu nàng.

Sau sáu tháng, hoàng tử Atmét, vốn là người xưa nay rất yêu kính vua cha, nảy ra ý rất mong muốn được biết tin tức của Người. Trong một buổi nói chuyện, chàng ngỏ ý với tiên nữ Pari Banu, xin được vắng nhà. Lời chàng làm tiên nữ hoảng hốt, nàng e rằng đấy chỉ là một cái cớ để chàng từ bỏ nàng mà đi mãi mãi.

- Em có làm điều gì khiến chàng không bằng lòng, mà chàng ngỏ lời như vậy? Có thể nào chàng không yêu em nữa, người vẫn yêu chàng tha thiết? Qua thái độ của em, hẳn chàng đã tin chắc điều đó chứ?

- Bà hoàng của tôi ơi, – hoàng tử Atmét đáp – tôi tuyệt đối tin tưởng tình yêu của nàng, và tự tôi sẽ làm cho mình không xứng đáng với mối tình ấy nếu không tỏ lòng cảm kích bằng một tình yêu tương ứng. Nếu nàng bị phạt ý vì lời yêu cầu của tôi, thì xin nàng hãy tha thứ, tôi sẵn sàng sửa chữa sai lầm của mình. Tôi không ngỏ lời yêu cầu vừa rồi để làm phật lòng nàng, mà duy nhất chỉ vì kính yêu phụ vương tôi. Tôi biệt tích lâu thế này chắc hẳn Người buồn lắm. Tôi e rằng Người còn buồn phiền nhiều nữa vì có thể nghĩ rằng tôi không còn sống trên đời này. Tôi chỉ muốn làm cho cha tôi khỏi nỗi lo âu. Nhưng, nếu nàng không chấp nhận cho tôi an ủi Người, thì tôi cũng chiều theo ý nàng, trên đời không có việc gì tôi không sẵn sàng làm để vui lòng nàng.

Hoàng tử Atmét không che giấu tình cảm chân thành của mình đối với tiên

nữ, đúng như chàng vừa thổ lộ. Chàng thôi không nài nỉ đi thăm phụ vương nữa. Tiên nữ tỏ ra cực kỳ hài lòng về sự tuân phục ấy. Tuy nhiên chàng không thể nào từ bỏ dứt khoát ước mong của mình. Chàng cố tình thỉnh thoảng lại nói cho nàng nghe về những điều tốt đẹp vua cha đã làm đối với mình, với niềm hy vọng là cuối cùng nàng sẽ nhượng bộ.

Đúng như hoàng tử Atmét suy đoán, giữa những cuộc vui nhân dịp lễ thành hôn của hoàng tử Ali lấy công chúa Nurunniha, vua nước Ấn Độ rất buồn phiền về sự ra đi của hai con trai. Vua vừa được biết quyết định của hoàng tử Hutxanh từ bỏ cuộc sống thế tục, cùng nơi chàng vui vẻ ăn dật. Là một người cha tốt, vua vẫn cho rằng không có gì hạnh phúc hơn được các con quây quần chung quanh, nhất là những đứa con xứng đáng với tình thương yêu của mình. Vì vậy, vua những muốn hoàng tử ở lại triều đình, sớm hôm bên cạnh. Tuy nhiên vì không thể không tán thành con đường xuất gia mà hoàng tử đã tự chọn, vua đành kiên nhẫn chịu đựng sự vắng mặt của chàng. Riêng đối với hoàng tử Atmét, vua sai tìm đủ phương sách để biết được tin tức. Nhiều phái viên được cử về các tỉnh trong khắp nước, truyền cho các quan thống đốc nếu gặp thì giữ chàng lại và đưa chàng trở lại triều đình. Nhưng mọi phương sách đều không mang lại kết quả mong muốn. Nỗi buồn phiền của vua vì vậy không giảm bớt mà chỉ có tăng thêm.

Nhiều lần, vua tâm sự với tể tướng:

- Tể tướng à, khanh biết rằng Atmét là hoàng tử được ta thương yêu nhất, và khanh cũng không lạ gì những biện pháp mà ta đã cho thi hành để cố tìm cho được chàng, nhưng vô hiệu. Nếu khanh có lòng thì hãy chăm lo nhiều cho ta trong việc này.

Tể tướng vốn rất thân cận với nhà vua cũng như mẫn cán trong công việc cai quản đất nước. Trong khi nghĩ cách đỡ gánh nặng cho vua, chợt nhớ đến một phù thủy vẫn được nhiều người ca ngợi có lắm phép thần.

Ông khuyên vua nên mời phù thủy đến hỏi ý kiến. Được vua chấp nhận, tể tướng cho người đi mời, rồi tự mình dẫn đến hầu vua.

Vua nói:

- Sự phiền muộn của ta về nỗi vắng hoàng tử Atmét kể từ lễ thành hôn của hoàng tử Ali với công chúa Nurunniha, mọi người đều đã rõ, ta chắc bà cũng chẳng lạ. Với pháp thuật và tài nghệ của bà, bà có thể cho ta biết con trai ta hiện ra sao chẳng? Nó còn sống không? Hiện đang ở đâu? Đang làm gì? Ta có hy vọng gặp lại hoàng tử Atmét nữa hay không?

Để thỏa mãn điều vua ngỏ lời, phù thủy đáp:

- Tâu bệ hạ, cho dù tôi có tài giỏi đến đâu, cũng không thể trả lời ngay tức khắc câu hỏi của Người. Nhưng nếu Người vui lòng cho phép hoãn tới ngày

mai, tôi sẽ xin trình Người lời đáp.

Nhà vua đồng ý với thời hạn ấy, cho phù thủy về, với hứa sẽ trọng thưởng nếu lời đáp của phù thủy hợp với mong ước của mình.

Ngày hôm sau, phù thủy trở lại, tế tướng lại thân dẫn vào gặp vua lần thứ hai. Phù thủy tâu:

- Tâu bệ hạ, vâng lệnh Người, tôi đã hết sức dùng mọi phép thuật để tìm lời giải đáp, song chẳng biết được gì nhiều hơn là hoàng tử Atmét còn sống, đó là điều chắc chắn, Người có thể tin tưởng. Còn như hiện nay chàng đang ở nơi đâu, thì tôi chịu không thể tìm ra.

Vua nước Ấn Độ buộc phải bằng lòng với câu trả lời đó. Nó vẫn làm cho vua lo âu không kém trước bao nhiêu về số phận của con trai.

Lại nói về hoàng tử Atmét. Chàng nói chuyện nhiều lần với tiên nữ Pari Banu về vua Ấn Độ dù không dám động tới mong ước của mình được về thăm cha, sự cố tình ấy vẫn làm cho tiên nữ hiểu ra thâm ý của chồng. Vậy là nàng nhận ra, qua sự tự kiềm chế và không muốn làm phật ý nàng, rõ ràng tình yêu của hoàng tử đối với mình là chân thành. Hơn nữa, nàng cũng nhận thấy mình quả thật bất công khi dùng quyền lực ngăn cản một con người thương yêu cha, buộc chàng cưỡng lại tình cảm tự nhiên của con người. Vì vậy nàng quyết định chấp thuận điều mà nàng thấy rõ chàng vẫn luôn luôn ước mong nồng nhiệt. Một hôm, nàng bảo với chồng:

- Thừa hoàng tử, trước đây chàng nói với em là muốn về thăm phụ vương chàng, khiến cho em lo âu chính đáng rằng đây chỉ là cái cớ để biểu lộ lòng không chung thủy và ruồng bỏ em. Chính vì mỗi một nguyên nhân ấy mà em không chấp thuận. Nhưng, đến bây giờ qua hành động và lời nói của chàng, em đã hoàn toàn tin chắc ở sự chung thủy cũng như tình yêu nồng nàn của chàng. Vì vậy em thay đổi ý kiến và đồng ý để chàng về. Tuy nhiên cũng kèm theo một điều kiện, ấy là chàng không đi vắng quá lâu và mau mau trở về đây với em. Xin chàng chớ lấy làm phiền lòng về điều kiện đó, xin chớ cho rằng em nêu ra như vậy là chưa tin tưởng ở chàng, chẳng qua vì đã tin vào lòng thủy chung của chàng nên em mới dám nói ra thôi.

Hoàng tử Atmét muốn quỳ xuống dưới chân tiên nữ để biểu hiện rõ rệt hơn lòng biết ơn của mình, nhưng nàng đã kịp ngăn lại.

- Bà hoàng của tôi ơi, – chàng nói – tôi hiểu cái giá của ân huệ nàng vừa ban cho tôi. Thật không đủ lời lẽ để cảm tạ nàng thật xứng đáng như lòng tôi mong muốn. Mong nàng thấu hiểu cho tôi, tôi van nàng đấy. Xin nàng biết cho tôi là tôi hiểu rất rõ tâm trạng của nàng. Nàng có lý khi nghĩ rằng, tôi không chút phiền lòng khi thề sẽ làm đúng theo điều kiện của nàng. Ngược lại, tôi càng sẵn lòng thề, bởi vì từ nay tôi không thể sống nổi nếu không có

nàng. Vậy thì tôi sẽ ra đi và sẽ mau mau trở lại. Nàng sẽ thấy rằng không phải tôi sợ lỗi lời thề nếu mình chậm trễ, mà chính là làm theo tiếng nói của trái tim mình muốn được trọn đời sống cùng nàng không xa cách. Và sau này, nếu thỉnh thoảng có phải tạm xa nàng, thì tự tôi cũng tìm cách làm sao tránh được nỗi buồn vì xa vắng nàng quá lâu.

Tiên nữ Pari Banu cực kỳ hài lòng về thái độ của hoàng tử Atmét. Nàng không còn chút ngờ vực như trước, khi nghĩ rằng việc chàng nôn nóng muốn về thăm vua cha chỉ là một cái cớ tốt đẹp rút bỏ lời thề.

Nàng bảo:

- Thừa hoàng tử, chàng muốn lên đường lúc nào xin tùy ý, nhưng xin vui lòng cho em được dặn đôi điều về cách xử sự thế nào trong chuyến đi này. Trước hết em nghĩ rằng chàng không nên nói với phụ vương chàng về đám cưới của hai ta cũng như em là ai, chàng hiện sống nơi đâu, đã ở chôn nào kể từ ngày xa cách. Chàng hãy xin Người chỉ nên bằng lòng biết chàng hiện đang hạnh phúc, chàng không có mong muốn nào hơn. Lý do duy nhất khiến chàng trở lại là để Người hết lo âu về số phận của chàng.

Cuối cùng, tiên nữ cấp cho chàng mười kỵ sĩ cùng với ngựa tốt và yên cương đầy đủ, để theo hầu. Khi mọi việc đã sẵn sàng, hoàng tử Atmét cáo biệt, ôm hôn vợ, và nhắc lại lời hứa sẽ trở về ngay. Người ta dẫn tới con ngựa dành riêng cho chàng. Không những được thăng yên cương lồng lẩy, nó còn đẹp hơn, có giá trị hơn bất cứ con nào trong đàn ngựa của vua Ấn Độ. Chàng lên ngựa từ biệt một lần nữa, khiến tiên nữ thật hài lòng, rồi ra roi.

Đường về kinh đô nước Ấn Độ chẳng xa xôi gì, hoàng tử Atmét chẳng mấy chốc đã tới nơi. Chàng vừa vào kinh thành, nhân dân vui mừng được gặp lại hoàng tử, nồng nhiệt hoan hô. Một số lớn tách ra khỏi đám đông, đi theo chàng đến tận cung vua. Nhà vua cực kỳ vui mừng ôm hôn con trai, và âu yếm trách chàng sao để cho mình phiền muộn vì vắng mặt quá lâu. Vua nói thêm:

- Sự vắng mặt của con càng làm cho cha đau khổ, vì sau khi số mệnh đã định đoạt Ali anh con chứ không phải con được may mắn, cha càng có lý do để lo âu, những e con vì tuyệt vọng mà làm liều chẳng.

- Tâu phụ vương, – hoàng tử Atmét nói – xin phụ vương suy xét cho, sau khi mất công chúa Nurunniha, niềm ước mơ duy nhất của mình, làm sao con có thể đến để nhìn hạnh phúc của hoàng tử Ali được. Nếu con trơ trẽn đến mức ấy, thì triều đình và nhân dân kinh thành nghĩ sao về mối tình của con. Cả phụ vương nữa, Người cũng nghĩ sao? Tình yêu là một đam mê mà không phải người ta muốn trút bỏ lúc nào thì bỏ. Nó ngự trị, nó làm chủ, nó không cho phép người tình chân chính có thời gian để viện đến lý trí. Phụ vương đã biết là khi con bắn cung, đã xảy ra một chuyện kỳ lạ chưa từng đến

với ai, ấy là không thể nào tìm thấy mũi tên con bắn đi, mặc dù bãi quần ngựa rất bằng phẳng và trống trải. Điều đó làm cho con mất hết cái quyền được lấy một người con yêu tha thiết chẳng kém gì hai anh của con.

Bị sự trớ trêu của số mệnh đánh bại, con không để mất thời giờ để than vãn vô ích. Để thỏa mãn tâm trí cứ áy náy mãi về một điều không sao hiểu nổi, con tránh bọn người hầu và một mình trở lại nơi ấy để cố tìm mũi tên. Con tìm đằng trước, đằng sau, con tìm bên phải, bên trái nơi nhặt được mũi tên của các hoàng tử anh con bắn trước. Con nghĩ rằng mũi tên của con hẳn cũng rơi ở quãng này, nhưng con đã nhọc công vô ích, không sao tìm thấy. Không nản chí, con tiếp tục cuộc tìm kiếm, con gần như cứ đóng đường thẳng mà tiến tới mãi, theo hướng bay của mũi tên. Con đã đi chừng một dặm, mắt chăm chú nhìn sang hai bên, thỉnh thoảng lại quay đầu xem xét thật kỹ bất cứ vật gì có hình dạng na ná mũi tên. Có lúc con suy nghĩ không thể nào mũi tên con bắn có thể bay xa đến thế. Con đã đứng dừng lại và tự hỏi phải chăng mình mất trí, phải chăng mình lảo đảo đến mức tự cho mình có sức bật mũi tên bay xa dường ấy, mà cho đến các vị anh hùng cổ xưa nhất, danh tiếng nhất của chúng ta về vũ dũng cũng chưa bao giờ làm được. Con lý luận như vậy, và đã sắp bỏ cuộc.

Nhưng, khi muốn thực hiện ý định bỏ cuộc thì con lại thấy như có một sức mạnh nào đó cứ kéo lại, không sao cưỡng lại được. Con đi được chừng bốn dặm, đến nơi cánh đồng tiếp giáp với núi đá thì trông thấy một mũi tên. Con vội chạy lại, nhặt lên thì nhận ra đúng là mũi tên con đã bắn, nhưng đã không thấy ở nơi đáng lẽ nó phải rơi. Vậy là, vẫn không hề nghĩ phụ vương đã bắt công khi tuyên bố cho hoàng tử Ali anh con thắng cuộc, con lại hiểu điều vừa xảy ra một cách khác. Không nghi ngờ gì nữa, đây là một điều bí ẩn có lợi cho con, mà nhất định con phải tìm hết cách để làm cho sáng tỏ.

Và quả thực con đã làm sáng tỏ được, mà chẳng phải đi quá xa chỗ ấy. Nhưng đây là một điều bí ẩn khác mà con van xin bệ hạ chớ có cho rằng con thất lễ nếu không nói rõ ra. Chỉ xin Người biết cho, rằng tự miệng con nói là con đang sung sướng, con hài lòng với hạnh phúc ấy, có mỗi một điều khuấy động và khả dĩ khuấy động nó, là nỗi băn khoăn e phụ vương lo lắng cho con, không hiểu từ ngày con biến mất và xa lánh triều đình, nay sống chết ra sao. Con thấy bổn phận của con là phải trở về để Người gỡ được mối lo âu. Con không thể nào trốn tránh bổn phận ấy. Đó là cơ duy nhất đưa con trở về đây. Con chỉ xin Người mỗi một ân huệ, ấy là cho phép con thỉnh thoảng về hầu và vấn an Người.

- Con ạ, – nhà vua đáp – cha không thể nào từ chối điều con yêu cầu. Tuy nhiên cha mong muốn hơn thế nhiều, ấy là con ở lại bên cha, ít ra con cũng nên cho cha biết nơi con ở, để có lúc nào con không đến được, mà cha cần sự

có mặt của con, thì sai người đến tìm.

- Tâu phụ vương, – hoàng tử Atmét nói – điều Người vừa dạy đó là một phần trong bí ẩn mà con đã tâu. Con xin Người cho phép con được im lặng về điểm ấy, và con sẽ năng về châu. Bất cứ lúc nào sự có mặt của con là cần, thì con chỉ lo mình quấy rầy nhiều quá, chứ không để Người phải quở trách con sao chảnh mảng.

Không muốn ép con hơn nữa về chuyện ấy, vua Ấn Độ liền bảo hoàng tử:

- Con ạ, cha không muốn đi sâu hơn vào điều bí mật của con, cha để cho con toàn quyền định đoạt. Cha chỉ nói thêm rằng cha không có gì vui thích hơn được con về thăm. Bất cứ lúc nào con về, con đều được hoan nghênh, miễn là nó không làm trở ngại tới công việc hoặc sự vui chơi giải trí của con.

Hoàng tử Atmét không lưu lại quá ba ngày ở triều đình phụ vương, chàng ra đi ngày thứ tư, rất sớm. Tiên nữ Pari Banu càng mừng rỡ đón chàng trở về, là vì không chờ đợi chàng trở về sớm vậy. Nó làm nàng tự trách mình sao lại có lúc ngờ vực tấm lòng chung thủy mà chàng đã bao lần nặng lời thề thốt. Không che giấu hoàng tử, nàng thú thật sự yêu đuổi của mình và xin chồng tha thứ. Cuộc sống của hai vợ chồng tâm đầu ý hợp tốt đẹp hoàn toàn.

Một tháng sau khi hoàng tử Atmét trở về, tiên nữ Pari Banu nhận thấy, tuy chàng đã thuật lại đầy đủ chuyến đi và câu chuyện trao đổi giữa hai cha con cho nàng nghe, trong đó có việc chàng xin phép nhà vua được thỉnh thoảng về châu, nhưng lại tuyệt nhiên không nhắc tới phụ vương nữa, như thể không có vua cha trên đời, khác với trước kia, chàng hay nói đến luôn. Tiên nữ nghĩ rằng sở dĩ chàng làm như vậy vì nể nàng. Do đó, một hôm, nàng tìm dịp nói với hoàng tử:

- Nay chàng, xin chàng nói cho em nghe, có phải chàng đã quên mất phụ vương của chàng chẳng? Chàng không nhớ đã từng hứa sẽ thỉnh thoảng trở lại hầu Người ư? Em thì không quên điều chàng kể lại sau chuyến đi lần trước, bởi vậy xin nhắc để chàng chớ có để lâu hơn nữa mới thực hiện lời hứa của mình.

Hoàng tử cũng bắt chước giọng nói vui như tiên nữ:

- Thừa bà, tôi không hề thấy mình phạm tội như bà nghĩ, nhưng thà chịu lời trách móc ấy cho dù mình không đáng, còn hơn là chịu sự khước từ, nếu tôi nôn nóng không đúng lúc và đưa ra một lời yêu cầu khiến bà khó khăn lắm mới chấp thuận được.

- Thừa hoàng tử, em không muốn chàng giữ ý như vậy nữa đối với em. Và, để cho những việc tương tự sau này không xảy ra nữa, em xin nói là: Chàng không nên để hai chuyến thăm cha cách nhau quá một tháng. Vậy thì sáng mai chàng hãy về thăm Người, và từ nay cứ mỗi tháng chàng hãy về

nhà một lần mà không cần nói với em hoặc đợi em nhắc. Em rất vui lòng chấp thuận như vậy.

Ngày hôm sau, hoàng tử Atmét lên đường với đoàn tùy tùng y như lần trước nhưng lạnh lợi hơn. Bản thân chàng cười ngửa thẳng yên cương và ăn mặc còn lộng lẫy hơn trước, chàng được phụ vương đón tiếp với cùng nỗi vui mừng và hài lòng ấy. Nhiều lần chàng trở về thăm vua cha như vậy, và mỗi lần đoàn tùy tùng càng sang trọng càng rực rỡ hơn.

Cuối cùng, một số đại thần sủng ái của nhà vua, vốn hay suy xét uy quyền và lực lượng của hoàng tử Atmét qua vẻ ngoài của chàng, lợi dụng sự tin cẩn của nhà vua để tìm cách nói xấu chàng. Họ nói vua nên cẩn thận tìm hiểu cho được hoàng tử ẩn náu ở đâu. Chàng lấy đầu ra tiền để tiêu pha hoang phí như vậy, vì chàng chưa được vua phong thái ấp cũng như cho lợi ích cố định. Chàng về châu theo cung cách ấy có vẻ như để khiêu khích nhà vua rằng không cần có lộc vua ban mình vẫn có thể sống như ông hoàng. Cuối cùng có lẽ cũng phải đề phòng cả việc chàng xui dân chúng nổi loạn để cướp ngôi vua nữa.

Vua nước Ấn Độ không bao giờ nghĩ hoàng tử Atmét có thể làm những chuyện tày đình như bọn sủng thần cố làm cho vua tin, liền bảo:

- Các khanh nhầm rồi. Con trai ta yêu ta, và ta càng tin chắc ở tình yêu cũng như lòng trung thành của nó, vì ta nhớ ra chưa bao giờ làm một việc gì khiến cho nó bất bình với ta.

Nghe đến đây, một sủng thần chớp lấy cơ hội để thưa:

- Tàu bệ hạ, mặc dù theo sự phán đoán chung của những người thông minh nhất, Người không thể nào phân xử tài tình hơn cách dàn xếp ba hoàng tử về chuyện kết hôn với công chúa Nurunniha. Nhưng ai biết đâu hoàng tử Atmét cũng chịu tuân phục quyết định của số mệnh giống như hoàng tử Hutexanh? Sao chẳng có thể chàng nghĩ rằng chỉ mình mới là người xứng đáng, và bệ hạ đáng ra cần ưu đãi chàng hơn so với hai hoàng tử anh trai, thế mà Người lại giao cho số mệnh định đoạt, và như vậy là bất công đối với chàng. Bệ hạ có thể nói rằng, – lão sủng thần gian trá nói tiếp – hoàng tử Atmét không biểu lộ dấu hiệu gì bất bình, rằng nỗi lo sợ của chúng tôi là vu vơ, rằng chúng tôi hoảng hốt quá dễ dàng, và chúng tôi đã sai lầm khi tỏ ý nghi ngờ, có thể vô căn cứ, một hoàng tử do Người sinh hạ. Nhưng, tàu bệ hạ, những điều ngờ vực ấy cũng có thể có căn cứ. Bệ hạ hẳn đã biết rằng trong một việc tế nhị và quan trọng như việc này phải tính chuyện ăn chắc nhất. Xin Người hãy suy xét, hoàng tử Atmét giấu giếm Người như vậy là để cho vui hay để lừa dối Người. Hiểm họa càng đáng sợ. Vì có vẻ như hoàng tử ở không xa kinh thành này là mấy. Quả vậy, nếu hệ hạ cũng để ý như chúng tôi, Người sẽ có thể nhận xét rằng mỗi lần chàng về, cả chàng cùng

đoàn tùy tùng đều tươi tỉnh, trang phục cũng như yên bành của ngựa đều sáng chói như thể mới rời khỏi bàn tay người thợ. Ngựa của họ cũng chẳng chút mệt nhọc, như vừa đi dạo mát về. Những biểu hiện hiển nhiên ấy chứng tỏ hoàng tử Atmét ở khá gần. Chúng tôi tự cảm thấy khiếm khuyết trong bản phận nếu không khép nép tâu trình hoàng thượng, vì sự tôn vinh của Người cũng như của nước nhà, nên có những quyết định thích đáng.

Chờ viên sủng thần tâu hết những lời dài dòng ấy, vua cho bãi triều, và nói:

- Dù thế nào đi nữa, ta vẫn không tin rằng hoàng tử Atmét độc ác đến như lời các ông thuyết phục. Tuy nhiên, ta vẫn cảm ơn những lời khuyên của các khanh. Ta tin rằng các khanh nói như vậy là xuất phát từ những ý tốt.

Vua nước Ấn Độ nói với bọn sủng thần như vậy mà không để lộ mặt ra lời lẽ của họ đã gây ấn tượng đến đầu óc của mình. Tuy nhiên, vua không lấy gì làm lo lắng. Vua quyết định sẽ cho theo dõi hành tung của hoàng tử Atmét, và chỉ một mình vua biết việc này. Vua sai tìm mụ phù thủy. Mụ được đưa vào một cổng bí mật đến gặp vua. Vua bảo mụ:

- Bà đã quả quyết rằng con trai Atmét của ta không chết, ta biết ơn bà nhiều. Bây giờ, bà hãy giúp ta một việc khác, vì từ khi ta lại được gặp nó, dù tháng tháng nó về châu ở triều đình, nó vẫn chưa chịu nói cho ta rõ nó ở đâu. Ta không muốn buộc nó phải nói ra điều bí mật trái với ý nó. Ta tin rằng bà khá tài giỏi, bà có thể thỏa mãn sự hiếu kỳ của ta, mà không để cho hoàng tử cũng như cả triều đình ta hay biết. Bà biết rằng hiện nó đang ở đây. Nó có thói quen ra đi mà không cáo biệt ta cũng như một ai khác trong triều. Vậy bà chớ để mất thời giờ, ngày hôm nay bà hãy trả lời ta rõ.

Mụ phù thủy đã biết được nơi hoàng tử Atmét nhặt được mũi tên chàng bắn. Vừa ra khỏi cung, mụ đi thẳng tới đó và nấp sau tảng đá, sao cho không để một ai nhìn thấy.

Hôm sau, trời vừa tảng sáng, hoàng tử Atmét lại ra về mà không cáo biệt nhà vua cũng như bất cứ vị triều thần nào, đúng theo lệ của chung. Mụ phù thủy nhìn thấy chàng từ xa, mụ đưa mắt theo dõi cho đến khi chàng và đoàn tùy tùng đều biến mất hút.

Vì dãy núi đá làm thành một hàng rào không người trần nào có thể vượt qua, dù là đi bộ hay cưỡi ngựa, bởi quá hiểm trở, mụ phù thủy suy xét chỉ có thể có một trong hai điều hoặc là hoàng tử lui sâu vào trong hang đá, hoặc là có một hầm ngầm ở dưới đất làm nơi trú ngụ của các thần tiên và tiên nữ. Chờ một lúc cho hoàng tử cùng đoàn tùy tùng đủ thời gian vào trong hang đá hoặc dưới hầm ngầm rồi, mụ mới ra khỏi chỗ ẩn nấp và tới gần khe đá mụ vừa trông thấy họ vào, mụ cũng bước vào đó.

Nhưng đi hết chỗ hẻm, nhìn khắp nơi và đi lại nhiều lần, chăm chú tìm kiếm mù vẫn không hề trông thấy một cửa hang nào, cũng như không trông thấy cánh cửa sắt đã từng không lọt khỏi mắt của hoàng tử Atmét, vì cánh cửa ấy, chỉ có đàn ông mới trông thấy được, đặc biệt là những người mà tiên nữ Pari Banu muốn có mặt, còn đàn bà thì không thể nào nhìn thấy.

Mụ phù thủy biết có vất vả tìm kiếm nữa cũng vô ích thôi, đành trở về tàu hoàng đế rõ. Thuật lại xong những việc vừa rồi, mụ nói thêm:

- Tàu bệ hạ, Người có thể thấy, sau những điều tôi vừa tàu với Người rằng đối với tôi, chẳng khó khăn gì lắm việc Người giao cho tìm hiểu hành tung của hoàng tử Atmét. Lúc này tôi chưa muốn nói rõ ý nghĩ của mình, xin đợi cho đến lúc có bằng chứng đầy đủ mới xin tàu để Người rõ. Muốn vậy, chỉ mong Người hãy kiên nhẫn, cho tôi có đủ thời gian, và xin hãy cho phép tôi được tự xoay sở mà chớ hỏi đã dùng những cách nào để biết được.

Nhà vua bằng lòng với những điều mụ phù thủy vừa tàu. Vua bảo:

- Tùy ý bà. Bà hãy đi làm những gì bà thấy thích hợp. Ta kiên nhẫn chờ đợi bà mang đến câu trả lời như đã hứa.

Để khuyến khích, vua ban thưởng cho mụ một viên kim cương rất đắt tiền và nói thêm là sẽ thưởng mụ thật trọng hậu hơn nữa, chừng nào mụ giúp vua xong việc hệ trọng mà vua tin tưởng là nhờ tài khéo léo, chắc chắn mụ có thể làm tròn.

Còn hoàng tử Atmét, kể từ khi được phép của tiên nữ Pari Banu không tháng nào không về châu vua đều đặn một lần. Phù thủy biết vậy nên kiên nhẫn chờ. Một hai ngày trước thời gian đó, mụ đến chực sẵn ở dãy núi đá, nơi lần trước mụ đã để mất hút bóng hoàng tử và đoàn tùy tùng. Mụ chờ ở đây, sẵn sàng thực hiện âm mưu của mình.

Ngày hôm sau, theo thường lệ, hoàng tử Atmét cùng những người hầu xuất hiện từ cánh cổng sắt rồi đi tới gần mụ phù thủy, mà chàng không biết là ai. Thấy mụ đang nằm, đầu gục xuống một tảng đá, miệng rên rỉ như đang đau đớn lắm, lòng thương hại khiến chàng quay lại và tiến gần, để hỏi xem mụ đau thế nào, chàng có thể làm gì giúp mụ được không.

Mụ phù thủy giả đau, không ngẩng đầu mà lại nhìn hoàng tử với vẻ đau khổ để làm tăng thêm lòng ái ngại của chàng. Mụ trả lời tiếng được tiếng mất như thể sắp đứt hơi, rằng mụ ở nhà, định vào thành phố, nửa đường chợt lên cơn sốt dữ dội. Vì kiệt sức, mụ đành nằm lại đây, ở một nơi xa nhà cửa dân cư, không mong gì được ai cứu giúp.

- Bà cụ ơi, – hoàng tử Atmét nói – bà không ở quá xa nơi cứu giúp bà như bà tưởng đâu. Tôi sẵn sàng cho bà thấy ngược lại và đưa bà vào một nơi, cũng gần đây thôi, không những bà được chăm sóc hết lòng, mà còn mau

chóng được chữa lành cho nữa. Muốn vậy, chỉ cần bà đứng dậy, và chịu để cho một người hầu của tôi đưa lên ngồi kèm trên lưng ngựa.

Nghe hoàng tử nói như vậy, mục phu thủy vốn chỉ giả đau để tìm hiểu chàng ở nơi đâu, đang làm gì, và số phận chàng hiện ra sao, không khước từ việc làm ơn đầy lịch sự đó. Để tỏ lòng mình nhận lời bằng hành động chứ không phải bằng lời nói, mục làm ra vẻ cố đứng lên, nhưng cơn bệnh quá nặng nề không sao trở mình nổi.

Vừa lúc ấy, hai kỵ sĩ của hoàng tử xuống ngựa, vực mục đứng dậy và đỡ mục ngồi lên lưng ngựa sau một kỵ sĩ khác. Hoàng tử quay lại dẫn đầu cả đoàn trở về cánh cổng sắt. Một người hầu tiến lên trước, mở cửa. Hoàng tử vào sân cung điện của tiên nữ, chàng không xuống ngựa mà sai một người hầu đi báo cho nàng biết chàng cần gặp.

Tiên nữ Pari Banu lật đật chạy tới, không rõ vì sao hoàng tử Atmét quay lại ngay như vậy. Không để cho nàng kịp hỏi lý do, chàng chỉ mục phu thủy, mà hai người hầu của chàng đã đỡ xuống đất và đang xóc nách dìu đi:

- Nàng ơi, xin nàng hãy đem lòng thương hại bà cụ này đây. Tôi vừa gặp trong tình trạng nàng nhìn thấy kia, và hứa sẽ giúp đỡ cụ. Tôi xin gửi lại nàng, và tin rằng nàng sẽ không bỏ bà cụ vì bản tính nhân hậu của nàng cũng như lời khẩn cầu của tôi.

Tiên nữ Pari Banu chăm chăm nhìn người đàn bà già ốm trong khi hoàng tử nói. Nàng sai hai cô hầu đi theo, đỡ mục phu thủy từ tay hai kỵ sĩ, đưa vào trong một gian buồng, dặn chăm sóc chu đáo như chăm sóc chính nàng vậy. Trong khi hai cô hầu tuân theo lệnh ấy, tiên nữ Pari Banu đến gần hoàng tử Atmét và hạ giọng nói:

- Thừa hoàng tử, em xin ngợi ca lòng thương hại của chàng, nó thật xứng đáng với chàng. Em xin vui lòng làm theo lời dặn của chàng. Nhưng em xin phép được hỏi rằng em sợ ý định của chàng sẽ được trả công một cách chẳng lấy gì làm đẹp. Em không tin bà già này thật ốm đau như bà làm ra vẻ. Em sẽ nhảm to nếu không phải bà ta cố tình phục ở đây để gây cho chàng những điều phiền muộn lớn. Nhưng xin chàng chớ vì vậy mà lo nghĩ. Cho dù người ta có mưu mô gì đi chăng nữa, chàng hãy tin rằng em sẽ giải thoát chàng khỏi mọi cạm bẫy mà kẻ khác có thể chăng ra. Xin chàng hãy đi, hãy tiếp tục cuộc hành trình của mình!

Lời tiên nữ không làm hoàng tử lo lắng. Chàng nói:

- Bà hoàng của tôi ơi, tôi chưa từng làm điều gì hại tới ai, và tôi cũng chẳng có ý định làm điều đó. Tôi không tin rằng ai đó lại nghĩ tới chuyện hại tôi. Dù thế nào chăng nữa, tôi sẽ vẫn tiếp tục làm việc lành chừng nào gặp dịp.

Nói xong, chàng cáo từ. Chia tay tiên nữ, chàng tiếp tục chuyến đi bỏ dở vì mù phù thủy. Chẳng bao lâu sau, chàng tới triều đình của cha. Nhà vua vẫn tiếp đón như thường lệ, cố gắng để không mấy may tỏ ra lo lắng hay ngờ vực bởi lời lẽ của bọn sủng thần. Trong thời gian đó, hai người hầu được tiên nữ Pari Banu giao việc, dẫn mù phù thủy vào trong một căn phòng rất đẹp, đồ đạc sang trọng. Thoạt tiên, họ để mù dựa vào một chiếc gối bọc gấm nền vàng. Tiếp đó, họ chuẩn bị một chỗ nằm trước mặt mù, ngay trên chiếc trường kỷ ấy, đệm bọc sa tanh đính lụa thêu, vải trải thuộc loại tốt nhất, còn chần là một tấm dạ vàng. Sau khi đã giúp mù phù thủy nằm xuống – vì mù vẫn giả vờ như vẫn còn bị cơn sốt dày đọa nên không tự mình nằm xuống được – một trong hai người hầu đi ra và lát sau trở lại, tay cầm một liều thuốc đựng trong chén sứ tuyệt đẹp. Cô đưa cho mù và nói:

- Bà hãy dùng thứ thuốc này. Đây là nước lấy từ Giếng Sư Tử đáy, loại thuốc thần này làm giảm ngay bất kỳ cơn sốt nào. Chưa tới một giờ, bà đã thấy công hiệu của nó.

Hai người hầu lại giúp mù ngồi dậy. Mù phù thủy để người ta mời mọc khá lâu, làm như thể mù rất khó chịu vì phải dùng thứ thuốc ấy. Cuối cùng, mù cũng cầm lấy cái chén, vừa uống vừa lắc đầu, như tự mình phải cố gắng lắm mới nuốt trôi. Hai người hầu đặt mù nằm xuống giường, rồi đắp chăn cẩn thận cho mù. Cô cho mù uống thuốc bảo:

- Bà hãy nằm nghỉ, nếu muốn ngủ thì cứ ngủ. Chúng em hy vọng độ một giờ nữa, khi trở lại sẽ thấy bà hoàn toàn bình phục.

Mù phù thủy không phải đến đây để giả vờ ốm lâu, mà duy nhất chỉ nhằm tìm kiếm nơi trú ngụ của hoàng tử Atmét và vì sao chàng khước từ không về với triều đình của vua cha. Giờ đã nắm được tin tức đầy đủ, mù sẵn lòng tuyên bố thuốc rất công hiệu, vì mù nôn nóng muốn được quay về ngay để báo cho nhà vua hay kết quả tốt đẹp. Nhưng, dù không muốn, mù cũng phải chờ cho đến khi hai người hầu trở lại...

Sau thời gian đã hẹn, hai người hầu vừa tới căn phòng đã thấy mù phù thủy ngồi dậy, áo quần tề chỉnh, mù kêu lên:

- Ôi! Thuốc mới thần hiệu làm sao! Tác dụng còn nhanh hơn cả lời hai cô nói. Tôi sốt ruột chờ hai cô đã khá lâu, để nhờ hai cô đưa tôi đến gặp bà chủ đây lòng bác ái, cho tôi được cảm ơn lòng tốt của bà vì tôi đã khỏi được cơn đau như có phép thần, xin bà cho tôi được tiếp tục đi làm nốt công chuyện của mình.

Hai người hầu này, cũng đều là tiên nữ như chủ nhân của họ, sau khi tỏ nỗi vui mừng được thấy mù phù thủy chóng bình phục liền đi trước dẫn đường, đưa mù đi ngang qua nhiều gian buồng, buồng nào cũng tráng lệ như nơi vừa nghỉ, để tới một phòng khách lộng lẫy nhất, bàn ghế sang trọng nhất

trong toàn thể lâu dài.

Trong phòng khách, tiên nữ Pari Banu đang ngồi trên một cái ngai đúc bằng vàng khối nam kim cương, hồng ngọc và ngọc trai, viên nào cũng to một cách kỳ lạ. Hai bên tả hữu có nhiều tiên nữ, người nào cũng xinh đẹp và ăn vận cực kỳ sang. Trước cảnh huy hoàng đường bệ ấy, mụ phù thủy không chỉ bị lóa mắt mà còn khá lo sợ nữa. Sau khi quỳ xuống trước ngai, mụ không thể nào mở miệng nói lên lời cảm ơn tiên nữ như đã định. Để đỡ cho mụ việc đó, tiên nữ Pari Banu nói:

- Bà già ạ, tôi rất hài lòng được dịp giúp đỡ bà, và rất vui thích thấy bà đã có thể tiếp tục chuyến đi của mình. Tôi không giữ bà đâu, nhưng trước đó, xin mời bà thăm quan cung của tôi. Mời bà đi với các người hầu, họ đưa đường và chỉ cho bà xem.

Mụ phù thủy, vẫn lo âu, đập đầu một lần nữa xuống tấm thảm trải dưới chân ngai và cáo từ mà không đủ sức cũng chẳng có gan mở miệng nói một câu nào, rồi để lại cho hai tiên nữ đưa đi xem. Mụ cực kỳ ngạc nhiên, miệng không ngót thốt những lời tán phục khi được xem hết phòng này đến phòng khác, cùng những của cải và sự tráng lệ mà chính tiên nữ Pari Banu đã thân hành dẫn hoàng tử Atmét đi xem lần đầu tiên nàng gặp chàng. Điều làm cho mụ khâm phục hơn cả sau khi xem toàn bộ lâu đài, là khi hai nàng dẫn đường nói cho biết tất cả những gì mụ vừa xem chỉ là một phần nhỏ trong thanh thế và uy quyền của chủ nhân họ mà thôi. Trong vương quốc rộng lớn của bà, còn nhiều lâu đài khác mà họ không thể nói rõ là bao nhiêu, tất cả đều kiến trúc theo những dạng thức khác nhau, không cái nào kém cái nào về phần tráng lệ và huy hoàng. Vừa nói chuyện với mụ về những đặc điểm khác, họ vừa dẫn mụ vào, rồi mở cửa chúc mụ đi đường may mắn. Mụ phù thủy cáo biệt và cảm ơn họ đã hết lòng chăm sóc.

Đi được mấy bước, mụ phù thủy quay lại để quan sát và nhận dạng cảnh cửa, nhưng mụ không nhìn thấy gì cả. Nó đã trở thành vật vô hình đối với mọi người đàn bà khác, như đã từng nói ở trên. Như vậy, trừ mỗi một chi tiết ấy ra, mụ trở về hoàng cung, tự lấy làm bằng lòng, vì đã làm tròn công việc được trao. Đến kinh thành, mụ theo những nẻo đường tắt, rồi qua cái cổng bí mật tới hầu vua. Trông thấy bộ mặt ỉu xiu, vua tưởng mụ không thành công, liền bảo:

- Nhìn mặt bà, ta đã hiểu chuyến đi của bà là vô ích. Bà không thể mang lại cho ta điều sáng tỏ mà ta hy vọng có được qua sự miễn cưỡng của bà.

Mụ phù thủy đáp:

- Tâu bệ hạ, tôi xin phép được tâu với Người, xin Người chớ bằng cứ vào vẻ mặt mà suy xét tôi có hết lòng trong công việc Người hạ cố ban cho hay không, mà nên bằng vào lời trình chân thật về những điều tôi đã làm và những điều đã xảy tới cho tôi, kẻ đã không tiếc sức mình để xứng đáng với

sự tin cậy của bệ hạ. Về không vui hiện lên trên mặt tôi mà Người nhận thấy đó, là từ một nguyên nhân khác chứ không phải là ở chỗ tôi đã không thành công. Tôi hy vọng bệ hạ sẽ hài lòng về việc tôi đã làm. Tôi xin không nói nguyên nhân ấy là gì. Câu chuyện tôi sắp tâu đây, sẽ làm Người sáng tỏ, nếu Người vui lòng nghe cho tôi nói hết.

Thế là mụ phù thủy thuật lại cho vua nước Ấn Độ nghe, mụ giả vờ làm người ốm như thế nào để được hoàng tử Atmét đem lòng thương hại, dẫn vào một nơi ngậm dưới đất, thân hành giới thiệu một tiên nữ có sắc đẹp tuyệt thế vô song và yêu cầu nàng góp phần chăm sóc cho mụ chóng phục hồi sức khỏe. Mụ lại kể đến chuyện tiên nữ ân cần ra lệnh ngay cho hai nàng tiên theo hầu hãy chăm sóc mụ cho đến khi khỏi bệnh hoàn toàn. Một sự chu đáo như vậy chỉ có thể là thái độ của người vợ đối với chồng. Mụ phù thủy cũng không quên nói quá đi nỗi kinh ngạc của mụ khi nhìn thấy mặt tiền của toàn cung điện, mà mụ cho là trên đời này không có cái nào sánh bằng, lúc mụ giả vờ đau và được hai nàng tiên dìu hai bên như một người ốm không đủ sức lê chân nếu không có người trợ lực. Mụ lại kể tới sự chăm sóc của họ khi mụ đã được đưa vào trong phòng, liều thuốc họ cho mụ uống, khiến cho mụ khỏi bệnh ngay sau đó – khỏi cũng giả vờ như ốm – cho dù mụ chẳng hoài nghi chút nào về tính công hiệu của vị thuốc; rồi tới chuyện tiên nữ ngự trị vượt quá tất cả tài sản của vương quốc Ấn Độ, và cuối cùng, những của cải vô biên vượt quá mọi sự tính toán, chất đầy nhiều nơi rộng lớn trong lâu đài.

Mụ phù thủy chấm dứt ở đây về kết quả của mụ làm, rồi nói tiếp:

- Tâu bệ hạ, Người nghĩ sao về những của cải không thể nào hình dung nổi của tiên nữ? Có lẽ Người sẽ nói rằng Người lấy làm thần phục và vui mừng về vận may cao cả của hoàng tử Atmét con trai bệ hạ, nhưng tâu bệ hạ, cúi xin bệ hạ hãy tha thứ cho nếu tôi dám tâu với Người rằng tôi nghĩ khác. Hơn nữa tôi còn lấy làm kinh hãi là khác, khi nghĩ đến hiểm họa có thể xảy đến cho Người, và đó chính là điều làm tôi lo âu, mà tôi không biết cách che giấu cho nên mới lộ ra mặt. Tôi tin rằng hoàng tử Atmét, do bản tính tốt của chàng, không có khả năng tự mình làm một việc chống lại bệ hạ. Nhưng ai dám trả lời về tiên nữ, do nhan sắc, sự chiều chuộng, vuốt ve cũng như quyền lực mà nàng đã gây được đối với chồng, lại không gợi cho hoàng tử âm mưu độc địa phết truat bệ hạ và chiếm đoạt ngai vàng của vương quốc Ấn Độ ta? Bệ hạ cần chú ý đầy đủ mọi công việc hệ trọng dường này.

Cho dù có tin tưởng vào bản chất tốt của hoàng tử Atmét tới đâu, vua nước Ấn Độ cũng không khỏi suy nghĩ bởi lời lẽ của mụ phù thủy. Vua cho mụ lui ra, và nói:

- Xin cảm ơn bà về nỗi vất vả vì ta và về những lời quan trọng của bà vừa nói. Ta sẽ lấy ngay ý kiến của toàn thể triều thần.

Vua bảo mục phù thủy đi theo vua trở lại triều đường. Vua kể lại cho các vị sủng thần nghe về những điều vua mới được biết, và nói lên cả việc tiên nữ làm thay đổi tính tình của hoàng tử. Vua hỏi họ có nghĩ ra cách nào để phòng ngừa một tai họa lớn như vậy hay không.

Một sủng thần, thay mặt tất cả, cất lời đáp:

- Tâu bệ hạ, để ngăn ngừa tai họa mà Người đã biết có kẻ sẽ gây nên, kẻ đó hiện đang ở trong triều và thuộc quyền sinh sát của bệ hạ. Người còn ngần ngại gì mà không bắt giữ kẻ ấy? Tôi không dám nói bắt để đưa đi xử tử, vì như vậy sẽ ồn ào quá, nhưng ít ra cũng nên giam y vào ngục tối cho đến hết đời.

Các sủng thần khác đều hùa theo ý kiến ấy. Mục phù thủy cho lời khuyên đó tàn bạo quá, liền xin phép nhà vua được nói:

- Tâu bệ hạ, tôi tin chắc rằng chính vì hăng hái quan tâm tới lợi ích của bệ hạ mà các vị đây bàn bạc với Người việc bắt hoàng tử Atmét. Nhưng tôi xin các vị nhớ cho rằng, nếu bắt giữ hoàng tử thì đồng thời ta cũng phải bắt giữ cả những người đi theo chàng, mà những người đi theo chàng lại là các thần linh. Các vị dễ gì làm được. Họ có thể biến đi bởi vì họ có phép tàng hình. Và trong thời gian ấy, sao họ chẳng đi báo với tiên nữ về điều sỉ nhục người ta gây ra với chồng nàng. Tiên nữ đâu chịu để chồng bị sỉ nhục mà không báo thù? Giá ta có cách khác giúp bệ hạ nhẹ nhàng dập tắt những mưu đồ không hay mà hoàng tử Atmét có thể có, mà không làm cho quang vinh của Người bị ảnh hưởng và không một ai nảy chút nghi ngờ Người, thì có phải tốt hơn không? Nếu bệ hạ tin ở lời khuyên của tôi, vì các thần linh và tiên nữ có sức làm những việc vượt quá tầm vóc con người, Người có thể khích bác hoàng tử Atmét tự ái, bằng cách nhờ chàng, qua sự trung gian của tiên nữ, đưa lại cho Người một số lợi ích nào đó, viện lý do là rất cần thiết. Chẳng hạn, mỗi lần bệ hạ muốn cầm quân ra trận, Người buộc phải chi tiêu một số tiền cực lớn, không những bằng việc sắm sanh nhà cửa, lán trại cho Người và cho quân đội, mà cả lạc đà, lừa, ngựa và những súc vật khác, cùng chi phí để chuyên chở những nhà cửa, lán trại ấy. Sao bệ hạ không nhờ hoàng tử, qua uy tín của chàng đối với tiên nữ, mà xin cho một lều vải nằm gọn trong lòng bàn tay, lại có sức che kín cả đạo quân của Người. Tôi không dám nói nhiều thêm nữa. Nếu hoàng tử mang cái lều vải đến, ta thiếu gì yêu cầu đại loại như vậy, cho đến lúc cuối cùng chàng phải ngã gục trước những khó khăn không thể nào thực hiện nổi, cho dù những phương tiện và sáng kiến của nàng tiên đã bắt cóc hoàng tử khỏi tay bệ hạ có phong phú tới bao nhiêu. Bằng cách đó, chàng sẽ không dám xuất hiện nữa vì xấu hổ, buộc chàng phải tự bằng lòng quanh quẩn suốt đời với tiên nữ, và thế là bệ hạ không còn phải sợ các hành động của chàng. Cũng chẳng có ai có thể trách cứ Người phạm

phải tội xấu xa là làm đổ máu một đứa con trai hoặc giam giữ chàng suốt đời nơi ngục tối.

Mụ phù thủy nói xong, vua hỏi các sủng thần xem ai có ý kiến gì hay hơn. Thấy mọi người cùng lặng im, vua quyết định làm theo lời khuyên của mụ phù thủy mà vua cho là đúng nhất. Nó cũng thích hợp với cách thức mềm mỏng mà vua vẫn dùng từ trước đến nay để trị nước.

Sáng hôm sau, hoàng tử Atmét ra mắt vua, vào lúc vua đang bàn việc nước với các sủng thần. Hoàng tử đến ngồi bên cạnh vua. Sự có mặt của chàng làm gián đoạn những chuyện không mấy quan trọng. Nhưng cuối cùng, vua cất lời, nói với hoàng tử Atmét:

- Con ạ, trước đây, khi con trở về, và giải thoát cho cha đỡ buồn phiền sâu sắc do việc con vắng mặt lâu ngày, con đã giữ bí mật chỗ con chọn làm nơi ẩn dật. Cha hài lòng được gặp lại con và nghe con nói rằng con đã vui lòng với số phận của mình. Cha không muốn đi sâu vào chuyện riêng của con khi cha thấy rõ con không thích như vậy. Cha không hiểu tại sao con lại cư xử cách ấy với một người cha từ dạo ấy đến giờ vẫn luôn mong góp phần vào hạnh phúc của con. Cha hiểu hạnh phúc ấy là gì, cha vui mừng vì nó, và bằng lòng quyết định của con là kết hôn cùng với một tiên nữ giàu sang và oai quyền mà cha được biết. Cha tuy hùng mạnh đầy song cũng không thể nào gây dựng được cho con một cuộc hôn nhân như vậy.

Nay con đã lên tới một địa vị cao sang tốt độ rồi, địa vị mà bất cứ ai khác, chứ không phải một người sinh ra con như cha đây đều có thể ganh tị. Cha mong con không những tiếp tục sống hòa thuận với cha như con vẫn sống từ xưa tới nay, mà con còn sử dụng uy tín của con đối với tiên nữ, để giúp cha những thứ mà cha có thể cần. Ngay bây giờ, hãy để cho cha được thử thách uy tín của con. Con chẳng lạ gì mỗi lần có chiến tranh đem quân ra trận, các tướng lĩnh, sĩ quan của cha và cả cha nữa thường gặp khó khăn vì những món chi tiêu quá đáng trong việc mang theo đủ lán trại, lều vải, cùng những lạc đà và súc vật khác để chuyên chở những thứ ấy. Nếu con có ý muốn làm vui lòng cha, thì cha tin chắc con chẳng khó khăn gì mà không nói với tiên nữ bằng lòng tặng cha một cái lều vải có thể nắm gọn trong lòng bàn tay, nhưng khi mở ra thì nó có thể che kín cả một đạo quân, nhất là khi con nói cho nàng rõ cái lều vải ấy dùng để tặng cha. Khó khăn thật đấy nhưng chắc con không từ chối. Mọi người đều rõ các tiên nữ có quyền lực làm những chuyện phi thường.

Hoàng tử Atmét không chờ đợi vua cha lại đòi hỏi ở mình một điều như vậy, mà thoát tiên chàng nghĩ là rất khó, nếu không nói rằng không thể thực hiện. Quả vậy, mặc dù không phải hoàn toàn không biết quyền lực của các thần linh và của tiên nữ lớn đến thế nào, chàng vẫn hoài nghi không hiểu

quyền lực ấy có đến mức cung cấp được một lều vải như vua vừa đòi nay không. Vả chẳng từ trước tới nay chàng chưa bao giờ hỏi xin tiên nữ Pari Banu bất kỳ một vật gì. Chàng chỉ bằng lòng với những biểu hiện tình cảm say đắm của nàng, và chàng cố hết sức đáp lại mỗi tình đó, không vì lợi ích nào khác là giữ được tình yêu bền vững. Bởi vậy, chàng rất bối rối không biết nên trả lời cha như thế nào.

- Tâu phụ vương, – chàng nói – con giữ bí mật điều đã xảy ra cho con và quyết định của con sau khi tìm lại được mũi tên là vì con thấy nó chẳng quan trọng gì đáng để tâu lên Người. Con không hiểu do đâu Người rõ điều bí ẩn đấy. Tuy nhiên, con cũng không giấu rằng những điều Người được tâu là đúng sự thật. Con là chồng tiên nữ mà người ta đã nói với Người đó. Con yêu nàng và tin chắc nàng cũng yêu con. Còn về uy tín của con đối với nàng, như Người nghĩ, thì con không dám chắc, vì con chưa từng đưa ra thử thách và con cũng chưa từng nghĩ tới chuyện ấy bao giờ. Con vẫn ước mong bệ hạ không bó buộc gì con để con được sống trong niềm hạnh phúc là yêu và được yêu, yêu một cách vô tư chứ không vì lợi ích nào khác, như con hằng tự dặn. Nhưng, mỗi lời cha truyền là mệnh lệnh đối với con. Xưa nay con bao giờ cũng coi việc vâng theo mọi lời dạy bảo của Người là bổn phận của mình. Mặc dù con không muốn và lấy làm ngại ngùng không thể nào tả xiết, con sẽ nói với vợ con về điều mà Người đòi hỏi, cho dù con chưa dám hứa trước có đạt được hay không. Nếu rồi đây, nếu con không được vinh dự về châu và vãn an bệ hạ nữa, thì đấy chính là dấu hiệu nói rằng con đã không xin được nàng. Con mong Người vui lòng tha thứ trước cho con. Mong Người sẽ hiểu cho rằng chính Người đã đưa con đến nông nỗi ấy.

Hoàng đế Ấn Độ đáp lời hoàng tử như sau:

- Con ơi, cha sẽ hết sức buồn phiền nếu vì việc cha nhờ con mà đưa đến kết cục cha không còn được gặp lại con nữa. Cha thấy con chưa hiểu thấu quyền lực của chồng đối với vợ đấy thôi. Vợ con sẽ tỏ rõ cô ấy chẳng yêu con nhiều lắm đâu, nếu với quyền năng tiên nữ của mình, cô không thực hiện một việc chẳng có gì ghê gớm lắm mà cha đã nhờ con, hay vì lòng quý mến cha mà nhờ con ngỏ lời xin vợ giúp. Thôi đừng rụt rè nữa, con ơi, con ngại ngùng chẳng qua tại con nghĩ mình không được vợ yêu tới mức như mình yêu vợ. Hãy đi đi, hãy thỉnh cầu, con sẽ thấy rõ tiên nữ yêu quý con gấp muôn vạn lần con suy nghĩ. Hãy nhớ: con có khóc mẹ mới cho bú. Nhiều khi chỉ vì ta không biết ngỏ lời xin mà bỏ phí mất nhiều thứ đáng nhận được. Hãy tin rằng, cũng như con sẽ chẳng bao giờ từ chối vợ điều gì bởi con yêu nàng. Vợ con cũng sẽ không nở khước từ điều con xin, bởi nàng yêu quý con.

Lời lẽ của hoàng đế Ấn Độ không thuyết phục nổi hoàng tử Atmét. Chàng

vốn mong thà vua đòi hỏi ở chàng một điều gì khác còn hơn là buộc chàng đến chỗ phải làm phật lòng tiên nữ Pari Banu. Vì phiền muộn, chàng rời cung điện ra đi sớm hơn thường lệ hai ngày.

Tiên nữ Pari Banu bao giờ cũng gặp chồng trở về với vẻ hân hoan trên mặt, lần này vừa trông thấy đã nhận ra và hỏi ngay do đâu có sự đổi thay trên sắc diện vậy. Thấy chồng không trả lời thẳng vào câu hỏi của mình mà đi hỏi nàng có được an khang hay không, tiên nữ hiểu ngay chàng cố tình né tránh. “Em chỉ đáp lời chàng – tiên nữ nói tiếp -chừng nào chàng trả lời xong câu hỏi em nêu.”

Hoàng tử chống chế hỏi lâu, bảo là chẳng có gì đáng để tâm. Song chàng càng thoái thác, nàng càng thôi thúc:

- Em không chịu nổi khi thấy chàng trong trạng thái kia, chàng phải nói cho em rõ do đâu khiến chàng lo nghĩ, để em giúp chàng loại bỏ nguyên nhân, trừ phi nó vượt qua quyền lực của em, chẳng hạn như việc phụ vương của chàng từ trần.

Không thể im lặng lâu hơn trước những lời năn nỉ khẩn thiết của tiên nữ, hoàng tử Atmét nói với nàng:

- Cầu mong Thượng đế kéo dài tuổi thọ của phụ vương tôi, và ban phúc cho Người đến trọn đời! cha tôi hiện nay hoàn toàn mạnh khỏe. Như vậy, đó không phải là nguyên nhân gây nên cho tôi điều phiền muộn. Chính nhà vua là nguyên nhân gây nên sự phiền muộn ấy. Tôi càng lấy làm buồn vì Người buộc tôi phải làm phiền đến nàng. Trước hết, nàng đã rõ với sự đồng tình của nàng tôi luôn luôn cố ý che giấu hạnh phúc được chung sống cùng nàng, yêu thương nàng, cũng như nàng yêu thương tôi qua lời thề hải minh sơn; ấy thế mà không hiểu do đâu phụ vương tôi lại biết rõ mọi sự.

Tiên nữ Pari Banu ngắt lời hoàng tử:

- Còn em, thì em hiểu. Chắc chàng còn nhớ người đàn bà giả vờ làm cho chàng tưởng là đau ốm và đem lòng thương hại ấy, chính mẹ ta đã tâu cho phụ vương chàng rõ điều chàng muốn giấu. Thực tế, sau khi em sai người hầu mang lại cho mẹ uống một liều thuốc thần có thể chữa khỏi mọi cơn sốt, mà thật ra mẹ không cần, mẹ giả vờ như thang thuốc ấy chữa khỏi bệnh mẹ, rồi đòi dẫn tới cáo biệt em để mau chóng về trình kết quả chuyến đi của mẹ. Mẹ vội vàng tới mức có thể ra đi mà không cần xem cung điện của em nếu em không bảo hai người hầu nói với mẹ là nó đáng được xem lắm. Nhưng, xin chàng hãy nói tiếp, xem phụ vương chàng buộc chàng làm phiền em những gì. Chẳng bao giờ em phiền lòng đâu, xin chàng hãy tin!

- Nàng ơi, – hoàng tử nói tiếp – nàng có thể nhận thấy cho đến bây giờ, tôi hài lòng vì được nàng yêu, tôi không bao giờ xin nàng một ân huệ gì khác.

Khi đã có được một người vợ đáng yêu dường này, tôi còn mong muốn gì hơn nữa? Không phải tôi không biết rõ quyền lực của nàng, nhưng tôi tự thấy có nghĩa vụ không nên đưa nó ra thử thách. Bởi vậy tôi van nàng hãy hiểu cho rằng, không phải tôi mà chính phụ vương tôi đã ngỏ ý xin nàng, thật chẳng phải tí nào, phụ vương tôi muốn xin một cái lều vải có thể che mưa nắng cho Người và cả triều đình cũng như quân đội của Người, mà chỉ nắm gọn trong lòng bàn tay. Một lần nữa, xin nói rõ không phải tôi, mà chính phụ vương tôi xin nàng ân huệ ấy.

- Thừa hoàng tử, – tiên nữ mỉm cười nói – em thật không hài lòng, sao việc nhỏ nhặt như thế lại khiến cho chàng có vẻ bối rối và lo âu đến vậy? ở đây có hai nguyên nhân: một là, chàng đã tự đặt ra luật lệ chỉ có yêu em và được em yêu mà không bao giờ ngỏ lời yêu cầu nào khiến cho quyền lực của em phải đưa ra thử thách; hai là, dù chàng nói thế nào cũng mặc, em vẫn tin chắc là chàng nghĩ rằng đòi hỏi của phụ vương khiến chàng buộc em phải làm quá quyền lực của mình. về điều thứ nhất, xin ngời ca chàng. Em càng yêu chàng nhiều hơn nếu có thể làm được như vậy. Còn về điều thứ hai, em chẳng khó khăn gì mà không làm cho chàng thấy việc nhà vua đòi hỏi em chẳng qua là chuyện vặt vãnh. Khi cần thiết, em có thể làm chuyện lớn hơn. Vậy thì xin chàng hãy thư tâm, xin hãy tin rằng chàng không chút phiền em, mà em bao giờ cũng cảm thấy vui thích được nhận tất cả những gì chàng muốn em vì chàng mà làm.

Nói xong, tiên nữ gọi người giữ kho báu của mình tới:

- Nướcghihan, – nàng nói – (Nướcghihan là tên người giữ kho), em hãy lấy ra đây cái lều vải lớn nhất trong kho báu của ta!

Lát sau Nướcghihan trở lại mang theo cái lều vải, không những cầm gọn trong tay, mà nếu nắm bàn tay lại thì còn có thể giấu kín không để ai nhìn thấy và đưa cho chủ nhân. Tiên nữ cầm lấy đặt vào tay hoàng tử Atmét.

Khi hoàng tử nhìn thấy cái mà tiên nữ Pari Banu gọi là lều vải lớn nhất trong kho tàng như lời nàng nói, chàng tưởng nàng muốn trêu mình, nên vẻ ngạc nhiên lộ cả trên mặt lẫn trong thái độ. Tiên nữ trông thấy phá ra cười, và thốt lên lời:

- Sao? Hoàng tử, chàng tưởng em muốn trêu chàng ư? Chàng đã thấy em không phải là một người thích bông đùa. – Nàng lấy lại cái lều từ tay hoàng tử đưa cho người coi kho và bảo – Nướcghihan, em hãy dựng cái lều này lên, để hoàng tử xét xem phụ vương chàng có cho là nó quá bé nhỏ so với cái Người đòi hỏi hay không.

Nướcghihan ra khỏi cung điện và đi cũng khá xa để tìm nơi dựng lều. Lều dựng xong, hoàng tử thấy nó không bé mà lớn tới mức hai đạo quân của nhà vua nước Ấn Độ vẫn cùng có thể trú löt thỏm trong đó. Chàng liền nói với

tiên nữ:

- Bà hoàng của tôi ơi, xin nàng bỏ quá cho tôi cái tội hay hoài nghi. Sau những điều thấy kia, tôi tin rằng không có việc gì nàng muốn mà nàng không làm được tới nơi tới chốn.

- Chàng thấy đấy, – tiên nữ nói – cái lều quá lớn so với mức cần thiết, nhưng nên chú ý một điều là nó có thể giãn ra hay co lại theo phạm vi vật cần được che, mà người ta khỏi phải đụng tay vào.

Cô coi kho hạ lều, làm cho nó trở lại kích thước cũ, rồi mang vào đặt trong tay hoàng tử. Hoàng tử đón nhận. Không nán ná lâu hơn nữa, ngay sáng hôm sau chàng lên ngựa, cùng đoàn tùy tùng thường lệ, mang về dâng lên phụ vương.

Vẫn cho rằng một cái lều như mình đòi hỏi không thể nào có được, nhà vua cực kỳ ngạc nhiên trước sự nhanh lẹ của con trai. Vua nhận lấy, và tỏ lời thán phục về kích thước to lớn của nó, khi cho đưa nó ra dựng thử ở cánh đồng mà chúng ta đã biết. Giá cho hai đạo quân, đạo nào cũng đông cũng lớn như quân của vua, trú vào trong ấy vẫn còn rộng chán. Sự vua có thể cho rằng như vậy e có phần bất tiện trong khi sử dụng chẳng, hoàng tử không quên nói rằng kích thước của lều bao giờ cũng tương ứng với quy mô đội quân cần trú trong đó.

Bề ngoài, vua nước Ấn Độ tỏ lời cảm ơn hoàng tử đã tặng mình một món quà tuyệt diệu, và nhờ chàng thay mặt mình cảm tạ tiên nữ Pari Banu. Để cho chàng thấy rõ hơn lòng kính nể tiên nữ, vua truyền lệnh cất giữ cẩn thận lều vải vào kho báu của mình. Nhưng trong thâm tâm, vua cảm thấy một sự ganh tị sâu cay hơn cả những gì bọn nịnh thần và mục phù thủy đã khêu gợi, khi chợt nghĩ rằng, nhờ có nàng tiên, con trai vua có thể làm được những việc vô cùng to lớn hơn khả năng của chính vua, cho dù vua đã rất hùng mạnh và giàu có. Bởi vậy, vua càng nóng lòng hơn trước tìm mọi cách làm cho chàng lâm nguy. Vua lại hỏi ý kiến của mục phù thủy. Mục này khuyên vua nên đòi hỏi hoàng tử mang đến cho mình nước lấy từ Giếng Sư Tử.

Buổi chiều, trong khi nhà vua thiết triều như thường lệ, nhân có mặt hoàng tử Atmét ở đấy, vua nói với chàng:

- Con ạ, cha đã nói rõ với con, cha biết ơn con nhiều về tặng vật mà con đã tìm được cho cha, cha coi đó là vật quý giá nhất trong kho báu của mình. Bây giờ, vì cha, con hãy làm một việc nữa nó cũng sẽ làm cho cha vui thích không kém. Cha được biết tiên nữ vợ con vẫn dùng một loại nước lấy từ Giếng Sư Tử, có thể chữa lành mọi cơn bệnh hiểm nghèo nhất. Vì cha tin rằng sức khỏe của cha là điều rất quý báu đối với con, cho nên cha chẳng nghi ngờ gì, con sẽ xin một lọ và mang về đây cho cha, coi như một thần dược mà cha có thể cần tới bất cứ lúc nào. Con hãy giúp cha công việc hệ

trọng ấy, cha hết sức tin tưởng ở tình thương yêu của một đứa con hiếu thảo đối với một bậc cha hiền.

Hoàng tử Atmét cho rằng vua cha hẳn đã bằng lòng về cái lễ kỳ lạ và lợi ích của nó, và sẽ không bắt buộc chàng phải làm một việc gì khác khiến chàng phải khó xử với tiên nữ Pari Banu. Vừa nghe lời đòi hỏi mới, chàng đã sững sờ, mặc dù tiên nữ đã quả quyết là sẽ làm cho chàng tất cả những gì thuộc phạm vi quyền lực của nàng. Sau một hồi im lặng, chàng nói:

- Tâu phụ vương, xin phụ vương tin chắc rằng con sẵn sàng làm tất cả mọi việc khả dĩ góp phần kéo dài tuổi thọ của Người, nhưng con ước mong được làm như vậy mà không có sự giúp đỡ của vợ con. Chính vì vậy mà con chưa dám hứa sẽ mang được thứ nước thần ấy về. Tất cả những gì con có thể làm là con sẽ ngỏ lời xin, nhưng với tất cả sự ngại ngần như con đã làm về chuyện cái lễ vậy.

Ngày hôm sau hoàng tử Atmét trở về cạnh tiên nữ Pari Banu. Chàng kể cho nàng nghe một cách chân thành và trung thực tất cả những việc mình đã làm và những gì đã xảy ra tại triều đình phụ vương khi chàng dâng cái lễ, mà vua đã nhận với lòng cảm tạ nàng sâu xa. Chàng cũng không quên nói đến đòi hỏi mới mà nhà vua sai chàng đặt ra với vợ, rồi nói thêm:

- Bà hoàng của tôi ơi, tôi nêu ra như vậy chỉ là để thuật lại cho nàng nghe những gì đã xảy ra giữa cha tôi và tôi. Ngoài ra, nàng có quyền cho hay bác bỏ điều Người xin, tôi chẳng quan tâm gì về việc đó, tôi chỉ muốn điều gì nàng muốn mà thôi.

- Không, không, – tiên nữ Pari Banu đáp – em rất vui lòng thấy đức vua nước Ấn Độ biết rằng em không hờ hững với chàng. Em muốn làm vừa lòng Người. Và cho dù mục phù thủy có đưa ra với Người lời khuyên gì chẳng nữa (em biết vua đang nghe lời của mục), chàng và em, chúng ta cũng không thể nào không thực hiện. Điều Người đòi hỏi khá độc ác đấy, hãy nghe đây rồi chàng khắc hẳn, Giếng Sư Tử nằm giữa sân một tòa lâu đài lớn, cổng ra vào được bốn con sư tử hùng mạnh nhất canh giữ, cứ hai con ngủ thì hai con thức. Nhưng xin chàng chớ kinh hãi, em sẽ bày cho chàng cách đi qua giữa chúng mà chẳng gặp chút nguy hiểm nào.

Lúc ấy tiên nữ Pari Banu đang khâu, nhân tiện bên cạnh có nhiều cuộn chỉ, nàng lấy một cuộn đưa cho chàng hoàng tử và nói:

- Trước hết, chàng hãy giữ lấy cuộn chỉ này, lát nữa em sẽ nói với chàng cách dùng. Thứ hai, hãy cho thắng sẵn hai con ngựa, một con chàng sẽ cưỡi, còn con kia dắt theo, chở một con cừu đã được xẻ làm bốn mảnh, mà ta phải mổ thịt ngay bây giờ. Thứ ba, chàng phải mang theo một cái vò để múc nước, từ giờ đến sáng mai em sẽ sai đưa vò tới cho chàng.

Sáng mai, chàng sẽ lên ngựa thật sớm, tay dắt theo con ngựa kia. Ra ngoài cổng sắt rồi, chàng sẽ tung cuộn chỉ về phía trước, nó sẽ lăn và tiếp tục lăn mãi cho tới cổng lâu đài. Chàng hãy đi theo, bao giờ cuộn chỉ dừng lại chàng sẽ trông thấy bốn con sư tử, vì cổng lâu đài để ngỏ. Hai con sư tử còn thức sẽ gầm lên, đánh thức nốt hai con kia cùng dậy. Xin chàng chớ sợ hãi, mà hãy ngồi yên trên mình ngựa và quang cho mỗi con một phần tư con cừu. Xong, chớ để mất thời giờ, chàng hãy nhẹ nhàng thúc con ngựa đến tận giếng nước. Cũng đừng đặt chân xuống đất mà cứ ngồi trên ngựa vục cho đầy vò rồi nhẹ nhàng trở lại ngay. Các con sư tử mãi ăn, sẽ để cho chàng ra cổng tự do.

Sáng hôm sau, hoàng tử Atmét lên đường vào giờ tiên nữ Pari Banu đã định, và thực hiện đúng từng điểm một những việc nàng dặn dò. Đến cổng lâu đài, chàng chia cho bốn con sư tử bốn mẩu thịt, rồi sau khi dừng cảm đi qua giữa chúng, chàng vào tận giếng nước. Múc nước đổ đầy vò, chàng trở lại, ra khỏi lâu đài bình yên vô sự giống như khi vào. Đi được một quãng khá xa, chàng quay đầu lại thì thấy hai con sư tử đang chạy tới phía mình. Không sợ hãi, chàng rút kiếm ra, chuẩn bị tự vệ, chàng thấy đi theo được một quãng, một con sư tử tránh sang một bên rồi vẫy đuôi tỏ vẻ nó không phải đến để chực làm hại chàng, còn con kia vẫn đi theo nó. Thế là chàng tra gươm vào vỏ, và cứ vậy tiếp tục cuộc hành trình cho tới kinh thành nước Ấn Độ. Hai con sư tử vẫn đi theo mãi tới khi chàng tới trước cửa hoàng cung. Đợi chàng vào xong, chúng mới quay trở lại con đường cũ, không khỏi gây nên kinh hoàng cho dân chúng, người thì chạy trốn về phía này, kẻ thì ẩn nấp ở phía kia, mặc dù hai con vật cứ bước đều và không tỏ ra vẻ gì hung dữ.

Nhiều võ quan đến giúp hoàng tử xuống ngựa, đưa chàng đến tận nơi vua ở, tại đây vua đang bàn bạc với các sủng thần. Chàng tiến đến gần, đặt cái vò dưới chân ngài, cúi hôn tẩm thơm trái trên bậc, rồi đứng lên nói:

- Tâu phụ vương, đó là loại nước thần mà bệ hạ muốn xếp bên cạnh những vật quý báu và hiếm hoi nhất trong kho báu của Người, con xin chúc Người luôn luôn mạnh khỏe, không bao giờ phải dùng đến thuốc này.

Hoàng tử chúc tụng xong, vua cho ngồi bên phải mình rồi nói:

- Con ạ, ta cảm tạ món quà của con, nó cũng to lớn như nỗi hiểm nghèo mà con đã vì ta dấn thân vào (vua đã được mù phù thủy cho hay trước về cái Giếng Sư Tử và nỗi nguy hiểm cho những ai muốn đến lấy nước ở giếng đó). Xin vui lòng cho ta biết con đã khéo léo thế nào, hoặc dũng mãnh ra sao mà kết quả như vậy?

- Tâu phụ vương, – hoàng tử Atmét đáp – con chẳng có gì đáng để phụ vương khen ngợi, tất cả đều nhờ ở tiên nữ vợ con, con chẳng tự thấy mình có vinh quang nào khác hơn là nghe theo những lời khuyên nhủ của nàng.

Thế rồi chàng thuật lại tỉ mỉ những lời khuyên bảo của tiên nữ cũng như

cách xử sự của mình. Nhà vua nghe, tuy bề ngoài tỏ vẻ rất mừng vui, nhưng bên trong rất ganh tị, – sự ganh tị này chỉ có tăng lên chứ không giảm bớt. Sau khi chàng nói xong, vua liền đứng dậy và cáo lui vào trong, ở đây đã có mặt mũ phù thủy mà vua vừa cho đi tìm.

Mũ phù thủy không phiền nhà vua thuật cho nghe về hoàng tử Atmét và chuyến đi thành công của chàng. Mũ đã hay tin qua lời đồn đại và đã chuẩn bị một phương sách không thể nào sai, theo như mũ nghĩ. Mũ truyền lại cho vua phương sách ấy. Sáng hôm sau giữa đông đủ triều thần, vua nói với hoàng tử Atmét:

- Con ạ, cha chỉ còn yêu cầu con mỗi một việc nữa mà thôi, sau đó cha chẳng đòi hỏi con hoặc tiên nữ vợ con phải vâng lời cha một điều gì khác. Con hãy đưa đến cho ta một người đàn ông thân không cao hơn một bộ rưỡi, mà râu thì dài hơn ba mươi bộ, người ấy vác trên vai một thanh sắt nặng năm trăm cân, mà ông ta dùng làm một cái gậy có hai đầu và lại còn biết nói nữa.

Hoàng tử Atmét không tin là trên đời này có một người nào diện mạo lạ kỳ như vua vừa đòi hỏi, muốn từ tạ. Nhưng nhà vua cứ nài ép, cho rằng tiên nữ có tài làm những điều còn khó hơn thế nhiều.

Ngày hôm sau, hoàng tử trở về vương quốc dưới đất của tiên nữ Pari Banu, kể cho nàng nghe đòi hỏi mới của phụ vương, mà chàng càng không thể nào tin có được như hai đòi hỏi trước, chàng nói thêm:

- Đối với tôi, không thể tưởng tượng được trong vũ trụ ở đâu có một con người như thế. Chắc cha tôi muốn thử tôi có hành động gì để tìm được con người đó hay không; hoặc nếu quả thật có con người như thế, thì mưu đồ của cha tôi là muốn hãm hại tôi. Quả vậy, làm sao Người lại muốn tôi kiếm được con người nhỏ bé đến thế, lại cầm được thanh sắt nặng như vậy? Tôi phải dùng cách gì để thu phục được người ấy? Nếu quả là có thực, xin nàng gợi chỉ dẫn tôi lối thoát ra khỏi việc này trong danh dự!

- Thừa hoàng tử, – tiên nữ Pari Banu tiếp lời – xin chớ lo lắng. Đi lấy nước thần từ Giếng Sư Tử về cho phụ vương chàng thì có phải trải qua nguy nan đấy, chứ tìm ra một con người như vua đòi hỏi thì không khó đâu. Con người ấy chính là anh trai Saiba của em. Mặc dù là con cùng cha nhưng anh không giống em chút nào. Bản tính anh rất hung bạo; không có gì ngăn được anh ta làm đổ máu, nếu có điều gì xúc phạm đến anh hoặc là có ai làm cho anh bực mình. Ngoài ra, anh lại là con người tốt bụng nhất thế giới, anh sẵn sàng làm giúp những gì người khác mong muốn. Diện mạo anh đúng như phụ vương chàng mô tả, và anh chẳng có khí giới nào ngoài thanh sắt nặng năm trăm cân, thiếu nó thì anh chẳng đi đến đâu, nó khiến cho ai ai cũng vì nể anh. Em sẽ mời anh đến, rồi chàng sẽ xem em nói có đúng sự thật hay không. Nhưng trước hết, xin chàng hãy chuẩn bị tinh thần, chớ khiếp đảm

khi trông thấy hiện lên bộ mặt kỳ dị của anh.

- Bà hoàng của tôi ơi, – hoàng tử Atmét đáp – nàng nói Saiba là anh ruột của nàng ư? Cho dù anh ta xấu xí và dị dạng tới đâu chẳng nữa, không những tôi sẽ không khiếp sợ khi nhìn thấy anh, mà riêng điều đó thôi cũng đủ làm cho tôi yêu mến, kính trọng và coi anh như người thân gần gũi nhất của mình.

Tiên nữ sai mang ra hành lang của cung điện một cái lò nhỏ bằng vàng đựng đầy lửa và một cái hộp cũng bằng vàng. Nàng lấy từ cái hộp ra một thứ hương liệu cất trong đó. Nàng vừa ném hương liệu vào lửa, một ngọn khói dày đã bốc lên. Một lát sau tiên nữ nói với hoàng tử Atmét:

- Thưa hoàng tử, ông anh trai em đến kia, chàng có thấy không?

Hoàng tử nhìn, và nhận ra Saiba, người không cao hơn bộ rưỡi, đang trịnh trọng bước tới, trên vai là chiếc côn sắt nặng năm trăm cân, râu cằm rất rậm, dài tới ba mươi bộ vênh ra phía trước, râu mép cũng rậm rịt như vậy xoắn lên tận tai và che gần kín mặt. Hai con mắt lợn sâu hoắm thụt vào đầu. Đầu thì to tướng, đội một chiếc mũ nhọn. Thêm vào đó Saiba đã u trước ngực lại gù sau lưng.

Giá hoàng tử không được báo trước Saiba là anh của Pari Banu thì trông thấy con người ấy, chàng đã khủng khiếp. Nhưng tình họ hàng làm cho chàng yên tâm cùng tiên nữ chờ đợi và đảng hoàng đón tiếp anh vợ không lộ vẻ gì sợ hãi.

Saiba vừa bước tới vừa nhìn hoàng tử Atmét với đôi mắt có thể làm chàng sờn tóc gáy, rồi hỏi Pari Banu người này là ai. Nàng đáp:

- Thưa anh, đó là chồng em, tên chàng là Atmét, chàng là con trai vua nước Ấn Độ. Sở dĩ em không mời anh đến dự lễ cưới của chúng em, là vì em không muốn anh bỏ dở chuyến đi của anh. Em cũng vừa được biết anh trở về thắng lợi. Chính vì vậy mà em dám tự tiện mời anh đến hôm nay.

Nghe nói vậy, Saiba nhìn hoàng tử bằng con mắt dịu dàng hơn, tuy nó cũng chẳng làm giảm được chút nào vẻ kiêu hùng và dữ tợn, anh hỏi:

- Em gái à, ta có thể giúp chú ấy được việc gì? chú cứ việc nói. Chỉ cần chú ấy là chồng của em, thì bất kỳ chú ấy mong muốn gì, anh cũng làm chú ấy hài lòng.

- Phụ vương của chàng nảy ra sự hiếu kỳ muốn được nhìn thấy anh, – Pari Banu đáp – em xin anh hãy cho chàng được là người dẫn đường cho anh.

- Chú ấy cứ việc đi trước, ta sẵn sàng đi theo.

- Thưa anh, – Pari Banu nói – bây giờ quá muộn để làm chuyến đi ấy, xin anh vui lòng cho để tới sáng mai. Tuy nhiên, anh cần hiểu rõ việc gì đã xảy

ra giữa vua Ấn Độ và hoàng tử Atmét kể từ khi chúng em thành hôn, em sẽ nói để anh nghe ngay tối nay.

Sáng hôm sau, Saiba đã biết rõ những gì cần phải biết và lên đường rất sớm; có hoàng tử Atmét đi theo. Chàng sẽ giới thiệu anh với nhà vua. Họ đến kinh thành. Saiba vừa xuất hiện ở cổng thành, tất cả những người trông thấy đều hoảng kinh trước một vật xấu xí như vậy liền bỏ trốn. Người này thì chui vào các cửa hiệu hoặc nhà ở rồi đóng chặt cửa lại, người khác thì tháo chạy như bị ma đuổi. Gặp ai họ cũng truyền lại nỗi khủng khiếp của mình, khiến những người này cũng bỏ chạy hết mà chẳng ngoái cổ nhìn lại đằng sau. Do đó Saiba và hoàng tử Atmét đến đâu cũng thấy phố phường vắng teo, ngay cả quảng trường công cộng và cả hoàng cung cũng thế. Lính canh cổng đáng lẽ phải ráng sức ngăn chặn Saiba, đều bỏ ngỏ cổng hoàng thành, mỗi tên chuồn một ngả. Hoàng tử và Saiba vào tận phòng thiết triều mà không gặp ai, ngoài nhà vua thiết triều đang ngồi trên ngai, vì quân cấm vệ đã bỏ chạy khi trông thấy Saiba.

Saiba ngẩng cao đầu, kiêu hãnh tiến tới sát ngai vàng, và không đợi hoàng tử Atmét giới thiệu, lên tiếng quát hỏi vua nước Ấn Độ như sau:

- Người gọi ta, ta đến đây. Người muốn gì ta nào?

Nhà vua không trả lời, lại đưa tay che mắt và quay đầu đi để khỏi nhìn thấy một vật gớm ghiếc đến thế. Bất bình vì sự đón tiếp không lịch sự và đầy xúc phạm, mặc dù mình đã theo lời mời mà chịu vất vả đến đây, Saiba giơ cao chiếc gậy sắt lên thét “Nói đi nào” rồi giáng xuống đầu nhà vua, đập chết ngay, trước khi hoàng tử Atmét kịp nghĩ tới chuyện xin tha tội cho cha mình. Chàng ngăn anh vợ đừng đập chết viên tể tướng, đang đứng không xa nhà vua, về bên phải, bằng cách nói rằng ông này chỉ đáng khen ngợi về những lời khuyên tốt đối với cha mình.

- Còn bọn kia là những tên dèm pha xúc Xiêm, có phải không?

Saiba vừa hét vừa đập chết các đại thần khác đứng hai bên tả hữu, tất cả đều là nịnh thần của nhà vua và kẻ thù của hoàng tử Atmét. Cứ một gậy vung lên là một tên bỏ mạng; trừ những người, nhờ không quá khiếp đảm đến nỗi cứng chân, đã kịp chạy tháo thân. Cuộc hành hình ghê gớm kết thúc, Saiba ra khỏi phòng thiết triều. Đến giữa sân, chiếc gậy sắt vẫn vác trên vai, mắt nhìn theo viên tể tướng đang đi theo hoàng tử Atmét, người vừa cứu ông thoát chết, Saiba hỏi:

- Ta biết ở đây còn có một mục phù thủy nào đó, còn thù ghét hoàng tử em rể ta hơn cả bọn sủng thần xấu xa mà ta vừa trị tội kia; hãy đưa mục ấy đến đây cho ta!

Tể tướng cho người đi tìm và dẫn mục đến. Saiba liền giơ gậy sắt đập chết

tươi mụ phù thủy và bảo:

- Mà hãy đi và học cách đưa ra những lời khuyên rắn độc địa và giả vờ làm người ốm!

Saiba nói tiếp:

- Như vậy cũng chưa phải hết đâu, ta sẽ đập chết như thế này cả thành phố, nếu mọi người không thừa nhận ngay tức khắc hoàng tử Atmét em rể của ta là vua của họ và là vua toàn nước Ấn Độ.

Lập tức, hết tất cả những người có mặt liền đồng thanh hô to: “Hoàng đế Atmét vạn tuế.”

Chẳng mấy chốc, cả kinh thành vang dậy tiếng hoan hô của dân chúng và đó cũng là tiếng dân chúng phong vương. Saiba sai người mặc hoàng bào cho hoàng tử, đặt chàng ngồi lên ngôi báu. Sau khi buộc mọi người làm lễ chúc tụng và thề trung thành với vua mới, Saiba đi đón tiên nữ Pari Banu, em gái mình, rước vào triều một cách cực kỳ trọng thể, rồi phong làm hoàng hậu Ấn Độ. Còn về hoàng tử Ali và công chúa Nurunniha, vì họ chẳng hề dính dáng gì đến âm mưu chống hoàng tử Atmét, người vừa được trả thù, hơn nữa họ cũng không hề hay biết chuyện ấy, hoàng tử Atmét phong cho họ một tỉnh rất quan trọng kể cả thủ phủ của nó để làm thái ấp. Họ sống ở đấy đến trọn đời. Hoàng tử cũng phái một viên quan đến gặp hoàng tử Hutexanh, ông anh cả, báo cho anh biết sự thay đổi trong triều, và yêu cầu chàng hãy tự chọn lấy trong nước một tỉnh nào mình thích, để làm nơi sở hữu riêng. Nhưng hoàng tử Hutexanh lại khước từ vì đã tìm thấy hạnh phúc trong cảnh cô đơn.

Chàng nhờ viên quan thay lời mình cảm tạ nhà vua em trai của mình về nhã ý ấy. Chàng sẵn lòng thần phục vua mới, và nhờ tâu rằng ân huệ duy nhất mà chàng cầu xin là được tiếp tục sống trong cảnh ẩn dật như mình đã lựa chọn.

CHUYỆN HAI NGƯỜI CHỊ GANH TỊ VỚI CÔ EM ÚT HAY LÀ CON CHIM BIẾT NÓI

Nàng Sêhêrazát đêm đêm vẫn kể chuyện cho vua Saria nghe. Đêm ấy nàng kể tiếp một câu chuyện như sau:

- Tàu bệ hạ, ngày xưa có một hoàng tử nước Ba Tư tên là Khôrusát. Chàng vừa đến tuổi trưởng thành, đã thích những chuyến đi chơi la cà ban đêm. Chàng thường cùng mấy võ quan tâm phúc cũng cải trang như chàng đi sâu vào các khu dân cư trong thành phố. Chàng từng gặp lắm chuyện đến là kỳ cục, mà hôm nay tôi chưa kể hầu bệ hạ được hết. Tôi chỉ thuật lại chuyện đã xảy ra cho chàng ngay trong chuyến xuất hành đầu tiên, kể từ ngày chàng lên ngôi báu thay cha trị vì đất nước. Phụ vương chàng qua đời vì tuổi tác quá cao, để lại cả vương quốc Ba Tư cho chàng thừa kế. Sau những nghi lễ thường lệ nhân dịp đăng quang và sau khi lễ tang của phụ vương kết thúc, vị tân vương Khôrusát, vừa do sở thích vừa vì nghĩa vụ, muốn tự mình biết rõ những gì xảy ra trong kinh thành. Vua liền cùng tể tướng hóa trang, rời hoàng cung vào khoảng hai, ba giờ sáng. Đi qua một khu phố của những người dân thường, đến con đường nọ, vua nghe có tiếng nói khá to. Vua tiến đến gần ngôi nhà có tiếng ồn, nhìn qua khe cửa, trông thấy ánh đèn và ba chị em gái ngồi chung trên một trường kỷ, đang chuyện trò với nhau. Qua lời của cô lớn tuổi nhất, vua biết ngay họ đang nói chuyện gì.

- Bởi vì chúng ta đang nói chuyện ước mơ, – cô này nói – vậy thì ước mơ của tôi là được lấy người thợ làm bánh mì của nhà vua làm chồng. Rồi tôi sẽ tha hồ ăn đến thỏa thích loại bánh cực ngon mà người ta gọi rất đúng là “bánh mì của hoàng đế”.

- Còn em ấy à, – người chị hai nói – ước mơ của em là lấy được người bếp trưởng của nhà vua. Em sẽ được ăn những món nấu tuyệt diệu, bởi vì trong hoàng cung bánh mì chẳng thiếu giống, em chẳng lo không có bánh mì ăn. Thế là, chị thấy không, – cô quay sang nói thêm với người chị cả – em sành hơn chị đấy.

Cô gái út, một người có nhan sắc rất đẹp, dáng điệu dễ thương và thông minh hơn nhiều so với hai cô chị, đến lượt mình ước:

- Về phần em, các chị ơi, ước mơ của em chẳng phải ít ỏi thế đâu, em còn muốn bay cao hơn nữa. Vì đây chỉ là chuyện ước mơ, vậy thì em ước được làm bà hoàng hậu. Em sẽ sinh cho nhà vua một hoàng tử có mái tóc một bên là vàng một bên là bạc, khi nào nó khóc thì những giọt nước mắt đều biến thành ngọc trai và mỗi lần nó mỉm cười thì từ đôi môi đỏ như son của nó hiện lên một đóa hoa hồng vừa mới nở.

Vua Khôrusát, thấy lời ước của ba cô gái, đặc biệt là của cô em út, độc

đáo đến mức vua muốn làm cho nó biến thành sự thật. Không nói rõ những suy nghĩ ấy với tể tướng, vua dặn ông hãy chú ý nhìn kỹ ngôi nhà, để sáng hôm sau, tới mời tất cả ba cô đến gặp nhà vua.

Thi hành lệnh của nhà vua, ngày hôm sau tể tướng đến bảo gọn lỏn ba cô là nhà vua muốn gặp. Chỉ để cho các cô vừa đủ thời giờ mặc áo xong, ông dẫn họ đến hoàng cung, đưa ra mắt vua. Vua hỏi:

- Hãy nói cho ta nghe, các cô còn nhớ những lời ước đêm hôm qua, khi đang chuyện trò vui vẻ không? Chớ giấu giếm nữa, ta muốn biết rõ các cô đã nói những gì. Lời nhà vua làm cho cả ba chị em hết sức bối rối, vì họ không ngờ. Họ cúi nhìn xuống, mặt đỏ bừng. Cô em út càng đỏ mặt trông càng xinh, khiến nhà vua đem lòng yêu thật sự. Vì xấu hổ, và sợ câu chuyện của mình xúc phạm tới nhà vua, ba chị em đều im thin thít. Thấy vậy vua nói cho họ yên tâm:

- Chớ có sợ, ta không đòi các cô tới đây để bắt tội các cô. Ta thấy câu hỏi vừa rồi của ta làm cho các cô lo âu, như vậy là ngược với ý ta. Hơn nữa ta cũng đã biết rõ người nào ước điều gì. Cô này, – vua nói tiếp – cô này muốn được lấy ta làm chồng, lời ước của cô sẽ được thực hiện ngay hôm nay. Còn hai cô này, – vua nói với người chị cả và người chị hai – ta cũng cho một cô kết hôn với người thợ làm bánh cho ta, và cho một cô lấy người bếp trưởng của ta.

Nhà vua vừa dứt lời, cô gái út, vội phủ phục dưới chân vua để cảm tạ. Nàng nói:

- Tâu bệ hạ, lời ước của em, mà bệ hạ đã rõ, chẳng qua là điều nói vui trong lúc chuyện trò. Em không xứng đáng với vinh dự đó. Xin bệ hạ hãy tha cho em tội quá bạo gan!

Hai người chị cũng bắt chước em từ tạ, nhưng nhà vua đã ngắt lời:

- Không, không, không thể nào khác. Lời ước của mỗi người phải được thực hiện.

Các lễ cưới được tổ chức ngay ngày hôm đó, đúng như lời truyền của nhà vua, song có sự khác biệt lớn.

Đám cưới cô út được tổ chức huy hoàng, kèm theo hội hè vui chơi, hợp với nghi tiết hôn lễ của một quốc vương Ba Tư. Trong khi đám cưới của hai người chị chỉ cử hành theo nghi thức hợp với địa vị của chồng họ, tức là người thợ cả làm bánh mì và người đầu bếp trưởng của nhà vua.

Hai người chị nhận thấy sâu sắc sự cách biệt vô biên giữa đám cưới của họ và đám cưới của cô út. Nhận xét đó làm cho họ, không những không bằng lòng vì hạnh phúc ước gì được nấy của mỗi người, nó vốn cũng đã cao xa nhiều lắm so với địa vị thường ngày của họ, lại còn sinh lòng ganh tị sâu

cay. Lòng ganh tị này không những làm vẩn đục niềm vui của chính họ mà còn gây cho cô út những điều bất hạnh lớn, sự nhục mạ và đau khổ không thể nào tả xiết.

Lúc đầu, họ cũng chưa có trao đổi với nhau suy nghĩ về sự lựa chọn của nhà vua mà họ cho là làm thiệt hại cho mình, vì còn lo sửa soạn lễ cưới. Nhưng, có dịp gặp lại nhau mấy ngày sau đó, trong một nhà tắm công cộng mà họ hẹn hò từ trước, người chị bảo cô hai:

- Này em! Em nghĩ thế nào về con út của chúng ta? Bộ nó có đáng được làm hoàng hậu không?

- Thú thật em chả hiểu ra làm sao cả, – cô em đáp – em không hiểu nhà vua say mê nó về nỗi gì, để đến nỗi mù quáng như vậy. Nó chỉ là một con bú dũ, chị em ta đã nhìn chán mắt và hiểu rõ tính tình của nó rồi. Nó chỉ có trẻ hơn hai chị em chúng ta chút đỉnh thôi, chẳng nhẽ vì lý do đó mà nhà vua lại không chọn chị? chị xứng đáng làm hoàng hậu hơn. Công bằng ra, nhà vua chọn chị mới phải.

- Em ạ, – người chị cả nói – đừng nói về chị. Chị hẳn chẳng có ý kiến gì nếu nhà vua chọn em, đằng này lại đi chọn một con bần như cú, do đó chị buồn phiền. Việc này em cũng như chị, chúng ta phải báo thù. Chính vì vậy chị cần em hợp sức với chị, việc là việc chung của cả hai chị em ta mà. Em có nghĩ ra cách gì làm nhục nó thì tin cho chị rõ, chị hứa là về phần mình, nếu tìm ra được cách gì làm cho nó ê chề đau đớn là chị bảo cho em biết ngay.

Từ ngày ấy, hai chị em gặp nhau luôn, và mỗi lần gặp nhau đều bàn bạc đường đi nước bước để phá hoại hạnh phúc của hoàng hậu, em út của mình. Họ tính toán nhiều cách, nhưng khi tính chuyện bắt tay vào việc thì thấy cách nào cũng khó khăn quá lớn, không ai có gan làm. Tuy vậy, thỉnh thoảng họ lại cùng đến thăm em út, lần nào cũng giả vờ thật khéo léo để tỏ tình thân yêu và làm cho cô em tưởng họ vô cùng hoan hỉ được có một người em làm mẫu nghi thiên hạ như thế này. Về phần mình, bao giờ hoàng hậu cũng tiếp họ chân tình và kính trọng đúng như một đứa em hiền không vì địa vị cao sang làm cho hư hỏng, mà vẫn thật lòng thương yêu nhau như thuở còn hàn vi.

Mấy tháng sau ngày cưới, hoàng hậu thụ thai. Nhà vua rất đổi vui mừng. Niềm vui ấy không những chỉ có trong hoàng cung mà còn lan rộng khắp các phố phường của kinh thành nước Ba Tư. Hai người chị đến chúc mừng em. Nghĩ tới chuyện cần có bà đỡ để giúp cho nàng lúc cái thai trọn ngày mãn tháng, họ xin nàng hãy chọn họ chứ đừng chọn ai khác làm người đỡ.

Hoàng hậu đáp rất nhã nhặn:

- Các chị ơi, em không mong gì hơn được như thế. Nếu tự em được quyền lựa chọn, xin hai chị tin cho lòng em như vậy. Em vô cùng biết ơn tấm lòng tốt của hai chị. Nhưng nhà vua truyền thế nào em phải vâng theo thế ấy. Xin các chị hãy nói với các anh ở nhà lấy tình quen biết mà cũng tâu xin nhà vua ban cho ân huệ ấy. Nếu nhà vua nói chuyện đó với em, thì xin các chị tin rằng không những em tỏ ý vui mừng, mà còn cảm tạ Người đã chọn hai chị gái giúp làm bà đỡ cho em.

Hai người chồng, mỗi người đều đi tìm riêng các vị quan văn che chở cho mình, nhờ họ dùng ảnh hưởng để xin phép vua cho hai người chị gái được vinh dự làm bà đỡ cho hoàng hậu. Việc làm của họ có hiệu quả. Nhà vua hứa sẽ lưu tâm tới chuyện đó.

Nhà vua giữ lời hứa. Trong một buổi nói chuyện riêng với hoàng hậu, vua nói mình thấy hai bà chị gái là những người thích hợp hơn bất cứ bà đỡ xa lạ nào trong việc giúp hoàng hậu lúc mãn nguyệt khai hoa, nhưng nhà vua chưa muốn cử họ trước khi bàn bạc với hoàng hậu. Cảm kích trước thái độ của vua đối với mình, hoàng hậu nói:

- Tâu bệ hạ, em chỉ biết sẵn sàng tuân theo ý của bệ hạ. Nhưng vì Người đã hạ cố nghĩ tới hai chị gái của em, em xin cảm tạ Người đã vì thương em mà quan tâm tới họ. Về phần em, em không dám giấu rằng mình rất vui thích được có hai chị gái đỡ dần hơn là người xa lạ. Thế là nhà vua cử hai người chị gái của hoàng hậu làm bà đỡ cho nàng. Từ đây, người nào cũng ra vào cung cấm với niềm vui sướng là đã tìm được cơ hội đúng như mong muốn để thực hiện âm mưu độc ác mà họ đã nghiền ngẫm từ lâu, hòng làm hại hoàng hậu em gái út của mình.

Đủ tháng đủ ngày, hoàng hậu sinh hạ mẹ tròn con vuông một hoàng tử xinh như mộng. Nhưng sự xinh xắn và bé bỏng của cháu bé vẫn không thể làm động lòng những người chị bất nhân. Họ cuộn hoàng tử vào mấy tấm tã sơ sài, đặt vào cái làn, rồi thả trôi theo dòng nước vẫn chảy qua trong hào đào bên dưới cung của hoàng hậu. Rồi họ đưa ra một con chó con chết và rêu rao rằng đó là đứa con hoàng hậu sinh hạ. Nghe tin xấu xa ấy, nhà vua nổi cơn thịnh nộ, và có thể làm cho hoàng hậu mất đầu, nếu không nhờ có tể tướng can gián. Ông này nói rằng, nếu nhà vua đổ cho hoàng hậu phải chịu trách nhiệm về sự kỳ quái của tự nhiên, thì làm sao tránh khỏi mang tiếng bất công. Cái làn đựng hoàng tử được dòng nước đưa ra tận bên ngoài dãy tường thấp bao quanh cung của hoàng hậu, và tiếp tục trôi ngang qua vườn ngự uyển. Tình cờ viên quan trông nom các vườn tược của nhà vua, một trong các vị đại thần được trọng vọng nhất vương quốc hôm đó đi dạo dọc theo bờ hào. Trông thấy cái làn nổi bồng bênh, ông ta gọi một người làm vườn lúc ấy đang ở gần, trở cho anh ta thấy và bảo:

- Hãy mau mau lấy và mang cái làn ấy cho ta, thử xem trong ấy có gì!

Người làm vườn đến bên cạnh con hào, đưa cái thùng đang cầm ở tay khéo léo kéo cái làn vào, rồi mang đến cho vị quan.

Vị quan trông nom các vườn tược của nhà vua cực kỳ ngạc nhiên thấy trong làn có một em bé, một em bé cho dù sơ sinh – điều này chỉ nhìn qua cũng đủ biết – nhưng đã có những nét đẹp đẽ vô ngần. Vị quan này lấy vợ đã lâu và vẫn mong ước được đưa con nối dõi, nhưng trời vẫn chưa cho. Ông liền bỏ cuộc đi dạo, sai người làm mang cái làn, cùng em bé theo mình trở về nhà. Về đến nhà riêng cũng ở ngay trong khu vườn thượng uyển, ông vào thẳng buồng riêng của vợ:

- Bà ơi, – ông nói – chúng ta không có con trai, trời mang lại cho ta một đứa con đây này. Tôi kỳ thác cho bà đấy, bà hãy mau mau tìm cho nó một vú nuôi. Bà hãy chăm sóc nó, coi nó như con trai của chúng ta vậy. Từ giờ phút này, tôi nhận nó là con trai của tôi.

Bà vợ mừng rỡ đón đứa con, và rất lấy làm sung sướng được nuôi nấng nó. Vị quan không muốn tìm hiểu sâu đứa con từ đâu đến. Ông tự nhủ: “Ta nhìn thấy rõ là nó trôi từ phía cung của hoàng hậu đến, nhưng ta không có nhiệm vụ kiểm tra những chuyện xảy ra trong cung cấm, gây rối ren ở một nơi rất cần sự yên tĩnh.”

Qua năm sau, hoàng hậu lại sinh hạ một hoàng tử khác. Hai người chị gái độc ác cũng chẳng thương xót gì cháu bé này hơn anh của nó. Họ lại cho vào cái làn vớt xuống dòng hào, rồi lại rêu rao hoàng hậu lại vừa sinh hạ ra một con mèo. May mắn sao cho chú bé, vị quan trông coi vườn tược lúc ấy cũng có mặt bên dòng nước, sai vớt lên rồi mang về cho bà vợ, giao cho bà làm việc này theo ý tốt của chồng mà cũng để thỏa lòng mong ước của chính mình nữa.

Lần này, quốc vương Ba Tư còn bất bình với hoàng hậu hơn lần bà sinh đẻ trước. Vua đã thật sự đổ cơn giận lên đầu nàng, nếu không có những lời can gián của tể tướng cố sức thuyết phục vua nghĩ lại. Hoàng hậu sinh nở lần thứ ba nữa, lần này không phải là hoàng tử mà là một công chúa. Cháu bé vô tội lại chịu chung số phận với hai hoàng tử anh trai mình. Hai người chị quyết tâm chưa chấm dứt âm mưu xấu xa của mình chừng nào hoàng hậu chưa bị hất hủi, bị xua đuổi và bị làm nhục. Họ lại làm như hai lần trước là thả công chúa xuống dòng nước hào. Cháu bé lại được cứu thoát, nhờ lòng thương xót và nhân hậu của vị quan và được nuôi nấng, dạy dỗ cùng với hai anh trai. Cùng với việc làm vô nhân đạo, hai người chị lại nói năng gian trá y như hai lần trước.

Họ đưa ra một mẫu gỗ, rồi quả quyết hoàng hậu vừa đẻ ra một con cá lép kẹp.

Nghe chuyện sinh nở kỳ cục này thì vua Khôrusát không sao nén giận được nữa, vua nói:

- Hừ, con mụ này không xứng đáng làm vợ ta. Nếu để cho mụ sống, hẳn mụ sẽ đẻ đầy cung của ta những con quái vật. Không, không thể nào như vậy được, chính mụ ấy cũng là một quái vật, mà ta phải quét sạch khỏi thế gian này.

Vua tuyên án tử hình hoàng hậu, và giao cho tể tướng thực hành mệnh lệnh.

Tể tướng cùng các vị triều thần có mặt lúc ấy vội phủ phục dưới chân vua, van xin vua hủy bỏ bản án. Tể tướng nói:

- Tâu bệ hạ, xin phép được trình bày để Người rõ, xưa nay các đạo luật xử tử hình chỉ đặt ra để trừng phạt các tội ác. Ba lần sinh nở của hoàng hậu, bất thường thật đấy, nhưng không phải là tội ác. Ta có thể kết tội hoàng hậu ở điểm nào trong việc này? Vô số đàn bà đã từng đẻ và ngày nào cũng có người đẻ ra quái thai như vậy. Họ đáng phàn nàn, chứ không đáng bị trừng phạt. Xin bệ hạ đừng nhìn mặt hoàng hậu nữa, nhưng hãy cho bà ấy được sống. Nỗi phiền muộn bị thất sủng đã đủ là một hình phạt khá đau đớn cho bà đến trọn đời rồi.

Vua Ba Tư nghĩ lại. Thấy mình quả là bất công nếu bắt hoàng hậu chịu tội chết vì đã đẻ ra những quái thai, vua nói:

- Thế thì hãy cho nó sống, nếu quả đúng như lời ông nói. Ta sẽ cho nó sống, nhưng với một điều kiện là sống mà ngày nào cũng hơn một lần mong được chết. Hãy cho nó một túp lều gỗ ở ngay cổng giáo đường chính, với một cửa sổ luôn luôn mở. Hãy giam nó vào đó với một bộ quần áo xấu xí nhất. Bất cứ người Hồi giáo nào đến nhà thờ cầu nguyện, đi ngang qua đều phải nhò vào mặt nó. Nếu ai không làm như vậy thì người đó phải chịu cùng một hình phạt như nó. Và để lệnh ta được thi hành nghiêm chỉnh, ta truyền cho ông, tể tướng à, phải đặt người kiểm tra.

Giọng của nhà vua khi tuyên bố bản án này khiến tể tướng không dám hé răng.

Lệnh của vua được thi hành làm cho hai người chị gái ganh tị rất mực hài lòng. Túp lều được dựng xong ngay, và hoàng hậu quả thật đáng thương. Vừa hết tuần ở cũ, theo đúng lệnh của nhà vua, nàng đã bị bêu riếu một cách nhục nhã, làm trò cười và vật khinh khi cho mọi người qua lại. Hình phạt nàng không đáng phải chịu ấy, nàng đã chịu đựng một cách kiên nhẫn, khiến cho những người có sự suy nghĩ lạnh mạnh hơn kẻ tầm thường đều đem lòng khâm phục và thương hại nữa.

Trong thời gian ấy, hai hoàng tử và cô công chúa bé nhỏ được hai vợ

chồng vị quan trông nom các vườn tược của nhà vua nuôi nấng trong tình thương yêu triu mến thật sự của cha mẹ đối với con cái. Hai hoàng tử và công chúa càng lớn lên, thì càng xuất hiện rõ đáng đáp cảnh vàng lá ngọc, nhất là công chúa càng ngày càng ngoan ngoãn, dễ thương không bao giờ mắc phải chuyện dớ dẩn như những đứa trẻ con nhà tầm thường, mà có một vẻ gì đó chỉ có ở những chàng trai và cô gái cảnh vàng lá ngọc mà thôi. Điều ấy càng làm cho hai vợ chồng vị quan thêm yêu mến ba đứa trẻ. Để phân biệt hai con trai theo tuổi tác, họ đặt tên người đầu là Batman, người thứ hai là Pecvizơ, những cái tên cao sang mà các quốc vương nước Ba Tư thời xưa từng lấy làm niên hiệu. Còn công chúa được gọi là Parizat, cũng là tên mà nhiều hoàng hậu và công chúa nước này từng được đặt cho.

Khi hai cậu tới tuổi học hành, vị quan đón một thầy giáo về nhà dạy cho họ tập đọc, tập viết. Nàng công chúa đến chơi xem các anh học, cũng tỏ lòng thích được học, mặc dù còn ít tuổi hơn hai anh. Vị quan lấy làm hoan hỉ về năng khiếu ấy, liền giao cho thầy giáo cùng dạy dỗ luôn. Do lanh lợi, thông minh, cô ganh đua với hai anh, chẳng bao lâu, cô học hành cũng tấn tới, chẳng kém gì hai hoàng tử.

Từ bấy trở đi, hai cậu anh và cô em gái cùng học chung một thầy về tất cả các môn nghệ thuật, địa lý, lịch sử, thi ca, khoa học kể cả môn khoa học huyền bí nữa. Chẳng có môn gì ba anh em cho là khó cả, họ học hành tấn tới kỳ diệu đến nỗi các thầy giáo lấy làm ngạc nhiên và chẳng bao lâu thú thật không chút úp mở rằng nếu cứ theo đà này thì trò sẽ giỏi hơn thầy. Trong những giờ giải lao, công chúa học thêm âm nhạc, tập hát và chơi nhiều loại nhạc cụ. Khi các hoàng tử tập cưỡi ngựa, cô cũng không chịu để cho các anh hơn mình. Cô cũng cùng tập với các anh, thành thử cũng biết cưỡi ngựa, bắn cung, ném gậy và phóng lao thành thạo như các anh; có hôm cô đua ngựa còn cho ngựa phi nhanh hơn cả hai anh trai.

Vị quan trông nom vườn tược của nhà vua cực kỳ vui mừng thấy các con nuôi của mình đều hoàn hảo cả về thể chất và tinh thần, xứng đáng với số tiền chi phí mà ông bỏ ra để giáo dục, vượt xa những gì ông mong đợi vì vậy, ông quyết định chỉ cho các con một khoản tiền còn lớn hơn nhiều nữa.

Cho tới lúc bấy giờ, bằng lòng với ngôi nhà trong khu vực hoàng thành, ông chưa làm nhà nghỉ ở nông thôn. Nay ông mua một ngôi nhà không xa thành phố, chung quanh có nhiều đất đai trồng trọt, đồng cỏ và rừng cây. Thấy ngôi nhà chưa đủ đẹp để và tiện nghi, ông cho phá đi làm lại cái khác đẹp nhất so với cả vùng. Ngày nào ông cũng đến nơi, để tự mình đôn đốc thợ thuyền xây dựng; và cứ một gian vừa xây xong, có thể ở tạm được là ông về ở luôn đấy nhiều ngày, miễn việc công cho phép. Nhờ sự cần mẫn ấy, ngôi nhà chẳng mấy chốc xây xong. Trong khi người ta lo sắm sanh đồ đạc bàn

ghế đất tiền phù hợp với sự tráng lệ của dinh cơ, thì ông lo đôn đốc sửa sang cái vườn mà ông đích thân vẽ kiểu – đây cũng là công việc thông thường của các vị quan to ở nước Ba Tư xưa. Ông còn cho chăm nom thêm một khu rừng thật rộng, xây tường bao quanh rồi thả vào đấy nhiều loại thú rừng để cho hai hoàng tử và công chúa, lúc nào thích thì giải trí bằng cách săn bắn. Khi ngôi nhà ở nông thôn được xây dựng xong đâu vào đấy và có thể ở được rồi, vị quan già đến phủ phục dưới chân vua. Sau khi tâu bày là mình đã phục vụ nhiều năm dưới triều đại của phụ vương đức vua cũng như triều đại này, ông xin được về hưu trí. Vua đồng ý và hỏi thêm ông có muốn vua trọng thưởng gì nữa không. Vị quan già đáp:

- Tâu bệ hạ, thần đội ơn mưa móc của bệ hạ cũng như tiên vương trước đây đã nhiều, nay thật không còn ước ao gì khác hơn là được qua đời trong ân sủng của nhà vua.

Cáo biệt vua Khôrusát, ông lui về ngôi nhà ở nông thôn mà ông vừa cho xây dựng, cùng với hai hoàng tử Batman, Pecviza và công chúa Parizat. Bà vợ ông đã qua đời mấy năm trước. Ông sống với ba con được chừng năm, sáu tháng, thì một hôm lâm bệnh và qua đời đột ngột, đến nỗi không có đủ thời giờ nói cho họ biết nguồn gốc thật của họ, mặc dù ông đã dự định làm như vậy, để họ hiểu và tiếp tục sống cho đàng hoàng như họ đã từng sống cho đến lúc bấy giờ.

Hai hoàng tử Batman, Pecviza và công chúa Parizat từ trước tới nay vẫn cho vị quan trông nom vườn tược của nhà vua là bố đẻ ra mình, vô cùng thương tiếc khi ông qua đời. Họ tổ chức lễ tang xứng đáng với tình yêu và lòng biết ơn đối với người cha vừa quá cố. Hải lòng với số tài sản lớn cha mẹ để lại, họ tiếp tục chung sống với nhau trong cảnh hòa thuận. Các hoàng tử không hề có tham vọng tiến thân ra chốn triều đình, nhằm những chức trọng quyền cao mà chắc họ dễ đạt được nếu họ muốn.

Một hôm, hai hoàng tử đi săn vắng. Công chúa ngồi ở nhà một mình. Chợt có một bà Hồi giáo mộ đạo khá cao tuổi đến trước cổng và xin phép được vào cầu kinh, vì lúc ấy đã đến giờ cầu nguyện. Người hầu xin phép công chúa ra mời bà vào và chỉ cho bà nơi cầu nguyện mà vị quan già đã chu đáo xây thêm trong nhà, vì trong vùng lân cận không có giáo đường. Nàng truyền cho người hầu là, sau khi bà mộ đạo cầu kinh xong, anh ta mời bà đi xem ngôi nhà và khu vườn, rồi đưa bà đến gặp mình. Bà Hồi giáo mộ đạo đi vào, tới đọc kinh ở nơi cầu nguyện mà người hầu chỉ cho. Bà vừa đọc kinh xong, thì hai người hầu của công chúa chực sẵn bên ngoài đã mời bà đi thăm nhà và vườn. Bà tỏ ý sẵn sàng. Họ dẫn bà đi hết phòng này sang phòng khác, đến đâu bà cũng quan sát mọi thứ như một người sành sỏi trong việc sắp xếp đồ đạc và trang hoàng nội thất. Đi xem vườn, bà ngỏ lời khen kiểu vườn rất

mới, rất hài hòa, bà khâm phục người nào vẽ kiêu đây thật là một bậc thầy thành thạo trong nghệ thuật này. Cuối cùng, bà đã được mời đến gặp công chúa. Nàng ngồi đợi trong một phòng khách lớn, đẹp hơn, sạch hơn và trang trọng hơn tất cả những nơi khác mà bà vừa xem trong ngôi nhà. Vừa trông thấy bà mộ đạo, công chúa nói:

- Xin chào mẹ, mời mẹ ngồi xuống cạnh con. Con rất hoan hỷ có dịp được trò chuyện chốc lát với một người như mẹ, đã nêu tấm gương phò thác trọn mình cho Thượng đế, mà bất cứ đứa con ngoan nào cũng đều phải bắt chước.

Bà mộ đạo không lên trường kỷ mà ngồi ghé một góc. Nhưng công chúa không chịu. Nàng đứng lên, bước tới gần, cầm tay bà dắt đến buộc ngồi xuống bên cạnh mình, vào chỗ ngồi danh dự. Bà mộ đạo rất xúc động trước thái độ lịch sự ấy. Bà nói:

- Thưa cô, tôi không xứng đáng được cô đối xử trọng vọng như vậy. Tôi vâng lời chỉ tại cô truyền, và vì cô là chủ nhân ở đây mà thôi.

Sau khi bà ngồi yên chỗ, trước khi đi vào trò chuyện, một người hầu mang đến trước mặt bà và công chúa một chiếc bàn thấp nhỏ khảm xà cừ và gỗ mun, trên bàn bày một đĩa sứ đầy bánh đến ngon và rất nhiều bát sứ đựng các thứ hoa quả đang mùa, cùng với mứt khô và mứt ướt.

Công chúa chọn một cái bánh, đưa mời bà và nói:

- Xin mời mẹ hãy nếm thử chiếc bánh này, rồi xin mẹ chọn các thứ quả kia thứ nào thích thì dùng. Sau quãng đường dài đến đây, hẳn mẹ cần phải ăn cho lại sức.

- Thưa cô, – bà mộ đạo đáp – tôi không quen dùng những thứ sang trọng thế này. Nếu tôi có dùng, ấy chỉ là không dám khước từ vật mà Thượng đế ban cho qua bàn tay hào phóng của cô thôi.

Trong khi bà mộ đạo ăn, công chúa cũng nhăm nháp chút gì để tiếp khách, rồi hỏi chuyện bà về cách hành đạo cũng như nếp sống hằng ngày của bà. Bà đều trả lời rất khiêm tốn. Rồi từ chuyện này sang chuyện khác, nàng hỏi bà thấy thế nào ngôi nhà vừa xem, có được hợp ý bà hay không. Bà mộ đạo đáp:

- Thưa cô, thật là người nào dờ hơi mới dám chê. Ngôi nhà này đẹp đẽ, sáng sủa; đồ đạc sang trọng được xếp đặt thật ngăn nắp, không rối mắt; không có cách trang trí nào hơn thế được. Nó được xây cất trên một khu đất đẹp, còn khu vườn thì thật không có nơi nào thích mắt hơn và hợp với ngôi nhà hơn. Tuy nhiên, nếu cô cho phép tôi được nói thật, thì thưa cô, tôi xin mạn phép nói rằng, ngôi nhà này sẽ không có nơi nào sánh bằng, nếu như theo ý tôi, nó không còn thiếu ba thứ.

- Đó là ba thứ gì vậy, thưa mẹ? – Công chúa Parizat hỏi – Xin mẹ nói cho

con nghe. Con xin thề trước Thượng đế, sẽ không tiếc bất cứ thứ gì để có cho bằng được ba thứ ấy, nếu có thể làm như vậy.

- Thừa cô, - bà mộ đạo đáp – vật đầu tiên trong ba thứ ấy là con chim biết nói. Đó là một con chim đặc biệt, có tên gọi là Bunbunheza. Nó còn có thêm một đặc tính nữa là thu hút các loài chim chóc biết hót quanh vùng tới hòa theo tiếng hót của nó. Vật thứ hai là cây trồng biết hát, cứ mỗi ngọn lá là một cái miệng, hòa với nhau thành bản hợp xướng có nhiều giọng khác biệt, và không bao giờ ngừng. Cuối cùng vật thứ ba là làn nước vàng, màu vàng giống y vàng thật, chỉ cần lấy một giọt nước ấy thôi, rót vào một cái bể xây sẵn thì lập tức nó sinh sôi đầy bể, rồi phun lên thành dòng nước có nhiều tia ở ngay chính giữa bể, rơi xuống bể mà không bao giờ làm cho nước tràn bờ.

- Ôi, mẹ hiền của con ơi, – công chúa thốt lên – con hàm ơn mẹ xiết bao vì đã nói cho con hay về ba vật ấy! Những thứ ấy kỳ lạ thật, con chưa từng nghe nói trên đời này có vật nào lạ lùng và đáng thán phục bằng ba thứ đó. Nhưng, con chắc mẹ biết rõ ba vật đó ở đâu, vậy con nhờ mẹ vui lòng bày cho con rõ.

Để đáp ứng yêu cầu của công chúa, bà mộ đạo bảo vội nàng:

- Thừa cô, tôi sẽ không xứng đáng với sự hiếu khách mà cô vừa tỏ rõ với xiết bao nhân từ, nếu không đáp ứng sự hiếu kỳ của cô. Vậy tôi xin được nói rằng, ba vật vừa nói đến cùng ở tại một nơi, tận cuối cùng của vương quốc này, về phía nước Ấn Độ. Con đường đi tới đây chạy ngang qua trước cổng nhà cô. Người nào mà cô sẽ sai đi ấy, chỉ cần đi theo hướng đó hai mươi ngày liền; rồi gặp bất kỳ ai, hỏi con chim biết nói, cây trồng biết hát và làn nước vàng ở đâu, người ta cũng đều chỉ cho được.

Nói xong câu đó, bà đứng lên, xin cáo biệt, rồi ra khỏi nhà và tiếp tục đường đi của mình.

Công chúa Parizat đang cố ghi nhớ vào đầu lời chỉ dẫn của bà mộ đạo về con chim biết nói, cây trồng biết hát và làn nước vàng, đến nỗi không để ý bà đã ra đi. Nàng chỉ nhận ra điều đó khi muốn hỏi thêm đôi điều cho sáng tỏ hơn nữa. Quả vậy, nàng cảm thấy những điều vừa nghe từ miệng bà nói ra chưa đủ để làm một chuyến đi mà không sợ tốn công vô ích. Tuy nhiên, nàng không muốn cho người chạy theo mời bà quay trở lại, mà chỉ ráng sức cố nhớ đừng quên những điều bà dạy. Khi cho rằng mình đã ghi nhớ đầy đủ rồi, nàng thích thú nghĩ tới lúc có được những vật kỳ diệu ấy; nhưng những khó khăn và nỗi lo không đạt được mong muốn lại khiến cho nàng rất dỗi hờn.

Công chúa Parizat đang thần thơ với bấy nhiêu suy nghĩ thì hai hoàng tử anh trai đi săn trở về. Bước vào phòng khách, họ ngạc nhiên thấy cô em gái không những không có khuôn mặt rạng rỡ như thường lệ, mà lại còn có vẻ tư

lự, gần như buồn bã nữa. Hoàng tử Batman liền cất lời hỏi:

- Em gái của anh ơi, đâu rồi vẻ vui cười tươi tỉnh bất ly thân của em? Em khó ở chẳng? Hay là vừa xảy ra một điều chi bất hạnh? Có ai làm cho em buồn bực? Hãy nói cho các anh biết, để các anh chia sẻ cùng em. Hay là có kẻ nào dám bạo gan xúc phạm một người mà ai cũng phải kính trọng như em?

Công chúa Parizat vẫn im lặng trong vẻ suy tư. Cuối cùng nàng giương mắt ngó hai ông anh, xong lại cúi nhìn xuống ngay, và nói rằng chẳng có chuyện gì:

- Em gái ơi, – hoàng tử Batman lại nói – chớ giấu giếm không cho các anh biết sự thật, nhất định phải có một việc gì đấy, một việc nghiêm trọng nữa là khác. Có thể nào, chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi các anh đi xa, em lại có sự thay đổi sâu sắc và bất ngờ như các anh đang nhận thấy kia, mà em lại bảo rằng chẳng có chuyện gì. Em nên biết là các anh không chịu bằng lòng về câu trả lời chưa đủ làm các anh rõ ấy đâu. Vậy thì em chớ giấu giếm hai anh nữa, trừ phi là em muốn làm cho các anh tin rằng em không còn yêu thương gắn bó với hai anh như từ thuở chúng ta còn ấu thơ cho đến tận bây giờ.

Công chúa, không muốn để các anh hiểu lầm như vậy mà giận mình, đành phải đáp:

- Khi em nói chẳng có chuyện gì làm cho em phiền lòng, ấy là em nói về phía các anh, chứ về phần em, em thấy nó cũng có ít nhiều quan trọng. Và bởi vì anh mang tình thương yêu gắn bó giữa ba anh em ta mà em rất tha thiết ra dọa em, thì em đành phải nói để các anh rõ vậy.

Trước đây các anh vẫn tưởng, và em cũng nghĩ như vậy, rằng ngôi nhà mà phụ thân chúng ta cho xây cất và để lại cho chúng ta đây là đầy đủ tiện nghi về mọi mặt, không thiếu một thứ gì. Thế mà bây giờ em được biết rằng cần có thêm ba thứ nữa thì mới làm cho nó trở thành vô song, so với tất cả các nhà nghỉ ở nông thôn hiện có trên đời này. Ba vật ấy là con chim biết nói, cây trồng biết hát và làn nước vàng, có màu vàng giống y như vàng thật.

Sau khi giảng giải cho hai anh nghe ba vật ấy hay ho ở những chỗ nào, công chúa nói thêm:

- Chính một bà già Hồi giáo mộ đạo cho em biết chuyện đó và đã chỉ cho em nơi có ba vật ấy và con đường đi tới nơi. Chắc chắn các anh có thể cho rằng ba vật ấy chẳng lấy gì làm quan trọng lắm, không có những thứ đó thì ngôi nhà của chúng ta cũng đủ đẹp lắm rồi, cho nên chẳng phải cần đến những thứ ấy nữa. Các anh nghĩ thế nào tùy các anh, riêng em thì không thể không nói với hai anh là, em cho rằng ba vật ấy cần thiết lắm, và em chưa

yên tâm chừng nào chưa thấy chúng được bày ra trong nhà này. Vậy em xin các anh cho em ý kiến là làm cách nào để có được ba vật quý đó.

- Em gái ạ, – hoàng tử Batman lại nói – chẳng có điều gì em quan tâm mà các anh không chú ý. Chỉ cần em nói ra, em nôn nóng muốn có ba vật ấy, là đủ buộc hai anh phải cùng quan tâm. Nhưng, không phải chỉ vì em thích mà thôi đâu, mà chính bản thân hai anh nghe em nói cũng rất muốn có được ba thứ đó – anh tin rằng chú hai đây cũng suy nghĩ như anh. Chúng ta phải tìm mọi cách để có bằng được ba thứ đó. Anh sẽ lo chuyện ấy. Giờ thì em hãy nói cho anh rõ nơi có các vật và con đường đi tới nơi, anh không chần chừ, ngay sáng mai anh sẽ lên đường ngay thôi.

Hoàng tử Pecvizơ nói:

- Thưa anh, không thể nào anh vắng nhà lâu như vậy, anh là chủ và là rường cột của cả gia đình. Xin em gái hãy cùng với anh ngỏ lời xin anh cả hãy bỏ ý định ấy đi, và vui lòng cho anh đây được làm thay anh cả. Tôi sẽ làm tròn công việc ấy đúng như anh, mà như vậy thuận với lẽ thường hơn.

- Em à, – hoàng tử Batman đáp – anh rất hiểu thiện ý của em, và tin rằng em cũng sẽ làm tốt chuyến đi này giống như anh. Nhưng công việc đã quyết định rồi, anh muốn đi, và anh sẽ đi. Em hãy ở nhà với em gái chúng ta, anh chẳng cần phải dặn dò em điều gì thêm về chuyện ấy nữa.

Hoàng tử dành cả ngày hôm đó để sửa soạn khởi hành, chàng còn hỏi thêm công chúa về những điều bà già mộ đạo dặn, để khỏi đi lạc đường.

Ngày hôm sau, từ sáng sớm, hoàng tử Batman đã lên ngựa, hoàng tử Pecvizơ và công chúa Parizat tiễn, ôm hôn anh và chúc anh lên đường bình yên vô sự.

Nhưng trong lúc chia tay, công chúa Parizat chợt nghĩ một điều chưa từng tính đến, nàng nói:

- Anh ạ, trước đây em chưa nghĩ tới những nỗi gian nguy mà anh có thể gặp phải trong các chuyến đi, biết đâu em chẳng còn được trông thấy anh? Thôi, em van anh cả, xin anh xuống ngựa, đừng có đi đâu nữa. Em thà không thấy, không có con chim biết nói, cây biết hát và làn nước vàng, còn hơn là biết đâu chẳng bao giờ có dịp được gặp lại anh.

- Em gái ơi, – hoàng tử mỉm cười trước nỗi lo sợ đột ngột của công chúa Parizat – anh đã quyết định rồi, mà cho dù chưa thì anh cũng sẽ quyết định y như vậy. Em hãy để cho anh đi. Những trở ngại mà em nói đó chỉ xảy đến với những người bất hạnh. Đúng là anh có thể thuộc vào hạng người không may mắn, nhưng trên đời những người may mắn đông đảo hơn nhiều những người không may. Tuy nhiên, chưa biết việc gì rồi sẽ xảy ra, và cũng có thể anh sẽ ngã xuống trong công cuộc này. Tất cả những gì anh có thể làm, là để

lại cho em con dao đây.

Thế là hoàng tử Batman rút ra một con dao còn nguyên trong vỏ đưa cho công chúa và dặn khi nào thấy dao chảy máu thì có nghĩa là mình đã gặp nạn. Công chúa Parizat không thể đòi hỏi gì hơn ở hoàng tử Batman nữa. Chàng từ biệt hai anh em một lần cuối cùng, rồi lên đường, ngựa thẳng yên cương và người võ trang đầy đủ. Chàng cứ thẳng đường mà đi, không rẽ sang trái cũng chẳng quặt sang phải, tiếp tục băng qua suốt cả nước Ba Tư. Đi đến ngày thứ hai mươi, chàng thấy bên đường có một cụ già bộ dạng xấu xí, ngồi dưới gốc cây, cách không xa túp lều là nơi trú ẩn cho cụ những lúc trở trời trái gió.

Tóc, râu cũng như lông mày của cụ đều trắng như tuyết, lông mày rủ xuống đến mũi, râu mép che kín miệng, còn râu cằm và tóc thì phủ xuống tận chân. Móng tay và móng chân của cụ cực dài. Trên đầu cụ đội một chiếc nón có vành dẹt và rộng trông như cái lọng. Cụ chẳng mặc quần áo gì ngoài một chiếc chiếu cuộn quanh mình.

Cụ già ấy là một ẩn sĩ, từ nhiều năm nay đã xa lánh cuộc đời, vì không quan tâm chút gì tới thế xác mà chỉ nghĩ tới phần hồn, thành thử cuối cùng trở thành như ta vừa thấy đây.

Từ sáng sớm, hoàng tử Batman đã chú ý quan sát xem có gặp được ai không để hỏi thăm về điều mình muốn biết. Đến gần ẩn sĩ, chàng dừng lại, coi như đây là người đầu tiên mình gặp. Chàng xuống ngựa, làm như vậy cho ăn khớp với những điều bà già mộ đạo đã dặn công chúa Parizat. Cầm cương ngựa ở tay, chàng tiến đến gần ẩn sĩ và cất lời chào:

- Kính chào cụ. Cầu mong Thượng đế kéo dài tuổi thọ của cụ và cho cụ được vạn sự như ý!

Ẩn sĩ đáp lễ, nhưng khó nghe tới mức chàng không hiểu được chút gì. Nhận ra sở dĩ như vậy là vì râu mép che lấp mất miệng của ẩn sĩ, mà mình lại không thể bỏ đi trước khi hỏi được những điều cần biết, chàng lấy cái kéo mang theo sẵn, buộc con ngựa vào gốc cây rồi nói:

- Thưa cụ, tôi muốn thưa chuyện với cụ, nhưng bộ râu của cụ ngăn không cho tôi nghe rõ lời cụ nói, vậy xin phép cụ cho tôi được tỉa bớt râu mép cũng như lông mày, nó làm cho cụ trông giống như một con gấu hơn là người.

Ẩn sĩ không phản đối, cứ để yên cho chàng làm. Tỉa xong, thấy ẩn sĩ có vẻ tươi tỉnh và trông trẻ ra nhiều so với tuổi tác, hoàng tử liền nói:

- Cụ ạ, giá tôi có một cái gương soi đưa cụ xem, cụ sẽ thấy mình trẻ ra đến bao nhiêu. Bây giờ cụ là một con người, trước đây thật chẳng ai nom rõ cụ là thứ gì.

Câu nói của hoàng tử làm ẩn sĩ hè một nụ cười và mở lời đáp:

- Thưa ngài, cho dù ngài là ai, tôi cũng rất lấy làm cảm tạ việc ngài vừa

làm cho; tôi hết lòng chứng tỏ với ngài lòng cảm kích ấy, trong phạm vi có thể được. Ngài đã xuống ngựa, hẳn có việc gì cần. Xin ngài hãy nói ra, nếu có thể, tôi xin hết sức giúp ngài.

Hoàng tử Batman nói:

- Thưa cụ, tôi từ xa đến, tôi đi tìm con chim biết nói, cây trồng biết hát và làn nước vàng. Tôi được biết những vật đó có ở đâu đây, nội trong vùng này, nhưng không rõ chỗ đích xác. Nếu cụ biết, xin cụ hãy chỉ đường cho, để không hôm nay thì ngày khác tôi có thể lấy được khỏi tốn công sức vô ích đã làm một chuyến đi dài.

Hoàng tử để ý chàng càng nói thì cụ già càng thay đổi sắc mặt. Cụ cúi nhìn xuống và bộ dạng trở nên nghiêm trang, thậm chí lặng im không đáp. Hoàng tử buộc phải nhắc lại:

- Thưa cụ, chắc cụ đã nghe rõ lời tôi. Xin cụ nói cho, cụ có biết điều tôi hỏi không hoặc là cụ không biết thì cũng vui lòng cho rõ, để tôi khỏi mất thời giờ mà đi tìm hỏi thăm người khác.

Cuối cùng ẩn sĩ phá tan im lặng:

- Thưa ngài, – cụ nói với hoàng tử – tôi biết con đường ngài hỏi, nhưng vì tình thân hữu của tôi đối với ngài kể từ khi chúng ta gặp nhau, nó lại được việc ngài vừa làm giúp cho tôi mà gần bó thêm, bởi vậy tôi còn phân vân không rõ có nên đáp ứng yêu cầu của ngài hay không.

- Lý do gì cản trở cụ? Cụ gặp khó khăn gì mà không muốn cho tôi hay?

- Tôi sẽ nói ngay, – cụ già đáp – ấy là nỗi hiểm nguy ngài sẽ phải trải qua lớn hơn nhiều so với điều ngài nghĩ. Trước ngài, đã có nhiều vị khác, rất đông, họ cũng không kém bạo gan và dũng cảm như ngài, họ đã đi qua đây và đã hỏi tôi điều ngài vừa hỏi. Tôi đã tìm đủ mọi cách để cho họ bỏ qua, nhưng họ chẳng muốn nghe lời tôi. Vì họ nài nỉ quá, tôi đã chỉ đường mặc dù không muốn, và tôi có thể quả quyết với ngài là tất cả đều thất bại, và tôi không hề trông thấy một ai trở về. Nếu ngài còn muốn sống, và chịu nghe theo lời khuyên của tôi, thì xin ngài chớ đi xa hơn nữa. Hãy quay trở về nhà ngài thôi.

Hoàng tử Batman vẫn giữ vững quyết tâm. Chàng nói với ẩn sĩ:

- Tôi tin lời khuyên của cụ là chân thành, xin cảm ơn mối tình thân hữu của cụ. Nhưng, cho dù nỗi hiểm nguy mà cụ nói lớn thế nào chẳng nữa, thì nó vẫn không thể làm cho tôi thay đổi ý định. Nếu có kẻ nào muốn tấn công tôi, thì tôi đã có khí giới tốt, hẳn ta cũng chẳng dừng mảnh hoặc can đảm hơn tôi.

- Nhưng nếu những kẻ sẽ tiến công ngài, – cụ già nói – không để cho ngài

nhìn thấy mặt họ và họ rất đông, làm sao ngài có thể kháng cự những người vô ảnh vô hình?

- Điều đó đối với tôi không quan trọng. – Hoàng tử đáp – Cho dù cụ có thể nói những gì chẳng nữa, cụ cũng không thể thuyết phục tôi thôi làm bổn phận của mình. Bởi cụ đã biết rõ con đường tôi hỏi, một lần nữa tôi van cụ hãy chỉ cho. Xin đừng từ chối không giúp tôi ân huệ đó.

Cụ già ẩn sĩ thấy không thể làm gì hơn để lay chuyển hoàng tử Batman, chàng vẫn khẳng khái đòi tiếp tục chuyến đi của mình bất chấp những lời can có quan hệ sống còn, liền thò tay vào cái túi bên cạnh người, lấy ra một quả cầu, đưa cho chàng mà bảo:

- Vì tôi đã không có cách gì làm cho ngài nghe ra để làm theo lời khuyên của tôi, xin ngài hãy cầm lấy quả cầu này. Chừng nào đã lên ngựa, ngài hãy tung nó về phía trước, rồi đi theo nó cho đến tận chân một quả núi, đến đấy nó sẽ dừng lại.

Khi quả cầu đã dừng lại rồi, ngài hãy xuống ngựa, quàng dây cương vào cổ nó, con vật sẽ đứng nguyên tại chỗ, chờ ngài quay trở lại. Trèo lên núi, ngài sẽ thấy ở bên phải và bên trái của mình rất nhiều tảng đá đen, ngài sẽ nghe cơ man là tiếng nói cất lên từ mọi phía, si và ngài đủ điều, để làm cho ngài nản chí mà không leo lên tận trên cao nữa.

Nhưng xin ngài chớ hoảng sợ, và quan trọng hơn hết cả là xin chớ quay đầu nhìn lại phía sau; nếu không, lập tức ngài sẽ biến thành một tảng đá đen, giống hệt như những tảng đá mà ngài trông thấy. Đấy cũng đều là những vị trai trẻ như ngài, họ đã không thành công trong việc định làm, như tôi đã thưa ngài rõ. Nếu ngài thoát khỏi nơi hiểm nghèo ấy mà tôi chỉ mới tả sơ qua thôi; để cho ngài suy xét thật kỹ thêm lần nữa; và khi ngài đã lên được trên núi cao, ngài sẽ nhìn thấy một cái lồng, trong lồng có con chim mà ngài đang tìm kiếm. Vì nó biết nói, ngài sẽ hỏi nó cây trồng biết hát và làn nước vàng ở đâu, nó sẽ chỉ cho ngài rõ.

Tôi chẳng có gì để nói thêm. Đó là những việc nên làm, kia là những điều cần tránh. Nhưng nếu ngài tin tôi, thì xin ngài nên nghe lời khuyên mà chớ dấn thân vào chỗ làm hại cuộc đời mình. Một lần nữa, trong khi hãy còn có thời giờ suy nghĩ, xin ngài nhớ cho rằng, sự tổn thất ấy sẽ không thể có gì bù đắp được, nó gắn chặt với điều kiện mà người ta không thể nào vi phạm, cho dù chỉ vì đăng trí thôi, như ngài có thể hiểu.

- Về lời khuyên mà cụ vừa nhắc lại, tôi bao giờ cũng hàm ơn, – hoàng tử Batman nói sau khi nhận quả cầu -nhưng tôi không thể nghe theo. Tôi sẽ ghi nhớ ý kiến của cụ là chớ nên ngoảnh nhìn lại phía sau khi leo lên núi. Tôi hy vọng chẳng bao lâu cụ sẽ thấy tôi trở về và cảm tạ cụ sâu xa hơn nữa về những vật nhờ có cụ mà tôi tìm được.

Cụ già ẩn sĩ không nói gì thêm, mà chỉ chúc cho điều chàng vừa nói sẽ được thực hiện; cụ sẽ vui mừng nếu được gặp lại hoàng tử. Nói dứt lời, chàng lên ngựa, cúi đầu rất thấp từ biệt ẩn sĩ, rồi tung quả cầu lên phía trước.

Quả cầu lăn đi với tốc độ hoàng tử Batman tung lúc đầu, khiến chàng phải thúc ngựa chạy theo cho kịp. Tới chân quả núi mà ẩn sĩ nói đến, quả cầu dừng lại. Chàng liền xuống ngựa. Con ngựa đứng im không nhúc nhích ngay cả lúc chàng quàng dây cương vào cổ nó.

Sau khi đưa mắt xem xét quả núi và nhận thấy những tảng đá đen, chàng bắt đầu trèo lên. Chưa được bốn bước, chàng đã nghe vang lên từ mọi phía những tiếng người mà cụ già ẩn sĩ đã nói tới, nhưng chàng chẳng hề trông thấy hình bóng một ai. Tiếng này: “Thằng ngốc kia đi đâu? Nó đi đâu? Nó muốn gì nhỉ? chớ để cho nó đi lọt.” Tiếng khác quát: “Bắt lấy nó, tóm cổ nó, giết chết nó đi.” Lại có tiếng thét vang như sấm: “Bắt lấy tên kẻ trộm! Tên giết người! Kẻ sát nhân.” Cũng có những lời châm chọc mỉa mai: “Ấy chớ, chớ có động vào, hãy để cho anh chàng xinh trai kia đi; đúng là người ta dành cái lòng và con chim cho chàng lấy đấy mà!”

Bất chấp những tiếng hét la khó chịu ấy, hoàng tử kiên trì và cương quyết leo lên một lúc, tự mình động viên mình. Nhưng những lời thét la ấy càng lâu càng nhiều lên gấp bội, tạo thành tiếng om sòm hỗn loạn, ở gần sát chàng, cả phía trước lẫn đằng sau, khiến chàng loạng choạng, chẳng mấy chốc thấy toàn thân mệt mỏi rụng rời. Quên khuấy lời dặn của cụ già ẩn sĩ, chàng quay người lại, định xuống núi thoát thân. Lập tức chàng hóa thành một tảng đá đen. Sự hóa kiếp này đã từng xảy ra với bao nhiêu người trước đây muốn thực hiện công cuộc mà chàng đang làm. Con ngựa của chàng cũng hóa thành đá nốt.

Từ khi hoàng tử Batman lên đường, công chúa Parizat vẫn đeo bên mình con dao lấp trong vỏ mà chàng đã để lại khi cần thì biết chàng còn sống hay đã lâm nạn. Mỗi ngày nhiều lần, nàng rút dao ra xem. Bằng cách đó, nàng được an ủi rằng ông anh hoàn toàn khỏe mạnh. Nàng thường nói lại cho hoàng tử Pecvizơ rõ, cũng có khi chàng hỏi trước tin tức về ông anh cả. Vào cái ngày tai hại mà hoàng tử Batman bị hóa thành đá, hoàng tử và công chúa đang nói chuyện về chàng như thường lệ. Hoàng tử nói:

- Em ơi, em hãy rút giùm anh con dao ra xem, để biết tin tức của anh cả thế nào.

Công chúa rút dao nhìn, trông thấy đằng mũi ứa ra một giọt máu. Kinh hoàng và đau đớn, công chúa liệng con dao ra xa:

- Ôi anh thân yêu ơi, thế là em mất anh rồi, mất do lỗi ở em! Em chẳng còn được bao giờ trông thấy anh nữa. Khốn nạn cho tôi! Tại sao tôi lại đi nói chuyện với anh tôi về con chim biết nói, cây trồng biết hát, làn nước màu

vàng, tại sao tôi lại muốn biết ý kiến của người đàn bà mộ đạo xem cái nhà này đẹp hay xấu, hoàn chỉnh hay chưa hoàn chỉnh?

Cầu Thượng đế đừng cho ai hỏi ý kiến mù ấy nữa. Đồ xảo trá, quân lừa dối, ra mù trả ơn sự đón tiếp của ta như vậy ư? Tại sao mù lại nói với ta về một con chim, một cây trồng, một giọt nước, tất cả đều là tưởng tượng, như cái chết đau đớn của một ông anh thân yêu của ta đã chứng minh. Ấy thế mà cho đến bây giờ những thứ ấy do phép ma của mù, vẫn còn ám ảnh đầu óc ta.

Hoàng tử Pecvizơ cũng đau buồn vì cái chết của hoàng tử Batman không kém gì công chúa Parizat.

Nhưng, qua những lời than khóc của công chúa, chàng biết em gái mình vẫn còn thiết tha muốn có được con chim biết nói, cây trồng biết hát và làn nước vàng. Không để mất thời giờ, chàng ngắt lời em:

- Em ạ, chúng ta tiếc thương anh cả Batman của chúng ta thì cũng không được gì, chúng ta có khóc than đau đớn tới đâu cũng chẳng làm cho anh sống lại được. Ý muốn của Thượng đế đã là như vậy, chúng ta phải cam chịu mà không được tìm hiểu do đâu. Tại sao bây giờ em lại hoài nghi lời bà Hồi giáo mộ đạo, sau khi đã tin tưởng chắc chắn là đúng đắn và có thực? Em nghĩ rằng bà ấy bịa ra để nói với em về ba thứ ấy sao, nếu quả là không có, nói với em là người đã chẳng làm gì thiệt hại đến bà mà còn đón tiếp bà thật lịch sự và nhân từ? Chúng ta nên tin rằng, anh cả qua đời là do lỗi ở anh hoặc vì một tai nạn nào đó mà ta chưa biết rõ. Như vậy, em ơi, mong rằng cái chết của anh cả không cản trở em tiếp tục cuộc tìm kiếm của chúng ta. Anh nhận sẽ làm việc ấy thay anh cả, và anh đã sẵn sàng. Gương anh cả không làm cho anh thay đổi ý kiến, ngay ngày mai anh sẽ lên đường.

Công chúa Parizat cố gắng hết sức can ngăn hoàng tử Pecvizơ. Nàng van anh đừng để rồi sẽ lâm nguy như hoàng tử Batman. Nàng van anh đừng để cho em gái phải lo lắng bởi có thể mất cả hai anh chứ không phải chỉ có một. Nhưng cho dù nàng khuyên can thế nào, cũng không lay chuyển nổi anh hai. Trước khi lên đường, để cho em gái có thể biết tin thắng lợi về công cuộc mình đang làm, cũng như hoàng tử Batman đã để lại con dao, chàng đưa cho em gái một tràng hạt gồm một trăm hạt ngọc trai, dùng vào mục đích ấy. Trao chuỗi hạt vào tay em gái, hoàng tử nói:

- Khi anh đi vắng, em hãy lần tràng hạt này. Nếu đang lần, mà các hạt mắc cứng lại không thể lần trôi được nữa như thể chúng dính bết vào nhau, ấy là dấu hiệu nói rằng anh đã chịu chung số phận cùng anh cả chúng ta. Nhưng hy vọng điều ấy sẽ không xảy ra, và anh sẽ có được hạnh phúc gặp lại em, mang theo về những thứ mà anh em ta đang mong ước.

Hoàng tử Pecvizơ ra đi. Đến ngày thứ hai mươi, chàng lại gặp cụ già ẩn sĩ ấy ngay ở nơi hoàng tử Batman đã gặp. Chàng tiến đến gần, chào và hỏi cụ

nếu biết thì xin chỉ cho chàng nơi có con chim biết nói, cây trồng biết hát và làn nước vàng. Cụ ản sĩ lại nêu lên những khó khăn và tỏ lời can ngăn như cụ từng làm với hoàng tử Batman, thậm chí còn nói rõ, cách đây chưa bao lâu có một kỵ sĩ trẻ tuổi, trông vẻ người rất giống chàng, đã tới đây hỏi đường. Bởi anh ta nài nỉ quá, cụ đến xiêu lòng; và chỉ đường, lại cho quả cầu hướng dẫn, lại dặn dò những điều cần chú ý để thành công, nhưng rồi không thấy anh ta trở lại. Như vậy không còn nghi ngờ gì nữa, anh đã chịu chung số phận với những người đi trước rồi.

- Thừa cụ, – hoàng tử Pecvizơ nói – tôi biết rõ người cụ vừa nói tới là ai. Đó là anh cả của tôi. Tôi đã được tin chắc chắn anh mất rồi. Còn mất như thế nào là điều tôi chưa rõ.

- Tôi có thể nói ngài hay, – cụ già ản sĩ đáp – anh ta đã hóa thành một tảng đá đen, giống như những người tôi vừa nói tới. Ngay đến ngài rồi cũng sẽ bị hóa kiếp như vậy, trừ phi ngài chú ý thực hiện đúng đắn hơn những lời tôi đã khuyên anh trai của ngài trong trường hợp ngài vẫn khẳng khẳng không chịu hủy bỏ ý định của mình, đây là điều mà tôi một lần nữa muốn khuyên cáo ngài.

- Thừa cụ, – hoàng tử Pecvizơ nài nỉ – tôi không làm sao nói hết lòng biết ơn của tôi đối với thiện ý của cụ muốn bảo tồn tính mạng cho tôi, mặc dù tôi với cụ chưa từng quen biết, và tôi chưa làm được việc gì đáng để cụ đoái thương. Nhưng xin nói cụ rõ cho rằng, trước khi đi tới quyết định ấy tôi đã suy nghĩ nhiều, và không thể nào hủy bỏ nó được nữa. Bởi vậy, xin cụ hãy làm ơn cho tôi như cụ đã làm ơn cho ông anh tôi vậy. Có thể tôi sẽ thành công hơn anh tôi trong việc thực hiện những lời căn dặn của cụ.

- Vì không có cách gì thuyết phục nổi ngài bỏ dở công việc đang làm, nếu không vì tuổi tác quá cao mà có thể tự mình đứng dậy, thì tôi đã đứng lên trao cho ngài quả cầu mà tôi đang có đây, để nó dẫn đường cho ngài.

Không để cho cụ già ản sĩ nói nhiều hơn nữa, hoàng tử Pecvizơ vội vàng xuống ngựa. Cụ cũng vừa rút quả cầu ra khỏi cái túi, trong đó còn đựng khá nhiều quả khác nữa, đưa cho chàng, rồi chỉ dẫn cách dùng, như đã từng chỉ dẫn hoàng tử Batman. Sau khi căn dặn chàng chớ có hoảng hốt lúc nghe tiếng gào thét mà không trông thấy người cho dù những tiếng đó có đáng kinh hoàng đến đâu chăng nữa, cứ thế mà tiếp tục leo lên cho tới khi trông thấy cái lồng và con chim, cụ để cho chàng cáo biệt.

Hoàng tử Pecvizơ cảm ơn ản sĩ. Sau khi lên ngựa chàng tung quả cầu lên phía trước, rồi thúc ngựa chạy theo. Cuối cùng đến chân núi, quả cầu dừng lại. Chàng xuống ngựa. Trước khi đặt bước leo lên, chàng đứng nguyên một chỗ, cố nhớ lại những lời dặn dò của cụ già ản sĩ. Chàng tự động viên mình rồi quyết tâm leo lên cho tới trên cao. Vừa đi được năm, sáu bước, chàng đã

nghe rất gần, ngay sau lưng mình, có ai gọi và chửi: “Hãy chờ đây, tên cả gan kia! Để tao trừng trị tội lỗi của mày!”

Nghe lời sỉ nhục ấy, hoàng tử quên hết mọi lời dặn dò của ẩn sĩ. Chàng đặt tay vào đốc kiếm, rút kiếm ra và quay người xem thử có ai đi theo sau mình không, thì đột nhiên hóa thành một tảng đá đen, cả con ngựa của chàng cũng hóa đá nốt.

Kể từ hôm hoàng tử Pecvizo lên đường, không ngày nào công chúa Parizat không đưa tay lần tràng hạt được anh trao cho lúc chia tay, cứ lúc nào rồi việc nàng lại lần từng hạt từng hạt. Ngay cả ban đêm nàng cũng không rời nó. Trước khi đi ngủ, nàng quàng tràng hạt vào cổ để sáng mai vừa thức dậy đã đưa tay thử xem các hạt có lần được hay không. Cuối cùng, vào hôm mà hoàng tử Pecvizo chịu chung số phận với hoàng tử Batman, bị hóa thành tảng đá đen, nàng đang cầm trong tay tràng hạt như thường lệ và đang lần; bỗng dưng nhận thấy các hạt không tuân theo ngón tay của mình nữa. Nàng biết ngay ấy là dấu hiệu không lành, cho biết chắc hoàng tử Pecvizo đã lâm nạn. Vì đã suy tính và quyết định nên làm gì trong trường hợp này, nàng không để mất thời giờ khóc than vô ích. Nàng cố gắng kiềm chế nỗi đau, và ngay ngày hôm sau, cải trang thành đàn ông, mang theo khí giới, nàng dặn người nhà chẳng bao lâu sẽ trở về, rồi lên ngựa và khởi hành, theo hướng mà hai hoàng tử anh nàng từng đi.

Vốn đã quen cưỡi ngựa trong những chuyến săn bắn giải trí, công chúa Parizat chịu đựng những nổi vất vả đường trường giỏi hơn nhiều phụ nữ khác. Vì cũng ngày đi đêm nghỉ như hai anh, đến ngày thứ hai mươi, nàng cũng trông thấy cụ già ẩn sĩ. Đến gần, nàng xuống ngựa và tay vẫn cầm cương ngựa, đến ngồi xuống cạnh cụ. Sau khi chào, nàng nói:

- Thưa cụ, xin phép cụ cho tôi ngồi một lát bên cạnh cụ, và xin cụ làm ơn cho biết có bao giờ nghe nói, đâu đây trong vùng phụ cận hoặc xa hơn một ít, ở một nơi có con chim biết nói, cây trồng biết hát và làn nước vàng hay không?

Cụ già ẩn sĩ đáp:

- Thưa cô, tuy cô đã cải trang thành đàn ông, nhưng giọng nói của cô cho biết cô là nữ giới, cho nên tôi phải gọi như vậy. Tôi xin cảm ơn lời chào hỏi của cô và lấy làm hân hạnh được cô ghé nghỉ chân. Tôi có biết nơi có những vật cô vừa nói đó, nhưng cô hỏi nhằm mục đích gì?

- Thưa cụ, – công chúa Parizat đáp – người ta kể cho tôi nghe thú vị quá, khiến cho tôi thiết tha muốn lấy được những vật đó.

- Thưa cô, người ta đã nói đúng sự thật với cô. Những thứ ấy còn lạ lùng và độc đáo hơn cả những gì người ta thuật lại. Song người ta đã giấu cô

những khó khăn to lớn phải vượt qua để đạt được niềm vui ấy. Nếu biết được điều này, hẳn cô thôi không lao vào một cuộc đi đầy vất vả và hiểm nghèo. Xin hãy tin tôi, chớ đi quá lên nữa, hãy quay trở về, và chớ có chờ đợi già này góp phần vào việc đưa cô tới chỗ chết!

- Thừa cụ, – công chúa lại nói – tôi đến từ xa, và tôi sẽ rất không hài lòng nếu quay trở về mà không thực hiện được ý định của mình. Cụ nói với tôi về những khó khăn và nguy cơ có thể mất mạng, nhưng cụ chưa cho biết những khó khăn đó là gì, nó nằm ở đâu. Đó là điều tôi muốn biết để xem thử có nên tin tưởng ở quyết tâm, lòng dũng cảm và sức lực của mình hay không.

Thế là cụ già ẩn sĩ kể lại cho công chúa Parizat nghe những điều cụ đã nói với hai hoàng tử Batman và Pecvizơ, lại còn nói quá đi về những khó khăn khi leo lên tận trên núi cao nơi có con chim biết nói bị nhốt trong lồng. Trước hết phải làm chủ được nó, sau đó con chim sẽ chỉ chỗ có cây biết nói và nước màu vàng. Cụ nói về những tiếng gào thét ghê gớm vang lên loạn xạ từ mọi phía mà không trông thấy một người nào, và cuối cùng về bao nhiêu là tảng đá đen, đủ làm cho nàng cũng như bất kỳ ai phải khiếp đảm, khi biết rằng bao nhiêu tảng đá là bấy nhiêu hiệp sĩ dũng mãnh đã bị hóa kiếp chỉ vì không tuân theo điều kiện để thành công trong công cuộc này là chớ quay lại đằng sau, trước khi lấy được chiếc lồng chim.

Cụ già ẩn sĩ dứt lời, công chúa nói:

- Theo như chỗ tôi hiểu được qua lời cụ, khó khăn chủ yếu phải vượt qua để thành công trong việc này, trước hết là lên tận nơi có lồng chim mà không hoảng sợ vì những tiếng thét la của những người vô ảnh vô hình, hai nữa là chớ có quay lại phía sau. Về điều thứ hai này, tôi nghĩ là mình có thể theo được. Còn về điều thứ nhất, xin thú thật là những tiếng la thét ấy, như lời cụ nói, chắc có thể làm kinh hồn những kẻ vững vàng nhất. Nhưng, trong mọi công cuộc to lớn và đầy nguy hiểm, không ai cấm dùng mẹo, tôi xin hỏi cụ trong trường hợp này, có dùng mẹo được hay không, điều này đối với tôi rất quan trọng.

- Cô định dùng mẹo như thế nào? – Cụ già ẩn sĩ hỏi.

- Tôi nghĩ rằng nếu lấy bông bịt tai lại, – công chúa đáp – thì những tiếng thét la có lớn và đáng kinh hãi tới bao nhiêu, ấn tượng nó gây nên cũng giảm bớt, như vậy đầu óc tôi không bị tác động, tinh thần tôi vẫn minh mẫn, và rồi không đến nỗi quên mất lý trí.

- Thừa cô, – cụ già ẩn sĩ nói – trong tất cả những người cho tới hôm nay đã hỏi tôi con đường mà cô hỏi, tôi không rõ đã có ai dùng mẹo mà cô định dùng ấy hay chưa. Tôi chỉ biết là, không một người nào nói cho tôi hay mẹo đó, và tất cả đều bỏ mình. Nếu cô quyết giữ ý định của mình, thì cô cứ thử dùng xem, may ra cô có thể thành công. Nhưng tôi vẫn khuyên cô không nên

dấn thân vào việc ấy.

- Thừa cụ, – công chúa nói – không có gì có thể ngăn cản ý định của tôi. Tâm linh báo cho tôi biết dùng mẹo sẽ thành công, và tôi quyết tâm dùng mẹo. Như vậy, tôi chỉ còn cần biết được nên đi theo đường nào. Đó là ân huệ mà tôi xin cụ đừng từ chối, cụ hãy ban cho!

Cụ già ần sĩ, một lần cuối, khuyên nàng hãy tự lượng sức mình. Thấy không lay chuyển nổi quyết tâm của nàng, cụ lấy ra một quả cầu trao cho nàng và bảo:

- Cô hãy cầm lấy quả cầu này. Hãy lên ngựa rồi tung nó ra phía trước và đi theo. Nó rẽ lối nào, cô cứ theo lối ấy, cho tới chân quả núi có các vật cô tìm, nó khắc dừng lại. Nó hết lẩn thì cô cũng kìm ngựa, xuống ngựa và trèo lên núi. Thôi cô đi đi, cô đã biết rõ những điều còn lại, xin chú ý chớ quên!

Công chúa Parizat cảm ơn và từ biệt cụ già ần sĩ, rồi lên ngựa. Nàng tung quả cầu lên phía trước, nó lẩn đến đâu nàng phi ngựa theo đến đó, cho tới lúc dừng lại ở chân núi.

Công chúa xuống ngựa, lấy bông nút chặt hai tai. Sau khi quan sát đúng con đường cần phải đi để lên tận trên cao, nàng mạnh bạo rảo bước trèo lên. Nàng nghe những tiếng gào thét, và nhận ra là hai nùi bông nút tai đã giúp mình được rất nhiều. Nàng càng tiến lên, tiếng gào thét càng mạnh càng nhiều, nhưng không tới mức gây ấn tượng khiến nàng rối trí. Nàng nghe đủ lời sỉ vả, châm chọc sâu cay về giới tính của mình, nhưng nàng chỉ mỉm cười thầm: “Những lời chửi mắng cũng như mĩa mai của các người chẳng làm ta bị xúc phạm, – nàng tự bảo – hãy nói tồi tệ hơn nữa đi, ta chẳng cần; các người cũng không thể ngăn ta tiếp tục đường đi của mình.”

Cuối cùng nàng trèo lên tận trên cao và bắt đầu nhìn thấy chiếc lồng cùng con chim. Phụ họa với các tiếng la hét, con chim cũng cố làm cho nàng chùn bước.

Mặc dù thân hình bé tẹo, nó cũng thét lên như sấm: “Này con điên kia, hãy lui về đi, chớ có đến gần ta!”

Càng phấn khởi hơn vì nhìn thấy con vật ấy, công chúa rảo bước hơn. Gần tới chặng đường cuối của chuyến đi gian lao, mặt đất trên núi bằng phẳng, nàng liền chạy thẳng tới chụp lấy chiếc lồng và bảo con chim:

- Chim ơi, mi bị ta bắt rồi cho dù mi không muốn, mi cũng chẳng thoát khỏi tay ta đâu.

Công chúa Parizat gỡ những nùi bông nút kín tai và nghe tiếng chim nói:

- Thừa cô, xin cô chớ giận tôi đã phụ họa với họ để bảo tồn tự do của mình. Mặc dù bị nhốt trong lồng, tôi vẫn bằng lòng với số phận của tôi.

Nhưng bây giờ buộc phải trở thành nô lệ, thì tôi muốn được có cô làm chủ nhân của mình, cô, người đoạt được tôi một cách dũng cảm và đàng hoàng hơn tất cả người nào trên đời này. Từ nay, tôi xin thề trung thành tuyệt đối với cô và tuân phục mọi lệnh của cô. Tôi biết cô là ai, và tôi sẽ cho cô rõ chính cô cũng chưa biết mình là ai. Nhưng rồi sẽ có một ngày nào đó tôi giúp cô một việc mà tôi hy vọng cô sẽ biết ơn tôi. Để bắt đầu chứng tỏ lòng trung thành của mình, tôi xin cô cho biết cô muốn gì, tôi sẵn sàng tuân lệnh.

Công chúa mừng vui khôn tả xiết, càng mừng vui bởi biết vật mà mình vừa đoạt được phải trả bằng cái giá là cái chết của hai người anh trai vô cùng thân mến, và chính mình cũng đã trải qua biết bao mệt nhọc và hiểm nghèo mà giờ đã thoát khỏi nhìn lại mới càng thấy là rất ghê gớm. Chờ chim nói xong, nàng bảo:

- Chim ơi, đúng là ta có ý định nói cho mi rõ ta ước ao nhiều điều rất quan trọng. Ta hân hoan thấy tự mi bày tỏ trước với ta thiện ý của mi. Trước hết, ta nghe nói ở đây có thứ nước màu vàng có đặc tính kỳ diệu, trước mọi sự, mi hãy cho ta biết làn nước ấy ở đâu?

Chim chỉ cho nàng biết chỗ, cũng chẳng lấy gì làm xa, nàng đến nơi, múc đầy một chiếc lọ bằng bạc vẫn mang theo người. Trở lại với con chim, nàng hỏi:

- Chim ơi, chưa phải chỉ có thế đâu, ta còn muốn tìm cây trồng biết hát; hãy cho ta biết cây ấy ở đâu?

Chim nói:

- Hãy quay mình lại, cô sẽ thấy đằng sau cô một khu rừng, trong rừng có cây ấy.

Khu rừng không xa. Công chúa đi tới đấy. Giữa nhiều cây cối, tiếng hòa tấu du dương làm cho nàng nhận ra cây mình đang tìm nhưng nó rất to, rất cao.

Nàng trở lại nói với chim.

- Chim ơi, ta đã tìm thấy cây trồng biết hát, nhưng ta không thể nhổ nó lên cũng không thể mang nó đi được.

- Chẳng cần phải nhổ cây đâu, – chim đáp – cô chỉ cần bẻ một cành nhỏ mang về trồng trong vườn cô, gặt đất nó khắc bén rễ, rồi chẳng bao lâu cô sẽ thấy nó lớn bằng cây cô vừa trông thấy kia.

Khi đã có được trong tay ba bảo vật mà người đàn bà Hồi giáo mộ đạo đã làm cho nàng ước ao mãnh liệt, nàng lại nói với chim:

- Chim ơi, tất cả những gì mi vừa làm cho ta chưa đủ đâu. Mi là nguyên nhân gây nên cái chết của hai anh trai ta, hiện đang ở trong số những tảng đá

đen mà ta trông thấy khi trèo lên đây. Ta muốn đưa hai anh ấy cùng về với ta.

Có vẻ như chim muốn thoát thác không làm vừa ý công chúa điểm này. Quả vậy, nó tỏ vẻ khó khăn. Công chúa khăn khoản:

- Chim ơi, hãy nhớ điều mi vừa nói, rằng mi là nô lệ của ta, và quả thật mi đang thấy đây, tính mạng mi đang ở trong tay ta.

- Tôi không thể nào không nhận rõ sự thật ấy, – chim đáp – bởi vậy cho dù điều cô vừa đòi hỏi cực kỳ khó khăn, tôi vẫn phải làm vừa ý cô. Cô hãy đưa mắt nhìn, – chim nói tiếp – xem thử có một cái bình nào không.

- Ta có thấy. – Công chúa nói.

- Hãy cầm lấy nó, – chim nói – khi đi xuống núi, cô hãy rót một ít nước chứa trong bình lên những tảng đá đen, đó là cách tìm lại hai anh trai của cô.

Công chúa Parizat cầm chiếc bình, rồi mang theo cái lồng cùng con chim, lọ nước và cành cây, vừa đi xuống vừa dội lên từng tảng đá đen gặp bên đường; từ mỗi tảng đá lại hóa thành một con người. Vì nàng không bỏ sót một tảng đá nào, tất cả các con ngựa cũng như hai hoàng tử cùng các hiệp sĩ khác đều hiện ra.

Bằng cách đó, nàng nhận ra hai hoàng tử Batman và Pecvizơ, hai chàng cũng đã nhìn thấy em, vội chạy đến ôm hôn. Nàng cũng ôm hai anh và ngạc nhiên hỏi:

- Các anh thân yêu, các anh làm gì ở đây vậy? Hai chàng đáp họ vừa ngủ đây. Nàng nói:

- Vâng, nhưng không có em giấc ngủ của các anh còn kéo dài và có lẽ kéo dài cho tới ngày phán xét cuối cùng. Các anh có nhớ là các anh đến đây tìm con chim biết nói, cây trồng biết hát và làn nước màu vàng? Khi đến, các anh có trông thấy các tảng đá đen rải rác đó đây? Các anh hãy nhìn xem, giờ không còn một tảng đá nào nữa. Các ngài đứng quanh chúng ta kia và cả hai anh nữa, các vị chính là những tảng đá ấy, cũng như ngựa của các vị chúng đang chờ các vị đây, các vị có nhìn thấy không? Và nếu các vị muốn biết do đâu xảy ra có điều kì diệu, ấy là tại đặc tính của nước đựng trong cái bình kia – nàng vừa nói vừa trở cái bình, giờ không cần tới nữa, cho nên nàng đã để lại ở chân núi – nước mà tôi đã dội lên từng tảng đá. Ấy là vì, sau khi bắt được con chim biết nói làm nô lệ cho mình, nó đang ở trong lồng kia, em tìm được cây trồng biết hát mà em đã bẻ một cành đây và lấy nước vàng đựng đầy lọ này. Đạt được mọi mong ước rồi, em không muốn quay trở về mà không đưa các anh cùng về, cho nên em dùng quyền lực buộc con chim bày cho cách, nó phải chỉ cho em cái bình này và cách sử dụng nước trong bình.

Nghe thuật lại, hai hoàng tử Batman và Pecvizơ rất cảm ơn công chúa em

gái của mình. Các hiệp sĩ đứng xung quanh họ và cùng nghe được câu chuyện ấy, cũng đều cảm tạ. Họ nói rằng chẳng những họ không dám ganh tị về việc nàng đã chiếm đoạt được những thứ mà chính họ hằng ao ước, hơn nữa họ còn không có cách nào biểu lộ cho đầy đủ lòng biết ơn nàng đã cải tử hoàn sinh cho; giờ chỉ có mỗi một cách tuyên bố họ là nô lệ của nàng, họ sẵn sàng làm bất cứ việc gì nàng truyền. Công chúa nói:

- Thưa các ngài, nếu các ngài chú ý những lời tôi vừa nói, các ngài hẳn đã nhận thấy tôi không có ý định nào khác là tìm lại hai anh trai của tôi. Bởi vậy nếu đã xảy ra điều may mắn mà các ngài vừa nói đó, các ngài cũng chẳng phải hàm ơn ai. Tôi không dám nhận những lời khen ngợi mà các ngài có nhã ý nói ra, và xin cảm tạ các ngài.

Ngoài ra, tôi coi tất cả các ngài, ai cũng là người tự do như trước khi lâm nạn. Tôi rất hân hoan về sự may mắn đã xảy đến các ngài cũng như đối với tôi. Nhưng, xin chớ nán ná lâu hơn nữa ở một nơi không còn gì đáng giữ chân chúng ta lại. Xin hãy lên ngựa và mỗi người hãy trở về nơi mình đã từ đó ra đi.

Tự nêu gương trước, công chúa đi lấy ngựa của mình; con vật vẫn ở nguyên chỗ nàng để nó đứng. Trước khi lên ngựa, hoàng tử Batman muốn đỡ em cho khỏi nặng, bảo đưa lồng chim cho mình mang hộ, nàng nói:

- Thưa anh, con chim là nô lệ của em, em muốn tự mình mang lấy. Nhưng nếu anh vui lòng cầm giúp cành cây biết hát, thì nó kia. Tuy vậy, vẫn xin anh đỡ tạm cái lồng, sau khi em lên ngựa rồi, anh đưa lại cho em.

Khi nàng đã ngồi lên mình ngựa và hoàng tử Batman đã đưa trả lại cái lồng cùng con chim, nàng nói với hoàng tử Pecvizơ:

- Còn anh, thưa anh Pecvizơ, cái lọ nước vàng kia, em xin giao cho anh giữ, nếu anh không thấy bất tiện.

Hoàng tử Pecvizơ vui vẻ nhận làm việc này.

Khi hoàng tử Batman, hoàng tử Pecvizơ và tất cả các hiệp sĩ khác đã lên ngựa cả rồi, công chúa Parizat chờ cho một người nào đi lên trước, dẫn đầu cả đoàn. Hai hoàng tử muốn lịch sự nhường các vị hiệp sĩ, các vị này, về phần mình lại muốn nhường vinh dự ấy cho công chúa. Nhận thấy không một vị nào muốn đi trước, chờ mình làm việc đó, nàng cất lời nói với tất cả:

- Thưa các ngài, tôi chờ các ngài đi trước.

Một trong những vị đứng gần nàng nhất, thay mặt tất cả đáp:

- Cho dù không biết đến vinh dự là phải dành ưu tiên cho nữ giới, thì cũng không có vinh dự nào mà chúng tôi không sẵn sàng nhường nàng, sau việc nàng vừa làm ơn cho chúng tôi. Cho dù biết nàng khiêm tốn, chúng tôi vẫn

xin nàng đừng để cho chúng tôi phải chờ lâu hơn nữa, mà xin cho chúng tôi có hạnh phúc được theo sau nàng.

Công chúa liền đáp:

- Thưa ngài, tôi không xứng đáng vinh dự các ngài dành cho. Sở dĩ tôi phải nhận lời là tại các ngài muốn vậy.

Vừa nói nàng vừa thúc ngựa tiến lên. Hai hoàng tử cùng tất cả mọi người đi theo thành đoàn, không phân biệt.

Cả đoàn muốn ghé thăm cụ già ẩn sĩ, để cảm ơn cụ về sự đón tiếp nồng nhiệt và những lời khuyên của cụ có giá trị sống còn mà ai cũng thấy là chân thành. Nhưng cụ đã qua đời, không ai biết vì tuổi già hay vì không cần có người chỉ đường tới chỗ lấy ba vật quý, mà công chúa Parizat vừa đoạt được một cách vẻ vang.

Đoàn người tiếp tục đi, nhưng mỗi ngày lại bớt đông một ít. Quả vậy, các hiệp sĩ đến từ nhiều xứ khác nhau, cứ đến chỗ rẽ dẫn sang con đường về lại xứ mình, thì từng người một đến gặp công chúa cảm tạ một lần nữa, rồi cáo biệt nàng và hai hoàng tử, lần lượt hết người này đến người khác làm như vậy. Công chúa cùng các hoàng tử Batman và Pecvizơ tiếp tục đường đi của mình cho tới khi về đến nhà.

Thoạt tiên, công chúa để lồng chim trong phòng khách, và bởi vì phòng khách trông ra vườn, và con chim vừa cất tiếng hót, là những con chim họa mi, mai hoa, sơn ca, kim oanh và cơ man là chim chóc các loài trong vùng kéo đến, hòa theo. Cành cây nàng cho trồng ngay trước mặt phòng mình, trên một bồn đất không xa nhà. Nó bén rễ và chẳng mấy chốc lớn thành một cây to, mà các lá đều cùng hát lên giai điệu và hòa tấu hết như cây gốc ở trong rừng.

Nàng xây chính giữa bồn hoa một cái bể bằng cẩm thạch đẹp, rồi đổ tất cả nước vàng đựng trong lọ vào đấy. Thế là nước bắt đầu sủi phồng lên, và khi mập mé bờ bể thì phun thành nhiều tia cao tới hai mươi bộ, rơi xuống rồi lại tiếp tục phun lên, mà không hề tràn ra ngoài bờ bể.

Tin tức về những điều kỳ diệu ấy lan truyền khắp vùng; và vì công của ngôi nhà cùng khu vườn không bao giờ đóng lại với bất kỳ ai, chẳng bao lâu có rất nhiều người ở các vùng lân cận tới xem.

Sau mấy ngày, các hoàng tử Batman và Pecvizo trút hết những mệt nhọc vì chuyến đi, tiếp tục lối sống của mình. Vì săn bắn là cách giải trí thông thường, lần đầu tiên từ khi trở về nhà, họ lên ngựa đi săn, không phải trong khu rừng của mình, mà cách xa nhà chừng hai, ba dặm. Họ đang săn thì chợt quốc vương Ba Tư xuất hiện, nhà vua cũng đang săn ở chốn này. Vừa trông thấy rất nhiều kỵ sĩ hiện ra ở nhiều nơi, biết là vua sắp tới hai hoàng tử quyết định ngừng cuộc săn và ra về để lánh mặt vua. Nhưng họ lại sắp mặt vua ngay trên đường về, ở một nơi đường rất hẹp đến nỗi không thể rẽ sang nẻo khác hoặc quay trở lại mà không để vua trông thấy. Trong cơn thảng thốt, họ chỉ đủ thời giờ xuống ngựa, phủ phục trước mặt vua, đầu rạp sát đất, và cũng không ngẩng mặt lên nhìn. Nhưng nhà vua thấy họ cưỡi ngựa tốt, ăn mặc tinh tươm không khác gì các vị trong vương triều, tò mò muốn xem mặt họ, liền cho truyền cho họ đứng lên.

Hai hoàng tử đứng dậy trước mặt vua, vẻ ung dung thoải mái nhưng vẫn biểu lộ sự khiêm nhường và tôn kính. Vua nhìn họ từ đầu đến chân, ngắm nghía vẻ tuấn tú khôi ngô của họ, rồi hỏi họ là ai và nhà ở nơi đâu. Hoàng tử Batman cất lời đáp:

- Tâu bệ hạ, chúng tôi là con trai một vị trông coi vườn tược của bệ hạ, người đã qua đời chưa lâu. Chúng tôi hiện đang ở trong ngôi nhà mà cha chúng tôi cho xây dựng ít lâu trước khi từ trần, để cho chúng tôi được sống ở đây mà chờ đến tuổi được phụng sự bệ hạ, cầu xin gặp dịp Người ban cho việc làm.

- Ta thấy có vẻ các anh thích đi săn, nhà vua lại nói.

- Tâu bệ hạ, đó là việc tập luyện rất thông thường của chúng tôi, – hoàng tử Batman đáp – mọi con em thân dân, sinh ra là để rồi đây sẽ phục vụ trong quân đội của Người, không ai dám trể nải việc tập luyện đó, theo đúng tập quán lâu đời của vương quốc ta.

Rất hài lòng về câu đáp khôn ngoan, nhà vua bảo:

- Đã vậy thì ta sẽ rất hài lòng xem các anh săn. Hãy đến đây! Các anh muốn chọn cách săn nào, tùy ý.

Hai hoàng tử lại lên ngựa đi theo nhà vua. Tiến lên chưa xa đã trông thấy nhiều thú rừng. Hoàng tử Batman chọn một con sư tử, hoàng tử Pecvizo, một con gấu. Họ cùng lao đến một lúc, với sự dũng mãnh khiến nhà vua kinh ngạc. Họ đuổi kịp gần như cùng lúc hai con thú, và phóng lao một cách khéo léo đến nỗi mũi lao của hoàng tử Batman xuyên qua thân con sư tử và mũi

lao của hoàng tử Pecvizo xuyên qua thân con gấu. Nhà vua nhìn thấy hai con thú theo nhau gục xuống. Không ngừng lại, hoàng tử Batman lại đuổi theo một con gấu khác, hoàng tử Pecvizo một con sư tử khác, và chẳng mấy chốc, đã phóng lao quật chúng ngã lăn, chết ngay tại chỗ. Hai chàng muốn tiếp tục săn nữa, nhưng nhà vua không cho phép, sai gọi họ lại. Khi họ đã đến xếp hàng bên cạnh mình, vua nói:

- Nếu ta để các anh làm, thì không bao lâu, các anh tiêu diệt hết thú săn của ta. Tuy nhiên, không phải ta muốn bảo vệ thú săn, mà ta muốn bảo vệ con người các anh, từ nay đối với ta rất thân thiết. Ta tin chắc sự dũng cảm của các anh bây giờ làm ta vui lòng, nhưng rồi sẽ đến lúc có ích cho ta.

Cuối cùng nhà vua thấy mình có cảm tình sâu đậm với hai hoàng tử, đến nỗi nghĩ ý mời hai chàng đi theo ngay lúc đó về cung. Hoàng tử Batman đáp:

- Tâu bệ hạ, bệ hạ ban cho chúng tôi một vinh dự mà chúng tôi tự thấy không đáng được hưởng, cầu xin Người miễn cho!

Nhà vua không hiểu sao hai chàng lại khước từ một đặc ân của mình đối với họ như vậy, liền hỏi nguyên do và giục họ trả lời.

- Tâu bệ hạ, chả là chúng tôi còn có một đứa em gái út, chúng tôi sống hòa thuận với nhau, không có việc gì chúng tôi làm mà không hỏi ý kiến trước của em; cũng như em chẳng làm bất cứ việc gì mà không hỏi trước ý kiến của các anh trai.

- Ta rất khen ngợi tình huynh đệ của các ngươi. – Nhà vua nói – Vậy hãy về hỏi ý kiến em gái các ngươi, rồi ngày mai đến đây đi săn với ta và trả lời ta rõ.

Hai hoàng tử trở về nhà, nhưng cả hai đều quên mất chuyện gặp hoàng đế và vinh dự cùng săn với Người nên chẳng ai nói với công chúa việc nhà vua muốn đưa hai chàng theo về hoàng cung. Ngày hôm sau, họ đến chỗ vua săn. Giữa cuộc săn, vua hỏi:

- Thế nào, các anh đã hỏi ý kiến cô em gái rồi chứ? Cô có đồng ý cho ta được gặp riêng hai anh không?

Hai hoàng tử nhìn nhau bối rối, hoàng tử Batman nói:

- Tâu bệ hạ, xin Ngài tha tội cho, cả hai anh em chúng tôi đều quên mất.

- Vậy thì hôm nay hãy nhớ, – vua nói tiếp – và ngày mai chớ quên trả lời ta rõ!

Hai hoàng tử một lần nữa lại quên. Nhà vua đã không giận vì sự hững hờ đó, ngược lại còn lấy trong túi ra ba quả cầu vàng nho nhỏ, bỏ vào trong áo hoàng tử Batman và mỉm cười nói:

- Những quả cầu này sẽ ngăn các ngươi không quên một lần thứ ba nữa,

để vì ta mà làm việc ta mong muốn. Tối nay, tiếng của nó rơi khỏi thắt lưng sẽ làm cho các người nhớ ra, nếu như các người lại vẫn còn quên như hai lần trước.

Tình hình xảy ra đúng như nhà vua đã định. Không có ba quả cầu vàng, thì hai hoàng tử hẳn đã quên không hỏi ý kiến công chúa Parizat thật. Khi hoàng tử Batman cởi áo đi ngủ, ba quả cầu rơi khỏi thắt lưng. Lập tức, chàng đi tìm hoàng tử Pecvizơ rồi hai anh em cùng đến phòng riêng của công chúa, nàng cũng chưa đi ngủ. Họ xin lỗi đã đến quấy rầy em vào giờ muộn màng, rồi nói cho nàng nghe vì sao mình tới, và thuật lại đầy đủ chi tiết chuyện gặp nhà vua.

Công chúa hoảng hốt khi nghe tin đó. Nàng nói:

- Gặp nhà vua đối với hai anh là điều may mắn và vinh dự, rồi đây có thể việc gặp gỡ đó sẽ có lợi cho hai anh, nhưng đối với em đó là việc không hay và đáng buồn. Em thấy rõ, vì nghĩ tới em mà các anh đã cưỡng lại điều nhà vua muốn; em vô cùng biết ơn hai anh. Qua việc đó em thấy rõ các anh thương em cũng như em thương hai anh vậy. Có thể nói các anh thà phạm tội khiếm nhã với nhà vua, khi đã lịch sự từ chối lời mời, còn hơn làm phương hại đến tình huynh đệ mà chúng ta đã thề cùng gắn bó. Các anh đã thấy trước, nếu cứ tiếp tục đến châu vua, rồi vô tình các anh buộc phải bỏ em ở nhà để phục vụ Người.

Nhưng, các anh nghĩ rằng, chúng ta có thể dễ dàng từ chối thẳng thừng với nhà vua điều mà có vẻ như vua mong muốn rất thiết tha đấy ư? Cưỡng lại ý muốn của vua là điều nguy hiểm. Bởi vậy, nếu theo tình cảm mà khuyên hai anh đừng đáp lại điều vua mong muốn, thì em hẳn sẽ làm cho các anh bị nhà vua giận ghét, và rồi em cũng mang vạ với hai anh. Hai anh đã rõ em nghĩ như thế nào rồi. Tuy vậy, chúng ta chớ nên kết luận vội, mà nên hỏi ý kiến con chim biết nói, xem nó khuyên thế nào. Nó nhìn xa, trông rộng, và nó cũng đã từng hứa là sẽ giúp đỡ khi nào chúng ta gặp bối rối khó khăn.

Công chúa Parizat sai mang lồng chim đến. Sau khi nêu ra với chim những khó khăn của mình, trước mặt hai hoàng tử, nàng hỏi chim nên xử sự thế nào trong lúc phân vân này. Chim đáp:

- Các hoàng tử anh cô phải tuân theo ý muốn nhà vua. Hơn nữa các ngài còn phải mời vua tới thăm cô nữa.

- Nhưng, chim ơi, – công chúa lại hỏi – các anh ta và ta thương yêu nhau, không có tình anh em nào thân thiết bằng tình anh em chúng ta, rồi đây nó có bị phương hại vì chuyện ấy hay chăng?

- Không đâu, – chim đáp – tình anh em sẽ càng đậm đà hơn.

- Như vậy, nhà vua sẽ đến thăm nhà ta? – Công chúa nói.

Con chim đáp rằng nhà vua tới thăm nhà này là điều rất cần thiết và rồi mọi việc sẽ tốt đẹp hơn mà thôi. Ngày hôm sau, hai hoàng tử Batman và Pecvizơ trở lại chỗ đi săn. Nhà vua vừa trông thấy hai chàng từ xa, đã hỏi hai chàng có nhớ nói chuyện với cô em gái hay không. Hoàng tử Batman tiến đến gần đáp:

- Tâu bệ hạ, chúng tôi sẵn sàng tuân lệnh bệ hạ. Không những chúng tôi chẳng gặp khó khăn gì mà không được em gái đồng ý, hơn nữa, em gái chúng tôi còn cho rằng việc chúng tôi chưa thực hiện ngay bốn phận đối với Người là điều đáng trách. Tâu bệ hạ, em gái chúng tôi đáng được coi trọng lắm. Nếu chúng tôi có tội, cúi xin bệ hạ tha tội cho!

- Các anh chớ lo, – nhà vua đáp – ta không những không trách việc các anh đã làm, ta còn tán thưởng nữa, và hy vọng các anh cũng coi trọng và mến yêu ta như vậy, nếu ta đáng được hưởng tình thân hữu của các anh.

Bối rối trước lòng nhân từ quá lớn của nhà vua, các hoàng tử chỉ còn biết cúi rạp mình, biểu lộ sự đồng tình với lòng kính trọng sâu sắc.

Trái với thói quen, hôm ấy nhà vua không sẵn lâu. Cho rằng các hoàng tử rất thông minh, tài ba và dũng mãnh, vua sốt ruột muốn được đàm đạo thoải mái hơn với hai chàng, cho nên quyết định về sớm. Vua muốn hai hoàng tử đi sát bên cạnh mình. Vinh dự ấy không những làm cho các vị đại thần theo hầu vua sinh lòng ganh tị, mà ngay đến tể tướng cũng lấy làm nhục phải đi sau hai chàng trai.

Khi nhà vua về tới kinh thành, dân chúng đứng hai bên đường, cứ dán mắt vào hai hoàng tử Batman và Pecvizơ, tìm hiểu xem hai chàng này là ai, người trong nước hay khách nước ngoài, số đông nói:

- Dù thế nào chẳng nữa, cầu Thượng đế phù hộ cho vua ta có được hai hoàng tử khôi ngô tuấn tú dường này. Nếu như các lần sinh đẻ của hoàng hậu trước đây đều được may mắn, – bà đau khổ quá lâu về chuyện ấy rồi – thì hẳn các hoàng tử ngày nay cũng vào trạc tuổi hai vị này.

Việc đầu tiên của nhà vua khi về tới hoàng cung, là dẫn hoàng tử đi xem những căn phòng chính. Họ khen ngợi vẻ đẹp, của cải đắt tiền, các trang trí và họ xử sự một cách tự nhiên, đúng như những người hiểu biết về những chuyện đó. Cuối cùng, một tiệc lớn được bày ra.

Nhà vua muốn hai chàng cùng ngồi ăn với mình. Họ định từ tạ, nhưng vua nói rằng đây là ý muốn của nhà vua, thì họ vâng lời ngay. Nhà vua, vốn rất thông minh và từng học rộng biết nhiều các môn học khoa học, đặc biệt là môn lịch sử, đã dự kiến là, vì khiêm nhường và kính trọng, chắc các hoàng tử sẽ không dám tự mình mở đầu câu chuyện. Để cho họ có dịp được nói, vua bắt đầu trước. Suốt bữa ăn, cho dù vua muốn đề cập vấn đề gì, họ đều có

thể tiếp chuyện đầy hiểu biết, thông minh, óc phán đoán và phân biệt đúng sai, khiến cho vua rất khâm phục. “Giả thử chúng là con trai ta, – vua tự nhủ – với sự thông minh sẵn có của chúng, và được ta chăm lo giáo dục, thì cũng không thể thành thạo và thông thái hơn thế này.” Cuối cùng vua nói với hai hoàng tử:

- Chưa bao giờ ta nghĩ rằng ở chốn thôn quê lại có những chàng trai trẻ con dân ta, được giáo dục tốt, có tri thức và nhiều tài năng thế này. Cả đời ta chưa bao giờ nói chuyện với ai thú vị như với các anh. Nhưng hôm nay như vậy là đủ rồi. Đã đến lúc các anh để cho đầu óc thành thoi bằng cách dự vài cuộc giải trí trong triều. Và vì chẳng có gì làm cho đầu óc ta thoải mái hơn âm nhạc, các anh sẽ nghe một cuộc hòa tấu và hợp xướng không đến nỗi tồi.

Nhà vua vừa dứt lời, các nhạc công vốn đã được lệnh, tiến vào và đáp lại một cách tài giỏi sự chờ đợi của mọi người. Tiếp đó, là những vai hề tuyệt vời, và cuối cùng, các vũ công và vũ nữ kết thúc cuộc giải trí. Thấy ngày sắp hết, hai hoàng tử phủ phục trước chân vua, cảm tạ lòng nhân từ và những vinh dự vua ban cho, rồi xin phép được ra về. Nhà vua nói:

- Ta cho các anh về, nhưng nên nhớ rằng ta thân hành dẫn hai anh đến hoàng cung là để chỉ cho các anh biết đường, để sau này các anh tự đến. Bao giờ các anh cũng được hoan nghênh, và các anh càng năng đến ta càng vui lòng.

Trước khi cáo biệt nhà vua, hoàng tử Batman nói:

- Tàu bè hạ, không biết chúng tôi có được phép mạo muội cầu xin Người ban ân cho hai anh em cũng như cho em gái chúng tôi, mà ghé qua nhà, nghỉ lại đây trong chốc lát, nếu như lần tới đây, Người có dịp lại đi săn trong vùng? Nhà chúng tôi chẳng xứng đáng để bè hạ đặt chân; tuy nhiên đôi khi các vị đế vương cũng không chê nghỉ lại dưới một mái lều tranh.

Nhà vua đáp:

- Nhà của những người như hai anh chỉ có thể đẹp và xứng với người. Ta sẽ vui lòng đến thăm; và để được đến một nơi mà các anh và em gái các anh mà cho dù chưa gặp mặt, ta đã thấy yêu mến cô vì đức hạnh, ta sẽ không chán chừ, sẽ không để chậm quá. Ngày kia, ta sẽ có mặt rất sớm đứng vào nơi mà ta vẫn chưa quên đã được gặp hai anh lần đầu. Các anh hãy có mặt ở đấy, rồi dẫn đường cho ta.

Hai hoàng tử Batman và Pecvizơ trở về nhà ngay hôm đó. Vừa tới nơi, sau khi thuật lại cho công chúa Parizat nghe sự đón tiếp vinh hạnh mà nhà vua dành cho hai người, hoàng tử Batman cho biết ngày nhà vua sẽ đến thăm, ấy là ngày tiếp sau ngày mai đây. Công chúa nói:

- Nếu như vậy thì ngay từ bây giờ phải nghĩ tới chuyện sửa soạn một bữa

ăn cho xứng đáng với nhà vua, và muốn thế, chúng ta nên hỏi ý kiến con chim biết nói, có thể nó sẽ bày cho ta vài món hợp hơn với khẩu vị nhà vua chăng.

Hai hoàng tử bảo tùy nàng lo liệu việc này. Khi hai chàng lui về, công chúa liền hỏi riêng con chim:

- Chim ơi, nhà vua sẽ hạ cố ghé thăm nhà ta, chúng ta phải tiếp đãi, chim hãy bảo ta nên làm như thế nào cho vua hài lòng.

- Thưa cô chủ hiền từ, – chim đáp – cô có khối người hầu bếp giỏi, họ hãy cố gắng làm hết sức mình. Trước hết bảo họ nấu cho vua một đĩa dưa chuột nhồi ngọc trai; rồi cô sẽ đưa ra mời vua đầu tiên, trước khi dùng các món khác.

- Dưa chuột nhồi ngọc trai? – Công chúa kinh ngạc thốt lên – Chim ơi, mi nghĩ chưa tới nơi rồi, đó là một món nấu chưa từng nghe ai nói tới. Nhà vua sẽ có thể coi đó là một điều cực kỳ sang trọng, nhưng vua ngồi vào bàn để ăn, chứ đâu để ngấm ngọc trai. Hơn nữa, giá ta có dùng hết số ngọc trai nhà ta có, cũng không đủ để nhồi vào dưa chuột.

- Thưa cô chủ, – chim đáp – xin cô hãy nên làm điều tôi nói và đừng lo rồi việc gì sẽ xảy ra; nếu có thì sẽ chỉ xảy ra những việc tốt lành mà thôi. Còn về khoản ngọc trai, xin cô sáng mai, rất sớm, hãy đến gốc cây đầu tiên ở bên phải trong khu rừng nhà và cho đào lên cô sẽ tìm thấy thừa ra so với mức cần thiết.

Ngay tối hôm ấy, công chúa báo cho một người làm vườn sẵn sàng, rồi sáng hôm sau dẫn anh ta ra tới gốc cây mà con chim chỉ, bảo đào đất ở gốc. Đào sâu tới một mức nào đó, người làm vườn thấy chạm phải vật rắn, và nhận ra ngay đây là một hộp bằng vàng rộng chừng một bộ vuông, liền trở cho công chúa thấy.

- Chính vì việc đó mà ta đưa anh tới đây, hãy tiếp tục đào nữa đi, chú ý đừng để cho nhát cuốc làm hỏng hộp.

Cuối cùng người làm vườn moi lên được cái hộp, đưa cho công chúa. Cái hộp chỉ được cài bằng mấy chiếc móc khá sạch sẽ, công chúa mở ra và thấy đầy ngọc trai, tất cả đều to bình thường thôi, nhưng đẹp và tiện dùng vào công việc định làm. Rất hài lòng vì được kho báu nhỏ bé đó, nàng đóng nắp hộp lại, ôm vào tay và trở về nhà, trong khi người làm vườn lấp đất ở gốc lại y như cũ.

Hai hoàng tử Batman và Pecvizơ, từ buồng riêng của mình, đã nhìn thấy em gái ra vườn sớm hơn thường lệ. Mặc áo quần xong họ tìm nhau rồi cùng ra đón. Họ gặp nàng ở giữa vườn. Từ xa, họ đã trông thấy em ôm một vật gì trong tay. Họ đến gần thì thấy đó là một cái hộp bằng vàng. Rất ngạc nhiên,

hoàng tử Batman hỏi:

- Em ơi, lúc em cùng người làm vườn đi ra, anh không thấy em cầm theo vật gì, giờ em trở về lại có cái hộp này. Có phải người làm vườn tìm được kho báu rồi báo cho em hay chẳng?

- Thưa hai anh, – công chúa đáp – hoàn toàn ngược lại Chính em dẫn người làm vườn ra nơi có cái hộp, chỉ chỗ cho bảo anh ta đào. Các anh còn ngạc nhiên hơn nữa về vật em bắt được, nếu biết trong đó có đựng thứ gì.

Công chúa mở cái hộp. Hai hoàng tử lấy làm kỳ thú khi trông thấy chứa đầy ngọc, lấy riêng từng hạt thì chẳng lấy gì làm to lắm, nhưng chúng rất có giá trị, liền hỏi do đâu công chúa biết được kho báu này, nàng đáp:

- Hai anh à, trừ phi các anh đang vội lo việc gì, còn không mời các anh về cùng em, em sẽ nói các anh rõ.

Hoàng tử Pecvizơ đáp:

- Có việc nào đối với các anh vội hơn là được biết rõ về việc đang làm cho các anh rất quan tâm này, chính vì vậy mà các anh đi đón em đó.

Thế là công chúa đi giữa hai anh trai. Trên đường trở về nhà, nàng vừa đi vừa thuật lại chuyện mình hỏi ý kiến con chim: nàng hỏi những gì, nó đáp ra làm sao, nàng đã không đồng tình về món dưa chuột nhồi ngọc trai, và nó đã bày cho cách như thế nào để có đủ ngọc.

Hai hoàng tử và công chúa suy đi xét lại rất nhiều để đoán được ý đồ con chim, nó muốn dọn cho vua một món ăn như vậy, thậm chí họ định tìm cách để biết cho kỳ được. Nhưng cuối cùng, họ đều kết luận là chẳng hiểu ra làm sao cả, tuy nhiên họ thấy vẫn cần phải làm đúng từng điểm một theo lời khuyên của chim, không bỏ sót một chi tiết nào.

Trở về nhà, công chúa cho gọi người bếp trưởng đến buồng riêng của mình. Sau khi ra lệnh làm bữa ăn theo như ý nàng để thiết đãi nhà vua, nàng bảo thêm:

- Ngoài những thứ tôi vừa dặn, anh cần phải làm cho tôi một món đặc biệt để riêng nhà vua dùng. Như vậy là ngoài anh ra không ai được đụng tay vào đấy. Đó là món dưa chuột nhồi, và anh lấy số ngọc trai này để nhồi vào các quả.

Vừa nói, nàng vừa mở cái hộp trả cho người bếp trưởng trông thấy ngọc.

Người bếp trưởng chưa từng bao giờ nghe nói tới một món nhồi như vậy, thụt lùi hai bước, mắt lộ vẻ cực kỳ kinh ngạc. Công chúa hiểu, liền nói:

- Tôi thấy anh cho tôi là con điên, khi bảo anh nấu một món anh chưa từng nghe ai nói tới, và có lẽ cũng chưa từng ai nấu bao giờ. Đúng như vậy, tôi cũng hiểu như anh, nhưng tôi có ý riêng của tôi, tôi ra lệnh cho anh làm việc

đó với tất cả sự minh mẫn của mình. Thôi, anh hãy đi đi, hãy cố nghĩ ra cách mà làm cho tốt! Hãy mang theo cái hộp, nấu xong, nếu còn thừa ngọc thì mang trả lại tôi!

Người bếp trưởng không biết trả lời thế nào, liền cầm cái hộp mang đi. Cũng trong ngày hôm ấy, công chúa Parizat truyền cho người nhà quét dọn sạch sẽ nhà cửa, vườn tược để đón vua cho thật long trọng. Ngay hôm sau, hai hoàng tử vừa có mặt ở nơi đi săn thì quốc vương nước Ba Tư đã đến. Vua bắt đầu cuộc săn cho tới khi mặt trời lên cao, rồi truyền lệnh nghỉ. Thế là, trong khi hoàng tử Batman đi kè bên vua, hoàng tử Pecvizơ tiến lên trước dẫn đường. Khi trông thấy ngôi nhà, chàng vội thúc ngựa chạy về báo cho công chúa Parizat biết vua đã tới. Nhưng người nhà của công chúa, được nài sai đứng sẵn ở các đường, đã về báo trước, thành thử hoàng tử thấy nài đã đứng chờ, sẵn sàng tiếp đón nhà vua.

Vua tới vào đến sân và xuống ngựa trước tiền sảnh, đã thấy công chúa Parizat bước ra quỳ xuống dưới chân. Hai hoàng tử lúc ấy có mặt, tâu rằng đây chính là em gái mình, xin phép vua cho em được lạy chào. Nhà vua cúi xuống nâng công chúa đứng lên. Sau một lúc ngắm và khâm phục sắc đẹp tuyệt trần, dáng điệu yêu kiều, vẻ đường bệ, và có một cái gì đó không giống thôn dã nơi nàng đang ở, vua nói:

- Hai anh xứng đáng với cô em, cô em xứng đáng với hai ông anh; từ bên ngoài xét việc bên trong, ta không muốn hai ông anh làm việc gì mà không có sự đồng ý của cô em. Nhưng ta hy vọng sẽ hiểu điểm đó sâu hơn là thoát nhìn, sau khi đã đi xem ngôi nhà.

Công chúa liền lên tiếng:

- Tâu bệ hạ, đây chỉ là một ngôi nhà hợp với những người quê mùa như chúng tôi. Nó chẳng có gì đáng so sánh với những ngôi nhà ở tỉnh thành, chứ còn nói gì so sánh với lâu đài tráng lệ của các vị đế vương.

- Ta chưa hoàn toàn tin vào ý kiến của cô, – nhà vua nói rất nhã nhặn, – những thứ vừa thoát trông thấy đã khiến ta nghi ngờ lời cô. Ta dành cho mình quyền phán đoán sau khi đã xem xong. Nào, cô hãy đi lên trước, dẫn đường cho ta.

Công chúa, chừa phòng khách, còn dẫn nhà vua đi xem buồng này tới buồng khác. Vua khâm phục cảnh sắc muôn màu muôn vẻ của từng gian phòng, liền bảo công chúa Parizat:

- Cô gái ơi, cô gọi đây là một ngôi nhà nơi thôn dã quê mùa ư? Các thành phố đẹp nhất và lớn nhất chẳng bao lâu rồi sẽ vắng teo, nếu tất cả các ngôi nhà nơi thôn dã đều giống như ngôi nhà của cô; ta không ngạc nhiên sao các vị thích sống ở đây và coi thường thị thành đến thế. Cô hãy cho ta xem vườn,

ta tin rằng vườn xứng với nhà.

Công chúa mở một cánh cửa thông ra vườn, và vật đập vào mắt nhà vua đầu tiên là những tia nước màu vàng, trông giống như vàng thật. Ngạc nhiên trước một cảnh tượng mới lạ như vậy, vua dừng lại đứng nhìn một lát rồi hỏi:

- Loại nước kỳ diệu này lấy từ đâu mà trông thích mắt vậy? Nguồn của nó ở đâu? Và bằng nghệ thuật nào người ta cho phun được, khiến ta không làm sao tin nổi có vật nào khác giống cái này trên đời? Ta muốn xem vật diệu kỳ này gần hơn nữa.

Vua vừa nói vừa đi. Công chúa tiếp tục dẫn vua tới nơi trồng cây biết hát.

Tới gần, nhà vua nghe một bản hợp xướng khác hẳn những bản vua từng nghe, liền dừng lại, đưa mắt tìm xem các nhạc công ở đâu. Nhìn xa rồi lại nhìn gần vẫn không thấy người, trong khi bản hòa tấu nghe khá rõ, đủ để cảm thấy mê ly, vua quay lại hỏi công chúa Parizat:

- Cô gái ơi, các nhạc công ta đang nghe ấy ở đâu? Dưới đất ư? Vô hình ở trên không ư? Với những giọng hát tuyệt vời và dễ thương như vậy, họ sợ gì mà không ra mặt; ngược lại, họ sẽ làm cho người nghe càng thêm thú vị.

Công chúa mỉm cười đáp:

- Tâu bệ hạ, không phải các nhạc công đang cử bản hòa tấu để Người nghe, mà chỉ là cái cây Người đang nhìn thấy trước mắt. Nếu bệ hạ vui lòng tiến lên bốn bước nữa thì Người sẽ hết hoài nghi, các giọng hát sẽ rõ hơn.

Nhà vua tiến lên, và say mê điệu nhạc dịu dàng tới mức nghe không biết chán. Cuối cùng, sức nhớ là cần xem nước vàng ở cạnh đấy, vua cất tiếng hỏi:

- Này cô gái, cô hãy nói ta nghe, có phải cây này tình cờ mọc ở trong vườn nhà cô? Ấy là món quà của ai tặng, hay là một vật mang về từ một đất nước rất xa xôi? chắc là nó được mang về từ xa lắm, còn không, một người thích những của hiếm lạ trong thiên nhiên như ta, hẳn ta đã nghe nói tới rồi. Tên nó là gì?

- Tâu bệ hạ, – công chúa đáp – nó chẳng có tên gì khác hơn là cây trồng biết hát, nó chẳng mọc ở nước ta, kể lại chuyện đó e quá dài. Câu chuyện này có liên quan tới làn nước vàng và con chim biết nói, cả ba vật ấy được đưa về đây cùng một lúc. Bệ hạ sẽ thấy con chim, sau khi đã nhìn nước vàng gần hơn, như ý bệ hạ muốn. Nếu Người cho việc ấy là được, thì tôi sẽ xin được vinh dự thuật lại hầu Người sau khi Người nghỉ ngơi cho đỡ mệt vì cuộc săn, nhất là săn dưới nắng to.

- Cô gái à, – nhà vua nói – ta chẳng thấy mệt nhọc như cô nói, vì cuộc đi

sẵn đã được thưởng công bởi những vật diệu kỳ cô vừa cho xem, hãy nghĩ tới chuyện mệt nhọc mà ta gây nên cho cô. Vậy thì hãy kết thúc ở đây hãy đi xem làn nước vàng; và ta còn muốn được nhìn con chim biết nói.

Đến gần bể, nhà vua ngắm rất lâu các tia nước phun lên trời rồi lại rơi xuống, tạo nên một cảnh tượng diệu kỳ. Nhà vua lại hỏi công chúa:

- Theo cô, nước này không có nguồn, và không được dẫn tới bằng những ống ngầm; ít ra ta cũng hiểu là nó được đưa về từ nơi rất xa lạ, y như cây biết hát kia?

- Tâu bệ hạ, – công chúa đáp – đúng như lời Người nói, điều chứng tỏ nước không được dẫn từ nơi khác tới, là cái bể này đúc liền một khối, như vậy là không thể lấy nước vào từ hai bên, cũng như từ dưới đáy lên. Và điều làm cho nó càng đáng thán phục nữa là, tôi chỉ đổ có một lọ vào trong bể, ấy thế mà nó sinh sôi ra nhiều như vậy đấy, bởi vì nó có một đặc tính diệu kỳ.

Cuối cùng nhà vua đi xa cái bể:

- Thôi, lần đầu tiên thế là đủ. – Vua nói – Ta hứa sẽ còn trở lại luôn. Cô hãy đưa ta đi xem con chim biết nói.

Đến gần phòng khách, nhà vua nhận thấy trên ngọn cây không biết cơ man nào là chim chóc cùng cất tiếng hót vang lừng. Vua hỏi sao chim tụ tập ở đây nhiều hơn các cây khác trong vườn, ở đó chẳng nghe có tiếng chim hót cũng như chẳng nhìn thấy một con nào.

- Tâu bệ hạ, – công chúa đáp – ấy là tại tất cả chim chóc từ các vùng lân cận đều về đây để hòa theo tiếng hót của con chim biết nói. Bệ hạ có thể thấy nó trong một cái lồng đặt trên bậu cửa sổ ở phòng khách mà Người sắp vào. Nếu Người để ý, sẽ thấy tiếng hót của nó nổi bật hơn tất cả, ngay đến chim sơn ca cũng còn xa mới sánh kịp.

Nhà vua vào phòng khách. Con chim vẫn tiếp tục hót, công chúa liền cao giọng bảo:

- Hỡi nô lệ của ta, nhà vua đến đây, hãy chúc tụng Người!

Lập tức con chim thôi hót, tất cả chim chóc cùng một loạt im tiếng. Con chim nói:

- Chúc nhà vua vạn tuế! Cầu mong Thượng đế cho nước Người được phồn vinh và kéo dài tuổi thọ của Người!

Bữa tiệc được bày trên ghế cạnh cửa sổ, vua ngồi vào bàn ăn, và nói:

- Chim ơi, ta cảm tạ lời chúc tụng của mi. Ta lấy làm hoan hỉ thấy mi là vua các loài chim.

Thấy trước mặt mình có một đĩa dưa chuột, ngỡ là cũng nhồi thịt như bình thường, vua đưa tay lấy định dùng, và cực kỳ ngạc nhiên khi thấy nhồi toàn

ngọc.

- Món gì lạ thế này? Nhồi ngọc là ý đồ gì? Ngọc thì làm sao ăn được?

Vua nhìn hai hoàng tử và công chúa để hỏi xem việc đó có ý nghĩa gì, thì con chim đã cất lời:

- Tâu bệ hạ, sao Người lại lấy làm ngạc nhiên đến thế vì một món ăn nhồi ngọc trai mà Người nhìn tận mắt? Thế sao Người lại từng tin một cách dễ dàng hoàng hậu vợ Người sinh hạ một con chó, một con mèo, và một con cá?

- Ta tin, – hoàng đế đáp – bởi vì các bà đỡ quả quyết với ta như vậy.

- Những bà đỡ ấy là những chị gái của hoàng hậu, – con chim nói tiếp – những người chị ganh tị hạnh phúc của cô em đã được bệ hạ chọn và ban cho vinh dự làm hoàng hậu, thay vì chọn họ. Để hả cơn điên giận của mình, họ đã lợi dụng lòng cả tin của bệ hạ. Họ sẽ thú nhận tội ác nếu bệ hạ cho tra hỏi. Hai anh em trai và cô em gái mà bệ hạ đang thấy kia đều là con của bệ hạ, mà chúng đã thả trôi sông, nhưng được vị quan trông nom các vườn tược của Người cứu sống rồi nuôi nấng và dạy dỗ nên người.

Lời con chim làm nhà vua sáng tỏ ra ngay tức khắc. Vua kêu lên:

- Chim ơi, ta chẳng khó khăn gì mà không tin ngay điều mi vừa nói cho biết. Tình cảm tự nhiên xui ta thương yêu triu mến, quá đủ cho ta biết ba người này là thuộc dòng máu của ta. Hãy đến đây, các con trai, con gái, hãy để cho cha ôm hôn, để cha biểu lộ với các con lần đầu tiên tình thâm phụ tử!

Vua đứng lên, sau khi lần lượt ôm hôn hai hoàng tử, công chúa và cùng tuôn nước mắt như các con, vua nói:

- Như thế vẫn chưa đủ, các con ạ. Các con còn phải lần lượt ôm hôn nhau, không phải với tư cách là con của vị quan trông nom vườn tược của ta – mà ta vĩnh viễn biết ơn đã bảo tồn tính mạng của các con – mà với tư cách là các con của ta, xuất phát từ dòng máu các nhà vua nước Ba Tư, mà ta tin chắc rồi các con sẽ tiếp tục giữ vững truyền thống quang vinh.

Sau khi hoàng tử và công chúa lần lượt ôm hôn nhau, với một sự hài lòng hoàn toàn mới, như quốc vương mong muốn, nhà vua cùng họ tiếp tục ngồi vào bàn, ăn vội vàng. Xong, vua nói:

- Các con ơi, các con đã nhận ta là cha của các con. Ngày mai, ta sẽ đưa hoàng hậu mẹ đẻ các con tới; hãy sẵn sàng đón tiếp mẹ.

Nhà vua lên ngựa, vội và trở lại kinh thành. Vừa bước vào hoàng cung vua truyền lệnh cho tể tướng hết sức nhanh chóng bắt giữ ngay hai người chị gái của hoàng hậu. Hai người bị bắt đưa ra khỏi nhà, tra hỏi riêng rẽ, thú nhận khớp với nhau, liền bị kết án phanh thây. Tất cả những việc đó đều được

thực hiện xong xuôi trong vòng chưa tới một giờ.

Trong lúc đó, vua Khôrusát được tất các triều thần có mặt lúc ấy theo sau, đi bộ đến tận cổng giáo đường lớn, rồi tự vua đưa hoàng hậu ra khỏi nhà tù chật chội, nơi bà sống gầy mòn và đau khổ bao năm trường. Vua ôm hôn, nước mắt lưng tròng vì thấy bà quá tiều tụy.

Vua nói:

- Ta đến xin lỗi nàng về chuyện bất công mà ta đã phạm, và sửa chữa sai lầm đối với nàng. Ta đã sai trừng trị những kẻ đã làm ta mê muội vì sự gian trá xấu xa, và ta hy vọng rằng nàng sẽ quên đi trọn vẹn mọi việc đã xảy ra khi ta tặng nàng hai hoàng tử hoàn hảo cùng một công chúa rất xinh đẹp đáng yêu, chúng đều là con của nàng và của ta. Hãy về đây với ta, hãy lấy lại địa vị xứng đáng của nàng, cùng tất cả vinh dự mà nàng có quyền hưởng!

Việc đó làm ngay trước mắt vô vàn dân chúng tụ tập từ mọi nơi đến, ngay sau khi tin tức về chuyện đang xảy ra lan truyền nhanh chóng khắp thành phố. Ngày hôm sau, từ sáng sớm, nhà vua và hoàng hậu, bà đã thay bộ áo quần nhục nhĩ và đau buồn bằng xiêm y long lẫy đúng như nghi thức, cùng với tất cả triều đình đã được lệnh đi theo, tới nhà của hai hoàng tử và công chúa. Tới nơi, vừa đặt chân xuống đất, nhà vua đã giới thiệu hai hoàng tử Batman, Pecviza cùng công chúa Parizat với hoàng hậu:

- Thừa hoàng hậu, đây là hai hoàng tử con trai nàng, và đây là công chúa con gái nàng; nàng hãy ôm hôn các con thật âu yếm như ta từng hôn chúng; các con đều xứng đáng với ta và với nàng.

Nước mắt tuôn nhiều không thể nào kể xiết, nhất là hoàng hậu, bởi niềm an ủi và vui mừng được siết vào lòng hai con trai và con gái từng gây nên cho mình biết bao đau khổ bao nhiêu năm dài. Hai hoàng tử và công chúa đã sai làm sẵn một bữa tiệc lớn thết đãi nhà vua, hoàng hậu cùng tất cả triều đình. Mọi người ngồi vào bàn. Sau bữa ăn, nhà vua dẫn hoàng hậu ra vườn, chỉ cho xem cây hát du dương và ánh nước đẹp màu vàng. Còn con chim, hoàng hậu đã nhìn thấy trong lồng, và nhà vua đã tỏ lời khen ngợi trong lúc dùng tiệc. Khi không còn có gì lưu chân nữa, nhà vua lên ngựa; hoàng tử Batman đi bên phải vua, hoàng tử Pecvizo bên trái; còn hoàng hậu có công chúa Parizat ở bên trái, đi tiếp ngay sau nhà vua. Với trật tự ấy theo sau là các triều thần mỗi người xếp hàng theo phẩm trật, họ lên đường trở lại kinh thành. Càng về tới gần, nhân dân ra đón càng đông, rất xa ngoài cổng thành. Họ dán mắt nhìn vào hoàng hậu, chia vui cùng bà sau những ngày đau khổ dài; cũng như ngắm nhìn hai hoàng tử và công chúa, mà họ hoan hô vang dậy. Dân chúng cũng chú ý cả con chim trong lồng, được công chúa Parizat mang theo trước ngực.

Mọi người thán phục tiếng hót của chim, nó thu hút thêm nhiều chim chóc

khác. Chúng bay theo, đỗ trên các ngọn cây ở thôn quê và trên nóc nhà các dãy phố trong kinh thành.

Hai hoàng tử Batman, Pecviza và công chúa Parizat được rước về triều trong cảnh huy hoàng ấy. Đến tối, cảnh huy hoàng lại còn có thêm vô vàn đèn đuốc. Những cuộc vui chơi trong hoàng cung cũng như ngoài đường phố còn tiếp tục kéo dài nhiều ngày sau đó nữa.

ĐÊM 1001 (ĐOẠN KẾT) NỮ NAM HÒA HỢP, MUÔN DÂN HÂN HOAN

Nghìn lẻ một đêm trôi qua.

Đã qua nghìn đêm, đêm nào trời rạng cũng sáng đúng vào lúc câu chuyện nàng Sêhêrazat kể cho hoàng đế Saria nghe đến hồi kỳ thú nhất. Đã nghìn lần, nhà vua buộc phải ra lệnh hoãn thêm một ngày nữa việc thi hành bản án tử hình nàng, đúng như lời thề của vua hơn ba năm trước, để kịp đi thiết triều và chờ đến tối nghe nốt hồi kết của câu chuyện đang dở.

Nghìn lẻ một đêm trôi qua trong cách giải trí lành mạnh ấy của nhà vua, biết bao câu chuyện cổ tuôn ra như dòng suối bất tận từ miệng người cung phi thông minh khả ái. Đáng minh quân đột nhiên trở thành bạo chúa bởi mỗi hận thù cá nhân đối với một người đàn bà vua hết lòng yêu quý lại đang tâm phản bội chồng, vẫn không thể ngăn vua không cảm phục trí nhớ diệu kỳ của nàng Sêhêrazát, người đã dâng hiến vua bao niềm vui bổ ích chứa đựng những bài học của người xưa qua những câu chuyện kể không chuyện nào giống chuyện nào. Sau nghìn lẻ một đêm mở hết đầu óc và tấm lòng ra thưởng thức những câu chuyện xưa, vua dần dần nhận ra nhân cách cao quý của nàng cung phi trẻ, và sự khôn ngoan khó có mấy ai sánh bằng của tiểu thư con nhà trâm anh, vốn là cô con gái yêu của chính vị đại quan thân tín đứng đầu triều đình của nhà vua.

Nghìn lẻ một đêm đắm mình trong niềm vui theo cung cách sáng trong ấy đã dần góp phần làm nguây nguôi bớt những định kiến bất nhân của tay bạo chúa đối với phụ nữ, nguyên nhân đã thúc đẩy vua ra lời nguyên độc trước sự chứng kiến của đất trời, rằng để trả mỗi hận bị bà hoàng hậu dâm đẳng đầu độc cuộc đời, từ nay trở đi mỗi đêm vua sẽ sai quan đại tể tướng chọn bắt một cô gái trinh xinh đẹp nhất kinh thành cho vua hành lạc, và khi trời rạng sáng vua ra lệnh tử hình luôn, để cho cô gái ngậm thơ mới hôm qua đây còn trong trắng chẳng bao giờ còn có cơ hội yêu thương và phản bội bất kỳ một người đàn ông nào.

Đã qua biết bao ngày trước nàng Sêhêrazat, cứ đêm đêm một cô trinh nữ bị bắt dẫn vào hầu hạ, mua vui cho vua, thì sáng sáng hôm sau có một người đàn bà chết oan dưới nghiêm lệnh hà khắc của bạo chúa. Hoàng đế Saria chợt nhớ lại như in cái đêm đầu tiên cô trinh nữ tự nguyện mang tấm thân ngà ngọc vào hậu cung hiến dâng vua với thái độ bình thản và dũng cảm tuyệt vời, hoàn toàn không sợ hãi trước cái chết cầm chắc đang chờ đợi nàng ngay sáng mai đây thôi, y hệt số phận của bao cô gái trắng trinh đã chẳng may sa vào tay vua trước nàng.

Những điều suy ngẫm ấy cộng với tất cả những đức tính khác vua dần

phát hiện ở người cung phi đáng quý, cuối cùng đã thôi thúc hoàng đế Saria, vốn là một vị minh quân thuộc triều đại Saxanien của đế quốc Ba Tư cổ, mà biên cương mở rộng từ Trung Đông sang tận sông Hằng cùng bao nhiêu đảo lớn đảo nhỏ thuộc hoàng đế Ấn Độ, vươn lên chiếm lĩnh vùng đất rộng lớn phía Bắc qua nước Đại Tartari với kinh đô Samarcand hoành tráng, đoạt cả một phần đất thuộc lãnh thổ của đế chế Trung Hoa đầy bí ẩn hùng cường nhất Viễn Đông, đi tới quyết định lớn là đại xá cho nàng.

Vua phán: “Nàng Sêhêrazat khả ái à, ta thấy rõ nàng đúng là sở hữu cả một kho tàng vô tận những câu chuyện kỳ thú; bao thời gian qua nàng đã giải phiền cho ta bằng những câu chuyện thốt ra từ miệng nàng; nàng đã làm vui dần đi đến nguôi hẳn cơn cuồng nộ chính đáng của ta, nhờ vậy hôm nay ta vui lòng ban lệnh ân xá cho nàng không phải thực thi bản án, mà ta đã áp đặt cho nàng cũng như cho bao cô gái trước nàng sau một đêm hết mình hầu hạ ta.”

“Ta cho phép nàng từ nay trở thành một con người hoàn toàn tự do. Ta còn muốn rằng mọi thần dân trong đế chế mệnh mông của ta nhất tề công nhận nàng là vị cứu tinh, là ân nhân cứu mạng sống cho bao người đàn bà bất hạnh bởi cái nghiêm lệnh ta đã ban hành hơn ba năm trước đây, bắt nguồn từ mối hận riêng không phải là không chính đáng của ta, dẫn tới ta có những định kiến bất công đối với người phụ nữ.”

“Hơn thế, ta còn ban cho nàng ân huệ tuyệt đỉnh là, ngay từ hôm nay nàng được công nhận là người vợ chính thức của ta và được tôn phong là Hoàng hậu của đế chế Ba Tư vĩ đại.”

Vừa nghe xong lời ban, nàng Sêhêrazat xúc động phủ phục dưới chân hoàng đế Saria, kính cẩn và âu yếm hôn đôi bàn chân của nhà vua, đồng thời tỏ bày một cách hoàn hảo bằng lời nói và cử chỉ lòng biết ơn vô tận của mình đối với đại lệnh bất ngờ của đấng quân vương.

Đại tể tướng nước Ba Tư là người đầu tiên nhận được tin lành từ chính miệng của hoàng đế Saria, ngay khi vua vừa ngồi lên ngai vàng truyền lệnh bắt đầu thiết triều sáng hôm ấy.

Ngay lập tức, như những làn sóng lớn đại dương, tin vui lan truyền ngay tức khắc ra khắp kinh thành rồi đến tất cả các tỉnh gần tỉnh xa của đại đế chế Ba Tư, tạo nên niềm hân hoan không bờ bến của tất cả mọi dân tộc sống trong biên cương đế chế. Muôn dân một lời cùng bày tỏ vạn vạn lời ca ngợi đấng quân vương và chúc mừng bà hoàng hậu kiều diễm; mọi người cùng nguyện cầu Thượng đế ban phước lành cho hoàng đế Saria và hoàng hậu Sêhêrazat. [\[94\]](#)

TRON BỘ NGHÌN LỄ MỘT ĐÊM

PHAN QUANG
TÁC PHẨM CHÍNH ĐÃ XUẤT BẢN

1. Sáng tác và biên khảo:

Không khai	tập truyện ngắn	Nxb. Minh Đức, 1954.
Đất rừng	truyện vừa	Nxb. Xây dựng, 1955.
Hẹn cưới	tập truyện ngắn	Nxb. Thanh niên, 1956.
Mùa xuân	tập truyện ngắn	Nxb. Văn nghệ, 1956.
Săn cá voi	truyện thiếu nhi	Nxb. Kim Đồng, 1958.
Đất nước một dải	tập bút ký	Nxb. Thanh niên, 1975.
Lâm Đồng - Đà Lạt	tập bút ký	Nxb. Văn hóa, 1978.
Hạt lúa bông hoa	tập bút ký	Nxb. Tác phẩm mới, 1978.
Đồng bằng sông Cửu Long	tập bút ký	Nxb. Văn hóa, 1980.
Đồng bằng sông Cửu Long	bổ sung	Nxb. Cửu Long và Nxb. Cà Mau, 1985, Nxb. Văn học, 1989, Nxb. Trẻ, 2002, Nxb. Lao động (<i>in lần thứ 5</i>), 2013.
Một mình giữa đại dương	truyện thiếu nhi	Nxb. Kim Đồng, 1984, 1985, Nxb. Văn học, 1989, Nxb. Kim Đồng (trong <i>Tủ sách vàng - Tác phẩm chọn lọc dành cho thiếu nhi</i>), 1989, Nxb. Trẻ, 2000, Nxb. Văn hóa Thông tin (<i>in lần thứ 6</i>), 2008.

Chinh phục Hymalaya	truyện thiếu nhi	Nxb. Thuận Hóa, 1981, Nxb. Văn học, 1989, Nxb. Trẻ (in lần thứ 3), 2000.
Người và đất	tuyển bút ký	Nxb. Thuận Hóa, 1988.
Theo dòng thời cuộc	tập tiểu luận	Nxb. Văn hóa Thông tin, 1995.
Phan Quang tuyển tập	ba tập	Nxb. Văn học, 1999.
Quê hương	tập bút ký chọn lọc về Quảng Trị	Nxb. Trẻ, 2000.
Về diện mạo báo chí Việt Nam	tập tiểu luận và chân dung	Nxb. Chính trị quốc gia, 2001.
Những người tôi quý mến	tập chân dung	Nxb. Hội nhà văn, 2001.
Thơ thần Paris	tập du ký	Nxb. Văn học, 2002.
Bên mộ vua Tần	tập du ký	Nxb. Thuận Hóa, 2003.
Miền Trung ngày ấy chưa xa	tập bút ký	Nxb. Văn học, 2004.
Phác họa chân dung	tập chân dung	Nxb. Trẻ, 2004.
Du ký	tập du ký	Nxb. Văn học, 2005.
Nghề báo nghiệp văn	tập tiểu luận	Nxb. Thông tấn, 2005.
Thương nhớ vẫn còn	tập chân dung trong nước	Nxb. Văn học, 2006.
Phan Quang - Tuyển tập mười năm	1998-2008	Nxb. Văn học, 2008.

Thơ thần Paris	tập du ký, (bổ sung)	Nxb. Kim Đồng, 2010.
Bên mộ vua Tần	tập du ký, (bổ sung)	Nxb. Kim Đồng, 2010.
Chia tay trên sông	tập du ký	Nxb. Kim Đồng, 2010.
Thương nhớ vẫn còn	tập chân dung trong nước (bổ sung - hai tập)	Nxb. Văn học, 2011.
Cho đến khi già từ trần thế	tập chân dung nước ngoài	Nxb. Phụ nữ, 2011.
Xuân bao nhiêu tuổi	tập tạp văn	Nxb. Lao động, 2012.
Tầm nhìn	tập tiểu luận	Nxb. Lao động, 2013

(Và nhiều cuốn in chung với các tác giả khác)

2. Dịch và giới thiệu

Hoa lạ	tập truyện ngắn nhiều nước	Nxb. Thanh niên, 1957.
Hội chợ bán người	tập truyện ngắn nhiều nước	Nxb. Văn học, 1961.
Những ngôi sao ban ngày	tập bút ký Nga	Nxb. Văn học, 1963, ... (<i>in lần thứ 5</i>), 2010.
Nghìn lẻ một đêm	tập truyện cổ A Rập	1981, tái bản nhiều lần tại các nhà xuất bản: Văn học, Kim Đồng, Văn hóa Thông tin, Văn nghệ, Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh,... Nxb Kim Đồng <i>in lần thứ 30</i> , 2013.
Trở lại với đời	tiểu thuyết Bỉ	Nxb. Tác phẩm mới, 1988.

Nghìn lẻ một đêm	loại dành cho thiếu nhi, 15 tập	Nxb. Kim Đồng, 2003.
Nghìn lẻ một ngày	tập truyện cổ Ba Tư	Nxb. Kim Đồng, 2004, tái bản nhiều lần tại các nhà xuất bản: Kim Đồng, Văn học..., Nhà xuất bản Kim Đồng <i>in lần thứ 10</i> , 2013.
Mười hai sử thi huyền thoại	tập sử thi <i>chọn lọc, chú giải, bình luận</i>	Nxb. Văn học, 2005.
Sử thi huyền thoại Đông Tây	tập sử thi <i>chọn lọc, chú giải, bình luận</i> (bổ sung)	Nxb. Văn học, 2008.
Trà thư	tập tiểu luận Nhật Bản	Nxb. Văn học, 2009.
Cuốn sách về những trái ngược lớn mang tính triết học	Pháp	Nxb. Kim Đồng, 2011.
Chuyện anh chàng tinh quái và con ruồi ngu ngơ	truyện dân gian, (sách không bán, do Nhà nước tài trợ, cung cấp cho các trường trung học cơ sở miền núi, vùng sâu vùng xa)	Nxb. Kim Đồng, 2012.
Chuyện rừng châu Phi	truyện dân gian có minh họa, ba tập	Nxb. Phụ nữ, 2013.

(Và nhiều cuốn in chung với các dịch giả khác)



NGHỊN LỄ MỘT ĐÊM



TẬP 4

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng. ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

276 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

ĐT: (08) 3 930 3447 - Fax: (08) 3 930 5867

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản : PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo : NGUYỄN HUY THẮNG

Biên tập : NGUYỄN SÔNG THAO

Trình bày : NGUYỄN KIM ĐIẾP

Chế bản: NGUYỄN THANH SƠN

Sửa bài : HOÀI THU

In 1.000 bản - Khổ 13 cm x 19 cm - Tại Công ty TNHH một thành viên In và Văn Hóa Phẩm

Đăng ký kế hoạch xuất bản số: 05-2013/CXB/755-170/KĐ cấp ngày 18/12/2012

Quyết định xuất bản số: 283/QĐKĐ kí ngày 9/8/2013

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2013.



"Trong số các di tích tuyệt diệu của sáng tác truyền khẩu dân gian, các truyện cổ tích của nàng Sêhêrazát là di tích đồ sộ nhất. Những truyện cổ tích này thể hiện với một mức hoàn hảo kì diệu, xu hướng của nhân dân lao động muốn buông mình theo phép nhiệm màu của những ảo giác êm đẹp, theo sự kết hợp phóng khoáng của từ ngữ thể hiện sức mạnh vũ bão của trí tưởng tượng hoa mĩ các dân tộc phương Đông - người Ả Rập, người Ba Tư, người Ấn Độ. Công trình dệt gấm bằng từ ngữ này xuất hiện thời tối cổ, những sợi tơ muôn màu của nó lan khắp bốn phương, phủ lên trái đất một tấm thảm từ ngữ đẹp lạ lùng."

Maxime Gorki



6132100010030

Giá: 65.000đ



8-935036-670618

www.nxbkimdong.com.vn
www.facebook.com/nxbkimdong

tern

^[1] Gorki bàn về văn học, Nhà xuất bản Văn học 1976, tr. 324.

^[2] Thời đại Abaxít kéo dài từ giữa thế kỷ 8 đến đầu thế kỷ thứ 13 (750-1258).

^[3] Macxim Gorki, sách đã dẫn, trang 315.

^[4] Trích theo La Côn, tạp chí Nghiên cứu văn học số 1 -1961, trang 59-60.

^[5] Thật ra, nguyên tác hình như mới có 256 đêm (theo Lời giới thiệu Nghìn lẻ một đêm, bản của Nhà xuất bản Dolagoravơ, Paris.

^[6] Theo thư của A. Galland gửi cho hầu tước phu nhân O, in ở đầu bản tiếng Pháp.

^[7] Trong lời nói đầu A. Galland nói đây chỉ là bản dịch phần đầu bộ Nghìn lẻ một đêm, nguyên bản tiếng A Rập gồm ba mươi sáu phần.

^[8] Tên đầy đủ của ông là Môhamét Abun Caxim, Ben Apđala, Ben Apden – Mottalit. En Hasimi (Môhamed Aboul Qâsim, Bes Abdallâh, Ben Abd-el-Mottatid. El Hácchimi).

^[9] Tiếng A Rập gọi Thượng đế là Ala (Đấng thiêng liêng).

[\[10\]](#) Calíp hoặc Khalíp là hoàng đế kiêm giáo chủ đạo Hồi thời trung cổ.

[\[11\]](#) Theo G.H.Buxkê trong lời giới thiệu Côran, bản tiếng Pháp, Nhà xuất bản Phaxken, Paris.

[\[12\]](#) Đúng ra là Dạ đàn...

[\[13\]](#) Sêhêrazát, tiếng A Rập có nghĩa là Con gái của Hằng Nga.

[\[14\]](#) Đinácát có nghĩa là Quý như vàng.

[\[15\]](#) Từ đây tác phẩm trôi phân thành từng đêm, và xin được lược bớt những lời đưa chuyện giữa Sêhêrazát và cô em gái, tương tự những lần trước (ND).

[\[16\]](#) Tết của đạo Hồi, mỗi năm hai lần; lần sau cách lần trước bảy mươi ngày (ND).

[\[17\]](#) Xơcanh: đơn vị tiền cổ đúc bằng vàng.

[\[18\]](#) Đọc kinh cầu nguyện là một trong bốn điều răn chính của kinh Côran, kinh Thánh đạo Hồi

[\[19\]](#) Theo tín ngưỡng của những người Hồi giáo, Môidơ cùng với Đavít, Giêsu Crít và Môhamét là bốn đấng đại tiên tri (còn gọi là thiên sứ).

[\[20\]](#) ‘Bệ hạ’ đây là vua Saria, người đang nghe nàng Sêhêrazát kể chuyện (ND).

[\[21\]](#) Harun An-Rasít là hoàng đế thứ năm thuộc dòng họ Abátxít. Ông đã mở rộng ảnh hưởng của đế quốc Hồi giáo từ Tây Ban Nha đến Ấn Độ. Dưới triều vua, đế quốc Hồi giáo phát triển rực rỡ về nhiều mặt. Vua mất năm 800 sau hai mươi năm trị vì (ND).

[\[22\]](#) Đơn vị đo lường cổ, tương đương khoảng nửa kilôgam.

[\[23\]](#) Khất sĩ: một dòng tu thuộc đạo Hồi, chuyên đi hành khất.

[\[24\]](#) Theo chính sử, Giafa thuộc dòng họ Bắcmêxít. Được hoàng đế Harun An-Rasít trọng dụng và gả em gái cho với điều kiện là hai vợ chồng không được ăn ở với nhau. Hai người tuy vậy vẫn đi lại vụng trộm cho nên sau khi sinh được một đứa con, phải gửi sang nuôi ở La Mêchơ. Việc phát giác, Giafa bị mất chức và sau đó ít lâu bị xử tử.

[\[25\]](#) Mút-xun: Thành phố ở Irắc, trên bờ sông Tigơ.

[\[26\]](#) Tiếng A Rập là Khan, vừa dùng làm nơi chứa hàng vừa là nơi nghỉ trọ của các nhà buôn; các đoàn người đi qua thường nghỉ chân ở các nơi này với giá thuê trọ phải chăng.

[\[27\]](#) Lời khất sĩ thứ hai nói với Zôbêít (ND).

[\[28\]](#) Chỉ Môhamét, người sáng lập đạo Hồi (ND).

[\[29\]](#) Banxôra: Thành phố thuộc Irắc, thành lập năm 636 ở gần nơi hợp lưu của hai con sông Tigơ và sông Ophorát (ND).

[\[30\]](#) Chỉ hoàng đế Harun An-Rasít

[\[31\]](#) Một ông vua nổi tiếng trong nhiều chuyện kể của người A Rập (ND).

[\[32\]](#) Theo tín ngưỡng của người A Rập, Đêgian là thần chống lại Thượng đế.

[33] Cánh tay, sải tay là những đơn vị đo chiều dài cổ. Một cánh tay dài khoảng nửa mét (ND).

[\[34\]](#) Tên người A Rập gọi đảo Xâylan (nay là Sri Lanca).

[\[35\]](#) Tên nguyên bản là ‘mía Ấn Độ’, được đưa từ Ấn Độ vào các nước A Rập từ thế kỷ thứ 8, sau đó mới lan sang nhiều nước.

[\[36\]](#) Đây là bán đảo bên kia sông Hằng, nơi tận cùng là mũi Cômaranh (chú thích của Antoine Galland)

[\[37\]](#) Người A Rập quen gọi tất cả những đất đai ở phương Đông bằng một cái tên chung: Ấn Độ.

[\[38\]](#) Đơn vị đo đường dài của người Ba Tư cổ, một paraxăng dài khoảng hơn một dặm.

[\[39\]](#) Đơn vị đo lường và tiền tệ cũ. Đơn vị tiền Hy Lạp hiện nay cũng gọi là đrasmo (ND).

[\[40\]](#) Tức là Xalômông.

[\[41\]](#) Một nhà vua trên hòn đảo cùng tên, ở biển Ấn Độ, rất nổi tiếng trong người A Rập về sự hùng mạnh và tài trí.

[42] Cairô, Xuyê, Alêchzandri: các thành phố lớn thuộc Ai Cập, Cufa là thành phố thuộc Irắc, trên nhánh phía tây của sông ophorat, cách Bátđã năm mươi dặm về tây nam. Đây là những trung tâm buôn bán lớn thời trung cổ (ND).

[\[43\]](#) Đơn vị đo cổ, bằng 0,324m (PQ).

[\[44\]](#) Nước giải khát của người Ba Tư chế bằng nước đại mạch và quả nho tươi.

[\[45\]](#) Nguyên bản là iman (PQ).

[\[46\]](#) Abdenmumen là nhạc sĩ nổi tiếng nhất Ba Tư thời cổ đại.

[\[47\]](#) Bữa ăn của vua (PQ).

[\[48\]](#) Nguyên bản tiếng Ba Tư là Zil.

[\[49\]](#) Là điệu tình ca lả lơi nhất.

[\[50\]](#) Avixen là tên một nhà bác học nổi tiếng trong nền văn hóa Ả Rập Hồi giáo. Ông người gốc Ba Tư, tên đầy đủ là Abu Alf Huxyin Ibn Abdalala Ibn Sinâ (980-1037). Là thầy thuốc, triết gia và nhà thần học rất được kính trọng, ông có nhiều trước tác về y học thực hành, triết học, nghiên cứu thần học còn lưu lại ngày nay. Dĩ nhiên truyện dưới đây chỉ là một trong nhiều huyền thoại lưu truyền trong dân gian về một con người có thực (PQ).

[\[51\]](#) Cheikh, cheik hoặc scheik, tiếng Ả Rập chỉ người đứng đầu một bộ tộc (PQ).

[\[52\]](#) Triết gia ở đây được dùng theo nghĩa cổ: người nghiên cứu sâu sắc thiên nhiên và đạo đức. Tùy văn cảnh, chúng tôi dùng vị triết gia hoặc nhà thông thái (pq).

[\[53\]](#) Nguyên bản viết: đạo của người Guèbres, người Ba Tư cổ có tục thờ Thần Lửa.

[\[54\]](#) Tên cũ của thành phố Giacacta, thủ đô Indônêxia ngày nay (PQ).

[\[55\]](#) Đạo Hồi (PQ).

[\[56\]](#) Thước xua, dài khoảng 0,5m (PQ).

[\[57\]](#) Quyết định của giới tu sĩ.

[\[58\]](#) Isaac: một vị giáo trưởng trong kinh Thánh. Ismael cũng là một nhân vật trong kinh Thánh, tương truyền ông là tổ tiên của người A Rập Bédouin (PQ).

[\[59\]](#) Người Hồi giáo tin rằng Thượng đế có 101 tính danh, mỗi tính danh thể hiện một đức, như hiền từ, thánh thiện, công minh... Đại danh của Thượng đế thể hiện đầy đủ mọi tính danh.

[\[60\]](#) Dedgeal: quý chống lại Thượng đế, tương tự quý Xatăng đối với người theo đạo Thiên chúa.

[\[61\]](#) Luật dựa trên giáo lý trong kinh Côran của Hồi giáo (PQ).

[\[62\]](#) Có nghĩa là Niềm vui hạnh phúc.

[\[63\]](#) Ba truyện này đều có trong tập II bản tiếng Việt Nghìn lẻ một đêm (Phan Quang dịch).

[\[64\]](#) Gunna, tiếng Ba Tư, có nghĩa là Hoa hồng, hoặc Hoa lựu.

[\[65\]](#) Xalêch, tiếng A Rập có nghĩa là Tốt lành.

[\[66\]](#) Tức là tiếng A Rập (ND).

[\[67\]](#) Tiếng A Rập,có nghĩa là Trắng tròn.

[\[68\]](#) Giauha, tiếng A Rập có nghĩa là Ngọc quý.

[\[69\]](#) Tiếng A Rập có nghĩa là Mặt trời (Bêđê là Mặt trăng).

[\[70\]](#) Tiếng A Rập là Anculup.

[\[71\]](#) Tiếng A Rập, vừa là nơi nghỉ trọ vừa là kho gửi hàng dành cho các đoàn nhà buôn nơi khác đến (ND).

[72] Môhamét, người sáng lập đạo Hồi, không có con nối dõi đã truyền ngôi giáo chủ kiêm hoàng đế của mình cho ông chú (ND).

[\[73\]](#) Tiếng Ả Rập là Fatnap.

[\[74\]](#) Nironiha.

[\[75\]](#) Nacmatot Xôhi.

[\[76\]](#) Một thành phố thuộc Xyri.

[\[77\]](#) Nhà thờ đạo Hồi.

[\[78\]](#) Khu vực giữa sông Tigơ và sông Óphorát.

[\[79\]](#) Mút-xun, nơi dệt lụa mút-xolin nổi tiếng thế giới (N.D).

[\[80\]](#) Các tên nhân vật trong hầu hết các truyện Nghìn lẻ một đêm, Ảngtoan Galăng giữ nguyên tiếng A Rập, và chú thích nghĩa ở dưới. Riêng truyện này, tên người lại được dịch nghĩa ngay trong bài. Chắc vì thời gian dịch các truyện cách xa nhau, cho nên cách thức có hơi khác. Chúng tôi tôn trọng nguyên bản tiếng Pháp (N.D).

[\[81\]](#) Chỉ Môhamét, người sáng lập đạo Hồi. (ND).

[\[82\]](#) Truyện này có trong bản in đầu tiên. Khi tái bản, không hiểu sao Ắngtoan Galăng đã bỏ đi. Bản cổ nhất mà chúng tôi được đọc (mười tập, xuất bản năm 1881) không có truyện này. Những bản in năm 1921 cũng như bản năm 1968 của Nhà xuất bản Garnier Freres thì lại có(ND).

[\[83\]](#) Luật Hồi giáo cho phép tín đồ chỉ được uống rượu ở nhà, sau khi mặt trời lặn (ND).

[\[84\]](#) Theo tín ngưỡng của đạo Hồi, Đấng tiên tri đó là Môhamét (ND).

[\[85\]](#) Hoàng đế cũng chính là chủ nô (ND).

[\[86\]](#) Tiếng A Rập có nghĩa là: Niềm vui nhớ mãi.

[\[87\]](#) Đơn vị đo lường cũ, một mác bằng tám lạng.

[\[88\]](#) ‘Côjia’ có nghĩa là thương gia (ND).

[\[89\]](#) Thời trước, để làm nản lòng bọn cướp đường và đủ sức chống cự nếu cần, những người đi xa thường ghép nhau thành đoàn lớn (ND).

[\[90\]](#) Tên các thành phố thuộc Ba Tư.

[\[91\]](#) ‘Nurunniha’ có nghĩa là ánh sáng.

[\[92\]](#) Mỗi túi đựng 500 đồng êquy, vậy là chiếc thảm được đặt giá 15.000 êquy. Túi ở đây chỉ một đại lượng, cũng giống như quan tiền của ta ngày trước (N.D).

[\[93\]](#) ‘Cánh tay’ (tính từ khuỷu đến hết ngón giữa), và ‘Sải tay’ đều là các đơn vị đo chiều dài cổ (ND).

[\[94\]](#) Đoạn kết dịch theo bộ NGHÌN LỄ MỘT ĐÊM bán tiếng Pháp của Antoine Galland, bản in tại Paris, sách mỹ thuật khổ lớn có 421 tranh minh họa, dày tổng cộng 898 trang, do Nhà xuất bản L’Imprimerie Générale, số 9 phố Fleurus, Paris xuất bản và phát hành năm 1895 (trong bộ sưu tập riêng của dịch giả Phan Quang) – BT.